

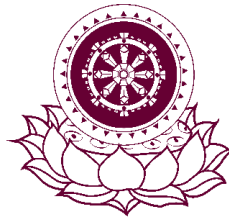
NAM - MÔ BỒN - SƯ THÍCH - CA MÂU - NI PHẬT

BỘ BẢO TÍCH 5 – T046

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 46

BỘ BẢN DUYÊN

V



HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 46

BỘ BẢO TÍCH
V

SỐ 321 → 373

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

NHỮNG QUY ƯỚC THỐNG NHẤT TRONG LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

I- Viết hoa toàn bộ:

- 1. Tên người:** (Phật) Vô Lượng, (vua) Tự Đức, (Thiền sư) Vạn Hạnh, (Bồ-tát) Quán Thế Âm...
- 2. Tên nước:** Việt Nam, Trung Hoa, Thái Lan, Đài Loan...
- 3. Tôn xưng danh hiệu Phật:** Đức Như Lai, Bạc Chúng Hựu, Đấng Tối Chánh Giác...
- 4. Tác phẩm, kinh sách:** luận Trung Quán, kinh Diệu Pháp Liên Hoa, kinh Trường A-hàm...

II- Viết hoa chữ đầu:

- 1. Địa danh:** thành Vương xá, chùa Ân quang, rừng Thi lợi...
- 2. Thuật ngữ Phật học được nhấn mạnh:** bốn Niệm xứ, bốn Chánh cần, Khổ xuất yếu thánh đế...
- 3. Phẩm bậc, quả vị tôn kính:** Hòa thượng, Thanh văn, Duyên giác, Thái tử (nói về Phật, Bồ-tát thị hiện độ sanh; ví dụ: Thái tử Tỳ-bà-thi), Tôn giả...
- 4. Chủng loại:** chư Thiên
- 5. Phương hướng:** phương Đông nam, hướng Tây bắc, phía Đông thành Vương xá...

III- Viết hoa chữ đầu + gạch nối: (những từ được phiên âm từ Pāli)

- 1. Nhân danh:** Mãn-độ-ma, Xà-ni-sa, Xá-lợi-phất...
- 2. Địa danh:** nước Bạt-kỳ, thành Xá-vê, cõi Diêm-phù-đề...
- 3. Thuật ngữ Phật học được nhấn mạnh:** A-lại-da, Tam-phật-đà, Ba-la-đề-mục-xoa...
- 4. Phẩm bậc, quả vị:** Tỳ-kheo, Ưu-bà-di, A-la-hán...
- 5. Chủng loại:** A-tu-la, La-sát, Càn-thát-bà...

IV- Gạch nối: (danh từ chung được phiên âm từ Pāli)

ví dụ: đàn-việt, na-do-tha, do-tuần...

V- Số:

1. Viết thành chữ: (những số quá lớn nên chú thích thêm số)
ví dụ: hai trăm năm mươi (giới), ba mươi hai (tướng tốt), mười lăm ức bảy ngàn sáu mươi vạn (1.570.600.000)...

2. Viết thành số: số hiệu kinh, số trang dẫn
ví dụ: Đại I, trang 15, cht. 52 ...

VI- Đặc biệt:

Âm “y” và “i”: dù đứng một mình, đứng đầu từ hoặc ở giữa từ, hoặc sau các phụ âm: K, L, M, T, Q vẫn viết theo thói quen cũ.

ví dụ: kỷ cương, lý luận, hoàn mỹ, quy định, li ti, hoan hỷ...

梵 viết là “**Phạm**” không viết là “**Phạn**” (phát âm theo chữ Brahma).

慧 viết là “**Tuệ**” không viết là “**Huệ**”.

Chùa Pháp Bảo-Thủ Đức, ngày 8 tháng 9 năm 2000

*Sa môn **THÍCH TỊNH HẠNH***

MỤC LỤC

BỘ BẢO TÍCH 5 – T046

SỐ 321	3
KINH HỘ QUỐC TÔN GIẢ SỞ VẤN ĐẠI THỪA	3
QUYỂN I	3
QUYỂN II	28
QUYỂN III	50
QUYỂN IV	69
SỐ 322	87
KINH PHÁP KINH	87
SỐ 323	127
KINH ÚC CA LA VIỆT VẤN BỒ TÁT HÀNH	127
PHẨM 1: THƯỢNG SĨ	127
PHẨM 2: GIỚI	135
PHẨM 3: Y DƯỢC	137
PHẨM 5: BỒ THÍ	142
PHẨM 6: LỄ THÁP	150
PHẨM 7: TRI TÚC	154
PHẨM 8: Ở NƠI VẮNG VẼ	158
SỐ 324	174
KINH HUYỄN SĨ NHÂN HIỀN	174
SỐ 325	219
KINH QUYẾT ĐỊNH TỶ NI	219
SỐ 326	255
KINH TAM THẬP NGŨ PHẬT DANH LỄ SÁM VẤN	255
SỐ 327	258
QUYỂN THƯỢNG	258
QUYỂN HẠ	289
SỐ 328	311
KINH TU LẠI	311
SỐ 329	344
KINH TU LẠI	344
SỐ 330	386
KINH BỒ TÁT TU HÀNH	386
SỐ 331	402
KINH VÔ ÚY THỌ SỞ VẤN ĐẠI THỪA	402
QUYỂN THƯỢNG	402

QUYỂN TRUNG	411
QUYỂN HẠ	419
SỐ 332	430
KINH ƯU ĐIỀN VƯƠNG.....	430
SỐ 333	442
KINH ĐẠI THỪA NHẬT TỬ VƯƠNG SỞ VẤN.....	442
SỐ 334	466
KINH TU MA ĐỀ BỒ TÁT.....	466
SỐ 335	483
KINH TU MA ĐỀ BỒ TÁT.....	483
SỐ 336	502
KINH TU MA ĐỀ.....	502
SỐ 337	517
KINH A XÀ THÊ VƯƠNG NỮ A THUẬT ĐẠT BỒ TÁT.....	517
SỐ 338	557
KINH LY CẦU THÍ NỮ.....	557
SỐ 339	615
KINH ĐẮC VÔ CẦU THÍ NỮ.....	615
SỐ 340	674
KINH VĂN THÙ SỰ LỢI SỞ THUYẾT BẤT TƯ NGHỊ PHẬT CẢNH GIỚI.....	674
QUYỂN THƯỢNG	674
QUYỂN HẠ	698
SỐ 341	723
KINH THÁNH THIÊN TRỤ Ý THIÊN TỬ SỞ VẤN.....	723
QUYỂN THƯỢNG	723
QUYỂN TRUNG	760
QUYỂN HẠ	800
SỐ 342	841
KINH NHƯ HUYỄN TAM MUỘI.....	841
QUYỂN THƯỢNG	841
QUYỂN HẠ	908
SỐ 343	973
KINH THÁI TỬ LOÁT HỘ.....	973
SỐ 344	982
KINH THÁI TỬ HÒA HỮU.....	982
SỐ 345	989
KINH TUỆ THƯỢNG BỒ TÁT VẤN ĐẠI THIÊN QUYỀN.....	989
QUYỂN THƯỢNG	989

QUYỂN HẠ	1026
SỐ 346	1056
KINH ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG THIÊN XẢO PHƯƠNG TIỆN	1056
QUYỂN I	1056
QUYỂN II	1074
QUYỂN III	1094
QUYỂN IV	1110
SỐ 347	1127
KINH ĐẠI THỪA HIỂN THỨC	1127
QUYỂN THƯỢNG	1127
QUYỂN HẠ	1150
SỐ 348	1180
KINH ĐẠI THỪA PHƯƠNG ĐẰNG YẾU TUỆ	1180
SỐ 349	1182
KINH DI LẶC BỎ TẤT SỞ VĂN BẢN NGUYỆN	1182
SỐ 350	1199
KINH DI NHẬT MA NI BẢO	1199
SỐ 351	1233
KINH MA HA DIỄN BẢO NGHIÊM	1233
SỐ 352	1281
KINH ĐẠI CA DIỆP VĂN ĐẠI BẢO TÍCH CHÁNH PHÁP	1281
QUYỂN I	1281
QUYỂN II	1305
QUYỂN III	1330
QUYỂN IV	1352
QUYỂN V	1371
SỐ 353	1387
KINH THẮNG MAN	1387
(I. ĐƯỢC THỌ KÝ)	1387
(II. PHÁT TÂM BỒ ĐỀ)	1392
(III. NHẬP NHƯ LAI TẶNG)	1403
SỐ 354	1426
KINH TỶ DA SA VĂN	1426
QUYỂN THƯỢNG	1426
QUYỂN HẠ	1457
SỐ 355	1486
KINH NHẬP PHÁP GIỚI THÈ TÁNH	1486
SỐ 356	1508

KINH BẢO TÍCH TAM MUỘI VĂN THÙ SƯ LỢI BỒ TÁT VĂN PHÁP THÂN	1508
SỐ 357	1526
KINH NHƯ LAI TRANG NGHIÊM TRÍ TUỆ QUANG MINH NHẬP NHẤT THIẾT PHẬT CẢNH GIỚI.....	1526
QUYỂN THƯỢNG	1526
QUYỂN HẠ	1558
SỐ 358	1592
KINH ĐỘ NHẤT THIẾT CHƯ PHẬT CẢNH GIỚI TRÍ NGHIÊM	1592
SỐ 359	1616
KINH ĐẠI THỪA NHẬP CHƯ PHẬT CẢNH GIỚI TRÍ QUANG MINH TRANG NGHIÊM.....	1616
QUYỂN I	1616
QUYỂN II	1629
QUYỂN III	1643
QUYỂN IV	1659
QUYỂN V	1673
SỐ 360	1685
KINH VÔ LƯỢNG THỌ	1685
QUYỂN THƯỢNG	1685
QUYỂN HẠ	1723
SỐ 361	1762
KINH VÔ LƯỢNG THANH TỊNH BÌNH ĐẲNG GIÁC.....	1762
QUYỂN I	1762
QUYỂN II	1793
QUYỂN III	1827
QUYỂN IV	1859
SỐ 362	1888
KINH A DI ĐÀ	1888
QUYỂN THƯỢNG	1888
QUYỂN HẠ	1945
SỐ 363	1994
KINH ĐẠI THỪA VÔ LƯỢNG THỌ TRANG NGHIÊM	1994
QUYỂN THƯỢNG	1994
QUYỂN TRUNG	2010
QUYỂN HẠ	2027
SỐ 364	2045
KINH ĐẠI A DI ĐÀ	2045

QUYỂN THƯỢNG	2045
1. Pháp hội đại chúng.....	2045
2. Tôn giả A-nan thưa hỏi.....	2046
3. Danh hiệu năm mươi ba Đức Phật.....	2047
4. Nguồn gốc của tạng pháp.....	2049
5. Đem nguyện lớn hỏi Phật.....	2051
6. Bốn mươi tám nguyện.....	2052
7. Nói kệ sau khi phát nguyện.....	2064
8. Bắt đầu tu hạnh thiện.....	2065
9. Thân cận chư Phật.....	2067
10. Thành tựu lời nguyện làm Phật.....	2068
11. Loài côn trùng cũng được cứu độ.....	2068
12. Ánh sáng tuyệt diệu.....	2069
13. Mười ba danh hiệu Phật.....	2070
14. Vua A-xà-thế.....	2071
15. Đất bằng khí hòa.....	2072
16. Giảng đường, Tinh xá.....	2073
17. Ao báu lớn, nhỏ.....	2074
18. Hóa sinh từ hoa sen.....	2075
19. So sánh với người ăn mày.....	2076
20. Tắm gội hình thể.....	2077
21. Tắm gội xong tinh tiến tu tập.....	2078
QUYỂN HẠ	2080
22. Nước chảy trong ao tạo thành pháp âm.....	2080
23. Hoa và cây bên bờ ao.....	2081
24. Âm nhạc vi diệu của những hàng cây.....	2082
25. Thực phẩm tự nhiên.....	2083
26. Cảnh tượng xinh đẹp đặc biệt.....	2084
27. Cây báu của đạo tràng.....	2085
28. Mùi hương và âm thanh của lưới báu.....	2087
29. Hoa sen hiện Phật.....	2087
30. Đại hội thuyết pháp.....	2088
31. Mười phương nghe pháp.....	2089
32. Bồ-tát Quan Âm thưa hỏi.....	2092
33. Bồ-tát phát tâm cúng dường.....	2093
34. Công đức của Bồ-tát.....	2094
35. Nhập Niết-bàn.....	2096
36. Hào quang nhỏ.....	2098

37. Ân đức vô cùng.....	2099
38. Tuổi thọ của Phật.....	2100
39. Lần lượt thăm Phật.....	2100
40. Trí Phật vô cực.....	2101
41. Độc nhất không có núi Tu-di.....	2103
42. Mười phương ca ngợi.....	2104
43. Ba hạng người được vãng sinh.....	2104
44. Quyết tu mười thiện.....	2106
45. Có ba hạng người được vãng sinh.....	2107
46. Một đời thành Phật.....	2108
47. Đại hội nơi ao báu.....	2109
48. Sự khổ cực của người đời.....	2109
49. Chiếu sáng năm đường.....	2110
50. Tuổi thọ tùy ý.....	2111
51. Tám cách kiểm thúc thân tâm ngay thẳng.....	2113
52. Đại chúng được thấy tướng Phật.....	2114
53. Nghi tử bào thai sinh ra.....	2116
54. Bồ-tát vãng sinh.....	2117
55. Nhân duyên nghe pháp.....	2119
56. Chánh pháp khó được nghe.....	2120
SỐ 365.....	2122
KINH QUÁN VÔ LƯỢNG THỌ PHẬT.....	2122
SỐ 366.....	2153
KINH A DI ĐÀ.....	2153
SỐ 367.....	2161
KINH XUNG TÁN TỊNH ĐỘ PHẬT NHIỆP THỌ.....	2161
SỐ 368.....	2179
THẦN CHÚ BẠT NHẤT THIẾT NGHIỆP CHUỐNG CĂN BẢN ĐẮC SINH TỊNH ĐỘ.....	2179
TRUYỆN THẦN LỰC CHĂNG THỀ NGHĨ BÀN CỦA KINH A DI ĐÀ.....	2179
SỐ 369.....	2183
CHÚ A DI ĐÀ PHẬT THUYẾT.....	2183
SỐ 370.....	2184
KINH A DI ĐÀ CỔ ÂM THANH VƯƠNG ĐÀ LA NI.....	2184
SỐ 371.....	2190
KINH QUÁN THỂ ÂM BỒ TÁT, ĐẮC ĐẠI THỂ BỒ TÁT THỌ KÝ.....	2190
SỐ 372.....	2220
KINH NHƯ HUYỀN TAM MA ĐỊA VÔ LƯỢNG AN PHÁP MÔN.....	2220

QUYỂN THƯỢNG	2220
QUYỂN TRUNG.....	2234
QUYỂN HẠ	2249
SỐ 373.....	2262
KỆ HẬU XUẤT A DI ĐÀ PHẬT	2262

-oOo-

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 46

BỘ BẢO TÍCH

5

SỐ 321

(QUYỂN 1 → 4)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 321

KINH HỘ QUỐC TÔN GIẢ SỞ VẤN ĐẠI THỪA

Hán dịch: Đời Triệu Tống, Đại sư Thi Hộ.

QUYỂN I

Tôi nghe như vậy:

Một thuở nọ, Đức Phật ở tại núi Thửu Phong thuộc thành Vương-xá, cùng với chúng Đại Bí-sô một ngàn hai trăm năm mươi vị. Lại có chúng Đại Bồ-tát gồm năm ngàn vị, đều đặc nhẫn nhục, biện tài vô ngại, hàng phục ma oán, chế ngự các ngoại đạo, phát tâm đạt đại đạo, đạt được Tam-ma-địa, các pháp Tổng trì, đầy đủ bốn trí vô ngại, thông đạt bốn nhiếp pháp và sáu Ba-la-mật-đa sâu xa tối thượng cho đến tất cả pháp Phật, có vô lượng vô biên các công đức thiện. Tên các vị ấy là: Bồ-tát Phổ Hiền, Bồ-tát Phổ Nhãn, Bồ-tát Phổ Quán, Bồ-tát Phổ Quang, Bồ-tát Phổ Chiếu, Bồ-tát Thượng Ý, Bồ-tát Tăng Ý, Bồ-tát Vô Biên Ý, Bồ-tát Quảng Ý, Bồ-tát Vô Tận Ý, Bồ-tát Trì Địa, Bồ-tát Thế Thượng, Bồ-tát Thắng Ý, Bồ-tát Tối Thượng Ý, Bồ-tát Tổng Trì Tự Tại Vương, Đại Bồ-tát Văn-

thù-sư-lợi v.v... và nhóm của Bồ tát Hiền Hộ gồm mười sáu vị. Lại có Đại Phạm Thiên vương là chủ thế giới Ta-bà, vua trời Đế Thích và bốn Đại Thiên vương Hộ Thế. Lại có Thiên tử Tô-thi-di, Thiên tử An Ý và các Thiên vương, Long vương, Khẩn-na-la vương, Hy-đà-lý-phước vương, Dược-xoa vương, Nga-lỗ-noa vương v.v... mỗi vị cùng với trăm ngàn quyến thuộc đều hội đủ.

Bảy giờ, Đức Thế Tôn cùng với bốn chúng vây quanh, ngồi kiết già trên tòa sư tử cao hơn núi Tu-di, hào quang rực rỡ giống như vàng nhật nguyệt chiếu khắp thế gian, oai nghi đầy đủ, phạm hạnh thanh tịnh, giống như trời Đế Thích oai nghi tối thắng trong chư Thiên, cũng như Luân vương đầy đủ bảy báu, lìa các sợ hãi, như sư tử chúa khéo giảng nói nghĩa không của các pháp, như ngọn lửa lớn phá các tối tăm, như ngọc báu ma-ni chiếu khắp tất cả. Cũng như vậy, hào quang Đức Phật chiếu khắp tất cả ba ngàn đại thiên thế giới, phát ra âm thanh vi diệu thanh tịnh bảo các chúng sinh: “Nay Ta đạt được tất cả các pháp Ba-la-mật tối thượng nên giảng nói nghĩa chân thật, đầu giữa sau đều thiện, văn nghĩa thù thắng viên mãn, phạm hạnh thanh tịnh thuần nhất không xen tạp”.

Khi ấy, Đại Bồ-tát Hỷ Vương an tọa trong đại chúng, chiêm ngưỡng Đức Thế Tôn, từ nơi tòa sư tử phóng ra ánh sáng lớn như một ngàn mặt trời chiếu sáng tất cả, tâm vui mừng cung kính tin

tướng sâu xa, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, chấp tay hướng về Phật, dùng kệ khen:

*Thân Phật sáng rõ như núi vàng
 Lợi ích thế gian rất hy hữu
 Tăng, Bồ-tát, Thanh văn, Duyên giác
 Trời rồng tám bộ đều vây quanh.
 Như núi Tu-di chư Thiên ngụ
 Mọc từ biển lớn cao vời vợi
 Thương xót chúng sinh thị hiện thân
 Phóng trăm ngàn ánh sáng rực rỡ.
 Hành hạnh Phạm thiên tức Phạm thiên
 Là vua trong chúng Phạm thiên ấy
 Hành Tam-ma-địa thiên giải thoát
 Hào quang vượt hẳn hàng Bồ-tát.
 Cũng như Đế Thích chúa cõi trời
 Oai đức dung nghi các tướng đẹp
 Hào quang Mâu-ni chiếu thế gian
 Công đức khó sánh tướng trang nghiêm.
 Tự tại bốn châu như Kim luân
 Hay khéo điều phục các hữu tình
 Dẫn dắt chúng sinh thoát vòng khổ
 Đức Phật từ bi cũng như vậy.
 Có hào quang như ngọc ma-ni
 Ánh sáng nhật nguyệt, các ánh sáng
 Trăm ngàn ánh sáng thái dương ấy
 Không bằng Phật nhật thường chiếu
 sáng.
 Như trăng nửa đêm tỏa ánh sáng*

Chiếu khắp thế gian đều thanh tịnh
 Mặt Phật trang nghiêm như trăng tròn
 Sáng làm mờ tất cả ánh sáng.
 Như ngọn lửa lớn trên núi cao
 Phá tan đêm tối soi các hướng
 Ánh sáng trí tuệ bậc Đại tiên
 Phá hết vô minh là các cõi.
 Như tiếng sư tử giữa đồng vắng
 Các loài thú nghe đều kinh sợ
 Phật thuyết pháp nghĩa không, vô ngã
 Các ma nghe cũng lại như vậy.
 Ngọc báu ma-ni tỏa ánh sáng
 Các ma-ni khác bị lu mờ
 Thân Phật sáng rỡ như vàng ròng
 Che tất cả ánh sáng thế gian.
 Tất cả Hiền Thánh trong thế gian
 Không ai cao cả bằng Đức Phật
 Đủ phước tinh tấn trí phương tiện
 Tất cả công đức không thể lường.
 Chiêm ngưỡng Đại sư biển công đức
 Oai quang chiếu khắp các quần sinh
 Hết lòng kính mến mộ tôn nhan
 Vì thế con nay xin đánh lễ.
 Tâm quy kính, con khen ngợi Phật
 Công đức thế gian không sánh bằng
 Đem hết hồi hướng trong pháp giới

Tất cả Thế gian thành Phật đạo.*

Đại Bồ-tát Hỷ Vương khen ngợi Phật rồi, chấp tay hướng về Phật, chiêm ngưỡng dung mạo mắt không tạm rời, tâm quán pháp giới, nghĩa ấy sâu xa khó biết khó thấy, xa lìa ngôn ngữ phân biệt, dứt trừ các hý luận vi diệu khó hiểu, không thể nghĩ bàn. Đại Bồ-tát quán tưởng tất cả pháp giới như vậy, chỉ có trí quán của Đức Như Lai mới tóm thâu và chứng biết đúng như thật, cảnh giới của Phật không gì sánh bằng. Quán sát như vậy Đại Bồ-tát thấy cảnh giới nơi phương tiện chẳng thể nghĩ bàn của Đức Như Lai, đều gồm thâu về một tướng trong tánh của pháp giới. Ví như hư không không có trụ xứ, tức là cảnh giới của chúng sinh cũng như tự tánh. Tất cả các pháp cũng như vậy, đều không chướng ngại, giải thoát, rốt ráo, vắng lặng. Các Đức Thế Tôn dùng phương tiện thiện xảo hiện thân trước mặt chúng sinh khắp các cõi Phật, mà thân của chư Như Lai trải qua vô số ức kiếp không thể nắm bắt. Lúc ấy, quán công đức của Phật rồi, Đại Bồ-tát Hỷ Vương đứng yên lặng.

Bấy giờ, có Tôn giả tên là Hộ Quốc, an cư ba tháng ở thành lớn Xá-vệ. An cư xong, vị ấy đáp y, mang bát cùng với các Bì-sô, gồm các vị mới xuất gia và người mới phát tâm, rời nước Xá-vệ đến núi Thứ Phong thuộc thành Vương-xá. Sau khi đến

* Hữu tình Thế gian và khí thế gian.

nơi, Tôn giả Hộ Quốc liền đến chỗ Phật đánh lễ sát chân Phật, nhiễu quanh bên phải ba vòng, rồi đứng qua một bên, chắp tay cung kính đọc kệ khen ngợi Phật:

*Kính lay Phật quang minh tối thượng
Lay ý vô ngại như hư không
Lay đấng đoạn trừ các trói buộc
Lay bậc vượt ngoài biển ba cõi.
Chân sắc tướng vô biên của Phật
Hóa hiện khắp nơi trong ức cõi
Bồ-tát nghe rồi hoan hỷ đến
Cung kính cúng dường công đức Phật.
Làm việc cúng dường tối thượng xong
Nghe pháp Mâu-ni lia trần cấu
Tất cả hoan hỷ về bản xứ
Khen ngợi chánh pháp Thế Tôn nói.
Trải qua vô lượng vô số kiếp
Lợi lạc tất cả các hữu tình
Như vậy, thân tâm chưa mệt mỏi
Vì cầu Bồ-đề vô thượng Phật.
Thường hành hạnh bố thí, trì giới
Nhẫn nhục, tinh tấn và thiền định
Phương tiện trí tuệ đạt Niết-bàn
Vì thế con lay bậc Đại Giác.
Thành tựu sáu thông, bốn thân tức
Các căn, mười lực, môn giải thoát
Dùng hạnh này đến với chúng sinh
Con nay lay Phật trí vô đấng.*

*Hay biết tất cả tâm thế gian
Việc làm tạo tác và thành nghiệp
Của thân của miệng và lời nói
Vô thượng Thế Tôn thấy tất cả.
Tội lỗi tham si không thể đoan
Chúng sinh vì thế đọa ba cõi
Nhờ Phật thành tựu nghiệp Thiện thế
Mới biết thiện ác của thế gian.
Việc của chư Phật ở quá khứ
Và bậc thầy trời người hiện tại
Cho đến vị lai biến công đức
Tất cả các pháp thầy đều biết.
Cõi nước thanh tịnh chúng vây quanh
Bồ-tát, Duyên giác cùng Thanh văn
Cho đến thọ mạng của chư Phật
Đức Phật của con thầy đều biết.
Có bao nhiêu pháp sinh và diệt
Với việc cúng dường làm Phật sự
Có thọ trì pháp của pháp tạng
Đức Phật của con đều biết hết.
Phật có mười lực trí vô ngại
Hiện tại thường ở trong ba đời
Như vậy tất cả pháp phương tiện
Con lay biến trí của Thế Tôn.
Đại giác Thế Tôn không ai bằng
Tướng đẹp trang nghiêm đại cát tường
Như sao trên không trong đêm tối
Con lay Mâu-ni đấng tối thượng.*

Dung mạo trang nghiêm chẳng ai bằng
 Chiêu sáng chư Thiên và thế gian
 Đế thích, Phạm vương, trời Cừu Cánh
 Ở trước Phật trở nên mờ nhạt,
 Trong sạch bất động như núi vàng
 Búi tóc xanh mượt xoay bên phải
 Đỉnh Phật cao vợi như núi báu
 Hào quang chiếu xa sinh các phước.
 Vô số ánh sáng chiếu khắp nơi
 Tướng lông trắng hiện giữa chạng mờ
 Mắt như sen xanh thường tươi vui
 Vận tâm từ quán chiếu thế gian.
 Vàng trắng trong sáng ở không trung
 Mặt Phật sáng tròn cũng như vậy
 Hữu tình nhìn mãi không biết chán
 Con lay Như Lai tướng viên mãn.
 Đi như ngỗng chúa như nai chúa
 Cũng như trâu chúa bước an ổn
 Chấn động đại địa không tạm dừng
 Con lay Như Lai sức kiên cố.
 Ngón tay thon dài có màng mỏng
 Móng tay trong sạch màu đồng đỏ
 Đứng thẳng đuôi tay dài quá gối
 Con lay thân vàng đáng Đại Giác.
 Phật bước trên đất hiện tướng lành
 Dầu bánh xe hiện đủ ngàn cãm
 Chân phóng hào quang chiếu quần sinh
 Nhờ ánh hào quang họ sinh thiên.

Đại thánh vua pháp ban bảy tài (thánh tài)

*Là bậc thí chủ tâm bình đẳng
 Điều phục thế gian nương pháp hành
 Con lạy Pháp vương Vô thượng giác.
 Niệm pháp từ bi tâm làm kiểm
 Trì giới phương tiện, cung trí tuệ
 Đoạn trừ phiền não các chúng giặc
 Luân hồi sinh diệt không tăng thêm.
 Viên mãn tự lợi lại lợi tha
 Làm cho chúng sinh cùng giải thoát
 Rốt ráo an vui khỏi phiền não
 Được vào tông vắng lặng Thiên Thệ.
 Không sinh không diệt hết các khổ
 Cũng không sinh, lão, ái, biệt ly
 Đó là vô vi tối thượng thừa
 Vì thương chúng sinh Phật giảng nói.
 Con khen ngợi Mâu-ni tối thượng
 Gồm thấu tất cả pháp chư Phật
 Như vậy có được bao công đức
 Nguyên cho chúng sinh chúng Bồ-đề*

Tôn giả Hộ Quốc đọc kệ khen ngợi Phật rồi, bày vai bên phải, quỳ gối sát đất, chấp tay hướng về Phật, đánh lễ cung kính bạch:

– Bạch Thế Tôn! Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác! Nay con có điều muốn thưa hỏi, xin Thế Tôn từ bi cho phép.

Đức Thế Tôn bảo Tôn giả Hộ Quốc:

– Ta sẽ theo điều ông hỏi mà giải đáp thỏa đáng, khiến cho ông mãn nguyện và được tâm an vui.

Nghe lời ấy rồi, tâm rất vui sướng, Tôn giả Hộ Quốc thưa:

– Bạch Thế Tôn! Những pháp nào là bốn pháp làm cho Bồ-tát thực hành đầy đủ, có thể đạt được tất cả công đức tối thượng, đạt được trí vô ngại, biện tài quyết định, hiểu rõ tánh tướng, nhập vào Nhất thiết trí, giáo hóa chúng sinh, đoạn trừ vô minh vọng tưởng phiền não quyết định nhập vào Nhất thiết trí, nói lời chân thật làm cho hữu tình nương vào lời nói ấy để thực hành, để lìa các sự ngu tối mà nghĩ đến phương tiện thiện xảo của Phật, ưa thích nghe tất cả nghĩa lý thanh tịnh sâu xa, thọ trì các pháp, mau chóng chứng đắc chánh trí vô thượng?

Lúc ấy, ở trước Phật, Tôn giả Hộ Quốc nói kệ:

*Bồ-tát thực hành hạnh quyết định
Hạnh ấy ắt có pháp chân thật
Pháp chân thật từ biển trí sinh
Như Lai tối thượng vì con nói.
Thân Phật sáng rõ tướng vàng ròng
Khối phước lớn vô biên tối thượng
Cứu độ chúng sinh trong sáu nẻo
Nói hạnh trong sạch của Bồ-tát.
Sao được trí Đại giác vô tận*

Cam lồ Tổng trì sinh giác ngộ
 Sao được biến trí tuệ thanh tịnh
 Tuệ ấy đoạn nghi cho chúng sinh.
 Khổ luân hồi trong vô số kiếp
 Chúng sinh mê đắm không nhàm chán
 Thấy họ si mê bị khổ não
 Vì họ nói cách tu mười thiện.
 Cõi nước thanh tịnh chúng hội đông
 Cõi báu vô biên sống rất lâu
 Thường vì chúng giảng lời vi diệu
 Xin nói hạnh Bồ-đề thanh tịnh.
 Hàng phục tà ma sinh chánh kiến
 Sông ái khô cạn chứng giải thoát
 Pháp nhãn thanh tịnh chiếu ngu tối
 Làm cho hữu tình hành thương hạnh.
 Giàu sang đẹp đẽ biện tài giỏi
 Nói lời hòa nhã nghe hoan hỷ
 Như cam lồ thấm nhuần thế gian
 Xin nói pháp thâm diệu sâu xa.
 Phạm âm vi diệu trừ các ác
 Âm thanh hòa nhã như Tần-già
 Chúng cần nghe pháp đã nhóm họp
 Xin nói cam lồ cứu quần sinh.
 Người có căn Bồ-đề tối thượng
 Hay tánh Thanh văn hoặc Duyên giác
 Tùy cơ xin Phật phương tiện nói
 Gặp đúng lúc Thầy ban chánh pháp.
 Nay con thích nghe thừa tối thượng

*Chỉ Phật biết rõ tánh giác con
Không thích mong cầu pháp Tiểu thừa
Xin nói pháp Như Lai bậc nhất.*

Tôn giả Hộ Quốc nói kệ xong, Phật bảo:

– Lành thay! Lành thay! Ông có thể hỏi Như Lai nghĩa tối thượng, làm cho nhiều người được lợi ích an lạc, thâm nhận các Đại Bồ-tát ở đời vị lai. Vậy ông hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ, Ta sẽ giảng nói cho ông.

Tôn giả Hộ Quốc bạch Phật:

– Hay thay, bạch Thế Tôn! Nay con lắng nghe, xin Ngài giảng nói.

Khi ấy, Đức Thế Tôn bảo Tôn giả Hộ Quốc:

– Có bốn pháp hoàn toàn thanh tịnh gọi là Đại Bồ-tát. Bốn pháp đó là gì?

1. Trong.

2. Ngoài.

3. Tâm.

4. Ý.

Bốn pháp như thế xứng với nghĩa lý chân thật. Thấy các chúng sinh tâm họ bình đẳng như hư không, không có sự phân biệt, theo lời nói mà thực hành, đó là bốn pháp đạt được thanh tịnh của đạo Bồ-tát.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói kệ:

*Trong ngoài tâm, ý thường thanh tịnh
Tâm chánh đạo bất thoái Bồ-đề
Thực hành điều thiện không vô ích
Được trí vô biên của Bồ-tát.*

Quán sát chúng sinh khổ, vô ngã
 Sinh, già, bệnh, chết đến bức bách
 Trong biển lớn ba cõi như vậy
 Rộng dùng thuyền pháp cứu các loài.
 Thấy các chúng sinh tâm bình đẳng
 Quán thế gian kia như con một
 Nguyên cho tất cả đều giải thoát
 Điều hướng Bồ-đề tâm bất thoái.
 Thường nói nghĩa không nương hạnh
 không
 Cũng không nhân, ngã, không chúng
 sinh
 Ví như mộng huyễn đều không thật
 Làm cho người ngu sinh trí tuệ.
 Như Đại giác trí đã giảng nói
 Nương trí thi hành làm các việc
 Điều phục tội lỗi tâm vắng lặng
 Cầu chứng Bồ-đề là Phật tử.

Đức Thế Tôn nói kệ rồi, bảo Tôn giả Hộ Quốc:

– Lại có bốn pháp làm cho tâm của các Bồ-tát được an ổn. Bốn pháp đó là gì?

1. Đối với pháp môn Tổng trì mong muốn tu học.
2. Thường gần bạn lành, oai nghi không khiếm khuyết.
3. Cầu chứng pháp nhãn Vô sinh sâu xa.
4. Chuyên cần tu hành giữ giới thanh tịnh.

Bốn pháp như thế làm cho tâm của các Bồ-tát được an ổn tiến tu không lùi. Phật lại nói kệ:

*Nếu người ái kính pháp Tổng trì
 Danh tiếng đồn xa người quy tụ
 Trì pháp môn nhiệm màu vô thượng
 Tất cả Như Lai đồng nói đến.
 Trí tuệ thêm sáng không quên mất
 Như vậy chóng được trí vô ngại
 Thông đạt tất cả pháp tối thượng
 Thành tựu môn giải thoát vô vi.
 Chúng Bồ-đề đều nhờ bạn lành
 Phát triển bảy giác hay tu đoạn
 Tăng trưởng tám chánh làm việc Phật
 Xa lìa bạn ác như sợ lửa.
 Nghe pháp sâu xa chúng Vô sinh
 Hiểu rõ các pháp rốt ráo không
 Không ngã, không nhân, không chúng
 sinh
 Như vậy mong lìa tất cả kiến.
 Luật nghi là gốc sinh các thiện
 Kiên trì giữ gìn lìa hủy phạm
 Hành được thanh tịnh tâm vắng lặng
 Phật vì chúng sinh nên giảng nói.*

Đức Thế Tôn nói kệ xong bảo Tôn giả Hộ Quốc:

– Lại có bốn pháp làm cho các Bồ-tát ở trong luân hồi tâm được vui thích. Bốn pháp đó là gì?

1. Khiến cho các BỒ-tát ưa thích gặp Phật.
2. Khiến cho các BỒ-tát ưa thích nói pháp.
3. Khiến cho các BỒ-tát ưa thích xả bỏ tất cả sở hữu.
4. Khiến cho các BỒ-tát ưa thích thọ nhận pháp vô tướng sâu xa.

Bốn pháp như vậy làm cho các BỒ-tát ở trong luân hồi tâm sinh ưa thích sâu xa. Phật lại nói kệ:

*Bồ-tát được thấy Lương Túc Tôn
 Trong tất cả đời hành chánh hạnh
 Hay khéo điều phục các thế gian
 Hào quang chiếu khắp trừ ngu tối.
 Như vậy cúng dường Nhân Trung Tôn
 Ưa thích sâu xa thường tôn trọng
 Cứu độ tất cả các chúng sinh
 Khiến nhập đạo Bồ-đề vô thượng.
 Nếu nghe các Phật giảng nói pháp
 Thân tâm vắng lặng sinh vui thích
 Như vậy tâm kiên cố không lùi
 Hành theo mau chứng Bồ-đề Phật.
 Xả bỏ tất cả tâm không tiếc
 Thấy người đến xin tâm vui vẻ
 Nước, thành, vợ con và thân mạng
 Ban cho chúng sinh tạo nhân Phật.
 Nếu nghe pháp vô tướng thâm diệu
 Tánh lìa phân biệt xưa nay không
 Không ngã, không nhân, không chúng*

sinh

Như vậy, ưa thích những việc ấy.

Bây giờ, Đức Thế Tôn nói kệ xong, bảo Tôn giả Hộ Quốc:

– Lại có bốn pháp đối với các Bồ-tát không được ưa thích. Bốn pháp đó là gì?

1. Không được ưa thích người tại gia.

2. Đã xuất gia rồi không được ưa thích lợi dưỡng.

3. Không được ưa thích sinh trong giòng họ cao quý.

4. Không được ưa thích hàng Tiểu thừa.

Bốn pháp như vậy, các Bồ-tát không được ưa thích. Rồi nói tụng:

*Tại gia tội lỗi nhiều vô biên
 Xa lìa khiến tâm không vương mắc
 Thường vui sơn dã tịch các căn
 Dũng mãnh siêng tu đức đại trí.
 Độc hành thanh tịnh như kiếm bén
 Chặt đứt ngu si các cấu nhiễm
 Đối với mọi thứ lợi dưỡng lớn
 Thường ưa xa lìa không đắm trước.
 Xả bỏ cao quý dòng tộc sang
 Quán như huyễn hóa như bóng nắng
 Vì khắp quần sinh hành bố thí
 Trì giới, nhân nhục và các hạnh.
 Không tiếc thân mạng và quyền thuộc*

*Chí cầu chánh giác đến bờ kia
 Không đắm trước vào pháp Tiểu thừa
 Đối pháp Thượng thừa tâm hằng vững.
 Cho đến thân thể bị cắt xẻo
 Tâm kia không hoại, như kim cương*

Đức Thế Tôn nói kệ xong, bảo Tôn giả Hộ Quốc:

– Lại có bốn pháp đối với các Bồ-tát có sự tổn hại. Bốn pháp đó là gì?

1. Phá giới, phạm luật.
2. Không ở nơi sơn dã để hướng đến thanh tịnh.
3. Không nương vào giáo lý bốn thừa mà tìm cầu tà vạy.
4. Tuy thích đa văn nhưng hoàn toàn chẳng được gì.

Bốn pháp như thế đối với các Bồ-tát có sự tổn hại. Rồi nói tụng:

*Giới tướng thanh tịnh như ma-ni
 Hay dắt chúng sinh đến bờ giác
 Bồ-tát phá giới luật nghi này
 Đắm chìm không thành Vô thượng giác.
 Ở chốn sơn dã nơi vắng lặng
 Phân biệt nhân, ngã tự nhiên trừ
 Quyển thuộc nam, nữ và thân ta
 Quán như cỏ cây không yêu thích.
 Giáo lý bốn thừa không hư dối
 Nhất tâm thanh tịnh phụng hành theo*

*Chắc chắn đầy đủ các công đức
 Thành tựu trí Phật đại trọng phu.
 Quán các hữu tình trong luân hồi
 Thường ở sinh tử khổ, sầu bi
 Luôn dùng thuyền pháp tối thượng diệu
 Đưa hữu tình kia khỏi biển khổ.
 Nếu không cứu độ chúng sinh ấy
 Mê đắm, trầm luân không lúc dừng
 Vì thế Tiểu thừa chẳng rớt ráo
 Nên chúng sinh phát tâm Bồ-đề.*

Khi ấy, Đức Thế Tôn nói kệ xong, bảo Tôn giả Hộ Quốc:

– Lại có bốn pháp đối với các Bồ-tát nên hiểu rõ để tu tập. Bốn pháp đó là gì?

1. Phát sinh tâm bình đẳng của chư Phật để cầu Thiện Thệ.

2. Phụng sự Pháp sư, tôn trọng cúng dường ngoại cụ mà không chấp trước.

3. Không ham lợi dưỡng cũng không mong cầu.

4. Đối với pháp nhãn sâu xa thành tựu đầy đủ.

Bốn pháp như thế Bồ-tát nên hiểu rõ để tu tập. Rồi nói kệ:

*Có bậc Thiện Thệ đại trọng phu
 Thiên thượng nhân gian không ai bằng
 Bình đẳng dẫn đường các quân sinh
 Tu tập hành mười thiện như vậy.
 Tôn trọng phụng sự vị Pháp sư*

*Nương thầy giáo thọ mà tu học
 Hết lòng cúng dường cầu trí Phật
 Vô biên chư Phật từ đây sinh.
 Thường ở núi sâu không sợ hãi
 Đối với lợi dưỡng không ham thích
 Khéo hay thành tựu trí vô ngại
 Thông đạt pháp sâu lìa các trần.
 Nghe công đức Phật càng hoan hỷ
 Hành pháp như vậy tu kiên cố
 Chứng nhận Vô sinh tịch tĩnh kia
 Rộng độ vô lượng khổ chúng sinh.*

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói kệ rồi, bảo Tôn giả Hộ Quốc:

– Lại có bốn pháp hành pháp thanh tịnh của các Bồ-tát. Bốn pháp đó là gì?

1. Thân tâm quyết định, chí cầu Bồ-đề để hành pháp thanh tịnh.

2. Lìa xa các hư vọng, ưa ở núi sâu hành pháp thanh tịnh.

3. Xả bỏ tất cả, không cầu quả báo, hành pháp thanh tịnh.

4. Thường theo Pháp sư, ngày đêm cầu pháp hành pháp thanh tịnh.

Bốn pháp như thế, các Bồ-tát theo đó hành pháp thanh tịnh. Lại nói kệ:

*Tâm bản tham, sân, si đều dứt
 Biếng nhác hư vọng cũng lại không*

Tất cả tội lỗi khiến không sinh
 Quyết định cầu chứng đạo Bồ-đề.
 Chán lià nhà cửa đoạn gốc lo
 Xả bỏ trần tục cầu xuất gia
 Chẳng nên gập gỡ bằng hữu xấu
 Sống ở núi sâu hướng giải thoát.
 Ở trong núi kia tu tịnh hạnh
 Thành tựu trí vô ngại Như Lai
 Thân mạng tài vật không đả trước
 Tự tại vô úy như sư tử.
 Thấy loài hữu tình sinh hoan hỷ
 Như chim nhóm họp rời ly tán
 Quán thế gian này chẳng bền chắc
 Như vậy cầu đạo đại Bồ-đề.
 Thân tâm thanh tịnh như hư không
 Xả bỏ tất cả không kinh sợ
 Đối với lợi dưỡng không đả trước
 Như nai kinh sợ không đứng vững.
 Thế gian luôn ở nguy hiểm lớn
 Khó phát thân tâm cầu giải thoát
 Thấy đây hư vọng không chân thật
 Vì thế Ta hành hạnh tịch tĩnh.
 Dùng lời hòa nhã dạy quần sinh
 Oán thân bình đẳng không phân biệt
 Không trước, không trụ cũng như gió
 Là cầu hạnh Bồ-tát tối thượng.
 Vô tướng, giải thoát, không, vô nguyện
 Hiểu rõ hữu vi như huyền hóa

*Thường hành thanh tịnh tâm quảng đại
 Uống vị cam lồ thường hoan hỷ.
 Chí cầu đạo pháp nương thầy học
 Người ấy năm uẩn thường thanh tịnh
 Các khổ bức bách không mệt mỏi
 Như thế chứng nhập môn Tổng trì.
 Hiểu rõ việc tu hạnh Bồ-tát
 Thành tựu sở cầu khiến người vui
 Nếu đối Bồ-đề không mong cầu
 Kẻ ấy thiếu trí trăm đời mất.*

Lúc ấy, Đức Thế Tôn nói kệ xong, bảo Tôn giả Hộ Quốc:

– Lại có bốn pháp đối với các Bồ-tát là pháp nạn. Bốn pháp đó là gì?

1. Tâm không tôn trọng, khinh mạn.
2. Tâm không hiểu hạnh, biếng nhác ương ngạnh.
3. Tâm ham lợi dưỡng, ít biết đủ.
4. Tâm ưa hư vọng, cầu tài lợi.

Bốn pháp như thế là pháp nạn của Bồ-tát. Rồi nói kệ:

*Phật pháp bốn sư và cha mẹ
 Không tin kính trọng, nhiều khinh mạn
 Không hành hiếu kính, tâm biếng nhác
 Thường bị ngu si làm tán loạn.
 Tâm tham chỉ nghiêng về lợi dưỡng
 Lại hành hư vọng vì tà lợi*

*Khen đức nghiệp mình chê người khác
 Cho mình giữ giới và tu hành.
 Đôi bên tranh đấu không lòng thương
 Che giấu lỗi mình nhìn lỗi người
 Lại làm nghề nông và kinh doanh
 Sa-môn như vậy không công đức.
 Thời mạt pháp tâm người tán loạn
 Đấu tranh hại nhau tâm ganh ghét
 Sa-môn ngầm diệt pháp Như Lai
 Các Bồ-sô thiện đều xa lìa.
 Bồ-đề diệu đạo mãi không gặp
 Năm nẻo luân hồi không cùng tận.*

Khi ấy, Đức Thế Tôn nói kệ xong, bảo Tôn giả Hộ Quốc:

– Lại có bốn pháp các Bồ-tát cần phải xa lìa. Bốn pháp đó là gì?

1. Biếng nhác.

2. Bất tín.

3. Đố kỵ.

4. Ghét người khác.

Bốn pháp như thế các Bồ-tát cần phải xa lìa. Rồi nói kệ:

*Biếng nhác không tin, tâm mê muội
 Tâm ôm ganh ghét thường sân hận
 Thấy có Sa-môn hành nhân nhục
 Liên đuổi họ ra khỏi già lam.
 Với người sang hèn ở thế gian
 Đều không phân biệt việc thiện ác
 Chuyên môn chỉ theo việc phải trái*

*Như vậy tội lỗi đều do sân.
 Xa lìa các công đức pháp Phật
 Rơi vào nẻo ác hàm lửa lớn
 Hành như vậy đi vào cõi ác
 Không nương giáo pháp chuốc khổ kia.
 Vì thế thường hành đạo Bồ-đề
 Không cho chìm đắm, sinh nẻo ác
 Đại kim tiên lợi ích hữu tình
 Trải nhiều ức kiếp mới xuất thế.
 Nay mới được gặp bậc Mâu-ni
 Chóng bỏ các lỗi cầu giải thoát.*

Đức Thế Tôn nói kệ này xong, bảo Tôn giả Hộ Quốc:

– Lại có bốn pháp các Bồ-tát không nên làm. Bốn pháp đó là gì?

1. Không nên theo bạn ác.
2. Không nên theo người có kiến chấp.
3. Không nên theo người bỏ tất cả pháp thiện.
4. Không nên theo người mê đắm tài lợi.

Bốn hạng người như thế các Bồ-tát không nên theo. Rồi nói kệ:

*Nếu người xa lìa các bạn ác
 Thường được bạn lành đến thân cận
 Như đêm, trăng tròn hiện không trung
 Trừ tối, sáng rõ đạo Bồ-đề.
 Phàm có hiểu biết thường không dứt
 Với thân mạng mình luôn nuôi dưỡng*

Như vậy độc khí có thể là
 Người ấy thành đại trí tuệ Phật.
 Nếu bỏ pháp vi diệu tối thượng
 Không thích vắng lặng vị cam lồ
 Như vậy gọi là đồ bất tịnh
 Xa lìa cầu chứng đạo Bồ-đề.
 Tham cầu tài lợi và y bát
 Cùng người tại gia làm kinh doanh
 Như vậy xa lìa hố lửa này
 Có thể thành tựu đạo tối thượng.
 Thường ưa hàng phục các ma oán
 Thường chuyển pháp luân độ các loài
 Như vậy rộng tạo lợi ích lớn
 Thường gặp bạn lành được Bồ-đề
 Thân sơ khen chê thường bình đẳng
 Lợi dưỡng, ganh ghét cũng như vậy
 Trí chư Phật vô thượng như thế
 Người ấy không lâu ắt thành tựu.

Lúc ấy, Đức Thế Tôn nói kệ xong, bảo Tôn giả Hộ Quốc:

– Lại có bốn pháp của các Bồ-tát là pháp khổ báo. Bốn pháp đó là gì?

1. Khinh mạn giáo pháp.
2. Chấp trước Ngã, Nhân.
3. Tâm không tin hiểu.
4. Đối với cảnh bất tịnh ghi nhớ trọn vẹn.

Bốn pháp như thế là pháp khổ báo của Bồ-tát.

Rồi nói kệ:

Nếu có thọ trì pháp vi diệu
 Mới có thể nhận thế gian cứng
 Kẻ khinh mạn không có trí lớn
 Sẽ nhận vô biên các khổ ác.
 Với Phật bốn sư và cha mẹ
 Thường ôm Nhân Ngã không cung kính
 Phước lớn như vậy tâm không cầu
 Sẽ đọa chỗ bất tịnh vô tri
 Tam bảo tối cao ruộng phước lành
 Mà không tin hiểu và quy kính
 Dùng hư dối mê hoặc thế gian
 Như thế sẽ mắc tội khổ ác.
 Người nữ tức là cửa xấu ác
 Trôi dạt sinh tử không cùng tận
 Người ngu vô trí tạo nghiệp ấy
 Mãi đắm địa ngục và súc sinh.
 Nếu người tôn trọng hướng về Phật
 Hay diệt các khổ được vô úy
 Lại đóng tắt cả cửa cõi ác
 Dẫn lối chúng sinh đắc Phật đạo.



KINH HỘ QUỐC TÔN GIẢ SỞ VẤN ĐẠI THỪA

QUYỂN II

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Tôn giả Hộ Quốc:

– Có bốn pháp đối với các Bồ-tát là pháp trói buộc. Bốn pháp đó là gì?

1. Khinh mạn người khác.

2. Đối với việc thế gian đem phương tiện tìm cầu.

3. Dụng tâm tán loạn như đi đường nguy hiểm.

4. Đối với quyền thuộc lòng sinh tham trước.

Bốn pháp như thế là pháp trói buộc của Bồ-tát.
Rồi nói kệ:

Nếu hành khinh mạn với người khác

Phương tiện chỉ cầu việc thế gian

Tán loạn như đi trong đường hiểm

Như voi lún sâu trong bùn.

Đối với người thân sinh yêu mến

Thường ôm tham luyến như say rượu

Như vậy mỗi mỗi bị trói buộc

Tăng trưởng ngu si che trí lớn.

Nếu người sợ khổ chán sinh tử

Mong khỏi chìm đắm hương giải thoát
 Xả bỏ khinh mạn... việc thế gian
 Đó là Bồ-tát thực hành đạo.
 Diệt hết vô biên các khổ rồi
 Và các quyền thuộc phiền não kia
 Rốt ráo an vui không mong cầu
 Viên mãn đạo Bồ-đề vắng lặng.
 Thực hành sáu pháp Ba-la-mật
 Ba thân, năm trí... và mười lực
 Tất cả công đức đều trọn đủ
 Như vậy lia hẳn vô biên khổ.
 Quá khứ tu hành vô lượng kiếp
 Vì chúng sinh nên cầu Bồ-đề
 Tất cả các thiện thấy đều tu
 Xa lìa các ác... và quyền thuộc.
 Thường ưa núi sâu chỗ yên tĩnh
 Xa lìa thanh sắc, tướng chân không
 Tinh tấn tu hành không gián đoạn
 Đắc tuệ viên mãn đại trượng phu.
 Thấy nghiệp chúng sinh thế gian kia
 Năm nẻo xoay vần không cùng tận
 Ta đời quá khứ phát tâm từ
 Tự bỏ thân mạng và vợ con.
 Kinh thành đất nước và châu báu
 Cầu Phật như vậy vô số kiếp
 Ta xưa ở núi hành nhẫn nhục
 Hoa quả ao khe thấy thanh tịnh.
 Vua Ca-lợi đến chặt chân tay

Tâm sinh thương xót, nhân không giận
 Xưa ở núi sâu tên Xà-ma
 Ta là tiên nhân Ba-la-đa.
 Khi ấy Thiên tử bắt thân Ta
 Cũng không sân hận sinh tâm ác
 Không tiếc thân mạng xem như đá
 Chỉ cầu Bồ-đề tâm không lùi.
 Thuở xưa khi Ta là Bồ-tát
 Thấy hổ đói muốn ăn thịt con
 Gieo mình xuống vực cứu hổ kia
 Trời người khen ngợi đại tinh tấn.
 Thường ưa bố thí cứu chúng sinh
 Không tiếc thân mạng và tài bảo
 Xưa Ta tên là Ma-năng-phước
 Rộng hành bố thí hết bảy báu.
 Cho đại ma-ni để người giàu
 Như vậy cầu chứng quả Bồ-đề
 Thuở xưa làm vua Đại-tô-ma
 Ta tu hành tiếng tăm vang khắp.
 Bảy giờ Ta chịu trời thay người
 Để trăm vua kia được giải thoát
 Xưa Ta làm vua hiệu Năng Xả
 Ai mong cầu gì đều thỏa mãn.
 Cho đến thân mạng và châu báu
 Khiến người giàu sang khỏi nghèo khổ
 Xưa có chim câu bay đến Ta
 Ta cắt thịt Ta cứu mạng nó.
 Khi cầm dao cắt thịt như vậy

Không kinh, không sợ tâm an ổn
 Cũng thời quá khứ bỏ ngôi vua
 Trọn đời hành pháp Ba-la-mật.
 Lại tự hóa thân làm thuốc hay
 Bỏ thân mạng mình cứu quần sinh
 Xưa kia Ta là sư tử chúa
 Thường làm lợi lạc cho thế gian.
 Xả bỏ ngôi vua và quyền thuộc
 Một lòng mong cầu đạo vô thượng
 Lại xưa Ta là vua Diệu Nha
 Thời ấy tuổi thọ một ngàn năm.
 Tám mươi bốn năm tu khổ hạnh
 Phát đại tinh tấn thí của báu
 Ở trước tháp Phật đốt thân mình
 Hết lòng cung kính để cúng dường.
 Xưa Ta là vua tên Vô Cấu
 Có Bà-la-môn tên Ác Nhãn
 Đi đến thăm cung xin đầu Ta
 Ta liền đem đầu mà ban cho.
 Thuở xưa Ta là vua Nguyệt Quang
 Cứu khắp chúng sinh làm lợi ích
 Trong tất cả thành ấp xóm thôn
 Ngã tư đường bố thí thuốc hay.
 Ngàn thể nữ đoan nghiêm tướng đẹp
 Châu báu vàng ròng khắp trang nghiêm
 Bỏ ngàn thể nữ để tu hành
 Việc làm ấy phước không ai sánh.
 Thuở xưa Ta là vua Du-bà

Đội mảo quý báu đời hiếm có
 Hoa hương các báu cùng trang nghiêm
 Bó thí cho người không luyến tiếc.
 Xưa Ta là vua tên Bảo Kế
 Tay chân mềm mại như bông, to
 Nhẫn láng vi diệu sắc như sen
 Tự bỏ tay chân lợi chúng sinh.
 Thuở xưa Ta là vua An Ý
 Có thương nhân tên là Tinh Hạ
 Dẫn các thương khách vào trong biển
 Bỗng nhiên trôi vào nước La Sát.
 Nước ấy trăm ngàn nữ Dạ-xoa
 Không thẹn, tàn ác ăn thịt người
 Thương khách không biết nữ Dạ-xoa
 Thấy họ đẹp đẽ sinh tâm mến.
 Năm trăm thương khách sắp bị hại
 Ta thương cứu họ đều thoát nạn
 Thuở xưa Ta là vua Diệu Nhân
 Bốn triệu thể nữ thường vây quanh.
 Đoan chánh tuyệt đẹp như Thiên nữ
 Bỏ họ xuất gia cầu Phật đạo
 Xưa kia Ta là vua Phước Quang
 Sạch sẽ thanh tịnh sắc vàng ròng.
 Ngón tay thon dài đời hiếm có
 Xả bỏ tay này lợi chúng sinh
 Thuở xưa Ta là vua Pháp Tài
 Mắt biếc sáng trong như sen xanh.
 Với thân đáng yêu rất khó bỏ

Người đến cầu xin cũng ban cho
Xưa kia Ta là vua Liên Mục
Thấy thương chúng sinh trong khổ não.
Có người nữ mang bệnh ưu sầu
Ta hành thương xót khiến được khỏi
Thuở xưa Ta là Đại y vương
Thường cứu bệnh khổ cho chúng sinh.
Hoặc thân ra máu và tủy não
Cứu chữa bệnh tật khiến được lành
Tâm tinh tấn dũng mãnh như vậy
Chưa từng xả bỏ loài hữu tình.
Thuở xưa Ta là vua Thành Lợi
Dem mắt yêu quý đẹp như sen
Cho các chúng sinh trị bệnh tật
Một lòng vì cầu đạo vô thượng.
Ta xưa là vua tên Phổ Hiện
Thương xót hữu tình nên cứu độ
Khi ấy xả bỏ bốn châu lớn
Cõi nước dân chúng và các báu.
Thậm chí cắt thân lấy máu thịt
Thí cho chúng sinh tâm hoan hỷ
Lại làm nữ vương tên Đại Trí
Thân đoạn chánh sắc vàng mềm mại.
Khi ấy người nữ tên Sắc Tướng
Là thương nhân sinh một cháu gái
Đói gầy khôn khổ không lương thực
Ta bỏ hai vú để cứu họ.
Xưa Ta là vua hiệu Đa Văn

Có đủ trên châu y phục đẹp
Voi ngựa xe cộ... và tơ lụa
Bố thí như vậy vô số kể.
Lại thấy thương nhân trôi trên biển
Ta vào trong biển để cứu họ
Người ấy vong ơn xin mắt Ta
Ta cũng ban cho không sân hận.
Xả bỏ đất đai và quyền thuộc
Quán họ, không chấp, như kiến nhỏ
Thuở xưa cứu quân sinh như vậy
Tâm không thoái chuyển không mệt khổ.
Thấy người già đơn độc bần cùng
Giúp đỡ cung cấp vật cần dùng
Thường hành yêu kính không khinh mạn
Cũng không xấu hổ, không nhân ngã.
Xưa Ta từng làm thân Di Hâu
Cùng với đồng loại kia dạo chơi
Khi ấy thợ săn bắt trói chúng
Ta liền thay thế cứu chúng thoát.
Thợ săn đem Ta dâng quốc vương
Vua sai buộc Ta sau hậu cung
Nghĩ đến cha mẹ già cô cút
Thức ăn uống ngon Ta chẳng màng.
Chịu khổ như vậy giữ lòng hiếu
Nhờ thế được thoát khổ vương cung
Xưa Ta từng làm thân gấu lớn
Thường vào núi sâu hành từ nhân.
Bỗng thấy tiểu phu gặp mưa lớn

Dẫn vào hang núi để lánh mưa
 Trải qua bảy ngày trời quang đãng
 Dẫn tiêu phu ấy đừng chỉ chỗ.
 Khi ấy tiêu phu yên ổn về
 Chỉ dẫn thợ săn đến giết hại
 Vong ân như vậy giết thân Ta
 Ta không sân hận sinh từ nhân.
 Thuở xưa Ta là voi trắng chúa
 Cầu Bồ-đề Phật hành mười thiện
 Khi ấy thợ săn bắn thân Ta
 Ta xả bỏ ngà tâm hoan hỷ.
 Xưa có người ác Đế Lý Tử
 Dùng lửa thiêu đốt ngọn núi lớn
 Ta thấy lửa này khởi lòng thương
 Trời mưa hoa hương lửa tự tắt.
 Xưa Ta từng làm chúa loài nai
 Vàng báu trang nghiêm thân tuyệt đẹp
 Lợi xuống sông nọ cứu người chìm
 Khiến người an ổn, toàn mạng sống.
 Bảo chó nói Ta ở núi này
 Vì sợ kẻ ác đến săn Ta
 Khi ấy người kia quên ơn này
 Chỉ cho quốc vương đến vây bắt.
 Chỉ rồi hai tay người ấy rụng
 Khi ấy Ta không chút sân hận
 Xưa đoàn thương nhân năm trăm người
 Vì tìm châu báu vào trong biển.
 Thương chủ hết thức ăn nước uống

Thương chúng ốm gầy không lương thực
 Lúc ấy Ta là rùa chúa lớn
 Dem thân cứu mạng chúng thương nhân.
 Với tâm từ tạo lợi ích người
 Họ đều bình an đến bờ biển
 Xưa Ta hóa thân làm trùng thuốc
 Trùng này tên là Câu-tô-ma.
 Ấn thân Ta trừ tất cả bệnh
 Đều được an ổn hết các hoạn
 Xưa Ta lại làm sư tử chúa
 Đại lực vô úy hành từ bi.
 Có thợ săn giỏi, bắn thân Ta
 Ta không sân hận, không phẫn nộ
 Ta xưa cũng làm ngựa trắng chúa
 Thường hành hạnh Bồ-tát từ bi.
 Cứu thương nhân gặp nạn La-sát
 Chở mọi người ra khỏi biển nguy
 Xưa làm loài chim Quân-nô-la
 Xa lìa sắc dục không tán loạn.
 Khiến cho đồng loại các phi cầm
 Cũng lại thực hành hạnh thanh tịnh
 Ta xưa trong lúc làm thỏ chúa
 Cùng các bầy thỏ nói pháp hạnh.
 Thấy vị tiên đói không thức ăn
 Ta bỏ thân mạng cứu vị ấy
 Xưa Ta từng làm chim Anh Võ
 Thường sống trong rừng cây hoa quả.
 Có kẻ ác thiêu hủy rừng này

*Nhờ sức của Ta rừng xanh lại
Thuở xưa Ta làm Di Hầu chúa
Cùng đàn Di Hầu đi dạo chơi.
Khi ấy quốc vương đến vây bắt
Ta vì cứu đàn đến trước vua
Xưa Ta lại làm chim Anh Vĩ
Cha mẹ già yếu không bay được.
Ta vào trong ruộng gắp lúa thơm
Dưỡng nuôi song thân hành hiếu kính
Chủ ruộng lúa ấy lòng giận tức
Đuổi bắt Anh Vĩ và quở trách.
Tại sao ngươi lại trộm lúa ta?
Bây giờ ta bắt ngươi bỏ mạng
Anh Vĩ bảo với chủ ruộng rằng:
– Ông trồng ruộng lúa cứu hữu tình.
Tôi lấy ít lúa dâng mẹ cha
Sao ông nói tôi là kẻ trộm?
Lúc đó chủ ruộng nghe lời ấy
Cho lúa gắp bội hoan hỷ nói:
– Ta là cầm thú ngươi là người
Hiếu dưỡng như vậy thật hiếm có
Thuở xưa Ta hành hạnh Bồ-tát
Trải qua số kiếp như vi trần.
Cầu đạt quả Phật đại Bồ-đề
Chưa có lúc nào sinh mỗi một
Như vậy xả bỏ nội ngoại tài
Nước thành vợ con và châu báu.
Đầu mắt tủy não và thân mạng*

Giữ giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền
 Trí tuệ phương tiện... và nguyện lực
 Các độ như vậy rộng tu tập.
 Chưa từng xả bỏ hạnh Bồ-tát
 Tất cả điều thiện không thiếu sót
 Như Phật nói về hạnh Đầu-đà
 Hạnh ấy cũng là nhân hướng Phật.
 Như vậy mỗi hạnh đều tu tập
 Tinh tấn tu tập không khuyết phạm
 Đối với các chúng sinh đời sau
 Tuy làm Bí-sô mà vô hạnh.
 Thường sinh ngã mạn tâm biếng nhác
 Tham đắm thanh sắc và tài lợi
 Nghe hạnh lớn này nhân thắng diệu
 Nhưng không tin nhận lại phỉ báng.
 Kinh khi cười cợt bảo mọi người:
 – Lời nói này chẳng phải Phật dạy
 Ta nghe quá khứ có một người
 Học rộng hiểu nhiều tiếng vang khắp.
 Nhưng nghe Phật nói không tin nhận
 Dem lời pháp ấy hỏi thầy mình
 Vị thầy tuy già nhưng học rộng
 Đối với lời Phật cũng không tin.
 Tuân tự như vậy bảo mọi người:
 – Pháp này chẳng phải lời chân thật
 Cầu xuất ly nhọc công vô ích
 Bày vẽ trì giới học oai nghi.
 Tu tập như vậy để làm gì?

Đã không chúng sinh, không nhân ngã
 Thân tộc cha mẹ thấy đều không
 Đó là tà kiến lời ngoại đạo.
 Chẳng phải pháp giải thoát chân thật
 Lại nữa đời sau các Bí-sô
 Gây ra tội lỗi không hổ thẹn
 Ngã mạn, cao ngạo tâm tán loạn.
 Ganh ghét tham ái như lửa thiêu
 Không sửa ba y thông tay bước
 Kéo lét ca-sa vào thôn xóm
 Mặc tình phóng túng mà uống rượu.
 Làm đủ các việc làm thô ác
 Mặc pháp phục làm sứ giả Phật
 Không nương giới luật, gần vua quan
 Mang thư tin giống ruồi bốn phương.
 Cây thế lực quan tìm tài lợi
 Bỏ mất rừng công đức Như Lai
 Rơi vào ba đường các nẻo ác
 Hoặc là kinh doanh ở chợ búa.
 Hoặc là cày cấy ở nông thôn
 Phật nói đó chẳng phải Sa-môn
 Bí-sô thanh tịnh không như vậy
 Tài vật cúng dường của thường trụ.
 Sử dụng phi pháp như của mình
 Thấy có Bí-sô đủ giới đức
 Sinh tâm khinh mạn và phỉ báng
 Bôi nhọ Hiền thiện phá luật nghi.
 Thân cận thế tục nhiễm hạnh tà

Nuôi dưỡng vợ con làm các việc...
 Buông lung thô ác như thế tục
 Như vậy tạo nhiều nhân nghiệp ác.
 Chẳng phải hạnh Sa-môn xuất gia
 Sẽ đọa trong nẻo ác ba đường
 Nhiều kiếp trầm luân chịu các khổ
 Đối với các căn không điều phục.
 Tham đắm ăn uống và sắc dục
 Chắc chắn mọi người sẽ khinh chê
 Việc dạy đệ tử cũng như vậy
 Chưa từng chỉ bày pháp tu hành.
 Cũng không truyền dạy tâm cung kính
 Nói mình từ bi trước mọi người
 Chẳng cần đệ tử để kế thừa
 Người bệnh phong điên hoặc bệnh hủi.
 Sáu căn không đủ người xấu ác
 Nhận kẻ như vậy cho xuất gia
 Chẳng phải Sa-môn đệ tử Phật
 Không giới, không hạnh, không đạo đức.
 Hạng ấy phi tục, phi Sa-môn
 Ví như chất củi thiêu thây thú
 Những người thanh tịnh nên lánh xa
 Tánh vốn kiêu căng nhiều tán loạn.
 Cũng như voi điên không thuần phục
 Dù ở núi sâu tâm không an
 Lửa tham thiêu đốt không tạm dừng
 Quên mất tất cả công đức Phật.
 Phương tiện trí tuệ hạnh Đâu-đà

Các thiện như vậy không thực hành
 Đọa vào A-tỳ không ngày thoát
 Thường bàn việc thị thành, thôn ấp.
 Việc quan, việc giặc và quyền thuộc
 Ngày đêm suy nghĩ việc như vậy
 Chưa từng giây lát hành chánh định
 Đối với chùa chiền sinh tâm tham.
 Sửa sang tự viện và phòng ốc
 Không có trì tụng và tu tập
 Chỉ vì quyền thuộc và đệ tử
 Nếu Bí-sô nào nương tựa Ta.
 Ta sẽ cho họ cùng sống chung
 Ai muốn trì giới phụng hành luật
 Chẳng phải việc Ta phải xa lìa
 Có ngọc cụ giường nằm các vật.
 Đồ vật thường dùng thức ăn uống,
 Cát giấu phòng kín hoặc che khuất
 Nói rằng không có khiến người đi
 Đòi mạt pháp người ngu như vậy.
 Làm cho giáo pháp Phật sớm diệt
 Tham cầu lợi dưỡng đoạn gốc thiện
 Hạng Bí-sô này nhiều không kể
 Nếu người thanh tịnh có trí tuệ.
 Xa lìa tất cả ở núi sâu
 Mạt pháp Bí-sô không giới đức
 Không ra ở núi sâu yên tịnh
 Thường ở thị thành và thôn xóm.
 Chỉ lo toan phải trái đấu tranh

Làm trái pháp luật của quốc gia
 Trách phạt đuổi xua chịu xấu hổ
 Biển công đức giáo pháp chư Phật.
 Do phá giới nên đều khô cạn
 Ví như biển báu nước lặn trong
 Do bị bùn nhơ làm vẩn đục
 Cũng như hoa sen nở khắp ao.
 Bị trận cuồng phong làm toi tả
 Vào đời mạt pháp người phá giới
 Làm tổn hại pháp Phật cũng vậy
 Nếu có người tịnh tu phạm hạnh.
 Gặp nạn ác này phải xa lánh
 Người ấy mạng đứt, đọa A-tỳ
 Chịu khổ trăm ngàn... vô số kiếp
 Ở địa ngục này chịu tội rồi.
 Sinh vào súc sinh hoặc làm người
 Bần cùng, hạ tiện và cầm điếc
 Mắt chột, lưng còm nhiều bệnh tật
 Tay chân các căn không đầy đủ.
 Ai thấy cũng đều sinh kinh sợ
 Không tín, không hạnh, không căn lành
 Ngày đêm đói lạnh thường sâu khổ
 Lại bị mọi người sinh sân hận.
 Họ dùng ngói đá để đánh ném
 Ba khổ như vậy thường trôi buộc
 Tất cả tội nghiệp phải xa lìa
 Thường nên gần gũi Phật Pháp Tăng.
 Trì giới thanh tịnh hạnh Đầu-đà

*Như vậy lợi danh và quyền thuộc
 Như huyền như hóa như bóng hình
 Pháp hữu vi có trong chốc lát.
 Không lâu chống nhau liền tan hoại
 Chỉ có Bồ-đề Phật vô thượng
 Diệu địa mười lực Ba-la-mật
 Kiên cố tu tập chớ sinh nghi
 Vị lai rất ráo an vui lớn.*

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói kệ rồi, bảo Tôn giả Hộ Quốc:

– Nếu có người đối với thừa Bồ-tát không nương pháp thực hành thì người có lỗi ấy sẽ được người không nương pháp kính mến, người biếng nhác được người biếng nhác kính mến, người vô trí được người vô trí kính mến. Như vậy họ kính mến lẫn nhau, tham đắm lợi dưỡng, ganh ghét quý tộc, biếng nhác cuồng loạn, thù dật hai lưỡi, nịnh hót người khác, dối trá cha mẹ và sư trưởng, hoặc vào thị thành các thôn xóm, không vì tạo lợi ích cho chúng sinh để giáo hóa mà chỉ nói dối ta là đại trí nghe nhiều hiểu rộng để mê hoặc hữu tình, chỉ cầu tài lợi, khinh bỏ pháp thiện nên chẳng được gì. Như đồ đựng bị vỡ nên không thể dùng cất chứa, họ oán ghét mọi người, nghe tin lời tà, suy đoán sai lệch, phải nói là trái, việc trái nói là phải, đối với chánh pháp của Phật tâm không ưa thích, sinh vào nhà bản tiện dòng họ thấp kém, vì thấy chút lợi nên mới đầu Phật để cầu xuất gia và được làm Tăng,

hành phi phạm hạnh, ở trong giáo pháp Phật hoàn toàn không có chút thành tựu, huống chi là trí lớn.

Đức Phật bảo Tôn giả Hộ Quốc:

– Hạng người như vậy không nên nói pháp. Vì việc thiện của hàng trời, người họ còn không thể tiếp nối, thì đối với BỒ-đề làm sao thành tựu được.

Khi ấy, Đức Thế Tôn lại bảo Tôn giả Hộ Quốc:

– Có tám hạng người xa lìa BỒ-đề không được nói pháp thù thắng vì diệu cho họ.

Tôn giả Hộ Quốc bạch Phật:

– Tám hạng đó là những ai? Xin Thế Tôn giảng nói.

Phật bảo:

– Tám hạng người, đó là:

1. Hạng người sinh ở biên địa.
2. Hạng người sinh trong nhà bần cùng.
3. Hạng người sinh trong nhà hạ tiện.
4. Hạng người xấu xí ngu si.
5. Hạng người đủ mọi trói buộc thân tâm sâu lo.
6. Hạng người bỏ người hiền gần gũi bạn ác.
7. Hạng người luôn tật bệnh thân thể yếu đuối.
8. Hạng người bị các khổ bức bách.

Tám hạng người như vậy xa lìa BỒ-đề, không nên nói pháp cho họ.

Lúc ấy, Tôn giả Hộ Quốc lại bạch Phật:

– Không nên nói pháp còn có nghĩa gì chẳng?
Đức Phật bảo Tôn giả Hộ Quốc:

– Nếu có người không quyết định thì ta không nói Bồ-đề, với người hư vọng ta không nói hạnh thanh tịnh, với người biếng nhác ta không nói hạnh Bồ-tát, với người keo kiệt ta không nói hạnh cúng Phật, với người ngã mạn ta không nói Ba-la-mật thanh tịnh, với người vô trí ta không nói pháp đoạn nghi, với người ganh tỵ ta không nói tâm thanh tịnh, với người không có lòng tin ta không nói pháp Tổng trì, với người không có đức ta không nói pháp Thiện Thệ, đối với người tham ái ta không nói thân thanh tịnh, với người không rành luật nghi ta không nói pháp hủy báng Phật là có lỗi, với người nói láo ta không nói lời thanh tịnh, với người ngã mạn ta không nói pháp cung kính, với người không hiểu biết Ta không nói pháp tu học, với người trọng thân mạng ta không nói pháp cầu đạo, những hạng người như vậy không nên nói pháp.

Khi ấy, Tôn giả Hộ Quốc bạch Phật:

– Ý đó thế nào?

Phật bảo Tôn giả Hộ Quốc:

– Vì hữu tình này ngu si mê muội, tâm thức điên đảo, hư vọng phân biệt, không nương giáo pháp, thậm chí pháp của hàng trời, người cũng không nên nói cho kẻ ấy.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói kệ:

Các hữu tình bất định
 Và các chúng sinh khác
 Kiêu mạn tự cao ngạo
 Lại tham đắm lợi dưỡng.
 Thường làm trái luật nghi
 Đắm sâu trong năm dục
 Tăng thêm các phiền não
 Xa lìa Bồ-đề Phật.
 Đối thiện pháp thoái lui
 Biếng nhác không tu tập
 Do dự nhiều tán loạn
 Lời dạy của giới pháp.
 Mà không sinh lòng tin
 Bởi nghèo cùng bực bách
 Mới tìm cách xuất gia
 Dù được làm Bí-sô.
 Cũng khinh bỏ đạo pháp
 Như vất bỏ gánh vàng
 Mà chọn lấy gánh gai
 Tuy muốn vào núi sâu.
 Đến ở nơi vắng lặng
 Ý không thích tu thiền
 Nghĩ tà thêm tán loạn
 Chướng ngại các biện tài.
 Trí tuệ lớn chìm mất
 Rơi vào trong nẻo ác
 Dù có được thân người
 Xấu xí không toàn vẹn.

Tánh biếng nhác ngu si
 Không hành các pháp thiện
 Các căn thường ám độn
 Rơi vào hiểm nạn lớn.
 Trải qua vô số kiếp
 Chìm đắm không giải thoát
 Nếu hành tà có lợi
 Là chứng được quả Phật.
 Điều Đạt không biết rõ
 Đáng lẽ thành Thiện Thệ
 Nếu người tham lợi dưỡng
 Rơi vào trong chúng sinh.
 Như cuồng phong trên không
 Làm rơi các loài chim
 Phước tà khi đã hết
 Nghĩa ấy cũng như vậy.
 Người không tin, phá giới
 Thấy thiện như người mù
 Ví như củi đốt thây
 Không lành người ghét bỏ.
 Tuy đã phát tâm thiện
 Không có trí rộng lớn
 Chê pháp bởi không tin
 Giải thoát chẳng rốt ráo.
 Như vẽ tranh không keo
 Màu sắc tranh không bền
 Ngã mạn tự cao ngạo
 Nghĩa ấy, cũng như vậy.

*Nếu câu Bồ-đề Phật
 Thì không tiếc thân mạng
 Với lời pháp sâu xa
 Dũng mãnh siêng tu học.
 Bỏ thiện hành phi pháp
 Việc làm thêm tội lỗi
 Rơi vào hầm lửa lớn
 Ai nghe pháp như vậy.
 Nương pháp để hành trì
 Đoạn trừ tâm tham ái
 Tu trồng cội công đức
 Thậm chí với một câu.
 Thông suốt hiểu trọn vẹn
 Chứa công đức như vậy
 Thành tựu đạo tối thượng
 Mãi mãi là ngu tối.*

Khi ấy, Đức Thế Tôn nói kệ rồi, bảo Tôn giả Hộ Quốc:

– Ta ở trong đời quá khứ vô lượng vô biên a-tăng-kỳ kiếp không thể kể được hết. Lúc ấy, có Phật ra đời hiệu là Thành Nghĩa Ý Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thế, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn.

Bấy giờ, có vua nước lớn tên là Phát Quang, chủ cõi Diêm-phù-đề, đất đai rộng lớn một vạn sáu ngàn do-tuần, trong đó có hai vạn châu thành. Thành ấp vua Phát Quang ở tên là Bảo Quang.

Thành ấy Đông Tây dài mười hai do-tuần, Nam Bắc rộng bảy do-tuần, có bảy lớp thành bằng bảy báu. Vua ấy khéo thực hành tám chánh đạo, có một ngàn ức dòng họ giàu mạnh, dân chúng nước ấy thọ mười ức tuổi. Vua có thái tử tên là Phước Quang, các căn đầy đủ, dung mạo đoan nghiêm, đẹp đẽ đệ nhất. Khi thái tử sinh, có một ngàn kho báu từ đất nổi lên, trong đó có một kho báu hiện trước điện vua, bên trong đầy bảy báu, cao bằng bảy người, lại khiến cho việc làm của tất cả chúng sinh được như ý, cho đến người bị giam cầm đều được phóng thích. Thái tử ấy sinh được bảy ngày thì thông thạo tất cả kỹ nghệ, công xảo, toán thuật, thậm chí tất cả nghề nghiệp, sự việc thế gian và xuất thế gian, không việc gì là không thông suốt. Vào nửa đêm có Thiên tử Tịnh Quang đến thuyết giảng pháp, bảo với thái tử:

“Phước Quang hãy lắng nghe! Người phải dừng tâm không nên tán loạn, thường phải xa lìa các trần cảnh, ngày đêm tư duy pháp hữu vi, phải quán vô thường. Khi tuổi thọ hết ai là người cứu ta, đối với phi pháp nên sinh sợ hãi”.



KINH HỘ QUỐC TÔN GIẢ SỞ VẤN ĐẠI THỪA

QUYỂN III

Bây giờ, Thiên tử Tịnh Quang nói kệ:

*Thái tử người nên biết
Đừng đắm trước say mê
Ở nơi hiểm nạn này
Siêng năng cầu ra khỏi.
Như lời Đức Phật dạy
Nếu ai lìa say mê
Người ấy đại dũng mãnh
Khéo thực hành luật nghi.
Thanh tịnh không tỳ vết
Thấy các loài chúng sinh
Tâm sinh hạnh từ bi
Không lâu sẽ thành Phật.
Tất cả Phật quá khứ
Hiện tại và vị lai
Đều sinh từ các thiện
Xa lìa tham sân si.
Ăn uống và y phục
Vàng bạc ma-ni báu*

Các thứ đồ trang nghiêm
Bồ thí lợi chúng sinh.
Trải qua nhiều ức kiếp
Một lòng cầu Bồ-đề
Chưa từng sinh mệt mỏi
Hoặc xả bỏ thân phần.
Đầu mắt và tay chân
Đối với người cầu xin
Tâm hết sức vui mừng
Do chứa công đức này.
Mà thành Bồ-đề Phật
Dù ở ngôi quốc vương
Được giàu sang tốt bực
Mỹ nữ và quyền thuộc.
Ngày đêm thường vây quanh
Cung điện và quốc thành
Thảy đều như huyễn hóa
Như đồ gốm chưa nung.
Sóng nắng, bong bóng nước
Thế chúng không bền chắc
Chẳng thật chẳng dài lâu
Pháp vô thường như vậy.
Hư vọng người nên biết
Cha mẹ và vợ con
Ai có thể cứu giúp
Tạo tác nghiệp thiện ác.
Người ấy theo nghiệp dẫn
Như vậy vô số kiếp

Thường chìm biển sinh tử
 Cũng như người không mắt.
 Đắm cảnh mà không thấy
 Luống uổng chịu khổ nhọc
 Cuối cùng đọa nẻo ác
 Đường Bồ-đề tối thượng.
 Hành dũng mãnh tinh tấn
 Cho đến lúc mạng chung
 Không sinh ba đường ác
 Người đời khó gặp Phật.
 Khó được nghe chánh pháp
 Hàng phục oán phiền não
 Gần gũi với bạn lành
 Thường tu tám chánh đạo.
 An trú tâm Bồ-đề
 Bất thoái nơi Phật đạo
 Phương tiện hành như vậy
 Thế gian không người hơn.
 Tất cả Phật quá khứ
 Xa lìa sự mến thương
 Thường ở chốn núi sâu
 Chánh niệm tự tư duy.
 Vững chắc như kim cương
 Chí cầu đạo vô thượng.

Lúc này, Đức Thế Tôn bảo Tôn giả Hộ Quốc:

– Thiên tử Tịnh Quang nói kệ rồi, thái tử Phược Quang kia năm lên mười tuổi, trí tuệ thông đạt, không hý luận, không tham đắm vườn rừng, hoa

cỏ, suối chảy, ao tắm, ca múa, kỹ nhạc thế gian, cho đến quốc thành, cung điện, voi ngựa, xe cộ, vàng bạc, của báu... tất cả việc ham muốn thấy đều xa lìa, nhất tâm tư duy: “Thân ta hư huyễn, bốn đại giả hợp, không có bền chắc, đại địa chư Thiên đều chẳng chân thật, chúng sinh phàm phu thường hành phi pháp, ngu si, mê muội, phân biệt thân sơ, đam mê dục lạc không biết nhàm chán, mãi ở luân hồi không giải thoát, ta lại thọ sinh giữa hạng người ngu mê như vậy”. Nghĩ như thế rồi, thái tử khởi chí buộc tâm chuyên cầu giải thoát.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn lại bảo Tôn giả Hộ Quốc:

– Vua Phát Quang ấy chọn vùng đất có địa thế tốt đẹp hạng nhất, xây dựng một thành tên là Ái Lạc cho thái tử. Thành ấy bảy lớp, bên trong có bảy trăm đường giao thông, dùng chuông linh toàn bằng bảy báu, lưới báu chân châu giăng khắp bên trên. Lại có sáu mươi loại lọng báu tuyệt đẹp và tám vạn cờ phướn quý báu, tuần tự bố trí thẳng tắp ở các nẻo đường, mỗi mỗi cờ phướn báu có sáu vạn dây báu, mỗi một dây báu có mười bốn ức nhạc cụ, nhạc cụ như thế gió nhẹ lay động phát ra âm thanh vi diệu như trăm ngàn nhạc trời.

Ở ngã tư của các nẻo đường trong thành này đều có năm trăm đồng nữ thân tướng đoan trang, dung mạo tươi vui, tất cả đều có tài năng về âm nhạc, ca múa, xướng hát.

Khi ấy, vua Phát Quang ra lệnh cho các đồng nữ ngày đêm tấu nhạc không gián đoạn. Tất cả dân chúng khắp bốn phương đều đến và vào thành này, họ nghe âm nhạc ấy và thấy sự vui nhộn nên vội vã đến xem, làm cho thái tử sinh tâm mê đắm. Vua lại bảo: “Có chúng sinh nào cầu ăn uống thì cho ăn uống, cầu y phục thì cho y phục, cầu vòng hoa, hương xoa thì cho vòng hoa, hương xoa, cầu giường nằm, ngọc cụ thì cho giường nằm ngọc cụ, thậm chí đem vàng bạc, ma-ni, xa cừ, mã não, san hô, chân châu, phệ lưu ly, các của báu ấy chôn cất khắp nơi. Lại đem voi, ngựa, xe cộ, dùng các vật báu để trang nghiêm rồi ban cho tất cả chúng sinh tùy ý sử dụng”.

Khi đó, vua Phát Quang kiến tạo một cung điện rộng một do-tuần ở trong thành này cho thái tử, cất lầu có bốn cửa lớn, cửa sổ và lan can đều dùng bảy báu để trang nghiêm. Bên trong cung này lập một đại điện dùng trăm ngàn châu báu trang trí xung quanh, ở giữa điện đặt bốn ức loại giường và ngọc cụ báu. Ở trong thành lại bố trí một khu vườn lớn, số lượng hoa quả cây trái rất nhiều, sum suê, nở rộ ở đời hiếm thấy. Ở giữa khu vườn trồng nhiều cây báu ánh sáng rực rỡ ai cũng ưa thích. Trong vườn còn có ao bằng bảy báu, bốn mặt ao có bốn con đường được làm bằng bốn thứ báu đó là vàng, bạc, phệ lưu ly và pha lê. Ở quanh ao đặt một trăm lẻ tám miệng con sư tử hút nước vào và một trăm lẻ

tám miệng con sư tử khác phun nước ra. Trong ao lại có các loại hoa sen hồng, hoa sen xanh, hoa sen vàng, hoa sen trắng, cùng với những loại hoa thơm khác luôn luôn nở rộ xung quanh hồ. Còn có tám trăm cây báu, trên mỗi cây báu đều có treo dây báu, trên mỗi cây báu đều treo dây lụa báu trắng, trên mỗi dây báu có hàng ức nhạc cụ, gió thổi lay động phát ra âm thanh vi diệu, khiến chúng sinh nghe được đều ưa thích; trên cây báu còn treo tám trăm ngàn châu báu và cờ phướn đẹp. Lại ở trên ao giăng lưới báu lớn để che thân thái tử khỏi bị dính bụi.

Bấy giờ, vua Phát Quang lại ra lệnh dùng bảy báu làm bốn ức tòa báu đặt trong cung điện, mỗi tòa báu đều dùng năm trăm y tốt đẹp hạng nhất trải lên trên. Ở chính giữa đặt một tòa lớn, cao bảy thước, đem tám mươi ức y báu hạng tốt nhất trải lên trên, đó là tòa ngai của thái tử Phước Quang. Phía trước các tòa đều đặt lư hương làm bằng vàng, xung quanh lư hương treo chuông linh và hoa sen bằng vàng, bốn mặt trang trí bằng lưới báu ma-ni ánh sáng rực rỡ, ngày đêm ba thời luôn đốt trầm hương và rải hoa đẹp. Ở trong vườn lại có chín mươi chín trăm ngàn ma-ni báu, mỗi một ma-ni báu rộng một do-tuần có vùng ánh sáng lớn chiếu soi tất cả thế giới.

Khi ấy, Đức Thế Tôn lại bảo Tôn giả Hộ Quốc:

– Trong vườn của thái tử Phước Quang có các loài chim như: Anh vũ, bồ câu, uyên ương, ngỗng,

vịt, khổng tước, Xá-lợi, Câu-chỉ-la, Câu-noa-la, Ca-lăng-tân-già, mạng mạng. Các loài chim như vậy đều nói được tiếng người, mỗi khi chúng bay, phát ra âm thanh vi diệu y như các tiếng nhạc không khác, cũng như vườn Hoan Hỷ của Thiên Đế thích, làm cho chư Thiên cảm nhận sự an lạc vi diệu.

Vua Phát Quang lại sửa soạn thức ăn ngon nhất cho thái tử, mỗi ngày cung cấp năm trăm ngàn xe, còn ra lệnh cho các thành ấp, xóm làng tuyển chọn đồng nữ từ mười sáu đến hai mươi tuổi, tướng mạo đoan chánh, các căn đầy đủ, không cao không thấp, không mập không ốm, không đen không trắng, thân tỏa ra hương bạch đàn, miệng thoảng mùi thơm hoa Ưu-bát-la, nói năng nhỏ nhẹ, tánh tình thuần chất, ngay thẳng, không ghen ghét, khéo hiểu biết rộng về ca múa, hài hước, cho đến tất cả việc thế gian như: công xảo kỹ nghệ không việc gì họ không hiểu rõ. Lúc ấy có đến tám mươi ức đồng nữ như vậy vào vương thành.

Bấy giờ, vua Phát Quang đem tám mươi ức đồng nữ này ban cho thái tử, lại ban cho một ức đồng nữ trong cung của mình, các thân quyến của vua cũng đem một ức đồng nữ dâng lên thái tử, tể tướng và trọng thần cũng đem một ức đồng nữ dâng lên thái tử, dân chúng trong kinh thành cũng đem một ức đồng nữ dâng lên thái tử. Như vậy có đến tám mươi bốn ức đồng nữ theo hầu hạ phụng

sự và ca múa, diễn trò hài hước cho thái tử vui.

Phật bảo Tôn giả Hộ Quốc:

– Khi ấy, thái tử Phước Quang thấy các hiện tượng nào là: quốc thành, cung điện, lầu gác, vườn rừng, ao rạch, voi, ngựa, châu báu, và các đồng nữ ca múa xướng hát, đủ các việc làm vui như vậy, nhưng đều không tham đắm, mà tự tư duy: “Các người nữ này đối với thân ta là bạn đại ác, làm tăng trưởng phiền não và đoạn thiện căn của ta, làm ta thường ở luân hồi không được tự tại, ví như kẻ bị giam cầm không thể ra khỏi”.

Bấy giờ, thái tử thấy được tội lỗi này, nên trong mười năm đối với các cảnh giới năm trần là sắc, thanh, hương, vị, xúc không tham đắm, nhất tâm tư duy: “Làm sao xa lìa các bạn ác để tu hành, được giải thoát?”. Các đồng nữ kia liền đến cung vua tâu với vua cha:

“Thái tử Phước Quang đối với sự vui đùa ca múa của các nữ đều chẳng màng đến, chỉ ngồi tư duy, xa lìa thanh sắc”.

Khi ấy, vua Phát Quang nghe việc này rồi, tâm hết sức kinh ngạc, cho là việc chưa từng có, liền thống lãnh tám vạn tiểu vương và quần thần đến cung điện thái tử, thấy thái tử một mình ở trong cung điện nét mặt tĩnh lặng, vua buồn rơi lệ, tâm rất đau khổ, té ngã xuống đất mê man hồi lâu mới tỉnh, liền đứng dậy nói kệ:

Con là báu tối thượng
Tại sao không nhìn cha
Buồn rầu tâm hoảng loạn
Sao bỏ việc đáng yêu.
Sự giàu sang vui vẻ
Thành này đẹp trang nghiêm
Trang hoàng bằng các báu
Cung điện, lầu gác đẹp.
Vườn rùng và ao tắm
Voi ngựa bảy món báu
Y phục và ăn uống
Như vậy số vô lượng.
Dùng cung cấp cho con
Lại có các đồng nữ
Nhan sắc thật tuyệt đẹp
Đoan chánh và trang nghiêm.
Như tướng của thiên nữ
Tâm tánh hiền thuận hậu
Biết rành các kỹ nghệ
Ca múa và âm nhạc.
Thế gian không người sánh
Để làm con vui thích
Khiến con được hạnh phúc
Tại sao con không ưa.
Mà lại bỏ cảnh ấy
Một mình ở thâm cung
Dung mạo rất trầm tĩnh
Làm cho các đồng nữ.

Tất cả đều ưu sầu
Như hoa sen héo úa
Đều đến thừa với ta
Thái tử, con nên biết.
Các đồng nữ như vậy
Đoan chánh tuổi thanh xuân
Miệng thoảng hương Ưu-bát
Thân tỏa hương chiên-đàn.
Mắt xanh như sen biếc
Thông hiểu tâm ý người
Trong suốt ngày và đêm
Gần gũi làm trò vui.
Hôm nay, ngay bây giờ
Con lià bỏ tất cả
Trong lòng con nghĩ gì?
Hãy nói cho cha biết!
Lại trong vườn còn có
An trí báu ma-ni
Chín mươi chín trăm ngàn
Đều rộng một do-tuần.
Chiếu ánh sáng rực rỡ
Cây báu treo phướn báu
Số lượng đến tám vạn
Hoa quả đều sum suê.
Có đủ các loài chim
Khổng tước và ngỗng vịt
Chim Ca-lăng-tân-già
Đều hát tiếng vi diệu.

Khoảng giữa các hàng cây
Đều rủ xuống dây bấu
Ở trong mỗi dây bấu
Đều có nhạc khí đẹp.
Gió thổi làm lay động
Phát ra tiếng rất hay
Tiếng hay như nhạc trời
Sao con chẳng ưa thích.
Còn các cung điện này
Dùng các bấu làm thành
Vàng bạc châu ma-ni
Xa cừ cùng mã nã.
Ma-ni và trân châu
Trang nghiêm rất đẹp đẽ
Trong cung điện bấu này
An trí lư hương vàng.
Lưới châu rủ bốn mặt
Hàng ức vải mịn đẹp
Dùng trang nghiêm ở trên
Ngày đêm trong ba thời.
Luôn xông hương chiên-đàn
Như cung điện Đế thích
Không khác nhà Thiện Pháp
Nay con chẳng ưa thích.
Trái với ý cha mẹ
Không có tâm hiếu kính
Làm cha thêm khổ nã
Mau nói cho cha biết.

Nói rồi rơi nước mắt
Thái tử nghe cha hỏi
Đánh lễ thừa vua cha:
– Cảnh năm dục thế gian.
Làm chúng sinh đọa lạc
Trói buộc các hữu tình
Thêm lớn các tội lỗi
Mãi ở trong luân hồi.
Không có ngày ra khỏi
Nay con cầu giải thoát
Phát tâm đại Bồ-đề
Xa lìa các trần nhiễm.
Tất cả thân người nữ
Xấu xa gốc bất tịnh
Con quán như oan gia
Tham sân theo bức ép.
Trôi nổi trong tử sinh
Trôi dắt các chúng sinh
Thường ở đường hiểm lớn
Tướng đẹp người nữ này.
Lớp da bọc bất tịnh
Máu thịt cùng xương tủy
Ruột dạ dày tiểu tiện
Nước mắt, mũi, nước miếng.
Thân dơ nhớp như vậy
Làm sao ưa thích được
Ví như cây thuốc độc
Nở hoa nhiều người mến.

Hái hoa độc chạm thân
Đâu biết tự hại mình
Nước thành và cung điện
Âm nhạc và ca múa.
Rốt cuộc không chân thật
Như mộng như huyền hóa
Như cây cối mùa xuân
Sum suê khoe hương sắc.
Khi trời chuyển sang đông
Lá rụng trơ thân gầy
Mỹ nhân và giàu sang
Không lâu cũng như vậy.
Ngu si tâm cuồng loạn
Đắm chìm biển tham dục
Đấu tranh sinh ganh ghét
Chém giết hại lẫn nhau.
Phụ vương và quyến thuộc
Vợ con và nam nữ
Ở trong nẻo ác ấy
Ai có thể cứu giúp.
Bồ-tát bậc đại trí
Thân tâm thường tịch tĩnh
Quán họ như cỏ cây
Không động như Tu-di.
Thường ưa chốn núi sâu
Một lòng cầu chánh đạo
Kiếp phù du chóng hết
Như nước độc chảy xiết.

Mạng người như mây nổi
Phút chốc liền tan hoại
Rơi vào trong ba cõi
Mê đắm trong sinh tử.
Con không bị đắm say
Xa lìa những hư vọng
Sắc thanh năm dục trần
Chẳng phải cảnh Bồ-tát.
Phước hết vô phước sinh
Nghệp hết lại sinh nghiệp
Như chim nhốt trong lồng
Mãi không được tự tại.
Sáu trần như rắn độc
Gây tổn hại chúng sinh
Bốn đại không chắc thật
Giống như xóm làng vắng.
Nay phụ vương nên biết
Sớm bỏ cảnh hư vọng
Quay về chân giải thoát
Thường dùng thuyền diệu pháp.
Để độ thoát ba cõi
Giúp người mê tỉnh ngộ
Mở trói kẻ buộc ràng
Khổ nạn làm cho an.
Cứu người mù sáng mắt
Cho châu báu người nghèo
Đều khiến lìa khổ não
Lại vì chúng hữu tình.

Làm cạn sông tham ái
 Chiếu sáng đường tối tăm
 Rộng bủa mây sấm chớp
 Tuông mưa nước cam lồ.
 Trừ nóng được mát mẻ
 Thành tựu trí tối thượng
 Nay phụ vương nên biết!
 Người nào sẵn tâm từ.
 Mà muốn làm oan gia?
 Người nào đủ trí tuệ
 Sợ gặp Phật Pháp Tăng?
 Người nào có mắt sáng.
 Mà đi vào đường hiểm?
 Người nào được Bồ-đề
 Mà dục làm tán loạn?
 Người có trí như thế.
 Quyết không hành tà đạo
 Thà lên đỉnh Tu-di
 Gieo thân vào biển lớn
 Đối với năm dục trần.
 Quyết không sinh nhiễm trước
 Các thể nữ hiện có
 Cùng với các quyến thuộc
 Xin cha dẫn về gấp.
 Chớ ở lâu nơi đây
 Tại gia nhiều tội lỗi
 Chướng ngại Bồ-đề Phật
 Con xả bỏ quốc thành.

*Và tất cả quyền thuộc
Đi vào chốn núi sâu
Tu tập hạnh thanh tịnh
Chỉ cầu đạo vô thượng.*

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Tôn giả Hộ Quốc:

– Thái tử Phước Quang ở cung điện báu được các đồng nữ vây quanh hầu hạ. Thái tử quan sát điều ấy nên hết mức nhàm chán. Trong ba oai nghi: đi, đứng và ngồi, thái tử chỉ mong đoạn trừ tất cả phiền não. Vào ngày mùng tám tháng giêng, thái tử ngồi kiết già trên đất, chánh ý tư duy lìa các trần nhiễm. Quán sát như vậy rồi, vào lúc giữa đêm, bỗng nghe trên không Thiên tử Tịnh Quang khen ngợi pháp Phật và chúng Bí-sô. Vừa nghe xong, thái tử rờn tóc gáy, buồn vui lẫn lộn, chấp tay hướng lên không dùng kệ hỏi:

*Chư Thiên trên không rất thương xót
Phát ra lời khen, khen ngợi ai
Con muốn quy y cầu xuất ly
Mong muốn được nghe xin giảng nói.*

Khi ấy, Thiên tử Tịnh Quang ở trên không trung nghe hỏi như vậy, nên vì thái tử mà nói lên sự khen ngợi bằng bài kệ:

*Nay tôi khen ngợi đại Sa-môn
Phật kia tên là Thành Nghĩa Ý
Thường đem mười thiện dạy quần sinh
Cứu giúp các khổ người cô độc.*

*Phương tiện trí tuệ là hơn hết
 Công đức thần lực không người sánh
 Thường có mười ngàn na-do-tha
 Các chúng Bí-sô thường cung kính.
 Thái tử lại hỏi trời Tịnh Quang
 Công đức tướng hảo như thế nào?
 Phật kia hành hạnh Bồ-đề gì?
 Xin giảng nói lại, con muốn nghe.*

Bấy giờ, Thiên tử Tịnh Quang lại vì thái tử nói về công đức và tướng hảo của Phật bằng bài kệ:

*Đỉnh Phật như Tu-di
 Xuất chúng cao vòi vọi
 Búi tóc màu xanh biếc
 Xoay bên phải ngay ngắn.
 Lông trắng giữa chạng mảy
 Sáng như ngàn mặt trời
 Mắt xanh biếc trong sạch
 Tựa như lá sen xanh.
 Cằm ngực như sư tử
 Môi đỏ hơn Tần bà
 Răng khít không khuyết hồng
 Trắng như ngọc kha tuyết.
 Rốn tròn rộng xoay phải
 Sạch như pha lê báu
 Lưỡi đỏ tựa sen hồng
 Rộng dài mà mỏng sạch.
 Trái ra che khắp mặt
 Tướng này rất vi diệu*

Phạm âm rất trong trẻo
Hay tuyệt vượt thế gian.
Tất cả trời và người
Nghe đều sinh hoan hỷ
Trăm ngàn thứ âm nhạc
Chẳng bằng âm thanh Phật.
Công đức lớn vô biên
Đoạn Hoặc cho chúng sinh
Khiến hành hạnh Bồ-đề
Lại nữa các loài chim.
Tên là Khẩn-na-la
Uyên ương, Câu-chỉ-la
Phược-ly, Hi-noa-nga
Cụ-sa, Câu-noa-la.
Chim Ca-lăng-tần-già
Đều có sắc tướng đẹp
Tướng Phật đẹp cũng vậy
Phật dùng một lời nói.
Tùy căn tánh đều hiểu
Gần xa nghe như nhau
Pháp Như Lai tự tại
Cổ dài da mịn đẹp.
Cân đối với thân mình
Bắp, khuỷu tay sưng tròn
Đuôi tay dài quá gối
Đoan nghiêm đẹp như vậy.
Bảy chỗ đều đầy đặn
Cánh tay như mũi voi

Bắp chân hơn nai chúa
 Tướng âm tàng ẩn kín.
 Giống như cửa long mã
 Long xanh biếc xoay phải
 Không sợ như sư tử
 Đỉnh Phật như thiên cái. (lọng báu cõi
 trời)
 Trang nghiêm thân sắc vàng
 Bước đi như trâu chúa
 Chân hiện Thiên bực luân
 Tướng Sa-tát-đế-ca.
 Đẹp toàn diện như vậy
 Thế gian rất hiếm thấy
 Ông nay nếu gần gũi
 Có đức cùng không đức.
 Có phước cùng không phước
 Tất cả tự ông biết
 Có ai xưng danh Phật
 Khen chê đều không chấp.
 Như hoa sen trong nước
 Không nhiễm chút bùn nhơ
 Phật đạo sư của ta
 Thế gian không ai bằng.



KINH HỘ QUỐC TÔN GIẢ SỞ VẤN ĐẠI THỪA

QUYỀN IV

Đức Phật bảo Tôn giả Hộ Quốc:

– Bảy giờ, thái tử Phước Quang nghe Thiên tử Tịnh Quang ở trên không khen ngợi Phật, Pháp, Tăng có vô lượng công đức, tướng hảo trang nghiêm, tâm rất hoan hỷ, chánh ý buộc tâm, ngồi thẳng tư duy: Đức Phật Thế Tôn ấy đầy đủ công đức, chánh pháp vi diệu đã thuyết chân thật không sai lầm, đệ tử Thanh văn phạm hạnh thanh tịnh. Lại tư duy về nỗi thống khổ lớn trong luân hồi, tất cả chúng sinh bị ngu si che phủ không hay biết, thường đem thân kiến khởi các hoặc nhiễm, thêm lớn tội sinh tử xoay vần liên nhau không dứt, những người có trí cần phải xa lìa. Lại tư duy: Ngu si mê tối phát sinh ba loại suy nghĩ về thân, hành động và lời nói, tạo ra nghiệp thiện ác, huân tập vào thức thành hạt giống. Như vậy danh sắc, sáu nhập, xúc, thọ, khổ báo nối nhau, ái thủ buộc ràng làm tăng trưởng hữu. Cứ thế kết chặt sinh lão tử, mấy ai thoát khỏi. Ta quán sinh tử thấy vui ít khổ

nhiều, bức bách thân tâm là tai nạn đáng nhàm chán, nên sớm gần gũi pháp vi diệu của Phật Như Lai, đoạn các phiền não cầu thoát khỏi luân hồi. Nếu gần bạn ác đam mê dục lạc thì quả báo nơi hàng trời người còn không thể được nói gì đến quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Khi ấy, thái tử Phước Quang suy nghĩ thế rồi nên đối với cung điện vô cùng nhàm chán: “Nay ta ở đây chẳng bao giờ được giải thoát, nên sớm từ giã, tìm chỗ yên tịnh, tu tập phạm hạnh”.

Sau khi phát chí hướng như thế, thái tử rời khỏi cung điện, sắp ra khỏi cửa lại nghĩ: “Thân quyền sẽ giữ ta lại”. Do vậy thái tử trở lui đứng ở phía Đông cung điện, hướng về Phật bạch: “Như Lai Thành Nghĩa Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác đầy đủ Nhất thiết trí, sức oai thần rộng lớn, xin Phật từ bi cứu giúp con, con ở nơi này phóng thân ra ngoài muốn được giải thoát”. Nói như vậy rồi, thái tử liền phóng thân ra ngoài. Phật dùng thần túc duỗi cánh tay phải, phóng ra ánh sáng lớn chiếu đến thân thái tử. Ánh sáng ấy hóa ra hoa sen một ngàn cánh nâng chân thái tử, từ hoa sen này phóng ra một trăm ngàn tia sáng vi diệu, chiếu vào thái tử làm cho tâm thái tử vui thích. Trải qua khoảnh khắc, thái tử liền đến trước Phật, Phật thấu ánh sáng lại, hoa liền biến mất.

Bấy giờ, như hòn núi vừa hạ xuống, thái tử liền đến trước Phật, chắp tay cung kính, đi nhiễu quanh

Đức Thế Tôn, chí tâm xưng niệm: “Nam-mô Thành Nghĩa Ý Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, chánh pháp vi diệu và chúng Bì-sô thanh tịnh. Con xin quy y tất cả”. Nói rồi, năm vóc gieo xuống đất lễ Phật một ngàn lạy, rồi dùng kệ khen ngợi Phật:

*Kính lạy đại y vương vô thượng
 Nạn lớn thân con lâu chưa trừ
 Xin Phật thương xót cứu độ cho
 Ban ít thuốc pháp hay của Phật.
 Ngày đêm mình con ngồi suy nghĩ
 Một lòng mong lìa cảnh năm dục
 Trên không chư Thiên có lời khuyên
 Dẫn dắt đến Phật để quy y.
 Phật là đại đạo sư xuất thế
 Do đâu chúng sinh gây tội lỗi
 Ở trong nạn lớn xin cứu giúp
 Khiến kẻ mê tối mở mắt tuệ.
 Con nay tuy phát tâm tin Phật
 Nhưng thiếu công đức báu Như Lai
 Mong khỏi trói buộc cầu giải thoát
 Xin Phật từ bi thấu nhận cho.
 Trong nhà tăm tối đốt đèn tuệ
 Phá vô minh nghi hoặc của con
 Tuyên dương pháp vi diệu thanh tịnh
 Như đạo Bồ-đề Phật đã hành.
 Lạy đại y vương không ai bằng
 Thỏa mãn nguyện con trừ các bệnh
 Tất cả vọng tưởng đều tiêu trừ*

*Xa lìa nẻo ác đến bờ kia.
 Vĩnh viễn ra khỏi biển phiền não
 Hành tám chánh đạo của Như Lai
 Như vậy chân thật nói cho con
 Theo lời Phật dạy con thực hành.
 Chí cầu đại Bồ-đề vô thượng
 Tu tập hạnh Bồ-tát chân thật
 Thành tựu phước đức vô cùng tận
 Vì thọ mạng pháp bỏ thọ đời.
 Tất cả buộc ràng từ bỏ hẳn
 Rốt ráo viên mãn đạo Bồ-đề.*

Phật bảo Tôn giả Hộ Quốc:

– Lúc ấy Đức Như Lai Thành Nghĩa Ý thấy thái tử tín tâm thanh tịnh, thiện căn thuần thực, nên nói pháp hạnh Bồ-tát cho thái tử. Sau khi nghe pháp, thái tử Phước Quang đắc môn Tổng trì, chứng diệu giải thoát, thành tựu năm thông, thân vọt lên không trung, rải hoa cúng dường Phật. Cúng dường xong, từ trên không hạ xuống, thái tử chấp tay hướng về Phật, rồi dùng kệ tán thán:

*Lạy Phật của con thân sắc vàng
 Tướng tốt tối thượng mặt như trăng
 Công đức, trí tuệ không ai bằng
 Lìa hẳn ba cõi thường thanh tịnh.
 Búi tóc Mâu-ni màu xanh biếc
 Cao vời thanh tịnh như Tu-di
 Con thấy vô lượng vô biên Phật
 Long trắng chặng mây phóng hào*

quang.

Như hoa Quân-na, như trăng sáng
Hơn ngọc kha tuyết và xa cừ

Hào quang lớn trong sáng như vậy
Diệt trừ tội lỗi của chúng sinh.

Mắt tịnh sáng ngời tựa sen xanh
Nét mặt hiền hòa nhìn chúng con
Quán oán thân bình đẳng như nhau
Hữu tình, vô tình đều lợi ích.

Lưỡn như đồng đỏ dài và rộng
Che khắp mặt hoặc khắp đại thiên
Tùy cơ giảng nói Đại, Tiểu thừa
Cứu khắp các khổ của thế gian.

Nay con đánh lễ răng Như Lai
Bốn mươi chiếc khít trắng như ngọc
Bốn răng bén cũng như kim cương
Đỉnh phóng hào quang cứu quần sinh.

Nay con lay lờ thật của Phật
Lìa các lời hư dối, thêu dệt

Văn sâu xa thông đạt tánh tướng
Phá tội trừ mê trăm ngàn cõi.

Phạm vương Đế thích chủ Hộ đời
Thiên long bát bộ và ba đường

Nhờ hào quang ấy trừ khổ não
Đều khỏi luân hồi biển tử sinh.

Bắt chân của Phật như nai chúa
Bước đi an ổn như trâu chúa

Khi hạ chân xuống chạm mặt đất

Núi sông đại địa đều chấn động.
 Thân tướng của Phật đẹp đoan nghiêm
 Làn da mịn màng màu vàng ròng
 Tất cả thế gian không ai bằng
 Chúng sinh nhìn thấy không muốn rời.
 Phật ở quá khứ trăm ngàn kiếp
 Xả bỏ tất cả vì lợi sinh
 Luôn khiến lìa khổ khỏi ưu phiền
 Con nay kính lạy đại từ phụ.
 Phật đem tài pháp cho tất cả
 Tu trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn
 Thiên định, trí tuệ đều trọn đủ
 Nay con lạy Phật trí cao vòi.
 Phật không sợ như sư tử chúa
 Phá tan vô biên ma phiền não
 Giải trị các bệnh đều được lành
 Con nay lạy bậc diệt ba độc.
 Nghiệp thân khẩu ý không nhiễm trần
 Không đắm ba cõi, sen khỏi nước
 Phạm âm vi diệu như Phạm thiên
 Tiếng chim Tần-già chẳng sánh bằng.
 Nay con lạy Phật vượt ba cõi
 Thường quán thế gian như huyễn hóa
 Như mộng như điện chẳng bền lâu
 Không nhân, không ngã, không chúng
 sinh.
 Pháp vốn rộng lặng không sinh khởi
 Không hay không biết tùy duyên chuyển

Lòng từ rộng lớn vì chúng sinh
 Tùy cơ phương tiện nói diệu pháp.
 Đại thánh y vương chỗ người nương
 Thường trị bệnh già chết sầu bi
 Như vậy lợi ích khắp chúng sinh
 Đều khiến khéo qua đường trời người.
 Chúa Mâu-ni từ bi như vậy
 Thương chúng sinh luân hồi sáu nẻo
 Như thấy tuần hoàn không thời hạn
 Dẫn người ngu tối vào đường chánh.
 Nương pháp như vậy chứng Bồ-đề
 Đủ pháp tự tại lợi thế gian
 Như tám chánh đạo Thế Tôn dạy
 Người nghe vui thích sinh kính mến.
 Tiếng Phật vi diệu hơn Phạm thiên
 Hi-đạt-ly-phước, Khẩn-na-la
 Âm thanh vi diệu của thiên nữ
 Chẳng bằng tiếng Phật nhiều phương
 tiện.
 Âm thanh thanh tịnh công đức lớn
 Tùy loại chúng sinh đều nghe được
 Như vậy làm xe đến Bồ-đề
 Tất cả lìa phàm được giải thoát.
 Mọi thứ tốt đẹp cúng dường Phật
 Đều được phước trời người hạng nhất
 Làm vua chúa hoặc làm đại thần
 Thường được giàu sang và an vui.
 Làm Kim Luân vương chủ bốn châu

Đây đủ ngàn con và bảy báu
 Thường hành thập thiện lợi thế gian
 Tất cả chúng sinh đều quy thuận.
 Hoặc làm Hộ Thế, trời Đao-lợi
 Hoặc ở Dạ-ma, Đố-sử-đà
 Cho đến Tha Hóa cùng Phạm Thiên
 Đều nhờ cúng dường Phật mà được.
 Như vậy thấy Phật và nghe pháp
 Đều có thể lìa các khổ não
 Khiến họ không rơi vào nẻo ác
 An lạc tịch tĩnh không nhiễm trần.
 Phật thường an trụ các thế gian
 Người cầu phước đều khiến được phước
 Được phước như vậy nối tiếp nhau
 Nhiều trăm ngàn kiếp không cùng tận.
 Cõi trang nghiêm vi diệu tối thượng
 Chúng sinh sinh vào không trần cấu
 Thân chiếu ánh sáng hơn người trời
 Nghiệp thân miệng ý đều thanh tịnh.
 Thành tựu các thứ tướng công đức
 Danh tiếng đồn khắp các thế gian
 Trên trời cõi người đều kính mến
 Người ấy do cúng Phật mà được.
 Phật của con lìa khổ từ lâu
 Cõi Phật mười phương đều khen ngợi
 Tất cả đồ chúng đều quy y
 Không ai không mến tướng từ bi.
 Con lay bậc loài người tôn kính

*Tịch nhiên bất động tướng vô vi
 Khiến con chứng đắc năm thân thông
 Đứng ở trên không khen ngợi Phật.
 Lay Phật Thế Tôn không khiếp sợ
 Trong sạch thanh tịnh xuất thế gian
 Khen ngợi Phật được bao công đức
 Hồi hướng trời người thành chánh giác.*

Phật bảo Tôn giả Hộ Quốc:

– Khi ấy, vào nửa đêm vua Phát Quang nghe tiếng khóc lớn từ trong cung của thái tử Phước Quang, kinh ngạc bàng hoàng không biết việc lành hay dữ, liền dẫn các quần thần và quyền thuộc đi đến cung của thái tử, hỏi các cung nhân: “Tại sao nửa đêm các người lại khóc?”

Khi đó, các cung nhân liền tâu với vua: “Thái tử Phước Quang bỗng nhiên rời cung không biết ở đâu. Vì lo sợ đau buồn nên mới khóc như vậy”.

Lúc ấy, vừa nghe xong như bước hụt chân (nhằm chỗ nguy hiểm), vua Phát Quang đột nhiên ngã lăn ra đất, hồi lâu mới tỉnh. Khi đứng dậy tâm ông rất sầu não, khóc than thảm thiết, quyết định đi tìm khắp nơi trong ngoài thành. Bấy giờ, vị Hiền Thánh giữ thành Ái Lạc bảo với vua: “Thái tử Phước Quang đã đi về hướng Đông đánh lễ, cúng dường Phật Thành Nghĩa Ý”.

Sau khi nghe như thế, vua Phát Quang liền dẫn tám mươi bốn trăm ngàn cung nhân thế nữ, trăm

ngàn triệu người hầu và quyền thuộc vây quanh đi đến phương Đông chỗ Như Lai Thành Nghĩa Ý. Đến nơi rồi tất cả đều dùng năm vóc gieo xuống đất đánh lễ sát chân Thế Tôn, đứng qua một bên chấp tay hướng về Phật, dùng kệ khen ngợi:

*Cúi đầu quy y biển công đức
Đáng diệu trạm, Tổng trì Vô đẳng
Trời rộng tám bộ đều hướng về
Tất cả nhìn Phật không biết chán.
Ba mươi hai tướng đẹp đoan nghiêm
Bảy báu nghiêm thân đời hiếm thấy
Uy nghi vòi vọi như núi vàng
Vượt ngoài thế gian con quy mạng.
Quá khứ trăm ngàn kiếp khó nghĩ
Tu hành cúng dường trăm ngàn Phật
Trông cội đức sâu rộng vô biên
Thành tựu thân Phật tướng tuyệt đẹp.
Hành bố thí, trì giới, nhẫn nhục
Tinh tấn, định, thiện phương tiện khéo
Từng tu như vậy được thắng hạnh
Thân tướng tròn sáng chiếu rọi rõ.
Nhật nguyệt, điện chớp, báu ma-ni
Ánh sáng Phạm vương và Đế Thích
So sánh với hào quang của Phật
Cùng lúc ẩn mất đều không hiện.
Thân Phật như trăng hiện trong nước
Tùy cơ biến hóa cũng như vậy
Gá mộng vào thai người và voi*

Bỏ địa vị vua trời Đổ-sử.
 Thân Phật không tướng như hư không
 Thị hiện thế gian cứu quần sinh
 Mới sinh, bảy bước, Để thích hầu
 Là bậc tối thượng trong trời người.
 Phật không pháp gì mà không hiểu
 Không có thầy, học sách tự biết
 Thành tựu tịch tĩnh Tam-ma-địa
 Cứu khổ chúng sinh khiến giải thoát.
 Xa lìa cha mẹ và thân quyến
 Ra khỏi vương thành vào núi sâu
 Trăm ngàn Thiên chúng vây quanh Phật
 Hàng phục bốn ma thành Chánh giác.
 Quán thế gian kia không rốt ráo
 Chúng sinh chìm đắm trong luân hồi
 Vì thương xót họ chuyển pháp luân
 Khiến lìa vô thường khỏi nạn khổ.
 Phật chứng pháp tịch diệt thanh tịnh
 Thành tựu phước trí và phương tiện
 Bậc Mâu-ni hiện thân ánh sáng
 Như vậy tướng Phật đều trọn đủ.
 Con lạy Mâu-ni trí vô biên
 Con lạy cùng tận pháp, pháp giới
 Tuy biết huyền hóa không đến đi
 Xót thương cứu khắp các hàm thức.
 Lành thay! Phật nói đạo Bồ-đề
 Để dân chúng sinh được giác ngộ
 Con mong cầu chánh pháp như vậy

*Chánh pháp cứu khổ cho thế gian.
Đức Phật thường ở trong ba cõi
Điều trị tất cả bệnh phiền não
Vì thế con khen công đức Phật
Hương đến giác ngộ và chúng sinh.*

Bây giờ, Phật bảo Tôn giả Hộ Quốc:

– Thấy vua Phát Quang quy y, khen ngợi, tín tâm kiên cố, mong cầu giải thoát, Như Lai Thành Nghĩa Ý liền tùy theo ý vua mà thuyết pháp. Khi ấy, nghe Phật thuyết pháp, vua Phát Quang đối với Vô thượng Chánh đẳng giác không còn thoái chuyển.

Bây giờ, thấy vua cha quy y Phật, tâm sinh kính tín, thái tử Phước Quang liền đi đến trước Phật, chấp tay, hương về Phật bạch: “Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri, cúi xin Thế Tôn đến thành Ái Lạc để thọ nhận thức ăn uống của con dâng cúng”. Lúc ấy, Như Lai Thành Nghĩa Ý im lặng nhận lời thỉnh cầu của thái tử. Thái tử Phước Quang thưa với phụ vương và các quyền thuộc: “Con nay thỉnh Phật để cúng dường cung điện, vườn và tất cả châu báu trang nghiêm. Cha cùng với các thân quyền đừng luyến tiếc mà cản trở, nếu đồng tùy hỷ thì lên tiếng”. Khi ấy, vua cha và các quyền thuộc đồng lên tiếng: “Chúng tôi đồng tùy hỷ về việc xả bỏ sở hữu để cúng dường Phật”.

Lúc này, Như Lai Thành Nghĩa Ý cùng với các

Bí-sô cung kính vây quanh, đi vào thành Ái Lạc để thọ nhận sự cúng dường của thái tử.

Khi ấy, thái tử Phước Quang đem năm trăm ngàn xe thức ăn ngon nhất cúng dường Đức Thế Tôn và chúng Bí-sô. Thái tử Phước Quang lại vì Phật và chúng Bí-sô dùng rất nhiều bảy báu để xây dựng Tăng-già-lam, lại trang hoàng bốn mặt bằng vô số lưới ma-ni báu và nhiều tầng lọng. Lại đặt để trăm ngàn giường nằm và ngọa cụ, dùng vải tốt trải lên trên, lại ở bên trái và phải tinh xá bố trí cây cối hoa quả, suối chảy và ao tắm, ở trong ao có các loại hoa sen như: hoa sen trắng, hoa sen hồng v.v... Thái tử ở trước Bí-sô đánh lễ và dâng y Tăng-già-lê, mỗi ngày ba thời cũng như vậy. Trải qua ba trăm ngàn năm thái tử tu tập ngày đêm không ngủ nghỉ, không mệt mỏi, cũng không tắm rửa giặt giũ, trang sức bằng nước thơm, vòng hoa, cũng không sân hận, tham ái, thậm chí vì pháp không tiếc thân mạng, hưởng gì tài vật bên ngoài, y như lời Phật dạy mà thực hành, cho đến khi Như Lai Thành Nghĩa Ý nhập Niết-bàn. Khi ấy thái tử dùng chiêm-đàn đỏ trà-tỳ Như Lai. Tất cả loại danh hoa đẹp nhất và các vòng hoa, hương xoa, hương bột, các thứ kỹ nhạc hiện có trong cõi Diêm-phù-đề thái tử đều mang đến chỗ trà-tỳ để cúng dường Xá-lợi.

Khi ấy, tất cả chúng sinh ở trong cõi Diêm-phù-đề đều đem hoa hương, thức ăn uống đến cúng dường, trải qua trăm ngàn năm như vậy.

Bảy giờ, thái tử Phước Quang nhật Xá-lợi Phật, rồi dùng bảy báu xây dựng chín mươi bốn trăm ngàn tháp, lại đem lưới chân châu trang hoàng xung quanh. Trước các mặt tháp lại dựng lên năm trăm tán lọng bằng bảy báu, cây cối hoa quả và trăm ngàn âm nhạc; lại ở trước mỗi tháp đặt trăm ngàn chậu đèn, trong mỗi chậu đèn đốt trăm ngàn ngọn đèn. Việc cúng dường như vậy cứ tiếp diễn đến một trăm ức năm. Sau đó, thái tử cạo tóc xuất gia làm Bí-sô, hành hạnh Đầu-đà cầm bát khất thực, phục đoạn phiền não, thường hành pháp thí suốt bốn trăm ngàn năm, như Phật đã thực hành không chút mệt mỏi. Lúc ấy, trong thành Ái Lạc vị Hiền Thánh giữ thành, tất cả tiểu vương, cung tần quyến thuộc, dân chúng đều theo thái tử cạo tóc xuất gia tu hạnh thanh tịnh.

Lúc này, Thiên tử Tịnh Quang bảo với các Thiên tử: “Tất cả tiểu vương và dân chúng đều đã xuất gia, chúng ta đến đó để giúp cho thái tử, như cúng dường Tam bảo”.

Thuở ấy, Như Lai Thành Nghĩa Ý giảng nói sáu mươi bốn trăm ngàn tạng pháp, Bí-sô Phước Quang đều thọ trì thông đạt không vướng mắc. Như vậy, Bí-sô Phước Quang đã từng gần gũi chín mươi bốn ức trăm ngàn triệu Phật, ở chỗ mỗi Phật đều cúng dường trọn vẹn không thiếu sót như đã cúng dường Như Lai Thành Nghĩa Ý không khác. Vua Phát Quang thời ấy đâu phải ai xa lạ mà chính

là Như Lai Vô Lượng Thọ ngày nay. Thái tử Phước Quang đâu phải ai khác mà chính là thân Ta hiện giờ. Vị Hiền Thánh giữ thành Ái Lạc thời ấy đâu phải người nào xa lạ mà chính là Như Lai A-súc bây giờ.

Phật bảo Tôn giả Hộ Quốc:

– Tất cả Đại Bồ-tát muốn cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cần phải học tập Bí-sô Phước Quang kia, xa lìa tham ái, gần gũi bạn lành, tu hạnh tịch tĩnh, chuyên cần cúng dường chư Phật, thì không lâu chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Phật lại bảo Tôn giả Hộ Quốc:

– Nếu có người tham đắm lợi dưỡng, ăn uống, y phục, ngọc cụ, thuốc thang, sự tôn trọng, khen ngợi, thì người ngu si ấy là kẻ ngã mạn phá giới phạm luật, hư dối không thật, hủy báng Sa-môn, xa lìa pháp Phật, thân miệng ý không hợp nhất, chỉ có tướng bên ngoài, trong tâm không tịch tĩnh, không biết xấu hổ, xa lìa cảnh Phật, xa lìa Bồ-đề. Do đó ông nay nghe pháp thì nên biết như vậy, phải tu học như vậy, thực hành như vậy, không được gần bạn ác và lợi dưỡng.

Khi ấy, Đức Thế Tôn nói kệ:

*Nếu người nào tham đắm lợi dưỡng
Xa lìa hạnh thanh tịnh chân thật
Do vậy thoái lui Bồ-đề Phật*

Mãi mãi chìm đắm biển sinh tử.
 Không tầm, không quý, không biết đủ
 Thường tham ái luôn bị trôi buộc
 Không sợ khổ não ba đường dữ
 Còn nói tôi đủ các đức hạnh.
 Dối hiện thanh tịnh ở trong núi
 Tâm thường bị danh lợi thúc giục
 Mọi người rời bỏ như rắn độc
 Mãi trong luân hồi không giải thoát.
 Người nào không thích pháp Như Lai
 Khinh khi chúng Bí-sô có đức
 Mãi xa cõi trời đọa đường ác
 Dù sinh cõi người rơi tám nạn.
 Trong trăm ngàn kiếp khó gặp Phật
 Được nghe chánh pháp cũng rất khó
 Sát-na thoáng nghe nếu thực hành
 Người ấy chắc chứng quả Bồ-đề.
 Diệu hạnh Phật thừa đức khó lường
 Tất cả Như Lai từ đó sinh
 Người nào chán pháp ưa phiền não
 Mãi mất Bồ-đề đạo vô thượng.
 Người nào trí tuệ và phương tiện
 Xa lìa tất cả các lỗi lầm
 Thương cứu chúng sinh ở năm cõi
 Hạnh người ấy đồng với hạnh Phật.
 Tuy ở núi sâu chốn tịch tĩnh
 Dối hiện thanh cao chỉ vì mình
 Che hạnh người nói khả năng mình

*Hằng ngày tôi tụng trăm ngàn Phật.
 Nếu người hành pháp sinh tôn trọng
 Không tiếc thân mạng nhất tâm cầu
 Hạnh chân thật như ta đã nói
 Người ấy không lâu chứng Bồ-đề.
 Chánh pháp Đại tiên tối thượng thừa
 Phiền não vĩnh viễn được tiêu trừ
 Nghe được hạnh này tinh tấn tu
 Chắc chắn mau chứng đạo vô thượng.*

Khi ấy, nói kệ rồi, Đức Thế Tôn bảo Tôn giả Hộ Quốc:

– Các Bồ-tát nào trong vô số kiếp hành trì năm Ba-la-mật, cũng không bằng có người đối với pháp này thoáng nghe mà tin hiểu thực hành, công đức ấy hơn công đức trước cả trăm phần không bằng một, ngàn phần không bằng một, trăm ngàn ức phần không bằng một, toán số phần không bằng một, thậm chí phần ví dụ cũng không bằng một. Khi Phật giảng nói kinh này, trong chúng hội có ba mươi triệu hàng trời, người phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, không còn thoái chuyển, bảy ngàn Bí-sô đoạn hết các lậu, đắc nhãn Vô sinh.

Lúc ấy, Tôn giả Hộ Quốc bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Nay kinh điển này rất là hiếm có, làm sao để thọ trì và nên đặt tên kinh là gì?

Phật bảo Tôn giả Hộ Quốc:

– Kinh này tên là “Đại Thừa Chánh Pháp” cũng

gọi là “Quảng Đại Thanh Tịnh Bất Không Thệ
Nguyện, Phước Quang Cư Sĩ Hoan Hỷ Bồ Tát
Hạnh” và nên thọ trì như vậy.

Đức Phật giảng nói kinh này rồi, Tôn giả Hộ
Quốc cùng hàng trời, người, A-tu-la, Hy-đặt-lý-
phước v.v... đều rất hoan hỷ, tín thọ phụng hành.



SỐ 322

KINH PHÁP KINH

*Hán dịch: Đời Hậu Hán, Cư sĩ An Huyền và Sa môn
Nghiêm Phật
Điều, người nước An Tức.*

Nghe như vậy:

Một thời, Đức Thế Tôn du hóa tại khu vườn rừng Kỳ Đà – Cấp Cô Độc, thuộc nước Văn Vật, cùng với chúng Đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị và năm trăm vị Bồ-tát: như Bồ-tát Từ Thị, Bồ-tát Kính Thủ, Bồ-tát Thi Khí, Bồ-tát Khuy Âm v.v... đều là những vị thượng thủ trong hàng Bồ-tát. Lúc này tất cả chúng hội đều vây quanh bên Đức Thế Tôn để nghe thuyết giảng kinh pháp.

Bấy giờ, trong thành Văn Vật có Lý gia (Ly xa) tên là Thập cùng với năm trăm người từ trong thành ấy đi đến khu vườn rừng Kỳ Đà - Cấp Cô Độc, tới chỗ Đức Thế Tôn, cúi đầu đánh lễ bên chân Thế Tôn rồi ngồi qua một bên. Và có Lý gia tên Ái Ngộ, Lý gia Nãi Ngộ, Lý gia Thiện Thọ, Lý gia Đại Oai, Lý gia Cấp Cô Độc Tụ, Lý gia Long Oai, Lý gia Đế Tư. Tất cả các vị này cùng với năm trăm quyến thuộc của họ cũng đi đến chỗ Đức Phật, cúi đầu đánh lễ bên chân Phật rồi ngồi qua một bên.

Tất cả các vị ấy do phát tâm mong cầu đạo lớn, đều cùng với quyến thuộc của họ tạo lập nguồn gốc công đức, hết lòng đối với đạo Chánh chân vô thượng, duy chỉ có Cấp Cô Độc Tử thì không như vậy. Lúc đó, Lý gia Thập vì thấy mọi người đều vân tập và an tọa, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, cúi đầu quỳ gối chấp tay thưa:

– Con có điều muốn thưa hỏi, nhưng Đức Thế Tôn đâu có thời gian để giảng bày nghi vấn của con.

Đức Phật bảo với Lý gia Thập:

– Như Lai thường vì Lý gia nên có thời gian nhàn rỗi để diễn bày rộng về những nghi vấn. Nay Lý gia! Ông hãy tùy ý thưa hỏi những mong cầu của ông đối với việc ứng hợp đạo Chánh chân của Như Lai. Như Lai sẽ giảng thuyết rõ ràng cho ông được như ý.

Lý gia Thập bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào phát tâm cầu đạo Chánh chân vô thượng, ưa mến đạo lớn, phát tâm tu hành theo đạo lớn, muốn đạt đến đạo lớn, muốn dốc hết công phu theo đạo lớn, muốn hiểu biết về đạo lớn, quan tâm đến sinh mạng của tất cả chúng sinh, làm an ổn cho tất cả chúng sinh, cứu giúp cho tất cả chúng sinh, người ấy phát thệ nguyện: “Nếu người nào chưa được độ, ta sẽ độ thoát cho họ; nếu người nào chưa giải

thoát, ta sẽ giải thoát cho họ; nếu người nào không an ổn, ta sẽ làm cho họ được an ổn; nếu người nào chưa được diệt độ, ta sẽ làm cho họ được diệt độ”. Người ấy vì nhận lãnh trách nhiệm trọng đại đối với tất cả chúng sinh, vì muốn cứu hộ tất cả chúng sinh nên tự phát thệ nguyện rộng lớn, biết rằng sinh tử có biết bao điều xấu ác nhưng tâm ý vẫn không mệt mỏi, trải qua vô số kiếp trong sinh tử mà tâm ý vẫn không biếng nhác, với những người ấy, bạch Thế Tôn! Hoặc là Bồ-tát từ bỏ gia đình để cầu đạo mong đạt đến pháp trợ đạo phẩm, hoặc là cư sĩ tại gia. Lành thay! Bạch Thế Tôn! Hãy thương tưởng đến chúng sinh ban cho ân huệ, đối với người cầu đạo lớn này nhằm làm hưng thịnh Tam bảo, cũng làm cho tất cả những kinh điển sáng suốt tồn tại lâu ở đời. Cúi xin Như Lai giảng nói cho hàng Bồ-tát tại gia tu học pháp tạo lập phước đức. Bạch Thế Tôn! Làm thế nào để hàng Bồ-tát tại gia nương theo lời dạy bảo của Như Lai mà không khuyết cũng không tổn giảm đại nguyện căn bản của mình, tức là đạo Chánh chân vô thượng; cũng khiến cho đời hiện tại không gây tạo tội ác thì đời vị lai đạt đến đạo thù thắng. Bạch Thế Tôn! Hàng Bồ-tát kia bỏ nhà, xuất gia cầu đạo, từ bỏ sự ái ân ở đời, cạo bỏ râu tóc, mặc y phục đạo pháp. Còn hàng tại gia chỉ có đức tin, rời khỏi gia đình là vì cầu đạo quả, khai mở lời dạy của Thế Tôn, pháp thức, chánh thức, đức thức được hiện bày đầy đủ. Bạch Thế

Tôn! Hàng BỒ-tát xuất gia cầu đạo và hàng cư sĩ tại gia nên tu học như thế nào?

Khi ấy, Đức Thế Tôn khen ngợi Lý gia Thập:

– Lành thay! Lành thay! Này Lý gia! Hôm nay ông biết hỏi Thế Tôn về việc nên thực hành của hàng cư sĩ tại gia và hàng BỒ-tát xuất gia. Này Lý gia! Hãy lắng nghe kỹ lời dạy của Ta và nỗ lực tinh tấn suy nghĩ lời ấy. BỒ-tát vì cầu đạo nên tu học đạo hạnh, tạo lập công đức. Lý gia Thập nhận lãnh lời dạy chăm chú lắng nghe.

Đức Thế Tôn bảo:

– Này Lý gia! Hàng BỒ-tát tại gia vì cầu đạo nên tự mình quy y Phật, tự mình quy y Pháp, tự mình quy y Tăng chúng, như vậy người ấy đã tự quy về với nguồn gốc công đức của mình, đạt đến đạo Chánh chân vô thượng. Này Lý gia! Hãy trở về nương tựa nơi Phật, Pháp và chúng Tăng. Nên biết làm sao mà ta thành tựu được thân Phật, đầy đủ ba mươi hai tướng tốt để trang nghiêm thân mình? Cũng chính nhờ nguồn gốc công đức ấy mà đạt được ba mươi hai tướng Đại sĩ, nhờ đạt được nguồn gốc của công đức ấy mà khiến được tinh tấn tu hành. BỒ-tát tại gia tự mình nương tựa nơi Phật là như vậy. Còn trở về nương tựa nơi Pháp là như thế nào? Ấy là cung kính pháp, tìm cầu giáo pháp, mong muốn được pháp, ưa thích niềm vui nơi pháp, hưng khởi pháp, nương tựa nơi pháp, hộ trì

pháp, cẩn thận đối với pháp, như pháp mà an trụ, theo pháp mà thực hành, vì phép thường của pháp, vì diệu lực nơi pháp, vì mong cầu tài sản pháp, vì sự vắng lặng của pháp, vì tạo lập các việc đối với pháp. Ta cũng ở trong cõi trời và thế gian để ban bố các pháp như vậy, này các Bồ-tát tại gia! Tự mình nương tựa nơi Pháp là như vậy. Trở về nương tựa nơi Tăng chúng là như thế nào? Nếu Bồ-tát tại gia thấy bậc chứng Dự lưu, hoặc bậc chứng Nhất lai, hoặc bậc chứng Bất lai, hoặc bậc chứng A-la-hán, hoặc thấy hàng phàm phu muốn cầu trở thành đệ tử trong đạo, thì nên cung kính các vị ấy, thừa sự, cúng dường, tôn kính, đánh lễ, tiếp đãi họ như bậc thầy. Hoặc gặp người thừa sự như pháp mà an trụ, theo pháp mà thực hành để được chí nguyện, cũng đạt được đạo Chánh chân vô thượng của ta, hoặc người nhờ truyền giảng kinh pháp, thành tựu công đức của người đệ tử thì nên cung kính vị ấy, không lúc nào là không kính phục vị ấy. Bồ-tát tại gia tự mình quy y Tăng chúng là như vậy.

Lại nữa, này Lý gia! Bồ-tát tại gia nhờ tu tập bốn pháp để tự mình quay về nương tựa nơi Phật. Những gì là bốn? Một là người có tâm đạo trọn đời không lìa bỏ. Hai là người đã lãnh thọ giới pháp trọn đời không sai phạm. Ba là người có tâm từ bi rộng lớn trọn đời không đoạn dứt. Bốn là người trọn đời không theo ngoại đạo. Đó là bốn pháp mà Bồ-tát tại gia tự mình nương tựa nơi Phật, thực

hành như vậy. Lại nữa, này Lý gia! Có bốn pháp tu tập để tự mình nương tựa nơi Pháp. Những gì là bốn? Một là các pháp mà bậc hiền sĩ thuyết ra nên thừa sự thực hành theo. Hai là pháp đã được lãnh hội thì nên cung kính. Ba là pháp đã lãnh hội thì nên tư duy tận nguồn gốc ngọn ngành. Bốn là đúng như pháp mình đã lãnh hội, tùy theo khả năng của mình mà giảng thuyết rõ ràng cho người khác. Đó là bốn pháp mà Bồ-tát tại gia tự mình nương tựa nơi Pháp, thực hành như vậy. Lại nữa, này Lý gia! Có bốn pháp tu tập để tự mình nương tựa nơi chúng Tăng. Những gì là bốn? Một là đối với hàng đệ tử trong đạo dù mới phát tâm cũng luôn luôn tỏ lòng vui vẻ với tất cả. Hai là nhờ tích tập vật dụng cúng dường, làm cho giáo pháp tồn tại để giáo hóa chúng sinh. Ba là nương tựa vào phép tắc của Tăng chúng mà không lệ thuộc vào đệ tử của Tăng chúng. Bốn là mong cầu phước đức của Tăng chúng để độ thoát, chứ không cho rằng phước đức của mình có thể độ thoát được. Đó là bốn pháp mà Bồ-tát tại gia tự mình nương tựa nơi Tăng chúng, thực hành như vậy. Lại nữa, này Lý gia! Hàng Bồ-tát tại gia tu học đạo, nếu thấy được Phật thì thực hành nhớ nghĩ đến Phật, đó là tự mình nương tựa nơi Phật; đã nghe được Pháp thì tư duy nhớ nghĩ về Pháp, đó là mình tự nương tựa nơi Pháp; nếu thấy được hàng Thánh chúng của Phật cũng luôn nhớ nghĩ trong tâm đạo của mình, đó chính là tự

mình nương tựa nơi Tăng chúng.

Lại nữa, này Lý gia! Hàng Bồ-tát tại gia tu học đạo, phát tâm mong muốn gặp được Phật mà thực hành bồ thí, đó là tự mình nương tựa nơi Phật. Nếu vì ủng hộ chánh pháp mà thực hành bồ thí, đó là tự mình nương tựa nơi Pháp. Nếu tự mình đã bồ thí để cầu đạt đạo quả Chánh chân vô thượng, đó là tự mình nương tựa nơi chúng Tăng. Lại nữa, này Lý gia! Hàng Bồ-tát tại gia tu học đạo, nếu tu tập hạnh của bậc Hiền Thánh, không thực hành hạnh phàm phu, người ấy hành hạnh Hiền Thánh để mong cầu tài sản chánh pháp chứ chẳng phải phi pháp, dùng chánh đạo không dùng tà đạo, nhằm thực hành chánh mạng, không quây nhiễu cho người lại đem chánh pháp đến cho họ hiểu, người nhiều tài sản nên thực hành quán tưởng vô thường, dùng vật báu của mình để thường xuyên bồ thí cúng dường. Đối với bậc trí thức, cha mẹ, tôi thân, anh em, thân thuộc đều nên kính nhường họ, kẻ nô tỳ hầu hạ cũng xem như nhau và giáo hóa họ. Đối với giáo pháp sắp diệt cũng nhận trách nhiệm như trách nhiệm đối với chúng sinh, luôn luôn tinh tấn không chút biếng nhác với trách nhiệm của mình đã nhận lãnh, đó gọi là việc làm của bậc trí đệ tử Phật, thành tựu chúng sinh mà không mệt mỏi, không vui với niềm vui của mình, mà vì niềm vui của chúng sinh thành đạt. Tám ngọn gió cuộc đời: khổ, vui, được, mất, khen, chê, danh dự, cơ hiềm đều không thể

làm điên đảo được, vì siêu vượt pháp thế gian cho nên dầu có tài sản quý báu cũng không lấy làm vui. Lại ở trong ba đường, không lợi dưỡng, không danh dự, không vì tiếng tăm, không khen thưởng, mọi hành động đều tư duy chín chắn, nhận thức đúng đắn thì vui vẻ, nhận thức sai lầm thì cần chú ý để có hành động đúng đắn hơn. Nếu có hai điều khen ngợi và tán thán về hành động đúng thì nên trừ bỏ ngay chỗ sai quấy. Hứa làm cho ai việc gì thì phải lo lắng việc của họ mà không được quên. Có ban ân nghĩa cho người thì trọn đời không mong báo đáp, làm bao nhiêu việc thi ân, bố thí, biết đền ân trả nghĩa, lại biết tạo lập các việc làm ân đức. Với người bạn cùng thì bố thí tài vật, với người lo sợ thì làm cho họ an ổn, với người buồn rầu thì tìm cách giải trừ sự đau buồn cho họ, với người không năng lực thì nhường nhịn họ, với kẻ mạnh mẽ hơn người thì làm cho họ trừ bỏ kiêu mạn, dứt hẳn quá mạn và mạn mạn bằng sự cung kính bậc tôn trưởng, thừa sự bậc học rộng, hay thưa hỏi người có trí, việc làm hiện tại đảng hoàng, không lờ loẹt. Khi mọi người có đầy đủ phương tiện thì đức hạnh có thể tìm cầu được chăng? Cho nên muốn được học rộng nghe nhiều, không nên nhàm chán, không cho là đủ, cần nỗ lực tu tập chân chánh chắc chắn sẽ cùng với Hiền Thánh gặp gỡ, được đi theo bậc Hiền Thánh để cung kính tôn trọng họ. Đối với bậc Đa văn thì phục vụ họ, với

người hiểu biết thì thừa hỏi họ, nên nói rõ là mình không có thầy. Đối với kinh điển sâu xa như những điều đã được nghe mà nói ra những điều đã nghe để hiểu thông nghĩa lý. Mọi thứ dục lạc đều nên nghĩ là vô thường, không luyến tiếc thân mạng, tự mình quán sát thọ mạng của mình mong manh như giọt sương mai, cho tài sản hiện có như mây bay, huyễn mộng, người thân quyến đều là oan gia, vợ chồng con cái coi như là địa ngục vô gián, xem tất cả những gì hiện có đều đem đến khổ đau, sự nghiệp tài sản ruộng đất nhà cửa đều cho là lầm lỗi, những đức độ mong cầu khởi tướng không làm cho tan hoại, nhà cửa khởi tướng rất mong manh, bạn bè tôi tớ thân thuộc khởi tướng là người chủ địa ngục, trọn ngày lẫn đêm đối với những việc ấy khởi tướng giống nhau. Chúng sinh thường vì thân mình không thật mà tưởng cho là thật, thọ mạng không thật mà tưởng cho là thật, tài sản không thật mà tưởng rằng là thật. Vì vậy người ấy nên dùng lễ nghi phép tắc để phục vụ người khác, tôn trọng việc làm người, thì dù cho thân không thật có mà được thân chân thật. Những công đức đã có từ xưa thì không bị hủy hoại, ngày nay lại càng tăng thêm, mặc dù thọ mạng không thật vẫn đôi lấy thọ mạng chân thật. Nếu người từ bỏ lòng tham lam, keo kiệt mà thi ân bố thí làm phước đức cho người, dù không có tài sản chân thật mà vẫn được đôi lấy tài sản chân thật. Đó là Bồ-tát tại gia tu học đạo, thực

hành hạnh của Hiền Thánh, làm các việc mà không tạo tội lỗi, thực hành theo lời pháp của Như Lai, không hủy hoại cũng không tổn giảm lời thệ nguyện căn bản của mình, gọi đó là đạo Chánh chân vô thượng. Người ấy nếu hiện đời không gây lấy hành nghiệp tội lỗi thì đời vị lai càng chứng đắc đạo quả thù thắng.

Lại nữa, này Lý gia! BỒ-tát tại gia tu học đạo nên tự mình thực hành phụng trì giới cấm. Nghĩa là phụng trì năm giới. Đó là: Không thích việc sát sinh, không gây thêm sự giết hại loài động vật cho đến côn trùng vi tế hoặc kẻ yếu hèn. Không trộm cắp tài vật của người khác, biết đủ với tài sản của mình, tài sản của người không tưởng nghĩ đến, cho đến ngọn cây cọng cỏ nhỏ nhất không cho thì hoàn toàn không được lấy. Không thích việc tà hạnh dâm dục, vợ con mình tự biết, không nhìn ngắm vợ người, tâm ý luôn tự quản thúc mình, suy nghĩ dục tà là điều khổ đau; nếu khởi niệm dâm dục liền quán tưởng đến sự xấu ác, bằng ý niệm lo sợ nhằm chán sự dâm dục, nên không còn sợ hãi, khổ đau; vì tham ái luyện tiếc đều vô thường nên quán tưởng sự tịnh lạc để đạt đến chí nguyện, cứ như vậy ta nên tự tu tập, nếu khởi tưởng về dục lạc thì ta đã không còn, huống nữa là còn có tà hạnh. Lại không nên nói lời dối trá, phải nói lời chân chánh, thành thật, không có bản tính dối trá, không nên thay đổi tâm ý, phải thành thật mà nói như điều mình đã

được nghe thấy, cẩn thận hộ trì kinh pháp bất chấp thân mạng, vì vậy không được nói lời dối trá. Lại không nên uống rượu, vì không say sưa nên không bị mê hoặc, không vội vã, do không phạm pháp nên thuận hòa, ý chí mạnh mẽ nhờ nhận thức chân chánh. Người được như vậy liền khởi tâm bố thí, tài sản của mình hiện có nên cho người, người nào cầu thức ăn thì cho thức ăn, người nào xin thức uống thì cho thức uống, cầu xe thì cho xe, muốn áo thì cho áo, đó là cho người khác thứ rượu để làm mạnh ý chí. Bố thí Ba-la-mật như thế tức là khi có người đến cầu xin theo sở nguyện thì tùy đó mà ta cho, hoặc có thể đem rượu ban cho khiến người kia thay đổi ý chí, như tự biết mình hành động không mê hoặc. Tại sao như vậy? Vì Bồ-tát làm mãn nguyện cho tất cả chúng sinh nên bố thí Ba-la-mật, cứ mỗi lần như vậy Bồ-tát tại gia đem rượu cho mọi người mà hoàn toàn không bị mắc tội. Như vậy, này Lý gia! Bồ-tát do bản nguyện công đức tu học của mình, khắp vì đạo Chánh chân vô thượng cần nên tu học cẩn thận, hộ trì năm giới cấm như vậy. Lại khi có người tranh cãi không nên đem lời đàm tiếu để phân tranh mà nên hòa hợp, không nói lời thô ác, nên nói lời nhu hòa, luôn luôn nhường lời cho người khác, không dùng lời thù dật, chỉ nói đúng nghĩ đúng pháp, lời nói đi đôi với việc làm, cũng không bị lưới ngu si che lấp, đem đến sự an ổn cho chúng sinh, tâm ý không tán loạn,

thường dùng sức nhẫn nhục để tự trang nghiêm thân, thực hành chánh kiến, xa lìa tà kiến, cũng thường đánh lễ các Đức Phật - Như Lai, không lễ các thần trời khác.

Lại nữa, này Lý gia! Bồ-tát tại gia tu học đạo, hoặc ở tại thôn xóm, làng xã, quận huyện, thành phố nên thường ủng hộ kinh pháp. Người ủng hộ kinh pháp là như thế nào? Đối với người không tin kinh pháp thì dùng đức tin để giáo hóa họ. Đối với người bần cùng keo kiệt thì dùng bố thí để giáo hóa họ. Đối với người giới ác thì dùng giới để giáo hóa họ. Đối với người loạn tâm nên dùng nhẫn nhục để giáo hóa. Đối với người biếng nhác nên dùng sự tinh tấn để giáo hóa họ. Đối với người đánh mất tâm chí nên dùng sự tư duy để giáo hóa họ. Đối với người nhận thức sai lạc nên dùng các việc về trí tuệ để giáo hóa họ. Đối với người thiếu thốn của cải nên đem cho họ. Đối với người nhiều bệnh tật nên đem thuốc men bố thí cho họ. Đối với người thân cô đơn độc nên làm thân quyến với họ. Đối với người không chốn quay về nên làm chỗ quay về cho họ. Đối với người không nơi nương tựa nên làm chỗ nương tựa cho họ. Người này ở khắp tất cả nơi nào cũng thường ủng hộ kinh pháp như vậy.

Này Lý gia! Hoặc có Bồ-tát tại gia hướng dẫn mọi người, hoặc một hoặc hai hoặc ba cho đến trăm người đều tu tập pháp công đức, thì Bồ-tát ấy khiến khởi lòng bi thương xót chúng sinh, kiên cố

với tất cả lời thệ nguyện của mình. Phát lời thệ nguyện như vậy: “Cho đến khi nào mà kẻ khó giáo hóa chưa được thành tựu thì ta trọn không chứng đắc đạo quả Chánh chân vô thượng”. Vì sao? Vì hôm nay ta tự phát lời thệ nguyện như vậy rồi. Đối với ta, người không chất trực, người luôn dối trá, dua nịnh, người không thành thật, những người như vậy, với lời thệ nguyện, muốn khiến cho người này nghe được kinh pháp, nên dùng kinh điển giáo hóa họ, ta làm như vậy là do thệ nguyện của mình. Ta sẽ thường thực hành tinh tấn mạnh mẽ, làm phương tiện, vì không từ bỏ gian khổ. Nếu có người nào hiểu biết, nên làm cho họ tin hiểu hơn. Ngược lại, nếu tự mình làm cho tất cả mọi người rơi vào tà kiến ngoại đạo thì đó là lỗi của Bồ-tát tại gia.

Này Lý gia! Ví như trong làng xóm, thôn ấp, quận huyện, thành phố, ở đó có vị thầy thuốc, giả sử vị ấy có một bệnh nhân vì không giữ được mạng sống nên đã qua đời, mọi người đều đổ lỗi cho vị thầy thuốc kia. Cũng vậy, này Lý gia! Đối với Bồ-tát tại gia chỉ vì khiến cho mọi người rơi vào cõi ác tà kiến thì Như Lai Chánh Chân cũng sẽ quy lỗi cho vị Bồ-tát tại gia ấy. Cho nên Bồ-tát tại gia phải tự mình thệ nguyện như vậy: “Giả sử trong thành ấp của ta ở cho dù là kẻ ngu si ta cũng không khiến cho một người nào đọa vào đường ác ngoại đạo”.

Lại nữa, này Lý gia! Cư sĩ tại gia tu học đạo,

nên hiểu rõ các điều xấu ác của gia đình. Vì còn vương vấn gia đình nên hại đến tất cả các gốc thiện, cũng không có pháp thanh tịnh. Vì thế nên gọi là tại nhà. Tại gia nghĩa là còn vương bận tất cả các khổ, còn ở trong các niệm xấu ác, còn ở trong hành vi xấu ác, không tự giáo hóa, không tự hộ trì. Hàng phàm phu ngu muội cùng ở chung, tập hợp những người không chân thật, nên gọi là nhà. Nhà vì thế có tên gọi, đã ở nơi ấy thì không có việc gì mà không làm. Do ở nơi ấy nên không cung kính đối với cha mẹ, các bậc tôn trưởng, Thánh chúng, nên gọi là nhà. Quan huyện, lao ngục tra khảo, đánh đòn, chửi mắng cho đến lúc chết đều từ do nơi ấy, nên gọi là nhà. Do ở nơi ấy mà vào đường ác, do ở nơi ấy mà rơi vào các đục, bị các sân hận, ở trong lo sợ, vào chốn ngu si, nên gọi là nhà. Vì không cẩn thận hộ trì giới luật, xa lìa các việc thiện định, không tu tập trí tuệ, không chứng đắc giải thoát, do không phát sinh việc độ thoát tri kiến, cho nên gọi là nhà. Do ở nơi ấy nên còn có sự yêu thương của cha mẹ, anh em, chị em, vợ con còn luyến tiếc nhà cửa, tài sản, bạn bè, vật hiện có, không biết nhàm chán việc mong cầu tài sản, cho nên gọi là nhà. Người ở nơi nhà này đủ các nạn chãng? Ví như biển cả, các dòng nước đều đổ về đó. Người ở nhà này không biết nhàm chán chãng? Ví như lửa gặp được củi. Người ở nơi này nhiều tạp niệm không dừng nghỉ chãng? Ví như ngọn gió không bao giờ

dừng nghỉ, cũng bị chìm đắm như thức ăn ngon lẫn lộn với chất độc, hiện có tất cả khổ chằng! Ví như oán địch tưởng là bạn bè; nên sai lầm biết bao, không phải hành động theo kinh điển của Thánh nhân. Vì tạo việc tranh cãi chằng! Càng đem đến nhân duyên gây không hòa hợp. Vì nhiều tỳ vết chằng? Nên thực hành các điều xấu ác, những nhân duyên không tồn tại vì vậy thường bị người hiềm nghi. Có loài chẳng phải người chằng? Vì luôn bị sự điên đảo. Ví như có việc bất thiện chằng? Tuy là thiện nhưng có sự dối trá, như thấy được hành động nơi bản tánh. Như nghe được lời hay nên mau chóng chuyển đổi, như thầy huyền thuật giữa chốn đông người làm các việc không thành thật như ở trong mộng, tất cả thành bại đều hiện đầy đủ, như sương buổi sáng mau chóng tan biến. Như giọt mật có ít mùi vị, giống như lưới cỏ tạt lê chằng? Sắc thanh, hương, vị, xúc đều gây tổn hại, như trùng ở trong ống đồng do chẳng được niệm lành làm thức ăn. Như người không nghe lời vì thường khinh bỉ nhau, thường ôm lòng lo sợ chằng? Vì tâm ý loạn động. Vì cùng gặp nhiều thứ, do quan huyện, giặc cướp, oan gia, vương giả tộ ác làm hại. Ở nơi nhà này ít được hưởng vị an lạc, do gặp nhiều xấu ác. Này Lý gia! Bờ-tát tại gia nên hiểu những điều xấu ác tại nhà như vậy.

Lại nữa, này Lý gia! Cư sĩ tại gia tu học đạo, dùng bố thí làm vật thí báu. Nếu đã bố thí là ta có,

nếu còn ở nhà thì chẳng phải ta có, nếu đã bỏ thì là báu, nếu còn ở nhà là chẳng phải báu. Nếu đã bỏ thì là của cải phú quý, nếu còn ở nhà là không có tài sản. Nếu đã bỏ thì là giải thoát sự mệt mỏi, còn ở nhà là tăng thêm sự mệt mỏi. Nếu đã bỏ thì là chẳng phải ta, còn ở nhà là còn ta. Nếu đã bỏ thì là không có, nếu còn ở nhà là có. Nếu đã bỏ thì là vô tận, nếu còn ở nhà là vô thường. Nếu đã bỏ thì không giữ lấy, nếu còn ở nhà là còn giữ lấy. Nếu đã bỏ thì là hạnh Hiền Thánh, nếu còn ở nhà là ý phạm phu. Nếu đã bỏ thì là nương vào đạo giải thoát, nếu còn ở nhà là nương vào đường tà. Nếu đã bỏ thì là Phật khen ngợi, nếu còn ở nhà là phạm phu khen ngợi. Nay Lý gia! Bồ-tát tại gia tu học đạo, dùng bỏ thì để làm vật báu là như vậy. Do đó, thấy có người đến cầu xin, nên phát sinh ba tướng. Những gì là ba? Một là tướng như bạn hữu, hai là tướng nương vào đạo giải thoát, ba là tướng cố phát sinh tài sản. Khởi ba tướng này xong lại tạo ba tướng khác. Những gì là ba? Khởi tướng tôn kính Như Lai là bậc giáo giới, khởi tướng hàng phục tà đạo, khởi tướng không quên làm phước đức. Vì sao? Nếu Bồ-tát này mà có người đến cầu xin tức là tham lam, sân giận, si mê đã giảm thiểu. Thế nào là giảm thiểu? Đối với tài vật hiện có hoàn toàn không luyến tiếc đem bỏ thì cho họ, đây là giảm thiểu về tham lam. Nếu có người đến cầu xin tài vật, đem lòng từ bi thương xót họ, đây là giảm

thiếu về sân giận. Nếu đem bố thí để làm cho họ hiểu biết đây là giảm thiểu về si mê. Lại nữa, này Lý gia! Đã được người đến xin tài vật thì chẳng bao lâu sẽ thành tựu pháp hành sáu Ba-la-mật. Thành tựu sáu Ba-la-mật là như thế nào? Nếu có người đến xin tùy theo chỗ mong cầu của họ mà bố thí không luyến tiếc, tức là bố thí Ba-la-mật. Nếu tâm ý luôn giữ đạo mà bố thí, tức là trì giới Ba-la-mật. Nếu không sân giận đối với họ, tức là nhẫn nhục Ba-la-mật. Giả sử tự suy nghĩ ăn để làm gì, do đó tâm ý luôn mạnh mẽ, không do dự với việc làm của mình, tức là tinh tấn Ba-la-mật. Nếu muốn bố thí, hoặc đã bố thí mà không ân hận, không hối tiếc tức là thiên định Ba-la-mật. Nếu đã bố thí mà không mong cầu phước báo, tức là trí tuệ Ba-la-mật. Này Lý gia! Bồ-tát tại gia bố thí thành tựu sáu Ba-la-mật là như vậy đây.

Lại nữa, này Lý gia! Do xả bỏ những gì luôn đi theo quấy nhiễu, mà quán tưởng pháp biệt ly. Nếu có được tài sản, lúa gạo, con cái v.v... cũng không lấy làm vui thích. Nếu như tất cả đều tiêu mất thì cũng không vì vậy mà để tâm lo buồn. Nên quan sát như vậy: Vạn vật đều như huyễn hóa vì không dừng nghỉ. Sự vận hành như huyễn hóa này là do cha mẹ, vợ con, tôi tớ, bạn bè đều chẳng phải phụ thuộc vào ta, ta cũng chẳng phụ thuộc vào họ. Ta đã không có, thì cái thuộc về ta cũng không có. Nếu ta vốn không có vì sao nay lại vì những người kia

mà tạo các tội ác trong hiện tại cũng như vị lai? Nếu là có chẳng phải ta đang giữ lấy? Và lại, nếu những gì thuộc về ta thì ta nên giữ lấy. Những gì là thuộc về ta? Đó là sự giáo hóa bố thí, sống đạ**đ**am bực, tự mình giữ gìn nguồn gốc của đạo, cũng thâm kín tạo lập bản nguyện công đức, đó chính là những sở hữu của ta nên giữ lấy. Cho nên đến cả nơi ở của ta, vì theo đuổi ta nên họ cũng bất chấp thân mạng, chẳng phải vì vợ con thế thiếp mà tạo ác nghiệp ác sao? Do đó hàng cư sĩ tại gia đã có gia đình nên quán tưởng ba điều. Những gì là ba? Tưởng vô thường, tưởng không tồn tại, tưởng biệt ly. Tưởng ba điều này rồi, nên tạo lập ba tướng khác. Những gì là ba? Nếu đời hiện tại vui sướng vì mong cầu hỷ lạc thì đời sau chịu tai ương. Nếu được ăn uống no đủ thì nghĩ có gây tạo tội lỗi hay không? Nếu hiện tại an vui thì nghĩ sẽ đau khổ. Tạo khởi ba tướng này rồi, lại tạo ba tướng nữa. Những gì là ba? Tưởng mệt mỏi, tưởng hao tổn, tưởng sở hữu thế gian. Lại tạo ba tướng nữa. Những gì là ba? Tưởng là quý ly mị, tưởng cửu chú (?) tưởng sắc tượng. Lại tạo ba tướng khác. Những gì là ba? Tưởng chẳng phải ta, tưởng không chủ thể, tưởng giả tạm, nên tạo ba tướng như vậy. Lý gia suy nghĩ: Nếu tưởng các việc này, Bồ-tát tại gia nên tự quán tưởng vợ con mình như thế, do đó nên không luyến ái con cái, không sinh con cái thì không thêm người trong thiên hạ. Vì vậy nên dùng ba lần can

gián để tự can gián mình. Những gì là ba? Chú ý hành đạo, không để tâm tà vậy. Hành động chân chánh là đạo, không để hành động sai lệch. Chuyên nhất là đạo, không chuyên nhất là chẳng phải đạo. Tự mình can gián tâm ý mình ba lần như vậy. Khởi tưởng vợ con là oán thù, oán thù của ta chẳng phải là bạn của ta. Vì sao? Vì ta làm trái với lời răn dạy từ bi của Đức Phật, khiến cho ta càng sinh thêm duyên ái họ, tự nghiêm khắc lòng mình, theo như sự duyên ái con cái mình để thêm sự duyên ái chúng sinh. Nếu đem lòng duyên ái thân mình, thì đem lòng từ bi thương xót chúng sinh. Do đó nên quán tưởng nguồn gốc của chính mình, họ từ chỗ khác đến, ta cũng từ chỗ khác đến, chúng sinh đời trước cũng từng là con của ta, ta cũng từng là con của chúng sinh, đó là tội lỗi của sinh tử, không có người thân sơ. Vì sao? Trong nẻo luân hồi thường có sự ly cách, biến đổi trở thành oán thù. Vì sao như vậy? Vì do kết tạo bạn bè, lại còn muốn gây tạo nhiều oán thù đều do lòng tham lam độc ác. Tất cả chúng sinh chẳng phải ta, tâm ý của ông không thể hiểu được. Nếu tâm muốn hiểu như vậy, cần phải thông hiểu các kinh pháp. Vì sao vậy? Vì chánh hạnh tức được chánh đạo. Tà hạnh tức tà đạo. Nay ta không có tà hạnh nên đối với chúng sinh có tâm chánh hạnh mới có thể thương xót được tất cả chúng sinh.

Này Lý gia! Bồ-tát tại gia đối với tài vật đều

không nên luyến tiếc, không hâm mộ, không nên ưa thích, không tham ái, đối với tài vật đều làm như thế. Lại nữa, này Lý gia! Cư sĩ tại gia giả sử có người đến cầu xin tài vật, vì không muốn cho người ấy tài vật, lại còn tự can gián tâm ý mình, làm cho ta không thể đem tài vật cho người, rồi ta cũng sẽ cách ly tài vật ấy, hoặc muốn hay không muốn thì cho đến lúc chết, vật kia cũng sẽ rời bỏ ta, ta cũng từ bỏ vật ấy để ra đi. Ta mà bố thí vật ấy thì khi chết tâm dứt bỏ tất cả. Giả sử suy nghĩ như vậy mà cũng không thể bố thí vật dụng cho người kia, nên dùng bốn lời từ tạ với người đến cầu xin. Những gì là bốn? Ta vì không có năng lực, các công đức chưa thành tựu. Ta ở trong đạo lớn vì mới ban đầu, muốn phát tâm bố thí nhưng không làm được. Ta có nhận thức về những hành động nơi ta, những việc làm của ta chỉ làm theo hạnh của Hiền Thánh, không nên cưỡng ép. Ta sở dĩ thi hành việc bố thí đều vì hành theo các vị ấy. Như vậy mới có thể làm mãn nguyện những gì người đã nhận. Như mọi người đã từ tạ mà từ tạ người đến cầu xin kia, Bồ-tát tại gia nên làm như vậy.

Lại nữa, này Lý gia! Cư sĩ tại gia tu học đạo, giả sử vì phải xa thầy giáo huấn, gặp thời không có Phật, không thấy kinh pháp, không cùng Hiền Thánh gặp gỡ, nếu như vậy nên đánh lễ chư Phật trong mười phương, cũng đối với chư Phật đảnh trước để cầu đạo tu hành, chí nguyện rộng lớn,

nguyện cho tất cả chúng sinh thành tựu công đức pháp Phật, do tự niệm như vậy nên được vui vẻ. Trong suốt ba ngày ba đêm đọc tụng ba bộ kinh pháp, tất cả các việc làm xấu ác đời trước đều đem sám hối, sửa đổi tu tập, mong cầu lòng thương xót ở nơi chư Phật, lại dùng giáo pháp thương xót chúng sinh, cũng dùng giáo pháp thương xót chúng sinh, cũng dùng vô lượng vô số giáo pháp thương tưởng chúng sinh. Lại nữa, này Lý gia! Cư sĩ tại gia tu học đạo, nên hiểu rõ phương thức dứt tâm, nếu thấy có Tỳ-kheo siêu vượt phương pháp dứt tâm thì nên cung kính cúng dường pháp y, nên biết Tỳ-kheo ấy là người thừa hành pháp phục giới định tuệ của Đức Phật Như Lai Ứng Cúng Chánh Chân. Do không làm ác, xa lìa các điều ác, người ấy là tiêu biểu trong hàng thánh tiên. Vì vậy phải nên cung kính người ấy, cũng nên tăng thêm lòng thương tưởng đối với người ấy. Người ấy chẳng trái với phạm hạnh của Hiền Thánh. Cho đến việc mặc pháp phục, gọi đây là tịch tĩnh, là điều thuận, là thân thông, là Như Lai, phương thức tiêu biểu không trái với hạnh điều thuận. Như Lai lại dạy: Kẻ chưa học đạo không nên khi dễ họ, không nên phân biệt để mắc lỗi lầm. Do từ chỗ mắc lỗi này mà làm mất bản tâm. Nếu những người kia cũng thấy được những điều chính yếu trong giáo pháp của Phật, thì như chỗ gọi là sự việc có ứng hợp, thứ tự. Nếu người này giảm bớt những lao nhọc, quán

sát tận nguồn gốc của mình để có được một công đức, tất phải dùng tri kiến chân chánh để đoạn dứt mọi thứ phiền não. Đức Như Lai gọi họ là bậc Đại sĩ, không thể xem thường họ, chẳng phải lúc Như Lai có nên biết chẳng phải ta có, tri kiến ấy là do không sân, không giận, không sợ làm tăng trưởng. Hoặc cho người ấy vào miếu, hoặc để ở bên ngoài miếu, đem năm vóc đánh lễ xong mới được bước vào. Người ấy ở miếu của Không, người ấy ở nơi miếu của từ bi hỷ xả, người ấy ở vào chôn chân chánh tự tại. Vì người ấy được như vậy khiến ta làm miếu ở. Nếu đem nhà cửa, địa vị, quan chức bỏ đi thật xa, thì người ấy sẽ được như vậy. Ta vì cứu giúp kẻ phạm tội giới, mới chế ra giới cấm như vậy, cũng vì để cho người có tâm xuất gia tu học. Chưa từng có Bồ-tát tại gia nào được đạo đều từ bỏ gia đình vào núi sâu tu tập mà được đạo, trở lại chê trách người tại gia, khen ngợi người xuất gia. Như cát sông Hằng, mỗi ngày ta đều đến đó té lễ, tất cả vật bỏ thí kia đem cho người có tâm xuất gia làm thù thắng. Vì sao? Những vật này không phải bỏ thí cho những kẻ thấp kém hưởng gì là bỏ thí cho những người không có tín tâm hay chẳng biết ơn, hoặc giặc cướp, vương giả để cầu phước báo. Điều ấy cũng đủ cho ta hành trì giới cấm. Do đó, người vào miếu nên quán sát tất cả mọi hành động việc làm của chúng Tỳ-kheo. Thế nào là Tỳ-kheo đa văn? Thế nào là Tỳ-kheo hiểu rõ kinh pháp? Làm

thế nào là người phụng trì giới luật? Làm sao để khiến người phụng trì? BỒ-tát giữ gìn tạng pháp như thế nào? Vào núi sâu tu học như thế nào? Thực hành thọ sự cúng dường như thế nào? Tư duy như thế nào? Hành đạo như thế nào? Làm sao để đạt BỒ-tát? Làm sao để được trợ giúp? Làm thế nào để làm chủ mọi việc? Nên quán sát tất cả mọi hành động việc làm của chúng Tỳ-kheo. Như những hành động của họ để tùy theo khả năng của mình mà thi hành, không nên ganh ghét nhau. Nếu ở nơi làng vắng mà nói có miếu, hoặc ở nơi miếu mà nói có làng vắng, thì phải nên cẩn thận giữ gìn lời nói và hành động của mình. Không nên đem lời lẽ trong miếu nói ở làng xóm, cũng không nên đem lời lẽ làng xóm nói ở trong miếu. Do đó người thừa hành việc học rộng nghe nhiều nên sửa đổi tu tập sự nghe. Người phụng hành thông hiểu kinh pháp là phải giải thích rõ nghĩa lý của kinh điển. Người hành trì giới luật là giải thoát khỏi việc gây tạo tội lỗi. Người thừa sự việc phụng trì tạng pháp là làm rõ phương tiện thực hành sáu pháp Ba-la-mật. Nếu có Tỳ-kheo nào thiếu bình bát, hoặc thiếu pháp y thì phải nên bố thí cho vị ấy, đừng làm cho người khác sinh tâm ganh ghét. Vì sao? Vì nếu để người sinh tâm ganh ghét là gây oán kết, cho nên phải ủng hộ họ, bởi họ là phạm nhân, chứ chẳng phải là bậc La-hán. Vì sao? Vì phạm phu còn hữu lậu, La-hán thì đã dứt hết lậu hoặc. Nếu có Tỳ-kheo chưa

chúng đạo, hoặc tích chứa pháp y, hoặc tích chứa bình bát, thì nên dùng đạo Chánh chân vô thượng chỉ bày hướng dẫn cho họ. Vì sao? Vì việc làm ấy có ứng hợp. Nếu vì đạt đến đạo quả mà tích chứa vật dụng khiến cho thiên định giảm sút, thì phải nên hòa giải. Nếu lúc chánh pháp sắp diệt mất, thì dù có nguy hại đến thân mạng mình vẫn bảo vệ hộ trì chánh pháp. Nếu thấy Tỳ-kheo bị bệnh khổ hành hạ, nên dùng máu thịt của mình để chữa trị cho vị ấy, khiến được thoát khỏi bệnh khổ.

Lại nữa, này Lý gia! Nếu mình không bố thí, không nên ngăn cấm người khác bố thí, hoặc có bố thí thì hoàn toàn không hối tiếc, như vậy mới có được nguồn gốc công đức, lấy đạo tâm chánh chân làm đầu. Này Lý gia! Đây là những việc làm, những phẩm loại, những thích ứng mà hàng Bồ-tát tại gia tu học đạo nên làm như vậy.

Khi Đức Như Lai thuyết giảng pháp môn dạy bảo những hành động thiết thực của hàng Bồ-tát tại gia, thì có một ngàn người phát tâm cầu đạo Chánh chân vô thượng. Lại có hai ngàn hàng trời, người xa lìa trần cấu, chứng đắc pháp nhãn thanh tịnh.

Bấy giờ, Lý gia Thâm bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Thế Tôn đã diễn bày rộng rãi quả thiện hoặc ác cho hàng Bồ-tát tại gia và cư sĩ, cũng như sáu pháp: Bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiên định, trí tuệ, đối với đạo lớn phải nên

thực hành. Bạch Thế Tôn! Còn những hành động thiết thực của hàng Bồ-tát xuất gia, những hạnh nguyện vi tế hiện bày công đức thiện, xin Thế Tôn giảng nói cho con rõ. Hàng Bồ-tát xuất gia phải làm những gì? Hành động thiết thực của họ phải như thế nào?

Đức Thế Tôn bảo Lý gia Thập:

– Lành thay! Này Lý gia! Hôm nay ông hỏi Như Lai về những hành động thiết thực của Bồ-tát xuất gia tu học đạo. Lành thay! Này Lý gia! Ta sẽ giảng nói cho ông về những việc làm của hàng Bồ-tát xuất gia và những hành động của họ. Ông hãy cố gắng và khéo tư duy về điều này.

Lý gia Thập ghi nhận lời dạy và theo Đức Thế Tôn nghe pháp.

Đức Phật bảo:

– Này Lý gia! Bồ-tát xuất gia tu học đạo, ví như ngọn lửa cháy trên đầu, như mặc áo giáp tinh tấn đề mong cầu trí tuệ, đó là việc làm ban đầu của người xuất gia. Thứ đến là tu học kinh điển Hiền Thánh. Thế nào gọi là người xuất gia học kinh điển Hiền Thánh? Nghĩa là có được một bộ y là đủ, cũng cho là tốt rồi, ngày ăn một bữa, ngủ một giường, đau ốm dùng một loại thuốc là đủ, cũng cho là tốt rồi, đó là kinh điển Hiền Thánh. Vì sao gọi là kinh điển Hiền Thánh? Vì tu tập tất cả các phẩm pháp trợ đạo nên gọi là kinh điển Hiền Thánh.

Lại nữa, Bồ-tát xuất gia tu học đạo là có công đức của mười hạnh biết đủ nên thân mặc pháp y. Những gì là mười? Do hổ thẹn nên thân mặc pháp y. Vì tránh gió nóng nên thân mặc pháp y. Vì tránh ruồi muỗi, ễnh ương nên thân mặc pháp y. Vì muốn thấy được trạng thái của thiên định nên thân mặc pháp y. Cũng vì năng lực của pháp y là năng lực trong mười phương, nên thân dùng pháp y. Vì xa lìa dục lạc, vì không ưa thích dục lạc, vì muốn an ổn, được thanh tịnh, vì đoạn trừ những thú vui đưa đến đau khổ, không vì sự đầy đủ tốt đẹp mà chỉ vì hành đạo, gánh vác trách nhiệm của đạo Hiền Thánh. Ta cũng vì vậy mà tự tu tập. Do đó, một khi có được pháp y, mặc được pháp y phải nên tu mười công đức này, tự mình quan sát tu tập cho đến trọn đời. Ở chốn nhàn tịnh, không cầu xin. Những gì là mười? Ta tự mình tạo nghiệp vì nuôi thân, không vì đạo nghiệp khác. Nếu có người đến bố thí cho ta, trước hết phải quy y ba ngôi Tam bảo, sau đó mới thọ nhận vật họ bố thí cho mình. Tự ta muốn theo người khất thực chứ không muốn sự bố thí của người. Vì lòng từ bi thương xót người ấy, ta nên thọ sự ăn uống theo chỗ tu hành của mình, để không trái với lời dạy của Đức Như Lai, nhằm để thành tựu hạnh căn bản biết đủ, để không hàng phục tâm kiêu mạn, thành tựu bản nguyện công đức của bậc Vô đánh kiến. Ta cũng nên bố thí, cũng tự mình giáo hóa. Nếu có đi khất thực, ta cũng

không được theo sở thích đối với nam hay nữ, mà dùng tâm bình đẳng đối với tất cả mọi người, để thành tựu trách nhiệm đem trí tuệ sáng suốt đến cho chúng sinh. Đó là mười công đức mà Bồ-tát xuất gia phải tự mình quán sát đến trọn đời. Ở chốn nhàn tịnh, không cầu xin. Nếu có người đến mời thỉnh về trú xứ của họ, vì người ấy hết lòng tin tưởng nơi đạo, ta cũng không nên đến chỗ ấy. Giả sử có người đến thỉnh thọ trai, nếu tự mình được lợi ích, cũng tạo lợi ích cho người, thì đến thọ thí. Ta dạy bảo Bồ-tát có thể thực hành như vậy. Lại có mười công đức tự mình quán sát tu tập có thể đến nơi gốc cây tọa thiền, nghỉ qua đêm. Những gì là mười? Nơi ấy tự mình tự do đi lại, nơi ấy không có tên gọi giường nằm, nơi ấy không cần đóng cửa, thường ở nơi hang núi, xa lìa sự ưa thích chỗ ở, ít ham muốn, ít tạo tác vì thành tựu công đức, dù tổn hại đến thân mạng cũng không hối tiếc, ưa thích chốn tịch tĩnh, xa lìa nơi đông đúc để thực hành việc tu thân, dùng thiên định làm tâm thanh tịnh, ở chỗ nhàn tịnh tư duy về điều không có lợi ích. Đây Lý gia! Đó là mười công đức mà Bồ-tát xuất gia có thể thực hành khi trú nơi gốc cây.

Lại nữa, này Lý gia! Hoặc có Bồ-tát xuất gia tu học đạo, vào nơi núi sâu, hoặc muốn thọ trì kinh pháp, hoặc muốn thông hiểu kinh pháp, cho nên vào nơi miếu. Nếu vào nơi miếu, tâm ý luôn hướng về rừng núi mà coi là mình đang ở rừng núi để thọ

trì kinh pháp. Hành giả, đối với tất cả vật không có tướng về ta, với tất cả các pháp có tướng bổ thí cho người.

Lại nữa, nếu Bồ-tát xuất gia tu học đạo, nếu vào ở nơi núi sâu, nên tự mình quán sát: ta nay vì sao lại ở trong núi này? Không những chỉ có người vào núi sâu, mới gọi là dứt tâm. Vì sao? Vì nơi ấy còn có nhiều hạng người không tu tập, không hộ trì, không giải thoát, không tu hành đều vào ở trong núi chẳng hạn, hoặc các loài cầm thú, chim chóc, khỉ vượn, giặc cướp, kẻ ác, thầy đêu vào ở trong núi sâu, cũng không thể gọi họ là người thiên định. Cho đến việc mong muốn vào ở trong núi sâu của ta cũng vì thành tựu đạt được thiên định mà ta cầu mong. Lại nữa, vì sao Bồ-tát phải thiên định? Nghĩa là làm cho tâm không rối loạn, giữ tâm được như vậy mới nắm giữ mọi việc một cách viên mãn. Do đa văn không biết nhàm đủ, thành tựu biện tài, dùng tâm từ, không giảm tâm đại bi, không lìa xa năm thân thông, hưng khởi sáu pháp Ba-la-mật, thương kính tất cả chúng sinh ý không lựa chọn, thường hành trí tuệ quyền xảo, bổ thí giáo pháp để quy tụ mọi người, thành tựu bốn việc hòa hợp mọi người, không chọn lấy hay xả bỏ mà luôn luôn tu niệm, tinh tấn đa văn không tổn giảm. Phân biệt nguồn gốc các pháp là nhân duyên của đạo giải thoát chân chánh. Trí tuệ cũng không vào được đạo chân chánh. Vì hộ trì chánh pháp nên nhờ vào lòng

tin tội phước làm chánh kiến; suy nghĩ về việc làm cần đoạn dứt làm chánh tư duy; tùy theo sự vui thích mà thuyết pháp làm chánh ngữ, tùy vào hành động, dùng chỗ biết đủ làm chánh nghiệp, phải loại trừ bệnh tật làm chánh mạng; nhằm đạt đến đạo làm chánh phương tiện, thường không quên mất làm chánh niệm; đạt đến trí thông suốt tất cả làm chánh định; hoặc dùng pháp không làm nẻo hành vào vô tướng; hoặc đắc vô nguyện làm phương tiện đoạn tục; nương vào nghĩa lý, không nương văn tự; nương vào giáo pháp, không dựa vào người; nương vào trí tuệ, không theo sự nhận thức; nương vào nghĩa lý căn bản chứ không dùng nghĩa sơ sài. Đây Lý gia! Đây là những điều muốn tu tập dứt tâm loạn động của Bồ-tát xuất gia.

Lại nữa, người xuất gia tu đạo, không nên làm nhiều việc. Nếu tư duy điều này tận nguồn gốc của nó mới biết việc của tất cả chúng sinh không cùng với việc làm của mình. Bậc sáng suốt không chỉ cho hạng người không việc làm. Lại có bốn việc làm mà người xuất gia phải làm theo lời dạy bảo của Như Lai. Những gì là bốn? Một là phục vụ giảng thuyết kinh pháp. Hai là phục vụ thành tựu chúng sinh. Ba là phục vụ cúng dường Như Lai. Bốn là tùy thuận phát khởi trí thông suốt tất cả, tâm ý không tán loạn. Ngoài những việc trên đây thì không nên làm những việc khác.

Lại nữa, Bồ-tát xuất gia tu học đạo, nếu vào nơi

núi sâu, nên tự quan sát: Ta vì sao mà đến nơi này? Người ấy tư duy như vậy: Ta vì sợ hãi mà đến nơi này. Sợ những gì? Sợ chôn đông người; sợ cùng với người đời làm những việc tham dục, sân giận, si mê, kiêu căng, tự mãn; sợ giao du bạn ác, sợ ganh ghét; sợ sắc, thanh, hương, vị, xúc; sợ những danh dự lợi dưỡng; sợ sự cung kính cúng dường; sợ điều không thấy nói thấy, không nghe nói nghe, không biết nói biết, không hiểu nói hiểu; sợ sự cầu nhiệm khi dứt tâm; sợ càng ganh ghét nhau; sợ bị đọa lạc trong năm đường luân hồi sinh tử; sợ rơi vào ba cõi: Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới; sợ sai lạc trong năm âm, trong sinh tử khổ nhọc và trong cõi trời; sợ vào đường ác: địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh; lo sợ hoảng hốt với tất cả các niệm xấu ác; Ta đến nơi đây không thể coi đây là nhà. Nếu ở chôn đông người, làm các việc không thích ứng với đạo, thì cũng không thoát khỏi những nỗi lo sợ kia. Hoặc trước kia Bồ-tát đã thoát khỏi mọi lo sợ ấy là nhờ vào năng lực đã ở nơi núi sâu, chứng đắc sự vô úy. Lại nữa, tất cả mọi nỗi lo sợ là do từ thân sinh ra, do mến mộ thân, do tu sửa thân, vì là thân, vì thương yêu thân, làm mạnh mẽ thân, tư duy về thân, vì thấy thân nên an ổn cho thân, vì tưởng về thân, nên ủng hộ thân cho sự sống vậy. Giả sử vào trong núi là tâm ý đối với thân: ý mến mộ thân nên tu thân, là thân nên thương yêu thân, tư duy về thân nên thấy thân, an ổn về thân nên tưởng về thân, có

thân nên ủng hộ thân. Quán tưởng thân ta là không, thì làm gì có ở chốn núi sâu nữa? Lại nữa, người vào ở trong núi sâu, chuyên vì quán tưởng không có thân, không tưởng việc khác. Người vào núi sâu không tu tập luận nghĩa, không thấy được tự thân thì không còn điên đảo, không còn tưởng vô vi thì làm sao có tưởng có. Lại người nào vào chốn núi sâu, được gọi là: Tất cả các pháp vắng lặng của tịch tĩnh; không còn chấp trước đối với các pháp; không còn vướng mắc với các dục lạc; không thọ nhận các tướng; không sai lầm đối với các sắc, thanh, hương, vị, xúc; không lệ thuộc vào các định, tự điều hòa tâm ý không rối loạn; vứt bỏ gánh vác đáng sợ; vượt qua sông rộng lớn mênh mông để tạo dựng kinh điển của Hiền Thánh; mọi thứ xấu ác thấy đều biết rõ; luôn ý thức ít muốn, dùng trí tuệ biết đủ; vì biết đủ, vì ý thức về ít muốn để thích ứng, hiểu rõ gốc ngọn các hành nghiệp; vì tất cả những sự việc tạo tội địa ngục đã vĩnh viễn được đoạn trừ. Này Lý gia! Ví như trong núi sâu có cây cối, loài cỏ xấu đều không lo không sợ. Như vậy, này Lý gia! Bỏ-tát vào trong núi sâu phải giữ gìn tâm giống như cây cỏ tường đá thì có gì phải sợ.

Người ấy sợ ai? Người ấy sợ tư duy nguồn gốc của thân, ta hoàn toàn không có thân, chẳng phải người, chẳng phải mạng sống, chẳng phải trượng phu, chẳng phải nam, chẳng phải nữ, chẳng phải trước đây không có sinh, không có bảo sinh ra,

không có lớn lên, không có trưởng thành, những nỗi lo sợ ấy chỉ vì do khởi tướng thân là chân thật, nên có lo sợ. Nay ta không nên sinh tướng chân thật, tạo sự lo sợ nữa. Nếu không sinh tướng như vậy thì đối với cây cối, các thứ cỏ dại cũng làm như thế, sẽ không ảnh hưởng đến sự giải thoát, tất cả các pháp đều có thể thực hành đầy đủ. Nhờ ở trong núi sâu, đoạn dứt mọi ảnh hưởng bên ngoài, xa lìa tham dục cấu trần, ở trong núi sâu quán tưởng chẳng phải ta, chẳng có vật. Lại ở trong núi sâu, tư duy thông đạt các pháp phẩm trợ đạo, quán sự vận hành của mười hai nhân duyên, hiểu rõ pháp bốn đế, biết tường tận các âm, dùng pháp quán chế ngự các căn, xa lìa các nhập không quên mất đạo tâm, được chư Phật khen ngợi, Hiền Thánh xưng tán, giải thoát mọi việc thế gian. Người vào núi sâu tu tập để thấu hiểu phương tiện quyền xảo của trí thông suốt tất cả. Người vào núi tu tập không lâu sẽ đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật. Thế nào là Ba-la-mật mà người vào núi sâu tu tập? Không luyến tiếc thân mạng là bố thí Ba-la-mật. Dựa vào sự thanh tịnh để thành tựu ba nghiệp, là trì giới Ba-la-mật. Tâm ý không loạn động, lại có thể vì đạt trí thông suốt tất cả mà không hành đạo khác, là nhẫn nhục Ba-la-mật. Cho đến lúc chưa chứng pháp Nhẫn thì hoàn toàn không sinh tâm chán nản là tinh tấn Ba-la-mật. Hoặc để được nhất tâm mà không nhờ vào trí đạt được, chỉ nhờ vào nguồn gốc công đức mạnh

mẽ, là thiên định Ba-la-mật. Thân ở núi sâu tu học đạo để hiểu rõ mọi sự việc, là trí tuệ Ba-la-mật. Đó là Bồ-tát đã chứng đắc đạo.

Lại nữa, này Lý gia! Có bốn pháp cần phải tu tập, Ta dùng để chỉ dạy cho hàng Bồ-tát xuất gia vào núi sâu tu học. Những gì là bốn? Nếu có Bồ-tát đa văn, thông hiểu các pháp hoặc dùng sự hiểu biết của mình để tu tập, đi vào tận nguồn gốc các pháp, có thể vào trong núi sâu tu tập. Lại Bồ-tát do chứng được năm thần thông, muốn thành tựu năm thông cho hàng trời, rồng, quỷ thần, nên có thể vào trong núi sâu tu tập. Lại có Bồ-tát tu tập phải chịu đựng nhiều khổ nhọc, vì không muốn tạo nhiều lao khổ, liền muốn diệt trừ, có thể vào trong núi sâu tu tập, cũng muốn chế ngự các khổ nên tự mình chuyên cần gắng sức. Lại có Bồ-tát nhờ học rộng, vào trong núi sâu tu tập mong chứng đắc pháp thanh tịnh viên mãn tất cả, sau đó trở vào thôn xóm, quận huyện, thành ấp để giảng thuyết truyền dạy cho tất cả mọi người cũng được tu tập theo pháp. Như vậy, này Lý gia! Ta giảng dạy pháp tu cho Bồ-tát xuất gia vào núi sâu tu tập.

Lại nữa, nếu có Bồ-tát xuất gia tu đạo, vào ở núi sâu tu tập, nên thọ trì, đọc tụng kinh pháp, hoặc vào chỗ đông người, nên giữ thái độ cung kính, khiêm tốn. Đối với thầy tổ, bạn bè, giáo thọ, bậc Trưởng lão, hay người trẻ tuổi đều nên tôn kính họ. Không nên biếng nhác, phải tự tu tập, không bỏ bê

sự tu tập, cũng không mong cầu được cung kính. Nên quan sát như vậy, sẽ được Đức Như Lai Ứng Nghi Chánh Chân làm cho các Phạm thiên, Đế Thích, hàng trời, người và tất cả chúng sinh đều đến cúng dường, sẽ thành ruộng phước của bậc tôn quý trong hàng trời người. Vị ấy không mong cầu người khác phụng sự, tự mình làm việc không muốn phiền người khác. Hơn nữa, chưa trở thành bậc tôn quý mà trở lại muốn người khác phụng sự chẳng? Lại nữa, ta nên vì mọi người mà cúng dường, ta nên cúng dường mọi người, chứ chẳng nên theo mọi người cầu xin cúng dường. Vì sao? Vì sự cúng dường rất quan trọng. Nay Lý gia! Tỳ-kheo không nên đem pháp khuyến khích việc cúng dường, vì khuyến khích việc cúng dường chẳng đúng pháp. Nên dùng pháp để khuyến khích người tu học, làm được như vậy tức là cúng dường. Vì thế đó chính là việc khuyến khích cúng dường đúng như pháp. Nếu người ấy vì tự hủy hoại mình, làm mất lòng tin chân chánh để có sự cúng dường, thì người ấy giống với vật hõn tạp ở thế gian, chẳng phải là bậc đại nhân. Do vậy nếu muốn đến chỗ Phật nghe pháp, kết làm thầy bạn, thì thân, ý và hành động phải quyết chắc mới có thể đến được. Lời giảng dạy của ta là thầy bạn, dùng giáo pháp ngoại đạo để thực hành thì không thể hơn được, bởi không thể thưa hỏi, đọc tụng, khởi tâm tu tập. Vì vậy muốn đọc tụng kinh pháp, phải bắt chấp

thân mạng, ưa thích pháp, tùy thuận ý thầy, để mong cầu lợi ích nơi pháp, chẳng phải vì mong cầu được lợi của sự cung kính khen ngợi. Nếu được theo thầy lãnh hội bốn câu kệ để đọc tụng, thì nên đem sáu pháp bổ thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, tư duy, trí tuệ để cúng dường cho thầy. Như sự tu tập của người ấy, dùng số chữ của bốn câu kệ làm số kiếp để cúng dường cho thầy, còn chưa đủ để bày tỏ sự cung kính thầy. Lại thường đem lời chất trực, không dối trá, không đua nịnh, tất cả mọi người làm việc đều để cúng dường.

Lại nữa, này Lý gia! Điều gọi là cung kính pháp: Nếu có người phát sinh ý niệm, ý niệm có đức hạnh, ý niệm có Phật, có pháp, ý niệm có sự xa lìa tham dục, ý niệm tịch tĩnh, hoặc dùng bốn câu kệ để tu tập, nương theo đó mà thực hành, trải qua số kiếp như vậy để cúng dường thầy mình, vẫn còn chưa phải là cung kính đúng pháp. Này Lý gia! Hãy nên biết việc này. Nếu thực hành pháp này sẽ được phước đức vô số, được trí tuệ vô lượng. Vì vậy Bồ-tát muốn phân biệt hiểu rõ pháp tối thượng, cũng phải trải qua vô số kiếp cung kính chánh pháp. Hoặc người ấy tư duy như vậy: Nếu nghe được bốn tịnh giới. Những gì là bốn việc tịnh giới? Ấy là Bồ-tát xuất gia có bốn việc tịnh giới: Một là tạo lập kinh điển của Hiền Thánh; hai là mền mộ đức hạnh tinh tấn; ba là không cùng với việc làm của cư sĩ tại gia; bốn là không hòa theo việc vào

núi sâu. Đó là bốn việc tịnh giới của người xuất gia. Lại có bốn việc tịnh giới. Những gì là bốn? Cẩn thận giữ gìn thân, thân không bị trở ngại; cẩn thận giữ gìn lời nói, lời nói không bị trở ngại; cẩn thận hộ trì tâm, tâm không bị trở ngại; xa lìa tâm nghi ngờ tà vạy, phát sinh tâm ý thông suốt tất cả. Đó là bốn việc tịnh giới của người xuất gia. Lại có bốn việc tịnh giới. Những gì làm bốn? Một là mình tự nhận thức, hiểu biết; hai là không cao ngạo, kiêu mạn; ba là không giống hình tướng người đời; bốn là không huỷ báng người. Đó là bốn việc tịnh giới của Bồ-tát xuất gia. Lại có bốn việc tịnh giới. Những gì là bốn? Một là cho rằng các âm là pháp huyễn hóa; hai là cho rằng các tình là hữu tình; ba là cho rằng các nhập là rỗng không; bốn là không theo nghi thức phương pháp của thế tục. Đó là bốn việc tịnh giới của Bồ-tát xuất gia. Lại có bốn việc tịnh giới. Những gì là bốn? Một là không chấp ngã; hai là xa lìa hữu ngã; ba là diệt trừ kiến chấp: đoạn chấp thường; bốn là rõ pháp nhân duyên. Đó là bốn việc tịnh giới của Bồ-tát xuất gia. Lại có bốn việc tịnh giới. Những gì là bốn? Một là hiểu pháp không, hai là không sợ cõi Vô tướng, ba là thương xót chúng sinh, bốn là cho rằng chẳng có thân. Đó là bốn tịnh giới của Bồ-tát xuất gia. Lại nữa, hoặc người ấy thường nghe về thiên định thanh tịnh, nên quán sát như vậy: Sao gọi là định thanh tịnh? Vì thông hiểu tất cả các pháp, tâm không hành việc

khác, ý có sự quyết đoán, luôn nhất tâm, ý không sai lầm, ý không qua lại, không giống ruồi, thân trụ ý dừng, không theo đuổi các dục tình. Thường quán pháp như huyễn, quán ngã cũng như huyễn, các pháp hữu tình cũng như vậy. Lại do không hành nên không thể tồn tại, đã thực hành chân chánh, nên gọi là chánh định. Hoặc pháp tồn tại như pháp, đây cũng gọi là chánh định. Lại nữa, nên quan sát như vậy: người ấy thường nghe về trí tuệ thanh tịnh. Sao gọi là Trí tuệ thanh tịnh? Trí tuệ phân biệt chọn lựa các pháp, gọi đó là trí tuệ thanh tịnh. Không chấp tướng và thực hành vô tướng, tướng không tạo tác thì không tồn tại, tướng vô vi thì không giống ruồi. Này Lý gia! Nên quán pháp như vậy, đó là việc của hàng Bồ-tát xuất gia.

Khi Đức Phật thuyết giảng kinh này, có năm trăm người phát tâm Chánh chân vô thượng. Bấy giờ, Lý gia Thập cùng với những vị ấy đồng thanh bạch Phật:

– Thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn! Đúng như vậy, lời Thế Tôn thật là hoàn hảo, đã nói lên công đức chính yếu và trách nhiệm phải làm của hàng Bồ-tát tại gia, cũng thuyết giảng xong pháp công đức của hàng Bồ-tát xuất gia. Bạch Thế Tôn! Chúng con đã hiểu rõ những việc làm xấu ác của người tại gia và những công đức thiện của người xuất gia. Vì vậy, con muốn được theo Thế Tôn lãnh trọn giới pháp xuất gia, để thành tựu đức hạnh của

Tỳ-kheo.

Đức Phật bảo các Lý gia:

– Lý gia các ông! Vấn đề xuất gia là rất khó. Nếu xét rõ được công đức thuần thiện mới có thể phụng hành hộ trì giáo pháp.

Các Lý gia bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Việc xuất gia tuy rất khó nhưng Như Lai hãy cho chúng con xuất gia hành đạo.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn liền cho BỒ-tát Từ Thị và tất cả BỒ-tát thực hành đức hạnh thanh tịnh, các Lý gia của BỒ-tát Từ Thị có hai trăm vị, các Lý gia của các BỒ-tát hành đức hạnh thanh tịnh có ba trăm vị, đều được xuất gia tu học đạo.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan hỏi Lý gia Thập:

– Vì sao ông ở tại nhà mà có thể thích pháp Hiền Thánh của người xuất gia?

Lý gia Thập thưa với Tôn giả A-nan:

– Bởi vì tôi không ham thích dục lạc của thân mình, chỉ muốn đem đến niềm vui cho chúng sinh nên tôi ở gia đình. Hơn nữa, chỉ có Đức Như Lai mới có thể hiểu rõ được tôi. Vì vậy tôi chấp nhận lời dạy của Phật và ở tại gia.

Khi ấy, Đức Thế Tôn bảo A-nan:

– Này A-nan! Ông đã thấy Lý gia Thập không?

– Bạch Thế Tôn con đã thấy Lý gia Thập.

– Này A-nan! Lý gia Thập này trong Hiền kiếp

đã thành tựu cho rất nhiều Bồ-tát xuất gia. Mà trong khoảng một trăm kiếp không ai có thể làm được như vậy. Vì sao? Này A-nan! Lại nữa, trong một ngàn người xuất gia tu đạo, không ai có được công đức như vậy, chỉ Lý gia Thập này mới có được công đức như vậy.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Kinh này đặt tên gì? Và nên phụng hành như thế nào?

Đức Phật bảo:

– Đúng vậy, này A-nan! Kinh này gọi là “Giáo hóa Bồ-tát tại gia và xuất gia nên phụng trì”, cũng gọi là “Giáo hóa đức tánh bên trong nên phụng trì” cũng gọi là “Những điều thưa hỏi của Lý gia Thập nên phụng trì”. Và nếu người nào được kinh này, sẽ được viên mãn năng lực tinh tấn thù thắng, mọi oai nghi cử chỉ đều tinh tấn thực hành đạo. Vì vậy, A-nan nên biết, người nào muốn phát khởi sự tinh tấn, muốn nỗ lực chuyên cần, muốn tạo lập tất cả công đức và muốn tạo dựng công đức cho mọi người, thì phải nên dùng kinh này, nghe kinh này rồi lãnh hội và thực hành. Ta đem kinh này giao phó cho các ông, các ông hãy đem kinh này ban bố cho mọi người. Vì sao? Vì kinh này là pháp thực hành chân chánh các công đức. Này A-nan! Kinh này là pháp ứng hợp chân chánh.

Khi Đức Thế Tôn giảng nói kinh này xong, Tôn

giả A-nan rất hoan hỷ, Lý gia Thập và hàng trời, người đều tin hiểu lời dạy của Đức Thế Tôn và cùng tư duy về pháp ấy.



SỐ 323

KINH ÚC CA LA VIỆT VẤN BỒ TÁT HÀNH

Hán dịch: Đời Tây Tấn, Tam tạng Pháp sư Trúc Pháp Hộ, người nước Nguyệt Chi.

Phẩm 1: THƯỢNG SĨ

Nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ngự tại Tinh xá nơi khu vườn rừng Kỳ Đà – Cấp Cô Độc, thuộc nước Xá-vệ, cùng với một ngàn hai trăm năm mươi vị Đại Tỳ-kheo, năm ngàn Bồ-tát, như: Bồ-tát Từ Thị, Bồ-tát Nhuyễn Thủ, Bồ-tát Trừ Ác, Bồ-tát Quang Thế Âm v.v... đều hội đủ.

Bấy giờ, vô số trăm ngàn chúng vây quanh Đức Phật để nghe Ngài thuyết pháp. Trong thành Xá-vệ có một trưởng giả nổi tiếng tên là Úc-ca cùng với các trưởng giả Hảo Hỷ, trưởng giả Hảo Thán, trưởng giả Thiện Thí, trưởng giả Hữu Lượng, trưởng giả Sở Lạc, trưởng giả Thường Danh Văn, trưởng giả Thí Danh Văn, trưởng giả Hữu Danh Văn, trưởng giả Thiện Tài, trưởng giả Tuân Hành, trưởng giả Cấp Cô Độc, trưởng giả Tân Kỳ, trưởng giả Sung Cự Túc và trưởng giả Thâm Lượng, mỗi trưởng giả ấy đều cùng năm trăm quyền thuộc đi

đến chỗ Đức Phật nơi thành Xá-vệ rồi cúi đầu đánh lễ sát chân Phật, nhiễu quanh bên phải ba vòng và lui ra ngồi một bên. Những vị ấy đều đã lập chí nguyện nơi Đại thừa, gieo trồng các cội gốc công đức, chắc chắn sẽ được thọ ký đạo quả Chánh chân vô thượng.

Khi ấy, thấy chúng Bồ-tát và các trưởng giả rồi, trưởng giả Úc-ca nương oai thần của Phật, từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa y phục, quỳ gối chấp tay bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Con có điều muốn thưa hỏi, cúi xin Đức Thế Tôn từ bi dùng phương tiện thiện xảo để giảng nói cho con.

Đức Phật bảo:

– Này trưởng giả! Ông muốn hỏi điều gì thì hãy thưa hỏi, Như Lai sẽ giảng nói khiến ông được hoan hỷ.

Trưởng giả Úc-ca bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Thiện nam, thiện nữ nào phát tâm cầu đạo quả Chánh chân vô thượng, được nghe vô số trí tuệ của Phật, học hỏi pháp Đại thừa, nguyện an trụ nơi Đại thừa, khuyến khích giúp đỡ người theo Đại thừa, nương nơi pháp Đại thừa, thông đạt về Đại thừa, giảng nói và làm an ổn cho tất cả chúng sinh, mặc áo giáp Đại thừa cứu giúp tất cả chúng sinh, phát nguyện: “Những ai chưa được độ thì ta sẽ độ họ, người chưa giải thoát thì ta

sẽ giải thoát cho họ, người chưa an ổn thì ta sẽ làm cho họ an ổn, người chưa chứng đắc Niết-bàn ta sẽ khiến họ chứng đắc Niết-bàn, ta sẽ trừ hết mọi gánh nặng cho tất cả chúng sinh, kiến lập thế nguyện rộng lớn nơi đạo vô thượng, tâm không ô nhiễm bởi vô lượng sinh tử và các hiềm khích xấu ác, vô số kiếp xoay vần trong sinh tử nhưng tâm họ vẫn không hề buông bỏ, nếu cầu đạo tại gia hay xuất gia của Bồ-tát, hoặc muốn hoàn bị pháp của Phật, phải thương tưởng đến chư Thiên và loài người, dùng pháp Đại thừa này ban bố khắp tất cả, không bỏ mất những lời dạy về ngôi Tam bảo và an trụ lâu dài nơi Nhất thiết trí thì đạt đầy đủ trí tuệ này”. Cúi xin Thế Tôn giảng nói pháp giới đức của hàng Bồ-tát tại gia, những ai lắng nghe và thực hành theo lời dạy của Như Lai thì đạt được quả vị Bất thoái chuyên, thành tựu đạo quả Bồ-đề vô thượng, đời nay cho đến những đời sau, bất cứ ở đâu cũng đều là bậc trác tuyệt, cùng với hàng Bồ-tát xuất gia trừ sạch ái dục, độc tâm giữ đạo, cạo bỏ râu tóc, làm vị Tỳ-kheo, thọ trì giới cấm, thực hành theo pháp, theo điều lành và làm theo sự chân chánh. Bạch Thế Tôn! Bồ-tát tại gia nên an trụ như thế nào? Hàng xuất gia ấy an trụ như thế nào?

Đức Phật bảo trưởng giả Úc-ca:

– Lành thay! Lành thay! Nay trưởng giả! Chỉ có ông mới có thể phát tâm thưa hỏi Như Lai về ý nghĩa rộng lớn như vậy. Ông hãy lắng nghe và

khéo suy nghĩ, Như Lai sẽ giảng nói về công hạnh chứa nhóm giới đức và sức tinh tấn của hàng Bồ-tát tại gia cùng xuất gia cho ông.

Khi ấy, trưởng giả Úc-ca lắng nghe để nhận lãnh.

Đức Phật dạy:

– Này trưởng giả! Bồ-tát tại gia nào tu đạo thì nên quy y Phật, quy y Pháp và quy y Tăng. Nhờ công đức tự quy y này mới cầu đạo quả Chánh chân vô thượng.

Này trưởng giả! Thế nào là Bồ-tát tại gia quy y Phật? Bồ-tát tại gia nên nghĩ: Ta sẽ đầy đủ ba mươi hai tướng tốt của Phật, tạo các công đức và cội gốc căn lành, chứa nhóm vô số hạnh nguyện, thường thực hành tinh tấn để hoàn bị ba mươi hai tướng tốt. Đó gọi là quy y Phật. Thế nào là quy y Pháp? Là thực hành theo giáo pháp, kính nhận giáo pháp, thông đạt nghĩa lý vi diệu của pháp, ưa thích giáo pháp, nương tựa nơi pháp, chí nguyện đối với pháp, nhờ pháp dẫn dắt, hộ trì pháp, an trụ nơi pháp tịch tĩnh, khua trống pháp và tăng, trụ vào hạnh nguyện của pháp, thực hành các pháp, vì pháp mà giảng nói về pháp giới, dùng diệu lực của pháp làm pháp chủ, thực hành bố thí pháp và cầu pháp bảo, lúc ta chứng đắc đạo quả Bồ-đề vô thượng, thành bậc Tối Chánh Giác thì sẽ giảng nói pháp giúp cho chư Thiên và loài người được giải thoát. Đó là quy

y Pháp. Thế nào là quy y Tăng? Hàng Bồ-tát tại gia nếu gặp bậc Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Phật-bích-chi, Thanh văn hoặc phạm phu đều nên cung kính phụng sự, chiêm ngưỡng lễ bái, luôn vâng theo, nói năng từ tốn, không hề nghi ngờ, tôn trọng, cúng dường, nương vào các hạnh chân chánh, lúc nào cũng tâm niệm: Khi ta chứng đắc đạo quả Bồ-đề vô thượng, thành bậc Tối Chánh Giác, thì sẽ thâm nhận tất cả chư Thiên và loài người làm chúng đệ tử, sẽ cung kính nói pháp cho họ, không hề khinh mắt. Đó là quy y Tăng.

Lại nữa, này trưởng giả! Có bốn pháp để hàng Bồ-tát tại gia quy y Phật. Những gì là bốn? Một là chí nguyện nơi Phật đạo; hai là dùng tâm bình đẳng để bồ thí, ý không thiên lệch; ba là tâm từ bi rộng lớn không gián đoạn; bốn là tâm không ưa thích thừa nào khác. Đó là bốn pháp để hàng Bồ-tát tại gia quy y Phật.

Này trưởng giả! Có bốn pháp để hàng Bồ-tát tại gia quy y Pháp. Những gì là bốn? Một là cùng tu tập theo pháp của các Bồ-tát, đánh lễ kính nhận giáo pháp chư vị ấy dạy bảo; hai là nhất tâm nghe pháp; ba là như pháp đã nghe rồi giảng nói lại cho người khác; bốn là nhờ công đức bồ thí này mà nguyện cầu chứng đắc đạo quả Chánh chân vô thượng. Đó là bốn pháp để hàng Bồ-tát tại gia quy y Pháp.

Lại nữa, này trưởng giả! Có bốn pháp để hàng

Bồ-tát tại gia quy y Tăng. Những gì là bốn? Một là vượt trên thừa Thanh văn và Duyên giác, chỉ ưa thích Nhất thiết trí; hai là nếu có dùng thực phẩm để bố thí thì cũng dùng pháp để giáo hóa, dẫn dắt; ba là đem pháp giải thoát của Hiền Thánh để dẫn dắt chúng Bất thoái chuyên; bốn là không xem công đức giải thoát của hàng Thanh văn là sự giải thoát. Đó là bốn pháp để hàng Bồ-tát tại gia quy y Tăng.

Này trưởng giả! Bồ-tát tại gia nếu gặp Như Lai, luôn tâm niệm cầu Phật, đó là quy y Phật; nghe thuyết pháp, chí tâm nghĩ nhớ đến pháp là quy y Pháp; được gặp chúng Hiền Thánh của Như Lai, nhớ nghĩ đến Phật đạo gọi là quy y Tăng.

Này trưởng giả! Bồ-tát tại gia muốn đầy đủ hạnh nguyện bố thí là quy y Phật; bố thí, ủng hộ chánh pháp là quy y Pháp; sau khi bố thí mong được Nhất thiết trí là quy y Tăng.

Lại nữa, này trưởng giả! Bồ-tát tại gia thực hành theo hạnh cao cả, không làm theo điều thấp kém. Thế nào là hạnh cao cả? Nghĩa là sử dụng tài sản đúng pháp, không dùng vật phi pháp, theo chánh pháp, không tà vạy, không làm theo sự sai quấy, thực hành nghiệp ngay thẳng, không quấy nhiễu người khác, thường bố thí, thuyết pháp, luôn tưởng vô thường đối với tài sản, làm nhiều việc lành, hiếu thảo cung phụng cha mẹ, thường ưa thích bố thí, cung kính bà con dòng họ, kết bạn với

tri thức thiện, đem pháp cao thượng chỉ dạy cho khách khứa, tôi tớ. Vì thực hành đúng pháp nên vị ấy trừ bỏ hết các gánh nặng và từ bỏ tất cả gánh nặng năm ấm, luôn siêng năng, khiến các sự việc nặng nề không còn dấy khởi, không học tập theo thừa Thanh văn và Duyên giác, dẫn dắt giáo hóa chúng sinh không nhàm chán, vì sự an lạc của mình mà quán tưởng vô thường, muốn tất cả đều an lạc, đối với sự lợi ích hay chẳng lợi ích, khen hay chê, có danh tiếng hoặc vô danh, khổ hay vui đều đã vượt trên pháp hữu vi của thế gian, tâm không kiêu mạn, không vương mắc vào giàu nghèo, không màng đến tài lợi, danh dự, khổ vui, thực hành theo chánh pháp và tùy thuận theo pháp thế gian, trụ vững chắc nơi chân lý, giữ gìn đạo pháp, giúp đỡ những người tu hành thanh tịnh, an trụ chân chánh vào Phật đạo, trừ hết các nhớ ứ, thường sử dụng tâm bình đẳng, thệ nguyện được trọn vẹn, cũng khiến cho người khác cùng hoàn bị thệ nguyện, không buông bỏ sự hành hóa, khiến cho người khác cũng như vậy, mọi việc làm đều rất ráo không có sự do dự, thường biết đền ơn, kiến lập điều lành, gặp người bần cùng thì đem tài sản để cứu giúp, người sợ hãi thì đem năng lực không sợ hãi để trấn an họ, người lo buồn thì an ủi để trừ hết hoạn nạn, người thấp kém thì khuyên họ nhẫn nhục, người có thế lực thì khiến không còn kiêu mạn, người tự cao thì làm cho họ bỏ hết tính tự cao tự đại, cung kính

bậc tôn trưởng, thừa hỏi những bậc đức độ, gần gũi những người uyên bác, thừa hỏi những phương pháp tu tập để thông suốt các điều nghi ngờ, thường hiểu biết đúng đắn, tâm không đua nịnh, từ bi, bình đẳng khắp tất cả, hành hóa không thiên vị, không có tâm làm tổn hại người khác, không phân biệt chủng tánh, cũng chẳng mong cầu, trụ vững chắc vào nhất tâm, ưa thích hạnh tinh tấn, cùng chúng hội với bậc Hiền Thánh, tự tư duy tu tập, gặp người chẳng phải Hiền Thánh thì khởi tâm bi rộng lớn, trụ vào tâm từ bi, lại khởi tâm từ bi bình đẳng đối với các pháp, tự mình tu tập theo pháp, không có thầy hướng dẫn, nếu có nghe pháp là để khai mở nẻo đạo, nghe rồi thì tư duy nghĩa lý, đối với các niềm vui về ái dục và âm nhạc đều quán tưởng vô thường, không tiếc thân mạng, quán tưởng thân mạng như sương sáng sớm, xem tài sản như huyễn, như bọt nước, quyến thuộc là oán thù, vợ con, nam nữ là địa ngục tam tối; tất cả sự nhận lãnh là khổ, nhà cửa, tài sản phải nên xa lìa, những sự tìm cầu là nguồn gốc của bất thiện, gia đình nên tưởng về chủng loại quyến thuộc, tri thức nên tưởng về địa ngục, súc sinh, ngày đêm đều bình đẳng, không sai khác, thân không có gì quan trọng nên thực hành pháp cốt lõi, mạng sống không gì quan trọng nên trụ vào pháp cốt yếu, tài sản không gì quan trọng nên phải làm điều chính đáng. Thế nào là điều cốt lõi của thân? Là có thể giúp đỡ

người khác, cung kính và nương tựa nhau. Đó là điều cốt lõi của thân. Nếu làm cho cội gốc công đức không giảm sút mà khiến công đức thường tăng thêm. Đó là điều cốt lõi của mạng sống. Đối với các pháp không có đối tượng nắm giữ, không chấp giữ tài sản, thường bố thí. Đó là điều cốt yếu của tài sản. Này trưởng giả! Bờ-tát tại gia nên tạo lập gia thất như vậy, đó là hạnh cao cả của hàng tại gia, không bỏ mất giới của Đức Như Lai Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác, đó chính là chí thành gọi là thực hành đúng pháp, không hề thoái chuyển đối với đạo Chánh chân vô thượng.

**

Phẩm 2: GIỚI

Lại nữa, này trưởng giả! Bờ-tát tại gia nên thọ trì năm giới. Một là không sát sinh, tức tay không được cầm dao, gậy, gạch ngói để làm hại đối phương, không quấy nhiễu người khác, tâm bình đẳng đối với tất cả, thường ban rải tâm từ bi. Hai là vật không cho thì không được lấy, không được xâm phạm, tự mình đối với tài sản phải biết đủ, không tham của cải của người khác, xa lìa đua nịnh, không làm việc mờ ám, tự biết vừa đủ, không tham vật sở hữu của người khác, từ cọng cỏ, ngọn lá, sợi lông đến hạt gạo, người khác không cho thì không được lấy. Ba là không tà dâm, tức phải biết gìn giữ đối với vợ (hay chồng) của mình, không

phạm sắc ở bên ngoài, không nên nhớ nghĩ việc dâm dục, chứa nhóm dâm dục thì sẽ đau khổ vô cùng, phải tự giữ gìn chính mình, nên quán như vậy: Khởi tướng đối với vợ mình thì sẽ gặt quả ác, phải thường sợ hãi dục trần, không nên có tâm lén lút, chứa nhóm việc dâm dục, nếu làm như vậy thì sẽ khiến mọi người gần với cõi địa ngục, nếu thân khởi tướng mà cho là bình thường thì ý chẳng được yên ổn, nên lập chí nguyện: “Từ nay về sau, tôi không nhiễm vào việc dâm dục huống nữa là nghĩ đến cùng với người khác làm việc dâm dục sao!”. Bốn là không nói dối: Lời nói phải thành thật, xét kỹ mới nói, lời nói phải đi đôi với việc làm, không nói đôi chiều, không thêm bớt, không nói sai lệch, nên thực hành các giác ý, như điều đã thấy nghe mà giảng nói để hộ trì pháp, thà mất thân mạng, trọn đời không nói dối. Năm là không uống rượu, tức không ưa thích rượu, không nếm rượu, thường an trụ nơi tánh chân thật, không hung dữ, không ngu si, luôn định tĩnh, tâm ý nên mạnh mẽ, nên nhớ nghĩ đến sự an ổn, bố thí các vật sở hữu, chế ngự đôi với các điều phi nghĩa. Nếu đem rượu cho người khác thì nên nghĩ: Đây là lúc Bố thí Ba-la-mật, tùy theo ý muốn của người khác, vì đáp ứng mong cầu của họ, nguyện nhờ việc bố thí rượu này khiến con có được trí tuệ, ý chí chuyên vào việc bố thí, không loạn động. Vì sao? Vì Bồ-tát thì đầy đủ tất cả Bố thí Ba-la-mật.

Đức Phật bảo:

– Nay trưởng giả! BỒ-tát tại gia đem rượu cho người khác như vậy thì đối với pháp không có tội. Công đức của BỒ-tát tại gia thọ trì năm giới này, nên nguyện cầu được đạo Chánh chân vô thượng, nên biết khéo léo giữ gìn năm giới là tinh tấn bậc nhất. Nếu có sự tranh cãi thì phải giải thích khiến hòa hợp, không nói lời ngang bướng, nên nói lời hòa nhã, rõ ràng, không nói đôi chiều, những điều giảng nói đều đúng nghĩa, không làm việc phi pháp, lời nói đều hợp với thiện, không bỏ mất tâm từ bi, ngôn ngữ không sai lệch, không thể lay chuyển, dứt sạch mọi khổ đau, không có ý làm tổn hại người khác, dùng nhẫn nhục làm sức mạnh, mặc áo giáp thệ nguyện rộng lớn, thường phải chánh kiến, xa lìa tà kiến, nếu có bố thí thì không nên thấy có đối tượng bố thí.

**

Phẩm 3: Y DƯỢC

Lại nữa, nay trưởng giả! BỒ-tát tại gia dù ở nước thành, huyện ấp nào cũng nên ủng hộ chánh pháp ở nơi ấy. Người nào không có niềm tin thì chỉ dạy khiến họ tin tưởng, không cung kính thì dạy cho họ cung kính, người thiếu trí tuệ thì dạy bảo khiến họ có trí tuệ, người bất hiếu với cha mẹ, không biết ân nghĩa, nên dùng pháp giáo hóa làm cho họ trung hiếu, tôn kính bậc trưởng thượng,

thực hành tinh tấn, tu tập cẩn trọng. Đối với người ít trí tuệ thì dạy bảo khiến họ học rộng hiểu nhiều, người nghèo khổ thì dạy họ bổ thí, người không giữ giới thì khuyên họ trì giới, người sân hận thì khuyên họ nhẫn nhục, người biếng nhác thì khuyên họ siêng năng, người buông lung thì dạy họ giữ gìn tâm ý, người có trí tà vạy thì chỉ dạy cho họ trụ vào trí chân chánh, người bị bệnh tật thì cho thuốc men, người không ai giúp đỡ thì giúp đỡ cho họ, người không nơi nương tựa thì làm chỗ cho họ nương nhờ, người không ai cứu giúp thì giúp họ được an lạc, làm thầy dẫn dắt cho tất cả chúng sinh như vậy là đã hộ trì chánh pháp. Giả sử có một người bị đọa vào cõi ác thì hàng Bồ-tát tại gia nên dạy cho họ an trụ vào pháp thiện và thực hành những công đức, căn lành khác từ một lần, hai lần hoặc ba cho đến trăm lần. Bồ-tát tại gia nên kiến lập tâm bi lớn đối với tất cả chúng sinh, trụ vững chắc vào Nhất thiết trí, mặc áo giáp thệ nguyện rộng lớn và nên suy nghĩ: “Ta phải thoát khỏi hoạn nạn, giúp cho người bị tai nạn khổ đau khiến họ được giải thoát và chúng ngộ sau đó mới chúng đắc đạo quả Chánh chân vô thượng. Tâm ta như vậy, không vì người có lòng tin ngay thẳng cũng không vì người dua nịnh, lại không dối trá, giới pháp hoàn bị, là người có đức độ, mặc áo giáp thệ nguyện rộng lớn. Ta nhờ được nghe pháp này nên không làm theo người khác, mặc áo giáp thệ nguyện rộng lớn, nguyện cho

ta thường tinh tấn, khiến cho chúng sinh ở chốn tối tăm thấy ta đều hoan hỷ”. BỒ-tát nên ở nơi yên tĩnh, quan sát chân lý, không hề vọng tưởng. Giả sử khiến cho một người làm điều sai trái, bị đọa vào đường ác thì BỒ-tát ấy có lỗi lớn với Đức Như Lai Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác. Thực hành như vậy là BỒ-tát tại gia đã tu đạo ở nhà mình, thường nên mặc áo giáp thệ nguyện rộng lớn này, nguyện: “Tôi sẽ khiến tất cả dân chúng trong cõi nước nơi tôi cư trú không ai bị đọa vào đường ác”. Ví như trong cõi nước, thành ấp nọ có vị thầy thuốc, ở đó có một người bị chết oan thì vị thầy thuốc ấy có lỗi đối với dân chúng. BỒ-tát cũng vậy, ở cõi nước thành ấp nào mà không nhớ nghĩ, cứu giúp chúng sinh, hoặc làm cho một người bị đọa vào cõi ác thì vị BỒ-tát ấy có lỗi đối với Đức Như Lai Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác.

*
**

Phẩm 4: CHỖ Ở KHÔNG THANH TỊNH

Lại nữa, này trưởng giả! BỒ-tát tại gia nên biết rõ mọi việc cầu nhiệm ở gia đình, nên tư duy: “Thế nào gọi là tại gia? Là đoạn mất các cội gốc căn lành gọi là tại gia; không hộ trì kinh điển và các công đức gọi là tại gia; ở nơi các phiền não bất thiện, ở nơi tướng bất thiện, ở nơi sự hành hóa bất thiện, thường ở với người không lương thiện, không định tĩnh, không có phép tắc, khiến tâm tán loạn, nhóm họp với người ác, hung dữ, đó gọi là tại gia; do làm

theo những việc như vậy nên bị ma quỷ nhiều gọi là tại gia; thường ở nơi tham, sân, si và các pháp tạp nhiễm ở thế gian như phiền não, khổ đau, không thể đầy đủ cội gốc căn lành, đó là tại gia; tuy ở trong pháp này nhưng không thực hành theo lại còn xem thường, không cung kính cha mẹ, bậc tôn trưởng, Phật, Sa-môn, Phạm chí và Đạo sĩ, đó gọi là tại gia; ưa thích ái dục, thường buồn khổ, ưu sầu, mọi việc đều chẳng vừa ý, gọi là tại gia; luôn bị giam cầm sân hận, tranh cãi, không hòa hợp, kiện tụng mắng nhiếc, gọi là tại gia; không thể chứa nhóm pháp thiện, diệt hết các cội gốc công đức, điều không nên làm mà làm, chê bai chư Phật, Bồ-tát và Thanh văn, đó là tại gia; tuy ở trong pháp này nhưng khiến người đọa vào cõi ác, ở trong pháp này nhưng làm cho người sợ hãi đối với tham, sân, si, đó là tại gia; không giữ gìn giới luật, xả bỏ định, không thực hành trí tuệ, không cầu pháp giải thoát, không làm sinh khởi pháp giải thoát tri kiến, đó là tại gia; tuy trụ trong pháp này nhưng vướng mắc vào cha mẹ, anh em, vợ con, quyến thuộc, bạn bè, lo buồn về ân ái, không biết nhàm chán như các dòng sông đều đổ về biển, đó gọi là tại gia; từ sự nhiễm ô, tham lam mà khởi tư tưởng không gián đoạn, tại gia có nhiều tưởng tham lam, các việc ác, lo buồn không bao giờ chấm dứt; tại gia thì chứa nhóm ân ái như thức ăn ngon có nhiều chất độc; tại gia xem nguồn gốc các khổ như bạn lành; tại gia

phần nhiều bỏ hết lời dạy của Hiền Thánh; tại gia thường ưa thích tranh cãi, do có nhiều nhân duyên, sự việc; tại gia mong cầu nhiều của cải, giàu có, thường làm các việc thiện, việc ác; tại gia là vô thường, không thể tồn tại lâu dài vì pháp là tan hoại; tại gia là khổ đau, thường có sự mong cầu, tham đắm các vật sở hữu; tại gia thường có tâm ác, dùng dao, gậy để gây oán kết; tại gia biết là vô ngã nhưng vẫn có đối tượng thọ nhận cho nên luân hồi mãi; tại gia không hề thanh tịnh vì tự cho mình là thanh tịnh; tại gia như vạch tia sáng, vì chỉ mới xuất hiện rồi lại mau chóng tiêu diệt; tại gia như huyễn như hóa vì không có ngã mà thích đến đi, nhóm họp; tại gia giống như hoa Tu-mạn, vừa sinh khởi lại tiêu mất nhưng có nhiều người mong cầu; tại gia như sương sáng sớm, mặt trời mọc liền tan biến, chỉ lo âu về sự chết; tại gia như cha mẹ, vui ít buồn nhiều; tại gia như lưới giăng, thường lo buồn đối với các pháp sắc, thanh, hương, vị, xúc; tại gia giống như chim mỏ sắt, chỉ lo buồn các pháp bất thiện; tại gia là rắn độc, lo buồn, bàn luận về các pháp; tại gia như lửa đốt thân, do ý luôn tán loạn; tại gia thường sợ hãi oán thù, đó là năm loại giặc như: oán kết, con hư v.v...; tại gia ít an ổn, không thể giải thoát do không bình đẳng. Như vậy, này trưởng giả! Bồ-tát tại gia nên phân biệt rõ tại gia là nơi chốn không thanh tịnh.

*
**

Phẩm 5: BỐ THÍ

Lại nữa, này trưởng giả! Bồ-tát tại gia nên thực hành các việc thiện như: bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn. Nên tư duy: Chỗ bố thí chính là ngã sở, người tại gia chẳng phải là ngã sở. Người bố thí là cần thiết, người tại gia thì không cần thiết. Người bố thí đời sau được an lạc, người tại gia đời sau chịu khổ đau. Người bố thí không hề lo sợ, người tại gia thì lo ưu sâu. Người bố thí chẳng cần sự ủng hộ, người tại gia thì mong giúp đỡ. Người bố thí trừ sạch ái dục, người tại gia thì tăng thêm ái dục. Người bố thí không có đối tượng thọ nhận, người tại gia thì có đối tượng thọ nhận. Người bố thí không còn lo âu, người tại gia luôn lo âu. Người bố thí thành tựu Phật đạo, người tại gia làm quyến thuộc với ma. Người bố thí là không cùng tận, người tại gia thì chẳng thường còn. Người bố thí được an lạc, người tại gia luôn khổ đau. Người bố thí đoạn trừ dục trần, người tại gia tăng trưởng dục trần. Người bố thí vô cùng giàu sang, người tại gia luôn bần cùng. Người bố thí thực hành hạnh cao thượng, người tại gia làm theo điều thấp kém, ý không có đối tượng để niệm cũng không thọ nhận. Người bố thí được chư Phật khen ngợi, người tại gia bị người khác chống đối, chê bai. Như vậy, này trưởng giả! Bồ-tát tại gia nên thực hành bố thí như

vậy. Nếu thấy người đến cầu xin thì nên khởi ba ý niệm. Những gì là ba? Một là tiếp đón như bậc tri thức thiện, hai là khiến họ đạt được Phật đạo, ba là khiến họ đời sau được giàu sang. Lại có ba ý niệm. Những gì là ba? Một là trừ sạch tướng tham lam, ganh ghét; hai là luôn có ý niệm bố thí, ba là không bỏ Nhất thiết trí. Lại có ba ý niệm. Những gì là ba? Một là tạo niềm an lạc như Đức Như Lai, hai là hàng phục các ma, ba là không mong được báo đáp. Lại có ba ý niệm. Những gì là ba? Một là gặp người bần cùng khốn khổ đến cầu xin thì phải giáo hóa, dẫn dắt họ; hai là thực hành theo bốn ân, không bỏ các ân đức; ba là không có một mảy may biên vực về sự nhận chịu sinh tử. Lại có ba ý niệm. Một là xa lìa tướng dâm dục, hai là xa lìa tướng sân hận, ba là xa lìa tướng ngu si. Vì sao? Nay trưởng giả! Bồ-tát tại gia gặp người đến xin thì tham, sân, si liền được giảm bớt. Thế nào là giảm bớt? Là dùng tâm từ để bố thí nên không luyến tiếc, tức tham được giảm bớt. Nếu đối với người đến cầu xin mà không có tâm sân thì sân hận được giảm bớt. Nếu bố thí để nguyện cầu đạt được Nhất thiết trí thì ngu si liền được giảm bớt. Lại nữa, này trưởng giả! Bồ-tát tại gia gặp người đến xin liền được đầy đủ sáu Ba-la-mật. Thế nào là đầy đủ? Nếu bố thí cho người khác mà không nghĩ có người thọ nhận và có vật để cho, đó là Bồ thí Ba-la-mật; tâm không lo buồn đối với Phật đạo, đó là Trì giới

Ba-la-mật; gặp người đến cầu xin mà không có tâm sân hận, không làm hại, đó là Nhân nhục Ba-la-mật; tâm không suy nghĩ nếu đem thực phẩm cho người khác thì mình sẽ bị đói khát, dù có ai muốn làm hại cũng không làm trái với tâm bố thí, đó là Tinh tấn Ba-la-mật; nếu bố thí cho người đến xin mà hoan hỷ, không nhàm chán, không có tâm hối hận, luôn vui vẻ, đó là Thiên định Ba-la-mật; nếu bố thí mà đối với tất cả các pháp không thấy có đối tượng chấp giữ cũng chẳng có tướng báo đáp, đó là Trí tuệ Ba-la-mật.

Lại nữa, này trưởng giả! BỒ-tát tại gia nên xa lìa tám pháp thế gian, không luyến tiếc tài lợi ở thế gian, như vợ con, nhà cửa, tôi tớ, của báu và các sự lợi ích khác, ý không vướng mắc, không vui mừng cũng chẳng buồn lo, đối với tất cả tài sản không hề tham tiếc, nên thực hành, tư duy về pháp, nên quán như vậy: “Cha mẹ, vợ con, nhà cửa, tôi tớ đều từ tham dục mà có, chúng là nguyên nhân khiến cho ta khởi tướng khổ, vui, đây chẳng phải là tài sản của ta, chẳng phải là vật dụng của ta, nguyện luôn luôn tinh tấn, nếu sử dụng những vật dụng này thì sẽ khiến các điều ác tăng trưởng, tuy đời hiện tại được các niềm vui nhưng đời sau phải chịu nhiều khổ đau, vì vậy ta nên mau chóng cầu những pháp khác, đó là bố thí, trì giới, trí tuệ và tinh tấn, không hề buông lung, an trú nơi Phật đạo, đầy đủ cội gốc căn lành, đây mới chính là những tài sản của ta, tuy

ta có cầu xin nhưng chỉ cầu xin những ước nguyện này mà thôi, thà mất thân mạng chứ không bao giờ vì vợ con, nam nữ mà phạm các điều ác”. Nay trưởng giả! Bồ-tát tại gia tu đạo, nếu thấy thê thiếp thì nên tư duy ba điều. Những gì là ba? Một là tưởng vô thường, hai là tưởng không thật có, ba là tưởng không có đối tượng để chấp giữ. Lại có ba ý niệm. Những gì là ba? Một là đời này làm bạn với những điều vui thích nhưng chẳng phải là bạn ở đời sau; hai là luôn tinh tấn tu hành, lúc nào cũng giữ gìn tâm ý, đây là những người bạn; ba là, lấy những điều này làm sự an ổn, không tạo ra các khổ. Lại có ba ý niệm. Những gì là ba? Một là tưởng không trong sạch, hai là tưởng như uế, ba là tưởng xấu ác. Lại có ba ý niệm. Những gì là ba? Một là tưởng La-sát, hai là tưởng quý thân bước chân đi, ba là tưởng chỉ có sắc. Lại có ba ý niệm. Những gì là ba? Một là tưởng khó giữ gìn trọn vẹn, hai là tưởng đọa lạc, ba là tưởng không đền đáp, không biết đủ. Lại có ba ý niệm. Những gì là ba? Một là tưởng tri thức ác, hai là tưởng tham chấp, ba là tưởng bỏ phước phạm hạnh. Lại có ba ý niệm. Những gì là ba? Một là tưởng bị đọa vào địa ngục, hai là tưởng bị đọa vào súc sinh, ba là tưởng khiến sinh vào ngã quý. Lại có ba ý niệm. Những gì là ba? Một là tưởng sợ hãi, hai là tưởng chấp có, ba là tưởng chấp giữ. Lại có ba ý niệm. Những gì là ba? Một là tưởng vô ngã, hai là tưởng không chấp giữ,

ba là tướng xa lìa loạn động.

Lại nữa, này trưởng giả! Bồ-tát tại gia nên khởi tướng như vậy: “Không nên tham ái đối với thế thiếp của mình, nếu có tâm thương con thì không nên nặng hơn người khác, nên dùng ba pháp sau để tự can ngăn tâm ý của mình. Những gì là ba? Một là, Phật đạo là tâm bình đẳng, không có ý tà vạy, sai lệch; hai là, Phật đạo là hạnh bình đẳng, không có hạnh tà vạy, sai lệch; ba là, Phật đạo chỉ dùng một pháp làm hạnh, không có hạnh nào khác. Bồ-tát nên dùng ba pháp này để tự can ngăn tâm ý mình, đối với con thì nên xem như oán thù, chẳng phải là tri thức thiện. Vì sao? Vì xem con như tri thức thiện khiến ta xa lìa tri thức thiện và hạt giống Phật, nên dùng tâm ý thánh thiện nhớ nghĩ đến Như Lai, đem tâm thương con để khởi tâm từ bi đối với tất cả chúng sinh, đem sự ưa thích tự thân để ban bố từ bi khắp tất cả, nên suy nghĩ như vậy: “Tất cả đều là con ta, ta cũng làm con của tất cả, do đó không có nhà cửa, nơi thân cận để qua lại, sinh ở chỗ nào cũng là oán thù. Nguyên sự tạo tác và hạnh nguyện của con không có tri thức thiện cũng không có tri thức ác. Vì sao? Nếu có tri thức thiện thì tăng thêm tướng ái dục. Nếu có tri thức ác thì tất cả ái dục đều không có. Con luôn muốn điều phục tâm mình khiến không còn vướng mắc, thường thực hành tất cả pháp, thể nhập vào tất cả hạnh, nếu tạo tác tà hạnh thì rơi vào việc tà, nếu làm theo chánh

hạnh thì đạt được việc chân chánh. Do vậy, nguyện của con mới không có tà hạnh, đối với tất cả việc làm, sự vận hành của tâm và ước nguyện của con đều nguyện thể nhập Nhất thiết trí”. Như vậy, này trưởng giả! Bồ-tát tại gia không chấp giữ các vật sở hữu, không có đối tượng để thọ nhận, cũng chẳng có đối tượng để tham đắm, không ái nhiễm cũng chẳng khởi dục cho đến khiến không còn đối tượng để sinh khởi. Bồ-tát tại gia nếu gặp người đến cầu xin thì nên làm gì để bố thí cho họ? Đó là, tâm nên suy nghĩ: “Ta đem vật này để bố thí thì sẽ đạt được các hạnh về giới luật, trừ hết sự lo âu về dâm dục, sinh tử, thể nhập vào pháp chân chánh. Ta đem vật này để bố thí, khi chết được an lành. Ta đem những vật dụng này để bố thí thì khi sắp lâm chung, tâm được hoan hỷ, không hối hận. Hoặc lại tâm niệm: Nếu không thể bố thí thì thấy người đến xin, nên khởi lên bốn ý niệm. Những gì là bốn? Một là nếu ý không mạnh mẽ thì công đức của ta rất ít; hai là tội của ta là đối với Đại thừa, tâm không tự tại để kiến lập sự bố thí; ba là, nếu phát tâm thực hành thì đều vì ta cả, nên nhẫn nhục để bố thí cho người khác; bốn là nguyện cầu khiến việc làm của con đầy đủ thể nguyện và tất cả mọi người cũng giáo hóa cho người đến xin”.

Này trưởng giả! Bồ-tát tại gia nếu cách xa giáo pháp của Thế Tôn, không có Phật ra đời, không có người thuyết pháp cũng chẳng được gặp Hiền

Thánh Tăng thì nên niệm khắp tất cả chư Phật ở mười phương. Chư Phật này lúc thực hành đạo Bồ-tát đều tu hành tinh tấn, sau đó mới được thành Phật, đầy đủ hết thảy Phật pháp. Nhớ nghĩ đến tất cả chư Phật rồi, nên siêng năng như vậy: ngày đêm ba thời, lắng sạch thân, miệng và ý của mình thực hành từ bi bình đẳng, nhớ nghĩ đến các cội gốc căn lành, xa lìa các vật sở hữu, nên có sự hổ thẹn, dùng các cội gốc công đức để tự trang sức, tâm luôn thanh tịnh khiến mọi người đều hoan hỷ, tâm ý tin ưa Phật đạo, không hề loạn động, mọi việc làm đều đúng chánh pháp, luôn cung kính, dứt hẳn các tâm tự cao, kiêu mạn, nên đọc tụng ba loại kinh pháp, trừ bỏ tất cả các hạnh ác, dùng tám mươi pháp để sám hối, nhất tâm thực hành các phước đức, đầy đủ tướng tốt, nên vận chuyển các pháp luân của Phật, kính thỉnh chư Phật chuyển pháp luân, dùng vô lượng hạnh để trang nghiêm cõi nước của mình, tuổi thọ không thể tính kể.

Này trưởng giả! Bồ-tát tại gia nên tu tập tám giới quan trai. Trì giới quan trai này được công đức thanh tịnh như hạnh Sa-môn, tu tập nguồn gốc căn lành của Bồ-tát, giữ các giới này thì đầy đủ đạo đức của hàng Sa-môn, được Phạm chí làm tùy tùng, cung kính phụng sự, không hề thấy việc ác hay xét sự tốt, xấu của người khác. Nếu thấy Tỳ-kheo phạm giới thì nên cung kính ca-sa, vì ca-sa này chính là Thế Tôn Như Lai Vô Sở Trước Đẳng

Chánh Giác, ca-sa chính là giới, Tam-muội, trí tuệ, tuệ giải thoát kiến chấp. Nếu đánh lễ ca-sa ấy rồi, sẽ được xa lìa phiền não tham dục, đó là pháp thân thông của chư Hiền Thánh. Nghĩ như vậy rồi, lại tăng thêm sự cung kính đối với vị Tỳ-kheo ấy, nên khởi tâm bi rộng lớn đối với vị ấy, chính vị ấy đã làm điều ác, phạm giới, làm theo giới bất thiện. Pháp của Như Lai luôn tịch tĩnh, nhu hòa, người có trí tuệ thể nhập vào pháp môn của Như Lai làm vị Sa-môn. Những ai không tịch tĩnh cũng chẳng nhu hòa thì chẳng phải bậc Hiền Thánh thường làm theo khổ đau. Như Lai đã dạy: Không nên khinh dể người không trì giới cũng chẳng tu học. Vì sao? Vì không phải là lỗi lầm của người ấy. Lỗi lầm này do phiền não, tham dục, do ái dục nên thấy trạng thái, nguồn gốc đều bất thiện. Giáo pháp của Phật có sự hộ trì, nếu thông đạt được phiền não tham dục là rộng không thì có khả năng đạt được đạo ý bậc nhất, đạt được nhẫn bình đẳng. Vì sao? Vì trí tuệ có khả năng phá trừ ái dục. Thế Tôn dạy: “Người nào không hề xem thường thì đạt được tướng bình đẳng không có giới hạn. Vì sao? Vì muốn trở thành người có tướng bình đẳng cũng chính là Như Lai có tướng bình đẳng, sự thấy biết của Như Lai chẳng có ngã và ngã sở. Như vậy, đối với người khác không nên khởi tâm ác và tìm tòi điều phải, quấy của họ”.

*
**

Phẩm 6: LỄ THÁP

Lại nữa, này trưởng giả! Bồ-tát tại gia vào chùa chiền, tinh xá, nên đứng bên ngoài cửa chí tâm kính lễ, sau đó mới vào các chốn ấy, nên suy nghĩ: “Đây là nẻo không, không có cảnh giới, không có tướng cũng chẳng có nguyện là chốn từ, bi, hỷ, xả, là nơi ở của người đạt được bình đẳng”. Lại tự nghĩ: “Lúc nào ta mới được ở chốn chùa chiền như vậy? Đây là nơi ở của những ai thoát khỏi trần cấu, vào ngày rằm, chúng hội thuyết giới nên hoàn toàn thanh tịnh, nên khéo léo giữ gìn tâm ý của vị Sa-môn vì không có Bồ-tát tại gia nào đạt được quả vị Tối Chánh Giác. Tất cả đều phải vào núi xuất gia, ở chỗ yên tĩnh, thanh vắng mới đạt được Phật đạo. Vì sao? Vì đời sống gia đình là ở nơi nhơ uế, người xuất gia thì được bậc trí và chư Phật nhiều như số cát sông Hằng khen ngợi. Ta nên cúng dường trong một ngày, bố thí tất cả những vật dụng, tài sản, phát khởi tâm xuất gia học đạo như vậy mới khiến cho tâm ta hoan hỷ. Vì sao? Vì người không có niềm tin thì không có người báo đáp. Giặc cướp, băng đảng hung dữ, La-sát cũng khiến dân chúng cung cấp vật dụng nhiều không thể nói hết. Ta xem giới và trí tuệ là bậc nhất, luôn có tâm từ, cung kính, không tiếc thân mạng, nhờ tu tập tất cả pháp. Ta cũng nên kính giữ giới của Đức Như Lai khiến

hoàn toàn đạt được đạo quả Chánh chân vô thượng, thành bậc Tối Chánh Giác, vì tất cả chúng sinh làm Phật sự, làm cho người chưa đạt được Niết-bàn của Như Lai được thể nhập vào Niết-bàn, nên vào Tinh xá để quán xét hạnh của các Tỳ-kheo, vị Tỳ-kheo nào có nhiều trí tuệ, vị nào hiểu rõ các pháp, vị nào trì luật, vị nào an trụ trong chánh pháp, vị nào thọ trì pháp Bồ-tát, vị nào có hạnh ở chốn yên tĩnh, vị nào có hạnh khát thực, vị nào mặc y ngũ nạp, vị nào biết đủ, vị nào ở một mình, vị nào ngồi thiền, vị nào tu pháp Đại thừa, vị nào tinh tấn, vị nào trông coi chùa chiền. Quan sát tất cả các hạnh của Tỳ-kheo rồi, nên dùng các vật dụng để cúng dường bình đẳng, không nên có tâm phân biệt huống nữa là ưa gần gũi những vị ở nơi xóm làng. Nếu gần gũi những vị ở nơi xóm làng thì cũng nên thưa hỏi, nên đến xóm làng ấy, thấy có Tỳ-kheo nào không có y, bát, hoặc bị bệnh nhưng không có thuốc thang cũng nên dùng tâm bình đẳng để cúng dường, không nên có tâm oán hận. Vì sao? Vì ở thế gian đều có pháp để cầu an ổn, muốn lợi ích thì nên giữ gìn tâm ý của phạm phu thậm chí đối với bậc A-la-hán. Vì sao? Vì pháp phạm phu có sự oán hận còn bậc A-la-hán thì không còn oán hận. Nên đến chỗ các bậc Tỳ-kheo nhiều trí tuệ để nghe chư vị ấy giảng nói, kính nhận, tu tập; nên theo vị hiểu rõ kinh điển để nghe vị ấy giảng nói rồi kính nhận, tu tập; nên theo vị trì luật, hiểu rõ lỗi lầm rồi kính

nhận tu tập; nên theo vị thọ trì pháp Bồ-tát để kính nhận, thực hành phương tiện thiện xảo và sáu pháp Ba-la-mật; nên theo vị có hạnh ở nơi yên tĩnh để kính nhận, nhất tâm tu tập các hạnh. Tỳ-kheo nào thiếu thốn vật gì, nên dùng y phục, bình bát, giường chiếu, thuốc men v.v... để cúng dường, đối với Phật đạo nên dùng tâm bình đẳng để tu tập. Vì sao? Vì có thể dùng phẩm vật để bố thí thì khuyến khích người khác khởi tâm đại đạo, nên khéo léo tu tập hạnh Sa-môn như vậy. Nếu các bậc Sa-môn có tranh cãi thì phải hòa giải, nếu vì pháp mà tranh luận thì phải giữ gìn chánh pháp không tiếc thân mạng. Tỳ-kheo nào bị bệnh phải dùng thịt chính mình để bố thí, khiến vị ấy lành bệnh, nhưng tâm không hề ân hận, tất cả cội gốc công đức đều dùng tâm Phật làm nguồn gốc.

Đức Phật dạy:

– Này trưởng giả! Bồ-tát tại gia nên so sánh như vậy, thực hành các hạnh như vậy, dùng sự đoan nghiêm như vậy, nên tu tập tại gia như vậy.

Bấy giờ, trưởng giả Úc-ca cùng các trưởng giả quyến thuộc đều khen ngợi:

– Bạch Đấng Thiên Trung Thiên! Thật là hiếm có! Như Lai đã khéo giảng nói về những điều làm chướng ngại và sự nhơ uest của người tại gia, cùng khen ngợi công đức của hàng xuất gia. Bạch Thế Tôn! Chính chúng con cũng thấy người tại gia có

nhiều sự như uest, còn công đức mà hàng xuất gia đã thực hành thì khó đo lường được. Chúng con xin nguyện theo Thế Tôn nghe pháp, muốn được cạo bỏ râu tóc, được làm vị Tỳ-kheo, kính nhận đại giới.

Đức Phật bảo chư vị ấy:

– Xuất gia rất là khó, luôn phải chuyên cần giữ gìn giới pháp khiến không có mảy may thiếu khuyết.

Các trưởng giả bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Xuất gia có những điều khó gì? Kính xin Như Lai rủ lòng từ bi chấp thuận, cho chúng con được cạo bỏ râu tóc, nhận lãnh giới cấm. Chúng con có thể kính nhận, làm theo lời dạy của Ngài.

Đức Phật liền chấp thuận cạo bỏ râu tóc cho họ.

Khi ấy, Đức Phật bảo Bồ-tát Di-lặc và Bồ-tát Chư Hạnh Thanh Tịnh:

– Nay Như Lai đem các trưởng giả này giao phó cho các ông. Hãy cạo bỏ râu tóc để họ trở thành những bậc Thượng sĩ.

Ngay lúc ấy, Bồ-tát Di-lặc cạo bỏ râu tóc cho một ngàn hai trăm vị trưởng giả. Bồ-tát Chư Hạnh Thanh Tịnh cạo bỏ râu tóc cho một ngàn hai trăm vị trưởng giả.

Lúc Đức Phật giảng nói về phẩm Giới đức thanh tịnh của Bồ-tát tại gia này, một ngàn hai trăm

người đều phát tâm trọn vẹn đối với đạo Chánh chân vô thượng, hai ngàn năm trăm vị Bồ-tát đạt được pháp nhãn âm hưởng, bốn ngàn chư Thiên và loài người đạt được pháp nhãn nhu thuận.

*

**

Phẩm 7: TRI TỨC

Bây giờ, trưởng giả Úc-ca bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Đức Như Lai Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác đã giảng nói về thiện, ác của người tại gia, đối với Đại thừa thì nên thực hành bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định và trí tuệ. Cúi xin Thế Tôn giảng nói lại về các hạnh của Bồ-tát xuất gia, cùng với công đức của trì giới, tinh tấn, trí tuệ và tri túc. Bạch Đấng Thiên Trung Thiên! Bồ-tát xuất gia nên làm thế nào để được cạo bỏ râu tóc, thực hành pháp luật? Thế nào là xuất gia, là nhất tâm, là tu tập chuyên nhất, cũng chẳng cầu được ngưỡng mộ, lễ bái?

Đức Phật dạy:

– Lành thay! Lành thay! Này trưởng giả! Chỉ có ông mới có thể thưa hỏi Như Lai về các hạnh hoàn hảo của sự cạo bỏ râu tóc đối với Bồ-tát xuất gia. Trưởng giả hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ.

– Thưa vâng! Bạch Thế Tôn!

Đức Phật dạy:

– Bồ-tát xuất gia nên suy nghĩ: Vì sao ta lại cạo

bỏ râu tóc để xuất gia? Lại nên suy nghĩ: Vì ta muốn đầy đủ pháp Phật nên xuống tóc xuất gia, phải luôn tinh tấn đối với trí tuệ, không có đối tượng chấp giữ, như lửa cháy ở trên đầu phải luôn cứu ngay. Đã được xuất gia, phải nên thể nhập vào các hạnh, an trụ nơi bậc Hiền Thánh, đó là biết vừa đủ. Biết vừa đủ thì được khen ngợi. Nếu người xuất gia đối với việc khát thực, hay các thứ vật dụng như giường chiếu, thuốc thang trị bệnh và y phục v.v... mà biết vừa đủ thì luôn luôn được khen ngợi. Đây tưởng giả! Đó gọi là hạnh của bậc Hiền Thánh, nên tu tập như vậy để đạt đến các pháp của Phật. Đó gọi là hạnh của bậc Hiền Thánh.

Đức Phật dạy:

– Đây tưởng giả! Có mười hạnh để Bồ-tát xuất gia biết vừa đủ đối với y phục. Những gì là mười? Một là thân mặc y phục thường biết hồ thẹn; hai là thân đắp ca-sa để ngăn ngừa ái dục, không hề chấp giữ; ba là y phục của Sa-môn khiến không còn kiến chấp, không còn đối tượng để nhớ nghĩ; bốn là đầy đủ phước đức của ca-sa để giúp đỡ chư Thiên và loài người; năm là sở dĩ mặc ca-sa là để tâm không còn ưa thích ái dục, không chứa nhóm tham dục; sáu là dùng ý thiện xảo để diệt trừ các phiền não, tham lam; bảy là biết vừa đủ vì nguồn gốc pháp thiện nên thích y này; tám là trừ sạch các điều ác, làm nhân duyên cho điều thiện; chín là không lay chuyển đối với đạo Hiền Thánh, luôn nhất tâm tinh

tân; mười là nguyện cho mình luôn nhất tâm, mặc ca-sa được hoàn hảo. Nay trưởng giả! Đó là mười hạnh để Bồ-tát xuất gia mặc ca-sa thực hành hạnh biết vừa đủ.

Người xuất gia lại có mười hạnh, nên suốt đời đi khát thực. Những gì là mười? Một là chính mình có phước đức, trí tuệ, không nhờ vào người khác; hai là nếu có người cùng đi khát thực với ta thì trước nên kiến lập ba thừa, sau đó mới nhận phẩm vật khát thực; ba là nếu người ấy không cùng đi khát thực với ta thì ta nên khởi tâm bi rộng lớn đối với họ; bốn là nếu có người bố thí cho ta thì nên mau nhận phẩm vật để thành tựu cho họ; năm là không quên mất giáo pháp của Như Lai; sáu là dù phát tâm trong khoảnh khắc cũng khiến được nhất tâm, biết vừa đủ; bảy là tu tập các hạnh khiến không còn kiêu mạn; tám là từ công đức này sẽ đạt được tướng Vô kiến đánh; chín là người nào được gặp tôi thì nên học hỏi theo những điều tôi đã học; mười là tất cả già trẻ, nam nữ đã bố thí cho tôi, tôi sẽ dùng tâm bình đẳng khiến tất cả đều lập chí đạt được Nhất thiết trí. Nay trưởng giả! Đó là mười hạnh, Bồ-tát xuất gia không nên bỏ hạnh khát thực. Nếu có tri thức thiện thì làm cho họ hoan hỷ, không hỏi hạn điều gì, dù ở đâu cũng chẳng ưa thích, huống nữa là chấp ngã, ngã sở, cũng không dua nịnh, đối với nơi có thực phẩm thì chỉ dùng để nuôi thân, nên khiến cho người khác được đầy đủ ước

nguyện.

Đức Phật dạy:

– Này trưởng giả! Như Lai cho phép đi khát thực. Nếu Bồ-tát ngồi nơi nệm cỏ bên gốc cây hoặc ở bãi tha ma để hộ trì giới thì nên nhớ nghĩ về mười pháp. Những gì là mười? Một là đã đoạn trừ ngã và các ngã sở; hai là không có ngã và không có đối tượng thọ nhận; ba là luôn ở nơi thanh vắng; bốn là xa lìa ái dục và các sự chấp giữ; năm là ít mong cầu, không có đối tượng để chấp, nhớ nghĩ đến các tội gốc công đức; sáu là không tham tiếc thân mạng, chỉ ưa thích chôn rỗng lặng; bảy là xa lìa những nơi nhóm họp; tám là những tội đã tạo đều được tiêu diệt; chín là luôn nhất tâm nơi Tam-muội, không nhớ uế; mười là luôn nhớ nghĩ nghĩa không, lúc nào cũng giữ gìn tâm ý. Này trưởng giả! Đó là mười pháp của Bồ-tát xuất gia ngồi nơi đệm cỏ bên gốc cây. Giả sử đến pháp hội để gặp Hòa thượng hay đi thăm bệnh, hoặc tự mình đến Tinh xá thì nên thân đầu tâm đó. Nếu tu tập, học hỏi, đọc tụng kinh điển thì nên dùng trí tuệ để hiểu rõ, ở chỗ phòng ốc nơi tinh xá hoặc nơi yên tĩnh để tư duy. Vì sao? Vì ở nơi yên tĩnh thì nên tinh tấn cầu pháp, tất cả vật sở hữu chẳng phải là ngã tướng, tất cả các pháp là tha nhân tướng.

Đức Phật dạy:

– Có mười pháp để Bồ-tát xuất gia tu tập hạnh

về thuốc thang. Những gì là mười? Một là ta sẽ đạt được trí tuệ của Đức Như Lai; hai là không kết nghĩa thân thiết với người khác; ba là không chứa nhóm các tướng như uế, bất tịnh; bốn là ta nên an trụ thanh tịnh; năm là không còn nhớ nghĩ đến các mùi vị dục lạc, trừ bỏ hết thủy tham đắm; sáu là ta nên có sự đặc biệt đối với phạm phu; bảy là các mùi vị thiện tự nhiên hiển hiện trước mắt ta; tám là dùng thuốc thang để chữa lành các bệnh phiền não; chín là đoạn trừ các kiến chấp; mười là mau chóng dứt sạch các bệnh tật, khiến được an ổn. Này trưởng giả! Đó là mười hạnh. Bồ-tát xuất gia nên tu tập về hạnh thuốc thang trọn đời như vậy.

**

Phẩm 8: Ở NƠI VẮNG VẸ

Lại nữa, này trưởng giả! Bồ-tát xuất gia nên có hạnh ở chỗ thanh vắng, nên suy nghĩ: Vì sao ta lại đến ở chỗ thanh vắng? Lại nên suy nghĩ: Không phải chỉ ở nơi thanh vắng mới là Sa-môn. Vì sao? Vì người kia tuy ở nơi rất thanh vắng nhưng không thể định tĩnh, không thành tựu, không biết giáo pháp nên không hiểu nghĩa lý, chẳng khác nào hươu, nai, chim chóc, hồ, vượn khỉ, người rừng, rắn hay người săn bắn, người này chẳng gọi là Sa-môn. Ta đến nơi thanh vắng này phải đầy đủ ước nguyện, đó là ý nghĩa Sa-môn. Này trưởng giả, thế nào là ý nghĩa Sa-môn của Bồ-tát xuất gia? Nghĩa

là, ý không loạn động, đạt được các pháp Tổng trì, đầy đủ sự hiểu biết, trí tuệ và sự học hỏi, do đó đều được thông suốt, chứa nhóm tâm từ rộng lớn, không bỏ tâm bi, đạt được năm thần thông, sáu pháp Ba-la-mật, tâm luôn tự tại, không xa lìa Nhất thiết trí, những điều nói ra đều phù hợp với trí thiện xảo, dùng pháp bố thí khắp tất cả, dẫn dắt dân chúng, không trái với hạnh bốn ân, nhớ nghĩ đến sáu niệm, nghe rồi liền tu tập, tinh tấn nhất tâm, giữ gìn, thông đạt chánh pháp, nhất tâm đạt được đạo tuệ, không xa lìa nơi tịch tĩnh, hộ trì chánh pháp, biết nhân duyên tội phước, dùng sự thấy biết chân chánh để đoạn trừ tất cả niệm và vô niệm, dùng niệm chân chánh mà nguyện thuyết pháp, thường nói đúng sự thật, chấm dứt mọi tội lỗi, đầy đủ công hạnh phước đức, dùng sự đối trị chân chánh để đoạn trừ các đối tượng chấp giữ, dùng nghiệp chân chánh để đạt đến Phật đạo, thực hành phương tiện chân chánh nên đối với các pháp không có ý niệm vướng mắc, dùng ý chân chánh nên đạt được Nhất thiết trí, thực hành định chân chánh nên đối với không chẳng hề sợ hãi, thực hành theo vô tướng nên đối với ngã không có nguyện không khởi lên sự tạo tác, luôn chí thành ủng hộ nghĩa lý kinh điển, không xa lìa ý nghĩa các pháp cũng không thấy có người. Nay trường giả! Đó là ý nghĩa Sa-môn của Bồ-tát xuất gia. Vị Bồ-tát xuất gia ấy không chứa nhóm các việc khác và

nên suy nghĩ: Ta nên vì tất cả chúng sinh mà chứa nhóm cội gốc công đức, không vì một người mà chứa nhóm cội gốc công đức.

Đức Phật dạy:

– Này trưởng giả! Bồ-tát xuất gia nên thực hành bốn việc. Những gì là bốn? Một là luôn đến pháp hội, hai là thường giảng nói cho người khác, ba là luôn cúng dường phụng sự Như Lai, bốn là không bao giờ gián đoạn tâm Phật thừa. Đó là bốn điều nên thực hành để trừ sạch thói quen khác.

Nếu ở nơi thanh vắng thì nên suy nghĩ: Vì sao ta lại đến ở nơi thanh vắng này? Lại suy nghĩ: Vì ta sợ hãi nên đến ở nơi này. Sợ hãi những gì? Sợ nhóm họp, sợ chứa nhóm tham, sân, si, sợ tự cao, kiêu mạn, có ý hại người, sợ tham lam, sợ các ý niệm về sắc, thanh, hương, vị, xúc, sợ ma thân, ma dục, ma tội, ma thiên, sợ vô thường mà tưởng là thường, sợ khổ cho là vui, sợ không thật tưởng là thật, sợ vô ngã tưởng có ngã, sợ có ngã, ngã sở, sợ nghi ngờ, tư duy sai lệch, do dự, dâm dục, sợ tri thức ác, sợ mê mờ đối với ái dục, sợ tâm, ý thức không lương thiện, sợ các cái che lấp những ước nguyện, sợ chấp thân mình, sợ tài lợi, các sắc, sợ tìm cầu các kiến chấp, sợ nhớ nghĩ đến vô niệm và các niệm khác, sợ không thấy nói thấy, không nghe nói nghe, lời nói không có ý thức, sợ làm ô nhiễm Sa-môn, sợ vô số hạnh, sợ cõi dục, cõi sắc và cõi vô sắc, sợ địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ, sợ sinh vào

nơi tám nạn, sợ sinh vào năm đường, sợ luôn nghĩ đến các pháp bất thiện nên ta mới đến đây, không thể ở nhà thế tục, đối với những nơi ồn náo phải nhất tâm nhớ nghĩ đến pháp không, nhờ vậy thoát khỏi sự sợ hãi và sự sợ hãi về những điều trong quá khứ. Do đó, Bồ-tát đều thoát khỏi sợ hãi, do diệu lực ở nơi thanh vắng nên thoát khỏi sợ hãi đạt được Phật đạo, các Bồ-tát khắp mười phương trong hiện tại và ở vị lai đều nhờ diệu lực ở nơi thanh vắng nên thoát khỏi sợ hãi, đạt được Phật đạo. Ta vì sợ hãi nên ở nơi thanh vắng để vượt qua tất cả sợ hãi. Tất cả các sự sợ hãi đều tồn tại trong ta, ở nơi ta, vương mắc vào ta, làm ô nhiễm thân ta, tham đắm ta, khởi lên nơi ta, nên có tướng về ngã, có kiến chấp về ngã, gọi là có thân nên nghĩ là có ngã, vì hộ trì thân ta nên mới đến ở nơi thanh vắng, vì muốn đoạn trừ sự tồn tại của ngã, muốn hiểu rõ nhân duyên về ngã và ngã sở nên ta ở nơi thanh vắng, đạt được ý nghĩa bình đẳng, không còn sợ hãi. Người ở nơi thanh vắng không có tướng về ngã, không có tướng về tha nhân, không có tướng về thủ đắc, không chấp vào thân mình, không có tướng mong cầu an trụ, không có tướng Niết-bàn, huống nữa là có tướng về phiền não, tham dục? Sở dĩ gọi là ở nơi thanh vắng vì đối với tất cả các pháp không có đối tượng trụ chấp, tất cả tư tưởng trong ba cõi đều an trú nơi tâm bi, không chứa nhóm các tướng, đối với sắc, thanh, hương, vị, xúc, cũng

không có đối tượng để nương tựa, tất cả Tam-muội không có nơi chốn để tranh luận, ý luôn định tĩnh ở nơi vắng lặng, bỏ hết các gánh nặng, ở đâu cũng không lo sợ, vượt trên các cõi. Vì đã vượt qua các dòng nước kiết sử, nên đối với các cõi không còn nơi cư ngụ, đối với hạnh Hiền Thánh không có ý niệm trụ chấp, luôn ở nơi nhất tâm, biết vừa đủ, ngồi trên đệm cỏ, thể nhập trí tuệ sâu xa, tinh tấn nhất tâm, an trụ trong giới, đoạn trừ các kiết sử trói buộc, lao ngục ở chốn giải thoát, trụ vào không, vô tướng, vô nguyện, đạt được ba môn giải thoát, nhu hòa, không có nơi hướng đến, ý luôn quan sát mười hai nhân duyên, việc làm đã xong, thể nhập vào định vắng lặng.

Này trưởng giả! Ở nơi rừng sâu núi thẳm, có cây cối hoang dã nhưng trâu, voi, ngựa không hề sợ hãi. Như vậy, này trưởng giả! Bồ-tát xuất gia ở nơi thanh vắng để quan sát chính mình, như loài cỏ cây không hề có mảy may ý tưởng, thấy thân như vậy nên siêng năng tu hành, không nên khởi ngã tưởng, liền không còn sợ hãi. Quán thân mình là không, không có ngã, không có nhân, không tuổi thọ, không mạng sống, từ tâm mà có sự sợ hãi mọi người, do ái dục nên có sợ hãi, ta nhờ xa lìa ý niệm nên tưởng về điều thiện. Ví như chốn rừng sâu núi thẳm, đầy cỏ cây hoang dã nhưng trâu v.v... không hề sợ hãi, vì đã thấy rõ tất cả các pháp, người nào ở nơi thanh vắng đều nên như vậy. Vì sao? Vì

người ở chốn thanh vắng đoạn trừ được các tướng, xa lìa dâm dục và các việc ô nhiễm. Người ở nơi thanh vắng khiến người khác thấy không có ngã và không có đối tượng chấp giữ. Bồ-tát xuất gia nên học theo hạnh ở nơi thanh vắng như vậy. Người ở nơi thanh vắng nên nhu hòa, hộ trì giới pháp. Người ở nơi thanh vắng thì hòa thuận, định tĩnh. Người ở nơi thanh vắng luôn nhớ nghĩ về trí tuệ. Người ở nơi thanh vắng luôn nhớ nghĩ đến giải thoát. Người ở nơi thanh vắng an trụ nơi giải thoát tri kiến. Người ở nơi thanh vắng thích hộ trì Phật pháp. Người ở nơi thanh vắng đoạn trừ mười hai kiết sử. Người ở nơi thanh vắng nhớ nghĩ đến nguyện chân chánh. Người ở nơi thanh vắng đối với các pháp luôn bình đẳng. Người ở nơi thanh vắng không tạo ra giới hạn. Người ở nơi thanh vắng đã thoát khỏi các nhập. Người ở nơi thanh vắng tâm không sợ hãi Phật đạo. Người ở nơi thanh vắng đối với không chẳng thấy có đối tượng để quan sát, chấp giữ. Người ở nơi thanh vắng đối với pháp không hủy hoại. Người ở nơi thanh vắng vốn có pháp thiện, oai đức và tiếng tốt. Người ở nơi thanh vắng được Phật khen ngợi. Các bậc Hiền Thánh cùng ở chốn thanh vắng ấy. Người ở nơi thanh vắng thoát khỏi ái dục, vì có sự đặc biệt nên thể nhập vào Nhất thiết trí.

Lại nữa, này trưởng giả! Bồ-tát ở nơi thanh vắng, do rất ít sự việc nên tu tập đầy đủ sáu pháp

Ba-la-mật. Vì sao? Vì ở chốn thanh vắng tu tập không tiếc thân mạng. Đó là Bồ thí Ba-la-mật; biết vừa đủ, tịch tĩnh an trụ sinh khởi đối với tam chuyên, đó là Trì giới Ba-la-mật; không làm tổn hại, tâm từ ban rải khắp tất cả, nhẫn nhục đối với Nhất thiết trí, không bị rơi vào cõi khác, đó là Nhẫn nhục Ba-la-mật; trong suy nghĩ, lời nói không bao giờ bỏ sự rộng rang, đạt được nhẫn rồi mới xả bỏ, đó là Tinh tấn Ba-la-mật; đạt được thiền, không chấp ngã, sinh khởi các cội gốc công đức, đó là Thiên định Ba-la-mật; thân thực hành theo sự tư duy của tâm, đối với đạo cũng vắng lặng, không khởi niệm, đó là Trí tuệ Ba-la-mật.

Này trưởng giả! Bồ-tát ở nơi thanh vắng có bốn pháp. Những gì là bốn? Một là Bồ-tát này có nhiều trí tuệ, hai là khéo léo phân biệt, quyết định các pháp và luật; ba là thông đạt các nguồn gốc công đức; bốn là có trí tuệ rộng lớn, nhất tâm tinh tấn, an trụ nơi tịch tĩnh. Lại nữa, này trưởng giả! Nếu Bồ-tát ở nơi phiền não, nhiều tham dục nhưng vị ấy chẳng chứa nhóm phiền não, đây mới chính là ở chỗ thanh vắng, không vướng mắc phiền não, không chấp giữ tham dục, như pháp đã nghe mà thực hành theo.

Lại nữa, này trưởng giả! Bồ-tát đạt được năm loại thần thông, giảng pháp cho chư Thiên, Rồng, Quỷ thần, Càn-thát-bà. Người ở nơi thanh vắng cũng nên làm như vậy.

Lại nữa, này trưởng giả! Bồ-tát nên học tập về trí tuệ, pháp Phật sau đó mới ở nơi thanh vắng, nhờ học tập như vậy nên đạt được đầy đủ tất cả các cội gốc căn lành sau đó mới giữ gìn cội gốc công đức này, vào các cõi nước, huyện ấp, dùng ý nghĩa như vậy để giáo hóa dân chúng. Nếu Bồ-tát muốn đọc tụng kinh điển thì nên đích thân cung kính, phụng sự bậc thầy hoặc Hòa thượng, bất kể Trưởng lão hay trung niên đều phải cúi đầu kính lễ, không nên biếng nhác, đối với mọi việc đều nên tinh tấn, không nên không cung kính phụng sự, nên suy nghĩ: Đức Như Lai Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác được chư Thiên, Rồng, Quỷ, Thần, Càn-thát-bà cúng dường, được A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già phụng sự, được các trời Đế Thích, Phạm thiên, Tứ Thiên vương, người và phi nhân cung kính, là bậc tôn quý bậc nhất ở đời, khiến cho tất cả đều an lạc. Đức Phật không đích thân mong cầu sự cúng dường mà loài người tự đến cúng dường, huống gì là chúng ta chưa hiểu biết gì, chỉ mới muốn theo học hỏi mà thôi, ngược lại cầu mong được người khác cúng dường. Ta nên phụng sự tất cả loài người. Vì sao? Vì Tỳ-kheo tham cầu sự cúng dường sẽ giảm bớt phước đức nói pháp của mình. Vì sao? Vì người ấy sẽ vì pháp mà bỏ thí, nhưng tâm ta lại nghĩ: Nếu cúng dường thì nên đến phụng sự cho ta, không phải do pháp, dù người đó có lòng tin nên đến cúng dường bỏ thí thì phước

của họ cũng không lớn, nên đến chỗ vị thầy hoặc Hòa thượng, thân và tâm nên hợp nhất, thân tâm nên thông đạt chỗ an trụ, nếu họ nhớ nghĩ đến vị thầy hoặc Hòa-thượng của ta thì nên đến chỗ chư vị, tâm không hề hối tiếc, nếu tụng niệm, học tập kinh kệ, trí tuệ thì nên vì Hòa-thượng không tiếc thân mạng, nên ưa thích giáo pháp, theo Hòa thượng để tu tập, đạt được lợi ích của pháp, nên xả bỏ tất cả sắc đẹp tài sản, đối với Hòa thượng nên hoan hỷ lắng nghe dù chỉ một bài kệ bốn câu, hoặc đọc tụng, hoặc thực hành bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, hoặc vì pháp trí tuệ, hoặc pháp từ, bi, hỷ, xả, nhất tâm học tập Phật đạo, nghe bài kệ bốn câu hoặc đọc tụng v.v... nên cúng dường Hòa thượng, nên lãnh hội ý nghĩa từng câu từng chữ mới kính nhận đọc tụng, nên dùng tâm ngay thẳng, không dua nịnh, dùng tất cả phẩm vật để cúng dường còn chưa thể báo đáp ân sư trưởng, huống nữa là dùng để cúng dường pháp. Này trưởng giả, nếu được nghe sự giảng nói rộng rãi, hoặc âm thanh về thiện, âm thanh pháp Phật, âm thanh tịch diệt, âm thanh đúng như pháp, hoặc nghe âm thanh giảng nói về Như Lai đều nên cúng dường phụng sự vị Thầy trong một kiếp, còn chưa thể báo đáp đầy đủ ân đức của thầy.

Đức Phật dạy:

– Này trưởng giả! Do đó, phước đức thuyết pháp không có giới hạn, trí tuệ của vị ấy không thể

lượng xét, trụ nơi tâm pháp cũng vô số. Bồ-tát nào muốn cúng dường vô lượng pháp thì nên cúng dường Bồ-tát xuất gia. Thế nào là sự tu học của hàng xuất gia? Nghĩa là theo như pháp đã nghe mà thực hành, nên quan sát tinh tường, thanh tịnh giới hạnh.

Đức Phật dạy:

– Nay trưởng giả! Bồ-tát xuất gia có bốn pháp để làm thanh tịnh giới luật. Những gì là bốn? Một là tu tập theo lời dạy của Hiền Thánh; hai là đi khất thực, lấy đức làm niềm vui, biết vừa đủ; ba là Bồ-tát xuất gia không ưa thích ở nhà thế tục; bốn là luôn tu tập giới hạnh, không đua nịnh, ở nơi thanh vắng. Lại có bốn pháp. Những gì là bốn? Một là thân luôn thành thật trong mọi hoạt động, thân cũng chẳng thủ đắc; hai là miệng luôn nói thành thật, miệng cũng chẳng thủ đắc; ba là ý luôn nhớ nghĩ đến sự nhu hòa, ý cũng chẳng thủ đắc; bốn là xa lìa các kiến chấp, an trụ nơi Nhất thiết trí. Lại có bốn pháp. Những gì là bốn? Một là không còn ngã, hai là xa lìa ngã sở, ba là luôn tự tại, bốn là xả bỏ pháp nhân duyên. Lại có bốn pháp. Những gì là bốn? Một là thân ta cùng với pháp là một, hai là các chủng loại đều bình đẳng với pháp, ba là các nhập bình đẳng với không, bốn là đạt được trí tuệ, tu tập nhưng không có đôi tượng trụ chấp. Lại có bốn pháp. Những gì là bốn? Một là tự thực hành theo sự hiểu biết; hai là không bị người khác lay

động; ba là không vướng mắc các tội lỗi của loài người, diệt trừ hết các ý niệm; bốn là kính nhận tất cả các pháp, nhất tâm quan sát tinh tường. Lại có bốn pháp. Những gì là bốn? Một là giảng nói về pháp không; hai là không có tướng, không hề lo sợ; ba là khởi tâm bi khắp tất cả; bốn là đạt được nhãn vô ngã. Nếu ai được nghe Tam-muội thanh tịnh thì nên tư duy: Thế nào là Tam-muội thanh tịnh? Nghĩa là tu tập tất cả các pháp, tâm buông bỏ tham dục và ngã sở, tâm vị ấy chuyên nhất, không lay chuyển, tâm không khinh suất, không bị tán loạn trôi buộc tâm ý, tâm không vướng mắc, tâm không thể thấy, tâm hiện ở bên trong, cảnh giới của ý không thể chứa nhóm. Vậy ý suy nghĩ đến ngã và pháp thế nào? Là bình đẳng đối với pháp giới, không sinh khởi cũng chẳng vận hành, trong ngoài đều không thủ đắc, luôn định tĩnh. Đó gọi là Tam-muội, là an trụ vào pháp Tam-muội. Người nào được nghe và quan sát kỹ về trí tuệ thanh tịnh thì nên tư duy: Thế nào là trí tuệ? Nghĩa là, thông đạt các pháp cú, phân biệt về trí tuệ là tuệ, thể nhập và hiểu rõ là trí tuệ, biết suy nghĩ trong tâm người khác, thấu suốt các pháp là tuệ, đối với pháp thiên định, đối với trí, vô trí, đối với tướng, hoặc không thân tướng đều là không; tướng không thể nắm giữ cũng không thể buông xả, tướng không có xứ sở cho đến nhớ nghĩ vô số tướng đều là không.

Đức Phật dạy:

– Này trưởng giả! Nên như vậy mà quan sát các pháp. Đó là hạnh của Bồ-tát xuất gia.

Khi Đức Phật giảng nói kinh này, tám ngàn người đều phát tâm nơi đại đạo, các trưởng giả cạo tóc xuất gia đều đạt được pháp nhãn Vô sinh, ba vạn hai ngàn chư Thiên và loài người đều xa lìa phiền não, đối với pháp này đạt được pháp nhãn thanh tịnh, hai trăm Tỳ-kheo được giải thoát, không còn các lậu. Trưởng giả Úc-ca vô cùng hoan hỷ, dùng y hảo hạng trị giá gấp trăm ngàn lần để cúng dường Đức Như Lai rồi thưa:

– Bạch Thế Tôn! Con xin đem công đức căn lành này cúng dường đến tất cả các Bồ-tát, khiến công đức này trở về nơi các Bồ-tát tại gia, làm cho chư vị ấy đầy đủ pháp này giống như Đức Như Lai, làm cho hàng Bồ-tát xuất gia thành tựu giới đức, trí tuệ, đầy đủ pháp này. Nguyên xin hàng Bồ-tát xuất gia đạt được giới đức, trí tuệ giống như Đức Như Lai. Bạch Thế Tôn! Làm thế nào để Bồ-tát tại gia ở nơi trụ xứ của mình nhưng vẫn học tập đầy đủ giới pháp của hàng xuất gia?

Đức Phật dạy:

– Này trưởng giả! Bồ-tát tại gia nên bố thí tất cả mà không tham tiếc, tâm phải hướng đến Đại thừa, không mong cầu được báo đáp.

Lại nữa, này trưởng giả! Bồ-tát tại gia nên tu hành phạm hạnh, tâm không nghĩ đến sự dâm dục

huống nữa là tự mình tạo.

Lại nữa, này trưởng giả! BỒ-tát tại gia nên hiểu rõ pháp không, hội nhập vào bốn thiên, dùng phương tiện thiện xảo để tu tập, không nương tựa người khác, khiến đạt đến tịch diệt.

Lại nữa, này trưởng giả! BỒ-tát tại gia nên siêng năng để đạt được Trí tuệ Ba-la-mật, khởi tâm từ rộng lớn khắp tất cả, kính nhận tất cả các pháp, nên ủng hộ và dùng giáo pháp để giáo hóa mọi người. Đó là bốn pháp để BỒ-tát tại gia kiến lập giới pháp của hàng xuất gia.

Bấy giờ, Trưởng giả Úc-ca bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Con tuy ở tại gia một mình nhưng sẽ an trụ vào giới pháp Như Lai dạy bảo. Con sẽ vì Đức Như Lai mà nêu giảng rộng rãi Phật đạo, cũng sẽ học pháp xuất gia này và cung kính thực hành theo giới cấm này.

Khi ấy, Đức Phật liền mỉm cười. Theo pháp của chư Phật Thế Tôn, lúc Phật mỉm cười thì có vô số màu sắc, đủ loại màu sắc không thể nghĩ bàn phát ra từ kim khẩu chiếu đến vô lượng cõi Phật, lên đến cõi trời Phạm thiên rồi trở lại nhiều quanh thân Phật, đến đỉnh đầu thì bỗng nhiên biến mất.

Tôn giả A-nan liền từ chỗ ngồi đứng dậy bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Phật mỉm cười là chân thật, con xin được nghe ý của Phật.

Đức Phật bảo:

– Nay Tôn giả A-nan! Ông có thấy trưởng giả Úc-ca dùng pháp để cúng dường Như Lai và gầm lên tiếng gầm sư tử không?

Tôn giả A-nan bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Con đã thấy.

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

– Trưởng giả Úc-ca này, tuy ở tại gia nhưng sẽ cúng dường và nhận lãnh giáo pháp của chư Như Lai trong Hiền kiếp, tuy ở tại gia nhưng đầy đủ giới pháp của hàng xuất gia, ngay lúc này sẽ vì chư Như Lai nên giảng nói Phật đạo khắp nơi.

Bây giờ, Tôn giả A-nan hỏi trưởng giả Úc-ca:

– Sao tại gia là an lạc, tại gia là ô nhiễm, tại gia không lãnh thọ giáo pháp Hiền Thánh giống như xuất gia?

Trưởng giả Úc-ca đáp:

– Thưa Tôn giả A-nan! Tôn giả đừng nói như vậy. Các bậc Hiền Thánh không còn nhiễm ô mà chỉ có tâm bi rộng lớn, giải thoát, không nghĩ đến sự an lạc của chính mình. Các Bồ-tát thì nhân chịu các khổ, không bỏ tất cả chúng sinh.

Đức Phật dạy:

– Nay Tôn giả A-nan! Trưởng giả Úc-ca này tuy tại gia nhưng thường có tâm bình đẳng, trong Hiền kiếp sẽ cứu độ chúng sinh rất nhiều, hơn cả sự giảng dạy của trăm ngàn Bồ-tát xuất gia. Vì sao?

Này Tôn giả A-nan! Phước đức và trí tuệ của trăm ngàn Bồ-tát xuất gia cũng không thể sánh bằng phước đức và trí tuệ của Trưởng giả Úc-ca.

Tôn giả A-nan bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Kinh này tên là gì? Làm thế nào để thọ trì?

Đức Phật dạy:

– Này Tôn giả A-nan! Tên thứ nhất của kinh này là “*Những Điều Trưởng Giả Úc Ca Hỏi Phật*”, ông nên thọ trì. Tên thứ hai là “*Phẩm Tại Gia Và Xuất Gia*”. Tên thứ ba là “*Giữ Nhất Tâm An Tọa Mà Danh Đức Vang Xa*”. Bồ-tát nào nghe kinh này thì đạt được đầy đủ các pháp, còn hơn cả trăm kiếp tu hạnh thanh tịnh mà biếng nhác. Do đó, này Tôn giả A-nan! Nếu muốn tu hành tinh tấn và muốn dạy người khác tinh tấn, muốn tự mình an trụ nơi công đức của tất cả các pháp và muốn kiến lập công đức của tất cả các pháp thì nên nghe, thọ trì và đọc tụng kinh điển này. Vì sao? Vì muốn đầy đủ tất cả các pháp thì nên xem kinh pháp này giống như Như Lai. Này Tôn giả A-nan! Bồ-tát nào xa lìa kinh này thì không được gặp tất cả chư Phật, cho đến không được thấy tất cả chư Phật. Vì sao? Vì những ai giảng nói kinh này tức được gặp tất cả chư Phật. Này Tôn giả A-nan! Giả sử ba ngàn đại thiên thế giới này chìm nhập trong lửa, Bồ-tát cũng nên vào trong ấy để cầu mong được nghe, thọ trì và đọc

tụng pháp này, nên dùng châu báu đầy khắp ba ngàn đại thiên thế giới đê cúng dường vị pháp sư đê kính nhận, thọ trì và đọc tụng kinh pháp này. Này Tôn giả A-nan! Bồ-tát nào trọn đời cúng dường chư Phật Thế Tôn trong quá khứ, hiện tại và vị lai, tuy cúng dường ngàn ấy chư Phật nhưng không kính nhận kinh điển này, không đọc tụng, cũng không tạo các công đức đối với kinh pháp này thì giống như không cúng dường chư Phật trong ba đời. Này Tôn giả A-nan! Người nào được nghe, thọ trì và đọc tụng kinh điển này rồi giảng nói rộng rãi cho người khác là đã tạo các công đức đối với kinh này, cũng đã cúng dường chư Phật trong ba đời. Vì sao? Vì chư Như Lai Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác lấy pháp làm trên hết, đều từ pháp sinh ra.

Khi Đức Phật thuyết giảng như vậy, Tôn giả A-nan, Trưởng giả Úc-ca, chư Thiên, A-tu-la và loài người nghe kinh này rồi, tất cả đều hoan hỷ, đánh lễ Đức Phật rồi lui ra.



SỐ 324

KINH HUYỄN SĨ NHÂN HIỀN

Hán dịch: Đời Tây Tấn, Tam tạng Pháp sư Trúc Pháp Hộ, người nước Nguyệt Chi.

Nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại núi Linh Thứu thuộc thành Vương-xá, cùng với chúng Đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi người. Bồ-tát có năm ngàn vị đều hội đủ, đều đạt thần thông, tất cả các bậc đại Thánh ấy đều đạt được pháp Tổng trì, biện tài vô ngại. Tên của những vị Bồ-tát ấy là: Bồ-tát Sư Tử, Bồ-tát Sư Tử Ý, Bồ-tát Thành Lạc, Bồ-tát Đạo Ngự, Bồ-tát Đại Ngự, Bồ-tát Quang Thủ, Bồ-tát Quang Tịnh, Bồ-tát Tịch Ý, Bồ-tát Nhân Minh, Bồ-tát Khai Hóa Nhân, Bồ-tát Thường Ứng, Bồ-tát Di-lặc, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi v.v... cùng với sáu mươi Hiền giả. Hết thấy năm ngàn Bồ-tát này đều là bậc thượng thủ. Phạm vương Đế thích, Tứ Thiên vương, chư Thiên, vua rồng, thần v.v... tập trung nhiều vô số. Ở trong nước gồm có các đại thần, trưởng giả, cư sĩ, các quan lại, cúng dường những vật dụng như y phục, thức ăn uống, thuốc thang, giường nằm cho Đức Thế Tôn. Tiếng đồn

về Đức Thế Tôn vang đến khắp nơi, gồm đủ mười tôn hiệu: Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Vi Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn. Các thần thông trí tuệ của Đức Thế Tôn nhìn thấy khắp, không trừ một chỗ nào. Mười lực, bốn vô úy, mười tám pháp bất cộng của Như Lai không xả đại từ, không bỏ đại bi, mất trí tuệ sáng suốt của Đức Phật biến hóa không cùng tận, thần túc biến hóa, thuyết giảng cũng biến hóa, giáo hóa chỉ dạy cũng biến hóa, đạt được cùng tận, phát tâm trong một khoảnh khắc có thể làm cho ba ngàn đại thiên thế giới với các châu, thành, sông, biển, núi Tu-di, cung điện của trời, rồng, thần, sông, núi Thiết Vi, ao, hầm, cây cối, thành ấp, gò nông, làng xóm, chỉ ở nơi một lỗ chân lông, hoặc từ một kiếp, hoặc hơn một kiếp. Bây giờ, trong thành Vương-xá có một Huyền sĩ tên là Bạt-đà (Đời Tấn dịch là Nhân Hiền) sáng suốt, từng trải, biết rõ về tài nghệ làm trò ảo thuật, đã tạo ra kỹ xảo, phần nhiều đã thành công, nên danh tiếng đồn khắp. Người ấy tạo các trò ảo thuật cả nước Ma-kiệt-đà không ai sánh bằng, đi đến nơi nào cũng là bậc nhất, ngoài các vị cận sự nam, nữ đạt được pháp nhãn ra, tất cả mọi người không ai là không bị khuynh đảo, đều bị người ấy giảng nói làm cho mê muội, cho là điều chưa từng có, vì dùng trò ảo thuật huyền hóa của tà hạnh này, để được các việc lợi dưỡng. Huyền sĩ

Nhân Hiền nghe danh tiếng của Đức Thế Tôn vang khắp là bậc Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác, nghe rồi tự suy nghĩ: Thân ta chuyên hóa làm mê hoặc bao nhiêu người khắp các châu thành ở nước Ma-kiệt-đà, không ai là không thọ nhận lời chỉ dạy, chỉ chưa hàng phục được Sa-môn Cù-đàm, cũng chưa từng đấu tài với các đệ tử của ông ấy, ta nay nên thử sức mới có thể biết là mê hoặc được không? Giả sử có thể làm mê hoặc Sa-môn Cù-đàm thì dân chúng khắp nước Ma-kiệt-đà đều đồng tâm đến cúng dường cho ta. Lúc ấy, Nhân Hiền duyên nơi công đức đã có và nương theo oai thần của Phật đi ra khỏi thành Vương-xá, đến núi Linh Thứu, thấy ánh sáng của Đức Phật Thế Tôn vượt hơn ánh sáng mặt trời, mặt trăng ngàn ức lần. Ánh sáng ấy trong suốt, chiếu soi khắp nơi. Hào quang nơi tướng nhục kế sáng rõ hơn ngọc ma-ni, giống như hoa sen tinh khiết, vượt hơn Phạm thiên, bát bộ, giảng nói giáo pháp rộng lớn độ thoát. Nhân Hiền trông thấy sắc thân của Phật đầy đủ trang nghiêm, tâm hết sức vui mừng, liền suy nghĩ: Ta muốn thử sức về trí tuệ, thần thông của Đức Phật xem xét thật sự có rộng lớn chăng? Liền đi đến chỗ Phật, cúi đầu làm lễ, vì để thử Phật nên duyên theo đó mà thừa thỉnh. Giả như Đức Phật biết rõ về tâm ý của ta sẽ không thọ thỉnh. Nếu người không biết thì chắc chắn sẽ thọ nhận không có nghi ngờ. Đức Phật biết rõ tâm ý của người ấy, thương xót Nhân

Hiền và tất cả mọi người trong thành Vương-xá, vì muốn hóa độ họ nên im lặng nhận lời thỉnh, sẽ đi đến nơi cùng với chúng Tỳ-kheo. Lúc ấy, Nhân Hiền suy nghĩ: Sa-môn Cù-đàm không có trí tuệ, thần thông, cũng không thấy khắp tất cả, vì không thấy biết khắp nên hôm nay ta sẽ thử để biết rõ. Khi đó, Nhân Hiền cúi đầu làm lễ, đi quanh Phật ba vòng rồi cáo lui.

Hiền giả Đại Mục-kiền-liên bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Huyền sĩ Nhân Hiền bên trong ôm lòng luống dối, thỉnh Phật và chúng Tăng, vậy nên thọ nhận như thế nào?

Đức Phật bảo Hiền giả Đại Mục-kiền-liên:

– Ông hãy im lặng, Như Lai cứu xét sâu xa về tất cả đám người bị mê muội trong đêm dài sinh tử nhân đó để giáo hóa, tạo lập hạnh bình đẳng. Hàng trời, người nơi thế gian không ai có thể làm mê hoặc, luống dối được Phật, Như Lai đã đoạn trừ dâm, nộ, si, loạn động, không còn các tỳ vết cấu uế, diệt trừ mọi sự trói buộc, chấp trước, xa lìa tám mươi cấu uế, đạt được pháp nhãn Vô sinh, cho nên trong ba cõi không ai có thể làm mê hoặc được, huống hồ là một Huyền sĩ nhỏ làm sao có thể làm được việc ấy? Như Lai hiểu rõ tất cả pháp như huyền, tự mình đạt đến Tối Chánh Giác, khiến cho cảnh giới của con người và nguồn gốc nơi sự việc đều biết chỗ làm lỗi của sự huyền hóa xảo diệu, do

đó Nhân Hiền có bày ra nhiều trò ảo thuật cũng không bao giờ bằng Phật, trăm lần, ngàn lần và vô số ức lần không thể dựa vào đây mà sánh dụ.

Đức Phật bảo Tôn giả Mục-kiền-liên:

– Ý ông thế nào? Huyền sĩ Nhân Hiền có thể làm trang nghiêm hóa hiện ba ngàn đại thiên thế giới được thanh tịnh, tốt đẹp chăng?

Đáp:

– Thưa Thế Tôn! Huyền sĩ ấy không thể làm được.

Phật nói:

– Như Lai phát tâm, trong khoảnh khắc có thể làm cho ba ngàn đại thiên thế giới trang nghiêm thanh tịnh nhập vào một lỗ chân lông. Mọi huyền thuật của Phật hóa hiện không bao giờ làm mê hoặc. Giả sử cõi Phật trong mười phương, có ngọn gió tên là Tùy Lam và Đoạn Tiệt thổi mạnh hủy hoại ba ngàn đại thiên thế giới, Như Lai cũng có thể làm trở lại như cũ. Có ngọn gió tên là Truy Trục, Trục Chỉ, làm xoay chuyển cả thế gian. Có ngọn gió tên là Ba-lật-đô-na, làm xoay trở cõi trời Ba Mươi Ba. Có ngọn gió tên là Tồi Phá Băng Hoại Tu Di. Có ngọn gió tên là Câu-na, tạo nên ngọn lửa lớn, trên lan tới cõi trời Ba Mươi Ba. Có ngọn gió tên là Thường Lai, dấy khởi kiếp thiêu khắp cả trời đất. Có ngọn gió tên là Xí Hỏa, làm cho ba ngàn đại thiên thế giới cùng một lúc đều bị cháy. Có

ngọn gió tên là Kiêu Sái, dấy khởi cơn mưa to. Có ngọn gió tên là Khô Kiệt, trừ dứt hết mọi biến động nơi tai họa của nước.

Phật bảo Tôn giả Đại Mục-kiền-liên:

– Hôm nay, Ta nếu nói rõ về tên của những ngọn gió ấy thì từ một kiếp hoặc hơn một kiếp cũng không thể nói hết. Nay Tôn giả Mục-kiền-liên! Ý ông nghĩ sao? Nếu như người nào có thể dùng giữa hư không, ngồi trong các ngọn gió, tạo ra bốn vật để đi có thể khiến các ngọn gió này đều nhập vào trong một hạt cải, thì hạt cải ấy không hề chướng ngại, cũng không bị hư hại, làm cho chư Thiên và loài người được an ổn, vui vẻ, không sợ hãi. Pháp huyền thuật của Như Lai vượt hơn điều đó, không cùng tận, chẳng phải hàng Nhị thừa có thể sánh kịp.

Bây giờ, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên ở trước chúng hội, cúi đầu đánh lễ, bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Chúng con đạt được lợi lành. Vì sao? Vì oai thần của Thế Tôn vòi vọi rộng lớn vô cùng như vậy, khiến mọi người nghe được sự biến hóa này của Như Lai đều hết sức vui mừng, liền đạt được lợi lành, phát tâm Bồ-đề cầu đạo Chánh chân vô thượng, vui vẻ trong một thời có được vô lượng công đức.

Khi ấy, Huyền sĩ Nhân Hiền đi vào thành Vương-xá, trở về ngôi nhà mình. Ngay ngày hôm

ấy, ở trong thành tại nơi chốn là tụ điểm của các thứ ô uế, bất tịnh hóa làm giảng đường lớn, treo lọng hoa lụa trắng, dựng cờ phướn, cây trái trồng thẳng hàng sum suê trên mặt đất, bình châu báu, lò thom, đèn bằng vàng rải các hoa thom. Bên cạnh giảng đường trồng tám ngàn cây báu, cành lá hoa quả đủ các màu sắc đều thom phức. Dưới mỗi tàng cây có các Tỳ-kheo trải tòa sư tử an tọa. Trong giảng đường, riêng vì Đức Như Lai lập ra tòa sư tử, đây đủ vô số các thứ châu báu xen nhau trang sức, tòa cao tới bốn trượng chín thước. Nơi bốn bên tòa hóa ra bốn cây báu, tạo nên trăm vị thức ăn uống thom ngon thật thịnh soạn để cúng dường cho năm trăm người. Thân đoạn nghiêm mang các chuỗi báu tươi đẹp tinh khiết, Huyền sĩ Nhân Hiền hóa làm như vậy xong, khi ấy có bốn vị Thiên vương đi đến chỗ Huyền sĩ tạo ra giảng đường rồi nói với Nhân Hiền:

– Lành thay! Này Nhân giả! Nên thỉnh Như Lai ở nơi giảng đường này để cúng dường Phật, nên nghe lời ta, ta đã đến đây để trợ giúp những gì còn thiếu như dựng cung điện để cúng dường Như Lai. Lúc ấy, Nhân Hiền được lợi ích nên vui mừng cho là điều chưa từng có, nghe theo lời của Thiên vương. Bốn Thiên vương liền hóa ra cung điện nguy nga đẹp đẽ trang nghiêm. Mọi sự hóa tác của Nhân Hiền đã có đều như bị che lấp, không còn hiện bày. Lúc ấy trời Đế Thích cùng với ba vạn hai

ngàn chư Thiên, trời và người cùng đi đến giảng đường của Huyền sĩ Nhân Hiền, nói: Lành thay! Vui thích thay! Đạt được lợi lành chân thật, mới thỉnh Như Lai, hóa nên giảng đường trang nghiêm để cúng dường Đức Phật. Nên nghe lời ta góp sức thêm, nhằm tạo lập cung điện để cúng dường Như Lai. Bây giờ, Nhân Hiền lại càng vui mừng gấp bội, được điều chưa từng có, riêng tự nghi, cho là lạ, bảo Đế Thích: Nên biết việc đó là rất đúng lúc, nên làm. Thiên Đế Thích liền hóa hiện tạo thành cung điện lớn, đẹp đẽ hơn hẳn cung điện của trời Đao-lợi, hóa các cây báu đẹp hơn cả cây Ba-lợi-chất-đa-la nơi vườn Hoan Hỷ. Các cung điện, giảng đường, cây báu, hoa lạ v.v... do Nhân Hiền và bốn Thiên vương hóa tác tạo dựng đều như ẩn mất, không còn hiện rõ. Nhân Hiền liền suy nghĩ: Đức Thế Tôn thật là bậc phi phàm mới có thần lực vi diệu như vậy, khiến các vị Thiên vương tạo nên sự cúng dường lớn phụng sự Như Lai. Hôm nay ta đâu có thể bỏ mất việc làm của mình, nếu thế thì rất mê muội, phải lấy sự nhẫn nại này mà hướng đến sự tôn quý kia. Lúc đó, Nhân Hiền muốn ẩn giấu sự huyền hóa của mình nhưng không thể được, sử dụng đủ các thứ thuật cũng không thể diệt được. Mọi thứ biến hóa ra như thức ăn để cung cấp, giảng đường trang nghiêm, tòa sư tử, cây báu v.v... đã vĩnh viễn trở thành chân thật không thể thay đổi được, Nhân Hiền sinh tâm kinh hãi cho là điều quái

lạ, liền suy nghĩ: Từ xưa mọi sự vận dụng ngôn từ: Huyền hiện thì hiện, muốn ẩn mất thì mất. Hôm nay vì Đức Như Lai nên biến hóa ra các thứ cúng dường mà không thể cải đổi thu hồi lại được. Lúc đó, trời Đế Thích biết Nhân Hiền đã suy nghĩ, liền bảo:

– Như ông đã vì Đức Phật biến hóa ra các thứ đồ cúng dường, trang nghiêm, cho nên không thể thu hồi lại như cũ. Do đó, khi gặp Như Lai phải phát tâm hoan hỷ, tất luôn được an ổn, đạt đến con đường Niết-bàn giải thoát.

Bây giờ, Nhân Hiền hết sức vui mừng nên vào sáng sớm đến bạch Phật:

– Giờ thọ trai đã đến, cúi xin Thế Tôn chiếu cố nhận lễ. Lúc đó, Đức Thế Tôn mặc y, cầm bát cùng với các Bồ-tát và chúng Tỳ-kheo Tăng trước sau vây quanh, đi đến giảng đường trang nghiêm của Nhân Hiền. Khi ấy, Đức Phật bèn biến hóa khiến cho Nhân Hiền nhận biết chỗ Như Lai an tọa là tòa sư tử do mình tạo ra. Bốn vị Thiên vương cũng thấy chỗ ngồi của Như Lai là tòa sư tử trong cung điện do các vị đã tạo. Đế Thích tự nghĩ: Như Lai đã ngồi nơi tòa trang nghiêm của ta biến hóa. Các ngoại đạo tà giáo ở thành Vương-xá không tin nơi giáo pháp Phật, lại kiêu mạn, luôn sinh tâm giận dữ, tất cả đều đi đến giảng đường trang nghiêm kia, với suy nghĩ: Hôm nay cùng tới xem sự cảm ứng của Sa-môn Cù-đàm đã hiện bày. Các hàng cận sự

nam, cận sự nữ, tại gia hộ pháp thì vô cùng vui mừng đều đi đến giảng đường, bảo nhau: Hôm nay chúng ta sẽ gặp bậc Như Lai Chí Chân, nghe tiếng sư tử gầm vang và xem các sự biến hóa ấy.

Lúc này, Nhân Hiền trừ bỏ lòng tự đại, cúi đầu làm lễ nơi chân Phật, bạch Thế Tôn:

– Nguyện xin Như Lai tha thứ tội lỗi của con. Con vốn do ngu tối, muốn làm nhiều loạn Như Lai nên biến hóa ra các thứ thức ăn này, giả hầu giúp việc, các tòa sư tử cũng đều biến hóa, trong tâm hối tiếc, muốn dứt bỏ những thứ đã hóa hiện. Đức Phật là bậc Thánh Tôn nên thương xót tâm ngu si này: “Các sự việc đã hóa hiện con đều không thể biến hóa trở lại được”.

Đức Phật bảo Nhân Hiền:

– Tất cả mọi người và những điều đã làm ra đều là huyền hóa. Các tòa ngòai của chúng Tỳ-kheo cũng đều là huyền hóa. Như thân của Ta cũng là tuệ huyền. Ba ngàn đại thiên thế giới này đều là sự hóa hiện, nhân duyên, tội phước, tất cả các pháp cũng đều hóa hiện, đều do nhân duyên nên có mặt trong chúng hội này. Ông nên đem những thức ăn uống đã hóa ra để phân chia.

Khi ấy, Huyền sĩ Nhân Hiền, Phạm vương, Đệ thích, Tứ Thiên vương những người đã cung cấp giúp đỡ đều dâng những thức ăn biến hóa để cúng dường Đức Thế Tôn và các Tỳ-kheo.

Bấy giờ, Hiền giả Đại Ca-diếp nói kệ:

*Hôm nay đã bày tòa
Và người ngồi trên đó
Định ý đều bình đẳng
Lành thay! Bạc Vô thương.*

Tôn giả Xá-lợi-phất nói kệ:

*Tâm cúng dường hôm nay
Cầu xin người thọ nhận
Có niềm tin như vậy
Sớm đạt được giác ngộ.*

Tôn giả Tu-bồ-đề nói kệ:

*Bồ thí không chôn thí
Người nhận không chõ nhận
Việc làm có ứng hiện
Đó chính là tin thí.*

Tôn giả A-nan nói kệ:

*Bồ thí là hơn hết
Người nhận phải vô tâm
Thân và tâm không chấp
Bạc tôn quý ở đời.*

Bồ-tát Quang Anh nói kệ:

*Ví như Huyền sĩ này
Nhân Hiền đã biến hóa
Các thế gian cũng vậy
Người ngu không hiểu biết.*

Bồ-tát Quang Tạng nói kệ:

Ví như ngồi bên cây

*Đều tạo do huyền hóa
 Chỗ huyền hóa cũng không
 Ứng hợp không sai khác.*

Bồ-tát Sư Tử nói kệ:

*Không nghe sư tử gầm
 Chim, thú nơi rừng kêu
 Sư tử vừa gầm vang
 Các thú chạy trốn khắp.
 Nhân Hiền có giới hạn
 Dùng huyền mê hoặc người
 Như Lai hiện huyền hóa
 Các ma không sánh kịp.*

Bồ-tát Sư Tử Ý nói kệ:

*Cơm này biến hóa ra
 Người dâng cúng cũng huyền
 Người ăn uống đều hóa
 Lành thay! Bạc Vô thượng.*

Bồ-tát Di-lặc nói kệ:

*Dầu, sữa đổ vào lửa
 Làm tăng thêm ánh sáng
 Nhân Hiền huyền như thế
 Phật huyền thì hiện khắp.*

Đồng tử Nhu Thủ nói kệ:

*Ví như ở chỗ này
 Tất cả đều hóa tạo
 Nhân Hiền đã huyền hóa
 Luống dối mê hoặc người.*

*Tất cả pháp như vậy
Vốn thấy đều bình đẳng
Không hiểu rõ vị lai
Người ngu theo sinh tử.*

Khi ấy, Đức Thế Tôn muốn khuyến khích giáo hóa Huyền sĩ Nhân Hiền nên hướng về phía Đông của giảng đường hóa ra cung điện, nhà cửa. Vị trưởng giả ở trong đó nói với Nhân Hiền:

– Hôm nay ông làm gì?

Đáp:

– Tôi cúng dường Sa-môn Cù-đàm và Tỳ-kheo Tăng.

Trưởng giả bảo:

– Huyền sĩ, chớ nói như vậy! Hôm nay, Đức Thế Tôn thọ trai trong cung của vua A-xà-thế cùng với chúng Tỳ-kheo.

Lúc ấy Nhân Hiền nương theo oai thần của Phật, nhìn thấy Đức Phật và chúng Tăng đang thọ trai nơi cung điện của nhà vua.

Bấy giờ, Đức Phật lại hóa ra trưởng giả đi vào giảng đường, hỏi Nhân Hiền:

– Hôm nay ở đây ông làm gì?

Đáp:

– Hôm nay, cúng dường Đức Phật và chúng Tăng.

Trưởng giả nói:

– Ông không nên nói như vậy. Hôm nay, Đức

Phật và chúng Tăng đang du hóa khát thực ở chỗ ngoại đạo.

Khi đó, Nhân Hiền nương theo oai thần của Phật, nhìn thấy Đức Phật và chúng Tăng đang khát thực ở chỗ ngoại đạo.

Lại có trưởng giả đến hỏi Nhân Hiền:

– Hôm nay ông đã làm gì?

Đáp:

– Hôm nay tôi tổ chức cúng dường Đức Phật và chúng Tăng.

Trưởng giả bảo:

– Ông không nên nói như vậy. Hôm nay, Đức Thế Tôn đang ở nơi vườn sau của một vị lương y nổi tiếng tên Kỳ-vực, giảng nói kinh pháp cho bốn bộ chúng.

Nhân Hiền nương theo oai thần của Phật, nhìn thấy Đức Phật đang ở nơi vườn sau của lương y Kỳ-vực, giảng nói kinh pháp cho bốn bộ chúng.

Lúc này, Thiên Đế thích hỏi Nhân Hiền:

– Hôm nay ở đây ông làm gì?

Đáp:

– Tôi cúng dường Đức Phật và chúng Tăng.

Đế thích nói:

– Ông đừng nói như vậy. Hôm nay Đức Như Lai đang ở cõi trời Đao-lợi, ngày đêm giảng nói pháp cho chư Thiên và loài người tại dưới tàng cây Ba-lợi-chất-đa-la.

Nhân Hiền bèn nương theo oai thần của Phật, nhìn thấy Đức Phật đang ở cõi trời Đao-lợi, giảng nói pháp cho chư Thiên và loài người. Huyền sĩ Nhân Hiền thấy phía trên các cây, cành, lá, hoa quả đều có tòa báu, Như Lai với đầy đủ tướng tốt, Tăng chúng vây quanh, đang an tọa trên các tòa sư tử đã được hóa tác. Tứ Thiên vương, Phạm vương, Đế Thích đều thấy Như Lai ngồi nơi tòa sư tử do mình biến ra. Tất cả các hàng cùng ngõ hẻm nơi thành Vương-xá cũng đều thấy Như Lai, cùng hiện bày khắp trước chư Phật Thế Tôn, đều thấy Nhân Hiền tự ăn năn hối cải về lỗi lầm của mình. Bảy giờ, chính mắt Nhân Hiền đã nhìn thấy, không thấy điều gì khác, chỉ thấy Đức Như Lai. Huyền sĩ Nhân Hiền liền sinh tâm thiện, hết sức vui mừng nên đạt được Tam-muội Phật ý. Từ nơi Tam-muội đứng dậy, chấp tay ở trước Đức Phật nói kệ:

*Nay con nhìn thấy
Thần tức Như Lai
Phát tâm khoảnh khắc
Hóa ngàn ấy Phật.
Số lượng trăm ngàn
Vượt hơn hạn lượng
Hoặc hằng hà sa
Chư Phật như vậy.
Con vốn tự cho
Học huyền thuật rộng
Nơi cõi Diêm-phù*

Không ai sánh kịp.
Hôm nay nhìn thấy
Thần tức của Phật
So sánh, ví dụ
Cũng không thể bằng.
Chính mắt con thấy
Không thấy gì khác
Thấy khắp chư Phật
Tướng tốt trang nghiêm.
Cho nên nay con
Muốn hỏi Pháp vương
Thế nào là Phật?
Nguyện xin giảng nói.
Cúng Phật vật gì?
Mới là bậc nhất
Cúng Phật ở đâu?
Công đức rất lớn.
Chốn nào thanh tịnh?
Đức Phật thọ nhận
Cúi xin giảng nói
Bình đẳng thấy khắp.
Con nay tội nặng
Đã phạm rất nhiều
Con đã thử Phật
Bậc Thầy ở đời.
Mọi người tôn kính
Vì không cung kính
Đã tự bỏ mất

Không đạt sở nguyện.
Chư Thiên nghe rồi
Cùng với Đế thích
Ở trong chúng hội
Tất cả thâu đạt.
Hôm nay con nguyện
Phát tâm Bồ-tát
Thực hành tất cả
Để được độ thoát.
Nay con xin thỉnh
Tất cả chúng sinh
Đều được no đủ
Cam lồ an ổn.
Khiến người ngủ mê
Mau được giác ngộ
Được điều kỳ lạ
Đèn trí tuệ sáng.
Ai hay biến hóa
Hiện bày như vậy
Nghe nói nơi ấy
An định nhu hòa.
Trí tuệ vô ngại
Đạo hạnh tối thượng
Không sinh tâm ấy
Đạo tâm cao quý.
Xin giảng cho con
Đạo hạnh vi diệu
Tôn phụng thế nào?

Mau đạt Phật đạo.
 Vì sao như thế?
 Vì đủ các hạnh
 Tất cả đệ tử
 Đều không sánh bằng.
 Hạnh và vô hạnh
 Đức là thứ gì?
 Ý nghĩa thế nào?
 Lãnh hội rõ ràng.
 Chỗ nào an lạc?
 Phép tắc kinh hành
 Vì sao phát nguyện?
 Không sinh nghi ngờ.
 Thế nào tinh tấn?
 Ghi nhận không chán
 Khi nào đạt được
 Lãnh hội chắc chắn.
 Là như thế nào?
 Giảng nói giáo pháp
 Sao gọi ánh sáng?
 Là pháp soi người.
 Bồ thí thế nào?
 Gọi là hạnh từ
 Vì sao an trụ
 Tâm không sai khác.
 Sao gọi cúng tế?
 Đã được đầy đủ
 Đối với mọi người

Tâm từ kiên cố.
Thế nào thầy tốt?
Phải bắt chước theo
Vì sao bạn xấu?
Cần nên xa lìa.
Vì sao đến được?
Gặp Phật Thế Tôn
Đã gặp được rồi
Cúng dường thế nào?
Nên học pháp gì?
Đạt được cao quý
Siêng học pháp nào?
Để đạt trí tuệ.
Giữ giới thế nào?
Mà được thanh tịnh
Làm sao đạt được?
Tam-muội Định ý.
Bày ra cách nào?
Thành hạnh trang nghiêm
Vì sao xả bỏ?
Ý nghĩa phi pháp.
Vào đạo thế nào?
Thâu giữ tâm mình
Hàng phục được ma
Dục trần trói buộc.
Thế nào lãnh thọ?
Suy nghĩ nghĩa kinh
Tâm ấy không bỏ

Tất cả chúng sinh.
Làm sao giáo hóa?
Hết thầy người, vật
Giữ vững công đức
Không chón hành hóa.
Sao nơi mọi người
Không bỏ hạnh ấy?
Tâm từ thiện xảo
Dấu vết nhân ái.
Thần thông đầy đủ
Làm sao đạt được?
Sao gọi ý chí?
Đạo tâm vô thượng.
Vì sao tất cả?
Thành tựu sở nguyện
Đạt được phân biệt
Tổng trì, pháp nhẫn.
Biện tài thanh tịnh
Hạnh không thoái chuyển
Tâm ấy sâu xa
Hiểu đệ nhất nghĩa.
Vì sao lúc ấy?
Đạt được trí tuệ
Đã chứng đắc đạo
Thấu tỏ nghĩa lý.
Đều biết tất cả
Đạo hạnh của Phật
Trụ đạo kiên cố

Không hề lay chuyển.
 Xin nguyện giảng nói
 Nghĩa lý vô thượng
 Trí tuệ thần thông
 Hiểu rõ như biển.
 Thế Tôn thương xót
 Xin nói cho con
 Con sẽ đạt được
 Bền vững phụng hành.

Lúc ấy, Đức Phật vì Huyền sĩ Nhân Hiền bèn nói kệ:

Có thể biết rõ
 Các pháp huyền hóa
 Thì có thể hóa
 Trăm ngàn ức Phật.
 Cũng có thể hóa
 Ngàn ức cõi Phật
 Chỗ đã đạt đến
 Độ ức chúng sinh.
 Nhân Hiền, như ông
 Không dùng hình sắc
 Có thể hiện sắc
 Nhìn thấy vô số.
 Không có dấy khởi
 Cũng không có diệt
 Không thấy nơi đến
 Cũng không chôn đi.
 Như vậy Nhân Hiền

Đức Phật, Chánh sĩ
 Hóa hiện thân Phật
 Và Tỳ-kheo Tăng.
 Không có chỗ đến
 Không thấy nơi trụ
 Trí không nghĩ bàn
 Thần túc Phật ấy.
 Ví như chỗ huyền
 Nhân cùng một duyên
 Hiện có voi, ngựa
 Xe cộ, người đi.
 Không có người ngồi
 Cũng không chôn đến
 Là việc điên đảo
 Người cho là chánh.
 Chư Phật như vậy
 Không có sắc thân
 Cũng không hình tượng
 Chẳng hành không xứ.
 Người thấy thân mình
 Mong cầu xứ sở
 Người chưa giác ngộ
 Trừ bỏ các tướng.
 Phật không tướng mạo
 Xa lìa tướng tốt
 Không khởi dòng họ
 Nhìn không thể thấy.
 Không có âm thanh

Cùng dùng ngôn ngữ
Không tâm, ý, thức
Đã lia nhớ nghĩ.
Như Phật giác ngộ
Thấu rõ chân thật
Ba đời đều không
Không dấy khởi tưởng.
Thường không sinh tưởng
Đã thấy gốc tịnh
Pháp không thật có
Công đức viên mãn.
Nơi Phật sinh ra
Vô số bản tịnh
Không có bốn đại
Cũng không phiền não.
An trụ nơi ấy
Không động, không nhiễm
Không thể hiểu rõ
Con mắt trí tuệ.
Như ta nhận biết
Vì đã thấy Phật
Người ấy chưa từng
Thấy được Thế Tôn.
Thấy không chỗ thấy
Là thấy Đạo sư
Ví như đưa tay
Nắm bắt hư không.
Nhân Hiên, như người

Chỗ thấy chư Phật
 Đều là một người
 Nhất định bình đẳng.
 Ta cũng như vậy
 Các Phật không khác
 Tất cả chánh tuệ
 Tướng ấy bình đẳng.
 Giới kia thanh tịnh
 Tam-muội bình đẳng
 Trí tuệ định ý
 Giải thoát bình đẳng.
 Trí tuệ lúc ấy
 Biết việc hóa độ
 Tất cả các lực
 Danh đức của Phật.
 Bình đẳng nghĩa không
 Và dấu hành đạo
 Tất cả các pháp
 Chỗ trụ không ngại.
 Tất cả như huyền
 Tánh tịnh giải thoát
 Không nơi thành tựu
 Hướng đến nghiêm tịnh.
 Nhân Hiền nên biết
 Cùng một Đức Phật
 Là đã phụng sự
 Mười phương chư Phật.
 Ở đây cũng vậy

Các pháp bình đẳng
Mong cầu ngàn ấy
Trọn không thủ đắc.
Tất cả thanh tịnh
Người tin bố thí
Đã thí tất cả
Đạt được quả lớn.
Tất cả thanh tịnh
Sinh pháp bình đẳng
Phật không ngàn ấy
Cũng không sai khác.
Hết thấy tất cả
Xét đều là Phật
Có hành điên đảo
Thì không gặp Phật.
Nay chư Phật ấy
Đã hiện hình tượng
Tất cả đều tận
Bình đẳng khắp nơi.
Nhân Hiền, như ông
Nghĩ chỗ thấy Phật
Ví như Nhân Hiền
Đã hóa tạo ra.
Dụ quán năm ấm
Cũng đều như vậy
Phàm chấp các ấm
Cùng với ngu si.
Đây là vô sinh

Đều không thật có
Không ở chỗ này
Không trú chỗ kia.
Không thể thấy được
Cũng không có sắc
Xét rõ vậy rồi
Không được trụ lâu.
Năm ấm như vậy
Lúc đó như huyền
Chúng sinh tranh cãi
Tham chấp thân tướng.
Tướng của vô tướng
Tướng đã hiện ra
Phật đạo chánh giác
Xa rồi lại xa.
Pháp là hư vọng
Phát sinh các tướng
Nhân duyên chúng sinh
Cây không có hình.
Tạo ra các việc
Ngần ấy loại tâm
Dứt các thọ tướng
Đó là gốc không.
Biết rõ nhân duyên
Và chỗ tạo tác
Liền biết pháp ấy
Xa lìa các dục.
Lìa pháp dục rồi

*Liên biết rõ như
Tức được thấy đạo
Mắt ấy thanh tịnh.*

Khi Đức Phật giảng nói kệ xong, Huyền sĩ Nhân Hiền đạt được pháp nhãn nhu thuận. Năm ngàn người chưa từng phát tâm đều phát tâm cầu đạt đạo quả Chánh chân vô thượng. Có hai trăm hàng trời, người xa lìa trần cấu, đạt được pháp nhãn thanh tịnh. Lúc ấy, Đức Phật thọ trai huyền hóa rồi và nhằm tăng thêm lợi ích cho công đức tin thí của Nhân Hiền, Đức Phật nói kệ:

*Bồ thí không nghĩ đáp
Người ấy được thanh tịnh
Bồ thí tất cả vật
Nhân Hiền đầy đủ đức.*

Hiền giả Đại Mục-kiền-liên bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Làm sao giảng đường đã biến hóa được trụ vững suốt bảy ngày khiến không diệt mất?

Đức Phật liền dùng oai thần làm cho giảng đường đã biến hóa ấy suốt trong bảy ngày đêm an trụ, không diệt, trang nghiêm như cũ.

Bảy giờ, Đức Phật từ chỗ ngồi đứng dậy, cùng với chúng Tỳ-kheo và các Bồ-tát, các chúng Trời, Rồng, Quỷ, Thần, Càn-đạp-hòa v.v... tất cả cùng trở về chỗ Phật để thọ nhận kinh pháp.

Lúc ấy, Nhân Hiền đi đến trụ xứ của Phật, cúi

đầu làm lễ nơi chân Phật, đi quanh Phật ba vòng rồi chấp tay đứng yên, bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! BỒ-tát có bao nhiêu đạo hạnh đã an trụ đến được đạo tràng, hiểu rõ chính nghĩa?

Đức Phật bảo Nhân Hiền:

– Hãy lắng nghe ghi nhớ kỹ. Ta sẽ giải thích rõ ràng cho ông về đạo tràng của BỒ-tát.

Nhân Hiền cùng các đại chúng đều hết lòng lãnh thọ lời dạy.

Đức Phật dạy:

– BỒ-tát có bốn việc an trụ vào đạo, kiến lập đạo tràng thanh tịnh: Một là tâm luôn tu tập các thông tuệ. Hai là không bỏ rơi tất cả chúng sinh. Ba là mong cầu công đức không nhầm chán. Bốn là giữ gìn các pháp, luôn thực hành tinh tấn. Đó là bốn việc kiến lập đạo tràng thanh tịnh.

Lại có bốn việc thực hành đưa đến đạo tràng thanh tịnh: Một là giữ gìn giới thanh tịnh. Hai là tâm tánh thanh tịnh. Ba là trí tuệ thanh tịnh. Bốn là chỗ sinh thanh tịnh. Đó là bốn việc.

Lại có bốn pháp hàng Thanh văn, Duyên giác không ai sánh bằng: Một là thực hành vượt hơn bốn thiên. Hai là tâm hội nhập nhiều cảnh giới. Ba là thực hành đại bi đối với chúng sinh. Bốn là thể hiện vô số âm thanh biện tài. Đó là bốn pháp.

Lại có bốn oai nghi thực hành: Một là ưa thích chỗ thanh vắng, xa lìa nơi ồn náo. Hai là an trụ vào

hạnh từ luôn nhớ nghĩ chúng sinh. Ba là không đua nịnh theo hạnh tà, không hướng đến các nẻo ấy. Bốn là mong cầu đối với đạo hạnh. Đó là bốn oai nghi.

Lại có bốn điều thừa hỏi không có ngăn ngại, không gì có thể đoạn dứt: Một là không tiếc thân mạng. Hai là tâm luôn vui vẻ. Ba là xả bỏ sự cao ngạo. Bốn là luôn thực hành chánh pháp. Đó là bốn điều thừa hỏi.

Lại có bốn việc để thực hành đầy đủ: Một là luôn nhận biết thời cơ. Hai là tùy theo chỗ ưa thích của người mà hiện bày giáo hóa. Ba là luôn biết hổ thẹn. Bốn là thường biết đủ. Đó là bốn việc.

Lại có bốn việc tâm thực hành bình đẳng: Một là tùy theo căn cơ ứng hợp của chúng sinh mà hết lòng chỉ dạy. Hai là sở nguyện, trí tuệ lớn luôn thích ứng với sự dạy dỗ trao truyền. Ba là không nói về chỗ hơn kém của người khác. Bốn là gặp người nói về điều thấp kém thì hiện bày tâm từ, không kết oán. Đó là bốn việc.

Lại có bốn việc tạo danh đức đầy đủ khiến ai cũng nghe biết: Một là tự tu tập trí tuệ sâu xa, chỉ dạy cho người khác. Hai là nếu có người đến hỏi tất dứt trừ mọi nghi ngờ. Ba là luôn giữ gìn chánh pháp. Bốn là tâm lực đối với Phật không thể cùng tận. Đó là bốn việc.

Lại có bốn việc tạo sự hiểu biết rộng rãi, vững

chắc: Một là nghe pháp thì hiểu rõ chỗ quay về. Hai là pháp đã nghe luôn vui vẻ, không tham đắm việc thế gian. Ba là đã nghe pháp rồi giảng nói rộng rãi cho người khác. Bốn là đã nghe pháp rồi phát khởi sự giải thoát theo bậc Hiền Thánh, hướng đến đạo pháp của Phật. Đó là bốn việc.

Lại có bốn việc giảng nói kinh pháp danh đức lưu truyền: Một là trước hoàn thành các việc, sau đó thọ nhận thức ăn. Hai là đạt được các lợi dưỡng về y phục, thức ăn uống, giường nằm, thuốc men là nhằm hàng phục ma lực. Ba là ngày đêm ưa thích các pháp, được chư Thiên luôn ủng hộ. Bốn là không khinh thường người khác. Đó là bốn việc.

Lại có bốn việc đạt được ánh sáng nơi chúng hội thân đạt tự tại: Một là ít ham muốn. Hai là biết đủ. Ba là tạo sự hòa nhã tốt đẹp. Bốn là thân dốc giữ gìn giáo pháp. Đó là bốn việc.

Lại có bốn việc đạt được trí tuệ sáng suốt, giảng nói giáo pháp không sai khác: Một là cứu giúp mọi sự sợ hãi trong đường sinh tử. Hai là không mong cầu lợi dưỡng của sự cúng dường nơi thế gian. Ba là luôn giúp đỡ người khác. Bốn là thường nguyện an trụ vào đạo. Đó là bốn việc.

Lại có bốn pháp nhận biết về sự đáp trả của quả báo thiện, ác: Một là khuyến hóa người khác giúp họ phát đạo tâm. Hai là không để mất công đức đã tạo lập. Ba là cung kính, nhớ nghĩ, khát ngưỡng

tâm từ ở vị lai. Bốn là luôn đi đến chỗ các bậc Chánh sĩ, Pháp sư. Đó là bốn pháp.

Lại có bốn việc không hủy hoại tâm từ: Một là đầy đủ năng lực nhẫn nhục. Hai là không dụ dỗ, nhiều hại quyền thuộc của người khác. Ba là không xả bỏ tâm đại bi. Bốn là mong cầu thoát khỏi nhân duyên tội, phước, quyết chí ở nơi đạo. Đó là bốn việc.

Lại có bốn việc tu tập đối với hạnh từ: Một là luôn hòa hợp với mọi người. Hai là tánh hạnh thuận hòa. Ba là thực hành đầy đủ. Bốn là mọi thứ hiện có dần dần gần nơi đạo. Đó là bốn việc.

Lại có bốn việc nhận biết là thầy xấu ác: Một là chỉ dạy người theo đạo thấp kém. Hai là dạy người hủy hoại tâm Bồ-tát. Ba là dạy mong cầu danh tiếng, tăng thêm pháp bất thiện. Bốn là chỉ dạy xa lìa công đức nơi pháp thiện. Đó là bốn việc.

Lại có bốn việc cùng chư Phật Thế Tôn ở trong chúng hội: Một là luôn nhất tâm. Hai là thường giảng nói về công đức của chư Phật Thế Tôn. Ba là giữ gìn giới luật thanh tịnh. Bốn là tâm tánh không xả bỏ bản nguyện. Đó là bốn việc.

Lại có bốn pháp khen ngợi đức hạnh cúng dường Bồ-tát và Như Lai tôn quý không biết mệt mỏi: Một là tạo sự cúng dường Đức Phật Thế Tôn tối thượng. Hai là gặp Phật phải nên gắng sức hành trì theo. Ba là thấy Như Lai tâm Bồ-đề được vững

chắc. Bốn là thấy được nguồn gốc công đức của ba mươi hai tướng trượng phu, thành tựu được phương tiện thiện xảo. Đó là bốn việc.

Lại có bốn việc xem xét nghĩa lý của kinh điển, tu tập theo giới hạnh của Bồ-tát, đạt được vô thượng: Một là vượt khỏi đường ác. Hai là thường khuyến khích tạo lập con đường tốt đẹp. Ba là cung kính đối với Như Lai. Bốn là hành đầy đủ theo sở nguyện. Đó là bốn việc.

Lại có bốn việc tu học: Một là không bỏ mất tâm Bồ-đề. Hai là bình đẳng đối với tất cả chúng sinh. Ba là mong cầu đạt các pháp Ba-la-mật. Bốn là giữ gìn vô số giáo pháp của chư Phật, khiến không đoạn tuyệt. Đó là bốn việc tu học.

Lại có bốn việc thực hành giới luật thanh tịnh: Một là thực hành được các việc nhỏ. Hai là hiểu rõ về hành không. Ba là không phạm sự nghi ngờ theo tà kiến. Bốn là tâm không do dự. Đó là bốn việc.

Lại có bốn việc tạo chủng tánh Tam-muội: Một là không chấp theo lời nói của địa phương. Hai là tâm thanh tịnh không đắm nhiễm. Ba là thành tựu nguồn gốc của công đức. Bốn là gần gũi được chút ít nơi Phật đạo. Đó là bốn việc.

Lại có bốn việc ứng hợp với hạnh trong sáng: Một là hưng khởi các gốc lành. Hai là tâm vắng lặng yên tĩnh thực hành không chấp trước. Ba là thấy rõ về pháp môn tùy thuận giải thoát. Bốn là

tịch định đối với ý nghĩa của đạo. Đó là bốn việc.

Lại có bốn việc bỏ tâm cấu uế: Một là sợ hãi về sinh tử, thường chuyên tâm tu hành. Hai là nhằm cầu đạt nguồn gốc của công đức giải thoát. Ba là đối với việc an ổn đều không tạo tác. Bốn là tâm không dấy khởi. Đó là bốn việc.

Lại có bốn việc để hàng phục tâm mình: Một là lấy trường hợp của một người để so với vị lai là hàng ức trăm ngàn ở trong sinh tử. Hai là nhận biết sự nhớ nghĩ nơi tâm của tất cả mọi người, vì nhằm đoạn dứt phiền não, thuận theo bản nguyện mà thuyết giảng giáo pháp. Ba là trừ bỏ hết thảy các pháp bất thiện, giữ gìn các pháp thiện, an tọa nơi đạo tràng, hàng phục chúng ma, chứng đắc đạo quả Chánh chân vô thượng. Bốn là âm thanh nói rõ cho cả ba ngàn đại thiên thế giới luôn vì chúng sinh giảng nói chánh pháp. Đó là bốn việc.

Lại có bốn việc hàng phục ma oán: Một là quan sát các pháp như huyễn, thực hành thanh tịnh. Hai là chóng đạt được pháp nhẫn Vô sinh. Ba là cắt đứt các việc ngu si không sáng suốt. Bốn là xa lìa sinh tử, tu tập chánh hạnh. Đó là bốn việc.

Lại có bốn việc tư duy về nghĩa lý của kinh: Một là pháp do nhân duyên khởi, không phải là không nhân duyên. Hai là hưng khởi pháp sâu xa mà không chấp có người. Ba là quán xét về pháp không mà không có chón dấy khởi. Bốn là an nhiên

không có tướng vì tất cả đều vắng lặng. Đó là bốn việc.

Lại có bốn việc tâm không xả bỏ giáo pháp của Bồ-tát: Một là không bỏ mất bản nguyện. Hai là nhẫn chịu nơi các khổ não. Ba là không tiếc thân mạng. Bốn là không xả bỏ việc hành bốn ân. Đó là bốn việc.

Lại có bốn việc lãnh hội giáo pháp giáo hóa mọi người: Một là theo chỗ bố thí thức ăn, y phục ứng hợp với căn cơ mà thuyết pháp. Hai là luôn khuyến khích khiến đạt kiên cố. Ba là chỗ tạo tác đạt an ổn tự tại. Bốn là lập vững gốc lành cho người khác. Đó là bốn việc.

Lại có bốn việc thọ nhận các pháp an ổn, chắc chắn để thâm giữ phụng trì: Một là thiện căn tuy ít nhưng tâm không coi thường. Hai là luôn thực hành các việc an ổn. Ba là bố thí điều hòa tâm ý, tu tập đầy đủ các pháp thiện. Bốn là thực hành theo nghĩa lý của kinh điển làm cho tất cả chúng sinh đều hướng đến sự an ổn. Đó là bốn việc.

Lại có bốn việc để hội nhập đạo hạnh: Một là đạt được thân thông. Hai là thành tựu được trí tuệ chân chánh. Ba là tâm thâm nhập vô lượng pháp nơi đạo lớn. Bốn là tất cả các pháp đã tạo chỉ nhờ tu tập theo hành không, không chấp vào sự giải thoát. Đó là bốn việc.

Lại có bốn việc tu tập tâm từ: Một là cứu giúp

người bị huyễn hóa. Hai là thường dẫn dắt mọi người khiến họ giữ gìn giáo pháp. Ba là độ thoát người huyễn hóa. Bốn là khiến đạt được pháp vô vi. Đó là bốn việc.

Lại có bốn việc giữ gìn tu tập tâm bi: Một là vì các chúng sinh nơi đường ác luôn xem như bạn thân, khiến họ được hội nhập vào đạo phát khởi tâm bi. Hai là làm cho họ xa lìa tội ác, chỉ dạy tu tập điều lành. Ba là chỉ dạy cho người mong cầu đạo nhỏ hẹp, khuyến khích họ phát tâm Đại thừa. Bốn là thực hành tâm bi, vì tất cả chúng sinh đều giữ nơi tâm bi ấy. Đó là bốn việc.

Lại có bốn việc thực hành phương tiện thiện xảo: Một là tất cả hướng đến tâm Bồ-đề hiện tiền. Hai là không xả bỏ tâm phiền não hướng chỉ là tâm phương tiện thiện xảo. Ba là quán xét tất cả mọi người và các tà kiến đều là pháp khí. Bốn là thấy tất cả pháp đều là Phật pháp, an nhiên chứng đắc Tối Chánh Giác, nhớ nghĩ thực hành các Tam-muội, đạt được giải thoát hoàn toàn. Đó là bốn việc.

Lại có bốn việc đạt được các hành thần thông: Một là thường xem thân và tâm này vốn là thanh tịnh. Hai là xem tâm mình giống như mộng huyễn. Ba là chỗ tạo tác chỉ tạo lập giáo pháp. Bốn là luôn nhất tâm vắng lặng, không loạn tưởng. Đó là bốn việc.

Lại có bốn việc có thể phân biệt về pháp cú: Một là nhớ nghĩ sự thành tựu về ý nghĩa của trí tuệ, không theo vẻ đẹp bên ngoài. Hai là chỉ cầu đạt giáo pháp mà không chấp giữ nơi người, không sinh khởi cũng không chôn diệt. Ba là nhận biết tất cả đều vô tận và không thể tận. Bốn là chỗ giảng nói về văn tự, không đắm vướng cũng không bị ràng buộc. Đó là bốn việc.

Lại có bốn việc đạt được pháp Tông trì: Một là không nhàm chán nghe nhiều biết rộng, luôn cung kính bậc Pháp sư. Hai là thường thực hành hạnh tinh tấn, giảng nói kinh điển cho mọi người. Ba là hiểu rõ tất cả pháp cú, không làm mất về nghĩa lý. Bốn là lại khiến lãnh hội được giáo pháp của Như Lai. Đó là bốn việc.

Lại có bốn việc đạt được pháp nhân: Một là hóa độ người chưa độ. Hai là giải thoát cho người chưa giải thoát. Ba là biết rõ tất cả pháp lạc. Bốn là không dứt các hạnh lành. Đó là bốn việc.

Lại có bốn việc đạt được biện tài: Một là thấy Pháp sư khác giảng nói giáo pháp, không truy tìm lỗi lầm của họ. Hai là lắng nghe nghĩa lý của các pháp không cao ngạo. Ba là không khen ngợi bản thân mình. Bốn là nhận biết kẻ trí ít ỏi chưa có học hỏi cũng không xem thường. Đó là bốn việc.

Lại có bốn việc thực hành không thoái chuyển: Một là không thoái chuyển đối với việc diệt trừ

dâm, giận, si. Hai là đối với việc làm của chúng sinh cũng không thoái chuyển. Ba là đối với pháp bất thiện cũng không thoái chuyển việc trừ bỏ. Bốn là biết rõ bậc Tối Chánh Giác, cũng không thoái chuyển. Đó là bốn việc.

Lại có bốn việc thấu tỏ nghĩa lý sâu xa: Một là biết rõ mười hai nhân duyên. Hai là hiểu rõ Phật đạo là bậc Chánh giác. Ba là tất cả pháp là một nghĩa, nghĩa ấy thấy là không. Bốn là tất hiểu rõ về Phật đạo. Đó là bốn việc.

Lại có bốn việc thành tựu được sở nguyện: Một là giới nhẫn thanh tịnh. Hai là dứt bỏ hẳn đường ác. Ba là chân chất không dua nịnh. Bốn là bằng phương tiện thiện xảo để thực hành theo bản nguyện. Đó là bốn việc.

Lại có bốn việc thành tựu được các pháp Ba-la-mật không thoái chuyển: Một là theo một pháp Ba-la-mật để hội nhập vào hết thấy các pháp Ba-la-mật khác. Hai là dùng phương tiện thiện xảo làm cho mọi người đều hội nhập vào tất cả mọi người, cũng không thật có. Ba là thấy tất cả pháp đều là một pháp, xa lìa các sự ham thích. Bốn là thấy tất cả Đức Phật đều là một Đức Phật, đều dùng một Pháp thân. Đó là bốn việc thành tựu được các pháp Ba-la-mật không còn thoái chuyển.

Khi Đức Phật giảng nói pháp gồm bốn việc ấy, thì Huyền sĩ Nhân Hiền chứng được pháp nhẫn Vô

sinh, hiện giữa hư không cách mặt đất bốn trượng chín thước, tâm ý hết sức vui mừng.

Bấy giờ, Đức Phật thấy Huyền sĩ Nhân Hiền, tâm nhớ lại sự việc liền mỉm cười. Hiền giả A-nan dùng kệ hỏi Đức Phật:

*Oai lực rất đặc biệt
 Tuệ sáng như nhật nguyệt
 Danh tiếng khắp ba đời
 Tức gọi Ba-la-mật.
 Thấu tỏ thông ba đạt
 Phật đã được tự tại
 Nay sao Phật mỉm cười
 Xin nguyện giảng nói cho?
 Tất cả loài chúng sinh
 Trụ vào nơi đã lập
 Thấy rõ tâm mọi người
 Bạc Đạo sư không vương.
 Đối với hạ, trung, thượng
 đều thanh tịnh như vậy
 Nay Phật đã mỉm cười
 Nguyện xin giảng nói cho.
 Chư Thiên nghe tiếng ấy
 Chân-đà-nhân cũng vậy
 Đế thích, A-tu-luân
 Càn-đà, Ma-hầu-lặc.
 Phạm thiên cũng như thế
 Tiếng thanh tịnh vắng lặng
 Phát ra những âm thanh*

Hoàn toàn không bằng Phật.
 Trăng hiện ra ánh sáng
 Mặt trời ngọc ma-ni
 Ánh sáng của Đế thích
 Và ánh sáng Phạm vương.
 Ánh sáng bị che khuất
 Che hết không còn hiện
 Phật phóng ra hào quang
 Đều chiếu các cõi Phật.
 Hiểu rõ pháp sâu xa
 Tịch tĩnh và vắng lặng
 Ta, người đều là không
 Cũng không có thọ mạng.
 Không hữu cũng không vô
 Trừ bỏ hai điều ấy
 Tôn quý khiến đời an
 Nẻo du hóa: trắng sáng.
 Lúc đó chính phát tâm
 Giữ vững đạo nhiệm mầu
 Nay ai đối Phật đạo
 An định trong chánh pháp.
 Cho nên được thọ thân
 Quy y ngôi báu Phật
 Lành thay! Xin nguyện nói
 Ý mỉm cười hôm nay.
 Phật giảng nghĩa thanh tịnh
 Vì các chúng đệ tử
 Thế Tôn khiến an ổn

*Chiếu ánh sáng khắp nơi.
Giảng nói cho ngoại đạo
Nghĩa chư Phật-bích-chi
Nếu người nào cầu Phật
Đạt diệu pháp vô thượng.
Không nghi ngờ Tổng trì
Lúc ấy Thiên Trung Thiên
Nguyện xin giảng nói cho
Ứng hợp được Phật đạo.
Tương ánh sáng của Phật
Trong sạch diệt cấu uế
Trở lại quanh thân Phật
Nhập vào nơi đỉnh đầu.*

Bấy giờ, Đức Phật bảo Hiền giả A-nan:

– Ông thấy Huyền sĩ Nhân Hiền đang ở giữa hư không chẳng?

Tôn giả A-nan đáp:

– Bạch Thế Tôn, con đã thấy.

Đức Phật dạy:

– Nay Tôn giả A-nan! Tộc tánh tử Nhân Hiền sau chín vạn hai ngàn ức kiếp sẽ được làm Phật hiệu là Nghiêm Tịnh Vương, đầy đủ mười tôn hiệu: Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Vi Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn. Thế giới tên là Đại Tịnh, kiếp tên là Huyền Hóa. Đức Như Lai Nghiêm Tịnh Vương ở

thế giới Đại Tịnh ấy dân chúng đều được an ổn, vui sướng, đầy đủ năm thứ lúa thóc. Cõi nước ấy bằng phẳng, rộng rãi, không có gò nong cao thấp, ánh sáng của mặt trời, mặt trăng chiếu khắp, vô số cây cối đều tạo vẻ trang nghiêm, đầy đủ các mùi thơm, luôn treo cờ phướn. Dân chúng nước ấy mọi sở nguyện luôn được như ý, đều thấy cõi Phật tự nhiên trang nghiêm thanh tịnh, ví như cung điện bảy báu thứ hai của cõi trời Đao-lợi. Dân chúng nơi cõi này đều được an ổn, thuận hòa, người sinh vào cõi Phật ấy đều mong cầu pháp Đại thừa Vô thượng. Đức Như Lai Nghiêm Tịnh Vương thọ mạng một vạn năm, sau khi nhập Niết-bàn, chánh pháp trụ ở đời một ức năm. Đức Phật diệt độ rồi có Bồ-tát tên là Văn Xung đã được Đức Phật thọ ký sẽ thành Phật hiệu là Phổ Đạt, đầy đủ mười tôn hiệu: Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Vi Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn.

Khi ấy, Tộc tánh tử Nhân Hiền từ hư không bay xuống, cúi đầu làm lễ nơi chân Phật, bạch:

– Bạch Thế Tôn! Thế Tôn chính là bậc Thầy của con, chỉ dẫn con đường chân chánh, xin nguyện Thế Tôn, hiện con cùng vô số ức trăm ngàn người trở về quy y theo pháp của bậc Đẳng Chánh Giác và Tỳ-kheo Tăng. Nếu Như Lai là vốn không thì chư Phật cũng là vốn không, không có sai khác. Vì là “như” nên không bị hủy hoại. Vì là “như” nên

không lay động. Vì là “như” nên không nhớ nghĩ. Vì là “như” nên không có chỗ dấy khởi. Vì là “như” nên không hành trì. Vì là “như” nên không hai. Như Lai vốn không cũng như vậy. Con nhờ dấy mà được thành tựu.

Lúc đó, Hiền giả A-nan hỏi Tộc tánh tử Nhân Hiền:

– Đối với giáo pháp của Như Lai làm thế nào để chứng đắc, mới có thể nói Như Lai vốn là không? Vậy mà nay ông xa lìa sự việc vốn là không?

Tộc tánh tử Nhân Hiền đáp:

– Tất cả pháp đều xa lìa như vậy mới làm hưng thịnh được giáo pháp của Như Lai. Vậy theo ý của Hiền giả A-nan thì như thế nào? Như Lai đều biết rõ vốn không mới chứng được Chánh Đẳng Giác, nên Như Lai là vốn không, không có hủy hoại. Tôi cũng được như vậy và tất cả mọi người cũng là vốn không. Ý của Hiền giả như thế nào? Pháp của Như Lai có hai chẳng? Chỉ có pháp của Hiền giả A-nan thì không hai không hai, có bao nhiêu tướng và thức. Vì sao? Vì trừ bỏ các tướng nên mới thành tựu trí tuệ của Phật.

Bấy giờ, Hiền giả A-nan bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Tộc tánh tử Nhân Hiền đâu phải là người đã giữ lấy gốc của chỗ huyền hóa làm mê hoặc chư Thiên và loài người?

Phật bảo Hiền giả A-nan:

– Lúc đó Tộc tánh tử Nhân Hiền đã nhập vào pháp huyễn hóa của trí tuệ. Vì sao? Vì đã dùng biện tài của trí tuệ sáng suốt.

Lúc ấy, Đức Thế Tôn bảo Tộc tánh tử Nhân Hiền:

– Ông đâu có thể huyễn hoặc chư Thiên và người đời.

Đáp:

– Đúng vậy! Như Phật đã huyễn hóa, con cũng vậy. Vì sao? Vì hiểu rõ là không có ngã, đó chính là hạnh lớn, gọi là có tên người mà không có thọ mạng, không có người mà nói có người, Như Lai không có tên cũng không có đạo tràng. Vậy đối với pháp nào là bỏ và không bỏ? Và giảng nói có giáo pháp, có pháp đến đi, không có Niết-bàn mà hiện ra pháp Niết-bàn. Cho nên Đức Thế Tôn giảng nói hạnh bình đẳng, lại có thể huyễn hóa chư Thiên và người đời, giảng nói công đức bình đẳng của Như Lai.

Bấy giờ, Đức Phật khen ngợi Tộc tánh tử Nhân Hiền:

– Lành thay! Lành thay! Này Nhân Hiền! Như ông đã nói, vì giáo pháp kia là huyễn hóa nên không có âm thanh.

Lúc này Nhân Hiền xuất gia theo Đức Phật.

Đức Phật bảo Bồ-tát Di-lặc:

– Ông hãy xuống tóc cho Huyền sĩ này làm Sa-môn.

Bồ-tát Di-lặc vâng lời.

Nhân Hiền đã được xuất gia, lại bạch với Phật:

– Kính bạch Thế Tôn! Sắc tướng, dung mạo ấy chẳng phải là Bồ-tát, cũng chẳng phải là Sa-môn. Vì sao? Vì có Bồ-tát thành tựu các thông tuệ, ở trong ba cõi giáo hóa chúng sinh mới là Bồ-tát xuất gia.

Khi nói lời ấy xong thì có năm ngàn người phát tâm Bồ-đề cầu đạo quả Chánh chân vô thượng, có hai trăm Tỳ-kheo dứt sạch các lậu, tâm ý giải thoát.

Bấy giờ, Hiền giả A-nan bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Kinh này gọi là gì và chúng con phụng hành như thế nào?

Phật bảo Hiền giả A-nan:

– Nay Hiền giả A-nan! Kinh này tên là “*Thọ Ký Cho Huyền Sĩ Nhân Hiền*”, lại có tên là “*Dẫn Vào Đến Phật Đạo*”.

Phật bảo Hiền giả A-nan:

– Nếu có Bồ-tát nào muốn được thấy Phật, thì hãy vì tất cả mà thọ trì đọc tụng kinh này, và giảng nói rộng rãi cho người khác. Vì sao? Vì đối với pháp mong cầu được đạo thì đó là kinh pháp Đại thừa bình đẳng, cho nên kinh này tên là “*Dẫn Vào Nghĩa Đạo*”.

Phật bảo Hiền giả A-nan:

– Ta đem kinh này phó chúc cho ông, tâm niệm và miệng luôn đọc tụng thọ trì kinh này. Nếu nghe và thực hành ở các cõi xấu ác, nên biết người này đã từng gặp năm trăm Đức Phật, sau đó chứng được Phật đạo.

Bấy giờ, Tộc tánh tử Nhân Hiền bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Thọ trì kinh này đều là gốc của mọi công đức, kính bạch Thế Tôn con cũng xin thọ học. Vì sao? Vì người nghe được kinh này đều đạt được phương tiện thiện xảo, tâm con cũng vậy.

Đức Phật giảng nói kinh này xong, Tộc tánh tử Nhân Hiền, Tỳ-kheo, Hiền giả A-nan, tất cả chúng Tăng, chư Thiên, các chúng Rồng, Thần, A-tu-luân, mọi người ở đời nghe kinh này đều hết sức vui mừng, cúi đầu làm lễ rồi lui ra.



SỐ 325

KINH QUYẾT ĐỊNH TỖ NI

*Hán dịch: Nhiều tài liệu cho là Tam tạng
Đôn Hoàng dịch.*

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại Tinh xá nơi khu vườn rừng Kỳ Đà – Cấp Cô Độc thuộc nước Xá-vệ, cùng với chúng Đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị và một vạn Bồ-tát. Khi ấy, Đức Thế Tôn như Rồng chúa thị hiện, quan sát đại chúng, nhìn khắp đại chúng rồi bảo các Bồ-tát:

– Nay các Nhân giả! Đời xấu ác về sau này, ai có thể nhẫn chịu để hộ trì chánh pháp, dùng các phương tiện để thành tựu chúng sinh?

Khi ấy, Bồ-tát Di-lặc liền từ chỗ ngồi đứng dậy, mặc áo bày vai phải, gối bên phải quỳ sát đất, thưa:

– Bạch Thế Tôn! Vào đời sau, con có thể gắng sức nhận lấy việc thọ trì chánh pháp của Như Lai đến trăm ngàn vạn ức na-do-tha a-tăng-kỳ kiếp để tu tập thành tựu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, tạo được nhiều lợi ích cho vô lượng chúng sinh.

Bồ-tát Sư Tử bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Con có thể gắng sức nhận lấy việc làm cho chúng sinh được thành tựu.

Bồ-tát Kim Cang bạch Phật:

– Con gắng sức nhận lấy việc thương xót, che chở cho các chúng sinh xấu ác.

Pháp vương tử Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Con có thể gắng sức nhận lấy việc đáp ứng đầy đủ sự mong cầu của chúng sinh.

Bồ-tát Tú Thắng bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Con có thể gắng sức nhận lấy việc giúp cho chúng sinh diệt trừ vô minh.

Bồ-tát Pháp Thắng bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Con có thể gắng sức nhận lấy việc khiến cho chúng sinh xa lìa các phi pháp.

Bồ-tát Nguyệt Thắng bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Con có thể gắng sức nhận lấy việc làm cho chúng sinh thường xa lìa các pháp chẳng phải là công đức.

Bồ-tát Nhật Thắng bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Con có thể gắng sức nhận lấy việc dùng cỗ xe an lạc, khiến cho các chúng sinh đều được độ thoát.

Bồ-tát Vô Úy bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Con có thể gắng sức nhận lấy việc làm thành tựu mọi lợi ích cho vô biên chúng sinh.

Bồ-tát Bạt-đà-ba-la bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Con có thể gắng sức nhận lấy việc giảng thuyết pháp sáng suốt làm cho chúng sinh đều được nghe hiểu, thành tựu trí tuệ.

Bồ-tát Vô Tận Ý bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Con có thể gắng sức nhận lấy việc làm phát khởi thế nguyện lớn, khiến cho vô tận chúng sinh đều được thành tựu.

Bồ-tát Nguyệt Quang thưa:

– Bạch Thế Tôn! Con có thể gắng sức nhận lấy việc làm cho chúng sinh thường thực hành bố thí.

Bồ-tát Diệu Mục thưa:

– Bạch Thế Tôn! Con có thể gắng sức nhận lấy việc đem lại cho chúng sinh được mọi sự an lạc căn bản.

Bồ-tát Quan Thế Âm thưa:

– Bạch Thế Tôn! Con có thể gắng sức nhận lấy việc ở nơi các cõi hung dữ xấu ác, khiến cho các chúng sinh quay về với đạo pháp.

Bồ-tát Đắc Đại Thế thưa:

– Bạch Thế Tôn! Con có thể gắng sức nhận lấy việc đối với các chúng sinh ở cõi ác chưa được hóa độ đều khiến họ được độ thoát.

Bồ-tát Thiện Số thưa:

– Bạch Thế Tôn! Con có thể gắng sức nhận lấy việc khiến cho các chúng sinh chưa điều phục đều được điều phục.

Bồ-tát Diệu Ý thưa:

– Bạch Thế Tôn! Con có thể gắng sức nhận lấy việc đối với các chúng sinh ưa thích nơi pháp nhỏ đều khiến họ được độ thoát.

Bồ-tát Hỷ Lạc thưa:

– Bạch Thế Tôn! Con có thể gắng sức nhận lấy việc đối với những chúng sinh hành theo nẻo thấp kém, xấu ác, cầu ướm đều khiến cho họ thành tựu được pháp lớn.

Bồ-tát Quang Tích thưa:

– Bạch Thế Tôn! Con có thể gắng sức nhận lấy việc làm cho chúng sinh nơi cõi súc sinh đều được thành tựu sự giải thoát.

Bồ-tát Nhập Vô Tránh thưa:

– Bạch Thế Tôn! Con có thể gắng sức nhận lấy việc thị hiện chánh đạo để thành tựu cho mọi chúng sinh.

Bồ-tát Ái Kiến thưa:

– Bạch Thế Tôn! Con có thể gắng sức nhận lấy việc bố thí cho chúng sinh được lợi ích an lạc để cầu đạt trí tuệ chân thật.

Bồ-tát Bất Tư Nghị thưa:

– Bạch Thế Tôn! Con có thể gắng sức nhận lấy việc thương xót, nhớ nghĩ đến chúng sinh cõi ngạ quỷ, thành tựu trong việc hóa độ họ.

Bồ-tát Nhật Quang thưa:

– Bạch Thế Tôn! Con có thể gắng sức nhận lấy

việc đối với những chúng sinh chưa thuần thực đều có thể khiến họ được thành tựu đầy đủ.

Bồ-tát Tỳ-ma-la-cật thưa:

– Bạch Thế Tôn! Con có thể gắng sức nhận lấy việc đáp ứng đầy đủ tất cả sở nguyện của các chúng sinh.

Bồ-tát Đại Khí Lực thưa:

– Bạch Thế Tôn! Con có thể gắng sức nhận lấy việc vì các chúng sinh đóng kín các cửa vào đường ác.

Bồ-tát Đoạn Nghi thưa:

– Bạch Thế Tôn! Con có thể gắng sức nhận lấy việc đối với các chúng sinh ưa thích pháp nhỏ đều khiến họ được độ thoát.

Bồ-tát Trụ Vô Ý thưa:

– Bạch Thế Tôn! Con có thể gắng sức nhận lấy việc thường tán thán việc tạo lợi ích cho các chúng sinh.

Bồ-tát Cát Thắng Trí thưa:

– Bạch Thế Tôn! Con có thể gắng sức nhận lấy việc tùy thuận theo vô số sự ưa thích của các loài chúng sinh để độ thoát họ.

Bồ-tát Trụ Vô Lượng thưa:

– Bạch Thế Tôn! Con có thể gắng sức nhận lấy việc thuyết giảng đạo vô vi cho mọi chúng sinh.

Bồ-tát Trụ Nhất Thiết Pháp Vô Úy thưa:

– Bạch Thế Tôn! Con có thể gắng sức nhận lấy

việc đối với các chúng sinh ưa thích đủ các thừa, tùy theo chỗ mong cầu của họ mà có thể thị hiện.

Bồ-tát Diệu Ý thưa:

– Bạch Thế Tôn! Con có thể gắng sức nhận lấy việc thường chỉ dẫn cho các chúng sinh về các sự việc vui thích để giúp họ thành tựu.

Bồ-tát Vô Cấu Diễm thưa:

– Bạch Thế Tôn! Con có thể gắng sức nhận lấy việc thương yêu nhớ nghĩ đến chúng sinh để hộ trì khiến họ được thành tựu.

Bồ-tát Ma Ni Quang thưa:

– Bạch Thế Tôn! Con có thể gắng sức nhận lấy việc khiến cho các chúng sinh tự nhận biết được thọ mạng của kiếp trước.

Bồ-tát Quang Đức thưa:

– Bạch Thế Tôn! Con có thể gắng sức nhận lấy việc dùng các pháp chánh cần để cứu giúp chúng sinh.

Bồ-tát Hiền Đức thưa:

– Bạch Thế Tôn! Con có thể gắng sức nhận lấy việc đoạn trừ hoàn toàn mọi khổ não của chúng sinh.

Bồ-tát Bảo Thủ thưa:

– Bạch Thế Tôn! Con có thể gắng sức nhận lấy việc dùng các thứ châu báu để bố thí cho chúng sinh khiến họ được an lạc.

Bồ-tát Tối Thắng Ý thưa:

– Bạch Thế Tôn! Con có thể gắng sức nhận lấy việc đối với các chúng sinh bản cùng đều khiến họ xa lìa mọi sự nghèo khổ.

Bồ-tát Đoạn Chư Triền thưa:

– Bạch Thế Tôn! Con có thể gắng sức nhận lấy việc khiến các chúng sinh thường được xa lìa mọi thứ phiền não lo sợ.

Bồ-tát Kim Cang Quang thưa:

– Bạch Thế Tôn! Con có thể gắng sức nhận lấy việc vì các chúng sinh thị hiện đạo chân chánh.

Bồ-tát Hiện Đức Sắc Tượng thưa:

– Bạch Thế Tôn! Con có thể gắng sức nhận lấy việc đối với các chúng sinh có nhiều mong cầu, đều tùy theo đấy mà có thể cung cấp đầy đủ.

Bồ-tát Pháp Xuất Diệu thưa:

– Bạch Thế Tôn! Con có thể gắng sức nhận lấy việc thường thuyết giảng về nẻo thực hành các pháp thanh tịnh.

Bồ-tát Kim Cang Thế thưa:

– Bạch Thế Tôn! Con có thể gắng sức nhận lấy việc đoạn trừ tất cả chương ngại của các chúng sinh.

Bồ-tát Pháp Ích thưa:

– Bạch Thế Tôn! Con có thể gắng sức nhận lấy việc thường dùng chánh pháp để độ thoát mọi chúng sinh.

Bồ-tát Vô Thiểu Hữu thưa:

– Bạch Thế Tôn! Con có thể gắng sức nhận lấy việc vì mọi chúng sinh diệt trừ các thứ độc hại.

Bồ-tát Nguyệt Thượng thưa:

– Bạch Thế Tôn! Con có thể gắng sức nhận lấy việc vì các chúng sinh thị hiện thuyết giảng chánh pháp.

Bồ-tát Sư Tử Ý thưa:

– Bạch Thế Tôn! Con có thể gắng sức nhận lấy việc thường dùng pháp thí để tạo lợi ích cho các chúng sinh.

Bồ-tát Ý Tử Quang thưa:

– Bạch Thế Tôn! Con có thể gắng sức nhận lấy việc độ thoát cho các chúng sinh ở những nơi chốn thấp kém.

Bồ-tát Phật Công Đức thưa:

– Bạch Thế Tôn! Con có thể gắng sức nhận lấy việc thị hiện đạo chân chánh để đoạn các cõi ác.

Bồ-tát Kim Cang Quang thưa:

– Bạch Thế Tôn! Con có thể gắng sức nhận lấy việc thị hiện hình tượng sắc thân để độ thoát mọi chúng sinh.

Bồ-tát Đức Cát Thắng thưa:

– Bạch Thế Tôn! Con có thể gắng sức nhận lấy việc làm cho các chúng sinh bị tôn giảm được tăng trưởng lợi ích.

Bồ-tát Trì Thế thưa:

– Bạch Thế Tôn! Con có thể gắng sức nhận lấy

việc đóng kín các cửa địa ngục.

Bồ-tát Trì Cam Lô thưa:

– Bạch Thế Tôn! Con có thể gắng sức nhận lấy việc khiến cho chúng sinh có thể thoát khỏi sinh tử.

Bồ-tát Võng Minh thưa:

– Bạch Thế Tôn! Con có thể gắng sức nhận lấy việc vì các chúng sinh thường thị hiện ánh sáng rực rỡ để tiêu trừ tất cả các thứ kiết sử.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất nghe các vị Bồ-tát thưa nói như vậy về việc thành tựu cho các chúng sinh, để tự trang nghiêm, cho là điều chưa từng có, liền đến trước Phật, thưa:

– Bạch Thế Tôn! Thật là chưa từng có! Các vị Bồ-tát này có tâm từ bi rộng lớn không thể nghĩ bàn, đầy đủ các phương tiện tinh tấn kiên cố để tự trang nghiêm, cho đến đối với tất cả chúng sinh không ai có thể phá hoại, không ai có thể lường tính, sánh kịp, chế ngự, không gì có thể che lấp mọi ánh sáng hiện có được. Bạch Thế Tôn! Con thường tán thán các việc làm chưa từng có của các vị Bồ-tát ấy. Như có người cố theo cầu xin các vật như đầu, mắt, tai, mũi, tay, chân nơi thân thể, khi đáp ứng các mong cầu như thế, các Bồ-tát không hề tiếc lẫn, không hề sinh tâm hối tiếc. Bạch Thế Tôn! Con thường tư duy mỗi khi nhớ nghĩ về điều này. Hoặc có những trường hợp bức bách, các vị Bồ-tát

này theo đây để cầu xin những vật hiện có hoặc bên trong hay bên ngoài, thì nên biết chư vị đều là Bồ-tát an trú nơi giải thoát không thể nghĩ bàn.

Phật bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:

– Đúng thế! Đúng thế! Như lời ông nói. Các vị Bồ-tát này có được những việc về cảnh giới thiên định, trí tuệ phương tiện, chẳng phải là các phàm phu, tất cả hàng Thanh văn, Phật-bích-chi có thể suy xét lường tính. Lại nữa, này Tôn giả Xá-lợi-phất! Các Bồ-tát ấy tuy thấy rõ thân thông biến hóa của chư Phật, mà đối với các pháp tâm không lay động, thường đáp ứng đầy đủ mọi ước nguyện của chúng sinh. Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Nếu có chúng sinh ưa thích pháp cư sĩ thì Bồ-tát thị hiện hình tướng cư sĩ để thành tựu cho họ. Nếu có chúng sinh ưa thích uy thế lớn, thì Bồ-tát thị hiện làm các vua có oai lực lớn để điều phục họ. Nếu có chúng sinh chí cầu Niết-bàn thì Bồ-tát dùng thừa Thanh văn để độ thoát họ. Nếu người cầu quả vị Phật-bích-chi thì Bồ-tát thị hiện hình tướng Phật-bích-chi để độ thoát. Nếu người cầu pháp Đại Thừa thì Bồ-tát thị hiện làm thân Phật để kiến lập pháp của chư Phật. Như vậy, này Tôn giả Xá-lợi-phất! Các vị Bồ-tát ấy có vô số các phương tiện để thành tựu chúng sinh, đều khiến cho họ được an trú trong pháp Phật. Vì sao? Này Xá-lợi-phất! Ngoài trí tuệ của Như Lai ra, không có thừa nào khác để có thể độ thoát, đạt đến Niết-bàn. Do nghĩa này nên gọi

là Như Lai. Vì sao? Ví như Như Lai thuyết giảng pháp Như như tức hiểu đúng pháp ấy, nên gọi là Như Lai. Biết rõ các chúng sinh với vô số sự ham muốn ưa thích để thị hiện giáo hóa nên gọi là Như Lai. Thành tựu các pháp thiện căn bản, đoạn trừ hết mọi gốc rễ của tất cả pháp bất thiện, nên gọi là Như Lai. Có khả năng chỉ dẫn chúng sinh về đạo giải thoát nên gọi là đạo Như Lai. Có thể khiến cho chúng sinh xa lìa tà đạo, thị hiện Thánh đạo, nên gọi là Như Lai. Thuyết giảng các pháp “Không”, hiển bày nghĩa không nên gọi là Như Lai. Tất cả chúng sinh có đủ các loại nhận biết, đủ các thứ ham muốn ưa thích, tùy theo đây mà chỉ dẫn cho họ đạo giải thoát nên gọi là Như Lai. Các thứ vọng tưởng, nghi hoặc của hàng phàm phu, Như Lai đều có khả năng khiến họ hiểu biết rõ pháp đó chẳng phải là chân thật. Chư vị Bồ-tát đối với pháp giới không sinh lay động, đối với chúng sinh như huyễn ảo đều khiến họ được giải thoát và tuần tự hướng đến đạo tràng chứng nhập đạo quả.

Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Bồ-tát tại gia nên thực hành hai việc bố thí. Những gì là hai? Một là bố thí tài sản. Hai là bố thí pháp. Này Xá-lợi-phất! Bồ-tát xuất hiện luôn hòa nhã không giận dữ, nên thực hành bốn pháp thí. Những gì là bốn? Một là giấy. Hai là mực. Ba là bút. Bốn là pháp. Bốn việc bố thí như vậy, người xuất gia cần phải tu tập, thực hành. Các Bồ-tát đạt pháp nhãn Vô sinh, thường

nên tu tập ba pháp bồ thí. Những gì là ba? Bồ thí ngôi vị vua, bồ thí vợ con, bồ thí đầu mắt. Ba pháp bồ thí như vậy gọi là đại thí, là bồ thí cực diệu. Các Bồ-tát đạt được pháp nhân Vô sinh nên tu tập ba pháp bồ thí như vậy.

Tôn giả Xá-lợi-phất bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Bồ-tát không nên sợ hãi đối với tham, sân, si.

Phật bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:

– Bồ-tát có hai việc sai phạm lớn. Những gì là hai? Nhân nơi sân giận, ngu si mà phạm giới, gọi là sai phạm lớn. Nhân nơi tham dục mà phạm gọi là sai phạm nhỏ (vi tế) khó có thể trừ bỏ được. Nhân nơi sân hận mà phạm gọi là sai phạm lớn, dễ trừ bỏ. Nhân nơi si mà phạm cũng gọi là sai phạm lớn, khó trừ bỏ. Do những gì mà ái là sai phạm nhỏ, khó có thể trừ bỏ? Vì ái có thể làm tăng trưởng các thứ cành nhánh của sinh tử, cũng làm hạt giống cho sinh tử. Vì nghĩa này nên gọi là sai phạm nhỏ mà khó diệt trừ. Nhân nơi sân mà phạm thì rơi vào các đường ác địa ngục, súc sinh, tức khắc có thể làm cho tâm bị chướng ngại, nhưng cũng dễ trừ bỏ. Nhân nơi si mà phạm sẽ rơi vào các nơi chốn khổ lớn của tám địa ngục lớn nên khó có thể giải thoát.

Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Nếu có Bồ-tát, phạm giới thứ nhất ở trước mười chúng, thì nên dùng tâm

chánh trực thành khẩn sám hối. Người cố ý phạm giới, nên ở trước năm chúng dùng tâm chánh trực ân cần sám hối. Cầm tay người nữ, mắt nhìn với tâm xấu, thì ở trước một người, hai người, nên dùng tâm chánh trực ân cần sám hối.

Nếu có BỒ-tát gây tạo năm tội vô gián, phạm với người nữ, hoặc phạm với người nam, hoặc tự tay gây sai phạm nơi tháp miếu Tăng chúng, những việc sai phạm như vậy thì BỒ-tát nên đến trước ba mươi lăm vị Phật, trình bày những tội đã phạm, ngày đêm ở riêng một mình, chí tâm sám hối. Pháp sám hối là quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng.

Nam-mô Thích Ca Mâu Ni Phật. Nam-mô Kim Cang Bất Hoại Phật. Nam-mô Bảo Quang Phật. Nam-mô Long Tôn Vương Phật. Nam-mô Tinh Tấn Quận Phật. Nam-mô Tinh Tấn Hỷ Phật. Nam-mô Bảo Hòa Phật. Nam-mô Bảo Nguyệt Quang Phật. Nam-mô Hiện Vô Ngu Phật. Nam-mô Bảo Nguyệt Phật. Nam-mô Vô Cấu Phật. Nam-mô Ly Cấu Phật. Nam-mô Dũng Thí Phật. Nam-mô Thanh Tịnh Phật. Nam-mô Thanh Tịnh Thí Phật. Nam-mô Bà Lưu Na Phật. Nam-mô Thủy Thiên Phật. Nam-mô Kiên Đức Phật. Nam-mô Chiên-đàn Công Đức Phật. Nam-mô Vô Lượng Cúc Quang Phật. Nam-mô Quang Đức Phật. Nam-mô Vô Ưu Đức Phật. Nam-mô Na La Diên Phật. Nam-mô Liên Hoa Quang Du Thí Thần Thông Phật. Nam-mô Tài Công Đức Phật. Nam-mô Đức Niệm Phật.

Nam-mô Thiện Danh Xung Công Đức Phật. Nam-mô Hồng Diệm Tràng Vương Phật. Nam-mô Thiện Du Bộ Công Đức Phật. Nam-mô Đâu Chiến Thắng Phật. Nam-mô Thiện Du Bộ Phật. Nam-mô Châu Tráp Trang Nghiêm Công Đức Phật. Nam-mô Bảo Hoa Du Bộ Phật. Nam-mô Bảo Liên Hoa Thiện Trụ Ta La Thọ Vương Phật.

Như vậy, nơi tất cả thế giới chư Phật Thế Tôn thường an trú ở đời, kính xin các Đức Thế Tôn từ bi thương xót cho con. Hoặc con nơi đời này hay con nơi đời trước, từ vô thủy sinh tử đến nay đã tạo các tội, hoặc tự mình làm, hoặc bảo người khác làm, hoặc thấy kẻ khác làm mà hoan hỷ, hoặc nơi tháp miếu, hoặc nơi Tăng chúng, hoặc nơi vật dụng của bốn phương Tăng, hoặc tự lấy, hoặc bảo người khác lấy, hoặc thấy lấy mà hoan hỷ. Năm tội vô gián, hoặc tự mình làm, hoặc bảo người khác làm, thấy người khác làm mà hoan hỷ. Mười nẻo bất thiện, hoặc tự mình làm, hoặc bảo người khác làm, hoặc thấy mà hoan hỷ. Đã tạo những tội chướng, hoặc che giấu hoặc không che giấu, đáng bị đọa vào các đường ác: địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, ở chốn biên địa bán khai nơi hạng hạ tiện. Những nơi chốn như vậy đã tạo các tội chướng nay đều xin sám hối. Cúi xin Chư Phật Thế Tôn chứng biết và nhớ nghĩ đến con.

Lại nữa, trước chư Phật Thế Tôn nên tỏ bày như vậy: Hoặc con nơi đời này, hoặc nơi đời khác, đã

từng thực hành bố thí, hoặc giữ gìn giới thanh tịnh, cho đến bố thí một năm thức ăn cho hàng súc sinh, hoặc tu tập các hạnh tịnh được các thiện căn, thành tựu chúng sinh được các thiện căn, tu hạnh Bồ-đề được các thiện căn và trí vô thượng được các thiện căn. Tất cả hợp lại, đối chiếu, suy xét thấy đều hồi hướng đến quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Như chư Phật ở quá khứ, hiện tại và vị lai đã hồi hướng, con cũng xin hồi hướng như vậy:

*Các tội đều sám hối
 Các phước tùy tùy hỷ
 Cùng xin công Đức Phật
 Nguyên thành trí vô thượng.
 Phật khứ, lai, hiện tại
 Tôi thắng của chúng sinh
 Biển công đức vô lượng
 Quy y và đánh lễ.*

Như vậy, này Tôn giả Xá-lợi-phất! Bồ-tát quán ba mươi lăm vị Phật ấy như ở ngay trước mặt, tư duy về công đức hiện có của Như Lai, nên thực hành sám hối thanh tịnh như vậy. Bồ-tát nếu có thể dứt sạch các tội ấy rồi, bấy giờ, chư Phật vì họ mà hiện thân, vì để cứu độ chúng sinh nên cũng thuyết giảng đầy đủ các hạnh, thành tựu cho các chúng sinh còn mê lầm tối tăm. Bồ-tát đối với các pháp giới, tâm không lay động. Các chúng sinh với vô số những ham muốn ưa thích tùy theo đây đều có thể đáp ứng sở nguyện để độ thoát họ. Bồ-tát nếu

nhập Tam-muội Đại bi thì có thể thị hiện vào các đường ác khác như địa ngục, súc sinh. Bồ-tát nếu nhập Tam-muội Đại trang nghiêm thì hiện thân cư sĩ để thành tựu cho chúng sinh. Bồ-tát nếu nhập Tam-muội Diệu thắng thì có thể hiện thân vua Chuyển luân, thành tựu cho chúng sinh. Bồ-tát nếu nhập Tam-muội Hoảng diệu, thì có thể hiện sắc thân thượng diệu của Đế Thích, Phạm thiên để thành tựu cho chúng sinh. Bồ-tát nếu nhập Tam-muội Nhất tâm thì thị hiện hình tướng Thanh văn để thành tựu cho chúng sinh. Bồ-tát nếu nhập Tam-muội Bất nhị thanh tịnh, thì thị hiện hình tướng Phật-bích-chi để thành tựu cho chúng sinh. Bồ-tát nếu nhập Tam-muội Tịch tĩnh, thì có thể thị hiện thân Phật để thành tựu cho chúng sinh. Bồ-tát nếu nhập Tam-muội Chư pháp tự tại, thì tùy thuận nơi vô số các loại ham muốn ưa thích của chúng sinh mà thị hiện đầy đủ mọi hình tướng thuận hợp để thành tựu cho chúng sinh. Lại nữa, Bồ-tát ấy hoặc thị hiện thân Đế Thích, hoặc thị hiện thân Phạm thiên, hoặc thị hiện thân vua Chuyển luân, đều để thành tựu cho chúng sinh, nhưng các vị Bồ-tát này đối với các pháp giới vẫn không lay động. Vì sao? Vì tuy tùy thuận đủ loại ham muốn ưa thích của chúng sinh, thị hiện đầy đủ các thân hình, nhưng Bồ-tát ấy không thủ đắc nơi thân mình và chúng sinh, chỉ tùy thuận chúng sinh mà hiện đủ các loại thân.

Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Sư tử là vua của loài thú, khi nó gầm lên thì các loài thú nhỏ khác có thể nhẫn chịu được không?

– Bạch Thế Tôn! Không thể.

– Lại như sức chở của loài voi dững mãnh, các loài lừa, la có thể kham nổi chăng?

– Bạch Thế Tôn! Không thể.

– Lại như Đê thích, Phạm vương với các sắc tướng oai đức, ánh sáng thù thắng, thì người bần cùng có thể sánh kịp không?

– Bạch Thế Tôn! Không thể.

Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Ý ông nghĩ sao? Như chim chúa cánh vàng có thể lượn thì các loài chim bồ câu, chim khướu có thể sánh bằng không?

– Bạch Thế Tôn! Không thể.

– Như vậy, này Tôn giả Xá-lợi-phất! Bồ-tát với tâm dững mãnh đầy đủ căn lành và uy lực hiện có, thì các tội đã tạo nhờ vào trí tuệ mà có thể lìa khỏi, được thấy chư Phật và chứng đắc Tam-muội, chẳng phải tất cả chúng sinh hàng Thanh văn, Duyên giác đã phạm tội lo buồn, hối hận mà có thể tiêu trừ được.

Bồ-tát nếu hay xưng tán danh hiệu của chư Phật, ngày đêm thường thực hành ba việc thì có thể xa lìa sự phạm tội cùng các thứ lo buồn và chứng được Tam-muội.

Bấy giờ, Tôn giả Ưu-ba-ly từ thiên định đi đến

chỗ Đức Thế Tôn, đầu mặt kính lễ, rồi ngồi qua một bên, bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Vừa rồi, ở nơi thanh vắng, một mình thiền định tư duy, con phát sinh ý nghĩ như vậy: Như Lai thuyết giảng giới thanh tịnh Ba-la-đề-mộc-xoa này, phải nên khéo tu học. Thế Tôn đã vì hàng Thanh văn, Duyên giác và thừa Bồ-tát giảng nói như vậy: “Thà xả bỏ thân mạng chứ không bỏ giới”. Bạch Thế Tôn! Nếu Phật còn ở đời hay sau khi Niết-bàn, thế nào gọi là Ba-la-đề-mộc-xoa của người theo thừa Thanh văn? Thế nào gọi là Ba-la-đề-mộc-xoa của người theo thừa Bồ-tát? Bạch Thế Tôn! Thế Tôn bảo con là người giữ giới luật bậc nhất hơn hết. Con phải làm sao để vì người khác mà thuyết giảng rộng rãi? Hiện tại con theo Thế Tôn được nghe và thọ trì, đạt được vô sở úy, về sau có thể thuyết giảng rộng cho người khác. Con ở nơi thanh vắng, thiền định, một mình tư duy như vậy: Nay con nên đến gặp Thế Tôn để thưa hỏi về nghĩa quyết định trong Tỳ-ni. Hôm nay ở đây tại đại chúng này, các Bồ-tát và Tỳ-kheo Tăng đã tập hợp. Lành thay! Bạch Thế Tôn! Nguyện xin Ngài giảng thuyết cho chúng con.

Lúc này, Đức Thế Tôn bảo Tôn giả Ưu-ba-ly:

– Ông nên biết, hàng Thanh văn thừa có phương tiện khác, có tâm sâu xa khác khi giữ giới thanh tịnh. Người theo thừa Bồ-tát, có phương tiện khác, tâm sâu xa khác khi giữ giới thanh tịnh. Vì

sao? Hàng Thanh văn thừa có phương tiện khác, có tâm sâu xa khác. Hàng Bồ-tát thừa có phương tiện khác, có tâm sâu xa khác. Này Tôn giả Ưu-ba-ly! Hàng Thanh văn thừa tuy giữ giới thanh tịnh, nhưng đối với hàng Bồ-tát thừa không gọi là tịnh giới. Hàng Bồ-tát thừa tuy giữ giới thanh tịnh, nhưng đối với hàng Thanh văn thừa không gọi là tịnh giới. Này Tôn giả Ưu-ba-ly! Thế nào gọi là hàng Thanh văn thừa, tuy giữ gìn giới thanh tịnh nhưng đối với hàng Bồ-tát thừa không gọi là tịnh giới? Này Tôn giả Ưu-ba-ly! Hàng Thanh văn thừa không nên, cho đến trong một niệm, dấy khởi ý muốn thọ nhận thêm nữa. Đó gọi là hàng Thanh văn thừa giữ giới thanh tịnh, nhưng đối với Bồ-tát thừa là sự phá giới rất lớn, nên gọi là không thanh tịnh. Thế nào gọi là hàng Bồ-tát thừa, tuy giữ giới thanh tịnh, nhưng đối với hàng Thanh văn thừa không gọi là giới thanh tịnh?

Này Tôn giả Ưu-ba-ly! Hàng Bồ-tát thừa ở trong vô lượng kiếp gắng sức nhận lấy việc thọ thân không sinh nhàm chán. Đó gọi là hàng Bồ-tát thừa giữ giới thanh tịnh, nhưng đối với hàng Thanh văn thừa đây là sự phá giới lớn, nên không gọi là thanh tịnh. Lại nữa, này Tôn giả Ưu-ba-ly! Hàng Bồ-tát thừa giữ gìn, hộ giới không cùng tận. Hàng Thanh văn thừa giữ gìn, hộ giới có cùng tận. Hàng Bồ-tát thừa giữ gìn giới khai thông. Hàng Thanh văn thừa giữ gìn giới không khai thông. Hàng Bồ-

tát thừa giữ gìn giới hội nhập sâu xa. Hàng Thanh văn thừa giữ gìn giới theo thứ lớp. Này Tôn giả Ưu-ba-ly! Thế nào gọi là hàng Bồ-tát thừa giữ gìn, hộ giới không cùng tận, hàng Thanh văn thừa giữ gìn, hộ giới có cùng tận? Hàng Bồ-tát thừa khi giữ gìn giới, đối với các chúng sinh và người khác thì luôn tùy thuận ứng hợp, còn hàng Thanh văn thừa thì không tùy thuận. Này Tôn giả Ưu-ba-ly! Vì nghĩa này nên nói hạng Bồ-tát thừa giữ gìn hộ giới không cùng tận, còn hàng Thanh văn thừa giữ gìn hộ giới có cùng tận. Này Tôn giả Ưu-ba-ly! Thế nào gọi là hàng Bồ-tát thừa giữ gìn giới khai thông, hàng Thanh văn thừa giữ gìn giới không khai thông? Này Tôn giả Ưu-ba-ly! Hàng Bồ-tát thừa vào lúc mặt trời mới xuất hiện, có phạm giới thì đến trưa sẽ tư duy, nên được Nhất thiết chủng trí, khi ấy Bồ-tát không phá giới nơi thân. Vào lúc trưa có phạm giới thì đến chiều sẽ tư duy nên được Nhất thiết chủng trí, khi ấy Bồ-tát không phá giới nơi thân. Vào lúc chiều có phạm giới thì đến đầu đêm sẽ tư duy nên được Nhất thiết chủng trí, khi ấy Bồ-tát không phá giới nơi thân. Lúc đầu đêm có phạm giới thì đến giữa đêm sẽ tư duy, nên được Nhất thiết chủng trí, khi ấy Bồ-tát không phá giới nơi thân. Lúc giữa đêm có phạm giới thì đến cuối đêm sẽ tư duy, nên được Nhất thiết chủng trí, khi ấy Bồ-tát không phá giới nơi thân. Vào lúc cuối đêm có phạm giới thì đến lúc mặt trời mới xuất hiện sẽ tư

duy, nên biết đạt được Nhất thiết chủng trí, khi ấy Bồ-tát không phá giới nơi thân. Vì ý nghĩa này nên gọi hàng Bồ-tát thừa giữ gìn giới khai thông, còn hàng Thanh văn thừa thì giữ gìn giới không khai thông.

Bồ-tát không nên sinh nhiều hồ thẹn, cũng lại không nên sinh hối tiếc ràng buộc lớn. Nay Tôn giả Ưu-ba-ly! Hàng Thanh văn thừa nếu thường phạm giới tức thì phá mất giới thân của Thanh văn. Vì sao? Vì hàng Thanh văn thừa biết nên trì giới là đoạn trừ tất cả các kiết sử như cứu lửa cháy đầu, tâm sâu xa hiện có là nhằm đạt đến Niết-bàn. Nay Tôn giả Ưu-ba-ly! Do ý nghĩa ấy nên hàng Thanh văn thừa gọi là giữ giới không khai thông. Nay Tôn giả Ưu-ba-ly, thế nào là hàng Bồ-tát thừa giữ gìn giới thâm nhập sâu xa, hàng Thanh văn thừa giữ gìn giới theo thứ lớp? Hàng Bồ-tát ở trong hàng hà sa kiếp thọ nhận năm thứ dục lạc, du hóa tự tại, thọ nhận dục lạc rồi nhưng chưa từng xả bỏ việc phát tâm Bồ-đề. Bây giờ, Bồ-tát không gọi là mất giới. Vì sao? Vì hàng Bồ-tát thừa đối với thời gian về sau khéo có thể hộ trì tâm Bồ-đề, cho đến trong mộng, tất cả phiền não đều không thể gây trở ngại được. Hàng Bồ-tát thừa không nên cùng một lúc trong một thân mạng này diệt trừ tất cả các kiết sử, phải nên diệt dần dần chúng để thành tựu căn lành thuần thực. Hàng Thanh văn thừa như cứu lửa cháy đầu, cho đến một niệm thọ thân cũng không nên

sinh vui mừng. Vì ý nghĩa ấy cho nên hàng Đại thừa giữ gìn giới hội nhập sâu xa, còn hàng Thanh văn thừa thì giữ gìn giới theo thứ lớp.

Hàng Bồ-tát thừa giữ gìn giới khai thông, giữ gìn, hộ trì giới không cùng tận. Hàng Thanh văn thừa giữ gìn giới không khai thông, giữ gìn hộ trì giới có cùng tận. Vì sao? Vì quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác là thật khó chứng đắc, phải đầy đủ mọi sự trang nghiêm lớn lao mới có thể đạt được. Hàng Đại thừa ở nơi vô lượng kiếp vào ra trong sinh tử không hề sinh tâm nhằm chán. Này Tôn giả Ưu-ba-ly! Như Lai đã quán sát, suy xét kỹ càng đối với hàng Đại thừa không nên một mực thuyết giảng chán lìa, không nên hoàn toàn thuyết giảng pháp xa lìa dục, không nên một mực thuyết giảng pháp hành trì mau chóng, mà thường nên thuyết pháp phát tâm hoan hỷ, tương ưng với các pháp. Thường nên thuyết pháp sâu xa không xen tạp, không hôi tiếc bó buộc. Thường nên thuyết giảng pháp không chấp giữ, vô ngại, thông suốt tất cả. Nghe pháp này rồi thường ưa thích đối với sinh tử không sinh lo buồn, có khả năng thành tựu đầy đủ hạnh Bồ-đề.

Tôn giả Ưu-ba-ly bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Hoặc có tâm tương ưng với dục mà phạm giới, hoặc có tâm tương ưng với sân mà phạm giới, hoặc có tâm tương ưng với si mà phạm giới. Bạch Thế Tôn! Bồ-tát phạm giới nơi

tâm tương ưng với dục, tâm tương ưng với sân, tâm tương ưng với si. Thế nào là trọng?

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Tôn giả Ưu-ba-ly:

– Nếu có Bồ-tát nhiều như hằng hà sa, tâm tương ưng với dục mà phạm giới, hoặc có Bồ-tát nhân nơi một tâm sân mà phạm giới, tất cả Bồ-tát đều an trú nơi đạo Đại thừa, thì nhân nơi sân mà phạm nên biết là nặng nhất. Vì sao? Vì nhân nơi sân giận nên có thể xả bỏ chúng sinh. Còn nhân nơi tham dục nên đối với chúng sinh khởi tâm thân ái. Nay Tôn giả Ưu-ba-ly! Các kiết sử hiện có có thể sinh thân ái, Bồ-tát đối với việc này không nên sinh sợ hãi. Các thứ kiết sử hiện có có thể xả bỏ chúng sinh, Bồ-tát đối với việc này nên sinh tâm lo sợ lớn.

Nay Tôn giả Ưu-ba-ly! Như Lai trước đã nói về tham dục khó có thể xa lìa, gọi là phạm tội vi tế. Đối với sân giận dễ xa lìa, gọi là phạm tội thô. Nay Tôn giả Ưu-ba-ly! Những kiết sử hiện có tuy phạm nhẹ mà khó xa lìa, hàng Đại thừa nên biết nhẫn chịu. Những kiết sử hiện có, tuy phạm nặng nhưng dễ xa lìa, hàng Đại thừa, cho đến trong mộng cũng không nên nhẫn chịu. Vì ý nghĩa này nên hàng Đại thừa nhân nơi tham dục mà phạm, Ta nói người này không phải là phạm. Nhân nơi sân mà phạm, ta nói người này là phạm lớn, gọi là tai họa lớn, là sự đọa lạc lớn, ở trong Phật pháp là trở ngại lớn lao. Nay Tôn giả Ưu-ba-ly! Nếu có Bồ-tát không có phương tiện, tâm tương ưng với dục mà phạm,

đôi với giới sinh tâm lo sợ, ở nơi sân mà phạm giới, không sinh lo sợ. Hoặc có Bồ-tát có phương tiện, tâm tương ưng với sân giận mà phạm, đôi với giới sinh lo sợ, tâm tương ưng với dục mà phạm, đôi với giới không sinh lo sợ.

Bấy giờ, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi ở trong đại chúng đến trước Phật, thưa:

– Bạch Thế Tôn! Tất cả các pháp Tỳ-ni rất ráo ai có thể thọ trì?

Phật bảo Bồ-tát Văn-thù:

– Nếu các hàng phàm phu đều có thể hiểu rõ về tất cả pháp Tỳ-ni rất ráo thì Như Lai đã trọn không thuyết giảng Tỳ-ni. Do họ không hiểu nên Như Lai giảng giải dần dần khiến cho họ hiểu toàn bộ pháp Tỳ-ni.

Bấy giờ, Tôn giả Ưu-ba-ly bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi này, ở nơi đây giảng nói về nghĩa quyết định của Tỳ-ni mà không có đối tượng thuyết giảng chẳng?

Đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

– Hôm nay ông nên giảng nói về pháp Tỳ-ni rất ráo, Tôn giả Ưu-ba-ly này muốn được nghe về ý nghĩa ấy.

Khi đó, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói với Tôn giả Ưu-ba-ly:

– Tất cả các pháp hoàn toàn không cấu uế. Nếu ai có thể tự điều phục tâm mới thấy biết pháp Tỳ-

ni rất ráo. Tất cả các pháp không có sự trói buộc, bản tánh vốn thanh tịnh mới có thể thấy biết được pháp Tỳ-ni rất ráo. Tất cả các pháp không có nhiễm ô, ta không thể thủ đắc mới có thể thấy biết được pháp Tỳ-ni không hôi tiếc. Chân thật như như nơi ức vạn pháp môn ưa thích tu học, mới có thể thấy biết được học giới thanh tịnh. Đối với tất cả các pháp không có phân biệt, không buộc, không mở, không suy nghĩ, mới có thể thấy biết được chỗ không còn chấp buộc. Đối với tất cả các pháp, không trụ không nhiễm, không tạo tác lưu giữ mới có thể thấy biết được các pháp thanh tịnh. Đối với tất cả các pháp trú nơi cảnh giới hư không, xa lìa nơi chôn mới có thể thấy biết được chôn an trụ thanh tịnh. Tất cả các pháp không chống đối nhau, trước sau đều không thể thủ đắc, mới có thể thấy biết được ba đời bình đẳng. Tất cả các pháp xa lìa mọi sự giả đặt nơi tâm, không có đối tượng được thực hành mới có thể thấy biết việc đoạn trừ các kiết sử nghi ngờ. Nay Tôn giả Ưu-ba-ly! Đó gọi là pháp giới của Tỳ-ni rất ráo. Chư Phật Thế Tôn đều từ đây mà chứng đắc đạo. Nếu có thể suy lường quán xét pháp ấy thì gọi là người tu khéo đạt được giới tối thắng. Nếu không quán xét pháp này thì không gọi là thâm nhập vào học giới của Như Lai.

Bấy giờ, Tôn giả Ưu-ba-ly bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi này đã thuyết giảng các pháp đều là không thể nghĩ bàn.

Lúc ấy, Đức Thế Tôn bảo Tôn giả Ưu-ba-ly:

– Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đã thuyết giảng pháp nương vào sự giải thoát, nương vào tâm giải thoát không đến đi, cho nên Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi thuyết giảng tất cả pháp tâm không đến đi. Người nào đối với tâm giải thoát sinh tăng thượng mạn thì nhằm trừ diệt tăng thượng mạn của người đó.

Lúc này, Tôn giả Ưu-ba-ly bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Tỳ-kheo thực hành pháp gì gọi là tăng thượng mạn?

Phật bảo Tôn giả Ưu-ba-ly:

– Nếu có Tỳ-kheo phát khởi suy nghĩ muốn đoạn trừ tham gọi là tăng thượng mạn; phát khởi suy nghĩ muốn đoạn trừ sân giận, gọi là tăng thượng mạn; phát khởi suy nghĩ muốn đoạn ngu si, gọi là tăng thượng mạn. Nếu có Tỳ-kheo đối với pháp tham dục cho là khác với pháp của chư Phật, nên phát khởi tư duy như vậy gọi là tăng thượng mạn. Đối với pháp sân giận cho là khác với pháp của chư Phật, nên phát khởi tư duy như vậy gọi là tăng thượng mạn. Đối với pháp ngu si cho là khác với pháp của chư Phật, nên phát khởi suy nghĩ như vậy gọi là tăng thượng mạn; phát khởi suy nghĩ thấy có chỗ nắm bắt, gọi là tăng thượng mạn; phát khởi suy nghĩ, thấy có chỗ chứng đắc gọi là tăng thượng mạn; phát khởi suy nghĩ thấy có sự giải thoát, gọi là tăng thượng mạn; phát khởi suy nghĩ,

thấy các pháp không, gọi là tăng thượng mạn; phát khởi suy nghĩ thấy được vô tướng, gọi là tăng thượng mạn; phát khởi suy nghĩ, thấy được vô tác, gọi là tăng thượng mạn; phát khởi suy nghĩ, thấy có các hành gọi là tăng thượng mạn; phát khởi suy nghĩ, thấy có các pháp gọi là tăng thượng mạn. Tất cả các pháp là không thể nghĩ bàn, và phát khởi suy nghĩ cho là không nên nghĩ bàn, gọi là tăng thượng mạn. Các pháp là không, không có gì để tinh tấn, nên phát khởi suy nghĩ, gọi là tăng thượng mạn. Đó là hàng Thanh văn trú vào tăng thượng mạn. Thế nào gọi là tăng thượng mạn của Bồ-tát? Phật thừa là trên hết, phát khởi suy nghĩ: Ta nên ở trong đó phát tâm Bồ-đề, gọi là tăng thượng mạn. Thực hành sáu pháp Ba-la-mật sẽ được thành Phật, phát khởi suy nghĩ như thế gọi là tăng thượng mạn. Bát nhã Ba-la-mật có thể đạt đến giải thoát, lại không có pháp nào khác để có thể giải thoát, phát khởi suy nghĩ như thế gọi là tăng thượng mạn. Ở nơi pháp sâu xa nên tạo ra phương tiện, không nương vào pháp thế gian, phát khởi suy nghĩ như thế gọi là tăng thượng mạn. Phát khởi suy nghĩ: Đây là pháp sâu xa, đây là pháp không sâu xa, gọi là tăng thượng mạn. Phát khởi suy nghĩ: Pháp này là tịnh, pháp này chẳng phải tịnh, gọi là tăng thượng mạn. Phát khởi suy nghĩ: Đây là pháp của Phật, đây là pháp của Phật-bích-chi, đây là pháp của Thanh văn, gọi là tăng thượng mạn. Phát khởi suy nghĩ:

Pháp này nên làm, pháp này không nên làm, gọi là tăng thượng mạn. Phát khởi suy nghĩ: Đây là pháp thân cận, đây là pháp chẳng phải thân cận, gọi là tăng thượng mạn. Phát khởi suy nghĩ: Đây là đạo chân chánh, đây là đạo sai lầm, gọi là tăng thượng mạn. Phát khởi suy nghĩ: Nên mau chóng chứng được quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, hay không nên mau chóng chứng được quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, gọi là tăng thượng mạn. Phát khởi suy nghĩ: Tất cả pháp Phật là không thể nghĩ bàn, chưa từng có người nào có thể hiểu được, gọi là tăng thượng mạn. Quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác là không thể nghĩ bàn, Bồ-tát không nên suy nghĩ: Đây chẳng phải là sự thấy biết mà chính là lỗi lầm. Đó gọi là Bồ-tát trú vào tăng thượng mạn.

Bấy giờ, Tôn giả Ưu-ba-ly bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Tỳ-kheo làm thế nào để xa lìa tăng thượng mạn?

Phật bảo Tôn giả Ưu-ba-ly:

– Nếu có Tỳ-kheo suy nghĩ về các tâm, khi suy nghĩ về tâm mà không chấp vào sự suy nghĩ ấy, đó gọi là xa lìa hoàn toàn tăng thượng mạn.

Lúc này, Đức Thế Tôn muốn phân biệt rộng việc tư duy về pháp nên nói kệ:

*Không nên phân biệt pháp, phi pháp
Các tâm hý luận không nên trú*

Pháp bất tư nghì có thể biết
 Tất cả trời, người đều được vui.
 Nếu có muốn biết pháp có, không
 Phát khởi tư duy chẳng chân thật
 Hàng phàm phu chạy theo tâm tà
 Thọ các khổ não trăm ngàn ức.
 Nếu có Tỳ-kheo thường niệm Phật
 Đây tức chẳng phải niệm chánh chân
 Thường biết Phật từ phân biệt sinh
 Thật không thể giữ, cũng không sinh.
 Nếu có suy nghĩ các pháp không
 Là hàng phàm phu trú tà đạo
 Tuy nương kinh tự thuyết pháp không
 Mà thật không có danh tự thuyết.
 Sống nơi vắng lặng tư duy pháp
 Thế gian tán thán bậc tịch tĩnh
 Tâm trú giác quán là hý luận
 Do đó không xét pháp giải thoát.
 Tâm, tâm, các pháp gọi là tư
 Nếu có chỗ nghĩ, tức có chấp
 Nếu hay xa lìa là pháp chấp
 Ở nơi suy nghĩ mà không nghĩ.
 Pháp đồng cỏ cây không chón biết
 Mà nhân các duyên được sinh khởi
 Không có chúng sinh có thể đắc
 Khởi pháp không, không có pháp duyên.
 Nhờ ánh mặt trời mắt thấy được
 Đêm tức không thấy, lìa các duyên

Nếu mắt có thể tự thấy sắc
 Sao gọi không duyên mà không thấy?
 Mắt thường nương vào các ánh sáng
 Để thấy đủ các loại hình sắc
 Thường biết được tánh các duyên sinh
 Do đó biết mắt không thể thấy.
 Nếu có nghe được các tiếng hay
 Sinh rồi liền diệt không còn nghe
 Tìm đến chốn đó không thể được
 Nhân nơi phân biệt khởi tưởng nghe.
 Tất cả các pháp cùng âm thanh
 Nêu bày nói có vô số tướng
 Chưa từng dậy khởi pháp, phi pháp
 Vì phạm phu nên phải thị hiện.
 Ta vì thế gian khen bố thí
 Mà thật pháp Xan không thủ đắc
 Pháp Phật thuyết giảng khó nghĩ bàn
 Tuy không thủ đắc mà giảng nói.
 Ta thường khen ngợi trì giới tịnh
 Tướng phá giới như kẻ chấp không
 Các tướng phá giới như hư không
 Trì giới thanh tịnh cũng như vậy.
 Ta nói nhân nhục là thắng diệu
 Tánh của sân giận thật không sinh
 Ở trong các pháp không nào hại
 Mà Phật dạy bảo người nhân nhục.
 Giảng nói ngày đêm không mệt mỏi
 Giác ngộ tinh tấn là trên hết

Tuy siêng thực hành qua trăm kiếp
 Nhưng việc làm đó không tăng giảm.
 Thiên định giải thoát là tôi thắng
 Như Lai khai thị giảng các môn
 Mà thật các pháp không tán loạn
 Thế Tôn hiện nói các thiên định.
 Tánh của trí tuệ hiểu rõ ràng
 Biết được các pháp là bậc trí
 Nhưng tự tánh ấy không có sinh
 Đức Phật thị hiện để thuyết giảng.
 Ta thường giảng nói các pháp khổ
 Hoan hỷ vui thích hành Đầu-đà
 Tìm cầu pháp tham không thủ đắc
 Gọi bậc không tham là tôi thượng.
 Thường vì chúng sinh trăm ngàn chúng
 Hiện nói cảnh địa ngục sợ hãi
 Chưa từng có đến đọa đường ác
 Kẻ chết vào địa ngục Vô gián.
 Không có người tạo ra địa ngục
 Cũng không có các thứ gươm đao
 Do nơi phân biệt nên thấy có
 Đao kiếm làm tổn thương thân mình.
 Hoa quả cây nhiều sắc trang nghiêm
 Cung điện màu vàng chiếu rực rỡ
 Đó cũng chưa từng có người tạo
 Đều từ phân biệt vọng tưởng sinh.
 Pháp hư giả lừa dối thế gian
 Phàm phu chấp tướng nên xoay vòng

Giữ, không nắm giữ chẳng tự tại
 Giống như phân biệt lửa huyễn hóa.
 Người nói các hành là trên hết
 Vì các chúng sinh phát tâm đạo
 Đạo Bồ-đề không thể nắm bắt
 Nên biết người cầu cũng chẳng thật.
 Tâm ấy bản thân thường thanh tịnh
 Không bị đắm nhiễm các khổ não
 Phàm phu phân biệt các tâm ác
 Tự sinh tham ái nên nhiễm vương.
 Các pháp diệu thắng thường vắng lặng
 Nhưng thật không có ái sân, si
 Tánh pháp giải thoát lìa ái nhiễm
 Đạt đến an ổn không nơi chốn.
 Ta biết các pháp như hư không
 Đến các thế gian không còn sợ
 Ý ấy chưa từng có nhiễm chấp
 Cho nên không trú vào đạo tà.
 Ta nơi nhiều kiếp tu các hạnh
 Độ thoát vô số các chúng sinh
 Nhưng các chúng sinh sinh không diệt
 Cũng chưa từng có lúc tăng giảm.
 Ví như vị huyễn sư ở đời
 Biến hóa vô số trăm ngàn loại
 Tức thì đều hại các người hóa
 Nhưng người huyễn hóa không tăng
 giảm.
 Tất cả chúng sinh tướng như huyễn

Bên ấy chưa từng có thủ đắc
 Nếu có quán xét bất tư nghi
 Biết người ấy không nhàm sinh tử.
 Quán đời vắng lặng là dững mãi
 Biết thật tướng pháp cũng như vậy
 Lãnh thọ năm dục thường tu hành
 Không sinh đắm nhiễm độ chúng sinh.
 Không có chúng sinh và thọ mạng
 Thế Tôn thương xót khởi từ bi
 Dốc tu tinh tấn khổ hạnh lớn
 Tuy không chúng sinh tạo lợi ích.
 Như dùng nắm tay không dụ trẻ
 Lừa dối tâm kia khiến chấp vương
 Về sau mở nắm tay là không
 Tức thời trẻ thơ khóc òa lên.
 Như vậy Thế Tôn khó nghĩ bàn
 Tâm biết tướng các pháp thanh tịnh
 Hiểu rồi xa lìa pháp không vô
 Có thể thị hiện nơi thế gian.
 Ở trong ngã pháp rất an lạc
 Lìa bỏ thế tục liền xuất gia
 Sau sẽ đạt được quả tối thượng
 Bạc đãi từ bi thuyết giảng pháp.
 Đã xuất gia bỏ sự việc đời
 Lại nghe sẽ chứng đắc các quả
 Quán xét tướng chân thật các pháp
 Không có các quả có thể đắc.
 Ở nơi các pháp không quả đắc

Lại phát sinh việc chưa từng có
 Lành thay bậc Đại bi sư tử
 Khéo nhập ứng hợp tương các pháp.
 Tất cả các pháp như hư không
 Lập ra danh tự trăm ngàn vạn
 Đây gọi là căn, thiên giải thoát
 Gọi là năm lực, bảy giác chi.
 Các căn không có tướng sinh diệt
 Những pháp giác, lực cũng như vậy
 Chẳng phải sắc, tánh không thể nắm
 Dùng trí lực thị hiện thế gian.
 Ta nói chúng sinh có sở đắc
 Đều là xa lìa các tánh tướng
 Nếu có cho ta có sở đắc
 Không gọi là chứng quả Sa-môn.
 Nếu pháp không sinh cũng không diệt
 Ai ở trong đó mà chứng đắc
 Nói chúng sinh đắc tức vô đắc
 Hiểu được pháp ấy gọi là đắc.
 Chúng sinh chứng quả là tối thắng
 Ta nói chúng sinh phi chúng sinh
 Chúng sinh chưa từng có chứng đắc
 Do đó nên không có quả chứng.
 Ví như nông phu không gieo giống
 Trong đó nên không giống nảy mầm
 Như vậy chúng sinh không thể đắc
 Làm sao sẽ có đạt tịch tĩnh.
 Tất cả chúng sinh tánh vắng lặng

Chưa từng có được nguồn gốc ấy
 Nếu có quán xét các pháp này
 Ta bảo là hoàn toàn vắng lặng.
 Chư Phật quá khứ trăm ngàn vạn
 Độ thoát chúng sinh không cùng tận
 Những chúng sinh này không chân thật
 Tịch tĩnh rốt ráo lại không sinh.
 Hết thấy các pháp tướng đều diệt
 Chưa từng có pháp có thể sinh
 Nếu có quán xét pháp như vậy
 Người ấy không chấp vào ba cõi.
 Ta nói các đạo không chướng ngại
 Có thể lìa chấp, thật an vui
 Trải trăm ngàn kiếp rất khó đạt
 Từ xưa đã gặp Phật Nhiên Đăng.
 Khởi pháp nhân Vô sinh tối thắng
 Vĩnh viễn đoạn trừ các chướng ngại
 Giữ niệm thanh tịnh làm mạng sống
 Xa lìa tất cả kiến sai lầm.
 Không ở cõi ác thường an lạc
 Dùng mãnh biết được pháp vô ngại
 Không chấp các hành được giải thoát
 Trải trăm ngàn kiếp không còn sợ.
 Chứng được biện tài cũng không khó
 Vô số trăm ngàn Đà-la-ni
 Hiểu được nghĩa lý Đà-la-ni
 Nhanh chóng thông suốt pháp vô ngại.

Đức Thế Tôn giảng nói kệ này rồi, hai trăm vị

Tỳ-kheo tăng thượng mạn đều không còn thọ nhận các pháp, tâm được giải thoát, sáu ngàn Bồ-tát chứng được pháp nhân Vô sinh.

Bấy giờ, Tôn giả Ưu-ba-ly bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Kinh này nên gọi là gì? Nên phụng hành như thế nào?

Phật bảo Tôn giả Ưu-ba-ly:

– Kinh này gọi là “*Quyết Định Tỳ Ni*”, cũng gọi là “*Phá Trừ Tất Cả Tâm Thức*”, nên theo đây mà phụng trì.

Khi ấy, Tôn giả Ưu-ba-ly, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi và tất cả đại chúng, các hàng trời, người, A-tu-la ở thế gian nghe Phật thuyết giảng đều hết sức hoan hỷ, đánh lễ Phật rồi lui ra.



SỐ 326

KINH TAM THẬP NGŨ PHẬT DANH LỄ SÁM VĂN

*Hán dịch: Đời Đường,
Tam tạng Bất Không.*

Kính lễ Đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Kính lễ Đức Phật Kim Cang Kiên Cố Năng Tồi. Kính lễ Đức Phật Bảo Diễm. Kính lễ Đức Phật Long Tự Tại Vương. Kính lễ Đức Phật Càn Dũng Quân. Kính lễ Đức Phật Càn Dũng Hỷ. Kính lễ Đức Phật Bảo Hòa. Kính lễ Đức Phật Bảo Nguyệt Quang. Kính lễ Đức Phật Bất Không Kiến. Kính lễ Đức Phật Bảo Nguyệt. Kính lễ Đức Phật Vô Cầu. Kính lễ Đức Phật Ly Cầu. Kính lễ Đức Phật Dũng Thí. Kính lễ Đức Phật Tịnh Hạnh. Kính lễ Đức Phật Phạm Thí. Kính lễ Đức Phật Thủy Vương. Kính lễ Đức Phật Thủy Thiên. Kính lễ Đức Phật Hiền Cát Tường. Kính lễ Đức Phật Vô Lượng Oai Đức. Kính lễ Đức Phật Chiên-đàn Cát Tường. Kính lễ Đức Phật Quang Cát Tường. Kính lễ Đức Phật Vô Ưu Cát Tường. Kính lễ Đức Phật Na La Diên Cát Tường. Kính lễ Đức Phật Hoa Cát Tường. Kính lễ Đức Phật Liên Hoa Quang Du Hý Thần Thông.

Kính lễ Đức Phật Tài Cát Tường. Kính lễ Đức Phật Niệm Cát Tường. Kính lễ Đức Phật Thiện Xung Danh Hiệu Cát Tường. Kính lễ Đức Phật Đê Tràng Phan Vương. Kính lễ Đức Phật Đâu Chiến Thắng. Kính lễ Đức Phật Dũng Kiện Cát Tường. Kính lễ Đức Phật Dũng Kiện Tấn. Kính lễ Đức Phật Phổ Biến Chiếu Diệu Trang Nghiêm Cát Tường. Kính lễ Đức Phật Bảo Liên Hoa Du Bộ. Kính lễ Đức Phật Bảo Liên Hoa Diệu Trú Sơn Vương.

Chư Phật Thế Tôn, trong tất cả thế giới nơi mười phương, đều xuất hiện ở thế gian, hộ trì, giáo hóa chúng sinh, đem lòng thương yêu, dạy bảo cho con, nhưng con đời này, đời sau, từ vô thủy đến nay đã gây tạo nhiều tội lỗi, hoặc tự làm hoặc tùy thuận làm, hoặc bảo người khác làm. Hoặc trộm cắp vật của Phật, vật của tứ phương tăng, tự làm, tùy thuận làm, hoặc bảo người khác làm. Hoặc tạo năm tội vô gián, mười nghiệp ác, tự làm, tùy thuận làm, hoặc bảo người khác làm. Do nghiệp chướng này ngăn che thân tâm nên con sinh vào tám nạn, hoặc rơi vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, hoặc sinh chốn biên địa Di-lê-xa, hoặc sinh nơi cõi trời Trường Thọ. Giả sử được thân người, các căn không đầy đủ, hoặc sinh tà kiến không tin nhân quả, hoặc chán ghét chư Phật xuất hiện ở đời. Tất cả những nghiệp chướng như vậy, nay con đối trước tất cả chư Phật, bậc đầy đủ Nhất thiết trí, bậc hoàn thành năm nhãn, bậc chứng thật tế không thể tính kể, đối trước

người thấy, biết con thành tâm xin sám hối không dám che giấu, nguyện giữ gìn giới luật oai nghi. Lại xin chư Phật Thế Tôn thân nhận, hộ niệm chứng minh cho con, nếu con sinh đời nay, đời sau, từ vô thủy đến nay trôi lăn trong sinh tử, hoặc từng xả bỏ, bố thí cho súc sinh một nắm cơm, hoặc từng giữ gìn giới thanh tịnh, hoặc từng tu phạm hạnh thiện căn, hoặc từng tu một phần nhỏ trí vô thượng thiện căn, thấy đều nhóm lại không thể tính kể, như tất cả chư Phật trong ba đời ở trong nguyện hồi hướng tối thắng vô thượng, nguyện đều hồi hướng lên Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác:

*Sám hối tất cả tội
 Các phước đều tùy hỷ
 Ân cần thỉnh chư Phật
 Nguyện chứng trí vô thượng.
 Quá khứ và vị lai
 Bạc Thế Tôn hiện tại
 Vô lượng biển công đức
 Nay con cúi đầu lễ.*



SỐ 327

KINH PHÁT GIÁC TỊNH TÂM

*Hán dịch: Đời Tùy, Tam tạng Xà Na Quật Đa, người
nước Kiền Đà La, Bắc Ấn.*

QUYỂN THƯỢNG

Một thời, Đức Thế Tôn du hóa nơi vườn Nai, chỗ các vị tiên cư trú, thuộc thành Ba-la-nại, cùng với chúng Đại Tỳ-kheo gồm một ngàn vị, lại có chúng Bồ-tát năm trăm vị. Lúc này, trong chúng hội có nhiều vị các căn chưa thành thực, có vị ít thiện căn, nhiều nghiệp chướng.

Nơi chúng Bồ-tát, lại có các vị ưa thích việc đời, ưa đàm thoại, ưa ngủ nghỉ, ưa các việc lật vật, ưa lý luận, ưa nhiễm đắm nơi các thứ nghiệp văn từ tán loạn, không hợp với việc hành thiền, đối với các pháp thiện thì lười biếng, uể oải, phá bỏ hạnh tinh tấn, quên mất chánh niệm, thường hành hạnh tán loạn mà không hay biết.

Lúc này, có một vị Đại Bồ-tát đang an tọa trong chúng hội ấy tên là Di-lặc, biết các Bồ-tát ở nơi chúng kia có các hành như vậy rồi, liền suy nghĩ: “Các Bồ-tát này làm tổn giảm đạo phần, nay ta cần

cảnh tỉnh các vị ấy, khiến họ nhớ lại đạo ý đã phát khởi”. Bấy giờ, Đại Bồ-tát Di-lặc nghĩ như thế rồi, vào buổi chiều, từ thiên đình xuất, bèn đi đến chỗ các vị Bồ-tát. Sau khi đến, cùng các vị ấy an ủi, dẫn dụ làm cho vui vẻ, khiến họ mong muốn nghe pháp, nhân đó Bồ-tát Di-lặc hỏi các vị Bồ-tát kia:

– Này các Trưởng lão! Trong phần Bồ-đề của các vị không bị tổn giảm chứ?

Các Bồ-tát kia thưa:

– Trưởng lão Di-lặc! Đạo phần của chúng tôi chỉ có tổn giảm chứ không có tăng trưởng. Vì sao? Vì chúng tôi có nhiều tâm nghi ngờ, là chúng tôi sẽ được thành Phật hay không được thành Phật? Chúng tôi sẽ rơi vào pháp đọa lạc hay không rơi vào pháp đọa lạc? Đối với các thiện căn có phát sinh hay không phát sinh? Sinh tâm ác như vậy rồi chúng tôi trụ vào tướng đó.

Bồ-tát Di-lặc bảo chúng Bồ-tát ấy:

– Các vị Trưởng lão! Nay chúng ta có thể cùng nhau đến chỗ Đức Phật – Thế Tôn, Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác. Đức Thế Tôn hiểu biết tất cả, giải thoát không ngại, đầy đủ tri kiến, khéo biết tâm hành của hết thảy chúng sinh, sẽ xét theo tâm hành của các vị mà giảng nói pháp.

Lúc đó, sáu mươi vị Bồ-tát trong chúng kia cùng Bồ-tát Di-lặc đi đến chỗ Đức Phật. Sau khi họ đến, năm vóc lễ sát chân Phật rồi, chưa kịp đứng

dậy, đã khóc than thảm thiết, nước mắt như mưa. Bồ-tát Di-lặc đánh lễ nơi chân Phật rồi ngồi sang một bên.

Khi ấy, Đức Thế Tôn bảo các Bồ-tát:

– Các thiện nam! Các ông nên đứng dậy, đừng khóc, đừng than, chớ sinh sầu não. Các ông ở đời quá khứ đã tạo nghiệp chướng này: Thuở ấy, các ông vui mừng hơn hở, chửi bới, mạ nhục, phá hoại người khác, không tin nghiệp báo, không thể phân biệt sự trói buộc của nghiệp chướng, không hợp với điều thiện.

Bấy giờ, sáu mươi vị Bồ-tát kia, bày vai bên phải, gối phải quỳ sát đất, hướng về Phật, chấp tay bạch:

– Hay thay, Thế Tôn! Xin Thế Tôn phân biệt giảng nói về nghiệp chướng của chúng con để chúng con tự tịnh hóa tâm mình, không còn tạo tác nữa.

Khi các Bồ-tát nói lời ấy xong, Đức Phật bảo các Bồ-tát ấy:

– Các thiện nam! Vào thời quá khứ, các ông xuất gia học đạo trong giáo pháp của Đức Như Lai Câu-lưu-tôn. Đã xuất gia rồi, ở trong giới cấm, đối với giới cấm thì phóng dật; ở trong đa văn, đối với đa văn cũng phóng dật; đối với công đức Đâu-đà thấy đều tổn giảm. Thời đó, có hai Tỳ-kheo pháp sư, chỉ vì lợi dưỡng, danh tiếng mà các ông đối với

họ ganh ghét, thể hiện sự tham lam keo kiệt, đối với đàn việt thân hữu của hai pháp sư các ông lại phá hoại làm ly tán, nói hai lưỡi, hủy nhục, khiến sinh nghi ngờ, không sinh lòng tin, thiếu lòng tin, nói việc chẳng lành. Khi ấy, đối với những chúng sinh tâm sinh kính tín, tùy thuận hai vị pháp sư thì các ông làm cho họ đoạn các căn lành, tạo các chướng ngại. Các ông vì nghiệp chướng này, nên trong sáu mươi hai trăm ngàn năm bị đọa nơi địa ngục A-tỳ. Lại trong bốn vạn năm bị đọa nơi địa ngục Hoạt. Lại ở trong hai vạn năm bị đọa nơi địa ngục Hắc Thằng. Rồi trải qua tám trăm ngàn năm bị đọa vào địa ngục Nhiệt. Sau khi bỏ mạng ở nơi ấy, được trở lại làm thân người, lần lượt năm trăm đời, sống trong mù tối, ngu si, quên mất bản tâm, căn lành bết tắc, oai lực sút kém, mọi người xa lánh, thường bị khinh khi, ghét bỏ, chê bai, thường sinh nơi biên địa, nghèo hèn, dòng họ thấp kém, ít lợi dưỡng, ít danh tiếng, không được người khác cung kính, cúng dường, cũng không được tôn trọng, mọi người đều ghét, ai cũng ghê tởm. Từ nơi đó, các ông xả bỏ thân mạng, tiếp theo là năm trăm năm, trong thời kỳ chánh pháp diệt, trở lại sinh trong dòng họ thấp hèn, nơi đất nước ác, đầy con người ác, bản cùng hạ tiện, bị người chê bai, quên mất bản tâm, không thích căn lành, thường có chướng ngại. Tuy tạm gặp ánh sáng nhưng lại bị mù lòa. Các ông thọ sinh như thế qua năm trăm

năm, tất cả nghiệp chướng mới diệt hết, về sau được sinh ở thế giới Cực Lạc của Đức Phật A-di-đà. Bây giờ các ông được Đức Như Lai ấy thọ ký đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Lúc nghe Đức Phật nêu rõ sự việc, sáu mươi vị Bồ-tát đều ứa nước mắt, sợ hãi rợn người, chấp tay hướng về Phật, bạch:

– Bạch Thế Tôn! Từ nay chúng con đối với người hành Bồ-tát thừa, nếu sinh tâm sân hận lỗi lầm và lại tự tạo nghiệp chướng khác thì ngày nay ở trước Đức Thế Tôn chúng con đều xin sám hối. Bạch Thế Tôn! Chúng con nay ở trước Như Lai xin phát thệ nguyện chân thật.

Bạch Thế Tôn! Chúng con từ nay về sau, nếu đối với người hành Bồ-tát thừa gây phạm tội lỗi mà phát hiện, nêu bày tức là chúng con lừa dối Như Lai.

Bạch Thế Tôn! Chúng con từ nay về sau, nếu đối với nơi chốn người hành Bồ-tát thừa mà bỗn cợt, bêu xấu, khinh mạn, tức là chúng con lừa dối Như Lai.

Bạch Thế Tôn! Chúng con từ nay về sau, nếu đối với nơi chốn người hành Bồ-tát thừa mà sinh ngã mạn, nói việc xấu của họ, hoặc đúng hoặc sai, tức là chúng con lừa dối Như Lai.

Bạch Thế Tôn! Chúng con từ nay về sau, nếu thấy người hành Bồ-tát thừa, hoặc tại gia hoặc xuất

gia, thọ hưởng quả báo về năm dục, giàu sang, vui sướng mà sinh tâm bất tín, chấp vào tội lỗi của họ, không sinh tâm cung kính, không xem như bậc thầy, tức là chúng con lừa dối Như Lai.

Bạch Thế Tôn! Từ nay về sau, nếu đối với người thân, hoặc kẻ ăn xin có nhân duyên với người hành Bồ-tát thừa mà chúng con tạo bức bách nơi thân tâm họ, tức là chúng con lừa dối Như Lai.

Bạch Thế Tôn! Từ nay về sau, nếu chúng con nói ra những lời không vui hoặc những lời mạ lị đối với người tu Bồ-tát thừa, tức là chúng con lừa dối Như Lai.

Bạch Thế Tôn! Từ nay về sau, ngày đêm sáu thời, chúng con không lễ bái tất cả người tu Bồ-tát thừa, tức là chúng con lừa dối Như Lai.

Bạch Thế Tôn! Từ nay về sau, vì để giữ gìn điều này, mà chúng con không xả bỏ thân mạng, tức là chúng con lừa dối Như Lai.

Bạch Thế Tôn! Từ nay về sau, nếu đối với hàng Thanh văn thừa, Phật-bích-chi thừa mà chúng con sinh ý niệm cho là hơn họ, tự đại chê họ, tức là chúng con lừa dối Như Lai.

Bạch Thế Tôn! Từ nay về sau, trong khi du hành, nếu chúng con không sinh tâm thấp kém như hạng Chiên-đà-la, như loài súc sinh, nếu không tu tập như vậy, tức là chúng con lừa dối Như Lai.

Bạch Thế Tôn! Từ nay về sau, nếu chúng con

tự khen mình, chê bai người khác, tức là chúng con lừa dối Như Lai.

Bạch Thế Tôn! Từ nay về sau, nếu chúng con sợ hãi chỗ sâu hận, tranh chấp, nếu không lìa xa chỗ ấy cách một trăm do-tuần, ví như gió thổi, tức là chúng con lừa dối Như Lai.

Bạch Thế Tôn! Từ nay về sau, đối với người tri giới, chúng con tưởng nhớ, tôn kính, hoặc người đa văn, hoặc người tu công đức Đâu-đà, tu công đức tỉnh giác cùng các công đức khác, mà chúng con không khen ngợi, tức là chúng con lừa dối Như Lai.

Bạch Thế Tôn! Từ nay về sau, nếu chúng con không che giấu công đức và bày cái xấu của mình, tức là chúng con lừa dối Như Lai.

Bấy giờ Đức Thế Tôn khen ngợi sáu mươi vị hành Bồ-tát thừa ấy:

– Lành thay! Lành thay! Này các thiện nam! Các ông đã khéo nêu bày những thệ nguyện này, có thể tự mình tỉnh thức nên khéo phát khởi những nguyện như thế. Các ông an trụ như thế sẽ dứt hết tất cả nghiệp chướng và đạt được thiện căn thanh tịnh.

Đức Thế Tôn lại bảo Đại Bồ-tát Di-lặc:

– Này Di-lặc! Bồ-tát nào muốn làm thanh tịnh nghiệp chướng thì nên phát các nguyện này.

Đại Bồ-tát Di-lặc bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Như có những thiện nam hộ trì nguyện này thì có thể làm viên mãn quả vị bất thoái chuyển chăng?

Phật bảo BỒ-tát Di-lặc:

– Có những BỒ-tát hành trì nguyện này, và các thiện nam, thiện nữ ấy, thà bỏ thân mạng chứ không để khiếm khuyết, cũng không thoái chuyển, xả bỏ hạnh này.

BỒ-tát Di-lặc lại bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Những người hành BỒ tát thừa phải đủ bao nhiêu pháp, để năm trăm năm sau, khi chánh pháp diệt, không bị tổn hại mà được giải thoát?

Đức Phật bảo BỒ-tát Di-lặc:

– Các vị phải đủ bốn pháp, thì năm trăm năm sau khi chánh pháp diệt, mới không bị tổn hại, được giải thoát.

Bốn pháp đó là gì?

Đó là không tìm lỗi của người. Đối với người thuộc hàng BỒ-tát thừa, về chỗ phạm tội cũng không phát giác. Đối với bạn bè, thí chủ của họ cũng không sinh tâm tham tiếc, xả bỏ lời nói ác. Nay BỒ-tát Di-lặc! Đó là những người hành BỒ-tát thừa đầy đủ bốn pháp, năm trăm năm sau vào đời vị lai, sẽ không bị tổn hại mà được giải thoát.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn muốn nói lại nghĩa ấy, nên nói kệ:

*Chớ thấy lỗi ở nơi kẻ khác
Cũng đừng nói kẻ ấy đúng sai
Sống thanh tịnh, không chấp nhà người
Nên từ bỏ những lời thô ác.*

Lại có bốn pháp, mà năm trăm năm sau, khi chánh pháp diệt, hàng Tỳ-kheo bị hư hoại, những người hành Bồ-tát thừa không bị tổn hại mà được giải thoát. Bốn pháp đó là gì? Đó là không nên giao thiệp với nhiều người. Nên xa lìa đám đông. Thường tu nơi thanh vắng. Điều phục thân mình thích hợp với những điều ấy. Nay Bồ-tát Di-lặc! Những người hành Bồ-tát thừa đạt đầy đủ bốn pháp ấy thì ở trong năm trăm năm sau, khi chánh pháp diệt, tự thân họ không bị tổn hại lại được an ổn giải thoát.

Khi đó, Đức Thế Tôn nói kệ:

*Dứt bỏ ồn náo, sống xa lìa
Tỳ-kheo không pháp, chớ gần gũi
Nên tu thanh vắng, Phật khen ngợi
Không tham đắm lợi, đạt Niết-bàn.*

Vì thế, nay Di-lặc! Bồ-tát ở năm trăm năm sau, muốn mình không bị tổn hại, lại được giải thoát tất cả các nghiệp chướng, thoát khỏi những việc ấy thì chớ gần nơi ồn ào, nên tu tập nơi vườn rừng yên tĩnh, xa lìa, đừng giao du với nhiều người, thường cảnh tỉnh mình, chớ tìm lỗi người, ưa thích sự tĩnh lặng cùng tương ưng với Bát nhã Ba-la-mật, đối

với các chúng sinh khởi tâm từ bi thuyết pháp cho họ, chẳng cần báo ân.

Đức Thế Tôn lại bảo Bồ-tát Di-lặc:

– Này Di-lặc! Pháp thí mà chẳng cầu quả báo, chẳng tham đắm lợi dưỡng và danh tiếng, lại vì mọi người thuyết giảng chánh pháp thì có hai mươi công đức. Hai mươi công đức đó là gì? Đó là được nhớ nghĩ chân chánh, được cảnh giới thù thắng vi diệu, được ý tưởng đúng đắn, tốt đẹp, được ý chí mạnh mẽ, được nhiều trí tuệ, giác ngộ về Bát nhã Ba-la-mật xuất thế, đạt được thiếu dục, dập tắt sân hận, diệt ngu si, tất cả các ma ác không tìm được chỗ sơ hở, chư Phật hộ niệm, hàng phi nhân bảo vệ, chư Thiên giúp sức, tất cả oan gia không thể gây hại, thân thích không bị người phá hoại, lời nói ai cũng tin, được vô sở úy, đi đến đâu luôn vui vẻ, người trí thường khen ngợi, hành pháp thí thường được người nhớ đến.

Này Di-lặc! Đó là hai mươi công đức của người giảng nói pháp không cầu quả báo, xả bỏ lợi dưỡng và danh tiếng, không mong cầu y phục, ăn uống, thường hành pháp thí lấy việc tạo lợi ích cho chúng sinh làm đầu.

Lại nữa, này Di-lặc! Bồ-tát khi bố thí pháp cho người không tham đắm lợi dưỡng và danh tiếng, lấy việc tạo lợi ích cho chúng sinh làm đầu thì có hai mươi công đức. Hai mươi công đức là những

gì? Đó là chưa phát sinh biện tài thì khiến cho phát sinh, đã phát sinh thì không mất, được Đà-la-ni, sẽ được mật động, không dùng nhiều sức mà vẫn đem lại lợi lạc khắp muôn loài, dùng ít công sức mà làm được nhiều lợi ích, chúng sinh gần gũi, cung kính, tôn trọng, thường được cúng dường, sẽ được thân mật, khẩu mật, ý mật, vượt ngoài nẻo ác và các sự sợ hãi, khi mạng chung tâm được hân hoan, giảng nói như chánh pháp, có khả năng hàng phục luận cứ của người khác, đủ đại oai đức, Thánh nhân còn kính ngưỡng, huống hồ là người phạm, các căn thành tựu không thể so sánh, thâm tâm cụ túc, chứng đắc các pháp chỉ, quán, có thể làm qua việc khó làm, tinh tấn không giảm sút, giữ gìn chánh pháp, mau chóng vượt qua quả vị bất thoái chuyển, trong tất cả hạnh an trụ tùy ý.

Này Di-lặc! Đó là hai mươi công đức của Bồ-tát hành pháp thí không cầu quả báo, chẳng tham đắm lợi dưỡng, danh tiếng, y phục, thức ăn uống. Chỉ vì tạo lợi ích cho chúng sinh mà luôn hành pháp thí. Này Di-lặc! Ông hãy quan sát vào đời vị lai, năm trăm năm sau, có bao nhiêu người vô trí ở nơi hàng tu tập Bồ-tát thừa, khi hành pháp thí vui vẻ cầu quả báo, chẳng phải là không mong cầu? Họ sinh tâm đố mà nói pháp cho mọi người, vì để thêm nhiều người thân và sự cầu xin nên hành pháp thí. Lại khởi niệm như vậy: Làm sao khiến cho người xuất gia và tại gia sinh lòng tin thanh tịnh để cúng

dường cho ta những thứ cần dùng như: y phục, thức ăn uống, ngọa cụ, thuốc men. Vì nhân duyên này nên giảng nói pháp cho mọi người.

Này Di-lặc! Ví như các thầy chết của rắn, chó, người, đều hôi hám, ô uế thối rữa, bất tịnh, mọi người luôn nhòm gớm, lánh xa. Cũng như vậy, này Di-lặc! Ở đời mạt pháp, các Pháp sư chỉ cầu quả báo mà thuyết giảng pháp cho mọi người. Nếu không có tài lợi thì chán nản, đau khổ, uế oải bỏ đi. Họ nghĩ như vậy: “Chúng ta không được lợi dưỡng, thí pháp như thế chẳng có lợi lạc gì cả, đã không cho ta y phục, thức ăn uống, ngọa cụ thì chuyện gì ta phải chịu khổ”. Người ấy vì xem trọng việc cúng dường, phụng sự cho bản thân để nuôi người hầu cận và chúng đệ tử, mà không vì pháp, hoàn toàn chẳng làm việc lợi ích cho mọi người mà miệng lại dối trá, tỏ ra như là hướng dẫn chỉ dạy cho mọi người: “Ta có lòng từ bi đúng như pháp, giáo hóa các chúng, không vì tài lợi, chỉ vì lợi ích, nên đến thành ấp, thôn xóm, vương cung để giáo hóa tạo mọi thành thực cho chúng sinh. Tuy họ nói lời như thế, nhưng trong lòng chỉ vì các thứ y phục, ăn uống, ngọa cụ, thuốc men mà thôi”.

Này Di-lặc! Ta không cho rằng người cầu tài vật ấy là đã hành pháp thí thanh tịnh. Vì sao? Vì phàm đã mong cầu sự báo đáp thì hành pháp thí không bình đẳng.

Này Di-lặc! Ta không cho rằng người mong

cầu sự báo đáp ấy giáo hóa tạo mọi thành thực cho chúng sinh. Vì sao? Vì người nào tự mình chưa thành thực mà có thể đem lại thành thực cho người khác thì điều đó không có.

Này Di-lặc! Ta không cho rằng người coi trọng việc thừa sự ái nhiễm, cung dưỡng thân, thâm nhận các đồ vật mà lại tạo lợi ích cho người khác. Vì sao? Vì người thừa sự chỉ làm cho thân mình vui sướng chứ không thể giáo hóa đại chúng kiến lập sự tu hành.

Này Di-lặc! Ta không cho rằng người dối trá xung mình hành thiện có thể ở nơi thanh vắng tịch tĩnh.

Này Di-lặc! Ta không cho rằng người phước mỏng là người sống hạnh thiếu dục.

Này Di-lặc! Ta không cho rằng người chỉ tìm cầu thức ăn ngon là người sống hạnh khát thực.

Này Di-lặc! Ta không cho rằng người chỉ thiếu lợi dưỡng là người sống hạnh tri túc. Ta không cho rằng người tìm cầu y phục đẹp là trì giữ y phẩn tảo. Ta không cho rằng người không biết đạo, tục mà ở một mình là không sống theo tạp hạnh. Ta không cho rằng người giỏi đua nịnh quanh co lại được gặp Phật ra đời. Ta không cho rằng người cầu tìm sở đoản của kẻ khác có thể ứng hợp với chánh pháp. Ta không cho rằng người nhiều sân hận là kẻ trì giới thanh tịnh. Ta không cho rằng người ngã mạn,

cao ngạo là hàng đa văn. Ta không cho rằng người ưa thích bè đảng là bậc thầy giữ luật. Ta không cho rằng người có oai nghi không trong sạch là người khéo cung kính nói pháp. Ta không cho rằng người nói lời thù dật, đùa giỡn là bậc thầy khéo giảng pháp. Ta không cho rằng người đăm trước gia nghiệp là bậc đạo sư phạm hạnh thanh tịnh. Ta không cho rằng người bố thí để cầu phước là người không mong báo đáp. Ta không cho rằng người cầu báo ân là khéo hành nhiếp sự. Ta không cho rằng kẻ cầu lợi dưỡng, danh tiếng là người có nội tâm thanh tịnh. Ta không cho rằng người bất tín, nhiều phân biệt là kẻ xuất gia. Ta không cho rằng người tin theo lời dạy của kẻ khác là người khéo trì giới. Ta không cho rằng người không tôn trọng là người độc tâm nghe pháp. Ta không cho rằng người thường chấp vào kinh điển, chú thuật ở đời là người ưa thích chánh pháp. Ta không cho rằng người không tin nơi pháp mà được giải thoát. Ta không cho rằng người tham nhiệm chấp trước là người tu hành thanh tịnh. Ta không cho rằng người hành theo nhiệm chấp là người hành viên mãn Bồ-đề phần. Ta không cho rằng người trụ nẻo thủ đắc là chứng đạt trí. Ta không cho rằng người yếu hèn là người viên mãn hạnh nhẫn nhục. Ta không cho rằng người không bị ai xúc não là người mặc áo giáp nhẫn nhục. Ta không cho rằng người bản tánh ít phiền não là người có giới hạnh thanh tịnh. Ta

không cho rằng người nói nhiều là người làm theo lời dạy. Ta không cho rằng người thích nói là người nhất tâm. Ta không cho rằng người ưa tạo dựng sự nghiệp thế gian là người hành pháp không tôn giảm. Ta không cho rằng người nội tâm thanh tịnh sẽ bị đọa vào nẻo ác. Ta không cho rằng người làm theo trí tuệ là làm bậy. Ta không cho rằng người hành hóa tương ưng với phương tiện là người dua nịnh, quanh co. Ta không cho rằng người không cầu danh lợi là người vọng ngữ. Ta không cho rằng người không hý luận là người phỉ báng pháp. Ta không cho rằng người thích hộ trì chánh pháp là người luyến tiếc thân mạng. Ta không cho rằng người có tánh sợ hãi là người phát khởi tinh tấn.

Này Di-lặc! Các loại tội lỗi dua nịnh, quanh co, điên đảo, tham lam như vậy, vào đời vị lai, năm trăm năm sau, hàng Bồ-tát thừa gặp phải các hạnh ác này phải nên khéo gìn giữ!

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Di-lặc bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Chỉ có sáu mươi Bồ-tát này, ở đời vị lai, năm trăm năm sau, có các nghiệp chướng, hay còn có các Bồ-tát khác nữa?

Đức Phật bảo:

– Này Di-lặc! Năm trăm năm sau, cũng có các Bồ-tát khác bị nghiệp chướng trói buộc, trong đó có người đoạn hết nghiệp chướng, hoặc có người làm tăng trưởng nghiệp chướng.

Lại nữa, này Di-lặc! Vào thời ấy, trong số năm trăm Bồ-tát đó, có hai mươi Bồ-tát có ít nghiệp chướng, nghiệp chướng vi tế, ở đời vị lai năm trăm năm sau, họ sẽ sinh nơi thôn xóm, thành ấp, thuộc đất nước hiểm nạn, trong dòng họ đại phú hào, thông minh nhiều trí, khéo biết phương tiện, tâm ý nhu thuận, có ảnh hưởng tạo lợi ích rộng lớn, oai nghiêm dễ mến, biện tài khéo léo, che giấu đức độ của bản thân, an trụ nơi hạnh công đức Đâu-đà, đã ở trong vô số ức A-tăng-kỳ kiếp tu tập đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, hộ trì chánh pháp, xả bỏ thân mạng, ở chỗ thanh vắng, xa lìa chốn ồn ào, không cầu danh lợi, thường ưa thích tinh tấn, nhập vào nẻo hành của chúng sinh, giỏi về ngôn luận, thông đạt sách thế gian, nghe ít hiểu nhiều, khéo biết pháp quán, có đủ mọi biện luận giỏi phân biệt, tùy theo câu hỏi mà đáp hợp với nghĩa lý, đạt được biện tài vô ngại, Đà-la-ni vô tận. Khi giảng pháp cho bốn bộ chúng, nhờ thần lực của Phật, sự hộ trì của Phật nên đối với những thể loại kinh mà Như Lai đã giảng nói: Tu-đa-la, Kỳ-dạ, Thọ-ký, Già-đà, Ưu-đà-na, Ni-đà-na, A-ba-đà-na, Y-đế-việt-đà-già, Xà-đa-ca, Tỳ-phật-lược, A-phù-đà-đạt-ma, Ưu-ba-đề-xá, đều có thể tự giảng giải.

Này Di-lặc! Bây giờ, hai mươi Bồ-tát khéo dùng phương tiện ở bên các bậc Hòa thượng, A-xà-lê lãnh thọ pháp bản này với vô lượng trăm ngàn câu kinh đều có thể trì tụng giải nêu. Nhờ trì

tụng bản pháp này mà các thiện nam ấy đối với những biện tài tâm không nghi ngờ, thâm nhận, an trụ.

Lại nữa, này Di-lặc! Trong thời ấy cũng có các Bồ-tát không tạo được phương tiện, hoặc làm người thế tục, hoặc người xuất gia, đối với những người hộ trì chánh pháp, người chỉ dạy nẻo hành chánh pháp, người có hạnh chân thật, các Pháp sư đó giảng nói giáo pháp, họ đều không thọ trì mà còn khinh khi, cười nhạo: “Các ông tự đặt ra pháp này, những câu pháp ấy chẳng phải là Như Lai nói, các ông tự ý nhóm họp, tạo ra văn từ trau chuốt, gây thêm phiền phức. Chúng tôi đối với pháp này không sinh kính trọng, không sinh ý tưởng tin ưa, khó gặp”.

Lại nữa, này Di-lặc! Vào thời gian đó, có nhiều chúng sinh phỉ báng pháp ấy, phá hoại pháp ấy, không thọ trì pháp ấy, xem như trò đùa giỡn của chú bé lấu lĩnh đối với bạn đồng hành. Cho rằng các Tỳ-kheo không nương vào khế kinh, không nương vào Tỳ-ni để giảng pháp. Lại nói với mọi người: “Các người chớ sinh tâm kính tin cho là hy hữu, đây chẳng phải là chánh pháp!”.

Này Di-lặc! Những kẻ kia là người ngu si, không biết rằng tất cả lời nói thiện hiện có đều là do Như Lai nói ra. Những người ấy bị ma chế ngự nên phỉ báng pháp của các Pháp sư giảng thuyết, sẽ tạo nhân duyên của nghiệp hủy báng pháp. Vì

tạo nhân duyên xấu như thế nên bị đọa vào đường ác. Cho nên này Di-lặc! Bồ-tát muốn hộ trì chánh pháp phải tạo phương tiện, che giữ đức độ của mình, đối với hàng chúng sinh có hạnh cần phải hộ trì, chớ để họ sinh trưởng chương ngại.

Đại Bồ-tát Di-lặc bạch Phật:

– Hy hữu thay, Thế Tôn Bà Già Bà! Hàng Bồ-tát trong thời kỳ ấy không có trí tuệ mà không cầu biện tài, đối với pháp của người khác không tin tưởng thì đối với ai để cầu sinh thiện căn và Đà-la-ni để tự bảo hộ? Nếu không như thế thì khi ở bên các Pháp sư hành trì chánh pháp, họ khởi hủy báng, phát sinh những câu uế. Bạch Thế Tôn! Ví như có người khát muốn uống nước, đi đến suối, ao, hồ, giếng, chưa uống nước mà trước hết lại ném phân dơ vào. Ném phân dơ vào rồi mới nhằm uống nước, nghe mùi hôi hám, kinh tởm không uống, nhưng không cho là mình đã làm ô uế mà lại đổ lỗi cho nước tạo ra sự dơ bẩn ấy. Cũng như thế, bạch Thế Tôn! Hàng người ngu si ấy luôn cho là độc tâm mong cầu pháp, muốn xét rõ pháp hạnh, nhưng trước hết đối với pháp và người thì tìm chỗ sơ hở, rồi trở lại nghe pháp, chê bai Pháp sư và lời giảng giải của Pháp sư, như người ngu kia chê suối, ao, hồ, giếng v.v... là dơ bẩn. Tỳ-kheo trì pháp nên biết như vậy: Nếu lại có người nào có thể giảng nói pháp như thế, thì nên biết đều là nhờ diệu lực nơi oai thần của Phật.

Như vậy, bạch Thế Tôn! Vào năm trăm năm sau, có BỒ-tát vô trí làm ổ giáo pháp và Tỳ-kheo trì pháp, rồi ở bên vị ấy lại muốn uống pháp vị. Họ không tự biết đó là tội lỗi của mình mà còn khinh chê các Pháp sư, trước mặt mọi người nói lỗi Pháp sư, khởi sự ô nhiễm để tìm lỗi của người khác, phát sinh nhàm chán rồi muốn lìa bỏ.

Đức Thế Tôn khen ngợi BỒ-tát Di-lặc:

– Lành thay! Lành thay! Này Di-lặc! Ông khéo nêu bày các sự việc như vậy! Nếu người không hay tìm kiếm lỗi của người khác tức biết bản thân mình chưa lìa tất cả lỗi lầm.

Này Di-lặc! Có bốn nhân duyên về tất cả biện tài do chư Phật đã giảng nói, cần phải nhận biết như thế. Di-lặc! Lại có bốn nhân duyên nên biết về bốn biện tài, tức là tất cả những điều chư Phật Như Lai đã giảng nói. Người chê bai hết thầy chư Phật thì không chấp nhận được.

Này Di-lặc! Nên biết bốn nhân duyên về biện tài mà chư Phật đã nói.

Này Di-lặc! Biện tài ấy nghĩa lý trọn vẹn, chẳng phải là nghĩa lý không trọn vẹn; đầy đủ pháp, chẳng phải là không đầy đủ pháp; đoạn trừ hết phiền não, không tăng trưởng phiền não; nói công đức Niết-bàn, chỉ bày tội lỗi nơi sinh tử. Này Di-lặc! Đó là bốn biện tài mà chư Phật đã giảng nói, nên nhận biết như vậy.

Này Di-lặc! Nếu có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di cùng tương ưng hòa hợp với bốn biện tài này và có thể biện thuyết. Nếu thiện nam, thiện nữ nào gần gũi với người ấy thì nên tưởng như là Phật, như giáo sư, để nghe pháp nghĩa. Vì sao? Này Di-lặc! Vì người ấy có giảng nói điều gì thì đều là điều Như Lai đã giảng nói. Nên biết như vậy.

Này Di-lặc! Nếu có người phỉ báng bốn biện tài này cho là chẳng phải Phật giảng nói, không sinh tâm tôn trọng, cung kính, lại còn ganh ghét người giảng nói tức là họ phỉ báng biện tài của tất cả chư Phật, Như Lai đã nói. Phỉ báng pháp rồi, còn tạo thêm nghiệp phá diệt pháp, tạo nghiệp diệt pháp rồi thì bị đọa vào nẻo ác. Vì vậy, này Di-lặc! Thiện nam nào có tín tâm, muốn được xa lìa nghiệp chướng hoại diệt pháp thì không thể vì ghét người mà sinh ra ghét pháp; không thể vì không thích người mà đối với pháp kia không sinh tâm ưa thích, gần gũi.

Này Di-lặc! Thế nào là biện thuyết bị chư Phật chê trách không chấp nhận?

Này Di-lặc! Có loại biện thuyết không tạo lợi ích, không nương vào pháp chân thật, làm tăng trưởng phiền não, không dứt hết phiền não, tăng trưởng sinh tử, không khen ngợi công đức, lợi ích của Niết-bàn.

Này Di-lặc! Biện thuyết này bị tất cả chư Phật quở trách và tất cả chư Phật không chấp nhận.

Bồ-tát Di-lặc bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Nếu có biện thuyết làm tăng trưởng sinh tử, chẳng phải là biện tài của Phật, thì vì sao Thế Tôn nói các phiền não tạo lợi ích cho các Bồ-tát, lại còn khen ngợi việc lưu chuyển trong sinh tử để làm viên mãn Bồ-đề phần? Thưa Thế Tôn! Biện tài như vậy lẽ nào chẳng phải là Như Lai giảng nói?

Đức Phật bảo Bồ-tát Di-lặc:

– Ý ông nghĩ sao? Vì phiền não này làm viên mãn Bồ-đề phần hay tạo lợi ích cho các Bồ-tát, nên mới nói ra? Lại nên khen ngợi sự lưu chuyển trong sinh tử, nhưng việc ấy là hợp với nghĩa hay không hợp với nghĩa, hợp với pháp hay không hợp với pháp?

– Bạch Thế Tôn! Nếu có người nói xác đáng rằng đó là hợp nghĩa, hợp pháp thì lời nói ấy là lời nói chân chính.

Đức Phật bảo Bồ-tát Di-lặc:

– Vì ý nghĩa đó, ông nên biết, tất cả lời chư Phật giảng nói đều là biện tài của Phật. Nên biết như vậy. Nếu có chỗ giảng nói các phiền não làm viên mãn Bồ-đề phần là nói vì lợi ích cho các Bồ-tát. Khen ngợi sự lưu chuyển trong sinh tử là vì lợi ích cho các Bồ-tát. Vì sao? Này Di-lặc! Vì Bồ-tát nên

biết như thật về các phiền não ấy. Bồ-tát này không phạm tội do phiền não ấy vì đối với nghĩa được tự tại, đối với pháp cũng tự tại. Đó là các Bồ-tát theo phương tiện thiện xảo, quả vị ấy chẳng phải quả vị của hàng Thanh văn, Phật-bích-chi.

Này Di-lặc! Nếu có phiền não mà không có lợi ích, không là nhân duyên làm viên mãn Bồ-đề phần, chẳng là nhân của thiện căn, thì đối với chúng Bồ-tát kia không cần tiếc thân mạng, cũng không thể thuận theo phiền não ấy. Vì sao? Này Bồ-tát Di-lặc! Vì Bồ-tát đạt được trí lực, có sự duyên dựa đặc biệt, thấy có phiền não liên kết với pháp hữu vi.

Bồ-tát Di-lặc bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Theo con hiểu về ý nghĩa nơi lời Phật giảng nói là nếu có Bồ-tát không muốn tạo nghiệp chướng, muốn đoạn sạch nghiệp chướng, không khuyết, không tổn, muốn giải thoát thì vị ấy ở đời vị lai cần phải tin hạnh Bồ-tát, cần phải tư duy, chớ tìm lỗi người khác, thường cầu việc công đức, cầu điều chân chánh.

Đức Phật bảo:

– Đúng vậy! Đúng vậy! Này Bồ-tát Di-lặc! Người ấy ở đời sau cần phải tư duy đối với hạnh Bồ-tát, nên biết tạo phương tiện. Vì sao? Vì có trí phương tiện mới hành hóa nẻo Bồ-tát, mà phương tiện thiện xảo khó có thể biết được.

Này Di-lặc! Ví như bậc Tu-đà-hoàn ở trong hàng phàm phu mà hiện bày quả vị Tu-đà-hoàn, thì có hoạn nạn đặc biệt khác với hàng phàm phu. Tội lỗi của tham dục, sân hận, si mê nơi các phàm phu làm họ bị đọa vào đường ác, còn tội lỗi của các bậc Thanh văn thì không làm vị ấy bị đọa vào đường ác. Như thế nên nhận biết.

Này Di-lặc! Cũng như vậy, vì bậc Bồ-tát trí hạnh chưa thể diệt hết tập khí nhiễm ô, nên có quả vị khác nhau và người mới hành đạo Bồ-tát có quả vị khác nhau. Vì sao? Vì tâm của vị ấy không trụ vào các kiết sử, còn các phàm phu thì nhiễm vướng các sử. Vì ngu si nên phàm phu không thể biết rõ con đường giải thoát.

Này Di-lặc! Bậc Bồ-tát trí hạnh tuy có trọng tội nhưng nhờ sức trí tuệ nên diệt hết như tro, cũng không do đó mà bị đọa nơi đường ác.

Này Di-lặc! Ví như đám lửa cháy dữ mà ném cây củi lớn vào, cứ thế ném nhiều củi vào trong đám lửa thì đám lửa ấy càng cháy to, không thể tắt. Cũng như vậy, này Di-lặc! Khi lửa trí của bậc Bồ-tát trí hạnh bùng cháy mà đem phiền não hữu vi ném vào trong lửa trí thì như thế lửa trí càng cháy mạnh không thể tắt được, đó là nhờ sức của trí tuệ. Do vậy, ông nên biết, các hạnh của các Bồ-tát trí hạnh ấy là khó nhận biết.

Bồ-tát Di-lặc bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Người mới hành đạo Bồ-tát vì chưa đạt được trí lực, bỏ nhà xuất gia thì cần phải xa lìa những pháp gì? Và nên gần gũi những pháp gì? Nếu Bồ-tát gần gũi với pháp ấy thì trí lực chưa sinh khiến sinh, đã sinh thì khiến phát triển không giảm?

Đức Phật bảo Bồ-tát Di-lặc:

– Người mới hành đạo Bồ-tát, bỏ nhà xuất gia, chưa đạt được trí lực. Tuy vị ấy từ bỏ của cải, làm việc cúng dường, nhưng cần phải quán họa hoạn của lợi dưỡng, danh tiếng; phải mau chóng bỏ lời bàn tán của thế gian, phải quán họa hoạn của lời bàn tán thế gian; nên bỏ việc thích nói nhiều, quán họa hoạn của việc nói nhiều; nên bỏ việc thích ngủ nghỉ, quán họa hoạn của việc ngủ nghỉ; nên bỏ việc ưa tạo tác các nghề nghiệp, quán họa hoạn các nghề nghiệp thế gian; nên bỏ việc ưa đùa giỡn, quán họa hoạn của việc ưa đùa giỡn. Sau khi Bồ-tát lìa bỏ lợi dưỡng, danh tiếng, cần phải tu hành thiếu dục, tri túc, phải gần gũi người biết thiếu dục tri túc. Sau khi đã từ bỏ thuyết thoại thế gian cần phải gần gũi người thích sống một mình; bỏ việc nói nhiều rồi, cần phải quán nghĩa chân thật; bỏ việc ngủ nghỉ rồi, đầu đêm cuối đêm phải thường tỉnh giác; bỏ việc tạo nghề nghiệp rồi, cần phải gần gũi pháp xuất thế gian; bỏ việc vui đùa rồi, cần phải tu tập ưa thích pháp từ bi không còn phân biệt về chúng sinh.

Này Di-lặc! Người mới hành đạo Bồ-tát, bỏ nhà xuất gia, chưa được trí lực, muốn đạt được thì cần phải xa lìa pháp ác như vậy và gần gũi các pháp như vậy.

Này Di-lặc! Người mới hành đạo Bồ-tát, bỏ nhà xuất gia, chưa đạt đến trí lực, khi chưa bỏ lợi dưỡng và danh tiếng, khi chưa gần gũi thiếu dục, tri túc, nếu chưa sinh trí lực có thể khiến cho sinh, đã sinh rồi có thể khiến cho phát triển thì không có điều đó. Chưa lìa lời bàn tán của thế gian, chưa gần gũi với người sống một mình, không rời bỏ sự ưa ngủ nghỉ, đầu đêm cuối đêm không gần sự tỉnh giác mà ưa tạo tác các sự nghiệp thì trong thời gian ấy không thể tu tập pháp xuất thế gian. Không bỏ sự vui đùa, không gần gũi với tâm từ bi không phân biệt về chúng sinh mà chưa sinh trí lực khiến cho sinh, đã sinh rồi khiến cho phát triển thì không có điều đó.

Này Di-lặc! Cho nên nếu có Bồ-tát muốn sinh trí lực thì nên lìa bỏ các pháp cần phải bỏ, nên tu tập các pháp cần tu tập. Vì sao? Này Di-lặc! Vì trí tuệ từ đó phát sinh, không có nhân ấy thì trí lực không thể phát sinh. Nhân mà không hòa hợp thì không thể dễ dàng sinh trí lực được.

Bồ-tát Di-lặc bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Bồ-tát phải quán họa hoạn của lợi dưỡng và danh tiếng như thế nào? Những gì là

các họa hoạn của lợi dưỡng, danh tiếng mà khi Bồ-tát quán rồi thì ưa thích tri túc, không có hối tiếc?

Đức Phật bảo Bồ-tát Di-lặc:

– Bồ-tát ở trong đó, nên quán về lợi dưỡng không khiến phát sinh sự ham muốn. Nên quán xét như vậy: Vì lợi dưỡng nên phát sinh ham muốn làm tổn hại đến hạnh của ta, tâm sinh các họa hoạn và sân hận. Cần phải quán lợi dưỡng làm phát sinh ngu si, ngã mạn. Nên quán lợi dưỡng làm phát sinh ganh ghét. Nên quán lợi dưỡng làm phát sinh các thứ huyền quái, tạo thành vị ái dục. Nên quán lợi dưỡng làm phát sinh đua nịnh quanh co. Nên quán lợi dưỡng làm xa lìa bốn thánh chủng. Nên quán lợi dưỡng làm mất hết hỗ thẹn mà tất cả chư Phật không chấp nhận. Nên quán lợi dưỡng làm phát sinh ngã mạn, cao ngạo, ở gần bậc tôn quý mà không sinh ái kính, bị tất cả mọi người lãng quên. Nên quán lợi dưỡng là trợ lực của các ma, chỉ là gốc gác của sự phóng dật. Nên quán lợi dưỡng bề gãy các căn lành giống như mưa đá. Nên quán lợi dưỡng gồm nhiều uế tạp. Nên quán lợi dưỡng làm mất bạn bè tri thức. Nên quán lợi dưỡng hay sinh thương ghét và sầu não. Nên quán lợi dưỡng làm mất chánh niệm, nhiều nhiễm ô. Nên quán lợi dưỡng làm cho suy yếu bạch pháp, khiếm khuyết các chánh căn. Nên quán lợi dưỡng là chướng ngại không gì bằng, khiến không chứng đắc được các thần thông. Nên quán lợi dưỡng phát sinh sự dối

trá, nói toàn việc bất thiện. Nên quán lợi dưỡng có nhiều phân biệt suy lường tạo nghiệp. Nên quán lợi dưỡng làm xa lìa các niềm vui, đánh mất thiên định. Nên quán lợi dưỡng giống như dâm nữ làm xa lìa trí tuệ tịch tĩnh. Nên quán lợi dưỡng khiến bị đọa vào các cõi ác: địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh v.v... như hành động của Đề-bà-đạt-đa, Ưu-đà-la-ca-văn. Này Di-lặc! Bồ-tát cần phải quán sát về lợi dưỡng như vậy. Đã quán xét về lợi dưỡng thì khi quán rồi sẽ bằng lòng với thiếu dục, không còn hối tiếc. Vì sao? Này Di-lặc! Bồ-tát thiếu dục sẽ không có các họa hoạn như vậy, sẽ là pháp khí của chư Phật, không tùy thuộc vào sự khinh mạn của người tại gia và xuất gia, thường không sợ hãi, được lòng tin thanh tịnh, đối với tất cả đường ác đều không lo sợ, không bị hàng phục, xa lìa hết thảy vị ái, các cảnh ma, sẽ được giải thoát, được tất cả chư Phật khen ngợi, được hàng trời, người mến mộ, không nhiễm chấp nơi các thiên định; gần gũi sẽ sinh hoan hỷ, lìa dục nịnh quanh co, sẽ không còn phóng dật; quán các họa hoạn của năm dục, y như lời nói ra không đổi khác, thường trụ nơi quán phạm hạnh của các dòng tộc chư Thánh. Này Di-lặc! Bồ-tát trí tuệ quán các công đức như vậy, cần phải xa lìa lợi dưỡng, danh tiếng, chánh tâm trụ vào tri túc, phải trừ hết mọi thứ tham dục.

Bồ-tát Di-lặc bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Bồ-tát quán họa hoạn nơi lời

nói thế gian như thế nào? Và thế nào là các họa hoạn nơi lời nói của thế gian mà sau khi quán rồi, Bồ-tát ưa sống một mình, không hôi tiếc?

Đức Phật bảo Bồ-tát Di-lặc:

– Lời nói của thế gian có hai mươi họa hoạn cần phải quán sát. Khi Bồ-tát quán xét rồi thì thích sống một mình. Hai mươi họa hoạn đó là gì? Đó là không hộ trì hạnh của thân, không hộ trì hạnh của miệng, không hộ trì hạnh của ý, nên có nhiều hạnh nơi dục, nhiều sân hận, nhiều ngu si, đối với việc thế gian thì có nhiều lời bàn luận, nhưng đối với việc xuất thế gian thì tiếc lời, gằn gữ pháp bất kính, xa lìa chánh pháp, ma được tùy tiện, sẽ hành buông lung, khiến theo sự phóng dật, có nhiều phân biệt, giảm quán về đa văn, không đạt được chỉ và quán, sẽ chóng trở thành phi phạm hạnh; lòng tin đối với Phật, Pháp, Tăng bị giảm sút. Này Di-lặc! Đó là hai mươi họa hoạn của lời nói thế gian. Bồ-tát nào, sau khi quán như vậy thì thích sống một mình mà không mệt mỏi.

Khi ấy, Đức Thế Tôn muốn nhắc lại nghĩa vừa nêu nên nói kệ:

*Bỏ giới xa lìa chốn tịch tĩnh
Ưa thích nói việc của thế gian
Người ấy tạp nhiễm rồi phá giới
Lại có các họa hoạn như thế.
Vui đùa cười giỡn và phân biệt*

Người nói chuyện thế gian như vậy
 Thường có tạp hạnh không kiểm thúc
 Phát ra lời gân gũ thế tục.
 Thế gian ngu tối ưa pháp trí
 Không trí bàn luận thêm tổn hại
 Tăng trưởng phóng dật, nhiều phân biệt
 Nếu nói lời gân gũ thế tục.
 Thì đa văn sẽ không tăng trưởng
 Lời nói không hợp sinh vui thích
 Thường tổn hại đến các thiên định
 Ngồi một mình tâm nghĩ thế tục.
 Nghĩ đến thế gian sao có định!
 Không đắc định tịch, không chánh quán
 Nên không có phạm hạnh thù thắng
 Nếu nói lời gân gũ thế tục.
 Gân bên Phật, tâm không kính trọng
 Cũng không ngưỡng mộ bậc Thánh Tăng
 Lià bỏ pháp tối thượng tối thắng
 Để thân cận lời nói thế tục.
 Xưa Ta xả thân số muôn ngàn
 Vì cầu duyên Bồ-đề vô thượng
 Chưa từng nhàm chán nghe chánh pháp
 Xả bỏ mọi thứ không màng đến.
 Không thích nam nữ và thế thiếp
 Ta xưa bỏ ngôi vị, của cải
 Chỉ vì bài kệ có bốn câu
 Bậc trí tại sao không nghe pháp.
 Mọi thứ mọi nơi đều xả bỏ

Cũng không hòa hợp lời ô nhiễm
 Đối với thắng pháp không ưa thích
 Người ấy trăm kiếp khó thành tựu.
 Muốn giải thoát, tu tập công đức
 Chớ hỏi thế gian chỗ tạo tác
 Không vì tự lợi không Niết-bàn
 Nếu có người hỏi giúp cơm áo.
 Đó là việc tốt đáng khen ngợi
 Hoặc gặp Tỳ-kheo nói: mời đến
 Thiết lập tòa ngồi, mời ông ngồi!
 Mỗi mỗi nên nói về pháp sự.
 Thân người khó được mà đã được
 Ông làm thêm lớn pháp thiện chẳng?
 Đọc tụng và trong các thiên định
 Tỳ-kheo cần phải hỏi như vậy:
 – Sau khi Như Lai vào Niết-bàn
 Giáo pháp ắt sẽ bị phá hoại
 Có các Tỳ-kheo không oai nghi
 Ưa ở trong chúng, bỏ thanh vắng.
 Lợi dưỡng, tiền tài và y phục
 Ngày đêm thường cùng nhau luận bàn
 Ngủ mê bất động ở trong mộng
 Thấy việc cày ruộng và cấy lúa.
 Những thứ phàm phu biết mất rồi
 Hường sinh vào trong ba nẻo ác
 Thường sinh hoan hỷ hết mực rồi
 Nên ở rừng cây như tê giác.
 Ở nơi thanh vắng cầu an vui

Lúc ấy chớ nhìn lỗi người khác
 Ta là hơn hết, đứng đầu chúng
 Chớ nên sinh tâm niệm như thế.
 Đó là gốc kiêu mạn, phóng dật
 Tỳ-kheo như thế chớ khinh chê
 Lần lượt ở trong giáo pháp này
 Đâu thể nhất thời liền giải thoát.
 Tuy thấy Tỳ-kheo phá giới cấm
 Chỉ cần tin chư Phật Pháp Tăng
 Chớ tìm kiếm lỗi lầm của họ
 Đây chính là tạo nhân giải thoát.
 Khó thấu các dục và sân hận
 Trong đó tự tại, chớ phóng dật
 Huân tập các pháp chưa đến lúc
 Chớ vì phá giới mà bỏ họ.
 Dừng tâm siêng năng, không tinh tấn
 Đây đúng là người không cầu tiến
 Siêng tu không nhìn lỗi của người
 Tư duy chánh đạo nên thoát khổ.
 Cho nên Tỳ-kheo mong cầu đức
 Cần phải xả bỏ lời phi pháp
 Dốc sức hoan hỷ thích thú rồi
 Ví như tê giác ở chỗ vắng.



KINH PHÁT GIÁC TỊNH TÂM

QUYỂN HẠ

Bấy giờ, Bồ-tát Di-lặc bạch Phật:

– Hy hữu thay! Bạch Thế Tôn! Người thế gian tụ tập bàn luận mới có nhiều lỗi lầm cấu uế như thế, không có công đức hòa hợp. Lời bàn luận ấy của thế gian chỉ tăng thêm các phiền não, ở trong pháp thanh tịnh sẽ tạo nên sự hư dối.

Bạch Thế Tôn! Có bậc trí Bồ-tát nào cầu đạt các công đức, nghe lời nói họa hoạn của thế gian này rồi mà không thích sống một mình? Bạch Thế Tôn! Tại sao Bồ-tát thích nói nhiều lại quán xét các họa nạn? Bồ-tát khi quán xét ưa chọn nghĩa chân thật nên về sau không hối tiếc?

Đức Phật bảo Bồ-tát Di-lặc:

– Tại vì trong đó Bồ-tát nên quán về hai mươi thứ họa hoạn của việc ưa nói nhiều. Hai mươi pháp đó là gì? Nay Di-lặc! Người ưa nói nhiều sẽ không có tâm cung kính. Vì đa văn nên ngã mạn, phóng dật. Đối với ngôn ngữ tư duy họ nhiệm chấp, mất bản niệm, tự mình không có chánh niệm, việc làm mất oai nghi đúng đắn, không thể chế ngự thân tâm, đi đến đâu thân không oai nghiêm, mất đi pháp nhân, thân tâm ương ngạnh khó có thể điều phục, xa lìa chỉ quán, lời nói không biết thời, nói

lời uế trược, tham việc ăn uống, không được Thánh trí, các hàng trời, rồng không kính trọng. Người ưa biện luận khinh chê kẻ khác, về sau thường hối hận, không trụ trong chánh hạnh nên dễ sơ suất, không thể đoạn trừ các thứ nghi ngờ, khi đi như Na Tra, chỉ chạy theo danh tiếng, thuận theo các thú vui của dục, tâm thức theo dòng phỉ báng chánh pháp do không quán đúng như thật, nên luôn phát sinh sự mong cầu, chỗ động thì không động, chỗ không động thì động, đáng được cúng dường thì lại không được, do tâm không tự chế ngự nên bị người dắt dẫn, vì không thấu suốt pháp giới, bị các phiền não lôi kéo là do không điều phục các căn. Này Di-lặc! Bồ-tát ưa nói nhiều có hai mươi họa hoạn như vậy, vì chỉ biết tin vào âm thanh mà không quán xét về nghĩa đúng đắn.

Khi ấy, Đức Thế Tôn muốn lặp lại nghĩa trên nên nói kệ:

*Đa văn như say, tâm không kính
Bám trụ vào ngôn ngữ rối loạn
Nên mất chánh niệm, không chánh trí
Ưa nói nhiều họa hoạn như vậy.
Rất lo là việc nội tư duy
Thân không an tịnh tâm cũng thế
Chỉ hành động thiếu oai nghi
Ưa nói nhiều họa hoạn như vậy.
Quên mất ý tư duy chánh pháp
Chỉ có vương ngạnh, tâm không nhuần*

Thiên định chỉ quán đều xa lìa
 Ưa nói nhiều họa hoạn như vậy.
 Gần bậc tôn kính ý không kính
 Thường ưa tranh chấp bằng lời nói
 Trụ xứ không vững, ý điên đảo
 Ưa nói nhiều họa hoạn như vậy.
 Các chúng chư Thiên không cung kính
 Các rồng, Dạ-xoa không nghĩ đến
 Về sau không được các biện tài
 Ưa nói nhiều họa hoạn như vậy.
 Bị các bậc trí thường quở trách
 Những việc ấy thân cần chứng biết
 Sống như vậy rộng không, không lợi
 Ưa nói nhiều họa hoạn như vậy.
 Người ngu khi chết sinh hồi hận
 Ta bị lừa dối nay nói gì?
 Nên phải chấp nhận chịu các khổ
 Ưa nói nhiều họa hoạn như vậy.
 Vội vàng giống như gió thổi cỏ
 Tâm có các nghi, không quyết đoán
 Ý không kiên cố chẳng thể định
 Ưa nói nhiều họa hoạn như vậy.
 Giống như Na Tra ở hý trường
 Nói công đức mạnh mẽ của người
 Khi ấy, họ cũng như Na Tra
 Ưa nói nhiều họa hoạn như vậy.
 Tai họ nghe tiếng sinh tâm nhiễm
 Họ thích âm thanh là chánh trí

Như có tư duy, chẳng chánh đạo
 Ưa nói nhiều họa hoạn như vậy.
 Họ đua nịnh, quanh co, vô vọng
 Luôn luôn phát sinh sự tranh biện
 Đối với Thánh hạnh mãi lìa xa
 Ưa nói nhiều họa hoạn như vậy.
 Hành động hữu vi, niệm yếu kém
 Ai hỏi Thánh đức thường coi nhẹ
 Giống như khỉ vượn, tâm động loạn
 Ưa nói nhiều họa hoạn như vậy.
 Người áy ngu si bị người sai
 Do trí không có ý chánh định
 Bị các phiền não luôn theo đuổi
 Ưa nói nhiều họa hoạn như vậy.
 Mắt tai và mũi bị loạn động
 Lưỡi thân và ý cũng điên đảo
 Tất cả các căn đều rối bời
 Ưa nói nhiều họa hoạn như vậy.
 Vô trí tuy cầu nhiều ngôn ngữ
 Ý cầu các pháp không biết chán
 Họ không lãnh thọ pháp hỷ lạc
 Đối với nhất niệm tâm không thích.
 Thân vỏ cây mía không bền chắc
 Nhưng trong ruột vị nó rất ngon
 Không phải bỏ vỏ mà có vị
 Vị ấy không rời thân cây mía.
 Như vỏ, nói nhiều đã như vậy
 Như nước mía, như tư duy nghĩa

Cho nên nói nhiều ưa xa lìa
 Tư duy chánh nghĩa, chớ phóng dật.
 Vị nghĩa vị pháp hơn mọi vị
 Vị giải thoát cũng là vị diệu
 Vị ấy tối thượng trong các vị
 Sao bậc trí không sống một mình.
 Nói nhiều như vậy đã biết rồi
 Nghĩa công đức tối thắng như thế
 Nếu có bậc trí muốn học đạo
 Thì đối chân nghĩa phải tư duy.
 Vậy nên xa lìa lời vô ích
 Muốn cầu thắng nghĩa của chân như
 Cần phải gần gũi pháp tối thắng
 Nên trụ vào đó chứng thắng đạo.

Khi ấy, Bồ-tát Di-lặc bạch Phật:

– Hy hữu thay! Bạch Thế Tôn! Đúng là đã khéo giảng thuyết về tội lỗi của việc nói nhiều. Bạch Thế Tôn! Tư duy chánh nghĩa có công đức lớn. Bạch Thế Tôn! Nếu muốn cầu nghĩa vững chắc, Bồ-tát muốn mang giáp, đeo binh khí thì đối với lời nói hư dối không nên huân tập. Bạch Thế Tôn! Làm thế nào Bồ-tát thích quán xét các lỗi lầm của việc ngủ nghỉ? Khi Bồ-tát quán xét nên bỏ sự ngủ nghỉ thì phát sinh tinh tấn không mệt mỏi?

Đức Phật bảo Bồ-tát Di-lặc:

– Nay Di-lặc! Ở đây, Bồ-tát cần phải quán về hai mươi lỗi lầm của việc ngủ nghỉ. Hai mươi lỗi

lầm là những gì? Này Di-lặc! Bồ-tát ưa việc ngủ nghỉ sẽ sinh biếng nhác, thân thể nặng nề, da dẻ bên ngoài như nhóp, thịt da rít nhám, các đại câu ướ, oai đức mỏng dần, ăn uống không tiêu, thân thể sinh ghẻ chốc, nhiều lười trể, thêm lớn ngu si, trí tuệ sút kém, hay mệt mỏi, sẽ hướng đến nẻo tối tăm, người không cung kính, bảm chất ngu tối, nhiều phiền não, tâm theo các sử, ở trong pháp thiện không sinh ham thích khiến tất cả pháp thanh tịnh giảm sút, thường đi trong sự sợ hãi, thấy người tinh tấn thì hủy nhục họ, đến chỗ đông người bị người khinh rẻ. Này Di-lặc! Bồ-tát ưa ngủ nghỉ có hai mươi lỗi lầm như vậy. Khi Bồ-tát quán chiếu pháp ấy thì nên phát sinh tinh tấn.

Đức Thế Tôn muốn lập lại ý nghĩa này nên nói kệ:

*Thân thể trì trệ không tịch định
Lười biếng, thân hình không đoan
nghiêm
Làn da như ướ chẳng thanh tịnh
Nếu ưa tùy thuận việc ngủ nghỉ.
Nước miếng, nước mắt phong hoàng ám
Có nhiều thứ ấy trong thân thể
Các giới rối loạn không quân bình
Nếu ưa tùy thuận việc ngủ nghỉ.
Người ăn thức ăn không tiêu được
Thân tướng thô kệch, không sáng sủa
Âm thanh, lời nói bị tắc nghẽn*

Nếu ưa tùy thuận việc ngủ nghỉ.
 Thân thể có nhiều các thứ ghe
 Ngày đêm thuận theo việc ngủ nghỉ
 Thân thể phát sinh nhiều thứ khổ
 Nếu ưa tùy thuận việc ngủ nghỉ.
 Có nhiều biếng nhác, lìa tinh tấn
 Niềm vui càng xa, không của cải
 Thường ngủ mê man không chánh ý
 Nếu ưa tùy thuận việc ngủ nghỉ.
 Thường làm thêm lớn lưới ngu si
 Hiểu biết điên đảo rất khó sửa
 Không có chánh niệm, đoạt mất ý
 Nếu ưa tùy thuận việc ngủ nghỉ.
 Người có trí tuệ rất yếu kém
 Không thiên định các pháp giảm sút
 Xa lìa trí tuệ và chánh trụ
 Nếu ưa tùy thuận việc ngủ nghỉ.
 Tự biết mình lưới biếng không cần học
 Thường bị phi nhân đoạt oai đức
 Ở nơi thanh vắng thường sợ hãi
 Nếu ưa tùy thuận việc ngủ nghỉ.
 Luôn thường mông lung, mất chánh niệm
 Không thể an trú lúc đọc tụng
 Chánh pháp đã nói thường quên mất
 Nếu ưa tùy thuận việc ngủ nghỉ.
 Người thường hỗ trợ các phiền não
 Thường bị mê loạn tánh thô tháo
 Về sau họ sinh tâm hối hận

Nếu ưa tùy thuận việc ngủ nghỉ.
 Có nhiều nghiệp thiện bị diệt mất
 Khi nhớ xét lại sinh buồn hận
 Tăng thêm các sử, đất phiền não
 Nếu ưa tùy thuận việc ngủ nghỉ.
 Không muốn mong đạt các nghiệp thiện
 Đối với pháp thiện tâm không cầu
 Người luôn luôn làm việc phi pháp
 Nếu ưa tùy thuận việc ngủ nghỉ.
 Tức là lìa xa đạo Bồ-đề
 Tất cả công đức đều giảm sút
 Bỏ mất chỗ sáng đến nơi tối
 Nếu ưa tùy thuận việc ngủ nghỉ.
 Không có tâm vô úy sáng ngời
 Người thường không sinh niệm hoan hỷ
 Bám vào ngủ nghỉ, việc mông lung
 Nếu ưa tùy thuận việc ngủ nghỉ.
 Người tự biết mình là biếng nhác
 Ghét người an trú sức tinh tấn
 Nói là tinh tấn chẳng phải thiện
 Nếu ưa tùy thuận việc ngủ nghỉ.
 Bậc trí nếu thấy lỗi như thế
 Nếu sẽ vui mừng việc ngủ nghỉ
 Chỉ có ngu si, nhiều ràng buộc
 Không thích chánh pháp, diệt công đức.
 Bậc trí ai chẳng ưa tinh tấn?
 Hay diệt các khổ, hết tối tăm
 Vị lai đường ác đều đoạn tận

Được cam lộ, gốc các niềm vui.
 Thế gian có được bao tài nghệ
 Và xuất thế gian các quyền uy
 Phát sinh tinh tấn không ngại khó
 Bậc trí vì sao không tinh tấn?
 Muốn trụ vào Bồ-đề cao tột
 Họ phải biết lỗi làm ngu ngủ
 Tinh tấn không lười, không phóng dật
 Ta nhờ biết được pháp như vậy.
 Nên không phóng dật và sợ hãi
 Phát khởi tâm tinh tấn, thiền định
 Bỏ các lỗi lầm là ngu ngủ
 Giữ gìn Bồ-đề và hạt giống.

Khi ấy, Bồ-tát Di-lặc bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Như Lai đã vì các Bồ-tát mà chỉ bày rõ, nhưng dù đã nghe các lỗi lầm của việc ngu ngủ nhiều như vậy song Bồ-tát không thể đoạn trừ, cũng không thể sinh tâm nhằm chán. Bạch Thế Tôn! Bồ-tát nào muốn tu học về tín tâm, và muốn thành tựu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mà còn sinh lười biếng? Vì cầu pháp thiện nên đối với công đức nhiều như vậy, tuy đã nghe rồi nhưng không thể phát khởi hạnh tinh tấn. Vì mong làm viên mãn Bồ-đề phần nên Như Lai đã khéo nói các lỗi lầm của việc ngu ngủ và mở bày các công đức của hạnh tinh tấn. Bạch Thế Tôn! Tại sao Bồ-tát phải quán các lỗi lầm của việc ưa tạo các nghiệp, và Bồ-tát sau khi quán xét sẽ vui

sống thiếu dục, tri túc?

Đức Phật bảo BỒ-tát Di-lặc:

– BỒ-tát ở đây ưa tạo nghiệp nên quán xét về hai mươi thứ tội lỗi. Hai mươi thứ lỗi lầm ấy là gì? Này Di-lặc! Đó là phạm BỒ-tát ưa tạo các nghiệp sẽ ưa thích pháp thế gian tức ở trong tất cả các nghiệp thấp kém nhất. Đó là khinh chê người siêng năng đọc tụng kinh điển, chế giễu người chuyên cần thiền định một mình, đến nỗi họ bị mắc quả báo lưu chuyển trong sinh tử không cùng, về sau lại tạo nghiệp không dứt. Họ có lòng tin đối với các bậc trưởng thượng, nhưng không thể vì các vị ấy mà tạo phước điền, thường có tham dục, ưa mến các vật, tâm vừa nghĩ tới việc ấy thì hết sức siêng năng, thường lo gia nghiệp, trái với pháp thiện của người, được ban cho giáo pháp mà không tùy thuận, có nhiều suy nghĩ, đắm trước các mùi vị, được việc tốt lành mà không ưa thích, thường tạo nghiệp ác gây hại lẫn nhau, hướng về các tri thức mới quen hay quen đã lâu thì thường nhớ đến việc ăn uống, thường ưa biết việc hay dở, phải trái của người khác, bàn luận thường ưa chống trái, các bậc phạm hạnh dạy bảo thì không lãnh thọ, thường nhìn lỗi người, không thấy lỗi mình nên bị coi rẻ. Người như vậy hợp với lời bàn luận chân chánh thường thì rất ít.

Này Di-lặc! BỒ-tát nào ưa tạo các nghiệp sẽ có hai mươi thứ lỗi lầm như vậy.

Khi ấy, Đức Thế Tôn muốn nhắc lại ý nghĩa ấy nên nói kệ:

*Luôn trụ trong các nghiệp thấp hèn
 Họ lìa xa các nghiệp cao đẹp
 Trong giáo pháp ấy không rộng lớn
 Tạo đây các nghiệp có lỗi ấy.
 Các Tỳ-kheo ưa thích đọc tụng
 Bị họ khinh chê, không ngưỡng mộ
 Người tu thiền định lìa bỏ họ
 Tạo đây các nghiệp có lỗi ấy.
 Với nghiệp sinh tử thường siêng năng
 Xa chón giải thoát trụ trôi buộc
 Thức ăn thọ nhận không thanh tịnh
 Tạo đây các nghiệp có lỗi ấy.
 Luôn luôn hướng đến các nghiệp đó
 Nhận được vật gì cũng vui mừng
 Thường siêng mong muốn nhận các vật
 Tạo đây các nghiệp có lỗi ấy.
 Mến chuộng bạn bè có cùng hạnh
 Tạt hạnh gần nhau nhiễm lẫn nhau
 Giống như chim bị nhốt trong lồng
 Tạo đây các nghiệp có lỗi ấy.
 Luôn luôn lo lắng các gia nghiệp
 Tâm ý ưu sầu chưa từng vui
 Có nói điều gì người chẳng nghe
 Tạo đây các nghiệp có lỗi ấy.
 Dạy cho đạo đức không tùy thuận
 Dù thuận giáo pháp nhưng chẳng thọ*

Tuy có giới hạnh, không trọn vẹn
 Tạo đây các nghiệp có lỗi ấy.
 Thường luôn ưu sâu, tâm không an
 Với nghiệp thế tục tâm cần mẫn
 Trí tuệ tịch tĩnh họ chẳng màng
 Tạo đây các nghiệp có lỗi ấy.
 Họ thường có rất nhiều sự nghiệp
 Luôn bị buộc chặt đủ các vị
 Ở nơi nào cũng không biết đủ
 Tạo đây các nghiệp có lỗi ấy.
 Thường vui thích ở chốn đông người
 Người trí không thích nói với họ
 Thích nơi tạp nhạp giống như lừa
 Tạo đây các nghiệp có lỗi ấy.
 Tâm thường sân hận, không tham nhuần
 Thêm lớn các nghiệp mãi không cùng
 Họ bị ái nhiễm buộc chặt cứng
 Tạo đây các nghiệp có lỗi ấy.
 Họ không nương tựa các Tôn giả
 Nương người thế tục giúp lẫn nhau
 Thấy người giữ giới thì phỉ báng
 Tạo đây các nghiệp có lỗi ấy.
 Ngày đêm luôn nhớ đến các việc
 Ăn uống, y phục và ngọa cụ
 Chẳng muốn nghe nói về công đức
 Tạo đây các nghiệp có lỗi ấy.
 Thích hỏi tốt đẹp, nghiệp thế gian
 Siêng năng nói nhiều, họ ưa thích

Siêng tu thẳng đức, họ không kính
 Tạo đây các nghiệp có lỗi ấy.
 Say mê kinh doanh cùng bè bạn
 Dùng thế lực mình lấn áp người
 Những nghiệp ác ấy họ đều làm
 Tạo đây các nghiệp có lỗi ấy.
 Luôn luôn ưa thích xét lỗi người
 Lỗi của chính mình không tự biết
 Thấy người có đức thường trêu chọc
 Tạo đây các nghiệp có lỗi ấy.
 Đến đâu cũng bị người khinh chê
 Người đến thỉnh pháp: Xin giảng thuyết
 Trí không hiểu thấu, không phương tiện
 Tạo đây các nghiệp có lỗi ấy.
 Nên quán các lỗi như vậy rồi
 Có các Bồ-tát thích nghiệp này
 Cần phải tạo nghiệp tối thẳng ấy
 Tác các nghiệp đều chẳng mất.
 Xả bỏ ngàn tiền lấy một tiền
 Người có trí cần phải quả trách
 Người như vậy bị người khác chê
 Vì ưa tạo nghiệp thấp kém ấy.
 Cho nên người trí có phương tiện
 Đã vứt bỏ đi nghiệp thấp kém
 Người trí biết rồi tạo thượng nghiệp
 Nên được tất cả Phật khen ngợi.

Khi ấy, Bồ-tát Di-lặc bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Các Bồ-tát kia do trí tuệ thấp

kém, tâm ý hẹp hòi, Đức Chánh Đẳng Giác đã nhọc công nhưng họ bỏ pháp tối thắng mà tạo các nghiệp nhỏ.

Đức Phật bảo:

– Này Di-lặc! Ta nay nói rõ cho ông, nêu bày cho ông. Vì các Bồ-tát kia không nương vào giáo pháp của Phật để xuất gia, nên không thể diệt độ, không thiên định, không đọc tụng kinh điển, không mong cầu đa văn.

Lại nữa, này Di-lặc! Các Đức Như Lai đã dạy: Diệt hết trí hành, tạo dựng trí trí, vì chuyên cần đầy đủ nên mới có thể biết rõ, không thể đem nghiệp của thế tục lường tính mà biết được. Đây chẳng phải người chuyên cần ưa nghe việc lưu chuyển trong sinh tử tức là việc lường tính tạo tác của thế gian, việc mua bán sắm của cải ở thế gian. Những việc đó Bồ-tát không được ham thích.

Này Di-lặc! Giả sử lường tính được sự chuyên cần của Bồ-tát, tạo dựng tháp bằng bảy báu đầy cả ba ngàn đại thiên thế giới này cũng không thể làm cho Ta hân hoan, chẳng phải cúng dường Ta, chẳng phải thừa sự Như Lai.

Này Di-lặc! Nhưng nếu có Bồ-tát thọ trì, đọc tụng kinh điển, thậm chí chỉ một bài kệ bốn câu, cùng tương ưng với trí tuệ thì người đó làm cho Ta hân hoan, là đã cúng dường và thừa sự Như Lai. Vì sao? Này Di-lặc! Vì đó là sự Đa văn đối với việc

giác ngộ của các Đức Như Lai không hề vướng mắc vào các sự vật.

Này Di-lặc! Nếu có Bồ-tát nào chuyên cần trong sự nghiệp đọc tụng của mình, mà có người làm nã loạn, khiến công việc tu tập hành hóa có nhiều chướng ngại thì họ không được phước đức. Vì sao? Vì ba loại phước thù thắng đều do trí phát khởi. Vì thế, nên Bồ-tát luôn chuyên cần trong sự nghiệp, đối với các Bồ-tát tinh tấn thọ trì đọc tụng không nên làm chướng ngại. Di-lặc! Ví như người tạo dựng sự nghiệp đầy khắp trong cõi Diêm-phù-đề thì số ấy là vô lượng, đối với một Bồ-tát chuyên cần tụng niệm thì nên cung cấp, phụng sự. Ví như các Bồ-tát chuyên cần tụng niệm đầy khắp trong cõi Diêm-phù-đề thì cần phải cung cấp phụng sự cho một vị thiên định. Ta nói rằng những Bồ-tát ấy đã khéo cung cấp. Người ấy đã tạo được vô lượng phước. Vì sao? Vì đó là sự chứng trí tối cao, tương ưng với trí tuệ đệ nhất nghĩa, không có gì trên nữa, nó là tối thượng, tối thắng, tối tôn trong tất cả thế gian.

Này Di-lặc! Vì thế cho nên muốn được thiên định và tinh tấn thì cần phải tu tập trí nghiệp và đốc cầu sinh trụ xứ Bát nhã.

Bồ-tát Di-lặc bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Thế Tôn đã vì các Bồ-tát nói rõ về các họa hoạn của việc ưa lời nói thế gian, của

việc ưa nói nhiều, ưa ngủ nghỉ và các họa hoạn của việc ưa tạo tác nhiều nghiệp.

Bạch Thế Tôn! Bồ-tát phải nên quán xét về việc ưa hý luận như thế nào để sau khi như pháp quán hướng đến hạnh tịch tĩnh?

Đức Phật bảo Di-lặc:

– Lời của người hý luận lược nói có hai mươi điều lỗi lầm, cần phải quán sát. Nếu nói rộng ra thì có vô biên. Hai mươi điều đó là gì?

Này Di-lặc! Bồ-tát nhiều hý luận thấy trong giáo pháp nhiều hạnh không thích, đối với nhân nhục thì lại giảm sút, huân tập sân hận, thiện căn chưa sinh không làm phát sinh, thiện căn đã sinh làm cho giảm sút, có tranh chấp gây oán hờn, sẽ bị đoản mạng, không đoan nghiêm, nói năng không trôi chảy, nghe người khác dạy giáo pháp tâm không an trụ, kinh pháp sắp giảng thuyết thì không nhớ, các tri thức thiện đều lìa xa, mau chóng hòa hợp với tri thức ác, rơi vào đường khổ, trong mọi lúc đều nghe lời không vui, sinh ở nơi nào thường rơi vào lưới nghi, gần gũi tám nạn, trong pháp bạch tịnh mong cầu học hỏi có nhiều chướng ngại. Này Di-lặc! Ta vì các Bồ-tát nhiều hý luận mà lược nói hai mươi lỗi như vậy.

Khi ấy, Đức Thế Tôn muốn lặp lại ý nghĩa này nên nói kệ:

Hiện pháp khổ sở, tâm không vui

Xa lìa nhân nhục, giúp sân hận
 Oan gia của họ đều hoan hỷ
 Người hành hý luận có họa ấy.
 Làm cho ma ác thêm vui vẻ
 Quyến thuộc nhà ma cũng vui theo
 Được bao điều thiện đều xả bỏ
 Người hành hý luận có họa ấy.
 Mong muốn tạo dựng các hạnh lành
 Họ vì phóng dật nên không trụ
 Hưởng đến nẻo ác vì phóng dật
 Người hành hý luận có họa ấy.
 Vì không tin nên tâm khó phục
 Sinh nhà hạ tiện, thường bị khinh
 Lưỡi của họ luôn bị nói lấp
 Người hành hý luận có họa ấy.
 Nói pháp cho người tâm không trụ
 Cho nên pháp ấy bị quên mất
 Các tri thức thiện đều bỏ họ
 Người hành hý luận có họa ấy.
 Thường hòa hợp với các nghiệp ác
 Ở trong các thừa rất khó tịnh
 Nghe nói pháp ý không vui vẻ
 Người hành hý luận có họa ấy.
 Đối với các thiện, nhiều chướng ngại
 Ở trong các hạnh nhiều oán hờn
 Khi họ siêng năng, nhiều chướng ngại
 Người hành hý luận có họa ấy.
 Các họa như vậy bậc trí biết

Tất cả hý luận nên xả bỏ
 Người hành hý luận khó đắc đạo
 Vì thế không nên trụ hý luận.
 Hãy chạy tránh xa nhiều do-tuần
 Chỗ có hý luận và tranh chấp
 Ta nay không thể ở một mình
 Chỗ có phiền não trong khoảnh khắc.
 Ta muốn xuất gia cầu lợi đức
 Chớ gây tranh chấp sinh tâm ác
 Không có ruộng vườn và buôn bán
 Thì việc gì sinh tranh giành?
 Không có nhà cửa các của cải
 Vợ và con cái cùng nô tỳ
 Không có nô bộc, được tự tại
 Đã xuất gia rồi chớ tranh chấp.
 Đã khoác trên mình chiếc ca-sa
 Đã được ấn chứng là tịch tĩnh
 Các ông đầy đủ công đức ấy
 Xả việc hý luận sẽ sinh nhân.
 Tâm như rắn độc, như La-sát
 Sẽ sinh địa ngục, quý, súc sinh
 Người hành hý luận dễ vào đó
 Cho nên giải thoát, sinh tinh tấn.
 Có các khổ não hại, trôi buộc
 Oán thù quả trách, trôi đánh đập
 Cùng nhau tụ tập rồi tranh luận
 Ở thế gian này đều như vậy.
 Nếu có hòa hợp, oán khó sinh

Người sống hòa hợp thêm danh tiếng
 Người sống hòa hợp được yêu mến
 Sao người có trí không hòa hợp?
 Tìm lỗi lầm người không dễ được
 Quyến thuộc không từng phá hoại nhau
 Bàn bè của họ không ly tán
 Là hý luận thuận theo lời dạy.
 Trong thừa an lạc sẽ được tịnh
 Được giải thoát hoàn toàn nghiệp
 chướng
 Hàng phục ma và cả quân ma
 Bị người phỉ báng nên sinh nhẫn.
 Nếu hý luận thì nhiều họa hoạn
 Người không hý luận đức khó lường
 Ta đã chỉ dạy rõ như vậy
 Muốn giác ngộ phải sinh tâm nhẫn.

Khi ấy Bồ-tát Di-lặc bạch Phật:

– Hy hữu thay, bạch Thế Tôn! Chỉ có Đức Như Lai mới nói ra các phiền não này. Bạch Thế Tôn! Có Bồ-tát nào nghe việc phát hiện nêu rõ các phiền não như vậy mà sinh sự nhầm chán chường? Ở trong nẻo hành của phiền não có đoạn trừ chằng?

Phật bảo Bồ-tát Di-lặc:

– Nay Di-lặc! Ở đời vị lai năm trăm năm sau, có ít người tu tập Bồ-tát thừa, dứt sạch nẻo hành phiền não, nhiều người có tâm ương ngạnh, không kính trọng, ngã mạn, tự cao, tạo các sự phân biệt,

không thể tu tập. Cho nên ma Ba-tuần hiện hình làm Tỳ-kheo, đi đến trước mặt họ phá hoại, nói như vậy: Các kinh này là văn của người khác, chẳng phải là lời của Như Lai giảng nói. Vì sao? Vì kinh này chỉ nói các công đức mà không nói về bỉ thử. Khi đồ chúng kia đã bị phá phách như thế nên đối với lời nói của Như Lai trong các kinh họ khởi nghi ngờ lại phát sinh sự tranh cãi, không chịu thọ trì, không giảng nói cho mọi người, cũng không tu tập. Nhưng họ là những người ngu si, không biết như vậy mà còn cho rằng: “Đây là quả báo của các nghiệp, chúng ta sẽ không thể chứng công đức như vậy”.

Bồ-tát Di-lặc bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Như Lai khen ngợi Đức Như Lai A-di-đà phát mười loại tâm, trong đó đều tùy theo tâm niệm của chúng sinh mà phát khởi, như có niệm muốn sinh về cõi kia thì được sinh về cõi kia.

Bạch Thế Tôn! Mười loại phát tâm sinh về cõi kia là gì?

Đức Phật bảo Bồ-tát Di-lặc:

– Những người phát tâm chẳng phải là người thiếu trí, mà họ phát tâm là vì việc lớn. Nếu ai muốn được sinh về thế giới của Đức Phật A-di-đà thì vì tất cả chúng sinh mà phát tâm từ bi, không sinh sân hận, thì sẽ sinh về thế giới của Đức Phật

A-di-đà Như Lai. Vì tất cả chúng sinh, sinh tâm từ bi nên sinh về cõi kia, lìa các sự sát hại, thọ trì chánh pháp. Do phát tâm này nên sinh về cõi ấy. Do phát tâm xả bỏ thân mạng, không chấp trước tất cả các pháp nên sinh về cõi kia. Phát tâm nhân nhục sâu xa, thực hành tín thanh tịnh, nhờ phát tâm này nên sinh về cõi ấy. Không nhiệm chấp nơi danh tiếng, lợi dưỡng, đạt được nhất thiết trí quý báu. Do phát tâm này nên sinh về cõi kia, được tất cả chúng sinh quý kính. Do phát tâm không quên mất nên sinh về cõi kia, không kinh, không sợ, không thích lời nói phàm tục. Do phát tâm này nên sinh về cõi kia, nhập vào Bồ-đề phần vun trồng các căn lành. Do phát tâm này nên sinh về cõi kia, nhưng không lìa niệm Phật. Do phát tâm này nên sinh về cõi kia, xa lìa các tướng.

Này Di-lặc! Đó là mười loại phát tâm. Nếu Bồ-tát nào phát một niệm đầy đủ các tâm ấy thì sẽ vãng sinh đến thế giới của Đức Phật A-di-đà. Nếu không được sinh thì không có điều ấy.

Bấy giờ, Trưởng lão A-nan bạch Phật:

– Hy hữu thay, bạch Thế Tôn! Như Lai giảng nói pháp căn bản này là để thức tỉnh các Bồ-tát.

Đức Thế Tôn khen ngợi Trưởng lão A-nan:

– Hay thay, hay thay! Này A-nan! Cho nên Bồ-tát hiểu biết về bản pháp này thì phải thọ trì như vậy.

Khi Đức Phật giảng nói kinh này xong, Bồ-tát Di-lặc và Trưởng lão A-nan đều vô cùng vui mừng, sáu mươi vị hành Bồ-tát và các thiện nam v.v... tất cả đều dứt hết nghiệp chướng, hoan hỷ phụng hành, đánh lễ, lui ra.



SỐ 328

KINH TU LẠI

*Hán dịch: Đời Tào Ngụy,
Sa môn Bạch Diên.*

Nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật cùng với chúng Đại Tỳ-kheo gồm một ngàn hai trăm năm mươi vị và năm ngàn vị Bồ-tát ở tại khu lâm viên Kỳ Đà - Cấp Cô Độc, thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, trong thành Xá-vệ có người rất nghèo tên là Tu-lại, có lòng tin Phật, Pháp, Tăng, quy y Tam bảo, được tâm kiên cố, không gì có thể lay chuyển, giữ gìn giới tịnh, tu hành mười điều thiện, được bốn tâm vô lượng, cứu giúp người không mệt mỏi. Tâm tánh thanh tịnh, không phân biệt ta và người, một lòng mong cầu đạo quả Vô thượng Chánh giác của Phật, suy nghĩ về việc làm, ngày đêm tu tập, dùng phương tiện thiện xảo hướng dẫn, làm lợi ích cho người và vật, an bản giữ đạo, lấy pháp làm vui.

Khi ấy, trời Đế Thích dùng thiên nhãn thấy công đức thù thắng của Tu-lại, nghe kinh không nghi ngờ, thông suốt các kinh, không tà hạnh, đứng ngồi

thư thái; đi, đứng, nằm, thức không mất oai nghi phép tắc; ít muốn, biết đủ, không tham lợi dưỡng, lời nói ngay thẳng, đáng tin cậy, không trau chuốt, trai giới, tỉnh giác, ăn uống tiết độ, y phục làm bằng cỏ mây, lấy lá cây làm đồ dùng, cỏ tranh làm chiếu, không cất chứa bất cứ vật gì. Nhà vua và dân chúng đều kính mến. Ngày đêm ba thời Tu-lại thường đến gặp Phật, thưa hỏi giáo pháp. Đức Phật biết ý ông, liền cho diện kiến. Mỗi khi Tu-lại đến gặp Phật, vô số trăm người thường đi theo những nơi vị ấy đến, nằm nghỉ, thức dậy, kinh hành, đều được hàng trời, người giúp đỡ, gia hộ.

Trời Đế thích tự nghĩ: “Người này giới hạnh thật đầy đủ, e rằng sẽ đoạt lấy ngôi vị của ta”. Bèn hạ xuống trần gian xem xét thử người đó tìm cầu đạo nào.

Đế thích liền hóa hiện làm nhiều người tìm đến mắng chửi Tu-lại không có chút nào kiêng sợ. Lại lấy đá ném, dùng gậy đánh đập. Tu-lại vẫn nhẫn nhục, nhân từ, không sân hận, không oán hờn.

Đế thích liền hóa làm nhiều người, bảo Tu-lại:

– Ông có biết tại sao ta sai người giết ông không?

Tu-lại đáp:

– Mưu mô của các ông chẳng phải là pháp thiện. Nếu như người kia dùng dao chặt thân thể ta, ta còn không sân hận, huống hồ là chỉ đánh đập,

chửi mắng. Vì sao? Vì phạm là tội, phước có quả báo khác nhau. Người phước lớn được sinh lên cõi trời, người phạm tội bị đọa vào đường ác. Vì thế, không nên sân hận, huống chi là muốn làm hại người.

Nhân đó, Tu-lại liền nói kệ:

*Do gieo trồng điều ác
Sinh cảnh giới chịu tội
Nếu người gieo căn lành
Sau ắt được quả phước.
Hiểu ác do quán kỹ
Thọ trì tuệ phân biệt
Trồng ác, không quả thiện
Gieo đức, không quả xấu.
Giữ ba nghiệp không ác
Thân, khẩu, ý thanh tịnh
Thượng nhân nhân, không oán
Bậc trí thọ, không phạm.
Ba nghiệp được thanh tịnh
Thân, khẩu, ý không nơ
Người siêng tạo phước đức
Nguyện thường được an lạc.*

Người biến hóa không thể làm cho người trong nước nghèo cùng, và không thể làm cho Tu-lại bị tổn hại nhỏ, bèn rút lui.

Trời Đế Thích lại đem vàng bạc đẽ trước mặt Tu-lại, sai người biến hóa bảo Tu-lại:

– Nhân giả hãy giữ lấy vật báu này, có thể tùy ý sử dụng, bổ thí làm phước cũng được. Y phục tốt, thức ăn ngon, người nghèo làm sao có thể có được?

Tu-lại đáp:

– Đời trước tôi làm việc bất thiện, nên nay phải chịu cảnh nghèo khổ như vậy. Do tham của báu mà vọng nhận thì đời sau ắt phải chịu khổ hơn nữa.

Người biến hóa nói:

– Vả lại, hãy tự mình vui hưởng khoái lạc trọn đời, biết đời sau ra sao?

Tu-lại nói:

– Đây chẳng phải là lời nói có trí tuệ. Nếu đời này không nghĩ xa thì sau này phải chịu tội lớn, bậc trí nên sợ. Tham lam cất giữ nhiều của cải chẳng phải là có tội đồng với tội trộm cắp sao? Bậc trí nên hổ thẹn. Yêu mến thân này, suy tính tuổi thọ, tự mình bảo vệ, không để cho chết. Bậc trí không phạm tội lấy của không cho. Phạm bậc trí suy xét thân mạng không có thường, vạn vật không có ngã. Điều đáng quý chỉ có đạo, nên không tham lam, tranh giành, chỉ giữ lấy việc thiện mà thôi.

Rồi nói kệ:

*Chứa báu đến ngàn ức
Không thí, chết hối hận
Bậc trí cho là nghèo*

Nên ý thức điều này.
 Ăn tiết độ, không đắm
 Thành tín mà bỏ thí
 Trí tuệ sợ làm giàu
 Phật gọi là an lạc.
 Đình chỉ không làm ác
 Giữ đạo trong ngoài sạch
 Không lấy giới trang nghiêm
 Phạm đầy chẳng phải Hiền.
 Nên học bậc Minh sư
 Chớ nghe người ngu khen
 Sẽ đưa vào đường tối
 Gàn Minh sư, thanh tịnh.

Người biên hóa không thể làm cho Tu-lại có ý tham, liền bỏ đi. Trời Đế Thích lại hóa hiện đem chân châu giá trị vô số ỨC ĐẾN CHỖ Tu-lại, bảo:

– Tôi tranh tụng với người khác. Việc ấy, vua đã nghe. Tôi muốn Nhân giả đến làm chứng. Xin ông hãy nhận châu báu này và giúp cho tôi một lời.

Tu-lại đáp:

– Nói việc này tôi rất sợ, hoàn toàn không dám lừa dối. Vì sao? Vì người nói dối trước là lừa dối mình, kế đến là dối trời, cũng là dối với pháp, làm cho thân miệng hôi, lời nói không có tác dụng, bị nhiều người phỉ báng, tâm thường khổ sở, trời không nghĩ đến, sắc thân biến đổi, phước đức hao mòn, tiếng tốt mất đi, bị Hiền Thánh ở thế gian

khinh khi, mất gốc đức mà phát sinh điều ác, che lấp đường thiện, tự đâm đầu vào chỗ tối tăm, tà kiến. Do đó chiêu lấy tội báo, tai vạ ở đời sau.

Tu-lại nói kệ:

*Lừa dối sinh quả ác
Thân miệng thường hôi thối
Quên mất lời đã nói
Vào tà đạo, không chánh.
Dối mình, cũng dối trời
Dối pháp là tự oán
Thường bị người nghi ngờ
Tự mất hành nghiệp thiện.
Khi dối có ích gì?
Khi dối là gốc ác
Nên đưa đến đau khổ
Nói dối người, ích gì?
Nếu đem vàng bạc quý
Khắp thiên hạ cho nhau
Khi đến người giữ giới
Châu báu bị khinh khi.*

Người biến hóa không thể làm cho Tu-lại nói dối, liền bỏ đi.

Trời Đế thích trở về bảo phu nhân:

– Phu nhân giả vờ đem những kỹ nữ của ta và phu nhân của thần tấu đàn Bàn-già-dục đến chỗ Tu-lại xem có đổi ý không, phá hoại hạnh thanh tịnh của ông ta xem có dâm dục không.

Phu nhân vâng lời, liền cùng với kỹ nữ vào đêm tối thanh vắng, đến chỗ Tu-lại, đứng giữa hư không, nói lời quyến rũ:

– Nhân giả, hãy dậy đi! Trời bảo chúng tôi đến hầu hạ hai bên Nhân giả. Chúng tôi dung mạo xinh đẹp, y phục rực rỡ, trang sức bằng anh lạc, châu báu, xông hương chiên-đàn, không già lắm, không trẻ lắm mà vừa lứa tuổi, xinh đẹp, trinh khiết, làm sao không nhìn đến.

Nhân giả có đủ phước nên gặp được việc này.

Tu-lại ngẩng đầu đáp:

– Các người chỉ được địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ yêu mến chẳng phải là thú vui của bậc thượng trí trong hàng trời, người tôi thấy: sở hữu của các người cũng chỉ như sắc đẹp, hình tướng, hương thơm trong mộng, thật là như bọt nước trên biển. Tôi thấy hình hài, xương cốt, thịt bầy nhầy, máu chảy, gân quắn, da trong, da ngoài để che phủ phần ô uế. Ví như tai mắt của người huyễn hóa do nhà ảo thuật làm ra. Các cô đang lúc xinh đẹp, tôi thấy là vô thường, đến lúc tàn hoại, đó là pháp phân ly. Tội, phước tôi đã hiểu rõ, không có một chút may niệm tham ái nào nếu các cô thật có ý phá hoại tâm thiện của người thì không thể hướng dẫn tâm ý của người, chỉ làm ô uế hạnh thanh tịnh nên các người liên tục bị thối nát. Quen theo thói dục sẽ không an vui, đưa đến đau khổ. Tự mình làm lẫn,

bị đọa vào ba đường ác tối tăm. Dục chẳng phải là căn bản của thiện. Tranh chấp, kiện tụng, lo sợ, sân giận, điên đảo, ô trược, điên loạn v.v... đều do dục phát sinh. Si mê, cuồng loạn đưa đến tai họa, thân hình tàn tạ; bên ngoài do tập hợp các thứ, bên trong nóng đốt, không được phước quả gì. Do mất nhân cách, gây nhân làm súc sinh, đời sau làm trâu, ngựa, la, lừa, lạc đà, chó, gà, ngỗng v.v... đều do dục mà ra; trái xa Hiền Thánh, quên mất tín, giới, văn, thí, tuệ, đạo. Do tham dục, không hề nghĩ đến đời sau. Dục này thường phá hoại tâm câu đạo, hưởng chi là những điều khác.

Tu-lại nói kệ:

*Dục nhiễm là hư thối
Đau khổ, lìa an lạc
Tự mắc tội nga quý
Không nghĩ, thường thêm ác.
Mất lợi, thường tán loạn
Xa pháp, liền nhâm lẫn
Không nghĩ, nên điên đảo
Dục nhiều, thêm si mê.
Tham ghét, mất ý thiện
Tà niệm, thường kinh sợ
Trong ngoài đều ưu buồn
Dục làm mất tín căn.
Không phải là gốc thiện
Như quý ăn gan người
Tà thân là suy yếu*

Dục làm người cuồng si.
 Đọa làm trâu, dê, heo
 Lừa, ngựa, voi, lạc đà
 Chịu hình khổ lâu dài
 Nên người trí bỏ dục.
 Bỏ tín, giới, văn, đức
 Tự rơi vào đường ác
 Dâm dật là lưới si
 Xa nữ, mau giải thoát.
 Như sắc đẹp các cô
 Đây khắp cõi Diêm-phù
 Nhất tâm vững như núi
 Trời, thần sao lay chuyển?

Khi ấy, phu nhân và kỹ nữ không thể làm cho
 Tu-lại có ý dâm, liền trở về cung trời nói kệ cho
 Đế thích:

Người học đạo thâm diệu
 Biết thói xấu người nữ
 Bỏ sắc, không dâm dục
 Không ghẻ, không bị độc.

Lúc đó, vua trời càng sợ, lông tóc dựng đứng,
 nghĩ: “Người này giới hạnh thanh tịnh, không tà
 vậy, ắt sẽ đoạt mất ngôi vị của ta”, liền tự hạ xuống
 trần gian, đến chỗ Tu-lại nói kệ:

Tu-lại mong cầu gì
 Giới tịnh đến như vậy?
 Nguyên nói cầu đế vương

Trời, trăng hay Thích, Phạm?

Khi ấy, Tu-lại nói kệ đáp:

*Ngôi đế vương, trời, trăng
Thích, Phạm tuy tôn quý
Đều vô thường, như huyễn
Chưa thoát sao hiểu rõ?
Dục lạc mà không sinh
Không có khổ già, chết
Yêu, ghét, oán, khổ hết
Nguyên độ người ba cõi.*

Vua trời hiểu ý nên rất vui vẻ, liền nói kệ khen Tu-lại:

*Lành thay, thương thế gian
Mau thoát được như nguyện
Trừ cầu uế ba đời
Trời người được ban ơn.*

Lúc đó, Tu-lại đi kinh hành trong thành Xá-vệ, nhặt được vật báu có giá trị đương thời, liền cầm lấy, đưa lên nói:

– Nước Xá-vệ này nếu có người rất nghèo, ta nên đem vật báu này ban cho người đó.

Bấy giờ, trong nước có cự trưởng giả, xưa kia giàu có, cùng với vô số ngàn người đúng lúc đều đi đến trước Tu-lại, trình bày:

– Chúng tôi khốn khổ, nghèo cùng, chỉ mong được thương xót, cứu giúp.

Lại có vô số người rất nghèo chạy đến xin của

báu.

Tu-lại nói:

– Các ông không nghèo đâu. Trong thành này có một người rất nghèo. Ta đem vật báu này đến cho người ấy.

Mọi người đều hỏi:

– Xem trong thành này, ai là người nghèo nhất?

Tu-lại đáp:

– Vua Ba-tư-nặc là người nghèo nhất nước.

Mọi người nói:

– Chớ nói như vậy. Vua đâu phải thường dân mà cho là người nghèo. Kho châu báu trong cung vua không thể tính đếm.

Tu-lại dùng kệ đáp:

*Tuy chứa nhiều vật báu
Mong cầu mãi không chán
Như nước ngày đêm chảy
Hạng này cũng là nghèo.
Tham nhiều, không nghĩ khổ
Tà hạnh, không hô thẹn
Đời này đến đời sau
Đó là người nghèo khổ.*

Lúc đó, Tu-lại cùng với dân chúng đều đến cửa cung.

Khi ấy, vua Ba-tư-nặc đang ở trong chánh điện, bắt giữ năm trăm trưởng giả khác phạm tội. Vua buộc họ đem nhiều của báu đến chuộc tội. Vị quan

đứng hầu bên cạnh tâu vua là Tu-lại đang ở bên ngoài, vua liền cho mời vào.

Tu-lại bước vào, tâu nhà vua:

– Hôm trước tôi đi kinh hành trong thành Xá-vệ, nhật được châu minh nguyệt này, tôi muốn đem cho người nghèo. Tôi xét thấy người nghèo nhất trong nước này, không ai hơn là đại vương. Xin đại vương nhận vật báu này.

Nghe nói, vua biến sắc, hổ thẹn, đáp:

– Này Tu-lại! Ta có nghèo lắm cũng bằng ông.

Tu-lại nói:

– Nhà vua nghèo còn hơn tôi.

Vua nói:

– Xin nói rõ ý này.

Trước đại chúng, Tu-lại nói kệ cho vua:

*Tham của báu ngày đêm không chán
 Làm vua gây hại, sau thống khổ
 Lo thân này, không nghĩ đến đời sau
 Là nghèo nhất, không hành chánh pháp.
 Thường có tâm từ, không biếng nhác
 Xa sắc, gần Hiền và biết đủ
 Không mong cầu nhiều, không cất chứa
 Đó là người trí, không oán ghét.
 Bỏ việc chánh, làm việc sai trái
 Vì của hiếp dân dùng hình phạt
 An ổn, quên nguy, ưa dục lạc
 Dối người, chết khổ, hối không kịp.*

Thành tín, thanh tịnh, bậc trí mạnh
 Tiết độ, biết dừng, nghe không quên
 Biết đủ, không sợ, thường an lạc
 Đó là không nghèo, bậc Thánh khen.
 Đã giàu sang, không nghĩ bỏ thí
 Làm sao tuổi thọ được lâu dài?
 Tham nhiễm, mê hoặc như voi say
 Tâm ý mê mờ, gọi là nghèo.
 Tin, cung kính Phật, Pháp, chúng Tăng
 Tha thứ cho người, khéo dạy bảo
 Không ghét, không giận, không buông
 lung
 Lấy pháp tự trị là thường giàu.
 Không biết đủ, như lửa thiêu cỏ
 Các dòng về biển không ngừng dứt
 Nhật nguyệt chiếu khắp nơi không mỏi
 Tham đến già chết vẫn không chán.
 Lửa tuy mạnh nhưng cháy không lâu
 Phú quý vô thường như mây nổi
 Bậc trí không nguyện làm trời, vua
 Tuệ thiêu điều ác không còn tro.

Vua Ba-tư-nặc hỏi Tu-lại:

– Ai sẽ chứng minh là ta nghèo, ông giàu?

Tu-lại đáp:

– Đại vương cũng nghe: Ở đời có Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự

Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật - Thế Tôn, thấy biết sự vật một cách chân thật có thể làm chứng. Ngài ở cách đây không xa, trong vườn Cấp Cô Độc.

Vua nói:

– Ta có lộc lớn là được gặp bậc tôn quý này.

Tu-lại thưa:

– Bậc Thánh ấy có thể làm chứng.

Vua nói:

– Xin thỉnh Phật đến. Lời Phật quyết đoán sẽ là đúng.

Nhân đó Tu-lại nói kệ:

*Trí tuệ Phật biến khắp
Không cần Đại vương thỉnh
Tâm ý tôi nghĩ tới
Thật ắt sẽ thương đến.
Bậc thần thông vô lậu
Làm gì Phật đều biết
Phật có định, trí tuệ
Ắt đến, vua chớ nghi.
Bình đẳng, không yêu ghét
Thương xót người, phi nhân
Tuy xa ở nơi khác
Chỉ nghĩ đến lời dạy.
Tôi xin đại vương tin
Phật là đáng từ bi
Vì thế thành tâm nghĩ*

*Phật sẽ đến không lâu.
 Chuẩn bị hương, hoa báu
 Đủ cờ phướn lọng, báu
 Cùng các loại kỹ nhạc
 Cúng Phật được sáng đẹp.*

Tu-lại liền chấp tay, bày vai phải, quỳ gối sát đất, từ xa hướng về Phật, nói kệ:

*Phật biết tâm ý người
 Chiếu soi lòng chí thành
 Nguyên xin Phật cảm ứng
 Hiện đến trước chỗ con.*

Lúc đó, mặt đất rung động mạnh, Phật cùng với năm trăm vị Tỳ-kheo và hai trăm vị Bồ-tát từ trong lòng đất xuất hiện giữa cung vua. Thích, Phạm, Tứ thiên vương, vô số trăm ngàn Thiên chúng đều theo Phật mà đến.

Vua và thần dân thấy Phật hiện thân thông đều kinh sợ, cúi đầu lễ nơi chân Phật, còn bao nhiêu ngàn người từ chỗ cung kính đều phát tâm nguyện làm Bồ-tát.

Lúc đó, Tu-lại - người nghèo trong nước, đến trước lễ nơi chân Phật rồi đứng một bên thưa:

– Bạch Thế Tôn! Con đi trong thành này nhặt được hạt ngọc minh nguyệt, giá trị bằng một cõi Diêm-phù-lợi. Con muốn cho người nghèo mà xét thấy trong nước này chỉ có nhà vua là nghèo nhất. Vì sao? Vì tham muốn không chán, thu thuế không

ngừng, liên tục gây khó khăn khiến dân chúng trong nước rất cực khổ, bị bắt đi lao dịch đến gầy yếu, bị thương tổn rất nhiều, kẻ dưới bị khổ nhục bức bách, bề trên bị tham dục ràng buộc, không nghĩ đến vô thường, không thuận theo phép nước. Vì thế con dâng châu minh nguyệt này cho nhà vua mà vị ấy không chịu nhận, trở lại cật vấn con lấy gì làm chứng cho việc nghèo giàu. Do đó con muốn gặp Đức Như Lai, không việc gì mà Ngài không chỉ rõ, không giúp đỡ, giải rõ mọi nghi ngờ, diệt trừ vô minh. Nguyện xin Như Lai giải rõ nghĩa này.

Đức Phật dạy:

– Lành thay! Tu-lại! Lời nói của ông thật chí thành. Đại vương chớ nghi ngờ.

Vua thưa:

– Bạch Thế Tôn! Với lời nói chân thành, Ngài đã khai rõ chỗ mê muội của con.

Đức Phật dùng phương tiện thiện xảo, giúp cho nhà vua hiểu rõ nghĩa này:

– Nhà vua hãy lắng nghe. Xét về mặt giàu có của vua, Tu-lại không có. Xét về mặt giàu có của Tu-lại, nhà vua lại không bằng. Nhà vua giàu có nghĩa là vua có nước, thành, cửa cải, vàng bạc, ngọc bích, thủy tinh, lưu ly, châu báu, san hô, xa cừ, mã não, voi, ngựa, cung điện, vật chất đầy đủ, giàu có nên được tự tại. Đó là sự giàu có của nhà vua. Sự giàu có này của nhà vua Tu-lại không có.

Còn xét về mặt đức hạnh chân chánh của Tu-lại thì làm những việc thiện như bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, trí tuệ, không phóng dật, từ bi, hỷ xả, yêu kính Tam bảo, học rộng, tâm ý thanh tịnh, lòng tin chân chánh, có tâm hồ thẹn, đầy đủ bảy thánh tài. Đó là sự giàu có của Tu-lại, nhà vua không thể sánh bằng.

Giả sử dân chúng trong cõi nước của nhà vua đều giàu có như Thích Ma-nam, đem tất cả của cải này so với sự giàu có về đức hạnh của Tu-lại thì không bằng một phần trăm, phần ngàn, phần cự ức vạn, so lường không thể sánh kịp, không thể dùng thí dụ để so sánh.

Vua nói:

– Lành thay! Lành thay! Như lời Thế Tôn nói, con có phước nên trong cõi nước của con mới có người giàu hành trì giáo pháp tối thượng như vậy.

Đức Phật dạy:

– Song cũng có nhiều bậc chân chánh ở trong nước của vua chứ?

Lúc đó, vua Ba-tư-nặc ở trước Phật tán thán Tu-lại:

*Tôi kính ông như Phật
 Nhờ ông, tôi nhã nhận
 Nguyên đem dân quốc thành
 Từ nay ông làm thầy.
 Đã lâu tâm kiêu mạn*

*Làm vua, xa chánh pháp
 Nay nghe Tu-lại giảng
 Nguyên hứa tu phạm hạnh.
 Do tham tài, lợi dưỡng
 Oán kết năm trăm người
 Nay tha, tham không ích
 Nhớ ơn ông, khó quên.*

Lúc đó, năm trăm người bị bắt, nghe vua tha tội cho mình đều nhớ ơn Tu-lại, chán bỏ vô thường, được tâm không tham muốn, đều đứng dậy lễ Phật, rồi lễ Tu-lại. Vua hoan hỷ, lại khen:

*Tu-lại giàu, tôi nghèo
 Lời nói ông chân thật
 Nay hạ lệnh trong nước
 Không được nói ông nghèo.*

Sau khi lệnh vua ban ra, mọi người trong nước đều gọi Tu-lại là người giàu có, không còn gọi là người nghèo.

Tu-lại đứng dậy, sửa y phục, gối phải chảm đất, chấp tay bạch Phật:

– Hôm nay đại chúng nhóm họp. Lành thay! Bạch Thế Tôn! Xin Thế Tôn giảng nói chánh pháp, làm cho mọi người không uổng công gặp Phật.

Đức Phật dạy:

– Lành thay! Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ lời Ta giảng nói. Có bốn pháp, tộc tánh tử gọi là được gặp Phật: Lòng tin tưởng, ưa muốn, vui thích, kính

mến. Đó là bốn pháp.

Lại có bốn pháp có thể gặp được Phật: Khi thấy sắc tướng Phật, liền phát sinh tâm đạo. Tự nguyện đời sau được sắc thân như vậy. Do tâm ý thường chí thành, nhớ nghĩ lời Phật dạy, thương xót người và vật. Ý không lay động, ưa thích việc đã làm, không đoạn mất Tam bảo. Đó là bốn pháp.

Lại có bốn pháp làm cho hiểu biết: Sắc, thọ, tưởng, hành, thức, thấy biết rõ chúng hoàn toàn là không. Mọi ý tưởng phát sinh liền biết. Đó là bốn pháp.

Lại có bốn pháp có thể gặp được Phật, hướng đến thanh tịnh: Không phân biệt ta và người. Trừ bỏ bên trong, bên ngoài. Không nghĩ là thường còn, để trừ bỏ thọ mạng, không nghĩ đến đoạn diệt, để trừ bỏ thói quen. Dùng Phật nhãn thấy biết những gì mắt thường không thấy. Đó là bốn pháp.

Lại có bốn pháp có thể gặp được Phật, hướng đến thanh tịnh: Không nắm giữ tất cả pháp, lấy chánh định làm tịnh hạnh, đã học thành tựu Vô thượng trí, phương tiện quyền xảo được thanh tịnh giải thoát. Đó là bốn pháp mà tộc tánh tử, tộc tánh nữ đã gặp Như Lai được hướng đến thanh tịnh.

Khi Phật giảng nói như vậy, bảy trăm Tỳ-kheo đạt được tâm giải thoát vô lậu. Bồ-tát trong chúng hội đều chứng được pháp nhãn Vô sinh, vô số ngàn người đều gieo trồng thiện căn.

Thuyết giảng pháp xong, Phật liền rời khỏi tòa, cùng với các đệ tử và chúng Bồ-tát hiện thân thông bay đi như chim Phượng hoàng chúa, trở về vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc bảo Tu-lại:

– Khi nào ông muốn đến gặp Phật, xin báo cho tôi biết để tôi đi theo.

Tu-lại đáp:

– Tôi cũng muốn đại vương bảo các cung phi, thái tử, hoàng thân quyền thuộc, ai không đến gặp Phật thì sai quan hữu ty ghi tội. Vì sao? Vì Bồ-tát không chỉ lo cho mình mà còn lo cho người và phi nhân, nên ở trong đại chúng oai thần của Bồ-tát càng lớn.

Nhà vua thưa:

– Xin nghe lời Bồ-tát, sẽ dẫn đại chúng đi theo. Việc này không sao cả.

Tu-lại đáp:

– Đối với tất cả chúng sinh, Bồ-tát đều có thể hòa hợp để họ làm theo, nghĩa là:

Do bố thí, mọi người vui theo, có thể làm cho người bần xén trở nên ưa bố thí.

Bồ-tát trì giới, mọi người vui theo, giáo hóa những người không có lòng tin làm cho họ tin tội phước.

Bồ-tát nhẫn nhục mọi người vui theo, giáo hóa những người sân hận làm cho họ không còn oán

hận nữa.

Bồ-tát tinh tấn, mọi người vui theo, giáo hóa những người không nỗ lực làm cho họ dũng mãnh, tinh tấn.

Bồ-tát hành thiện, mọi người vui theo, giáo hóa những người tâm tán loạn, làm cho họ được nhất tâm.

Bồ-tát trí tuệ, mọi người vui theo, giáo hóa những người ngu si, làm cho họ được chánh trí.

Bồ-tát thực hành hạnh từ, mọi người vui theo, giáo hóa những người hung ác trở nên có tâm từ.

Bồ-tát thực hành hạnh bi, mọi người vui theo, vào biển sinh tử, không chán chánh hạnh.

Bồ-tát thực hành hạnh hỷ, mọi người vui theo, giáo hóa những người lo buồn, mê muội, làm cho họ vui theo pháp.

Bồ-tát thực hành hạnh cứu giúp, mọi người vui theo, làm an ổn, khuyến khích giúp đỡ người thâm nhập giáo pháp.

Như vậy đức hạnh của đại vương rất nhiều.

Lại có bốn việc khéo thâm phục mọi người: Giúp đỡ chúng sinh không trái bỏ. Đức hạnh thanh tịnh. Chọn lựa nguyện lành, làm cho cõi Phật không có ba độc. Hoàn toàn không nguyện, không nhớ nghĩ, ra khỏi sự ràng buộc của lưới ma.

Bồ-tát thường hành hạnh nhu hòa, giáo hóa những người cứng cõi, làm cho họ không quên Đại

thừa, ưa ở núi, đầm, không để đoạn mất phước đức đời trước, căn lành càng tăng trưởng, tu khắp các hạnh, đầy đủ ba mươi bảy phẩm trợ đạo. Do đó, Bồ-tát hòa hợp, thân nhận được mọi người.

Vua Ba-tư-nặc rất vui mừng, phát sinh tâm thiện. Vua đem dâng áo ngũ sắc giá trị ngàn vạn đang mặc cho Tu-lại. Tu-lại không nhận, nói:

– Đại vương vui mừng khác gì tôi đã nhận đâu!

Vua không được vui. Tu-lại lại nói:

– Tôi mặc áo cỏ mây rất vui. Mặc áo như vậy đâu có lo gì!

Vua hỏi:

– Vì sao?

Tu-lại đáp:

– Vì có khi tôi cởi áo treo trên cây, bỏ đi một ngày, hoặc đến bảy ngày, không có người nào tham lấy, tôi cũng không tiếc, không nhìn lại áo này. Bồ-tát thường mặc loại áo như vậy, tự mình đã không tham đắm, lại làm cho người không tham.

Vua nói:

– Xin ông thương xót bước lên trên áo, làm cho tôi thường được vô lượng phước.

Tu-lại làm theo ý vua, bước lên trên áo. Vua nói:

– Áo này đã thuộc về Tu-lại. Tôi sẽ để ở đây.

Tu-lại đáp:

– Tâu đại vương! Nên xem trong nước này,

người nào không có áo che thân, có thể đem áo này cho họ.

Vua liền bảo quan cận thân đem áo đó ban cho những người nghèo khổ. Những người nghèo khổ cùng được áo ngũ sắc của vua đều vui mừng nhớ đến Tu-lại và suy nghĩ: Nên lấy gì để thật lòng báo ân Tu-lại.

Nhờ oai thần của Phật, trên hư không có tiếng nói kệ:

*Không dùng hương hoa báu
Các thức ăn ngon ngọt
Muốn báo ân từ này
Chỉ nên phát tâm đạo.
Những người không tham giàu
Không ưa điều kỳ lạ
Báo đáp nên cầu Phật
Bốn đẳng tâm Đại thừa.*

Vào mặt trời xế bóng, Tu-lại cùng với mọi người, vua và tất cả hoàng thân quyền thuộc, quần thần đều đi đến gặp Phật.

Khi ấy, ở nước Xá-vệ, các thiện nam tín nữ cùng với mười ức chúng và những người dân nghèo được ban áo ngũ sắc, nghe Tu-lại đến gặp Phật, đều đi theo.

Bấy giờ, trời Đế Thích hạ xuống, từ nước Xá-vệ đi đến vườn Kỳ Đà – Cấp Cô Độc. Ở giữa đường, trời Đế Thích hóa làm cung điện lớn như cung trời

Đao-lợi, hóa làm bảy cây báu, ở bên gốc cây làm tòa sư tử cho Phật, vuông tròn cân xứng, dùng bao nhiêu loại lụa dày trải trên đó, bảo một vạn hai ngàn kỹ nữ đứng xung quanh tấu lên trăm loại âm nhạc đê cúng dường Đức Phật.

Biết đại chúng đã tề tựu đông đủ, Phật liền đứng dậy, đến cung điện lớn, ngồi lên tòa sư tử của trời. Thân Phật phóng ra ánh sáng chiếu khắp mọi nơi, trên hư không rải hoa xuống như mưa.

Trời Đế thích bảo con là Ngôn Câu:

– Ta đã làm tòa cúng dường Phật, con có thể làm tòa cúng dường các Bồ-tát, chân nhân.

Thái tử liền hóa làm sáu vạn tòa khác đều rất tốt đẹp, trang nghiêm bằng dạ năm sắc của cõi trời, rồi nói kệ:

*Các Bồ-tát, chân nhân
Xin đến ngồi tòa này
Tòa này trời vui hóa
Nguyện thường đến hội Phật.*

Sau khi các Bồ-tát đại đệ tử ngồi nhập định, trời Bàn-già-dục bảo Thiên chúng đem năm trăm đàn cầm khác, tấu lên âm điệu hay để ca ngợi Phật và Tu-lại rồi nói:

– Lát nữa, nếu có chư Thiên tôn quý hơn đến, chúng ta sẽ rút lui.

Liền cho tấu nhạc ca tụng:

Trí hành qua trăm kiếp

Trí lớn thí vô lượng
 Trí giới, giữ thân khẩu
 Lễ bậc Thánh vô thượng.
 Người nhân không phạm lỗi
 Tinh tấn có sức mạnh
 Người mở cửa định tuệ
 Lễ bậc Tam giới Hùng.
 Đoạn trừ tham, sân, si
 Diệt tận, không tỳ vết
 Tự được, còn cho người
 Lễ bậc thầy trời, người.
 Tuệ quán trừ ba ái
 Không tham danh thế gian
 Điềm đạm không lo sợ
 Đánh lễ đáng Pháp vương.
 Thiên ma dâm nữ sắc
 Tâm đạo không sụp đổ
 Không đắm, không thể nhiễm
 Đánh lễ bậc thanh tịnh.
 Ba mươi hai tướng tốt
 Vẻ đẹp trang nghiêm thân
 Tám tiếng thầy đều nghe
 Lễ bậc trời trong trời.
 Bước đi, dấu ấn hiện
 Không sợ, oai vang xa
 Răng bằng, vai tròn đầy
 Lễ vị thân họ Thích.
 Khen ngợi vua mười lực

*Giúp người, khen thành tín
Quy y Phật được phước
Nguyện sau như Thế Tôn.*

Bấy giờ, muôn dân và ngàn Thiên chúng đều theo Tu-lại đến gặp Phật, cùng lễ nơi chân Ngài rồi ngồi qua một bên. Vua Ba-tư-nặc cùng với tùy tùng đến trước lễ chân Phật rồi đứng qua một bên. Khi đó, vua tự tay nắm sàng tòa, thưa Tu-lại:

– Xin Tu-lại ngồi lên tòa này.

Các Thiên chúng ở đây nhiều vị chưa gặp Tu-lại, nghĩ: “Người nghèo này có công đức gì mà được cung kính đến như vậy?”.

Biết rõ ý chư Thiên, vua nói:

– Các vị nương vào phước, không nên khinh người này. Vì sao? Vì tôi có thể làm chúng người này giữ giới, hộ trì pháp khó ai bì kịp. Các vị hãy đợi giây lát sẽ thấy phước đức ấy.

Tu-lại muốn làm cho chư Thiên hiểu, liền bạch Phật:

– Nguyện xin Thế Tôn giải thích vì sao Bồ-tát được oai thần, được tôn kính cho đến khi chứng đắc Vô thượng Chánh giác.

Khi ấy, thân Phật phóng ra ánh sáng chiếu đến Tu-lại, làm cho vẻ đẹp Tu-lại vượt xa Thiên Đê trăm ngàn lần. Chư Thiên đều vui mừng, biết chắc chẳng phải là người thường, rải hoa trời cúng dường.

Đức Phật bảo Tu-lại:

– Bồ-tát lúc giàu sang không nên kiêu mạn mà nên hiện ra nghèo nàn để có thể làm cho mọi người không tham giàu sang, cũng không hận nghèo. Đó là đức thanh tịnh. Lúc giàu sang, Bồ-tát có thể làm gương cho người khác thích bỏ thí. Lúc có trí tuệ, Bồ-tát hiện ra như người ngu để có thể làm cho người ngu mau đạt được trí tuệ. Đó là đức thanh tịnh.

Tu-lại! Ông đã có thể điều phục tâm ý, thị hiện làm người cực khổ giữ giới như pháp, được các Phạm chí, cư sĩ, mọi người tôn kính. Đó là khéo biết phương tiện thiện xảo thanh tịnh.

Hiền giả A-nan bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Tu-lại này đã tu học nay đã bao lâu?

Đức Phật bảo A-nan:

– Ông ấy tu học rất lâu, đã học với nhiều ức trăm ngàn Đức Phật, hiện đắc ba nhãn, đạt đến các trí, tùy thuận làm các việc thiện, tự hiện nghèo nàn, ý thanh tịnh như vậy.

A-nan thưa:

– Bạch Thế Tôn! Nay có bao nhiêu người nguyện cầu thành Phật?

Đức Phật dạy:

– Cõi trời thuộc Dục giới có bảy ngàn vị, cõi trời thuộc Sắc giới có một vạn hai ngàn vị, cõi

người có vài ngàn vị, đều phát tâm cầu đạo quả Vô thượng Chánh giác.

Tôn giả A-nan lại hỏi:

– Bạch Thế Tôn! Tu-lại bao lâu sẽ thành Phật? Phật hiệu là gì? Quốc độ tên gì?

Đức Phật nói kệ này cho A-nan:

*A-nan nghe Ta nói
 Tu-lại mới phát tâm
 Giúp người, không oán hận
 Đức lớn, thường bố thí.
 Từ phát tâm đến nay
 Số kiếp khó đếm được
 Cúng dường Phật không chán
 Hộ trì pháp không quên.
 Học sáu độ vô tận
 Hay siêng vui tu đạo
 Phạm hạnh chưa từng rời
 Giữ pháp tuệ không mất.
 Việc làm chí niệm đủ
 Giác ngộ giữ vững đạo
 Vượt qua các lưới tà
 Khéo biết rõ tâm tánh.
 Xả bỏ tám việc thế
 Được, mất cùng chê, khen
 Thấy tất cả các pháp
 Như không, không chướng ngại.
 Ưu pháp, hành không chán*

Thường thực hành từ, nhân
 Thương người như thương mình
 Xả thân làm an chúng.
 Dạy bỏ các nhiễm ác
 Nghĩ kỹ, nói nghĩa thật
 Hiểu biết, không lìa pháp
 Giải không, hai giải thoát.
 Đủ ba nhân, không niệm
 Học pháp, biết hành động
 Mở bày chỗ hướng đến
 Tất cả chịu ân đó.
 Chỗ thành ấp hưng thịnh
 Liên đi đến nơi ấy
 Giảng thuyết như ý Phật
 Giáo hóa khắp trời, người.
 Sau khi ta Niết-bàn
 Thời cuối Tu-lại tịch
 Sinh nước Đông Khả Lạc
 Ở tại núi A-súc.
 Hơn ba a-tăng-kỳ
 Thành tựu hạnh nguyện lớn
 Thành Phật trừ tà ác
 An ổn độ mười phương.
 Tự nhiên được thân tướng
 Hiệu là Thế Tôn Vương
 Như Đức Phật A-súc
 Độ vô lượng hữu tình.
 Hiệu là Đức Hóa Thành

Ác diệt, thiện hưng thịnh
 Phật trụ ngàn vạn năm
 Chúng Tăng vô số kể.
 Người mong La-hán ít
 Người cầu Phật rất nhiều
 Chúng đắc lực thân túc
 Tinh tấn hành phước trí.
 Năm âm thanh thời đó
 Phật thuyết pháp rộng khắp
 Ma không hoại việc thiện
 Chánh tín, thoát tà kiến.
 Sau khi Phật diệt độ
 Tám vạn bốn ngàn người
 Thuyết pháp soi thế gian
 Khiến dứt mọi tranh chấp.
 Tu-lại giáo hóa người
 Nguyên vào pháp Đại thừa
 Đều sinh vào đời này
 Hóa độ người vô số.

Đức Phật vái chào Tu-lại.

Khi ấy, trong chúng hội, trời, người, quý thần, long vương, mỗi vị đều đem y tốt dâng lên Tu-lại, ba ngàn ức Thanh văn vui mừng, trăm ngàn người đều đến lễ Tu-lại. Phật giảng thuyết chánh pháp, giải thích hạnh ba thừa. Vua Ba-tư-nặc rời chỗ ngồi, chấp tay bạch Phật:

– Con vì tham lam, say đắm với của báu trong nước, kiêu mạn, buông lung, làm những việc nguy

hại, nay được Tu-lại dạy bảo mới tự biết mình thật là nghèo. Nay muốn xả bỏ ngôi báu, giao phó cho thái tử, thọ giới của Thế Tôn, làm Tỳ-kheo Tăng của Phật, làm người giữ vườn trồng coi công việc. Của báu hiện tại chia làm ba phần:

Cúng dường đệ tử Phật

Bố thí cho muôn dân trong nước.

Đề lại trong quốc khổ.

Nhờ ân Phật nên bây giờ con chẳng còn tham muốn của báu nữa. Tất cả phước này đều hồi hướng cho chúng sinh, nguyện chứng đắc Vô thượng Chánh giác.

Khi ấy, trong chúng hội, năm trăm trưởng giả, cư sĩ, năm trăm Phạm chí, năm trăm quần thần nghe vua thệ nguyện như tiếng gấm của sư tử, đều phát tâm Vô thượng Chánh giác. Do lòng tin sâu xa, tất cả đều xả bỏ tham dục, rời gia đình, học đạo, muốn làm Sa-môn. Trong đó, trừ ba trăm người, Phật đều cho làm Sa-môn.

Lúc đó, Tu-lại lui về chỗ ngồi, chấp tay bạch Phật:

– Con cũng nguyện xin bậc Thánh Sư Tử, nơi mười phương chư Phật hiện tại thương xót cho con được làm Sa-môn.

Nhờ Như Lai mà Tu-lại thành tựu tuệ lực, liền nhập Tam-muội. Tất cả chư Phật hiện tại khắp mười phương đều cùng với Tỳ-kheo Tăng hiện ra.

Tu-lại đứng dậy, cúi đầu đánh lễ mười phương chư Phật, liền thành Sa-môn, lại cầu xin:

– Nguyện chư Thế Tôn thương xót cho con được thành tựu ý nguyện.

Mười phương chư Phật và Thích Ca Văn đều đưa cánh tay phải xoa đầu Tu-lại. Các cánh tay của chư Như Lai đều hiện ra mà không hề bị chướng ngại.

Lúc đó, ánh sáng chiếu khắp ba ngàn thế giới, trời mưa xuống các loại hoa. Hiền giả Tu-lại tự nhiên thân đắp y, y phục chỉnh tề, oai nghi đĩnh đạc. Lúc Tu-lại lễ bái, năm trăm Tỳ-kheo được dứt sạch các lậu, tâm giải thoát, không còn kiết sử, một ngàn vị Bồ-tát được pháp tín nhận.

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

– Nên thọ trì, ghi chép, lễ bái kinh này; lưu truyền, giảng nghĩa cho mọi người. Vì sao? Vì người đời sau phần nhiều bị mắc vào lưới tà kiến. Do đó, Ta ở đời này hiện làm Phật, giáo hóa người có tâm ác, làm cho thấy chánh đạo, làm cho như Tu-lại từ lòng tin có trí tuệ. Ở thế gian, Ta thuyết pháp rộng khắp. Một người không độ được, Ta cũng không bỏ. Vì vậy, A-nan! Nên lưu truyền pháp này, làm cho mọi người tin ưa, suốt ngày nghe, học, khiến tâm ý hiểu biết, nhờ đó được giải thoát.

Phật thuyết giảng kinh này rồi, tất cả đều hoan

hỷ, Tỳ-kheo Tu-lại, các Tỳ-kheo Tăng, trời Đế
thích, vua Ba-tư-nặc, hàng trời, người, A-tu-la, đều
vui nghe.



SỐ 329

KINH TU LẠI

*Hán dịch: Đời Tiền Lương, Ưu bà tắc Chi Thi Luân,
người nước Nguyệt Chi.*

Nghe như vậy:

Một thời, Đức Thế Tôn cùng với chúng Đại Tỳ-kheo gồm một ngàn hai trăm năm mươi vị và năm ngàn Bồ-tát đi đến khu lâm viên Kỳ Đà - Cấp Cô Độc, thuộc nước Xá-vệ.

Khi Đức Thế Tôn đi đến gần đại thành Xá-vệ thì được quốc vương, đại thần, Phạm chí, trưởng giả cùng dân chúng cúng dường những vật cần dùng. Lúc ấy, trong thành có người rất nghèo, tên là Tu-lại, tin Phật, Pháp, Tăng, giữ gìn năm giới, tu hành mười điều thiện, thực hành tâm từ, không bao giờ khởi tâm ác. Đối với tất cả chúng sinh thực hành tâm bi không mỗi một, thực hành tâm hỷ, thường ưa chánh pháp, thực hành tâm xả, khổ vui không động, kiên cố phát tâm Vô thượng Chánh giác, dùng phương tiện thiện xảo muốn hóa độ mọi người nên thị hiện làm người nghèo cùng ở thành Xá-vệ.

Khi ấy, Thích-đề-hoàn-nhân với thiên nhân

thanh tịnh thấu đến cõi người, thấy trong thành Xá-vệ có người nghèo cùng tên là Tu-lại, có tâm kiên cố, thực hành đủ các việc thiện, phước đức, không sân hận, ý chí kiên cường, không có tỳ vết; ngồi, đứng, đi kinh hành không mất oai nghi; ra vào, đi lại, ăn uống, ngồi, nằm đều có chừng mực quân bình; luôn ngủ nghỉ đúng lúc, có tâm ít muốn, biết đủ, ít mong cầu lợi; đối với được – mất, khen – chê, tâm không lay động; chí tâm kiên cố xa lìa cao ngạo, giữ tâm khiêm nhường, tĩnh lặng trong sạch; lời nói ngay thẳng đáng tin, không hoa mỹ; thọ trì tám trai giới, ăn uống điều độ, khắp thành đều cung kính, không có chán ghét. Những người trông thấy, nghe nói việc như vậy đều hoan hỷ, y phục chỉ bằng vải thô xấu. Hơn nữa, có người cúng dường thì từ chối không nhận. Lấy lá cây làm đồ dùng, cỏ tranh làm chiếu. Nếu có dư y phục, thức ăn liền đem bố thí, không hề cất chứa, thanh tịnh trong sạch, xa lìa nghiệp mong cầu, không mong cầu bất cứ điều gì, ngày đêm đến gặp Phật ba lần.

Như Lai thường chỉ dạy những chỗ nghi ngờ. Tu-lại lễ bái, cúng dường, thưa hỏi pháp Phật. Mỗi khi Tu-lại muốn đến gặp Phật, có trăm ngàn người đi theo. Đến nơi, kẻ đi, người đứng, kẻ ngồi, người nằm, cả khu vực đó không còn vắng vẻ mà trở nên đông đúc.

Lúc đó, Thích-đề-hoàn-nhân nghĩ: “Tộc tánh tử này giới hạnh thanh tịnh, trong sạch, thực hành

việc thiện, giữ gìn oai nghi, e rằng sẽ đoạt mất ngôi vị của ta”. Do đó, Đê thích hạ xuống trần gian thử tìm hiểu xem Tu-lại mong cầu đạo nào.

Tức thì Đê thích bèn hóa làm nhiều người, đến trước Tu-lại chửi mắng một cách vô cớ. Lại lấy ngói, đá, dao, gậy làm hại. Lúc đó, do sức nhẫn, chuyên hành tâm từ, Tu-lại không hề sân giận.

Bấy giờ, Thích-đề-hoàn-nhân lại hóa làm người đến trước Tu-lại bảo:

– Tu-lại! Các người này chửi mắng ông một cách vô cớ. Lại dùng ngói, đá, dao, gậy làm hại, ông có muốn tôi giết họ không?

Tu-lại đáp:

– Chớ nói như vậy. Vì sao? Vì gièm pha người khác một cách bất thiện là quả báo sát sinh. Cho dù các người kia dùng dao, gậy, hại tôi, chặt nát như cây bạt thur, tôi còn không khởi tâm ác làm hại họ. Vì sao? Vì quả báo nơi tất cả các pháp đều có hại, người gieo nhân lành sẽ sinh vào đường thiện, người gieo nhân ác sẽ bị đọa đường ác. Vì thế, tôi không dám giận họ, huống hồ là muốn đoạn mạng sống của họ.

Nhân đó Tu-lại nói kệ:

*Người nào gieo nhân khổ
 Ất sẽ gặp quả khổ
 Người nào gieo nhân lành
 Ất sẽ gặp quả lành.*

*Quả báo ứng như vậy
 Biết đó là sự thực
 Làm ác, quả báo khổ
 Làm thiện, quả báo vui.
 Vì thế không nên tạo
 Nghiệp ác thân, khẩu, ý
 Do đó người có trí
 Không nên khuyên làm ác.
 Mà thường làm điều thiện
 Đối với thân, khẩu, ý
 Người nào ưa làm thiện
 Thường lấy đây khuyên bảo.*

Khi ấy, người do Đế Thích biến hóa không thể làm cho Tu-lại lay động, liền bỏ đi.

Bấy giờ, Thích-đề-hoàn-nhân ở trước Tu-lại hóa ra bảy báu như vàng v.v... Lại hóa làm nhiều người đứng trước Tu-lại, bảo: Ông hãy lấy các thứ vàng v.v... này, có thể đem bố thí, cũng có thể làm phước, có thể trang sức cho đồ nằm, cũng có thể đem lại các thức ăn ngon, mặc đẹp. Tại sao cứ giữ hạnh nghèo này?

Tu-lại đáp:

– Nay các ông! Do đời trước làm ác nên ngày nay tôi phải chịu quả báo nghèo hèn như vậy, đó là do phạm tội lấy của không cho. Nhưng không thể giữ mãi sự nghèo này.

– Nay Tu-lại! Ông hãy vui sống trọn đời, việc

gì phải nghĩ xa đến quả báo đời sau.

Tu-lại đáp:

– Này các ông! Đó là pháp ngu muội. Phạm người thấy pháp thì phải suy nghĩ về quả báo ấy. Người hay nghĩ đến quả báo mới là người thông suốt.

Người không hiểu rõ nên bòn xén, tham lam, lấy của không cho. Người hay xa lìa tham lam, keo kiệt là người có trí.

Phạm người không có trí, tham lam cất chứa nhiều để lo cho thân mạng, như vậy là phạm lấy của không cho. Không nghĩ đến thân mạng mới là người thông suốt, đối với vô thường nghĩ là thường, với khổ nghĩ là vui, vô ngã tưởng là ngã, bất tịnh nghĩ là tịnh, nếu như vậy thì phạm tội không cho mà lấy.

Quán thân vô thường, xét khổ, không, bất tịnh là người có trí. Người xét suy đến cái ta, nhà ở, là phạm lấy của không cho.

Không nghĩ đến ta, không xâm phạm đến người khác, người như vậy là có trí.

Không sung mãn, không biết đủ, như vậy là phạm lấy của không cho. Sung mãn, là người có trí.

Người không giữ giới thanh tịnh là phạm lấy của không cho, người giữ giới thanh tịnh là người có trí.

Người ngu si không thấy có báo ứng là phạm lấy của không cho. Người thấy có báo ứng là người có trí.

Người tham ăn là phạm lấy của không cho, người không tham ăn là người có trí.

Muru toan lấy của người khác, cao ngạo quấy nhiễu là phạm lấy của không cho. Nhưng nhìn cho tất cả là người có trí.

Khi ấy, Tu-lại liền nói kệ:

*Cát chứa đến ngàn ức
Không có tâm xả bỏ
Như vậy nghèo ở đời
Chẳng phải có trí tuệ.
Nhà không một bữa ăn
Mà có tâm bố thí
Như vậy thật giàu có
Được người trí khen ngợi.
Hiền Thánh hiển hiện khắp
Mà hay không làm ác
Ngu khen, thêm là ác
Hiền Thánh không hiển hiện.
Thà để người trí mắng
Không để người ngu khen
Người ngu khen là ác
Người trí khen là thiện.*

Các người do vua Trời hóa ra không thể làm cho Tu-lại phạm tội lấy của không cho.

Khi ấy, Đế thích hóa làm trưởng giả cầm vật báu giá trị trăm ngàn, đứng trước Tu-lại bảo:

– Tôi có việc tranh tụng, đi đến gặp vua Ba-tư-nặc, muốn nhờ ông làm chứng. Ông cầm lấy vật báu này, xin làm chứng cho tôi.

Tu-lại nói:

– Ông chớ nói như vậy. Tôi không thể không biết mà nói dối. Vì sao? Vì người nói dối là tự dối mình, cũng dối người, dối các bậc Hiền Thánh. Người nói dối làm cho thân miệng hôi, không gây niềm tin cho người, làm cho tâm phiền não. Phàm người nói dối khiến miệng hôi thối, thân mất sắc đẹp, thiên thần bỏ mặc. Phàm người nói dối quên mất tất cả căn lành, ngu si, mê muội, bỏ mất đường thiện. Phàm người nói dối có tất cả gốc ác, đoạn tuyệt gốc hạnh lành và sự an nhàn.

Lúc đó, Tu-lại nói kệ:

*Phàm người miệng hôi dơ
Là do nghiệp nói dối
Quên mất pháp thanh bạch
Tâm ý nhiều lỗi lầm.
Các quý thân hộ mạng
Cùng Hiền Thánh khinh khi
Những người thường đau yếu
Là do ưa nói dối.
Căn bản các điều ác
Đoạn căn lành do đây*

*Ắt sẽ theo đường ác
 Đó là người nói dối.
 Nếu đem vàng, châu báu
 Đầy khắp trong thiên hạ
 Đến người giữ giới pháp
 Không vì đó nói dối.*

Thích-đề-hoàn-nhân vì không thể làm cho Tu-lại nói dối nên bỏ đi. Lúc đó, Thích-đề-hoàn-nhân bảo A-tu-la nữ Thủ-da, ngọc nữ Nhật Hạnh, đệ nhất phu nhân của thần tấu nhạc Càn-chấp-nhạc:

– Các nàng hãy đi đến nước của người nghèo Tu-lại, quấy động chỗ ở của ông ta, xem thử ông ta có lìa dục hay là trở lại tham dục?

Khi ấy, A-tu-la nữ Thủ-da, ngọc nữ Nhật Hạnh, đệ nhất phu nhân của thần tấu nhạc Càn-chấp-nhạc, vào đêm hôm thanh vắng, đi đến chỗ ở của Tu-lại, nói với Tu-lại những lời ngọt ngào, êm ái:

– Nhân giả, hãy dậy đi! Chúng tôi đến thăm ông đây. Chúng tôi hình dung đẹp đẽ, xông hương chiên-đàn, trang sức bằng anh lạc, tươi sáng, vừa đúng tuổi thanh xuân. Xin hãy nhìn xem, này Tu-lại! Vì Nhân giả có phước nên được gặp chúng tôi.

Tu-lại nhìn rồi liền nói:

– Các cô đang làm những việc của địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh chớ không phải là việc của cõi trời, người.

Lại quán xét thân thể các cô như huyễn hóa,

quán xét hình dung các cô như bọt nước. Đối với hương chiên-đàn, tôi cũng quán như vậy. Quán sát kỹ là một tập hợp trang sức bằng các thứ bất tịnh.

Thấy việc huyễn hóa như vậy, chỉ có kẻ ngu mới sinh tâm ham thích. Nhờ quán các pháp là hoại diệt, vô thường và nhờ phước đức, tôi thấy việc làm của các cô là hướng đến địa ngục, do đó mất ý chí. Không giữ được ý chí của mình nên không sáng suốt, không thanh tịnh, đó là tham dục.

Bám vào chỗ hôi là tham dục

Bám vào chỗ ô uế là tham đắm dục

Gánh chịu các khổ là tham dục.

Người tham dục lạc là lệ thuộc vào dục.

Người vào địa ngục là lệ thuộc vào dục.

Người vào súc sinh là lệ thuộc vào dục.

Người vào ngựa quý là lệ thuộc vào dục.

Người thân cận với người ác là lệ thuộc vào dục.

Người có tâm tham là lệ thuộc vào dục.

Người hay tranh chấp kiện tụng là lệ thuộc vào dục.

Bị ràng buộc là lệ thuộc vào dục.

Phát sinh điên đảo, tăng trưởng ái dục là lệ thuộc vào dục.

Cuồng loạn, mê hoặc là lệ thuộc vào dục.

Say cuồng, u mê là lệ thuộc vào dục.

Gần gũi điều bất thiện, xa lìa điều thiện, bị tất cả các điều bất thiện ràng buộc, đó là lệ thuộc vào dục.

Mê mờ, bỏ mất con đường tất là lệ thuộc vào dục.

Làm điều bất thiện là lệ thuộc vào dục.

Suy yếu mất sức khỏe là lệ thuộc vào dục

Bị mây mù che phủ là lệ thuộc vào dục.

Gần gũi quỷ ma là lệ thuộc vào dục.

Trở lại gần gũi quỷ thần là lệ thuộc vào dục.

Gần trâu, lừa, chó, heo, lạc đà, voi, dê đen, dê, sói, là lệ thuộc vào dục.

Gần gũi hàng phi nhân là lệ thuộc vào dục.

Lìa xa giới, vãn, thí là lệ thuộc vào dục.

Bỏ nơi thanh tịnh là lệ thuộc vào dục.

Thường mê hoặc, ngu muội, thêm lao nhọc, tổn giảm đối với đạo Vô thượng là lệ thuộc vào dục.

Lúc đó, Tu-lại liền nói kệ:

Người ô uế bất tịnh

Dục thói cũng như vậy

Thường khổ, không được vui

Địa ngục, quỷ, súc sinh.

Hợp với kẻ bất tiểu

Dục xấu cũng như vậy

Ở nơi chỗ phi pháp

Tranh tụng và oán thù.

Người ràng buộc nơi đó

Làm phát sinh điên đảo
 Và tăng trưởng ái dục
 Từ đây mà phát sinh.
 Đó lệ thuộc vào dục
 Mê hoặc càng mê hoặc
 Hòa hợp với bụi cấu
 Đó lệ thuộc vào dục.
 Lửa thiêu đốt cảnh vật
 Hợp thành các điều ác
 Huy diệt các điều thiện
 Căn bản các điều ác.
 Như đám mây che phủ
 Lệ thuộc dục cũng vậy
 Ở chung với ma quỷ
 Trở lại cũng như vậy.
 Hình sắc làm mê hoặc
 Tham dục cũng như vậy
 Trâu, bò, dê, chó, heo
 Lạc đà, voi, dê, sói.
 Thân cận, lệ thuộc dục
 Xa lìa tất cả pháp
 Hoặc văn, thí, nhàn tịnh
 Lệ thuộc dục như mưa.
 Mê hoặc, tăng lao nhọc
 Tôn giảm đạo Vô thượng
 Đó lệ thuộc vào dục
 Người thoát dục, lìa sắc.
 Như dung mạo xinh đẹp

*Các cô khắp thiên hạ
Không thể nhiễm tâm tôi
Vì công đức đầy đủ.*

A-tu-la nữ Thủ-da, ngọc nữ Nhật Hạnh, phu nhân của thần tấu nhạc không thể làm lay động Tu-lại, đều bỏ đi, đến chỗ Thích-đề-hoàn-nhân thưa:

– Chúng tôi đã đến chỗ đó, chớ nghi ngờ gì nữa. Đã thấy rõ người kia không còn ham nữ sắc, đã lìa ái dục, không tham đắm việc đời.

Lúc đó, Thích-đề-hoàn-nhân càng thêm kinh sợ, lông tóc dựng đứng, nghĩ: “Không nghi ngờ gì nữa. Tộc tánh tử này ắt sẽ sinh đến chỗ ta”.

Khi ấy, Thích-đề-hoàn-nhân đến chỗ Tu-lại, đứng trước Tu-lại, chấp tay nói kệ:

*Nhân giả phát nguyện gì
Thực hành pháp như vậy
Nhàn cư, giới thanh tịnh
Trời, trăng, Thích, Phạm, Đé?*

Tu-lại nói kệ đáp:

*Trời, trăng, Thích, Phạm, Đé
Còn nghiệp trong ba cõi
Đều còn bị vô thường
Rõ ràng là như huyễn.
Bậc có trí làm sao
Tham đắm ba cõi được?
Có thể không sinh trưởng
Cũng không già, bệnh, chết.*

*Cũng không có thương, ghét
Thành Phật, giác hữu tình
Chỗ ở được an ổn
Nguyên tất cả an lạc.*

Lúc đó, Thích-đề-hoàn-nhân vui vẻ, hớn hờ, phát sinh tâm thiện, khuyên người phát tâm từ bi, nói như vậy:

– Lành thay! Sẽ thành tựu nguyện vô thượng như vậy. Mau làm cho chúng ma hàng phục, mưa xuống pháp cam lồ, thực hành các điều thiện, thương xót khắp thế gian.

Vào lúc khác, Tu-lại, người nghèo cùng trong nước, đang đi nơi thành Xá-vệ, được người xưa ban điềm lành cho ngọc châu Thiên kim, giá trị bằng của báu cả thế gian.

Lúc đó, Tu-lại, người nghèo trong nước, cầm châu báu đưa lên, nói:

– Ở thành Xá-vệ này, ai là người nghèo nhất, tôi sẽ đem vật báu giá trị cả thế gian này cho người đó.

Khi ấy, các cự trưởng giả nghèo đều chạy đến nói:

– Chúng tôi rất nghèo, xin được của báu.

Lại có hàng trăm người khác cũng theo xin của báu, nói:

– Chúng tôi rất nghèo!

Tu-lại đáp:

– Các ông không nghèo đâu. Vì sao? Vì ở trong thành Xá-vệ này có một người rất nghèo. Tôi sẽ đem ngọc báu này cho người đó.

Các người kia hỏi:

– Trong thành này, ai là người rất nghèo?

Đáp:

– Vua Ba-tư-nặc là người nghèo nhất. Tôi sẽ đem ngọc báu này cho vua.

Các người kia bảo:

– Thôi thôi! Tu-lại! Chớ nói như vậy. Vì sao? Vì vua Ba-tư-nặc rất giàu có, kho tàng chứa đầy châu báu.

Khi ấy, trước đại chúng, Tu-lại - người nghèo trong nước, nói kệ:

*Của cải tuy nhiều khắp
Nhưng không biết đầy đủ
Biển còn có thể đầy
Nghèo này không thể đủ.
Nếu tham muốn càng tăng
Lần lựa không ngừng nghĩ
Đời này và đời sau
Là người nghèo không trí.*

Bấy giờ, Tu-lại, người nghèo trong nước, cầm châu báu ấy cùng với đám đông đến chỗ vua Ba-tư-nặc.

Lúc này, vua Ba-tư-nặc, vì tham của báu nên bắt giữ năm trăm trưởng giả, tặc tánh tử quy định

tội, muốn lấy bớt tài sản của họ.

Khi ấy, Tu-lại, người nghèo trong nước, cầm ngọc báu đến chỗ vua Ba-tư-nặc, tâu vua:

– Tôi đi trong thành Xá-vệ, được người xưa ban điềm lành cho viên ngọc châu, giá trị bằng châu báu cả thế gian. Tâu đại vương, tôi liền nghĩ: Muốn đem ngọc báu này cho người nghèo nhất. Vì vậy, tâu đại vương, tôi nghĩ trong thành này chỉ có vua là người nghèo nhất. Xin đại vương nhận ngọc báu này.

Vua Ba-tư-nặc nghe tâu, biến sắc, hổ thẹn, bảo Tu-lại, người nghèo trong nước:

– Tôi nghèo hơn ông sao?

Tu-lại, người nghèo trong nước, ở trước đại chúng nói kệ cho vua Ba-tư-nặc:

*Người bị tham trói buộc
 Thêm nghiệp không biết đủ
 Làm vua, gây tổn hại
 Nã hại cả mình, người.
 Không nghĩ đến đời sau
 Không nghĩ chết, không đức
 Như vậy chính là tham
 Vì pháp nên trí sáng.
 Khéo thành tựu đại từ
 Không tăng thêm lao nhọc
 Biết đủ, không tham muốn
 Không còn sinh lòng tham.*

Nếu thấy các chúng sinh
Liên phát tâm đại bi
Do đó không oán ghét
Như vậy giàu có hơn.
Người ở nơi thanh vắng
Kẻ ham thích giàu có
Nếu không gặp chánh pháp
Làm chúng sinh nghèo hèn.
Tất cả các điều xấu
Do ưa thích nữ sắc
Không nghĩ đến đời sau
Vua như người nghèo ấy.
Lệ thuộc vào người nữ
Người tịnh tín không dơ
Giữ giới không tỳ vết
Tánh hòa hợp, hổ thẹn.
Xả bỏ, thường an trụ
Nghe pháp, theo Hiền Thánh
Trí tuệ liên thâm nhập
Đời sau bỏ đường ác.
Như vậy người không nghèo
Lấy chánh pháp trang sức
Gìn giữ không xả bỏ
Mạng sống không cần thiết.
Nếu không theo lẽ đạo
Dù sống ở thế gian
Cũng như con voi say
Kẻ bần cùng như thế.

Vì không có chí tánh
 Nếu có lòng tin Phật
 Tin pháp cùng kính Tăng
 Mạng sống không cần thiết.
 Nên dễ lãnh thọ pháp
 Không giận, cũng không ngu
 Lập chí vui, không mê
 Người như vậy không nghèo.
 Được bậc trí tôn kính
 Tâm tánh không biết đủ
 Thiêu cháy hết tất cả
 Các dòng không đủ đầy.
 Ngày đêm chảy vào biển
 Trời trăng không đủ đầy
 Di chuyển khắp bốn phương
 Vua tham không biết đủ.
 Chứa của không biết đủ
 Đại vương! Tánh của lửa
 Không muốn thiêu cỏ cây
 Đây là việc thường luôn.
 Đại vương cũng như vậy
 Không bị ba điều đốt
 Sự giàu sang của vua
 Vô thường như sương cỏ.
 Ai nguyện được làm vua
 Nên nghe lời nói ấy.

Vua Ba-tư-nặc bảo Tu-lại, người nghèo trong nước:

– Tôi nghèo hơn ông, ai sẽ làm chứng cho điều này?

– Đại vương không nghe sao? Như Lai Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác Nhất thiết trí, Nhất thiết kiến biết rõ sự thật sẽ làm chứng, biết rõ tất cả người, A-tu-la ở đời, Ngài đang giáo hóa ở thành Xá-vệ này.

– Tu-lại! Ta cũng từng nghe nói đến vị ấy.

– Tâu đại vương! Như Lai sẽ làm chứng rằng vua nghèo hơn tôi.

Vì vậy, Tu-lại sẽ đến hỏi Như Lai, theo lời Ngài quyết định mà vâng theo.

Nhân đó, Tu-lại, người nghèo trong nước, nói kệ:

*Thầy tôi cách không xa
 Nay tôi nghĩ đến Ngài
 Biết, nương hư không đến
 Không gì Ngài không biết.
 Đời này và đời sau
 Tâm tâm biết tất cả
 Đại Nho sẽ đến đây
 Người cũng không cao ngạo.
 Thương tất cả chúng sinh
 Tuy xa ắt sẽ đến
 Vì chúng sinh hết lòng
 Tôi xin nguyện đại vương.
 Tin tưởng, chớ mỗi mệ*

*Nên lập nguyện thành tựu
Thế Tôn ắt sẽ đến
Cúng dường tràng hoa hương.
Cờ phướn và kỹ nhạc
Đại Nho đến như vậy.*

Tu-lại chấp tay, quỳ gối chầm đất, nói kệ:

*Nếu Phật Ngài biết rõ
Con hết lòng thành kính
Do lòng chí thành này
Nếu biết, đứng trước con.*

Nói kệ xong, đại địa chấn động, Như Lai bỗng nhiên từ dưới đất hiện lên với năm trăm đệ tử, một ngàn hai trăm Bồ-tát.

Thích, Phạm Hộ Thế, chư Thiên số đến mấy trăm vạn, thấy Phật thị hiện thân thông khen ngợi là việc chưa từng có.

Vua và đại thần, tất cả quyền thuộc đều quỳ xuống đánh lễ nơi chân Phật, hàng ngàn chúng sinh cúng dường Thế Tôn đều phát tâm Bồ-đề.

Tu-lại, người nghèo trong nước, chấp tay bạch Thế Tôn:

– Con đi trong thành lớn Xá-vệ này, được người xưa ban điềm lành cho ngọc châu quý, giá trị cả thế gian. Vì vậy, bạch Thế Tôn! Trong thành này nếu có người nghèo, con sẽ cho người ấy. Bạch Thế Tôn! Con cho rằng trong thành Xá-vệ này, vua Ba-tư-nặc là nghèo nhất. Vì sao? Vì chiếm đoạt

của cải nơi người không biết chán, tham của báu, không biết pháp bảo, gây khổ não cho người nghèo hèn, tổn hao người giàu có, chuyên ý thế, vua tham đắm sắc dục. Con đem ngọc châu này cho vua mà vua không chịu nhận, lại hỏi con: “Ai làm chứng là tôi nghèo, ông giàu?”. Xin nguyện Đức Như Lai Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác bằng Nhất thiết trí, Nhất thiết tuệ, biết rõ sự thật làm chứng cho con. Lành thay, Đức Thế Tôn! Tâm bình đẳng đối với tất cả, xa lìa cao ngạo không có thiên vị, nguyện xin Ngài nói rõ nghĩa này.

Đức Thế Tôn bảo vua Ba-tư-nặc:

– Đại vương! Đúng thật như vậy. Thật như lời Tu-lại nói.

Đức Thế Tôn an trụ, muốn giải quyết mọi nghi cho Tu-lại, bảo vua Ba-tư-nặc:

– Có mặt đại vương giàu hơn Tu-lại, có mặt Tu-lại giàu hơn đại vương. Nghĩa như thế nào? Nghĩa là về sự nghiệp tôn quý, giàu sang, nhà vua có các vật quý như vàng bạc, châu báu, thủy tinh, lưu ly, chân châu, san hô, voi, ngựa, xe cộ, kho tàng. Về mặt này đại vương giàu hơn Tu-lại.

Đại vương! Còn về mặt bố thí, giới, vãn, xả, không tham đắm, sống an nhàn, từ, bi, hỷ, hộ, thiên định, giải thoát Tam-muội chánh thọ, tin Phật, Pháp, Tăng, ý chí kiên cố, niềm tin chánh trực, có hồ thẹn v.v... thì Tu-lại giàu hơn đại vương. Giả

sử dân chúng trong nước của đại vương đều giàu có, của cải như đại vương, đem so sánh với giới, văn, thí, trí của tộc tánh Tu-lại này trong khoảng bảy bước cũng không bằng một phần trăm, không bằng một phần ngàn, không bằng một phần cự, ức vạn, không thể so sánh được.

Vua Ba-tư-nặc trừ bỏ cao ngạo bạch Thế Tôn:

– Con rất may mắn được lợi ích: trong nước con có vị đại sĩ này.

Đức Thế Tôn nói:

– Đại vương! Đúng như vậy! Đúng như vậy, đại vương! Trong nước đại vương có vị đại sĩ ấy. Lại nữa, này đại vương! Lại có nhiều đại sĩ khác như Tu-lại ở trong nước của đại vương.

Vua Ba-tư-nặc ở trước Tu-lại nói kệ:

*Nhân giả là thầy tôi
Phật cũng là thầy tôi.
Nhờ ơn trừ cao ngạo
Nay xin dâng quốc thành
Và hết cả sự nghiệp
Làm đệ tử Nhân giả.
Vì cao ngạo khinh khi
Khiến cho tôi luôn luôn
Làm vua bị mê hoặc
Không thực hành đạo pháp.
Nay nghe lời Tu-lại
Nhờ thực hành chánh pháp*

*Vì tham, tôi bắt trời
Tất cả năm trăm người.
Nay đều cho phóng thích
Nguyện theo hầu Nhân giả.*

Năm trăm người này nghe được trả tự do, liền muốn báo ân Tu-lại, không còn nghĩ đến nghiệp trước nữa, không còn luyến tiếc, tự phát thệ nguyện đạt được tâm Nhất thiết trí.

Khi đó, vua Ba-tư-nặc nói với Tu-lại:

– Tôi nghèo, Nhân giả không nghèo. Lời nói của Nhân giả thật là thiện. Ai gọi Tu-lại nghèo sẽ phạm pháp vua, bị khiển trách. Bây giờ chỉ nên gọi là Tu-lại, không được gọi Tu-lại nghèo.

Lúc đó, Tộc tánh tử Tu-lại liền rời khỏi chỗ ngồi, sửa y phục, gôi phải chằm đất, chấp tay bạch Phật:

– Đại chúng trong hội này đều muốn gặp Như Lai. Lành thay! Bạch Thế Tôn! Xin Ngài thuyết pháp cho đại chúng, làm cho đại chúng này không uổng công gặp Phật.

Đức Phật bảo Tu-lại:

– Nay Tộc tánh tử! Có bốn pháp thọ trì đầy đủ. Tộc tánh nam, Tộc tánh nữ nào thấy Như Lai sẽ thấy một cách chắc thật và tốt đẹp. Bốn pháp đó là: Thành tâm, ưa muốn, vui thích, kính mến.

Lại có bốn pháp, này Tu-lại! Tộc tánh nam, Tộc tánh nữ nào thấy sắc tướng tốt đẹp của Như Lai

liền phát tâm cầu đạo quả Vô thượng Chánh giác, hết lòng phát tâm, không trái ý Như Lai: Thương mến chúng sinh. Muốn họ được độ thoát. Làm cho họ phụng trì chánh pháp. Làm cho Tam bảo không đoạn tuyệt. Đó là bốn pháp.

Này Tu-lại! Tộc tánh nam, Tộc tánh nữ nào thấy đầy đủ Như Lai sẽ thấy chắc chắn và tốt đẹp.

Lại có bốn pháp, Tộc tánh nam, Tộc tánh nữ nào thấy Như Lai sẽ thấy chắc chắn và tốt đẹp. Bốn pháp đó là: Thấy hết tất cả hoạt động của sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Quán bốn đại đều không. Các hữu tình như hư không nhóm họp. Hiểu biết rõ về tướng ngã. Đó là bốn pháp, Tộc tánh nam, Tộc tánh nữ thành tựu thấy Phật sẽ thấy chắc thật và tốt đẹp.

Lại có bốn pháp, Tộc tánh nam, Tộc tánh nữ thấy Phật rất thanh tịnh: Đối với ngã lìa ngã. Đối với chúng sinh lìa chúng sinh. Đối với thọ lìa thọ. Đối với mạng lìa mạng. Do đầy đủ bốn pháp này, tộc tánh nam, tộc tánh nữ được gặp Như Lai rất thanh tịnh.

Lại có bốn pháp: Thiên nhãn không tạo tác. Tuệ nhãn không đắm chấp. Phật nhãn hiểu biết như thật. Pháp nhãn hiện ra theo sự hiểu biết.

Lại có bốn pháp, Tộc tánh nam, Tộc tánh nữ được gặp Như Lai rất thanh tịnh. Bốn pháp đó là: Thanh tịnh giới phẩm, không có tham đắm. Thanh tịnh định phẩm vì chư pháp an định. Thanh tịnh tuệ

phẩm để độ các trí thế gian. Thanh tịnh tuệ giải thoát, giải thoát tri kiến thiện phẩm, độ thoát chúng sinh mà không thấy hóa độ. Do đầy đủ bốn pháp này, nên được gặp Như Lai rất thanh tịnh.

Khi Thế Tôn lần lượt giảng nói bốn pháp giáo hóa này có bảy trăm đệ tử phát tâm Bồ-đề, nương vào đó mà được giải thoát, hơn ngàn chúng sinh phát tâm cầu đạo quả Vô thượng Chánh giác.

Lúc đó, Thế Tôn vì vua Ba-tư-nặc và đại chúng thuyết pháp, giáo hóa, làm cho vui mừng hơn hở, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, cùng các Bồ-tát và các đại đệ tử dùng thân tức bay lên hư không, giống như nhận chúa, trở về lại vườn Cấp Cô Độc.

Khi đó, vua Ba-tư-nặc thưa với Tộc tánh tử Tu-lại:

– Khi nào Nhân giả đến gặp Như Lai, xin báo cho tôi biết để được cùng đi theo.

– Được rồi, đến lúc đó cũng xin đại vương cho các cung phi thế nữ và các đại thần, đại chúng đều đi đến gặp Phật. Sau đó, xin đặt điều lệ cho dân chúng trong thành Xá-vệ: Người nào không đến gặp Phật thì bị khiển trách. Vì sao? Thưa đại vương, vì Bồ-tát lập hạnh không riêng vì mình, Bồ-tát lập hạnh là muốn làm an lạc cho tất cả chúng sinh.

Lại nữa, thưa đại vương! Bồ-tát không vì một người, hai người mà phát tâm đạo, vì hạnh tùy

thuận đối với đại chúng đông đảo đi theo nên phát tâm thiện.

Vua lại hỏi:

– Thế nào là hạnh tùy thuận của Bồ-tát?

– Tất cả đều là hạnh tùy thuận của Bồ-tát vì muốn cứu giúp, độ thoát chúng sinh.

Phát tâm Bồ-đề là hạnh tùy thuận của Bồ-tát vì không dừng lại ở Tiểu thừa mà luôn tu tiến lên.

Phát tâm kiên cố là hạnh tùy thuận của Bồ-tát vì muốn thâm phục tất cả chúng sinh đua nịnh.

Tâm không chất chứa là hạnh tùy thuận của Bồ-tát vì muốn hạnh khác tốt hơn.

Tâm không do dự là hạnh tùy thuận của Bồ-tát vì không dừng nghỉ.

Tâm bố thí là hạnh tùy thuận của Bồ-tát vì thu phục mọi chúng sinh ganh ghét.

Tâm trì giới là hạnh tùy thuận của Bồ-tát vì thu phục các chúng sinh phá giới.

Tâm nhẫn nhục là hạnh tùy thuận của Bồ-tát vì thu tóm các chúng sinh quấy nhiễu.

Tâm tinh tấn là hạnh tùy thuận của Bồ-tát vì thu phục mọi chúng sinh biếng nhác.

Tâm thiên định là hạnh tùy thuận của Bồ-tát vì thu tóm các chúng sinh tán loạn.

Tâm trí tuệ là hạnh tùy thuận của Bồ-tát vì thu tóm các chúng sinh dùng trí tuệ làm việc ác.

Tâm từ là hạnh tùy thuận của Bồ-tát vì tâm

thường không bỏ chúng sinh.

Tâm bi là hạnh tùy thuận của Bồ-tát vì vào sinh tử không nhàm chán.

Tâm hỷ là hạnh tùy thuận của Bồ-tát vì đem giáo pháp làm cho chúng sinh được an vui.

Tâm xả là hạnh tùy thuận của Bồ-tát vì hạnh hóa bình đẳng, không còn thương ghét.

Bôn ân là hạnh tùy thuận của Bồ-tát vì các pháp không chủ tử mà bình đẳng.

Quả báo các thiện căn là hạnh tùy thuận của Bồ-tát vì tướng tốt, trí tuệ đầy đủ.

Thệ nguyện thanh tịnh là hạnh tùy thuận của Bồ-tát vì làm thanh tịnh cõi Phật.

Ba môn giải thoát là hạnh tùy thuận của Bồ-tát vì các hành động an trụ nơi cửa giải thoát.

Thành tín không nói hai lưỡi, không nói lời hung dữ, không nói dối, không nói thêu dệt là hạnh tùy thuận của Bồ-tát vì lời nói và hành động không trái nghịch.

Lời nói êm dịu, hòa nhã là hạnh tùy thuận của Bồ-tát vì các hành động đối đáp khéo léo.

Không nhiều loạn là hạnh tùy thuận của Bồ-tát vì đối với tất cả chúng sinh không hiện tướng xấu.

Học nhiều, xả bỏ tất cả để lãnh thọ pháp là hạnh tùy thuận của Bồ-tát vì không quên các chí niệm.

Tôn kính sư trưởng là hạnh tùy thuận của Bồ-tát vì khiến chúng sinh nghe và hiểu những pháp

chưa nghe, thọ trì chánh pháp bình đẳng.

Tâm xả bỏ nhà cửa là hạnh tùy thuận của Bồ-tát vì thực hành các việc không có hao tổn.

Tâm vắng lặng là hạnh tùy thuận của Bồ-tát vì hành trì các pháp trắng, đen.

Tâm giữ gìn oai nghi là hạnh tùy thuận của Bồ-tát vì không trông mong nhận vật của người khác.

Đức thanh tịnh là hạnh tùy thuận của Bồ-tát vì làm những việc từ thiện căn.

Tâm thanh tịnh là hạnh tùy thuận của Bồ-tát vì đối với những chúng sinh không có niềm tin, gây cho họ có niềm tin.

Tâm không buông lung là hạnh tùy thuận của Bồ-tát vì đối với tất cả giáo pháp của Phật luôn thực hành đầy đủ.

Sau khi nghe những lời ấy, vua Ba-tư-nặc hết sức vui mừng, phát sinh tâm thiện, đem áo tốt đẹp đang mặc trên người, đầy đủ màu sắc, giá trị trăm ngàn cúng cho Tu-lại, cúng dường như pháp và muốn Tu-lại nhận đúng như pháp.

Tu-lại không chịu nhận, mà nói:

– Thôi đi, đại vương! Đó là áo vua mặc. Vì sao? Vì tôi đã có áo bá nạp thô xấu. Thưa đại vương, có lúc tôi đem cái áo xấu này treo lên cây một ngày cho đến bảy ngày mà không có người lấy, cũng không có người tham. Tôi đi du hóa mà không luyến tiếc. Vì vậy, tâu đại vương! Phàm áo mặc chỉ

để che thân, làm cho mình không tham đắm, lại làm cho người cũng không tham.

Vua Ba-tư-nặc thưa Tộc tánh tử Tu-lại:

– Nếu Nhân giả không nhận áo này, nguyện xin Nhân giả dùng chân đạp lên để cho tôi thường được phước an ổn.

Vì tâm thương xót vua Ba-tư-nặc, lúc đó Tộc tánh tử Tu-lại dùng chân đạp lên áo tốt đẹp, trị giá trăm ngàn này.

Khi ấy, vua Ba-tư-nặc thưa Tu-lại:

– Áo tốt này, Nhân giả đã dùng chân đạp, vậy đem đi đâu?

Đáp:

– Thưa đại vương! Trong thành Xá-vệ có những người rất nghèo, cô độc. Có thể đem áo tốt này cho họ.

Vua Ba-tư-nặc bảo các quần thần cầm áo đi đến thành Xá-vệ cho các người nghèo cùng, cô độc, già yếu ở trong nước. Lúc đó, những người nghèo khổ và nhiều người khác nghe vua Ba-tư-nặc đem áo nhiều màu sắc, giá trị trăm ngàn cho Tu-lại rồi lại phát tâm bố thí, trăm ngàn ức người trong và ngoài thành Xá-vệ cùng tập trung đến. Họ đều được mặc áo giá trị trăm ngàn, vừa mặc vào liền phát sinh tâm thiện, nghĩ: “Ta sẽ dùng những vật gì cúng dường để báo ân Tu-lại?”

Nương oai thần Phật và Tu-lại, trên hư không

liền phát ra tiếng nói:

– Không phải đem hương hoa và hương thoa, không phải đem thức ăn ngon ngọt mà có thể báo ân Tu-lại. Cách báo ân không gì hơn là phát tâm đạo.

Tu-lại không vì y phục, thức ăn; cũng không vì cúng dường, khen ngợi phước đức, mà chỉ vì độ chúng sinh khiến phát tâm đạo nên thuận theo lời dạy của Tu-lại và thực hành đạo trí tuệ.

Lúc đó, Tộc tánh tử Tu-lại liền rời chỗ ngồi, cùng với vua Ba-tư-nặc, cung phi, mỹ nữ, quần thần, dân chúng đều đi ra khỏi thành Xá-vệ, đến vườn Kỳ Đà – Cấp Cô Độc. Mười ức người nghèo trong thành Xá-vệ nghe tộc tánh tử Tu-lại đến gặp Như Lai, nghĩ đến ân Tu-lại nên cùng đi theo.

Nhờ oai thần của Phật, Thích-đề-hoàn-nhân từ thành Xá-vệ đến vườn Cấp Cô độc, ở giữa đường hóa ra đạo tràng rộng lớn, trang nghiêm tốt đẹp như trời Đao-lợi, cung điện ban ngày được trang trí rất đẹp. Lại hóa ra nhiều loại cây báu, ở bên cội cây hóa ra tòa Sư tử trang nghiêm, kiên cố, cao ngàn tầm mũi tên bắn, dùng nhiều trăm ngàn tám tư lụa năm màu của cõi trời phủ lên.

A-tu-la nữ Thủ-da, hàng vạn ngọc nữ theo hầu cầm hoa trời, hương trời, ca hát kỹ nhạc cúng dường Như Lai.

Sau khi Đế thích cúng dường tòa Sư tử, Đức

Thế Tôn biết mọi người đã tập hợp, Ngài cùng với các Bồ-tát và đại đệ tử ra khỏi vườn Kỳ Đà, đi đến tòa Sư tử trang nghiêm, ngồi kiết già trên tòa Sư tử. Lúc Như Lai vừa ngồi trên tòa Sư tử, ba ngàn đại thiên thế giới chấn động sáu cách, hiện bày mười tám dấu hiệu động mà lại động mạnh.

Lúc đó, con của Thích-đề-hoàn-nhân là Cù-hoặc đang ngồi ở trong chúng hội. Thiên tử Cù-hoặc hóa ra sáu vạn tòa. Hóa xong Thiên tử mời các Bồ-tát lên ngồi trên tòa, rồi nói kệ:

*Xin mời các vị
Ngồi nơi tòa này
Do căn lành ấy
Mau được tòa Phật.*

Các Bồ-tát thương xót Thiên tử Cù-hoặc, liền lên tòa ngồi.

Vương tử Bàn-nhã-thức-càn-chấp-nhạc bảo ngọc nữ Nhật Hạnh:

– Cô hãy đem năm trăm loại thiên nhạc đến ca hát, khen ngợi phước đức của Phật, cúng dường tòa sư tử Thế Tôn trong lúc Tu-lại chưa đến. Vì sao? Vì tộc tánh tử Tu-lại công đức trang nghiêm, nhiều người đi theo, có người thấy Như Lai không rõ.

Khi ấy, ngọc nữ Nhật Hạnh, hoàng hậu của vương tử Bàn-nhã-thức-càn-chấp-nhạc đem năm trăm loại thiên nhạc đi đến chỗ Như Lai, cúi đầu đánh lễ nơi chân Phật, tay cầm nhạc khí, ca ngợi

Thế Tôn:

Thế Tôn từ trăm kiếp xưa nay tu hạnh vắng lặng, tịch tĩnh.

Thế Tôn điều phục các chúng sinh, làm cho họ ưa bố thí.

Thế Tôn thân miệng ý ưa giữ giới tịnh.

Nguyện đánh lễ thân thể như núi Tu-di hiện rõ.

Thế Tôn nhẫn nhục, từ bi, kiên cố không mỏi mệt.

Thế Tôn với diệu lực tinh tấn, kiên cố như đại thọ.

Ánh sáng trí tuệ, thiên định của Thế Tôn không gì là không biết.

Nguyện lễ đáng vô cầu trong ba cõi.

Thế Tôn đã thoát khỏi các cấu uế: tham dục, sân giận và si mê.

Thế Tôn đã làm xong những việc cần làm.

Nguyện lễ đáng xứng đáng được ba cõi cúng dường.

Các ma nữ ô uế này Như Lai đã gặp, dùng tâm vô cầu làm cho được an ổn, thành tựu Phật niệm, xa lìa tham dục, không còn thân gần với dục, thích hỏi Như Lai, dứt trừ tâm cấu uế, không để cho những người có tâm trần cấu mê hoặc chúng sinh.

Nguyện lễ nơi chân Phật, chiêm ngưỡng ba mươi hai tướng tốt, anh lạc trăm phước, công đức viên mãn, khéo hướng dẫn chúng sinh đến chỗ

thanh tịnh.

Nguyện lễ đấng trời thần không ai sánh kịp, chân vàng mềm mại, như Sư tử đi trên mây; vì giáo hóa chúng sinh nên nhập thai dòng họ Thích.

Nay khen ngợi công đức trăm phước đầy đủ. Nguyện khiến cho chúng sinh tâm luôn vui vẻ, không mỏi mệt, ngợi khen phước đức thù thắng. Nguyện khiến mau thành tựu mọi sự ngợi khen như vậy.

Lúc này, Tộc tánh tử Tu-lại cùng với vua Ba-tư-nặc, các cung phi, quyến thuộc, trăm ngàn chư Thiên ca ngợi, đi đến gặp Thế Tôn. Đến nơi, đánh lễ nơi chân Ngài rồi đứng qua một bên.

Vua Ba-tư-nặc đánh lễ nơi chân Như Lai, nhiễu quanh ba vòng, rồi đứng qua một bên. Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc đem tòa của mình nhường cho Tu-lại mà nói:

– Xin Tộc tánh tử thương xót ngòi lên tòa này. Tu-lại ngòi lên tòa.

Trong chúng có các Thiên tử chưa thấy Tu-lại, tự hỏi: “Người nghèo này có công đức gì mà được nhà vua tôn kính đến như vậy?”

Biết ý Thiên tử, Thích-đề-hoàn-nhân bảo các Thiên tử:

– Chớ sinh tâm khinh mạn đối với vị này mà làm cho công đức của các ông bị tổn giảm, thường không an ổn. Vì sao? Vì tôi quán xét Tộc tánh tử

này có công đức rất lớn, đầy đủ các pháp thiện.

Vả lại, các Thiên tử hãy đợi chốc lát sẽ thấy công đức nơi pháp thiện đầy đủ.

Khi ấy, Tộc tánh tử Tu-lại muốn làm cho các Thiên tử vui, liền bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Xin Thế Tôn giảng nói rõ về tướng tốt trang nghiêm cứu độ chúng sinh của các Bồ-tát đại sĩ, trí tuệ trang nghiêm, thị hiện trang nghiêm, đầy đủ viên mãn, mau thành đạo Vô thượng Chánh giác.

Lúc này, từ nơi thân tướng của Thế Tôn phóng ra ánh sáng chiếu soi đến thân Tu-lại. Khi ánh sáng Phật vừa chiếu đến thân, nhờ ánh sáng Phật, ánh sáng nơi thân Tu-lại vượt gấp hàng ngàn vạn lần ánh sáng của Thích-đề-hoàn-nhân nên thân tướng của Tu-lại thật là trang nghiêm.

Thấy thân tướng của Tu-lại trang nghiêm như vậy, các Thiên tử rất vui mừng, liền đánh lễ Tu-lại rồi đem hoa trời tung lên cúng dường.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Tộc tánh tử Tu-lại:

– Bồ-tát vốn là tôn quý nhưng thị hiện thấp kém vì muốn cứu độ mọi người. Đó gọi là trí tuệ trang nghiêm.

Lại dùng oai nghi làm cho chúng sinh vui, vì chúng sinh thị hiện thần thông. Đó gọi là trí tuệ trang nghiêm.

Lại nữa, này Tộc tánh tử! Tâm ý Bồ-tát được

tự tại, thị hiện nghèo cùng, được các Phạm chí, mọi người cung kính. Đó là trang nghiêm, thanh tịnh.

Lại nữa, này Tộc tánh tử! BỒ-tát thị hiện nghèo khổ để cảm hóa ngoại đạo, trừ tâm tham mà thị hiện nghiệp lớn. Lại hiện bỏ nhà cửa, tham dục để dẫn dắt, khiến chúng sinh chán ghét nhà cửa. Đó là sự nghiêm tịnh của Tu-lại. Ấy cũng là BỒ-tát làm thanh tịnh chúng sinh, đầy đủ trí tuệ trang nghiêm, tinh tấn trang nghiêm mau thành tựu đạo Chánh chân vô thượng.

Khi ấy, Tôn giả A-nan bạch Thế Tôn:

– Tộc tánh tử này từ khi phát tâm đến nay đã bao lâu? Vì sao được Như Lai phóng ra ánh sáng trang nghiêm nơi thân, tương như vậy?

Đức Thế Tôn bảo Tôn giả A-nan:

– Tộc tánh tử này đời trước đã cúng dường rất nhiều ức trăm ngàn Phật, thực hành vô lượng các hạnh nơi sáu độ, dùng thần thông để được tự tại, đã đắc ba nhãn, đã được biện tài vô ngại, dùng phương tiện thiện xảo mà hóa độ chúng sinh nên thị hiện làm người rất nghèo.

Tôn giả A-nan bạch Thế Tôn:

– Tộc tánh tử Tu-lại thị hiện nghèo khổ để hóa độ được bao nhiêu chúng sinh?

Thế Tôn bảo Tôn giả A-nan:

– Bảy ngàn vị nơi cõi trời thuộc Dục giới, một vạn hai ngàn vị nơi cõi trời thuộc Sắc giới đều phát

tâm cầu đạo quả Chánh chân vô thượng, vô số vị ở cõi người đều phát đạo tâm và sinh vào cõi lành.

Tôn giả A-nan lại hỏi:

– Tu-lại bao lâu sẽ thành tựu bậc Chánh giác, khi chứng quả, danh hiệu là gì? Cõi Phật trang nghiêm như thế nào?

Khi ấy, Đức Thế Tôn muốn khen ngợi quốc độ trang nghiêm của Tu-lại liền nói kệ:

*A-nan, nghe Ta nói
 Vì hướng dẫn thế gian
 Giáo hóa các chúng sinh
 Giảng nói pháp rộng lớn.
 Phát tâm hành Đại thừa
 Kiếp số vô hạn lượng
 Từ lúc mới phát tâm
 Làm việc lành đến nay.
 Phụng sự các Đức Phật
 Và cúng dường các Phật
 Vì các pháp trường tồn
 Nên thường hay ủng hộ.
 Với trí tuệ thực hành
 Vô lượng các pháp môn
 Thần thông được tự tại
 Thường hành bốn đẳng tâm.
 Học phương tiện quyền xảo
 Thấy sinh tử ô uế
 Quán xét giáo pháp Phật*

Khéo học tướng trong sạch.
 Biết căn cơ chúng sinh
 Theo đó mà độ thoát
 Với trí tuệ thực hành
 An trụ pháp thanh tịnh.
 Được biện tài vô ngại
 Trụ các pháp Tổng trì
 Thoát khỏi mọi lưới ma
 Oai nghi của chư Phật.
 Trụ vững, không lay động
 Không tham đắm cầu nhiễm
 Vượt tám pháp thế gian
 Được, mất không bận tâm.
 Không vướng mắc các pháp
 Không xa cũng không gần
 Ví như tánh hư không
 Tâm ấy không vướng chấp.
 Không có tâm mệt mỏi
 Thường hành tâm đại bi
 Kiên cố trụ nhân nhục
 Mặc áo giáp đức từ.
 Từ với mình thế nào
 Với chúng sinh cũng vậy
 Không ôm tâm hiểm hận
 Không tra hỏi người phạm.
 Như chỗ nên thọ nhận
 Đón tiếp không lánh xa
 Nói và làm không trái

Học tất cả các pháp.
Tướng giải thoát như vậy
Hai pháp đều giải thoát
Được đầy đủ ba nhân
Không phát sinh các hành.
Các hạnh của chư Phật
Khéo tu tập oai nghi
Ở nơi các quốc độ
Tạo lợi ích chúng sinh.
Bất cứ nơi chốn nào
Mà không có Như Lai
Việc làm của Tu-lại
Như cúng dường Thế Tôn.
Nên kính ngưỡng, tôn trọng
Này chư Thiên thế nhân
Sau khi Ta diệt độ
Vào lúc chánh pháp diệt.
Tu-lại sẽ sinh đến
Thế giới ở phương Đông
Cõi ấy tên Diệu Lạc
Như Lai tên Vô Nộ.
Sẽ từ ấy trở đi
Hơn ba a-tăng-kỳ
Số đó không giảm bớt
Từ đây trở về sau.
Liên tục siêng hành đạo
Làm trang nghiêm cõi nước
Vì muốn độ chúng sinh

Vào thời kiếp sau cùng.
 Sẽ chứng thành đạo quả
 Hiệu Quang Thế Âm Vương
 Cõi như Phật A-súc
 Thế giới của Như Lai.
 Thế giới tên Thiện Hóa
 Các đức đều đầy đủ
 An trụ đời vạn năm
 Mà giáo hóa thế gian.
 Chúng Tăng vô hạn lượng
 Ít người phát Tiểu thừa
 Cầu Đại thừa vô hạn
 Biết khắp lực thần thông.
 Kẻ phạm phu ngu ám
 Giáo hóa được thanh tịnh
 Truyền bá khắp mọi nơi
 Giảng dạy tất cả pháp.
 Không bị ma lôi kéo
 Trí thanh tịnh rộng khắp
 Sau khi Phật diệt độ
 Chánh pháp trụ ở đời.
 Tám vạn bốn ngàn năm
 Pháp tuệ không ẩn mất
 Tu-lại giáo hóa chúng
 Phụng trì đạo cao thượng
 Mọi người sống nơi đó
 Tiêu trừ các lậu hoặc.

Lúc Thế Tôn vì Tộc tánh tử Tu-lại giảng nói

nêu rõ, tất cả chúng hội đều lấy y dâng lên Tu-lại. Âm thanh khuyến khích vang khắp ba ngàn đại thiên thế giới. Do âm thanh khuyến khích đó, vô lượng vô số chư Thiên, rồng, quỷ, Càn-đạp-hòa, A-tu-la, Ca-lưu-la, Chân-đà-la, Ma-hưu-lặc, người và phi nhân đều đến tập hợp cúng dường Tộc tánh tử Tu-lại.

Đức Thế Tôn cũng vì những chúng sinh này, tùy theo nhân duyên mà thuyết pháp giáo hóa, làm cho họ hiểu rõ hạnh ba thừa.

Khi ấy, vua Ba-tư-nặc đứng trước Thế Tôn chấp tay thưa:

– Bạch Thế Tôn! Con say mê với ngôi vua, say mê với tài nghiệp, say mê với giàu sang, say mê với kho tàng, vàng bạc, kho lương thực, tham lam, bòn xén không chán, cưỡng ép lấy của cải dân chúng làm của nước. Bạch Thế Tôn! Như con đời đời theo hình tướng như vậy để bảo vệ ngôi vị, thi hành giáo hóa, nay do nghe tộc tánh tử Tu-lại giảng pháp, nhờ đây con mới biết mình thật nghèo nàn. Nay ở trước Thế Tôn, con xin xả bỏ ngôi vị, lập thái tử Lưu Ly lên làm vua. Con sẽ đem thân mạng phụng trì giới, làm người giữ vườn chăm lo công việc cho Thế Tôn và chúng Tăng. Của cải, vật báu chia làm ba phần: Phần thứ nhất ở trước Phật dâng lên chúng Tăng. Phần thứ hai cho những người nghèo khổ, cô độc. Phần thứ ba để làm những việc trong triều đình.

Lại nữa, bạch Thế Tôn! Con nghe như vậy: Thời tượng pháp ở ngôi vị giáo hóa sẽ có tâm tham đắm sản nghiệp, bị bạn ác ngu si dẫn dắt mới có ý tham đắm. Do đó, con làm việc lành đều hồi hướng cho chúng sinh, nguyện phát tâm cầu đạo quả Vô thượng Chánh giác.

Lúc đó, nơi chúng hội, năm trăm trưởng giả, năm trăm cư sĩ, năm trăm Phạm chí, năm trăm quần thần nghe vua Ba-tư-nặc thệ nguyện như tiếng gầm của Sư tử, đều phát tâm Vô thượng Chánh giác, xả bỏ gia tài sản nghiệp, muốn được Thế Tôn giáo hóa, bỏ nhà thế gian, học đạo. Trong hội, ngoài ba trăm người ra, tất cả đều làm Tỳ-kheo Tăng, cắt bỏ râu tóc, đắp áo ca-sa.

Bấy giờ, Tộc tánh tử Tu-lại liền từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, gối phải chạm đất, chấp tay, bạch Thế Tôn:

– Con xin nguyện theo Thế Tôn cùng mười phương hiện tiền chư Phật thọ lãnh giáo pháp, bỏ nhà, xuất gia.

Tộc tánh tử Tu-lại lại cúi đầu lễ chư Phật Thế Tôn khắp mười phương, phát nguyện: “Nguyện xin chư Phật Thế Tôn chấp thuận cho con vào đạo”.

Khi ấy, chư Phật đều đưa bàn tay phải xoa đầu Tu-lại. Vừa xoa đầu, râu tóc đều rụng, pháp y đắp trên thân, oai nghi tự tại. Lúc đó, ba ngàn đại thiên

thế giới đều chấn động đủ sáu cách, phóng ra ánh sáng lớn chiếu khắp mười phương, trời mưa xuống vô số các hoa. Các cánh tay của chư Phật ấy đều không gây chướng ngại nhau.

Thế Tôn Thích Ca Văn cũng đưa cánh tay sắc vàng xoa đầu Tu-lại. Những người phát đạo tâm thấy việc biến hóa này đều được chư Phật thọ ký, nên giảng nói pháp này.

Lúc ấy, năm trăm Tỳ-kheo phát Thanh văn thừa đều được tâm không tham đắm. Một ngàn vị Bồ-tát đều được pháp nhãn Vô sinh.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Tôn giả A-nan:

– Hãy thọ trì pháp ấy, giáo hóa, lưu truyền, giảng nói rộng rãi cho khắp chúng sinh. Vì sao? Vì đời này có năm thứ ô trược: ô trược nơi chúng sinh, ô trược nơi phiền não, nơi thọ mạng, nơi tà kiến, nơi thời kiếp. Phật xuất hiện ở đời chính là thời này. Muốn hóa độ những người ấy nên khiến Tu-lại thị hiện sự nghèo khổ. Vì sao? Vì nếu Ta không thị hiện ở thế giới Ta-bà này thì không thể hóa độ được một người nào. Này A-nan! Nên đem hiện pháp này chỉ dạy khắp chúng sinh. Các chúng sinh nếu tin theo pháp ấy sẽ được giải thoát, được Như Lai giáo hóa.

Phật bảo các đệ tử:

– Hãy khéo nhớ nghĩ, phụng trì.

Tộc tánh tử Tu-lại và vua Ba-tư-nặc, Thích-đề-

hoàn-nhân, Trưởng lão A-nan, chư Thiên, Long vương, Quỷ thần, A-tu-la và người nơi thế gian nghe Phật thuyết pháp đều hoan hỷ đánh lễ và lui ra.



SỐ 330

KINH BỒ TÁT TU HÀNH

*Hán dịch: Đời Tây Tấn, Sa môn
Bạch Pháp Tổ.*

Nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại Tinh xá Kỳ Đà – Cấp Cô Độc, thuộc nước Xá-vệ, cùng với một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-kheo và năm ngàn vị Bồ-tát, đều là bậc Bồ-tát có thần thông suốt, với trí tuệ biến hóa thiện xảo, đi khắp ba ngàn thế giới cứu giúp, làm lợi ích cho tất cả chúng sinh.

Khi ấy, trong thành thuộc nước Xá-vệ có trưởng giả giàu sang tên Tỳ La Đạt (Đời Tấn dịch là Oai Thí) và năm trăm đại trưởng giả cũng ở trong thành đó. Vào một đêm cùng có ý nghĩ như nhau, sáng ra họ đều rời khỏi thành Xá-vệ, đi đến Tinh xá Kỳ Đà – Cấp Cô Độc, đến trước Phật, đánh lễ, nhiễu quanh Phật ba vòng, thăm hỏi Thế Tôn, rồi ngồi qua một bên.

Lúc ấy, với trí tuệ vô lượng, Đức Thế Tôn hỏi trưởng giả Oai Thí và các trưởng giả tộc tánh tử:

- Các ông suy nghĩ gì mà đến gặp Như Lai?
- Bạch Thế Tôn! Chúng con tập hợp, ngồi ở

nơi vắng vẻ đều có ý nghĩ: “Ồ đời khó được gặp Phật, được thân người cũng vậy, được giải thoát thế gian cũng rất khó”.

Chúng con trộm nghĩ: “Nên theo pháp thừa nào để đến Niết-bàn? Nên dùng pháp Thanh văn hay Duyên giác thừa để đạt được Niết-bàn? Hay dùng pháp Đại thừa để đến Niết-bàn?”.

Khi chúng con nghĩ như vậy liền nói: “Nguyện cầu cho chúng con được Niết-bàn Vô thượng thừa. Thân này không thể do pháp Thanh văn, Duyên giác mà giải thoát được”.

Bạch Thế Tôn! Chúng con nguyện phát tâm cầu đạo Vô thượng Chánh giác. Nhờ pháp này nên chúng con được đến thân cận Như Lai. Tại sao tâm tánh Bồ-tát đại sĩ thường mong muốn đạo Vô thượng Bình đẳng Chánh chân? Chúng con nên học pháp nào để được an trụ? Nguyện xin Như Lai rủ lòng từ bi thương xót vô hạn, giải rõ chỗ nghi ngờ cho chúng con.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Trưởng giả Oai Thí:

– Lành thay! Lành thay! Các đại trưởng giả lại có thể bỏ thế tục, xả bỏ mọi vinh hoa, dục lạc ở đời, phát tâm cầu đạo quả Chánh chân vô thượng, đến thân cận Như Lai. Lại nữa, này Oai Thí và các trưởng giả! Hãy siêng năng lắng nghe và suy nghĩ, Ta sẽ giảng nói về hạnh của Bồ-tát, đại sĩ chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng giác, hạnh nguyện nên

làm và pháp giác ngộ.

Trưởng giả Oai Thí và năm trăm vị kia đều chấp tay cung kính lắng nghe.

Khi ấy, Phật bảo các trưởng giả:

– Bồ-tát đại sĩ phát tâm mong muốn đạt đạo Vô thượng Chánh giác, tâm hướng đến chúng sinh, phát tâm đại từ vô lượng thường nhớ nghĩ, cứu giúp, không bỏ, siêng năng tu học không quên. Như vậy mới là phát tâm cầu đạt đạo quả Vô thượng Chánh giác.

Lại nữa, các trưởng giả! Nếu có chúng sinh nào tạo ra các nghiệp ác về thân, khẩu, ý, làm những việc phi pháp thì sau khi chết sẽ bị đọa vào địa ngục.

Này các trưởng giả! Trong trời đất tập hợp toàn là các thứ khổ. Bồ-tát nhìn thấy các loại chúng sinh với tâm đại bi, đại từ, ra sức cứu giúp họ. Thân mình không tham đắm về y phục, thức ăn, uống, các thứ lợi dưỡng, nên bố thí hết các đồ quý báu, ưa thích, thường nghĩ đến các chúng sinh ấy, thận trọng thực hành giới luật, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ.

Như vậy, này các trưởng giả! Bồ-tát đại sĩ muốn phát tâm Chánh chân vô thượng nên tu tập quán pháp ngay nơi thân hành.

Bấy giờ, Oai Thí và các trưởng giả thưa:

– Bạch Thế Tôn! Chúng con nên tu pháp thân

có ba, khẩu có bốn, ý có ba. Tại sao Bồ-tát đại sĩ nên quán pháp thân hành?

Đức Thế Tôn bảo Oai Thí và các trưởng giả:

– Như vậy, này các trưởng giả! Bồ-tát đại sĩ có bốn mươi hai pháp quán thân. Sau khi quán sẽ lìa bỏ mọi tướng ràng buộc của thân, tâm, ý thức, tham đắm về cái ta, tham mạng sống ô trược, tán loạn, đoạn trừ hết thảy các điều sai quấy.

Khi ấy, Oai Thí và các trưởng giả vâng lời lắng nghe.

Đức Phật dạy:

– Bồ-tát đại sĩ quán thân ô uế vốn là bất tịnh.

Quán thân là chỗ hội chứa toàn đồ hôi thối.

Quán thân nguy khốn sẽ bị hủy hoại.

Quán thân không bền vững, sẽ tan nát như bụi.

Quán thân như huyễn do các đại biến hóa.

Quán thân có chín lỗ thường tiết ra chất bản.

Quán thân bị lửa dâm dục thiêu đốt.

Quán thân bị lửa sân giận đốt cháy.

Quán thân bị lửa ngu si làm mê mờ.

Quán thân bị lưới ân ái ràng buộc.

Quán thân như mụn nhọt, bị các khổ bức bách.

Quán thân có thể bị bốn trăm lẻ bốn thứ bệnh.

Quán thân là nhà ô uế chứa các loại trùng.

Quán thân vô thường, chết trở về cát bụi.

Quán thân ngu muội không thấu đạt pháp thể.

Quán thân không yên định, không tồn tại lâu dài.

Quán thân không lợi ích, thường ôm lòng ưu sầu.

Quán thân không bền chắc, đến già rất cực khổ.

Quán thân không đáng tin, chỉ là do các thứ trang sức lừa dối.

Quán thân khó biết đủ, thọ nhiều mà không chán.

Quán thân như hang ổ chịu các sắc ái.

Quán thân tham lam, mê hoặc đắm chấp nơi năm dục lạc.

Quán thân ngu muội, chỉ lo vui chơi.

Quán thân không an trụ, bị sinh tử trong các đường.

Quán thân nơi tâm niệm thường nghĩ tưởng đến các điều hạ tiện.

Quán thân không có bạn bè giúp đỡ, nuôi dưỡng, hội họp rồi chia ly.

Quán thân như các loài cáo, sói, tranh giành ăn nuốt thức ăn.

Quán thân với các cơ quan thay đổi liên tục.

Quán thân lệ thuộc nhiều vào việc ăn uống.

Quán thân máu mủ chảy tràn, hôi thối không ai dám nhìn.

Quán thân bị hủy diệt, chẳng phải là pháp

thường còn.

Quán thân như báo thù bị nhiều oán hại.

Quán thân đầy những nóng bức, thường ôm lòng ưu sầu.

Quán thân là tập hợp tai ương do sai lầm của năm ấm.

Quán thân bị nạn khổ theo sinh tử.

Quán thân chẳng có ngã, do các duyên tập hợp.

Quán thân không có tánh nam, nữ; chỉ là hợp tan.

Quán thân là không, chỉ là các căn thọ nhận các trần.

Quán thân không thật chỉ như huyễn hóa.

Quán thân giả dối, hiện ra như mộng.

Quán thân hư giả ví như dợn nắng.

Quán thân dối trá như tiếng vang, như hình bóng.

Này trưởng giả! Đó là bốn mươi hai pháp quán thân hành của Bồ-tát Đại sĩ. Người nào không quán như vậy thì hoặc tham đắm nơi thân, tâm, ý thức, do đây sinh diệt. Bồ-tát nào quán như vậy rồi thì mọi tham ái về thân mạng, tham ái về ngã, các nghi ngờ, điên đảo, sai lầm, các dục lạc, kiến chấp về có, thường đều đoạn trừ hết. Một lòng giữ đạo không tiếc mạng sống. Như vậy, mau đây đủ sáu độ vô cực.

Này trưởng giả! Bồ-tát Đại sĩ do đây nên đạt

đầy đủ sáu đức phương tiện, hóa độ rộng khắp, nên mau chứng đạo Vô thượng Chánh giác.

Lúc đó, Đức Thế Tôn muốn nhắc lại về pháp thân hành, nên nói kệ:

*Được làm người rất là khó
 Không đem thân làm việc ác
 Khi chết ném ra gò mả
 Cáo sói ăn, hoặc thối nát.
 Tự lừa dối, thường mê hoặc
 Thường nhớ nghĩ tham sắc dục
 Thân này cầu không xét lại
 Ngày đêm chịu các khổ đau.
 Do khổ đau thành phiền não
 Thân ung nhọt đầy bất tịnh
 Thường khổ cực, chịu đói khát
 Bực trí sao tham mạng sống?
 Thường mền thân không nhàm chán
 Hết lòng nuôi dưỡng thân ấy
 Do thấy sắc, phạm các tội
 Nên nhận chịu khổ địa ngục.
 Thân không thể như Kim cang
 Không nên dùng tạo nghiệp ác
 Tuy sống lâu cũng sẽ chết
 Ngay bây giờ hãy niệm Phật.
 Giả sử thường nuôi dưỡng thân
 Ăn ngon ngọt, trang sức hoa
 Gặp đói khát, không no đủ
 Dầu gắng sức có ích gì.*

Trái vô số kiếp mới gặp
 Đức Phật oai hùng thế gian
 Phát tâm tin, chớ phạm tội
 Đọa ba đường chịu khổ đau.
 Ở đó chịu ngàn ức năm
 Tự gắng sức như cứu lửa
 Huống là người thọ trăm tuổi
 Buông lung tạo nhân địa ngục.
 Nếu ai tưởng nghĩ đến ngã
 Được thân người rất là khó
 Thường buông lung năm dục lạc
 Chỉ vui chơi, sao biết sau.
 Dục lạc này không lâu dài
 Các khổ đau đến không xa
 Mau lìa các thói xan, tham
 Có thể được phước lộc lớn.
 Có, không của đều như mộng
 Đem điều này dối chúng sinh
 Một khi có, liền mất hết
 Người có trí không bỏn xén.
 Sắc mê hoặc như huyễn hóa
 Hiện dối trá như hoa đẹp
 Muốn của cái, tự dối mình
 Ngu mê lâm bị điên đảo.
 Đem các khổ cho đến phước
 Dùng thân này nghĩ nhớ tới
 Có, không của thuộc năm nhà
 Người trí nào lại mê của.

Sai lầm theo vợ và con
 Vua ý thế lấy của cải
 Hiếu rõ nghĩa vô thường ấy
 Hoàn toàn không ưa lợi lạc.
 Do ân ái gây khổ não
 Không tham đắm vào gia đình
 Cha mẹ, của cải, vợ con
 Đều để lại, đi một mình.
 Có tham tiếc, không tự giác
 Sợ của cải theo ta mất
 Người ngu si cầu của cải
 Người có trí tin, không tham.
 Tham, không tin, không thể theo
 Tự hèn hạ như đũa ở
 Ngoài tham lam, trong nóng đốt
 Các Hiền Thánh không khen ngợi.
 Hội đàm, đọc, tụng, ngâm thơ
 Mê hoặc chúng như dâm nữ
 Tánh hung dữ và thô bạo
 Người bòn xén hay ganh ghét.
 Tánh tham lam không bạn bè
 Tánh khiêm nhường, nhiều người thân
 Vì ham của, khổ theo sau
 Người trí nghĩ, chớ nên tin.
 Theo của cải, sinh việc này
 Và phát sinh tâm độc hại
 Là người trí nên quán sát
 Bỏ xan, tham, ganh, tà vạy.

Vàng, châu báu, các ngọc quý
 Do phước lộc mà được đó
 Do đây nên sinh tranh cãi
 Chế pháp này điều tâm ý.
 Có thể gặp đáng tội tôn
 Đức Như Lai Phật Từ Thị
 Mới có đất bằng vàng bạc
 Biết nơi nào sẽ sinh đến.
 Năm dục lạc đều giả dối
 Ngu mê hoặc lừa dối tâm
 Dục như nóng bức mùa Hạ
 Khô, lao nhọc như sóng nắng.
 Tham sắc dục bị mê hoặc
 Do say mê, mất ý chí
 Theo thói dục bị đảo điên
 Đến lúc nào được gặp Phật?
 Vào khoảng chín mười một kiếp
 Mới có Phật hiện ở đời
 Thiêu hủy hết núi Tu-di
 Sau do đâu sẽ được gặp?
 Biển, ao, hồ đều khô cạn
 Cả trời đất không còn nước
 Dục thiêu đốt cũng như vậy
 Bạc trí nào lại đắm dục.
 Các bậc trí hiểu thông suốt
 Nên xét biết, trú tịch diệt
 Tham dục lạc đâu vui gì
 Hiểu như vậy không mắc lưới.

Quán, thực hành pháp tối thượng
Chớ luyến tiếc ngục gia đình
Tâm ô uế tham ân ái
Không thể nào thoát khổ ngục.
Vợ con rồi hợp cũng tan
Việc mình làm, tự mình lãnh
Đơn độc chịu các khổ đau
Không có ai thay thế cho.
Ba cõi này rất khổ não
Không gì hơn vợ và con
Lúc thương yêu, gần vui vẻ
Ngược lại thành buồn khổ não.
Duyên đọa vào ba đường khổ
Độc chua cay thật thảm thương
Nếu phải chịu các khổ não
Vợ con không thể thay được.
Chớ vì cha mẹ, quyến thuộc
Mà gây tạo các việc ác
Không thoát khỏi khổ A-tỳ
Chẳng bằng thân làm việc thiện.
Diêm la vương cùng ngục tốt
Không hỏi việc của cha mẹ
Anh em, vợ con, bè bạn
Chỉ hỏi có làm thiện ác.
Nay được thọ làm thân người
Do đó nên không nghĩ ác
Diệt trừ hết các tội lỗi
Sửa đổi việc bất thiện trước.

Tự ngăn ngừa việc xấu ác
 Chớ tin làm không quả báo
 Đáng pháp vương đang thuyết giảng
 Giải phân biệt hạnh thanh tịnh.
 Tạo nghiệp gì, quả tương ứng
 Ý buông lung, chịu khổ ão
 Thân tạo tác chịu tai ương
 Ví như là bóng theo hình.
 Lúc lãnh chịu các khổ đau
 Cha mẹ cũng không thay được
 Người thân lắm cũng không thay
 Nên người trí không luyến dục.
 Muốn thoát khỏi khổ địa ngục
 Và các cùm gông, xiềng xích
 Nên siêng nghĩ xa lìa dục
 Mau thực hành giáo pháp Phật.
 Ngôi nhà lửa nhiều phiền ão
 Lửa bùng cháy vẫn an nhiên
 Bạc trí tuệ sao an vui
 Rơi vào trong ngọn lửa dữ.
 Người tại gia lo lợi dưỡng
 Ở thế tục nghiệp vợ con
 Có hàng vạn mối lo âu
 Bạc trí sao không bỏ nhà.
 Pháp mười lực rất an lạc
 Không như vậy chịu khổ đau
 Lo cho con mất ý chí
 Người mê hoặc, đọa địa ngục.

*Người mê muội trong thế gian
Nghĩ nhớ tưởng vợ con mình
Ngu si cho là thường còn
Không biết thân như huyễn hóa.*

Lúc Phật Thế Tôn giảng nói pháp này, Oai Thí và năm trăm trưởng giả liền đắc pháp nhãn nhu thuận. Do đắc nhãn này, thần thông đầy đủ đạt được Thánh trí biết rõ quá khứ, vị lai và hoằng truyền trí tuệ nhiệm mầu không hề bị chướng ngại, hiểu rõ ý muốn của chúng sinh, phát sinh tâm quán xét tất cả chúng sinh nơi chúng hội, liền nói kệ:

*Lành thay làm lợi lớn
Tối thượng trong các lợi
Là phát tâm thực hành
Mong cầu Phật, Bồ-tát.
Tâm Đại thừa an lạc
Chỉ làm vui chúng sinh
Vì người sửa cầu đường
Chỉ mong cầu Đại thừa.
Chúng sinh vì ưa thích
Hình dáng người ưa nhìn
Có người nào phát tâm
Chỉ cầu đạo Bồ-tát.
Người phát tâm Bồ-đề
Gieo đức nơi ruộng phước
Người ưa thích Bồ-tát
Là bậc trí ba cõi.
Tâm kính thánh Bồ-tát*

*Vượt qua các loại tâm
 Tất cả đều đầy đủ
 Có thể độ chúng sinh.
 Chúng sinh vui được lợi
 Ưa muốn phát tâm này
 Gặp được Phật Năng Nhân
 Sư tử Tối chánh giác.
 Liên được nghe pháp ấy
 Bồ-tát quán thân, pháp
 Chỉ mong cầu Đại thừa
 Đạt đến nhẫn nhu thuận.*

Khi ấy, Phật liền mỉm cười. Lúc Đức Thế Tôn mỉm cười, hào quang năm sắc từ kim khẩu phóng ra, rực rỡ như ánh sáng mặt trời, mỗi màu sắc đều khác nhau, vô số ánh sáng chiếu khắp các quốc độ trong mười phương, oai lực của ánh sáng ấy che mờ ánh sáng cung điện của tất cả Thích, Phạm, mặt trời, mặt trăng, thiên, ma.

Khi Phật mỉm cười và che ánh sáng, chư Thiên, long thần và người thế gian gồm bảy vạn hai ngàn người thấy thần thông biến hóa, ánh sáng chiếu rực rỡ của Phật, đều tự giác, được Như Lai chiếu ánh sáng làm thân thể an ổn, đều ngay tại chỗ ngồi bỗng nhiên chứng đắc pháp nhẫn Vô sinh. Ngoài ra, vô số người đều phát tâm Vô thượng Chánh giác.

Sau đó, ánh sáng vòng quanh thân Phật ba vòng rồi bỗng nhiên trở vào lại đỉnh đầu.

Bấy giờ, Hiền giả A-nan bạch Phật:

– Chư Phật Như Lai xuất hiện ở đời, đem giáo pháp rộng lớn hóa độ chúng sinh, trọn không dỗi gạt. Nay do đâu Thế Tôn hiện tướng oai nghi lại vui vẻ mỉm cười? Lành thay Thế Tôn! Như Lai ban đức, thương tưởng tất cả vô lượng chư Thiên và người thế gian, làm cho họ đều được an vui. Các loài súc sinh, cầm thú, côn trùng đều được độ thoát. Nguyên xin giải rõ ý Ngài mỉm cười.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Hiền giả A-nan.

– Ông có thấy trưởng giả Oai Thí và năm trăm trưởng giả không?

– Bạch Thế Tôn! Con có thấy.

Đức Thế Tôn bảo:

– Các trưởng giả này ở thời chư Phật quá khứ đã gieo trồng phước đức. Như vậy, này A-nan! Trưởng giả Oai Thí và năm trăm trưởng giả từ lúc phát tâm Vô thượng Chánh giác trở về sau trải qua bảy mươi sáu kiếp không đọa trong ba đường khổ, sau đây sẽ thành Phật cùng một kiếp, kiếp tên Dũng Mạnh, đều cùng một tên là Hoa Cát Tạng Vương gồm đủ các tôn hiệu Như Lai, Vô Sở Trước, Bình Đẳng Đẳng Chánh Giác, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn. Mỗi vị đều độ chúng sinh đến vô lượng.

Hiền giả A-nan lại bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Thật là sâu xa vi diệu chưa

từng có. Như Lai thuyết giảng chánh pháp thâm diệu vô lượng. Kinh này tên là gì? Nên phụng trì như thế nào?

Đức Phật dạy:

– Này A-nan! Kinh này tên là “Bồ Tát Tu Hành”, cũng gọi là “Kinh Đại Sĩ Oai Thí Sở Vấn Quán Thân Hành”.

Lại nữa, này A-nan! Chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại thành đạo, hoằng hóa đều nhờ nơi pháp quán ấy. Ta nay thành Phật, có thân tướng tốt đẹp, giáo hóa người trong vòng sinh tử cũng nhờ pháp ấy. Các ông hãy khéo ghi chép, thọ trì, đọc tụng, giảng giải cho tất cả chúng sinh.

Phật giảng nói kinh này xong, Hiền giả A-nan, Đại sĩ Oai Thí và năm trăm người, chư Thiên, Long thần và người nghe kinh đều hoan hỷ cung kính đánh lễ Phật.



SỐ 331

KINH VÔ ÚY THỌ SỞ VẤN ĐẠI THỪA

Hán dịch: Đời Triệu Tống, Đại sư Thi Hộ.

QUYỂN THƯỢNG

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Thế Tôn trú nơi khu lâm viên Kỳ Đà - Cấp Cô Độc, thuộc nước Xá-vệ, cùng với chúng đại Bì-sô gồm một ngàn hai trăm năm mươi vị, đều là A-la-hán, đã đoạn hết các lậu, không còn phiền não, tâm hoàn toàn giải thoát, tuệ hoàn toàn giải thoát, như đại Long vương, việc cần làm đã làm xong, bỏ các gánh nặng, đã được tự lợi, dứt trừ các kiết sử, chánh trí giải thoát, các tâm tịch tĩnh, đều đạt đến bờ kia, chỉ có Tôn giả A-nan là còn ở bậc hữu học.

Lại có năm trăm vị Đại Bồ-tát đều chứng đắc tất cả môn Đà-la-ni, Tam-ma-địa, đều là bậc Nhất sinh bổ xứ.

Bấy giờ, trong thành Xá-vệ có vị trưởng giả tên là Vô Úy Thọ rất giàu có, đầy quyền lực, có nhiều của báu, tích chứa các vật dụng, kho tàng nào vàng, bạc, lưu ly, châu châu, san hô, các đồ chạm xà cừ

v.v... đều đầy đủ. Ngoài ra, còn có xe cộ, voi, ngựa, trâu, dê v.v... Lại có nhiều quyến thuộc, nô tỳ, tôi tớ, người giúp việc và bạn bè.

Một thời, Vô Úy Thọ cùng với năm trăm trưởng giả tập hợp, nói với nhau:

– Các Nhân giả! Gặp Phật ra đời là việc khó, được thân người là khó, gặp thời thế thuận lợi là khó, phát lòng tin thanh tịnh đối với giáo pháp của Phật rất khó; bỏ nhà xuất gia, thành Bì-sô cũng là khó, tu hành lại rất khó. Các hữu tình kia biết ân, nghĩ nhớ báo ân cũng rất khó. Chỉ thực hành được chút ít còn không mất, huống là thực hành nhiều.

Lại nữa, các hữu tình ở trong giáo pháp của Đức Như Lai có thể phát lòng tin thanh tịnh. Tin rồi, lại có thể nương vào giáo pháp mà tu hành, việc này rất là khó.

Lại nữa, các hữu tình có thể trang nghiêm bằng giáo pháp của Như Lai, lại có thể giải thoát khỏi nẻo luân hồi, việc này rất là khó.

Vì thế, chúng ta không nên ở trong pháp của Thanh văn thừa và Duyên giác thừa để mong cầu Niết-bàn, mà nên ở trong pháp Vô thượng Đại thừa để mong cầu Niết-bàn, giải thoát.

Bàn luận với nhau như vậy rồi tất cả đều phát sinh tâm thù thắng, rộng lớn, nói:

– Chúng sinh đều nên ở trong pháp Vô thượng Đại thừa để mong cầu Niết-bàn, không ưa Thanh

văn thừa, Duyên giác thừa.

Khi ấy, Vô Úy Thọ cùng với năm trăm trưởng giả lần lượt ra khỏi thành Xá-vệ, đến gặp Đức Thế Tôn. Đến nơi, cúi đầu đánh lễ nơi chân Ngài, nhiễu quanh theo bên phải bảy vòng rồi ngồi qua một bên.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn biết rõ về việc này rồi, nên hỏi Vô Úy Thọ và năm trăm trưởng giả:

– Này các trưởng giả! Vì sao các ông đến gặp Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác?

Vô Úy Thọ và năm trăm trưởng giả đều rời đứng dậy, trích một vai áo, gói phải chằm đất, hướng về Phật chấp tay đánh lễ, thưa:

– Bạch Thế Tôn! Vừa rồi, khi chúng con ngồi một chỗ, nói với nhau: “Gặp Phật ra đời là việc khó, được thân người là khó, gặp thời thế thuận lợi là khó, phát lòng tin thanh tịnh đối với giáo pháp của Phật rất khó; bỏ nhà xuất gia, thành Bì-sô cũng là khó, tu hành lại rất khó. Các hữu tình kia biết ân, nghĩ nhớ báo ân cũng rất khó. Chỉ thực hành được chút ít còn không mất, huống là thực hành nhiều.”

Lại nữa, các hữu tình ở trong giáo pháp của Như Lai có thể phát lòng tin thanh tịnh. Tin rồi, lại có thể nương vào giáo pháp mà tu hành, việc này rất là khó.

Lại nữa, các hữu tình có thể trang nghiêm bằng giáo pháp của Đức Như Lai, lại có thể giải thoát

khỏi nẻo luân hồi, việc này rất là khó.

Vì thế, chúng ta không nên ở trong pháp của Thanh văn thừa và Duyên giác thừa để mong cầu Niết-bàn, mà nên ở trong pháp Vô thượng Đại thừa để mong cầu Niết-bàn, giải thoát.

Bàn luận với nhau như vậy rồi tất cả đều phát sinh tâm thù thắng, rộng lớn, nói:

– Chúng ta đều nên ở trong pháp Vô thượng Đại thừa để mong cầu Niết-bàn, không ưa Thanh văn thừa, Duyên giác thừa.

Do nhân duyên này, chúng con đến gặp Đức Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Bạch Thế Tôn! Các Đại Bồ-tát muốn chứng đắc đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác nên an trụ như thế nào, học như thế nào, tu hành như thế nào?

Bây giờ, Đức Thế Tôn khen Vô Úy Thọ và năm trăm trưởng giả:

– Lành thay! Lành thay! Các trưởng giả, rất tốt, rất tốt! Các ông vì muốn an trụ nơi đạo quả Bồ-đề vô thượng nên đến gặp Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác. Các ông hãy lắng nghe và chú ý thật kỹ, Ta sẽ thuyết giảng cho các ông.

Khi ấy, Vô Úy Thọ và năm trăm trưởng giả vâng lời, lắng nghe.

Đức Phật bảo các trưởng giả:

– Đại Bồ-tát nào muốn chứng đạo quả Bồ-đề

vô thượng, nên an trụ như vậy, học như vậy, tu hành như vậy.

Lại nữa, Đại Bồ-tát nào muốn chứng đắc đạo quả Bồ-đề vô thượng, nên đối với tất cả hữu tình phát tâm đại bi, gần gũi hết thảy, thâm nhận, quán sát hành động tất cả nhưng Đại Bồ-tát đối với thân mình không nên tham đắm, đối với vật sở hữu: nhà cửa, vợ con, quyền thuộc, thức ăn uống, y phục, xe cộ, giường tòa, châu báu, thóc lúa, hương hoa, đèn v.v... cho đến tất cả vật thọ dụng đáng ưa thích đều không nên tham đắm. Vì sao? Vì phần nhiều các hữu tình tham đắm nơi thân mạng nên tạo nhiều nghiệp tội. Các nghiệp tạo chín muồi sẽ bị đọa sinh trong đường ác địa ngục. Nếu đối với tất cả hữu tình phát tâm đại bi, đối với thân mạng không tham đắm, liền được sinh vào tất cả đường thiện.

Này các trưởng giả! Vì thế, chư Bồ-tát muốn chứng đắc đạo quả Vô thượng, đối với tất cả hữu tình phát tâm đại bi, đối với thân mạng không tham đắm, đối với vật sở hữu: nhà cửa, vợ con, quyền thuộc, thức ăn uống, y phục, xe cộ, giường tòa, châu báu, thóc lúa, hương hoa, đèn v.v... cho đến tất cả vật thọ dụng đáng ưa thích đều không tham đắm. Sau đó tự xả bỏ tất cả, thực hành bố thí rộng lớn, không cầu quả báo mà an trụ nơi giới hạnh, ba tướng thanh tịnh, tu các nhẫn nhục, có thể kham nhẫn mọi điều với tất cả hữu tình, những việc không có lợi ích cho mình đều có thể nhẫn chịu;

mặc áo giáp tinh tấn kiên cố, thân mạng đều có thể xả bỏ, an trụ nơi tịch tĩnh, tâm chuyên chú một cảnh, xa lìa tán loạn, với thắng tuệ lựa chọn các pháp thiện, không phát sinh các kiến chấp về ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả, người, Bồ-đặc-già-la, ý sinh. Vì tất cả chúng sinh làm các hạnh thù thắng, vì tất cả hữu tình tác ý hành bố thí, vì tất cả hữu tình tác ý hộ giới, vì tất cả hữu tình tác ý hành nhẫn nhục, vì tất cả hữu tình tác ý phát sinh tâm kiên cố tinh tấn, vì tất cả hữu tình tác ý an trụ nơi các môn định thù thắng, vì tất cả hữu tình tác ý tu tuệ, vì tất cả hữu tình học tập tất cả phương tiện thiện xảo.

Bấy giờ, Vô Úy Thọ và năm trăm trưởng giả đều thưa:

– Bạch Thế Tôn! Chúng con xưa nay đôi với thân mạng đều sinh tham đắm, đôi với vật sở hữu: nhà cửa, vợ con, quyến thuộc, thức ăn uống, y phục, xe cộ, giường tòa, châu báu, thóc lúa, hương hoa, đèn... cho đến tất cả vật thọ dụng đáng ưa thích đều sinh tham đắm.

Bạch Thế Tôn! Đại Bồ-tát do quán sát điều gì mà có thể đôi với thân mạng cho đến tất cả vật thọ dụng đáng ưa thích đều không sinh tham đắm? Nguyện xin Phật giảng cho.

Đức Thế Tôn bảo Vô Úy Thọ và năm trăm trưởng giả:

– Các Đại Bồ-tát dùng vô số tướng để quán sát

thân.

Thế nào là vô số?

Nghĩa là thân này không thật, do các duyên tập hợp, nhờ những đơn vị nhỏ như cực vi hợp lại, từ đỉnh đầu đến chân lần lượt bị hủy hoại; từ chín chỗ và các lỗ chân lông, bất tịnh thường chảy ra như đàn kiến bò.

Như rắn độc ở trong, rắn độc trở lại làm hại.

Như oán địch, như khí vượn, nhiều điều khổ não.

Như bạn ác thường tranh giành.

Thân như bọt nước không thể nắm bắt, lại như bóng nước vừa có liền tan, lại như ngọn nắng phát sinh khát ái.

Lại như trong thân cây chuối không có lõi cứng.

Lại như huyễn hóa do hư vọng sinh.

Lại như nhà vua nhiều loại giáo lệnh.

Lại như oán đối thường đến dò xét.

Lại như giặc cướp không có tín nghĩa.

Lại như kẻ sát hại rất khó điều phục.

Như bạn ác thường không hoan hỷ.

Như người phá pháp, ẩn mất tuệ mạng.

Lại như bạn xấu làm giảm mất pháp thiện.

Lại như làng hoang không có chủ tể.

Lại như đồ gốm cuối cùng bị phá vỡ.

Như hàm tiêu tiện, đầy dẫy bất tịnh.

Như chỗ đại tiện thường nhiều ô uế.

Lại như loài quỷ và dòì trùng, chó v.v ăn nuốt các đồ bất tịnh, ưa ở chỗ hôi bẩn.

Lại như vật chứa đồ ô uế lớn, từ xa cũng ngửi thấy mùi hôi thối.

Như mụn ghẻ độc khó lành, lở đau không thể chịu được.

Lại như tên độc ghim vào thân rất đau đớn.

Như gia chủ độc ác khó có thể nuôi dưỡng người hầu.

Lại như nhà dột, như ghe thủng, tuy có sửa chữa cũng bị tan rã.

Lại như đồ ngói không được bền chắc.

Lại như bạn ác thường giả vờ giúp đỡ.

Như cây bên bờ sông bị gió thổi lay động.

Như sông lớn chảy xiết rút cuộc về biển chết.

Lại như quán trọ nhiều thứ chống trái, phiền não.

Như nhà vô chủ, không có sự trông nom.

Như người đi tuần, thường chuyên kiểm soát.

Như nơi biên cương có nhiều sự quấy nhiễu.

Như đống cát dần dần thấp xuống.

Như lửa cháy lan.

Như biển khó vượt qua.

Như đất khó làm bằng phẳng.

Như rắn ở trong thập, sẽ gây tổn hại.

Lại như em bé thường cần sự yêu thương.

Lại như bình bị nứt không thể dùng được.

Như nơi xấu ác thường đáng lo ngại rối loạn.

Như thức ăn lẫn chất độc thường nên xa lìa.

Như người đi xin, được nhiều loại vật thí, được rồi lại bỏ đi.

Lại như xe lớn chở vật rất nặng.

Chỉ có các bậc trí đối với pháp hiểu rõ, mới biết như vậy.



KINH VÔ ÚY THỌ SỞ VẤN ĐẠI THỪA

QUYỀN TRUNG

Lại nữa, này trưởng giả! Đại Bồ-tát quán sát thân này, ban đầu do đâu mà có?

Nghĩa là thân này do tinh cha huyết mẹ hợp lại mà có, lại do thọ nhận các thức ăn uống. Thức ăn vào rồi lại biến hoại, tích tụ liền tan nát, nhờ vào sự tiêu hóa, lưu thông, thấm nhuần cơ thể, cuối cùng trở lại bất tịnh. Sau đó, hỏa đại tăng mạnh, nấu đốt biến thành chín. Cuối cùng trở về phong lực, do phong lực này có phần biến thành chất cặn bã, phần khác lưu thông thấm nhuần cơ thể. Chất cặn bã là phần đại tiểu tiện. Phần lưu thông thấm nhuần gọi là máu, máu biến thành thịt, thịt thành mỡ, mỡ thành xương, xương thành tủy, tủy thành tinh v.v... mới thành thân bất tịnh này.

Bồ-tát quán thân bất tịnh này nên mới tư duy: Thân này do nhiều thứ tập hợp, tên gọi, tướng trạng khác nhau, nghĩa là: ba trăm xương, sáu mươi mỡ lá và mỡ nước, hợp lại thành bốn trăm mạch máu, chín trăm gân, mười sáu xương sườn.

Lại có ba việc: bên trong là các bộ phận sinh tạng thực tạng, và ruột có mười sáu ruột quấn nhau, hai ngàn năm trăm mạch máu thông suốt nhau, một trăm lẻ bảy đốt, tám mươi vạn ức lỗ chân lông, đầy

đủ năm căn, chín lỗ, bảy tạng, đầy đầy những thứ bất tịnh. Tuy có một vốc, nảo một vốc, mỡ có ba vốc, đàm ẩm có sáu vốc, cặn bã có sáu vốc. Nhờ phong lực, máu lưu thông có một đầu. Như vậy tất cả đều đầy đầy. Có bảy mạch nước vây quanh và các chất bổ. Bên trong, hỏa đại tăng mạnh, đốt, nấu làm cho nóng bức, mệt nhọc, mồ hôi trong thân chảy ra. Các tướng như vậy rất khó thấy được.

Thân thể bất tịnh, ô uế như vậy, làm sao có thể phát sinh tâm tham ái được. Như người đi xin, được đồ vật rồi lại bỏ đi. Lại như xe lớn chở đồ rất nặng. Chỉ có người trí hiểu rõ các pháp nên biết như vậy.

Đức Phật liền nói kệ tụng:

*Thân này hợp nhiều thứ bất tịnh
 Người ngu không trí, không biết rõ
 Phát sinh mạnh mẽ tâm tham ái
 Như bình dơ vỡ nhiều hôi thối.
 Tai, mắt, miệng, mũi đều ô uế
 Làm sao có thể thơm sạch được?
 Ghèn, nước dãi, cứt rầy, nước mũi
 Các trùng ô uế sao ưa mến?
 Ví như người ngu lấy than củi
 Ra sức mài giũa muốn làm trắng
 Than hết, mỗi mệt, không thể trắng
 Vô trí tham vọng cũng như vậy.
 Như người ý muốn được thanh tịnh
 Phần nhiều lo trau chuốt thân này*

*Trăm cách tắm gội và thoa hương
Chết rồi thân rã thành bất tịnh.*

Bấy giờ, Đức Thế Tôn lại bảo Vô Úy Thọ và năm trăm trưởng giả:

– Các trưởng giả nên biết! Đại Bồ-tát muốn chứng đạo quả Bồ-đề vô thượng, nên quán sát thân này có bốn mươi bốn tướng.

Thế nào là bốn mươi bốn?

Nghĩa là: Đại Bồ-tát quán sát thân này thật là đáng chán bỏ.

Bồ-tát quán thân không thể ưa thích vì không ích lợi gì.

Bồ-tát quán thân rất là hôi dơ, máu mủ chảy tràn.

Bồ-tát quán thân thật không bền chắc, cuối cùng bị tan hoại.

Bồ-tát quán thân thể tánh suy yếu, gân xương liền nhau.

Bồ-tát quán thân bất tịnh, ô uế thường chảy.

Bồ-tát quán thân như huyễn, phạm phu ngu muội phát sinh tướng đối trá, loạn động.

Bồ-tát quán thân nhiều chỗ rỉ ra, vì có chín lỗ thường chảy rỉ.

Bồ-tát quán thân lửa đốt hừng hực, nghĩa là lửa tham thiêu đốt, lửa sân dữ dội, lửa si làm mê ám.

Bồ-tát quán thân thường bị lưới tham, sân, si, lưới ái che phủ liên tục.

Bồ-tát quán thân là nơi các lỗ nương vào vì chín lỗ và các lỗ chân lông khắp thân thường rỉ ra chất bẩn.

Bồ-tát quán thân nhiều loại khổ não vì bốn trăm lẻ bốn bệnh nặng thường tăng làm tổn hoại.

Bồ-tát quán thân là hang ổ chứa tám vạn bốn ngàn hộ trùng.

Bồ-tát quán thân vô thường, cuối cùng cũng trở về sự chết.

Bồ-tát quán thân là vật vô tri, đối với pháp không biết gì.

Bồ-tát quán thân như đồ dùng, do các duyên hợp thành, cuối cùng cũng tan hoại.

Bồ-tát quán thân bị bức bách vì nhiều sự ưu não.

Bồ-tát quán thân không chỗ hướng đến, vì cuối cùng bị già chết.

Bồ-tát quán thân hay che giấu, làm những việc dối trá.

Bồ-tát quán thân như đất, khó bằng phẳng.

Bồ-tát quán thân như lửa vì ham mê sắc nên bị ràng buộc.

Bồ-tát quán thân không nhàm chán vì chạy theo năm dục.

Bồ-tát quán thân tan hoại vì bị phiền não làm chướng ngại.

Bồ-tát quán thân không có phần vị nhất định,

tùy theo lợi ích mà biểu hiện sự tiếp thu.

Bồ-tát quán thân không có duyên nào chính phụ, vì không có nguồn gốc.

Bồ-tát quán thân như ý giống ruồi vì các duyên tác ý quán xét.

Bồ-tát quán thân lúc xả bỏ, cuối cùng ném ra bãi tha ma.

Bồ-tát quán thân bị thú dữ ăn thịt, chim thú, sói ăn nuốt.

Bồ-tát quán thân như ánh hiện ở trong mâm gương đồng, gân xương nối tiếp nhau.

Bồ-tát quán thân không có gì luyến tiếc, lúc trút hơi thở cuối cùng máu mủ chảy tràn.

Bồ-tát quán thân tham đắm vị ngon ngọt của thức ăn uống, do ăn uống mà tồn tại.

Bồ-tát quán thân cực nhọc, không lợi ích gì vì pháp vô thường sinh diệt.

Bồ-tát quán thân như bạn ác, sinh các tà kiến.

Bồ-tát quán thân như kẻ sát hại, càng gặp nhiều càng tăng thêm khổ.

Bồ-tát quán thân là pháp khổ, bị ba khổ bức bách, là: hành khổ, hoại khổ, khổ khổ.

Bồ-tát quán thân là tập hợp các khổ, năm uẩn xoay chuyển, không có chủ tể.

Bồ-tát quán thân không được tự tại, do các duyên hợp thành.

Bồ-tát quán thân không thọ mạng, xa lìa tướng

nam nữ.

Bồ-tát quán thân là không tịch, do các uân, xứ, giới hợp thành.

Bồ-tát quán thân là hư giả, như mộng.

Bồ-tát quán thân không thật vì như huyễn.

Bồ-tát quán thân tán loạn như sóng nắng.

Bồ-tát quán thân là giông ruồi, như tiếng vang.

Bồ-tát quán thân do hư vọng sinh, như hình bóng.

Này trưởng giả! Do quán sát bốn mươi bốn tướng nơi thân như vậy, nên Đại Bồ-tát lúc quán sát sự ưa thích đối với thân, sự luyến tiếc đối với thân, sự chấp ngã đối với thân, sự ái nhiễm đối với thân, sự tích chứa đối với thân, sự đắm chấp đối với thân đều đoạn trừ tất cả.

Do đó, sự ưa thích đối với mạng, sự luyến tiếc đối với mạng, sự ái nhiễm đối với mạng, sự tích chứa đối với mạng, sự chấp ngã đối với mạng, sự đắm chấp đối với mạng, cho đến nhà cửa, vợ con, quyến thuộc, thức uống ăn, y phục, xe cộ, giường tòa, châu báu, của cải, lúa gạo, hương hoa, đèn đuốc v.v..., tất cả những vật dụng hoặc ưa thích, hoặc đắm trước, hoặc chấp ngã sở, hoặc ái nhiễm, hoặc tích chứa, hoặc đắm chấp cũng đều đoạn trừ hết tất cả.

Do đối với thân, mạng có thể xả bỏ, cho đến tất cả vật dụng ưa thích cũng đều xả bỏ, như vậy mới

có thể viên mãn sáu Ba-la-mật-đa.

Này trưởng giả! Đại Bồ-tát do có thể viên mãn các pháp Ba-la-mật-đa nên có thể mau chứng quả Bồ-đề vô thượng.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn muốn lặp lại ý nghĩa này, liền nói tụng:

*Nên biết thân người rất khó được
 Chớ vì thân này tạo các tội
 Vắt bãi tha ma, sói ăn thịt
 Hoàn toàn thân này là đồ bỏ.
 Người ngu vô trí thường động loạn
 Đói thân hư giả sinh tham ái
 Thân này khó điều, luôn chống trái
 Ngày đêm chịu khổ không ngừng nghỉ.
 Thân này đau khổ thường sinh bệnh
 Thân này đầy dẫy thứ bất tịnh
 Chịu đói khát, luôn làm khổ não
 Người trí nào lại sinh tham ái?
 Thân này như đất rộng không chủ
 Như bạn ác ngu si sinh ái
 Do thân này phát sinh các tội
 Cuối cùng tự chịu các khổ đau.
 Thân không bền chắc như kim cương
 Chớ vì thân này tạo các tội
 Người trí nên tu nhân thắng phước
 Đối pháp Phật phát sinh tịnh tín.
 Thân này không lâu, chỉ lo dưỡng
 Y phục, hương thơm, thức ăn uống*

Rốt cuộc tan hoại, chỉ tạm thời
 Việc làm vọng động uổng tháng ngày.
 Trải qua trăm kiếp khó gặp được
 Bạc Đại Mâu-ni hiện ở đời
 Mau đổi pháp Phật sinh tịnh tín
 Chớ ở đường ác chịu sợ hãi.
 Giả sử sống đến ngàn ức tuổi
 Còn phải chớ nên sinh tham ái
 Huống là thọ không đầy trăm tuổi
 Sao sinh tham ái, không nhàm chán?
 Hoặc có người ăn chơi phung phí
 Không nghĩ thân này thật khó được
 Nhóm họp lại vui chơi ca hát
 Đối với vui chơi cầu hoan lạc.
 Tập hợp tài bảo có vui gì
 Giữ gìn, luyến tiếc, khổ não tăng
 Phàm phu thấp kém sinh vui vẻ
 Người có trí xa lìa tham đắm.
 Giàu sang không thật, như mộng huyễn
 Người ngu tâm ý luôn giống ruồi
 Sát-na hủy hoại, sát-na thành
 Người trí nào lại sinh tham ái?



KINH VÔ ÚY THỌ SỞ VẤN ĐẠI THỪA

QUYÊN HẠ

*Bóng dáng sự vật như huyền hóa
Như thành Càn-thát-bà trang nghiêm
Người ngu tham giàu cũng như vậy
Không biết là giả, sinh đăm mê.
Cầu giàu sang chịu trăm thứ khổ
Được rồi cực khổ bức bách thân
Vua, quan, nước, lửa làm tan hoại
Người trí lẽ nào sinh tham ái?
Yêu mến vợ con và quyến thuộc
Tạo ra các tội sẽ chia lìa
Tội lỗi quá nặng không hiểu biết
Người trí đối thân không đả chấp.
Kẻ bòn xén khi cầu giàu sang
Cha mẹ cũng không tâm tôn trọng
Vợ con, quyến thuộc lại ganh ghét
Một lòng thường tham đắm tài lợi.
Người tham không biết gì ân nghĩa
Chỉ nghĩ không mất vật sở hữu
Bỏ chánh, hướng tà, vọng cầu tài
Người trí không tin kẻ tham kia.*

Người tham ý nghĩ khác lời nói
 Điều đáng tin lại không tin tưởng
 Thấy người tuy thương mến như con
 Đó là người tham sinh dối nịnh.
 Người bòn xén hiện ở thế gian
 Tuy học hỏi thông hiểu giáo lý
 Giong ruổi, tán loạn, nói lời ác
 Tâm không thương xót, rất hung dữ.
 Người tham ở đời không nơi tựa
 Cũng không có bạn bè quyến thuộc
 Có nương tựa chỉ để cầu tài
 Không được người có trí tin tưởng.
 Người tham do mong cầu giàu sang
 Thường nghĩ đến những việc rất ác
 Nên người trí quán xét chân chánh
 Những vật người ngu sinh hoan hỷ.
 Như vàng bạc, châu báu, san hô
 Nghiệp thiện phát sinh như bọt nước
 Ở trong tham ái sinh tranh chấp
 Nên không hiểu biết tánh huyễn hóa.
 Hiền kiếp có Đức Phật ra đời
 Tôn danh của Ngài là Từ Thị
 Hoàng kim được rải khắp mặt đất
 Phật từ đâu đến, do nhân nào?
 Ở ngoài chạy theo năm cảnh dục
 Người ngu tán loạn, si mê pháp
 Như mặt trời giữa tháng mùa Hạ
 Khát dục thấy dạn nắng là nước.

Sau một kiếp không, thành thế gian
 Hư không tạo thành, tự tánh không
 Thiêu đốt hủy hoại, lại hoàn thành
 Từ đâu đến và đi về đâu?

Ngòi, rãnh, khe, ao và biển cả
 Khô cạn hủy hoại đều đồng nhau
 Hư giả không thật, tham cũng vậy
 Bậc trí nào lại sinh tham ái.

Bậc trí, tuệ lực, sắc tướng đủ
 Đối thân thường tự lường sức mình
 Trong đây không vị do đâu nhiễm?
 Nhà cửa, tài sản nên xả bỏ.

Chạy theo năm dục tạo nghiệp ác
 Nuôi dưỡng vợ con và quyến thuộc
 Lúc chết vợ con và thân quyến
 Ai đâu cứu nạn khổ cho mình.

Lúc chết, quyến thuộc không đi theo
 Chỉ các hành nghiệp tạo theo mình
 Khổ não bức bách đi theo ta
 Lúc đó ai đâu chịu ít phần?

Ba cõi chịu khổ, không người thân
 Vợ con, quyến thuộc giả làm thân
 Người ngu lấy đó cho là vui
 Chỉ thêm khổ não và lo buồn.

Cha mẹ, vợ con và quyến thuộc
 Vì cầu tài lợi nên gặp nhau
 Khi chết, họ không đi theo ta
 Chỉ có nghiệp ta tạo đi theo.

Tất cả đều theo nghiệp tạo ra
 Tất cả cũng theo nghiệp mà trụ
 Nên biết thân này do nghiệp thành
 Người trí nên tu các nghiệp thiện.
 Cha mẹ, vợ con và quyến thuộc
 Do không hiểu biết nên tham ái
 Người ngu gây tạo các nhân tội
 Người trí không đọa ngục vô gián.
 Dù cho nghiệp báo có cùng tận
 Cực khổ vô gián vẫn không khỏi
 Vì thế nên sợ nhân cõi ác
 Người trí siêng năng lìa các khổ.
 Khi vua Diêm Ma trị phạt tội
 Không có bạn bè nào cứu giúp
 Cũng không có cha mẹ, thân quyến
 Theo nghiệp mình tạo mà chịu lấy.
 Diêm Vương nói: “Người được thân
 người
 Được rồi sao không lìa các tội?
 Nay phải chịu cực khổ đánh đập
 Đều do người tạo nghiệp không lành”.
 Tự tâm đã tạo nghiệp bất thiện
 Mà lại không tin có nghiệp báo
 Như Diêm Ma pháp vương kia nói:
 – Người chịu phạt, chẳng phải lỗi ta.
 Tự gây nghiệp ác và tạo tội
 Do đã tạo tội nên đến đây
 Nên phải cam tâm chịu cực khổ

Do trước tạo nghiệp, chẳng phải thiện.
 Khi chết, các khổ tạo bức bách
 Quyển thuộc không thể cứu giúp được
 Nếu người muốn mong cầu giải thoát
 Thì nên phải xa lìa tội ác.
 Đánh đập, tra khảo và xiềng xích
 Nếu muốn thoát khỏi những thứ ấy
 Nên sợ hãi nhà cửa, thân thuộc
 Ở trong Phật giáo tu chánh hạnh.
 Nhà cửa là gốc khổ, lửa dữ
 Ngọn lửa thường thiêu đốt tâm này
 Bậc trí không sinh tâm tham ái
 Như ngọn lửa lớn rất đáng sợ.
 Nhà, lợi dưỡng, thân thuộc thường lo
 Giàu vui, ưu sầu cũng như vậy
 Lỗi của mình, người không sai khác
 Vì thế nên xa các tội lỗi.
 Người trí tin ưa giáo pháp Phật
 Không gieo điều ác, được căn lành
 Người ngu không sinh tâm ưa thích
 Chỉ tham nhà cửa, các gốc khổ.
 Thân nữ gân, thịt, xương hợp lại
 Giả vọng tham làm vợ của ta
 Những người không trí sinh ái nhiễm
 Không biết thân nữ đều như huyễn.
 Người trí hiểu biết các dục lạc
 Và nhà cửa nên sinh nhàm chán
 Thuốc chánh pháp điều trị bệnh tham

Hãy mau ra khỏi các trói buộc.

Bấy giờ, Vô Úy Thọ và năm trăm trưởng giả nghe chánh pháp này rồi đều đạt được pháp nhãn Vô sinh, đã được pháp nhãn nên đều rất vui mừng, liền nói tụng:

*Lành thay ngày hôm nay
 Chúng ta được lợi lớn
 Trong tất cả các lợi
 Lợi ích này hơn hết.
 Chúng ta nên phát sinh
 Tâm Bồ-đề rộng lớn
 Ở trong chánh pháp Phật
 Thanh tịnh sinh khát ngưỡng.
 Ưa thích pháp thù thắng
 Tâm Bồ-đề Vô thượng
 Vì tất cả hữu tình
 Tạo được mọi an lạc.
 Chúng ta từ hôm nay
 Thận trọng thân mạng này
 Phát nguyện đối kinh ấy
 Sinh lòng rất ưa thích.
 Do phát sinh ưa thích
 Được tất cả hữu tình
 Ở vào đời vị lai
 Người thấy sinh hoan hỷ.
 Tất cả hữu tình ấy
 Những người muốn phát tâm
 Đều phát sinh vô thượng*

Tâm Bồ-đề rộng lớn.
 Nếu tất cả hữu tình
 Ưa thích tâm Bồ-đề
 Sẽ được quả thù thắng
 Thân sắc vàng tói thượng.
 Tướng tốt đẹp trang nghiêm
 Đều thù thắng vi diệu
 Và được ánh sáng lớn
 Chiếu soi khắp thế gian.
 Tâm Bồ-đề vô thượng
 Đó là tâm rộng lớn
 Vượt qua tất cả tâm
 Tối thượng và thanh tịnh.
 Tất cả công đức ấy
 Do tâm này đầy đủ
 Lại đủ lực thù thắng
 Hay khỏi tất cả bệnh.
 Các hữu tình ít phước
 Không thích tâm Bồ-đề
 Tâm này nhân biếng nhác
 Không thể quán sinh tử.
 Trí Bồ-đề thần thông
 Được phước lực tói thắng
 Tích chứa đầy hư không
 Bỏ thí khắp hữu tình.
 Người nào đối hà sa
 Vô số các cõi Phật
 Dem bảy món tài bảo

Cúng dường bậc Chánh giác.
 Người nào chỉ chấp tay
 Hướng về tâm Bồ-đề
 Cúng dường thù thắng này
 Vượt qua các cúng dường.
 Cúng dường này trên hết
 Gọi là tâm Bồ-đề
 Vượt qua hết tất cả
 Là tối thắng, tối thượng.
 Công đức tâm Bồ-đề
 Là thần dược vi diệu
 Trị được tất cả bệnh
 Làm hữu tình an vui.
 Quán thấy các hữu tình
 Ba lửa thường thiêu đốt
 Dứt trừ vô lượng kiếp
 Bồ-tát không thoái lui.
 Tu hạnh Bồ-đề này
 Là y vương dũng mãnh
 Cứu khổ các hữu tình
 Thường xa lìa mệt mỏi.
 Qua lại trong các cõi
 Không bỏ tâm Bồ-đề
 Siêng hành giáo pháp Phật
 Xuất hiện tương hy hữu.
 Chúng con được lợi lớn
 Ưa tâm Bồ-đề này
 Nguyên chúng con sẽ thành

Đệ tử bậc Đại giác.

Bảy giờ, Đức Thế Tôn từ khuôn mặt hiện thân thông rộng lớn, ánh sáng gồm vô số màu sắc: xanh, vàng, đỏ, trắng, tím, xanh biếc. Ánh sáng này chiếu khắp vô biên thế giới, trên thấu đến cõi Phạm thiên, che mất ánh sáng mặt trời, mặt trăng. Ánh sáng xoay quanh, nhiều quanh bên phải Thế Tôn trăm ngàn vòng rồi đi vào đỉnh của Thế Tôn.

Bảy giờ, Tôn giả A-nan đứng dậy, bày vai bên phải, gối phải chạm đất, hướng về Phật chấp tay đánh lễ thưa:

– Bạch Thế Tôn! Do nhân duyên nào Thế Tôn hiện ra ánh sáng này? Nếu không có nhân duyên, Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác không phóng ra ánh sáng.

Khi ấy, Tôn giả A-nan liền nói tụng:

*Phật, bậc tối thắng, không nhân duyên
Không hiện phóng ra tướng ánh sáng
Nguyện Ngài thương xót chúng hữu tình
Nói rõ nhân duyên phóng ánh sáng.
Tất cả hữu tình đều nghèo thiếu
Xin Phật bố thí đại thánh tài
Chiếu sáng đến thế gian u tối
Nguyện xin Phật nói rõ nhân duyên.*

Đức Thế Tôn bảo Tôn giả A-nan:

– Này A-nan! Ông có thấy năm trăm trường giả này không? Họ đều phát tâm cầu đạo quả Bồ-đề vô

thượng nên đến gặp Ta.

Tôn giả A-nan thưa:

– Bạch Thế Tôn! Con có thấy.

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

– Năm trăm trưởng giả này đang ở trong hội, sau khi nghe chánh pháp đều được pháp nhãn Vô sinh.

Này A-nan! Các trưởng giả ấy vào thời Phật quá khứ đã từng phụng sự, thân cận, cúng dường, gieo trồng căn lành. Xả báo thân này, họ không trở lại bị đọa trong các đường ác, được sinh vào cõi trời, người hưởng vui thù thắng.

Lần lượt đến khi Đức Từ Thị Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác xuất hiện ở đời, họ sẽ được sinh vào cõi Phật ấy, thân cận, cúng dường, tôn trọng, phụng sự.

Sau đó, đến Hiền kiếp, chư Phật xuất hiện ở đời, đều thân cận cúng dường các Phật, nghe giảng chánh pháp, đọc tụng, ghi nhớ, thuyết giảng cho mọi người.

Cuối cùng trải qua hai mươi lăm kiếp xuất hiện ở đời, ở các cõi Phật sẽ thành tựu đạo quả Vô thượng Chánh giác, cùng một danh hiệu là Liên Hoa Cát Tường Tạng Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan ở trước Phật thưa:

– Chánh pháp thâm sâu, rộng lớn này thật là hy

hữu. Bạch Thế Tôn, thật là hy hữu! Bạch Thiện Thế, kinh này tên là gì? Chúng con phụng trì như thế nào?

Phật bảo Tôn giả A-nan:

– Kinh này tên là “*Bồ Tát Du Già Sư Địa Pháp Môn*”, cũng gọi là “*Vô Úy Thọ Sở Vấn*”.

Danh hiệu như vậy, ông nên theo đây mà thọ trì.

Đức Phật thuyết giảng kinh này rồi, Tôn giả A-nan, các đại Thanh văn, chúng Đại Bồ-tát và năm trăm trưởng giả, trời, người, A-tu-la, tất cả đại chúng trong thế gian nghe Phật thuyết giảng đều rất vui vẻ, tin nhận, phụng hành.



SỐ 332

KINH ƯU ĐIỀN VƯƠNG

Hán dịch: Đời Tây Tấn, Sa môn Pháp Cự.

Nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại nước Câu Thâm, vua nước ấy hiệu là Ưu Điền.

Nước Câu Thâm có vị Bà-la-môn tên là Ma Hôi Đề, sinh được người con gái xinh đẹp, nét na, thể gian ít ai sánh bằng. Người cha thấy con gái hình dung thật là hy hữu, trong nước không ai hơn nên đặt tên là Vô Tỷ. Vua các nước lân bang, quan quyền, các trưởng giả đều đến xin đính hôn. Người cha nói:

– Nếu có thanh niên vị nào dung mạo đẹp bằng con gái tôi, tôi sẽ gả cho.

Bấy giờ, Đức Phật đi đến nước ấy. Vì Bà-la-môn thấy Phật có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, sắc thân vàng ròng rực rỡ, oai quang vô thượng, nên vui mừng nói:

– Con gái của ta được nơi xứng đáng.

Ông ta trở về nói với vợ.

– Chúng ta đã chọn được con rể cho Vô Tỷ, hãy

mau mau trang sức cho con gái và dẫn nó đến đó.

Vợ chồng cùng nhau trang sức cho con gái bằng các loại hoa châu ngọc, anh lạc quý giá, sáng đẹp rồi dẫn con đến chỗ Phật.

Trên đường đi, người vợ thấy dấu chân Phật với những vằn sắc màu sáng rỡ, chẳng phải người thường có được, biết là của bậc Thiên Tôn, liền nói với chồng:

– Dấu chân của người này có những đường vằn như vậy, chẳng phải là của người thường. Đây phải là bậc phi phạm, ắt là thanh tịnh, không còn dâm dục, sẽ không tự hạ mình lấy con gái chúng ta đâu.

Người chồng hỏi:

– Vì sao biết như vậy?

Nhân đó, người vợ nói kệ:

Người dâm đi nhón gót

Người sân đi nặng nề

Người ngu đi văng đát

Dấu này bậc Thiên Tôn.

Người Bà-la-môn nói:

– Người nữ biết không đúng. Bà không thích thì trở về đi.

Ông ta bèn dắt con gái đến gặp Phật, cúi đầu lễ nơi chân Phật và thưa:

– Bạch Thế Tôn! Bậc đại nhân thường khó nhọc chỉ dạy. Con không có gì cúng dường, chỉ có đưa con gái này, xin dâng Ngài sai bảo.

Phật bảo:

– Ông cho con gái ông là đẹp sao?

Đáp:

– Bạch Thế Tôn! Con sinh được đứa con gái này dung mạo rất xinh đẹp, thế gian không ai sánh bằng. Vua các nước, nhiều hào tộc đến cầu hôn mà con không ưng ý. Con trộm nghĩ: Đại nhân hào quang rực rỡ, hiếm có trên đời. Con muốn được dâng lên Ngài nên tự dẫn đến.

Phật bảo:

– Con gái ông đẹp ở chỗ nào?

Bà-la-môn đáp:

– Từ đầu đến chân, toàn thân không có chỗ nào là không đẹp.

Đức Phật bảo:

– Mê lầm thay nhục nhãn! Ta quán thấy từ đầu đến chân không có chỗ nào là đẹp cả. Nếu trên đầu có tóc thì chỉ như lông nơi đuôi voi, đuôi ngựa mà thôi. Dưới tóc có đầu lâu thì xương đầu heo ở nhà đồ tể cũng như vậy. Trong đầu có não thì như chất bùn tanh hôi, mũi dãi bám dưới đất, người ta không dám giẫm đạp lên. Mắt là bọc chứa toàn là chất lỏng. Trong mũi có nước mũi. Trong miệng có nước dãi. Trong bụng có gan, phổi đều tanh hôi. Dạ dày, ruột, bàng quang tạo thành phân, nước tiểu hôi thối không thể nói được. Bụng là cái túi chứa đầy đồ bất tịnh. Xương tay, xương chân đứng vững

nhờ gân liên kết và có da bao bọc, chỉ nhờ hơi thở mà hoạt động.

Ví như các bộ phận của người gỗ hoạt động, làm xong rồi ra từng chi tiết, tay chân rời ra ngổn ngang, người cũng như vậy, có gì đẹp mà so sánh?

Xưa kia, Ta ở nơi gốc cây Bối-đa, vua trời thứ sáu trang sức cho ba người con gái dung nhan xinh đẹp như hoa, cõi trời không ai sánh bằng, chớ nói chi hạng này, muốn phá hoại tâm đạo của Ta. Vì muốn thuyết giảng trong thân ô uế, Ta liền hóa chúng thành bà lão, thân hình già nua, không còn xinh đẹp nữa, nên xấu hổ bỏ đi. Nay cái đây phân này thì có gì luyến tiếc, hãy mau đem về đi, Ta không nhận đâu.

Nghe Phật thuyết giảng, người Bà-la-môn bỗng nhiên thấy xấu hổ, không một lời nói lại. Sau đó, lại bạch Phật:

– Nếu Ngài không nhận thì cho làm vợ vua Ưu Điền được không?

Phật không trả lời.

Người Bà-la-môn liền đem con gái mình đến dâng lên vua Ưu Điền.

Vua được người con gái ấy, rất vui mừng, phong cho người cha làm Thái phó, đưa người con gái vào cung, cho dùng các loại kỹ nhạc cùng cả ngàn người theo hầu.

Chánh hậu của vua phụng sự Phật, đắc đạo Tu-

đà-hoàn. Người con gái này nói lời trau chuốt, tâu với vua. Vua bị mê hoặc, đem trăm mũi tên bắn vào chánh hậu. Hoàng hậu thấy tên bắn, không sợ hãi, không sân giận, một lòng nghĩ đến Phật, với tâm từ, quỳ xuống hướng đến vua. Các mũi tên đều bay quanh hoàng hậu ba vòng rồi trở lại rơi trước mặt vua. Trăm mũi tên đều như vậy. Vua kinh ngạc, sợ hãi, liền cưỡi voi trắng, xe vàng, mau đến gặp Phật. Chưa đến nơi, vua đã xuống xe, hạ mình đi bộ, đến lễ nơi chân Phật, quỳ xuống thưa:

– Con có lỗi lớn đối với Tam bảo. Vì người con gái đẹp kia làm con buông lung theo tà dục. Đối với Thánh chúng của Phật, con có một niệm ác: dùng trăm mũi tên bắn vào đệ tử Phật. Con đem sự việc này trình bày với tâm sợ hãi, xin Phật Chí Chân rủ lòng từ bi vô lượng. Đệ tử bạch y mà lực từ bi còn đến như vậy, huống chi là Đức Phật Vô Thượng Chánh Chân. Nay con cúi đầu hồi lỗi, xin quy y Tam bảo. Nguyện xin Phật từ bi rộng lớn, tha lỗi cho con.

Phật mỉm cười, đáp:

– Lành thay, đại vương! Biết việc ác đã làm mà sám hối, đây là việc của người trí. Ta ghi nhận tâm thiện của nhà vua.

Vua cúi đầu như vậy cho đến ba lần, Phật cũng ba lần chấp nhận. Vua lại cúi đầu lễ sát đất rồi lui ra ngồi một bên, thưa:

– Bẩm tính con hung hăng, ương ngạnh, buông lung, không có tâm nhân nhục, không trừ ba độc, vui thích làm việc ác, mê theo người con gái đẹp không biết điều ác, tự nghĩ: “Sau khi qua đời ắt sẽ bị đọa địa ngục”. Xin Phật từ bi thương xót giảng thuyết thói yêu quái xấu ác của người nữ, vào trong lưới đó ít có khả năng tự ra khỏi được. Con nghe nói họa này ắt phải tự mình răn giữ. Dân chúng trong nước, lớn nhỏ đều theo đây để sửa đổi, giữ gìn.

Đức Phật dạy:

– Hỏi việc này sao lại hỏi sang việc khác?

Vua thưa:

– Việc khác hôm nào nói cũng không muộn. Người nữ làm mê loạn tâm ý, gây tai họa rất lớn. Không nghe họa này do đâu mà xa lìa. Xin Phật giải thích sự biến chuyển trong địa ngục và sự ô uế của người nữ.

Đức Phật dạy:

– Hãy lắng nghe! Người nam có thói xấu dâm dục thì đừng nhìn con gái đẹp.

Vua thưa:

– Con xin vâng lời chỉ dạy của Ngài.

Đức Phật bảo:

– Hãy lắng nghe! Người nam có bốn điều xấu. Nên biết, ở đời có dâm phu thường tưởng thấy người nữ, nghĩ nghe tiếng người nữ đẹp, xa lìa

chánh pháp, nghi ngờ điều chân chánh, tin điều tà vạy, bị lưới dâm ràng buộc, rơi vào chỗ mê mờ, bị dục sai khiến như người nô tỳ sợ chủ, tham ưa nữ sắc, không biết chín lỗ là đường xuất ra các thứ cấu uế. Ở trong dục mờ mịt như con heo nơi chuồng, không biết hôi thối, vui thích, cho là an lạc, không nghĩ đến đời sau sẽ bị đọa vào ngục Vô gián, chịu đau khổ vô cùng. Mê đắm dục lạc như người thường nuốt đằm dãi, máu mủ của mình; nên nói: người có thói dục quý trọng như ngọc, xem dục ngọt như mật. Đó là thói xấu thứ nhất.

Lại nữa, cha mẹ nuôi con, mang thai, sinh ra, nuôi từ lúc bé thơ cho đến khi khôn lớn, cực khổ không nói hết được. Đến lúc con trưởng thành, cha mẹ nghĩ đến nhà cửa, đã hết tiền của, chân mỗi gỏi dùn, lo việc gia thất cho con hoặc tìm ở nơi khác không kể xa gần, không lánh khổ cực. Người con mê đắm dục lạc, quên mất cha mẹ già yếu. Được vợ rồi, quý như vật báu, chỉ riêng vui dục lạc mà nghĩ xấu về cha mẹ, tin lời nói của vợ, hoặc đến nổi tranh cãi, không nghĩ đến thân mình do đâu mà có, phụ bạc ơn cha mẹ vô lượng. Đó là thói xấu thứ hai.

Lại nữa, người ở đời lao nhọc cực khổ, dốc hết sức mình, đến cả tài sản, có tâm thành tín, tôn trọng Sa-môn, Phạm chí, hiếu đời là vô thường, bố thí làm phước, sau mới lấy vợ, bị tình ái dâm dục làm mê hoặc, tự mình bị ngăn che, quay lưng với điều

chân chánh, hướng đến điều tà vạy là do nữ sắc. Nếu có tâm bố thí muốn nói lên thì bị vợ chặn đứng hạnh thanh tịnh, trở lại thành kẻ tiểu nhân, không hiểu biết lời dạy trong kinh Phật, chỗ hướng về của họa, phước. Nếu bị rơi vào lưới nữ sắc ắt sẽ đọa vào đường ác, hoàn toàn không sửa đổi được. Đó là thói xấu thứ ba.

Lại nữa, làm con không nghĩ đến ân dưỡng dục, lấy hết tiền của không để cha mẹ sinh sống, chỉ chạy Đông- Tây tìm cầu nữ sắc, đem bảo vật cho người phụ nữ hoặc giết sáu loại súc sinh cúng tế quỷ thần. Sau đó tụ tập uống rượu, ca múa, tìm mọi cách mời gọi nhau, thỏa thích gian tình và được sánh đôi, vui mừng không thí dụ nào nói cho hết được, bị dâm ràng buộc không còn biết gì. Khi ấy chỉ cho đó là vui, không biết sự ô uế của đường ác, sự thống khổ của địa ngục, một là đáng chê, hai là đáng sợ, ví như chó dại không biết điều sai quấy. Đó là thói xấu thứ tư.

Phật dạy:

– Người nam có bốn điều xấu ấy sẽ bị đọa vào ba đường ác. Nên suy xét lánh xa thói xấu này mới có thể thoát khỏi đau khổ. Lại lắng nghe Ta nói điều xấu của người nữ.

Phật liền nói kệ:

*Bị dục lạc sai khiến
Buông lung không thể an*

Quen làm việc phi pháp
Sao gọi là bậc Hiền?
Dục là hạnh súc sinh
Do dục mình mang họa
Dòi ở nơi chuồng xí
Không biết là chỗ bần.
Như trùng trong chỗ tối
Không biết gì bên ngoài
Bị dâm dục ràng buộc
Thói ấy cũng như trùng.
Dâm đã không thấy đạo
Ngày đêm gieo căn tội
Hiện đời vua quan loạn
Trên dưới bị mê mờ.
Pháp vua bị sai lạc
Chánh pháp bị mờ mịt
Nông phu bỏ việc làm
Người buôn đắm của báu.
Hiện đời bị lao ngục
Chết vào ngục Thái Sơn
Sẽ chịu trăm điều khổ
Thống khổ không nói hết.
Nước đồng rót vào miệng
Núi đá đè nơi thân
Loại này có vô số
Khó nêu bày hết được.
Thường ở ba đường ác
Luân chuyển như xe lăn

Nếu ở đời có Phật
Mình lại không được nghe.
Người nữ là ác nhất
Làm nhân cho nạn khổ
Bị ân ái ràng buộc
Kéo người vào cửa tội.
Người nữ làm sao đẹp
Chỉ là túi phân tiêu
Sao không nhìn xét kỹ
Vì đầy mà mê cuồng.
Bên trong thật hôi bẩn
Bên ngoài được trang sức
Nhà chứa bò cạp độc
Dữ như rắn với rồng.
Như kiếm trong bao găm
Lưới tốt bao mũi nhọn
Người ngu thấy như vậy
Vui chơi tự mang họa.
Người trí biết xả bỏ
Người si trúng thương chết
Dâm dục cũng như vậy
Ôm mũi nhọn tan thân.
Thấy mới liền chán cũ
Chỗ thích cũng vô thường
Lời là dao búa chặt
Nụ cười là gai chích.
Trong chứa độc ô uế
Ngoài trang sức hoa hương

Người si tham dục vị
 Không nghĩ họa về sau.
 Ví như vị thuốc độc
 Hòa vào nước ngon ngọt
 Chỗ hướng đến đều hoại
 Uống vào là mất thân.
 Cũng như củi gặp lửa
 Cỏ cây bị phủ sương
 Thấy vậy không xét kỹ
 Đó là rất mê muội.
 Người nữ độc hơn đày
 Cỏ nên thấy bị thương
 Đoạn dục để cầu đạo
 Nên có tâm dục tình.
 Thân nữ rất dễ ưa
 Người si không thể dứt
 Như lưới giăng bốn bề
 Bỏ đạo như tơ tóc.
 Người vốn gốc thanh tịnh
 Như cá ở vực sâu
 Người trí mới biết hiểu
 Mắc lưới không ra được.
 Lưới dục là như vậy
 Trói buộc rất kiên cố
 Ném thân vào gai góc
 Có thể thoát ra được.
 Ví như khỉ vượn đói
 Mong được quả chín cây

*Say mê vào sắc dục
Bọn này chắc chắn đọa.
Cũng như cá mắc câu
Thieu thân vào ngọn lửa
Người ngu thấy vui mừng
Không nghĩ họa về sau.*

Nghe Phật thuyết giảng như vậy, vua Ưu Điền vui mừng, liền cúi đầu đánh lễ sát đất, bạch Phật:

– Con từ lúc mới sinh đến nay chưa được nghe nói về thói xấu của người nữ đến như vậy. Người nam thường tán loạn chạy theo sắc dục, mắc phải tội lỗi, chỉ vì không biết nên không điều phục tâm ý. Từ nay về sau, con hoàn toàn hối lỗi, xin quy mạng Tam bảo, không dám phạm nữa.

Thưa rồi, vua đánh lễ Phật, vui vẻ giã từ.



SỐ 333

KINH ĐẠI THỪA NHẬT TỬ VƯƠNG SỞ VẤN

Hán dịch: Đồi Tông, Sa-môn Pháp Thiên.

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật cùng với chúng Đại Bí-sô gồm năm trăm vị và chúng Đại Bồ-tát ở rừng Cù-thi-la, xứ Kiêu-thiểm-di.

Lúc ấy, Vô Tỷ Ma-kiện-di-ca nữ sinh tâm sân giận, ganh ghét hoàng hậu Xá-ma-phạ-đề nên đến bên vua Nhật Tử, thưa:

– Thiên tử có biết không? Hoàng hậu Xá-ma-phạ-đề và năm trăm cung nữ làm việc dâm dục với các Sa-môn. Nay thiếp xin báo cho đại vương rõ. Xin Thiên tử biết cho, thật khó mà dung thứ!

Khi ấy, nghe Vô Tỷ Ma-kiện-di-ca nữ nói rồi, vua Nhật Tử giận dữ đến tột độ, không thể nhẫn được, định giết phu nhân Xá-ma-phạ-đề, bèn cầm cung giương lên bắn. Lúc đó phu nhân Xá-ma-phạ-đề nhập định tâm từ. Vua bắn tên lên giữa hư không, phát ra ngọn lửa sáng rực rỡ. Mũi tên ấy liền quay lại, rơi xuống bên trái nhà vua, được Phật bí mật hộ trì làm cho mũi tên không trúng thân,

cũng không gây tổn hại.

Vua Nhật Tử kinh sợ, lông tóc dựng đứng, liền ngã quy xuống đất, sau đó đứng dậy dùng kệ hỏi phu nhân Xá-ma-phạ-đê:

*Phu nhân là Thiên nữ
 Quỷ nữ, La-sát nữ
 Hay Hiến-đà-bà nữ
 Ta hỏi lời như thế.
 Nàng hành trì pháp nào?
 Chưa thấy, chưa từng nghe
 Lại cũng chưa từng biết
 Chưa có người nữ nào.
 Binh khí không làm hại
 Ta có sức mạnh mẽ
 Học giỏi về cung tên
 Mũi tên ta bắn ra.
 Chưa từng không trúng đích
 Tài bắn cung như ta
 Khi, vượn và chim bay
 Thân người và ụ đất.
 Chưa chỗ nào không trúng
 Hôm nay ta bắn tên
 Quay lại rơi trước mặt
 Không thương tổn thân ta.
 Ta xin quy mạng nàng
 Nguyên cứu thoát khổ não
 Xin nghe lời thành thật
 Vì ta muốn hại nàng.*

Bỏ qua, chớ sân giận
 Nàng nghĩ làm việc tốt
 Khiến ta lìa khổ não
 Vĩnh viễn không như vậy.

Bấy giờ, phu nhân Xá-ma-phạ-đề trả lời vua
 Nhật Tử, liền nói kệ:

Thiếp chẳng phải Thiên nữ
 Chẳng phải Kiền thát nữ
 Chẳng phải quý, La-sát
 Là Xá-ma-phạ-đề.
 Thiếp là đệ tử Phật
 Vì tâm đại từ bi
 Nên thiếp làm việc thiện
 Tâm hướng đến Thế Tôn.
 Số ức trăm ngàn kiếp
 Quán tâm thiện từ bi
 Nên thiếp hành hạnh từ
 Người bị nữ sắc buộc.
 Thấy đó là như thật
 Như mạ non trưởng thành
 Bị mưa đá làm hoại
 Nếu lìa đấm nữ sắc.
 Thiếp đều rất ưa thích
 Tất cả các Thế Tôn
 Đều xa lìa dâm dục
 Lại nghe Thế Tôn dạy.
 Phật và chúng Bồ-tát
 Duyên giác và Thanh văn

Đều xa lìa nữ sắc
 Người ngu không thể biết.
 Đều bị ma hàng phục
 Lìa ô nhiễm nữ sắc
 Có thể được an lạc
 Rốt ráo được giải thoát.
 Các chúng sinh vô trí
 Không xa lìa ái dục
 Tạo vô biên nghiệp tội
 Đọa vào ba đường ác.
 Hầm lửa dục không đáy
 Cháy hừng hực không tắt
 Người trí ưa giải thoát
 Không bị nhiễm nữ sắc.
 Thấy rồi liền trối buộc
 Vui thích lời dối trá
 Nơi các loài đọa lạc
 Chết vào nẻo hiểm ác.
 Chớ nghe lời người nữ
 Cũng không nên giận thiếp
 Tâm ý sinh hoan hỷ
 Tâm hướng đến Thế Tôn.
 Vua muốn được thấy Phật
 Thiếp cùng đại vương đi
 Đến nghe lời Phật dạy
 Ất thuyết giảng diệu pháp.

Vua Nhật Tử nghe xong, bảo phu nhân Xá-ma-phạ-đê:

– Giờ đúng lúc. Nàng mau đến gặp Thế Tôn.

Vua cùng quần thần, dân chúng đi đến chỗ Thế Tôn. Đến nơi, mọi người đều thấy đức Đại Mâu-ni oai nghiêm rực rỡ như núi vàng lớn, ánh sáng chiếu soi rõ sự trang nghiêm, an lành. Lại thấy chư Bồ-tát, chư Bí-sô, Bí-sô ni, cận sự nam, cận sự nữ, Thiên, Long, Dược-xoa, Kiên-thát-bà, A-tổ-lạc, Bích-lỗ-trà, Khẩn-na-la, Ma-hộ-la-nga, người, phi nhân đang vây quanh Thế Tôn.

Khi ấy, đại vương cúi đầu đánh lễ nơi chân Phật và thưa:

– Bạch Thế Tôn! Con có việc chưa từng có, trước đây chưa từng thấy, nghe. Hôm nay đến gặp Phật, xin Ngài từ bi giải rõ cho.

Thế Tôn bảo:

– Đại vương, ông nói việc chưa từng có phải không?

Vua lại bạch:

– Trong cung của con có xảy ra việc dâm dục. Vô Tỷ Ma-kiện-di-ca nữ sinh tâm hủy báng, nói phu nhân Xá-ma-phạ-đề cùng hành dâm với các Sa-môn, Thanh văn. Con nghe nói vậy, sân giận tột độ, muốn giết hại phu nhân Xá-ma-phạ-đề nên lấy tên bắn. Trên mũi tên phát ra ngọn lửa sáng rỡ, rồi trở lại rơi xuống bên trái của con, cũng không làm thương tổn thân con.

Phu nhân Xá-ma-phạ-đề lễ nơi chân Thế Tôn,

thừa:

– Bạch Thế Tôn! Đức vua hỏi con: “Nàng là Thiên nữ, Long nữ, Kiên-thát-bà nữ, Tỳ-xá-tế nữ, quý nữ hay La-sát nữ? Tu hành hạnh gì mà được như vậy?”. Con thưa nhà vua: “Thiếp là phu nhân của đại vương, chẳng phải là Thiên nữ, Long nữ, Kiên-thát-bà nữ, Tỳ-xá-tế nữ, quý nữ hay La-sát nữ. Thiếp là đệ tử của Đức Thế Tôn Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác, tâm hoàn toàn thuần thực, thanh tịnh như là chư Thiên”.

Khi ấy, phu nhân Xá-ma-phạ-đề tán thán công đức của Thế Tôn:

– Đức Phật Như Lai của con là bậc Ứng Chánh Đẳng Giác như vậy, có đại từ bi như vậy, đầy đủ đại phước tuệ, thành tựu đại oai đức, đạt được đại tự tại. Vì sao? Vì Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác là thầy của hàng trời, người. Nguyên Ngài chứng giám lòng chân thành của con.

Bấy giờ, vua Nhật Tử ở trước Phật và chúng Bí-sô phát lồ sám hối:

– Chúng con cũng như trẻ thơ dại khờ, tâm trí mê loạn như ở chỗ đen tối, như không có căn lành. Con nghĩ là đã hủy báng đệ tử Thanh văn của Như Lai. Lành thay! Thế Tôn! Xin Ngài giải rõ chỗ nghi ngờ của con. Chúng con xin thọ trì.

Đức Thế Tôn dạy:

– Nhà vua nên phát tâm từ, thọ trì giới hạnh,

tạo lợi ích khắp hữu tình.

Vua Nhật Tử liền rời khỏi chỗ ngồi, chấp tay cung kính.

Phật dạy:

– Đại vương! Nhà vua hãy an tọa.

Khi ấy, vua Nhật Tử cúi đầu đánh lễ rồi ngồi qua một bên bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Tâm con hung hăng, nghe lời người nữ mà tạo ra nghiệp tội khổ, tự biết sau khi chết sẽ bị đọa vào địa ngục. Lành thay! Bạch Thế Tôn! Xin Ngài nói lỗi của người nữ.

Đức Thế Tôn dạy:

– Này đại vương! Hành nghiệp của người nữ có rất nhiều loại, trá hiện tướng khác làm mê hoặc, tán loạn hữu tình: dua nịnh, dối trá, tâm không chân thật, suy nghĩ điên đảo, quanh co, lừa dối, đi đứng hành động muốn được gần kề, kéo dặt hữu tình, thường hành tà hạnh. Nhà vua nên tỉnh giác.

Vua thưa:

– Bạch Thế Tôn! Nguyên Ngài rủ lòng từ bi, xin nói rõ. Sau này con sẽ không gần người nữ, cũng không do người nữ mà tạo nghiệp tội, vì không tạo tội nên không bị đọa vào địa ngục. Bạch Thế Tôn! Con thường làm lợi ích an lạc cho tất cả chúng sinh.

Đức Phật dạy:

– Đúng vậy! Đúng vậy!

Vua Nhật Tử thưa:

– Bạch Thế Tôn! Ở bên Phật con được nghe giảng nghĩa của dục này. Thật là do người nữ nên bị quả báo xấu.

Đức Phật dạy:

– Đại vương! Nữ sắc thật sâu dày, chắc chắn là cha mẹ của oan gia, là cha mẹ của bạo ác. Nếu sinh tâm ưa thích thì sẽ bị đọa địa ngục. Vì thế, người nữ có lỗi như vậy.

Phật lại dạy:

– Đại vương! Nếu suy xét rõ ràng lỗi về dâm dục của người nam, đời sau cha mẹ, quyến thuộc cũng có lỗi như vậy.

Vua Nhật Tử thưa:

– Lành thay! Lành thay! Bạch Thế Tôn! Xin Ngài nói rõ cho con lỗi của người nam. Thế nào là lỗi của người nam, cha mẹ quyến thuộc cũng có lỗi đó?

Phật dạy:

– Đại vương! Hãy lắng nghe! Lắng nghe và suy nghĩ kỹ. Ta sẽ giảng nói cho đại vương.

Đại vương! Lỗi của người nam có bốn loại:

Đại vương hỏi:

– Bốn lỗi đó là gì?

Thế Tôn bảo:

– Đại vương! Người nam nào đam mê dâm dục sẽ bị dâm dục làm mê cuồng. Do mê cuồng nên

tình ý điên đảo. Do điên đảo nên đối với người nữ sinh tâm rất ưa thích. Ở trong chúng Bí-sô không muốn thấy nghe các vị Sa-môn, Bà-la-môn hành trì giới đức. Do không muốn thấy nghe các vị Sa-môn, Bà-la-môn hành trì giới đức nên cũng không thân cận, cũng không quy y, cũng không cúng dường. Đối với các vị Sa-môn, Bà-la-môn không có trì giới, không có đức hạnh, lại cũng lìa xa, không có tín căn, không tu đức hạnh, không hành bố thí, hoàn toàn không có trí tuệ, ít nghe, đức mỏng, ngã mạn, cao ngạo, làm việc của quỷ thần, lại thân cận kẻ vô trí, tham đắm pháp xấu ác, ưa thích đồ hôi dơ, xa lìa bạn lành. Dù có sinh lên cõi trời hay sinh vào loài người, đối với thân này cũng thường bị hủy hoại. Đối với Sa-môn, Bà-la-môn không bảo hộ. Đối với Phật, Pháp, Tăng lại xa lìa. Đối với diệu quả Niết-bàn lại quay lưng. Thường nghĩ nhớ tới người nữ, ca múa, kỹ nhạc, uống rượu, đùa cợt v.v... bị trói buộc như vậy cho đến lúc qua đời, đọa vào địa ngục A-tỳ, bị lửa đốt rất nóng, kêu gào thảm thiết, bị dây trói buộc, chịu các thứ khổ. Ra khỏi địa ngục, sinh vào cõi Diêm-ma-la, sinh vào loài súc sinh, làm sư tử, hổ lang, các loài cầm thú ác dữ cho đến thân chim Bích-lộ-trà ở trên cây mũi nhọn.

Đại vương! Người nam nào hành pháp ngu như vậy sẽ bị quả báo ấy. Đây là lỗi đầu tiên của người nam.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói kệ:

*Dâm dục ô uế gốc bất tịnh
 Đòi sau càng tăng thêm nghiệp khổ
 Pháp sư thông tuệ quả trách dục
 Làm cha mẹ cũng không lợi ích.
 Ví như hãm bất tịnh to lớn
 Đầy dẫy phân như rất hôi thối
 Như thây phình trương ngoài gò mả
 Người dâm dục cũng lại như vậy.
 Như ruồi bọ bu vào mọt ghẻ
 Lừa, ngựa chạy, ngủ trong phân dơ
 Heo, chó ăn nuốt cá hôi thối
 Đam mê người nữ cũng như vậy.
 Phá hủy tiếng tốt và đức hạnh
 Thường phạm giới cấm không hổ thẹn
 Không sinh thiên giới, đọa A-tỳ
 Vì thế Pháp sư quả trách dục.
 Ví như người uống lầm thuốc độc
 Mê loạn, điên cuồng, đau khắp thân
 Bỗng dưng bị trúng độc vô thường
 Người đam mê dục cũng như vậy.
 Tham ưa mùi vị, thức ăn ngon
 Thích nghe ca nhạc đắm sắc thanh
 Bỏ bê việc nhà không nghĩ đến
 Chỉ gây nhân khổ, nghiệp luân hồi.
 Tham đắm dâm dục thường khen ngợi
 Ngu mê không biết dẫy đưng phân
 Ngày đêm thường làm việc xấu xa*

Phước mỏng, trầm luân các đường ác.
 Khen ngợi dâm dục làm sai trái
 Nhiều sân giận, tăng trưởng ngu si
 Như men đi trên đỉnh núi cao
 Không biết khoảnh khắc là mất mạng.
 Khác biệt với người cõi Diêm-phù
 Chết đọa trong vô biên biển nghiệp
 Năm núi bao quanh núi Thiết Vi
 Ánh sáng trời, trăng đều không thấy.
 Như gió quay cuồng không hiểu biết
 Qua lại ngang dọc mất lối đi
 Như vậy nhiều đời, sống ở đó
 Tất cả thế gian không coi trọng.
 Các loại nghiệp thiện cũng không sinh
 Dù sinh trai gái, không hiểu kính
 Trái bỏ tôn thân, tạo ngũ nghịch
 Ân cần hòa hợp với thế thiếp.
 Không nghĩ lười tội lỗi giảng ra
 Rơi vào trong tham si, dục lạc
 Xa lìa cha mẹ không thăm hỏi
 Quên báo ân dưỡng dục nhọc nhằn.
 Buông lung, đùa giỡn, tham đắm dục
 Qua lại phiền não càng tăng thêm
 Hủy hoại tu hành sinh nghi ngờ
 Không gặp Hiền Thánh tạo nhân lành.
 Ưa làm hạnh tà chịu cực khổ
 Không nghĩ hình phạt, bị sỉ nhục
 Tranh chấp lừa dối đến giết hại

*Phá hoại của cải, lìa bạn lành.
 Không sinh thiên giới và cõi người
 Chết đọa vào địa ngục A-tỳ
 Rừng sắt màu xanh giương mũi nhọn
 Thành lửa đỏ rực cháy dữ dội.
 Cây kiếm, núi đao, bày khắp đất
 Đồng sôi, sắt nóng làm nước uống
 Khổ lớn như vậy do dâm dục
 Góc trí tuệ Bồ-đề ẩn mất.
 Ông hướng người nữ sinh lo sợ
 Chớ nên gần gũi bám víu theo
 Nếu tương ưng cõi thiện, trời người
 Không lâu tự chứng đắc Bồ-đề.*

Lại nữa, này đại vương! Cha mẹ sinh con nhỏ, việc này rất gian nan, ai cũng biết được. Lúc ở trong bào thai, mẹ phải mang nặng mười tháng, chịu khổ não, đau đớn nhiều cách, đứng ngồi khó khăn, ăn uống chừng mực. Dầu sinh con như cắt tiết heo dê làm thịt, mẹ vẫn không nghĩ đến thân mình, chỉ lo cho con, bú mớm, nuôi dưỡng, không lúc nào khỏi ẵm bồng. Khi con đại tiểu tiện, mẹ phải rửa ráy, giặt giũ.

Dần dần con khôn lớn, cha mẹ dùng lời thành thật dạy dỗ, cho con đi học các nghề công xảo, kỹ nghệ trong cõi Diêm-phù-đề, học chữ, tính toán, buôn bán kinh doanh. Lại làm cho thân tâm được an lạc, cho nhiều của cải, vật dụng, lụa là, khiến cho giàu sang, hoặc kén chọn người đẹp để cưới vợ

cho con với hy vọng con hiếu thuận, cung kính, phụng dưỡng cha mẹ, nhưng trở lại là đưa con tâm ý điên đảo, mê loạn, đắm say sắc dục, hoàn toàn không tỉnh ngộ.

Lại tự ý cưới người trong họ khác làm thê thiếp, cùng nhau tham ái. Đối với cha mẹ trở thành bất hiếu, không kính trọng. Về sau, người cha tuổi già, thân thể suy yếu, mắt mờ, tai điếc, đứng ngồi khó khăn, cần có người dìu dắt, mà đưa con trở lại oán ghét, khinh khi chán bỏ, dùng các thủ đoạn bức bách, đuổi cha ra khỏi nhà, chỉ lo cho gia đình bên vợ, hội họp vui vẻ.

Phật bảo đại vương:

– Người nam nào làm việc tà hạnh này, bỏ cha mẹ, quyết định sau khi qua đời sẽ bị đọa vào địa ngục A-tỳ, không có kỳ hạn ra khỏi. Đó là lỗi thứ hai.

Người thiện nam nào bỏ nữ sắc, tâm ý trong sạch, cúng dường, hiếu kính cha mẹ, sau khi qua đời không đọa vào đường ác mà sinh lên các cõi trời, thọ phước an vui. Phước cõi trời hết, hạ sinh nơi nhân gian cũng không chịu nghèo cùng hạ tiện, mà được giàu sang tốt đẹp.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói kệ:

*Lìa dục, hành từ, hiếu
Sau khi chết sinh thiên
Thân Phạm vương, Đế thích*

Thường an vui diệu lạc.
 Cúng dường cha mẹ già
 Sau sinh vào cõi người
 Đi buôn bán trên biển
 An lành, được châu báu.
 Cúng dường cha mẹ già
 Tất cả đức tối thượng
 Như lúa, trái cây chín
 Rõ ràng phước không hết.
 Cúng dường cha mẹ già
 Vĩnh viễn không gánh nặng
 Thường được lừa, ngựa chở
 Dao nhọn không thể hại.
 Cúng dường cha mẹ già
 Không qua sông nước mặn
 Lừa dữ cùng đao binh
 Lại cũng không thể gần.
 Cúng dường cha mẹ già
 Thường được vợ con lành
 Lúa thóc và cửa cải
 Lưu ly và vàng ngọc.
 Cúng dường cha mẹ già
 Thường được ở cung trời
 Vô số vườn hoan hỷ
 Vây quanh ở bốn bên.
 Cúng dường cha mẹ già
 Thường nghe giáo pháp Phật
 Đủ sắc tướng oai nghiêm

Ai nấy đều kính trọng.

Lại nữa, này đại vương! Người nam nào tạo nghiệp phi pháp, tâm không chân thật, có nhiều tà kiến, đối với việc thiện không biết, vọng sinh điên đảo, thường được nhiều người ngu si khen ngợi. Đối với người có trí, thường sinh phần nộ, tội nghiệp càng nặng, hoàn toàn mất lợi lớn. Khi Phật ra đời, vĩnh viễn không được gặp. Kiêu mạn, cao ngạo, nghèo cùng, hạ tiện v.v... mọi người không ưa thích. Đây là lỗi thứ ba của người nam.

Bây giờ, Đức Thế Tôn nói kệ:

*Người nam hành dâm dục
 Điên đảo phân biệt ngã
 Ngu mê tội nghiệp nặng
 Luân hồi, đọa đường ác.
 Xa lìa công đức Phật
 Không trí tuệ chọn lựa
 Hư vọng cầu an lạc
 Như sông tìm Lô ca.
 Người ái dục ngu si
 Dưa nịnh nhiều hư dối
 Mong cầu vui phi pháp
 Thành chịu khổ địa ngục.
 Đắm dục thấy điên đảo
 Thấp kém không biết gì
 Như ở trong đêm tối
 Không thấy được đường đi.
 Không lòng tin, hổ thẹn*

*Chỉ đam mê thanh, sắc
 Bô-tát và Thanh văn
 Chưa từng đem cúng dường.
 Nếu gặp người chân chính
 Thuyết giảng pháp vi diệu
 Khinh pháp không chịu nghe
 Trầm luân trong địa ngục.
 Không trở lại thân người
 Đoạn trừ thí, các hạnh
 Mê đắm không tu hành
 Mất Bồ-đề tối thượng.*

Lại nữa, này đại vương! Những người nam nào vì sinh sống, mê đắm dâm dục, ngu si, nên bị mọi chướng ngại, làm các nghề nghiệp về công nghệ, hành chính, tính toán, ngâm vịnh, đàm luận, những người đó thân cận vua, quan, làm việc phi pháp, trách mắng hữu tình, dối gạt đủ điều, mong cầu tài lợi, tạo các nghiệp ác. Lại vì sinh sống nên làm các việc không đúng luật nghi, buôn bán trâu, lừa, lạc đà, ngựa, heo, dê, gà, chó, cho đến chú thuật, săn thỏ, đánh bắt các loài ở dưới nước ăn thịt. Hoặc lại kinh doanh, không chọn đường đi, đi vào những chốn hiểm ác, hôi bẩn, đường có giặc cướp, đao kiếm, cho đến trôi nổi trên biển cả, chịu các khổ não, lạnh nóng, đói khát mà cầu tài lợi. Lại đối với Sa-môn, Bà-la-môn, keo kiệt, tham lam, không chịu bố thí, một lòng mê đắm dục lạc. Lại bị người nữ chế ngự, sai khiến như nô bộc, thường ở chung,

chưa từng xả bỏ, đứng ngồi nói chuyện, cùng nhau khẩn khít, sinh ra luyến ái. Vì thế, nuôi dưỡng người nữ, sau khi qua đời đều vào địa ngục. Đó là lỗi thứ tư.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói kệ:

*Người chạy theo ái dục
 Say mê có vui gì?
 Theo đuổi điều thấp hèn
 Làm sao được an lạc?
 Chẳng phải việc chân chánh
 Tự làm không biết trái
 Không thẹn, như lạc đà
 Ô uế không chịu nổi.
 Người này ít trí tuệ
 Không hiểu rõ tội căn
 Chạy tranh giành người nữ
 Như chó được phân dơ.
 Hôi thối không thể ưa
 Người ngu si rất thích
 Không biết lỗi dâm dục
 Như mù không thấy sắc.
 Người ngu si đắm dục
 Như chó theo phân dơ
 Thanh, hương, vị, xúc, pháp
 Tham đắm cũng như vậy.
 Người ngu si đắm dục
 Luân hồi trong các đường
 Như khỉ trôi trong cọc*

Không ra khỏi ba cõi.
Người ngu mê đắm dục
Như quạ luyến thịt thối
Thường bị ma ác dẫn
Đọa lạc nơi nẻo ác.
Người ngu tham ưa vị
Ngon ngọt bị buộc ràng
Khác gì giò nhà xí
Đâu biết là bất tịnh.
Người trí được giải thoát
Nữ sắc không thể nhiễm
Thấy đó sinh kinh sợ
Xả bỏ như thây nát.
Ngu si tâm tán loạn
Tham đắm dục không bỏ
Đi đường nóng gian khổ
Khát nước, uống nước mặn.
Như vậy thấy người uống
Ngu si mê mất mạng
Người cố chấp đắm dục
Tội lỗi cũng như thế.
Thật do người nữ ấy
Như mắc bệnh phong hủi
Sinh trùng tự ăn nuốt
Tham dâm cũng như vậy.
Nếu người nữ trang sức
Như hũ phân được vẽ
Chỉ thấy tướng bên ngoài

Đâu biết trong bất tịnh.
 Lại như dầu giặc áo
 Đeo mang trên thân mình
 Người nữ nào trang sức
 Nhiệm ô cũng như vậy.
 Như áo che đao kiếm
 Như che lửa tro nóng
 Trang sức nơi người nữ
 Tôn hại cũng như thế.
 Lại như kiếp lửa đến
 Đại địa đều cháy rục
 Cỏ cây không sống được
 Sông biển khô cạn hết.
 Nơi ở quý Bộ-đa
 Tu-di và Thiết Vi
 Lục dục và sơ thiên
 Hủy hoại ai cứu được?
 Như vậy đấm nữ sắc
 Lửa dâm cháy dữ dội
 Thiêu đốt loài hữu tình
 Tôn hại không thể cứu.
 Thân người mau bất tịnh
 Do vật ô uế thành
 Móng tay và lông tóc
 Nước dãi và cứt ráy.
 Mồ hôi, đại tiểu tiện
 Mỡ lá và màng não
 Da thịt và xương tủy

Máu, gân, mạch nối nhau.
Lá lách, thận, tim, phổi
Ruột, dạ dày, mật, gan
Sinh tạng và thực tạng
Đàm đỏ và đàm trắng.
Lại thêm tám vạn cửa
Trùng nhỏ nhít ăn nuốt
Thường ở trong thân người
Người ngu đâu hiểu biết.
Đối thân sinh tham ái
Như ruồi bu máu mủ
Mùi hôi cho là thơm
Đau khổ cho là vui.
Như vậy người đắm dục
Cầm gậy đánh đuổi nhau
Lửa dục tranh nhau đốt
Mê say đâu thể ngộ.
Ngu si đắm vị ngọt
Như chó ở phòng trống
Như tiếng vọng không thật
Cuối cùng thành vọng tưởng.
Lại như loài khỉ vượn
Thường bám chuyền trên cây
Cho đến lúc vô thường
Không lìa khỏi cành cây.
Như vậy, người tham dục
Theo đuổi, tìm cầu sắc
Đọa lạc vào đường ác

Không lìa khổ sinh tử.
 Người ngu si dâm dục
 Sau khi họ qua đời
 Bị ném vào nồi sắt
 Trụ một kiếp như vậy.
 Chìm nổi như đậu nấu
 Nồi đó lượng lớn nhỏ
 Sáu mươi bốn câu-chi
 Chúng sinh ở trong ấy.
 Tất cả đều đọa lạc
 So lường không thể biết
 Nấu đốt ở trong nồi
 Chịu khổ cả trăm kiếp.
 Hoặc hai, ba, bốn kiếp
 Tùy theo nghiệp nặng nhẹ
 Da thịt đều chín bầy
 Xương như vỏ ốc trắng.
 Lại tùy theo nghiệp lực
 Tay cầm móc bén nhọn
 Ném vào máng thiết nóng
 Chết đi rồi sống lại.
 Lại bị các ngục tốt
 Tay cầm chày sắt giã
 Xương tủy đều tan nát
 Gió thổi liền sống lại.
 Hoặc dùng gậy sắt đánh
 Búa ra như búa chặt
 Ba, bốn, năm thú sắt

Chạy theo sau căn xé.
Lại cũng có chim sắt
Chó sắt và chó sói
Răng mỏ bén như kiếm
Ăn tủy não tội nhân.
Người nào tạo nghiệp tội
Rơi vào chón sông phân
Hoặc rơi trên đao kiếm
Tất cả đều hôi bản.
Người nào tạo nghiệp tội
Đọa vào chỗ rất nóng
Kêu la gào dữ dội
Dây đen và đốt nóng.
Người nào tạo tội nghiệp
Đọa vào nơi sông tro
Lại vào ngục Du tăng
Đau khổ không chịu nổi.
Người nào tạo tội nghiệp
Chết đọa trong địa ngục
Đói nuốt hòn sắt nóng
Khát lại uống nước đồng.
Người nào tạo tội nghiệp
Đọa vào nơi núi sắt
Các núi cùng hợp lại
Làm thân nát như bột.
Người nào tạo tội nghiệp
Thường chịu các khổ nã
Bị quả báo như vậy

Không ai có thể cứu.
 Nơi ấy chẳng an lạc
 Do đời trước tạo nghiệp
 Cha mẹ và vợ con
 Đâu thể cứu nhau được.
 Làm dâm dục thấp hèn
 Thẳng đến ngục Vô gián
 Khổ không thể chịu nổi
 Ba đời Phật đều dạy.
 Vì thế người thấp hèn
 Cùng ở với người nữ
 Như vác túi đựng phân
 Ngu si mang tận nơi.
 Người nam bị người nữ
 Trói buộc như gông cùm
 Địa ngục lửa thiêu thân
 Không thể an vui được.
 Khoảnh khắc sinh trí tuệ
 Như vậy nghe pháp Phật
 Là tất cả dâm dục
 Xuất gia được giải thoát.

Đức Phật dạy:

– Này đại vương! Người nam nào làm việc dâm dục sẽ bị đọa vào địa ngục, chịu khổ lớn này. Vì thế, này đại vương! Hãy luôn luôn tưởng nghĩ Phật, nghĩ Pháp; quán sát thân tâm, chớ để sinh lỗi lầm.

Vua Nhật Tử ở ngay chỗ Thế Tôn phát lòng tin rộng lớn, thưa:

– Bạch Thế Tôn! Thật là hy hữu! Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác khéo thuyết giảng lỗi của người nam, người nữ. Con xin thọ trì, quy y Phật, quy y Pháp, quy y chúng Bì-sô.

Bạch Thế Tôn! Từ nay về sau, con xin xả bỏ các lỗi dao gậy do dâm dục gây ra mà thương xót, làm lợi ích cho tất cả chúng sinh.

Khi Phật thuyết giảng pháp này xong, trong chúng hội vua Nhật Tử và các Bì-sô, Đại Bô-tát, Trời, Rồng, Dược-xoa, A-tó-la, Bích-lộ-trà, Kiên-thát-bà, Mạt-hô-lạc-ca, nhân, phi nhân, nghe Phật thuyết giảng đều rất vui mừng, làm lễ lui ra.



SỐ 334

KINH TU MA ĐỀ BỒ TÁT

(Căn cứ vào Khai Nguyên Lục thì Kinh Tu Ma Đề cũng gọi là Kinh Tu Ma)

Hán dịch: Đời Tây Tấn, Tam tạng Pháp sư Trúc Pháp Hộ, người nước Nguyệt Chi.

Nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trên đỉnh núi Linh Điều, thuộc thành La-duyệt-kỳ, cùng với chúng Đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi người, chúng Bồ-tát một vạn người.

Bấy giờ, ở nước lớn thành La-duyệt có một trưởng giả, tên là Úc-ca. Úc-ca có một người con gái tên là Tu-ma-đề, tuổi mới lên tám. Trải qua nhiều đời, cô ta đã phụng thờ vô số trăm ngàn chư Phật ở quá khứ, đã tích lũy công đức không thể kể xiết.

Khi ấy, Tu-ma-đề từ nước lớn La-duyệt-kỳ đi đến núi Linh Điều. Khi đến chỗ Đức Phật, cô cung kính năm vóc sát đất lạy dưới chân Ngài. Đánh lễ xong, đứng qua một bên, chấp tay bạch:

– Con có điều muốn hỏi, cúi mong Phật dùng phương tiện quyền xảo giải thuyết những nghi vấn

của con.

Đức Phật im lặng, liền biết ý của cô gái, Ngài bảo Tu-ma-đề:

– Muốn gì cứ hỏi. Nay Như Lai sẽ giải thuyết đầy đủ, phân biệt mọi việc khiến cho người được hoan hỷ.

Tu-ma-đề hỏi Đức Phật:

– Bồ-tát làm sao đối với nơi chốn sinh ra, mọi người trông thấy thì thường hoan hỷ?

Làm sao để được giàu lớn, thường có nhiều của báu?

Làm sao để không bị người khác chia cách?

Làm sao để khỏi vào thai mẹ? Thường được hóa sinh trong hoa sen ngàn cánh, đứng trước Pháp vương?

Làm sao để được thần túc, từ vô số ức quốc độ, đi đến các cõi ấy đánh lễ chư Phật?

Làm sao để được không thù oán, không bị xâm lấn, ghen ghét?

Làm sao để lời nói của mình người nghe tin tưởng, vui mừng, thọ hành?

Làm sao để khỏi tội ương, hạnh thiện đã làm không ai có thể phá hoại được?

Làm sao để ma không thể sai khiến?

Làm sao để lúc sắp mạng chung thì có Phật đứng trước mặt, thuyết giảng kinh pháp, khỏi rơi vào chốn khổ đau?

Đó là những điều con muốn hỏi.

Bấy giờ, Đức Phật bảo Tu-ma-đề:

– Như những ý nghĩa mà người hỏi Như Lai, lành thay! Thật vô cùng thú vị. Nếu người muốn nghe thì hãy nghe cho rõ, thọ trì cho kỹ, siêng năng suy nghĩ, Ta sẽ giảng nói.

Khi ấy, cô gái liền thưa:

– Lành thay! Bạch Thế Tôn! Con rất mong được nghe.

Tu-ma-đề thọ giáo, lắng nghe.

Đức Phật dạy:

– Bồ-tát có bốn pháp nên người thấy đều hoan hỷ. Những gì là bốn?

Không khởi tâm sân hận, xem kẻ oan gia như tri thức thiện.

Thường có tâm từ với tất cả chúng sinh.

Thường thực hành, cầu mong pháp chính yếu vô thượng.

Tạo hình tượng Phật.

Đó là bốn pháp.

Bồ-tát nhờ thực hành bốn việc này nên mọi người trông thấy vị ấy thường sinh tâm hoan hỷ.

Đức Phật nói kệ:

*Căn bản không khởi sân hận
Thường hành từ, được pháp yếu
Tạo tượng Phật, thân sạch đẹp*

Tâm hoan hỷ, người thích nhìn.

Đức Phật bảo Tu-ma-đề:

– Bồ-tát lại có bốn pháp được giàu có lớn. Những gì là bốn? Một: bố thí đúng lúc. Hai: cho xong càng thêm vui. Ba: sau khi cho không hối hận. Bốn: đã cho, không cầu báo đáp. Đó là bốn pháp. Bồ-tát nhờ bốn pháp này nên được giàu có lớn, thường có nhiều của cải.

Đức Phật nói kệ:

*Đúng thời thí, không hối tiếc
Vui lòng cho, không mong cầu
Khi bố thí, có trí tuệ
Dù ở đâu, thường giàu có.*

Đức Phật bảo Tu-ma-đề:

– Bồ-tát lại có bốn pháp, không bị người khác làm biệt ly. Những gì là bốn?

Không rao truyền lời ác, làm cho hai bên tranh chấp nhiều loạn lẩn nhau.

Dẫn kẻ ngu si vào Phật đạo.

Nếu có ai hủy hoại chánh pháp thì bảo vệ, làm cho chánh pháp được thường còn.

Khuyên bảo mọi người phải biết cầu Phật, khiến cho tâm kiên cố, bất động.

Đó là bốn pháp. Bồ-tát nhờ bốn pháp này nên không bị người khác làm biệt ly.

Đức Phật nói kệ:

Không truyền nêu việc tranh chấp

*Dẫn kẻ ngu, hộ chánh pháp
Khuyến bảo người cầu Phật đạo
Không ai làm biệt ly được.*

Đức Phật bảo Tu-ma-đề:

– Bồ-tát lại có bốn pháp, nên được hóa sinh trong hoa sen ngàn cánh, đứng trước Pháp vương. Những gì là bốn?

Giã nhuyễn các thứ hoa sen hồng, hoa sen xanh, hoa sen vàng và hoa sen trắng. Hợp bốn thứ bột này như bụi, làm thành diệp hoa tròn trịa, mềm mại, đem cúng dường Thế Tôn hay nơi tháp hoặc xá-lợi.

Không làm cho người khác khởi tâm sân hận.

Làm hình tượng Phật ngồi trên hoa sen.

Dốc tâm cầu đạt được chánh giác tối thượng, hoan hỷ an trụ.

Đó là bốn pháp. Bồ-tát dùng bốn pháp này nên thường được hóa sinh trong hoa sen ngàn cánh, đứng trước Pháp vương.

Đức Phật nói kệ:

*Khấp thí bốn hoa mềm đẹp
Bỏ sân hận, thọ pháp nghĩa
Được thượng giác, đứng trước Phật
Tạo hình tượng, sinh trong hoa.*

Đức Phật bảo Tu-ma-đề:

– Bồ-tát lại có bốn pháp nên được thần túc, từ một nước Phật lại đi đến một nước Phật. Những gì

là bốn?

Thấy người tạo công đức, không làm cho họ bị đoạn tuyệt.

Thấy người thuyết pháp, không cấm ngăn nửa chừng.

Thường đốt đèn trong các chùa, tháp.

Mong cầu các pháp Tam-muội.

Đó là bốn pháp, Bồ-tát dùng bốn pháp này nên được thần túc, từ một nước Phật lại đi đến một nước Phật khác để đánh lễ, cúng dường.

Đức Phật nói kệ:

*Hành công đức là pháp thí
Nghe thuyết kinh không cấm ngăn
Thường thắp đèn nơi chùa, tháp
Nhập Tam-muội, đạo các nước.*

Đức Phật bảo Tu-ma-đề:

– Bồ-tát lại có bốn pháp khiến không bị thù oán, không bị xâm phạm, ganh ghét. Những gì là bốn?

Đối với tri thức thiện, không có tâm dua nịnh, dôi trá.

Không tham lam keo kiệt, đố kỵ với của cải người khác.

Thấy người bố thí thì giúp cho họ được hoan hỷ.

Thấy các việc làm của Bồ-tát, không sinh tâm phỉ báng.

Đó là bốn pháp, Bồ-tát nhờ sử dụng bốn pháp này thường hành hạnh đó nên không bị thù oán, không bị xâm phạm, ganh ghét.

Đức Phật nói kệ:

*Với thiện hữu không đua nịnh
Không tham tiếc vật người khác
Thấy người thí, giúp người vui
Hạnh Bồ-tát không thù oán.*

Đức Phật bảo Tu-ma-đề:

– Bồ-tát lại có bốn pháp làm cho lời nói ra, người nghe tin theo, vui mừng thọ trì, thực hành. Những gì là bốn?

Những điều miệng nói ra thế nào thì tâm cũng như vậy.

Đối với tri thức thiện thường có tâm chí thành. Nghe người thuyết pháp, không có tâm chê bai. Nếu thấy người khác được mời thuyết pháp, mình không nên xét tìm chỗ yếu của họ.

Đó là bốn pháp. Bồ-tát nhờ dùng bốn pháp này nên hễ nói điều gì, người nghe tin theo, vui mừng thọ trì, thực hành.

Đức Phật nói kệ:

*Nghĩ thế nào nói thế ấy
Với thiện hữu luôn chí thành
Nghe giảng pháp không chê bai
Hoặc nói kinh tâm hoan hỷ.*

Đức Phật bảo Tu-ma-đề:

– BỒ-tát lại có bốn pháp làm cho không bị tai ương, hạnh thiện đã làm mau được tịnh trụ. Những gì là bốn?

Điều tâm ý nhớ nghĩ, thường là điều thiện.

Thường giữ giới, hành Tam-muội theo trí tuệ.

Mới phát tâm BỒ-đề, BỒ-tát liền khởi Nhất thiết trí, độ thoát nhiều chúng sinh.

Thường có ân từ lớn đối với tất cả.

Đó là bốn pháp. BỒ-tát nhờ dùng bốn pháp này nên không bị tai ương, hạnh thiện đã làm mau được tịnh trụ.

Đức Phật nói kệ:

*Thường chí thiện, muốn độ hết
Giới bằng định, không lìa tuệ
Phải dạy người Nhất thiết trí
Hành ý từ, được tịnh trụ.*

Đức Phật bảo Tu-ma-đề:

– BỒ-tát lại có bốn pháp khiến các ma không thể lợi dụng được. Những gì là bốn?

Thường niệm Phật

Luôn tinh tấn.

Thường niệm kinh pháp

Thường tạo công đức.

Đó là bốn pháp. BỒ-tát nhờ dùng bốn pháp này nên các ma không thể lợi dụng được.

Đức Phật nói kệ:

*Thường ý tịnh, niệm Hồng danh
Chí tinh tấn, học pháp sâu
Tự siêng năng lập công đức
Ma vì vậy không lợi dụng.*

Đức Phật bảo Tu-ma-đề:

– Bồ-tát lại có bốn pháp, khiến lúc sắp mạng chung có chư Phật đứng ở trước thuyết kinh pháp, giúp cho người ấy không bị rơi vào chốn khổ não. Những gì là bốn?

Vì tất cả mọi người hành đầy đủ các nguyện.

Nếu có người bố thí cho kẻ nghèo khó luôn mong họ được đầy đủ.

Thấy có người bố thí lẫn lộn, hoặc ít ỏi, thiếu hụt, liền hỗ trợ.

Thường nghĩ tới việc cúng dường Tam bảo.

Đó là bốn pháp, nhờ có bốn pháp nên lúc sắp mạng chung có chư Phật đứng ở trước thuyết kinh pháp, giúp cho người ấy không bị rơi vào chốn khổ não.

Đức Phật nói kệ:

*Vì tất cả, tròn sở nguyện.
Kẻ cùng cực, khuyên thí đủ
Kẻ tạp thí, mình hỗ trợ
Cúng Tam bảo, được thành Phật.*

Bấy giờ, Tu-ma-đề bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Ngài đã giảng nói bốn mươi việc, con sẽ phải phụng hành để không bị thiếu sót,

khiến cho đầy đủ, không chống trái một việc nào cả. Nếu để mất một, nghĩa là con đã làm đứt mất thọ mạng của pháp Phật và giảm bớt chúng đệ tử.

Lúc này, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đang ngồi trong chúng hội, liền hỏi Tu-ma-đề:

– Bốn mươi việc này là việc làm của bậc đại sĩ, Bồ-tát, chư vị ấy còn thấy khó khăn thay, huống chi người là cô bé gái thì làm sao có thể hoàn tất được?

Tu-ma-đề trả lời Tôn giả Mục-liên:

– Giả sử bây giờ tôi có thể thực hành được bốn mươi việc này thì cả ba ngàn đại thiên quốc độ sẽ chấn động đủ sáu cách, trời tuôn mưa hoa, các dụng cụ âm nhạc không tấu mà tự vang lên.

Tu-ma-đề vừa nói lời ấy xong, ba ngàn đại thiên quốc độ hiện đủ sáu cách, trời tuôn mưa hoa, nhạc khí tự vang lên. Cô gái nói với Tôn giả Mục-liên:

– Điều đó chứng minh cho lời nói của tôi là chí thành. Nếu vào đời vị lai có người nào phát khởi tâm Bồ-tát thì cũng sẽ linh cảm như vậy. Không bao lâu nữa, tôi cũng sẽ như Đức Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác. Người nào tin lời tôi nói là không hư vọng thì ở trong chúng hội đồng loạt đều có màu sắc vàng ròng.

Đúng như lời cô gái nói, cả chúng hội đều có màu sắc vàng ròng.

Bấy giờ, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, quỳ gối phải, chấp tay đánh lễ Phật, bạch:

– Hiện nay tất cả Bồ-tát mới phát tâm Bồ-đề, con sẽ tự quy, đánh lễ các vị ấy. Vì sao? Vì cô gái mới tám tuổi này mà có sự cảm ứng như vậy, huống chi là các bậc Cao sĩ Ma-ha-tát?

Lúc ấy, ở trong chúng hội có một vị Đại sĩ tên là Văn-thù-sư-lợi, nói với Tu-ma-đề:

– Người trụ nơi pháp gì mà hiện được sự cảm ứng như vậy?

Tu-ma-đề đáp:

– Các pháp nhiều không thể kể xiết, cũng không có chỗ trụ, vậy sao đại sĩ hỏi tôi trụ nơi pháp gì? Đại sĩ hỏi như vậy chẳng hơn là đừng hỏi.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi lại hỏi Tu-ma-đề:

– Lời nói ấy, nên hiểu thế nào?

Tu-ma-đề thưa:

– Không nên đối với các pháp có chỗ trụ, cũng không nghi ngờ, cũng không nói thị phi.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi hỏi:

– Như Lai vốn không có tạo hành nghiệp chẳng?

Tu-ma-đề đáp:

– Ví như bóng trăng hiện trong nước, như mộng, như dợn nắng, như tiếng vang trong núi sâu. Bản hạnh của Đức Như Lai cũng như vậy.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi hỏi:

– Như người đã nói, hòa hợp các việc này có thể thành Phật chăng?

Tu-ma-đề đáp:

– Thế nào thừa Nhân giả, nên gọi ba việc: ngu si, trí tuệ và hành động là khác nhau hay không khác nhau? Tất cả các pháp đều hòa hợp nhau. Vì sao vậy? Hoặc chánh pháp hay không chánh pháp thì đừng nên trụ, cũng đừng giữ lấy, cũng đừng buông bỏ là không, không có hình sắc.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi lại hỏi:

– Có bao nhiêu người hiểu được nghĩa này?

Tu-ma-đề đáp:

– Phàm người làm huyền thuật, tùy ý biến hóa, lẽ nào lại có giới hạn sao? Nếu nhà ảo thuật biến hóa còn không bị giới hạn, thì người tin hiểu pháp này cũng như vậy.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi hỏi:

– Như tôi không huyền không hóa, vậy phải hành pháp gì được hợp với đạo?

Tu-ma-đề đáp:

– Như lời Đại sĩ nói thật hết sức hay. Tất cả pháp xứ không phải có, cũng không phải không có, đến như Đức Như Lai cũng không hợp không tan.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nghe cô gái nói xong, rất vui mừng, khen ngợi:

– Lành thay!

Bồ-tát Văn-thù-su-lợi bạch Phật:

– Rất hay! Những điều Tu-ma-đề giảng nói thật là vi diệu, rất kỳ lạ, nên mới có thể đạt được pháp nhãn ấy. Vậy từ lúc cô ta phát tâm Bồ-đề đến nay là bao lâu?

Đức Phật bảo Bồ-tát Văn-thù-su-lợi:

– Tu-ma-đề từ lúc phát tâm bình đẳng vô thượng độ ý đẳng trụ đến nay, chứa nhóm không thể tính kể, ba mươi ức kiếp về trước của người, nhờ cô ta mà phát tâm vô thượng bình đẳng độ ý, liền nhập được pháp nhãn chẳng từ đâu sinh. Vậy cô ta là thầy của người, lúc người mới phát tâm.

Bồ-tát Văn-thù nghe Phật nói như vậy, liền đến trước đánh lễ, bạch Tu-ma-đề:

– Tôi đã xa cách thầy từ lâu, nay mới gặp nhau để hầu hạ, cùng thầy tương kiến, được nghe lời dạy.

Tu-ma-đề đáp:

– Đừng nghĩ như vậy. Vì sao? Vì không có từ đâu sinh ra pháp nhãn, cũng không có chỗ nhớ nghĩ, cũng không có thầy.

Bồ-tát Văn-thù-su-lợi hỏi:

– Tại sao thầy không chuyển tướng người nữ?

Tu-ma-đề đáp:

– Tướng ấy là không thể thủ đắc. Vì sao? Vì pháp không có nam, không có nữ. Nay tôi sẽ cắt đứt mọi nghi của đại sĩ.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

– Lành thay! Tôi rất muốn nghe.

Tu-ma-đề nói với Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

– Như khiến cho tôi sau này gặp được Đức Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Thành Tuệ Hành, An Định, Thế Gian Phụ, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, Phật – Thiên Trung Thiên. Xét kỹ như vậy thì nay tôi sẽ biến thành nam tử liền.

Cô gái vừa nói lời ấy xong thì liền biến thành nam tử, tóc trên đầu tự rụng, thân mặc ca-sa, liền thành Sa-di.

Lúc ấy, Tu-ma-đề nói với Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

– Hãy xem lúc tôi sẽ thành Phật ở đời sau, làm cho nước của tôi không có ba việc. Những gì là ba? Một: việc của ma. Hai: địa ngục. Ba: tật xấu của tâm nữ nhân. Nếu như lời của tôi là chí thành thì thân của tôi giống như Sa-môn lúc ba mươi tuổi.

Khi Tu-ma-đề vừa nói lời này xong, thân nhan sắc như ba mươi tuổi.

Tu-ma-đề lại nói với Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

– Khi tôi thành Phật thì khiến cho người trong nước tôi đều có sắc thân vàng ròng, thành quách đất đai chung quanh đều bằng bảy báu, có cây bảy báu mọc thành tám hàng, có ao nước bằng bảy báu, bốn bên trong và ngoài đều sinh hoa sen bảy báu

đủ màu, và các thứ ngọc báu xen lẫn, không nhiều, không ít, thảy đều bằng nhau.

Tu-ma-đề nói:

– Như nước của Nhân giả, quốc độ của tôi cũng sẽ như vậy. Nếu như lời của tôi mà chí thành thì bây giờ những người trong chúng hội đều có sắc vàng ròng.

Cô ta vừa nói lời ấy thì tất cả mọi người trong chúng hội đều có sắc thân vàng ròng. Lúc ấy, vị thần Trì Địa từ dưới đất hiện ra, hóa thành hình dáng một vị trời, cất tiếng xiển dương, tán thán Tu-ma-đề ba lần:

– Ma-ha Tu-ma-đề Bồ-tát Ma-ha-tát khi thành Phật thì tất cả vật hiện có trong cõi, ao nước bảy báu, cây cối và hoa quả cũng đều giống như vậy.

Bây giờ, Phật bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

– Bồ-tát Ma-ha-tát Tu-ma-đề này không lâu nữa sẽ thành Phật hiệu là Bảo Đức Hợp Cát Tường, gồm đủ mười tôn hiệu: Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Thành Tuệ Hành, An Định, Thế Gian, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, Phật – Thiên Trung Thiên.

Khi Phật giảng nói kinh này, thọ ký cho Tu-ma-đề, ba mươi ức người phát tâm cầu đạo quả vô thượng bình đẳng, đều được quả vị Bất thoái chuyển, sáu vạn Thiên tử đều được sinh khởi các pháp nhãn. Có năm trăm Bồ-tát ngồi trong tòa nghe

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi giảng nói pháp sâu xa, vì không hiểu muốn sinh tâm thoái thất, nay thấy lời Tu-ma-đề nói là chân thành, thấy đều có sự ứng hợp. Các vị ấy liền cởi y trên người để dâng lên Đức Phật, cũng không phải vì đua theo, cũng không có tâm mong cầu, nhưng làm công đức này là để tự tâm mình được vững chắc, đối với đạo quả giác ngộ vô thượng bình đẳng, vì vậy các vị được an trụ nơi bậc không thoái chuyển, vượt khỏi chín mươi kiếp, không còn sinh tử nữa.

Bây giờ, Đức Phật thọ ký cho năm trăm người, quyết định sau mười kiếp, kiếp tên là Vô Trần Cấu, Phật tên Như Lai Cố Thọ, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác. Năm trăm vị này sẽ sinh vào nước ấy, nước tên là Diệm Khí, cùng trong một kiếp đều được thành Phật, đều đồng một tên là Trang Sức, Dự Tri Nhân Ý, gồm đủ mười tôn hiệu Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác v.v...

Đức Phật bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

– Kinh như vậy có đem lại nhiều lợi ích như thế chẳng? Nếu từ nay cho đến tận cùng đời vị lai có Bồ-tát Ma-ha-tát và Sa-môn, hoặc thiện nam, thiện nữ nào cầu đạo Bồ-tát, phụng hành sáu Ba-la-mật, chưa rõ về phương tiện quyền xảo, không bằng có người biên chép kinh này, trì tụng, đọc cho người khác nghe, lại dạy cho mọi người, thường nhớ nghĩ những điều trong kinh ấy, hãy giải thuyết rộng khắp cho những người muốn nghe.

Đức Phật lại bảo BỒ-tát Văn-thù-sư-lợi:

– Những vị trước đây chưa được nghe pháp này nên cũng không thực hành, những BỒ-tát như vậy phải nhớ nghĩ, thực tập, hành trì. Vì sao? Vì như Chuyển luân Thánh vương trị vì thế gian, khi ấy liền có bảy báu không hề thiếu sót, khi nhà vua mạng chung thì bảy báu mới mất. Như vậy, này BỒ-tát Văn-thù-sư-lợi! Nếu kinh, đạo Phật trụ ở thế gian thì bảy giác ý của Phật không bao giờ bị tiêu diệt. Nếu pháp Phật bị hủy diệt thì giác ý, các pháp đều bị tiêu diệt hết.

Đức Phật lại nói với BỒ-tát Văn-thù-sư-lợi:

– Hãy nên cầu đạt được vô số phương tiện, tìm đủ các kinh, siêng năng học tập, biên chép, thuyết giảng cho người khác nghe, dạy cho tất cả rộng hiểu nghĩa kinh, thường nên tinh tấn. Đó là pháp giáo. Nếu thiện nam, thiện nữ muốn cầu đạo, chớ có nửa chừng thoái lui.

Phật thuyết giảng kinh này xong, BỒ-tát Tu-ma-đề, BỒ-tát Văn-thù-sư-lợi, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, chư Thiên và mọi người ở trong chúng hội, A-tu-la, Kiên-đạp-hòa, Trì-thế v.v... thấy đều hoan hỷ lãnh hội.



SỐ 335

KINH TU MA ĐỀ BỒ TÁT

*Hán dịch: Đời Diêu Tần, Tam tạng
Pháp sư Cưu Ma La Thập.*

Nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại núi Kỳ-xà-quật, thuộc thành La-duyệt-kỳ, cùng với đại chúng một ngàn hai trăm năm mươi người, chúng Bồ-tát một vạn người.

Bảy giờ, nước La-duyệt-kỳ có bé gái tám tuổi tên Tu-ma-đề, con của trưởng giả Ưu Ca, đã nhiều đời phụng thờ, cung kính vô số trăm ngàn chư Phật quá khứ, chứa nhiều công đức không thể tính đếm được.

Một hôm, Tu-ma-đề từ La-duyệt-kỳ đến núi Kỳ-xà-quật nơi Đức Thế Tôn đang ở, đến nơi cung kính đánh lễ sát chân Ngài, rồi lui qua một bên, một lòng hướng đến, chấp tay bạch Phật:

– Con có điều muốn hỏi, xin Thế Tôn dùng phương tiện giải nghi cho con.

Đức Phật im lặng, do biết ý của cô gái nên Ngài bảo Tu-ma-đề:

– Con hãy hỏi đi. Như Lai sẽ trả lời đầy đủ phân

biệt rõ ràng để con được hoan hỷ.

Tu-ma-đề hỏi Phật:

– Bạch Thế Tôn! Bồ-tát sống như thế nào để mọi người trông thấy đều hoan hỷ? Làm sao được nhiều của báu? Làm sao không bị mọi người xa lánh? Làm sao không bị ở trong thai mẹ mà được hóa sinh trong hoa sen ngàn cánh và đứng trước đấng Pháp vương? Làm sao được thần túc để vượt qua vô số quốc độ, đến chỗ chư Phật thăm hỏi và đánh lễ? Làm sao không bị thù oán, không bị xâm hại, ganh ghét? Làm sao nói ra lời nào, mọi người nghe cũng đều vui mừng và làm theo? Làm sao khỏi bị tai ương và những việc làm tốt không bị hủy hoại? Làm thế nào để ma không thể tìm chỗ sơ hở của mình? Làm thế nào khi lâm chung được Phật ở trước mặt giảng nói pháp, không bị rơi vào chỗ thống khổ? Đây là những câu hỏi của con.

Khi ấy, Đức Phật nói với Tu-ma-đề:

– Lành thay! Những câu con hỏi Như Lai rất hay. Nếu con muốn nghe thì hãy chú ý ghi nhận, nhớ nghĩ. Ta sẽ giải nghi cho.

Bấy giờ, cô gái thưa:

– Lành thay, thưa Thế Tôn! Con xin muốn nghe.

Tu-ma-đề chú ý nghe lời dạy của Thế Tôn.

Đức Phật dạy:

– Bồ-tát có bốn pháp, mọi người thấy đều hoan

hỷ:

Không sân hận, xem oan gia như tri thức thiện.

Thường có lòng từ bi đối với tất cả.

Thường mong cầu giáo pháp vô thượng.

Thường tạo hình tượng Phật.

Bồ-tát làm bốn việc này, người thấy luôn hoan hỷ.

Đức Phật nhân đó nói kệ:

*Không sân hận, hại thiện căn
Thường hành từ, được pháp chính
Làm tượng Phật thân tướng đẹp
Người ưa thấy, tâm hoan hỷ.*

Đức Phật bảo Tu-ma-đề:

– Bồ-tát lại có bốn pháp để được giàu có lớn.

Đó là:

Bố thí đúng lúc.

Cho rồi càng vui.

Cho rồi không tiếc.

Cho rồi không cầu báo đáp.

Bồ-tát thực hiện bốn việc này thì được giàu có lớn.

Nhân đó Phật nói kệ:

*Cho đúng lúc, không hối tiếc.
Vui vẻ cho, không mong cầu
Thường bố thí bằng trí tuệ.
Sống nơi đâu cũng giàu có.*

Đức Phật bảo Tu-ma-đề:

– Bồ-tát lại có bốn việc không bị mọi người xa lánh:

Không truyền lời nói xấu, gây hai bên tranh đấu.

Hướng dẫn người không hiểu đạo được về con đường giác ngộ.

Nếu chánh pháp bị phá hoại thì hộ trì, làm cho được trường tồn.

Khuyến khích mọi người hết lòng cầu đạt giác ngộ, khiến không lay chuyển.

Bồ-tát thực hành bốn việc này không bị mọi người xa lánh.

Nhân đó Phật nói kệ:

*Không truyền lời, gây tranh chấp
 Dẫn người mê, hộ chánh pháp
 Khuyến khích người cầu giác ngộ
 Không bị mọi người xa lánh.*

Đức Phật bảo Tu-ma-đề:

– Bồ-tát lại có bốn pháp, được hóa sinh trong hoa sen ngàn cánh, đứng trước đấng Pháp vương. Đó là:

Giã nhỏ bốn loại sen: vàng, đỏ, trắng, xanh thành như bụi ngát thơm, đem đến cúng dường tháp và Xá-lợi Đức Thế Tôn.

Không làm cho người khác khởi tâm sân hận.

Tạc tượng Phật ngự trên hoa sen.

Được pháp tối thượng, khuyến khích mọi người sống hoan hỷ.

Bồ-tát thực hiện bốn việc này nên được hóa sinh trong hoa sen ngàn cánh, đứng trước đấng Pháp vương.

Nhân đó Phật nói kệ:

*Cúng dường bốn hoa thơm ngát
Trừ sân hận, nhận nghĩa pháp
Được giác ngộ ở trước Phật
Tạc hình tượng sinh trong hoa.*

Đức Phật bảo Tu-ma-đề:

– Bồ-tát lại có bốn pháp để đạt được thần túc, đi từ cõi Phật này đến cõi Phật khác. Đó là:

Thấy người làm công đức, khuyến khích thêm.
Thấy người thuyết pháp không làm gián đoạn.
Thường đốt đèn sáng cúng dường chùa tháp.
Cầu chánh định.

Nhờ bốn việc này mà Bồ-tát được thần túc, đi từ cõi Phật này đến cõi Phật khác.

Nhân đó Phật nói kệ:

*Làm công đức, bố thí pháp
Nghe nói kinh không cấm ngăn
Thường thắp sáng nơi chùa tháp
Vào chánh định, đi các cõi.*

Đức Phật bảo Tu-ma-đề:

– Bồ-tát lại có bốn pháp, không bị oán thù xâm phạm. Đó là:

Đối với bạn thân không có tâm dối gạt.

Không tham lam tài vật của người.

Thấy người bố thí thì hoan hỷ hỗ trợ.

Thấy việc làm của Bồ-tát không phỉ báng.

Với bốn việc như vậy, Bồ-tát thường thực hành thì không bị oán thù, xâm phạm.

Đức Phật bảo Tu-ma-đề:

– Bồ-tát lại có bốn pháp, nên những lời nói của họ khiến cho người nghe tin tưởng, vui vẻ làm theo. Đó là:

Lời nói không trái với ý.

Đối với tri thức thiện thường có lòng thành kính.

Nghe người thuyết pháp không bàn luận phải trái.

Nếu thấy người khác được mời thuyết giảng kinh thì không nên chê chỗ dở của họ.

Bồ-tát thực hiện bốn pháp này, thì lời nói của họ khiến cho người nghe tin tưởng, vui vẻ làm theo.

Nhân đó Phật nói kệ:

Nghĩ và nói đều như nhau

Thường thành tín với bạn lành

Nghe giảng pháp không tìm lỗi

Nếu thuyết kinh, tâm hoan hỷ.

Đức Phật bảo Tu-ma-đề:

– Bồ-tát lại có bốn pháp không bị lỗi lầm, làm các việc thiện mau được thanh tịnh. Đó là:

Tâm ý thường nghĩ điều thiện.

Thường giữ giới, định, tuệ.

Bồ-tát mới phát tâm, liền được Nhất thiết trí, độ khắp nhiều người.

Thường có tâm đại từ bi đối với tất cả chúng sinh.

Bồ-tát thực hành bốn pháp này, diệt được vô số tội, mau thanh tịnh.

Nhân đó Phật nói kệ:

*Tâm chí thiện, thường độ khắp
Thường gìn giữ giới, định, tuệ
Nhất thiết trí giáo hóa người
Hạnh từ bi được thanh tịnh.*

Đức Phật bảo Tu-ma-đề:

– Bồ-tát lại có bốn pháp làm cho ma không tìm được chỗ sơ hở. Đó là:

Thường niệm Phật.

Luôn tinh tấn

Thường niệm kinh pháp.

Thường tạo công đức.

Bồ-tát thực hành bốn pháp này thì ma không tìm được chỗ sơ hở.

Nhân đó Phật nói kệ:

Tâm ý vui, thường niệm Phật

*Luôn tinh tấn, học giáo pháp
Tự cố gắng tạo công đức
Nên không bị ma sai khiến.*

Đức Phật bảo Tu-ma-đề:

– Bô-tát lại có bốn pháp, khi lâm chung có chư Phật ở trước mặt nói pháp, khiến họ không bị đọa vào nơi đau khổ. Đó là:

Vì tất cả mọi người làm đầy đủ các nguyện.

Nếu người muốn bố thí thì nghĩ cách hỗ trợ, cho họ được đầy đủ.

Nếu thấy người bố thí nhiều mà bị thiếu thốn thì hỗ trợ cho họ.

Thường nghĩ đến việc cúng dường Tam bảo.

Bô-tát thực hành bốn pháp này, khi lâm chung thấy chư Phật ở trước mặt nói pháp, khiến họ không bị đọa vào nơi đau khổ.

Nhân đó Phật nói kệ:

*Làm mọi người được mãn nguyện
Đại từ bi khuyên bố thí
Bố thí nhiều bằng trí tuệ
Cúng Tam bảo, được giác ngộ.*

Bây giờ, Tu-ma-đề bạch Phật:

– Bốn mươi việc mà Thế Tôn đã nói, con xin phụng trì hoàn toàn không thiếu sót điều nào. Nếu thiếu sót một điều thì con là kẻ phá hoại Phật, Pháp, Tăng.

Khi ấy, giữa đại hội, Trưởng lão Mục-kiền-liên

hỏi Tu-ma-đề:

– Bốn mươi việc này Bồ-tát, Đại sĩ thực hành còn khó thay, huống chi là bé gái như con làm sao hoàn thành được?

Tu-ma-đề thưa:

– Giả như hiện nay con thực hành đầy đủ bốn mươi việc này thì ba ngàn thế giới đều sẽ vì con mà chấn động đủ sáu cách, trời mưa hoa, và các nhạc khí tự nhiên vang tiếng.

Khi Tu-ma-đề vừa phát nguyện xong thì ba ngàn thế giới đều chấn động sáu cách, trời mưa hoa và các nhạc khí tự nhiên lên tiếng.

Cô bé thưa với Trưởng lão Mục-kiền-liên:

– Sự chí thành của con đã được chứng minh. Nếu đời sau có ai phát tâm Bồ-đề, cũng như vậy. Sau này con sẽ thành bậc Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri v.v... Nếu như lời con nói không hư vọng thì cả chúng hội này đều trở thành màu hoàng kim.

Theo lời nói đó, cả chúng hội đều hóa thành màu hoàng kim. Lúc ấy Trưởng lão Mục-kiền-liên đứng dậy, sửa lại y phục, chấp tay đánh lễ Phật và thưa:

– Bạch Thế Tôn! Từ nay con sẽ đánh lễ tất cả các vị mới phát tâm Bồ-tát. Vì sao? Vì cô bé tám tuổi mà còn đạt được như vậy, huống chi là các bậc Đại sĩ.

Bấy giờ trong chúng hội có Đại Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, liền hỏi Tu-ma-đề:

– Nhờ tu tập pháp nào mà cô được cảm ứng như vậy?

Tu-ma-đề thưa:

– Các pháp không thể tính kể về số lượng, cũng không có chỗ trụ. Sao lại hỏi con tu tập pháp nào? Bồ-tát không nên hỏi như thế.

Bồ-tát Văn-thù hỏi Tu-ma-đề:

– Vì sao cô nói như vậy?

Tu-ma-đề thưa:

– Đối với các pháp không có sự tu tập, không có sự nghi ngờ, không nói đúng-sai.

Bồ-tát Văn-thù hỏi Tu-ma-đề:

– Trước đây Đức Như Lai không tu tập chẳng?

Tu-ma-đề thưa:

– Ví như bóng trăng trong nước, như mộng, như dợn nắng, như tiếng vang. Sự tu hành của Như Lai cũng như vậy.

Bồ-tát Văn-thù hỏi Tu-ma-đề:

– Theo cô, làm những việc như trên thì có thể thành Phật không?

Tu-ma-đề trả lời:

– Theo Nhân giả, ba việc: ngu si, trí tuệ và nghiệp có khác nhau chẳng?

– Không khác, do tất cả pháp, một pháp, các

pháp đều dung hợp với nhau. Vì sao? Vì dù chánh hay phi pháp đều không có chỗ trụ và cũng không có chỗ nắm giữ, hoàn toàn không có sắc.

Bồ-tát Văn-thù hỏi Tu-ma-đề:

– Có bao nhiêu người hiểu được nghĩa này?

Tu-ma-đề đáp:

– Người làm trò ảo thuật biến hóa tùy ý không có hạn chế. Sự biến hóa của nhà ảo thuật còn không giới hạn, nên tin hiểu pháp này cũng vậy.

Bồ-tát Văn-thù hỏi Tu-ma-đề:

– Như tôi hành động không huyền, không hóa, thì pháp nào hợp với đạo?

Tu-ma-đề thưa:

– Lời nói của Nhân giả rất hay, tất cả pháp xử là không phải có và cũng không phải không. Cho đến Đức Như Lai cũng không hợp, không tan.

Sau khi vui vẻ khen ngợi lời nói của Tu-ma-đề, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đến trước Phật thưa:

– Bạch Thế Tôn! Ý của Tu-ma-đề nói ra thật vi diệu, kỳ lạ, đã thâm nhập đạt được pháp nhẫn. Như vậy, cô ấy phát tâm đến nay đã bao lâu rồi?

Đức Phật bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

– Tu-ma-đề này phát tâm cầu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, từ đó đến nay nhiều không thể tính đếm được, trước ông đến ba mươi ức kiếp. Nhờ vào cô ta mà ông phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Từ đó ông mới đạt

được pháp nhãn Vô sinh. Khi ông mới phát tâm chính cô ta là thầy của ông.

Nghe Đức Phật nói xong, Bồ-tát Văn-thù làm lễ trước Phật và thưa với Tu-ma-đề:

– Cách biệt đã lâu nay mới gặp lại, được diện kiến thầy và nghe dạy bảo.

Tu-ma-đề nói:

– Chớ nghĩ vậy. Vì sao? Vì pháp nhãn Vô sinh không có chỗ niệm và cũng không có thầy.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi hỏi:

– Sao Nhân giả không chuyển thân nữ thành nam?

Tu-ma-đề trả lời:

– Việc này là không thể thủ đắc. Vì sao? Vì pháp không có nam hay nữ. Tôi sẽ đoạn trừ sự nghi ngờ của Bồ-tát.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

– Hay thay, tôi muốn nghe!

Tu-ma-đề nói với Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi.

– Không bao lâu tôi sẽ chứng được quả vị Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự, Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật – Thiên Trung Thiên. Nếu việc này đúng như vậy thì tôi sẽ thành nam tử.

Vừa nói xong, Tu-ma-đề liền trở thành nam tử, tóc trên đầu rơi sạch, mặc ca-sa và thành Sa-di.

Tu-ma-đề nói với Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

– Vào đời vị lai, khi tôi thành Phật thì trong nước tôi không có ba việc:

Ma sự.

Địa ngục.

Thói xấu của người nữ.

Nếu tôi có tâm chí thành thì thân tôi sẽ như Samôn ba mươi tuổi.

Vừa nói xong, thân hình và dáng điệu của Tu-ma-đề như người ba mươi tuổi. Tu-ma-đề nói với Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

– Khi tôi thành Phật thì khiến cho người trong nước tôi đều có màu sắc vàng ròng. Đất đai, thành quách và trong ngoài bốn bên đều có tám hàng cây, ao bảy báu với hoa sen báu nhiều màu và các vật báu đều như nhau.

Tu-ma-đề nói:

– Nước của Nhân giả thế nào thì nước của tôi cũng như vậy. Nếu tôi chí thành thì những người trong hội này đều trở thành sắc vàng ròng.

Ngay lúc ấy, chúng hội đều trở thành sắc vàng ròng và thần Trì Địa xuất hiện trên mặt đất với hình dạng một vị Thiên, Địa thần lớn tiếng khen ngợi Tu-ma-đề:

– Khi Đại Bồ-tát Tu-ma-đề thành Phật thì đất nước sẽ có ao, cây, hoa, trái bảy báu đều như vậy.

Bây giờ, Đức Phật bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

– Không bao lâu nữa, Đại Bồ-tát Tu-ma-đề sẽ thành Phật hiệu là “Nhu Lai Viên Văn Cự Túc Tạng không thọ sinh nơi bốn đường, Bình Đẳng Giác, Hưng Cự Túc Hạnh, An ổn Thế Gian, Thiên Thượng Thiên Hạ, Vô Thượng Đại Nhân”.

Ý ông hiểu thế nào, pháp không có chỗ trụ. Vậy ngã có tên hay không?

Đáp:

– Bạch Thế Tôn, không có.

Hỏi:

– Ý ông hiểu sao, người huyễn hóa đó có tái sinh vào đời sau hay không?

Đáp:

– Bạch Thế Tôn, không có.

Hỏi:

– Ý ông hiểu thế nào, người huyễn hóa ấy có sinh diệt không?

Đáp:

– Bạch Thế Tôn, không thể.

Hỏi:

– Ý ông hiểu sao, hình tướng của người huyễn hóa ấy là có hay là không?

Đáp:

– Bạch Thế Tôn, không có.

Hỏi:

– Ý ông như thế nào, sự thấy - nghe của người

huyền hóa ấy là thật hay không?

Đáp:

– Bạch Thế Tôn, không có.

Cô gái thưa:

– Con đã từng nghe Phật giảng dạy, sự thấy - nghe của người huyền hóa ấy không thể là có hay không.

Đức Thế Tôn lại hỏi:

– Ý cô hiểu như thế nào, giả sử không có thân thì người huyền hóa ấy có thể biến hóa và hành động được hay không?

Cô gái đáp:

– Bạch Thế Tôn! Người huyền hóa ấy đúng là như vậy, không thật có.

Đức Phật bảo:

– Đúng như vậy! Vô minh không có trong, không có ngoài. Suy ra các pháp đó cũng không có sở hữu, không có phát sinh. Minh không đưa đến đời sau và cũng không hoàn diệt. Vô minh lại không phát sinh, cũng không có tiêu diệt. Vô minh không có hình tướng. Nhưng trong ứng với vô minh thì phát sinh ra hành, thức, danh sắc, sáu nhập, và các tập, thống, ái, thọ, hữu, sinh, lão bệnh tử, sầu bi khổ ưu não, tập hợp nhiều sự khổ lớn.

Tu-ma-đề thưa với Phật:

– Bạch Thế Tôn! Những điều Thế Tôn vừa nêu ra thật là kỳ diệu. Thật là hy hữu, không ai có thể

sánh kịp. Vì sao? Vì ngay ở thế gian này, Đức Phật Thiên Trung Thiên chuyển bánh xe pháp luân không thể nghĩ bàn. Pháp luân Phật chuyển không thể nói hết. Pháp luân vô lượng, không thể nắm bắt được. Pháp luân ấy là vô tướng, vô sinh, là Niết-bàn.

Đức Thế Tôn bảo:

– Đúng như lời cô nói, pháp luân Ta chuyển là siêu việt, không thể nghĩ bàn, không thể nói hết. Pháp ấy không thể nắm bắt được, không có hình tướng, vô sinh, là Niết-bàn.

Khi ấy, Tu-ma-đề vui vẻ phấn khởi, phát sinh tâm thiện nên đem bột thơm chiên-đàn cùng các loại hoa hương để dâng cúng Phật và bạch:

– Bạch Thế Tôn! Nhờ công đức sâu dày này ủng hộ mà con đã hàng phục hoàn toàn các căn, chế ngự tham dục, chuyển bánh xe pháp. Sự chuyển pháp luân ấy không thể nghĩ bàn, không thể nói hết được, không có hình tướng, cũng không sinh, là Niết-bàn.

Lúc này, Đức Phật mỉm cười hoan hỷ, từ kim khẩu của Ngài phát ra hào quang năm màu: xanh, đỏ, vàng, trắng, lục. Ánh sáng đó rộng lớn, chiếu khắp mười phương thế giới, che lấp hết thảy ánh sáng của mặt trời, mặt trăng, trở lại xoay vòng quanh Phật ba vòng rồi từ từ vào lại đỉnh đầu.

Ngay khi ấy, Hiền giả A-nan, vị hiệu rõ bảy

pháp là biết tùy thời, biết pháp, biết nghĩa, biết tiết độ, biết chúng hội, biết mình, biết sự hơn, kém của người, từ tòa ngồi đứng dậy, sửa lại y phục, bày vai phải, chấp tay bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Hôm nay vì cảm ứng điều gì mà Ngài mỉm cười hoan hỷ? Hãy nói cho con biết. Xin Thế Tôn thương tưởng vì sự an ổn cho chư Thiên và loài người mà giảng thuyết.

Đức Phật bảo A-nan:

– Ông có thấy vị Phạm chí Tu-ma-đề nữ này thành tâm dùng bột chiên-đàn cùng hương bột để cúng dường Như Lai và thành tâm phát nguyện chuyển pháp luân không?

Đáp:

– Bạch Thế Tôn, con đã thấy.

Đức Phật dạy:

– Cô gái này đem công đức ấy tạo tự lợi và lợi tha, làm nhiều điều lợi ích. Sau khi mạng chung sẽ bỏ thân nữ, cho đến tám mươi bốn ức kiếp không bị đọa vào cảnh giới ác, cúng dường sáu vạn chư Phật, Thế Tôn, được xuất gia hành đạo, sống theo hạnh Sa-môn, học tập kinh pháp, thọ trì và đọc tụng đúng lúc, hộ trì chánh pháp của Như Lai trong hiện tại. Khi Phật diệt độ, cúng dường xá-lợi, giáo hóa vô số vô lượng chúng sinh không thể tính kể, khiến họ vào đạo Chánh chân vô thượng, thường phụng trì giáo pháp bằng thiện ý, được thành Phật.

Khi Phật giảng nói kinh này và thọ ký cho Tu-ma-đề, có ba mươi ức người phát tâm cầu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác đều được bất thoái chuyển, sáu vạn Thiên tử đều được pháp nhãn, thấy rõ các pháp. Trong đại chúng có năm trăm Bồ-tát nghe câu hỏi sâu xa của đại sĩ Văn-thù-sư-lợi không hiểu rõ, muốn thoái lui, nhưng khi nghe Tu-ma-đề trả lời đúng đắn nên cảm nhận ngay, liền lấy tâm y dăng lên Đức Phật, không vì đua nịnh hay mong cầu, đem công đức đó với lòng chí thành hướng đến ngôi vị Vô thượng Chánh giác, chúng Bất thoái chuyển, vượt qua chín mươi kiếp không còn sinh tử.

Khi ấy, Đức Phật thọ ký cho năm trăm người vào mười kiếp sau, ở kiếp Vô Trần Cấu, có Phật hiệu là Cố Thọ Như Lai Vô Sinh Chánh Đẳng Chánh Giác. Năm trăm vị này sẽ sinh vào nước Diễm Khí ấy và cũng thành Phật trong một kiếp, đều đồng một hiệu là Trang Sức Dự Tri Nhân Ý Như Lai, Chánh Đẳng Chánh Giác.

Đức Phật bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

– Nên biết rằng kinh này có nhiều lợi ích đến như vậy. Từ đây mãi về sau, có Đại Bồ-tát và Sa-môn, thiện nam, thiện nữ nào cầu đạo Bồ-tát, phụng hành sáu độ mà chưa có phương tiện thiện xảo thì không bằng ghi chép, đọc tụng và truyền bá kinh này, lại dạy bảo người khác ghi nhớ những pháp trong đây, nên giảng giải cho những người

muốn nghe.

Đức Phật lại bảo BỒ-tát Văn-thù-sư-lợi:

– Đối với những việc làm mà BỒ-tát chưa nghe và chưa thực hành này, thì phải ghi nhớ và tu tập. Vì sao? Vì ví như Chuyển luân vương còn cai trị thế gian, suốt đời bảy báu đều đầy đủ, nhưng vị vua ấy băng hà thì bảy báu bị phân tán. Như thế, này BỒ-tát Văn-thù-sư-lợi! Nếu kinh pháp còn trụ ở đời thì bảy giác ý vẫn tồn tại. Nếu pháp Phật diệt thì bảy giác ý cũng tiêu diệt theo.

Đức Phật bảo BỒ-tát Văn-thù-sư-lợi:

– Ông phải tìm tòi, sưu tập các kinh, siêng năng học tập, sao chép và thuyết giảng cho người khác, giải thích rộng ý nghĩa để dạy bảo loài hữu tình, thường phải tinh tấn thực hành. Vậy, thiện nam hay thiện nữ nào muốn cầu Phật đạo thì đừng bỏ dở nửa chừng.

Khi Phật giảng nói kinh này xong, BỒ-tát Tu-ma-đề, BỒ-tát Văn-thù-sư-lợi, Tôn giả Mục-kiền-liên v.v..., chư Thiên và loài người cùng ở trong chúng hội như: A-tu-la, Kiên-đạp-hòa, Trì Thế v.v... đều hoan hỷ nghe theo.



SỐ 336

KINH TU MA ĐỀ

*Hán dịch: Đồi Đường, Tam tạng
Pháp sư Bồ Đề Lưu Chí.*

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật cùng với một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-kheo và mười ngàn vị Đại Bồ-tát ở tại núi Kỳ-xà-quật, thuộc thành Vương-xá.

Bấy giờ, ở thành Vương-xá có con gái của nhà trưởng giả, mới tám tuổi tên là Diệu Tuệ, diện mạo đoan chánh, dung nhan đẹp đẽ, tất cả các tướng đều hoàn hảo, ai trông thấy cũng đều hoan hỷ, từng ở nơi đời quá khứ, gieo trồng các thiện căn, thân cận cúng dường vô lượng chư Phật.

Khi ấy, đồng nữ kia đến chỗ Đức Như Lai, nhiễu quanh theo phía bên phải ba vòng, đánh lễ sát chân Phật, quỳ dài, chấp tay nói kệ:

*Đấng Chánh giác Vô thượng
Làm đèn sáng thế gian
Xin Ngài cho con hỏi
Hành sự của Bồ-tát.*

Đức Phật dạy Diệu Tuệ:

– Con cứ hỏi, Ta sẽ giải thích, khiến con đoạn

trừ được lưới nghi.

Bảy giờ, Diệu Tuệ liền đến trước Đức Phật, dùng kệ hỏi:

*Làm sao thân đọa chánh
 Tôn quý và đại phú?
 Lại do nhân duyên gì,
 Quyển thuộc không chia lìa?
 Làm sao thấy thân mình,
 Được thọ nơi hóa sinh,
 Trên ngàn cánh hoa sen
 Thấy Phật và kính lễ?
 Làm sao chứng đắc được,
 Thân thông rất tự tại
 Hiện đến vô lượng cõi,
 Kính lễ, cúng chư Phật?
 Làm sao được vô oán
 Lời nói người tin nhận
 Trừ sạch các pháp chướng
 Dứt hẳn các nghiệp ma?
 Làm sao khi qua đời
 Được thấy tất cả Phật.
 Nghe thuyết pháp thanh tịnh
 Không còn bị khổ não?
 Đại bi Vô thượng tôn
 Xin Ngài thuyết cho con.*

Đức Phật dạy đồng nữ Diệu Tuệ:

– Lành thay! Lành thay! Khéo hỏi ý nghĩa sâu

xa vi diệu này. Con hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ, Ta sẽ vì con mà thuyết giảng.

Diệu Tuệ bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Con rất muốn nghe.

Đức Phật dạy Diệu Tuệ:

– Bồ-tát thành tựu bốn pháp sẽ được thân đoạn nghiêm. Những gì là bốn?

Đối với bạn ác không khởi tâm sân hận.

An trụ nơi đại bi.

Ưu thích chánh pháp sâu xa.

Tạo hình tượng Phật.

Đức Thế Tôn nói kệ:

Sân hoại thiện căn chớ tăng trưởng

Tâm từ ưa pháp tạo tượng Phật

Thân được đầy đủ tướng trang nghiêm

Tất cả chúng sinh thường thích nhìn.

– Lại nữa, này Diệu Tuệ! Bồ-tát thành tựu bốn pháp sẽ đạt được thân phú quý. Những gì là bốn?

Bồ thí đúng thời.

Tâm không khinh mạn.

Bồ thí hoan hỷ.

Không cầu quả báo.

Đức Thế Tôn nói kệ:

Hành thí đúng thời không khinh mạn

Hoan hỷ bồ thí, không mong cầu

Đối với hạnh này thường siêng tu

Sinh đâu cũng được ngôi vị lớn.

– Lại nữa, này Diệu Tuệ! Bồ-tát thành tựu bốn pháp tất không bị quyền thuộc chia lìa. Những gì là bốn?

Không nói lời ly gián.

Làm cho chúng sinh tà kiến trụ nơi chánh kiến. Chánh pháp sắp diệt thì hộ trì, khiến tồn tại lâu dài.

Giáo hóa các chúng sinh hướng đến nẻo giác ngộ của Phật.

Đức Thế Tôn nói kệ:

Bỏ lời ly gián và tà kiến

Chánh pháp sắp diệt cần hộ trì

Chúng sinh an trụ đại Bồ-đề.

*Quyền thuộc không hoại, được thành
tựu.*

– Lại nữa, này Diệu Tuệ! Bồ-tát thành tựu bốn pháp, nên ở trước Phật được thọ ký và hóa sinh nơi hoa sen. Những gì là bốn?

Dâng các hoa quả và hương thơm rải lên Như Lai và các tháp.

Trọn đời không nói dối làm tổn hại đến người khác.

Tạo dựng hình tượng Như Lai đặt trên hoa sen.

Sinh tâm thanh tịnh tin tưởng sâu xa đối với sự giác ngộ của Phật.

Đức Thế Tôn nói kệ:

*Rải hoa hương cúng Phật và tháp
Không hại người và tạo tượng Phật.
Tin tưởng sâu xa sự giác ngộ
Trước Phật thọ sinh từ hoa sen.*

– Lại nữa, này Diệu Tuệ! Bồ-tát thành tựu bốn pháp thì có thể từ cõi Phật này đến cõi Phật khác. Những gì là bốn?

Thấy người tu thiện, không não hại.
Không cản trở người khác thuyết pháp.
Đem ánh sáng cúng dường tháp Như Lai.
Đối với các pháp thiên định thường siêng năng tu tập.

Đức Thế Tôn nói kệ:

*Thấy người tu thiện, thuyết chánh pháp
Không sinh hủy báng, hay cản trở
Đốt đèn cúng dường tháp Như Lai
Tu tập thiên định đến cõi Phật.*

– Lại nữa, này Diệu Tuệ! Bồ-tát thành tựu bốn pháp thì ở đời không bị oán. Những gì là bốn?

Thân cận bạn lành không dùng tâm dua nịnh.
Tâm không ganh ghét đối với thắng pháp của người khác.

Tâm thường hoan hỷ đối với danh dự người khác đạt được.

Tâm thường không khinh, chê đối với hạnh Bồ-tát.

Đức Thế Tôn nói kệ:

*Gần gũi bạn lành, không đua nịnh
Thẳng pháp của người không ganh ghét
Luôn hoan hỷ với danh dự người
Không hủy báng Bồ-tát, vô oán.*

– Lại nữa, này Diệu Tuệ! Bồ-tát thành tựu bốn pháp nên nói điều gì được người tin. Những gì là bốn?

Lời nói thường tương ưng với việc làm.
Không che giấu điều xấu đối với bạn bè.
Đối với việc nghe pháp không tìm câu lỗi lầm.
Không sinh tâm ác đối với người thuyết pháp.
Đức Thế Tôn nói kệ:

*Lời nói tương ưng với việc làm
Tội mình không cần che giấu bạn
Nghe kinh không tìm lỗi của người
Lời nói tất cả đều tin nhận.*

– Lại nữa, này Diệu Tuệ! Bồ-tát thành tựu bốn pháp thì có thể xa lìa các pháp chướng ngại, mau đạt được thanh tịnh. Những gì là bốn?

Dùng ý sâu xa ưa thích hộ trì ba loại luật nghi.
Nghe kinh thâm diệu không sinh phỉ báng.
Thấy Bồ-tát mới phát ý sinh tâm cầu đạt Nhất thiết trí.

Tâm từ bi bình đẳng với các hữu tình.

Đức Thế Tôn nói kệ:

*Dùng thâm ý hộ trì luật nghi
Nghe kinh thâm diệu liền tin hiểu*

*Kính mới phát tâm như tướng Phật
Tâm từ bao phủ, trừ nghiệp chướng.*

– Lại nữa, này Diệu Tuệ! Bồ-tát thành tựu bốn pháp thì có thể xa lìa các ma. Những gì là bốn?

Hiểu rõ pháp tánh bình đẳng.

Phát khởi tinh tấn.

Thường siêng năng niệm Phật.

Tất cả các thiện căn thấy đều hồi hướng.

Đức Thế Tôn nói kệ:

*Biết rõ các pháp tánh bình đẳng
Thường khởi tinh tấn niệm Như Lai
Hồi hướng tất cả các thiện căn
Chúng ma không dám hại vị ấy.*

– Lại nữa, này Diệu Tuệ! Bồ-tát thành tựu bốn pháp thì khi lâm chung được thấy chư Phật hiện tiền. Những gì là bốn?

Người khác muốn xin gì đều bố thí cho họ đầy đủ.

Đối với các pháp thiện, sinh tâm tin hiểu sâu xa.

Đối với các Bồ-tát cúng dường đầy đủ trang nghiêm.

Đối với Tam bảo luôn siêng năng tu tập cúng dường.

Đức Thế Tôn nói kệ:

*Ai muốn xin gì thí đầy đủ
Tin hiểu pháp sâu, cúng trang nghiêm*

*Tam bảo phước điền siêng cúng dường
Lâm chung được nhìn thấy chư Phật.*

Bây giờ, Đồng nữ Diệu Tuệ nghe Phật thuyết giảng rồi, bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Theo lời Phật thuyết giảng về các hạnh BỒ-tát, con xin phụng hành. Bạch Thế Tôn! Đối với bốn mươi hạnh này, nếu con có sai sót một hạnh nào thì xa lìa lời Phật dạy và khi đời Như Lai.

Lúc đó, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên bảo đồng nữ Diệu Tuệ:

– Hạnh BỒ-tát sâu xa khó có thể thực hành. Nay, cô phát đại nguyện thù thắng như vậy chẳng lẽ cô đủ năng lực nơi lời nguyện này sao!

Diệu Tuệ thưa:

– Nếu lời nguyện rộng lớn của con chân thật, không hư dối, có thể khiến các hạnh được viên mãn thì nguyện cho ba ngàn đại thiên thế giới này chấn động sáu cách.

Ngay lúc ấy, Diệu Tuệ lại bạch Tôn giả Mục-kiền-liên:

– Vì con dùng lời nói chân thật như vậy cho nên đời vị lai sẽ được thành Phật cũng như Đức Như Lai Thích Ca ngày nay. Trong nước con không có ma sự và tên cõi ác, nữ nhân. Nếu lời nói này của con không hư vọng thì khiến cho thân đại chúng ở đây đều có sắc vàng ròng.

Đồng nữ Diệu Tuệ nói như vậy rồi, thì thân đại chúng đều có sắc vàng ròng.

Bấy giờ, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên rời khỏi tòa ngói, bày vai áo bên phải, đánh lễ sát chân Phật, bạch:

– Bạch Thế Tôn! Nay, trước tiên con xin đánh lễ Bồ-tát mới phát tâm và chư Đại Bồ-tát.

Bấy giờ, Pháp vương tử Văn-thù-sư-lợi bảo đồng nữ Diệu Tuệ:

– Cô trụ nơi pháp gì mà phát lời nguyện chí thành ấy?

Diệu Tuệ đáp:

– Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Lời hỏi của Bồ-tát chẳng đúng.

Vì sao? Vì trong pháp giới không có chỗ trụ.

Lại hỏi:

– Sao gọi là Bồ-đề?

Đáp:

– Pháp không phân biệt gọi là Bồ-đề.

Hỏi:

– Sao gọi là Bồ-tát?

Đáp:

– Vì tướng của tất cả các pháp như hư không, nên gọi là Bồ-tát.

Hỏi:

– Sao gọi là Hạnh Bồ-đề?

Đáp:

– Hạnh giống như bóng nắng, tiếng vang là hạnh Bồ-đề.

Hỏi:

– Dựa vào mật ý gì mà nói như vậy?

Đáp:

– Trong ấy, đối với tôi không thấy chút pháp gì ẩn mật hay hiện bày.

Hỏi:

– Nếu đúng như vậy thì tất cả phàm phu tức là Bồ-đề sao?

Đáp:

– Bồ-tát cho rằng Bồ-đề khác với phàm phu? Xin chớ thấy như vậy. Vì sao? Vì tướng của tất cả đều đồng một pháp giới, chẳng lầy, chẳng bỏ, không thành, không hoại.

Hỏi:

– Đối với nghĩa này thì người hiểu rõ, số đó được bao nhiêu?

Đáp:

– Có bao nhiêu tâm huyễn hóa mà tâm lường tính được thì có bấy nhiêu chúng sinh huyễn hóa hiểu rõ nghĩa đó.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

– Huyền hóa vốn không, sao lại có tâm và pháp của tâm sở như vậy?

Đáp:

– Pháp giới cũng vậy, chẳng phải là có, chẳng phải là không, cho đến Như Lai cũng lại như thế.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Hiện tại, đồng nữ Diệu Tuệ này thật là hy hữu, vì vậy mới có thể thành tựu pháp nhẫn như thế.

Đức Phật dạy:

– Đúng vậy! Đúng vậy! Đúng như lời Bồ-tát đã nói, nhưng chính đồng nữ này ở thời quá khứ đã phát tâm Bồ-đề trải qua ba mươi tiểu kiếp. Chính lúc Ta phát tâm cầu đạo quả Vô thượng Bồ-đề thì cô ta cũng đã khiến cho ông an trụ nơi pháp nhẫn Vô sinh.

Lúc này, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi liền rời khỏi tòa, làm lễ, bạch Diệu Tuệ:

– Khi xưa, ở trong vô lượng kiếp trước, tôi đã từng cúng dường, nhưng hôm nay mới được thân cận với Nhân giả.

Đồng nữ Diệu Tuệ thưa:

– Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Bồ-tát chớ khởi niệm phân biệt như vậy. Vì sao? Vì không phân biệt sẽ chứng đắc pháp nhẫn Vô sinh.

Lại hỏi Diệu Tuệ:

– Sao bây giờ cô không chuyển thân nữ?

Diệu Tuệ đáp:

– Thấu rõ tướng nữ nhân là khó có thể thủ đắc,

nay sao lại chuyển!

Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Tôi sẽ vì Bồ-tát mà diệt trừ những nghi hoặc. Do lời nói chân thật của tôi, ở đời vị lai, khi chúng đấng đạo quả Vô thượng Chánh đẳng giác, trong pháp của tôi, các vị Tỳ-kheo khi nghe gọi “Thiện Lai” thì liền xuất gia nhập đạo. Chúng sinh trong nước tôi, thân đều màu vàng ròng, y phục, của cải vật dùng đầy đủ như cõi trời thứ sáu, các thứ ăn uống dư dật, tùy ý niệm mà đến, không có ma sự và các tên cõi ác, cũng lại không có tên người nữ, có rừng bảy báu, trên có mang lưới báu, dùng màn che bằng hoa sen bảy báu, giống như cõi thanh tịnh đã được thành tựu của Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, trang nghiêm không khác. Nếu lời nói của tôi không hư dối thì khiến cho thân của đại chúng đây đều có sắc vàng ròng. Thân nữ của tôi cũng biến thành nam tử giống như Tỳ-kheo biết pháp được ba mươi tuổi hạ.

Khi nói lời ấy xong thì thân của chư vị nơi đại chúng đều hóa thành màu sắc vàng. Bồ-tát Diệu Tuệ chuyển thân nữ thành thân nam như Tỳ-kheo biết pháp được ba mươi tuổi hạ.

Ngay lúc đó, chư Thiên cõi trời Địa Cư cùng nhau tán thán:

– Lành thay! Lành thay! Đại Bồ-tát Diệu Tuệ ở đời vị lai, khi chúng đấng đạo quả Bồ-đề, cõi Phật trang nghiêm, công đức đúng như vậy.

Bấy giờ, Đức Phật bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

– Bồ-tát Diệu Tuệ này vào đời vị lai thành bậc Đẳng Chánh Giác, hiệu là Như Lai Thù Thắng Công Đức Bảo Tạng, xuất hiện ở đời.

Khi Phật thuyết giảng kinh này, ba mươi câu-chi chúng sinh an trụ nơi bậc không thoái chuyển đối với đạo quả Bồ-đề vô thượng, tám mươi câu-chi chúng sinh xa lìa mọi phiền não cấu uế, đặc pháp nhãn thanh tịnh, tám ngàn chúng sinh đều chứng đắc trí tuệ, năm ngàn Tỳ-kheo thực hành Bồ-tát thừa, tâm muốn thoái chuyển, nhưng nhờ thấy Bồ-tát Diệu Tuệ trong tâm ưa thích, nên phát sinh oai đức thiện căn thù thắng, mỗi vị đều coi y quý giá của mình đang đắp dâng cúng Như Lai.

Cúng dường như vậy rồi, phát thệ nguyện rộng lớn:

“Chúng con nhờ căn lành này, quyết định nguyện thành tựu đạo quả Bồ-đề vô thượng, dù trải qua chín mươi kiếp khổ nơi sinh tử mà vẫn không thoái chuyển đối với đạo quả Vô thượng Chánh đẳng giác”.

Khi ấy, Đức Thế Tôn liền thọ ký:

“Chư vị, trải qua ngàn kiếp sau vào đời vị lai, nơi cõi Phật Nan Nhân, thế giới Dương Diệm, trong kiếp Vô Cấu Quang Minh, lần lượt thành Phật trong một kiếp, đều đồng một tên, xuất hiện ở đời, hiệu là Như Lai Biện Tài Trang Nghiêm”.

Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Pháp môn như vậy có oai đức lớn, có thể làm cho Đại Bồ-tát và các vị Thanh văn thừa đạt được nhiều lợi ích.

Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào, vì cầu đạo quả Bồ-đề không dùng phương tiện thiện xảo, thực hành sáu pháp Ba-la-mật, đầy đủ trong ngàn kiếp; lại có người chỉ trải qua nửa tháng, viết chép, đọc tụng kinh này sẽ thành tựu phước đức hơn công đức kể trên gấp trăm phần, ngàn phần, trăm ngàn muôn ức phần, cho đến dùng toán số thí dụ cũng không thể nói hết.

Vì vậy, này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Pháp môn vi diệu như thế tức là phần gốc của kệ kinh nơi chư Bồ-tát, Ta nay phó chúc cho ông, ông nên vì người ở đời vị lai mà thọ trì, đọc tụng, giải thích. Ví như Chuyển luân Thánh vương xuất hiện ở đời thì bảy báu đều hiện ra trước. Sau khi vua qua đời thì bảy báu cũng biến mất. Pháp môn vi diệu này lưu hành ở đời cũng như vậy. Tức bảy Bồ-đề phần là chánh pháp sáng tỏ bất diệt của chư Như Lai, nếu không lưu hành thì chánh pháp thường bị hủy diệt.

Thế nên, này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Nếu các thiện nam, thiện nữ vì cầu đạo quả Bồ-đề phải nên phát khởi tâm tinh tấn, viết chép kinh này, thọ trì, đọc tụng, diễn thuyết cho mọi người. Đây là lời dạy của Ta: “Chớ đối với đời sau mà sinh tâm hối hận”.

Phật thuyết giảng kinh này rồi, Bồ-tát Diệu Tuệ, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi và các đại chúng trời, người, A-tu-la, Càn-thát-bà v.v... nghe lời dạy của Phật đều rất vui mừng, tín thọ, phụng hành.



SỐ 337

KINH A XÀ THẾ VƯƠNG NỮ A THUẬT ĐẠT BỒ TÁT

Hán dịch: Đời Tây Tấn, Tam tạng Pháp sư Trúc Pháp Hộ, người nước Nguyệt Chi.

Nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật cùng với năm trăm vị Tỳ-kheo, tám ngàn vị Bồ-tát ở tại núi Kỳ-xà-quật, thuộc thành La-duyệt-kỳ. Cả hai chúng trên đều là các bậc tôn quý, đều chứng đắc pháp Đà-lân-ni, đâu cũng nghe biết, như biển lớn không có trở ngại, chư vị đều được năm thông, thâm nhập phương tiện thiện xảo vi diệu, đạt được pháp môn Tổng trì, các pháp không, không bỏ ý chí, hành vô sắc tướng, tùy theo pháp hành hóa, hành theo pháp không bị lệ thuộc, không tạo nghiệp, thuyết kinh pháp không bị nhiễm chấp. Vì tất cả chúng sinh nên quán pháp gốc đã chứng pháp nhãn, thường làm đầy đủ các việc.

Bấy giờ có: Bồ-tát Tu Di Sơn, Bồ-tát Đại Tu Di Sơn, Bồ-tát Tu Di Sơn Đỉnh, Bồ-tát Sư Tử, Bồ-tát Hòa-ha-mạt, Bồ-tát Thường Cử Thủ, Bồ-tát Thường Hạ Thủ, Bồ-tát Thường Tinh Tấn Hạnh,

Bồ-tát Thường Hoan Hỷ, Bồ-tát Thường Ưu Niệm Nhất Thiết Nhân, Bồ-tát Trân Bảo Niệm, Bồ-tát Trân Bảo Thủ, Bồ-tát Bảo Ấn Thủ, Bồ-tát Cháp Ngự, Bồ-tát Đại Ngự, Bồ-tát Thường Trì Chí Thành, Bồ-tát Di-lặc. Như vậy, tất cả mười bảy vị.

Nhóm tám vị của Bồ-tát Bạt-đà-hòa gồm: Bồ-tát Bạt-đà-hòa, Bồ-tát Bảo Mãn, Bồ-tát Phước Nhật Đâu, Bồ-tát Nhân-đề-đạt, Bồ-tát Hòa-luân-điều, Bồ-tát Thường Niệm, Bồ-tát Niệm Ích U Thế Gian, Bồ-tát Tăng Ích Thế Gian Công Đức. Như vậy tất cả là tám vị.

Bây giờ, Đức Phật cùng với tám ngàn vị Bồ-tát ở cách thành La-duyệt-kỳ không xa, được sự cung kính, tôn trọng, ngợi khen của vua và đại thần, lại được sự tôn trọng của các hàng Bà-la-môn, cư sĩ.

Phật vì vô số đại chúng thuyết giảng kinh pháp, lời nói đầu đều thiện, lời nói giữa cũng thiện, lời nói sau cũng thiện. Không ai nghe thuyết pháp mà không được khai phát. Vì ở chặng đầu, giữa, sau đều hiểu rõ ràng, hoàn toàn trong sạch, không bị nhiễm ô, tinh tấn không lường.

Khi ấy, các Tôn giả: Xá-lợi-phất, Đại Mục-kiền-liên, Đại Ca-diếp, Tu-bồ-đề, Bân-nậu, La-vân, Loa-việt, An-ba-thân, Ưu-ba-ly, A-nan cùng với chúng Đại Tỳ-kheo nhiều không thể kể, sáng sớm, y phục trang nghiêm, cầm bát vào đại thành La-duyệt khát thực. Các vị Tôn giả Tỳ-kheo này,

đi khắp nẻo đường trong thành để khát thực, lần lần đến cung điện của vua A-xà-thế. Đến nơi ấy, các vị đều đứng một chỗ, im lặng, từ từ khát thực.

Vua A-xà-thế có người con gái tên A-thuật-đạt (Hán dịch là Vô Sầu Ưu) mới mười hai tuổi, tướng mạo đoan chánh, xinh đẹp bậc nhất. Ở đời trước đã tạo công đức cúng dường vô số chư Phật nên có thần thông dũng mãnh, tâm không thoái chuyển đối với đạo quả Bồ-đề vô thượng. Lúc này, vương nữ A-thuật-đạt đang ngồi trên tòa bằng vàng trong cung điện của vua cha, thấy các vị Tỳ-kheo đến khát thực, chẳng rời khỏi chánh điện, vẫn ngồi yên, không đứng dậy, không nghinh tiếp, không làm lễ, cũng không mời ngồi, không cúng dường các vật dụng. Các Tỳ-kheo cũng im lặng quan sát vương nữ.

Khi ấy, vua A-xà-thế thấy công chúa Vô Sầu Ưu không cung kính, lễ bái các vị Tỳ-kheo, nên nhìn vương nữ và hỏi:

– Con không biết sao? Đây là các vị Tỳ-kheo, đệ tử của đấng Chánh Biến Tri, đã chứng đắc A-la-hán vô sở úy, việc làm thù thắng, đã đặt gánh nặng xuống, đoạn tận sinh tử, thâm nhập pháp diệu, cúng dường các vị đó thì phước đức không thể lường, là bậc thầy, là bậc cha lành luôn thương xót, ban phát phước đức cho tất cả. Con thấy thế nào lại ngồi yên, im lặng mà nhìn. Con có ý gì khác mà lại không lễ bái các bậc tôn túc ấy?

Vương nữ Vô Sầu Ưu thưa:

– Tâu phụ vương! Cha đã từng thấy sư tử làm lễ, đón mời các loại cầm thú nhỏ chăng?

Vua đáp:

– Không thấy!

Vương nữ hỏi:

– Phụ vương đã từng nghe vua Chuyển luân đứng dậy nghinh tiếp, làm lễ, mời vua các nước nhỏ ngồi chăng? Thích-đề-hoàn-nhân có đứng dậy nghinh tiếp, làm lễ với chư Thiên không? Phạm thiên vương có đứng dậy làm lễ các Phạm thiên không?

Vua đáp:

– Không thấy!

Vương nữ hỏi:

– Phụ vương đã từng thấy Thần biển lớn làm lễ các thần nhỏ ở vũng nước, ao, rãnh, kênh, suối v.v... chăng? Núi Tu-di có làm lễ các núi nhỏ chăng? Ánh sáng của mặt trăng, mặt trời có sáng hơn ánh sáng của ngọn lửa, của đom đóm không?

Vương nữ lại hỏi:

– Phụ vương phát tâm cầu đạo quả Bồ-đề vô thượng, muốn cứu độ tất cả chúng sinh, mặc áo giáp tịch tĩnh của chúng Tăng, giữ vững tâm đại bi, gầm vang âm thanh của chánh pháp như tiếng sư tử rống thì sao lại phải sợ hãi? Tỳ-kheo mà không có tâm đại từ, đại bi, xa lìa tiếng rống như sư tử,

sao lại lễ bái, tin tưởng, hoan hỷ? Phụ vương đã từng thấy Đại Pháp vương giáo hóa tất cả chúng sinh đều phát tâm cầu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng giác lại cung kính đánh lễ các thầy Tỳ-kheo nhỏ tuổi, ít trí tuệ chẳng? Thưa phụ vương, ví như nước biển không thể lường, không thể xét, không thể thấy biên vực. Bậc đại trí cũng như vậy, không thể nhận lấy phần nước suối đọng vũng nơi đầu chân trâu bò tự cho là đầy đủ, đâu có thể so sánh với nước biển. Tỳ-kheo này sợ sinh tử, hướng đến diệt độ, vậy người phát tâm cầu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng giác có cần phải nghinh tiếp, làm lễ không?

Phụ vương đã từng thấy bậc đại trí như núi Tu-di, rất đáng tôn quý, là đấng Chánh Biến Tri, là bậc Đại Hùng, đâu phải nghinh tiếp, làm lễ những Tỳ-kheo trí tuệ như hạt cải? Phụ vương đã từng thấy ánh sáng mặt trời, mặt trăng, ánh sáng ấy soi sáng khắp, không thể lường xét. Ánh sáng của trí tuệ, của công đức, danh văn nơi đấng Chánh Biến Tri còn vượt quá hàng ngàn vạn ức lần ánh sáng kia. Ánh sáng của đom đóm chỉ tự chiếu nơi thân mình, không chiếu cho tất cả mọi người. Những vị Tỳ-kheo trí nhỏ chỉ tự độ. Còn pháp của bậc đại trí thì soi sáng khắp ba cõi, xứng đáng để nghinh tiếp, lễ bái.

Thưa phụ vương! Sau khi Phật Niết-bàn còn không làm lễ những Tỳ-kheo này, huống chi là

Phật còn tại thế đâu làm trái phép tắc. Vì sao? Vì tu học pháp ấy, thân cận pháp nơi bậc Chánh Biến Tri sẽ chứng đắc đạo quả Vô thượng Chánh đẳng giác.

Vua bảo công chúa Vô Sầu Ưu:

– Tâm con ngạo mạn, xúc phạm chư Đại Tỳ-kheo này, không chịu đón tiếp, cung kính, mời các vị ngồi theo đúng phép tắc chủ khách, trái lại còn đưa ra nhiều thí dụ, không nghĩ tới việc thiết trai cúng dường. Chẳng hay con có ý gì?

Vương nữ thưa:

– Phụ vương nói con có tâm xúc phạm sao? Phụ vương cho con hỏi lại: Phụ vương có bao giờ thấy những người nghèo khổ, hạ tiện, hành khát trong nước mà đánh lễ không?

Vua đáp:

– Không! Vì những người này không cùng hàng với ta.

Vương nữ thưa:

– Phụ vương cũng giống như những người phát tâm Thanh văn, Phật-bích-chi, Bồ-tát, không đồng hàng với Phật.

Vua nói:

– Ta lãnh hội và hành pháp Bồ-tát, từ bỏ tâm hung bạo, sân hận, hiện bày tâm nhu hòa thuận hợp hòa mình đối với tất cả mọi người. Còn con lại không khởi tâm nhu hòa?

Vương nữ thưa:

– Người đời thật ngu si, thường ôm lòng độc ác. Bồ-tát dùng tâm từ bi đoạn trừ các sự độc hại cho mọi người. Những thứ phiền não cấu uế nơi các đại Tỳ-kheo ấy đã được đoạn trừ. Nhưng chư Tỳ-kheo này thấy điều thiện không làm cho tăng trưởng, thấy việc ác cũng không làm cho tổn giảm. Thưa phụ vương! Mười phương chư Phật ở đời vị lai vì các Tỳ-kheo này thuyết pháp sâu xa, vi diệu, không ai là không theo đây để tăng trưởng sự tinh tấn. Vì sao? Vì đã đóng chặt con đường sinh tử. Ví như dùng bình đựng đầy nước để giữa đất trống. Khi trời mưa, trong bình không nhận được một giọt, một giọt cũng không được vào. Vì sao? Vì bình đó đã đầy nước rồi.

Thưa phụ vương! Chúng Tỳ-kheo này cũng như vậy. Nếu mười phương chư Phật hiện đầy đủ thần thông, biến hóa, thuyết giảng kinh pháp thì không ai là không hướng tới các pháp Tam-muội của Như Lai, đối với công đức thì không điều gì là không tăng trưởng lợi ích.

Thưa phụ vương! Ví như biển lớn, ngàn vạn sông đều chảy về. Vì sao? Vì biển rộng dài, dung chứa tất cả, không thể lường. Phụ vương! Đại Bồ-tát thuyết giảng kinh pháp cũng vậy, làm cho mọi người thấy pháp và đạt được nhiều sự lợi ích, phát tâm Đại thừa giúp nhiều người quy y. Vì sao? Vì sự dung thọ của Đại Bồ-tát là không thể tính đếm,

lường xét. Khi ấy, vương nữ Vô Sâu Ưu, vì vua A-xà-thế, nói kệ:

Ta là Vô Sâu Ưu
 Con vua A-xà-thế
 Năm trăm Tỳ-kheo đến
 Ta không chịu làm lễ.
 Liền bị vua quở trách
 Không cung kính Tỳ-kheo
 Ta không biết phước điền
 Xa lìa hạt giống Phật.
 Vô Sâu Ưu tụng kệ
 Nghe ta nói lời thật
 Thấy Tỳ-kheo không đứng
 Tâm không muốn làm lễ.
 Người lái thuyền vào biển
 Mà chỉ lấy một tiền
 Bỏ lại cả trăm tiền
 Đến biển pháp cũng vậy.
 Trăm phân bỏ lấy một
 Như người thân cận vua
 Hoặc gần bậc Luân vương
 Mà chỉ xin một tiền.
 Ủng công gần gũi vua
 Người trí làm vua vui
 Xin cả ngàn ức báu
 Giúp vô lượng kẻ nghèo.
 Làm cho họ an vui
 Người như vậy có trí

So với người xin tiền
 Người ấy không hiểu rõ.
 Người nghe pháp cũng vậy
 Vào biển pháp bao la
 Mà chỉ lấy ít phần
 So với người phú quý.
 Bồ-tát là châu ngọc
 Nguyên cúng dường Pháp vương
 Tự cầu Phật, độ người
 Ví như đại y vương.
 Chỉ tự trị thân mình
 Không cứu hết mọi người
 Cũng có bậc y vương
 Trị bệnh cho nhiều người.
 Đó chính là y sư
 Bậc thầy đầy trí tuệ
 Còn vị chỉ trị mình
 Bỏ rơi nhiều người khác.
 Không đáng để cung kính
 Hiểu biết nhiều loại thuốc
 Trị bệnh cho nhiều người
 Trời, người đều kính lễ.
 Bồ-tát cũng như vậy
 Như cây không hoa trái
 Không lợi ích cho người
 Cây La-hán cũng vậy.
 Không lợi lạc thế gian
 Như cây chiên-đàn hương

Có ích cho tất cả
 Pháp Bồ-tát cũng vậy.
 Mở pháp vị cam lồ
 Không dùng nước châu ngọc
 Tẩy trừ các cấu uế
 Nước sông Hằng trong sạch.
 Lợi ích vô số người
 Chảy tràn vào biển cả
 Còn pháp của Thanh văn
 Như nước dầu chân trâu.
 Không diệt não thế gian
 Pháp Bồ-tát ví như
 Nước sông Hằng rộng lớn
 Bao trùm cõi đại thiên.
 Như khi trời mưa báu
 Người ngu lấy một tiền
 Người trí lấy rất nhiều
 Lợi ích cho mọi người.
 Người nghèo thành giàu sang
 Đức Phật mưa pháp vũ
 Thanh văn chỉ lấy một
 Bồ-tát hứng đầy đủ.
 Phân phát cho mọi người
 Người gàn núi Tu-di
 Được hiện sắc thân vàng
 Các núi đá nhỏ khác.
 Sắc thân không biến hiện
 Nên biết pháp Bồ-tát

Cũng như núi Tu-di
 Nhờ Bồ-tát sinh thiên.
 Lìa sinh tử khổ ão
 Thanh văn không độ người
 Cỏ cây thắm sương móc
 Không nhiều không phát triển.
 Ngũ cốc bị hư hoại
 Trận mưa lớn thắm nhuần
 Cỏ cây đều tăng trưởng
 Thanh văn như sương mai.
 Bồ-tát như mưa lớn
 Chư Phật trong đại thiên
 Mưa pháp nhuần tất cả
 Hoa Ca-tỳ không hương.
 Mọi người không thích lấy
 Tu-di, Ưu-đàm bát.
 Hương thơm không bay xa
 Pháp của bậc Bồ-tát.
 Như là hoa Tu-di
 Độ tất cả mọi người
 Đến Niết-bàn an lạc
 Như người vượt đồng trống.
 Chẳng giúp người gặp nạn
 Người đi nơi đường lớn
 Giúp ai gặp đại nạn
 Độ thoát khổ sinh tử.
 Pháp Thanh văn đồng trống
 Pháp Bồ-tát đại lộ

Hướng đạo cho mọi người
Thoát mê lầm sinh tử.
Thuyền nhỏ, chở ít người
Qua lại chẳng tiện lợi
Như người đóng tàu lớn
Chở nhiều vô số lượng.
Thanh văn như thuyền nhỏ
Bồ-tát như tàu lớn
Thất giác độ hết thấy
Thoát biển cả ái dục.
Nếu mặc giáp cỡi lừa
Không thể vào trận chiến
Mặc giáp cỡi voi, ngựa
Chiến đấu, thắng oanh liệt.
Ngồi đạo thọ tháng ma
Cứu thế gian trời, người
Hu không đầy tinh tú
Giữa đêm không chiếu sáng.
Lúc mặt trăng xuất hiện
Chiếu sáng khắp tất cả
Nam nữ thấy vui mừng
Thanh văn như tinh tú.
Bồ-tát như trăng tròn
Ơn Bồ-tát được yên
Đều phát Nhất thiết trí
Lửa sáng của đom đóm.
Người không thể dùng được
Mặt trời phát ánh sáng

*Có ích cõi Diêm-phù
Thanh văn như lửa đóm.
Bồ-tát như nhật nguyệt
Đưa tất cả mọi người
Vượt biển khổ sinh tử.*

Bấy giờ, vua A-xà-thế nghe công chúa Vô Sầu Ưu nói kệ trên liền im lặng, không rõ là nói gì.

Tôn giả Xá-lợi-phất nghĩ: “Lời nói của cô này rất kỳ lạ, chỗ nêu giảng không bị chướng ngại, do có trí tuệ nên mới được như vậy. Ta thử xem sự hiểu biết của cô ấy, không biết cô ta có hoan hỷ không?”.

Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi vương nữ Vô Sầu Ưu:

– Cô cầu điều gì ở trong ba thừa?

Vương nữ đáp:

– Cầu đại từ, đại bi.

Xá-lợi-phất hỏi:

– Cô vượt khỏi Đại thừa chăng?

Vương nữ đáp:

– Không.

Xá-lợi-phất hỏi:

– Vậy cô cầu thừa nào mà gầm lên tiếng gầm của sư tử như vậy?

Vương nữ thưa:

– Nơi chỗ cầu, là không có đối tượng được cầu. Có chỗ cầu tức là không gầm lên tiếng gầm của sư tử. Không chôn cầu là trụ ở tiếng sư tử gầm. Thưa

Tôn giả Xá-lợi-phất! Ta dùng pháp gì để chứng tỏ là có pháp Thanh văn, Bích-chi và Đại thừa?

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:

– Các pháp là vô tướng, nhất như là không, không thật có.

Vương nữ nói:

– Các pháp đều là không thì làm sao hành pháp để nêu bày về tam thừa?

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:

– Là hành theo không chôn hành.

Tôn giả Xá-lợi-phất lại hỏi vương nữ:

– Có pháp Phật, không có pháp Phật khác nhau chăng?

Vương nữ thưa:

– Không gần và không xa, khác nhau chăng?

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:

– Không khác.

Vương nữ hỏi:

– Nội không, ngoại không khác nhau chăng?

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:

– Không khác.

Vương nữ thưa:

– Như vậy, thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, đặc pháp Phật hay chưa đặc pháp Phật đều không khác nhau sao?

Vương nữ vì Tôn giả Xá-lợi-phất thuyết giảng

các loại không và pháp không. Tôn giả Xá-lợi-phất im lặng vì không đủ biện tài để bác lại lời chất vấn ấy.

Bấy giờ, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên hỏi vương nữ Vô Sâu Ưu:

– Cô thấy Như Lai có gì sai khác mà lại nói hàng Thanh văn và Bích-chi không sánh bằng?

Vương nữ đáp:

– Tôn giả có biết số lượng tinh tú nơi ba ngàn đại thiên thế giới chăng?

Tôn giả Mục-kiền-liên nói:

– Tôi sẽ nhập Tam-muội, quán sát mới biết được!

Vương nữ:

– Bậc Chánh Biến Tri luôn ở trong Tam-muội nên thấy từng ý nghĩ, từng nẻo hướng tới của hằng hà sa số chúng sinh, huông chi là tinh tú. Vì vậy, nên biết bậc Chánh Biến Tri đối với các pháp luôn có thọ trì, nên Thanh văn và Phật-bích-chi không sánh bằng. Tôn giả có biết trong cõi Phật ở mười phương có bao nhiêu thế giới sẽ hoại diệt, có bao nhiêu thế giới sẽ hợp thành?

Mục-kiền-liên:

– Không biết.

Vương nữ:

– Tôn giả biết có bao nhiêu Phật ở quá khứ? Bao nhiêu Phật ở vị lai? Bao nhiêu Phật ở hiện tại

không?

Mục-kiền-liên:

– Không biết.

Vương nữ:

– Tôn giả biết ở thế gian này có bao nhiêu người tham? Bao nhiêu người sân? Bao nhiêu người si không? Có bao nhiêu người đoạn tận tam độc? Có bao nhiêu người không đoạn tận trừ hết tam độc?

Mục-kiền-liên:

– Không biết.

Vương nữ:

– Thế gian có bao nhiêu người cầu Phật đạo? Có bao nhiêu người không tin Phật đạo? Có bao nhiêu người cầu Đại thừa?

Mục-kiền-liên:

– Không biết.

Vương nữ:

– Thế gian có bao nhiêu người cầu Phật đạo? Có bao nhiêu người tin nơi chín mươi sáu thứ đạo? Có bao nhiêu người không tin vào chín mươi sáu loại đạo? Có bao nhiêu người không có nơi chốn để tin?

Mục-kiền-liên:

– Không biết.

Vương nữ:

– Bậc Chánh Biến Tri đều biết rõ những việc ấy. Lại còn hơn điều này, là không thể tính kể, không có giới hạn. Hàng Thanh văn và Phật-bích-chi làm sao sánh bằng. Vì bậc Chánh Biến Tri đối với các pháp có thọ trì. Tôn giả Mục-kiền-liên được đấng Chánh Biến Tri khen là bậc thần thông đệ nhất, vậy Tôn giả đã từng đến thế giới Hương Khiết Kiên Đà Ha? Trong cõi đó các cây được trang nghiêm bằng bảy báu, và mùi hương của hoa là mùi chiên-đàn.

Mục-kiền-liên:

– Điều đó tôi chưa từng nghe, chưa từng thấy. Hôm nay mới nghe tên của nước đó vì chưa được nghe thấy nên nay tôi muốn được nghe danh tự của Đức Phật trong cõi ấy. Hiện tại Ngài có thuyết giảng kinh pháp không?

Vương nữ:

– Đức Phật kia hiệu là Hương Khiết Phóng Quang Minh Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri, trụ tại thế giới đó, hiện đang thuyết giảng kinh pháp.

Vương nữ Vô Sầu Ưu an tọa chẳng động, oai nghi đoan nghiêm như nơi Tam-muội, nguyện: “Bồ-tát mới phát tâm cầu đạo quả Bồ-đề vô thượng, hơn cả hàng Thanh văn, Duyên giác. Nếu đúng như lời con nói, nguyện cầu Đức Như Lai Phóng Quang Minh ở cõi Hương Khiết phóng hào

quang khiến cho các Thanh văn ở đây thấy được cõi ấy và khắp cả nước đều nghe mùi hương chiên-đàn ở cõi xa kia”.

Vương nữ Vô Sầu Ưu phát thệ nguyện xong, tức thì Đức Như Lai Hương Khiết Phóng Quang Minh kia liền phóng hào quang từ nơi thân tướng mình, khiến các Thanh văn ở cõi đây đều được thấy nghe về thế giới Hương Khiết cùng Đức Như Lai Phóng Quang Minh đang thuyết giảng kinh pháp cho đại chúng Bồ-tát. Nhờ thần lực của Phật, các vị Thanh văn đều tụ đến cõi kia được nghe thuyết pháp. Đức Hương Khiết Như Lai đã dùng sáu mươi loại âm thanh để giảng dạy:

– Đúng như lời vương nữ Vô Sầu Ưu, Bồ-tát mới phát tâm cầu đạo quả Bồ-đề vô thượng, hơn cả hàng Thanh văn, Phật-bích-chi.

Chính vào lúc này Bồ-tát Di-lặc bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Hương chiên-đàn này từ cõi nào bay đến, tỏa khắp không gian như vậy?

Đức Phật bảo Bồ-tát Di-lặc:

– Vương nữ Vô Sầu Ưu cùng các đại Thanh văn đồng gầm lên tiếng gầm của sư tử nên có điềm lành này. Đức Phật Hương Khiết Phóng Quang Minh đã hiện thân và hương chiên-đàn lan tỏa đầy khắp hằng hà sa cõi.

Vương nữ Vô Sầu Ưu nói với Tôn giả Mục-kiền-liên:

– Bồ-tát hiện bày các công đức biến hóa như vậy, Tôn giả còn có mong cầu đi theo con đường nhỏ hẹp chẳng? Tôn giả biết cõi Hương Khiết cách đây bao xa không?

Tôn giả Mục-kiền-liên đáp:

– Không biết.

Ví như tất cả các thứ tre, lau, lùm rừng, cây cỏ đầy khắp Tam thiên đại thiên thế giới, số lượng như vậy, dầu trải qua một kiếp để tính kể về cõi Phật kia cũng không thể tính biết được. Qua khỏi các cõi Phật nhiều như vậy mới biết được trụ xứ của Đức Phật Hương Khiết Phóng Quang Minh.

Bấy giờ, Đức Phật Hương Khiết Phóng Quang Minh thân nhận hào quang, trở về quốc độ, cõi Phật ấy chẳng còn hiện bày. Tôn giả Mục-kiền-liên thấy sự biến hóa ấy thì im lặng, không nói gì.

Tôn giả Đại Ca-diếp hỏi vương nữ Vô Sầu Ưu:

– Trước đây, cô đã từng thấy Đức Thích Ca Như Lai Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác chưa? Phật có thuyết giảng bài kệ để thấy được sắc thân Phật:

*Ai dùng sắc thấy Ta
Dùng âm thanh cầu Ta
Ngu si chẳng thể tin
Người này không thấy được.
Dùng pháp thấy được Phật
Là thấy pháp thân Phật*

*Pháp ấy khó thấu đạt
Nên chẳng thể thấy.*

Tôn giả Đại Ca-diếp nghĩ: “Không biết công chúa đã từng thấy Đức Phật Thích Ca Mâu Ni chưa?”

Vương nữ:

– Tôi đã thấy bậc Ứng Cúng, Chánh Biến Tri nhưng không phải dùng nhục nhãn để thấy, chẳng phải là thấy nơi sắc, chẳng phải là thấy nơi vô sắc. Cũng không dùng thiên nhãn để thấy, cũng không dùng nhãn của năm ấm sắc, thọ, tưởng, hành, thức, cũng không dùng trí tuệ nhãn để thấy, cũng không dùng thức tưởng để thấy, cũng không dùng thân để thấy, cũng không dùng Phật nhãn để thấy, cũng không dùng thân mạng để thấy.

Tôn giả Đại Ca-diếp! Tôi thấy đáng Chánh Biến Tri cũng như thấy Tôn giả Đại Ca-diếp, vì không có trí sáng lớn nên ưa thích sinh ở thế gian, tự gọi là có thân, chuyên về một hạnh giác ngộ mong muốn thấy đạo.

Tôn giả Đại Ca-diếp hỏi:

– Cô nên trình bày pháp không có chủ, kẻ ngu si nên mới ưa sinh, tự gọi là ngã thân, tất cả vạn vật là pháp tướng hiện có của ngã, không ở trong hay ở ngoài mà được thấy, vậy từ đâu hóa sinh?

Vương nữ đáp:

– Các pháp không thể thấy, đó là pháp vô hình,

như vậy thì không thể thấy là được sinh như thế nào?

Tôn giả Ca-diếp hỏi:

– Pháp Phật cũng là không, là không thật có sao?

Vương nữ đáp:

– Muốn thấy được pháp Chánh chân vô thượng thì phải nên đúng như pháp mà thấy.

Đại Ca-diếp hỏi:

– Pháp của bạch y tôi cũng muốn nghe, huống chi là Phật đạo mà không muốn nghe sao?

Vương nữ đáp:

– Pháp không thấy là có, cũng không thấy là không.

Tôn giả Ca-diếp hỏi:

– Vậy đó là pháp không?

Vương nữ đáp:

– Các pháp đều không, không có hình tướng, không thể từ chân đế mà thấy được. Nếu thiện nam, thiện nữ nào muốn thấy được thân tướng Phật, thì tự mình hãy làm thanh tịnh các đức hạnh, ở trong hạnh thanh tịnh, mới thấy được thanh tịnh, mới là thuần thực.

Tôn giả Ca-diếp hỏi:

– Thế nào là tự làm thanh tịnh hạnh cho thuần thực?

Vương nữ đáp:

– Tự quán thân là không, tức là hội nhập các pháp không, các pháp không giảm, cũng không tăng. Đó là tự thấy các sự thanh tịnh.

Tôn giả Ca-diếp hỏi:

– Những gì gọi là thân không?

Vương nữ đáp:

– Không tận là không, thân này là không, các pháp không cũng như vậy.

Tôn giả Ca-diếp nói:

– Từ đâu nghe được pháp này mới có thể tin tưởng chắc chắn. Đức Phật dạy hai nhân duyên mới được tin, một là nghe người khác, hai là khéo tự suy nghĩ hành động.

Vương nữ nói:

– Dùng trí tuệ nghe người khác nói, có thể nghe, rồi mới tự quán xét nơi thân tạo tác. Nếu tự có trí tuệ, lại quán tất cả, lấy sự sáng suốt làm thầy.

Tôn giả Ca-diếp hỏi:

– Làm sao tự biết thân mình làm thiện?

Vương nữ thưa:

– Nghe pháp, quán sát điều thiện, thân làm thiện thì thấy tạo tác thiện.

Tôn giả Ca-diếp hỏi:

– Bồ-tát làm thế nào tự quán thân hành thiện?

Vương nữ thưa:

– Pháp của Bồ-tát hòa hợp với tất cả người trong thiên hạ, đồng một sở thích, không điều gì mà không thông suốt. Đây là thân Bồ-tát hành thiện.

Lại nữa, thưa Tôn giả Ca-diếp! Pháp vị lai, pháp quá khứ, pháp hiện tại đều không tăng giảm, đây là pháp hành của Bồ-tát.

Tôn giả Ca-diếp hỏi:

– Làm thế nào thấy được pháp không có chỗ tăng, không có chỗ giảm?

Vương nữ đáp:

– Có hai điều là có pháp và không pháp, không tăng và không giảm. Khởi lên suy nghĩ như vậy thì tự thấy thân, ý, hành của mình. Mà thấy thân, ý, hành chính là không có sự thấy biết. Đại Ca-diếp! Đó là tự thấy thân mình.

Tôn giả Ca-diếp hỏi:

– Làm thế nào để tự thấy thân mình?

Vương nữ đáp:

– Cũng như Tôn giả Đại Ca-diếp tự độ thân mình, không thấy tất cả mọi người.

Tôn giả Ca-diếp nói:

– Tôi không có nơi chôn được.

Vương nữ nói:

– Các pháp đều không có chỗ xả bỏ cũng không có nơi chôn chấp trước.

Tôn giả Đại Ca-diếp im lặng, không dùng lời

gì để đáp lại.

Bấy giờ, Tôn giả Tu-bồ-đề nghe lời nói ấy, cho là rất sâu xa, nên rất hoan hỷ, bèn hỏi vương nữ Vô Sầu Ưu:

– Cô từ đâu mà đạt được lợi ích lớn, mới có biện tài này?

Vương nữ đáp:

– Cũng không được lợi ích, cũng không phải là không được lợi ích. Trí tuệ cũng không thấy pháp, pháp cũng không thấy trí tuệ, cũng không nội quán, cũng không ngoại quán. Trí tuệ là như vậy. Vì sao? Tôn giả Tu-bồ-đề nói có pháp tức là phi pháp. Cũng như Tôn giả Tu-bồ-đề là bậc thâm nhập tánh không bậc nhất. Pháp là có nơi chốn, có thuyết giảng, là có trí tuệ, không có trí tuệ, trí tuệ thì không có nơi chốn để nêu bày.

Tôn giả Tu-bồ-đề đáp:

– Không nên chấp chặt vào chỗ vắng lặng, hề có pháp xứ là được trí tuệ. Pháp này chỉ thấy, không thể thuyết giảng, không thể nói ra.

Vương nữ nói:

– Tất cả các pháp đều như vậy, không từ nơi nhận thức, không từ nơi chọn lấy. Thế thì làm sao được lợi ích lớn mà có trí tuệ.

Tôn giả Tu-bồ-đề hỏi:

– Cô hãy nêu bày về pháp không, không có trí tuệ. Do từ đâu mà nói là có?

Vương nữ thưa:

– Tôn giả đã từng nghe tiếng kêu lớn ở trong núi, có âm thanh vang từ đâu không? Tất cả các pháp đều như vậy. Tin, không nói, tin là tiếng vang. Có trí tuệ, không có trí tuệ vốn là không tuệ. Tiếng vang đó nhờ âm thanh hợp thành.

Vương nữ hỏi Tôn giả Tu-bồ-đề:

– Âm vang này phát ra là có hình tướng chăng?

Tôn giả Tu-bồ-đề đáp:

– Âm vang không có hình tướng. Nó do nơi không mà có tên gọi. Tất cả các pháp đều như tiếng vang, do nơi không mà phát sinh.

Vương nữ nói:

– Tất cả pháp, nơi chốn thuyết pháp cũng từ không mà phát sinh.

Tu-bồ-đề hỏi:

– Nếu tất cả các pháp từ không phát sinh, thì vì sao Phật lại thuyết giảng: Chư Phật ở đời vị lai xuất hiện nơi thế gian nhiều như cát sông Hằng?

Vương nữ thưa:

– Tôn giả muốn biết chỗ sinh ra pháp chăng?

Tu-bồ-đề đáp:

– Tôi muốn biết.

Vương nữ nói:

– Nơi chốn phát sinh là không có chỗ sinh, không có chỗ sinh chính là chốn phát sinh. Thưa

Tôn giả Tu-bồ-đề! Hằng hà sa chur Phật không thấy từ Như Lai đi, cũng không phải từ Như Lai đến. Sở dĩ thành Phật là chẳng từ nơi pháp nào để phát tâm, cũng không dừng lại nơi ý.

Tu-bồ-đề nêu:

– Thuyết này là đệ nhất nghĩa về chưa sinh, chưa khởi.

Vương nữ nói:

– Chỗ thuyết giảng đều là đệ nhất. Hoặ thuyết giảng hoặ không thuyết giảng cũng đều là đệ nhất. Tất cả đều là không chôn sinh, không thể nêu bày. Không thể nêu bày mới không xa lìa pháp Phật.

Tu-bồ-đề nói:

– Thật hiếm có người tại gia học đạo mà có biện tài uyên bác, hiểu rộng nghĩa lý, thâm nhập pháp diệu như vậy.

Vương nữ thưa:

– Bồ-tát cũng không là tại gia, cũng không là xuất gia, cũng không là Sa-môn, cũng chẳng phải là không Sa-môn. Vì sao? Vì do hành động của tâm ý. Hành động ấy lấy trí tuệ làm đầu, lấy sự sáng suốt làm sự hoàn hảo.

Tu-bồ-đề hỏi:

– Bồ-tát có bao nhiêu chỗ để dừng lại? Tôi xin được nghe.

Vương nữ thưa:

– Bồ-tát thọ trì tám pháp trụ, là chỗ dừng ngay

nơi sự dừng, không chỗ nào là không dừng, là bậc nhất trong hàng Thanh văn. Tám pháp ấy là những gì mà hàng Bồ-tát thường hành ý thiện, chí tâm cầu Phật, không hề chuyển hồi?

1. Đem tâm từ bi rộng lớn cứu giúp tất cả mọi người.

2. Không bỏ lòng thương yêu rộng lớn, xa lìa pháp thế gian, đối với thân mạng không có sự chấp trước.

3. Thực hành phương tiện thiện xảo, trí tuệ không thể nêu kể, đều phát sinh từ tâm dốc cầu thành Phật.

4. Thường tinh tấn dững mãi, không nhầm chán, thấy nghe cầu đạt các pháp.

5. Phải biết hành xứ của Bồ-tát.

6. Cứu hộ dẫn dắt tâm ý của hết thảy mọi loài.

7. Trí ấy không từ người khác có.

8. Thọ trì tất cả pháp, tự chứng đắc pháp nhẫn.

Đó là tám pháp. Thưa Tôn giả Tu-bồ-đề! Thọ trì tám pháp này là thực hành ngay chỗ để dừng, vượt hơn các La-hán, Phật-bích-chi.

Lúc ấy, Tôn giả Tu-bồ-đề im lặng.

Bấy giờ, Tôn giả La-vân hỏi vương nữ Vô Sầu Ưu:

– Cô quả thật là đã giải bày nghĩa lý rõ ràng, hiểu sâu các pháp Tổng trì, đạt trí tuệ căn bản. Nhưng sao công chúa lại ngồi nơi tòa vàng ướ

trước, không có tâm khiêm nhường, cung kính. Tự mình ngồi nơi tòa cao nêu vấn nạn mà thuyết giảng kinh pháp cho chư đại Tỳ-kheo. Tôi từng nghe Phật dạy: “Ai không có bệnh tật thì không được ngồi nằm nơi tòa cao, nghe thuyết giảng kinh pháp”.

Vương nữ thưa:

– Tôn giả đã từng biết ở thế gian cho điều gì tịnh, điều gì là bất tịnh chẳng?

Tôn giả La-vân nói:

– Ở thế gian, ai thọ trì, tin tưởng, không phạm giới là tịnh. Nếu sai phạm là bất tịnh.

Vương nữ nói:

– Như vậy là Tôn giả chưa hiểu, chưa rõ về điều ấy. Vì sao? Thưa Tôn giả La-vân! Người giữ giới, tin tưởng, thọ trì, không phạm giới là bất tịnh, người phạm giới tức là tịnh. Vì sao? Nếu không nương vào trí tuệ thanh tịnh thì có phân biệt tịnh và bất tịnh vốn không vắng lặng, không tịnh, không bất tịnh. Chư vị A-la-hán đều thấy rõ như vậy, người nào phạm giới là tịnh. Vì sao? La-vân! Vì xa lìa nơi chốn của giới, không học, không lập nên có thể đạt đến trí tuệ vô biên, lìa bỏ nẻo ác, vượt quá thế gian. Cho nên gọi là lìa giới.

Tôn giả La-vân hỏi:

– Người như vậy thì sự lập nguyện, không lập nguyện có khác chẳng?

Vương nữ thưa:

– Ví như lấy vàng đem mài giữa tạo ra nhiều đồ vật như nhẫn, vòng, dây chuyền, vật đã làm hoặc chưa làm thì màu sắc trước, màu sắc sau có khác nhau không?

Tôn giả La-vân đáp:

– Không khác.

Vương nữ thưa:

– Đúng vậy! Thưa Tôn giả La-vân! Có sao lại trách cứ về chỗ ngồi cao, không khiêm nhường, cung kính. Điều cốt yếu là hành động của ý. Thưa Tôn giả La-vân! Xưa kia Bồ-tát dùng cỏ trải nơi đất mà ngồi, hơn cả chỗ ngồi của Thanh văn, Phạm thiên.

Tôn giả La-vân hỏi lại:

– Vì sao chỗ ngồi của Bồ-tát lại hơn chỗ ngồi của Thanh văn, Phạm thiên?

Vương nữ thưa:

– Thưa Tôn giả La-vân! Bồ-tát ở nơi gốc cây dùng cỏ làm tòa. Ba ngàn thế giới Thích, Phạm, Tứ thiên vương và thế gian, trên đến cõi trời Ba Mươi Ba, giữa là muôn dân, quỷ thần lớn đều đến thăm hỏi. Trong hàng Bồ-tát, có vị quỳ lạy chân Bồ-tát, có vị khiêm nhường vái chào, có vị vòng tay lại. Những sự việc đó đúng chăng?

Tôn giả La-vân trả lời:

– Đúng! Rất đúng.

Vương nữ nói:

– Tôn giả La-vân nên biết! Chỗ ngồi của Bồ-tát là từ nơi ý tâm cao thấp chẳng phải là nơi tòa ngồi, cho nên vượt hơn chỗ ngồi của Thanh văn, Phạm thiên, Tôn giả nên biết như vậy.

Lúc này, vua A-xà-thế bảo vương nữ Vô Sầu Ưu:

– Con không biết sao! Tôn giả La-vân thuộc chủng tộc tôn quý bậc nhất nơi hàng Chuyển luân vương. Do lòng tin đạo nên từ giã đó là tu ý giác gia đình khi còn nhỏ để hành đạo Sa-môn, bỏ ngôi vị Chuyển luân vương, là con của Phật Thích Ca, bậc trì giới đệ nhất. Sao con lại khinh mạn, không chịu kính lễ?

Vương nữ thưa:

– Thưa phụ vương! Chớ nên nói như vậy. Sao phụ vương lại lấy viên ngọc Thần Chu đem so sánh với thủy tinh. Phụ vương từng thấy sư tử sinh ra con là cáo chăng? Con của Chuyển luân vương đâu lại làm vua nước nhỏ.

Vua nói:

– Không có như vậy.

Vương nữ thưa:

– Tâu phụ vương! Cha nên biết đều là do nhân duyên thôi, chứ Tôn giả La-vân kia đâu từ Như Lai sinh, mà là sinh từ thai của cha mẹ. Hạnh sư tử của Như Lai đều hàng phục chín mươi sáu thứ ngoại

đạo, trí tuệ thần thông đều đầy đủ, là vị đại thánh dũng mãnh. Tất cả các pháp đều nhận biết rõ không có điều gì bị trở ngại, kể cả tâm niệm của mọi người. Ba đời quá khứ, hiện tại, vị lai đều thấu đạt, là vị đại y vương chữa trị mọi thống khổ cho nhân loại, thường khuyến hóa tất cả để chuyển pháp luân. Các Tôn giả Xá-lợi-phất, Đại Mục-kiền-liên, Đại Ca-diếp, Tu-bồ-đề, Loa Việt, La-vân, A-nan, đều là hàng Thanh văn nghe pháp phụng hành chứ chẳng phải là con của Phật.

Bây giờ các Tôn giả Thanh văn ở trong đại chúng đều nghe vương nữ Vô Sầu Ưu thuyết giảng kinh pháp. Vương nữ thưa vua:

– Tâu phụ vương! Thời quá khứ xa xưa hàng a-tăng-kỳ kiếp, có Phật hiệu là Đề-hòa-kiệt-la. Khi ấy, có nữ Bà-la-môn tên là Tu-la-đà (Hán dịch là Tiên Khiết Biện), lại có nam Bà-la-môn tên Bệ-đa-vệ theo hầu đấng Chánh Biến Tri Đề-hòa-kiệt-la.

Bây giờ, thiếu nữ đem năm bông hoa cúng dường Phật. Khi mua hoa thiếu nữ phát nguyện muốn kết làm phu phụ với thanh niên, cho đến khi được thành Phật. Lại phát tâm cầu pháp Đại thừa, là do ở thời quá khứ hàng a-tăng-kỳ kiếp đã tạo công đức, phát nguyện đời đời gắn bó với nhau, cũng nhằm cứu độ các hạng người thấp kém cho nên theo Phật cầu nguyện, trọn không uổng phí công sức. Nàng Câu-di là con gái dòng họ Thích, phát tâm cầu đạt đạo quả Vô thượng Chánh đẳng

giác, dùng phương tiện thiện xảo khuyến hóa tất cả Bồ-tát, nên thị hiện có vợ, con trai, nô tỳ, voi, ngựa, vàng bạc, châu báu, mã não. Vì sao? Vì nhằm trừ bỏ chín mươi sáu loại ngoại đạo, không muốn họ phỉ báng Bồ-tát, chẳng phải là trang nam tử sinh trong hoàn môn. Ở thế gian, có đặc điểm gì mà nói là nhân nhục, khổ cực. Giả như khởi niệm ấy thì sẽ bị đọa vào địa ngục, ngày đêm bị hành hạ không thể nói. Bồ-tát mới theo Đức Phật Đề-hòa-kiệt-la Ứng Cúng Chánh Biến Tri cho tới nay, Bồ-tát được thọ ký không có sắc, tướng, tư.

Tâu phụ vương! Bảy giờ, nam Bà-la-môn Bệ-đa-vệ theo hầu Đức Phật Đề-hòa-kiệt-la Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, chứng đắc tuệ minh với sáu vạn môn Tam-muội, lại đắc Vô tận minh, hằng hà sa số pháp môn Đà-la-ni. Khi được thọ ký, nguyện trước, nguyện sau đều dứt bỏ.

Theo đó mà nói La-vân là con Phật, lại sinh từ trong thai mẹ là đã phỉ báng Bồ-tát, Như Lai. Đối với vợ con, quốc thành không đem lại an lạc. Bồ-tát xa lìa ái dục, đối với pháp thế gian không hề bị cầu nhiễm.

Vương nữ tâu vua:

– Tâu phụ vương! Trong biển lớn mà cầu mong có lửa là điều còn có thể được. Bồ-tát mà tham dục, sân hận là không thể được. Phụ vương nên biết, Tôn giả La-vân là hóa sinh, không phải sinh từ thai

mẹ. Sự hóa hiện đó đều do oai thần của Phật. Bồ-tát theo sự tập tục mà giáo hóa, xả bỏ tất cả si mê, hiện hình như huyễn hóa, tất cả việc làm thường không xa lìa Tam-muội. Tự hiện lúc tuổi nhỏ, nơi nhà bạch y, cư sĩ, trong hàng Thanh văn, Bồ-tát, trong hàng trời, người, phi nhân v.v... hạng tôn quý, thấp kém lớn nhỏ, hạ tiện, kỹ nhạc, cung nữ, ăn uống, rượu chè; tùy theo sự muốn độ mà hóa sinh. Thị hiện đến các chỗ như vậy, vô số không thể tính.

Trong chúng hội có người suy nghĩ: Vậy ai đúng là con thật của Như Lai đủ chánh kiến, không làm gián đoạn Tam bảo, hộ trì bảy giác ý, tùy theo sở thích của người mà hóa độ thì người ấy xứng đáng là con của Phật. Nếu thiện nam, thiện nữ nào muốn làm con chân chánh của Phật thì nên phát tâm cầu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Khi vương nữ thuyết giảng như vậy thì ở hậu cung có hai mươi lăm người phát tâm cầu đạo Vô thượng Chánh giác. Lúc ấy, ngàn Thiên tử nghe vương nữ Vô Sầu Ưu gầm lên tiếng gầm của sư tử, phát tâm cầu đạo Vô thượng Chánh đẳng giác, cùng cất tiếng:

– Chúng tôi là con lớn của Phật ở đời quá khứ, vị lai.

Phát nguyện rồi, bèn rưới mưa hoa che khắp cả

đại thành La-duyệt-kỳ, dùng hoa cúng dường vương nữ Vô Sầu Ưu.

Lúc này, vương nữ Vô Sầu Ưu rời khỏi tòa ngai vàng, đến trước các Tôn giả Thanh văn, Vô Sầu Ưu hỏi các vị ấy:

– Chư vị hiểu rõ về pháp khát thực chăng?

Các vị Thanh văn đáp:

– Dùng gì để hiểu và hiểu thế nào?

Thân có bốn thân, do nhân duyên sinh, thường bị che lấp, thuận theo sự biến hóa, lo sợ bị hư hoại, nên phải ăn uống. Thân này phải dùng các thức ăn uống mới đứng vững được, không ăn uống thì không được yên ổn. Thân này ví như chiếc xe bị hư hoại dần, cần phải thêm dầu cho các bộ phận được tạm yên ổn, vì khi ăn là nhằm hộ trì thân thể, không tự hiện bày kiêu mạn khi khát thực, không quá chú trọng vào sắc tướng, không vì tham ăn, cũng là để muốn phá trừ tham dục.

Vương nữ Vô Sầu Ưu nghe các Tôn giả Thanh văn nêu bày như vậy thì cũng không vui, không buồn. Thân như thế cũng là nơi chôn tạo ra tai họa, khổ cực. Ngay lúc ấy bèn thỉnh chư Thanh văn thọ lễ cúng dường trăm vị thức ăn. Thọ trai xong chư vị Tôn giả đều khiêm nhượng vái chào, liền trở về núi Kỳ-xà-quật, nghe Phật thuyết pháp, liền tự nghĩ: “Chúng ta sẽ cùng đến chỗ của vương nữ Vô Sầu Ưu”. Sau bữa ăn, cha mẹ, anh em, tông thân,

hậu cung thế nữ, quần thần, dân chúng, đều ra khỏi thành, đến núi Kỳ-xà-quật. Khi đến nơi, tiến tới trước, đầu mặt sát đất đánh lễ Phật, nhiễu quanh Phật ba vòng, rồi ngồi một bên.

Các vị Thanh văn ra khỏi thiên đình, cũng đến đánh lễ Phật, rồi ngồi qua một bên.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất bèn đứng dậy sửa lại y phục, quỳ gối phải chấp tay bạch Phật.

– Bạch Thế Tôn! Vương nữ Vô Sầu Ưu này thuyết giảng pháp rất là sâu xa, vi diệu, dùng phương tiện khéo léo để lập luận biện giải, khiến mọi người không thể thắng được. Hỏi điều gì đều trả lời thấu đạt.

Phật dạy:

– Nay Tôn giả Xá-lợi-phất! Vương nữ Vô Sầu Ưu đã từng cúng dường nơi chín mươi hai ức Phật, tạo công đức, thường không xa lìa phương tiện thiện xảo.

Tôn giả Xá-lợi-phất bạch:

– Bạch Thế Tôn! Vương nữ này vì sao không bỏ thân nữ?

Phật dạy:

– Nay Tôn giả Xá-lợi-phất! Các thầy Thanh văn cho rằng Vô Sầu Ưu là nữ chẳng? Nếu các vị không vào sâu nơi Bát nhã Ba-la-mật không thấy nhân căn, quán sát bản, tích, sau đó liền thấy chốn hành hóa. Bồ-tát tùy ý an lạc, sử dụng quyền biến

đề thị hiện, có nam, nữ, không hề bị trở ngại, hoặc giới hạn vào điều đó, vì muôn độ cho mọi hạng nam, nữ.

Vương nữ Vô Sầu Ưu muốn làm rõ chỗ nghi ngờ của Tôn giả Xá-lợi-phất, bèn lập nguyện hiện thân khiến cho đại chúng đều thấy mình là nam. Nghĩ như vậy rồi, tức thì đại chúng cùng thấy Vô Sầu Ưu là nam tử, không còn thấy tướng nữ nhân nữa. Vô Sầu Ưu khi ấy bay tự tại trong hư không, cách đất bảy mươi trượng, trụ giữa hư không.

Đức Phật dạy:

– Nay Tôn giả Xá-lợi-phất! Thầy đã thấy Vô Sầu Ưu là nam tử, bay tự tại trong hư không, cách đất bảy mươi trượng, trụ giữa hư không chẳng?

Tôn giả Xá-lợi-phất bạch:

– Bạch Thế Tôn, con đã thấy.

Đức Phật dạy:

– Nay Tôn giả Xá-lợi-phất! Vô Sầu Ưu này, sau bảy trăm a-tăng-kỳ kiếp sẽ thành Phật hiệu là Bệ-kiệt-dụ (Hán dịch là Ly Sầu) Ứng Cúng Chánh Biến Tri. Cõi nước tên là Bệ-mạc-câu-liêu-hại (Hán dịch là Vô Cấu Trược Quang Thiêm), thọ mạng mười vạn kiếp. Sau khi Phật Niết-bàn, kinh pháp lưu truyền đến mười kiếp, không đoạn tuyệt. Trong cõi ấy, đất đều bằng lưu ly. Cõi có tám phương, mỗi phương có một đường, là nơi chôn du hóa của Đức Phật ấy. Cây hoa, lan can đều do bằng

bảy thứ báu tạo thành, lại có nhiều lọng hoa, tỏa mùi thơm bằng các hương quý, không hề ô ướ, không có các thứ cát đá, sỏi, ngói, chỉ toàn lấy châu báu làm thành muôn vật. Trong cõi đó không có địa ngục, súc sinh, quỷ đói, chỉ có hàng Bồ-tát, trời và người, giống như cung vua ở cõi trời Đao-lợi.

Bấy giờ, đại chúng và vua A-xà-thế đều bộc lộ sự vui mừng và nói:

– Lành thay! Lành thay!

Phu nhân của vua A-xà-thế là Chiên-la-cái (Nguyệt Minh Chiếu) rời khỏi chỗ ngồi, sinh tâm tán thán chấp tay cung kính bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Được làm người là đã khó, con lại được nuôi dưỡng Bồ-tát này, thì lợi ích gấp bội. Nhân đây con xin phát tâm tạo công đức cầu đạo quả Bồ-đề vô thượng. Xin lập nguyện: “Nay Đức Phật đã thọ ký cho Bồ-tát Vô Sầu Ưu, kiếp sau sẽ làm Phật. Con nguyện được làm Phật kế tiếp Phật đó, cũng ở trong cõi ấy”.

Bấy giờ, Đức Phật biết rõ tâm nguyện của hoàng hậu Nguyệt Minh Chiếu nên hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:

– Có thấy hoàng hậu Nguyệt Minh không?

Tôn giả Xá-lợi-phất thưa:

– Bạch Thế Tôn, con thấy.

Phật dạy:

– Hoàng hậu Nguyệt Minh thọ trì công đức đã

tạo sẽ bỏ thân nữ và được thân nam, sau đó sinh lên cõi trời Đao-lợi, làm Thiên tử tên là Bảo Đệ Nhất. Khi Phật Di-lặc hạ sinh, có quốc vương tên Ha sẽ làm thái tử trong một nước. Thái tử tên là Chung Hảo, cúng dường Phật Di-lặc trọn đời, kiếp sau sẽ làm Sa-môn của Phật Di-lặc, các pháp thượng, trung, hạ đều hết lòng thọ trì; cúng dường tất cả các bậc Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, lại hành đạo Bồ-tát.

Ly Sầu đạt quả vị Chánh biến tri được làm Phật rồi Bảo Đệ Nhất sẽ làm Chuyển luân vương ở nước đó, hiệu là Bảo Phong, cúng dường, phụng sự đấng Chánh Biến Tri, trọn đời thờ phụng vị Phật ấy, và sẽ được làm Phật kế tiếp, hiệu là Như Lai Phổ Minh, giáo hóa nơi quốc độ giống như cõi nước Vô Cấu Trục Quang Thiêm của Như Lai Ly Sầu không khác.

Hoàng hậu Nguyệt Minh nghe Phật dạy như thế thì rất vui mừng, bèn cỡi vàng bạc, châu báu ma-ni đang đeo nơi mình giá trị cả trăm vạn lượng dâng lên cúng dường Phật. Hoàng hậu theo vua A-xà-thế cầu xin thọ trì năm giới, xa lìa dâm dục, khiến cho tất cả mọi người nơi cung vua đều phát tâm tu hành thanh tịnh.

Lúc ấy, Bồ-tát Vô Sầu Ưu từ trên không trung bay xuống, chấp tay bạch Phật.

– Bạch Thế Tôn! Khi con làm Phật, nguyện cho

chư vị Bồ-tát trong quốc độ của con tự nhiên hóa sinh pháp tòa rộng lớn, ca-sa tự nhiên đắp vào thân, không có già trẻ, dung mạo như người hai mươi tuổi. Nếu đúng như lời nguyện của con thì tự nhiên thân con làm Sa-môn, có đầy đủ pháp y.

Ngay lúc ấy, sự việc hiện bày đúng như lời nguyện.

Bồ-tát Vô Sầu Ưu tâu vua:

– Tâu phụ vương! Pháp không bền chắc, từ không mà an lập, từ không mà an tọa. Đối với niệm, chẳng niệm ý vẫn an lập không tán loạn, không có sự sao chép, tạo tác vì không có chỗ tùy thuộc. Phụ vương có thấy như vậy không? Trong một ngày, con từ thân nữ, lại biến thành thân nam, lại hiện Tỳ-kheo Tăng. Càng xét suy kỹ càng. Người nơi này, người chốn kia, trong thân đều có ba độc, không phải dùng ba thứ thuốc để điều trị tận cùng các độc. Pháp này phải biết rõ như vậy. Do đấy đại vương không nên làm điều phi pháp, nên thường xuyên gần gũi với Phật.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi có thể đoạn trừ mọi sự cầu ướm nơi con người, làm tăng trưởng công đức, lợi ích, độ người chưa được hóa độ. Trong nước vua có nhiều sự việc phải nên tùy ý trừ bỏ.

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

– Bồ-tát Vô Sầu Ưu đã giải thích rõ ràng, nên có thể thọ trì, nêu giảng; nên vì tất cả mà giảng giải

rộng kinh pháp. Nếu có thiện nam, thiện nữ muốn cầu Phật đạo, thì nên dốc tâm cúng dường bậc Ứng Cúng, Chánh Biến Tri. Ai nghe kinh này mà không phỉ báng thì công đức không thể kể, huông chi là trọn đời phụng hành, cúng dường lụa hoa, hương đèn, cờ đuốc thì công đức đó là không thể kể tính.

Các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy. Bồ-tát Vô sầu Ưu hoan hỷ, vua A-xà-thế, hoàng hậu Nguyệt Minh, Tôn giả A-nan, tất cả đại chúng, các hàng trời, rồng, thần, A-tu-la nghe Phật thuyết giảng kinh này đều hoan hỷ, đầu mặt cung kính đánh lễ Phật rồi lui ra.



SỐ 338

KINH LY CẦU THÍ NỮ

Hán dịch: Đời Tây Tấn, Tam tạng Pháp sư Trúc Pháp Hộ, người nước Nguyệt Chi.

Nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật cùng với một ngàn vị Tỳ-kheo đều là những vị A-la-hán ở tại khu lâm viên Kỳ Đà - Cấp Cô Độc, thuộc nước Xá-vệ. Chư vị Tỳ-kheo này đã dứt hết các lậu hoặc, những việc cần làm đã làm xong, không bị phiền não cấu uế lôi kéo, đã đặt gánh nặng xuống, được lợi mình, đoạn trừ tất cả các thứ kiết phược trước sau, là bậc Thánh tuệ thông đạt, hiểu biết rõ ràng, là bậc Hiền nhân, giống như hạng rồng lớn tâm luôn được tự tại, ngoại trừ Hiền giả A-nan còn là bậc Hữu học.

Bồ-tát có một vạn vị, đều thành đại A-la-hán, tất cả Thánh chúng cùng đạt đại thần thông, không thoái chuyển nơi pháp luân. Danh hiệu của chư vị Bồ-tát là: Bồ-tát Bảo Quang, Bồ-tát Trí Tích, Bồ-tát Danh Thủ, Bồ-tát Biện Tích, Bồ-tát Thủ Hàm, Bồ-tát Quang Thế Âm, Bồ-tát Hiền Thủ, Bồ-tát Hỷ Vương, Bồ-tát Hành Vô Tư Nghị Thoát Môn, Bồ-tát Niệm Chư Pháp Vô Trước, Bồ-tát Từ Thị, Bồ-

tát Nhập Chí Tánh, Bồ-tát Khí Chư Ác Thú, Bồ-tát Trừ Chúng Ưu Minh, Bồ-tát Siêu Dục Vô Hư Tích, Bồ-tát Vô Hư Kiến, Bồ-tát Đức Bảo Hiệu Sức, Bồ-tát Kim Bảo Diệu Thủ, Bồ-tát Xả Chư Cái, Bồ-tát Vô Hại Tâm v.v... các Đại Bồ-tát như vậy gồm đủ một vạn vị.

Bấy giờ, chư vị Hiền giả Xá-lợi-phất, Đại Mục-kiền-liên, Đại Ca-diếp, Tu-bồ-đề, Bán-nậu-văn-đà-phất, Ly-việt, A-na-luật, A-nan, các vị Đồng Chân Phổ Thủ, Bất Hư Kiến, Bảo Anh, Khí Chư Ác Thú, Khí Chư Âm Cái, Quang Thế Âm Biện Tích, Siêu Độ, Vô Hư Tích, tám vị Bồ-tát và tám vị đệ tử Thanh văn, vào buổi sáng đắp y, mang bát vào thành khát thực. Các vị đều cùng nhau bàn luận và mỗi vị phát nguyện:

Xá-lợi-phất:

– Như hình tướng Tam-muội – chánh định của tôi, khi vào thành khát thực, nguyện sao cho mọi người trong thành đều được lãnh hội pháp bốn Thánh đế.

Đại Mục-liên:

– Nguyện cầu tất cả mọi người trong thành không có một khoảnh khắc nào để cho các ma sự dậy khởi.

Đại Ca-diếp:

– Người nào trong thành cúng dường thực phẩm cho tôi thì khiến cho tất cả mọi người đều

được phước đức vô tận đạt đến cõi vô vi.

Tu-bồ-đề:

– Nguyên cho tất cả mọi người trong thành đều cảm thấy ánh sáng. Nhờ nhân duyên về phước báo này nên được sinh nơi cõi trời và nhân gian, sau đó lại đắc pháp vô vi.

Bân-nậu:

– Nguyên cầu cho các hàng ngoại đạo, Phạm chí, trưởng giả đều được chánh kiến.

Ly-việt:

– Nguyên cho tất cả mọi người trong thành đều không có tội lỗi, đều đạt được an ổn.

A-na-luật:

– Nguyên cầu cho tất cả mọi người trong thành đều được thiên nhãn.

A-nan:

– Nguyên cho tất cả mọi người trong thành đều có thể nhớ nghĩ lại kinh pháp đã được nghe từ thời xa xưa.

Văn-thù-sư-lợi:

– Tôi sẽ biến hóa khiến cho tất cả nhà cửa lớn nhỏ, lầu gác, tinh xá, đồ vật, vàng bạc, cây cỏ, lá hoa, trang sức, y phục, trong thành này đều phát ra âm thanh nêu bày các pháp không, vô tướng, vô nguyên, vô sở đắc, không khởi, không diệt, không phóng dật, không tham đắm âm thanh, không có hình tướng, không có tự ngã, ngã sở.

Vô Hư Kiến:

– Tôi biến hóa khiến cho tất cả dân chúng nam nữ, lớn nhỏ trong thành những gì mà mắt thấy được đều là hình tượng Phật, sau đó đạt đến cứu cánh là chúng đắc đạo quả Chánh chân vô thượng.

Bảo Anh:

– Tôi biến hóa khiến cho tất cả kho tàng nơi các ngôi nhà trong thành này đều có nhiều vật báu.

Khí Chư Ác Thú:

– Tôi biến hóa khiến cho dân chúng trong thành nếu thấy có phạm tội về địa ngục, nhờ pháp hiện tại khiến cho tội nhẹ, đột nhiên dứt hết.

Khí Chư Âm Cái:

– Tôi biến hóa khiến cho mọi người trong thành đều trừ bỏ năm thứ ngăn che, không làm cho chúng tăng trưởng.

Quang Thế Âm:

– Tôi biến hóa khiến cho đóng tất cả các lao ngục, khiến mọi người cùng được giải thoát, những tù nhân đều được giải thoát, mọi sự hãi sợ đều được an ổn.

Biện Tích:

– Tôi biến hóa khiến cho những người trong thành thấy rõ về ngã, ngã sở đều đạt được biện tài, khiến cho các thứ kỹ nhạc chuyển thành đàm luận.

Siêu Độ Vô Hư Tích:

– Tôi khiến cho mọi người trong thành mà

chúng ta đã thấy đều được cứu cánh đạt đến đạo quả Chánh chân vô thượng.

Tám vị Bồ-tát và tám vị đệ tử Thanh văn bàn luận như vậy rồi lần lượt đi đến cửa thành.

Lúc này, trong thành vua Ba-tư-nặc có công chúa tên là Duy-ma-la-đạt (Ly Cầu Thí) mười hai tuổi, dung mạo đẹp đẽ, thù thắng, người trông thấy đều vui thích. Tâm ý công chúa luôn trong lành tinh khiết bậc nhất, diện mạo lúc nào cũng như hoa sen. Vào ngày mừng tám, khi trời còn đầy sao sáng, công chúa cùng năm trăm tỷ nữ, năm trăm Phạm chí theo hầu phía sau, xa giá xuất hành đến nơi thờ cúng tổ tiên, vì muốn lập đàn tế tự lớn.

Khi ấy, các Phạm chí thấy chư Tỳ-kheo, tâm niệm cho là điều không tốt. Trong các Phạm chí, có một Phạm chí tuổi đã cao, tên là Phạm thiên, thưa với vương nữ Ly Cầu Thí:

– Thưa công chúa! Hôm nay có điềm không tốt vì thấy các Tỳ-kheo đang đứng ở cửa thành, chúng ta không nên đi mà phải trở về. Vì thấy những người này thì cầu lợi ích gì đều không được như ý.

Bấy giờ, vương nữ Ly Cầu Thí vì Phạm chí mà nói kệ:

*Bậc phạm hạnh ấy
Công đức giáo hóa
Đối với tế tự
Là an lành nhất.*

Phạm chí có thể
 Cúng dường các vị
 Mọi điều may mắn
 Không có sai khác.
 Vì họ giữ giới
 Định tĩnh, đạ**m** bạc
 Vượt khỏi pháp ác
 Không vương bụi bặm.
 Nẻo hành các vị
 Là thầy thuốc giỏi
 Điều trị lành hẳn
 Tật bệnh chúng sinh.
 Không một vết uest
 Bạc thầy đệ nhất
 Vì vô số người
 Bỏ các việc ác.
 Đối với bốn kiến
 Đã được sáng suốt
 Phạm chí hãy đến
 Bạc tịnh trường thượng.
 Phậ**t** tại thế gian
 Vua pháp tối thắng
 Chúng đệ tử Phậ**t**
 Thành tựu La-hán.
 Các vị Bồ-tát
 Bạc thầy tối tôn
 Người nào có trí
 Mà lại bỏ đi?

Bạc Lương tức tôn
Đầy đủ phước điền
Muốn được sinh thiên
Nên cúng Thế Tôn.
Nếu hành bố thí
Được quả không lường
Dầu đến chỗ nào
Không bị tổn hại.
Theo lời dạy dỗ
Đầy đủ tướng tốt
Là ruộng phước tốt
Ý tánh thanh tịnh.
Giả sử Phạm chí
Phát tâm hoan hỷ
Thì sẽ đạt được
An ổn lìa dục.
Làm theo lời dạy
Chưa từng nào loạn
Còn đi khát thực
Tinh tấn quán chiếu.
Dù ở xứ nào
Khéo giữ các căn
Các căn tịch định
Chúng ấy như biển.
Nước nơi sông biển
Có thể lường tính
Đất khắp mười phương
Có thể đi đến.

Có tâm bố thí
 Vua trong cõi người
 Tất cả việc làm
 Không thể tính lường.
 Gặp phải kiếp thiêu
 Núi Tu-di hoại
 Sông biển khô cạn
 Và cả mặt đất.
 Ai mà dưng cúng
 Vương tôn loài người
 Tuy bị tai nạn
 Phước không bị thiêu.

Phạm chí nói kệ đáp Ly Cầu Thí:

Cô không được buông lung
 Theo lòng ngu khờ dại
 Chớ bảo khi tế tự
 Có Tỳ-kheo an lạc.
 Sa-môn không tóc này
 Lại đắp y ca-sa
 Nếu cô nói giải thoát
 Không nghe lời chúng tôi.
 Sợ rằng cha mẹ cô
 Không lấy đó làm vui
 Chúng ta nên bảm báo
 Lên đến Đại Minh Vương.
 Việc tế tự của nàng
 Sẽ không được an lành
 Lành thay cho vương nữ

Chớ tin các Tỳ-kheo.

Ly Cầu Thí dùng kệ đáp Phạm chí:

Nếu đọa vào đường ác

Nạn sinh tử khó thoát

Tuy có đủ cha mẹ

Không thể cứu giúp được.

Cũng không nhờ người khác

Và tiền tài, thân chú

Chỉ độc nhất chúng đây

Mới có thể cứu thoát.

Ta bỏ cả thân mạng

Tan hoại nơi bốn phương

Vẫn khâm phục kính trọng

Tự quy y nơi Phật.

Trọn không đặt hy vọng

Sự cứu của người khác

Chỉ nên quy y nơi

Ba ngôi báu tôn quý.

Ví như người đui mù

Mà ngắm ảnh trong gương

Ngoại đạo học sai lạc

Không có lợi ích gì.

Phạm chí cũng giống như

Núi Tu-di bị thiêu

Học hiểu rộng như thế

Mới thoát được điều đó.

Chưa từng thấy thiếu kém

Đối với người trí tuệ

*Có thể nghe hiểu nhiều
Tất cả sẽ đầy đủ.
Nếu có thể lắng nghe
Và phụng hành điều ấy
Thọ trì đúng như vậy
Vượt tất cả tai nạn.*

Ngay lúc ấy, Phạm chí hỏi Ly Cầu Thí:

– Công chúa chưa từng thấy Đức Phật và chúng Tỳ-kheo, do đâu mà sinh tâm hoan hỷ thế?

Vương nữ:

– Phạm chí nên biết, lúc ta mới sinh, hoàng hậu đã để ta an tọa nơi giường báu bằng vàng. Trên hư không có năm trăm Thiên tử đang bay, dùng vô số việc tán thán công đức của Phật, Pháp và Thánh Tăng để ta được thấy nghe âm thanh ấy. Khi đó, trong chúng có một Thiên tử, chưa từng thấy Như Lai Chí Chân, bèn hỏi các Thiên tử công đức của Như Lai như thế nào. Các Thiên tử liền quán sát tâm niệm của ta, dốc một lòng tin tưởng, bèn thuyết kệ này để tán thán Phật:

*Tóc Phật màu xanh biếc
Đẹp sạch, xoắn phía hữu
Như hoa sen trăm cánh
Mặt Phật như trăng rằm.
Lông trắng giữa chạng mòi
Sáng trong như là tuyết
Mắt như hoa sen xanh*

Như vua trong loài ong.
Sư tử trong loài người
Màu sắc môi đỏ tươi
Lông mi rất mềm dịu
Ngay thẳng mà đẹp đẽ.
Lưỡi rộng phủ kín mặt
Cho đến giáp mé tóc
Lời Phật dạy ôn hòa
Ban vui khắp mọi loài.
Âm thanh như chuông đồng
Như kèn, sáo, tù và
Và nhu hòa trang nhã
Giống như tiếng cầm, sắt.
Tiếng chim Chân-đà-lạc
Anh vũ cùng gà Côn
Hót vang khắp núi rừng
Âm thanh Phật tối thắng.
Phật gầm tiếng sư tử
Vi diệu trừ các bệnh
Xa lìa các cấu uế
Thật ngữ dứt kiến chấp.
Phật sống với đại chúng
Nghĩ vấn được giải trừ
Nói điều không sai sót
Khiến mọi người vui mừng.
Thắng mình, bỏ mọi chấp
Giống như nỏ vắng lạng
Lời nói không kiêu mạn

Hình thể rất diệu kỳ.
Chất phác không quanh co
Đều vì chúng dạy bảo
Như kết hoa làm vòng
Tuệ Phật cũng như vậy.
Ý niệm đều sung mãn
Cánh tay dài quá gối
Lòng bàn tay thẳng đều
Ngón tay nhỏ, dài, đẹp.
Thân cao lớn vững chắc
Dung mạo ánh sắc vàng
Thân thể Phật hiển lộ
Ở xa đều nghe tiếng.
Lông mềm mại sắc tía
Đều xoáy về phía phải
Bắp vế như long tượng
Hai đầu gối rộng đẹp.
Chân bằng, như bức tranh
Phía dưới có tướng luân
Oai đức Phật như vậy
Vớ thấy biết của tôi.
Thế gian không ai hơn
Vượt khỏi các xứ hữu
Đấng lương y đại từ
Cứu giúp những chúng sinh.
Đoạn trừ mọi trói buộc
Như hoa sen không nhiễm
Ta nghe các vị trời

Tán thán Phật như vậy.

Ly Cầu Thí nói với Phạm chí:

– Ta nghe chư Thiên tán thán công đức của Phật như vậy. Từ đó về sau, ta không hay nhớ nghĩ về sự ngủ nghỉ, cũng không có tưởng về dâm, nộ, si, nguy hại, không tham chấp nơi cha mẹ, anh, chị, em, hàng tri thức thân thuộc, cũng không ái nhiễm về y phục, đồ trang sức, mạng sống, quốc thành, những sự vui chơi v.v... chỉ độc nhất một việc cung kính niệm Phật và Đại Thánh.

Phạm chí nên biết! Vì vậy nơi nào Như Lai giảng thuyết kinh pháp, ta đều đến nghe, không mất một câu, lãnh hội nghĩa lý thâm diệu. Ngày đêm ta luôn quán tưởng Phật không dừng nghỉ, lúc nào cũng thấy Phật, cho nên nghe pháp, cung kính Thánh chúng, ta không nhầm chán.

Khi Ly Cầu Thí ca ngợi oai đức của Phật và Thánh chúng thì Phạm chí, Phạm Thiên, năm trăm Phạm chí khác, nghe rồi đều rất mừng rỡ và đồng phát tâm cầu đạo quả Vô thượng Chánh giác.

Vương nữ bèn xuống xe, đến chỗ các vị Bồ-tát và Thánh đệ tử, cúi đầu đánh lễ nơi chân, nhất tâm cung kính đứng chấp tay. Khi ấy, Hiền giả Xá-lợi-phất nhìn thấy Ly Cầu Thí. Ly Cầu Thí bạch Hiền giả Xá-lợi-phất:

– Cúi xin Hiền giả, vì thân nữ nhân có hai điều nên biết là dục trần như lửa, lại nhiều phóng dật,

chỗ đáng ưa thích thì tâm không nhớ nghĩ thuận hợp, không hướng đến giải thoát mà còn buông lung nữa. Lành thay Hiền giả! Xin hãy thương xót chúng con mà thuyết pháp, để chúng con được an lạc mãi mãi, không bị tai nạn.

Vừa nói như vậy xong thì vua Ba-tư-nặc cùng các quần thần đi đến chỗ ấy. Vua nghe những lời trên, bèn nói với Ly Cầu Thí:

– Chỉ một mình con là sung sướng nhất, có sao lại cực khổ để nhan sắc tiêu tụy, lại đến nơi này. Từ lúc sinh ra đến nay, con chưa từng đi bộ, vì sao con chẳng ngủ nghỉ, lại không ưa vui chơi, tạo mọi thích thú cho riêng mình.

Vua Ba-tư-nặc vì Ly Cầu Thí nói kệ:

*Dung mạo tươi đẹp
Như ngọc nữ trời
Anh lạc đầy đủ
Hương xông y phục
Thân con như vậy
Vì sao nhàm chán?
Có gì không vui
Mà không ngủ nghỉ
Trong nước của ta
Giàu nhiều của báu
Tuy có cha mẹ
Vẫn được tự do
Sao lại không vui*

Nay được tự tại
 Tâm con thế nào
 Không thích ở nhà
 Vui lòng cha mẹ
 Tất cả mọi người
 Đều yêu kính con
 Vì sao không vui?
 Lại đến ngồi đây
 Bao nhiêu anh lạc
 Trang nghiêm thân con
 Thấy nghe điều gì
 Ôm lòng lo sợ
 Thân thể mệt mỏi
 Con cho cha biết
 Ý định của con
 Nay phát thệ nguyện?
 Cầu đạt những gì?

Ly Cầu Thí nói kệ thừa phụ vương:

Đại vương không hiểu
 Nỗi khổ sinh tử
 Hoạn nạn các ám
 Thân thể mong manh
 Tưởng nhớ tham dục
 Mọi việc huyễn hóa
 Mạng sống ở đời
 Không ngừng một giây
 Đại vương nên hiểu
 Rắn độc nơi ta

Sao an tâm ngủ
Và tham các dục?
Nơi đây đếm có
Bốn loại rắn độc
Tâm luôn nhớ nghĩ
Làm sao vui được
Khi các cừu địch
Cùng nhau bức bách
Chúng sinh khổ não
Sao lại an vui
Oán kiết phiền não
Xung đột liên tục
Con phải làm gì
Đem lại niềm vui?
Người đọa trong độc
Ai được ngủ nghỉ?
Chưa bỏ oan gia
Làm sao hoan hỷ
Rơi vào hầm lửa
Nương cậy vào đâu?
Cha mẹ nên biết
Việc đời như vậy
Nay phải quán xét
Tự tại tối thắng
Khi con phát tâm
Muốn gặp được Phật
Cha nghe con nói
Chưa từng thấy nghe

Bồ-tát mà lại
 Ôm lòng phóng dật
 Sợ hơn tặc thú
 Đuổi bắt lầy nhau
 Mà rất tinh tấn
 Cừu địch cầm gậy
 Cầm đao đuổi người
 Mà lại đói khát
 Vào nơi làng trống
 Sợ giặc sinh tử.
 Ai sẽ an vui?
 Xét ra xem thân này
 Giống như hộp tô vẽ
 Bên trong có cảm thọ
 Dựa vào bốn rắn độc
 Vô lượng loại Ám, Cái
 Hoạn nạn là giặc oán
 Ai vui nơi hoang vắng
 Cảnh giới đáng sợ hãi.

Khi ấy, Ly Cầu Thí hỏi Hiền giả Xá-lợi-phất:

– Thưa Hiền giả! Xin vì con mà giảng nói về trí tuệ. Con nghe ai cũng ca ngợi trí tuệ của Hiền giả là tối tôn trong hàng thâm niên. Trí tuệ ấy là hữu vi hay là vô vi? Giả sử hữu vi thì sự phát khởi sinh diệt đều là pháp hư dối. Nếu là vô vi thì xa lìa ba tướng. Vì thế cho nên, không có sự sinh khởi thì trí tuệ ấy không hợp hội, là không thật có.

Lúc này, Hiền giả Xá-lợi-phất yên lặng không

trả lời. Hiền giả Đại Mục-liên nói:

– Hiền giả Xá-lợi-phất! Hãy trả lời câu hỏi của Ly Câu Thí.

Xá-lợi-phất đáp:

– Vương nữ này không hỏi về hữu vi, hay vô vi mà lại nói về không bất khởi, thì không thể dùng lời nói để trả lời được.

Ly Câu Thí hỏi Hiền giả Đại Mục-liên:

– Đức Thế Tôn thường khen ngợi Hiền giả là thần thông đệ nhất trong hàng Trưởng lão. Vậy lúc Hiền giả hiện thần thông thì tưởng niệm về chúng sinh hay tưởng niệm nơi pháp? Nếu khi hiện thần túc mà tưởng niệm về chúng sinh thì chúng sinh hư vọng không thật, nên thần túc cũng không. Nếu tưởng niệm về nơi pháp thì pháp là không có chỗ tạo tác. Đã không có chỗ tạo tác thì là không thể thủ đắc. Mà không thể thủ đắc thì không có chỗ để tưởng.

Đại Mục-liên im lặng không đáp. Đại Ca-diếp hỏi:

– Hiền giả Đại Mục-liên! Sao không dùng lời gì để đáp lại?

Đại Mục-liên đáp:

– Chỗ hỏi của cô ta không dùng tưởng niệm, không có nói về tưởng, không tạo tác, không nhớ nghĩ. Chỉ có Như Lai và chúng Bồ-tát mới giải đáp được.

Ly Cầu Thí hỏi Hiền giả Đại Ca-diếp:

– Đức Phật khen ngợi Hiền giả là bậc tri túc đệ nhất trong hàng Trưởng lão. Nếu giả sử vì thương xót chúng sinh mà trụ trong tám môn tư nghi, thiên định Tam-muội, thì khi đi khát thực, nhận vật cúng dường, người cúng dường ấy sẽ được sinh thiên. Như vậy, Hiền giả dùng thân để báo ơn Thế Tôn hay dùng tâm để báo ơn. Giả sử dùng thân, thì thân thuộc ngoại cảnh, không thể dùng thân mà rõ việc được. Thân ví như cỏ, cây, tường, vách, ngói, đá. Vì thế cho nên không thể phân biệt rõ. Nếu như dùng tâm báo ơn thì tâm là không chỗ trụ cho nên cũng không hiểu rõ. Còn dùng cả thân và tâm thì ở bên ngoài tức không thật có, không thể dùng được.

Ca-diếp im lặng. Tu-bồ-đề hỏi:

– Hiền giả Ca-diếp! Sao không trả lời câu hỏi của vương nữ?

Ca-diếp đáp:

– Cô ấy hỏi về chỗ không có đối tượng được thọ nhận, đó là lý chân đế nên không thể dùng lời để đáp.

Ly Cầu Thí hỏi Tu-bồ-đề:

– Đức Phật khen ngợi Hiền giả là bậc hành tánh không đệ nhất trong hàng Trưởng lão, thường ở chỗ vắng vẻ. Pháp không ấy là chỗ có thể nêu bày ca ngợi là có hình thể chăng? Nếu như muốn thuyết pháp, mà pháp đó không có tướng sinh khởi, cũng

không có tướng hoại diệt. Đã không có tướng đã không khởi diệt tức là bình đẳng. Đã bình đẳng tức là an định. Đã an định tức là không căn bản. Đã không căn bản tức cũng không chỗ tạo tác. Không chỗ tạo tác tức không thể dùng lời để nói. Đã không thể dùng lời để nói tức không có tâm niệm. Không tâm niệm là không chân thật. Không sở hữu là không có thật. Mà không có thật thì chỗ nào để Hiền Thánh tán thán?

Tu-bồ-đề im lặng không đáp. Bân-nậu hỏi:

– Hiền giả Tu-bồ-đề! Sao không trả lời câu hỏi của vương nữ?

Tu-bồ-đề đáp:

– Tôi không thể trả lời câu hỏi như vậy được. Im lặng là thích hợp. Vì sao? Vì câu hỏi của vương nữ dứt hết mọi nẻo lý luận. Nếu có chỗ thuyết giảng thì rơi vào chỗ yếu kém là chấp có về pháp giới. Nếu không có ngôn thuyết là quy về nẻo không.

Ly Cầu Thí hỏi Bân-nậu:

– Đức Phật tán thán Hiền giả là người thuyết pháp đệ nhất. Vậy Hiền giả dùng nhân duyên gì để thuyết pháp? Giả sử không dùng nhân duyên thì không có sự lợi ích. Còn nếu dùng nhân duyên để thuyết pháp thì cùng với hàng phàm phu ngu si không sai khác. Vì sao? Vì hàng phàm phu ngu si cùng đồng với nhân duyên. Thế nên Hiền giả

không rời pháp của hàng phàm phu ngu si. Nếu không có nhân duyên, không có hình loại, thì thuyết pháp thế nào mà không có cảnh giới đôi đũa?

Bân-nậu im lặng. Ly-việt hỏi:

– Hiền giả! Sao không trả lời câu hỏi của vương nữ?

Bân-nậu đáp:

– Vương nữ không hỏi về việc thế đế mà lại hỏi về pháp đạt đến cứu cánh. Nhưng pháp đạt đến cứu cánh thì không thể dùng lời nói để đến được, nên cũng không thể thuyết giảng.

Ly Cầu Thí hỏi Ly-việt:

– Đức Phật ca ngợi Hiền giả là bậc hành thiên tối tôn. Vậy khi trụ nơi thiên định thì Hiền giả nương vào tâm gì? Dùng tâm hay không dùng tâm? Nếu dùng tâm thì tâm như huyền hóa, không thật có. Định - Tam-muội đó cũng là không thật có. Nếu không dùng tâm thì tất cả ngoại cảnh như nhà cửa, cung điện, cỏ cây, cành lá v.v... đều chứng đắc Tam-muội chăng? Vì sao? Vì những vật đó là vô tâm.

Ly-việt im lặng. A-na-luật hỏi:

– Hiền giả! Sao không trả lời câu hỏi của vương nữ?

Ly-việt đáp:

– Điều cô ấy hỏi thuộc về cảnh giới của Phật thì chẳng phải hàng đệ tử có thể giải đáp được.

Vương nữ Ly Cầu Thí hỏi Ly-Việt:

– Tại sao Hiền giả cho rằng pháp Thanh văn khác với pháp Như Lai? Nếu có khác nhau thì pháp vô vi sẽ sai biệt. Tất cả Hiền Thánh đều vô vi, mà vô vi là không sinh. Không sinh thì không có hai. Đã không có hai thì không có thể gọi là hai. Sao Hiền giả không nói những lời như trên mà lại im lặng không trả lời?

Ly Cầu Thí hỏi A-na-luật:

– Đức Phật khen ngợi Hiền giả là thiên nhân đệ nhất trong hàng Trưởng lão. Vậy Hiền giả dùng thiên nhân gì để thấy hay không thấy? Nếu có chỗ tức là thường còn. Nếu không có chỗ để thấy thì rơi vào đoạn diệt. Đối tượng được thấy là không hình thể thì có sai biệt sao?

A-na-luật im lặng. A-nan hỏi:

– Hiền giả! Sao không dùng lời gì để giải đáp câu hỏi của vương nữ?

A-na-luật đáp:

– Câu hỏi của cô ấy phải là bậc trí tuệ dũng mãnh thì mới trả lời được. Cho nên im lặng là thuận hợp nhất.

Ly Cầu Thí hỏi A-nan:

– Đức Phật thường ca ngợi Hiền giả là đa văn tối tôn. Vậy Hiền giả nghe rộng là nghe về nghĩa hay chỉ hướng đến việc dùng để trau chuốt ngôn từ. Nếu dùng nghĩa thì nghĩa không có lời nói. Đã

không có lời nói thì không dùng nhĩ thức để phân biệt. Tai không có chỗ nhận biết thì không phân biệt, không phân biệt thì không có lời nói. Còn nếu dùng để traу chốt ngôn từ thì nên như lời Thế Tôn dạy: “Nương vào chánh nghĩa, chớ nên chọn lấy sự traу chuốt văn tự”. Do đây, Hiền giả không nên lấy sự nghe rộng làm chính.

A-nan im lặng. Văn-thù-sư-lợi hỏi:

– Hiền giả! Sao không dùng lời gì để biện giải câu hỏi của vương nữ?

A-nan đáp:

– Cô ấy chê trách tôi về việc nghe rộng nhưng chỉ chú trọng về văn tự, nên không thể đáp được. Cô ta hỏi nghĩa cốt yếu mà nghĩa cốt yếu thì vô tâm, vô tâm thì vô xứ, hàng hữu học chúng tôi chẳng thể nghị luận được điều đó, chỉ có Pháp vương Như Lai với trí tuệ Ba-la-mật mới biện minh được.

Ly Cầu Thí hỏi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

– Đức Phật ca ngợi Nhân giả là bậc tin hiểu sâu xa vi diệu đệ nhất trong hàng Bồ-tát. Vậy Nhân giả dùng mười hai nhân duyên sâu xa làm chỗ sâu xa hay dùng sự sâu xa tự nhiên làm chỗ sâu xa? Giả sử dùng duyên khởi làm chỗ vi diệu sâu xa nhưng duyên khởi ấy thì không chỗ hành. Vì sao? Vì duyên khởi không đến không đi, chẳng phải là chỗ phân biệt, hiểu biết của nhĩ, tử, thiệt, thân, ý, thức.

Mà duyên khởi ấy cũng không tùy theo nghiệp. Còn nếu dùng sự sâu xa tự nhiên làm chỗ vi diệu thì tự nhiên tức không có tự nhiên. Đạt lý tự nhiên cũng là không có.

Văn-thù đáp:

– Bản tế thâm diệu cho nên gọi là sâu xa.

Vương nữ nói:

– Bản tế vô tế cho nên hai tuệ đó là không có tuệ.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nêu:

– Nếu không trí tuệ là điên đảo, nên về bản tế ấy chỉ giả có mà nêu bày.

Vương nữ đáp:

– Gọi là không có trí tuệ cũng là không điên đảo, phải vượt khỏi ngôn thuyết, cũng không thể thủ đắc nên không điên đảo.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

– Tôi chỉ mượn lời nói mà nêu bày, diễn đạt.

Vương nữ thưa:

– Như Lai, Bồ-tát luôn vượt khỏi ngôn thuyết nên không thể dùng lời nói mà có sự thông suốt.

Ly Cầu Thí hỏi Bồ-tát Bất Hư Kiến:

– Nhân giả hướng đến chúng sinh mà nói: Khiến cho những người trong thành, tất cả đều đạt được đạo Chánh chân vô thượng, nam nữ, lớn nhỏ, nếu ai có thể dùng mắt để thấy ánh sáng thì đều có thể thấy được giác ngộ rốt ráo của Như Lai Chánh

Giác. Vậy Như Lai là sắc thân hay là pháp thân? Nói pháp thân thì không hình tướng, nếu thấy sắc thân Như Lai thì không thấy Phật. Thế Tôn thường dạy:

*Nếu dùng sắc thấy Ta
Dùng âm thanh nghe Ta
Ngu si và tà kiến
Người ấy không thấy Phật.*

Còn dùng pháp thân, thì pháp thân là không thể thấy. Vì sao? Vì đối với pháp thân là phải xả bỏ cả phần không có chỗ tạo tác của nhãn thức. Theo việc thế tục thì càng không thể thấy được.

Bồ-tát Bất Hư Kiến im lặng. Bồ-tát Bảo Anh hỏi:

– Sao Bồ-tát không trả lời câu hỏi của cô ta?

Bồ-tát Bất Hư Kiến đáp:

– Vương nữ hỏi về pháp vượt mọi thế loại nên tôi không thể trả lời.

Wương nữ đáp:

– Tôi không hỏi về pháp có loại, cũng không hỏi về pháp không có loại.

Bồ-tát Bất Hư Kiến dùng ngôn từ tịch tĩnh, không đối đáp.

Ly Cầu Thí hỏi Bồ-tát Bảo Anh:

– Như hôm nay Nhân giả hướng đến chúng sinh phát nguyện, muốn cho các kho tàng của những nhà trong thành này đều tự nhiên hiện ra đầy đủ

các thứ vật báu. Vậy Nhân giả đem bảo vật ấy đến đây chằng? Hay đem cái gì để đến đây? Pháp nhận thấy là không có y phục, thực phẩm. Nếu dựa vào y phục, thực phẩm thì cùng với hàng phàm phu không khác, vì hàng phàm phu thường hay dựa vào y phục, thực phẩm. Còn nếu không có y phục, thực phẩm thì không dựa vào các bảo vật hiện có thuộc về thế gian.

Bồ-tát Bảo Anh im lặng.

Ly Cấu Thí hỏi Bồ-tát Khí Chư Ác Thú:

– Nhân giả hướng đến chúng sinh khởi nguyện muốn cho tất cả mọi người trong thành có phạm tội rơi vào địa ngục thì khiến họ chỉ thọ tội nhẹ ngay trong đời hiện tại cùng xả bỏ các điều ác, không thể nghĩ bàn. Nhưng Đức Phật dạy hễ người phạm tội thì phải thọ quả báo, không thể thoát được. Nếu không thể thoát được thì tại sao Nhân giả lại muốn làm cho nhẹ tội nơi những người vô trí kia. Các pháp đã vô chủ lại muốn có chủ, tự có sự tạo tác lại muốn không có sự tạo tác.

Bồ-tát Khí Chư Ác Thú đáp:

– Tôi chỉ dùng thế nguyện để làm nhẹ tội thôi.

Vương nữ nói:

– Các pháp vốn bình đẳng, không thể lập nguyện mà khiến chúng chuyển động được. Nếu tất cả mọi người đồng tâm lập nguyện: “Chúng tôi sẽ hóa độ tất cả chúng sinh đạt đến Niết-bàn”.

Nguyện đó giả sử có thể thành tựu thì sẽ tạo nên nguyện kia không thoái chuyển.

Bồ-tát Khí Chư Ác Thú im lặng, không đáp.

Ly Cầu Thí hỏi Bồ-tát Khí Chư Ám Cái:

– Nhân giả hướng đến chúng sinh với tâm nguyện khiến cho mọi người trong thành đều không có các thứ phiền não trói buộc, trừ bỏ năm thứ ngăn che. Nhân giả dùng Tam-muội của mình nhằm khiến cho chúng sinh không tăng trưởng năm ám. Ý Nhân giả thế nào? Tam-muội đó thuộc về mình hay thuộc về người khác. Nếu thuộc về mình thì tất cả các pháp đều là vô vi, cũng không hợp hội. Vì sao Nhân giả lại dùng Tam-muội khiến cho tất cả mọi người không bị tham đắm nơi năm thứ ngăn che? Còn nếu thuộc về người khác thì không thể ở nơi người khác mà tạo ân đức.

Bồ-tát Khí Chư Ám Cái đáp:

– Tôi chỉ dùng tâm từ thực hiện sự trị liệu.

Vương nữ nói:

– Tất cả chư Phật đều hành tâm từ, cũng có cõi Phật vì tất cả chúng sinh nên luôn tăng trưởng tâm từ không dứt.

Bồ-tát Khí Chư Ám Cái im lặng không đáp.

Ly Cầu Thí hỏi Bồ-tát Quang Thế Âm:

– Nhân giả hướng đến chúng sinh phát nguyện khiến cho người dân hiện ở trong thành đang bị tù tội đều được giải thoát, ai bị trói buộc thì tự nhiên

được thả, kẻ bị khùng bô thì không còn sợ hãi. Sự trị liệu này là có âm thọ hay không âm thọ. Nếu có âm thọ thì thuộc về hàng phạm phu, thế nên không thể cho là không có âm thọ? Còn nếu không có chỗ thọ thì không có đối tượng tạo tác. Đã không có đối tượng tạo tác thì không thể thành tựu được.

Bồ-tát Quang Thế Âm im lặng. Biện Tích hỏi:

– Sao Bồ-tát không trả lời câu hỏi của vương nữ?

Bồ-tát Quang Thế Âm đáp:

– Điều cô ta hỏi thuộc về chẳng khởi, chẳng diệt, nên không thể trả lời.

Vương nữ thưa:

– Sao Bồ-tát Quang Thế Âm lại nói về chẳng khởi, chẳng diệt. Tôi đâu có hỏi về điều đó.

Bồ-tát Quang Thế Âm nói:

– Chẳng khởi chẳng diệt vốn không có văn tự để nêu bày.

Vương nữ thưa:

– Không dùng văn tự để thuyết giảng là người trí. Nhân theo văn tự mà có chỗ thuyết giảng, không chấp trước nơi văn tự thì không có gì trở ngại. Không điều gì trở ngại thì chính là pháp giới, vì thế nên người hiểu rõ về pháp thì không bị nhiễm chấp.

Ly Câu Thí hỏi Bồ-tát Biện Tích:

– Nhân giả trước đây có phát nguyện: “Muốn

cho tất cả dân chúng trong thành nếu thấy được ta và kiến giải của ta, tất đạt được biện tài, khiến cho mọi sự mua vui đều chuyển thành đàm luận”. Biện tài của Nhân giả cao siêu như vậy là dùng tâm niệm gì để phát khởi, đứng ở đâu để phát sinh? Giả sử dùng tâm niệm sinh ra để phát khởi thì tất cả chúng sinh cũng phát khởi tâm niệm như vậy, cho nên không đạt đến tịch diệt. Nếu dùng đối tượng được sinh khởi để thành tựu thì chỉ là hư vọng. Còn nếu không phát khởi tâm niệm thì không có chỗ tạo tác. Không có chỗ tạo tác thì là không tịch, bất định.

Bồ-tát Biện Tích đáp:

– Đó là ý nguyện của tôi, khiến cho chúng sinh mới phát tâm dựa theo nguyện ấy, nếu có người thấy tôi thì được biện tài.

Vương nữ nói:

– Chúng sinh mới phát âm ấy có hành xử không? Nếu có tức là thường kiến, còn nếu không thì mọi chỗ hiện có không nên gọi là bậc đạo sư. Vì phải lìa các hành.

Bồ-tát Biện Tích im lặng.

Ly Cầu Thí hỏi Bồ-tát Siêu Độ Vô Hư Tích:

– Nhân giả trước đây nêu nguyện: Muốn cho dân chúng trong thành này, một khi đã nhìn thấy Nhân giả thì điều thấy đó không hư vọng, cho đến đạt được đạo Bồ đề vô thượng. Như vậy Phật đạo là có hay là không? Nếu có tức là hữu vi, nên có

thể ái nhiễm, chấp giữ. Nếu vô vi tức là không, không xét đoán, không thể thọ trì.

Bồ-tát Siêu Độ Vô Hư Tích đáp:

– Gọi là đạo tức lời dạy của bậc Thánh về trí tuệ.

Vương nữ thưa:

– Trí tuệ của bậc Thánh ấy có sự phát khởi chẳng? Sao lại hành tịch tĩnh được? Nếu có sự phát khởi thì điều đó không hợp với tư duy, sẽ là trí tuệ hữu vi. Hành trí tuệ hữu vi liền thành tối tăm, ý thức mờ mịt, có thể bị phân biệt. Nếu dùng tịch tĩnh thì không điên đảo tức không có chuyển đổi. Do không có chuyển đổi nên các Bồ-tát, Thanh văn, Duyên giác, Như Lai chánh đẳng giác không có tư tưởng. Phạm phu ngu mê tưởng về đạo cũng vậy, không gọi là người trí được.

Bồ-tát Siêu Độ Vô Hư Tích im lặng không đáp.

Ngay lúc ấy, Hiền giả Tu-bồ-đề bảo các đại Thanh văn và chư Bồ-tát nên quay về, không cần vào thành khát thực nữa. Vì sao? Vì thức ăn khát thực ấy đã được cúng dường cho chúng ta tức là sự thuyết pháp của vương nữ Ly Cấu Thí cho chúng ta nghe. Hôm nay chúng ta nên dùng pháp làm thức ăn.

Vương nữ thưa:

– Thưa Hiền giả Tu-bồ-đề! Lời nói của Hiền giả không nêu cao, không hạ thấp. Vì sao Hiền giả

lại có ý muốn trở về Tinh xá, không đi du hóa nữa. Thừa Hiền giả Tu-bồ-đề! Hạnh của Sa-môn khi rời khỏi chỗ ở là không hề phóng dật, không thích buông lung. Pháp của Sa-môn là không có chấp trước, không chấp trước thì không tức giận, hối hận. Đã không hối hận thì không có chỗ hành. Người hành theo không chỗ hành thì gọi là Hiền Thánh.

Sau đó, tám vị Thanh văn, tám vị Bồ-tát, năm trăm Phạm chí, vương nữ Ly Cầu Thí, vua Ba-tư-nặc và những vị khác đều đi đến chỗ Đức Phật, đánh lễ sát chân Ngài, nhiễu quanh Phật ba vòng rồi lui ra ngồi nơi phía trước. Vương nữ Ly Cầu Thí nhiễu quanh Phật bảy vòng, đứng trước Đức Thế Tôn dùng kệ ca tụng và thưa:

*Con xin hỏi Thế Tôn
Bậc Vô Trước, hơn hết
Thanh tịnh, không chỗ dựa
Danh xưng không thể lường.
Cứu độ các chúng sinh
Ban cam lồ an vui
Bồ-tát làm thế nào
Để thành tựu hạnh ấy?*

Lúc ấy, Ly Cầu Thí quỳ thẳng, chấp tay hỏi Thế Tôn:

– Bồ-tát làm thế nào ở nơi gốc cây chiến thắng quân ma?

Bồ-tát làm thế nào để tạo sự chấn động nơi tất cả các cõi Phật?

Bồ-tát làm thế nào chiếu ánh sáng tràn khắp vô lượng cõi Phật?

Bồ-tát làm thế nào nhận được pháp Tổng trì từ chư Phật?

Bồ-tát làm sao đạt được tâm định tĩnh, thành tựu Tam-muội?

Bồ-tát làm thế nào để thực hiện rốt ráo các hành đạt được thần túc?

Bồ-tát làm sao để thường được đoan nghiêm?

Bồ-tát làm sao để được hóa sinh?

Bồ-tát làm sao được giàu sang, phú quý?

Bồ-tát làm sao đạt được trí tuệ lớn?

Bồ-tát làm sao thường biết được túc mạng?

Bồ-tát làm sao cùng kết hợp với chư Phật?

Bồ-tát làm sao đạt được ba mươi hai tướng tốt?

Bồ-tát làm sao thành tựu tám mươi vẻ đẹp?

Bồ-tát làm sao đạt đủ được biện tài?

Bồ-tát làm sao đầy đủ phước điền?

Bồ-tát làm sao khiến quyền thuộc thường hòa thuận?

Thế nào là Bồ-tát với sở nguyện đạt đến cõi Phật theo như ý sinh?

Đức Phật dạy Ly Cấu Thí:

– Lành thay! Lành thay! Con khéo hỏi những

điều có ý nghĩa như vậy. Vì chư Đại Bồ-tát, Như Lai sẽ ban bố nhiều điều an lạc, thể hiện rõ tâm từ bi thương xót. Chư Thiên và mọi người ở mười phương hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ, Như Lai sẽ thuyết giảng.

– Cúi xin Đức Thế Tôn giảng thuyết. Chúng con rất muốn được nghe.

Vương nữ Ly Cầu Thí cùng chúng hội vâng lời Phật dạy, lắng nghe.

Đức Phật dạy Ly Cầu Thí:

– Bồ-tát có bốn pháp ở nơi gốc cây chiến thắng quân ma. Những gì là bốn?

Chưa từng tham đắm lợi dưỡng của người khác.

Thường không thích nói lời trau chuốt.

Khuyên vô số người tu căn tích đức.

Thể hiện tâm từ bi đối với chúng sinh.

Đó là bốn việc. Đức Phật bèn nói kệ:

Không ôm lòng ganh ghét

Bỏ lời thô, phù phiếm

Khuyến hóa vô số người

Tu hành các công đức.

Thường dạy cho mọi người

Tu hành tâm từ bi

Chiến thắng các ma oán

Ở đời đều tự tại.

Đức Phật dạy Ly Cầu Thí:

– Bồ-tát có bốn pháp làm chấn động tất cả cõi Phật. Những gì là bốn?

Lời nói, việc làm tương ưng để thâm nhập pháp nhãn.

Chí nguyện vững chắc đối với chánh pháp.

Khuyến hóa tất cả mọi người đều đến với đạo Chánh chân vô thượng.

Luôn ưa thích đạt trí tuệ vi diệu.

Đó là bốn việc. Đức Phật bèn nói kệ:

*Nói và làm tương ưng
Hiểu rõ nghĩa vi diệu
Ý nguyện luôn vững chắc
Thâu đạt pháp thanh tịnh.
Khuyến hóa vô số người
Đều đến đạo Vô thượng
Dùng bốn pháp như thế
Chấn động ức cõi Phật.*

Đức Phật dạy Ly Cầu Thí:

– Bồ-tát có bốn pháp chiếu sáng tràn khắp vô lượng cõi Phật. Những gì là bốn?

Thường thắp đèn sáng ở các chỗ tối tăm.

Hộ trì kinh điển vào thời mật pháp.

Đối với các nơi loạn lạc dốc sức giảng thuyết kinh, làm sáng tỏ ánh sáng của chánh pháp.

Dùng hương hoa quý báu cúng dường các chỗ thờ Phật.

Đó là bốn việc. Đức Phật bèn nói kệ:

Hay bố thí đèn sáng
 Trong sáng và thanh tịnh
 Đòi sau cùng cực tối
 Mà hộ trì kinh điển.
 Vì chúng sinh phóng dật
 Thuyết giảng các kinh pháp
 Dem bảo vật châu ngọc
 Cúng dường tháp thờ Phật.
 Bồ-tát do điều ấy
 Phóng hào quang chiếu sáng
 Tràn khắp vô ương số
 Ưc ngàn cõi chư Phật.
 Người gặp được ánh sáng
 Đều có niềm vui lớn
 Liền phát tâm nguyện cầu
 Đạo Phật Vô Thượng Tôn.

Đức Phật dạy Ly Cầu Thí:

– Bồ-tát có bốn pháp thực hành để từ nơi chư Phật sẽ nhận được các pháp Tổng trì. Những gì là bốn?

Dem các thứ cần dùng mà bố thí.

Châu báu, trang sức, thể nữ, ai xin thì cho.

Ngày đêm ân cần ca ngợi, tuyên dương công đức của Như Lai.

Đã có chôn hành hóa hướng nhiều đến Đại Bát Nhã Ba-la-mật.

Đó là bốn pháp. Đức Phật bèn nói kệ:

Dùng trí tuệ vô cùng
 Đắc các pháp Tổng trì
 Trang sức bằng anh lạc
 Thế nữ đều bố thí.
 Ca ngợi công đức Phật
 Siêng năng tinh tấn tu
 Cầu trí tuệ vô cực
 Thánh tuệ của chư Phật.
 Do phước báo như vậy
 Ở nơi pháp Tổng trì
 Thực hành càng tinh tấn
 Trăm ngàn kiếp không ngơi.
 Chư Phật nơi mười phương
 Thuyết giảng các kinh pháp
 Thấu đạt trong tâm thức
 Tất cả đều thọ trì.

Đức Phật dạy Ly Cấu Thí:

– Bồ-tát có bốn pháp để tâm định tĩnh, thành tựu các pháp Tam-muội. Những gì là bốn?

Nhàm chán các việc làm dẫn đến sinh tử.

Không thích ở tại gia, thường muốn xả bỏ.

Phụng hành tinh tấn, lìa bỏ chốn đông đúc.

Khéo thành tựu sự nghiệp cao quý.

Đó là bốn pháp. Đức Phật bèn nói kệ:

Xả bỏ, không trở lại

Tu tâm như hư không

Tinh tấn không phóng dật

*Nẻo hành được rớt ráo.
 Thông đạt bốn pháp ấy
 Tu tịch tĩnh vi diệu.
 Liền được định Tam-muội
 Thành Phật đạo chánh giác.*

Đức Phật dạy Ly Cầu Thí:

– Bồ-tát có bốn pháp thực hiện rớt ráo các hạnh, sẽ được thần túc. Những gì là bốn?

Coi nhẹ thân tâm.

Không biếng nhác.

Đối với tất cả pháp không có tham đắm chấp trước.

Quán sát bốn đại như hư không.

Đó là bốn pháp. Đức Phật bèn nói kệ:

*Thân thể coi rất nhẹ
 Tâm nhu hòa, không nhác
 Đối với tất cả pháp
 Chưa từng có tham chấp.
 Nhất tâm lập chí nguyện
 Quán sát nơi bốn đại
 Thường dùng tâm bình đẳng
 Xem như cõi hư không.
 Bốn pháp như thế này
 Nhờ vào những hành gì
 Mà được sự thông đạt
 Chứng vô lượng thần túc.
 Chỉ trong thời gian ngắn*

*Đến trăm ngàn cõi Phật
Thấy vô số Như Lai
Đều cung kính đảnh lễ.*

Đức Phật dạy Ly Cầu Thí:

– Bồ-tát có bốn pháp thường tạo nên mọi sự đoan nghiêm. Những gì là bốn?

Chưa từng sân hận, xa lìa các kiết sử trói buộc nơi sự tranh cãi lỗi lầm.

Lễ Phật, các chùa tháp, tin tưởng, điều phục thân, dốc tâm giữ gìn giới cấm trang nghiêm.

Khéo nói lời hợp ý, không dùng lời che lấp, ngăn ngại.

Cung kính Pháp sư như đối với Thế Tôn.

Đó là bốn việc. Đức Phật bèn nói kệ:

*Không sân hận với người
Nhàm chán điều uế trược
Đạo tâm rất thù thắng
Cung kính thờ kính Phật.
Tu trì các giới cấm
Khéo dùng lời với người
Bồ-tát dứt kiết sử
Kính Pháp sư như Phật.
Tu tập diệu pháp này
Tâm hoan hỷ, dững mãi
Nhờ đây được đoan nghiêm
Mọi người đều thích nhìn.*

Đức Phật dạy Ly Cầu Thí:

– Bồ-tát có bốn pháp thực hành được hóa sinh.
 Những gì là bốn?

Tạo hình tượng Phật đặt trên tòa sen.

Rải lên cúng dường Như Lai, hoặc nơi chùa tháp một cách đầy đủ, rồi dùng các loại hoa sen màu xanh, hồng, vàng, trắng, tán nhỏ như bột.

Thể hiện tâm thương xót mọi người.

Giữ gìn giới cấm. Chưa từng xét lỗi của người khác.

Đó là bốn pháp. Đức Phật bèn nói kệ:

Tạo hình tượng Phật

Ngồi nơi tòa sen

Hòa lẫn các hương

Dâng lên cúng Phật.

Không thấy lỗi người

Thương xót tất cả

Sẽ được hóa sinh

Trên tòa hoa sen.

Nhớ đến chúng sinh

Ở khắp mười phương

Ân cần khuyến hóa

Khiến họ giải thoát.

Tu tập các đức

Xưng dương các hạnh

Tất được hóa sinh

Theo Phật Thế Tôn.

Đức Phật dạy Ly Cầu Thí:

– Bồ-tát có bốn pháp thực hành để được giàu sang phú quý. Những gì là bốn?

Thường hành bố thí, cung kính, không kiêu mạn.

Dùng y phục tốt đẹp ban cho mọi người.

Dốc tâm tin tưởng, hoan hỷ, tùy hỷ.

Rời bỏ tà kiến, mê lầm.

Đó là bốn pháp. Đức Phật bèn nói kệ:

*Người có tâm bố thí
Cung kính không kiêu mạn
Tất cả những đồ vật
Chưa từng có tham đắm.
Dốc tâm tin hoan hỷ
Lời dạy của chư Phật
Nên đạt được tự tại
Lại giàu sang, phú quý.
Tâm hiện bày cung kính
Không đua nịnh, ganh ghét
Chưa từng xét lỗi người
Hành luôn được thuận hợp.
Tánh ý luôn ngay thẳng,
Nhận thức luôn đúng đắn
Thực hành được như thế
Phú quý, nhiều châu báu.*

Đức Phật dạy Ly Cầu Thí:

– Bồ-tát có bốn pháp cần thực hành để đạt trí tuệ lớn. Những gì là bốn?

Chưa từng quá yêu chấp hay ghét bỏ đối với kinh điển.

Nếu có do dự thì liền giải tỏa mọi nghi ngờ.

Nếu người tu hành còn phân biệt thì giải thích để họ hiểu rõ về pháp không.

Bản thân luôn tuân hành các hạnh.

Đó là bốn pháp. Đức Phật bèn nói kệ:

Không thích, ghét pháp người

Quyết định không do dự

Dạy dỗ, khuyến hóa người

Tư duy các pháp không.

Thực hành hạnh chư Phật

Người tu tập pháp này

Được trí tuệ rất lớn

Danh xưng hiện cùng khắp.

Do tuân theo lời Phật

Nghĩa cú được thông suốt

Thành tựu pháp tịch tĩnh.

Đức Phật dạy Ly Cầu Thí:

– Bồ-tát có bốn pháp cần thực hành để luôn nhận biết về túc mạng. Những gì là bốn?

Đọc tụng kinh điển, thường hành tinh tấn.

Người nào tu tập mà hay quên, Bồ-tát tụng đọc thông suốt, nhớ rõ về câu nghĩa, phân biệt đầy đủ, tâm miệng tương ưng, dùng lời nhu hòa thuyết giảng cho mọi người. Lập vô lượng hạnh nguyện, thể hiện tâm thương xót để nêu bày chánh pháp.

Hộ trì chúng sinh bị khổ não nơi sinh tử, ca ngợi Niết-bàn an lạc.

Dùng phương tiện để giúp người hiểu rõ và hành trì Tam-muội.

Đó là bốn pháp. Đức Phật bèn nói kệ:

*Nhớ đọc tụng kinh điển
Ý vui làm pháp không
Tu hành chưa từng chán
Chuyên định, không vọng tưởng.
Thực hành bốn pháp này
Chứng túc mạng cao vời
Ngàn kiếp không thể bàn
Mau thành bậc Đạo sư.*

Đức Phật dạy Ly Cầu Thí:

– Bồ-tát có bốn pháp cần thực hành để luôn kết hợp với chư Phật. Những gì là bốn?

Thà mất mạng, không phỉ báng kinh điển.

Trọn đời không phỉ báng hạnh Bồ-tát.

Chưa từng kết bạn xấu, dù có bị hại.

Nhớ nghĩ đến chư Phật, thực hành thiền định.

Đó là bốn pháp. Đức Phật bèn nói kệ:

*Chưa từng phỉ báng kinh điển Phật
Cũng không chê cười chư Bồ-tát
Lìa bỏ bạn bè tính tình xấu
Luôn nhớ nghĩ về hạnh nguyện Phật.
Tu tập đạo đức Thánh pháp này
Sẽ được kết hợp với Như Lai*

*Mọi nẻo thấy, nhận rất thù thắng
Cho đến thành tựu đạo Vô thượng.*

Đức Phật dạy Ly Cầu Thí:

– Bồ-tát có bốn pháp nên hành trì để đạt được ba mươi hai tướng tốt. Những gì là bốn?

Đem châu báu của mình dâng cúng nơi chùa tháp thờ Như Lai.

Dùng các loại hương hòa hợp thành một thứ hương rồi xông ướp để cúng dường Như Lai.

Dùng đèn và các loại hoa dâng cúng.

Cung kính và thực hành theo lời dạy của các bậc Hiền Thánh.

Đó là bốn pháp. Đức Phật bèn nói kệ:

*Ngọc kỳ báu lạ dâng cúng Phật
Xông ướp hương thơm, đốt đèn sáng
Muôn ngàn hương hoa dâng cúng dường
Với tâm hoan hỷ, không thất lễ.
Thân được đầy đủ ba hai tướng
Đức hạnh đoan nghiêm khó ai bì
Thực hành pháp ấy, thành tựu tướng
Thành bậc tối thắng Nhân Trung Tôn.*

Đức Phật dạy Ly Cầu Thí:

– Bồ-tát có bốn pháp cần hành trì để thành tựu tám mươi vẻ đẹp. Những gì là bốn pháp?

Thường trải vô số tòa ngồi cho Pháp sư.

Cúng dường người khác một cách khiêm tốn, không nhàm chán.

Hay đi đây đó để diện kiến Pháp sư.
 Khuyến hóa chúng sinh vào Phật đạo.
 Đó là bốn pháp. Đức Phật bèn nói kệ:

*Vô số y phục trải pháp tòa
 Phụng sự mọi người chưa từng nhác
 Vì các chúng sinh, thường kính pháp
 Tám mươi tướng đẹp, nhờ đây thành
 Khuyến hóa mọi người, vào Phật tuệ
 Hành đúng pháp ấy, đạo không khó
 Bồ-tát tu tập công đức này
 Tám mươi tướng đẹp, nhờ đó đạt.*

Đức Phật dạy Ly Cấu Thí:

– Bồ-tát có bốn pháp phải hành trì để đạt được
 biện tài. Những gì là bốn pháp?

Hộ trì pháp tạng vi diệu của Bồ-tát.

Tụng tập các kinh điển, ngày đêm ba thời, suy
 nghĩ về đạo giác ngộ.

Tất cả thế gian đều tin tưởng nơi đạo của chư
 Phật bất khởi, bất diệt.

Giữ gìn nơi mọi sự hành hóa quán xét thuyết
 giảng không tiếc thân mạng.

Đó là bốn pháp. Đức Phật bèn nói kệ:

*Cẩn thận hộ trì tạng Bồ-tát
 Ngày đêm phụng hành ba pháp phẩm
 Đắc pháp vô sinh, không tham đời
 Mở cửa giải thoát theo lời Phật.
 Hoan hỷ an vui, thuận hóa đạo*

*Giữ gìn lời dạy ở mười phương
 Chưa từng yêu tiếc mạng sống mình
 Quán sát pháp Phật để thực hành.
 Phụng trì tu tập bốn đức này
 Nhân đầy đạt được đủ biện tài
 Phụng sự thế gian cả trời người
 Lại được nhiều hoa trang sức đẹp.*

Đức Phật dạy Ly Cầu Thí:

– Bồ-tát có bốn pháp nên hành trì để đến được cõi Phật. Những gì là bốn pháp?

Không ôm lòng phân biệt.

Tâm ý thường bình đẳng.

Hành theo Phật đạo.

Tạo sự thuận hợp nơi bốn chúng đệ tử.

Đó là bốn pháp. Đức Phật bèn nói kệ:

*Thấy nghe người khác được cúng dường
 Chưa từng ganh ghét đối với người
 Từ bi bình đẳng, tâm vô ngã
 Xa lìa loạn động, an trú không.
 Hành bốn pháp ấy không thể lường
 Lại luôn hộ trì tâm từ lớn
 Về cõi thanh tịnh diệu trang nghiêm
 Mau chóng thành tựu Vô thượng giác.*

Đức Phật dạy Ly Cầu Thí:

– Bồ-tát có bốn pháp luôn thực hành khiến cho quyền thuộc thường hòa thuận. Những gì là bốn pháp?

Chưa bao giờ phá hoại quyền thuộc người khác.

Nếu có ai tranh cãi thì khuyên họ hòa hợp.

Đọc tụng kinh luật, mở bày đạo pháp cho người.

Xả bỏ lời nói hai lưỡi, ca ngợi người nói lời từ hòa, thuận hợp.

Đó là bốn pháp. Đức Phật bèn nói kệ:

*Chưa từng phá hoại quyền thuộc người
 Nếu ai tranh chấp, khuyên hòa thuận
 Đọc tụng kinh pháp, vì người thuyết
 Không nói hai lưỡi, loạn ý người.
 Thực hành, phụng sự bốn pháp ấy
 Quyền thuộc thuận hòa, không ly tán
 Do đây đại chúng được thanh tịnh
 Nhờ bốn pháp này nên đầy đủ.*

Đức Phật dạy Ly Cầu Thí:

– Bồ-tát có bốn pháp cần hành trì để được sinh vào cõi Phật như ý nguyện. Những gì là bốn pháp?

Nếu thấy người khác thành tựu trí tuệ, không hề ganh ghét.

Thường tu tập sáu pháp Ba-la-mật, thấy chư Bồ-tát như thấy Phật.

Phát tâm Bồ-tát dốc đạt đến quả vị giác ngộ, giữ tâm bình đẳng, không đua nịnh.

Chưa từng cầu đức ở nơi hư dối, nên có thể đạt được lợi ích của sự cúng dường.

Đó là bốn pháp. Đức Phật bèn nói kệ:

*Thấy được cúng dường không ganh ghét
Cung kính, thanh tịnh Ba-la-mật
Thấy chư Bồ-tát như thấy Phật
Không vì lợi dưỡng, tâm đua nịnh.
Bồ-tát tu tập công đức ấy
Thì được thấy Phật nơi mười phương
Thuận theo sở nguyện thấy cõi Phật
Tâm niệm như vậy, được vãng sinh.*

Bấy giờ, vương nữ Ly Cầu Thí, kính cẩn bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Vừa rồi, những lời của Thế Tôn giảng dạy, nếu thân con không phụng trì các pháp ấy mà có điều hủy báng hoặc thiếu sót thì đây là chống trái, là lừa dối chư Phật nơi mười phương.

Hiền giả Đại Mục-kiền-liên hỏi vương nữ Ly Cầu Thí:

– Điều này là hết sức sâu xa vi diệu cô chớ xem thường. Đạo pháp vốn huyền diệu, cô chưa thể thấu rõ. Hạnh của chư Bồ-tát rất khó thực hiện, khó thành tựu trọn vẹn. Thân nữ nhân sao mau đạt được đạo Chánh chân vô thượng thành Tối Chánh Giác được?

Wương nữ Ly Cầu Thí đáp:

– Thừa Hiền giả! Đến đời vị lai tôi sẽ thành tựu đạo quả Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô

Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, hiệu Phật Thế Tôn. Nếu lời nói của tôi thành thật, không hư dối thì ba ngàn đại thiên thế giới sẽ hiện đủ sáu cách chấn động, nhưng không làm cho chúng sinh sợ hãi, trời mưa đủ loại hoa, nhạc khí không đánh tự vang lên, tôi chuyển thân nữ thành đồng tử tám tuổi.

Vương nữ Ly Cầu Thí vừa phát nguyện xong, ngay lúc đó ba ngàn đại thiên thế giới chấn động đủ sáu cách, nhạc khí không đánh tự vang lên, trời tuôn mưa hoa, thân nữ của Ly Cầu Thí biến thành đồng tử tám tuổi.

Khi ấy Hiền giả Đại Mục-kiền-liên liền rời khỏi chỗ ngồi, sửa y phục ngay ngắn, gối phải quì sát đất, chấp tay bạch Phật.

– Kính bạch Thiên Trung Thiên! Từ nay về sau con xin luôn khiêm cung hết lòng quy kính, đành lễ chư Đại Bồ-tát và các Bồ-tát mới phát tâm cho đến khi thành tựu Phật đạo. Vì sao? Vì cô bé này hiện tại đã có thể phát tâm đến với đạo pháp, đầy đủ oai thần biến hóa vô cùng tôn quý, vi diệu. Từ khi lập chí nguyện đến khi thành tựu tất cả đều hiện rõ sự ứng hợp nơi chân đế, nên đầy đủ quả vị đúng như lời nói.

Đức Phật dạy:

– Đúng vậy Mục-kiền-liên! Đúng như lời ông nói. Vì từ lúc mới phát tâm tu hạnh Bồ-tát cho đến

khi ngồi nơi gốc cây thành Phật, Ta là bậc thầy của hàng trời, người trong thế gian, luôn vượt hơn cả các Thanh văn và Duyên giác.

Khi ấy, Đức Phật mỉm cười. Theo pháp của chư Phật thì khi Như Lai mỉm cười có hào quang năm màu sắc từ miệng phóng ra chiếu sáng khắp mười phương thế giới, lên đến cõi trời Ba Mươi Ba, rồi lại biến thành ba vòng nhiễu quanh chỗ ngồi rồi nhập vào đỉnh đầu Ngài.

Hiền giả A-nan liền rời khỏi tòa ngồi, sửa y phục, chấp tay bạch Phật, dùng kệ ca ngợi:

*Âm thanh như Đại phạm
Chư Thiên, rông, quỷ thần
Tha thiết như chim loan
Vi diệu và hòa nhã.
Sấm chớp, mưa, vang động
Làm vui lòng mọi người
Nếu khi Phật mỉm cười
Hiện bày nhiều an lạc.
Nguyện đáng biển đức lớn
Nhân gì mà mỉm cười?
Cúi xin phân biệt thuyết
Để người nghi được hiểu.
Trời chấn động sáu cách
Ánh sáng chiếu khắp nơi
Mưa hoa rất mềm mại
Roi khắp cõi trời, người.
Giáo hóa hàng đệ học*

Như tiếng sư tử gầm
Xin vì con giải thích
Vì sao Phật mỉm cười?
Nhật nguyệt đủ ngàn ức
Ánh sáng châu ngọc chớp
Ánh sáng trời, rông, thần
Oai đức Phạm Thiên vương.
Khi hào quang Phật khởi
Thanh tịnh không cấu uế
Mười phương bị che lấp
Hào quang Phật hiển hiện.
Lông trắng giữa chạng mây
Tinh khiết như ngọc tuyết
Mềm mại như y đẹp
Trong sáng như chân châu.
Ánh sáng như hơi mây
Chiếu trăm ngàn cõi Phật
Đáng mọi người kính ngưỡng
Nguyện nói sao mỉm cười.
Tâm ý được an định
Đáng thương xót mọi người
Màu nhiệm vượt sắc nhũ
Như núi Tuyết xa hiện.
Xanh, vàng, đỏ, trắng, đen
Lại như màu sắc hồng
Có muôn ngàn ánh sáng
Nơi miệng Phật phát ra.
Biển chiếu ba ngàn cõi

*Che lấp vầng nhật nguyệt
 Cho đến cõi hư không
 Chiếu tắt cả chúng sinh.
 Làm lửa tắt, cạn nước
 Biển lớn đều khô kiệt
 Phật dạy lời chân thật
 Chưa từng có sai trái.
 Nếu người ở mười phương
 đều thành bậc Duyên giác
 Với đầy đủ trí tuệ
 Thọ trăm ức muôn kiếp.
 Đều ở trước Thế Tôn
 Nhất thời xin hỏi nghĩa
 Phật đều bình đẳng đáp
 Một lời tắt hết nghi.
 Trí tuệ vượt vô cùng
 Diệt tan điều không hiểu
 Đại phước oai đức thuyết
 Đủ ba mươi hai tướng.
 Do nhân gì Phật cười
 Nên trí tuệ gì thế?
 Chư Thiên và loài người
 Nghe lời dạy hòa dịu.*

Đức Phật dạy Hiền giả A-nan:

– Ông có thấy vương nữ Ly Cầu Thí cầu Phật đạo, lập chí nguyện thành thật khiến ba ngàn đại thiên thế giới chân động đủ sáu cách và biến thành đồng tử không?

Hiền giả A-nan bạch Thế Tôn:

– Con đã thấy.

Đức Phật dạy:

– BỒ-tát Ly Cầu Thí này từ lúc phát tâm cầu đạo quả Chánh chân vô thượng đến nay đã tám mươi trăm ngàn a-tăng-kỳ kiếp, sau đó, Văn-thù-sư-lợi mới phát tâm Bồ-đề. Khi cô ta thành Phật, tiếp đến là Văn-thù-sư-lợi và bốn mươi tám vạn BỒ-tát. Cõi Phật thanh tịnh đều là một cõi.

Lúc đó, Hiền giả Mục-kiền-liên hỏi Ly Cầu Thí:

– Cô vì chúng sinh kiến lập trí tuệ, phát tâm cầu đạo quả Chánh chân vô thượng đến nay đã lâu vì sao không chuyển thân nữ?

Ly Cầu Thí đáp:

– Đức Thế Tôn khen ngợi Hiền giả là thần thông bậc nhất, vậy sao Hiền giả không chuyển thân nam?

Hiền giả Mục-kiền-liên im lặng, Ly Cầu Thí tiếp:

– Không dựa nơi thân nữ và hình tướng nam để thành tựu đạo quả Chánh giác. Vì sao? Vì đạo không có chỗ dấy khởi nên không có chủ thể thành tựu Vô thượng Chánh giác.

BỒ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! BỒ-tát Ly Cầu Thí đã vào sâu nơi giáo pháp vô cùng sâu xa vi diệu như vậy.

Đức Phật dạy:

– Bồ-tát Ly Cầu Thí từ mười sáu ức chư Phật, Thế Tôn đã thực hành các pháp Tam-muội không; từ tám mươi ức chư Phật, thọ trì phụng hành pháp nhẫn bất khởi; từ ba mươi ức chư Phật đã hỏi về đạo phẩm thâm diệu của Bồ-tát, cúng dường âm thực, y phục, bình bát, phụng sự tám mươi ức Phật, rất là trọn vẹn, luôn hiểu rõ, không nghi ngờ, giáo hóa dẫn dắt cho tất cả, tham vấn và hành trì về định Tam-muội.

Này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào thọ trì kinh pháp này, lại vì người khác phân biệt, giải thích rộng nghĩa thì công đức là vô lượng. Giả sử có người dùng bảy báu cúng dường hằng hà sa côi Phật, nhưng không bằng thọ trì, tụng đọc kinh này. Thọ trì, tụng đọc kinh này thì phước đức hơn phước đức bố thí kia, không thể lường. Chư Đại Bồ-tát do phước báo ấy nên mọi thứ âm thực đều được thành tựu.

Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Kinh này gọi là gì và phụng hành như thế nào?

Đức Phật dạy:

– Kinh này gọi là: “*Ly Cầu Thí Hỏi Về Phân Biệt Biệt Tà Đạt Thấu Tất Cả*”. Nên theo đây mà phụng hành.

Khi Đức Phật thuyết giảng kinh này, tâm của

tám mươi ức trời, người đều hiểu rõ ráo về đạo Chánh chân vô thượng.

Lúc ấy, BỒ-tát Biện Tích bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! BỒ-tát Ly Cấu Thí bao lâu nữa sẽ thành tựu đạo quả Chánh chân vô thượng, là bậc Tối Chánh Giác.

Đức Phật dạy:

– Vì thương xót chúng sinh, BỒ-tát Ly Cấu Thí phải trải qua hằng hà sa trăm ngàn A-tăng-kỳ kiếp sẽ thành Phật đạo, hiệu là Ly Cấu Quang Anh Vương, đầy đủ mười tôn hiệu: Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thế, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, Phật - Thế Tôn. Kiếp tên là Vô Lượng Đức. Chỗ ở, y phục, ẩm thực của chư Thanh văn, BỒ-tát đều giống như chư Thiên.

BỒ-tát Ly Cấu Thí nghe Đức Phật thọ ký nên vui mừng, bay vút lên không trung, cách mặt đất tám mươi ức bảy thước, thân phóng hào quang chiếu đến trăm ngàn ức cõi của chư Phật. Ngay phía trên Đức Thế Tôn hóa hiện ra tám vạn bốn ngàn lọng báu cúng dường Phật. Nơi hư không lại thị hiện vô số thân tức biến hóa, đánh lễ vô lượng chư Phật khắp mười phương. Cúng dường xong, rồi trở về chỗ cũ, đứng trước Đức Thế Tôn.

Bấy giờ, Phạm thiên, Phạm chí và năm trăm chúng nghe Đức Phật thọ ký cho BỒ-tát Ly Cấu Thí

và thấy sự biến hóa của Bồ-tát Ly Cầu Thí nên cùng sinh tâm hoan hỷ vui mừng, đồng thanh nói kệ ca ngợi Phật:

*Người phụng sự kính Phật
Được phước lợi rất lớn
Đánh lễ đáng Chánh giác
Liên đạt pháp bình đẳng.
Xưa tạo ít tội lỗi
Nay sinh nhà Phạm chí
Thấy đệ tử Thế Tôn
Giảng nói pháp, không hiểu.
Nay tự thấy hối hận
Ngồi nói những lời này
Thấy các đệ tử Phật
Nói không thuận nghĩa lý.
Nếu không thấy Thế Tôn
Tối tôn trong trời, người
Được thân người vô ích
Không đáng thọ ẩm thực.
Nhờ Ly Cầu Thí biết
Chúng tôi thờ hư vọng
Nên thấy đệ tử Phật
Bèn cung kính đánh lễ.
Khéo vì chúng tôi thuyết
Tôi vừa mới sinh ra
Được thấy đáng Đạo sư
Nghe rõ danh hiệu Phật.
Ca ngợi công đức Thánh*

Chánh chân không hư vọng
Chúng tôi nghe tất cả
Đem tâm nguyện cầu đạo.
Chúng tôi còn chút phước
Được nghe âm thanh Phật
Lại đến chỗ Đạo sư
Nghe giải nghĩa kinh điển.
Đánh lễ đáng Thế Tôn
Nghe giáo pháp tối thượng
Được thấy đáng Đạo sư
Giải thoát các khổ não.
Hộ đời nhiều an lạc
Pháp này được Phật thuyết
Chúng con sẽ được học
Thành tựu pháp chư Phật.
Nghe hành nơi chánh đạo
Nhờ đó đến pháp Phật
Dùng lòng thương xót con
Tuyên dương hạnh chân đế.
Thuyết giảng cửa đạo pháp
Chỗ Bồ-tát phụng trì
Thực hành tâm bình đẳng
Thành Thế Tôn Đạo sư.
Đấy là hạnh bình đẳng
Phật tức thời mỉm cười
A-nan thưa Thế Tôn
Xin Phật thuyết cho con.
Năm trăm vị Phạm chí

Đang đứng ở phía trước
 Sẽ cùng trong một kiếp
 Được thành Phật Thế Tôn
 Đời trước đã từng nguyện
 Cúng dường năm trăm Phật
 Hết thọ mạng này rồi
 Sẽ thấy được ỨC PHẬT.
 Nơi tám mươi ỨC KIẾP
 Chưa từng làm điều ác
 Trong mỗi mỗi một kiếp
 Sẽ thấy được ỨC PHẬT.
 Rồi trong một kiếp khác
 Thành bậc Lương Túc Tôn
 Hiệu gọi là Phạm chí
 Đều đồng trong một kiếp.
 Thọ mạng cũng giống nhau
 Mỗi tám mươi ỨC KIẾP
 Thánh chúng cũng đồng, bằng
 Tỳ-kheo tám mươi ỨC.
 Lợi ích cho quần sinh
 Khai hóa vô số người
 Những nơi vị ấy qua
 Tịch nhiên, đạt giải thoát.

Khi Phật thuyết giảng như vậy, Bồ-tát Ly Cầu
 Thí và các chúng Bồ-tát trong đại hội, Phạm thiên,
 Phạm chí năm trăm vị, vua Ba-tư-nặc, các Tỳ-
 kheo, các chúng trời, rồng, Kiên-đạp-hòa, A-tu-la,
 dân chúng, nghe kinh rồi đều hoan hỷ làm lễ, lui

ra.



SỐ 339

KINH ĐẮC VÔ CẦU THÍ NỮ

*Hán Dịch: Đời Nguyên Ngụy, Đại sư
Cù Đàm Bát Nhã Lưu Chi.*

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Thế Tôn cùng với chúng Đại Tỳ-kheo gồm một ngàn hai trăm năm mươi vị trú ở khu lâm viên Kỳ Đà - Cấp Cô Độc, thuộc thành Xá-bà-đề. Các vị Tỳ-kheo này đều là bậc A-la-hán, các lậu hoặc đã dứt hết, không còn phiền não, đạt được tự tại, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, là bậc rộng lớn trong loài người, làm điều đáng làm, những điều cần làm đã làm xong, xa lìa các gánh nặng, đã được lợi mình, dứt các kiết sử, khéo được chánh trí, tâm giải thoát tất cả, đạt đến bờ bên kia, chỉ trừ một vị là Tôn giả A-nan còn ở hành Hữu học. Ngoài các vị Đại A-la-hán còn có mười ngàn vị Đại Bồ-tát, đều là bậc không thoái chuyển, chỉ còn một lần sinh, tên của các vị ấy là: Bồ-tát Bảo Minh, Bồ-tát Tụ, Bồ-tát Thắng Tạng, Bồ-tát Danh Xưng Ý, Bồ-tát Biện Tụ, Bồ-tát Quán Thế Tự Tại, Bồ-tát Đắc Đại Thế, Bồ-tát Di-lặc, Bồ-tát Đắc Vô Ưu, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, Bồ-tát Bất Mê Hành,

Bồ-tát Bất Mê Kiến, Bồ-tát Trừ Ác, Bồ-tát Hoại Nhất Thiết Bi Ám, Bồ-tát Công Đức Bảo Hoa Trang Nghiêm, Bồ-tát Kim Anh Quang Đức, Bồ-tát Chương Nhất Thiết Tội, Bồ-tát Bất Hoại Tư Duy. Mười ngàn vị Bồ-tát đều là hàng thượng thủ như vậy.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, Tôn giả Ma-ha Ca-diếp, Tôn giả Tu-bồ-đề, Tôn giả Phú-lâu-na Di-đa-la-ni-tử, Tôn giả Ly-bà-đa, Tôn giả A-nê-lâu-đại, Tôn giả A-nan-đà, tám vị Đại Thanh văn như vậy, cùng với các vị: Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, Bồ-tát Trừ Ác, Bồ-tát Bảo Tràng, Bồ-tát Bất Mê Kiến, Bồ-tát Chương Nhất Thiết Tội, Bồ-tát Quán Thế Tự Tại, Bồ-tát Biện Tu, Bồ-tát Bất Mê Hành, tất cả chư vị vào lúc sáng sớm, đắp y, cầm bát, mặc ca-sa muốn vào thành Xá-bà-đề khát thực. Chưa đến thành, vào khoảng giữa đường, các vị cùng nói:

– Tâm chúng ta an trú nơi pháp Tam-muội Như sắc, vào đại thành Xá-bà-đề khát thực. Khi vào thành như vậy, nguyện cho tất cả dân chúng đều được nghe Thánh đế.

Tôn giả Xá-lợi-phất:

– Tâm tôi an trú nơi Tam-muội Như sắc, vào đại thành Xá-bà-đề khát thực. Nếu vào thành như vậy thì nguyện cho tất cả dân chúng ở trong Thánh đế được tuệ vô ngại, được tuệ mạng không bị hủy

hoại, trí tuệ ấy không mờ ám.

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên:

– Tâm tôi an trú nơi Tam-muội Như sắc, vào đại thành Xá-bà-đề khát thực. Nếu vào thành như vậy thì nguyện cho tất cả dân chúng không có ma nghiệp.

Tôn giả Đại Ca-diếp:

– Tâm tôi an trú nơi Tam-muội Như sắc, vào đại thành Xá-bà-đề khát thực. Nếu vào thành như vậy thì nguyện cho tất cả nam nữ cùng dường thức ăn cho tôi đều được phước báo vô tận, cho đến đạt tới Niết-bàn.

Tôn giả Tu-bồ-đề:

– Tâm tôi an trú nơi Tam-muội Như sắc, vào đại thành Xá-bà-đề khát thực. Nếu vào thành như vậy thì nguyện cho tất cả dân chúng chúng đắc tánh không.

Tôn giả Phú-lâu-na Di-đa-la-ni-tử:

– Tâm tôi an trú nơi Tam-muội Như sắc, vào đại thành Xá-bà-đề khát thực. Nếu vào thành như vậy thì nguyện cho tất cả dân chúng đều đạt được Tam-muội.

Tôn giả Ly-bà-đa:

– Tâm tôi an trú nơi Tam-muội Như sắc, vào đại thành Xá-bà-đề khát thực. Nếu vào thành như vậy thì nguyện cho tất cả ngoại đạo, Giá-la-ca-bà-ly-bà-la-xà-ca-ni, Kiền-đà-a-kỳ-tỳ-ca, Bà-la-môn,

cư sĩ đều không còn ác kiến.

Tôn giả A-nê-lâu-đại:

– Tâm tôi an trú nơi Tam-muội Như sắc, vào đại thành Xá-bà-đề khát thực. Nếu vào thành như vậy thì nguyện cho tất cả dân chúng không ganh ghét nhau.

Tôn giả A-nan-đà:

– Tâm tôi an trú nơi Tam-muội Như sắc, vào đại thành Xá-bà-đề khát thực. Nếu vào thành như vậy thì nguyện cho tất cả dân chúng nghe pháp liền được giải thoát.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

– Tâm tôi an trú quán sát đúng như sắc, nếu vào thành Xá-bà-đề khát thực như vậy thì nguyện cho mọi thứ nhà cửa, tường vách, đồ dùng đều đầy đủ trang nghiêm, cây lá, hoa quả, y phục v.v... đều phát ra âm thanh nói về pháp không, vô tướng, vô nguyện, nói về pháp bất sinh, vô ngã.

Bồ-tát Trừ Ác:

– Tâm tôi an trú quán sát đúng như sắc, nếu vào thành Xá-bà-đề khát thực như vậy thì nguyện cho các chúng sinh nếu có tạo hành nghiệp ác, đáng thọ quả báo thì khiến cho họ thấy được chánh pháp, đời hiện tại tội sẽ được nhẹ.

Bồ-tát Bảo Tràng:

– Tâm tôi an trú quán sát đúng như sắc, nếu vào thành Xá-bà-đề khát thực như vậy thì nguyện cho

tất cả kho báu đều mở rộng, đầy đủ.

Bồ-tát Bất Mê Kiến:

– Tâm tôi an trú quán sát đúng như sắc, nếu vào thành Xá-bà-đề khát thực như vậy thì nguyện cho những chúng sinh nào gắng nhận lãnh Bồ-đề, nam nữ dùng mắt thấy tôi thì đều thấy thân tôi như sắc thân Phật, nhất định sẽ đạt được đạo quả Vô thượng Chánh đẳng giác.

Bồ-tát Chương Nhất Thiết Tội:

– Tâm tôi an trú quán sát đúng như sắc, nếu vào thành Xá-bà-đề khát thực như vậy thì nguyện cho tất cả dân chúng không bị năm thứ ngăn che làm chướng ngại.

Bồ-tát Quán Thế Tự Tại:

– Tâm tôi an trú quán sát đúng như sắc, nếu vào thành Xá-bà-đề khát thực như vậy thì nguyện cho những chúng sinh nào bị tù tội, trói buộc, sắp chết, đều được giải thoát, không còn sợ hãi.

Bồ-tát Biện Tu:

– Tâm tôi an trú quán sát đúng như sắc, nếu vào thành Xá-bà-đề khát thực như vậy thì nguyện cho tất cả dân chúng nào có tâm xấu ác, tôi dùng âm thanh ca ngợi tâm từ để họ thay đổi và đạt được biện tài.

Bồ-tát Bất Mê Hành:

– Tâm tôi an trú quán sát đúng như sắc, nếu vào thành Xá-bà-đề khát thực như vậy thì nguyện cho

chúng sinh nào dùng mắt thấy tôi thì tất cả không bị thoái chuyển nơi đạo quả Vô thượng Chánh đẳng giác.

Chư Bồ-tát và các Đại Thanh văn ấy đều y theo pháp như thế mà thực hành. Các vị tiến vào thành Xá-bà-đề để khát thực.

Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc, quốc vương của nước Kiền-tát-la có một công chúa tên Đắc Vô Cấu, đã từng thân cận với vô lượng chư Phật, trồng nhiều thiện căn, cúng dường nhiều Đức Phật, thông rõ nhiều pháp sâu xa, chứng đắc năm thông, dùng thiên nhãn thấy xa, thanh tịnh hơn người. Các vị Bồ-tát và đại Thanh văn kia ở giữa đường bàn luận, cô đều nghe được.

Vương nữ kia diện mạo đoan chánh, thù mỹ, xinh đẹp, lời nói luôn dịu dàng được cha mẹ yêu quý, tất cả thể nữ, dân chúng đều ưa thích nhìn vương nữ. Công chúa chỉ mới mười hai tuổi. Vào ngày mồng tám tháng hai là ngày sao Phất-sa xuất hiện, vương nữ muốn du hành để cầu sự an lành, cha mẹ cô bằng lòng, liền cho năm trăm Bà-la-môn đem theo bơ, sữa, hoa quả cùng nhau xuất hành.

Vì muốn giải bày, tâu rõ nên các Bà-la-môn kia thấy chư Bồ-tát và các Đại Thanh văn, bèn đứng lại suy nghĩ: “Nay chúng ta lại thấy những người có tướng hảo an lành này”.

Khi ấy, trong các Bà-la-môn theo hầu, có một

vị Bà-la-môn lớn tuổi tên là Phạm Thiên, thưa với vương nữ Đắc Vô Cầu:

– Công chúa nên biết! Chúng ta đã gặp điều không may rồi, vì phía trước có các Tỳ-kheo đang đứng như thế thì nên quay về thành thôi. Thấy sự việc như vậy thì làm gì cũng không thuận hợp.

Do nhân duyên này, ông ta hoặc giải thích, hoặc tâu bày nào là không may, nào là không thành. Tức thì vương nữ Đắc Vô Cầu dùng kệ trả lời Bà-la-môn Phạm Thiên:

*Các vị không chướng ngại
 Đầy lui nhiều kẻ xấu
 Thanh tịnh, thấy Tứ đế
 Chánh niệm, tin giải thoát.
 Ruộng phước: Lương túc tôn
 Cúng dường, được sinh thiên
 Và quả báo an lạc
 Người cúng không gặp xấu.
 Người trì giới đệ nhất
 Là uế, không tâm ác
 Trị bệnh khắp thế gian
 Cứu chúng sinh đau khổ.
 Thế gian Phật tối thắng
 Đáng Pháp Chủ đệ nhất
 Chúng đây đệ tử Phật
 Không phiền não cầu nhiễm.
 Chư Đại Bồ-tát đây
 Là xa những pháp gì?*

*Pháp ác đều xa lìa
 Thường thận trọng không phạm.
 Hơn thế gian trì giới
 Ai thấy người tướng hảo
 Nên đủ cách cúng dường
 Được pháp tài như ý.
 Những vị này đủ tướng
 Tâm tịnh, ruộng phước lành
 Bà-la-môn nên tin
 Làm người được nhiều phước.*

Bà-la-môn Phạm Thiên vì vương nữ Đắc Vô Cầu nói kệ:

*Chớ theo tâm mờ tối
 Nên nhìn các Tỳ-kheo
 Đắp y và cạo tóc
 Cầu điềm lành không thấy.
 Vua cha không vui lòng
 Tôi lại bị chê cười
 Chẳng thể giữ trai giới
 Xin đừng nhìn Tỳ-kheo
 Nếu không thấy Tỳ-kheo
 Thì được điềm lành lớn.*

Vương nữ Đắc Vô Cầu vì Bà-la-môn Phạm Thiên nói kệ:

*Không phải chỉ ngày nay
 Mới cứu cha mẹ ta
 Chẳng thân tộc, tiền tài*

*Lại chẳng phải của báu.
 Công đức những vị này
 Ở nơi hạnh hữu vi
 Những vị này cứu ta
 Cùng với cha mẹ ta.
 Chính vào ngày hôm nay
 Ta xả bỏ thân mạng
 Vẫn yêu kính pháp Phật
 Không tham của thế gian.
 Không quy y kẻ khác
 Thường cứu độ chúng sinh
 Chỉ có Phật, Pháp, Tăng
 Tam bảo là cứu hộ.*

Bà-la-môn Phạm Thiên thưa với vương nữ Đắc Vô Cầu:

– Không phải vậy công chúa! Công chúa từ trước đến nay chưa từng thấy Phật, chưa từng nghe Pháp, chưa cúng dường Tăng, vậy cô nghe ở chỗ nào? Làm sao tin Phật được?

Vương nữ Đắc Vô Cầu đáp:

– Lúc ta sinh được bảy ngày thì có một vị Bà-la-môn đặt ta trên giường báu bằng vàng, tại điện Chiên-đàn, ta thấy năm trăm vị Thiên tử bay nơi không trung trên chỗ ta đang nằm. Trong năm trăm vị Thiên tử này có một vị đã từng thấy Như Lai và dùng nhiều lời tán thán công đức của Phật, tán thán Pháp và Tăng. Khi ấy, ta nghe năm trăm vị Thiên

tử hỏi: “Thiên quân thấy Phật – Như Lai rồi, vậy tướng mạo Phật như thế nào? Nói cho chúng tôi biết được không?” Vị Thiên tử kia biết rõ lòng tin của ta và vì muốn làm phát sinh lòng tin nơi năm trăm vị Thiên tử nên nói bài kệ khen Phật:

*Tóc Ngài không cấu nhiễm
 Trong sạch, xoắn mềm mại
 Mắt như hoa trăm cánh
 Như trăng tròn nơi đêm.
 Lông trắng giữa chạng mành
 Như ngọc rất đẹp, sáng
 Vượt hẳn hàng quyến thuộc
 Âm thanh Phật vi diệu.
 Sư tử trong loài người
 Mắt Ngài rất thù thắng
 Bốn mươi răng bằng, đều
 Tâm hơn hẳn muôn loài.
 Lưỡi Ngài dài và rộng
 Sạch, đẹp che khắp mặt
 Lời nói thiện, lợi ích
 Xa ác khẩu, lưỡng thiệt.
 Có, không và ngữ nghĩa
 Phật không lời khen chê
 Lợi ích các chúng sinh
 Vô số người tin tưởng.
 Tướng đỉnh như vỏ ốc
 Ngón tay dài hơn người
 Mũi giống như Tượng vương*

Chỉ ngửi mùi trong sạch.
 Âm tàng như voi chúa
 Cũng như ánh mặt trời
 Lông trên thân mềm mại
 Lòng bàn chân bằng phẳng.
 Tránh lời ác, nói thật
 Tất cả Mâu-ni vương
 Đã phá tan ác kiến
 Ác kiến đã diệt sạch.
 Chúng sinh có vấn nạn
 Giải đáp khiến hoan hỷ
 Xa lìa hai cực đoan
 Chỉ thuyết pháp trung đạo.
 Tùy sở thích người nghe
 Đưa đến vui đê nhất
 Lời chân thật, thẳng thắn
 Tất cả đều hoan hỷ.
 Mưa pháp tưới cùng khắp
 Mưa pháp rất bình đẳng
 Như Lai đã tự độ
 Cũng độ thoát chúng sinh.
 Bạc cứu đời đê nhất
 Nhìn thế gian tương ưng
 Công đức Ngài vô lượng
 Tôi không thể nói hết.
 Các Thiên tử nghe rồi
 Tâm thanh tịnh, tin Phật.

Vương nữ Đắc Vô Cầu thuyết kệ đó rồi, nói với

Bà-la-môn Phạm Thiên:

– Đại Bà-la-môn! Ta sinh bảy ngày liền được nghe công đức của pháp Phật. Từ đó trở đi, chưa bao giờ có một chút tâm si mê che lấp, không tham đắm các dục, không ganh ghét, không tham lam, không khởi tâm trộm cắp. Tâm không lường xét cũng không nhớ nghĩ, không biết ái nhiễm đối với quyền thuộc hoặc cha mẹ, anh em, chị em, không tham đắm đồ trang sức, cho đến cõi nước, thành ấp, thôn xóm, thân mạng và cả sự sống. Đại Bà-la-môn! Tâm ta luôn nghĩ đến tướng khác. Đó chính là tướng Phật. Đại Bà-la-môn! Tâm ta luôn luôn nhớ nghĩ về ba điều. Những gì là ba?

1. Như Lai dù ở chỗ nào, ta cũng đến để thưa hỏi.

2. Nếu khi Đức Phật thuyết pháp, ta đều ghi nhớ, giữ gìn tất cả, không để mất một chữ, một nghĩa, một lời, bất cứ ở đâu, dù là một đêm hay một ngày.

3. Ta thường thấy Phật chẳng phải là không thấy. Ta thường nghe pháp, thường cúng dường chúng Tăng.

Đại Bà-la-môn! Thấy Phật như vậy, nghe Pháp và cúng dường chúng Tăng như vậy, ta không nhàm chán.

Bấy giờ, Đại Bà-la-môn Phạm Thiên ra lệnh cho tiểu Bà-la-môn đồng hành:

– Nay đồng tử! Bây giờ ông hãy quay về tàu lại những gì vương nữ Đắc Vô Cầu đã nói, hãy vì đại vương và phu nhân nêu rõ các sự việc như vậy.

Đồng tử vâng lời, đi theo chỗ nghe thấy, đều vì đại vương và phu nhân tàu rõ các sự việc.

Lúc này, vương nữ Đắc Vô Cầu vì mọi người mà nói rõ về công đức của Phật, vì mọi người mà nêu bày công đức của Pháp, vì mọi người mà thuyết giảng công đức của Tăng. Năm trăm Bà-la-môn kia nghe rồi đều phát tâm cầu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng giác.

Khi đó, vương nữ Đắc Vô Cầu từ xe bước xuống cùng với các Bà-la-môn đến chỗ Bồ-tát và Đại Thanh văn. Đến rồi, cung kính, lễ bái, đứng trước Tôn giả Xá-lợi-phất, chấp tay thưa:

– Kính bạch Đại đức Xá-lợi-phất! Tất cả nữ nhân, trí tuệ rất ít, dục nhiễm lại nhiều, thường sống phóng dật, tâm ý hẹp hòi, không nhớ pháp thiện, phần nhiều chỉ nhớ nghĩ pháp ác. Lành thay Đại đức! Xin từ bi thương xót, nhớ nghĩ đến con mà thuyết pháp, khiến con luôn được lợi ích lớn và được nhiều an lạc.

Vương nữ Đắc Vô Cầu thưa chưa xong thì vua Ba-tư-nặc quốc vương nước Kiền-tát-la nghe đồng tử Bà-la-môn Ma-na-bà tàu rõ mọi việc, bèn mau chóng đến chỗ chư Bồ-tát và Đại Thanh văn, vua thấy vương nữ tự mình ngồi như chư vị kia, vua

nói:

– Ở vương cung sung sướng, tại sao con lại ngồi nói như vậy? Con từ trước đến nay không hề bị tôi tằm che lấp, không nhiễm đấm nơi hỷ lạc, chưa từng khởi tâm vọng động.

Vua Ba-tư-nặc nước Kiều-tát-la liền vì vương nữ nói kệ:

*Đoan chánh như thiên nữ
 Tươi đẹp lại trang nghiêm
 Vì sao khởi ác kiến
 Lời nói đều không chấp.
 Cõi nước ta giàu có
 Mẹ lại chịu ý con
 Con nhớ nghĩ điều gì
 Nói không đấm thân này?
 Tất cả quý kính con
 Thấy con đều thương mến
 Trăm công đức trang nghiêm
 Vì sao không ham thích?
 Con thấy nghe điều gì
 Nơi vui sinh buồn rầu
 Ta nói với lòng tốt
 Con có ước nguyện gì?*

Vương nữ Đắc Vô Cầu vì vua cha nói kệ:

*Cha không hiểu nhà ác
 Mong manh trong các ám
 Hữu vi chỗ dừng, trụ*

Như con hát diễn tuồng.
Rắn độc ở trong đó
Mạng sống không hề dừng
Không có tâm an lạc
Làm sao ngủ yên được?
Bốn đại như rắn độc
Ba cõi sướng gì nào
Oán tặc tranh chấp luôn
Đến chốn vắng hiểm trở.
Oan gia, phiền não buộc
Làm sao được an lạc?
Người nào là vui sướng
Làm sao lại đắm vui.
Uống độc sao ngủ yên
Sát hại sao vui được?
Bờ hiểm sao được an?
Mạng người cũng như vậy.
Như Lai nói thí dụ
Tụ hợp như Tu-di
Tâm ý lại điên đảo
Ai tin kiếp vô thường?
Cha mẹ, anh chị em
Tất cả cảnh giới giặc
Con hiểu biết chút ít
Thân hữu đều quý nhiều.
Giống như bóng trong gương
Tất cả đều vô thường
Có được bao nhiêu người

*Tin điều này không thật.
 Mới thấy tự nhiên trí
 Liền phát tâm Bồ-đề
 Từ phát tâm đến nay
 Chưa mất hạnh Bồ-tát.
 Hành Bồ-tát làm sao
 Tham nhiễm lạc thế gian?
 Con thấy Đức Như Lai
 Công đức chẳng nghĩ bàn.
 Nghe Thiện Thệ thuyết pháp
 Thấy chúng đệ tử Phật
 Cho nên không nhớ nghĩ
 Năm dục lạc ở đời.*

Bây giờ, vua Ba-tư-nặc nước Kiều-tát-la nghe vương nữ nói kệ bèn im lặng không đáp. Vương nữ Đắc Vô Cấu biết phụ vương im lặng, liền hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:

– Bạch Đại đức Xá-lợi-phất! Con xin hỏi, mong Tôn giả từ bi thương xót. Đức Phật thường dạy Đại đức là bậc trí tuệ đệ nhất. Thưa Đại đức! Trí tuệ là gì? Trí tuệ đó là thường hay vô thường? Nếu là thường thì như lời Phật thuyết giảng các pháp đều vô thường. Vậy lời Phật thuyết giảng đó là hư dối, là thuyết pháp mê hoặc chẳng? Nếu là vô thường thì pháp kia không sinh. Nếu pháp chẳng sinh thì pháp đó là không, vậy đâu có điều gì để nêu, tức là không nhớ nghĩ khi nói về pháp trí tuệ. Vậy do ý nghĩa gì Phật dạy Tôn giả là bậc trí tuệ đệ nhất

trong các vị tôn túc?

Tôn giả Xá-lợi-phất im lặng không đáp.

Bấy giờ, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:

– Sao Nhân giả im lặng không đáp?

Tôn giả Xá-lợi-phất nói:

– Cô ta không hỏi tôi về pháp vô thường mà hỏi về phần pháp chẳng sinh cho nên tôi không đáp.

Vương nữ Đắc Vô Cầu hỏi Tôn giả Đại Mục-kiền-liên:

– Bạch Đại đức Mục-liên! Đức Phật dạy Tôn giả là vị thần thông đệ nhất. Thừa Đại đức! Tôn giả an trú nơi tướng của chúng sinh mà thị hiện thần thông hay trú nơi tướng của pháp mà thị hiện thần thông? Nếu trú nơi tướng của chúng sinh thị hiện thần thông mà chúng sinh tức là không thì vì sao Đại đức lại thị hiện thần thông? Nếu trú nơi tướng của pháp để thị hiện thần thông, mà pháp thì không phân biệt. Đại đức cũng vậy, không có sự phân biệt tức là không phân biệt. Vậy vì sao Đại đức lại thị hiện thần thông?

Tôn giả Mục-liên im lặng không đáp.

Bấy giờ Tôn giả Phú-lâu-na Di-đa-la-ni-tử hỏi Tôn giả Đại Mục-liên:

– Sao Nhân giả im lặng không đáp?

Tôn giả Mục-liên đáp:

– Cô ta không hỏi tôi về sự phân biệt. Tôi vốn

không phân biệt, không chấp giữ, không phân biệt nơi đạo Bồ-đề của Như Lai, nên tôi không đáp.

Vương nữ Đắc Vô Cầu hỏi Tôn giả Phú-lâu-na Di-đa-la-ni-tử:

– Bạch Đại đức Phú-lâu-na! Đức Phật dạy Đại đức là vị thuyết pháp bậc nhất. Đại đức vì thọ trì mà thuyết pháp hay không thọ trì mà thuyết pháp? Nếu thọ trì mà thuyết pháp thì cùng với tất cả hàng phàm phu ngu si không khác? Vì sao? Vì tất cả hàng phàm phu ngu si đều thọ trì. Thưa Đại đức! Như vậy không xa lìa pháp của tất cả hàng phàm phu ngu si. Nếu không thọ trì mà thuyết pháp thì pháp tức đã không có vật. Vậy tại sao Đại đức là vị thuyết pháp đệ nhất trong hàng tôn túc?

Tôn giả Phú-lâu-na Di-đa-la-ni-tử im lặng không đáp.

Tôn giả Đại Ca-diếp hỏi Tôn giả Phú-lâu-na Di-đa-la-ni-tử:

– Sao Nhân giả im lặng không trả lời?

Tôn giả Phú-lâu-na Di-đa-la-ni-tử đáp:

– Cô ta không hỏi tôi về nghĩa của Thế đế, lại hỏi tôi về Chân đế, cho nên tôi không đáp.

Vương nữ Đắc Vô Cầu hỏi Tôn giả Đại Ca-diếp:

– Bạch Đại đức Ca-diếp! Đại đức đã nhập vào tám giải thoát, nhập rồi lại xuất ra, vì người thuyết pháp. Ở bên hạng người nào, cho đến chỉ nhận lấy

một chút ít thực phẩm thì những người cúng dường kia đều được sinh thiên. Vậy theo Đại đức! Việc thí đó như thế nào? Vì thân tịnh thí, vì tâm tịnh thí hay vì cả thân, tâm tịnh thí? Nếu vì thân tịnh thí mà thân tức là vô tri, vô giác, không động, như cỏ cây, như vách, như đất. Thân kia như vậy thì không thể tịnh thí được. Nếu vì tâm tịnh thí mà tâm là như huyễn, không chút nào dừng thì không thể tịnh thí. Nếu thân tâm kia, trong ngoài đều tịnh, thân tâm như vậy càng không thể tịnh thí. Thân tâm không vật thì làm sao tịnh thí?

Tôn giả Đại Ca-diếp im lặng không đáp.

Khi đó, Tôn giả Tu-bồ-đề hỏi Tôn giả Đại Ca-diếp:

– Sao Nhân giả im lặng không đáp?

Tôn giả Đại Ca-diếp đáp:

– Cô ta không hỏi tôi về pháp chọn lấy mà hỏi tôi về pháp không chọn lấy, nên tôi không đáp.

Vương nữ Đắc Vô Cầu hỏi Tôn giả Tu-bồ-đề:

– Bạch Đại đức Tu-bồ-đề! Đức Phật dạy Đại đức là vị hành hạnh A-lan-nhã đệ nhất. Thừa Đại đức! A-lan-nhã là có vật tu hay có pháp tu. Nếu có vật tu thì là vô thường. Nếu có pháp tu mà pháp thì không có tướng sinh, không có tướng diệt. Pháp với tướng bất sinh, bất diệt thì pháp đó là bình đẳng. Nếu bình đẳng thì chẳng phải bình đẳng. Nếu chân như thì chẳng phải là chân như, không động,

không chuyển. Nếu không động chuyển thì pháp đó không thể thuyết giảng. Nếu không thể thuyết giảng thì nó là không thể nghĩ bàn. Nếu không thể nghĩ bàn thì nó không thể nêu bày. Nếu không thể nêu bày thì nó không vật. Nếu không vật thì nó không thật. Nếu không thật thì Thánh nhân không nêu bày.

Tôn giả Tu-bồ-đề im lặng không đáp.

Tôn giả Ly-bà-đa hỏi Tôn giả Tu-bồ-đề:

– Sao Nhân giả im lặng không đáp?

Tôn giả Tu-bồ-đề đáp:

– Cho đến không có một chút pháp nào có thể thuyết giảng, nên im lặng là an lạc. Vương nữ hỏi như vậy là pháp không hý luận. Các lời nói ra đều không hoàn hảo. Cảnh giới không ngôn thuyết là hạnh A-lan-nhã.

Wang nữ Đắc Vô Cầu hỏi Tôn giả Ly-bà-đa:

– Bạch Đại đức Ly-bà-đa! Đức Phật dạy Đại đức là vị tọa thiền bậc nhất. Vậy thưa Đại đức! Tâm nương dựa nơi thiền định hay tâm không nương dựa nơi thiền định? Nếu tâm nương dựa nơi thiền định mà tâm lại như huyễn, không thật, phân biệt. Nếu đã không thật như vậy thì phân biệt là không thật, nương dựa nơi thiền Tam-muội là không thật. Nếu tâm không nương dựa nơi thiền định thì Thiền không có tâm niệm nên tất cả người chết cũng được hoan hỷ. Các loài cỏ cây, tường,

vách ở thành Ba-la-nại đều tương ứng với Tam-muội. Vì sao? Vì các vật đó đều vô tâm.

Tôn giả Ly-bà-đa im lặng không đáp.

Khi đó Tôn giả A-nê-lâu-đại hỏi Tôn giả Ly-bà-đa:

– Sao Nhân giả im lặng không đáp?

Tôn giả Ly-bà-đa đáp:

– Vương nữ Đắc Vô Cầu hỏi về cảnh giới của Phật. Cảnh giới đó chẳng phải là khả năng đối đáp của hàng Thanh văn.

Vương nữ Đắc Vô Cầu thưa:

– Ý thầy thế nào? Pháp giới của Như Lai và pháp giới của hàng Thanh văn có sai khác sao? Nếu pháp giới có sai biệt thì đó là pháp giới hư hoại. Nếu pháp giới hư hoại thì pháp giới là hai. Pháp giới không hai mới được gọi là chân như. Chân như được nêu bày như vậy là không hai. Chân như, không hai như thế không thể nói cái nào hơn. Đại đức vì sao lại nói như thế?

Bấy giờ, Vương nữ Đắc Vô Cầu hỏi Tôn giả A-nê-lâu-đại:

– Bạch Đại đức A-nê-lâu-đại! Đức Phật dạy Đại đức là vị đạt thiên nhãn đệ nhất. Vậy thiên nhãn của Đại đức là có vật để thấy hay không có vật để thấy? Nếu có vật để thấy thì rơi vào thường kiến. Nếu không có vật để thấy thì rơi vào đoạn kiến.

Tôn giả A-nê-lâu-đại im lặng không đáp.

Khi đó Tôn giả A-nan-đà hỏi Tôn giả A-nê-lâu-đại:

– Sao Nhân giả im lặng không đáp?

Tôn giả A-nê-lâu-đại đáp:

– Cô ta hỏi về trí tuệ cho nên tôi không đáp.

Vương nữ Đắc Vô Cầu hỏi Tôn giả A-nan-đà:

– Bạch Đại đức A-nan-đà! Đức Phật dạy Đại đức là vị đa văn đệ nhất. Vậy do vật gì được Đại đức cho là đa văn. Vì có nghĩa để nhận biết hay vì cứu cánh để nhận biết. Nếu có nghĩa để nhận biết thì nghĩa không có ngôn ngữ, không thể nêu giảng, chẳng phải tai nghe, hiểu biết. Điều đó là chẳng thể thấy. Nếu là cứu cánh để nhận biết thì khi Đức Thế Tôn thuyết pháp nên nghe nơi diệu nghĩa, không nghe bằng văn tự, không nghe như vậy thì Đại đức A-nan sao gọi là Đa văn?

Tôn giả A-nan im lặng không đáp.

Khi đó, Văn-thù-sư-lợi hỏi Tôn giả A-nan-đà:

– Sao Nhân giả im lặng không đáp?

Tôn giả A-nan-đà nói:

– Tánh của tất cả văn tự là xa lìa, như tiếng vang. Cô ấy hỏi tôi về văn tự nên tôi không đáp. Cô ấy hỏi về bình đẳng, lìa tâm, vô tâm. Nghĩa này thì chẳng phải là cảnh giới của người hữu học, làm sao nói được. Nhân giả nên hỏi đấng Pháp vương Như Lai.

Vương nữ Đắc Vô Cầu hỏi Đồng tử Văn-thù-sư-lợi:

– Bạch Bồ-tát Văn-thù! Đức Phật dạy Nhân giả là vị khéo giảng pháp giải thoát thâm diệu của Như Lai, là bậc đứng đầu trong hàng Đại Bồ-tát. Pháp nhân duyên kia thâm diệu như thế nào? Là sâu xa nên gọi là thâm diệu hay vì tự thể vốn thâm diệu. Nếu nhân duyên kia sâu xa nên gọi là thâm diệu thì nhân duyên đó không cùng người hòa hợp. Vì sao? Vì nhân duyên ấy chẳng đến chẳng đi, chẳng phải nhận thức thấy, cho đến chẳng phải là chỗ nhận biết của ý thức. Không hai, hòa hợp do nhân duyên mà sinh. Còn nếu tự thể vốn thâm diệu thì tự thể thâm diệu kia chẳng thể biểu thị.

Văn-thù-sư-lợi:

– Nghĩa thâm diệu của thật tế là rất sâu xa.

Đắc Vô Cầu:

– Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Do thật tế kia chẳng phải là thật tế. Như vậy thì trí tuệ kia cũng chẳng phải là trí tuệ.

Văn-thù-sư-lợi:

– Không có ngôn ngữ để chứng đắc thật tế.

Đắc Vô Cầu:

– Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Nếu không thể thủ đắc thì không có ngôn ngữ, vượt quá ngôn ngữ cho nên không thể thủ đắc.

Văn-thù-sư-lợi:

– Nếu như vậy thì làm sao vì người khác giảng nói?

Đắc Vô Cầu:

– Thừa BỒ-tát Văn-thù-sư-lợi! BỒ-đề của Như Lai luôn vượt quá mọi ngôn ngữ, điều đó là không thể nêu bày.

BỒ-tát Văn-thù-sư-lợi im lặng không nói.

Bấy giờ, vương nữ Đắc Vô Cầu hỏi BỒ-tát Bất Mê Kiến:

– Thiện nam! Như BỒ-tát Bất Mê Kiến nguyện: “Tâm ta an trú quán sát đúng như sắc. Nếu vào thành Xá-bà-đề thì những chúng sinh nào gắng thọ nhận BỒ-đề, dù nam hay nữ hễ thấy ta thì đều thấy thân ta như sắc thân Phật”. Điều này là thế nào? Nhân giả vì nhằm biểu thị sắc thân của Như Lai hay là nhằm biểu thị Pháp thân. Nếu biểu thị về sắc thân thì những chúng sinh kia không thể thấy thân Phật. Nếu thấy thân Phật là trái lời Phật dạy. Bởi vì Phật thường dạy:

*Nếu dùng sắc thấy Ta
Dùng âm thanh cầu Ta
Người đó hành tà đạo
Không thể thấy Như Lai.*

Nếu biểu thị Pháp thân mà Pháp thân của Phật thì chẳng thể thị hiện. Vì sao? Vì Pháp thân của Như Lai vượt quá mọi nhãn thức, chúng sinh kia không thể nhận thấy.

Bồ-tát Bất Mê Kiến im lặng không đáp.

Khi ấy, Bồ-tát Bảo Tràng hỏi Bồ-tát Bất Mê Kiến:

– Vì sao Bồ-tát im lặng không đáp?

Bồ-tát Bất Mê Kiến nói:

– Cô ta hỏi tôi về chỗ không vật nên tôi không đáp.

Đắc Vô Cầu thưa:

– Tôi chẳng hỏi về vô vật. Vô vật thì không thể hỏi. Tôi nói về học pháp nên tương ưng với tri kiến như vậy.

Bồ-tát Bất Mê Kiến im lặng không nói.

Vương nữ Đắc Vô Cầu hỏi Bồ-tát Bảo Tràng:

– Thiện nam! Nhân giả nguyện như vậy: “Tâm tôi an trú quán sát đúng như sắc. Nếu vào thành Xá-bà-đề thì nguyện cho tất cả các kho báu đều mở bày đầy đủ”. Điều ấy thế nào? Nhân giả nhớ nghĩ về sự việc như thế nào? Vì có tâm hy vọng phước đức hay vì không có tâm hy vọng phước đức? Vì có tâm hy vọng về phước đức thì Nhân giả cùng với hàng phàm phu không khác. Vì sao? Vì hàng phàm phu đều có tâm hy vọng và ái nhiễm điều đó. Nếu vô tâm hy vọng về phước đức tức là vô tâm hy vọng được tích tụ?

Bồ-tát Bảo Tràng im lặng không đáp.

Vương nữ Đắc Vô Cầu hỏi Bồ-tát Trừ Ác:

– Thiện nam! Nhân giả nguyện như vậy: “Tâm

tôi an trú quán sát đúng như sắc. Nếu vào thành Xá-bà-đề, nguyện cho các chúng sinh tạo các nghiệp ác phải lãnh thọ quả báo tương ưng đó thấy được chánh pháp thì chỉ chịu tội nhẹ trong đời hiện tại”. Điều này là thế nào? Theo như lời Phật dạy, nghiệp là không thể nghĩ bàn. Nhân giả thuyết giảng không thể trái với lời Phật dạy. Nếu Nhân giả không cho nghiệp là không thể nghĩ bàn thì tại sao biết nghiệp nặng ở vị lai và tội nhẹ ở hiện tại? Tất cả các pháp đều không, không có chủ thể. Nay Nhân giả làm sao nói đạt được như bậc pháp vương? Nếu Nhân giả làm cho nghiệp nặng thành nhẹ thì trái lời Phật dạy.

Bồ-tát Trừ Ác:

– Tôi chỉ dùng nguyện lực làm cho nghiệp nặng thành nghiệp nhẹ.

Đắc Vô Cầu:

– Không có người nào có thể làm hồi chuyển nguyện lực. Nếu có thể hồi chuyển thì mỗi mỗi Như Lai vốn đều có nguyện rằng khiến cho tất cả chúng sinh đều đạt được đại Niết-bàn, chẳng cần nguyện lực mà thành. Nên biết nguyện lực như vậy là không thể hồi chuyển được.

Bồ-tát Trừ Ác im lặng không nói.

Vương nữ Đắc Vô Cầu hỏi Bồ-tát Chương Nhất Thiết Tội:

– Thiện nam! Nhân giả nguyện như vậy: “Tâm

tôi an trú quán sát đúng như sắc. Nếu vào thành Xá-bà-đề thì nguyện cho tất cả dân chúng không bị năm thứ ngăn che làm chướng ngại”. Điều này là thế nào? Nếu Nhân giả hành thiền định có thể khiến cho chúng sinh không bị năm thứ ấy làm chướng ngại. Tất cả các pháp đều là không, không có chủ thể. Như vậy Nhân giả không là Nhân giả. Tôi cũng chẳng phải là tôi, tại sao lại có thể ban ân cho người khác?

Bồ-tát Chướng Nhất Thiết Tội:

– Tôi trước hết là tu tập từ tâm.

Đắc Vô cầu:

– Tất cả chư Phật đều hành tâm đại từ, trong cõi Phật có các chúng sinh bị các thứ trói buộc, ngăn che làm não loạn sao?

Bồ-tát Chướng Nhất Thiết Tội im lặng không nói.

Vương nữ Đắc Vô Cầu hỏi Bồ-tát Quan Thế Tự Tại:

– Thiện nam! Nhân giả nguyện như vậy: “Tâm tôi an trú quán sát đúng như sắc. Nếu vào thành Xá-bà-đề thì nguyện cho các chúng sinh nào bị trói buộc, bị người sắp giết hại liền được giải thoát, không còn sợ hãi, được sự an lạc”. Điều này là thế nào? Nhân giả vì chấp thủ đề tu hành hay vì không chấp thủ đề tu hành. Nếu chấp thủ đề tu hành thì không thể được, vì người ngu si hay chấp thủ. Nếu

không chấp thủ để tu hành thì chẳng phải là vô thường. Nếu chẳng phải là vô thường thì không thể chấp giữ.

Bồ-tát Quan Thế Tụ Tại im lặng không đáp.

Khi ấy, Bồ-tát Biện Tụ hỏi Bồ-tát Quan Thế Tụ Tại:

– Vì sao Bồ-tát im lặng không đáp?

Bồ-tát Quán Thế Tụ Tại:

– Cô ta không hỏi tôi về pháp sinh, không hỏi về pháp diệt, lại hỏi tôi về pháp bất sinh, bất diệt nên tôi không đáp.

Đắc Vô Cầu:

– Thưa Bồ-tát Quan Thế Tụ Tại, sao Nhân giả không hỏi về pháp bất sinh bất diệt ở chỗ nào?

Bồ-tát Quan Thế Tụ Tại:

– Đắc Vô Cầu! Nơi nào bất sinh, bất diệt thì không có một chút văn tự được nêu ra.

Đắc Vô Cầu:

– Nếu không nêu ra thì tất cả các pháp không có một chút văn tự, chẳng phải vì người trí tuệ mà nêu ra văn tự. Không tham đắm nơi văn tự, thì pháp giới không bị chướng ngại. Cho nên tâm kia không nhiễm chấp.

Bồ-tát Quan Thế Tụ Tại im lặng không nói.

Vương nữ Đắc Vô Cầu hỏi Bồ-tát Biện Tụ:

– Thiện nam! Nhân giả nguyện như vậy: “Tâm tôi an trú quán sát đúng như sắc. Nếu vào thành

Xá-bà-đề thì nguyện cho những chúng sinh nào có tâm ác độc sẽ thay đổi và hướng đến tâm từ bi, cùng khen ngợi, âm thanh, ngôn ngữ đều được biện tài.” Điều này là thế nào? Nhân giả khởi biện tài ấy vì có nhân duyên khởi hay không có nhân duyên khởi? Nếu có nhân duyên khởi thì tất cả vô thường, đều do nhân duyên khởi. Người như vậy không chúng đặc tịch tĩnh. Nếu không nhân duyên khởi thì không đúng, nên không được nói là có biện tài phát khởi.

Bồ-tát Biện Tụ:

– Từ lúc tôi mới phát tâm Bồ-đề đến nay thường nguyện như vậy: “Nếu các chúng sinh được thấy tôi đều đạt được biện tài”.

Đắc Vô Cầu:

– Thiện nam! Nhân giả vì có tâm nên biện tài hay vì không có tâm nên biện tài. Nếu có tâm nên biện tài thì rơi vào chỗ thường kiến. Nếu không có tâm nên biện tài thì những ngôn ngữ kia làm sao nói là Nhân giả không nói thật.

Bồ-tát Biện Tụ im lặng không nói.

Vương nữ Đắc Vô Cầu hỏi Bồ-tát Bất Mê Hành:

– Thiện nam! Nhân giả nguyện như vậy: “Tâm tôi an trú quán sát đúng như sắc. Nếu vào thành Xá-bà-đề thì nguyện cho chúng sinh nào thấy tôi, tất cả đều không thoái chuyển nơi đạo quả Bồ-đề

vô thượng”. Điều này là thế nào? Sao gọi là Bồ-đề? Bồ-đề kia là có hay là không? Nếu nói là có thì Nhân giả đả chấp vào thường kiến.

Bồ-tát Bất Mê Hành:

– Gọi là Bồ-đề tức theo ngôn ngữ của người trí nên gọi là Bồ-đề.

Đắc Vô Cấu:

– Trí kia là sao? Là thể sinh khởi hay là thể tịch tĩnh? Nếu thể sinh khởi thì sự sinh khởi đó đều là vô thường. Nếu đều vô thường thì không chánh niệm. Nếu cho đều vô thường là chánh niệm thì tất cả kẻ si mê đều tương ưng với chánh niệm. Còn nếu là thể tịch tĩnh thì không thủ đắc. Đã không thủ đắc thì không phân biệt. Điều này hoặc Phật thuyết, hoặc Bồ-tát thuyết, hoặc A-la-hán thuyết, hoặc phàm phu thuyết. Vì sao? Vì đạo Bồ-đề thì không phân biệt. Phàm phu thì có phân biệt. Người có phân biệt thì chẳng phải là trí tuệ.

Bồ-tát Bất Mê Hành im lặng không nói.

Bấy giờ, Tôn giả Tu-bồ-đề nói với chư Bồ-tát và các đại Thanh văn:

– Chúng ta nên quay về, hôm nay không cần vào thành Xá-bà-đề khát thực nữa. Vì sao? Vì hôm nay đã có được pháp thực vi diệu, hảo hạng, đã đầy đủ. Chúng ta được nghe vương nữ Đắc Vô Cấu thuyết giảng pháp thù thắng vi diệu. Hôm nay chúng ta đạt được đầy đủ pháp thực rồi.

Vương nữ Đắc Vô Cầu hỏi Tôn giả Tu-bồ-đề:

– Đại đức Tu-bồ-đề! Không lấy, không bỏ là pháp của Thanh văn. Nay các vị cầu điều gì? Theo ý Tôn giả thế nào? Đại đức Tu-bồ-đề! Không hý luận là pháp của Thanh văn. Nếu đắm chấp nơi hý luận thì chẳng phải là pháp của Thanh văn. Đại đức Tu-bồ-đề! Không nương dựa là pháp của Thanh văn. Cảnh giới của Thánh nhân chẳng phải là nương dựa. Chẳng nương dựa là không phát khởi động tác.

Bấy giờ, chư Bồ-tát, các đại Thanh văn và năm trăm Bà-la-môn, vương nữ Đắc Vô Cầu, vua Batur-nặc nước Kiền-tát-la cùng vô số người thị tùng đều đến khu lâm viên Kỳ Đà – Cấp Cô Độc. Đến chỗ Đức Thế Tôn, hết thảy đầu mặt đánh lễ sát chân, nhiễu quanh Phật ba vòng rồi ngồi qua một bên. Vương nữ Đắc Vô Cầu nhiễu quanh Phật một ngàn vòng, xong rồi thì gối phải quì sát đất, chấp tay hướng về Phật, dùng âm thanh vi diệu nói kệ bạch Như Lai:

*Con xin thưa Thiện Thệ
Đáng trí vô thượng đẳng
Xưng danh vô cầu nhiệm
Tôn chủ trong ba cõi.
Đem pháp vị cam lồ
Khiến con được từ ái
Bồ-tát hành thế nào?
Để ngồi nơi gốc cây.*

Phá trừ quân ma vương
Thành Bồ-đề vô thượng
Sao chân động đại địa
Cho đến động long cung.
Làm sao phóng ánh sáng
Chiếu khắp vô lượng cõi
Thuyết pháp hành Bồ-đề
Làm sao được Tổng trì?
Bồ-tát hành thế nào?
Đắc thánh tài của Phật
Tu tịch tĩnh thế nào?
Chứng thiên định đệ nhất
Sức thần thông thế nào?
Trượng phu làm sao thuyết
Tối thắng trong chúng sinh
Hành đẳng tâm thế nào?
Biện tài sao được tịnh
Hòa hợp cùng mỹ ngữ
Các Bồ-tát thế nào?
Quyển thuộc được khéo léo
Đại trượng phu thế nào?
Mà được Túc mạng trí
Đắc Thiên nhãn vô cầu
Thiên nhĩ, tha tâm trí
Ánh sáng đại thần thông
Đến vô lượng thế giới
Sao nhớ nghĩ bố thí
Hành nhân nhục, tịnh giới

Tinh tấn như thế nào?
Hành Bát nhã ra sao?
Làm sao thường xa lìa
Những nơi từ thai sinh
Không cảm thọ thai sinh
Hóa sinh đến bờ kia
Làm sao trụ Phật tiền
Thuyết pháp không, vô ngã
Thế nào ái, không ái
Hai tâm đều bình đẳng
Diệt tất cả xấu nhiễm
Vững tâm không cao thấp
Pháp thế gian bất động
Giống như núi Tu-di
Được mát và khen chê
Thuận, nghịch cùng khổ, vui
Các pháp thế gian ấy
Sao vượt qua như trăng
Vô chủ không nịnh, dối
Không nhiễm làm sao mạn
Lìa bỏ tâm cao ngạo
Không có tâm như vậy
Tịch tĩnh hơn tịch tĩnh
Không bỏ niệm chỉ quán
Người trí tuệ đệ nhất
Làm sao bị trói buộc
Không ái của, vợ, con
Làm sao mà sinh tử

Rõ ái giống như chim,
 Thường như trăng không khác.
 Tâm kia đã như vậy
 Làm sao có ái pháp
 Người có trí làm sao
 Như đất, nước, lửa, gió
 Không động thường thế nào?
 Bình đẳng như hư không
 Pháp bất xả thế nào?
 Thường không xả pháp Phật
 Thà tự xả thân mạng
 Không xả pháp đệ nhất
 Làm sao trụ Bồ-đề
 Chứng pháp không phiền não
 Chữa bệnh nơi chúng sinh
 Cõi nước Phật trang nghiêm
 Làm sao Tăng trú tịnh?
 Tăng tịnh làm sao có?
 Pháp ba đời thế nào?
 Nghe có chúng sinh vui
 Ai làm sao hoại diệt
 La-hán thấy Tứ đế
 Làm sao giới đầy đủ
 Làm sao trăm chúng sinh
 Nay an trụ Bồ-đề
 Hành, hữu thường đấm chấp
 Ai sẽ được đoan nghiêm
 Ai lại được hóa sinh?

Làm sao giàu có lớn?
 Trí tuệ lớn thế nào?
 Tất cả hành trí đạo
 Ai có thể đầy đủ
 Đạt ba mươi hai tướng
 Và tám mươi vẻ đẹp
 Tất cả phước đức lành
 Không do biện tài sinh
 Làm sao có tăng tịnh
 Tỳ-kheo thọ cụ túc
 Nơi nào có nguyện này
 Làm sao trăm hữu sinh
 Túc mạng làm sao có
 Thường cùng Phật hòa hợp
 Ở trong ngàn ức kiếp
 Không làm ác, hành thiện
 Tâm không vương, đoan nghiêm
 Làm sao có y sư?
 Sức tinh tấn nhẫn nhục
 Làm sao được thù thắng
 Làm sao quy y Phật
 Quy y Pháp và Tăng
 Tự bỏ thân mạng mình
 Chứ không bỏ pháp Phật
 Các chúng sinh thế nào?
 Hạnh Bồ-đề hành tịnh
 Tất cả hời lìa bỏ
 Vì chúng sinh thuyết pháp

*Không một chút nghi ngờ
Tất cả trí tịch tĩnh
Nếu chúng sinh hành pháp
Lần lượt được thọ ký?*

Vương nữ Đắc Vô Cấu nói kệ như vậy rồi, Đức Thế Tôn liền dạy Đắc Vô Cấu:

– Lành thay! Lành thay! Đắc Vô Cấu! Nay con khéo hỏi Như Lai những ý nghĩa ấy. Con hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ, Ta sẽ vì con mà thuyết giảng.

Đức Phật liền dạy:

– Đắc Vô Cấu! Chư Đại Bồ-tát thành tựu bốn pháp có thể phá trừ ma vương. Những gì là bốn?

Tâm không ganh ghét người khác cúng dường.

Lìa bỏ lời nói thô ác.

Thường sinh thiện căn cho nhiều người.

Không đoạn tận việc tu tâm từ bi.

Đắc Vô Cấu! Chư Đại Bồ-tát thành tựu bốn pháp như vậy thì phá trừ được ma vương. Đức Thế Tôn bèn thuyết kệ:

*Tâm chớ sinh ganh ghét
Miệng chớ nói lời ác
Dạy nhiều người làm lành
Không ngừng tu tâm từ.
Bồ-tát siêng tu hành
Bốn loại pháp như vậy
Diệt ma vương mười phương*

Chứng Bồ-đề vô thượng.

– Đắc Vô Cầu! Chư Đại Bồ-tát thành tựu bốn pháp, có thể làm chấn động đến vô lượng thế giới chư Phật. Những gì là bốn?

Như lời thuyết giảng mà tu hành.

Tâm tin pháp sâu xa.

Giáo hóa vững chắc.

Dạy đạo Bồ-đề cho nhiều người.

Đắc Vô Cầu! Chư Đại Bồ-tát thành tựu bốn pháp như vậy có thể làm chấn động vô lượng thế giới chư Phật. Đức Thế Tôn thuyết kệ:

Thực hành như lời nói

Biết pháp nhãn sâu xa

Muốn được pháp bạch tịnh

Giáo hóa người vững chắc.

Thường vì nhiều người giảng

Đạo Bồ-đề vô thượng

Người biết pháp như vậy

Chấn động ức thế giới.

– Đắc Vô Cầu! Chư Đại Bồ-tát thành tựu bốn pháp, có thể phóng hào quang chiếu sáng vô lượng thế giới chư Phật. Những gì là bốn:

Cúng dường đèn sáng cho Phật.

Giữ gìn chánh pháp.

Vào trong tám nạn ác của chúng sinh mà thuyết pháp.

Dùng lưới báu che phủ tháp Như Lai.

Đắc Vô Cầu! Chư Đại Bồ-tát nếu thành tựu bốn pháp như vậy thì có thể phóng hào quang chiếu sáng vô lượng thế giới chư Phật. Đức Thế Tôn thuyết kệ:

*Dùng đèn sáng cúng Phật
Được ánh sáng thanh tịnh
Thường giữ gìn chánh pháp
Như chánh pháp thọ trì.
Nên vì người phóng dật
Thuyết pháp bất phóng dật
Dùng lưới báu vi diệu
Che phủ tháp Như Lai.
Chư Bồ-tát như vậy
Hào quang chiếu thế giới
Khắp cõi không thể lường
Đi khắp ức thế giới.
Đến muôn loài chúng sinh
Người gặp đều an lạc
Phát tâm cầu Bồ-đề
Vô thượng đại trí tuệ.*

– Đắc Vô Cầu! Chư Đại Bồ-tát thành tựu bốn pháp, có thể chứng đắc Đà-la-ni. Những gì là bốn? Bồ thí đủ loại.

Người nữ trang nghiêm dành cho người đến xin.

Ca ngợi công đức của Như Lai.

Tu hành Bát nhã.

Đắc Vô Cầu! Chư Đại Bồ-tát thành tựu bốn pháp như vậy thì chúng đắc Đà-la-ni. Đức Thế Tôn nói kệ:

*Tu hành các loại thí
 Thời được Đà-la-ni
 Các người nữ trang nghiêm
 Dem cho người đến xin.
 Thường khen công đức Phật
 Tu hành Bát nhã Phật
 Hành bốn pháp như vậy
 Tức được Đà-la-ni.
 Dù ở trăm ngàn kiếp
 Hành trì không thoái thất
 Mời phương Phật thuyết pháp
 Đủ sức nhớ, thọ nhận.*

– Đắc Vô Cầu! Chư Đại Bồ-tát thành tựu bốn pháp, thì đạt được Tam-muội. Những gì là bốn?

Thường thuyết giảng pháp hữu vi có nhiều điều khổ.

Chỉ thích ở một mình không bạn lữ.

Phát tâm luôn siêng năng, tinh tấn.

Nghiệp thiện là cứu cánh.

Đắc Vô Cầu! Chư Đại Bồ-tát thành tựu bốn pháp như vậy thì chúng đắc được Tam-muội. Đức Thế Tôn nói kệ:

*Giảng hữu vi nhiều khổ
 Một mình như tê giác*

*Tinh tấn thường có trí
Hành nghiệp thiện cứu cánh.
Thực hành bốn pháp ấy
Cầu nơi hạnh Bồ-đề
Được Tam-muội tịch tĩnh
Mau ngộ Bồ-đề Phật.*

– Đắc Vô Cấu! Chư Đại Bồ-tát thành tựu bốn pháp, thì đạt được sức thần thông. Những gì là bốn?

Thân nhẹ nhàng.

Tâm khinh an.

Thọ trì tất cả pháp Phật.

Thọ trì bốn cảnh giới, không giới, bình đẳng.

Đắc Vô Cấu! Chư Đại Bồ-tát thành tựu bốn pháp sẽ đạt được sức thần thông. Đức Thế Tôn nói kệ:

*Thân tâm đều nhẹ nhàng
Trong pháp không nương dựa
Không giới, ngã, vô lượng
Bốn giới cùng hành trì
Suy lường bốn pháp này
Đạt vô lượng thần thông
Dùng sức Tam-muội ấy
Đến tất cả thế giới
Một niệm ở cùng khắp
Thấy nhiều ngàn ức Phật.*

– Đắc Vô Cấu! Chư Đại Bồ-tát thành tựu bốn

pháp, có thể được mọi oai nghiêm thù thắng.
 Những gì là bốn?

Không sân hận.

Quét dọn tháp Như Lai, che mưa gió mạnh, làm rồi rất hoan hỷ.

Hộ trì giới tịnh đầy đủ.

Tất cả các thời thường trước tiên hỏi thăm, thấy các pháp khí không hề hủy hoại, tâm như kim cương.

Đắc Vô Cầu! Chư Đại Bồ-tát thành tựu bốn pháp như vậy thì có được mọi oai nghiêm thù thắng. Đức Thế Tôn nói kệ:

*Với người không sân hận
 Che mưa gió tháp Phật
 Quét sạch cho trang nghiêm
 Thường cung kính cúng dường.
 Thường hộ trì giới tịnh
 Thường hỏi thăm trước tiên
 Hết lòng nơi pháp khí
 Như Tu-di kim cương.*

– Đắc Vô Cầu! Chư Đại Bồ-tát thành tựu bốn pháp nên có thể hóa sinh, thường ở chỗ Phật.
 Những gì là bốn?

Làm tượng Như Lai ngồi tòa sen.

Dùng các hoa Ưu-bát-la, hoa Câu-vật-đầu, hoa Phân-đà-lợi rải lên thân Phật hay rải lên tháp.

Tạo mọi sự an lạc, có nhiều biện tài, đối với người trì giới tâm không hủy hoại tất cả thiện căn.

Nguyện cùng tất cả chúng sinh đều an lạc, khiến đạt được Phật đạo.

Đắc Vô Cầu! Chư Đại Bồ-tát nếu thành tựu bốn pháp như vậy thì có thể hóa sinh, thường ở chỗ Phật. Đức Thế Tôn nói kệ:

*Tạo hình tượng Như Lai
Ngồi trên tòa hoa sen
Cúng dường đủ hoa nước
Vì lợi ích người khác.
Không nói ác với người
Không giữ lời người xấu
Nhớ chúng sinh mười phương
Nguyện cho được an ổn.
Tu hành pháp như vậy
Bốn công đức thù thắng
Cho nên được hóa sinh
Thường ở chỗ chư Phật.*

– Đắc Vô Cầu! Chư Đại Bồ-tát thành tựu bốn pháp thì sẽ đạt được giàu sang lớn. Những gì là bốn?

Bồ thí với tâm bình đẳng.

Bồ thí không hy vọng được báo đáp.

Mở rộng lòng tin tưởng.

Biết tâm hành của các chúng sinh.

Đắc Vô Cầu! Chư Đại Bồ-tát thành tựu bốn pháp như vậy sẽ được giàu sang lớn. Đức Thế Tôn nói kệ:

*Tâm bình đẳng bố thí
Sở hữu đều không tiếc
Thâm tín trí tuệ Phật
Được giàu sang phú quý.
Tin hiểu không nịnh, ganh
Không giữ lỗi của người
Thấy đúng, tin chánh pháp
Khéo được giàu sang lớn.*

– Đắc Vô Cầu! Chư Đại Bồ-tát thành tựu bốn pháp sẽ chứng đắc trí tuệ lớn. Những gì là bốn?

Đối với pháp không sinh tâm ganh ghét.

Trừ bỏ chỗ nghi hời cho người khác.

Thuyết giảng đúng như đã lãnh hội.

Tu hành nhiều pháp không.

Đắc Vô Cầu! Chư Đại Bồ-tát thành tựu bốn pháp như vậy sẽ đạt được trí tuệ lớn. Đức Thế Tôn nói kệ:

*Người trí không ganh ghét
Trừ nghi hời cho người
Như chỗ nghe mà nêu
Hạnh không của Như Lai.
Hành bốn pháp như vậy
Tùy hỷ chỗ Như Lai
Theo lời Phật mà học
Mau thành Lương Túc Tôn.*

– Đắc Vô Cầu! Chư Đại Bồ-tát thành tựu bốn pháp sẽ được trí nhận biết về túc mạng. Những gì

là bốn?

Vì người quên pháp đã lâu mà thuyết giảng pháp dễ nghe, khiến được ghi nhớ, không quên nghĩa câu.

Làm cho người khác tin lời đã nêu giảng, khiến họ hoan hỷ, vì họ mà thuyết pháp.

Muốn khiến cho chúng sinh vượt khỏi các khổ não nơi pháp hữu vi đạt đến Niết-bàn.

Biết rõ về Tam-muội huyễn, tương ưng với nguyện.

Đắc Vô Cầu! Chư Đại Bồ-tát thành tựu bốn pháp như vậy thì đạt được trí nhận biết về túc mạng. Đức Thế Tôn nói kệ:

*Người đọc tụng mau quên
Dạy họ cách nhớ nghĩ
Thường nói lời thích nghe
Không mỏi mệt vì người
Thoát các khổ hữu vi
Bỏ tướng, tu Tam-muội
Hành bốn pháp như vậy
Là người biết túc mạng
Vô lượng ngàn ức kiếp
Mau thành bậc y vương.*

– Đắc Vô Cầu! Chư Đại Bồ-tát thành tựu bốn pháp thì có thể thường thân cận nơi Phật. Những gì là bốn?

Dù nhân duyên gì làm cho mất mạng cũng

không bỏ pháp Phật.

Dù nhân duyên gì làm cho mất mạng, trọn đời cũng không nêu lỗi lầm của Pháp sư.

Dù nhân duyên gì làm cho mất mạng, trọn đời cũng không thân cận với hạng tri thức bất thiện.

Thường tu Tam-muội niệm Phật.

Đắc Vô Cầu! Chư Đại Bồ-tát thành tựu bốn pháp như vậy thì thường thân cận với Phật. Đức Thế Tôn nói kệ:

*Thường không bỏ Phật đạo
Chẳng khinh hủy Pháp sư
Không gần tri thức ác
Luôn siêng năng niệm Phật.
Hành bốn pháp như vậy
Được thân cận Như Lai
Dù sinh ở chỗ nào
Nơi ấy thường có Phật.
Cho đến chưa chứng đắc
Vô thượng đạo Bồ-đề
Tất cả chỗ sinh đến
Đều được gần gũi Phật.*

– Đắc Vô Cầu! Chư Đại Bồ-tát thành tựu bốn pháp tất đạt được ba mươi hai tướng đại trượng phu. Những gì là bốn?

Đem vàng rải cúng Phật hoặc rải cúng nơi tháp.

Thường dùng hương thơm xông nơi tháp Như Lai.

Đem các loại hoa, hương, âm nhạc cúng dường.
Quyến thuộc đều tùy thuận, cúng dường các
bậc Hòa thượng, A-xà-lê v.v...

Đắc Vô Cầu! Chư Đại Bồ-tát thành tựu bốn
pháp như vậy thì đạt được ba mươi hai tướng đại
trượng phu. Đức Thế Tôn nói kệ:

*Đem vàng rải cúng tháp
Hương thơm xông tháp Phật
Hương, hoa, nhạc cúng dường
Kính cúng dường Pháp sư.
Hành bốn pháp như vậy
Được ba mươi hai tướng
Đoan nghiêm rất vi diệu
Đủ tất cả công đức.
Pháp này có diệu tướng
Trí tuệ Phật đệ nhất.*

– Đắc Vô Cầu! Chư Đại Bồ-tát thành tựu bốn
pháp sẽ đạt được tám mươi vẻ đẹp. Những gì là
bốn:

Dùng các loại vải sạch đẹp trang nghiêm pháp
tòa.

Không sinh tâm mệt mỏi khi cúng dường người
khác.

Không náo loạn đối với Pháp sư.

Dạy các chúng sinh hạnh Bồ-đề của Phật.

Đắc Vô Cầu! Chư Đại Bồ-tát thành tựu bốn
pháp như vậy sẽ đạt được tám mươi vẻ đẹp. Đức

Thế Tôn nói kệ:

*Vẻ đẹp trái pháp tòa
Cúng dường không mệt mỏi
Dạy người đạo Bồ-đề
Được tám mươi vẻ đẹp.
Bồ-tát tu hạnh này
Công đức bốn loại này
Đối với tất cả thời
Được tướng hảo trang nghiêm.*

– Đắc Vô Cầu! Chư Đại Bồ-tát thành tựu bốn pháp thì đạt được biện tài thanh tịnh. Những gì là bốn?

Thọ trì tạng pháp của Bồ-tát.

Luôn luôn đọc tụng pháp môn tam Tụ.

Vì người khác thuyết pháp là nhân duyên, do Bồ-đề của Phật là bất sinh, bất diệt, xa lìa mọi nhân duyên.

Hoan hỷ thọ trì, không tiếc thân mạng và tài sản.

Đắc Vô Cầu! Chư Đại Bồ-tát thành tựu bốn pháp như vậy sẽ đạt được biện tài thanh tịnh. Đức Thế Tôn nói kệ:

*Ngày đêm thường đọc tụng
Giữ vững tạng Bồ-tát
Thế gian mọi chướng trái
Thọ trì pháp Phật ấy.
Không tiếc thân, tài sản*

*Chỉ tiếc đạo Bồ-đề
 Hành bốn pháp như vậy
 Biện tài được tăng trưởng.
 Như vật cài lên tóc
 Người thấy đều hoan hỷ
 Tất cả các thế gian
 Chúng sinh nơi trời, người
 Thấy vị Bồ-tát kia
 Hoan hỷ cũng như vậy.*

– Đắc Vô Cầu! Chư Đại Bồ-tát thành tựu bốn pháp thì có thể làm thanh tịnh cõi Phật. Những gì là bốn?

Đối với người khác không ganh tỵ.
 Tâm bình đẳng với mình và người.
 Thấy các chúng sinh tâm thường hoan hỷ.
 Không gần gũi các quyền thuộc xấu.

Đắc Vô Cầu! Chư Đại Bồ-tát thành tựu bốn pháp như vậy có thể làm thanh tịnh cõi Phật. Đức Thế Tôn nói kệ:

*Không ôm lòng ganh ghét
 Lợi người khác không giữ
 Thấy chúng sinh vui vẻ
 Bình đẳng với tất cả.
 Không bạn, quyền thuộc xấu
 Bốn pháp ấy như vậy
 Người tu hành đầy đủ
 Được cõi Phật thanh tịnh.*

– Đắc Vô Cầu! Chư Đại Bồ-tát thành tựu bốn pháp thì có được Tăng chúng đầy đủ. Những gì là bốn?

Không nhớ nghĩ đến quyền thuộc của người khác.

Quyền thuộc bị chia rẽ thì làm cho hòa hợp.

Chỗ nào có thuyết pháp thì dốc tâm thọ trì, đọc tụng, vì người khác giảng nói.

Lìa bỏ lời ác.

Đắc Vô Cầu! Chư Đại Bồ-tát thành tựu bốn pháp như vậy thì có được Tăng chúng đầy đủ. Đức Thế Tôn nói kệ:

*Không nghĩ quyền thuộc người
Hòa hợp kẻ phá hoại
Thuyết pháp dạy dỗ họ
Không nói lời hủy hoại.
Hành bốn pháp như vậy
Tăng thanh tịnh bậc nhất
Ai muốn Tăng thanh tịnh
Trí tuệ tu pháp này.*

– Đắc Vô Cầu! Chư Đại Bồ-tát thành tựu bốn pháp thì sẽ theo đúng sở nguyện của tâm sinh đến cõi Phật. Những gì là bốn?

Tâm không sinh ganh ghét đối với bạn bè của người khác.

Thường cầu hành sáu pháp Ba-la-mật, muốn được viên mãn.

Lòng tin thanh tịnh, kiên cố.

Đối với chư Bồ-tát thường khởi tâm tưởng nhớ là thầy, cho đến các vị mới phát tâm Bồ-đề cũng đều sinh tâm tưởng nhớ và cúng dường như thầy mà không chấp riêng về nhân duyên bạn bè.

Đắc Vô Cầu! Chư Đại Bồ-tát thành tựu bốn pháp như vậy sẽ tùy theo sở nguyện của tâm sinh đến cõi Phật. Đức Thế Tôn nói kệ:

*Không ganh lợi dưỡng người
Cầu pháp Ba-la-mật
Thường vững tâm thanh tịnh
Bồ-tát tưởng Pháp sư.
Không đua nịnh cầu vui
Muốn thân hữu an lạc
Thường tu công đức này
Mau thân cận Như Lai.
Sở nguyện đều tùy tâm
Được sinh thế giới Phật
Đã sinh thế giới kia
Theo ý niệm đều đạt.*

Bây giờ, Đắc Vô Cầu bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Phật đã vì con thuyết giảng về pháp môn này. Nếu như con không tin, không giữ, không tu, không hành các pháp ấy tức là hủy hoại tất cả mười phương chư Phật, Thế Tôn, ở ngay đời này, nơi mạng sống hiện tại.

Lúc ấy, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nói với

vương nữ Đắc Vô Cầu:

– Cô thật là hy hữu. Như chỗ đã nêu bày thì Bồ-đề rất khó chứng đạt. Bồ-đề ấy hành điều khó hành, có tu được là hiếm có.

Đắc Vô Cầu liền thệ nguyện:

– Thừa Đại đức Mục-kiền-liên! Đền đời vị lai, tôi sẽ thành bậc Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, giống như Đức Thế Tôn bây giờ không khác. Nếu điều đó thật sự không sai khác thì khiến cho ba ngàn đại thiên thế giới chấn động đủ sáu cách, không một chúng sinh nào bị sợ hãi. Hôm nay tôi nói lời chân thật, nếu tôi kham nhận sự tu hành đầy đủ như lời Phật dạy thì trời sẽ mưa hoa và các nhạc khí tự nhiên phát ra âm thanh. Thân nữ tôi sẽ chuyển thành thân nam tử.

Đắc Vô Cầu nói như vậy xong, tức thời ba ngàn đại thiên thế giới chấn động đủ sáu cách, các nhạc khí trời tự nhiên phát ra, trời rưới mưa hoa, vương nữ Đắc Vô Cầu chuyển thân nữ thành thân nam, như đồng tử mười sáu tuổi rất đẹp đẽ, đoan nghiêm. Tất cả đều thấy rõ.

Bấy giờ, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên bạch Như Lai:

– Bạch Thế Tôn, thật là hy hữu! Theo sự hiểu biết của con thì Bồ-tát từ lúc mới phát tâm cho đến khi an tọa nơi đạo tràng, thành tựu đạo quả, Bồ-tát Đắc Vô Cầu này thần thông như vậy là tối thắng

bậc nhất. Đại lực như vậy, đại thể như vậy, tu trì đúng như thật, các điều như thế chứng tỏ là đầy đủ mọi sự khác lạ.

Đức Phật dạy:

– Đúng vậy! Đúng vậy! Đúng như lời Mục-liên nói! Bồ-tát từ lúc mới phát tâm cho đến khi an tọa nơi đạo tràng là phước điền của hàng trời, người ở thế gian, luôn vượt hơn tất cả Thanh văn, Duyên giác.

Khi đó, Đức Phật mỉm cười, theo pháp thường của chư Phật, khi mỉm cười thì có vô lượng màu sắc khác nhau: xanh, vàng, đỏ, trắng, hồng, tím, hiện ra. Ánh sáng màu vàng rờn từ kim khâu của Như Lai phát ra chiếu khắp vô lượng vô số thế giới, cho đến cõi Phạm Thế rồi thâm lại, nhập vào nơi đỉnh đầu.

Lúc này, Tôn giả A-nan bèn đứng dậy, sửa y vai trái, gối phải sát đất, chấp tay hướng về phía Phật nói kệ tán thán:

*Thiên vương, Khẩn-na-la
 Chủ thế giới Ta-bà
 Tiếng như Đại Phạm thiên
 Âm thanh như mạng mạng.
 Âm nhạc của chư Thiên
 Tham, sân, si, tịch tĩnh
 Thế giới đều đáng yêu
 Người trong sạch như trăng.*

Sức công đức như biển
Vì sao phóng hào quang
Lại chấn động sáu cách
Mặt đất không nghiêng ngã.
Mưa hoa trong hư không
Người thấy lòng ưa thích
Giống như sư tử vương
Phá trừ dã can nhỏ.
Như Lai càng đẩy lùi
Tất cả các ngoại đạo
Cúi xin Mâu Ni Tôn
Ngày nay vì con thuyết.
Phật có nhân duyên gì
Người nào được lợi ích
Na-do-tha ức số
Ánh sáng vàng nhật nguyệt.
Đế thích, chủ Ta-bà
Cho đến sáng Phạm thiên
Hào quang từ miệng Phật
Chiếu sáng, không cầu nhiễm.
Ánh sáng nơi mười phương
Tất cả bị che lấp
Như trăng giữa chạng mờ
Thanh tịnh không cầu ướ.
Như trăng rằm mùa thu
Hoa Phân-đà không khác
Giống như điện phát sáng
Lửa đóm sao hiện được.

*Đấng Thích Ca Mâu Ni
Che lấp các ngoại đạo
Nay Như Lai phóng quang
Ai cũng được lợi ích.*

Tôn giả A-nan nói kệ rồi, Đức Phật dạy:

– Vương nữ Đắc Vô Cầu này trú trì đúng như thật, chuyển thân nữ thành thân nam, Tôn giả có thấy điều đó không?

Tôn giả A-nan đáp:

– Bạch Thế Tôn, con đã thấy.

Đức Phật dạy:

– Bồ-tát Đắc Vô Cầu này trong tám mươi ngàn a-tăng-kỳ kiếp hành trì hạnh Bồ-đề, cầu đạo quả Vô thượng Chánh giác ở nơi sáu mươi ngàn a-tăng-kỳ kiếp chỗ Phật, hành trì hạnh Bồ-đề, sau đó Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi mới phát tâm Bồ-đề. Thế giới Phật của Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi và tám mươi ngàn Bồ-tát với mọi công đức trang nghiêm thì thế giới Phật của Bồ-tát Đắc Vô Cầu với các công đức trang nghiêm như vậy.

Bấy giờ, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên hỏi Bồ-tát Đắc Vô Cầu:

– Thiện nam! Nhân giả hành hạnh Bồ-đề từ lâu xa đến nay, luôn dốc cầu đạo quả Vô thượng Chánh giác, vì sao không chuyển thân nữ?

Đắc Vô Cầu thưa:

– Thưa Đại đức Mục-kiền-liên! Sự giác ngộ nơi

Bồ-đề chẳng phải ở thân nữ, chẳng phải ở thân nam. Vì sao? Vì Bồ-đề là chẳng sinh, chẳng phải từ thân, tâm tỏ ngộ được.

Khi đó, Đồng tử Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Bồ-tát Đắc Vô Cầu này ở chỗ sáu mươi ức Đức Phật hành trì phạm hạnh, tu không Tam-muội viên mãn, trải qua tám mươi ngàn a-tăng-kỳ kiếp tu pháp nhẫn Vô sinh. Đã từng gặp ba mươi ức Phật thưa hỏi chư Phật về những điều khó hỏi, nên Bồ-tát Đắc Vô Cầu đạt được giải thoát thâm diệu trong hàng chư Bồ-tát, chính là bậc tối tôn đệ nhất. Đã từng cúng dường y phục, thức ăn lên tám mươi ức Phật, đã hỏi về pháp môn biện tài luận nghĩa này. Nay Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào nghe pháp môn này, thọ trì đọc tụng, lại vì người khác giảng thuyết thì người kia được phước rất nhiều. Vì sao? Vì pháp môn này gồm đủ các nhân duyên để đạt đến Bồ-đề.

Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Pháp môn này gọi là gì? Con sẽ phụng trì như thế nào?

Đức Phật dạy:

– Nay Văn-thù-sư-lợi! Pháp môn này gọi là “*Luận Nghĩa Biện Tài*”, theo như vậy mà thọ trì, hay còn gọi là “*Pháp Môn Đắc Vô Cầu*”, cũng thọ trì như vậy.

Khi Đức Phật thuyết giảng như vậy, có tám

mười ức na-do-tha chúng sinh là hàng trời, người v.v... tất cả không thoái chuyển, quyết định sẽ chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Biện Tu bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Đại Bồ-tát Đắc Vô Cầu còn bao nhiêu lâu nữa sẽ chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Đức Phật dạy:

– Nay thiện nam! Đại Bồ-tát Đắc Vô Cầu này trải qua vô lượng trăm ngàn a-tăng-kỳ kiếp nữa sẽ được thành Phật hiệu là Vô Cầu Tiểu Ưc Niệm Tràng Vương Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri. Thế giới đó gọi là Vô Lượng Tịnh Diệu Công Đức Trang Nghiêm. Cõi ấy không có Thanh văn, Duyên giác, phước lạc hơn hẳn cõi trời.

Lúc này, Đại Bồ-tát Đắc Vô Cầu ở trước Đức Thế Tôn nghe được thọ ký rồi, rất hoan hỷ bèn bay lên hư không cao tám mươi ức cây Đa-la, trú ở trên ấy phóng ra ánh sáng lớn, chiếu khắp hàng ngàn cõi Phật, trụ trong hoa báu tám mươi bốn ngàn do-tuần hiện rõ phía trên đỉnh đầu Như Lai. Cúng dường Phật rồi, giống như chim bay vụt xuống, nhiễu quanh chỗ Phật ngàn vòng, ngồi qua một bên, chấp tay hướng về Phật.

Khi ấy, năm trăm Bà-la-môn kia cùng Bà-la-môn Phạm Thiên thấy Bồ-tát Đắc Vô Cầu hiện bày thần thông thù thắng nên đều kinh sợ, tâm được

thanh tịnh, tin tưởng, yêu kính sâu xa, chấp tay
hướng về Phật nói kệ:

*Nếu cung kính Như Lai
Lợi kia là đại lợi
Khiến người nào quyết định
Làm nhân duyên pháp Phật.
Bà-la-môn chúng con
Trước tạo các việc ác
Thấy các Đại Thanh văn
Miệng nói là không tốt.
Nay sám hối tội này
Nguyện sau không bị nạn
Thấy nói xấu Phật tử
Chẳng phải lời người hiền.
Chẳng khéo được thân người
Bớt thức ăn người khác
Nếu con không thấy Phật
Vua công đức vi diệu.
Thì được Đắc Vô Cầu
Giải thích nêu bày luôn
Khi thấy đệ tử Phật
Nghe chốc lát cung kính.
Con hỏi vương nữ rằng
Đã thấy Phật khi nào?
Sinh ra lúc bảy ngày
Bảy giờ nghe hiệu Phật.
Nghe nói công đức Phật
Thế thật không sai khác*

Con nghe danh hiệu Phật
 Sinh tâm tin thanh tịnh.
 Tất cả đều muốn đến
 Đấng Bồ-đề vô thượng
 Nhờ phước báo đời trước
 Con được nghe hiệu Phật.
 Đến đấng Thích Sư Tử
 Đánh lễ sát chân Phật
 Cầu thấy, lễ bái Phật
 Được nghe pháp Vô thượng.
 Thấy đấng Lương Túc Tôn
 Thoát khỏi tất cả khổ
 Nếu Thích Sư tử Phật
 Thuyết pháp, lời thật ngữ.
 Con học pháp Phật kia
 Nhân duyên được pháp Phật
 Người nữ nghe pháp Phật
 Được Bồ-đề vô thượng.
 Con nay vào thật pháp
 Thực hành đạo Bồ-tát
 Con tin vào pháp Phật
 Sẽ được hơn thế gian.
 Tâm trí kia vững chắc
 Nhớ nghĩ Mâu-ni Tôn
 Thánh trí A-nan hỏi
 Thọ ký hết mọi người.

Khi ấy Đức Thế Tôn thuyết kệ:
 Năm trăm những vị này

*Bà-la-môn Phạm Thiên
 Tất cả cùng một lúc
 Sẽ được thành Phật đạo.
 Trong tám mươi ức kiếp
 Không làm các hạnh ác
 Trong mỗi mỗi kiếp ấy
 Được thấy ức Như Lai.
 Quá khứ đã cúng dường
 Đủ năm trăm ức Phật
 Sau đó lại được thấy
 Ưc Phật ngồi Bồ-đề.
 Cúng dường phước điền Tăng
 Tám mươi ức Tỳ-kheo
 Rộng vì các chúng sinh
 Thuyết pháp môn như vậy
 Tất cả đều lần lượt
 Vào Niết-bàn tịch, lạc.*

Đức Phật thuyết giảng kinh này xong, Đại Bồ-tát Biện Tu, Đại Bồ-tát Đắc Vô Cầu, tất cả Bồ-tát, các Thanh văn, các Bà-la-môn, vua Ba-tư-nặc nước Kiền-tát-la và chúng trời, người, A-tu-la, Càn-thát-bà v.v... nghe Đức Thế Tôn thuyết giảng đều hoan hỷ phụng hành.



SỐ 340

KINH VĂN THÙ SƯ LỢI SỞ THUYẾT BÁT TƯ NGHỊ PHẬT CẢNH GIỚI

*Hán dịch: Đồi Đường, Tam tạng
Pháp sư Bồ Đề Lưu Chí.*

QUYỂN THƯỢNG

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ Đà - Cấp Cô Độc, thuộc nước Xá-vệ, cùng với chúng Đại Tỳ-kheo một ngàn vị và Bồ-tát mười ngàn vị. Lại có chư Thiên tử của Dục giới, chư Thiên tử của Sắc giới và Thiên tử cõi trời Tịnh Cư, cùng với vô lượng trăm ngàn quyến thuộc của họ đang vây quanh để cung kính cúng dường, nghe Đức Phật giảng nói pháp.

Bấy giờ, Đức Phật bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

– Nay đồng tử! Ông có biện tài, khéo có thể khai diễn. Nay ông nên vì đại chúng Bồ-tát giảng nói rõ về pháp nhiệm mầu.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

– Thưa Thế Tôn! Nay Thế Tôn bảo con nói những pháp gì?

Đức Phật dạy:

– Nay đồng tử! Nay ông nên giảng nói về cảnh giới của chư Phật.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi thưa:

– Bạch Thế Tôn! Cảnh giới của chư Phật thì chẳng phải là cảnh giới của mắt, chẳng phải là cảnh giới của sắc, chẳng phải là cảnh giới của tai, chẳng phải là cảnh giới của tiếng, chẳng phải là cảnh giới của mũi, chẳng phải là cảnh giới của hương, chẳng phải là cảnh giới của lưỡi, chẳng phải là cảnh giới của vị, chẳng phải là cảnh giới của thân, chẳng phải là cảnh giới của xúc, chẳng phải là cảnh giới của ý, chẳng phải là cảnh giới của pháp. Không có các cảnh giới sai biệt như vậy, đó chính là cảnh giới của chư Phật.

Bạch Thế Tôn! Thiện nam, thiện nữ nào có ý muốn hội nhập vào cảnh giới của Phật, lấy không có đối tượng được hội nhập làm phương tiện thì mới có thể tỏ ngộ hội nhập.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Như Lai có bao nhiêu cảnh giới để có thể thành tựu đạo quả Bồ-đề?

Đức Phật dạy:

– Nay Đồng tử! Ta ở nơi cảnh giới không mà thành tựu được đạo quả Bồ-đề, vì các kiến giải luôn bình đẳng. Ở nơi cảnh giới vô tướng mà đạt được Bồ-đề vì các tướng đều bình đẳng. Ở nơi cảnh giới

vô nguyện mà đạt được Bồ-đề, vì ba cõi đều bình đẳng. Ở nơi cảnh giới vô tác mà đạt được Bồ-đề, vì các hành luôn bình đẳng. Nay đồng tử! Ta ở nơi cảnh giới vô sinh, vô khởi, vô vi, mà đạt được Bồ-đề vì tất cả hữu vi đều bình đẳng.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Vô vi là cảnh giới thế nào?

Đức Phật dạy:

– Nay Đồng tử! Vô vi là cảnh giới không thể suy lường được.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi thưa:

– Bạch Thế Tôn! Cảnh giới không thể suy lường là cảnh giới của Phật. Vì sao? Vì trong cảnh giới không thể suy lường, không có văn tự. Vì không có văn tự nên không có biện thuyết. Vì không có biện thuyết nên dứt bật các ngôn luận. Vì dứt bật mọi ngôn luận nên đó là cảnh giới của Phật.

Đức Phật hỏi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

– Nay Đồng tử! Phải cầu cảnh giới chư Phật ở đâu?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi thưa:

– Bạch Thế Tôn! Cảnh giới của chư Phật phải cầu ở trong phiền não của tất cả chúng sinh. Vì sao? Nếu hiểu rõ đúng đắn về phiền não của chúng sinh, đó chính là cảnh giới của chư Phật. Sự hiểu rõ đúng đắn về phiền não của chúng sinh này là cảnh giới của chư Phật, đó chẳng phải là nơi chốn

hành hóa của tất cả hàng Thanh văn, Phật-bích-chi.

Đức Thế Tôn lại hỏi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

– Nay Đồng tử! Nếu cảnh giới của chư Phật phải cầu ngay trong phiền não của tất cả chúng sinh, vậy cảnh giới của chư Phật đó có đến, có đi chăng?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi thưa:

– Chẳng phải vậy, thưa Thế Tôn! Cảnh giới của chư Phật thì không đến, không đi.

Đức Phật hỏi:

– Nay Đồng tử! Nếu cảnh giới của chư Phật không đến, không đi, vậy tại sao nói: “Nếu hiểu rõ đúng đắn về phiền não của chúng sinh, đó chính là cảnh giới của chư Phật?”.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi thưa:

– Bạch Thế Tôn! Giống như cảnh giới của chư Phật không có đến, không có đi, tự tánh của phiền não cũng vậy, không có đến, không có đi.

Đức Phật bảo:

– Nay Đồng tử! Những gì là tự tánh của các phiền não?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi thưa:

– Bạch Thế Tôn! Tự tánh nơi cảnh giới của chư Phật chính là tự tánh của các phiền não. Bạch Thế Tôn! Nếu tự tánh nơi cảnh giới của chư Phật khác với tự tánh của các phiền não thì Như Lai chẳng phải là Chánh giác Bình đẳng. Vì không khác, nên

đôi với tất cả pháp đều Chánh giác Bình đẳng mới gọi là Như Lai.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn lại hỏi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

– Này Đồng tử! Ông có thể hiểu rõ về pháp bình đẳng mà Như Lai an trụ chăng?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi thưa:

– Bạch Thế Tôn! Con đã hiểu rõ.

Đức Phật hỏi:

– Này Đồng tử! Những gì gọi là pháp bình đẳng mà Như Lai an trụ?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi thưa:

– Bạch Thế Tôn! Chỗ khởi lên tham, sân, si của tất cả hàng phàm phu chính là pháp bình đẳng mà Như Lai an trụ.

Đức Phật hỏi:

– Này Đồng tử! Tại sao gọi là chỗ khởi lên tham, sân, si của tất cả hàng phàm phu chính là pháp bình đẳng mà Như Lai an trụ?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi thưa:

– Bạch Thế Tôn! Tất cả phàm phu ở trong pháp không, vô tướng, vô nguyện khởi lên tham, sân, si, cho nên chỗ khởi lên tham, sân, si của tất cả phàm phu chính là pháp bình đẳng mà Như Lai an trụ.

Đức Phật hỏi:

– Này Đồng tử! Với cái không, lẽ nào lại có pháp để nói trong đó có tham, sân, si sao?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi thưa:

– Bạch Thế Tôn! Không là có cho nên tham, sân, si cũng là có.

Đức Phật hỏi:

– Này Đồng tử! Vì sao không là có? Lại vì sao tham, sân, si là có?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi thưa:

– Bạch Thế Tôn! Không, vì dùng lời nói diễn đạt nên có. Tham, sân, si cũng dùng lời nói diễn đạt nên có. Như Phật đã dạy Tỳ-kheo: “Hữu là không sinh, không khởi, vô tác, vô vi, chẳng phải là pháp của các hành. Cái không sinh, không khởi, vô tác, vô vi ấy chẳng phải là pháp của các hành, chẳng phải là chẳng có. Nếu là không có, tức ở nơi sinh khởi, tạo ra pháp của các hành, nên không xuất ly. Vì có nên nói là xuất ly”. Điều này cũng vậy. Nếu không có không, thì đối với tham, sân, si không có sự xuất ly được. Vì có cái không nên nói là các phiền não như tham, sân, si, v.v...

Đức Phật nói:

– Này Đồng tử! Đúng vậy! Đúng vậy! Như điều ông đã nói, tất cả phiền não như tham, sân, si chẳng có thứ nào mà chẳng ở trong không.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi lại bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Nếu người tu hành xa lìa tham, sân, si mà cầu nơi không, nên biết người đó chưa khéo tu tập, không thể gọi là người tu hành

được. Vì sao? Vì tất cả phiền não như tham, sân, si tức là không.

Đức Thế Tôn lại hỏi BỒ-tát Văn-thù-sư-lợi:

– Nay Đồng tử! Ông đối với tham, sân, si là đã xa lìa hay chưa xa lìa?

BỒ-tát Văn-thù-sư-lợi thưa:

– Bạch Thế Tôn! Tánh của tham, sân, si, tức là bình đẳng. Con luôn an trụ nơi bình đẳng như vậy, cho nên con đối với tham, sân, si chẳng phải là đã xa lìa, cũng chẳng phải là chưa xa lìa. Bạch Thế Tôn! Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nào tự thấy mình xa lìa tham, sân, si; thấy người khác có tham, sân, si, tức là nhị kiến: Đoạn kiến và thường kiến. Vì sao? Vì nếu thấy tự thân mình xa lìa tham, sân, si tức là đoạn kiến. Nếu thấy người khác có tham, sân, si tức là thường kiến. Bạch Thế Tôn! Người như vậy không phải là chánh trụ. Chánh trụ thì không nên cho mình là hơn và người khác là kém.

Đức Thế Tôn lại hỏi BỒ-tát Văn-thù-sư-lợi:

– Nay Đồng tử! Nếu đúng như vậy, thì trụ nơi nào mới là chánh trụ?

BỒ-tát Văn-thù-sư-lợi thưa:

– Bạch Thế Tôn! Hễ là chánh trụ thì không có trụ nơi nào cả. Trụ nơi không chỗ trụ, đó mới là chánh trụ.

Đức Phật hỏi:

– Nay Đồng tử! Lẽ nào không lấy sự trụ nơi

chánh đạo làm chánh trụ sao?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi thưa:

– Bạch Thế Tôn! Nếu trụ nơi chánh đạo thì đó là trụ nơi hữu vi. Nếu trụ nơi hữu vi thì không trụ nơi pháp tánh bình đẳng. Vì sao? Vì pháp hữu vi có sinh, diệt.

Đức Thế Tôn lại hỏi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

– Này Đồng tử! Vô vi là pháp của số lượng chẳng?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi thưa:

– Bạch Thế Tôn! Vô vi không phải là pháp của số lượng. Bạch Thế Tôn! Nếu pháp vô vi rơi vào số lượng thời đó là hữu vi, chẳng phải là vô vi.

Đức Phật hỏi:

– Này Đồng tử! Tất cả Thánh nhân đạt được pháp vô vi, vậy không có số lượng chẳng?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi thưa:

– Bạch Thế Tôn! Chẳng phải là các Thánh nhân đã chứng đắc pháp của số lượng mà đã xuất ly các pháp của số lượng.

Đức Phật lại hỏi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

– Này Đồng tử! Ông đã thành tựu Thánh pháp, hay thành tựu chẳng phải Thánh pháp?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi thưa:

– Bạch Thế Tôn! Con không thành tựu Thánh pháp, cũng không thành tựu chẳng phải Thánh pháp. Bạch Thế Tôn! Như có người được biến hóa,

vậy người ấy có thành tựu Thánh pháp hay thành tựu chẳng phải Thánh pháp?

Đức Phật nói:

– Này Đồng tử! Người được biến hóa không thể nói thành tựu Thánh pháp, cũng không thể nói thành tựu chẳng phải Thánh pháp.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi thưa:

– Bạch Thế Tôn! Tất cả các pháp như tướng huyễn hóa. Con cũng như vậy, nên sao có thể nói là thành tựu Thánh pháp hay thành tựu chẳng phải Thánh pháp?

Đức Thế Tôn lại hỏi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

– Này Đồng tử! Nếu đúng như vậy thì ông chứng đắc cái gì?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi thưa:

– Bạch Thế Tôn! Con chứng đắc cảnh giới không có tự tánh bình đẳng của Như Lai.

Đức Phật nói:

– Này Đồng tử! Ông đạt được cảnh giới của Phật sao?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi thưa:

– Nếu Thế Tôn đối với cảnh giới của Phật mà có sở đắc thì con cũng chứng đắc cảnh giới của Phật.

Bấy giờ, Trưởng lão Tu-bồ-đề hỏi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

– Này Đại sĩ! Đức Như Lai không chứng đắc

cảnh giới của Phật sao?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

– Nay Đại đức! Đại đức có đạt được cảnh giới của Thanh văn chăng?

Tu-bồ-đề nói:

– Nay Đại sĩ! Tâm giải thoát của bậc Thánh không có cảnh giới, cho nên nay tôi không có cảnh giới để có thể chứng đắc.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

– Nay Đại đức! Phật cũng vậy. Tâm giải thoát của Ngài không có cảnh giới, vậy sao có thể cho Phật là có sở đắc?

Tu-bồ-đề nói:

– Nay Đại sĩ! Nay Đại sĩ thuyết pháp, có thể không tạo sự che chở cho tâm kẻ sơ học chăng?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

– Nay Đại đức! Nay tôi xin hỏi Tôn giả, tùy ý trả lời. Như có vị lương y nhằm điều trị bệnh nhân, vì có tâm muốn che chở bệnh nhân nên không cho những loại thuốc có vị cay, chua, mặn, đắng, thích ứng với cơn bệnh. Vậy có thể làm cho người bệnh được lành, được an lạc chăng?

Thưa:

– Không thể được.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

– Nay Đại đức! Điều này cũng như vậy. Nếu vị thầy thuyết pháp, vì muốn che chở cho tâm kẻ sơ

học nên giấu kiến pháp thâm diệu không nói ra, chỉ tùy theo ý muốn của kẻ ấy, diễn nói các ý nghĩa thô thiển, để cho kẻ tu học ra khỏi các khổ nơi sinh tử đạt đến Niết-bàn an lạc. Điều đó không bao giờ có.

Khi Bồ-tát giảng thuyết pháp ấy, có năm trăm Tỳ-kheo Tăng ở trong chúng, vĩnh viễn đoạn trừ các lậu, tâm được giải thoát. Tám trăm các Thiên tử xa lìa trần cấu, đạt được pháp nhãn thanh tịnh. Lại có bảy trăm các Thiên tử nghe sự biện tài của Bồ-tát, sinh tâm tin thích sâu xa, đều phát tâm cầu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Tôn giả Tu-bồ-đề hỏi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

– Thưa Đại sĩ! Vả chẳng Đại sĩ cũng đối với thừa Thanh văn mà sinh sự tin hiểu, lại dùng pháp của Thừa này để cứu độ chúng sinh chẳng?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

– Nay Đại đức! Tôi đối với tất cả thừa đều sinh tâm tin hiểu. Đại đức! Tôi tin hiểu thừa Thanh văn, cũng tin hiểu thừa Phật-bích-chi, cũng tin hiểu Phật thừa.

Tu-bồ-đề thưa:

– Nay Đại sĩ! Vậy Đại sĩ là Thanh văn, là Phật-bích-chi, hay là Tam Miệu Tam Phật Đà?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

– Nay Đại đức! Tôi tuy là Thanh văn, nhưng không theo người khác để nghe. Tuy là Phật-bích-chi nhưng không bỏ tâm đại bi và vô sở úy. Tuy đã

thành Chánh đẳng giác nhưng đối với tất cả việc cần làm, chưa bao giờ dừng nghỉ.

Tu-bồ-đề lại hỏi:

– Này Đại sĩ! Vì sao Đại sĩ là Thanh văn?

Đáp:

– Tôi thường vì hết thầy chúng sinh thuyết giảng những pháp họ chưa được nghe, cho nên tôi là Thanh văn.

Lại hỏi:

– Vì sao Đại sĩ là Phật-bích-chi?

Đáp:

– Tôi có thể hiểu rõ tất cả các pháp đều từ duyên khởi, cho nên tôi là Phật-bích-chi.

Lại hỏi:

– Vì sao Đại sĩ là Tam Miệu Tam Phật Đà?

Đáp:

– Tôi thường giác ngộ tất cả các pháp, thể tướng là bình đẳng, cho nên tôi là Tam Miệu Tam Phật Đà.

Tôn giả Tu-bồ-đề lại hỏi:

– Này Đại sĩ! Đại sĩ quyết định trụ nơi địa nào? Là địa Thanh văn, địa Phật-bích-chi, hay Phật địa?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

– Này Đại đức! Đại đức nên biết là tôi quyết định trụ nơi tất cả địa.

Tu-bồ-đề hỏi:

– Này Đại sĩ! Đại sĩ cũng có thể quyết định trụ cả nơi địa Phàm phu sao?

Đáp:

– Đúng vậy. Vì sao? Vì tất cả các pháp và chúng sinh, tánh của nó là quyết định chánh vị. Tôi luôn an trụ ở chánh vị ấy, nên tôi nói quyết định trụ nơi địa Phàm phu.

Tu-bồ-đề lại hỏi:

– Nếu tất cả pháp và chúng sinh chính là quyết định chánh vị, vậy sao lại kiến lập sự sai khác nơi các địa? Nói đây là địa Phàm phu, đây là địa Thanh văn, đây là địa Phật-bích-chi, đây là Phật địa?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

– Này Đại đức! Ví như thế gian vì có ngôn thuyết nên ở trong hư không kiến lập thành mười phương, nêu tên: Đây là phương Đông, đây là phương Nam, cho đến đây là phương trên, đây là phương dưới. Tuy hư không không có sai biệt, nhưng các phương thì có các thứ sai biệt như vậy. Ở đây cũng thế. Đức Như Lai đối với tất cả các pháp quyết định ở trong chánh vị. Vì phương tiện khéo léo mới lập ra các địa, gọi tên: đây là địa Phàm phu, đây là địa Thanh văn, đây là địa Phật-bích-chi, đây là địa Bồ-tát, đây là Phật địa, tuy chánh vị không có sai biệt, nhưng các địa thì có sai biệt.

Tôn giả Tu-bồ-đề lại thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-

lợi:

– Thưa Đại sĩ! Đại sĩ đã nhập chánh vị rồi chẳng?

Bồ-tát Văn-thù-su-lợi đáp:

– Đại đức! Tôi đã nhập nhưng cũng lại chẳng nhập.

Tu-bồ-đề hỏi:

– Nay Đại sĩ! Sao gọi là nhập mà chẳng nhập?

Bồ-tát Văn-thù-su-lợi đáp:

– Đại đức nên biết! Đây là trí tuệ thiện xảo của Bồ-tát. Nay tôi sẽ nói cho Tôn giả một thí dụ, những người có trí tuệ, nhờ ví dụ mà được hiểu rõ. Nay Đại đức! Như có người chuyên về bắn cung, kỹ năng là tột bậc. Anh ta chỉ có một người con trai nên hết sức yêu mến. Đồng thời anh ta lại có một kẻ vô cùng thù oán, đến nỗi tai anh ta không muốn nghe tên, mắt anh ta không muốn nhìn thấy người ấy. Lúc nọ, người con anh ta ra khỏi nhà rong chơi, đang đứng bên đường ở một chỗ xa, người cha từ xa trông thấy cho rằng đó là kẻ thù, mới lấy tên lấp cung vào nhắm bắn. Khi mũi tên bay đi rồi, anh mới hay đó là con của mình, nên liền khóc lóc, chạy thật nhanh để bắt mũi tên lại. Mũi tên chưa đến nơi, anh đã chụp lại được. Người bắn tên dụ cho Bồ-tát. Một người con dụ cho chúng sinh. Kẻ thù oán dụ cho phiền não. Mũi tên dụ cho trí tuệ của bậc Thánh. Đại đức nên biết! Đại Bồ-tát dùng

trí tuệ Ba-la-mật quán tất cả pháp vô sinh, chánh vị, đại bi, thiện xảo, nên không tác chứng đối với thật tế, mà an trụ nơi địa Thanh văn, Phật-bích-chi, thế nguyện dẫn dắt, hóa độ tất cả chúng sinh đạt đến Phật địa.

Tôn giả Tu-bồ-đề lại hỏi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

– Đại sĩ! Những Bồ-tát nào có thể hành được hạnh này?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

– Đại đức! Nếu Bồ-tát thị hiện việc làm ở thế gian, nhưng không bị pháp thế gian làm ô nhiễm; hiện đồng như thế gian nhưng không khởi kiến chấp đối với các pháp. Tuy là đoạn trừ phiền não của hết thảy chúng sinh, nhưng siêng năng tinh tấn hội nhập vào pháp giới, không thấy tướng dứt hết. Tuy không trụ vào hữu vi, nhưng cũng không thủ đắc vô vi. Tuy ở trong sinh tử nhưng cũng như dạo chơi nơi vườn rừng, lầu gác, dù bản nguyện chưa viên mãn nhưng cũng không cầu mau chứng Vô thượng Niết-bàn. Tuy biết sâu về vô ngã nhưng luôn hóa độ chúng sinh. Tuy quán tự tánh của các pháp giống như hư không, nhưng dốc tâm tu tập các công đức, làm thanh tịnh quốc độ của Phật. Tuy hội nhập vào pháp giới thấy pháp bình đẳng, nhưng vì làm trang nghiêm thân, khẩu, ý của Phật nên không bỏ tinh tấn. Nếu các Bồ-tát có đầy đủ các hạnh như vậy thì mới có thể hành được.

Tôn giả Tu-bồ-đề lại bạch Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

– Đại sĩ! Nay Đại sĩ giảng nói chỗ tu hành của Bồ-tát như thế, chẳng phải là pháp mà thế gian có thể tin thọ được.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

– Đại đức! Tôi nay vì muốn khiến cho các chúng sinh vĩnh viễn ra khỏi thế gian, nên giảng nói về hạnh của Bồ-tát biết rõ pháp thế gian để xuất ly.

Tu-bồ-đề thưa:

– Đại sĩ! Thế nào là pháp thế gian? Thế nào gọi là xuất ly?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

– Đại đức! Pháp thế gian là năm uẩn. Sao gọi là năm? Đó là Sắc uẩn, Thọ uẩn, Tưởng uẩn, Hành uẩn, Thức uẩn. Các uẩn như vậy: Sắc như chùm bong bóng nước, Thọ như bọt nước nổi, Tưởng như dạn nắng, Hành như thân cây chuối, Thức như huyễn hóa. Cho nên ở trong đó không có thế gian, cũng không có các uẩn, cho đến ngôn thuyết, danh tự cũng như vậy. Nếu hiểu được như vậy, tâm mới không tán loạn. Nếu tâm không tán loạn, không nhiễm pháp thế gian. Nếu không nhiễm pháp thế gian tức là xuất ly pháp thế gian.

Lại nữa, này Đại đức! Các pháp như năm uẩn, tánh của chúng vốn không. Vì tánh không nên

không hai. Vì không hai nên không có ngã và ngã sở. Vì không có ngã và ngã sở nên không có gì để nắm giữ, chấp trước. Vì không có gì để nắm giữ, chấp trước tức là xuất ly thế gian pháp.

Lại nữa, này Đại đức! Pháp năm uẩn do nhân duyên mà có. Vì do nhân duyên mà có nên không có năng lực. Vì không có năng lực nên không có chủ thể. Vì không có chủ thể nên không có ngã và ngã sở. Vì không có ngã và ngã sở nên không có thọ nhận, giữ lấy. Vì không có thọ nhận, giữ lấy nên không có chấp thủ và cạnh tranh. Vì không có chấp thủ và cạnh tranh nên không có tranh luận. Vì không tranh luận nên đó là pháp của Sa-môn. Vì pháp của Sa-môn là biết tất cả các pháp như tiếng vang trong không trung. Nếu có thể hiểu rõ tất cả các pháp như tiếng vang trong không trung tức là xuất ly khỏi pháp thế gian.

Lại nữa, này Đại đức! Pháp của năm uẩn này đồng với pháp giới. Pháp giới tức chẳng phải là cảnh giới. Trong chỗ chẳng phải là cảnh giới thì không có nhãn giới, không có sắc giới, không có nhãn thức giới, không có nhĩ giới, không có thanh giới, không có nhĩ thức giới, không có tỉ giới, không có hương giới, không có tỷ thức giới, không có thiệt giới, không có vị giới, không có thiệt thức giới, không có thân giới, không có xúc giới, không có thân thức giới, không có ý giới, không có pháp giới, không có ý thức giới. Trong đó cũng không

có Địa giới, Thủy giới, Hỏa giới, Phong giới, Hư không giới, và Thức giới. Cũng không có Dục giới, Sắc giới, và Vô sắc giới. Cũng không có hữu vi giới, vô vi giới, ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả.

Như vậy, tất cả đều không thực có, quyết định là không thể thủ đắc. Nếu có thể hội nhập vào ý nghĩa sâu xa bình đẳng này, cùng tương ưng với không chỗ nhập, tức là xuất ly khỏi pháp thế gian.

Khi BỒ-tát giảng nói pháp này, có hai trăm Tỳ-kheo ở nơi chúng hội vĩnh viễn chấm dứt các lậu, tâm được giải thoát. Tất cả đều đem y đang mặc trên thân, dâng lên BỒ-tát Văn-thù-sư-lợi, thưa:

– Nếu có chúng sinh được nghe diệu pháp sâu xa này, chắc chắn sinh tâm tín thọ. Nếu họ không sinh lòng tin mà cầu chúng ngộ thì không bao giờ có được.

Bấy giờ, Trưởng lão Tu-bồ-đề nói với các Tỳ-kheo:

– Các vị đã đắc gì, đã chứng gì?

Các Tỳ-kheo thưa:

– Đại đức! Không đắc, không chứng là pháp của Sa-môn. Vì sao? Vì nếu có sở đắc, tâm liền loạn động, nếu có sở chứng thì tự mình kiêu căng, tự phụ. Nếu có loạn động, kiêu căng, tự phụ thì liền rơi vào nghiệp ma. Nếu có người tự nói: “Tôi đắc”, “Tôi chứng”, nên biết người ấy là tăng thượng mạn.

Đức Phật dạy:

– Này các Tỳ-kheo! Các vị có biết rõ ý nghĩa về tăng thượng mạn chăng?

Các Tỳ-kheo thưa:

– Bạch Thế Tôn! Theo ý của chúng con, nếu có người nói: “Tôi có thể biết Khổ”, thì kẻ ấy không biết về tướng khổ mà tự nói “Tôi biết”, “Tôi có thể đoạn Tập, chứng Diệt, tu Đạo”, thì kẻ ấy không biết về tướng Tập, Diệt, Đạo. Cho đến nói: “Tôi có thể tu Đạo” thì nên biết đó là tăng thượng mạn. Vì sao? Vì tướng Khổ là tướng vô sinh. Tướng Tập, Diệt, Đạo chính là tướng vô sinh. Tướng vô sinh tức là phi tướng, là tướng bình đẳng. Đó là các Thánh nhân, đối với tất cả các pháp đạt được tướng giải thoát, trong đó không có sự biết Khổ, đoạn Tập, chứng Diệt, tu Đạo. Có thể chứng đắc những tướng như vậy. Nếu có chúng sinh nghe được ý nghĩa bình đẳng nơi tất cả các pháp mà sinh tâm sợ hãi, nên biết kẻ ấy là tăng thượng mạn.

Đức Thế Tôn liền bảo:

– Lành thay! Lành thay! Này các Tỳ-kheo! Như lời các vị đã nói, đúng vậy, đúng vậy! Này Tôn giả Tu-bồ-đề, chư vị nên biết các Tỳ-kheo này ở trong thời quá khứ của Đức Phật Ca-diếp đã từng theo Đồng tử Văn-thù-sư-lợi, được nghe pháp hết sức thâm diệu như vậy, nhờ nghe pháp nên mau đạt được thân thông. Nay lại được nghe pháp, tùy

thuận, không chống trái. Này Tu-bồ-đề! Nếu lại có người ở trong pháp của Ta được nghe về ý nghĩa này, sinh tâm tin hiểu thì kẻ ấy đời sau sẽ được gặp Đức Phật Di-lặc. Nếu chưa phát tâm cầu Đại thừa, đối với trong ba hội đều được giải thoát. Nếu đã phát tâm cầu Đại thừa, thì sẽ được an trụ nơi địa kham nhẫn.

Bấy giờ, Thiên tử Thiện Thắng bạch Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

– Đại sĩ! Đại sĩ thường ở trong cõi Diêm-phù-đề này thuyết pháp cho chúng sinh. Nay ở cõi trời Đâu-suất có các Thiên tử đã từng ở thời quá khứ gặp vô lượng Đức Phật, cung kính cúng dường, trồng các căn lành, nhưng vì thọ sinh ở cõi trời, tham đắm cảnh giới, không thể đến pháp hội này để nghe pháp. Xưa họ đã vun trồng căn lành, nay lại thoái thất. Nếu được nhờ vào sự dạy bảo, dẫn dắt của Bồ-tát, chắc căn lành nơi họ lại được tăng trưởng. Cúi mong Đại sĩ đến thiên cung trong giây lát, vì các Thiên tử ấy rộng nói, nêu bày pháp yếu.

Bấy giờ, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi dùng diệu lực của thần thông, liền ngay nơi chỗ đứng bỗng nhiên hóa thành thiên cung Đâu-suất, đầy đủ các thứ, chẳng thiếu vật gì, khiến cho Thiên tử Thiện Thắng và tất cả chư Thiên, nhân trong hội này đều cho là đang ở trên cõi trời Đâu-suất. Họ thấy cõi trời ấy đầy đủ các thứ trang nghiêm: vườn, rừng, ao tắm, cây cối từng hàng, cung điện, lầu gác, mái hiên

giao nhau, cây trụ chạm trở nổi liền sàn nhà, các cửa sổ điêu khắc ở giữa nhà, nhiều lớp trụ ngắn trên sàn nhà, phân bố nhiều đá nhỏ, cây báu làm đài, trang nghiêm đẹp đẽ. Đài ấy rất nhỏ, chỉ có bảy tầng, hoặc tám tầng, chín tầng, cho đến cao hai mươi tầng. Cứ trên mỗi đài, nơi nơi đều có cấp bậc, tất cả đều có các Thiên nữ, đang tuổi xuân thì tươi đẹp, tay chân mềm mại, trán rộng, mi dài, mặt mắt thanh tịnh, như tấm lưới vàng, thường có ánh sáng, cũng như hoa sen lìa các bụi nhơ, phát ngôn vui vẻ, đi đứng uyển chuyển, cử động hợp với oai nghi, thanh nhã, có phép tắc, ví như trăng rằm, ai cũng thích nhìn. Họ sử dụng các thứ đàn không hầu, cầm, sắt, ống tiêu, ống sáo, chuông trống, hoặc ca hoặc hát, âm tiết hòa nhịp. Các kỹ nữ đẹp xếp thành từng hàng, chia nhau đứng trên sân cùng múa. Những việc như vậy bỗng nhiên đều đầy đủ.

Bây giờ, Thiên tử Thiện Thắng thấy cung điện mình và các quyến thuộc vui chơi như vậy, trong tâm sinh nghi hoặc, bạch Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

– Lạ thay, Đại sĩ! Làm sao Đại sĩ có thể khiến cho con và đại chúng trong nháy mắt được đến cõi này?

Khi ấy, Trưởng lão Tu-bồ-đề nói với Thiên tử Thiện Thắng.

– Thiên tử! Ban đầu tôi cũng cho rằng tôi cùng chư vị nơi đại chúng đều đến cõi trời Đâu-suất-đà,

nhưng giờ mới biết trước nay đều bất động, chưa từng có việc cùng đến cõi trời ấy. Những điều đã thấy như vậy đều do thần thông Tam-muội của Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi hiện ra.

Thiên tử Thiện Thắng bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi thật vô cùng hy hữu mới có thể dùng diệu lực của thần thông Tam-muội không thể nghĩ bàn khiến cho chúng hội này không rời khỏi chốn cũ mà cho là đã đến cõi trời Đâu-suất-đà.

Đức Phật bảo:

– Nay Thiên tử! Ông chỉ biết được chút ít diệu lực nơi thần thông biến hóa của Đồng tử Văn-thù-sư-lợi, nhưng Như Lai thì biết thần thông của vị ấy nhiều vô lượng.

Nay Thiên tử! Do diệu lực nơi thần thông của Đại sĩ Văn-thù-sư-lợi, giả sử các quốc độ của Phật nhiều như cát sông Hằng, thấy đều trang nghiêm, đẹp đẽ, mỗi mỗi không đồng, có thể ở trong một cõi Phật, thấy đều làm cho thấy rõ khắp. Lại dùng các quốc độ của Phật nhiều như cát sông Hằng tập hợp nơi một chỗ giống như một bó lụa đem ném lên phương trên, chẳng có khó gì. Lại dùng các quốc độ của Phật nhiều như cát sông Hằng với các biển lớn hiện có đem đặt lên một lỗ chân lông, nhưng khiến cho các chúng sinh trong đó không hay, không biết, không bị va chạm. Lại dùng các

quốc độ của chư Phật nhiều như cát sông Hằng với các núi chúa Tu-di hiện có, đem các núi ấy đặt vào một ngọn núi, lại lấy các ngọn núi ấy cho vào trong một hạt cải, khiến tất cả chư Thiên trụ nơi các núi ấy không biết, không hay, cũng không bị trở ngại.

Lại dùng các quốc độ của chư Phật nhiều như cát sông Hằng, trong đó với năm đường chúng sinh hiện có đặt trong lòng bàn tay mặt, lại lấy tất cả vật dụng tạo sự an lạc trong các quốc độ này, mỗi mỗi chúng sinh đều đem cho hết, bình đẳng, không sai biệt. Lại đem các quốc độ của chư Phật nhiều như cát sông Hằng lúc kiếp tận, bị thiêu rụi, tất cả những ngọn lửa lớn hiện có ấy gom lại một chỗ, khiến cho các ngọn lửa lớn, nhỏ ấy chỉ như một ngọn đèn, nhưng ngọn lửa vẫn như cũ không sai khác.

Lại dùng các quốc độ của chư Phật như cát sông Hằng, tất cả các mặt trăng, mặt trời hiện có, hoặc ở nơi một lỗ chân lông thu tóm ánh sáng nơi các mặt trời, mặt trăng ấy, làm cho chúng bị che khuất không hiện ra.

Này Thiên tử! Ta ở trong một kiếp, hoặc hơn một kiếp nói về diệu lực nơi Tam-muội thần thông biến hóa của Đồng tử Văn-thù-sư-lợi cũng không thể nào hết.

Bấy giờ, ma Ba-tuần tự biến thân mình thành một Tỳ-kheo, ở trong chúng hội, ngồi qua một bên,

bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Nay con nghe nói về diệu lực nơi thần thông của Đồng tử Văn-thù-sư-lợi, không sao tin thọ được. Cúi mong Thế Tôn khiến ở trước con, bảo vị ấy hiện bày thần lực để con được thấy.

Khi ấy, Đức Thế Tôn biết đây là ma ác biến làm Tỳ-kheo, cũng muốn khiến cho chúng sinh tăng trưởng thiện căn, nên bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

– Này Bồ-tát nên tự hiện bày diệu lực thần thông, khiến cho vô lượng chúng sinh trong chúng hội đều được thiện lợi.



KINH VĂN THÙ SƯ LỢI SỞ THUYẾT BÁT TỬ NGHỊ PHẬT CẢNH GIỚI QUYỂN HẠ

Bây giờ, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi vâng theo lời Phật dạy, liền nhập Tam-muội thần thông tâm tự tại với tất cả các pháp. Nhập vào Tam-muội này xong, phát khởi diệu lực thần thông, hiện bày các thần biến như đã nói, hiển nhiên, rực sáng, thấy đều hiện tiền, như lời Phật dạy, không thêm không bớt, làm cho những người có mặt nơi chúng hội không ai không thấy rõ.

Lúc này, đại chúng thấy thần lực ấy đều khen chưa từng có, đồng thanh xưng lên:

– Lành thay! Lành thay! Chư Phật, Như Lai vì các chúng sinh xuất hiện ở thế gian. Lại có vị Đại sĩ với phương tiện thiện xảo như vậy đồng xuất hiện ở đời mới có thể hiển bày diệu lực thần thông không thể nghĩ bàn ấy.

Khi ấy, ma ác thấy các thứ thần biến này xong hết sức vui mừng, lạy nơi chân Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, chấp tay cung kính hướng về Đức Như Lai, thưa:

– Đồng tử Văn-thù-sư-lợi rất hy hữu mới có thể hiện thần thông biến hóa không thể nghĩ bàn như thế. Các người nghe thấy ai mà không kinh ngạc,

hồ nghi. Nếu có chúng sinh được nghe sự việc này, có thể sinh tâm tín thọ, giả sử ma ác nhiều như cát sông Hằng, muốn làm não hại những người ấy thì cũng không bao giờ hại được.

Bạch Thế Tôn! Con là ma ác thường ở chỗ Phật, rình rập chờ cơ hội, tâm thích não hại tất cả chúng sinh. Nếu thấy có người siêng năng tu tập điều lành thì con sẽ dùng oai lực của mình tạo chướng ngại cho họ.

Bạch Thế Tôn! Kể từ hôm nay, con xin phát tâm thệ nguyện sâu xa: Chỉ cần người nào đem pháp môn này hoằng dương ở đâu, nơi đất nước, thành ấp, làng xóm, trong khoảng một trăm do-tuần, thì con ở đó để hộ vệ. Ví như người mù chẳng làm gì được, những kẻ xấu ác không thể đối với các chúng sinh kia sinh tâm não hại. Nếu con thấy có người thọ trì, đọc tụng, tư duy, giải thích kinh này, liền sinh tâm tôn trọng, cung cấp, cúng dường.

Bạch Thế Tôn! Bè nhóm của chúng con thích gây trở ngại cho pháp Phật. Nếu thấy có người tu hành pháp thiện, họ liền gây thêm sự bức bách, cản trở, khiến phải thoái chuyển. Nay con vì để đoạn trừ những việc ác như vậy nên nói Đà-la-ni này:

Liền nói thần chú: Đát diệt tha A ma lê, Tỳ ma lê, Sĩ đá đáp tỳ, A yết bà nê thị đa thiết đôt lộ, thệ duệ, thệ da mặt đê, thâu bà mặt đê, Thiêm mê phiến đê, A phổ mê, Phổ phổ mê, địa rị, A khế, mạc khế,

khư khế, nhị lý la, A già mê, Phở la, Phở la phở la, Thâu mê thâu thâu mê, địa rị, địa rị, A na bạt đề, Sĩ đá đáp tỳ, Ngật lý đa yết thê, Ngật lý đa tỳ đề, Tỳ lô chiết đảm, Tát đạt ma Bà nỗ câu, yết tả tô đát la tả đà lộ ca, A bạt la mục đa y bà tô lý da.

Bạch Thế Tôn! Đà-la-ni này ủng hộ các vị Pháp sư, có thể khiến cho vị ấy dũng mãnh, tinh tấn, biện tài không gián đoạn, tất cả ma ác không thể lợi dụng được. Lại khiến cho các ma ấy tâm sinh hoan hỷ, dùng các thứ y phục, ngọa cụ, ẩm thực, thuốc thang, các nhu cầu cần thiết để cúng dường.

Bạch Thế Tôn! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào thọ trì chú này, ngày đêm liên tục, sẽ được tất cả hàng Thiên, Long, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Nhân và phi nhân ... thường hộ vệ, tất cả kẻ oán thù, ganh ghét đều không thể hại được.

Đức Phật nói với ma:

– Lành thay! Lành thay! Nay người nói Đà-la-ni ấy, khiến cho vô lượng Hằng hà sa thế giới hiện đủ sáu thứ chấn động. Ma vương nên biết, chỗ biện thuyết nơi người là thần lực của Đồng tử Văn-thù-sư-lợi tạo ra.

Khi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi dùng thần lực khiến cho ma Ba-tuần nói thần chú này, ba vạn người trong chúng hội đều phát tâm cầu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bấy giờ, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi hiện bày sự biến hóa xong bèn thâm giữ thần lực, liền bảo Thiên tử Thiện Thắng:

– Nay Thiên tử! Nay ta muốn đến cõi trời Đâu-suất-đà, ông hãy về trước bảo Thiên chúng tụ tập đông đủ.

Thiên tử Thiện Thắng nghe lời ấy xong, cùng với quyến thuộc đi nhiều theo phía bên phải Phật và đại chúng Bồ-tát như Đồng tử Văn-thù-sư-lợi rồi liền biến mất, trong khoảnh khắc đi đến thiên cung. Đến nơi, bảo khắp Thiên chúng:

– Các vị nên biết! Đại Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi vì thương xót chúng ta nên sắp đến đây. Tất cả Thiên chúng hãy liả bỏ các sự vui chơi, phóng dật, cùng đến tụ tập ở đây để nghe pháp.

Khi Thiên tử Thiện Thắng nói lời ấy xong thì các Thiên tử cùng kiến lập đạo tràng nơi thiên cung rất rộng, thanh tịnh, trang nghiêm, đẹp đẽ, làm bằng các thứ ngọc báu như ý của cõi trời. Đông - Tây rộng ba vạn hai ngàn do-tuần, Nam - Bắc một vạn sáu ngàn do-tuần. Lại trong đạo tràng ấy đặt vô lượng trăm ngàn tòa sư tử, tòa đều cao rộng đủ các thứ trang nghiêm, dùng y báu cõi trời phủ lên trên.

Lúc này, Thiên tử Thiện Thắng trang nghiêm đạo tràng và tòa sư tử xong, bèn cung kính chấp tay từ xa hướng về Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi thưa:

– Con trở về thiên cung chuẩn bị mọi việc đã xong, mong Đại sĩ giáng lâm, nay đã đúng lúc.

Bấy giờ, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi cùng với các Bồ-tát một vạn hai ngàn người, đại Thanh văn một ngàn năm trăm người, ngoài ra còn có vô lượng trăm ngàn chúng Thiên, Long, Dạ-xoa, Càn-thát-bà v.v... từ tòa đứng dậy, đánh lễ nơi chân Phật, nhiễu quanh phía bên phải ba vòng, ở trước Đức Như Lai liền biến mất, trong khoảnh khắc đến cõi trời Đâu-suất-đà, đi vào đạo tràng, ngồi trên tòa đã soạn sẵn.

Khi ấy, các vị trời Tứ Thiên vương, Tam Thập Tam, Dạ-ma, Hóa Lạc, Tha Hóa Tự Tại, và các chúng Phạm thiên trong cõi Sắc, lần lượt truyền nhau, nói rõ:

– Hiện nay Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đang ở tại cõi trời Đâu-suất-đà, sắp thuyết giảng đại pháp, chúng ta nên cùng nhau đến chốn ấy để nghe những pháp chưa được nghe, cùng chúng kiến những việc hy hữu.

Nói vậy xong, các chúng Thiên tử nhiều vô lượng, vô số nơi Dục giới, Sắc giới, chỉ trong một khoảnh khắc đều từ trụ xứ của mình đi đến tụ hội tại cung trời Đâu-suất. Nhờ sức từ oai thần của Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nên khiến cho đạo tràng dung chứa tất cả, không hề bị trở ngại.

Thiên tử Thiện Thắng bạch Bồ-tát Văn-thù-sư-

lợi:

– Thưa Đại sĩ! Nay đại chúng đều đã tập hội, mong Đại sĩ dùng biện tài để mở bày giáo pháp.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bảo khắp Thiên chúng:

– Các Nhân giả! Nếu các Bồ-tát trụ nơi bốn thứ hạnh thì có thể thành tựu tất cả pháp thiện. Những gì là bốn? Một là trì giới. Hai là tu thiền. Ba là thần thông. Bốn là điều phục. Nếu Bồ-tát có thể trì giới thì thành tựu đa văn. Nếu hay tu thiền thì thành tựu Bát nhã. Nếu được thần thông thì thành tựu trí thắng. Nếu biết điều phục thì có thể thành tựu tâm không phóng dật. Vì vậy, ta nói: “Các Bồ-tát trụ nơi bốn hạnh thì có thể thành tựu tất cả pháp thiện”.

Này các Nhân giả! Nên biết trì giới, thực hiện tám pháp đầy đủ thì luôn được thanh tịnh. Những gì là tám?

Thân hành chánh trực.

Các nghiệp thuần tịnh.

Tâm không cấu uế.

Ý chí luôn kiên định.

Tự nuôi sống bằng chánh mạng.

Hành pháp Đầu-đà, tri túc.

Xa lìa các hình tướng dối trá, hư giả không thật.

Luôn không quên mất tâm Bồ-đề.

Đó gọi là trì giới với tám thứ thanh tịnh.

Lại nữa, này các Nhân giả! Nên biết đa văn cũng do tám pháp mà được thanh tịnh. Những gì là

tám?

Kính thuận sư trưởng.

Diệt trừ kiêu mạn.

Siêng năng ghi nhớ, thọ trì.

Chánh niệm, không nhầm lẫn.

Thuyết pháp, giải thích không mệt mỏi.

Không tự kiêu căng, khoe công.

Quán sát đúng như lý.

Theo lời dạy mà tu hành.

Đó gọi là đa văn với tám thứ thanh tịnh.

Lại nữa, này các Nhân giả! Nên biết thiên định cũng nhờ tám pháp mà được thanh tịnh. Những gì là tám?

Thường ở chỗ vắng vẻ, tịch tĩnh tư duy.

Không cùng với nhiều người tụ hội trò chuyện.

Đối với cảnh giới bên ngoài không có tham chấp.

Cả thân lẫn tâm đều xả bỏ các sự vinh hoa.

Ăn uống theo thiểu dục.

Không có tâm duyên dựa ngoại cảnh.

Không thích sự trau chuốt âm thanh văn tự.

Khuyên bảo người khác khiến đạt được cái vui của bậc Thánh.

Đó gọi là thiên định có tám thứ thanh tịnh.

Lại nữa, này các Nhân giả! Nên biết Bát nhã cũng nhờ tám pháp mà được thanh tịnh. Những gì

là tám?

Khéo biết các uẩn.

Khéo nhận biết các giới.

Khéo biết các xứ.

Khéo biết các căn.

Khéo biết ba môn giải thoát.

Vĩnh viễn chặt đứt cội gốc của tất cả phiền não.

Vĩnh viễn ra khỏi tất cả các Hoặc ngăn che, trói buộc.

Vĩnh viễn xa lìa tất cả nẻo hành của các thứ kiến chấp.

Đó gọi là tám thứ thanh tịnh của Bát nhã.

Lại nữa, này các Nhân giả! Nên biết thần thông cũng nhờ tám pháp mà được thanh tịnh. Những gì là tám?

Thấy tất cả sắc không bị chướng ngại.

Nghe tất cả tiếng không bị giới hạn.

Biết khắp nẻo hành nơi tâm của chúng sinh.

Nhớ nghĩ về đời trước không bị chướng ngại, không tham đắm.

Thần túc du hành khắp các cõi Phật.

Dứt sạch hết tất cả lậu mà không sai thời.

Tích tập rộng mọi căn lành, lìa các sự tán loạn, náo động.

Như lúc mới phát thệ nguyện, luôn vì các thiện hữu độ khắp chúng sinh.

Đó gọi là tám thứ thanh tịnh của thần thông.

Lại nữa, này các Nhân giả! Nên biết với trí thù thắng cũng có tám pháp mà được thanh tịnh. Những gì là tám?

Trí về khô, biết khắp về năm uẩn.

Trí về tập, vĩnh viễn đoạn trừ các ái.

Trí về diệt, quán các duyên khởi rốt ráo không sinh.

Trí về đạo, có thể chứng đắc công đức hữu vi, vô vi.

Trí về nhân quả, biết nghiệp cùng với việc làm không có chống trái.

Trí quyết định, biết rõ về vô ngã, vô chúng sinh v.v...

Trí về ba đời, khéo hay phân biệt sự luân chuyển của ba đời.

Trí nhất thiết trí, đó là Bát nhã Ba-la-mật.

Đó gọi là tám thứ thanh tịnh của trí thù thắng.

Lại nữa, này các Nhân giả! Nên biết sự điều phục cũng nhờ tám pháp mà được thanh tịnh. Những gì là tám?

Bên trong luôn luôn tịch tĩnh.

Bên ngoài gìn giữ nẻo hành hóa.

Không bỏ ba cõi.

Tùy thuận duyên khởi.

Quán sát các pháp, bản tánh của chúng là không

sinh.

Quán sát các pháp không có người tạo ra.

Quán sát các pháp xưa nay là vô ngã.

Rốt ráo không khởi tất cả phiền não.

Đó gọi là tám thứ thanh tịnh nhờ điều phục.

Lại nữa, này các Nhân giả! Nên biết không phóng dật cũng nhờ tám pháp mà được thanh tịnh. Những gì là tám?

Không làm ô uế giới hạnh.

Luôn làm thanh tịnh đa văn.

Thành tựu các định.

Tu hành Bát nhã.

Đầy đủ thần thông.

Không tự cao ngạo.

Tiêu diệt các thứ tranh luận.

Không thoái chuyển đối với các pháp thiện.

Đó gọi là tám thứ thanh tịnh của sự không phóng dật.

Này chư Nhân giả! Nếu các Bồ-tát an trụ nơi sự không phóng dật thì không mất ba thứ vui. Những gì là ba? Đó là vui của chư Thiên, vui thiên định, vui Niết-bàn.

Lại được giải thoát khỏi ba cõi ác. Những gì là ba?

Đó là: Địa ngục, súc sinh và ngạ quỷ.

Lại không bị ba thứ khổ bức bách. Những gì là

ba?

Đó là khổ về sinh, khổ về già và khổ về chết.

Lại được xa lìa vĩnh viễn ba thứ sợ hãi. Những gì là ba?

Đó là: Sợ không sống, sợ tiếng xấu ác, sợ oai đức của đại chúng.

Lại được vượt ra khỏi ba thứ hữu. Những gì là ba?

Đó là: Hữu nơi cõi Dục, hữu nơi cõi Sắc, hữu nơi cõi Vô sắc.

Lại được tẩy trừ ba thứ cấu uế. Những gì là ba?

Đó là: Cấu uế của tham dục, sân hận và ngu si.

Lại được viên mãn ba thứ học. Những gì là ba?

Đó là: Học về giới, học về tâm và học về tuệ.

Lại được ba thứ thanh tịnh. Những gì là ba?

Đó là: Thân thanh tịnh, ngữ thanh tịnh và ý thanh tịnh.

Lại được đầy đủ ba thứ tạo thành phước. Những gì là ba?

Đó là: Thí tạo thành phước, giới tạo thành phước và tu tạo thành phước.

Lại có thể tu tập ba môn giải thoát. Những gì là ba?

Đó là: Giải thoát môn không, giải thoát môn vô tướng và giải thoát môn vô nguyện.

Lại khiến cho ba thứ chủng tánh vĩnh viễn

không đoạn tuyệt. Những gì là ba?

Đó là: Chủng tánh của Phật, chủng tánh của Pháp và chủng tánh của Tăng.

Này chư Nhân giả! Hạnh không phóng dật có năng lực như vậy, cho nên các vị nên cùng nhau tu hành.

Lại nữa, này chư Nhân giả! Bồ-tát thực hành sáu pháp Ba-la-mật, mỗi mỗi pháp có đủ ba thứ chướng ngại cần được đối trị. Nếu trụ nơi pháp không phóng dật thì có thể mau chóng đoạn trừ. Những gì là ba? Đó là tự mình không bỏ thí, không muốn người khác bỏ thí, sân hận với người bỏ thí. Tự mình không trì giới, không muốn người khác trì giới, sân hận với người hay trì giới. Tự mình không nhẫn nhục, không muốn người khác nhẫn nhục, sân hận với người hay nhẫn nhục. Tự mình không tinh tấn, không muốn người khác tinh tấn, sân hận với người hay tinh tấn. Tự mình không tu định, không muốn người khác tu định, sân hận với người hay tu định. Tự mình không có trí tuệ, không muốn người khác có trí tuệ, sân hận với người có trí tuệ. Như vậy, Bồ-tát thực hành sáu độ, mỗi mỗi đủ ba thứ chướng ngại sai biệt, nhưng nhờ không phóng dật mà được đoạn trừ.

Lại nữa, này chư Nhân giả! Bồ-tát thực hành sáu pháp Ba-la-mật đều dùng ba pháp mà được viên mãn. Những gì là ba? Đó là: Bồ thí có ba,

nghĩa là: hay xả tất cả, không cầu quả báo và hồi hướng đến Bồ-đề. Trì giới có ba, nghĩa là: hết lòng kính trọng, hộ trì không sót và hướng đến Bồ-đề. Nhẫn nhục có ba, nghĩa là: nhu hòa, khoan dung; tự bảo vệ và bảo vệ người khác, hồi hướng đến Bồ-đề. Tinh tấn có ba, nghĩa là: không bỏ gánh nặng về thiện, không có tưởng khứ lai, hồi hướng đến Bồ-đề. Thiên định có ba, nghĩa là: nhập khắp các định, không có chỗ duyên đưa, hồi hướng đến Bồ-đề. Bát nhã có ba, nghĩa là: trí sáng chiếu khắp, diệt các hý luận, hồi hướng đến Bồ-đề. Như vậy gọi là Bồ-tát tu tập sáu độ, mỗi mỗi độ đều có ba thứ, có thể thành pháp viên mãn, nhờ hạnh không phóng dật mà tăng trưởng.

Lại nữa, này các Nhân giả! Tất cả các Bồ-tát nhờ không phóng dật nên mau thành tựu ba mươi bảy pháp phần Bồ-đề v.v... với các pháp thiện hiện có, chứng được Bồ-đề Vô thượng của chư Phật. Thế nào là mau thành tựu pháp phần Bồ-đề? Đó là các Bồ-tát nhờ không phóng dật, tu bốn niệm xứ, không trải qua sự khô nhọc, mau được viên mãn.

Thế nào là tu? Đó là quán Thân-xứ là không thật có, quán Thọ-xứ là không thật có, quán Tâm-xứ là không thật có, quán Pháp-xứ là không thật có. Đối với tất cả pháp đều không thủ đắc. Như vậy gọi là tu bốn niệm xứ.

Lại nữa, các Bồ-tát nhờ không phóng dật nên tu Bốn chánh cần mau được viên mãn. Tu tập thế

nào? Đó là các BỒ-tát tuy luôn quán xét tất cả các pháp xưa nay vốn là vô sinh, vô đắc, vô khởi, không có tác giả, giống như hư không, nhưng vì các pháp ác, bất thiện chưa sinh khiến cho chúng không sinh, thâm giữ tâm chánh trụ, siêng hành tinh tấn. Tuy quán tất cả các pháp là không nghiệp, không quả, nhưng vì các chúng sinh đã tạo các pháp ác, bất thiện, muốn khiến đoạn trừ, nên thâm giữ tâm chánh trụ, siêng hành tinh tấn. Tuy tin hiểu tất cả pháp là không, không thật có, nhưng vì các pháp thiện chưa sinh, muốn khiến cho sinh, nên thâm giữ tâm chánh trụ, siêng hành tinh tấn. Tuy biết các pháp xưa nay là tịch tĩnh, nhưng vì các pháp thiện đã sinh muốn khiến cho an trụ, không bị thoái thất, càng thêm tăng trưởng, nên thâm giữ tâm chánh trụ, siêng hành tinh tấn.

Các BỒ-tát ấy tuy luôn quán xét tất cả các pháp là không có đối tượng được tạo tác, không có chủ thể tạo tác. Thể tướng vốn bình đẳng, trong đó không có một chút pháp nào có thể được hoặc sinh, hoặc diệt, nhưng thường tinh tấn tu tập không lìa bỏ, đó gọi là tu tập Bốn chánh cần.

Lại nữa, các BỒ-tát nhờ không phóng dật nên tu Bốn thần túc mau được viên mãn. Tu tập thế nào? Đó là tất cả các BỒ-tát tuy đã vĩnh viễn đoạn trừ tham dục mà vẫn luôn luôn không bỏ các pháp thiện, muốn thân hay tâm thường tu hạnh thiện. Tuy quán các pháp là không, không thể thủ đắc,

nhưng vì hóa độ chúng sinh nên thường hành tinh tấn. Tuy biết rõ tâm thức như huyền, như hóa mà vẫn luôn không rời bỏ, hành đủ các pháp Phật, thành tựu tâm chánh giác. Tuy biết các pháp là không nương tựa, không tạo tác, không thể chấp giữ, nhưng luôn tùy theo điều được nghe, tư duy như lý. Như vậy gọi là tu tập thần túc.

Lại nữa, các Bồ-tát nhờ không phóng dật nên tu Năm căn mau được viên mãn. Tu tập thế nào? Đó là tất cả các Bồ-tát tuy nương vào tự lực mà có giác ngộ, không nghe theo người khác, nhưng để giáo hóa chúng sinh, khiến họ nhận biết rõ, phát sinh niềm tin sâu xa. Tuy không có ý tưởng đến, cũng không có ý tưởng đi, nhưng siêng tu tất cả hạnh của Nhất thiết trí. Tuy đối với cảnh giới không nghĩ, không nhớ, nhưng ở trong đó không quên, không ngu. Tuy dùng ánh sáng của trí tuệ hiểu rõ các pháp, nhưng luôn chánh định, vắng lặng không động. Tuy thường an trụ nơi pháp tánh bình đẳng, nhưng đoạn trừ các chướng ngại, các thứ hý luận phân biệt. Như vậy gọi là tu tập năm căn.

Lại nữa, các Bồ-tát nhờ không phóng dật nên tu tập Năm lực mau được viên mãn. Tu tập thế nào? Đó là tất cả các Bồ-tát khi tu Tín lực thì tất cả hý luận của ngoại đạo không thể làm họ bị khuynh động. Khi tu Tinh tấn lực thì tất cả ma ác không thể gây trở ngại, phá hoại được. Nhờ tu Niệm lực

nên không rơi vào quả vị Thanh văn và Phật-bích-chi. Nhờ tu Định lực nên mau lìa xa được các phiền não như năm thứ ngăn che. Nhờ tu Tuệ lực nên vĩnh viễn không chấp giữ đối với các cảnh giới thấy được. Đó gọi là tu tập năm lực.

Lại nữa, các Bồ-tát nhờ không phóng dật nên tu Bảy giác phần mau được viên mãn. Tu tập thế nào? Đó là tất cả các Bồ-tát đối với tất cả pháp thiện luôn không quên mất, đó là tu Niệm giác phần. Đối với các pháp duyên khởi thường thích quán sát, đó là tu Trạch pháp giác phần. Khi hành đạo Bồ-đề, vĩnh viễn không thoái chuyển, đó là tu Tinh tấn giác phần. Biết pháp vốn đủ, chẳng có mong cầu, đó là tu Hỷ giác phần. Xa lìa thân tâm tán động, đó là tu Khinh an giác phần. Nhập nẻo giải thoát không, vô tướng, vô nguyện, đó là tu Định giác phần. Lìa bỏ tâm sinh khởi về chỗ học tập, đó là tu Xả giác phần. Như vậy gọi là tu pháp Bảy giác phần.

Lại nữa, các Bồ-tát nhờ không phóng dật nên tu Tám thánh đạo mau được viên mãn. Tu tập thế nào? Đó là nhờ xa lìa đoạn kiến, thường kiến, gọi là tu tập Chánh kiến. Lìa dục giác, sân giác và hại giác, gọi là tu tập Chánh tư duy. Xa lìa sự bất bình đẳng mình và người, gọi là tu tập Chánh ngữ. Lìa tướng đua nịnh, hư giả không thật, gọi là tu tập Chánh mạng. Lìa bỏ việc làm khiến thân tâm khiếp nhục, gọi là tu tập Chánh nghiệp. Xa lìa tâm tự

kiêu căng, khinh mạn người khác, gọi là tu tập Chánh tinh tấn. Xa lìa các sự hôn trầm, ngu si, gọi là tập Chánh niệm. Dứt hết các sự phân biệt, gọi là tu tập Chánh định. Đó gọi là tu tập Tám thánh đạo phần.

Này các Nhân giả! Tôi dùng ý nghĩa đã nói như trước bảo các Bồ-tát trụ nơi pháp không phóng dật, thì có thể thành tựu ba mươi bảy thứ Bồ-đề phần cùng tất cả pháp thiện, chứng đắc Bồ-đề Vô thượng của chư Phật.

Chư Nhân giả! Bồ-tát không phóng dật này đã nhập vào pháp Bồ-đề phần như vậy rồi thì ra khỏi tất cả vũng lầy ứ đọng của sinh tử, đã ra khỏi sinh tử rồi thì đối với tất cả pháp hoàn toàn không có đối tượng được thấy. Vì không có đối tượng được thấy nên chẳng có đối tượng để nói. Vì không có đối tượng để nói nên được nhập vào cõi tịch tĩnh rất ráo.

Sao gọi là tịch tĩnh rất ráo? Vì tất cả các pháp chẳng phải là chỗ tạo tác. Vì chẳng phải là chỗ tạo tác nên không thể nắm giữ. Vì không thể nắm giữ nên không có công dụng. Vì không có công dụng nên không thể an lập. Lấy đó làm có là không thể an lập. Vì lấy đó làm có nên biết chính là tịch tĩnh rất ráo.

Khi Bồ-tát giảng nói pháp này, có một vạn hai ngàn Thiên tử trong chúng hội xa lìa trần cấu, đạt

được pháp nhãn thanh tịnh. Bảy giờ, Thiên tử Thiên Thắng lại bạch BỒ-tát Văn-thù-sư-lợi:

– Đại sĩ! Sao gọi là tu hành theo đạo BỒ-tát?

BỒ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

– Thiên tử! BỒ-tát tuy không bỏ sinh tử mà không bị các điều ác của sinh tử làm nhiễm ô. Tuy không trụ ở vô vi mà luôn tu công đức vô vi. Tuy tu hành đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật mà thị hiện hạnh Thanh văn và Phật-bích-chi. Đó gọi là tu hành theo đạo BỒ-tát.

Lại nữa, này Thiên tử! BỒ-tát tuy ở nơi không, thanh tịnh, mà khéo thị hiện các cảnh, cũng không nắm giữ cảnh. Tuy ở nơi vô tướng, thanh tịnh mà khéo hội nhập các tướng, cũng không chấp nơi tướng. Tuy ở nơi vô nguyện, thanh tịnh mà khéo hành nơi ba cõi, cũng không đắm chấp cảnh giới. Tuy ở nơi vô sinh, vô diệt, thanh tịnh mà khéo giảng nói về sinh diệt, cũng không thọ nhận sinh diệt. Vì sao? Đó là BỒ-tát đã điều phục tâm. Tuy biết rõ tất cả các pháp là không, không thật có, nhưng do các chúng sinh ở trong cảnh giới sinh khởi chấp, vì kiến chấp nên phiền não tăng trưởng. BỒ-tát muốn khiến đoạn trừ các kiến chấp nên mới thuyết pháp, khiến cho chúng sinh biết rằng tất cả cảnh giới là không. Như đã nói về không, vô tướng, vô nguyện thì với vô sinh, vô diệt đều cũng như vậy. Đó gọi là tu hành theo đạo BỒ-tát.

Lại nữa, Thiên tử! Có đi, có lại, gọi là tu theo đạo Bồ-tát. Sao gọi là có đi có lại? Đó là quán tâm ưa thích điều dục của chúng sinh, gọi là có đi. Tùy theo chỗ ứng hợp vì họ mà thuyết pháp, nên gọi là lại. Tự nhập nơi Tam-muội gọi là đi, khiến chúng sinh đạt được Tam-muội gọi là lại. Tự hành Thánh đạo gọi là đi, mà có thể giáo hóa tất cả phàm phu gọi là lại. Tự chứng được pháp nhãn Vô sinh gọi là đi, khiến cho chúng sinh đều đạt được nhãn này gọi là lại. Dùng phương tiện ra khỏi sinh tử gọi là đi, khiến cho chúng sinh đều được xuất ly gọi là lại. Tâm thích tịch tĩnh gọi là đi, thường ở trong sinh tử để giáo hóa chúng sinh gọi là lại. Tự siêng quán xét các hành qua lại gọi là đi, vì các chúng sinh thuyết giảng pháp như vậy gọi là lại. Tu các môn giải thoát không, vô tướng, vô nguyện gọi là đi, vì khiến cho chúng sinh đoạn trừ ba loại tâm giác quán mà thuyết pháp gọi là lại. Phát lời thệ nguyện kiên cố gọi là đi, tùy theo thệ nguyện, cứu vớt chúng sinh gọi là lại. Phát tâm Bồ-đề, nguyện ngồi nơi đạo tràng gọi là đi, tu đủ các hạnh Bồ-tát cần phải làm gọi là lại. Đó gọi là con đường đi và lại của Bồ-tát.

Khi Bồ-tát giảng nói pháp này, có năm trăm Bồ-tát ở trong chúng hội đều được pháp nhãn Vô sinh.

Bấy giờ, Thiên tử Thiện Thắng lại bạch Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

– Đại sĩ! Tôi từng nghe có thế giới Nhất Thiết Công Đức Quang Minh. Thế giới như vậy ở chốn nào? Tên của Đức Phật ở đó là gì, có đang thuyết pháp tại đó chăng?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

– Thiên tử! Ở phương Trên, trải qua mười hai Hằng hà sa côi Phật, có thế giới tên là Nhất Thiết Công Đức Quang Minh, hiệu của Phật là Phổ Hiền Như Lai, Ứng Chánh Đẳng Giác ở nơi côi đó diễn nói chánh pháp.

Thiên tử Thiện Thắng thưa:

– Đại sĩ! Tâm con muốn được thấy thế giới và Đức Như Lai của côi ấy. Cúi mong Đại sĩ xót thương làm cho con được thấy.

Khi ấy, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi liền nhập Tam-muội gọi là Ly Cấu Quang Minh. Từ trong thân Đại sĩ phóng ra vô số ánh sáng. Ánh sáng này, trên thấu đến mười hai Hằng hà sa côi Phật, thẳng đến thế giới Nhất Thiết Công Đức Quang Minh, vô số ánh sáng có màu sắc chiếu khắp côi Phật ấy. Các Bồ-tát nơi côi ấy thấy hào quang này, cho là điều chưa từng có, liền chấp tay cung kính bạch Đức Như Lai Phổ Hiền:

“Bạch Thế Tôn! Nay luồng ánh sáng này từ đâu chiếu đến?”.

Đức Phật Phổ Hiền đáp:

“Thiện nam! Ở phương Dưới, trải qua mười hai

Hằng hà sa cõi Phật, có thể giới tên là Ta-bà, Phật ở cõi ấy hiệu là Thích Ca Mâu Ni Như Lai, Ứng Chánh Đẳng Giác, hiện đang thuyết pháp. Ngài có vị Bồ-tát tên là Văn-thù-sư-lợi, trụ nơi pháp Bất thoái chuyên, nhập Tam-muội Ly Cấu Quang Minh, từ thân của vị ấy phóng ra vô số ánh sáng, ánh sáng ấy đi xa đến vô lượng a-tăng-kỳ thế giới trong mười phương, mỗi mỗi thế giới, hào quang đều trùm khắp. Cho nên bây giờ hiện có luồng ánh sáng ấy”.

Các Bồ-tát kia lại thưa:

“Bạch Thế Tôn! Nay chúng con đều mong được thấy Phật Thích Ca Mâu Ni và Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi của thế giới Ta-bà”.

Bấy giờ, Như Lai Phổ Hiền liền phóng luồng ánh sáng lớn từ nơi bàn chân có tướng bánh xe ngàn căm, hào quang ấy rất sáng, chiếu xa mười hai Hằng hà sa cõi Phật ở phương dưới, nhập vào thế giới Ta-bà, hào quang bao trùm tất cả.

Các Bồ-tát này, nhờ hào quang của Phật, nên hết thảy đều thấy rõ Phật Thích Ca Mâu Ni và các Bồ-tát ở cõi Ta-bà. Các Bồ-tát ở cõi Ta-bà cũng thấy Đức Như Lai Phổ Hiền và chúng Bồ-tát ở thế giới kia.

Lúc này, Đức Như Lai Phổ Hiền bảo các Bồ-tát:

“Ở thế giới Ta-bà, Đức Phật luôn giảng nói đại

pháp. Các vị ai có thể đến đó nghe và thọ trì chánh pháp?”.

Trong chúng hội có một vị Bồ-tát tên là Chấp Trí Cự, từ tòa ngồi đứng dậy, bạch Thế Tôn:

“Nay con mong được nương theo thân lực của Phật, để đến thế giới Ta-bà. Cúi xin Đức Như Lai rủ lòng thương xót chấp nhận”.

Đức Như Lai Phổ Hiền dạy:

“Này thiện nam! Nay đã đúng lúc, mau đi đến cõi đó”.

Khi đó Bồ-tát Chấp Trí Cự cùng với mười ức Bồ-tát cúi đầu kính lễ Như Lai Phổ Hiền, chấp tay cung kính nhiễu bảy vòng quanh theo phía phải, liền biến mất ở cõi đó, ví như trong khoảnh khắc lực sĩ co duỗi cánh tay, đi đến cung trời Đâu-suất của thế giới Ta-bà, khéo an trụ trong lầu quán, phía trước chúng hội của Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, cúi đầu, chấp tay đánh lễ nơi chân Bồ-tát, bạch:

– Thưa Đại sĩ! Đại sĩ đã phóng hào quang đến cõi nước chúng tôi. Đức Thế Tôn của chúng tôi là Như Lai Phổ Hiền Ứng Chánh Đẳng Giác cho phép chúng tôi đến thế giới này để ra mắt, đánh lễ, chiêm ngưỡng và nghe giáo pháp của Đại sĩ.

Lúc này, các Thiên tử ở cõi Dục, cõi Sắc, thấy các Bồ-tát ở cõi nước kia đến, đều nói:

– Lành thay! Lành thay! Không thể nghĩ lường. Hết sức hy hữu! Hết sức hy hữu! Chỉ có Đại sĩ

Văn-thù-sư-lợi với phương tiện quyền xảo có thần thông biến hóa như vậy. Đại sĩ đã dùng diệu lực Tam-muội phóng luồng hào quang này mới có thể tới được thế giới nơi phương kia, khiến các Bồ-tát ở đây đi đến đây nhanh chóng như vậy.

Khi ấy, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi vì đại chúng giảng nói rộng về diệu pháp. Có bảy mươi hai na-do-tha các chúng Thiên tử ở trong pháp hội sinh tâm tin hiểu sâu xa, phát tâm cầu đạo quả Bồ-đề Vô thượng.

Bấy giờ, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi ở cung trời Đâu-suất, sự việc đã viên mãn, cùng với các Bồ-tát, Thích, Phạm, Tứ Thiên vương v.v... vô lượng chư Thiên và các Bồ-tát đến từ quốc độ Nhất Thiết Công Đức Quang Minh, không rời khỏi tòa ngai, biến khỏi cung trời, trong khoảng một niệm, trở về chỗ Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, đều từ tòa đứng dậy, đánh lễ nơi chân Phật, chấp tay cung kính, nhiễu bên phải bảy lần. Khi nhiễu quanh Phật xong, Bồ-tát Chấp Trí Cự cùng mười ức vị đến trước bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Đức Như Lai Phổ Hiền có lời kính hỏi thăm Thế Tôn: thân thể có khỏe mạnh, ít bệnh, ít phiền não, an lạc chăng?

Đức Thế Tôn đứng như pháp an ủi, hỏi thăm các Bồ-tát xong, xem khắp đại chúng mới đến, bảo mọi người ngồi xuống, rồi thuyết giảng rộng về các

pháp khiến tất cả chúng hội đều hoan hỷ.

Đức Thế Tôn lại bảo đại chúng:

– Các vị nên biết! Đồng tử Văn-thù-sư-lợi và Bồ-tát Chấp Trí Cự này, vì muốn tạo sự thành tựu đầy đủ cho vô lượng chúng sinh nên mới hiện bày các thần thông biến hóa này. Hai vị Bồ-tát này có thể thành tựu các thứ phương tiện, đạt lý sâu xa gồm đủ trí tuệ, biện tài, đã ở trong vô lượng a-tăng-kỳ kiếp hành hóa Phật sự, vì chúng sinh mới sinh ở thế gian. Nếu có chúng sinh nào được thấy hai vị Bồ-tát này, nên biết, liền được sáu căn tự tại, vĩnh viễn không rơi vào cảnh giới của các ma.

Bây giờ, Bồ-tát Chấp Trí Cự và các chúng Bồ-tát mới đến quốc độ này, được thấy Đức Thế Tôn, nhờ được nghe pháp nên chúng đắc nhãn Vô sinh. Khi được pháp nhãn này liền đi nhiều theo phía bên phải Phật, kính lạy nơi hai chân Ngài.

Ngay lúc ấy, ba ngàn đại thiên thế giới chấn động. Các Bồ-tát ấy đang ở trước Đức Phật liền biến mất không hiện, chỉ trong khoảnh khắc trở về bản quốc.

Đức Thế Tôn bảo Trưởng lão A-nan:

– Ông nên phụng trì pháp môn này, thuyết giảng rộng cho mọi người.

Tôn giả A-nan thưa:

– Bạch Thế Tôn! Pháp môn này tên gọi là gì? Phụng trì như thế nào?

Đức Phật dạy:

– Pháp môn này gọi là “Những điều Văn-thù-sư-lợi nói về cảnh giới không thể nghĩ bàn của chư Phật”. Phải phụng trì như vậy.

Đức Phật giảng nói kinh này xong, Thiên tử Thiện Thắng, Trưởng lão A-nan và hết thầy chư Thiên, nhân, A-tu-la, Càn-thát-bà v.v... ở thế gian thấy đều hết sức hoan hỷ, tín thọ, phụng hành.



SỐ 341

KINH THÁNH THIÊN TRỤ Ý THIÊN TỬ SỞ VẤN

*Hán dịch: Đời Nguyên Ngụy, Tam tạng Tỳ Mục Tri Tiên
và Bát Nhã Lưu Chi.*

QUYỂN THƯỜNG

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Thế Tôn ở tại núi Kỳ-xà-quật thuộc thành Vương-xá, cùng với chúng Đại Tỳ-kheo sáu vạn hai ngàn vị, đều là những vị được nhiều trí giả biết đến, hết thảy là bậc Đại A-la-hán. Chư Đại Bồ-tát gồm bốn vạn hai ngàn vị, hiệu là: Bồ-tát Văn Thù Sư Lợi, Bồ-tát Sư Tử Tràng, Bồ-tát Di Lặc, Bồ-tát Quán Thế Tự Tại, Bồ-tát Đắc Đại Thế, Bồ-tát Biện Tự, Bồ-tát Trì Địa, Bồ-tát Di Lô Sơn, Bồ-tát Di Lô Tràng, Bồ-tát Bất Động Dao, Bồ-tát Thiện Tư Nghĩa, Bồ-tát Thiện Tư Duy, Bồ-tát Dũng Mãnh Ý, Bồ-tát Tuệ Tâm, Bồ-tát Thiện Tâm, Bồ-tát Ma Ni Tự, Bồ-tát Sơn Tướng Kích Vương, Bồ-tát Bảo Thủ, Bồ-tát Bảo Ý, Bồ-tát Bảo Ấn Thủ, Bồ-tát Thường Thư Thủ, Bồ-tát Thường Súc Thủ, Bồ-tát Thường Tinh Tấn, Bồ-tát Độ Chúng Sinh, Bồ-tát Tăng Thượng Tinh Tấn,

Bồ-tát Như Thuyết Năng Hành, Bồ-tát Tinh Tấn
 Nguyên, Bồ-tát Thủ Đẳng, Bồ-tát Đẳng Tâm, Bồ-
 tát Xả Tội, Bồ-tát Trừ Chư Bi Ám, Bồ-tát Lục Bất
 Hoại, Bồ-tát Nhật Tạng, Bồ-tát Kim Cang Du Bộ,
 Bồ-tát Vô Biên Du Bộ, Bồ-tát Vô Lượng Du Bộ,
 Bồ-tát Bất Động Túc Du Bộ, Bồ-tát Hư Không
 Khó, Bồ-tát Thượng Ý, Bồ-tát Thắng Ý, Bồ-tát
 Tăng Thượng Ý, Bồ-tát Cát Hành, Bồ-tát Trì Địa
 Trụ, Bồ-tát Nguyệt Quang, Bồ-tát Nguyệt Tràng,
 Bồ-tát Quang Tràng, Bồ-tát Quang Đức, Bồ-tát Du
 Bộ Đáo Minh, Bồ-tát Sư Tử Du Bộ Lô Âm, Bồ-
 tát Vô Ngại Biện, Bồ-tát Tương Ứng Biện, Bồ-tát
 Tiếp Tật Biện, Bồ-tát Tối Thắng, Bồ-tát Tế Nhật
 Nguyệt Quang, Bồ-tát Vô Phan Duyên, Bồ-tát Vô
 Tỷ, Bồ-tát Căn Thường Hỷ Tiểu, Bồ-tát Chướng
 Nhất Thiết Tội, Bồ-tát Xả Nữ Súc, Bồ-tát Ma Ni
 Na, Bồ-tát Quang Minh, Bồ-tát Tịnh Mãn, Bồ-tát
 Đắc Đại, Bồ-tát Tập Quang Vương, Bồ-tát Thâm
 Hồng... Bốn vạn hai ngàn vị Đại Bồ-tát như thế
 đều là những bậc thượng thủ đã hội đủ.

Lại có Tứ Đại Thần Vương, Thiên Đế thích
 Vương, chủ thế giới Ta-bà Đại Phạm Thiên
 Vương, những vị thượng thủ như vậy gồm sáu vạn
 vị Thiên tử. Lại có bảy vạn ba ngàn Thiên tử như
 Thiên tử Thiện Trụ Ý, Thiên tử Thiện Tịch, Thiên
 tử Ma-hê-thủ-la làm thượng thủ. Những vị ấy đều
 ưa thích tu hành đạo Bồ-tát.

Lại có hai vạn A-tu-la vương, A-tu-la vương

La-hầu, A-tu-la vương Di-lâu, đều là những vị thượng thủ cũng ưa thích tu hành đạo Bồ-tát.

Lại có sáu vạn Long vương: Long vương Bất Khô Nảo, Long vương Nguyệt, Long vương Đắc-xoa-ca, đều là những vị thượng thủ cũng ưa thích tu hành đạo Bồ-tát.

Như thế, có vô lượng trăm ngàn các đại chúng Thiên, Long, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, nhân cùng phi nhân đến dự hội. Vô số Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di đều vân tập đông đủ.

Bảy giờ, Đức Thế Tôn thuyết pháp, vô lượng trăm ngàn quyến thuộc đang cung kính, tôn trọng vây quanh.

Khi ấy, Đồng tử Văn-thù-sư-lợi ở trú xứ mình, ngồi an tọa thiên quán, nhập Tam-muội, chánh niệm quán sát. Chánh niệm quán sát xong thì ra khỏi Tam-muội, ra khỏi Tam-muội rồi nhập Tam-muội, do diệu lực của Tam-muội ấy làm vô lượng, Hằng hà sa số a-tăng-kỳ không thể nghĩ bàn, không thể tính kể cõi Phật trong mười phương đều chấn động đủ sáu cách. Đồng tử Văn-thù-sư-lợi ra khỏi Tam-muội, khởi tâm tư duy đúng pháp như vậy: “Phật xuất hiện nơi thế gian là khó, được thân người là khó như hoa Ưu-đàm thật khó thấy. Cũng như vậy, Đức Như Lai Ứng Chánh Biến Tri xuất thế thật khó, gặp được thân người cũng thật khó,

nếu không thuyết giảng chánh pháp thì không thể đoạn hết bao thứ khổ nơi sinh tử. Chánh pháp của chư Phật thì vô cùng sâu xa khó hiểu, nếu không có Phật thì làm sao nghe pháp, nếu không nghe pháp thì không thể đoạn trừ hết khổ của chúng sinh. Nếu ta đến chỗ Đức Như Lai thừa hỏi đúng như pháp, sau đó chắc chắn sẽ khiến cho chúng sinh phát khởi thiện căn, chắc chắn giúp cho người tu Bồ-tát thừa hành trì viên mãn pháp Phật không thể nghĩ bàn. Do chúng sinh nơi thế giới Ta-bà này rất nhiều tham dục, sân hận, si mê, xa lìa pháp thiện, tập nhiễm pháp ác, ngu tối ám độn, không có tâm thương xót, nên không có Phật, Pháp Tăng. Làm sao khiến cho chúng sinh có được Tuệ nhãn thanh tịnh?

Đồng tử Văn-thù-sư-lợi lại suy nghĩ: “Ta nên triệu tập vô lượng trăm ngàn chúng Bồ-tát cùng đến nơi này để lãnh hội giáo pháp của Đức Như Lai, dùng thân chúng biết pháp nhãn thâm diệu”.

Đồng tử Văn-thù-sư-lợi suy nghĩ xong, liền nhập Tam-muội Phổ Quang Ly Cấu Trang Nghiêm. Nhập Tam-muội rồi, bèn phóng ra ánh sáng lớn soi chiếu suốt đến vô lượng, vô biên Hằng hà sa số a-tăng-kỳ không thể nghĩ bàn, không thể tính kể các cõi Phật trong mười phương. Tức thì, vô lượng, vô biên Hằng hà sa số a-tăng-kỳ không thể nghĩ bàn, không thể tính kể các cõi Phật trong mười phương đều hiện ánh sáng rực rỡ. Ánh sáng

ấy tỏa chiếu khắp mười phương thế giới, những hầm hố, khe suối, gò nông, rừng cây, tất cả những chốn u ám trong các núi non như núi Chước-ca-bà-la, núi Mục-chân-lân-đà, núi Tuyết, núi Di-lâu, núi Ma-ha Di-lâu, đều được ánh sáng này chiếu soi không bị ngăn ngại.

Bảy giờ, nơi vô lượng, vô biên Hằng hà sa số a-tăng-kỳ không thể nghĩ bàn, không thể tính kể các cõi Phật trong mười phương, đều có chư Phật, Thế Tôn đang thuyết pháp. Thị giả của mỗi Đức Phật kia trông thấy ánh sáng ấy liền hỏi Đức Phật của mình:

– Bạch Thế Tôn! Do nhân gì, duyên gì mà ánh sáng lớn xuất hiện ở thế giới này, chưa từng nghe thấy bao giờ. Ánh sáng ấy rất đáng ưa thích. Bạch Thế Tôn! Chúng con gặp ánh sáng ấy thì tâm được thanh tịnh, thân lực tăng trưởng, các thứ tham dục, sân hận, ngu si không xâm nhiễm chúng sinh. Vậy do oai lực màu nhiệm của bậc nào, bảo tạng của vị nào đã phóng ra ánh sáng thanh tịnh ấy?

Hỏi như thế xong, nhưng các Đức Thế Tôn ấy đều im lặng không đáp. Các cõi nước của chư Phật trong mười phương, các thứ âm thanh của các hàng trời, rồng, Dạ-xoa, A-tu-la, Ca-lâu-la, Càn-thát-bà, nhân, phi nhân, súc sinh, hết thảy âm thanh của các chúng ấy đều dứt bặt. Tiếng gió, tiếng nước, tiếng đại hải triều, tiếng ca vịnh v.v... do oai lực của Phật nên đều ngưng hẳn, đều im lặng, tất cả đều vắng

lặng tuyệt đối.

Thị giả của mỗi Đức Phật kia đều thưa hỏi lần thứ hai, lần thứ ba với Đức Phật của mình:

– Bạch Thế Tôn! Do nhân gì, duyên gì mà có ánh sáng này? Cúi xin Thế Tôn nói rõ việc ấy, nếu Như Lai nói rõ việc ấy thì đem lại lợi ích cho hết thảy chúng sinh, tất cả đều được an ổn, lợi lạc, cũng khiến cho những chúng sinh khác được nhiều lợi lạc, hàng trời, người được an vui. Vậy oai lực của ai đã phóng ra ánh sáng này, chiếu khắp các cõi nước của chư Phật?

Khi ấy, chư Phật Thế Tôn nơi vô lượng, vô biên Hằng hà sa số a-tăng-kỳ, không thể nghĩ bàn, không thể tính kể thế giới của chư Phật trong mười phương, đều đồng một âm thanh, đồng một lời nói, đồng một pháp, vì các thị giả thuyết pháp. Tất cả các thị giả đều biết chư Như Lai đang thuyết pháp. Âm thanh của các Phật kia phát ra, vang đến khắp hết thảy các cõi nước của chư Phật, chư Thiên, người nơi các chỗ ấy, đồng trỗi lên trăm ngàn kỹ nhạc, trong âm nhạc đó phát ra lời nói vô thường, khô, vô ngã v.v... và cứ như vậy hòa hợp đồng phát ra vô số tiếng như: tiếng không, tiếng vô tướng, tiếng vô nguyện, tiếng vô nhiễm, tiếng giải thoát, tiếng pháp tánh, tiếng chân như, tiếng thật tế, tiếng bố thí, tiếng trì giới, tiếng nhẫn nhục, tiếng tinh tấn, tiếng thiên định, tiếng bát nhã, tiếng nhu hòa, tiếng lợi ích, tiếng từ, tiếng bi, tiếng hỷ, tiếng xả. Phát ra

trăm ngàn tiếng pháp như thế thì có vô số ức na-do-tha trăm ngàn chúng sinh đạt pháp Bất thoái nơi đạo quả Vô thượng Chánh đẳng giác, không rơi vào hàng Thanh văn, Duyên giác, không rơi vào ngôi vị Đế thích, Đại Phạm Thiên vương, Chuyển luân vương.

Chư Phật Thế Tôn nơi vô lượng, vô biên, Hằng hà sa số a-tăng-kỳ kiếp, không thể nghĩ bàn, không thể tính kể, các cõi nước của chư Phật trong mười phương bảo các thị giả:

– Hãy thôi, thiện nam! Ông không cần phải hỏi nữa vì chẳng phải là cảnh giới của ông, chẳng phải là cảnh giới của các hàng Thanh văn, Duyên giác.

Các Thanh văn, Duyên giác nếu nghe Ta nói thì tâm ý sẽ bị loạn động. Nếu Ta nói thì hàng trời, người đều bị mê muội. Nay thiện nam! Nói tóm lại, công đức của ánh sáng ấy có thể khiến cho chúng sinh thành tựu cho đến vô lượng không thể nghĩ bàn thiện căn, có thể khiến cho vô lượng không thể nghĩ bàn tất cả người tu Bồ-tát thừa hành trì đầy đủ pháp trợ đạo bồ thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ. Nay thiện nam! Ông nên biết, nếu trải qua một kiếp hoặc hơn một kiếp nói về công đức của ánh sáng này thì không thể cùng tận. Chư Phật, Bồ-tát khởi tâm từ bi đối với chúng sinh nên phóng ra ánh sáng này làm cho họ khát ngưỡng muốn nghe. Nay ông hãy lắng nghe, suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì ông mà giảng nói.

Vị thị giả thưa:

– Bạch Thế Tôn! Con rất muốn nghe.

Các Đức Thế Tôn ấy bảo các thị giả:

– Này thiện nam! Có thế giới là Ta-bà, trong cõi ấy có Đức Phật đang thuyết pháp tên là Thích Ca Mâu Ni Như Lai Ứng Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn, xuất hiện ở đời gồm năm thứ ô trược. Chúng sinh trong cõi ấy không có tâm cung kính, bị trói buộc bởi tham dục, sân hận, ngu si, các căn ám độn, không có hộ thẹn. Vì những chúng sinh trong cõi đó, Đức Thích Ca đã tu tập khổ hạnh đúng như pháp, chứng đắc đạo quả Vô thượng Chánh đẳng giác và vì họ mà thuyết pháp. Này thiện nam! Trong cõi Ta-bà của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni Như Lai lại có Đại Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, có uy lực lớn, đầy đủ diệu lực lớn về trí tuệ, tinh tấn, có thể làm cho tất cả Bồ-tát đều hoan hỷ, làm hóa chủ cho các Bồ-tát, làm người dẫn đường cho Bồ-tát và giúp đỡ chúng sinh, là cha của Bồ-tát, là mẹ của Bồ-tát, hiểu rõ tất cả văn nghĩa nơi các pháp, trí tuệ thông suốt, đạt tuệ Ba-la-mật không chướng ngại, đắc nguyện lực tự tại không chướng ngại, đắc Đà-la-ni, công đức vẹn toàn không thể nghĩ bàn, đối với giáo pháp của Đức Như Lai Thích Ca Mâu Ni thuyết giảng có thể thưa hỏi rõ ràng, có thể làm cho chúng sinh thành tựu

thiện căn, khiến cho tất cả người tu BỒ-tát thừa thực hành đầy đủ pháp Phật không thể nghĩ bàn.

Này thiện nam! BỒ-tát Văn-thù-sư-lợi vì nhằm chiêu tập vô số BỒ-tát trong mười phương nên phóng ra ánh sáng này. Tùy theo nhân duyên của người nghe pháp mà phóng ra ánh sáng ấy.

Những vị thị giả kia đều hỏi Đức Phật của mình:

– Bạch Thế Tôn! BỒ-tát Văn-thù-sư-lợi trụ nơi Tam-muội gì mà phóng được ánh sáng này?

Đức Phật kia đáp:

– Này thiện nam! Có môn Tam-muội gọi là Phổ Quang Ly Cấu Trang Nghiêm, BỒ-tát Văn-thù-sư-lợi trụ nơi Tam-muội ấy nên phóng ra ánh sáng như thế.

Những vị thị giả đều thưa:

– Không thể như vậy, bạch Thế Tôn! Ánh sáng ấy lẽ nào không phải là của Đức Phật kia phóng ra hay sao? Trong lành như vậy, vi diệu như vậy, làm cho thân tâm chúng con vui vẻ.

Đức Phật dạy:

– Không phải như thế, này thiện nam! Pháp thường của BỒ-tát là cùng thuyết giảng về pháp môn dẫn dạy giáo hóa của BỒ-tát.

Bấy giờ, vô lượng, vô biên, Hằng hà sa số a-tăng-kỳ không thể nghĩ bàn, không thể tính kể các cõi nước của chư Phật trong mười phương, chư BỒ-

tát nơi mỗi mỗi thế giới ở vô lượng, vô biên hằng hà sa số a-tăng-kỳ không thể nghĩ bàn, các cõi nước ấy của chư Phật đều thấy ánh sáng này, và cùng đi đến chỗ Đức Phật của mình, cúi đầu đánh lễ sát chân Phật, thưa:

– Bạch Thế Tôn! Ánh sáng này với vô lượng công đức như thế vậy chúng từ đâu đến và do ai phóng ra?

Đức Phật kia đáp:

– Nay các thiện nam! Có thế giới tên Ta-bà, Đức Phật ở đó hiệu là Thích Ca Mâu Ni, Như Lai, Ứng Chánh Biến Tri đang thuyết pháp thanh tịnh cho chư Bồ-tát. Nơi cõi nước đó lại có Đại Bồ-tát tên Văn-thù-sư-lợi, vì nhằm chiêu tập chư Bồ-tát trong mười phương nên phóng ra ánh sáng này.

Đức Phật nói rõ như vậy rồi, chư Đại Bồ-tát kia đều thưa:

– Bạch Thế Tôn! Nay chúng con muốn đến thế giới Ta-bà phụng kiến Đức Thích Ca Mâu Ni, Như Lai, Ứng Chánh Biến Tri, muốn cúng dường, lễ bái, thân cận, thưa hỏi Đức Phật kia và yết kiến Đồng tử Văn-thù-sư-lợi cùng chư Đại Bồ-tát khác.

Đức Phật dạy:

– Hãy đi đi. Giờ là thời gian thích hợp.

Lúc ấy, nơi vô lượng, vô biên Hằng hà sa số a-tăng-kỳ, không thể tính kể, không thể nghĩ bàn, các thế giới trong mười phương có vô số trăm ngàn Đại

Bồ-tát đều đánh lễ sát chân Phật, rồi bỗng nhiên biến mất khỏi thế giới ấy, như thời gian tráng sĩ co duỗi cánh tay, chỉ trong một sát-na, một la-bà, một ma-hầu-đa, chư vị đều đến thế giới Ta-bà và cùng tới chỗ Đức Thế Tôn Thích Ca Mâu Ni Như Lai. Lúc này, trời mưa bột hương Man-lợi, mưa hương xoa, mưa vô số hoa, như: hoa Ưu-bát-la, hoa Bát-đầu-ma, hoa Câu-vật-đầu, hoa Phân-đà-lợi, hoa A-đề-mục-đa-già, hoa Chiêm-bặc, hoa Ba-trá-la, hoa Đàn-ni-sur-ca-lê-ca, hoa Tu-ma-na, hoa Bà-lợi-sur, hoa Mạn-đà-la, hoa Ba-lưu-sa, hoa Ma-ha-ba-lưu-sa, hoa Chiên-đà-la, hoa Ma-ha-chiên-đà-la v.v... trời tuôn mưa vô lượng hoa thơm, trời tuôn mưa vô lượng hương thơm. Trời mưa vô lượng hoa thơm, hương thơm như thế rồi, chư Đại Bồ-tát đến chỗ Đức Phật Thích Ca Mâu Ni Như Lai để dự hội cùng tán thán công đức của Như Lai, âm thanh tán thán vang khắp Tam thiên đại thiên thế giới. Tán thán như thế xong, với các pháp khác nhau, chư Đại Bồ-tát kia, do năng lực từ oai đức khiến cho các điều khổ não trong vô số cõi địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ ở thế giới này đều ngưng dứt, không còn một chúng sinh nào bị khổ não vì tham dục, cũng không bị khổ não vì sân si, không có ganh ghét, không có giả dối, không dua nịnh, không kiêu mạn, không tự thị, không giận dữ, cũng không bị bức bách. Tất cả chúng sinh đều hướng về nhau bằng tâm từ bi và hòa thuận, thương mến nhau.

Trăm ngàn ức na-do-tha chúng Bồ-tát ấy đều đến chỗ Đức Phật Thích Ca Mâu Ni Như Lai, cúi đầu đánh lễ sát chân Ngài. Có vị đi nhiều bên phải Như Lai một vòng, có vị đi nhiều hai vòng, có vị đi nhiều ba vòng, có vị đi nhiều nhiều vòng. Nhiều quanh chỗ Như Lai xong bèn vụt bay lên không trung, cách đất không xa bằng một cây Đa-la, bỗng nhiên biến mất, tất cả đều vào Tam-muội Ấn Nhất Thiết Thân Bồ Tát. Vào Tam-muội ấy rồi hết thấy theo chỗ ưa thích nơi tâm mà hiện ra hoa sen tươi với nhiều màu sắc, có vô lượng trăm ngàn cánh. Chư Bồ-tát ngồi kiết già trên đài hoa, thân bất động.

Bấy giờ, Trưởng lão Ma-ha Ca-diếp thấy các pháp thân thông hy hữu, chưa từng có ấy, lại thấy trời tuôn mưa hoa, hương, lại nghe trăm ngàn thứ âm nhạc, cùng thấy ánh sáng lớn tỏa chiếu khắp, lại thấy vô số các thứ hoa rơi đầy khắp bốn cõi thiên hạ, nơi thế giới này ngập quá đầu gối. Rồi thấy nơi pháp hội của Phật: chúng Thiên, Long, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, nhân, phi nhân, bốn chúng đệ tử: Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, tất cả đều có thân màu vàng ròng.

Trưởng lão Ma-ha Ca-diếp bèn từ tòa đứng dậy, sửa y, bày vai phải, gối bên phải chầm đất thâu giữ thân, chấp tay hướng về Đức Phật, nói kệ:

Hoan hỷ thường an vui

Đấng thanh tịnh thuyết pháp
 Đủ mười lực dũng mãnh
 Công đức có trăm ngàn.
 Khắp cả trong trời người
 Đều không thể sánh kịp
 Cũng không thể suy lường
 Đấng đoạn tận ý ác.
 Trải qua vô số kiếp
 Tu tập bố thí, giới
 Giữ giới rất hoàn hảo
 Bạc Thiên Thệ vô sự.
 Lực, lực nhân, lực thiện
 Lại có lực mười lực
 Vô tâm làm công đức
 Xin dứt lưới nghi con.
 Thấy chúng sinh khổ ão
 Trăm kiếp tu khổ hạnh
 Tâm không hề mỏi mệt
 Đều khiến được an vui.
 Bỏ ngôi nước, vợ con
 Dầu, mắt bố thí hết
 Tâm vui vẻ ban cho
 Xin dứt lưới nghi lòng.
 Thế Tôn đã xả bỏ
 Voi ngựa và xe cộ
 Y phục cùng các thứ
 Vô số kiếp xả bỏ.
 Ăn, uống, nhà, các vật

Cho hết Mâu-ni-na
 Bồ thí thường vui vẻ
 Nên thành bậc Thiện Thệ.
 Khi cắt cho thân thể
 Nhân, vui, không sân hận
 Đáp tùy người hỏi pháp
 Khéo nói nhân, thiện, lực.
 Tu hành nơi pháp không
 Khéo suy nghĩ tịnh thí
 Công đức được viên mãn
 Con hỏi pháp thanh tịnh.
 Tham, sân, si đều diệt
 Thấy chúng sinh khổ não
 Bị tham, sân, si, che
 Ngã tưởng tự trói buộc.
 Tâm từ thương chúng sinh
 Trăm kiếp tu đắc đạo
 Khai ngộ loài hữu tình
 Vì thế con quy y.
 Do trí tuệ tăng trưởng
 Đáng thực hành hạnh thiện
 Luôn vì các chúng sinh
 Thuyết pháp không, khiến vui.
 Nhân hành động ngay thẳng
 Thành Thiện Thệ, Thế Tôn
 Thiên thanh tịnh của Phật
 Xin dứt lưới nghi con.
 Tu hành thí, giới, nhân

Tinh tấn thấy hoàn bị
 Định, tuệ đều đầy đủ
 Luôn vui, tu tâm từ.
 Công đức không ai bằng
 Như biển không nghĩ bàn
 Như nước biển vô tận
 Vì thế con quy y.
 Thuở xưa Đức Thế Tôn
 Có chim đến nương tựa
 Tự cắt thịt thân mình
 Miếng miếng cân cho bằng.
 Tự ngồi trên bàn cân
 Mới nặng bằng thịt chim
 Rồi bỏ thí bình đẳng
 Tâm từ thật cao cả
 Xin dứt lưới nghi con.
 Thái sơn có thể chuyển
 Hư không có thể lường
 Phước đức của chư Thiên
 Cũng có ngày cùng tận.
 Nước biển có thể cạn
 Cung Tu-la còn đổ
 Nhật, nguyệt có thể rơi
 Nhưng lời Phật không khác.

Trưởng lão Ma-ha Ca-diếp dùng kệ tán thán
 Như Lai xong thì thưa:

– Bạch Thế Tôn! Nhân duyên gì mà có ánh
 sáng lớn, màu sắc vi diệu chiếu soi khắp thế giới

như vậy, xưa chưa từng có, mà nay thấy được điềm tốt đẹp như vậy?

Đức Phật bảo Tôn giả Đại Ca-diếp:

– Thôi, thôi, này Ca-diếp! Nay ông tại sao cho nêu về việc như vậy. Đừng hỏi những việc như thế. Việc này chẳng phải là chỗ tất cả hàng Thanh văn, Duyên giác có thể đo lường tính được. Hết thấy hàng trời, người nghe sẽ rơi vào chỗ mê muội vì đây chỉ là chỗ nhận biết của chư Phật Như Lai.

Tôn giả Đại Ca-diếp thưa Phật:

– Bạch Thế Tôn! Như Lai nêu thuyết giảng tất có nhiều lợi ích, đem lại an lạc cho nhiều chúng sinh.

Đức Phật bảo Tôn giả Đại Ca-diếp:

– Ông nay lắng nghe, suy nghĩ kỹ, Như Lai sẽ vì ông thuyết giảng rõ.

Đại Ca-diếp thưa:

– Hay thay! Bạch Thế Tôn! Con rất muốn nghe.

Đức Phật dạy Tôn giả Ca-diếp:

– Đồng tử Văn-thù-sur-lợi nhập Tam-muội Phổ Quang Ly Cấu Trang Nghiêm, do diệu lực của lực Tam-muội ấy nên phóng ra ánh sáng này, chiếu khắp vô lượng, vô biên Hằng hà sa số a-tăng-kỳ, không thể nghĩ bàn, không thể tính kể các cõi Phật trong mười phương, để triệu tập hàng trăm ngàn Bồ-tát nơi vô lượng, vô biên ức na-do-tha không thể tính kể, không thể nghĩ bàn các cõi nước kia

vân tập đến thế giới Ta-bà. Nay chư BỒ-tát ấy đều đến đông đủ cung kính đánh lễ sát chân Như Lai, nhiễu quanh bên phải ba vòng rồi an tọa nơi tòa sen trên hư không cách mặt đất không xa, chỉ bằng một cây Đa-la.

Tôn giả Ma-ha Ca-diếp thưa Phật:

– Bạch Thế Tôn! Do lực từ oai thần của chư BỒ-tát kia đã khiến cho trời tuôn mưa hoa, mưa hương, mưa hương bột v.v... và trăm ngàn thứ âm nhạc phát ra những âm thanh vi diệu như vậy.

Đức Phật bảo:

– Đúng vậy! Đúng vậy! Nay Ca-diếp! Diệu lực từ oai thần của chư BỒ-tát kia là như thế, đã làm trời tuôn mưa hoa, mưa hương, mưa hương bột v.v... và trăm ngàn thứ âm nhạc vang lên vô số âm thanh vi diệu.

Đại Ca-diếp thưa:

– Không thể nghĩ như vậy, bạch Thế Tôn! Nơi nào có thể thấy được chư BỒ-tát kia?

Đức Phật dạy:

– Nay Ca-diếp! Việc ấy hàng Thanh văn, Duyên giác không thể thấy được? Vì sao? Nay Ca-diếp! Cảnh giới của BỒ-tát là nơi chốn có đại bi, nơi chốn có đại từ, nơi chốn có lợi ích, nơi chốn có tu hành, bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ. Cảnh giới của BỒ-tát thì hàng Thanh văn, Duyên giác không thể tin hiểu hành trì. Tôn

giả Ca-diếp nên biết! Tất cả chư Bồ-tát kia đều nhập Tam-muội Ân Nhất Thiết Thân Bồ Tát. Hàng Thanh văn, Duyên giác không thể thấy, chỉ có Như Lai mới thấy.

Như vậy, này Ca-diếp! Bồ-tát nào trụ địa này thì mới có thể thấy được. Bồ-tát trụ địa hãy còn không thể thấy, chỉ nhờ vào lòng tin để tu hành huống chi là hàng Thanh văn, Duyên giác làm sao thấy được.

Trưởng lão Ma-ha Ca-diếp thưa:

– Bạch Thế Tôn! Bồ-tát tu hành thành tựu bao nhiêu pháp, có những thiện căn như thế nào, thành tựu các công đức gì có thể nhập Tam-muội ân tất cả thân của Bồ-tát?

Đức Phật dạy Ca-diếp:

– Chư Đại Bồ-tát thành tựu đầy đủ mười pháp nên có thể nhập vào Tam-muội ân tất cả thân của Bồ-tát. Mười pháp đó là:

Tín hạnh kiên cố.

Tâm đại bi luôn viên mãn không hề lìa bỏ tất cả chúng sinh.

Dứt trừ hết thảy mọi ràng buộc.

Thọ trì pháp Phật nhưng không chấp trước.

Không thọ nhận trí tuệ của hàng Thanh văn, Duyên giác.

Tất cả những gì thuộc sở hữu đều xả bỏ kể cả thân mạng, huống chi là những vật khác.

Thực hành vô số việc làm hữu vi nhưng tâm không chấp vào các việc làm ấy.

Hành trì đầy đủ vô số hạnh Ba-la-mật về bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiên định, trí tuệ, nhưng không phân biệt.

Khởi tâm không phân biệt đối với tất cả chúng sinh, đưa họ vào với pháp Phật hướng đến Bồ-đề.

Không chấp nơi chúng sinh, không chấp vào Bồ-đề.

Ca-diếp nên biết! Chư Đại Bồ-tát thành tựu đầy đủ mười pháp như thế nên có thể nhập vào Tam-muội ẩn tất cả thân của Bồ-tát.

Trưởng lão Ma-ha Ca-diếp thưa:

– Bạch Thế Tôn! Lời của Thế Tôn dạy thật là vi diệu, chính Như Lai mới có khả năng giảng nói như vậy. Hàng Thanh văn, Duyên giác không từng chuyên tâm phát khởi ý nguyện như vậy: Ta khiến cho tất cả chúng sinh đều có thể chứng đắc A-la-hán. Hàng Thanh văn, Duyên giác không thể khởi tâm để đưa họ vào trong pháp La-hán, huống nữa là pháp Phật.

Đức Phật bảo:

– Đúng vậy! Đúng vậy! Này Ca-diếp! Hàng Thanh văn, Duyên giác không thể nhập Tam-muội ẩn tất cả thân của Bồ-tát. Tên Tam-muội ấy hãy còn không biết đến, huống nữa là có thể biết để chứng đắc, làm sao hội nhập được? Nếu có thể hội

nhập thì thật là phi lý.

Trưởng lão Ma-ha Ca-diếp thưa Phật:

– Bạch Thế Tôn! Nay con muốn được diện kiến chư BỒ-tát kia? Vì sao? Vì BỒ-tát như pháp khó có thể diện kiến được.

Đức Phật dạy:

– Này Ca-diếp! Tôn giả hãy tìm Đồng tử Văn-thù-sư-lợi thì sẽ được diện kiến. Chư BỒ-tát kia khi ra khỏi Tam-muội, ông sẽ được diện kiến ngay.

Lại nữa, này Ca-diếp! Ông đã đạt được tất cả Tam-muội, nên thân giữ Tam-muội để tìm cầu xem chư BỒ-tát kia chuyên tâm tu hành pháp gì.

Trưởng lão Ma-ha Ca-diếp nghe Đức Thế Tôn nói xong như thế, nhờ thần lực của chư Phật và thần lực của chính mình, nên liền nhập vào hai vạn các môn Tam-muội, nhập rồi lại xuất, hy vọng được thấy các vị BỒ-tát kia đang chuyên tâm tu hành pháp gì, nhưng không thể nhận biết được. Chẳng phải vì các vị BỒ-tát kia hoặc đến, hoặc đi nên không thể biết, hoặc chẳng phải trụ một chỗ, hoặc nương vào nơi nào, hoặc làm việc gì, hoặc nói điều gì. Tất cả đều không thấy, tất cả đều không biết.

Trưởng lão Ma-ha Ca-diếp thưa Phật:

– Bạch Thế Tôn! Thật là hy hữu, thưa Thế Tôn! Lạ thay thưa Thiện Thệ! Con đã nhập vào hai vạn môn Tam-muội, muốn được thấy chư BỒ-tát kia

đang chuyên tâm tu hành pháp gì nhưng không thể thấy. Bồ-tát như vậy hãy còn không thấy được, huống nữa là Như Lai. Đây là Bồ-tát chưa chứng đắc Nhất thiết trí mà đã đạt được pháp môn Tam-muội như thế. Đại Bồ-tát chưa chứng đắc Nhất thiết trí hãy còn như vậy, huống nữa là đã chứng đắc. Thưa Thế Tôn! Với trí tuệ như thế nào, những thiện nam, thiện nữ nào hoặc thấy, hoặc nghe sự việc này mà không thể phát tâm cầu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng giác? Người nào thấy, nghe mà không phát tâm? Như vậy, thưa Thế Tôn! Diệu lực từ oai thần của Tam-muội ẩn vào tất cả thân Bồ-tát hãy còn không thể lường tính được, huống nữa lại có những pháp Tam-muội khác.

Đức Phật bảo:

– Đúng vậy! Đúng vậy! Này Tôn giả Ca-diếp! Đó chẳng phải là cảnh giới của tất cả hàng Thanh văn, Duyên giác, huống nữa là chúng sinh khác.

Lúc ấy, Trưởng lão Xá-lợi-phất suy nghĩ: “Đức Phật nói ta là người trí tuệ đệ nhất trong hàng đệ tử Thanh văn. Nếu ta tìm các Đại Bồ-tát kia đang chuyên tâm tu tập pháp gì thì có thể biết được.”

Trưởng lão Xá-lợi-phất suy nghĩ rồi, nhờ thần lực của Phật và thần lực của chính mình liền nhập vào ba vạn môn Tam-muội. Nhập rồi lại xuất, hy vọng được thấy biết chư Bồ-tát kia đang chuyên tâm tu hành pháp gì, nhưng không thể thấy được

các Bồ-tát kia, dù chỉ là một tướng nhỏ.

Bấy giờ, Trưởng lão Tu-bồ-đề suy nghĩ: “Ta phải biết chư Bồ-tát kia đang chuyên tâm tu hành pháp gì?”.

Trưởng lão Tu-bồ-đề suy nghĩ rồi, nhờ thần lực của Phật và thần lực của chính mình liền nhập vào bốn vạn môn Tam-muội. Nhập rồi lại xuất, hy vọng được thấy biết chư Bồ-tát kia đang chuyên tâm tu hành pháp gì, nhưng cũng không thể thấy. Chẳng phải chư Bồ-tát kia hoặc đến, hoặc đi, nên không thể biết, hoặc chẳng phải trụ một chỗ hay trụ một chỗ, hoặc ở nơi kinh hành, hoặc chẳng phải là nơi nằm, ngồi. Tất cả đều không thấy, tất cả đều không biết.

Trưởng lão Tu-bồ-đề đánh lễ Phật, rồi thưa:

– Bạch Thế Tôn! Như Lai nói con đạt hạnh A-lan-nhã bậc nhất. Pháp môn Tam-muội tịch tĩnh đó con đã chứng đắc. Như vậy, thưa Thế Tôn! Khắp bốn châu thiên hạ nơi thế giới này con thấy rõ ràng như trên một mặt trống. Thế giới thứ hai con cũng thấy rõ ràng như trên hai mặt trống. Thưa Thế Tôn! Ví như khi con nhập Tam-muội, có người tìm cách cầm gậy lớn như núi Tu-di đến trước mặt con đánh trống không hề dừng nghỉ, suốt cả một kiếp, người ấy không làm việc gì khác, chỉ mỗi việc đánh trống. Trong hoàn cảnh như vậy, nhưng con vẫn chứng đắc vô số Tam-muội, lại đạt được hạnh A-

lan-nhã rớt ráo. Trải qua một kiếp, tiếng trống kia hãy còn không ảnh hưởng đến nhĩ thức của con huống nữa là làm cho con ra khỏi Tam-muội. Hoàn toàn không có việc tiếng trống kia có thể khiến con ra khỏi Tam-muội. Thưa Thế Tôn! Như vậy pháp ấy đã gồm đủ tịch tĩnh. Pháp ấy cũng gồm đủ trí tuệ, con nên được nhập vào bốn vạn môn Tam-muội, nhập rồi lại xuất, hy vọng được diện kiến chư Bồ-tát kia, nhưng cho đến một vị cũng không thể thấy được, lại không thể biết được chỗ ở của những vị ấy. Thưa Thế Tôn! Chư Đại Bồ-tát biết rõ pháp ấy đem lại lợi ích cho tất cả chúng sinh, nên trải qua vô số kiếp dù sinh vào địa ngục lớn, dù ở trong chốn địa ngục, chư Bồ-tát kia cũng không xả bỏ pháp ấy. Thật là hàng trí tuệ sâu xa không thể nghĩ bàn. Thưa Thế Tôn! Nếu phiền não nơi tâm con chưa được giải thoát, vào đời vị lai thường sinh trong sinh tử, thì con cũng không xa lìa pháp Đại thừa ấy.

Đức Thế Tôn ngợi khen Tôn giả Tu-bồ-đề:

– Hay thay! Hay thay! Tu-bồ-đề! Ông có lòng tin nên mới nêu bày như vậy. Hiện tại ông không chứng Niết-bàn thì quyết chắc cũng được thọ ký. Thiện căn của ông sẽ làm Chuyển luân vương trong vô số kiếp, sau đó tất chúng đắc đạo quả Vô thượng Chánh đẳng giác.

Lại nữa Tu-bồ-đề! Chúng sinh trong tam thiên đại thiên thế giới có nhiều chăng?

Tu-bồ-đề thưa:

– Rất nhiều, thưa Thế Tôn! Rất nhiều, thưa Thiện Thế!

Đức Phật bảo:

– Đúng vậy, Tu-bồ-đề! Giả như những chúng sinh ấy đều đạt được trí tuệ như Tu-bồ-đề, như Xá-lợi-phất, chỗ thấy biết của chư đại Thanh văn đều cùng hòa hợp, cho đến trải qua một kiếp hoặc trăm ngàn kiếp, tìm cầu các vị Bồ-tát kia nhằm được diện kiến, nhưng không đủ năng lực để đạt đến. Vì sao? Vì đấy chẳng phải là cảnh giới thấy biết của Tu-bồ-đề, của hàng Thanh văn, Duyên giác. Việc làm của chư Đại Bồ-tát kia, tất cả hàng Thanh văn, Duyên giác không thể làm được.

Khi Đức Phật thuyết giảng pháp này xong, trong chúng hội có tám vạn bốn ngàn thiên nhân đều phát tâm cầu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng giác.

Bây giờ, Đồng tử Văn-thù-sư-lợi suy nghĩ: “Ồ những quốc độ khác còn có vô lượng na-do-tha trăm ngàn chúng Bồ-tát, ta nên triệu tập đến đây”.

Đồng tử Văn-thù-sư-lợi suy nghĩ xong, liền như pháp hiện thần thông. Hiện thần thông rồi lại hóa ra tám vạn bốn ngàn hoa sen, cùng với vô số trăm ngàn hoa sen quyến thuộc lớn như bánh xe, cánh vàng, cọng bạc, lưới bọc đài rất thù thắng, tua hoa là tỳ-lưu-ly. Trong những hoa sen ấy có hóa

thân Bồ-tát đang ngồi kiết già trên đài hoa, thân màu hoàng kim, đầy đủ ba mươi hai tướng của bậc đại nhân, đầy đủ công đức, đầy đủ diệu sắc, đầy đủ sự tốt đẹp, đầy đủ ánh sáng.

Khi ấy, những hoa sen kia bay đến trụ xứ của Tứ Thiên vương, trời Tam Thập Tam, Dạ-ma, Đâu-suất, rồi lại bay đến trời Hóa Lạc, Tha Hóa Tự Tại. Những hoa sen được biến hóa này bay đi khắp tất cả mọi nơi, triệu tập trăm ức Tu-di, trời Tứ Thiên vương, cho đến trời Sắc Cứu Cánh trong tam thiên đại thiên thế giới. Những hoa sen ấy cũng bay đến khắp vô số cung điện các Thiên tử ở cõi Dục, các Thiên tử ở cõi Sắc, phát ra âm thanh triệu tập khiến tất cả đều nghe. Chư Bồ-tát hóa thân biến khắp Tam thiên đại thiên thế giới, nói kệ triệu tập:

*Thế Tôn mặt trời tuệ
 Khi xuất hiện ở đời
 Như hoa Ưu-đàm nở
 Là điều rất khó gặp.
 Sư tử hùng họ Thích
 Xuất hiện thế gian này
 Ý chánh pháp giáo hóa
 Diệt trừ hết khổ não.
 Người nào hưởng phước trời
 Buông tâm vui năm dục
 Hạnh ác vẫn theo mình
 Ở bất cứ chỗ nào.
 Thọ biết bao ái dục*

Hạnh ác luôn tăng trưởng
 Chúng sinh hành hữu vi
 Trong ba cõi bất an.
 Được gặp việc khó gặp
 Đó là Phật xuất thế
 Ngu si cùng ngã mạn
 Không biết, không diệt khổ.
 Các ông hãy mau đến
 Nghe Phật thuyết chánh pháp
 Chớ để Phật Niết-bàn
 Hối hận đều quá muộn.
 Rơi vào lưới ma vương
 Nơi chốn sợ hãi lớn
 Mãi ngu si thọ dục
 Bao giờ được giải thoát?
 Chỉ có nghe chánh pháp
 Tạo phước cho chúng sinh
 Mau đến chỗ Đức Phật
 Đại nhân ba hai tướng.
 Cứu khổ cho muôn loài
 Quy y Phật hơn hết
 Phật là chủ thế gian
 Đại từ không nghĩ bàn.
 Tu hành không tính kể
 Trải qua vô số kiếp
 Đạt trí tuệ vô thượng
 Thích sự tử thành Phật.
 Khai thị pháp bậc nhất

Sâu tĩnh khó được gặp
 Nơi nào không chúng sinh
 Chẳng mạng, chẳng trượng phu.
 Tất cả đều xả bỏ
 Đoạn hết không còn nữa
 Trừ bỏ tất cả tướng,
 Vì chúng sinh thuyết pháp.
 Hiện thật tế khắp nơi
 Thế gian không tâm hành
 Phật dùng không, vô tướng
 Vô nguyện cùng vô tác.
 Không nhiễm, không tướng mạo
 Chẳng sinh cũng chẳng khởi
 Chẳng đến cũng chẳng đi
 Diễn thuyết pháp sáng tỏ.
 Chẳng sinh cũng chẳng tận
 Không nhớ tiếc vật gì
 Không tướng mạo thấy được
 Không suy nghĩ, nói năng.
 Không ít chúng sinh sinh
 Không ít chúng sinh tử
 Không chúng sinh Niết-bàn
 Nơi nào chúng sinh hiện.
 Thuyết pháp như tiếng vang
 Tiếng vang không nắm bắt
 Người tin hiểu tự tướng
 Nghe thuyết pháp như vậy.
 Ở bất cứ nơi nào

Có địa, thủy, hỏa, phong
 Mà bậc mắt trí tuệ
 Lại không nói rõ được?
 Sắc, thọ, tưởng, hành, thức
 Tất cả đều là không,
 Tuy Phật nêu năm âm
 Nhưng không vật tích tu.
 Nhân, nhĩ, tỷ, thiệt, thân
 Ý, tự tướng đều không
 Tuy thuyết pháp ấy không
 Nhưng không, không thủ đắc.
 Sắc, thanh, hương, vị, xúc
 Là sở thích của ý
 Hư vọng khởi pháp ấy
 Không tự tánh, vốn không.
 Các chúng sinh như vậy
 Hiểu rõ pháp Phật dạy
 Muốn thoát khỏi khổ não
 Hãy đến chỗ Y sư.

Chư Bồ-tát hóa thân hiện đến khắp tam thiên
 đại thiên thế giới. Lúc nói bài kệ này, có chín mươi
 sáu ức chư Thiên ở cõi Dục, Thiên tử ở cõi Sắc, xa
 lìa trần cấu, đạt được pháp nhãn thanh tịnh. Mười
 ngàn Thiên tử tu tập theo Bồ-tát thừa, tất cả đều
 được pháp nhãn Vô sinh.

Khi các vị Bồ-tát kia triệu tập vô số hàng hà sa
 chúng Thiên tử, chỉ trong khoảng một sát-na, trong
 khoảng một la-bà, trong khoảng một ma-hầu-đa,

chư vị đã đến chỗ Đức Thế Tôn Thích Ca Mâu Ni Như Lai Ứng Chánh Biến Tri, cúi đầu đánh lễ nơi chân Phật, nhiễu quanh theo phía bên phải ba vòng rồi đứng sang một bên, dùng các thứ hương, hoa trời như: hoa Ưu-bát-la, hoa Bát-đầu-ma, hoa Câu-vật-đầu, hoa Phân-đà-lợi, hoa Mạn-đà-la, hoa Maha Mạn-đà-la, hương bột, hương xoa, tung lên cúng dường Như Lai. Hầu hết chư Thiên đều trụ giữa hư không ca vịnh, tán thán. Có vô số chư Thiên từ khắp nơi đến đây, đông đến nỗi không chỗ chen chân. Khi ấy, Thiên tử Đại Thân Thắng Diệu tuôn mưa hoa khắp bốn cõi thiên hạ nơi thế giới này, chôn nào hoa cũng ngập quá đầu gối.

Bây giờ, Thiên tử Thiên Trụ Ý, Thiên tử Thiên Tịch, Thiên tử Tầm Quý Trì cùng chín mươi sáu ức chư Thiên tử ưa thích tất cả hành nơi đạo Bồ-tát, cùng nhau đến trụ xứ của Đồng tử Văn-thù-sư-lợi. Đến nơi, ở bên ngoài trụ xứ ấy, đi nhiễu quanh theo phía bên phải bảy vòng, tuôn mưa hoa Mạn-đà-la trùm khắp hư không, cao mười do-tuần, tạo thành đài lưới hoa lớn, hình như ngôi tháp, có ánh sáng tỏa chiếu khắp Tam thiên đại thiên thế giới, nơi nơi đều sáng rực, và mưa hoa trời Mạn-đà-la xuống khắp trụ xứ của Đồng tử Văn-thù-sư-lợi.

Khi ấy, Đồng tử Văn-thù-sư-lợi như pháp suy nghĩ: “Khắp hư không nơi Tam thiên đại thiên thế giới đều có lưới hoa trùm khắp. Lưới hoa đều có ánh sáng chiếu cả Tam thiên đại thiên thế giới, mọi

chôn đều sáng rực”. Đồng tử Văn-thù-sư-lợi ra khỏi trụ xứ của mình, tùy theo ý muốn, liền có tòa báu vi diệu và an tọa trên ấy.

Bảy giờ, Thiên tử Thiện Trụ Ý cúi đầu kính lễ nơi chân Đồng tử Văn-thù-sư-lợi, chư Thiên tử khác cũng kính lễ nơi chân Đồng tử Văn-thù-sư-lợi. Đồng tử Văn-thù-sư-lợi suy nghĩ: “Những vị nào có thể theo ta đến trước Đức Thế Tôn để hỏi đáp biện luận? Hoặ giảng nói những câu nghĩa không thể nghĩ bàn, những câu nghĩa khó lãnh hội, câu không xứ sở, câu chẳng hý luận, câu dứt hết mọi hý luận, câu không thể nêu bày, câu thâm diệu, câu đúng thật, câu không chướng ngại, câu không phá hoại, câu không, câu vô tướng, câu vô nguyện, câu nói về chân như, câu thật tế, câu pháp giới, vô vô tương tự, câu không lầy, câu chẳng bỏ, câu Phật, câu Pháp, câu Tăng, câu chứng đắc trí tuệ viên mãn, câu ba cõi bình đẳng, câu tất cả các pháp là không thể đắc, câu nói về hết thảy pháp là chẳng sinh, câu sư tử, câu quyết chắc, câu không câu nghĩa. Nói như vậy rồi, nghĩ: Có những vị nào được xem là pháp khí để có thể nghe pháp và lãnh thọ”.

Đồng tử Văn-thù-sư-lợi suy nghĩ tiếp: “Thiên tử Thiện Trụ Ý đã từng cúng dường chư Phật quá khứ, biện tài vô ngại, có thể cùng theo ta đến trước Đức Thế Tôn để hỏi đáp biện luận”.

Suy nghĩ như vậy rồi, Đồng tử Văn-thù-sư-lợi

bảo Thiên tử Thiên Trụ Ý:

– Thiên tử Thiên Trụ Ý! Ông đã đạt được pháp nhãn sâu xa, biện tài vô ngại, có thể theo ta đến trước Đức Thế Tôn để hỏi đáp biện luận.

Thiên tử Thiên Trụ Ý thưa Đồng tử Văn-thù-sư-lợi:

– Thưa Đồng tử Văn-thù-sư-lợi! Tôi đã nêu như vậy các pháp, đối với tôi là không nghe, không đọc, không thọ, không trì, không suy nghĩ, không ghi nhớ, không lấy, không bỏ, không hiểu, không biết, không nghe tôi giảng nói, không giảng nói cho người khác. Vì sao? Vì Phật đạo là không chữ, không tâm, giác ngộ chỉ nêu về tên gọi. Tên gọi như thế thì không thể tu hành.

Đồng tử Văn-thù-sư-lợi! Nay ở nơi này, các pháp được nêu giảng, chư Thiên tử đối với Bồ-tát đều có ý muốn nghe, vậy Bồ-tát sẽ vì họ mà thuyết giảng pháp chăng?

Đồng tử Văn-thù-sư-lợi đáp:

– Nay Thiên tử! Nếu có người suy nghĩ: “Tôi nghe pháp” thì tôi không giảng nói cho họ. Người muốn không chấp giữ, tôi cũng không giảng nói cho họ. Vì sao? Vì có ngã là có chấp giữ. Cho là có thể nói, nghe, như vậy là chấp giữ về chúng sinh, về thọ mạng, về trượng phu. Người chấp giữ như vậy thường cho là có thể nói, nghe.

Nay Thiên tử! Như thế là khiến họ có ngã mạn,

tâm chấp nơi ngã, ngã sở.

Người chấp trước như vậy mà thuyết pháp có ba chương ngại đó là:

1. Thủ đắc về ngã.
2. Thủ đắc về chúng sinh.
3. Thủ đắc về pháp.

Thiên tử nên biết, người nào không có tâm ngã mạn, không chấp ngã, ngã sở mà nghe pháp thì có ba điều thanh tịnh viên mãn, tâm không phân biệt, không mong cầu, không nhớ nghĩ. Ba điều thanh tịnh viên mãn là:

1. Không thủ đắc về ngã, nên tâm không phân biệt, không mong cầu, không nhớ nghĩ.
2. Không thủ đắc về chúng sinh, nên tâm không phân biệt, không mong cầu, không nhớ nghĩ.
3. Không thủ đắc về pháp, nên tâm không phân biệt, không mong cầu, không nhớ nghĩ.

Thiên tử nên biết, người nào nghe pháp như vậy là nghe một cách bình đẳng, chứ không phải là không bình đẳng.

Khi ấy, Thiên tử Thiện Trụ Ý ca ngợi:

– Hay thay! Hay thay! Thừa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Như thế nào gọi là bất thoái chuyển? Xin Bồ-tát giải bày.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

– Thôi! Thôi! Này Thiên tử! Ông chớ phân biệt hoặc cho là Bồ-tát có thoái chuyển, hoặc Bồ-đề

chánh giác chẳng phải là thủ đắc về Bồ-đề.

Thiên tử hỏi:

– Thừa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, nơi nào thoái chuyển?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

– Nay Thiên tử! Tham dục thoái chuyển, sân hận thoái chuyển, ngu si thoái chuyển, hữu ái thoái chuyển, vô minh thoái chuyển, cho đến mười hai chi phần đều thoái chuyển, nhân thoái chuyển, kiến đạo thoái chuyển, danh thoái chuyển, sắc thoái chuyển, dục giới thoái chuyển, sắc giới thoái chuyển, Vô sắc giới thoái chuyển, hành Thanh văn thoái chuyển, hành Duyên giác thoái chuyển, phân biệt thoái chuyển, chấp trước thoái chuyển, thể thoái chuyển, chấp thể thoái chuyển, đoạn thoái chuyển, thường thoái chuyển, thủ thoái chuyển, xả thoái chuyển, tướng ngã thoái chuyển, tướng chúng sinh thoái chuyển, tướng mạng thoái chuyển, tướng trượng phu thoái chuyển, ý nghĩ thoái chuyển, chướng ngại thoái chuyển, điên đảo thoái chuyển, tự thân thoái chuyển, kiến chấp về thân thoái chuyển, sáu mươi hai thứ kiến chấp căn bản của tự thân thoái chuyển, năm thứ ngăn che thoái chuyển, năm thủ ám thoái chuyển, tất cả nội ngoại nhập thoái chuyển, giới thoái chuyển, tướng Phật thoái chuyển, tướng pháp thoái chuyển, tướng Tăng thoái chuyển, tướng ngã thành Phật, ngã

thuyết pháp, ngã độ chúng sinh, ngã phá trừ ma vương, ngã chứng đắc trí tuệ thoát chuyển, tướng có kia thoát chuyển. Không phân biệt về mười lực, không phân biệt về mười tám pháp bất cộng của Phật, không phân biệt về căn, vô úy, không phân biệt về tướng, không phân biệt về thế giới trang nghiêm của Phật, không phân biệt về công đức của hàng Thanh văn, tất cả phân biệt đều thoát chuyển.

Như vậy này Thiên tử! Nếu Bồ-tát ở nơi đây thoát chuyển thì ở nơi kia không thoát chuyển.

Thiên tử Thiện Trụ Ý hỏi:

– Nơi nào không thoát chuyển?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

– Này Thiên tử! Trí tuệ của Phật là không thoát chuyển, không chẳng thoát chuyển, vô tướng chẳng thoát chuyển, vô nguyện chẳng thoát chuyển, chân như chẳng thoát chuyển, pháp giới chẳng thoát chuyển, thật tế chẳng thoát chuyển, bình đẳng chẳng thoát chuyển.

Thiên tử nói:

– Như chỗ Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đã nói thì Bồ-tát đối với pháp này là phân biệt hay không phân biệt, không phân biệt hay chẳng phân biệt là thoát chuyển? Do nghĩa đó, nên gọi là thoát chuyển, nhưng những pháp đó có pháp gì gọi là thoát chuyển? Nói có, không, chẳng phải có, chẳng phải không thì pháp gì là thoát chuyển? Nơi nào là thoát

chuyển?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

– Hoặc không chấp nơi thật tế, hoặc không chấp nơi chánh chân, hoặc không chấp về như, đó là không lấy không bỏ, chỉ là vô tướng phát sinh. Vì ý nghĩa ấy, nên gọi là thoái chuyển. Những pháp thoái chuyển đó không thể nói là có, không thể nói là không. Vì sao? Vì nếu có pháp thoái chuyển thì rơi vào bên thường, nếu không có pháp thoái chuyển thì rơi vào bên đoạn. Như Lai thuyết pháp chẳng phải là thường, chẳng phải là đoạn. Không đoạn, không thường là lời Đức Phật dạy.

Này Thiên tử! Nếu ở trước pháp chân như mà không có tướng thật, không biết như thật thì không đoạn, không thường. Như vậy Thiên tử.

Khi nói pháp Bồ-tát thoái chuyển này, mười ngàn Thiên tử, tất cả đều đạt được pháp nhãn Vô sinh.

Khi ấy, Thiên tử Thiện Trụ Ý nói với Đồng Tử Văn-thù-sư-lợi:

– Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Nay tôi cùng Nhân giả đi đến chỗ Đức Như Lai, diện kiến Thế Tôn, sau đây lễ bái, ca ngợi, cúng dường, cung kính, như pháp tham vấn.

Văn-thù-sư-lợi nói:

– Thiên tử, ông chớ phân biệt và chấp trước nơi các hành của Như Lai.

Thiên tử hỏi:

– Thừa BỒ-tát Văn-thù-sư-lợi! Như Lai ở đâu?

Văn-thù-sư-lợi đáp:

– Thiên tử! Như Lai ở ngay trước mặt.

Thiên tử hỏi:

– Nếu có Như Lai tại sao tôi không thấy?

Văn-thù-sư-lợi đáp:

– Thiên tử! Nếu ông thấy được tất cả các pháp thì thấy được Như Lai.

Thiên tử hỏi:

– Văn-thù-sư-lợi! Nhân giả nói Như Lai ở ngay trước mặt, như vậy nghĩa là thế nào?

Văn-thù-sư-lợi hỏi lại:

– Thiên tử! Ý Thiên tử thế nào? Trước mặt ông có vật gì?

Thiên tử đáp:

– Cảnh giới hư không.

Văn-thù-sư-lợi nói:

– Đúng vậy! Đúng vậy! Như Lai tức là cảnh giới hư không. Vì sao? Vì cảnh giới hư không đối với tất cả pháp bình đẳng. Do đó hư không tức là Như Lai, Như Lai tức là hư không, Hư không, Như Lai không hai, không khác. Như thế, Thiên tử muốn thấy Như Lai thì nên quán như vậy, phải biết như thật tế, không có một vật nhỏ nào có thể phân biệt, chấp giữ.



KINH THÁNH THIÊN TRỤ Ý THIÊN TỬ SỞ VẤN

QUYỂN TRUNG

Bấy giờ, Đồng tử Văn-thù-sư-lợi tùy theo tâm niệm hóa ra ba mươi hai cung điện, bốn góc, bốn trụ, dài rộng bằng nhau, trang hoàng bằng nhiều thứ đẹp đẽ đáng ưa thích. Trong các cung điện ấy đều hóa hiện những giường nằm, tòa ngò, có vật báu trời che lên trên. Mỗi mỗi giường nằm, tòa ngò có hóa thân Bồ-tát, đầy đủ ba mươi hai tướng của bậc đại nhân. Khi ấy, Đồng tử Văn-thù-sư-lợi dùng diệu lực từ oai thần khiến những hoa sen kia bay đi khắp tam thiên đại thiên thế giới, rồi đến chỗ Đức Như Lai và chúng Tỳ-kheo Tăng nhiều quanh đủ ba vòng, sau đó trụ giữa hư không, phát ra ánh sáng chiếu khắp nơi, lại nhiều quanh chỗ Đức Thế Tôn cùng chúng hội bốn phương.

Lúc ấy, chư Bồ-tát trên đài hoa sen cùng chư Bồ-tát nơi cung điện được hóa ra, đồng thanh nói kệ tán thán Đức Như Lai:

*Trải qua Hằng sa kiếp
Chỗ Phật không nghĩ bàn*

Cúng dường vô số Phật
 Luân đốc sức tinh tấn.
 Tu hành lâu như vậy
 Hạnh Bồ-tát bậc nhất
 Phật lòng từ vô biên
 Tối thượng nơi loài người.
 Ánh hào quang vi diệu
 Rực sáng cả ba cõi
 Đáng Mâu-ni là tướng
 Thuyết pháp mọi người nghe.
 Nơi nào không có người
 Không mạng, không trượng phu
 Thế Tôn đều biết rõ
 Phật là chủ loài người.
 Hành bố thí, trì giới
 Là đệ nhất luật sư
 Nhân nhục đốc tinh tấn
 Như thiên định tư duy.
 Đây đủ trí tuệ sâu
 Không chấp vương ba cõi
 Thấu đạt đạo giải thoát
 Vì thế con quy y.
 Trong ý niệm biết có
 Là vua của thế gian
 Thế Tôn là pháp chủ
 Trời người đến cúng dường.
 Pháp không thật thâm sâu
 Rốt ráo không gì hơn

Nên biết bậc như vậy
Là tôn chủ thế gian.
Chư Như Lai quá khứ
Làm chủ những cõi khác
Thường thuyết pháp không kia
Vốn không vật, không tướng.
Nơi này không chúng sinh
Hoặc sinh, hoặc tử diệt
Không đến cũng không đi
Tất cả pháp, tướng không.
Hóa nhân ngủ trong không
Chẳng phải thấy chân thật
Pháp kia Thiện Thệ thuyết
Như hóa, cũng như mộng.
Của báu Hằng sa cõi
Bồ thí cho mọi người
Phước ấy thuộc hữu vi
Pháp nhãn không hơn hết.
Trải qua vô số kiếp
Cúng dường đáng Trung Tôn
Dâng hương hoa, ẩm thực
Vì muốn thành Phật đạo.
Được nghe pháp như vậy
Không nhân mạng, trượng phu
Đạt ánh sáng nhân kia
Dâng cúng dường Như Lai.
Nhiều kiếp hành bồ thí
Thức ăn uống, ngựa, voi

Chẳng phải nhân giải thoát
 Vì còn có tướng nhân.
 Đáng tịch tĩnh trên hết
 Khiên chúng sinh giải thoát
 Không tánh, vốn trong sáng
 Được giải thoát trang nghiêm.
 Phật xuất thế khó gặp
 Nghe pháp khó tin theo
 Làm người thật là khó
 Hay thay nhập pháp Phật.
 Đã xa lìa tám nạn
 Được gặp điều khó gặp
 Tin hiểu pháp Thiên Thệ
 Tư duy điều được thấy.
 Thường chuyên tâm nghe pháp
 Nghe pháp không chấp trước
 Thường hành A-lan-nhã
 Đại hùng giữa loài người.
 Gần pháp khí thiện hữu
 Xa lìa tri thức ác
 Bình đẳng với mọi người
 Không khinh khi Bồ-tát.
 Trì giới, ưa đa văn
 Ý phân tảo, khát thực
 Ở gốc cây, tinh tấn
 Thọ thực món khát thực.
 Hữu vi đều vô thường
 Nhất tướng, như sóng nắng

Đòi này thấy Chân đế
 Mau đắc đạo Bồ-đề.
 Năm ấm như huyền hóa
 Trong ngoài đều là không
 Phật thuyết pháp như vậy
 Nơi ấy không tạo tác.
 Tham, sân vốn không, không
 Si, mạn phân biệt khởi
 Chẳng phải xưa nay có
 Biết như vậy thành Phật.

Khi chư Bồ-tát nói kệ này, trong chúng hội có hai vạn hai ngàn người đều phát tâm cầu đạt đạo quả Vô thượng Chánh đẳng giác; năm trăm Tỳ-kheo không nhiễm các pháp, tâm dứt sạch lậu hoặc, đạt được giải thoát; ba trăm Tỳ-kheo-ni xa lìa trần cấu, chứng đắc pháp nhãn thanh tịnh; bảy ngàn Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, hai vạn bảy ngàn Thiên tử xa lìa các trần, đắc pháp nhãn; ba trăm Bồ-tát đắc pháp nhãn Vô sinh. Tam thiên đại thiên thế giới chấn động đủ sáu cách: động, động khắp, động đều, chấn, chấn khắp, chấn đều.

Lúc ấy, Trưởng lão Xá-lợi-phất thưa Phật:

– Bạch Thế Tôn! Tam thiên đại thiên thế giới này đã chấn động đủ sáu cách, trong điện Liên hoa Bồ-tát vang lên tiếng pháp thâm diệu như vậy, có ánh sáng lớn chiếu khắp chúng hội, lại có vô lượng ức Thiên tử vân tập đến đông đủ, vô lượng ức Bồ-tát cũng vân tập đến. Đó là do oai lực của ai?

Đức Phật dạy:

– Này Xá-lợi-phất! Đó là nhờ diệu lực oai thần của Đồng tử Văn-thù-sư-lợi nên thấy được diệu sắc trang nghiêm như vậy. Vì sao? Này Xá-lợi-phất! Đồng tử Văn-thù-sư-lợi và Thiên tử Thiện Trụ Ý hôm nay sẽ cùng nhau đến thưa hỏi Như Lai về pháp môn Tam-muội phá trừ ma quân, thưa hỏi đúng như pháp về pháp Phật vô cùng thâm diệu không thể nghĩ bàn.

– Không thể như vậy, thưa Thế Tôn! Con chưa từng thấy Đồng tử Văn-thù-sư-lợi đến chúng hội này.

Đức Phật dạy:

– Này Xá-lợi-phất! Ông hãy khéo quan sát Đồng tử Văn-thù-sư-lợi hiện tại ở nơi đây cùng với tất cả ma, tất cả ma chúng, tất cả cung điện của ma đều hiện rõ sự suy biến lớn. Sự trang nghiêm vô cùng lớn lao sẽ hiện bày ngay ở chỗ Như Lai.

Bây giờ, Đồng tử Văn-thù-sư-lợi bèn nhập pháp môn Tam-muội phá trừ ma quân. Khi Văn-thù-sư-lợi nhập pháp môn Tam-muội này thì trong Tam thiên đại thiên thế giới có vô số trăm ức cung điện ma suy biến sắp hư hoại, tối tăm, không còn ánh sáng uy lực gì. Tất cả thân ma đều hiện rõ sự suy biến, trở thành già yếu một cách nhanh chóng, chúng tự biết mình phải chống gậy mà đi. Quyền thuộc của ma cũng đều như vậy.

Thấy rõ sự việc như thế, chúng ma đều sợ hãi đến rợn người, hết sức lo lắng, suy nghĩ: “Vì sao cung điện của ta đây suy biến, sắp bị hư hoại, sụp đổ tơi tã, không có ánh sáng như thế? Nhưng chớ khiến thân chúng ta phải rời khỏi cảnh giới này!”.

Khi chúng ma kia suy nghĩ như thế chưa bao lâu thì Đồng tử Văn-thù-sư-lợi liền hóa ra trăm ức Thiên tử đến trước chúng ma nói với ma Ba-tuần: “Người chớ sợ hãi! Chẳng phải do người có điều ác, chẳng phải người có sự suy biến, chẳng phải người sắp suy thoái mà nay có Đại Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi chứng đắc bất thoái chuyển, đang nhập pháp môn Tam-muội phá trừ ma quân. Những việc trên là do oai lực của Đại Bồ-tát ấy tạo ra.

Chúng ma nghe hóa thân Thiên tử nói đến tên Văn-thù-sư-lợi thì họ càng thêm sợ hãi, tất cả cung điện của ma đều rung động. Ma Ba-tuần nói với hóa thân Thiên tử: “Xin hãy cứu giúp tôi! Xin hãy cứu giúp tôi!”.

Hóa thân Thiên tử an ủi ma Ba-tuần:

– Đừng sợ! Đừng sợ! Nay người nên đi đến chỗ Đức Phật Thích Ca Mâu Ni Như Lai, Ngài luôn có tâm đại bi, thường ban sự không sợ hãi cho người sợ hãi.

Hóa thân Thiên tử nói như vậy rồi, bỗng nhiên biến mất. Lúc ấy, chỉ trong khoảnh khắc một niệm, trong khoảnh khắc một la-bà, trong khoảnh khắc

một ma-hầu-đa, trăm ức ma Ba-tuần cùng với vô lượng quyến thuộc như già đi, thậm chí rất già yếu phải chống gậy tìm đến chỗ có Đức Như Lai Ứng Chánh Biến Tri, tới nơi tất cả đồng thanh cầu cứu:

– Xin Đức Thế Tôn cứu giúp chúng con! Xin bậc Thiện Thế cứu giúp chúng con! Dáng mạo xinh đẹp trước kia của chúng con nay đã thay đổi đến xấu xí như thế này. Bạch Thế Tôn! Thà cho chúng con nghe đến trăm ngàn ức danh hiệu chư Phật, Như Lai, chứ đừng cho chúng con nghe dù chỉ một lần danh hiệu Đồng tử Văn-thù-sư-lợi. Vì sao? Vì chúng con nghe đến tên của Đồng tử Văn-thù-sư-lợi thì rất sợ hãi, kinh hoàng, khủng khiếp. Chúng con sợ hãi đến mất vía như thế này!

Đức Thế Tôn nói với ma Ba-tuần:

– Tại sao nay người nói như vậy? Trăm ngàn ức danh hiệu của chư Phật, Như Lai không tạo lợi ích cho tất cả chúng sinh, xưa không tạo, nay cũng không tạo, về sau cũng không tạo, nhưng Đồng tử Văn-thù-sư-lợi thì thường đem lại lợi ích cho tất cả chúng sinh, đã làm, đang làm và sẽ làm. Chúng sinh đã thuận thực thì khiến đạt được giải thoát. Nay tuy người nghe trăm ngàn ức danh hiệu của chư Phật, Như Lai, không sinh khổ não, không sinh sợ hãi, tại sao không dám nghe một danh hiệu của Đồng tử Văn-thù-sư-lợi?

Ma Ba-tuần thưa:

– Bạch Thế Tôn! Con rất hổ thẹn với thân già suy như vậy, con rất sợ hãi.

Bạch Thế Tôn! Con nhớ thân tướng trước kia, con nhớ sắc diện trước kia, con nguyện được trở lại thân sắc trước kia dù chỉ một chút.

Đức Phật dạy:

– Thôi, thôi Ba-tuần! Người hãy đợi trong chốc lát, Đồng tử Văn-thù-sư-lợi sẽ đến đây, sắc diện của người chẳng phải là sắc diện thật nên xả bỏ đi.

Bấy giờ, Đồng tử Văn-thù-sư-lợi ra khỏi Tam-muội, có vô lượng trăm ngàn chư Thiên, cùng với vô lượng trăm ngàn chư Đại Bồ-tát, các chúng Long, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già đến chỗ Đức Phật, cúi đầu đánh lễ sát chân, nhiễu quanh chỗ Phật ba vòng rồi lui ra đứng qua một bên. Cùng lúc, trăm ngàn thứ nhạc vang lên những âm thanh vi diệu, vô số hoa Ưu-bát-la, hoa Bát-đầu-ma, hoa Câu-vật-đầu, hoa Phân-đà-lợi rơi xuống như mưa, rất trang nghiêm, vui đẹp lạ thường.

Đức Thế Tôn hỏi Đồng tử Văn-thù-sư-lợi:

– Văn-thù-sư-lợi! Ông nhập môn Tam-muội phá trừ nhất thiết ma quân chẳng?

Văn-thù-sư-lợi thưa Phật:

– Đúng vậy, bạch Thế Tôn!

Đức Thế Tôn hỏi:

– Đồng tử Văn-thù-sư-lợi! Ông chứng đắc

Tam-muội này với Đức Phật nào, từ lâu Ta đã nghe nói đến Tam-muội này.

Đồng tử Văn-thù-sư-lợi thưa:

– Bạch Thế Tôn! Khi chưa phát tâm Bồ-đề, con theo Đức Phật thuở ấy, nghe được pháp môn Tam-muội này và con đã thành tựu pháp Tam-muội đó.

Đức Thế Tôn hỏi:

– Nay Văn-thù-sư-lợi! Ông theo Đức Phật thuở ấy, lãnh hội được pháp môn Tam-muội này. Vậy Đức Phật, Như Lai thuyết giảng pháp môn Tam-muội thuở ấy danh hiệu là gì?

Đồng tử Văn-thù-sư-lợi thưa:

– Bạch Thế Tôn! Về thời quá khứ, trải qua vô lượng, vô số Hằng hà sa kiếp không thể tính kể có Đức Phật xuất thế tên là Mạn Đà La Bà Hoa Hương gồm đủ mười tôn hiệu: Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn. Đức Phật ấy đã thuyết giảng pháp môn Tam-muội này, con đã lãnh hội pháp môn Tam-muội phá trừ ma quân từ Đức Phật ấy.

Đức Thế Tôn hỏi:

– Nay Văn-thù-sư-lợi! Pháp môn Tam-muội này làm thế nào mà đạt được?

– Bạch Thế Tôn! Có hai mươi pháp, Đại Bồ-tát nào thành tựu đầy đủ hai mươi pháp ấy thì đạt được

Tam-muội có thể phá trừ ma quân này.

Bạch Thế Tôn! Hai mươi pháp ấy là:

Bồ-tát phá trừ tham dục, phá trừ tâm tham.

Phá trừ sân hận, phá trừ tâm sân hận.

Phá trừ ngu si, phá trừ tâm si.

Phá trừ ganh ghét, phá trừ tâm ganh ghét.

Phá trừ kiêu mạn, phá trừ tâm kiêu mạn.

Phá trừ cấu uế, phá trừ tâm cấu uế.

Phá trừ nhiệt não, phá trừ tâm nhiệt não

Phá trừ tưởng niệm, phá trừ tâm tưởng niệm.

Phá trừ kiên chấp, phá trừ tâm kiên chấp.

Phá trừ phân biệt, phá trừ tâm phân biệt.

Phá trừ chấp giữ, phá trừ tâm chấp giữ.

Phá trừ chấp trước, phá trừ tâm chấp trước.

Phá trừ chấp tướng, phá trừ tâm chấp tướng.

Phá trừ pháp hữu, phá trừ tâm hữu.

Phá trừ pháp thường, phá trừ tâm chấp thường.

Phá trừ pháp đoạn, phá trừ tâm chấp đoạn.

Phá trừ pháp ấm, phá trừ tâm chấp ấm.

Phá trừ pháp giới, phá trừ tâm chấp giới.

Phá trừ nhập, phá trừ tâm chấp nhập.

Phá trừ ba giới, phá trừ tâm tham đắm nơi ba giới.

Như vậy là hai mươi pháp. Bồ-tát nào thành tựu đầy đủ hai mươi pháp ấy thì đạt được Tam-muội kia.

Lại nữa, thưa Thế Tôn! Có bốn pháp, Bồ-tát nào thành tựu hoàn toàn bốn pháp ấy thì chứng đắc Tam-muội này. Bốn pháp ấy là:

Tâm thanh tịnh.

Tâm không dua nịnh.

Tâm sâu xa.

Bồ thí tất cả.

Như vậy là bốn pháp. Bồ-tát nào thành tựu đầy đủ bốn pháp ấy thì chứng đắc Tam-muội này.

Lại có bốn pháp, Đại Bồ-tát nào thành tựu trọn vẹn bốn pháp ấy thì chứng đắc Tam-muội này. Bốn pháp ấy là:

Không trái với lòng tin.

Hoàn toàn nói lời chân thật.

Tùy thuận theo tư duy để hành hóa.

Không chấp giữ tất cả các pháp.

Lại có bốn pháp, Đại Bồ-tát nào thành tựu trọn vẹn bốn pháp ấy thì chứng đắc Tam-muội này. Bốn pháp ấy là:

Thân cận tri thức thiện.

Chánh niệm tư duy.

Như pháp tu hành.

Không dua theo người ác.

Đó là bốn pháp.

Lại có bốn pháp, Đại Bồ-tát nào thành tựu đầy đủ bốn pháp ấy thì chứng đắc Tam-muội này. Bốn

pháp ấy là:

Giới không bị thiếu sót.

Giới không bị xâm phạm, thất thoát.

Giới không hề có chỗ nghỉ.

Giới không bị ô ướ.

Đó là bốn pháp.

Lại có bốn pháp, Đại Bồ-tát nào thành tựu hoàn toàn bốn pháp ấy thì chứng đắc Tam-muội này. Bốn pháp ấy là:

Xả bỏ tâm Thanh văn.

Không thọ tâm Phật-bích-chi.

An trụ nơi pháp nhẫn.

Không lìa bỏ chúng sinh.

Đó là bốn pháp.

Lại có bốn pháp, Đại Bồ-tát nào thành tựu đầy đủ bốn pháp ấy thì chứng đắc Tam-muội này. Bốn pháp ấy là:

Tu tập pháp không, không chấp nơi chúng sinh.

Tu tập pháp vô tướng, không chấp nơi tướng.

Tu tập pháp vô nguyện, không chấp nơi nguyện.

Tâm không tham vương, xả bỏ tất cả.

Đó là bốn pháp.

Thưa Thế Tôn! Đại Bồ-tát nào thành tựu trọn vẹn những pháp như vậy thì chứng đắc Tam-muội phá trừ ma quân.

Như vậy, thưa Thế Tôn! Đức Như Lai Mạn Đà La Bà Hoa Hương kia đã thuyết giảng pháp môn Tam-muội này, con đã lãnh hội và chứng đắc từ Đức Phật ấy.

Lại có Đức Như Lai hiệu Nhất Thiết Châu Bảo Điện Tế Nhật Nguyệt Quang Như Lai, Ứng Chánh Biến Tri, con ở nơi Đức Phật ấy nghe và thành tựu đầy đủ pháp môn Tam-muội này. Khi Đức Phật ấy thuyết giảng pháp môn Tam-muội này, trong chúng hội thời bấy giờ có mười ngàn Bồ-tát đều thành tựu pháp môn Tam-muội đó.

Bấy giờ, Trưởng lão Xá-lợi-phất bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Hy hữu thay Thế Tôn, nay Đồng tử Văn-thù-sư-lợi đã chứng đắc pháp môn này, nên khiến cho ma Ba-tuần phải suy biến.

Đức Thế Tôn bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:

– Ý ông thế nào, Xá-lợi-phất? Sự việc các ma Ba-tuần trong Tam thiên đại thiên thế giới này bị suy biến, ông chớ nghĩ như vậy. Vì sao? Nay Xá-lợi-phất! Tất cả ma Ba-tuần nơi vô số thế giới của chư Phật trong mười phương thấy đều bị suy biến như vậy đều do oai lực của Đồng tử Văn-thù-sư-lợi tạo ra.

Đức Thế Tôn nói như vậy xong, lại bảo Đồng tử Văn-thù-sư-lợi:

– Văn-thù-sư-lợi! Ông hãy thu hồi thần lực nơi pháp Tam-muội đã nhập để ma Ba-tuần được hoàn

toàn đầy đủ sắc diện như trước.

Đồng tử Văn-thù-sư-lợi liền thu hồi thần lực, ngay khi ấy sắc tướng, diện mạo của ma Ba-tuần đều trở lại như cũ.

Bấy giờ, Đồng tử Văn-thù-sư-lợi hỏi ma Ba-tuần:

– Ma Ba-tuần! Nhãn của Ba-tuần ở đâu? Nhãn tướng ở đâu? Nhãn chấp trước ở đâu? Nhãn tướng ở đâu? Nhãn duyên dựa ở đâu? Nhãn chướng ngại ở đâu? Nhãn ức niệm ở đâu? Nhãn ngã ở đâu? Nhãn nương cậy ở đâu? Nhãn hỷ lạc ở đâu? Nhãn hý luận ở đâu? Nhãn ngã sở ở đâu? Nhãn cứu hộ ở đâu? Nhãn tu tập ở đâu? Nhãn chọn lấy ở đâu? Nhãn xả bỏ ở đâu? Nhãn phân biệt ở đâu? Nhãn lượng xét ở đâu? Nhãn quyết định ở đâu? Nhãn diệt ở đâu? Nhãn sinh ở đâu? Nhãn nắm giữ ở đâu? Nhãn đi đến ở đâu? Những pháp như thế là cảnh giới của người, là ma nghiệp tạo chướng ngại. Như thế mắt cho đến ý nên biết như vậy, sắc cho đến pháp nên biết như vậy.

Chẳng phải là nhãn của Ba-tuần ở đâu? Chẳng phải là nhãn tướng, chẳng phải là nhãn chấp trước, chẳng phải là nhãn tướng, chẳng phải là nhãn duyên dựa, chẳng phải là nhãn chướng ngại, chẳng phải là nhãn ức niệm, chẳng phải là nhãn ngã, chẳng phải là nhãn nương cậy, chẳng phải là nhãn hỷ lạc, chẳng phải là nhãn hý luận, chẳng phải là

nhãn ngã sở, chẳng phải là nhãn cứu hộ, chẳng phải là nhãn tu tập, chẳng phải là nhãn chọn lấy, chẳng phải là nhãn xả bỏ, chẳng phải là nhãn phân biệt, chẳng phải là nhãn lượng xét, chẳng phải là nhãn quyết định, chẳng phải là nhãn diệt, chẳng phải là nhãn sinh, chẳng phải là nhãn nắm giữ, chẳng phải là nhãn đi đến. Những pháp như thế không phải là cảnh giới của người. Người ở trong đó không chủ, không lực, không tự tại, không tự tại chọn lấy. Như thế, mắt cho đến ý nên biết như vậy, sắc cho đến pháp nên biết như vậy.

Khi Đồng tử Văn-thù-sư-lợi như pháp thuyết giảng xong, có mười ngàn chúng ma trong vô số chúng sinh kia phát tâm Vô thượng Chánh đẳng giác. Tám vạn bốn ngàn quyến thuộc của ma xa lìa trần cấu, đạt được pháp nhãn thanh tịnh.

Lúc ấy, Trưởng lão Ma-ha Ca-diếp bạch Phật:

– Thưa Thế Tôn! Con muốn được diện kiến Đồng tử Văn-thù-sư-lợi cùng chư vị Đại Bồ-tát kia. Vì sao? Thưa Thế Tôn! Vì thiện nhân khó có thể được gặp.

Đức Thế Tôn bảo Đồng tử Văn-thù-sư-lợi:

– Nay Văn-thù-sư-lợi! Ông hãy hiện bày thân tướng của chư Đại Bồ-tát trong mười phương đã được chiêu tập về đây, đại chúng trong pháp hội này rất muốn được diện kiến.

Đồng tử Văn-thù-sư-lợi nói với chư vị Bồ-tát:

Bồ-tát Danh Pháp, Bồ-tát Hy Hữu Nhật Quang, Bồ-tát Ma Phục, Bồ-tát Diệu Âm, Bồ-tát Định Ác, Bồ-tát Tịch Trị, Bồ-tát Thắng Trị, Bồ-tát Pháp Vương Hồng v.v...

– Chư vị hãy hiện bày bản thân đúng như thân tướng Bồ-tát của chư vị ở thế giới Phật của mình.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói như vậy xong, chư Bồ-tát kia liền ra khỏi pháp Tam-muội, ra khỏi Tam-muội rồi, mỗi vị đều hiện bày bản thân, tất cả chư vị trong chúng hội đều thấy. Có Bồ-tát thân lớn như núi Tu-di, có Bồ-tát thân tám vạn do-tuần, có Bồ-tát thân trăm ngàn do-tuần, có Bồ-tát thân chín mươi, tám mươi, bảy mươi, sáu mươi, năm mươi, bốn mươi, ba mươi, hai mươi, mười ngàn do-tuần. Lại có Đại Bồ-tát thân một ngàn do-tuần, có Bồ-tát thân năm trăm do-tuần, có Bồ-tát thân một trăm do-tuần, có Bồ-tát thân năm mươi do-tuần, bốn mươi do-tuần, ba mươi do-tuần, hai mươi do-tuần, mười do-tuần, năm do-tuần đến một do-tuần. Lại có Đại Bồ-tát bằng ba khuỷu tay rươi, tức bằng thân của chúng sinh ở cõi Ta-bà này. Mỗi vị Bồ-tát đều hiện bày thân tướng của mình như vậy.

Khi ấy, tam thiên đại thiên thế giới không còn chỗ nào trống, tất cả các Đại Bồ-tát đều vân tập đông đủ. Các Đại Bồ-tát ấy phóng ra ánh sáng lớn chiếu khắp ngàn ức cõi chư Phật, Như Lai trong mười phương.

Bấy giờ, Đồng tử Văn-thù-sư-lợi rời khỏi tòa ngò, sửa lại y, bày vai phải, gối bên phải chằm đất, thân giữ thân, chấp tay hướng đến Phật thưa:

– Bạch Thế Tôn! Con biết rõ Như Lai là bậc Ứng Chánh Biến Tri. Vì thế, thưa Thế Tôn! Nay con muốn thưa hỏi vài điều, xin Thế Tôn giải rõ.

Đức Phật dạy:

– Văn-thù-sư-lợi! Như Lai Ứng Chánh Biến Tri cho phép ông hỏi, ông tùy ý hỏi, Như Lai sẽ giải thích rõ khiến ông được vui.

Tất cả chúng hội nhất tâm lắng nghe Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi hỏi:

– Đức Thế Tôn nói Đại Bồ-tát, nghĩa đó là thế nào? Do nghĩa gì mà được gọi là Đại Bồ-tát?

Đức Phật dạy Đồng tử Văn-thù-sư-lợi:

– Nay Văn-thù-sư-lợi! Được gọi là Đại Bồ-tát, là người giác ngộ về tất cả các pháp, vì thế nên gọi là Đại Bồ-tát. Nay Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Đối với tất cả pháp, Bồ-tát đều nhận biết rõ ràng.

Nay Văn-thù-sư-lợi! Bồ-tát như thế biết rõ nhãn, biết rõ nhĩ, biết rõ tỷ, biết rõ thiệt, biết rõ thân, biết rõ ý. Văn-thù-sư-lợi! Bồ-tát như thế biết rõ nhãn như thế nào? Biết rõ nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý như thế nào? Văn-thù-sư-lợi! Bồ-tát như thế biết rõ bản tánh của nhãn là không, biết rõ chẳng phải là hữu ngã, phân biệt. Biết rõ bản tánh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý là không, biết rõ chẳng phải là hữu

ngã, phân biệt. Biết rõ bản tánh của sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp là không, biết rõ chẳng phải là hữu ngã.

Lại nữa, này Văn-thù-sư-lợi! Gọi là Đại Bồ-tát tức nhận biết rõ năm thủ uẩn. Biết rõ những pháp ấy như thế nào? Biết rõ là không, biết rõ là vô tướng, biết rõ là vô nguyện, biết rõ là không nhiễm, biết rõ là tịch tĩnh, biết rõ là xa lìa, biết rõ là không vật, biết rõ là không bản thể, biết rõ là chẳng động, biết rõ là chẳng sinh, biết rõ là bất lai, biết rõ là bất khứ, biết rõ là vô hữu, biết rõ là không chủ, biết rõ là vô ký, biết rõ là vô tri, biết rõ là vô kiến, biết rõ là không người biết, biết rõ là không hý luận, biết rõ là vô ngã, biết rõ là khởi phân biệt, biết rõ là không khởi phân biệt, biết rõ là nhân duyên sinh, biết rõ là như huyễn, biết rõ là như mộng, biết rõ là như dợn nắng, biết rõ là như tiếng vang, biết rõ là như cây chuối, biết rõ là không kiên cố, biết rõ là không vật.

Lại nữa, này Văn-thù-sư-lợi! Gọi là Đại Bồ-tát tức biết rõ tham, sân, si. Biết rõ như thế nào? Biết rõ tham, sân, si từ phân biệt khởi, biết rõ sự phân biệt kia, thể tánh chẳng phải là có, không chẳng phải là hý luận, chẳng phải là ghi nhớ.

Lại nữa, này Văn-thù-sư-lợi! Gọi là Đại Bồ-tát tức nhận biết rõ Dục giới, biết rõ Sắc giới, biết rõ Vô sắc giới. Biết rõ như thế nào? Biết rõ hành vô ngã gọi là không, là xa lìa.

Lại nữa, này Văn-thù-sư-lợi! Gọi là Đại Bồ-tát tức biết rõ hành của chúng sinh. Biết rõ như thế nào? Nghĩa là chúng sinh này hành theo dục, hành theo sân, hành theo si hay hành theo bình đẳng, tất cả mọi hành đều khéo nhận biết rõ. Biết rõ căn cơ của mỗi chúng sinh rồi thuyết giảng đúng pháp khiến cho họ đạt được giải thoát.

Lại nữa, này Văn-thù-sư-lợi! Gọi là Đại Bồ-tát tức biết rõ tất cả chúng sinh. Biết rõ như thế nào? Tất cả chúng sinh là không chỉ có tên gọi, nhưng không thể xa lìa tên gọi ấy mà có chúng sinh. Tất cả chúng sinh là một chúng sinh. Chúng sinh ấy chẳng phải là chúng sinh. Nếu biết như thế mà không phân biệt, nên gọi là Đại Bồ-tát. Biết rõ tất cả các pháp như thế nào? Biết rõ tất cả các pháp là Bồ-đề nên gọi là Bồ-tát. Biết rõ nhãn, nhĩ là không, tâm không phân biệt ngã. Biết rõ như vậy nên gọi là Bồ-tát. Biết rõ tỷ, thiệt là không, tâm không phân biệt ngã. Biết rõ như vậy nên gọi là Bồ-tát. Dùng trí tuệ biết rõ thân, biết rõ ý vốn là không. Biết rõ như vậy nên gọi là Bồ-tát. Biết rõ sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, ý, lạc, tất cả đều là không, nên gọi là Bồ-tát. Biết rõ bản tánh của sắc, thọ, tưởng, hành là không, biết rõ thức như huyễn, nên gọi là Bồ-tát. Biết rõ năm ấm như mộng, tất cả tướng là vô tướng, không chấp ngã nên gọi là Bồ-tát. Biết rõ nội pháp không sinh, không hý luận, các pháp hữu vi đều gọi nhưng tên gọi ấy là không vật.

Biết rõ tham dục, sân hận từ tâm phân biệt sinh nhưng nó vốn không phân biệt, thường là không, không vật. Vì si nên phát sinh phân biệt, nhân nơi phân biệt phát sinh, nhân kiến chấp phát sinh nên không thủ đắc kiến ấy. Biết ba cõi là không, tất cả là vô chủ, chẳng có pháp nhỏ nào để hành, nên gọi là Bồ-tát. Phát khởi phân biệt về Dục giới ở vị lai, quá khứ, Sắc giới, Vô sắc giới tất cả đều vô chủ. Có ít chúng sinh theo trí tuệ đều nhận biết hành tham, sân, si. Tất cả chúng sinh tức một chúng sinh. Chúng sinh ấy không hiểu biết pháp, không nhớ nghĩ, Bồ-tát biết rõ tất cả các pháp sinh tâm điên đảo, biết tướng không thật, tất cả trí tuệ phát sinh thiện ngay trong đó, không một âm thanh nào có thể nhớ, có thể vui, không có tướng chướng ngại, tùy nghiệp mà hành động. Bồ-tát phân biệt như vậy gọi là Bồ-tát. Xả nhục thân mình, không bị lệ thuộc, lần lượt hiểu biết rõ nên gọi là Bồ-tát, được giới dẫn đến giải thoát, không còn nhớ nghĩ về giới của Phật. Nếu vật không sinh thì không hòa hợp. Tâm từ ban khắp chúng sinh nhưng không chấp nơi chúng sinh, giác ngộ rồi tạo mọi lợi ích nên nói là đại từ. An trụ nơi tinh tấn, tư duy về các hành hữu vi, biết thế gian là không. Đó là Bồ-tát tối thượng. Thiên có nương tựa, chẳng phải là thiên có trí tuệ, không còn chỗ vướng vin dựa mới là thiên có trí tuệ. Tu tập dùng con dao trí tuệ cắt đứt phiền não, kiến chấp, quán sát pháp tánh chẳng

hoại, chẳng dứt.

Khi ấy, Đồng tử Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

– Thưa Thế Tôn! Bồ-tát mới phát tâm Bồ-đề, thế nào gọi là mới phát tâm? Tại sao vì nghĩa đó nên gọi là mới phát tâm?

Đức Phật dạy:

– Văn-thù-sư-lợi! Những Bồ-tát nào quán sát ba cõi là do tất cả tướng phát sinh, như vậy gọi là mới phát tâm.

Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

– Thưa Thế Tôn! Như con hiểu theo lời Phật dạy thì tâm tham phát sinh, tâm sân phát sinh, tâm si phát sinh. Đó gọi là Bồ-tát mới phát tâm.

Thiên tử Thiên Trụ Ý nói với Đồng tử Văn-thù-sư-lợi:

– Thưa Đồng tử Văn-thù-sư-lợi! Khi Bồ-tát mới phát tâm có tham dục, sân hận, ngu si phát sinh thì hàng phàm phu đều có tâm mới phát ấy phải nên gọi là Bồ-tát. Vì sao? Vì chấp giữ nên tham, sân, si phát sinh.

Văn-thù-sư-lợi nói:

– Không phải vậy, Thiên tử! Hàng phàm phu không có năng lực nên phát sinh tham, sân, si. Vì sao? Nay Thiên tử! Chư Phật, Như Lai, Duyên giác, Thanh văn, Bồ-tát không thoái chuyển đều có phát sinh tham, sân, si.

Thiên tử hỏi:

– Thừa đồng tử Văn-thù-sư-lợi! Ý nghĩa đó như thế nào mà nói như vậy? Chúng trong hội này đều sinh tâm nghi ngờ vì không hiểu lời Nhân giả nói. Tại sao vậy?

Văn-thù-sư-lợi hỏi:

– Thiên tử! Ý ông thế nào, trong hư không có chim bay qua, dấu chân của chim ấy có đi hay không đi?

Thiên tử đáp:

– Có đi.

Văn-thù-sư-lợi nói:

– Đúng vậy, Thiên tử! Nói về tướng ấy, ngôn từ như thế nào nên tôi đã nêu bày như thế. Chư Phật, Như Lai, Duyên giác, Thanh văn, Bồ-tát bất thoái đều phát sinh tham, sân, si. Thiên tử nên biết, bất cứ nơi nào, không nương dựa là phát sinh, không có chỗ để chấp giữ đó là phát sinh. Nơi nào không có sai biệt là phát sinh. Thiên tử! Nơi nào không có chỗ để nương dựa, không có chỗ để chấp, không có sai biệt là phát sinh, không bình đẳng là phát sinh, không dấu, không vết, không gọi là dấu, không gọi là vết, như vậy gọi là phát sinh. Câu không phân biệt gọi là phát sinh. Câu không dựa vào cái khác sinh ra, đó gọi là phát sinh. Câu không vật thể, đó gọi là phát sinh. Câu không vật gì để nói, đó gọi là phát sinh. Vì câu không đến, nên gọi là phát sinh. Vì câu không đi, nên gọi là phát sinh.

Câu không thọ trì, đó gọi là phát sinh. Vì câu không sinh, nên gọi là phát sinh. Vì câu vô ký, nên gọi là phát sinh. Vì câu vi trần, nên gọi là phát sinh. Câu không ghi nhớ, đó gọi là phát sinh. Câu không có vật hành, đó gọi là phát sinh. Câu không thể nêu bày, nên gọi là phát sinh. Câu không hủy hoại, đó gọi là phát sinh. Câu không chữ nên gọi là phát sinh. Câu không nắm giữ nên gọi là phát sinh. Câu không A-lê-da đó gọi là phát sinh. Vì câu không chọn lấy nên gọi là phát sinh. Vì những câu phủ định trên nên gọi là phát sinh.

Thiên tử nên biết! Tâm ban đầu của Bồ-tát phát tâm Bồ-đề đối với các pháp như vậy là không ghi nhớ, không quán sát, không xét nghĩ, không khởi, không thấy, không nghe, không biết, không thủ, không xả, không sinh, không diệt. Thiên tử! Như vậy là Đại Bồ-tát nương dựa vào những gì? Đó là pháp giới, bình đẳng, thật tế, phương tiện. Tâm tham phát sinh, tâm sân phát sinh, tâm si phát sinh, nương dựa nơi nhãn phát sinh. Như vậy cho đến nương dựa nơi ý phát sinh. Không có chỗ chấp thủ, sắc phát sinh, cho đến không có chỗ chấp thủ, thức phát sinh. Danh phát sinh, sắc phát sinh, nhãn phát sinh, tất cả kiến hành phát sinh, vô minh phát sinh, hữu ái phát sinh, cho đến mười hai phần nhân duyên lưu chuyển đều phát sinh. Năng lực nơi năm dục phát sinh, ba cõi phát sinh; ngã, ngã sở phát sinh; tự thân phát sinh; biến chấp nơi tự thân phát

sinh; tự thân căn bản, sáu mươi hai kiến phát sinh, Phật tướng, Pháp tướng, Tăng tướng phát sinh; ngũ tướng, tha tướng phát sinh; địa tướng, thủy tướng, hỏa tướng, phong tướng, không tướng, thức tướng phát sinh; bốn điền đảo phát sinh; năm thứ ngăn che phát sinh; bốn thức trụ, tám tà, chín phiền não, mười nghiệp bất thiện phát sinh.

Thiên tử nên biết! Như vậy cho đến tất cả phân biệt, tất cả không phân biệt, tất cả phân biệt – không phân biệt, tất cả tướng, tất cả hý luận, tất cả mong cầu, tất cả chấp trước, tất cả hỷ lạc, tất cả tưởng, tất cả ức niệm, tất cả chướng ngại, BỒ-tát đều sinh khởi. Thiên tử! Môn này nên biết như vậy.

Thiên tử! Nếu đối với pháp này không chấp giữ, không hỷ lạc thì pháp không có chỗ chấp giữ như vậy gọi là phát sinh.

Khi ấy, Đức Thế Tôn khen ngợi Đồng tử Văn-thù-sư-lợi:

– Lành thay! Lành thay! Văn-thù-sư-lợi! Ông đã từng cúng dường Hằng hà sa số chư Phật, Thế Tôn nên mới nêu bày được nơi chốn nào mới phát tâm BỒ-đề của BỒ-tát.

Bây giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất bạch Phật:

– Thưa Thế Tôn! Đúng vậy, thưa Thế Tôn! Đồng tử Văn-thù-sư-lợi đã nói về BỒ-tát mới phát tâm BỒ-đề và chứng đắc pháp nhãn Vô sinh. Hai tâm này sinh bình đẳng không khác.

Đức Phật dạy:

– Đúng vậy, Xá-lợi-phất! Như ông đã nói. Xá-lợi-phất! Đức Như Lai Nhiên Đăng thọ ký cho Ta vào đời vị lai, trải qua a-tăng-kỳ kiếp sẽ thành Phật hiệu Thích Ca Mâu Ni Như Lai Ứng Chánh Biến Tri. Xá-lợi-phất! Lúc ấy Ta không xả bỏ hai tâm này đạt được pháp nhãn Vô sinh. Như vậy Xá-lợi-phất, tâm mới phát của BỒ-tát đúng như Văn-thù-sư-lợi đã nói.

Đồng tử Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

– Thưa Thế Tôn! Như con hiểu lời Phật dạy, thì tất cả BỒ-tát đều có tâm mới phát. Vì sao? Như Thế Tôn nói, tất cả các tâm sinh đều là không sinh. Nếu là không sinh tức BỒ-tát ấy sinh khởi tâm mới phát, như vậy gọi là sinh.

Khi thuyết giảng pháp này, có hai vạn ba ngàn BỒ-tát chứng đắc pháp nhãn Vô sinh, năm ngàn Tỳ-kheo không chấp thủ nơi các pháp, lậu dứt hết, tâm được giải thoát, sáu mươi ức Thiên tử xa lìa trần cấu, ngay nơi các pháp đạt được pháp nhãn thanh tịnh.

Trưởng lão Ma-ha Ca-diếp bạch Phật:

– Thưa Thế Tôn! Đồng tử Văn-thù-sư-lợi có thể làm được việc khó làm. Đồng tử Văn-thù-sư-lợi thuyết pháp như vậy khiến cho chúng sinh có được lợi ích lớn.

Văn-thù-sư-lợi nói:

– Trưởng lão Đại Ca-diếp! Đây chẳng phải là tôi làm được việc khó làm. Tất cả các pháp đều không thể làm được, không có việc đã làm, không có việc đang làm, không có việc sẽ làm. Này Trưởng lão Đại Ca-diếp! Tôi cũng không như vậy, chẳng có pháp làm, chẳng làm, cũng chẳng không làm, chẳng có chúng sinh, chẳng trời, chẳng mở. Vì sao? Vì không có pháp để chấp giữ mới là Thánh pháp. Nếu Tôn giả Đại Ca-diếp nói như vậy tức là làm được việc khó làm. Trưởng lão chớ nói tôi làm được việc khó làm. Chẳng phải tôi làm được việc khó làm, chẳng phải Như Lai làm, chẳng phải A-la-hán, chẳng phải Phật-bích-chi. Trưởng lão Đại Ca-diếp! Nói đúng ra, người nào làm được việc khó làm, thì hàng phàm phu mới là người đáng nói. Vì sao? Này Trưởng lão Đại Ca-diếp! Tất cả chư Phật chẳng đã chứng đắc, đang chứng đắc, sẽ chứng đắc. Tất cả Thanh văn, tất cả Duyên giác đều không đã chứng đắc, đang chứng đắc, sẽ chứng đắc. Tất cả hàng phàm phu thì đều chứng đắc.

Tôn giả Đại Ca-diếp hỏi:

– Văn-thù-sư-lợi! Tất cả chư Phật đều không chứng đắc pháp gì?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

– Thưa Trưởng lão Đại Ca-diếp! Tất cả chư Phật đều không thủ đắc ngã, không thủ đắc chúng sinh, không thủ đắc thọ mạng, không thủ đắc nhân,

không thủ đắc đoạn, không thủ đắc thường, không thủ đắc âm, không thủ đắc giới, không thủ đắc nhập, không thủ đắc tâm, không thủ đắc sắc, không thủ đắc Dục giới, không thủ đắc Sắc giới, không thủ đắc Vô sắc giới, không thủ đắc phân biệt, không thủ đắc vô phân biệt, không thủ đắc nhân sinh, không thủ đắc điên đảo, không thủ đắc tham, sân, si, không thủ đắc cõi này, không thủ đắc cõi kia, không thủ đắc ngã, không thủ đắc ngã sở, cho đến không thủ đắc tất cả các pháp.

Này Trưởng lão Đại Ca-diếp! Tất cả các pháp ấy thấy đều không được, không mất, không thoát, không lấy, không bỏ, không gân, không xa. Tôn giả Đại Ca-diếp nên biết! Các pháp môn như vậy, tất cả chư Phật đều không thủ đắc, còn tất cả hàng phàm phu đều thủ đắc. Như vậy mới là khó tạo tác, chẳng phải Phật tạo tác, chẳng phải Thanh văn tạo tác, chẳng phải Duyên giác tạo tác, hàng phàm phu mới là người tạo tác.

Tôn giả Đại Ca-diếp hỏi:

– Tạo tác như thế nào?

Văn-thù-sư-lợi đáp:

– Tạo tác về đoạn, thường, tạo tác A-lê-da, tạo tác nhớ nghĩ về dục, tạo tác về lấy, bỏ, hý luận, phân biệt, tùy thuận cao thấp. Trưởng lão Đại Ca-diếp! Chư Phật, Thế Tôn không tạo tác các pháp ấy, đều không đã làm, không đang làm, không sẽ

làm. Còn hàng phàm phu thì tạo tác, như vậy gọi là khó tạo tác.

Đồng tử Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

– Thưa Thế Tôn! Thế Tôn có nói đến Nhãn vô sinh. Nay con xin hỏi về Nhãn vô sinh ấy. Vì sao gọi là Nhãn vô sinh? Thưa Thế Tôn! Vì nghĩa nào mà nói Nhãn vô sinh? Nhãn nơi pháp gì mới được gọi là pháp nhãn? Bồ-tát tu tập pháp gì để đạt pháp nhãn Vô sinh?

Đức Phật dạy:

– Này Văn-thù-sư-lợi! Thật sự là không có người ở trong sinh, trong pháp chứng đắc Nhãn vô sinh, thật sự không chứng đắc Nhãn. Nói chứng đắc Nhãn chỉ là lời nói. Vì sao? Vì sự là không thể thủ đắc nơi pháp nhãn ấy. Không thủ đắc pháp nhãn, đắc nơi không thể thủ đắc, không được không mất, như vậy gọi là đắc nhãn Vô sinh. Này Văn-thù-sư-lợi! Pháp nhãn Vô sinh là không sinh. Tất cả pháp nhãn không đến. Tất cả pháp nhãn không đi. Tất cả pháp nhãn không có chủ. Tất cả pháp nhãn không lấy. Tất cả pháp nhãn không bỏ. Tất cả pháp nhãn không vật. Tất cả pháp nhãn không thật thể. Tất cả pháp nhãn không bằng nhau. Tất cả pháp nhãn không ngang nhau. Tất cả pháp nhãn không giống nhau. Tất cả pháp nhãn giống như hư không. Tất cả pháp nhãn không hoại. Tất cả pháp nhãn không đoạn. Tất cả pháp nhãn không

nhiễm phiền não. Tất cả pháp nhãn không tịnh. Tất cả pháp nhãn là không, vô tướng, vô nguyện. Tất cả pháp nhãn là tham, sân, si. Tất cả pháp nhãn là chân như, pháp giới, thật tế, an trí. Tất cả pháp nhãn chẳng phân biệt, không còn phân biệt, không nhớ nghĩ, không hý luận, không suy xét, không tạo tác, không sức lực hay yếu ớt, hậu thời không vật, không thay đổi nhau, không không, hoàn toàn không, như huyễn, như hóa, như tiếng vang, như bóng, như sóng nắng, như cây chuối, như bọt nước. Đó là tất cả pháp nhãn. Những pháp nhãn ấy chẳng phải là pháp, chẳng phải là phi pháp, chỉ có tên gọi. Tên gọi ấy không nơi chốn, không giữ lấy, bản tánh tự xa lìa.

Như vậy, nói nhãn tức là đã có tâm tin hiểu hội nhập, không nhớ, không nghĩ, không kinh, không sợ, không hãi. Thân tiếp xúc thọ nhưng không hành chánh thủ đắc nơi thân.

Văn-thù-sư-lợi! Những pháp như vậy gọi là pháp nhãn Vô sinh. Bồ-tát đạt được, lại cũng không hành nơi tất cả pháp tướng.

Đồng tử Văn-thù-sư-lợi thưa:

– Thưa Thế Tôn! Gọi là nhãn, nhưng do đâu đều gọi là nhãn? Nếu như không bị cảnh giới kia làm tổn thương như thế mới gọi là nhãn.

Lúc ấy, Thiên tử Thiên Trụ Ý hỏi Văn-thù-sư-lợi:

– Thừa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Những pháp gì bị tổn thương?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

– Thiên tử! Đó là làm tổn thương nhãn. Pháp nào làm tổn thương nhãn? Đó là ái sắc, không ái sắc. Như vậy tai nghe tiếng, mũi biết mùi, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm, ý xét pháp. Thiên tử! Ái, không ái pháp; làm tổn thương ý cũng vậy. Này, Thiên tử! Bồ-tát nào nhãn thấy sắc mà không chấp tướng, không chấp vẻ đẹp, chẳng phân biệt, không còn phân biệt, không tùy thuận, không phân biệt về tướng, biết bản tánh là không, không nhớ, không làm thương tổn. Sắc cho đến pháp, cũng nên biết như vậy. Thiên tử! Không chấp trước nơi sáu nhập thì không làm tổn thương, không làm tổn thương thì không chấp trước, đó gọi là nhãn. Bồ-tát như vậy là chứng đắc pháp nhãn Vô sinh, pháp không phân biệt. Không phân biệt pháp sinh, chẳng sinh, vô lậu, chẳng vô lậu. Không phân biệt hoặc tốt hoặc xấu, hữu vi, vô vi. Như vậy gọi là pháp nhãn Vô sinh.

Khi thuyết giảng pháp này, có sáu vạn hai ngàn người phát tâm cầu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng giác, một vạn hai ngàn Bồ-tát đạt được pháp nhãn Vô sinh.

Bảy giờ, Thiên tử Thiện Trụ Ý hỏi Đồng tử Văn-thù-sư-lợi:

– Văn-thù-sư-lợi! Địa địa chuyển hành. Thế nào là địa địa chuyển hành của Bồ-tát?

Văn-thù-sư-lợi hỏi lại:

– Thiên tử! Người nào hành trì Địa địa chuyển hành ấy?

Thiên tử đáp:

– Thừa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Bồ-tát không thấy địa địa chuyển hành, cho đến cũng không thấy mười địa chuyển hành.

Văn-thù-sư-lợi nói:

– Không phải vậy, Thiên tử! Đức Phật dạy các pháp đều như huyễn hóa, ông tin chẳng?

Thiên tử đáp:

– Văn-thù-sư-lợi! Tôi tin lời Phật dạy.

Văn-thù-sư-lợi hỏi:

– Thiên tử! Địa địa chuyển hành của người huyễn là như thế nào, cho đến mười địa chuyển hành?

Thiên tử đáp:

– Văn-thù-sư-lợi! Người huyễn hóa không có địa địa chuyển hành, cho đến không có mười địa chuyển hành.

Văn-thù-sư-lợi nói:

– Đúng vậy Thiên tử! Nếu người huyễn hóa có chuyển hành, thì họ sẽ chuyển hành theo ngã. Vì sao? Như lời Phật dạy, tất cả các pháp đều như huyễn. Thiên tử! Vì thế tôi nói địa chuyển hành.

Nói không chuyên hành tức chẳng phải là chuyên hành. Vì sao? Vì tất cả các pháp đều không chuyên hành. Chẳng phải cho là trong pháp, các pháp chuyên hành. Chẳng phải sắc, thọ chuyên hành. Chẳng phải thọ, sắc chuyên hành. Chẳng phải tướng, hành chuyên hành. Chẳng phải hành, tướng chuyên hành. Chẳng phải thức, sắc chuyên hành. Chẳng phải sắc, thức chuyên hành. Cho đến tất cả pháp đều cũng như vậy, đều có bốn cách diễn đạt. Chẳng phải nhãn, nhĩ chuyên hành. Chẳng phải nhĩ, nhãn chuyên hành. Chẳng phải tử, thiệt chuyên hành. Chẳng phải thiệt, tử chuyên hành. Chẳng phải thân, ý chuyên hành. Chẳng phải ý, thân chuyên hành. Tất cả các pháp ấy mỗi mỗi đều tự hành, tự phân cảnh giới. Pháp độn, vô dục, vô tâm ý hành, không nghĩ, không nhớ, cho đến không suy tính, lượng xét, như cỏ, như tường, như huyễn, vô ký, chẳng có ký khởi nhất tướng là vô tướng. Vì nghĩa đó, nên các pháp chẳng chuyên hành, chẳng đến, chẳng đi.

Thiên tử nên biết! Bồ-tát nào thấu tỏ được như vậy là Bồ-tát đó không có pháp chuyên hành, chẳng có phân biệt địa, chẳng thấy có địa chuyên hành, chẳng phải là bỏ địa, chẳng phải là thoái chuyển. Bồ-đề chuyên hành chẳng phải là diệt mất. Vì sao? Vì người nào thấy có thể của âm, giới, nhập tức chẳng phải là chuyên hành, chẳng phải là diệt mất, vì tất cả pháp tánh vốn thanh tịnh.

Lại nữa, Thiên tử! Bồ-tát với địa chuyển hành như thế, ví như nhà ảo thuật dùng năng lực ảo thuật làm ra mười lớp cung điện, người kia tự làm ra rồi ngồi trên đó. Ý ông thế nào, người kia thật có ngồi đó không?

Thiên tử đáp:

– Thật không có chỗ ngồi trong đó.

Văn-thù-sư-lợi nói:

– Đúng vậy Thiên tử! Bồ-tát thấy có mười địa chuyển hành cũng như vậy.

Thiên tử Thiện Trụ Ý hỏi Đồng tử Văn-thù-sư-lợi:

– Văn-thù-sư-lợi! Như có người đến gặp Nhân giả, muốn cầu xuất gia, thưa: “Xin Bồ-tát độ con, cho con được xuất gia”. Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Nhân giả nói như thế nào? Tác pháp tế độ, khiến cho xuất gia như thế nào? Truyền giới như thế nào? Giới phẩm như thế nào? Chỉ dạy ra sao?

Văn-thù-sư-lợi đáp:

– Thiên tử! Nếu có người đến gặp tôi xin xuất gia, tôi sẽ nói: “Thiện nam! Nay người thật có tâm xuất gia chăng? Nếu người thật có tâm xuất gia thì ta sẽ theo pháp độ, cho người xuất gia”. Vì sao? Nay Thiên tử! Nếu xuất gia mà còn tham đắm Dục giới, hoặc tham đắm Sắc giới, hoặc tham đắm Vô sắc giới, hoặc tham đắm năng lực của năm dục nơi thế gian và hành nghiệp trong chín nơi chốn, thì

thiện nam ấy như vậy là còn chấp pháp. Thiên tử!
Chín nơi chôn ấy là:

– Không chấp trước chỗ nào nên người kia đạt tâm không thể thủ đắc.

Nếu có tâm không thể thủ đắc thì người kia không cầu xuất gia.

Nếu không cầu xuất gia thì người kia không sinh tâm xuất gia.

Nếu không sinh tâm xuất gia thì người kia gọi là không sinh.

Nếu không sinh thì người kia đoạn hết khổ.

Nếu đoạn hết khổ thì người kia đạt được cứu cánh.

Nếu đạt được cứu cánh thì người kia không còn gì để đoạn.

Nếu không còn gì để đoạn, thì người kia không đoạn.

Nếu không đoạn thì người kia là không.

Thiên tử! Tôi sẽ nói với thiện nam kia như vậy.

Lại nữa, Thiên tử! Nếu có người đến gặp tôi cầu xuất gia thì tôi sẽ nói: “Thiện nam! Nay ông chớ phát tâm xuất gia. Vì sao? Vì tâm cũng không thể do người khác sinh ra, chớ bảo hộ tâm ấy”.

Lại nữa, Thiên tử! Nếu có người đến gặp tôi cầu xuất gia thì tôi sẽ nói: “Thiện nam! Người đừng cạo tóc, là khéo xuất gia. Như vậy mới gọi là xuất gia”.

Thiên tử hỏi Văn-thù-sư-lợi:

– Ý Nhân giả như thế nào mà nói vậy?

Văn-thù-sư-lợi đáp:

– Thiên tử! Như Lai thuyết pháp chẳng đoạn, chẳng hoại.

Thiên tử hỏi:

– Pháp gì là chẳng đoạn chẳng hoại?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

– Thiên tử! Sắc chẳng đoạn, chẳng hoại. Thọ, tưởng, hành, thức chẳng đoạn, chẳng hoại. Thiên tử! Những người nào có ý niệm như vậy mà tôi cạo tóc sẽ làm cho họ ngã mạn. Nếu người nào hành theo kiến giải bình đẳng tức chẳng ngã mạn thì người ấy sẽ được tôi cạo tóc. Người được cạo tóc như vậy tức đạt được chúng sinh, đạt được chúng sinh tức đạt được đoạn trừ tướng. Thiên tử! Nếu không đắc ngã thì không đắc nơi kẻ khác. Nếu không đắc nơi kẻ khác thì không ngã mạn. Nếu không ngã mạn thì người kia được ngã tịch tĩnh. Nếu ngã được tịch tĩnh thì người kia không phân biệt. Nếu không phân biệt thì không khởi động. Nếu không khởi động thì không hý luận. Nếu không hý luận thì không lấy, không bỏ. Nếu không lấy, không bỏ thì người kia chẳng tạo tác, cũng chẳng không tạo tác, không đoạn, không hoại, không có chấp tướng, chẳng phải là chấp có tướng, chẳng lấy, chẳng bỏ, chẳng giảm, chẳng tăng,

không tụ, không tán, không tâm tưởng niệm, không nói, không đáp, người kia thật sự an trụ.

Thiên tử hỏi:

– Văn-thù-sư-lợi! Gọi thật là nêu bày như thế nào?

Văn-thù-sư-lợi đáp:

– Thiên tử! Thật như hư không nên gọi là thật, chẳng phải là hư không cùng tận, chẳng cùng tận, chẳng tăng trưởng, hoặc có, hoặc không. Vì thế được gọi hư không là thật tánh không, chân như là thật, pháp giới là thật, thực tế là thật. Chính vì thật ấy nên được gọi là không thật. Vì sao? Vì hiện nay chẳng phải là thật có, về sau chẳng phải là thật có. Thế nên nói điều ấy là thật.

Lại nữa, Thiên tử! Có người đến gặp tôi cầu xin xuất gia, tôi sẽ nói: “Thiện nam! Người không nhận ca-sa, không mặc ca-sa, tức là người xuất gia”. Được như vậy gọi là xuất gia.

Thiên tử hỏi:

– Văn-thù-sư-lợi! Ý đó như thế nào mà Nhân giả nói như vậy?

Văn-thù-sư-lợi đáp:

– Thiên tử! Như Lai thuyết pháp, tất cả đều không chấp giữ.

Thiên tử hỏi:

– Văn-thù-sư-lợi! Không chấp giữ những gì?

Văn-thù-sư-lợi đáp:

– Thiên tử! Nghĩa là không chấp sắc, hoặc thường, hoặc vô thường. Như vậy không chấp thọ, tướng, hành, thức hoặc thường, hoặc vô thường. Cũng không chấp nhãn hoặc thường, hoặc vô thường. Không chấp sắc, không chấp nhĩ, không chấp thanh, không chấp tỷ, không chấp hương, không chấp thiệt, không chấp vị, không chấp thân, không chấp xúc, không chấp pháp, không chấp ý, không chấp tham, không chấp sân, không chấp si, không chấp điên đảo. Như vậy cho đến tất cả các pháp đều không chấp. Thiên tử! Tất cả pháp không lấy, không bỏ, không ly, không tán. Thiên tử! Người nào thấy biết như vậy mà còn chấp giữ về ca-sa là có ý niệm sai.

Thiên tử! Thế nên tôi nói không chấp giữ nơi ca-sa là giải thoát thanh tịnh. Vì sao? Thiên tử! Ca-sa là màu đục, nhưng đạo Bồ-đề của Như Lai, Thế Tôn là trong sáng.

Thiên tử hỏi:

– Văn-thù-sư-lợi! Những pháp gì là đục?

Văn-thù-sư-lợi đáp:

– Thiên tử! Tham đục là đục, sân hận là đục, ngu si là đục, nhân đục, kiến đục, danh đục, sắc đục, tướng đục, thủ đục, tướng đục, hý luận đục.

Thiên tử! Nếu quán sát đúng đắn thì những pháp bất thiện ấy thấy đều không đục. Nếu không đục thì cho đến không có một pháp nhỏ nào có nơi

an trụ. Không có nơi an trụ gọi là không xứ, là không có người tạo tác.

Thiên tử hỏi:

– Văn-thù-sư-lợi! Nhân giả nói không có pháp tạo tác, không có người tạo tác, lời nói ấy là thế nào?

Văn-thù-sư-lợi đáp:

– Thiên tử! Nói không có pháp tạo tác, lời nói như thế cho đến không có một pháp nào là tạo tác cả, như vậy gọi là không có pháp tạo tác. Nếu có pháp tạo tác mà Như Lai giảng nói là không có pháp tạo tác. Như thế gọi là không pháp tạo tác.

Thiên tử hỏi:

– Văn-thù-sư-lợi! Tôi chưa rõ pháp nào là pháp tạo tác?

Văn-thù-sư-lợi đáp:

– Thiên tử! Rất bình đẳng! Rất bình đẳng! Pháp nào không thủ đắc thì chẳng phải nay thủ đắc, chẳng phải sau thủ đắc, chẳng phải nay có phát sinh, chẳng phải sẽ phát sinh. Pháp ấy hư vọng an trú nơi pháp tạo tác đó là ngã tức pháp tạo tác phân biệt. Chúng sinh, thọ mạng, ngã, nhân, ma na bà, đoạn, thường, là pháp tạo tác phân biệt. Âm, xứ, nhập v.v... là pháp tạo tác phân biệt. Phật, Pháp, chúng Tăng là pháp tạo tác phân biệt. Đây là người trì giới, kia là người phá giới, đó là pháp tạo tác phân biệt. Phiền não, nhiễm tịnh, đạt được chứng

quả là pháp tạo tác phân biệt. Quả Tu-đà-hoàn, quả Tu-đà-hàm, quả A-na-hàm, pháp A-la-hán, pháp Phật-bích-chi là tạo tác phân biệt. Không, vô tướng, vô nguyện, trí tuệ giải thoát, vô dục là pháp tạo tác phân biệt. Thiên tử! Pháp như vậy là pháp tạo tác phân biệt, hàng phàm phu chưa từng nghe Như Lai giảng nói pháp tạo tác phân biệt, nên tâm muốn đắc pháp, đó là hư vọng, chấp trước. Kẻ phàm phu ngu si kia phân biệt, và chuyển theo phân biệt nên dù là vọng tưởng, chấp trước, nhưng vẫn muốn trừ diệt.

Như Lai khen ngợi về không có tạo tác.

Khi ấy, Thiên tử Thiên Trụ Ý ca ngợi Đồng tử Văn-thù-sư-lợi:

– Hay thay! Hay thay! Văn-thù-sư-lợi! Nhân giả khéo giảng nói về pháp môn tạo tác như vậy.

Như Lai cũng khen ngợi Đồng tử Văn-thù-sư-lợi.

– Lành thay! Lành thay! Văn-thù-sư-lợi! Ông đã hết sức khéo nêu bày pháp ấy.



KINH THÁNH THIÊN TRỤ Ý THIÊN TỬ SỞ VẤN

QUYỂN HẠ

Bấy giờ, Đồng tử Văn-thù-sư-lợi lại nói với Thiên tử Thiên Trụ Ý:

– Nay Thiên tử! Có người nào đến gặp tôi xin cầu xuất gia tôi sẽ nói: “Thiện nam! Nếu người không thọ giới tức là người đã xuất gia. Người như vậy gọi là xuất gia.”

Thiên tử hỏi:

– Văn-thù-sư-lợi! Ý đó là như thế nào mà Nhân giả nói như vậy?

Văn-thù-sư-lợi đáp:

– Thiên tử! Như Đức Phật đã dạy, có hai loại thọ giới. Đó là: Đẳng thọ giới và Bất đẳng thọ giới.

Thế nào gọi là Bất đẳng thọ giới? Nghĩa là rơi vào Bất đẳng. Rơi vào Bất đẳng là như thế nào? Nghĩa là rơi vào chấp trước ngã; rơi vào chấp trước chúng sinh; rơi vào chấp trước thọ mạng, rơi vào chấp trước nhân; rơi vào chấp trước đoạn, thường; rơi vào chấp trước tà kiến; rơi vào chấp trước tham, sân, si; rơi vào chấp trước Dục giới; rơi vào chấp

trước Sắc giới, Vô sắc giới. Thiên tử! Như vậy, cho đến rơi vào tất cả pháp bất thiện, gặp tri thức ác, không biết vượt khỏi pháp nên chấp nơi tất cả pháp. Thiên tử nên biết, như vậy gọi là Bất đẳng thọ giới.

Thiên tử! Thế nào gọi là Bình đẳng thọ giới? Nghĩa là thể hiện sự bình đẳng. Thể hiện sự bình đẳng như thế nào? Nghĩa là không là bình đẳng, vô tướng là bình đẳng, vô nguyện là bình đẳng. Thiên tử! Như thế là chứng đắc ba môn giải thoát. Như thật mà hội nhập là không phân biệt, không có chỗ phân biệt là không thoái chuyển. Thiên tử! Như vậy gọi là Bình đẳng thọ giới.

Lại nữa Thiên tử! Hoặc ai thực hành tu sửa tham dục, sân hận, ngu si, hoặc tu sửa tự thân, sáu mươi hai kiến chấp căn bản nơi tự thân; hoặc tu sửa điên đảo, hoặc tu sửa ba nghiệp ác nơi thân, khẩu, ý; tám nẻo tà, chín phiền não; mười nghiệp đạo bất thiện. Như vậy gọi là chánh thọ giới.

Thiên tử! Ví như tất cả hạt giống đều nhờ nơi đất mà phát sinh, cỏ cây lùm rùng đều nương đất mà sinh trưởng, bình đẳng đầy đủ nên gọi là cụ túc. Như vậy, Thiên tử! Trong pháp của Đức Phật, ai chân chánh thọ giới thì được gọi là thọ giới. Thiên tử! Ví như tất cả hạt giống, cỏ thuốc, cây rùng đều nương nơi mặt đất mà được đứng vững. Thiên tử! Như vậy là đầy đủ chánh giới. Vì sao? Vì an trụ nơi giới, có pháp hòa hợp. Như những hạt giống,

cỏ thuốc, cây rừng được sinh trưởng đầy đủ. Như thế được gọi là bình đẳng cụ túc. Thiên tử! Giới nương theo niềm tin mà trụ, thế nên tất cả pháp phần Bồ-đề đều nương nơi giới mà tăng trưởng đầy đủ. Thiên tử! Chư Phật, Thế Tôn và tất cả Thanh văn ở quá khứ, hiện tại, vị lai đều chánh thọ giới nên chứng đắc ba môn giải thoát, tất cả mọi thứ hý luận đều bị trừ hết. Thiên tử nên biết, thọ giới như vậy là chánh thọ giới, chẳng phải là bất bình đẳng thọ giới.

Lại nữa, Thiên tử! Tôi độ một người xuất gia như vậy, thọ giới như vậy. Thiện nam! Phải học như thế này, chớ có khởi ý niệm chấp giữ, học được như vậy là đã xuất gia.

Thiên tử hỏi:

– Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Ý đó như thế nào mà Nhân giả nói như vậy?

Văn-thù-sư-lợi đáp:

– Thiên tử! Tất cả pháp đều không chấp giữ. Thiên tử! Chấp giữ nơi giới cũng là chấp giữ nơi ba cõi. Thiên tử! Ý ông thế nào, người ấy cần học những gì?

Thiên tử đáp:

– Đó là đầy đủ Ba-la-đề-mộc-xoa.

Văn-thù-sư-lợi hỏi:

– Thiên tử! Đầy đủ Ba-la-đề-mộc-xoa là như thế nào?

Thiên tử đáp:

– Tên gọi đầy đủ được gọi là thân đầy đủ, được gọi là khẩu đầy đủ, được gọi là ý đầy đủ. Như vậy gọi là có đầy đủ Ba-la-đề-mộc-xoa.

Văn-thù-sư-lợi hỏi:

– Thiên tử! Ý ông thế nào, thân, khẩu, ý không tạo tác ở những nơi nào? Chưa từng tạo tác, đang tạo tác, sẽ tạo tác, có hình tướng gì giống nhau, hoặc màu sắc xanh, vàng, trắng, đỏ, pha lê?

Thiên tử đáp:

– Không có.

Văn-thù-sư-lợi hỏi:

– Thiên tử! Nói như vậy là sao?

Thiên tử đáp:

– Chẳng phải có tạo tác mới nói như vậy, hoặc chẳng phải có tạo tác mà không nói đến thân, khẩu, ý nghiệp.

Văn-thù-sư-lợi hỏi:

– Thiên tử! Ý ông thế nào, nếu chẳng có tạo tác thì việc ấy có thể chấp giữ không?

Thiên tử đáp:

– Thừa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Không thể chấp giữ được.

Văn-thù-sư-lợi hỏi:

– Thiên tử! Đó cũng là ý của tôi nên tôi mới nói như vậy, chớ có ý niệm cho rằng tôi đã học khéo

đây. Thiên tử! Hoặ học về thắg giới, hoặ học về thắg tâm, hoặ học về thắg tuệ, đó là học nơi thực tế. Như vậy nên biết, giới không thủ đắc là thắg học về giới, tâm không thủ đắc là thắg học về tâm, tuệ không thủ đắc là thắg học về tuệ. Tâm không phân biệt, tâm không nhớ nghĩ, nên không sinh tâm hơn kém, đó là học về tâm, học về giới, học về tuệ, nên nhận biết như vậy.

Thiên tử! Nếu tâm không thủ đắc thì không nhớ nghĩ về giới. Nếu không nhớ nghĩ về giới thì Tam-muội không thủ đắc. Nếu Tam-muội không thủ đắc thì tuệ không thủ đắc. Nếu tuệ không thủ đắc thì tất cả nghi hoặ không còn. Nếu tất cả nghi hoặ không còn thì sự học không chấp giữ. Sự học không chấp giữ như vậy gọi là học nhớ nghĩ. Học nhớ nghĩ ấy là A-na-hàm. A-na-hàm ấy là thanh tịnh. Thanh tịnh ấy là không hòa hợp. Không hòa hợp ấy là chẳng còn lậu. Chẳng còn lậu là chánh hạnh. Thực hành như vậy là không có sắc giống nhau, không có sắc giống nhau ấy là hư không. Vì sao? Vì hư không kia là không hình sắc. Thiên tử! Học như vậy tức là không học. Không học ấy được gọi là học. Học ở nơi nào không có nơi chốn. Không có nơi chốn như vậy gọi là an trụ nơi chánh học.

Khi ấy, Văn-thù-sư-lợi lại nói với Thiên tử
Thiện Trụ Ý:

– Thiên tử! Tôi sẽ vì người kia nói pháp xuất

gia, thọ giới đúng như pháp. Nói như vậy: Này thiện nam! Tất cả tín tâm của đàn việt trong Tam thiên đại thiên thế giới đều cúng dường vật dụng ăn uống cho ông, tâm ông không suy nghĩ, không sinh phân biệt thức ăn này khó tiêu, thức ăn này dễ tiêu. Như thế là giới tịnh của ông.

Thiên tử hỏi:

– Văn-thù-sư-lợi! Ý đó như thế nào mà Nhân giả nói như vậy?

Văn-thù-sư-lợi đáp:

– Thiên tử! Nếu chấp giữ nơi người thí, người nhận và tài vật, phân biệt như vậy gọi là ngã tịnh. Nếu chấp giữ hoặc khen ngợi, hoặc cho là tịnh hoặc thủ đắc, thì người kia có tịnh. Nếu tâm nhớ nghĩ thì người kia có tịnh. Nếu tâm phân biệt thì người kia có tịnh. Thiên tử! Nếu không chấp giữ, không khen ngợi, không cho là tịnh, hoặc không thủ đắc, không suy nghĩ, không phân biệt, thì lấy đâu mà gọi người kia là tịnh. Vì sao? Vì hoàn toàn là tịnh. Thiên tử! Nếu chấp giữ, hoặc khen ngợi, hoặc có thủ đắc, có ý niệm phân biệt được thanh tịnh để thọ thực thì đó là phàm phu, chẳng phải là A-la-hán. Vì sao? Vì hàng phàm phu còn chấp giữ, còn khen ngợi, tâm có thủ đắc, nhớ nghĩ phân biệt, chấp giữ nơi ngã phân biệt: “Người này cúng dường cho ta”. Người kia được gọi là tịnh thì tịnh ấy như thế nào? Hành động của hàng phàm phu là

còn chấp giữ nơi ba cõi mà phát sinh, nên tịnh của người kia là như vậy. Thiên tử! A-la-hán không có một vật nào ngoài thân hành, không chấp giữ nơi thân khác, nên không còn tái sinh, thì có chỗ nào là tịnh? Nếu ông nhận việc cúng dường ấy để ba việc thanh tịnh viên mãn thì Thiên tử nên biết, ba việc thanh tịnh viên mãn là gì? Nghĩa là không có người thí, người nhận và tài vật. Đó là ba việc thanh tịnh viên mãn. Nếu đã tịnh như vậy thì người kia không còn tịnh nữa. Thiên tử! Ý tôi là như thế nên nói như vậy. Tất cả tín tâm của đàn việt trong Tam thiên đại thiên thế giới cúng dường vật dụng ăn uống, người kia không suy nghĩ về tịnh thì người ấy được gọi là phước điền trong thế giới. Đó mới là xuất gia đích thực.

Đồng tử Văn-thù-sư-lợi lại nói với Thiên tử Thiện Trụ Ý:

– Thiên tử! Đối với người kia tôi sẽ đúng như pháp xuất gia, truyền giới đúng như pháp và nói như vậy: Thiện nam! Ông không ở nơi A-lan-nhã, không ở nơi xóm làng, không gần xóm làng, không xa xóm làng, không ở một mình, không đi khát thực, không ăn thức ăn của người thỉnh, không đáp y phân tảo, không đến nhà trưởng giả nhận bát và ba y, không ngồi nơi khoảng đất trống, không ít ham muốn, không biết đủ, không thường biết đủ, không có hạnh xa lìa, không ở nơi gốc cây, không ở đêm trong phòng, không ăn thức ăn cách đêm,

không ăn bơ mật. Nay thiện nam! Đó là tất cả công đức Đâu-đà được tích tụ, luôn thực hành những pháp ấy, nhưng không nhớ nghĩ đến chúng. Vì sao? Vì như vậy là cùng thực hành với người có tâm ngã mạn. Thiên tử! Nếu nghĩ như vậy: Ta đắp y phân tảo, ta nghỉ nơi gốc cây, ta đi khất thực, ta vui ăn thức ăn thừa, ta vui ít ham muốn, ta vui biết đủ, ta ở nơi A-lan-nhã, ta ngồi nơi khoảng đất trống, ta thường hành Đâu-đà, ta vì người khác giảng nói. Thiên tử nên biết, nếu có những ý nghĩ như vậy phát sinh thì đó chẳng phải là pháp chánh hạnh. Vì sao? Nếu như không có tâm phân biệt thì người kia không có thủ đắc về ngã chứ đừng nói gì thủ đắc về công đức của hạnh Đâu-đà. Hoàn toàn không thể có sự thủ đắc. Thiên tử! Hòa hợp tu hành theo công đức Đâu-đà như vậy mà tâm không suy nghĩ, không phân biệt, tôi nói người ấy thường giảng nói về hạnh Đâu-đà. Vì sao? Thiên tử! Tỳ-kheo đoạn trừ tham dục, đoạn trừ sân hận, đoạn trừ ngu si, thoát khỏi ba cõi, đoạn trừ sáu nhập trong ngoài, tôi nói vị ấy thường giảng nói về sự đoạn trừ. Đoạn trừ như vậy mà không lấy, không bỏ, không tu, không tham đắm, chẳng phải là không tham đắm, tôi nói người ấy thường thuyết giảng về hạnh Đâu-đà.

Lại nữa Thiên tử! Tôi vì người xuất gia kia truyền giới như vậy và nói: Thiện nam! Nếu hiểu biết như thế chẳng phải là nhận biết về bốn đế,

chẳng tu bốn niệm xứ, chẳng tu bốn chánh cần, chẳng tu bốn như ý túc, chẳng tu năm căn, chẳng tu năm lực, chẳng tu bảy giác phần, chẳng tu tám thánh đạo phần, chẳng tu ba mươi bảy pháp phần Bồ-đề, chẳng chứng ba môn giải thoát. Vì sao? Thiên tử! Như vậy gọi là hiểu biết về tướng không sinh, không tu, không chứng. Vì sao? Vì chẳng phải là không sinh nên có thể chứng đắc về niệm xứ. Thiên tử! Thế vì sao nói chẳng nhớ nghĩ, chẳng quán sát đúng đắn về tất cả pháp, được gọi là niệm xứ? Thiên tử! Nếu Tỳ-kheo không trụ nơi Dục giới, không trụ nơi Sắc giới, không trụ nơi Vô sắc giới, vị Tỳ-kheo ấy được gọi là không trụ nơi bốn niệm xứ để tu tập. Tại sao tu tập như vậy tức là không tu? Đã không tự tu, lại không khiến người khác tu. Tu như vậy mới gọi là tu. Tu thứ lớp như thế cho đến ba mươi bảy pháp phần Bồ-đề, nên nhận biết như vậy.

Thiên tử! Tỳ-kheo tọa thiền như thế nào? Thiền sư đối với tất cả pháp đều không thủ đắc, không nhớ nghĩ. Không nhớ nghĩ tức là không tu. Không tu tức là không chứng. Thiên tử! Do nhân duyên gì mà chỉ có tên gọi? Nghĩa là ba mươi bảy pháp phần Bồ-đề đều gọi là không vật. Vì ý thích theo nhân duyên gì sinh ra tên gọi ấy? Nhất tướng, vô tướng đều như vậy mà nêu bày, hoặc nói, hoặc không nói đều chỉ là tên gọi. Những hành động, hiểu biết đều không thủ đắc. Tri kiến thật đúng như vậy nên hành

động, hiểu biết về ba mươi bảy pháp phần Bồ-đề cũng đều không thủ đắc.

Thiên tử hỏi:

– Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Nói thiên sư, vậy thì những Tỳ-kheo như thế nào mới được gọi là thiên sư?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

– Thiên tử! Thiên sư đối với tất cả pháp chỉ có một hành là lường xét, nghĩa là không sinh. Nếu nhận biết như vậy thì gọi là Thiên sư, cho đến không có một chút pháp nào để chấp giữ nên gọi là Thiên Sư. Không chấp giữ về pháp gì? Đó là không chấp giữ về thế giới này, thế giới kia, không chấp giữ ba cõi, cho đến tất cả các pháp đều không chấp giữ. Nghĩa là tất cả các pháp đều không có chúng sinh, không chấp giữ như vậy nên gọi là Thiên sư. Thiên tử! Thiên sư ấy không có một pháp nào để chấp giữ, chẳng phải là chấp giữ là không chấp giữ. Vì ý nghĩa đó nên gọi là Thiên sư.

Khi thuyết giảng pháp này, trong chúng hội có vô lượng trăm ngàn chúng sinh đều sinh tâm nghi ngờ. Vì sao? Vì sao? Thế nào là chấp giữ? Thế nào là không chấp giữ? Như Lai thuyết giảng ai hiểu biết ba môn giải thoát thì chúng đắc Niết-bàn, tu ba mươi bảy pháp phần Bồ-đề thì chúng đắc Niết-bàn, nhưng nay Đông tử Văn-thù-sư-lợi lại nói tu pháp phần Bồ-đề không chúng đắc Niết-bàn. Lời

giảng của Văn-thù-sư-lợi và Như Lai không tương ứng sao?

Khi ấy, Đồng tử Văn-thù-sư-lợi biết những Tỳ-kheo kia sinh tâm nghi ngờ, liền hỏi Trưởng lão Xá-lợi-phất:

– Đại đức Xá-lợi-phất! Đại đức có tin Như Lai nói Đại đức là bậc trí tuệ đệ nhất không? Trong thời gian nào Đại đức chứng đắc pháp vô dục là có chứng đắc pháp gì? Đại đức lẽ nào không chứng đắc Tứ đế? Tu ba mươi bảy pháp phần Bồ-đề, hoặc chứng ba môn giải thoát?

Trưởng lão Xá-lợi-phất nói:

– Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Cho đến không có một pháp nào có thể gọi là chứng đắc, hoặc tu, hoặc chứng, hoặc biết, hoặc đắc. Vì sao? Vì tất cả các pháp là không lấy, không sinh, vô ký, không chứng, không phải không không chứng.

Khi thuyết giảng pháp này, có ba ngàn Tỳ-kheo không chấp giữ nơi các pháp, tâm thanh tịnh, đạt được giải thoát.

Bấy giờ, Thiên tử Thiên Trụ Ý khen ngợi giải thoát tử Văn-thù-sư-lợi:

– Hay thay! Hay thay! Văn-thù-sư-lợi là bậc trí tuệ sắc bén khéo giảng nói về pháp không nhãn, rất sâu xa như vậy.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

– Nay Thiên tử! Tôi chẳng có trí tuệ sắc bén mà

tất cả hàng phàm phu mới là có trí tuệ sắc bén. Vì sao? Vì hàng phàm phu nhận biết đúng như có trí tuệ sắc bén. Những gì là trí tuệ sắc bén?

Đó là trí tuệ sắc bén hiểu biết về địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, về vua thế gian Diêm-ma, về ba cõi. Trí tuệ như vậy mới gọi là trí tuệ sắc bén. Không biết các hành hữu vi thuở trước, hàng phàm phu có trí tuệ sắc bén về tham dục, sân hận, ngu si, chẳng phải là hàng Thanh văn, chẳng phải là hàng Duyên giác chứng đức nhân nơi Bồ-tát. Thiên tử! Trí tuệ sắc bén hiểu rõ ngu si như vậy nên biết.

Thiên tử hỏi:

– Văn-thù-sư-lợi! Nhân giả đang hý luận chẳng?

Văn-thù-sư-lợi đáp:

– Không phải vậy.

Thiên tử hỏi:

– Học theo lời nói của người khác chẳng?

Văn-thù-sư-lợi đáp:

– Không phải vậy.

Thiên tử hỏi:

– Hay là chỉ có lời nói?

Văn-thù-sư-lợi đáp:

– Đúng vậy! Đúng vậy! Thiên tử! Tôi chọn lấy lời nói.

Thiên tử hỏi:

- Văn-thù-sư-lợi! Ý nghĩa đó như thế nào mà Nhân giả nói như vậy?

Văn-thù-sư-lợi đáp:

– Thiên tử! Bồ-tát đối với một chữ, một câu, không thay đổi nơi chữ ấy, không thay đổi nơi ý nghĩa. Lần lượt có người đến hỏi đạo theo như thật mà nhận biết, không nhận biết về không, không nhận biết về xa lìa, nhưng nhận biết về vô thể, nhận biết về bất sinh. Nhận biết như vậy tức không biết, chẳng biết, chẳng hiểu, chẳng thọ, chẳng tạo tác. Vì thế nên nói chỉ có ngôn từ.

Khi ấy Đức Thế Tôn tán thán Đồng tử Văn-thù-sư-lợi:

– Lành thay! Lành thay! Văn-thù-sư-lợi! Ông đã chứng đắc Đà-la-ni nên mới giảng nói được như vậy.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi thưa:

– Thưa Thế Tôn! Chẳng phải là con chứng đắc Đà-la-ni. Vì sao? Thưa Thế Tôn! Người ngu si đắc Đà-la-ni, chẳng phải là Phật, Bồ-tát đắc Đà-la-ni. Vì sao? Thưa Thế Tôn! Phạm phu ngu si đắc Đà-la-ni. Đắc những pháp gì? Đó là đắc ngã, đắc chúng sinh, đắc mạng, nhân phu, đắc đoạn, đắc thường, đắc tham, sân, si, đắc vô minh, đắc hữu ái, năm âm, mười tám giới, sáu nội nhập, sáu ngoại nhập, nhận thức phân biệt, không phân biệt, hoàn toàn không phân biệt, không phân biệt nơi hành.

Như vậy, thưa Thế Tôn! Phạm phu ngu si đăc Đà-la-ni. Vì chấp giữ nơi tướng nên phân biệt, không phân biệt, không còn phân biệt, không phân biệt nơi hành. Như vậy, thưa Thế Tôn! Người ngu si đăc Đà-la-ni. Vì sao? Vì pháp của người ngu si đăc, tức chẳng phải Phật đăc, chẳng phải Thanh văn đăc, chẳng phải Duyên giác đăc, chẳng phải Bồ-tát đăc. Như thế, nên nói người ngu si đăc Đà-la-ni. Vì sao? Người ngu si chấp giữ nơi tâm hư vọng, chẳng phải là Phật, Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát.

Thiên tử Thiên Trụ Ý hỏi Đồng tử Văn-thù-sư-lợi:

– Văn-thù-sư-lợi! Nhân giả nếu không đăc Đà-la-ni, thì do đâu có đưọc ản mật sâu xa như vậy?

Văn-thù-sư-lợi đăp:

– Đúg vậy Thiên tử! Tôi thật sự là ản mật sâu xa. Vì sao? Vì việc làm ản mật thì không ai có thể biết đưọc. Thiên tử! Đối với Như Lai, Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát cũng vậy. Nếu chẳng phải là ản mật sâu xa thì người kia là phạm phu ngu si. Vì sao? Vì bị chươg ngại. Phạm phu ngu si tham chấp nơi tâm hành theo trí tuệ. Người đăc Tu-đà-hoàn còn bị chươg ngại nơi hành độn, lời nói, còn có hành độn của tâm tham, huớg nữa là người phạm phu ngu si. Thiên tử! Vì thế nên nói tôi là ản mật sâu xa, chẳng đăc Đà-la-ni. Vì sao? Vì cho đến một chút pháp tôi cũng không thủ đăc.

Bấy giờ, trong chúng hội có năm trăm Tỳ-kheo, nghe pháp môn này không thể tin thọ được, sinh tâm rất sợ hãi nên đứng dậy bỏ đi, tự thân sắp rơi vào địa ngục.

Khi ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất nói với Đồng tử Văn-thù-sư-lợi:

– Văn-thù-sư-lợi! Phải quan sát đại chúng trong chúng hội này, sau đó mới thuyết pháp. Nhân giả thuyết pháp môn hết sức sâu xa như vậy, năm trăm Tỳ-kheo trong chúng hội này nghe pháp môn ấy không thể tin thọ được, sinh tâm rất sợ hãi nên đứng dậy bỏ đi, tự thân sắp rơi vào địa ngục.

Văn-thù-sư-lợi nói:

– Đại đức Xá-lợi-phất! Đại đức chớ phân biệt, không có một pháp nào có thể rơi vào địa ngục. Vì sao? Vì tất cả các pháp là không sinh. Đại đức Xá-lợi-phất! Đại đức nói tôi quan sát đại chúng trong chúng hội này, sau đó mới thuyết pháp. Đại đức Xá-lợi-phất! Thiện nam, thiện nữ nào dựa nơi ngã kiến, dựa nơi chúng sinh kiến, dựa nơi thọ mạng kiến, dựa nơi nhân kiến, tuy có cúng dường vô số chư Phật, Như Lai, Ứng Chánh Biến Tri và Tỳ-kheo Tăng vật dụng cần thiết, luôn cúng dường như vậy, nhưng khi nghe tôi thuyết giảng pháp môn thâm diệu khó lãnh hội này, pháp mà tất cả thế gian nghe nhưng không thể tin được, vì đó là không, vô tướng, vô nguyện, vắng lặng, không

diệt, không sinh, không có chúng sinh, thọ mạng, nhân, pháp vô ngã, vô thường, khổ, không, nếu xả bỏ, không thọ nhận thì rơi nhanh vào địa ngục. Đại đức Xá-lợi-phát! Người thiện nam, thiện nữ nào nghe pháp sâu xa khó lãnh hội mà xả bỏ, không chấp nhận thì sinh vào địa ngục. Ra khỏi địa ngục lại dựa nơi ngã kiến, tuy cúng dường vô số chư Phật, Như Lai, Chánh Biến Tri, nhưng không nghe được pháp thâm diệu này.

Đức Thế Tôn tán thán Đồng tử Văn-thù-sư-lợi:

– Lành thay! Lành thay! Văn-thù-sư-lợi! Đúng vậy! Đúng vậy! Như lời ông nói, chư Như Lai xuất hiện ở đời, nghe pháp môn này cũng như vậy. Bậc chúng quả Tu-đà-hoàn nghe pháp môn này cũng như vậy. Bậc chúng quả Tu-đà-hàm nghe pháp môn này cũng như vậy. Bậc chúng quả A-na-hàm nghe pháp môn này cũng như vậy. Bậc chúng quả A-la-hán nghe pháp môn này cũng như vậy. Vì sao? Vì chúng đắc pháp này chẳng dựa nơi ngã để chúng đắc, khi chúng pháp môn này là không thể thủ đắc.

Đức Thế Tôn nói với Tôn giả Xá-lợi-phát:

– Nay Xá-lợi-phát! Những Tỳ-kheo này mau ra khỏi địa ngục, chúng đắc Niết-bàn. Họ chẳng phải là hàng phàm phu ngu si, tâm có thủ đắc nên rơi vào kiến chấp, nghi ngờ trong việc cúng dường Như Lai. Xá-lợi-phát! Nhờ vậy nên họ chứng Niết-

bàn, còn những người khác thì không mau được giải thoát. Vì sao? Vì không được nghe pháp sâu xa này. Xá-lợi-phất! Thiện nam thiện nữ nào nếu nghe được pháp môn thâm diệu này chỉ thoáng qua tai, tuy không tin thọ, bị đọa vào địa ngục nhưng mau được giải thoát, chẳng rơi vào kiến chấp, nghi ngờ, chẳng có thủ đắc.

Lúc ấy, Thiên tử Thiện Trụ Ý nói với Đồng tử Văn-thù-sư-lợi:

– Văn-thù-sư-lợi! Nhân giả muốn cùng với tôi hiện bày đồng phạm hạnh chăng?

Đồng tử Văn-thù-sư-lợi đáp:

– Đúng vậy Thiên tử! Tôi muốn cùng Thiên tử hiện bày đồng phạm hạnh, vì Thiên tử đối với phạm hạnh không chấp phạm hạnh, không hành phạm hạnh.

Thiên tử hỏi:

– Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Nhân giả nói như vậy có nghĩa gì?

Đồng tử Văn-thù-sư-lợi đáp:

– Thiên tử! Nếu có chấp thì gọi là hành, nếu không chấp thì không có gì để gọi là hành. Thiên tử! Nếu đắc phạm hạnh thì có hành, nếu không thể thủ đắc thì không có gì là hành.

Thiên tử hỏi:

– Văn-thù-sư-lợi! Phạm hạnh ấy của Nhân giả có gì là hành?

Đồng tử Văn-thù-sư-lợi đáp:

– Đúng vậy, Thiên tử! Tôi chẳng phải là phạm hạnh. Vì sao? Vì phạm hạnh này chẳng phải là phạm, chẳng phải là hạnh, chẳng phải là ngã, chẳng phải là phạm hạnh. Vì thế nói tôi là hành phạm hạnh.

Thiên tử khen ngợi.

– Hay thay! Hay thay! Văn-thù-sư-lợi! Đây chính là Biện tài nhạo thuyết không chướng ngại.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

– Tôi có chướng ngại. Làm thế nào Thiên tử nói tôi là có Biện tài nhạo thuyết vô chướng ngại? Vì sao? Vì tất cả có ngã, có ngã sở, đều có phân biệt, có phân biệt thì đều có chướng ngại.

Khi ấy, Đồng tử Văn-thù-sư-lợi lại nói với Thiên tử Thiện Trụ Ý:

– Thiên tử! Như muốn đồng phạm hạnh thì hãy đoạn tất cả mạng của chúng sinh mà không cầm thanh sắt, không cầm dao, đá, không cầm gậy v.v... Như vậy tôi cùng Thiên tử đồng phạm hạnh.

Thiên tử hỏi:

– Văn-thù-sư-lợi! Nhân giả nói như vậy là có nghĩa gì?

Văn-thù-sư-lợi nói:

– Thiên tử! Nói đến chúng sinh, nói chúng sinh ấy, ý Thiên tử thế nào?

Thiên tử đáp:

– Văn-thù-sư-lợi! Nói đến chúng sinh, nói chúng sinh tức là cho đến tất cả chỉ là danh tự tướng chấp.

Văn-thù-sư-lợi nói:

– Đúng vậy, Thiên tử! Giết chấp ngã tướng, giết chấp mạng tướng, giết chấp nhân tướng.

Thiên tử hỏi:

– Nhân giả dùng vật gì để giết trừ chấp mạng tướng?

Văn-thù-sư-lợi đáp:

– Thiên tử! Dùng gươm trí tuệ để giết, đó là cầm gươm Bát nhã. Cầm, giết nhưng không có ý tướng về cầm, giết. Như hại nhưng không biết, không có ý tướng hãm hại. Thiên tử! Ông nên biết, đó là giết ngã tướng, giết chúng sinh tướng. Đây gọi là giết tất cả chúng sinh. Như vậy tôi cùng ông đồng phạm hạnh.

Văn-thù-sư-lợi lại nói với Thiên tử Thiện Trụ Ý:

– Thiên tử! Ông tu mười nghiệp đạo bất thiện, hành tất cả phần nhiễm bình đẳng, chẳng phải hành phần tịnh bình đẳng. Như vậy tôi cùng ông đồng phạm hạnh.

Thiên tử hỏi:

– Văn-thù-sư-lợi! Nghĩa đó như thế nào mà Nhân giả nói như vậy?

Văn-thù-sư-lợi đáp:

– Hành nơi phần nhiệm bình đẳng này ngang bằng hành bình đẳng kia. Được như vậy tôi cùng ông đồng phạm hạnh. Thiên tử! Ý ông thế nào? Phần nhiệm bình đẳng là gì?

Thiên tử đáp:

– Không làm, không tham.

Văn-thù-sư-lợi hỏi:

– Thiên tử! Phần tịnh bình đẳng là những pháp gì?

Thiên tử đáp:

– Pháp tánh, pháp giới, chân như, thật tế, ba môn giải thoát. Đó là phần tịnh.

Văn-thù-sư-lợi hỏi:

– Thiên tử! Ông có thể ngăn che pháp giới lại được chăng?

Đáp:

– Không được.

Văn-thù-sư-lợi nói:

– Phải vậy Thiên tử! Vì lẽ ấy nên tôi nói như vậy. Ông hành phần nhiệm bình đẳng, chẳng phải là phần tịnh bình đẳng. Như vậy tôi cùng ông đồng phạm hạnh.

Đồng tử Văn-thù-sư-lợi lại nói với Thiên tử Thiên Trụ Ý:

– Thiên tử! Ban đầu, khởi tâm muốn giết người, Thiên tử, đánh trên đầu người đó. Được vậy tôi cùng Thiên tử đồng phạm hạnh.

Thiên tử hỏi:

– Văn-thù-sư-lợi! Nghĩa đó như thế nào mà Nhân giả nói như vậy?

Văn-thù-sư-lợi đáp:

– Thiên tử! Nói giết, giết là thế nào? Giết người nào, vật nào? Thiên tử nên biết, nói giết là giết tham, sân, si, ngã mạn, ganh ghét, huyền hóa, giả dối, dua nịnh, chấp tướng, thọ tướng. Đó gọi là giết. Tôi đã nói nghĩa của chữ giết rồi, Thiên tử nên biết.

Thiên tử! Có vị Thiên sư sinh tâm tham dục, sinh rồi thì có thể lìa nên được tịch tĩnh. Được tịch tĩnh như vậy gọi là không, không sở hữu, chẳng chấp vướng, chẳng lấy. Thiên tử! Đó là suy nghĩ thông suốt về tâm dục sinh diệt. Tâm này sinh nơi nào, diệt nơi nào, vui nơi nào, vui pháp gì, nên quán xét như vậy. Tham không thủ đắc, vậy ưa thích nơi nào mới là không thủ đắc? Tu pháp nào mới là không thủ đắc? Nếu không thủ đắc tức là không lấy. Không lấy tức là không có việc được bỏ, không có người bỏ. Như vậy là không lấy, không bỏ. Đó gọi là lìa dục tịch tĩnh. Cho đến tâm cũng quán sát như vậy. Thiên tử nên biết! Giết những pháp như vậy là làm cho sinh khởi, tức là giết. Như vậy được gọi là lúc khởi tâm muốn giết chết người thì đánh trên đầu trước. Như vậy gọi là giết. Ý của tôi là thế nên mới nói như vậy.

Đồng tử Văn-thù-sư-lợi lại nói với Thiên tử Thiên Trụ Ý:

– Thiên tử! Nếu Thiên tử đối với Phật không nhiệm, Pháp, Tăng không nhiệm, được vậy tôi mới đồng phạm hạnh.

Thiên tử hỏi:

– Văn-thù-sư-lợi! Bồ-tát giải thích như thế nào?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi hỏi lại:

– Nói đến Phật, Thiên tử giải thích như thế nào?

Thiên tử đáp:

– Văn-thù-sư-lợi! Như chân như, pháp giới, đó là Phật.

Văn-thù-sư-lợi hỏi:

– Thiên tử! Ý Thiên tử thế nào, chân như, pháp giới, Thiên tử có thể bị nhiễm chăng?

Đáp:

– Không nhiễm.

Văn-thù-sư-lợi nói:

– Vì nghĩa ấy mà tôi nói nếu Thiên tử đối với Phật không nhiễm thì tôi cùng Thiên tử đồng phạm hạnh.

Lại nữa, này Thiên tử! Nói về pháp, Thiên tử giải thích như thế nào?

Thiên tử đáp:

– Văn-thù-sư-lợi! Pháp là dục, đó gọi là Pháp.

Văn-thù-sư-lợi hỏi:

– Thiên tử! Ý Thiên tử thế nào, pháp lìa dục ấy Thiên tử có nhiệm chăng?

Đáp:

– Không nhiệm.

Văn-thù-sư-lợi nói:

– Vì nghĩa ấy nên tôi nói nếu Thiên tử đối với Pháp không nhiệm thì tôi cùng Thiên tử đồng phạm hạnh.

Lại nữa, này Thiên tử! Nói đến Tăng, Thiên tử giải thích như thế nào?

Thiên tử đáp:

– Vì vô vi nên gọi là Tăng. Thánh Tăng Thanh văn là Tăng vô vi, như vậy gọi là Tăng.

Văn-thù-sư-lợi hỏi:

– Thiên tử! Ý Thiên tử thế nào, vô vi Tăng ấy Thiên tử có nhiệm chăng?

Đáp:

– Không nhiệm.

Văn-thù-sư-lợi nói:

– Vì nghĩa ấy nên tôi nói nếu Thiên tử đối với Tăng mà không nhiệm thì tôi cùng Thiên tử đồng phạm hạnh. Thiên tử! Người nào thấy Phật thì nhiệm nơi Phật, người nào nghe Pháp thì nhiệm nơi Pháp, người nào biết Tăng thì nhiệm nơi Tăng. Thiên tử! Nếu không thấy Phật thì người ấy không nhiệm nơi Phật, nếu không biết Pháp thì người ấy

không nhiễm nơi Pháp. nếu không biết Tăng thì người ấy không nhiễm nơi Tăng. Vì sao? Vì Phật, Pháp, Tăng, người ấy chẳng thể đạt được. Vì vậy nên nói là không nhiễm.

Lại nữa, này Thiên tử! Người nào yêu mến Phật, yêu mến Pháp, yêu mến Tăng, thì người ấy nhiễm nơi Phật, nhiễm nơi Pháp, nhiễm nơi Tăng. Nếu không thấy Phật, không yêu mến Phật thì không nhiễm nơi Phật. Nếu không nghe Pháp, không yêu mến Pháp thì không nhiễm nơi Pháp. Nếu không biết Tăng, không yêu mến Tăng thì không nhiễm nơi Tăng. Người nào không nhiễm vướng đối với câu tham dục, câu không hòa hợp, câu nêu dẫn, câu suy xét không thật, câu không thật, câu quyết định không thật, câu không lìa dục, do đó gọi là lìa dục tịch tĩnh.

– Thiên tử! Vì nghĩa ấy nên tôi nói nếu Thiên tử đối với Phật không nhiễm, Pháp, Tăng không nhiễm thì tôi với Thiên tử đồng phạm hạnh.

Khi ấy, Thiên tử Thiện Trụ Ý nói với Đồng tử Văn-thù-sư-lợi:

– Thật là hy hữu, Văn-thù-sư-lợi! Nhân giả nói đến chỗ hết sức thâm diệu như vậy, tôi phải báo ân.

Văn-thù-sư-lợi đáp:

– Thiên tử! Thiên tử chớ báo ân.

Thiên tử hỏi:

– Vì sao không báo ân?

Văn-thù-sư-lợi đáp:

– Đúng vậy, Thiên tử! Không báo ân tức là báo ân.

Thiên tử hỏi:

– Văn-thù-sư-lợi! Nhân giả không báo ân chẳng?

Văn-thù-sư-lợi đáp:

– Thiên tử! Đúng như vậy! Tôi không báo ân, cũng chẳng phải là tôi báo ân.

Thiên tử hỏi:

– Văn-thù-sư-lợi! Nhân giả nói như vậy nghĩa là thế nào?

Văn-thù-sư-lợi đáp:

– Thiên tử! Người ngu si tạo nhiều pháp khác nhau, người ngu si tạo nhiều kiến chấp khác nhau, người ngu si hành nhiều hạnh khác nhau. Vì tạo tác nhiều pháp, nhiều hạnh, nhiều kiến chấp khác nhau nên nói là báo ân. Thiên tử nên biết, đây chẳng phải là thiện nam hành chân chánh. Người hành chân chánh cho đến một sự việc ít ỏi, hoặc làm, hoặc không làm. Đó gọi là không báo ân. Như Phật, Thế Tôn thuyết pháp bình đẳng. Nghĩa là tất cả pháp đều không tạo tác, cũng không thể tạo tác, tâm bình đẳng không giữ lấy cái khác, không tạo tác cái khác. Đó gọi là không báo ân.

Thiên tử hỏi:

– Văn-thù-sư-lợi! Nhân giả trụ nơi pháp nào mà

nói như vậy. Trụ nơi nhĩn mà nói hay trụ nơi pháp mà nói?

Văn-thù-sư-lợi đáp:

– Thiên tử! Chẳng phải là nhĩn, chẳng phải là pháp.

Thiên tử hỏi:

– Văn-thù-sư-lợi! Nhân giả trụ nơi nào mà nói như vậy?

Văn-thù-sư-lợi hỏi:

– Thiên tử! Thân của người huyễn hóa trụ nơi nào?

Thiên tử hỏi:

– Vậy nơi nào có thân của người huyễn hóa trụ?

Văn-thù-sư-lợi đáp:

– Thiên tử! Như chân như an trụ. Thân của người huyễn hóa kia cũng an trụ như vậy. Thiên tử nên biết, nếu vậy thì nói trụ nơi nào? Hoặc như vậy thì tại sao còn hỏi trụ nơi nhĩn hay trụ nơi pháp? Thiên tử nên biết, nhĩn chỉ có danh, danh đó là không nơi trụ, pháp không dôi đổi, cũng không phân biệt, lại không nơi chốn. Thiên tử! Tất cả chúng sinh trụ nơi chốn tức trụ nơi đã nói. Đức Phật thuyết giảng như vậy. Vì sao? Như Phật dạy, như chân như an trụ, tất cả chúng sinh cũng an trụ như vậy. Chân như bất động, như tất cả chúng sinh chân như, Như Lai chân như, không hai chân như, không khác chân như.

Thiên tử Thiện Trụ Ý nói với Đồng tử Văn-thù-sur-lợi:

– Văn-thù-sur-lợi! Nói Sa-môn na vậy Sa-môn na ấy có nghĩa gì?

Văn-thù-sur-lợi đáp:

– Thiên tử! Tức chẳng phải là Sa-môn, chẳng phải là Bà-la-môn. Vì sao? Thiên tử! Nếu không đắm chấp nơi Dục giới, không đắm chấp nơi Sắc giới, không đắm chấp nơi Vô sắc giới, đó gọi là Sa-môn. Tôi nói như vậy, nếu mắt không vướng nơi lậu, tai, mũi, lưỡi, thân, ý đều không vướng nơi lậu, đó gọi là Sa-môn.

Thiên tử! Nếu không nương dựa thì nói là không nương dựa. Nơi không nương dựa thì nói là nơi không nương dựa. Ta nói như vậy là Sa-môn. Nếu không một chút tâm tham, thích; không có một nơi nào đến, không tổn, không hại; thì ta gọi đó là Sa-môn. Những câu nói đó hoặc chẳng phải là Sa-môn, chẳng phải là Bà-la-môn.

Bấy giờ, trong chúng hội có năm Bồ-tát đã đắc thiền thứ tư, chứng năm thần thông. Chư Bồ-tát ấy nhập Tam-muội, rồi từ Tam-muội xuất, nhưng chưa đắc pháp nhẫn. Chư Bồ-tát ấy tự nhớ lại kiếp trước mình đã từng giết cha, từng giết mẹ, giết A-la-hán, nhớ nghĩ về nghiệp còn sót lại ấy, tâm không an ổn, nên không chứng nhập pháp nhẫn sâu xa. Vì còn nương nơi ngã phân biệt, nên tâm nhớ

lại tội ác kiếp trước, không thể lìa bỏ, vì thế không đắc pháp nhân sâu xa.

Khi ấy, Đức Thế Tôn biết rõ tâm niệm của chư Bồ-tát kia có thể mở bày, tỏ ngộ, nên dùng diệu lực từ oai thần gia bị cho Đồng tử Văn-thù-sư-lợi. Nương thần lực của Phật, Văn-thù-sư-lợi rời tòa ngòai đứng dậy, sửa y phục, bày vai phải, tay phải cầm gươm sắc bén, chạy nhanh đến chỗ Đức Phật. Lúc đó, Đức Thế Tôn liền bảo Đồng tử Văn-thù-sư-lợi:

– Đứng lại! Đứng lại! Này Văn-thù-sư-lợi! Ta đã bị giết từ trước và bị giết nhiều rồi. Vì sao? Này Văn-thù-sư-lợi! Vì từ xa xưa đến nay, lúc nào có người sinh tâm giết Ta, nếu sinh tâm giết, thì ngay khi ấy đã giết rồi.

Lúc ấy, năm Bồ-tát kia suy nghĩ: Tất cả các pháp đều như huyễn, chẳng phải là ngã, chẳng phải là chúng sinh, chẳng phải là mạng, chẳng phải là nhân, chẳng phải là ma na bà, chẳng phải là cha, chẳng phải là mẹ, chẳng phải là A-la-hán, chẳng phải là Phật, Pháp, Tăng, chẳng phải có nghịch, không người tạo nghịch. Vì sao? Vì hiện tại Đồng tử Văn-thù-sư-lợi là bậc trí tuệ, hiểu sâu, suy xét, tinh tế, thông tỏ biện tài sắc bén, được chư Phật khen ngợi là đã đắc pháp nhân thâm diệu, đã từng cúng dường vô số chư Phật quá khứ, trí tuệ tự tại, thông đạt tất cả các pháp, khéo thuyết giảng pháp chân thật, cung kính Như Lai, nhưng nay lại cầm

dao bén chạy nhanh đến chỗ Đức Phật. Đức Phật nói: Đứng lại! Đứng lại! Văn-thù-sư-lợi! Ta đã bị giết từ trước, và bị giết nhiều lần rồi. Nếu có một chút pháp hòa hợp, tụ tập, thì quyết định gọi là Phật, là Pháp, là Tăng, là mẹ, là cha, là A-la-hán, có nghịch, có thể nắm lấy, thì không thể xa lìa. Nên biết pháp ấy là vô thể, chẳng có, chẳng phải là như, chẳng phải là thật, không sinh, không khởi, là không, như huyền hóa. Vì thế pháp này không có người mắc tội, không có tội bị mắc.

Suy nghĩ biết rõ như vậy rồi, năm Bồ-tát ấy liền chứng đắc pháp nhãn Vô sinh. Đắc pháp nhãn rồi, liền hết sức vui mừng bèn bay vụt lên không trung, cách đất không quá bảy cây Đa-la, nói kệ:

*Tất cả pháp như huyền
 Đều từ phân biệt sinh
 Trong đó quyết không có
 Tất cả pháp đều không.
 Tâm phân biệt không thật
 Ngu si chấp ngã tưởng
 Nhớ lại kiếp đã qua
 Tạo những nghiệp ác gì.
 Quá khứ từng giết hại
 Cha mẹ, ruộng phước tốt
 Giết La-hán, Tỳ-kheo
 Tạo nghiệp ác cực trọng.
 Do quả báo nghiệp ác
 Chúng tôi thọ khổ nào*

Nay ở chỗ Thế Tôn
 Nghe pháp trừ nghi, hỏi.
 Tâm không xả hỏi hận
 Vâng giữ lời Thế Tôn
 Giác ngộ được pháp giới
 Nơi nào không phiền não.
 Phật dùng phương tiện khéo
 Phương tiện biết Mâu-ni
 Dùng lực phương tiện nào
 Trừ nghi hỏi chúng sinh.
 Các pháp không, vô thể
 Chẳng Phật, chẳng Pháp, Tăng
 Cha mẹ không thể có
 Chẳng có A-la-hán.
 Không thể có pháp giết
 Cũng không có pháp đọa
 Các pháp tướng bình đẳng
 Như kia bình đẳng trụ.
 Văn-thù đại trí tuệ
 Đã chứng pháp như vậy
 Tay cầm dao sắc bén
 Chạy nhanh hướng đến Phật.
 Như dao bén, như Phật
 Hai tướng ấy không khác
 Chẳng sinh, cũng chẳng thật
 Trong ấy không giết người.

Lúc thuyết giảng pháp môn cầm dao ấy, khắp Hằng sa thế giới của chư Phật trong mười phương

đều chấn động đủ sáu cách, đại địa trong các thế giới rung chuyển mạnh. Chư Phật trong mười phương thế giới lúc ấy đang thuyết pháp, thị giả của mỗi Đức Phật đều thưa với Phật của mình.

Bạch Thế Tôn! Do oai lực của bậc nào mà đại địa chấn động như vậy, thế giới đều rung chuyển?

Mỗi Đức Phật đều đáp:

– Này thiện nam! Có thế giới tên là Ta-bà, trong ấy có Phật hiệu là Thích Ca Mâu Ni Như Lai Ứng Chánh Biến Tri đang thuyết pháp. Cõi Ta-bà ấy có Đồng tử Văn-thù-sư-lợi, nơi đạo Bồ-đề đặc pháp Bất thoái chuyển, có diệu lực tự tại, tự biết có khả năng hành hóa, vì muốn mở bày dẫn dắt hàng Bồ-tát nên cầm gươm bén trí tuệ, chạy nhanh đến chỗ Phật, do đó mà đại địa chấn động.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nhân nơi gươm trí tuệ ấy thuyết giảng đúng như pháp, làm cho vô số chúng sinh đạt được nhãn tịnh, tâm giải thoát, nhãn sinh, muốn hành trì đạo Bồ-đề.

Lúc này, Đức Thế Tôn dùng năng lực hộ trì những người mới phát tâm trong pháp hội được khởi chút thiện căn. Đối với các chúng sinh, họ còn phân biệt hư vọng với các loại phân biệt nên khiến họ không thấy gươm báu, cũng không nghe, không biết về pháp môn cầm gươm này.

Khi ấy, Trưởng lão Xá-lợi-phất nói với Đồng tử Văn-thù-sư-lợi:

– Văn-thù-sư-lợi! Nhân giả tạo nghiệp sinh tử cực ác, muốn giết bậc y vương, nghiệp này đến lúc chín muồi, không biết Nhân giả thọ tội nơi nào?

Văn-thù-sư-lợi nói:

– Thưa Đại đức Xá-lợi-phất! Từ trước đến nay tôi đều tạo nghiệp ác, chẳng từng như vậy, chẳng rõ về hành ấy. Nhưng này Đại đức Xá-lợi-phất! Nơi nào có huyễn nhân thì nghiệp chín muồi cũng huyễn hóa. Tôi thọ tội cũng như vậy. Vì sao? Vì người huyễn hóa không sinh phân biệt, không hư vọng. Đại đức Xá-lợi-phất! Tất cả các pháp đều như huyễn hóa.

Lại nữa, này Đại đức Xá-lợi-phất! Nay tôi xin hỏi Tôn giả, tùy ý Tôn giả đáp. Ý Tôn giả thế nào, Tôn giả thấy gương bèn không?

Đáp:

– Không thấy.

– Tôn giả tạo nghiệp ác có thể được chăng?

Đáp:

– Không được.

– Có quả báo chăng?

Đáp:

– Không có.

– Đại đức Xá-lợi-phất! Nếu không gương, không nghiệp, không quả báo thì nơi nào có nghiệp được chín muồi?

Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi:

– Văn-thù-sư-lợi! Nhân giả nói vậy có nghĩa gì?

Văn-thù-sư-lợi đáp:

– Cho đến không có một pháp dù là ít ỏi nào là nghiệp báo dị thực. Vì sao? Vì tất cả các pháp là không nghiệp, không báo, không nghiệp báo dị thực.

Khi ấy, chư Đại Bồ-tát đến từ mười phương thế giới đều thưa với Phật:

– Bạch Thế Tôn! Ngưỡng mong Thế Tôn dùng thần lực gia bị, khiến Đồng tử Văn-thù-sư-lợi đến thế giới của chư Phật trong mười phương thuyết giảng pháp này như chúng con đến thế giới của Đức Phật ở đây.

Bấy giờ, Đồng tử Văn-thù-sư-lợi nói với chư Đại Bồ-tát kia:

– Nay các thiện nam! Các ông hãy quan sát thế giới của Phật mình. Lúc này chư Đại Bồ-tát kia, đều trở lại mười phương, quan sát thế giới của Phật mình, đều nghe âm thanh của Đồng tử Văn-thù-sư-lợi ngay tại mỗi mỗi thế giới kia, đều thấy Đồng tử Văn-thù-sư-lợi đến trước Phật của mình, vì đại chúng diễn nói pháp môn này, thấy có Thiên tử Thiên Trụ Ý tham vấn pháp môn ấy, cũng thấy có chư Bồ-tát vân tập, cũng có Thiên tử. Sự việc nghe thấy như vậy thật là hy hữu. Chư Bồ-tát chưa từng thấy những việc như vậy nên đồng ca ngợi:

– Hy hữu thay! Hy hữu thay! Đồng tử Văn-thù-sư-lợi an trụ bất động ngay nơi thế giới của Đức Phật ở đây, nhưng có thể hiện thân khắp nơi chốn, khiến cho tất cả đều thấy.

Đồng tử Văn-thù-sư-lợi vì chư Bồ-tát kia nói:

– Nay các Thiên nam! Ví như nhà ảo thuật học giỏi về pháp ảo thuật, ngồi yên bất động, nhưng có thể hiện ra nhiều hình sắc. Cũng vậy, Bồ-tát học giỏi pháp huyễn Bát nhã Ba-la-mật, ở trong pháp huyễn, nơi tất cả thế giới của chư Phật đều có thể tùy tâm nhớ nghĩ, hiện thân khắp chốn. Vì sao? Vì tất cả các pháp đều như huyễn. Nên biết như vậy.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói với Đồng tử Văn-thù-sư-lợi:

– Nay Văn-thù-sư-lợi! Như chư Như Lai xuất hiện ở đời nghe pháp môn này cũng như vậy. Như người chứng quả Tu-đà-hoàn nghe pháp môn này cũng như vậy. Như người chứng quả Tư-đà-hàm nghe pháp môn này cũng như vậy. Như người chứng quả A-na-hàm nghe pháp môn này cũng như vậy. Như người chứng quả A-la-hán nghe pháp môn này cũng như vậy. Người nghe pháp môn này sinh tâm tin hiểu, như người tu hành ngồi nơi cõi Bồ-đề nghe pháp môn này cũng như vậy.

Đồng tử Văn-thù-sư-lợi thưa:

– Đúng vậy, bạch Thế Tôn! Như không không khác, như vô tướng không khác, như vô nguyện

không khác, như chân như không khác, như pháp giới không khác, như thật tế không khác, như bình đẳng không khác, như giải thoát không khác, như xa lìa không khác.

Đồng tử Văn-thù-sư-lợi lại thưa:

– Bạch Thế Tôn! Vào thời kỳ mạt pháp sau năm mươi năm, ngưỡng mong Thế Tôn hộ trì pháp môn này được lưu hành khắp cõi Diêm-phù-đề, khiến cho các thiện nam, thiện nữ đều được nghe biết.

Khi ấy, trong tam thiên đại thiên thế giới, tất cả các thứ âm nhạc ở cõi trời, cõi người đều vang lên, hết thảy cây cỏ đều sum suê tươi tốt, trăm hoa đua nhau nở, cả Tam thiên đại thiên thế giới đều chấn động, phóng ra ánh sáng lớn chiếu khắp mọi nơi chốn, khiến ánh sáng mặt trời, mặt trăng đều bị che lấp, không thể thấy được. Sáu mươi bốn ức trăm ngàn chư Thiên đều vô cùng vui mừng, sinh tâm cho là ít có, trụ nơi không trung, tuôn vô số hoa thơm cùng hương bột, hương xoa rơi xuống như mưa, trống trời cùng âm nhạc trỗi lên, tất cả chư Thiên đều chấp tay đồng thanh xưng:

– Hay thay! Đã diễn nói pháp tôi thắng vi diệu đặc biệt. Nay Đồng tử Văn-thù-sư-lợi thuyết giảng pháp môn ấy, chúng tôi được lãnh hội, sau được sinh vào loài người ở thế giới này, lại được thấy chuyển pháp luân. Hoặc có chúng sinh nào nghe pháp môn này, sinh tâm tin hiểu, không kinh hoàng

sợ hãi, nên biết người đó đã có công đức không phải là nhỏ. Hoặc có chúng sinh nào đã từng cúng dường chư Phật quá khứ, vừa được nghe pháp môn thâm diệu này liền không kinh hoàng, sợ hãi.

Đồng tử Văn-thù-sư-lợi thưa Phật:

– Bạch Thế Tôn! Nay có những hiện tượng này, tức biết vào thời hậu thế sau năm mươi năm, pháp môn này được lưu hành khắp cõi Diêm-phù-đề sẽ còn mãi không diệt.

Đức Phật nói:

– Đúng vậy! Đúng vậy! Văn-thù-sư-lợi! Nay có các hiện tượng ấy thì biết được pháp môn này sẽ còn mãi không diệt.

Văn-thù-sư-lợi thưa:

– Đúng vậy, thưa Thế Tôn! Phải nên hộ trì để pháp môn này trụ lâu ở thế gian.

Đức Phật dạy:

– Văn-thù-sư-lợi! Nếu ba môn giải thoát, chúng đấng Niết-bàn là lời chân thật thì vào đời mạt pháp sau năm mươi năm, pháp môn này được lưu hành khắp cõi Diêm-phù-đề, cũng là lời chân thật.

Văn-thù-sư-lợi thưa:

– Thế Tôn giảng nói chẳng ngã, chẳng chúng sinh, chẳng mạng, chẳng nhân, chẳng ma na bà, chẳng nhiễm, chẳng tịnh là lời chân thật, thì vào đời mạt pháp sau năm mươi năm, pháp môn này được lưu hành khắp cõi Diêm-phù-đề, cũng là lời

chân thật. Thế Tôn thuyết giảng chẳng tham, sân, si, chẳng danh, chẳng sắc, chẳng nhân, chẳng kiến, chẳng hữu, chẳng hữu thức, chẳng thân, chẳng thân ký, chẳng tâm, chẳng tâm ký, chẳng ức, chẳng ức niệm, chẳng xứ, chẳng xứ hành, chẳng sắc, chẳng thọ, chẳng tưởng, chẳng hành, chẳng thức, chẳng nhãn, chẳng sắc, chẳng nhĩ, chẳng thanh, chẳng tỷ, chẳng hương, chẳng thiệt, chẳng vị, chẳng thân, chẳng xúc, chẳng ý, chẳng pháp, chẳng Dục giới, chẳng Sắc giới, chẳng Vô sắc giới, chẳng đoạn, chẳng thường là lời chân thật thì vào đời mạt pháp sau năm mươi năm, pháp môn này được lưu hành khắp cõi Diêm-phù-đề, cũng là lời chân thật.

Thế Tôn giảng nói chẳng Tu-đà-hoàn, chẳng quả Tu-đà-hoàn, chẳng Tu-đà-hàm, chẳng quả Tu-đà-hàm, chẳng A-na-hàm, chẳng quả A-na-hàm, chẳng A-la-hán, chẳng quả A-la-hán, chẳng Phật-bích-chi, chẳng pháp Phật-bích-chi, chẳng Như Lai, chẳng pháp Như Lai, chẳng lực, chẳng vô úy, chẳng tướng, chẳng thức, chẳng không, chẳng vô tướng, chẳng vô nguyện, chẳng vô dục, chẳng bản tánh, chẳng đắc, chẳng chứng, chẳng tập, chẳng minh, chẳng giải thoát, chẳng bỉ ngạn, chẳng trung gian, chẳng thử ngạn, chẳng Niết-bàn, chẳng danh, chẳng vô ký là lời chân thật, thì vào đời mạt pháp sau năm mươi năm, pháp môn này được lưu hành khắp cõi Diêm-phù-đề, cũng là lời chân thật.

Thế Tôn thuyết giảng thật không có người

tương ưng, chẳng tương ưng, không hợp, không tan, là lời chân thật, thì vào đời mạt pháp sau năm mươi năm, pháp môn này được lưu hành khắp cõi Diêm-phù-đề, cũng là lời chân thật.

Bạch Thế Tôn! Đức Như Lai Ứng Chánh Biến Tri thời quá khứ đã nói không có một pháp nào làm cho chúng sinh được giải thoát, không chúng đắc Niết-bàn, chẳng có chúng sinh, chẳng có pháp sinh, chẳng có pháp diệt, chẳng mất, chẳng động. Như quá khứ đã nói, vị lai, hiện tại cũng đều nói như vậy, là lời chân thật, thì vào đời mạt pháp sau năm mươi năm, pháp môn này được lưu hành khắp cõi Diêm-phù-đề, cũng là lời chân thật.

Bạch Thế Tôn! Đức Như Lai giảng nói trong pháp này không có một pháp nào để nói, chẳng lời, chẳng nói, chẳng nói bằng lời, chẳng nói rõ ràng, chẳng nói vào thời gian sau, chẳng nói vào lúc hiện tại, chẳng nghe nói bằng tiếng vang, chẳng luôn luôn nói, chẳng nói pháp ấy, cho đến không nói tới một chữ, không nói pháp ấy, hiện tại không có người nghe, vị lai không có người nghe, không có người được giải thoát, là lời chân thật, thì vào đời mạt pháp sau năm mươi năm, pháp môn này được lưu hành khắp cõi Diêm-phù-đề, cũng là lời chân thật.

Đức Thế Tôn giảng nói giới này chẳng phải là giới, chẳng quả phải là của giới, chẳng Tam-muội, chẳng Tam-muội xứ, chẳng bát nhã, chẳng căn trí

bát nhã, chẳng giải thoát, chẳng trí giải thoát, là lời chân thật, thì vào đời mạt pháp sau năm mươi năm, pháp môn này được lưu hành khắp cõi Diêm-phù-đề, cũng là lời chân thật.

Đức Thế Tôn giảng nói trong pháp Bồ-tát, chẳng xả bỏ bố thí, chẳng giữ gìn giới, chẳng tu tập nhẫn, chẳng phát tinh tấn, chẳng thiền định, chẳng hành Bát nhã, chẳng cầu Bồ-đề, chẳng thật hành chuyển, chẳng đắc Bồ-đề, chẳng đắc lực, chẳng đắc vô úy, chẳng căn, chẳng chánh, chẳng chuyển pháp luân, chẳng giải thoát chúng sinh, chẳng nói bằng lời nói, là lời chân thật, thì vào đời mạt pháp sau năm mươi năm, pháp môn này được lưu hành khắp cõi Diêm-phù-đề, cũng là lời chân thật.

Khi thuyết giảng pháp này, tam thiên đại thiên thế giới chấn động đủ sáu cách.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Di-lặc thưa Phật:

– Bạch Thế Tôn! Do nhân duyên gì mà thế giới này chấn động mạnh như vậy?

Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Di-lặc:

– Nay Di-lặc! Ông nay chớ hỏi như vậy, vì chúng sinh ít lòng tin nghe được thì không tin hiểu, lại sinh tâm sợ hãi.

Đại Bồ-tát Di-lặc thưa Phật:

– Bạch Thế Tôn! Nếu Thế Tôn nói rõ thì sẽ khiến cho nhiều người có được năng lực, tạo nhiều lợi ích an ổn cho hàng trời và người.

Đức Phật nói:

– Nay Di-lặc! Quá khứ có bảy mươi bốn ức na-do-tha trăm ngàn chư Phật thuyết giảng pháp môn này, ngay nơi đây lại có Đồng tử Văn-thù-sư-lợi và Thiên tử Thiên Trụ Ý cùng nhau vấn đáp, luận nghị.

Đại Bồ-tát Di-lặc thưa Phật:

– Bạch Thế Tôn! Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi và Thiên tử Thiên Trụ Ý cùng lãnh hội pháp môn này đã lâu như thế, vậy nghe pháp môn ấy ở nơi Đức Phật nào?

Đức Phật bảo:

– Nay Di-lặc! Về thời quá khứ cách đây bảy a-tăng-kỳ trăm ngàn kiếp, có Đức Phật xuất thế, hiệu là Phổ Hoa Sư Tử Du Bộ Thắng Công Đức Tập Như Lai Ứng Chánh Biến Tri, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi và Thiên tử Thiên Trụ Ý nghe pháp môn này từ nơi Đức Phật ấy.

Lúc thuyết giảng pháp này, có Hằng hà sa số chúng sinh phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, lại có vô số người nhiều gấp bội, chứng đắc nhãn không thoái chuyển, lại có vô số người nhiều gấp bội nữa, đạt được pháp nhãn là mọi cầu uế.

Khi Đức Thế Tôn thuyết giảng pháp môn này rồi, chư Tỳ-kheo, Đồng tử Văn-thù-sư-lợi và Thiên tử Thiên Trụ Ý cùng chư Thiên, nhân, A-tu-la, Càn-thát-bà v.v... nghe Phật thuyết giảng đều rất

hoan hỷ.



SỐ 342

KINH NHƯ HUYỄN TAM MUỘI

Hán dịch: Đời Tây Tấn, Tam tạng Pháp sư Trúc Pháp Hộ, người nước Nguyệt Chi.

QUYỂN THƯỢNG

Nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật du hóa tại núi Linh Thứu, thuộc thành Vương-xá, cùng với sáu vạn hai ngàn vị Tỳ-kheo, tất cả đều là bậc Trưởng lão đã đạt trí tuệ thần thông. Bốn vạn hai ngàn vị Bồ-tát đều cùng hạng với Đồng Chân Phổ Thủ (Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi). Tên của những vị đó là: Bồ-tát Sư Tử Anh, Bồ-tát Từ Thị, Bồ-tát Quang Thế Âm, Bồ-tát Đắc Đại Thế, Bồ-tát Biện Tích, Bồ-tát Kiến Lập Viên, Bồ-tát Sơn Đỉnh, Bồ-tát Sơn Tràng, Bồ-tát Vô Động, Bồ-tát Thiện Tư Nghị, Bồ-tát Sở Tư Nghị, Bồ-tát Tâm Dũng, Bồ-tát Tâm Chí, Bồ-tát Thiện Tâm, Bồ-tát Châu Tích, Bồ-tát Thạch Ma Vương, Bồ-tát Bảo Chưởng, Bồ-tát Bảo Ấn Thủ, Bồ-tát Thường Cử Thủ, Bồ-tát Thường Hạ Thủ, Bồ-tát Thường Tinh Tấn, Bồ-tát Ngự Chúng, Bồ-tát Độc Tấn, Bồ-tát Trụ Ngôn Hành Tương Ứng, Bồ-tát Siêu Nguyện, Bồ-tát Lập Báo Đáp, Bồ-tát

Đẳng Tư, Bề-tát Khí Chư Ác Thú, Bề-tát Độ Vô
 Lượng, Bề-tát Độ Vô Động, Bề-tát Hư Không
 Tạng, Bề-tát Thường Ý, Bề-tát Trì Ý, Bề-tát Tăng
 Ý, Bề-tát Thuật Tường, Bề-tát Cháp Tụng, Bề-tát
 Nguyệt Quang, Bề-tát Nguyệt Anh, Bề-tát Quang
 Anh, Bề-tát Quang Thủ, Bề-tát Hoàn Nhã Can
 Quang, Bề-tát Sư Tử Bộ Lôi Âm, Bề-tát Biện Vô
 Ngại, Bề-tát Diệu Biện, Bề-tát Ứng Biện, Bề-tát
 Độ Ý, Bề-tát Hiện Nhật Nguyệt Quang, Bề-tát
 Không Vô, Bề-tát Chất Du, Bề-tát Thường Tiểu,
 Bề-tát Căn Hỷ, Bề-tát Trừ Chư Cái, Bề-tát Chuyển
 Nữ, Bề-tát Chuyển Nam, Bề-tát Chuyển Thai, Bề-
 tát Bị Đức Khải, Bề-tát Đại Tuệ, Bề-tát Quang
 Diễm, Bề-tát Chiếu Minh, Bề-tát Vô Thọ, Bề-tát
 Thọ Âm Vương, Bề-tát Thâm Tạng, Bề-tát Chúng
 Hương Thủ, cùng tám vị Chánh sĩ giải thoát hội
 đủ. Lại có Tứ Thiên vương, Thiên Đế thích, Phạm
 Nhân vương cùng với các vị vua trời khác gồm sáu
 vạn người đông đủ. Các Thiên tử Tu Thâm, Thiên
 tử Thiện Trụ Ý, trời Đại Thần Diệu, Thiện Ý, Đại
 Lạc, các vị vua trời như vậy gồm ba vạn người đều
 dốc cầu Đại thừa. A-tu-luân Yển Cư cùng với hai
 vạn ức A-tu-luân, chúa rồng biển cùng với sáu vạn
 chúng rồng từ biển hiện lên, cõi này và phương
 khác có vô số các chúng trời, rồng, quỷ thần, A-tu-
 luân, Ca-lưu-la, Chân-đà-la, Ma-hưu-lặc, hàng
 trăm ngàn ức Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, chúng cư sĩ
 nam, nữ không thể tính kể đều hội đủ, tất cả cùng

vây quanh, Đức Phật từ bi vì họ mà thuyết pháp.

Bấy giờ, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi an tọa tự tại một mình trong thiên thất, nhập Tam-muội chánh thọ “Không, vô tâm, lìa tâm” rồi từ Tam-muội đứng dậy, hiện bày sự an ổn làm chấn động khắp vô lượng cõi Phật nơi mười phương. Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi tự suy nghĩ: Như Lai Chí Chân bình đẳng giác, hiện đang an trụ nơi pháp hội, đối với việc mong cầu của thế gian thật khó đạt được, như hoa Linh Thụy lâu ngày mới nở một lần. Sự thị hiện của Phật rất khó gặp, chẳng phải là tâm tư duy, chẳng thể dùng lời nói để diễn tả được, thâm diệu, siêu việt không gì sánh bằng. Đức Phật thị hiện ở đời hoàn toàn không hư dối, nhờ đây các chúng sinh được nghe pháp, nghe kinh điển chưa từng luống phí. Những chúng sinh như vậy đã diệt trừ được khổ đau, những pháp chân chánh ấy đều tạo được lợi ích. Hôm nay con đến chỗ Như Lai đúng thời sẽ thừa hỏi, tùy theo sự chất vấn đó khiến cho chúng sinh có được đầy đủ các gốc công đức. Giả sử có người tu học thừa Bồ-tát thì không còn nghi, lầm về pháp Phật vi diệu sâu xa, thông suốt nghĩa lý của đạo, che lấp cung điện của các ma. Những loài chúng sinh ở trong thế giới Kham Nhẫn này do tham, sân, si dấy khởi mạnh nên hay xa lìa pháp thanh tịnh, chỉ thực hành điều vô nghĩa, ngu tối giận dữ, tâm thường kiêu mạn, không cung kính. Do tạo nghiệp ác nên sự tu tập bị sai lầm, quên mất

pháp Phật. Nay chúng sinh nếu được nghe pháp này sẽ khiến họ đạt được tuệ nhãn thanh tịnh.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi lại suy nghĩ: Ta nên đến thế giới của chư Phật khắp mười phương, cung thỉnh vô lượng trăm ngàn Bồ-tát tập hợp lại để lãnh thọ kinh điển của Đức Phật, tất đại chúng đều chúng được pháp nhãn sâu xa ấy.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi từ Tam-muội Ly cầu quang nghiêm tịnh đạt được chánh thọ, vào Tam-muội rồi, phát ra ánh sáng chiếu khắp ức hằng sa thế giới chư Phật ở phương Đông, soi khắp mọi nơi, đều được thấm nhuần, hòa dịu, dứt trừ cấu uế, sáng chói rực rỡ. Ánh sáng thanh tịnh ấy lại chiếu đến bốn phương Đông, Tây, Nam, Bắc, bốn hướng, trên, dưới nơi cõi Phật khắp mười phương, soi đến những nơi chưa từng được có ánh sáng, ở các chốn tối tăm mù mịt, những vùng núi đá, tường vách, hoa lá, cây cỏ, núi Thiết Vi, núi Đại Thiết Vi, núi Mục-lân, núi Đại-mục-lân, núi Tuyết và núi Tu-di, tất cả đều được soi sáng. Ánh sáng chiếu tỏa khắp không hề bị che khuất, chướng ngại.

Bấy giờ, thế giới chư Phật ở khắp mười phương, mỗi mỗi hằng hà sa ức cõi Phật, chư Phật Thế Tôn đều hiện đang thuyết pháp. Mỗi vị thị giả của chư Phật ở các cõi này đều thưa hỏi chư Phật của mình:

– Do nhân duyên gì bỗng nhiên có ánh sáng lớn

chiếu khắp thế giới, từ xưa đến nay chưa từng thấy nghe, ánh sáng này xuyên sâu và hòa dịu không bị che khuất. Hôm nay ánh sáng của chư Phật làm cho chúng con an ổn, tâm ý thanh tịnh, mọi cấu uế được nhỏ sạch không còn lỗi lầm, lại không khởi dâm nộ si. Điềm lành đã hiển hiện là Thánh chỉ của ai, khiến ánh sáng rực rỡ càng tăng thêm.

Chư Phật Thế Tôn thấy thị giả thưa hỏi vẫn im lặng không đáp. Thế giới đó có âm thanh của chúng trời, rồng, quỷ thần, A-tu-luân, Ca-lâu-la, chim cánh vàng, Càn-đạp-hòa, người, phi nhân, âm thanh của loài chim bay, nai chạy, gió, mưa, nước trong biển lớn, kỹ nhạc các loại, tất cả những thứ tiếng đó do oai thần của Phật nên đều lặng yên, không vang ra, hết thấy mọi tiếng vọng cũng đều vắng bật nên các vị thị giả đã thưa thỉnh đến ba lần:

Bạch Thế Tôn! Nguyên xin thuyết giảng vì người thế gian và chư Thiên luôn được thương xót, luôn khiến được an ổn, luôn được nhớ nghĩ, là do oai thần của ai mà xuất hiện những âm thanh đó cùng ánh sáng chiếu khắp cõi Phật?

Khi ấy, chư Phật ở ức hằng sa số cõi từ mỗi quốc độ đồng thời với một âm thanh được tập hợp chung, hòa dịu, rõ ràng, đều từ một Đức Phật phát khởi bao nhiêu lời giảng dạy vang ra như vậy, cùng lúc bảo các thị giả: Chư Phật Thế Tôn đã thuyết giảng khiến tất cả cõi Phật đều chấn động, trăm ngàn âm nhạc không tấu nhưng tự vang lên, chư

Thiên, loài người, A-tu-luân đều vui mừng. Âm thanh đó cũng thuyết giảng về vô thường, khổ, không, vô ngã, không, vô tướng, vô nguyện, hư không. Âm thanh đó hiện bày không có nguồn gốc, không có giới hạn, trừ bỏ dâm nộ si, vượt khỏi ba cõi, luôn suy xét kỹ âm thanh của bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ. Âm thanh của luôn biết hổ thẹn. Âm thanh của từ, bi, hỷ, xả. Âm thanh luôn tu tập, thực hành, không phóng dật. Bao nhiêu âm thanh như vậy luôn phát ra trăm ngàn tiếng nói về nghĩa pháp. Khi thuyết giảng pháp ấy khiến cho vô lượng vô số ức trăm ngàn người không thể tính kể, vững chắc trong chánh pháp, không còn thoái chuyển, tâm nguyện mong cầu nơi đạo Chánh chân. Pháp giáo hóa cho hàng Thanh văn, Duyên giác và những vị Đế Thích, Phạm vương, Chuyển luân Thánh vương cũng vậy.

Lúc này, chư Phật bảo các thị giả:

– Này các thiện nam! Các ông hãy yên lặng. Đây chẳng phải là quả vị Thanh văn, Duyên giác có thể đạt tới. Trời, A-tu-luân, Người nghe điều này đều hoảng sợ. Nhưng các Đức Như Lai tán thán về ánh sáng hiện bày công đức ấy là không thể nghĩ bàn, nơi tích tập công đức ấy là không thể suy xét, việc tu học tinh tấn, đạt trí tuệ nên mới hiện ra tất cả ánh sáng ấy một cách trọn vẹn. Nếu ở trong một kiếp hay hơn một kiếp tán dương về ánh sáng đó cũng không thể nói hết cội nguồn cùng

biên vực của nó. Ánh sáng chói lọi này phát sinh từ tâm từ bi lớn rộng như vậy.

Các vị thị giả của chư Phật được nghe sự tán thán như thế càng tăng thêm tâm khao khát. Lại bạch Phật:

– Kính xin chư Đại Thánh đúng thời thuyết giảng về sự nhớ nghĩ, luôn tạo an ổn, xót thương đối với chư Thiên cùng với loài người trong mười phương và chúng Bồ-tát tu học Đại thừa, khiến họ thành tựu mọi công đức nơi căn lành.

Chư Phật bảo các thị giả:

– Nay các thiện nam! Có một thế giới gọi là cõi Nhẫn, ở đó có vị Phật tên là Thích Ca Văn gồm đủ mười tôn hiệu: Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn, thị hiện ở đời năm trước hỗn loạn. Chúng sinh ở cõi ấy dâm nộ si luôn tăng trưởng, kiêu mạn, ít cung kính, xả bỏ tâm thanh tịnh và công đức nên xa lìa hổ thẹn, nhiều mê lầm nên thường tạo các nghiệp ác. Các loại chúng sinh ấy do ngu tối mê mờ, tạo tập các hạnh ác, Đức Phật kia đã sinh vào cõi ấy để hóa độ chúng sinh, đạt được quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đã vì họ mà thuyết giảng kinh pháp. Cõi đó có vị Bồ-tát hiệu là Văn-thù-sư-lợi, uy lực dũng mãnh, trí tuệ rộng lớn, tinh tấn vượt bậc, thần thông biến

hóa không ai sánh kịp, khai thị, giáo hóa cho các Bồ-tát khiến họ hội nhập vào công đức lớn của Đại thừa, làm cha mẹ của các Bồ-tát, biết đúng thời thuyết pháp, trí tuệ vô biên, phân biệt câu nghĩa, biện tài vô ngại, độ thoát muôn người đạt đến bờ kia, chứng đắc Tổng trì, thấu tỏ nguồn gốc của các chúng sinh, từ sự nhận thức rõ ràng nên lưu truyền khắp nơi, công đức không thể nghĩ bàn. Các ông hãy đến thưa hỏi Đức Như Lai Chí Chân, sẽ biết được các hạnh nghiệp, khiến các Bồ-tát thành tựu những công đức căn bản, đến gặp các Bồ-tát ấy khiến cho các ông biết rõ hoàn toàn các pháp của Phật. Này thiện nam! Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi thỉnh các Bồ-tát nghe thuyết giảng pháp vi diệu, nên phóng ra hào quang làm cho vô lượng vô số ức Bồ-tát khắp mười phương đều hội đủ, để họ được thọ nhận pháp nêu giảng của Phật. Vì thế, Bồ-tát ấy đã thị hiện, phóng ra hào quang chiếu soi tới khắp các cõi Phật. Vị thị giả thưa:

– Định - Tam-muội này gọi là gì?

Phật dạy:

– Gọi là Tam-muội Ly cấu quang trang nghiêm. Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi tâm an trú trong định này nên thị hiện thân thông vĩ đại, hào quang vi diệu tỏa chiếu xa rộng như thế.

Các vị thị giả lại bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Chúng con từ xưa đến nay

chưa từng thấy hình tượng như vậy. Âm thanh hòa nhã thanh tịnh, hào quang, tiếng vọng vi diệu. Vì nhân duyên ấy nên đã đem hết tâm từ bi, tùy thời phóng ra hào quang. Lành thay! Đạo đức thù thắng siêu việt không thể nghĩ bàn, làm cho mọi người đều vui mừng, hoan hỷ hết mực như thế.

Đức Phật bảo:

– Này thiện nam! Đúng vậy!

Khi ấy, các cõi liền rung động, hiện bày ánh sáng rực rỡ, tập hội các chúng Bồ-tát để tuyên giảng kinh điển và khai thị đạo lớn.

Bảy giờ, mười phương vô số khó tính kể, không thể nghĩ bàn, tám phương, trên dưới mỗi mỗi phía có cõi nước chư Phật nhiều như cát của ngàn ức sông Hằng, mỗi cõi có vô lượng không thể nghĩ bàn các chúng Bồ-tát đều đi đến chỗ Phật, đánh lễ ngang chân Phật và bạch:

– Bạch Thế Tôn! Nguyện xin Đại Thánh chỉ bày, đây là ánh sáng gì mà từ xưa đến nay chúng con chưa từng thấy, nghe? Đây là ánh sáng ứng hiện về điềm lành gì?

Đức Phật bảo các Bồ-tát:

– Này Tộc tánh tử! Ở thế giới tên Nhẫn, có Đức Phật hiệu là Thích Ca Văn Như Lai Chí Chân Chánh Đẳng Giác, hiện đang thuyết pháp. Cõi đó có vị Bồ-tát tên là Phổ Thủ (Văn-thù-sư-lợi) đang phóng ra ánh sáng rực rỡ tên là “Thỉnh các Bồ-tát

đều tập hội”. Đây là điềm lành ứng hiện.

Các Bồ-tát đều bạch Phật:

– Chúng con muốn đến cõi Nhẫn để được diện kiến Đức Năng Nhân Như Lai Chí Chân, đánh lễ, thưa hỏi, lãnh thọ những điều được nêu giảng và cũng muốn gởi gửi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi cùng các vị Bồ-tát khác.

Đức Phật ấy bảo:

– Nay thiện nam! Nay chính là đúng lúc.

Bấy giờ, vô số Bồ-tát không thể nghĩ bàn ở mười phương, ức trăm ngàn triệu nhiều như số vi trần, chỉ trong khoảng thời gian nhanh như tráng sĩ co duỗi cánh tay, mỗi mỗi vị bỗng nhiên biến mất khỏi cõi nước của các Đức Phật mình và xuất hiện ở cõi Nhẫn. Ở đó, các vị Bồ-tát liền mưa xuống các loại hoa đến nơi chỗ Đức Phật. Hoặc mưa vô số các loại hương hoa xen lẫn, các loại hương bột, các loại hoa sen màu xanh, hồng, vàng, trắng, hoa Tín thoát tư di, Ngô đồng tu man, hoa Nhu nhuyến, Đại nhu nhuyến, hoa Phổ niệm, Đại phổ niệm âm, hoa Nguyệt đại nguyệt, Duyệt lạc nguyệt. Mưa xuống ngàn ấy loại hoa như vậy xong, chư vị Bồ-tát đều đem dâng lên cúng dường Đức Phật. Hoặc có Bồ-tát dùng một âm vang bảo khắp ba ngàn đại thiên thế giới, tán thán công đức vô lượng của Như Lai rồi đến nơi Đức Phật. Hoặc quyến thuộc của Đế thích, hoặc tùy tùng của Phạm thiên, hoặc các

thuộc hạ của Tứ Thiên vương, hoặc như các bộ chúng trời, rồng, quỷ thần, Càn-đạp-hòa, ngọc nữ v.v... đều tạo ra đủ các loại âm nhạc cùng các thứ liên hệ. Ngàn ấy các loại biến hóa thù thắng, đặc biệt, khác lạ đều đem đến chỗ Đức Phật. Vừa đến phía trước thì các cõi địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh trong ba ngàn đại thiên nơi thế giới Nhân này đều được tiêu trừ, hoàn toàn không còn các hoạn nạn, vô cùng an lạc, đều là sự cảm hóa từ oai thần các Bồ-tát. Các chúng Bồ-tát này, là trăm ngàn ức số, nhiều không thể nào tính kể lường xét cùng đến bên Đức Phật Thích Ca Văn, đánh lễ nơi chân Ngài, nhiễu quanh ba vòng, rồi trụ trên hư không, nhập Tam-muội Ý phổ thân hành chánh thọ, tự nhiên hiện ra hoa sen rộng bảy tầm với rất nhiều màu sắc, các Bồ-tát liền bay lên, ngồi kiết già trên đó.

Bấy giờ, Trưởng lão Đại Ca-diếp liền từ chỗ ngồi đứng dậy, mặc áo bày vai phải, đầu gối quỳ sát đất, chấp tay nói kệ tán thán Đức Phật:

*Nếu ban trọn niềm vui
 Các công đức lià cầu
 Vượt chúng sinh mười phương
 Được tâm tịnh, thanh thoát.
 Hiểu rõ các nẻo hành
 Gọi là không ai bằng
 Mở đạo dạy chúng con
 Vô lượng không nghĩ bàn.*

Thực hành pháp bố thí
 Giữ giới ức côi kiếp
 Hành hóa không gì sánh
 Ba côi dứt mọi chấp.
 Sức nhân nhục dưỡng mãnh
 Diệu lực ấy gồm mười
 Khó kịp, ưa công đức
 Vì con đoạn lưới nghi.
 Thấy chúng sinh khổ nạn
 Tu hành trọn suốt kiếp
 Chỗ hành không chán mệt
 Tinh tấn thêm vô lượng.
 Rộng thí, không ái nhiễm
 Nam, nữ và vợ con
 Sở hữu của đất nước
 Ban cho theo sở thích.
 Đoạn nghi ngờ về ngã
 Vốn thí xe, voi, ngựa
 Dầu, mắt, không trái ý
 Y phục ức triệu số.
 Những vật cần trang sức
 Năng Nhân cho ăn uống
 Thường thích việc bố thí
 Muốn hỏi về an trụ.
 Cắt thân thành từng đoạn
 Vì lìa cấu không sân
 Sức nhân bỏ các mạn
 Nguyên nói ý nghĩa này.

Tu tập về hạnh không
 Ý thường tư duy kỹ
 Công đức thí an lạc
 Hỏi về diệt phiền não.
 Đã đoạn tham dục, giận
 Chúng sinh bị tà kiến
 Hết ngu si tăm tối
 Không thích tưởng tôi, ta.
 Xả bỏ về các cõi
 Tu hành trăm ngàn kiếp
 Hiện bày nguồn gốc đạo
 Khiến con được trở về.
 Trí tuệ đến bờ kia
 Đang tu tập hạnh lành
 Hiểu rõ tưởng tôi, ta
 Thích tu tập pháp không.
 Không chấp vào người, vật
 Tâm thiện, không chỗ nương
 Thiên định không nghĩ bàn
 Trừ nghi, bỏ trần cấu.
 Thuở xưa tu tập hạnh
 Thí, giới, nhân, tinh tấn
 Vào thiên định, trí tuệ
 Hành từ không có hai.
 Phụng đức không thể kể
 Ví như nước biển rộng
 Dung mạo rất tươi đẹp
 Nguyên cứu giúp cho con.

*Xin quy mạng Thế Tôn
 Là cầu, không bỏ mất
 Chia thân thành từng đốt
 Quán thân thể không sắc.
 Ý tư duy đường đạo
 Giải quyết các lưới nghi
 Như núi không thể động
 An trú, không lưu luyến.
 Ở cõi trời hành thiên
 Không vướng các ngọc nữ
 Mọi nơi chốn đến, đi
 Chưa từng thấy ngăn che.
 Tánh tốt không đôi khác
 Miệng nói cũng như vậy
 Đức rộng như hư không
 Đánh lễ đáng Vô thượng.*

Trưởng lão Đại Ca-diếp dùng kệ tán thán Đức Phật xong, liền bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Nay do nhân duyên gì mà có ánh sáng lớn hiện ra khắp nơi, lại hiện bày thêm sự thù thắng vi diệu, khó đạt được, chưa từng có pháp như vậy?

Phật bảo Tôn giả Ca-diếp:

– Hãy dùng tâm chuyên chú để lãnh hội ý nghĩa ấy. Đó chẳng phải là cảnh giới của hàng Duyên giác và Thanh văn có thể đạt tới. Đối với chư Thiên và loài người còn ở trong mê lầm sẽ không bị rớt

loạn. Giả sử Như Lai trả lời sự thưa hỏi này thì những chúng sinh không hiểu biết sẽ chẳng rõ được chỗ hướng đến.

Tôn giả Ca-diếp lại thưa hỏi:

– Bạch Thế Tôn! Xin Ngài giảng thuyết về điều ấy, thể hiện nhiều sự thương xót, tạo nhiều an ổn, xin cứu giúp chư Thiên và loài người khắp mười phương.

Đức Phật bảo Tôn giả Ca-diếp:

– Hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ, Như Lai sẽ vì ông mà giảng nói.

Tôn giả Ca-diếp bạch Phật:

– Cúi xin Thế Tôn thuyết giảng, con muốn được nghe.

Phật bảo Tôn giả Ca-diếp:

– Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi có Tam-muội tên “Phổ quang ly cấu nghiêm tịnh”, dùng định ý ấy để hành chánh thọ, do đấy đã phóng ra ánh sáng này, chiếu đến cõi nước của chư Phật nhiều như số cát nơi vạn ức sông Hằng khắp mười phương. Trong mỗi mỗi cõi nước của chư Phật ở mọi nơi chốn đó có vô số, vô lượng không thể nghĩ bàn hàng trăm ngàn ức các chúng Bồ-tát, vì thấy được sự thỉnh mời từ ánh sáng ấy nên đều vân tập đến cõi Nhân này gần gũi bên Ta, đi quanh chỗ Phật ba vòng rồi phóng lên cao cách mặt đất bảy tầm, ở trong hư không hóa ra bao nhiêu là loại hoa sen đẹp, thân an tọa trên hoa

ấy.

Tôn giả Ca-diếp bạch Phật:

– Nhân nơi tâm ý của bậc Thánh nên mưa xuống các thứ hoa kia, trăm ngàn loại nhạc không tâu nhưng tự vang lên, tất cả chúng hội đều hiện ra màu vàng ròng chăng?

Đức Phật bảo:

– Này Tôn giả Ca-diếp! Đó là sự cảm ứng từ oai thần của Bồ-tát.

Tôn giả Ca-diếp lại thưa:

– Bạch Đại Thánh! Con hoàn toàn không thấy được chỗ an tọa của các chúng Bồ-tát.

Đức Phật bảo Tôn giả Ca-diếp:

– Tất cả các hàng Thanh văn, Duyên giác đều không thể thấy được. Vì sao? Vì chúng Thanh văn, Duyên giác ấy chưa từng ở các trụ xứ tu tập giống như vậy về hạnh đại từ, đại bi vô tận, thể hiện nghĩa không biên vực, các pháp bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, nhất tâm, trí tuệ cũng đều như vậy, tuân tu, chí tánh cũng không bằng Bồ-tát. Các Bồ-tát này đã nhập vào khắp các Tam-muội chánh thọ, mỗi mỗi đều thị hiện các thân tướng. Hình dáng của thân ấy, Thanh văn và Duyên giác không thể nhìn thấy, chỉ có Như Lai mới thấy rõ. Người nào đạt được định này mới có thể trông thấy. Nếu có Bồ-tát bắt đầu tu tập quả vị này ở trong Đại thừa thì Tộc tánh từ ấy hãy còn không thể thấy được,

huống gì là hàng Thanh văn và Duyên giác lẽ nào có thể thấy sao? Chưa từng có điều như thế.

Tôn giả Ca-diếp bạch Phật:

– Bồ-tát có mấy việc thông suốt hoàn toàn hạnh ấy? Dùng công đức gì để đạt được Tam-muội hội nhập khắp các thân?

Đức Phật bảo Tôn giả Ca-diếp:

– Bồ-tát có mười pháp để đạt được Tam-muội hội nhập khắp các thân. Những gì là mười để tâm tánh thanh tịnh và chỗ đến luôn thông đạt? Một là không bỏ tất cả chúng sinh. Hai là không chống trái, xa rời tâm đại bi vô tận. Ba là thường hiểu rõ sự vướng mắc của các tướng, tuyên giảng các pháp của chư Phật, tánh không vội vàng. Bốn là nếu thuyết giảng điều gì thì không khinh mạn, không nêu bày chỗ thiếu sót của hàng Thanh văn, Duyên giác, không yêu chuộng Thanh văn, Duyên giác, độc tâm học Đại thừa. Năm là bỏ thí tất cả vật hiện có mà không hối tiếc, xả bỏ sự tham chấp thân, mạng, huống gì là những việc khác tạo ích lợi cho mình. Sáu là cứu độ vô lượng nạn khổ sinh tử, tâm luôn nhớ nghĩ để hành trì tinh tấn. Bảy là tu tập bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, nhất tâm, trí tuệ không giới hạn, nhằm đạt đầy đủ các pháp Độ vô cực. Tám là đối với các pháp Độ vô cực cũng không có vọng tưởng. Chín là phải khuyên bảo tất cả chúng sinh khiến họ trụ trong pháp Phật, sau đó

mới đến an tọa nơi cội cây BỒ-đề. Mười là lại xem xét Phật đạo không còn có chúng sinh mê lầm. Đó là mười pháp, BỒ-tát cần thực hành để đạt được Tam-muội nhập vào các thân.

Tôn giả Ca-diếp bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn, thật là chưa từng có! Tất cả hàng Thanh văn, Duyên giác chưa thể phát hạnh nhất tâm. Giả sử tất cả chúng sinh đều trụ nơi quả vị A-la-hán hãy còn không thể sánh kịp huống gì là người còn đang tìm hiểu về tên gọi của Tam-muội này nơi các pháp Phật, sao có thể hành chánh thọ nơi pháp chưa nhận biết?

Tôn giả Ca-diếp lại bạch Phật:

– Con xin muốn được thấy các BỒ-tát ấy. Vì sao? Vì nếu được gần gũi, gặp gỡ những vị Chánh sĩ với những hình tướng hiện bày ấy là niềm vui lớn.

Phật bảo Tôn giả Ca-diếp:

– Hãy im lặng chờ đợi. Hiện nay BỒ-tát Văn-thù-sư-lợi và các BỒ-tát đang ra khỏi Tam-muội, sau đó ông sẽ đích thân gặp được những vị BỒ-tát ấy. Nay Tôn giả Ca-diếp! Giả sử bày ra trăm ngàn Tam-muội phương tiện để suy nghĩ, tìm cầu các BỒ-tát ấy thì cũng không thể biết về nơi chốn đến đi, oai nghi, phép tắc của các vị ấy được.

Bấy giờ, Tôn giả Ca-diếp nghe nói về ý nghĩa này, liền nương theo oai thần của Đức Phật, dùng

năng lực nơi thiên định và thần túc của mình, nhập vào hai vạn định để hành chánh thọ, lại càng phát ra ý muốn được thấy sự tu tập và oai nghi của các vị Bồ-tát ấy, do những điều gì mà không thể thấy được chỗ đến đi, không biết được sự lui tới, qua lại, đi đứng, kinh hành, ở đâu thuyết giảng, khai thị giáo hóa cho chúng sinh nơi cõi nào? Hoàn toàn vắng lặng không thể nhìn thấy. Tôn giả Ca-diếp bèn ra khỏi Tam-muội đến trước Đức Phật và bạch:

– Bạch Thế Tôn! Thật khó đạt đến được! Rất đáng ngạc nhiên. Vừa rồi, con đã nhập vào hai vạn Định để hành chánh thọ, cầu gặp các Bồ-tát mà không biết chỗ hiện trụ của các vị ấy, nên con chưa thành tựu được sự thấy biết rộng khắp và trí tuệ nơi các thần thông. Làm sao có thể đạt được định ý của Tam-muội tịch nhiên như vậy? Đúng thời nên đạt được Chánh chân Vô thượng Tối chánh giác không? Nếu thiện nam, thiện nữ thấy được sự biến đổi này mà không phát tâm đạo Chánh chân vô thượng chẳng? Kính thưa bậc Thiên Trung Thiên! Nếu có Bồ-tát cầu Tam-muội nhập vào khắp các thân này thì phải mặc áo giáp giới đức, tụng phát lời thề, tâm không xa rời định ý của Tam-muội ấy.

Đức Phật bảo Tôn giả Ca-diếp:

– Đúng vậy! Đúng vậy! Như lời ông đã nói, Tam-muội này chẳng phải là chỗ các hàng Thanh văn, Duyên giác có thể đạt đến, huống gì là những chúng sinh phàm phu khác!

Bấy giờ, Hiền giả Xá-lợi-phất tự suy nghĩ: “Nhu Lai đã khen ngợi ta là bậc nhất trong hàng trí tuệ. Ta có thể cầu biết chỗ đến đi của các Bồ-tát này là như thế nào?” Tôn giả Xá-lợi-phất liền nhập vào ba vạn Tam-muội để hành chánh thọ, quan sát các Bồ-tát ở nơi nào nhưng đều không thể thấy, cũng không thể biết hình tượng, ảnh hưởng và sự ứng hiện điềm lành của họ là những tướng mạo gì?

Tôn giả Tu-bồ-đề tự suy nghĩ: “Ta có thể tìm cầu xem các Bồ-tát ở nơi đâu?”. Bèn dùng sức Tam-muội, nương theo uy thần nơi Phật, nhập vào bốn vạn Tam-muội, thuận hành chánh thọ, muốn được thấy các Bồ-tát nhưng không thể thấy, không thể nhận biết chỗ ở, lui tới, đi đứng, kinh hành của các Bồ-tát. Tôn giả Tu-bồ-đề liền ra khỏi Tam-muội, đến trước Đức Phật, đánh lễ sát chân Ngài và thưa:

– Như Lai khen ngợi con là hành không bậc nhất nhưng con vẫn không thể đạt được định ý của Tam-muội ấy. Giả sử khiến cho ba ngàn thế giới tạo thành cái trống lớn, có vị trượng phu đi đến, sức lực dũng mãnh tột bậc, cầm lấy núi Tu-di, lúc này con đang an trụ trong Tam-muội và ngồi trước. Vị ấy dùng núi Tu-di để đánh trống lớn, suốt một kiếp không dừng nghỉ, cũng không thể làm cho tâm con loạn động. Thân thông về hành không của con rộng lớn như thế, tiếng trống vang khắp mười phương đều nghe, suốt một kiếp không chút ngừng

trễ còn không tạo được sự lay động, tiếng trống không hề đến nơi tai, lẽ nào có thể khiến con ra khỏi Tam-muội chẳng? Chưa từng có nghĩa ấy. Nẻo hành không của con luôn hiện bày thù thắng như vậy. Trái lại vừa rồi con đã nhập vào định ý của bốn vạn Tam-muội, tâm muốn quan sát các chúng Bồ-tát nhưng hoàn toàn không thể thấy được. Cúi xin Thế Tôn giảng nói về nguồn gốc tu tập của những vị ấy, ắt biết được trí tuệ của các Bồ-tát, đạo đức vượt cao lên trên mọi người, uy quang luôn rực rỡ. Như người trong hăng hà sa kiếp ở nơi địa ngục lớn bị thiêu đốt, nhẫn chịu khổ hoạn như thế để cầu đạo Bồ-tát, không xả bỏ, không xa rời trí tuệ rộng lớn chẳng thể nghĩ bàn, giả sử thân không đạt được lậu tận, ý chưa thông tỏ, nhưng ở trong vô số kiếp có thể nhẫn chịu lao khổ nơi chốn sinh tử, trọn không xa lìa, như vậy là sánh bằng với đại tuệ vô cực.

Bấy giờ, Đức Phật khen ngợi Tôn giả Tu-bồ-đề:

– Lành thay! Lành thay! Đúng như lời Tôn giả nói. Chí tánh ôn hòa nhân từ nên đã thừa hỏi lời này. Giả sử nay ông không dùng thân này để chọn lấy sự diệt độ, nhân nơi gốc công đức nhiều như số cát sông Hằng làm Chuyển luân vương, duy trì chánh pháp, thì sẽ thành tựu đạo quả Chánh chân vô thượng là bậc Tối Chánh Giác. Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Các loài chúng sinh trong ba ngàn đại thiên

thế giới là nhiều chăng?

Tôn giả Tu-bồ-đề thưa:

– Bạch đấng Thiên Trung Thiên! Rất nhiều, là hết sức nhiều.

Phật bảo:

– Khiến cho tất cả chúng sinh ấy đều đầy đủ trí tuệ như Tôn giả Xá-lợi-phất, đều đạt hành không bậc nhất như Tôn giả Tu-bồ-đề, như vậy, các đại Thanh văn với trăm ngàn ức số không thể xưng kể đó, nếu muốn được thấy những Bồ-tát này cũng không thể thấy được. Vì sao? Vì hàng Thanh văn và Duyên giác không tu tập theo giáo pháp ấy. Đối với nẻo tu trì hành hóa của những Bồ-tát, Đại sĩ thì chẳng phải là chỗ đạt đến của hàng Tiểu thừa.

Khi thuyết giảng pháp này, có tám vạn bốn ngàn chư Thiên và loài người đều phát tâm cầu đạt đạo quả Chánh chân vô thượng, ba ngàn đại thiên thế giới đều cùng chấn động mạnh. Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi ở tại chỗ của mình, tâm khởi suy nghĩ: “Nay các Bồ-tát đều đến hội lớn, số lượng ấy là vô số ức trăm ngàn, ta phải làm cho các hàng chư Thiên đều vân tập đông đủ”.

Bấy giờ, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi tức thì nhập vào Tam-muội chánh thọ Như kỳ tượng để thị hiện thần túc, liền như điều đã suy nghĩ, đúng thời hóa thành tám vạn bốn ngàn ức trăm ngàn số hoa sen báu màu hồng, lớn như lọng nơi xe, vàng ròng làm

cánh, bạc trắng làm cành, ngọc khô kỳ và các châu báu xa cừ làm hạt; cùng hóa ra các Bồ-tát đều an tọa trên đó, thân thể màu vàng ròng, đủ ba mươi hai tướng tốt, dáng vẻ oai nghiêm, thân thông hiện rõ. Lại nữa, ánh sáng của hoa sen và các vị Bồ-tát được hóa ra chiếu đến trời Tứ-vương, trời Đao-lợi, trời Diệm, trời Đâu-suất, trời Vô Kiêu Lạc, trời Hóa Tự Tại, trời Phạm, trời Đại Phạm, trời Phạm Ca Di, trời Phạm Mãn cho đến trời Nhất Thiện, rộng ra đến ba ngàn đại thiên thế giới, đến các cung điện hiện có của trời Dục Hành và trời Sắc Hành. Các vị Bồ-tát ngồi trên những hoa sen hiện bày khắp mười phương diễn xướng tiếng pháp, giáo hóa rất nhiều chúng sinh. Những Bồ-tát này cùng đạo khắp ba ngàn đại thiên thế giới, dùng kệ tán thán:

*Chư Phật vượt thời gian
 Lâu xa mới xuất hiện
 Ví như hoa Linh Thụy
 Còn khó gặp hơn nữa.
 Bạc Thích Sư Tử nhân
 Nay xuất hiện ở đời
 Khi thuyết giảng kinh điển
 Diệt hết tất cả khổ.
 Được an vui cõi Trời
 Đâu có thể còn mãi
 Trở lại đọa địa ngục
 Chịu thêm vô lượng khổ.*

Nếu hành theo tham dục
 Theo đó ái lớn mạnh
 Ba cõi không an lạc
 Chớ đến vực sinh tử.
 Người trí được sáng suốt
 Đức Phật khó gặp gỡ
 Buông lung không hiểu rõ
 Không thể diệt các hoạn.
 Nên đến gặp Chánh giác
 Vâng lãnh pháp Vô thượng
 Nhân Tôn diệt độ rồi
 Sẽ không còn buồn lo.
 Người giống ruồi phóng túng
 Có nạn của lưới ma
 Làm sao được giải thoát
 Mê lầm mất đường chánh.
 Người đời trước có phước
 Đáng được nói nghĩa này
 Phật quán nguồn gốc ấy
 Ba mươi hai tướng tốt.
 Người khác không chịu đựng
 Cũng không thể cứu giúp
 Chỉ có Phật - Thế Hùng
 Tâm từ không nghĩ bàn.
 Trăm ngàn kiếp tu hành
 Vô lượng không nghĩ bàn
 Tích lũy pháp bậc Thánh
 Thích Sư Tử vờ vợi.

Nay giảng pháp tốt bậc
 Nghĩa này rất khó đạt
 Chúng sinh không nắm bắt
 Không mạng cũng không nhân.
 Phải dứt bỏ chấp thường
 Đoạn diệt cũng như thế
 Bỏ tất cả các tướng
 Thuyết pháp cho chúng sinh.
 Chỉ bày bản tế thật
 Với đời không chỗ chấp
 Không ấy chẳng có tướng
 Không tạo ra các nguyên.
 Không hình, chẳng chỗ nương
 Chẳng sinh, không chỗ diệt
 Nơi đến không đâu đến
 Mắt sáng thuyết chánh pháp.
 Không tướng, không chỗ sinh
 Vốn thanh tịnh, không hình
 Chẳng thấy không điêm lành
 Không nhớ có thuyết pháp.
 Xét chúng sinh không sinh
 Cũng không có người chết
 Người vốn không chỗ sinh
 Cũng không có diệt độ.
 Dùng lời thuyết kinh pháp
 Pháp không nơi tích tụ
 Theo văn tự gọi pháp
 Pháp Đạo sư đã thuyết.

Pháp ấy không chấp gió
 Cũng không theo nước, lửa
 Không nhớ nghĩ về đất
 Sự khen ngợi mắt sáng.
 Sắc, thọ cùng với tướng
 Sinh tử hành cũng vậy
 Nói thực cũng là không
 Năm ấm không nơi chốn.
 Mắt, tai, mũi của mình
 Hoặc miệng và thân, ý
 Biết rõ thanh tịnh, không
 Không ấy chẳng nắm bắt.
 Sắc, thanh, vị, các hương
 Xúc, nơi ý ưa thích
 Từ nhớ nghĩ mà sinh
 Tướng cũng tự nhiên không.
 Cõi dục và cõi sắc
 Cõi vô sắc cũng thế
 Phân biệt giống như huyễn
 Không thật cũng không hình.
 Chánh giác vi diệu ấy
 Thuyết pháp cho nhân loại
 Diệt trừ các khổ hoạn
 Sẽ được đến đạo tràng.

Những Bồ-tát được hóa ra ở trong ba ngàn đại
 thiên thế giới nói kệ này xong, tất cả đều được
 nghe, có chín mươi sáu ức người ở cõi trời Dục
 Hành, trời Sắc Hành xa trần, lìa cầu đạt được pháp

nhân thanh tịnh; hai vạn người đều được lìa dục, các Thiên tử nơi cõi trời Ba Mươi Ba do đời trước có đầy đủ công đức, nên đạt được pháp nhân Vô sở tùng sinh. Ngay lúc ấy, các vị Bồ-tát được hóa ra đã có thể khuyến phát vô lượng ức trăm ngàn na thuật các Thiên tử, đi đến chỗ Đức Phật, đánh lễ nơi chân Ngài, đi quanh chỗ Phật ba vòng rồi đứng sang một bên, dùng hoa sen xanh, vàng, hồng, trắng của cõi trời và các hoa thiên ý rải lên bên trên Đức Phật, đốt các loại hương thơm quý, ở giữa hư không đánh trống trời và thổi các thứ âm nhạc. Các Thiên tử vân tập đến rất đông không thể tính đếm được, có mặt đầy khắp bốn phía của khu vực này. Phía Đông là cõi Phát-vu-đãi, phía Nam là cõi Diêm-phù-đề, phía Tây là châu Câu-da-ni, phía Bắc là châu Uất-đan-việt, không có một khoảng trống nào, cho dù một đầu gậy cũng không đặt được xuống đất. Các vị thiên nhân này, oai thần tôn quý, chí khí cao thượng, ở khắp bốn phương cõi, gom chứa những hương hoa, cao đến đầu gối.

Khi ấy, Thiên tử Thiện Trụ Ý, Danh Ly Cấu và Hoài Sĩ, những vị Thiên tử này cùng với chín mươi sáu ức các Thiên tử quyến thuộc, đều mong cầu pháp Đại thừa, cùng đi đến bên ngoài phòng của Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi. Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi ở trong phòng của mình, dùng các loại hoa để cúng dường Như Lai, làm cho nơi hư không khắp cõi Đại thiên đều có hoa đan xen qua lại với nhau.

Những loại hoa này tỏa ra ánh sáng chiếu đến khắp các cõi nước Phật. Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi tâm ý an ổn, hòa nhã, từ Tam-muội xuất, đi ra khỏi phòng mình, lùi đứng qua một bên, tự khảy móng tay, âm thanh ấy làm chấn động cả ba ngàn đại thiên thế giới đủ sáu cách. Tức thì ở dưới đất ấy vụt hiện ra tòa ngai cao lớn, vô số châu báu xen lẫn làm thành, không thể kể hết các thứ vải vóc phủ lên trên. Lại nữa, ánh sáng của tòa cao ấy vời vợi, chiếu đến những cảnh giới rộng lớn cách xa trăm ngàn do-tuần, che lấp ánh sáng của các Thiên tử. Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi liền ngai trên tòa ấy.

Bấy giờ, Thiên tử Thiện Trụ Ý đến nơi tòa ngai của Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, đánh lễ nơi chân Bồ-tát, rồi lui ra đứng một bên. Tất cả chư Thiên cũng làm như thế. Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi suy nghĩ: “Ta sẽ cùng với ai ở trước Đức Thế Tôn thưa hỏi để được giảng nghĩa, khiến thông suốt các dấu tích khó hiểu của câu chương, ứng hợp không thể nghĩ bàn, dấu tích không có sở hữu, dấu tích không chỗ chấp, dấu tích không chỗ bỏ, dấu tích không thể nắm bắt, dấu tích không chỗ nói, dấu tích của sự thâm diệu, dấu tích của chân đế; dấu tích của thành tín không có ngăn ngại, mê lầm; dấu tích không bị hủy hoại, dấu tích của không không, dấu tích của vô tướng, dấu tích không chỗ nguyện, dấu tích về vốn không, dấu tích đối với các pháp không có chỗ trụ, dấu tích giảng rộng giáo pháp một cách tận cùng, dấu tích

của bản tế, dấu tích của bậc thượng, dấu tích không có chỗ nhập vào, dấu tích của pháp giới, dấu tích không hình tượng, dấu tích không so sánh về chủng loại, dấu tích chứng hư không, dấu tích không có chỗ nâng lên, dấu tích không có chỗ hạ xuống, dấu tích theo giáo pháp của Phật, dấu tích đạt đến thánh chúng, dấu tích của trí tuệ đầy đủ, dấu tích ở trong ba cõi không ai bằng, dấu tích đối với tất cả pháp giảng thuyết không khởi chấp, dấu tích đối với đạo pháp không chỗ đạt đến; dấu tích của các Thích, Phạm; dấu tích tu tập một cách dũng mãnh, dấu tích đối với tất cả pháp không ngăn che, dấu tích của “cú, vô cú”, dấu tích vượt khỏi các “cú” nhằm vượt qua các ứng khí của hàng Thanh văn”. Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi lại suy nghĩ: “Thiên tử Thiện Trụ Ý, trong thời Đức Phật quá khứ đã tạo lập, tu hành, gieo trồng các công đức, nhập vào pháp nhãn sâu xa, biện tài thông suốt, nay sẽ cùng ta ở trước Đức Thế Tôn thưa hỏi, bàn luận”.

Khi ấy, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói với Thiên tử Thiện Trụ Ý:

– Nay Nhân giả! Nay ông đã nhập vào pháp nhãn sâu xa, tôi muốn cùng với Nhân giả bàn luận pháp Phật.

Thiên tử Thiện Trụ Ý thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

– Tôi sẽ cùng bàn luận với Nhân giả. Giả sử

không có ngôn thuyết, không lời bàn luận thì không ghi nhớ báo ứng. Nếu không thừa hỏi về pháp Phật, Thánh chúng thì không Thanh văn, không Duyên giác, không Phật đạo, không chung, thí, không sinh tử, không Niết-bàn, không thiện, chẳng phải không thiện, không tội, chẳng phải không tội, vô lậu, không vô lậu, không xuất hiện ở đời, không cứu đời, không hòa hợp, không phân tán, không giải bày, không mở ra, không diễn nói văn tự, không âm thanh.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói với Thiên tử Thiện Trụ Ý:

– Tôi đã giảng thuyết như vậy. Nếu Nhân giả không nghe, cũng không thích, không thọ trì, không đọc tụng, không nhớ, không biết, cũng không phân biệt, không lấy, không bỏ, cũng không chỗ vâng theo, không giảng cho người khác, không thuyết chánh pháp thì không làm cho chúng sinh ở nơi sinh tử đến chỗ diệt độ. Vì sao? Vì chư Phật Thế Tôn dùng không văn tự đạt được đạo Chánh chân vô thượng, làm bậc Tối Chánh Giác. Tuy nói có tâm tức là không có tâm, không hiện tôi, ta đó gọi là “vô xứ”.

Thiên tử Thiện Trụ Ý lại thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

– Nhân giả giảng thuyết tôi sẽ vâng lãnh lời dạy, xin Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đúng lúc ban bố

pháp, khiến cho tâm được vui mừng. Các vị Thiên tử muốn nghe Tôn giả diễn nêu chánh pháp, nói về bản tể.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bảo Thiên tử Thiện Trụ Ý:

– Pháp tôi đã thuyết giảng không nhằm để lắng nghe, không khiến được lãnh thọ. Vì sao? Vì người còn muốn nghe pháp tức là nhận thấy có tôi, ta, còn chấp nhân, thọ mạng nên muốn nghe pháp. Giả sử Thiên tử từ sự điên đảo nhận lấy sự hư dối, xét mình có ngã, tham thân, nối tiếp hữu, liền có niệm này: “Người kia nói thì ta nghe”. Nhân sự vương bận ấy nên có ba chướng ngại. Những gì là ba? Một là nhớ nghĩ điên đảo, chấp vào tôi, ta. Hai là không thuận theo giáo pháp vì xét có người khác. Ba là lãnh thọ pháp muốn có chỗ chứng đắc. Đó là ba chướng ngại. Giả sử Thiên tử không xét có tôi, ta, thanh tịnh nơi ba tràng mới gọi là nghe pháp, không tưởng báo, không tư niệm, không xem xét. Những gì gọi là ba tràng? Một là không “thủ đắc” nơi con người, cũng không có tưởng về quả báo. Hai là không có pháp, chẳng có chỗ mong cầu. Ba là không có tôi, ta, không có chỗ suy xét mền mọt. Nếu Thiên tử nghe được pháp như vậy, đó là bình đẳng nghe, không phải là nghe sai lầm.

Thiên tử Thiện Trụ Ý tán thán Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

– Lành thay! Lành thay! Lời BỒ-tát giảng nói thật thấu đạt! Chỗ trụ để thuyết giảng là không còn thoái chuyển.

BỒ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

– Hãy ngừng lại! Này Thiên tử! Chớ suy nghĩ về BỒ-tát thoái chuyển. Vì sao? Nếu có BỒ-tát khi thành tựu đạo quả Tối Chánh Giác thì cũng không chấp nơi sự chứng đạo.

Thiên tử lại hỏi:

– Tâm được kiên cố sao bị thoái chuyển?

BỒ-tát Văn-thù-sư-lợi trả lời:

– Tham dục, giận dữ, ngu si chuyển nên gọi là chuyển; là báo ứng chuyển; là sự chuyển của sáu mươi hai thứ tà kiến, nghi; sự chuyển của vô minh; sự chuyển của cõi dục, cõi sắc, cõi vô sắc; sự chuyển của quả vị Thanh văn, Duyên giác; sự chuyển của tương ưng và không tương ưng; là các ái, thủ, vọng tưởng bị chuyển; là sự chuyển của các xứ, tiến, thoái, vọng kiến; là các chấp thường, đoạn diệt bị chuyển; là sự chuyển của tiến, bất tiến, hợp, tan; là đối tượng bị chuyển của ngã, nhân, thọ mạng; là điều đáng vui mừng, mong cầu ưa thích bị chuyển; luôn có sự thanh tịnh, an ổn và điên đảo của thân ta bị chuyển. Đó là sự chuyển của các niệm chướng ngại. Sự chuyển của tham thân, các tập, các quán; sự chuyển của tham dục, sân hận, thù miên, hý luận, trạo, nghi, sáu mươi hai kiến

và các sự ngăn che mê tối; sự chuyển của các âm, các nhập, bốn đại; tướng chuyển về pháp Phật; tướng chấp cho chúng sẽ thành Phật nên gọi là thoái chuyển. Tôi sẽ thuyết pháp độ thoát chúng sinh, đạt được trí tuệ của bậc Thánh. Do đó, tướng chuyển giả sử được tu tập thì tướng về mười lục, mười tám pháp bất cộng của chư Phật, cũng tướng về căn, lực và bảy giác ý, chấp về tướng tốt, cũng lại vọng tướng về sự làm trang nghiêm, thanh tịnh cõi Phật để thành chúng Thanh văn, đó gọi là thoái chuyển. Tất cả pháp tương ưng, không tương ưng tướng cùng với không tướng, này Thiên tử! Giả sử Bồ-tát thực hành những pháp thoái chuyển ấy thì được không thoái chuyển.

Thiên tử hỏi:

– Sao gọi là không chuyển?

Đáp:

– Thông đạt trí tuệ của Phật tức là không thoái chuyển. Không, vô tướng, vô nguyện là không thoái chuyển. Đối với nguồn gốc không thực hành là không thoái chuyển. Đối với pháp giới hiểu rõ về bản thể của nó là không thoái chuyển. Vì sao? Vì dùng hạnh bình đẳng nên không thoái chuyển.

Thiên tử Thiện Trụ Ý lại hỏi:

– Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Như lời Nhân giả đã nói, giả sử đối với các pháp tương ưng không tương ưng, tướng và không tướng, chấp

trước nơi Phật đạo nên cùng với ma giống nhau. Vì sao? Vì chấp là có pháp.

Hỏi tiếp:

– BỒ-tát có thoái chuyển hay là không thoái chuyển chẳng?

BỒ-tát Văn-thù-sư-lợi trả lời:

– Không bị thoái chuyển và không thoái chuyển?

Hỏi tiếp:

– Sao bị thoái chuyển?

Trả lời:

– Đều do tất cả từ sự nhận lấy hư dối. Sự nhận lấy hư dối ấy là nhân nơi thọ. Nếu đối với các thọ, không nhận, không bỏ, không vì nhầm chán thì có thể tin thuận về tất cả các pháp, thuyết giảng kinh điển chẳng có, chẳng không, nói nêu cũng không trụ. Vì sao? Vì giả sử nhớ nghĩ lui sụt thì cái này có, cái này không tức bị rơi vào chỗ thiếu sót. Nếu nói có là chấp thường, nếu nói không giảng kinh pháp thì không nói đoạn diệt, không nêu bày thường, không tưởng về các pháp.

Khi thuyết giảng pháp này, có một vạn Thiên tử đạt được pháp nhãn Vô sở tùng sinh.

Bấy giờ, Thiên tử Thiện Trụ Ý nói với BỒ-tát Văn-thù-sư-lợi:

– Hãy cùng nhau đi đến chỗ Như Lai, để chiêm ngưỡng, đánh lễ và thưa hỏi những điều nghi vấn.

Vì sao? Vì Như Lai Chí Chân luôn đoạn trừ được những kiết sử, nghi ngờ.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi trả lời Thiên tử:

– Hãy chờ đợi giây lát, chớ có vọng tưởng.
 Ngay bây giờ sẽ gặp Như Lai.

Lại hỏi:

– Bây giờ chờ đợi điều gì?

Đáp:

– Nay đang ở trước mặt.

Hỏi tiếp:

– Điều gì ở trước mặt?

Trả lời:

– Hư không.

Thiên tử Thiện Trụ Ý hỏi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi về chỗ trụ của Như Lai. Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi trả lời:

– Đang ở trước mặt.

Lại hỏi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

– Nay tôi không nhìn thấy Đức Như Lai.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

– Thấy được Như Lai thì phải hành pháp quán này. Nếu có người hỏi: Ai ở phía trước? Thì nên trả lời: Cõi hư không ở phía trước. Hãy quan sát Như Lai giống như cõi hư không. Vì sao? Vì tất cả các pháp đều bình đẳng như hư không. Như Lai hiểu rõ các chánh tuệ này nên được mọi người nói

Như Lai giống như hư không. Hư không và Như Lai tức chẳng phải hai. Cho nên, Thiên tử muốn nhìn thấy Như Lai thì phải hiểu rõ bản tể, chớ nên vọng tưởng.

Thiên tử Thiện Trụ Ý nói với Bồ-tát Văn-thù:

– Tôi muốn tiếp tục đi đến chỗ Đức Như Lai.

Bồ-tát đáp:

– Thiên tử hãy tiếp tục đến tại nơi đây, chớ bước tới nữa.

Bấy giờ, Thiên tử Thiện Trụ Ý liền cùng với vô số chư Thiên đi đến chỗ Phật. Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi hóa làm ba mươi hai tòa lầu gác nhiều tầng lớp chồng chất, đan xen lẫn nhau, vuông tròn tương xứng, bốn góc có trụ, mái nhà, song cửa đẹp đẽ, khác lạ; oai thần cao tột, từ xa trông thấy đều vui mừng. Trong các tầng lầu hóa đủ các loại giường bằng các thứ châu báu, dùng y trời phủ lên, trên mỗi mỗi giường đều có Bồ-tát được hóa ra an tọa, có đủ ba mươi hai tướng để trang nghiêm nơi thân. Khi ấy, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nhập định Như kỳ tượng để tạo lập thần lực. Các vị Bồ-tát ngồi trên những hoa sen màu sắc rực rỡ và ba ngàn đại thiên thể giới đều bay đi cùng với các lầu gác, giường tòa đến chỗ Đức Phật, nhiều quanh bảy vòng, rồi các Thánh chúng ấy đều vọt lên giữa hư không, hào quang tỏa chiếu tới chỗ chúng hội và đến khắp bốn phương. Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bỗng nhiên nhanh

chóng đến chỗ Phật. Thiên tử Thiện Trụ Ý đến sau, khi tới nơi, thấy Bô-tát liền hỏi:

– Nhân giả từ đường nào mà đến đây trước? Tôi phát khởi trước mà lại đến sau.

Bô-tát Văn-thù trả lời:

– Giả sử cúng dường hằng hà sa các Đức Như Lai Chí Chân, cung kính đánh lễ thì cũng không thể thấy tôi đến, đi, lui, tới.

Bô-tát Văn-thù-sư-lợi thị hiện sự việc chưa từng thấy. Những người vân tập đến đều trở về nơi ở của mình. Bấy giờ, những Bô-tát ngồi trên hoa sen và trong lầu gác đều cùng một âm thanh, phát ra tiếng vang ở trước Đức Phật, dùng kệ tán thán Đức Thế Tôn:

*Vì đã từng cúng dường
Vô lượng số ức Phật
Vị như hằng hà sa
Người không thể nghĩ bàn.
Dùng để cầu Phật đạo
Tuệ đặc biệt bậc thượng
Nhân Tôn không chỗ chấp
Thù thắng nên cao vời.
Dung mạo rất khó sánh
Oai lực chiếu ba đời
Các tướng tốt của Phật
Bao nhiêu thứ khác lạ.
Nếu thuyết giảng kinh điển*

Đạo sư từ nguyên mình
 Chỗ phân biệt của Ngài
 Không có nhân, thọ mạng.
 Cách dẫn dắt mọi người
 Bỏ thí, giữ giới cấm
 Nhân nhục, tu tinh tấn
 Thiên định và trí tuệ.
 Ba nơi không chỗ chấp
 Dùng tuệ vượt bờ kia
 Quy mạng lễ Tối Thượng
 Cung kính chư Chánh giác.
 Theo tất cả chư Phật
 Cung kính trọn ba cõi
 Làm vua của các pháp
 Được trời, người cúng dường.
 Dốc tâm tin không không
 Vững chắc không gì sánh
 Nhân đầy được thành tựu
 Bạc Thánh giữa loài người.
 Ngài có từ thuở xưa
 Chư Như Lai quá khứ
 Nay xuất hiện ở đời
 Bạc nhất trong loài người.
 Phụng hành những việc ấy
 Thường hiểu tuệ tịnh, không
 Cũng không có tướng, nguyện
 Xét chúng không có tướng.
 Rốt ráo chọn lựa chúng

Vốn tịnh, không chúng sinh
 Lại không có sự sinh
 Cũng không có sự chết.
 Không có người cứu độ
 Cũng không người giải thoát
 Tất cả các pháp sự
 Ví như côi hư không.
 Như con vốn đã hiện
 Chỗ làm của Chánh sĩ
 Xét ba việc của thân
 Đều là không thật có.
 An trụ nơi pháp thuyết
 Nghĩa ấy là như vậy
 Thấy chúng như huyễn hóa
 Như điều thấy trong mộng.
 Thế giới của chư Phật
 Nhiều hơn số hằng sa
 Nếu người đủ vật dụng
 Đem bỏ thí tất cả.
 Giả sử thực hành nhân
 Pháp ấy cũng là không
 Ở đây khởi bố thí
 Đặc biệt làm bậc nhất.
 Ví như hằng hà sa
 Có bao nhiêu số kiếp
 Cúng dường chư Như Lai
 Tối thượng trong loài người.
 Các hoa và hương đốt

Thức ăn uống theo đó
Nếu có Bồ-tát học
Chỉ cầu nghĩa Phật đạo.
Nếu nghe kinh điển này
Như vậy các lời dạy
Nếu hiểu rõ không nhân
Thọ mạng nơi muôn loài.
Mau đạt được pháp nhẫn
Thanh tịnh nên tỏa sáng
Người này tức cúng dường
Bậc tối thượng trong đời.
Trong vô số ức kiếp
Thường thực hành bố thí
Các vật cúng thực phẩm
Xe ngựa các chỗ ở.
Cũng không dùng hạnh này
Mau thành tựu Phật đạo
Nhớ lại các vọng tưởng
Mà xét có con người.
Bậc cao trong loài người
Đã trở về diệt độ
Tùng độ các chúng sinh
Cứu giúp vô lượng số.
Pháp ấy vốn thanh tịnh
Xét chúng không thật có
Các trí tuệ giải thoát
Chỗ học là như vậy.
Gặp được Phật xuất hiện

Thời gian dài chứng đắc
 Nếu khi nghe kinh điển
 Kính tin cũng như thế.
 Để được làm thân người
 Cũng lại là rất khó
 Lành thay! Tu tinh tấn
 Theo lời dạy Tội thặng.
 Thường phải diệt trừ sạch
 Tám nạn lo, không an
 Thời cơ khó gặp lại
 Khi tự tại hiếm có.
 Nên phát khởi tâm tin
 Thừa hỏi lời Phật dạy
 Phải ân cần gắng sức
 Dũng mãnh thường vâng làm.
 Nếu được đến nghe pháp
 Mau chóng tu tập đúng
 Tiếng lớn đến vô cực
 Đã vượt tới bờ kia.
 Thường phải tự nuôi dưỡng
 Chuyên tu nơi vắng lặng
 Bậc nhất trong loài người
 Đánh lễ không trái lời.
 Theo bậc tri thức thiện
 Thông đạt các pháp khí
 Tâm thường bỏ điều quấy
 Hạnh xấu, tri thức ác.
 Tất cả tu bình đẳng

Tùy các tâm phương tiện
 Tuy ở nơi chúng sinh
 Cẩn thận, chớ vọng tưởng.
 Người vâng theo giới cấm
 Những bậc kiến thức rộng
 Bình đẳng xét người khác
 Thường tu hạnh khát thực.
 Luôn tu tập, điều phục
 An tọa cạnh gốc cây
 Thuốc cỏ dùng trị thân
 Bậc nhất không nghi ngờ.
 Tất cả các hữu vi
 Xét chúng cũng vô vi
 Đều cùng tướng bình đẳng
 Chúng giống như sóng nắng.
 Người có thể hiểu rõ
 Bản tế bậc nhất này
 Thì mau thành Phật đạo
 Không có ai sánh kịp.
 Phật thấu rõ năm ám
 Giống như người ảo thuật
 Tự xét bên trong mình
 Lại quán vật bên ngoài.
 An trụ nơi phân biệt
 Tức chính là không tu
 Thận trọng chớ thương, ghét
 Nương tựa ở nơi đó.
 Người dâm nô si ấy

Vốn tịnh như hư không
 Việc ngu si, sân giận
 Cũng từ tướng sinh ra.
 Lại xét tướng niệm mình
 Cũng không có nơi chốn
 Đệ tử của Đạo sư
 Đã hiểu rõ như vậy.
 Cho nên người có trí
 Là mắt sáng trong đời
 Giả sử muốn xét đoán
 Đạo tuệ của chư Phật.
 Bỏ bớt các chướng ngại
 Mê lầm của hữu vi
 Những người dũng mãnh ấy
 Ất thành tựu Phật đạo.

Chư vị Bồ-tát được hóa ra nói kệ xong, những người đến nghe trong chúng hội có hai vạn hai ngàn người đều phát đạo tâm Chánh chân vô thượng, năm trăm Tỳ-kheo dứt sạch các lậu, ý được giải thoát, ba trăm Tỳ-kheo-ni chứng được pháp nhãn thanh tịnh, bảy ngàn Ưu-bà-tắc, bảy ngàn Ưu-bà-di, hai vạn năm ngàn Thiên tử xa trần, lìa cấu, được các pháp nhãn thanh tịnh, ba trăm Bồ-tát chứng đắc pháp nhãn Vô sở tùng sinh, ba ngàn đại thiên thế giới đều chấn động đủ sáu cách, ánh sáng lớn đó chiếu đến khắp mười phương.

Trưởng lão Xá-lợi-phát bạch Phật:

– Bạch Đại Thánh! Đây là oai đức của ai khiến

cho ba ngàn đại thiên thế giới này hiện đủ sáu cách chân động, chư Bồ-tát được hóa ra ngồi trên hoa sen ở nơi lầu gác, diễn nói pháp thâm diệu, ý nghĩa của pháp ấy rất đặc biệt, ánh sáng tỏa chiếu khắp, những người đến pháp hội này gồm vô lượng số ức chúng Bồ-tát đều vân tập đông đủ, các vị Thiên tử cũng không thể tính đếm hết.

Đức Phật bảo Trưởng lão Xá-lợi-phất:

– Đó là sự ứng cảm từ oai thần của Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, khiến cho tất cả Bồ-tát đều vân tập. Vì sao? Vì Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi thưa hỏi Như Lai về chỗ cốt yếu của Tam-muội “Hủy phục ma tràng”, thành tựu đầy đủ các pháp không thể nghĩ bàn của chư Phật, gọi là “Tịch nhiên không hành” cùng với Thiên tử Thiện Trụ Ý.

Trưởng lão Xá-lợi-phất bạch Phật:

– Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi không đến chúng hội chăng? Tại sao không xuất hiện?

Đức Phật bảo Trưởng lão Xá-lợi-phất:

– Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nhập Tam-muội chánh thọ “Hàng hủy chư ma”, oai đức rộng lớn che lấp cung điện của ma, hiện bày thần biến đến chỗ Như Lai, lúc này Bồ-tát Văn-thù nhập Tam-muội chánh thọ “Hàng hủy ma tràng”, cùng lúc trăm ức cung điện của ma nơi ba ngàn đại thiên thế giới đều bị che lấp, khiến chúng không còn vui thích nơi chỗ ở của mình, nên mỗi mỗi đều lo sợ. Khi ấy, ma Ba-

tuần tự nhìn thấy sự già yếu, hơi thở ngắn, chóng gậy bước đi, bao nhiêu cung nhân, mỹ nữ cũng trở nên già nua. Lại thấy cung điện điêu tàn, hư hoại, tối tăm mù mịt không còn nhận biết điều gì. Ma Ba-tuần vô cùng lo sợ, lông tóc dựng đứng, tự suy nghĩ: “Đây là sự biến đổi gì khiến cung điện của ta điêu tàn đến thế? Sắp bị tội chết, thọ mạng hết, trời đất gặp kiếp tai họa sẽ bị thiêu đốt chăng?”. Ma Ba-tuần lúc này không còn cao ngạo, bỏ các tướng xấu ác. BỒ-tát Văn-thù-sư-lợi hóa ra trăm ức Thiên tử ở trong hư không đứng trước mặt các ma, bảo ma Ba-tuần:

– Đừng lo sợ! Thân của các ông hoàn toàn không có hoạn nạn. Có vị BỒ-tát Đại sĩ Bất thoái chuyên tên Văn-thù-sư-lợi, oai lực tột bậc, thu tóm cả mười phương, công đức cao hơn núi Tu-di, trí sâu hơn sông biển, tuệ rộng vượt hư không, hiện đang dùng Tam-muội chánh thọ “Hàng hủy ma tràng”,. Đây là oai thần của vị ấy.

Các Thiên tử đứng lúc nói lời này, khiến các ma nghe xong càng thêm lo sợ đối với BỒ-tát Văn-thù-sư-lợi. Các cung điện của ma bỗng chấn động, các ma của Ba Tuần thưa với BỒ-tát được hóa ra:

– Xin cứu giúp chúng con!

BỒ-tát đáp:

– Hãy yên tâm, chớ lo sợ! Các ông nên đi đến chỗ Đức Phật Thích Ca Văn Như Lai Chí Chân, có

tâm bi vô tận, đầy đủ tâm từ vô cực. Giả sử chúng sinh nào có sự lo sợ lớn thì an ủi thương yêu, khiến không còn lo sợ.

Các Bồ-tát được hóa ra nói lời này xong, bỗng nhiên ẩn tàng, không hiện. Các ma vô cùng vui mừng, cùng với các tòa ngòai của Bồ-tát nơi lầu gác ở giữa hư không, hết thảy đều đồng tâm đi đến chỗ Đức Phật. Những kẻ già cả thì chống gậy, cùng lúc lên tiếng ở trước Đức Phật, bạch:

– Xin nguyện Đại Thánh cứu giúp chúng con, khiến thoát khỏi nạn lớn này, mong được gặp công đức, danh xưng của trăm ngàn ức Đức Phật, để không bị sự bức bách của riêng Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi. Vì sao? Vì chúng con trước đây nghe tên của Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đều rất sợ hãi, không thể tự an ổn, sợ mất thân mạng.

Đức Phật bảo các ma:

– Như lời các vị nói, trăm ngàn ức Đức Phật đã tạo lợi ích cho chúng sinh không bằng sự giáo hóa của Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, mỗi mỗi đều dẫn dắt vô lượng số chúng sinh khiến được giải thoát. Vì sao? Vì các ông chưa nghe danh hiệu, công đức của trăm ngàn ức Đức Phật, gặp phải khổ não, tâm luôn lo sợ, nhưng nhờ sự phát khởi biến hóa của Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, mọi khổ nạn đều được cứu giúp.

Các ma bạch Phật:

– Chúng con xấu hổ về thân già nua này! Nay

nhờ Đức Thế Tôn mà tự quay về, tăng thêm tâm bi, nguyện xin thân hình, trang sức, y phục trời đều trở lại như cũ.

Đức Phật bảo các ma:

– Hãy đợi giây lát! BỒ-tát Văn-thù-sư-lợi đến ngay đây, sẽ giải thoát những nạn này cho các ông.

Khi ấy, BỒ-tát Văn-thù an ổn thư thả cùng với vô số chư Thiên tử, có trăm ngàn na-do-tha các quyền thuộc vây quanh, không thể tính đếm được số chúng Trời, Rồng, Quỷ thần, A-tu-luân, Ca-lâu-la, Chân-đà-la, Ma-hưu-lặc, ức trăm triệu vô số BỒ-tát, trước sau nối tiếp nhau trỗi lên trăm ngàn thứ nhạc, mưa xuống các loại hương thơm, hoa sen màu xanh, hồng, vàng, trắng, oai thần biến hóa vô tận, thanh tịnh, trang nghiêm, ai cũng ưa thích ngắm nhìn, cùng nhau đi đến đánh lễ Đức Phật, nhiễu quanh chỗ Phật ba vòng, rồi lui ngòi qua một bên.

Đức Thế Tôn bảo BỒ-tát Văn-thù-sư-lợi:

– Nhân giả hãy thực hành đúng Tam-muội “Hàng hủy ma”.

BỒ-tát Văn-thù bạch Phật:

– Vâng, con xin nghe theo lời dạy.

Đức Thế Tôn lại hỏi:

– Nhân giả nhờ vào phương tiện nào, từ Như Lai lãnh thọ định này và trong bao lâu thành tựu Tam-muội ấy?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch:

– Bạch Đại Thánh! Khi con chưa phát tâm đạo Chánh chân vô thượng, được nghe tên của định, liền thành tựu Tam-muội ấy.

Đức Phật lại hỏi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

– Từ đâu nghe được Tam-muội ấy và danh hiệu của chư Như Lai đó là gì?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

– Về thuở quá khứ xa xưa, trải qua hằng hà sa không thể tính kể a-tăng-kỳ kiếp không thể tính kể, bấy giờ có Đức Phật gồm đủ mười tôn hiệu là Ý Hoa Hương Như Lai Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn. Đức Phật ấy diễn nói về phẩm hành của Tam-muội kia, đích thân con được nghe tuệ âm của Tam-muội Hàng hủy ma tràng này.

Đức Phật hỏi Bồ-tát Văn-thù:

– Thế nào gọi là tuệ âm của Tam-muội do Đức Như Lai Ý Hoa Hương kia đã giảng thuyết?

Bồ-tát Văn-thù bạch Phật:

– Bồ-tát có hai mươi việc để đạt được định ý của Tam-muội Hàng hủy ma tràng.

Đức Phật hỏi:

– Những gì là hai mươi?

Bồ-tát Văn-thù bạch Phật:

– Một là loại trừ tham dâm, diệt sạch tâm dục

của mình. Hai là loại trừ giận dữ, diệt trừ tâm cấu bần. Ba là loại trừ ngu si, dứt bỏ tâm tăm tối. Bốn là loại trừ kiêu mạn, xả bỏ oán ghét. Năm là loại trừ sân hận, không còn nhiệt não. Sáu là bỏ các tướng chấp và các tà kiến. Bảy là loại bỏ tạp niệm đã sinh ra các việc lãnh thọ và phóng xả. Tám là xa lìa các thứ sở hữu và không sở hữu. Chín là vượt qua tướng chấp thường và đoạn diệt. Mười là loại bỏ các âm, nhập, bốn đại. Mười một là tâm không chấp trước vào ba cõi. Mười hai là rời xa tâm Thanh văn. Mười ba là buông bỏ ý cầu Duyên giác. Mười bốn là từ bỏ các ganh ghét, tham khác. Mười lăm là xa rời nạn phá hủy giới, trái nghịch điều răn cấm. Mười sáu là đoạn trừ các việc chống trái không nên làm. Mười bảy là dứt sạch sự biếng nhác, do dự. Mười tám là nhổ hết các ý buông lung, rối loạn. Mười chín là bỏ các tà trí và việc không đúng đắn. Hai mươi là hàng phục các thứ phiền não, ái dục, lưới kiết sử. Đây là hai mươi việc mà Bồ-tát thực hành để đạt được Tam-muội này.

Bồ-tát Văn-thù lại bạch Phật:

– Bồ-tát lại có bốn việc để đạt được Tam-muội này. Những gì là bốn? Một là nơi hành hóa xây dựng tâm thanh tịnh, điều hòa. Hai là chí tánh hòa dịu, nhuần nhuyễn không dua nịnh. Ba là đi vào pháp nhãn sâu xa, không khởi sinh diệt. Bốn là đối với các vật bố thí chưa từng tham tiếc. Đây là bốn việc. Lại có bốn pháp để đạt đến Tam-muội này.

Những gì là bốn? Một là thực hành sự chân thật, không dối trá. Hai là tu tập hạnh ở nơi vắng lặng. Ba là lãnh thọ kinh điển, đọc tụng các pháp. Bốn là hoàn tất các hạnh, xả bỏ nghĩa trái quấy. Đây là bốn pháp. Bồ-tát lại có bốn việc. Những gì là bốn? Một là gần gũi bạn lành. Hai là biết giới hạn để dừng lại. Ba là ở một mình chuyên suy tư. Bốn là không ở nơi ồn ào. Đó là bốn việc. Bồ-tát lại có bốn việc để đạt đến Tam-muội này. Những gì là bốn? Một là tâm không thích hàng Thanh văn. Hai là xả bỏ ý cầu Duyên giác. Ba là hướng cầu đạo Bồ-tát. Bốn là đạt được pháp nhẫn. Đó là bốn việc. Lại có bốn pháp đạt đến Tam-muội này. Những gì là bốn? Một là tu tập pháp không, không chấp có nhân. Hai là tuân theo vô tướng, bỏ các mong cầu. Ba là không buông lung, loại trừ các sở nguyện. Bốn là biết đủ, thích xả bỏ tất cả sở hữu. Đó là bốn việc. Lại có bốn pháp để đạt đến Tam-muội này. Những gì là bốn? Một là quay trở lại trong vô lượng khổ nạn sinh tử. Hai là bình đẳng cứu độ tất cả muôn loài. Ba là thường nhất tâm tư duy đúng thời. Bốn là không giống ruồi, dóc vượt đến bờ kia. Bạch Thế Tôn! Đức Như Lai Ý Hoa Hương Chí Chân Đăng Chánh Giác đã thuyết giảng hành âm của Tam-muội này. Bây giờ, từ Đức Phật ấy, được nghe Tam-muội ấy, sau đấy lại có Đức Phật tôn hiệu là Minh Châu Nhật Nguyệt Quang Diệu, nhờ đức Như Lai ấy mà thành tựu Tam-muội ấy.

Khi giảng nói Tam-muội Hủy phục ma tràng này, trong chúng hội có một vạn Bồ-tát đối với các sắc tượng cảm ứng biến hóa như vậy, đều chứng được pháp nhẫn Vô sở tùng sinh.

Đức Phật hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:

– Ý của Tôn giả là thế nào? Ở trong ba ngàn đại thiên thế giới này chỉ có sự biến hóa hàng phục các ma ấy mà thôi chẳng? Chớ nên quán sát như thế. Vì sao? Vì tất cả hằng hà sa côi nước của chư Phật khắp mười phương đều có các ma Ba-tuần luôn tạo mọi trở ngại cho con người, đều gặp phải sự xử trị như vậy, khiến không còn được mặc ý, tất cả đều do sự kiến lập của Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi.

Đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Văn-thù:

– Nhân giả hãy xả bỏ sự kiến lập oai thần khiến các loài ma trở lại thân hình cũ với trang sức, y phục của cõi trời.

Bấy giờ, Bồ-tát Văn-thù bảo các loại ma:

– Nay các Hiền giả! Thân này thật là cấu uế.

Các ma nói:

– Thật như thế.

Bồ-tát bảo các ma:

– Các ông phải nên nhàm chán những việc tham dục, không trụ nơi ba cõi.

Các ma nói:

– Lành thay Bồ-tát Văn-thù! Chúng con sẽ theo lời dạy, xin Bồ-tát tặng thêm oai thần, khiến chúng

con thoát khỏi loại thân hình này, dùng oai nghi để trang nghiêm.

Bồ-tát Văn-thù liền xả bỏ oai thần biến hóa, khiến cho các ma trở lại hình tướng như cũ. Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói với các ma:

– Các Nhân giả muốn biết đối tượng của mắt mình ghi nhận thì luôn suy nghĩ: Mắt có nơi chấp trước tức là nhãn căn. Theo sự suy nghĩ về mắt cho là có ngã sở, nương vào nhãn của mắt, sinh ở nơi mắt, chỗ hướng đến của mắt là tâm, trở lại bảo vệ mắt, mở mắt, nhắm mắt tức là cảnh giới của các ông, là nghiệp ma. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như vậy. Giả sử, có mắt mà không có đối tượng để nhìn thấy, có tai mà không có đối tượng để nghe, có mũi mà không có hương, có lưỡi mà không có vị, có thân mà không có xúc, có tâm mà không có pháp, đều không có đối tượng nắm bắt thì chẳng phải là cảnh giới của các ông. Không cùng bạn khó nhọc, không có sức lực, không có niềm vui thì không có nghiệp ma, cũng không bị ảnh hưởng. Lại nữa, các ông tự chấp vào ngã và ngã sở, theo suy nghĩ cho là có thân, hướng đến hoạn nạn này. Các ông nhờ nhân duyên gì mà ở trong chúng hội, muốn đạt được sự vắng lặng chưa từng có?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, đúng lúc ở nơi đó, vì các quyền thuộc của ma thuyết giảng đạo Chánh chân vô thượng, khiến tám vạn bốn ngàn ma xa trần, lìa cầu, chứng được pháp nhãn thanh tịnh. Các chúng

ma khác trở về cung điện, đều cùng tán thán, chúc mừng nhau: Chúng ta đã thoát khỏi sự sợ hãi lớn.

Bấy giờ, BỒ-tát Văn-thù-sư-lợi bảo với các quyền thuộc của ma đã đạt được pháp nhẫn:

– Các ông vì sao không trở về cung điện?

Các ma thưa:

– Chúng tôi hôm nay bỗng nhiên không còn thấy nhà cửa mình nữa, huống gì là còn thấy cung điện của ma tự nhiên an trụ.

BỒ-tát lại hỏi:

– Cung điện của các ông ở đâu?

Các ma trả lời:

– Tất cả các pháp không có chủ, không có niệm. Đó là cung điện của các pháp. Các pháp không, vô tướng, vô nguyện, rỗng lặng mới là cung điện. Ở đó không có người đến cũng không có người đi.

Tôn giả Đại Ca-diếp đến trước Đức Phật và bạch:

– Bạch Thế Tôn! BỒ-tát Văn-thù-sư-lợi từ cung điện kia đến chằng? Chúng con muốn được gặp những BỒ-tát đi cùng. Vì sao? Vì những vị BỒ-tát này thật khó gặp gỡ.

Đức Phật bảo BỒ-tát Văn-thù:

– Nay BỒ-tát Văn-thù-sư-lợi! Ông nên hiện bày về số lượng các BỒ-tát ở khắp mười phương thế giới cùng đến cõi Nhân và các chúng hội hiện tại đều thiết tha muốn được gặp ông.

Ngay lúc ấy, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bảo các Bồ-tát Pháp Luân, Bồ-tát Pháp Trụ, Bồ-tát Nhượng Can Biện, Bồ-tát Đắc Đại Thế, Bồ-tát Nhu Nhuận Âm, Bồ-tát Diệt Chúng Ác, Bồ-tát Tịch Nhiên, Bồ-tát Tuyên Trạch, Bồ-tát Pháp Vương, Bồ-tát Hoài Âm cùng bảo với các chúng Bồ-tát:

– Nay các thiện nam! Tất cả chư vị Bồ-tát hãy tự hiện bày về cung điện của mình, hiện bày cõi Phật và thân hình cũ của mình.

Bồ-tát vừa nói ra lời này thì các Bồ-tát liền vâng theo, ra khỏi Tam-muội, hiện ra thân ban đầu. Hoặc có Bồ-tát thân cao lớn như núi Tu-di. Hoặc có Bồ-tát thân cao lớn ba trăm hai mươi vạn dặm, hoặc hai trăm tám mươi vạn dặm, hoặc hai trăm bốn mươi vạn dặm, hoặc hai trăm vạn dặm, hoặc một trăm sáu mươi vạn dặm, hoặc một trăm hai mươi vạn dặm, hoặc tám mươi vạn dặm, hoặc bốn mươi vạn dặm, hoặc ba mươi sáu vạn dặm, hoặc ba mươi hai vạn dặm, hoặc hai mươi tám vạn dặm, hoặc hai mươi bốn vạn dặm, hoặc hai mươi vạn dặm, hoặc mười sáu vạn dặm, hoặc mười hai vạn dặm, hoặc tám vạn dặm, hoặc bốn vạn dặm, hoặc ba mươi sáu ngàn dặm, hoặc ba mươi hai ngàn dặm, hoặc hai mươi tám ngàn dặm, hoặc hai mươi bốn ngàn dặm, hoặc hai mươi ngàn dặm, hoặc mười sáu ngàn dặm, hoặc mười hai ngàn dặm, hoặc tám ngàn dặm, hoặc bốn ngàn dặm, hoặc ba ngàn sáu trăm dặm, hoặc ba ngàn hai trăm dặm, hoặc hai

ngàn tám trăm dặm, hoặc hai ngàn bốn trăm dặm, hoặc hai ngàn dặm, hoặc một ngàn sáu trăm dặm, hoặc một ngàn hai trăm dặm, hoặc tám trăm dặm, hoặc bảy trăm sáu mươi dặm, hoặc bảy trăm hai mươi dặm, hoặc sáu trăm tám mươi dặm, hoặc sáu trăm bốn mươi dặm, hoặc sáu trăm dặm, hoặc ba trăm sáu mươi dặm, hoặc ba trăm hai mươi dặm, hoặc hai trăm tám mươi dặm, hoặc hai trăm bốn mươi dặm, hoặc hai trăm dặm, hoặc một trăm sáu mươi dặm, hoặc một trăm hai mươi dặm, hoặc tám mươi dặm, hoặc bốn mươi dặm, hoặc ba mươi sáu dặm, hoặc ba mươi hai dặm, hoặc hai mươi tám dặm, hoặc hai mươi bốn dặm, hoặc hai mươi dặm, hoặc mười sáu dặm, hoặc mười hai dặm, hoặc tám dặm, hoặc bốn dặm, hoặc có thân dài ngắn, cao thấp giống như người ở cõi Nhân này. Như vậy, thân hình của các Bồ-tát cao lớn, dài, ngắn khác nhau.

Bấy giờ, các Bồ-tát đầy khắp ở trong ba ngàn đại thiên thế giới này, không có một chỗ trống dù chỉ bằng đầu sợi lông. Các vị ấy đều có thần thông vi diệu, khí tiết cao thượng, trí tuệ sáng suốt đặc biệt khác thường, công đức vời vợi không gì có thể ví dụ được. Thân của những Bồ-tát này đã phóng ra hào quang chiếu suốt khắp trăm ngàn cõi Phật ở mười phương không thể tính đếm. Khi ấy, Đức Thế Tôn dùng Tam-muội chánh thọ Phật trang nghiêm để phát khởi định ấy. Ngay lúc đó, cõi Nhân bổng

nhiên xuất hiện rất nhiều lọng hoa không thể tính kê, vô số trăm ngàn thứ nhạc vang lên, đủ loại trang sức, cờ phướn, lụa là vô lượng để trang hoàng cõi Phật, khắp nơi sáng tỏ như mặt trời, mặt trăng. Các chúng Bồ-tát từ cõi Phật có màu vàng ròng đến đây thì thấy cõi Phật này màu vàng ròng. Các Bồ-tát từ cõi Phật có màu bạc trắng đến thì thấy cõi này màu bạc trắng. Những vị từ cõi Phật có màu thủy tinh đến thì thấy cõi Phật này đều là màu thủy tinh. Những vị từ cõi Phật có màu lưu ly đến thì thấy cõi Nhân này đều là màu lưu ly. Những vị từ cõi Phật có màu xa cừ đến thì thấy cõi Phật này đều là màu xa cừ. Những vị từ cõi Phật có màu mã não đến thì thấy cõi Phật này đều là màu mã não. Những vị từ cõi Phật có hương thơm ngào ngạt đến thì thấy cõi Phật này đều do hương thơm tạo thành. Những vị từ cõi Phật có hoa đẹp đến thì chỉ thấy các loài hoa. Những vị từ cõi Phật có châu báu đến thì chỉ thấy các châu báu, hoặc từ thế giới bảy báu, sáu báu, năm báu, hoặc từ thế giới bốn báu, ba báu, hai báu đến cõi Nhân này thì thấy cõi Phật này dài ngắn, rộng hẹp, các báu kỳ lạ, hơn kém, đẹp xấu như cõi Phật gốc. Bảy giờ, mỗi vị Bồ-tát tự suy nghĩ về cõi Phật của mình. Những vị này thấy đức Thích Ca Văn Như Lai Chí Chân, thân tướng, y phục mỗi mỗi đều giống như chư Phật ở cõi Phật gốc, oai nghi, phép tắc, truyền trao chánh pháp, ăn uống v.v... không có gì sai khác. Bồ-tát này không thấy

sự trang nghiêm nơi cõi nước của Bồ-tát kia mà chỉ thấy cõi mình, cất tiếng nói:

– Cõi này đều màu vàng ròng.

Vị Bồ-tát thứ hai nói:

– Cõi này màu bạc trắng. Mỗi mỗi sự du hóa là hạnh thanh tịnh.

Mỗi vị đều tự ngạc nhiên, kỳ lạ thấy việc chưa từng có, đều cất tiếng lớn vang xa khắp để tán thán:

– Thế giới của chư Phật thật khó sánh kịp, khó sánh kịp, không thể đạt đến! Oai đức hiện bày khắp mười phương, hoàn toàn không thể đạt được!

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bảo:

– Nay các thiện nam! Việc ấy không có gì lạ. Vì sao? Vì tất cả chư Phật đều là một Đức Phật. Tất cả các cõi đều là một cõi. Tất cả chúng sinh đều là một thân. Tất cả các pháp đều là một pháp, chắc chắn như vậy nên gọi là một, cũng chẳng phải chắc chắn là một, cũng chẳng phải là từng ấy.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nêu ra nghĩa quan trọng này mà không dùng nhiều lời, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, mặc áo bày vai phải, đầu gối phải quỳ sát đất, chấp tay bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Con xin muốn được thưa hỏi. Nếu Ngài cho phép con mới dám thưa rõ.

Phật dạy:

– Cho phép thưa hỏi. Như Lai sẽ giải thích rõ mọi chỗ nghi ngờ, khiến tâm ông được vui mừng,

vừa ý.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi thưa:

– Sao gọi là chỗ trở về theo nghĩa của Bồ-tát?

Đức Phật bảo Bồ-tát Văn-thù:

– Hiểu rõ các pháp, thông suốt tất cả nên gọi là Bồ-tát.

Lại hỏi:

– Thế nào gọi là Bồ-tát hiểu rõ các pháp?

Đức Phật dạy:

– Bồ-tát hiểu rõ mắt, tai, mũi, miệng, thân, tâm không bị che lấp, chướng ngại.

– Sao gọi là người hiểu rõ về sáu tình?

Hiểu rõ về mắt tức là vốn thanh tịnh, không. Tai, mũi, miệng, thân, ý cũng như vậy, đều là vốn không, thanh tịnh; không tự nhớ nghĩ cho là ta hiểu rõ chúng. Sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp đều là không, vốn thanh tịnh; không nghĩ là mình đã hiểu rõ. Lại nữa, này Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Hoặc có Bồ-tát hiểu biết về năm ấm. Sao gọi là hiểu rõ? Hiểu về không, vô tướng, vô nguyện, xa lìa phiền não, tham dục, vắng lặng không có chỗ nắm giữ, trở về với sự thanh thoát, không chỗ sinh ra, không đến, không đi. Ví như sóng nắng, huyễn hóa, trắng dưới nước, cây chuối, đối tượng thấy trong mộng, đều là không tồn tại lâu dài, không vững chắc, không có nơi chốn. Nếu người nào có thể hiểu rõ nghĩa như vậy thì gọi là Bồ-tát. Lại nữa, này Bồ-

tát Văn-thù-sư-lợi! Hiểu rõ về tham dục, sân hận, ngu si, năm âm, sáu suy (trần) đều nhân nơi tướng sinh ra. Người tham dục ấy cũng từ tướng sinh ra. Tướng ấy cũng là không, rỗng lặng, không hình tướng, không có lời nói, cũng không có sự giáo hóa. Sự tham dục, sân giận, ngu si ấy đối với pháp không có nguồn gốc, không thể làm nhiễm ô, không mê hoặc.

Đức Phật dạy tiếp cho Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

– Bồ-tát hiểu rõ hành của chúng sinh. Người này nhiều tham dục, kẻ kia nhiều sân giận, người nọ lắm ngu si. Người nhiều tham dục là ân ái quá tràn đầy. Ví như năm loại thóc đậu, cỏ cây tươi tốt, phân bố không phù hợp một chỗ. Người nhiều sân giận là sự tức giận bùng bùng giống như ngọn lửa dữ thiêu đốt cỏ cây, thành ấp, nhà cửa, mọi nơi đều bị thiệt hại. Người nhiều ngu si là tối tăm mù mịt như không có ánh sáng mặt trời. Nếu ở trong nhà ấy bị che phủ thì nơi đó bị mê lầm cùng cực, không nhận biết điều gì. Bồ-tát Đại sĩ hiểu rõ bản hạnh, từ trong tâm ý của mình thấu suốt nơi tăm tối, nguồn gốc, chỗ hướng đến, các căn cơ hơn kém, vì họ mà thuyết pháp, mỗi mỗi khiến đi vào trong phép tắc nhằm độ thoát họ.

Đức Phật bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

– Bồ-tát hiểu rõ tất cả chúng sinh. Thế nào là hiểu rõ tất cả chúng sinh đều là giả danh? Nếu quan

sát về chân đế là giả gọi, tên ấy cũng không có nơi chốn. Chúng sinh đều là một thân, xét về chúng sinh không có chúng sinh. Người hiểu rõ nghĩa ấy không có tướng chấp gọi là Bồ-tát. Đối với sự giác ngộ này, những ai không hiểu biết thì hóa độ họ đạt đến bờ kia gọi là Bồ-tát. Những người chưa đạt được đều khiến được thông suốt nên gọi là Bồ-tát. Người đã và đang quan sát đều thấy được gốc, ngọn, sinh diệt, nhân duyên, nguyên do, chỗ hướng đến, luôn luôn đầy đủ, trước nhận biết vô cùng, lại thấu tỏ vô tận nên gọi là Bồ-tát. Nhân nơi giả danh ấy, tùy theo lời nói, phong tục nơi địa phương mà có tên gọi này. Người đối với các việc ấy không có chỗ vướng mắc nên gọi là Bồ-tát.

Khi ấy, Đức Phật dùng kệ khen ngợi:

*Hiểu rõ mắt, tai mình
Là không, là tự nhiên
Người đạt không nhớ nghĩ
Mới gọi là Bồ-tát.
Người hiểu rõ mũi, miệng
Vốn tịnh, không hình tướng
Người biết không vọng tưởng
Mới gọi là Bồ-tát.
Người trí hiểu rõ thân
Ý mình như hư không
Phân biệt vốn thanh tịnh
Bồ-tát là sáng suốt.
Sắc, thanh và hương vị*

Xúc và vật vừa ý
 Có thể biết như huyền
 Phân biệt tất cả không.
 Cũng không cầu vọng tưởng
 Mới gọi là Bồ-tát
 Hiểu rõ sắc là không
 Thọ, tưởng cũng như vậy.
 Hành, thức được nhận biết
 Tất cả giống như huyền
 Tâm không luôn vọng tưởng
 Mới gọi là Bồ-tát.
 Năm ấm giống như mộng
 Nhất tướng không có tướng
 Sáng suốt, không vọng tưởng
 Mới gọi là Bồ-tát.
 Không sinh, không chỗ sinh
 Không lời tức vô vi
 Giả danh, mượn tên gọi
 Danh này không hình loại.
 Hiểu rõ tham, sân giận
 Phân biệt các tướng niệm
 Tướng ấy không chân thật
 Rốt ráo không nhàm chán.
 Biết si cũng không thật
 Do tạo nhiều nhớ nghĩ
 Duyên các tà kiến sinh
 Chắc chắn không chỗ thấy.
 Phải nhớ tham dục, sân

Các pháp đều bình đẳng
 Chúng không nhiệm, không uế
 Pháp cũng không mê vọng.
 Biết rõ niệm như vậy
 Bồ-tát không tham dục
 Vắng lặng, diệt các pháp
 Mới gọi là Bồ-tát.
 Hiểu rõ cả ba cõi
 Là không, chẳng chân thật
 Với chúng không vượt qua
 Mới gọi là Bồ-tát.
 Không thành tựu cõi dục
 Do điên đảo phát ra
 Là sắc, là vô sắc
 Đấy cũng đều hư dối.
 Chỗ chúng sinh tạo nghiệp
 Người trí hiểu rõ hết
 Hành tham dục, sân giận
 Cùng trở về ngu si.
 Tất cả giả gọi người
 Người cũng không nắm bắt
 Sáng suốt đạt thành tựu
 Không vọng tưởng chúng sinh.
 Tất cả các pháp này
 Người biết là điên đảo
 Tri thức thiện cần thận
 Phân tích không có tưởng.
 Phương tiện theo các pháp

Không chấp các chương ngại
 Nếu đạt không chỗ chấp
 Mới gọi là Bồ-tát.
 Bỏ thí thịt thân mình
 Không hành các chỗ nương
 Hiểu rõ như xét kỹ
 Mới gọi là Bồ-tát.
 Giữ giới luôn thanh tịnh
 Cũng không tưởng tự đại
 Thuận theo nghĩa giới Phật
 Không khởi, không hiện có.
 Ta vốn đã tu tập
 Nghiệp thân, miệng và ý
 Đó gọi là giới cấm
 Đều không chấp nơi chốn.
 Thương yêu khắp muôn loài
 Cũng không chấp chúng sinh
 Biết chúng là tạm bợ
 Do giả mà có tên.
 Người thực hành tinh tấn
 Diệt tất cả các khổ
 Xét bỏ ba cõi không
 Thành tựu đạo tối thượng.
 Đặc biệt tu thiền định
 Cũng không có chỗ chấp
 Không trụ, không nắm bắt
 Bạc trí hiểu như vậy.
 Dao trí tuệ chặt đứt

*Các ác kiến, phiền não
Thấy rõ các pháp giới
Không đoan, không chỗ hoại.
Hiểu rõ về các pháp
Đúng lúc dạy chúng sinh
Bồ-tát hiểu như vậy
Mới gọi là Bồ-tát.*

Bấy giờ, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi lại bạch Phật:

– Bạch Đại Thánh! Đại Thánh đã nói về người ban đầu phát tâm. Vậy thế nào gọi là Bồ-tát ban đầu phát tâm?

Đức Phật dạy:

– Giả sử Bồ-tát nghĩ khắp ba cõi là ban đầu phát tâm. Người đã phát tâm thì bình đẳng như đất. Bồ-tát ấy không có chỗ khởi phát cũng không nhớ nghĩ đến tịnh và bất tịnh. Điều Bồ-tát nhận biết là không hấp tấp, không vội vàng, đứng vững không lay động, luôn an ổn, không gì có thể quấy nhiễu, nhẫn nhục nơi mọi khổ, vui, vượt qua tám pháp của thế gian, không gì hủy hoại được, đều không có đối tượng tạo tác, có thể phát tâm phù hợp, được lãnh thọ tất cả công đức, cũng không tự nghĩ mình có danh tiếng, công đức. Đó gọi là ban đầu phát tâm thành tựu tâm Bồ-tát.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi lại bạch Đức Phật:

– Như con được nghe đại Thánh giảng nói về nghĩa lý, có Bồ-tát phát khởi tham dục, sân giận,

ngu si mới là phát tâm.

Khi ấy, Thiên tử Thiện Trụ Ý hỏi BỒ-tát Văn-thù-sư-lợi:

– Phát khởi tham dục, sân giận, ngu si mới là ban đầu phát tâm thành BỒ-tát, thì tất cả kẻ phàm phu ngu si đều nên ban đầu phát khởi. Tại sao những người ấy phát khởi tham dục, sân giận, ngu si nên không bỏ được ba độc?

BỒ-tát Văn-thù-sư-lợi bảo Thiên tử Thiện Trụ Ý:

– Kẻ phàm phu ngu si không thể chấp nhận sự sinh khởi tham dục, sân giận, ngu si. Vì sao? Vì chư Phật Thế Tôn, Thanh văn, Duyên giác, BỒ-tát Bất thoái chuyển mới có thể phát khởi tham dục, sân giận, ngu si ấy, còn hàng phàm phu thì không thể được.

Thiên tử Thiện Trụ Ý nói với BỒ-tát Văn-thù-sư-lợi:

– Sự thuyết giảng hôm nay thật đáng lo sợ. Chúng hội này khởi tâm nghi ngờ do nghe Nhân giả giảng nói về nghĩa lý ấy, đều không thể hiểu rõ, khiến tâm họ trở nên tăm tối.

BỒ-tát Văn-thù-sư-lợi bảo Thiên tử Thiện Trụ Ý:

– Ý ông nghĩ sao? Ví như chim bay trong hư không, liệu có sợ bay qua bị chướng ngại chăng?

Thiên tử trả lời:

– Bay qua không sợ hư không.

Bồ-tát Văn-thù nói:

– Nay Thiên tử! Đạo không có chỗ sinh, có đối tượng ghét sự xấu ác tức là không phát khởi, không có đối tượng ghét sự xấu ác mới là phát khởi. Nếu không chỗ chấp, không giữ tâm ghét điều ác, không có chỗ nương tựa mới gọi là phát khởi. Cho phát khởi và không có nhớ nghĩ, không có đối tượng sinh ra gọi là không phát khởi. Không tự nhiên mới là phát khởi. Không có dấu tích của câu mới gọi là phát khởi. Không có dấu tích của sự đến đi mới gọi là phát khởi. Không có dấu tích của thân tuệ, không có chỗ nhớ nghĩ mới gọi là phát khởi. Không có dấu tích của sự thọ nhận, không có dấu tích của sự đạt đến mới gọi là phát khởi. Không có dấu tích của sự hủy hoại, không có dấu tích của sự nắm giữ mới gọi là phát khởi. Không có dấu tích của văn tự, không có dấu tích của sự quyen luyện, đó gọi là phát khởi. Không siêng năng, không lười biếng, không đôi, không chiếc, đó gọi là phát khởi. Không cầu xin giúp đỡ cũng không có chỗ trở về nương tựa, đó gọi là phát khởi.

Nay Thiên tử! Tên gọi đối với Bồ-tát là ban đầu phát tâm. Bồ-tát đối với pháp này không nhớ nghĩ, không nương tựa, không suy xét, không tưởng, không biết, không thấy, không nghe, không nhận thức, không lấy, không bỏ, không sinh không diệt.

Này Thiên tử! Gọi là Bồ-tát dùng nhân duyên này, theo pháp này nên từ đó đạt được bình đẳng. Phương tiện thiện xảo của bản tế như vậy là phát khởi tham dục, sân giận, ngu si, phát khởi đối tượng nương dựa của mắt. Tai, mũi, miệng, thân, ý cũng như thế, phát khởi chỗ chấp về sắc cũng lại hiển bày, đối với thọ, tưởng, hành, thức không nên sinh sắc tương ưng. Các tà kiến, vô minh, hữu ái cùng với pháp mười hai duyên khởi, các dục nương tựa vào ba cõi cũng chẳng hiện phát chỗ tạo tác, ngã, ngã sở, chấp thân sáu mươi hai tà kiến cũng phải phát khởi, hoạn nạn của năm sự ngăn che, bốn điên đảo, tám tà, mười nghiệp ác khiến cho trở về nguồn cội của chúng. Nhận lấy lời nói cần thiết ấy, tất cả tịnh, bất tịnh, tương ưng không tương ưng, các tướng, ngôn từ, tất cả nơi chốn, chỗ nương tựa, tư tưởng, các niệm, lưu luyến, chướng ngại, đối tượng đáng nêu bày gọi là phát khởi tướng Nê-hoàn. Bồ-tát Đại sĩ đều hiển phát những điều này cho nên nay Thiên tử hãy nên hành pháp quán ấy, trong đó các pháp có chỗ nương tựa, không có sự ghét thương, gọi là phát khởi.

Khi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi thuyết giảng về pháp ban đầu phát tâm này thì ba ngàn đại thiên thế giới đều hiện đủ sáu cách chấn động, có hai ngàn Bồ-tát chứng được pháp nhãn Vô sở tùng sinh.



KINH NHƯ HUYỄN TAM MUỘI

QUYỂN HẠ

Bấy giờ, Đức Thế Tôn khen ngợi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

– Lành thay! Lành thay! Chỉ Bồ-tát mới có thể giảng nói về sự phát tâm nơi Bồ-tát. Nhân giả đã từng phụng sự hăng hà sa chư Phật Thế Tôn nên có thể diễn bày đạo tuệ vô tận này.

Khi ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất đến trước Đức Phật và bạch:

– Vừa rồi, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đã tuyên thuyết, tán thán về các việc của Bồ-tát mới phát tâm, hoặc người đạt đến pháp nhẫn Vô sở tùng sinh. Xem xét hai việc này có ý nghĩa giống nhau chăng?

Đức Phật bảo:

Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Đúng như vậy. Đúng như lời ông nói. Khi Đức Phật Đỉnh Quang thọ ký pháp yếu cho Ta sẽ thành tựu đạo quả Chánh chân vô thượng, làm bậc Tối Chánh Giác, vào đời vị lai vô lượng số kiếp thành Phật hiệu là Thích Ca Văn Như Lai, Chí Chân Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh

Túc, Thiện Thệ, Thế gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn. Nhờ Đức Phật ấy, Ta đã phát tâm không có trái mắt, đúng thời đạt được pháp nhãn Vô sở tùng sinh. Nay Tôn giả Xá-lợi-phất! Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi vừa rồi đã giảng nói về Bồ-tát mới phát tâm.

Bồ-tát Văn-thù bạch Phật:

– Chính con giác ngộ chỗ trở về của pháp nghĩa mà bậc đại Thánh đã nêu dạy. Tất cả Bồ-tát phát tâm này gọi là mới phát tâm. Vì sao? Bạch Thế Tôn. Vì những vị phát tâm ấy đều là bậc không chỗ sinh, bậc không chỗ sinh ấy tức là Bồ-tát mới phát tâm.

Khi giảng nói lời này có hai vạn ba ngàn người an trú nơi địa bất thoái chuyển, sẽ thành tựu đạo quả Chánh chân vô thượng; năm ngàn Tỳ-kheo tâm ý được khai thông, không còn khởi các lậu khác; sáu vạn Thiên tử xa trần, lìa cấu, được các pháp nhãn thanh tịnh.

Lúc ấy, Trưởng lão Đại Ca-diếp đến trước Đức Phật và bạch:

– Việc làm của Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi là rất khó! Là hết sức khó! Giảng nói về kinh điển, giáo hóa, làm lợi ích cho vô số chúng sinh.

Bồ-tát Văn-thù nói với Tôn giả Đại Ca-diếp:

– Việc làm của tôi không gì khó. Vì sao? Vì tất cả các pháp đều không có sự tạo tác, chẳng phải là

tạo tác, chẳng phải là không tạo tác. Này Tôn giả Đại Ca-diếp! Tôi đối với các pháp không tạo tác, chẳng phải là không tạo tác, cũng không có chỗ xả bỏ, không cứu độ chúng sinh, cũng không có chỗ trói buộc. Vì sao? Vì chúng sinh vốn bị vô minh ngăn che nên gọi là chúng sinh, nên chẳng phải là rất khó. Vừa rồi, Tôn giả Ca-diếp bảo là rất khó, nhưng việc làm của bản thân tôi không có gì khó, cũng không phải là không khó, chẳng phải là Như Lai, chẳng phải là Duyên giác, chẳng phải là Thanh văn. Này Tôn giả Ca-diếp! Muốn biết chỗ bàn luận về cái rất khó, trình bày nghĩa lý rất khó thì sự tạo tác của hàng phàm phu mới là kỳ lạ, gọi chung là rất khó. Vì sao? Này Tôn giả Ca-diếp! Tất cả diệu lực, oai thần của chư Phật chưa từng trái bỏ chúng sinh nhưng họ cũng không thể chứng đắc Thanh văn, Duyên giác. Diệu lực của chư Phật, họ không thể nắm bắt, không thể chứng đắc, chỉ riêng hàng phàm phu mới tạo nên lực này.

Tôn giả Đại Ca-diếp nói với Bồ-tát Văn-thù:

– Ý của Bồ-tát nghĩ thế nào? Chỗ chứng đắc của chư Phật là không có chứng đắc, chẳng chứng đắc, chẳng phải là Thanh văn, chẳng phải là Duyên giác?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi trả lời Tôn giả Đại Ca-diếp:

– Không thủ đắc về ngã, nhân, thọ mạng, không

hình tướng, cho đến không có hữu tình; không chấp về đoạn diệt, thường còn. Các âm nhập, danh sắc, ba cõi, tương ưng, không tương ưng, tướng, vô tướng, phát khởi báo ứng trong hiện tại và đời sau, tham dâm, sân giận, ngu si đều không thể nắm bắt. Tôn giả Ca-diếp nên hiểu, nói tóm lại, tất cả các pháp đều không có chỗ thủ đắc, chẳng thủ đắc, không chỗ nương tựa, không nhận lấy, không xả bỏ, không bố thí, không điều dạy bảo, cũng không thân cận, không có gì truyền trao, không gì để giải thích. Vì thế, này Tôn giả Ca-diếp! Phải hiểu rõ về hàng phàm phu ấy. Không nghe nghĩa lý mới là chỗ chứng đắc. Chư Phật Thế Tôn thật không có chỗ chứng đắc, cho nên việc làm không khó. Chư Phật, Thanh văn đều không có tạo tác. Sự tạo tác của phàm phu là không thể đạt tới. Sự tạo tác là gì? Là sự đoạn diệt, là chấp thường, nhiều sự chấp trước, nương tựa, ân cần cầu nguyện, tâm chứa các niệm, tạo tác và không tạo tác, hoặc đưa lên, hoặc hạ xuống, phân biệt, giảng thuyết, vọng tưởng, vướng bận, buồn bã, lo lắng nhớ đến sự nguy hiểm. Đánh lễ, quy y Đức Phật Thế Tôn, không tạo, không tác, cũng không bám víu, chỉ có ngu si làm những điều này. Cho nên, sự tạo tác không cho là khó.

Bồ-tát Văn-thù đến trước Đức Phật và bạch:

– Gọi là không chỗ sinh, nghĩa ấy là thế nào? Sao gọi như thế? Thế nào là Bồ-tát đạt được pháp

nhãn Vô sở tùng sinh?

Đức Phật bảo BỒ-tát Văn-thù:

– Chấp vào các pháp thì không thể chứng đắc. Vì sao? Vì có người chứng đắc tức rơi vào điên đảo, không có người chứng đắc mới chính là chứng đắc pháp nhãn Vô sở tùng sinh. Cho nên, không có người chứng mới gọi là chứng. Không nắm bắt, không chấp, không nương tựa, không bám víu, tâm như hư không vắng lặng, không có dấu vết, đó mới gọi là pháp nhãn Vô sở tùng sinh. Tất cả các pháp không có chỗ sinh ra, không có chủ thể mới gọi là pháp nhãn. Đối với tất cả các pháp không có chỗ nương tựa, không mong cầu, hy vọng; các pháp không tiến, không lùi, không đôi, không đơn, mới gọi là pháp nhãn. Các pháp không hình tướng, lìa tự nhiên, không hủy hoại, không đoạn diệt, không thức, không trần, không ngôn, không từ, không vô tướng, vô nguyện mới gọi là pháp nhãn. Các pháp lìa dục, vắng lặng, thanh thoát, pháp giới không nguồn gốc, an lập từ “bản tế”, không có tương ưng, không có không tương ưng, không có tướng, không có không tướng, không niệm, không thuyết giảng, không tư duy, không tạo tác, không sức lực, tất cả đều yếu kém, rộng lặng, không rõ ràng, không vững chắc, không lâu dài, không tịnh, chẳng không tịnh, chẳng phải thường, khổ, không, vô ngã, tịch tĩnh, giống như huyền, hóa, như việc thấy trong mộng, như tiếng vang, như sóng nắng, cây chuối,

bọt nước. Pháp nhãn giải thích về các pháp là như vậy. Đối tượng đáng nhãn cũng không có chỗ nhãn. Tất cả các pháp không có pháp, chẳng phải pháp, không có pháp khác, cũng không có vật khác hướng đến chiếu sáng, các pháp được giải thích như vậy. Quán sát những pháp này gọi là bản tịnh, nhận biết về không, không có, đó gọi là nhãn. Không dốc tâm tin tưởng vượt qua các dòng, không giữ tâm nghi ngờ, không sợ, không hãi, cũng không gì để lo sợ, tu thân với hạnh chân chánh, hoàn toàn không chấp nơi thân, không thấy có nơi chốn che chở của thân. Nay BỒ-tát Văn-thù-sư-lợi! Chỗ đạt đến của BỒ-tát là pháp nhãn Vô sở tùng sinh, chưa từng phế bỏ tất cả các tướng.

BỒ-tát Văn-thù-sư-lợi lại bạch Phật:

– Gọi là nhãn thì không có gì làm tổn hại mới gọi là pháp nhãn.

Khi ấy Thiên tử Thiện Trụ Ý hỏi BỒ-tát Văn-thù-sư-lợi:

– Thế nào là pháp làm tổn hại?

BỒ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

– Nay Thiên tử! Nên biết, đối tượng làm tổn hại mắt có thể là sắc, không thể là sắc; tai đối với âm thanh; mũi đối với hương, lưỡi đối với vị, thân đối với cảnh (xúc); điều suy nghĩ của ý có thể là pháp, không thể là pháp. Nay Thiên tử, nếu có BỒ-tát mắt thấy sắc mà hoàn toàn không có tướng thọ nhận,

không phân biệt đẹp, xấu, không luôn ghi nhớ, không có sự tương ứng, chẳng phải là không tương ứng, không tăng, không giảm, thấy rõ sắc vốn thanh tịnh thì đạt được "không tuệ"; không nhớ nghĩ, hiểu rõ không phải là sự tổn hại của các sắc. Tai, mũi, miệng, thân, ý cũng như vậy, đối với sáu tình (căn) không có gì tổn hại, không có chỗ chấp thì Bồ-tát này an trụ trong pháp nhẫn; đối với các pháp sinh không có vọng tưởng thì đối với các pháp không sinh cũng không có tưởng; đối với các pháp hữu lậu không có vọng tưởng thì đối với các pháp vô lậu cũng không có tưởng, không tưởng về pháp có tội, không tưởng về pháp vô tội, không nhớ pháp hữu vi, không tưởng pháp vô vi, không nghĩ về pháp thế gian, không nhớ về pháp vượt thế gian; đối với các pháp này không có tưởng nhớ nghĩ, đó là đạt được pháp nhẫn Vô sở tùng sinh.

Khi giảng nói pháp này có sáu vạn ba ngàn người đều phát đạo tâm Chánh chân vô thượng, một vạn hai ngàn Bồ-tát chứng được pháp nhẫn Vô sở tùng sinh.

Bấy giờ, Thiên tử Thiện Trụ Ý hỏi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

– Học đạo nhập vào bậc đạo là thế nào?

Bồ-tát Văn-thù bảo Thiên tử:

– Nay Nhân giả hỏi về nhập vào bậc đạo chẳng?

Thiên tử trả lời:

– Mong muốn được nghe để biết bậc đạo của Bồ-tát, Bồ-tát Văn-thù thường nói có mười bậc đạo lẽ nào không có nghĩa này sao?

Bồ-tát Văn-thù hỏi:

– Vừa rồi, Nhân giả hỏi về chỗ nhập vào địa?

Thiên tử đáp:

– Bồ-tát không nhập vào mười địa.

Bồ-tát Văn-thù nói:

– Ông không nghe Đức Thế Tôn nói tất cả các pháp giống như huyễn hóa sao? Ông tin lời này không?

Thiên tử đáp:

– Vâng, tôi tin.

Bồ-tát Văn-thù nói:

– Sự biến hóa của nhà ảo thuật lẽ nào có đầy đủ mười trụ địa sao?

Thiên tử đáp:

– Không có.

Bồ-tát Văn-thù nói:

– Ví như ảo thuật gia biến hóa ra có chỗ đến, có chỗ vào, tôi nghe đức Thế Tôn giảng thuyết tất cả các pháp đều như huyễn hóa nên không có chỗ nhập vào. Nay Thiên tử! Giả sử có người muốn giảng thuyết về chỗ nhập vào địa thì phải nói là không nhập, không có nơi đến. Vì sao? Vì tất cả các pháp đều không có chỗ nhập vào, pháp không đến pháp, sắc không nhập vào thông (thọ), thông

không nhập vào tướng, tướng không nhập vào hành, hành không nhập vào thức, thức không nhập vào sắc, sắc không nhập vào thức. Nói tóm lại, tất cả đều do bốn chủng, bốn đại tạo thành. Mắt không nhập vào tai, tai không nhập vào mắt; mũi, miệng, thân, ý cũng lại như vậy. Thân không nhập vào ý, ý không nhập vào thân. Tại sao? Vì các pháp này, chỗ hướng đến của chúng đều có cảnh giới đặc biệt khác nhau, vì tối tăm, không có tướng, không có sự nhận thức phân biệt về uế tạp, chướng ngại. Ví như cỏ cây, gạch, đá, tường vách, hình ảnh, tiếng vang, không có ngôn từ tức là cùng một loại tướng nên không có chỗ nhập vào, không đến, không đi. Thiên tử nên biết, nếu có Bồ-tát hiểu pháp như vậy thì đối với các pháp không có nhập vào, chẳng phải không có nhập vào, không có tướng, chẳng phải không có tướng, không thấy nhập vào đạo, không bỏ địa, đối với đạo Chánh chân vô thượng không hề thoái chuyển. Không có chỗ nhập vào là ở nơi pháp không mất. Vì sao? Vì các âm, nhập đều là tự nhiên; không mất tất cả sự chân chánh, thanh tịnh của chúng sinh. Đó là Bồ-tát nhập vào địa. Ví như nhà ảo thuật biến hóa ra lầu gác gồm mười tầng chồng lên nhau, lại hóa ra nhiều người ở khắp trên đó. Nay Thiên tử! Ý ông nghĩ thế nào? Có người ở trong các lầu gác đó chăng?

Thiên tử đáp:

– Không có.

Bồ-tát Văn-thù bảo Thiên tử:

– Mười địa của Bồ-tát nên quán sát như thế, cũng giống như huyễn hóa.

Thiên tử Thiện Trụ Ý hỏi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

– Giả sử có người đến xin muốn được xuất gia làm Sa-môn, thì giáo hóa như thế nào? Tại sao phải cạo bỏ râu tóc? Sao phải thọ giới cụ túc? Tại sao vị giáo thọ bảo họ nên tự giữ gìn?

Bồ-tát Văn-thù bảo Thiên tử Thiện Trụ Ý:

– Giả sử có người đến chỗ ta xin làm Sa-môn, thì ta bảo với thiện nam ấy: Nếu không phát tâm muốn được xuất gia thì tôi sẽ cho ông làm Sa-môn. Vì sao? Vì vị ấy có lập chí muốn xuất gia thì tâm không có chỗ trở về. Vị ấy không có chỗ trở về, cũng không có chỗ đến. Vị ấy không từ đâu đến thì không đi về đâu, trụ vào tất cả pháp không có chỗ đoạn dứt, tức là trụ nơi “không gốc”. Vị ấy trụ nơi “không gốc” rồi, qua lại trong pháp giới mà không hề chuyển động. Vị ấy ở trong pháp giới mà không có sự chuyển động tức là không chấp tâm. Vị ấy không chấp tâm là không mong muốn xuất gia.

Vị ấy không mong muốn xuất gia tức là không phát tâm làm Sa-môn. Vị ấy không phát tâm làm Sa-môn tức là không sinh. Vị ấy không sinh tức là diệt sạch các khổ. Vị ấy diệt sạch các khổ tức là hoàn toàn giải thoát. Vị ấy hoàn toàn giải thoát tức

là không có sự giải thoát, không có sự giải thoát tức là không thể tận diệt. Vị ấy không thể tận diệt là không có chỗ hành. Thiên tử hiểu như vậy rồi thì nên vì người ấy giải thích nghĩa này. Vị ấy đến chỗ ta cầu xin xuất gia, ta bảo thiện nam ấy chớ phát tâm làm Sa-môn. Vì sao? Vì tâm vốn không khởi, liền xa lìa tâm tôi.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi lại bảo thiên tử Thiện Trụ Ý:

– Giả sử có người đến chỗ ta cầu xin xuất gia, Ta sẽ bảo: “Này thiện nam! Ông không cạo bỏ râu tóc mới là đầy đủ nghiệp Sa-môn.

Thiên tử Thiện Trụ Ý hỏi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

– Lời này là thế nào?

Bồ-tát Văn-thù đáp:

– Như Lai thuyết pháp không có chỗ trừ bỏ, cũng không có chỗ hủy hoại.

Lại hỏi:

– Không trừ bỏ cái gì?

Đáp:

– Không trừ bỏ sắc, cũng không có chỗ hủy hoại, không trừ bỏ thọ, tưởng, hành, thức, cũng không có chỗ hủy hoại. Giả sử nghĩ: “Ta bỏ râu tóc” tức là trụ nơi ngã, chấp mình có thân; không chấp ngã, không tự tham thân thì thấy bình đẳng. Tham chấp thân mình mới chấp râu tóc thì thành

chúng sinh. Nhớ nghĩ đến sự trừ bỏ, vị ấy không nắm bắt mình, không nắm bắt người khác, không ta, không người, tức là không có ngã; đã không có ngã, không chấp có thân thì bỏ râu tóc không có nhớ, không có nghĩ. Vị ấy không có nhớ, không nghĩ, không tương ưng chẳng phải không tương ưng, không trụ nơi các loại tướng. Vị ấy không trụ vào các loại tướng thì không có lời dạy bảo. Vị ấy không có lời dạy bảo thì không tiến, không lùi, không đôi, không đơn, không tham đắm thân mình, không mặc ca-sa. Ca-sa của vị ấy là không cấu nhiễm. Vị ấy không có cấu nhiễm thì không sở hữu. Vị ấy không sở hữu tức là không có chỗ trụ. Vị ấy không có chỗ trụ tức là rỗng không, vắng lặng. Vị ấy rỗng không, vắng lặng chính là xuất gia.

Thiên tử Thiện Trụ Ý lại hỏi Bồ-tát Văn-thù:

– Gọi là nhớ nghĩ, vậy điều nhớ nghĩ của vị ấy là gì?

Bồ-tát Văn-thù trả lời:

– Bình đẳng đối với các pháp, không có hình tướng, không tên gọi, chỗ khởi niệm của phàm phu ngu muội là có nhiều vọng tưởng. Cho nên, Đức Thế Tôn dạy, đối với các pháp không có chỗ tạo tác, cũng không có hao mất, đó gọi là nhớ nghĩ.

Lại hỏi:

– Thế nào gọi là tạo tác?

Đáp:

– Nay Thiên tử! Phải bình đẳng hóa độ, đã bình đẳng hóa độ rồi, vị ấy đối với các pháp không có thủ đắc, không chứng đắc cũng không có chỗ đạt đến, không xét đoán, không thực hành, cũng không phải là không thực hành. Đối với các pháp ấy không khởi trụ bình đẳng, không tưởng về ngã, lại cũng không chấp nhân, thọ mạng, thức, chúng sinh ưa thích, đoạn diệt, chấp thường còn, các ám, nhập tướng, pháp Phật, chúng sinh, cũng không nhớ nghĩ đây là giới, đây là phá giới, phiền não, điên đảo, tạo lập, chúng quả, vọng tưởng, cầu vượt qua, dấu tích của đạo, đến, đi, không trở lại, không chấp trước, vọng tưởng về Duyên giác, bám víu vào Chánh giác; đây là thiện, đây là ác, đây là tội, đây là phước, đây là hữu lậu, đây là vô lậu, đây là nghiệp thế tục, đây là nghiệp xuất thế tục, đây là hữu vi, đây là vô vi, đây là không, vô tướng, vô nguyện, đây là minh, vô minh, đây là giải thoát, đây là lìa dục, đây là sinh, đây là tử, đây là diệt độ, phát khởi bao nhiêu là loại tưởng như thế, tập đạo, hành pháp như vậy, là sự nhớ nghĩ của phàm phu ngu muội. Còn việc làm của phàm phu ngu si là cao ngạo, tự đại. Những người này bị che phủ do chỗ kiến chấp của ma và quyền thuộc của ma. Vì thế, Đức Như Lai vì những hạng người này mà diễn bày ngôn từ, khiến cho họ cạo bỏ râu tóc, ở năm ám, phụng tu năm phẩm: Giới, định, tuệ, giải

thoát, giải thoát tri kiến.

Bấy giờ, Thiên tử Thiện Trụ Ý tán thán BỒ-tát Văn-thù-sư-lợi:

– Lành thay! Lành thay! BỒ-tát đã thật khéo nêu giảng! Đúng như lời Nhân giả đã chỉ dạy.

BỒ-tát Văn-thù-sư-lợi lại bảo Thiên tử Thiện Trụ Ý:

– Giả sử có người đến xin xuất gia, ta sẽ bảo: Nếu thiện nam không thọ giới cụ túc thì chính là ông đã đạt đầy đủ sự xuất gia.

Thiên tử lại hỏi BỒ-tát Văn-thù:

– Lời nói này là thế nào?

Đáp:

– Chỗ hướng đến của Thiên tử Thiện Trụ Ý là gì? Sao gọi là giới cụ túc? Giới cụ túc có hai loại. Một là giới chánh chân, hai là giới tà vạy. Giới tà vạy là thế nào? Là rơi vào điên đảo. Sao gọi là điên đảo? Là chấp lấy ngã, nhân, thọ mạng, trời buộc nơi đoạn diệt, chấp có thường còn, hoặc rơi vào tà kiến, tham dục, sân giận, ngu si, cao ngạo, tâm tự đại, hoặc ở nơi cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc mà nhớ đến sự buông lung, vọng tưởng, rơi vào sinh, diệt, khơi dậy dấu tích của tà vạy, không phân biệt thiện ác, tìm cách diễn bày lời sai quấy, không nhận biết chỗ hướng đến, rơi vào vô minh, trụ nơi các tà kiến. Giáo pháp như vậy đều trái với chánh luật, gọi chúng là tà vạy. Vì sao? Vì đạo vốn rỗng lặng, bình

đẳng. Pháp bình đẳng theo chỗ hành của Bồ-tát vẫn không bị thoái chuyển. Nay Thiên tử! Tuy không theo bạn ác nhưng không hiểu điều cốt yếu, vững chắc của sự quay về nên đối với các sự thọ nhận, nhận lấy điều không nên nhận rồi thực hành một cách buông thả, đó gọi là giới tà. Hoặc hỏi về tuổi tác và sự tu hành đề theo người đó thọ nhận thực phẩm của tín thí, rồi lại theo người khác xuất gia làm Sa-môn, mong cầu người đánh lễ, đón tiếp, không thể trừ diệt tham dục, sân giận, ngu si, đó là giới tà. Thế nào gọi là giới chánh? Giả sử tu tập một cách đúng đắn, không tương về bình đẳng. Đó là giới chánh. Tất cả các pháp hiểu rõ chúng là không, vô dấy khởi khởi niệm tu chứng, thực hành một cách kỹ càng, không có tướng, chẳng phải là không có tướng, không có tương ưng, chẳng phải là không tương ưng. Đó là giới chánh.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bảo Thiên Trụ ý:

– Giả sử ở nơi chốn tham dục, sân giận, ngu si, vô minh, khát ái, rơi vào nơi tham thân, theo sáu mươi hai thứ kiến chấp, hoặc bốn điên đảo, ba phẩm hành ác, tám tà, chín phiền não, chín thần chỉ xứ, mười nghiệp bất thiện, tuy ở trong đó nhưng không bị ràng buộc thì đây là giới chánh. Ví như tất cả vạn vật, trăm thứ thóc lúa, cỏ cây, các loại thuốc được sinh ra là đều do từ đất mọc lên và được nuôi lớn. Đất ấy thân nhiên không hề nhớ nghĩ, cũng không cho ta là mảnh đất tốt tươi. Nay Thiên

tử! Việc giáo hóa lớn thành tựu được là đều do giới lập nên. Muốn thành tựu đầy đủ về việc kiến lập đạo pháp thì hành giả tu ba mươi bảy phẩm, không tương về pháp, không có chỗ đặt để, không niệm về giới đầy đủ, thành tựu và không thành tựu, không chấp vào cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc, không bị mê lầm, nương tựa ba cõi. Đó gọi là giới cụ túc. Nếu lập giới cấm làm thành các pháp tín, các pháp nhẫn, tâm tánh hòa dịu, nuôi dưỡng thành đạo, kiến lập hạnh như vậy, dốc tâm tin giới, liền thành tựu chỗ cốt yếu của ba mươi bảy phẩm đạo pháp. Đó là Giới cụ túc của Thanh văn, Duyên giác, chư Phật trong đời quá khứ, hiện tại, vị lai, cho đến ba môn giải thoát, hóa độ những người xuất gia được siêu việt.

Thiên tử Thiện Trụ Ý nói:

– Rất hay, thật khó sánh kịp! Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi khéo giảng nói về giới cụ túc. Người có thể thọ giới cụ túc như vậy tức là hành nghiệp chân chánh, chẳng phải là nghiệp tà vạy.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi lại bảo Thiên tử Thiện Trụ Ý:

– Giới cụ túc của người xuất gia như vậy, nếu ở đây được vị giáo thọ truyền trao, ban bố đầy đủ như thế thì thiện nam ấy không phát sinh giới. Đó là học giới.

Thiên tử hỏi:

– Lời nói này nghĩa là gì?

Bồ-tát Văn-thù đáp:

– Tất cả các pháp đều không có chỗ sinh khởi, cũng không có chỗ thọ nhận. Vị ấy có thọ lãnh giới tức là thọ nhận ngã, cũng chấp vào ba cõi nên sinh ở trong đó. Ý của Thiên tử nghĩ sao? Thế nào gọi là giới?

Thiên tử đáp:

– Giữ gìn hạnh Sa-môn, gồm có hai trăm năm mươi điều.

Lại hỏi:

– Sao gọi là giữ gìn?

Đáp:

– Bảo vệ thân, miệng, ý gọi là giữ gìn.

Hỏi:

– Hai trăm năm mươi điều đầy đủ đều là giới cụ túc, không phải là thân hành, cũng không có đối tượng tạo tác, cũng không nên tạo tác thì sao có thể ở chỗ có nơi chốn? Màu xanh, vàng, trắng, đen, hồng, tím, là có chỗ hướng đến chăng?

Đáp:

– Không có.

Lại hỏi:

– Có sao không có?

Đáp:

– Do chúng không thể có nơi chốn.

Hỏi:

– Vì sao?

Đáp:

– Vì không có chỗ hành.

Bồ-tát Văn-thù lại hỏi:

– Cái không có, có thể gọi là thuyết giảng chẳng? Sự vật là như vậy chẳng?

Đáp:

– Không thể.

Bồ-tát Văn-thù nói:

– Này Thiên tử! Vì vậy ông nên dấy khởi pháp quán này: Đã gọi là giới cấm thì không thể thọ lãnh. Ở đây nói ưa thích giới cấm tức là đầy đủ giới đức. Tâm của vị ấy thanh tịnh, hòa dịu, trí tuệ thông suốt, hành giả như vậy đều không có sở hữu thì không có gì làm lay động, hoàn toàn không có chỗ hướng đến. Giới không có cái để đạt được là giới chân thật, không nắm bắt nơi chôn của tâm là tâm thanh tịnh, không đạt đến trí tuệ là trí tuệ chân thật, tâm không tạo tác là không có chỗ nhớ nghĩ. Vị ấy không có chỗ phát sinh, đó gọi là giữ gìn tâm. Giới được đầy đủ đều như vậy. Thực hành giới, trí tuệ như thế, không nắm bắt chỗ của tâm, không nghĩ về giới cấm, không đạt đến trí tuệ. Nếu có thể hiểu rõ về trí tuệ không nơi chôn thì tất cả đều hòa hợp không có các nghi ngờ, nhận thức rõ về đạo giáo, không thấy nghĩa bất thiện của các pháp. Vị ấy đối

với các pháp không thấy bất thiện thì không thọ giới. Vị ấy không thọ giới cũng không phá giới. Vị ấy muốn học giới tức vị ấy tu giới. Vị ấy tu giới tức không bị lùi lại. Vị ấy không bị lùi lại nên được gọi là giải thoát. Vị ấy giải thoát tức không bị ràng buộc. Vị ấy không bị ràng buộc tức là vô lậu. Vị ấy vô lậu tức là thực hành bình đẳng. Vị ấy thực hành bình đẳng tức là không không có chỗ chứng đắc, cũng không thọ giới. Vì vậy, các pháp bình đẳng như hư không, vì biết chúng là không. Vì sao? Vì hư không ấy tức là không có chỗ hành. Nay Thiên tử! Học giới như thế thì không có giới cấm. Cấm giới ấy thì cái gì gọi là giới! Vị ấy không học giới, học giới nên như vậy tức là học cái không. Sao gọi là không? Không ưa thân, miệng, không thích tâm ý của mình, không có nhiệm, chẳng phải là không có nhiệm, đó là giới của Hiền Thánh.

Người trụ như vậy tức là không có chỗ trụ. Vị ấy không có chỗ trụ là học giới bình đẳng. Thiên tử hãy lắng nghe, người xuất gia làm Sa-môn như vậy là đầy đủ giới, hoặc đây là ý nghĩa của giới cấm. Giả sử người ấy có thực phẩm, y phục đầy khắp ba ngàn đại thiên thế giới thì những vật hiện có trong đó đều có thể thanh tịnh cả. Công dụng của vật thực là cứu giúp rất nhiều đối tượng, hoàn toàn là có thực, tất cả đều nhờ giới thanh tịnh đưa đến như vậy.

Thiên tử lại hỏi:

– Hôm nay Bồ-tát Văn-thù thuyết pháp này cho ai?

Bồ-tát Văn-thù đáp:

– Vì những người thọ nhận sự bố thí, những người có thể gạn gủi. Những người ấy hoàn toàn thanh tịnh, có thể đạt đến nghĩa này, như vậy mới là thanh tịnh. Vị ấy không gạn gủi, không thọ nhận, không đạt đến người này, không nhớ nghĩ, không tu tập, không tư duy về ai thọ nhận, ai gạn gủi, ai có thể hoàn toàn thanh tịnh, như vậy mới chính là chánh tịnh. Vị này đáng xưng dương là Đấng Chúng Hựu (Thế Tôn). Tất cả các pháp rốt ráo đều là không, không có chỗ phát sinh trí tuệ. Đó là đấng Chúng Hựu vô cùng thanh tịnh. Hàng phàm phu có thể đầy đủ bậc Chúng Hựu nhưng La-hán thì không thể. Vì sao? Vì hàng phàm phu có thể thọ nhận, gạn gủi, đạt đến sự nhận thức phân biệt, tư duy tinh tường. Ta nên thưa hỏi, thọ nhận, tư duy quán sát, thực hành, có thể bố thí, có thể thương yêu, tức là có thể hoàn toàn thanh tịnh: Sao gọi là hoàn toàn thanh tịnh? Xoay vắn qua lại, chết rồi lại sinh. Chỗ sinh ra, các căn được trong sạch. Bậc A-la-hán không có nghĩa của các âm, nhập, không thể xoay vắn thì sao có thể hoàn toàn thanh tịnh? Ai là người thanh tịnh thì vị ấy nhận lãnh phước đức khát thực, do chủ bố thí, làm thanh tịnh ba phẩm tràng, sau đó nhận thức ăn. Ba phẩm là gì? Một là không chấp ngã, cũng không có người nhận. Hai là không chấp

người thí cũng không vật bố thí. Ba là không chấp nơi sinh tử xoay vần và cảnh giới hoàn toàn thanh tịnh. Đó là ba. Người thanh tịnh như vậy thì không có cái hoàn toàn thanh tịnh. Nay Thiên tử! Vì thế ta nói lời này, thực phẩm, y phục, hiện có khắp ba ngàn đại thiên thể giới đều có thể hoàn toàn thanh tịnh, không có chút gì chướng ngại. Đó là Đấng Chúng Hựu chân chánh ở đời, mới là người xuất gia, gọi là Sa-môn.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bảo Thiên tử Thiên Trụ Ý:

– Người xin xuất gia, ta phải bảo: Nếu muốn xuất gia làm Sa-môn thì thiện nam không ở nơi nhàn rỗi thanh vắng, không ở nhân gian, không xa, không gần, chẳng sinh, chẳng diệt, không ở một mình, không ở nơi nhiều người, không ở trong chúng hội, không ở nơi che khuất, không đi khát thực, không nhận người mời, không mặc y rách, không mặc y phục chằm vá nhiều mảnh, không mặc y phục bạch y, tại gia, không ở nơi hoang vắng, không ở phòng nhà, không cầu ít, cũng không cầu nhiều, không biết vừa đủ, cũng không có gì không đủ, không tu hành, cũng không phải là không tu hành, không gò bó cũng không buông thả, không trí, không ngu, không tuệ, không ám; thực hành về những thứ không như vậy không như đây mới là đầy đủ. Vị ấy chấp thân ta có cử động, lui tới, nếu ở nơi vắng lặng thì hành khát thực, quán

sát trí tuệ của mình, không xa lìa sự sáng suốt. Nay Thiên tử, những người này không đạt được nghĩa chân chánh về sự quán sát không tuệ. Đây là phát khởi tâm có sự tao tác. Vì sao? Vì đối với vị ấy như thế là mong cầu vọng tưởng, vướng mắc nhiều chỗ, thân mình còn không có huông gì có người khác, các pháp trở về "không tuệ" thì thấu đạt về vô sinh, sao lại muốn gò bó về công đức, ở nơi vắng vẻ một mình? Chưa từng có việc ấy! Nay Thiên tử! Vì vậy, vị nào có thể chế ngự như vậy, bình đẳng trong việc tu hành, không vọng tưởng thì ta bảo vị ấy biết chế ngự lớn. Nếu Thiên tử chế ngự tham dục, sân giận, ngu si thì hiểu rõ năm ấm, bốn đại, các loài ở trong ba cõi, nhập vào sự chế ngự vô tận này để biết vừa đủ, không nhận lấy, không xả bỏ, không để tu hành cũng không phải là không tu hành, không có sự điều hòa, không phải là không điều hòa, không vắng lặng, không khiến cho diệt tận. Vị ấy có thể chế ngự được. Pháp như vậy là không cùng hòa hợp với phiền não trong ba cõi. Vị ấy mới gọi là người biết chế ngự, chỗ dừng thanh tịnh là không nơi chốn, không có chỗ chấp. Lại nữa, nay Thiên tử! Giới cụ túc của Như Lai, nếu có người đến cầu xin đầy đủ giới cấm thì ta sẽ vì người đó mà nói: Nay thiện nam! Không biết Khổ đế, không đoạn Tập đế, không chứng Diệt đế, không tu Đạo đế, hành giả như thế thì có thể thấy đế chân chánh. Vì sao? Vì đế chân chánh thì không có Khổ đế, không

có đoạn Tập, không có Tập, chẳng tu tập, cũng không có Diệt, không vì chứng Diệt, cũng không có Đạo, hành không mục đích. Này thiện nam! Không phụng hành bốn ý chỉ mới là bình đẳng. Vì sao? Vì cho là không có ý cũng không có niệm, không cầu các pháp, đó là thân mình, tạo dựng chỗ trụ của ý thì vị ấy không có ý, không có chỗ nhớ nghĩ, không có thân thọ, không có tâm, không có pháp, thì lo sợ gì có hoạn nạn? Nếu không thực hành Bốn ý chỉ, đó là thành tựu đầy đủ pháp thiện. Vì sao? Vì pháp thiện thì không có chỗ bất thiện ở trước nó, cũng không có pháp thiện, không đoạn diệt, không sinh khởi. Không đoạn diệt, không sinh khởi, đó gọi là nghĩa Đẳng bình đẳng, chân chánh, an ổn. Vị ấy đạt đến bình đẳng, như vậy mới gọi là hạnh bình đẳng. Này thiện nam! Nếu không thực hành Bốn thân tức, không có buông lung, thực hành Bốn đẳng tâm, Năm căn, Năm lực và Bảy giác ý, Tám chánh đạo, thì ngang bằng với việc phụng hành ba mươi bảy phẩm pháp, không đề cao, không hạ thấp, không nói năng. Đó gọi là hành đạo. Này thiện nam! Chú tâm vào ba mươi bảy pháp đạo phẩm thì đối với các âm thanh từ lời dạy của Hiền Thánh không bị cuốn theo dòng chảy. Nếu có thể chuyên tu tập noi theo sự tu hành ấy thì không nhận biết các pháp, cũng không tạo sự tu chứng. Vì sao? Vì điều này có thể cho ba mươi bảy pháp đạo phẩm chỉ có giả danh thôi, quán sát về

giả danh ấy do vọng tưởng sinh ra, xem xét tướng của chúng cũng không có tướng thì bị nước cuốn trôi cũng nhờ đó xoay vần trở lại, sự xoay vần ấy không có tác hại, loại bỏ danh này rồi thì không có chỗ chúng đắc, giống như quán sát ba mươi bảy pháp đạo phẩm, cũng không có chỗ đoạn trừ.

Thiên tử lại hỏi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

– Thế nào gọi là Tỳ-kheo ưa thích tu hành một mình ở nơi thanh vắng?

Bồ-tát Văn-thù đáp:

– Giả sử phân biệt các pháp cùng một loại tướng bình đẳng như hư không, đều không có pháp tu tập, không có chúng sinh, đó gọi là tu hành. Lại nữa, tu hành là không ở đời này, không do đời sau, ở trong ba đời đều không có chỗ tu hành, cho đến tất cả pháp cũng không có gì tu tập, hiểu rõ các pháp hư giả, không thật, đó là tu hành. Việc tu hành ấy tức là đối với các pháp không có đôi, không có đơn, không có tương ưng, chẳng phải là không có tương ưng, đó là tu hành.

Khi đó, vô số người trong chúng hội đều ngần ngại không quyết định, tâm sinh ra nghi ngờ: “Đây là nghĩa gì? Phải tu tập như thế nào? Do gì mà bày tỏ? Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác diễn nói ba môn giải thoát, chúng được Niết-bàn, nếu có thể tạo được sự tu chúng ba mươi bảy pháp đạo phẩm thì đạt đến diệt độ. Nay Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói

như thế không phải là điều làm rối loạn giáo pháp sao?”.

Ngay lúc ấy, BỒ-tát Văn-thù-sư-lợi nhận biết sự hoài nghi trong tâm của tất cả chúng hội và các Tỳ-kheo, nên nói với Tôn giả Xá-lợi-phất:

– Này Nhân giả! Ông vì đại chúng gánh vác việc lớn nên làm cho hết thấy đều tin tưởng đó là điều được Như Lai, bậc Đại Trí Tuệ tối thắng khen ngợi. Lại nữa, này Hiền giả! Thân xa lìa pháp dục nơi trần tục để tạo lập sự tu chứng. Nhân giả! Từ lâu chỉ mong đạt được bốn đế và tạo sự tu chứng ba mươi bảy phẩm và ba môn giải thoát sao?

Tôn giả Xá-lợi-phất nói:

– Không. Tôi không nắm bắt pháp, nên đâu có thể tạo lập sự tư duy và tu hành. Vì sao? Vì tất cả các pháp đều không có chỗ nhận thấy, cũng không có chỗ sinh ra, rỗng lặng, không có lời dạy về “không”, không chứng “không”.

Khi giảng nói lời này, có ba vạn Tỳ-kheo dứt sạch hết các lậu, tâm ý giải thoát.

Thiên tử Thiện Trụ Ý khen ngợi BỒ-tát Văn-thù-sư-lợi:

– Đúng là Nhân giả đã dùng trí tuệ để tuyên giảng pháp nhãn sâu xa vi diệu, làm phát khởi hạnh “không”.

BỒ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

– Tôi không dùng trí tuệ, chỉ tất cả kẻ phàm phu

mới mong cầu dùng trí tuệ. Vì sao? Vì những hạng ấy luôn nắm giữ, khiến chuyển thành hai thứ chỗ chấp, rơi vào các nẻo địa ngục, ngã quý, súc sinh, các trời và loài người, điều nhận biết bị dẫn dắt. Giả sử Thiên tử vì ba cõi mà lần lượt dẫn dắt, xoay vần không có giới hạn thì chỗ hướng đến chẳng phải là một, chỗ thọ thân sinh ra cũng đều khác nhau, đó là sự dẫn dắt, theo sự xuống lên của nó. Sự dẫn dắt, như vậy nối tiếp không ngừng, do đó, họ không nhận biết “bản thể”, ở trong nguồn gốc phiền não khổ vui của sinh tử. Lại nữa, này Thiên tử! Phạm phu ngu muội không có trí, không nghe biết, cùng với dục hòa hợp; đôi với sân giận, ngu si cũng hòa hợp như vậy. Báo ứng, các kiến chấp, danh sắc cùng lẫn lộn với phiền não. Chư Phật, Bồ-tát, Duyên giác, Thanh văn đạt đến pháp nhẫn nên không bị sự dẫn dắt xuống lên. Vì sao? Vì những bậc này, thân miệng ý chưa từng sinh khởi tạo lập, chỗ xoay chuyển không nắm bắt thì lên xuống nơi chỗ nào trong ba cõi? Cho nên, những vị ấy luôn dẫn dắt trí tuệ. Nếu càng thọ thân không buông bỏ là nắm giữ trí tuệ.

Thiên tử lại hỏi:

– Nhân giả đã nói đến sự hủy hoại trí tuệ chẳng?

Đáp:

– Không.

Lại hỏi:

– Vì sao phải hủy hoại khiến không còn có chỗ đoạn trừ?

Đáp:

– Những người học này là những người hủy hoại trí tuệ. Nếu không hủy hoại, không có chỗ đoạn trừ thì không có trí tuệ tịch diệt.

Lại hỏi BỒ-tát Văn-thù:

– Nhân giả không có điều này chăng?

Đáp:

– Không có.

Lại hỏi:

– Vì sao vậy?

Đáp:

– Vì có dẫn đi thì có trở lại. Nếu có đi lại thì có việc này. Nếu ai không có đi thì không có trở lại, hiểu rõ các pháp có xoay vần thì không có sự dẫn đi, cũng không có sự trở lại.

Lại hỏi BỒ-tát Văn-thù:

– Chương cú nào là đứng đầu?

Đáp:

– Câu nêu về “Ngã” như vậy là đứng đầu.

Lại hỏi:

– Nghĩa là thế nào?

BỒ-tát Văn-thù-sur-lợi đáp:

– Nếu có BỒ-tát đối với nghĩa của một chữ, một

câu mà không động thì đối với câu ấy còn trở lại phân biệt về bốn nghĩa. Những gì là bốn câu giải thích? Một là luôn luôn xét kỹ. Hai là hiểu rõ nghĩa “không”. Ba là phân biệt không có hình tướng nên đều không có chỗ sinh khởi. Bốn là đối với các đối tượng nhận biết không cho là nhận biết, không cho là hoạn nạn, không tạo tác hai việc. Đó là các câu đứng đầu.

Khi ấy, Đức Phật khen ngợi BỒ-tát Văn-thù-sư-lợi:

– Lành thay! Lành thay! BỒ-tát Văn-thù-sư-lợi mới có thể tuyên giảng, đạt đến nghĩa “Tổng trì”.

BỒ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

– Con không có “Tổng trì”. Vì sao? Vì không có chỗ chứng đắc nên không có thể nắm giữ. Kẻ phàm phu ngu muội mới đạt đến “Tổng trì”. Chư Phật, BỒ-tát không có chỗ đạt đến. Vì sao? Vì người mê lầm thì có nhiều chỗ nắm giữ. Nắm giữ ở đâu? Nương vào ngã chấp nhân, thọ mạng, nắm giữ đoạn diệt và chấp có thường còn, chấp chặt về tham dục, sân giận, ngu si, ôm giữ vật sở hữu, khát ái, tham thân, tự thấy năm ấm, bốn đại và các nhập, tư tưởng nhiều suy nghĩ để trở lại mong cầu, rơi vào sáu mươi hai thứ nghi của bao nhiêu tà kiến, có chỗ đạt được thì vội nắm giữ. Vì vậy, bạch Thế Tôn! Kẻ phàm phu ngu muội đạt được “Tổng trì”. Vì sao? Vì phàm phu ôm giữ pháp ở trong tâm

niệm. Chư Phật Thế Tôn đều không có chỗ nắm giữ. Thanh văn, Duyên giác, các Bồ-tát cũng như vậy. Cho nên, phàm phu đạt được Tổng trì.

Bấy giờ, Thiên tử Thiện Trụ Ý hỏi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

– Vừa rồi Nhân giả nói không đạt được Tổng trì thì phải dùng ý nào để giáo hóa năm đường?

Đáp:

– Năm đường ấy không có chỗ tạo tác. Vì sao? Vì ta đã tiêu trừ đầu mối của năm đường rồi, khiến các đường đó không biết nơi chốn. Chỗ hướng đến của chư Phật, Duyên giác, Thanh văn, kẻ phàm phu ngu muội không thể hướng đến được. Vì sao? Vì phàm phu phần nhiều rơi vào sinh tử. Các bậc minh trí tiêu trừ các đường, bậc Tu-đà-hoàn (Đạo tích) cũng vậy, còn không xa lìa sinh tử, hướng gì đối với phàm phu ngu muội? Cho nên, thân ta tiêu trừ các đường tức không đạt được “Tổng trì”. Vì sao? Vì không có chỗ đạt đến được thì nắm giữ cái gì?

Khi giảng nói lời này, trong chúng hội có năm trăm Tỳ-kheo phỉ báng kinh này, bỏ đi, thân hiện tại liền bị rơi vào địa ngục lớn.

Lúc ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất nói với Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

– Nhân giả hãy dừng lại, chớ giảng tiếp pháp sâu xa ấy! Năm trăm Tỳ-kheo nghe kinh này đã nghi ngờ, không bằng lòng hội nhập, tự ý nhục mạ,

tự cho mình tôn quý, nên bỏ đi. Tâm phỉ báng, làm rối loạn kinh điển rộng lớn thì thân hiện tại bị rơi vào đại địa ngục.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

– Nay Tôn giả Xá-lợi-phất! Chớ có nói lời này, chớ giữ tâm nghi ngờ, chớ có xét đến đúng sai, chớ do dự, không thấy có pháp rơi vào địa ngục, chỉ quán sát các pháp không có phỉ báng. Vì sao? Vì tất cả các pháp đều không có chỗ sinh khởi, chỉ nhằm vì Tôn giả mà nói lời ấy. Tôn giả khiến tôi ngừng nghĩ không giảng nói kinh điển này. Giả sử, thiện nam từ thiện nữ nhâm lẫn, nương chấp vào tướng ngã, nhân, thọ mạng, hoặc hằng hà sa kiếp cúng dường Như Lai, hầu hạ Thánh chúng, tùy theo nhu cầu an ổn, đều cung cấp mọi sự cần thiết, suốt cả cuộc đời cũng không lười nghĩ; hoặc có người nghe giáo pháp sâu xa vi diệu này cho là khó hiểu. Pháp khiến tất cả thế gian có thể mong nghe là ý nghĩa về không, vô tướng, vô nguyện, giải thoát, vắng lặng, trở về nơi diệt độ, không sinh, không diệt, không nhân, thọ mạng, vô thường, khổ, không, vô ngã, hoặc có thể được nghe những kinh như thế này; nghe mà phỉ báng thì thiện nam thiện nữ ấy bị rơi vào địa ngục lớn; ở trong địa ngục bỗng nghe kinh này liền được thoát ra, luôn tin tưởng kinh sâu xa mà được giải thoát. Thiện nam thiện nữ trải qua hằng hà sa kiếp cúng kính Như Lai, cúng dường Thánh chúng, nhưng vì chấp vào

ngã, nhân và thọ mạng mà không đạt đạo thì nghe pháp này mau được giải thoát.

Đức Phật khen ngợi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

– Lành thay! Lành thay! Đúng như lời Bồ-tát đã nói! Kinh này tôn quý vi diệu, nếu xuất hiện trong đời giống như Đức Phật xuất hiện không có gì sai khác. Đối với Đạo tích, Vãng lai, Bất hoàn, Vô trước (Bốn quả Thanh văn) và đối với thừa Duyên giác, Bồ-tát, Đại thừa đều được thọ ký. Đây là tôn quý nhất, rất ít kinh sánh bằng. Vì sao? Vì không chấp ngã, nên chỗ tu tập bình đẳng, không có gì nắm bắt, cho đến Niết-bàn cũng lại như vậy. Giả sử có nhớ nghĩ, nhận biết, nói có chỗ chứng đắc tức là rơi vào điên đảo.

Đức Phật bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:

– Năm trăm vị Tỳ-kheo này ở trong địa ngục, mau chứng được diệt độ hơn người ngu ở nơi đây trăm năm giữ gìn giới luật; hết thấy dù biết ngừng đủ cũng rơi vào sáu mươi hai tà kiến điên đảo. Vì sao? Vì chưa từng được nghe pháp thâm diệu này, không có tướng giải thoát. Thiện nam, thiện nữ nào nghe kinh sâu xa này lãnh hội, suy nghĩ, thì mau chứng đạt đạo quả Chánh chân vô thượng, hơn những người nghi ngờ khác, mê lầm rơi vào điên đảo. Trong khoảng khắc phát tâm, vị ấy tin tưởng, ưa thích kinh sâu xa này, tức mau chóng được giải thoát.

Thiên tử Thiện Trụ Ý hỏi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

– Nhân giả! Lạc, Ngã, Tịnh, tu phạm hạnh không có cầu nhiễm chẳng?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

– Nay Thiên tử! Đúng vậy! Chính là tu phạm hạnh. Giả sử thân ông không khuyến khích phạm hạnh, không tu phạm hạnh mới có thể như vậy.

Hỏi:

– Nghĩa là thế nào?

Đáp:

– Vị ấy có sự nhận lấy, đó là tu hành. Vị ấy không nhận lấy thì tu tập ở đâu? Có thể gọi là tu hành chẳng?

Thiên tử lại hỏi:

– Như hiện nay Nhân giả không tu phạm hạnh sao?

Bồ-tát Văn-thù đáp:

– Không.

Lại hỏi:

– Chẳng hành tịnh hạnh chẳng?

Đáp:

– Không tu tịnh hạnh. Như Thiên tử nói, thì vì những gì nên không tu phạm hạnh? Không nhà cửa, không phạm hạnh, không nhận lấy, không mê lầm, không có sự tu tập, cũng không phạm hạnh,

không phải là không phạm hạnh. Giả sử người học đạo thanh tịnh; phạm hạnh thì không có sự tu tập, cũng không phải là chẳng tu tập, như vậy mới gọi là đại tịnh phạm hạnh. Này Thiên tử! Hành tham dục, sân giận, ngu si mới là chánh hành. Ra vào trong cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc, đó là tịnh hạnh. Thương xót chúng sinh, vị ấy không hành tham dục, sân giận, ngu si, không du hành nơi ba cõi, đó không phải là chỗ tịnh tu, cũng không có chỗ tu tập, mới gọi là hành.

Thiên tử Thiện Trụ Ý nói:

– Lành thay! Lành thay! Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đã diễn bày biện tài không có chướng ngại.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

– Giả sử ông nêu bày biện tài cũng không có chướng ngại, chứng được vô ngại biện, có chỗ thủ đắc chăng? Vì sao? Vì chấp ngã nên có chỗ bám víu tức là chướng ngại.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi lại bảo Thiên tử Thiện Trụ Ý:

– Người muốn dùng hình tượng này để cầu phạm hạnh thanh tịnh thì dù Nhân giả không cần đao, kiếm, nhưng lại sát hại tất cả thân mạng chúng sinh; dù không cầm mâu, kích, ngói, đá, gậy to mà tự nhiên gây nguy hiểm mới là tâm từ.

Thiên tử lại hỏi:

– Lời này nghĩa là thế nào?

Bồ-tát Văn-thù đáp:

– Đó là nghĩa hướng đến của các loài chúng sinh.

Thiên tử nói:

– Giả có tên gọi thôi nhưng chấp có ngã, mới có chúng sinh, loài hữu tình nhận lấy tư tưởng nên gọi là chúng sinh; nương tựa nơi điên đảo, tham chấp có thân nên gọi là chúng sinh. Vì sao?

– Này Thiên tử! Tham chấp ngã, tướng nhân, thọ mạng, do có giả hiệu mà diễn bày danh tự. Tôi sẽ dùng gươm trí tuệ sắc bén chặt bỏ sự nguy hại đó; luôn dùng nghĩa này để bảo vệ chúng sinh, khiến không thấy bị trói buộc, phải làm cho tiêu tan hết, không nhận biết chỗ trở về của các thọ, không có chỗ đoạn trừ. Này Thiên tử! Nên hiểu nghĩa này, trừ bỏ tướng về ngã, tức là làm tiêu tan tất cả vọng tưởng của chúng sinh, không rơi vào sát sinh, không giữ tâm làm hại.

Bồ-tát Văn-thù-su-lợi lại nói với Thiên tử Thiện Trụ Ý:

– Muốn khiến cho thân ông được thanh tịnh, tu phạm hạnh thì hoặc có thể phạm mười nghiệp ác, cũng tùy thuận theo tất cả những việc tối tăm, lại không tu các pháp thiện.

Thiên tử Thiện Trụ Ý lại hỏi:

– Lời nói này nghĩa là thế nào?

Bồ-tát Văn-thù-su-lợi đáp:

– Làm bình đẳng những việc tối tăm, làm bình đẳng những việc trong sạch cũng như vậy.

Lại hỏi BỒ-tát Văn-thù-sư-lợi:

– Những việc tối tăm dùng cái gì làm bình đẳng?

Đáp:

– Vì không có sự tạo tác, không lui sụt nên gọi là bình đẳng. Sự tối tăm của tất cả các pháp cũng như vậy. Sự tối tăm mà bình đẳng thì sự sáng tỏ cũng bình đẳng, vì không nghĩ tưởng.

BỒ-tát Văn-thù hỏi:

– Dùng duyên gì để tin tưởng nơi pháp trong sạch?

Thiện Trụ Ý đáp:

– Sở dĩ tin tưởng pháp trong sạch là dùng pháp giới không có nguồn gốc của chúng.

– Ý của Thiên tử Thiện Trụ thế nào? Có thể khiến không có nguồn gốc và pháp giới thì việc tu hành trở thành lẩn quẩn chăng?

Đáp:

– Không!

BỒ-tát Văn-thù-sư-lợi bảo:

– Vì vậy, tôi nói, giả sử có thể thực hành bình đẳng những việc tối tăm, không tu trong sạch thì như vậy chính là tướng có thể tu tập phạm hạnh thanh tịnh.

Lại bảo Thiên tử:

– Nếu dùng kiếm đâm vào đầu, sát hại người ấy thì mới là tu phạm hạnh.

Lại hỏi:

– Nghĩa là thế nào?

Đáp:

– Diệt trừ tham dục, sân giận, ngu si, tự đại, cao ngạo, ganh ghét, dua nịnh, phóng túng v.v... để nhận lấy sự hy vọng theo các hành âm, đó gọi là làm tổn thương. Này Thiên tử! Nếu có người tu hành tinh tấn, tự bảo vệ mình, tâm tham dục khởi lên liền diệt trừ, ngoài ra không xa lìa tịch diệt. Đó gọi là “không”, không nhập vào các điều trái nghịch. Hiểu rõ tâm dục, nhận biết như Chân đế nó vốn không thật có. Tâm này không từ đâu sinh cũng không từ đâu diệt thì ai đến làm cầu nhiệm? Ai bị cầu nhiệm? Lẽ nào có cầu nhiệm sao? Lại càng suy nghĩ, quán sát thì dục không thể nắm bắt được; không thấy người cầu nhiệm, cũng không bị cầu nhiệm, tức là không có chỗ chứng đắc; không có chỗ chứng đắc thì không có chỗ sinh khởi; không có chỗ sinh ra thì không có chỗ xả bỏ; không có chỗ xả bỏ thì không có chỗ nhận lấy; không có chỗ nhận lấy thì không có chỗ tu tập; không có chỗ tu tập thì gọi là thành tựu. Sắc, thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Năm âm, sáu suy (sáu trần), mười hai nhân duyên, tâm không cầu nhiệm; hễ có phát khởi là có làm tổn hại, như vậy mới gọi là giết

người, gây tổn hại; đánh vỡ đầu đó là nghĩa trở về.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bảo Thiên tử Thiện Trụ Ý:

– Vì thế, tôi bảo nên làm hại như vậy là tu phạm hạnh thanh tịnh, cũng nên xa lìa Phật, pháp, và Thánh chúng.

Thiên tử Thiện Trụ Ý lại hỏi:

– Lời nói này nghĩa là như thế nào?

Bồ-tát Văn-thù đáp:

– Nghĩa là đạo tuệ.

Lại hỏi:

– Nên tin tưởng ở đâu?

Đáp:

– Nên tin tưởng ở chỗ “không gốc” và pháp giới.

Thiên tử Thiện Trụ Ý lại hỏi:

– Có thể nắm giữ “không gốc” và pháp giới không?

Đáp:

– Không. Vì vậy, tôi nói là nên xa lìa đôi với Phật, pháp.

– Thánh chúng là thế nào?

Đáp:

– Nhân duyên hòa hợp nên gọi là Thánh chúng. Thánh chúng ấy không có tập hợp mà làm đệ tử của Phật nên gọi là Thánh chúng.

Lại hỏi:

– Ý của Thiên tử thế nào? Thánh chúng không có tạo tác, không có tập hợp thì có thể lìa dục không?

Đáp:

– Không.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

– Vì vậy tôi nói, nếu xa lìa Thánh chúng thì thích tu phạm hạnh. Lại nữa, này Thiên tử Thiện Trụ! Người nắm bắt quả vị Phật thì gọi là chấp, nắm bắt Thánh chúng thì gọi là chấp, không được lìa dục. Người xả bỏ chúng hội tức là lìa dục. Gọi là lìa dục tức là dấu tích của pháp giới.

Thiên tử Thiện Trụ Ý tán thán Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

– Khó sánh kịp! Khó sánh kịp! Thật chưa từng có!

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bảo:

– Thiên tử nên tu tập những việc không trở lại chuyển đổi, chớ nắm bắt sự hiểu thuận.

Lại hỏi:

– Thế nào là không hiểu thuận?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp

– Này Thiên tử Thiện Trụ Ý, tôi không trở lại cũng không phải là chẳng trở lại.

Thiên tử Thiện Trụ Ý lại hỏi:

– Lời này nghĩa là gì?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi trả lời:

– Hễ có tạo tác hoặc hủy hoại thì đều phát khởi bao nhiêu sự việc nên đều hướng đến đường khác, thọ thân không giống nhau, đều chịu sự báo ứng. Kẻ ngu muội hiểu thuận đều có sự tạo tác liền chịu sự báo ứng, chấp vào vô lượng sự việc mà người ngu đã tạo ra, vì thân mà lâm cảnh hoạn nạn, hoặc bị thương tổn, hủy hoại; việc tiếp nhận những kiến chấp đều sai khác, hoặc chấp hoặc không chấp, lấy, bỏ, tiến, lùi, đó gọi là trở lại, hoặc không trở lại. Như Đức Phật, Thế Tôn đã diễn bày về bình đẳng, nghĩa là tất cả pháp đều không có sự tạo tác, không tạo tác nên cũng không vờ lại, đều ở trong bình đẳng, chẳng có gì vượt qua, không thọ nhân cái gì khác, cũng không tạo tác vật gì khác. Đó gọi là không trở lại.

Thiên tử Thiện Trụ Ý lại hỏi:

– Nay Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi trụ ở đâu mới có thể giảng nói kinh này? Trụ ở pháp nhãn nào?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

– Không trụ nơi pháp nhãn.

Lại hỏi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

– Trụ ở đâu để nêu giảng như vậy?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

– Trụ ở chỗ người tạo các sự huyễn, thân cũng trụ ở đó.

Lại hỏi:

– Chỗ trụ của người tạo các huyền như thế nào?

Đáp:

– Như trụ nơi “không gốc”, người tạo các huyền cũng trụ chỗ đó. Như vừa rồi Nhân giả hỏi trụ ở đâu để giảng nói về pháp nhãn? Tôi đã nói pháp nhãn chỉ là giả gọi mà thôi thì sao có chỗ trụ? Các pháp cũng vậy. Tất cả đều không có sự tạo tác, cũng không có nhớ nghĩ. Chúng không có chỗ trụ và nơi chốn. Người trụ như vậy mới vì chúng sinh giảng thuyết đạo pháp. Chỗ trụ của Như Lai cũng như vậy, để giảng nói nghĩa kinh. Vì sao? Vì trụ như “không gốc” mới có chỗ thuyết giảng. Tất cả chúng sinh cũng ở đó, trụ ở “không gốc” để có chỗ thuyết giảng. “Không gốc” của Như Lai không có cội gốc nên cũng không có khác, tất cả chúng sinh đều không lay động, “không gốc” cũng như vậy, cũng không lay động. Giống như chỗ tương ưng với “không gốc” của Như Lai, “không gốc” của chúng sinh cũng như thế, đều chỉ một “không gốc” không có hai, không có nhiều nên gọi là “không gốc”.

Thiên tử Thiện Trụ Ý lại hỏi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

– Sa môn đã được nói là thế nào?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

– Chẳng phải là Sa-môn, chẳng phải là Phạm

chí mới là Sa-môn. Vì sao? Vì không chấp cõi Dục, không nương tựa cõi Sắc, không ở trong cõi Vô sắc thì ta mới cho đây là Sa-môn. Nếu người mắt, tai, mũi, miệng, thân, ý không bám víu vào phiền não mới là Sa-môn. Người không có tâm tánh, không hòa hợp với các tình, không có nhân duyên cũng chẳng phải là không có nhân duyên mới là Sa-môn. Lại nữa, này Thiên tử! Người không chấp pháp, không chấp phi pháp, thực hành vắng lặng, không có tâm thị phi, an nhiên không dấu vết, đó gọi là Sa-môn. Vì sao? Vì ý nghĩa báo ứng của pháp nhân duyên ấy đều từ đây sinh ra. Các pháp này cũng là hư giả. Người không chấp, không bị trói buộc, không thoát ra, đó gọi là Sa-môn. Người không có đi, cũng không trở lại, không tiến, không lùi, không bệnh, không tật, không thương tổn, không lành lặn, đó gọi là tu phạm hạnh thanh tịnh. Vì vậy, ta nói, chẳng phải là Sa-môn, chẳng phải là Phạm chí mới là Sa-môn.

Thiên tử Thiện Trụ Ý tán thán:

– Thật chưa từng có! Ý chí vững chắc, pháp thuyết giảng không có tên gọi, không dấu tích qua lại, không có chương cú. Ý nghĩa thành tựu không thể quên.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

– Ý của ta không mạnh mẽ. Vì sao? Vì thân tự phóng xuất ý, nên ý yếu không mạnh.

Thiên tử lại hỏi:

– Lời nói này nghĩa là gì?

Đáp:

– Ta dùng ý ở địa Thanh văn, trụ nơi cảnh giới Duyên giác, nên phóng ý. Lại phóng ý ở nơi các phiền não không ghét ái dục, các hoạn nạn tâm tối nên phóng ý.

Thiên tử Thiện Trụ Ý tán thán:

– Lành thay! Lành thay! Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi do đời trước đã cúng dường chư Phật, đầy đủ các hạnh nên giảng nói về thọ mạng của Như Lai như vậy.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

– Ta không cúng dường chư Phật quá khứ. Vì sao? Vì ta chưa từng trải qua ở đời trước, cũng không có vị lai, không từ chư Phật kiến lập hạnh của pháp, không tạo tác, chẳng phải là không tạo tác, vì vậy đã tạo tác, nhưng không có chỗ tạo tác, tức không đầy đủ các hạnh.

Thiên tử Thiện Trụ Ý lại nói:

– Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, tôi chưa từng được nghe Tam-muội Như huyễn, mong Bồ-tát hiển bày về định ý, chỉ dạy về pháp chánh thọ.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi hỏi:

– Ông muốn được nhìn thấy cảnh giới của Tam-muội Như huyễn chăng?

Đáp:

– Mong muốn được thấy.

Bồ-tát Văn-thù liền nhập vào Tam-muội Như huyễn. Lúc ấy, khắp mười phương, hằng hà sa cõi nước của chư Phật tự nhiên xuất hiện. Thiên tử Thiện Trụ Ý tự nhìn thấy hằng hà sa cõi nước của chư Phật ở phương Đông. Những cõi nước xuất hiện ấy đều có Bồ-tát Văn-thù, hoặc hiện thân mình, hoặc hiện hình Tỳ-kheo giảng thuyết kinh điển, hoặc lại hiện hình Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, hoặc như hình Đế Thích, Phạm thiện, Tứ Thiên vương, Chuyển luân vương; hoặc giống như thân hình các chúng trời, rồng, quý thần, Càn-đạp-hòa, A-tu-luân, Ca-lưu-la, Chân-đà-la, Ma-huru-lặc. Hoặc hiện thân loài cầm thú v.v... bao nhiêu là loại hình. Ở tất cả cõi nước đều hiện ra vô lượng tướng mạo đẹp, xấu khác nhau để thuyết pháp nơi hằng hà sa cõi Phật. Xuất hiện ở khắp mười phương cũng đều như vậy, không có gì khác, đều là thuyết giảng kinh điển. Thiên tử Thiện Trụ Ý thấy việc này nên vô cùng vui mừng, không thể tự kìm chế. Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi ra khỏi Tam-muội. Thiện Trụ Ý cung kính đánh lễ, bạch Bồ-tát Văn-thù:

– Vừa rồi, tôi đã nhìn thấy cõi nước của chư Phật không thể tính kể, hình tượng vô lượng, mỗi mỗi đều khác nhau để thuyết giảng kinh điển.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi hỏi:

– Ý của Thiên tử nghĩ thế nào? Sự xuất hiện ở phương Đông là đúng thật chẳng? Sự xuất hiện ở tám phương trên dưới là thật chẳng, là giả chẳng? Sự xuất hiện ở mười phương thì phương nào là chính xác?

Thiên tử Thiện Trụ Ý đáp:

– Tất cả đều là giả, không thật. Vì sao? Vì tất cả các pháp đều không có sinh khởi, giống như huyễn hóa, như tướng của người ảo thuật. Tất cả các pháp bị hoại diệt, không thường còn, tạo tác tự tại, hiện bày biến hóa, truy tìm tận gốc ngọn thì không sinh, không khởi, cũng không có chỗ diệt.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi liền khen ngợi:

– Lành thay! Lành thay! Thuyết giảng pháp phải như vậy. Đúng như lời đã nói!

Khi giảng nói lời này, trong chúng hội có năm trăm Bồ-tát, nhờ chứng được bốn thiền, đạt đến năm thứ thần thông nên nhận biết được đời sống trước đây của mình, những việc thiện ác đã tạo tác thuở xưa liền tự nhìn thấy. Lại nhận biết những việc đã làm như nghịch hại cha mẹ, giết A-la-hán, làm rối loạn Thánh chúng, phá hủy chùa, tháp Phật. Những nghiệp tội ác vốn đã phạm, những tai nạn còn chưa hết, luôn làm tổn thương tâm, ôm giữ những điều lo lắng, rơi vào các lưới nghi. Do những điều này nên không thể lãnh hội được pháp yếu sâu xa, chấp có ngã, ngã sở, ở trong sự che lấp

nhỏ nhất, vốn không dám xả bỏ, không đạt đến pháp nhãn. Bây giờ, Đức Thế Tôn muốn mở bày giáo hóa năm trăm vị BỒ-tát ấy, liền dùng oai thần thị hiện bảo BỒ-tát Văn-thù-sư-lợi. BỒ-tát Văn-thù-sư-lợi liền từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa áo bày vai phải, tay phải cầm kiếm đi đến chỗ Phật. Đức Phật bảo BỒ-tát Văn-thù-sư-lợi:

– Hãy dừng lại! Hãy dừng lại! Chớ tạo các điều nghịch hại, nên làm điều thiện. Vì sao? Vì tất cả đều từ tâm phát khởi, do tâm sinh sinh ra sát hại. Trong khoảnh khắc tâm khởi liền thành việc giết hại.

Khi ấy, vô lượng số BỒ-tát ở trong chúng hội, ai cũng suy nghĩ: “Tất cả các pháp ấy đều như huyễn, chúng không có ngã, nhân, thọ mạng”. Các vị ấy đã nhớ nghĩ, quán sát gốc ngọn của sự việc, không có cha mẹ, không có Phật, Pháp, Thánh chúng, cũng không có người tạo tác, không có người lãnh thọ, không tu hành, chẳng phải là không tu hành, cũng không có quả báo, ý tự tham thân mà rơi vào điên đảo. Kẻ phàm phu ngu muội đều không thể hiểu được. Do tâm trở lại ở trong điên đảo nên chấp có cha mẹ của ta. Vì sao? Vì sự thông minh thánh đạt của BỒ-tát Văn-thù-sư-lợi đã được chư Phật Thế Tôn khen ngợi, công đức không thể nghĩ bàn, đạo đức siêu việt không ai có thể sánh kịp, vời vời sáng ngời không gì có thể ví dụ, vào sâu pháp nhãn, hiểu rõ “bản tế” của pháp, cúng

dường vô số hằng hà sa chur Phật, Đại Thánh để tuyên bày đạo giáo, đã hoàn tất những việc làm ở chỗ Phật quá khứ, hiểu rõ các pháp, trí tuệ không gì sánh kịp. Pháp do BỒ-tát Văn-thù-sư-lợi thuyết giảng luôn đúng thời, gặp được chur Như Lai, thường cung kính, đánh lễ, quay về nương tựa, nay đang cầm kiếm sắc bén đi đến chỗ Như Lai.

Đức Phật bảo BỒ-tát Văn-thù-sư-lợi:

– Hãy dừng lại! Hãy dừng lại! Văn-thù-sư-lợi chớ tạo điều nghịch hại, nên làm điều thiện. Nếu phân biệt các pháp này, quán sát “bản tế” của chúng thì không thể phân biệt đâu gọi là Phật, Pháp và Thánh chúng, cha mẹ, A-la-hán, và tên của chùa, miếu? Sự lãnh hội ấy là rỗng không thì không có nơi trở về, cũng không có báo ứng.

Nếu tất cả các pháp là hư giả, không thật thì sự lãnh hội các pháp cũng hư vọng, huyễn hóa, giống như không, như cây chuối, như hình ảnh trong mộng, như sóng nắng, lìa đục hư vọng mà không kiên cố. Do những điều này nên người kia không có tội, cũng không có người bị hại. Ai là người sát hại? Sao lại gọi là nhận tai vạ? Quán sát như vậy, suy nghĩ về gốc ngọn thì có thể nhận biết rõ tất cả các pháp vốn đều thanh tịnh, không có sự sinh khởi.

Năm trăm vị BỒ-tát nghe những lời như thế, liền đạt được pháp nhãn Vô sở tùng sinh, có một

ngàn Tỳ-kheo xa trần, rời cầu, đạt được pháp nhãn thanh tịnh. Năm trăm vị Bồ-tát vô cùng vui mừng, tâm thiện sinh khởi, tâm nhàm chán lắng yên, bèn vọt lên trên hư không, cách đất bốn trượng chín thước, dùng kệ tán thán Đức Phật:

*Các pháp đều như huyễn
 Từ tướng mà sinh ra
 Thành hình, không thật có
 Các pháp đều là không.
 Lại tự phát vọng tưởng
 Có ngã để hại thân
 Nhận biết đời sống trước
 Đã gây tội rất nặng.
 Thuở xưa ôm đại nghịch
 Mưu toan hại cha mẹ
 Hại La-hán, Tỳ-kheo
 Gây tai họa rất lớn.
 Do những tội nặng này
 Khổ thêm không thể kể
 Nay rơi vào lưới nghi
 Được nghe nghĩa pháp không.
 Thánh Tôn trừ lưới nghi
 Rửa bỏ ung ưu nã
 Hiểu rõ về pháp giới
 Vắng lặng không phiền nã.
 Chư Phật quyền phương tiện
 Theo dòng tiếp độ người
 Muốn cứu giúp chúng sinh*

Quyết trừ chỗ chìm đắm.
 Không Phật, không kinh pháp
 Cũng không có Thánh chúng
 Họ cũng không cha, mẹ
 Đều là không, như nhiên.
 Thì không ta và người
 Không thọ cũng không mạng
 Không thường, không đoạn diệt
 Các pháp như hư không.
 Không tội, không báo ứng
 Không làm, chẳng không làm
 Chớ tham thân, chấp ngã
 Nhận thêm nhiều khổ não.
 Chúng không có sự sinh
 Cũng không có sự chết
 Tử sinh như huyền hóa
 Đó là tướng các pháp.
 Văn-thù, bậc Đại Trí
 Các pháp đều vượt bờ
 Tự tay cầm kiếm bén
 Đi thẳng đến Như Lai.
 Phật cũng như kiếm bén
 Hai việc cùng một tướng
 Không sinh, không sở hữu
 Cũng không có người hại.
 Đức Phật thấy việc ấy
 Chúng sinh đã tạo tội
 Khiến biết nghiệp họa, phước

Cũng thấy đều là “không”.
 Người có thể đạt “không”
 Ba đời không thọ mạng
 Do nhân duyên hợp thành
 Biết không từ đâu sinh.
 Không tội, không báo ứng
 Cũng lại không khổ vui
 Cái ta cũng là “không”
 Nhớ nghĩ cầu an ổn.
 Chúng sinh nơi điên đảo
 Không thể biết “bản tế”
 Vô thường, khổ đều không
 Vô ngã cũng không có.
 Người hiểu được như vậy
 Thì thoát ba đường ác
 Chư Phật không tạo nghiệp
 Hiểu rõ không chỗ tạo.
 Xét tội, Phật cũng như
 Cho nên gọi là Phật
 Như điều Phật giác ngộ
 Rõ ràng biết như vậy.
 Nhận biết rỗng không sinh
 Do đó nói Thánh tuệ
 Trụ vào nghĩa hư không
 Diễn thuyết không chỗ trụ.
 Thân ấy như hư không
 Hai việc đều tự nhiên
 Nếu muốn cầu tuệ Phật

*Pháp kia không chướng ngại.
 Đã biết “bản tế” này
 Thành Phật đạo vô thượng
 Đạt bậc Thánh ở đời
 Cứu chúng sinh khổ não.
 Trừ hết báo nhân duyên
 Tu đại đạo của Phật
 Sẽ làm đáng Pháp vương
 Mắt sáng, mới diệt độ.*

Khi năm trăm Bồ-tát tuyên bày đoạn kinh điển cầm kiếm này thì hằng hà sa số cõi Phật ở mười phương đều chấn động đến sáu cách, hào quang rực rỡ chiếu khắp các thế gian. Chư vị thị giả ở bên cạnh chư Phật Đại Thánh khắp mười phương đều tự hỏi Phật:

– Đây là oai đức gì làm cho đại địa chấn động mạnh, hào quang chiếu khắp nơi?

Chư Phật bảo các vị thị giả:

– Thiện nam nên biết! Có thể giới tên là Nhẫn, Đức Phật Thế Tôn hiệu là Năng Nhân đang thuyết giảng kinh điển. Ở đó có Bồ-tát tên Văn-thù-sư-lợi, đạt được quả vị Bất thoái chuyển, tay cầm kiếm bén, đi thẳng đến chỗ Phật, muốn khai hóa cho các Bồ-tát chưa thông đạt.

Vì vậy, khi đó Đức Phật Đại Thánh tay cầm dao trí tuệ chặt đứt nguồn gốc sinh tử, theo căn cơ mà thuyết pháp, khuyến khích vô lượng số chúng sinh,

khiến mắt được thanh tịnh, tâm được giải thoát, đạt đến pháp nhãn, học ở đạo lớn. Bây giờ, Đức Thế Tôn dùng phương tiện, tùy theo căn cơ, kiến lập thần thông giáo hóa. Ở trong chúng hội kia có những người mới học đạo, gốc đức cạn mỏng, ôm nhiều vọng tưởng, không thấy cầm kiếm, không nghe thuyết pháp là Thánh chỉ của Phật, nên khiến cho họ được thấy, hiểu như vậy.

Khi ấy Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

– Thưa Nhân giả! Vừa rồi Nhân giả đã tạo điều bạo nghịch, lấy gì làm niềm tin mới có thể cầm kiếm đi thẳng đến chỗ Phật?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi trả lời Tôn giả Xá-lợi-phất:

– Như lời Tôn giả nói, Tôn giả cũng đã tạo tội nghịch không thể tính đếm, nên không thể đạt được sự báo đáp. Nay Tôn giả Xá-lợi-phất! Người hiểu nghĩa ấy nhận biết như nhà ảo thuật đã tạo ra các việc trái nghịch. Người huyền hóa ấy há có trái nghịch chẳng? Báo đáp cũng như vậy. Vì sao? Vì người do nhà ảo thuật hóa ra đó không có nhớ nghĩ nên các pháp cũng như vậy. Nay Tôn giả Xá-lợi-phất! Tôi muốn hỏi Tôn giả, hãy trả lời thành thật là có kiếm ấy chẳng?

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:

– Không có!

– Có tội chăng?

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:

– Không có!

– Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Nghiệp tội là hư giả, báo ứng cũng là hư giả. Nghiệp tội, báo ứng đều là hư giả thì tại sao lại muốn biết nơi chốn của chúng?

Tôn giả Xá-lợi-phất nói:

– Như lời Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đã nói, không có tội, không có báo ứng, tất cả các pháp đều không có tội, không có báo ứng. Lời nói này nghĩa là gì?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

– Ý của ông nghĩ như thế nào? Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Tôi đã cầm kiếm, vậy kiếm đó do thợ ở chỗ nào rèn thành? Ai cầm đến để trao?

Tôn giả Xá-lợi-phất trả lời:

– Không người làm thành kiếm này, không có người cầm đến để trao. Nó chỉ là sự hóa hiện của Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi mà thôi.

Bồ-tát Văn-thù lại hỏi:

– Nhân giả có thể thấy được chỗ của người biến hóa không? Chỗ của dao, kiếm chăng? Đức Như Lai đã nói, tất cả các pháp đều như huyền hóa, tướng của chúng là vô tướng, không thể có nơi chốn. Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Ông nên hiểu rõ nghĩa này. Đức Như Lai Chí Chân cũng như kiếm bén. Văn-thù-sư-lợi và Xá-lợi-phất cũng như vậy,

không có nguồn gốc. Chúng sinh cũng như thế, các pháp cũng như vậy, không có nguồn gốc. Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Như vậy, tất cả các pháp đều không có nguồn gốc. Tội tôi đã tạo, báo ứng, cầm kiếm, điều ấy cũng giống như vậy, chỗ tích chứa tai họa cũng không có nguồn gốc, báo ứng cũng như vậy.

Tôn giả Xá-lợi-phất lại hỏi thêm:

– Bồ-tát có sao tay cầm đao kiếm muốn tranh với Đức Phật?

– Ví như tu tập ở nơi vắng lặng, siêng năng hướng về Thế Tôn, tâm niệm không xa lìa mới được giải thoát.

Tôn giả Xá-lợi-phất lại hỏi:

– Vắng lặng tư duy tu tập những gì? Thế nào gọi là Thế Tôn?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

– Tham dục, vọng tưởng tức là vắng lặng, tư duy tu hành. Thế Tôn nghĩa là đối với tham dục, sân giận, ngu si, dứt trừ ba độc này vĩnh viễn không còn, vắng lặng, thanh thoát như vậy mới là an nhiên. Không thể dứt sạch tất cả phiền não thì không phải là Thế Tôn. Diệt nạn tham dục, sân giận, ngu si, khát ái mới là Thế Tôn. Nếu ý phát sinh tham dục thì nắm giữ tâm dục này, nhất tâm niệm Phật, tham dục liền tiêu diệt, đối với sân giận, ngu si cũng làm như vậy mà đạt được giải thoát.

Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Tôi cầm kiếm bén đi thẳng đến nơi Thế Tôn cũng giống như huyễn, không hại. Người ôm giữ ba độc, tâm luôn niệm Phật thì các phiền não đều diệt trừ, cũng như tu hành chuyên tinh tấn ở nơi vắng lặng, nhất tâm niệm Phật mới được giải thoát.

Tôn giả Xá-lợi-phất nói:

– Lành thay! Lành thay! Rất hay! Đúng như lời Bồ-tát đã nói.

Bây giờ, các chúng hội Bồ-tát ở khắp mười phương đều thưa thỉnh các Đức Thế Tôn:

– Bạch Đại Thánh! Xin Đại Thánh khuyên bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi khởi tâm nhớ nghĩ đến các cõi nước chư Phật của chúng con, ở trong các cõi ấy thuyết giảng kinh điển, đều khiến cho chúng sinh hiểu được ý nghĩa này.

Bồ-tát Văn-thù nói với các Bồ-tát:

– Này các Nhân giả! Mỗi vị hãy tự quán sát về cõi Phật của mình.

Các thiện nam liền vâng theo lời dạy, ai cũng quán sát nơi chốn của mình trong khắp mười phương, đều nhìn thấy Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đang ở bên cạnh chư Phật khắp các nơi ấy để giảng thuyết kinh điển. Thiên tử Thiện Trụ Ý thưa hỏi, lãnh thọ, nói về ý nghĩa tu hành như huyễn này là chỗ cốt lõi của kinh điển. Các Bồ-tát vân tập cũng như vậy không thể tính đếm, số các Thiên tử tụ hội

nhiều, ít cũng không khác. Những cõi nước của chư Phật kia cũng gồm bấy nhiêu yếu tố: Thanh tịnh, trang nghiêm, rộng lớn vô lượng cũng như cõi Nhẫn không có gì khác biệt, từ xa thấy như vậy, không ai là không vui mừng. Tất cả đều cất tiếng khen ngợi, cho là niềm vui lớn. Uy đức của Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi thật tuyệt vời, oai thần tỏa sáng, trí tuệ không ai sánh, oai đức thù thắng hơn cả mặt trời, mặt trăng, trụ nơi cõi Nhẫn không hề di chuyển mà lại có mặt khắp cõi nước của chư Phật nơi mười phương.

Bấy giờ, Bồ-tát Văn-thù đưa ra ví dụ:

– Này các thiện nam! Giống như nhà ảo thuật học những thứ huyền thuật tuyệt thế không ai bằng được, không rời khỏi chỗ ngồi mà đã biến hóa ra bao nhiêu là hình tướng. Bồ-tát cũng như vậy, học đúng, hiểu rõ về Bát nhã Ba-la-mật, phân biệt các pháp huyền hóa, thông đạt ý chỉ, thì dù ở nơi cõi mình, lúc đầu không di chuyển, nhưng những người muốn được nhìn thấy ở khắp mười phương cõi Phật, Bồ-tát liền hiện thân mình ở các cõi nước của chư Phật đó. Vì sao? Vì tất cả các pháp đều như huyền, do vậy nên việc hiện thân không có gì khó, giống như vàng trắng du hành trong hư không, không đi trong nhân gian, không nghĩ đến sự qua lại, nhưng ánh sáng của nó tỏa chiếu khắp nơi, tuy có sự chiếu sáng nhưng không nhớ nghĩ. Bồ-tát cũng vậy, ở nơi “bản tế” chưa từng di chuyển mà

hiện hữu khắp cõi nước của chư Phật nơi mười phương, hiện làm thân Phật, Thanh văn, Duyên giác, hiện làm thân Chuyển luân, Đế Thích, Phạm thiên, Tứ Thiên vương, hoặc hiện làm thân người sang giàu, quyền quý, bần cùng, khốn khổ, hoặc vào ba ác, chịu các khổ não, hoặc làm người học rộng, vua chúa, đại thần, hoặc ở đạo khác phỉ báng Đức Phật, hoặc vào núi sâu học làm tiên nhân v.v... Chỗ hiện thân không có giới hạn, tất cả nương vào nhân duyên khiến đạt đến Chánh chân vô thượng. Sự hiện thân tuy như vậy, nhưng không hề nhớ nghĩ.

Đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

– Giả sử có người gặp được pháp này và được nghe thì giống như Đức Phật xuất hiện ở đời không có gì khác. Nếu có Bồ-tát ngồi nơi gốc cây sắp thành Phật đạo, và có người nghe kinh này thì phước đức như nhau không khác, cũng ngang bằng với các quả Đạo tích, Vãng lai, Bất hoàn và Vô trước. Vì sao? Vì đó là đạo cốt yếu của chư Phật quá khứ, hiện tại, vị lai.

Bồ-tát Văn-thù bạch Phật:

– Đúng như lời Phật dạy. An trụ nơi chỗ giáo hóa, luôn luôn lãnh hội lời dạy. Như các pháp không, vô tướng, vô nguyện bình đẳng, pháp này cũng như vậy. Lại như “vô bản”, “bản tế” bình đẳng, cũng như lìa dục, định ý bình đẳng, pháp này

bình đẳng cũng như vậy.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi lại bạch Phật:

– Bạch Đại Thánh! Xin Đại Thánh rủ lòng thương, kiến lập pháp này, khiến cho những chúng sinh ở vị lai ở trong đời năm trước tạp loạn có nơi nương tựa. Nếu người nam, người nữ nào học theo Bồ-tát cầu Đại thừa, và chúng sinh nào được nghe pháp này, muốn cầu diệt độ, đều nhờ ánh sáng của pháp đạo đức ấy mà đạt được.

Đức Phật im lặng nhận lời. Bảy giờ, ba ngàn đại thiên thế giới đều chấn động đủ sáu cách, các thứ âm nhạc không trỗi đều tự vang lên, các loại cây không có hoa quả và cây khô đều đơm hoa kết trái. Hào quang lớn của Đức Phật chiếu khắp thế giới, che lấp cả ánh sáng của mặt trăng, mặt trời, làm cho chúng không còn tỏa sáng, trăm ngàn ức chư Thiên ở giữa hư không vô cùng vui mừng, tuôn xuống các loại hoa, đốt các hương thơm, lại rải xuống hương tạp, hương bột, những loại hương ấy xông thơm ngào ngạt, lan tỏa khắp chốn. Trống trời, kỹ nhạc, âm thanh êm dịu. Chư Thiên chấp tay, khác miệng cùng lời, cất tiếng ca tụng:

– Hay thay! Hay thay! Pháp này thật là khó gặp! Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đã thuyết giảng, chúng con may mắn được nghe sự giáo hóa lớn này, ngày nay lại được gặp chuyên pháp luân: Người cõi Diêm-phù-đề nhờ phước đức lớn mà được nghe

kinh này. Phước đức ấy hoàn toàn không hư dối nên mau chóng được thọ ký sẽ thành tựu Phật đạo, giáo hóa nhiều nơi.

Bấy giờ, Đức Phật khen ngợi các Bồ-tát và các Thiên tử:

– Lành thay! Lành thay! Như lời các ông nói. Người nào được nghe pháp này, Như Lai chứng minh cho những người ấy sẽ thành tựu Phật đạo để nhập Niết-bàn. Nghe kinh này mà không hoảng sợ, không kinh hãi, dốt tâm tin tưởng, ưa thích thì không ở trong sinh tử cũng không vào diệt độ.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Sự kiến lập kinh điển này, nay hiện bày sự cảm ứng về điềm lành trước, như vậy vào đời sau sẽ lưu truyền khắp mười phương.

Đức Phật bảo:

– Đúng vậy! Nay Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Nay đã hiện điềm lành, đều là sự kiến lập oai thần, ân đức của kinh này, tâm từ rộng lớn của Như Lai, ý chỉ của bậc Thánh khiến cho tất cả đều được cứu giúp.

Đức Phật lại nói với Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

– Phải hiện bày lại kinh điển sâu xa này. Lời Phật dạy là chân thật, hoàn toàn không hư vọng. Ba môn giải thoát ấy cứu độ rất nhiều, nên phải làm cho pháp ấy đời sau được lưu truyền khắp.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

– Con cũng gánh vác trách nhiệm kiếp lập pháp này, diễn thuyết đúng chương cú, không ngã, không nhân, không thọ, không mạng, không ý, không thể thủ đắc, không rơi vào đoạn diệt, không rơi vào chấp thường, không có phiền não, cũng không tranh cãi, tức là hiển bày rõ ràng về kinh điển này. Như lời con đã nói rất thành thật, không hề hư vọng, về sau con sẽ khiến cho kinh này lưu hành rộng rãi trong đời năm trược. Nay con xin thề không thành Phật, không có Pháp, Thánh chúng, không có tội, báo ứng, không đến, không đi, dùng lời chí thành này làm cho pháp yếu đó được lưu truyền rộng rãi vào đời vị lai, người hiểu được kinh này thì không thọ dục, cũng không lìa dục, không có sân giận, ngu si, không có tâm từ, không có trí tuệ, không có danh, không có sắc, không duyên, không kiến chấp, không khởi sinh tử, không có thân, chẳng sinh thân, không tâm, chẳng sinh niệm, không tư duy pháp, không ý chỉ, không có năm âm, không có bốn đại, không có các nhập, mắt đối với sắc, tai đối với tiếng, mũi đối với hương, miệng đối với vị, thân đối với xúc, tâm đối với pháp cũng lại như vậy; không ở cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô Sắc, tâm bình đẳng như đất, không có yêu ghét, các pháp không tổn giảm, cũng không tăng trưởng, tức là thuyết giảng kinh này. Như vậy, kinh điển này lưu truyền rộng rãi vào đời sau, không ở tại chí thành, không thấy rõ sự thật, không khen ngợi đạo, không

đạt đến đạo quả, cũng không có các quả Đạo tích, không có Vãng lai, không có Bất hoàn, không có Vô trước, không có Duyên giác, không có các quả chứng, không Như Lai, không pháp Phật, không vô úy, không có trí tuệ, chẳng hiểu biết, không bậc Thánh; chẳng không, chẳng thọ, không tướng, không vô tướng, không nguyện, không vô nguyện, không đạt quả chứng, không thấy, chẳng phải là không thấy, không đạt đến đạo, không sáng suốt, chẳng tâm tối, cũng không giải thoát, không cứu độ, chẳng phải là không cứu độ, không bờ kia, không bờ này, không giữa dòng, không danh, chẳng phải là không danh. Do lời nói chân thật sẽ khiến cho kinh này càng lưu hành rộng khắp ở đời sau.

Lại cho kinh này không tương ưng, không giải thoát, không tinh tấn, không lười biếng, không nỗ lực, không mệt nhọc, để pháp chân thật này sẽ được lưu truyền rộng rãi. Tìm về chỗ phát sinh thì không đến, không đi, không có con người quá khứ, không độ chúng sinh, cũng không có diệt độ, con người không thể nắm bắt, pháp không có gì siêu việt, cũng không có đối tượng diệt, không có người tạo tác, cũng không có người hủy diệt, không tới, không lui, không đi, không lại, không ngẩng lên, không cúi xuống, không có Phật đương lai, tượng pháp như vậy không có chỗ chiếu soi, không có Phật hiện tại, cũng không diễn bày pháp, vì vậy nên

pháp sẽ được lưu truyền rộng rãi. Kinh này đã nêu, không trì giới, không phạm giới, không định, không loạn, không tuệ, không ngu, không cỏi, không trói, không tuệ kiến, không vô tuệ; lời chân chánh này làm cho kinh được lưu truyền rộng khắp.

Không bồ thí, không keo kiệt, không giữ giới, không phá giới, không nhẫn nhục, không tranh cãi, không tinh tấn, không lười biếng, không thiên định, không loạn động, không trí tuệ, không ngu tối. Nay Bồ-tát Đại sĩ! Lời chân thật này làm cho pháp được lưu hành rộng rãi. Không có phàm phu, không người có học, không A-la-hán, không Duyên giác, không Phật đạo, không nhân, không duyên, nên khiến cho pháp này được lưu truyền rộng khắp thế gian. Không ngồi nơi cội cây Bồ-đề, không chuyển pháp luân, không tán thán Phật, Phật không xuất hiện, không chúng sinh, không diệt độ, không Như Lai. Vì sao? Vì tất cả các pháp hoàn toàn đưa đến diệt độ nên làm cho kinh này lưu truyền rộng khắp thế gian.

Khi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi giảng nói về điều cốt yếu của kinh được kiến lập này thì ba ngàn đại thiên thế giới đều hiện đủ sáu thứ chấn động, hào quang lớn chiếu khắp mười phương, ở trên hư không vang lên âm thanh vô tận:

– Lành thay! Lành thay! Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, thật đúng như lời thề nguyện. Giả sử, có hằng hà

sa các loài ma và quyền thuộc của chúng muốn tìm phương cách hủy hoại kinh này, muốn làm cho tiêu tan nhưng hoàn toàn không thể làm loạn động được, không thể làm cho pháp vi diệu này không lưu thông, vì vậy nên kiến lập pháp yếu ấy. Nếu thiện nam thiện nữ nào lãnh hội kinh điển này, thọ trì, đọc tụng, lắng nghe, tin ưa thì tất cả đều thoát khỏi các việc làm của ma, nhập vào trí tuệ Phật đạo.

Bấy giờ, Bồ-tát Di-lặc đến trước Đức Phật, bạch:

– Bạch Thế Tôn! Hôm nay, vì duyên gì mà đại địa chấn động mạnh? Ánh sáng tỏa chiếu khắp nơi, trong hư không vang lên những âm thanh?

Đức Phật bảo Bồ-tát Di-lặc:

– Đâu cần phải hỏi? Vì sao? Vì những kẻ căn tánh thấp kém tức không thể nhận biết ý nghĩa rộng lớn, rơi vào kiêu mạn. Những người ấy lâu ngày ở trong sinh tử tăm tối, không được an ổn.

Bồ-tát Di-lặc bạch Phật:

– Xin Phật giảng nói về điều ấy, những điều Phật nói sẽ mang lại nhiều thương yêu, nhiều an ổn! Chắc chắn chư Thiên, loài người đều tin tưởng, ưa thích kinh này.

Đức Phật bảo Bồ-tát Di-lặc:

– Kinh điển ấy đã có bốn mươi bảy ức trăm ngàn triệu chư Phật nơi cõi này kiến lập, thuyết

giảng, cũng đều do BỒ-tát Văn-thù-sư-lợi phát khởi và Thiên tử Thiện Trụ ý cùng thưa hỏi. BỒ-tát Di-lặc vào đời vị lai sẽ thành tựu đạo quả Chánh chân vô thượng, khi thành bậc Tối Chánh Giác cũng lại giảng nói kinh này. Ở Hiền kiếp khác, chư Như Lai xuất hiện cũng đều như vậy.

BỒ-tát Di-lặc lại bạch Phật:

– BỒ-tát Văn-thù-sư-lợi và Thiên tử Thiện Trụ Ý từ rất lâu đã nghe kinh điển này.

Đức Phật bảo BỒ-tát Di-lặc:

– BỒ-tát Văn-thù-sư-lợi và Thiên tử Thiện Trụ Ý đã nghe pháp này từ bảy trăm vạn a-tăng-kỳ kiếp rồi, được nghe từ Đức Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác Phổ Hoa Siêu Sư Tử Bộ Đức Vương Quang Thủ. Vị ấy ở trong hư không xướng lên âm thanh lớn, chư Thiên ở cõi trời Tịnh Cư nghe giảng pháp này, ai cũng khuyến khích lẫn nhau, tán thán và thực hành, vì vậy mà đại địa chấn động.

BỒ-tát Di-lặc lại bạch Phật:

– Nếu thiện nam, thiện nữ nào lãnh hội kinh này, thọ trì, đọc tụng, vì người khác thuyết giảng thì được công đức gì?

Đức Phật bảo BỒ-tát Di-lặc:

– Ý ông nghĩ thế nào? Chư Phật đời quá khứ, vị lai, hiện tại dùng giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến để giảng thuyết, phát khởi về bố thí, trì giới, nhẫn nhục, nhất tâm, trí tuệ, khiến cho

chúng sinh đều thành tựu đạo tuệ Chánh chân vô thượng, có người đã thành tựu, đang thành tựu và sẽ thành tựu, tập hợp công đức của họ thì công đức ấy có nhiều không?

Bồ-tát Di-lặc thưa:

– Bạch Thế Tôn! Nhiều, không thể nghĩ bàn. Công đức của một Như Lai còn khó tính kể, huống gì là công đức của tất cả Phật. Giả sử công đức có hình tướng thì các cõi Phật nơi mười phương cũng không thể nào chứa hết.

Đức Phật bảo Bồ-tát Di-lặc:

– Vì vậy, Như Lai đã ân cần dặn bảo bằng tướng dụ. Thiện nam, thiện nữ ấy nghe kinh điển này, thọ trì, đọc tụng, vì người khác giảng thuyết thì công đức đó nhiều hơn công đức kia, huống gì là phụng hành! Vì sao? Vì chỗ giảng thuyết của chư Phật thời quá khứ, hiện tại, vị lai đều do đây sinh ra.

Khi Đức Phật thuyết giảng kinh này, có hằng hà sa chúng sinh phát tâm Bồ-tát, lại gấp bội số ấy đạt được quả vị Bất thoái chuyển, người chứng được pháp nhãn, pháp nhãn thanh tịnh nhiều hơn gấp nhiều lần. Như vậy, tất cả những người đến pháp hội, chư Bồ-tát nơi mười phương đều vô cùng vui mừng, tâm thiện phát sinh, đánh lễ nơi chân Phật, tán thán pháp này, ước mong được nghe lại, rồi bỗng nhiên biến mất, trở về nước mình.

Hiền giả A-nan đến trước Đức Phật và bạch:

– Bạch Thế Tôn! Kinh này tên là gì? Nên phụng trì như thế nào?

Đức Phật bảo Hiền giả A-nan:

– Kinh này gọi là “*Yếu Phẩm Tam Muội Không Khởi Không Diệt Trong Tất Cả Pháp*”, lại gọi là “*Phá Dẹp Ma Giáo*”. Nên theo đây mà thọ trì. Lại gọi là “*Những Điều Thuyết Giảng Của Văn Thù Sư Lợi Về Định Ý Yếu Tuệ Phổ Biến khắp Mười Phương*”. Lại gọi là “*Những Điều Thuyết Giảng Về Như Huyền*”. Nên theo đây mà phụng trì kinh này. Kinh điển này có thể giáo hóa mọi người. Tôn giả A-nan phải nên thọ trì, đọc tụng, vì người khác thuyết giảng.

Khi Đức Phật giảng nói như vậy, các Tỳ-kheo, Bồ-tát, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, Thiên tử Thiên Trụ Ý, Bồ-tát Di-lặc, Hiền giả A-nan, chư Thiên, Long, Thần, A-tu-luân, nhân loại nghe kinh rồi đều vô cùng vui mừng.



SỐ 343

KINH THÁI TỬ LOÁT HỘ

Hán dịch: Đời Tây Tấn, Tam tạng Pháp sư Trúc Pháp Hộ, người nước Nguyệt Chi.

Nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ngự tại núi Kỳ-xà-quật thuộc thành La-duyệt-kỳ, cùng với một ngàn hai trăm Tỳ-kheo và một vạn hai ngàn Bồ-tát. Các chúng Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, Thiên vương, Phạm, Thích và vô số dân chúng, quý, thần, rồng đều đến pháp hội đông đủ.

Thái tử con vua A-xà-thế tên là Loát Hộ cùng năm trăm con của các Trưởng giả, quần thần trong nước, đều cầm lọng hoa bằng vàng từ thành La-duyệt-kỳ cùng đi đến chỗ Phật, dâng lọng hoa lên Phật, rồi lui ra cung kính đánh lễ Phật xong, đồng đứng chấp tay. Thái tử Loát Hộ bạch Phật:

– Con có điều muốn thưa hỏi, nếu Thế Tôn đồng ý thì con mới dám thưa, nếu không cho phép thì con không dám thưa.

Phật đáp:

– Ta sẽ trả lời tùy theo câu hỏi của ông.

Thái tử bạch Phật:

– Vì nhân duyên gì, BỒ-tát được thân tướng đẹp đẽ? Vì nhân duyên gì, BỒ-tát không vào bụng người nữ mà sinh ra từ hoa sen? Vì nhân duyên gì có thể tự biết việc của đời trước? Xin Phật từ bi vì chúng con mà nói rõ.

Phật bảo thái tử:

– Người có thể nhẫn nhục, không giận dữ, đời sau sinh làm người đẹp đẽ, không dâm dục, không giao phối với người nữ, khi tuổi thọ hết, đời sau sinh làm người được một tuổi, một tháng hoặc bảy ngày liền tự biết việc của vô số kiếp trước.

Thái tử bạch Phật:

– Vì nhân duyên gì thân của BỒ-tát có ba mươi hai tướng? Vì nhân duyên gì thân của BỒ-tát có tám mươi vẻ đẹp? Vì nhân duyên gì được thấy thân Phật người dân nhìn không chán?

Phật bảo thái tử:

– Khi còn làm BỒ-tát, ưa thích bố thí các loại vật cần dùng cho chư Phật, BỒ-tát, thầy, cha mẹ, dân chúng tùy theo nhu cầu của họ, do đó được ba mươi hai tướng. BỒ-tát vì có tâm từ thương xót mười phương chúng sinh cho đến loài côn trùng, xem như con đò, đều muốn độ thoát, do đó nên được tám mươi vẻ đẹp. BỒ-tát xem oan gia, cũng như cha mẹ, tâm bình đẳng không phân biệt, vì thế nên dân chúng khi thấy Phật nhìn không chán.

Thái tử lại bạch Phật:

– Vì nhân duyên gì BỒ-tát có trí tuệ hiểu rõ kinh điển sâu xa và hạnh Đà-la-ni? Vì nhân duyên gì BỒ-tát biết định ý Tam-muội được an ổn? Vì nhân duyên gì lời Phật dạy đều là thiện? Những người đã nghe đều hoan hỷ tin nhận?

Phật bảo thái tử:

– Vì BỒ-tát ưa thích biên chép, tin nhận, đọc tụng, học tập nên đã có trí tuệ biết kinh điển sâu xa, được hạnh Đà-la-ni. Vì BỒ-tát thường thích chuyên tâm, chánh ý nên được an ổn trong Tam-muội. Điều BỒ-tát nói đều chí thành không có sự dối trá. Vì thế những điều nói ra mọi người đều tin tưởng hướng về, những người đã nghe đều vui mừng, thọ nhận.

Thái tử lại bạch Phật.

– Vì nhân duyên gì BỒ-tát học kinh? Do nhân duyên gì nghe Phật giảng nói, mọi người đều tin nhận? Vì nhân duyên gì nhận biết Kinh, Luật, các pháp oai nghi? Vì nhân duyên gì hiểu thuận, làm theo lời Phật dạy không trái phạm?

Phật bảo thái tử:

– BỒ-tát đời đời không dua nịnh, cho nên học kinh Phật, nghe Phật nói đều hiểu biết không quên. BỒ-tát hiểu kinh sâu xa không hãi, không sợ, cho nên khi được Kinh, Luật liền biết theo đúng pháp. BỒ-tát đời đời kính trọng Phật, kính trọng Kinh, kính trọng sư trưởng, kính trọng cha mẹ cho nên

được trí tuệ.

Thái tử lại bạch Phật:

– BỒ-tát vì nhân duyên gì đời đời sinh ở bên Phật? Vì nhân duyên gì nghe Phật, tán thán kinh mà được trí tuệ hiểu biết?

Phật bảo thái tử:

– BỒ-tát đời đời gặp người nói kinh, không gây rối loạn, phá hoại, không chê trách, do đó được ở bên Phật. Vì BỒ-tát thường khen ngợi kinh sâu xa nên được trí tuệ.

Thái tử lại bạch Phật:

– BỒ-tát vì nhân duyên gì không sinh nơi ác? Vì nhân duyên gì sinh lên cõi trời? Vì nhân duyên gì không tham ái dục?

Phật bảo thái tử:

– BỒ-tát đời đời tin Phật, tin Kinh, tin Tỳ-kheo Tăng nên không sinh vào tám nơi nạn ác. BỒ-tát giữ giới không thiếu sót nên sinh lên cõi trời. BỒ-tát biết kinh pháp vốn không, nên không tham ái dục.

Thái tử lại bạch Phật:

– Vì nhân duyên gì mà hành động của thân, lời nói của miệng, ý nghĩ nơi tâm của BỒ-tát đều trong sạch? Vì nhân duyên gì Ma không thể tìm được chỗ sơ hở? Vì nhân duyên gì mà không dám phỉ báng Phật, không dám phỉ báng Kinh, không dám phỉ báng Tỳ-kheo Tăng?

Phật bảo thái tử:

– BỒ-tát hầu Phật ưa thích học kinh, mến Tỳ-kheo Tăng, cho nên được trong sạch. BỒ-tát ngày đêm hành đạo tinh tấn không biếng trễ nên Ma không thể tìm được chỗ sơ hở. Lời nói của BỒ-tát đều chí thành, vì thế mọi người không dám phỉ báng Phật, không dám phỉ báng Kinh pháp, không dám phỉ báng Tỳ-kheo Tăng.

Thái tử lại bạch Phật:

– Vì nhân duyên gì tiếng của BỒ-tát cao thanh tốt như tiếng Phạm thiên? Vì nhân duyên gì có tám thứ âm thanh? Vì nhân duyên gì biết ý nghĩ của mọi người nên đều đáp ứng cho họ?

Phật bảo thái tử:

– BỒ-tát đời đời chí thành không dối trá, cho nên tiếng cao thanh tốt như tiếng Phạm thiên. BỒ-tát đời đời không nói lời ác nên được tám thứ âm thanh. BỒ-tát đời đời không nói hai lưỡi, không nói dối cho nên mọi người nhớ nghĩ đến đều có thể đáp ứng.

Thái tử lại bạch Phật:

– Vì nhân duyên gì mạng sống được dài lâu? Vì nhân duyên gì thân không bị bệnh tật? Vì nhân duyên gì gia đình hòa thuận thương mến nhau, không làm cho người khác ly biệt?

Phật bảo thái tử:

– Người không sát sinh, nên đời sau sinh làm

người liền được mạng sống dài lâu. Không cầm dao, đồ binh khí đánh người nên đời sau làm người không bị bệnh tật. Gặp người có ý gây gổ luôn đứng ra hòa giải làm cho họ vui vẻ, vì thế đời sau làm người không hề khiến cho người khác ly biệt.

Thái tử lại bạch Phật:

– Vì nhân duyên gì Bồ-tát có được nhiều của vật quý báu mà không bị mất? Vì nhân duyên gì không mất của cải, không bị người trộm cướp? Vì nhân duyên gì luôn được tôn quý hơn hết?

Phật bảo thái tử:

– Vì không tham của cải của người khác nên đời sau làm người được giàu có an vui. Hoan hỷ bố thí không tham lam keo kiệt nên không mất tài sản mà vật chất tăng thêm nhiều, thấy người giàu có được tiền của tâm không ganh ghét, không kiêu mạn nên đời sau được cao sang, tôn quý.

Thái tử lại bạch Phật:

– Vì nhân duyên gì có thể được thiên nhãn thấy thấu suốt? Vì nhân duyên gì được thiên nhĩ nghe thông suốt? Vì nhân duyên gì có thể biết việc sống chết của người đời.

Phật bảo thái tử:

– Vì ưa thích đốt đèn sáng trước Phật, cho nên đời sau làm người được thiên nhãn xem thấu suốt. Do ưa thích đem âm nhạc ca ngợi cúng dường nơi chùa, nên đời sau làm người được thiên nhĩ nghe

thông suốt. Bồ-tát ưa định ý vào Tam-muội được thiền định nên biết việc biến đổi sống chết của đời.

Thái tử bạch Phật:

– Vì nhân duyên gì Bồ-tát được phi hành bằng bốn thân túc? Vì nhân duyên gì Bồ-tát nhớ biết việc vô số kiếp đời trước đến nay? Vì nhân duyên gì Bồ-tát được đắc chánh giác thành Phật, liền nhập Niết-bàn?

Phật bảo thái tử:

– Vì Bồ-tát ưa thích bố thí thường đem xe, ngựa, lừa, la, voi, lạc đà, giày dép và ghe thuyền cúng dường cho chư Phật, Tỳ-kheo Tăng và dân chúng, do đó nên được bốn thân túc phi hành. Bồ-tát tâm chuyên nhớ nghĩ chư Phật, đem chỗ học về Tam-muội dạy cho người, do thế nên nhớ biết việc đời trước từ vô số kiếp đến nay. Bồ-tát được đạo bất thoái chuyển vì nhớ nghĩ không vương mắc, do đó nên dứt gốc sinh tử, được Phật đạo, nên nhập Niết-bàn.

Thái tử lại bạch Phật:

– Vì nhân duyên gì Bồ-tát dự vào việc ở nơi nước Phật? Vì nhân duyên gì dự vào chúng Tỳ-kheo Tăng? Vì nhân duyên gì có ánh sáng chiếu khắp mười phương?

Phật bảo thái tử:

– Bồ-tát vốn cầu đạt nguyện lớn nên được ở nơi nước của Phật. Bồ-tát ưa thích làm việc bố thí cho

mọi người đến xin một cách hoan hỷ, dạy cho người thực hành sáu pháp Ba-la-mật, vì thế nên đời sau được làm Tỳ-kheo Tăng. Bồ-tát hoan hỷ đem bảy thứ báu làm lọng hoa dâng lên Phật, vì thế nên có được ánh sáng chiếu khắp mười phương.

Đức Phật đã vì thái tử phân biệt nêu giảng các sự việc như vậy. Thái tử hoan hỷ và năm trăm vị con của trưởng giả cũng đều rất hoan hỷ.

Thái tử Loát Hộ lại bạch Phật:

– Xin cho con vào đời sau, Phật nói ra điều gì, khiến cho con được lãnh thọ, làm theo đều được như ý nguyện.

Phật liền cười, từ trong miệng phóng ra ánh sáng năm sắc.

Phật bảo Bồ-tát Di-lặc:

– Ông nghe Ta nói việc này: Bồ-tát Thái tử Loát Hộ và con của các vị trưởng giả, đời trước đã từng cúng dường một trăm lẻ tám ức Phật, đều hành đạo Bồ-tát. Cho đến vào đời trước thời Đức Phật Đề-hòa-ca-la hành thế, năm trăm người này đều là đệ tử của Phật, được Ta dạy bảo. Đời sau đều trở lại gặp nhau nơi kiếp cuối cùng của sáu ức Đức Phật, cùng ở trong một kiếp hội Ma-ha-ba-la. Năm trăm người này trước sau đều thành Phật đồng một hiệu là Nhã-na-kỹ-đầu-đà-da. Sau khi thành Phật, đồng như Phật A-di-đà. Cõi nước của họ cũng như của Phật A-di-đà không khác. Bồ tát

bay đi qua lại trong nước đều như cõi nước của Đức Phật A-di-đà. Nếu có người nào nghe kinh này, tin nhận vui mừng, thì đều được sinh vào cõi nước Phật A-di-đà.

Phật giảng nói kinh này xong, thái tử Loát Hộ cùng năm trăm người con của các trưởng giả, các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, các trời, người, quý, thần, rồng đều hết sức vui mừng, ở trước Phật làm lễ rồi lui ra.



SỐ 344

KINH THÁI TỬ HÒA HỮU

Hán dịch: Tăng Hưu sao lục ghi thất dịch, phụ vào dịch phẩm đời Đông Tấn.

Bấy giờ, Đức Phật ở tại núi Kỳ-xà-quật thuộc thành La-duyệt-kỳ, cùng với một vạn Bồ-tát, một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-kheo và vô số các Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, các Thiên vương, Phạm, người, quỷ, thần, rồng cùng tụ hội.

Thái tử con vua A-xà-thế tên là Hòa Hưu và năm trăm người con của các trưởng giả, đều cầm lọng hoa vàng từ thành La-duyệt-kỳ đi đến chỗ Phật, dâng lọng hoa vàng lên Phật rồi, đồng chấp tay, đầu mặt sát đất đánh lễ xong, lui ra đứng trước Phật.

Thái tử chấp tay bạch Phật:

– Vì nhân duyên gì Bồ-tát được thân tướng đẹp đẽ? Vì nhân duyên gì Bồ-tát không vào thai người nữ mà từ trong hoa sen hóa sinh? Vì nhân duyên gì biết được nguyện đời trước? Xin Phật xót thương vì chúng con mà phân biệt giảng nói.

Phật bảo thái tử:

– Bồ-tát nhân nhục không sân giận, đời sau sinh

làm người được thân tướng đẹp đẽ. Bồ-tát không dâm dật, không cùng với người nữ giao phối, đời sau làm người không vào trong thai người nữ mà ở trong hoa sen hóa sinh. Bồ-tát vui vẻ đem Kinh, Luật dạy cho người, đời sau sinh ra liền tự biết được các sự việc của vô số đời trước.

Thái tử bạch Phật:

– Vì nhân duyên gì Bồ-tát có ba mươi hai tướng tốt? Vì nhân duyên gì có tám mươi vẻ đẹp? Vì nhân duyên gì khi được thấy hình tướng Phật người dân nhìn không chán?

Phật bảo thái tử:

– Khi còn là Bồ-tát, thường hay bố thí cho người tùy theo chỗ mong cầu của họ, người muốn được quần áo, thức ăn uống, vàng bạc châu báu, xe, ngựa, người giúp việc, vợ con, da, thịt, dầu, mứt đều đem thí cho người, không có luyến tiếc, do đó nên được ba mươi hai tướng tốt. Bồ-tát có tâm từ thương xót muôn dân, cả đến các loài côn trùng, xem như con mình, đều muốn độ thoát, vì thế nên được tám mươi vẻ đẹp. Bồ-tát gặp oan gia như gặp cha mẹ, tâm đều bình đẳng không phân biệt. Vì thế nên khi thấy thân tướng Phật mọi người đều nhìn không chán.

Thái tử bạch Phật:

– Vì nhân duyên gì Bồ-tát có trí tuệ biết được kinh sâu xa? Vì nhân duyên gì biết sự an ổn của

Tam-muội? Vì nhân duyên gì những lời Phật đã nói đều làm cho người nghe sinh hoan hỷ?

Phật bảo thái tử:

– Bồ-tát thích biên chép, đọc tụng, học tập, nói giảng kinh điển cho nên có trí tuệ biết được kinh sâu xa. Bồ-tát tâm thường ưa thích định ý an tâm nên được sự an ổn của Tam-muội. Những lời Bồ-tát nói đều chí thành không dối trá, lừa gạt, do đó lời nói ra thành thật, người nghe đều hoan hỷ.

Thái tử bạch Phật:

– Vì nhân duyên gì mà hành động của thân, lời nói của miệng và ý nghĩ nơi tâm của Bồ-tát đều trong sạch? Vì nhân duyên gì mà không thể tìm được chỗ sơ hở của các vị? Vì nhân duyên gì mọi người không dám phỉ báng kinh Phật, không dám phỉ báng Tỳ-kheo Tăng?

Phật bảo thái tử:

– Bồ-tát hầu kính Phật, ưa thích học kinh, vui thích kính Tỳ-kheo Tăng nên được trong sạch. Bồ-tát ngày đêm hành trì tinh tấn, nên ma không thể tìm được chỗ sơ hở. Lời nói của Bồ-tát luôn chí thành nên mọi người không dám phỉ báng Phật, không dám phỉ báng kinh pháp, không dám phỉ báng Tỳ-kheo Tăng

Thái tử bạch Phật:

– Vì nhân duyên gì Bồ-tát được mạng sống dài lâu? Vì nhân duyên gì được không bệnh tật? Vì

nhân duyên gì trong gia đình đều hòa thuận, tôn trọng nhau, không khiến người khác chia rẽ?

Phật bảo thái tử:

– BỒ-tát vì có tâm từ không sát sinh, vì thế nên đời sau được mạng sống dài lâu. BỒ-tát không cầm dao, đồ binh khí làm người kinh sợ, cho nên đời sau sinh ra được không bệnh tật. BỒ-tát thấy người có ý gây gổ bèn khuyên giải làm cho hòa hợp, cho nên đời sau sinh ra không khiến người khác bị chia rẽ.

Thái tử bạch Phật:

– Vì nhân duyên gì BỒ-tát dễ được tài sản giàu có không khó khăn? Vì nhân duyên gì không mất của cải, không bị người trộm cắp? Vì nhân duyên gì được sang trọng?

Phật bảo thái tử:

– BỒ-tát luôn có trí tuệ không ngu si, do đó nên được giàu có không khó khăn. BỒ-tát bố thí cho người khác tâm không luyến tiếc nên không bị mất tài sản. Thấy người giàu vui được tiền của không sinh ganh ghét, do đó nên được tôn trọng. BỒ-tát không giết hại, không tự cao do đó nên được sang quý.

Thái tử bạch Phật:

– Vì nhân duyên gì BỒ-tát được thiên nhân thấy thấu suốt? Vì nhân duyên gì BỒ-tát được thiên nhĩ nghe thông suốt? Vì nhân duyên gì biết được các

nẻo sinh tử thiện ác của thế gian?

Phật bảo thái tử:

– BỒ-tát thích đốt đèn sáng trong chùa Phật, do đó nên được thiên nhãn thấy thấu suốt. BỒ-tát thích tấu nhạc cúng dường trong chùa Phật nên được thiên nhĩ nghe thông suốt. BỒ-tát nhập vào thiền định được Tam-muội nên biết được các nẻo sinh tử thiện ác của thế gian.

Thái tử bạch Phật:

– Vì nhân duyên gì BỒ-tát đạt bốn thần túc phi hành? Vì nhân duyên gì BỒ-tát nhớ được việc của vô số kiếp trước? Vì nhân duyên gì BỒ-tát thành Phật liền chấm dứt sinh tử?

Phật bảo thái tử:

– Vì BỒ-tát đem bố thí cho người những thứ như: xe, ngựa, voi, lừa, la, lạc đà, giày dép, do đó nên được bốn thần túc phi hành. BỒ-tát nghĩ nhớ về Tam-muội thần túc học được của chư Phật đem dạy cho mọi người, do thế nên nhớ được việc của vô số kiếp trước. BỒ-tát thành tựu được ý không chấp trước của Phật cho nên được vào Niết-bàn chấm dứt sinh tử.

Thái tử bạch Phật:

– Vì nhân duyên gì BỒ-tát được dự vào việc làm trang nghiêm nước Phật? Vì nhân duyên gì BỒ-tát đoán biết được đời sau sẽ làm Tỳ-kheo Tăng? Vì nhân duyên gì có được ánh sáng chiếu khắp mười

phương?

Phật bảo thái tử:

– Vì Bồ-tát thường có nhiều thệ nguyện, do vậy nên được dự vào việc làm trang nghiêm nước Phật. Bồ-tát ưa thích bố thí và dạy bảo mọi người thực hành sáu Ba-la-mật, nên đời sau được làm Tỳ-kheo Tăng. Bồ-tát dùng vật bảy báu làm lọng che Phật và chùa thờ Phật, do vậy nên có được ánh sáng chiếu khắp mười phương.

Phật phân biệt thuyết giảng các việc này cho thái tử. Thái tử và năm trăm người con của các trưởng giả đều vui mừng.

Thái tử bạch Phật:

– Đời sau, những điều Phật dạy bảo, con đều vâng giữ, thực hành đầy đủ.

Phật cười lớn, từ trong miệng phóng ra ánh sáng năm sắc chiếu khắp mười phương. Bồ-tát Di-lặc liền bước ra trước chỗ Đức Phật, quì gối chấp tay thưa:

– Phật không bao giờ cười mà không có nguyên do. Vì nhân duyên gì miệng lại phóng ra ánh sáng năm sắc chiếu khắp mười phương?

Phật bảo Bồ-tát Di-lặc:

– Ông hãy nghe Ta nói! Thái tử Hòa Hưu cùng năm trăm người con của các trưởng giả, đời trước đã cúng dường trăm ức Phật, đều hành trì đạo Bồ-tát. Đến đời trước thời Đức Phật Đề-hòa-kiệt-la,

năm trăm người này đều là đệ tử được Ta dạy bảo. Đời sau đều được chung một hội, cúng dường sáu ức Phật. Sau đó một kiếp, kiếp tên là Ma-ha Ba-la-mật, năm trăm người này thứ lớp đều cùng thành Phật đồng một hiệu là Nhã-na-cảnh-đầu-đà-na. Cõi nước ấy giống như cõi của Đức Phật A-di-đà. Bồ-tát bay đi qua lại trong cõi nước, biến hóa đều như các Bồ-tát trong quốc độ của Phật A-di-đà. Người nghe kinh này, đều được sinh về cõi nước Phật A-di-đà, làm Bồ-tát như Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, Bồ-tát Tam-ma-đề-bát, đời sau sẽ thành Phật như Phật A-di-đà.

Phật giảng nói kinh này rồi, thái tử Hòa Hưu cùng năm trăm người con của các trưởng giả, các Bồ-tát, Tỳ-kheo Tăng, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, chư Thiên, Phạm, người, quỷ, thần, rồng đều rất vui mừng, làm lễ trước Phật rồi lui ra.



SỐ 345

**KINH TUỆ THƯỢNG BỒ TÁT VẤN
ĐẠI THIỆN QUYỀN**

*Hán dịch: Đồi Tây Tấn, Tam tạng Pháp sư Trúc Pháp
Hộ, người nước Nguyệt Chi.*

QUYỀN THƯỢNG

Nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật du hóa tại khu vườn rừng Kỳ Đà - Cấp Cô Độc thuộc nước Xá-vệ, cùng với chúng Đại Tỳ-kheo gồm tám ngàn vị, đều là các bậc đại đệ tử, học giới đầy đủ, chúng Đại Bồ-tát gồm một vạn hai ngàn vị, hết thảy đều thông đạt Thánh đạo, chứng đắc các pháp Tổng trì, biện tài vô ngại, pháp nhãn bất khởi (vô sinh) công đức vô hạn, thấu rõ các căn nơi mọi chúng sinh, theo bệnh cho thuốc, gầm lên tiếng gầm của sư tử, cứu độ muôn loài khắp mười phương.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn ra khỏi thiên định, chỉ trong chốc lát, đã được vô số chúng quyền thuộc vây quanh, vì họ mà thuyết giảng kinh. Lúc này, trong chúng hội có vị Bồ-tát tên là Tuệ Thượng, từ tòa ngời đứng dậy, sửa lại y phục, quỳ dài, chấp tay hướng về Phật, thưa:

– Con có điều muốn thưa hỏi. Xin Như Lai chấp thuận thì con mới dám nêu bày.

Đức Phật bảo:

– Ông cứ việc thưa hỏi. Như Lai sẽ vì ông mà giải thích, mở bày những chỗ còn vướng mắc, nghi ngờ.

Bồ-tát Tuệ Thượng thưa:

– Bạch Thế Tôn! Phương tiện thiện xảo là nghĩa như thế nào?

Đức Phật bảo Bồ-tát Tuệ Thượng:

– Lành thay! Lành thay! Này thiện nam! Ông vốn luôn thương xót, nhớ nghĩ, tạo sự an ổn cho hàng trời, người cùng các loài, khuyến hóa dẫn dắt họ, cả nơi đời vị lai ra khỏi ba đường dữ, xiển dương pháp Phật đạt được trí tuệ vi diệu nên mới thưa hỏi về phương tiện thiện xảo của bậc Khai sĩ (Bồ-tát). Ông hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ. Như Lai sẽ vì ông mà nêu giải rõ về chỗ cốt yếu.

Bồ-tát Tuệ Thượng cùng với chúng hội vâng theo lời Phật, chăm chú lắng nghe.

Phật dạy:

– Này thiện nam! Phương tiện thiện xảo nơi Bồ-tát là dùng một ít thức ăn, tùy theo hoàn cảnh thuận hợp mà bố thí rộng khắp, khuyến hóa muôn loài, nhất là hạng thấp kém, hạng bị đọa vào nẻo súc sinh, khiến cho hai loại ấy thấy đều hướng về gốc công đức, phát khởi các trí tuệ thông tỏ, tâm ý

hiều rõ đầy đủ về trí tuệ Phật. Đó gọi là phương tiện thiện xảo của Bồ-tát.

Lại nữa, này thiện nam! Phương tiện thiện xảo của Bồ-tát, như người phát huy công đức, khuyến khích, tán thán, tùy hỷ, đem chỗ gốc thiện ấy ban cho khắp chúng sinh, dùng tâm giác ngộ của mình tùy thuận nơi tâm của hết thảy các loài mà không bị cấu nhiễm, đọa lạc. Giảng giải giáo pháp, thành tựu cho các người tu theo thừa Thanh văn, Duyên giác, khiến đạt được trí tuệ thông tỏ. Đó gọi là Bồ-tát hành trì phương tiện thiện xảo.

Lại nữa, này thiện nam! Bồ-tát hành hóa theo phương tiện thiện xảo, như nơi các thứ cây khắp mười phương, hoa nở rộ, rực rỡ, hương thơm ngào ngạt, ai cũng thích, quý, nhưng không có chủ, tên gọi. Bồ-tát cung kính, chọn lấy các thứ hoa kia, tập hợp lại để dâng lên, tung rải cúng dường Phật, nguyện đem gốc công đức ấy ban cho muôn người khiến đạt được các trí tuệ thông tỏ, gồm đủ ánh sáng của đạo pháp, thành tựu vô lượng các loại giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến. Đó là phương tiện thiện xảo của Bồ-tát.

Lại nữa, này thiện nam! Bồ-tát hành trì phương tiện thiện xảo là luôn thương xót, quán xét về muôn loài, đem lại sự an ổn, vui vẻ thọ nhận thay cho họ mọi khổ hoạn. Dùng nhân duyên của trí tuệ thấu đạt làm phương tiện để tạo lập gốc công đức, ban cho khắp các loài. Vì chúng sinh nơi mười phương

thế giới, nguyện mặc áo giáp công đức, đối với các chúng sinh gặp phải những sự nã hại, liền cứu giúp, thâm giữ, thọ nhận thay họ mọi tội lỗi. Khuyến hóa theo trí tuệ thông tỏ, đạt được an lạc lớn. Đó là phương tiện thiện xảo của Bồ-tát.

Lại nữa, này thiện nam! Bồ-tát thực hành phương tiện thiện xảo, cúng dường một Đức Như Lai, quán xét pháp thân của chư Phật là bình đẳng, các phần giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến cũng lại như vậy. Nên biết cúng dường một Đức Như Lai ấy tức là cúng dường chư Phật trong mười phương. Phước đức của sự cúng dường mà Bồ-tát có được, đều đem ban cho, cứu giúp chúng sinh. Đó là phương tiện thiện xảo của Bồ-tát.

Lại nữa, này thiện nam! Phương tiện thiện xảo nơi Bồ-tát là dám thọ sinh vào mọi chốn, nơi trụ xứ không chấp về ngã, ngã sở, chưa từng tự xem thường việc giáo hóa, như khiến người đọc tụng bốn câu kệ quán xét về ý nghĩa, tâm không sợ hãi, nêu bày, làm sáng tỏ, không nghĩ tới chuyện lợi dưỡng, làm tăng trưởng cảnh giới của chư Phật. Nếu đi vào xóm làng, thành ấp nơi các cõi nước để giáo hóa thì luôn hiển bày tâm đại bi, vui vẻ thuyết giảng kinh pháp, nguyện cho những người chỉ nghe và đọc tụng bốn câu kệ do mình giảng giải, đều thành tựu biện tài vô ngại của chư Phật. Đó là phương tiện thiện xảo của Bồ-tát.

Lại nữa, này thiện nam! Bồ-tát hành xử phương

tiện thiện xảo, giả như sinh vào nơi nghèo khổ, thiếu thốn, phải đi hành khất, cầu xin miếng ăn nhưng không có tâm hèn kém, luôn kính phụng các bậc Hiền Thánh. Hoặc nếu chỉ ban ân cho riêng một người, thì nên tư duy, xem xét: Như Lai có dạy về việc bố thí rộng khắp. Ta nay bố thí như vậy thì chỗ tinh tấn còn quá ít ỏi. Phải tạo lập, phát tâm vô lượng nhằm đạt được trí tuệ thông tỏ. Phát huy phần gốc nơi công đức ấy, để khuyến hóa chúng sinh, dốc chứng đắc đạo quả giác ngộ như Đức Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác. Dem ánh sáng của trí tuệ vi diệu đó soi sáng, cứu giúp, khiến mọi người giữ giới, học đạo, tôn kính công đức, để cùng thành tựu trọn vẹn. Đó là phương tiện thiện xảo của Bồ-tát.

Lại nữa, này thiện nam! Bồ-tát hành hóa theo phương tiện thiện xảo, luôn cùng với các hàng Thanh văn, Duyên giác du hóa, nhưng tâm không cùng quy về. Thấy người cúng dường hàng Nhị thừa, tâm không coi trọng, nên phát khởi hai niệm: Một là theo tâm Bồ-tát để thành tựu đạo quả Phật Đà. Hai là, hai thừa Thanh văn, Duyên giác đều nhân nơi pháp Phật mà phát sinh. Tạo được sự quán xét ấy rồi, thì đối với các sự cúng dường kia chưa phải là vô thượng. Chỗ tu học của Ta, nơi ba phẩm, mới là tối thắng. Quán xét về chỗ không thích hợp thì chớ nên tham, ưa. Đó là phương tiện thiện xảo của Bồ-tát.

Lại nữa, này thiện nam! Bồ-tát sử dụng phương tiện thiện xảo, thì hành trì một pháp bố thí tức gồm đủ sáu pháp độ vô cực. Những gì là sáu pháp Ba-la-mật? Bồ-tát hành phương tiện thiện xảo, thấy kẻ hành khát nghèo khổ thì bố thí đầy đủ, không có tâm tham lam, tiếc lẩn. Đây là Bố thí Ba-la-mật. Thân tự giữ gìn giới cấm, phụng kính người trì giới. Đối với những người phạm điều xấu ác thì khiến họ đứng vững nơi giới pháp, tìm kiếm điều kiện để giúp đỡ, khiến không còn hủy phạm. Đây là Trì giới Ba-la-mật. Nếu là những người giận dữ, thì nên dùng tâm từ, tâm thanh tịnh, tâm sáng tỏ, tâm thương xót v.v... để chế ngự cùng hiển bày sự bố thí. Đây là Nhẫn nhục Ba-la-mật. Tùy chỗ thích hợp cúng dường đầy đủ các thức ăn uống. Các hành nơi thân, khẩu, ý luôn bình đẳng như hư không. Đây là Tinh tấn Ba-la-mật. Nhất tâm cùng hiển bày nơi các sự việc tiến, dừng, ngủ nghỉ, các hành đều không tạp loạn. Đây là Thiên định Ba-la-mật. Bố thí như vậy rồi thì chuyên tâm suy niệm về các pháp: Ai thực hiện công việc bố thí? Nơi nào nhận được vật bố thí? Ai thọ nhận sự báo đáp? Người tạo sự mong cầu thì không thể thủ đắc, không chấp nơi người bố thí, người thọ nhận, cùng sự báo ứng. Đây là Bát nhã Ba-la-mật.

Này thiện nam! Bố thí theo phương tiện thiện xảo như vậy, tức gồm đủ sáu pháp Ba-la-mật.

Bồ-tát Tuệ Thượng bạch Phật:

– Thật là điều chưa từng có, thưa Đấng Thiên Trung Thiên! Phương tiện thiện xảo của Bồ-tát, bậc trượng phu đã bố thí đầy đủ, thân giữ nhiều thứ pháp Phật, cứu vớt muôn loài nơi sinh tử.

Phật bảo:

– Đúng như lời Bồ-tát đã nói. Bồ thí theo phương tiện thiện xảo, tuy tạo nhân ít, nhưng các đức thành tựu là vô lượng, không thể tính kể.

Lại nữa, này thiện nam! Bồ-tát hành phương tiện thiện xảo, thế nào là thoái chuyển? Dùng phương tiện thiện xảo để thực hiện bố thí, lại thuận theo bạn xấu ác, nên bị trói buộc, tất phải mắc tội, nên tự xét nghĩ: Các âm, nhập có được, không gì là không bị hoại diệt. Phải dứt trừ mọi khổ hoạn để đạt tới giải thoát. Ta thệ nguyện mặc áo giáp đạo đức, gắng sức phát tâm rộng khắp, tu tập nhằm đạt tới cứu cánh.

Bồ-tát Tuệ Thượng lại hỏi:

– Kính thưa Đấng Thiên Trung Thiên! Giả sử có người phạm phải bốn trọng tội, nhưng có sự nhớ nghĩ, rồi phát tâm xuất gia hành đạo Bồ-tát, thì sau đây như thế nào?

Đức Phật bảo:

– Giả như đã phạm bốn giới trọng, nhưng nhờ phương tiện thiện xảo, tiêu diệt các tội, những thứ khổ hoạn đều dứt trừ. Này thiện nam! Vì trong đạo Bồ-tát không có gây tạo tội lỗi.

Bồ-tát Tuệ Thượng bạch Phật:

– Thế nào là Bồ-tát mà có tội lỗi, tai họa?

Phật bảo:

– Nếu có Bồ-tát tu học, đạt được giới giải thoát, tức thọ trì hai trăm năm mươi giới cấm, ở trong trăm ngàn kiếp chỉ ăn rau quả, dù bị người hủy nhục cũng đều nhẫn chịu. Nếu có Bồ-tát nhớ nghĩ về hành của hàng Thanh văn, Duyên giác thì bị trói buộc nơi gốc sinh tử. Vì sao? Này thiện nam! Vì hàng Thanh văn, Duyên giác đã phạm vào phần gốc nơi giới cấm, không dứt trừ các ám, nhập, chẳng được diệt độ. Này thiện nam! Nếu xả bỏ hành của hàng Bồ-tát, không tự sửa đổi theo nẻo đúng đắn, mà vẫn còn nhớ nghĩ, chí cầu Thanh văn, Duyên giác, nhằm đạt đến đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, thì rốt cuộc không thể thành tựu.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Con nhớ lại ngày trước, có lần vào thành Xá-vệ, theo thứ lớp khát thực, thấy có vị Bồ-tát tên là Trùng Thắng Vương, đang ngồi cùng giường với người nữ nơi phòng riêng của vị ấy. Con cho rằng như thế là phạm điều cấu uế, tâm lại suy nghĩ: “Vị này không còn phạm hạnh như những người khác. Đối với giáo pháp của Như Lai, hầu như không còn tạo sự hiểu biết, nhớ nghĩ về tất cả chướng?”. Ngay lúc ấy, con thấy Đức Thế Tôn

được mọi người chiêm ngưỡng, đang suy nghĩ và phát ra lời tán thán, khiến cả tam thiên đại thiên thể giới hiện đủ sáu cách chấn động.

Lúc này, Bồ-tát Trùng Thắng Vương bèn tự vọt thân bay lên, trụ nơi không trung, cách mặt đất bốn trượng chín thước, nói với Tôn giả A-nan:

– Thưa Hiền giả! Vì sao gọi là phạm giới cấm, lại có thể vọt thân bay bổng lên hư không? Ở trước Đức Như Lai do đâu không thưa hỏi: Thế nào là Bồ-tát phạm tội, đúng như pháp?

Tôn giả A-nan, nãm vốc gieo sát đất, tự hỏi cải về lỗi lầm của mình, bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Con thật là mê lầm vì đã có thiên kiến, tìm cầu khuyết điểm của bậc Đại sĩ.

Đức Phật nói:

– Ông nên thận trọng, trong việc xem xét về các phương tiện của hạnh Bồ-tát nơi Đại thừa, cho là thiếu sót. Do như Hiền giả chí cầu thừa Thanh văn, không nên chỉ nơi một hoặc hai người cùng tu nhiều hạnh, xem đây rồi đây khởi hồ nghi, biếng trễ, không diệt trừ hết các lậu. Như vậy, này Hiền giả A-nan! Chớ xem các phương tiện quyền xảo nơi bậc Đại sĩ là có sự thoái chuyển đối với các thứ trí tuệ thông tỏ. Vì sao? Vì Bồ-tát, Đại sĩ luôn yêu mến, thâm nhận mọi tạo tác hệ thuộc, nhằm đem lại sự hưng thịnh cho Tam bảo, không trái với pháp Phật và chúng Hiền Thánh, khiến cầu đạt được đạo

quả Bồ-đề Vô thượng.

Đức Phật lại bảo Tôn giả A-nan:

– Nếu có thiện nam, thiện nữ, tâm luôn hướng đến Đại thừa, không lìa bỏ trí tuệ thông đạt, không rơi vào năm thứ vui thú, chế ngự năm dục, quán xét về năm thông, đạt được cội gốc của Như Lai, nên biết đó là hàng Bồ-tát có thể gần gũi với người nữ để giáo hóa.

Lại nữa, này Tôn giả A-nan! Người nữ kia, về đời quá khứ xa xưa, hàng trăm đời đã sánh đôi với Trùng Thắng Vương. Do tình nghĩa từ kiếp trước chưa dứt hết nên còn có ân nợ về sắc. Người nữ tham luyến dung mạo của Trùng Thắng Vương nên miệng phát lời nguyện: “Xin cho cùng ta chung hưởng hoan lạc”. Trùng Thắng Vương tùy thuận nơi giáo pháp, để khuyến hóa mọi người phát tâm Bồ-đề. Lúc ấy, tâm nhận biết chỗ suy nghĩ của người nữ kia, nên từ sáng sớm, y phục chỉnh tề, theo đúng giáo pháp, đi vào nhà người nữ, quán xét trong ngoài, tâm bình đẳng như đất, không chấp giữ gì cả, đồng ở một nơi như sự mong muốn, liền nói kệ:

*Ngu thay! Dục dấy khởi
Chư Phật chẳng ngợi khen
Kẻ trờ được ân ái
Tu đạt quả vị Phật.*

Lúc này, người nữ nghe kệ, tâm rất hoan hỷ,

liền từ chỗ ngồi đứng dậy, năm vóc gieo sát đất, quy mạng, tự trách về tội lỗi của mình, sám hối, nói kệ tán thán Trùng Thắng Vương:

*Con đã lia các dục
Được Thế Tôn tán thán
Người dứt bỏ ân ái
Nguyện thành đạo vô thượng
Mọi suy tưởng tâm trước
Nay cúi đầu sám hối
Thương xót đến muôn loài
Xin phát tâm Bồ-đề.*

Bây giờ, Bồ-tát Trùng Thắng Vương tùy thuận chỗ mong muốn để giáo hóa người nữ kia, khiến phát tâm Bồ-đề cầu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, bèn từ tòa ngồi đứng dậy, ra khỏi ngôi nhà ấy.

Đức Phật nói với Tôn giả A-nan:

– Tôn giả nên quán xét tâm của người nữ ấy đã giữ vững sự thanh tịnh. Nay Như Lai thọ ký cho người nữ kia được chuyển thân nữ, sau chín mươi chín kiếp sẽ được thành Phật, hiệu là “Ly Vô Số Bách Thiên Sở Thọ”, gồm đủ mười tôn hiệu: Như Lai, Chí Chân, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Vi Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, Phật Chúng Hựu. Do vậy, này Hiền giả! Quán xét về hạnh của Bồ-tát phải thấy rõ nẻo hành hóa là không thiếu sót, không

rơi vào tội lỗi.

Bồ-tát Trùng Thắng Vương từ nơi không trung đi xuống, cung kính đánh lễ nơi chân Phật, thưa:

– Bạch Thế Tôn! Bồ-tát hành trì phương tiện thiện xảo phải đứng vững nơi tâm đại bi. Hoặc khuyến hóa, dẫn dắt dù là một người, cũng đều dùng pháp căn bản thuận theo chỗ thọ sinh, liền đạt được sự tin tưởng nơi phương tiện thiện xảo. Nếu chúng sinh bị đọa nơi đại địa ngục hàng trăm kiếp, gặp phải bao thống khổ, tai họa, Bồ-tát phải nhận chịu thay cho họ, dù chỉ hóa độ một người, cũng khiến họ đứng vào gốc công đức, chứ không được trốn tránh việc khó khăn ấy.

Đức Thế Tôn tán thán:

– Lành thay! Lành thay! Đích thực là bậc Đại sĩ thông đạt. Đó là hạnh đại bi của Bồ-tát, vượt khỏi mọi thứ thọ nhận.

Đức Phật dạy:

– Nay thiện nam! Ta nhớ lại nơi đời quá khứ, vô số kiếp về trước, thời ấy có một Học sĩ tên là Diệm Quang, ở nơi rừng núi vắng vẻ hành nguyện an lành, trải qua bốn trăm hai mươi vạn năm tu tập phạm hạnh. Hết thời gian ấy thì đi vào nước Sa-kiệt, đến một gia đình làm đồ gốm. Người con gái của nhà này thấy vị Học sĩ kia dung mạo tuấn tú, uy nghiêm rất xuất chúng, nên tâm dục phát khởi mạnh mẽ, liền tự tìm gặp, bày tỏ sự mến mộ. Vị

Học sĩ hỏi:

– Cô cầu mong điều gì?

Đáp:

– Tôi yêu mến Nhân giả.

Học sĩ nói:

– Tôi không còn ham thích dục lạc.

Cô gái bảo:

– Nếu không được như vậy tôi sẽ tự vẫn.

Học sĩ Diệm Quang tự nghĩ: “Ta gìn giữ giới cấm, tịnh tu phạm hạnh trong bốn trăm hai chục vạn năm, nay nếu hủy phạm thì không phải là điều an lành”. Suy nghĩ như vậy rồi, bèn rời bỏ, lui lại bảy bước, mới phát tâm từ bi: Nếu hủy phạm giới cấm thì bị đọa nơi địa ngục. Còn nếu không thuận theo ý của cô gái thì cô ấy sẽ tự vẫn. Ta nên khiến cho người nữ này đạt được an ổn, còn mình sẽ phải thọ nhận bao nỗi thống khổ nơi địa ngục!”. Học sĩ Diệm Quang liền trở lại, nắm lấy cánh tay người nữ, nói rõ: “Xin thuận theo ý muốn của cô, có được may mắn, chớ nên tự chuốc lấy nguy khôn!”.

Học sĩ trở về với sự nghiệp gia đình hơn mười hai năm, nhằm chán với bao chướng ngại, nên biết dừng, đủ bốn pháp thanh tịnh. Sau khi mạng chung được sinh nơi cõi Phạm thiên.

Đức Phật bảo:

– Nay thiện nam! Học sĩ Diệm Quang thời ấy đâu phải là người xa lạ, mà chính là thân Ta đây.

Người con gái của gia đình thợ gốm kia tức là Cù-di. Do người nữ còn chuộng sắc dục nên Ta đã thuận theo tâm ấy. Ta đem tâm đại bi cứu độ chúng sinh thoát khỏi trăm ngàn tai họa nơi sinh tử. Hiền giả lại quán xét về chỗ hủy phạm giới cấm của những người khác nên bị đọa nơi địa ngục. Còn Bồ-tát, với phương tiện thiện xảo nên được sinh lên cõi trời Phạm thiên.

Đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Tuệ Thượng:

– Giả như các Tôn giả Xá-lợi-phất, Đại-mục-kiền-liên hành trì phương tiện thiện xảo thì không khiến cho Tỳ-kheo Cù-hòa-ly bị đọa nơi địa ngục. Vì sao? Như Lai nhớ lại về quá khứ xa xưa, thời Đức Phật Câu-lâu-tần, có một Tỳ-kheo tên là Vô Cấu, ở nơi hang Gia Sơn thuộc nước Nhàn Cư. Cách hang ấy không xa, có năm vị thần tiên. Lúc này, có một người nữ đang đi trên đường, gặp phải cơn mưa lớn, bèn chạy vào hang, là chỗ ở của Tỳ-kheo Vô Cấu, để tránh mưa. Mưa tạnh thì ra đi. Khi ấy, năm vị tiên nhân thấy người nữ từ nơi hang của Tỳ-kheo Vô Cấu đi ra, đều cho Tỳ-kheo Vô Cấu đã làm điều dâm uế, không còn thanh tịnh. Vị Tỳ-kheo biết rõ ý nghĩ của các tiên nhân kia, bèn tự vọt thân bay lên hư không cách mặt đất bốn trượng chín thước. Các vị tiên thấy Tỳ-kheo Vô Cấu bay nơi không trung, đều nói: “Đúng như kinh điển của ta đã ghi chép, nếu người nhiễm nơi dục trần thì không thể bay được”. Tức thì năm vốc gieo sát đất,

cúi đầu nhận tội đã suy nghĩ xằng bậy:

– Giả sử Tỳ-kheo không hiện bày thần biến, thì năm vị tiên chúng tôi sẽ bị đọa nơi địa ngục!

Đức Phật bảo:

– Tỳ-kheo Vô Cầu thời bấy giờ tức là Bồ-tát Từ Thị. Nếu các Tôn giả Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên có phương tiện thiện xảo bay lên cao, thì Cù-hòa-ly không bị rơi vào địa ngục. Nên biết, về ý nghĩa ấy, chẳng phải là năng lực của hàng Thanh văn, Duyên giác có thể đạt tới. Chỉ riêng có Bồ-tát mới phân biệt, hiểu rõ về phương tiện thiện xảo. Cũng như người nữ buông lung, bốn thời trang điểm, luôn tham muốn của cải, lợi dưỡng; hoặc kẻ vô trí biến đổi tánh người, khiến theo ý ấy chỉ rõ việc bỏ thí cả thân mạng. Kính trọng người kia vì đã dốc bỏ thí hết mọi tài sản, bèn đoạn lìa các duyên nên tạo được những việc chưa từng hồi hận. Bồ-tát hành hóa phương tiện thiện xảo cũng như vậy. Quán xét căn tánh của người có thể giáo hóa, dùng phương tiện gì để dẫn dắt, tạo sự an lập, bỏ thí khắp chúng sinh không tiếc cả thân mạng, gieo trồng gốc của các công đức, không hề chứa giấu. Giả sử nhận biết về người rồi thì gây tạo phần căn bản của đức hạnh, khiến người ấy thọ mạng được nối tiếp, tăng trưởng các thiện căn. Đối với hết thảy dục lạc không còn tham đắm. Trừ bỏ mọi ân ái khiến quay về nẻo không. Tâm được thanh tịnh không còn buộc, chấp. Giống như loài ong chỉ hút lấy mật nơi

các hoa, không hề có tướng chấp về thường, hoặc có ý làm tổn hại cành, lá, hoa, trái. Bồ-tát hành trì quyền xảo, luôn thuận theo phương tiện của thế gian, tuy vui thích nơi các dục, nhưng không chấp nơi ái dục, không phát khởi tướng về thường, không tự hủy thân, cũng không làm tổn hại người khác. Ví như hạt giống của cây không bị mất màu sắc tươi tốt, nhân đầy mà sinh mầm hoàn toàn tốt tươi. Như vậy, này thiện nam! Bồ-tát dùng ba pháp môn giải thoát là Không, Vô tướng, Vô nguyện, cùng với trí tuệ Ba-la-mật rộng lớn, hội nhập vào thế giới phiền não, tùy chỗ thích hợp mà hành hóa, không bỏ tập tục, không khiến thân bị cấu uế vì dục, không trái với sự tán thán của Phật, chưa từng thoái chuyển. Như người đánh cá, giăng bủa lưới rộng khắp mặt sông lớn theo ý muốn của mình, thì khi tóm thâu lưới lại sẽ thu được nhiều cá. Bồ-tát cũng vậy, hội nhập nơi pháp không, vô tướng, vô nguyện, dùng tâm vi tế, ở nơi Nhất thiết trí buộc chặt các tham dục lớn. Các tuệ thông tỏ nơi tâm, do tâm được rộng mở nên đạt được tự tại, sinh nơi cõi trời Phạm thiên. Ví như bậc trượng phu khéo học các loại chú thuật, nhằm sửa trị chỗ chi phối của năm thứ trời buộc. Người ấy tùy ý sử dụng một loại chú thuật để đoạn trừ các thứ buộc ràng, đạt được giải thoát. Như vậy, này thiện nam! Bồ-tát hành trì phương tiện thiện xảo, tự vui thích nơi năm dục, cùng với mọi người kết hợp, thuận theo chỗ

may mắn, vận dụng sức mạnh của trí tuệ, sức mạnh của học thuật, dùng một thứ tuệ thông tỏ, phá trừ hết thảy các dục, sau khi qua đời được sinh vào cõi Phạm thiên. Ví như vị sư an định, dùng tâm không chút đồ kỵ, xấu ác, biến hiện sự che chở, hộ tống cho người buôn bán lớn. Hoặc có kẻ ngu chê bai, làm thương tổn, nói: “Suy xét về vị sư ấy tự cho là quyền thuộc, đối với của cải hãy còn không thể kết hợp để đưa qua, sao có thể cứu giúp mọi người, khiến thoát khỏi lũ giặc? Nên tất sẽ bị thất thoát vô số tiền của. Khi ấy, vị sư dẫn đường càng thêm phần nộ, hồ thẹn, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, giữ tâm kiên cường, mang áo giáp, múa đao tiêu diệt đám oán địch, đạt được an ổn, không bị mất mát. Bồ-tát hành trì phương tiện thiện xảo, nắm chặt ngọn đao trí tuệ, thuận theo hoàn cảnh và chỗ mong muốn, dùng phương tiện khéo léo, để tạo sự an trụ theo năm thứ an lạc. Tâm chí của người theo thừa Thanh văn không thể vui thích, để phát tâm từ bi. Như thế, nếu đây khởi hành phóng dật ấy, thì hãy còn không tự độ, sao có thể cứu giúp mọi người, cùng hàng phục các thứ ma oán? Là chỗ không thể đạt được.

Bồ-tát dùng pháp của trí tuệ Ba-la-mật, với phương tiện thiện xảo, đối với các trường hợp tâm ý buông thả theo tham dục, dùng đao trí tuệ chặt đứt mọi phiền não nhiễm ô, phá tan màng lưới nghi hoặc, tùy ý du hóa đến khắp các cõi của chư Phật,

xa lìa cảnh giới nữ nhân, không còn tỳ vết cấu uế.

Bấy giờ, có vị Bồ-tát tên là Ái Kính, đi vào đại thành Xá-vệ, theo thứ lớp khát thực, lần đến một gia đình giàu sang. Nhà này có một người nữ tên là Cháp Tường, đang ở nơi lầu gác, nghe tiếng nói của vị Tỳ-kheo thọ nhận thức ăn xong, vừa đi ra. Cháp Tường trông thấy hình dáng của vị ấy, liền sinh tâm buông lung, lửa dục phát khởi quá mạnh, không được như ý nên hơi thở bị đứt, mạng chung, thân thể run rẩy hồi lâu. Tỳ-kheo thấy người nữ như vậy, bèn khởi tưởng bất tịnh, suy nghĩ: “Thế nào là pháp lạc, tự đạt được hoan hỷ? Xét kỹ về các trần là không, không thật, cũng như bọt nước, không có gì là bền chắc, đáng tôn quý. Tai, mắt, mũi, miệng, thân, ý như khối thịt thối rữa từng phần bên trong, được lớp da phủ bọc bên ngoài. Từ chân tới đỉnh đầu, có gì đáng để yêu thích? Quán xét không tranh tụng, không tưởng, không niệm, pháp không trong ngoài, cũng không thọ mạng, đều không thật có. Vậy tâm sao lại chấp vương, thọ nhận? Vĩnh viễn xa lìa mọi lỗi lầm của dục, cũng không thủ đắc”. Quán xét kỹ các pháp là không có đối tượng được phát khởi, Bồ-tát Ái Kính liền đạt được pháp nhãn Vô sinh, tức thì hoan hỷ hết mực, vọt thân bay lên không trung, cách mặt đất bốn trượng chín thước, nhiều quanh đại thành Xá-vệ bảy vòng.

Lúc này, Đức Thế Tôn thấy Bồ-tát Ái Kính

đang bay nơi hư không như nhận chúa, thần túc vô ngại, tự tại, ung dung, nên bảo Hiền giả A-nan:

– Hiền giả có trông thấy Bồ-tát Ái Kính đang bay nơi hư không, tới lui như nhận chúa chẳng?

Hiền giả A-nan thưa:

– Bạch Thế Tôn, con có thấy.

Đức Phật dạy:

– Bồ-tát Ái Kính nhân nơi sắc dục để hành hóa, đạt được các pháp Phật, hàng phục quân ma, tức chuyển pháp luân. Người nữ Chấp Tường kia, sau khi mạng chung, được chuyển thân nữ, sinh nơi cung điện Tử Cám thuộc cõi trời Đao-lợi, tự nhiên hóa hiện có bốn trăm tám mươi dặm cung điện, một vạn bốn ngàn ngọc nữ cùng lo việc hầu cận. Duyên nơi đức ấy mà phát tâm sáng tỏ, tự suy niệm nhờ vào hạnh gì mà được sinh ở cõi này? Tức nhận biết mình vốn ở thành Xá-vệ, con gái của một gia đình giàu sang, muốn dùng sắc đẹp mê hoặc Bồ-tát Ái Kính. Duyên nơi tham dục ấy, sau khi mạng chung, được chuyển thành thân người nam, tự nhiên có thần túc biến hóa vô số sự việc. Tâm chí ở nơi tham dục, mà đạt được phước báo ấy, hưởng chi là với tâm thanh tịnh, nghiêm túc, hết lòng cung kính cúng dường Bồ-tát? Nay thường dùng các thứ kỹ nhạc, an vui lâu dài, luôn tới trú xứ của Đức Thế Tôn, cùng được thấy Bồ-tát Ái Kính. Khi ấy, Thiên tử cùng với đám quyến thuộc, đều mang theo các

loại hoa trời, các thứ hương chiên-đàn, uy quang rực rỡ, đi đến chỗ Đức Thế Tôn và Bồ-tát Ái Kính, đánh lễ, cúng dường, nhiễu quanh ba vòng, rồi chấp tay dùng kệ tán thán:

*Chư Phật, không nghĩ bàn
 An lạc không thể lường
 Như Lai là tâm ý
 Tức đạt đạo Vô thượng.
 Con ở Xá-vệ làm người nữ
 Uy danh lớn, vang, chẳng thể tính
 Tên là Cháp Tường, con trưởng giả
 Thân tướng xinh đẹp, báu trang nghiêm.
 Do được cha mẹ luôn quý trọng
 Con bậc Chánh giác không đắm nhiễm
 Hiệu là Ái Kính, uy thần lớn
 Vào thành Xá-vệ để khát thực.
 Con nghe giọng nói thật dịu dàng
 Tâm hoan hỷ, chọn lấy thức ăn
 Liền tự đi tới pháp vô tận
 Con của đạo Như Lai: Ái Kính.
 Con thấy vị ấy, dấy tâm loạn
 Mê lầm ái dục, tham buông lung
 Giả sử chẳng được theo ý nguyện
 Tức sẽ dứt bỏ hẳn thọ mạng.
 Khi ấy, không thể nói thành lời
 Tuy cúng thức ăn, không thể trao
 Con do ái dục nên phóng dật
 Tức tại nơi mạng sống liền hết.*

Tuy không ứng hợp với đạo hạnh
 Lìa bỏ thân người nữ cầu uest
 Được làm thân nam, Phật khen ngợi
 Tức thì được sinh trời Đạo-lợi.
 Cung điện thật đẹp đẽ, nguy nga
 Dùng báu hợp thành không gì sánh
 Một vạn bốn ngàn các quyến thuộc
 Các thể nữ, vui thú gồm đủ.
 Tâm liền tự phát khởi suy niệm:
 – Do nhân duyên nào được tới đây?
 Cùng lúc nhớ biết việc như vậy
 Tâm theo ái dục được báo ứng.
 Thấy nơi Ái Kính tâm hoan hỷ
 Do tâm buông lung mà tham đắm
 Duyên nơi đức kia, được báo này
 Như ánh sáng chiếu nơi cây tốt.
 Thường làm đệ tử Phật chánh giác
 Nơi chốn du hóa, an trụ tuệ
 Tâm ái dục phước báo như vậy
 Hướng chi là người hành cúng dường.
 Thân con nay là con Như Lai
 Phát nguyện cầu đạt trí tuệ Phật
 Nên phải tu tập hằng sa kiếp
 Chưa từng lìa bỏ chí tánh lớn.
 Đều do nhân thầy lành Ái Kính
 Tức nên cúng dường phụng sự pháp
 Mọi việc vì đạo, không thân thuộc
 Xin nguyện tu học nẻo giác ngộ.

Hành trì theo đạo pháp vô thượng
 Do tâm buông lung nên tham chấp
 Đồng thời được chuyển lìa thân nữ
 Thành thân nam tử tướng uy nghiêm.
 Cha mẹ tại nhà đều gào khóc
 Thấy lẫn ra chết nên xót thương
 Tâm tự suy nghĩ đạo mê hoặc
 Buông lời mắng nhiếc Sa-môn ấy.
 Lúc này, Thiên tử thừa uy Phật
 Đến chỗ cha mẹ nêu giải rõ
 Không được mắng nhiếc, giận Sa-môn
 Đêm dài sinh tử khỏi khổ não.
 Cha mẹ muốn được biết con chẳng
 Con đã sinh nơi trời Đạo-lợi
 Đúng lúc chuyển hóa nơi thân nữ
 Làm thân Thiên tử uy quang lớn.
 Cha mẹ sẽ đến chốn an trụ
 Tội mắng nhiếc lớn tự sám hối
 Lại cầu cứu giúp, chẳng thể được
 Chỉ có Như Lai là đạo tuệ.
 Khi cha mẹ nghe âm vang Phật
 Lúc ấy đã khuyến hóa dững mãnh
 Tâm đều hòa nhã cùng quyến thuộc
 Cùng đi đến chỗ Phật Năng Nhân.
 Tức cùng đánh lễ Lương Túc Tôn
 Liên tự sám hối tâm sân hận
 Thấy đều cung kính nơi Như Lai
 Thừa hỏi, an trụ thật chắc chắn.

Dùng vật cúng dường nào phụng Phật
 Thế nào là thuận Phật, Pháp, Tăng?
 Xin vì chúng con phân biệt nêu
 Giả sử người nghe tâm không khác.
 Tôi thẳng nhận biết các tâm niệm
 Bạc cứu đời liền thuyết giảng rõ
 Như muốn cúng dường tất cả Phật
 Tâm đạo kiên cố ngăn các tướng.
 Cha mẹ, quyến thuộc cùng nam, nữ
 Đầy đủ năm trăm không giảm bớt
 Lắng nghe bậc đại nhân giảng nói
 Cùng lúc đều phát tâm Bồ-đề.
 Bạc tôi thẳng nên nhân không khác
 A-nan nghe Như Lai nêu bày
 Như hạnh Bồ-tát không giới hạn
 Phương tiện thiện xảo trụ trí tuệ.
 Bồ-tát Ái Kính nguyện như vậy:
 – Giả sử người nữ ái kính ta
 Tức thường khiến chuyển thân tướng nữ
 Chóng làm nam tử hơn hẳn người.
 A-nan lại xét công đức ấy
 Người khác do đây đọa địa ngục
 Do tâm buông lung tham đắm sắc
 Nhân ái dục chuyển làm thân nam.
 Tâm ấy Thiên tử cúng dường Ta
 Thường do cung kính đạt an lạc
 Chỗ cúng dường kia, khó tính kiếp
 Sẽ được thành Phật hiệu Thiên Kiến.

*Năm trăm người này phát tâm đạo
 Cũng sẽ tự đạt “Nhân Trung Tôn”
 Người nghe điều ấy chẳng cúng Phật
 Tâm vui thích kia luôn an lạc.
 Xét nơi Bồ-tát Ái Kính này
 Giáo hóa người nữ chẳng một, hai
 Vô lượng trăm ngàn ức na-thuật
 Dem tâm ái dục đứng nơi đạo.
 Tức là Dược Vương danh đức lớn
 Nhân đâu Bồ-tát bị cầu ước
 Phiền não nhân duyên thí an ổn
 Huống nữa cúng dường, làm Phật sự.*

Hiền giả A-nan bạch Phật:

– Cũng như có người ở gần núi Tu-di đều tùy theo ánh sáng rực rỡ của ngọn núi mà có màu vàng rờn. Nếu như có tâm hoan hỷ, muốn hiểu rõ về ý nghĩa, có tâm phụng hành đạo pháp, có thể gần gũi nơi Bồ-tát thì đều đạt được toàn bộ, hướng tới các trí tuệ thông tỏ, tâm tánh như nhiên. Con từ nay xin bắt đầu phụng trì Bồ-tát, như núi Tu-di. Cũng như Dược vương tên là Kiến Dũ, người có thanh tịnh hoặc giận dữ, trông thấy vị thuốc ấy thì các thứ bệnh đều diệt trừ. Bồ-tát cũng như vậy. Người có tâm thanh tịnh, bất tịnh, tâm dâm, nộ, si, được hầu cận Bồ-tát, thì đều dứt trừ.

Đức Phật khen ngợi Hiền giả A-nan:

– Lành thay! Này Hiền giả A-nan! Đúng như

lời Hiền giả đã nói.

Hiền giả Đại Ca-diếp bạch Phật:

– Thưa đáng Thiên Trung Thiên! Thật khó sánh kịp. Bồ-tát Đại sĩ là chẳng thể nghĩ bàn. Ở nơi chốn hành hóa, vì các chúng sinh hiện bày sự vô úy. Đối với các pháp không, vô tướng, vô nguyện, hàng Thanh văn, Duyên giác chỉ thực hành pháp ấy. Còn Bồ-tát thì cứu giúp khắp, tạo sự chuyển biến, khiến hội nhập nơi dấu vết của các trí tuệ thông đạt, dùng phương tiện thiện xảo để thuận hợp nơi tâm chúng sinh, trọn không chán bỏ chỗ ứ nhiệm nơi sáu trần sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp.

Hiền giả Đại Ca-diếp lại bạch Phật:

– Con có thể đưa ra ví dụ để tán thán về chỗ hành hóa của Bồ-tát chăng?

Phật bảo:

– Có thể tán thán.

Hiền giả Đại Ca-diếp nói:

– Ví như nơi đồng hoang mênh mông vắng vẻ, hoàn toàn không có người, tự nhiên có bức tường, trên lên tới cõi trời Ba Mươi Ba, chỉ có một cửa. Vô số người đều đi vào vùng đồng hoang kia. Cách đây không xa có một thành lớn, là vùng đất giàu có, lúa gạo dồi dào, người hèn kém cũng được sung sướng, an lạc, dân chúng đông đảo không thể tính kể. Ở tại thành đó tức như thành kim cương, bên cạnh có sông, bên sông có đường đi rộng, trong

đường đi ấy có những người thông tuệ, sáng suốt, luôn nhận biết, suy niệm về ý nghĩa, mang tâm thương xót, muốn cứu độ những người đi vào chốn đồng hoang vắng kia, cất tiếng gọi vang: “Cách chốn đồng hoang vắng ấy không xa, là ngôi thành lớn, an lành, vĩnh viễn không sợ chết. Ta là vị Đạo sư dẫn dắt các người tới chốn an lạc”. Những người kia đáp: “Chúng tôi không đi đến nơi quá vắng lặng, chỉ muốn trông thấy hình dáng ngôi thành, thành tự nhiên hiện ra, khi ấy mới đi tới”. Lúc này, có người hiểu được chỗ vi diệu, nên nói: “Thường đi đến là tùy theo chỗ nhân đức được tích tụ. Chúng tôi như thế chỉ là những người phước mỏng”. Sô đông kia nghe âm thanh ấy rồi, chẳng tin, chẳng vui thích, chẳng theo sự giáo hóa đó, nên không vượt qua được vùng đồng hoang vắng. Những người hiểu được chỗ vi diệu này thì vượt qua được vùng đồng hoang vắng đó, xem xét đường đi do con sông, nên nhân theo đáy mà tiến lên. Hai bên có những khe suối lớn, sâu đến hàng trăm ngàn trượng, giăng bày các thứ cây cỏ, bốn phía làm cầu để cứu giúp chỗ nguy hiểm theo bốn nẻo ra khỏi, không bị ngăn ngại. Nếu có lũ giặc đông đảo từ phía sau đuổi theo cũng không sợ hãi. Giặc tự nhiên thoái lui, hoàn toàn không còn quay trở lại. Cứ dần dần đi về phía, cũng không còn lo sợ. Không nhìn, ngó hai bên tức thấy được thành lớn. Càng gần tới thành áp thì tâm không còn hồ nghi.

Vào được thành rồi, vì vô lượng người, hiện rõ về nghi thức, làm tăng trưởng phước đức.

Hiền giả Ca-diếp nêu bày rồi tán thán. “Vùng đồng hoang vắng rộng lớn” là dụ cho chốn khổ nạn của sinh tử. “Bức tường cao đến cõi trời Ba Mươi Ba” là dụ cho chỗ tham đắm nơi ái dục, không có trí tuệ. “Chỉ có một cửa” là dụ cho Đại thừa. “Vô số người đi vào vùng đồng hoang vắng” là dụ cho chúng phàm phu ngu tối. “Người có trí tuệ, phát nguyện kêu gọi những kẻ kia” là dụ cho hàng Bồ-tát, Đại sĩ, luôn yêu thích các pháp Ba-la-mật. “Những người tâm chí thấp kém, không đi đến, chỉ muốn trông thấy thành” là dụ cho hàng Thanh văn, Duyên giác. Nên nói: “Thường đi đến là tùy theo chỗ nhân đức tích tụ” tức là Bồ-tát. “Người nghe tiếng gọi mà không tin” là dụ cho hàng ngoại đạo dị học theo các nẻo tà. “Vượt qua vùng đồng hoang vắng” là dụ cho việc phụng hành tinh tấn, đạt đến các trí tuệ thông tỏ, tu tập các pháp Tam-muội. “Con đường do nơi dòng sông” là dụ cho pháp môn. “Hai bên có những khe, suối lớn sâu trăm ngàn trượng” là dụ cho quả vị Thanh văn và thừa Duyên giác. “Giăng bày các cây cỏ để làm cầu cho bốn bên” là dụ cho phương tiện thiện xảo với trí tuệ Ba-la-mật. “Bốn con đường đi ra không bị ngăn ngại” là dụ cho Bồ-tát thực hành bốn ân (bốn nhiếp pháp), thâm giữ vô lượng chúng sinh. “Lũ giặc đuổi theo chẳng sợ, tự nhiên thoái lui” là dụ cho quyền

thuộc của ma, cùng những kẻ dựa nhờ. “Trợn không quay trở lại” là dụ cho Nhân nhục Ba-la-mật. “Dần dần tiến lên phía trước” là dụ cho chỗ mở bày, giáo hóa của Bồ-tát theo Tinh tấn Ba-la-mật. “Cũng chẳng lo sợ” là dụ cho, do tâm thanh tịnh mà phát khởi chí bình đẳng giác ngộ cho tất cả chúng sinh. “Không nhìn ngó hai bên” là dụ cho tâm chí không ưa thích chỗ lợi lạc của hàng Nhị thừa. “Tức thấy thành lớn” là dụ cho việc đạt đến các trí tuệ thông tỏ (Nhất thiết trí). “Càng gần tới thành” là dụ cho công đức của bậc kiến đạo tu tập trí tuệ Phật. “Tâm không hồ nghi” là dụ cho phương tiện thiện xảo vận dụng các pháp Ba-la-mật để có được trí tuệ sáng tỏ, có thể nhận thấy khắp hết thấy chúng sinh không còn sợ hãi, ghét bỏ. “Vào thành rồi, vì vô lượng người, hiện bày nghi thức, làm tăng trưởng phước đức” là dụ cho Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác. Phật, đáng Thiên Trung Thiên vừa xuất hiện ở đời, liền vì các Bồ-tát an lập nơi danh hiệu, kiến tạo nghĩa lợi rộng lớn!

Đức Thế Tôn khen ngợi Hiền giả Đại Ca-diếp:

– Lành thay! Lành thay! Đây mới thật là tán thán với các dụ.

Khi nêu bày sự việc này, có một vạn hai ngàn chư Thiên và người phát tâm Bồ-đề cầu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Đức Phật bảo Hiền giả Ca-diếp:

– Đức hạnh của Bồ-tát là không thể tính kể. Tu học đúng đắn, sử dụng phương tiện thiện xảo vi diệu, nẻo hành hóa của bậc Đại sĩ chẳng vì đề cao mình mà không hành thí cho người. Không nói có ta, cũng không nói có người.

Bồ-tát Tuệ Thượng bạch Phật:

– Thế nào gọi là Nhất sinh bồ xứ, vào thời Phật Ca-diếp đã nói lời ấy, cho là được hầu cận vị Sa-môn cao tốc đó, sao có thể có đạo, vì Phật đạo khó đạt được? Thưa Thế Tôn! Bây giờ, do duyên gì mà nói như vậy?

Phật bảo Bồ-tát Tuệ Thượng:

– Này thiện nam! Nên dừng lại! Không thể hạn chế khi xét về chỗ hành hóa của Như Lai cùng các Đại sĩ. Vì sao? Vì phương tiện thiện xảo của hàng Bồ-tát, Đại sĩ là không thể nghĩ bàn. Như có hàng chánh sĩ nên hành theo pháp quán ấy, duyên vào đây để hóa độ mọi người. Này thiện nam! Hãy lắng nghe, khéo suy niệm. Có pháp môn gọi là phương tiện thiện xảo. Bồ-tát, từ thời Phật Định Quang đến nay, chỗ trí tuệ hưng khởi là bất khả tư nghì, tùy hoàn cảnh thích hợp mới có thể phát khởi, giảng giải pháp Bồ-tát. Từ khi gặp Đức Thế Tôn Định Quang trở đi, Ta đã đạt được pháp nhãn Vô sinh, không một chút thiếu sót, tỳ vết hay quên mất, tâm cũng không tạp loạn, trí tuệ không tổn giảm. Đã

chúng đặc pháp nhãn rồi, thì nẻo hành trì của Bồ-tát, bảy ngày thiền định, chỉ trong khoảng một niệm là thành Phật. Có Bồ-tát dốc chí phát tâm, trong thời gian phát tâm ấy dụ cho một kiếp, vì tất cả mọi người ở nơi đó, thị hiện để giáo hóa chúng sinh. Do diệu lực của trí tuệ, muốn được thành Phật với sự giác ngộ đại bình đẳng, nên trong vô lượng ức kiếp đã có nhiều chỗ phát khởi xung tán tà kiến. Đó là phương tiện thiện xảo của Bồ-tát.

Lại nữa, này thiện nam! Hàng Thanh văn giả sử đạt được tự tại, thì đối với các pháp Tam-muội rõ là chưa từng có, chẳng đạt tới pháp định nơi Tam-muội của Bồ-tát: thân cũng chẳng động, tâm không niệm tưởng, cũng không phải là chỗ thân tâm của chúng nhân đạt được. Lại như Bồ-tát thực hành chánh thọ Tam-muội, chẳng tiến chẳng thoái, thường dùng bốn ân (bốn nhiếp pháp) để cứu giúp, thân giữ muôn loài, không làm mất tinh tấn, không bị rơi vào biếng trễ, mà luôn vì mọi người nêu giảng sáu pháp Ba-la-mật. Đó là phương tiện thiện xảo của Bồ-tát.

Lại nữa, này thiện nam! Bồ-tát trong khoảnh khắc phát tâm, ở nơi cõi trời Đâu-suất đạt đến Chánh Đẳng Chánh Giác, chuyển pháp luân, người nơi cõi Diêm-phù-đề không thể tự đạt được: bay lên cõi trời Đâu-suất để nghe, nhận kinh pháp. Bồ-tát tâm niệm: chư Thiên nơi cõi trời có thể đi xuống tới cõi này. Do đó, bậc Chánh sĩ, ở nơi cõi Diêm-

phù-đề thị hiện thành Phật. Đó là phương tiện thiện xảo của Bồ-tát.

Lại nữa, này thiện nam! Bồ-tát phát tâm, có thể từ cõi trời Đâu-suất hốt nhiên biến mất, chẳng do bào thai, trong khoảnh khắc một thời, thành tựu bậc Tối Chánh Giác. Người thân có hồ nghi về chỗ từ đâu đến là cõi trời chẳng, hay là từ cõi Kiên-đà-la biến hóa tạo nên? Nếu có hồ nghi nên không nghe nhận pháp? Do đây Bồ-tát thị hiện việc vào nơi bào thai. Đó là phương tiện thiện xảo của Bồ-tát.

Lại nữa, này thiện nam! Không được dấy khởi niệm cho Bồ-tát ở nơi bào thai, chớ mang ý nghĩ như thế. Bồ-tát, Đại sĩ không sinh từ tinh cha huyết mẹ. Vì sao? Có pháp Tam-muội tên là Vô Cấu. Bồ-tát Đại sĩ, dùng pháp chánh thọ ấy để tự trang nghiêm. Người nơi cõi Đâu-suất cho Bồ-tát mất đi mà không dao động, không thấy Bồ-tát du hóa nơi bào thai, thị hiện ở trong bụng mẹ, từ nơi hông sinh ra, bỏ ngôi vị quốc vương và chôn hoàng gia, tìm tới ngôi ở cõi Bồ-đề, thị hiện hạnh siêng năng chịu khổ cực, hiện bày cùng khắp, không nơi chôn nào là không biến hóa, nhưng không mệt nhọc, bị quấy nhiễu, cũng không bị cấu nhiễm. Vì sao? Vì điềm lành của Bồ-tát về chỗ hóa hiện đều thanh tịnh. Đó là phương tiện thiện xảo của Bồ-tát.

Đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Tuệ Thượng:

– Do đâu BỒ-tát tự hóa thân tương với màu sắc vàng ánh, thị hiện vào thai mẹ?

BỒ-tát Tuệ Thượng đáp:

– Đó là phẩm loại vắng lặng, thanh tịnh, sáng rõ.

Đức Thế Tôn nói:

– Đúng vậy! Nơi sinh của BỒ-tát, đối với chúng sinh là tôn quý bậc nhất, tức là do hóa sinh mà đến. Chư Thiên, loài người không thể sánh kịp. Đó là phương tiện thiện xảo của BỒ-tát.

– Thế nào là BỒ-tát ở trong thai mẹ gồm đủ mười tháng?

Đáp:

– Vì nếu không đủ mười tháng mà sinh, thì mọi người sẽ dấy khởi niệm cho là ở nơi thai mẹ, ngày tháng không đủ, các căn cũng không đủ nên thị hiện đủ mười tháng. Đó là phương tiện thiện xảo của BỒ-tát.

– Do đâu BỒ-tát sinh nơi vườn cây, không ở trong hoàng cung? BỒ-tát ở trong cõi sinh tử, thường tu tập nơi vắng vẻ, chí ưa thích chốn tịch tĩnh, hành thanh tịnh bình đẳng. Lại nhằm khiến cho các chúng Trời, Rồng, Quỷ, Thần, Càn-đạp-hòa, A-tu-luân, Ca-lưu-la, Chân-đà-la, Ma-hầu-la-già, người và phi nhân đều xả bỏ nhà cửa, cúng dường nơi vắng lặng. Các thứ hoa hương ấy sẽ lan tỏa khắp thiên hạ, khiến cho dân chúng trong nước

Ca-duy-la-vệ đều hoan hỷ, thích thú, không còn phóng dật. Do đây, BỒ-tát đã sinh ra bên dưới tàng cây, ở nơi chốn vắng lặng, không sinh nơi hoàng cung. Đó là phương tiện thiện xảo của BỒ-tát.

– Do đâu BỒ-tát từ nơi nách bên phải sinh ra? Nếu không như thế thì mọi người có sự hồ nghi, tức cho là BỒ-tát do nơi tinh cha huyết mẹ tạo thành, nên ở trong thai tạng, chứ không phải là hóa sinh. Mọi người tất sẽ nhân đây mà nghi ngờ, do dự, không quyết đoán. Do đây mà thị hiện khiến mọi người thông tỏ. BỒ-tát tuy từ nơi nách bên phải sinh ra nhưng người mẹ không bị thương tật gì, ra vào an ổn. Từ xa xưa, các bậc Tôn Thánh dựa nơi thời gian đều như thế, nẻo hành không trái. Đó là phương tiện thiện xảo của BỒ-tát.

– Do đâu mẹ của BỒ-tát vin nơi cành cây, sau đây BỒ-tát mới sinh ra? Nếu không như vậy thì mọi người sẽ cho, hoàng hậu tuy sinh BỒ-tát tất có lo buồn. Nếu như hàng phàm phu thì không có gì đặc biệt, ở đây nhằm vì mọi người thị hiện sự an ổn. Người mẹ vừa vin vào cành cây, tâm tánh hòa nhã, dịu dàng, thì BỒ-tát đản sinh. Đó là phương tiện thiện xảo của BỒ-tát.

– Thế nào là BỒ-tát an nhiên, tịch tĩnh, hốt nhiên sinh ra thân tướng thanh tịnh không có cấu uế. BỒ-tát là bậc chí tôn, tối thượng trong ba cõi, tuy ở nơi thai mẹ, nhưng như ánh sáng mặt trời tỏa chiếu nơi làn nước trong lành, không chỗ vướng

mắc, chẳng tăng chẳng giảm. Do đây đã thị hiện sinh từ nơi hông bên phải, không giống với hàng phàm phu. Đó là phương tiện thiện xảo của Bồ-tát.

– Vì sao Bồ-tát vừa sinh ra, chỉ trong chốc lát, trời Đế Thích liền hiện ra trước mặt, cung kính đánh lễ, phụng hành, mà không sai khiến vị trời khác? Vì trời Đế Thích từ vô thủy đã lập bản nguyện: Nếu Bồ-tát đản sinh thì sẽ đem tâm thanh tịnh mà phụng trì, thọ nhận, cũng là nhằm nêu rõ chỗ công đức gốc của Bồ-tát. Đó là phương tiện thiện xảo của Bồ-tát.

– Do đâu Bồ-tát, vừa nhìn thấy, cảm thọ, thì bước đi bảy bước trên đất, không là tám bước? Đây là chỗ ứng hiện sự an lành của bậc Chánh sĩ, ứng hợp với bảy giác ý, giác ngộ cho những người chưa giác ngộ. Từ xưa đến nay, chưa từng có ai mới sinh đã thị hiện đi bảy bước. Đó là phương tiện thiện xảo của Bồ-tát.

– Do đâu Bồ-tát đi bảy bước, đưa tay lên, nói: “Trên trời, dưới trời, Ta là bậc Thế Tôn, tối thượng bậc nhất, sẽ diệt trừ hoàn toàn nguồn gốc của sinh, lão, bệnh, tử. Các vị Đế Thích, Phạm thiên, Phạm chí cùng các Thiên tử, lúc ấy nơi chúng hội không đâu là không vân tập, đông đủ, nếu không thị hiện tướng ấy thì họ đều tự tôn, mang tâm kiêu mạn, không đến đánh lễ, hầu cận Bồ-tát. Bồ-tát nhớ nghĩ, thương xót đến các chúng chư Thiên, Phạm chí, ngoại đạo, trong đêm dài sinh tử, không được

an lạc, tất bị đọa nơi cõi ác, chịu mọi thống khổ. Do đây Bồ-tát cất tiếng tự tán thán: “Trên trời dưới trời, Ta là bậc Thế Tôn, tôi thượng bậc nhất. Trí tuệ, phương tiện siêu vượt, khác lạ, một mình bước đi, không có bè bạn. Sẽ diệt trừ hoàn toàn cội rễ của sinh, lão, bệnh, tử!”. Do âm thanh ấy vang khắp tam thiên đại thiên thế giới. Các vị Thiên tử chưa có mặt thì nhờ âm thanh này mà đi đến. Bấy giờ, các Phạm chí dị học, cùng các Thiên tử đều đều cung kính đánh lễ, chấp tay hướng về chỗ Bồ-tát. Đó là phương tiện thiện xảo của Bồ-tát.

– Thế nào là Bồ-tát hết sức hoan hỷ mà cười, không cười vì đùa cợt, không cười vì đua nịnh? Bồ-tát suy niệm: Hết thảy các loài vốn cùng với ta kết hợp, nên đều có thể phát tâm Bồ-đề, cầu đạt đạo quả Vô thượng Chánh giác. Do vì sợ hãi, biếng nhác, buông lung, tùy tiện nên trở thành thấp kém, ngu tối, cao ngạo. Nhờ nghe âm thanh ấy mà hiểu rõ về tất cả các pháp, cho đến những trí tuệ thông tỏ, cần tinh tấn thâu đạt, khiến quy mạng nơi Phật, đạt được các nguyện, quả phước cũng gồm đủ khắp. Vì thế, bậc Chánh sĩ thị hiện sự hoan hỷ lớn và cười. Đó là phương tiện thiện xảo của Bồ-tát.

– Vì sao Bồ-tát vốn thanh tịnh, không cầu nhiễm mà lại phải tắm rửa? Các vị Đế thích, Phạm thiên, Tứ Thiên vương đều nhận thấy cần cung kính, hầu cận Bồ-tát. Phạm là người mới sinh, đều phải tắm rửa. Bồ-tát thanh tịnh, nhưng thuận theo

thế gian, giống như người đời phải tắm rửa, vì vậy nên thị hiện ý nghĩa ấy. Đó là phương tiện thiện xảo của Bồ-tát.

– Do đâu Bồ-tát thời gian sau khi sinh, đi đến ngôi nơi cội cây, ở chỗ vắng vẻ, sau đấy mới vào thành? Vì nhằm có đầy đủ gốc của các căn, thị hiện nơi hoàng cung đàn ca, kỹ nhạc, vui chơi, do đấy mà hiện rõ duyên, khiến mọi người học hỏi giáo pháp, lìa bỏ tài sản, vật báu, ưa thích nơi pháp giải thoát. Vào nhà, lại ra, không dấy khởi hạnh khác. Bỏ nhà, xuất gia học đạo tức an tọa nơi cội Bồ-đề. Đó là phương tiện thiện xảo của Bồ-tát.

– Vì sao Bồ-tát, sau khi sinh được bảy ngày thì người mẹ qua đời? Mẫu hậu Ma-da mạng chung, phước đủ nên sinh lên cõi trời, chẳng phải là lỗi lầm của Bồ-tát. Ngày trước, khi còn ở cõi trời Đâu-suất, quán xét mẫu hậu Ma-da thọ mạng sắp hết, chỉ còn mười tháng bảy ngày, nên từ cõi ấy, dùng thần biến, thị hiện vào thai mẹ. Theo đấy mà xét thì chẳng phải là lỗi của Bồ-tát. Đó là Bồ-tát hành hóa phương tiện thiện xảo.

– Thế nào là Bồ-tát học tập các loại: Sách vở, bắn cung, cầm cương, võ nghệ, kỹ thuật... tùy thuận tập tục nơi thế gian mà thị hiện nhân duyên ấy. Các thứ kỹ nhạc, kinh điển, thi tụng, thuật số, thần chú trị bệnh, bàn luận, trào lộng, đều thị hiện học tập đầy đủ, không loại nào là không thấu đạt rộng khắp, nhằm khiến cho mọi người không còn

tự kiêu mạn. Đó là phương tiện thiện xảo của Bồ-tát.



KINH TUỆ THƯỢNG BỒ TÁT VẤN ĐẠI THIỆN QUYỀN

QUYỀN HẠ

– Thế nào là Bồ-tát mà có kết hôn, thành gia thất? Bồ-tát dứt bỏ mọi ái dục, không ham chuộng chuyện lứa đôi, vì lìa dục mới là Chánh sĩ. Sở dĩ phải thị hiện có quyền thuộc, vợ con, vì e những người quen biết sẽ hoài nghi, cho Bồ-tát chẳng phải là người nam, là hoàng môn chẳng? Nhằm dứt trừ mọi nghi ngờ nên đã cưới người nữ thuộc họ Thích là Cù-di. Nhân duyên ấy dẫn đến việc sinh ra con trai là La-vân. Giả thuyết cho sinh ra từ bào thai là không đúng. Vì sao? Vì La-vân ở nơi cõi trời, biến hóa, mất đi rồi hóa sinh, chẳng do cha mẹ kết hợp mà có. Lại là chỗ đạt tới theo bản nguyện của Bồ-tát. Từ xưa, vào thời Phật Định Quang, Cù-di có lời nguyện: Đời sau xin làm vợ của Bồ-tát. Do gieo trồng gốc công đức, không trái với phép tắc chính yếu có từ lâu đời, nên đã thành vợ chồng. Tình không giống với chỗ thường có nơi thế gian bị mê hoặc, nhiễu động nơi sắc dục, mà ân cần gắn bó. Bồ-tát thị hiện có vợ con quyền thuộc, rồi lại lìa bỏ

ngôi vị quốc vương. Hoặc có người nói: Vợ con của bậc Chánh sĩ xinh đẹp, đoan chánh là vậy, hãy còn từ bỏ, huống nữa là chúng ta.

Lại như BỒ-tát, từ xưa, lúc bắt đầu học đạo, vợ con quyến thuộc đông đảo, đều cùng kính trọng, phát nguyện: Đời đời cùng gắn bó thuận hợp, tu tập, cho đến khi thành tựu Phật đạo, nên diễn giảng rộng về pháp thanh bạch. Thế nữ trong cung là bốn vạn hai ngàn người, đều phát tâm BỒ-đề, cầu đạo quả Chánh giác Vô thượng. Ngoài ra thì đều vượt qua cõi ác. Do đây, BỒ-tát thị hiện có quyến thuộc. Những thế nữ kia, do theo ân ái nên tự tạo lấy phiền não, vừa trông thấy BỒ-tát an nhiên, thanh tịnh, như ngọc báu minh nguyệt, liền lìa bỏ sắc dục. Lúc này, BỒ-tát đi đến chỗ bóng mát của cây Diêm-phù, an tọa, thiền tư, có được sự hoan hỷ, an lạc. BỒ-tát, về xa xưa, từ đời Phật Định Quang đến nay, thấy nhận rõ về ái dục là nhân duyên tạo nghiệp, đều là chỗ ứng hợp của nghiệp được chiêu cảm từ vô thí. Đó là phương tiện thiện xảo của BỒ-tát.

– Thế nào là BỒ-tát, ở nơi bóng mát của cây Diêm-phù, đã an tọa, thiền tư? Hóa ra bảy mươi ức trụ xứ của các Thiên tử, đều khiến phát tâm BỒ-đề. Lại còn nhằm khiến cho công chúa Da-du được thấy. Tâm tự suy niệm: “Biết vậy, nên xả bỏ gia đình!”. Do đây, BỒ-tát ngồi yên nơi bóng mát của cây Diêm-phù nhập định tư duy. Đó là phương tiện thiện xảo của BỒ-tát.

– Do đâu BỒ-tát vào nửa đêm xuất gia, đi đến nơi sông để tự tắm rửa, cảm thương về muôn loài, nên thị hiện chỗ gốc của công đức? Tất nên suy nghĩ: Nơi chốn tạo lập công đức là pháp thanh tịnh, như nhiên. Do đấy, nửa đêm xuất gia không ngại, mọi thứ vui thú đều nên từ bỏ, còn pháp thanh tịnh thì không thể lìa. Đó là phương tiện thiện xảo của BỒ-tát.

– Thế nào là BỒ-tát, nơi cõi trời Đâu-suất khuyến hóa chư Thiên? Đến khi thị hiện sinh ra, hàng trời, người đều chấp tay cung kính. Thời cơ đến, có thể đi xuất gia thì các cửa tự nhiên mở ra. BỒ-tát suy niệm: “Vua nếu còn hoài nghi, nghe tiếng động ấy, tức không hiểu rõ nơi đêm dài sinh tử là bất an, luôn gặp phải lo sợ bị đọa vào cõi ác”. Vì thế, hóa ra trời, người mở cửa. Chư Thiên an tọa ở trong đó đều cất tiếng tán dương, chẳng phải là lỗi của BỒ-tát. Lại nhằm an ủi tâm của vua cha. Do quán xét về nghĩa ấy là có chỗ khuyến hóa. Đó là phương tiện thiện xảo của BỒ-tát.

– Do đâu BỒ-tát từ bỏ ngôi vị quốc vương, thị hiện sự lìa bỏ? Mọi người sẽ hiểu biết, BỒ-tát chán sinh, lão, bệnh, tử, do đó mà xuất gia, chẳng phải là ghét bỏ gia thất, thân tộc, quyền thuộc. Đó là phương tiện thiện xảo của BỒ-tát.

– Thế nào là BỒ-tát tự cạo bỏ râu tóc? Các chúng trời, rồng, quỷ thần, Càn-đạp-hòa v.v... nhân và phi nhân đều không thể thấy được đỉnh

đầu của Bồ-tát, huống nữa là có thể vì bậc tôn quý mà cạo bỏ râu tóc? Bây giờ, Bồ-tát khuyến hóa, cứu độ chúng sinh, nên tự trừ bỏ râu tóc. Nhớ nghĩ về vua Bạch Tịnh sẽ dấy khởi ý giận: Ai đã cắt bỏ tóc của con ta. Theo nơi sứ giả được nghe, Bồ-tát tự mình cắt bỏ râu tóc, vua mới im lặng. Đó là phương tiện thiện xảo của Bồ-tát.

– Thế nào là Bồ-tát đem các thứ báu hiện có nơi thân như mão đội đầu, chuỗi anh lạc, khăn buộc tóc, giao cho Xa-nặc? Bồ-tát dấy khởi suy nghĩ: Mình vì cầu đạo nên không còn tham muốn ưa thích các thứ trang sức bằng châu báu. Đối với hết thảy các vật không còn bị lệ thuộc, nên đều xả bỏ. Đời sau, giáo pháp truyền bá cùng khắp, sẽ theo gương của Bồ-tát: Chúng ta xuất gia, cũng nên học hỏi, từ nơi pháp Phật tức dựa vào hành của bốn Hiền, tất cả không còn chấp trước. Không vì hồ nghi nơi âm, nhập mà xuất gia. Nếu chẳng như thế thì mọi người sẽ nghi ngờ cho rằng, không biết tạo dựng cơ nghiệp nên xuất gia. Đó là phương tiện thiện xảo của Bồ-tát.

– Nay thiện nam! Hãy lắng nghe! Bồ-tát ấy, do đâu trong sáu năm dốc chí tu tập khổ hạnh? Do các Bồ-tát còn có tội báo, nên thị hiện sự khổ nhọc, vì mọi chúng sinh tạo ra phương tiện thiện xảo, ở nơi Bồ-tát này đã được hiện bày rõ nhất. Khi Đức Phật Ca-diếp nói ra lời ấy: “Sa-môn cạo tóc như thế, làm thế nào để làm Phật”, tức là nói đến phương tiện

thiện xảo của Bồ-tát, nên biết về ý nghĩa đó. Do đâu Bồ-tát lại có lời nói ấy? Ma-nạp-ưu-đa (Thượng Chí, Diễm Hoa) có năm người bạn thân cùng năm trăm đệ tử, là đại Phạm chí thuộc tộc họ giàu sang, vốn theo học pháp Đại thừa, bị các tri thức xấu ác dẫn dắt, nên có nhận thức lầm lạc, mất tâm Bồ-đề. Năm người bạn thân kia tin nơi hàng ngoại đạo dị học, không theo giáo pháp chân chánh, tu học kinh sách của ngoại đạo, không học theo pháp Phật, tự cho là hiểu đạo, là bậc sư trưởng, tự xưng chúng ta là Phật. Năm trăm đệ tử cũng lại như vậy. Phạm chí Diễm Hoa (Ma-nạp-ưu-đa) dùng phương tiện thiện xảo để nhập vào nhóm Phạm chí ấy, nhân đó buông lời chê trách, hỏi Nan-đề-hòa: “Chỗ nào có Phật? Sa-môn cạo tóc là Phật chăng? Phật đạo khó đạt được, sao có thể đến hầu cận? Diễm Hoa dần dần dẫn dắt năm kẻ bạn thân kia cùng năm trăm đệ tử theo dị học, nên phát ra câu nói: “Chỗ nào là Phật? Sa-môn cạo tóc là Phật chăng? Phật đạo khó đạt được”.

Đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Tuệ Thượng:

– Quán xét về đời ấy, Phạm chí Diễm Hoa, lúc này ở nơi chốn riêng, cùng với năm người bạn thân và năm trăm quyến thuộc hội đủ. Lúc ấy, một người chuyên về đồ gốm tên là Nan-đề-hòa (Tán gọi là Hoan Dự) đi tới chỗ ấy, tán thán về công đức của Phật Ca-diếp, bảo Phạm chí Diễm Hoa cùng đi đến trụ xứ của Như Lai Ca-diếp. Diễm Hoa tâm

niệm: Các vị Phạm chí này gốc công đức chưa đầy đủ. Nay, nếu ta tán thán về công đức nơi đạo pháp của Như Lai Ca-diếp, tức là chê bai các tộc tánh tử theo dị học kia, tất họ sẽ kinh ngạc, dừng lại, không cùng hành trì. Do vậy, Diễm Hoa giữ lấy nguyện cũ, theo trí tuệ vô tận, nhân nơi phương tiện thiện xảo nên nói: “Sa-môn cạo tóc chẳng phải là Phật. Phật đạo khó đạt được, trí tuệ vô tận ở nơi chốn nào? Người hành trí Ba-la-mật không có tướng đây, kia, cũng không có tướng chấp về đạo. Diễm Hoa thông đạt rốt ráo về “không tuệ”, hoàn toàn không chấp trước, vận dụng phương tiện thiện xảo, thuận theo hết thảy các pháp, nên phát ra câu nói kia. Phạm chí Diễm Hoa cùng với năm người bạn thân, năm trăm đệ tử, đi tới ao nước, tắm rửa xong, dùng xe ngựa, du hành, thuyết giảng kinh. Bấy giờ, Hoan Dự (Nan-đề-hòa) vâng theo uy thần của Phật, nhằm hóa độ đám thầy và đồ đệ kia, nên nghênh đón xe của Diễm Hoa, bạn cùng đệ tử, hỏi thăm nhau về chỗ từ đâu đến. Hoan Dự thành thật đáp: “Đi yết kiến Phật Ca-diếp về!”. Diễm Hoa bảo:

– Sa-môn cạo tóc chẳng phải là Phật. Phật đạo khó đạt được.

Hoan Dự nghe nói thế thì hoàn toàn không vui, dùng tay nắm tóc, nói:

– Ông không tin thì có thể cùng đi đến để chất vấn.

Diễm Hoa suy nghĩ: Hoan Dự tánh tình vốn hiền hòa, chưa từng nóng nảy giận dữ, nay nắm vội lấy tóc ta hẳn là không sai. Ta cùng với các bạn và đám đệ tử phải nên xem xét về đạo kia. Nên đều nói:

– Xin vâng.

Lúc này, Hoan Dự, Diễm Hoa, năm người bạn và năm trăm đệ tử cùng đi đến yết kiến Phật Ca-diếp. Đức Phật liền vì họ nêu giảng về chỗ hưng khởi gốc của đạo đức từ đời trước. Người nghe, tâm hết mực hoan hỷ, tán thán. Diễm Hoa thưa:

– Đạo đức, trí tuệ phương tiện của bậc Thế Tôn mới được như vậy. Thật tiếc là không sớm vì chúng con thuyết giảng giáo pháp.

Năm người bạn và các đệ tử thấy Phật Ca-diếp đạo đức cao vời, biện tài vô lượng, nên đều phát tâm Bồ-đề cầu đạt đạo quả Chánh Đẳng Chánh Giác.

Bấy giờ, Đức Như Lai Ca Diếp Chí Chân Đẳng Chánh Giác thuyết giảng về giáo pháp Đại Thừa, mở bày pháp tạng, nêu pháp luân không thoái chuyển, năm vị đại Phạm chí, năm trăm đệ tử đều chứng đắc pháp nhãn Vô sinh.

Đức Phật nói với Bồ-tát Tuệ Thượng:

– Nay thiện nam! Diễm Hoa nếu chẳng dùng việc tán thán trí tuệ của Phật Ca-diếp, chê bai các pháp dị học kia, thì năm vị đại Phạm chí cùng năm

trăm đệ tử sẽ hoàn toàn không được hóa độ, lại cũng không do đâu để được yết kiến Phật Ca-diếp. Nhằm để mở bày, dẫn dắt, nên nhân đây mà hành trì trí tuệ phương tiện, vì vậy đã phát ra câu nói như trên. Đạt được không thoái chuyển thì không nơi nào là không thấu đạt, lại không còn nghi ngờ về đạo. Đó là phương tiện thiện xảo của Bồ-tát.

Phật bảo Bồ-tát Tuệ Thượng:

– Bồ-tát sở dĩ tùy thời giáo hóa, lại còn thị hiện vô số hạnh khổ nhọc khác, vì nếu không như thế thì các Sa-môn, Phạm chí giữ giới thanh tịnh sẽ không được đông đảo người khác biết tới. Còn kẻ biếng trễ, không tinh tấn, thì chỉ vừa gặp nhau đã có thể từ chối không thuyết giảng, bảo tạng này là tạng của dị học. Những trường hợp như vậy, trong đêm dài sinh tử, từng không có nghĩa lợi, chẳng được an ổn, tất hướng về cõi ác. Do các thứ tội nên hiềm khích Như Lai, hiện bày những tai ương khác, không kể xiết. Bồ-tát đều không có sự lo lắng về tội lỗi bị ngăn che. Các Sa-môn, Phạm chí giữ giới, nếu nói lời thô ác tức sẽ tự nghi hoặc. Không tăng thêm tinh tấn thì không đạt được giải thoát, nên tạo ra sự do dự, không quyết đoán. Bồ-tát dùng phương tiện để phát tâm nói lời ấy, duyên vào đó để hóa độ, tức nên tự nêu bày: Chúng ta không trí tuệ, tự trách mình, sám hối lỗi lầm, chỉ học hỏi trí tuệ giác ngộ, cung kính hành trì rộng khắp. Lại do hàng dị học ngoại đạo cao ngạo, tùy tiện, vì thế

Như Lai thị hiện khổ hạnh qua sáu năm, chẳng phải là tai họa còn sót lại. Vì sao? Hoặc có Sa-môn, Phạm chí chỉ ăn một hạt mè, một hạt gạo, nhưng tu tập thanh tịnh, tự tại. Nhằm thâm giữ, giáo hóa các trường hợp ấy để họ có đủ hạnh nguyện kia, nên Bồ-tát một ngày cũng chỉ ăn một hạt mè, một hạt gạo, hạn lượng như vậy, nếu ăn không đúng thời thì không thể đến với Thánh đạo. Bồ-tát nói ra lời này: Sa-môn cao tốc chẳng thể là Phật. Phật đạo khó đạt được. Do đây nên có tội báo sáu năm khổ hạnh. Trong sáu năm đó, chỗ có thể mở bày, giáo hóa thì hàng đệ học không thể nhận biết, hay đạt tới. Tức khiến cho năm trăm hai mươi vạn người an trụ nơi trí tuệ bình đẳng, chỗ có thể thấy rõ là dẫn dắt, hóa độ muôn người. Đó là phương tiện thiện xảo của Bồ-tát.

– Thế nào là Như Lai nhóm hội bốn chúng đệ tử, các bộ chúng trời, rồng, quỷ thần, nhân và phi nhân, vì họ mà thuyết giảng kinh?

Đầu đêm vừa hết, Phật bảo Hiền giả A-nan:

– Hãy đem tâm y trung cho Như Lai, vì hơi lạnh.

Hiền giả A-nan vâng lời dạy, đem y dâng lên.

Giữa đêm, lại bảo Hiền giả A-nan đem tâm y thượng đến, vì Như Lai bị lạnh, cần phải mặc y. Hiền giả A-nan liền dâng y. Giữa đêm hết, chuyển qua cuối đêm, Đức Thế Tôn lại bảo Hiền giả A-

nan đem “chúng tập y” đến, Như Lai muốn mặc. Đức Phật mặc y xong, bảo các Tỳ-kheo:

– Ta cho phép người xuất gia học đạo, một lúc được mặc ba pháp y. Giả như gặp lạnh thì cũng có thể mặc gấp lên. Vì sao? Vì ở đời sau, nơi những thành ấp vùng biên địa của đất nước, khí hậu lạnh lẽo nên không thể mặc y đơn, mỏng, tùy theo vùng đất mà nên mặc y kép. Phật thì không lạnh, không nóng, không đói, không khát. Vì sao? Vì ở nơi vùng đất lạnh, không mặc y kép, hoặc khi bị bệnh tật thì có thể dứt trừ, nếu không thì chẳng thể dốc tâm cầu đạo một cách trọn vẹn. Đó là phương tiện thiện xảo của Như Lai.

– Thế nào là Như Lai an tọa nơi nệm cỏ? Vì người nơi đời vị lai xuất gia học đạo, hoặc tham các thứ giường, ghế đẹp đẽ, tâm ý chỉ để ở nơi an ổn, mềm dịu chứ không tăng thêm tinh tấn. Hoặc có người tu hành ít phước, không có được tọa cụ, giường, nệm tốt đẹp, dày chắc, có thể oán trách, thoái chuyển, nhưng tâm có thể suy niệm: Đức Như Lai, Thế Tôn thân sắp thành Phật, đã ngồi nơi nệm cỏ, không tham vướng nơi chỗ ngồi tốt đẹp mới thành tựu Phật đạo, huống hồ là chúng ta lại ham chuộng tòa ngồi đẹp đẽ. Phật dạy: Sự giáo hóa luôn tùy thuận tập tục, nhưng đệm chiếu, nệm cỏ không làm trở ngại việc tu đạo. Đối với chỗ ngồi mềm mại không vui, chỗ ngồi thô cứng không buồn. Tâm của mọi người khó như nhau, chí cần

hành như vậy nên phải dùng phương tiện biến hiện cũng như vậy để giáo hóa. Đó là phương tiện thiện xảo của Như Lai.

– Thế nào là Bồ-tát lại dấy khởi việc ăn uống? Chỗ dựa nơi người không đức là tự nhin đói để cầu đạo. Phạm bị đói khát thì không thể phát triển trí tuệ, nên ăn uống an ổn, nhân đây mà thành tựu đạo đức, thuyết giảng pháp Bồ-tát để mở bày, giáo hóa muôn loài đạt được nhiều an lạc, không bị khổ nhọc. Bồ-tát thọ thực là dùng để thành Phật, do vậy cần thực hành một pháp Tam-muội. Do một pháp Tam-muội mà an trụ nơi trăm ngàn kiếp. Đó là phương tiện thiện xảo của Bồ-tát.

– Thế nào là Bồ-tát ở nơi vắng lặng cầu đạo? Trái nệm cỏ nơi cội cây, do chư Phật thời quá khứ không tham đắm tòa ngồi. Trái cỏ cát tường, an tọa trên ấy để thuyết giảng về chân lý đầy đủ ý nghĩa, phép tắc. Nếu khiến Bồ-tát thuyết giảng pháp sơ lược tức rơi vào nghĩa lợi, như có người dâng cúng cỏ cho Bồ-tát, nhân đây mà phát tâm Bồ-đề. Khi Phật thọ ký cho Cát Tường: Ông ở nơi cội ấy, vào đời vị lai sẽ được thành Phật, hiệu là Ly Cấu Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác. Đó là phương tiện thiện xảo của Bồ-tát.

– Do đâu Bồ-tát an tọa nơi cội cây Bồ-đề, khiến các ma tụ tập đến đông đảo? Giả như không mau chóng hướng tới đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, thì Ma Ba-tuần không dám đến chỗ

Bồ-tát. Lại nữa, này thiện nam! Bồ-tát mới ngồi nơi cội Bồ-đề, tâm tự suy niệm: Ai ở nơi bốn cõi dục giới là bậc tối tôn? Người theo đúng giáo pháp thì nên khiến đi đến chỗ của Ta để cùng tranh đấu hơn kém. Bấy giờ, Bồ-tát đã hội nhập đầy đủ vào các trí tuệ thông tỏ, nên khiến ma dò thử sức. Quân binh của ma có tám vạn bốn ngàn ức, các chúng trời, rồng, quỷ thần, Càn-đạp-hòa, A-tu-luân, Ca-lâu-la, Chân-đà-la, Ma-huru-lặc đều phát tâm Bồ-đề cầu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đó là phương tiện thiện xảo của Bồ-tát.

– Thế nào là Như Lai đã thành tựu Phật đạo, chính thức an tọa trong bảy ngày, không đi đâu cả, chỉ xem xét cây Bồ-đề không chán? Các vị Thiên tử ấy thấy rõ sự biến hóa của đức hạnh, nên cảm động, vô cùng hoan hỷ, đều tâm niệm: Chúng ta nên cầu như Đức Như Lai này, tâm không chỗ dựa chằng? Suốt bảy ngày đêm, nhất tâm chuyên tinh cầu đạo, nhưng không được. Duyên vào đó nên mới quán xét ba mươi hai tướng của Đức Thế Tôn, tâm càng hết sức hoan hỷ, liền phát tâm Bồ-đề cầu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vào đời vị lai cũng sẽ được an tọa nơi cội cây Bồ-đề. Do đây mà Như Lai ngồi yên nơi cội cây trong bảy ngày. Đó là phương tiện thiện xảo của Bồ-tát.

– Do đâu Bồ-tát đã được thành Phật rồi, khuyến hóa vô số chúng trời, người, Phạm thiên không thừa thỉnh thì cũng không thuyết pháp? Lúc ấy

Như Lai tự suy nghĩ: “Nơi cõi dục số lượng chư Thiên không thể tính kể đã tụ hội đông đảo. Các quyền thuộc của ma, quỷ thần, La-sát nếu thấy Bồ-tát gầm lên tiếng gầm của sư tử, bước đi một mình thì liền phát tâm Bồ-đề. Người trông thấy đều hoan hỷ, duyên vào đây để đạt đến vô vi”. Lại nữa, này thiện nam! Đi đến nơi cội cây Bồ-đề, Bồ-tát tức thì phóng ra hào quang từ tướng đỉnh đầu, tỏa chiếu khắp các cung điện của ma và cả tam thiên đại thiên thế giới, từ nơi ánh hào quang đó phát ra một loại âm thanh: “Nay, người con của giòng họ Thích là Năng Nhân tôn quý, bỏ nước xa nhà tu tập đạo pháp, hiện đã thành tựu đạo quả Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng, đã vượt qua cõi ma, hóa độ muôn người không thể lường tính nên cảnh giới của ma sẽ trống không, nên tìm tới đây để cùng chiến đấu”. Ma nghe lời này thì hết sức sầu khổ, bèn dẫn bốn thứ binh quân, gồm đủ ba mươi ức, cùng kéo tới nơi cội cây Bồ-đề. Khi đó, Bồ-tát vận dụng trí tuệ báu, tạo lập tâm đại từ. Ánh sáng của trí tuệ thù thắng soi rõ nơi cánh tay màu vàng óng. Các chúng trời, rồng, Đế thích, Phạm vương đều tôn kính. Phạm chí suy nghĩ: “Phạm thiên hóa ra ta. Ta từ Phạm thiên sinh ra. Không ai có thể hơn được. Đời không có bậc tôn sư, Phạm thiên là trên hết”. Như Lai suy niệm: “Ta đã vượt hơn Phạm thiên, phải khiến cho mọi người cùng thấy!”. Chư Thiên, rồng, quỷ thần đều dựa vào Phạm thiên,

nhưng Phạm thiên hãy còn cúi đầu đánh lễ Phật! Phạm thiên cho rằng phải nên khuyến trợ Như Lai, hợp thời thuyết pháp. Nếu không khuyến thỉnh thì Như Lai không nên giảng! Vâng theo uy thần của Phật khiến Phạm thiên đi đến đạo tràng để khuyến trợ chánh pháp. Giả sử mọi người đều kính niệm Phạm thiên, tất sẽ thấy Phạm thiên khuyến thỉnh Như Lai. Bảy giờ, Phạm thiên tự rời khỏi cung điện, đi tới chỗ Đức Thế Tôn, khuyến thỉnh Phật chuyển pháp luân, có sáu trăm tám mươi vạn Phạm thiên đều phát tâm Bồ-đề, cầu đạt đạo quả Chánh Đẳng Chánh Giác Vô Thượng, cùng nói kệ:

*Phật, Thế Tôn vô lượng
Tối thắng, không gì hơn
Hành phương tiện thiện xảo
Đó cũng là Như Lai.*

Đức Phật bảo Bồ-tát Tuệ Thượng:

– Chỗ thị hiện của Như Lai về những tai ương còn sót lại có mười. Đó cũng là phương tiện thiện xảo của Thế Tôn. Phải nên chí thành hiểu rõ như vậy. Muốn khiến Như Lai có một mảy may tỳ vết, tức chẳng đủ để gieo trồng gốc công đức chẳng? Muốn khiến Như Lai có khuyết điểm, tức nẻo hành hóa không đầy đủ chẳng? Điều ấy không thể có. Bồ-tát đã đạt đến quả vị Chánh giác, an tọa nơi cội cây Bồ-đề. Vì sao? Vì thông đạt pháp thanh tịnh nên không có các thứ tỳ vết. Nay thiện nam! Nên biết Như Lai đều đã diệt trừ hết các pháp bất thiện.

Thế Tôn là bậc vô ngại, hưởng hồ lai bị cấu nhiễm để có các tai ương tàn dư. Phật là vị Y vương, diệt trừ hết thầy bệnh tật, không còn bị ngăn che. Vì cứu độ chúng sinh nên thị hiện các thứ tội còn sót lại, nhằm khiến cho muôn người luôn giữ gìn thân, khẩu, ý, tu tập thanh tịnh. Cũng như hàng tộc tánh tôn quý có con, đều nuôi lớn theo cách vương giả, dùng toàn sữa, lạc, nhưng nơi thân tướng mọc nhiều mụn nhọt, trên đến phần cổ, trước sau, nội tạng cũng vậy, cần phải chữa trị đúng cách thì mới khỏi bệnh. Cha mẹ vui mừng vì con đã mạnh khỏe. Lại nữa, này thiện nam! Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác là bậc từ phụ của khắp thế gian, diệt trừ mọi phiền não cho chúng sinh khiến đạt được an lạc, do đây mà thị hiện bệnh tật, người nghe như thế thì không dám gây tạo tội lỗi. Đó là phương tiện thiện xảo của Bồ-tát.

Đức Phật lại bảo Bồ-tát Tuệ Thượng:

– Về thời quá khứ lâu xa, thời đó không nhận biết tội phước, nên Bồ-tát vì chúng sinh mà thị hiện các lỗi lầm. Do đây, Như Lai nói Ta là vị Pháp vương không lìa bỏ tội từ trước. Các vị thì sao có thể lìa bỏ tai ương. Vì vậy, có chỗ nói Như Lai vĩnh viễn không còn tai ương tàn dư. Ví như có người khéo học hỏi về các môn chú giải kinh sách, đối chiếu khảo đính, rồi đem giảng dạy cho các đồng tử khiến họ thành tựu, không điều gì là không nhận biết, cũng không bị trở ngại. Trẻ nhỏ thấy, nghe,

tức thọ học, dần dần hiểu biết, thấu đạt phần căn bản. Như Lai cũng như vậy, đều học hỏi về các pháp, không gì là không lãnh hội rộng khắp, thị hiện các tai ương là nhằm khiến cho chúng sinh có đủ pháp thanh tịnh. Ví như có vị thầy thuốc, bắt đầu học về cách trị bệnh, cần hiểu rõ về phương pháp cùng các loại thuốc men, hợp bệnh mới chữa trị, đã tự chữa trị, lại có thể chữa trị lành cho mọi kẻ bệnh nên được đông đảo người tán dương. Ở thời Phật Định Quang, bấy giờ có năm trăm kẻ buôn bán, đi vào biển cả để tìm của báu. Có kẻ “dị tâm” cho rằng tâm phạm tội quá nặng, cần phải mở bày cửa tội. Kẻ ấy học theo tà thuật, mưu hại như giặc dữ. Quan sát tướng mạo của thương chủ biết ông này có vị thầy dẫn đường tên là Cát Tài, đã giúp đỡ đám thương nhân thuận theo thời tiết và cung cấp tin tức. Kẻ xấu ác kia suy nghĩ: “Ta nay nên hại vị thương chủ kia để một mình đoạt lấy số châu báu ấy!”. Ở cõi Diêm-phù-đề có vị thầy dẫn đường nổi tiếng tên là Đại Ai, lúc này đang ngủ, mộng thấy thần biển đến nói với mình: “Trong số các thương nhân đang đi vào biển cả, có một kẻ giặc, đầy tâm hết sức ác độc, muốn hãm hại cả đoàn người ấy, để riêng một mình hắn tóm thâu hết châu báu”. Vị Đạo sư này cho rằng: Giả sử khiến sự việc đó thực hiện được thì tội ác gây tạo là chẳng thể lường tính. Vì sao? Vì năm trăm thương nhân này đều phát tâm Bồ-đề, cầu đạo quả Vô thượng

Chánh đẳng Chánh giác, đứng vững nơi quả vị không thoái chuyển, cho dù bị hại, tâm cũng không thay đổi. Do tội lỗi ấy, nên mỗi mỗi hạnh của Bồ-tát đều thành tựu được đạo quả giác ngộ. Kẻ ác bị đọa vào địa ngục, chịu bao nhiêu là thống khổ, tội kia mới hết. Nay do vị thầy dẫn đường nhân từ, hành hóa quyền biến, nên người ấy không bị đọa nơi cõi ác lần nữa, lại khiến cho số thương nhân kia không bị nguy hại. Bảy ngày tư duy kỹ, không còn phương tiện nào khác, mới suy nghĩ: Chỉ nên chọn lấy sự nguy hại cho thân mạng mình, nếu nói cho đám thương nhân kia biết, tức đều giận dữ, sẽ giết kẻ kia, tất bị đọa vào cõi ác”. Lại suy xét lần nữa: Ví như ta riêng sát hại kẻ ác kia thì cũng sẽ thọ nhận tội. Ta thà nhận chịu, hoặc nơi trăm ngàn kiếp thọ nhận khổ não nơi địa ngục, chứ không khiến cho các thương nhân thấy rõ sự nguy hại, lại khiến cho một kẻ giặc kia bị rơi vào đường dữ. Bây giờ, vị thầy dẫn đường Đại Ai, liền vị họ mà thuyết pháp, khiến tâm mọi người vô cùng vui mừng, thích thú, sau đấy thì đều ngủ ngon giấc.

Đức Phật bảo:

– Nay thiện nam! Vị thầy dẫn đường nổi tiếng kia, đã vì đám thương nhân đó mà dấy khởi tâm đại bi, dùng phương tiện thiện xảo, hại mạng một kẻ giặc kia. Sau khi mạng chung, được sinh lên cõi trời thứ mười hai là Quang Âm. Vị Đạo sư tên Đại Ai thời ấy chính là thân Ta. Dùng phương tiện đó

nên vượt qua ngàn kiếp sinh tử, mất rồi thì sinh lên cõi trời. Năm trăm thương nhân đồng thuyền thời ấy, nay tức là năm trăm vị Phật trong Hiền kiếp đã xuất hiện. Bồ-tát lẽ nào có tội, họa, trước sau đều vượt quá mọi sự diệt trừ, trải qua trăm ngàn kiếp chẳng nên quán xét chư Phật, cho là có tội lỗi. Mọi sự thị hiện của Như Lai là vì chúng sinh. Khi đó, do thiếu sót về phương tiện quyền xảo, nên đã thị hiện việc Như Lai giẫm qua cọc sắt, do nơi uy thần nên mọi sự đều thông hợp. Vì sao? Vì thân của Như Lai là thân kim cương.

Lại nữa, này thiện nam! Trong thành Xá-vệ có hai mươi người, lại cùng với hai mươi người khác xem nhau là oán địch. Bây giờ, cả hai bên đều muốn dùng oán thù để tạo nguy hại cho nhau, vì là đời sau cùng, nên cả hai đều tìm kiếm phương tiện. Hai mươi người kia muốn hại hai mươi người gọi là oán thù này, vâng theo uy thần của Phật, đã đi tới chỗ của Như Lai. Khi ấy, Đức Thế Tôn đã giáo hóa cả bốn mươi người. Cũng nhằm khuyến hóa, dẫn dắt hết thảy đại chúng, nên Phật bảo Hiền giả Đại Mục-kiền-liên:

– Nay ở nơi chỗ đất này sẽ có cọc sắt tự nhiên xuất hiện, ra vào nơi ngón chân cái, thuộc chân bên phải của Đức Phật. Nói vừa dứt lời thì vật kia đã ở ngay trước Phật. Hiền giả Đại Mục-kiền-liên bạch Phật:

– Nay nên nhờ vật ấy, cắm vào thế giới khác

chăng?

Phật bảo:

– Không nên.

Lúc này, Hiền giả Đại Mục-kiền-liên dùng sức mạnh của sự tinh tấn nhằm nhổ bật vật lạ kia, khiến cả tam thiên đại thiên thế giới bị chấn động lớn, nhưng không thể làm lay động vật kia, dù chỉ như sợi tóc. Bây giờ, Đức Thế Tôn đi tới cõi Phạm thiên, vật lạ kia liền đi theo. Đức Như Lai trở lại an tọa, vật ấy cũng có mặt ở trước Phật. Đức Như Lai bèn dùng tay phải nắm lấy cọc sắt kia, rồi dùng chân giẫm lên trên. Hiền giả Đại Mục-kiền-liên bạch Phật:

– Như Lai vốn có tội hay sao mà bị nạn vì cọc sắt bé tí này?

Đức Phật bảo:

– Từ xa xưa cùng với năm trăm thương nhân đi vào biển cả, khi ấy có một người mang tâm ý độc ác muốn giết hại cả đoàn để đoạt lấy của báu, ta bèn hại kẻ đó nên phải chịu tai ương tàn dư này.

Bây giờ, bốn mươi người kia nghe Đức Phật giảng nêu như vậy thì đều chuyên hướng, cùng thưa:

– Như Lai là vị Pháp vương đã được tự tại, hãy còn có tai ương tàn dư, không thể diệt trừ, huống chi là chúng ta sao chẳng thọ tội? Liền đến trước Phật sám hối tự thú những lỗi lầm của mình. Đức

Như Lai bèn vì họ mà thuyết giảng kinh pháp, phân biệt tội phước khiến bốn mươi người đều nhập vào trí tuệ bình đẳng. Ba vạn hai ngàn hàng trời, người xa lìa phiền não cầu uest, đạt được pháp nhãn thanh tịnh. Nhân chỗ thị hiện của Như Lai về cộc sắt kia cũng là phương tiện thiện xảo của Bồ-tát.

– Do đâu Thế Tôn đã lìa các thứ bệnh tật mà thị hiện có tật bệnh, khiến cho y vương Kỳ-vực phải kết hợp thuốc thang? Khi Phật lập giới, gồm hai trăm năm mươi giới, chưa bao lâu, có năm trăm Tỳ-kheo, hành đạo nơi vùng rừng cây khác vừa muốn kết thúc, nhưng tâm còn hồ nghi. Như Lai có chỉ dạy: “Chỉ dùng một thứ thuốc để trị các bệnh nơi thân, không được dùng nhiều thứ khác”. Phật phát khởi suy niệm: “Nên dùng phương tiện nào để khiến cho các Tỳ-kheo được dùng nhiều thứ thuốc khác? Vì sao? Giả sử Như Lai tùy ý chấp nhận, thì người đời sau sẽ chê bai về giới pháp của bốn bậc Hiền. Do vậy, Như Lai đã hành trì phương tiện thiện xảo hợp nhiều thứ thuốc giao cho Kỳ-vực. Bây giờ, chư Thiên cõi trời Tịnh Cư nói với các Tỳ-kheo: “Phải nên tìm thuốc, không được để nguy đến tánh mạng”. Các Tỳ-kheo cùng nói với nhau: “Thà tự nghiền nát thân chớ không hủy phạm giới cấm của Phật”. Chư Thiên nói: “Này các Hiền giả! Hiền nay Như Lai tức là bậc Pháp vương, khiến đạt được tiện lợi nên tìm các thứ thuốc khác, có thể cải đổi chỗ dùng quen, ham chuộng việc uống thuốc”.

Ngay khi ấy, các Tỳ-kheo lia bỏ chỗ nghi ngờ, do dự, bèn tìm thuốc khác, bệnh liền dứt khỏi, bảy ngày đêm, chứng đắc đạo quả Vô trước (A-la-hán). Giả sử Như Lai không cho dùng thuốc thang thì các Tỳ-kheo này không thể giải thoát. Về đời vị lai cũng nên như thế, thân tâm được an ổn, sau đây mới đắc đạo. Đó cũng là phương tiện thiện xảo của Bồ-tát.

– Do đâu Như Lai, các đức trọn đủ, lại phải đi vào làng xóm hành khát thực, có khi đi ra với bình bát rỗng? Như Lai không còn tai ương, do quán xét về đời sau, chúng sinh nơi các vùng biên địa thuộc các cõi nước, đầy khởi tâm từ bi. Như có Tỳ-kheo đi vào các xóm làng, ấp huyện, quận để khát thực, nhưng do phước đức còn ít, nên khát thực không đạt, tâm sẽ suy nghĩ: Như Lai công đức đầy đủ, trọn vẹn, vô lượng phước tụ hội, lúc hành khát thực hãy còn ra về với bình bát trống không, huống chi là chúng ta, chỗ gieo trồng gốc thiện chẳng rộng khắp, đâu có thể oán trách, lia bỏ, không hành khát thực? Nên phải khát thực, dù là nhiều lần phải ra về với bình bát không có gì. Lại nói: Ma xấu ác, hóa ra các gia đình Phạm chí, Trưởng giả, khiến không cúng dường Phật, chẳng bố thí cho chúng Tăng. Thật sự chưa từng có điều ấy. Ma Ba-tuần kia, chưa dám tạo ra uy thế để nhiều hại Như Lai, gây trở ngại tâm tạo phước. Là do Thánh chỉ của Phật tạo ra sự biến hiện đó. Phạm chí, Trưởng giả,

có “dị tâm” ấy, nhưng chẳng phải là bản ý, cũng chẳng phải do Phật ít phước đức. Thời đó mọi người không biết bổ thí, lại thấy Như Lai ra về với bình bát rỗng không. Cõi ma, chư Thiên, người thấy Phật không có được bữa ăn, nhưng Đức Thế Tôn không có tâm buồn chán. Tất cả đều ngày đêm nhất tâm nhớ nghĩ đến Như Lai cùng chúng đệ tử cho là tất sẽ có lo buồn, nhưng thấy đệ tử và Phật tâm không tăng giảm, trước sau đều thích hợp. Bảy vạn Thiên tử cung kính quỳ ở trước Phật. Như Lai ứng hợp với căn cơ, vì họ thuyết giảng kinh pháp, khiến đều đạt được pháp nhãn thanh tịnh. Đó cũng là phương tiện thiện xảo của Bồ-tát.

– Thế nào là trường hợp Chiên-già-ma-ni dùng khúc gỗ độn nơi bụng để hủy báng Như Lai, cũng chẳng phải là tai ương còn sót lại nơi gốc của Thế Tôn? Oai thần của Phật có thể giữ lấy kẻ bạo ác đem đặt bên ngoài hàng hà sa cõi, nhưng Như Lai với phương tiện quyền xảo đã thị hiện sự việc ấy. Tỳ-kheo, nơi đời vị lai, hoặc có người xuất gia làm Sa-môn, bị người hủy báng tâm có hồ nghi, quán xét về Phật Thế Tôn, tuy thấy có sự chê trách, nhưng tâm không dao động, chẳng cho là tội từ đời trước. Lại nhớ nghĩ về Phật Như Lai, công đức hơn hết, hãy còn như vậy, huống chi là chúng ta, lại không bị chê trách sao? Suy nghĩ như vậy thì càng thêm tinh tấn, giữ giới thanh tịnh, tâm không chuyển đổi. Giả sử kẻ bạo ác trong mộng có hủy

báng, thì sau khi mạng chung không lìa khỏi địa ngục. Như Lai tất nhận biết sẽ khiến họ giữ gìn giới cấm. Vì sao? Vì đức của Như Lai không hề bỏ chúng sinh. Đó là phương tiện thiện xảo của Như Lai.

– Thế nào là trường hợp kẻ dị đạo giết hại Tu-đa-lợi, chôn vùi nơi vườn cây của Thái tử Kỳ-đà? Phật với các trí tuệ thông tỏ, nên quán xét khắp, không bị ngăn ngại. Mọi người nhận biết nên dấy khởi giận dữ, vì đã thấy rõ đầu đuôi sự kiện như vậy. Về sự việc giết hại Tu-đa-lợi thì hoặc nằng ấy gắn liền với tai họa còn sót lại. Phật hiểu rõ người nữ ấy thọ mạng sắp hết, do đấy, dám dị đạo kia đã bàn cách để giết hại. Duyên nơi tà đạo, dị học, nên sự việc bị giết hại ấy tất dẫn tới tội lỗi. Phật dùng trí tuệ bình đẳng để hóa độ, an lập. Do đấy, sẽ gây tạo làm tăng trưởng gốc công đức nơi chúng sinh. Vì vụ việc ấy nên Như Lai bảy ngày không vào thành, hóa độ sáu mươi ức chư Thiên đến với chánh đạo. Sau bảy ngày, bốn bộ chúng đều đến chỗ Phật để nghe thuyết pháp, có tám vạn bốn ngàn người đạt được trí tuệ bình đẳng, ba ức người chứng đắc các quả Đạo tích (Tu-đà-hoàn) Vãng lai (Tu-đà-hàm) Bất hoàn (A-na-hàm). Đó cũng là phương tiện thiện xảo của Bồ-tát.

– Thế nào là trường hợp Như Lai phải ăn gạo của lúa mạch trong ba tháng? Như Lai vốn luôn thông đạt, tuy vị Phạm chí có thỉnh Phật nhưng

không thể làm lạc, quên hết chỗ Phật đã nêu bày, giáo hóa. Vì sao? Vì năm trăm con ngựa hiện tại, xưa kia là đệ tử của Phật, nên theo đây cùng ăn loại lúa gạo kia. Đời trước đều là những người tu học theo Bồ-tát Đại thừa, đời quá khứ từng cúng dường chư Phật Thế Tôn. Do theo bạn xấu ác dẫn dắt, phạm nhiều tội lỗi, nên bị đọa làm súc sinh. Lúc ấy lại có năm trăm người huấn luyện ngựa, có Bồ-tát tên Nhật Tạng, vốn lập nguyện sinh trong số đó để hóa độ họ khiến phát tâm Bồ-đề. Nhằm hoằng dương giáo pháp Đại thừa, dẫn dắt những người huấn luyện ngựa, chứ gốc không phải làm nghề ấy. Đức Như Lai hộ trì họ, khiến các người nuôi ngựa đều được thọ ký. Vì duyên nơi tất cả nên Như Lai không ăn, cũng không phải là chí nguyện, do uy đức của Phật có thể biến hóa các thứ ngói, đá, đao, gậy thành các thức ăn uống ngon bổ, hết thấy các vật hiện có nơi tam thiên đại thiên thế giới đều thành các thức ăn thượng vị, đặc biệt. Vì sao? Vì Thế Tôn tự nhiên có tướng của bậc đại nhân, mọi thức ăn vào miệng đều thành thượng vị. Do vậy, nên biết Như Lai với sự biến hóa khiến các thức ăn uống đều là mỹ vị. Trưởng lão A-nan chưa đạt được tâm đại bi, tự suy nghĩ: Vì sao Thế Tôn đã từng xả bỏ thức ăn của bậc Chuyển luân vương, nay lại dùng gạo lúa mạch xấu?”. Phật nhận biết ý nghĩ ấy nên nói về công đức của năm trăm người huấn luyện ngựa. Khi đó, năm trăm ngựa đều biết

về thân mạng đời trước của mình nên được gần với tâm đạo. Năm trăm Bồ-tát đều phát tâm đại từ bi, đi đến yết kiến Phật. Năm trăm vị huân luyện ngựa tự giảm một nửa số lương thực nơi kho lẫm, dùng để cúng dường Phật, giảm bớt lúa ăn của năm trăm ngựa để cúng dường cho năm trăm Tỳ-kheo. Người huân luyện ngựa cùng ngựa đều tự sám hối. Thấy Phật và chúng Tăng đã qua được ba tháng khó khăn. Năm trăm ngựa mạng chung, được sinh lên cõi trời Đâu-suất, được chư Thiên tôn kính, như chỗ ứng hợp mà thuyết pháp, được đứng vững nơi quả vị Bất thoái chuyển, sẽ thành tựu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Hiền giả A-nan nên biết về chỗ bố thí, cúng dường ấy. Bảy giờ, người trong cung đều đạt được điều chưa từng có, cùng đến bạch Phật: Chúng con sinh trưởng nơi thâm cung. Bạch Thế Tôn! Hiền giả A-nan chưa từng tạo được sự hoan hỷ, an ổn ấy, bảy ngày chẳng ăn. Này thiện nam! Nên biết thân của Như Lai không có tội báo. Đời sau, hoặc có người trì giới, cung thỉnh các Sa-môn mà không bày biện cúng dường, nên vì đầy mà thị hiện. Đó là Như Lai vì những người cung thỉnh, tuy không thực hiện đủ sự cúng dường, nhưng không khiến họ rơi vào chốn tội lỗi.

Lại nữa, năm trăm Tỳ-kheo cùng với Như Lai, trong ba tháng một hạ, bốn trăm Tỳ-kheo có những biểu hiện không tốt, không có tướng thanh tịnh. Ví

như có được thức ăn ngon thì tâm ý ham muốn thể hiện rất mạnh. Còn khi dùng thức ăn dở thì tâm ý có vẻ lơ là. Còn các vị khác thì trong ba tháng kiệt hạ có thể chứng đắc A-la-hán. Như Lai dẫn dắt các vị Tỳ-kheo ấy cùng giáo hóa các Bồ-tát, tùy thời thị hiện, chẳng phải là tội báo. Đó cũng là phương tiện thiện xảo của Như Lai.

– Do đâu Như Lai nói với Hiền giả Đại Ca-diếp: Hiền giả nên thuyết giảng kinh, Ta bị đau lưng? Lúc đó, tám ngàn vị Thiên tử, vốn là đệ tử được Hiền giả Ca-diếp hóa độ, đã vân tập tới pháp hội, quy kính Tam bảo, ân cần hành trì, nghe giảng nói về các pháp giác ý. Cho dù trăm ức Phật, vì họ nêu giảng về kinh pháp thì cũng không thể lãnh hội một cách trọn vẹn. Chỉ Tỳ-kheo Ca-diếp là có thể hóa độ họ, vì thế Phật mới bảo Hiền giả giảng nói, phân biệt về giác ý. Tám ngàn vị Thiên tử lãnh hội ý nghĩa, có được trí tuệ. Các Tỳ-kheo bị bệnh cũng đến pháp hội để nghe kinh. Đều tâm niệm: Như Lai là bậc Pháp vương, nhân nêu giảng về giác ý mà bệnh được dứt khỏi. Chúng ta vì sao lại chẳng nghe kinh? Này thiện nam! Nhằm hóa độ chư Thiên và các Tỳ-kheo bị bệnh khiến tôn kính kinh đạo, nên Phật đã thị hiện đau lưng. Như Lai bảo “Hiền giả Ca-diếp thuyết giảng kinh, khiến Ta dứt trừ được bệnh”. Đó cũng là phương tiện thiện xảo của Như Lai.

– Thế nào là trường hợp nước Xá-di bại trận mà

Phật bị đau đầu? Mọi người tất sẽ nghĩ rằng: “Hàng thân thuộc của Như Lai thọ mạng đã hết”. Ý nhằm cứu giúp muôn dân nên Như Lai ngồi bên cội cây khô héo, nói với thị giả: “Đầu Ta bị đau nhiều!”. Bảy giờ, chư Thiên chấp có thương, gồm ba ngàn người tụ hội, còn chúng Sát-đế-lợi thì số lượng không thể tính kể, nghe Phật bảo Hiền giả A-nan là mình bị đau đầu, thì suy nghĩ: “Như Lai hãy còn có tai ương còn sót lại”, nhân đó đã nêu giảng kinh cùng hóa độ hàng trời, người bảy ngàn vị. Đó cũng là phương tiện thiện xảo của Như Lai.

– Thế nào là trường hợp Phạm chí Phi-la-đà dùng năm trăm sự việc để mạ ly Thế Tôn? Lúc ấy, Phật lặng thinh. Sau, Phạm chí lại tán dương, Phật cũng im lặng. Phạm chí kia ứng hợp, tự quy kính, hết lòng sám hối lỗi lầm, không còn tái phạm. Phật đã có thể biết đủ về sự khước từ khiến không hề nói ra, dù có thể ném hay đặt đê kê đối diện tới một nơi chốn khác lạ. Bảy giờ, trong pháp hội, vô số chúng chư Thiên, người thế gian, đều thấy rõ sự nhẫn nhục của Phật, với diệu lực của trí tuệ bình đẳng, tâm hòa nhã, nên bốn ngàn người đã phát tâm Bồ-đề cầu đạt đạo quả Chánh Đẳng Chánh Giác Vô Thượng. Như Lai thấy thấu suốt về sự hóa độ ở đời vị lai, nên thị hiện sự im lặng, chẳng phải là tai ương tàn dư của Phật. Đó cũng là phương tiện thiện xảo của Như Lai.

Này thiện nam! Hãy xem Điều-đạt, cả đời luôn

tạo sự nhiễu loạn cho Bồ-tát, luôn mang tâm oán ghét, nhằm hãm hại Bồ-tát. Đó cũng là phương tiện thiện xảo của Như Lai.

Đức Phật bảo Bồ-tát Tuệ Thượng:

– Chư Thiên tới lui, có chỗ thưa hỏi, tìm hiểu, nên vì họ mà nêu giảng rộng đủ về pháp Bồ thí Ba-la-mật. Vì sao? Vì tạo được nhiều lợi ích, che chở, làm viên mãn các nguyện, phát khởi được hết thảy. Do nhân duyên gì để hưng khởi sự hành hóa ấy? Giả sử chúng sinh chỉ an ổn nơi tự lợi, tức không hiểu về bồ thí, không biết về sự thọ nhận. Vì thế chư Thiên hóa hiện từ hư không đến trụ xứ của Bồ-tát, thử cầu xin đầu mắt tay chân của Bồ-tát, cả đến vợ con, thành ấp, đất nước. Khi đó, Bồ-tát đã bồ thí đầy đủ khắp theo ý muốn của người cầu xin, với sự dũng mãnh sáng suốt, không khó khăn. Mọi người thấy vậy tức hiểu rõ về sự bồ thí nên Bồ-tát tuân phụng, thực hành, không chút luyến tiếc. Vậy chúng ta cũng nên phát nguyện cầu Phật, tu tập giới cấm, chẳng dám hủy phạm, thuận theo pháp Bồ-tát chưa từng trái bỏ. Bị mắng nhiếc, đánh đập, không sân, bị khinh khi không hận, tức là phát huy rộng khắp pháp Nhân nhục Ba-la-mật, do đây mà giáo hóa vô số chúng sinh. Chư Thiên, người thấy những kẻ oán, thân, đến chỗ Như Lai, tức là làm tăng trưởng giới cấm. Đó cũng là phương tiện thiện xảo của Như Lai, chẳng phải là tội báo còn sót lại. Vì sao? Vì người dám đến để thử cầu xin, tức đều

là phương tiện, lại đều nhằm dẫn dắt tạo lợi ích cho vô số người. Nói tóm lại, chỗ thị hiện của Như Lai về những tai ương tàn dư có mười thứ, nên biết đều là do Phật hành hóa theo phương tiện quyền xảo, thuận theo hoàn cảnh. Những kẻ mang tâm xấu ác, đa phần chuộng điều phi pháp, nên vì đó mà thị hiện ứng hợp, chẳng phải là có tội báo khiến nhận biết rõ chỗ trừ bỏ nhằm đạt tới trí tuệ vô thượng. Như Lai tán thán chỗ hơn hẳn của phương tiện thiện xảo, đều chẳng phải là tội báo, chỉ là thị hiện. Tạo nhân gì đạt quả nấy, người nghe sẽ sợ hãi không dám làm điều sai trái.

Lại nữa, này thiện nam! Nên giảng rộng về phương tiện quyền xảo, mọi thời đều nên giảng, chẳng phải chỉ cho hạng ngu tối, thấp kém, phước đức ít, mỏng. Cũng không phải chỉ hàng Thanh văn, Duyên giác cần nhận biết. Vì sao? Vì các hàng ấy chưa từng học hỏi phương tiện thiện xảo. Chỉ có hàng Bồ-tát, Đại sĩ là thông tỏ chỗ quy về sâu xa. Dụ như đêm tối, trong nhà có đốt lửa, tất soi chiếu sáng khắp nhà, vợ con, quyến thuộc. Bồ-tát cũng lại như vậy. Như có người được nghe về phương tiện Ba-la-mật, tức hiểu thấu về tất cả nẻo hành hóa của Bồ-tát, nên siêng năng tu học thuận hợp các pháp căn bản Như Lai đã nêu dẫn.

Như Lai phó chúc cho các vị, những thiện nam, thiện nữ, muốn cầu đạt Phật đạo, nếu có nơi chốn nào giảng nói về phương tiện thiện xảo, dù cách xa

trăm ngàn dặm, cũng nên tìm đến thọ học, tức nhận được ánh sáng của đạo pháp. Vì sao? Vì nếu có thể nghe, nhận giáo pháp ấy, tức là đã hiển bày, phát huy tất cả kinh điển, dứt trừ mọi lưới nghi, diệt hết mọi kết hận.

Bảy giờ, chư Thiên, người thế gian, bốn bộ chúng đều cùng tán thán:

– Nếu có người được nghe kinh nói về phương tiện quyền xảo này, nếu tin tưởng, vui thích thì chính là pháp khí của đạo.

Phật thuyết giảng kinh này xong, có bảy vạn hai ngàn người đều phát tâm Bồ-đề, cầu đạt đạo quả Chánh giác Vô thượng. Hiền giả A-nan bạch Phật:

– Kinh này nên gọi là gì, làm thế nào để phụng hành?

Phật bảo Hiền giả A-nan:

– Kinh này tên là “*Phẩm Tùy Thời Khéo Dùng Phương Tiện Độ Vô Cực*” nên theo đây mà phụng hành.

Phật giảng nói như vậy, Bồ-tát Tuệ Thượng cùng chúng Tỳ-kheo, Bồ-tát Đại sĩ, tám bộ chúng hộ pháp, thấy đều hoan hỷ.



SỐ 346

KINH ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG THIÊN XẢO PHƯƠNG TIỆN

Hán dịch: Đời Triệu Tống, Đại sư Thi Hộ.

QUYỂN I

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu vườn rừng Kỳ Đà – Cấp Cô Độc thuộc nước Xá-vệ, cùng với chúng Đại Bí-sô tám ngàn người và một vạn sáu ngàn Bồ-tát. Các vị Bồ-tát này đều có đủ phương tiện trí tuệ thần thông, chứng đắc đại Tổng trì, biện tài vô ngại.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn ở nơi pháp tòa lớn có trăm ngàn đại chúng cung kính vây quanh nghe Phật thuyết pháp. Khi ấy, trong pháp hội có một Đại Bồ-tát tên là Trí Thượng, từ chỗ ngồi đứng dậy, bày vai áo bên phải, gối phải quỳ sát đất, làm lễ nơi chân Phật, rồi chấp tay bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Con có đôi điều muốn thưa hỏi, xin Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác thương xót cho con được hỏi.

Phật bảo Bồ-tát Trí Thượng:

– Này thiện nam! Cho phép ông hỏi, nay đã đúng lúc. Chư Phật, Như Lai luôn tùy theo điều người thưa hỏi mà giảng nói thích ứng khiến người nghe luôn hoan hỷ.

Đại Bồ-tát Trí Thượng liền bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Vì sao Đại Bồ-tát dùng phương tiện thiện xảo? Xin Thế Tôn phân biệt giảng nói.

Phật bảo Đại Bồ-tát Trí Thượng:

– Này thiện nam! Ông nên biết Đại Bồ-tát có đủ phương tiện thiện xảo, dùng một phương tiện làm cho khắp tất cả chúng sinh đều tu hành đúng như lý. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát luôn có đủ phương tiện thiện xảo, cho đến ở trong cõi ác nơi các loài bàng sinh khác, Đại Bồ-tát cũng đem tâm Nhất thiết trí bình đẳng tạo các phương tiện, rồi liền đem căn lành này hồi hướng về khắp tất cả chúng sinh, khiến họ tu hành theo hai pháp. Những gì là hai? Đó là tâm nhất thiết trí và tâm hồi hướng.

Thiện nam! Như thế gọi là phương tiện thiện xảo của Đại Bồ-tát.

Lại nữa, này thiện nam! Đại Bồ-tát có đầy đủ phương tiện thiện xảo, đối với các chúng sinh đã có căn lành, không nghĩ đến việc hủy hoại, thường đối với điều họ ưa thích sinh tâm tùy hỷ, rồi liền đem căn lành tùy hỷ ấy hồi hướng cho tất cả chúng sinh, lại đem tâm Nhất thiết trí thí khắp cho hết

thầy các loài. Tuy có tâm bố thí nhưng tất cả đều không chấp giữ, cũng không có chỗ thủ đắc.

Thiện nam! Như vậy gọi là phương tiện thiện xảo của Đại Bồ-tát.

Này thiện nam! Đại Bồ-tát có đầy đủ phương tiện thiện xảo. Hoặc khi đi qua mười phương thế giới, cho đến tất cả các nơi chốn, thấy tất cả những cây hoa, cây hương nhiệm màu đẹp đẽ, Bồ-tát thấy rồi không khởi một niệm muốn lấy, lại nghĩ: “Cây hương, cây hoa này không phải là vật để ta chiếm dụng, mà phải dâng cúng lên tất cả chư Phật nơi mười phương”, liền đem căn lành như vậy hồi hướng về Nhất thiết trí.

Thiện nam! Như vậy gọi là phương tiện thiện xảo của Đại Bồ-tát.

Này thiện nam! Đại Bồ-tát có đầy đủ phương tiện thiện xảo, theo chỗ hướng đến, thấy tất cả chúng sinh hưởng các sự an vui, khi đó Bồ-tát sinh tâm tùy hỷ, liền đem căn lành tùy hỷ này hồi hướng về Nhất thiết trí.

Lại nữa, nếu Bồ-tát đi đến đâu, hoặc thấy tất cả chúng sinh chịu các khổ não, lúc đó Bồ-tát sinh tâm thương xót, liền mặc áo giáp tinh tấn phát nguyện: “Tôi xin chịu thế tất cả các khổ não cho hết thầy chúng sinh, nguyện cho khắp chúng sinh đều được an vui”, liền đem căn lành này hồi hướng về Bồ-đề vô thượng.

Thiện nam! Như vậy gọi là phương tiện thiện xảo của Đại Bồ-tát.

Này thiện nam! Đại Bồ-tát có đầy đủ phương tiện thiện xảo, tùy theo nơi chốn, nếu lễ một Phật Như Lai, tức là đồng thời lễ các chư Phật Như Lai. Vì sao? Vì chư Phật Như Lai cùng một pháp tánh, cùng một phẩm Giới, cùng một phẩm Định, phẩm Tuệ, phẩm Giải thoát, phẩm Giải thoát tri kiến. Cũng lại đồng một tâm ý cao tột. Bồ-tát hiểu rõ như vậy rồi, cho đến cung kính cúng dường một Phật Như Lai cũng đồng như cung kính cúng dường hết thảy chư Phật Như Lai. Bồ-tát đem tâm rộng lớn gồm thâu tất cả.

Thiện nam! Như vậy gọi là phương tiện thiện xảo của Đại Bồ-tát.

Này thiện nam! Đại Bồ-tát có đầy đủ phương tiện thiện xảo, hoặc thấy người tu tập Đại thừa nhưng đối với pháp ấy sinh tâm thoái chuyển, khi đó Bồ-tát liền nghĩ: “Ta nên vì người ấy xung tán một bài kệ bốn câu, làm cho người ấy theo đúng như lý mà tu học, khiến tâm không thoái chuyển”. Nghĩ rồi liền nói: “Này các người tu tập Đại thừa, nếu đối với bài kệ bốn câu ấy, hiểu rõ được ý nghĩa, tức có thể đối với tất cả ngôn ngữ thông suốt hết các nghĩa lý, tức không sinh tâm thoái lui. Ta đã nói bài kệ bốn câu, nếu người nào có thể nghe nhận, tức liền được biện tài của chư Phật. Ta sẽ đem căn lành này bố thí khắp tất cả chúng sinh, đều

nguyện cho họ đạt được đa văn đầy đủ, bao gồm các biện tài vô ngại của chư Phật”.

Thiện nam! Như vậy gọi là phương tiện thiện xảo của Đại Bồ-tát.

Này thiện nam! Đại Bồ-tát đạt đầy đủ phương tiện thiện xảo, hoặc lúc đến chỗ những người nghèo cùng hành khát, Bồ-tát sinh tâm thương xót liên nghi: “Nghệp của họ đã tạo, nhất định phải chịu quả báo, ta nên đối với họ hòa hợp vui vẻ, tùy theo ý muốn của họ mà bố thí”. Như Phật đã nói trong việc bố thí có bốn hành tướng. Đó là: Bố thí với tâm lớn, bình đẳng. Việc ta bố thí này tuy ít nhưng với tâm Nhất thiết trí thì lại vô lượng. Nếu ta bố thí cho người nghèo khổ hành khát bằng tâm Nhất thiết trí, thì nhờ diệu lực của thiện căn này sẽ được tay báu thường phát ra các thứ châu báu, thí khắp tất cả chúng sinh. Bố thí cho người nghèo khổ như vậy tức có thể ngang bằng với việc tu phước hạnh như bố thí, trì giới, thiền định của Phật-Thế Tôn hiện tại không khác.

Thiện nam! Như vậy gọi là phương tiện thiện xảo của Đại Bồ-tát.

Này thiện nam! Đại Bồ-tát đạt đầy đủ phương tiện thiện xảo, có lúc cùng ở với hàng Thanh văn, Duyên giác, khi ấy, Bồ-tát đối với hai thừa chỉ sinh tâm cung kính. Nếu chúng Thanh văn, Duyên giác ấy hoặc do hai việc mà sinh khởi tướng ngã. Những

gì là hai? Một là BỒ-tát sinh ra chư Phật, Thế Tôn. Hai là chư Phật, Thế Tôn sinh ra hàng Thanh văn, Duyên giác.

Hàng Nhị thừa do sự việc ấy mà nghĩ: “Ở đây ta là cao tột, làm sao có thể sinh tâm cung kính đối với kẻ kia được”. BỒ-tát tuy nghe nói như vậy nhưng vì dùng phương tiện nên tâm không nghĩ khác.

Thiện nam! Như vậy gọi là phương tiện thiện xảo của Đại BỒ-tát.

Này thiện nam! Đại BỒ-tát đạt đầy đủ phương tiện thiện xảo, có thể ở trong một hạnh bố thí thành tựu được sáu pháp Ba-la-mật.

Hành tướng ấy như thế nào? Nghĩa là bất kỳ ở đâu, BỒ-tát thấy người đến xin, khi ấy BỒ-tát thâm phục tâm tham lam keo kiệt, tùy theo ý họ muốn mà thí cho. Đây gọi là BỒ-tát thành tựu bố thí Ba-la-mật.

Khi bố thí như vậy, BỒ-tát tự giữ gìn giới hạnh, lại có thể giáo hóa người phá giới, rộng độ làm cho họ được an trụ nơi giới thanh tịnh. Đây gọi là BỒ-tát thành tựu giữ giới Ba-la-mật.

Khi bố thí như vậy, BỒ-tát lấy tâm từ làm đầu, lại không sinh tâm hủy hoại mà trụ vào tâm cứu hộ, tâm bình đẳng. Lúc sinh khởi tâm như thế gọi là BỒ-tát thành tựu nhẫn nhục Ba-la-mật.

Khi bố thí như vậy, hoặc thức ăn nước uống và

các nhu cầu khác, tùy theo đó mà bố thí, Bồ-tát tới lui dừng nghỉ, đối với thân, miệng, ý không sinh mệt mỏi. Đây gọi là Bồ-tát thành tựu tinh tấn Ba-la-mật.

Khi bố thí như vậy, tùy chỗ bố thí, tâm Bồ-tát luôn trụ ở một cảnh không sinh tán loạn. Đây gọi là Bồ-tát thành tựu thiên định Ba-la-mật.

Khi bố thí như vậy, Bồ-tát đều nhận biết người thí như vậy, người nhận như vậy, đều được quả báo gì, nên mọi nêu bày so sánh thấy đều bình đẳng, trong đó không một chút pháp nào có thể thủ đắc. Đây gọi là Bồ-tát thành tựu trí tuệ Ba-la-mật.

Thiện nam! Như vậy gọi là Đại Bồ-tát dùng phương tiện thiện xảo ở trong một hạnh bố thí thành tựu được sáu pháp Ba-la-mật.

Lúc ấy, Đại Bồ-tát Trí Thượng lại bạch Phật:

– Hy hữu thay Thế Tôn! Trong hạnh bố thí của Đại Bồ-tát mới có các phương tiện thiện xảo như vậy. Dùng phương tiện ấy nên có thể giải thoát mọi khổ não nơi luân hồi cho tất cả chúng sinh, bao gồm tất cả pháp tạng của chư Phật.

Phật bảo Bồ-tát Trí Thượng:

– Đúng vậy! Đúng vậy! Đúng như ông đã nói. Các Đại Bồ-tát đạt đủ phương tiện thiện xảo, nên có thể ở trong một hạnh bố thí mà thành tựu lợi ích của vô lượng thắng hạnh.

Đức Thế Tôn lại bảo Đại Bồ-tát Trí Thượng:

– Thiện nam! Ông nên biết! Đại Bồ-tát đạt đủ phương tiện thiện xảo, giả như lúc nào đó bị tội rất nặng, nhưng Bồ-tát ấy cũng không làm hư hoại thiện căn. Vì sao không làm hư hoại? Vì Bồ-tát hoặc có lúc gặp tri thức xấu ác khuyên làm thoái lui đạo ý vô thượng, bị tội rất nặng. Khi ấy, Bồ-tát tự suy nghĩ: “Nếu ngay bây giờ, đối với thân này ta chúng lấy Niết-bàn, chấm dứt đời sau, không còn phải mặc áo giáp tinh tấn, thì làm sao có thể độ thoát mọi khổ não nơi luân hồi cho chúng sinh? Ta không nên vì sự việc này mà tự hủy hoại tâm kia. Vì sao? Vì ta nguyện ở trong luân hồi độ thoát tất cả chúng sinh, dù có tội rất nặng cũng không làm dứt mất thiện căn”.

Thiện nam! Như vậy gọi là phương tiện thiện xảo của Đại Bồ-tát.

Này thiện nam! Nếu Bồ-tát xuất gia có tâm phân biệt, ý nghĩ riêng khác thì đã mắc bốn tội căn bản. Bồ-tát ấy nếu có đủ phương tiện thiện xảo thì tùy lúc phát sinh mà liền sám hối.

Thiện nam! Ta nói Bồ-tát ấy là người không có tội.

Đại Bồ-tát Trí Thượng bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Vì sao Bồ-tát cũng có tội?

Phật bảo Đại Bồ-tát Trí Thượng:

– Nếu nói Bồ-tát không có tội, thì sao Bồ-tát ở trong trăm ngàn kiếp, học giới Ba-la-đề-mộc-xoa,

có người phạm tội căn bản?

Thiện nam! Ông nên biết, đối với những lời thiện, lời ác của tất cả chúng sinh, các vị Bồ-tát ấy đều có thể nhận. Nhưng do tác ý tương ưng với pháp Thanh văn, Duyên giác nên nói Bồ-tát ấy đã mắc bốn tội căn bản. Như hàng Thanh văn đã phạm tội căn bản rồi thì không thể chứng đắc Niết-bàn. Bồ-tát xuất gia cũng như vậy, bị tội này mà không kịp thời sám hối ngay, cùng tác ý với Thanh văn, Duyên giác thì không thể tiến tới chứng đắc cảnh giới Niết-bàn.

Khi đó, Tôn giả A-nan bèn đi tới trước chỗ Phật bạch:

– Bạch Thế Tôn! Trong thành Xá-vệ có một Bồ-tát tên Quang Tụ Vương, một hôm con vào thành khát thực, không thấy Bồ-tát ấy, lúc đó Bồ-tát Quang Tụ Vương đang ở nơi một thôn xóm, cùng với một người nữ đồng ngồi một chỗ, nói những lời phi pháp. Con đến thấy như vậy nhưng họ không lần tránh, lại còn nói pháp phạm hạnh.

Bạch Thế Tôn! Phật, Như Lai của con là Đạo sư của tất cả chúng sinh, việc gì cũng biết, việc gì cũng thấy, việc gì cũng hiểu rõ, con trông thấy hành tướng như thế, vậy sự việc ấy là thế nào? Xin Phật chỉ dạy.

Lúc Tôn giả A-nan nói lời này xong thì nơi pháp hội của Phật mặt đất rung động.

Khi ấy, Bồ-tát Quang Tụ Vương hiện thân trên không, cao một cây Đa-la, hỏi Tôn giả A-nan:

– Thưa Tôn giả A-nan! Theo ý của Tôn giả thì thế nào? Người phạm phi pháp sao có thể trụ ở hư không như vậy?

Bấy giờ, Tôn giả A-nan ở trước Đức Như Lai, hướng lên hư không hỏi:

– Bồ-tát Quang Tụ Vương! Như vừa rồi tôi đã nêu bày sự tướng, vì sao Bồ-tát tạo sự phi pháp ấy?

Tôn giả A-nan nói lời này vừa dứt, Đức Thế Tôn bèn dùng chân ấn xuống đất, tức thì các thế giới nơi phương khác đều có chư Phật Thế Tôn hiện ra trong hư không, nói rõ: “Bồ-tát ấy đã lìa phi pháp, Ta chứng biết việc này”. Chư Phật Thế Tôn ấy nói xong liền ẩn vào hư không.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Tôn giả A-nan:

– Ông không nên đối với bậc Bồ-tát trụ nơi Đại thừa mà tưởng có lỗi lầm.

Này Tôn giả A-nan! Ví như quả thứ nhất và thứ hai trong thừa Thanh văn, người cầu đạo vô lậu không lấy làm khó, Đại Bồ-tát đạt đủ phương tiện thiên xảo cũng như vậy, cầu Nhất thiết trí không lấy làm khó. Vì sao? Vì Bồ-tát đã lìa các sự trói buộc của quyền thuộc, đã có thể an trụ nơi Phật, Pháp, Tăng bảo, không hủy hoại tâm thanh tịnh, không còn thoái lui nơi quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Tôn giả A-nan nên biết! Nếu có

người trụ nơi thừa Bồ-tát, không lìa tâm Nhất thiết trí thì dù đối với pháp của năm dục mà vui hưởng cũng không có lỗi lầm. Do đó, chư Phật Như Lai chúng đắc đầy đủ năm căn là nghĩa như vậy.

Tôn giả A-nan, như ông đã thấy, nhân duyên việc ấy của Bồ-tát Quang Tụ Vương, Ta sẽ vì ông giảng nói sự thật.

Này Tôn giả A-nan! Ông nên biết, Bồ-tát Quang Tụ Vương đi vào thôn xóm cùng ngồi một chỗ với người nữ, tức người nữ ấy nơi hai trăm đời quá khứ đã cùng làm vợ chồng với Bồ-tát. Vì thế nên đời này, người nữ kia khi thấy Bồ-tát Quang Tụ Vương đầy đủ giới lực, oai quang an lành rồi, do nghiệp của đời trước nên sinh ý nghĩ sai lầm, nhưng nhờ năng lực của thiện căn nên nghĩ: Nếu ta được Bồ-tát Quang Tụ Vương này đến nhà của ta, cùng ngồi một chỗ, cũng có thể giúp ta phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này Tôn giả A-nan! Khi ấy, Bồ-tát Quang Tụ Vương biết ý nghĩ của người nữ ấy, nên liền trong đêm đến nhà người nữ đó, cùng ngồi một chỗ, giảng nói vô số pháp môn cho người ấy. Bấy giờ, nhà của người nữ trong ngoài đều bằng phẳng rộng rãi sạch đẹp.

Bồ-tát Quang Tụ Vương cùng ngồi một chỗ rồi nắm tay phải của người nữ kia, nói kệ:

Phật không khen ngợi pháp dục nhiễm

*Ngu si mê chấp nên đeo đuổi
 Có thể dứt trừ tâm ái dục
 Phật nói người ấy là tối thượng.*

Này Tôn giả A-nan! Người nữ kia nghe kệ rồi tâm rất vui mừng, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, chấp tay cung kính đánh lễ nơi chân Bồ-tát Quang Tụ Vương rồi nói kệ:

*Tâm con vốn không thật cầu dục
 Con biết Phật không khen pháp dục
 Có thể dứt trừ tâm ái dục
 Phật gọi người ấy là tối thượng..*

Nói kệ này xong, lại tiếp:

*Nên biết tâm con đã suy nghĩ
 Lời nói chân thật không sai khác
 Nếu người thích cầu Bồ-đề Phật
 Tất cả chúng sinh được lợi lạc.*

Này Tôn giả A-nan! Người nữ ấy được Bồ-tát Quang Tụ Vương dùng phương tiện thiên xảo mở bày, hướng dẫn, liền phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Bây giờ, Bồ-tát liền từ chỗ ngồi đứng dậy đi ra khỏi nhà ấy.

A-nan, ông nên biết! Ta xem thấy người nữ kia tâm sâu xa đã được thanh tịnh, dũng mãnh, cao tột, nên Ta thọ ký cho người ấy được đạo quả Bồ-đề.

A-nan! Người này sau khi qua đời, sẽ chuyển được thân nữ thành thân nam, từ nay về sau trải qua chín mươi chín trăm ngàn vô số kiếp, sẽ được

thành Phật hiệu là Cận Sự Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác, xuất hiện ở đời.

Này Tôn giả A-nan! Do duyên có ấy nên biết, Đại Bồ-tát đã xa lìa sự trói buộc của ân ái, quyền thuộc, tất cả những phi pháp hoàn toàn không sinh hại.

Khi ấy, Đại Bồ-tát Quang Tụ Vương nghe Đức Phật Thế Tôn nói như vậy, liền từ trên hư không hạ xuống, đầu mặt đánh lễ nơi chân Phật, rồi chấp tay bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Đại Bồ-tát đạt đủ phương tiện thiện xảo, trụ nơi hạnh đại bi luôn tạo được lợi ích.

Bạch Thế Tôn! Con cũng được hạnh này.

Bạch Thế Tôn! Nếu Bồ-tát có thể làm cho một chúng sinh phát khởi một căn lành, thì đối với các thứ sắc ái không phát sinh tâm tạo tội. Nếu như đã sinh khởi tội lỗi cấu uế tức phải ở trong trăm ngàn kiếp chịu khổ nơi địa ngục.

Bạch Thế Tôn! Nếu Bồ-tát ấy sinh tâm tạo tội chịu khổ nơi địa ngục, nên biết Bồ-tát này liền lìa bỏ chúng sinh đã phát khởi thiện căn, làm cho thiện căn không thể thành tựu.

Lúc đó, Đức Thế Tôn khen ngợi Bồ-tát Quang Tụ Vương:

– Lành thay! Lành thay! Đúng vậy! Này Bồ-tát! Đúng như lời ông nói. Nếu người trụ ở tâm đại bi thì có thể làm cho tất cả chúng sinh dứt trừ tất

cả tội cầu ướ.

Này thiện nam! Ta nhớ vô số kiếp về thời quá khứ, có một Ma-noa-phược-ca (Nho đồng) tên là Quang Minh, ở trong bốn vạn hai ngàn năm, tu giữ phạm hạnh, lìa các lỗi lầm. Quá bốn vạn hai ngàn năm rồi, vào một lúc nọ có việc cần nên đi vào một thành của vua, tên là Thần Thông, gặp một người nữ tên là Già-thác, người nữ ấy thấy Ma-noa-phược-ca đẹp đẽ nên sinh tâm yêu thích, liền đến trước làm lễ.

Này Bồ-tát Quang Tụ Vương! Lúc ấy, đồng tử liền hỏi người nữ kia: “Cô có điều gì mong cầu?”. Người nữ đáp: “Tôi muốn cùng làm vợ chồng với Ma-noa-phược-ca”. Ma-noa-phược-ca đáp: “Ta không sinh tưởng dục đối với người nữ”. Người nữ lại nói: “Hôm nay, nếu tôi không được cùng với ông làm vợ chồng thì không lâu nữa tôi sẽ chết”. Khi ấy, Ma-noa-phược-ca liền suy nghĩ: “Ta ở trong bốn vạn hai ngàn năm, tu giữ phạm hạnh, không phạm giới cấm. Bây giờ, ta không nên làm việc ái nhiễm phi pháp. Vậy đối với người nữ này, ta nên xa lìa”. Nghĩ rồi, liền đi cách xa người nữ bảy bước. Quá bảy bước thì dừng lại một chút, phát sinh tâm đại bi với người nữ kia, nghĩ: “Lúc này, ta nên phát tâm dũng mãnh. Nếu phạm giới cấm thì thà chịu khổ báo nơi địa ngục chứ không nên tránh xa, khiến cho cô ta bị chết”.

Này Bồ-tát Quang Tụ Vương! Lúc đó Ma-noa-

phước-ca Quang Minh liền nắm tay người nữ Già-thác nói: “Ta sẽ tùy theo ý muốn của cô”.

Khi nghe nói xong, người nữ rất vui mừng, thỏa mãn sự mong cầu nên không chết.

Ma-noa-phước-ca Quang Minh cùng với Già-thác làm vợ chồng trong mười hai năm. Quá mười hai năm, Ma-noa-phước-ca lại tinh tấn tu hành phạm hạnh. Sau khi chết sinh lên cõi trời Phạm thiên.

Này Bồ-tát Quang Tụ Vương! Ma-noa-phước-ca Quang Minh thời ấy, chính là thân Ta ngày nay. Người nữ Già-thác nay là Da-thâu-đà-la.

Vì sao? Vì lúc ấy, Ta chỉ vì một niệm sinh tâm khởi đại bi rồi trở lại tu phạm hạnh, được sinh lên cõi trời Phạm thiên, do vậy trong mười ngàn kiếp Ta phải thọ thân luân hồi, nhưng ta vẫn không sinh mệt mỏi, nhàm chán.

Này Bồ-tát Quang Tụ Vương! Có các chúng sinh không đủ phương tiện thiện xảo ở trong luân hồi chịu khổ nơi địa ngục. Bồ-tát nhờ đủ phương tiện thiện xảo, nên được sinh ở cõi trời Phạm thiên.

Này Bồ-tát Quang Tụ Vương! Ví như các Tôn giả Xá-lợi-tử, Mục-kiền-liên là Đại A-la-hán, dù là trí tuệ thần thông bậc nhất trong các Thanh văn, cũng chưa thể có đủ phương tiện thiện xảo.

Này Bồ-tát Quang Tụ Vương! Trong pháp của Ta có một Bí-sô tên là Câu-ca-lê-câu, bị đọa nơi

địa ngục, việc ấy là thế nào?

Này Bồ-tát Quang Tụ Vương! Ta nhớ về đời quá khứ, trong pháp của Phật Câu-lưu-tôn có một Bí-sô tên là Vô Cấu. Khi ấy, Bí-sô này trụ nơi A-lan-nhã tu một mình tại hang núi. Cách chỗ đó không xa có một vị tiên nhân đạt ngũ thông, tu tập ở riêng một chỗ. Hôm ấy, bỗng có nhiều mây đen ùn ùn kéo đến, rồi mưa to trút xuống, lúc này người cận trụ nữ của vị tiên nhân ngũ thông kia đi đến chỗ ở của Bí-sô Vô Cấu muốn nã hại để phá phạm hạnh của Bí-sô này. Khi vị tiên nhân bước vào, Bí-sô vừa mới đi ra, vị tiên nhân thấy thế bèn sinh tâm tội lỗi, khinh chê hủy báng, liền suy nghĩ: “Bí-sô Vô Cấu này đã thoái thất phạm hạnh, muốn làm việc phi pháp”. Bí-sô Vô Cấu biết ý nghĩ của vị tiên nhân, liền bay lên hư không cao bảy cây Đa-la. Vị tiên thấy Bí-sô này ở trong hư không, nên nói: “Tôi mang dao bén đến nơi hang này để phá phạm hạnh của ông. Sao ông nay vẫn ở nơi hư không?”. Tiên nhân nói xong, Bí-sô liền từ hư không hạ xuống làm lễ tiên nhân, không bay lên nữa.

Trong khoảnh khắc, tiên nhân kia liền bị đọa vào địa ngục lớn.

Này Bồ-tát Quang Tụ Vương! Ý ông thế nào? Bí-sô Vô Cấu thời ấy nay chính là Bồ-tát Từ Thị, còn Tiên nhân ngũ thông nay chính là Bí-sô Câu-ca-lê-câu.

Này Bồ-tát Quang Tụ Vương! Do nhân duyên ấy, nên biết điều đó chẳng phải là cảnh giới của hàng Nhị thừa, mà đều là nẻo hành theo phương tiện xảo của Đại Bồ-tát có đủ trí tuệ.

Này Bồ-tát Quang Tụ Vương! Lại như ở đời có người Nga-ni-ca, biết đầy đủ sáu mươi bốn loại nghề. Người này ưa thích của báu, đến nơi nào cũng thi thố tài nghệ của mình nên tất cả vật dụng đều đạt được. Lấy được vật báu của mọi người rồi, sau lại quên đi, nên đều muốn từ bỏ. Đại Bồ-tát đạt đủ phương tiện thiện xảo cũng như vậy. Đối với tất cả nơi chốn đều hiện bày phương tiện cứu độ chúng sinh, nơi mỗi mỗi chỗ hướng tới đối với các chúng sinh đều không có sự mong muốn giữ lấy. Thấy các chúng sinh đã có căn lành thì khuyên làm cho tăng thêm. Do sức của căn lành đã tạo, khiến cho chúng sinh phát sinh được thắng hạnh. Bồ-tát cũng không có tham đắm, chấp trước, cho đến các việc đùa vui, dù là thuận làm nhưng rồi lìa bỏ, trong tâm không có sự trói buộc.

Này Bồ-tát Quang Tụ Vương! Lại như loại bàng sinh khác ở thế gian, thấy các thứ hoa đẹp đầy đủ sắc hương, đều không thể phát sinh ý nghĩ vui thích. Bồ-tát đạt đủ phương tiện thiện xảo cũng lại như vậy. Tuy thọ nhận tất cả các việc vui đùa nhưng chưa từng sinh một ý niệm ưa thích, không tự mình làm, không bảo người khác làm, không chấp trước gì cả.

Lại như gieo các hạt giống nơi ruộng đất phì nhiêu, chắc chắn là sinh được mầm cây, hoa quả. Đại Bồ-tát có đủ phương tiện thiện xảo cũng như vậy. Tu tập pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện, chắc chắn là lìa bỏ các pháp nhiễm. Dù thọ nhận tất cả việc vui thích nhưng cũng không hủy hoại việc tu hành, được Phật khen ngợi, tán thán về chỗ thành tựu công đức.

Này Bồ-tát Quang Tụ Vương! Lại như người đánh cá ở đời, dùng lưới lớn giăng trong ao to, tùy theo ý muốn mà bắt được hết thảy cá, không để rớt xuống nước. Đại Bồ-tát có đủ phương tiện thiện xảo cũng lại như vậy. Tu pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện, đã được sự hộ trì của tâm Nhất thiết trí vững chắc, nên rốt ráo không còn rơi vào chốn bùn lầy sinh tử, ở bất cứ chỗ nào, thân này diệt rồi, đều sinh vào cõi trời Phạm thiên.



KINH ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG THIÊN XẢO PHƯƠNG TIỆN QUYỂN II

Lại nữa, này Bồ-tát Quang Tụ Vương! Lại như người trì minh chú, tu pháp môn Du-già-tát-địa, chịu buộc mình vào trong năm pháp trời buộc bí mật, theo chỗ tác pháp mà không vượt khỏi Tam-muội. Người này dùng năng lực của một câu đại minh chú, có thể dứt trừ được tất cả trời buộc, được an trụ trong hành môn bí mật, tuy ở trong trời buộc mà thường không lìa Tam-muội. Đại Bồ-tát có đủ phương tiện thiện xảo cũng như vậy, ở trong cảnh của năm dục, vui vẻ thuận hành, tùy theo việc làm, không hủy hoại hạnh chân chánh. Bồ-tát này dùng năng lực sáng suốt của trí tuệ làm cho tất cả pháp nhiệm đều được thanh tịnh. Dù thọ cái vui năm dục nhưng thường an trụ nơi tâm Nhất thiết trí, thường sinh vào cõi trời Phạm Thiên.

Này Bồ-tát Quang Tụ Vương! Lại như người giỏi sử dụng kiếm ở thế gian, đối với kiếm pháp đã thuần thực, tinh vi, người ấy một lúc nọ giấu kiếm bén, một mình đi qua vùng đồng trống vắng hiểm nạn. Trên đường bỗng gặp một người chỉ có một mình, không bè bạn, lại không có khí giới. Người luyện kiếm thấy người ấy rồi nên thương xót, liền

đến gần nói: “Ông chỉ đi một mình, không bè bạn, lại không có khí giới thì sao có thể hộ vệ thân? Ông hãy luôn đi với tôi cùng đến chỗ kia, tôi sẽ giúp đỡ hoàn toàn cho ông”. Nói rồi cùng nhau đi tiếp, bỗng gặp bọn cướp. Khi đó, người cùng đi không biết người luyện kiếm trước đã giấu kiếm bén, thấy bọn cướp liền sinh sợ hãi. Lúc ấy, người luyện kiếm rất dũng mãnh, không chút sợ sệt, liền rút kiếm ra đánh đuổi bọn cướp, đã tự giữ được thân, lại cứu giúp người đồng hành đều được an ổn qua nơi hiểm nạn. Đại Bồ-tát đạt đủ phương tiện thiên xảo cũng như vậy, đã có thể tạo đầy đủ các thứ phương tiện, cầm gươm trí tuệ, tuy thuận hành vui chơi trong năm dục nhưng thân hoàn toàn không sinh các việc buông lung, có thể phòng giữ thân căn. Giả như ở lúc khác, gặp ma phiền não, Bồ-tát cũng không bị loạn động, luôn mặc áo giáp tinh tấn, không sinh sợ hãi, dùng kiếm trí tuệ, chặt đứt lưới phiền não khiến được thanh tịnh. Bồ-tát thường sinh vào cõi Phật thanh tịnh.

Lúc đó, trong chúng hội có một Bồ-tát tên là Tác Ái, vào sáng sớm, vội đi vào thành Xá-vệ khát thực, lần lượt đến nhà của một trưởng giả, đứng bên cửa nói lời xin. Trưởng giả có người con gái tên là Thượng Tài, dung mạo đoan trang, được mọi người yêu mến. Người con gái ấy nghe tiếng của Bồ-tát, liền mang thức ăn ra cúng dường. Trao thức ăn rồi, lại sinh tâm yêu mến Bồ-tát, đối với

hình dáng và âm thanh của BỒ-tát, cô ta sinh tâm tham đắm, do nhân duyên này mà sinh tâm cầu nhiễm. BỒ-tát Tác Ái biết được ý nghĩ của cô gái, bảy giờ không tác ý đối với pháp tham nhiễm, trong khoảnh khắc liền suy nghĩ: “Nếu người sinh một tâm ý tham nhiễm là tội lỗi lớn. Vì sao? Ví đối với cô gái này ta yêu mến về điểm nào? Nếu mắt của cô ta là đáng yêu thì mắt chỉ là cục thịt tròn, không sạch, vô thường, tan hoại, tự tánh là không thì yêu thích điều gì? Nếu tai mũi lưỡi thân ý là đáng yêu thì các căn kia cũng như vậy, tự tánh đều là không, không có pháp thật, thì yêu thích ở điểm nào? Từ đầu xuống chân, cho đến trong ngoài, ở giữa, mỗi mỗi đều quan sát hết thấy đúng như thật, trong đó không có chút pháp nào có thể thủ đắc. Ta nay xem thấy đúng như thật như thế rồi, đối với tất cả pháp thấy đều không sở hữu. Vì pháp không có nên pháp không sinh”. Lúc BỒ-tát suy nghĩ như vậy liền chứng được pháp nhãn Vô sinh.

BỒ-tát được được lợi ích, tâm rất vui mừng, liền ở chỗ ấy vọt bay lên hư không cao một cây Đa-la, đi quanh bên phải thành Xá-vệ bảy vòng rồi ra khỏi thành ấy, nương hư không đến chỗ Đức Thế Tôn.

Bảy giờ, thấy BỒ-tát Tác Ái với oai đức hiển bày như ngỗng chúa, theo hư không thông thả tự tại mà đến, Đức Thế Tôn bảo Tôn giả A-nan:

– Nay Tôn giả A-nan! Ông thấy BỒ-tát Tác Ái từ hư không đến chăng?

Tôn giả A-nan bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Con đã thấy.

Phật bảo Tôn giả A-nan:

– Ông nên biết! Bồ-tát này đối với các pháp đã lìa tâm tham ái, chứng pháp vô sinh, hoàn toàn không chỗ thủ đắc nên có thể hàng phục tất cả quân ma, rộng vì chúng sinh chuyển bánh xe pháp.

Khi Phật nói xong, Bồ-tát đó liền trụ trên hư không, nghe Phật giảng nói pháp. Lúc này, Thượng Tài, con gái của trưởng giả đang ở trong nhà bỗng nhiên mạng chung được sinh vào cõi trời Ba Mươi Ba, chuyển tướng người nữ thành thân Thiên tử. Lúc Thiên tử sinh, có cung điện trang nghiêm đẹp đẽ bằng bảy báu đồng thời hiện ra, rộng dài đến mười hai do-tuần. Lại có một vạn bốn ngàn thiên nữ quyến thuộc cùng sinh đồng thời. Trong khoảnh khắc, các thiên nữ này suy nghĩ: “Chúng ta có căn lành gì mà được sinh đến nơi này?”. Họ liền biết đời trước ở nơi thành Xá-vệ có con gái của trưởng giả sinh tâm ái nhiễm với một vị Bồ-tát, do nhân duyên này, khi người ấy qua đời sinh vào cõi trời, chuyển tướng người nữ thành thân Thiên tử, được vô lượng thần thông quả báo tốt đẹp. Chúng ta, do nhân duyên thù thắng của Thiên tử ấy, nên cũng được sinh vào cõi này. Nghĩ vậy rồi nên hoan hỷ ở đây.

Bấy giờ, vị Thiên tử mới sinh ấy suy nghĩ:

“Xưa ta ở đời sinh tâm nhiễm ái, sao nay lại được quả báo tốt đẹp như thế? Nguyên nhân này chính là nhờ vào diệu lực của Bồ-tát Tác Ái hướng dẫn. Ta nên đến chỗ Đức Thế Tôn cung kính cúng dường Đức Thế Tôn và chiêm ngưỡng đánh lễ Bồ-tát Tác Ái”.

Suy nghĩ như vậy xong, liền cùng các thiên nữ quyền thuộc, mang các loại hương hoa tốt đẹp, từ cõi trời đến chỗ Phật, đánh lễ nơi chân Đức Thế Tôn, rồi ở trước Phật chấp tay hướng lên hư không, cung kính đánh lễ Bồ-tát Tác Ái. Sau đó, đem các loại hương hoa, tôn trọng cung kính cúng dường Đức Thế Tôn. Cúng dường xong, đi quanh theo phía bên phải ba vòng, chấp tay hướng về Phật, nói kệ:

*Nhân Trung Tôn chẳng thể nghĩ bàn
 Đại Bồ-đề chẳng thể nghĩ bàn
 Hạnh chư Phật chẳng thể nghĩ bàn
 Pháp chư Phật chẳng thể nghĩ bàn.
 Con là cô gái thành Xá-vệ
 Cha con đặt tên là Thượng Tài
 Hình tướng xinh đẹp người mến phục
 Cha mẹ thân tộc cũng thương yêu.
 Bây giờ có một đệ tử Phật
 Đây đủ oai đức tên Tác Ái
 Đi khát thực trong thành Xá-vệ
 Lần lượt đến nơi nhà của con.
 Khi nghe tiếng hay của vị ấy*

Vui mừng liền tự bùng thức ăn
 Dem đến trước Bồ-tát Tác Ái
 Hết lòng tôn kính dâng cúng dường.
 Khi thấy tướng đẹp của vị ấy
 Tâm sinh ái nhiễm muốn hòa hợp
 Do ý muốn kia không toại nguyện
 Trong khoảnh khắc con liền qua đời.
 Nay con không thể nói ra hết
 Nhân duyên của Bồ-tát Tác Ái
 Không tương ứng với pháp ái nhiễm
 Khiến mạng con hết, sinh cõi tốt.
 Thế Tôn! Con tuy bỏ thân trước
 Vui thay! Con dứt tướng người nữ
 Thành thân nam tử oai quang lớn
 Lại được sinh lên nơi cõi trời.
 Cùng các Thiên nữ sinh với con
 Một vạn bốn ngàn làm quyến thuộc
 Lại có bảy báu trang nghiêm đẹp
 Cung điện nguy nga cùng lúc hiện.
 Khi ấy con phát sinh tâm này
 Đây là việc chẳng thể nghĩ bàn
 Con do tâm ái nhiễm làm nhân
 Sao được quả báo thanh tịnh ấy.
 Bồ-tát Tác Ái rất hiếm có
 Cũng gọi là Tác quang minh, Tác hỷ
 Thân hiện oai quang lớn rực rỡ
 Do nhân như thế được tốt đẹp.
 Nhân nhiễm mà thành quả thế này

Thanh văn, Duyên giác không thể biết
 Pháp ấy không có trong thừa kia
 Chỉ trí Thiện Thệ mới khiến chuyển.
 Ví như hàng hà sa số kiếp
 Không thể tu học các trí Phật
 Tâm con không còn vui nào khác
 Chỉ cầu quả Bồ-đề Vô thượng.
 Bồ-tát Tác Ái oai đức lớn
 Là thiện tri thức lớn của con
 Con do vị ấy được gặp Phật
 An trụ Bồ-đề không thoái chuyển.
 Con biết người tu hạnh Bồ-đề.
 Đối tâm ái nhiễm, không đắm vương
 Như con đã chuyển tướng nữ nhân
 Xin nguyện tất cả là nam tử.
 Khi con qua đời trong kiếp trước
 Mẹ cha thân tộc buồn thương nhớ
 Ân ái rất khổ, tâm trời buộc
 Trở lại giận dữ với Sa-môn.
 Con nay do sức oai thần Phật
 Trong khoảng sát-na đến chỗ cha
 Ân thân trong không mà nói rõ:
 – Chớ sinh giận dữ với Sa-môn.
 Người sinh giận dữ tội lỗi lớn
 Mãi mãi lãnh chịu các khổ não
 Người nữ Thượng Tài nay là con
 Đã sinh nơi cõi trời Đạo-lợi.
 Chuyển tướng người nữ của đời trước

Thành thân Thiên tử sáng rực rỡ
 Cha mẹ nay hãy đến nơi Phật
 Nên xin sám hối tâm giận dữ.
 Phật là cha lành của chúng sinh
 Là chỗ hướng về của muôn loài
 Cha mẹ nghe được tiếng Phật rồi
 Liền sinh tâm rộng lớn hơn lên.
 Cha mẹ nương vào uy lực Phật
 Nghe lời liền đến gặp Đức Phật
 Đến rồi đầu mặt lễ dưới chân
 Sám hối tâm giận dữ trước đây.
 Thừa rằng con nay quy y Phật
 Lại chấp tay thưa hỏi thế này:
 – Phật Pháp Tăng bảo rất tôn thắng
 Việc cúng dường nên phải thế nào?
 Chỉ Phật biết được tâm ý con
 Theo lời con hỏi xin Phật dạy
 Thừa như vậy rồi đứng chỉ thành
 Nhất tâm mong đợi mà lắng nghe.
 Phật bảo cha mẹ của Thượng Tài:
 – Các người lắng nghe lời Ta nói
 Nếu người muốn cúng dường chư Phật
 Phải nên phát khởi tâm Bồ-đề.
 Nên biết Thượng Tài con gái ông
 Đã trông căn lành năm trăm đời
 Nay chuyển thân nữ làm Thiên tử
 Lại vì cha mẹ khéo dẫn đường.
 Cha mẹ nghe Phật nói như vậy

*Liên phát tâm Bồ-đề Vô thượng
 Hoan hỷ xưng tán nói thế này:
 – Đại tiên trong đời nói như thật.
 Phật liền bảo Tôn giả A-nan:
 – Nay ông chứng biết việc như vậy
 Phương tiện Bồ-tát chẳng nghĩ bàn
 Với tâm nhiệm được quả báo tịnh.
 Như sự chuyển tướng của Thượng Tài
 Tất cả chúng sinh cũng như vậy
 A-nan! Công đức thù thắng ấy
 Đều khiến chúng sinh lìa các khổ.
 Nay Thiên tử này phước báo tốt
 Nơi tâm nhiệm ái thường thanh tịnh
 Có thể cung kính Phật Thế Tôn
 Tôn trọng đạo Bồ-đề vô thượng.
 Nhiều kiếp đã từng cúng dường Phật
 Đã trông căn lành nơi chư Phật
 An trụ vững chắc tâm Bồ-đề
 Chắc chắn sẽ được quả giác ngộ.*

Bấy giờ, Tôn giả A-nan bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Theo ý con thì ví như núi Tu-di được tạo thành do các thứ báu, tuy các thứ báu có nhiều màu sắc mà màu hoàng kim là rực rỡ nhất. Đại Bồ-tát cũng như vậy, dù tâm thanh tịnh hay tâm cầu nhiệm hoặc tâm trụ pháp hay tâm ẩn pháp thì tuy có nhiều loại tâm khác biệt như thế nhưng tâm Nhất thiết trí là cao tột.

Bạch Thế Tôn! Các Đại Bồ-tát ban đầu trụ nơi

tâm Nhất thiết trí, đối với các pháp nhiệm đều có thể làm thanh tịnh. Lại có thuốc tên là Thiên Hiện, có thể trị được tất cả bệnh khổ của đời. Đại Bồ-tát cũng như vậy, đã trụ ở tâm Nhất thiết trí rồi, nên có thể dứt trừ các bệnh phiền não tham, sân, si.

Khi ấy, Thế Tôn khen ngợi Tôn giả A-nan:

– Lành thay, A-nan! Đúng vậy! Đúng vậy! Đúng như ông đã nói.

Lúc đó, Tôn giả Đại Ca-diếp tiến tới trước Phật, bạch:

– Bạch Thế Tôn! Rất hiếm có! Đại Bồ-tát có thể hành hạnh thanh tịnh cao tột, có thể đối với tất cả chúng sinh phát khởi tâm từ bi, thường tạo mọi lợi ích. Lại có thể tu pháp môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô nguyện, không thích pháp của hàng Thanh văn, Duyên giác, ở tất cả nơi chốn không hề lìa tâm Nhất thiết trí, luôn đầy đủ phương tiện thiên xảo chẳng thể nghĩ bàn.

Bạch Thế Tôn! Tất cả chốn hành hóa của Đại Bồ-tát là không chấp trước, không ngăn ngại. Ở trong cảnh của sắc thanh, hương, vị, xúc, hành hóa mà không chấp giữ cũng không tạo nghiệp.

Bạch Thế Tôn! Con muốn nói thí dụ làm sáng tỏ hạnh của Bồ-tát, xin Thế Tôn cho phép.

Phật bảo Tôn giả Đại Ca-diếp:

– Tôn giả vui thích nói thì hãy nêu bày, nay đã đúng lúc!

Tôn giả Đại Ca-diếp thưa:

– Bạch Thế Tôn! Ví như có vô số trăm ngàn người trong thế gian, ở nơi chốn đồng rộng trống vắng hiem nạn thấy phía trước có một cái cửa và các người ấy đều phải đi vào cửa kia để đi tiếp. Nhưng con đường ấy dài rộng lại có nhiều nạn hiểm ác, nên mọi người tuy thấy đường này rồi nhưng đều sinh sợ hãi.

Bấy giờ, có một người trí tuệ gồm đủ phương tiện thiện xảo muốn đem lại lợi ích an vui cho nhiều người, liền bảo: “Các người nên biết! Cách đây không xa có một thành lớn, rộng rãi, đẹp đẽ, dân chúng đông đúc sống yên ổn, giàu có, ai vào thành ấy đều được vui sướng. Vào được thành ấy tức có thể lìa các hiểm nạn, sợ hãi”. Lúc này, trong chúng có một số người, nghe như vậy rồi liền nói: “Chúng tôi thích vào thành ấy”. Vào thành rồi, thấy sự giàu có, an vui cho là hy hữu nên tham đắm không từ bỏ, nên đã ở lại không chịu ra. Lại có những người nghe như vậy bèn nói: “Chúng tôi cũng đi theo vào thành”. Những người này tuy theo vào nhưng không thích ở đó, sau lại trở ra. Lại có những người dù nghe nói nhưng không vào thành.

Bạch Thế Tôn! Người có trí kia đã qua khỏi thành, lại đi tiếp trên vùng đồng trống vắng hiem nạn, ra khỏi quãng đường ấy thì thấy một con đường nhỏ, hẹp chỉ khoảng một thước, bên trái đường có một hầm lớn sâu tới trăm ngàn khuỷu

tay, phía bên phải đường cũng có một hầm lớn, sâu như hầm kia, nếu như có người rơi vào các hầm này thì không thể ra khỏi. Bốn hướng của đường nhỏ ấy, một số người nói: “Ở đây chúng tôi rất sợ hãi”. Lại cách đường nhỏ này không xa là ngã tư đường, có nhiều người qua lại trên ấy. Theo hướng họ đi, người nào cũng đều thấy được thành lớn. Đúng như chỗ cùng trông thấy, mỗi người tùy theo sự ứng hợp mà sinh vui thích. Khi đó, người trí kia thấy rõ con đường nhỏ rồi, liền đi theo đường ấy đến nơi an ổn.

Bạch Thế Tôn! Vô số trăm ngàn người nơi thế gian là hàng phàm phu ngu si. Một cửa là chấp lấy duy nhất có thân. Nơi chốn đồng trông vắng hiem nạn kia thấy con đường lớn đó là đường sinh tử hiem nạn. Con đường lớn ấy nên biết đó là vô minh, hữu, ái làm nhân nên phải thọ lấy quả rất xa rộng. Người trí có thể làm người hướng dẫn, nên biết đó là Đại Bồ-tát có đủ phương tiện thiện xảo. Thành lớn tức là Niết-bàn mà hàng nhị thừa đã chứng. Có những người vào thành lớn ấy, vui thích an trụ không cầu ra khỏi, nên biết đó là hàng Thanh văn, Duyên giác tin hiểu còn thấp, sinh tướng dừng nghỉ. Những người cũng theo vào thành ấy nhưng không muốn ở lại, sau lại trở ra, nên biết đó là các Bồ-tát khác thành tựu tâm tin hiểu vượt bậc. Một số người, tuy nghe nói nhưng không vào thành, nên biết đó là các ngoại đạo không có trí, ít phước.

Người có trí đã vào thành này, lại ra khỏi con đường rộng nơi chốn đồng hoang trống vắng, nên biết đó là Đại Bồ-tát gồm đủ phương tiện thiện xảo, hành tinh tấn Ba-la-mật. Con đường nhỏ chỉ rộng một thước nên biết đó là pháp giới cao tột. Hầm bên trái ấy nên biết là bậc Thanh văn. Hầm bên phải tức là bậc Duyên giác. Bốn hướng nơi đường nhỏ có một số người nói lời sợ hãi, ấy là các Thiên ma và quyến thuộc của ma. Đường ngả tư tức là pháp môn bốn nhiếp. Theo hướng đi, mọi người đều thấy được thành lớn, nên biết là hàng Nhị thừa, tùy theo chỗ thích ứng, thấy rõ công đức Phật, thấy nẻo hành hóa của Phật và sinh tâm ưa thích trí tuệ Phật. Khi đó, người trí đi tới nơi an ổn nên biết là đạt đến bậc Nhất thiết trí.

Bạch Thế Tôn! Con đã nêu các ví dụ như vậy, nên biết đều là phương tiện thiện xảo của Đại Bồ-tát, dẫn dắt chúng sinh, là thắng hạnh tối thượng của Bồ-tát. Do nghĩa này, nên con đối với Đại Bồ-tát luôn cung kính đánh lễ.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn khen ngợi Tôn giả Đại Ca-diếp:

– Lành thay! Lành thay! Đại Ca-diếp! Ông đã nói thí dụ rất hợp lý.

Khi Đức Phật khen ngợi Tôn giả Đại Ca-diếp như thế, trong chúng hội có một vạn hai ngàn chúng sinh, được thân trời, người, đều phát tâm Vô

thượng Chánh đấng Chánh giác.

Phật bảo Tôn giả Đại Ca-diếp:

– Ông nên biết! Đại Bồ-tát đạt đủ phương tiện thiện xảo, đã có thể thành tựu vô lượng công đức. Ở bất cứ lúc nào, tuy có hành hóa nhưng không gây tạo các nghiệp bất thiện, với mình với người luôn xa lìa lỗi lầm.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Trí Thượng ở trong pháp hội thấy việc như vậy, nghe pháp như vậy, nên cung kính bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Do đâu thuở xưa, khi con là Bồ-tát nhất sinh bỏ xứ, ở trong pháp của Như Lai Ca-diếp từng nói: Vì sao cạo bỏ râu tóc, vì sao cầu đạo Bồ-đề mà Bồ-đề này là cao tột khó được. Xưa đã nói như vậy là có nghĩa gì? Xin Phật vì con mà giảng giải.

Phật bảo Đại Bồ-tát Trí Thượng:

– Nay Bồ-tát Trí Thượng! Chớ nói như thế! Nên biết hành hóa gì, lời nói gì của Đại Bồ-tát cũng đều có lợi ích.

Vì sao! Vì Đại Bồ-tát luôn có đầy đủ phương tiện chẳng thể nghĩ bàn. Thấy các Bồ-tát tùy chỗ nên ở, đối với các chúng sinh tùy theo căn cơ thích hợp mà điều phục giáo hóa. Tất cả chỗ hành hóa đều không xa lìa phương tiện thiện xảo của Bồ-tát.

Nay Bồ-tát Trí Thượng! Ta nay vì ông giảng nói rộng về chánh pháp thâm diệu nơi phương tiện

thiện xảo của Đại Bồ-tát. Ông hãy lắng nghe, suy nghĩ cho kỹ. Nay thiện nam! Như khi xưa Ta làm Bồ-tát, vào thời Phật Nhiên Đăng, đã thành tựu phương tiện chẳng thể nghĩ bàn, ở trong pháp Phật ấy đã chứng được pháp nhẫn Vô sinh, từ đó về sau Ta hành trì Bồ-tát nhẫn nhục, vì cầu Bồ-đề nên lại càng tinh tấn. Trong một kiếp hoặc trăm kiếp, chưa từng biếng trễ, chưa từng chán bỏ, chưa từng quên mất, luôn luôn ở trong cõi luân hồi, dùng phương tiện thiện xảo để cứu độ chúng sinh, dùng năng lực từ trí tuệ của mình làm gì cũng đều được thành tựu, không còn tưởng an trụ vào đời sau, vì nhằm tạo lợi ích cho chúng sinh nên không hề ngưng nghỉ, phải biết đây đều là phương tiện thiện xảo của Đại Bồ-tát.

Lại nữa, nay thiện nam! Khi Ta làm Bồ-tát, vì cầu đạo quả Bồ-đề nên tuy nhập vào định tịch tĩnh của Thanh văn, cho đến nhập vào định của Bồ-tát, thì hoặc thân hoặc tâm không tưởng đến nhập và xuất. Tuy có được cái vui tịch tĩnh nhưng không chấp trước. Tuy ở nơi định nhưng luôn tinh tấn không lười trễ, luôn đem sáu Ba-la-mật đà, bốn nhiếp pháp giáo hóa chúng sinh, mọi hành hóa chưa từng ngưng nghỉ. Nên biết, đây là phương tiện thiện xảo của Đại Bồ-tát.

Nay thiện nam! Khi Ta làm Bồ-tát, đã được bậc Nhất sinh bất tử, bèn muốn thành đạo, chuyên bán xe pháp, nên ở cùng trời Đâu-suất quan sát như

thật: Ta nay ở trong cõi trời này thành Đẳng chánh giác vì mọi người chuyển bánh xe pháp, hay là vào trong cõi người thành Đẳng chánh giác? Quan sát vậy rồi lại nghĩ: Nếu Ta ở nơi cõi trời làm việc lợi ích, thì người nơi cõi Diêm-phù-đề không được nghe pháp. Nếu ở cõi Diêm-phù-đề tạo việc lợi ích thì chư Thiên sẽ không được nghe pháp. Ta nên tùy theo căn cơ, nên hạ sinh xuống cõi Diêm-phù-đề thành tựu đạo quả Đẳng chánh giác thì chư Thiên cũng đạt được lợi ích. Bồ-tát lại suy nghĩ quán sát: Nếu ta biến mất ở cung trời Đâu-suất này, sinh xuống nhân gian không vào thai tạng, hiện tướng thọ sinh, chỉ trong khoảnh khắc liền thành bậc Chánh giác thì sẽ có chúng sinh ở cõi Diêm-phù-đề sinh ý nghĩ: Bồ-tát Thích-ca này từ chỗ nào đến? Từ nơi cõi trời hay trong chúng Càn-thát-bà, hoặc từ sự biến hóa mà đến? Do sự việc ấy, nên ta biến mất ở cung trời Đâu-suất, hạ sinh xuống cõi Diêm-phù-đề, tùy thuận theo thế gian, nhập vào thai mẹ. Nên biết đây là phương tiện thiện xảo của Đại Bồ-tát.

Này thiện nam! Bồ-tát tuy ở trong thai mẹ, nhưng chúng sinh nơi thế gian không nên đối với việc này nghĩ là thật. Vì sao? Vì Bồ-tát vốn từ Tam-muội Vô cầu tịch tĩnh an nhiên mà ra, biến mất khỏi cõi trời, sinh xuống nhân gian, thọ sinh nơi thai mẹ, xuất gia tu khổ hạnh, cho đến ngồi nơi đạo tràng Bồ-đề, thành bậc Đẳng chánh giác, chiến

thắng chúng ma, chuyển bánh xe pháp lớn, tất cả việc đã làm như vậy, Bồ-tát ở đây đều thanh tịnh, không nhiễm, không động, không chuyển, không hiện, không mất. Do nghĩa ấy, phải rõ là theo hành thanh tịnh thì Bồ-tát không ở trong thai mẹ. Nên biết đây là phương tiện thiện xảo của Đại Bồ-tát.

Lại vì duyên gì, Bồ-tát chỉ hiện sinh nơi bào thai mà không hiện sinh bằng cách khác? Vì Bồ-tát đối với tất cả chúng sinh là tối thượng, tối thắng, là phần thanh khiết thuần nhất không chút tạp nhiễm. Do tướng hiện sinh nơi bào thai như vậy, nên phải biết đây là phương tiện thiện xảo của Đại Bồ-tát.

Lại khi Bồ-tát bắt đầu vào thai mẹ, tướng ấy như thế nào? Lúc Bồ-tát vào thai mẹ, sạch sẽ cả trong lẫn ngoài, an ổn, không khó khăn, không khổ sở, không bức bối, như sự thọ hưởng an lạc nơi ngày trước trong cõi trời.

Khi Bồ-tát vào thai mẹ cũng lại tương ưng với lạc thọ như vậy, không như dòng yết la lam của cha mẹ nơi thế gian, cấu uế không sạch làm tướng nhập thai.

Lại vì duyên gì, Bồ-tát ở trong thai mẹ, đủ mười tháng không thêm bớt? Vì Bồ-tát không giống với người thế gian trụ nơi thai mẹ, số lượng ngày tháng có tăng có giảm. Do tăng giảm nên thai tạng không trọn, các căn thiếu, giảm.

Vậy nên Bồ-tát ở trong thai tạng tròn đủ mười tháng, các căn đầy đủ không có thêm bớt. Phải biết đây là phương tiện thiện xảo của Đại Bồ-tát.

Lại vì duyên gì, Bồ-tát không thích nơi cung điện mà lại sinh trong vườn cây? Vì Bồ-tát trong thời gian dài, xa lìa chốn ồn ào, thích nơi vắng lặng, tu hạnh tịch tĩnh, có các chúng Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà v.v... thường hộ vệ. Bồ-tát muốn cho tất cả mọi người trong thành Ca-tỳ la đem các hoa hương tùy hỷ cúng dường và ai cũng được chiêm ngưỡng. Vì nhân duyên này nên Bồ-tát sinh nơi vườn cây.

Lại vì duyên gì, mẹ của Bồ-tát vịn nơi nhánh cây sinh ra Bồ-tát? Vì mẹ của Bồ-tát không như mẹ của người đời, khi sinh sản thường tương ưng với khổ thọ nên bị khổ não lớn. Còn Phu nhân Ma-da khi sinh Bồ-tát thì tương ưng với lạc thọ nên được sự an vui lớn. Do duyên này nên mẹ của Bồ-tát vịn nơi nhánh cây sinh ra Bồ-tát.

Lại vì duyên gì, Bồ-tát ở trong thai mẹ có thể nhớ biết được việc nơi ba đời, cho đến các việc vào thai, ở trong thai, Bồ-tát đều biết? Vì Bồ-tát hành thanh tịnh là tối thượng, tối thắng trong ba cõi. Đối với tất cả các pháp luôn chánh niệm hiện tiền không chỗ nào quên mất. Do đó, tuy Bồ-tát ở trong thai, nhưng cũng đều nhớ biết tất cả các việc.

Lại vì duyên gì, khi Bồ-tát sinh, được Thiên

chủ Đế thích đến hộ vệ? Lúc BỒ-tát vừa sinh ra Đế thích liền lại đỡ BỒ-tát mà không phải là các người, trời khác? Vì Thiên chủ Đế thích trước đã phát nguyện lớn: Khi BỒ-tát đản sinh sẽ giữ gìn, hộ vệ. Do sức của căn lành xưa, nên khi BỒ-tát đản sinh liền được vua trời Đế thích đến hộ vệ.

Lại vì duyên gì, khi BỒ-tát sinh rồi đối với bốn phương, mỗi phương liền đi bảy bước, không bớt xuống sáu, cũng không thêm lên tám bước? Vì BỒ-tát theo phương tiện thích ứng với thần thông biến hóa, nên hiện tướng như vậy. Do duyên này nên chỉ đi bảy bước, không có thêm bớt.

Lại vì duyên gì, đã đi bảy bước liền nói: Ở thế gian này, Ta là tối thượng tối thắng, vì đã có thể thoát khỏi sinh già bệnh chết? Vì các Thiên tử nơi cõi Phạm thiên, nghe BỒ-tát sinh đều đến chiêm ngưỡng, đánh lễ, tùy theo căn cơ của mỗi người mà được lợi ích.

Khi ấy, BỒ-tát liền nghĩ: “Chỉ có Thiên tử nơi các cõi Phạm biết được việc này. Ta nay muốn khiến cho tất cả đều được nghe biết”. Nghĩ vậy rồi mới nói rõ: “Trong thế gian này Ta là bậc tối tôn, tối thắng, đã có thể thoát khỏi sinh già bệnh chết”.

Khi nói rõ lời ấy, các chúng Thiên tử và chúng Phạm trong ba ngàn đại thiên thế giới, nghe tiếng như vậy, nên trong khoảnh khắc, hết thảy đều đến chỗ BỒ-tát, chấp tay cung kính, tùy hỷ khen ngợi

tán thán.

Do duyên ấy nên mới nói rõ: “Ở thế gian này
Ta là tối tôn, tối thắng”.



KINH ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG THIÊN XẢO PHƯƠNG TIỆN

QUYỂN III

Này Bồ-tát Trí Thượng! Vì nhân duyên gì, khi Bồ-tát sinh hiện ra tướng cười? Không lẽ do Bồ-tát trạo cử mà hiện tướng ấy? Bồ-tát vừa sinh ra suy nghĩ thế này: “Ta muốn khiến cho tất cả chúng sinh đều có thể cùng ta phát tâm Bồ-đề, ta đạt được Bồ-đề rồi, sẽ cứu độ hết thảy chúng sinh ra khỏi khổ não nơi luân hồi. Đối với việc cứu độ này, ta không hề có ý nghĩ biếng trễ. Ta xem thấy hết thảy chúng sinh đều đầy khởi tâm thấp kém, tác ý mê loạn, đối với đạo giải thoát không thể phát sinh sự tinh tấn rộng lớn”. Đây là nghĩa thế nào? Đó là do có đầy đủ tâm đại bi nên có thể phát khởi tinh tấn. Các chúng sinh kia không thể làm được như vậy, nên ta muốn khiến họ thành tựu được sự tinh tấn rộng lớn, đạt được đạo giải thoát cao tốt, vì thế nên ta chọn lấy quả Nhất thiết trí. Do nhân duyên này mà tâm sinh hoan hỷ, vì hoan hỷ nên biểu hiện thành tướng cười, không phải là tướng trạo cử của Bồ-tát.

Lại vì duyên vì, thân của Bồ-tát vốn không dơ

mà phải tắm gội? Do từ vô lượng kiếp đến nay, tuy Bồ-tát lìa mọi sự cầu nhiễm, nhưng nay hiện sinh, thuận theo thế gian nên có sự gội tắm thân thể.

Lại vì nhân duyên gì, sau khi Bồ-tát sinh rồi không từ nơi vườn cây đến thẳng Bồ-đề đạo tràng, thành tựu bậc Đẳng chánh giác, mà lại vào trong cung vua, sự việc ấy như thế nào? Do Bồ-tát có oai đức đầy đủ, thân tướng viên mãn, những người đã chiêm ngưỡng đều được lợi ích, nên Bồ-tát vào cung vua, làm cho tất cả quyến thuộc, cung tần được nhìn thấy. Lại muốn ở trong cung vua làm những việc vui thú, thuận theo thế gian thọ hưởng diệu lạc. Tuy là có hành động mà không có sự thật, cho đến tất cả tài sản, ngôi vị vua Chuyển luân Bồ-tát đều từ bỏ hết để xuất gia tu hành, do nhân duyên này nên Bồ-tát vào trong cung vua.

Lại vì nhân duyên gì, khi Bồ-tát sinh được bảy ngày thì phu nhân Ma-da qua đời, có phải là lỗi của Bồ-tát không? Nghĩa là Bồ-tát khi ở cõi trời Đâu-suất sắp đản sinh vào thai mẹ, trước hết dùng thiên nhãn xem xét tận tường, thấy tuổi thọ của phu nhân Ma-da còn đủ mười tháng, bảy ngày sau đó sẽ qua đời. Thấy thế rồi Bồ-tát bèn nhập vào thai, trải qua mười tháng thì đản sinh. Vì nhân duyên ấy nên khi Bồ-tát đản sinh, bảy ngày sau thì phu nhân Ma-da qua đời, tuổi thọ đã hết, không phải là lỗi của Bồ-tát.

Lại khi Bồ-tát chưa xuất gia đã học hết các thứ

học thuật trong thế gian, đó là văn chương, toán học, chú thuật, công nghệ, cho đến các việc cung, tên, vũ khí v.v... những sự học như vậy, ý nghĩa thế nào? Tức là BỒ-tát vì muốn điều phục thế gian để hiển thị sự tối thắng. Vì sao? Vì trong thế giới Tam thiên đại thiên này không một người nào có tài năng học hơn BỒ-tát. Do nhân duyên ấy nên khi BỒ-tát chưa xuất gia cũng đã học đủ như vậy.

Lại vì duyên gì, khi chưa xuất gia BỒ-tát đã cưới vợ có con, và có rất nhiều cung tần thể nữ, các quyền thuộc, có phải là BỒ-tát có tâm tham ái không? BỒ-tát tuy hiện thân tướng đồng như thế gian nhưng không phải là BỒ-tát có tâm tham ái. Vì sao? Vì BỒ-tát là người đã dứt bỏ tham ái, ở trong tham ái, hành động theo nhưng không cho đó là sở hữu của mình. BỒ-tát cưới công chúa Da-du-đà-la làm vợ, vì muốn cho Da-du-đà-la mãn thế nguyện từ đời trước. Vào kiếp trước, ở thời Phật Nhiên Đăng, Da-du-đà-la đã phát nguyện: “Con nguyện được ở trong pháp của Phật Thích Ca Mâu Ni, làm con gái của dòng họ Thích, trông các căn lành”. Vì lời nguyện từ đời trước của Da-du không hư dối nên nay BỒ-tát cưới Da-du làm vợ, khiến cho Da-du mau chóng thành tựu được căn lành. Tùy thuận theo tướng của thế gian làm như vậy, nhưng tâm của BỒ-tát không gây ra lỗi, sau đó đều từ bỏ để xuất gia tu hành. Có sinh người con là La-hầu-la vì người đời sẽ chê trách: Nếu không có con

đề nuôi dưỡng kế thừa thì không phải là trượng phu. Bồ-tát muốn tránh sự chê trách này nên cùng với Da-du-đà-la sinh con là La-hầu-la, nhưng La-hầu-la không phải sinh từ yết-la-lam cấu uế của cha mẹ mà nên biết, vị ấy đã bỏ thân từ nơi cõi trời, liền hóa sinh vào cõi này. Có sự tập hợp các cung tần thể nữ, quyến thuộc rất nhiều là vì Bồ-tát muốn tùy theo căn cơ của mọi người để hướng dẫn chỉ dạy, làm cho họ đạt được lợi ích trọn vẹn, sau đó từ bỏ đề xuất gia tu hành.

Bồ-tát ở trong cung đem pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác chỉ dạy hướng dẫn cho bốn vạn hai ngàn cung tần thể nữ, khiến đều vun trồng được thiện căn Bồ-đề, còn các cung nữ khác thì chỉ có lòng tin thanh tịnh an trụ nơi chánh kiến. Vì thế nên biết, các Đại Bồ-tát tu hạnh Bồ-tát, thuận theo tướng thế gian, ở trong cung cưới vợ có con, tập hợp quyến thuộc, cung tần thể nữ rất đông, cho đến vui theo năm dục, các việc làm ấy đều là không thật, luôn trong sạch, tinh khiết, lìa các việc cấu nhiễm, không luyến ái, không tham đắm, không động, không chuyển. Bồ-tát chỉ vì giáo hóa tất cả chúng sinh, làm viên mãn nguyện đời trước và khiến cho thiện căn được thuần thực nên dùng vô số nguyện lực thần thông, phương tiện thiện xảo, biến hóa sinh ra, biến hóa hoạt động. Ở trong pháp thần thông tự tại đạt được định an vui vắng lặng, tùy theo việc làm đều được lợi ích.

Khi Bô-tát ở trong cung, tuy thọ nhận tất cả voi, ngựa, nô tỳ nhưng hết thấy đều do nguyện lực thù thắng vốn có từ đời trước, nên được thọ hưởng, Bô-tát vì sự thành tựu đó nên tiếp nhận. Do nhân duyên này nên biết Bô-tát hiện tướng cưới vợ, có con chẳng phải do tâm tham ái.

Lại vì duyên gì, vào một lúc nọ, Bô-tát đi đến bên gốc cây Diêm-phù ngồi kiết già, khi ấy tuy ánh nắng mặt trời di chuyển, nhưng bóng cây vẫn không di chuyển. Tướng ấy là thế nào? Vì Bô-tát muốn cho bảy ức hàng trời, người được lợi ích nên hiện tướng như vậy.

Lại vì duyên gì, Bô-tát ra khỏi thành dạo chơi nơi các khu viên lâm thấy sự sinh già bệnh chết, sinh sợ hãi? Do Bô-tát đã lìa mọi sợ hãi của sinh già bệnh chết, nên khi thấy tướng này bèn hiện sự kính sợ là muốn làm cho chúng sinh khởi tâm lo sợ nhàm chán.

Lại vì sao, Bô-tát vượt thành xuất gia vào lúc nửa đêm mà không phải là ban ngày? Bô-tát chọn lúc nửa đêm là muốn làm cho tất cả mọi người trong thành Ca-tỳ-la-vệ đều không nhìn thấy. Lại nữa, Bô-tát muốn làm cho thiện căn của mình được tăng trưởng, pháp thiện đầy đủ, thanh tịnh viên mãn, xả bỏ tất cả việc vui, do đó Bô-tát nửa đêm vượt thành xuất gia.

Lại khi Bô-tát ra khỏi cung vua rồi, đi đến rừng

khổ hạnh tự tay cắt tóc. Vua cha là Tịnh Phạn nghe được việc này trong tâm không tin: “Con ta sao lại cắt tóc?”. Sau biết được sự thật, vua rất buồn khổ. Vậy tướng này là thế nào? BỒ-tát sở dĩ cắt tóc vì muốn cho các chúng Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, người không phải người nơi thế gian trong tam thiên đại thiên thế giới nhìn thấy nhục kế an lành, oai quang cao tột của Phật mà chiêm ngưỡng cung kính đánh lễ, được lợi ích lớn. Do duyên này nên BỒ-tát tự cắt tóc.

BỒ-tát lại có ngựa chúa Ca-sa-ca là giống đẹp thuần, người cầm cương có thể điều khiển tốt. Khi BỒ-tát cưỡi ngựa ra khỏi cung vua, ngựa vui mừng đưa BỒ-tát đi, sau đó mới từ giã. Vậy tướng ấy là thế nào? Nghĩa là BỒ-tát hoan hỷ từ bỏ không luyến tiếc tất cả những gì mình yêu mến, muốn cho tất cả chúng sinh đời sau tu học trong pháp của mình, lìa các tham ái, chấp trước, như BỒ-tát bây giờ. Lại muốn cho các hàng xuất gia trong đời mạt pháp vì chánh mạng mà xuất gia học đạo. Do duyên này nên từ bỏ ngựa chúa.

Lại vì duyên gì, BỒ-tát ở nơi vắng lặng, trải qua các việc khó khăn trong sáu năm tu khổ hạnh, có phải là BỒ-tát do nghiệp chướng khác mà chiêu cảm quả báo ấy? Đó là BỒ-tát đã dứt hết các chướng ngại, không có khổ báo, các việc đã làm chỉ là phương tiện thiện xảo của BỒ-tát.

Này thiện nam! Trước ông đã hỏi Ta là khi làm

Bồ-tát nhất sinh bồ xứ đã từng nói: Vì sao Bồ-tát lại cạo bỏ râu tóc? Làm sao cầu đạo Bồ-đề? Mà Bồ-đề này rất khó đạt, nhân duyên ấy không phải là không tạo được lợi ích. Ta sẽ vì ông giảng nói rõ về sự thật. Ta nhớ vào đời quá khứ, ở trong pháp của Đức Như Lai Ca-diếp, Ta làm Bồ-tát tên là Hộ Minh, khi ấy Ta dùng phương tiện thiện xảo, đối với các chúng sinh tùy theo căn cơ, luôn khiến cho họ được lợi ích. Lúc đó, có năm người Bà-la-môn là con của các dòng họ lớn, trước ở trong pháp của thừa Bồ-tát tu các phạm hạnh, sau vì gặp phải bạn ác làm cho quên mất tâm đại Bồ-đề. Năm người Bà-la-môn ấy cùng nghĩ: “Chúng ta đã gặp được pháp Bồ-đề, mà nay khởi tâm này là tương ưng với dị kiến”. Bấy giờ, Ta biết được ý ấy liền dùng phương tiện để dẫn dắt, ở trước họ nói: “Vì sao cạo bỏ râu tóc? Làm sao cầu Bồ-đề, mà Bồ-đề này rất khó đạt được?”. Năm người Bà-la-môn khi nghe lời này, đều nghĩ: “Vì sao Bồ-tát Hộ Minh nói lời như vậy? Bồ-tát biết ý nghĩ ấy, lại bảo: Vì sao cạo bỏ râu tóc? Làm sao cầu Bồ-đề, mà Bồ-đề này rất khó đạt được? Lúc ta nói như vậy rồi, liền an trụ trong pháp môn chân thật bình đẳng và cùng năm người Bà-la-môn đồng ở một nơi.

Bấy giờ, có hai người, người thứ nhất tên Kiệt-trí-ca-la, người thứ hai tên Công-bà-ca-la đi đến chỗ Ta và năm người Bà-la-môn. Trước tiên xưng tụng tán thán công đức cao tột của Như Lai Ca-

diếp, sau nói với Ta và năm người Bà-la-môn: “Chúng ta có thể đến chỗ của Đức Ca-diếp Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác”. Lúc ấy, Ta nghĩ: “Thiện căn của năm người Bà-la-môn này chưa thuần thực, nếu cùng đến chỗ Đức Phật Ca-diếp mà Ta xưng tụng công đức cao tột của Như Lai Ca-diếp thì năm người Bà-la-môn ấy không thể tán thán được”. Suy nghĩ rồi, Ta bảo hai người kia: “Ta tự biết lúc nào nên đi”. Nói thế rồi, ngay nơi pháp Bát nhã Ba-la-mật-đa, Ta trụ vào không chỗ trụ. Nhờ sự hộ trì của Bát nhã Ba-la-mật-đa, từ đó sinh ra phương tiện thiện xảo. Ta liền nói với năm người Bà-la-môn: “Ta vừa nói với các ông: Vì sao cạo bỏ râu tóc? Làm sao cầu Bồ-đề, mà Bồ-đề này rất khó đạt được?”. Đối với nghĩa như vậy các ông chưa hiểu, Ta sẽ giải thích cho các ông. Vì nghĩa gì mà Bồ-đề khó được? Vì Bồ-tát đối với Bát nhã Ba-la-mật-đa, không có tướng hành, không có tướng trụ. Tức là đối với Bồ-đề không trí, không đắc, quán xét như thật đều không có chỗ thủ đắc. Bồ-đề ấy là không ở bên trong, không ở bên ngoài, không ở giữa, không thể dùng thân mà được, không thể dùng tâm mà được, tận cùng trong không, tất cả đều không thủ đắc. Do vậy, lúc này Ta nói với các ông: “Vì sao cạo bỏ râu tóc? Làm sao cầu Bồ-đề? Mà Bồ-đề này rất khó đạt được. Phải biết, đây là lời nói chân thật”.

Khi năm người Bà-la-môn nghe pháp này rồi,

tâm liền được khai ngộ, an trụ nơi pháp Đại thừa như cũ. Ta nói như thế rồi, trụ vào tất cả pháp với tâm không thủ đắc, liền rời khỏi nơi ấy và đi một mình đến ở một chỗ khác.

Lúc đó, năm người Bà-la-môn kia cũng vẫn ở chỗ cũ. Khi ấy, Kiệt-trí-ca-la và Công-bà-ca-la, hai người nương nơi sức oai thần của Phật, lại đến chỗ đó khuyên bảo dẫn dắt, làm cho năm người Bà-la-môn đồng đến chỗ của Phật Ca-diếp. Ta xem thấy căn duyên của năm người Bà-la-môn đã thuận thực rồi, liền cùng với hai vị ấy và năm người Bà-la-môn đi đến chỗ Đức Ca-diếp Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác. Đến nơi Phật rồi, đều đánh lễ nơi chân Phật. Hai vị kia do năng lực của thiện căn từ đời trước nên thấy được tướng hảo của Phật, tâm mỗi người đều được thanh tịnh. Năm người Bà-la-môn thấy Như Lai sắc tướng quang minh, oai đức an nhiên, tâm sinh vui mừng, đều nhờ vào năng lực của thiện căn từ đời trước, nên phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác trở lại. Khi đó, Ta bạch Phật: “Thiện căn của năm người Bà-la-môn này đã thuận thực, xin Phật hóa độ”.

Bảy giờ, Đức Ca-diếp Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác vì họ mà giảng nói tạng pháp của Bồ-tát, tùy theo căn cơ mà họ có thể hiểu rõ, tức thời đều đạt được pháp nhãn Vô sinh. Đức Như Lai Ca-diếp thọ ký cho Ta được Vô thượng

Chánh đẳng Chánh giác. Ta được thọ ký rồi, bạch Phật Ca-diếp: “Năm người Bà-la-môn này do Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác tiếp nhận, làm cho họ thấy được Như Lai, lại vì họ giảng nói pháp tạng của Bồ-tát, giáo hóa hướng dẫn cho họ đều được pháp nhãn. Bồ-tát cầu đạo Bồ-đề của Phật, không còn thoái lui”.

– Nay Bồ-tát Trí Thượng! Xưa, Ta ở trong pháp của Như Lai Ca-diếp, khi còn làm Bồ-tát nhất sinh bồ xứ, đã nói: “Vì sao cạo bỏ râu tóc? Làm sao cầu Bồ-đề? Mà Bồ-đề rất khó đạt được”. Nói lời đó rồi, ta đều vì họ mà mở bày dẫn dắt, do nhân duyên ấy nên họ được lợi ích. Vì vậy nên biết, những lời ta nói đều lợi ích, đều là phương tiện thiên xảo của Đại Bồ-tát, không phải lỗi lầm, không phải pháp bất thiện. Nếu có chúng sinh nào ít biết ít thấy, hoặc đối với Sa-môn, Bà-la-môn nào giữ giới thanh tịnh, mà nói lời không có nghĩa, tức cho trí là phi trí thì người nói lời này không thể tạo được lợi ích an vui lâu dài, chỉ cùng tương ưng với khổ thọ, khiến các chúng sinh này gây tạo nghiệp bất thiện thì đó là người lỗi lầm. Đại Bồ-tát thì không như vậy, tất cả nghiệp chướng đều đã dứt sạch, lại không còn bị một chút nghiệp chướng nào. Bồ-tát chỉ vì chúng sinh diệt trừ các pháp ác làm cho họ có thể chúng được đạo giải thoát.

Nay Bồ-tát Trí Thượng! Vì nhân duyên xưa nên biết là như thế.

Ta có trải qua sáu năm khổ hạnh làm việc khó làm, chỉ vì nhằm điều phục các ngoại đạo, lại muốn cho các chúng sinh phát khởi tinh tấn, nên một ngày chỉ ăn một hạt mè, một hạt gạo, là muốn cho thân thể được thanh tịnh. Do nhân duyên này nên tu khổ hạnh trong sáu năm, chẳng phải là do nghiệp tàn dư mà chiêu cảm quả báo.

Khi xưa, trong thời gian ta tu khổ hạnh sáu năm, có năm trăm vạn Thiên chúng và tiên chúng đều được Tam-muội trí thông. Thế nên biết ta tu hạnh này là dùng phương tiện thiện xảo để tạo lợi ích.

Lại nữa, sau khi Bồ-tát nhận bát cháo sữa xong, sức lực hồi phục, mới đi đến Bồ-đề đạo tràng, thành bậc chánh giác. Sao Bồ-tát không để cho thân ấy gãy ốm tiêu tụy rồi đến Bồ-đề đạo tràng thành bậc Chánh giác? Vì Bồ-tát thương xót tất cả chúng sinh nơi đời sau, nên nhận bát cháo sữa, thọ thực xong mới thành Chánh giác. Vì sao? Vì chúng sinh nơi đời sau đều nhờ sự ăn uống giúp thêm sức khỏe. Có các chúng sinh cầu đạo quả, nếu không nhờ sự ăn uống để nuôi thân họ thì không thể tăng tiến, hoặc sẽ sinh tâm thoái chuyển. Nếu người nhờ sự ăn uống trợ giúp thân thể sẽ được an ổn, nhờ được an ổn nên nhớ được các pháp thiện, mới có thể tăng tiến, hướng cầu đạt đạo quả. Ta muốn cho chúng sinh nơi đời sau làm theo như vậy, nên ban đầu nhận sự ăn uống, sau mới tiến tu đạo. Lại vì

muốn cho người mục nữ dâng cúng cháo sữa kia được đầy đủ nhân bố thí, thành tựu pháp Bồ-đề phần, nên khi ta nhận thức ăn xong, ngồi nơi đạo tràng chứng đắc quả Bồ-đề. Có thể trải qua ngàn kiếp ở trong một tam-ma-địa, đều nhờ sự ăn uống trợ lực, vì nhân duyên này nên nhận bát cháo sữa kia.

Lại nữa, Bồ-tát đã ngồi trên tòa Kim cang bên cội Bồ-đề, vì sao không mau chứng quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, mà trước đó còn hàng phục các quân ma? Bởi vì, không nơi nào có thể dung chứa các chúng ma ác. Nếu Bồ-tát không dùng phương tiện thiện xảo để dung nạp, các ma ác kia sẽ gây rối loạn cho tất cả chúng sinh. Vì thế, Bồ-tát ngồi nơi tòa suy nghĩ: “Nay ta đã thành Đẳng Chánh Giác, nhưng các chúng sinh trong thế giới Tam thiên đại thiên này, có chúng sinh nào tâm không vui mừng?” Nghĩ rồi, xem xét biết tâm của các ma ác không vui mừng mà muốn nhiều hại Bồ-tát.

Lúc ấy, Bồ-tát lại suy nghĩ: “Ta không nên cùng ma chiến đấu, chỉ dùng thần thông biến hóa để hàng phục đám ma kia, và làm cho tất cả chúng Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, người không phải người, thấy được tướng sư tử diệu dụng nơi thần thông tự tại của Bồ-tát, phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Do nhân này nên khiến đều sẽ chứng

đắc Niết-bàn tối thượng”. Bồ-tát nghĩ thế rồi, liền từ giữa chặng mày phóng ra ánh sáng lớn, soi khắp thế giới Tam thiên đại thiên, làm cho tất cả ánh sáng nơi cung điện của các ma đều bị mờ tối. Trong ánh sáng ấy phát ra lời nói: “Nơi đây có con của vua Tịnh Phạn, thuộc chủng tộc Thích-ca, từ bỏ ngôi vị Chuyển luân vương, xuất gia tu đạo, đến Bồ-đề đạo tràng chứng đắc đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác”.

Khi lời ấy phát ra, lại có vô số bốn chúng trời, người, đến chỗ của Bồ-tát cung kính chiêm ngưỡng, đánh lễ. Lúc đó, tất cả Ma vương và quyền thuộc của ma, thấy việc này rồi thì hết sức kinh sợ, bỏ chạy tứ tán, bị mũi tên ưu buồn cắm vào tim rất đau khổ. Các chúng ma ác càng tăng thêm tức giận, trong khoảnh khắc hóa làm bốn loại binh, vây kín xung quanh Bồ-đề đạo tràng hàng trăm do-tuần, biến hiện đủ loại để quấy rối. Bấy giờ Bồ-tát trụ nơi tâm đại bi, tuy thấy các tướng ấy nhưng không lay động, Bồ-tát liền dùng bàn tay có màn lưới báu biểu hiện tướng hàng ma, khiến các ma ác đều bị hàng phục. Lúc đó có tám mươi bốn ức chúng Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, người, không phải người v.v... đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Do nhân duyên này, nên trước tiên Bồ-tát hiện tướng hàng ma, phải biết đều là phương tiện thiện xảo của Đại Bồ-tát.

Lại vì duyên gì, Như Lai chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, ngồi kiết già trong bảy ngày đêm, nhìn chăm chú vào cây Bồ-đề, lặng yên bất động? Bởi vì, cõi Sắc có các Thiên tử tu hạnh tịch tĩnh, thấy Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác ngồi kiết già, tâm rất vui mừng, suy nghĩ thế này: “Trong bảy ngày đêm, Như Lai chỉ trụ tâm vào một chỗ vắng lặng, vì tâm này không thể thủ đắc”. Khi nghĩ như thế, có ba vạn hai ngàn Thiên tử nơi cõi Sắc phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vì ta muốn làm cho người tu hành trong đời sau đều có thể tu được hạnh vắng lặng như vậy. Do nhân duyên ấy, Như Lai đã được đạo Bồ-đề, trong bảy ngày đêm nhìn chăm chú vào cây Bồ-đề, lặng yên bất động.

Lại, khi Như Lai đã được đạo Bồ-đề, vì sao lúc ban đầu Phạm vương thỉnh Thế Tôn chuyển bánh xe pháp? Nhân duyên này là vì có các Phạm chúng cầu xin Phạm vương tùy nghi thuyết pháp. Vì sao? Vì các Phạm chúng kia cho, có thể nương tựa theo Phạm vương, lại cho là Phạm vương có thể sinh ra Phạm chúng ở thế gian này, lại không ai sinh trước Phạm vương. Khi ấy, Phạm vương suy nghĩ: “Đức Như Lai Đại sư là bậc tôn kính của thế gian, tùy nghi thích ứng đều biết hết căn cơ của chúng sinh, vậy ta nên cầu thỉnh Ngài nói pháp”.

Nghĩ vậy rồi, liền đến Bồ-đề đạo tràng, thỉnh cầu Thế Tôn chuyển bánh xe pháp. Khi Phạm

vương thỉnh cầu, có sáu trăm tám mươi vạn Phạm chúng phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Do duyên ấy, nên Phạm vương là vị thỉnh Phật chuyển bánh xe pháp đầu tiên.

– Nay Bồ-tát Trí Thượng! Đại viên cảnh trí của Như Lai có thể soi rõ tất cả tâm hành, lời nói của chúng sinh. Tất cả việc làm không chỗ nào là không dung nạp, thấy rõ biên vực ban đầu của chúng sinh. Người có đủ thiện căn, người không đủ thiện căn, đủ các loại chúng sinh, đủ các loại nghiệp báo, thấy đều hiện rõ trong Đại viên cảnh trí. Cho đến việc làm, sự báo ứng của Phật, Như Lai cũng hiện trong đó.

Bồ-tát đến Bồ-đề đạo tràng thành Đẳng chánh giác, đầy đủ tất cả pháp thiện, công đức cao tốt. Như Lai đã dứt trừ tất cả pháp bất thiện, đã có thể làm thanh tịnh tất cả chướng ngại buộc ràng, đã có thể xa lìa tất cả tội lỗi. Công đức như vậy, đại viên cảnh trí đều có thể soi rõ.

Lại nữa, nay Bồ-tát Trí Thượng! Do tâm đại bi của Như Lai phát sinh phương tiện thiện xảo, rộng vì tất cả chúng sinh mà cứu độ. Giống như vị thầy thuốc giỏi hiểu rõ mọi thứ thuốc men, tùy theo từng căn bệnh mà cho thuốc, hòa hợp các vị thuốc ngọt, cay, đắng, tùy bệnh để cho uống, đều trừ được bệnh. Đại sư Như Lai cũng vậy, có đầy đủ các thứ phương tiện thiện xảo, làm bậc đại y vương, khéo trị bệnh cho chúng sinh, tùy theo mỗi chúng sinh

có bệnh gì, theo đúng bệnh của họ, dùng phương tiện thiện xảo để chữa trị, làm cho họ đều được giải thoát.

Lại như ở thế gian, đưa con mới sinh ra, mẹ hiền cho bú mớm, nuôi dưỡng, thương yêu, giữ gìn khiến không chút bệnh khổ xâm nhập. Nếu sau đó có bệnh, người mẹ liền tìm thuốc hay cho uống để được bình phục. Con đã bình phục rồi, mới được yên vui, Như Lai đại sư cũng như vậy, làm cha của tất cả thế gian, thấy các chúng sinh tương như con của mình, không để chúng sinh có sự buồn khổ. Nếu thấy chúng sinh tạo nghiệp như thế, bị quả báo như thế thì Như Lai tùy theo chỗ thích hợp, dùng phương tiện thiện xảo để cứu độ đạt giải thoát.

Này Bồ-tát Trí Thượng! Ta đã nói như vậy nên biết đó là phương tiện thiện xảo.



KINH ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG THIÊN XẢO PHƯƠNG TIỆN

QUYỂN IV

Lại nữa, này Bồ-tát Trí Thượng! Ta nhớ về đời quá khứ, lúc đó có năm trăm người khách buôn vào biển tìm vật báu. Lại có một người khách buôn tánh tình lạnh lợi, cứng rắn, mạnh mẽ nhưng xấu ác, trên đường đi biển bỗng gặp đoàn người kia, người này liền sinh ý ác mưu tính muốn được châu báu, liền tự suy nghĩ: Ta nên bày cách giết chết các người buôn kia, đoạt lấy châu báu trở về châu Diêm-phù-đề, hưởng sự vui sướng.

Trong số năm trăm người kia có một chủ buôn tên là Thiên Ngự, tánh tình hiền hòa, thường thương yêu tất cả mọi người. Khi vị này nằm nghỉ, trong mộng chợt thấy tướng của vị thần biển cả hiện ra nói với chủ buôn: “Ông nên biết, ngoài các bạn buôn của ông, còn có một người khác tánh tình hung ác, tên gọi như thế, hình dáng như thế, người ấy sinh tâm mưu hại muốn cướp đoạt châu báu, suy nghĩ phải mau giết hết các ông để đoạt lấy vật báu trở về châu Diêm-phù-đề hưởng sự vui sướng. Vì

vậy ta nói cho ông biết trước để ông có thể tìm phương cách, làm cho người ác này không gây nghiệp giết hại, tránh được quả báo địa ngục, mà đoàn người buôn lại được toàn mạng. Vì sao? Vì năm trăm người này đối với đạo Bồ-đề vô thượng đã đạt quả vị Bất thoái chuyển, còn người ác kia đối với những người trụ nơi pháp Bồ-tát như vậy, nếu gây nghiệp giết hại thì vĩnh viễn bị đọa nơi địa ngục, không có thời hạn ra khỏi, vậy ông nên khéo bày phương tiện cứu độ người ấy.

Thương chủ Thiên Ngục thức dậy liền suy nghĩ: “Ta phải có cách gì làm cho người ác này không tạo nghiệp giết hại, tránh được quả báo địa ngục, còn các người buôn đều được toàn mạng”. Trong một ngày suy nghĩ như vậy, tìm phương tiện nhưng chưa có được. Miệt mài suy nghĩ cho đến bảy ngày cũng không thể tìm ra. Quá bảy ngày rồi mới nghĩ: “Ta không thể tìm được cách gì, chỉ đối với người có tâm ác kia, giết chết hẳn trước, người ấy chết rồi sẽ không gây nghiệp giết hại, tránh được quả báo địa ngục, làm cho các người khác được toàn mạng”. Nghĩ thế rồi lại so sánh: “Nếu ta cùng với năm trăm người này giết người kia thì đều bị đọa vào địa ngục. Ta nên vì tâm đại bi mà cứu giúp họ, phải tự tay giết. Do nhân giết hại này, nếu ở trong ngàn kiếp bị quả báo địa ngục ta cũng nhận chịu. Chỉ có thể dùng phương tiện đại bi như vậy, mới làm cho người ác này không tạo nghiệp giết hại

tránh khỏi khổ nơi địa ngục, trong vô lượng kiếp, lại làm cho các thương buôn trụ nơi pháp Bồ-tát ấy được an ổn, không gặp nạn”. Người thương chủ nghĩ rồi, dùng phương tiện giết người ác kia, người ác ấy sau khi chết được sinh lên cõi trời.

– Nay Bồ-tát Trí Thượng! Nên biết năm trăm người thương buôn thời ấy là năm trăm Đức Như Lai trong Hiền kiếp này. Người thương chủ tức là thân Ta. Ta luân hồi trong trăm ngàn kiếp, dùng tâm đại bi, bày ra đủ các thứ phương tiện thiện xảo như thế để cứu độ chúng sinh. Ý ông thế nào? Đại Bồ-tát dù trải qua trăm ngàn kiếp trong luân hồi đều là dùng trí phương tiện để cứu độ chúng sinh, chớ cho là Đại Bồ-tát có nghiệp chướng! Nên phải biết hành tạo gây nghiệp của chư Phật, Bồ-tát thấy đều thanh tịnh, lại không có chút phần nhỏ chướng ngại nào.

Nay Bồ-tát Trí Thượng! Nên biết Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác là thân kim cang không hoại, cho đến bước chân đi cũng đều dùng phương tiện thần thông tạo lợi ích lớn.

Bấy giờ, trong thành Xá-vệ có hai mươi người cùng gặp hai mươi người bạn cực ác, các người ấy đồng sinh tâm ác muốn mưu giết hại những người kia, mỗi người đều tìm một cách. Khi ấy, bốn mươi người nhờ sức oai thần của Phật, đều đi đến chỗ Phật, đứng sang một bên. Lúc này, Đức Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác vì muốn hóa

độ bốn mươi người kia, nên trong khoảng sát-na hóa làm một người cao lớn ở trong chúng hội của Phật, bạch cùng Tôn giả Đại Mục-kiền-liên: “Tôn giả nên biết, trong đại địa này không lâu sẽ xuất hiện các loại cỏ cây”. Người to lớn kia nói xong, Đức Thế Tôn liền đưa bàn chân phải xuống đất, chỉ trong chốc lát, khắp trên mặt đất đều sinh cỏ cây, cao khoảng một thước.

Tôn giả Mục-kiền-liên bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Bây giờ đã xuất hiện tướng cỏ cây, ở các phương khác con có thể thấy hay không?”.

Phật đáp: “Không thể thấy”.

Tôn giả Mục-kiền-liên liền giữ lại một ít cỏ cây. Lúc đó, ba ngàn đại thiên thế giới thấy đều chấn động. Đức Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác, dùng sức thần thông tự hiện thân tướng vượt qua cõi Phạm, các cỏ cây này cũng theo vượt qua cõi Phạm.

Như Lai lại dùng sức thần thông hiện ở trong biển cả, các cỏ cây này cũng theo đó mà hiện. Như Lai dùng sức thần thông vào giữa núi lớn, cỏ cây này cũng theo đến đó.

Khi ấy, Như Lai trở lại tòa ngòai, rồi liền thâu chân phải, nhưng cỏ cây cũng ở yên không động.

Tôn giả A-nan bạch Phật: “Như Lai Thế Tôn! Xưa do nhân duyên gì mà nay hiện tướng như vậy?”.

Phật bảo Tôn giả A-nan: “Xưa Ta là thương chủ lớn, vào biển tìm của báu gặp tri thức ác, lúc đó, Ta vì tâm đại bi nên dứt trừ thân mạng của kẻ kia, do nhân duyên xưa nên nay có tướng này”. Đức Thế Tôn nói kệ:

*Bây giờ đã hiện tướng như thế!
Không trụ hư không và biển núi
Cho đến không trụ các phương khác
Do nhân xưa nên trụ như vậy.*

Lúc đó, bốn mươi người kia suy nghĩ: “Nhu Lai là Đại Pháp vương, không thật có một chút nghiệp chướng nào, chúng ta sinh tâm ác mưu hại lẫn nhau, nay ở trước Đức Phật nên sám hối”.

Nghĩ vậy rồi đồng bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Chúng con trước đã sinh tâm ác, muốn giết hại lẫn nhau, nay đều xin sám hối”.

Bây giờ, Đức Thế Tôn liền vì họ giảng nói pháp yếu. Bốn mươi người kia đều đạt được Tam-muội Trí chứng. Cùng lúc có ba trăm hai mươi vạn chúng sinh xa lìa trần cấu, được pháp nhãn thanh tịnh.

– Nay Bồ-tát Trí Thượng! Do nhân duyên này nên biết chư Phật Như Lai nhắc chân, hạ chân đều là phương tiện thần thông tạo lợi ích lớn, thật không bị một chút phần nghiệp chướng nào.

Lại, Như Lai đã lìa các bệnh, vì sao có lúc còn sai các Bí-sô đến chỗ Kỳ-bà xin nước tinh chất nơi

nhụy hoa sen xanh để làm gì?

Vì bây giờ Ta cùng với năm trăm Bí-sô kiết hạ ở giữa rừng chưa lâu. Lúc đó có hành giả tên Tu-tả-la-ma-bà-vỹ-ca ở cạnh khu rừng này, người ấy bỗng nhiên sinh bệnh, không thể đi lại, không thể chữa trị, nên tới chỗ ta xin thuốc hay để trị bệnh. Khi ấy, ta suy nghĩ: “Nay ta không nên biết cách trị bệnh ấy. Vì sao? Vì nếu ta biết bệnh này trị như thế nào thì nơi đời sau sẽ hủy hoại tâm Thánh, chỉ nên chỉ bày cách nào để được thuốc trị bệnh ấy, và sai các chúng Bí-sô đi tìm thuốc đó”. Nghĩ như thế rồi, liền bảo chúng Bí-sô đến chỗ Kỳ-bà, xin nước tinh chất nơi nhụy hoa sen xanh để trị bệnh. Các Bí-sô tuy vâng lời Phật, nhưng chưa làm theo. Khi ấy, Thiên tử Tịnh Cư, thấy các Bí-sô bèn bạch: “Thưa Tôn giả! Các vị nên biết phải theo lời Phật tìm đúng thuốc như vậy để trị bệnh, chớ tìm thuốc khác, vì người bệnh uống vào sẽ bị chết”. Các Bí-sô nói: “Nếu chúng tôi đi tìm thuốc mà trái với giới luật của Phật, chúng tôi thà tự mất mạng, hoàn toàn không làm trái giới luật Phật.” Thiên tử Tịnh Cư lại thưa các Bí-sô: “Nhu Lai là Đại pháp vương, do tâm tạo lợi ích nên hiện tướng chỉ dẫn thuốc uống trị bệnh. Sao các ông không làm như lời dạy. Hãy đi xin thuốc, hãy đi xin thuốc!”. Thiên tử Tịnh Cư nói như vậy ba lần, các Bí-sô mới hết tâm nghi ngờ, liền đi đến chỗ Kỳ-bà xin thuốc, được thuốc rồi đem trao cho người bệnh kia, uống liền hết bệnh.

Này Bồ-tát Trí Thượng! Do nhân duyên ấy nên ta vì tạo lợi ích, mới sai các Bí-sô tìm thuốc như vậy, chứ chẳng phải Như Lai có các bệnh khổ.

Lại nữa, các Như Lai ở trong nhóm phước là tối thượng, cao tốt, vì sao ban đầu lại cầm bát vào thành khát thực?

Do Như Lai đã lìa các chướng ngại, không nghĩ đến ăn uống, nhưng vì thương các Bí-sô nơi đời sau có ít phước đức, tuy họ bung bình bát đi vào thành phố, thôn xóm khát thực mà không xin được, phải chán nản, không thể thường xuyên siêng đi khát thực. Như Lai làm cho các Bí-sô này lúc ấy suy nghĩ: “Như Lai đại sư đối với thế gian này là phước đức cao tốt, vậy mà còn tùy nghi bung bình bát khát thực, huống chi ta là Bí-sô đời sau, phước đức cạn mỏng, xin ăn khó khăn, không nên chán nản, phải đi khát thực, tuy là được ít nhưng cũng lấy làm đủ”.

Này Bồ-tát Trí Thượng! Như Lai ở đời đi khát thực là tùy thuận để tạo lợi ích. Nghĩa là muốn cho các Bà-la-môn, trưởng giả, cư sĩ, cho đến tất cả dân chúng, nhờ oai thần Phật gia trì nên trong đời hiện tại đầy đủ các thức ăn uống, không gặp khổ nạn về đói kém. Vì sao? Vì Đức Như Lai còn ở đời, không để cho các ma gây nạn đói kém, nên Như Lai tùy theo thế gian dùng phương tiện thiện xảo, dù có ăn uống nhưng không tham đắm, không làm cho các Bà-la-môn, trưởng giả, cho đến tất cả dân chúng và

các Thiên tử suy nghĩ: “Sa-môn Cù-đàm đối với sự ăn uống sinh tâm ưa thích”. Vì Như Lai muốn cho họ không có sự suy nghĩ ấy, nên suốt ngày đêm cùng chúng Bí-sô thường nhất tâm trụ vào Tam-muội, vắng lặng không động, không cao không thấp, từ trước ra sau, sau như ở trước, luôn tương ứng với chánh niệm.

Vào một lúc nọ, Ta trụ trong Tam-muội, có bảy vạn Thiên tử phát tâm thanh tịnh, cung kính đánh lễ, Ta liền ra khỏi Tam-muội, vì họ giảng nói giáo pháp yếu.

Các Thiên tử kia, đối với các pháp, được pháp nhãn thanh tịnh. Do nhân duyên này, nên biết chư Phật Như Lai hiện tướng khát thực chỉ vì tạo lợi ích nên dùng phương tiện thiên xảo.

Lại khi ấy có Tán-hữu-ma-nỗ-phược-ca, đối với Phật Như Lai sinh tâm ác nên bị đọa nơi địa ngục, được Phật cứu giúp, việc ấy như thế nào?

Do vì Như Lai oán thân đều bình đẳng, không hề có chút chướng ngại ràng buộc, chỉ vì tạo lợi ích an vui cho chúng sinh. Lúc đó, Ta muốn cứu giúp Tán-hữu-ma-nỗ-phược-ca kia, nên dùng sức oai thần khiến thấy được chư Phật Như Lai nơi hàng hà sa số thế giới, trong Đại viên cảnh trí của chư Phật Như Lai hiện lên các nghiệp đã tạo của ông ấy. Do sức thần thông của các Phật Như Lai, làm cho Tán-hữu-ma-nỗ-phược-ca thấy rõ nghiệp của mình, tâm liền

biết lỗi, nói: Nay ở trong này hiện rõ sự chân thật, nên mới suy nghĩ đầy đủ về tất cả pháp thiện của Như Lai. Sao ta lại chỉ gây ra nghiệp ác mà thể không đạt được chút pháp thiện nào cả.

Khi Ma-nỗ-phước-ca nghĩ như vậy liền được phạm hạnh thanh tịnh chân chánh, ở trong mộng được thấy Phật hiện thân, những tội lỗi do tâm ý ác gây ra từ trước đều tiêu diệt hết. Sau khi chết rồi, tránh được quả báo địa ngục. Nên biết, đó đều là sức thần của Như Lai vì muốn cứu giúp. Vì sao? Nghĩa là Như Lai dùng phương tiện đại bi không bỏ chúng sinh.

Lại, có Phạm chí Tôn-na-lợi, vì nhân duyên gì mà dứt mạng sống trong rừng Kỳ Đà, khi ấy Phật không biết, sao gọi là Nhất thiết trí?

Vì Như Lai với chánh trí vô ngại, thấy đều đầy đủ, không có gì là không thấy biết. Như Lai thuận theo việc thần thông, các sắc tướng v.v... đều do oai thần lập nên. Nay Phật xem thấy Phạm chí Tôn-na-lợi này tuổi thọ đã hết, chắc chắn phải chết, không phải là Như Lai không biết rõ. Lại muốn đem nhân duyên này để thâm phục các ngoại đạo khiến tâm họ ngừng gây tội lỗi.

Khi ấy, Như Lai dùng uy lực gia trì, trong bảy ngày đêm không vào thôn xóm. Lúc đó, có sáu mươi ức thiên nhân, sau bảy ngày đã đến chỗ Phật, Đức Phật tùy theo căn cơ, giảng nói giáo pháp, ai

cũng liền đạt được trí Tam-muội Trí chứng.

Lại vì duyên gì, xưa Như Lai trong ba tháng ăn lúa mạch của ngựa? Do vì Như Lai muốn làm cho các Bà-la-môn, trưởng giả, sinh tâm cho là điều ít có, lại thành tựu được việc lợi ích. Vì sao thế? Vì lúc ấy, Ta cùng với năm trăm Bí-sô thấy thiện căn đời trước của năm trăm con ngựa kia đã thuần thục. Vì từ nhiều đời trước, năm trăm ngựa này là người đã từng gần gũi cúng dường Phật, Như Lai, đã ở trước Phật phát tâm Bồ-đề, sau, nhân do gặp tri thức ác phá hoại pháp thiện, nên gây tạo các nghiệp ác, do báo ứng đó, nay thọ thân ngựa.

Lại, năm trăm ngựa này xưa kia đã từng phát thệ nguyện lớn với Bồ-tát Nhật Tạng, do đã phát thệ nguyện lớn từ đời trước, nay lại gặp Bồ-tát Nhật Tạng, dùng pháp Bồ-đề làm phương tiện giáo hóa khiến được độ thoát. Năm trăm ngựa này do oai lực của Bồ-tát và năng lực thệ nguyện của chúng nên có thể nhớ được việc đời trước.

– Nay Bồ-tát Trí Thượng! Ta thấy đám ngựa ấy có nhân duyên này nên thương xót muốn hóa độ, mới cùng các Bí-sô qua chỗ ngựa, lấy lúa mạch đó mà ăn.

Ta ăn xong, lại đem trao cho năm trăm Bí-sô. Khi ấy, năm trăm ngựa kia nhờ năng lực của thiện căn từ đời trước, nên thấy Phật và chúng Bí-sô ăn lúa mạch của ngựa, liền lễ Phật và Bí-sô, trải qua

ba tháng, năm trăm ngựa kia thấy đều chết, được sinh lên cõi trời Đâu-suất. Từ cõi trời ấy, tất cả cùng đi đến chỗ Phật, cung kính tôn trọng, chiêm ngưỡng, đánh lễ cúng dường. Phật liền tùy theo căn cơ của họ mà giảng nói giáo pháp. Các Thiên tử thấy đều được đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, trụ nơi bậc bất thoái chuyển. Vì thành tựu việc lợi ích lớn cho năm trăm ngựa ấy nên Như Lai ăn lúa mạch của ngựa.

Này Bồ-tát Trí Thượng! Phải biết các thức ăn uống hiện có, Như Lai ăn vào đều là thức ăn hảo hạng. Giả sử đất và sữa đường trong cõi Tam thiên đại thiên, Như Lai ăn hai thứ thức ăn này đều trở thành vị ngon như nhau. Vì sao? Vì ngay nơi lưỡi của Như Lai thường được vị ngon, đó là tướng của bậc đại nhân. Do duyên này nên biết, tất cả thức ăn chư Phật Như Lai đều là món ăn ngon bậc nhất.

Khi ấy, Như Lai nói với Tôn giả A-nan: “Ông từ bỏ ngôi vua Chuyển luân, xuất gia tu đạo, đối với các chúng sinh luôn có tâm thương xót. Nay ông ăn lúa của ngựa này có được mùi vị gì?”

Tôn giả A-nan bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Lúa mạch của ngựa này thật là hiếm có. Con xưa tuy sống trong cung vua nhưng chưa từng được mùi vị rất ngon này. Lúc đó Tôn giả A-nan ăn lúa mạch rồi, trong bảy ngày luôn hoan hỷ an lạc”.

– Này Bồ-tát Trí Thượng! Lúc nọ Ta cùng năm

trăm Bí-sô kia kiết hạ an cư xong, mỗi người trở về chỗ ở của mình. Trong số năm trăm Bí-sô, có bốn mươi Bí-sô ăn lúa mạch của ngựa, tuy đối với mùi vị ấy nghĩ tưởng là thanh tịnh, rồi trở lại nghĩ nhớ về các khổ ăn gạo lức. Nơi bảy đêm nghĩ như vậy họ đều đắc quả A-la-hán.

Này Bồ-tát Trí Thượng! Nên biết Như Lai tuy ăn lúa mạch của ngựa, nhưng đó không phải là quả báo do nghiệp chướng từ đời trước, mà vì nhằm tạo lợi ích lớn cho chúng sinh. Lại làm cho các Sa-môn, Ba-la-mật tu giới thanh tịnh, khởi tâm hy hữu. Lại khiến cho tất cả chúng sinh có thể làm đúng như lời, phải biết Như Lai hết thấy là tối thắng, các việc đã làm không hề hủy hoại pháp.

Lại vì duyên gì, Như Lai bảo Tôn giả Ca-diếp: Ta bị đau lưng, ông có thể vì ta giảng nói pháp bảy giác chi.

Do nhân duyên này: Lúc đó có tám ngàn Thiên tử cung kính tập hợp. Các Thiên tử ấy đối với Phật, Pháp, Tăng bảo chưa từng sinh tâm tin tưởng thanh tịnh. Khi được nghe pháp bảy giác chi do Tôn giả Ca-diếp nói rồi thì tâm tin của họ dần được khai ngộ, liền đến chỗ của Tôn giả Ca-diếp, Ca-diếp vì tám ngàn Thiên tử giảng nói rộng, phân biệt về pháp bảy giác chi, khiến các Thiên tử ấy tức thời đều đắc Tam-muội Trí chứng, bèn tự suy nghĩ: “Chúng sinh có bệnh nên chẳng thể nghe pháp, nếu người nghe pháp thì bệnh được tiêu trừ. Như Lai là

Đại pháp vương vì có hiện bệnh khiến cho Tôn giả Đại Ca-diếp giảng nói pháp bảy giác chi. Tại sao chúng ta không thích nghe pháp?

Các Thiên tử kia nghĩ vậy rồi liền đối với Phật, Pháp tâm được thanh tịnh. Vì do lợi ích như thế nên Như Lai mới hiện tướng đau lưng, để cho Đại Ca-diếp giảng nói pháp bảy giác chi, nên biết đó là phương tiện thiện xảo, không phải việc báo ứng của nghiệp chướng từ đời trước.

Lại vì duyên gì, xưa có Bà-la-môn tên Trang Nghiêm Tràng, trong một lúc hướng đến Phật-Thế Tôn nói lời bất thiện. Lúc đó Phật không hề tức giận? Do vì Như Lai đối với hàng thiên, nhân trong bốn chúng nơi pháp hội lớn, đã được đầy đủ năng lực về nhãn, tùy ý quán sát các cảnh, không sinh tức giận. Khi ấy Như Lai đối với các chúng sinh trụ nơi tâm bình đẳng, tâm cứu hộ, tâm an trụ, tâm hòa dịu, tâm dũng mãnh. Lúc Đức Như Lai trụ ở các tâm đó, có bốn ngàn chúng sinh phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Do nhân duyên tạo lợi ích, nên Như Lai đối với Bà-la-môn Trang Nghiêm Tràng không sinh tức giận. Nên biết Như Lai đều dùng phương tiện thiện xảo, không phải việc thật do báo ứng của nghiệp chướng từ đời trước.

– Nay Bồ-tát Trí Thượng! Ta nhớ thuở xưa, khi còn là Bồ-tát, Ta ở nơi nào, Đề-bà-đạt-đa cũng thường theo bên ta. Vì sao? Vì Đề-bà-đạt-đa tuy

đến chỗ Ta tìm cách nhiều hại nhưng lại làm cho ta hành trì viên mãn sáu Ba-la-mật đà, có thể làm cho vô lượng chúng sinh được lợi ích lớn. Đó là, hoặc có lúc muốn làm cho chúng sinh được an vui lớn, nhưng ta không thể hành nhiếp pháp bố thí thì Đề-bà-đạt-đà liền đến chỗ ta xin vợ con, nô tỳ, đầu, mắt, tay, chân, khi ấy ta liền có thể bố thí cho. Vì có thể bố thí nên người kia nói: “Như vậy mới gọi là làm được việc khó làm, có thể khiến chúng sinh phát sinh thiện căn”.

Khi Ta hành bố thí như vậy, có vô lượng chúng sinh phát tâm yêu mến, đối với hạnh bố thí tin hiểu được thanh tịnh.

Lại có khi Ta dùng nguyện lực Bồ-đề, trụ hành tịnh giới, Đề-bà-đạt-đà lại đến chỗ ta muốn phá tịnh giới. Khi ấy ta cứng rắn không động, không hủy hoại giới hạnh, có vô lượng chúng sinh thấy việc này rồi thấy đều trụ nơi giới địa thanh tịnh.

Lại có khi Đề-bà-đạt-đà đối với Ta phát sinh tức giận, đánh mắng, lúc đó Ta không sinh khởi tâm sân giận, giữ tâm nhẫn nhục, có vô lượng chúng sinh thấy việc này rồi, đều thực hành theo hạnh nhẫn nhục. Do Đề-bà-đạt-đà nên Ta được viên mãn các hạnh tinh tấn, thiền định, trí tuệ v.v... và làm cho vô lượng chúng sinh đạt được lợi ích lớn.

Này Bồ-tát Trí Thượng! Nên biết Đề-bà-đạt-đà

dù sinh ý muốn nhiều hại Ta, nhưng lại làm cho Ta tăng trưởng pháp thiện, vì các chúng sinh làm việc lợi ích. Vì vậy biết chư Phật Như Lai dùng phương tiện thiện xảo, đối với việc làm của các chúng sinh, đều không làm hư hoại báo ứng đã có.

Lại, Như Lai xem xét rộng khắp ở cõi chúng sinh. Chúng sinh nào gây nhân như vậy, thì quả báo như vậy, tùy theo sự quán sát rồi nêu bày các phương tiện hóa độ họ.

Này Bồ-tát Trí Thượng! Ta đã nói các pháp môn như trên, đều là phương tiện thiện xảo cao tốt. Pháp môn như vậy không nên nói với trước chúng sinh thiện căn thấp kém. Vì sao? Vì có chúng sinh tuy đã gieo trồng thiện căn tương ưng với hàng Thanh văn, Duyên giác, nhưng cũng không thể tu học đúng như lý trong phương tiện thiện xảo cao tốt này. Vì sao? Vì không pháp là pháp khí. Ta chỉ vì họ tu pháp Bồ-tát, nên nói đúng như thật. Giống như người mù ở trong đêm tối, dù có ánh sáng cũng không thể thấy tất cả cảnh tượng. Nếu người có mắt, ở trong đêm tối sẽ thấy được ánh sáng kia. Đại Bồ-tát cũng như vậy, có thể soi sáng, xem thấy tất cả cảnh tượng. Bồ-tát đã tu pháp hạnh tối thắng, lại có thể đạt đầy đủ phương tiện thiện xảo, nên mọi thắng hạnh hiện có của chư Phật, các pháp môn giải thoát của chư Phật đều có thể thông đạt

Này Bồ-tát Trí Thượng! Nếu các thiện nam, thiện nữ có chí cầu đạt quả Bồ-đề vô thượng,

vì ưa thích pháp nên dù ở ngoài trăm ngàn do-tuần, nếu có nơi giảng nói về pháp môn phương tiện thiện xảo như vậy, cũng không sợ xa liền đến nghe nhận. Vì sao? Vì người nghe pháp ấy rồi tâm liền được sáng suốt rộng lớn, việc làm thanh tịnh, đối với Phật pháp không còn nghi ngờ. Cho nên biết trong bốn chúng, trời, người, đó là pháp khí, vui thích nghe nhận pháp này. Người không phải pháp khí, tuy được nghe nhưng không sinh tâm ưa thích.

Khi Phật giảng nói pháp này, có bảy vạn hai ngàn chúng sinh phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Lúc ấy Tôn giả A-nan bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Kinh này tên là gì? Con phải thọ trì như thế nào?

Phật bảo Tôn giả A-nan:

– Kinh này tên “Chánh *Pháp Của Phương Tiện Thiện Xảo Ba La Mật Đa*”. Cũng gọi là “Chánh pháp của tất cả bí mật Ba-la-mật đa tối thắng”. Tên gọi như vậy, ông nên theo đây mà thọ trì, giảng nói, lưu hành rộng cho đời sau, khiến cho các chúng sinh đều được lợi ích lớn.

Phật giảng nói kinh này rồi, Tôn giả A-nan và các Thanh văn, Bồ-tát Trí Thượng và các Đại Bồ-tát, cho đến thế gian trời, người, A-tu-la, Càn-thát-bà v.v... tất cả đại chúng, nghe Phật giảng nói đều hết sức vui mừng, tin nhận làm theo.



SỐ 347

KINH ĐẠI THỪA HIỂN THỨC

*Hán dịch: Đời Đường, Sa-môn Địa Bà Ha La, người
Trung Thiên Trúc.*

QUYÊN THƯỢNG

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ngự tại rừng trúc Ca-lan-đà thuộc thành Vương-xá cùng với chúng Đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị hội đủ. Các vị ấy đều là những bậc A-la-hán đã dứt hết lậu hoặc, không còn phiền não, được tự tại, tâm giải thoát hoàn toàn, tuệ giải thoát hoàn toàn, đối với các pháp quá khứ, hiện tại, vị lai đều hiểu rõ, thông suốt không bị chướng ngại. Những vị A-la-hán ấy theo đúng lời Phật dạy, những việc cần làm đã làm xong, bỏ gánh nặng xuống, tự mình được lợi ích, đoạn dứt mọi khổ nơi sinh tử lưu chuyển, dùng lực của chánh trí, khéo biết chỗ hướng đến của tâm chúng sinh, Trưởng lão Xá-lợi-phất là bậc thượng thủ ở trong chúng đại Thanh văn này.

Lại có vô lượng chúng Đại Bồ-tát đều vân tập đến đông đủ.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo ở chỗ Đức Thế Tôn phần nhiều bị mệt mỏi, biếng nhác, mất hết sự nương tựa, không thể thọ trì. Lúc ấy, Đức Thế Tôn từ trên điện môn phóng ra hào quang như hoa sen nở, khiến cho các Tỳ-kheo đều tỉnh ngộ, mỗi người đều tự trang nghiêm, tề chỉnh và nghĩ: “Hôm nay Đức Thế Tôn dung mạo rực rỡ, hào quang từ trên điện môn tỏa sáng là muốn khai thị pháp nhãn gì đây, để tạo ra sự lợi ích lớn?”.

Lúc đó, Bồ-tát Hiền Hộ là bậc đồng chân thẳng thượng, dung mạo tươi vui, đầy đủ ánh sáng và các sắc tướng, có sáu vạn thương chủ vây quanh trước sau theo hầu, tiếng vang âm âm như động đất, đi đến chỗ Đức Phật, thấy các công đức an ổn, tịch tĩnh của Đức Thế Tôn được tích chứa, hiển bày lồng lộng, sáng chói như cây vàng lớn, trong tâm càng tăng thêm niềm tin sâu xa, chấp tay suy nghĩ như vậy: “Mọi người đều tán thán Đức Phật là bậc Nhất thiết trí thấy khắp tất cả, đáng Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác thật không hư dối”. Tất cả đoàn người đều cung kính đánh lễ nơi chân Phật rồi cùng đứng lên nhìn kỹ. Đức Phật thấy Đồng chân Hiền Hộ, liền chuyển mình, phóng ra ánh sáng chiếu đến chỗ Hiền Hộ, Hiền Hộ liền được sự không sợ hãi, bèn đi quanh chỗ Đức Phật ba vòng, đánh lễ dưới chân và bạch:

– Nguyện xin Đức Thế Tôn từ bi thương xót chỉ dạy, con vừa ở nơi chỗ Phật, nay có được tâm

tin tưởng thanh tịnh, tâm mong cầu pháp vi diệu, muốn được thừa hỏi, nhưng từ lâu con chìm trong sinh tử, bị các thứ khổ, phiền não làm cho niệm luôn tán loạn, đối với các nẻo học như giới định chưa có sự tạo tác tương ưng, tuy tâm luôn mong cầu mà nay vẫn còn chưa rõ, ở trong lưới ngu tối mê lầm, nghi ngờ này làm sao vượt thoát được sinh tử? Thế Tôn là bậc Nhất thiết trí, thấy khắp tất cả. Đức Phật ra đời thật là hy hữu, rất khó gặp. Như ngọc như ý ban niềm vui cho chúng sinh. Phật là ngọc báu như ý lớn, tất cả chúng sinh nhờ được nương tựa mà đạt sự an lạc lớn, là bậc cha mẹ của chúng sinh, nhờ Phật mà chúng sinh thấy được con đường chân chánh. Nguyên xin Đức Phật từ bi thương xót mở bày chỉ rõ điều nghi ngờ tối tăm cho con.

Đức Phật bảo Bồ-tát Hiền Hộ:

– Ông có điều gì nghi ngờ cứ tùy ý hỏi, Ta sẽ phân biệt, thuyết giảng.

Lúc ấy, Bồ-tát Hiền Hộ được Phật cho phép chuyên tâm thừa hỏi, bèn đứng qua một bên.

Bấy giờ, Trưởng lão A-nan thấy Bồ-tát Hiền Hộ dung mạo tươi sáng, đầy đủ các sắc tướng bèn thưa:

– Bạch Thế Tôn! Thật chưa từng có! Bồ-tát Hiền Hộ này có phước đức lớn, đầy đủ ánh sáng, sắc tướng khiến cho oai lực của các vua đều bị che,

không thể hiện được.

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

– Bồ-tát Hiền Hộ phước nghiệp thắng thượng đã đạt được, tuy ở cõi người mà hưởng được quả báo thù thắng của cõi trời, an ổn, sung sướng tột bậc, tâm ý vui vẻ giống như trời Đế Thích, ở cõi Diêm-phù-đề chỉ trừ Bồ-tát Nguyệt Thật, ngoài ra không ai sánh bằng.

Tôn giả A-nan thưa:

– Bạch Thế Tôn! Bồ-tát Hiền Hộ nhờ đời trước gieo trồng căn lành gì mà được phước báo có nhiều của cải, vật dụng, xin Đức Phật giảng nói.

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

– Bồ-tát Hiền Hộ trong đời hiện tại hưởng quả báo an vui, của cải giàu có là do nhân duyên thù thắng từ đời trước, nay ông nên lắng nghe.

Này Tôn giả A-nan! Bồ-tát Hiền Hộ ấy có sáu vạn thương chủ giàu có, vàng bạc, của cải đầy đầy, nhiều người cung kính thọ giáo thường theo hầu hạ. Trong nhà có sáu vạn giường nằm đều trải tọa cụ, mền, nệm bằng gấm vóc và những gói thêu thùa, đủ các màu sắc, ánh sáng chiếu soi tăng vẻ nghiêm trang, nhiều màn, rèm bằng the lụa, vải vóc bao bọc xung quanh, đính các ngọc báu ở giữa cùng tỏa ra ánh sáng rực rỡ lần lượt nối tiếp nhau như vẽ. Có sáu vạn kỹ nữ mặc các thứ y phục đủ sắc màu, trang sức bằng vàng, ngọc, hoa tươi,

những thứ tô điểm nơi mặt, mắt họ chiếu ra ánh sáng óng ánh mềm mại trông như Thiên Ca-già. Tùy theo tâm ý ưa thích, cùng nhau vui vẻ ca hát, cười nói, dạo chơi trong sự đoan nghiêm, thanh khiết, cung kính hầu hạ chủ nhân. Đối với người khác, tâm dứt tuyệt ái dục, luôn e thẹn cúi đầu hoặc che đầu làm dáng, da dẻ đầy đặn, mịn màng, các ngón tay, chân, gót chân, xương, gân đều không lộ ra ngoài, răng trắng đều, tóc đen mượt xoay về bên phải, như mũi nhọn đầu cây viết của người thợ vẽ. Giòng họ cao quý, danh tiếng vang xa. Những người kỹ nữ cúng dường thức ăn, cơm, bánh đủ các màu sắc khác nhau, hương vị thơm ngon như những món ăn của chư Thiên. Nước uống đủ tám công đức, khiến người nhìn thấy tâm luôn vui vẻ, thân an ổn, vừa ý, không mệt mỏi, nóng bức. Nhờ phước này, tùy theo tâm nghĩ mà có thức ăn khiến cho các thứ câu uế bệnh tật không còn. Bên ngoài sân, trước hiên nơi lâu đài treo đủ sáu vạn ngọc báu ma-ni, lưu ly và các loại lưới rủ xuống, ở giữa các thứ báu, đồ trang sức nối tiếp thành hàng oai nghiêm đẹp đẽ, tơ lụa che phủ, chuông lắc treo nối nhau, theo gió lay động phát ra tiếng. Mặt đất bằng lưu ly hiện ra các hình tượng, các thứ hoa tung rải khắp nơi mát mẻ, vui thích, dạo chơi nghĩ ngợi trên lầu, tâm vui thích, vừa ý. Lại có tiếng vỗ tay, đàn sắt, ống sáo, chập chĩa bằng đồng, tiếng ca hát trong trẻo, gồm có sáu vạn âm thanh hay hòa nhau,

âm vang ấy nghe vọng lại từ xa, tiếng ca hát, ồn ào xen lẫn nhau khua động đánh thức khắp nước. Nhờ phước nghiệp nên luôn hưởng được sự vui vẻ, không dứt. Những tiếng ca hát của các loài chim bay lượn tụ họp, hòa cùng các âm thanh khác khiến cho tâm càng thêm vui vẻ. Các dây hoa leo vòng quanh lầu đài, hoa tươi, cành lá sum suê. Tiếng chuông, mõ, nhạc cụ, giống như cung điện nơi cõi trời; gian phòng, hành lang sáng rỡ giống như núi Tu-di chiếu ra ánh sáng vi diệu. Có sáu vạn bức thành, tường cao sừng sững, đủ các mái lầu, đường đi rộng rãi, các ngả tư, ngả ba đều thông suốt, sạch đẹp. Khắp nơi đều đến hội họp đông đảo, các thứ y phục, trang sức, ngôn ngữ, pháp luật chế ra vạn điều khác nhau, bao gồm các hình trạng sai biệt. Có trăm ngàn thương gia tự do trao đổi hàng hóa quý giá, tiếng mua bán, ca hát vang khắp nước. Vườn rừng với các cây lớn, nhỏ đều tốt tươi; dây hoa, cỏ thuốc, muôn loài hoa đua nhau sinh trưởng. Màu xanh bao bọc xung quanh xen lẫn ánh sáng rực rỡ đẹp như tâm phẩm trải ra. Trăm ngàn voi ngựa, xe cộ qua lại không ngớt khắp cả thành ấp. Này Tôn giả A-nan! Trong sáu vạn thành có bậc cao đức danh tiếng. Những người giàu có và các thương chủ hằng ngày tán thán Bồ-tát Hiền Hộ, tuyên dương về danh xưng, oai đức, cung kính chấp tay lễ bái. Vua Ba-tư-nặc nước Kiền-tát-la phước đức uy lực to lớn, so với Hiền Hộ vẫn thuộc

hạng bần cùng.

Bồ-tát Nguyệt Thật có vô lượng trăm ngàn kỹ nữ vây quanh hầu hạ, cung kính phụng sự, thương yêu, luôn đem đến những sự vui vẻ. Tuy trời Đê thích có gấp ngàn vạn lần cũng không bằng Bồ-tát Nguyệt Thật. Đồng chân Hiền Hộ dung mạo sắc tướng đẹp đẽ, phú quý, tự tại, an lạc, vui vẻ gấp trăm ngàn vạn lần vẫn không bằng Bồ-tát Nguyệt Thật. Đây là do phước đức từ đời trước chiêu cảm, chẳng phải do oai lực mà đạt được.

Này Tôn giả A-nan! Bồ-tát Hiền Hộ lại có ngọc báu như ý, xe ngựa lớn trang hoàng bằng các ngọc báu trời, ánh sáng luôn rực rỡ như ánh sáng của ngàn vàng, kim cương, ngọc báu, nhiều đồ trang sức quý giá xen lẫn rất đẹp trông như sao, di chuyển nhanh như gió, như chim bay. Cỗ xe ngựa quý bằng ngọc ngà châu báu tùy theo tâm nhớ nghĩ mà có, thân không mệt mỏi, trái lại thường được an vui.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan đánh lễ nơi chân Phật, thưa:

– Bạch Thế Tôn! Bồ-tát Hiền Hộ gieo trồng những căn lành gì? Tu những phước nghiệp gì mà được của cải giàu có, thọ hưởng quả báo an lạc lớn, được cung điện nhà cửa đẹp đẽ, xe ngựa bằng ngọc báu hiếm có?

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

– Bồ-tát Hiền Hộ nhờ đời trước ở trong pháp Phật tu tập gieo trồng phước đức, nên ngày nay được quả an vui. Về đời quá khứ, có Phật hiệu là Lạc Quang gồm đủ mười tôn hiệu: Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn. Lúc ấy, Bồ-tát Hiền Hộ ở trong pháp của Đức Phật đó xuất gia làm Tỳ-kheo hiệu là Pháp Kế, nhờ hành trì nhiều giới và khéo thuyết giảng Kinh, Luật, Luận đối với tam tạng thâm diệu đều thấu hiểu thông suốt, thường vì chúng sinh tuyên dương, thuyết giảng, bố thí pháp không ngừng, âm thanh vi diệu, thẳng thắn, thanh cao, phân tích rõ ràng khiến cho người được nghe thuyết pháp đều vui mừng, tư duy tu hành và người được thoát khỏi đường ác số nhiều đến vô lượng.

Này Tôn giả A-nan! Tỳ-kheo Pháp Kế nhờ công đức bố thí pháp mà ở trong chín mươi kiếp hưởng phước báo nơi cõi trời, người. Lại thấy các Tỳ-kheo trì giới thanh tịnh, thân hình ốm yếu, thường ban cho thức ăn, giày dép, nhờ tâm thanh tịnh chân thật bố thí nên ngày nay được phước báo giàu có an vui, cung điện, nhà cửa, của báu xe cộ thù diệu đặc biệt. Lại được gặp Đức Phật Ca-diếp giáo hóa chỉ dạy: Ông vào đời vị lai của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni sẽ được thọ ký. Vì thế, ngày nay gặp Ta thuyết pháp chỉ dạy khiến được thành tựu.

Tôn giả A-nan thưa:

– Bạch Thế Tôn! BỒ-tát Hiền Hộ thắng thượng, của cải giàu có, vàng ngọc chất đầy, tự tại mà tâm khiêm nhường, thật là kỳ lạ.

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

– Bậc đại trí không vì ưa thích, ham muốn tài sản quý báu mà kiêu mạn. BỒ-tát Hiền Hộ từ lâu đã tu hạnh lành, nhờ pháp thiện này nên thường được phước báo về của cải, thức ăn.

BỒ-tát Hiền Hộ được Đức Phật và Tôn giả A-nan khen ngợi rồi, bèn cung kính chấp tay đánh lễ thưa:

– Đức Thế Tôn thương xót che chở tất cả chúng sinh, nay con có điều muốn thưa hỏi, xin Phật từ bi chấp thuận.

Đức Phật bảo BỒ-tát Hiền Hộ:

– Cho phép ông có điều nghi ngờ cứ tùy ý hỏi, Ta sẽ thuyết giảng rõ ràng cho ông.

BỒ-tát Hiền Hộ thưa:

– Bạch Thế Tôn! Chúng sinh tuy biết có thức nhưng như ngọc báu giấu trong rương không hiển bày nên không rõ. Bạch Thế Tôn! Chẳng hay thức này tạo ra hình dáng thế nào, vì sao gọi là thức? Chúng sinh lúc chết tay chân loạn động, mắt sắc đều biến đổi, không được tự tại, các căn hoại diệt, các đại ly tán, thức ở nơi thân biến đổi đi về đâu, tự tánh thế nào, sắc tướng ra sao, làm thế nào bỏ

thân này lại thọ thân khác, vì sao đã bỏ thân này rồi vẫn còn theo các nhập chịu quả báo ở đời sau, thọ các thân khác không giống nhau? Bạch Thế Tôn! Vì sao chúng sinh thân hoại diệt rồi lại sinh ra các nhập, đời này tích tập phước nghiệp, đời sau hưởng quả báo, thân hiện tại làm phước, thân sau thọ nhận? Tại sao thức có thể tăng trưởng nơi thân, thức nhập theo thân chuyển biến?

Đức Phật dạy:

– Lành thay BỒ-tát Hiền Hộ! Lành thay khéo thừa hỏi! Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ giảng nói cho ông.

BỒ-tát Hiền Hộ thưa:

– Bạch Thế Tôn! Con xin vâng lời.

Phật bảo BỒ-tát Hiền Hộ:

– Sự chuyển biến qua lại đời, diệt của thức giống như phong đại, không màu sắc, không hình tướng, chẳng hiển hiện mà có thể làm lay động vạn vật, chỉ rõ các tướng trạng sai khác của chúng, hoặc làm rung chuyển rừng, tàn phá, bẻ gãy cây cối, phát ra tiếng động lớn, hoặc tạo lạnh, nóng xúc chạm nơi thân chúng sinh tạo ra khổ vui. Gió không có hình dáng, tay chân, mặt mũi, cũng không có các màu đen, trắng, vàng, đỏ. Nay BỒ-tát Hiền Hộ! Thức giới cũng như vậy, không hiện rõ màu sắc, hình tướng, ánh sáng, do nhân duyên nên hiện ra các hoạt dụng khác nhau. Nên biết thức thọ nhận

để biết về pháp giới cũng thế, không màu sắc, không hình tướng, do nhân duyên nên phát sinh hoạt dụng. Nay Bồ-tát Hiền Hộ! Chúng sinh khi đã chết, sự nhận biết về pháp giới, thức giới đều xa lìa thân, thức vận hành nhận biết về pháp giới để thọ thân khác. Ví như gió thổi đến các loại hoa thơm, hoa ở đây mà hương thì bay xa. Thể của gió không giữ lại hương của hoa đẹp. Thể của hương, của gió, cùng căn thân đều không có hình sắc, nhưng không nhờ sức gió thì hương không thể bay xa được. Nay Bồ-tát Hiền Hộ! Thân chúng sinh khi chết, thức giữ lại sự nhận biết về pháp giới để sinh đến cõi khác. Nhờ duyên nơi cha mẹ, thức gá vào. Sự nhận biết pháp giới đều tùy nơi thức cũng như vậy. Như từ sức thù thắng của hoa mà mũi có thể ngửi mùi, do sức thù thắng của ngửi mà biết được cảnh giới của hương. Lại như từ gió nơi sức thù thắng của thân mà được sự tiếp xúc nơi sắc của gió. Nhờ nơi sức thù thắng của gió nên hương được bay xa. Như vậy, từ thức có thọ, từ thọ có sự nhận biết, từ sự nhận biết mà có pháp, theo đó có thể nhận biết pháp thiện và bất thiện.

Nay Bồ-tát Hiền Hộ! Như người thợ vẽ chuẩn bị tường, bảng, chỗ để vẽ và những cách vẽ đẹp nhất, tùy ý vẽ nên những hình tượng nơi bức tranh, thức trí của người thợ ấy đều không có hình sắc mà vẫn vẽ ra đủ loại nét đẹp kỳ lạ, đủ thứ hình tượng khác nhau. Như vậy, thức trí không hình mà sinh

ra sáu sắc, nghĩa là nhân nơi mắt thấy sắc nhưng nhãn thức thì không có hình tướng. Do nơi tai nghe tiếng, nhưng tiếng không có hình sắc. Do nơi mũi ngửi hương mà hương không có hình sắc. Nhờ lưỡi biết vị nhưng vị không có hình sắc. Nhân nơi thân biết xúc chạm nhưng xúc không có hình sắc. Các pháp nhập nơi các cảnh giới đều không có hình tướng. Thức không có hình sắc cũng lại như vậy.

Này Bồ-tát Hiền Hộ! Thức bỏ thân này thọ sinh thân khác, chúng sinh khi chết, thức bị nghiệp chướng ràng buộc, quả báo hết, thân mạng chấm dứt giống như thức của A-la-hán nơi định diệt tận. Như lúc A-la-hán nhập định diệt tận, thức của A-la-hán này từ thân diệt mà biến chuyển. Như vậy, thức của người chết là bỏ thân và cảnh giới, nương theo niệm lực mà tạo tác. Biết được điều đó như vậy, thì ta cùng người khi sống đã tạo các nghiệp, lúc chết đều nhớ lại và hiện rõ, thân và tâm cả hai đều chịu sự bức bách.

Này Bồ-tát Hiền Hộ! Thức nghĩa là gì? Thức là hạt giống có thể sinh ra mầm mống của các loại báo thân xen lẫn tri giác, tướng niệm đồng gồm nơi thức. Biết khổ, biết vui, biết thiện, biết ác và cảnh giới thiện ác nên gọi là thức. Như ông đã hỏi: Vì sao thức xa lìa thân này mà chịu quả báo khác? Này Bồ-tát Hiền Hộ! Thức di chuyển nơi thân như hình bóng của khuôn mặt hiện ở trong gương, như chữ nơi con dấu hiện rõ trên bùn. Ví như mặt trời mọc

chiếu ra ánh sáng khiến cho những sự tối tăm đều tiêu trừ. Lúc mặt trời lặn, ánh sáng mất đi, bóng tối trở lại như cũ. Bóng tối không có thể chất, hình tướng, chẳng phải thường, vô thường, hay có thể biết được nơi chốn. Thức cũng như vậy: không thể chất, không hình tướng, do nơi thọ, tướng mà hiện bày. Thức ở nơi thân như thể của bóng tối, nhìn không thể thấy, không thể nắm giữ. Như người mẹ mang thai con, tự mình không thể biết được là trai hay gái, sắc đen, trắng, vàng, các căn: tay, chân, tai, mắt v.v... đầy đủ hay không đầy đủ, cùng loại hay không cùng loại. Thức ăn uống nóng, lạnh đưa vào bào thai, đứa con ấy liền phải chịu nhận sự thống khổ. Chúng sinh đến đi, co duỗi, nhìn trông, liếc ngó, nói cười, bàn luận, phải chịu kết quả về mọi hoạt động, những nghiệp đã tạo cùng với thức hiện ra đầy đủ mà không thể biết chỗ ở của thức, dừng ở trong thân nhưng không biết tướng trạng của nó.

Này Bồ-tát Hiền Hộ! Tự tánh của thức nhận khắp nơi các xứ, nhưng không vì các xứ mà bị nhiễm. Sáu căn, sáu cảnh, năm âm, phiền não, thức biến hiện khắp nhưng không bị những thứ đó làm ô nhiễm. Do đây mà công dụng của thức hiện rõ.

Này Bồ-tát Hiền Hộ! Như các bộ phận của cây được buộc giữ nơi một chỗ. Thân tạo ra các thứ nghiệp dụng hoặc đi, chạy, nhảy, đùa giỡn, ca múa. Ý ông nghĩ sao? Chỗ tạo tác của các cơ quan là do

năng lực của ai?

Bồ-tát Hiền Hộ thưa Phật:

– Trí tuệ của con hạn hẹp chẳng thể biết rõ.

Đức Phật bảo Bồ-tát Hiền Hộ:

– Ông nên biết, tất cả đều là năng lực của nghiệp tạo tác. Sự tạo nghiệp không có hình tướng, nhưng từ nơi trí lưu chuyên. Như vậy, những bộ phận trên thân là do năng lực của thức tạo ra các nghiệp. Tiên đạt thần thông, Càn-thát-bà, Long, Thần, Người, Trời, A-tu-la nơi các cõi thấy đều theo nghiệp, nương vào thức có thể sinh ra thân. Thức như các cơ quan hoạt động không có hình tướng, thể chất, nhưng tồn tại khắp pháp giới, đầy đủ trí lực cho đến có thể biết được các sự việc đời trước. Ví như ánh sáng mặt trời đều soi chiếu một cách bình đẳng nơi các nghiệp ác của chúng sinh, mùi thối của tử thi, những thứ bất tịnh, nhưng không bị những thứ xấu đó làm nhiễm ô. Thức cũng như vậy, tuy thân ở nơi các nẻo ác, ăn đồ bất tịnh của loài heo, chó, nhưng thức không bị những thứ đó làm nhiễm ô. Nay Bồ-tát Hiền Hộ! Thức là thân này, theo nghiệp thiện ác mà thọ quả báo khác. Ví như gió từ núi cao, hang sâu thổi đến rừng hoa chiêm-bạc có nhiều hương thơm thì gió ấy thành thơm. Gió thổi qua vùng ô uế đầy xác chết hôi thối, thì gió trở thành hôi thối. Hoặc gió, hương thơm, mùi hôi cùng bay đi. Với gió thì thơm, hôi

cùng gồm đầy, hiện rõ trước. Gió không có hình tướng, thể chất, hương thơm và mùi hôi cũng không có tướng trạng, nhưng bị gió mang đi xa. Thức bỏ thân này, nhưng giữ lại nghiệp thiện ác, chuyển sang thọ thân khác cũng như vậy. Như gió mang theo hương thơm và mùi hôi bay đến chỗ khác. Lại như người nằm mộng thấy những màu sắc, hình tượng và các việc mà không tự biết mình đang nằm ngủ. Người có phước đức, lúc chết, thức dời đổi cũng như vậy, được an ổn nhưng không biết. Như mộng chuyển đổi biến hóa không chỗ lo sợ, sự biến đổi rời khỏi thân của thức không phải do cổ, miệng và các lỗ tai, mũi, vì không lường chỗ từ đâu ra, chẳng biết nơi đi tới.

Lúc ấy, Bồ-tát Hiền Hộ thẳng thượng đánh lễ dưới chân Phật, thưa:

– Bạch Thế Tôn! Như loài gà con, ngỗng con trứng của nó chưa có hơi nóng được bao bọc lớp dày thì thức vào chỗ nào? Khi con trong trứng chết, vỏ không nứt, không vỡ, không có lỗ thủng thì thức ra từ đường nào?

Phật bảo Bồ-tát Hiền Hộ:

– Ví như ép hạt ô-ma hoa chiêm-bạc tỏa lên hương dầu của nó nổi tiếng. Dầu của hoa chiêm-bạc cùng với dầu của hạt phàm-ma tốt xấu khác nhau. Dầu trước đó không có hương, do hoa xông ướp của các dầu tạo ra hương. Hương không phá

hạt ô-ma mà vào, cũng không phá hạt ấy mà ra, lại không có hình dáng thể chất giữ lại trong dầu. Nhưng do lực của nhân duyên, hương chuyển vào trong dầu, dầu biến thành nước hương. Thức của gà con, ngỗng con ra vào nơi trứng cũng lại như vậy. Như hương của hoa chiêm-bạc chuyển dời vào trong dầu. Sự chuyển vận của thức như ánh mặt trời soi chiếu khắp, như ngọc ma-ni tỏa sáng, như cây sinh ra lửa. Lại như hạt giống gieo trồng xuống đất, thể của nó biến hóa trong đất, còn mầm, cành, lá lộ ra bên ngoài, trở hoa đủ màu sắc trắng, đỏ v.v... có những hương thơm khác nhau. Cùng một địa đại, đồng hỗ trợ cho bốn đại, đều tùy theo giống nơi mỗi loại mà sinh trưởng khác nhau. Như vậy, một thức nơi pháp giới sinh ra tất cả thân sinh tử, hoặc đen, trắng, vàng, đỏ, lành, dữ khác nhau.

Này Bồ-tát Hiền Hộ! Thức không tay chân, không có các chi phần, ngôn ngữ, do sức mạnh của ý niệm trong pháp giới, chúng sinh khi chết thức bỏ thân này, thức cùng niệm lực làm chủng tử cho đời sau. Tức là nơi thức thì không có pháp giới, nếu lìa pháp giới cũng không có thức. Thức cùng với phong đại ở trong cảnh giới của ý niệm vi diệu, cảnh giới của thọ và pháp giới hòa hợp mà đời chuyển.

Bồ-tát Hiền Hộ bạch Phật:

– Nếu như thế thì vì sao Đức Thế Tôn bảo thức là vô sắc?

Phật bảo BỒ-tát Hiền Hộ:

– Sắc có hai loại: Một là nội sắc, hai là ngoại sắc. Nhãn thức là nội sắc, nhãn căn là ngoại sắc. Nhĩ thức là nội sắc, nhĩ căn là ngoại sắc. Tỷ thức là nội sắc, tỷ căn là ngoại sắc. Thiệt thức là nội sắc, thiệt căn là ngoại sắc. Thân thức là nội sắc, thân căn là ngoại sắc. Nay BỒ-tát Hiền Hộ, như người mù bẩm sinh mộng thấy sắc đẹp, tay chân, mặt mày, hình dáng đều rất đẹp, liền ở trong mộng cảm thấy rất yêu thích. Đến lúc thức dậy, vẫn là tối tăm không thể thấy. Đêm đã hết, sáng ngày, mọi người tụ họp, người mù liền kể lại chuyện vui trong mộng: Tôi thấy mỹ nhân hình dáng xinh đẹp, vườn hoa đủ loại, số người có đến trăm ngàn, ăn mặc đẹp đẽ vui đùa, da dẻ tươi thắm, vai lưng tròn đầy, tay thon dài giống như vôi voi. Tôi ở trong mộng có được sự vui thích tràn trề tâm sinh hoan hỷ.

Nay BỒ-tát Hiền Hộ! Người mù bẩm sinh này chưa từng thấy vật, làm sao trong mộng có thể thấy sắc đẹp?

BỒ-tát Hiền Hộ bạch Phật:

– Xin Phật chỉ bày.

Phật bảo BỒ-tát Hiền Hộ:

– Sự thấy ở trong mộng gọi là “Nội nhãn sở” (Nhãn thức) là tuệ phân biệt, chẳng phải do nhục nhãn thấy. Nội nhãn sở ấy do niệm lực, cho nên người mù ở trong mộng thấy cảnh hiện ra trong

chốc lát. Lại do niệm lực nhận biết và nhớ lại việc đó. Nội sắc của thức cũng như vậy.

Lại nữa, này BỒ-tát Hiền Hộ! Khi thân chết, thức chuyển đời, cũng như hạt giống gieo vào đất bị hủy đi được bốn đại thân giữ nên thân, cành, nhánh, lá dần dần tăng trưởng. Thức theo niệm lực thọ nhận bốn pháp thiện, bất thiện v.v... để thân giữ, bỏ thân này chuyển hóa cũng lại như thế.

BỒ-tát Hiền Hộ bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Thế nào là pháp thiện và bất thiện được thân giữ nơi thức?

Phật bảo BỒ-tát Hiền Hộ:

– Ví như ngọc pha lê đẹp đẽ, tùy theo chỗ đựng của nó đen hoặc trắng mà màu sắc của pha lê cũng theo đó mà trở thành trắng hoặc đen. Pháp thiện hay bất thiện được thân giữ nơi thức cũng như vậy, tùy vào chỗ thân giữ mà trở thành thiện hay bất thiện, chuyển hóa thọ quả báo.

BỒ-tát Hiền Hộ lại thưa Phật:

– Vì sao thân này lại thọ nhận nơi thức?

Phật bảo BỒ-tát Hiền Hộ:

– Thức này không tích tụ, cũng không sinh trưởng. Ví như hạt nảy mầm, chẳng phải là hạt giống không biến đổi mà sinh mầm, cũng chẳng phải là hạt giống bị hủy hoại mà sinh mầm, nhưng khi hạt nảy mầm thì hạt giống ấy biến đổi, hư hoại. Này BỒ-tát Hiền Hộ! Ý ông nghĩ sao? Cái mầm đó

tồn tại ở chỗ nào? Ở nơi hạt, cành, nhánh, lá hay đầu ngọn cây chẳng?

Bồ-tát Hiền Hộ bạch:

– Bạch Thế Tôn! Không phải vậy! Mầm không dừng lại ở một chỗ nào.

Như thế, này Bồ-tát Hiền Hộ! Thức tồn tại nơi thân không dừng lại một chỗ nào, chẳng phải ở nơi mắt, tai, mũi, miệng, thân. Khi hạt giống nảy mầm, như thức có sự nhận biết vi tế cho đến lúc kết hoa, như thức có sự thọ nhận. Lúc hoa mới nở cho tới lúc kết trái, như thức có thân, thức sinh ra ở thân và khắp các phần cơ thể, tìm kiếm chỗ dừng của thức chẳng có được. Nếu trừ nơi thân thức thì thức không sinh. Như quả chín mùi trên cây có thể làm hạt giống cho cây vị lai chẳng phải là không chín mùi. Như vậy quả báo hết, thân mất, chủng tử của thức liền hiện ra. Nhân nơi thức có thọ, nhân nơi thọ có ái, sự trói buộc nơi ái liền sinh ra ý niệm. Thức thấu giữ lấy ý niệm theo nghiệp thiện, ác, cùng với phong đại, nhận biết ý niệm của cha mẹ, hòa hợp các nhân duyên, thức liền nương gá vào đó. Như khuôn mặt người hiện ra trong gương, chẳng phải do mặt sạch, mặt sáng mà hình không hiện. Gương tỏ, mặt đối, hình ảnh mới hiện. Ảnh tượng trong gương không thọ nhận, không nhớ nghĩ mà chỉ lệ thuộc vào mỗi động tác co vào, duỗi ra, cúi xuống, ngược lên, há miệng nói đùa, đi đến, tiền dừng của thân. Này Bồ-tát Hiền Hộ! Ảnh

tượng hiện ra là từ năng lực của ai?

Bồ-tát Hiền Hộ bạch:

– Bạch Thế Tôn! Năng lực của người ấy, do có mặt nên có hình ảnh của mặt, sắc của ảnh tượng giống như sắc của mặt. Các căn đầy đủ hay không đầy đủ, đều giống như khuôn mặt.

Phật bảo:

– Mặt là nhân của ảnh, gương là duyên của ảnh, nhân duyên hòa hợp nên ảnh hiện ra. Do thức làm nhân nên có thọ, tưởng, hành và các tâm sở. Cha mẹ là duyên. Nhân duyên hòa hợp mà có thân sinh ra. Như thân và gương kia, ảnh trong gương khi thân mất thì ảnh diệt, thân giữ lại ảnh tượng hoặc riêng hiện ra trong nước v.v... Thức bỏ thân này, giữ lại nghiệp thiện ác, chuyển sang thọ thân khác cũng lại như vậy. Lại như hạt giống Ni cù đà, Ô đàm bà v.v... tuy nhỏ nhưng có thể sinh ra cây lớn, cây lại sinh ra hạt, hạt lìa cây cũ liền sinh ra cây mới. Cây cũ trải qua một thời gian sinh sống sức lực suy yếu, dịch vị cạn kiệt, thân khô mục. Những loại sinh vật nhỏ cũng lại như vậy. Thức bỏ thân mạng nhân nơi nghiệp của mình thọ những thân to lớn khác. Như cây đại mạch, tiểu mạch, cây ô-ma, đậu ma-sa và vô số loại cây đều từ hạt giống mà sinh trưởng thành mầm, nhánh, hoa. Như vậy, do có thức, nên tùy theo sự biến chuyển sinh ra nơi chủng loại liền có cảm giác. Do có cảm giác nên

thọ giữ các nghiệp thiện ác và thọ các loại thân. Lại như con ong ham thích, luyến tiếc nơi hoa, hút hương vị của hoa để nuôi dưỡng mình. Ong bỏ hoa này lại đến với hoa khác. Hoặc bỏ hương thơm, hút lấy vị hôi. Hoặc bỏ vị hôi hút lấy hương thơm. Tùy chỗ hiện có mà đều yêu thích, luyến tiếc, nối kết với tham chấp. Thức cũng như vậy, nhờ phước nghiệp nên được thân của chư Thiên thọ quả báo an lạc, thù thắng. Hoặc bỏ thân chư Thiên do nghiệp ác nên bị quả báo nơi địa ngục, chịu các quả khổ, luân hồi, lưu chuyển nơi các loại thân. Thức như cây uất kim, hồng lam, cây Phân-đà-lợi, hạt giống của nó đều trắng. Bóc hạt giống ra, bên trong không thấy mầm, hoa và các màu sắc khác nhau. Hạt giống gieo vào đất, nhờ có nước thấm nhuần, hạt nảy mầm, thời tiết thuận lợi cây phát triển đâm hoa, kết quả tươi tốt, có các màu sắc trắng hoặc đỏ v.v... Màu sắc cùng mầm không ở trong hạt giống, song lìa hạt giống thì mầm không mọc được. Thức đã bỏ thân, tướng mạo của nhục thân các căn, các nhập thì trong thức không thấy có nhân duyên hòa hợp. Thức do thấy đẹp, nghe hay, âm thanh tiếp xúc với vị nơi pháp, do đó nhập vào ý niệm biết được chỗ tạo nghiệp thiện, ác của mình, nhân đây nhận lấy quả báo của thân. Như tầm làm kén, tự quán, tự buộc, sự chuyển hóa của thức ở đây cũng như vậy. Thức tự sinh khởi nơi thân, rồi trở lại tự trôi buộc vây bọc, tự lìa bỏ thân này lại thọ quả báo

khác. Do có chủng tử nên có sắc, hương, vị. Thức bỏ thân này, tùy theo chỗ chuyển đổi của nó, các căn, cảnh giới, thọ và pháp giới thay đều tùy theo sự biến đổi của thức. Như ngọc báu như ý, tùy theo sự ưa muốn hiện có mà được đầy đủ. Như ánh sáng tùy thuộc vào mặt trời. Thức cũng như vậy đều tùy thuộc vào sự biến đổi của thọ nhận, cảm giác, tưởng và pháp giới. Thức bỏ thân, thân giữ tất cả tánh, nhân của sắc làm thân, không có thân xương thịt, chỉ có các căn, thọ nhận sự nhớ nghĩ tốt đẹp, biết giữ lấy thiện, ác, biết quả các loại cây táo, thạch lựu, am-la, am-ma-lặc, tị-loa mọc lên ở chỗ khô cằn, hiếm nước; hoặc cay, hoặc đắng, hoặc chua, hoặc chát, hoặc ngọt, hoặc nồng, hoặc rít, mùi vị của mỗi thứ khác nhau; khi đã chín muối đem dùng thì công dụng của nó không phải là một. Quả hoại rồi thì mùi vị của mỗi loại tùy theo hạt giống chuyển hóa mà sinh ra. Như vậy, chủng tử của thức cũng tùy theo chỗ chuyển dời của nó, thọ nhận các niệm thiện, ác, tất cả đều lệ thuộc vào sự biến đổi của thức. Biết bỏ thân này, thọ báo nơi thân khác nên gọi là thức. Biết nghiệp thiện ác, biết nghiệp theo ta, biết ta giữ lấy nghiệp, chuyển hóa thọ quả báo nên gọi là thức. Mọi hoạt động nơi thân thay đều biết nên gọi là thức. Ví như gió thổi không có hình tướng để có thể nắm bắt, không có thể chất để có thể giữ lấy, do nhân duyên nên tạo ra các sự việc, biểu hiện là có gió là giữ lại khí lạnh hay khí

nóng, di chuyển hương thơm hay mùi hôi, lay chuyển làm rung cây ngã gãy, hoặc đẩy đập vào cánh cửa tạo ra tiếng động. Như vậy, thức không có hình tướng, thể chất, chẳng thấy, nghe hay nắm bắt được, nhờ nhân duyên nên tướng của thức hiển hiện đủ. Do thức giữ lấy thân nên thân biết được khô, vui, với đủ các màu sắc, ánh sáng đi, đến, tiến, dừng, nói, cười, vui, buồn, mọi việc đều được hiện rõ, nên biết là có thức.



KINH ĐẠI THỪA HIỂN THỨC

QUYÊN HẠ

Bây giờ, trong chúng hội có Bồ-tát Nguyệt Thật thẳng thượng, từ chỗ ngồi đứng dậy, chấp tay thưa:

– Bạch Thế Tôn! Vì sao thấy nhân của sắc? Vì sao thấy nhân của dục? Vì sao thấy nhân của kiến? Vì sao thấy nhân của giới thủ?

Phật bảo Bồ-tát Nguyệt Thật:

– Trí thấy cảnh giới của trí, ngu thấy cảnh giới của ngu. Người trí thấy các sắc tinh sạch, đẹp đẽ, biết rõ dơ ւế, chính là các phần thịt, gân, xương, máu mủ, động mạch, tĩnh mạch, ruột già, ruột non, sống lưng, dịch vị, não, thận, lá lách, tim, mật, lá gan, phổi, bọng, bao tử, sinh tạng, thực tạng, đờm, nước mũi, tóc, móng tay, móng chân, đại tiện, tiểu tiện, da mỏng bao bọc đều là những thứ bất tịnh, ô ւế lộ ra, đáng nhàm chán, ghê sợ. Phạm các sắc hiện có đều từ bốn đại sinh. Đó là nhân của sắc.

Này Bồ-tát Nguyệt Thật! Như cha mẹ sinh ra thân ta, phần cứng chắc là địa đại, sự ướt chảy là

thủy đại, hơi âm là hỏa đại, sự chuyển động nhẹ nhàng là phong đại. Còn giác tri, suy niệm về cảnh giới của thanh, hương, vị, xúc v.v... những phần này đều là thức.

Bồ-tát Nguyệt Thật lại thưa Phật:

– Bạch Thế Tôn! Khi sắp chết thức lìa bỏ thân như thế nào? Làm sao thức di chuyển nơi thân? Vì sao thức biết nay lìa bỏ thân này?

Phật bảo Bồ-tát Nguyệt Thật:

– Chúng sinh tùy theo nghiệp mà nhận chịu quả báo. Thức lưu chuyển liên tục giữ lấy thân không dứt, trải qua một thời hạn chịu quả báo xong, thức bỏ thân này, theo nghiệp chuyển dời thọ thân khác. Ví như sữa hòa với nước, lấy sức nóng của lửa để nấu, sữa, nước và chất béo mỗi loại đều bị phân tán.

Như vậy, này Bồ-tát Nguyệt Thật! Mạng sống của chúng sinh kết thức là do nghiệp lực tan nên hình hài, thức, các nhập, giới, mỗi mỗi đều bị phân tán. Thức lại làm chỗ nương tựa, vì giữ lấy pháp giới và nhớ nghĩ về pháp giới cùng nghiệp thiện, ác, thức chuyển sang thọ báo nơi thân khác. Này Bồ-tát Nguyệt Thật! Ví như thuốc đại cát thiện tô, dùng vị của các loại thuốc hay độc công sức hòa hợp mới là đại cát thiện tô, loại bỏ tánh của loại tô thường, chỉ giữ lấy sức mạnh của thuốc hay với sáu vị cay, đắng, chua, chát, mặn, ngọt, dùng nuôi thân

người, liền cùng với thân người tạo nên sắc hương vị. Thức bỏ thân này, giữ lại nghiệp thiện, ác và biến khắp pháp giới, chuyển đời thọ báo nơi thân khác cũng như vậy.

Này Bồ-tát Nguyệt Thật! Chất tô như thân, các loại thuốc hòa hợp là “Đại cát thiện”. Như các pháp cùng hòa hợp với các căn tạo ra nghiệp. Vị của các loại thuốc hòa với nhau tạo thành với chất tô. Như nghiệp hỗ trợ cho thức, uống đại cát thiện thì vui vẻ, tươi tỉnh sung mãn được hình sắc đẹp đẽ, sức lực an ổn, không còn lo lắng. Như thiện hỗ trợ cho thức thì được quả báo an vui. Uống chất tô trái cách thì dung mạo trở thành xấu xí, khô cạn huyết khí, trắng dã như kẻ chết. Như nghiệp ác hỗ trợ cho thức thì phải chịu quả báo khổ đau. Này Bồ-tát Nguyệt Thật! Chất liệu tốt lành của tô không tay, không chân, không mắt mà có thể giữ lại sức mạnh nơi sắc hương vị của thuốc hay. Thức cũng như vậy, giữ lấy pháp giới thọ nhận và các nghiệp thiện, bỏ thân giới này, thọ thân trung ấm được ý niệm vi diệu của cõi trời, thấy sáu tầng trời nơi cõi dục và mười sáu tầng địa ngục, thấy thân mình tay chân đoan nghiêm, các căn tốt đẹp, thấy bỏ thân chết, và biết rằng đây là thân đời trước của ta. Lại thấy tướng cao đẹp thù thắng nơi cung điện của các cõi trời với vô số các thứ trang nghiêm, hoa quả cỏ cây um tùm che phủ, chiếu tỏa ánh sáng rực rỡ như vàng mới luyện thành các đồ quý báu để trang sức.

Người kia thấy những thứ này rồi, tâm rất vui mừng, nhân sự vui mừng ấy, thức khởi lên sự ham thích, liền gá vào. Người ấy nhờ tạo nghiệp thiện, xả bỏ thân hay thọ thân đều được an lạc không khổ. Như người cỡi ngựa bỏ một, cỡi một. Như người tráng sĩ võ nghệ thao lược gồm đủ, thấy kẻ địch đến liền mặc áo giáp, đội mũ chắc chắn ngồi xe ngựa tốt xông lên, không sợ hãi. Thức hỗ trợ các căn lành, bỏ hơi thở ra vào, lia thân giới, nhập, dời chuyển để thọ nhận sự an lạc thù thắng cũng như vậy. Từ cõi trời Phạm thân cho đến trời Hữu đánh đều được sinh trong ấy.

Bấy giờ, trong chúng hội, có vương tử Đại Dược từ chỗ ngồi đứng dậy, chấp tay thưa:

– Bạch Thế Tôn! Thức bỏ thân này tạo ra hình sắc gì?

Đức Phật bảo:

– Lành thay, vương tử Đại Dược! Chỗ ông vừa hỏi rất là sâu xa nơi cảnh giới của Phật, chỉ có Như Lai mới có thể hiểu được.

Lúc này, Bồ-tát Hiền Hộ thắng thượng thưa Phật:

– Vương tử Đại Dược đã thưa hỏi về điều rất sâu xa, trí của vị ấy thật thông tuệ, sáng suốt, vi diệu.

Đức Phật bảo Bồ-tát Hiền Hộ:

– Vương tử Đại Dược này đã ở chỗ Đức Phật

Tỳ-bà-thi gieo trồng các căn lành, từng trải qua năm trăm đời sinh trong nhà ngoại đạo. Lúc làm ngoại đạo thường suy nghĩ về ý nghĩa của thức. Thức là thế nào? Vì sao gọi là thức? Trong năm trăm đời ấy không thể hiểu rõ, chẳng biết được đầu mối, sự đến, đi của thức. Ngày nay, Ta vì muốn phá trừ lưới nghi cho vị ấy khiến được hiểu rõ.

Lúc đó, Bồ-tát Hiền Hộ thắng thượng nói với vương tử Đại Dục:

– Lành thay! Lành thay! Nay Nhân giả thừa hỏi về chỗ thật sâu xa vi diệu. Điều Bồ-tát Nguyệt Thập thừa hỏi, nghĩa đó còn cạn hẹp giống như đũa trẻ, tâm còn giống ruồi theo cảnh bên ngoài, không biết được bên trong. Chánh pháp khó được nghe, chư Phật khó gặp. Trí Phật rộng lớn trọn vẹn, tuệ sâu xa khó suy lường, đối với lý vi diệu tốt bậc nên chuyên tâm cầu thỉnh giải bày.

Khi ấy, vương tử Đại Dục thấy Đức Phật dung mạo tươi sáng, hoan hỷ, rạng rỡ như hoa sen nở vào mùa thu, liền vui mừng hết mực, nhất tâm chấp tay thừa Phật:

– Bạch Thế Tôn! Con rất mến mộ, khát ngưỡng pháp thâm diệu, thường sợ Như Lai nhập Niết-bàn, không nghe được chánh pháp. Đối với chúng sinh ở trong đời ác gồm đủ năm thứ ô trược, ngu tối không biết nơi pháp thiện, bất thiện, thuần thực cùng không thuần thực, đều không thể hiểu rõ nên

mê lầm, mãi lưu chuyển trong sinh tử khổ nơi các cõi.

Phật bảo Bồ-tát Vương tử Đại Dục:

– Chánh pháp của Như Lai khó gặp, khó được. Ta về thời xa xưa, vì nửa bài kệ phải lên núi tự rơi xuống, xả bỏ thân mạng để cầu chánh pháp, trải qua vô lượng trăm ngàn vạn ức năm, chịu vô số khổ nạn. Nay Vương tử Đại Dục, ông có điều mong cầu, nên tùy ý hỏi, Ta sẽ phân biệt giảng nói cho ông thấu tỏ.

Vương tử Đại Dục thưa:

– Bạch Thế Tôn! Thế nào là hình tướng của thức, xin Phật chỉ bày?

Phật bảo vương tử Đại Dục:

– Như hình bóng của người hiện ra trong nước, hình tướng này không thể nắm giữ, chẳng phải có hay không có. Như hình tướng Sô-lạc-ca, như hình tượng khát ái.

Vương tử Đại Dục thưa:

– Thế nào là khát ái?

Phật dạy:

– Như người đối với sắc hợp ý nên nhãn căn hướng về sắc. Đó gọi là khát ái. Như cầm gương sáng soi thấy mặt mình, nếu cất gương đi thì không thấy mặt. Sự chuyển biến của thức cũng như vậy. Nghiệp thiện, ác cùng với hình sắc của thức đều không thể thấy. Như người mù bẩm sinh đối với

mặt trời mọc, mặt trời lặn, đêm ngày, sáng tối đều không thể thấy. Thức không thể thấy cũng như vậy. Khát ái, thọ, tưởng ở trong thân không thể thấy. Các đại, các nhập, các ấm của thân đều là thức. Các thể hữu sắc như mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và sắc, thanh, hương, vị, xúc v.v... Cùng với thể vô sắc gồm: tâm thọ nhận khổ, vui, cũng đều là thức. Nay vương tử Đại Dục! Như người dùng lưỡi nếm thức ăn, biết được sáu mùi vị: mặn, ngọt, đắng, cay, chua, chát. Lưỡi cùng thức ăn đều có hình sắc, nhưng các vị ấy thì vô hình. Lại nhân nơi thân, xương tủy, da thịt, máu huyết-mà biết được các thọ. Các thứ nơi thân như xương v.v... có hình tướng mà thọ thì không có hình sắc. Thức biết phước hay chẳng phải phước quả cũng như vậy.

Bấy giờ, Bồ-tát Hiền Hộ thắng thượng đánh lễ dưới chân Phật, thưa:

– Bạch Thế Tôn! Thức này có thể biết về phước hay chẳng phải phước chăng?

Phật dạy:

– Hãy lắng nghe, chẳng phải chưa kiến đế mà có thể thấy được thức. Thức không thể nhìn thấy được. Chẳng phải như quả A-ma-lặc trong lòng bàn tay. Thức không ở trong tai, mắt, mũi v.v... Nếu thức ở trong mắt, tai, mũi thì khi phá vỡ mắt, tai, mũi thì sẽ thấy thức.

Này Bồ-tát Hiền Hộ! Hằng sa chư Phật thấy

thức là vô sắc, Ta cũng như vậy, thấy thức là vô sắc. Hàng phàm phu ngu tối không thể thấy được, nhưng nhờ ví dụ mà mở bày hiển hiện. Nay Bồ-tát Hiền Hộ! Muốn biết tội phước của thức, ông nay nên lắng nghe. Ví như có người tham chấp làm chư Thiên thần, Càn-thát-bà, quỷ thần Tắc kiền đà. Nay Bồ-tát Hiền Hộ! Ý ông nghĩ sao? Người ấy vì tham chấp làm thân trời, quỷ thần v.v... Do tâm tham chấp mà cầu đạt thân thì có thể thấy được không?

Bồ-tát Hiền Hộ đáp:

– Bạch Thế Tôn! Không thấy được. Sự tham chấp làm thân trời, rồng, quỷ thần không sắc, không hình, thân bên trong, bên ngoài đều không thể thấy được.

Nay Bồ-tát Hiền Hộ! Người muốn được phước thù thắng của chư Thiên phải đem các thứ hương hoa tốt đẹp, thức ăn thơm ngon, nước uống tinh sạch, tất cả vật cúng dường đều phải tinh khiết, những việc làm này là do thức tạo, phước báo sẽ được quả hoặc làm vua, hoặc làm tể tướng, hoặc làm người giàu có, sang trọng, hoặc làm trưởng giả, đại thương chủ, hoặc được thân chư Thiên thọ nhận phước báo thù thắng của cõi trời, do thức làm phước mà thân đạt được quả báo an vui. Người đó đạt phước báo thù thắng của cõi trời được hương hoa tốt đẹp, thức ăn thơm ngon, sức khỏe không bệnh, an ổn, đời nay được giàu có, tôn quý, tự tại. Nên biết tất cả đều nhờ phước hỗ trợ cho thức mà

thân được quả báo an vui.

Này Bồ-tát Hiền Hộ! Người ấy vì tâm tham đắm nên phải làm Phú-đan-na là loại quỷ thần ác, ưa thích những thứ bất tịnh, phân dơ, đờm giải, do những việc như vậy mất đi sự an vui, bệnh hoạn càng tăng thêm, người ấy theo sự ham muốn mà ưa thích những mùi hôi bất tịnh, phân dơ ứ. Thức do tội tạo nên cũng như vậy. Hoặc sinh trong các nẻo ác, nhà bần cùng, hoặc sinh làm loài ngựa quý, súc sinh, ăn đồ dơ ứ. Do tội hỗ trợ cho thức nên nhận chịu quả khổ.

Này Bồ-tát Hiền Hộ! Chư Thiên không có hình tướng mà lãnh thọ được các thứ hương thơm cúng dường. Phước của thức không hình tướng, thọ nhận quả báo an lạc, thù thắng cũng như vậy. Phú-đan-na v.v... là loài quỷ thần xấu ác, vì tham đắm liền thọ nhận đồ ăn uống bất tịnh, dơ ứ, thức tạo nghiệp tội phải nhận khổ báo cũng như vậy.

Này Bồ-tát Hiền Hộ! Nên biết, thức không hình tướng, thể chất, như quỷ thần, chư Thiên thể chất hiện rõ, đạt được các vật dụng cúng như thức ăn uống tốt, xấu, như thức tạo tội phước được quả báo khổ vui.

Vương tử Đại Dục thừa Phật:

– Làm thế nào thấy được nhân của dục?

Phật bảo Bồ-tát Đại Dục:

– Sự hỗ trợ cho nhân sinh ra dục cũng như do

nơi đồ dùng lấy lửa cộng với sức người mà sinh ra lửa. Như vậy, nhân nơi thức và nam, nữ, sắc, thanh, hương, vị, xúc mà có dục sinh. Ví như nhờ hoa sinh quả, trong hoa không có quả, quả sinh thì hoa diệt. Như vậy, nhân nơi thân mà thức hiển bày. Theo thân tìm thức thì không thể thấy thức, nghiệp quả của thức lúc sinh thì thân liền diệt. Xương tủy nơi thân và các thứ bất tịnh đều bị tiêu tán. Lại như hạt giống giữ lấy quả của vị lai với sắc, thanh, hương, vị, xúc theo sự gieo trồng mà sinh. Thức bỏ thân này, giữ lại nghiệp thiện, ác, thọ, tưởng, tác ý chịu quả báo của đời sau cũng như vậy. Lại như nam, nữ ái dục hoan lạc, rồi xa lìa nhau mà đi. Thức với thân hòa hợp, lưu luyến, tham chấp, say đắm, khi quả báo hết thức ly tán theo nghiệp thọ quả báo khác. Thức của thân trung ấm nhờ duyên nơi cha mẹ, do nghiệp lực sinh thức mà được quả báo thọ thân. Ái tình và nghiệp đều không có hình chất, nhân nơi tướng của sắc dục mà sinh ra dục. Đó là nhân của dục.

Này vương tử Đại Dục! Thế nào là thấy nhân của giới thủ? Giới là những điều răn dạy được chế ra của bậc thầy, như không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm, không vọng ngữ, không uống rượu. Thủ là chấp thủ. Giới này chế ra với nhận thức như vậy, nhờ trì giới này mà đạt được các quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán. Nhờ nhân này nên đạt được nơi cõi thù thắng,

nghĩa là được thọ thân nơi hàng trời, người. Đây đều là pháp thiện hữu lậu, chẳng phải là pháp thiện vô lậu. Thiện vô lậu không có quả dị thực của âm. Nay giới thủ này là gieo hạt giống hữu lậu. Đối với thức giữ lấy nghiệp thiện ác thì thức không thuần tịnh, là nhân của phiền não nên phải nhận quả khổ bức bách. Đó là nhân của giới chấp thủ.

Vương tử Đại Dục thừa Phật:

– Bạch Thế Tôn! Thế nào là thức nhận lấy thân chư Thiên cho đến thân địa ngục?

Phật bảo vương tử Đại Dục:

– Thức cùng với pháp giới giữ lấy sự nhìn biết vi diệu, chẳng phải là chỗ nương của nhục nhãn để thấy được nhân. Sự nhìn thấy vi diệu này cùng với cảnh giới của phước hòa hợp, vừa thấy sự dục lạc vui thích nơi cung trời, thức liền bị đắm nhiễm. Nghĩ rằng: “Ta nên đến đó”. Do có niệm ái nhiễm, luyến tiếc là có nhân, thấy rồi bỏ thân, nghĩ như vậy: Thân chết này là đại thiện tri thức của Ta, do đã tích tập các căn lành, nên nay Ta được quả báo nơi cõi trời.

Vương tử Đại Dục thừa Phật:

– Thức này đối với thân chết đã có nhiều tham ái, sao không gắn bó vào đấy?

Phật bảo vương tử Đại Dục:

– Ví như râu tóc đã cắt bỏ, tuy thấy tóc đen, óng mượt nhưng không thể đem tóc đó trồng lại nơi

thân, khiến chúng mọc lại được. Như vậy, này vương tử Đại Dục! Thân chết bỏ đi rồi, thức cũng không thể nương gá vào để thọ nhận quả báo.

Vương tử Đại Dục thưa:

– Bạch Thế Tôn! Thức này rỗng lặng, vi diệu, không hình chất, không tướng trạng, không thể giữ lấy, tìm kiếm, vì sao có thể nắm giữ được những chúng sinh thân lớn như voi v.v..., dù thân vững chắc như kim cương mà có thể xuyên suốt vào. Hoặc như thân trượng phu tráng kiện, sức địch nổi chín voi vẫn có thể nắm giữ được?

Phật bảo vương tử Đại Dục:

– Ví như gió thổi không chất, không hình, ở trong hang sâu, lỗ hổng, giữa vách đá, gió ấy thổi cực mạnh làm nghiêng đổ núi Tu-di, làm vỡ ra thành những hạt bụi.

Này vương tử Đại Dục! Gió cực mạnh thổi tan núi Tu-di có sắc tướng thế nào?

Vương tử Đại Dục bạch:

– Bạch Thế Tôn! Gió ấy vi diệu, không thể chất, không hình tướng.

Phật bảo vương tử Đại Dục:

– Gió ấy vi diệu không chất, không hình. Thức cũng như vậy, vi diệu, không chất, không hình. Đối với thân lớn, thân nhỏ đều có thể nắm giữ. Hoặc thọ thân muỗi, hoặc thọ thân voi. Ví như ngọn đèn sáng, ánh đèn vi diệu đặt trong căn nhà tối, tùy theo

căn nhà lớn hay nhỏ mà các bóng tối liền được dứt trừ. Thức cũng như vậy, tùy theo nhân của các nghiệp mà sự nắm giữ ấy là lớn nhỏ.

Vương tử Đại Dục thưa:

– Bạch Thế Tôn! Các tướng tánh của nghiệp đó như thế nào, do nhân duyên gì mà có thể hiện rõ?

Phật bảo vương tử Đại Dục:

– Dục sinh trong các cõi trời, ăn các món ngon, hưởng sự vui vẻ, an lạc, đây đều là do nghiệp quả đưa đến. Như người khát nước đi qua đồng trống vắng mênh mông, một người được nước trong lành mát mẻ thì vui mừng, một người không được nước phải chịu mọi khổ về khát mệt. Người được nước không có người để đem cho. Người phải chịu khát, khổ cũng không bị ai ngăn ngại, chẳng hứa cho nước. Cả hai đều do nghiệp nhân nên thọ nhận quả báo khổ, vui khác nhau.

Vương tử Đại Dục nên biết! Thấy nghiệp thiện ác như ánh trăng giữa hư không gồm hai phần sáng, tối, như trái cây sống, do hỏa đại tăng làm quả chín chuyển sang màu sắc khác nhau. Cũng vậy, thân này do phước tăng nên sinh vào dòng họ giàu có, cao quý, tài sản, vàng bạc đầy khắp. Hoặc sinh vào các cõi trời thọ báo sung sướng, tự tại. Đây đều là tướng phước của nghiệp thiện hiện rõ. Ví như hạt giống gieo nơi đất mà quả hiện ra trên cây. Nhưng hạt giống đó không từ nơi cành nhập

vào cành để đến ngọn cây được. Chặt, tách thân cây ra cũng không thấy hạt. Không có người đem hạt đặt trên cành. Cây lớn dần, rễ chắc chắn, tìm cũng không thấy hạt giống. Như vậy các nghiệp thiện, ác đều nương nơi thân, nhưng tìm nơi thân cũng không thấy nghiệp. Như nhờ nơi hạt giống mà có hoa, nhưng trong hạt giống không có hoa. Nhờ hoa có quả, nhưng trong hoa không có quả. Hoa quả tăng trưởng dần cũng không thấy. Nhân nơi thân có nghiệp, nhân nơi nghiệp có thân, trong thân không có nghiệp, trong nghiệp không có thân cũng như vậy. Như hoa rụng hết thì quả mới hiện ra. Thân đã hoại diệt, nghiệp quả mới xuất bày. Như có hạt giống, thì nhân của hoa quả mới có đủ. Như vậy, có thân, thì nhân của nghiệp thiện ác mới gồm đủ. Nghiệp ấy không hình cũng không hiện rõ tướng. Như bóng của thân người không thể chắt, không bị ngăn ngại, không thể nắm giữ, ràng buộc nơi người, tiến, dừng, qua, lại tùy thân vận động. Cũng không thấy bóng từ thân mà ra. Nghiệp nơi thân cũng vậy. Có thân, có nghiệp nhưng không thấy nghiệp trói buộc nơi thân, cũng không lìa thân mà có thể có nghiệp. Như các thứ thuốc uống với các vị đắng, cay, mặn, nhạt khác nhau, có thể chữa trị tất cả bệnh, khiến thân được khỏe mạnh, dung mạo tươi tốt, người trông thấy biết ngay là đã uống loại thuốc hay. Vị thuốc ấy có công hiệu, nhưng không có hình tướng nhìn không thể thấy, không

thể nắm bắt, nhưng nhờ đó mà người uống được khỏe mạnh, da dẻ hồng hào. Nghiệp không có hình tướng, thể chất nhưng có thể hỗ trợ cho thân cũng như vậy. Người tích tập nghiệp thiện thì được phước hưởng các thứ thức ăn, y phục đầy đủ, tay chân hình dáng đẹp đẽ, nhà cửa sang trọng, của báu chất đầy, an vui, vừa ý. Nên biết, đây là tướng của nghiệp thiện. Trái lại, sinh ra ở nơi biên địa, hạ tiện, bần cùng, đồ dùng thiếu hụt, ăn uống sút kém, hoặc không được ăn, tướng mạo xấu xí, hèn hạ. Nên biết đây là tướng của nghiệp ác. Giống như gương sáng, soi thấy vẻ mặt tốt xấu, hình bóng trong gương không thể chất, giữ lại không được. Thức tích tập nghiệp thiện hay bất thiện cũng như vậy, có thể sinh trong hàng trời, người, hoặc sinh trong các cõi địa ngục, súc sinh.

Này vương tử Đại Dược! Nên nhận thấy nghiệp cùng thức hòa hợp, chuyển hóa như vậy.

Vương tử Đại Dược thưa:

– Bạch Thế Tôn! Làm sao thức vi tế có thể nắm giữ các căn, giữ lấy thân to lớn?

Phật bảo vương tử Đại Dược:

– Ví như người thợ săn vào chốn núi rừng, cầm cung bắn mũi tên độc trúng con voi quý. Tên độc thấm vào máu, chất độc truyền khắp thân voi, các bộ phận trên thân voi đều bị tan hoại, chất độc lan nhanh làm cho thân chuyển thành các màu sắc

xanh, đỏ giống như huyết động. Chất độc giết voi rồi liền chuyển hóa. Ý ông nghĩ sao? Chất độc cùng với thân voi nhiều ít lớn nhỏ có thể so sánh được chăng?

Vương tử Đại Dục bạch:

– Bạch Thế Tôn! Chất độc cùng với thân voi, nhiều ít lớn nhỏ, lượng ấy rất khác xa, không thể đối chiếu. Như đem hạt cải so với núi Tu-di.

– Nay vương tử Đại Dục! Như vậy, thức bỏ thân này do giữ lấy các căn, bỏ các cảnh giới ấy tùy theo nghiệp chuyển hóa.

Vương tử Đại Dục thưa:

– Bạch Thế Tôn! Vì sao thức vi tế lại có thể nắm giữ thân to lớn mà không mệt mỏi?

Phật bảo vương tử Đại Dục:

– Núi chúa Tu-di cao tám vạn bốn ngàn do-tuần. Hai vị đại Long vương là Nan-đà và Ô-ba Nan-đà nhiều quanh núi ba vòng. Khi hai đại Long vương này dừng lại, làm chấn động núi Tu-di, khiến nước trong biển biến thành độc. Hai đại Long vương Hòa-tu-cát và Đức-xoa-ca cũng có sức mạnh như vậy. Ý ông nghĩ sao? Thức của bốn rồng chúa cùng với thức của con muỗi, con ve có khác nhau không?

– Bạch Thế Tôn! Thức của bốn con rồng chúa và con muỗi, con ve đều không khác nhau.

– Nay vương tử Đại Dục! Như đưa một ít giọt

chất độc Bạt-thố-na-bà vào miệng bốn con rồng, bốn con rồng liền chết. Ý ông nghĩ sao? Giọt nhỏ thuốc độc Bạt thố na bà và chất độc trong miệng rồng kia, chất độc nào lớn?

Vương tử Đại Dục bạch:

– Bạch Thế Tôn! Chất độc trong miệng rồng là lớn, còn chất độc nơi giọt thuốc độc kia thật là nhỏ.

– Này vương tử Đại Dục! Chúng sinh với thân to lớn, sức mạnh địch cả chín voi. Còn thức thì vi diệu, không sắc, không hình, không phân biệt về lượng, tùy theo nghiệp lực mà nắm giữ cũng lại như vậy. Như hạt Ni-cù-đà là rất nhỏ, hạt giống sinh ra cây phát triển rộng lớn, cành nhánh có tới hàng trăm ngàn. Ý ông nghĩ sao? Hạt ấy cùng với cây lớn, nhỏ giống nhau chăng?

Vương tử Đại Dục thưa:

– Bạch Thế Tôn! Hạt đó cùng với cây hình tướng lớn nhỏ thật khác xa, như lỗ hồng nhỏ trong ngó sen so với cối hư không.

– Như vậy, này vương tử Đại Dục! Cây ở trong hạt tìm không thể được, nhưng nếu không do nơi hạt thì cây không thể sinh. Hạt Ni-cù-đà rất nhỏ, có thể sinh ra cây lớn. Thức vi tế có thể sinh ra thân to lớn. Trong thức cầu tìm thân, thân không thể có được, nhưng nếu bỏ thức đi thì thân không thể có.

Vương tử Đại Dục lại bạch Phật:

– Vì sao chất kim cương kiên cố không thể hủy hoại thức, mà chỉ hoại những nơi nguy hại, chóng suy yếu trong thân?

Phật bảo:

– Nay vương tử Đại Dược! Ví như người nghèo cùng được ngọc báu như ý, nhờ uy lực của ngọc báu nên có nhà cửa, cung điện cao rộng đẹp đẽ, vườn rừng cây cối tốt tươi, hoa quả sum suê, voi ngựa, người hầu, vật dụng tự nhiên đưa đến đầy đủ. Người đó về sau mất ngọc báu như ý, thì các thứ vật dụng tạo của cải giàu có an lạc cũng không còn. Ngọc báu thần như ý bền chắc cho dù ngàn chất kim cương cũng không thể hủy hoại, nhưng chỗ sinh ra vật dụng của cải thì hư giả, vô thường, mau chóng tan diệt. Thức cũng như vậy, bền chắc không hoại, nhưng thân được thức sinh ra thì chóng hoại diệt.

Vương tử Đại Dược thưa:

– Bạch Thế Tôn! Thức mềm mại vi diệu làm sao xuyên vào các loại hình sắc thô cứng?

Phật bảo vương tử Đại Dược:

– Như thể của nước hết sức mềm mại, nhưng chảy làm xói mòn, suối nước từ cao có thể chảy xuyên qua núi đá, ý ông nghĩ sao? Tính chất của nước và đá cứng, mềm như thế nào?

Vương tử Đại Dược thưa:

– Bạch Thế Tôn! Chất đá rắn chắc giống như

kim cương, chất nước mềm mại như các tiếp xúc êm mát.

– Nay vương tử Đại Dực! Thức cũng như vậy, hết sức vi diệu, rất là mềm, nhưng có thể xuyên qua hình sắc nơi thân tướng to lớn, cứng chắc như kim cương để chuyển nhận thọ quả báo.

Vương tử Đại Dực thưa:

– Bạch Thế Tôn! Chúng sinh bỏ thân này làm sao sinh trong các cõi trời, cho đến sinh nơi địa ngục?

Phật bảo vương tử Đại Dực:

– Chúng sinh khi sắp chết người tạo nghiệp nơi phước, bỏ sự thấy của mình đạt được sự thấy vi diệu của chư Thiên, nhờ vậy mà thấy được sáu cõi trời nơi dục giới và sáu đường, thấy thân dao động, thấy cung điện nơi cõi trời, vườn hoan hỷ, các loại vườn hoa. Lại thấy cung điện hoa sen của chư Thiên có các kỹ nữ xinh đẹp hầu hạ vây quanh, cười nói đùa giỡn, tai đeo các hoa, mặc áo kiêu-xa-da, cổ tay mang vòng xuyên, đủ các thứ trang sức. Hoa thường nở rộ, các thứ vật dụng được bày biện đầy đủ. Nhìn thấy các thiên nữ tâm liền tham đắm, hoan hỷ vừa ý, mặt mày vui vẻ, rạng rỡ như hoa sen, nhìn không lẫn lộn, mũi không cong gãy, hơi miệng không hôi, mắt trong sáng như cánh sen xanh. Các phần trên thân không bị thống khổ. Mắt, tai, mũi, miệng không bị ra máu, không mất đại

tiêu tiện, không kinh sợ khiến các lỗ chân lông hiện rõ, lòng bàn tay không chết, lớp da dày màu vàng không bị xanh đen. Tay chân không rời loạn cũng không bị co rút. Các tướng tốt hiện rõ, thấy ở trong hư không có cung điện lớn, hàng trăm ngàn cột chạm trổ rất đẹp, các chuông treo, lưới rủ xuống hòa cùng tiếng gió thổi, âm thanh phát ra nghe vui thích, đủ thứ hương hoa để trang hoàng bảo điện, các đồng tử cõi trời, thân trang sức các thứ báu dạo chơi trong cung điện, nhìn thấy mỉm cười, răng lộ ra như hoa quân đồ, mắt không mở to, cũng chẳng nhắm lại, lời nói dịu dàng, thân không quá lạnh cũng không quá nóng, quyền thuộc vây quanh, không có sự buồn khổ. Lúc mặt trời mới mọc sẽ bỏ thân mạng, được thấy rõ ràng không bị tối tăm, những mùi hương lạ thơm lòng từ bốn phương bay vào, thấy oai nghi của Phật thì hoan hỷ kính trọng. Thấy rồi thì mọi sự ham thích đều từ bỏ, giống như đang đi bỗng dừng lại, nhận biết sự gần gũi an ổn, không bị chuyển theo, ưu sầu khổ não. Pháp như vậy sinh ắt sẽ chết, chớ vì phân biệt mà sinh khổ đau. Nay vương tử Đại Dục! Người tạo nghiệp thiện đến lúc sắp chết, thường thích bố thí, thích các thứ kệ tán, đủ thứ ánh sáng, tuyên dương chánh pháp, như ngủ hoặc không ngủ, xả bỏ thân mạng đều an ổn. Khi sắp lìa bỏ thân cũ, Thiên phụ Thiên mẫu cùng ngồi một tòa, trong tay Thiên mẫu tự nhiên hoa nở. Thiên mẫu thấy hoa bảo với Thiên

phụ: “Thật là phước lành, quả tốt hiếm có. Hôm nay, nên biết sự vui mừng của các con thời gian không còn lâu nữa”.

Thiên mẫu bèn dùng hai tay mân mê, lay động nơi hoa, lúc đang mân mê cánh hoa, mạng sống liền chấm dứt. Thức vô tướng kia xả bỏ các căn, nắm giữ các nghiệp cảnh, xả bỏ các cõi, giữ lấy sự việc nơi cõi để dời chuyển thọ nhận quả báo khác. Giống như cõi ngựa, bỏ một con cõi một con. Như mặt trời thích phát ra ánh sáng, như cây sinh lửa, như ánh trăng hiện rõ mặt nước lắng trong. Thức tích tập nghiệp thiện chuyển đổi được hưởng quả báo nơi cõi trời. Như luồng gió thổi nhanh gởi vào trong hoa. Thiên phụ và Thiên mẫu cùng trên tòa ngòai nhìn rõ. Gió đục của cam lồ thổi vào trong hoa bảy ngày. Ngọc báu trang sức trên thân phát ra ánh sáng rực rỡ, thiên đồng trong lành hiện rõ nơi tay Thiên mẫu.

Vương tử Đại Dược thừa Phật:

– Bạch Thế Tôn! Thức không có hình tướng làm sao nhờ vào năng lực của nhân duyên mà sinh ra hữu hình? Làm sao vật hữu hình lại ở trong nhân duyên?

Phật bảo vương tử Đại Dược:

– Như cây hòa hợp cùng chạm nhau sinh ra lửa, lửa ấy tìm kiến trong cây không thể có được. Nhưng nếu bỏ cây thì cũng không được lửa. Do

nhân duyên hòa hợp mà sinh ra lửa. Nhân duyên không đầy đủ tức lửa không sinh. Tìm sắc tướng của lửa trong cây thì hoàn toàn không thể thấy. Nhưng đều thấy lửa từ trong cây phát ra. Như vậy, này vương tử Đại Dược! Thức nhờ nơi nhân duyên của cha mẹ hòa hợp sinh ra thân hữu hình. Trong thân hữu hình tìm cầu không thấy thức, nhưng lìa thân hữu hình thì cũng không có thức. Này vương tử Đại Dược! Như lửa chưa phát ra thì tướng của lửa không hiện bày, cũng không xúc chạm hơi ấm, các tướng đều không. Như vậy, này vương tử Đại Dược! Nếu chưa có thân thì thức, thọ, tưởng, hành thấy đều không hiện được. Này vương tử Đại Dược! Như thấy ánh mặt trời tỏa chiếu sáng rực, các hàng phàm phu không thấy được thể tánh của mặt trời, thể ấy là màu đen, trắng hay vàng, đỏ đều không thể nhận biết, nhưng do ánh sáng chuyển biến, lúc mặt trời mọc, lặn, nhờ các tác dụng đó mà biết là có mặt trời. Thức cũng như vậy, nhờ vào các tác dụng mà biết có thức.

Vương tử Đại Dược bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Thế nào là tác dụng của thức?

Phật bảo vương tử Đại Dược:

– Thọ giác tưởng, hành, suy xét lo buồn, khổ não, đều là tác dụng của thức. Lại có nghiệp thiện và bất thiện huân tập thành chủng tử, tác dụng của nó hiện rõ nơi thức.

Vương tử Đại Dực bạch Phật:

– Thế nào là thức lìa thân liền mau chóng thọ thân? Thức bỏ thân cũ, chưa thọ thân mới, lúc ấy thức tạo ra hình tướng gì?

Phật bảo vương tử Đại Dực:

– Như có bậc trượng phu tráng kiện dừng mãnh, cánh tay dài mặc áo giáp kiên cố, cỡi ngựa chạy như gió xông vào trận, binh khí đã chạm nhau thì tâm tán loạn té xuống ngựa, thế võ luyện tập nhanh nhẹn nên liền nhảy lên. Thức bỏ thân liền nhanh chóng thọ nhận thân khác cũng lại như vậy. Lại như người yếu kém thấy địch thì sợ hãi cưỡi ngựa chạy lui. Thức tích tụ nghiệp thiện, thấy Thiên phụ, Thiên mẫu cùng ngồi một tòa thì nhanh chóng thác sinh vào đó cũng lại như vậy.

Này vương tử Đại Dực! Như chỗ ông hỏi, thức bỏ thân cũ, chưa thọ thân mới, bấy giờ, thức tạo ra hình tướng gì? Này vương tử Đại Dực, ví như bóng người hiện ở trong nước, không có thể chất, chẳng nắm bắt được, tay chân, mặt mũi và các hình trạng kia thì cùng với người không khác. Trong hình bóng thì thể chất nơi chỗ tạo nghiệp đều không. Chẳng lạnh, không nóng, không chạm xúc, cũng không mệt mỏi, các đại phân tán, không có âm thanh của ngôn ngữ, âm thanh của thân, âm thanh khổ vui. Thức bỏ thân cũ, chưa thọ thân mới, tướng trạng cũng lại như vậy. Này vương tử Đại

Dược! Người tích tụ nghiệp thiện được sinh vào hàng chư Thiên.

Vương tử Đại Dược thưa:

– Bạch Thế Tôn! Vì sao thức sinh vào địa ngục?

Phật bảo vương tử Đại Dược:

– Người tạo nghiệp ác phải vào địa ngục. Nay vương tử Đại Dược! Ông nên lắng nghe! Chúng sinh do tích tập căn bất thiện, lúc sắp chết suy nghĩ: Nay ta nơi thân này chết rồi, lìa bỏ cha mẹ là chỗ yêu thương của sự thân quen thật vô cùng buồn khổ. Thấy cảnh các địa ngục và thấy thân mình ứng hợp để vào trong đó, thấy chân ở trên, đầu ngược xuống dưới, lại thấy một chỗ đất thuần là máu, thấy máu đó rồi tâm sinh vướng chấp vào vị, duyên nơi vị ấy, tâm khởi tham đắm liền bị sinh vào địa ngục. Do sức mạnh nơi nhân của nước thối rửa, mùi hôi, thức thác sinh vào trong đấy. Ví như chỗ có phân ô ứ, mùi sữa, rượu thối là lực nơi nhân của các mùi khiến cho loài trùng sinh vào trong đó. Người bị đọa vào địa ngục gá vào mùi hôi thối của vật để sinh cũng như vậy.

Bồ-tát Hiền Hộ thẳng thượng chấp tay bạch Phật:

– Chúng sinh bị đọa vào địa ngục tạo ra sắc tướng như thế nào? Thân lại ra sao?

Phật bảo Bồ-tát Hiền Hộ:

– Sự ham thích chỗ đất có máu sinh vào địa ngục, khắp thân máu tỏa sáng thân như sắc máu. Sinh nơi ngục Ao nước sôi thân như mây đen. Sinh nơi ngục Sông sữa sôi thân hiện ra những chấm loang lổ xen lẫn tạo thành các sắc thể, hết sức mềm dòn, giống như thân dừa trẻ cao lớn hơn tám khuỷu tay, râu, tóc, lông nơi thân hình dài rủ xuống, tay chân mặt mày đều bị cong khuyết. Người cõi Diêm-phù-đề từ xa trông thấy liền chết.

Vương tử Đại Dược bạch Phật:

– Chúng sinh ở địa ngục lấy gì làm thức ăn?

Phật bảo vương tử Đại Dược:

– Chúng sinh ở địa ngục không có một chút an vui, lo sợ luôn theo đuổi, từ xa trông thấy nước đồng sôi đỏ sệt, ý cho là máu nên cùng chạy tới. Lại có tiếng kêu gọi, những kẻ bị đói khát có thể mau đến để ăn, nên họ vội chạy tới đó lấy tay bốc bỏ vào miệng, bị ngục tốt dùng nước đồng sôi đổ vào nơi hai bàn tay, bức ép khiến họ phải uống nước ấy vào bụng, xương cốt đứt đoạn, toàn thân phát ra lửa.

Này vương tử Đại Dược! Thức ăn của chúng sinh ở địa ngục chỉ làm tăng thêm sự thống khổ, không được một chút an lạc. Sự thống khổ của chúng sinh nơi địa ngục là như vậy, thức không bỏ, cũng không hủy hoại. Thân như đồng xương, thức gắn bó theo đây không lìa. Nghiệp báo chưa dứt thì

thân thọ khổ không rời. Bị đói khát bức bách, nên thấy vườn cây hoa quả rộng lớn tốt tươi, thấy rồi thì vui mừng, cùng nhau bảo: Vườn này xanh tốt, gió mát, chúng ta mau vào đó để tạm vui chơi trong chốc lát. Lúc ấy, cây lá, hoa quả liền biến thành đao kiếm cắt, chém những tội nhân, hoặc chặt thân làm hai đoạn, hoặc có tiếng gào thét lớn, bốn phía đuổi chạy, đám ngục tốt đứng cầm chày kim cang, gậy sắt, búa sắt, trượng sắt, cần môi giận dữ, thân phát ra lửa, dùng gậy đánh đập người tội, giữ lại không cho ra. Đây đều do nghiệp của mình mà thấy những việc như vậy. Chủ ngục dắt người tội theo sau, bảo: Ông từ chỗ nào đến? Có thể ở tại đây chớ nên chạy trốn giông ruồi đây đó. Nay nơi vườn này nghiệp của ông đã tạo nên có thể xa lìa được chăng? Như vậy, này vương tử Đại Dược! Do nghiệp lực nên chúng sinh ở địa ngục chịu vô số các thứ khổ, bảy ngày thì chết, sinh trở lại vào địa ngục. Như ong bay đi hút nhụy hoa rồi trở lại chỗ cũ. Chúng sinh tạo nghiệp tội nên phải vào địa ngục. Lúc mới chết thấy thần chết tới buộc cổ lôi đi, thân tâm khốn khổ, vào chỗ tối tăm, như bị giặc cướp bắt trời đem đi, nên nói: Ôi thôi tai họa. Thật khổ thay, nay ta bỏ các người thân thích, bằng hữu ở cõi Diêm-phù-đề để vào địa ngục, không thấy đường lên cõi trời, chỉ thấy toàn sự khổ, như tầm làm kén tự buộc lấy cái chết. Ta tự tạo tội bị nghiệp trời buộc mình, dùng dây thừng buộc vào cổ, kéo

đuôi, bức ép dần dặt vào địa ngục.

Này BỒ-tát Hiền Hộ! Chúng sinh tạo nghiệp tội sinh vào địa ngục, với các tướng khổ như vậy.

Bấy giờ, BỒ-tát Hiền Hộ cùng với vương tử Đại Dược nghe nói như vậy, thân run sợ, lông tóc dựng ngược, cùng đứng dậy chấp tay thưa:

– Nay chúng con cùng muốn quy y nơi Phật. Xin Thế Tôn thương xót cứu giúp, nguyện nhờ công đức nghe pháp này khiến cho những chúng sinh chưa được giải thoát, còn lưu chuyển trong chốn sinh tử, không còn bị đọa lạc nơi ba đường ác: địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh.

BỒ-tát Hiền Hộ lại thưa:

– Bạch Thế Tôn! Con có điều muốn thưa hỏi, xin Phật chấp thuận.

Phật bảo:

– Tùy ý ông hỏi.

BỒ-tát Hiền Hộ thưa:

– Bạch Thế Tôn! Thế nào là tích, thế nào là tụ, thế nào là âm? Thế nào là thân không dôi đổi?

Phật bảo BỒ-tát Hiền Hộ:

– Trí giới, kiến giới, ý giới, minh giới, do bốn cảnh giới này hòa hợp thành thân. Bốn giới cùng với cảnh và thức gọi là tích. Tụ nghĩa là sáu giới, sáu nhập. Nhân của hai nhập, nhân của ba cõi và cảnh của sáu nhập, tức là râu tóc, lông, móng tay, da thịt, máu mủ, nước mắt, nước mũi, đàm dãi, mỡ,

sống lưng, tủy, dịch thể, tay chân, mặt, mắt và các chi phần lớn nhỏ trong cơ thể, hòa hợp, tích chứa đầy đủ gọi là tụ. Giống như lúa, đậu, mè, tích chứa dần thành đống lớn gọi là tụ. Địa, thủy, hỏa, phong, không và thức gọi là sáu giới. Nhãn, nhĩ, tỉ, thiệt, thân, ý gọi là sáu nhập. Sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp gọi là cảnh của sáu nhập (sáu trần). Tham, sân, si là nhân của ba cõi. Nhân của hai nhập là giới và tín. Lại có hai nhân là xả và thí, tấn và định, thiện và bất thiện. Thọ, tưởng, hành, thức, bốn thứ này gọi là vô sắc ấm. Thọ nghĩa là lãnh thọ các tướng khổ vui, tướng không khổ không vui, tướng nghĩa là nhận biết tướng khổ vui, hành là niệm về hiện tại, tác ý và xúc, thức là chủ tể của thân, hành biến khắp nơi các thân thể có sự tạo tác đều do thức đời chuyên. Nghĩa là thân, miệng, ý thanh tịnh thì chúng được đạo quả. Người này chết rồi, thức từ bỏ hữu ấm, không thọ nhận lại, không lưu chuyển nơi các cõi, hướng đến nơi an lạc bậc nhất không đời đời nữa, gọi là không chuyển đời.

Lúc này, Bồ-tát Hiền Hộ cùng vương tử Đại Dược đánh lễ dưới chân Phật thưa:

– Bạch Thế Tôn! Phật là bậc Nhất thiết trí, thuyết giảng về pháp tụ này, nên ở đời vị lai có thể tạo lợi ích an lạc lớn cho chúng sinh.

Đức Phật dạy:

– Pháp tụ của Như Lai thường trụ, chẳng đoạn

dứt, Nhất thiết trí là sự nhận biết mà không tạo tác. Ta đã trải qua vô lượng sự khổ cực siêng năng tích tập ánh sáng của trí tuệ, nay vì các chúng sinh thuyết giảng kinh này là mặt trời chánh pháp chiếu tỏa ánh sáng rộng lớn, khen ngợi biển Nhất thiết trí với công đức lưu truyền khắp nơi, có thể điều phục tâm một cách trọn vẹn. Ở chỗ thuyết giảng kinh này, hoặc đọc tụng, giảng nói đều có các hàng trời, quỷ thần, A-tu-la, Ma-hầu-la-già cùng đến lễ bái ủng hộ. Các nạn đáng sợ về nước, lửa, vua, giặc đều không thể làm hại. Các Tỳ-kheo từ nay trở đi, đối với những người không tin chớ nên thuyết giảng kinh này. Người tìm lỗi của kinh chớ chỉ bày. Đối với các bộ phái Ni-kiền-tử nơi hàng ngoại đạo cũng chớ nên thuyết giảng. Người không cung kính, không khát ngưỡng cầu thỉnh, chớ nên giảng nói kinh này. Nếu trái lời dạy của Ta thì sẽ gây tổn hại cho chánh pháp. Người ấy cùng làm tổn hại đến Như Lai. Nay các Tỳ-kheo! Nếu có người lễ bái, cúng dường kinh này thì phải nên cung kính, cúng dường người ấy. Đây chính là người giữ gìn tạng pháp của Như Lai.

Lúc ấy, Đức Thế Tôn liền nói kệ:

*Phải vượt qua phiền não
Siêng tu chánh pháp Phật
Diệt trừ quân ma chết
Như voi giẫm cỏ lau.
Hành pháp giữ giới cấm*

*Tinh tấn chớ biếng trễ
Bỏ sinh tử lưu chuyển
Đứt mọi biên vực khổ.*

Phật thuyết giảng kinh này rồi, Bồ-tát Hiền Hộ thắng thượng và vương tử Đại Dược cùng các Tỳ-kheo, chúng Đại Bồ-tát, tám bộ chúng, trời, người, A-tu-la, Càn-thát-bà v.v... cùng cả chúng hội nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành.



SỐ 348

KINH ĐẠI THỪA PHƯƠNG ĐĂNG YẾU TUỆ

*Hán dịch: Đồi Hậu Hán, Tam Tạng
An Thế Cao, người nước An Tức.*

Nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật giáo hóa ở nước Xá-vệ. Lúc ấy Bồ-tát Di-lặc chấp tay thưa Phật:

– Bạch Thế Tôn! Con có đôi điều muốn hỏi, nếu Thế Tôn cho phép, con mới dám thưa.

Đức Phật dạy:

– Nếu có điều gì nghi ngờ thì cứ hỏi, Ta sẽ vì ông mà giải thích để được vừa ý.

Bồ-tát Di-lặc thưa:

– Làm thế nào để Đại Bồ-tát trụ nơi pháp không thoái chuyển, đối với pháp Đại thừa có tiến triển mà không sút giảm, thực hành đạo Đại Bồ-tát và hàng phục các ma oán, đúng như diện mạo của chúng và lại giáo hóa chúng sinh biết rõ nguồn gốc tướng của các pháp, mà không nhầm chán sinh tử, tự mình có trí tuệ chân chánh, không phải thọ nhận từ người khác, mau chóng thành tựu quả vị nhất thiết trí tối thượng?

Thế Tôn khen ngợi:

– Lành thay! Lành thay! Câu hỏi thật là thích hợp, xứng đáng để hỏi, Ta sẽ vì ông giải thích rõ. Những việc của Bồ-tát đã làm vượt xa câu hỏi ấy, hãy lắng nghe, suy nghĩ cho kỹ.

Khi ấy Di-lặc, chú tâm lắng nghe, lãnh thọ giáo pháp.

Phật bảo Bồ-tát Di-lặc:

– Bồ-tát có đầy đủ tám pháp, nhanh chóng thành tựu quả vị Nhất thiết trí vô thượng. Tám pháp là: Tánh bên trong thanh tịnh, thành tựu việc làm, thành tựu bố thí, thành tựu sự mong cầu, thành tựu tâm từ, thành tựu tâm bi, thành tựu trí tuệ. Bồ-tát nhanh chóng chứng đắc nhất thiết trí vô thượng.

Bồ-tát Di-lặc và đại chúng đều hoan hỷ.



SỐ 349

KINH DI LẠC BỒ TÁT SỞ VẤN BẢN NGUYỆN

Hán dịch: Đồi Tây Tấn, Tam tạng Pháp sư Trúc Pháp Hộ, người nước Nguyệt Chi.

Nghe như vậy:

Một thời Phật du hóa tại vườn Nai, trong rừng Khủng Cụ, núi Diệu Hoa, nước Phi Kỳ, cùng đông đủ chúng Đại Tỳ-kheo là năm trăm vị, tất cả đều là Hiền Thánh, đã đạt thân thông, đều là những Tỳ-kheo tôn kính. Tên của những vị ấy là: Hiền giả Liễu Bản Tế, Hiền giả Mã Sư, Hiền giả Hòa Ba, Hiền giả Đại Xứng, Hiền giả Hiền Thiện, Hiền giả Ly Cầu, Hiền giả Cự Túc, Hiền giả Nguu Từ, Hiền giả Lộc Cát Tường, Hiền giả Ưu-vi Ca-diếp, Hiền giả Na-dục Ca-diếp, Hiền giả Ca-dục Ca-diếp, Hiền giả Đại Ca-diếp, Hiền giả Sở Thuyết, Hiền giả Sở Trước, Hiền giả Diện Vương, Hiền giả Nan-đê, Hiền giả Hòa-nan, Hiền giả La-vân, Hiền giả A-nan v.v... Như vậy cả thầy năm trăm vị Tỳ-kheo. Lại có năm trăm vị Bồ-tát. Tên các vị ấy là: Bồ-tát Di-lạc, Bồ-tát Tăng Ý, Bồ-tát Kiên Ý, Bồ-tát Biện Tích, Bồ-tát Quang Thế Âm, Bồ-tát Đại

Thế Chí, Bồ-tát Anh Cát Tường, Bồ-tát Nhuyễn Cát tường, Bồ-tát Thần Thông Hoa, Bồ-tát Không Vô, Bồ-tát Hỷ Tín Tịnh, Bồ-tát Căn Độ, Bồ-tát Xứng Độ, Bồ-tát Nhu Nhuyễn Âm Hương, Bồ-tát Tịnh Độ, Bồ-tát Sơn Tích, Bồ-tát Cự Túc, Bồ-tát Căn Cát Tường v.v... Như vậy cả thảy năm trăm vị Bồ-tát.

Bấy giờ, Bồ-tát Di-lặc từ nơi tòa ngồi đứng dậy, sửa lại y phục ngay thẳng, quỳ dài chấp tay bạch Phật:

– Con có điều muốn hỏi, cúi mong Đức Thiên Trung Thiên cho phép con mới dám hỏi.

Phật bảo Bồ-tát Di-lặc:

– Ta cho ông hỏi. Như Lai sẽ theo ý muốn của ông mà giải thích để tâm ông được hoan hỷ.

Bấy giờ, Bồ-tát Di-lặc được Phật cho phép nên vui mừng hoan hỷ bạch Thế Tôn:

– Bồ-tát có mấy pháp hạnh để từ bỏ các cõi ác, không theo tri thức ác?

Phật dạy Bồ-tát Di-lặc:

– Lành thay! Lành thay! Này Di-lặc! Bồ-tát có nhiều tâm từ thương xót, tạo nhiều sự an ổn, thương yêu chư Thiên và loài người nên mới phát tâm hỏi Như Lai những nghĩa lý như vậy. Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ.

Bồ-tát Di-lặc liền thưa:

– Thưa vâng bạch Thế Tôn! Con xin thọ giáo

lắng nghe.

Phật dạy BỒ-tát Di-lặc:

– BỒ-tát có một pháp hạnh để bỏ các cỗi ác, không theo tri thức ác. Một pháp đó là gì? Đó là ý đạo tịch tĩnh bình đẳng. Đó là một pháp.

Phật dạy BỒ-tát Di-lặc:

– BỒ-tát lại có hai pháp hạnh để bỏ các cỗi ác, không theo tri thức ác. Hai pháp đó là gì? Một là trụ nơi định vô chỗ dấy khởi. Hai là theo phương tiện phân biệt về đối tượng nhận thức. Đó là hai pháp.

Phật dạy BỒ-tát Di-lặc:

– BỒ-tát lại có ba pháp hạnh để bỏ các cỗi ác, không theo tri thức ác. Những gì là ba? Một là được pháp đại bi. Hai là đối với không, không chỗ tập nhiễm. Ba là biết về không chỗ niệm. Đó gọi là ba pháp.

Phật dạy BỒ-tát Di-lặc:

– BỒ-tát lại có bốn pháp hạnh để bỏ các cỗi ác, không theo tri thức ác. Những gì là bốn? Một là đứng vững nơi giới. Hai là đối với tất cả pháp không nghi ngờ. Ba là thích ở chỗ an tịnh. Bốn là quán sát bình đẳng. Đó là bốn pháp.

Phật bảo BỒ-tát Di-lặc:

– BỒ-tát lại có năm pháp hạnh để bỏ các cỗi ác, không theo tri thức ác. Những gì là năm? Một là thường tạo lập nghĩa đức. Hai là không tìm cầu

những điều hay dở của người khác. Ba là thân hành tự tỉnh. Bốn là thường ưa chánh pháp. Năm là không tự nghĩ về thân mình, thường cứu giúp người khác. Đó là năm pháp.

Phật bảo BỒ-tát Di-lặc:

– BỒ-tát lại có sáu pháp hạnh để bỏ các cội ác, không theo tri thức ác. Những gì là sáu? Một là không tham lam keo kiệt. Hai là trừ bỏ tâm tệ ác. Ba là không ngu si. Bốn là không nói lời thô tục. Năm là giữ tâm ý như hư không. Sáu là lấy “không” làm nhà. Đó là sáu pháp.

Phật bảo BỒ-tát Di-lặc:

– BỒ-tát lại có bảy pháp hạnh để bỏ các cội ác, không theo tri thức ác. Những gì là bảy? Một là có ý tạo phương tiện thiện xảo. Hai là có thể phân biệt được các pháp bảo. Ba là thường tinh tấn. Bốn là thường hoan hỷ. Năm là được tín nhẫn. Sáu là khéo hiểu về định ý. Bảy là tóm thâu hết ánh sáng trí tuệ. Đó là bảy pháp.

Phật bảo BỒ-tát Di-lặc:

– BỒ-tát lại có tám pháp hạnh để bỏ các cội ác, không theo tri thức ác. Những gì là tám? Một là được nhận thức đúng đắn. (Chánh kiến) Hai là nhớ nghĩ chân chánh. (Chánh niệm) Ba là lời nói đúng đắn. (Chánh ngữ) Bốn là sinh sống chân chánh. (Chánh mạng) Năm là hành động chân chánh. (Chánh nghiệp) Sáu là phương tiện đúng đắn.

(Chánh tinh tấn) Bảy là tâm ý chân chánh. (Chánh tư duy) Tám là thiên định chân chánh. (Chánh định) Đó là tám pháp.

Phật bảo Bồ-tát Di-lặc:

– Bồ-tát lại có chín pháp hạnh để bỏ các cõi ác, không rơi vào tri thức ác. Những gì là chín? Một là Bồ-tát đã giải thoát dục, xa lìa các ác, với pháp bất thiện không có nhớ tưởng nên được tịch tĩnh, hoan hỷ, hành nhất tâm bậc nhất. Hai là đã trừ nhớ tưởng, ý bên trong tịch tĩnh, tâm chuyên nhất, không tưởng, không hành, liền được định ý, tâm được an vui, hành nhất tâm thứ hai. Ba là lìa quán hoan hỷ, thường được tịch tĩnh, thân được yên ổn như các Hiền Thánh. Dù nói, dù quán, tâm ý không động, hành nhất tâm thứ ba. Bốn là khổ, vui, đã đoạn, sự vui mừng hay buồn rầu đều dứt, đã quán thấy không khổ không vui, tâm ý thanh tịnh, được nhất tâm thứ tư. Năm là vượt qua sắc tưởng. Sáu là không còn nói về tưởng. Bảy là không còn nghĩ về tưởng nữa, đều nhập vào vô số trí tuệ hư không. Tám là đã vượt qua vô số trí tuệ hư không, nhập vào vô lượng các hành của các thức nhận biết. Chín là đã vượt qua các tuệ của thức tri, không còn tưởng hữu vô, vượt qua các tuệ của vô thức, liền nhập vào hạnh hữu tưởng vô tưởng, không thấy tưởng, được Tam-muội tịch tĩnh. Đó là chín pháp.

Phật bảo Bồ-tát Di-lặc:

– Bồ-tát lại có mười pháp hạnh để bỏ các cõi ác, không theo tri thức ác. Những gì là mười? Một là được Tam-muội Kim cang. Hai là bất cứ ở đâu, Tam-muội vẫn có tăng tiến. Ba là được Tam-muội giáo thọ thiện quyền. Bốn là được Tam-muội ngự độ hữu niệm, vô niệm. Năm là được Tam-muội cùng khắp thế gian. Sáu là được Tam-muội bình đẳng về khổ và vui. Bảy là được Tam-muội Bảo nguyệt. Tám là được Tam-muội Minh nguyệt. Chín là được Tam-muội chiếu sáng. Mười là được Tam-muội Nhị tịch, đầy đủ tất cả các pháp.

Này Bồ-tát Di-lặc! Đó là mười pháp hạnh của Bồ-tát để bỏ các cõi ác, không vào trong tri thức ác.

Bây giờ, Bồ-tát Di-lặc dùng kệ tán thán Phật:

*Thế Tôn xưa bố thí
 Vợ con, thức ăn uống
 Dầu mắt, không hề tiếc
 Đức độ Phật vô cực.
 Giữ giới không hủy phạm
 Như chim hạc yêu lông
 Thờ giới không ai sánh
 Công đức đạt bờ giác.
 Đã hiện sức nhẫn nhục
 Bình đẳng nơi khổ vui
 Sức nhẫn nhục mạnh nhất
 Đức độ Phật vô cực.
 Lực tinh tấn đã rõ*

Đức vô thượng trừ hại
 Tinh tấn là chí lớn
 Đức siêng năng vô cực.
 Đã dứt hết thảy ác
 Đạo sư vui thiên định
 Diệu lực đại tuệ lạng
 Phật thanh tịnh vô cực.
 Tuệ trong lành tự tại
 An nhiên không dấy khởi
 Trí tuệ luôn đứng đầu
 Ánh sáng Phật vô cực.
 Tuệ trừ diệt quân ma
 Cội cây đạt trí lớn
 Nghĩa cao tốt lìa uế
 Phật lực hàng phục ma.
 Thế Tôn chuyên pháp luân
 Thân lớn, sư tử gầm
 Thu phục các ngoại đạo
 Trí tuệ Phật vô thượng.
 Sắc tướng không gì sánh
 Giới đức và trí tuệ
 Tinh tấn đạt bờ giác
 Phật đạo vượt mọi đức.
 Ví dụ khó nêu bày
 Đại trí tuệ vô thượng
 Luôn giảng các pháp bảo
 Ánh sáng dẫn dắt chúng.

Bây giờ, Hiền giả A-nan bạch Phật:

– Thật chưa từng có, bạch Thế Tôn! Sở nguyện của Bồ-tát Di-lặc đầy đủ, thuyết pháp không thiếu giảm, giảng nói pháp câu chữ bình đẳng, pháp cú đã nêu bày không bị gò bó, giảng kinh hoàn toàn thuận hợp.

Đức Phật dạy:

– Đúng vậy, đúng vậy, này A-nan! Như lời Hiền giả nói, Bồ-tát Di-lặc đầy đủ biện tài, kinh pháp nói ra không hề thiếu sót.

Đức Phật dạy:

– Này A-nan! Bồ-tát Di-lặc không chỉ dùng kệ này để tán thán Như Lai, mà trong một ngàn vô số kiếp ở thời quá khứ đã từng tán thán. Bây giờ, có Đức Phật hiệu là Diễm Quang Cụ Hưởng Tác Vương, Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Hiện Tại Thành Tuệ Hành An Định, Thế Gian Phụ, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Thượng Thiên Hạ Tôn, Phật Thiên Trung Thiên, có con của trưởng giả Phạm chí tên là Hiền Hạnh từ nơi lầu gác của khu vườn cây đi ra, xa trông thấy Đức Như Lai đang kinh hành, thân sắc chói sáng, nên suy nghĩ: “Lành thay! Thật chưa từng có. Thân của Đức Như Lai vời vời, không thể nghĩ bàn, sắc sáng tươi đẹp, oai thần chiếu tỏa rực rỡ, đức độ an lành trang nghiêm nơi thân! Mong cho đời sau của con được thân hình có đầy đủ ánh sáng, oai thần chiếu tỏa như vậy, có đủ đức tốt đẹp để tự trang nghiêm”.

Nguyện ước như thế xong, ông liền nằm dài dưới đất, tâm niệm: “Con mong cho đời sau đạt được Pháp thân như Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác. Xin Đức Như Lai bước đi trên thân con”.

Lúc này, Đức Thế Tôn Diễm Quang Cụ Hưởng Tác Vương Như Lai nhận biết tâm niệm của Hiền Hạnh nên Ngài bước qua thân ông, tức thì Hiền Hạnh liền chứng đắc pháp nhãn bất khởi. Đức Phật bèn quay lại nói với thị giả:

– Sở dĩ Ta bước lên trên thân của Phạm chí Hiền Hạnh, là để ông ta ngay tức khắc chứng được pháp nhãn bất khởi, mắt có thể thấy khắp, tai có thể nghe hết, biết được tâm của người khác suy nghĩ, tự nhận biết mình từ đâu sinh đến, thân có thể phi hành, thần thông gồm đủ.

Đức Phật vừa bước qua thân của Phạm chí Hiền Hạnh, ông liền đạt được các trí, năm thông, không hề quên mất.

Khi ấy Hiền Hạnh dùng kệ tán thán Phật:

*Qua lại thế gian, khắp mười phương
Đấng Nhân Trung Tôn, không gì sánh
Chỉ chỉ hướng đạo vượt các hành
Nguyện cúi đầu lay bậc đạo sư.
Vì hơn ánh sáng các thế gian
Ánh sáng ma-ni và ngọn lửa
Hào quang của Phật là tối thượng*

*Nguyên cúi đầu lạy bậc đạo sư.
 Giống như sư tử một lần gầm
 Các loài thú nhỏ đều khiếp sợ
 Đức Phật giảng pháp cũng như vậy
 Đều hàng phục hết các ngoại đạo.
 Tương giữa chặng mây hiện trong suốt
 Oai lực vô lượng như núi Tuyết
 Hào quang của Phật chiếu ba cõi
 Phật ở đời không ai sánh bằng.
 Dưới chân Thánh có tướng bánh xe
 Bánh xe tươi đẹp gồm ngàn cãm
 Cả đại địa này và núi non
 Không thể làm động bậc vô thượng.*

Bây giờ, Đức Phật bảo Hiền giả A-nan:

– Phạm chí Hiền Hạnh thời ấy nay chính là Bồ-tát Di-lặc.

Hiền giả A-nan liền bạch Phật:

– Bồ-tát Di-lặc đạt được pháp nhẫn bất khởi đã từ lâu xa, vì sao không mau chứng đắc đạo quả Chánh chân vô thượng, thành bậc Tối Chánh Giác?

Phật bảo Hiền giả A-nan:

– Bồ-tát vì bốn việc nên không nắm giữ quả vị chánh giác. Những gì là bốn?

Một là làm thanh tịnh quốc độ.

Hai là bảo vệ quốc độ.

Ba là làm thanh tịnh tất cả.

Bốn là bảo vệ tất cả.

Đó là bốn việc. Bồ-tát Di-lặc lúc cầu quả vị Phật, vì bốn việc này nên không thủ đắc quả vị Phật.

Phật bảo Hiền giả A-nan:

– Chính Ta lúc cầu quả vị Phật cũng muốn làm thanh tịnh quốc độ, cũng muốn làm thanh tịnh tất cả, cũng muốn bảo vệ quốc độ, cũng muốn bảo vệ tất cả. Bồ-tát Di-lặc phát tâm trước Ta bốn mươi hai kiếp, sau đó Ta mới phát đạo ý vào thời Hiền kiếp, nhờ hết sức tinh tấn nên vượt qua chín kiếp, đạt được đạo quả Chánh chân vô thượng, thành bậc Tối Chánh Giác.

Phật bảo Hiền giả A-nan:

– Ta nhờ mười việc nên đạt đến chánh giác cao tột. Những gì là mười?

Một là không yêu tiếc vật sở hữu.

Hai là không yêu tiếc thân thể.

Ba là không yêu tiếc con cái.

Bốn là không yêu tiếc đầu, mắt.

Năm là không yêu tiếc tay, chân.

Sáu là không yêu tiếc đất nước.

Bảy là không yêu tiếc châu báu, tiền của.

Tám là không yêu tiếc tùy nã.

Chín là không yêu tiếc máu, thịt.

Mười là không yêu tiếc thân mạng.

Này Hiền giả A-nan! Ta nhờ mười việc này nên

mau đạt được Phật đạo.

Phật bảo Hiền giả A-nan:

– Lại có mười việc mau đạt được Phật đạo.
Những gì là mười?

Một là dùng pháp đề xây dựng giới đức.

Hai là thường hành nhẫn nhục.

Ba là thường hành tinh tấn.

Bốn là thường giữ nhất tâm.

Năm là thường hành trí tuệ đạt đến bờ giác.

Sáu là không bỏ tất cả.

Bảy là đã được tâm nhẫn nhục, bình đẳng đối với tất cả.

Tám là chẳng tập không.

Chín là được pháp nhẫn không.

Mười là được pháp vô tướng.

Này Hiền giả A-nan! Ta nhờ mười pháp này nên tự mình chứng được Phật đạo.

Phật bảo Hiền giả A-nan:

– Lúc Ta mới cầu Phật đạo, luôn siêng năng chịu khổ nhọc vô số mới đạt được đạo Chánh chân vô thượng, việc đó chẳng phải là một lần.

Phật dạy Hiền giả A-nan:

– Vào thời quá khứ, có thái tử tên là Nhất Thiết Hiện Nghĩa, uy nghiêm, đẹp đẽ, từ lâu gác nơi khu vườn đi ra đường, thấy một người bị bệnh đang đau đớn khổ sở nên sinh tâm thương xót, hỏi: “Phải

dùng những loại thuốc gì mới có thể trị lành căn bệnh ấy?”. Người bệnh đáp: “Chỉ có máu trong thân của vương tử mới có thể trị lành bệnh của tôi được”.

Khi ấy, thái tử liền dùng dao bén đâm vào thân, lấy máu cho người bệnh, chí tâm đem cho người bệnh mà tâm không chút hối tiếc.

Phật bảo Hiền giả A-nan:

– Thái tử HiệN Nghĩa thời ấy chính là thân Ta. Nay Hiền giả A-nan! Nước trong bốn biển hãy còn có thể đo lường, chứ máu trên thân Ta đã từng đem bố thí thì không thể nêu hết số lượng, vì Ta dốc cầu chánh giác.

Phật bảo Hiền giả A-nan:

– Về thời xa xưa, có thái tử tên là Liên Hoa Vương, đoan nghiêm, tươi đẹp, uy lực hiện rõ, từ lầu gác nơi vườn cây đi dạo, thấy một người thân thể bị bệnh hủi, nên sinh tâm thương xót, mới hỏi: “Phải dùng loại thuốc gì mới có thể trị lành bệnh của ông?”. Người bệnh đáp: “Nếu được tủy trong thân của vương tử thoa lên thân tôi thì bệnh mới lành”.

Thái tử nghe vậy liền dùng dao chặt chẻ xương mình, lấy tủy đem cho bệnh nhân. Thái tử hoan hỷ bố thí như thế tâm không hề hối hận. Thái tử thời ấy chính là thân Ta.

Phật bảo Hiền giả A-nan:

– Nước trong bốn biển còn có thể đo lường được, nhưng tủy trong thân Ta từng đem bố thí thì không thể tính kể.

Phật bảo Hiền giả A-nan:

– Vào thời quá khứ, có vị vua tên là Nguyệt Minh, sắc diện đoan nghiêm, oai lực hiện bày, từ trong cung đi ra đường, thấy một người mù, đói khát khôn khổ, dò dẫm theo dọc đường để xin ăn, đi đến chỗ vua, tâu: “Một mình vua luôn được tôn quý, an vui, còn tôi thì khôn khổ, lại thêm mù lòa”. Vua Nguyệt Minh thấy người mù lòa ấy thì vô cùng xót thương, mới nói: “Có thể trị được bệnh của ông chăng?”. Người mù tâu: “Nếu được mắt của vua thì có thể trị lành bệnh mù của tôi”.

Bấy giờ, vua Nguyệt Minh bèn tự móc hai mắt của mình đem cho người mù, tâm vẫn坦然 nhiên, không chút hối tiếc. Vua Nguyệt Minh thời ấy chính là thân Ta.

Phật dạy:

– Núi Tu-di hãy còn có thể cân lường được, nhưng Ta từng đem mắt bố thí cho chúng sinh thì không thể tính kể được.

Phật bảo Hiền giả A-nan:

– Bồ-tát Di-lặc lúc xưa cầu đạo không đem tai, mũi, đầu, mắt, tay, chân, thân mạng, châu báu, thành ấp, vợ con và cõi nước bố thí cho người để thành tựu Phật đạo, chỉ dùng hạnh an lạc, phương

tiện thiện xảo để đạt được đạo quả Chánh chân vô thượng.

Hiền giả A-nan bạch Phật:

– Bồ-tát Di-lặc dùng phương tiện quyền xảo gì mà đạt được Phật đạo?

Phật dạy Hiền giả A-nan:

– Bồ-tát Di-lặc ngày đêm luôn dùng ba y che thân, chấp tay, quỳ gối nơi đất, hướng về mười phương nói kệ:

*Con sám hối các lỗi
Quy mạng lễ chư Phật
Khuyến trợ giúp đạo đức
Mong được tuệ vô thượng.*

Phật bảo Hiền giả A-nan:

– Bồ-tát Di-lặc nhờ dùng phương tiện quyền xảo này nên đạt được đạo quả Chánh chân vô thượng, thành bậc Tối Chánh Giác. Nay Hiền giả A-nan! Bồ-tát Di-lặc khi cầu đạo đã phát nguyện: “Khi tôi thành Phật, mong cho dân chúng ở nước tôi không có các sự cấu uế, đối với dâm, nộ, si, không khiến tăng trưởng, ân cần phụng hành mười thiện, được như vậy thì tôi mới chứng quả Vô thượng Chánh giác”.

Phật bảo Hiền giả A-nan:

– Chúng sinh ở đời vị lai không tạo điều cấu uế, phụng hành mười thiện, tâm ý không còn dâm, nộ, si, chính ngay vào thời đó, Bồ-tát Di-lặc sẽ chứng

đắc đạo quả Chánh chân vô thượng, thành bậc Tối Chánh Giác. Vì sao? Vì bản nguyện của Bồ-tát Di-lặc đã thành tựu đầy đủ.

Phật bảo Hiền giả A-nan:

– Ta xưa lúc cầu đạo Bồ-tát, muốn hộ trì tất cả chúng sinh khiến đều được thanh tịnh, nên ở trong đời năm trước có đủ tham sân si vui nơi sinh tử. Vì sao? Vì các chúng sinh phần nhiều làm điều phi pháp, lấy điều quấy làm điều phải, hành theo tà đạo, giết hại lẫn nhau, bất hiếu với cha mẹ, tâm thường nghĩ điều ác, khởi ý xấu ác đối với anh em, vợ con, quyến thuộc và người khác, khinh dể các bậc tôn đức, thường gây tạo hạnh tà, ăn nuốt lẫn nhau. Ta nguyện ở trong cõi đời như thế làm Phật để hóa độ.

Phật dạy Hiền giả A-nan:

– Ta đem tâm đại bi bao la nhớ nghĩ tất cả, vì những người này giảng thuyết kinh pháp.

Hiền giả A-nan nghe Đức Phật dạy như vậy liền bạch:

– Con chưa từng thấy có vị Thiên Trung Thiên Như Lai, Đẳng Chánh Giác nào có thể chịu đựng mọi khổ nhọc, phát đại ý để điều phục giáo hóa mọi sự tệ ác, khiến cho thành tựu, vì dứt bỏ gánh nặng, đạt đầy đủ pháp bảo, vì các chúng sinh ấy giảng nói kinh pháp.

Phật dạy Hiền giả A-nan:

– Đúng vậy! Này A-nan! Như lời Hiền giả nói, Phật có thể nhẫn chịu mọi điều đó, nên Như Lai Đẳng Chánh Giác mới có thể giáo hóa kẻ ương bướng, diệt trừ tối tăm cho mọi loài, dùng đầy đủ oai đức của pháp Phật, vì các hạng người này mà giảng nói kinh pháp.

Hiền giả A-nan bạch Phật:

– Con nghe Như Lai luôn đem tâm bình đẳng, tinh tấn, kiên cố như vậy, để giáo hóa chúng sinh nơi cõi đời năm trước, tâm con thật vô cùng xúc động. Vậy tên kinh này gọi là gì và làm sao phụng hành?

Phật dạy:

– Kinh này gọi là: “*Phải Giữ Gìn Bản Nguyên Những Điều Di Lạc Hỏi Về Bản Hạnh Của Từ Thị*”. Phải theo đây mà thọ trì.

Phật thuyết giảng kinh này xong, Bồ-tát Di-lặc, Hiền giả A-nan, Hiền giả Đại Ca-diếp, các đệ tử lớn và chúng Bồ-tát, tất cả chúng hội, chư Thiên, Long, Càn-đạp-hòa, người trong thế gian v.v... nghe kinh thấy đều hoan hỷ, đến trước Đức Phật đánh lễ và lui ra



SỐ 350

KINH DI NHẬT MA NI BẢO

*Hán dịch: Đời Hậu Hán, Tam tạng Chi Lôu Ca Sám,
người nước Nguyệt Chi.*

Bấy giờ, Đức Phật ở tại Tinh xá Kỳ Hoàn, vườn Cấp Cô Độc, thuộc nước Xá-vệ, cùng với chúng Đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị, một vạn hai ngàn Bồ-tát. Khi ấy, Phật bảo Tỳ-kheo Đại Ca-diếp:

– Bồ-tát có bốn việc làm giảm trí tuệ. Bốn việc đó là gì? Một là không trọng kính pháp, không kính Pháp sư. Hai là làm chướng ngại cho người nghe kinh. Ba là có người thỉnh cầu kinh pháp sâu xa nhưng bẽn lẽn chẳng nói. Bốn là tự đề cao mình, khinh chê người khác. Đó là bốn pháp.

Lại nữa, Bồ-tát có bốn pháp làm tăng trí tuệ. Bốn pháp đó là gì? Một là tôn kính kinh pháp, Pháp sư. Hai là không làm chướng ngại sự nghe pháp của người khác. Ba là chẳng hề che giấu đối với người ham cầu pháp sâu xa. Bốn là sẵn sàng nói pháp cho người, chẳng cầu danh tiếng lợi dưỡng, thường tự khích lệ tinh tấn, luôn nương theo giáo pháp để tu hành, chẳng theo lối nói suông. Đó là

bốn pháp.

Bồ-tát có bốn việc khiến đời đời làm mất tâm đạo của Bồ-tát. Những gì là bốn? Một là khi dối thầy. Hai là để ý đến việc hay dở của người khác, gièm pha bất kể người tốt xấu. Ba là phá hoại đạo Bồ-tát. Bốn là mắng nhiếc người tu đạo Bồ-tát. Đó là bốn pháp.

Bồ-tát có bốn việc khiến đời đời nhớ nghĩ về đạo Bồ-tát chẳng quên và tự mình đạt đến quả Phật. Những gì là bốn? Một là không lừa dối thầy. Suốt đời không nói hai lời và không dua nịnh. Hai là suốt đời không nói hai lời và không chế nhạo người khác. Ba là hiện bày tâm từ đối với người và không nghĩ về điều xấu của người. Bốn là xem các Bồ-tát như Phật, như tâm ban đầu mới phát, không khác. Đây là bốn việc.

Bồ-tát có bốn việc làm mất hẳn đạo pháp và làm cho Bồ-tát ngày càng giảm, kém. Bốn pháp ấy gồm: Một là đem tâm cao ngạo học kinh ngoại đạo. Hai là chỉ muốn riêng mình được sự cúng dường, chẳng muốn người khác được. Ba là đã ghét bỏ lại còn hủy báng Bồ-tát. Bốn là có người đến nghe kinh thì lại ngăn cản, khiến dứt bỏ. Đó là bốn việc.

Lại nữa, Bồ-tát có bốn việc khiến cho việc cầu kinh pháp và sự tìm cầu đều được thành tựu. Bốn pháp ấy là: Một là chỉ cầu kinh pháp chân chánh như sáu Ba-la-mật và pháp tạng của Bồ-tát hay các

pháp lìa bỏ tâm sân giận. Hai là tôn kính người trong thiên hạ khắp mười phương từ kẻ giúp việc đến bậc trượng phu. Ba là ưa thích kinh pháp, chẳng như ngoại đạo vì lợi ích bản thân mình. Bốn là tự giữ thân, chẳng nói lời của người và gièm pha người khác. Đối với những người chưa được nghe kinh hay trí Phật không giới hạn thì phải tùy theo kinh pháp thích hợp để thuyết giảng cho họ.

Bồ-tát có bốn việc tâm không dối nịnh phải xa lìa. Đó là: Một là còn do dự đối với pháp Phật. Hai là kiêu ngạo, sân giận, càn bướng gây hại người. Ba là tham lam, ganh ghét, dua nịnh. Bốn là nói chõ kém của Bồ-tát.

Bồ-tát có bốn việc chí thành thẳng thắn: Một là nếu phạm tội lỗi gì thì chẳng che giấu mà tự sám hối để diệt trừ lỗi ấy. Hai là dù mất mạng, mất nước hay mất cả tài sản cũng chẳng nói hai lưỡi. Ba là giả sử có tai họa gì xảy ra, đến như bị mắng nhiếc khinh chê, đánh đập nhốt vào lao ngục, dù như thế cũng chỉ tự sám hối nghiệp ác nơi đời trước. Bốn là không giận dữ, không nghi ngờ.

Bồ-tát có bốn việc khó điều phục: Một là học kinh điển theo ý mình chẳng thuận theo Pháp sư. Hai là chẳng ứng dụng những điều được thọ giáo, không thương yêu hiếu thuận sư trưởng. Ba là nhận lời tin cậy của Tỳ-kheo tăng, vọng trao cho người khác. Bốn là bất kính đối với Bồ-tát đã thành tựu.

Bồ-tát có bốn việc dễ điều hòa: Một là những kinh pháp đã được nghe đều thực hành như lời dạy chẳng vượt quá. Đối với những điều được nghe, chỉ y chỉ nơi pháp không y theo lời trau chuốt. Hai là phải cung kính Sư trưởng, không có đua nịnh. Ba là biết đủ trong ăn uống và giữ giới, tu định đúng pháp. Bốn là thấy Bồ-tát đã thành tựu phải đem tâm thiện hướng về, thân và miệng cũng như vậy, cũng muốn đạt được công đức ấy.

Bồ-tát có bốn việc mắc sai lầm: Một là đối với những người vốn không cùng nhau tu tập thì không nên vọng tin. Hai là không nên dạy bừa cho người những giáo pháp thâm diệu của Phật. Đây là lỗi lớn. Ba là đối với người thích đạo Bồ-tát lại dạy cho họ đạo của La-hán. Đây là lỗi lớn. Bốn là ở trong chúng Tỳ-kheo Tăng, khi bố thí tâm không bình đẳng. Đây là lỗi lớn.

Bồ-tát có bốn việc đạt được đạo Bồ-tát: Một là đối với mọi người đều có tâm bình đẳng. Hai là đối với tất cả chúng sinh đều bố thí bình đẳng. Ba là làm bất cứ việc gì cũng bình đẳng với tất cả chúng sinh. Bốn là đối với chúng sinh luôn thuyết pháp bình đẳng.

Bồ-tát có bốn việc đối xung là Bồ-tát: Một là nương nhờ kinh pháp để kiếm sống. Hai là chỉ cầu tiếng khen chứ chẳng cầu Phật đạo. Ba là chỉ mong mình được an ổn chứ chẳng nghĩ đến cái khổ của người. Bốn là chỉ nói suông chứ chẳng muốn độ

người khác.

Bồ-tát có bốn việc thành tựu công đức: Một là tin nơi lý không. Hai là tin rằng nếu làm ác thì sẽ sám hối. Ba là tâm luôn nghĩ rằng vạn vật đều chẳng phải sở hữu của ta. Bốn là thương yêu chúng sinh hết mực.

Bồ-tát có bốn tri thức ác: Một là dạy cho người cầu đạo tịch diệt của A-la-hán. Hai là dạy người cầu đạo Duyên giác, tự chấp giữ nơi vô vi. Ba là ưa dạy người cầu học đạo khác. Bốn là nếu có người mang tài vật đến để cầu học kinh pháp thì chẳng chịu dạy.

Bồ-tát có bốn tri thức thiện: Một là người có cầu xin điều gì đều được tùy thuận vì muốn làm cho họ thành tựu Phật đạo. Hai là xem thầy giảng kinh pháp là bậc tri thức thiện vì là bậc Đa văn. Ba là hay khuyên bảo người khác phát tâm cầu Phật đạo vì thành tựu công đức. Bốn là Đức Phật Thế Tôn là bậc Thiện tri thức vì đầy đủ các pháp Phật.

Bồ-tát có bốn thứ châu báu: Một là được gặp Phật rồi hết lòng cúng dường. Hai là được nghe sáu pháp Ba-la-mật. Ba là thường đem tâm thanh tịnh hướng về thầy. Bốn là chấm dứt ái dục, thường ở chỗ vắng lặng.

Bồ-tát có bốn việc ra khỏi cảnh giới ma: Một là không lìa bỏ tâm Bồ-tát. Hai là không có tâm sân giận đối với mọi chúng sinh khắp mười phương,

dầu chỉ làm hại sợi lông sợi tóc. Ba là biết rõ các đạo khác. Bốn là cung kính các Bồ-tát.

Bồ-tát có bốn việc đạt được công đức không thể kể hết: Một là đem pháp ban bố cho mọi người nhưng chẳng trông mong sự đền đáp. Hai là thương xót người phạm giới. Ba là thường khuyên bảo người hành đạo Bồ-tát. Bốn là nếu có người hạ tiện đến hủy báng thì Bồ-tát phải nhẫn nhục.

Phật bảo Tôn giả Đại Ca-diếp:

– Chẳng phải chỉ dùng danh tự gọi là Bồ-tát mà tùy thuộc vào pháp hành và tác dụng của pháp do vị ấy tạo ra, nên gọi là Bồ-tát. Phạm là Bồ-tát có ba mươi hai việc.

1. Đối với mọi người luôn giữ tâm từ bi, làm cho an ổn.
2. Đối với hàng trí tuệ kém cỏi thì chẳng cao ngạo.
3. Tự giữ gìn không lay động.
4. Tự an trụ nơi bất động, bền vững.
5. Biết đền đáp đối với chỗ thân hậu cho đến đạt được Niết-bàn.
6. Bình đẳng đối với tri thức thiện và tri thức ác.
7. Phạm làm việc gì không hề biếng trễ.
8. Luôn hòa nhã đối với mọi người.
9. Chẳng thoái chí giữa chừng.
10. Chẳng bỏ mất tâm từ bi.

11. Cầu kinh điển chẳng mệt mỏi.
12. Không lúc nào nhầm chán đối với giáo pháp.
13. Có lỗi gì đều tự phát lồ chẳng che giấu.
14. Không nhớ nghĩ lỗi của người khác.
15. Các công đức phải làm cho hoàn tất.
16. Ai cầu pháp đều ban cho.
17. Chỉ phát tâm cầu quả vị Phật.
18. Không cầu những thứ khác.
19. Nếu có phát tâm gì đều hướng về mọi người.
20. Không oán ghét ai cả.
21. Không có tâm tham đắm nơi thiên định và chẳng muốn trụ mãi trong đó.
22. Dùng phương tiện thiện xảo hộ trì trí tuệ.
23. Thường khuyên bố thí với bốn sự cúng dường.
24. Chẳng thích việc thế gian.
25. Chẳng ưa pháp nhỏ.
26. Tâm vui thích pháp lớn.
27. Lìa xa tri thức ác.
28. Gần gũi tri thức thiện.
29. Đến ngũ tuần thì tự an ổn, ví như mặt trăng mới mọc, tăng lên dần dần. Đối với trí tuệ cũng tăng dần dần như vậy.
30. Chẳng theo phi pháp.

31. Lời nói không có sự sai khác.

32. Cung kính với lời nói chân thật.

Đức Phật dạy:

– Nay Tôn giả Ca-diếp! Có ba mươi hai việc này nên gọi là Bồ-tát. Ca-diếp, ví như đại địa, tất cả chúng sinh đều từ đó phát sinh, nhưng đại địa chẳng sắp đặt về người. Cũng vậy, Bồ-tát từ lúc mới phát tâm đến khi thành Phật đều tạo lợi ích cho tất cả chúng sinh, nhưng không có sự sắp đặt theo ý.

Nay Tôn giả Ca-diếp! Ví như mùa xuân hòa dịu, mùa hè ấm áp, cây trái được tăng trưởng. Cũng vậy, trí tuệ của Bồ-tát làm thành thực tất cả công đức.

Ví như nước, lúa mạ cỏ cây đều nhờ đó mà tăng trưởng. Bồ-tát cũng vậy, các pháp đều từ nơi tâm của Bồ-tát mà phát sinh.

Ví như gió có thể thành lập tất cả quốc độ của chư Phật. Cũng vậy, Bồ-tát với phương tiện thiện xảo thành lập được tất cả pháp Phật.

Ví như mặt trời chiếu sáng khắp nơi, tất cả chúng sinh đều nhận được ánh sáng. Bồ-tát cũng vậy, ánh sáng trí tuệ chiếu khắp chúng sinh.

Ví như mặt trăng khi mới mọc thì càng ngày càng tăng trưởng. Bồ-tát cũng vậy, công đức tinh tấn dần dần đầy đủ.

Ví như sư tử bước đi một mình không hề sợ hãi.

Cũng vậy, Bồ-tát mặc áo giáp công đức bước đi một mình không sợ hãi.

Ví như cây cỏ, dù trên không cành nhưng nhờ rễ dưới đất nên nó vẫn phát triển. Bồ-tát cũng vậy, dù đã ra khỏi ba cõi nhưng với tâm đại từ, nên vẫn còn gắn bó mãi nơi thế gian.

Ví như vạn sông, mọi dòng đều chảy về biển nhưng hợp lại chỉ có một vị. Cũng vậy, Bồ-tát dùng biết bao nhiêu hạnh, hợp các công đức, đổi dụng thành nguyện, đều có một vị và đều nhập vào Nhất thiết trí.

Ví như núi Tu-di, chư Thiên trời Đao-lợi ở trên đó. Cũng vậy, Bồ-tát đều phát tâm thành tựu Nhất thiết trí.

Ví như bóng mây trở lại tuôn mưa. Cũng vậy, Bồ-tát dùng mưa đại từ rưới xuống đường đi.

Ví như vị Quốc vương được các quần thần giúp sức cùng nhau trị nước. Cũng vậy, Bồ-tát nhờ phương tiện thiện xảo mà làm việc như Phật.

Ví như lúc trời quang tạnh, muốn cầu mưa cũng không thể được. Cũng vậy, Bồ-tát không học kinh pháp thì sự hiểu biết chẳng cao minh.

Ví như vua Chuyển luân vương trụ ở nơi nào thì nơi ấy có bảy báu xuất hiện. Cũng vậy, Bồ-tát vừa khởi lên trí Nhất thiết trí thì tự nhiên ba mươi bảy phẩm trợ đạo liền phát sinh.

Ví như ngọc ma-ni càng trau giồi thì càng có

giá trị, đem lại nhiều lợi ích. Một người hoàn thành đạo Bồ-tát thì các A-la-hán và Phật-bích-chi đều nương vào đó mà đắc quả.

Ví như thuốc độc ở trong tay người chẳng hại ai. Bồ-tát tuy ở trong ái dục nhưng vẫn giữ trí tuệ chẳng rơi vào đường ác.

Ví như các nơi chôn trong cõi nước chứa nhiều phân đã hoại thì càng có ích cho ruộng vườn. Bồ-tát tuy ở trong ái dục nhưng lại có ích đối với tất cả.

Phật bảo Tôn giả Ca-diếp:

– Nếu Bồ-tát nào muốn học kinh Tích Di Nhật La là pháp bảo lớn phải phải tinh tấn học theo pháp chính của kinh này. Pháp chính ấy là gì? Là không có pháp, không có ngã, không có nhân, không có thọ mạng, không thường hằng, không có sắc, không có thọ, không có tướng, không có sinh tử (hành) thức đó là pháp căn bản. Vì thường là một bên, vô thường là một bên, còn giữa thường và vô thường thì không có sắc, không thấy, không biết nên nói căn bản của trí tuệ là Trung đạo.

Ví như đại địa là một cảnh giới và Phật là một cảnh giới thì giữa hai cảnh giới này không có sắc, không có sự hiểu biết (kiến), không có sự phân biệt (thức), không có ngã, không có tri giác, không có chỗ vào, không có điều để nói. Đây là pháp lấy trí tuệ làm gốc.

Tâm là một bên, không có tâm là một bên, nếu không có tâm, không có thức, cũng không có ngã, không có thức thì đó là gốc của Trung đạo.

Trong giáo pháp của chư Phật không có sự khác biệt giữa có đức và không có đức, giữa việc ngoài và việc trong, giữa thế gian và không thế gian, giữa người đã được độ và người chưa được độ, người đã thoát khỏi ái dục, người chưa giải thoát ái dục và Niết-bàn cũng không có gì sai khác. Hữu ở một bên, vô hữu ở một bên, ở giữa hữu và vô hữu, là căn bản của trí tuệ Trung đạo.

Phật bảo Tôn giả Ca-diếp:

– Ta đã nói pháp cho các ông, từ sinh đến tử, nhưng thân đã sinh ra thì khổ não, ngu si ở một bên, thông minh trí tuệ ở một bên, không ngu si không trí tuệ ở khoảng giữa, đây gọi là gốc trí tuệ, là Trung đạo.

Phật bảo Tôn giả Ca-diếp:

– Hư không chẳng tạo ra pháp, pháp vốn không có không, không có tướng, chẳng tạo ra pháp. Pháp vốn không tướng, không nguyện, chẳng tạo ra pháp. Pháp vốn không nguyện, không sinh tử, chẳng tạo ra pháp. Pháp vốn không sinh tử, không sinh, không xuất, không sinh, không diệt, không xứ sở, không hình dạng, không tạo ra pháp. Pháp vốn không hình dạng nên phải theo pháp căn bản này. Đây là Trung đạo, xem như pháp gốc. Chẳng tự

phân biệt, hiểu thân là không. Dem không bỏ vào trong không thì bản tánh của không vẫn là không cho đến vị lai cũng không và hiện tại cũng không.

Phật bảo Tôn giả Ca-diếp:

– Thà con người mắc phải sự ngu si lớn như núi Tu-di, chứ mắc phải lỗi này thì không nói hết được. Vì con người chấp trước vào không nên nói có không, lỗi này rất lớn. Nếu người ngu si chấp trước nhưng hiểu được không thì giải thoát. Còn người chỉ chấp vào không thì không được giải thoát.

Phật bảo Tôn giả Ca-diếp:

– Ví như người bệnh được thầy cho thuốc. Thuốc vào trong bụng nhưng chẳng tác dụng. Này Ca-diếp! Ý ông thế nào, người này có thể khỏi bệnh chẳng?

Tôn giả Ca-diếp bạch:

– Rất khó.

Phật dạy:

– Những đạo khác ở ngoài, hễ hiểu được không thì được giải thoát, còn chấp vào không thì không giải thoát. Ví như người sợ hư không, kêu gào bảo người khác từ bỏ hư không.

Phật dạy:

– Này Ca-diếp! Người này bỏ được hư không chẳng?

Tôn giả Ca-diếp bạch:

– Không thể bỏ được.

Phật dạy:

– Đúng vậy, này Tôn giả Ca-diếp! Nếu Sa-môn, Bà-la-môn ở trong hư không, người đó cũng là hư không mà lại nói sợ hư không. Kẻ ấy là người cuồng không khác.

Phật dạy Tôn giả Ca-diếp:

– Ví như họa sĩ tự vẽ tượng quý thần, rồi lại tự kinh sợ. Ví như người chưa đạt đạo, tự tạo sắc, thanh, hương, vị, nên rơi vào trong sinh tử mà chẳng hiểu biết. Ví như trong cây có lửa phát ra rồi trở lại đốt cháy cây. Cũng vậy, do quán nên được tuệ rồi trở lại thiêu đốt thân.

Ví như nhà huyền thuật tạo ra người rồi trở lại nuốt lấy người huyền thuật ấy. Cũng vậy, sắc, thanh, hương, vị, xúc từ trong tâm niệm sinh ra rồi tự nuốt lấy hư không, chứ không có vật nào khác.

Phật bảo Tôn giả Ca-diếp:

– Ví như khi thắp đèn sáng, ta không nghĩ là phải đuổi sự tối tăm, dẹp bỏ sự tối tăm, nhưng khi ánh đèn chiếu sáng, không biết sự tối tăm kia đã đi đâu. Cũng vậy, trí tuệ đâu nghĩ ta phải trừ bỏ sự ngu si để được trí tuệ, cũng chẳng biết sự ngu si ấy đã đi về đâu? Trí tuệ này không từ đâu đến, cũng không có chỗ đến. Ánh sáng đèn này là bóng tối. Hư không không thể nắm giữ được. Trí tuệ này cũng chính là ngu si, cả hai đều là không, không có chỗ nắm giữ.

Ví như những ngôi nhà hoặc lớn hay nhỏ, trong đó suốt cả trăm năm, ngàn năm chưa từng thắp đèn. Sau đấy, các ngôi nhà được thắp sáng. Này Tôn giả Ca-diếp! Ý ông thế nào, bóng tối trong ngôi nhà ấy có nghĩ rằng tôi đã ở đây hàng ngàn năm nên chống đối chẳng chịu đi chăng?

Tôn giả Ca-diếp bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn, không. Bóng tối tuy ở lâu trong đó nhưng gặp ánh sáng của lửa, đèn thì sợ hãi liền bỏ đi.

Phật dạy:

– Cũng vậy, này Tôn giả Ca-diếp! Bồ-tát đã vô số kiếp ở trong ái dục, bị tội lỗi che lấp, nhưng chỉ nghe kinh Phật một lần, nghĩ về việc thiện thì tội lỗi liền tiêu hết. Ánh đèn sáng chính là ánh sáng trí tuệ ở trong Phật pháp, còn bóng tối là ái dục liền bị tiêu diệt. Ví như trong hư không, hạt giống không thể sinh trưởng, chỉ trong đất hạt giống mới sinh trưởng được. Cũng vậy, trong cảnh Niết-bàn không sinh Bồ-tát được, chỉ trong cảnh ái dục mới sinh được Bồ-tát. Trong đất đã bón phân thì giống lúa sẽ được thấm nhuần tăng trưởng.

Phật dạy Tôn giả Ca-diếp:

– Ví như nơi đồng hoang hoặc trên núi chẳng sinh ra hoa sen và hoa Ưu-bát. Bồ-tát chẳng sinh trong pháp của La-hán và Phật-bích-chi. Ví như trong bùn nước ẩm thấp sinh ra hoa sen và hoa Ưu-

bát. Từ trong ái dục phát sinh pháp của Bồ-tát.

Ví như bốn biển lớn đều dùng chảy. Bồ-tát ở trong ba cõi, công đức thấm nhuần mà thành tựu đạo Bồ-tát. Cũng như con mọt ăn hạt cải thành một lỗ hồng. Trí tuệ của La-hán và Phật-bích-chi cũng nhỏ như vậy.

Ví như chẻ sợi tóc ra làm trăm phần, lấy một phần chấm vào dầu vừng thì được biết bao nhiêu giọt. Trí của La-hán và Phật-bích-chi cũng nhỏ như vậy.

Ví như khoảng không gian trong mười phương bao la. Bồ-tát hiểu rõ trí Phật cũng như vậy.

Ví như Chuyển luân Thánh vương có một ngàn người con trai nhưng chẳng ai có tướng Thánh vương. Tuy có nhiều con như vậy nhưng chẳng có người nào trong số đó được xem là con. Cũng vậy, dầu có ngàn vạn ức La-hán, nhưng chẳng có một vị Bồ-tát nào ở trong sự quan tâm của Phật. Tuy Phật có nhiều La-hán như vậy nhưng họ không đủ điều kiện để gọi là Phật tử.

Ví như đại phu nhân của vua Già-ca-việt-la (Chuyển luân vương) thông dâm với kẻ bần tiện sinh được người con trai.

Phật bảo Tôn giả Ca-diếp:

– Đây có phải là vương tử không?

Ca-diếp thưa:

– Bạch Thế Tôn, không.

Phật dạy:

– Nay Tôn giả Ca-diếp! Cũng vậy, tuy có nhiều La-hán từ pháp sinh ra nhưng chẳng phải là Phật tử, chẳng phải là hàng Bồ-tát. Vì sao? Vì Bồ-tát chẳng đoạn mất pháp Phật.

Ví như Chuyển luân Thánh vương hành dâm với thể nữ sau đó sinh con trai, đầy đủ tướng để thành Thánh vương, tuy là do thể nữ sinh nhưng là con của Chuyển luân Thánh vương. Cũng vậy, Bồ-tát tuy ở trong sinh tử tu hành, dù năng lực ít ỏi nhưng được gọi là Phật tử.

Ví như phu nhân của Chuyển luân Thánh vương mang thai bảy ngày, hội tụ các tướng sẽ thành Chuyển luân vương, chư Thiên đều thấy rõ bào thai trong bụng. Con trai của Chuyển luân vương tuy nhiều nhưng không ai có tướng Thánh vương như vậy. Chư Thiên nói: “Cung cấp, phụng dưỡng những người kia không bằng cung dưỡng người con trai trong thai, tuy mới bảy ngày”. Sự phát tâm của Bồ-tát cũng vậy, phải có tâm vì Phật Đạo. Tâm của chư Thiên nghĩ: “Tuy có hàng vạn ức La-hán hào quý nhưng chẳng bằng Bồ-tát phát tâm cúng dường”.

Ví như một viên ngọc ma-ni vẫn hơn cả núi Tu-di thủy tinh. Cũng vậy, Bồ-tát mới phát tâm, La-hán và Phật-bích-chi đều không thể bì kịp.

Ví như con trai của Chuyển luân vương tuy nhỏ

nhưng các tiểu vương và quần thần đều bái yết. Bồ-tát mới phát tâm cũng vậy, chư Thiên, Phạm vương, Đế Thích, người, rồng, quỷ thần trên thế gian đều lễ kính.

Ví như trên đỉnh núi lớn mọc lên các cây cỏ thuốc, chúng chẳng thuộc về ai cả nhưng tùy theo người bệnh dùng uống đều được lành bệnh. Cũng vậy, Bồ-tát đem thuốc trí tuệ chữa lành bệnh sinh, lão, tử cho mọi người khắp mười phương với tâm bình đẳng.

Ví như mặt nguyệt mới nhô lên mọi người đều làm lễ, nhưng khi mặt nguyệt tròn đầy không có ai làm lễ nữa. Nếu có người tin Phật thì ở trong pháp Phật phát tâm Bồ-tát và người tin Phật luôn kính lễ Bồ-tát. Vì sao? Vì từ Bồ-tát mà thành Phật.

Ví như người có trí chẳng bỏ mặt trăng mà kính lễ các ngôi sao. Cũng vậy, bậc cao đức chẳng bỏ Bồ-tát mà kính lễ hàng La-hán.

Ví như trời, người cùng nhau giũa mài viên thủy tinh cũng không thể biến nó thành ngọc ma-ni được. Cũng vậy tất cả những người giữ Giới-Định-Tuệ của hàng La-hán thì không thể ngồi nơi cội cây Bồ-đề, không thể thành Phật được.

Bấy giờ, Phật bảo Tôn giả Đại Ca-diếp:

– Vì giáo hóa mọi người nên Bồ-tát làm việc công đức. Vì lợi ích của mọi người nên Bồ-tát làm việc công đức mà chẳng tự cao. Bồ-tát phải luôn

dạy cho mọi người cách chữa lành bệnh. Cách chữa lành bệnh ấy thế nào? Nghĩa là dùng phép quán làm thuốc trị tham dâm. Dùng tâm bình đẳng làm thuốc trị bệnh sân giận. Dùng mười hai nhân duyên làm thuốc trị bệnh ngu si. Dùng pháp không làm thuốc trị bệnh nghi ngờ chẳng tin. Người ở trong Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới, nếu muốn giác ngộ thì dùng vô tướng làm thuốc. Dùng vô nguyện làm thuốc trị những vọng niệm của ái dục về ngã sở, chẳng phải ngã sở. Đối với bốn thứ điên đảo thì mỗi thứ đều có thuốc riêng. Thế nào là thuốc riêng của mỗi thứ?

Một là đối với Hữu thường thì lấy Vô thường làm thuốc.

Hai là đối với Hữu lạc thì lấy Khổ làm thuốc.

Ba là nếu chấp đây là Ngã sở thì dùng Phi ngã sở làm thuốc.

Bốn là nếu chấp Có thân thì dùng phép Quán làm thuốc.

Dùng bốn niệm xứ làm chỗ nhớ nghĩ của thân tâm. Đó chính là thuốc. Dùng bốn ý đoạn (bốn chánh cần) để đoạn trừ tất cả tội lỗi, đây là thuốc.

Dùng bốn thân tức hợp thành thân, dùng rộng không làm thuốc.

Dùng năm căn, năm lực nhớ nghĩ công đức làm thuốc trị bệnh chẳng tin, biếng trễ.

Dùng bảy giác chi làm thuốc để vào sâu nơi trí

tuệ. Ngoại đạo và hàng bất tín thì dùng tám Thánh đạo làm thuốc. Đây là thuốc riêng của mỗi thứ bệnh.

Phật bảo Tôn giả Ca-diếp:

– Nếu đây khắp cõi Diêm-phù-đề toàn là những thầy thuốc hoặc đệ tử của thầy thuốc, hoặc Y vương rất tôn quý. Hoặc đây trong tam thiên thế giới toàn là Y vương thì tuy có nhiều Y vương như vậy nhưng không thể chữa lành bệnh của hàng ngoại đạo và kẻ không có tâm tin, không biết nên dùng những pháp dược nào để chữa lành bệnh cho họ? BỒ-tát bèn nghĩ: “Không thể dùng thuốc ở thế gian mà chữa lành bệnh được, phải dùng thuốc pháp của Phật mới chữa lành bệnh của con người. Thuốc pháp của Phật là những gì? Đó là tùy theo nhân duyên của họ, vì trong trí tuệ không có ngã, không có nhân, không thọ, không mạng, nếu tin vào không thì được độ thoát. Không, không có Không, nghe như vậy mà chẳng kinh sợ thì hãy tinh tấn tâm niệm suy tìm.

Những gì là tâm tham dục?

Những gì là tâm sân giận?

Những gì là tâm ngu si?

Chúng thuộc vào quá khứ, hiện tại hay vị lai? Nếu là quá khứ thì đã hết rồi, nếu là vị lai thì chưa tới, còn hiện tại thì không dùng.

Phật bảo Tôn giả Ca-diếp:

– Tâm không sắc, không nhìn, không thấy.

Chư Phật cũng không thấy tâm này. Nó vốn không sở hữu, không có nhân duyên, tự nó tạo ra nhân duyên, tự chịu sự sinh tử. Tâm đi xa và chỉ đi một mình. Tâm ví như dòng nước từ trên cao sinh ra bọt nước trong chốc lát liền tan biến. Tâm ví như trời mưa bất ngờ, chợt đến không báo trước. Ái dục cũng vậy, đến bất ngờ không kỳ hạn. Tâm ví như chim bay khi nhảy không chịu dừng lại một chỗ. Chỗ nhân của tâm đó cũng không chịu dừng lại một chỗ. Ví như nhà hội họa bày vẽ ra màu sắc, tâm mỗi mỗi sai khác. Như vậy, tùy theo việc mình làm, ví như nhà vua là bậc trên hết giữa mọi người, thì tâm cũng là vô thượng trong các công đức. Ví như con ruồi xanh ở trên đồng phân tự cho là sạch. Cũng vậy, tâm vào trong ái dục tự cho là thanh tịnh. Tâm ví như kẻ thù địch đẩy người ta vào đường ác mà không có kỳ hạn. Ví như lấy tro xây thành, lấy vô thường làm hữu thường. Ví như dùng lưỡi câu mà câu được cá. Tâm lấy phi ngã sở làm ngã sở. Tâm ví như giặc đã tạo được công đức bèn trở lại tự hủy nhục. Ví như sườn núi có cao rồi có thấp, trong một khoảnh khắc mà tâm có thương có ghét. Tâm ví như người thù địch chỉ rình chờ dịp để hại người. Tâm thường muốn mùi thơm, ví như chiếc bình bên ngoài vẽ đẹp, trong đựng đầy phân ứ, làm gì có mùi thơm khác để ưa thích. Giống như đũa hầu gái đáp ứng theo thú vui của người

đàn ông. Ví như con thiêu thân tự gieo mình vào trong lửa đèn.

Phật bảo Tôn giả Ca-diếp:

– Truy tìm tâm, chẳng thể nắm bắt được. Vì chẳng thể nắm bắt được nên gọi là không có. Do không có nên không có chỗ sinh. Không có chỗ sinh nên cũng không chỗ ra khỏi. Vì không có chỗ ra khỏi nên không có sự hủy hoại. Vì không có sự hủy hoại nên không có chết cũng không có sinh. Vì không có sinh nên không có chết, vốn không có nhân duyên sinh tử. Vì vốn không có nhân duyên nên vô sinh, vô nguyện. Vì vô nguyện nên cũng không có sự nắm giữ. Vì không sự nắm giữ nên đây chính là Niết-bàn của La-hán. Đây là sự diệt độ của La-hán thì không còn giới cấm. Căn bản của sinh tử hay tội lỗi đã tạo ra trước đây cũng không có. Đây không có sinh tử nên đây chính là sự diệt độ của La-hán. Sự diệt độ của La-hán không có thân hành, khẩu hành hay tâm hành. Sự diệt độ này không có gì khác biệt. Vì sao? Vì các kinh điển đều đồng một vị. Sự diệt độ này bình đẳng như hư không. Nó vừa không có cái không, cũng không có ngã sở, và cũng chẳng phải là ngã sở. Diệt đế này vốn không có đế. Nó vốn thanh tịnh, không có tỳ vết nhỏ nào của ái dục. Diệt độ lìa diệt độ là diệt độ theo thứ lớp tiến dần đến Niết-bàn, đó là sự diệt độ vô tận, vì vốn không có sinh. Vì diệt ấy an ổn nên đạt đến Niết-bàn an ổn, đó là diệt độ, thường

diệt, vì thường vượt qua cái không gốc thì diệt ấy là một sự lìa bỏ hoàn hảo, vốn không tử sinh.

Đức Phật bảo Tôn giả Ca-diếp:

– Hãy lo việc của chính mình, chớ lo duyên theo bên ngoài. Trong vị lai, hàng Tỳ-kheo ví như bốc một cục đất ném con chó. Con chó chỉ đuổi theo cục đất chứ không chạy theo người. Cũng vậy, trong vị lai, hàng Tỳ-kheo muốn vô trong núi ở chỗ vắng vẻ, luôn được an lạc nhưng chẳng chịu quán sát nội thân. Vì không hiểu mắt, tai, mũi, lưỡi, thân thì do đâu được giải thoát? Do vậy, khi họ vào thành khát thực, hoặc vào thôn xóm thành ấp, thấy sắc, thanh, hương, vị, xúc tốt bèn đắm theo, liền bị suy thoái ở trong núi. Nếu ít nhiều có giữ giới nhưng chẳng quán nội thân thì chết được sinh lên cõi trời. Từ cõi trời này sinh xuống nhân gian, rồi từ đây về sau chẳng lìa khỏi ba đường ác.

Đức Phật dạy:

– Nay Tôn giả Ca-diếp! Tỳ-kheo như chó đuổi theo cục đất. Người ta mắng cũng mắng lại. Người ta đánh cũng đánh lại. Người chẳng chế ngự tâm ý cũng như vậy.

Ví như người chăn ngựa, nếu gặp ngựa chững thì phải luôn luôn huấn luyện, về sau ngựa mới được điều phục. Tỳ-kheo phải luôn quán sát pháp, chế ngự và điều phục tâm, chẳng còn thấy có pháp xấu nào nữa.

Ví như người bệnh nghệt yết hầu, toàn thân đều bị đau. Tâm của những người bị ngã sở và phi ngã sở trói buộc, đi theo ngoại đạo, cũng như vậy.

Phật dạy:

– Nay Tôn giả Ca-diếp! Sa-môn có hai việc rơi vào lao ngục: Một là cho “Đây là cái của tôi”. Hai là mong cầu được sự cúng dường của mọi người.

Sa-môn lại có hai việc trói buộc. Hai việc đó là: Một là học theo ngoại đạo. Hai là tham muốn, tích chứa nhiều y phục, mũnng mền, y bát.

Sa-môn lại có hai việc làm đoạn mất Trung đạo. Hai việc đó gồm: Một là thân cận với hàng bạch y. Hai là ghét bỏ những Sa-môn giữ giới thanh tịnh.

Sa-môn lại có hai việc rơi vào chỗ ứ trước: Một là thường nghĩ nhớ về ái dục. Hai là ưa giao kết bạn bè.

Sa-môn lại có hai việc vướng mắc: Một là tự mình có lỗi chẳng chịu sám hối. Hai là trở lại luôn nghĩ đến lỗi của người khác.

Sa-môn lại có hai việc đọa vào địa ngục: Một là phỉ báng chánh pháp. Hai là hủy hoại giới pháp.

Sa-môn lại có hai việc: Một là phạm giới hoàn toàn. Hai là ở trong giáo pháp không được gì cả.

Sa-môn lại có hai lỗi lầm: Một là chẳng xứng đáng mà thọ mặc ca-sa. Hai là tự thân chẳng giữ giới, trái lại giữ giới Tỳ-kheo mà làm việc cho người khác.

Sa-môn lại có hai bệnh khó chữa lành: Một là tâm tà loạn. Hai là ngăn chặn người hành đạo Bồ-tát.

Đức Phật bảo Tôn giả Ca-diếp:

– Sa-môn có mấy hạng? Có bốn hạng gọi là Sa-môn.

Một là hình dáng, dung nghi, y phục tựa như Sa-môn.

Hai là bên ngoài giống như Sa-môn, bên trong mang tâm dối trá.

Ba là tham cầu danh lợi, cao ngạo.

Bốn là thực hành đúng phạm hạnh của Sa-môn.

Thế nào là hình dáng, y phục như Sa-môn? Nghĩa là cạo bỏ râu tóc, đắp y mang bát, nhưng tâm bất chính, chẳng giữ giới, chỉ ưa làm việc ác, thích học theo ngoại đạo. Đó là hình dáng y phục tựa như Sa-môn.

Thế nào là bên ngoài giống như Sa-môn nhưng bên trong thì dối trá? Nghĩa là bước đi từ tôn, đi ra từ tôn, đi vào từ tôn. Giống như hàng ngoại đạo thô ác ở trên núi, lấy cỏ làm thất, lấy tranh làm nhà, nhưng bên trong không có đức tin, lại chấp trước nơi ngã và ngã sở. Nếu gặp người tu khổ hạnh, có tâm tin chân chánh thì lại ganh ghét.

Thế nào là Sa-môn tham cầu danh lợi? Nghĩa là dối trá giữ giới để người khác khen ngợi, học kinh một cách a dua để được người khác ngợi khen.

Dối trá là người ưa ở chỗ vắng lặng để được người khen. Chẳng mong cầu chính mình mau được giải thoát mà chỉ toàn dối trá.

Thế nào là Sa-môn hành đúng phạm hạnh? Nghĩa là chẳng tiếc thọ mạng, xem thường thân mạng, huống gì lại mong cầu sự quy kính cúng dường. Nếu có Tỳ-kheo tu theo hạnh “Không” thì thường khuyến khích, theo đuổi và thấy các pháp vốn thanh tịnh không có tỳ vết gì, tự phát trí tuệ chứ chẳng nhờ người khác đem lại. Đối với pháp Phật chẳng hề chấp trước, huống gì đối với sắc mà thường chấp trước. Không có sự trói buộc cũng không cầu sự giải thoát. Vốn nhận thấy Niết-bàn, cũng không có sinh tử, cũng không có giải thoát. Đó là Sa-môn chân thật.

Phật dạy:

– Này Tôn giả Ca-diếp! Thật đúng là Sa-môn phải luôn suy nghĩ: Phải noi gương bậc Sa-môn chân thật, chớ học theo hàng Sa-môn dối trá lừa bịp. Ví như người bần cùng tự xưng giàu có lớn, chỉ được cái danh giàu có chứ chẳng có gì cả.

Phật dạy:

– Này Tôn giả Ca-diếp! Người này có xứng được với cái danh đó không?

Tôn giả Ca-diếp thưa:

– Bạch Thế Tôn, không.

Đức Phật dạy:

– Đúng vậy, này Tôn giả Ca-diếp! Người tuy có danh tự là Sa-môn nhưng chẳng hành pháp của Sa-môn thì như người bần cùng tự xưng là giàu sang. Ví như có người đang bị trôi chìm giữa dòng nước mà lại khát nước, muốn chết. Cũng vậy, Sa-môn đọc tụng nhiều Kinh điển, tài cao mà chẳng bỏ được tình dục, nên ở trong tình dục ấy khát dục mà chết, đọa vào địa ngục, súc sinh, quỷ đói. Ví như thầy thuốc mang đầy túi thuốc nhưng không thể trị lành bệnh cho tự thân. Tuy đọc tụng nhiều Kinh điển nhưng chẳng giữ giới, giống như người bệnh được thuốc của nhà vua nhưng chẳng thích hợp nên phải chết. Tuy đọc tụng nhiều Kinh điển mà chẳng giữ giới cũng ví như ngọc ma-ni rơi vào trong phân. Dầu đọc tụng nhiều Kinh điển mà chẳng giữ giới, ví như thầy người chết đeo chuỗi vàng. Người không giữ giới lại đắp ca-sa tự như Sa-môn giữ giới. Ví như con của trưởng giả, mặc y phục mới, đeo trang sức mới v.v... đọc tụng nhiều kinh điển, giữ giới nghiêm chỉnh cũng như vậy.

Đức Phật dạy:

– Này Tôn giả Ca-diếp! Có bốn hạng Tỳ-kheo phá giới mà tựa như giữ giới. Bốn hạng đó: Một là có hạng Tỳ-kheo không khuyết phạm đối với giới cấm đã được nghe. Tuy được như vậy nhưng chấp trước nơi ta, người. Hai là có hạng Tỳ-kheo biết hết thấy Kinh Luật nhưng chấp vào sự hành trì này là hành trì của ta. Ba là có hạng Tỳ-kheo chấp trước

vào ngã và ngã sở. Bốn là có hạng Tỳ-kheo thường thực hành tâm bình đẳng đối với mọi người, nhưng sợ sự sinh tử. Đây là Sa-môn không giữ giới mà gọi là giữ giới.

Đức Phật bảo Tôn giả Ca-diếp:

– Giới cấm không có hình tướng, chẳng vương nơi ba cõi. Nhân gì gọi là giới? Không có ta, không ngã, không nhân, không thọ mạng, không ý thức, không danh tự, không chủng tánh, không biến hóa, không dạy bảo, không người tạo tác, không có sự đến, không có sự đi, không có sự kìm chế, không có sự diệt độ, không có thân phạm, không có khẩu phạm, không có tâm phạm, không có thể gian, không có chấp, không có chỗ trụ, cũng không hữu giới, cũng chẳng vô giới, cũng không có sự nhớ nghĩ, cũng không có sự hủy hoại, cũng không đứng ngồi. Cho nên gọi là giới cấm.

Bấy giờ, Phật dạy:

– Giới không có tỳ vết, chấp trước. Người giữ giới không xa hoa, không sân giận, an định, thành tựu Niết-bàn. Như vậy gọi là giữ giới. Chẳng yêu thân cũng chẳng tiếc mạng, chẳng thích ở trong năm cảnh giới. Đối với các pháp hiểu rõ như vậy nên ở trong pháp Phật gọi là giữ giới. Không thích ở giữa, không trụ hai bên. Ở giữa hay ở hai bên đều chẳng chấp trước, chẳng trói buộc.

Ví như gió giữa hư không vốn không có chỗ

nương tựa, không có chỗ dừng nghỉ. Đây gọi là giữ giới. Người nào tâm an định, không có sự chấp trước, không có tướng ngã, không có tướng nhân, người hiểu như vậy chính là giữ giới thanh tịnh. Chẳng khinh giới cấm, chẳng tự cao ngạo, luôn muốn giữ đạo trì giới, như vậy không ai có thể gây tội lỗi. Lìa tướng ngã sở, tự ngã và đây là ngã sở, hoàn toàn không có như vậy. Tin vào pháp không và thực hành giáo pháp của Phật, chẳng nhiễm thế gian, chẳng tham đắm thế gian, từ tối vào sáng, không còn gây nhân nữa, không tham đắm nơi ba cõi. Đó chính là giữ giới.

Khi Đức Phật giảng nói pháp này xong, có hai vạn hai ngàn chư Thiên, dân chúng, rồng, quỷ thần đều chứng đạo Tu-đà-hoàn, tám trăm Sa-môn đều đắc quả A-la-hán. Năm trăm Sa-môn thanh tịnh đều thâm giữ tâm ý chứng được thiền đạo, những vị nghe Đức Phật thuyết giảng Kinh điển thâm diệu này chẳng tin, chẳng hiểu, liền rời chỗ ngồi bỏ đi.

Tỳ-kheo Ca-diếp bạch Phật:

– Năm trăm vị Tỳ-kheo thiền định này nghe thuyết giảng kinh thâm diệu, vì không tin không hiểu chỗ sâu xa nên bỏ đi.

Đức Phật dạy:

– Này Tôn giả Ca-diếp! Năm trăm Tỳ-kheo thiền định này vì nghe dạy giáo pháp thâm diệu chẳng tin chẳng hiểu, lại tin nơi các việc khác.

Phật bảo Tôn giả Ca-diếp:

– Thời quá khứ, thuở Đức Phật Ca-diếp, năm trăm vị Tỳ-kheo này đều tu đạo Bà-la-môn, ở chỗ Đức Phật Ca-diếp một lần nghe kinh, tâm ý họ rất vui thích, ngay lúc ấy, năm trăm vị này tự nói: “Những lời Đức Phật Ca-diếp giảng nói thật vi diệu”. Chính vì vậy nên năm trăm vị này được phước báo tốt, sau khi qua đời được sinh lên cõi trời Đao-lợi.

Đức Phật dạy:

– Năm trăm vị Tỳ-kheo được phước báo ấy rồi, sau đó được làm Sa-môn trong giáo pháp của Ta, nhưng nay được nghe giáo pháp thâm diệu lại chẳng tin hiểu.

Phật bảo Tôn giả Ca-diếp:

– Năm trăm vị Tỳ-kheo này do được nghe giáo pháp thâm diệu nên không bị đọa vào cõi ác. Ở trong đời này, họ đều sẽ đắc quả Niết-bàn A-la-hán.

Đức Phật bảo Tôn giả Tu-bồ-đề:

– Ông hãy gọi năm trăm Tỳ-kheo kia đến đây.

Tôn giả Tu-bồ-đề bạch Phật:

– Năm trăm Tỳ-kheo đó còn chẳng chịu nghe những điều Phật dạy, lẽ nào lại nghe theo lời của vị A-la-hán nhỏ này.

Khi ấy, Đức Phật liền hóa làm hai Tỳ-kheo thông thả đến trước năm trăm Tỳ-kheo. Năm trăm

Tỳ-kheo đều vội vàng đi đến trước hai vị hóa Tỳ-kheo, hỏi:

– Hai Hiền giả định về đâu?

Hai vị Tỳ-kheo đáp:

– Chúng tôi muốn tìm chỗ an ổn trong núi vắng, thâm giữ tâm tọa thiền để không còn sự phiền toái nào khác.

Năm trăm vị lại hỏi:

– Vì sao vậy?

Hai vị Tỳ-kheo liền đáp:

– Vì chúng tôi chẳng tin chẳng hiểu giáo pháp sâu xa mà Đức Phật đã thuyết giảng.

Năm trăm vị ấy lại nói:

– Chúng tôi cũng muốn vào trong núi, ở chỗ vắng vẻ, an lạc tọa thiền, không ai đến quấy nhiễu. Nghe Đức Phật thuyết pháp, chúng tôi chẳng tin chẳng hiểu.

Hai vị Tỳ-kheo nói tiếp:

– Việc này phải cùng nhau bàn luận thật kỹ, chớ nên xem thường. Không tranh chấp chính là pháp của Tỳ-kheo. Vì sao nói Niết-bàn trong thân có ngã, có thần, có thọ mạng, có nhân, có ý? Sẽ có người đạt đến Niết-bàn chăng?

Năm trăm Tỳ-kheo bèn nói:

– Thân này cũng không nhân, không ngã, không thọ mạng, không ý thức, cũng không có người tu hành đạt đến Niết-bàn.

Hai vị Tỳ-kheo nói:

– Những gì diệt tận sẽ được gọi là Niết-bàn?

Năm trăm vị Tỳ-kheo đáp:

– Diệt tham, diệt sân, diệt si, đó chính là Niết-bàn.

Hai vị Tỳ-kheo lại hỏi:

– Tham, sân, si của các thầy diệt hết chưa?

Năm trăm vị đáp:

– Cũng không có trong cũng chẳng có ngoài.

Hai vị Tỳ-kheo nói:

– Các ông chớ chấp trước cũng chớ không chấp trước. Tuy không chấp trước mà chẳng thấy không chấp trước, đó chính là Niết-bàn. Giới cấm không ở trong sinh tử cũng chẳng ở trong Niết-bàn. Trí tuệ và giải thoát tri kiến cũng chẳng ở trong sinh tử, chẳng ở trong Niết-bàn. Pháp căn bản ấy là rỗng lặng, không hình sắc, cũng không có cái để thấy, xa lìa mọi tướng, xa lìa tướng về Niết-bàn, diệt tận tướng về thọ, mau đạt đến chỗ chẳng nghĩ, cũng không những nghĩ về pháp sở hữu, diệt tận tướng về thọ. Đây chính là không tạo tác.

Lúc hai thầy Tỳ-kheo thuyết giảng pháp này, năm trăm vị Tỳ-kheo ấy đều chứng được đạo A-la-hán. Năm trăm vị liền quay trở lại chỗ Đức Phật. Tôn giả Tu-bồ-đề hỏi năm trăm vị Tỳ-kheo:

– Các Hiền giả đã đi đến đâu và từ đâu lại?

Năm trăm Tỳ-kheo đáp:

– Như Đức Phật đã dạy, không từ đâu đến cũng không đi đến đâu.

Tu-bồ-đề hỏi năm trăm vị Tỳ-kheo:

– Ai là thầy các ông?

Năm trăm Tỳ-kheo đáp:

– Vốn không có sinh thì nhân gì phải có xuất.

Tu-bồ-đề hỏi tiếp:

– Các thầy được nghe pháp từ ai?

Năm trăm Tỳ-kheo đáp:

– Không có năm âm, không có bốn đại, không có sáu trần. Đó là thầy chúng tôi.

Tu-bồ-đề liền hỏi:

– Thầy đã thuyết cho các ông những pháp gì?

Năm trăm Tỳ-kheo trả lời:

– Không có sự trói buộc cũng không có sự buông thả.

Tu-bồ-đề hỏi:

– Vốn do nhân duyên nào mà giữ đạo?

Năm trăm Tỳ-kheo đáp:

– Cũng không có giữ mà cũng không có chấp giữ.

Tu-bồ-đề nói:

– Những việc các ông đã làm thật là thích hợp.

Năm trăm Tỳ-kheo đáp:

– Việc làm như vậy cũng không có gì thích hợp.

Tu-bồ-đề lại hỏi:

– Các thầy đã hàng phục được ma chăng?

Năm trăm Tỳ-kheo liền đáp:

– Không có năm ám và ma nào cả.

Tu-bồ-đề lại hỏi:

– Khi nào các thầy nhập Niết-bàn?

Năm trăm Tỳ-kheo đáp:

– Khi nào hóa nhân nhập Niết-bàn, lúc đó chúng tôi cũng sẽ nhập Niết-bàn.

Tu-bồ-đề hỏi:

– Ai chữa lành bệnh cho các thầy?

Năm trăm Tỳ-kheo đáp:

– Không thân, không tâm ấy là thầy chữa lành bệnh cho chúng tôi.

Tu-bồ-đề hỏi tiếp:

– Các ông đã đoạn hết ái dục chăng?

Năm trăm Tỳ-kheo liền đáp:

– Các pháp duyên vốn đã diệt tận.

Tu-bồ-đề hỏi:

– Các thầy đã trụ nơi địa A-la-hán chăng?

Năm trăm Tỳ-kheo liền đáp:

– Không có chỗ nắm giữ cũng không chỗ buông thả.

Tu-bồ-đề lại hỏi:

– Các ông đã đoạn hết sinh tử chăng?

Năm trăm Tỳ-kheo đáp:

– Vốn đã đoạn hết, cũng không còn cái thấy.

Tu-bồ-đề hỏi:

– Các ông đã đạt được địa Nhẫn chăng?

Năm trăm Tỳ-kheo đáp:

– Tất cả đã giải thoát nên không còn chấp trước vào đâu.

Khi Tôn giả Tu-bồ-đề cùng với năm trăm Tỳ-kheo hỏi đáp, có một trăm hai mươi vạn người và chư Thiên, quý, thần, rồng đều đạt được đạo Tu-đà-hoàn, một ngàn ba trăm Tỳ-kheo đều được đạo A-la-hán.

Khi Đức Phật thuyết giảng kinh này rồi, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, chư Thiên, người, quý, thần, rồng đều hoan hỷ, ở trước Phật làm lễ lui ra.



SỐ 351

KINH MA HA DIỄN BẢO NGHIÊM

*Hán dịch: Thất dịch. Dựa vào
dịch phẩm đời Tấn.*

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật du hóa tại núi Kỳ-xà-quật, thuộc thành Vương-xá, cùng với chúng Đại Tỳ-kheo tám ngàn vị, một vạn sáu ngàn vị Bồ-tát, từ các cõi Phật tập hợp về đây, đều là bậc dốc cầu đạo Chánh chân vô thượng.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Tôn giả Đại Ca-diếp:

– Bồ-tát có bốn pháp làm mất trí tuệ Ba-la-mật. Những gì là bốn: Một là chẳng tôn trọng pháp, chẳng quý kính Pháp sư. Hai là làm Pháp sư mà bòn xén đối với giáo pháp. Ba là đối với người cầu mong được giáo pháp thì lại ngăn trở, trách mắng, khinh dễ, chẳng chịu thuyết pháp. Bốn là cao ngạo, kiêu mạn, đề cao mình, hủy báng người.

Này Tôn giả Ca-diếp! Như thế gọi là Bồ-tát có bốn việc làm mất Trí tuệ Ba-la-mật.

Lại nữa, này Tôn giả Ca-diếp! Bồ-tát có bốn việc làm cho đến đạt được Trí tuệ Ba-la-mật. Thế

nào là bốn việc? Một là tôn trọng giáo pháp, kính trọng Pháp sư. Hai là tùy theo pháp được nghe giảng nói rộng cho người, nhưng tâm không tham chấp, cũng không có mong cầu, chỉ vì trí tuệ Ba-la-mật nên xả bỏ tất cả tài vật để cầu học nhiều hơn, như cứu lửa cháy trên đầu. Ba là nghe rồi thọ trì. Bốn là thực hành đúng như pháp, chẳng chấp vào lời nói.

Này Tôn giả Ca-diếp! Như vậy gọi là Bồ-tát có bốn việc đạt được Trí tuệ Ba-la-mật.

Lại nữa, này Tôn giả Ca-diếp! Bồ-tát có bốn việc làm mất tâm Bồ-tát. Bốn việc đó là: Một là khi đối Sư trưởng và bậc Trưởng lão. Hai là người kia không phạm lỗi mà nói có phạm lỗi. Ba là đối với người cầu pháp Đại thừa thì chê bai, bêu xấu họ. Bốn là có tâm dối nịnh không thành thật.

Này Tôn giả Ca-diếp! Như vậy là Bồ-tát có bốn việc làm mất tâm của Bồ-tát.

Lại nữa, này Tôn giả Ca-diếp! Bồ-tát thành tựu bốn pháp. Từ lúc mới sinh cho đến lúc ngồi nơi đạo tràng, tâm Bồ-tát luôn luôn hiện tiền chẳng mất. Những gì là bốn? Một là thà chết, quyết chẳng vọng ngữ. Hai là đối với tất cả Bồ-tát tưởng là Phật nên thường xưng dương danh hiệu khắp bốn phương. Ba là hết sức thành thật không có tâm giả dối đua nịnh. Bốn là không ưa pháp Tiểu thừa.

Này Tôn giả Ca-diếp! Như vậy gọi là Bồ-tát

thành tựu bốn pháp từ lúc mới sinh cho đến lúc ngồi nơi đạo tràng, tâm của Bồ-tát luôn hiện tiền chẳng mất.

Lại nữa, này Tôn giả Ca-diếp! Bồ-tát gây tạo bốn pháp khiến pháp thiện đã sinh phải diệt mất, chẳng tăng trưởng. Thế nào là bốn? Một là đem tâm cao ngạo kiêu mạn học theo kinh sách thế tục. Hai là vì tham đắm tài vật nên thường đến nhà đàn việt. Ba là đố kỵ, chê bai Bồ-tát. Bốn là đối với kinh điển chưa từng nghe hoặc đã nghe thì lại phỉ báng.

Này Tôn giả Ca-diếp! Đây gọi là Bồ-tát gây tạo bốn pháp, làm mất hẳn, chẳng tăng trưởng pháp thiện đã sinh.

Lại nữa, này Tôn giả Ca-diếp! Bồ-tát thành tựu bốn pháp khiến pháp thiện tăng trưởng chẳng lui mất. Thế nào là bốn? Một là ưa nghe pháp thiện, chẳng ưa nghe phi pháp, ưa nghe sáu Ba-la-mật và pháp tạng của Bồ-tát. Hai là khiêm tốn, chẳng kiêu mạn đối với chúng sinh. Ba là dùng pháp biết đủ trừ pháp tà mạn, chẳng nêu lỗi của người phạm hay không phạm, chẳng tìm lỗi của người. Bốn là đối với giáo pháp chưa thông đạt thì chẳng nói đúng sai. Nghĩ: Vô lượng cảnh giới Như Lai đều tùy theo căn tánh của chúng sinh mà thuyết pháp cho họ. Tôi không thể hiểu được, chỉ có Đức Phật chứng biết thôi.

Này Tôn giả Ca-diếp! Như vậy gọi là Bồ-tát thành tựu bốn pháp làm cho pháp thiện tăng trưởng chẳng lui mất.

Lại nữa, này Tôn giả Ca-diếp! Có bốn tâm dôi nịnh mà Bồ-tát phải trừ diệt. Thế nào là bốn? Một là do dự nghi ngờ đối với giáo pháp của Phật. Hai là đối với chúng sinh có tâm kiêu mạn, sân giận. Ba là sinh tâm ganh ghét đối với lợi lạc của kẻ khác. Bốn là bêu xấu, phỉ báng Bồ-tát.

Này Tôn giả Ca-diếp! Đây gọi là có bốn tâm dôi nịnh mà Bồ-tát phải diệt trừ.

Lại nữa, này Tôn giả Ca-diếp! Bồ-tát có bốn tướng thuận. Thế nào là bốn? Một là đã phạm lỗi thì phát lồ chẳng che giấu, tâm không phiền muộn. Hai là lời nói chân thật dù đến chết cũng chẳng dối trá. Ba là khi gặp những nghịch cảnh như bị hủy báng, đánh đập, trói buộc thì tự trách: đó là nghiệp báo của mình, chẳng giận dữ với người, chẳng sinh phiền não. Bốn là vững tâm không tin vào lời người khác, chỉ tin pháp Phật. Bên trong thanh tịnh.

Này Ca-diếp! Đây gọi là Bồ-tát có bốn tướng thuận.

Lại nữa, này Tôn giả Ca-diếp! Bồ-tát có bốn điều xấu. Thế nào là bốn? Một là nghe nhiều nhưng xem thường nên hành động không đúng pháp, chẳng thuận theo những điều răn dạy. Hai là xa lìa

chánh pháp, chẳng kính sư trưởng, chẳng xứng đáng nhận sự cúng dường của tín thí. Ba là làm mất giới, định, tuệ, nên ngu si, dôi thọ tín thí. Bốn là thấy bậc Điều ngự Bồ-tát có trí tuệ thì chẳng cung kính, lại cao ngạo khinh mạn.

Này Ca-diếp! Đây là bốn điều xấu của Bồ-tát.

Lại nữa, này Tôn giả Ca-diếp! Bồ-tát có bốn trí: Một là đối với kinh chưa nghe hoặc nghe rồi đều thực hành đúng pháp. Hai là dựa vào ý nghĩa chẳng dùng văn tự trau chuốt. Ba là thuận theo lời dạy bảo, nói năng khéo léo, làm việc gì đều luôn hiếu thuận với tôn sư, đạt được Giới-Định-Tuệ, thọ nhận cúng dường. Bốn là gặp bậc Điều Ngự Bồ-tát có trí tuệ phải khởi tâm thiện cung kính hoàn toàn.

Này Ca-diếp! Đây là bốn trí của Bồ-tát.

Lại nữa, này Tôn giả Ca-diếp! Bồ-tát có bốn việc trái nghịch. Thế nào là bốn? Một là chưa biết rõ chúng sinh bèn kết làm thân cận, trái nghịch với Bồ-tát. Hai là chúng sinh không thể thọ nhận giáo pháp vi diệu của Phật mà thuyết giảng cho họ, trái nghịch với Bồ-tát. Ba là đối với người ưa thích pháp vi diệu tối thượng lại thuyết cho pháp Tiểu thừa, trái nghịch với Bồ-tát. Bốn là đối với chúng sinh chánh hạnh đáng được lãnh hội diệu pháp thì ngược lại, trái nghịch với Bồ-tát.

Này Ca-diếp! Đây là bốn sự trái nghịch.

Lại nữa, này Tôn giả Ca-diếp! Bồ-tát có bốn

đạo. Thế nào là bốn? Một là đem tâm bình đẳng đối với chúng sinh. Hai là khuyến hóa tất cả chúng sinh tu học trí tuệ của Phật. Ba là vì tất cả chúng sinh mà thuyết giảng chánh pháp. Bốn là làm cho tất cả chúng sinh thuận với chánh hạnh.

Này Ca-diếp! Đó là bốn chánh đạo của Bồ-tát.

Lại nữa, này Tôn giả Ca-diếp! Bồ-tát có bốn tri thức ác. Thế nào là bốn? Một là hàng Thanh văn chỉ cầu tự lợi. Hai là hàng Duyên giác ít nghĩa ít sự. Ba là bậc thầy dạy ngoại điển thế tục truyền đạt lời lẽ trau chuốt. Bốn là thân cận với họ chỉ được pháp thế tục, chẳng ích lợi cho chánh pháp.

Này Ca-diếp! Đây là bốn tri thức ác.

Lại nữa, này Tôn giả Ca-diếp! Bồ-tát có bốn tri thức thiện. Thế nào là bốn? Một là người đến xin cầu học là tri thức thiện của Bồ-tát vì nuôi lớn đạo pháp. Hai là người làm Pháp sư là tri thức thiện đa văn của Bồ-tát vì nuôi lớn trí tuệ Ba-la-mật. Ba là người khuyến bảo xuất gia học đạo là tri thức thiện của Bồ-tát vì nuôi lớn tất cả các căn lành. Bốn là chư Phật Thế Tôn là tri thức thiện của Bồ-tát vì nuôi lớn tất cả pháp Phật.

Ca-diếp, đây là bốn tri thức thiện.

Lại nữa, này Tôn giả Ca-diếp! Có bốn pháp tương tự Bồ-tát. Thế nào là bốn? Một là tham lợi dưỡng, chẳng cầu công đức. Hai là chỉ cầu tự vui, chẳng vì chúng sinh. Ba là chỉ trừ khổ của chính

mình, chẳng vì chúng sinh. Bốn là muốn được quyền thuộc, chẳng ưa xa lìa.

Ca-diếp, đây là bốn pháp tương tự Bồ-tát.

Lại nữa, này Tôn giả Ca-diếp! Bồ-tát có bốn công đức chân thật. Thế nào là bốn? Một là hiểu về không nhưng tin nơi nghiệp báo. Hai là hiểu các pháp không có ngã nhưng hiện bày tâm đại từ đối với chúng sinh. Ba là tuy ưa thích Niết-bàn nhưng chẳng xả bỏ sinh tử. Bốn là hành bố thí vì giáo hóa chúng sinh, chẳng mong cầu quả báo.

Ca-diếp, đây là bốn công đức chân thật của Bồ-tát.

Lại nữa, này Tôn giả Ca-diếp! Đại Bồ-tát có bốn đại tạng. Thế nào là bốn? Một là gặp Phật xuất hiện ở đời. Hai là nghe thuyết giảng về sáu Ba-la-mật. Ba là đem tâm vô ngại nhìn Pháp sư. Bốn là chẳng buông lung, ưa ở chỗ rừng núi.

Ca-diếp, đây là Bồ-tát có bốn đại tạng.

Lại nữa, này Tôn giả Ca-diếp! Bồ-tát có bốn pháp vượt qua các ma. Thế nào là bốn? Một là chẳng bỏ tâm của Bồ-tát. Hai là tâm không trở ngại đối với tất cả chúng sinh. Ba là chẳng chấp trước tất cả các kiến chấp. Bốn là chẳng khinh mạn tất cả chúng sinh.

Ca-diếp, đây là bốn pháp vượt qua các ma của Bồ-tát.

Lại nữa, này Tôn giả Ca-diếp! Đại Bồ-tát có

bốn pháp thâm nhận tất cả pháp thiện. Thế nào là bốn? Một là thường ở chỗ vắng lặng thanh tịnh, tâm không dối trá. Hai là có ân hay không có ân tâm cũng nhẫn chịu. Ba là xả bỏ thân mạng vì chúng sinh, nhớ nghĩ đến bốn ân. Bốn là cầu pháp không có sự nhàm chán, nên đủ tất cả căn lành.

Ca-diếp, đây là bốn pháp thâm nhận tất cả pháp thiện của Đại Bồ-tát.

Lại nữa, này Tôn giả Ca-diếp! Đại Bồ-tát có bốn phước đức vô lượng. Thế nào là bốn? Một là hành pháp thí với tâm thanh tịnh. Hai là sinh tâm đại bi đối với người phạm giới. Ba là nguyện cho tất cả chúng sinh ưa thích tâm Bồ-tát. Bốn là đối với những kẻ thấp kém thì chẳng bỏ nhẫn nhục.

Ca-diếp, đây là bốn phước đức vô lượng của Bồ-tát.

Lại nữa, này Tôn giả Ca-diếp! Chẳng phải vì danh tự Bồ-tát mà gọi là Bồ-tát, mà vì người hay hành pháp, hành bình đẳng, hành phân biệt phước, nên mới gọi là Bồ-tát.

Lại nữa, này Tôn giả Ca-diếp! Đại Bồ-tát thành tựu ba mươi hai pháp được gọi là Bồ-tát. Thế nào là ba mươi hai pháp?

Một là dốc tâm tạo lợi ích cho chúng sinh.

Hai là muốn đạt được Nhất thiết trí.

Ba là tự khiêm tốn chẳng hủy hoại trí tuệ của người.

Bốn là chẳng kiêu mạn đối với tất cả chúng sinh.

Năm là có tâm tin đối với tất cả chúng sinh.

Sáu là thương nhớ tất cả chúng sinh.

Bảy là hết lòng thương xót mọi chúng sinh.

Tám là oán và thân đều bình đẳng.

Chín là chúng sinh cầu Niết-bàn thì càng đem lại vô lượng phước.

Mười là thấy chúng sinh thì hoan hỷ thuyết pháp.

Mười một là điều đã hứa thì không hối.

Mười hai là có tâm đại bi đối khắp cả chúng sinh.

Mười ba là cầu pháp, nghe nhiều mà không nhàm chán.

Mười bốn là tự biết lỗi mình đã phạm.

Mười lăm là thấy người phạm lỗi thì can gián chẳng nổi giận.

Mười sáu là tu hành tất cả oai nghi, phép tắc.

Mười bảy là bố thí chẳng mong đền đáp.

Mười tám là nhẫn nhục vô ngại.

Mười chín là tinh tấn cầu tất cả căn lành.

Hai mươi là tu tập thiền định vượt qua cõi vô sắc.

Hai mươi một là dùng phương tiện thâm giữ trí tuệ.

Hai mươi hai là khéo léo đèn đáp bốn ân.

Hai mươi ba là đối với người có giới hay không có giới đều bình đẳng hành tâm từ.

Hai mươi bốn là chí tâm nghe pháp.

Hai mươi lăm là thường ở nơi vắng lặng.

Hai mươi sáu là chẳng ưa thích việc thế gian.

Hai mươi bảy là chẳng ưa pháp Tiểu thừa, chỉ ưa công đức của Đại thừa.

Hai mươi tám là xa lìa tri thức ác, thân cận thiện hữu.

Hai mươi chín là thành tựu bốn phạm hạnh.

Ba mươi là thường dựa nơi trí tuệ.

Ba mươi một là đối với chúng sinh có hạnh hay không có hạnh đều chẳng rời bỏ.

Ba mươi hai là lời nói luôn chân thật, dứt khoát. Tâm Bồ-tát luôn trụ nơi hiện tiền.

Này Tôn giả Ca-diếp! Đại Bồ-tát thành tựu ba mươi hai pháp này được gọi là Bồ-tát.

Lại nữa, này Tôn giả Ca-diếp! Ta sẽ vì ông nói rõ ví dụ về công đức của Bồ-tát, như người trí do ví dụ để nhận biết.

Ví như đại địa vì tất cả chúng sinh mà không thấy có hai. Cũng vậy, Bồ-tát từ lúc mới phát tâm cho đến ngồi nơi đạo tràng, vì tất cả chúng sinh không thấy có hai.

Ví như nước, trăm thứ lúa, đậu, cỏ, cây, thuốc thang đều nhờ đó mà sinh sống. Cũng vậy, này Tôn

giả Ca-diếp! BỒ-tát vì tự tâm thanh tịnh nên từ bi trùm khắp tất cả, vì các chúng sinh mà tăng trưởng đức thanh tịnh.

Ví như lửa thành thực trăm thứ lúa, đậu, cây, cỏ, thuốc thang. Cũng vậy, này Tôn giả Ca-diếp! BỒ-tát đem trí tuệ Ba-la-mật thành tựu tất cả chúng sinh.

Ví như gió làm trang nghiêm tất cả các quốc độ của Phật. Cũng vậy, này Tôn giả Ca-diếp! BỒ-tát dùng phương tiện làm trang nghiêm tất cả các cõi Phật.

Ví như mặt trăng mỗi ngày một tăng trưởng. Cũng vậy, này Tôn giả Ca-diếp! BỒ-tát chí thành thanh tịnh nên tăng trưởng tất cả pháp thiện.

Ví như mặt trời lúc mọc lên, chiếu sáng khắp chúng sinh. Cũng vậy, này Tôn giả Ca-diếp! BỒ-tát đem trí tuệ Ba-la-mật chiếu khắp tất cả chúng sinh.

Ví như sư tử chúa đi đến bất cứ nơi nào cũng chẳng kinh sợ. Cũng vậy, này Tôn giả Ca-diếp! BỒ-tát trị giới thanh tịnh, dù đi bất cứ nơi nào cũng không kinh sợ.

Ví như voi chúa có thể đảm nhận các việc nặng mà không hề mệt nhọc. Cũng vậy, BỒ-tát khéo điều phục tâm, vì tất cả chúng sinh nhận lấy trọng trách mà không hề mệt mỏi.

Ví như hoa sen sinh ở nơi bùn lầy mà chẳng

dính nước. Cũng vậy, Bồ-tát tuy sinh ở thế gian nhưng chẳng tham đắm các pháp thế gian.

Ví như đại thọ, tuy bị chặt hết cành lá nhưng chẳng phá gốc nên lại mọc lên như cũ. Cũng vậy, này Tôn giả Ca-diếp! Bồ-tát vì tâm phương tiện khéo léo nên dầu đoạn trừ kiết sử mà vẫn sinh trong ba cõi.

Ví như nước sông từ các phương chảy vào biển lớn, đều thành một vị. Cũng vậy, này Tôn giả Ca-diếp! Bồ-tát gieo trồng bao nhiêu công đức thiện nguyện để hồi hướng về Phật đạo thấy đều có một vị.

Ví như núi Tu-di, trời Tứ Thiên vương và trời Đao-lợi đều ở trên đó. Cũng vậy, này Tôn giả Ca-diếp! Tâm của Bồ-tát là chỗ nương của các thiện căn.

Ví như quốc vương nhờ sự trợ giúp của các quan mà thành tựu tất cả việc nước. Cũng vậy, này Tôn giả Ca-diếp! Trí tuệ Ba-la-mật của Bồ-tát nhờ sự hỗ trợ của thiện căn mà thành tựu tất cả Phật sự.

Này Tôn giả Ca-diếp! Ví như lúc trời quang mây tạnh thì không thể có mưa được. Cũng vậy, nếu Bồ-tát chẳng đa văn thì không thể có mưa pháp được.

Này Tôn giả Ca-diếp! Ví như lúc trời đầy mây thì ắt có mưa. Cũng vậy, Bồ-tát có mây đại từ sẽ có mưa pháp.

Ví như Chuyển luân Thánh vương xuất hiện nơi nào thì nơi ấy có bảy báu. Cũng vậy, này Tôn giả Ca-diếp! Khi Bồ-tát xuất hiện thì ba mươi bảy phẩm trợ đạo cũng có mặt.

Ví như ngọc ma-ni ở chỗ nào thì chỗ đó có được vô lượng trăm ngàn châu báu. Cũng vậy, này Tôn giả Ca-diếp! Chỗ nào có tâm của Bồ-tát thì nơi ấy có vô lượng trăm ngàn pháp Thanh văn, Duyên giác.

Ví như các khu vườn để dạo chơi ở cõi trời Ba Mươi Ba, tất cả các nhạc cụ vui chơi thảy đều bình đẳng. Cũng vậy, này Tôn giả Ca-diếp! Bồ-tát rất thanh tịnh vì tất cả chúng sinh theo phương tiện giáo hóa bình đẳng, thảy không có sai biệt.

Ví như nhờ vào chú thuật và thuốc giải nên chất độc không thể hại người. Cũng vậy, này Tôn giả Ca-diếp! Bồ-tát do trí tuệ nên không bị hại do chất độc kiết sử.

Ví như các phân dơ trong thành ấp mà đổ vào ruộng thì càng lợi ích. Cũng vậy, Ca-diếp, Bồ-tát nhân nơi kiết sử mà việc học Nhất thiết trí càng lợi ích. Thế nên, này Tôn giả Ca-diếp! Bồ-tát muốn học kinh Bảo Nghiêm này thì phải chánh quán các pháp.

Thế nào là chánh quán? Nghĩa là quán chân thật nơi các pháp.

Thế nào là quán chân thật nơi các pháp? Nghĩa

là chẳng quán ngã - nhân - thọ mạng.

Đó là Trung đạo của pháp quán chân thật.

Lại nữa, này Tôn giả Ca-diếp! Người quán chân thật thì chẳng quán sắc là thường hay vô thường, cũng chẳng quán thọ-tưởng-hành-thức là thường hay vô thường. Đây gọi là Trung đạo của pháp quán chân thật.

Lại nữa, này Tôn giả Ca-diếp! Thế nào là quán chân thật các pháp? Nghĩa là chẳng quán địa chủng là thường hay vô thường. Cũng chẳng quán thủy-hỏa-phong-giói là thường hay vô thường. Đây gọi là Trung đạo của pháp quán chân thật.

Lại nữa, này Tôn giả Ca-diếp! Thường là một bên, vô thường là một bên, giữa thường và vô thường là trung gian không có sắc, không thể thấy, cũng không thể nắm bắt được. Đây gọi là Trung đạo của pháp quán chân thật.

Ngã là một bên, vô ngã là một bên, trung gian giữa hai bên là vô sắc, không thể thấy, cũng không thể nắm bắt được. Đây gọi là Trung đạo của pháp quán chân thật.

Tâm chân thật là một bên, tâm không chân thật là một bên. Vô tâm, vô tư, vô ý, vô thức, gọi là Trung đạo của pháp quán chân thật.

Như vậy, pháp bất thiện, pháp thế gian, pháp có tranh cãi, pháp hữu lậu, pháp hữu vi, pháp có cấu uế, đây gọi là một bên.

Còn pháp thiện, pháp xuất thế gian, pháp không tranh cãi, pháp vô lậu, pháp vô vi, pháp thanh tịnh, đây là một bên.

Khoảng trung gian giữa hai bên thì vô sở hữu, cũng không thể nắm bắt được. Đây gọi là Trung đạo của pháp quán chân thật.

Hữu là một bên, vô là một bên, trung gian giữa hai bên này không có sở hữu, cũng không thể nắm bắt. Đó gọi là Trung đạo của pháp quán chân thật.

Lại nữa, này Tôn giả Ca-diếp! Ta nói cho ông rõ: Vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên sáu nhập, sáu nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sinh, sinh duyên lão tử khổ não ưu bi. Như vậy là sự tạo thành khổ âm lớn. Nếu vô minh diệt thì hành diệt, hành diệt thì thức diệt, thức diệt thì danh sắc diệt, danh sắc diệt thì sáu nhập diệt, sáu nhập diệt thì xúc diệt, xúc diệt thì thọ diệt, thọ diệt thì ái diệt, ái diệt thì thủ diệt, thủ diệt thì hữu diệt, hữu diệt thì sinh diệt, sinh diệt thì lão tử, ưu bi khổ não đều diệt. Như vậy là sự diệt tận khổ âm lớn.

Không có hai thứ ấy, cũng không có hai hành, trung gian có thể nhận biết. Đó gọi là Trung đạo của pháp quán chân thật. Như vậy, vô minh, hành dứt, thức, danh sắc, sáu nhập v.v... sinh lão tử dứt. Không có hai thứ ấy, cũng không có hai hành,

trung gian có thể nhận biết. Như vậy, này Tôn giả Ca-diếp! Đó gọi là Trung đạo của pháp quán chân thật

Lại nữa, này Tôn giả Ca-diếp! Trung đạo của pháp quán chân thật về các pháp là chẳng đem Tam-muội Không quán các pháp là không, vì các pháp tự nó là không.

Chẳng đem Tam-muội Vô tướng quán các pháp là không tướng vì các pháp tự nó là không tướng.

Chẳng dùng Tam-muội Vô nguyện quán các pháp là vô nguyện, vì các pháp tự nó là vô nguyện.

Chẳng dùng vô hành quán các pháp là vô hành, vì các pháp tự nó là vô hành.

Chẳng dùng vô khởi mà quán các pháp là vô khởi, vì các pháp tự nó là vô khởi.

Chẳng dùng vô sinh quán các pháp là vô sinh, vì các pháp tự nó là vô sinh.

Chẳng dùng Như mà quán các pháp là Như, vì tự thân các pháp là Như. Đây gọi là Trung đạo của pháp quán chân thật về các pháp.

Chẳng dùng vô nhân mà quán các pháp là không, vì các pháp tự nó là không. Quá khứ không, vị lai không và hiện tại cũng không. Phải dựa nơi không, chớ dựa nơi người. Nếu do có được không bèn dựa chấp nơi không này thì ta nói người ấy xa lìa pháp đó.

Như vậy, này Tôn giả Ca-diếp! Thà dựa vào

ngã kiến tích chứa bằng núi Tu-di chẳng đem tâm kiêu mạn, cũng chẳng phải nhờ đa văn mà chấp vào không kiến là ngã sở không thể đối trị.

Ví như lương y cho thuốc thích ứng với bệnh, nhưng bệnh thì mất đi mà thuốc vẫn tồn tại trong cơ thể. Này Ca-diếp! Ý ông thế nào? Người bệnh này được lành chăng?

Đáp:

– Bạch Thế Tôn, không. Vì sao? Vì thuốc ấy vẫn tồn tại trong cơ thể.

– Cũng vậy, này Tôn giả Ca-diếp! “Không” có thể đoạn trừ tất cả kiến chấp, nhưng nếu dựa vào Không kiến thì đó là ngã sở không thể đối trị.

Ví như có người sợ hư không nên kêu la: “Nay hãy vì tôi mà bỏ hư không ấy”. Này Ca-diếp! Ý ông thế nào? Hư không ấy có thể bỏ được chăng?

Đáp:

– Bạch Thế Tôn, không.

– Cũng vậy, này Tôn giả Ca-diếp! Nếu người nào sợ pháp không thì Ta bảo người đó là si cuồng lầm lạc. Vì sao? Vì chúng sinh tạo ra không mà người ấy lại sợ không.

Ví như họa sĩ vẽ ra tượng quý thần rồi lại kinh sợ tượng ấy. Cũng vậy, này Tôn giả Ca-diếp! Hàng phàm phu ngu si tự tạo ra sắc-thanh-hương-vị-xúc, nên qua lại nơi sinh tử mà chẳng tự biết.

Ví như huyễn sư tự tạo ra người huyễn, rồi trở

lại ăn huyền sư, đều là không chân thật. Như vậy, này Tôn giả Ca-diếp! Tỳ-kheo tu hành tùy theo sự tư duy, tất cả là hư giả, chẳng chân thật, không có sự kiên cố, cũng như vậy.

Ví như hai khúc gỗ cọ xát nhau phát ra lửa, lửa ấy trở lại đốt cháy khúc gỗ. Cũng vậy, này Tôn giả Ca-diếp! Do quán chân thật nên sinh trí tuệ vô lậu, trí tuệ đó trở lại đốt cháy quán chân thật.

Ví như thắp đèn sẽ trừ hết tối tăm. Bóng tối ấy không từ đâu lại cũng không đi đến đâu, chẳng phải từ phương Đông, phương Nam, phương Tây, phương Bắc mà lại, cũng chẳng đi đến những phương ấy. Cũng vậy, này Tôn giả Ca-diếp! Khi trí tuệ phát sinh rồi thì vô trí liền diệt-vô trí này không từ đâu lại cũng không đi đến đâu. Ánh đèn này không nghĩ ta phải diệt trừ bóng tối, nhưng khi đèn sáng thì bóng tối liền mất. Sáng và tối đều là không, không thể hộ trì, không tạo, không tác.

Này Tôn giả Ca-diếp! Ví như ngôi nhà suốt trăm năm tăm tối, nếu khi thắp đèn sáng liệu bóng tối ấy có nghĩ ta phải ở đây chẳng đi đâu chẳng?

Đáp:

– Bạch Thế Tôn, không. Bóng tối ấy chắc chắn diệt mất.

– Cũng vậy, này Tôn giả Ca-diếp! Nếu có chúng sinh đã tạo nghiệp trong trăm ngàn kiếp, nay dùng một pháp quán sát chân chánh, ánh đèn của

trí vô lậu sẽ trừ diệt hết.

Ví như hạt giống chẳng sinh trưởng trong hư không. Cũng vậy, Bồ-tát chẳng từ vô vi mà sinh pháp Phật.

Ví như trong đại địa, các loại cỏ cây xen tạp mà mọc lên năm thứ lúa thóc. Cũng vậy, Bồ-tát ở trong đời kiết phược xen tạp mới sinh ra pháp Phật.

Ví như trên đất liền chẳng sinh hoa sen. Cũng vậy, Bồ-tát ở trong vô vi chẳng sinh pháp Phật.

Ví như trong bùn nước ẩm thấp sinh ra nhiều loại hoa sen. Cũng vậy, Bồ-tát ở trong kiết phược của chúng sinh mới sinh pháp Phật.

Ví như trong bốn biển đầy chất đê hồ, phải biết Bồ-tát gieo trồng căn lành cũng như vậy. Ví như chẻ sợi lông ra làm trăm phần, lấy một phần của sợi lông châm vào một giọt nước trong bốn biển, phải biết Thanh văn gieo trồng căn lành cũng ít như vậy.

Ví như khoảng trống trong hột cải, phải biết Thanh văn gieo trồng căn lành cũng nhỏ ít như vậy.

Ví như hư không trong mười phương, phải biết Bồ-tát gieo trồng căn lành cũng nhiều như vậy.

Ví như hoàng hậu của vua Sát-lợi thông dâm với kẻ hạ tiện, sau đó sinh một người con. Ý ông thế nào? Đứa con này là vương tử chăng?

Đáp:

– Bạch Thế Tôn, chẳng phải.

– Cũng vậy, này Tôn giả Ca-diếp! Các Thanh văn này từ pháp giới của Ta sinh ra nhưng tất cả họ đều chẳng phải đệ tử của Thế Tôn.

Ví như vua Sát-lợi-đảnh-sinh, giao hợp với kẻ tiện nữ, sau đó sinh ra một người con. Ý ông thế nào? Đứa bé do người tiện nữ sinh ra chẳng phải là vương tử chẳng?

– Bạch Thế Tôn, chính là vương tử.

– Cũng vậy, này Tôn giả Ca-diếp! Tuy sinh ra từ tầng lớp thấp kém nhưng vẫn gọi là vương tử. Cũng vậy, Bồ-tát từ lúc mới phát đạo tâm, tuy trụ trong sinh tử để giáo hóa chúng sinh, nhưng tất cả đều là đệ tử của Như Lai.

Ví như Chuyển luân Thánh vương tuy có ngàn con nhưng không người nào có tướng của Thánh vương. Ý của Thánh vương không nghĩ đó là con trai của mình. Cũng vậy, này Tôn giả Ca-diếp! Đức Như Lai tuy có trăm ngàn chúng đệ tử Thanh văn, nhưng không có vị Bồ-tát nào, Đức Như Lai chẳng tưởng về những người ấy.

Ví như phu nhân của Thánh vương mang thai bảy ngày, sẽ sinh một hoàng nam, đủ tướng của Thánh vương, chừ Thiên trời Đao-lợi đều kính trọng hơn các cậu bé khác. Vì sao? Vì hoàng nam tuy còn nhỏ nhưng sẽ nối ngôi Thánh vương. Cũng vậy, Bồ-tát khi mới phát tâm đạo, các căn tuy chưa đủ nhưng các chúng trời trông thấy thấy đều cung

kính hơn bậc A-la-hán đủ tám giải thoát. Vì sao? Vì Bồ-tát mới phát tâm các căn chưa đủ nhưng chẳng đoạn mắt giống Phật.

Ví như có một viên ngọc ma-ni nhỏ vẫn hơn cả khối thủy tinh lớn bằng núi Tu-di. Cũng vậy, Bồ-tát dầu mới phát tâm đạo vẫn hơn hẳn tất cả Thanh văn.

Này Tôn giả Ca-diếp! Ví như phu nhân của Chuyển luân Thánh vương mới sinh được hoàng nam, tất cả quần thần đều bái yết. Cũng vậy, Bồ-tát mới phát tâm đạo, tất cả hàng trời người đều nên kính lễ.

Ví như trên núi Tu-di mọc lên các cây thuốc hay, có thể chữa lành bệnh hoạn đau khổ cho tất cả mọi người, không có giới hạn. Cũng vậy, Bồ-tát tu học thuốc trí tuệ trị lành bệnh sinh tử cho tất cả mọi người, cũng không có giới hạn.

Ví như kính lễ mặt nguyệt từ lúc mới mọc chẳng phải đợi sau khi tròn đầy. Cũng vậy, này Tôn giả Ca-diếp! Kính lễ Bồ-tát khi mới phát tâm thì hơn hẳn, chẳng phải đợi thành Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác. Vì sao? Vì chư Phật-Như Lai đều từ Bồ-tát sinh.

Này Tôn giả Ca-diếp! Ví như không bỏ mặt nguyệt mà thờ các tinh tú. Cũng vậy, không có chuyện lìa xa Bồ-tát đủ giới đức và trí tuệ mà lễ bái Thanh văn.

Này Tôn giả Ca-diếp! Ví như tất cả hàng trời, người không thể dùng thủy tinh làm ra ngọc báu ma-ni. Cũng vậy, Thanh văn dầu đã thành tựu tất cả giới hạnh thanh tịnh vẫn không thể ngồi nơi cội cây Bồ-đề mà thành đạo Chánh chân vô thượng.

Ví như người được ngọc báu ma-ni lại được vô lượng trăm ngàn vật báu khác. Cũng vậy, Bồ-tát thị hiện ở thế gian thì có được vô lượng Thanh văn, Duyên giác xuất hiện ở thế gian.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Tôn giả Đại Ca-diếp:

– Bồ-tát vì tất cả chúng sinh, cầu tu các căn lành, đầy đủ thuốc trí tuệ, trụ khắp bốn phương tùy theo bệnh mà chữa trị thích ứng như thật.

Này Ca-diếp! Thế nào là chữa trị như thật? Nghĩa là dùng quán bất tịnh về thân để trừ bệnh tham dục, dùng tâm từ trị bệnh sân hận, dùng duyên khởi để trị ngu si, dùng quán không để trị các kiến chấp, dùng vô tướng trị tất cả bốn tướng, dùng vô nguyện trị tất cả dục giới, sắc giới và vô sắc giới, dùng bốn thứ phi điên đảo trị bốn thứ điên đảo nơi tất cả hạnh, dùng vô thường trị vọng tưởng có thường trong vô thường, dùng khổ trị vọng tưởng có vui trong cái khổ, dùng vô ngã trị vọng tưởng có ngã trong vô ngã, dùng tướng bất tịnh trị vọng tưởng có tịnh trong bất tịnh, dùng bốn niệm xứ trị những kiến chấp thân trong thân thọ-tâm-

pháp.

Quán thân thì chẳng khởi ngã kiến mà quán thân.

Quán thọ thì chẳng khởi ngã kiến mà quán thọ.

Quán tâm thì chẳng khởi ngã kiến mà quán tâm.

Quán pháp thì chẳng khởi ngã kiến mà quán pháp.

Dùng bốn ý đoạn (bốn chánh cần) để đoạn dứt tất cả pháp bất thiện và tu tập tất cả pháp thiện.

Dùng Bốn thân tức để xả bỏ vọng tưởng về thân tâm chân thật.

Dùng Năm căn năm lực để trị chẳng tín, biếng nhác, niệm loạn, không trí.

Dùng Bảy giác chi để trị sự không trí đối với các pháp.

Dùng Tám thánh đạo để trị tất cả tà đạo.

Ca-diếp, đây gọi là tùy theo bệnh mà chữa trị như thật cho thích ứng.

Này Tôn giả Ca-diếp! Bồ-tát phải như đây mà tu học.

Lại nữa, này Tôn giả Ca-diếp! Giả sử khiến tất cả chúng sinh nơi các quốc độ trong Tam thiên đại thiên thấy đều như Y vương Kỳ-vực. Nếu có người hỏi: Dùng thuốc gì để trị bệnh kia (kiết sử, tà kiến, nghi, hối trong tâm) thì chắc chắn họ không đáp được, chỉ có Bồ-tát mới đáp được. Thế nên, này Tôn giả Ca-diếp! Bồ-tát phải nghĩ: Ta chẳng nên

cầu lấy thuốc của thế gian mà phải tu tất cả căn lành để cầu học thuốc của xuất thế gian, chính là thuốc trí tuệ, rồi đi khắp bốn phương tùy theo bệnh của chúng sinh mà chữa trị đúng như thật.

Lại nữa, này Tôn giả Ca-diếp! Thế nào là thuốc trí tuệ xuất thế gian?

– Nghĩa là trí biết các pháp do duyên hòa hợp mà sinh, trí tin tất cả pháp không có ngã, nhân, thọ mạng, trí hiểu tất cả pháp là không, không có tâm kinh sợ. BỒ-tát quán như vậy:

Gì là tâm tham dục?

Gì là tâm sân giận ngu si?

Là quá khứ chãng?

Là vị lai hay hiện tại chãng?

Nếu là quá khứ thì tâm đã diệt hết. Nếu là vị lai thì tâm vị lai chưa sinh khởi. Nếu là hiện tại thì tâm hiện tại chẳng trụ. Như vậy, này Tôn giả Ca-diếp! tâm vị lai chẳng ở bên trong, cũng chẳng ở bên ngoài, cũng chẳng ở khoảng giữa. Tâm là phi sắc, không thể thấy, cũng không đôi, không biết, không tri, không an trụ, không nương tựa.

Này Tôn giả Ca-diếp! Tâm ấy, tất cả chư Phật đều chẳng đã thấy, chẳng sẽ thấy, chẳng đang thấy. Nếu tất cả chư Phật chẳng đã thấy, chẳng sẽ thấy, chẳng đang thấy thì làm sao biết có chón tu hành, chỉ do điên đảo tưởng nên có sự vận hành của các pháp. Các pháp như huyễn như hóa, thọ nhận vô số

thứ để sinh khởi. Tâm này như gió bay xa, không thể nắm giữ được.

Tâm như dòng nước chảy nên không thể an trụ.

Tâm như ngọn đèn do các duyên tương tục mà có.

Tâm như lúc ánh chớp chẳng đứng yên.

Tâm như sương mù làm cầu uest các vật bên ngoài.

Tâm như khí vượn vì tham chấp tất cả cảnh giới.

Tâm như họa sư vì tạo ra vô số các pháp.

Tâm chẳng đắc trụ vì tùy theo các kiết sử.

Tâm thường một mình không có bạn vì ưa thích giông ruồi.

Tâm như đại vương vì là thủ lãnh tất cả pháp.

Tâm này như người mẹ vì sinh ra tất cả khổ.

Tâm này như đồng lửa cháy vì làm tiêu tan tất cả các căn lành.

Tâm này như cá nuốt lưỡi câu vì khổ mà tưởng là vui.

Tâm này như mộng vì trong vô ngã mà tưởng có ngã.

Tâm này như loài ruồi nặng vì trong bất tịnh mà tưởng là tịnh.

Tâm này như oan gia vì đã làm những việc không đáng làm.

Tâm này như La-sát vì thường ưa tìm dịp hại người.

Tâm này như kẻ ganh ghét vì thường ưa tìm lỗi của người khác.

Tâm này không thể thương yêu vì thương yêu là mê tối.

Tâm này như kẻ giặc vì đoạn mất tất cả căn lành.

Tâm này tham đắm nơi sắc như loài thiêu thân đâm đầu vào lửa.

Tâm này tham âm thanh như quân binh thích tiếng trống trận.

Tâm này tham ái hương như loài heo ưa chỗ đờ bản.

Tâm này tham đắm mùi vị như khiến người ưa thích ăn uống.

Tâm này ưa tiếp xúc như ruồi nặng ưa mùi hôi.

Suy tìm tâm không có cũng không thể thủ đắc.

Nếu không thể thủ đắc tức không có quá khứ, vị lai, hiện tại.

Nếu không có quá khứ, vị lai, hiện tại tức vượt qua ba đời.

Nếu vượt qua ba đời tức là chẳng có cũng chẳng không.

Nếu chẳng có chẳng không tức là chẳng sinh khởi.

Nếu chẳng sinh thì đây là vô tánh.

Nếu vô tánh thì chính là chẳng khởi.

Nếu chẳng khởi thì cũng chẳng diệt.

Nếu chẳng diệt tức không hủy hoại.

Nếu không hủy hoại tức là không đến không đi

Nếu không đến không đi tức là không có sự sinh tử.

Nếu không đến đi, không sinh tử tức là không hành.

Nếu không hành tức là vô vi.

Nếu vô vi tức là tánh của Hiền Thánh.

Nếu là tánh của Hiền Thánh thì không có giữ giới hay không phải là không giữ giới. Nếu không có giữ giới hay không phải là không giữ giới tức không có hành oai nghi, cũng không có chẳng oai nghi.

Nếu không có hành, không có oai nghi hay chẳng phải là không oai nghi thì không có tâm, không có số pháp của tâm.

Nếu không có tâm và số pháp của tâm thì không có nghiệp không có báo.

Nếu không có báo thì không có khổ không có vui.

Nếu không có khổ vui tức là tánh của Hiền Thánh.

Nếu là tánh của Hiền Thánh thì không có nghiệp, không có tạo tác. Như trong tánh này thì

không có thân nghiệp, cũng không có khẩu nghiệp, ý nghiệp. Tánh này bình đẳng không có thượng, trung, hạ, cũng không có sai biệt. Vì tất cả các pháp thấy đều bình đẳng.

Này Tôn giả Ca-diếp! Tánh này xa lìa vì lìa thân khẩu.

Tánh này vô vi vì thuận với Niết-bàn.

Tánh này thanh tịnh vì lìa tất cả các phiền não cấu uế.

Tánh này vô ngã vì lìa ngã và ngã sở.

Tánh này bình đẳng vì lìa hư thật.

Tánh này chân thật hơn hết vì là đệ nhất nghĩa.

Tánh này cho đến tận cùng cũng chẳng khởi vì thường như pháp. Tánh này an lạc vì đồng đẳng với vô vi.

Tánh này thanh khiết vì rốt ráo không có cấu uế.

Tánh này phi ngã, cầu ngã vì không thể thủ đắc.

Tánh này trong lành vì thanh tịnh rốt ráo.

Này Tôn giả Ca-diếp! Các ông phải cầu bên trong chớ nên cầu bên ngoài. Đời vị lai, sẽ có Tỳ-kheo giống ruồi như chó. Thế nào là Tỳ-kheo giống ruồi như chó? Ví như có người lấy cục đất ném chó làm cho nó sợ, chó liền đuổi theo cục đất, chẳng đuổi theo người ném.

Cũng vậy, này Tôn giả Ca-diếp! Có những Sa-môn, Bà-la-môn sợ sắc, thanh, hương, vị, xúc,

pháp mà trở lại ưa ở trong đó, chẳng chịu quán bên trong, chẳng biết thế nào là rời sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Vì chẳng biết, chẳng quán sát nên rơi vào thế gian, lại bị sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp trói chặt. Họ ở trong chôn núi rừng vắng vẻ đến mạng chung, do trì tục giới nên được sinh lên cõi trời, lại bị sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp nơi cõi trời trói chặt, nên khi thân hoại mạng chung, sinh vào bốn đường ác. Những gì là bốn? Nghĩa là địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, A-tu-la.

Này Tôn giả Ca-diếp! Tỳ-kheo giống ruồi như chó cũng như vậy.

Thế nào là Tỳ-kheo chẳng giống ruồi như chó? Nếu bị người chửi thì im lặng chịu đựng chẳng đáp lại. Nếu bị trách mắng giận dữ Tỳ-kheo cũng chẳng giận lại. Chỉ quán bên trong thân: đánh, mắng là ai? Ai lãnh chịu, ai giận dữ?

Này Tôn giả Ca-diếp! Như vậy là Tỳ-kheo chẳng giống ruồi như chó.

Ví như người chẵn ngựa giỏi, tùy ngựa ngang bướng vẫn có thể điều phục. Tỳ-kheo tu hành cũng như vậy, tùy tâm của vị ấy giống ruồi về hướng nào thì theo đó chế ngự, chớ để buông lung.

Ví như người nghệt yết hầu ắt có thể chết. Cũng vậy, này Tôn giả Ca-diếp! Tất cả các kiến chấp chỉ có ngã kiến là có thể đoạn dứt tuệ mạng.

Ví như có người bị trói, lần theo chỗ trói ấy thời

ất sẽ mở được. Cũng vậy, tùy theo tâm chấp trước chỗ nào mà Tỳ-kheo liền trừ diệt.

Này Tôn giả Ca-diếp! Người xuất gia học đạo có hai sự trói buộc. Thế nào là hai? Một là đọc tụng kinh sách thế tục. Hai là mang giữ y bát mà chẳng tinh tấn.

Lại nữa, này Tôn giả Ca-diếp! Người xuất gia học đạo có hai sự trói buộc. Thế nào là hai? Một là trói buộc vì kiến thức. Hai là bị tiền tài danh lợi trói buộc.

Lại nữa, này Tôn giả Ca-diếp! Người xuất gia học đạo có hai pháp chướng ngại. Những gì là hai? Một là thân cận với hàng bạch y. Hai là ganh ghét thầy bạn.

Người xuất gia học đạo lại có hai thứ câu uế. Những gì là hai? Một là giữ lấy hai kiết sử. Hai là đến nhà người quen xin ăn.

Lại nữa, này Tôn giả Ca-diếp! Người xuất gia học đạo có hai thứ hành hủy hoại. Những gì là hai? Một là phỉ báng chánh pháp. Hai là phạm giới mà nhận của tín thí.

Lại nữa, người xuất gia học đạo còn có hai thứ ung nhọt. Những gì là hai? Một là dòm ngó lỗi người. Hai là che đậy lỗi mình.

Lại nữa, này Tôn giả Ca-diếp! Người xuất gia có hai sự phiền não thiêu đốt. Thế nào là hai? Một là đắp mặc pháp y để che giấu tâm câu uế. Hai là

muốn làm cho người có giới hạnh thuận theo ý mình.

Người xuất gia tu học lại có hai thứ bệnh. Thế nào là hai? Một là kiêu căng ngạo mạn, chẳng xem xét tâm. Hai là hủy báng người học Đại thừa.

Lại nữa, này Tôn giả Ca-diếp! Hàng Sa-môn xưng là Sa-môn có bốn hạng. Thế nào là hàng Sa-môn xưng là Sa-môn có bốn hạng? Một là hình sắc giống Sa-môn. Hai là Sa-môn trá hiện oai nghi. Ba là Sa-môn tham danh tiếng. Bốn là Sa-môn chân thật.

Thế nào là hình sắc giống Sa-môn? Nghĩa là có hạng Sa-môn đầy đủ hình tướng, cạo bỏ râu tóc, đắp mặc pháp y, tay ôm bình bát, nhưng thân hành ác, miệng ý đều hành ác, chẳng tu tập, chế ngự, cũng chẳng giữ gìn nên phạm giới, làm ác, tham lam, chẳng tinh tấn. Này Tôn giả Ca-diếp! Đây gọi là hình sắc giống Sa-môn.

Thế nào là Sa-môn trá hiện oai nghi? Có hạng Sa-môn thành tựu các phép tắc, chánh niệm quán sát trong việc đi lại, ăn uống biết dừng đủ, hành bốn Thánh chủng, chẳng ưa chúng hội tụ tập kiêu thế tục, ít nói, ít ngủ, nhưng oai nghi của họ đều là giả dối không thật, chẳng mong muốn tâm thanh tịnh. Chẳng tu tập chỉ quán mà có những kiến tướng, đối với pháp không, khởi lên tướng chấp như hố sâu. Nếu có Tỳ-kheo tu tập pháp không thì

họ tưởng như oan gia. Này Tôn giả Ca-diếp! Đây gọi là Sa-môn trá hiện oai nghi.

Thế nào là Sa-môn tham danh tiếng? Có hạng Sa-môn vâng giữ giới cấm là muốn cho người khác biết mình giữ giới. Tinh tấn học hỏi là muốn cho người khác biết mình có học hỏi. Ở nơi tịch tĩnh là muốn người khác biết mình là A-lan-nhã; Thiếu dục tri túc, ở một mình là cũng muốn cho người khác biết được; chẳng nhàm bỏ sinh tử; chẳng xa lìa dục lạc, chẳng ưa thích vắng lặng; chẳng muốn cầu đạo, lìa bỏ phạm hạnh, chẳng vì Niết-bàn. Này Tôn giả Ca-diếp! Đây gọi là Sa-môn ưa danh tiếng.

Thế nào Sa-môn chân thật? Có bậc Sa-môn chẳng vì thân mạng, hưởng hồ lại tham tiền tài, đắm danh lợi. Họ thích nghe pháp không-vô tướng-vô nguyên. Nghe pháp rất hoan hỷ, tu hành đúng pháp. Chẳng vì Niết-bàn mà tu phạm hạnh hưởng hồ là vì ba cõi. Họ chẳng khởi chấp không hưởng chi là chấp về ngã - nhân - thọ mạng, chỉ nương vào pháp ấy để cầu đạo, lìa kiết sử đạt giải thoát, chẳng tìm cầu ngoại đạo, quán tánh các pháp là thanh tịnh rốt ráo, không vướng cầu uế mà tự quán chiếu, chẳng nhờ vào năng lực của người khác. Đúng như pháp, nghĩa là chẳng thấy Như Lai hưởng chi là thấy có sắc thân, chẳng thấy pháp vô dục hưởng hồ lại thấy có sự trang sức, chẳng tưởng về vô vi, hưởng hồ lại thấy có các công đức, chẳng tu tập theo pháp đoạn, chẳng học theo pháp tu,

chẳng trụ nơi sinh tử, chẳng chấp nơi Niết-bàn, chẳng cầu giải thoát, cũng chẳng cầu trói buộc, biết tất cả pháp là rốt ráo thanh tịnh, chẳng sinh chẳng diệt. Này Tôn giả Ca-diếp! Đây gọi là Sa-môn chân thật.

Thế nên, này Tôn giả Ca-diếp! Phải học theo Sa-môn chân thật ấy, chớ tập theo Sa-môn tham cầu danh tiếng.

Ví như người bán cùng, bên ngoài giả danh giàu sang. Ý ông thế nào? Người ấy có xứng với danh không?

– Bạch Thế Tôn, không.

– Cũng vậy, này Tôn giả Ca-diếp! Sa-môn chỉ có danh tự không có đức hạnh của Sa-môn, Ta nói người này cũng như người nghèo cùng kia.

Ví như có người đang bị dòng nước lớn cuốn trôi, nhưng khát nước mà chết. Cũng vậy, này Tôn giả Ca-diếp! Có những Sa-môn, Phạm chí tu học nhiều kinh pháp mà không thể ngăn được sự khao khát về tham, sân, si. Người ấy cũng bị trôi chìm trong nước pháp mà chết vì khao khát phiền não, sinh trong đường ác cũng như vậy.

Ví như thầy thuốc tay cầm các thứ thuốc, trị lành bệnh người khác mà không thể trị lành bệnh của chính mình. Cũng vậy, này Tôn giả Ca-diếp! Có những Sa-môn, Phạm chí đọc tụng nhiều giáo pháp mà chẳng trừ được bệnh tham, sân, si của

mình.

Ví như có người uống thuốc quý của nhà vua mà chẳng thích hợp nên phải chết. Cũng vậy, này Tôn giả Ca-diếp! Có nhiều Sa-môn, Phạm chí chẳng hành đúng như pháp, nên phát nhiều bệnh phiền não, sau khi chết sinh vào cõi ác.

Ví như ngọc ma-ni rơi vào chỗ bất tịnh thì không được giá trị như trước. Cũng vậy, này Tôn giả Ca-diếp! Những Sa-môn, Phạm chí tham đắm của cải danh lợi, nên biết những vị ấy cũng như viên ngọc ma-ni rơi vào chỗ bất tịnh không còn giá trị gì cả.

Ví như thầy người chết đeo chuỗi vàng. Này Tôn giả Ca-diếp! Người phạm giới mà đắp mặc pháp y cũng như vậy.

Ví như trưởng giả tử tử tắm gội sạch sẽ, mặc y phục mới, thoa bột thơm, đeo tràng hoa. Này Tôn giả Ca-diếp! Bạc Đa văn trì giới, mặc pháp y cũng như vậy.

Lại nữa, này Tôn giả Ca-diếp! Có bốn hạng chẳng trì giới nhưng giống như trì giới. Những gì là bốn? Có hàng Tỳ-kheo hộ trì giới cấm, đầy đủ oai nghi, tâm thường lo sợ dù chỉ phạm lỗi nhỏ. Giới mà Tỳ-kheo ấy giữ rất thanh tịnh, oai nghi phép tắc đầy đủ. Thân, khẩu, ý nghiệp và chánh mạng thanh tịnh, mà lại chấp ngã. Này Tôn giả Ca-diếp! Đây gọi là loại Tỳ-kheo thứ nhất, chẳng trì

giới nhưng tựa như trì giới.

Lại có Tỳ-kheo tụng luật thông suốt, an trú theo giới luật nhưng chẳng đoạn thân kiến. Này Tôn giả Ca-diếp! Đây là hạng thứ hai, chẳng trì giới nhưng tựa như trì giới.

Lại có Tỳ-kheo hành tâm từ với chúng sinh, nghe nói các pháp vốn chẳng sinh chẳng diệt thì khởi tâm lo sợ. Này Tôn giả Ca-diếp! Đây gọi là hạng thứ ba, chẳng trì giới nhưng tựa như trì giới.

Lại có Tỳ-kheo hành mười hai hạnh Đầu-đà thanh tịnh mà khởi chấp ngã và ngã sở. Này Tôn giả Ca-diếp! Đây gọi là hạng thứ tư, chẳng trì giới mà tựa như trì giới.

Này Tôn giả Ca-diếp! Người thật trì giới thì không có ngã, cũng không có ngã sở, không tạo hay chẳng tạo, không có sự hay phi sự, cũng không có oai nghi, không hành hay chẳng hành, không có tướng danh sắc, cũng không có phi tướng, không có diệt, cũng không có tướng diệt, không lấy không bỏ, không có cái đáng lấy, cũng không có cái chẳng đáng bỏ, chẳng nêu bày là có chúng sinh, cũng chẳng nêu bày là không có chúng sinh, không có khẩu hành, không có chẳng khẩu hành, không có tâm, chẳng tâm, không nương tựa, chẳng nương tựa, không có giới, chẳng giới. Này Tôn giả Ca-diếp! Đây gọi là giới của bậc Thánh vô lậu, không còn bị thoái chuyển, ra khỏi ba cõi, lìa tất cả sự lệ

thuộc.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói kệ:

Người trì giới thanh tịnh
 Không cầu không sở hữu
 Trì giới không kiêu mạn
 Cũng không chỗ nương dựa.
 Trì giới chẳng si ám
 Cũng không bị trói buộc
 Trì giới không bụi nhiễm
 Cũng không có lỗi quấy.
 Giới vô thượng an lạc
 Rốt ráo thường tịch diệt
 Không có tướng, chẳng tướng
 Cũng không sự cầu uest.
 Đoạn mọi chỗ nương tựa
 Cùng tất cả tham tiếc
 Như vậy này Ca-diếp
 Đây gọi trì giới Phật.
 Chẳng đắm vương thân khẩu
 Chẳng bám víu thọ mạng
 Cũng chẳng tham tất cả
 Lãnh thọ cùng sinh tử.
 Tu tập các chánh hạnh
 An trụ trong chánh đạo
 Như vậy này Ca-diếp
 Đây gọi trì giới Phật.
 Chẳng đắm nhiễm thế gian
 Cũng chẳng nương thế pháp

Thành tựu trí tuệ sáng
 Không tối, không sở hữu.
 Không tưởng ngã đây kia
 Đoạn trừ tất cả tướng
 Thành tựu giới thanh tịnh
 Không bờ này bờ kia.
 Cũng không có trung gian
 Nơi không bờ kia đây
 Chẳng sinh tâm chấp trước
 Không trói buộc, không lậu.
 Cũng không có khi dối
 Như vậy, này Ca-diếp
 Đây gọi trì giới Phật
 Ý chẳng chạy theo sắc.
 Cũng chẳng đắm hư danh
 Tâm luôn được chế ngự
 Trong thiên định chánh niệm
 Như vậy, này Ca-diếp.
 Đây gọi an trụ giới
 Chẳng chấp nơi giới cấm
 Để thành tựu giải thoát
 Chẳng tôn sùng trì giới.
 Để thân tâm an vui
 Dầu hành trì tịnh giới
 Nhưng cầu tám Thánh đạo.
 Đây gọi là chân thật.
 Thanh tịnh trì giới tướng
 Chẳng kỳ hẹn trì giới

Chẳng lệ thuộc thiên định
 Cho tu tập chánh trí.
 Thì đạt được trí tuệ
 Vô sở hữu, thủ đắc
 Thế tánh của Hiền Thánh
 Trì Thánh giới thanh tịnh.
 Được chư Phật ngợi khen
 Tâm giải thoát thân kiến
 Cháp ngã cùng ngã sở
 Quyết chẳng để sinh khởi.
 Tâm hiểu được nghĩa không
 Là rõ cảnh giới Phật
 Trì Thánh giới như vậy
 Thì không gì sánh bằng.
 Khéo an trụ tịnh giới
 Thành tựu được thiên định
 Do thiên định thành tựu
 Liên tu tập trí tuệ.
 Nhân nơi tu trí tuệ
 Mà đạt được giải thoát
 Người đã được giải thoát
 Tịnh giới đều bình đẳng.

Đức Phật nói kệ xong, có tám trăm Tỳ-kheo dứt bỏ mọi phiền não đạt được giải thoát. Ba vạn hai ngàn người xa lìa trần cấu, được pháp nhãn thanh tịnh. Năm trăm Tỳ-kheo trước đây đã đắc định, nghe giáo pháp thâm diệu của Phật, tâm họ chẳng thông đạt nên đứng dậy bỏ đi.

Bấy giờ, Tôn giả Đại Ca-diếp liền thưa:

– Bạch Thế Tôn! Năm trăm Tỳ-kheo này trước đây đã đắc định, nay nghe pháp sâu xa này vì không thể thông hiểu nên họ bỏ đi.

Phật dạy:

– Nay Tôn giả Đại Ca-diếp! Năm trăm Tỳ-kheo ấy vì kiêu mạn nên không thể hiểu giới tướng thanh tịnh vô lậu này, là những lời thuyết pháp hết mục vi diệu, là đạo lý mâu nhiệm của chư Phật. Lỗi là vì chưa gieo trồng căn lành và bị tri thức ác sai khiến nên không thể hiểu được. Về thuở quá khứ, thời Đức Phật Ca-diếp, năm trăm Tỳ-kheo này đều làm đệ tử của ngoại đạo, khi nghe Đức Phật Ca-diếp thuyết pháp, do chấp trước về hữu nên một lần nghe giáo pháp tâm rất hoan hỷ. Do nhân duyên ấy, sau khi qua đời được sinh lên cõi trời Đao-lợi. Từ cõi trời ấy mạng chung, sinh trở lại nhân gian, xuất gia học đạo trong giáo pháp của Ta. Các Tỳ-kheo này vì ôm sâu kiến chấp nên nghe giáo pháp thâm diệu này không thể lãnh hội. Vì nay mới tạo duyên nên chẳng bị đọa vào đường ác, thân ấy mạng chung sẽ đạt được Niết-bàn.

Khi ấy, Đức Thế Tôn bảo Tôn giả Tu-bồ-đề:

– Ông hãy đi giáo hóa năm trăm Tỳ-kheo kia.

Tôn giả Tu-bồ-đề thưa:

– Bạch Thế Tôn! Năm trăm Tỳ-kheo này còn chẳng tin lời Phật dạy, huống là tin nơi Tôn giả Tu-

bồ-đề này.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn hóa làm hai vị Tỳ-kheo đi trên đường năm trăm Tỳ-kheo kia đang hướng đến. Chư Tỳ-kheo ấy gặp hai vị hóa Tỳ-kheo, liền đến hỏi:

– Các Hiền giả định đi đâu?

Hóa Tỳ-kheo đáp:

– Chúng tôi muốn đến chốn núi rừng vắng vẻ để trụ vào thiền định an lạc. Vì sao? Vì chúng tôi không hiểu được giáo pháp Đức Thế Tôn giảng nói.

Các Tỳ-kheo liền nói:

– Chư Hiền, chúng tôi cũng chẳng hiểu được pháp do Đức Thế Tôn giảng nói, lại còn có sự sợ hãi, nên cũng muốn đi đến chỗ vắng lặng để tu thiền định.

Hóa Tỳ-kheo nói:

– Này chư Hiền! Chúng ta hãy đến đây cùng bàn luận, chớ tranh cãi, vì đây chẳng phải là hạnh của Sa-môn. Chư Hiền, người nói Niết-bàn là vì những pháp nào mà nhập Niết-bàn. Ở trong thân này cái gì là chúng sinh? Là ngã? Là nhân? Là thọ mạng mà gọi là nhập Niết-bàn? Hay có pháp diệt tận nào liền được nhập Niết-bàn?

Năm trăm Tỳ-kheo đáp:

– Khi tham dục, sân hận, ngu si diệt thì được Bát-niết-bàn.

Hóa Tỳ-kheo hỏi:

– Chư Hiền, có sự chắm dứt tham, sân, si chẳng? Để nói cái này diệt thì được Bát-niết-bàn?

Năm trăm Tỳ-kheo đáp:

– Chư Hiền! Tham, sân, si chẳng ở trong, chẳng ở ngoài, cũng chẳng ở trung gian, cũng chẳng phải không có suy tưởng mà có.

Hóa Tỳ-kheo nói:

– Thế nên các vị chớ có tưởng, cũng chẳng phải là không có tưởng. Nếu chẳng tưởng, chẳng phải chẳng tưởng thì không có nhiệm, chẳng phải là không có nhiệm. Nếu không có nhiệm, chẳng phải không có nhiệm thì gọi là tịch diệt. Chư Hiền nên biết: Giới thân có được, chẳng sinh cũng chẳng diệt độ. Định, Tuệ, Giải thoát, Giải thoát tri kiến, thân chẳng sinh, cũng chẳng diệt độ. Do đây nên năm phần pháp thân mà nói diệt độ ấy là pháp xa lìa, không có sở hữu, là rỗng lặng, không có lầy, không có bỏ. Như vậy, này Chư Hiền! Vì sao lại có thể tưởng về Bát-niết-bàn? Thế nên Chư Hiền! Chớ có tưởng đối với tưởng, chớ có tưởng đối với vô tưởng, cũng đừng đoạn tưởng và vô tưởng. Nếu đoạn tưởng, vô tưởng thì đây là duyên lớn. Chư Hiền! Nếu nhập vào tưởng mà biết định diệt thì ở đây tự như có chỗ tạo tác.

Khi giảng nói pháp này, năm trăm Tỳ-kheo ấy liền xa lìa các phiền não, tâm được giải thoát, liền

đi đến chỗ Đức Phật, đầu mặt lay sát chân Phật rồi ngồi qua một bên.

Bấy giờ, Tôn giả Tu-bồ-đề hỏi các Tỳ-kheo:

– Chư Hiền, các vị đã đi đâu và nay từ đâu lại?

Các Tỳ-kheo đáp:

– Tôn giả Tu-bồ-đề, như Đức Phật thuyết pháp là không đi, không đến.

Tu-bồ-đề lại hỏi:

– Chư Hiền, thầy của các vị là ai?

Các Tỳ-kheo đáp:

– Thầy của chúng tôi vốn chẳng sinh, cũng chẳng diệt.

Tu-bồ-đề lại hỏi:

– Như thế nào gọi là biết pháp?

Đáp:

– Là không có sự ràng buộc, không có sự giải thoát.

Tu-bồ-đề lại hỏi:

– Chư Hiền, làm thế nào để giải thoát?

Đáp:

– Vô minh diệt thì minh sinh.

Tu-bồ-đề lại hỏi:

– Chư Hiền, các vị là đệ tử của ai?

Đáp:

– Người được gọi là Chánh trí như vậy, nên chúng đắc như vậy.

Tu-bồ-đề hỏi:

– Chư Hiền, khi nào sẽ diệt độ?

Đáp:

– Khi hóa thân của Như Lai nhập Niết-bàn.

Tu-bồ-đề hỏi:

– Chư Hiền, việc cần làm đã làm xong chăng?

Đáp:

– Việc cần làm của chúng tôi đã dứt.

Tu-bồ-đề hỏi:

– Chư Hiền, đồng phạm hạnh với ai?

Đáp:

– Chẳng hành nơi ba cõi.

Tu-bồ-đề hỏi:

– Chư Hiền, các vị đã hết phiền não chăng?

Đáp:

– Các pháp đều rốt ráo tịch diệt.

Tu-bồ-đề hỏi:

– Chư Hiền, đã hàng phục ma chăng?

Đáp:

– Các ám là không thể thủ đắc.

Tu-bồ-đề hỏi:

– Chư Hiền, thuận theo lời dạy của Đức Thế Tôn chăng?

Đáp:

– Không do thân, khẩu, ý.

Tu-bồ-đề hỏi:

– Chư Hiền, các vị là phước điền thanh tịnh chăng?

Đáp:

– Không thọ cũng không có chỗ thọ.

Tu-bồ-đề hỏi:

– Chư Hiền đã vượt qua sinh tử chăng?

Đáp:

– Không có thường, không có đoạn.

Tu-bồ-đề hỏi:

– Chư Hiền hướng đến quả vị phước điền chăng?

Đáp:

– Tất cả các thứ chấp trước đều được giải thoát.

Tu-bồ-đề hỏi:

– Chư Hiền, sẽ hướng đến chỗ nào?

Đáp:

– Tùy nơi mà hóa thân của Như Lai đến.

Khi Tôn giả Tu-bồ-đề cùng năm trăm Tỳ-kheo hỏi đáp, đại chúng nghe rồi, có tám trăm Tỳ-kheo chấm dứt phiền não, tâm được giải thoát. Ba vạn hai ngàn người xa lìa trần cấu được pháp nhãn thanh tịnh.

Bấy giờ, Tôn giả Tu-bồ-đề bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn, thật kỳ lạ, thật đặc biệt! Kinh Bảo Nghiêm này đã đem lại nhiều lợi ích cho mọi người và làm cho các tộc tánh nam, tộc tánh nữ

phát tâm hướng đến Đại thừa.

Tôn giả Tu-bồ-đề lại hỏi:

– Bạch Thế Tôn! Các Tộc tánh nam nữ giảng nói kinh Bảo Nghiêm này thì được bao nhiêu phước?

Đức Thế Tôn đáp:

– Nếu Tộc tánh tử và Tộc tánh nữ giảng nói kinh Bảo Nghiêm này rồi truyền dạy cho người khác, biên chép thành quyển, bài trí đúng chỗ, thì các chỗ ấy chính là chùa, tháp đẹp đẽ nhất trong thế gian.

Người nào được nghe, được truyền dạy, biên chép kinh này từ vị Pháp sư thì phải kính Pháp sư ấy như kính Đức Như Lai.

Người nào kính Pháp sư, cúng dường, phụng sự, Ta thọ ký cho người ấy sẽ đạt được đạo quả Chánh chân vô thượng, khi qua đời được gặp Như Lai. Người này sẽ được mười điều thanh tịnh nơi thân. Đó là:

1. Khi chết an vui, không có sự chán ghét.
2. Mắt chẳng rời loạn.
3. Tay chẳng nhiễu loạn.
4. Tai chẳng rời loạn.
5. Thân chẳng có sự phiền nhiễu.
6. Chẳng rời loạn đại tiểu tiện và bất tịnh.
7. Tâm chẳng ô uế.
8. Tâm chẳng tán loạn.

9. Tay chẳng sờ soạng trong hư không.

10. Mạng chung theo tư thế ngồi.

Đây gọi là mười điều thanh tịnh của thân.

Lại nữa, này Tôn giả Ca-diếp! Người này sẽ được mười điều thanh tịnh nơi miệng. Những gì là mười?

1. Âm thanh hoàn hảo.

2. Giọng nói nhẹ nhàng.

3. Giọng nói vui vẻ.

4. Âm thanh dễ mến.

5. Lời nói hòa dịu.

6. Âm thanh lưu loát.

7. Lời nói đáng kính.

8. Lời nói dễ nghe.

9. Âm thanh như chư Thiên.

10. Âm thanh như Phật nói.

Đây là mười điều thanh tịnh của miệng.

Lại nữa, này Tôn giả Ca-diếp! Người này được mười điều thanh tịnh nơi ý. Những gì là mười?

1. Không sân giận, chẳng phẫn nộ với người khác.

2. Không oán hận, không nói ra.

3. Chẳng tìm lỗi của người khác.

4. Không bị trói buộc.

5. Không có vọng tưởng điên đảo.

6. Tâm không biếng trễ.

7. Giữ giới chẳng buông lung.
8. Ý vui bố thí, hoan hỷ lãnh thọ.
9. Xa lìa sự cao ngạo, kiêu mạn.
10. Đạt được Tam-muội.

Đây là mười điều thanh tịnh của ý.

Lại nữa, này Tôn giả Ca-diếp! Nếu đem bảy báu đầy khắp trong hằng sa quốc độ, cúng dường cho hằng hà sa chư Phật Như Lai Đẳng Chánh Giác và chúng đệ tử, trải qua hằng sa kiếp đều cúng dường, bố thí, cho đến sau khi nhập Niết-bàn thì xây tháp bằng bảy báu, cũng chẳng bằng Tộc tánh tử và Tộc tánh nữ nghe kinh Bảo Nghiêm này rồi thọ trì, đọc tụng, thuyết giảng cho người khác, chẳng hề phỉ báng.

Người nữ nào giảng nói kinh này thì trọn chẳng đọa vào đường ác, cũng chẳng còn thọ lại thân nữ.

Lại nữa, này Tôn giả Ca-diếp! Nếu có Tộc tánh tử nào muốn đem tất cả châu báu quý giá cúng dường nơi kinh điển này thì phải thọ trì, đọc tụng, biên chép thành quyển, thuyết giảng cho người khác. Đó chính là đã cúng dường kinh điển này.

Người nào thọ trì, đọc tụng, biên chép, thuyết giảng cho người khác tức là đã cúng dường chư Phật Như Lai.

Khi Đức Phật giảng nói kinh này xong, Tôn giả Đại Ca-diếp và tất cả chúng trời, rồng, quỷ thân, dân chúng trong thế gian nghe Phật thuyết giảng

rồi đều hoan hỷ phụng hành.



SỐ 352

KINH ĐẠI CA DIẾP VẤN ĐẠI BẢO TÍCH CHÁNH PHÁP

Hán dịch: Đời Triệu Tống, Đại sư Thi Hộ.

QUYỂN I

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại núi Linh Thứu, thuộc thành Vương-xá, cùng với chúng Đại Tỳ-kheo tám ngàn vị, Bồ-tát một vạn sáu ngàn vị, đều là bậc chỉ còn một đời nữa là thành Phật, từ các cõi Phật đến hội họp.

Bấy giờ, Tôn giả Đại Ca-diếp-ba, đang an tọa trong đại chúng, Đức Thế Tôn bảo Tôn giả Đại Ca-diếp:

– Có bốn pháp hủy hoại trí tuệ của Bồ-tát.

Tôn giả Ca-diếp thưa:

– Bốn pháp ấy là những gì?

– Bốn pháp gồm: Một là khinh mạn đối với giáo pháp của Đức Phật dạy. Hai là đối với Pháp sư có sự ganh ghét. Ba là che giấu chánh pháp làm cho mọi người không thấy nghe. Bốn là có người ưa thích giáo pháp thì tạo chướng ngại, sân hận làm

đoạn mắt việc lành, che giấu chẳng nói, dối gạt người khác, chỉ cầu lợi cho bản thân.

Này Tôn giả Ca-diếp! Bốn pháp này hủy hoại trí tuệ của Bồ-tát. Nay ta lập lại bằng bài kệ:

*Người khinh mạn pháp Phật
Ganh ghét chỗ Pháp sư
Giấu che pháp người ưa
Cản ngăn người cầu pháp.
Sân đoạn mắt căn lành
Giấu pháp chẳng chịu thuyết
Dối gạt người chuộng pháp
Luôn làm việc cầu lợi.
Ta nói bốn pháp này
Dứt mắt tuệ Bồ-tát
Vì bốn pháp như vậy
Các ông phải nên biết.*

Đức Phật bảo Tôn giả Ca-diếp-ba:

– Có bốn pháp tối thượng làm tăng trưởng trí tuệ lớn của Bồ-tát.

Tôn giả Ca-diếp bạch:

– Bốn pháp ấy, nghĩa nó thế nào?

– Một là hết lòng tôn trọng giáo pháp Phật dạy. Hai là chớ sinh tâm khinh mạn Pháp sư. Ba là nghe được pháp rồi phải thuyết giảng cho người khác, khởi tâm chân chánh, chẳng vì mong cầu lợi dưỡng. Bốn là khen ngợi bậc đa văn tăng trưởng trí tuệ, chuyên tâm chánh niệm thọ trì điều đã nghe,

thực hành hạnh chân thật, chẳng hề nói dối.

Ca-diếp, bốn pháp này làm tăng trưởng đại trí tuệ của Bồ-tát, nên ở đây Ta lặp lại bằng bài kệ:

*Tôn trọng giáo pháp Phật
Và kính trọng Pháp sư
Truyền lại pháp đã nghe
Chẳng vì cầu lợi dưỡng.
Cũng không mong tiếng khen
Chuyên tâm cầu đa văn
Nghe nhiều sinh trí tuệ
Thọ trì đúng pháp nghe.
Trì rồi nương pháp hành
Đáng gọi pháp chân thật
Hạnh của Pháp sư ấy
Miệng ý không hư vọng.
Bốn pháp xứng bậc thầy
Được đại trí tuệ Phật.*

Đức Phật bảo Tôn giả Đại Ca-diếp:

– Có bốn pháp hoàn toàn mê lầm và gây chướng ngại tâm Bồ-đề của Bồ-tát.

Tôn giả Ca-diếp bạch Phật:

– Thế nào là bốn pháp mê lầm, gây chướng ngại tâm Bồ-đề?

– Bốn pháp ấy là: Một là đối với các bậc A-xà-lê, các thiện hữu đức hạnh đáng được tôn trọng mà sinh hủy báng. Hai là hủy diệt thiện căn của người khác khi nó đang lớn mạnh. Ba là nếu các chúng

sinh hành hạnh Đại thừa thì chẳng khen ngợi, lại nêu lời hủy báng. Bốn là phân biệt tà vạy bỏ tâm chân chánh.

Này Ca-diếp! Bốn pháp như vậy làm chướng ngại, tạo mê lầm nơi tâm Bồ-đề của Bồ-tát. Ở đây, Ta nói lại bằng tụng:

*Thầy Xà-lê, thiện hữu
Đức hạnh đáng tôn trọng
Chẳng đem tâm cung kính
Trở lại sinh khinh hủy.
Thiện căn người lớn mạnh
Lại phá hoại diệt trừ,
Người hành đại Bồ-đề
Hủy báng thêm khinh mạn.
Quên bỏ tâm chân chánh
Dùng tà vọng phân biệt,
Bốn hạnh ác như vậy
Mê, chướng Bồ-đề Phật.
Thế nên bốn pháp này
Xa lìa Vô thượng giác,
Người không bốn lỗi này
Được Bồ-đề vô thượng.*

Đức Phật bảo:

– Này Ca-diếp-ba! Có bốn pháp, nếu hành trì đầy đủ thì làm cho các Bồ-tát sinh ra ở bất cứ nơi nào cũng phát tâm Bồ-đề, thẳng đến ngôi nơi Bồ-đề đạo tràng, không có chướng ngại.

Tôn giả Ca-diếp bạch Phật:

– Bốn pháp là những gì?

– Một là chẳng vì thân mạng mà khởi tà kiến, nói dối, nói thêu dệt. Hai là trừ bỏ tất cả phân biệt hư vọng đối với chúng sinh. Ba là vì quả Phật mà phát khởi tất cả chủng tướng Bồ-đề, tên gọi như thật truyền khắp bốn phương. Bốn là tất cả chúng sinh được giáo hóa đều khiến chứng đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Giác.

Ca-diếp, bốn pháp như vậy nếu hành trì đầy đủ thì trong tất cả chỗ sinh ra, Bồ-tát đều phát tâm Bồ-đề, ở trong thế gian không có mê lầm, thẳng tiến đến Bồ-đề đạo tràng. Ở đây, Ta nói lại bằng tụng:

*Chẳng vì thân mạng mình
Tà thuyết và vọng ngữ
Tâm thương xót chúng sinh
Trừ vọng và biếng trễ.
Làm sứ giả Như Lai
Và làm thầy chúng sinh,
Hiện phát, hành Bồ-đề
Tiếng khen khắp bốn phương.
Giáo hóa các chúng sinh
Khiến thành Vô Thượng Giác.
An trụ trong pháp ấy
Tâm Bồ-đề chẳng thoái.*

Phật bảo Tôn giả Ca-diếp-ba:

– Có bốn pháp, nếu hành đủ sẽ làm cho pháp

thiện dù đã sinh hay chưa sinh của các Bồ-tát đều mất hết và mãi mãi không tăng trưởng.

Tôn giả Ca-diếp bạch Phật:

– Bốn pháp ấy là những gì?

– Một là chấp trước sâu nơi ngã kiến đối với các pháp có trong thế gian. Hai là khi quán sát chúng tộc thì lệ thuộc vào lợi dưỡng để làm việc chú thuật. Ba là sân giận đối với Bồ-tát, khen giáo pháp của Phật mà chẳng khen ngợi rộng khắp. Bốn là đối với giáo pháp chưa được nghe, khó được thấy thì khi nghe lại nghi ngờ, phỉ báng.

Này Tôn giả Ca-diếp! Nếu đủ bốn pháp như vậy sẽ làm cho pháp thiện đã sinh hay chưa sinh của các Bồ-tát thảy đều mất hết và vĩnh viễn không tăng trưởng. Ở đây, Ta nói lại bằng tụng:

*Do đây chấp ngã kiến
 Làm pháp thiện mất hết
 Quán sát nơi chúng tộc
 Chú thuật cầu lợi dưỡng.
 Khinh hủy pháp Bồ-tát
 Chẳng chịu rộng khen ngợi
 Pháp sâu xa chưa nghe
 Khi nghe sinh nghi báng.
 Hành đủ bốn pháp ấy
 Chẳng lâu pháp thiện hết
 Thế nên các Bồ-tát
 Hành bốn pháp này rồi*

*Xa lìa Bồ-đề Phật
Ví như trời với đất.*

Phật bảo Tôn giả Ca-diếp-ba:

– Có bốn pháp, nếu hành trì đầy đủ sẽ làm cho pháp thiện của các Bồ-tát chẳng diệt mất và được pháp tăng trưởng.

Tôn giả Ca-diếp bạch Phật:

– Bốn pháp là những gì?

– Một là nguyện nghe điều lành, chẳng nguyện nghe điều xấu ác. Mong cầu tu hành sáu pháp Ba-la-mật và Tạng pháp của Bồ-tát. Hai là trừ bỏ chấp ngã, hiện tâm bình đẳng, làm cho tất cả chúng sinh được pháp lợi hoan hỷ. Ba là xa lìa tà mạng, được Thánh chủng hoan hỷ, chẳng nói tội của người khác là thật hay chẳng thật, cũng chẳng thấy người khác có phạm lỗi. Bốn là đối với giáo pháp sâu xa này, tuy trí tuệ của mình chưa thấy được nhưng chẳng hề hủy báng. Chư Phật Như Lai hiểu rõ như vậy, nhận biết như vậy, Ta cũng không thể hiểu trí tuệ của Phật là vô biên, muôn trùng không có ngăn ngại. Như Lai vì chúng sinh diễn nói pháp này.

Này Tôn giả Ca-diếp! Nếu đủ bốn pháp ấy tức làm cho pháp thiện của các Bồ-tát chẳng mất hết, mà còn được pháp tăng trưởng. Ở đây, Ta nói lại bằng tụng:

*Hằng nguyện nghe điều thiện
Chẳng nguyện nghe điều ác*

Thường thực hành sáu độ
 Mong cầu Tạng Bồ-tát.
 Đoạn trừ chấp ngã kiến
 Thực hành tâm bình đẳng
 Làm cho khắp chúng sinh
 Được pháp lợi vui ấy.
 Sống chánh mạng thanh tịnh
 Được chủng tộc Thánh thiện.
 Tội người thật chẳng thật
 Quyết chẳng hề nói bàn.
 Dù thấy người phạm lỗi
 Đồng như chẳng thấy nghe
 Pháp này rất sâu xa
 Trí kém không hiểu được.
 Chỉ Phật tự hiểu rõ
 Mà chẳng sinh nghi báng
 Trí Phật rộng vô biên
 Như Lai vì chúng thuyết.
 Người hành bốn pháp này
 Pháp thắng trí vô tận
 An trụ trong pháp ấy
 Bồ-đề chẳng khó đạt.

Phật bảo Tôn giả Ca-diếp-ba:

– Có bốn loại pháp làm phát sinh tâm bất chánh và xa lìa hạnh Bồ-tát.

Tôn giả Ca-diếp bạch Phật:

– Bốn pháp là những gì?

– Một là nghi ngờ chẳng hiểu giáo pháp của Phật, tâm chẳng ưa thích. Hai là chấp ngã rồi cao ngạo, sân giận đối với hữu tình. Ba là thấy người khác được lợi dưỡng thì tham ưa, ganh ghét. Bốn là chẳng kính tin chư Phật, Bồ-tát, cũng chẳng khen ngợi lại hủy báng.

Này Tôn giả Ca-diếp! Bốn pháp này phát sinh tâm bất chánh, xa lìa hạnh Bồ-tát. Ở đây, Ta nói lại bằng tụng:

*Nghi, làm giáo pháp Phật
 Khởi ý chẳng ưa thích
 Cao ngạo chấp ngã tăng
 Giận dữ với chúng sinh.
 Người khác được lợi dưỡng
 Tham ưa khởi ganh ghét
 Đối với Phật, Bồ-tát
 Tâm chẳng sinh tín thọ.
 Bốn tâm bất chánh này
 Xa lìa hạnh Bồ-tát.*

Phật bảo Tôn giả Ca-diếp-ba:

– Có bốn loại pháp làm cho các Bồ-tát được tướng nhu hòa dịu dàng.

Tôn giả Ca-diếp bạch Phật:

– Bốn pháp là những gì?

– Một là đã mắc tội mà được phát lồ thì quyết không che giấu, dốc xa lìa lỗi lầm. Hai là lời nói phải chân thật, thà mất ngôi vua, hủy hoại sự giàu

sang, tiêu tan của cải, xả bỏ thân mạng, quyết chẳng nói dối, lời nói phải chân thật, cũng chẳng chỉ bày người khác nói lời giả dối. Ba là chẳng phát ra lời nói ác để khinh chê hủy báng tất cả chúng sinh, cho đến việc lành và việc chẳng lành, tranh cãi, đánh nhau, giam cầm, gông cùm, những lỗi như vậy cũng chẳng nên nói bàn, vì sợ thành tội của mình rồi chuốc lấy quả báo của nghiệp. Bốn là dựa vào chỗ tin hành kia mà tin chắc vào tất cả giáo pháp của chư Phật để tâm ý được thanh tịnh.

Này Tôn giả Ca-diếp! Bốn pháp này làm cho các Bồ-tát được tướng nhu hòa dịu dàng. Ở đây, Ta nói lại bằng kệ:

*Khi đã phạm lỗi rồi
Lo sợ nơi tội lỗi
Chẳng dám tự che giấu
Tỷ tâm mà phát lộ.
Dụng ý cần chân thật
Lời nói phải chân thành
Thà mất ngôi Quốc vương
Bỏ mạng, tan tiền tài.
Chẳng phát lời vọng ngữ
Từ bỏ hạnh chân thật
Cũng chẳng dạy bảo người
Làm những việc giả dối.
Lại chẳng sinh hủy báng
Khinh miệt tất cả chúng
Thiện cùng việc bất thiện*

*Cho đến tranh cãi nhau.
Quyết không ngó, bàn tới
Sợ chuốc lấy quả báo
Tâm trụ hạnh thanh tịnh
Tin ưa Bồ-đề Phật.
Bốn điều Phật tuyên dương
Chúng sinh nên thân cận.*

Phật bảo Tôn giả Ca-diếp-ba:

– Có bốn pháp làm cho tâm ý của Bồ-tát trở nên ngang ngạnh.

Tôn giả Ca-diếp bạch Phật:

– Bốn pháp là những gì?

– Một là nghe được pháp tối thượng hơn hết, nhưng tâm chẳng ưa thực hành. Hai là đối với pháp hay phi pháp tuy biết là tịnh hay nhiễm nhưng pháp tịnh thì chẳng hành mà hành theo phi pháp. Ba là chẳng gần gũi bậc A-xà-lê và Pháp sư v.v... tin theo lời dối trá, chẳng biết chỗ để thọ thực. Bốn là trông thấy các Bồ-tát đủ đức hạnh đều không có sự cung kính, lại hiển bày ngã kiến khinh mạn.

Này Tôn giả Ca-diếp! Bốn pháp này làm cho tâm ý của các Bồ-tát ngang ngạnh. Ở đây, Ta nói lại bằng tụng:

*Nghe pháp tối thượng kia
Tâm ý chẳng ưa hành
Pháp tịnh mà chẳng tu
Phi pháp sinh ưa thích.*

*Lìa bỏ A-xà-lê
 Chẳng kính bậc Pháp sư
 Chẳng biết chỗ thọ thực
 Tin theo lời vọng ngữ
 Đói Bô-tát đức cao
 Chẳng sinh tâm tôn trọng
 Tăng ngã kiến thấp kém
 Tâm ngang ngạnh khinh mạn
 Bốn pháp Phật nêu ra
 Ta luôn phải xa lìa.*

Phật bảo Tôn giả Ca-diếp-ba:

– Có bốn pháp làm cho tri kiến của Bô-tát thông đạt.

Tôn giả Ca-diếp bạch Phật:

– Bốn pháp là những gì?

– Một là nghe điều hay thì ưa thực hành, nghe điều dở thì thích ngăn chặn, biết rõ pháp chân thật, lìa bỏ pháp tà vạy hành theo chánh đạo. Hai là xa lìa sự hủy báng, tương ưng sự thuận thiện, lời nói tốt đẹp lan truyền nên được mọi người kính mến. Ba là gần gũi lời thầy dạy, biết rõ chỗ đến thọ thực. Điều phục các căn chẳng để gián đoạn việc trì giới tu định. Bốn là dù tự thân đã chứng được quả Bô-đề, nhưng chẳng hề lìa bỏ chúng sinh, hành từ bi chân thật làm cho chúng sinh ưa thích đức độ rộng lớn chân chánh.

Này Tôn giả Ca-diếp! Bốn pháp này làm cho

tri kiến của Bồ-tát thông đạt. Ở đây, Ta nói lại bằng tụng:

*Nghe điều thiện thích làm
 Nghe tâm ác ngăn chặn
 Trừ bỏ nhân tà vạy
 Hành theo tám đạo Thánh.
 Luôn xa lìa hủy báng
 Được nghiệp thiện tương ứng
 Lời khéo âm vang truyền
 Khiến chúng sinh mến trọng.
 Khắc ghi lời thầy dạy
 Biết chỗ đến thọ thực
 Chế phục giữ căn cảnh
 An trụ trong giới định.
 Tuy chứng Bồ-đề Phật
 Chẳng bỏ cõi hữu tình
 Hành hạnh từ chân thật
 Khiến cầu đức vô thượng.
 Bốn điều này Phật nêu
 Mau đạt quả Thiện Thệ.*

Phật bảo Tôn giả Ca-diếp-ba:

– Bồ-tát có bốn sự trái phạm.

Tôn giả Ca-diếp bạch:

– Những gì là bốn?

– Một là tín căn của chúng sinh chưa thành thực mà đã giáo hóa họ. Hai là chúng sinh thấp kém, theo tà kiến mà rộng thuyết pháp Phật cho họ. Ba

là vì chúng sinh hành theo Tiểu thừa mà thuyết pháp Đại thừa. Bốn là khinh mạn những chúng sinh tu chánh hạnh, trì giới, lại bảo hộ hàng chúng sinh tà hạnh, phạm giới.

Này Tôn giả Ca-diếp! Đây là bốn sự trái phạm của Bồ-tát. Ở đây, Ta nói lại bằng tụng:

*Chúng sinh tin chưa vững
Mà đi giáo hóa họ
Đối thấp kém tà kiến
Lại rộng thuyết pháp Phật.
Nơi chôn Thanh văn kia
Phân biệt pháp Đại thừa
Khinh mạn người chánh hạnh
Thâu nhận kẻ phá giới.
Rõ bốn sai trái này
Bồ-tát phải xa lìa,
Hành theo bốn pháp ấy
Chẳng thành tựu Bồ-đề.*

Phật bảo Tôn giả Ca-diếp-ba:

– Có bốn pháp thành tựu đạo của Bồ-tát.

Tôn giả Ca-diếp bạch:

– Bốn pháp là những gì?

– Một là tâm hành bình đẳng đối với tất cả chúng sinh. Hai là dùng trí tuệ của Phật để giáo hóa tất cả chúng sinh. Ba là diễn nói pháp diệu cho tất cả chúng sinh. Bốn là thực hành phương tiện chân chánh đối với tất cả chúng sinh.

Này Tôn giả Ca-diếp! Bốn pháp này làm cho đạo của BỒ-tát được thành tựu. Ở đây, Ta nói lại bằng tụng:

*Đối với mọi chúng sinh
Thường hành tâm bình đẳng
Giáo hóa các hữu tình
Khiến vào trí Như Lai.
Thường diễn pháp vi diệu
Cứu độ hết mọi người
An trụ trong chân thật
Đây gọi chánh phương tiện.
Bốn pháp bình đẳng này
Chính Phật luôn tuyên thuyết
Hành theo giáo pháp ấy
Thành tựu đạo BỒ-tát.*

Phật bảo Tôn giả Ca-diếp-ba:

– Có bốn pháp là oan gia của BỒ-tát, không thể thực hành.

Tôn giả Ca-diếp bạch Phật:

– Bốn pháp ấy là gì?

– Một là ưa tu hạnh tự lợi của Tiểu thừa. Hai là tu hành theo giáo pháp chưa thâm diệu của Thừa Phật-bích-chi. Ba là tùy thuận theo chú thuật kỳ xảo của thế gian. Bốn là dùng “Thế trí biện thông” để tập hợp các pháp hư vọng, không lợi ích của thế gian.

Này Tôn giả Ca-diếp! Bốn pháp này là oan gia

của Bồ-tát không thể đồng tu hành. Ở đây, Ta nói lại bằng tụng:

*Nếu hành thừa Thanh văn
 Xuất gia tu tự lợi
 Và Phật-bích-chi kia
 Chứng ngộ lý chưa sâu.
 Tham tài nghệ thế gian
 Kỹ xảo và chú thuật...
 Lại dùng thế trí biện
 Vọng tập pháp không lợi.
 Đối gạt với chúng sinh
 Chẳng đến bờ chân thật
 Bồ-tát hành theo đây
 Cẩn lành đều diệt hết.
 Oan gia chẳng đồng hành
 Phật dạy nên xa lìa.*

Phật bảo Tôn giả Ca-diếp-ba:

– Có bốn pháp là thiện hữu của Bồ-tát.

Tôn giả Ca-diếp bạch Phật:

– Bốn pháp là những gì?

– Một là người nào đã phát tâm cầu đạo Bồ-đề là thiện hữu của Bồ-tát. Hai là bậc Đại pháp sư, là thiện hữu của Bồ-tát. Ba là người nào dùng tuệ văn tu sinh ra tất cả căn lành, là thiện hữu của Bồ-tát. Bốn là người cầu đạt tất cả pháp Phật đối với chư Phật Thế Tôn là thiện hữu của Bồ-tát.

Này Tôn giả Ca-diếp! Bốn pháp này là thiện

hữu của Bồ-tát. Ở đây, Ta nói lại bằng tụng:

*Người cầu đạo Bồ-đề
Là thiện hữu Phật tử
Đại Pháp sư thuyết pháp
Hiện phát tuệ văn tư.
Giáo hóa các chúng sinh
Phát khởi năm căn lành
Luôn là đệ tử Phật
Sẽ đạt đạo chánh giác.
Phật nói bốn pháp này
Chẳng mê lầm chánh hạnh
Khiến được đại Bồ-đề
Đấy gọi thiện hữu thật.*

Phật bảo Tôn giả Ca-diếp-ba:

– Có bốn pháp là hình ảnh tương tự của Bồ-tát.

Tôn giả Ca-diếp bạch:

– Những gì là bốn pháp?

– Một là vì lợi dưỡng chẳng vì pháp. Hai là vì tiếng khen chẳng vì giới đức. Ba là cầu an ổn theo tự lợi, chẳng đem lại lợi ích cho chúng sinh khổ não. Bốn là đối với đức hạnh chân thật không thể phát khởi phân biệt ưa thích.

Này Tôn giả Ca-diếp! Bốn pháp này là hình ảnh tương tự của Bồ-tát. Ở đây, Ta nói lại bằng tụng:

*Rộng cầu mong lợi dưỡng
Chẳng vì nghe thọ pháp
Ưa thích người khen ngợi*

*Lìa bỏ các đức hạnh.
 Một mực cầu tự an
 Chẳng thương chúng sinh khổ
 Đói đức hạnh chân thật
 Không ưa, không phân biệt.
 Với bốn pháp như vậy
 Phật nói là hình ảnh
 Chúng Bồ-tát các ông
 Tất cả nên xa lìa.*

Phật bảo Tôn giả Ca-diếp-ba:

– Có bốn pháp là đức thật của Bồ-tát.

Tôn giả Ca-diếp bạch:

– Những gì là bốn?

– Một là nhập vào môn giải thoát không, tin nghiệp báo vô tánh. Hai là nhập vào môn vô ngã, vô nguyên, tuy chứng đắc Niết-bàn nhưng luôn khởi tâm đại bi, vui thích cứu độ chúng sinh. Ba là khéo hiện bày phương tiện ở trong cảnh giới luân hồi. Bốn là tuy hành bố thí đối với các hữu tình nhưng chẳng cầu quả báo.

Này Tôn giả Ca-diếp! Bốn pháp như vậy là đức thật của Bồ-tát. Ở đây, Ta nói lại bằng tụng:

*Nhập môn giải thoát không
 Tin, quán nghiệp vô tánh
 Môn vô ngã, vô nguyên
 An trú hạnh từ bi.
 Tuy chứng Niết-bàn Không*

*Vì vui độ chúng sinh
 Ở trong cõi luân hồi
 Khéo bày các phương tiện.
 Cứu độ khắp muôn loài
 Chẳng mong cầu phước báo.*

Phật bảo Tôn giả Ca-diếp-ba:

– Có bốn pháp là kho tàng lớn của Bồ-tát.

Tôn giả Ca-diếp bạch:

– Bốn pháp là gì?

– Một là cung kính cúng dường chư Phật. Hai là luôn hành sáu pháp Ba-la-mật-đa. Ba là tôn trọng Pháp sư, tâm chẳng thoái chuyển. Bốn là tâm không loạn tạp, ưa ở nơi vắng lặng.

Này Tôn giả Ca-diếp! Bốn pháp như vậy là kho tàng lớn của Bồ-tát. Ở đây, Ta nói lại bằng tụng:

*Nơi trụ xứ chư Phật
 Cung kính và cúng dường
 Trong sáu độ Đại thừa
 Hành Ba-la-mật-đa.
 Tôn trọng lời Pháp sư
 Thừa hành tâm chẳng chuyển
 Thường ở chốn vắng lặng
 Thanh tịnh không tạp loạn.
 Đây bốn pháp Phật nêu
 Kho pháp lớn Phật tử.*

Phật bảo Tôn giả Ca-diếp-ba:

– Có bốn pháp xa lìa đạo ma của Bồ-tát.

Tôn giả Ca-diếp bạch:

– Những gì là bốn pháp?

– Một là đã hành các hạnh, chẳng lìa tâm Bồ-đề. Hai là tâm không nào hại tất cả chúng sinh. Ba là thấu rõ tất cả các pháp. Bốn là chẳng khinh mạn tất cả chúng sinh.

Này Tôn giả Ca-diếp! Bốn pháp như vậy xa lìa đạo ma của Bồ-tát. Ở đây, Ta nói lại bằng tụng:

*Tu hành các hạnh thiện
Chẳng lìa tâm Bồ-đề
Đối với chúng sinh ấy
Không lúc nào nào hại.
Thấu rõ suốt các pháp
Tuyệt dứt tâm khinh mạn
Bốn pháp Thiện Thế dạy
Xa lìa các đạo ma.
Người nương theo hạnh ấy
Chứng đắc nẻo Chân không.*

Phật bảo Tôn giả Ca-diếp-ba:

– Có bốn pháp nhóm hợp tất cả căn lành của Bồ-tát.

Tôn giả Ca-diếp bạch:

– Thế nào là bốn pháp?

– Một là ưa trú trong rừng, nơi yên tĩnh, vắng lặng. Hai là dùng bố thí, ái ngữ, lợi hành, đồng sự thu phục, giáo hóa các chúng sinh. Ba là lìa bỏ thân mạng, vui cầu pháp diệu. Bốn là nghe nghĩa chẳng

thấy đủ, tập hợp các căn lành, siêng hành tinh tấn.

Này Tôn giả Ca-diếp! Bốn pháp này có khả năng tập hợp tất cả căn lành của Bồ-tát. Ở đây, Ta nói lại bằng tụng:

*Ưa trú chốn tịch tĩnh
Yên ổn rời ồn náo
Bốn nhiếp độ chúng sinh
Khiến tiến lên đường giác.
Siêng năng cầu pháp diệu
Lìa bỏ cả thân mạng
Siêng năng nhóm căn lành
Nghe pháp không thấy đủ.
Phật dạy bốn hạnh này
Sinh vô biên điều thiện.*

Phật bảo Tôn giả Ca-diếp-ba:

– Có bốn pháp sinh ra vô lượng phước đức của Bồ-tát.

Tôn giả Ca-diếp bạch:

– Bốn pháp là những gì?

– Một là luôn hành pháp thí, tâm không lẫn tiếc.

Hai là khởi tâm đại bi, cứu giúp các chúng sinh phá giới. Ba là giáo hóa các hữu tình phát tâm Bồ-đề. Bốn là nhân nhục cứu giúp những người thấp kém xấu ác.

Này Tôn giả Ca-diếp! Bốn pháp như vậy phát sinh vô lượng phước đức của Bồ-tát. Ở đây, Ta nói lại bằng tụng:

*Rộng thuyết các pháp mầu
 Tâm thanh tịnh, không tiếc
 Các hữu tình hủy giới
 Xót thương mà cứu giúp.
 Khiến loài chúng sinh kia
 Phát tâm tịnh giác ngộ
 Người thấp kém xấu ác
 Hành nhân nhục cứu độ.
 Bồ-tát và chư Phật
 Đồng hành bốn hạnh này.*

Phật bảo Tôn giả Ca-diếp-ba:

– Có bốn pháp có thể phá trừ vô minh phiền não trong tâm địa của Bồ-tát.

Tôn giả Ca-diếp bạch Phật:

– Bốn pháp là những gì?

– Một là hành trì giới pháp đầy đủ không phạm. Hai là thọ trì pháp diệu thân tâm không mỗi một. Ba là tùy theo sự hiểu biết mà truyền trao đèn pháp. Bốn là thành kính lễ bái khen ngợi công đức của Phật.

Này Tôn giả Ca-diếp! Bốn pháp như vậy có khả năng phá trừ vô minh phiền não trong tâm địa của Bồ-tát. Ở đây, Ta nói lại bằng tụng:

*Bền giữ giới Cụ túc
 Tâm địa không khuyết phạm
 Pháp diệu luôn thọ trì
 Ngày đêm không mỗi một.*

Người hiểu được pháp Phật
 Tùy ý ban đên pháp
 Tán dương tất cả Phật
 Thành tâm cung kính lễ.
 Bạc trí hành bốn pháp
 Có thể đoạn vô minh
 Hết thấy các Đức Phật
 Nương đày đạt Bồ-đề.

Phật bảo Tôn giả Ca-diếp-ba:

– Có bốn pháp phát sinh trí vô ngại của Bồ-tát.

Tôn giả Ca-diếp bạch:

– Những gì là bốn?

– Một là ban phát giáo pháp ta hiện có. Hai là thọ trì pháp diệu. Ba là chẳng hại người khác. Bốn là tâm chẳng khinh mạn.

Này Tôn giả Ca-diếp! Bốn pháp ấy làm phát sinh trí vô ngại của Bồ-tát. Ở đây, Ta nói lại bằng tụng:

Ban pháp diệu đã hành
 Khiên họ được thọ trì
 Chẳng ghét chúng sinh học
 Tôn trọng bậc trì giới.
 Bốn pháp trừ tội trước
 Đạt đến Tối thượng giác
 Nương đày được Bồ-đề
 Phát sinh trí vô ngại.
 Lại chia mười hai hạnh

Người trí đạt Bồ-đề
 Vị cam lồ thành tựu
 Các chúng sinh hiện có.
 Mà đủ pháp nhãn sâu
 Đọc tụng, trì, giải nêu
 Phật nói là kẻ ấy
 Được phước không thể lường.
 Như có hằng hà sa
 Ưc quốc độ chư Phật
 Đều đủ đầy bảy báu
 Cúng dường tất cả Phật.
 Phước ấy cũng vô lượng
 Nếu người niệm pháp này
 Bốn câu kệ trong Kinh
 Phước đức hơn người kia.
 Lại nữa, Ca-diếp-ba
 Nếu trì bốn câu này
 Chưa gọi là Bồ-tát
 Được gọi là Bồ-tát.
 Nói trong bốn pháp này
 Đầy đủ mười hạnh thiện
 Tâm bình đẳng nương pháp
 Thế nên gọi Bồ-tát



KINH ĐẠI CA DIẾP VẤN ĐẠI BẢO TÍCH CHÁNH PHÁP

QUYỂN II

Phật bảo Tôn giả Ca-diếp-ba:

– Nếu các vị BỒ-tát đạt đầy đủ ba mươi hai pháp này thì gọi là BỒ-tát.

Tôn giả Ca-diếp bạch:

– Những gì là ba mươi hai pháp?

– Đó là làm lợi ích cho tất cả chúng sinh, tạo chủng tử của Trí Nhất thiết trí, chẳng kể sang hèn đều khiến được trí tuệ, vì tất cả chúng sinh luôn khởi tâm khiêm tốn, lìa ngã, chân thật thương tưởng, ý chẳng thoái lui, đối với bạn tốt bạn xấu tâm đều bình đẳng, dầu đã đạt đến Niết-bàn vẫn giữ niệm ái ngữ, trước phải thăm hỏi, thương xót nhận lãnh gánh nặng, luôn khởi tâm bi đối với các chúng sinh, thường cầu pháp diệu tâm không nhàm mỏi, nghe pháp không thấy đủ, thường thức tỉnh đối với lỗi của mình, chẳng nói chỗ sai phạm của người, đủ các oai nghi, luôn phát đại tâm, tu các nghiệp thù thắng, chẳng cầu quả báo, sinh được

giới đức, nên diệt các pháp luân hồi, làm cho đạo tâm của các hữu tình tăng tiến, tất cả căn lành đều được tích tập hành trì, tuy hành nhân nhục vẫn luôn tinh tấn, như nhập vào định vô sắc, tạo trí tuệ phương tiện, khéo biết Tổng trì, khéo ứng dụng hành trì bốn nhiếp pháp, đối với phạm giới hay trì giới tâm từ chẳng phân biệt, thường ở chỗ núi rừng, thích hỏi giáo pháp sâu xa, chán lìa các thứ sở hữu của thế gian, ưa thích quả đức của pháp vô vi, xuất thế, hành hóa chánh Đại thừa, xa lìa Tiểu thừa, rời bỏ bạn ác gần gũi bạn lành. Đối với bốn tâm vô lượng và năm thần thông thấy đều thông đạt, đã làm thanh tịnh phần vô tri, như thật nương vào thầy, chẳng chấp nơi tà, chánh, phát tâm Bồ-đề thuần nhất không xen tạp. Nay Tôn giả Ca-diếp! Nếu đạt đầy đủ ba mươi hai pháp như vậy thì gọi là Bồ-tát. Ở đây, Ta nói lại bằng tụng:

*Lợi ích các chúng sinh
 Nhằm hành hạnh thanh tịnh
 Khiến sinh Nhất thiết trí
 Chẳng lựa chọn sang hèn.
 Đồng nhập tuệ Như Lai
 Chân thật thương chúng sinh
 Tâm ý chẳng thoái chuyển
 Bạn lành và bạn ác.
 Với họ quán bình đẳng
 Dầu đã đạt Niết-bàn
 Trước ái ngữ thăm hỏi*

Thương xót nhận gánh nặng.
 Và các chúng sinh kia
 Chẳng đoạn tâm đại bi
 Cầu pháp tâm không khổ
 Nghe nghĩa thường không đủ.
 Luôn xét lỗi tự thân
 Chẳng khinh chê kẻ phạm
 Tu đủ các oai nghi
 Mà khởi hạnh Đại thừa.
 Chẳng mong cầu quả báo
 Đã trì các giới đức
 Đoạn diệt nẻo luân hồi
 Khiến các hữu tình kia.
 Xa hại, tăng tâm đạo
 Nhân nhục nhóm căn lành
 Tinh tấn tu các hạnh
 Như nhập định vô sắc.
 Các phương tiện trí tuệ
 Tổng trì mà khéo hiểu
 Bốn nhiếp luôn thọ, hành
 Thương đều hạng trì, phạm.
 Thường ở chỗ rừng vắng,
 Luôn thích nghe pháp mầu
 Nhàm lìa nơi thế gian
 Mến kính quả Vô thượng.
 Xa lìa Thừa Thanh văn
 Mà tu hạnh Đại thừa
 Lìa bỏ bạn xấu ác

Thân gần nơi bạn lành.
 Năm thông bốn vô lượng
 Trí tuệ thấy thông đạt
 Thanh tịnh dứt vô tri
 Chẳng chấp vào tà chánh.
 Nương nơi thầy chân thật
 Thuần nhất không hành tạp
 Phật dạy quán pháp hành
 Trước phát tâm Bồ-đề.
 Với ba hai pháp này
 Thiện Thệ đã giảng giải
 Bồ-tát hành đầy đủ
 Được vị cam lồ Phật.

Phật bảo Tôn giả Ca-diếp-ba:

– Ta vì Bồ-tát nói pháp thí dụ, khiến cho tri kiến của họ đạt được phước đức của Bồ-tát.

Tôn giả Ca-diếp bạch:

– Nghĩa ấy như thế nào?

– Này Tôn giả Ca-diếp! Ví như đại địa, tất cả chúng sinh đều nương vào đó mà tăng trưởng, nhưng đại địa chẳng mong cầu, chẳng ưa mến các chúng sinh ấy. Bồ-tát cũng như vậy, từ lúc mới phát tâm thẳng đến đạo tràng, thành tựu Bồ-đề, trong thời gian đó luôn hành hóa nối tiếp để cứu độ chúng sinh, không tham ái, không mong cầu. Ở đây, Ta nói lại bằng tụng:

Ví như đại địa

Cùng các chúng sinh
 Nương dựa, tăng trưởng
 Với chúng sinh kia.
 Không cầu, không mến
 Bồ-tát cũng vậy
 Từ mới phát tâm
 Cho đến đạo tràng.
 Thành Vô Thượng Giác
 Hành độ hữu tình
 Không cầu, không mến
 Không oán không thân.
 Bình đẳng thấu nhận
 Khiến được Bồ-đề.

Phật bảo Tôn giả Ca-diếp-ba:

– Ví như nước, tất cả rừng cây, cỏ thuốc đều được thấm nhuần lợi ích nhưng đối với rừng cây, cỏ thuốc kia, nước không mến ưa, không mong cầu. Nay Tôn giả Ca-diếp! Bồ-tát cũng vậy, vì tâm từ thanh tịnh, nên từ bi trùm khắp tất cả chúng sinh, đều khiến tăng trưởng tất cả pháp thiện nhưng không có sự mến chuộng, mong cầu. Ở đây, Ta nói lại bằng tụng:

Ví như thủy giới
 Tất cả thấm lợi
 Cỏ thuốc rừng cây
 Khiến được sinh trưởng.
 Không mến, không cầu
 Bồ-tát cũng vậy

*Vì tâm từ tịnh
Trùm khắp hữu tình.
Lần lượt thấm nhuần
Căn lành tăng trưởng
Phá lực ma lớn
Đắc Bồ-đề Phật.*

Phật bảo Tôn giả Ca-diếp:

– Ví như lửa làm chín tất cả quả hạt lúa đậu, nhưng không có ái chuộng, mong cầu đối với chúng. Nay Tôn giả Ca-diếp! Bồ-tát cũng vậy, dùng đại trí tuệ thành thực tất cả mầm thiện của chúng sinh. Ở đây, Ta nói lại bằng tụng:

*Ví như hỏa giới
Thành thực tất cả
Hạt giống ngũ cốc
Mà hỏa giới kia.
Đối với hạt giống
Không cầu, không mến
Bồ-tát cũng vậy
Dùng lửa trí tuệ.
Thành thực tất cả
Mầm thiện chúng sinh
Bồ-tát đối chúng
Không cầu, không mến.*

Phật bảo Tôn giả Ca-diếp:

– Ví như gió đầy khắp tất cả cõi Phật. Nay Tôn giả Ca-diếp! Bồ-tát cũng vậy, khéo dùng phương

tiện hiện bày khắp tất cả, khiến chúng sinh hiểu được pháp Phật. Ở đây, Ta nói lại bằng tụng:

*Ví như phong giới
Tùy năng lực mình
Hiện khắp cõi Phật
Các chúng Bồ-tát.
Cũng lại như vậy
Dùng phương tiện thiện
Vì đệ tử Phật
Nói pháp tối thượng.*

Phật bảo Tôn giả Ca-diếp:

– Ví như ma oán thống lãnh bốn quân binh, chư Thiên nơi cõi Dục không thể hàng phục chúng. Nay Tôn giả Ca-diếp! Bồ-tát cũng vậy, khi đạt được tâm ý thanh tịnh thì tất cả chúng ma không thể làm mê loạn. Ở đây, Ta nói lại bằng tụng:

*Ví như ma oán
Lãnh bốn quân binh
Chư Thiên dục giới
Không thể hàng phục.
Bồ-tát cũng vậy
Được ý thanh tịnh
Tất cả chúng ma
Không thể mê loạn.*

Phật bảo Tôn giả Ca-diếp:

– Ví như trăng sáng, tăng trưởng dần dần cho đến tròn đầy. Nay Tôn giả Ca-diếp! Bồ-tát cũng

vậy, đem tâm không cầu nhiễm để cầu tất cả pháp, cho đến viên mãn. Ở đây, Ta nói lại bằng tụng:

*Ví như trăng sáng
Tăng trưởng dần dần
Thẳng đến tròn đầy
Bồ-tát cũng vậy.
Đem tâm không nhiễm
Cầu tu căn lành
Dần dần tăng tiến
Pháp thiện viên mãn.*

Phật bảo Tôn giả Ca-diếp:

– Ví như khi mặt trời mọc, phóng ra ánh sáng rực rỡ, chiếu khắp thế gian, không vật nào là không được chiếu sáng. Nay Tôn giả Ca-diếp! Bồ-tát cũng vậy, phóng ra ánh sáng trí tuệ chiếu khắp chúng sinh khiến thấy đều mở bày tỏ ngộ. Ở đây, Ta nói lại bằng tụng:

*Như mặt trời mọc
Chiếu khắp thế gian
Tất cả cảnh vật
Đều được chiếu sáng.
Bồ-tát cũng vậy
Phóng trí tuệ sáng
Chiếu các hữu tình
Thấy đều thông hiểu.*

Phật bảo Tôn giả Ca-diếp:

– Ví như sư tử là vua của muôn thú, có oai lực

lớn, đi đến bất cứ nơi nào cũng chẳng kinh sợ. Nay Tôn giả Ca-diếp! Bồ-tát cũng vậy, an trụ nơi giới đức, đa văn nên đi đến bất cứ nơi nào cũng chẳng kinh sợ. Ở đây, Ta nói lại bằng tụng:

*Vua thú sư tử
Oai lực dũng mãnh
Đi đến chỗ nào
Tâm không sợ hãi.
Bồ-tát cũng vậy
An trụ đa văn
Trí tuệ trì giới
Đối với thế gian
Những chỗ đi đến
Lìa mọi sợ hãi.*

Phật bảo Tôn giả Ca-diếp:

– Ví như voi quý có uy lực lớn, gánh vác tất cả vật nặng mà không có sự mệt nhọc. Nay Tôn giả Ca-diếp! Bồ-tát cũng vậy, gánh vác các khổ nơi năm uẩn của tất cả chúng sinh mà chẳng thấy khổ nhọc. Ở đây, Ta nói lại bằng tụng:

*Ví như voi quý
Có uy lực lớn
Thân mang vật nặng
Mà chẳng mệt nhọc.
Bồ-tát cũng vậy
Gánh vác chúng sinh
Các khổ năm ấm*

Cũng không khó nhọc.

Phật bảo Tôn giả Ca-diếp:

– Ví như hoa sen, sinh ra và lớn lên trong nước bùn lầy mà chẳng bị cấu nhiễm. Nay Tôn giả Ca-diếp! Bồ-tát cũng vậy, tuy sinh trong thế gian nhưng trọn chẳng đắm theo tạp nhiễm của thế gian. Ở đây, Ta nói lại bằng tụng:

*Ví như hoa sen
Sinh ra trong nước
Bùn lầy như ướ
Mà chẳng thể nhiễm.
Bồ-tát cũng vậy
Dầu sinh thế gian
Có nhiều tạp nhiễm
Mà không hề vướng.*

Phật bảo Tôn giả Ca-diếp:

– Ví như có người tìm mọi phương tiện chặt cây, nhưng chẳng chặt gốc nên thời gian sau, cây mọc lên lại. Nay Tôn giả Ca-diếp! Bồ-tát cũng vậy, dùng sức nơi phương tiện đoạn trừ phiền não, nhưng chẳng đoạn trừ mầm giống, dùng thiện căn của đại bi sinh lại trong ba cõi. Ở đây, Ta nói lại bằng tụng:

*Ví như có người
Dùng các phương tiện
Để chặt thân cây
Chẳng chặt gốc rễ.*

Thời gian sau đó
 Đất lại mọc cây
 Bồ-tát cũng vậy
 Khéo dùng phương tiện.
 Đoạn trừ phiền não
 Chẳng đoạn hạt giống
 Vì hành đại bi
 Sinh lại ba cõi.

Phật bảo Tôn giả Ca-diếp:

– Ví như những dòng nước ở các phương đều chảy vào biển cả, đồng mang vị mặn. Nay Tôn giả Ca-diếp! Bồ-tát cũng vậy, có được bao nhiêu căn lành với vô số lợi ích đều hồi hướng về quả Bồ-đề, cùng với Niết-bàn đồng hướng về một vị. Ở đây, Ta nói lại bằng tụng:

Ví như tất cả
 Nước các suối sông
 Đều vào biển lớn
 Đồng một vị mặn.
 Bồ-tát cũng vậy
 Hiện có tất cả
 Lợi ích căn lành
 Hồi hướng Bồ-đề.
 Và nẻo chân tế
 Đồng quy một vị.

Phật bảo Tôn giả Ca-diếp:

– Ví như chư Thiên trời Đao-lợi và trời Tứ-

thiên-vương đều an trú trên núi Diệu Cao. Này Tôn giả Ca-diếp! Bồ-tát cũng vậy, được Nhất thiết trí, tu các pháp thiện, đều an trú nơi tâm đại Bồ-đề. Ở đây, Ta nói lại bằng tụng:

*Như Tỳ Thiên vương
Và chúng Đế thích
Đều cùng an trú
Trên núi Diệu Cao.
Bồ-tát cũng vậy
Vì Nhất thiết trí
Tu các pháp thiện
An trú Bồ-đề.*

Phật bảo Tôn giả Ca-diếp:

– Ví như vị quốc vương muốn thực hiện việc vua phải nhờ vào các tể tướng quân thần. Này Tôn giả Ca-diếp! Bồ-tát cũng vậy, muốn làm Phật sự phải dùng phương tiện trí tuệ. Ở đây, Ta nói lại bằng tụng:

*Ví như quốc vương
Muốn làm việc vua
Phải nhờ trăm quan
Mà được thành tựu.
Bồ-tát cũng vậy
Muốn làm Phật sự
Nhờ tuệ phương tiện
Quyết định thành tựu.*

Phật bảo Tôn giả Ca-diếp:

– Ví như lúc trời quang tạnh, không có mây mù, ắt không có tướng tuôn mưa. Nay Tôn giả Ca-diếp! Bồ-tát cũng vậy, ít nghe, trí kém, thì đối với các hữu trợn không có tướng thuyết pháp. Ở đây, Ta nói lại bằng tụng:

*Ví như hư không
Tạnh sáng không mây
Nơi thế gian đó
Quyết chắc không mưa.
Bồ-tát cũng vậy
Ít nghe trí kém
Đối với hữu tình
Không tướng thuyết pháp.*

Phật bảo Tôn giả Ca-diếp:

– Ví như nơi hư không nổi lên sấm chớp, mây mù, ắt có mưa ngọt tưới mát lúa mạ. Nay Tôn giả Ca-diếp! Bồ-tát cũng vậy, ở trong thế gian nổi lên mây đại từ bi, tuôn xuống mưa pháp diệu, làm thành thực chúng sinh. Ở đây, Ta nói lại bằng tụng:

*Ví như hư không
Mây sấm chớp nổi
Ắt giáng mưa lành
Thành thực lúa mạ.
Bồ-tát cũng vậy
Che khắp mây từ
Tuôn trận mưa pháp
Thành thực hữu tình.*

Phật bảo Tôn giả Ca-diếp:

– Ví như Chuyển luân Thánh vương đi đến đâu đều có bảy báu đi theo. Nay Tôn giả Ca-diếp! Bồ-tát cũng vậy, có bảy giác chi luôn đi theo mình. Ở đây, Ta nói lại bằng tụng:

*Ví như thế gian
Chuyển luân Thánh vương
Đều có bảy báu
Luôn đi theo vua.
Bồ-tát cũng vậy.
Có bảy giác chi
Cùng với Bồ-tát
Đến bất cứ đâu.*

Phật bảo Tôn giả Ca-diếp:

– Ví như ngọc báu ma-ni đem lại nhiều sự giàu sang, giá trị gấp trăm ngàn lần sự giàu sang của 400 đồng tiền vàng. Nay Tôn giả Ca-diếp! Bồ-tát cũng vậy, có được nhiều sự giàu sang gấp trăm ngàn lần giá trị nơi sự giàu sang của Thanh văn, Duyên giác. Ở đây, Ta nói lại bằng tụng:

*Ví như ngọc ma-ni
Đem lại nhiều giàu sang
Bốn trăm đồng tiền vàng
Trăm ngàn lần chẳng kịp.
Bồ-tát cũng như vậy
Giàu sang nhiều gấp bội
Bích Chi và Thanh văn*

Trăm ngàn cũng khó sánh.

Phật bảo Tôn giả Ca-diếp:

– Ví như chur Thiên trời Dao-lợi, dù ở trong rừng xen tạp, đều thọ dụng sự giàu sang bình đẳng không hai. Nay Tôn giả Ca-diếp! Bồ-tát cũng vậy, như trụ nơi tâm thanh tịnh, vì tất cả chúng sinh đưa ra phương tiện ngay thẳng, bình đẳng không hai. Ở đây, Ta nói lại bằng tụng:

*Ví như trời Dao-lợi
Trụ rừng xen tạp kia
Thọ dụng mọi giàu sang
Đều bình đẳng không hai.
Bồ-tát cũng như vậy
Trụ vào tâm thanh tịnh
Ngay thẳng vì quần sinh
Phương tiện cũng không hai*

Phật bảo Tôn giả Ca-diếp:

– Ví như có người thông thạo về chú thuật, biết rõ thuốc độc, nên tất cả các thứ thuốc độc đều không thể làm hại. Nay Tôn giả Ca-diếp! Bồ-tát cũng vậy, đủ đại trí tuệ, khéo tu hành theo phương tiện, nên tất cả phiền não không thể hại được. Ở đây, Ta nói lại bằng tụng:

*Ví như người thế gian
Biết rõ thuốc, chú thuật
Tất cả các độc được
Không thể tổn hại được.*

*Bồ-tát cũng như vậy
 Đây đủ tuệ phương tiện
 Tất cả độc phiền não
 Không thể làm tổn hại.*

Phật bảo Tôn giả Ca-diếp:

– Ví như đất phân nhiều, màu mỡ trong thế gian có thể sinh ra cây mía lớn, ngọt. Nay Tôn giả Ca-diếp! Bồ-tát cũng vậy, tuy ở trong đất phân phiền não nhưng có thể sinh ra Nhất Thiết Chứng Trí. Ở đây, Ta nói lại bằng tụng:

*Ví như đất nhiều phân
 Mọc lên nhiều mía ngọt
 Màu mỡ nhiều hơn thường
 Bồ-tát dựa phiền não
 Sinh ra Nhất thiết trí
 Nghĩa ấy cũng như vậy.*

Phật bảo Tôn giả Ca-diếp:

– Ví như có người chẳng học võ nghệ, nếu cầm cây gậy đầu có thể biết được cách múa võ. Nay Tôn giả Ca-diếp! Bồ-tát cũng vậy, trước đó chưa nghe giáo pháp, trí thức còn ít, nếu hiện bày tri kiến làm thế nào phân biệt được tà chánh.

Phật bảo Tôn giả Ca-diếp:

– Ví như người thợ nung, muốn nung đồ gốm phải dùng nhiều lửa. Nay Tôn giả Ca-diếp! Bồ-tát cũng vậy, muốn giúp cho chúng sinh ngu tối phát khởi trí tuệ phải dùng ngọn lửa trí pháp của Phật.

Này Tôn giả Ca-diếp! Thế nên chánh pháp Đại Bảo Tích ấy khiến các BỒ-tát tu học, thọ trì được pháp hạnh giải thoát.

Tôn giả Ca-diếp bạch Phật:

– BỒ-tát thọ trì như thế nào để thấy pháp hạnh đúng đắn?

– Này Tôn giả Ca-diếp! Như tự quán thân là vô ngã, vô nhân, vô chúng sinh, vô thọ mạng, không tên gọi, không tướng, vì không có hành quán. Này Tôn giả Ca-diếp! Nói như thế gọi là chánh quán các pháp trong hình ảnh.

Lại nữa, này Tôn giả Ca-diếp! Hãy quán sát các pháp trong hình ảnh một cách chân chánh. Ca-diếp, những gì là các pháp trong hình ảnh? Như chánh quán về sắc, quán sắc là vô thường, cũng chẳng phải là vô thường. Như vậy, thọ tướng hành thức, thường cùng với vô thường, không định, không phải là không định. Này Tôn giả Ca-diếp! Như vậy gọi là như thật quán sát các pháp trong hình ảnh.

Lại nữa, này Tôn giả Ca-diếp! Như thật quán sát các pháp trong hình ảnh, như quán sát địa giới thường và vô thường, không định, không phải là không định. Như vậy, thủy, hỏa, phong, không, thức giới cũng như vậy, không định, không phải là không định. Này Tôn giả Ca-diếp! Đây gọi là như thật quán sát các pháp trong hình ảnh.

Lại nữa, này Tôn giả Ca-diếp! Đối với nhãn xứ,

quán sát tánh thường, vô thường, không định, không phải là không định. Nhĩ tử thiết thân ý xứ, quán sát tánh thường, vô thường, không định, không phải là không định. Nay Tôn giả Ca-diếp! Đây gọi là như thật quán sát các pháp trong hình ảnh.

Lại nữa, này Tôn giả Ca-diếp! Định này là một pháp, bất định này là hai pháp. Nếu đó là hai pháp, thì ở trong sắc này chẳng thấy chẳng trụ, vì không sâu kín, không phân biệt, cũng không hình tướng. Nay Tôn giả Ca-diếp! Đây gọi là như thật quán sát các pháp trong hình ảnh.

Lại nữa, này Tôn giả Ca-diếp! Ngã kiến là một pháp, vô ngã là hai pháp. Nếu đó là hai pháp thì ở trong sắc này chẳng thấy, chẳng trụ, không vi tế, không nhận thức, cũng không hình tướng. Nay Tôn giả Ca-diếp! Đây gọi là như thật quán sát các pháp trong hình ảnh.

Lại nữa, này Tôn giả Ca-diếp! Tâm chân thật là một pháp, tâm chẳng chân thật là hai pháp. Ca-diếp, chỗ trụ của hai pháp này là vô tâm, vô giác, vô ý, vô thức. Nay Tôn giả Ca-diếp! Đây gọi là như thật quán sát các pháp trong hình ảnh.

Lại nữa, này Tôn giả Ca-diếp! Thiện bất thiện, thế gian xuất thế gian, có tội không tội, hữu lậu vô lậu, hữu vi vô vi, có phiền não không có phiền não, tất cả pháp như vậy. Nay Ca-diếp! Pháp sinh này là một, pháp diệt này là hai. Nếu trong hai pháp

không có sự tập hợp, không có sự tan rã thì không thể cầu được. Nay Ca-diếp! Đây gọi là như thật quán sát các pháp trong hình ảnh.

Lại nữa, nay Tôn giả Ca-diếp! Pháp có này là một, pháp không này là hai. Nếu hai pháp ấy ở trong sắc đây, chẳng thấy, chẳng trụ, không vi tế, không nhận thức, cũng không hình tướng. Nay Ca-diếp! Đây gọi là như thật quán sát các pháp trong hình ảnh.

Lại nữa, nay Tôn giả Ca-diếp! Luân hồi ấy là một pháp, Niết-bàn ấy là hai pháp. Nếu đó là hai pháp thì ở trong sắc này chẳng thấy, chẳng trụ, không vi tế, không nhận thức. Nay Ca-diếp! Đây gọi là như thật quán sát các pháp trong hình ảnh.

Lại nữa, nay Tôn giả Ca-diếp! Ta nói với các ông: Duyên vô minh sinh ra hành, duyên hành sinh ra thức, duyên thức sinh ra danh sắc, duyên danh sắc sinh ra sáu nhập, duyên sáu nhập sinh ra xúc, duyên xúc sinh ra thọ, duyên thọ sinh ra ái, duyên ái sinh ra thủ, duyên thủ sinh hữu, duyên hữu sinh ra lão tử, duyên lão tử sinh ra ưu bi khổ não. Nay Ca-diếp! Như vậy là tập hợp một khổ uẩn lớn. Nếu vô minh diệt thì hành diệt, hành diệt thì thức diệt, thức diệt thì danh sắc diệt, danh sắc diệt thì sáu nhập diệt, sáu nhập diệt thì xúc diệt, xúc diệt thì thọ diệt, thọ diệt thì ái diệt, ái diệt thì thủ diệt, thủ diệt thì hữu diệt, hữu diệt thì sinh diệt, sinh diệt thì lão tử diệt, lão tử diệt thì ưu bi khổ não diệt. Như

vậy là cả khổ uẩn lớn diệt. Này Ca-diếp! Nếu dùng trí quán sát thì minh và vô minh bình đẳng không có hai tướng. Này Ca-diếp! Đây là như thật quán sát các pháp trong hình ảnh.

Lại nữa, này Tôn giả Ca-diếp! Quán như vậy với hành thì hành diệt, quán như vậy với thức thì thức diệt, quán như vậy với danh sắc thì danh sắc diệt, quán như vậy với sáu nhập thì sáu nhập diệt, quán như vậy với xúc thì xúc diệt, quán như vậy với thọ thì thọ diệt, quán như vậy với ái thì ái diệt, quán như vậy với thủ thì thủ diệt, như vậy với hữu thì hữu diệt, như vậy với sinh thì sinh diệt, quán như vậy với lão tử thì lão tử diệt. Dùng trí như vậy quán tánh sinh diệt, vì tánh không hai tướng, này Tôn giả Ca-diếp, lìa hai tướng này, đây gọi là như thật quán sát các pháp trong hình ảnh.

Lại nữa, này Tôn giả Ca-diếp! Phải quán sát đúng về các pháp trong hình ảnh. Pháp ấy chẳng phải không, cũng chẳng phải chẳng không. Pháp không như vậy, không có pháp tướng cũng chẳng phải không có pháp tướng. Pháp tướng tức là tướng không. Tướng không tức là vô tướng. Vô tướng tức là vô nguyên. Vì sao? Vì không có chỗ khởi nguyên. Vô tướng tức là tướng không. Hành như vậy, nếu pháp chưa sinh thì chẳng sinh vì pháp chưa sinh. Như pháp kia sinh thì nó cũng chẳng sinh vì sự sinh đã qua rồi. Như vậy sinh và vô sinh đều xa lìa thủ đắc, vì pháp không có tự tánh, không

tánh tức là không. Như vậy gọi là chánh quán các pháp trong hình ảnh.

Lại nữa, này Tôn giả Ca-diếp! BỔ-đặc-ca-la chẳng phải cái không hủy hoại, tức thể là không, vì vốn chẳng phải có. Chẳng phải là đời trước không, chẳng phải là đời sau không mà hiện tại tức không.

Tôn giả Ca-diếp bạch:

– Nay con tỏ ngộ biết BỔ-đặc-ca-la ấy là không, vì hủy hoại ngã. Tất cả đều không, pháp này như vậy.

Phật bảo Tôn giả Ca-diếp:

– Chẳng phải như ông nói, này Tôn giả Ca-diếp, thà hiểu BỔ-đặc-ca-la kia lượng như núi Tu-di, chớ nên lìa ngã mà thấy đó là không. Vì sao? Vì phá bỏ ngã, đoạn không, lại chấp tất cả không, Ta nói là đại bệnh, không thể cứu.

Phật bảo Tôn giả Ca-diếp:

– Ví như người mắc bệnh rất nặng mà cho uống thuốc nhẹ. Thuốc tụy vào bụng nhưng bệnh quyết chẳng lành. Này Tôn giả Ca-diếp! Người ấy được lành hẳn chẳng?

Tôn giả Ca-diếp thưa:

– Bạch Thế Tôn, chẳng lành.

Phật dạy:

– Ý ông thế nào?

– Bạch Thế Tôn, vì bệnh của người này nặng, thuốc nhẹ không thể trị lành được.

Phật bảo Tôn giả Ca-diếp:

– Người chấp trước về không kia cũng như vậy. Ở khắp mọi nơi, chấp chặt vào không kiến thì ta không chữa trị được. Ở đây, Ta nói lại bằng tụng:

*Ví như người bệnh nặng
 Khiến họ uống thuốc hay
 Dầu uống bệnh chẳng lành
 Người ấy không trị được.
 Chấp không cũng như vậy
 Đối với tất cả xứ
 Chấp chặt vào không kiến
 Ta nói không thể trị.*

Phật bảo Tôn giả Ca-diếp:

– Ví như người ngu trông thấy hư không mà sinh lo sợ, đấm ngực khóc la. Vì sao? Vì sợ hư không sa xuống đất làm tổn hại đến thân mạng.

Phật bảo Tôn giả Ca-diếp:

– Hư không ấy có thể sập xuống đất chăng?

Tôn giả Ca-diếp thưa:

– Không.

Phật bảo Tôn giả Ca-diếp:

– Sa-môn, Bà-la-môn ngu tối kia cũng giống như vậy. Họ nghe pháp không, tâm sinh lo sợ. Vì sao? Vì họ nghĩ nếu là không thì tâm ta dựa vào đâu mà hoạt động. Ở đây, Ta nói lại bằng tụng:

*Ví như người ngu tối
 Lo sợ với hư không*

*Khóc lóc mà tránh xa
 Sợ hư không sập xuống.
 Hư không không trở ngại
 Chẳng tổn hại chúng sinh
 Người này tự ngu mê
 Vọng sinh tâm sợ hãi.
 Sa-môn Bà-la-môn
 Ngu chấp cũng như vậy
 Nghe các pháp là không
 Tâm vội sinh lo sợ.
 Hư không hủy hoại ngã
 Dựa đâu sinh hoạt động.*

Phật bảo Tôn giả Ca-diếp:

– Ví như họa sĩ tự họa quỷ Dạ-xoa hung dữ, vẽ rồi sinh sợ hãi ngã lãn. Nay Tôn giả Ca-diếp! Chúng sinh phàm phu kia cũng như vậy, tự tạo ra sắc thanh hương vị xúc pháp, tạo rồi mê đắm nó nên bị đọa nơi luân hồi sinh tử. Ở đây, Ta nói lại bằng tụng:

*Ví như người thợ vẽ
 Vẽ Dạ-xoa hung dữ
 Từ đó sinh lo sợ
 Mê ngất ngã lãn ra.
 Phàm phu cũng như vậy
 Tự đắm vào thanh sắc
 Mê đó chẳng tỉnh giác
 Đọa lạc nẻo luân hồi.*

Phật bảo Tôn giả Ca-diếp:

– Ví như huyễn sư tự hóa ra người huyễn. Người huyễn hóa ấy hay biến đổi với huyễn sư. Này Ca-diếp! Tỳ-kheo tương ứng hành cũng như vậy. Tự phát ý nói như vậy: Tất cả pháp đều không. Hư không đó là không thật, cũng có thể nói như vậy. Ở đây, Ta nói lại bằng tụng:

*Ví như người ảo thuật
Hay biến hiện huyễn hóa
Mà người huyễn hóa kia
Lại biến nhà ảo thuật.
Tỳ-kheo tương ứng hành
Phát ý cũng như vậy
Nói tất cả pháp không
Cũng nói không không thật.*

Phật bảo Tôn giả Ca-diếp:

– Ví như hai cây cọ xát nhau, gió thổi phát ra lửa. Lửa phát ra rồi trở lại đốt cháy hai cây ấy. Này Tôn giả Ca-diếp! Chánh quán như thật cũng lại như vậy. Đối với đạo chánh kiến sinh ra tuệ căn, tuệ căn đã sinh trở lại thiêu đốt chánh quán ấy. Ở đây, Ta nói lại bằng tụng:

*Như cọ xát hai cây
Gió thổi phát ra lửa
Lửa phát trong sát-na
Mà đốt cháy hai cây.
Chánh quán cũng như vậy*

*Hay sinh ra tuệ căn
Sinh nó một sát-na
Trở lại thiên chánh quán.*



KINH ĐẠI CA DIẾP VẤN ĐẠI BẢO TÍCH CHÁNH PHÁP

QUYỂN III

Bấy giờ, Đức Thế Tôn dùng lại thí dụ để làm sáng tỏ nghĩa này.

Phật bảo Tôn giả Ca-diếp:

– Ví như đèn sáng có thể phá đi tất cả tối tăm, nhưng sự tối ấy đi về đâu, chẳng phải đi về phương Đông, chẳng phải đi về phương Nam, chẳng phải đi về phương Tây, chẳng phải đi về phương Bắc, đi cũng chẳng phải đi, đến cũng chẳng phải đến.

Lại nữa, này Tôn giả Ca-diếp! Đèn sáng cũng chẳng phải là ngã, nhưng có thể phá trừ được tối tăm. Lại nếu chẳng phải là bóng tối thì sao hiển hiện được ánh sáng của đèn. Này Ca-diếp! Đèn sáng và bóng tối vốn không có tự tánh. Hai cái này đều là không, không được không xả. Này Ca-diếp! Trí tuệ ở đây cũng như vậy. Nếu có trí xuất hiện thì vô trí liền mất. Mà cái vô trí ấy đi về đâu? Chẳng phải đi về phương Đông, chẳng phải đi về phương Nam, chẳng phải đi về phương Tây, chẳng

phải đi về phương Bắc, đi rồi chẳng phải là đi, đến cũng chẳng phải là đến.

Lại nữa, này Tôn giả Ca-diếp! Nếu có trí sinh thì vô trí liền mất. Chẳng phải ngã của có trí kia có thể hủy hoại vô trí. Và lại, nếu vô trí vốn không thì có trí gì được hiển bày?

Này Tôn giả Ca-diếp! Có trí và vô trí đều không có tự tánh. Hai thứ này đều không, không thủ đắc, không từ bỏ. Ở đây, Ta nói lại bằng tụng:

*Ví như ánh đèn sáng
Có thể xua tối tăm
Khi bóng tối diệt rồi
Không biết về phương nào.
Lại nếu ánh đèn này
Không tối không thể hiện
Cả hai không tự tánh
Không tánh, cả hai không.
Trí tuệ cũng như vậy
Nếu khi có trí sinh
Thì vô trí tự mất
Hai trí như không hoa.
Đều không có tự tánh
Lấy bỏ không thể được.*

Phật bảo Tôn giả Ca-diếp:

– Ví như ngôi nhà trống, không có cửa sổ, trải qua trăm ngàn năm không có người vật ở đó. Ngôi nhà tối tăm ấy, bỗng nhiên có hàng trời người ở

trong đó và thắp lên ngọn đèn sáng. Này Tôn giả Ca-diếp! Ý ông thế nào? Như vậy ngã của bóng tối đã trụ ở đây trải qua trăm ngàn năm, nay ngã chẳng chịu đi, có việc này chăng?

Tôn giả Ca-diếp đáp:

– Thưa không! Bạch Thế Tôn! Khi đèn sáng lên, bóng tối ấy không còn sức nữa, phải đi thôi.

Phật dạy:

– Này Tôn giả Ca-diếp! Nghiệp phiền não kia cũng lại như vậy. Trụ trong tâm thức trải qua trăm ngàn kiếp, người tu hành trong một ngày đêm chánh quán tương ứng thì phát sinh ánh sáng trí tuệ. Này Ca-diếp! Như vậy, khi tuệ căn của bậc Thánh phát sinh thì nghiệp phiền não kia nhất định không còn nữa. Ở đây, Ta nói lại bằng tụng:

*Như nhà trăm ngàn năm
Không người, không cửa sổ
Bỗng có trời và người
Đốt lên ngọn đèn sáng.
Bóng tối này trụ lâu
Sát-na bị diệt hết
Chính bóng tối nhà kia
Chẳng nói ta trụ lâu.
Ở đây mà chẳng đi
Nhóm phiền não nghiệp thức
Nghĩa nó cũng như vậy
Tuy trụ trăm ngàn kiếp.*

*Bản tánh chẳng chân thật
Hành nhân trong ngày đêm
Chánh nhập quán như thật
Đèn tuệ rực rỡ sinh.
Nhóm các phiền não kia
Sát-na không thể trụ.*

Phật bảo Tôn giả Ca-diếp:

– Ví như hư không chẳng trụ vào chủng tử. Cũng vậy, này Ca-diếp! Nếu hành giả kia chấp chặt nơi đoạn kiến, quá khứ đã diệt, vị lai chẳng có thì chủng tử của pháp Phật trụ ở chỗ nào? Ở đây, Ta nói lại bằng tụng:

*Như hư không rộng lớn
Không bờ không hạn lượng
Người ở trong không ấy
Chỗ nào gieo hạt giống.
Đoạn kiến cũng như vậy
Quá khứ không thể có
Vị lai cũng chẳng sinh
Hiện tại không Phật chủng.*

Phật bảo Tôn giả Ca-diếp:

– Ví như phân đầy cả đại địa, có thể trồng tất cả hạt giống. Cũng vậy, này Ca-diếp! Phân nghiệp phiền não ấy đầy trong thế gian, có thể gieo tất cả hạt giống của pháp Phật. Ở đây, Ta nói lại bằng tụng:

Như đại địa đầy phân

*Tùy chỗ gieo hạt giống
 Phân phiền não chúng sinh
 Ở khắp cả thế gian
 Phật tử nếu thân cận
 Có thể gieo giống Phật.*

Phật bảo Tôn giả Ca-diếp:

– Ví như nơi vùng nước mặn không thể trồng hoa sen. Cũng vậy, này Ca-diếp! Kẻ không tánh hạnh vốn tự không có, vị lai chẳng sinh thì giống Bồ-đề sao có được. Ở đây, Ta nói lại bằng tụng:

*Như vùng có nước mặn
 Không thể mọc hoa sen
 Ở nơi bùn lầy kia
 Hoa sinh hương thơm ngát
 Vô tánh cũng như vậy
 Ba đời vốn đều không
 Quyết không sinh giống Phật.*

Phật bảo Tôn giả Ca-diếp:

– Ví như trong đất có phân tốt có thể trồng hoa sen. Cũng vậy, này Ca-diếp! Chúng sinh có những phiền não, tà hạnh cũng có thể phát sinh chủng trí của pháp Phật. Ở đây, Ta nói lại bằng tụng:

*Ví như phân đất bùn
 Có thể mọc hoa sen
 Chúng sinh nghiệp tà hạnh
 Cũng sinh giống pháp Phật.*

Phật bảo Tôn giả Ca-diếp:

– Ví như nước nơi bốn biển lớn mênh mông không bờ bến. Cũng vậy, này Ca-diếp! Thiện căn mà Bồ-tát đã tạo có thể tràn khắp pháp giới. Ở đây, Ta nói kệ:

*Ví như nước bốn biển
Mênh mông không bờ bến
Bồ-tát cũng như vậy
Thiện căn khắp pháp giới.*

Phật bảo Tôn giả Ca-diếp:

– Ví như hàng trời người, lấy một phần trăm của đầu một sợi lông, một giọt nước rất nhỏ trên đầu sợi lông ấy mà muốn tạo thành ức bốn biển lớn. Cũng vậy, này Ca-diếp! Hàng Thanh văn ấy tạo căn lành quá nhỏ mà lại cầu quả Vô thượng. Ở đây, Ta nói tụng:

*Ví như đầu lông người
Trăm phần chia lấy một
Giọt nước đầu lông ấy
Muốn thành ức bốn biển.
Thanh văn cũng như vậy
Đem trí tuệ nhỏ cạn
Đã tạo ra thiện căn
Cầu thành Vô Thượng Giác.*

Phật bảo Tôn giả Ca-diếp:

– Ví như con sâu trong hạt cải, ăn đục hạt cải ấy, rồi cho rằng chỗ trống đó là hư không. Này Ca-diếp! Trí nhỏ mà Thanh văn tu được, thấy sinh

không cũng như vậy. Ở đây, Ta nói tụng:

*Ví như trong hạt cải
Mà có sâu ăn thủng
Khoảng trống ở trong ấy
Thấy cho là hư không.
Trí Thanh văn đã tu
Chứng một phần không kia
Được thấy nhưng chẳng lớn
Nghĩa ấy cũng như vậy.*

Phật bảo Tôn giả Ca-diếp:

– Ví như có người thấy hư không vô biên trong khắp mười phương thế giới. Nay Tôn giả Ca-diếp! Đại trí vô ngại của Bồ-tát đã thấy khắp pháp giới cũng không có biên vực. Ở đây, Ta nói tụng:

*Ví như cõi hư không
Mười phương không bờ bến
Tất cả các thế gian
Nương đó không chướng ngại.
Bồ-tát cũng như vậy
Đã khởi trí vô thượng
Chiếu thấy pháp giới không
Vô biên không thủ đắc.*

Phật bảo Tôn giả Ca-diếp:

– Ví như vua Quán đảnh dòng Sát-đế-lợi có hoàng hậu tư thông với kẻ bản tiện sau sinh con trai. Nay Ca-diếp! Ý ông thế nào, người con đó có được gọi là vương tử quán đảnh không?

Tôn giả Ca-diếp thưa:

– Không.

Thế Tôn dạy:

– Này Tôn giả Ca-diếp! Hàng Thanh văn chứng đắc pháp giới vô sinh cho mình là đệ tử quán đảnh của Đức Như Lai cũng như vậy. Ở đây, Ta nói tụng:

*Hoàng hậu vua Sát-lợi
 Tư thông với hạng kém
 Sau sinh được nam tử
 Chẳng gọi con Quán đảnh.
 Thanh văn cũng như vậy
 Lià dục chứng vô sinh
 Chỉ tu hành tự lợi
 Thì chẳng phải là con.
 Quán đảnh của Như Lai
 Phật tử hành hai lợi.*

Phật bảo Tôn giả Ca-diếp:

– Ví như vua Quán đảnh dòng Sát-đế-lợi cận kề với người hầu nữ mà vua sủng ái, sau sinh một nam tử. Này Tôn giả Ca-diếp! Ý ông thế nào, con của người tỳ nữ ấy được gọi là vương tử không?

Tôn giả Ca-diếp đáp:

– Đây là vương tử.

– Này Tôn giả Ca-diếp! Bồ-tát mới phát tâm cũng vậy, dầu đạo lực yếu kém mà giáo hóa chúng sinh, chưa ra khỏi luân hồi nhưng cũng được gọi là

con của Như Lai. Ở đây, Ta nói tụng:

*Như tỳ nữ Luân vương
Được đức vua sủng ái
Mà sau sinh nam tử
Cũng là con Sát-lợi.
Bồ-tát cũng như vậy
Mới phát tâm Bồ-đề
Đức hạnh dầu còn ít
Phương tiện hóa chúng sinh.
Tuy chưa khỏi ba cõi
Đã xứng với tâm Phật
Được gọi chân Phật tử.*

Phật bảo Tôn giả Ca-diếp:

– Ví như Luân vương có ngàn người con trai, sức lực đại dũng mãnh, tài năng và đẹp đẽ, nhưng cần phải được đầy đủ tướng của Luân vương. Trong những hoàng nam ấy không một vị nào có tướng của Luân vương nên Chuyển luân vương chẳng tưởng là con mình. Nay Tôn giả Ca-diếp! Cũng vậy, dầu có trăm ngàn ức Thanh văn vây quanh Như Lai, nếu không một ai có tướng của bậc Bồ-tát thì Như Lai cũng chẳng tưởng là con. Ở đây, Ta nói tụng:

*Ví như Chuyển luân vương
Đã sinh ngàn thái tử
Nếu không một nam tử
Đủ tướng của Luân vương.*

*Đây là không phận vua
 Vua không tưởng con mình
 Phật tử cũng như vậy
 Tuy có cả ngàn ức.
 Thanh văn chúng vây quanh
 Không một tướng Bồ-tát
 Thiên Thệ xem hạng ấy
 Chẳng tưởng là Phật tử.*

Phật bảo Tôn giả Ca-diếp:

– Ví như Chuyển luân Thánh vương có hoàng hậu mang thai bảy ngày biết chắc là sinh hoàng nam, đủ tướng của Luân vương. Thai tuy chưa thành hình nhưng có hàng thiên nhân sinh tâm ái trọng, chẳng phải là ái trọng nơi sức lực dũng mãnh của hoàng nam. Ý ông thế nào? Chính là họ quý trọng dòng giống vua của Luân vương không dứt. Cũng vậy, này Tôn giả Ca-diếp! Bồ-tát mới phát tâm căn chưa thành thực, chưa thoát khỏi luân hồi nhưng ưa hành pháp Phật, chư Phật quá khứ thấy thì sinh tâm quý trọng, đối với bậc A-la-hán chánh quán đủ tám giải thoát mà chẳng quý trọng. Vì sao? Vì Bồ-tát mới phát tâm chẳng đoạn mất giống Phật. Ở đây, Ta nói tụng:

*Ví như Chuyển luân vương
 Hoàng hậu đang mang thai
 Bảy ngày chưa thành hình
 Trời người sinh quý trọng.
 Chẳng trọng sức dũng mãnh*

Mà trọng giống Luân vương
 Bồ-tát cũng như vậy
 Mới phát tâm Bồ-đề.
 Vì muốn vượt luân hồi
 Quá khứ chư Như Lai
 Quý trọng người cũng vậy
 Người thừa kế Phật sự.
 Đối với chúng Thanh văn
 Chánh quán tám giải thoát
 Chẳng sinh tâm kính ái
 Không có cơ thành Phật.

Phật bảo Tôn giả Ca-diếp:

– Ví như ngọc ma-ni lưu ly giả nhiều như núi Diệu Cao chẳng bằng một viên ngọc ma-ni lưu ly thật. Nay Tôn giả Ca-diếp! Cũng vậy, tất cả hàng Thanh văn, Phật-bích-chi cũng chẳng bằng một vị Bồ-tát mới phát tâm Bồ-đề. Ở đây, Ta nói tụng:

Ví như lưu ly giả
 Và ngọc ma-ni kia
 Chứa nhiều như Tu-di
 Chẳng bằng ma-ni thật.
 Một viên ngọc lưu ly
 Bồ-tát cũng như vậy
 Giả sử hàng Thanh văn
 Và chúng Duyên Giác kia.
 Số lượng như vi trần
 Chẳng bằng mới phát tâm
 Bạc câu quả Bồ-đề

Bồ-tát chỉ một vị.

Phật bảo Tôn giả Ca-diếp:

– Ví như chim Ca-lăng-tần-già khi còn trong trứng, vốn đã không giống với tất cả loại chim bay. Nay Tôn giả Ca-diếp! Ý ông nghĩ sao? Vì nó sẽ hót lên tất cả những âm thanh tuyệt diệu. Bồ-tát mới phát tâm cũng vậy, tuy trụ trong kho vô minh, nghiệp, phiền não, nhưng sớm không đồng với tất cả Thanh văn và Phật-bích-chi. Nay Ca-diếp! Ý ông thế nào? Vì chính vị ấy có hồi hướng thiện căn nơi phương tiện thuyết pháp. Ở đây, Ta nói tụng:

*Ví như chim Tần-già
Còn ở trong trứng kia
Tuy chưa thấy thân hình
Mà so các chim khác.
Sẽ hót âm thanh diệu
Khiến người thường ưa thích
Phật tử cũng như vậy
Mới phát tâm Bồ-đề.
Chưa khỏi kho phiền não
Tất cả Phật-bích-chi
Và chúng Thanh văn kia
Cũng chẳng thể bì kịp.
Hồi hướng đại an lạc
Phương tiện lợi hữu tình
Tâm từ bi vô cầu
Tuyên thuyết âm vi diệu.*

Phật bảo Tôn giả Ca-diếp:

– Ví như hoàng hậu của Luân vương đã sinh vương tử đầy đủ phước tướng của Luân vương. Tất cả quốc vương và dân chúng đều quy phục. Cũng vậy, này Ca-diếp! Bồ-tát mới phát tâm đều được tất cả hữu tình trên cõi trời, chốn nhân gian quy phục. Ở đây, Ta nói tụng:

*Như vợ Chuyển luân vương
Đã sinh ra thái tử
Tuy là thân nam tử
Đủ phước tướng Luân vương.
Quốc vương và thân dân
Tất cả đều quy hướng
Bồ-tát cũng như vậy
Mới phát tâm Bồ-đề.
Đầy đủ tướng Phật tử
Khắp tất cả thế gian
Trời người và chúng sinh
Tâm thanh tịnh quy hướng.*

Phật bảo Tôn giả Ca-diếp:

– Ví như núi Tuyết mọc lên các loại dược thảo quý có thể trị tất cả bệnh, pha chế uống vào, không sinh tâm nghi ngờ thì chắc chắn được lành bệnh. Cũng vậy, này Tôn giả Ca-diếp! Bồ-tát có thuốc trí tuệ, có thể chữa trị tất cả các bệnh phiền não của chúng sinh. Bồ-tát đem tâm bình đẳng bố thí khắp tất cả hữu tình. Người uống thuốc ấy không nghi

hoặc thì mọi bệnh liền trừ diệt hết. Ở đây, Ta nói tụng:

*Ví như núi Đại Tuyết
Mọc lên thuốc rất hay
Trị lành tất cả bệnh
Nếu có người uống dùng.
Lành bệnh chẳng còn nghi
Phật tử cũng như vậy
Phát sinh thuốc diệu trí
Hay chữa lành mọi người.
Bệnh phiền não sinh từ
Bình đẳng mà ban bố
Người nào đã uống vào
Không nghi quyết lành bệnh.*

Phật bảo Tôn giả Ca-diếp:

– Ví như có người quy kính trăng non, mà chẳng quy kính trăng tròn đầy. Cũng vậy, này Ca-diếp! Đệ tử của Ta có tín lực, quy mạng Bồ-tát, chẳng quy mạng Như Lai. Vì sao? Vì Đức Như Lai ấy cũng từ Bồ-tát sinh, còn Thanh văn và Phật-bích-chi từ Như Lai sinh, chẳng phải như Bồ-tát. Ở đây, Ta nói tụng:

*Ví như hữu tình này
Quy mạng trăng còn non
Với mặt trăng tròn đầy
Người ấy chẳng quy mạng.
Đệ tử Ta cũng vậy*

*Quy y với Bồ-tát
 Chẳng quy hướng Thế Tôn
 Vì đủ đại trí lực.
 Sinh ra thân Như Lai
 Chẳng phải Thanh văn kia
 Trí tuệ còn yếu kém
 Nương Như Lai mà sinh.*

Phật bảo Tôn giả Ca-diếp:

– Các chữ cái có thể bao gồm tất cả luận nghĩa. Cũng vậy, này Tôn giả Ca-diếp! Bồ-tát mới phát tâm bao gồm tất cả chư Phật, là nhân của sự hành hóa để thành tựu trí vô thượng. Nay, Ta nói bài tụng:

*Ví như các chữ cái
 Nhân gian và thiên thượng
 Luận nghĩa và biện tài
 Điều nhân đầy kiến lập.
 Bồ-tát cũng như vậy
 Mới phát tâm Bồ-đề
 Đầy đủ trí Phật địa
 Và các phương tiện hạnh.*

Phật bảo Tôn giả Ca-diếp:

– Ví như người đời chưa có ai lìa bỏ trắng sáng mà quy mạng tinh tú. Cũng vậy, này Ca-diếp! Không ai thọ giới của Ta, lìa bỏ Bồ-tát mà quy mạng Thanh văn. Ở đây, Ta nói tụng:

Ví như người thế gian

*Mà xa lìa mặt nguyệt
 Muốn quy y tinh tú
 Việc này chưa từng có.
 Cũng vậy đệ tử Ta
 Nghĩa ấy cũng như thế
 Người thọ giới Như Lai
 Chẳng quy y Bồ-tát.
 Muốn hướng đến Thanh văn
 Việc này càng hy hữu.*

Phật bảo Tôn giả Ca-diếp:

– Ví như ngọc lưu ly giả chẳng lợi ích gì đối với hàng trời người nơi thế gian. Nhưng ngọc báu lưu ly ma-ni thật thì có công dụng rất lớn đối với thế gian. Cũng vậy, này Tôn giả Ca-diếp! Bạc Thanh văn kia đầy đủ học giới, đủ tất cả hạnh Đầu-đà và môn Tam-ma-địa nhưng trọn không thể ngồi nơi Bồ-đề đạo tràng thành tựu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Ở đây, Ta nói tụng:

*Ví như lưu ly giả
 Tuy hình thể thanh tịnh
 Với trời người thế gian
 Là việc không lợi ích.
 Nếu lưu ly thật kia
 Và ngọc ma-ni quý
 Thế tánh có khác nhau
 Làm việc đủ đại dụng.
 Cũng vậy hàng Thanh văn
 Tuy đủ hạnh Đầu-đà*

*Trì giới và đa văn
Tất cả Tam-ma-địa.
Không hàng phục bốn ma
Mà ngồi tòa Bồ-đề
Thành được bậc Thiện Thệ
Chẳng phải như Bồ-tát.*

Phật bảo Tôn giả Ca-diếp:

– Ví như ngọc báu lưu ly ma-ni thật khi dùng vào việc thì giá trị gấp trăm ngàn lần bốn trăm tiền. Cũng vậy, này Tôn giả Ca-diếp! Nếu Bồ-tát đã gieo trồng các công đức, khi áp dụng vào sự việc sẽ có giá trị hơn hàng Thanh văn và Phật-bích-chi gấp trăm ngàn lần. Ở đây, Ta nói tụng:

*Ví như lưu ly thật
Và ngọc báu ma-ni
Khi dùng làm việc kia
Giá trị số trăm ngàn.
Cả bốn trăm đồng tiền
Phật tử cũng như vậy
Trông công đức bản hạnh
Dùng tạo lợi chúng sinh.
Nhiều hơn Thanh văn kia
Và hàng Phật-bích-chi
Ca-lị-sa-ba-noa
Số này cũng như vậy.*

Này Tôn giả Đại Ca-diếp! Có những quốc độ khi sao chổi xuất hiện, người trị nước hôn ám, làm

cho quốc độ ấy liên tục xảy ra tai nạn đem lại khổ não. Nay Tôn giả Ca-diếp! Nếu như quốc độ ấy có Bồ-tát thì các tai nạn kia mau được tiêu trừ, không còn khổ não nữa. Thế nên, nay Ca-diếp! Hạnh của Bồ-tát rộng khắp, tập hợp tất cả căn lành tạo lợi ích cho chúng sinh. Và lại, vị Bồ-tát có thuốc trí tuệ lưu hành khắp bốn phương, trị lành tất cả bệnh khổ phiền não v.v... của chúng sinh, chân thật chẳng dối.

Tôn giả Ca-diếp thưa:

– Bạch Thế Tôn! Dùng những thuốc gì để trị lành những bệnh nào?

– Nay Tôn giả Ca-diếp! Chúng sinh đã có bệnh tham sân si đều tự duyên sinh, thì dùng tâm từ vô duyên quán tưởng của tất cả hoặc nghiệp kia, có lý mà không cội gốc vì vốn tự vô sinh, nay cũng vô tướng. Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới vắng lặng cũng vậy, lại diệt tất cả điên đảo. Những gì là điên đảo? Tức là bốn thứ điên đảo. Một là vì các hữu tình kia đối với vô thường mà chấp là thường thì khiến họ quán tưởng tất cả đều là vô thường. Hai là đối với khổ não mà cho là vui, thì khiến họ quán tưởng tất cả đều là khổ. Ba là vô ngã mà cho là có ngã, thì khiến họ quán tưởng tất cả pháp đều là vô ngã. Bốn là đối với bất tịnh mà cho là tịnh, thì làm cho họ quán tưởng tất cả đều chẳng phải tịnh, chỉ có Niết-bàn mới gồm đủ bốn đức ấy. Lại trình bày bốn niệm xứ làm cho hữu tình quán thân không có

sở hữu của thân nên có thể phá trừ được chấp ngã; quán thọ không có chỗ thủ đắc của thọ thì phá trừ chấp ngã; quán tâm không có chỗ có thể thủ đắc của tâm cũng trừ được chấp ngã; quán pháp, không có pháp có thể nắm bắt thì phá trừ chấp pháp. Dùng bốn chánh đoạn vào sự tu đoạn: tu thiện siêng tu, đoạn ác siêng đoạn. Dùng bốn thần túc để thành tựu lực thần thông. Dùng năm căn, năm lực trị bất tín, biếng nhác, mất niệm, tán loạn và si v.v... Dùng bảy giác chi trị tất cả ngu si. Dùng tám Thánh đạo để trị tất cả lỗi của vô trí, tám tà hạnh.

Này Tôn giả Ca-diếp! Đây gọi là phương pháp trị bệnh đúng đắn. Này Ca-diếp! Hãy xem vị Bồ-tát ấy là vị thầy thuốc tối tôn đệ nhất trong số người chữa bệnh ở cõi Diêm-phù-đề này. Này Ca-diếp! Có những chúng sinh ở ba ngàn đại thiên thế giới vì được che chở thân mạng nên thấy vị Bồ-tát ấy như thấy Y vương.

Tôn giả Ca-diếp thưa:

– Bạch Thế Tôn! Như vậy người trụ nơi tà kiến lấy gì làm thuốc trị bệnh? Cúi xin Thế Tôn giảng nói khiến họ hiểu rõ.

– Này Tôn giả Ca-diếp! Vị Bồ-tát ấy cứu chữa lành bệnh cho chúng sinh, chẳng phải dùng thuốc ở thế gian, mà dùng thuốc từ trí vô lậu của tất cả thiện căn xuất thế gian lưu truyền nơi bốn phương, trị bệnh vọng tưởng của tất cả chúng sinh, chân thật

chẳng hư dối.

Tôn giả Ca-diếp thưa:

– Bạch Thế Tôn! Thế nào là trí xuất thế gian?

– Này Tôn giả Ca-diếp! Trí đó do nhân duyên sinh, xa lìa phân biệt, không ngã, không nhân, không chúng sinh, không thọ mạng. Pháp trí như vậy ở nơi hư không không hề chấp trước.

Này Ca-diếp! Các ông hãy chánh cầu, tâm chớ có kinh sợ, nên phát tâm tinh tấn. Cứ như vậy mà cầu, như vậy mà trụ tâm. Thế nào là tâm trụ? Thế nào là tâm chẳng trụ? Quá khứ hiện tại vị lai ở đâu mà trụ?

Này Ca-diếp! Quá khứ đã diệt, vị lai chưa đến, hiện tại không dừng. Này Ca-diếp! Lại tâm pháp ấy chẳng phải ở trong, chẳng phải ở ngoài, cũng chẳng phải ở giữa. Này Ca-diếp! Lại tâm pháp ấy lìa các sắc tướng, không trụ, không vướng mà không thể thấy. Này Ca-diếp! Tất cả Phật quá khứ chẳng thấy. Tất cả Phật vị lai chẳng thấy. Tất cả Phật hiện tại chẳng thấy.

Tôn giả Ca-diếp bạch:

– Bạch Thế Tôn! Nếu tất cả Phật quá khứ, vị lai, hiện tại chẳng thấy thì tâm ấy làm sao có các thứ hành tướng?

– Này Tôn giả Ca-diếp! Tâm ấy không thật do vọng tưởng sinh, ví như huyễn hóa. Các thứ được sinh đều là vì hư vọng mà thấy.

Tôn giả Ca-diếp bạch:

– Bạch Thế Tôn! Hư vọng chẳng thật, dụ ấy như thế nào?

Phật dạy:

– Nay Tôn giả Ca-diếp! Tâm như bọt nước, sinh diệt chẳng trụ. Tâm như gió thổi không thể nắm bắt được. Tâm như ngọn đèn sáng vì các duyên hòa hợp. Tâm như hư không vì không vương mắc phiền não hư vọng. Tâm như điện chớp vì sát-na chẳng trụ. Tâm như khí vượn vì duyên dựa theo cảnh giới. Tâm như họa sư tạo ra các loại hình ảnh. Tâm niệm niệm chẳng trụ vì sinh tất cả phiền não. Thể của tâm hành chỉ có một, dụng của tâm không có hai. Tâm như đại vương vì tự tại duyên theo tất cả pháp. Tâm như bạn ác vì phát sinh tất cả khổ. Tâm như biển lớn vì làm chìm ngập tất cả thiện căn. Tâm như người câu cá vì trong khổ mà tưởng là vui. Tâm như mộng huyễn vì vọng chấp có ngã. Tâm như ruồi xanh vì ở nơi bất tịnh mà tưởng là tịnh. Tâm như quỷ ác gây tạo việc bất thiện. Tâm như Dạ-xoa tham chấp cảnh giới uông tinh khí người. Tâm như oan gia luôn tìm kiếm lỗi lầm. Tâm chẳng ở yên vì khi cao khi thấp tiến lui chẳng nhất định. Tâm như giặc cuồng vì phá hoại tất cả công đức của cải thiện quý. Tâm như mắt bướm vì thường tham sắc của ánh đèn. Tâm đắm say âm thanh như quân binh thích trống trận. Tâm như heo chó tham mùi hôi trong chỗ bất tịnh. Tâm như cô

hầu tham ăn đồ thừa. Tâm hay tham tiếp xúc như ruồi ưa đồ hôi tanh.

Này Tôn giả Ca-diếp! Tâm không thể cầu mà cầu cũng không thể được, quá khứ chẳng phải có, vị lai cũng không, hiện tại không thể nắm bắt. Nếu quá khứ vị lai hiện tại không thể nắm bắt được thì cả ba đời đều đoạn dứt. Nếu ba đời đoạn dứt thì tâm đó là không có. Nếu tâm đó không có thì tức là không sinh. Nếu tâm đó chẳng sinh thì tức là vô tánh. Nếu tâm đó vô tánh thì không sinh, không diệt. Nếu tâm không sinh diệt thì cũng không đến đi. Nếu không đến đi thì không có chủ thể. Nếu không có chủ thể thì không giả không thật, tức là Thánh tánh.

Này Tôn giả Ca-diếp! Nếu tâm ấy là Thánh tánh thì không có sự đặc giới, chẳng phải là không đặc giới, không hạnh tịnh, không hạnh uế, không hạnh nhân, không hạnh quả, cũng không có pháp thuộc tâm ý. Nếu không có pháp thuộc về tâm ý thì tâm đó không có nghiệp, cũng không có quả báo của nghiệp. Nếu không có quả báo của nghiệp thì cũng không có khổ lạc. Nếu không có khổ lạc thì là Thánh tánh. Nếu là Thánh tánh thì không có thượng trung hạ, thân miệng ý v.v... không thể trụ chấp. Vì sao? Vì tánh ấy bình đẳng không phân biệt như hư không.



KINH ĐẠI CA DIẾP VẤN ĐẠI BẢO TÍCH CHÁNH PHÁP

QUYỂN IV

Phật bảo Tôn giả Ca-diếp:

– Ví như có người chẵn ngựa giỏi thì dù là ngựa chứng khó điều phục, nhưng người này có sức luyện tập dần dần thành hiền lành. Cũng giống như vậy, này Tôn giả Ca-diếp! Tỳ-kheo có thể giữ gìn giới cấm thì dù tâm thức lãng xãng, giống ruồi khó điều phục, nhưng Tỳ-kheo ấy vẫn chế ngự, điều phục, lìa sân giận v.v... như như bất động. Ở đây, Ta nói kệ:

*Ví như ngựa tánh ác
Gặp người chẵn ngựa giỏi
Điều phục được tất cả
Chẳng lâu thành ngựa thuần
Như Tỳ-kheo tu hành
Khéo giữ gìn giới cấm
Điều phục tâm thức mình
Khiến trụ nơi an tịnh.*

Phật bảo Tôn giả Ca-diếp:

– Ví như có người bị bệnh nghệt yết hầu đến nổi gần chết vô cùng khổ não. Cũng vậy, này Tôn giả Ca-diếp! Người nào quá chấp ngã đối với thân mạng mình thì sau sẽ mắc khổ lớn. Ở đây, Ta nói kệ:

*Như người nghệt yết hầu
 Khổ não nơi thân mạng
 Ở trong một ngày đêm
 Không được chút an lạc.
 Chúng sinh chấp trước ngã
 Nghĩa ấy cũng như vậy
 Chấp ngã hoại thân mạng
 Sau sinh các cảnh khổ.*

Phật bảo Tôn giả Ca-diếp:

– Ví như có người thân bị trói, khéo tìm cách để tháo mở. Cũng giống như vậy, này Tôn giả Ca-diếp! Nếu hữu tình kia hành theo pháp thiện, chế ngự tâm khi vượn thì sẽ được xa lìa sự trói buộc. Ở đây, Ta nói kệ:

*Như người bị trói buộc
 Khéo tìm các phương tiện
 Tháo mở trói buộc ấy
 Khiến cho thân tự tại.
 Hữu tình tương ưng thiện
 Chế ngự tâm khi vượn
 Khiến lìa được trói buộc
 Nghĩa ấy cũng như vậy.*

Phật bảo Tôn giả Ca-diếp:

– Ví như hư không vốn tự rộng lớn, có hai vật có thể che khuất, là mây và sương mù. Cũng vậy, này Tôn giả Ca-diếp! Người xuất gia vốn tự tịch tĩnh nhưng cầu những thứ chú thuật của thế gian, lại cất chứa y bát tài vật để thọ dụng. Đây là chướng ngại.

Ở đây, Ta nói kệ:

*Ví như những mây mù
Ngăn che nơi hư không
Tỳ-kheo cũng như vậy
Hành theo pháp thế gian.
Tập học các chú thuật
Cất chứa những y bát
Cả hai thứ chướng này
Bồ-tát phải xa lìa.*

Phật bảo Tôn giả Ca-diếp:

– Người xuất gia có hai loại trói buộc. Hai loại ấy là gì? Một là trói buộc vì lợi dưỡng. Hai là trói buộc vì tiếng tăm.

Mỗi loại ấy, người xuất gia đều nên xa lìa. Ở đây, Ta nói kệ:

*Nếu những người xuất gia
Tham đắm vào lợi dưỡng
Và ưa chuộng tiếng tăm
Hai loại trói buộc này
Chướng ngại Thánh giải thoát*

Xuất gia phải xa lìa.

Phật bảo Tôn giả Ca-diếp:

– Có hai pháp diệt mất đức hạnh của người xuất gia. Hai pháp ấy là gì? Một là thân gần người tại gia. Hai là ghét ganh bậc Thánh. Ở đây, Ta nói kệ:

*Thân gần người tại gia
Ghét ganh bậc Hiền Thánh
Hai pháp trái đạo này
Diệt đức hạnh xuất gia
Người Bồ-tát xuất gia
Nên mau xa lìa chúng.*

Phật bảo Tôn giả Ca-diếp:

– Nay Tôn giả Ca-diếp! Có hai pháp làm cầu nhiễm người xuất gia. Hai pháp đó là gì? Một là tâm nhiều phiền não. Hai là rời bỏ bạn lành, gần gũi bạn ác. Ở đây, Ta nói kệ:

*Nếu như người xuất gia
Tâm còn nhiều phiền não
Tì bỏ bạn hiền lành
Gần gũi bạn xấu ác.
Phật dạy người như vậy
Làm bản hạnh xuất gia
Tất cả chúng Bồ-tát
Đều phải nên xa lìa.*

Phật bảo Tôn giả Ca-diếp:

– Có hai pháp đối với người xuất gia như đến bờ vực thẳm. Những gì là hai? Một là khinh mạn

giáo pháp vi diệu. Hai là tin ưa người phá giới. Ở đây, Ta nói kệ:

*Nếu người xuất gia kia
Khinh mạn pháp vi diệu
Tin trọng kẻ phá giới
Như leo vách núi hiểm.
Sẽ rớt trong khoảnh khắc
Hai phi luật nghi này
Tất cả các Phật tử
Phải nên xa lìa chúng.*

Phật bảo Tôn giả Ca-diếp:

– Có hai pháp tạo thêm tội cho người xuất gia? Hai pháp ấy là gì? Một là dòm ngó lỗi của người khác. Hai là che giấu lỗi của chính mình. Ở đây, Ta nói kệ:

*Nếu có người xuất gia
Luôn nhìn lỗi người khác
Che giấu tội của mình
Hai tội lỗi lớn này
Tổn hại độc như lửa
Bậc trí phải xa lìa.*

Phật bảo Tôn giả Ca-diếp:

– Có hai pháp làm tăng phiền não bức bách của người xuất gia. Hai pháp ấy là gì? Một là tuy thọ trì ca-sa nhưng tâm luôn nhớ nghĩ sự bất tịnh. Hai là ý thị vào giới đức của mình mà mắng nhiếc kẻ phi phạm hạnh. Ở đây, Ta nói kệ:

*Tuy đắp mặc ca-sa
 Tâm hành hạnh bất tịnh
 Cho thân có giới đức
 Mà dùng lời nói ác
 Lấn áp kẻ phi hạnh
 Hãy xa hai hạng ấy.*

Phật bảo Tôn giả Ca-diếp:

– Có hai pháp trị lành bệnh cho người xuất gia. Một là người hành Đại thừa thấy được tâm quyết định. Hai là vì các chúng sinh chẳng đoạn pháp Phật. Ở đây, Ta nói kệ:

*Nếu có người xuất gia
 Hành hạnh Đại thừa kia
 Được tâm luôn quyết định
 Chẳng đoạn dứt pháp Phật
 Hai hạng xuất gia này
 Phật gọi là vô bệnh.*

Phật bảo Tôn giả Ca-diếp:

– Nay Tôn giả Ca-diếp! Có hai pháp làm cho người xuất gia bệnh hoạn lâu dài. Những gì là hai? Một là mắc tội trọng A-ba-đế. Hai là không thể phát lồ sám hối. Ở đây, Ta nói kệ:

*Chúng Tỳ-kheo xuất gia
 Phạm A-ba-đế kia
 Không thể sám hối tội
 Ngu mê chẳng trọng giới
 Sát-na sát-na thật*

Ác này tạo bệnh lâu.

Phật bảo Tôn giả Ca-diếp:

– Ở đây có Sa-môn chỉ là danh tự Sa-môn.

Tôn giả Ca-diếp bạch:

– Thế nào là Sa-môn chỉ có danh tự Sa-môn?

– Nay Tôn giả Ca-diếp! Có bốn loại Sa-môn.

Những gì là bốn loại? Một là Sa-môn hành theo sắc tướng. Hai là Sa-môn ngầm làm việc dối trá. Ba là Sa-môn mong cầu tiếng khen. Bốn là Sa-môn thật hạnh. Nay Ca-diếp! Đây là bốn hạng Sa-môn.

Tôn giả Ca-diếp thưa:

– Thế nào gọi là Sa-môn hành theo sắc tướng?

– Nay Ca-diếp! Hạng Sa-môn ấy tuy đã cạo bỏ râu tóc, mặc ca-sa của Phật, thọ trì bình bát đầy đủ sắc tướng, nhưng thân chẳng thanh tịnh, miệng chẳng thanh tịnh, ý chẳng thanh tịnh, chẳng tự chế ngự sự thô tháo, xấu ác, bất thiện, tham đắm lợi dưỡng, mạng chẳng thanh tịnh, bị pháp tội phá giới. Nay Ca-diếp! Đây gọi là Sa-môn hành theo sắc tướng.

Tôn giả Ca-diếp thưa:

– Thế nào gọi là Sa-môn ngầm làm việc dối trá?

– Nay Tôn giả Ca-diếp! Hạng Sa-môn này tuy biết hạnh nghiệp, cũng đủ oai nghi, ăn thức ăn thô dở mà dối hiện ra vẻ hoan hỷ. Đối với bốn oai nghi: đi đứng nằm ngồi luôn dối trá không thật. Lại chẳng thân cận với bốn Thánh chúng tại gia, xuất

gia, trá hiện sự im lặng để dối lừa hữu tình. Tâm không thanh tịnh, cũng không điều phục, cũng chẳng dứt niệm hư vọng suy lường, chấp trước tướng ngã, nhân. Nếu gặp pháp không, liền sinh sợ hãi như leo bờ hiểm trở. Khi thấy thầy Tỳ-kheo luận bàn giới nghĩa không thì như gặp oan gia. Này Tôn giả Ca-diếp! Đây gọi là Sa-môn ngầm làm việc dối trá.

Tôn giả Ca-diếp thưa:

– Thế nào là Sa-môn cầu danh tiếng, sự khen ngợi?

– Này Tôn giả Ca-diếp! Hạng Sa-môn này vì mong cầu danh tiếng, sự khen ngợi nên dối hiện tu hành giữ giới, làm mê loạn người khác, tự khoe mình đa văn để người khác khen ngợi. Hoặc ở chỗ núi rừng sâu vắng, dối hiện hành thiếu dục không tham, giả hành hạnh thanh tịnh mà trong tâm chẳng hề lìa dục, không tịch tĩnh, không dứt lo lắng, không chứng đắc Bồ-đề, cũng chẳng vì Sa-môn, cũng chẳng vì Bà-la-môn, cũng chẳng Niết-bàn, mà vì mong cầu danh tiếng, sự khen ngợi. Này Ca-diếp! Đây gọi là Sa-môn mong cầu danh tiếng, được khen ngợi.

Tôn giả Ca-diếp thưa:

– Thế nào gọi là Sa-môn thật hạnh?

– Này Tôn giả Ca-diếp! Hạng Sa-môn này chẳng vì thân mạng mà làm việc bên ngoài, cũng

chẳng luận bàn về danh tiếng, lợi dưỡng, chỉ hành trì pháp Không, Vô tướng, Vô nguyện. Khi nghe tất cả pháp rồi liền chánh niệm tư duy về Niết-bàn, Thật tế, luôn tu phạm hạnh, chẳng mong cầu quả báo thế gian, cũng chẳng luận về sự hỷ lạc trong ba cõi, chỉ thấy tánh không, chẳng chấp nhận sự tướng, cũng chẳng bàn về ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả và Bồ-đặc-già-la. Thấy rõ chánh pháp, lìa bỏ các hư vọng, đoạn trừ các phiền não, đối với đạo giải thoát, hiểu rõ tất cả pháp tự tánh là thanh tịnh, trong ngoài đều chẳng chấp, không tụ không tán. Đối với pháp thân của Như Lai đều thông đạt, không có kiến thủ, cũng chẳng luận bàn về sắc thân lìa dục, cũng chẳng thấy sắc tướng, cũng chẳng thấy sự tạo tác của ba nghiệp, cũng chẳng chấp chúng phạm Thánh vì pháp không sở hữu, đoạn trừ các sự phân biệt, hiện tự tánh ngừng lặng, chẳng đắm trong luân hồi, chẳng chứng Niết-bàn, không buộc không mở, không đến không đi, biết tất cả pháp là như nhiên vắng bật. Này Tôn giả Ca-diếp! Đây gọi là Sa-môn thật hạnh, tu hạnh tương ứng, chẳng phải vì mong cầu tiếng khen. Ở đây, Ta nói kệ:

*Đã có thân khẩu ý
Ba nghiệp chẳng thanh tịnh
Tham ái chẳng điều phục
Hạnh thô ác chẳng giáu.
Đầu tròn đắp ba y*

Hai tay ôm bình bát
 Phật dạy Sa-môn này
 Thường hành với sắc tướng.
 Tuy là theo hạnh ấy
 Hư dối không chân thật
 Dối hiện bốn oai nghi
 Tự cho đồng bậc Thánh.
 Xa lìa chỗ hòa hợp
 Thường ăn thức thô dở
 Không có hạnh thanh tịnh
 Ngâm làm việc hư dối.
 Hoặc vì cầu tiếng tăm
 Mong người khác khen ngợi
 Dối hiện tu giới định
 Tự khoe hạnh Đâu-đà.
 Chẳng điều phục nội tâm
 Dối lừa hàng tín thí
 Chẳng tu thiện lìa dục
 Chẳng dứt mọi duyên dựa.
 Thấy thuyết pháp tướng không
 Sợ như lên núi hiểm
 Hoặc ở chốn vắng vẻ
 Mà ý không chân thật.
 Phật dạy Sa-môn này
 Vì mong cầu danh tiếng
 Người tu hạnh chân thật
 Chẳng vì thân mạng mình.
 Vọng cầu danh lợi dưỡng

Cũng không mong an lạc
 Chỉ tu chánh giải thoát
 Cứu độ các cõi ác.
 Tuy hiểu sâu pháp không
 Nhưng chẳng trụ tịch tĩnh
 Cũng không phi tịch tĩnh
 Chẳng trụ vào Niết-bàn.
 Chẳng đắm trong sinh tử
 Chẳng chấp trước Thánh nhân
 Chẳng lìa bỏ phàm phu
 Xưa vốn không chỗ đến.
 Nay cũng không chỗ đi
 Tất cả pháp vắng lặng
 Phật dạy người như vậy
 Là tu hạnh chân thật.

Phật bảo Tôn giả Ca-diếp:

– Ví như nhà người nghèo không có tiền của, tự lên tiếng bảo mọi người: “Trong nhà tôi có kho rất lớn chứa nhiều của cải”.

Này Tôn giả Ca-diếp! Ý ông thế nào? Người nghèo ấy nói đúng sự thật chẳng?

Tôn giả Ca-diếp thưa:

– Bạch Thế Tôn, không.

Đức Phật dạy:

– Cũng vậy, này Tôn giả Ca-diếp! Sa-môn và Bà-la-môn ấy tự thân không có giới đức mà thốt lên: “Thân ta đủ oai đức lớn”. Lời này chẳng thật,

việc ấy khó tin. Ở đây, Ta nói kệ:

*Ví như người bần cùng
 Tự nói có kho tàng
 Đầy đủ bảy thứ báu
 Lời ấy là chẳng đúng.
 Sa-môn, Bà-la-môn
 Hư vọng cũng như vậy
 Ba nghiệp chẳng thanh tịnh
 Tự nói đủ giới đức.*

Phật bảo Tôn giả Ca-diếp:

– Ví như có người đi vào dòng nước lớn mà chẳng chú tâm, buông lung đùa cợt với nước, bắt giặc bị chết đuối. Cũng vậy, này Tôn giả Ca-diếp! Sa-môn và Bà-la-môn này biết nhiều, thích pháp, vào biển pháp rộng lớn nhưng không thể chế ngự tâm ý, ưa hành tham sân si, bị phiền não như tham dốt dẫn sinh vào cõi ác. Ở đây, Ta nói kệ:

*Như người đùa với nước
 Vào trong dòng nước lớn
 Chẳng biết giữ tâm mình
 Bị nước chìm mất mạng
 Sa-môn, Bà-la-môn
 Tham vào biển pháp lớn
 Buông lung tham sân si
 Chìm vào trong cõi ác.*

Phật bảo Tôn giả Ca-diếp:

– Ví như người thầy thuốc giỏi lo điều chế

thuốc thang đi khắp bốn phương nhằm chữa lành bệnh cho mọi người, bỗng nhiên, chính mình lại mắc bệnh, không thể cứu được. Cũng vậy, này Tôn giả Ca-diếp! Như vị Tỳ-kheo kia tu hạnh đa văn, muốn giáo hóa hữu tình, bỗng rơi vào cảnh tự khởi lên phiền não mà không thể điều phục. Ở đây, Ta nói kệ:

*Ví như thầy thuốc hay
 Điều chế các thuốc thang
 Mang đi khắp bốn phương
 Trị bệnh cho mọi người.
 Bỗng tự mắc bệnh khổ
 Chẳng thể tự chữa lành
 Tỳ-kheo cũng như vậy
 Tu học pháp đa văn.
 Muốn thực hiện giáo hóa
 Bỗng tự sinh phiền não
 Không thể khéo chế ngự
 Uổng công vẫn chịu khổ.*

Phật bảo Tôn giả Ca-diếp:

– Ví như có người, thân mắc bệnh nặng, dầu uống thuốc thượng hạng vẫn không tránh khỏi cái chết. Cũng vậy, này Tôn giả Ca-diếp! Hữu tình kia có đủ bệnh phiền não mà muốn tu hạnh đa văn cũng không tránh khỏi sự thoái lui sa đọa. Ở đây, Ta nói kệ:

Ví như người bệnh nặng

*Bệnh không thể chữa lành
 Dầu được uống thuốc hay
 Không tránh khỏi vô thường.
 Chúng sinh cũng như vậy
 Thường nhiễm bệnh phiền não
 Dầu thích tu đa văn
 Không tránh khỏi sa đọa.*

Phật bảo Tôn giả Ca-diếp:

– Ví như ngọc báu ma-ni rơi vào chỗ bất tịnh, ngọc đã nhiễm dơ không thể sử dụng. Cũng vậy, này Tôn giả Ca-diếp! Tỳ-kheo kia đủ hạnh đa văn nhưng rơi vào chỗ lợi dưỡng bất tịnh, nên chư Thiên dân chúng chẳng sinh kính mến. Ở đây, Ta nói kệ:

*Ví như ngọc ma-ni
 Rơi vào chỗ bất tịnh
 Đã nhiễm chất cấu uế
 Không thể sử dụng được.
 Tỳ-kheo cũng như vậy
 Tuy đủ hạnh đa văn
 Rơi vào chỗ bất tịnh
 Giữa lợi dưỡng, tiếng khen
 Dân chúng và chư Thiên
 Chẳng hề sinh ái kính.*

Phật bảo Tôn giả Ca-diếp:

– Ví như có người bỗng nhiên mạng chung, đã dùng mào bằng vàng và tràng hoa để trang sức nơi

đầu mặt. Cũng vậy, này Tôn giả Ca-diếp! Tỳ-kheo kia phá hết giới luật mà dùng ca-sa trang sức thân ấy thì đâu có ích gì? Ở đây, Ta nói kệ:

*Ví như người mạng chung
Dùng vòng hoa tốt đẹp
Và mào báu bằng vàng
Trang sức nơi đầu mặt.
Có ích lợi gì đâu
Tỳ-kheo cũng như vậy
Đem thân phá phạm giới
Đắp mặc y ca-sa
Trang sức làm oai nghi
Trọn không có lợi ích.*

Phật bảo Tôn giả Ca-diếp:

– Ví như có người tắm rửa sạch sẽ, dùng dầu thơm xoa khắp thân thể, từ búi tóc trên đầu cho đến ngón tay, thân mặc áo trắng sạch, mang vòng hoa Chiêm-bạc là con nhà cao quý. Này Tôn giả Ca-diếp! Cũng giống vậy, nếu Tỳ-kheo kia trí tuệ đa văn, thân mặc pháp phục, đầy đủ tướng oai nghi, làm đệ tử Phật. Ở đây, Ta nói kệ:

*Ví như người thế gian
Tắm rửa thân sạch sẽ
Dầu thơm tốt xoa khắp
Đầu trang sức vòng hoa.
Thân thể mặc áo mới
Thật xứng dòng cao quý*

*Tỳ-kheo cũng như vậy
Đa văn, đủ Tổng trì.
Giới đức luôn thanh tịnh
Đắp mặc với pháp phục
Đầy đủ tướng oai nghi
Đây gọi chân Phật tử.*

Phật bảo Tôn giả Ca-diếp:

– Có bốn hạng Tỳ-kheo phá giới nhưng giống như hình dạng trì giới.

Tôn giả Ca-diếp bạch:

– Những gì là bốn hạng Tỳ-kheo phá giới?

– Này Tôn giả Ca-diếp! Có hạng Tỳ-kheo thọ trì đầy đủ giới biệt giải thoát, biết rõ giới cấm, đối với tội vi tế rất lo sợ, luôn y theo học xứ thuyết giới thanh tịnh. Nghiệp thân khẩu ý hoàn toàn không phạm, cuộc sống xa lìa tà mạng nhưng đây vẫn có lỗi. Vì sao? Vì chấp nơi công năng của mình trở thành giới cấm thủ. Này Tôn giả Ca-diếp! Đây là hạng phá giới thứ nhất giống như hình dạng trì giới.

Lại nữa, này Tôn giả Ca-diếp! Có hạng Tỳ-kheo biết rõ giới cấm, thường giữ giới hạnh, ba nghiệp ngàm hoạt động, người ấy có thân kiến chấp về các căn chẳng bỏ. Này Ca-diếp! Đây là hạng phá giới thứ hai tựa như hình dạng giữ giới.

Lại nữa, này Tôn giả Ca-diếp! Có hạng Tỳ-kheo luôn hành tâm từ, thương yêu hữu tình, đây

đủ từ thiện, nghe tất cả giáo pháp vô sinh thì tâm liền kinh sợ. Này Ca-diếp! Đây là hạng phá giới thứ ba, tựa như giữ giới.

Lại nữa, này Tôn giả Ca-diếp! Có hạng Tỳ-kheo hành mười hai hạnh Đầu-đà, đại hạnh đầy đủ không khiếm khuyết, nhưng có ngã, tâm trụ chấp vào tướng ngã nhân. Này Ca-diếp! Đây là hạng phá giới thứ tư, tựa như giữ giới. Này Tôn giả Ca-diếp! Đây là bốn loại phá giới mà giống như hình dạng giữ giới.

Lại nữa, này Tôn giả Ca-diếp! Hoặc nói giới này không nhân, không ngã, không chúng sinh, không thọ mạng, không hành cũng chẳng phải là không hành, không tác cũng chẳng phải là không tác, chẳng phải phạm chẳng phải phi phạm, không danh không sắc, chẳng phải là không danh không sắc, không tướng chẳng phải là không tướng, không dứt niệm, chẳng phải là không dứt niệm, không lấy, không bỏ, chẳng phải là không lấy không bỏ, chẳng phải thọ, chẳng phải là chẳng thọ, không thức, không tâm, chẳng phải là không thức không tâm, không thế gian cũng không xuất thế gian, không chỗ trụ cũng chẳng phải là không chỗ trụ, không tự mình giữ giới, không có người khác giữ giới. Ở trong giới ấy, lìa bỏ sự hủy báng, không mê muội, không chấp trước. Này Ca-diếp! Đây gọi là Thánh làm hiện bày chánh giới vô lậu, xa lìa tất cả trú xứ trong ba cõi.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói kệ:

Đã trì giới lìa cầu
 Chẳng trụ tướng ngã, nhân
 Không phạm, cũng không trì
 Không buộc cũng không mở.
 Rất Thánh thiện, mẫu nhiệm
 Xa lìa mọi nghi ngờ
 Ca-diếp! Tướng giới này
 Như Lai thuyết chân thật.
 Chỗ trì giới vô cầu
 Đối với thế gian kia
 Chẳng phải vì thân mạng
 Cứu khắp các chúng sinh.
 Đồng vào bờ chân như
 Ca-diếp! Tướng giới này
 Như Lai thuyết chân thật
 Chỗ trì giới lìa cầu.
 Ở trong nhân – ngã kia
 Không nhiễm cũng không tịnh
 Không tối cũng không sáng
 Không được cũng không mất.
 Không trụ ở bờ này
 Chẳng đến nơi bờ kia
 Cũng chẳng phải giữa dòng
 Trói mở đều bình đẳng.
 Như hư không, không trụ
 Phi tướng, phi phi tướng
 Ca-diếp! Tướng giới này

*Như Lai thuyết chân thật.
Thọ trì giới vô cầu
Chẳng đắm vào danh sắc
Chẳng trụ vào Đẳng dẫn
Luôn đem tâm tịnh diệu.
Lìa tướng ngã-có-không
Với Biệt giải thoát kia
Xa lìa sự trì, phạm
Không giới không phi giới.
Không định cũng không tán
Theo đấy mà hành đạo
Trí quán không hai thủ
Giới này tịnh mâu nhiệm.
An trụ Tam-ma-địa
Tam-ma-địa sinh quán
Trí tuệ tự thanh tịnh
Đây gọi giới Cụ túc.*



KINH ĐẠI CA DIẾP VẤN ĐẠI BẢO TÍCH CHÁNH PHÁP

QUYỂN V

Bấy giờ, khi Đức Thế Tôn giảng nói pháp Già-tha này, có tám trăm Tỳ-kheo chứng quả A-la-hán, tâm được giải thoát, ba mươi ức người xa lìa trần cấu được pháp nhãn thanh tịnh, năm trăm Tỳ-kheo đã được Tam-ma-địa, nghe giới pháp hết sức sâu xa vi diệu này khó lãnh hội, khó hòa nhập, chẳng tin, chẳng hiểu, nên liền từ chỗ ngồi đứng dậy, ra khỏi đại hội.

Khi ấy, Tôn giả Đại Ca-diếp thưa với Đức Thế Tôn:

– Vì sao năm trăm Tỳ-kheo ấy tuy được Tam-ma-địa, nhưng nghe pháp thâm diệu này khó hiểu, khó nhập, chẳng tin, chẳng học, liền từ chỗ ngồi đứng dậy bỏ đi?

Đức Phật dạy:

– Nay Ca-diếp! Năm trăm Tỳ-kheo ấy chưa diệt trừ được chấp ngã nên khi nghe giới pháp thanh tịnh vô lậu này khó hiểu, khó nhập, tâm sinh kinh

sợ, vì chẳng tin cũng chẳng thể hành theo.

Này Ca-diếp! Giới pháp Già-tha này rất sâu xa mâu nhiệm, quả Chánh giác của ba bậc Giác ngộ đều từ đây mà ra. Các Tỳ-kheo ấy chẳng phải gắn bó với sự giải thoát Thánh thiện này nên không thể thâm nhập được.

Lại nữa, này Tôn giả Ca-diếp! Năm trăm Tỳ-kheo ấy là hàng Thanh văn ngoại đạo ở trong giáo pháp của Như Lai.

Như vậy, này Tôn giả Ca-diếp! Đối với Như Lai, tâm ý gốc của họ là chấp chặt sự cầu nhất pháp, nên nghe nhất pháp thì quyết định tin thọ, nương theo lời dạy ấy tu học. Còn như pháp Già-tha này ngôn giáo huyền diệu cho nên sợ hãi.

Đức Thế Tôn lại dạy:

– Này Ca-diếp! Ý của các Tỳ-kheo ấy là vì cầu nhất pháp nên đối trước bậc Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri phát tâm tu hành, cầu sau khi mạng chung được sinh về cung trời Đao-lợi, do việc ấy nên ở trong giáo pháp của Phật, cầu xin xuất gia.

Này Ca-diếp! Năm trăm Tỳ-kheo này chưa xả bỏ thân kiến, nên khi nghe giáo pháp sâu xa liền sinh sợ hãi, chẳng tin, chẳng học, sau khi mạng chung ắt sẽ rơi vào cảnh giới ác.

Khi ấy, Đức Thế Tôn bảo Tôn giả Tu-bồ-đề:

– Ông hãy đến chỗ năm trăm Tỳ-kheo kia, dùng phương tiện khéo léo khuyên bảo họ.

Tôn giả Tu-bồ-đề thưa:

– Bạch Thế Tôn! Lời thuyết pháp khuyên bảo như vậy, họ đã nghe nhưng chẳng tin, chẳng hành thì với trí ít, lời kém của con làm sao có thể giáo hóa họ?

Lúc này, Đức Thế Tôn liền dùng thần lực hóa thành hai vị Tỳ-kheo đang ở giữa đường, ngược chiều với năm trăm Tỳ-kheo kia, liền hỏi:

– Chư Tôn giả định đi đâu?

Các Tỳ-kheo đáp:

– Chúng tôi định đến nơi chốn vắng lặng để tự chứng lạc định và sẽ ở đó.

Hóa Tỳ-kheo hỏi:

– Ý các vị thế nào mà muốn đi đến nơi chốn vắng vẻ?

Các Tỳ-kheo kia liền đáp:

– Đức Thế Tôn đã thuyết giảng giáo pháp trước đây chúng tôi chưa hề nghe, nay nghe rồi thấy khó hiểu, khó nhập, tâm sinh sợ hãi, không thể tin học. Vì vậy muốn quay về nơi rừng vắng, an trú vào thiền định để được an lạc.

Hóa Tỳ-kheo nói:

– Chư Tôn giả! Vì Đức Thế Tôn thuyết pháp làm cho các vị khó hiểu, tâm sinh sợ hãi, chẳng tin, chẳng học, chẳng hành, nên muốn quay về nơi rừng vắng dùng thiền định làm Niết-bàn, đây là sự cố chấp mà các vị chẳng biết. Nay các Tôn giả!

Pháp của Sa-môn chẳng phải là hợp luận để tranh cãi. Nay xin hỏi các vị: Thế nào gọi là pháp Niết-bàn? Nếu nơi tự thân chứng được Niết-bàn thì đã đạt được Bồ-đặc-già-la? Đối với ngã - nhân - chúng sinh và thọ mạng thì cái gì được Niết-bàn? Phạm là pháp Niết-bàn tức chẳng phải là tướng, chẳng phải là phi tướng.

Các Tỳ-kheo kia nói:

– Niết-bàn đã như vậy thì làm sao chứng được?

Hóa Tỳ-kheo đáp:

– Hãy đoạn trừ tham, sân, si.

Các Tỳ-kheo kia hỏi:

– Làm sao đoạn trừ tham sân si?

Hóa Tỳ-kheo nói:

– Tham sân si chẳng phải ở bên trong, chẳng phải ở bên ngoài, chẳng phải ở khoảng giữa, vốn tự nó không sinh nên nay cũng chẳng diệt.

Hóa Tỳ-kheo nói tiếp:

– Thừa các Tôn giả! Chẳng nên chấp, cũng chẳng nên nghi. Nếu các Tôn giả chẳng chấp, chẳng nghi tức chẳng phải là xả, chẳng phải là chẳng xả, chẳng phải là ưa thích, chẳng phải là chẳng ưa thích. Lời nói ấy là Niết-bàn.

Này các Tôn giả! Giới tướng thanh tịnh này chẳng sinh chẳng diệt. Từ thiên định sinh, từ trí tuệ sinh, từ giải thoát sinh, từ giải thoát tri kiến sinh, là có là không, chẳng phải tướng, chẳng phải

không tướng. Thừa các vị! Giới tướng như vậy tức là chân Niết-bàn. Niết-bàn như vậy tức không có giải thoát để có thể chứng, không có phiền não để có thể trừ bỏ. Chư Tôn giả! Các vị đem tướng nơi tình mà cầu sự viên tịch thì sự chứng đắc này chính là vọng tướng, chẳng phải Niết-bàn. Nếu trong tướng lại sinh ra tướng thì chẳng phải là Niết-bàn, mà là bị tướng trói buộc. Như vậy, nếu diệt thọ tướng thì được Đẳng trì đúng mực. Nay các vị, hành giả nếu đạt như vậy thì không có gì hơn nữa.

Bấy giờ, năm trăm Tỳ-kheo kia nghe hóa Tỳ-kheo thuyết giảng chánh pháp như vậy rồi thì lậu dứt ý mở, tâm được giải thoát. Năm trăm Tỳ-kheo bèn trở lại chỗ Đức Phật, cúi đầu đánh lễ sát chân Ngài, đi nhiễu quanh Phật ba vòng rồi ngồi qua một bên.

Khi ấy, Trưởng lão Tu-bồ-đề liền từ chỗ ngồi đứng dậy, hỏi các Tỳ-kheo kia:

– Chư Tôn giả, quý vị đã đi đến đâu và nay từ đâu lại?

Đáp:

– Trước đây chẳng từ đâu lại, nên nay cũng chẳng đi đến đâu.

Trưởng lão Tu-bồ-đề liền hỏi Phật.

– Bạch Thế Tôn! Pháp họ nêu bày là nghĩa thế nào?

Đức Phật dạy:

– Không sinh, không diệt.

Tu-bồ-đề hỏi:

– Này các Tôn giả! Các ông nghe pháp thế nào?

Các Tỳ-kheo nói:

– Không trói buộc, không cởi mở.

Tu-bồ-đề hỏi:

– Ai đã giáo hóa các ông?

Các Tỳ-kheo đáp:

– Không thân tướng, không tâm thức.

Tu-bồ-đề hỏi:

– Các ông tu hành thế nào?

Các Tỳ-kheo đáp:

– Không vô minh diệt, cũng không vô minh sinh.

Tu-bồ-đề hỏi:

– Vì sao các ông làm Thanh văn?

Các Tỳ-kheo đáp:

– Chẳng được Thanh văn cũng chẳng thành quả Phật.

Tu-bồ-đề hỏi:

– Phạm hạnh của các ông là gì?

Các Tỳ-kheo đáp:

– Chẳng trụ nơi ba cõi.

Tu-bồ-đề hỏi:

– Ông nhập Niết-bàn vào lúc nào?

Các Tỳ-kheo đáp:

– Khi Như Lai nhập Niết-bàn thì tôi vào Niết-bàn ngay.

Tu-bồ-đề hỏi:

– Việc làm của các ông đã xong chă^{ng}?

Các Tỳ-kheo đáp:

– Đã biết rõ về nhân, ngã.

Tu-bồ-đề hỏi:

– Phiền não của các ông đã hết?

Các Tỳ-kheo đáp:

– Tất cả các pháp cũng chấ^m dứt.

Tu-bồ-đề hỏi:

– Các ông đã khéo phá dẹp Ma vương?

Các Tỳ-kheo đáp:

– Thân năm uẩn hã^y còn chắ^{ng} đạ^t đượ^c sao lại có Ma vương để phá dẹp.

Tu-bồ-đề nói:

– Các ông đã gặp bậc thầy chắ^{ng}?

Các Tỳ-kheo đáp:

– Chắ^{ng} phải thân, chắ^{ng} phải miệ^{ng}, chắ^{ng} phải tâm.

Tu-bồ-đề hỏi:

– Các ông đã đượ^c thắ^{ng} địa thanh tịnh?

Các Tỳ-kheo nói:

– Không giữ lấy, không xả bỏ.

Tu-bồ-đề hỏi:

– Các ông đã ra khỏi luân hồi, nay đến bờ giác?

Các Tỳ-kheo nói:

– Chẳng đến bờ giác cũng chẳng bị luân hồi.

Tu-bồ-đề hỏi:

– Các ông tin vào thắng địa?

Các Tỳ-kheo nói:

– Giải thoát tất cả chấp trước.

Tu-bồ-đề hỏi:

– Các ông sẽ đi đến chỗ nào?

Tỳ-kheo ấy nói:

– Tôi sẽ đi giáo hóa chỗ Như Lai đã đi.

Các Tỳ-kheo nói:

– Tôn giả Tu-bồ-đề! Tôn giả đã điều khiển sự đi ấy.

Khi nói pháp này, trong chúng có tám trăm Tỳ-kheo phát ý Thanh văn, tâm được giải thoát, ba mươi hai ức chúng sinh xa lìa trần cấu, được pháp nhãn thanh tịnh.

Bấy giờ, trong pháp hội có vị Đại Bồ-tát tên Phổ Quang liền từ chỗ ngồi đứng dậy, chấp tay hướng về Phật, thưa:

– Bạch Thế Tôn! Chánh pháp Đại Bảo Tích này khuyên các Bồ-tát nên học như thế nào và nên trụ như thế nào?

Phật dạy:

– Nay thiện nam! Đối với giới hạnh chân thật của chánh pháp đã được giảng nói, các ông thọ trì,

nên trụ như vậy, sẽ được lợi ích lớn nơi chánh pháp ấy.

Này thiện nam! Ví như có người ngồi trên thuyền đất muốn vượt qua sông lớn sâu rộng. Thiện nam! Ý ông thế nào? Người ấy dùng phương tiện gì để ngồi nơi thuyền đất mà mau đến được bờ kia?

Bồ-tát Phổ Quang thưa:

– Bạch Thế Tôn! Người ấy phải dùng sức đại tinh tấn, dũng mãnh mới đến bờ kia được.

Đức Phật dạy:

– Này Bồ-tát Phổ Quang, có trường hợp nào cần hiện bày sức siêng năng không?

– Bạch Thế Tôn! Trong dòng sông kia nước chảy xiết lại rộng khiến con người lo sợ, nếu không có sức siêng năng ắt sẽ chìm đắm.

Đức Phật bảo Bồ-tát Phổ Quang:

– Cũng vậy, nếu các Bồ-tát tu học chánh pháp, muốn vượt qua bốn dòng chảy trong sông lớn sinh tử thì phải dùng sức tinh tấn dũng mãnh thông đạt pháp Phật, nếu không tinh tấn tu học thì nhất định sẽ thoái chuyển rơi rớt. Và lại, suy xét về thân này là pháp không chắc chắn, vô thường hư hoại, bốn dòng chảy thì mênh mông, làm sao độ được các chúng sinh luôn ở bờ này. Các Tôn giả! Hôm nay các vị đã thọ trì thuyền lớn diệu pháp, vận hành để cứu độ tất cả chúng sinh, vượt qua dòng sông luân

hồi, đến bờ giác ngộ.

Bồ-tát Phổ Quang lại bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Bồ-tát làm thế nào để thọ trì thuyền lớn diệu pháp?

– Này thiện nam! Những pháp bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tâm từ là nơi tập hợp được vô biên phước đức, khởi tâm bình đẳng làm trang nghiêm tất cả chúng sinh. Đối với bảy phần Bồ-đề khéo giữ gìn không để quên mất, tinh tấn thọ trì, tâm sinh quyết định. Dùng phương tiện thiện xảo thấu hiểu rốt ráo về thật tướng. Dùng tâm đại bi cứu khổ chúng sinh. Dùng bốn nhiếp pháp cứu giúp hữu tình. Dùng bốn tâm vô lượng tạo lợi ích cho chúng sinh. Luôn dùng bốn niệm xứ để tự tư duy. Dùng bốn chánh đoạn để siêng đoạn trừ, siêng tu tập. Dùng bốn thần túc để phát khởi thần thông. Dùng năm căn để hoàn thiện cho chúng sinh. Dùng năm lực làm sự kiên cố, không thoái chuyển. Dùng tám thánh đạo để xa lìa ma oán, chẳng trụ nơi tà đạo. Đối với pháp chỉ, quán thì hành theo vô tướng không chấp trước. Bồ-tát làm cho pháp hạnh rộng lớn này hiện bày khắp mười phương, khiến các chúng sinh hội nhập nơi sự vi diệu. Thuyền lớn chánh pháp vượt qua bốn dòng sông lớn sinh tử, đến được bờ Niết-bàn an lạc, được vô sở úy, vĩnh viễn xa lìa các kiến chấp. Này thiện nam! Các ông phải biết, Bồ-tát này đã dùng thuyền lớn diệu pháp trải qua vô lượng trăm ngàn ức triệu kiếp, chuyển

độ tất cả chúng sinh vượt qua bốn dòng sông lớn, không còn bị khổ não. Các ông nên thọ trì như vậy, nên an trú như vậy.

Đức Phật bảo Bồ-tát Phổ Quang:

– Nay ông hãy dùng ngay phương tiện chân thật, khởi tâm đại bi làm cho tất cả chúng sinh tinh tấn dũng mãnh, tâm ý thanh tịnh, gieo trồng căn lành, chẳng niệm thoái lui, luôn thích xuất gia nghe pháp không nhàm chán, trồng cội công đức, cầu đạo tối thượng, thân tâm tịch tĩnh, trí tuệ viên mãn, an trú nơi vắng lặng, xa lìa bạn ác, thông đạt nơi Đệ nhất nghĩa đế, hành phương tiện chân chánh đối với Chân đế và Tục đế. Lý trí không hai, bình đẳng nhất không, dứt các vọng niệm. Thiện nam! Vì các hữu tình, Bồ-tát nên thọ trì như vậy và an trú như vậy.

Bây giờ, Tôn giả Đại Ca-diếp nghe pháp này rồi liền thưa:

– Bạch Thế Tôn! Chánh pháp Đại Bảo Tích này vì người cầu Đại thừa mà thuyết giảng, xưa nay chưa từng có.

Bạch Thế Tôn! Đối với chánh pháp Đại Bảo Tích này, nếu thiện nam, thiện nữ nào thọ trì, giảng nói một câu, một bài kệ thì phước đức đạt được, nghĩa ấy như thế nào?

Đức Phật dạy:

– Nay Ca-diếp! Nên biết như vậy: Nếu thiện

nam, thiện nữ nào thọ trì một câu hoặc một bài kệ trong chánh pháp Đại Bảo Tích này thì sẽ được phước đức. Nay thiện nam! Ví như có người đem bảy báu đầy trong hăng hà sa số thế giới cúng dường hăng hà sa Đức Như Lai. Mỗi Đức Như Lai được cúng dường một hăng hà sa số thế giới bảy báu. Lại vì mỗi Đức Như Lai tạo ra một hăng hà sa số tinh xá của Phật. Lại vì mỗi Đức Như Lai có vô lượng chúng Thanh văn trải qua hăng hà sa số kiếp dùng tất cả các vật dụng đem lại an lạc để cúng dường. Đức Như Lai và đệ tử Thanh văn sau khi nhập Niết-bàn, lại dùng bảy báu xây dựng tháp miếu. Nay thiện nam! Phước đức như vậy là vô lượng vô biên, nhưng chẳng bằng một người thọ trì, giảng nói một câu hay một bài kệ nơi chánh pháp Đại Bảo Tích này, vì công đức ấy còn hơn công đức kia. Nếu lại có người vì cha mẹ mình giảng nói kinh này, thì người đó sau khi mạng chung không bị đọa vào cõi ác, đời sau thân mẫu sẽ chuyển thành thân nam.

Đức Phật dạy:

– Chỗ Ta đang trụ, nếu có người nào biên chép, thọ trì, đọc tụng giảng nói kinh điển Đại Bảo Tích này thì sẽ được các hàng trời, người, A-tu-la trong tất cả thế gian ngay tại chỗ ấy, cung kính cúng dường, như cúng dường tháp miếu của Đức Phật. Nếu có vị Pháp sư nghe kinh điển chánh pháp Đại Bảo Tích này, phát tâm tôn trọng, thọ trì, đọc tụng,

biên chép, cúng dường, và nếu có thiện nam thiện nữ nào đối với Pháp sư ấy, cúng dường như cúng dường Phật, và cũng tôn trọng, cung kính đánh lễ tán thán thì những người ấy đời này được Đức Phật thọ ký sẽ chứng đắc quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, khi lâm chung sẽ được diện kiến Đức Như Lai. Vị Pháp sư kia lại được mười thứ thân nghiệp thanh tịnh. Những gì là mười?

Một là khi lâm chung không lãnh thọ đau khổ.

Hai là nhãn thức sáng suốt, không trông thấy tướng xấu ác.

Ba là cánh tay an định không quờ quạng trong hư không.

Bốn là hai chân an ổn không co duỗi loạn động.

Năm là đại tiểu tiện thuận hợp.

Sáu là các căn trên cơ thể không hôi thối.

Bảy là phần ngực bụng như cũ không hề trương phình.

Tám là tướng lưỡi rộng dài ra mà không co rút lại.

Chín là ánh mắt tự nhiên không xấu ác.

Mười là thân tuy nhập diệt nhưng hình sắc như còn sống.

Được mười thứ thân nghiệp thanh tịnh này rồi, lại có mười loại khẩu nghiệp thanh tịnh. Những gì là mười?

Một là ngôn âm tốt đẹp.

Hai là lời nói ra đều từ, thiện.

Ba là lời nói khéo léo.

Bốn là phát ra lời ái ngữ.

Năm là lời nói hòa dịu.

Sáu là nói lời thành thật.

Bảy là trước khi nói thì thăm hỏi.

Tám là lời nói dễ nghe.

Chín là hàng trời người đều ưa thích.

Mười là nói lời như Đức Phật nói.

Như vậy là mười loại khẩu nghiệp thanh tịnh.
Lại có mười loại ý nghiệp thanh tịnh. Những gì là mười?

Một là ý không sân giận.

Hai là chẳng sinh ganh ghét.

Ba là chẳng tự thị, kiêu căng.

Bốn không có các phiền oán.

Năm là xa lìa lỗi lầm.

Sáu là không vọng tưởng điên đảo.

Bảy là không có tư tưởng thấp kém.

Tám là không có tư tưởng phạm giới.

Chín là thâm giữ tâm chánh niệm tư duy về cõi Phật.

Mười là xa lìa ngã, nhân, chứng được Tam-ma-địa, thành tựu giáo pháp của chư Phật.

Như vậy là đạt được mười loại ý nghiệp thanh tịnh. Ở đây, Ta nói kệ:

Lâm chung chẳng thọ khổ
 Chẳng thấy các tướng xấu
 Tay chẳng vẫy trong không
 Hai chân không đá đạp.
 Tiểu đại luôn bình yên
 Thân căn chẳng hôi thối
 Ruột bụng vẫn bình thường
 Lưỡi hồng chẳng co rút.
 Ánh mắt vẫn rõ ràng
 Chết màu sắc không đổi
 Mười tướng thân như vậy
 Tướng phước thiện thanh tịnh.
 Được âm thanh mỹ diệu
 Phát ra lời từ thiện
 Lời nói khác đời thường
 Nói ra người yêu thích.
 Lại âm thanh hòa nhã
 Luôn nói điều thành thật
 Hay phương tiện thăm hỏi
 Khiến người cảm thích nghe.
 Chúng trời rồng mển phục
 Trong vang như lời Phật
 Mười tướng miệng như vậy
 Khẩu nghiệp được thanh tịnh.
 Tâm ý lìa sân giận
 Ganh ghét không phát sinh
 Không tự thị khoe cao
 Phiền oán cũng tự trừ.

*Lìa được các tội lỗi
 Tưởng điên đảo không sinh
 Không khởi tâm thấp kém
 Chớ làm hoen giới cấm.
 Thâu giữ tâm chánh niệm
 Xa lìa tướng ngã, nhân
 Lại được Tam-ma-địa
 Thông đạt các pháp Phật.
 Mươi thứ ý nghiệp này
 Là tướng tâm thanh tịnh.*

Đức Phật bảo Tôn giả Ca-diếp:

– Hoặc thiện nam, thiện nữ, các người phải đem hương hoa, kỹ nhạc, cờ phướn, lọng báu, thức ăn uống, y phục, tất cả các vật hữu ích cúng dường Chánh Pháp Đại Bảo Tích này, chí tâm quy mạng, thọ trì, đọc tụng. Vì sao? Nay Tôn giả Ca-diếp! Tất cả các Đức Phật Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác đều từ đây mà thành tựu, nên phải đem sự cúng dường tối thượng để cúng dường chánh pháp ấy.

Đức Phật giảng nói kinh này rồi, Tôn giả Đại Ca-diếp chí thành thọ nhận, các Đại Bồ-tát và các Tỳ-kheo, các chúng trời, rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la v.v... tất cả đại chúng đều rất vui mừng, tin nhận phụng hành.



SỐ 353

KINH THẮNG MAN

*Hán dịch: Đời Lưu Tống, Đại sư
Cầu Na Bạt Đà La.*

(I. ĐƯỢC THỌ KÝ)

(1. Đức tính chân thật của Như Lai)

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Thế Tôn ở tại nước Xá-vệ, trong khu lâm viên Chiến Thắng - Thiện Thí. Bảy giờ, hoàng đế Ba-tư-nặc và hoàng hậu Mạt-ly mới chứng đắc về pháp và bàn với nhau: Con gái ta là Thắng Man, hiền lành, thông minh, học rộng, nhiều trí. Nếu con gái ta được thấy Đức Thế Tôn thì sẽ hiểu biết mau chóng mà không hoài nghi gì cả về pháp cực kỳ sâu xa. Ta nên phái một người khéo khuyến dụ đến phát khởi sự tin tưởng chân thành cho con ta. Bàn như vậy nên hoàng đế với hoàng hậu viết thư ca tụng đức tính chân thật của Đức Thế Tôn, rồi phái một sứ giả tên Chiên-đề-la kính cẩn mang thư ấy đến quốc đô Vô Đẩu, dâng cho hoàng hậu Thắng Man. Hoàng hậu mở đọc thì kính theo, vui mừng, tâm thấy là hiếm có, và nói

với Chiên-đề-la những lời chĩnh cú (kệ) sau đây:

*Ta nghe cái tiếng
Như Lai, Thế Tôn,
Lại nghe nói rằng
Ngài rất khó gặp.
Những lời trên đây
Nếu thật như vậy,
Thì ta sẽ thưởng
Y áo cho người.
Và nếu chính xác
Đức Phật Thế Tôn
Vì lợi thế giới
Mà Ngài xuất hiện,
Thì tất thương ta
Cho ta thấy Ngài.*

Mới nghĩ và nói như vậy thì tức khắc Đức Thế Tôn đã ở trong không gian. Ngài biểu hiện thân tướng không thể nghĩ bàn một cách bình thường, và phóng ra tất cả ánh sáng rất lớn. Hoàng hậu Thắng Man cùng thân quyến đều quy tụ lại, chấp tay chiêm ngưỡng và lễ bái, tán dương đức Đại Đạo sư như sau:

*Sắc thân tinh tế
Của Đức Thế Tôn,
Cả thế giới này
Không ai bằng được.
Ngài đã siêu việt
So sánh nghĩ bàn,*

Thế nên chúng con
 Tôn quý kính lạy.
 Sắc thân Thế Tôn
 Thật vô cùng tận,
 Tuệ giác của Ngài
 Cũng là như thế,
 Pháp Đức Thế Tôn
 Thường trú bất diệt,
 Thế nên chúng con
 Tôn quý quy y.
 Ngài khéo thuần hóa
 Tội lỗi của tâm,
 Lại còn chế ngự
 Nhược điểm của thân,
 Ngài đến vị trí
 Không thể nghĩ bàn,
 Thế nên chúng con
 Tôn quý kính lạy.
 Thế Tôn lý giải
 Các pháp nhận biết
 Cái thân trí tuệ
 Không gì chướng ngại,
 Đối với các pháp
 Ngài không quên mất,
 Thế nên chúng con
 Tôn quý kính lạy.
 Chúng con lạy bậc
 Vượt mọi lường xét,

Chúng con lạy bậc
 Không gì sánh bằng,
 Chúng con lạy bậc
 Tự tại với pháp,
 Chúng con lạy bậc
 Siêu việt tư duy.
 Xin Ngài thương xót
 Che chở chúng con,
 Làm cho chúng con
 Tăng trưởng giống pháp.
 Con nguyện từ nay
 Đến thân cuối cùng,
 Thường xuyên đối diện
 Trước Đức Thế Tôn.
 Con tu phước đức
 Đời này đời khác,
 Nguyện nhờ sức mạnh
 Phước đức như vậy,
 Con được Thế Tôn
 Thường xuyên thu nhận.

Hoàng hậu Thắng Man nói những lời chĩnh cú ấy rồi, cùng thân quyến và mọi người đem đỉnh đầu của mình lạy dưới chân Đức Thế Tôn. Bấy giờ, Ngài đã nói những lời sau đây cho hoàng hậu:

Như Lai quá khứ
 Đã vì tuệ giác
 Mà từng khai thị
 Chỉ dạy hoàng hậu.

*Ngày nay hoàng hậu
Lại gặp Như Lai,
Rồi suốt vị lai
Cũng gặp như vậy.*

Nói những lời ấy rồi, tức thì ở giữa đại hội, Đức Thế Tôn đã thọ ký đạo quả Bồ-đê vô thượng cho hoàng hậu Thắng Man: Hôm nay hoàng hậu đã ca tụng đức tính siêu việt của Như Lai. Do thiện căn này, trải qua vô số kiếp, ở trong chư Thiên và nhân loại, hoàng hậu sẽ làm đế vương tự tại. Mọi sự hưởng dụng đều đủ tất cả. Và sinh ra ở đâu cũng được gặp Như Lai, đối diện ca tụng không khác gì hôm nay. Hoàng hậu lại hiến cúng vô lượng Thế Tôn, qua hai mươi ngàn vô số kiếp, sẽ được trở thành Đức Phật, với danh hiệu là Phổ Quang gồm đủ mười tôn hiệu: bậc Đến như chư Phật, bậc Thích ứng hiến cúng, bậc Biết đúng và khắp v.v.... Thế giới của Đức Phổ Quang không có các nẻo đường dữ, không có suy già bệnh khô, không có những cái tên của nghiệp ác. Người của thế giới ấy thân hình đẹp đẽ, hưởng đủ năm thứ vui đẹp tinh tế, thuần túy thích thú, hơn cả chư Thiên cõi Tha-hóa-tự -tại. Người của thế giới ấy lại toàn là đi mau đến Đại thừa. Những ai tu học Đại thừa như vậy thì sinh đến thế giới ấy.

Khi hoàng hậu Thắng Man được Đức Thế Tôn thọ ký như vậy thì vô số chư Thiên và nhân loại trong tâm phần chấn, cùng nguyện vãng sinh đến

thế giới của Đức Phổ Quang. Đức Thế Tôn thọ ký cho họ đều được vãng sinh cả.

*
**

(II. PHÁT TÂM BỒ ĐỀ)

(2. Mười điều nhận lãnh)

Bấy giờ, hoàng hậu Thắng Man nghe Đức Thế Tôn thọ ký cho rồi, thì tức khắc chấp tay đứng trước Ngài, phát mười lời thề rộng lớn, bằng cách tác bạch như vậy:

(Thứ 1) Bạch Thế Tôn, từ nay cho đến ngày toàn giác, con không dấy khởi tư tưởng vi phạm đối với giới pháp đã thọ.

(Thứ 2) Bạch Thế Tôn, từ nay cho đến ngày toàn giác, con không dấy khởi tư tưởng khinh thường đối với các bậc sư trưởng.

(Thứ 3) Bạch Thế Tôn, từ nay cho đến ngày toàn giác, con không dấy khởi tư tưởng giận dữ đối với mọi người.

(Thứ 4) Bạch Thế Tôn, từ nay cho đến ngày toàn giác, con không dấy khởi tư tưởng ganh ghét đối với những người và những việc hơn mình.

(Thứ 5) Bạch Thế Tôn, từ nay cho đến ngày toàn giác, con không dấy khởi tư tưởng keo kiệt dầu lúc chỉ có một ít thực phẩm.

(Thứ 6) Bạch Thế Tôn, từ nay cho đến ngày toàn giác, con không vì bản thân mà nhận lãnh

cùng cất chứa của cải; con có nhận lãnh gì cũng chỉ vì giúp đỡ những người nghèo khổ.

(Thứ 7) Bạch Thế Tôn, từ nay cho đến ngày toàn giác, con không mong trả ơn mà thực thi bốn nhiếp pháp; con thu nhận mọi người với tâm lý không ham lợi, không chán đủ, không hạn chế.

(Thứ 8) Bạch Thế Tôn, từ nay cho đến ngày toàn giác, con thấy những ai không nơi nương tựa, bị giam cầm, bệnh tật, và bao nhiêu nguy khốn, thì không bao giờ con bỏ họ, nguyện đem lại yên ổn cho họ, tạo lợi ích cho họ ra khỏi mọi khốn đốn.

(Thứ 9) Bạch Thế Tôn, từ nay cho đến ngày toàn giác, con thấy những ai thề làm giới ác, phá hủy giới tịnh của Đức Thế Tôn, thì, trong thành thị và thôn xóm thuộc trách nhiệm của con, đáng chế ngự thì con chế ngự, đáng thu phục thì con thu phục. Tại sao, vì chế ngự và thu phục thì chánh pháp tồn tại lâu dài, chánh pháp tồn tại lâu dài thì chư Thiên, nhân loại tăng lên mà các nẻo đường ác giảm xuống. Có nghĩa con làm cho bánh xe chánh pháp của Đức Thế Tôn luôn luôn chuyển tới phía trước.

(Thứ 10) Bạch Thế Tôn, từ nay cho đến ngày toàn giác, con nhận lãnh chánh pháp mà không bao giờ quên mất, tại sao, vì quên mất chánh pháp là quên mất Đại thừa, quên mất Đại thừa là quên mất các pháp Ba-la-mật, mà quên mất các pháp Ba-la-

mật thì thế là bỏ mất Đại thừa. Nếu Bồ-tát không quyết định về Đại thừa thì nhận lãnh chánh pháp không có bền chắc, và như thế thì không đủ khả năng vượt ra ngoài lĩnh vực phạm phu, mất mát thật là lớn lao.

Bạch Thế Tôn, hiện tại và vị lai có những vị Bồ-tát nhận lãnh chánh pháp, thực hiện đầy đủ nhiều sự ích lợi rộng lớn, phát nguyện rộng lớn như trên, và được Đức Thế Tôn, bậc pháp chủ của Thánh hiền, chứng biết cho. Nhưng người thiện căn kém cõi, có thể có kẻ hoài nghi. Vì mười nguyện rộng lớn khó mà thành đạt, nên có thể có kẻ đã phát mười nguyện ấy rồi mà quay lại với những thói bất thiện, lãnh lấy khổ não. Vì tạo lợi ích cho những người như vậy mà hôm nay, đối trước Đức Thế Tôn, con xin phát nguyện chân thành.

Bạch Thế Tôn, ngày nay con phát mười nguyện rộng lớn như thế này, nếu chắc thật, không hư dối, thì ngay bây giờ con cầu nguyện trên đại hội này sẽ mưa xuống bông hoa của chư Thiên, tấu lên âm nhạc của chư Thiên.

Hoàng hậu Thắng Man đối trước Đức Thế Tôn tác bạch như vậy thì trong không gian tức thì mưa thiên hoa, tấu thiên nhạc, tán dương như vậy: Tốt lắm, hoàng hậu Thắng Man, đúng như hoàng hậu đã nói, chắc thật chứ không thể khác được.

Bảy giờ đại hội nhìn thấy quang cảnh linh diệu như vậy thì hết cả hoài nghi, tâm hết sức hoan hỷ, đồng thanh nói lớn: Chúng tôi nguyện cùng hoàng hậu Thắng Man sinh ra ở đâu cũng đồng nhất chí nguyện và hoạt động. Đức Thế Tôn, ngay lúc đã thọ ký cho cả đại hội đều được như ý.

(3. Ba điều đại nguyện)

Bảy giờ, đối trước Đức Thế Tôn, hoàng hậu Thắng Man lại lập ra ba nguyện vĩ đại, và bằng sức mạnh của ba nguyện ấy mà tạo lợi ích vô biên cho các loại chúng sinh: Nguyện thứ nhất là con đem thiện căn của con mà nguyện đời nào cũng được cái trí về chánh pháp. Nguyện thứ hai là con sinh ra ở đâu cũng được cái trí về chánh pháp rồi thì con nguyện diễn nói cho chúng sinh một cách không mỏi mệt. Nguyện thứ ba là con vì thu nhận, giữ gìn chánh pháp mà nguyện không tiếc thân mạng.

Nghe ba lời nguyện như vậy, Đức Thế Tôn nói với hoàng hậu Thắng Man, rằng như mọi hình sắc đều ở trong không gian, hằng sa các nguyện của Bồ-tát đều gồm trong ba nguyện như vậy. Ba nguyện như vậy thật là chân thật, vĩ đại.

(4. Thu nhận chánh pháp)

Hoàng hậu Thắng Man, lúc ấy, lại thưa, bạch Thế Tôn, nay con muốn dựa vào sức mạnh nơi uy thần và biện tài của Đức Thế Tôn mà trình bày về

một (trong ba) đại nguyện (nói trên). Kính xin Đức Thế Tôn cho phép.

Đức Thế Tôn bảo, Thắng Man, hoàng hậu cứ nói theo ý mình.

Hoàng hậu Thắng Man bạch Thế Tôn, rằng hằng sa các nguyện của Bồ-tát tất cả đều nhập vào một đại nguyện. Một đại nguyện ấy chính là nguyện thu nhận chánh pháp của Đức Thế Tôn. Thu nhận chánh pháp, cái nguyện như vậy thật sự là vĩ đại.

Đức Thế Tôn dạy, tốt lắm, Thắng Man; hoàng hậu từ lâu thật đã tu tập trí tuệ, và phương cách của trí tuệ, một cách sâu xa, tinh tế. Ai hiểu được lời hoàng hậu nói thì người ấy đã từ lâu xa gieo trồng gốc rễ điều lành. Cái nguyện thu nhận chánh pháp mà hoàng hậu nói, thì chư vị Như Lai quá khứ, vị lai và hiện tại đã nói, sẽ nói và đang nói. Như Lai được Bồ-đề vô thượng, cũng thường nói bằng nhiều dạng thức về sự thu nhận chánh pháp. Tuệ giác của Như Lai không có giới hạn, Như Lai tán dương công đức của sự thu nhận chánh pháp cũng không có giới hạn, tại sao, vì sự thu nhận chánh pháp thật sự có công đức vĩ đại, có lợi ích vĩ đại.

Hoàng hậu Thắng Man lại thưa, bạch Thế Tôn, con xin dựa vào sức mạnh nơi uy thần của Ngài mà trình bày thêm nữa về tính cách vĩ đại của sự thu nhận chánh pháp.

Đức Thế Tôn bảo, Như Lai cho phép hoàng hậu trình bày.

Hoàng hậu Thắng Man nói, tính cách vĩ đại của sự thu nhận chánh pháp là thủ đắc tất cả vô lượng pháp Phật, cho đến thu nhập tám vạn hành uẩn.

(Một), bạch Thế Tôn, như khi kiếp thành mở đầu, thì không gian nổi lên những sắc mây và mưa xuống những châu ngọc, sự thu nhận chánh pháp cũng vậy, nó là đám mây thiện căn mưa xuống vô lượng phước báo.

(Hai), bạch Thế Tôn, lại như kiếp thành mở đầu, nước lớn tạo ra đại thiên thế giới và bốn trăm ức đại lục, sự thu nhận chánh pháp cũng vậy, xuất sinh vô lượng pháp tạng Đại thừa, cùng với thần lực của Bồ-tát, các loại pháp môn, sự yên vui đầy đủ của thế gian và xuất thế, sự chưa từng có của chư Thiên, nhân loại.

(Ba), bạch Thế Tôn, lại như địa cầu gánh vác được bốn gánh nặng, đó là biển cả, núi non, cây cỏ và sinh vật, những thiện nam hay thiện nữ thu nhận chánh pháp cũng vậy, có sức gánh vác bốn trọng trách quá hơn địa cầu, ấy là đem thiện căn thuộc nhân loại và chư Thiên mà tạo mọi thành tựu đầy đủ cho những kẻ xa rời bạn tốt, không có đa văn, sống phi chánh pháp; ai cầu Thanh văn thì chỉ dạy pháp Thanh văn; ai cầu Duyên giác thì chỉ dạy pháp Duyên giác; ai cầu Đại thừa thì chỉ dạy pháp

Đại thừa. Như thế đó gọi là thiện nam hay thiện nữ thu nhận chánh pháp có sức gánh vác bốn trọng trách hơn cả địa cầu. Tựa như địa cầu, những thiện nam hay thiện nữ thu nhận chánh pháp có sức gánh vác bốn trọng trách ấy, làm người bạn không rời cho cả mọi người, tâm bi to lớn thương xót và đem lại lợi ích cho mọi người, làm người mẹ chánh pháp cho đời.

(Bốn), bạch Thế Tôn, lại như địa cầu sinh ra bốn loại ngọc: ngọc vô giá, ngọc giá cao, ngọc giá vừa, ngọc giá thấp, những thiện nam hay thiện nữ thu nhận chánh pháp cũng như vậy, y như địa cầu xây dựng cho người: mọi người gặp họ thì được bốn thứ ngọc lớn, hơn hết trong mọi thứ ngọc, ấy là mọi người gặp được người bạn tốt này thì có kẻ thu đạt thiện căn nơi chư Thiên nhân loại, kẻ có thu đạt thiện căn của Thanh văn, có kẻ thu đạt thiện căn của Duyên giác, có kẻ thu đạt thiện căn của Đại thừa. Như thế đó gọi là những thiện nam hay thiện nữ tựa như địa cầu xây dựng cho người, ai gặp cũng được thu đạt một trong bốn thứ ngọc lớn.

Bạch Thế Tôn, sản xuất ngọc lớn nói trên là do thu nhận chánh pháp một cách chân thật. Bạch Thế Tôn, thu nhận chánh pháp là không có chánh pháp nào khác, không có sự thu nhận chánh pháp nào khác, mà chánh pháp chính là sự thu nhận chánh pháp. Bởi vì, bạch Thế Tôn, không có Ba-la-mật nào khác, không có sự thu nhận chánh pháp nào

khác, mà sự thu nhận chánh pháp chính là Ba-la-mật. Tại sao, vì những thiện nam hay thiện nữ thu nhận chánh pháp đối với ai đáng đem bố thí mà tạo mọi thành tựu đầy đủ thì đem bố thí mà tạo mọi thành tựu đầy đủ cho, đến nỗi hy sinh cả thân mạng, tùy thuận ý họ mà tạo mọi thành tựu đầy đủ, làm cho họ an trú trong chánh pháp, như thế đó gọi là bố thí Ba-la-mật; đối với ai đáng đem trì giới mà tạo mọi thành tựu đầy đủ, thì giữ sáu căn, sạch ba nghiệp, cho đến hoàn chỉnh uy nghi, tùy thuận ý họ mà tạo mọi thành tựu đầy đủ, làm cho họ an trú trong chánh pháp, như thế gọi là trì giới Ba-la-mật; đối với ai đáng đem nhẫn nhục mà tạo mọi thành tựu đầy đủ, thì dầu họ mắng nhiếc lăng nhục, phỉ báng, quấy phá, cũng đem tâm không giận và tâm lợi ích, đem sức mạnh nhẫn nhục tối thượng, đến nỗi thân sắc cũng không biến đổi, tùy thuận ý họ mà tạo mọi thành tựu đầy đủ, làm cho họ an trú trong chánh pháp, như thế gọi là nhẫn nhục Ba-la-mật; đối với ai đáng đem tinh tiến mà tạo mọi thành tựu đầy đủ, thì không có tâm biếng nhác, lơ là, mà lại khởi lên ý muốn mãnh liệt, siêng năng thượng thặng, bốn cử động đi đứng nằm ngồi đều tùy thuận ý họ mà tạo mọi thành tựu đầy đủ, làm cho họ an trú trong chánh pháp, như thế đó gọi là tinh tiến Ba-la-mật; đối với ai đáng đem thiên định mà tạo mọi thành tựu đầy đủ, thì đem sự không rối loạn mà thành tựu chánh niệm, không bao giờ quên

mất những việc đã làm, tùy thuận ý họ mà tạo mọi thành tựu đầy đủ, làm cho họ an trú trong chánh pháp, như thế gọi là thiên định Ba-la-mật; đối với ai đáng đem trí tuệ mà tạo mọi thành tựu đầy đủ, thì họ vì lợi ích mà hỏi pháp nghĩa, mình phải không mỏi mệt mà giảng giải một cách trọn vẹn về các học thuyết, các minh xứ, cho đến mọi thứ kỹ thuật, tùy thuận ý họ mà tạo mọi thành tựu đầy đủ, làm cho họ an trú trong chánh pháp, như thế đó gọi là trí tuệ Ba-la-mật. Do vậy, bạch Thế Tôn, không có Ba-la-mật nào khác, không có sự thu nhận chánh pháp nào khác, mà thu nhận chánh pháp chính là Ba-la-mật.

Hoàng hậu Thắng Man lúc ấy lại thưa, bạch Thế Tôn, nay con xin dựa vào uy thần và biện tài của Ngài mà nói về tính chất vĩ đại của sự thu nhận chánh pháp.

Đức Thế Tôn hỏi, tính chất vĩ đại ấy như thế nào?

Hoàng hậu thưa, bạch Thế Tôn, thu nhận chánh pháp không biệt lập với sự thu nhận chánh pháp, không biệt lập với người thu nhận chánh pháp. Thiện nam hay thiện nữ thu nhận chánh pháp thì chính họ là sự thu nhận chánh pháp. Tại sao? Vì thiện nam hay thiện nữ thu nhận chánh pháp thì họ vì chánh pháp mà hy sinh thân thể, tính mạng và tài sản. Vì họ hy sinh thân thể nên đạt đến cái thì gian cuối cùng của sự sống chết, tách xa già bệnh,

được pháp thân của Đức Thế Tôn, cái thân thường còn không hư hoại, không biến đổi, tuyệt đối vắng lặng, không thể nghĩ bàn. Vì họ hy sinh tính mạng nên đạt đến cái thì gian cuối cùng của sự sống chết, tách hẳn sự chết, được sự thường còn không giới hạn, thành tựu mọi phẩm chất không thể nghĩ bàn, an trú nơi thần lực của hết thầy pháp Phật. Vì họ hy sinh tài sản nên đạt đến cái thì gian cuối cùng của sự sống chết, siêu việt chúng sinh, quả báo viên mãn một cách không cùng tận và không giảm bớt, công đức trang nghiêm một cách không thể tư duy để mô tả, được chúng sinh tôn trọng hiến cúng. Bạch Thế Tôn, thiện nam hay thiện nữ hy sinh thân thể, tính mạng và tài sản mà thu nhận chánh pháp thì được chư vị Thế Tôn thọ ký. Bạch Thế Tôn, khi chánh pháp sắp mất, có những Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di kết phe kết nhóm với nhau, dấy lên mọi sự tranh chấp, khi đó nếu thiện nam hay thiện nữ nào đem tâm không đua nịnh, quanh co, không lừa đảo, dối trá, ưa thích chánh pháp, thu nhận chánh pháp, thì họ nhập vào trong nhóm thiện hữu. Nhập vào nhóm thiện hữu thì chắc chắn được chư vị Thế Tôn thọ ký. Bạch Thế Tôn, con thấy sự thu nhận chánh pháp có sức mạnh vĩ đại đến như thế đó. Chính Đức Thế Tôn cũng lấy sức mạnh vĩ đại của sự thu nhận chánh pháp mà làm con mắt, làm căn bản của Pháp, làm sự lãnh đạo của Pháp, làm sự thông suốt pháp.

Bấy giờ, khi nghe hoàng hậu Thắng Man nói về uy lực vĩ đại của sự thu nhận chánh pháp, thì Đức Thế Tôn tán dương như vậy: Đúng như vậy, đúng như vậy, tốt lắm, Thắng Man, đúng như hoàng hậu đã nói về uy lực vĩ đại của sự thu nhận chánh pháp. Một đại lực sĩ mà chạm nhẹ vào tử huyết, người ta cũng đau đớn, bệnh nặng thêm lên: cũng như vậy, Thắng Man, chút ít sự thu nhận chánh pháp cũng làm cho ma vương đau khổ, buồn rầu, kêu gào, than thở. Thắng Man, Như Lai không thấy một pháp thiện nào làm cho ma vương buồn rầu bằng một chút của sự thu nhận chánh pháp. Thắng Man, con bò chúa hình đẹp, thân lớn, thì làm mờ cả đàn bò: cũng y như vậy, Thắng Man, người tu Đại thừa thì giả sử mới có chút ít sự thu nhận chánh pháp cũng có khả năng làm khuất mờ tất cả pháp thiện của Thanh văn, Duyên giác. Thắng Man, núi chúa Tu-di cao lớn tráng lệ, làm mờ tất cả núi non: cũng như vậy, Thắng Man, người mới tới Đại thừa, vì lợi ích cao cả mà không kể thân mạng, thu nhận chánh pháp, như thế cũng đã hơn tất cả thiện căn của những người ở lâu trong Đại thừa mà đoái hoài thân mạng. Thế nên, Thắng Man, hãy đem sự thu nhận chánh pháp mà mở bày, chỉ rõ nhằm hoán cải mọi người. Như vậy, Thắng Man, sự thu nhận chánh pháp có phước lợi vĩ đại, có quả báo vĩ đại. Thắng Man, chính Như Lai tán dương công đức của sự thu nhận chánh pháp đến vô số kiếp cũng

không thể cùng tận giới hạn, cho nên sự thu nhận chánh pháp để thành tựu vô số công đức như trên đã nói.



(III. NHẬP NHƯ LAI TẠNG)

(5. Xác quyết Nhất thừa)

Đức Thế Tôn dạy Thắng Man, hoàng hậu nay hãy nói thêm nữa về sự thu nhận chánh pháp mà Như Lai đã nói là toàn thể chư vị Như Lai đều ưa thích.

Thắng Man thưa, bạch Thế Tôn, thu nhận chánh pháp thì gọi là Đại thừa. Tại sao, vì Đại thừa thì xuất sinh tất cả pháp thiện của thế gian và xuất thế, của Thanh văn và Duyên giác. Bạch Thế Tôn, như hồ A nậu là nơi phát nguyên của tám con sông lớn, Đại thừa là nơi phát nguyên tất cả pháp thiện của thế gian và xuất thế, của Thanh văn và Duyên giác. Bạch Thế Tôn, mọi hạt giống, mọi cây cỏ, rừng rú đều do địa cầu mà sinh ra và lớn lên, cũng y như vậy, mọi pháp thiện của thế gian và xuất thế, của Thanh văn và Duyên giác đều do Đại thừa mà sinh ra và lớn lên. Thế nên, bạch Thế Tôn, trú ở Đại thừa, thu nhận Đại thừa, thì như thế là trú ở và thu nhận mọi pháp thiện của thế gian và xuất thế, của Thanh văn và Duyên giác.

Bạch Thế Tôn, như Ngài dạy về sáu điều, đó là

chánh pháp còn, chánh pháp mất, biệt giải thoát, Tỳ-nại-da, chính xuất gia, thọ cụ túc. Ấy là Đức Thế Tôn vì Đại thừa mà nói sáu điều như vậy. Làm sao biết được? Vì chánh pháp còn thì chánh pháp ấy là Đại thừa: Đại thừa còn là chánh pháp còn. Chánh pháp mất thì chánh pháp ấy là Đại thừa: Đại thừa mất là chánh pháp mất. Biệt giải thoát với Tỳ-nại-da, hai điều này nghĩa một mà tên khác. Tỳ-nại-da (hay Biệt giải thoát) là Giới học đại thừa, tại sao, vì nương tựa nơi Đức Thế Tôn mới chính xuất gia và thọ cụ túc. Do vậy, Giới học Đại thừa là Tỳ-nại-da (hay Biệt giải thoát), là chính xuất gia, là thọ cụ túc.

Bạch Thế Tôn, La-hán không có chính xuất gia và thọ cụ túc, vì sao, vì La-hán không nương tựa nơi Đức Thế Tôn thì không có chính xuất gia và thọ cụ túc. La-hán còn có tư tưởng sợ hãi nên quy y Đức Thế Tôn. La-hán đối với các hành vẫn có tư tưởng sợ hãi, tình trạng như một kẻ cầm kiếm muốn tự hại mình, do vậy, La-hán không chứng được sự xuất ly và sự an lạc tuyệt đối. Bạch Thế Tôn, nương tựa là nương tựa với bậc không cầu sự nương tựa nữa. Mọi sinh vật không có nơi nương tựa, nên sinh vật nào cũng sợ hãi, và muốn yên ổn nên sinh vật nào cũng tìm nơi nương tựa. La-hán cũng vậy, vì có tư tưởng sợ hãi nên quy y Đức Thế Tôn. Thế nên La-hán và Duyên giác sinh pháp đang còn, phạm hạnh chưa lập, việc làm chưa

xong, còn có đoạn trừ, chưa được cứu cánh, cách xa Niết-bàn. Tại sao, vì chỉ có Đức Thế Tôn, bậc Đến như chư Phật, bậc Thích ứng hiển cúng, bậc Biết đúng và khắp, mới chứng Niết-bàn, thành tựu vô lượng công đức ngoài tâm tư duy và thảo luận, cái gì đáng đoạn trừ thì đã đoạn trừ cả rồi, đã thanh tịnh tuyệt đối, làm bậc cho chúng sinh chiêm ngưỡng, siêu việt lĩnh vực nhị thừa và Bồ-tát. La-hán đâu có được như vậy. La-hán được Niết-bàn, đó chỉ là lời nói theo phương tiện của Đức Thế Tôn. Thế nên La-hán cách xa Niết-bàn. Bạch Thế Tôn, Ngài nói La-hán, Duyên giác quán sát giải thoát bằng bốn tuệ giác cứu cánh, đạt được chỗ yên nghỉ; nói như thế toàn là Đức Thế Tôn nói theo ý người khác, nói không trọn nghĩa. Tại sao con biết như vậy? Vì chết có hai loại, một là từng đời, hai là thay đời. Chết từng đời là chúng sinh chết đời này rồi chết đời khác một cách liên tục. Chết thay đời là ý sinh thân của La-hán, Duyên giác và Bồ-tát tự tại, cho đến khi thành tựu Bồ-đề vô thượng, (chỉ thay đời cấp độ mà thôi). Trong hai loại chết đó, lấy loại chết từng đời mà nói La-hán và Duyên giác sinh ra cái tuệ giác ta sinh đã hết; do chúng được Niết-bàn chưa toàn nên sinh ra cái tuệ giác phạm hạnh đã lập; phạm phu không làm được, bảy bậc đang còn tu học chưa làm xong, các phiền não liên tục đã đoạn trừ trọn vẹn, nên sinh ra cái tuệ giác việc làm đã xong. Còn nói sinh ra cái tuệ giác

không còn đời sau, thì La-hán Duyên giác không thể đoạn trừ tất cả phiền não, nên chưa đạt trọn vẹn cái tuệ giác không còn mọi sự thọ sinh.

Tại sao như vậy? Vì La-hán và Duyên giác còn thừa phiền não mà không phải đoạn trừ đã hết, do vậy, các vị ấy không thể đạt trọn vẹn không còn mọi sự thọ sinh. Phiền não có hai loại, một là phiền não trú địa, hai là phiền não phát sinh. Phiền não trú địa có bốn, là kiến của ba cõi, ái của cõi Dục, ái của cõi Sắc, ái của cõi Vô sắc; bốn phiền não này tạo ra mọi phiền não. Còn phiền não phát sinh (thì có hai loại). Có loại tương ứng với tâm trong từng sát na (gọi là phiền não trú địa); còn loại vô minh trú địa thì vô thi đến giờ không tương ứng với tâm. Bạch Thế Tôn, bốn phiền não trú địa tuy tạo ra phiền não, nhưng so với vô minh trú địa thì toán học và ví dụ cũng không thể đối tỷ. Vô minh trú địa thì sức mạnh của nó còn hơn cả ái của cõi Vô sắc. Ví như sắc đẹp, sức mạnh và uy thế của ma vương cùng tùy thuộc của nó, làm khuất mờ tất cả chư Thiên cõi Tha hóa tự tại; vô minh trú địa cũng vậy, nó làm khuất mờ tất cả bốn phiền não trú địa, nó làm chỗ dựa cho phiền não nhiều hơn hằng sa, và cũng chính nó làm cho bốn phiền não trú địa tồn tại lâu dài. Nó thì tuệ giác La-hán, Duyên giác không thể đoạn trừ, mà đoạn trừ nó thì chỉ có tuệ giác của Đức Thế Tôn. Bạch Thế Tôn, đúng như vậy, đúng như vậy, sức mạnh của vô minh trú địa

rất lớn. Bạch Thế Tôn, như do Thủ làm duyên tố mà nghiệp thân hữu lậu tạo ra ba Hữu, vô minh trú địa cũng vậy, chính nó làm duyên tố mà nghiệp nhân vô lậu tạo ra ý sinh thân của La-hán, Duyên giác và Bồ-tát đại lực. Ý sinh thân của ba quả vị này, cùng với nghiệp nhân vô lậu, toàn là do vô minh trú địa làm căn cứ. Vô minh trú địa vừa có duyên tố, vừa làm duyên tố. Bạch Thế Tôn, do vậy, ba ý sinh thân, cùng với nghiệp nhân vô lậu, toàn là do vô minh trú địa làm duyên tố, giống như ái của cõi Vô sắc. Nhưng, bạch Thế Tôn, ái của cõi Vô sắc không giống với tác dụng của vô minh trú địa, vô minh trú địa khác với bốn phiền não trú địa: vì khác với bốn phiền não trú địa nên chỉ có Đức Thế Tôn mới đoạn trừ được. La-hán Duyên giác chỉ đoạn trừ bốn phiền não trú địa nên diệu lực của việc dứt sạch các lậu không được tự tại, không thể hiện chứng. Do vậy, nói La-hán, Duyên giác dứt sạch các lậu chỉ là lời nói thêm của Đức Thế Tôn. Thế nên La-hán, Duyên giác với Bồ-tát tối hậu thân toàn bị vô minh trú địa che khuất, không biết không thấy các pháp, vì không thấy, không biết các pháp nên cái đáng đoạn trừ thì chưa đoạn trừ, cái đáng chấm hết thì chưa chấm hết: vì chưa đoạn trừ, chưa chấm hết các pháp đáng đoạn trừ và đáng chấm hết, nên chỉ được sự giải thoát chưa toàn chứ không phải sự giải thoát hoàn toàn, được sự thanh tịnh chưa toàn chứ không phải sự thanh tịnh tất cả, được

công đức chưa toàn chứ không phải công đức toàn bộ. Bạch Thế Tôn, vì được giải thoát chưa toàn chứ không phải giải thoát hoàn toàn, cho đến được công đức chưa toàn chứ không phải công đức toàn bộ, nên biết khổ chưa hết, đoạn tập chưa hết, chúng diệt chưa hết, và tu đạo cũng chưa hết.

Hoàng hậu Thắng Man bấy giờ lại thưa: Bạch Thế Tôn, nếu biết khổ chưa hết, đoạn tập chưa hết, chúng diệt chưa hết, tu đạo chưa hết, thì như thế dầu hướng về Niết-bàn mà chỉ gọi là diệt độ một phần, Niết-bàn một phần. Nếu biết khổ hoàn toàn, đoạn tập hoàn toàn, chúng diệt hoàn toàn, tu đạo hoàn toàn, thì trong cái thế giới vô thường đổ nát, vị này chúng được cái Niết-bàn thường còn, vắng lặng và trong mát. Vị này làm người che chở và làm chỗ nương tựa cho thế giới không ai che chở, không nơi nương tựa. Nhưng thấy các pháp có cao có thấp thì không chúng Niết-bàn. Tuệ giác đồng đẳng, giải thoát đồng đẳng, thanh tịnh đồng đẳng, mới chúng Niết-bàn. Nên Niết-bàn là đồng đẳng, một vị. Một vị ấy là vị giải thoát. Nếu vô minh trú địa mà không đoạn trừ và không chấm hết, thì không đạt được vị đồng nhất và đồng đẳng của Niết-bàn. Vì sao, vì vô minh trú địa không đoạn trừ và không chấm hết, thì mọi tội lỗi nhiều hơn hằng sa đáng đoạn trừ không đoạn trừ, đáng chấm hết không chấm hết; vì tội lỗi nhiều như hằng sa không đoạn trừ và không chấm hết, nên công đức nhiều

hơn hằng sa sẽ không trọn vẹn, không thực hiện. Do đó mà biết vô minh trú địa là nơi phát sinh tất cả phiền não cần phải đoạn trừ: chính từ nó mà phát sinh phiền não nhiều hơn hằng sa, tạo chướng ngại cho tâm, gây chướng ngại cho chỉ, cho quán, cho định, cho đẳng trì, cho gia hành, các tuệ giác, các đạo quả, tạo chướng ngại nơi sự chứng đắc các lực, vô úy. Phải là tuệ giác Bồ-đề của Đức Thế Tôn và tuệ giác kim cang của Đức Thế Tôn mới đoạn được loại phiền não phát sinh này, loại phiền não phát sinh ấy nương tựa ở vô minh trú địa, do vô minh trú địa làm nhân tố và duyên tố. Loại phiền não phát sinh này tương ứng với tâm trong từng sát na, nhưng vô minh trú địa thì vô thì đến giờ không tương ứng với tâm. Bạch Thế Tôn, nhiều hơn hằng sa, tất cả những gì cần phải đoạn trừ do tuệ giác Bồ-đề và tuệ giác kim cang, thì toàn là vô minh trú địa làm căn cứ mà cấu trúc. Tựa như mọi hạt giống và rừng rú đều do từ địa cầu sinh ra và lớn lên, nếu địa cầu hư hoại, thì mọi hạt giống và rừng rú cũng hư hoại theo, cũng y như thế ấy, những gì nhiều hơn hằng sa cần phải đoạn trừ do tuệ giác Bồ-đề và tuệ giác kim cang của Đức Thế Tôn, toàn là do từ vô minh trú địa sinh ra và lớn lên. Nếu vô minh trú địa bị đoạn trừ, thì những gì nhiều hơn hằng sa cần phải đoạn trừ do tuệ giác Bồ-đề và tuệ giác kim cang của Đức Thế Tôn cũng tùy theo đấy mà đoạn trừ. Như thế đó, những gì nhiều hơn hằng sa cần

phải đoạn trừ, tức tất cả phiền não trú địa và phiền não phát sinh đoạn trừ cả rồi, thì thực hiện được phẩm chất của Đức Thế Tôn nhiều hơn hằng sa và ngoài tầm nghĩ bàn, đối với toàn thể các pháp thì chúng được thân thông vô ngại, chúng được trí và chúng được kiến, siêu thoát mọi lỗi lầm, thủ đắc công đức, làm bậc đại pháp vương, tự tại đối với các pháp, đạt đến vị trí tự tại đối với các pháp, và như sư tử gầm lên, rằng ta sự sinh đã hết, phạm hạnh đã lập, việc làm đã xong, không còn đời sau. Như sư tử gầm lên, Đức Thế Tôn đã căn cứ vào nghĩa lý cứu cánh mà ghi nhận và tuyên ngôn quyết định như vậy.

Bạch Thế Tôn, không còn đời sau, tuệ giác này có hai loại. Loại thứ nhất là các Đức Thế Tôn sử dụng năng lực thuần hóa mà chiến thắng quân ma, siêu việt thế giới, mọi người chiêm ngưỡng, chúng đắc pháp thân thanh tịnh và ngoài tầm nghĩ bàn, được sự tự tại đối với các pháp nhận biết, cao hơn tất cả, không ai trên nữa, không còn làm gì, không thấy có vị trí chúng đắc nữa, hoàn hảo mười lực, bước lên quả vị tối thắng vô úy, đối với các pháp thì quan sát vô ngại, như sư tử gầm lên, tuyên cáo không còn đời sau. Loại thứ hai là La-hán, Duyên giác vượt được sự sợ hãi của sự sống chết vô cùng, thọ hưởng cái vui giải thoát, nghĩ rằng nay ta đã hết sợ sống chết, không chịu khổ não. Bạch Thế Tôn, La-hán và Duyên giác quan sát như vậy, gọi

là không còn đời sau, nhưng họ không chứng được Niết-bàn là chỗ yên nghỉ bậc nhất. Đối với vị trí chưa chứng được đó, dầu không gặp giáo pháp Đại thừa đi nữa, họ cũng tự biết chỉ chứng được vị trí chưa toàn, và quyết định sẽ chứng được Bồ-đề vô thượng. Tại sao như vậy, vì Thanh văn và Duyên giác toàn là sẽ nhập vào Đại thừa. Mà Đại thừa là Phật thừa. Do vậy, ba thừa là một thừa, chứng một thừa là chứng được Bồ-đề vô thượng. Bồ-đề vô thượng là Niết-bàn. Niết-bàn là pháp thân của Đức Thế Tôn. Mà pháp thân chính là nhất thừa, chứ không có Thế Tôn nào khác, không có pháp thân nào khác. Thế Tôn là pháp thân, chứng được pháp thân cứu cánh chính là nhất thừa cứu cánh. Nhất thừa cứu cánh thì thường trú, siêu việt sự liên tục. Tại sao như vậy, bởi vì Thế Tôn tồn tại không có giới hạn, đồng đẳng với thì gian cuối cùng. Thế Tôn đem đại bi vô giới hạn và đem đại nguyện vô giới hạn tạo lợi ích cho thế giới: nói như vậy là nói đúng. Nếu nói Thế Tôn là thường trú, là bất tận, là bậc mà thế giới nương tựa được tuyệt đối: nói như vậy cũng là nói đúng. Ấy vậy, bậc mà cùng tận thì gian vị lai làm nơi nương tựa vô tận, thường trú và cứu cánh cho thế giới không ai che chở, không nơi nương tựa, bậc ấy là Phật, bậc Đến như chư Phật, bậc Thích ứng biến cúng, bậc Biết đúng và khắp. Còn Pháp là giáo pháp nhất thừa, Tăng là tăng chúng tam thừa, hai nơi quy y này không phải là

quy y cứu cánh, mà chỉ gọi là quy y phần ít. Tại sao, vì nếu đã nói là giáo pháp nhất thừa, chứng pháp thân cứu cánh, thì đáng lẽ sau đó không còn nói giáo pháp nhất thừa nữa; còn chúng tăng tam thừa thì vì sợ hãi sinh tử nên quy y Đức Thế Tôn, cầu xuất ly, cầu tu học, còn có việc làm, còn phải hướng về Bồ-đề vô thượng. Nên hai nơi quy y trên đây không phải là quy y cứu cánh, mà là quy y có giới hạn. Nếu chúng sinh được Thế Tôn thuần hóa, quy y Thế Tôn, được Pháp thấm nhuần, do tâm ưa thích mà quy y Pháp và Tăng Tỳ-kheo, thì hai nơi quy y này là do Pháp thấm nhuần và tin tưởng mà quy y, còn quy y Thế Tôn thì không phải do Pháp thấm nhuần và tin tưởng mà quy y. Quy y Thế Tôn là quy y một cách chân thật; hai sự quy y Pháp và Tăng dựa vào sự chân thật ấy mà gọi chung là cứu cánh quy y Thế Tôn. Tại sao, bởi vì Thế Tôn thì không khác Pháp và Tăng. Do vậy, Thế Tôn là ba quy y. Nói về nhất thừa là nói Thế Tôn hoàn thiện bốn vô úy và nói như sư tử gầm. Nếu Thế Tôn tùy ý muốn của người thì Ngài theo phương tiện nói Nhị thừa là Đại thừa. Vì thật ra theo chân lý bậc nhất thì không có Nhị thừa, mà Nhị thừa nhập vào Nhất thừa. Nhất thừa chính là cái thừa của chân lý bậc nhất.

(6. Chân lý vô biên)

Bạch Thế Tôn, Thanh văn, Duyên giác khi mới

chúng Thánh đế, là không phải đem một cái trí đoạn trừ phiền não trú địa, cũng không phải đem một cái trí chứng bốn thứ biến tri và những công đức tùy thuộc, cũng không phải đem pháp mà khéo biết về bốn nghĩa của pháp. Bạch Thế Tôn, cái trí xuất thế không có bốn trí đến dần và biết dần. Cái trí xuất thế không có sự đến dần, nên ví dụ như kim cương. Bạch Thế Tôn, Thanh văn, Duyên giác đem các cái trí Thánh đế mà đoạn trừ các phiền não trú địa, chứ họ không có cái trí xuất thế bậc nhất. Chỉ có Đức Thế Tôn, bậc Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri, không phải lĩnh vực của Thanh văn, Duyên giác, mới đem cái *trí không* chẳng thể nghĩ bàn phá vỡ tất cả cái vô phiền não. Cái trí cứu cánh phá vỡ tất cả cái vô phiền não ấy gọi là trí xuất thế bậc nhất. Cái trí đầu tiên về Thánh đế không phải cái trí cứu cánh ấy, mà chỉ là cái trí hướng đến Bồ-đề vô thượng. Thế nên, bạch Thế Tôn, nói bậc Thánh chân thật thì không phải là Nhị thừa, bởi vì Nhị thừa chỉ thành tựu một ít công đức, nên họ được gọi là Thánh mà thôi. Bạch Thế Tôn, nói Thánh đế thì cũng không phải là Thánh đế của Thanh văn, Duyên giác và công đức của Thánh đế ấy cũng vậy. Thánh đế ấy chỉ có Đức Thế Tôn, bậc Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri mới biết rõ trước tiên, rồi sau đó mới mở bày diễn nói cho mọi người đang ở trong vô vô minh, do vậy mà gọi là Thánh đế.

(7. Như Lai tạng)

Bạch Thế Tôn, Thánh đế như trên đã nói thì rất sâu, tinh tế, khó thấy, khó biết, không thể phân biệt, không phải là lĩnh vực của tư duy, thế gian không tin, chỉ có Đức Thế Tôn, bậc Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri mới biết được. Tại sao, bởi vì Thánh đế ấy là nói về Như Lai tạng rất sâu. Như Lai tạng là lĩnh vực của Đức Thế Tôn, không phải là đối tượng của Thanh văn, Duyên giác. Nơi Như Lai tạng mà nói nghĩa lý Thánh đế, thì Như Lai tạng ấy rất sâu, tinh tế, khó thấy, khó biết, không thể phân biệt, không phải là lĩnh vực của tư duy, thế gian không tin, chỉ có Đức Thế Tôn, bậc Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri mới biết đến.

(8. Pháp thân)

Bạch Thế Tôn, nếu ai không nghi hoặc gì về Như Lai tạng đang bị ràng buộc trong vô số phiền não, thì người ấy cũng không nghi hoặc gì về pháp thân của Như Lai đã thoát khỏi tất cả phiền não. Bạch Thế Tôn, nếu ai tâm trí hội nhập trọn vẹn đối với lĩnh vực chẳng thể nghĩ bàn và bí mật của Đức Thế Tôn là Như Lai tạng và pháp thân của Như Lai, thì người ấy có thể tin, có thể hiểu, và có thể thắng giải về hai loại Thánh đế sẽ nói sau đây. Hai loại Thánh đế ấy là có tác thành và không tác thành. Thánh đế có tác thành thì không tròn đầy nghĩa lý nơi bốn Thánh đế, vì sao, vì do người hộ

trì mà vẫn không thể biết tất cả khổ, đoạn tất cả tập, chứng tất cả diệt và tu tất cả đạo, do vậy họ không thấu triệt về hữu vi, vô vi, cùng với Niết-bàn. Còn Thánh đế không tác thành thì tròn đầy nghĩa lý nơi bốn Thánh đế, vì sao, vì tự họ trì lấy mà vẫn biết tất cả khổ, đoạn tất cả tập, chứng tất cả diệt và tu tất cả đạo. Như vậy là có tám nghĩa Thánh đế mà Đức Thế Tôn chỉ nói bằng bốn Thánh đế. Nghĩa bốn Thánh đế không tác thành thì chỉ có Đức Thế Tôn, bậc Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri mới làm việc rốt ráo, không phải năng lực của Thanh văn, Duyên giác mà làm thấu. Không phải đem cái pháp hơn kém hay thấp vừa cao mà chứng được Niết-bàn, vậy Đức Thế Tôn làm việc rốt ráo về Thánh đế không tác thành như thế nào? Là Đức Thế Tôn, bậc Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri, đã biết khắp về các khổ, đoạn sạch hết khổ tập là phiền não trú địa và phiền não phát sinh, chứng đắc khổ diệt của tất cả ý sinh thân, và tu tập tất cả đạo diệt khổ. Bạch Thế Tôn, sự khổ diệt thì không phải là pháp hủy hoại, tại sao, vì sự khổ diệt là không mở đầu, không tác động, không khởi dấy, không cùng tận, không trú bất động, bản tánh thanh tịnh, ra khỏi vô phiền não. Bạch Thế Tôn, vì Ngài hoàn thành những tuệ giác giải thoát và những pháp chẳng thể nghĩ bàn, với số lượng nhiều hơn hằng sa, nên gọi là pháp thân. Bạch Thế Tôn, pháp thân như vậy không tách rời phiền não, nên gọi là Như

Lai tạng.

(9. Chân thật bị ẩn)

Bạch Thế Tôn, Như Lai tạng là tuệ giác về tánh siêu việt của Đức Thế Tôn. Như Lai tạng thì Thanh văn Duyên giác chưa hề thấy, chưa hề được, chỉ Đức Thế Tôn mới thấu triệt và chứng đắc. Tuệ giác về tánh siêu việt của Như Lai tạng có hai thứ. Một là Như Lai tạng như thật không, là tách rời tất cả phiền não không phù hợp với tuệ giác giải thoát. Hai là Như Lai tạng như thật hữu, là có đủ nhiều hơn hăng sa những pháp chẳng thể nghĩ bàn phù hợp với tuệ giác giải thoát. Hai tuệ giác về tánh siêu việt của Như Lai tạng như vậy, các vị đại Thanh văn do tin mà vào được. Bạch Thế Tôn, tuệ giác về tánh siêu việt của Thanh văn Duyên giác là chuyển theo bốn đối tượng điên đảo mà chưa biết bốn phẩm chất, do vậy mà họ chưa từng thấy và chưa từng chứng sự khổ diệt hoàn toàn. Chỉ Đức Thế Tôn mới hiện chứng, vì đã hủy diệt mọi thứ phiền não và tu tập đạo diệt khổ.

(10. Thánh đế duy nhất)

Bạch Thế Tôn, trong bốn Thánh đế, ba thứ là vô thường, một thứ là thường trú. Tại sao, bởi vì ba thứ thuộc về trạng thái hữu vi. Hữu vi là vô thường. Vô thường là hủy diệt: hủy diệt thì không phải chân lý, không phải thường còn, không phải là chỗ nương tựa. Do vậy, căn cứ nơi nghĩa lý bậc

nhất mà nói, thì ba thứ Thánh đế không phải là chân lý, không phải thường còn, không phải là chỗ nương tựa.

(11. Nương tựa duy nhất)

Bạch Thế Tôn, còn một thứ Thánh đế khổ diệt thì siêu việt hữu vi. Siêu việt hữu vi thì bản tánh thường trú. Bản tánh thường trú thì không phải là pháp hủy diệt. Không hủy diệt thì là chân lý, là thường còn, là chỗ nương tựa. Do vậy, bạch Thế Tôn, căn cứ vào nghĩa lý bậc nhất mà nói thì Thánh đế khổ diệt là chân lý, là thường còn, là chỗ nương tựa.

(12. Diên đảo, chắc thật)

Bạch Thế Tôn, Thánh đế khổ diệt là chẳng thể nghĩ bàn, vượt quá lĩnh vực tâm thức của chúng sinh, cũng không phải tuệ giác của hàng nhị thừa thấu đến. Tựa như người mù bẩm sinh không thấy hình sắc, hay trẻ con bảy ngày tuổi không thấy mặt trời, Thánh đế khổ diệt cũng là như vậy, không phải là đối tượng của nhận thức nơi hàng phàm phu, cũng không phải đối cảnh của tuệ giác nhị thừa. Kiến thức phàm phu là nhị biên, tuệ giác nhị thừa là trong sạch. Nhị biên là chấp trước năm uẩn làm tự ngã rồi phát sinh đủ cách phân biệt. Nhị biên là thấy thường hay thấy đoạn. Nếu thấy sinh tử vô thường, thấy Niết-bàn thường còn, nhưng không phải đoạn kiến hay thường kiến, như thế gọi là

chánh kiến. Những kẻ suy tính thì thấy quan năng, cảm giác và tư tưởng, toàn là hiện thực hủy diệt, họ không thấu tính cách liên tục, họ đui mù, không có mắt tuệ, nên khởi lên đoạn kiến; còn đối với sự liên tục của tâm thức thì hủy diệt trong từng đơn vị thì gian, họ không rõ đó là đối tượng của ý thức, nên khởi lên thường kiến. Nhưng, những ý nghĩa trên đây quá tầm phân biệt cùng những kiến thức thấp kém, chỉ do ngu phu nghĩ khác, chấp trước điên đảo, bảo là đoạn, bảo là thường. Bạch Thế Tôn, người điên đảo thì năm uẩn vô thường tưởng là thường, khổ tưởng là lạc, vô ngã tưởng là ngã, bất tịnh tưởng là tịnh. Còn tuệ giác trong sạch của nhị thừa thì chưa từng thấy lĩnh vực và pháp thân của Đức Thế Tôn, nhưng vẫn có vị tin tưởng Đức Thế Tôn, nên đối với Ngài họ thấy thường, thấy lạc, thấy ngã, thấy tịnh, thì đó không phải là những cái thấy điên đảo, mà chính là thấy chính xác. Tại sao, vì pháp thân của Thế Tôn là sự thường toàn hảo, sự lạc toàn hảo, sự ngã toàn hảo, sự tịnh toàn hảo. Ai thấy như vậy gọi là thấy chính xác. Thấy chính xác thì gọi là con Phật thật, sinh từ miệng Phật, sinh từ chánh pháp, sinh từ pháp hóa, được phần pháp Phật. Bạch Thế Tôn, nói tuệ giác trong sạch thì chính là tuệ giác của hàng nhị thừa. Tuệ giác trong sạch ấy, Thánh đế khổ diệt còn không phải là đối tượng của nó, huống chi là Thánh đế khổ diệt được biết do tuệ giác ***bôn nhập lưu*** (Xem

Hoa Nghiêm Đại Sớ Sao, trang 497). Tại sao, vì ai mới tu ba thừa mà không ngu muội nơi các pháp thì có thể chứng và có thể biết về ý nghĩa này. Bạch Thế Tôn, vì lý do gì mà Ngài nói bốn nhập lưu? Bốn nhập lưu tuy là pháp thế gian, nhưng được một nhập lưu thì đã là tối thượng đối với mọi thứ nhập lưu; còn lấy nghĩa lý bậc nhất nói là nhập lưu, thì đó là chỗ quy hương, là Thánh đế khổ diệt.

(13. Bản tánh thanh tịnh)

Bạch Thế Tôn, sống chết là do Như Lai tạng. Do Như Lai tạng mà nói cái thì gian trước hết là không thể biết được. Bạch Thế Tôn, có Như Lai tạng thì có sống chết, nói như vậy là nói khéo. Bạch Thế Tôn, sống chết là giác quan hủy diệt, rồi liên tục làm cho giác quan chưa khởi lên thì khởi lên, như thế gọi là sống chết. Nên sống chết, hai sự ấy là do Như Lai tạng, nhưng kiến thức bình thường thì gọi là sống chết. Chết là các giác quan hủy diệt, sống là các giác quan khởi lên, mà Như Lai tạng thì không sống không chết, không thăng lên không rơi xuống, siêu việt mọi trạng thái hữu vi. Như Lai tạng thường trú, không hủy diệt, do vậy, bạch Thế Tôn, Như Lai tạng là chỗ nương tựa, là nắm giữ, là xây dựng cho kho tàng tuệ giác giải thoát, lại là chỗ nương tựa, là nắm giữ, là xây dựng cho các pháp hữu vi ngoài tuệ giác giải thoát. Bạch Thế Tôn, không Như Lai tạng thì không chán khổ sinh tử,

không cầu vui Niết-bàn. Vì sao, vì sáu thức, và đối tượng của chúng, bảy pháp như vậy một thoáng không ngừng, không lãnh chịu đau khổ, không có khả năng chán sinh tử, cầu Niết-bàn. Như Lai tạng không có thì gian trước hết, không sinh không diệt, lãnh chịu đau khổ, và vì chán đau khổ mà cầu Niết-bàn. Bạch Thế Tôn, Như Lai tạng không tự ngã, không tái sinh, không sinh thể và không sinh mạng. Như Lai tạng không phải là đối tượng của những người chấp thân, người điên đảo và người chấp không. Bạch Thế Tôn, Như Lai tạng là tạng pháp giới, là tạng pháp thân, là tạng xuất thế, là tạng bản tánh thanh tịnh. Cái Như Lai tạng bản tánh thanh tịnh, theo chỗ con hiểu, thì dầu bị phiền não cấu nhiễm, cũng vẫn là chẳng thể nghĩ bàn, là lĩnh vực của Đức Thế Tôn. Tại sao, bạch Thế Tôn, tại vì trong mỗi đơn vị thì gian, những tâm lý thiện và bất thiện, những phiền não đều không thể cấu nhiễm nơi Như Lai tạng: phiền não không chạm đến tâm, tâm không chạm đến phiền não, không chạm nhau thì làm sao cấu nhiễm? Bạch Thế Tôn, có phiền não thì có cái tâm nhiễm theo, cái tâm nhiễm theo phiền não ấy mà đã khó hiểu khó biết, chỉ Đức Thế Tôn, bậc làm mắt, làm trí, làm gốc của Pháp, làm tôn cao, làm dẫn đạo, làm chỗ dựa của Pháp, mới thấy biết đúng như sự thật.

Lúc ấy, Đức Thế Tôn khen ngợi hoàng hậu Thắng Man, nói rằng tốt lắm, tốt lắm, đúng như

hoàng hậu đã nói, cái tâm bản tánh thanh tịnh bị phiền não cấu nhiễm, thì thật khó mà biết rõ. Thắng Man, có hai sự khó biết rõ, ấy là cái tâm của bản tánh thanh tịnh thì khó biết rõ, mà tâm ấy bị phiền não cấu nhiễm thì cũng là khó biết rõ. Hai sự như vậy, hoàng hậu và các vị Bồ-tát thành tựu đại pháp mới nghe và tiếp nhận được, còn các vị Thanh văn chỉ do tin mà biết.

(14. Con thật của Phật)

Thắng Man, nếu đệ tử của Như Lai có đức tin tăng thượng, thì người ấy có tuệ giác tùy thuận với Pháp, và được rớt ráo trong Pháp ấy. Tuệ giác tùy thuận với Pháp là quan sát các giác quan, nhận thức và đối tượng; quan sát hành vi và kết quả của hành vi; quan sát sự ngủ của La-hán; quan sát tâm tụ tại, ưa thích cái vui thiền định; quan sát thần thông tuệ giác của nhị thừa. Do thành tựu năm sự quan sát khéo léo này mà đệ tử Thanh văn hiện tại vị lai của Như Lai do đức tin tăng thượng và tuệ giác tùy thuận với Pháp mà khéo hiểu một cách rớt ráo về tâm của bản tánh thanh tịnh và bị phiền não cấu nhiễm. Thắng Man, sự rớt ráo ấy là nhân tố của đại thừa. Hoàng hậu phải biết, tin tưởng Như Lai thì không phỉ báng Pháp sâu xa.

Hoàng hậu Thắng Man thưa, bạch Thế Tôn, còn có ý nghĩa khác nữa hữu ích cho chúng sinh mà con xin dựa vào sức mạnh nơi uy thần của Ngài

đề diễn nói. Đức Thế Tôn dạy, tốt lắm, hoàng hậu cứ nói tùy ý. Hoàng hậu Thắng Man thưa, bạch Thế Tôn, có ba loại thiện nam, thiện nữ không tự làm thương tổn đối với Pháp sâu xa, sinh lắm công đức, đi vào đại thừa. Ba loại ấy là những ai? (Một), có người tự thành tựu tuệ giác về Pháp sâu xa. (Hai), có người thành tựu tuệ giác tùy thuận với Pháp sâu xa ấy. (Ba), có người không hiểu Pháp sâu xa, nhưng tín ngưỡng rằng Pháp ấy chỉ Phật mới biết, chứ không phải là lĩnh vực của mình.

(15. Hoàng hậu Thắng Man)

Trừ ba loại thiện nam hay thiện nữ này, những người khác, đối với Pháp sâu xa, tùy mình thủ đắc mà chấp trước, nói quấy, chống đối chánh Pháp, làm theo ngoại đạo, biến mình thành hạt giống hư nát, thì dầu ở đâu cũng phải đến mà loại trừ. Những kẻ hư nát như vậy, chư Thiên hay nhân loại đều nên cùng nhau chiến thắng. Thưa bạch như vậy rồi, hoàng hậu Thắng Man cùng với thân quyến đem đỉnh đầu của mình lạy dưới chân Đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn tán dương, rằng tốt lắm, Thắng Man, đối với pháp sâu xa, hoàng hậu áp dụng phương tiện mà giữ gìn, chiến thắng những kẻ đối địch. Hoàng hậu thật là người khéo thấu suốt. Hoàng hậu đã thân gần cả trăm cả ngàn chư vị Như Lai mới nói được những điều đã nói hôm nay. Lúc ấy, Đức Thế Tôn phóng ra ánh sáng siêu việt, chiếu khắp

đại hội, rồi thăng lên không gian cao bằng bảy cây Đa-la, dùng thần lực mà đi chân trong không gian, trở về nước Xá-vệ. Hoàng hậu Thắng Man cùng với thân quyến ngược nhìn Đức Thế Tôn, mắt không rời Ngài chút nào. Khi Ngài đi quá tầm mắt rồi, hoàng hậu hoan hỷ, phấn chấn, cùng với mọi người ca tụng đức tính của Đức Thế Tôn, nhất tâm nghĩ nhớ đến Ngài. Trở vào kinh thành Vô đầu, hoàng hậu khuyến khích Hữu xung vương xây dựng đại thừa. Trong kinh thành Vô đầu, phu nhân giáo dục pháp đại thừa cho con gái bảy tuổi sắp lên, Hữu xung vương cũng đem pháp đại thừa giáo dục cho con trai bảy tuổi sắp lên. Cả nước không ai mà không học tập đại thừa.

Bảy giờ, Đức Thế Tôn vào khu lâm viên Chiến Thắng – Thiện Thí, gọi Tôn giả A-nan và nghĩ đến Đế Thích. Đế Thích cùng với tùy thuộc ứng theo ý nghĩ của Đức Thế Tôn mà đến, đứng trước Đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn bảo Đế Thích: Kiền-thi-ca, ông nên tiếp nhận và ghi nhớ kinh này, diễn giảng, mở bày chỉ rõ, làm cho chư Thiên trời Đao-lợi được yên vui. Đức Thế Tôn lại dạy Tôn giả A-nan, Tôn giả cũng tiếp nhận, ghi nhớ, phân tích giảng nói cho bốn chúng.

Đế Thích thưa Phật, bạch Thế Tôn, kinh này nên mệnh danh là gì? Chúng con nên kính nhớ như thế nào?

Đức Thế Tôn dạy, Kiền-thi-ca, kinh này thành

tự vô lượng công đức, năng lực của hàng nhị thừa còn không thấu được, huống chi là người khác. Kiều-thi-ca, ông nên biết kinh này rất sâu xa, tinh tế. Kinh này là khối công đức lớn. Như Lai sẽ nói cho ông, theo cách nói toát yếu, về danh hiệu của kinh này. Ông hãy nghe kỹ, hãy khéo ghi nhớ.

Lúc ấy, Tôn giả A-nan và Đê Thích cùng thưa: Tốt lắm, bạch Thế Tôn, chúng con xin vâng theo huấn dụ của Ngài.

Đức Thế Tôn nói, (một), kinh này tán dương đức tính chân thật của Như Lai, nên nhớ như vậy. (Hai), kinh này nói về mười điều thệ nguyện chẳng thể nghĩ bàn, nên nhớ như vậy. (Ba), kinh này đem (một trong) ba đại nguyện thâm tóm mọi thệ nguyện, nên nhớ như vậy. (Bốn), kinh này nói sự thu nhận chánh pháp là chẳng thể nghĩ bàn, nên nhớ như vậy. (Năm), kinh này nói về sự hội nhập nhất thừa, nên nhớ như vậy. (Sáu), kinh này nói Thánh đế vô biên, nên nhớ như vậy. (Bảy), kinh này nói về Như Lai tạng, nên nhớ như vậy. (Tám), kinh này nói về pháp thân của Như Lai, nên nhớ như vậy. (Chín), kinh này nói bản tánh siêu việt và chân thật bị ẩn khuất, nên nhớ như vậy. (Mười), kinh này nói ý nghĩa của Thánh đế duy nhất, nên nhớ như vậy. (Mười một), kinh này nói sự nương tựa duy nhất, thường trú, bất động và vắng lặng, nên nhớ như vậy. (Mười hai), kinh này nói về sự diên đảo và chân thật, nên nhớ như vậy. (Mười ba),

kinh này nói về tâm của bản tánh thanh tịnh mà bị phiền não che khuất, nên nhớ như vậy. (Mười bốn), kinh này nói về con thật của Như Lai, nên nhớ như vậy. (Mười lăm), kinh này nêu việc giảng nói như sư tử gầm của hoàng hậu Thắng Man, nên nhớ như vậy. Lại nữa, Kiều-thi-ca, kinh này loại trừ hoài nghi, xác quyết ý nghĩa trọn vẹn, hội nhập nơi nhất thừa. Kiều-thi-ca, Như Lai nay đem bản kinh hoàng hậu Thắng Man giảng nói như sư tử gầm này ký thác cho ông. Từ bây giờ cho đến ngày nào chánh pháp đang còn, ông hãy mở bày giảng nói cho tất cả khu vực.

Đế Thích thưa, tốt lắm, bạch Thế Tôn, dạ, con xin bái lãnh huấn dụ của Ngài.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan, Đế Thích, và cả đại hội, chư Thiên, nhân loại, A-tu-la, Càn-thát-bà v.v..., nghe những điều Đức Thế Tôn đã tuyên thuyết, ai cũng hết mực hoan hỷ, tin tưởng, tiếp nhận, và kính cẩn thực hành.



SỐ 354

KINH TỖ DA SA VẤN

*Hán dịch: Đời Nguyên Ngụy, Đại sư
Cù Đàm Bát Nhã Lưu Chi.*

QUYỂN THƯỢNG

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Bà-già-bà du hóa đến bờ sông A-du-xà-cường-già cùng với chúng Đại Tỳ-kheo. Chúng Tỳ-kheo này, việc cần làm đã làm xong, đã diệt trừ hết các lậu, xa lìa các hữu, không còn thoái chuyển, siêng tu thiền tụng, ngồi thiền. Ngồi bất cứ nơi đâu thì nơi đó cũng có hai người cùng nhau bàn luận đúng như pháp, tập trung cùng tụ tập như thiên nga, như uyên ương, có người ở nơi nhà trống, có vị ở nơi gốc cây đều hành thiền, có thể chọn lấy ánh sáng giáo pháp của Như Lai, trụ vững oai nghi. Lại có vô lượng chúng Bồ-tát đã thành tựu vô lượng công đức, danh tiếng vang khắp. Ở đó có vô lượng trăm ngàn đủ loại rừng cây với nhiều tiếng chim hót hay như tiếng chim Câu-kỳ-lạ, khổng tước, ngỗng, tiếng của đàn ong v.v... nhánh lá cây Ta-la chỉ rủ xuống tỏa ra. Người ở nơi như thế, mọi tâm dục, biếng nhác, ưa thích ngủ

ngủ uể oải đều biến mất. Cây ấy thường có vô lượng hoa đẹp, hương lành.

Bảy giờ, Đức Phật bảo chúng Tỳ-kheo:

– Nay các Tỳ-kheo! Các ông phải thường chuyên cần tu tập, làm việc nên làm, giữ giới, hành hạnh chân chánh

Khi ấy, Đức Thế Tôn cùng với chúng Đại Thanh văn như Tuệ mạng A-nan-đà, Trưởng lão Đại Ca-diếp, Trưởng lão Xá-lợi-phất, Trưởng lão Bạc-câu-la, Trưởng lão Lợi-bà-đa cùng sống trong thanh vắng, vui thích bàn luận.

Bảy giờ, phương Tây xuất hiện tướng ánh sáng giống như mặt trời. Khi ấy Tôn giả A-nan-đà lậu hoặc chưa hết nên thấy tướng đó liền thưa Phật:

– Bạch Thế Tôn! Tại sao ở phương Tây có ánh sáng oai đức rực rỡ?

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

– Thế giới đó có vị tiên chúng được năm loại thần thông tên là Tỳ-da-sa, con của bà Kiên-đà-dà-ly, có năm trăm vị tiên làm quyến thuộc. Ở đó họ siêng năng tu tập khổ hạnh, không ăn uống để giữ trai giới, thân thể đều gầy yếu chỉ còn mạng sống. Hơn nữa, họ siêng đọc tụng không ngừng để trang nghiêm. Tên của các vị ấy là tiên đồng tử A-tư, Na-la-đề-sa-bùi, Nhã-ba-da-na-na, Đồ-diên-na-già-ma-diên-na, Thương-chỉ-la-bà-tỳ, Kha-na-bà-đồ-la-đà v.v... các vị tiên này thường cùng nhau kinh

hành.

Khi đó, tiên Tỳ-da-sa thấy Đức Thế Tôn và hàng ngàn Tỳ-kheo quỳn thuộc vây quanh, các căn, tâm ý vắng lặng, ở trong rừng cây, thiên đình, lìa dục và được an lạc. Tiên Tỳ-da-sa thấy Đức Phật liền nghĩ: “Người này đúng là bậc Nhất thiết trí tiếng tăm vang dội, người ấy chắc chắn không nói dối, đúng là bậc Như Lai đầy đủ các sắc thù thắng, thành tựu các tướng hiếm có, ở thế gian chưa từng có, Sắc tướng thật tốt đẹp hiếm có. Đức Thế Tôn này đã tự tại bỏ những thú vui của ngôi vua, xả bỏ sự phú quý của vua Chuyển luân như bỏ thức ăn độc hại: Thế Tôn xả bỏ sáu vạn thể nữ sắc đẹp tuyệt vời, đi xuất gia sống trong rừng. Trong chúng tiên nhân có một vị tên Na-la-đà khi thấy Đức Thế Tôn, tâm vui mừng dùng kệ hay tán thán Như Lai:

*Trong rừng cây màu xanh
Màu vàng ai rực rỡ
Trong như Tỳ-lưu-ly
Mặt trời khỏi núi mây.*

Khi ấy, vị Đại tiên và chúng tiên nghe kệ rồi vui mừng được mắt trí, đều chấp tay hướng về Đức Phật.

Bây giờ, Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Nay các Tỳ-kheo! Các vị có thấy những vị tiên ở Diêm-phù-đề trói tay chân, tự treo thân trên

cây, không ăn uống để giữ trai giới, mặc áo vỏ cây, nằm ở trên đất chằng? Hoặc ở trên đá dùng hai tay bụm lấy thức ăn rồi mở tay ra mà ăn, hoặc hít thở không khí làm thức ăn, hoặc có người mười lăm ngày không ăn để giữ trai giới hoặc có người một tháng không ăn để giữ trai giới, khiến cho râu, tóc, móng tay đều dài ra, ba thời sáng, trưa, chiều đều tụng kinh. Có loại tài sản của dòng họ, có loại tài sản do phước đức, trước tiên chú nguyện các vật rồi đặt vào trong lửa, để cúng dường lửa; còn nằm thì nằm ở dưới đất, có người nằm ở đất trống, có người nằm nơi gốc cây, có người tự trói tay mình trên cây mà ngủ. Hoặc có người ngồi chồm hỏm mà ngủ, hoặc có người ở trong nước mà ngủ, rồi dùng nắm thứ nóng để nướng thân. Có người tự nằm trên lửa để nướng thân, có người nằm dưới ngọn gió cháy rực, có người nằm trên gai, có người nướng thân dưới mặt trời chịu đau đớn để mong cầu phước, tự lừa dối thân để cầu ở chỗ thuận tiện, chùng tánh tôn quý, tâm cho là đủ, tâm cho là vui mừng, xa lìa trí vô thượng. Này các Tỳ-kheo! Vị Đại Tiên nhân này không thể biết được sự giải thoát sinh tử, do tham dục, si mê lại sinh trong các cõi, tự cho là chánh hạnh mà không biết đó là sai lầm.

Lúc đó, các Tỳ-kheo đánh lễ Đức Phật và thưa:

– Bạch Thế Tôn! Chúng con có đầy đủ phạm hạnh chân chánh, cùng nhau hòa hợp xa lìa các cõi.

Vị Đại Tiên nhân Tỳ-da-sa kia, thấy năng lực oai đức của A-la-hán mà sinh lo sợ, nhìn một cách chăm chú, tâm ý kính trọng, nhất tâm chuyên ý, cùng đi với các vị tiên nhân quyền thuộc, quần gọn mái tóc về một chỗ rồi dùng dây đẹp đeo trên thân, hình thể đen đũi, hai mắt vàng khè, đầu tóc khô cứng kết bện vào nhau, tay cầm ba khúc cây to, đồ vật đặt trong bình là thứ xấu nhất trên đời, các thứ ngôn ngữ đều khéo léo, vì thành tựu môn ngôn ngữ, đi trong hư không đến chỗ Như Lai thừa:

– Bạch Thế Tôn! Ngài nên biết ý nghĩa này, vì nhân duyên gì mà con và các quyền thuộc đến đây?

Đức Phật bảo:

– Nay Đại tiên! Ta đã biết rõ tất cả loài có sự sống và tất cả các pháp.

Bấy giờ, A-nan-đà bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Vị Đại tiên búi tóc đứng giữa tiên chúng với tâm trí sáng suốt biết rõ cùng tận mọi chuyện và không hề có thái độ sợ hãi tên là gì?

Đức Phật dạy:

– Nay A-nan! Đó là vị tiên nhân tên là Tỳ-da-sa, người sáng tác ra bốn bộ Tỳ-da của Bà-la-môn, khéo rõ biết văn luận thế tục.

Bấy giờ, các vị A-la-hán thấy Đại tiên Tỳ-da-sa rồi đều suy nghĩ: “Vị tiên này chịu khổ chuyên cần trì giới có được sở đắc gì? Tỳ-da-sa này chưa được giải thoát khổ não sinh tử”. Các vị A-la-hán

lại nghĩ như vậy: “Tiên Tỳ-da-sa này đến chỗ Đức Phật sẽ thưa hỏi điều gì, hỏi về nhân duyên, hay vô ngã?”.

Khi đó, Tiên Tỳ-da-sa thưa Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn! Sinh ra đời gặp Phật là rất khó, hôm nay chúng tiên nhân cùng hội tụ về đây, con có đôi điều muốn hỏi. Cúi xin Thế Tôn giảng giải cho.

Đức Phật bảo:

– Này Đại tiên! Ông cứ tự nhiên thưa hỏi. Tùy theo ý nghĩ của ông thưa hỏi, Ta sẽ giảng giải cho ông.

Tiên Tỳ-da-sa thưa:

– Bạch Thế Tôn! Thế nào là bố thí? Vì sao phải bố thí? Nghĩa bố thí là gì? Thế nào là thí chủ? Thí chủ có nghĩa là gì? Thế nào là người bố thí chẳng gọi là thí chủ? Thế nào không cho mà được gọi là thí chủ? Thế nào là người chết rồi bố thí mà phước đi theo? Phước bố thí thế nào? Có hình tướng không? Tụ tập lại có thể thấy hay là không thể thấy? Phước bố thí của thí chủ ở đâu, tại người thọ nhận hay ở người cho? Bạch Thế Tôn! Sau khi Ngài nhập diệt, cúng dường tháp như thế nào để được phước báu?

Bấy giờ, Thế Tôn bảo:

– Này Đại tiên Tỳ-da-sa! Những điều ông hỏi thật vi tế, ông có biện tài không thể nghĩ bàn mới

có thể hỏi như vậy.

Bấy giờ, Trưởng lão Xá-lợi-phất tóc bạc mặt nhăn, lông mày phủ mặt, đưa tay đỡ lông mày, kéo dài hơi thở, ngắm nhìn hồi lâu mới nói:

– Đại Tiên nhân Tỳ-da-sa này có danh tiếng lớn, mọi người đều biết và nói đến, đâu có thể không biết như những người ngu si hay trẻ nít không có trí tuệ ở đời mà không hỏi về nhân duyên hay vô ngã những giáo pháp thâm sâu, những điều hiểu biết tốt đẹp, ngôn ngữ trí tuệ mà lại hỏi về pháp bố thí như thế?

Khi ấy, Tôn giả A-nan đánh lễ sát chân Phật bạch:

– Bạch Thế Tôn! Đại tiên Tỳ-da-sa này hỏi về quả báo của sự bố thí, con cũng có thể giải nói.

Đức Phật dạy:

– Này A-nan! Đây chẳng đúng lúc, nếu hỏi Như Lai mà hàng Thanh văn giải đáp thì không thích hợp. Thôi đi A-nan, không có đạo lý này.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Tùy theo ý tiên nhân hỏi như thế nào thì con cũng có thể giảng giải đầy đủ theo ý đó.

Đức Phật bảo:

– Này Xá-lợi-phất! Thầy nói quá vội vàng, tâm không suy nghĩ. Này Xá-lợi-phất! Chớ nói như vậy, điều này không thích hợp. Vì nếu hỏi Ta mà

hàng Thanh văn đáp thì điều này không thích hợp, vì sẽ có người cho rằng Đức Như Lai chẳng phải bậc Nhất thiết trí, hoặc sẽ có người lại nói, tiên Tỳ-da-sa đến hỏi Như Lai, vì không có khả năng giải đáp nên giao cho hàng Thanh văn đáp; hoặc có người cho rằng, Như Lai còn có ngã mạn, biết mà không giải đáp.

Lúc đó, chư Tỳ-kheo nghe Đức Phật nói như vậy rồi đều sinh lòng tin thanh tịnh, bạch:

– Bạch Thế Tôn! Đại tiên Tỳ-da-sa kia có điều thưa hỏi, xin Thế Tôn giải đáp để có thể đoạn trừ hết nghi vấn của tiên nhân.

Đức Phật bảo Đại tiên Tỳ-da-sa:

– Đại tiên hãy lắng nghe quả báo của việc bố thí và bố thí có ý nghĩa gì? Khi đã bố thí rồi thì tự mình được ăn uống, được thanh tịnh, khi thí rồi thì được quả báo nên gọi là bố thí. Do nghĩa nào mà gọi là thí chủ? Đại tiên hãy lắng nghe, nếu người có tài vật mà phát sinh tín tâm, rồi đem tài vật giao cho người khác sai đến nước khác bố thí thì người chủ kia được phước chứ chẳng phải phước của người bố thí. Người được sai kia tuy cầm vật bố thí nhưng chẳng phải là người bố thí. Nếu người có vật tự tay bố thí thì gọi là người bố thí cũng gọi là thí chủ. Đại tiên nên biết, có ba mươi ba hạng người bố thí chẳng thanh tịnh. Những gì là ba mươi ba?

1. Người có tâm tà, thấy biết điên đảo, không có tâm tịnh mà bố thí. Người bố thí như vậy chẳng phải bố thí thanh tịnh.

2. Người vì báo ân mà bố thí tài vật thì chẳng phải là bố thí thanh tịnh.

3. Người chẳng có lòng thương mà bố thí thì chẳng phải là bố thí thanh tịnh.

4. Người vì tâm ham muốn mà bố thí thì chẳng phải là bố thí thanh tịnh.

5. Người bố thí vật cho lửa cũng chẳng phải là bố thí thanh tịnh.

6. Người bố thí vật cho nước thì cũng chẳng phải là bố thí thanh tịnh.

7. Người người khởi tâm như vậy: “Ta bố thí vật cho vua hy vọng được vua biết đến”. Bố thí như vậy chẳng phải là bố thí thanh tịnh.

8. Người người vì sợ giặc mà thí vật cho chúng thì chẳng phải là bố thí thanh tịnh.

9. Người bố thí chất độc thì chẳng phải là bố thí thanh tịnh.

10. Người bố thí đao thì chẳng phải là bố thí thanh tịnh.

11. Giết người lấy thịt mà bố thí thì chẳng phải là bố thí thanh tịnh.

12. Thân phục chúng sinh, bình đẳng bố thí và tập trung nuôi dưỡng mong được sức mạnh của họ thì chẳng phải là bố thí thanh tịnh.

13. Người vì danh vọng mà bố thí tài vật thì chẳng phải là bố thí thanh tịnh.

14. Người người vì ca hát vui chơi mà bố thí cho ca kỹ thì chẳng phải là bố thí thanh tịnh.

15. Người vì năm cùng, tháng tận, phá tan tài vật thì chẳng phải là bố thí thanh tịnh.

16. Người vì sự cố về nhà cửa mà bố thí tài vật thì chẳng phải là bố thí thanh tịnh.

17. Người vì bạn hữu mà lấy vật của người khác trao cho thì chẳng phải là bố thí thanh tịnh.

18. Có người hoặc ở trên đồng ruộng hoặc trong nhà có nhiều lúa, lúa tẻ bị nai, chim, chuột ăn mà người đó không vui lòng thì chẳng phải là bố thí thanh tịnh.

19. Có người vì sự học nghề mà bố thí tài vật cho thầy thợ, thì chẳng phải là bố thí thanh tịnh.

20. Có người thân nhiều bệnh hoạn, lo sợ cái chết mà bố thí tài vật cho thầy thuốc thì chẳng phải là bố thí thanh tịnh.

21. Có người đánh mắng người khác rồi lòng sinh hối hận hổ thẹn nên đem vật bố thí thì chẳng phải là bố thí thanh tịnh.

22. Nếu có người đã bố thí rồi mà sinh tâm nghi ngờ là có được quả báo không thì chẳng phải là bố thí thanh tịnh.

23. Có người bố thí rồi mà trong lòng bực bội hối tiếc thì chẳng phải là bố thí thanh tịnh.

24. Có người bỏ thí vật cho người khác rồi mà suy nghĩ như vậy: Những người này lấy vật của ta thì phải phụ thuộc vào ta và làm theo ta. Bỏ thí như vậy chẳng phải là bỏ thí thanh tịnh.

25. Người bỏ thí rồi mà nghĩ như vậy: Bỏ thí như vậy phước báo thuộc về ta không thuộc về người khác thì chẳng phải là bỏ thí thanh tịnh.

26. Có người lúc trẻ trung thì không bỏ thí, đến lúc tuổi già do bị bệnh khổ, hoặc lúc sắp chết, tay chân rời rã, thân thể khổ não giãy vò sắp đến cõi chết, tâm không thanh tịnh, không có lòng tin chân chánh, sứ giả của Diêm-la đưa cột trước mặt, quỵen thuộc nhìn ngó khóc than mới bỏ thí thì chẳng phải là bỏ thí thanh tịnh.

27. Có người bỏ thí vì danh tiếng như muốn tên mình lan khắp các nước, mọi thành thị mình là đại thí chủ. Người bỏ thí như vậy chẳng phải là bỏ thí thanh tịnh.

28. Nếu cho người khác mà thay đổi, ganh ghét như khi thấy người khác thực hành bỏ thí nhiều tài vật liền sinh tâm ngạo mạn không chịu nổi, do lòng ganh tị với người kia nên bỏ thí tài vật thì chẳng phải là bỏ thí thanh tịnh.

29. Có người muốn chiếm đoạt người nữ nên đem châu báu, vàng, bạc, kim cương, tỳ-lưu-ly, áo quần lụa là, và mọi thứ vật dụng cho dòng họ của người nữ ấy, thì các bỏ thí như vậy chẳng phải là

bố thí thanh tịnh.

30. Có người suy nghĩ như vậy: Bố thí vật cho mọi người vì ta không có con mà của cải thì nhiều nên phải bố thí. Bố thí như vậy chẳng phải là bố thí thanh tịnh.

31. Có người sinh tâm tính toán như vậy: Nếu ta bố thí cho người này thì có phước đức, còn bố thí cho người kia thì không có phước đức. Bố thí như vậy thì chẳng phải là bố thí thanh tịnh.

32. Người bố thí mà xa lánh người bạn cùng, y áo rách nát, dơ bẩn, lại cho người giàu sang phú quý thì chẳng phải gọi là bố thí thanh tịnh.

33. Nếu người mong cầu được quả báo tốt đẹp mà bố thí cho người khác thì chẳng phải là bố thí thanh tịnh.

Này Đại tiên! Ông nên biết, đối với ba mươi ba loại bố thí cấu nhiễm này mà xả bỏ tài vật có được phước báo của sự bố thí kia thì cũng giống như có người đem các hạt giống gieo trồng trên ruộng muối, thì những hạt giống sẽ bị thối nát hư hoại không thành. Đại tiên nên biết! Hạng người ấy tuy có bố thí nhưng chẳng được quả báo tốt đẹp. Lại nữa Đại tiên, ví như người có được các loại hạt giống rồi đem gieo trồng ở ruộng hoang, những hạt giống ấy nương nơi đất đó lại gặp mưa, hoặc bị hư hoại hay dù có nảy mầm mọc lên đi nữa thì chắc chắn không đem lại thành quả tốt. Việc bố thí này

không được kết quả cũng như vậy. Thế Tôn giải đáp như thế rồi, Đại tiên Tỳ-da-sa chấp tay hướng về Đức Phật thưa:

– Như Lai Thế Tôn là bậc Nhất thiết trí dùng lời thích hợp giảng dạy về quả báo của sự bố thí đã tạo lợi ích an lạc cho chúng sinh. Bạch Thế Tôn! Thế nào là bố thí mà không mất quả báo? Bố thí cho cả hai hạng người có tri giới và không có tri giới thì nghĩa đó như thế nào?

Phật dạy:

– Nay Đại tiên! Nay ông hãy lắng nghe về phước báo của sự bố thí. Nếu người có lòng tin bố thí cho tất cả thì gọi là bố thí. Họ không lo đến vị lai mà thực hành bố thí, không xem thường hủy nhục người khác mà thực hành bố thí, do vậy mới gọi là bố thí. Đại tiên nên biết, lại có người bố thí mà không chọn lựa ruộng phước dù người tri giới hay không tri giới chỉ với đức tin để khai mở mắt trí, phát sinh lòng kính mến mà cúng thí, tâm thường duyên khắp tất cả chúng sinh. Đại tiên nên biết, với thí chủ thì có đầy đủ năm loại thí chủ. Những gì là năm?

1. Bố thí đúng lúc.
2. Bố thí cho người hành đạo.
3. Bố thí cho người bệnh và người chăm sóc bệnh
4. Bố thí cho vị rường cột đạo pháp.

5. Bồ thí cho người sắp đi nước khác.
Lại có năm loại thí. Những gì là năm?

1. Bồ thí chánh pháp.
2. Bồ thí tiền của để sinh sống.
3. Bồ thí nhà cửa.
4. Bồ thí đèn sáng.
5. Bồ thí hương hoa.

– Bạch Thế Tôn! Thế nào là bồ thí thanh tịnh?

Đức Phật dạy:

– Nay Đại tiên! Nếu người có lòng tin ưa chúng sinh mà thường khởi tâm từ bi, tâm hoan hỷ, xả vật bồ thí, rồi vì những điều thanh tịnh đó và nguyện xin giải thoát, thì bồ thí như vậy tức là thanh tịnh.

Lại có năm loại bồ thí vô thượng. Những gì là năm?

1. Cúng dường Như Lai là vô thượng.
2. Cúng dường chúng Tăng là vô thượng.
3. Cúng dường Pháp khí là vô thượng.
4. Cúng dường cho cha mẹ là vô thượng.
5. Bồ thí cho nhà vua mất ngôi bần cùng là vô thượng.

Bồ thí như vậy là bồ thí vô thượng. Hoặc bồ thí cho người già nua cô quạnh tật bệnh gọi là bồ thí lớn. Hoặc người làm cho vua nổi giận phải bị tội hành hình, hoặc người bị nạn nguy khốn đến tính mạng vì để cứu mạng sống những người kia nên

không tiếc thân mình mà thí xả tài vật cho người kia là bố thí lớn. Bố thí thuốc men cho người bệnh tật là bố thí lớn. Hoặ̣c độ́i với chúng Tăng giữ giới đầy đủ mà bố thí theo thời là bố thí lớn. Cung cấp cho người cầu trí tuệ là bố thí lớn. Hoặ̣c bố thí cho súc sinh có sự sợ hãi như là chồn, nai v.v... là bố thí lớn. Hoặ̣c bố thí cho người khôn khổ thiếu thốn tùy nhu cầu là bố thí lớn. Đại tiên nên biết, đây là bố thí lớn, cần phải tu tập đúng đắn. Lại có người được người khác sai đem tài vật đi bố thí mà chính người đó có tâm thanh tịnh thì cũng được phước bố thí. Hoặ̣c có người thấy người khác bố thí mà sinh tâm tùy hỷ thì cũng được phước bố thí. Những người khuyến khích bố thí hay người bố thí đều được phước báu lớn. Nói chung tất cả các người biết cách bố thí như vậy đều có quả báo tốt đẹp.

Lại nữa, này Đại tiên! Như trước ông đã hỏi, sau khi Thế Tôn nhập Niết-bàn, vì sao cúng dường tháp miếu mà được phước báo? Đại tiên, ông nên biết, nếu có người độ́i với Ta sau khi nhập Niết-bàn mà thiết lễ cúng dường, hoặ̣c lại có người Ta chưa nhập Niết-bàn, hiện còn tại thế mà cúng dường Ta, thì phước báo mà cả hai đạt được đều giống nhau không khác. Vì sao? Vì Như Lai là pháp thân chẳng phải là sắc thân. Nếu ai cúng dường khi Ta còn trụ thế hay sau khi nhập diệt mà cúng dường với tâm bình đẳng thì được phước báo không khác. Đại tiên nên biết, Như Chuyển luân vương truyền

lệnh khắp các cõi nước: “Tất cả dân chúng bắt đầu từ nay không được giết hại chúng sinh, không được vọng ngữ”. Người nào đó khi nghe vua ban lệnh tuy không thấy vua nhưng hoàn toàn tuân hành mệnh lệnh của vua. Người như vậy tuy không cúng dường thân của Chuyển luân vương nhưng nhà vua đối với người kia tâm sinh vui mừng. Người này hoàn toàn tuân hành mệnh lệnh của vua do không giết hại chúng sinh nhờ nhân duyên nghiệp thiện nên được quả báo sinh về cõi trời. Đại tiên nên biết, nếu người không thấy tướng sắc thân của Ta, không tu học giới luật thì chúng đắc được gì. Nếu người thấy được Ta mà tâm tà kiến như Đề-bà-đạt-đa thì bị đọa vào địa ngục. Nếu người đối với Ta sau khi nhập Niết mà khéo học giới thì nên biết, người kia hơn hết. Đại tiên nên biết, hôm nay sắc thân tôi trắng của Ta đã chứng Nhất thiết trí, đối với chúng sinh không có đức tin thì cũng có thể làm cho họ học giới, huống nữa là người có lòng tin. Người đối với Ta sau khi nhập Niết-bàn mà cúng dường là người nay đang cúng dường Ta không có gì sai khác. Đại tiên nên biết, ví như cỏ lau sậy rậm rạp trong rừng sâu, trong đó lửa bùng cháy, nếu lúc đó có một trận mưa thì sẽ dập tắt chỗ cháy đó. Cũng thế, tùy theo thí chủ bố thí, phước đức đầy đủ thế nào thì cơn mưa thấm nhuần phước đức như vậy, tức nương vào thí chủ mà không rơi vào nơi nào khác. Đại tiên nên biết, phước đức của

bồ thí chẳng có chứa nhóm, cũng chẳng có hình tướng. Như thế, người đã bồ thí sau khi qua đời thì phước đức của bồ thí ấy không xa lìa, như bóng theo hình. Đó gọi là người bồ thí được quả báo phước đức, phước quả không mất. Ví như cây mía, trái nho lúc chưa ép thì không được mật, có ép mới được. Nhưng nước mật kia chẳng phải trong cây mía hay trong trái nho, hiện tại do hòa hợp các điều kiện mà thấy có nước mật, chẳng phải tự ở trong tiết ra cũng chẳng phải không có mật. Bồ thí tài vật cũng vậy, quả báo của sự bồ thí cũng vậy, đối với thí chủ thì nó chẳng ở trong tay, chẳng ở trong tâm, chẳng ở trong bụng, nhưng nó cũng không rời xa thí chủ, cũng như nước mật kia không rời cây mía hay trái nho. Như vậy, phước báo của bồ thí không xa lìa thí chủ, chưa chín thì chưa lãnh thọ, mạng sống chưa hết thì không được quả báo của bồ thí. Ví như hạt Ni-câu-đà của thọ vương, hạt của nó rất nhỏ, gieo xuống đất thì chẳng thấy, đến khi mọc cây mới có thể thấy được. Phước báo bồ thí của thí chủ cũng như vậy, khi các duyên chín muồi mới được phước báo. Ví như người buôn mang rất ít hành trang vào trong thành lớn, thành ấy rất khan hiếm vật dụng, nên họ thu lợi nhuận rất nhiều. Bồ thí cũng vậy, bồ thí tuy ít nhưng được phước đức lớn. Lại như ong lấy mật hoa mà không làm tổn hại đến hoa. Thí chủ cũng vậy, tùy theo sự bồ thí thế nào thì được năng lực phước báo như thế, đó là thí

chủ. Đại tiên, thế lực phước đức của sự bố thí của thí chủ cũng như vậy. Nói thí chủ là do tự mình bố thí nên được gọi là thí.

Thế nào là người thọ? Thọ nhận sự bố thí của người khác, có thể tiêu vật của người đó, cho nên gọi là người lãnh thọ. Lại hỏi: Thế nào là phước đức của sự bố thí? Ở trong thế gian có thể giúp đỡ, cứu hộ, có thể làm đầy đủ để được làm thân trời người nên gọi là phước đức. Nói về đời khác là, tuân tự chuyển đời sống đến thân đời sau nên gọi là đời khác.

Bây giờ, Đại tiên Tỳ-da-sa bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Con đã xa lìa tâm nghi ngờ đã rõ chắc chắn về phần bố thí nhưng còn có điều nghi vấn. Bạch Thế Tôn! Thần thức trong thân chuyển đời thế nào? Sao thấy được thần thức? Trong thân người, thần thức tham luyện như thế nào?

Đức Phật dạy:

– Nay Đại tiên! Ví như vị vua của một nước ở trong thành lo sợ quân địch nên trước tiên lo đào hào đắp lũy xung quanh thành, tích chứa lương thực, cung tên giáo mác, đủ các loại binh khí, tập trung nhiều người khỏe mạnh có thể chiến đấu, lập thành đoàn quân dũng mãnh, cũng quy tụ nhiều thiếu niên mạnh mẽ, cấp cho họ lương thực, ra lệnh các hàng rượu bày nhiều loại rượu ngon, thu nhận người xuất gia bố thí cúng dường, dùng tài vật quý

giá để thân nhận mọi người, đã làm như vậy rồi, lớn tiếng bảo: “Hãy vững tâm chớ dao động. Hãy trang bị binh khí tay cầm cung tên, thân mặc áo giáp rút đao cảnh giác đề phòng”. Dạy như vậy rồi, đội quân nước khác tiến đến rất nhiều voi ngựa. Lúc đó, nhà vua an ủi các binh chủng: Hãy dốc hết sức lực chớ lo sợ, nơi thành lũy nếu chỗ nào không được bền chắc thì phải thường xuyên đề phòng canh giữ thật tốt. Tất cả đều chuẩn bị như vậy nhưng đến khi phước đức của vua đã hết rồi sẽ bị quân địch tiêu diệt, chỉ trong chốc lát bị thua trận phải bỏ nước ra đi. Thần thức cũng vậy, trú ẩn trong thành thân người nhập vào trong vua, khi thấy quân vô thường đến thì sinh lo sợ, liền đào hào đắp lũy tin tâm, bờ cao trì giới, khoác áo giáp ức niệm, phát khởi tinh tấn, dùng Tạng pháp làm nhiệt huyết, khéo điều phục ngựa tâm, lúc đó tuyên cáo với mọi người: “Hãy làm những việc cần làm”. Nếu có năng lực lớn và vô lượng năng lực thì khi quân vô thường kéo đến công phá thành thân thì nhanh chóng mặc áo giáp bổ thí, cầm gương trí tuệ, khí giới tâm quý, an trí tương ứng, hộ trì giới vững chắc. Giữ vững như vậy, nếu quân vô thường kia bỗng nhiên kéo đến, tức thời cùng nhau giao chiến, kịp chống trả lại. Nếu quân vô thường thắng trận thì thức liền bỏ đi, như vua trong thành bỏ thành mà đi. Thức cũng như thế, ở trong căn đại giới trong thân hòa hợp, khi thân đã hoại, sáu nhập mất

rồi thì xả bỏ thân thành kia, như thành bị đánh tan thì vua bỏ thành chạy thoát. Vị vua kia đã bỏ thành này rồi lại đến trú thành khác. Thức cũng như vậy, bỏ thân này rồi đến gá vào thân khác. Thế nên biết thức này và vua không khác.

Bấy giờ, tiên Tỳ-da-sa bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Thức như vậy thì vì sao biết thân có phước đức hay không phước đức? Thức này làm thế nào để biết là mình xả bỏ thân này?

Đức Phật bảo:

– Nay Đại tiên! Ví như người đi đường, gặp sóng lớn, nước sông dâng cao, vì qua sông đó nên phải lên bè lớn. Dòng sông kia sóng đã mạnh dữ dội, nước lại rất đục, lại có những loại sinh vật hung dữ như Na-ca-la-thư, Thu-ma-la, rắn nước, rái dữ, lại có gió độc lớn thổi xoáy tròn. Nhờ chiếc bè ấy nên sang được bờ bên kia bình an vô sự. Người đó ở nơi dòng sông dữ dội đó vô cùng sợ hãi như trong chốn hãi hùng. Người này khi đã vượt qua sông rồi liền đi quanh chiếc bè ba vòng, sinh tâm luyến tiếc nghĩ: “Lành thay, tôi nhờ bè này mà mình có thể vượt qua dòng sông lớn này”.

Nay Đại tiên! Cũng vậy, người có phước đức sau khi mạng chung, thức nghĩ thế này: “Do thân này của tôi mà được sinh về đường lành, sinh lên cõi trời. Khi ta làm thân người được lợi ích chẳng lường lường. Thân chết này của ta giống như chiếc

bè bền chắc có thể khiến ta vượt khỏi dòng nước lớn, trên con đường hiểm. Thân của ta rất tốt đẹp thật đáng cúng dường. Thân như vậy không luống dối ta. Trong tội lỗi của sinh tử, ban cho ta lên cõi trời”. Nghĩ như thế rồi, đối với thân sinh tâm thân kia như chiếc bè, xả bỏ thân kia rồi, tìm đến giới khác.

Lại có người không có phước đức thì thức tâm người ấy như người đi bè xấu hư để qua sông lớn. Bè kia bị vỡ hoặc bị chìm, người ấy lo âu sợ hãi nghĩ: “Ta nay chẳng bao lâu sẽ chết cũng như nương vào bè hư, thật đáng lo sợ theo dòng nước trôi giạt vào chốn rất khủng khiếp có nhiều thú dữ như sư tử, hổ v.v... Sau đó vượt qua được sông lớn rồi, người ấy giận ghét, nguyên rủa chiếc bè hư thế này: “Thứ điên đảo, làm ác, sao lại lênh đênh trên con sông sóng dữ đục ngầu này, khiến cho ta bị rơi vào chỗ ác như vậy? Ta ở trong chiếc bè này cuối cùng đạt được năng lực gì, dùng chiếc bè này để làm gì?”. Nói như vậy rồi liền bỏ chiếc bè đó. Cũng như thế, thức tâm của chúng sinh nương vào thân không phước đức thì tùy theo dòng chảy mà bị thoái lui, đọa vào chốn địa ngục, rồi quả trách thân này, nói như vậy: “Ta đã bị nghiệp gì mà phải nhận quả báo thân ác này? Thân như loài Yết-na. Ta dựa vào thân này như dựa vào loài Yết-na. Nay, ta rất ác do thân mục nát này đến cửa địa ngục, giống như tơ của hoa sen tự vãn lấy thân”.

Đại tiên nên biết, thức cũng như vậy, nếu phước đức hoàn hảo thì như nướng vào chiếc bẻ tốt được vượt qua sinh tử. Nếu không có phước đức thì như nướng vào bẻ hư mục, bị đọa đường ác. Đó là hai loại thân có phước đức và không có phước đức, cần phải biết.

Lại nữa, thức này khi chuyển bỏ thân này thì được thân thứ hai. Trước hết ở trong thai mẹ vừa được bảy ngày liền nhớ biết như vậy: “Ta từ nơi kia sinh vào đây”. Cũng có thể nhớ biết nghiệp trước đã làm: “Ta đã tạo nghiệp này”. Nếu tạo nghiệp thiện thì tâm sinh vui mừng ngay trong thai mẹ, khiến cho mẹ vui cười, hiện nhiều tướng lành: Mặt mẹ luôn vui vẻ tươi đẹp, tùy theo việc mà hành động, phần nhiều dùng chân phải giẫm mạnh xuống đất, vô cớ tay thường xoa hông phải, thích mặc y phục trắng sạch, đeo đồ trang sức xinh đẹp. Chúng sinh có thức phước đức như vậy, trụ trong thai mẹ, tướng hiện như thế.

Đại tiên nên biết, nếu thức vô phước thì khi mới thọ sinh trong bảy ngày, có thể nhớ biết: “Ta từ nơi kia mà sinh đến đây”. Cũng có thể nhớ biết nghiệp trước đã tạo, nghĩ: “Ta đã tạo nghiệp ác”. Nhớ nghĩ như vậy nên lòng sầu não lo âu, vì lòng lo âu nên khiến mẹ hiện tướng bên ngoài. Chúng sinh không có phước đức, không làm việc thiện đó ở trong thai mẹ khiến hiện ra tướng bên ngoài, như thân hôi hám lại gầy gò, tâm phiền muộn thường ói mửa,

choáng váng mặt mày. Chúng sinh như vậy khi mới ở trong thai mẹ, liền khiến cho gia đình đó gặp hoạn nạn hay bệnh hoạn. Chúng sinh vô phước tạo nghiệp ác như vậy, khi sắp sinh ra hoặc có thể làm mẹ chết, hoặc chết ngay trong thai. Chúng sinh vô phước có tướng như thế.

Khi ấy, Đại tiên Tỳ-da-sa bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Thức tâm ban đầu này khi mới nhập thai thì nhớ nghĩ và thấy biết những gì?

Đức Phật dạy:

– Nay Đại tiên! Thần thức ấy lúc mới sinh ra nhớ nghĩ và thấy biết những nơi vui chơi trong rừng, cung điện lầu gác, ao hồ sông nước quanh co, đầm chàm rộng rãi, đủ loại nhà cửa. Ở cõi Diêm-phù-đề này có nhiều người thương yêu như cha mẹ anh em. Thấy biết như vậy rồi, vô cùng yêu mến, phước đức cùng tụ tập, tương nhiếp với nhau, có người bố thí lại có người nhận vật. Lại có thể biết các việc làm ở đời quá khứ, nhớ biết vô lượng trăm đời, vô lượng ngàn đời quá khứ. Thức đó luôn luôn nhớ nghĩ như vậy, đã nhớ nghĩ rồi, sinh tâm ưa thích, có thể biết như vậy: “Người mẹ này ở quá khứ đã năm trăm đời làm mẹ của ta”. Người ấy đã nhớ nghĩ như vậy, đối với nơi sinh đến không còn ý thích, tâm ý nhằm chán nghĩ: “Ta đã nhiều lần chết đi sống lại ở nơi này rồi từ nay về sau không còn muốn sinh tử nữa, cũng không nhập thai nữa”.

Đức Phật giảng rồi, Đại tiên Tỳ-da-sa hỏi Phật:

– Bạch Thế Tôn! Thức ấy trong sinh tử muốn thoát ly có được chăng?

Đức Phật bảo:

– Nay Đại tiên! Không thể được, chưa phải lúc, chưa phải nơi. Lúc đó thức kia không có sắc chẳng thấy không có ánh sáng. Cảnh giới thức như vậy chẳng phải ở nơi đó mà được thoát ly. Trong cõi hữu vi luôn luôn còn tái sinh. Nếu có một chúng sinh được thoát ly như vậy thì người có phước và kẻ vô phước đều đạt đến Niết-bàn. Nghĩa đó là như thế.

Đại tiên nên biết! Nếu thức tâm kia suy nghĩ như thế thì thức tâm đó có năng lực rất thù thắng. Nên biết như thế chẳng phải là năng lực của thân. Đã gọi là thức thì thế nào gọi là thức biết? Do tập hợp nên biết suy nghĩ, do biết nên gọi là trí, vì vậy gọi là thức biết. Nghĩa thức như vậy, Đại tiên nên biết. Bây giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

*Đề phòng các oan gia
Nhóm họp tạo phiền não
Có biết, có không biết
Ngu, tuệ đi với nhau.
Thấy kiêu mạn, vô minh...
Tất cả đều biết rõ
Ba thứ không lìa thức
Chẳng phải nơi khác có.*

Cùng tương quan thành thức
 Một bánh chẳng phải xe
 Hai bánh cũng chẳng thành
 Có người lại có trâu.
 Xe đủ cãm và trục
 Hai bánh cùng tương ứng
 Vòng ách và giầy cương
 Như vậy gọi là xe.
 Xe thân cũng như vậy
 Do các giới hòa hợp
 Lại có căn hòa hợp
 Thức thấy xe thân kia.
 Lóng đốt dính liền nhau
 Gân mạch nối kết lại
 Tóc, xương, răng và đầu
 Được che phủ bởi da.
 Sườn, ruột và bao tử
 Bụng phổi và tim gan
 Hòa hợp tất cả chúng
 Đây đủ gọi là thân.
 Vua thức ở trong đó
 Ngự trị điều khiển thân
 Rõ biết tất cả pháp
 Cho nên gọi là thức.

Nay Đại tiên! Thức này vi tế không có hình sắc hay thể chất, chẳng có thể thấy được. Thức ấy chẳng có hình sắc chẳng có các màu xanh, trong sắc không có căn, nhưng nếu thức ấy lìa căn thì

không có cảnh giới. Nếu người kinh động sợ hãi hoặc nghi ngờ suy tưởng, tất cả đều là năng lực của thức.

Bấy giờ, tiên Tỳ-da-sa lại bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Bản tánh của chúng sinh thế nào? Thế nào là sinh ở cõi trời? Thế nào là sinh nơi ngạ quỷ? Thế nào là sinh nơi súc sinh? Thế nào là sinh nơi địa ngục? Thế nào là sinh căn lành? Sao người căn lành được sinh lên trời? Do nghiệp gì mà phải sinh vào loài súc sinh? Do nghiệp gì mà sinh vào ngạ quỷ? Do nghiệp gì mà sinh vào địa ngục?

Đức Phật bảo Đại tiên:

– Nay Đại tiên! Ông nên lắng nghe, Ta sẽ giảng nói cho ông rõ. Bản tánh của chúng sinh phàm phu suy kém, nhưng nếu sinh khởi phước đức thì pháp này chỉ có bậc Nhất thiết trí mới biết được, chẳng phải là cảnh giới mà hàng tiên nhân chứng đắc ngũ thông biết được, cũng chẳng phải là hàng trời, hàng Phạm-a-già-ni có thể biết. Đây là cảnh giới biết của bậc Nhất thiết trí. Pháp này còn chẳng phải là chỗ biết của hàng Thanh văn hướng nữa là các địa vị khác có thể biết được.

Đại tiên nên biết, nếu hàng đệ tử Thanh văn của Ta đã xa lìa ba cõi chứng đắc quả vị thứ nhất, thì cảnh giới mà họ biết, các vị trời lớn trong cõi trời, tất cả đều không biết, chẳng phải là cảnh giới hiểu

biết của hàng tiên nhân y như ông, thậm chí chẳng biết được tí nào cả.

Nghe Đức Phật nói như vậy rồi, tiên Tỳ-da-sa tự nghĩ: “Sinh tử đã lừa dối ta”. Nghĩ xong liền đánh lễ dưới chân Như Lai, thưa:

– Bạch Thế Tôn! Nay con đã già nua, thân thể suy hoại, không có nhớ nghĩ, chẳng có thể đắc quả, không có khả năng gánh vác gánh nặng BỒ-đề, kể từ nay con xin quy y Thế Tôn, quy y Pháp và quy y Tăng. Từ ngày hôm nay cho đến khi mạng chung, con xin thọ Tam quy y. Xin Đức Thế Tôn chỉ dạy cho con và đệ tử để được lợi ích an vui. Đức Thế Tôn là bậc Nhất thiết trí, là mặt trời để trừ bóng tối phiền não. Xin Thế Tôn nói về bản tánh của chúng sinh này thác sinh về cõi trời.

Đức Phật dạy:

– Nay Đại tiên! Nay đã đúng lúc, Ta sẽ nói cho ông. Đại tiên nên biết, nếu người dùng tràng hoa thơm mà cúng dường, tâm ưa thích tu hành tương ưng với tín tâm, thì sau khi chết được sinh về cõi trời Mạn Trang Nghiêm. Khi người đó sắp chết, trong thân có hương thơm tỏa sắc. Lại, khi sắp chết, tự thấy có vòng hoa đủ các màu sắc rải trên thân mình. Khi đó những người thân thuộc như cha mẹ, anh em tay cầm hương hoa đến cúng dường, cảm thương than khóc. Khi ấy, gương mặt người kia tươi sáng mắt nhìn chăm chú bất động, tay chân

xuôi thẳng rồi xả thân mạng. Khi người kia sắp chết thấy có tướng thù thắng, nghĩa là thấy gò nông, thấy vòng hoa tươi đẹp, thấy trăm ngàn thiên nữ xinh đẹp vây quanh và các cung điện của cõi trời. Thấy như vậy rồi người kia nói với các bà con anh em: “Ồ trong mộng tôi thấy một khối lớn nhiều loại châu báu, các loại trang sức, tung rải nhiều thứ hoa thơm”. Nếu người bệnh nói như vậy thì nên biết sẽ có hiện các tướng này, nên lúc mạng chung người đó sẽ sinh đến cõi trời Mạn Trang Nghiêm. Người đó lúc sắp chết thấy cha mẹ hòa hợp trong phòng, thấy rồi liền thác sinh. Khi ở cõi trời Mạn Trang Nghiêm có hai loại căn hòa hợp để hành dục cũng như nam nữ của cõi Diêm-phù-đề không khác. Có cách đặc biệt là bất tịnh không xuất, khi tâm dục phát khởi, hai bên biết nhau rồi, thì thân hòa hợp, khi đó gió ái dục xuất hiện thì thọ dục lạc ngay lập tức và trải qua bảy ngày trong thai mẹ trời. Tròn bảy ngày, từ hông phải hạ sinh, ngay khi sinh có hương hoa thơm ngát thật dễ chịu. Trước ngực đứa bé sơ sinh đó hiện tướng tràng hoa đẹp đủ các loại hoa, lại có hương thơm vi diệu theo gió xông khắp đến cả do-tuần. Khi ấy lại có tràng hoa đủ màu sắc xuất hiện, đó là màu trắng đen vàng đỏ, màu tỳ-lưu-ly, màu nước diêm-phù, màu hoa sen đẹp dễ thanh khiết, đủ các loại màu sắc: màu đồng, màu lửa, những tràng hoa đẹp ấy không úa tàn khi vị trời ấy chưa chết, thường thoảng hương thơm.

Do ý nghĩa đó nên gọi là trời Mạn Trang Nghiêm. Ở cung trời Mạn Trang Nghiêm này có cây trời tuyệt đẹp không cao cũng không thấp, nước mật nó thơm ngon như nước cam lộ, cành cây rủ xuống rất sạch sẽ, đủ các loại rừng cây dày đặc khắp nơi, cây đều có quả đủ tám mùi vị ở cõi trời, hình lượng như trái Tàn-loa, tùy ý nghĩ của vị trời ấy muốn ăn quả nào thì quả đó đều hiện ra. Trời ấy chỉ ăn thứ trái đó, gọi là đoàn thực. Ở nơi đó mặt đất không có gai góc, chỉ toàn hoa đẹp, lại có chỗ có cỏ xanh mềm, lại có nơi phủ đầy cát vàng và có sừng vàng mọc lên, lại có chỗ nằm tự nhiên có các đồ trái, lại có các thiên nữ thanh vô cấu, vai quấn y tuyệt đẹp, cùng nhau vui đùa, trên thân đủ các loại y phục đẹp, ở nơi đó có niềm vui hơn hết. Vị trời ấy thọ đủ hai trăm năm. Lúc trời ấy sắp mạng chung, có năm hiện tướng:

1. Cây trong vườn trời lá khô héo, cành cây rủ xuống, bông hoa mất mùi thơm.
2. Cây kia bỗng nhiên không tươi tắn.
3. Tràng hoa khô héo.
4. Gió mát dịu biến thành gió nóng.
5. Các thiên nữ tâm sinh thương xót đều sầu thương đồng than khóc nói kệ:

*Trời đủ quả cam lộ
Tạo lợi ích cây trời
Lại có nhiều nữ hầu*

*Cõi trời vui thắng diệu
Khi phước trời đã hết
Xả bỏ rời ra đi.*

Các thiên nữ đi quanh vị trời ấy kêu khóc lớn: “Vô thường ác thay, không có lòng thương xót, do đó cho vị trời sinh tâm luyến ái, chẳng được tự tại, ở nơi này vị trời đó liền sinh xuống làm người”. Các thiên nữ áo não than khóc như vậy rồi, lúc ấy toàn thân thể Thiên tử đó bị phát nhiệt, đã phát nhiệt rồi, thân đều cháy hết như một ngọn lửa liền rời khỏi nơi đó. Thân tuy cháy nhưng không chịu khổ não, đã rời cõi đó rồi liền thấy cha mẹ trong cõi người đang hòa hợp, liền gá vào mà thọ sinh.

Đại tiên nên biết, khi Thiên tử ở cõi trời Mạn Trang Nghiêm thác sinh thì ở trong thai thế nào? Vị ấy ở bên hông mẹ thì người mẹ đó có tướng thù thắng. Nếu ở trong tạng thì người mẹ ưa thích mùi hương, ưa thích tràng hoa và ưa thích các cây rừng xanh tươi, tâm thọ dụng tùy thích. Tất cả niềm vui như vậy đều đầy đủ, thân chẳng thấy mệt mỏi. Lại nhờ phước của con ở trong thai nên người mẹ có những điều tốt, như mộng thấy các nơi thành ấp, đủ loại vật báu, đủ loại tràng hoa, tung rải khắp ngõ đường. Đó là những tướng tốt của mẹ vị trời đó.

Đại tiên, đồng tử ở trong cõi trời Mạn Trang Nghiêm thoái lui rồi, sinh vào loài người, nếu thấy tràng hoa thì rất thích, ưa thích y phục sạch sẽ, hình dáng tuyệt đẹp, tâm tuy không thông tỏ hết nhưng

không thích đa dâm, say mê vui chơi. Nếu đến ở nơi nào thì đều liền đến chỗ vui chơi ưa thích, y phục mịn màng, rất thích vườn cây và các người giàu sang khác, bày nhiều phương tiện để mong đạt được mọi ham muốn. Đại tiên nên biết, trời Mạn Trang Nghiêm khi sinh xuống làm người thường có những tướng như vậy.



KINH TỶ DA SA VẤN

QUYỂN HẠ

Lại nữa, này Đại tiên! Tướng thoái sinh của trời Tứ Thiên vương lại càng nên biết. Nếu đối với người nghèo cùng thì sinh tâm thương yêu, bố thí y phục, các thức ăn uống; đối với người bệnh tật thì bố thí thuốc men theo nhu cầu. Tùy theo thời mà bố thí để trừ nạn khổ rét, trồng cây dọc đường để người qua lại có nơi ngồi nghỉ, đào ao giếng, mương rãnh để dẫn nước cung cấp cho tất cả. Do có lòng tin ưa thích bố thí như vậy, nên người đó kết được duyên lành, lúc lâm chung thân không như bản cũng không gầy ốm, sắc không biến đổi, không có mồ hôi, tất cả bộ phận của thân thể không bị khô nảo, tiếng không khàn tắt, bà con thân thuộc đều sum họp đầy đủ, không bị phân chia nên không lo sầu, khổ nảo, không gặp nạn đói khát, chân duỗi thẳng, không chịu khổ nảo, luôn được dễ chịu, không bị chướng ngại nên không sầu khổ, các căn không bị hư tổn. Người ấy, tất cả đều đầy đủ an vui, không buồn khổ về cái chết. Nếu khi xả bỏ thân mạng thì tâm thức được an vui, người ấy thấy

chúng trời Tứ thiên vương vui chơi trong rừng, khi thấy chúng trời rồi, lúc mạng chung sắc diện tử thi như hoa sen tươi, miệng thoảng mùi thơm, hương thơm đó như mùi thơm của hoa A-ta-bà, các loại hương thơm của hoa theo gió xông ướp tử thi. Lúc đó thân thức của người chết thấy sinh vào trời Tứ Thiên vương, gần gũi với cha mẹ. Thiên phụ đang du hành vui chơi đùa giỡn ở chỗ vui chơi, dục tâm khởi lên, dùng bàn tay phải xoa dưới rốn thiên mẫu. Do việc xoa chạm đó, thân thức liền gá vào trong thai. Sau bảy ngày mới mọc tóc, đầy đủ các tướng trang nghiêm, Thiên đồng tử sinh ra. Khi vừa sinh liền muốn vui đùa ca hát, tất cả đều có thể làm được.

Lại nữa, này Đại tiên! Chỗ ở của chư Thiên nơi cõi Tứ Thiên vương đó có cung điện, đất bằng vàng ròng, đủ loại trang hoàng, đủ loại màu sắc, chạm trổ sắc sảo. Trong cung điện có hàng trăm ngàn Thiên nữ, trăm ngàn loại cây, cành nhánh trang hoàng đẹp đẽ, có làn gió tùy theo ý muốn chạm vào thân cảm thấy an lạc.

Này Đại tiên! Chỗ ở của Thiên chúng nơi cõi Tứ Thiên vương đó thành, hào bằng phẳng, bốn phương của thành đó bao quanh rộng tám vạn bốn ngàn do-tuần. Đại tiên nên biết, trong rừng đó có châu báu cõi trời dùng làm đèn sáng, dùng tơ lụa mỏng quấn trên thân cây, trên các nhánh cây treo các cờ phướn. Các cây rất mềm mại, chư Thiên

nhìn thấy sinh tâm ưa thích. Trong rừng đó các tiếng nhạc hòa hợp như tiếng sáo, tiếng vỗ tay, tiếng tỳ bà như ở trong hang.

Này Đại tiên! Các vị Thiên đồng tử có thể ăn các thứ cơm thơm của cõi trời làm phát sinh sắc hương mỹ vị đầy đủ công đức. Có loại gạo thơm ngon tên là Liên hoa quang, tự nhiên mà chín, ngon như chất cam lộ, các loại sắc màu và mùi vị đầy đủ, thích hợp. Có hai loại mâm đựng thức ăn: Một là mâm bằng vàng ròng, hai là mâm bằng các loại vật báu. Tùy theo sự cần dùng của các vị Thiên đồng tử muốn ăn món gì thì trong mâm ấy hiện ra đủ các món ăn đó.

Lại nữa, này Đại tiên! Lúc ấy trong mâm của vị trời ấy sinh nước Mâu-khư-ly, rồi biến thành hoa tên là A-ta-bà có mùi thơm ngát và nước kia trong mát, uống vào khoan khoái mát mẻ, hương vị của loại nước đó làm cho Thiên đồng tử say mê ưa thích.

Này Đại tiên! Chung quanh cung điện của trời Tứ Thiên vương đó thường có tràng hoa tuyệt đẹp, có nhiều loại hoa đẹp trang hoàng cột cung điện. Dùng những cột này để trang hoàng trong những cung điện bằng vàng quý và kim cương, trên có treo Ta-la-sí-man. Có hàng trăm ngàn cột, giường, tọa cụ trải ra làm trang nghiêm cung điện. Có sáu vạn Thiên nữ đi lại khiến cho cung điện thêm lộng lẫy, những cử động về thân tướng tuyệt đẹp của

những Thiên nữ này đều rất khả ái, y phục trời sáng rực làm thân hình họ thêm đẹp, vòng xuyên êm dịu, dáng dấp thùy mị, hương lạnh, sắc đẹp, thân hình mềm mại tương ứng dục tâm, ca múa vui cười thường xuyên không dứt. Có nhiều tiên nữ dáng vẻ thùy mị, từng cặp hòa nhau phát ra âm thanh mỹ diệu hòa cùng tiếng sáo. Cung điện cõi trời đó có đầy đủ những thứ như vậy.

Lại nữa, này Đại tiên! Những cột của thiên cung kia có vàng, báu đan xen lẫn với phước lụa treo rủ xuống khắp nơi. Này Đại tiên! Bốn Đại Thiên vương là Đề-đầu-lại-tra, Tỳ-lâu-lặc-xoa, Tỳ-lâu-bác-xoa, Câu-tỳ-lâu đều hưởng thụ các dục lạc thù thắng. Bốn Đại Thiên vương sống trong cung điện vui chơi ca múa, ngâm vịnh đủ các loại. Họ ăn uống đầy đủ, các căn vui sướng, mong muốn sinh vào nơi vui vẻ tối thắng, tất cả đều được đầy đủ.

Lại nữa, này Đại tiên! Các Thiên tử trong chúng trời của bốn Đại Thiên vương đó, tay dài lớn thẳng không thô không nhỏ, đi lại mạnh mẽ như voi say, đầy đủ sức trượng phu, thân thể mềm mại và đủ các tướng trời. Khi vị trời đó đi thường có hương thơm vi diệu xông tỏa cả một do-tuần.

Này Đại tiên! Các Thiên tử ở cõi trời Thiên vương thọ năm trăm tuổi. Trong thời gian đó, họ không bị chết yếu hay thương tổn, mà thường hưởng thụ mọi thú vui thắng diệu, mở mắt nhìn

thấy mọi điều vừa ý. Chư Thiên này có nhiều nơi vui chơi như chỗ Tô-bà-già-đồ-ca, Ca-đàm-bà-ca, Tỳ-ma-la, rừng Quang Minh Trang Nghiêm và Xà-na-ca, đều là những nơi vui chơi đẹp đẽ. Ở những nơi đó có hương thơm tuyệt hảo nên cảm thấy thoải mái: Các Thiên tử đến các chỗ đó rồi, có những bậc cấp bằng vàng bạc châu báu xen lẫn. Bậc thêm vuông vắn, đẹp đẽ trang nghiêm gọi là thêm bảo châu. Nơi đó có trăm ngàn Thiên nữ ca hát ngâm vịnh, âm thanh vi diệu, nhạc khí bằng châu báu tự nhiên phát ra âm thanh. Các Thiên tử này thọ hưởng nhiều dục lạc, khi phước đã hết, mạng chung thì có các tướng hiện ra. Trước hết là mắt bóng, không nghe mùi hoa, tai không còn nghe tiếng hay của Thiên nữ Ca-lăng-tần-già. Nay Đại tiên nên biết! Các vị Thiên đồng tử trong Thiên chúng thường tụ tập trong cung điện trời suốt ngày. Trong cung điện ấy có trăm ngàn Thiên nữ, cây cối sinh anh lạc, có hoa tuyệt đẹp. Trong rừng có đủ tiếng chim như Câu-sí-la v.v... các tiếng chim rừng đều hòa quyện đầy đủ. Tuy nhiên họ không ưa thích, chỉ muốn đi loanh quanh trên đất, y áo dơ bẩn, thân thể nóng bức, sầu khổ, chỉ nhìn xuống mặt đất mà đi, ở chốn hoa nở cũng không ưa thích, thân thường toát mồ hôi, mắt thường ngày mở lớn, đến nay bị nhấp nháy, mọi nơi đều thay đổi như cá bắt ra khỏi nước bị mặt trời thiêu đốt lăn lộn trên mặt đất. Các Thiên nữ thấy vậy đều đến vây quanh

thương cảm cùng nhau than khóc: “Người chúng tôi yêu mến sao lại đến thế này. Muốn đi đến nơi nào? Thân mềm mại trang sức đủ các loại tuyệt đẹp sạch sẽ, ngực nở, vai rộng, dáng vẻ ngay ngắn thường thích dạo chơi vui đùa mọi nơi mà sao bỗng nhiên nay lại xa lìa chúng tôi, lại rời bỏ cung điện sẽ đi đến nơi nào?”. Những vị Thiên nữ than thở nói kệ:

*Tâm nghĩ các việc lành
 Cây trời trang hoàng đẹp
 Chỗ bốn đại thiên vương
 Nhiều thú vui ăn uống
 Có bốn chốn tương ứng
 Chỗ đẹp trời phước đức
 Nhiều Thiên nữ yêu thương
 Hoa rộ lòng lành vui
 Bỗng đâu ác vô thường
 Khiến bỏ đây mà đi.*

Những Thiên nữ vây quanh như vậy, lớn tiếng la khóc, nước dãi chảy ra, khàn cả tiếng, vừa khóc vừa kể, thật đáng thương. Thiên nữ nói: “Lìa bỏ để sống nơi xa xăm” Lại dùng tay phải cầm hoa rải lên mình Thiên tử ấy mà nói: “Hãy sinh về cõi lành, làm vua ở cõi lành, hướng đến cõi người mà đi, sinh nơi có phước, hãy tin tưởng mà đến đó, phải biết rằng thân Thiên tử này là như vậy”. Thiên tử sắp chết nghe vậy suy nghĩ tự biết mình sắp chết nên rất sầu khổ, toàn thân đốt nóng, do nóng bức

bách nên thân bị tiêu chảy như giọt nước. Thi thể đó ở trong mồ tiêu rã hư hoại, thân thể khô héo, khi có gió thổi đến, phân chia thành ngàn phần như bụi trần bay khắp trong hư không. Từ cõi trời ấy sinh xuống muốn thọ thân người nên thấy cha mẹ ở cõi Diêm-phù-đề hòa hợp, hoan hỷ vui thích, liền nhập vào thai tạng. Vừa mới thọ sinh vào thai mẹ, mẹ liền có những hiện tượng như vui cười, muốn được ăn ngon, không thích ăn thịt, thích mặc y phục sáng sủa như y phục màu đỏ, thích nơi tụ họp đông người, đối với anh em thì đặc biệt thương mến, dù bụng mang thai con nhưng không thấy khó chịu, miệng không chảy nước dãi, lại không có tâm ác, không bao giờ bị bệnh khi đang mang thai, tay chân đều mạnh khỏe. Sau khi sinh ra, đứa bé trai ấy thân thể đoan nghiêm đẹp đẽ, ai thấy cũng thương mến. Đứa bé khi lớn lên, nghe nói về Tứ Thiên vương thì vui mừng, tu hành bố thí, uống rượu không để say, tâm thường sáng suốt, thân thể mập mạp, tươi nhuận, luôn xông ướp các loại hương thơm vào thân, ưa thích nơi vui đùa ở trong rừng, tâm nhiều dục nhiễm, thích thân cận với nữ giới, luôn luôn ăn uống ưa thích loại hảo hạng, thường thích ca hát, thân thể tươi nhuận, không trắng không đen, mắt như Tỳ-lưu-ly sinh.

Đại tiên nên biết! Bốn Đại Thiên vương khi sinh xuống làm người, tánh vốn như vậy. Vì ở cõi trời bốn Đại Thiên vương đã luôn huân tập các

tướng như vậy.

Lại nữa, này Đại tiên! Nếu có chúng sinh nào với lòng tin thanh tịnh, xa lìa sát sinh, tu hành bố thí, xa lìa trộm cắp, rời dùng Khư-đà-ni, Bồ-xà-ni, Thực-lê-hà, Châu sa, những vật cần dùng khác như y, áo, cửa cải, châu báu, vàng bạc để bố thí và với lòng tin vui hoan hỷ, dùng các loại hoa dâng cúng, lễ lạy chùa tháp, bố thí cúng dường, thì khi chết, thân không bị thối rữa, mọi ô uế đều không có, tâm sinh vui mừng tự nhớ nghĩ về việc lành đã làm nên khi sắp chết hiện ra những tướng như: Sắc mặt tựa màu hoàng kim, sóng mũi chẳng xẹp gãy, tâm không loạn động, cổ không bết khí, không khò khè, không hôn hển, thân không nóng bức, các căn không bị hư hoại, gân cốt máu huyết lưu thông, thân không khổ não, nằm yên không xoay trở, không vỡ tiếng.

Này Đại tiên! Chúng sinh đó hoặc do bệnh nóng mà chết, hoặc do trúng độc mà chết, hoặc do ham thích hoa mà trèo lên cây bị rơi xuống mà chết, hoặc do ăn thức ăn ngon không tiêu mà chết. Những người đó khi sắp xả thân ngũ ấm thì thức bên trong đã thấy cung điện trang nghiêm của trời Tam Thập Tam có các loại châu báu, vàng bạc, kim cương. Ở giữa mỗi nơi xen lẫn nhiều thứ báu tạo thành hình cá vàng, hình ma-già-la trang hoàng cửa cung điện, trên cửa treo cờ vàng, có các loại nhạc cụ chạm nhau vang lên âm thanh thật hay làm cho

tâm vui thích. Lại có rất nhiều loại cành tương ứng với cây đẹp trang hoàng trong rừng như cây Ưu-đồ-ca-ta-la, chiên-đàn, mật thơm dùng làm bùn tô lên mặt đất. Những bức họa bằng tơ lụa màu vàng, trên châu trắng, treo khắp trên cây, mặt đất mềm mại, luôn luôn được trang hoàng, lúc nào cũng sạch, có các vàng trái khắp mặt đất. Ánh sáng châu báu cõi trời tỏa ra dùng làm đèn. Phần nhiều Thiên nữ, chỗ ở của họ ánh sáng trang nghiêm thường tấu lên nhạc trời âm thanh tuyệt diệu, dưới khuỷu tay trang nghiêm, trên ngực có mang anh lạc, ở cổ có đeo một nửa anh lạc, cổ tay đeo vòng, ngón tay có nhẫn và tai có hoa tai. Những Thiên nữ xinh đẹp với trang sức đủ loại như vậy. Đại tiên nên biết, trong chúng chư Thiên ở cõi trời Tam Thập Tam, Thiên tử ở nơi đó vui chơi thọ hưởng khoái lạc, thọ hưởng sự hành dục khi đi trong rừng cây. Do vui chơi nơi ấy nên tâm sinh ưa thích, thần thức kia với phước đức thấy các Thiên tử và Thiên nữ ở cõi trời đó cùng ngồi một nơi, nên tâm sinh yêu mến liền nhập vào thai tạng, như sợi tơ xuyên qua viên ngọc kéo ngọc đi theo, không sinh vào đường khác. Ngay lúc đó, trong tay Thiên mẫu sinh ra nụ hoa, Thiên nữ thấy như vậy rồi tự biết đã có hài nhi, liền đem hoa trao cho Thiên phụ, nói: “Nay chàng đã có con, nên vui lên!”. Thiên phụ thấy rồi, niềm vui càng thêm lớn, biết chắc vợ mình sẽ sinh Thiên tử. Thiên phụ và Thiên mẫu lòng sinh vui. Sau khi sinh

tròn bảy ngày, Thiên đồng tử tóc dài xoắn tròn, sạch sẽ không dơ, có đầy đủ y phục. Khi vị Thiên tử ấy chưa sinh, trong vòng bảy ngày đó nhớ nghĩ thế này: “Ta từ chỗ đó chết rồi sinh đến nơi này, những người đó là cha mẹ ta, ta đã từng làm điều lành đó”. Nghĩ nhớ như vậy rồi sinh lòng vui mừng khôn xiết, sinh lòng vui mừng rồi thì liền phát dục, mà có dục tức là si. Với dục lạc ấy, từ xa trông thấy cung điện, nơi vui chơi cõi trời. Thấy vậy rồi mong muốn được thác sinh lên đó, nên liền đi đến chỗ vui chơi ấy như voi say. Cánh tay Thiên tử suông như vôi vôi tròn mà dài, ngực bằng phẳng, cánh tay sắc vàng, phần trên và phần dưới thân thì thô, phần giữa thân thì tế, khi đi thì an tường, eo như cung, xương sống thẳng, hai vế tròn tựa như thân cây chuối, khéo biết pháp cõi trời, râu tóc cắt ngắn, hương trời thật thơm, móng tay, móng chân màu hồng, thân thể sạch thơm, không cần trang điểm, dùng cái không bệnh khổ của cõi trời trang nghiêm thân, thân có hương lành mặc áo trời đẹp, sắc tướng tuyệt đẹp, hoa trời trang nghiêm. Ở trong cung điện, dần dần vị này dạo khắp nơi ấy, thấy có Thiên nữ không chồng. Khi họ thấy Thiên đồng tử mọi người đều đến vây quanh thưa: “Thánh tử, hãy đến đây, Thánh tử, hãy đến đây, cung điện này là của ông, chúng tôi không có chồng. Từ lâu chúng tôi đã bỏ chồng, chỉ có một mình đồng tử. Nay chúng tôi còn đầy đủ nhan sắc, trẻ đẹp xin dâng

cúng bình sữa như bình vàng, gương mặt như hoa sen hồng đang nở, thân như điện chớp trong mây, dễ thương vừa ý. Chúng tôi là Thiên nữ, nay muốn xin được hiến dâng hầu hạ. Đây là chốn vui chơi vườn cây Ba-ly-da-đa-câu-chỉ-đà-la-câu-la-bà-ca có nhiều cành nhánh mềm mại đẹp dễ điếm tô vẽ đẹp. Có sáu vạn Thiên nữ cùng vui chơi trong đó để hầu hạ Thánh tử ở các cung điện khác, cũng đều có đầy đủ. Nơi ấy có nhạc cụ như đàn tỳ bà, trống, sáo v.v... đủ loại âm thanh. Các thứ trang nghiêm của cõi trời tự nhiên xuất sinh nơi tòa sư tử. Vị Thiên tử đã thấy đủ loại trang nghiêm, có lòng bấu che như lúc vua lên ngôi nơi tòa sư tử. Vị Thiên đồng tử ngồi nơi tòa sư tử cũng vậy. Khi Thiên tử ngồi rồi, những nhạc cụ vang lên âm thanh khả ái vang đi khắp nơi xướng lên: “Người lành này từ cõi Diêm-phù-đề do làm phước đức nên sinh đến nơi đây”. Trong cung điện của trời có tiếng nói với các Thiên nữ: “Các người hãy mau đến đây, hãy mau đến gần chỗ này đàn hát ca múa vui chơi làm vui Thiên tử này, người này đã tạo các căn lành trong cõi người”. Âm thanh ấy phát ra rồi, ở trong rừng cây kia, sáu vạn Thiên nữ hai tay cầm hoa, dùng hương tốt trang điếm, mình mặc y phục trời tuyệt đẹp gọi là y Đâu-cư-la. Y phục ấy nhẹ, mỏng, châu báu hảo hạng làm kiên đeo chân phát ra tiếng kêu hay. Những Thiên nữ như vậy đến cận kề Thiên tử để hầu hạ cung dưỡng. Những Thiên nữ

đoan chánh vừa ý như trăng mới mọc, gương mặt tựa hoa sen, hương thơm như hoa A-ta-bà. Những Thiên nữ này đến gần gửi đồng tử nói: “Thưa Thánh tử, chúng tôi có các vật cần dùng xin cung phụng, tùy ý Thánh tử sử dụng”. Đồng tử này tự có năng lực căn lành tập hợp nên được hưởng phước đức. Vì thế hôm nay ở đây hưởng thụ những lạc thú ở cõi trời.

Này Đại tiên! Thiên tử và các Thiên nữ đó cùng nhau dạo chơi trong các khu vườn rừng Hoan hỷ, rừng Chúng tạp ở cõi trời Ba Mươi Ba, như vườn Bạch y trên đá có ánh sáng rực rỡ, trong rừng Ta-tỳ-đô, ao suối Khư-la-khư-la, Đà-đà-là-ca, vườn rừng A-tra-bà-ca có hoa Ba-ly-da-đa-câu-chỉ-đà-la màu sắc tuyệt đẹp. Ở những nơi vui chơi như thế mát mẻ, vui vẻ đệ nhất. Nơi đó không có gió độc thổi mạnh. Ở trong rừng đâu đâu cũng có bao nhiêu là loài chim hát rất hay, lại có nhiều hoa quả cõi trời hương thơm ngào ngạt với các loại ngọc như tỳ-lưu-ly, ngọc mâu-ta-la và mã não v.v... dùng làm đèn chiếu sáng. Lại có các loài ong và đủ các loài chim có tiếng hát tuyệt diệu như đục túy, câu-xí-la v.v... Lại có các loài chim như chim cánh vàng có lông cổ màu xanh, tô điểm xen lẫn trên mình bằng châu báu tuyệt đẹp như tỳ-lưu-ly, có nhiều tiếng hát vi diệu, lại có những tiếng hát của chim Ta-đà-ly thật hay. Trong rừng đó có nhiều loài hoa đủ màu sắc xen lẫn làm đẹp mặt đất. Ở đó,

Thiên đồng tử thọ hưởng dục lạc.

Lại nữa, này Đại tiên! Ở nơi cung điện cõi trời Ba Mươi Ba, có ao nước trong mát vi diệu như mặt trăng, đầy đủ tám công đức thanh tịnh. Lại có hoa sen trăm cánh đẹp để nở ra tươi thắm. Ở bên bờ ao, cây báu trang nghiêm, hoa rơi khắp mặt đất. Nước công đức vi diệu như vậy, Thiên tử, Thiên nữ cùng nhau vui chơi trong ao mát đó, tâm ý thỏa thích. Nếu cần ăn thì có đủ loại thức ăn báu hiện ra trong mâm, tùy theo nhu cầu đều có đầy đủ. Ao thức ăn có loại sắc hương tinh khiết như hoa sen trắng, hoa sen đỏ, các sắc như tuyết, đủ loại sắc hương. Các Thiên nữ rót rượu, giăng màn cung phụng Thiên đồng ăn uống no đủ, an ôn tiêu hóa liền, không có ba vị cay, chua, đắng. Người ăn uống như thế, có năng lực vô thượng của trời gọi là cam lồ. Các loại thức ăn đều chứa trong mâm tùy theo nghiệp lực mà có được.

Đại tiên nên biết, nếu người bố thí với tâm cầu bản thì bị quả báo như vậy, cùng một loại thức ăn trên mâm mà khi ăn có nhiều màu khác nhau, có người thấy màu đỏ, có người thấy màu vàng, có người thấy màu đen. Báo thân thì thành đều cùng một loại sắc nhưng thức ăn trong mâm có khác nhau. Như vậy Đại tiên! Nếu người bố thí rồi mà sinh hối tiếc thì do nghiệp đó mà được quả báo màu sắc của thức ăn không ngon.

Lại nữa, này Đại tiên! Cõi trời Ba Mươi Ba còn

có chỗ vui chơi, nơi đó gọi là Thi-lợi-sa-cám, có đủ loại cây cối, hoa lá tươi đẹp, có trăm ngàn loài cây cối trời chen chúc. Ở đó thanh tịnh như pha lê, trong suốt mềm mại, lại có đầy đủ các loại cây cối hoa quả cõi trời. Nơi chốn như thế, người chẳng ham muốn thì an trú ở nơi thanh tịnh Thi-lợi-sa-cám, còn những Thiên nữ thì không ở nơi vui chơi Thi-lợi-sa-cám thắng diệu. Tất cả rừng cây thường có hoa đẹp, rừng hoa như vậy, thường có chư Thiên giảng thuyết trong đó.

Đại tiên nên biết! Hàng Thanh văn của ta, người đứng đầu trong hàng đệ tử như là Trưởng lão Già-bà-ba-đế sinh trong dòng họ Bà-la-môn, tâm an trú thiên định, tâm từ tâm bi, mở mắt thì an trú vào Tam-muội tâm từ tâm bi trong suốt bảy ngày hơi thở không ra không vào. Đại tiên nên biết! Khi nhập vào Tam-muội Từ rồi, nếu muốn gió thì có gió thổi, nếu không cần thì thôi. Khi kiếp tận hỏa đốt cháy, mặt đất thành một ngọn lửa, thì thân đó không bị thiêu đốt dù bằng hạt cải, hoặc núi Tu-di có đè trên từng bộ phận cơ thể thì bộ phận đó sẽ đứng yên không lay động. Hoặc sức độc mãnh liệt của hai Long vương ác độc là Nan-đà và Ưu-bà-nan-đà phun hơi có thể làm cho núi Tu-di lay động. Sức độc như thế có thể làm cho nước bốn biển lớn thành vị mặn, nhưng sức độc mãnh liệt của hai Long vương như thế không thể làm hại năng lực Tam-muội của Già-bà-ba-đế.

Lại nữa, này Đại tiên! Khi Trưởng lão Già-bà-ba-đế dạo chôn vui chơi Thi-lợi-sa-cám, các Thiên nữ tâm nhiệm dục nên thấy Trưởng lão Già-bà-ba-đế liền sinh lòng tin yêu, đem hoa Mạn-đà-la ở cõi trời, hoa Xa-ca cõi đời tung rải cúng dường, chấp tay cung kính. Lại nữa, ở đó có các Thiên tử ở cõi trời Ba Mươi Ba vây quanh, dùng cơm trời, cam lồ trời cúng dường đầy đủ cho Trưởng lão Già-bà-ba-đế. Trong mỗi ngày thường cúng dường như thế. Tôn giả Già-bà-ba-đế dạo chơi trong rừng cây, cành nhánh lay động vì các Thiên tử thường diễn thuyết những bộ loại kinh văn như Phúng tụng, Tụ thuyết, Nhân duyên, Bản sự, Bản sinh, Phương quảng, Vị tăng hữu, Tỳ-nại-da, Luận nghị, Thí dụ, khiến cho các Thiên tử nghe rồi vui vẻ sinh lòng tin tưởng. Ở nơi cung điện rất đẹp cõi trời, ngồi thiền, đọc tụng, kinh hành, nghỉ ngơi cũng lại đến nơi vui chơi Thi-lợi-sa-cám để dạo chơi.

Lại nữa, này Đại tiên! Cõi trời Ba Mươi Ba có Thiện pháp đường, là nơi chư Thiên tụ tập. Đại tiên nên biết! Pháp đường này có tám vạn bốn ngàn cột, toàn làm bằng vàng ròng, kim cương báu, ma-ni xanh, Ca-la-bà, mã não v.v... cùng với lõi chiên-đàn thẳng diệu, bên trên lại vang tiếng kêu thật hay, mặt đất phủ bằng cát vàng. Đại tiên nên biết! Thiện pháp đường treo phướn lụa cõi trời rủ xuống, dựng cờ báu treo phướn ở trên. Lại có những tiếng nhạc như đàn cầm, đàn sáo, đàn tranh, tiếng sáo, trống

lớn trông nhỏ, tiếng vỗ tay, tiếng thổi kèn, tiếng tiêu đủ các âm thanh tuyệt vời. Tay của Thiên tử, Thiên nữ như hoa đẹp, mềm mại, tròn như lõi cây, cùng nắm tay nhau sinh lòng vui thích, miệng thường mỉm cười. Thiên tử và Thiên nữ hưởng lạc như thế. Đại tiên nên biết! Thiện pháp đường đó thường có nhiều chư Thiên đến hội họp, đất nơi đó có nhiều loại châu báu xen lẫn, mặt đất bóng sạch như tỳ-lưu-ly, trơn láng không cấu bẩn như gương, có nhiều loại hương hoa của trời, đủ loại hương bột, không còn ruồi muỗi côn trùng, gió thổi khắp nơi, không có ngủ nghỉ, biếng nhác uốn mình. Thiện pháp đường ấy có gió thổi qua các khung cửa, tường vách của lầu đài được họa vẽ bằng những hoa văn hình cong như nửa vầng trăng, tựa như mắt trâu, lưới trời phủ khắp, cửa đẹp rộng lớn, có gió mát tràn hoa báu trang nghiêm, hương thơm ngào ngạt của các loài hoa đẹp tỏa khắp, có vô lượng trăm ngàn Thiên nữ ưa thích vui đùa mà không hề có tật xấu ganh ghét, tranh cãi v.v... thương yêu nhau bền chắc, diện mạo trong sáng như vầng trăng. Theo cách trang điểm của Thiên nữ là dùng hương màu sắc rực rỡ để xoa lên mặt, các Thiên nữ cùng nhau ngâm vịnh vua đùa. Đại tiên nên biết! Bốn góc của bốn phương Thiện pháp đường đó có bốn mảnh đất rộng lớn, có nhiều rừng cây, mây phủ dày đặc. Ở chỗ vui chơi có nhiều loài hoa. Rừng cây ấy rộng lớn đến trăm do-tuần, ở đâu

cũng đều thẳng tắp, có hoa sen vàng và nhiều loài hoa rải khắp mặt đất, lại có nhiều tiếng ca ngâm vi diệu, có nhiều cây như là Cu-ca-na-đa, Ba-lợi-da-đa, Câu-tỳ-đa-la, những loại cây ấy đâu đâu cũng có, dùng để trang nghiêm.

Lại nữa, Thiện pháp đường đó, tất cả những vật trang hoàng đều bằng những khối như vàng, kim cương, ngọc ma-ni xanh, ngọc Ca-la-bà. Lại có ngọc pha lê, ngọc tỳ-lưu-ly v.v... không có chủ nhân chẳng có người giữ. Có nhiều kho tàng tài vật vàng bạc châu báu. Tất cả những tài vật và tất cả khối báu đều dùng để trang hoàng chỗ Thiện pháp đường. Các khối báu đó có nhiều màu sắc dùng trang nghiêm. Chung quanh Thiện pháp đường có trăm ngàn chỗ vui chơi, không nóng bức. Nhiều loại y phục để trang sức ở đó.

Lại nữa, này Đại tiên! Trời Ba Mươi Ba ưa dạo chơi, ở chỗ vui thú, tất cả đều đến tụ tập ở Thiện pháp đường để vui chơi.

Này Đại tiên! Cung điện Thiện kiến của trời Ba Mươi Ba trong sáng như gương, có nhiều hương hoa treo rủ xuống. có ngàn Thiên nữ trang sức thật đẹp du hí vui chơi, mắt liếc nhìn quyến rũ làm rung động đấng mày râu giống như sóng dữ, đi trong hư không, thân thể trang điểm bằng các loại hoa. Cung điện Thiện kiến trang hoàng như vậy, bên trong cung điện có nhiều bình châu báu, dây chuông rèm màn phát ra âm thanh thật hay để trang nghiêm,

hoặc có ngựa, voi đi lại trong cung điện, mỗi bước chân giẫm đạp lên đất tung lên bụi vàng. Ở đó có nhiều Thiên nữ xinh đẹp, thân đeo ngọc báu sắc đỏ rực rỡ, hoặc đánh kêu ra tiếng, hoặc ôm, hoặc đeo ở y áo làm cho ngọc báu ở nơi vui chơi đó thêm phần kỳ lạ.

Lại nữa, này Đại tiên! Cung điện Thiên kiến có sáu vạn cột đều bằng vàng ròng tốt cõi trời, dùng báu tỳ-lưu-ly và kim cương làm đầu của cột và xen kẽ các loại báu khác. Trong cung điện có các loại nước thơm, lá thơm, trầm thủy và các loại hương xông. Thiên vương Đế thích ở nơi đó, có trăm ngàn Thiên nữ vây quanh. Thiên vương Đế thích tay cầm ngà kim cương ở tại điện báu ấy vui chơi đùa giỡn.

Này Đại tiên! Thiên vương Nhân-đà-la ở cõi trời Ba Mươi Ba có sức mạnh bằng chín ngàn con rồng. Cánh tay của vua Đế thích như vòi voi trời, thân thể như vàng sạch bóng, hình thể cân đối, phần trên tế, phần dưới thô. Gân cốt trong thân không lộ bày, thân thể vững chắc, tóc lông đều xoáy tròn sạch sẽ. Thân có ánh sáng, y phục dài rộng. Thiên vương Nhân-đà-la sáng tác thích luận có thể phá sự tranh luận, có vô lượng trăm ngàn Thiên tử thường theo hầu cận, theo đạo chơi trong cung điện vườn trời và các nơi vua vui chơi, dây vàng buộc thân, chuỗi anh lạc, hoặc nửa chuỗi anh lạc tuyệt đẹp trang nghiêm ở ngực, thân thể rất đẹp,

không lớn không nhỏ, lưng eo, đùi vế cân đối, thường ăn cơm trắng, uống nước cam lồ. Trăm ngàn Thiên nữ mắt nhìn long lanh, mày mắt đoan trang. Họ có con voi say tai quạt ra gió, tiếng gió thật hay.

Lại nữa, này Đại tiên! Thiên vương Nhân-đà-la mạch trong thân không hiện, hơi thở thơm tuyệt diệu như mùi hương hoa, giọng nói hòa dịu. Đại tiên nên biết, hương lành trong thân Thiên vương thoảng ra, nếu như voi trắng của cõi trời phát dục mãnh liệt thì khi nghe được mùi hương trên thân vua, liền tỉnh lại ngay.

Lại nữa, này Đại tiên! Mức cao thấp của thân vua Nhân-đà-la giống như chư Thiên khác cõi ngựa cao phi rất đẹp. Nếu đem so sắc thân của vua đó với tượng vàng thì tượng vàng sẽ mờ nhạt.

Bây giờ, Đại tiên Tỳ-da-sa thưa Phật:

– Bạch Thế Tôn! Hy hữu thay Thế Tôn! Thiên vương Đế thích Nhân-đà-la thật là tối diệu như Thế Tôn, đã giảng thuyết thánh pháp đầy đủ không khác.

Phật dạy:

– Này Đại tiên! Ông đã dựa vào nghĩa gì mà khen ngợi như thế vì thân này là vô thường.

Thiên vương Nhân-đà-la mà nghe nói hiêm có thì sinh tâm lo sợ. Ví như đứa trẻ khéo tay dùng đất sét để nặn thành hình con người, loài vật v.v... rồi

gắn những lá và râu hoa ở bên ngoài, dùng các màu sắc để vẽ lên làm thành số đông binh lính, dùng cây làm dụng cụ khắc họa, như cây thì tô vẽ thêm hoa, chẳng bao lâu thì hoa héo tàn. Giống như dùng tim đèn để trong lò, dùng lửa đốt thì có ánh sáng. Thân Đế thích cũng như vậy. Đại tiên nên biết, A-nê-lâu-đại được cha mẹ sinh ra có năng lực mạnh, Thiên vương Nhân-đà-la cũng có sức lực của thân, A-nê-lâu-đại thân lực được cha mẹ sinh ra mạnh mẽ.

Lại nữa, này Đại tiên! Hôm nay ông hãy xem năng lực thần thông của A-nê-lâu-đại. Nghe nói như vậy, A-nê-lâu-đại tâm liền nghĩ: “Như Lai thêm sức mạnh cho ta”. Nghĩ như thế rồi liền nhập Tam-muội, nhập Tam-muội rồi thân như hoàng kim, liền được thân vua cõi trời đội mũ vàng đẹp đẽ như màu hoàng kim biển. Từ trên đầu có châu báu rủ xuống đến mắt, làm lay động, va chạm nhau, búi tóc xanh như ngọc, thân thể tươi nhuận, có ánh sáng thù thắng. Mắt như tỳ-lưu-ly tuyệt đẹp của cõi trời, màu xanh biếc. Lại có châu báu như báu ma-ni màu xanh, báu Ca-la-bà, báu nhật châu v.v... để trang điểm cánh tay. Dùng năng lực biến hóa mà thân được như vậy. Lại tỏa ra hương cõi trời, xông khắp đại chúng. Đại tiên Tỳ-da-sa thấy thân đó rồi lòng rất rung động liền đứng dậy chấp tay cung kính cho là ít có, lớn tiếng xưng lên: “Lạ thay! Lạ thay! Có gì sướng bằng, ta được thân người

thật là chẳng uổng. Hôm nay ta gặp được Như Lai là bậc Nhất Thiết trí, tương xứng với lời giảng dạy khiến cho ta được thấy nghe pháp nay chưa từng thấy như vậy”.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn hỏi Đại tiên Tỳ-da-sa:

– Ý ông thế nào? Thân của Thiên vương Nhân-đà-la và thân của Trưởng lão A-nê-lâu-đại, hai thân như vậy, thân nào hơn?

Đại tiên Tỳ-da-sa thưa Phật:

– Bạch Thế Tôn! Nếu đem thân của Thiên vương Nhân-đà-la mà so với thân của Trưởng lão A-nê-lâu-đại thì không bằng một phần trăm, cũng không bằng một phần ngàn. Thân sắc của Trưởng lão A-nê-lâu-đại hoàn hảo hơn.

Đức Như Lai dạy:

– Này Đại tiên! Đúng vậy, chớ vui mừng. Vì người đã tạo phước đức phát nguyện như thế nên được thân đó.

Khi ấy, đại chúng của Đại tiên Tỳ-da-sa sinh lòng vui mừng, thưa Đức Phật:

– Bạch Thế Tôn! Nguyện xin Thế Tôn vì chúng con mà giảng về cõi trời Ba Mươi Ba.

Đức Phật dạy:

– Này Đại tiên! Thiên hậu đệ nhất của Thiên vương Đế Thích ở cõi trời Ba Mươi Ba tên là Xá-chi. Bà ấy ở rừng Hoan hỷ có trăm ngàn Thiên nữ hầu hạ, có đủ các loài hoa nở phát ra ánh sáng tập

trung tại thân bà, má như cánh sen hồng, môi như quả tần bà vàng. Bà ấy mặc y phục mịn màng tươi sáng nhất, an nhiên ngao du chỗ vui chơi trong rừng, dùng các thứ trang điểm của cõi trời để trang điểm; dùng vòng xuyên báu bằng ngọc kha của trời đeo vào tay, lại dùng chuỗi anh lạc hoặc nửa anh lạc để trang điểm nơi thân. Chân đeo xuyên báu, vòng xuyên có tiếng vi diệu. Bà ấy du hành như vậy trong rừng Hoan hỷ có đủ loại âm nhạc. Gò má bà ấy rộng. Hoa đẹp rải đường đi, dưới rốn có lớp lông tơ. Quần bằng cát báu khi đi phát ra âm thanh, mắt xanh mở to sáng đẹp, tóc đen mà dài lại xoáy tròn, mũi cao mà thẳng. Bà ấy bỏ hẳn những thói xấu sân hận, ganh tỵ tranh cãi, cũng không giận hờn nhăn nhó gắt gỏng, thân không lỗi lầm.

Đại tiên nên biết! Thiên hậu Xá-chi say mê ân ái. Núi Thắng-di-lâu là nơi đẹp nhất. Núi ấy rộng dài có nhiều rừng cây, cành lá rậm rạp che khuất ánh sáng, tâm sinh ưa thích, gió nhẹ thổi hoa đưa hương thơm lan khắp, rồi chạm vào thân phu nhân. Thân hình phu nhân Xá-chi không cao không thấp, không mập không ốm, gương mặt tuyệt đẹp như hoa sen nở, miệng thoảng ra hương thơm vi diệu, nói năng khéo léo tăng trưởng hạt giống Phật.

Đại tiên nên biết! Tất cả chư Thiên ở cõi trời Ba Mươi Ba, thân thể đều thơm, không bệnh tật, ưa du hành ở nơi vui chơi hay ở các cung điện.

Lại nữa, này Đại tiên! Thọ mạng của trời Ba

Mười Ba là một ngàn tuổi. Đến khi sắp lâm chung ở cung điện đó vốn chưa từng có năm tướng xuất hiện. Nên biết năm tướng là: Nơi ao hồ nước trong mát giống như pha lê, mát lạnh, có gợn sóng, có nhạc, có gió nhẹ thổi. Nơi ấy có đủ loại cảnh hoa. Vị sắp chết ấy lúc vào hồ rồi, mồ hôi toát ra. Thấy mồ hôi toát ra như vậy rồi, tâm sinh nghi ngờ, lo nghĩ liền nhảy lên khỏi nước, chạy thẳng vào rừng cây. Các Thiên nữ thấy vị ấy chạy, cùng chạy theo sau. Vị trời ấy dừng ở dưới cội cây, các Thiên nữ buồn rầu nghẹn ngào than thở: “Hôm nay sao Thánh tử bỏ chúng tôi mà một mình đứng đây? Ở đây có gì vui?”.

Thiên đồng tử đó dùng lời thăm thiết nói với các Thiên nữ: “Trên đầu ta từ trước đến nay chưa từng có chất nhờn bắn toát ra”. Nói như vậy xong thì ở dưới hai nách liền toát ra mồ hôi. Các Thiên nữ thấy mồ hôi toát ra như vậy liền bỏ đi xa. Vị Thiên tử này thấy Thiên nữ bỏ đi nên lòng lo sợ, hơi thở hỗn hển tâm thêm nhiệt não. Vì nóng bức nên tràng hoa trên đầu chưa từng thấy úa mà nay héo tàn, thế rồi y áo chưa từng bắn nay đã nhợt nhạt, lại không còn ưa thích chỗ nằm của cõi trời nữa. Các Thiên nữ thấy hiện tướng như thế liền nghĩ: Tướng chết của Thiên đồng tử này đã hiện ra, sắp bị hủy hoại và biết rằng vị ấy chắc chắn chết. Vì nghe mùi hôi không chịu nổi nên đứng xa rồi thương xót than thở, nghẹn ngào: “Mới lúc nào đây

thân trời mịn màng tuyệt vời cùng đi trong rừng nơi vui chơi đùa giỡn ở cõi trời Ba Mươi Ba này. Ở nơi ao hồ đó có chim uyên ương. Nơi rừng Hoan hỷ ở Thiên pháp đường có nga vương, uyên ương; nước ao Mạn-đà-kỳ thơm, tinh khiết, có nhiều rừng gọi là cây biến hương (Tượng trần ba lê da đa câu kỳ đa la), ở trong vườn vui chơi có nhiều ong mật, ở trong rừng tạp đủ loại dùng để trang nghiêm, thường dạo chơi nơi đây, hôm nay bỗng nhiên bỏ ta đi nơi nào? Năm tướng suy hủy hoại đã hiện là sắp chết”. Các Thiên nữ than khóc như vậy, rồi lại càng than khóc nhiều hơn. Thiên đồng tử nghe thấy than khóc, tâm bị hủy hoại, càng thêm lo sợ, thân liền phát nhiệt, mắt bị loạn thị, như đi trên đường lạc mất bạn đồng hành, cũng như người buôn trên biển bị chìm thuyền, như người đánh mất châu như ý, tâm ý áo não quệt chân trên đất, như ngọn gió mạnh có thể làm sụp đổ góc núi, gió lớn vô thường đã làm cho Thiên tử ngã xuống cũng như vậy. Thân Thiên tử nóng bức đi vòng vòng trên mặt đất như rồng con bị Kim sí điều cấp đi sinh sợ hãi liền gồng thân chống lại. Vị Thiên tử liền chấp tay hướng về Thiên nữ nói: “Nay ta bị nóng bức, các nàng hãy đến đây, hãy đến đây, có thể dùng tay xoa bóp cho ta được mát lại”. Thân nóng bức, tâm bồn chồn muốn được như vậy, cả thân tâm đều chịu khổ não. Các Thiên nữ trong lòng bị sầu khổ thiêu đốt chỉ đứng xa nhìn lại thương xót lo buồn mà không dám

đến gần, không xoa bóp và không tiếp xúc. Các Thiên nữ trong rừng cây cầm các hoa lá giơ tay từ xa đặt trên tim Thiên đồng tử và nói: “Nay Thiên đồng tử đã hết phước đức cõi trời nguyện cho Thiên tử mau sinh về thế gian”. Nghe lời nói của Thiên nữ, Thiên đồng tử biết chắc chắn phải chết liền thét lớn: “Sao lại khổ vậy? Cõi trời Ba Mươi Ba này chính là chỗ ác. Nơi chốn vui chơi đầy đủ những thứ trang nghiêm, cung điện đẹp nhất, thọ hưởng các thú vui. Có nhiều Thiên nữ dùng đủ loại ái nhiễm ràng buộc tâm ta, bỗng nhiên hôm nay các Thiên nữ đứng từ xa bảo ta sắp chết, và nói: “Nguyện cho Ngài chết rồi sinh vào thế gian”. Vị Thiên đồng tử suy nghĩ lời nói ấy, động thân muốn đứng dậy, càng đau khổ hơn, khóc lóc: “Khổ thay, mới hôm nào rừng cây Hoan hỷ và rừng nhiều loại cây, trên tảng đá Bạch y, ngồi vui chơi. Mới ngày nào ở Thiện pháp đường, Ba-lưu-sa-ca, Ba-lợi-da-đa, Tỳ-bà-xà, Mạn-đà-kỳ-ni-đại-ba-lưu-sa-ca, những cung điện như thế là cung điện đẹp nhất, cửa ngõ kiên cố, tất cả đều tụ tập, nhưng hôm nay tôi bỗng nhiên rời bỏ cung điện cõi trời này, không được tự do mà rời khỏi nơi này”. Trời Ba Mươi Ba thọ mạng sắp hết nên đối với cung điện của mình không còn thấy nữa, chỉ thấy Thiên nữ cúi đầu, lấy tay lau nước mắt ràng rửa trên mặt. Thiên tử sắp rời khỏi cõi trời liền nói: “Hôm nay tôi sắp vào đường chết. Mới ngày nào các người là những

người thân yêu của ta, sao lại không chuyện trò với ta, nay ta sắp đi vào con đường dài sinh tử. Những người yêu hãy mau đến ôm vào cổ ta. Ta từ nay không còn gặp lại các người nữa. Các người cũng vậy, không còn gặp ta nữa. Nơi cõi trời này sao lại ác lắm vậy? Nghiệp quả đã hết, mờ mịt không còn thấy được. Sao cõi trời Ba Mươi Ba này khi sắp bỏ, tất cả đều trống vắng? Sao cõi trời Ba Mươi Ba này đâu không có nhạc trời, tiếng vỗ tay, mà hôm nay ta lại không nghe tiếng? Mới hôm nào đây trời Ba Mươi Ba này có trời Càn-thát-bà dễ thương đệ nhất, thiên sắc trang nghiêm, kim cang kim địa. Thiên vương Đế Thích ngàn mắt có những phước đức gì mà chúng sinh tập trung đến để được thấy? Nào là hoa Ba-lợi-da, hoa Câu-tỳ-la và các tràng hoa khác trên đầu ta sao nó lại héo úa”. Vị ấy sắp từ bỏ cõi trời liền thét lên như thế. Chư Thiên cõi trời Ba Mươi Ba nghe tiếng ông ta tất cả đều sàu lo đem đủ các loại hoa để tự trang nghiêm làm sạch sẽ râu tóc. Thiên Đế Thích được trăm ngàn chúng trời vây quanh, Thiên hậu Xá-chi và Thiên nữ đứng quanh. Các trời Càn-thát-bà như Na-la-đạt-ly-chi-đa-già, Đại-bát-giá, Thi-khí-đôn-phù-lư v.v... tấu các âm nhạc vi diệu của trời hướng đến vị Thiên tử sắp chết. Vị Thiên tướng ấy liền hiện ra năm tướng suy. Thấy vậy tất cả đều sinh lòng thương xót, đồng than: “Sao khổ vậy? Vô thường ác này không có lòng từ bi”.

Đế thích thấy Thiên tử sắp rời cõi trời, nói: “Tất cả pháp của chúng ta đều như vậy, chớ sinh lòng huyễn ái, nên đoạn trừ tâm ấy. Nếu không đoạn trừ tâm ái thì sẽ đọa vào đường ác”. Các Thiên tử khác cũng vậy, tất cả đồng thanh nói: “Ngài nên làm việc thiện để sinh vào cõi người, nơi tất cả chúng sinh tu tạo nghiệp thiện”.

Vị Thiên tử sắp chết nghe lời khuyên bảo như vậy rồi, bèn nghĩ: “Nay ta quyết chắc sẽ đọa lạc”, liền chấp tay hướng về chúng Thiên tử nói: “Tất cả Thiên tử ở cõi trời Ba Mươi Ba xin hãy thương xót tôi, thời gian tôi đọa lạc đã đến”. Nói xong, vị Thiên tử ấy thở ra, nhìn thẳng, có hai hiện tượng xuất hiện là hố mắt như cánh hoa sen, các món trang sức đều biến mất. Các Thiên tử ấy thấy Thiên đồng tử sắp đọa lạc xa rời mọi trang sức của cõi trời liền dùng các loại hoa Man-la-bà-cư-thế, Xá-da-cư-dà-na-đại để tung rải trên thân của Thiên đồng tử, nhạc trời như đàn, trống, sáo đều trỗi lên đủ loại âm thanh. Thiên đồng tử thấy mọi người cúng dường (tiễn đưa) cho thân mình như vậy nên tuy bị đọa khỏi cõi trời nhưng tâm vẫn vui mừng, muốn sinh vào cõi Diêm-phù-đề, mắt rơi lệ, tiếng nói hụt hẫng. Lúc đó các nghiệp tương ưng kéo đến, mạng sông kết thúc. Vị ấy chết rồi, gió Già-ana thổi đến tử thi. Hương thơm ngào ngạt của làn gió ấy tỏa khắp, vị Thiên tử kia liền lìa xa cõi trời Ba Mươi Ba, nhưng thần thức mù tịt không biết

chỗ nào, không có nơi chốn, không thể sinh ở chỗ nào khác hoặc nhớ nghĩ hoặc biết rõ. Thiên đồng tử này liền sinh xuống nhân gian, nhập vào thai làm cho mẹ hiện ra các tướng ca múa vui cười, thích dục lạc, luôn luôn vui vẻ, ưa những nơi rừng cây hoa quả, thích mặc các thứ y phục nhiều màu tươi đẹp, thường thích ăn uống. Dù đang mang thai mà mẹ vẫn không hề cảm thấy khó chịu, chẳng ưa tà dục, ưa thích hương thơm, trang điểm tràng hoa, lúc ngủ thì chiêm bao thấy cảnh tốt chẳng thấy sự điên đảo.

Này Đại tiên! Thiên tử cõi trời Ba Mươi Ba sinh xuống cõi Diêm-phù-đề, lúc còn trong thai mẹ, có những hiện tượng như vậy.

Đại tiên nên biết! Trong thời gian mang thai ấy, người mẹ được khỏi tất cả những bệnh tật, cho đến sau khi sinh. Khi sinh ra, trẻ đồng tử thân thể ngay ngắn, chỉ tay rõ nét, tay chân mềm mại, răng đều và kín, thân thể mềm mại, lòng thích những công đức thiện thù thắng, tính thích dục lạc tốt, y phục thì thích loại mịn màng, lại thích chỗ chơi trong rừng, thân thể có hơi thơm đặc biệt, sang quý giàu có, đầy đủ vàng bạc châu báu, sinh vào nhà quý tộc, thường hành bố thí, trì giới. Còn người nào có lòng ham muốn nhiều thì sẽ sinh vào nhà nghèo cùng. Tâm nghĩ về bố thí, không đen không trắng, tay chân ngay ngắn, ai thấy cũng sinh lòng yêu kính, tánh thích bàn luận, tâm luôn hòa dịu, ít giận

hòn, ưa gần vợ người, đối với vợ mình thì lại không yêu thích, đối với người thân, anh em, bà con, cũng chẳng thương luyến.

Đại tiên nên biết! Các vị Thiên tử nơi cõi trời Ba Mươi Ba sinh xuống nhân gian vốn có tánh như vậy.

Đức Thế Tôn giảng nói kinh này xong, Đại tiên Tỳ-da-sa cùng tất cả chúng tiên đều vui mừng đồng tiếng khen ngợi: “Lành thay!”.



SỐ 355

KINH NHẬP PHÁP GIỚI THỂ TÁNH

Hán dịch: Đồi Tỳ, Tam tạng Xà Na Quạt Đa, người nước Thiên Trúc.

Thuở nọ, Đức Bạt-già-bà cùng năm trăm vị Tỳ-kheo cư trú trong núi Kỳ-xà-quạt thuộc thành Vương-xá.

Khi ấy, vào lúc đầu hôm, Đồng tử Văn-thù-sư-lợi đến gặp Phật, vì Như Lai đang trụ trong Tam-muội nên Văn-thù phải đứng ngoài đợi. Sau đó Như Lai ra khỏi Tam-muội thì thấy Đồng tử Văn-thù-sư-lợi đứng ngoài cửa, Phật liền nói:

– Này Văn-thù-sư-lợi! Ông đã đến chỗ Như Lai thì hãy vào đây.

Nghe Phật nói, Đồng tử Văn-thù-sư-lợi thưa:

– Lành thay! Bạch Thế Tôn!

Nói xong, Văn-thù-sư-lợi liền bước vào thụt đến bên Phật đánh lễ sát chân Ngài và lui ra đứng qua một bên.

Thế Tôn bảo Đồng tử Văn-thù-sư-lợi:

– Ông hãy ngồi xuống.

Đồng tử Văn-thù-sư-lợi thưa:

– Lành thay! Bạch Thế Tôn! Con xin vâng.

Nói xong, Đồng tử Văn-thù-sư-lợi ngồi qua một bên chấp tay hướng về Phật thưa:

– Bạch Thế Tôn! Vừa rồi Như Lai từ Tam-muội gì mà ra vậy?

Phật dạy Văn-thù-sư-lợi:

– Có Tam-muội tên là Bảo tích, vừa rồi Ta từ trong Tam-muội ấy mà ra.

Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Vì sao gọi Tam-muội ấy là Bảo tích?

Phật dạy Văn-thù-sư-lợi:

– Ví như vật báu đại ma-ni, sau khi khéo mài sáng xong, đặt nơi sạch sẽ, thì nơi đất ấy sinh ra các châu báu không thể cùng tận. Cũng như vậy, này Văn-thù-sư-lợi! Ta trụ vào Tam-muội này quán sát thấy chư Phật Như Lai ở khắp tất cả các phương Đông, Tây, Nam, Bắc, trên và dưới trong vô lượng vô số thế giới khắp mười phương cũng đang trụ vào Tam-muội này để nói pháp cho tất cả chúng sinh. Này Văn-thù-sư-lợi! Khi Ta trụ trong Tam-muội này, Ta thấy tất cả các pháp là pháp giới. Này Văn-thù-sư-lợi! Tam-muội này còn gọi là Thật tế ấn. Nếu có người nam hay người nữ thuần hậu, chất trực nào hành Ấn này thì có biện tài bất tuyệt.

Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Con có biện tài. Bạch Thiện Thệ! Con có biện tài.

Phật dạy:

– Nay Văn-thù-sư-lợi! Làm sao ông biết ông có biện tài?

Văn-thù-sư-lợi thưa:

– Bạch Thế Tôn! Ví như vật báu ma-ni kia không nhờ vào nơi khác mà trở lại nương trụ vào thực tế. Bạch Thế Tôn! Tất cả các pháp đều không chỗ trụ chỉ trụ vào thật tế.

Phật lại hỏi Văn-thù:

– Ông biết thật tế chăng?

Văn-thù thưa:

– Đúng vậy, thưa Thế Tôn! Con biết thật tế.

Phật lại hỏi Văn-thù:

– Sao gọi là thật tế?

Văn-thù thưa:

– Bạch Thế Tôn! Có ngã sở tế thì đó là thật tế, có phàm phu tế đó là thật tế. Nghiệp hay quả báo, tất cả các pháp đều là thật tế.

Bạch Thế Tôn! Nếu ai tin như vậy là tin đúng đắn. Bạch Thế Tôn! Ai tin một cách điên đảo tức là chánh tín. Hạnh hay phi hạnh đều là chánh hạnh. Vì sao? Vì chánh hay bất chánh chỉ là lời nói, nó không thể nắm bắt được.

Phật dạy:

– Này Văn-thù-sư-lợi! Hạnh nghĩa là gì?

Văn-thù thưa:

– Bạch Thế Tôn! Hạnh là thấy nghĩa của thật tế.

Phật dạy:

– Này Văn-thù-sư-lợi! Nghĩa tu đạo là gì?

Văn-thù thưa:

– Bạch Thế Tôn! Tu đạo là tư duy biết được nghĩa như thật của các pháp.

Phật dạy:

– Này Văn-thù-sư-lợi! Đối với những người nam người nữ mới tập tu ông nói pháp thế nào?

Văn-thù thưa:

– Bạch Thế Tôn! Con đến chỗ các thiện nam, thiện nữ ấy chỉ dạy cho họ có khả năng hiểu biết như con, ấy là đã nói pháp cho họ.

Bạch Thế Tôn! Con không giảng nói pháp diệt tham dục, các hoạn nạn. Vì sao? Vì các pháp này, bản tánh của nó không sinh không diệt.

Bạch Thế Tôn! Nếu ai diệt được thật tế tức là diệt được những gì do ngã kiến sinh ra.

Bạch Thế Tôn! Đối với những thiện nam, thiện nữ mới phát tâm con nói pháp làm cho họ không vướng vào pháp Phật, không chấp vào pháp phạm phu và cũng khiến cho họ không còn khái niệm lấy hoặc bỏ các pháp.

Bạch Thế Tôn! Con sẽ nói pháp như vậy cho người nam hay người nữ mới phát tâm.

Văn-thù-sư-lợi lại thưa:

– Bạch Thế Tôn! Khi giáo hóa chúng sinh Thế Tôn giảng nói pháp thế nào?

Phật dạy Văn-thù:

– Khi Ta giảng nói pháp cho tất cả chúng sinh thì không ra ngoài sắc và phi sắc, cũng chẳng là thọ, tướng, hành, thức mà giảng nói pháp.

Này Văn-thù-sư-lợi! Ta không nói gì khác ngoài dục, sân, si v.v...

Này Văn-thù-sư-lợi! Ta giáo hóa là để khiến cho họ biết được pháp “Không thể nghĩ bàn”. Vì Ta giảng nói pháp cho họ, nhờ đó chứng thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Này Văn-thù-sư-lợi! Ta không từ bỏ một pháp nào. Cho nên khi Ta chứng quả Bồ-đề vô thượng Ta cũng không nghĩ mình đã chứng quả Bồ-đề vô thượng.

Này Văn-thù-sư-lợi! Những gì Phật nói đều là pháp giới. Đối với các lực, vô úy của Phật cũng là pháp giới.

Này Văn-thù-sư-lợi! Ta không thấy pháp giới có các cảnh giới. Trong pháp giới, Ta không thấy đây là pháp phàm phu, đây là pháp A-la-hán, đây là pháp Phật-bích-chi, và pháp chư Phật, vì pháp giới ấy vốn không có hơn kém, cũng không nhiều loạn.

Này Văn-thù-sư-lợi! Ví như sông Hằng, sông Diêm-ma-na, sông Khả-la-bạt-đề, tất cả sông lớn ấy đều chảy vào biển cả và nước ấy chỉ có một vị mặn mà thôi.

Cũng như vậy, này Văn-thù-sư-lợi! Các pháp tuy có nhiều cách gọi khác nhau, nhưng khi nhập vào trong pháp giới thì chỉ đồng một hiệu.

Này Văn-thù-sư-lợi! Ví như trong đồng ngũ cốc hỗn tạp kia thì không thể nào nói riêng từng loại. Cũng như vậy, trong pháp giới không có gì gọi là đúng, sai, nhiễm, tịnh, Thánh nhân, phàm phu và cả pháp Phật. Vì văn tự không thể diễn đạt hết người khác của pháp giới, cho nên pháp giới mà Ta nói đây rất khế hợp với thường quy. Vì sao? Này Văn-thù-sư-lợi! Vì cảnh giới thuận nghịch ấy và pháp giới cũng không có hai tướng, không đến, không đi, không thể thấy, không có chỗ để sinh khởi.

Sau khi Phật giảng nói pháp như vậy, Văn-thù-sư-lợi thưa:

– Bạch Thế Tôn! Con không thấy pháp giới hướng đến đường ác, cũng không thấy hướng đến cõi trời và cũng không thấy hướng đến Niết-bàn.

Phật dạy Văn-thù-sư-lợi:

– Nếu có người đến hỏi ông: Vì sao biết hiện tại có sáu cõi. Người ta hỏi như vậy thì ông trả lời thế nào?

Văn-thù-sư-lợi thưa:

– Bạch Thế Tôn! Người ta hỏi như vậy thì con sẽ giải nói cho họ rõ biết.

Bạch Thế Tôn! Ví như có người mộng thấy cõi địa ngục, hoặc thấy cõi súc sinh, hoặc thấy kẻ Diêm-ma-la, hoặc thấy thân A-tu-la, hoặc thấy cõi trời hoặc thấy cõi người.

Bạch Thế Tôn! Những gì mà người kia mộng thấy thì đều sai khác. Nhưng vì có người hỏi nên con mới trả lời, mà kỳ thật chẳng có cảnh giới và cũng chẳng có chúng sinh.

Bạch Thế Tôn! Cũng như vậy, mặc dù con nói về sự khác nhau của các cõi nhưng pháp giới của nó thật không sai khác.

Bạch Thế Tôn! Nhưng người kia hỏi thì con sẽ giảng nói như thật cho họ rõ biết, chứ chẳng có cảnh này, cõi kia vậy.

Bạch Thế Tôn! Vì hàng Thanh văn thừa hay chấp vào Niết-bàn cho nên không thể nói thật nghĩa cho họ.

Bạch Thế Tôn! Những cảnh giới kia hiện tại đây còn không phân biệt được mà chỉ nói đến danh tự của chúng. Vì sao? Vì còn chấp vào pháp giới thì còn bị giới hạn.

Bạch Thế Tôn! Ví như biển lớn có bảy thứ vật báu, đó là ngọc kha, san hô, vàng bạc v.v... có thể sai khác nhau, đây là vật báu trong biển. Nhưng ở

trong pháp giới không thể biết được tướng sai khác của nó. Vì sao? Bạch Thế Tôn! Vì pháp giới không sinh không diệt, pháp giới không nhiễm không tịnh, pháp giới không ô uế, không nhiễu loạn. Trong pháp giới ấy không có pháp gì diệt cũng không có pháp gì sinh.

Khi ấy Thế Tôn biết mà vẫn cố hỏi Văn-thù-sư-lợi:

– Ông biết pháp giới sao?

Văn-thù thưa:

– Bạch Thế Tôn! Đúng vậy. Con biết pháp giới tức là ngã giới.

Phật lại hỏi:

– Này Văn-thù-sư-lợi! Ông biết thế gian chăng?

Văn-thù-sư-lợi thưa:

– Bạch Thế Tôn! Chỗ mà người huyễn hóa làm ra thì đó là chỗ thế gian.

Bạch Thế Tôn! Thế gian chỉ có danh từ không có vật thật, có thể thấy nên nói là thế gian hành. Bạch Thế Tôn! Nhưng con không lìa bỏ pháp giới để thấy thế gian. Vì sao? Vì không có thế gian. Như Thế Tôn hỏi thế gian từ đâu mà có? Bởi vì tánh của sắc không sinh không diệt, thì hành ấy cũng không sinh không diệt, thọ, tưởng, hành, thức cũng vậy. Tánh của thức này không sinh không diệt, như vậy hành cũng không sinh không diệt. Bạch Thế Tôn!

Như vậy một tướng nghĩa là vô tướng.

Phật lại hỏi:

– Này Văn-thù-sư-lợi! Chẳng lẽ ông không nghĩ rằng hiện tại Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác sẽ diệt độ sao?

Văn-thù-sư-lợi thưa:

– Bạch Thế Tôn! Lẽ nào pháp giới có hình thành và có chưa hình thành? Vì pháp giới có hình thành thì làm sao tránh khỏi sự hủy diệt?

Phật dạy Văn-thù-sư-lợi:

– Ông có tin Hằng hà sa chư Phật thời quá khứ đã diệt độ chăng?

Văn-thù-sư-lợi thưa:

– Bạch Thế Tôn! Con tin. Chư Như Lai đều đến Niết-bàn, vì thấy chư Như Lai thị hiện.

Phật dạy Văn-thù-sư-lợi:

– Ông có nghĩ “Chính ái dục” đã làm cho chúng phàm phu chết rồi sinh trở lại không?

Văn-thù-sư-lợi thưa:

– Bạch Thế Tôn! Phàm phu con còn không thấy thì làm sao có tái sinh.

Phật hỏi Văn-thù-sư-lợi:

– Đứng trước Phật, ông có ưa thích nghe pháp không?

Văn-thù-sư-lợi thưa:

– Bạch Thế Tôn! Con không thấy ưa thích,

cũng không thấy tướng ưa thích.

Phật dạy Văn-thù-sư-lợi:

– Chẳng lẽ ông không thích pháp giới chẳng?

Văn-thù-sư-lợi thưa:

– Bạch Thế Tôn! Con thấy tất cả các pháp cũng là pháp giới, vậy lấy gì để ưa thích!

Phật bảo Văn-thù-sư-lợi:

– Nếu người ngã mạn nghe ông nói, họ rất sợ hãi.

Văn-thù-sư-lợi thưa:

– Bạch Thế Tôn! Nếu người ngã mạn sợ hãi thì pháp giới cũng sinh sợ hãi. Pháp giới không sợ hãi nên tất cả các pháp đều không có sợ hãi và không có tạo tác. Đây là Kim cang.

Phật bảo Văn-thù-sư-lợi:

– Vì sao gọi là Kim cang?

Văn-thù-sư-lợi thưa:

– Bạch Thế Tôn! Vì tánh của các pháp vốn không hư hoại, cho nên gọi là Kim cang. Bạch Thế Tôn! Vì Như Lai không thể nghĩ bàn và các pháp cũng không nghĩ bàn, cho nên gọi là Kim cang.

Phật hỏi Văn-thù-sư-lợi:

– Vì sao gọi đây là Kim cang?

Văn-thù-sư-lợi thưa:

– Bạch Thế Tôn! Vì các pháp không thể suy lường được nên gọi là Kim cang. Bạch Thế Tôn!

Các pháp là Bồ-đề, đó là Kim cang.

Phật hỏi Văn-thù:

– Vì sao gọi đây là Kim cang?

Văn-thù thưa:

– Bạch Thế Tôn! Tất cả các pháp không chủ thể, chỉ có danh xưng và văn tự. Các pháp không có đây không có kia, tất cả đều không có chủ thể. Đây, kia đều không có chủ thể tức là “như như” vậy. Nếu đã “như như” tức là chân thật. Nếu là chân thật thì đó là Bồ-đề. Cho nên gọi là Kim cang. Bạch Thế Tôn! Tất cả các pháp là cảnh giới của Như Lai. Đó là Kim cang.

Phật dạy Văn-thù-sư-lợi:

– Vì sao gọi đây là Kim cang?

Văn-thù-sư-lợi thưa:

– Bạch Thế Tôn! Vì tự tánh của các pháp xưa nay vốn thanh tịnh, cho nên gọi đó là Kim cang.

Phật dạy Văn-thù:

– Ông hãy mời Tỳ-kheo A-nan-đà đến đây để thọ trì pháp bản này.

Văn-thù thưa:

– Bạch Thế Tôn! Trong đó con không thấy có một pháp nào có thể nói, có thể nghe. Bạch Thế Tôn! Thật sự con còn không thấy có văn tự để diễn đạt, thì làm gì có cú nghĩa mà thọ trì!

Phật dạy:

– Lành thay! Lành thay! Đây Văn-thù-sư-lợi!

Ông nói rất hay về điều này. Nay Văn-thù-sư-lợi! Ta thấy phương Đông trong vô lượng vô số thế giới, chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác cũng nói pháp bản này.

Bây giờ, Trưởng lão Xá-lợi-phất từ trụ xứ của mình đi đến chỗ Đồng tử Văn-thù-sư-lợi, nhưng không gặp Văn-thù-sư-lợi. Trưởng lão bèn đến chỗ Phật và đứng ở ngoài cửa.

Khi ấy, Thế Tôn bảo Văn-thù-sư-lợi:

– Nay Văn-thù-sư-lợi! Tỳ-kheo Xá-lợi-phất đang ở ngoài cửa muốn được nghe pháp, ông hãy mời Tỳ-kheo ấy vào đây.

Văn-thù thưa:

– Bạch Thế Tôn! Cảnh giới của Xá-lợi-phất và cảnh giới của pháp giới, hai cảnh giới này chẳng lẽ ở trong, ở ngoài, ở chặng giữa hay ở hai bên sao?

Phật dạy:

– Không phải vậy.

Văn-thù-sư-lợi thưa:

– Bạch Thế Tôn! Nói cảnh giới thật cũng chẳng phải cảnh giới thật. Như vậy, cảnh giới cũng chẳng phải cảnh giới; không ở trong, không ở ngoài, không đến không đi. Bạch Thế Tôn! Cảnh giới của Xá-lợi-phất tức là cảnh giới thật. Cảnh giới của Xá-lợi-phất tức là pháp giới. Bạch Thế Tôn! Nhưng pháp giới này không xuất, không nhập, không đến, không đi thì Xá-lợi-phất kia từ đâu đến, và sẽ đi về

đâu?

Phật dạy:

– Nay Văn-thù-sư-lợi! Giả như buộc ông phải đứng bên ngoài, còn Ta và chúng Thanh văn cùng bàn luận trong này, lẽ nào lòng ông không sinh khổ não sao?

Văn-thù thưa:

– Bạch Thế Tôn! Không. Vì sao? Vì pháp Thế Tôn nói không là pháp giới, nên Như Lai nói pháp tức là pháp giới, pháp giới tức là Như Lai. Cho nên Như Lai nói pháp giới cũng chính là nói Như Lai, không phải hai, không phải một.

Vì lời nói và người nói không là pháp giới. Bạch Thế Tôn! Do đó con không khổ não. Bạch Thế Tôn! Trong Hằng hà sa kiếp nếu con không đến chỗ Thế Tôn giảng nói pháp thì lúc ấy con không ưa thích cũng không sầu khổ. Vì sao? Vì nếu pháp giới có hai thì mới có khổ não. Nhưng pháp giới chẳng phải hai thì có gì sinh khổ não?

Khi ấy, Đức Thế Tôn bảo Trưởng lão Xá-lợi-phất:

– Nay Xá-lợi-phất! Có phải ông đến để nghe biện tài của Văn-thù-sư-lợi chăng?

Xá-lợi-phất thưa:

– Bạch Thế Tôn! Con rất thích nghe. Con đang muốn được nghe pháp mà Thế Tôn và Đồng tử Văn-thù nói.

Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Cho Trưởng lão Xá-lợi-phất vào đây để nghe pháp.

Thế Tôn bảo Trưởng lão Xá-lợi-phất:

– Này Xá-lợi-phất! Ông hãy vào đây.

Xá-lợi-phất thưa:

– Lành thay! Bạch Thế Tôn!

Nói xong, Xá-lợi-phất liền vào thất, đến đánh lễ sát chân Phật, rồi lui ngòi qua một bên.

Bấy giờ, Văn-thù-sư-lợi nói với Trưởng lão Xá-lợi-phất:

– Ông thấy thế nào mà đến đây?

Xá-lợi-phất trả lời:

– Tôi đến đây vì muốn nghe pháp mà thôi. Ở đây sẽ có pháp tôi thắng, vì ở đây có Văn-thù-sư-lợi và Thế Tôn. Vì mỗi người đều có những luận thuyết và có cả sự diệu mỹ thì chắc chắn sẽ có những bài pháp rất thâm sâu.

Văn-thù-sư-lợi nói:

– Đúng vậy! Đúng vậy! Xá-lợi-phất! Tôi nói pháp tôi thắng thâm sâu.

Xá-lợi-phất nói:

– Thưa Văn-thù-sư-lợi! Như vậy, khi nói pháp này, Nhân giả vì nghĩa gì mà cho là tôi thắng thâm sâu?

Văn-thù-sư-lợi trả lời:

– Xá-lợi-phất! Pháp này khó hiểu và lãnh hội được. Phàm những gì do ta nói ra đều không có nguồn gốc phát sinh. Như pháp ta đang nói đây cũng không có nguồn gốc phát sinh và pháp phàm phu, pháp của các bậc La-hán cũng vậy. Pháp của Như Lai nói đây cũng không có chủ thể và đối tượng, cho nên gọi pháp ấy là pháp bình đẳng. Dựa vào đặc tính bình đẳng không trụ không chấp rốt ráo vắng lặng mà nói các pháp, vì thế pháp ấy gọi là tối thắng.

Xá-lợi-phất hỏi:

– Thưa Văn-thù-sư-lợi! Ông lấy nghĩa gì mà nói như vậy? A-la-hán lậu tận chẳng nhận được pháp khí này hay sao?

Văn-thù trả lời:

– Trưởng lão Xá-lợi-phất! A-la-hán chỉ đoạn tận những hoặc thô: dục, sân, si thì sao có thể làm pháp khí đó được. Xá-lợi-phất! Do ý nghĩa đó, nên tôi nói rằng A-la-hán lậu tận chẳng phải pháp khí.

Xá-lợi-phất nói:

– Thưa Văn-thù-sư-lợi! Do nghĩa này, nay tôi xin thỉnh Nhân giả, từ xóm này đến xóm khác, từ nhà này đến nhà khác, từ hang này đến hang khác làm chỗ pháp lạc, biện tài cho những người muốn nghe pháp. Thưa Văn-thù-sư-lợi! Vì tôi nghe Thế Tôn và Nhân giả nói pháp không nhằm chán.

Văn-thù-sư-lợi nói:

– Đại đức Xá-lợi-phất! Đại đức nghe pháp không chán chăng?

Xá-lợi-phất trả lời:

– Thưa Văn-thù-sư-lợi! Tôi nghe pháp không chán.

Văn-thù-sư-lợi nói:

– Đại đức Xá-lợi-phất! Chẳng lẽ pháp giới chấp vào pháp đã nói sao?

Xá-lợi-phất:

– Không.

Văn-thù-sư-lợi:

– Đại đức Xá-lợi-phất! Đã nghe pháp không biết chán nhưng pháp giới và cảnh giới của Đại đức không hai không khác. Pháp giới ấy không chấp vào pháp đã nói. Nếu chấp thủ thì nhàm chán. Đã không chấp thủ nên không nhàm chán.

Xá-lợi-phất nói:

– Thưa Văn-thù-sư-lợi! Ngoài chư Như Lai ra, có ai nghe pháp như vậy không?

Văn-thù-sư-lợi:

– Đại đức Xá-lợi-phất! Đại đức có tin pháp Niết-bàn là Xá-lợi-phất không?

Xá-lợi-phất:

– Thưa Văn-thù-sư-lợi! Tôi tin.

Văn-thù-sư-lợi:

– Đại đức tin thế nào?

Xá-lợi-phất:

– Bản tánh của các pháp vốn như vậy nên tôi cũng không có Niết-bàn.

Văn-thù-sư-lợi lại hỏi:

– Xá-lợi-phất! Trưởng lão tin có pháp bất tử chứ?

Xá-lợi-phất:

– Thưa Văn-thù-sư-lợi! Tôi tin.

Văn-thù-sư-lợi:

– Trưởng lão tin thế nào?

Xá-lợi-phất:

– Vì pháp giới không diệt không sinh, nên tôi tin như vậy.

Văn-thù-sư-lợi:

– Đại đức Xá-lợi-phất! Đại đức tin A-la-hán chứng được thì vô trí hoàn toàn dứt hết phiền não chẳng?

Xá-lợi-phất nói:

– Tôi tin.

Văn-thù-sư-lợi hỏi:

– Đại đức tin thế nào?

Xá-lợi-phất nói:

– Vì vô trí tức là bình đẳng trí, nên A-la-hán hoàn toàn dứt hết phiền não. Vì sao? Vì chẳng phải chỉ có trí mới là vô trí mà vô trí cũng là luôn. Nếu vô trí tận thì pháp là vô trí, vì không có sự phân

biệt. Lìa trí là A-la-hán lậu tận.

Văn-thù-sư-lợi hỏi Đại đức Xá-lợi-phất:

– Đại đức tin pháp giải thoát của A-la-hán lậu tận không?

Xá-lợi-phất trả lời:

– Thưa Văn-thù-sư-lợi! Tôi tin chắc như vậy.

Văn-thù-sư-lợi hỏi:

– Đại đức tin thế nào?

Xá-lợi-phất nói:

– Các pháp ấy lìa các pháp nhưng không chấp trước các pháp. Tôi tin như thế.

Văn-thù-sư-lợi hỏi Đại đức Xá-lợi-phất:

– Đại đức có tin đời trước chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác diệt độ mà không đắc Niết-bàn không?

Xá-lợi-phất trả lời:

– Tôi tin.

Văn-thù lại hỏi:

– Đại đức tin thế nào?

Xá-lợi-phất nói:

– Thưa Văn-thù-sư-lợi! Vì cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn ấy không sinh không diệt, nên tôi tin như thế.

Văn-thù hỏi Xá-lợi-phất:

– Đại đức tin chư Phật cũng chỉ là một chứ?

Xá-lợi-phất nói:

– Tôi tin.

Văn-thù:

– Đại đức tin thế nào?

Xá-lợi-phát:

– Thưa Văn-thù-sư-lợi! Pháp giới không thể phân biệt, tôi tin như vậy.

Văn-thù-sư-lợi hỏi Đại đức xá-lợi-phát:

– Đại đức tin cõi của chư Phật là cõi của một Đức Phật không?

Xá-lợi-phát:

– Tôi tin.

Văn-thù-sư-lợi hỏi:

– Đại đức tin thế nào?

Xá-lợi-phát:

– Thưa Văn-thù-sư-lợi! Cõi của chư Phật ấy đều giống nhau, vì cõi vô tận cũng vô tận. Tôi tin như vậy.

Văn-thù-sư-lợi hỏi xá-lợi-phát:

– Đại đức tin các pháp không thể chứng, không thể diệt, không thể tư niệm, không thể tu tác không?

Xá-lợi-phát:

– Thưa Văn-thù-sư-lợi! Tôi tin.

Văn-thù-sư-lợi:

– Đại đức tin thế nào?

Xá-lợi-phát:

– Thừa Văn-thù-sư-lợi! Tự thể không tự biết tự thể, bản tánh không là bỏ bản tánh. Tự thể không chứng cũng không có tư niệm, không chống trái nhau, không sinh, không diệt, không lầy, không bỏ, an trụ hoàn toàn vào cảnh ấy. Tôi tin như vậy.

Văn-thù-sư-lợi:

– Xá-lợi-phất! Đại đức tin cảnh giới hữu vi, ở trong cảnh giới ấy không có pháp sinh, không có pháp diệt, cũng không chứa nhóm chứ?

Xá-lợi-phất:

– Tôi tin.

Văn-thù-sư-lợi:

– Đại đức tin thế nào?

Xá-lợi-phất:

– Thừa Văn-thù-sư-lợi! Tánh của các pháp không thể nắm bắt được, nên biết hoặc sinh, hoặc diệt, hoặc chứa nhóm, hoặc trụ. Tôi tin như vậy.

Văn-thù-sư-lợi:

– Đại đức Xá-lợi-phất! Đại đức tin trong cảnh giới Bát-nhã Ba-la-mật-đa có danh từ A-la-hán không?

Xá-lợi-phất:

– Tôi tin.

Văn-thù-sư-lợi:

– Đại đức tin thế nào?

Xá-lợi-phất:

– Thưa Văn-thù-sư-lợi! Nhàm chán các hành trong pháp giới Bát-nhã là cảnh giới A-la-hán. Nhưng thể của pháp giới là lià, chẳng phải thể của dục sân si. Vậy A-la-hán đâu lià pháp giới. Tôi tin như vậy.

Văn-thù-sư-lợi:

– Đại đức Xá-lợi-phất! Đại đức tin các pháp đều là cảnh giới nhân của Phật không?

Xá-lợi-phất:

– Tôi thật có tin.

Văn-thù-sư-lợi:

– Đại đức tin thể nào?

Xá-lợi-phất:

– Thưa Văn-thù-sư-lợi! Bản tánh của Thế Tôn thì giác, còn tự tánh thì lià. Tôi tin như vậy.

Bấy giờ Văn-thù-sư-lợi nói:

– Lành thay! Lành thay! Như tất cả cảnh giới mà Đại đức giải thích cho tôi. Tôi hỏi thể nào Đại đức trả lời đúng như thế đó. Cho nên tôi biết được có các hành như vậy.

Khi ấy, Thế Tôn nói với Trưởng lão Xá-lợi-phất:

– Này Xá-lợi-phất! Nếu có người nam hay người nữ thọ trì theo nghĩa lý của bốn pháp này, hoặc giải thích cho người khác, hoặc đọc tụng thì người đó mau đắc biện tài.

Xá-lợi-phất thưa:

– Đúng vậy! Thừa Thế Tôn! Đúng vậy! Thừa Thiện Thế! Đúng như những gì Đức Thế Tôn đã nói. Bạch Thế Tôn! Đời trước chúng sinh kia đã từng cúng dường chư Phật Thế Tôn, Ngài đã an lập cho thiện nam thiện nữ ấy pháp ấn này, hết thấy chúng sinh ấy sẽ đắc đại giác.

Trưởng lão Xá-lợi-phất bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Pháp môn này tên là gì và chúng con thọ trì như thế nào?

Phật dạy Trưởng lão Xá-lợi-phất:

– Nay Xá-lợi-phất! Môn pháp này tên là “*Những Câu Hỏi Của Đồng Tử Văn Thù Sư Lợi*”, Phật đã giảng nói nên thọ trì như vậy, cũng gọi là “*Nhập Pháp Giới*”, nên thọ trì như vậy, cũng gọi là “*Thật Tế*”, nên thọ trì như vậy.

Nay Xá-lợi-phất! Thiện nam thiện nữ ấy nên cung kính như vật báu. Nếu thọ trì pháp bản này, hoặc đọc tụng, tư duy, thực hành đúng như vậy thì sẽ đắc pháp nhãn Vô sinh. Nếu làm cho người khác sinh căn lành, dù ít tụng đọc nhưng thường nói nhiều nghĩa pháp cho họ, thì sẽ đắc biện tài bất tuyệt.

Sau khi nghe Phật giảng nói kinh này, Đồng tử Văn-thù-sư-lợi và các Đại Bồ-tát khác, Thượng tọa Xá-lợi-phất và các Tỳ-kheo khác cùng Thiên chúng, Càn-thát-bà, A-tu-la v.v... đều hoan hỷ.



SỐ 356

KINH BẢO TÍCH TAM MUỘI VĂN THÙ SỰ LỢI BỒ TÁT VĂN PHÁP THÂN

*Hán dịch: Đời Hậu Hán, Tam tạng
An Thế Cao, người nước An Tức.*

Nghe như vậy:

Một thuở nọ, Đức Phật cùng với một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-kheo lưu trú trong núi Kỳ-xà-quật thuộc nước La-duyệt-kỳ. Khi ấy, Bồ-tát Văn-thù đến chỗ Phật nhưng đứng bên ngoài cửa. Vì sao? Vì Đức Phật mới vào chánh định. Biết Văn-thù đến, Đức Phật liền mời vào. Văn-thù làm lễ Phật xong rồi đứng yên. Phật bảo Văn-thù hãy ngồi xuống.

Văn-thù hỏi Phật:

– Bạch Thế Tôn! Thế Tôn vào chánh định tên là gì vậy?

Phật dạy:

– Tên là Bảo tích.

Văn-thù lại hỏi:

– Bạch Thế Tôn! Sao gọi là Bảo tích?

Phật dạy:

– Ví như châu ma-ni, vốn tự nó sạch đẹp. Nếu lấy nước rửa sạch rồi đặt trên đất bằng phẳng thì nó càng trong suốt, không vật gì không thấy. Cũng vậy, khi Ta an trụ trong Tam-muội ấy, quan sát thấy chư Phật trong vô số cõi nước ở phương Đông cũng đang an trú trong Tam-muội đó. Tất cả chư Phật đều đang quan sát bản thể của các pháp, cho nên những ai an trụ trong Tam-muội ấy thì đều nhận ra nhau. Những gì vừa nói cũng giống như: Bảo châu ma-ni có bốn góc, ở góc này có thể thấy tất cả các góc kia, không thiếu sót. Cho nên nói thấy các bản thể.

Phật hỏi Văn-thù:

– Ông biết bản thể không?

Văn-thù trả lời:

– Biết.

Phật hỏi:

– Nó là gì?

Văn-thù trả lời:

– Những gì thuộc về ngã chính là “bản thể”, còn những gì mà con người ham thích thì chẳng phải bản thể. Cho nên trong bản thể không có pháp cũng không có thiện và ác. Các pháp cũng như vậy. Ai biết như vậy là biết một cách rõ ràng. Sự hiểu biết ấy không do đâu biết cả, mà do xưa truyền theo tập quán chứ đâu có tác giả. Cho nên không cùng tận.

Phật hỏi Văn-thù:

– Sao gọi là tuệ?

Văn-thù thưa:

– Vì có đặc tính phán xét nên gọi là tuệ.

Phật hỏi:

– Đạo là gì? Tại sao niệm cũng gọi là đạo?

Văn-thù thưa:

– Cái gọi là niệm, là đạo ấy chính là vô niệm, cho nên gọi đó là đạo.

Phật hỏi Văn-thù:

– Vì có niệm nên nói vô niệm, vậy thì lấy pháp gì để dạy cho người nam, người nữ mới học?

Văn-thù thưa:

– Không có gì đưa ra cũng không có gì để giải thích. Dâm nô si không có gì cùng cực, nên lấy pháp ấy dạy cho tất cả. Vì không có căn duyên nên không thể đưa ra, và không thể giải thích. Như có người nói: Tôi có thể bỏ Niết-bàn và đoạn sinh tử, người ấy không thể dạy cho chúng sinh được. Nhưng có người nói đối với việc thể tục tôi không bỏ, Thánh đạo cũng không gần, thì người ấy mới có thể dạy cho hàng phàm phu được.

Văn-thù thưa Phật:

– Như Lai dùng pháp gì để dạy cho họ học?

Phật dạy:

– Những gì Ta dạy là không hoại sắc, thọ, tưởng, hành, thức, không có gì để hoại, cũng không dạy hoại dâm nô si, khiến họ đạt được pháp không

thể tính đếm. Ai dùng pháp ấy dạy thì đạt được Phật đạo. Ta nhờ đó mà tự chứng thành Phật.

Phật dạy Văn-thù:

– Vì pháp không chỗ hoại nên thành Phật. Vì pháp không chỗ đắc nên thành Phật. Phật là pháp thân. Các loại lực, vô sở úy đều nhập vào pháp thân. Vì sao? Vì chẳng phải một phần của thân mà làm pháp thân được. Pháp thân không đếm biết được. Vì sao? Vì bất kể là phạm phu hay không phạm phu, pháp thân không sai khác, không có phân tán. Thân ấy là pháp thân. Ví như nước của bốn sông lớn đều chảy về biển hợp thành một vị. Cũng vậy, cho dù có bao nhiêu cách nói về pháp cũng không ngoài pháp thân. Giống như tất cả hạt giống, mỗi loại mỗi loại đều có mỗi tên, nhưng khi nhóm lại một chỗ thì gọi là ngũ cốc. Dù đời hay đạo khi hợp thành một thì gọi đó là pháp thân. Vì sao không thể phân biệt rõ ràng được? Vì dù đó là đạo hay tục còn không thể nói được, huống chi là tục ấy vốn là pháp thân, cũng không thể hiểu thấu được. Pháp thân mà Ta nói ấy nếu có người cho đó có hai thì phải biết không còn người làm ác nữa.

Văn-thù thưa:

– Đối với pháp thân không thấy có sinh lên cõi trời, cũng không thấy có ở trong cõi người, cũng không thấy có ở trong ba cõi, cũng không phải ở trong cảnh giới Niết-bàn.

Phật dạy Văn-thù:

– Đúng như điều ông nói. Nếu có ai hỏi ông, Phật hiện nói có năm đường thì ông sẽ giải thích với họ thế nào?

Văn-thù thưa:

– Ví như có người nằm mộng thấy mình vào địa ngục, hoặc làm cầm thú, ngựa quý, hoặc lên cõi trời, hoặc trong cõi người. Nhưng khi thức dậy thì không còn thấy gì nữa. Pháp thân ấy không chỗ chấp trước. Vì sao? Vì chỉ có trí tuệ. Mà có trí tuệ thì rơi vào thế tục. Nếu La-hán, Phật-bích-chi trên đến Phật thì đều có cùng một pháp thân như nhau. Vì sao? Vì không thể phân biệt. Ví như bao nhiêu loại châu báu đều có thể phân biệt nhưng pháp thân thì không có phân biệt. Vì sao? Vì không thể phân biệt, nên không có sinh, không có diệt. Cho nên pháp thân không từ đâu sinh, cũng không do đâu diệt. Vì sao? Vì bản chất của nó vốn thường trụ, không cấu bản, cũng không thanh tịnh. Vì sao? Vì không có thua kém, không có vượt trội, nên cũng không có gì hơn. Đức Phật thì không việc gì mà không biết.

Đức Phật lại hỏi Văn-thù:

– Ông biết pháp thân không?

Văn-thù thưa:

– Nếu đạt được thì có thể biết.

Phật hỏi Văn-thù:

– Ông biết thế gian ở đâu không?

Văn-thù trả lời:

– Thừa biết.

Phật hỏi:

– Ở đâu?

Văn-thù thưa:

– Chỗ mà người sinh sống một đời gọi là thế gian. Cái gọi là thế gian ấy chỉ có danh xưng và giống như đầu lông vậy. Đồng thời nó không có một chủ thể cố định. Vì thế gian ấy cũng không là pháp thân.

Phật lại hỏi:

– Cõi ấy hiện ở đâu?

Văn-thù thưa:

– Ví như mây không ở một chỗ nào cả, không yếu cũng không mạnh, đó là tướng của thế gian.

Phật hỏi Văn-thù:

– Ông cho rằng Ta có bị diệt không?

Văn-thù thưa:

– Bạch Thế Tôn, không. Vì sao? Vì pháp thân không có sinh. Nếu có sinh thì có diệt. Vì pháp thân không sinh, nên biết Phật không diệt.

Phật hỏi Văn-thù:

– Nếu nghe vô số chư Phật trong quá khứ đều vào Niết-bàn thì ông tin không?

Văn-thù thưa:

– Dạ tin.

Phật hỏi:

– Ông tin thế nào?

Văn-thù thưa:

– Phật ấy đều do Phật biến hóa ra, để hóa hiện Bát-niết-bàn nên con tin.

Phật hỏi Văn-thù:

– Ông thấy có người nào khi sắp chết biết được đường hướng để đi không?

Văn-thù thưa:

– Người còn không thể biết, làm sao biết hướng đi.

Phật hỏi Văn-thù:

– Có hội họp để nói pháp không?

Văn-thù thưa:

– Ai thích nghe?

Phật dạy:

– Ai muốn nghe thì nhóm họp.

Văn-thù thưa:

– Con nên lấy pháp gì để nói?

Phật dạy:

– Nói về pháp thân.

Văn-thù thưa:

– Con không thấy pháp thân thì nói thế nào?

Phật dạy Văn-thù:

– Nếu ông nói pháp thân không thể thấy thì

trong chúng hội ấy người chưa hiểu mà khi nghe nói như vậy họ sẽ sợ sệt.

Văn-thù thưa:

– Nếu sợ sệt thì bản tế của họ vốn đã sợ sệt.

Phật nói:

– Bản tế không sợ sệt thì người chưa hiểu cũng không sợ sệt.

Văn-thù thưa:

– Các pháp không có sợ sệt giống như Kim cang.

Phật hỏi:

– Sao gọi là Kim cang?

Văn-thù thưa:

– Không thể nào cắt chặt nó được nên gọi là Kim cang. Phật chẳng thể nghĩ bàn, các pháp cũng chẳng thể nghĩ bàn. Do đó gọi là Kim cang.

Phật lại hỏi:

– Sao gọi là Kim cang?

Văn-thù thưa:

– Vì nó vượt hơn các pháp. Vì Phật có sự soi xét phân biệt mỗi pháp, đó là Kim cang Phật.

Phật hỏi:

– Lấy gì làm Kim cang?

Văn-thù thưa:

– Dù có hay không có cũng đều như nhau, cho nên không có gọi là “không”, mà không tức là

Phật, đó gọi là Kim cang. Tất cả các pháp đều là Phật. Nương vào chỗ không có gì để nương cho nên gọi là Kim cang.

Phật hỏi:

– Duyên vào đâu mà nói đó là Kim cang?

Văn-thù thưa:

– Không chỗ nương dựa nên không có chỗ gài gũ. Cho nên gọi là Kim cang.

Phật dạy Văn-thù:

– Nay Ta muốn gọi A-nan đến. Vì sao? Vì muốn A-nan ghi nhận tất cả các pháp này.

Văn-thù thưa:

– Pháp mà Thế Tôn nói không thể thấy, không thể đắc, nếu A-nan đến sẽ nhận pháp gì?

Phật dạy:

– Lành thay! Lành thay! Đúng như lời Văn-thù nói.

Phật nói:

– Ta thấy chư Phật trong vô số cõi ở phương Đông đều nói như vậy.

Khi ấy, Xá-lợi-phất rời khỏi trú xứ của mình đến chỗ Văn-thù, gặp Văn-thù nhưng Xá-lợi-phất không ở lại đó mà bèn đến chỗ Phật và đứng ngoài cửa.

Phật nói với Văn-thù:

– Ông hãy mời Xá-lợi-phất vào đây.

Văn-thù thưa Phật:

– Pháp thân bản tế có chính giữa, có ngoài, có trong, vậy phải vào từ chỗ nào?

Phật dạy:

– Không thể vào.

Văn-thù thưa:

– Bản tế không tế. Nhập diệt và không nhập diệt.

Văn-thù nói tiếp:

– Xá-lợi-phất cũng ở trong pháp thân, nên không từ đâu đến và sẽ đi vào đâu.

Phật dạy Văn-thù:

– Nếu nói là khổ thì Xá-lợi-phất không khổ. Ví như các Thanh văn ở bên trong cùng nói chuyện với Ta. Nhưng nếu đứng bên ngoài không vào đúng giờ thì không bị phiền.

Văn-thù thưa:

– Mặc dù đứng bên ngoài mà không khổ cũng không phiền.

Phật hỏi:

– Vì sao không khổ không phiền?

Văn-thù thưa:

– Nếu Phật nói pháp cho hàng Thanh văn, thì con cũng như vậy không khổ, không phiền. Vì sao? Vì chư Phật đã lìa pháp thân.

Văn-thù thưa:

– Ví như trải qua Hằng hà sa kiếp không gặp Phật thì cũng không được vào, không khổ cũng không phiền. Vì sao? Vì giáo pháp mà Phật nói không tăng không giảm. Vì sao? Vì các pháp không có chủ tể. Do đó không khổ không phiền. Các pháp đều có tên riêng. Phật nhân vào đó mà giáo hóa mọi người. Vì sao? Vì Phật đem những điều đó để chỉ dạy.

Từ xa Phật hỏi Xá-lợi-phất:

– Ông có nghe những gì Văn-thù nói không?

Xá-lợi-phất thưa:

– Xin Phật đừng lo lắng. Con muốn được đến đó để nghe Văn-thù nói pháp.

Văn-thù thưa Phật:

– Có thể cho Xá-lợi-phất vào.

Phật gọi Xá-lợi-phất vào. Sau khi lễ Phật xong, Xá-lợi-phất ngồi qua một bên.

Văn-thù hỏi Xá-lợi-phất:

– Trong pháp ấy tôn quý ở chỗ nào mà ông muốn vào nghe nói về pháp tôn quý?

Xá-lợi-phất nói:

– Vì ưa thích muốn nghe nên vào.

Văn-thù hỏi:

– Đúng như điều ông nói. Pháp ấy rất tôn quý, rất sâu xa, rất sâu xa. Vì sao? Vì pháp ấy không có hai tâm. Vì sao? Vì chẳng có chỗ để biết, nó không ở trong đó. Các hàng La-hán, Phật-bích-chi, ngay

cả người cầu Phật đạo cũng như vậy. Vì sao? Vì không thể đắc, cũng không do sự hy vọng mà được, cho nên không ở trong đó. Vì nó vốn thanh tịnh nên các pháp cũng thanh tịnh.

Xá-lợi-phát hỏi Văn-thù:

– Vì sao La-hán không ở trong đó?

Văn-thù nói:

– Vì khi dứt hết dâm nộ thì đó là La-hán. Đã không chỗ trụ không chỗ thành thì ở trong chỗ nào?

Xá-lợi-phát nói:

– Vì đến chỗ người mà không thấy, nên đến đứng bên ngoài cửa để nghe pháp thâm diệu sâu xa.

Xá-lợi-phát nói tiếp:

– Tôi từ Phật, từ người nghe pháp ấy, thật không cùng tột.

Khi ấy Văn-thù nói:

– Đối với pháp không cùng tột, đúng như điều Xá-lợi-phát nói.

Văn-thù hỏi:

– Pháp thân có thể hàm chứa được pháp không? Vì sao mà không có biên vực?

Xá-lợi-phát nói:

– Pháp thân không có chỗ để dung nạp.

Văn-thù hỏi:

– Bản tế của nó có dung nạp được không?

Xá-lợi-phất nói:

– Không dung nạp được.

Văn-thù nói với Xá-lợi-phất:

– Vì bản tế không dung nạp nên cũng không có biên vực.

Văn-thù lại nói:

– Nếu bản tế dung nạp được thì có biên vực.

Xá-lợi-phất nói:

– Ngoài những gì Phật nói, còn những gì tôi nói không có sánh bằng.

Văn-thù hỏi:

– Ông có thể tự tin pháp ấy để đạt đến Niết-bàn hoặc tự tin mà không đến Niết-bàn?

Xá-lợi-phất nói:

– Từ xưa đã có Niết-bàn.

Văn-thù hỏi:

– Ông có tin Niết-bàn vĩnh viễn không thay đổi không?

Xá-lợi-phất đáp:

– Tin.

Văn-thù hỏi:

– Do đâu mà tin?

Xá-lợi-phất đáp:

– Pháp thân không sinh cũng không diệt. Cho nên biết, không có gì biến đổi.

Văn-thù hỏi:

– Ông có tin La-hán sạch tận không còn phiền não mà không biết không?

Xá-lợi-phất đáp:

– Tin.

Văn-thù hỏi:

– Dựa vào đâu mà tin?

Xá-lợi-phất đáp:

– Biết nó không do đâu mà có nên không biết. Không biết thì không dừng lại. Cho nên gọi là tận.

Văn-thù nói:

– Đúng như vậy, La-hán hoàn toàn đoạn hết phiền não. Vì sao?

Xá-lợi-phất nói:

– Vì đối với tất cả các pháp đều xả bỏ nên không có gì để chứng đắc.

Văn-thù hỏi:

– Ông tin có hằng sa Phật nhập diệt mà chưa từng nhập diệt không?

Xá-lợi-phất đáp:

– Tin.

Văn-thù hỏi:

– Dựa vào đâu mà tin?

Xá-lợi-phất đáp:

– Vì pháp thân không sinh, không diệt nên cũng không có nhập diệt.

Văn-thù hỏi:

– Ông tin tất cả chư Phật chỉ là một không?

Xá-lợi-phất đáp:

– Tin.

Văn-thù hỏi:

– Do đâu mà tin?

Xá-lợi-phất đáp:

– Vì pháp thân chỉ có một không có hai.

Văn-thù hỏi:

– Ông tin tất cả quốc độ nhưng chỉ là một không?

Xá-lợi-phất đáp:

– Tin.

Văn-thù hỏi:

– Do đâu mà tin?

Xá-lợi-phất đáp:

– Vì có tận.

Văn-thù hỏi:

– Ông tin tất cả pháp vô sở thức, vô sở thoát, vô sở niệm, không có chứng hay không?

Xá-lợi-phất đáp:

– Tin.

Văn-thù hỏi:

– Do đâu mà tin?

Xá-lợi-phất đáp:

– Không tự nhiên mà biết tự nhiên. Cho nên vô sở thức, vô sở thoát, vô sở niệm, không có chứng,

cũng không sinh không diệt, không thấy cũng không có gì để thấy, bản thể không có xứ sở. Cho nên tin như vậy.

Văn-thù hỏi:

– Ông tin pháp thân trụ vào không chỗ sinh, không chỗ diệt, không chỗ dừng nghỉ hay không?

Xá-lợi-phát đáp:

– Tin.

Văn-thù hỏi:

– Do đâu mà tin pháp ấy cũng chẳng phải là pháp?

Xá-lợi-phát đáp:

– Vì pháp ấy có chỗ sinh, có chỗ diệt, có chỗ dừng lại nên tôi tin như vậy.

Văn-thù hỏi:

– Ông tin pháp thân không thể nghĩ bàn từ nơi hiểu biết sinh ra hay không?

Xá-lợi-phát đáp:

– Tin.

Văn-thù hỏi:

– Do đâu mà tin?

Xá-lợi-phát đáp:

– Vì pháp thân không có dâm loạn tức giận và si mê, nên tin nó không xứ sở.

Văn-thù hỏi:

– Ông tin các pháp nương vào Phật, nương vào

không chỗ dựa?

Xá-lợi-phát đáp:

– Tin.

Văn-thù hỏi:

– Do đâu mà tin?

Xá-lợi-phát đáp:

– Không chỗ dừng nghỉ. Không có chỗ dừng nghỉ nghĩa là không thấy chỗ dựa.

Văn-thù nói:

– Lành thay! Lành thay! Nay Xá-lợi-phát! Đúng như cảnh giới của ông, tôi đều hỏi hết, ông đã trả lời theo sự hiểu biết của mình.

Xá-lợi-phát nói với Văn-thù:

– Những gì tôi nghe hôm nay nhớ mãi không quên.

Phật dạy Xá-lợi-phát:

– Nếu có người nam, người nữ nghe pháp này mà thọ trì đọc tụng, giảng nói cho hết thảy mọi người cùng nghe, giải thích nghĩa ấy cho họ thì sẽ mau đạt được những gì mình ước muốn.

Văn-thù nói với Xá-lợi-phát:

– Đúng như những gì Phật đã nói.

Xá-lợi-phát bạch Phật:

– Có phải vì đời trước cúng dường Đức Phật cho nên đời sau được như vậy. Bạch Thế Tôn! Pháp ấy tên là gì? Và phải hành trì như thế nào?

Phật dạy:

– Pháp ấy tên là “*Hỏi Về Pháp Thân Bảo Tích*”, phải hành trì bản tể, hành trì không có xứ sở. Hành trì thì phải hành trì tất cả pháp, không bị trở ngại. Nếu ai nghe như vậy thì nhờ pháp ấy chắc chắn được chứng đắc. Người nghe ấy chỉ dạy lại cho người khác, lần lượt chỉ dẫn nhau. Vì sao? Vì văn ít mà hiểu nhiều.

Phật giảng nói kinh ấy xong, Xá-lợi-phất, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, hàng trời, người, dân chúng, long, thần thấy đều hoan hỷ, làm lễ rồi lui ra.



SỐ 357

KINH NHƯ LẠI TRANG NGHIÊM TRÍ TUỆ QUANG MINH NHẬP NHẤT THIẾT PHẬT CẢNH GIỚI

*Hán dịch: Đồi Nguyên Ngụy, Tam tạng Đàm Ma Lưu
Chi, người nước Thiên Trúc.*

QUYÊN THƯỢNG

Tôi nghe như vậy:

Một thuở nọ, Đức Thế Tôn cùng với hai vạn năm ngàn vị Tỳ-kheo ở cung điện pháp giới Tàng trên tầng thứ tư trong núi Thửu Đầu thuộc thành Vương-xá. Các vị Tỳ-kheo đều là bậc A-la-hán, đã dứt sạch các lậu, không còn phiền não, tâm được tự tại, tâm hoàn toàn được giải thoát, tuệ hoàn toàn được giải thoát, khéo điều phục tâm, là rồng lớn trong loài người. Những việc cần làm đã làm xong, lìa các gánh nặng, đạt được tự lợi, dứt hết mọi phiền não sinh tử, khéo được chánh trí, tâm hoàn toàn vắng lặng, tự tại và đạt đến sự giải thoát rốt ráo tốt cùng.

Lại có tám Đại Thanh văn, trong đó A-nhã-câu-lân làm thượng thủ. Lại có bảy mươi hai ức na-do-tha Đại Bồ-tát. Tên của các vị ấy là: Đại Bồ-tát Văn

Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử, Đại Bồ-tát Thiện Tài Công Đức, Đại Bồ-tát Phật Thắng Đức, Đại Bồ-tát Dược Vương, Đại Bồ-tát Dược Thượng v.v... Tất cả đều trụ vào địa vị Bất thoái chuyển, chuyển đại pháp luân, siêng năng học hỏi pháp môn Đại Phương Quảng Bảo Tích, bằng với địa thứ mười Pháp Vân Cứu Cánh, trí tuệ rộng lớn như núi Tu-di, tu tập rốt ráo về Không, Vô tướng, Vô nguyện, tâm không sinh tướng. Tất cả các vị đều đắc đại pháp thâm diệu sâu xa, trí tuệ rạng ngời và đều thành tựu công hạnh và oai nghi của Phật. Các Đại Bồ-tát này đều nhờ thần lực của chư Phật gia hộ, từ trăm ngàn vạn ức na-do-tha thế giới chư Phật ở phương khác đến đây tập hợp. Các vị đều thành tựu các nghiệp thần thông, đều an trụ trong thực tế của pháp tánh.

Bấy giờ, Thế Tôn suy nghĩ: “Nay Ta nên chuyển pháp luân vô thượng để cho các Đại Bồ-tát mau được sức đại trí tuệ. Và muốn cho hằng hà sa các Bồ-tát có oai đức lớn, thần thông lớn trong các thế giới đến hội họp”.

Thế Tôn lại suy nghĩ: “Ta vì nói pháp môn Đại phương quảng, nên sẽ hiện điềm tướng phóng ra ánh sáng lớn. Vì sao? Vì muốn cho tất cả các Đại Bồ-tát đến đây đều thừa hỏi pháp của Ta nói”. Sau khi suy nghĩ như vậy xong, Đức Thế Tôn phóng ra vùng mây ánh sáng lớn chiếu khắp thế giới nhiều như số vi trần trong ba ngàn đại thiên, vô số không

thê nghĩ bàn trong mười phương. Tức thì mỗi thê giới trong mười phương, vô số cõi Phật không thể đếm, có trăm ngàn vạn ức chúng Đại Bồ-tát nhiều như vi trần đều đến hội họp. Mỗi Bồ-tát đều dùng sức thần thông của mình đem tất cả sự cúng dường tối thắng không thể nghĩ bàn để đến cúng dường chư Phật. Mỗi vị Bồ-tát ấy theo sức bản nguyện của mình lên tòa sen, ngồi trước Như Lai và chí tâm chiêm ngưỡng Đức Phật.

Ngay lúc ấy, trên điện pháp giới tạng, có cao tòa đại bảo liên hoa tạng từ đất vọt lên, ngang rộng cả ức triệu vô số do-tuần. Hình tướng hoa ấy trên dưới cân xứng, dùng tất cả châu báu ma-ni có ánh sáng làm thê, châu báu ma-ni điện quang làm hàng rào xung quanh, dùng châu báu ma-ni quang minh bất khả tư nghì làm cọng, dùng châu báu ma-ni bất khả tư nghì vây quanh, dùng châu báu ma-ni quang minh không gì có thể thí dụ được làm chuỗi ngọc buông xuống, dùng châu báu ma-ni tự tại vương làm lưới rèm, dùng đủ các loại châu báu ma-ni đan xen vào giữa, treo vô lượng cờ phướn, lọng báu, cao tòa đại bảo liên hoa tạng ấy, xung quanh phóng ra mười vô số trăm ngàn vạn ức triệu ánh sáng. Ánh sáng ấy chiếu khắp vô lượng thê giới ở mười phương, tức thì ở mỗi phương trong mười phương có mười ức bất khả thuyết cõi Phật, trăm ngàn vạn ức triệu, Thiên, Long, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Tứ đại

thiên vương, Thích-đề-hoàn-nhân, Phạm thiên vương v.v... nhiều như số vi trần đều đến hội họp. Những chư Thiên v.v... đều ở trong cung điện báu và có vô lượng vô số Thiên nữ, trời trăm ngàn vạn ức triệu loại âm nhạc, vui mừng hơn hở hiện đến chỗ Đức Phật.

Lại có các trời, rồng v.v... mỗi vị ở trong cung điện bằng hoa đến chỗ Đức Phật.

Lại có các trời, rồng v.v... mỗi vị đều ở trong cung điện bằng hoa Ưu-la-dà-bà-la-chiên-đàn-hương đến chỗ Đức Phật.

Lại có các trời, rồng v.v... mỗi vị đều ở trong cung điện báu chân châu đến chỗ Đức Phật.

Lại có các trời, rồng v.v... mỗi vị đều ở trong cung điện bằng tơ lụa ngũ sắc đến chỗ Đức Phật.

Lại có các trời, rồng v.v... mỗi vị đều ở trong cung điện bằng châu báu ma-ni quang minh đến chỗ Đức Phật.

Lại có các trời, rồng v.v... mỗi vị đều ở trong cung điện bằng châu báu vàng Diêm-phù-na-đê đến chỗ Đức Phật.

Lại có các trời, rồng v.v... mỗi vị đều ở trong cung điện bằng châu báu ma-ni tập hợp tất cả quang minh đến chỗ Đức Phật.

Lại có các trời, rồng v.v... mỗi vị đều ở trong cung điện bằng châu báu ma-ni tự tại vương đến chỗ Đức Phật.

Lại có các trời, rồng v.v... mỗi vị đều ở trong cung điện bằng châu báu như ý đến chỗ Đức Phật.

Lại có các trời, rồng v.v... mỗi vị đều ở trong cung điện bằng châu báu ma-ni anh lạc trên cổ vua Đế thích đến chỗ Đức Phật.

Lại có các trời, rồng v.v... mỗi vị đều ở trong cung điện bằng châu báu ma-ni lớn giữa biển cả thanh tịnh phóng khắp ngàn quang minh đến chỗ Đức Phật.

Những vị ấy đều có bất khả tư nghì vô số Thiên nữ vây quanh và trỗi lên trăm ngàn vạn ức triệu thứ âm nhạc, vui mừng hớn hở đến chỗ Đức Phật. Đến đó họ đều trỗi lên đủ các thứ âm nhạc, vượt hơn tất cả âm nhạc thế gian, không thể nghĩ bàn, không thể tính, không thể lường, không thể đếm, để cúng dường Như Lai.

Các vị trời ấy vì sức bản nguyện, nên muốn ngồi chỗ nào đều có đầy đủ, rồi ngồi qua một bên chí tâm chiêm ngưỡng Đức Phật.

Bảy giờ, đại địa trong ba ngàn đại thiên thế giới liền biến thành vàng Diêm-phù-đàn, có đủ loại cây báu ma-ni để trang nghiêm thế giới, đủ loại cây hoa trời, đủ loại cây y phục, đủ loại cây Ưu-la-già-bà-la-chiên-đàn, đủ loại cây thơm để trang nghiêm thế giới, dùng châu báu ma-ni điện quang để làm lưới, che khắp ba ngàn đại thiên thế giới, dựng cờ báu lớn, treo các phướn lọng. Trong mỗi cây có trăm

ngàn vạn ức triệu vô số Thiên nữ đều hiện nửa thân, hai tay đều cầm trăm ngàn vạn ức anh lạc báu để cúng dường rồi đứng qua một bên.

Khi ấy, trong tòa Đại bảo liên hoa tạng đại sư tử phát ra âm thanh vi diệu, nói kệ:

*Tôi nhờ lực Phật sinh
 Bản nguyện nay thành tựu
 Mời Nhân vương đến ngôi
 Phụng thờ Lương Túc Tôn
 Thân con được quý báu
 Hoa thơm nhiều người ưa
 Quý báu nhờ lực Phật
 Xin cho con mãi nguyện
 Ngôi hoa tạng sư tử
 Làm đẹp đời và con
 Giảng pháp mọi người nghe
 Đạt được tòa sư tử
 Thân con ngàn ánh sáng
 Chiếu vô lượng thế giới
 Xin hãy ngôi trên con
 Cho tâm con vui vẻ
 Ở đây chỗ nói pháp
 Tám ức Phật đã ngôi
 Xin Phật hãy mau ngôi
 Giáo hóa bảo hộ con.*

Khi ấy, Thế Tôn từ chỗ ngôi đứng dậy lên tòa Đại bảo liên hoa tạng sư tử ngôi kiết già, quán sát tất cả chúng Đại Bồ-tát, muốn nói pháp thắng diệu

cho Bồ-tát và liền hiện điềm tướng.

Khi ấy, các Đại Bồ-tát suy nghĩ: “Pháp vương tử Văn-thù-sư-lợi sẽ vì chúng ta mà thưa hỏi Như Lai Ứng Chánh Biến Tri về pháp môn bất sinh bất diệt. Chúng ta từ xưa đến nay đã từng nghe pháp môn thắng diệu này”. Thấy Như Lai hiện tướng như vậy và biết tâm niệm của các Đại Bồ-tát, Văn-thù-sư-lợi Pháp vương tử liền bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Pháp môn như thế nào gọi là bất sinh, bất diệt? Rồi nói kệ:

*Phật nói không sinh diệt
Tướng ấy như thế nào
Pháp nào không sinh diệt
Xin Phật cho ví dụ.
Bồ-tát và trí tuệ
Nương thân lực chư Phật
Từ vô lượng cõi đến
Xin nói pháp thắng diệu.*

Đức Phật dạy Pháp vương tử Văn-thù-sư-lợi:

– Lành thay! Lành thay! Nay Văn-thù-sư-lợi! Chỉ ông mới có thể hỏi Như Lai về pháp môn thâm sâu này.

Này Văn-thù-sư-lợi! Ông làm an ổn cho vô lượng chúng sinh, có thể mang lại niềm vui cho vô lượng chúng sinh, thương xót vô lượng chúng sinh, tạo lợi ích rất lớn cho vô lượng chúng sinh, ban sự an vui của hàng trời, người cho vô lượng chúng

sinh, làm cho các Đại Bồ-tát được cứu cánh Phật địa.

Này Văn-thù-sư-lợi! Đối với pháp môn này, ông đừng nghi ngờ. Này Văn-thù-sư-lợi! Ta sẽ nói pháp “bất sinh bất diệt” cho ông, ông nên dùng trí tuệ để hiểu biết.

Này Văn-thù-sư-lợi! Pháp “bất sinh bất diệt” tức là Như Lai Ứng Chánh Biến Tri.

Này Văn-thù-sư-lợi! Ví như đại địa là chỗ thành hình tướng của đại Tỳ-lưu-ly. Giống như ở chỗ của cõi trời Ba Mươi Ba. Trong đại địa ấy thấy hình ảnh của Thích-đề-hoàn-nhân và Thiện pháp đường trong cõi trời Ba Mươi Ba hiện lên rõ ràng. Và thấy tất cả cảnh giới ngũ dục trong cõi trời Thích-đề-hoàn-nhân cho đến tất cả những sự vui chơi cũng đều thấy hết. Bấy giờ, chư Thiên nói với tất cả người nam, người nữ, đồng nam đồng nữ như vậy: “Các người hãy đến xem Thiện pháp đường của Thiên vương Thích-đề-hoàn-nhân và tất cả những sự vui chơi trong cảnh giới ngũ dục các Thiên vương”. Khi mọi người đã đến rồi các vị trời lại nói: “Các thiện nam, thiện nữ, nếu các người bố thí, trì giới trồng các căn lành, thì các người sẽ được ở Thiện pháp đường này và những sự vui chơi trong cảnh giới ngũ dục của cõi trời, sẽ làm Thiên vương, được quả báo và sức thần thông giống như Thích-đề-hoàn-nhân, và được thọ hưởng tất cả những gì có ở cảnh giới ngũ dục ấy”.

Này Văn-thù-sư-lợi! Khi ấy, những thiện nam, thiện nữ, đồng nam, đồng nữ v.v... từ trong đất đại Tỳ-lưu-ly mà thấy được Thiện pháp đường của Thích-đề-hoàn-nhân trong cõi trời Ba Mươi Ba và hình ảnh vui chơi trong cảnh giới ngũ dục hiện lên rất rõ ràng, ai nấy đều rải hoa, chấp tay cúng dường và nói như vậy: “Tôi cũng sẽ được thân Thích-đề-hoàn-nhân và Thiện pháp đường cùng cảnh giới ngũ dục trong cõi trời”.

Này Văn-thù-sư-lợi! Nhưng chúng sinh ấy đều không biết Thích-đề-hoàn-nhân, Thiện pháp đường trong cõi trời Ba Mươi Ba và cảnh giới ngũ dục, tất cả việc ấy đều từ trong đất đại Tỳ-lưu-ly hiện ra. Vì sao? Vì đất đại Tỳ-lưu-ly trong suốt nên tất cả hình tượng đều hiện lên ở trong đó.

Này Văn-thù-sư-lợi! Nhưng vì chúng sinh ấy cầu làm thân Thích-đề-hoàn-nhân, nên đem tất cả sự tu hành bố thí, trì giới, các căn lành đã trồng, đều hồi hướng lên cõi trời Ba Mươi Ba.

Này Văn-thù-sư-lợi! Nhưng trong đất đại Tỳ-lưu-ly thật sự không có Thiện pháp đường, Thích-đề-hoàn-nhân và tất cả cảnh giới ngũ dục trong cõi trời Ba Mươi Ba. Vì đất Tỳ-lưu-ly trong suốt nên ảnh tượng hiện lên như vậy. Thiện pháp đường, Thích-đề-hoàn-nhân và cảnh giới ngũ dục trong cõi trời Ba Mươi Ba vì không thật nên không sinh không diệt. Chỉ vì đất đại Tỳ-lưu-ly trong suốt nên ảnh tượng hiện lên.

Này Văn-thù-sư-lợi! Đúng vậy! Tất cả chúng sinh nương vào tâm thanh tịnh, đúng như thật tu hành thì thấy thân Như Lai.

Này Văn-thù-sư-lợi! Vì tất cả chúng sinh nhờ sức gia trì của Như Lai mà thấy thân Như Lai, nhưng thân Như Lai không thật, không sinh, không diệt, chẳng phải có vật, chẳng phải không có vật, chẳng phải thấy được, chẳng phải không thấy được, chẳng phải có thể xem, chẳng phải không thể xem, chẳng phải có tâm, chẳng phải không có tâm, chẳng phải có thể nghĩ bàn, chẳng phải không thể nghĩ bàn, chẳng phải có, chẳng phải không.

Này Văn-thù-sư-lợi! Tất cả chúng sinh nương vào năng lực cảnh tượng pháp thân thanh tịnh của Như Lai mà được thấy pháp thân thanh tịnh chân thật của Như Lai. Rồi họ dâng cúng y báu, rải hoa, đốt hương, chấp tay cúng dường và nói như vậy: “Con cũng sẽ đạt được pháp thân thanh tịnh giống Như Lai Ứng Biến Tri”.

Này Văn-thù-sư-lợi! Nhưng những chúng sinh ấy vì câu pháp thân thanh tịnh của Như Lai mà bỏ thí, trì giới, trồng các căn lành. Rồi đem căn lành này cầu trí Như Lai và mong muốn thành tựu được quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này Văn-thù-sư-lợi! Giống như trong cảnh tượng đất đại Tỳ-lưu-ly, thân của Thích-đề-hoàn-nhân nơi cõi trời Ba Mươi Ba bất động, bất sinh,

tâm không hý luận, tâm không phân biệt không phân biệt, không có sự phân biệt, không suy tư, không có sự suy tư, không nghĩ bàn, vô niệm, tịch tĩnh, không sinh không diệt, không thể thấy, không thể nghe, không thể ngửi, không thể nếm, không thể xúc chạm, không có các tướng, không thể hiểu, không thể biết.

Như vậy, này Văn-thù-sư-lợi! Pháp thân thanh tịnh của Như Lai Ứng Chánh Biến Tri cũng như vậy, bất động, bất sinh, tâm không hý luận, tâm không phân biệt, không phân biệt, không có sự phân biệt, không suy tư, không có sự suy tư, không thể nghĩ bàn, vô niệm, tịch diệt, tịnh niệm, bất sinh bất diệt, không thể thấy, không thể nghe, không thể ngửi, không thể nếm, không thể xúc chạm, không có các tướng, không thể hiểu, không thể biết.

Này Văn-thù-sư-lợi! Pháp thân của Như Lai không sinh không diệt, không đến không đi, lấy đây làm thể. Giống như bóng trong gương thế gian đều thấy, tùy theo sức tin của mỗi chúng sinh mà Như Lai thị hiện mỗi thân khác nhau, tùy theo nghiệp cảm của chúng sinh ấy có tuổi thọ dài ngắn mà Như Lai hiện thân mạng có dài ngắn, tùy theo chúng sinh có sức tin đại Bồ-đề mà Như Lai hiện thân, tùy theo chúng sinh nghe pháp tin thọ mà Như Lai hiện thân, tùy theo chúng sinh tín tâm biết pháp ba thừa mà Như Lai hiện thân, tùy theo năng lực giải thoát của chúng sinh mà Như Lai hiện

thân.

Này Văn-thù-sư-lợi! Ví như hư không có trống đại diệu pháp, nhờ sức công đức của cõi trời Ba Mươi Ba mà sinh ra, rời khỏi Thiên pháp đường ở trong hư không, khi vượt qua cảnh giới của chư Thiên mà nhãn thức của các vị trời không thể thấy, không thể nhận ra được.

Này Văn-thù-sư-lợi! Khi nào trống đại diệu pháp ấy phát ra tiếng?

Này Văn-thù-sư-lợi! Vì các vị trời ấy đắm mê cảnh giới ngũ dục không bao giờ xa lìa, lại thêm phóng túng, không chịu vào Thiên pháp đường để nghe pháp suy nghĩ nghĩa. Thích-đề-hoàn-nhân ấy cũng đắm mê cảnh giới ngũ dục, không bao giờ lìa xa, lại thêm phóng túng, không vào Thiên pháp đường, không lên tòa để nói pháp cho chư Thiên. Khi ấy, trống đại diệu pháp không thể thấy, không thể quán nữa, vượt qua cảnh giới của mắt, mà trụ trong hư không, phát ra tiếng pháp vi diệu. Tiếng pháp vi diệu ấy vang khắp cõi trời Ba Mươi Ba với lời như vậy: “Các trời nên biết! Tất cả sắc, thanh, hương, vị, xúc pháp đều là vô thường, chớ hành phóng dật mà phước báo trời mau mất. Các trời nên biết! Tất cả hành là khổ, tất cả hành là không, tất cả hành là vô ngã. Cho nên các vị chớ hành phóng dật, mà quả báo trời hết thì sinh vào đường khổ. Các vị nên cùng nhau bàn luận pháp, thích pháp, vui với pháp, nếm mùi vị pháp, thuận theo pháp,

nhớ nghĩ pháp. Nếu các vị không muốn mãi được thọ hưởng cảnh giới ngũ dục ở cõi trời thì hãy tu hành chân chánh.

Này Văn-thù-sư-lợi! Tiếng của trống pháp ấy không thể thấy, không có sắc, không phân biệt, không có sự phân biệt, vượt hơn cảnh giới của mắt, không sinh, không diệt, xa lìa các âm thanh ngôn ngữ, xa lìa tâm, ý, ý thức.

Này Văn-thù-sư-lợi! Bảy giờ nghe tiếng trống vi diệu này, chúng trời Ba Mươi Ba liền vào Thiện pháp đường để bàn luận pháp, thích pháp, vui với pháp, nếm mùi vị pháp, thuận với pháp, nhớ nghĩ pháp, lời nói đi đôi với việc làm. Khi ở các cõi trời ấy qua đời thì sinh vào những cảnh giới khác tốt đẹp hơn. Thích-đề-hoàn-nhân cũng vào Thiện pháp đường, lên tòa pháp cao để giảng nói pháp cho chúng trời.

Này Văn-thù-sư-lợi! Khi A-tu-la chiến đấu với các vị trời ấy thì sức lực của cõi trời Ba Mươi Ba suy yếu, tan rã. Khi ấy trong hư không, trống pháp phát ra tiếng như vậy, A-tu-la nghe tiếng trống ấy kinh hồn khiếp vía tháo chạy vào biển lớn.

Này Văn-thù-sư-lợi! Trống đại pháp ấy không có hình tướng, không có tác giả, không thể thấy, không thể quán, vốn không thật, chẳng thể nghĩ bàn, không có tâm, không có tướng, không có sắc, không có âm thanh, không có thể, không có hai,

vượt qua cảnh giới của mắt.

Này Văn-thù-sư-lợi! Cõi trời Ba Mươi Ba nhờ bản hạnh nghiệp nên trong hư không trống đại diệu pháp ấy phát ra tiếng, làm cho chúng trời xa lìa tất cả chướng ngại, lo buồn, không còn đắm nhiễm và được vắng lặng.

Này Văn-thù-sư-lợi! Như tiếng trống đại pháp trong hư không, không thể thấy, không thể quán, vốn không thật, chẳng thể nghĩ bàn, không có tâm, không có tướng, không có hình sắc, không có âm thanh, không có vật, không có hai, vượt qua cảnh giới của mắt, nhờ vào bản hạnh nghiệp mà trống pháp phát ra tiếng, khiến cho Thiên chúng trong cõi trời Ba Mươi Ba xa lìa tất cả chướng ngại, lo buồn, được vô nhiễm tịch tĩnh.

Này Văn-thù-sư-lợi! Nếu Thiên chúng ở cõi trời Ba Mươi Ba có tâm buông lung thì trống diệu pháp phát ra âm thanh rất lớn khiến cho họ xa lìa tất cả chướng ngại lo buồn mà được vô nhiễm tịch tĩnh.

Này Văn-thù-sư-lợi! Cũng như vậy, đối với pháp thân thanh tịnh của Như Lai Ứng Chánh Biến Tri, thì tất cả thế gian không thể thấy được, vì vốn không thật, chẳng thể nghĩ bàn, không có tâm, không có tướng, không có hình sắc, không có tự thể, không có hai, vượt qua cảnh giới của mắt.

Này Văn-thù-sư-lợi! Như chúng sinh kia nhờ

vào bản hạnh nghiệp và tùy tâm tin tưởng mà được nghe tiếng của pháp, và tiếng pháp ấy khiến cho chúng sinh xa lìa tất cả chướng ngại lo buồn, không còn đắm nhiễm và trở lại thanh tịnh, vắng lặng.

Này Văn-thù-sư-lợi! Pháp thân thanh tịnh ấy không thể dùng lời nói được, cũng không có chủ thể, nhưng vì chúng sinh nhờ vào nghiệp lực, căn lành mà nghe được tiếng diệu pháp ấy và cho là Như Lai nói pháp, cho rằng thế gian có Phật.

Này Văn-thù-sư-lợi! Tất cả chúng sinh nghe tiếng của Như Lai đều được tất cả sự vui mừng. Người tin rồi khiến được hiểu đúng đắn. Nghe tiếng mà hiểu đúng đắn là thân Như Lai. Bồ-tát mới phát tâm và tất cả chúng sinh phàm phu nếu nghe Như Lai nói pháp, quan sát Như Lai thì tất cả căn lành đều được thêm lớn.

Này Văn-thù-sư-lợi! Pháp thân thanh tịnh của Như Lai Ứng Chánh Biến Tri là bất sinh bất diệt, phải nên biết như vậy.

Này Văn-thù-sư-lợi! Ví như đầu mùa hạ nhờ vào sức bản nghiệp của chúng sinh mà tất cả hạt giống như lúa mạ, cỏ cây, lùm rừng, cây thuốc ở mặt đất đều nảy mầm tăng trưởng, và làm cho chúng sinh được tất cả sự vui thích. Vì thế trong hư không phát ra gió, gió ấy tạo thành mây lớn, mây lớn đổ xuống trận mưa lớn, mưa lớn ấy chảy tràn khắp cả mặt đất, nước tràn mặt đất làm cho tất

cả hạt giống phát triển tốt tươi. Khi ấy, hết thảy mọi người trong cõi Diêm-phù-đề rất vui mừng, vô cùng phấn khởi nói: “Đây là mây lớn, đây là mưa lớn”.

Này Văn-thù-sư-lợi! Khi trong hư không không mưa thì người ở cõi Diêm-phù-đề nói: “Không có mây, không có mưa”.

Này Văn-thù-sư-lợi! Khi nào trong không trung nổi mây lớn, mưa lớn khắp nơi thì khi ấy các chúng sinh đều nói: “Hiếm có mây lớn, hiếm có mưa lớn, mưa lớn khắp nơi, tràn đầy mặt đất”.

Này Văn-thù-sư-lợi! Nhưng trên hư không ấy không có mây, không có mưa.

Này Văn-thù-sư-lợi! Nhờ vào gió mà trong hư không có thể sinh khởi mây lớn, có thể sinh khởi mưa lớn.

Này Văn-thù-sư-lợi! Cũng chính vì gió ấy mà hư không không có mây, không có mưa. Vì sao? Vì do sức bản nghiệp của chúng sinh.

Này Văn-thù-sư-lợi! Như nước tụ lại trên hư không, nhờ gió đứng lại, và cũng nhờ gió mà mưa, mà người thế gian gọi là mây - mưa. Vì sao? Vì do sức bản nghiệp của chúng sinh, mà trong hư không đổ trận mưa lớn làm tràn đầy cả mặt đất.

Này Văn-thù-sư-lợi! Thật sự trong hư không ấy không có mây, không có mưa.

Này Văn-thù-sư-lợi! Tự tánh của mây, mưa lớn

ấy bất sinh bất diệt, lìa tâm, ý, ý thức, xa lìa tướng đến đi.

Này Văn-thù-sư-lợi! Như vậy, các Đại Bồ-tát nhờ vào căn lành quá khứ tu các hạnh lành, nghe Phật giảng nói pháp đặc được đạo không chướng ngại. Tất cả chúng sinh, tất cả Thanh văn, Phật-bích-chi... trông các căn lành để cầu đạo Niết-bàn. Chúng sinh thế gian liền cho rằng Như Lai Ứng Chánh Biến Tri xuất hiện nơi đời. Như Lai nói pháp đều là lời chân thật, lời chân như, lời không khác, mà các hàng trời người xưng rằng Như Lai.

Này Văn-thù-sư-lợi! Do căn lành của chúng sinh nên pháp thân phát ra tiếng, mà các hàng trời người nói như vậy: “Như Lai nói pháp”.

Này Văn-thù-sư-lợi! Thật không có Như Lai. Vì sao? Vì pháp thân Như Lai vô tướng, lìa tướng, vô xứ, lìa xứ, không thật, không sinh, không diệt.

Này Văn-thù-sư-lợi! Nhưng Như Lai ấy với nhạo thuyết biện tài vì các hàng trời người mà nói pháp không có cùng tận, tùy theo điều họ được nghe, khiến cho họ đều hiểu biết.

Này Văn-thù-sư-lợi! Bồ-tát mới phát tâm và tất cả phàm phu vì nhờ vào sức bản nghiệp của chúng sinh nên thấy Như Lai nhập Niết-bàn. Như Lai nhập Niết-bàn thì không thể nào thấy được, nhưng chúng sinh kia nghĩ như vậy, liền cho là Như Lai cứu cánh Niết-bàn.

Này Văn-thù-sư-lợi! Như Lai Ứng Chánh Biến Tri chẳng sinh, chẳng tử, chẳng khởi, chẳng diệt.

Này Văn-thù-sư-lợi! Như Lai Ứng Chánh Biến Tri từ vô thủy đến nay chứng thường trụ Đại Bát-niết-bàn.

Này Văn-thù-sư-lợi! Như mây lớn kia không thật, không sinh không diệt, do hư vọng nên có như thế, nhưng vì chúng sinh vọng tưởng nên giả gọi là mây mưa như vậy.

Này Văn-thù-sư-lợi! Như Lai không thật, không sinh, không diệt, xưa nay không sinh nhưng chúng sinh theo tâm tưởng của mình mà nghe Như Lai Ứng Chánh Biến Tri hiện có nói pháp.

Này Văn-thù-sư-lợi! Ví như Đại Tự Tại Phạm thiên vương tự tại vô ngại trong mười, trăm, ngàn, vạn của ba ngàn đại thiên thế giới, quan sát xuống tất cả cung điện của các trời, cho đến cung điện của Tứ Đại Thiên vương, khi ấy Đại Tự Tại Phạm thiên vương là chủ tự tại trong mười, trăm, ngàn, vạn của ba ngàn đại thiên thế giới quán sát tất cả cung điện của các trời.

Này Văn-thù-sư-lợi! Khi ấy, tất cả chư Thiên trong cung điện đều xả bỏ tất cả kỹ nhạc trong cảnh giới ngũ dục, bỏ các niệm dục, sinh lòng đại cung kính, chấp tay cúng dường, đứng chiêm ngưỡng Đại Phạm Thiên vương.

Này Văn-thù-sư-lợi! Nhưng Đại Tự Tại Phạm

Thiên vương ấy tạm thời hiện trong tất cả các cung điện.

Bây giờ, các vị trời vì muốn sinh vào cõi Phạm nên đem tất cả căn lành hồi hướng lên Phạm thiên.

Này Văn-thù-sư-lợi! Đại Tự Tại Đại Phạm Thiên vương là chủ của mười, trăm, ngàn, vạn trong ba ngàn đại thiên thế giới. Vị ấy ở mãi địa vị Phạm Thiên và vững trụ nơi Phạm cung, nương vào sức tự tại nguyện của mình đồng thời tùy theo căn lành của tất cả chúng sinh mà hóa làm Phạm thiên, ngày ngày quán sát tất cả cung trời, xuống đến Tứ Đại Thiên vương. Khi đó, mỗi vị đều từ bỏ tất cả kỹ nhạc trong cảnh giới ngũ dục, xả bỏ các niệm dục, sinh lòng đại cung kính, chấp tay cúng dường, chiêm ngưỡng Đại Phạm Thiên vương. Nhưng Đại Tự Tại Phạm Thiên vương ấy ở trong tất cả các cung điện tạm thời hiện thân, mà ở cung Phạm thiên vẫn không lay động. Khi ấy, các trời vì muốn sinh vào cõi Phạm nên đem tất cả căn lành hồi hướng lên Phạm thiên.

Này Văn-thù-sư-lợi! Nhưng chỗ ấy thật không có cung điện Phạm Thiên.

Này Văn-thù-sư-lợi! Phạm thiên ấy là không, và cung điện Phạm thiên ấy đều không thật, không có danh tự, không có âm thanh, không có trụ xứ, không có tự thể, không nghĩ bàn, không tướng, lìa tâm ý, ý, thức, không sinh không diệt.

Này Văn-thù-sư-lợi! Đại Phạm thiên ấy nhờ vào năng lực bản nguyện hộ trì căn lành của mình và cũng nhờ vào năng lực hộ trì căn lành của các trời nên tạm thời hiện thân trong tất cả cung điện.

Này Văn-thù-sư-lợi! Nhưng các vị trời ấy không biết thân của Phạm Thiên là rỗng không, đều không thật, không có danh tự, không có âm thanh, không có trụ xứ, không có tự thể, chẳng thể nghĩ bàn, không tướng, lìa tâm, ý, ý thức, bất sinh bất diệt.

Như vậy, này Văn-thù-sư-lợi! Như Lai Ứng Chánh Biến Tri là không, đều không thật, không có danh tự, không có âm thanh, không có trụ xứ, không có tự thể, chẳng thể nghĩ bàn, không tướng, lìa tâm, ý, ý thức, bất sinh bất diệt.

Cũng như vậy, này Văn-thù-sư-lợi! Như Lai Ứng Chánh Biến Tri căn cứ vào năng lực bản nguyện, bản hạnh của Bồ-tát mà hộ trì Bồ-tát mới phát tâm, trụ vào thừa Thanh văn và Phật-bích-chi, nhờ vào căn lành của tất cả phàm phu mà Như Lai ứng hiện trăm, ngàn, vạn thân tướng hảo trang nghiêm, giống như bóng trong gương, đứng yên tại chỗ bất động.

Này Văn-thù-sư-lợi! Bồ-tát mới phát tâm, tất cả hàng Thanh văn, Phật-bích-chi và hạng phàm phu đều không biết Như Lai Ứng Chánh Biến Tri là rỗng không, không có, không thật, không thể

thấy, không có danh tự, không có âm thanh, không có trụ xứ, không có tự thể, chẳng thể nghĩ bàn, vô tướng, lìa tâm, ý, ý thức, bất sinh bất diệt.

Này Văn-thù-sư-lợi! Như Lai có trăm ngàn vạn ức thân tướng hảo trang nghiêm, đầy đủ tất cả công hạnh, oai nghi của Như Lai. Tùy theo lòng tin của từng loại chúng sinh mà phát ra tiếng vi diệu để nói pháp cho chúng sinh, khiến cho chúng sinh xa lìa tất cả các chướng ngại, lo buồn, được vô nhiễm tịch tĩnh. Như Lai đôi với tất cả đều bình đẳng, không phân biệt, không có tâm sai khác.

Này Văn-thù-sư-lợi! Do nghĩa này nên nói bất sinh bất diệt là Như Lai.

Khi ấy Thế Tôn nói kệ:

*Như Lai không hề sinh
Các pháp cũng như vậy
Pháp thế gian không thật
Kẻ ngu lầm chấp tướng
Trong pháp thiện vô lậu
Không ai bằng Như Lai
Nhờ sức thiện pháp ấy
Hiện đời như bóng gương.*

Này Văn-thù-sư-lợi! Ví như ánh sáng mặt trời mới mọc, đầu tiên chiếu núi chúa lớn, lần lượt chiếu đến núi Chiết-ca-bà-la, núi Ma-ha-chiết-cân-ca-bà-la, kế đến chiếu các núi lớn khác, rồi chiếu các núi Hắc, đồi gò cao nguyên, cuối cùng chiếu

những nơi thấp hang sâu. Này Văn-thù-sư-lợi! Ánh sáng của mặt trời ấy chẳng phân biệt, không có sự phân phân biệt, không suy nghĩ. Vì sao? Này Văn-thù-sư-lợi! Ánh sáng của mặt trời không có tâm, ý, ý thức, không sinh, không diệt, vô tướng, là tướng, vô niệm, là niệm, không hý luận, là hý luận, không chướng ngại, là chướng ngại, không trụ bờ bên này, không trụ bờ bên kia, không cao, không thấp, không trói, không mở, không biết, chẳng phải không biết, không phiền não, chẳng phải không phiền não, không thật, chẳng phải không thật, không ở bờ bên này, không ở bờ bên kia, không ở đất liền, không ở trong nước, không ở hai bên bờ, không ở giữa dòng, vô giác là giác, không có sắc chẳng phải không có sắc.

Này Văn-thù-sư-lợi! Vì đại địa có cao, thấp, trung bình mà ánh sáng mặt trời tùy theo mặt đất có cao, thấp, trung bình. Này Văn-thù-sư-lợi! Như Lai Ứng Chánh Biến Tri cũng vậy, không phân biệt, không có sự phân biệt, không suy nghĩ.

Này Văn-thù-sư-lợi! Vì sao? Vì Như Lai Ứng Chánh Biến Tri là tâm, ý, ý thức, không sinh, không diệt; không tướng, là tướng; không niệm, là niệm; không hý luận, là hý luận; không nhiệt não, là nhiệt não; không trụ bờ bên này, không trụ bờ bên kia; không cao, không thấp; không trói, không mở; không biết, chẳng phải không biết; không phiền não, chẳng phải không phiền não;

chẳng phải thật ngữ, chẳng phải không thật ngữ; không ở bờ bên này, không ở bờ bên kia; không ở mặt đất, không ở trong nước; không ở hai bên bờ, không ở giữa dòng; chẳng phải Nhất thiết trí, chẳng phải không Nhất thiết trí; chẳng phải giác ngộ, chẳng phải không giác ngộ; chẳng phải người tu hành, chẳng phải người không tu hành; chẳng phải tu tập, chẳng phải không tu tập; chẳng phải niệm, chẳng phải vô niệm; chẳng phải hữu tâm, chẳng phải vô tâm; lìa tâm, chẳng phải lìa tâm; vô ý, chẳng phải vô ý; chẳng phải hại, chẳng phải không hại; chẳng phải danh, chẳng phải không danh; chẳng phải sắc, chẳng phải không sắc; chẳng nói, chẳng phải không nói; chẳng phải giả danh, chẳng phải không giả danh; chẳng phải có thể thấy, chẳng phải không thể thấy; thể tánh như vậy, chẳng phải không như vậy; chẳng nói đạo, chẳng phải không nói đạo; chẳng phải chứng quả, chẳng phải không chứng quả; chẳng phân biệt, chẳng phải không phân biệt; chẳng phải lìa phân biệt, chẳng phải không lìa phân biệt.

Này Văn-thù-sư-lợi! Vì trong vô biên pháp giới kia chúng sinh có căn tánh thượng, trung, hạ khác nhau, nên Như Lai phóng ra vùng ánh sáng mặt trời đại trí chiếu khắp chúng sinh cũng như thế. Ban đầu chiếu đến chư Bồ-tát Đại thừa có trực tâm thanh tịnh, như chiếu lên ngọn núi chúa vậy. Kế đến chiếu hàng trụ vào Phật-bích-chi thừa, rồi

chiếu đến hàng trụ Thanh văn thừa, rồi lại chiếu đến những chúng sinh có đức tin trong sáng và có hạnh lành, tiếp chiếu đến những chúng sinh đắm chìm trong tà kiến. Tất cả những nơi được vừng ánh sáng Nhất thiết trí của Như Lai chiếu đến, là vì muốn tạo lợi ích cho tất cả chúng sinh, khiến cho chúng sinh ở đời vị lai có được căn lành, và làm cho căn lành ấy được tăng trưởng.

Này Văn-thù-sư-lợi! Đối với tất cả việc ấy, Như Lai đều bình đẳng với tâm xả, không phân biệt, không có tâm riêng lẽ.

Này Văn-thù-sư-lợi! Vừng ánh sáng mặt trời trí tuệ của chư Phật Như Lai không có tâm phân biệt, tâm riêng lẽ như vậy. Ta không có ý niệm là phải nói diệu pháp cho chúng sinh này, không nói pháp cho chúng sinh kia.

Này Văn-thù-sư-lợi! Chư Phật Như Lai không có tâm phân biệt như vậy: “Chúng sinh này tin pháp bậc thượng, chúng sinh này tin vào pháp bậc trung, chúng sinh này tin vào pháp bậc hạ, chúng sinh này tin chánh pháp, còn chúng sinh kia chỉ tin tà pháp”.

Này Văn-thù-sư-lợi! Thật chư Phật Như Lai không có tâm phân biệt như vậy, nhưng vì chúng sinh này tin pháp bậc thượng thì nói pháp Đại thừa cho họ, chúng sinh này tin pháp bậc trung thì nói pháp Duyên giác thừa cho họ, chúng sinh này tin

pháp bậc hạ thì nói pháp Thanh văn thừa cho họ, chúng sinh này tin chánh hạnh thì nói pháp tâm thanh tịnh cho họ, cho đến chúng sinh này tin tà hạnh thì tùy theo những điều họ đáng nghe mà nói pháp cho họ.

Này Văn-thù-sư-lợi! Vòng ánh sáng mặt trời trí tuệ của chư Phật Như Lai không có tâm phân biệt như vậy. Vì sao? Vì vòng ánh sáng mặt trời trí tuệ của chư Phật Như Lai xa lìa tất cả phân biệt, phân biệt sai khác và các hý luận.

Này Văn-thù-sư-lợi! Do các chúng sinh gieo trồng căn lành khác nhau mà vòng ánh sáng mặt trời trí tuệ của chư Phật Như Lai có khác nhau.

Này Văn-thù-sư-lợi! Ví như dùng viên ngọc bảo châu như ý trong biển cả treo trên cột cờ cao, viên ngọc bảo châu như ý ấy phát ra nhiều thứ âm thanh khác nhau. Hễ chúng sinh nào nghĩ gì, cần gì và muốn việc gì, cứ như sở cầu của mỗi chúng sinh mà nghe viên bảo châu như ý phát ra nhiều thứ âm thanh khác nhau. Nhưng thực chất bảo châu ma-ni ấy không phân biệt, không có sự phân biệt, không suy nghĩ, vô tâm, lìa tâm, xa lìa tâm, ý, ý thức.

Này Văn-thù-sư-lợi! Như Lai cũng như vậy, không phân biệt, không có sự phân biệt, không suy nghĩ, vô tâm, lìa tâm, xa lìa tâm, ý, ý thức, không thể so lường, xa lìa các so lường, không đắc, lìa

đắc, gặp tham không lay, sân không động, si không chuyên, không thật, không hư dối, chẳng phải thường, chẳng phải không thường, chẳng phải chiếu, chẳng phải không chiếu, chẳng phải sáng, chẳng phải không sáng, chẳng phải giác, chẳng phải không giác, không sinh không diệt, không nghĩ bàn, không thể nghĩ bàn, vô thể, lìa thể, không thể nắm bắt, không thể lìa bỏ, không thể hý luận, không thể nói, lìa các sự nói năng, không hỷ lìa hỷ, vô sinh, không thể đếm, xa lìa các sự so lường, không đi, không có đạt đến tịch diệt, chắm dứt tất cả các nẻo, xa lìa tất cả sự nói năng. Không thể thấy, không thể quán, không thể nắm bắt, chẳng phải hư không, chẳng phải không hư không, chẳng phải có thể thấy, chẳng phải có thể nói, chẳng phải hòa hợp, chẳng phải lìa hòa hợp, chẳng phải tạo, chẳng phải tác, chẳng phải sáng tỏ, chẳng phải ô nhiễm, chẳng phải thanh tịnh, chẳng phải danh, chẳng phải sắc, chẳng phải tướng, chẳng phải không tướng, chẳng phải nghiệp, chẳng phải quả báo của nghiệp, chẳng phải quá khứ, chẳng phải vị lai, chẳng phải hiện tại, chẳng phải có phiền não, chẳng phải không phiền não, chẳng phải tịnh, chẳng phải không tịnh, chẳng phải âm thanh, xa lìa tất cả âm thanh, không ngôn, không tướng, xa lìa tất cả tướng, chẳng phải trong, chẳng phải ngoài, cũng chẳng phải chính giữa.

Này Văn-thù-sư-lợi! Trục tâm bảo châu thanh

tịnh của Như Lai treo trên ngọn cờ cao đại từ bi, tùy theo chúng sinh tin những gì, chúng sinh thực hành những gì, theo đó mà nghe tiếng nói pháp đúng với tín, hạnh của mỗi chúng sinh ấy.

Này Văn-thù-sư-lợi! Đối với tất cả việc, Như Lai đều bình đẳng với tâm xả, không phân biệt, không có tâm riêng rẽ.

Này Văn-thù-sư-lợi! Ví như chúng sinh nghe tiếng vang từ một nơi nào đó phát ra. Âm thanh kia chẳng phải ở quá khứ, chẳng phải ở vị lai, chẳng phải ở hiện tại, chẳng phải ở trong, chẳng phải ở bên ngoài, chẳng phải ở giữa, hai bên mà có thể nghe được. Nó cũng chẳng phải sinh, chẳng phải diệt, chẳng phải đoạn, chẳng phải thường, chẳng phải biết, chẳng phải không biết, chẳng phải hiểu, chẳng phải không hiểu, chẳng phải sáng, chẳng phải không sáng, chẳng phải trói, chẳng phải mở, chẳng phải hủy phạm, chẳng phải không hủy phạm, chẳng phải niệm, chẳng phải vô niệm, chẳng phải ở, chẳng phải không ở, chẳng phải trụ, chẳng phải không trụ, chẳng phải địa giới, chẳng phải thủy giới, chẳng phải hỏa giới, chẳng phải phong giới, chẳng phải hữu vi, chẳng phải vô vi, chẳng phải hý luận, chẳng phải không hý luận, chẳng phải âm thanh, chẳng phải không âm thanh, chẳng phải thấy, chẳng phải không thấy, chẳng phải văn tự, chẳng phải lời nói, chẳng phải xa lìa ngôn ngữ, chẳng tính lường, xa lìa sự tính lường, chẳng phải

tướng là tướng, chẳng phải tịch tĩnh chẳng phải là tịch tĩnh, chẳng phải dài, chẳng phải ngắn, chẳng phải tâm, chẳng phải không tâm, chẳng quán, chẳng phải không quán, chẳng phải thấy tướng, chẳng phải không thấy tướng, chẳng phải rỗng không, chẳng phải không rỗng không, tự thể rỗng không, chẳng phải có thể niệm, chẳng phải không thể niệm, xa là niệm, chẳng phải có thể hiểu biết, chẳng phải không thể hiểu biết, là tâm, ý, ý thức, tất cả xử đều bình đẳng, không phân biệt, là sự phân biệt sai khác, vượt qua ba đời.

Này Văn-thù-sư-lợi! Nhưng âm thanh vọng lại đó tùy theo mỗi loại chúng sinh với mỗi giọng nói mà nghe mỗi thứ tiếng vọng lại.

Này Văn-thù-sư-lợi! Âm thanh mà Như Lai Ứng Chánh Biến Tri nói pháp cũng như vậy, chẳng phải quá khứ, chẳng phải vị lai, chẳng phải hiện tại, chẳng phải trong, chẳng phải ngoài, chẳng phải ở giữa hai bên mà có thể nghe được. Chẳng phải sinh, chẳng phải diệt, chẳng phải đoạn, chẳng phải thường, chẳng phải biết, chẳng phải không biết, chẳng phải giác, chẳng phải không giác, chẳng phải sáng, chẳng phải không sáng, chẳng phải buộc, chẳng phải mở, chẳng phải hủy phạm, chẳng phải không hủy phạm, chẳng phải niệm, chẳng phải chẳng niệm, chẳng phải nơi chốn, chẳng phải không nơi chốn, chẳng phải trụ, chẳng phải không trụ, chẳng phải địa giới, chẳng phải thủy giới,

chẳng phải hỏa giới, chẳng phải phong giới, chẳng phải hữu vi, chẳng phải vô vi, chẳng phải hý luận, chẳng phải không hý luận, chẳng phải âm thanh, chẳng phải không có âm thanh, chẳng phải thấy, chẳng phải không thấy, chẳng phải văn tự, chẳng phải lời nói, chẳng phải lìa ngôn ngữ, chẳng phải tính lường, lìa sự tính lường, chẳng phải tướng lìa tướng, chẳng phải tịch tĩnh, chẳng phải lìa sự tịch tĩnh, chẳng phải dài, chẳng phải ngắn, chẳng phải tâm, chẳng phải không có tâm, chẳng phải quán, chẳng phải không quán, chẳng phải có thể thấy tướng, chẳng phải không thể thấy tướng, chẳng phải rỗng không, chẳng phải chẳng rỗng không, tự thể rỗng không, chẳng phải có thể niệm, chẳng phải không thể niệm, lìa niệm, chẳng phải hiểu biết, chẳng phải không hiểu biết, lìa tâm, ý, ý thức, tất cả xứ bình đẳng không phân biệt, lìa sự phân biệt sai khác, vượt qua ba đời.

Này Văn-thù-sư-lợi! Âm thanh thuyết pháp của Như Lai Ứng Chánh Biến Tri chỉ có một, nhưng tùy theo mỗi loại chúng sinh có sự tin hiểu khác nhau nên nghe các thứ âm thanh khác nhau.

Này Văn-thù-sư-lợi! Ví như mặt đất dung nạp vạn vật, sinh trưởng tất cả lúa mạch, hoa quả, cây cỏ vườn rừng và tạo thành mọi thứ.

Này Văn-thù-sư-lợi! Mặt đất ấy không phân biệt, không phân biệt sai khác, tất cả mọi nơi đều bình đẳng, không phân biệt, không có tâm phân

biệt khác, vô tâm, xa lìa tâm, ý, ý thức.

Này Văn-thù-sư-lợi! Như Lai Ứng Chánh Biến Tri cũng như vậy, nương vào Như Lai Ứng Chánh Biến Tri giữ gìn tất cả chúng sinh, sinh trưởng tất cả căn lành, xây dựng thành tựu cho tất cả. Thanh văn, Phật-bích-chi, Bồ-tát và các chúng sinh ngoại đạo dị kiến Ni-kiền-tử v.v... từ nơi tà kiến cho đến tà định tụ, có bao nhiêu căn lành thì các căn lành ấy đều được Như Lai Ứng Chánh Biến Tri giữ gìn. Tất cả đều nhờ Như Lai Ứng Chánh Biến Tri mà được tăng trưởng xây dựng thành tựu.

Này Văn-thù-sư-lợi! Nhưng Như Lai Ứng Chánh Biến Tri xa lìa tất cả phân biệt, không có sự phân biệt khác, phân biệt niệm, xa lìa tất cả tâm, ý, ý thức, không thể quán, xa lìa các sự quán, không thể thấy, xa lìa các sự thấy, không thể tư duy, xa lìa các tư duy, không thể niệm, xa lìa các niệm, tâm bình đẳng không bình đẳng, xả bỏ tất cả xứ, không phân biệt, xa lìa phân biệt sai khác.

Này Văn-thù-sư-lợi! Ví như hư không chỗ nào cũng bình đẳng, không phân biệt, không phân biệt sai khác, không sinh không diệt, chẳng phải quá khứ, chẳng phải vị lai, chẳng phải hiện tại, không thể thấy, không thể hý luận, vô sắc, không thể chỉ bày, không thể nêu ra, không thể xúc chạm, không thể giữ gìn, không thể suy lường, xa lìa sự suy lường, không thể ví dụ, xa lìa các ví dụ, không chỗ trụ, không thể nắm bắt, xa lìa tầm mắt, lìa tâm, ý,

ý thức, không tướng, không có văn tự, không âm thanh, không niệm, không nắm bắt, không xả bỏ, không thể chuyển, không thể đổi, xa lìa đường ngôn ngữ, trụ tất cả xứ, nhập tất cả xứ.

Này Văn-thù-sư-lợi! Như các chúng sinh vì thấy mặt đất có cao, thấp, trung bình, nên nói hư không có cao, thấp trung bình, nhưng hư không ấy không có cao, thấp, trung bình.

Này Văn-thù-sư-lợi! Như Lai Ứng Chánh Biến Tri cũng như vậy. Đối với tất cả xứ đều bình đẳng, không phân biệt, không phân biệt sai khác, không sinh, không diệt, chẳng phải quá khứ, chẳng phải vị lai, chẳng phải hiện tại, không thể thấy, không thể hý luận, không có hình sắc, không thể chỉ bày, không thể nêu ra, không thể xúc chạm, không thể giữ gìn, không thể lường, xa sự suy lường, không thể ví dụ, xa lìa các ví dụ, không chỗ trụ, không thể nắm bắt, xa lìa tầm mắt, lìa tâm, ý, ý thức, không tướng, không có văn tự, không có âm thanh, không niệm, không nắm bắt, không xả bỏ, không thể chuyển, không thể đổi, xa lìa đường ngôn ngữ, trụ tất cả xứ, nhập tất cả xứ.

Này Văn-thù-sư-lợi! Vì tâm của chúng sinh có cao, thấp, trung bình nên mới thấy Như Lai có cao, thấp, trung bình. Nhưng sự thật Như Lai không có cao, thấp, trung bình.

Này Văn-thù-sư-lợi! Như Lai không có tâm

như vậy: “Chúng sinh nào có lòng tin bậc hạ, nên Ta mới thị hiện hình sắc thấp. Chúng sinh nào có lòng tin bậc trung, Ta thị hiện hình sắc trung bình. Chúng sinh nào có lòng tin bậc cao, Ta thị hiện hình sắc cao”.

Này Văn-thù-sư-lợi! Như Lai nói pháp cũng như vậy. Này Văn-thù-sư-lợi! Như Lai không có tâm như vậy: “Đối với chúng sinh nào có lòng tin bậc hạ thì Ta nói pháp Thanh văn cho họ, chúng sinh nào có lòng tin bậc trung bình thì Ta nói pháp Phật-bích-chi cho họ, chúng sinh nào có lòng tin bậc thượng thì Ta nói pháp Đại thừa cho họ”.

Này Văn-thù-sư-lợi! Như Lai không có tâm như vậy: “Vì chúng sinh này tin bố thí nên Ta nói Thí Ba-la-mật cho họ, vì chúng sinh này tin trì giới nên Ta nói Giới Ba-la-mật cho họ, vì chúng sinh này tin nhẫn nhục nên Ta nói pháp Nhẫn nhục Ba-la-mật cho họ, vì chúng sinh này tin tinh tấn nên Ta nói pháp Tinh tấn Ba-la-mật cho họ, vì chúng sinh này tin thiên định nên Ta nói pháp Thiên Ba-la-mật cho họ, vì chúng sinh này tin trí tuệ nên Ta nói pháp Trí tuệ Ba-la-mật cho họ”.



**KINH NHƯ LAI TRANG NGHIÊM TRÍ TUỆ
QUANG MINH NHẬP NHẤT THIẾT
PHẬT CẢNH GIỚI
QUYÊN HẠ**

Này Văn-thù-sư-lợi! Như Lai gọi là Pháp thân.

Này Văn-thù-sư-lợi! Như Lai không sinh không có sự sinh.

Này Văn-thù-sư-lợi! Như Lai không có danh, không có sắc, không nói năng, không có tâm, ý, ý thức.

Này Văn-thù-sư-lợi! Như Lai không phân biệt, lìa sự phân biệt.

Này Văn-thù-sư-lợi! Nói Như Lai là không là tướng không thể tận. Tận tế, thật tế, đều bình đẳng như hư không. Tất cả các pháp không hai tế, không thể nào biết được xứ tế.

Này Văn-thù-sư-lợi! Như Lai Ứng Chánh Biến Tri với tất cả xứ không phân biệt, lìa sự phân biệt sai khác, chẳng phải thấp, chẳng phải trung bình, chẳng phải cao. Như vậy, này Văn-thù-sư-lợi! Tất cả pháp không phân biệt, lìa sự phân biệt, không thấp, không trung bình, không cao. Vì sao? Vì tất

cả pháp không thể đắc. Này Văn-thù-sư-lợi! Nói tất cả pháp không thể đắc là tất cả pháp bình đẳng. Nói tất cả pháp bình đẳng là bình đẳng trụ. Nói bình đẳng trụ tức là bất động. Nói bất động là tất cả pháp không chỗ nương dựa. Nói tất cả pháp không chỗ nương dựa thì nó không có tâm định trụ. Nói không có tâm định trụ tức là vô sinh. Nói vô sinh tức là bất sinh. Nếu ai hiểu biết như vậy thì tâm và tâm sở họ đối với các pháp tâm hoàn toàn không điên đảo. Nếu tâm hoàn toàn không điên đảo thì hành giả ấy đắc như thật. Nếu có thể đắc như thật thì vị ấy không khởi hý luận. Nếu không khởi hý luận thì không hành tất cả pháp. Nếu không hý luận, không hành các pháp thì không ở trong vòng sinh tử. Nếu không ở trong vòng sinh tử tức là bất động. Nếu bất động thì pháp ấy không chống trái nhau. Nếu pháp không trái ngược nhau tức là tùy thuận với tất cả pháp. Nếu tùy thuận với tất cả pháp thì ở trong pháp tánh không thể nào lay động. Nếu trong pháp tánh không thể lay động tức là đạt được pháp tự tánh. Nếu đắc pháp tự tánh tức vô sở đắc. Vì sao? Vì nhờ vào nhân duyên mà sinh ra tất cả pháp. Nếu dựa vào nhân duyên sinh ra tất cả pháp thì thường bất sinh. Nếu thường bất sinh tức là thường không sở đắc. Nếu thường không sở đắc thì đạt được pháp thực tế. Nếu đạt được pháp thật tế thì không trụ với tất cả pháp. Nếu không trụ với tất cả pháp thì không cộng trụ. Nếu không cộng trụ thì

đó là phi hữu phi vô. Nếu phi hữu phi vô thì đặc trụ trong pháp ấy. Nếu đặc trụ trong pháp thì được pháp tu hành chánh niệm. Nếu đặc pháp tu hành chánh niệm thì không có một pháp nào chẳng phải là pháp Phật. Vì sao? Vì hiểu biết tất cả pháp đều không.

Này Văn-thù-sư-lợi! Hiểu biết tất cả pháp đều không gọi là Bồ-đề. Bồ-đề gọi là giác ngộ tất cả pháp đều không, không tức là Bồ-đề. Như vậy, không, vô tướng, vô nguyện vô tác vô hạnh, không nương tựa, không sinh, không nắm bắt, không xử sở. Nếu ai giác ngộ pháp như vậy thì gọi là Bồ-đề. Bồ-đề tức là tu hành chánh niệm.

Này Văn-thù-sư-lợi! Nói tu hành chánh niệm thì không nắm bắt không xả bỏ tức là chánh niệm, không quán, không chia rẽ, phân biệt gọi là hành. Không chấp trước, không bó buộc, không tháo gỡ gọi là hành, không đến không đi gọi là hành.

Này Văn-thù-sư-lợi! Hành chánh niệm là chỗ không hành, không lợi ích, không có quả báo, không chứng. Vì sao? Này Văn-thù-sư-lợi! Vì tự tánh của tâm vốn thanh tịnh. Tâm ấy bị khách trần phiền não làm nhiễm ô, nhưng tự tánh thanh tịnh của tâm không ô nhiễm. Mà tự tánh thanh tịnh của tâm ấy vốn không có sự ô nhiễm, và không bị ô nhiễm, nên tâm ấy không có pháp đối trị. Vậy dùng pháp gì đối trị để có thể diệt trừ phiền não này? Vì sao? Vì thanh tịnh chẳng phải thanh tịnh, tức là bản

tịnh. Bản tịnh tức là bất sinh. Bất sinh tức là không nhiễm. Không nhiễm là không lìa pháp nhiễm. Lìa pháp nhiễm là diệt tất cả sự nhiễm. Những pháp nào diệt tất cả nhiễm là bất sinh. Bất sinh là Bồ-đề. Bồ-đề gọi là bình đẳng. Bình đẳng gọi là chân như. Chân như gọi là không sai khác. Không sai khác gọi là tánh như thật của tất cả các pháp hữu vi và vô vi.

Này Văn-thù-sư-lợi! Chân như là cảnh giới chẳng phải hữu vi, chẳng phải vô vi, không có hai pháp. Nếu chẳng phải hữu vi, chẳng phải vô vi, không có hai pháp thì đó là chân như. Này Văn-thù-sư-lợi! Nói chân như đó là thật tế. Nói thật tế là không khác. Không khác là chân như vị lai. Nói chân như vị lai tức là không khác. Nói không khác là tức chân như. Nói tức chân như là phi thường không phải chân như. Nói phi thường không phải chân như là không nhiễm không tịnh. Nói không nhiễm không tịnh là không sinh không diệt. Nói không sinh không diệt là Niết-bàn bình đẳng. Nói Niết-bàn bình đẳng là không ở thế gian, không ở Niết-bàn. Nói không ở thế gian, không ở Niết-bàn là chẳng phải quá khứ, chẳng phải vị lai, chẳng phải hiện tại. Nói chẳng phải quá khứ, chẳng phải vị lai, chẳng phải hiện tại là chẳng phải thấp, chẳng phải trung bình, chẳng phải cao. Nói chẳng phải thấp, chẳng phải trung bình, chẳng phải cao tức là Như Lai. Nói Như Lai gọi là thật ngữ. Nói thật ngữ

gọi là chân như. Nói chân như gọi là như thật. Nói như thật gọi là ngã. Nói ngã tức là bất nhị. Nghĩa bất nhị tức là Bồ-đề. Bồ-đề gọi là giác. Giác là nhập vào trí ba môn giải thoát. Trí ấy nhập vào tất cả pháp trí bình đẳng trong ba đời. Nói nghĩa là đối với tất cả pháp nghĩa không sai khác. Nghĩa ấy không có tên không lời không thể nói. Nói trí là biết rõ về tất cả pháp nên gọi là trí, nhận thức biết tất cả pháp gọi là trí. Nói nghĩa là biết chúng sinh và nhận thức biết rõ nghĩa tức là pháp. Pháp tức là nghĩa. Nghĩa trí, thức trí, liễu nghĩa trí, pháp trí, pháp trụ trí, pháp thể trí, tất cả đều dựa vào nghĩa của pháp, nếu pháp mà thay đổi thì nghĩa cũng thay đổi. Nhưng chính sự thay đổi ấy cũng bình đẳng không có hai nghĩa. Bình đẳng không hai nghĩa tức là bình đẳng. Bình đẳng tức là nghĩa. Nói nghĩa thức trí bình đẳng là trí nhập pháp môn bất nhị gọi là liễu nghĩa, chứ chẳng phải bất liễu nghĩa. Nói bình đẳng tức là bình đẳng, tức là không. Nói không tức là ngã huyễn bình đẳng. Nói ngã bình đẳng tức là pháp bình đẳng. Nói pháp bình đẳng tức là lìa bình đẳng, lìa bình đẳng tức là giác ngộ bình đẳng. Giác ngộ bình đẳng tức là Bồ-đề.

Này Văn-thù-sư-lợi! Chấp trước sắc tức là chấp trước nhãn. Chấp trước nhãn tức là chấp trước tự tánh, chấp trước kiến tức là chấp trước tự ngã. Chấp trước thân mình tức là chấp trước tự tánh không trí, chấp trước không quán chánh niệm tức

là chấp trước pháp quán quang minh của pháp không chấp trước. Chấp trước biếng trễ cấu uế là chấp trước trí chứng tinh tấn kiên cố. Biết pháp như thật gọi là chấp trước. Chấp trước năm cái và Bồ-đề phân gọi là chấp trước, không chấp trước trí giải thoát và vô ngại vì tất cả pháp tự tánh thanh tịnh đều do nhân duyên mà có.

Lại Đại Bồ-tát biết như thật nguyên nhân của nhiễm tịnh nhưng không trụ vào trong nhân nhiễm tịnh. Nếu khởi lên ngã, khởi lên kiến thì gọi là nhân nhiễm, còn nhập vào tất cả pháp vô ngã thì gọi là nhân tịnh. Kiến, ngã, ngã sở là nhân nhiễm; bên trong tịch tĩnh bên ngoài không tạo nghiệp gọi là nhân tịnh. Dục, sân, hận, hại, giác quán là nhân nhiễm; bất tịnh, từ bi hỷ xả, nhập, mười hai nhân duyên, nhẫn gọi là nhân tịnh. Bốn điên đảo là nhân nhiễm, bốn niệm xứ là nhân tịnh. Năm cái là nhân nhiễm, năm căn là nhân tịnh. Sáu nhập là nhân nhiễm, sáu niệm là nhân tịnh. Bảy pháp bất tịnh là nhân nhiễm, bảy giác phần là nhân tịnh. Tám tà pháp là nhân nhiễm, tám chánh pháp là nhân tịnh. Chín nã sự là nhân nhiễm, chín thứ đệ định là nhân tịnh. Mười nghiệp đạo bất thiện là nhân nhiễm, mười nghiệp thiện đạo là nhân tịnh. Nói tóm lại tất cả niệm bất thiện là nhân nhiễm, tất cả niệm thiện là nhân tịnh. Cái gọi là nhân nhiễm, nhân tịnh ấy, nhưng thật ra tự tánh của các pháp là không. Không có ngã, không có nhân, không có

mạng, không có thọ giả, không có ngã, ngã sở, không có người sai khiến, như huyễn vô tướng, bên trong tịch diệt. Bên trong tịch tịnh tức là tịch diệt. Tịch diệt tức là tự tánh thanh tịnh. Tự tánh thanh tịnh tức là bất khả đắc. Bất khả đắc là vô xứ. Vô xứ tức là thật. Thật là hư không. Vì sao? Đây Văn-thù-sư-lợi! Không có một pháp nào hoặc sinh hoặc diệt.

Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Nếu pháp như vậy thì làm sao Như Lai đắc Bồ-đề?

Phật dạy Văn-thù-sư-lợi:

– Đây Văn-thù-sư-lợi! Vì vô căn vô trụ nên Như Lai đắc Bồ-đề.

Văn-thù-sư-lợi thưa:

– Bạch Thế Tôn! Căn là gì và trụ là gì?

Phật dạy:

– Thân kiến gọi là căn. Không thật phân biệt gọi là trụ. Bồ-đề ấy bình đẳng, Như Lai biết tất cả pháp đều bình đẳng, cho nên nói Như Lai vô căn vô trụ đắc Bồ-đề.

Này Văn-thù-sư-lợi! Bồ-gọi đề là tịnh cũng gọi là tịch tĩnh. Tịnh là gì và tịch tĩnh là gì? Đây Văn-thù-sư-lợi! Ngã, ngã sở, nhãn đều không. Vì sao? Vì tự tánh không. Như vậy nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý, ngã và ngã sở đều không. Vì sao? Vì tự tánh không. Cho nên biết nhãn là không, không chấp trước sắc,

cho nên nói là tịnh. Như vậy, biết nhĩ là không, không đấm trước âm thanh, đó là tịch tĩnh. Biết tử là không, không đấm trước hương, đó là tịch tĩnh. Biết thiệt là không, không đấm trước mùi vị, đó là tịch tĩnh. Biết thân là không, không đấm trước cảm xúc, đó là tịch tĩnh. Biết ý là không, không chấp trước pháp, đó là tịch tĩnh.

Này Văn-thù-sư-lợi! Bồ-đề tự tánh thanh tịnh, vì tự tánh thanh tịnh. Mà tự tánh thanh tịnh là nói tự tánh thanh tịnh không nhiễm giống như hư không, bình đẳng như hư không, tự tánh đồng với hư không. Ví như hư không xưa nay tự tánh thanh tịnh.

Này Văn-thù-sư-lợi! Nói Bồ-đề là không nắm bắt, không xả bỏ.

Thế nào là không nắm bắt? Thế nào là không xả bỏ? Nói không nắm bắt là không nắm bắt tất cả pháp. Cho nên nói là không nắm bắt. Nói không xả bỏ là không xả bỏ tất cả pháp. Cho nên nói không xả bỏ.

Này Văn-thù-sư-lợi! Như Lai vượt qua dòng nước lớn, cho nên không nắm bắt, không xả bỏ, nhưng chân như không thấy bờ bên này bên kia. Như Lai biết tất cả pháp nên xa lìa bờ bên này bờ bên kia. Thế nên gọi là Như Lai.

Này Văn-thù-sư-lợi! Bồ-đề vô tướng vô quán. Vô tướng vô quán là gì?

Này Văn-thù-sư-lợi! Không thấy nhãn thức gọi là vô tướng, không thấy sắc gọi là vô quán. Không thấy nhĩ thức gọi là vô tướng, không nghe âm thanh gọi là vô quán. Không thấy tỷ thức gọi là vô tướng, không ngửi mùi hương gọi là vô quán. Không thấy thiệt thức gọi là vô tướng, không biết mùi vị gọi là vô quán. Không thấy thân thức gọi là vô tướng, không biết xúc chạm gọi là vô quán. Không thấy ý thức gọi là vô tướng, không biết pháp gọi là vô quán.

Này Văn-thù-sư-lợi! Cảnh giới của các Thánh nhân là cảnh giới ba cõi. Này Văn-thù-sư-lợi! Nói Bồ-đề là chẳng phải quá khứ, chẳng phải vị lai, chẳng phải hiện tại, ba đời bình đẳng, ba đời thanh tịnh.

Này Văn-thù-sư-lợi! Trí ba đời là gì? Pháp quá khứ thì tâm không hành pháp vị lai thì thức không bỏ, pháp hiện tại thì niệm không trụ. Cho nên Như Lai không trụ vào tâm, ý, ý thức. Vì không trụ nên không phân biệt, vô phân biệt. Do không phân biệt, không có sự phân biệt nên không thấy pháp vị lai, pháp hiện tại, không hý luận.

Này Văn-thù-sư-lợi! Bồ-đề là vô thân vô vi. Vô thân là gì và vô vi là gì? Này Văn-thù-sư-lợi! Vô thân là chẳng phải cái biết của nhãn thức, chẳng phải là cái biết của nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức. Này Văn-thù-sư-lợi! Nếu chẳng phải là cái biết của tâm, ý, ý thức thì nó là vô vi. Nói vô vi là không sinh,

không trụ, không diệt. Cho nên nói ba đời thanh tịnh vô vi. Nếu vô vi mà biết thì hữu vi cũng vậy. Vì sao? Nói thể của tất cả pháp tức là vô thể. Vô thể thì xứ ấy không nói hai lời.

Này Văn-thù-sur-lợi! Nói Bồ-đề gọi là dấu chân không sai khác. Không sai khác là gì? Dấu chân là gì?

Này Văn-thù-sur-lợi! Vô tướng gọi là không sai khác, chân như gọi là dấu chân. Vô trụ là không sai khác, pháp là dấu chân. Vô dị là không sai khác, thật tế là dấu chân. Không thể đắc là không sai khác, bất động là dấu chân. Không là không sai khác, vô tướng là dấu chân. Vô giác là không sai khác, vô nguyện là dấu chân. Không cầu là không sai khác, không chúng sinh là dấu chân. Thể của chúng sinh là không sai khác, hư không là dấu chân. Không thấy là không sai khác, bất sinh là dấu chân. Bất diệt là không sai khác, vô vi là dấu chân. Vô hành là không sai khác, Bồ-đề là dấu chân. Tịch tĩnh là không sai khác, Niết-bàn là dấu chân. Không khởi là không sai khác, giác là dấu chân.

Này Văn-thù-sur-lợi! Bồ-đề không thể dùng thân để đắc, không thể dùng tâm để đắc. Vì sao? Này Văn-thù-sur-lợi! Vì thân là ngu si, không biết, không tâm. Ví như cây cỏ, tường vách, đất đai, ảnh tượng. Tâm như huyễn, trống không, không sở hữu, không thật, không tạo tác.

Này Văn-thù-sư-lợi! Thân tâm biết như thật thì gọi là Bồ-đề, ấy là dựa vào danh từ thế gian mà nói chứ chẳng phải đệ nhất nghĩa. Vì sao? Này Văn-thù-sư-lợi! Bồ-đề chẳng phải thân, chẳng phải tâm, chẳng phải pháp, chẳng thật, chẳng phải không thật, chẳng phải như thật, chẳng phải không như thật, không thể nói như vậy.

Này Văn-thù-sư-lợi! Không thể dùng tất cả pháp để nói Bồ-đề. Vì sao? Này Văn-thù-sư-lợi! Bồ-đề không có trụ vào đâu để nói.

Này Văn-thù-sư-lợi! Ví như hư không không có chỗ trụ, có thể nói là vô vi, vô sinh, vô diệt. Bồ-đề cũng như vậy, có thể nói là không trụ vô vi, vô sinh, vô diệt.

Này Văn-thù-sư-lợi! Ví như tất cả pháp trong thế gian, nếu tìm cầu sự thật của nó không thể nào nói được. Này Văn-thù-sư-lợi! Bồ-đề cũng như vậy, nếu đem tất cả pháp để nói sự thật Bồ-đề thì cũng không thể được. Vì sao? Này Văn-thù-sư-lợi! Vì trong pháp thật, không có danh từ chương cú có thể đắc. Vì sao? Vì nó bất sinh, bất diệt. Này Văn-thù-sư-lợi! Nói Bồ-đề thì không thể nắm bắt, không thể nương dựa.

Này Văn-thù-sư-lợi! Không thể nắm bắt là gì? Không thể nương tựa là gì? Này Văn-thù-sư-lợi! Biết như thật về nhãn là không thể nắm bắt, không thấy sắc là không thể nương tựa. Biết như thật về

nhĩ là không thể nắm bắt, không nghe âm thanh là không thể nương tựa. Biết như thật về tử là không thể nắm bắt, không nghe mùi là không thể nương tựa. Biết như thật về thiệt là không thể nắm bắt, không biết vị là không thể nương tựa. Biết như thật về thân là không nắm bắt, không cảm giác sự xúc chạm là không thể nương tựa. Biết như thật về ý là không thể nắm bắt, không thấy các pháp là không thể nương tựa.

Này Văn-thù-sư-lợi! Như vậy, Như Lai không nắm bắt, không nương tựa đó gọi là chứng Bồ-đề. Như vậy, chứng Bồ-đề là không nắm lấy nhãn, không thấy sắc, cho nên trụ vào nhãn thức. Không chấp lấy nhĩ, không nghe âm thanh, cho nên không trụ vào nhĩ thức. Không chấp lấy tử, không nghe hương thơm, cho nên không trụ vào tử thức. Không chấp lấy thiệt, không biết vị, cho nên không trụ vào thiệt thức. Không chấp lấy thân, không cảm giác về sự xúc chạm, cho nên không trụ vào thân thức. Không chấp lấy ý, không biết pháp, cho nên không trụ vào ý thức.

Này Văn-thù-sư-lợi! Như Lai không trụ vào tâm, ý, ý thức, cho nên gọi là Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri.

Này Văn-thù-sư-lợi! Chúng sinh có bốn tâm trụ vào pháp, nương vào bốn loại tâm ấy mà trụ vào pháp. Những gì là bốn? Đó là chúng sinh nương vào sắc tâm trụ, thọ, tưởng, hành v.v... cũng vậy,

đó là chúng sinh nương vào bốn loại tâm mà trụ.

Này Văn-thù-sư-lợi! Bốn loại tâm trụ pháp này Như Lai như thật biết, không sinh không diệt. Cho nên gọi là Phật.

Này Văn-thù-sư-lợi! Bồ-đề chính là không. Này Văn-thù-sư-lợi! Nếu tất cả pháp ấy là không, không khác, thì Bồ-đề cũng không. Bồ-đề không tức là tất cả pháp không. Tất cả pháp không ấy, Như Lai như thật biết gọi là bậc giác ngộ.

Này Văn-thù-sư-lợi! Chẳng phải không là trí rỗng không. Này Văn-thù-sư-lợi! Không tức là Bồ-đề, Bồ-đề tức là không.

Này Văn-thù-sư-lợi! Trong cái không, không có không, cũng không có Bồ-đề, cũng không có cả hai. Những pháp gì là không? Những pháp gì là Bồ-đề mà lại nói hai tên? Vì sao? Này Văn-thù-sư-lợi! Tất cả không có hai, không tướng, không sai biệt, không danh, không tướng, lìa tâm, ý, ý thức, không sinh, không diệt, không hành, không có hành, không nhóm tập, không có văn tự, không có âm thanh.

Này Văn-thù-sư-lợi! Nói không là chấp lấy sự hý luận.

Này Văn-thù-sư-lợi! Trong pháp đệ nhất không có pháp nào có thể nắm bắt được, gọi là không.

Này Văn-thù-sư-lợi! Như nói về hư không, hư không nhưng không có hư không có thể gọi là hư

không. Này Văn-thù-sư-lợi! Không cũng nói như vậy nên gọi là không. Không mà không có pháp nào để có thể nói nên gọi là không. Như vậy, nhập vào tất cả pháp thì gọi là nhập vào tất cả pháp môn. Này Văn-thù-sư-lợi! Tất cả các pháp không có tên, nhưng nó nương vào tên để nói.

Này Văn-thù-sư-lợi! Nếu tên chẳng phải vật này, chẳng phải lìa vật này, như vậy nó căn cứ vào tên để nói. Những pháp nào là chẳng phải vật này, chẳng phải lìa vật này? Như vậy, này Văn-thù-sư-lợi! Như Lai như thật biết tất cả pháp xưa nay không sinh, không khởi, không diệt, không tướng, lìa tâm, ý, ý thức, không có văn tự, không có tiếng.

Này Văn-thù-sư-lợi! Bồ-đề là như hư không bình đẳng, hư không chẳng phải bình đẳng, chẳng phải thấp, chẳng phải cao, Bồ-đề cũng chẳng phải bình đẳng, chẳng phải thấp, chẳng phải cao. Vì sao? Này Văn-thù-sư-lợi! Vì pháp không thật có. Này Văn-thù-sư-lợi! Nếu pháp không thật có thì làm sao nói bình đẳng, chẳng phải thấp, chẳng phải cao. Này Văn-thù-sư-lợi! Như Lai như thật biết tất cả pháp bình đẳng, chẳng phải cao, chẳng phải thấp. Sau khi biết như vậy, thì không có một pháp nhỏ nào không bình đẳng không cao không thấp, giống như pháp trụ ấy dùng trí như thật biết.

Này Văn-thù-sư-lợi! Trí như thật là gì?

Này Văn-thù-sư-lợi! Là như thật biết tất cả

pháp, tất cả pháp không có xưa nay, không sinh, không diệt. Pháp vốn không sinh, sinh rồi lại diệt. Các pháp ấy không ai tạo ra, không ai nắm lấy mà sinh, không ai tạo tác, không ai nắm lấy mà diệt.

Này Văn-thù-sư-lợi! Các pháp do nhân duyên sinh ra không có nhân duyên thì diệt, là đạo không thật, cho nên Như Lai vì đoạn đạo mà nói pháp.

Này Văn-thù-sư-lợi! Bồ-đề là dấu chân như thật.

Này Văn-thù-sư-lợi! Dấu chân như thật là gì?

Này Văn-thù-sư-lợi! Nói dấu chân như thật tức là Bồ-đề như Bồ-đề, sắc cũng vậy không lìa như. Như vậy thọ, tưởng, hành, thức không lìa như. Như Bồ-đề, địa giới như không lìa như, thủy, hỏa, phong cũng không lìa như. Như Bồ-đề, nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới không lìa như. Này Văn-thù-sư-lợi! Như Bồ-đề, nhĩ giới, thanh giới, nhĩ thức giới không lìa như. Này Văn-thù-sư-lợi! Tỷ giới, hương giới, tỷ thức giới không lìa như. Thiệt giới, vị giới, thiệt thức giới không lìa như. Thân giới, xúc giới, thân thức giới không lìa như. Ý giới, pháp giới, ý thức giới không lìa như.

Này Văn-thù-sư-lợi! Tất cả pháp là pháp giả danh, đó là năm ấm, mười hai nhập, mười tám giới. Pháp ấy, Như Lai biết như thật chẳng phải biết điên đảo. Pháp ấy trụ trong đời trước, đời hiện tại và đời sau. Như Lai như thật biết đời trước, đời hiện tại,

và đời sau. Pháp ấy, đời trước không sinh, đời vị lai không đi, đời hiện tại không trụ là như thật biết dấu chân pháp ấy. Như một pháp, tất cả pháp cũng đều như vậy. Như tất cả pháp, một pháp cũng như vậy. Nay Văn-thù-sư-lợi! Nhưng một hay nhiều đều không thể đắc.

Này Văn-thù-sư-lợi! Nhập vào tất cả pháp, môn A, môn không có A.

Này Văn-thù-sư-lợi! Môn A là gì? Môn không có A là gì?

Này Văn-thù-sư-lợi! Nói môn A là tất cả pháp căn lành mới phát. Không A là không thấy tất cả pháp. Nói A là tâm không trụ, có thể làm cho trụ. Nói không A là môn giải thoát vô tướng Tam-muội. Nói A là nói số lượng để quán tướng các pháp. Nói không A là quá lượng. Nghĩa là nghiệp vô thức. A là quán pháp hữu vi. Còn nói không A là quán pháp vô vi.

Này Văn-thù-sư-lợi! Nói Bồ-đề là pháp vô lậu không chấp lấy.

Này Văn-thù-sư-lợi! Thế nào là vô lậu, không chấp lấy?

Này Văn-thù-sư-lợi! Nói vô lậu là xa lìa bốn lậu. Những gì là bốn? Đó là dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu và kiến lậu. Do không chấp lấy bốn lậu ấy nên gọi là viễn ly các lậu.

Này Văn-thù-sư-lợi! Không chấp lấy là gì? Đó

là xa lìa bốn thủ. Những gì là bốn? Đó là dục thủ, kiến thủ, ngã thủ và giới thủ. Do các lậu này mà chúng sinh bị vô minh che lấp, bị dòng nước ái nhận chìm rồi cùng nhau theo cái hư vọng mà chấp trước.

Này Văn-thù-sư-lợi! Như Lai như thật biết về nguồn gốc của ngã. Nếu ngã thanh tịnh thì như thật biết tất cả chúng sinh thanh tịnh. Nói ngã thanh tịnh là tất cả chúng sinh thanh tịnh, đây là không hai, và nghĩa sai biệt của không hai, tức là vô sinh, vô diệt.

Này Văn-thù-sư-lợi! Vô sinh, vô diệt là những pháp xứ nào mà tâm, ý, ý thức không thể biết? Này Văn-thù-sư-lợi! Những pháp cao tột nào mà không có tâm, ý, ý thức và trong pháp đó không phân biệt? Phân biệt, những pháp nào thì không chánh niệm? Cho nên Bồ-tát sinh chánh niệm. Ai có chánh niệm thì vô minh không khởi lên. Nếu vô minh không sinh thì không có mười hai hữu chi. Mười hai hữu chi không sinh thì đó là bất sinh. Bất sinh tức là vị. Vị tức là liễu nghĩa. Liễu nghĩa là nghĩa đệ nhất. Nghĩa đệ nhất tức là nghĩa vô ngã. Nghĩa vô ngã là nghĩa bất khả thuyết. Nghĩa bất khả thuyết tức là nghĩa nhân duyên. Nghĩa nhân duyên là nghĩa pháp, nghĩa pháp tức là nghĩa như. Cho nên nói thấy nhân duyên tức là thấy pháp. Thấy pháp tức là thấy Như Lai. Nói thấy, tuy thấy các pháp nhưng không có chỗ thấy.

Này Văn-thù-sư-lợi! Nói có chỗ thấy nghĩa là thấy tâm thấy quán. Như Lai không thấy tâm. Nếu không thấy tâm thì không thấy quán. Đó là thấy đúng. Này Văn-thù-sư-lợi! Các pháp bình đẳng như vậy. Như Lai thấy sự bình đẳng của pháp ấy.

Này Văn-thù-sư-lợi! Nói Bồ-đề là tịnh, vô cầu, không dơ bẩn.

Này Văn-thù-sư-lợi! Những gì là tịnh? Những gì là vô cầu? Những gì là không dơ bẩn? Này Văn-thù-sư-lợi! Không gọi là tịnh. Vô tướng là vô cầu, vô nguyện là không dơ bẩn. Này Văn-thù-sư-lợi! Vô sinh là tịnh, không hành là vô cầu, không khởi là không dơ bẩn. Này Văn-thù-sư-lợi! Tự tánh là tịnh, căn lành thanh tịnh là vô cầu, ánh sáng tràn đầy là không dơ bẩn. Không hý luận là tịnh, lìa sự hý luận là vô cầu, vắng bật tất cả hý luận là không dơ bẩn. Như là tịnh, pháp giới là vô cầu, thật tế là không dơ bẩn. Hư không là tịnh, vô ngại là vô cầu, không thấy là không dơ bẩn. Bên trong thanh tịnh là tịnh, bên ngoài không tạo nghiệp là vô cầu, bên trong bên ngoài đều không thấy là không dơ bẩn. Âm tụ là tịnh, tự thể pháp giới là vô cầu, mười hai nhập không đi là không dơ bẩn. Quá khứ tận trí là tịnh, vị lai vô sinh trí là vô cầu, hiện tại trụ pháp giới trí là không dơ bẩn.

Này Văn-thù-sư-lợi! Tóm lại tịnh, vô cầu, không dơ bẩn đều nhập vào dấu chân một pháp bình đẳng, gọi đó là dấu chân tịch tĩnh. Nói dấu

chân tịch tĩnh tức là tịch diệt, tịch diệt tức là tịnh, tịnh tức là Thánh.

Này Văn-thù-sư-lợi! Như hư không, Bồ-đề cũng như vậy. Như Bồ-đề, pháp cũng như vậy. Như pháp, pháp thể cũng như vậy. Như pháp thể, chúng sinh cũng như vậy. Như chúng sinh, quốc độ cũng như vậy. Như quốc độ, Niết-bàn cũng như vậy.

Này Văn-thù-sư-lợi! Như Lai nói tất cả pháp bình đẳng như Niết-bàn vì cứu cánh rốt ráo không có pháp bị đối trị, xa lìa các pháp bị đối trị. Vì xưa nay thanh tịnh, xưa nay vô cầu, xưa nay không dơ bẩn.

Này Văn-thù-sư-lợi! Như Lai như thật giác ngộ tất cả pháp như vậy, quán sát tánh của tất cả chúng sinh rồi liền sinh thanh tịnh, vô cầu, không dơ bẩn, phần chân tâm đại từ bi.

Này Văn-thù-sư-lợi! Bồ-tát thực hành hạnh Bồ-tát như thế nào?

Này Văn-thù-sư-lợi! Nếu Bồ-tát không sinh tâm, không vì các pháp tận, không vì các pháp sinh, chẳng phải không vì các pháp không sinh, thấy các pháp xưa nay tận, thấy các pháp không tận, mà không sinh tâm ngã mạn nói ta biết như vậy, nhưng các pháp không hoại vì xưa nay không sinh.

Này Văn-thù-sư-lợi! Bồ-tát thực hành hạnh Bồ-tát như vậy.

Lại nữa, này Văn-thù-sư-lợi! Bồ-tát không thấy tâm quá khứ tận mà thực hành hạnh Bồ-tát, không thấy tâm vị lai chưa đến mà thực hành hạnh Bồ-tát, không thấy tâm hiện tại có mà thực hành hạnh Bồ-tát, và không chấp trước quá khứ vị lai hiện tại, trong tâm thực hành hạnh Bồ-tát như vậy.

Này Văn-thù-sư-lợi! Bồ-tát và Như Lai bồ thí không có hai, không sai khác, hành như vậy gọi là thực hành hạnh Bồ-tát. Bồ-tát và Như Lai trì giới không có hai, không sai khác, hành như vậy là thực hành hạnh Bồ-tát. Bồ-tát, Như Lai nhẫn nhục không có hai, không sai khác, hành như vậy là hành hạnh Bồ-tát. Bồ-tát, Như Lai tinh tấn không có hai, không sai khác, hành như vậy là thực hành hạnh Bồ-tát. Bồ-tát Như Lai thiên định không có hai, không sai khác, hành như vậy là thực hành hạnh Bồ-tát. Bồ-tát và Như Lai trí tuệ không có hai, không sai khác, hành như vậy là thực hành hạnh Bồ-tát.

Này Văn-thù-sư-lợi! Bồ-tát không thấy sắc không, không thấy sắc bất không, hành như vậy là thực hành hạnh Bồ-tát. Vì sao? Vì sắc không là tánh của sắc. Như vậy, này Văn-thù-sư-lợi! Bồ-tát không hành thọ, tưởng, hành, thức, không lìa thọ, tưởng, hành, thức. Hành như vậy là thực hành hạnh Bồ-tát. Vì sao? Vì không có tâm, ý, ý thức.

Này Văn-thù-sư-lợi! Không có một pháp nào mà biết hoặc lìa, hoặc tu hoặc chứng.

Này Văn-thù-sư-lợi! Nói tận là pháp ấy thường tận, chẳng phải không tận vì xưa nay vốn đã tận. Nếu pháp xưa nay vốn đã tận thì pháp ấy không thể tận. Vì không thể tận nên nói tận. Vì sao? Vì như thật tận. Nếu như thật tận thì pháp ấy không tận một pháp nào. Nếu không tận một pháp nào thì pháp ấy là vô vi. Nếu là pháp vô vi thì pháp vô vi không sinh không diệt, đó gọi là Như Lai. Nếu Như Lai xuất hiện hay không xuất hiện ở đời thì pháp tánh, pháp thể, pháp trụ, pháp vị, pháp giới đều như thật. Nếu pháp giới như thật trụ thì pháp trí không sinh không diệt, dựa vào trí ấy mà biết pháp vô vi.

Này Văn-thù-sư-lợi! Nếu nhập vào các pháp vị như vậy thì biết pháp lậu không sinh không diệt. Này Văn-thù-sư-lợi, nói các lậu tận thì đây là dựa vào danh từ thế gian mượn lời để nói, nhưng pháp thân chân như ấy không có pháp sinh cũng không có pháp diệt.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi Pháp vương tử đứng dậy, trích bày vai phải, gồi phải quỳ sát đất, chấp tay hướng Phật nói kệ:

*Không sắc không hình tướng
 Vô căn, không chỗ trụ
 Vì không sinh không diệt
 Kính lạy bậc Biến Tri
 Không ở cũng không đi
 Không lấy cũng không bỏ
 Vì viên ly sáu nhập*

Kính lạy bậc Biến Tri
 Vượt xa khỏi ba cõi
 Bình đẳng như hư không
 Vì không nhiễm các dục
 Kính lạy bậc Biến Tri.
 Ở trong các oai nghi
 Tới, lui và ngủ thức
 Luôn sống trong tịch mặc
 Kính lạy bậc Biến Tri.
 Đến đi đều bình đẳng
 Do trụ trong bình đẳng
 Không làm hoại bình đẳng
 Kính lạy bậc Biến Tri.
 Nhập các định vô tướng
 Thấy các pháp tịch tĩnh
 Vì thường nhập bình đẳng
 Kính lạy bậc Biến Tri.
 Chư Phật tướng hư không
 Hư không cũng vô tướng,
 Vì lìa các nhân quả
 Kính lạy bậc Biến Tri.
 Hư không không giới hạn
 Thân chư Phật cũng vậy
 Vì tâm đồng hư không
 Kính lạy bậc Biến Tri.
 Phật thường ở thế gian
 Mà không nhiễm pháp đời
 Không phân biệt thế gian

*Kính lạy bậc Biến Tri.
 Các pháp giống như huyền
 Mà huyền không thể đắc
 Vì lia các pháp huyền
 Kính lạy bậc Biến Tri.*

Bây giờ, Thế Tôn bảo Văn-thù-sư-lợi:

– Lành thay! Lành thay! Này Văn-thù-sư-lợi! Ông nói pháp này rất thông suốt. Này Văn-thù-sư-lợi! Đúng vậy, đúng vậy! Đối với chư Phật Như Lai không nên thấy bằng sắc, không nên thấy bằng pháp, không nên thấy bằng tướng tốt, không nên thấy bằng vẻ đẹp, không nên thấy bằng pháp tánh.

Này Văn-thù-sư-lợi! Chư Phật Như Lai chẳng phải một người thấy, chẳng phải nhiều người thấy. Này Văn-thù-sư-lợi! Chư Phật Như Lai không có người thấy, không có người nghe, không có người hiện tại cúng dường, không có người vị lai cúng dường.

Này Văn-thù-sư-lợi! Chư Phật Như Lai không nói các pháp là một, không nói các pháp là nhiều.

Này Văn-thù-sư-lợi! Chư Phật Như Lai không chứng Bồ-đề. Chư Phật Như Lai không dựa vào một pháp mà được tên, cũng không dựa vào nhiều mà được tên.

Này Văn-thù-sư-lợi! Chư Phật Như Lai không thấy các pháp, không nghe các pháp, không niệm các pháp, không biết các pháp, không giác ngộ các

pháp.

Này Văn-thù-sư-lợi! Chư Phật Như Lai không nói một pháp, không khai thị các pháp.

Này Văn-thù-sư-lợi! Chư Phật Như Lai hiện tại không nói các pháp, không khai thị các pháp.

Này Văn-thù-sư-lợi! Chư Phật Như Lai không uống không ăn.

Này Văn-thù-sư-lợi! Chư Phật Như Lai không có pháp để chứng.

Này Văn-thù-sư-lợi! Chư Phật Như Lai không đoạn pháp nhiễm, không chứng pháp tịnh.

Này Văn-thù-sư-lợi! Chư Phật Như Lai không thấy các pháp, không nghe các pháp, không nghĩ các pháp, không biết các pháp. Vì sao? Vì tất cả các pháp vốn thanh tịnh.

Này Văn-thù-sư-lợi! Nếu có người đem chúng sinh như số vi trần trong ba ngàn đại thiên thế giới đặt vào địa Phật-bích-chi thì đối với pháp môn này cũng không có lòng tin. Nếu có Bồ-tát nào tin pháp môn này thì công đức của Bồ-tát ấy còn nhiều hơn trước, huống chi đối với pháp môn này, có người tự mình chép, hoặc bảo người khác ghi chép thì phước nhiều hơn người kia vô lượng vô biên.

Này Văn-thù-sư-lợi! Nếu tất cả chúng sinh trong ba ngàn đại thiên thế giới là noãn sinh, hay thai sinh, hay thấp sinh, hay hóa sinh, hoặc có sắc, hoặc không sắc, hoặc có tướng, hoặc không tướng,

hoặc một chân, hoặc hai chân, hoặc ba chân, hoặc bốn chân, hoặc nhiều chân, hoặc không có chân, giả sử các chúng sinh ấy một loạt đều được làm thân người, phát tâm Bồ-đề, hết thấy đều là Bồ-tát và mỗi Bồ-tát đều đem đồ ăn uống, y phục, giường chiếu, ngọc cụ, thuốc thang, những vật cần dùng, tất cả đồ ưa thích dâng lên cúng dường chư Phật Như Lai và các Bồ-tát, Thanh văn Tăng trong vô số cõi Phật, nhiều như vi trần, như vậy trải qua cho đến hằng hà sa vô số kiếp, sau khi chư Phật Như Lai, Bồ-tát, Thanh văn ấy nhập Niết-bàn, lại xây dựng tháp cao một do-tuần bằng bảy báu, có hàng rào bằng các châu báu bao vây chung quanh, dùng vòng hoa ma-ni xen chính giữa, dựng cờ phướn lọng báu, dùng lưới ngọc báu ma-ni tự tại để che trên đó, thì tất cả công đức ấy không thể nào tính đếm được. Lại có Bồ-tát với tâm hoàn toàn thanh tịnh, tin kinh Như Lai Trang Nghiêm Trí Tuệ Quang Minh Nhập Nhất Thiết Phật Cảnh Giới này, tin pháp môn này, nhập vào pháp môn này, không nghi ngờ pháp môn này, với pháp môn này sinh tâm thanh tịnh, cho đến giảng nói một câu kệ cho người khác thì công đức của Bồ-tát này đạt được vô lượng vô biên. Đem công đức này so với công đức trước, thì công đức kia không bằng một phần trăm, không bằng một phần ngàn ca-la phần, không bằng một phần trong trăm phần, không bằng một phần trong trăm phần ngàn vạn phần, không bằng

một trong phần trăm, ngàn vạn ức phần, không bằng một trong phần số phần, cho đến tính đếm ví dụ cũng không thể bằng được. Vì sao? Vì thành tựu chứng Phật trí.

Này Văn-thù-sư-lợi! Nếu có Bồ-tát tại gia đem thức ăn uống, y phục, giường chiếu, mền mùng, thuốc thang, những vật cần dùng khác, tất cả đồ ưa thích dâng lên cúng dường hằng hà sa vô số chư Phật Như Lai, các Bồ-tát và Thanh văn Tăng, như vậy cho đến hằng hà sa vô số kiếp, thì công đức đạt được không thể tính đếm. Nếu có Bồ-tát xuất gia trì giới tâm thanh tịnh cho đến bố thí cho một chúng sinh súc sinh, thậm chí chỉ một miếng cơm thì người này được công đức nhiều vô lượng vô số. Dem công đức này so với công đức trước thì công đức trước không bằng một phần trăm, không bằng một phần ngàn ca-la, không bằng một phần trong trăm ngàn vạn phần, không bằng một phần trong trăm ngàn vạn ức phần, không bằng một phần nhỏ trong ca-la phần, cho đến tính đếm cũng không thể nào sánh kịp.

Này Văn-thù-sư-lợi! Giả sử chúng Bồ-tát xuất gia nhiều như số vi trần trong ba ngàn đại thiên thế giới, giữ giới tâm thanh tịnh. Mỗi Bồ-tát đều đem thức ăn uống, y phục, giường chiếu, mền mùng, thuốc thang trị bệnh những vật sinh sống, tất cả đồ ưa thích, dâng lên cúng dường vô số chư Phật Như Lai, các Bồ-tát và Thanh văn Tăng trong hằng hà

sa thế giới ở mười phương, như vậy cho đến hằng hà sa kiếp thì công đức có được không thể tính đếm. Nếu có Bồ-tát giữ giới tâm thanh tịnh, dù tại gia hay xuất gia mà nghe pháp môn này phát khởi lòng tin không nghi ngờ, hoặc tự mình ghi chép, hoặc bảo người khác ghi chép thì công đức có được nhiều vô lượng vô số. Dem công đức này so với công đức Bồ-tát cúng dường ở trước thì không bằng một phần trăm, không bằng một phần ngàn ca-la, không bằng một phần trong trăm ngàn vạn phần, không bằng một phần trong số phần, cho đến tính đếm cũng không thể nào sánh kịp.

Này Văn-thù-sư-lợi! Nếu có Đại Bồ-tát đem bảy báu đầy cả ba ngàn đại thiên thế giới dâng cúng dường chư Phật Như Lai, như vậy trải qua số kiếp nhiều như vi trần trong ba ngàn đại thiên thế giới thì công đức đạt được không thể tính đếm được. Nếu có Bồ-tát dù đem một bài kệ bốn câu trong pháp môn này nói cho các Bồ-tát khác thì công đức đạt được nhiều vô lượng vô số. Dem công đức này so với công đức trước thì không bằng một phần trong trăm, không bằng một phần ngàn ca-la, không bằng một phần trong trăm ngàn vạn phần, không bằng một phần trong trăm ngàn vạn ức phần, không bằng một phần trong số phần, không bằng một phần nhỏ trong ca-la nhỏ, không bằng một phần trong toán số phần, cho đến tính toán thí dụ cũng không sánh kịp.

Này Văn-thù-sư-lợi! Đem bảy báu đặt đầy cả ba ngàn đại thiên thế giới, trải qua số kiếp nhiều như vi trần ba ngàn đại thiên thế giới, dùng để bố thí thì công đức đạt được không thể tính đếm.

Này Văn-thù-sư-lợi! Nếu có hằng hà sa Bồ-tát, mỗi Bồ-tát ở hằng hà sa vô số cõi Phật, lấy vàng Diêm-phù-đàn để làm thế giới, với tất cả cây được bọc bằng áo trời, gom tất cả lưới báu bằng ma-ni quang minh vương để che phía trên, dùng ngọc báu ma-ni tự tại vương làm lầu gác, dùng ngọc báu ma-ni điện quang làm lan can, đặt bảo châu như ý khắp cả thế giới đó, dựng tất cả các cờ phướn lọng báu, ngày ngày dâng cúng dường cho hằng hà sa vô số chư Phật Như Lai, bố thí như vậy trải qua hằng hà sa vô số kiếp, thì công đức đạt được không thể tính đếm được. Nếu có Bồ-tát tin pháp môn này thậm chí nói một bài kệ bốn câu trong pháp môn này cho Bồ-tát khác thì công đức đạt được nhiều vô lượng vô số. Đem công đức này so với công đức trước thì công đức trước không bằng một phần trăm, không bằng một phần ngàn ca-la, không bằng một phần trong trăm ngàn vạn phần, không bằng một phần trong trăm ngàn vạn ức phần, không bằng một phần nhỏ trong phần ca-la, không bằng một phần trong tăng-chỉ-da phần, không bằng một phần trong số phần, không bằng một phần trong ba-ni-sa-dà phần, cho đến tính toán thí dụ cũng không thể sánh kịp.

Này Văn-thù-sư-lợi! Giả sử tất cả chúng sinh trong ba cõi, chúng sinh ấy ở trong địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Nếu có Bồ-tát tại gia cứu vớt những chúng sinh trong địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh ấy đặt vào địa Phật-bích-chi thì được công đức không thể tính đếm. Nếu có Bồ-tát xuất gia, thậm chí chỉ bố thí cho súc sinh một miếng ăn thì được công đức vượt hơn công đức trước vô lượng vô biên vô số.

Này Văn-thù-sư-lợi! Nếu có trăm ngàn vạn ức triệu Bồ-tát xuất gia nhiều như vi trần trong mười ngàn quốc độ, mỗi Bồ-tát trong mỗi phương trong mười phương thế giới, thấy mười ức bất khả thuyết trăm ngàn vạn ức triệu chư Phật Như Lai, nhiều như vi trần đối với mỗi Như Lai và các Bồ-tát, các Thanh văn Tăng, đem thức uống ăn, y phục, ngọa cụ, giường chiếu, thuốc thang trị bệnh, những vật cần dùng khác, tất cả những đồ ưa thích đầy cả mười ức triệu, trăm ngàn ức triệu, bất khả thuyết thế giới nhiều như vi trần và châu ma-ni tự tại vương, trong mỗi ngày cúng dường cho mỗi Đức Như Lai và các Bồ-tát cùng hàng Thanh văn Tăng, trải qua ngàn ức triệu kiếp nhiều như số vi trần, trăm ngàn vạn ức triệu quốc độ thì được công đức không thể nào tính đếm được. Còn nếu có Bồ-tát tin pháp môn này cho đến bố thí cho một chúng sinh súc sinh thậm chí một miếng ăn thì công đức đạt được vô lượng vô số. Đem công đức này so với công đức trước thì công đức trước không bằng một

phần trăm, không bằng một phần ngàn ca-la, không bằng một phần trong trăm ngàn phần, không bằng một phần trong trăm ngàn vạn phần, không bằng một phần trong trăm ngàn vạn ức phần, không bằng một phần trong chỉ-da phần, không bằng một phần nhỏ trong phần ca-la, không bằng một trong số phần, cho đến tính đếm thí dụ cũng không thể nào sánh bằng được. Vì sao? Vì tin pháp môn này thì được dấu ấn của BỒ-tát bất thoái chuyển.

Này Văn-thù-sư-lợi! Hoặc có BỒ-tát giáo hóa chúng sinh trong tất cả thế giới mười phương đưa vào trong tín hạnh, lại có BỒ-tát giáo hóa một chúng sinh đưa vào trong nghĩa hạnh thì công đức đạt được vượt hơn công đức trước vô lượng vô biên. Hoặc có BỒ-tát giáo hóa chúng sinh trong tất cả thế giới mười phương đưa vào trong nghĩa hạnh, lại có BỒ-tát giáo hóa một chúng sinh đưa vào trong pháp hạnh thì công đức đạt được vượt hơn công đức trước vô lượng vô biên.

Này Văn-thù-sư-lợi! Hoặc có BỒ-tát giáo hóa chúng sinh trong tất cả thế giới mười phương đưa vào trong pháp hạnh, lại có BỒ-tát giáo hóa một chúng sinh đưa vào trong bát nhân thì công đức đạt được hơn công đức trước vô lượng vô số.

Này Văn-thù-sư-lợi! Hoặc có BỒ-tát giáo hóa chúng sinh trong tất cả thế giới ở mười phương vào bát nhân, lại có BỒ-tát giáo hóa một chúng sinh đắc quả Tu-đà-hoàn thì công đức đạt được hơn công

đức trước vô lượng vô số.

Này Văn-thù-sư-lợi! Hoặ có BỒ-tát giáo hóa tất cả chúng sinh trong mười phương thế giới đắc quả Tu-đà-hoàn, lại có BỒ-tát giáo hóa một chúng sinh đắc quả Tu-đà-hàm thì công đức đạt được hơn công đức trước vô lượng vô số.

Này Văn-thù-sư-lợi! Hoặ có BỒ-tát giáo hóa tất cả chúng sinh trong mười phương đắc quả Tu-đà-hàm, lại có BỒ-tát giáo hóa một chúng sinh đắc quả A-na-hàm thì công đức đạt được hơn công đức trước vô lượng vô số.

Này Văn-thù-sư-lợi! Hoặ có BỒ-tát giáo hóa chúng sinh trong tất cả mười phương đắc quả A-na-hàm, lại có BỒ-tát giáo hóa một chúng sinh đắc quả A-la-hán thì công đức đạt được hơn công đức trước vô lượng vô số.

Này Văn-thù-sư-lợi! Hoặ có BỒ-tát giáo hóa chúng sinh trong tất cả thế giới ở mười phương đắc quả A-la-hán, lại có BỒ-tát giáo hóa một chúng sinh đắc đạo Phật-bích-chi thì công đức đạt được hơn công đức trước vô lượng vô số.

Này Văn-thù-sư-lợi! Hoặ có BỒ-tát giáo hóa chúng sinh trong tất cả thế giới ở mười phương đắc đạo Phật-bích-chi, lại có BỒ-tát giáo hóa một chúng sinh khiến phát tâm BỒ-đề thì công đức đạt được hơn công đức trước cho đến vô lượng vô biên vô số.

Này Văn-thù-sư-lợi! Hoặ có Bồ-tát giáo hóa tất cả chúng sinh trong thế giới mười phương khiến phát tâm Bồ-đề, lại có Bồ-tát giáo hóa một chúng sinh đặc địa Bất thoái thì công đức đạt được hơn công đức trước cho đến vô lượng vô biên vô số.

Này Văn-thù-sư-lợi! Hoặ có Bồ-tát giáo hóa tất cả chúng sinh trong thế giới mười phương đặc địa Bất thoái, lại có Bồ-tát tin pháp môn này, hoặ tự mình biên chép, hoặ bảo người khác biên chép, rộng nói cho mọi người thì công đức đạt được hơn công đức trước cho đến vô lượng vô số. Như vậy cho đến trong trăm ngàn vạn ức triệu phần không bằng một phần.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói kệ:

*Bồ-tát nào giữ được
Mười ức diệu pháp Phật
So người nghe kinh này
Công đức hơn người kia.
Lạy dưới chân chư Phật
Thần thông đạo mười phương
Đem hương hoa, hương xoa
Cúng dường mười ức Phật.
Nếu ai nghe kinh này
Nói cho người chốc lát
Công đức hơn người kia
Số ấy không thể lường.
Nếu nghe pháp thân Phật
Nói cho người thứ hai*

Người ngu sinh lợi trí
 Mau chứng đạo vô thượng.
 Vì Phật trong trời người
 Tạo dựng các tháp quý
 Đầy đủ vô lượng ức
 Trên đến trời Hữu Đỉnh.
 Xung quanh khắp mười phương
 Trong tháp dựng cờ phướn
 Linh vàng, lọng bảy báu
 Cúng dường Phật như vậy.
 Bồ-tát nghe kinh này
 Nếu tự mình biên chép
 Hoặc bảo người biên chép
 Thì phước hơn người kia.
 Nếu ai trì kinh này
 Xa lìa các ganh ghét
 Công đức ấy vô lượng
 Mau thành đại Bồ-đề.
 Kinh này hiển pháp thân
 Như hư không hiện ảnh
 Vô lượng chư Phật nói
 Cho nên phải hộ trì.

Khi Phật giảng nói kinh này xong, Pháp vương tử Văn-thù-sư-lợi và vô lượng vô số bất khả thuyết các Đại Bồ-tát, các Thanh văn, hết thảy hàng trời, người, A-tu-la... trong thế gian nghe Phật giảng nói đều hoan hỷ phụng hành.



SỐ 358

KINH ĐỘ NHẤT THIẾT CHƯ PHẬT CẢNH GIỚI TRÍ NGHIÊM

*Hán dịch: Đồi Lương, Tam tạng Tăng
Già Bà La, người nước Phù Nam.*

Tôi nghe như vậy:

Một thuở nọ, Đức Phật ở trên cung điện pháp giới của đỉnh núi Kỳ-xà-quật thuộc thành Vương-xá, cùng với hai vạn năm trăm vị Đại Tỳ-kheo đều là A-la-hán, các lậu đã tận, không còn phiền não, tâm hoàn toàn giải thoát, tuệ hoàn toàn giải thoát, điều phục được các căn, là vị đại long tượng, việc phải làm đã làm xong, việc đáng làm cũng đã hoàn tất, xả bỏ các gánh nặng, đã được tự lợi, diệt sạch các sử, tâm được tự tại. Tên của các vị ấy là: A-nhã Kiền-trần-như, tám đại Thanh văn v.v... Lại có bảy mươi hai ức na-do-tha Đại Bồ-tát. Tên của các vị ấy là: Đại Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, Đại Bồ-tát Hạnh Cát, Đại Bồ-tát Phật Cát, Đại Bồ-tát Dược Vương, Đại Bồ-tát Thường Khởi v.v... có khả năng chuyên pháp luân bất thoái, học hỏi hoàn toàn về những kinh Vô Tỷ Bảo Đỉnh, trụ địa Pháp vân, trí tuệ như núi Tu-di, luôn tu hành không, vô tướng, vô tác, vô

sinh, vô thể, thấu rõ pháp thâm sâu, công đức đã tròn đầy, oai nghi đầy đủ, được chư Như Lai trong số triệu thế giới sai đến, có đại thần thông trụ vô tánh tướng.

Khi ấy, Thế Tôn suy nghĩ như vậy: “Các Đại Bồ-tát ấy từ Hằng hà sa thế giới đến đây, Ta hãy nói pháp để họ được sức lực lớn. Ta nên hiện tướng thần thông phóng ra ánh sáng lớn, để các Bồ-tát sẽ hỏi Ta”.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn phóng ra ánh sáng lớn chiếu khắp ba ngàn đại thiên thế giới vô lượng như vi trần không thể nghĩ bàn trong mười phương. Mỗi thế giới Phật trong mười phương có ngàn ức triệu các Bồ-tát nhiều như số vi trần chẳng thể kể xiết, đều từ thế giới của mình nương vô lượng thần thông không thể nghĩ bàn đến đây tập họp, lại đem các thứ cúng dường chẳng thể nghĩ bàn để cúng dường Như Lai, rồi theo sở thích mà tạo tòa hoa sen ngồi trước Phật, chiêm ngưỡng dung nhan Thế Tôn mắt không hề rời. Lúc ấy, trên cung điện Pháp giới hiện lên tòa hoa sen báu lớn, dài rộng vô lượng ức do-tuần, do vô lượng châu ma-ni Quang minh tạo thành, dùng châu ma-ni Điện đăng để xen lẫn với nhau, dùng châu ma-ni Bất khả tư nghị lực làm cán, dùng châu ma-ni Vô ví dụ làm quyển thuộc, được trang nghiêm bằng châu ma-ni Không thể ví dụ được, dùng châu ma-ni Tự tại vương làm lọng, dùng báu ma-ni Tạp để viên, treo cờ phướn đủ màu

sắc, xung quanh châu ma-ni lớn ấy tỏa ra mười loại vô lượng ức triệu ánh sáng chiếu khắp mười phương thế giới.

Bấy giờ, có trăm ngàn ức triệu số trời, rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Thích, Phạm, Tứ Thiên vương nhiều như vi trần không thể kể xiết từ mười cõi Phật trong mười phương đến đây tập họp. Lại có chư Thiên ở trong cung điện Bảo đỉnh cùng vô số Thiên nữ không thể nghĩ bàn trời trăm ngàn vạn ức triệu điệu nhạc cũng đến đây hội họp. Lại có chư Thiên ở trong cung điện Bảo hoa, cung điện Long bảo chiên-đàn thần châu, cung điện Chân châu, cung điện Bảo y, cung điện Kim quang minh ma-ni châu, cung điện vàng Diêm-phù-đề, cung điện Vô lượng quang minh ma-ni châu, cung điện Tự tại ma-ni châu, cung điện Như ý ma-ni châu, cung điện Phú Đế Thích ma-ni châu, cung điện Đại hải tu thanh tịnh bảo trang nghiêm, cung điện Phổ quang minh đại ma-ni châu ý đỉnh, cùng vô số chẳng thể nghĩ bàn ngàn vạn ức triệu thiên nữ trời các âm nhạc hiện đến đây hội họp, cùng nhau đem vô số các thứ cúng dường chẳng thể nghĩ bàn để cúng dường Phật. Sau khi cúng dường Đức Phật xong, ai nấy đều tùy ý ngồi xuống chiêm ngưỡng Thế Tôn mắt không hề rời. Lúc đó, trong ba ngàn đại thiên thế giới đều biến thành màu vàng Diêm-phù-đề, dùng đủ loại châu ma-ni làm cây, nào cây

hoa trời, cây áo báu, cây Long-bảo-chiên-đàn để trang hoàng, ánh sáng mặt trời, mặt trăng, điện chớp, đèn v.v... châu ma-ni kết quyện với nhau, che khắp cả thế giới, treo đủ loại phướn, có vô số ngàn vạn ức triệu thiên nữ cầm đủ loại anh lạc, đủ loại hoa báu.

Khi ấy, từ tòa sư tử hoa sen báu lớn, phát ra bài kệ:

*Các người hãy an tọa
Ta sẽ nói chân thật
Tòa sư tử nhân vương
Công đức Như Lai thành.
Hôm nay ta mãn nguyện
Cúng dường bậc Lương Túc
Nay Thế Tôn sẽ ngồi
Tòa Liên hoa bảy báu.
Sẽ phóng ánh sáng lớn
Chiếu ta cùng tất cả
Nói pháp mầu vô thượng
Tạo lợi ích trời người.
Chúng sinh nào nghe pháp
Sẽ ngồi tòa sư tử
Ánh sáng lớn như thế
Từ thân Như Lai tỏa.
Chiếu vô lượng thế giới
Khiến tất cả vui mừng
Đạo sư trời trong trời
Nay sẽ giáo hóa con.*

*Xưa con ở nơi này
 Đã gặp tám ức Phật
 Nay cúi xin Thế Tôn
 Thương xót và cứu giúp.*

Khi ấy, rời khỏi tòa Quang minh, Đức Thế Tôn lên tòa Sư tử tạng hoa sen báu ngời kiết già, thấy chúng Bồ-tát đã tập họp xong, vì muốn các Bồ-tát khai ngộ nên nói pháp “Không”.

Bấy giờ, các Đại Bồ-tát suy nghĩ như vậy: “Bồ-tát Đồng tử Văn-thù-sư-lợi sẽ hỏi Như Lai pháp bất sinh bất diệt từ lâu xa đến nay, chúng ta chưa nghe pháp này”.

Lúc ấy, biết được Như Lai sắp nói pháp tướng và những suy nghĩ của các Bồ-tát, Văn-thù liền bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Pháp bất sinh bất diệt, tướng của nó như thế nào?

Văn-thù-sư-lợi liền nói kệ:

*Vô sinh vô diệt
 Làm sao biết được
 Xin Đại Mâu Ni
 Hãy nêu thí dụ.
 Các đại chúng đây
 Đều đã tập họp
 Thích nghe nghĩa này
 Xin Phật giảng nói.
 Nay các Bồ-tát*

*Chư Phật sai đến
Cũng đều thích nghe
Tướng pháp vi diệu.*

Phật dạy Văn-thù:

– Lành thay! Lành thay! Những điều ông hỏi đều tạo lợi ích lớn cho tất cả thế gian, khiến cho các Bồ-tát được làm Phật sự.

Này Văn-thù-sư-lợi! Ông hãy lắng nghe cho thật kỹ đừng có nghi ngờ lo sợ. Này Văn-thù-sư-lợi! Bất sinh bất diệt tức là Như Lai.

Này Văn-thù-sư-lợi! Ví như đại địa làm bằng Tỳ-lưu-ly, có cung điện Tỳ-xà-diên của Đế thích, tất cả các vật dụng đều hiện lên trong đó. Người Diêm-phù-đề thấy các hình ảnh cung điện hiện trong đất lưu ly thì liền chấp tay đốt hương rải hoa, cúng dường nguyện cho mình cũng được sinh vào cung điện như vậy, mình sẽ dạo chơi giống như Đế thích. Nhưng các chúng sinh đó đâu biết đất ấy là hình ảnh của cung điện hiện lên, nên bỏ thí, trì giới, tu các công đức để được quả báo giống như cung điện này.

Này Văn-thù-sư-lợi! Cung điện này thật không sinh không diệt, bởi vì đất trong suốt cho nên hình ảnh hiện lên trong đó. Và lại hình ảnh cung điện ấy cũng có cũng không, không sinh không diệt.

Này Văn-thù-sư-lợi! Chúng sinh thấy Phật cũng như vậy. Vì tâm của họ thanh tịnh cho nên

thấy thân Phật. Thân Phật là vô vi, không sinh, không khởi, không tận, không diệt, chẳng phải sắc chẳng phải phi sắc, không thể thấy, chẳng phải phi thể gian, chẳng phải tâm, chẳng phải phi tâm. Vì tâm của chúng sinh thanh tịnh nên thấy thân Như Lai mà rải hoa, đốt hương, cúng dường đủ vật. Vì mong muốn cho mình được sắc thân như vậy, nên bố thí, giữ giới, tạo nhiều công đức để được thân vi diệu của Như Lai.

Như vậy, này Văn-thù-sư-lợi! Thần lực của Như Lai xuất hiện trên thế gian là để các chúng sinh được lợi ích lớn. Ví như ảnh tượng tùy theo sự nhận biết của chúng sinh.

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ:

*Như Lai thường trụ
 Không sinh không diệt
 Phi tâm Phi sắc
 Phi hữu phi vô.
 Như đất lưu ly
 Hiện ảnh cung điện
 Ảnh này chẳng có
 Và cũng chẳng không.
 Tâm chúng sinh tịnh
 Thấy thân Như Lai
 Phi hữu phi vô
 Cũng lại như vậy.*

Này Văn-thù-sư-lợi! Ví như mặt trời mới mọc, đầu tiên chiếu trên núi cao, thứ đến núi trung bình, sau cùng chiếu tới đất. Như Lai cũng vậy, không có tâm ý thức, vô tướng, lìa tướng, đoạn tất cả tướng, không vương bên này, không vương bên kia, không trụ bờ bên này, không trụ bờ bên kia, không trụ giữa dòng, không thể nghĩ bàn, chẳng phải suy nghĩ biết được, không cao không thấp, không trói buộc, không tháo bỏ, chẳng phải hữu trí, chẳng phải vô trí, chẳng phiền não, chẳng phải không phiền não, không chân thật, không hư vọng, chẳng phải trí, chẳng phải chẳng phải trí, không thể nghĩ bàn, chẳng phải không thể nghĩ bàn, chẳng phải hành, chẳng phải không hành, chẳng phải niệm, chẳng phải không niệm, chẳng phải tâm, chẳng phải không tâm, chẳng phải ý, chẳng phải không ý, chẳng phải danh, chẳng phải không danh, chẳng phải sắc, chẳng phải không sắc, không chấp lấy, chẳng phải không chấp lấy, chẳng phải nói, chẳng phải không nói, chẳng phải có thể nói, chẳng phải không thể nói, chẳng phải có thể thấy, chẳng phải không thể thấy, chẳng phải đạo sư, chẳng phải phi đạo sư, chẳng phải đắc quả, chẳng phải không đắc quả.

Như vậy, này Văn-thù-sư-lợi! Ánh sáng mặt trời trí tuệ của Như Lai chiếu khắp ba cõi. Đầu tiên chiếu Bồ-tát như chiếu núi cao, thứ đến chiếu người ưa Duyên giác, Thanh văn, sau chiếu người

thích căn lành cho đến chúng sinh tà định để làm cho tăng trưởng pháp thiện và tạo nhân cho vị lai. Này Văn-thù-sư-lợi! Như Lai bình đẳng không phân biệt cao, trung, hạ, luôn hành tâm xả. Này Văn-thù-sư-lợi! Như Lai không nghĩ như vậy: “Ta nên nói pháp thù thắng cho chúng sinh này, Ta nên nói pháp không thù thắng cho chúng sinh kia”. Và cũng không suy nghĩ: “Chúng sinh này tâm quảng đại, chúng sinh này tâm trung bình, chúng sinh này tâm nhỏ hẹp; người này thích pháp thiện, người này thích pháp ác, người này chánh định, người kia tà định”. Ánh sáng trí tuệ của Như Lai không phân biệt như vậy vì Ngài đã đoạn tận tất cả tư tưởng phân biệt. Vì chúng sinh có những căn lành nên trí tuệ của Như Lai có tất cả.

Này Văn-thù-sư-lợi! Ví như trong biển lớn có ngọc ma-ni tên là “Làm mãn nguyện cho tất cả chúng sinh”, được đem để trên ngọn cò, đáp ứng nhu cầu của chúng sinh. Ngọc ma-ni ấy không có tâm ý thức, Như Lai cũng không có tâm ý thức, không thể so lường, không thể đến, không thể đắc, không thể nói, diệt trừ tội lỗi, diệt trừ vô minh, không thật, không hư, chẳng phải thường, chẳng phải vô thường, chẳng phải ánh sáng, chẳng phải không ánh sáng, chẳng phải thế gian, chẳng phải phi thế gian, không giác, không quán, không sinh, không diệt, không thể nghĩ bàn, vô tâm, vô thể, bất động, bất hành, vô lượng, vô biên, không thể nói,

không ngôn ngữ, không vui, không phải không vui, không tính đếm, lìa tính đếm, không đến, không đi, không có chỗ đi, đoạn hẳn các cảnh giới, không thể thấy, không thể chấp, không so lường, chẳng phải không, chẳng phải bất không, chẳng hòa hợp, chẳng phải không hòa hợp, không thể nghĩ bàn, không thể hiểu biết, chẳng phải ô uế, chẳng phải thanh tịnh, chẳng phải tâm, chẳng phải sắc, chẳng phải nghiệp, chẳng phải quả, chẳng phải quá khứ, chẳng phải vị lai, chẳng phải hiện tại, không sở hữu, không thanh, không tướng, lìa tất cả tướng, chẳng phải ở trong, chẳng phải ở ngoài, chẳng phải ở giữa.

Như vậy, này Văn-thù-sư-lợi! Như Lai thanh tịnh an trụ như cờ đại từ bi, tùy theo điều gì chúng sinh ưa thích mà hiện ra đủ loại thân, nói đủ loại pháp.

Này Văn-thù-sư-lợi! Như nhờ âm thanh mà có tiếng vọng lại, thì nó chẳng phải ở trong, chẳng phải ở ngoài, chẳng phải ở giữa, không sinh, không diệt, không đoạn, không thường.

Này Văn-thù-sư-lợi! Như Lai cũng vậy, chẳng ở trong, chẳng ở ngoài, chẳng ở giữa, không sinh, không diệt, không danh, không tướng, tùy theo mỗi loài chúng sinh mà thị hiện.

Này Văn-thù-sư-lợi! Ví như cây cỏ nhờ mặt đất mà sinh trưởng, nhưng đất ấy bình đẳng không có

các phân biệt. Như vậy tất cả căn lành của chúng sinh đều nhờ Như Lai mà tăng trưởng, tất cả căn lành của thừa Thanh văn, thừa Duyên giác, thừa Bồ-tát cho đến tất cả ngoại đạo như bọn lửa hình của phái Ni-kiền-tử cũng đều nhờ Như Lai mà được tăng trưởng. Cũng vậy, Như Lai bình đẳng không có phân biệt.

Này Văn-thù-sư-lợi! Ví như hư không bình đẳng không có cao, trung bình và thấp. Sự bình đẳng của Như Lai cũng vậy. Chỉ vì chúng sinh tự thấy có thấp, trung bình và cao.

Này Văn-thù-sư-lợi! Như Lai không nghĩ như vậy: “Chúng sinh này tâm ý thấp thì nên hiện thân thấp. Chúng sinh này tâm ý trung bình, cao thì hiện thân trung bình, cao. Chúng sinh này tâm ý thấp nên nói thừa thấp, chúng sinh này tâm ý trung bình nên nói Duyên giác, Thanh văn thừa, chúng sinh này tâm ý cao nên nói Đại thừa”.

Này Văn-thù-sư-lợi! Như Lai không có ý như vậy: “Chúng sinh này thích bố thí cho Ta nên nói bố thí, cho đến trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định cũng như vậy. Vì sao? Vì pháp thân của Như Lai bình đẳng, là tâm ý thức không phân biệt”.

Này Văn-thù-sư-lợi! Tất cả các pháp đều bình đẳng, vì bình đẳng cho nên vô trú, vì vô trú cho nên không động, vì không động cho nên không nương tựa, vì không nương tựa cho nên không có xứ sở,

vì không có xứ sở cho nên không sinh, vì không sinh cho nên không diệt. Nếu ai thấy như vậy thì tâm không điên đảo, vì không điên đảo cho nên như thật, vì như thật nên không có chỗ hành, vì không có chỗ hành cho nên không đến, vì không đến nên không đi. vì không đi nên như như, vì như như nên tùy pháp tánh, vì tùy pháp tánh nên bất động. Nếu tùy pháp tánh bất động thì đạt được pháp tánh. Nếu đạt được pháp tánh thì không mong cầu. Vì sao? Vì đã đắc đạo. Nếu đã đắc đạo thì không trụ vào tất cả các pháp. Vì không trụ vào tất cả các pháp nên không sinh, không diệt, không có danh, không có tướng.

Này Văn-thù-sư-lợi! Nếu chúng sinh chấp trước các pháp thì sẽ khởi phiền não. Vì khởi phiền não nên không chứng Bồ-đề.

Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Làm thế nào để chứng Bồ-đề?

Phật bảo Văn-thù-sư-lợi:

– Không còn căn, không còn xứ là Như Lai chứng Bồ-đề.

Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Thế nào là căn? Thế nào là xứ?

Phật bảo Văn-thù-sư-lợi:

– Thân kiến là căn, tư duy không chân thật là xứ. Này Văn-thù-sư-lợi! Trí tuệ của Như Lai và

Bồ-đề cùng tất cả pháp bình đẳng, cho nên không có căn, không có xứ. Đó là đặc Bồ-đề.

Này Văn-thù-sư-lợi! Bồ-đề là tịch tĩnh.

Thế nào là tịch tĩnh? Bên trong tịch tĩnh, bên ngoài tịch tĩnh. Vì sao? Vì nhãn tức là không, chẳng phải ta chẳng phải cái của ta. Nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý là không, chẳng phải ta chẳng phải cái của ta. Do biết nhãn là không nên đối với sắc không có tác dụng, nên đó gọi là tịch tĩnh. Như vậy do biết nhĩ là không nên đối với âm thanh không có tác dụng, đó gọi là tịch tĩnh. Biết tỷ cho đến ý là không cũng như vậy.

Này Văn-thù-sư-lợi! Bồ-đề là không động, không hành. Không động là không chấp lấy tất cả pháp. Không hành là không xả bỏ tất cả pháp.

Này Văn-thù-sư-lợi! Vì Như Lai không động nên như như thật. Như như thật là không thấy bờ bên này, không thấy bờ bên kia. Vì không thấy bên này, bên kia nên thấy tất cả pháp. Vì thấy tất cả pháp nên gọi là Như Lai.

Này Văn-thù-sư-lợi! Bồ-đề thì không tướng không duyên. Thế nào là không tướng? Thế nào là không duyên? Không đặc nhãn thức là không tướng, không thấy sắc là không duyên. Không đặc nhĩ thức là không tướng, không nghe âm thanh là không duyên. Cho đến ý, pháp cũng vậy.

Này Văn-thù-sư-lợi! Bồ-đề đối với ba đời đều

bình đẳng, chẳng phải quá khứ, chẳng phải vị lai, chẳng phải hiện tại, chấm dứt luân hồi trong ba đời. Thế nào là chấm dứt luân hồi? Nghĩa là đối với tâm quá khứ không sinh khởi, thức vị lai không hành, ý hiện tại không động, không trụ, không suy nghĩ, không cảm giác, không phân biệt.

Này Văn-thù-sư-lợi! Bồ-đề không có hình tướng, vô vi. Thế nào là không có hình tướng? Nghĩa là không thể dùng sáu thức để nhận thức. Thế nào là vô vi? Là không sinh, trụ, diệt, đó gọi là chấm dứt luân hồi trong ba đời.

Này Văn-thù-sư-lợi! Bồ-đề là không phá, là câu cú. Thế nào là không phá? Thế nào là câu cú? Vô tướng là không phá, như thật là câu cú. Không chỗ trụ là không phá, pháp giới là câu cú. Bất động là không phá, tánh không là câu cú. Không đặc là không phá, vô tướng là câu cú. Không biết là không phá, không tạo tác là câu cú. Không mong cầu là không phá, không tự tánh là câu cú. Chúng sinh không có tự tánh là không phá, hư không là câu cú. Không thể đặc là không phá, không sinh là câu cú. Không diệt là không phá, vô vi là câu cú. Không hành là không phá, Bồ-đề là câu cú. Tịch tĩnh là không phá. Niết-bàn là câu cú. Không còn sinh nữa là không phá, không sinh là câu cú.

Này Văn-thù-sư-lợi! Bồ-đề không thể dùng thân để giác biết, không thể dùng tâm để biết. Vì sao? Vì thân là vô tri giống như cây cỏ. Còn tâm là

hư dối không chân thật.

Này Văn-thù-sư-lợi! Nếu nói Bồ-đề được biết do thân và tâm thì đó là nương theo giả danh chứ chẳng phải nghĩa chân thật. Vì sao? Vì Bồ-đề không có thân không có tâm, không hư, không thật.

Này Văn-thù-sư-lợi! Bồ-đề chẳng phải dùng ngôn ngữ để nói. Vì sao? Vì nó giống như hư không, không có xứ sở, bất sinh bất diệt, không có danh từ.

Này Văn-thù-sư-lợi! Tất cả các pháp chân thật không thể nói được. Vì sao? Vì tất cả pháp chẳng phải chân thật, không có ngôn ngữ, không sinh không diệt.

Này Văn-thù-sư-lợi! Bồ-đề không thể nắm bắt, không có xứ sở. Thế nào là không thể nắm bắt? Thế nào là không xứ sở? Nhãn thức là không thể nắm bắt, không đặc sắc vì không có xứ sở. Nhĩ thức là không thể nắm bắt, không đặc âm thanh vì không có xứ sở. Tỷ cho đến ý, pháp cũng như vậy. Bồ-đề không thể biết, vì nhãn không nắm bắt cho nên không đặc sắc, vì không đặc sắc nên thức không chỗ trụ. Vì nhĩ không nắm bắt cho nên không đặc âm thanh, vì không đặc âm thanh nên thức không chỗ trụ. Cho đến ý, pháp cũng như vậy.

Này Văn-thù-sư-lợi! Bồ-đề là nói về không. Không là tất cả pháp. Không là điều mà Như Lai biết. Không là điều mà Như Lai giác ngộ.

Này Văn-thù-sư-lợi! Không do không mà có, mà không thì chỉ có Như Lai biết. Vì sao? Vì vô tướng.

Lại nữa, này Văn-thù-sư-lợi! Nhân trí Bồ-đề cũng là không tánh. Vì sao? Vì vô tướng. Này Văn-thù-sư-lợi! Không và Bồ-đề đều vô sở hữu, không có hai, không số, không danh, không tướng, là tâm, ý thức, không sinh, không diệt, không hành, không xứ sở, chẳng phải âm thanh, chẳng phải lời nói.

Này Văn-thù-sư-lợi! Chỉ dùng danh từ để nói chứ thật sự không thể nói.

Này Văn-thù-sư-lợi! Như Lai biết tất cả pháp từ xưa đến nay không sinh, không khởi, không tận, không diệt, không danh, không tướng, là tâm ý thức. Do biết như vậy nên giải thoát như vậy, cũng không trói buộc, không tháo bỏ.

Này Văn-thù-sư-lợi! Bồ-đề thì giống với hư không, mà hư không chẳng bình đẳng, chẳng phải không bình đẳng, thì Bồ-đề cũng không bình đẳng, chẳng phải không bình đẳng. Đối với những pháp tướng như vậy Như Lai đều biết.

Này Văn-thù-sư-lợi! Như cực vi trần không bằng nhau, chẳng phải không bằng nhau. Tất cả các pháp cũng như vậy, dùng trí chân thật mới có thể biết như thế.

Này Văn-thù-sư-lợi! Làm sao trí chân như biết

được các pháp? Nghĩa là điều chưa sinh thì sinh, sinh rồi liền diệt. Vì tất cả các pháp ấy vô chủ không thuộc về đâu.

Này Văn-thù-sư-lợi! Bồ-đề là như thật cú. Như thật cú nghĩa là như tướng. Bồ-đề không lìa như thật, và sắc, thọ, tưởng, hành, thức cũng không lìa như thật. Như tướng Bồ-đề, địa giới không lìa như thật, thủy, hỏa, phong giới không lìa như thật. Như tướng Bồ-đề nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới không lìa như thật, cho đến ý giới, pháp giới, ý thức giới cũng không lìa như thật. Đây gọi là như thật cú.

Này Văn-thù-sư-lợi! Bồ-đề là lấy hành nhập vào vô hành.

Này Văn-thù-sư-lợi! Thế nào là hành? Thế nào là vô hành? Hành là duyên tất cả pháp thiện. Vô hành là không đắc tất cả pháp thiện. Hành là tâm không trụ. Vô hành là vô tướng giải thoát. Hành là có thể cân lường. Vô hành là không thể lường. Vì sao không thể lường? Vì không thể nhận thức.

Này Văn-thù-sư-lợi! Bồ-đề là vô lậu, không thể nắm bắt. Vô lậu là diệt bốn lưu. Những gì là bốn? Là dục lưu, hữu lưu, kiến lưu và vô minh lưu. Nếu không chấp trước vào bốn lưu này thì gọi là diệt bốn lưu. Không thể nắm bắt là diệt bốn loại thủ. Những gì là bốn? Là dục thủ, kiến thủ, giới thủ, và ngã ngữ thủ. Đây gọi là bốn thủ. Tất cả thủ này bị

vô minh che lấp, bị khát ái lừa gạt, tuần tự giúp nhau sinh ra.

Này Văn-thù-sư-lợi! Lấy trí như thật đoạn trừ căn ngã ngữ thủ thì căn thủ đoạn nên thân được thanh tịnh. Thân thanh tịnh thì không còn sinh diệt.

Này Văn-thù-sư-lợi! Không sinh diệt thì không khởi tâm ý thức, không tư duy phân biệt. Nếu có sinh diệt thì thành vô minh. Nếu không phải vô minh này thì không có mười hai nhân duyên. Không có mười hai nhân duyên tức là bất sinh. Bất sinh là đạo. Đạo là liễu nghĩa. Liễu nghĩa là đệ nhất nghĩa. Đệ nhất nghĩa là vô ngã nghĩa. Vô ngã nghĩa là nghĩa không thể thuyết. Nghĩa không thể thuyết là nghĩa mười hai nhân duyên. Nghĩa mười hai nhân duyên là nghĩa pháp. Nghĩa pháp là nghĩa Như Lai. Cho nên Ta nói: “Nếu thấy mười hai nhân duyên tức là thấy pháp, thấy pháp tức là thấy Phật, thấy như vậy là không chỗ thấy”.

Này Văn-thù-sư-lợi! Bồ-đề là thanh tịnh, không cấu bần, không phiền não.

Này Văn-thù-sư-lợi! Không là thanh tịnh, vô tướng là không cấu bần, vô tác là không phiền não. Lại nữa, không sinh là thanh tịnh, vô vi là không cấu bần, không diệt là không phiền não.

Lại nữa, tự tánh là thanh tịnh, thanh tịnh là không cấu bần, không cấu bần là không phiền não. Lại nữa, vô phân biệt là thanh tịnh, không phân biệt

là không cấu bản, diệt trừ phân biệt là không phiền não. Như thật là thanh tịnh, pháp giới là không cấu bản, chân thật quán là không phiền não. Hư không là thanh tịnh, hư không là không cấu bản, hư không là không phiền não. Trí nội thân là thanh tịnh, nội hành là không cấu bản, không đắc nội ngoại là không phiền não. Biết âm là thanh tịnh, tự tánh của giới là không cấu bản, không xả bỏ các nhập là không phiền não. Đối với quá khứ, tận trí là thanh tịnh, đối với vị lai không sinh trí là không cấu bản, đối với hiện pháp giới trí là không phiền não.

Này Văn-thù-sư-lợi! Như vậy gọi là thanh tịnh, không cấu bản và không phiền não. Như vậy tức là tịch tĩnh, tịch tĩnh là trong ngoài tịch tĩnh. Trong ngoài tịch tĩnh là đại tịch tĩnh. Đại tịch tĩnh gọi là Mâu-ni.

Này Văn-thù-sư-lợi! Như hư không là Bồ-đề. Như Bồ-đề là các pháp. Như các pháp là tất cả chúng sinh. Như tất cả chúng sinh là cảnh giới. Như cảnh giới là Nê-hoàn.

Này Văn-thù-sư-lợi! Tất cả các pháp đều bình đẳng như Nê-hoàn. Vì tối thượng vô biên nên không có đối đãi. Vì không đối đãi nên xưa nay thanh tịnh, xưa nay không cấu bản, xưa nay không phiền não.

Này Văn-thù-sư-lợi! Như vậy sau khi Như Lai giác ngộ tất cả các pháp, quán các chúng sinh mà

khởi tâm đại từ bi, làm cho chúng sinh an trụ nơi thanh tịnh, không cấu bần, không phiền não.

Này Văn-thù-sư-lợi! Các Bồ-tát thực hành hạnh Bồ-tát như thế nào?

Này Văn-thù-sư-lợi! Bồ-tát không tư duy, không bị diệt, không bị sinh, đó là thực hành hạnh Bồ-tát.

Lại nữa, này Văn-thù-sư-lợi! Đối với Bồ-tát tâm quá khứ đã diệt không hành, tâm vị lai chưa đến không hành, tâm hiện tại tuy có không hành. Vì sao? Vì không chấp trước quá khứ, vị lai, hiện tại.

Này Văn-thù-sư-lợi! Đó gọi là Bồ-tát thực hành hạnh Bồ-tát.

Này Văn-thù-sư-lợi! Bồ thí và Như Lai không có hai tướng, đó là việc làm của Bồ-tát. Như vậy, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền tịnh, trí tuệ và Như Lai không có hai, đó là việc làm của Bồ-tát.

Này Văn-thù-sư-lợi! Nếu Bồ-tát không hành sắc không đó là hạnh Bồ-tát. Không hành sắc bất không đó là hạnh Bồ-tát. Vì sao? Vì tự tánh của sắc là không. Như vậy, Bồ-tát không hành thọ, tưởng, hành, thức là không hay bất không. Đó là hạnh Bồ-tát. Vì sao? Vì tâm ý thức không thể đắc.

Này Văn-thù-sư-lợi! Tất cả đều không có pháp đề tu chứng. Nếu có chứng thì không có phiền não sinh, không có phiền não diệt.

Này Văn-thù-sư-lợi! Sinh, diệt là mượn danh từ để nói, chứ ở trong thật tướng thì không khởi, không diệt.

Này Văn-thù-sư-lợi! Giả sử bốn loài chúng sinh trong sáu đường hoặc có sắc, không sắc, có tướng, không tướng, hai chân, bốn chân, nhiều chân, không chân đều được làm người. Vì được làm thân người mà phát tâm Bồ-đề, sau khi phát tâm Bồ-đề, mỗi Bồ-tát cúng dường cho Hằng hà sa chư Phật và các Bồ-tát, Duyên giác, Thanh văn thức uống ăn, y phục, ngọa cụ, thuốc thang và tất cả vật ưa thích. Trải qua hằng hà sa kiếp, cho đến sau khi các vị Phật ấy nhập Niết-bàn và những vị Bồ-tát kia xây tháp bảy báu cao trăm do-tuần, có lọng báu che phía trên và treo bảo châu ma-ni để trang hoàng, treo đủ thứ cờ lọng, dùng châu ma-ni Tụ tại vương điểm xuyết. Nhưng nếu có Bồ-tát dùng tâm thanh tịnh nghe kinh “*Độ Nhất Thiết Chư Phật Cảnh Giới Trí Nghiêm*” này mà hoan hỷ thọ trì, tin hiểu, cho đến nói một bài kệ bốn câu cho người, thì công đức đạt được do nghe kinh này hơn cả công đức trước trăm phần, ngàn phần, vạn phần, ức phần cho đến tính đếm ví dụ cũng không thể nào bằng. Vì sao? Vì kinh này nói rõ pháp thân vi diệu vô tướng thanh tịnh chẳng thể nghĩ bàn.

Này Văn-thù-sư-lợi! Hằng hà sa vô số chúng Bồ-tát, dùng Hằng hà sa vô số thế giới chư Phật đều làm bằng vàng Diêm-phù, cho đến cây cối hoa

quả cũng đều bằng vàng Diêm-phù, lại dùng áo trời để trang hoàng cây ấy, dùng tất cả lưới châu ma-ni Quang minh che trên đó, dùng châu ma-ni Tự quang minh làm cung điện, lấy châu ma-ni Điện quang làm thêm bức, treo nhiều phướn báu, hằng ngày đem những thứ này cúng dường Hằng hà sa vô số chư Phật, như vậy trải qua vô số kiếp, mà đem so với Bồ-tát chánh niệm kinh này, hoặc giảng nói một câu thì công đức bổ thí của Bồ-tát trước so với công đức này, trăm phần không bằng một, trăm ngàn vạn ức phần cho đến tính đếm ví dụ không thể nào bằng được. Như vậy, tất cả công đức khác đem so với công đức của kinh này không có công đức nào sánh kịp.

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ:

*Nếu người nào trì kinh
 Pháp thân vi diệu này
 Đạt được lợi công đức
 Không thể nào tính lường.
 Giả sử các chúng sinh
 Đều sinh vào cõi người
 Cũng phát tâm Bồ-đề
 Để cầu Nhất thiết trí.
 Các Bồ-tát như vậy
 Đều làm đại thí chủ
 Dem hết thầy vật cúng
 Cúng dường vô số Phật.
 Cùng các chúng Bồ-tát*

Duyên giác và Thanh văn
 Cho đến khi nhập diệt
 Đều xây tháp bảy báu.
 Cao đến trăm do-tuần
 Trang hoàng đủ vật báu
 Nếu người trì kinh này
 Hoặc nói một câu kệ.
 Quá hơn công đức trên
 Vô lượng không biên vực
 Vì kinh này diễn nói
 Về pháp thân vô tướng.
 Cho nên người có trí
 Phải nhớ nghĩ thọ trì
 Đọc tụng và sao chép
 Dùng hương hoa cúng dường.
 Quả công đức đạt được
 Không thể nào nghĩ bàn
 Không lâu đến đạo tràng
 Hàng phục ma thành Phật.
 Như vậy Khế kinh này
 Được chư Phật ngợi khen
 Tức là pháp thân mẫu
 Vô tướng, không ngôn ngữ
 Cho nên người thọ trì
 Công đức không thể lường.

Phật giảng nói kinh này xong, Văn-thù-sư-lợi
 v.v... tất cả Bồ-tát, vô lượng chúng Duyên giác,
 Thanh văn, Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-

la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, người và phi nhân v.v... tất cả đại chúng nghe Phật giảng nói thấy đều hoan hỷ phụng hành.



SỐ 359

KINH ĐẠI THỪA NHẬP CHƯ PHẬT CẢNH GIỚI TRÍ QUANG MINH TRANG NGHIÊM

*Hán dịch: Đời Triệu Tống,
Sa-môn Pháp Hộ.*

QUYỂN I

Tôi nghe như vậy:

Một thuở nọ, Đức Thế Tôn cùng hai vạn năm ngàn vị Đại Bí-sô ở trong điện Bán nguyệt diệu phong pháp giới, trên ngọn núi Linh Thứu, thuộc thành Vương-xá. Các Đại Bí-sô đều là A-la-hán, đã diệt trừ tất cả lậu hoặc, không còn phiền não, tâm hoàn toàn giải thoát, tuệ hoàn toàn giải thoát, dáng như đại Long vương, những việc phải làm phải tu đều đã thành tựu, vứt bỏ gánh nặng, đạt được tự lợi, dứt trừ hết các kiết sử, tâm trí giải thoát, tâm được tự tại, đạt đến bờ kia.

Có mười tám Đại Thanh văn, như A-nhã Kiền-trần-như v.v... làm thượng thủ. Lại có bảy trăm hai mươi vạn ức triệu Đại Bồ-tát. Tên của các vị ấy là: Đại Bồ-tát Đồng Chân Diệu Cát Tường, Đại Bồ-tát Tài Cát Tường, Đại Bồ-tát Giác Cát Tường, Đại Bồ-tát Dược Vương, Đại Bồ-tát Dược Thượng

v.v... Các Đại Bồ-tát này đều khéo chuyển pháp luân Bất thoái chuyển, thỉnh hỏi rất rành mạch về chánh pháp Phương quảng bảo tích. Các vị trụ vào địa Pháp Vân, trí tuệ với vợ như núi Tu-di, khéo quán sát về tất cả các pháp không, vô tướng, vô nguyện, vô sinh, vô khởi, vô tánh, soi sáng rộng lớn về lý pháp sâu xa, thành tựu đạo hạnh oai nghi. Các Bồ-tát ấy được trăm ngàn ức triệu chư Phật Như Lai ở các thế giới sai đến đây, mỗi vị đều hiện ra các thân thông, an trụ vào tự tánh thanh tịnh của các pháp.

Khi ấy Đức Thế Tôn suy nghĩ: “Vì cầu pháp mà các Đại Bồ-tát này có đầy đủ oai đức, từ hằng hà số thế giới đại oai đức đã đi nhanh như gió đê đến đây hội họp. Ta hãy khai thị giảng nói chánh pháp cao sâu cho họ, hoặc hiện ánh sáng rộng lớn rực rỡ để làm cho các Đại Bồ-tát ấy ở trong chúng hội này nghe pháp đã giảng nói mà thưa hỏi nghĩa lý”. Thế rồi, Thế Tôn liền phóng ra ánh sáng chiếu khắp ba ngàn đại thiên thế giới nhiều như số vi trần không thể nghĩ bàn ở cả mười phương, tức thời mỗi phương trong mười phương đều có trăm ngàn ức triệu Đại Bồ-tát nhiều như số vi trần không thể nói trong mười cõi Phật đến đây hội họp. Mỗi vị Bồ-tát hiện tất cả thân thông không thể nghĩ bàn mà Bồ-tát đã có. Sau khi đến hội họp chỗ Phật, mỗi Bồ-tát đem các thứ cúng dường không thể nghĩ bàn với màu sắc vi diệu dâng cúng Đức Phật, và theo

nguyện lực của mỗi vị mà hiện ngời trong hoa sen chiêm ngưỡng Đức Thế Tôn. Ngay khi ấy, trong điện Pháp giới tự nhiên hiện ra tòa Sư tử đại bảo liên hoa tạng, ngang rộng cân xứng nhau cả vô số ức do-tuần và từ từ hiện lên cao. Tòa ấy dùng những ngọc báu ma-ni Quang minh tạo thành. Dùng ngọc báu ma-ni Điện quang minh làm đường ranh, lấy ngọc báu ma-ni Bất khả tư nghĩ quang minh làm cọng, lấy bảo châu ma-ni Vô tỉ dụ làm đài, lấy bảo châu ma-ni Siêu việt thí dụ quang minh làm vòng hoa tuyệt đẹp; có lưới ngọc báu ma-ni Tự tại vương che khắp trên tòa, dựng các loại cờ phướn báu, lọng báu bằng ma-ni quang minh. Trên tòa Sư tử đại ma-ni bảo liên hoa tạng ấy phóng ra mười vô số trăm ngàn ức triệu ánh sáng, ánh sáng ấy chiếu khắp mười phương thế giới. Khi ấy, mỗi phương trong mười phương có trăm ngàn ức triệu Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Đế Thích, Phạm Vương cứu thế nhiều như số vi trần không thể nói trong mười cõi Phật đều đến đây hội họp. Trong đó, có vị ở trong lầu gác báu, vui chơi ca hát với trăm ngàn ức triệu vô số thiên nữ; có vị ở trong lầu gác bằng hoa đẹp, có vị ở trong lầu gác bằng cây thơm Long-kiên-chiên-đàn, có vị ở trong lầu gác bằng chân châu, có vị ở trong lầu gác bằng ngọc báu đại kim cang, có vị ở trong lầu gác bằng ngọc báu ma-ni kim cang quang minh, có vị ở trong lầu

gác thuần bằng vàng, có vị ở trong lầu gác bằng ngọc báu ma-ni tích tụ tất cả ánh sáng, có vị ở trong lầu gác bằng ngọc báu ma-ni tụ tại vương, có vị ở trong lầu gác bằng ngọc báu như ý, có vị ở trong lầu gác bằng ngọc báu ma-ni để thanh, có vị ở trong lầu gác bằng ngọc báu ma-ni lớn thanh tịnh trang nghiêm ánh sáng chiếu khắp trong biển lớn. Vị nào cũng có vô số chẳng thể nghĩ bàn trăm ngàn ức triệu thiên nữ tấu lên những âm nhạc rất hay và nương theo hư không mà đến. Sau khi đến chỗ đại hội, tất cả đều đem các thứ cúng dường tuyệt diệu chẳng thể nghĩ bàn, không gì sánh bằng, vượt qua sự suy lường để cúng dường Phật. Cúng dường xong, ai nấy theo nguyện lực của mình phát ra mà tuần tự ngồi vào chỗ và chiêm ngưỡng Thế Tôn. Khi đó, ba ngàn đại thiên thế giới này biến thành sắc tướng kỳ diệu màu vàng Diêm-phù-đàn, và tự nhiên hiện ra các loại cây ngọc báu ma-ni trang nghiêm, cây y phục đẹp, cây thơm Long-kiên-chiên-đàn, do các thứ ngọc báu tạo thành, có lưới báu ngọc ma-ni điện quang minh rủ xuống che phía trên, dựng lọng báu và cờ phướn báu. Giữa rặng cây ấy đều có vô số trăm ngàn ức triệu thiên nữ với nửa thân mang toàn thân châu anh lạc hoặc đeo vòng hoa ngọc báu ma-ni.

Khi ấy, trong tòa Sư tử đại ma-ni bảo liên hoa tạng, tự nhiên phát ra tiếng nói kệ:

Thỉnh vua loài người lên tòa ngồi

Nhờ phước lực từ xưa mà có
 Làm cho các nguyện được viên thành
 Xin đáng Lương Túc Tôn hộ trì.
 Thân con do tướng báu tạo thành
 Mỗi một báu là tòa Liên hoa
 Đức Phật Thế Tôn tùy ý thích
 Đáng cứu đời hay tròn sở nguyện.
 Tòa Liên hoa bằng châu báu này
 Kỳ diệu đẹp nhất trong thế gian
 Nói pháp môn cho ức triệu chúng
 Ai nghe pháp đều được tòa này.
 Thân Phật phát ngàn vầng ánh sáng
 Chiếu rực rỡ khắp cả thế gian
 Thấy tướng ấy lòng con hoan hỷ
 Xin Phật hãy đến ngôi tòa con.
 An tọa rồi, xin Ngài hộ con
 Tòa này tính đến cả tám ức
 Đáng Mẫu Ni với trí tự nhiên
 Lên tòa giáo hóa khắp quần sinh.

Bảy giờ, Đức Thế Tôn đứng dậy lên trên tòa Sư tử tạng liên hoa báu, ngôi kiết già quán sát khắp tất cả Bồ-tát, hàng trời, người v.v... và giảng nói pháp vi diệu tối thượng cho các Bồ-tát. Khi ấy, tất cả Đại Bồ-tát đều suy nghĩ: “Hôm nay chúng ta được nghe Bồ-tát Đồng Chân Diệu Cát Tường thưa hỏi Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác về chánh pháp sâu xa bất sinh bất diệt, thật là hân hạnh cho chúng ta”. Trước đó, trong đại hội, Bồ-tát Đồng

Chân Diệu Cát Tường đã biết tâm niệm của các Đại Bồ-tát nên đứng dậy đến trước Phật thưa:

– Bạch Thế Tôn! Theo pháp bất sinh, bất diệt mà Thế Tôn nói thì lời nói này là nhắm vào ý nghĩa của pháp nào? Và rồi, Văn-thù hỏi bằng kệ:

*Bất sinh và bất diệt
Là pháp Phật đã nói
Đại tuệ tướng thế nào
Mà trong đây diễn nói.
Nếu pháp không sinh diệt
Tức vô kiến vô nhân
Đại Mâu Ni Thế Tôn
Phải giảng thuyết thế nào.
Cho Bồ-tát mười phương
Được chư Phật sai đến
Cầu pháp môn đại trí
Xin Phật nói chánh pháp.*

Đức Thế Tôn khen Đại Bồ-tát Đồng Chân Diệu Cát Tường:

– Lành thay! Lành thay! Này Diệu Cát Tường! Ông nay có thể khéo thưa hỏi Như Lai về ý nghĩa này. Theo ý của ông, Ta sẽ tạo lợi ích lớn cho mọi người. Ông thương xót thế gian, diu dắt họ tu hành để ai nấy đều được an lạc, lại có thể làm lợi lạc cho chúng trời, người. Hôm nay các Đại Bồ-tát đến đây là vì muốn đắc quả Phật, nên không sinh sợ sệt, bỏ thối ở đây cũng không sợ.

Này Diệu Cát Tường! Những Bồ-tát ấy đều được thật trí bảo hộ. Nay Như Lai sẽ giảng nói pháp, đó là pháp bất sinh bất diệt.

Này Diệu Cát Tường! Không sinh không diệt nói ở đây tức là ý nghĩa Như Lai. Ví như trong ngọc báu phệ-lưu-ly hiện lên tướng đại địa, trong tướng đại địa được hình thành đó có cung điện rộng lớn đẹp đẽ là nơi của Thiên chủ Đế thích trong cõi trời Đao-lợi. Trong đó, Thiên chủ luôn hưởng thụ ngũ dục khoái lạc, tuyệt diệu, tự do, vui chơi. Chư Thiên cõi đó gọi tất cả mọi người hoặc nam nữ, hoặc đồng nam đồng nữ trong Diêm-phù-đề lại nói: “Mau đến đây, các người hãy nhìn xem cung điện rộng rãi lớn của Thiên chủ Đế thích kia. Thiên chủ ở trong đó hưởng thụ những thú vui tuyệt diệu. Các người đến đây thực hành bố thí rộng khắp, cần tạo những phước đức, giữ gìn giới hạnh. Các người nên biết, cung điện rộng rãi lớn của Thiên chủ Đế thích ở có đầy đủ thần thông. Các người nên tu tập tạo phước lành để đạt được phước báo giống như Thiên chủ kia, mà được ở yên trong cung trời để hưởng thú vui tuyệt diệu”. Khi ấy, hết thảy mọi người hoặc đồng nam, đồng nữ trong cõi Diêm-phù-đề thấy cung điện rộng rãi lớn của Thiên chủ Đế thích trong đại địa hình thành bởi ngọc báu phệ-lưu-ly, rồi tất cả chấp tay cầm hoa thơm tung lên hư không và nói: “Chúng tôi nguyện vào đời sau cũng đạt được tướng như

vậy, cũng giống như Thiên chủ Đế thích ở trong cung điện lộng lẫy rộng lớn, thọ hưởng những thú vui khoái lạc tuyệt diệu, tự do”. Nhưng chúng sinh ấy đâu biết hình ảnh được hiện lên trong đại địa là của phệ-lưu-ly. Cung điện lộng lẫy rộng lớn của Thiên chủ Đế thích ở cõi trời Đao-lợi nhờ thanh tịnh mà tạo thành cũng giống như ảnh tượng ấy.

Này Diệu Cát Tường! Do thực hành bố thí rộng rãi, tu tập tạo phước lành, giữ gìn giới hạnh, và nhờ căn lành kiếp trước đã chín muồi nên Thiên chủ Đế thích được ở cung điện lộng lẫy trong cõi trời.

Này Diệu Cát Tường! Nhưng địa Phệ-lưu-ly ấy vốn không thực, các vị trời cõi Đao-lợi và cung điện lộng lẫy rộng lớn của Thiên chủ Đế thích ở cũng không thực, tất cả đều là ảnh tượng, do trong suốt mà hiện thành. Nhưng nó cũng vẫn thường trụ, thật sự không sinh cũng không diệt.

Này Diệu Cát Tường! Tất cả chúng sinh cũng giống như vậy, dùng tâm thanh tịnh, như thật quán tưởng thì Như Lai vì người đó mà hiện ra thân tướng và cũng có thể nhờ sức thần thông của Như Lai mà khiến cho các chúng sinh được thấy Như Lai. Nhưng thân tướng Như Lai vốn không thật, bất sinh bất diệt, không tánh, chẳng phải không tánh, không thấy, chẳng phải không thấy, chẳng phải thế gian, chẳng phải phi thế gian, không tướng trạng, chẳng phải không tướng trạng.

Này Diệu Cát Tường! Hết thầy chúng sinh lấy ảnh tượng Như Lai hiện ra làm sở duyên, thế rồi tung hoa thơm, y phục, diệp bảo đề cúng dường và nói như vậy: “Tôi nguyện đời sau đạt được phước báo giống như Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác”. Vì cầu Phật trí nên chúng sinh ấy thực hành bố thí rộng khắp, tu tạo phước lành, giữ gìn giới hạnh, hồi hướng nguyện sẽ đắc được trí Như Lai.

Lại nữa, này Diệu Cát Tường! Như đại địa được tạo thành bằng ngọc báu phệ-lưu-ly nên hình ảnh của Thiên chủ Đê thích hiện ra, không động chuyển, không lãnh thọ, không hý luận, không phân biệt, không lìa phân biệt, không đo lường, không lìa đo lường, chẳng tư duy, tác ý, tịch tĩnh, thanh lương, không sinh, không diệt, không thấy, không nghe, không ngửi, không nếm, không chạm xúc, không tưởng, không thiết lập, không biểu hiện.

Này Diệu Cát Tường! Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác cũng như vậy, không động chuyển, không lãnh thọ, không hý luận, không phân biệt, không lìa phân biệt, không đo lường, không lìa đo lường, chẳng tư duy, tác ý, tịch tĩnh, thanh lương, không sinh, không diệt, không thấy, không nghe, không ngửi, không nếm, không chạm xúc, không tưởng, không thiết lập, không biểu hiện. Như Lai không sinh vào cõi nào cả,

những gì hiện ra đều như ảnh tượng, tùy theo sự tin hiểu khác nhau của chúng sinh mà hiện ra thân tướng, tuổi thọ có hạn. Chỉ vì mục đích làm cho họ thành thực sức tin hiểu là căn khí Bồ-đề. Vì chúng sinh ấy mà Như Lai hiện ra, tùy theo ý thích của họ, tùy theo lòng tin hiểu của họ mà làm cho chúng sinh được nghe pháp cốt yếu. Điều ưa thích của họ là biết tướng ba thừa, điều ưa thích của họ là đều được giải thoát.

Này Diệu Cát Tường! Như Thiên chủ Đế thích trong cõi trời Đao-lợi nhờ thành tựu phước đức mà có trông đại pháp phát ra pháp âm vi diệu và ở trên cung điện rộng lớn trong hư không. Các trời ở đó giương mắt ra nhìn nhưng không thể nào thấy được.

Này Diệu Cát Tường! Nếu các trời trong cõi trời Đao-lợi chìm đắm vui chơi trong ngũ dục, sinh tâm buông lung, không chịu vào Thiên pháp đường để ca ngâm pháp âm, hoặc có lúc Thiên chủ Đế thích cũng chìm đắm trong năm dục, cũng buông lung, không lên pháp tòa để giảng pháp, thì trông pháp lớn ấy ở trên hư không, dù có giương mắt ra nhìn vượt qua giới hạn của mắt, cũng không tài nào thấy được, thì khi ấy, trống bỗng nhiên phát ra âm thanh làm cho các chúng trời bừng sáng tỉnh ngộ và nói: “Này chư Nhân giả! Sắc, thanh, hương, vị, xúc là pháp vô thường. Chư Nhân giả đừng buông lung, đừng để sớm lìa bỏ cung điện. Các hành là

khô, các hành là không, các hành là vô ngã, chớ có buông lung, khô uẩn này diệt rồi sẽ sinh vào cảnh giới khác. Chư Nhân giả cần phải siêng năng tinh tấn ca ngâm chánh pháp, dạo chơi trong vườn pháp, cầu pháp chân thật, ưa thích chánh pháp. Ở trong chánh pháp, chư Nhân giả tùy theo điều đã ghi nhớ mà tư duy thì sẽ không lìa bỏ thú vui ngũ dục trong cõi trời.

Này Diệu Cát Tường! Nhưng trống đại pháp ấy không phân biệt, không lìa phân biệt, vượt qua giới hạn của mắt, bất sinh bất diệt, vượt ra khỏi đường ngôn ngữ, lìa tâm ý thức. Pháp âm mà trống đại pháp ấy phát ra làm cho chúng trời nghe đều khai ngộ, không còn lo sợ mê loạn và ai nấy liền vào Thiện pháp đường để ca ngâm chánh pháp, dạo chơi vườn pháp, chân thật cầu pháp, ưa thích chánh pháp. Ở trong chánh pháp tùy theo điều ghi nhớ mà tư duy. Ở cõi trời mạng chung rồi được sinh vào chỗ tốt lành khác. Thiên chủ Đế thích cũng vào Thiện pháp đường và lên pháp tòa giảng nói pháp cho chúng trời. Khi chúng trời giao tranh với A-tu-la mà bị thất trận, thì ngay lúc ấy tự nhiên trống đại pháp ấy phát ra âm thanh khiến A-tu-la nghe được kinh hồn khiếp vía cùng nhau tháo chạy.

Này Diệu Cát Tường! Nhưng trống pháp ấy không có tướng ngã, cũng không nói năng, rồi tự nhiên biến mất, không ai thấy được trống đại pháp ấy, trụ chân thật, không tâm, không tư, không

tướng, không sắc, không thanh, không tánh, cũng không hai, vượt qua giới hạn của mắt.

Này Diệu Cát Tường! Các chúng trời trong cõi trời Đao-lợi nhờ nghiệp thiện đời trước nên có trống đại pháp phát ra tiếng diệu pháp, khiến cho tất cả nhiều loạn tùy phiền não của chúng trời đều được thanh tịnh. Dù trống đại pháp ấy vẫn thường trụ nhưng không tâm, không tư, không tướng, không sắc, không thanh, không tánh, không hai. Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác cũng như vậy, không thấy, không quán, nhưng cũng thường tại, không có tướng ngã, không tâm, không tư, không tướng, không sắc, không thanh, không tánh, vượt qua giới hạn của mắt, chỉ tùy theo nghiệp báo lành đời trước của chúng sinh, và tùy sự tin hiểu của họ mà nói pháp âm để họ hiểu rõ được. Do nghe pháp âm nên hết thảy chúng sinh vắng bật tất cả nhiều loạn tùy phiền não. Nên biết tiếng pháp âm ấy là pháp âm của Như Lai.

Này Diệu Cát Tường! Pháp âm ấy không thật có, chỉ vì tất cả thế gian nên Như Lai dùng phương tiện quyền xảo thiết lập, tùy theo nghiệp báo thiện kiếp trước của chúng sinh nên Như Lai mới nói pháp âm ấy. Và do sự ưa thích của mỗi chúng sinh mà được hiểu rõ, khiến cho tất cả chúng sinh đều được an ổn. Đối với những ai buông lung đều được tỉnh ngộ.

Này Diệu Cát Tường! Sau khi nghe pháp âm,

hết thấy chúng sinh đều muốn được thân tướng Như Lai. Những Bồ-tát mới phát tâm và phàm phu dị sinh dựa vào pháp thiện của Như Lai phát ra làm sở duyên để họ nghe được pháp âm của Như Lai.

Này Diệu Cát Tường! Pháp bất sinh bất diệt mà Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác nói rất sâu xa, ông nên biết điều đó.



KINH ĐẠI THỪA NHẬP CHƯ PHẬT CẢNH GIỚI TRÍ QUANG MINH TRANG NGHIÊM

QUYỂN II

Lại nữa, này Diệ² Cát Tường! Ví như mùa hạ nóng bức sắp đi qua, mùa mưa bắt đầu đến, nhờ tất cả chúng sinh có phước báo đời trước nên trên mặt đất tất cả hạt giống, lúa mạ, cây thuốc, rừng rậm, đều nảy chồi phát triển. Khi ấy, trong hư không có gió lớn thổi nhóm mây lại, mưa lớn đổ xuống làm cho cả mặt đất được thấm nhuần. Mọi người trong cõi Diêm-phù-đề thấy vậy rất vui mừng, tâm họ thích thú, tưởng thế gian này có mây lớn nổi lên.

Này Diệ² Cát Tường! Trong hư không có nước lớn nhóm lại đổ xuống mặt đất. Mọi người trong cõi Diêm-phù-đề nghĩ: “Nay mặt đất này có nước lớn đổ xuống, chứ đâu phải trên đó có mây lớn nổi lên”. Nghĩ vậy xong, họ nói: “Kỳ lạ thay, mây lớn đổ mưa lớn xuống làm tràn đầy mặt đất”.

Này Diệ² Cát Tường! Nhưng nước lớn đó chẳng phải của mây, chẳng phải mây tạo ra. Chỉ vì gió lớn thổi nhóm lại cho nên có nước lớn làm tràn đầy mặt đất. Nước ấy tụ lại là nhờ chúng sinh có

năng lực phước báo đời trước, có lúc tan ra, được gió giữ gìn, rồi bị gió phá tan, dường như mây đổ mưa.

Này Diệu Cát Tường! Chỉ vì nhờ chúng sinh có phước báo đời trước nên trên hư không có nước lớn đổ xuống, chứ chẳng phải của mây, chẳng phải mây tạo ra, vì mây không có chỗ sinh, chẳng phải từ tâm vào, lìa sự đến đi, căn lành được thành thực. Chư Đại Bồ-tát, Thanh văn, Duyên giác và các chúng sinh phàm phu cũng đều như vậy. Nghĩa là theo sự ưa thích của trí họ mà chứa nhóm hạnh thù thắng, trồng các căn lành. Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác xuất hiện nơi đời vì các chúng sinh mà thị hiện đạo Niết-bàn không chướng ngại. Khi Như Lai ở giữa chúng trời, người thì danh từ đưa ra để nói đều không sai khác. Diệu Cát Tường nên biết! Khi ở giữa chúng trời, người, âm thanh mà Như Lai phát ra không thật, đều vô sở hữu.

Này Diệu Cát Tường! Vì Như Lai vô tướng, lìa các tướng, không có xứ sở, không lìa xứ sở. Sự thành tựu là không thật, không sinh, không diệt. Vì thế gian trời người mà Như Lai tùy nghi thị hiện rộng nói chánh pháp hoàn toàn đầy đủ. Nhưng các Bồ-tát mới phát tâm và các chúng sinh ngu si nhờ phước báo đời trước thích pháp Niết-bàn được hóa độ đó, không thấy Như Lai hiện ra, nên cho rằng Như Lai nhập đại Niết-bàn.

Này Diệu Cát Tường! Với Như Lai dù sinh hay diệt đều không có, vì Phật Như Lai không sinh không diệt. Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác xưa nay tịch tĩnh. Như Lai không thật có cũng giống như nước lớn kia, vì mây không thật nên nước cũng không thật, vì không sinh không diệt nên mây không thật có. Nhưng đối với thế gian giả mượn để tạo ra nên có mà thôi. Các duyên mà Như Lai nói pháp cũng như vậy, không thật, không sinh, không diệt, xưa nay là như vậy. Ở trong pháp vô sinh ấy, Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác vì chúng sinh nên giả đặt tên.

Này Diệu Cát Tường! Giống như Đại Phạm Thiên vương là vị tối thắng trong những vị tối thắng ở mười ba ngàn đại thiên thế giới, là người tự tại trong một trăm ba ngàn đại thiên thế giới. Hằng ngày nhìn khắp tất cả chúng trời xuống đến tận cùng Tứ Đại Thiên vương. Đại Phạm Thiên vương ấy nhìn khắp cả chúng trời, thì thấy mỗi vị trời đều hưởng thụ năm dục lạc trong cõi trời, khi vui chơi lại đánh trống thổi kèn ca hát. Sau khi chấm dứt cuộc vui chơi, họ bỏ hết những sự vui thích ấy, ai nấy chấp tay tôn trọng cung kính chiêm ngưỡng Phạm Thiên không chớp mắt. Các chúng trời đều mong cầu Phạm Thiên vương xuất hiện ra thế gian để làm cho họ thành thực căn lành, khi đó trong chốc lát, Đại Phạm Thiên vương liền xuất hiện. Nếu khi phước báo của Đại Phạm Thiên

vương này hết thì có Đại Phạm Thiên vương khác cai quản cung điện trong mười hoặc trăm ngàn đại thiên thế giới, do nguyện lực từ đời trước mà được tự tại. Các chúng trời cũng nhờ căn lành đời trước thành thực mà cảm được. Đại Phạm Thiên vương ấy hằng ngày nhìn khắp tất cả chúng trời và trong chốc lát Đại Phạm Thiên vương liền xuất hiện.

Này Diệu Cát Tường! Đại Phạm Thiên vương ấy hoàn toàn vô sở hữu, không nơi chốn, không động chuyển, tất cả đều rỗng không, không thật, không có văn tự, không có âm thanh, không nói, không tánh, không tư duy, không tướng, lìa tâm ý thức, không sinh không diệt, chỉ tùy theo căn cơ của chúng trời mà hiện ra. Nhờ nguyện lực căn lành đời trước của Đại Phạm Thiên vương đã kiến lập và nhờ căn lành đời trước của chúng trời cũng được thành thực, nên chúng trời ấy không nghĩ: Những sự hóa hiện của Đại Phạm Thiên vương này đối với “không” được tự tại, không thật có, không văn tự, không âm thanh, không nói, không tướng trạng, chẳng tư duy, lìa tâm ý thức, không sinh không diệt.

Này Diệu Cát Tường! Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác cũng như vậy, đối với “không” được tự tại, không thật có, không văn tự, không âm thanh, không nói, không tánh, không tướng trạng, chẳng tư duy, lìa tâm ý thức, không sinh, không diệt. Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng

Chánh Giác nhờ kiếp trước gây dựng lực hạnh nguyện Bồ-tát, còn chúng Bồ-tát mới phát tâm, tất cả Thanh văn Duyên giác và chúng sinh phàm phu nhờ kiếp trước trồng căn lành nên được thành thực.

Như Lai dùng trăm ngàn tướng hảo trang nghiêm để xuất hiện ở đời, đều giống như ảnh tượng, không xứ sở, không động chuyển, cũng không có Bồ-tát mới phát tâm, không có chúng Thanh văn, Duyên giác và chúng phàm phu. Cũng không có Như Lai đối với “không” được tự tại, không thật có, không vắng tự, không âm thanh, không nói, không tánh, không tướng trạng, chẳng tư duy, lìa tâm ý thức, không sinh, không diệt.

Này Diệu Cát Tường! Vì các pháp là không nên thân tướng Như Lai mới có trăm ngàn tướng hảo để trang nghiêm. Như Lai có đủ các oai nghi, đặt ra những phương tiện, tùy theo sự tin hiểu của mỗi chúng sinh mà giảng nói pháp rộng lớn. Chúng sinh nghe pháp ấy đều vắng bật tất cả nhiều loạn tùy phiền não. Với tất cả nơi Như Lai đều bình đẳng, trụ xả bình đẳng, xa lìa các nghi ngờ và cũng không riêng biệt.

Này Diệu Cát Tường! Vì lẽ đó, ông nên biết bất sinh bất diệt đều là mang ý nghĩa phương tiện của Như Lai.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói kệ:

Như Lai vô sinh pháp vốn thường

*Tất cả pháp và bậc Thiện Thệ
 Chấp vào tướng đó là người ngu
 Không có pháp thật chuyển thế gian.
 Thành tựu của Phật như ảnh tượng
 Tất cả pháp thiện đều vô lậu
 Tất cả đều là chân như Phật
 Ba loại hình ảnh hiện thế gian.*

Lại nữa, này Diệu Cát Tường! Ví như ánh sáng mặt trời chiếu khắp Diêm-phù-đề. Nó mọc từ phương Đông, đầu tiên chiếu núi Tu-di, kế đến chiếu núi Thiết Vi, núi Đại Thiết Vi, kế chiếu các núi lớn khác, rồi chiếu đến núi Hắc, đến những nơi cao nguyên, tiếp tục chiếu đến hết thấy những nơi thấp nhất trong cõi Diêm-phù-đề. Nhưng ánh sáng mặt trời không phân biệt, không lìa sự phân biệt, chẳng phải tư duy, chẳng phải không tư duy, lìa tâm ý thức, không sinh không diệt, không có các tướng trạng vì lìa tướng, không tác ý vì lìa tác ý, không có các hý luận vì lìa các hý luận, không có tồn não vì lìa các sự tồn não, chẳng phải đây, chẳng phải kia, chẳng phải cao, chẳng phải thấp, chẳng phải trói, chẳng phải mở, chẳng phải hữu trí, chẳng phải vô trí, chẳng phải có phiền não, chẳng phải lìa phiền não, chẳng phải lời nói chân thật, chẳng phải lời nói hư vọng, chẳng phải bờ bên này, chẳng phải bờ bên kia, chẳng phải bằng phẳng, chẳng phải không bằng phẳng, chẳng phải dưới nước, chẳng phải đất liền, chẳng phải tâm tư, chẳng phải lìa tâm

tư, chẳng phải sắc, chẳng phải phi sắc. Nay Diệu Cát Tường! Vì đại địa có cao, thấp, trung bình nên ánh sáng chiếu cũng có ảnh tượng cao thấp, trung bình sai khác. Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác cũng lại như vậy, không sinh, không diệt, không có các tướng trạng vì lìa tướng trạng, không tác ý lìa tác ý, không có hý luận lìa hý luận, không có các tôn não lìa tôn não, chẳng phải đây, chẳng phải kia, chẳng phải trời, chẳng phải mở, chẳng phải có trí, chẳng phải vô trí, chẳng phải lời nói chân thật, chẳng phải lời nói hư vọng, chẳng phải bờ này, chẳng phải bờ kia, chẳng phải bằng phẳng, chẳng phải không bằng phẳng, chẳng phải phi Nhất thiết trí, chẳng phải tầm từ, chẳng phải lìa tầm từ, chẳng phải chứa nhóm, chẳng phải không chứa nhóm, chẳng phải hữu niệm, chẳng phải vô niệm, chẳng tư duy chẳng phải lìa tư duy, chẳng phải ý sinh, chẳng phải phi ý sinh, chẳng phải danh, chẳng phải phi danh, chẳng phải sắc, chẳng phải không sắc, chẳng nói, chẳng phải không nói, chẳng nêu rõ, chẳng phải không nêu rõ, chẳng thấy, chẳng phải không thấy, chẳng phải cảnh của mắt, chẳng phải phi cảnh của mắt, chẳng phải khai đạo, chẳng phải không khai đạo, chẳng đắc quả, chẳng phải không đắc quả, chẳng phân biệt, chẳng phải không phân biệt, chẳng phải lìa phân biệt, chẳng phải không lìa phân biệt.

Nay Diệu Cát Tường! Ánh sáng vàng mặt trời

Như Lai chiếu rọi khắp trong ba cõi, chiếu tới chỗ nào cũng không bị chướng ngại. Vàng ánh sáng mặt trời trí tuệ của Như Lai phóng ra, đầu tiên chiếu đến các tâm địa vững chắc thâm sâu của Bồ-tát, kế chiếu những chúng sinh trụ Duyên giác thừa, rồi chiếu các chúng sinh trụ Thanh văn thừa, đến các chúng sinh có căn lành với lòng tin hiểu kiên cố, kế chiếu đến những chúng sinh chấp một bên và tà định tụ. Ánh sáng mặt trời trí tuệ của Như Lai phóng ra chỉ vì làm thành thực nuôi lớn chúng sinh, vì để phát sinh nhân vị lai, vì làm tăng trưởng lời pháp thiện. Như Lai bình đẳng, bất cứ chỗ nào cũng trụ xả bình đẳng, lìa bỏ các nghi ngờ và cũng không phân biệt.

Này Diệu Cát Tường! Ánh sáng mặt trời trí tuệ của Như Lai không suy lường: Hạng chúng sinh này có đầy đủ lòng tin hiểu lớn, Ta nên giảng nói pháp cao rộng cho họ, còn hạng chúng sinh kia không giảng nói pháp cho họ cũng không phân biệt, hạng chúng sinh này có đầy đủ lòng tin hiểu Bồ-tát, chúng sinh này có đầy đủ lòng tin hiểu Duyên giác, chúng sinh này có đầy đủ lòng tin hiểu Thanh văn, chúng sinh kia có ý thích thiện, chúng sinh này có ý tà thấp kém. Và cũng không suy lường: Chúng sinh có lòng tin hiểu lớn này, Ta sẽ giảng nói pháp Bồ-tát cho họ. Chúng sinh có lòng tin hiểu trung bình này, Ta sẽ giảng nói pháp Duyên giác cho họ. Chúng sinh có lòng tin hiểu

thấp này, Ta sẽ giảng nói pháp Thanh văn cho họ. Chúng sinh có chánh kiến ý ưa thiện này, Ta sẽ làm cho họ có ý ưa thanh tịnh. Cho đến chúng sinh trụ vào tà định tụ thì tùy theo sở thích của họ mà Ta giảng nói pháp. Vòng ánh sáng mặt trời trí tuệ của Như Lai không có những sự phân biệt như vậy. Vì sao? Vì ánh sáng mặt trời trí tuệ của Như Lai chiếu sáng làm phá tan tất cả sự phân biệt biến kế và những phân biệt khởi lên.

Này Diệu Cát Tường! Ông nên biết: Vì chúng sinh có những ý thích sai khác cho nên ánh sáng mặt trời trí tuệ của Như Lai chiếu ra cũng có sai khác.

Lại nữa, này Diệu Cát Tường! Ví như dùng viên ngọc báu đại ma-ni có thể làm thỏa mãn đầy đủ được đặt trên ngọn cờ cao, tùy theo những sở thích của chúng sinh mà tự nhiên nó phát ra tiếng khiến cho họ đều được toại nguyện. Nhưng ngọc báu đại ma-ni ấy không phân biệt, không là phân biệt, chẳng phải tâm, chẳng phải là tâm, chẳng phải tư duy, chẳng phải không tư duy, là tâm ý thức.

Này Diệu Cát Tường! Như Lai cũng như vậy, không phân biệt, không là phân biệt, chẳng phải tâm, chẳng phải là tâm, chẳng phải tư duy, chẳng phải không tư duy, là tâm ý thức, không có chủ thể nắm bắt, không có đối tượng nắm bắt, không có pháp đang đắc, không có pháp sẽ đắc, không có

chân lý sai biệt, không tham, không sân, không si, không thật, không hư, chẳng phải thường, chẳng phải vô thường, không ánh sáng, không phải không ánh sáng, chẳng phải thế gian, chẳng phải phi thế gian, không tâm, không từ, không sinh, không diệt, chẳng tư duy, chẳng phải là tư duy, không tự tánh, không tự tánh rỗng không, không xuất, không nhập, không có tánh để nắm bắt, không nói năng vì đoạn sự nói năng, không yêu thích, không là sự yêu thích vì đã đoạn sự yêu thích, không có số lượng vì là số lượng, không có các nẻo, không có chỗ để đi đến các nẻo vì các nẻo đã đoạn tận. Vì tất cả đều đoạn nên không thấy không quán, không còn đối tượng để nắm bắt, chẳng phải dung thọ, chẳng phải không dung thọ, chẳng hòa hợp chẳng phải không hòa hợp, không phân biệt, không đo lường, không chướng ngại, không biểu thị, không nhiệm, không tịnh, không danh, không sắc tướng, không có nghiệp, không có quả báo của nghiệp, không có quá khứ, không có vị lai, không có hiện tại, không có một pháp nhỏ nào có thể đặc, không văn tự, không âm thanh vì là các âm thanh, không có tướng trạng vì là các tướng, chẳng phải trong, chẳng phải ngoài, cũng chẳng phải chặng giữa để có thể đặc.

Này Diệu Cát Tường! Trí báu thâm sâu thanh tịnh của Như Lai đặt trên ngọn cờ thù thắng đại bi tối thượng, tùy theo sự ưa thích tin hiểu của chúng

sinh mà phát ra âm thanh vi diệu, rồi tùy nghi thuyết pháp khiến cho hết thảy chúng sinh đều được hiểu rõ. Đối với tất cả mọi nơi, Như Lai trụ và xả một cách bình đẳng, đồng thời xa lìa các sự nghi ngờ và không có sự phân biệt sai khác.

Lại nữa, này Diệu Cát Tường! Ví như âm thanh vọng lại, theo tiếng vọng lại mà chúng sinh nhận biết được, nhưng tiếng ấy không thật, chẳng phải quá khứ, chẳng phải vị lai, chẳng phải hiện tại, chẳng phải trong, chẳng phải ngoài, chẳng phải chặ̣ng giữa đ̣ể có sở đ̣ắc. Nó không sinh, không diệt, chẳng phải đoạn, chẳng phải thường, chẳng phải hữu trí, chẳng phải vô trí, chẳng có tuệ, chẳng phải không có tuệ, chẳng phải minh, chẳng phải phi minh, chẳng phải giải thoát, chẳng phải không giải thoát, chẳng phải có tội, chẳng phải vô tội, chẳng phải niệm, chẳng phải vô niệm, chẳng phải đứng, chẳng phải không đứng, chẳng phải ngồi, chẳng phải không ngồi, chẳng phải địa giới, chẳng phải thủy, hỏa, phong giới, chẳng phải hữu vi, chẳng phải vô vi, chẳng phải hý luận, chẳng phải là hý luận, chẳng phải tạo tác, chẳng phải không tạo tác, chẳng phải thấy, chẳng phải không thấy, không văn tự, không âm thanh vì vượt qua âm thanh, chẳng đo lường vì vượt qua sự đo lường, không có tướng trạng vì lìa các tướng, chẳng phải tịch tĩnh, chẳng phải không tịch tĩnh, chẳng phải dài, chẳng phải ngắn, chẳng phải suy nghĩ, chẳng

phải không suy nghĩ, chẳng phải tướng mạo, chẳng phải không có tướng mạo, chẳng phải thể gian, chẳng phải phi thể gian, tự tánh của các cái thấy biết là không, không niệm, không tác ý, không tâm, không từ, lìa tâm ý thức, tất cả nơi đều bình đẳng, lìa các phân biệt, vượt ra khỏi ba đời.

Này Diệu Cát Tường! Tất cả âm thanh mà Như Lai phát ra đều giống như tiếng vang vọng lại. Chỉ tùy theo sở thích của tất cả chúng sinh mà phát ra âm thanh và tùy nghi diễn bày để các chúng sinh đều được hiểu rõ. Như Lai cũng vậy, chẳng phải quá khứ, chẳng phải vị lai, chẳng phải hiện tại, chẳng phải ở trong, chẳng phải ở ngoài, chẳng phải ở chặng giữa để có sở đắc. Nó không sinh, không diệt, không đoạn, không thường, chẳng phải hữu trí, chẳng phải vô trí, chẳng có tuệ, chẳng phải không có tuệ, chẳng phải minh, chẳng phải phi minh, chẳng giải thoát, chẳng phải không giải thoát, chẳng phải có tội, chẳng phải vô tội, chẳng phải niệm, chẳng phải vô niệm, chẳng phải đứng, chẳng phải không đứng, chẳng phải ngồi, chẳng phải không ngồi, chẳng phải địa giới, chẳng phải thủy, hỏa, phong giới, chẳng phải hữu vi, chẳng phải vô vi, chẳng phải hý luận, chẳng phải lìa sự hý luận, chẳng phải thấy, chẳng phải không thấy, không văn tự, không âm thanh vì vượt qua ngoài âm thanh, chẳng đo lường vì vượt ra ngoài sự đo lường, không có tướng trạng vì lìa các tướng trạng,

chẳng phải tịch tĩnh, chẳng phải không tịch tĩnh, chẳng phải dài, chẳng phải ngắn, chẳng phải tư duy, chẳng phải không tư duy, chẳng phải có tướng mạo, chẳng phải không có tướng mạo, chẳng phải thể gian, chẳng phải phi thể gian, tự tánh của sự thấy biết là không, không niệm, không tác ý, không tâm, không từ, là tâm ý thức, tất cả mọi nơi đều bình đẳng, là các phân biệt, vượt qua khỏi ba đời.

Này Diệu Cát Tường! Tùy theo sự tin hiểu ưa thích của chúng sinh mà Như Lai phát ra âm thanh vi diệu, tùy nghi nói pháp để các chúng sinh đều được hiểu rõ. Ví như muôn sự muôn vật ở thế gian nương nhờ vào đất, vì đặc tính của đất là an định không xô dịch nên tất cả cây cối, cỏ thuốc đều nhờ đó mà được sinh sôi nảy nở tươi tốt. Nhưng đất ấy vốn không phân biệt, không là phân biệt. Tất cả mọi nơi đều bình đẳng không có phân biệt, không có sai khác, là tâm ý thức. Cũng vậy, tất cả chúng sinh đều nương tựa vào Như Lai, và nhờ sự an định của Như Lai mà làm cho tất cả căn lành của chúng sinh đều được phát sinh và tăng trưởng. Cho nên nói hàng thừa Thanh văn, thừa Duyên giác, thừa Bồ-tát và các ngoại đạo Phạm chí, Ni-kiền-tử v.v... nói chung là tất cả tà ngoại đạo, cho đến chúng sinh tà định tụ, tất cả căn lành của họ đều nương nhờ vào Như Lai mà được tồn tại, được phát sinh và tăng trưởng. Nhưng Phật Như Lai không phân biệt, không là phân biệt. Tất cả phân biệt

chẳng phải là đối tượng duyên của phân biệt, vì không có tác ý.

Này Diệu Cát Tường! Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác đã lìa tâm ý thức, không tầm, không từ, không quán sát, không tư duy, không tác ý, đối với mọi nơi đều trụ vào xả bình đẳng, không có sai khác. Ví như hư không không có chỗ nào cao thấp, không có sự sai biệt, không sinh, không diệt, chẳng phải quá khứ, chẳng phải vị lai, chẳng phải hiện tại, không sắc tướng, không hý luận, không biểu thị, không trói buộc, không đo lường, không thí dụ, không an lập, không có đối tượng để nắm bắt, vượt qua giới hạn của mắt, lìa tâm ý thức cho đến vượt ra khỏi các đường ngôn ngữ. Đối với tất cả nơi không trụ vào chỗ nào cả.



KINH ĐẠI THỪA NHẬP CHƯ PHẬT CẢNH GIỚI TRÍ QUANG MINH TRANG NGHIÊM

QUYỂN III

Lại nữa, này Diệu Cát Tường! Vì hình tướng của chúng sinh có thấp, vừa, cao, nên mới cho rằng hư không có thấp, vừa, cao. Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác cũng như vậy, đối với tất cả mọi nơi đều bình đẳng, không có phân biệt, không có sự sai khác, không sinh, không diệt, chẳng phải quá khứ, chẳng phải vị lai, chẳng phải hiện tại, không có sắc tướng, không hý luận, không biểu thị, không thi thiết, không cảm giác, không trói buộc, không đo lường, vượt qua các sự đo lường, không ví dụ, vượt qua khỏi thí dụ, không trụ, không chấp thủ, vượt qua khỏi cảnh giới của mắt, lìa tâm ý thức, không có tướng mạo, không có văn tự, không có âm thanh, không tác ý, không xuất, không nhập, không cao, không thấp, vượt qua cảnh giới ngôn ngữ. Đối với tất cả mọi nơi đều tùy thuộc vào căn cơ của mỗi chúng sinh mà thích ứng. Chỉ vì chúng sinh có tánh thượng, trung, hạ, nên thấy Như Lai có tánh thượng, trung, hạ.

Này Diệu Cát Tường! Như Lai cũng không suy nghĩ như vậy: “Đối với chúng sinh này có lòng tin hiểu bậc hạ thì Ta nên hiện thân tướng bậc hạ. Chúng sinh này có lòng tin hiểu bậc trung thì Ta hiện thân tướng bậc trung. Chúng sinh này có lòng tin hiểu bậc thượng, thì Ta nên hiện thân tướng bậc thượng”. Khi thuyết pháp cũng như vậy, Như Lai chỉ dùng một âm thanh giảng cho chúng sinh, rồi tùy theo từng loại chúng sinh đều được hiểu rõ. Nhưng Như Lai không có ý nghĩ: “Loài chúng sinh này có lòng tin hiểu bậc hạ, thì Ta nói pháp Thanh văn thừa cho họ. Loài chúng sinh này có lòng tin hiểu bậc trung, thì Ta nói pháp Duyên giác thừa cho họ. Loài chúng sinh này có lòng tin hiểu bậc thượng, thì Ta nói pháp Bồ-tát thừa cho họ”. Như Lai cũng không có ý nghĩ: “Loài chúng sinh này tin hiểu bổ thí thì Ta nói pháp Bồ thí Ba-la-mật. Loài chúng sinh này tin hiểu Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định và Trí tuệ thì Ta nói cho họ các pháp Ba-la-mật đó. Đối với các pháp, Như Lai không phân biệt. Vì sao? Vì pháp thân của Như Lai rốt ráo không sinh, vì Như Lai không sinh nên không dùng danh sắc để giảng nói mà theo sự nhận biết mới cho sự chuyển đổi. Dù trong khoảng sát-na, Như Lai cũng không có chút phân biệt. Như Lai đầy đủ tướng vô tận, đối với cảnh giới cùng tận, cảnh giới chân thật, Như Lai đều biết rõ ràng: Đó là tất cả pháp, là cảnh giới bình đẳng. Như Lai Ứng

Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác bình đẳng với tất cả mọi nơi, không phân biệt sai khác giữa hạ, trung, thượng. Cũng vậy, tất cả pháp đều bình đẳng, không có phân biệt khác nhau giữa hạ, trung, thượng. Vì sao? Vì tất cả các pháp vô sở đắc.

Này Diệu Cát Tường! Nếu tất cả các pháp vô sở đắc tức là tất cả các pháp bình đẳng. Nếu tất cả các pháp bình đẳng tức là pháp thường trụ. Nếu thường trụ tức là bất động. Nếu bất động tức là không chỗ nương dựa. Nếu tất cả các pháp không chỗ nương dựa tức là tâm vô sở trụ. Nếu tâm vô sở trụ tức là vô sinh nhưng lại sinh. Nếu quán sát được như vậy thì tâm, tâm sở chuyển biến mà không điên đảo. Tâm không điên đảo tức là lời nói đi đôi với việc làm. Nếu lời nói đi đôi với việc làm tức là không hý luận. Nếu không hý luận tức là vô sở hành. Nếu vô sở hành tức là không tan rã. Nếu không tan rã tức là không tụ tập. Nếu pháp không tan rã thì pháp tánh không trái ngược. Nếu pháp tánh không trái ngược tức là tùy thuận với tất cả mọi nơi. Nếu tùy thuận với tất cả mọi nơi tức là tự tánh của pháp bất động. Nếu tự tánh của pháp bất động thì tự tánh của pháp mới có sở đắc. Nếu tự tánh của pháp có sở đắc thì không có một pháp nhỏ nào mà không biết rõ được. Vì sao? Nên biết rằng vì tự tánh do nhân duyên sinh. Nếu tự tánh do nhân duyên sinh tức là hoàn toàn vô sinh. Nếu hoàn toàn vô sinh tức là được tịch tĩnh. Nếu được tịch tĩnh

tức là tất cả pháp tác ý không có chỗ dựa. Nếu tất cả pháp tác ý đều không có chỗ dựa tức là hoàn toàn không có chỗ dựa. Nếu không có chỗ dựa tức là không đắc, chẳng phải không đắc. Nếu không đắc, chẳng phải không đắc tức là đắc pháp thường trụ. Nếu đắc pháp thường trụ tức là tương ưng với pháp thâm sâu chắc thật. Nếu tương ưng với pháp thâm sâu chắc thật thì không có pháp nhỏ nào có thể trụ và cũng không có pháp Phật. Vì sao? Vì hiểu biết rõ về tánh không. Nếu giác ngộ được tánh không tức là Bồ-đề. Như vậy đối với không, vô tướng, vô nguyện, không tạo tác, không chấp trước, không sinh, không chấp thủ, không nương dựa đều giác ngộ, tức là Bồ-đề. Bồ-đề tương ưng với pháp thâm sâu chắc thật. Danh tương ưng do đó được hình thành, cho nên tương ưng pháp không cao, không thấp; tương ưng với không tạo tác, chẳng phải không tạo tác; tương ưng với không trói buộc, không tháo mở; tương ưng với không một tánh, không nhiều tánh; tương ưng với không đến, không đi. Đó tức là tương ưng pháp thâm sâu chắc thật. Nếu tương ưng với pháp thâm sâu chắc thật thì đó là không có chỗ tương ưng, cũng không có chỗ đoạn trừ, cũng không chứng quả. Vì sao? Vì tự tánh của tâm pháp xưa nay sáng suốt, chỉ vì bị khách trần phiền não làm ô ứ, nhưng thật sự tự tánh không bị ô nhiễm. Nếu tự tánh sáng suốt tức là không phiền não. Nếu không phiền não tức là

không đối trị. Nghĩa là do đối trị mà phiền não đều đoạn trừ cả. Vì sao? Vì không phải đã tịnh, không phải sẽ tịnh, không là thanh tịnh vì xưa nay như vậy. Nếu thanh tịnh tức là vô sinh. Nếu vô sinh tức là bất động. Nếu bất động thì đoạn trừ các hỷ lạc, tất cả những gì ưa thích cũng đều đoạn trừ. Nếu các ái đều đoạn diệt tức là vô sinh. Nếu pháp vô sinh tức là Bồ-đề. Bồ-đề là bình đẳng. Bình đẳng là chân như. Chân như tức là các pháp hữu vi hay vô vi đều là vô trụ. Nếu trong chân như không có pháp hữu vi hay vô vi tức là thiết lập bất nhị. Nếu pháp hữu vi và vô vi thiết lập bất nhị thì nó tức là chân như. Nếu nó là chân như thì không khác với chân như. Nếu không khác với chân như thì không có chủng loại chân như. Nếu không có chủng loại chân như tức là chân như không đến. Nếu chân như không đến tức là chân như không đi. Nếu chân như không đi thì đúng với chân như đã nói. Nếu đúng với chân như đã nói tức là chân như vô sinh. Chân như vô sinh tức là không nhiễm không tịnh. Nếu không nhiễm không tịnh tức là không sinh không diệt. Nếu không sinh không diệt tức là Niết-bàn bình đẳng. Nếu Niết-bàn bình đẳng tức là không sinh tử, cũng không Niết-bàn. Nếu không sinh tử, không Niết-bàn tức là không quá khứ, vị lai và hiện tại. Nếu không quá khứ, vị lai và hiện tại tức là không có pháp hạ, trung, thượng. Nếu không có pháp hạ, trung, thượng tức là chân như. Tên chân

như do đây mà lập ra. Như vậy, chân như nói đây cũng gọi là thật tánh. Thật tánh nói đây cũng gọi là như tánh, cũng là chân như. Chân như và ngã vốn không hai, cũng không có chủng loại. Nghĩa của không hai là Bồ-đề. Bồ-đề là nghĩa của giác ngộ. Nghĩa nói ở đây tức là trí chứng nhập ba môn giải thoát, là trí giảng nói tất cả pháp làm hiểu rõ và thể nhập vào tất cả pháp ba đời đều bình đẳng, là nghĩa tất cả pháp không hư hoại. Nghĩa nói ở đây tức là không nghĩa, không âm thanh, không ghi chép, không giải rõ và giải rõ sự phát khởi. Như vậy nói trí nghĩa là nghĩa tùy theo trí hiểu biết, thức tùy theo trí hiểu biết. Như vậy, thắng nghĩa tức là pháp tánh. Nghĩa của pháp tánh kia tức là nghĩa theo trí hiểu biết, thức theo trí hiểu biết, thắng nghĩa theo trí hiểu biết, đúng như pháp tánh tức là đúng như nghĩa. Nếu pháp tánh tức là pháp trụ tánh, thì đó là tánh tịch tĩnh của pháp. Pháp tịch tĩnh ấy không bị lay động. Nếu pháp không bị lay động thì văn và nghĩa đều bình đẳng. Nếu văn và nghĩa đều bình đẳng tức là nghĩa ấy không có hai và bình đẳng. Nếu nghĩa ấy bình đẳng thì nghĩa thức cũng bình đẳng. Đây là nhập vào trí bình đẳng của pháp môn không hai. Do đó thể tục và thắng nghĩa đều bình đẳng. Vì nghĩa thể tục bình đẳng nên nghĩa không và tánh bình đẳng đều bình đẳng. Nếu nghĩa tánh không bình đẳng thì Bồ-đặc-già-la bình đẳng và tánh bình đẳng. Nếu Bồ-đặc-già-la bình đẳng thì

tánh của pháp bình đẳng. Nếu pháp bình đẳng thì sự tin hiểu tánh bình đẳng. Nếu tin hiểu bình đẳng hiểu biết rõ ràng tức là Bồ-đề.

Này Diệu Cát Tường! Nếu đối với tánh bình đẳng của sắc mà có chấp trước có chướng ngại thì đối với mắt cũng có chướng ngại, vì trí tự tánh của sắc và mắt không bị chướng ngại. Nếu đối với các kiến mà có chấp trước, có chướng ngại, tức là đối với thân có chướng ngại, vì các kiến thú trong thân tự tánh là không trí, không bị chướng ngại. Nếu đối với tác ý không sâu bền mà có chấp trước, có chướng ngại, tức là đối với pháp quang minh có chướng ngại, vì các tác ý sâu bền nên quan sát tự tánh các pháp là không trí, không bị chướng ngại. Nếu đối với nghi hoặc câu nhiệm mà có chấp trước, có nghi ngờ, tức là giải thoát có chướng ngại, vì trí tín giải, giải thoát như thật, không bị chướng ngại. Nếu đối với biếng trễ câu nhiệm mà có chấp trước, có chướng ngại, tức là hiện chứng tinh tấn kiên cố không có chướng ngại, vì tánh hiểu rõ pháp đã nói không có chướng ngại. Nếu đối với các chướng ngại có chấp trước, có chướng ngại, tức là đối với pháp bảy giác chi có chướng ngại, vì trí giải thoát không chướng ngại, không có chướng ngại. Nên biết, tự tánh của tất cả pháp là thanh tịnh, chỉ do nhân duyên hòa hợp mà chuyển đổi. Các Bồ-tát phải biết rõ ràng nhân nhiễm, nhân tịnh trong tất cả pháp. Nếu nhân nhiễm, nhân tịnh đều thanh tịnh

tức là vô sở trụ. Nếu nói phát sinh ngã và phát sinh kiến đều là nhân nhiễm, thì nhập vào pháp vô ngã nhân nhục là nhân tịnh. Còn nói ngã, ngã sở và kiến là nhân nhiễm, thì bên trong tịch tĩnh, bên ngoài không tác động là nhân tịnh. Dục, sân, hại, tầm là nhân nhiễm; từ, bi, hỷ, xả nhập vào quán sát pháp, nhân nhục là nhân tịnh. Bốn điên đảo là nhân nhiễm, bốn niệm xứ là nhân tịnh. Năm cái là nhân nhiễm, năm căn là nhân tịnh. Sáu xứ là nhân nhiễm, sáu niệm là nhân tịnh. Bảy pháp tà là nhân nhiễm, bảy pháp giác chi là nhân tịnh. Tám pháp tà là nhân nhiễm, tám pháp chánh đạo là nhân tịnh. Chín não là nhân nhiễm, chín thứ đệ định là nhân tịnh. Mười nghiệp đạo bất thiện là nhân nhiễm, mười nghiệp đạo thiện là nhân tịnh. Nói tóm lại, tất cả tác ý về bất thiện đều là nhân nhiễm, tất cả tác ý thiện là nhân tịnh. Dù nhân nhiễm hay nhân tịnh thì tự tánh của các pháp ấy đều là không, không có chúng sinh, không có thọ mạng, không có người nuôi dưỡng, không có Bồ-đặc-già-la, không có chủ tể, không có giữ gìn, không tạo tác, như huyễn, không có tướng, nội tâm tịch tĩnh. Nếu trong tịch tĩnh thì hoàn toàn tịch tĩnh. Nếu hoàn toàn tịch tĩnh tức là tự tánh. Nếu là tự tánh của các pháp thì không sở đắc. Nếu không sở đắc thì không có chỗ nương tựa. Nếu không có chỗ nương tựa tức là hư không. Nên biết tất cả các pháp dù nhiễm hay tịnh đều như hư không. Nhưng hư không cũng không

hoại pháp tánh. Vì sao? Này Diệu Cát Tường! Vì trong đó không có một pháp nhỏ nào có thể đắc, hoặc là sinh, hoặc là diệt.

Bồ-tát Diệu Cát Tường bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Như vậy làm sao Như Lai chứng Bồ-đề?

Đức Phật dạy:

– Này Diệu Cát Tường! Vì không có căn bản không trụ nên đắc Bồ-đề.

Diệu Cát Tường thưa:

– Bạch Thế Tôn! Căn bản là gì và trụ là gì?

Đức Phật dạy:

– Này Diệu Cát Tường! Có thân là căn bản, do hư vọng phân biệt mà trụ. Vì Bồ-đề của Chư Phật Như Lai bình đẳng tức là trí của tất cả pháp bình đẳng, cho nên nói không có căn bản không có trụ. Nhờ đó mà Như Lai hiện chứng chánh giác.

Này Diệu Cát Tường! Ông nên biết các pháp tịch tĩnh và cận tịch. Sao gọi là tịch tĩnh? Sao gọi là cận tịch? Trong gọi là tịch tĩnh, ngoài gọi là cận tịch. Vì sao? Vì mắt rỗng không cho nên tự tánh của ngã và ngã sở cũng rỗng không, như vậy gọi là tịch tĩnh. Đã biết mắt rỗng không thì sắc không có chỗ nắm bắt, đây gọi là cận tịch. Vì tai rỗng không nên tự tánh của ngã và ngã sở đều rỗng không, đây gọi là tịch tĩnh. Đã biết tai rỗng không thì âm thanh không có chỗ nắm bắt, đây gọi là cận tịch. Vì mũi

rỗng không nên tự tánh ngã và ngã sở đều rỗng không, đây gọi là tịch tĩnh. Đã biết mũi rỗng không thì hương không có chỗ nắm bắt, đây gọi là cận tịch. Vì lưỡi rỗng không nên tự tánh của ngã và ngã sở đều rỗng không, đây gọi là tịch tĩnh. Đã biết lưỡi rỗng không thì vị không có chỗ nắm bắt, đây gọi là cận tịch. Vì thân rỗng không nên tự tánh của ngã và ngã sở đều rỗng không, đây gọi là tịch tĩnh. Đã biết thân rỗng không thì xúc không có chỗ nắm bắt, đây gọi là cận tịch. Vì ý rỗng không nên tự tánh của ngã và ngã sở đều rỗng không, đây gọi là tịch tĩnh. Đã biết ý rỗng không thì pháp không có chỗ nắm bắt, đây gọi là cận tịch.

Này Diệu Cát Tường! Tự tánh Bồ-đề trong sáng, tự tánh của tâm trong sáng. Vì sao? Vì nói tự tánh trong sáng tức là tự tánh không nhiễm ô, sánh bằng với hư không. Mà hư không và tự tánh bao trùm tất cả, giống như đặc tính của hư không. Hơn nữa, tự tánh vốn hoàn toàn trong sáng.

Lại nữa, này Diệu Cát Tường! Bồ-đề không nhập cũng không xuất. Thế nào là không nhập, không xuất? Nghĩa là không thấu lấy nên nói không nhập, không vứt bỏ nên nói là không xuất. Như Lai chứng ngộ không nhập, không xuất. Như sự chứng ngộ tức là đồng với chân như, không đây không kia, vì tất cả các pháp lìa bỏ đây kia. Thế nên Như Lai hiện thành Chánh giác.

Này Diệu Cát Tường! Bồ-đề là vô tướng và

cũng không có đối tượng duyên. Sao gọi là vô tướng và không có đối tượng duyên? Nghĩa là nhãn thức không có đối tượng để đắc, đó gọi là vô tướng. Sắc không có đối tượng quán, đó gọi là không có đối tượng duyên. Nhĩ thức không có đối tượng để đắc, đó gọi là vô tướng. Thanh không có chỗ nghe, đó gọi là không có đối tượng để duyên.

Tỷ thức không có đối tượng để đắc, đó gọi là vô tướng. Hương không chỗ ngửi, đó gọi là không có đối tượng để duyên.

Thiệt thức không có đối tượng để đắc, đó gọi là vô tướng. Vị không chỗ nếm, đó gọi là không có đối tượng để duyên.

Thân thức không có đối tượng để đắc, đó gọi là vô tướng. Xúc không chỗ giác biết, đó gọi là không có đối tượng để duyên.

Ý thức không có đối tượng để đắc, đó gọi là vô tướng. Pháp không chỗ phân biệt, đó gọi là không có đối tượng để duyên.

Này Diệu Cát Tường! Những điều nói trên đây đều là cảnh giới của chư Thánh. Nếu còn thuộc trong ba cõi thì chẳng phải là cảnh giới của bậc Thánh. Do đó cần phải hành trong cảnh giới của bậc Thánh.

Lại nữa, này Diệu Cát Tường! Bồ-đề chẳng phải quá khứ, vị lai, hiện tại. Ba đời đều bình đẳng nên ba luân đều đoạn. Ba luân đó là tâm quá khứ

không chuyên, thức vị lai không chấp lấy, ý hiện tại không động. Tâm, ý, thức ấy dù có chỗ trụ nhưng không phân biệt, không lìa phân biệt, không đo lường, không lìa đo lường, không có quá khứ đã làm ra, không có vị lai được lãnh thọ, và không có hiện tại hý luận.

Lại nữa, này Diệu Cát Tường! Bồ-đề chẳng phải do thân mà có thể đạt được, vì không có chỗ tạo tác. Chẳng phải do thân mà có thể đạt được, nghĩa là nhãn thức không chỗ nào để nhận biết và nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức không chỗ nào để nhận biết. Vì chẳng phải tâm, ý, thức nhận biết nên đó tức là vô vi. Như vậy nói về vô vi nghĩa là không sinh, không trụ, không diệt, ba luân thanh tịnh. Giống như vô vi ấy, đối với pháp hữu vi cần phải biết như thế. Vì sao? Vì tất cả pháp không có tự tánh, pháp không có tự tánh tức là pháp không có hai.

Này Diệu Cát Tường! Bồ-đề là nghĩa lý, không sai biệt. Sao gọi là không sai biệt? Sao gọi là nghĩa lý? Nghĩa là không tưởng là không sai biệt, chân như là nghĩa lý. Không trụ là không sai biệt, pháp giới là nghĩa lý. Không có các chủng tánh là không sai biệt, không động là nghĩa lý. Rỗng không là không sai biệt, không tưởng là nghĩa lý. Không tâm từ là không sai biệt, không tưởng là nghĩa lý. Không cầu nguyện là không sai biệt, không có chúng sinh là nghĩa lý. Chúng sinh không tự tánh

là không sai biệt, hư không là nghĩa lý. Không sở đắc là không sai biệt, không sinh là nghĩa lý. Không diệt là không sai biệt, không tạo tác là nghĩa lý. Không có chỗ tạo tác là không sai biệt, Bồ-đề là nghĩa lý. Vắng bật là không sai biệt, Niết-bàn là nghĩa lý. Không có đối tượng để chấp lấy là không sai biệt, không sinh là nghĩa lý.

Này Diệu Cát Tường! Bồ-đề chẳng phải do thân mà có thể chứng. Vì sao? Vì thân có sinh nhưng không nghĩ ngợi, bất động, giống như cây cỏ, gạch ngói, tâm ấy như huyền, rỗng không không thật, không tạo tác.

Này Diệu Cát Tường! Nếu hiểu rõ như thật về thân, tâm tức là Bồ-đề. Đây là thực hành theo thể tục đế chứ chẳng theo thắng nghĩa đế. Vì sao? Vì trong thắng nghĩa đế không có thân, không có tâm, không có pháp, không có phi pháp, không thật, không phải không thật, không chân, không vọng, không nói năng, không phải không nói năng. Tất cả pháp là Bồ-đề. Vì sao? Vì Bồ-đề không có xứ sở, không thể dùng ngôn ngữ để tỏ bày. Ví như hư không không có xứ sở, cũng không tạo tác, không sinh, không diệt, không thể dùng ngôn ngữ để tỏ bày. Như Lai là Bồ-đề không có xứ sở, không tạo tác, không sinh, không diệt, không bày tỏ. Khi quán sát như thật, như lý thì hết thấy pháp ấy đều không nói năng, Bồ-đề cũng vậy, khi quán sát như thật cũng không nói năng. Vì sao? Vì sự nói năng

không thật, nên không sinh diệt.

Này Diệu Cát Tường! Bồ-đề không thể nắm bắt, không thể chứa giấu. Sao gọi là không thể nắm bắt? Sao gọi là không chứa giấu? Vì hiểu rõ nhãn nên gọi là không thể nắm bắt. Với sắc không chỗ thủ đắc nên gọi là không chứa giấu. Hiểu rõ về nhĩ nên gọi là không thể nắm bắt. Với thanh không chỗ thủ đắc nên gọi là không chứa giấu. Hiểu rõ tỷ nên gọi là không thể nắm bắt. Với hương không chỗ thủ đắc nên gọi là không chứa giấu. Hiểu rõ thiệt nên gọi là không thể nắm bắt. Với vị không chỗ thủ đắc nên gọi là không chứa giấu. Hiểu rõ về thân nên gọi là không thể nắm bắt. Với xúc không chỗ thủ đắc nên gọi là không chứa giấu. Hiểu rõ về ý nên gọi là không thể nắm bắt. Với pháp không chỗ thủ đắc nên gọi là không chứa giấu.

Do Như Lai không thể nắm bắt và không chứa giấu nên hiện chứng Bồ-đề. Sau khi chứng Bồ-đề thì nhãn không có gì để nắm bắt, sắc không có cái để đắc, nhãn thức không trụ. Nhĩ không chỗ nắm bắt, thanh không chỗ thủ đắc, nhĩ thức không trụ. Tỷ không chỗ nắm bắt, hương không chỗ thủ đắc, tỷ thức không trụ. Thiệt không chỗ nắm bắt, vị không chỗ thủ đắc, thiệt thức không trụ. Thân không chỗ nắm bắt, xúc không chỗ thủ đắc, thân thức không trụ. Ý không chỗ nắm bắt, pháp không chỗ thủ đắc, ý thức không trụ. Với thức không trụ nên mới gọi là Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng

Chánh Giác.

Diệu Cát Tường nên biết! Chúng sinh có bốn loại pháp để tâm trụ vào. Những gì là bốn?

Đó là Sắc, Thọ, Tưởng và Hành. Tất cả chúng sinh đều trụ vào tâm ấy. Nghĩa là vì tâm của chúng sinh trụ vào bốn pháp đó nên Như Lai mới nói bất sinh bất diệt. Vì không hiểu rõ nên kiến lập ra Bồ-đề, gọi đó là không. Vì Bồ-đề rỗng không nên tất cả pháp đều rỗng không và Như Lai cũng rỗng không. Nhờ không ấy mà hiện chứng chánh giác.

Này Diệu Cát Tường! Vì chẳng phải là rỗng không cho nên thủ chúng. Bồ-đề cũng rỗng không. Nên biết, trong pháp có một trí đúng đó là tánh không. Vì Bồ-đề không phải là rỗng không cho nên Bồ-đề không hai. Do đó Bồ-đề và không đều không có chủng loại. Vì sao? Vì tất cả các pháp ấy vốn là không hai, không có tướng trạng, không có chủng loại, không danh, không tướng, lìa tâm ý thức, không sinh, không diệt, không hành, chẳng phải không hành, cũng không chứa nhóm, không văn tự, không quên mất. Do đó mới nói các pháp là rỗng không, không có đối tượng để nắm bắt. Những điều nói ra đây chẳng phải theo thẳng nghĩa đế, vì trong thẳng nghĩa đế không có pháp để đạt được nên mới nói là rỗng không.

Này Diệu Cát Tường! Ví như hư không, hư không nói ở đây nghĩa là không có lời nói, nên gọi

là hư không. Này Diệu Cát Tường! Pháp không cũng lại như vậy, pháp không nói ở đây nghĩa là vô ngôn, do đó gọi là rỗng không. Nếu thể nhập hoàn toàn được như vậy tức là tất cả các pháp không có danh từ. Vì không có danh từ nên tất cả các pháp mượn danh từ để thiết lập.

Này Diệu Cát Tường! Danh không ở phương nào, không là một phương. Vì danh không ở phương nào, không là phương, nên pháp mới có danh từ để nói. Pháp mà được nói ra cũng không ở phương nào, không là phương.

Tất cả các pháp cũng đều như vậy. Như Lai đã hiểu rõ xưa nay là như vậy, không sinh, không diệt, không phát khởi, không tướng, là tâm ý thức, không văn tự, không âm thanh. Nếu ai hiểu rõ được như vậy thì đều được giải thoát.

Này Diệu Cát Tường! Nên biết, tất cả các pháp không buộc, không mở.



KINH ĐẠI THỪA NHẬP CHƯ PHẬT CẢNH GIỚI TRÍ QUANG MINH TRANG NGHIÊM

QUYỂN IV

Đức Phật dạy:

– Này Diệu Cát Tường! Bồ-đề giống như hư không, nghĩa là hư không không cao, không thấp. Cũng vậy, Bồ-đề không cao, không thấp, do đó mà Như Lai thành Chánh Đẳng Chánh Giác. Tuy thành Chánh Giác nhưng Như Lai không thấy có một pháp nhỏ nào như vi trần cao hoặc thấp được tạo thành. Pháp như vậy và biết đúng như vậy tức là thật trí.

Này Diệu Cát Tường! Sao gọi là thật trí? Biết tất cả các pháp đều không có nguồn gốc, không sinh, không diệt. Chúng không có thật tánh, cũng không có chỗ thủ đắc. Nếu có thật tánh tức là pháp diệt. Dù cho pháp kia có sinh nhưng không có chủ thể, nên cũng không giữ gìn được.

Này Diệu Cát Tường! Nếu pháp không có chủ thể, không giữ gìn tức là pháp diệt. Những pháp này hoặc sinh hoặc diệt thì phải biết rằng nó đều duyên vào pháp mà chuyển. Trong đây cũng chẳng phải

có một pháp nhỏ nào có thể chuyển. Nhưng Phật Như Lai không nói tướng đoạn diệt của các pháp.

Lại nữa, này Diệu Cát Tường! Bồ-đề là nghĩa lý hợp với giáo pháp. Vì sao gọi là nghĩa lý hợp với giáo pháp? Nghĩa lý hợp với giáo pháp tức là Bồ-đề. Như Bồ-đề, sắc, thọ, tưởng, hành, thức cũng thế, nhưng nó không là chân như. Như Bồ-đề, nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý và sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ cũng vậy, nhưng không là chân như. Như Bồ-đề, nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới, nhĩ giới, thanh giới, nhĩ thức giới, tỷ giới, hương giới, tỷ thức giới, thiệt giới, vị giới, thiệt thức giới, thân giới, xúc giới, thân thức giới, ý giới, pháp giới, ý thức giới cũng vậy, nhưng không là chân như. Như Bồ-đề, địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới cũng vậy, nhưng không là chân như. Những pháp ấy được an lập như vậy. Những pháp được an lập đó là Uẩn xứ giới. Do đó việc Như Lai thành Đẳng Chánh Giác đều xa lìa pháp điên đảo. Nếu pháp trước, sau như vậy thì pháp giữa cũng như vậy. Khoảng trước không sinh, khoảng sau không đi, khoảng giữa tánh lìa. Pháp như vậy thì gọi là nghĩa lý hợp với giáo pháp. Nếu một pháp như vậy thì nhiều pháp cũng như vậy. Nếu nhiều pháp như vậy thì một pháp cũng như vậy.

Này Diệu Cát Tường! Hoặc một tánh hay nhiều tánh cũng đều không có chỗ thủ đắc, hoặc hữu tướng, vô tướng, đều không nhập, không trụ. Thế

nào là tướng? Thế nào là vô tướng?

Nói về tướng nghĩa là sinh khởi tất cả pháp thiện. Còn nói về vô tướng nghĩa là tất cả các pháp không thể thủ đắc. Lại nữa, tướng tức là tâm không trụ ở phần vị nào. Vô tướng tức là pháp môn giải thoát Tam-ma-địa. Tướng là chỉ cho tất cả các pháp có thể tư duy, đo lường, tính toán, quán sát. Vô tướng nghĩa là chỉ cho các pháp vượt qua khỏi sự đo lường. Sao gọi là vượt qua khỏi sự đo lường? Nghĩa là thức và pháp đều không có. Tướng tức là quán xét hữu vi. Vô tướng là quán xét vô vi.

Này Diệu Cát Tường! Bồ-đề là vô lậu, vô thủ. Vô lậu là gì? Vô thủ là gì? Vô lậu là lìa bốn pháp hữu lậu. Những gì là bốn? Đó là: Dục lậu, Hữu lậu, Vô minh lậu, Kiến lậu. Vô thủ là lìa bốn pháp chấp trước. Những gì là bốn? Đó là: Dục thủ, Kiến thủ, Giới cấm thủ, Ngã ngữ thủ. Bốn thủ này đều do vô minh che lấp, pháp ái thâm nhuận vương níu lẫn nhau.

Này Diệu Cát Tường! Nếu như ban đầu có thể hiểu rõ cội gốc của ngã ngữ thủ thì tức là ngã thanh tịnh. Sau khi ngã thanh tịnh thì theo đó mà biết tất cả chúng sinh thanh tịnh. Do ngã thanh tịnh nên tất cả chúng sinh ấy thanh tịnh. Nếu tất cả chúng sinh thanh tịnh thì pháp không có hai, không có hai loại. Nếu pháp không có hai tức là không có sinh, không có diệt.

Này Diệu Cát Tường! Nếu không sinh, không diệt tức là không có tâm ý thức có thể chuyển. Nếu không có tâm ý thức có thể chuyển tức là vô phân biệt. Nếu vô phân biệt thì tác ý sâu bền dù có kết nối với vô minh cũng không thể nào sinh khởi được. Nếu vô minh không sinh khởi thì mười hai hữu chi cũng không sinh khởi. Nếu mười hai hữu chi không sinh khởi tức là pháp vô sinh. Nếu pháp vô sinh là pháp quyết định. Nếu pháp quyết định tức là nghĩa điều phục. Nghĩa điều phục tức là nghĩa thù thắng. Nghĩa thù thắng tức là lìa nghĩa Bồ-đặc-già-la. Lìa nghĩa Bồ-đặc-già-la tức là nghĩa bất khả thuyết. Nghĩa bất khả thuyết tức là nghĩa duyên sinh. Nghĩa duyên sinh tức là nghĩa pháp. Nghĩa pháp tức là nghĩa Như Lai. Theo những điều đã nói thì nếu thấy duyên sinh, thì có thể thấy pháp. Nếu có thể thấy pháp tức là thấy Như Lai. Những điều đã thấy đó mà xét kỹ càng như lý thì trong đó cũng không thấy một pháp nhỏ nào cả.

Này Diệu Cát Tường! Thế nào gọi là pháp nhỏ? Đó là đối tượng để tâm duyên vào. Nếu không có đối tượng để tâm duyên vào tức là không có đối tượng để thấy. Do pháp như vậy mà Như Lai thành Chánh giác. Vì đặc tính của bình đẳng vốn đã bình đẳng.

Lại nữa, này Diệu Cát Tường! Bồ-đề là nghĩa thanh tịnh, nghĩa vô cầu, nghĩa vô trước. Sao gọi

là thanh tịnh? Sao gọi là vô cấu? Sao gọi là vô trước? Nghĩa là pháp môn giải thoát không là thanh tịnh, pháp môn giải thoát vô tướng là vô cấu, pháp môn giải thoát vô nguyện là vô trước. Không sinh là thanh tịnh, không tác ý là vô cấu, không sinh khởi là vô trước. Tự tánh là thanh tịnh, tròn đầy thanh tịnh là vô cấu, trong sáng là vô trước. Không hý luận là thanh tịnh, lìa hý luận là vô cấu, hý luận được vắng lặng là vô trước. Chân như là thanh tịnh, pháp giới là vô cấu, chân tế là vô trước. Hư không là thanh tịnh, rộng lặng là vô cấu, rộng lớn là vô trước. Hiểu biết nội pháp là thanh tịnh, bên ngoài không có tạo tác là vô cấu, trong và ngoài không có chỗ thủ đắc là vô trước. Hiểu biết về pháp uẩn là thanh tịnh, tự tánh của giới pháp là vô cấu, lìa các pháp xứ là vô trước. Quá khứ tận trí là thanh tịnh, vị lai vô sinh trí là vô cấu, hiện tại pháp giới an trụ trí là vô trước.

Này Diệu Cát Tường! Như vậy các nghĩa về thanh tịnh, vô cấu, vô trước đều thâm nhập vào trong một câu. Đó là nghĩa tịch tĩnh. Và tịch tĩnh là biến tịch, biến tịch là cận tịch, cận tịch là tịch chỉ, mà tịch ở đây tức là chỉ cho pháp Đại Mâu Ni.

Này Diệu Cát Tường! Như hư không, Bồ-đề cũng vậy. Như Bồ-đề, các pháp cũng vậy. Như các pháp, chúng sinh cũng vậy. Như chúng sinh, quốc độ cũng vậy. Như quốc độ, Niết-bàn cũng vậy.

Này Diệu Cát Tường! Nói như vậy tức là Niết-

bàn vốn bình đẳng, vì nhân của tất cả các pháp vốn hoàn toàn thanh tịnh, nó không có đối trị, là nhân đối trị, vì xưa nay thanh tịnh, xưa nay vô cấu, xưa nay vô trước. Như Lai hiểu rõ tất cả các pháp này. Do tướng như vậy nên Như Lai hiện thành Chánh Giác. Sau đó ngài quán sát các cõi chúng sinh, kiến lập pháp môn du hí thanh tịnh, vô cấu và vô trước. Do danh từ ấy mà tâm đại bi của chúng sinh chuyển đổi.

Này Diệu Cát Tường! Thế nào là Bồ-tát thực hành hạnh thù thắng? Nghĩa là Bồ-tát không có tận diệt nhưng tất cả đều tận diệt, không có sinh mà tất cả đều sinh, đối với tướng hoàn toàn tận, không có gì để lãnh thọ, nhưng cũng không hoại cứu cánh vô sinh.

Này Diệu Cát Tường! Bồ-tát nào thực hành như vậy tức là thực hành hạnh thù thắng của Bồ-tát.

Này Diệu Cát Tường! Bồ-tát đối với tâm quá khứ đã tận diệt đó gọi là không chỗ hành, tâm vị lai chưa đến đó gọi là không chỗ hành, tâm hiện tại vô trụ đó gọi là không chỗ hành. Đối với tâm quá khứ, vị lai và hiện tại Bồ-tát đều không chấp trước. Nếu Bồ-tát hành như vậy thì đó là Bồ-tát hành hạnh thù thắng.

Lại nữa, đối với pháp bố thí, chư Phật Như Lai và các Bồ-tát không có hai, không có hai loại. Nếu Bồ-tát hành như vậy là hành hạnh thù thắng của

Bồ-tát. Trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định và trí tuệ cũng như vậy. Chư Phật Như Lai và các Bồ-tát không có hai, không có hai loại. Bồ-tát hành như vậy là hạnh thù thắng của Bồ-tát.

Này Diệu Cát Tường! Bồ-tát không hành sắc là không, không hành sắc là bất không. Nếu Bồ-tát hành như vậy là hạnh thù thắng của Bồ-tát. Vì sao? Vì sắc tức là không và tự tánh của sắc cũng là không. Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Cho nên không hành thức không, không hành thức bất không. Nếu Bồ-tát hành như vậy là hạnh thù thắng của Bồ-tát. Vì sao? Vì tâm ý thức không có chỗ thủ đắc.

Này Diệu Cát Tường! Trong đó không có một pháp nhỏ nào có thể có hoặc biết, hoặc đoạn, hoặc tu, hoặc chứng, vì cả thấy đều không có, do vậy nên gọi là tận diệt. Như vậy là tướng hoàn toàn tận. Nếu hoàn toàn tận tức là không chỗ tận, mà đặc tính của không vốn đã không tận diệt. Vì sao? Vì đúng như tận được nói. Nếu đúng như tận được nói thì không có pháp nào có thể tận. Nếu không có pháp nào tận tức là vô vi. Vô vi là vô sinh, mà cũng là vô diệt. Nếu Phật có xuất hiện hay không xuất hiện ở đời thì pháp tánh vẫn thường trụ. Vì pháp trụ, tức là pháp giới. Như pháp giới trụ nên trí không bị chuyển, cũng không phải không chuyển. Vì trí không chuyển, chẳng phải không chuyển, nên ai ngộ nhập pháp lý ấy thì đắc vô lậu, vô sinh,

vô diệt. Đây gọi là lậu tận.

Này Diệu Cát Tường! Thế nên biết rằng mặc dù âm thanh văn tự của thế tục tập hợp lại để bày tỏ, nhưng trong đó không có pháp nhỏ nào sinh hay diệt cả.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Đồng Chân Diệu Cát Tường rời chỗ ngồi, trích bày vai phải, gối phải quỳ sát đất, chấp tay hướng về Phật ca ngợi bằng kệ:

*Vô hình hiển sắc không tướng trạng
 Trong đó không diệt cũng không sinh
 Không trụ lại không có căn bản
 Nay kính lạy Đấng Vô Sở Duyên.
 Vì không trụ nên không ra vào
 Và cũng không còn các phần vị
 Đã vĩnh viễn ra khỏi sáu đường
 Nay kính lạy Đấng Vô Sở Duyên.
 Trong tất cả pháp không chỗ trụ
 Hữu tánh, vô tánh đều xa lìa.
 Các hành bình đẳng được viên thành
 Nay kính lạy Đấng Vô Sở Duyên.
 Đã được thoát ra khỏi ba cõi
 Trụ trong tánh bình đẳng hư không.
 Các dục thế gian tâm không nhiễm.
 Nay kính lạy Đấng Vô Sở Duyên.
 Luôn an trụ trong Tam-ma-địa
 Đi đứng nằm ngồi cũng như vậy
 Các oai nghi đỉnh đạc sáng ngời*

Nay kính lạy Đấng Vô Sở Duyên.
 Bình đẳng đến và bình đẳng đi
 Trụ an nhiên trong tánh bình đẳng
 Không hoại pháp môn tánh bình đẳng
 Nay kính lạy Đấng Vô Sở Duyên.
 Đại Thánh khéo nhập tánh bình đẳng
 Các pháp đều trụ tâm an định
 Nhập khắp môn diệu pháp vô tướng
 Nay kính lạy Đấng Vô Sở Duyên.
 Đại Thánh vô trụ vô sở duyên
 Trong định chứa tuệ cao vời vợi
 Hết thấy các pháp được viên thành
 Nay kính lạy Đấng Vô Sở Duyên.
 Oai nghi, sắc tướng và nói năng
 Cùng âm thanh chúng sinh cũng vậy
 Đều thị hiện trong khoảng sát-na
 Nay kính lạy Đấng Vô Sở Duyên.
 Đại Thánh đã lìa các danh sắc
 Uẩn giới pháp cũng đều đoạn tận
 Nhập hoàn toàn vào môn vô tướng
 Nay kính lạy Đấng Vô Sở Duyên.
 Đại Thánh hoàn toàn xa các tướng
 Cảnh giới sắc tướng cũng xa lìa
 Đã nhập hoàn toàn môn vô tướng
 Nay kính lạy Đấng Vô Sở Duyên.
 Không còn tư duy, không phân biệt
 Ý tịnh cũng không có chỗ trụ
 Không còn tác ý, không khởi niệm

Nay kính lạy Đấng Vô Sở Duyên.
 Ví như hư không không cất chứa
 Đã lìa hý luận, không chấp trước
 Tâm ấy bình đẳng như hư không
 Nay kính lạy Đấng Vô Sở Duyên.
 Ví như hư không không ranh giới
 Pháp tánh chư Phật cũng như vậy
 Đã vượt ra khỏi cửa ba đời,
 Nay kính lạy Đấng Vô Sở Duyên.
 Tướng chư Phật giống như hư không
 Thì hư không ấy cũng vô tướng
 Đã giải thoát hẳn việc và nhân
 Nay kính lạy Đấng Vô Sở Duyên.
 Trong tất cả pháp không chỗ dựa
 Như trăng trong nước không bắt được
 Không tướng ngã và không âm thanh
 Nay kính lạy Đấng Vô Sở Duyên.
 Đại Thánh không nương vào uẩn pháp
 Các pháp giới xứ cũng như vậy
 Đã giải thoát hẳn tâm điên đảo
 Nay kính lạy Đấng Vô Sở Duyên.
 Đại Thánh đã lìa cả nhị biên
 Cũng đoạn trừ luôn cả ngã kiến
 Pháp giới bình đẳng được viên thành
 Nay kính lạy Đấng Vô Sở Duyên.
 Đã giải thoát sắc tướng danh số
 Và lại xa lìa pháp bất chánh
 Không lầy không bỏ tâm bình đẳng

Nay kính lạy Đấng Vô Sở Duyên.
 Đã vượt qua khỏi các pháp ma
 Thông đạt rõ về tất cả pháp
 Nhập vào pháp môn không chương ngại
 Nay kính lạy Đấng Vô Sở Duyên.
 Chánh trí không nói các pháp hữu
 Và cũng không nói các pháp vô
 Dứt đường nói năng, không phát sinh
 Nay kính lạy Đấng Vô Sở Duyên.
 Bậc Thánh không nương vào hai pháp
 Bẻ gãy cờ ngã mạn từ lâu
 Giải thoát pháp môn hai, không hai
 Nay kính lạy Đấng Vô Sở Duyên.
 Tất cả tội lỗi thân, ngữ, ý
 Đại Thánh đã đoạn diệt từ lâu
 Không thể ví dụ, không nghĩ bàn
 Nay kính lạy Đấng Vô Sở Duyên.
 Đại Thánh không chuyển không phát ngộ
 Đều xa lìa tất cả tội lỗi
 Làm người trí dẫn đường đi khắp
 Nay kính lạy Đấng Vô Sở Duyên.
 Tịnh niệm vô lậu rất vi diệu
 Pháp thật, không thật đều biết rõ
 Cũng không chấp trước, không tư duy
 Nay kính lạy Đấng Vô Sở Duyên.
 Đại Thánh với tâm không sở duyên
 Nhưng biết khắp hết thấy tâm
 Không sinh tưởng nhớ mình và người

Nay kính lạy Đấng Vô Sở Duyên.
 Trong không sở duyên có sở duyên
 Tất cả các tâm không tham đắm
 Pháp không chướng ngại đã tròn sáng
 Nay kính lạy Đấng Vô Sở Duyên.
 Với đại Thánh, tâm vô sở duyên
 Và tự tánh lại vô sở hữu
 Vô tâm bình đẳng được viên thành
 Nay kính lạy Đấng Vô Sở Duyên.
 Đại Thánh không dựa vào trí pháp
 Để quán sát khắp các quốc độ
 Tất cả chúng sinh hành cũng vậy
 Nay kính lạy Đấng Vô Sở Duyên.
 Bậc trí với tâm vô sở đắc
 Trong đó hoàn toàn đều không có
 Với các pháp đều Chánh Biến Tri
 Nay kính lạy Đấng Vô Sở Duyên.
 Biết tất cả pháp đều như huyễn
 Nhưng huyễn này cũng lại không có
 Đã giải thoát hẳn pháp môn huyễn
 Nay kính lạy Đấng Vô Sở Duyên.
 Bậc Chánh Giác tuy vào thế gian
 Nhưng không theo vào pháp người đời
 Không có tâm phân biệt thế gian
 Nay kính lạy đấng Vô Sở Duyên.
 Bậc đại Thánh hành trong không đó
 Do không mà thành cảnh giới không
 Không và phi không bậc Thánh nói

Nay kính lạy đấng Vô Sở Duyên.
 Hiện đại thân thông hóa các việc
 Nương vào Tam-ma-địa như huyền
 Lìa chủng chủng tánh nhập khắp môn
 Nay kính lạy đấng Vô Sở Duyên.
 Hiểu rõ tánh chẳng một chẳng nhiều
 Dù gần hay xa không bị chuyển
 Không cao không thấp tâm bình đẳng
 Nay kính lạy đấng Vô Sở Duyên.
 Định Kim cang dụ đã hiện tiền
 Trong khoảng sát-na thành Chánh Giác
 Nhập khắp pháp môn không chướng ngại
 Nay kính lạy đấng Vô Sở Duyên.
 Tuy biết Niết-bàn không bị động
 Điều phục hoàn tất cả ba đời
 Đây đủ các loại môn phương tiện
 Nay kính lạy đấng Vô Sở Duyên.
 Với tất cả loài chúng sinh ấy
 Trí tuệ hiểu đúng và phương tiện
 Nhưng môn Niết-bàn vẫn bất động
 Nay kính lạy đấng Vô Sở Duyên.
 Đại Thánh vô tướng không phát ngộ
 Đã lìa hý luận không chướng ngại
 Vì vô ngã nên tâm không ngại
 Nay kính lạy đấng Vô Sở Duyên.
 Đã lìa nghi ngờ không làm lỗi
 Không ngã, ngã sở đều như vậy
 Đối tất cả xứ đều biết hết

Nay kính lạy đấng Vô Sở Duyên.



KINH ĐẠI THỪA NHẬP CHƯ PHẬT CẢNH GIỚI TRÍ QUANG MINH TRANG NGHIÊM

QUYỂN V

*Lạy Đấng Thập lực đoạn phiền não
 Lạy Đấng Quảng đại ban vô úy
 Trụ an trong các pháp bất cộng
 Cúi lạy Đấng Tôn thắng thế gian.
 Cúi lạy Đấng đoạn các trói buộc
 Cúi lạy Đấng đã trụ bờ kia
 Cúi lạy Đấng cứu khổ thế gian
 Cúi lạy Đấng không trụ sinh tử.
 Thông đạt hết các nghiệp chúng sinh
 Ý niệm xa lìa mọi đối tượng
 Như sen trong nước chẳng dính thấm
 Luôn gần gũi thanh tịnh vắng lặng.
 Các pháp vô thượng của Đạo sư
 Lạy Đấng Vô trước vượt biển nhiệm
 Quán sát rớt ráo môn các tướng
 Đối các nguyện cầu đều không có.
 Đại oai lực Phật chẳng nghĩ bàn
 Như hư không không chỗ nương tựa
 Cúi lạy Đấng giữ môn thắng đức*

Lạy Đấng giống như núi Diệu-cao.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn khen ngợi Đại Bồ-tát Đồng Chân Diệu Cát Tường:

– Lành thay! Lành thay! Này Diệu Cát Tường! Đúng vậy, đúng vậy! Này Diệu Cát Tường! Đừng nhìn chư Phật bằng sắc tướng, đừng nói rằng các pháp là vô tướng, đừng cho rằng chư Phật ở riêng pháp giới của mình, đừng cho rằng Phật ở trong đại chúng, mà nên biết rằng chư Phật không thấy, không nghe, không được cúng dường và không có người cúng dường. Chư Phật Như Lai không có một pháp nhỏ nào dù một tánh hay nhiều tánh để có thể tạo tác cả. Đừng cho rằng chư Phật đắc quả Bồ-đề, đừng cho rằng Phật có pháp có thể hiện, không thấy, không nghe, không niệm, không biết. Phật cũng không nói, đã nói, đang nói, sẽ nói các pháp cũng chẳng phải chư Phật hiện thành Chánh Giác, cũng không có pháp có thể thành Chánh Giác, cũng chẳng phải chư Phật đoạn nhiễm chứng tịnh. Giả sử có làm việc gì đều xa lìa thấy, nghe, hay, biết. Vì sao? Diệu Cát Tường nên biết! Vì tất cả các pháp xưa nay thanh tịnh.

Lại nữa, này Diệu Cát Tường! Ông nên biết công đức của kinh này không thể nghĩ bàn. Nếu có Bồ-tát làm cho tất cả chúng sinh trong ba ngàn đại thiên thế giới nhiều như số vi trần đều chứng quả Duyên giác, nhưng lại không tin, không hiểu về chánh pháp này. Nếu có Bồ-tát đối với chánh pháp

này mà tin hiểu thì phước của vị tin hiểu này đạt được so với vị trước nhiều vô lượng, huống chi tự mình ghi chép hoặc bảo người khác ghi chép, thì phước đạt được càng tăng trưởng thù thắng nhiều gấp bội.

Lại nữa, này Diệu Cát Tường! Hoặc có người đem tất cả loài chúng sinh trong ba ngàn đại thiên thế giới như noãn sinh, thai sinh, hóa sinh, thấp sinh, hoặc có sắc, không sắc, có tướng, không tướng, chẳng phải có tướng, chẳng phải không tướng, hoặc hai chân, bốn chân, không chân, nhiều chân, làm cho hết thảy loài chúng sinh này đều được làm người, sau khi được làm người đều làm cho phát tâm đại Bồ-đề, sau khi phát tâm đại Bồ-đề, mỗi Bồ-tát ở trong bất khả tư nghì cõi Phật đem những thức ăn uống, y phục, ngọc cụ, thuốc thang và các vật ưa thích để cúng dường cung cấp cho vô số vi trần chư Phật, Bồ-tát và chúng Thanh văn, trải qua hằng hà sa kiếp. Sau khi chư Phật nhập Niết-bàn lại xây tháp bảy báu rộng một do-tuần, cao trăm ngàn do-tuần, dùng các châu báu làm đường viên, trang hoàng bằng trân châu ma-ni tuyệt đẹp, dựng nhiều loại cờ phướn, lọng báu có lưới tự tại bảo châu đẹp rủ xuống trang hoàng đủ loại; hoặc có người thân tâm thanh tịnh có thể vào cảnh giới của chư Phật nghe chánh pháp Trí quang minh trang nghiêm thâm sâu này, nghe xong tin hiểu và lại ngộ nhập tâm thanh tịnh, giảng nói sơ

lượng cho mọi người, thậm chí chỉ một bài kệ bốn câu thì phước người này đạt được không thể tính kể, hiện chứng Phật trí, thành tựu sự nghiệp, phước hạnh thù thắng. Phước của vị này đem so với phước bố thí của vị trước nhiều hơn cả trăm phần, ngàn phần, trăm ngàn phần, ngàn câu-chi phần, trăm ngàn ức phần, toán phần, số phần, ví dụ phần cho đến phần nhỏ nhất đều không sánh kịp.

Lại nữa, này Diệu Cát Tường! Hoặc có Bồ-tát tại gia ở nơi chỗ hằng hà sa chư Phật, Bồ-tát và Thanh văn đem những thức ăn uống, y phục, ngọa cụ, thuốc thang cung cấp cúng dường trải qua hằng hà sa kiếp. Hoặc có Bồ-tát xuất gia giới hạnh thanh tịnh, thâm tâm đầy đủ, cho bày bố một ít thức ăn thậm chí chỉ một miếng ăn, thì phước vị này đạt được so với phước người trước nhiều hơn cả trăm phần, ngàn phần, trăm ngàn phần, ngàn câu-chi phần, trăm ngàn ức phần, toán phần, số phần, thí dụ phần cho đến phần nhỏ nhất cũng không sánh kịp.

Lại nữa, này Diệu Cát Tường! Hoặc chúng Bồ-tát xuất gia trong ba ngàn đại thiên thế giới nhiều như vi trần có hạnh đầy đủ, thâm tâm thanh tịnh. Mỗi Bồ-tát đối với vô số hằng hà sa chư Phật, Bồ-tát và Thanh văn khắp mười phương thế giới, đem thức ăn uống, y phục, ngọa cụ, thuốc thang để cung cấp cúng dường trải qua vô số hằng hà sa kiếp, thì phước của các Bồ-tát này đạt được nhiều vô lượng.

Hoặc có BỒ-tát tại gia hay xuất gia giới hạnh đầy đủ, thâm tâm thanh tịnh, sau khi nghe chánh pháp này tin hiểu, hoặc tự mình ghi chép hoặc bảo người khác ghi chép, thì phước vị này đạt được so với phước bố thí của BỒ-tát trước càng tăng trưởng thù thắng hơn trăm phần, ngàn phần, trăm ngàn ức phần, toán, số, thí dụ đều không sánh kịp.

Lại nữa, này Diệu Cát Tường! Hoặc có BỒ-tát đem bảy báu đặt đầy cả ba ngàn đại thiên thế giới, trải qua số kiếp nhiều như số vi trần của ba ngàn đại thiên thế giới để bố thí cúng dường chư Phật, BỒ-tát. Hoặc có BỒ-tát đối với chánh pháp này mà có thể thể nhập sơ lược thậm chí chỉ một bài kệ bốn câu, thì phước vị này đạt được so với phước của vị trước nhiều hơn cả trăm phần, ngàn phần, trăm ngàn ức phần, toán số, thí dụ cũng không sánh kịp.

Này Diệu Cát Tường! Phước hạnh bố thí trải qua số kiếp nhiều như vi trần của ba ngàn đại thiên thế giới như trên gác qua một bên.

Này Diệu Cát Tường! Hoặc có vô số hằng hà sa số BỒ-tát, mỗi BỒ-tát đều ở trong vô số hằng hà sa cõi Phật đem các cây báu và y phục thượng hạng bằng vàng Diêm-phù-đàn, lầu gác bằng ngọc báu ma-ni tự tại vương, có lưới ngọc báu ma-ni chân châu phổ biến quang minh rủ xuống, dùng ngọc báu ma-ni điện quang minh làm đường viền, dựng cờ phướn, lọng báu đẹp đẽ. Sau khi trang hoàng xong, hằng ngày đem những thứ ấy cúng dường

cho vô số chư Phật Thế Tôn, trải qua vô số hằng hà sa kiếp tu hạnh bố thí như vậy. Hoặc có Bồ-tát sau khi nghe, tin hiểu chánh pháp thâm diệu tối thượng này, rồi giảng nói sơ lược đúng như lý, thậm chí chỉ nói một bài kệ bốn câu cho các Bồ-tát khác để họ ngộ nhập, thì phước của vị này đạt được so với phước bố thí của Bồ-tát trước nhiều hơn cả trăm phần, ngàn phần, trăm ngàn ức, toán, số, thí dụ đều không sánh kịp.

Lại nữa, này Diệu Cát Tường! Giả sử sau khi ba cõi thành rồi, và có các loài chúng sinh đang chịu khổ trong địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Nếu có Bồ-tát tại gia cứu độ cho cả, sau khi họ được ra khỏi đều làm cho họ chứng quả Duyên giác, và có Bồ-tát xuất gia sót bớt một ít thức ăn thậm chí chỉ một miếng ăn cho bầy bò, thì phước vị này đạt được so với vị trước nhiều không thể nào tính kịp.

Này Diệu Cát Tường! Giả sử ức triệu trăm ngàn Bồ-tát xuất gia nhiều không thể nói như vi trần trong tất cả cõi Phật trong mười phương, mỗi Bồ-tát ở mỗi phương trong mười phương thế giới đều có ức triệu trăm ngàn chư Phật Thế Tôn nhiều như vi trần không thể nói trong mười cõi Phật, đối với mỗi Đức Phật và chư Bồ-tát, đại chúng Thanh văn đó, trải qua ức triệu trăm ngàn số kiếp nhiều như vi trần không thể nói trong mười cõi Phật, đem thức ăn uống, y phục, ngọa cụ, thuốc thang cúng dường, vì mỗi mỗi chư Phật Như Lai ấy mà hằng

ngày dùng ức triệu trăm ngàn ngọc báu ma-ni tự tại vương nhiều như vi trần không thể nói trong mười cõi Phật để bố thí cúng dường. Lại có Bồ-tát sau khi tin hiểu chánh pháp này, đem bớt một ít thức ăn, thậm chí chỉ một miếng ăn cho bầy bò thì phước người này đạt được so với phước bố thí của Bồ-tát trước nhiều hơn cả trăm phần, ngàn phần, trăm ngàn câu-chi, toán, số, thí dụ đều không sánh kịp. Vì sao? Vì nếu ai được nghe chánh pháp này là được không thoái chuyển, là ấn đại trí của các Đại Bồ-tát.

Này Diệu Cát Tường! Hoặc có Bồ-tát có thể làm cho tất cả chúng sinh trong tất cả thế giới mười phương đều trụ vào địa Tùy tín hành. Hoặc có Bồ-tát làm cho một chúng sinh trụ vào địa Tùy nghĩa hành, thì phước của vị này đạt được so với vị trước rất nhiều không thể tính kể.

Này Diệu Cát Tường! Hoặc có Bồ-tát có thể làm cho tất cả chúng sinh trong tất cả thế giới khắp mười phương đều trụ vào địa Tùy nghĩa hành. Hoặc có Bồ-tát làm cho một chúng sinh trụ vào địa Tùy pháp hành, thì phước của vị này đạt được so với vị trước rất nhiều không thể tính kể.

Này Diệu Cát Tường! Hoặc có Bồ-tát có thể làm cho tất cả chúng sinh trong tất cả thế giới khắp mười phương đều trụ vào địa Tùy pháp hành. Hoặc có Bồ-tát làm cho một chúng sinh trụ vào quả Tu-đà-hoàn, thì phước của vị này đạt được so với vị

trước rất nhiều không thể tính kể.

Này Diệu Cát Tường! Hoặc có Bồ-tát có thể làm cho tất cả chúng sinh trong tất cả thế giới khắp mười phương đều trụ vào quả Tu-đà-hoàn. Hoặc có Bồ-tát làm cho một chúng sinh trụ vào quả Tu-đà-hàm, thì phước của vị này so với vị trước rất nhiều không thể tính kể.

Này Diệu Cát Tường! Hoặc có Bồ-tát có thể làm cho tất cả chúng sinh trong tất cả thế giới khắp mười phương đều trụ vào quả Tu-đà-hàm. Hoặc có Bồ-tát làm cho một chúng sinh trụ vào quả A-na-hàm, thì phước của vị này đạt được so với vị trước rất nhiều không thể tính kể.

Này Diệu Cát Tường. Hoặc có Bồ-tát có thể làm cho tất cả chúng sinh trong tất cả thế giới khắp mười phương đều trụ vào quả A-na-hàm. Hoặc có Bồ-tát làm cho một chúng sinh trụ vào quả A-la-hán, thì phước của vị này đạt được so với vị trước rất nhiều không thể tính kể.

Này Diệu Cát Tường! Hoặc có Bồ-tát có thể làm cho tất cả chúng sinh trong tất cả thế giới khắp mười phương đều trụ vào quả A-la-hán. Hoặc có Bồ-tát làm cho một chúng sinh trụ vào quả Duyên giác, thì phước của vị này đạt được so với vị trước rất nhiều không thể tính kể.

Này Diệu Cát Tường! Hoặc có Bồ-tát có thể làm cho tất cả chúng sinh trong tất cả thế giới khắp

mười phương đều trụ vào quả Duyên giác. Hoặc có Bồ-tát làm cho một chúng sinh phát tâm đại Bồ-đề, thì phước của vị này đạt được so với vị trước rất nhiều không thể tính kể.

Này Diệu Cát Tường! Hoặc có Bồ-tát có thể làm cho tất cả chúng sinh trong tất cả thế giới khắp mười phương đều phát tâm đại Bồ-đề. Hoặc có Bồ-tát làm cho một chúng sinh trụ vào địa vị Bất thoái chuyển, thì phước của vị này đạt được so với vị trước rất nhiều không thể tính kể.

Này Diệu Cát Tường! Giả sử có Bồ-tát làm cho tất cả chúng sinh đều trụ vào địa vị Bất thoái chuyển. Hoặc có Bồ-tát phát tâm thanh tịnh, sau khi đã tin hiểu đúng đắn chánh pháp thâm sâu tối thượng này, có thể tự ghi chép, hoặc bảo người khác ghi chép, hoặc giảng nói rộng rãi cho mọi người, hoặc nói sơ lược, thậm chí làm cho một chúng sinh tin hiểu ngộ nhập vào chánh pháp thâm sâu tối thượng này, thì phước của vị này đạt được so với vị trước rất nhiều không thể tính kể.

Bây giờ, Đức Thế Tôn vì đại chúng nói kệ:

*Nếu có các Bồ-tát
Cúng mười ức Đức Phật
Thọ trì môn chánh pháp
Cho đến lúc tận cùng.
Đối với kinh sâu xa
Ưa thích và nghe thọ*

Phước này lớn vô biên
Được quả báo tối thắng.
Nếu có các Bồ-tát
Thần lực đến mười phương
Gần gũi và cúng dường
Đến chỗ mười ức Phật.
Lạy khắp Đấng Thế Tôn
Chư Chánh sĩ tối thượng
Thương xót các chúng sinh
Tăng trưởng nhiều lợi lạc.
Nay kinh thâm diệu này
Chư Phật đều giảng nói
Hay giảng nói cho người
Dù trong khoảng chốc lát.
Là người trong Phật giáo
Phát lòng tin thanh tịnh
Quả phước người này đạt
To lớn và tối thắng.
Chư Phật đại từ bi
Giảng bày chánh pháp này
Như ánh sáng đèn lớn
Chiếu khắp cõi trời người.
Trong có người lợi trí
Và đầy đủ lực lớn
Hay phát lòng tin hiểu
Thì mau thành quả Phật.
Thiện Thế dạy như vậy
Hoặc có người được nghe

Nghe rồi giảng cho người
 Lân lượt nói với nhau.
 Hoặc vì chư Phật ấy
 Đáng tối thượng cõi người
 Nhập đại Vô dư y
 Niết-bàn thanh tịnh rồi.
 Lại xây dựng bảo tháp
 Rộng cao và tuyệt đẹp
 Trang hoàng nhiều châu báu
 Cao khỏi trời Hữu Đảnh.
 Dựng các phước lọng đẹp
 Linh báu phát tiếng hay
 Lên thâu trời Hữu Đảnh
 Nghiêm đẹp lại rộng lớn.
 Hoặc có các Bồ-tát
 Ưa thích kinh điển này
 Ở trong tướng như vậy
 Nghe rồi phát tịnh tín.
 Ở nơi thanh tịnh ấy
 Bố trí chánh pháp này
 Phước người này đạt được
 To lớn và tối thắng.
 Nếu có các Bồ-tát
 Thọ trì chánh pháp này
 Lưu hành rộng cho người
 Trừ tâm bản tiếc pháp.
 Phước vị này đạt được
 Công đức nhiều vô lượng

*Hương cầu đại Bồ-đề
 Đều đạt được ước nguyện.
 Kinh điển thâm diệu này
 Do chư Phật nói ra
 Các chúng Đại Bồ-tát
 Luôn thọ trì giảng nói.
 Hết thấy Phật mười phương
 Đều ở cõi hư không
 Hiện khắp các thân Phật
 Để mọi người chiêm ngưỡng.*

Phật giảng nói kinh này xong, Đại Bồ-tát Diệu Cát Tường, và vô số không thể nghĩ bàn, không thể nói chúng Bồ-tát, đại Thanh văn, và tất cả các chúng trời, người, A-tu-la, Càn-thát-bà v.v... trong thế gian nghe lời Phật dạy, đều hoan hỷ tín thọ phụng hành.



SỐ 360

KINH VÔ LƯỢNG THỌ

*Hán dịch: Đời Tào Ngụy, Tam
Tạng Khang Tăng Khai.*

QUYỂN THƯỢNG

Tôi nghe như vậy:

Một thuở nọ, Đức Phật ở tại núi Kỳ-xà-quật, thuộc thành Vương-xá, cùng chúng Đại Tỳ-kheo một vạn hai ngàn người. Tất cả Đại Thánh đã đạt được thần thông. Tên của các vị ấy là: Tôn giả Liễu Bản Tế, Tôn giả Chánh Nguyên, Tôn giả Chánh Ngũ, Tôn giả Đại Hiệu, Tôn giả Nhân Hiền, Tôn giả Ly Cấu, Tôn giả Danh Văn, Tôn giả Thiện Thật, Tôn giả Cự Túc, Tôn giả Ngưu Vương, Tôn giả Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp, Tôn giả Già-da Ca-diếp, Tôn giả Na-đề Ca-diếp, Tôn giả Ma-ha Ca-diếp, Tôn giả Xá-lợi-phất, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, Tôn giả Kiếp-tân-na, Tôn giả Đại Trụ, Tôn giả Đại Tịnh Chí, Tôn giả Ma-ha Châu-na, Tôn giả Mãn Nguyên Tử, Tôn giả Ly Chương, Tôn giả Lưu Quán, Tôn giả Kiên Phục, Tôn giả Diện Vương, Tôn giả Quả Thừa, Tôn giả Nhân Tánh, Tôn giả Hỷ Lạc, Tôn giả Thiện Lai, Tôn giả La-vân, Tôn

giả A-nan. Các vị này đều là bậc thượng thủ. Lại có chúng Đại thừa Bồ-tát, như: Bồ-tát Phổ Hiền, Bồ-tát Diệu Đức, Bồ-tát Từ Thị. Đây là tất cả Bồ-tát trong Hiền kiếp. Lại có mười sáu vị Chánh sĩ: Bồ-tát Thiện Tư Nghị, Bồ-tát Tín Tuệ, Bồ-tát Không Vô, Bồ-tát Thân Thông Hoa, Bồ-tát Quang Anh, Bồ-tát Tuệ Thượng, Bồ-tát Trí Tràng, Bồ-tát Tịch Căn, Bồ-tát Nguyên Tuệ, Bồ-tát Hương Tượng, Bồ-tát Bảo Anh, Bồ-tát Trung Trụ, Bồ-tát Chánh Hành, Bồ-tát Giải Thoát đều noi theo đức hạnh của Bồ-tát Phổ Hiền, đầy đủ vô lượng hạnh nguyện của Bồ-tát, an trú tất cả pháp công đức, đi đến mười phương thực hành phương tiện quyền xảo, nhập vào tạng pháp của Phật, rốt ráo đạt đến bờ kia, ở trong vô lượng thế giới thành Đẳng Chánh Giác, ở cõi Đâu-suất tuyên dương chánh pháp, rời bỏ cung trời giáng thân vào thai mẹ, sinh ra từ hông bên phải hiện đi bảy bước, ánh sáng rực rỡ chiếu khắp vô lượng cõi Phật trong mười phương, làm cho đại địa chấn động sáu cách. Bồ-tát cất tiếng tự xưng: Ở cõi đời này Ta là bậc tôn quý hơn hết, Đế thích, Phạm vương đều cung phụng, trời người quy ngưỡng, thị hiện học toán số, văn chương, nghệ thuật, bắn tên, hiểu rõ đạo đức học thuật, thông suốt sách vở; dạo chơi sau vườn, luận võ so tài, thị hiện ở trong cung giữa sắc đẹp và vị ngon, thấy già, bệnh, chết, hiểu rõ thế gian là vô thường, bỏ ngôi vua, của cải, vào núi

học đạo, ngựa trắng đang cỡi, mũ báu, anh lạc đều bảo đem về, bỏ y phục trần báu mà khoác pháp phục, cạo bỏ râu tóc, ngồi nơi gốc cây khô hạnh sáu năm, tu hành như sở nguyện, hiện ở đời năm trước, tùy thuận chúng sinh hiện có trần cấu, tắm gội nước vàng, chư Thiên che mát gốc cây, được dìu ra khỏi ao tắm, chim linh châu hầu theo đến đạo tràng, điềm lành biểu hiện, chiêu cảm công đức, thương nhận nắm cỏ trái nơi gốc cây Bồ-đề, phóng ra ánh sáng lớn, khiến ma trông thấy, ma và quyến thuộc đi đến thử thách, dùng trí lực chế ngự khiến ma hàng phục được pháp vi diệu thành Tối Chánh Giác. Để thích, Phạm vương cung kính thỉnh chuyển pháp luân, bằng bước đi giác ngộ, với tiếng nói như tiếng gầm của sư tử, đánh trống pháp, thổi loa pháp, cầm kiếm pháp, dựng cờ pháp, nổi sấm pháp, sáng điện pháp, đổ mưa pháp, ban bố pháp, thường dùng pháp âm giác ngộ thế gian ánh sáng chiếu khắp vô lượng cõi Phật, tất cả thế giới chấn động sáu cách, thâm tóm cõi ma làm rung động cung điện ma, chúng ma sợ hãi đều quy phục, xé rách lưới tà, tiêu trừ kiến chấp, phá tan phiền não, hủy hoại các dục, hộ trì thành pháp, mở rộng cửa pháp, rửa sạch cấu uế, hiển lộ trong sạch, sáng tỏ pháp Phật, tuyên dương giáo hóa, vào thành khát thực, được nhiều thức ăn, tích chứa công đức, mở mang ruộng phước, muốn tuyên chánh pháp, thị hiện mỉm cười, dùng các thuốc pháp chữa lành ba

khô, hiển hiện đạo ý vô lượng công đức, thọ ký Bồ-tát thành Đẳng Chánh Giác, thị hiện diệt độ cứu tế không cùng, tiêu trừ các lậu, trồng các gốc đức, đầy đủ công đức vi diệu khó lường, đạo các cõi Phật, hiện khắp giáo hóa, công hạnh tri hành thanh tịnh không uế. Ví như nhà ảo thuật hiện ra các hình tướng kỳ lạ, nào là hiện con trai, con gái, không thứ gì mà không biến hóa được. Vốn đã học thông suốt nên tùy ý biến hóa, các Bồ-tát này cũng như vậy, học tất cả pháp, quán triệt thông suốt, an trụ vững chắc, cảm hóa tất cả vô số cõi Phật thấy đều thị hiện, chưa từng kiêu mạn buông lung, thương xót chúng sinh, đầy đủ tất cả các pháp như vậy, cứu xét kinh điển Bồ-tát thông suốt điều vi diệu cốt yếu, dẫn dắt mười phương, vô lượng chư Phật đều ủng hộ, đều được trụ ở chỗ Phật trụ, đều đứng nơi bậc Đại Thánh đã đứng, đều có thể truyền bá giáo pháp của Như Lai, làm bậc thầy lớn cho các Bồ-tát, dùng thiên trí thâm sâu để giáo hóa chúng sinh, thông suốt các pháp tánh, thấu đạt tướng chúng sinh, hiểu rõ các quốc độ, cúng dường chư Phật, hóa hiện thân hình giống như điện chớp, khéo học các pháp vô úy, hiểu rõ các pháp như huyền, xé rách lưới ma, mở tung trời buộc, vượt lên trên hàng Thanh văn, Duyên giác, đạt được Tam-muội Không, Vô tướng, Vô nguyện, khéo lập phương tiện, chỉ rõ ba thừa, giáo hóa xong rồi thị hiện diệt độ, cũng không tạo tác, cũng không sở hữu, không

sinh không diệt, đạt pháp bình đẳng, thành tựu đầy đủ vô lượng Tổng trì, trăm ngàn Tam-muội, các căn tịch tĩnh, trí tuệ thông suốt, thâm nhập pháp tạng Bồ-tát, đạt được Tam-muội Hoa Nghiêm của Phật, tuyên dương giảng thuyết tất cả kinh điển, an trụ nơi pháp thiên định thâm sâu, đều thấy vô lượng chư Phật hiện tại. Trong khoảng một niệm đi khắp mọi nơi, cứu các khổ nạn, không cho phóng túng, phân biệt, chỉ rõ giáo pháp chân thật, đạt được trí biện tài của Như Lai, hội nhập vào các ngôn ngữ âm thanh để giáo hóa tất cả, vượt khỏi các pháp sở hữu của thế gian, tâm thường an trụ vững chắc nơi đạo độ đời. Đối với tất cả vạn vật đều tùy ý tự tại, vì sáu chúng sinh mà làm người bạn không rời thính, gánh vác gánh nặng cho chúng sinh, thọ trì pháp sâu xa của Như Lai, bảo hộ chúng tánh Phật làm cho không đoạn mất, phát sinh đại bi, thương xót chúng sinh, diễn pháp từ, trao pháp nhãn, lập ba cõi, mở cửa thiện, dùng pháp không thỉnh ban cho chúng sinh, giống như người con hiếu thảo thương yêu cung kính cha mẹ, đối với các chúng sinh xem như mình, dùng tất cả thiện căn để đưa sang bờ giải thoát, đạt được vô lượng công đức chư Phật, trí tuệ sáng suốt không thể nghĩ bàn. Các vị Bồ-tát như vậy nhiều vô lượng không thể tính đếm cùng lúc đi đến pháp hội.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn, các căn vui vẻ, nhan sắc thanh tịnh, hào quang rực rỡ. Tôn giả A-nan nghe

lời Phật dạy liền đứng dậy bày áo vai bên phải, quỳ gối chấp tay bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Hôm nay Thế Tôn các căn vui vẻ, nhan sắc thanh tịnh, hào quang rực rỡ, ví như tấm gương sáng phản chiếu mọi hiện tượng, oai dung rực rỡ siêu tuyệt vô lượng. Con chưa từng thấy sự thù diệu như hôm nay. Bạch Thế Tôn! Con tự nghĩ: Hôm nay Thế Tôn an trụ nơi pháp kỳ đặc, an trụ nơi chỗ chư Phật trụ, an trụ nơi hạnh của bậc Đạo Sư, an trụ nơi đạo tối thắng, thực hành đức của Như Lai. Chư Phật quá khứ, hiện tại và vị lai đều nhớ nghĩ đến nhau. Nay Phật không nhớ nghĩ đến chư Phật chăng? Vì sao oai thần sáng rực như vậy?

Lúc ấy, Đức Phật bảo A-nan:

– Này A-nan! Thế nào? Chư Thiên bảo ông đến hỏi Phật hay ông dùng tuệ thấy biết của mình để hỏi về oai dung của Phật?

Tôn giả A-nan bạch:

– Bạch Thế Tôn! Không có chư Thiên nào bảo con cả, con tự dùng sự thấy biết của mình để hỏi như vậy.

Đức Phật dạy:

– Lành thay! Này A-nan! Câu hỏi ấy thật sâu xa, người có trí tuệ thâm sâu, biện tài vi diệu, thương yêu chúng sinh mới hỏi nghĩa này. Như Lai dùng vô lượng đại bi thương xót ba cõi cho nên xuất hiện ở đời, làm sáng tỏ giáo pháp để cứu độ

chúng sinh đạt được lợi ích của pháp chân thật mà vô lượng ức kiếp khó thấy khó gặp, như hoa linh thoại đúng thời xuất hiện. Điều ông hỏi hôm nay có nhiều lợi ích, khai hóa tất cả chư Thiên, loài người. Này A-nan! Nên biết trí của Như Lai Chánh Giác khó suy lường dẫn dắt và chế ngự tất cả, tuệ thấy không ngăn ngại, dùng một bữa ăn có thể nuôi mạng sống ức trăm ngàn kiếp, lại quá hơn đây vô lượng vô số, các căn vui vẻ không gì hủy hoại được, nhan sắc không biến đổi, ánh sáng không khác. Vì sao? Vì định tuệ của Như Lai thông suốt vô cùng cực, tự tại đối với tất cả pháp. A-nan, hãy lắng nghe! Ta sẽ vì ông mà thuyết giảng.

A-nan bạch Phật!

– Con mong muốn được nghe.

Đức Phật bảo A-nan.

– Trải qua vô lượng vô số kiếp xa xưa chẳng thể nghĩ bàn, Như Lai Đỉnh Quang xuất hiện ở đời, giáo hóa độ thoát vô lượng chúng sinh đều được đắc đạo mới diệt độ. Tiếp đến có Như Lai tên là Quang Viễn, lại có Như Lai Nguyệt Quang, lại có Như Lai Chiên Đàn Hương, lại có Như Lai Thiện Sơn Vương, lại có Như Lai Tu Di Thiên Quan, lại có Như Lai Tu Di Đẳng Diệu, lại có Như Lai Nguyệt Sắc, lại có Như Lai Chánh Niệm, lại có Như Lai Ly Cầu, lại có Như Lai Vô Trước, lại có Như Lai Long Thiên, lại có Như Lai Dạ Quang, lại

có Như Lai An Minh Đỉnh, lại có Như Lai Bất Động Địa, lại có Như Lai Lưu Ly Diệu Hoa, lại có Như Lai Lưu Ly Kim Sắc, lại có Như Lai Kim Tạng, lại có Như Lai Viêm Quang, lại có Như Lai Viêm Căn, lại có Như Lai Địa Chủng, lại có Như Lai Nguyệt Tượng, lại có Như Lai Nhật Âm, lại có Như Lai Giải Thoát Hoa, lại có Như Lai Trang Nghiêm Quang Minh, lại có Như Lai Hải Giác Thần Thông, lại có Như Lai Thủy Quang, lại có Như Lai Đại Hương, lại có Như Lai Ly Trần Cầu, lại có Như Lai Xả Yếm Ý, lại có Như Lai Bảo Viêm, lại có Như Lai Diệu Đỉnh, lại có Như Lai Dũng Lập, lại có Như Lai Công Đức Trì Tuệ, lại có Như Lai Tế Nhật Nguyệt Quang, lại có Như Lai Nhật Nguyệt Lưu Ly Quang, lại có Như Lai Vô Thượng Lưu Ly Quang, lại có Như Lai Tối Thượng Thủ, lại có Như Lai Bồ Đề Hoa, lại có Như Lai Nguyệt Minh, lại có Như Lai Nhật Quang, lại có Như Lai Hoa Sắc Vương, lại có Như Lai Thủy Nguyệt Quang, lại có Như Lai Trừ Si Minh, lại có Như Lai Độ Cái Hành, lại có Như Lai Tịnh Tín, lại có Như Lai Thiên Túc, lại có Như Lai Oai Thần, lại có Như Lai Pháp Tuệ, lại có Như Lai Loan Âm, lại có Như Lai Sư Tử Âm, lại có Như Lai Long Âm, lại có Như Lai Xử Thế. Các Đức Như Lai đó đều đã diệt độ.

Bấy giờ, lại có Đức Phật hiệu là Thế Tụ Tại Vương Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác,

Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn. Lúc ấy có quốc vương nghe Phật thuyết pháp sinh tâm hoan hỷ, phát tâm đạo Chánh chân vô thượng, xả bỏ ngôi vua, cõi nước, làm Sa môn hiệu là Pháp Tạng, tài cao trí dũng siêu việt thế gian, đi đến chỗ Đức Như Lai Thế Tụ Tại Vương, làm lễ dưới chân Phật, đi quanh bên phải ba vòng, quỳ gối chấp tay dùng kệ khen ngợi:

*Dung nhan rực rỡ
 Oai thần vô lượng
 Sáng ngời như vậy
 Không ai sánh bằng
 Ánh sáng châu báu
 Ma-ni nhật nguyệt
 Đều bị che mờ
 Giống như bóng tối
 Dung nhan Như Lai
 Siêu việt thế gian
 Âm thanh Chánh Giác
 Vang khắp mười phương
 Giới văn tinh tấn
 Tam-muội trí tuệ
 Oai đức bậc nhất
 Thù thắng hiểm có
 Nghĩ thiện sâu chắc
 Biến pháp chư Phật
 Thâm diệu cùng tận*

Sâu thăm vô biên
Vô minh tham giận
Thế Tôn dirt hấn
Như Lai hùng dũng
Thần đức vô lượng
Công đức rộng lớn
Trí tuệ thâm diệu
Oai tướng quang minh
Chấn động đại thiên
Con nguyện thành Phật
Như đáng Pháp Vương
Vượt dòng sinh tử
Đều được giải thoát
Bố thí, trì giới
Nhân nhục, tinh tấn
Thiên định, trí tuệ
Tối thượng hơn hết
Con nguyện thành Phật
Thực hành hạnh này
Chúng sinh sợ hãi
Làm cho an ổn
Giả sử có Phật
Trăm ngàn vạn ức
Vô lượng đại Thánh
Như cát sông Hằng
Cúng dường tất cả
Các Đức Phật ấy
Không bằng cầu đạo

Vững bền không lui
 Ví như hăng sa
 Thế giới chư Phật
 Không thể tính kể
 Vô số cõi nước
 Ánh sáng rực rỡ
 Chiếu khắp cõi này
 Tinh tấn như vậy
 Oai thần khó lường
 Nếu con thành Phật
 Cõi nước bậc nhất
 Nhiều thứ kỳ diệu
 Đạo tràng siêu việt
 Như cảnh Niết-bàn
 Không đâu sánh bằng
 Con luôn thương yêu
 Độ thoát tất cả
 Mười phương chúng sinh
 Ưa thích thanh tịnh
 Đã đến nước con
 Sung sướng an ổn
 Mong Phật tin tưởng
 Chứng thật lời con
 Phát nguyện như thế
 Mong cầu tinh tấn
 Mười phương Thế Tôn
 Trí tuệ vô lượng
 Thường khiến Thế Tôn

*Biết tâm hạnh con
 Nếu như thân con
 Ở trong khôn khổ
 Cũng hành thanh tịnh
 Nhân không hối tiếc.*

Đức Phật bảo A-nan:

– Tỳ-kheo Pháp Tạng nói kệ rồi bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Con phát tâm Vô Thượng Chánh Giác nguyện Phật vì con giảng nói rộng về kinh pháp, con sẽ tu hành bảo hộ cõi Phật, làm cho thanh tịnh trang nghiêm vô lượng cõi nước, khiến cho con ở thế gian chóng thành Chánh Giác, nhờ gốc sinh tử khổ hoạn”.

Đức Phật bảo A-nan:

– Lúc ấy Đức Phật Thế Tụ Tại Vương bảo Tỳ-kheo Pháp Tạng: “Tu hành như vậy mới làm trang nghiêm cõi Phật, ông nên tự biết lấy”. Tỳ-kheo Pháp Tạng bạch Phật: “Nghĩa ấy sâu xa, chẳng phải phạm vi hiểu biết của con. Cúi xin Thế Tôn diễn bày rộng rãi hạnh làm thanh tịnh cõi nước của chư Như Lai. Con nghe lời ấy rồi sẽ đúng như lời dạy mà tu hành thành tựu điều mong ước”. Đức Phật Thế Tụ Tại Vương biết được chí nguyện sâu xa rộng lớn ấy, liền vì Tỳ-kheo Pháp Tạng thuyết kinh pháp: Ví như biển cả, có người lấy đầu múc nước, trải qua số kiếp có thể cạn đến đáy để lấy được châu báu. Người chí tâm tinh tấn cầu đạo

không dừng tất sẽ được kết quả, nguyện gì mà chẳng thành. Đức Phật Thế Tụ Tại Vương nói rộng về sự thiện ác của hàng trời người và sự xấu tốt của cõi nước của hai trăm mười ức cõi Phật. Tùy theo tâm nguyện của Tỳ-kheo Pháp Tạng mà hiện bày. Tỳ-kheo Pháp Tạng nghe Phật nói và thấy cõi nước nghiêm tịnh rồi, phát nguyện vô thượng thù thắng, tâm được tịch tĩnh, chí không vương mắc, tất cả thế gian không ai sánh kịp. Tỳ-kheo Pháp Tạng tiếp nhận tư duy hạnh làm trang nghiêm thanh tịnh cõi Phật trọn đủ năm kiếp.

A-nan bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Cõi Phật kia thọ mạng bao lâu?

Đức Phật dạy:

– Thọ mạng cõi Phật kia bốn mươi hai kiếp. Lúc ấy, Tỳ-kheo Pháp Tạng tiếp nhận hạnh làm thanh tịnh hai trăm mười ức cõi Phật và đúng như vậy tu tập xong, đi đến chỗ Phật đánh lễ dưới chân Ngài, đi quanh ba vòng, đứng lại chấp tay bạch Phật: “Con đã tiếp nhận hạnh làm thanh tịnh trang nghiêm cõi Phật”. Phật bảo Tỳ-kheo Pháp Tạng: “Nay đã đúng lúc ông có thể nói để đại chúng có thể phát sinh vui mừng. Bồ-tát nghe pháp này rồi tu hành sẽ đầy đủ vô lượng đại nguyện”. Tỳ-kheo Pháp Tạng bạch Phật: “Xin Phật chứng xét cho, con sẽ nói đầy đủ những điều phát nguyện của con:

Nếu con thành Phật mà cõi nước ấy còn có địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, thì con không nhận lấy Chánh Giác.

Nếu con thành Phật mà hàng trời người trong cõi nước của con sau khi qua đời còn trở lại trong ba đường ác, thì con không nhận lấy Chánh Giác.

Nếu con thành Phật, hàng trời, người trong cõi nước của con đều không được thân màu vàng ròng, thì con không nhận lấy Chánh Giác.

Nếu con thành Phật mà hàng trời, người trong cõi nước của con hình sắc không đồng, có kẻ xấu người đẹp, thì con không nhận lấy Chánh Giác.

Nếu con được thành Phật mà hàng trời, người trong cõi nước của con không biết được kiếp trước cho đến không biết được trăm ngàn ức triệu kiếp, thì con không nhận lấy Chánh Giác.

Nếu con được thành Phật mà hàng trời, người trong cõi nước của con không được thiên nhãn cho đến thấy được trăm ngàn ức triệu cõi Phật, thì con không nhận lấy Chánh Giác.

Nếu con được thành Phật mà hàng trời, người trong cõi nước của con không được thiên nhĩ cho đến nghe được trăm ngàn ức triệu giáo pháp của chư Phật và chẳng thọ trì, thì con không nhận lấy Chánh Giác.

Nếu con được thành Phật mà hàng trời, người trong cõi nước của con không được tha tâm thông

cho đến chỉ biết được tâm niệm chúng sinh trong trăm ngàn ức triệu cõi Phật, thì con không nhận lấy Chánh Giác.

Nếu con được thành Phật mà hàng trời, người trong cõi nước của con không được thân tức, thậm chí trong khoảnh khắc không thể vượt qua trăm ngàn ức triệu cõi Phật, thì con không nhận lấy Chánh Giác.

Nếu con được thành Phật mà hàng trời, người trong cõi nước của con khởi tâm nhớ nghĩ tham, chấp trước thân thể, thì con không nhận lấy Chánh Giác.

Nếu con được thành Phật mà hàng trời, người trong cõi nước của con không an trụ nơi thiên định chắc chắn đạt đến diệt độ, thì con không nhận lấy Chánh Giác.

Nếu con được thành Phật mà ánh sáng có hạn cho đến không chiếu sáng trăm ngàn ức triệu cõi Phật, thì con không nhận lấy Chánh Giác.

Nếu con được thành Phật mà tuổi thọ có hạn cho đến trăm ngàn ức triệu kiếp, thì con không nhận lấy Chánh Giác.

Nếu con được thành Phật mà hàng Thanh văn trong cõi nước của con có thể tính đếm được cho đến có chúng sinh thành Duyên giác trong ba ngàn đại thiên thế giới ở trong trăm ngàn kiếp cũng đều tính biết được số lượng ấy, thì con không nhận lấy

Chánh Giác.

Nếu con được thành Phật thì hàng trời, người trong cõi nước của con tuổi thọ không tính đếm được, trừ họ có bản nguyện dài ngắn tùy ý, nếu chẳng như vậy thì con không nhận lấy Chánh Giác.

Nếu con được thành Phật hàng trời, người trong cõi nước của con còn nghe danh từ bất thiện, thì con không nhận lấy Chánh Giác.

Nếu con được thành Phật mà vô lượng chư Phật khắp mười phương thế giới đều không ngợi khen xưng tán danh hiệu của con, thì con không nhận lấy Chánh Giác.

Nếu con được thành Phật, chúng sinh trong mười phương hết lòng tin yêu muốn được sinh về nước con cho đến mười nguyện mà không được sinh, thì con không nhận lấy Chánh Giác, chỉ trừ kẻ phạm tội ngũ nghịch, phỉ báng chánh pháp.

Nếu con được thành Phật, chúng sinh trong mười phương phát tâm Bồ-đề tu tập các công đức, chí tâm phát nguyện muốn sinh về cõi nước của con mà sau khi họ mạng chung, con không cùng đại chúng vây quanh hiện ra trước mặt người ấy, thì con không nhận lấy Chánh Giác.

Nếu con được thành Phật, chúng sinh trong mười phương nghe danh hiệu của con chuyên nhớ nghĩ đến cõi nước con, gieo trồng các gốc công đức, chí tâm hồi hướng muốn sinh về nước con mà

không được toại nguyện, thì con không nhận lấy Chánh Giác.

Nếu con được thành Phật mà hàng trời, người trong cõi nước của con đều chẳng đầy đủ ba mươi hai tướng của bậc đại nhân, thì con không nhận lấy Chánh Giác.

Nếu con được thành Phật mà chúng Bồ-tát ở cõi phương khác sinh về nước con thì hoàn toàn đạt đến bậc Nhất sinh bổ xứ, trừ người có bản nguyện, giáo hóa tự tại, vì chúng sinh nên mặc giáp thệ nguyện rộng lớn tích chứa công đức, độ thoát tất cả, du hành các cõi Phật, tu hạnh Bồ-tát, cúng dường chư Phật Như Lai mười phương, giáo hóa vô lượng hàng sa chúng sinh khiến họ đứng vững nơi đạo Chánh chân vô thượng, siêu việt các hàng phàm phu, tu hành các địa hiện tại, tu tập công đức Phổ Hiền, nếu không như vậy thì con không nhận lấy Chánh Giác.

Nếu con thành Phật, Bồ-tát trong cõi nước của con, nương nhờ thần lực của Phật, cúng dường chư Phật trong khoảng một bữa ăn mà không đến khắp vô lượng vô số ức triệu cõi Phật, thì con không nhận lấy Chánh Giác.

Nếu con được thành Phật, Bồ-tát trong cõi nước của con, ở trước chư Phật hiện công đức của mình mà những thứ phẩm vật mong cầu cúng dường không được như ý, thì con không nhận lấy

Chánh Giác.

Nếu con được thành Phật mà Bồ-tát trong cõi nước của con, không thể diễn nói Nhất thiết trí, thì con không nhận lấy Chánh Giác.

Nếu con được thành Phật mà Bồ-tát trong cõi nước của con không được thân Kim cang na-la-diên, thì con không nhận lấy Chánh Giác.

Nếu con được thành Phật thì hàng trời, người và tất cả vạn vật trong cõi nước của con trang nghiêm thanh tịnh sáng rõ, hình sắc đặc biệt, vi diệu cùng cực không ai suy lường được. Các chúng sinh ở cõi nước ấy, cho đến đạt được thiên nhãn mà có thể thông suốt biết được danh hiệu và số lượng, thì con không nhận lấy Chánh Giác.

Nếu con được thành Phật, Bồ-tát trong cõi nước của con, cho đến người có ít công đức mà không thể thấy biết cây đạo tràng ấy có ánh sáng cao bốn ngàn vạn dặm, thì con không nhận lấy Chánh Giác.

Nếu con được thành Phật, Bồ-tát trong cõi nước của con thọ trì đọc tụng giảng thuyết kinh pháp mà không được trí tuệ biện tài, thì con không nhận lấy Chánh Giác.

Nếu con được thành Phật, Bồ-tát trong cõi nước của con trí tuệ biện tài có thể tính lường, thì con không nhận lấy Chánh Giác.

Nếu con được thành Phật thì cõi nước của con

thanh tịnh, soi thấy vô lượng vô số bất khả tư nghĩ thế giới chư Phật khắp mười phương giống như gương soi hiện thấy mặt mình, nếu không như vậy thì con không nhận lấy Chánh Giác.

Nếu con được thành Phật, thì tất cả vạn vật ở cõi nước của con như cung điện, lầu đài, ao nước, hoa cây từ mặt đất đến hư không đều do vô lượng châu báu, trăm ngàn thứ hương hợp thành, trang trí xinh đẹp kỳ lạ siêu việt hơn cõi trời người, hương thơm xông khắp thế giới mười phương, Bồ-tát nghe mùi đều tu theo hạnh Phật, nếu không được như vậy thì con không nhận lấy Chánh Giác.

Nếu con được thành Phật, thì các loài chúng sinh trong vô lượng vô số thế giới chư Phật khắp mười phương mong muốn được ánh sáng con chiếu đến xúc chạm vào thân thể họ, thân tâm họ nhu hòa vượt hẳn hàng trời người, nếu không như vậy thì con không nhận lấy Chánh Giác.

Nếu con được thành Phật, các loài chúng sinh trong vô lượng vô số thế giới khắp mười phương nghe danh hiệu con mà không được pháp nhãn Vô sinh của Bồ-tát và các Tổng trì thâm sâu thì con không nhận lấy Chánh Giác.

Nếu con được thành Phật, ở trong vô lượng vô số thế giới chư Phật khắp mười phương có người nữ nghe danh hiệu con hoan hỷ tin ưa, phát tâm Bồ-đề, nhằm chán thân nữ mà sau khi mạng chung

lại làm thân nữ thì con không nhận lấy Chánh Giác.

Nếu con được thành Phật, thì chúng Bồ-tát trong vô lượng vô số thế giới chư Phật khắp mười phương nghe danh hiệu con và sau khi mạng chung thường tu phạm hạnh, thành tựu Phật đạo, nếu không như vậy thì con không nhận lấy Chánh Giác.

Nếu con được thành Phật mà chư Thiên, loài người trong vô lượng vô số thế giới chư Phật khắp mười phương nghe danh hiệu con cúi đầu làm lễ, nãi vóc gieo sát đất, hoan hỷ tin ưa, tu hạnh Bồ-tát thì sẽ được chư Thiên, loài người kính trọng, nếu không như vậy thì con không nhận lấy Chánh Giác.

Nếu con được thành Phật mà hàng trời người trong cõi nước của con muốn được y phục thì tùy ý liền có, y phục đẹp đúng pháp tự nhiên mặc trên thân như Phật khen ngợi; nếu có may, cắt, nhuộm, giặt thì con không nhận lấy Chánh Giác.

Nếu con được thành Phật mà hàng trời, người trong cõi nước của con hưởng thọ sung sướng không bằng Tỳ-kheo lậu tận thì con không nhận lấy Chánh giác.

Nếu con được thành Phật, Bồ-tát trong cõi nước của con tùy ý muốn thấy vô lượng cõi Phật trang nghiêm thanh tịnh khắp mười phương thì đều được như nguyện, đều được thấy chiếu hiện ở trong cây báu, giống như mắt mình hiện rõ trong

gương, nếu không như vậy thì con không nhận lấy Chánh Giác.

Nếu con được thành Phật, chúng Bồ-tát ở cõi nước phương khác nghe danh hiệu con cho đến lúc thành Phật mà các căn khiếm khuyết không đầy đủ, thì con không nhận lấy Chánh Giác.

Nếu con được thành Phật, chúng Bồ-tát ở cõi nước khác, nghe danh hiệu con thì đều được Tam-muội giải thoát thanh tịnh, trụ nơi Tam-muội này, trong khoảnh khắc phát ý cúng dường vô lượng vô số chư Phật Thế Tôn mà không mất định ý, nếu không như vậy thì con không nhận lấy Chánh Giác.

Nếu con được thành Phật, chúng Bồ-tát ở cõi nước phương khác nghe danh hiệu con thì sau khi lâm chung sẽ sinh vào nhà tôn quý, nếu không như vậy thì con không nhận lấy Chánh Giác.

Nếu con được thành Phật, chúng Bồ-tát ở cõi nước phương khác nghe danh hiệu con thì hoan hỷ vui mừng tu hạnh Bồ-tát, đầy đủ công đức, nếu không như vậy thì con không nhận lấy Chánh Giác.

Nếu con được thành Phật, chúng Bồ-tát ở cõi nước phương khác, nghe danh hiệu con thì đều được Tam-muội Phổ đẳng, trụ nơi Tam-muội này cho đến lúc thành Phật, thường thấy vô lượng vô số chư Phật, nếu không được như vậy thì con không nhận lấy Chánh Giác.

Nếu con được thành Phật, Bồ-tát trong cõi

nước của con tùy theo chí nguyện muốn nghe pháp thì tự nhiên được nghe, nếu không như vậy thì con không thành Chánh Giác.

Nếu con được thành Phật, chúng Bồ-tát ở cõi nước phương khác nghe danh hiệu con mà không tức khắc đạt được bậc Bất Thoái chuyển, thì con không nhận lấy Chánh Giác.

Nếu con được thành Phật, chúng Bồ-tát ở cõi nước phương khác nghe danh hiệu con mà không đạt được pháp nhẫn thứ nhất, thứ hai và thứ ba, đối với pháp của chư Phật không thể đạt được bậc Bất thoái chuyển thì con không nhận lấy Chánh Giác”.

Đức Phật bảo A-nan.

– Lúc ấy Tỳ-kheo Pháp Tạng nói những lời nguyện này rồi, liền nói kệ tụng:

*Con lập nguyện hơn đời
Quyết thành đạo vô thượng
Nguyện này chẳng thành tựu
Thê không thành Chánh giác
Con ở vô lượng kiếp
Không làm đại thí chủ
Cứu khắp cả bản cùng
Thê không thành Chánh giác
Đến lúc con thành Phật
Danh tiếng vang mười phương
Nếu có người không nghe
Thê không thành Chánh giác*

Là dục luôn chánh niệm
 Tịnh tuệ tu phạm hạnh
 Chí cầu đạo vô thượng
 Làm thầy hàng trời người
 Thân lực phóng ánh sáng
 Chiếu khắp vô biên cõi
 Trừ ba cấu vô minh
 Cứu thoát mọi ách nạn
 Khai mắt trí tuệ kia
 Trừ tối mù lòa này
 Đóng bít các đường ác
 Mở cửa các cõi lành
 Công đức được đầy đủ
 Oai thần chói mười phương
 Ánh mặt trời mặt trăng
 Thiên quang cũng mờ nhạt
 Vì chúng khai tạng pháp
 Ban bố báu công đức
 Thuyết pháp trong đại chúng
 Như tiếng rống sư tử
 Củng dương tất cả pháp
 Đầy đủ các công đức
 Tuệ nguyện đều viên mãn
 Làm người hùng ba cõi
 Trí vô ngại như Phật
 Thông đạt khắp tất cả
 Nguyện công đức của con
 Ngang bậc tối thắng này

*Nếu thành tựu nguyện này
Đại thiên đều cảm động
Các thiên thần trên không
Sẽ mưa hoa châu báu.*

Đức Phật bảo A-nan:

– Tỳ-kheo Pháp Tạng nói kệ này xong, mặt đất liền chấn động sáu cách, trời mưa hoa đẹp, tung rải trên mình Pháp Tạng, và tự nhiên trên không trung có âm nhạc vang lên tán thán: “Quyết định thành Chánh Giác Vô Thượng”. Lúc ấy, Tỳ-kheo Pháp Tạng tu tập đầy đủ những đại nguyện như thế, chắc thật không luống dối, vượt khỏi thế gian, an lạc tịch tĩnh. Này A-nan! Tỳ-kheo Pháp Tạng ở chỗ Đức Phật kia và giữa tám bộ đại chúng chư Thiên, ma, phạm, rồng, thần phát thệ nguyện rộng lớn ấy. Sau khi lập thệ nguyện rồi, Tỳ-kheo Pháp Tạng nhất tâm tinh chuyên trang nghiêm đẹp đẽ cõi nước, sửa sang cõi Phật rộng lớn thù thắng hơn cả; thường tạo lập như vậy không hư hoại, không biến đổi, ở trong số kiếp không thể nghĩ bàn, chứa vô lượng đức hạnh Bồ-tát, không nghĩ dục, sân, hại, không khởi tưởng về dục, sân, hại; không đắm trước sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; thành tựu nhẫn nhục, chẳng kể những sự khổ, ít muốn, biết đủ, không nhiễm sân, si; Tam-muội thường tịch, trí tuệ vô ngại, không có tâm hư dối quanh co, nhan sắc hiền hòa, lời nói dịu dàng, suy nghĩ trước mới hỏi, dừng mãnh tin tấn, chí nguyện không mệt mỏi, chuyên

cầu pháp thanh bạch, dùng trí tuệ tạo lợi ích cho chúng sinh, cung kính Tam bảo, phụng sự Sư trưởng, dùng đại trang nghiêm làm viên mãn các hạnh, khiến các chúng sinh thành tựu công đức, an trú nơi pháp Không, Vô tướng, Vô nguyện, quán pháp Vô tác, Vô khởi như huyền hóa, rời xa lời nói thô ác hại mình, hại người, mình người đều hại, tu tập lời nói hiền thiện lợi mình, lợi người, mình người đều lợi, bỏ nước và ngôi vua, dứt hẳn tài sắc, hành sáu Ba-la-mật và dạy người thực hành pháp thiện, trong vô số kiếp tích công chứa đức, tùy theo chỗ thọ sinh được tự tại theo ý muốn, vô lượng tạng báu tự nhiên phát sinh, giáo hóa an lập vô số chúng sinh, an trú nơi đạo Chánh chân vô thượng, hoặc làm trưởng giả, cư sĩ, dòng họ cao quý, hoặc làm vua Sát-lợi, Chuyển luân Thánh vương, hoặc làm Thiên vương ở sáu cõi trời Dục giới, cho đến làm Phạm vương, thường dùng bốn sự cúng dường cung kính cúng dường tất cả chư Phật. Công đức như vậy không thể kể hết, hương thơm tinh khiết ở miệng như hoa sen xanh, các lỗ chân lông trên thân tiết ra hương thơm chiên-đàn. Hương thơm này xông khắp vô lượng thế giới, dung nhan đoan chánh, tướng hảo thù diệu, tay thường phát ra châu báu vô tận, y phục, thức ăn, châu báu, hương hoa, lọng báu, cờ phướn, những vật trang nghiêm, các vật như vậy hơn hẳn hàng trời người. Đối với tất cả pháp đều được tự tại.

A-nan bạch Phật!

– Bạch Thế Tôn! BỒ-tát Pháp Tạng đã thành Phật và diệt độ rồi, hay là chưa thành Phật hiện nay vẫn còn?

Đức Phật bảo A-nan:

– BỒ-tát Pháp Tạng hiện ở phương Tây cách đây mười vạn ức cõi nước. Thế giới ấy tên là An Lạc.

A-nan bạch Phật:

– Đức Phật ấy thành đạo đến nay được bao lâu?

Đức Phật dạy:

– Đức Phật ấy thành Phật đến nay đã được mười kiếp. Cõi nước của Đức Phật ấy tự nhiên do bảy báu như vàng bạc, lưu ly, san hô, hổ phách, mã não, hợp lại thành đất rộng lớn mênh mông, không giới hạn. Các báu xen nhau chói sáng rực rỡ, đẹp đẽ kỳ lạ, thanh tịnh trang nghiêm hơn cả những châu báu của tất cả thế giới khắp mười phương, là tinh túy của các báu. Bảy báu ấy như châu báu cõi trời thứ sáu. Cõi nước ấy không có núi Tu-di, núi Thiết vi, núi Kim cang và tất cả các núi, cũng không có biển cả, sông ngòi, khe suối, hang giếng, nhưng do thần lực của Phật nên muốn thấy liền được thấy. Nước ấy không có các cõi nạn khổ như địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, cũng không có bốn mùa xuân, hạ, thu, đông, không lạnh, không nóng, khí hậu ôn hòa.

Bấy giờ, A-nan bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Nếu cõi nước ấy không có núi Tu-di thì trời Tứ thiên vương, trời Đao-lợi ở đâu?

Đức Phật bảo A-nan:

– Trời Dạ-ma cho đến trời Sắc cứu cánh đều nương ở đâu?

A-nan bạch Phật:

– Hạnh nghiệp quả báo không thể nghĩ bàn.

Đức Phật bảo A-nan:

– Hạnh nghiệp quả báo không thể nghĩ bàn, thế giới chư Phật không thể nghĩ bàn, năng lực công đức của chúng sinh ấy trụ nơi hạnh nghiệp nên được như vậy.

A-nan bạch Phật:

– Con chẳng nghi ngờ pháp này, nhưng muốn trừ sự nghi ngờ của chúng sinh trong vị lai nên mới hỏi nghĩa này.

Đức Phật bảo A-nan:

– Oai thần quang minh của Phật Vô Lượng Thọ tối thượng bậc nhất, ánh sáng của chư Phật không thể sánh kịp. Mặc dù trong các Đức Phật, ánh sáng trên đỉnh của mỗi vị có thể chiếu soi trăm ngàn cõi Phật cho đến chiếu sáng hằng sa cõi Phật ở phương Đông, phương Nam, Tây, Bắc, bốn phía trên dưới, hoặc có ánh sáng của Phật chiếu bảy thước hoặc chiếu sáng một do-tuần hay hai, ba, bốn, năm do-tuần, cho đến chiếu khắp một cõi Phật như vậy

cũng không sao sánh bằng ánh sáng trên đỉnh của Phật Vô Lượng Thọ. Do vậy, Phật Vô Lượng Thọ mới có các danh hiệu Vô Lượng Quang, Vô Biên Quang, Vô Ngại Quang, Vô Đối Quang, Diệm Vương Quang, Thanh Tịnh Quang, Hoan Hỷ Quang, Trí Tuệ Quang, Bất Đoạn Quang, Nan Tư Quang, Vô Xung Quang, Siêu Nhật Nguyệt Quang. Chúng sinh nào gặp được ánh sáng ấy thì tiêu trừ ba cấu, thân tâm nhu hòa hoan hỷ, phần chân, phát sinh tâm thiện. Nếu ở trong chỗ khốn khổ của ba đường ác thấy ánh sáng này thì được dứt trừ không còn khổ hoạn, và sau khi mạng chung đều được giải thoát. Nói chung ánh sáng của Phật Vô Lượng Thọ chiếu sáng đến cõi Phật khắp mười phương đâu cũng nghe biết, chẳng những mình Ta hôm nay khen ngợi ánh sáng ấy mà tất cả chư Phật, Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát cũng khen ngợi như vậy. Nếu có chúng sinh nghe oai thần công đức của ánh sáng này, ngày đêm chí tâm khen ngợi không dừng thì tùy ý mong cầu liền được sinh về cõi nước ấy, được chúng Bồ-tát, Thanh văn khen ngợi công đức của họ, cho đến về sau khi được thành Phật, lại được tất cả Bồ-tát, chư Phật khắp mười phương khen ngợi ánh sáng ấy cũng như hôm nay vậy.

Đức Phật dạy:

– Ta nói về oai thần ánh sáng rực rỡ thù diệu của Phật Vô Lượng Thọ cả ngày lẫn đêm suốt một

kiếp còn không thể nói hết được. Này A-nan! Thọ mạng của Đức Phật Vô Lượng Thọ dài lâu không thể tính kể, ông có biết không? Nếu vô lượng chúng sinh ở trong thế giới khắp mười phương đều được làm người, thành tựu bậc Thanh văn, Duyên giác cùng hội thiên định nhất tâm, đem hết trí lực của họ ở trong trăm ngàn vạn kiếp tính toán về kiếp số dài lâu thọ mạng của Đức Phật ấy, cũng không thể biết cùng tận được. Chúng trời người, Thanh văn, Duyên giác trong cõi ấy thọ mạng cũng dài lâu như vậy, chẳng thể dùng thí dụ hay tính đếm mà biết được. Số Thanh văn, Bồ-tát đó cũng nhiều vô lượng không thể tính kể được, các vị có đầy đủ trí tuệ thông đạt oai lực tự tại, có thể dùng bàn tay cầm lấy tất cả thế giới. Này A-nan! Số lượng Thanh văn ban đầu ở cõi Đức Phật kia không thể tính kể được, chúng Bồ-tát cũng vậy. Như Tôn giả Mục-kiền-liên ở trong trăm ngàn vạn ức vô lượng vô số kiếp cho đến diệt độ tính đếm cũng không biết được số lượng ấy bao nhiêu. Ví như biển cả rộng sâu vô lượng, có người chẻ sợi tóc thành trăm phần, dùng một phần nhúng lấy một giọt nước, ý ông nghĩ sao? Giọt nước ấy so với biển cả như thế nào?

A-nan bạch Phật:

– Giọt nước ấy so với biển cả, số lượng nhiều ít chẳng phải dùng ngôn từ tính đếm thí dụ mà biết được.

Đức Phật bảo A-nan:

– Như Mục-liên ở trong trăm ngàn vạn ức triệu kiếp, tính về số Thanh văn, Bồ-tát ban đầu kia, số được biết như một giọt nước, số không biết như nước biển cả. Hơn nữa, cõi nước kia, những cây bằng bảy báu đầy khắp thế giới: cây vàng, cây bạc, cây lưu ly, cây pha lê, cây san hô, cây mã não, cây xa cừ. Có cây gồm hai, ba cho đến bảy báu hợp lại thành. Có cây bằng vàng, lá, hoa quả bằng bạc. Có cây bằng bạc, lá, hoa, quả bằng vàng. Có cây bằng lưu ly, lá hoa quả bằng pha lê. Có cây bằng thủy tinh, lá, hoa, quả bằng lưu ly. Có cây bằng san hô, lá, hoa, quả bằng mã não. Có cây bằng mã não, lá, hoa, quả bằng lưu ly. Có cây bằng xa cừ, lá, hoa, quả bằng châu báu. Có cây châu báu gốc bằng tử kim, thân bằng bạch ngân, nhánh bằng lưu ly, cành bằng thủy tinh, lá bằng san hô, hoa bằng mã não, quả bằng xa cừ. Có cây báu gốc bằng bạch ngân, thân bằng lưu ly, nhánh bằng thủy tinh, cành bằng san hô, lá bằng mã não, hoa bằng xa cừ, quả bằng tử kim. Có cây báu gốc bằng lưu ly, thân bằng thủy tinh, nhánh bằng san hô, cành bằng mã não, lá bằng xa cừ, hoa bằng tử kim, quả bằng bạch ngân. Có cây báu gốc bằng thủy tinh, thân bằng san hô, nhánh bằng mã não, cành bằng xa cừ, lá bằng tử kim, hoa bằng bạch ngân, quả bằng lưu ly. Có cây báu gốc bằng san hô, thân bằng mã não, nhánh bằng xa cừ, cành bằng tử kim, lá bằng bạch ngân,

hoa bằng lưu ly, quả bằng thủy tinh. Có cây báu gốc bằng mã não, thân bằng xa cừ, nhánh bằng tử kim, cành bằng bạch ngân, lá bằng lưu ly, hoa bằng thủy tinh, quả bằng san hô. Có cây báu gốc bằng xa cừ, thân bằng tử kim, nhánh bằng bạch ngân, cành bằng lưu ly, lá bằng thủy tinh, hoa bằng san hô, quả bằng mã não. Những cây báu ấy hàng hàng ngang nhau, thân đối nhau, nhánh bằng nhau, lá hướng về nhau, hoa thuận nhau, trái giống nhau, màu sắc sáng rỡ không thể nhìn thấy hết được. Mỗi khi gió mát thổi đến khiến các hàng cây bầy báu vang ra năm âm thanh cung thương vi diệu, tự nhiên hòa nhau.

Lại nữa, cây Bồ-đề của Đức Phật Vô Lượng Thọ cao bốn trăm vạn dặm, chu vi gốc cây ấy rộng năm ngàn do-tuần, nhánh lá tỏa bốn phía đến hai mươi vạn dặm. Cây ấy do tất cả các báu quý nhất trong các loại châu báu như ngọc ma-ni nguyệt quang, hay trì hải luân hợp lại tạo thành. Xung quanh khắp các cành cây rủ xuống những chuỗi báu anh lạc trăm ngàn vạn các loại màu sắc thay đổi, vô lượng ánh sáng chiếu rực vô cùng, và có lưới báu trân diệu giăng che trên cây. Tất cả sự trang nghiêm theo đúng lúc mà hiện. Khi gió nhẹ từ từ thổi làm lay động cây báu, phát ra pháp âm vi diệu, vang đến khắp quốc độ của chư Phật trong mười phương. Người nào nghe âm thanh ấy thì được pháp nhãn thâm sâu, trụ bậc bất thoái chuyển

cho đến thành Phật đạo, không còn gặp khổ nạn. Nếu mắt thấy sắc ấy, tai nghe âm thanh ấy, mũi ngửi hương, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm ánh sáng ấy, tâm duyên vào pháp tất cả đều được pháp nhãn sâu xa, trụ bậc bất thoái chuyển cho đến thành Phật, khiến sáu căn thanh tịnh sáng suốt không có các phiền não khổ hoạn.

Này A-nan! Nếu hàng trời người ở cõi nước ấy thấy cây này thì được ba pháp nhãn: Một là âm hưởng nhãn, hai là nhu thuận nhãn, ba là pháp Nhãn vô sinh. Tất cả điều này đều do sức oai thần và sức bản nguyện kiên cố, sáng suốt, cứu cánh và hoàn mãn của Đức Phật Vô Lượng Thọ mà tự nhiên thành tựu như thế.

Đức Phật bảo A-nan:

– Ở đời, vua có trăm ngàn âm nhạc, từ Chuyển luân Thánh vương cho đến cõi trời thứ sáu âm nhạc dần dần tăng lên ngàn vạn ức lần. Tuy nhiên vạn thứ âm nhạc trên cõi trời thứ sáu không bằng một thứ âm thanh nơi hàng cây bảy báu ở cõi nước Đức Phật Vô Lượng Thọ, âm thanh này gấp ngàn ức lần. Ở cõi này còn có vạn thứ âm nhạc tự nhiên, tiếng nhạc ấy đều là pháp âm trong trời, thông suốt, rõ ràng, vi diệu, hòa nhã, là tối thắng bậc nhất trong những âm thanh khắp thế giới mười phương. Giảng đường, tinh xá, cung điện, lầu đài ở cõi nước ấy đều do bảy báu trang nghiêm tự nhiên hóa thành. Lại dùng các loại báu như chân châu ma-ni

nối kết nhau che phủ ở trên. Bên trong, bên ngoài, hay bên trái bên phải của nơi cư ngụ đều có những ao tắm, hoặc rộng mười do-tuần, hoặc hai mươi, ba mươi cho đến trăm ngàn do-tuần, ngang rộng, sâu cạn đều như nhau, có nước tám công đức tràn đầy yên lặng trong vắt, hương thơm thanh khiết như vị cam lồ. Nếu ao bằng vàng ròng thì cát dưới đáy ao bằng bạch ngân, ao bằng bạch ngân thì cát dưới đáy ao bằng vàng ròng. Ao bằng thủy tinh thì cát dưới đáy ao bằng lưu ly, ao bằng lưu ly thì cát dưới đáy ao bằng thủy tinh. Ao bằng san hô thì cát dưới đáy ao bằng hổ phách; ao bằng hổ phách thì cát dưới đáy ao bằng san hô. Ao bằng xa cừ thì cát dưới đáy ao bằng mã não, ao bằng mã não thì cát dưới đáy ao bằng xa cừ. Ao bằng bạch ngọc thì cát dưới đáy ao bằng tử kim; ao bằng tử kim thì cát dưới đáy ao bằng bạch ngọc. Hoặc có ao do hai báu, ao do ba báu, cho đến ao do bảy báu chuyển đổi hợp thành. Trên những bờ ao tắm có cây chiên-đàn, hoa lá rủ xuống mùi thơm tỏa khắp nơi. Hoa sen xanh, hoa sen vàng, hoa sen trắng ở cõi trời với ánh sáng đủ màu sắc xen nhau che trên mặt nước. Các Bồ-tát và chúng Thanh văn vào ao báu tắm, nếu muốn nước ngập bàn chân thì nước liền ngập bàn chân, muốn nước ngập đến đầu gối thì nước liền ngập đến đầu gối, muốn nước ngập đến lưng thì nước liền ngập đến lưng, muốn nước ngập đến cổ thì nước liền ngập đến cổ, muốn nước xối trên

mình thì tự nhiên nước xối trên mình, muốn nước trở lại như cũ thì nước trở lại như cũ, muốn điều hòa nóng lạnh tự nhiên tùy ý khiến cho tinh thần cởi mở, thân thể tươi vui, trừ hết phiền não, thanh khiết trong sáng giống như không hình. Cát báu chiếu suốt không chỗ sâu nào mà không chiếu, sóng gợn lăn tăn, dòng nước xoay tròn từ từ không mau không chậm. Vô lượng sóng nước tự nhiên vang lên âm thanh vi diệu, tùy theo sở thích ai cũng được nghe, hoặc nghe âm thanh Phật, âm thanh Pháp, âm thanh Tăng, hoặc nghe âm thanh tịch tĩnh, âm thanh không, vô ngã, âm thanh đại từ bi, âm thanh Ba-la-mật, âm thanh mười lực vô úy, bất cộng pháp, âm thanh thông tuệ, âm thanh không tạo tác, âm thanh không sinh diệt, âm thanh nhân Vô sinh, cho đến âm thanh cam lồ quán đánh và những âm thanh diệu pháp. Những âm thanh như vậy thích hợp ý người nghe làm cho họ hoan hỷ vô lượng, thuận theo nghĩa thanh tịnh là dục tịch tĩnh chân thật, thuận theo Tam bảo, lực vô sở úy, pháp bất cộng, thuận theo đạo tu hành của Bồ-tát, Thanh văn, thông tuệ, không có tên khổ nạn của ba đường ác, chỉ có âm thanh tự nhiên vui thích. Thế nên, nước ấy gọi là Cự Lạc. Này A-nan! Người vãng sinh về nước của Đức Phật kia đầy đủ sắc thân thanh tịnh, âm thanh vi diệu và thần thông công đức hết sức thù thắng. Mọi thứ như cung điện, nhà cửa và các thức ăn uống, y phục, cho đến các

hương hoa đẹp, vật trang nghiêm đều giống như ở cung trời thứ sáu. Nếu muốn ăn bằng bát bảy báu thì tự nhiên hiện ra, nào là bát vàng, bạc, lưu ly, xa cừ, mã não, san hô, hổ phách, minh nguyệt, chân châu. Các bát báu như vậy tùy ý hiện ra với đầy đủ trăm vị thức ăn. Tuy có thức ăn nhiều như vậy nhưng không ai ăn, mà chỉ thấy sắc nghe mùi hương, khởi ý cho là ăn nên tự nhiên được no đủ, thân tâm nhẹ nhàng không tham đắm mùi vị. Ăn xong, các thứ ấy tự nhiên biến đi và đến giờ ăn lại hiện ra. Cõi nước của Đức Phật ấy thanh tịnh an ổn, vui sướng vô cùng gần như ở cõi vô vi Niết-bàn. Thanh văn, Bồ-tát, hàng trời người ở cõi nước ấy trí tuệ cao siêu, thần thông tự tại, đều đồng một thân hình, không có tướng khác lạ, chỉ vì thuận theo các phương khác nên có tên trời người, dung mạo đoan chánh, hơn hẳn thế gian, nhan sắc vi diệu chẳng phải trời chẳng phải người, đều thọ thân hư vô tự nhiên, thể trạng vô cực.

Đức Phật bảo A-nan:

– Như ở thế gian người ăn mày nghèo cùng đứng cạnh nhà vua thì dung mạo hình dáng có giống nhau không?

A-nan bạch Phật:

– Người ăn mày này đứng cạnh nhà vua thì gây gò xấu xí, trăm ngàn vạn ức lần không dùng để so sánh được. Vì sao? Vì người ăn mày hạ tiện, áo

không đủ che thân, cơm ăn không đủ bữa, đói lạnh khốn khổ, tình người khô cạn. Người này do đời trước không gieo trồng phước đức, tích chứa của cải không bố thí, giàu có càng keo kiệt, chỉ muốn hưởng thụ, tham cầu không chán, chẳng chịu tu điều lành, phạm việc ác chất cao như núi, nên sau khi chết tài sản tiêu tan, đâm ra ưu sầu khổ não, tự bản thân vô dụng để rồi làm nô lệ cho kẻ khác, không có việc thiện để nương nhờ, không có chút phước để trông cậy. Do vậy, khi chết đọa vào đường ác, chịu khổ lâu dài, và đến lúc được sinh làm người thì rơi vào hạng hạ tiện, ngu si, xấu xí, khổ não cùng cực như vậy. Còn bậc đế vương sở dĩ được mọi người tôn quý là do đời trước tích chứa công đức, thương yêu bố thí, nhân ái giúp đỡ, chánh tín tu tập pháp thiện, không gây tranh chấp, nên sau khi qua đời, nhờ phước ấy mà sinh vào đường lành, ở cõi trời hưởng nhiều phước đức vui sướng, tích tập phước thiện. Nay được làm người, được sinh vào vương gia, tự nhiên tôn quý, dung mạo đoan nghiêm được mọi người kính trọng, mặc đẹp, ăn ngon, tùy ý hưởng thọ. Nói chung tất cả đều nhờ phước đức đời trước nên đạt được như vậy.

Đức Phật bảo A-nan:

– Ông nói rất đúng! Tuy nhiên, dù nhà vua là bậc tôn quý trong đời với tướng mạo đẹp đẽ, nhưng so với Chuyển luân Thánh vương thì xấu xí vô

cùng, giống như người ăn mỳ ở bên cạnh nhà vua vậy. Chuyên luân Thánh vương oai nghi, tướng mạo thù đặc vi diệu bậc nhất trong nhân gian, nhưng so với Thiên vương Đao-lợi thì lại xâu xí vạn ức lần không thể ví dụ được. Nếu Thiên đế so với Thiên vương cõi trời thứ sáu thì dù gấp trăm ngàn ức lần cũng không thể so sánh được. Nếu Thiên vương ở cõi trời thứ sáu đem so sánh với Thanh văn, Bồ-tát ở cõi Phật Vô Lượng Thọ thì ánh sáng dung mạo dù gấp trăm ngàn vạn ức lần cũng không thể bì kịp.

Đức Phật bảo A-nan:

– Chư Thiên, loài người ở cõi Phật Vô Lượng Thọ có những y phục, thực phẩm, hương hoa, anh lạc, phướn, lọng báu, âm thanh vi diệu, cung điện nhà cửa, lầu đài đều cân xứng với thân hình cao thấp, lớn nhỏ của họ, hoặc do một báu, hai báu, cho đến vô lượng báu tạo thành tùy theo ý muốn của họ mà đều hiện đến. Lại có y báu đẹp đẽ trải trên đất, tất cả hàng trời người đi trên đó. Cõi nước ấy có vô lượng lưới báu giăng che ở trên và có trăm ngàn châu báu đẹp đẽ khác lạ với chỉ vàng châu châu trang hoàng xung quanh bốn phía. Các linh báu rủ xuống với màu sắc sáng rỡ tuyệt đẹp, và tức khắc có ngọn gió nhẹ tự nhiên thổi đến. Ngọn gió ấy điều hòa không lạnh, không nóng, ấm áp mát dịu, không nhanh không chậm. Khi gió thổi đến chạm vào lưới báu và các cây báu, khiến phát ra vô

lượng pháp âm vi diệu, lan truyền muôn thứ hương đức ôn nhã. Nếu ai được nghe âm thanh ấy thì phiền não tự nhiên không sinh. Nếu ngọn gió chạm đến thân thì đều được an lạc, giống như Tỳ-kheo đắc Tam-muội diệt tận. Ngọn gió ấy lại thổi nhẹ làm hoa rơi khắp cõi Phật thứ tự theo màu sắc không có lẫn lộn, hoa ấy mềm mại tươi thắm, hương thơm ngào ngạt, và nếu có ai giẫm lên hoa thì hoa kia lún xuống khoảng bốn tấc nhưng vừa cất chân lên thì hoa trở lại như cũ. Khi hoa vừa héo, mặt đất nứt ra khiến hoa rơi vào trong đường nứt mà biến mất không còn để lại dấu vết. Tùy theo thời tiết mà gió thổi hoa rơi sáu lần như vậy. Tại cõi nước ấy, lại có những hoa sen báu mọc khắp nơi, mỗi đóa hoa sen báu có trăm ngàn ức cánh, ánh sáng của hoa ấy có vô lượng màu sắc, hoa sắc xanh ánh sáng xanh, hoa sắc trắng ánh sáng trắng, hoa vàng, đỏ, tím cũng như vậy. Ánh sáng của hoa sen chói sáng hơn cả mặt trời mặt trăng. Trong mỗi đóa hoa sen phát ra ba mươi sáu trăm ngàn ức ánh sáng. Trong mỗi ánh sáng hiện ra ba mươi sáu trăm ngàn ức Đức Phật với thân màu hoàng kim tướng hảo đặc biệt. Mỗi Đức Phật lại phóng ra trăm ngàn ánh sáng, khắp vì mười phương mà thuyết pháp vi diệu. Chư Phật như thế đều an lập cho vô lượng chúng sinh ở nơi chánh đạo.



KINH VÔ LƯỢNG THỌ

QUYỂN HẠ

Đức Phật bảo A-nan:

– Chúng sinh nào sinh về cõi nước ấy đều được trụ ở chánh định. Vì sao? Vì trong cõi Phật ấy không có tà kiến và tà định. Do vậy hằng sa chư Phật Như Lai ở khắp mười phương đều cùng tán thán oai thần công đức không thể nghĩ bàn của Đức Phật Vô Lượng Thọ. Chúng sinh nào nghe danh hiệu của Đức Phật ấy tin tưởng hoan hỷ, cho đến một niệm chí tâm hồi hướng nguyện sinh về cõi Phật kia, liền được vãng sinh, trụ bậc bất thoái chuyển, chỉ trừ hạng phạm tội ngũ nghịch và phi báng chánh pháp.

Này A-nan! Chư Thiên, loài người ở cõi nước khắp mười phương, chí tâm nguyện sinh về cõi nước ấy gồm có ba bậc: Bậc thượng, là người thoát ly sự ràng buộc gia đình, xuất gia làm Sa-môn, phát tâm Bồ-đề, nhất tâm chuyên niệm Đức Phật Vô Lượng Thọ, tu các công đức nguyện sinh về cõi nước ấy. Các chúng sinh này khi mạng chung được Đức Phật Vô Lượng Thọ cùng đại chúng hiện ra

trước mặt, liền theo Đức Phật ấy vãng sinh về cõi Cực Lạc, rồi tự nhiên hóa sinh ở trong hoa bảy báu, trụ ở bậc bất thoái chuyển, trí tuệ dũng mãnh, thần thông tự tại. Thế nên, này A-nan! Chúng sinh ở đời hiện tại muốn thấy Đức Phật Vô Lượng Thọ thì nên phát tâm Bồ-đề vô thượng, tu hành các công đức, nguyện sinh về cõi Cực Lạc. Này A-nan! Bậc trung là chư Thiên, loài người ở khắp mười phương thế giới, chí tâm nguyện sinh về cõi nước ấy, tuy chẳng thể làm Sa-môn, tu công đức lớn nhưng phát tâm Bồ-đề vô thượng, nhất tâm chuyên niệm Đức Phật Vô Lượng Thọ, làm lành hoặc ít hoặc nhiều, giữ gìn trai giới, xây dựng tháp tượng, cúng dường Sa-môn, treo phan, đốt đèn, rải hoa, đốt hương, dùng việc này để hồi hướng nguyện sinh về cõi nước Cực Lạc, thì người này lúc qua đời được Phật Vô Lượng Thọ hóa hiện thân hình đầy đủ tướng hảo sáng rõ cùng với đại chúng hiện ra trước mặt để đón rước về thế giới Cực lạc và an trú quả vị bất thoái chuyển, công đức trí tuệ gần như bậc thượng. Này A-nan! Bậc hạ là chư Thiên, loài người ở khắp mười phương thế giới, chí tâm muốn sinh về cõi Cực lạc, nhưng không thể làm các công đức mà chỉ phát tâm Bồ-đề vô thượng, nhất tâm chuyên niệm cho đến mười niệm, niệm Đức Phật Vô Lượng Thọ, nguyện sinh về cõi nước ấy, hoặc nghe giáo pháp thâm sâu hoan hỷ tin thọ, không có hoài nghi, cho đến một niệm nhớ nghĩ Đức Phật kia, dụng tâm

chí thành nguyện sinh về cõi nước ấy thì người này khi qua đời, mộng thấy Đức Phật kia và liền được vãng sinh với công đức trí tuệ cũng gần như bậc trung. Nay A-nan! Đức Phật Vô Lượng Thọ có oai thần vô lượng, vì thế vô số chư Phật Như Lai khắp mười phương thế giới đều khen ngợi Đức Phật Vô Lượng Thọ. Hằng sa cõi Phật ở phương Đông có vô lượng vô số chúng Bồ-tát đều đến chỗ Đức Phật Vô Lượng Thọ, cung kính cúng dường Phật và chúng Bồ-tát, Thanh văn, rồi lắng nghe, thọ trì kinh pháp. Các cõi Phật ở phương Nam, Tây, Bắc, bốn phía trên dưới đều cũng như thế.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói kệ:

*Các cõi Phật phương Đông
Số nhiều như hằng sa
Các Bồ-tát cõi ấy
Đến lễ Phật Vô Lượng
Nam, Tây, Bắc, bốn hướng
Trên dưới cũng như vậy
Chúng Bồ-tát ở đây
Đến lạy Phật Vô Lượng
Tất cả các Bồ-tát
Đều đem hoa cõi trời
Hương báu y vô giá
Cúng dường Phật Vô Lượng
Đều cùng tâu nhạc trời
Phát ra tiếng hòa nhã
Ca ngợi đáng Tối thắng*

Cúng dường Phật Vô Lượng
 Thấu suốt thân thông tuệ
 Vào sâu các pháp môn
 Đầy đủ tạng công đức
 Trí tuệ không ai bằng
 Mặt trời trí tuệ soi
 Tiêu trừ mây sinh tử
 Cung kính nhiều ba vòng
 Đánh lễ đáng Vô thượng
 Cõi Phật ấy nghiêm tịnh
 Vi diệu khó nghĩ bàn
 Do phát tâm vô thượng
 Nguyên nước ta cũng vậy
 Lúc ấy Phật Vô Lượng
 Hoan hỷ miệng mỉm cười
 Miệng phóng vô số quang
 Chiếu khắp cõi mười phương
 Rồi quay về quanh thân
 Ba vòng vào đỉnh Phật
 Tất cả chúng trời người
 Đều vui mừng hớn hờ
 Đại sĩ Quán Thế Âm
 Sửa y phục lại hỏi
 Cớ sao Phật mỉm cười
 Nguyên xin Phật nói cho
 Tiếng Phật như sấm động
 Tám âm thanh vi diệu
 Sẽ thọ ký Bồ-tát

Ông lắng nghe Ta nói
 Chánh sĩ mười phương đến
 Ta đều biết nguyện họ
 Mong cầu cõi nghiêm tịnh
 Thọ ký sẽ thành Phật
 Hiểu rõ tất cả pháp
 Như huyễn mộng, tiếng vang
 Viên mãn các đại nguyện
 Sẽ sinh cõi như vậy
 Biết pháp như ánh chớp
 Đầy đủ đạo Bồ-tát
 Và các gốc công đức
 Thọ ký sẽ thành Phật.
 Thông đạt các pháp môn
 Đều là không, vô ngã
 Chuyên cầu tịnh cõi Phật
 Sẽ thành cõi như vậy
 Chư Phật bảo Bồ-tát
 Gần gũi Phật An Dưỡng
 Nghe pháp ưa thọ trì
 Mau được chỗ thanh tịnh
 Đến cõi nghiêm tịnh ấy
 Thì mau được thân thông
 Chắc chắn Phật Vô Lượng
 Thọ ký thành Chánh Giác
 Phật ấy có thế nguyện
 Nghe tên muốn vãng sinh
 Đều được sinh cõi ấy

Đạt đến Bất thoái chuyển
Bồ-tát phát chí nguyện
Muốn nước tôi cũng vậy
Nhớ độ khắp chúng sinh
Danh tiếng vang mười phương
Phụng sự ỨC Như Lai
Biến hóa đến các cõi
Cung kính cúng dường Phật
Trở về nước An Dưỡng
Người nào tâm bất thiện
Không được nghe kinh này
Người có giới thanh tịnh
Mới được nghe chánh pháp
Đã từng thấy Thế Tôn
Thì tin được việc này
Cung kính nghe phụng hành
Vui mừng rất hớn hở
Kiêu mạn, ngu, biếng nhác
Khó tin được việc này
Đời trước thấy chư Phật
Ưa thích nghe chánh pháp
Thanh văn hoặc Bồ-tát
Chẳng biết được tâm Phật
Ví như người mù lòa
Muốn dẫn đường người khác
Biến trí tuệ của Phật
Sâu rộng không bờ đáy
Nhi thừa chẳng lường được

Chỉ riêng Phật sáng tỏ
 Giả sử các chúng sinh
 Đều đắc đạo tất cả
 Tuệ thanh tịnh vốn không
 Ưc kiếp nghĩ trí Phật
 Tận lực để giảng thuyết
 Suốt đời chẳng biết được
 Trí Phật không bờ bến
 Đạt đến chỗ thanh tịnh
 Tuổi thọ rất khó được
 Phật ra đời khó gặp
 Có tín tuệ cũng khó
 Người tinh tấn mong cầu
 Nghe pháp không thể quên
 Cung kính và hoan hỷ
 Là bạn lành của Ta
 Vì vậy nên phát tâm
 Dù lửa cháy thế gian
 Quyết vượt qua nghe pháp
 Sẽ được thành Phật đạo
 Vượt qua dòng sinh tử.

Đức Phật bảo A-nan:

– Bồ-tát ở cõi nước kia rất ráo đều đạt đến Nhất sinh bất tử, ngoại trừ những vị có bản nguyện vì chúng sinh nên dùng công đức thế nguyện rộng lớn để tự trang nghiêm, muốn độ thoát hết tất cả chúng sinh. Này A-nan! Hàng Thanh văn trong cõi nước ấy thân chiếu ánh sáng một dặm, ánh sáng Bồ-tát

chiếu sáng trăm do-tuần. Có hai BỒ-tát tối tôn bậc nhất có ánh sáng oai thần chiếu khắp ba ngàn đại thiên thế giới.

A-nan bạch Phật:

– Hai vị BỒ-tát ấy danh hiệu là gì?

Đức Phật dạy:

– Vị thứ nhất hiệu là Quán Thế Âm và vị thứ hai hiệu là Đại Thế Chí. Hai vị BỒ-tát ấy ở cõi nước này tu hạnh BỒ-tát, lúc lâm chung hóa sinh về cõi Cực lạc. Nay A-nan! Chúng sinh nào sinh về cõi nước ấy đều đầy đủ ba mươi hai tướng tốt, trí tuệ viên mãn, thâm nhập các pháp, thấu rõ chỗ cốt lõi vi diệu, thần thông vô ngại, các căn sáng suốt, lanh lợi. Người căn trí chậm chạp thì thành tựu hai pháp nhẫn. Người căn trí lanh lợi thì được vô số pháp Nhẫn vô sinh. BỒ-tát ở cõi nước ấy cho đến lúc thành Phật, không sinh vào cõi ác, thần thông tự tại, thường biết thọ mạng đời trước, trừ người thị hiện sinh về đời ác năm trước ở phương khác, như cõi Ta-bà của Ta đây.

Này A-nan! BỒ-tát ở cõi Cực lạc nhờ oai thần của Phật, trong khoảng thời gian một bữa ăn, đi đến vô lượng thế giới mười phương, cung kính cúng dường chư Phật Thế Tôn. Tùy theo tâm nguyện của họ mà vô số vô lượng phẩm vật cúng dường như y phục, phướn lọng, cờ phướn tự nhiên hiện ra và theo ý nghĩ liền hiện ra trên báu vi diệu

thù đặc mà thế gian chẳng có được. Bồ-tát liền đem tung lên cúng dường chư Phật, Bồ-tát, đại chúng Thanh văn. Những thứ ấy ở giữa không trung hóa thành lọng hoa chói sáng xinh đẹp, hương thơm tỏa khắp nơi. Chu vi lọng hoa ấy bốn trăm dặm và lần lần lớn gấp bội, cho đến che trùm cả ba ngàn đại thiên thế giới rồi dần dần ẩn mất. Các vị Bồ-tát ấy đều vui mừng, ở giữa không trung tấu lên nhạc trời, dùng âm thanh vi diệu tán thán công đức của chư Phật, lắng nghe kinh pháp, vui mừng vô lượng. Cúng dường chư Phật xong, chư vị bỗng nhiên nhẹ nhàng, trở về cõi An lạc trước giờ thọ trai.

Này A-nan! Đức Phật Vô Lượng Thọ khi ban pháp ngữ, đại chúng Thanh văn, Bồ-tát đều vân tập tại giảng đường bằng bảy báu. Đức Phật thuyết giảng thông suốt giáo pháp vi diệu, không ai không hoan hỷ, tâm hiểu đặc đạo. Lúc ấy bốn phương tự nhiên gió thổi, lay động cây báu phát ra năm thứ âm thanh, và vô lượng hoa đẹp theo gió bay đi khắp nơi, tự nhiên cúng dường như vậy không dứt. Tất cả chư Thiên đều mang trăm ngàn hương hoa, vạn thứ âm nhạc cúng dường Đức Phật và đại chúng Thanh văn, Bồ-tát ở cõi nước ấy. Chư Thiên rải hoa xông hương, tấu lên các thứ âm nhạc, trước sau qua lại tùy theo thứ lớp. Lúc ấy, tất cả đại chúng đều vui vẻ không thể nói hết được. Chư Bồ-tát sinh về cõi Cực lạc, thường thuyết giảng chánh pháp, tùy thuận trí tuệ không có sai lầm. Bồ-tát đôi với

vạn vật ở cõi nước ấy, không có tâm chấp là của ta, không có tâm nhiệm trước, qua, lại, tới, lui tâm không hệ lụy, tùy ý tự tại, không thân không sơ, không người không ta, không tranh giành, không kiện tụng. Đối với chúng sinh thì sinh tâm đại từ đại bi làm lợi ích, tâm nhu hòa điều thuận, không có sân giận, tâm thanh tịnh không biếng nhác chán nản, xa lìa triền cái, tâm bình đẳng, tâm thù thắng, tâm sâu sắc, tâm định, tâm thích pháp, ưa pháp, hoan hỷ đối với pháp, diệt trừ phiền não, xa lìa tâm cõi ác, rốt ráo tất cả hạnh Bồ-tát, thành tựu đầy đủ vô lượng công đức, đạt được các thông tuệ, thiên định sâu xa, chí nguyện ở bảy phần Bồ-đề, nương pháp Phật để tu tâm, nhục nhãn trong sáng phân biệt rõ tất cả, thiên nhãn thông đạt vô lượng vô biên, pháp nhãn quán sát rốt ráo các đạo, tuệ nhãn thấy rõ chân như, có thể vượt sang bờ giác ngộ, Phật nhãn thấy rõ tất cả pháp tánh, dùng trí vô ngại giảng thuyết cho người, bình đẳng quán ba cõi là không, không thật có, chí mong cầu pháp Phật, đầy đủ biện tài, trừ diệt hoạn nạn phiền não cho chúng sinh, nương theo Như Lai, hiểu rõ pháp như như, thấy rõ phương tiện, âm thanh tập diệt, không thích ngôn ngữ thế tục, thích luận bàn về chánh pháp, tu các việc lành, chí tôn sùng Phật đạo, biết tất cả pháp đều là tịch diệt, hai thứ còn lại là sinh thân và phiền não đều dứt hết, nghe pháp thâm sâu, tâm không nghi ngờ sợ hãi, thường tu hành đại bi sâu

xa vi diệu, che chở tất cả, cứu cánh nhất thừa đạt đến giải thoát, quyết đoạn lưới nghi, tâm sinh trí tuệ. Đối với giáo pháp Phật tóm thâu hết tất cả, trí tuệ như biển cả, Tam-muội như núi cao, ánh sáng trí tuệ chiếu soi hơn ánh mặt trời mặt trăng viên mãn đầy đủ pháp thanh tịnh, giống như núi Tuyết chiếu soi các công đức đều trong sạch, giống như mặt đất không có tâm phân biệt sạch đơ tốt xấu, giống như nước sạch tẩy rửa các phiền não cấu uế, giống như lửa lớn thiêu cháy tất cả củi phiền não, giống như gió lớn đi qua các thế giới không có chướng ngại, giống như hư không không có dính mắc tất cả vạn vật, ở trong thế gian không bị nhiễm ô như hoa sen, chuyên chở chúng sinh ra khỏi biển sinh tử giống như cỗ xe lớn, giác ngộ những kẻ chưa giác ngộ giống như mây dày bị sấm pháp xua tan, giống như mưa lớn, mưa pháp cam lồ thấm nhuần chúng sinh, như núi kim cương chúng ma ngoại đạo không thể lay động, giống như Phạm Thiên vương là bậc tối thượng đối với các pháp thiện, giống như cây Ni-câu-loại che trùm khắp tất cả, giống như hoa sen xanh hiếm có khó gặp, thu phục ngoại đạo giống như kim-sí-điều, không có cất chứa như loài du cầm, không ai thắng được như loài ngưu vương, khéo điều phục như loài voi chúa, không sợ hãi như sư tử chúa, đại từ bình đẳng như hư không khoáng đãng, dứt lòng ganh ghét, chẳng mong hơn người, chuyên ưa cầu pháp không biết

chán nản, thường muốn nói rộng, chí không mệt mỏi, đánh trống pháp, dựng cờ pháp, mặt trời trí tuệ chiếu soi trừ diệt si ám, tu sáu pháp hòa kính, thường hành bố thí, chí dũng mãnh tinh tấn, tâm không nhu nhược thoái lui, là đèn sáng cho đời, là ruộng phước tối thắng, thường làm bậc thầy dìu dắt bình đẳng, không thương ghét, chỉ thích chánh đạo, chẳng thích gì khác, nhổ gai ái dục, an ổn chúng sinh, công đức thù thắng, không ai chẳng tôn kính, diệt trừ ba cấu, thần thông tự tại. Tất cả lực nhân, lực duyên, lực ý, lực nguyện, lực phương tiện, lực thường, lực thiện, lực định, lực tuệ, lực đa văn, lực bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiên định, trí tuệ, lực chánh niệm, chỉ quán, các thông tuệ, chư vị đều thông đạt. Các năng lực như pháp điều phục chúng sinh như thế đều đầy đủ, thân sắc tướng hảo, công đức biện tài đều trang nghiêm đầy đủ không ai bằng. Chư vị Bồ-tát ấy cung kính cúng dường vô lượng chư Phật, thường được chư Phật khen ngợi, rôt ráo các Ba-la-mật của Bồ-tát, tu tập Tam-muội Không, Vô tướng, Vô nguyện, các môn Tam-muội không sinh không diệt, vượt xa địa vị Thanh văn, Duyên giác.

Này A-nan! Chư Bồ-tát đó thành tựu vô lượng công đức như vậy, Ta chỉ nói sơ lược cho ông thôi. Nếu nói rộng ra thì trăm ngàn vạn kiếp cũng không thể nào hết được.

Đức Phật bảo Bồ-tát Di-lặc:

– Chư Thiên, loài người, Thanh văn, Bồ-tát ở cõi Phật Vô Lượng Thọ có công đức trí tuệ không thể nói hết được. Cõi nước ấy vi diệu, an lạc, thanh tịnh như thế, sao không gắng sức làm lành, nhớ nghĩ về đạo, không chấp cao thấp, thông đạt vô biên cõi. Các người nên tinh tấn, nỗ lực siêng năng tự cầu sẽ được siêu việt tất cả, vắng sinh về cõi Cực lạc, dứt năm đường ác, tiến đến đạo vô cùng, dễ được vắng sinh như không có người. Cõi nước ấy không chống trái, tự nhiên được dẫn dắt vậy tại sao không bỏ việc đời, tinh tấn cầu đạo, có thể sống lâu, hưởng vui không cùng cực. Những người đời phước mỏng cùng tranh đua những việc không cần thiết, ở trong chỗ khốn khổ ác nghiệt này mà nhọc nhằn kinh doanh để nuôi dưỡng mạng sống. Không luận cao quý, thấp hèn, giàu nghèo, nam nữ, lớn nhỏ đều cùng lo nghĩ về tiền tài, dù có hay không đều ưu tư sâu khổ, lo lắng kinh doanh, âu lo chông chất, bị tâm đuổi chạy không lúc nào yên. Có ruộng lo ruộng, có nhà lo nhà, có bò, ngựa, lục súc, nô tỳ, tiền của, y phục, thực phẩm, các vật dùng khác đều phải lo lắng, lại lo trăm ngàn thứ, toan tính, suy nghĩ, lo sâu, sợ hãi. Bỗng dưng bị vô thường, nước, lửa, trộm cướp, oan gia trái chủ thiên đôt cuốn trôi, chiếm đoạt làm tiêu tan không còn, lại buồn đau hoảng sợ không lúc nào thoải mái, trói buộc sân hận trong tâm, không lìa sâu não, tâm ý cố chấp, không có buông xả, hoặc đến lúc chết, bỏ của mà

đi, không mang theo thứ gì, giàu sang phú quý cũng có khổ này, ưu sầu sợ hãi vạn mỗi khổ nhọc như vậy, lại thêm các nỗi thống khổ về nóng lạnh. Hạng bần cùng, thấp hèn, khốn khổ thì thường lo lắng cách khác, như người không có ruộng lo lắng muốn có ruộng; không có nhà cũng lo lắng muốn có nhà; không có bò, ngựa, lục súc, nô tỳ, tiền của, y phục, thức ăn và các thứ khác cũng lo lắng muốn có được. Nhưng khi vừa có một lại thiếu một, có cái này thiếu cái kia, suy nghĩ muốn có cho đều như nhau, vừa có đầy đủ lại tiêu xài hoang phí đến nỗi tan gia bại sản. Sầu khổ như vậy nên lại cầu xin, nhưng lúc không thể có được thì nghĩ cũng vô ích, khiến thân tâm mệt mỏi, đứng ngồi không yên, lo nghĩ liên tục, khổ não vô tận, lại chịu đầy đủ các thứ khổ nóng lạnh. Hoặc lúc chết sinh lên cõi trời, không chịu làm việc lành, tu tập phước đức, thì khi qua đời, đi một mình hướng đến đường thiện hay ác không phân biệt được. Vì thế mọi người ở thế gian như cha con, anh em, vợ chồng, quyến thuộc nội ngoại phải thương kính nhau không ganh ghét nhau. Dù có tài sản hay không có đi nữa cũng nên thông cảm giúp đỡ lẫn nhau, không nên tham tiếc, lời nói nhu hòa chớ trái nghịch nhau. Nếu lúc tranh cãi dù sinh tâm giận, ganh ghét nhau ít nhưng chuyển thành oán thù lớn. Vì sao? Vì trong thế gian làm hại lẫn nhau, tuy không hại tức thời báo ứng phá nhau nhưng ngầm độc nuôi oán kết chặt tâm

phần nộ, tự nhiên khắc sâu vào tàng thức không tách rời được, đề rồi khi tái sinh gặp nhau trở lại báo ứng. Ở trong ái dục tại thế gian, sinh tử đến đi một mình, sẽ hưởng đến chỗ khổ vui, tự mình phải chịu, không ai thay thế. Thiện ác biến hóa vô cùng, phúc họa đều có quả báo khác nhau. Nếu đời trước đối đãi vui vẻ hay khắc nghiệt với nhau thì khi chết rồi sẽ đi vào cõi nước xa xôi mà mình không hay biết gì. Trên tiên trình sinh tử ấy, mỗi người đều gánh chịu một hạnh nghiệp riêng nên thường cô độc một mình biệt ly mãi không cùng đường đi không thể hẹn ngày gặp lại. Sự tình này thật là cay nghiệt. Vậy nay lại gặp nhau sao không vứt bỏ các việc tội lỗi! Lúc mạnh khỏe phải nỗ lực làm các việc thiện, tinh tấn nguyện cứu độ thế gian để có thể được sống lâu. Sao không cầu đạo, an ổn tu tập đợi đến lúc nào? Người đời không tin làm việc thiện được thiện, tu đạo đắc đạo, không tin người chết rồi sẽ tái sinh trở lại, hay bỏ thí được phước. Nói chung đa phần gặp việc thiện ác đều không tin, cho việc ấy không như vậy, hoàn toàn không thật có, chỉ tin ở những việc xảy ra trước mắt. Hơn nữa, họ nhất nhất tiếp nối vâng theo lời dạy thành kiến của cha, tổ tiên đời trước, hoàn toàn không làm việc thiện, không biết đạo đức, nên thân ngu thân tối, tâm trí bế tắc, đường thiện ác, nẻo sinh tử không thể tự thấy, không ai chỉ bảo, nên tốt xấu, họa phúc đều làm hết. Vì thế, việc sinh tử đọa lạc

xảy ra trong ba cõi tiếp nối mãi như thế là lẽ thường tình, chẳng có gì ngang trái. Trong thế gian chuyện cha khóc con, hoặc con khóc cha, anh em vợ chồng cùng khóc tiễn đưa nhau đến tuổi vàng, làm điên đảo trên dưới vốn là vấn đề phổ biến khi quý vô thường thành linh cướp đi mạng sống. Nên biết cuộc đời chẳng có chi tồn tại mãi. Nhưng con người phần đông tin theo tà đạo, không chịu nghe lời giáo huấn chân thật nên sinh tử lưu chuyển mãi không bao giờ chấm dứt. Người như vậy ngu dốt tối tăm ngang ngược không tin kinh pháp, tâm không lo xa, ý thích tham dục, ngu si, mê hoặc, ái nhiễm, không thông đạt đạo đức, mê đắm tham giận, tham lam tài sắc, do đó nên không đắc đạo, nên hướng đến đường ác chịu khổ sinh tử không cùng. Than ôi! Đáng thương thay! Hoặc cha con, anh em, vợ chồng lúc sinh ly tử biệt lại thêm buồn rầu thương yêu quyến luyến, nhớ nghĩ trời buộc, trong lòng đau khổ vấn vương, nhớ thương chồng chất ngày hết, năm hết không có nguôi ngoai. Đối với lời dạy đạo đức, tâm họ không hiểu rõ, ý tưởng quyến luyến không là tình dục, mịt mờ bế tắc ngu muội lấp che, không thể suy nghĩ sâu xa, tính toán kỹ lưỡng để tâm tự đoạn chánh, chuyên tinh hành đạo, quyết đoạn việc thế gian, quay về chỗ rốt ráo nên đến khi qua đời không thể đắc đạo, không biết làm sao. Rốt cuộc đều do hèn kém khúc mắc tham đắm ái dục, phần nhiều mê lầm đạo, người hiểu đạo

thì rất ít. Người đời thường không biết cách làm việc thiện, không có tôn ti thượng hạ, nên nghèo giàu hay sang hèn đều chịu khổ nhọc nhằn, ô mòng sát hại độc địa, khí ác mịt mù, làm việc hư dối, trái nghịch trời đất, không hợp nhân tâm. Tuy bản tính vốn không ác nhưng tùy cảnh mà phát sinh, buông lung hành động mắc phải tội ác, tuổi thọ chưa hết phải chịu khốn đốn rồi rơi vào đường ác, nhiều đời khổ cực, xoay chuyển mãi trong đó cả ngàn ức kiếp không có kỳ hạn ra khỏi. Nỗi thống khổ ấy không thể nói hết, thật đáng thương thay!

Đức Phật bảo Bồ-tát Di-lặc và chư Thiên, loài người:

– Nay Ta nói với các người biết, vì thế gian có những việc ấy nên không đắc đạo. Các người phải suy nghĩ chín chắn, xa lìa điều ác, chọn những việc lành rồi siêng năng thực hành. Và lại, ái dục vinh hoa ở đời không thể bảo tồn mãi được vì chúng vốn là vô thường chẳng có gì đáng vui. Nay sinh ra đời được gặp Phật, các người nên tinh tấn tu tập. Người nào có chí nguyện sinh về nước An lạc thì được trí tuệ sáng suốt, công đức thù thắng. Chẳng nên theo ý muốn của tâm mà phụ lời dạy trong kinh để bị tụt hậu. Ai còn nghi ngờ chưa hiểu kinh nên thưa hỏi, Ta sẽ thuyết giảng cho.

Bồ-tát Di-lặc quỳ gối bạch Phật:

– Phật có oai thần tôn quý, thuyết giảng rất hay.

Người nào nghe lời Phật dạy, chuyên tâm suy nghĩ thì người đó thật hành đúng đạo thiện. Nay Phật từ bi thương xót hiển bày đạo lớn khiến chúng con mới được sáng tai mở mắt, được độ thoát, nghe lời Phật dạy, ai nấy đều hoan hỷ. Chư Thiên, dân chúng cho đến các loài côn trùng nhỏ nhít đều nhờ ân từ bi của Phật mà giải thoát khỏi ưu sầu khổ não. Đức Phật dạy bảo rất sâu xa hoàn hảo, trí tuệ sáng suốt thấy việc mười phương ba đời một cách tường tận. Nay chúng con sở dĩ được giải thoát là do đời trước lúc Phật cầu đạo đã từng chịu nhiều khổ nhọc, nên ân đức che khắp, phước lộc cao dày, ánh sáng chiếu suốt, thông đạt pháp không vô tận, ra vào Niết-bàn giảng dạy kinh điển, oai thần hơn hết, độ thoát chúng sinh, khiến cảm ứng đến mười phương vô cùng vô tận. Phật là đáng Pháp Vương tôn quý trong Thánh chúng, là thầy của tất cả hàng trời người, tùy theo điều ước nguyện của chúng sinh mà Phật giáo hóa họ đắc đạo quả. Nay được gặp Phật, lại nghe âm thanh của Phật Vô Lượng Thọ, tất cả chúng hội ai cũng vui mừng và khai mở tuệ tâm.

Đức Phật bảo Bồ-tát Di-lặc:

– Ông nói rất đúng! Ai nấy mến kính Phật thì thật là điều lành lớn. Trong thế gian lâu lắm mới có Phật, nay ở cõi đời này, Ta làm Phật diễn thuyết kinh pháp, tuyên bố đạo giáo, đoạn các lưới nghi, nhổ các ái dục, ngăn các nguồn ác, đi khắp ba cõi

không có chướng ngại, thấu rõ trí tuệ và điều cốt yếu của đạo, nắm giữ giềng mối, phân biệt sáng tỏ, khai thị năm cõi, độ người chưa được độ, quyết thoát sinh tử, mở đường Niết-bàn. Di-lặc nên biết, từ vô số kiếp đến nay, ông đã tu hạnh Bồ-tát muốn độ chúng sinh, thời gian đã lâu xa, những người nhờ ông mà được đắc đạo cho đến nhập Niết-bàn không thể tính kể. Ông và chư Thiên, loài người tất cả bốn bộ chúng, từ kiếp xa xưa đến nay xoay lăn trong năm đường, lo sợ khôn khổ không thể nói hết được. Nay tuy các ông chưa dứt khỏi sinh tử nhưng được gặp Phật, được nghe kinh pháp và công hạnh thù thắng của Đức Phật Vô Lượng Thọ đó là một điều hết sức tốt đẹp và vui sướng. Do vậy các ông nên nỗ lực đoạn tận sinh, lão, bệnh, tử, khổ não, bất tịnh, ô uế, vì những thứ ấy không có gì đáng vui cả. Các ông phải tự quyết đoán, đem thân chánh hạnh làm nhiều việc lành, tu tập thanh tịnh, tẩy trừ tâm cấu uế, lời nói và việc làm trung tín, trong ngoài tương ưng, tự độ, độ người, thành tâm cầu nguyện, tích chứa căn lành. Đời nay, các ông cố gắng chịu khổ hành đạo để sau sinh về thế giới Cực lạc vô cùng vui sướng, mãi mãi hợp với đạo, vĩnh viễn nhổ gốc sinh tử, không còn cái họa khổ vì não tham, sân si. Về trên thế giới ấy rồi, các ông muốn sống một kiếp, trăm kiếp, ngàn vạn ức kiếp đều có thể tùy ý tự tại và mọi thứ đều tự nhiên có được. Kế đến, đối với Đại Niết-bàn, các ông đều

nên tinh tấn phát nguyện tu hành, không được nghi ngờ, rồi tự gây lấy tội lỗi sinh về cung điện bảy báu ở cõi biên địa của nước ấy, chịu nhiều tai ách trong năm trăm năm.

Di-lặc bạch Phật:

– Chúng con xin tín thọ lời Phật dạy, tinh cần tu học và thực hiện theo không dám nghi ngờ.

Đức Phật bảo Bồ-tát Di-lặc:

– Ở đời này, các ông có thể đoan tâm chánh niệm, không làm việc ác, là phước đức lớn mà khắp mười phương thế giới không đâu sánh bằng. Vì sao? Vì ở các cõi nước của chư Phật, chúng trời và loài người tự nhiên làm việc lành, không tạo việc ác, nên rất dễ khai hóa. Nay Ta thành Phật ở thế gian này, ở trong đời ác năm trước, năm sự thống khổ, năm sự thiêu đốt với rất nhiều khổ não, để giáo hóa chúng sinh khiến họ xa lìa năm điều ác, bỏ năm sự thống khổ, trừ năm sự thiêu đốt, chế phục tâm ý khiến họ giữ năm điều thiện, đạt được phước đức, thoát khỏi thế gian, chứng nhập đạo Niết-bàn trường thọ. Sao gọi là năm điều ác?

Điều ác thứ nhất: Đa phần chư Thiên và loài người cho đến các loài côn trùng nhỏ bé trong cõi đời này đều thường muốn làm việc ác, chẳng hạn như kẻ mạnh hiếp kẻ yếu, giành giật tàn hại, chém giết, cho đến ăn thịt lẫn nhau không biết làm lành, ác nghịch vô đạo, nên về sau gánh chịu quả báo bị

chém giết của hạnh nghiệp đã gây tạo. Nên biết, mọi hoạt động thiện ác của con người đều được thần minh ghi chép không dung tha kẻ phạm tội. Do đó, người làm ác sau khi chết có thể sinh vào nơi bần cùng, hạ tiện, ăn xin, cô độc, đui điếc, câm ngọng, ngu si xấu ác, thậm chí có hạng điên cuồng chẳng nên người. Ngược lại chúng ta thấy trong đời có những hàng tôn quý giàu sang, tài cao sáng suốt, là đều do đời trước nhân từ hiếu thảo, tích đức làm lành. Còn những kẻ không biết sợ sệt lỗi lầm, làm các việc ác trái với phép nước nên phải vào lao ngục chịu nhiều cực hình khó mà thoát được. Trước mắt chúng ta có những việc xảy ra như thế nên biết rằng kẻ làm ác sau khi chết đương nhiên phải thác sinh vào những nơi tối tăm để gánh chịu nhiều thống khổ, cực hình giống như các hình phạt trong lao ngục khi phạm phải phép nước. Vì vậy chúng sinh theo hạnh nghiệp mình đã gây tạo nên qua lại trong ba đường, xuống lên sáu nẻo, thay hình đổi dạng nhận chịu vô lượng khổ não và dù tuổi thọ ngắn hay dài vẫn phải một mình tìm nơi thác sinh tương ưng đồng thời báo ứng luân chuyển mãi không bao giờ chấm dứt. Một khi tội ác chưa được trừ diệt thì cứ phải xoay vần trong sáu đường nếm đủ mọi thứ đau thương vô cùng tận không có kỳ hạn ra khỏi và cũng không được giải thoát. Nỗi thống khổ ấy làm sao nói hết được. Nên biết trong đất trời bao la này, thiện ác đều có quả báo rõ ràng.

Nếu làm thiện hay ác thì sớm muộn gì cũng phải nhận lấy báo ứng và đầu thai vào nơi tương xứng sau khi nhắm mắt xuôi tay. Đây là điều ác thứ nhất, điều thống khổ thứ nhất và là sự thiêu đốt thứ nhất. Nỗi đau khổ này chẳng khác nào hầm lửa thiêu đốt thân người. Tuy nhiên, nếu người nào ở trong chốn khổ ải ấy mà biết nhất tâm nhiếp ý, giữ gìn thân tâm đoạn nghiêm, làm các việc thiện, đoạn trừ các việc ác thì tất nhiên sẽ được độ thoát và nương vào phước đức đã tạo vượt khỏi thế gian để chứng đắc đạo quả Niết bàn. Đây là điều thiện thứ nhất.

Điều ác thứ hai là: Người sống ở đời đối với các mối quan hệ như cha con, anh em, vợ chồng đều không biết lẽ phải, không thuận chánh pháp, xa xỉ hoang dâm, kiêu mạn, phóng túng, muốn được thỏa thích nên tâm ý buông lung, dối trá lẫn nhau, tâm miệng mâu thuẫn, suy nghĩ không thành thật, nịnh hót, không trung thực, xảo trá, quanh co, ghét hiềm, chê thiện, hãm hại oan uổng. Thậm chí làm vua nhưng không sáng suốt, nên tin dùng quan lại bất minh để họ tự do lạm quyền, dối trá đủ điều, lấn lướt vượt quyền, dựa vào thế lực làm việc bất chánh, lại bị người lừa dối, hãm hại trung thần, không xứng tâm thiện. Cứ thế, bề tôi dối vua, con dối cha, anh em vợ chồng, bè bạn trong ngoài lườm gạt lẫn nhau, ai ai cũng tham lam, sân giận, ngu si, tham muốn sâu dày, lòng dục thêm nhiều, không có phân biệt tôn trọng trên dưới, phá nhà

mất thân, chẳng đoái hoài trước sau, thân thuộc nội ngoại, quên mất dòng họ. Hoặc đối với thân thuộc trong gia đình, bạn bè, làng xóm hay cùng đồng loại vì ham lợi mà tranh giành nhau nên sinh ra giận hờn, kết oán. Người giàu có thường lao khổ nhọc tâm để tích chứa tiền của cho nhiều nên bất chấp thiện ác, không biết bố thí để rồi đến khi nhắm mắt qua đời phải đơ thương độc mã tùy nghiệp thọ thân không biết đi đến chốn khổ hay vui trong ba cõi luân hồi. Nếu lúc ấy mà sinh tâm hối hận thì đã quá muộn. Người đời vì ngu muội, trí kém, thấy người làm lành thì chê bai, ghét bỏ, không chịu ngưỡng mộ, chỉ muốn làm ác, tạo việc phi pháp, thường mang tâm trộm cắp, mong chiếm đoạt của người, ăn xài phung phí rồi lại tìm cầu, tâm tà bất chánh, sợ người có sắc đẹp hơn mình, không lo tính toán trước việc đến mới ăn năn. Người đời nay bị tra khảo tùy theo tội mà chịu hình phạt, là do đời trước không tin đạo, không tu việc lành. Nếu đời này lại tạo việc ác thì thiện thần đều ghi chép rõ ràng và khi mạng chung rơi vào đường ác chịu vô lượng khổ, xoay vần trong ba đường nhiều đời nhiều kiếp không có kỳ hạn ra khỏi, khó được giải thoát. Sự đau khổ ấy không thể nói hết. Đó là điều ác lớn thứ hai, nổi thống khổ thứ hai và là sự thiêu đốt thứ hai. Nổi khổ này giống như hầm lửa thiêu đốt thân hình. Tuy nhiên, ở trong hầm lửa tam giới đó, người nào nhất tâm giữ ý, đoạn thân

chánh niệm, chỉ làm việc lành, không tạo việc ác, thì được độ thoát, có nhiều phước đức, được sinh lên cõi trời, nhập đạo Niết-bàn. Đó là điều thiện lớn thứ hai.

Điều ác thứ ba: Người đời thường nương nhờ nhau mà cùng sống. Tuổi thọ của họ không được bao nhiêu. Trên có vua chúa, trưởng giả tôn quý, giàu có, dưới có những kẻ nghèo cùng, hạ tiện, yếu kém, ngu phu. Trong đó có người bất thiện, thường có lòng tà ác, chỉ nhớ nghĩ dâm dục, phiền não đầy bụng, ái dục rồi bời, đứng ngồi không yên, tham lam lấn tiếm, muốn chiếm đoạt của cải người khác, liếc mắt đưa tình nên tà tâm phóng túng, nhàm chán vợ mình, tư thông vợ người, ăn chơi vô độ nên hao tổn gia tài, làm việc phi pháp, tập trung bè đảng, đem quân xâm lăng, đánh cướp giết hại, cưỡng đoạt vô đạo, tâm ác hiện rõ, chẳng tự sửa đổi, trộm cướp muốn thành công nên khùng bố, bức hiếp của cải người đem về nuôi dưỡng vợ con, buông lung hưởng lạc, hoặc đối với thân thuộc chẳng kể tôn ti khiến gia tộc nội ngoại đều lo lắng khổ sở, không sợ phép nước nghiêm cấm. Tội ác như thế sánh bằng quỷ dữ, nhật nguyệt soi thấy, thần minh ghi biết, cho nên tự nhiên có vô lượng khổ não trong ba đường, xoay vần trong đó nhiều đời nhiều kiếp không có kỳ hạn ra khỏi, khó được giải thoát, đau đớn không nói được. Đó là việc ác lớn thứ ba, nổi thống khổ thứ ba và là sự thiêu đốt

thứ ba. Nỗi đau khổ này giống như lửa lớn đốt cháy thân người. Tuy nhiên ở trong ấy, người nào nhất tâm, giữ ý, đoan thân chánh hạnh, chuyên làm việc lành, không tạo việc ác thì được độ thoát, có nhiều phước đức, được sinh lên cõi trời và chứng nhập đạo Niết-bàn. Đây là điều thiện lớn thứ ba.

Điều ác thứ tư: Người đời không nghĩ làm lành, dạy bảo lẫn nhau, khiến làm điều ác như nói hai lưỡi, nói lời ác, nói dối, nói thêu dệt, gièm pha, cãi vã, chê bai, ghét người làm lành, hãm hại hiền nhân, cảm thấy vui thích, bất hiếu cha mẹ, khinh mạn sư trưởng, không tin bạn bè, khó được thành thật, tự tôn tự đại, cho mình là phải, ý thế tung hoành, xâm phạm người khác, không thể tự biết, làm ác không thẹn, tự dùng sức mạnh muốn người cung kính, không sợ trời đất thần minh nhật nguyệt, chẳng chịu làm lành, khó thể giáo hóa, kiêu ngạo vô lễ cho là lẽ thường, không hề lo sợ, thường luôn kiêu mạn. Các việc ác như vậy thiện thần đều biết rõ. Hơn nữa, họ ý lại vào đời trước có tạo chút phước đức, làm ít việc lành giúp đỡ người khác, rồi đời nay mặc sức làm ác, khiến phước đức ấy tiêu tan, nên các thiện thần đều xa lánh. Do vậy, một thân một mình không chỗ nương tựa, và khi chết rơi vào đường ác, tự nhiên sự bức xúc cùng tranh nhau đến. Trong lúc ấy, mọi lỗi lầm kéo nhau đến dẫn dắt thần thức đầu thai vào cõi ác, tội báo tự nhiên chẳng hề xa lìa, chỉ thẳng đường tiến tới đi

vào lò lửa, thân tâm tan nát, tinh thần khổ đau, đến lúc ấy ăn năn đâu còn kịp. Đạo trời như vậy không hề sai lầm, nên tự nhiên có vô lượng khổ não ở trong ba đường xoay vần trong đó nhiều đời nhiều kiếp không ra khỏi, khó được giải thoát, thống khổ đau đớn không thể nói hết. Đây là điều ác lớn thứ tư, nổi thống khổ thứ tư và là sự thiêu đốt thứ tư. Sự thống khổ này giống như lửa lớn thiêu đốt thân người. Tuy nhiên, ở trong ấy, người nào nhất tâm giữ ý, đoạn thân chánh hạnh, làm các việc thiện, không tạo việc ác thì được giải thoát, có nhiều phước đức, sinh lên cõi trời và chứng nhập Niết-bàn. Đây là điều thiện lớn thứ tư.

Điều ác thứ năm: Người đời thường ỷ lại lười biếng, không chịu làm lành, tu sửa thân mình để cho gia đình quyến thuộc đói rét khốn khổ, cha mẹ răn dạy thì giận dữ chống trái, lời nói không hòa, trái ngược phản nghịch, giống như oan gia, con chẳng ra con, không có lễ nghĩa, gây nhiều tai họa, phụ ân bội nghĩa, không có tâm báo đáp, nghèo cùng khốn khổ, bội bạc phóng túng, chiếm đoạt của người để nuôi bản thân, say sưa rượu chè, ăn uống vô độ, buông lung phóng đảng, lỗ mãng xung đột, không biết nhân tình, ỷ mạnh chèn ép, thấy người làm lành thì ganh ghét không có lễ nghĩa, không nhìn lại mình, lộng quyền ỷ thế, không ai can gián, lục thân quyến thuộc, thiếu đủ không hề đoái hoài, chẳng nghĩ ân cha mẹ, chẳng biết lễ nghĩa với thầy

bạn, tâm thường nghĩ ác, miệng nói lời ác, thân thường làm ác, không có một chút việc lành, không tin giáo pháp của chư Phật Hiền Thánh, không tin hành đạo có thể được giải thoát, không tin sau khi chết thần thức đầu thai trở lại, không tin làm lành được lành làm ác gặp ác, muốn giết người chân chánh, phá rối chúng Tăng, muốn hại cha mẹ, anh em quyến thuộc, khiến dòng họ đều chán ghét, nên muốn người ấy chết cho khuất mắt. Hạng người này tâm ý như lửa đốt ngu si mê muội mà tự cho là sáng suốt, không biết sinh từ đâu đến chết đi về đâu, bất nhân không thuận, ác nghịch với trời đất mà ở trong đó lại mong cầu may mắn, cầu được sống lâu nhưng tất cả đều trở nên vô vọng. Nếu ai thương xót chỉ dạy khiến họ nghĩ đến điều lành, chỉ dạy con đường sinh tử thiện ác là thật có thì họ lại không tin, có khổ tâm khuyên nhủ cũng vô ích. Người ấy tâm bị mê muội, ý không cởi mở, lúc sắp chết mới lo sợ hối hận. Trước không lo làm việc lành, nay lại hối hận thì liệu có kịp không! Thế rồi trong trời đất mênh mông, năm đường ác thênh thang mở rộng, mọi báo ứng thiện ác, họa phúc đua nhau kéo đến, người ấy tự nhiên theo nghiệp đã tạo một mình đi vào đường ác chịu nhiều thống khổ, không ai thay thế được. Nên biết, mọi tác nhân thiện ác luôn bám sát theo con người như bóng với hình không hề buông bỏ cho đến khi hình thành nghiệp quả. Người thiện làm việc thiện, từ an lạc

đi vào an lạc, từ sáng suốt đi vào sáng suốt; người ác làm ác, từ khổ não đi vào khổ não, từ tối tăm đi vào tối tăm. Ai biết được điều đó? Chỉ có Đức Phật biết rõ nên mới giảng dạy, giáo hóa cho chúng sinh thoát khổ. Tuy nhiên, người tin làm theo rất ít, nên sinh tử không dừng, đường ác chẳng dứt. Người đời tạo ác như vậy nên chịu vô lượng khổ não trong ba đường ác chẳng dứt, xoay vần trong ấy nhiều đời nhiều kiếp, không có kỳ hạn ra khỏi, khó được giải thoát, đau khổ không thể nói hết. Đây là điều ác lớn thứ năm, nổi thống khổ thứ năm và là sự thiêu đốt thứ năm. Sự khổ não ấy giống như lửa lớn thiêu đốt thân mình. Tuy nhiên, ở trong đó, người nào nhất tâm giữ ý, đoan thân chánh niệm, nói làm như nhau, luôn luôn thành thật, tâm và lời nói không thay đổi, chỉ tạo việc thiện, không làm điều ác thì được độ thoát, có nhiều phước đức, được sinh lên cõi trời và dần dần chứng đắc Niết-bàn. Đây là điều thiện lớn thứ năm.

Đức Phật bảo Bồ-tát Di-lặc:

– Ta đã nói cho các ông, ở đời có năm điều ác khổ não, năm nổi thống khổ, năm sự thiêu đốt luôn xoay vần cùng sinh trưởng. Nếu người chỉ làm điều ác, không tu việc lành thì tự nhiên đều đọa vào đường ác. Hiện tại trong đời có người bệnh hoạn, muốn chết không được cầu sống chẳng xong, là vì tội ác chiêu cảm. Điều này thật rõ ràng, mọi người đều nhìn thấy. Thế rồi khi chết đi vào ba đường ác,

khô nảo vô lượng, tự thiêu đốt mình cho đến về sau tạo nhiều oán kết, từ việc ác nhỏ thành việc ác lớn. Tất cả những điều ấy đều do tham đắm của cải, sắc đẹp, chẳng chịu bố thí, chạy theo dục vọng si mê, phiền não trói buộc không tháo mở được, tranh lợi về mình, không biết tự xét, phú quý vinh hoa lấy làm đắc ý, không biết nhẫn nhục, không lo tu thiện mà sinh khởi. Hơn nữa, oai thế ấy chẳng tồn tại được bao lâu và thân sinh khổ nhọc càng ngày càng nặng. Đạo trời đã phô bày tự nhiên định sẵn, có kỷ cương như màn lưới, trên dưới tương ứng nên kẻ làm ác không thể thoát tội được mà phải thác sinh vào trong lục đạo chịu nhiều khổ sở, lo lắng không hề chấm dứt.

Này Di-lặc! Người đời phân đông như vậy. Phật vì thương xót nên dùng oai thần lực khiến họ trở về đường lành rời bỏ điều ác, phụng trì kinh luật, thực hành theo đạo pháp không có sai trái, khi mạng chung được độ thoát khỏi cõi đời, chứng đạo Niết-bàn. Này Di-lặc! Nay ông, chư Thiên, loài người và những người đời sau được nghe giáo pháp của Phật phải suy nghĩ chín chắn, có thể y theo đó mà đoạn tâm chánh hạnh. Người có căn tánh lạnh lợi khéo lãnh thọ giáo pháp và làm các việc thiện thì chỉ dạy lại cho kẻ độn căn hạ liệt. Các người hãy qua lại dạy bảo nhau đều cùng giữ gìn, thực hành nghiệp thiện, tôn trọng bậc Thánh, cung kính người làm việc thiện, nhân từ bác ái, không

trái lời Phật dạy, phải cầu độ đời, dứt gốc tội ác sinh tử, xa lìa vô lượng khổ đau, xa lìa ba đường ác. Nếu các ông vun trồng cội đức rộng lớn, ban ân bố thí, không phạm giới cấm, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ, giáo hóa lẫn nhau, tu đức làm lành, tâm ý chánh niệm, trai giới thanh tịnh, thì dù trong một ngày một đêm còn hơn người ở nước Cực lạc làm việc thiện cả trăm năm. Vì sao? Vì cõi Cực lạc vốn tự nhiên tích tập các điều thiện, không có mặt những điều ác dù chỉ bằng một sợi tóc. Nếu người ở cõi này làm việc thiện chỉ mười ngày mười đêm cũng hơn chúng sinh ở các cõi Phật khác làm việc thiện một ngàn năm. Vì sao? Vì ở các cõi Phật kia người làm việc thiện nhiều, người làm ác ít, và phước đức tự nhiên hiện ra không còn có chỗ làm ác. Ngược lại ở cõi đời này nhiều người làm ác, không có phước đức, khổ đau cầu dục, dối trá lẫn nhau, khổ thân nhọc tâm, uống đắng ăn độc, làm ác triền miên chưa hề dừng nghỉ. Ta thương mọi người mà hết lòng giảng dạy, khuyên nên làm lành, tùy nghi dẫn dắt, trao truyền kinh pháp để cùng phụng hành, tùy theo ý nguyện đều được đắc đạo. Chỗ nào Phật đi đến hoặc thành ấp, xóm làng đều được nhờ ơn giáo hóa khiến dân chúng hòa thuận, mặt trời mặt trăng trong sáng, mưa gió đúng thời, tai nạn bệnh dịch không có, nước giàu dân yên, binh đao không còn, tôn sùng hiền đức, chuyên tu lễ nghĩa. Ta thương mọi người hơn cha mẹ thương

con, nay ở cõi này Ta thành Phật, cảm hóa năm điều ác, tiêu trừ năm nỗi thống khổ, diệt sạch năm sự thiêu đốt, dùng thiện phá ác, dứt khổ sinh tử, khiến được năm đức đến chỗ an ổn vô vi. Sau khi Ta nhập diệt, giáo pháp diệt dần, dân chúng dối trá, lại làm việc ác, khiến năm sự thiêu đốt, năm sự thống khổ trở lại khởi lên như trước. Về sau càng nặng không thể nói hết. Nay Ta chỉ vì các ông mà nói lược thế thôi. Nay Di-lặc! Các ông phải khéo suy nghĩ, dạy bảo lẫn nhau đúng như kinh pháp của Phật không được sai phạm.

Lúc ấy, BỒ-tát Di-lặc chấp tay bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Lời Phật dạy rất hay, người đời quả thật như vậy. Đức Như Lai từ bi thương xót làm cho họ được giải thoát. Chúng con xin ghi nhận và làm theo lời Phật dạy không dám sai phạm.

Bấy giờ, Đức Phật bảo:

– Nay A-nan! Ông đứng dậy sửa y phục chấp tay cung kính đánh lễ Đức Phật Vô Lượng Thọ. Chư Phật Như Lai ở quốc độ mười phương thường ca ngợi tán thán Đức Phật Vô Lượng Thọ.

Lúc ấy, A-nan đứng dậy sửa y phục, thân ngay ngắn hướng về phương Tây, chấp tay cung kính lạy sát đất đánh lễ Đức Phật Vô Lượng Thọ, rồi bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Chúng con muốn được thấy cõi nước An lạc cùng đại chúng BỒ-tát, Thanh văn.

A-nan vừa nói xong, Đức Phật Vô Lượng Thọ phóng ra ánh sáng lớn chiếu khắp tất cả thế giới chư Phật. Núi Kim cương, núi Thiết vi, núi Tu-di, các núi lớn nhỏ đều đồng một màu sắc. Giống như gặp kiếp thủy tai, nước ngập tràn khắp cả thế giới, khiến vạn vật trong đó đều chìm ngập chẳng còn, chỉ thấy mặt nước mênh mông. Ánh sáng của Đức Phật Vô Lượng Thọ cũng như vậy. Ánh sáng của Thanh văn Bồ-tát đều bị che khuất, chỉ thấy ánh sáng rực rỡ của Đức Phật.

Tôn giả A-nan thấy Đức Phật Vô Lượng Thọ có oai đức cao vời như núi Tu-di, cao nhất trong tất cả các núi trong thế giới, đầy đủ tướng tốt, ánh sáng rực rỡ chiếu khắp tất cả. Tất cả chúng hội cùng lúc đồng thấy. Đại chúng ở cõi nước kia cũng thấy cõi này như vậy.

Đức Phật bảo Bồ-tát Di-lặc và Tôn giả A-nan:

– Các ông có thấy cõi nước Cực lạc từ mặt đất đến cõi trời Tịnh Cư, trong ấy đều có những vật tự nhiên trang nghiêm vi diệu chăng?

A-nan bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Chúng con đều thấy.

– Các ông có nghe âm thanh lớn của Đức Phật Vô Lượng Thọ ở khắp thế giới giáo hóa chúng sinh chăng?

Tôn giả A-nan đáp:

– Bạch Thế Tôn! Chúng con đã nghe.

– Dân chúng nước ấy ở trong cung điện bảy báu rộng lớn trăm ngàn do-tuần đến khắp mười phương cúng dường chư Phật không bị chướng ngại, các ông thấy chăng?

– Bạch Thế Tôn! Chúng con đã thấy.

– Dân chúng ở cõi nước ấy từ thai sinh ra các ông thấy không?

– Bạch Thế Tôn! Chúng con đã thấy.

– Người từ thai sinh ra ở tại cung điện hoặc trăm dặm, hoặc năm trăm dặm đều ở trong đó hưởng thọ vui sướng như cõi trời Đao-lợi vậy.

Bồ-tát Di-lặc bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Do nhân duyên gì mà dân chúng cõi ấy từ thai hóa sinh?

Đức Phật dạy:

– Nay Di-lặc! Chúng sinh nào bằng tâm ngu si tu tập các công đức nguyện sinh về cõi nước ấy, không hiểu trí Phật là trí không thể nghĩ bàn, trí không thể xưng tán, trí Đại thừa rộng lớn, trí tối thắng không ai bằng. Đối với các trí này, nghi hoặc không tin nhưng do tin tội phước tu tập điều lành nguyện sinh về cõi nước kia nên các chúng sinh này được sinh ở cung điện cõi nước ấy, sống năm trăm năm, thường không thấy Đức Phật, không nghe pháp, không gặp đại chúng Thanh văn, Bồ-tát, cho nên ở cõi Cực lạc gọi đó là từ “thai sinh”. Chúng sinh nào sáng suốt tin trí Phật cho đến trí

Tối Thắng, làm các công đức, tín tâm hồi hướng thì chúng sinh này ở trong hoa bảy báu tự nhiên hóa sinh, ngôi kiết già, trong khoảnh khắc, thân tướng sáng rực, công đức trí tuệ thành tựu đầy đủ như các Bồ-tát.

Lại nữa, này Di-lặc! Chư Phật Bồ-tát ở cõi nước khác phát tâm muốn thấy Đức Phật Vô Lượng Thọ để cung kính cúng dường Đức Phật ấy cùng đại chúng Thanh văn, Bồ-tát thì các Bồ-tát này khi mạng chung được sinh về cõi nước Phật Vô Lượng Thọ ở trong hoa bảy báu tự nhiên hóa sinh.

Di-lặc nên biết! Những người được hóa sinh thường có trí tuệ thù thắng. Những người từ bào thai sinh ra đều không có trí tuệ, trong năm trăm năm thường không thấy Phật, không nghe kinh pháp, không gặp chúng Bồ-tát, Thanh văn. Do không cúng dường Phật, không biết pháp hành của Bồ-tát, không tu tập công đức, nên biết người này đời trước không có trí tuệ nghi hoặc tất cả.

Này Di-lặc! Ví như Chuyển luân vương chỉ có ngục thất được trang sức bằng bảy báu, trên thiết giường màn, treo cờ năm màu, nếu các tiểu vương tử có tội đối với vua thì vua liền nhốt họ vào trong ấy, xiềng xích trói buộc, nhưng cung cấp thức ăn, y phục, giường tòa, hương hoa, âm nhạc giống như Chuyển luân vương không thiếu gì. Ý ông nghĩ sao? Các vương tử kia có thích ở chỗ ấy không?

– Bạch Thế Tôn! Họ không thích ở trong ấy, chỉ muốn tìm cách cầu được thân lực lớn mong ra khỏi.

Đức Phật bảo BỒ-tát Di-lặc:

– Các chúng sinh này cũng như vậy. Do nghi ngờ về trí Phật nên sinh ở trong cung điện bảy báu kia, không có hình phạt cho đến một niệm ác. Chỉ ở trong đó năm trăm năm không thấy Tam bảo, không được cúng dường, tu các việc lành nên lấy đó làm khổ. Tuy có nhiều sung sướng nhưng không sung sướng bằng cõi kia. Nếu chúng sinh này biết được nguồn gốc tội lỗi của mình, hết lòng ăn năn, cầu mong xa lìa cõi ấy liền được như ý, vãng sinh về cõi Cực lạc, cung kính cúng dường, cũng được đi khắp vô lượng cõi Phật, tu các công đức. Di-lặc nên biết, các BỒ-tát ấy sinh nghi ngờ là mất lợi lớn. Vì thế các ông nên sáng suốt tin tưởng trí tuệ vô thượng của chư Phật.

BỒ-tát Di-lặc bạch Phật:

– Ở thế giới này có bao nhiêu BỒ-tát Bất thoái chuyển được sinh về cõi Cực lạc?

Đức Phật dạy:

– Nay Di-lặc! Ở thế giới này có sáu mươi bảy ức BỒ-tát Bất thoái chuyển vãng sinh về cõi Cực lạc. Mỗi BỒ-tát đã từng cúng dường vô số chư Phật, giống như BỒ-tát Di-lặc. Các vị BỒ-tát mới phát tâm tu tập ít công đức thì không thể tính kể,

đều được vãng sinh.

Này Di-lặc! Không những các vị Bồ-tát ở cõi nước Ta sinh về cõi Cực lạc mà các cõi Phật khác cũng như vậy. Đức Phật thứ nhất hiệu là Viễn Chiếu, có một trăm tám mươi ức Bồ-tát đều sẽ vãng sinh. Đức Phật thứ hai hiệu là Bảo Tạng, cõi Phật ấy có chín mươi ức Bồ-tát đều sẽ vãng sinh. Đức Phật thứ ba hiệu là Vô Lượng Âm, cõi Phật ấy có hai trăm hai mươi ức Bồ-tát đều sẽ vãng sinh. Đức Phật thứ tư hiệu là Cam Lô Vị, cõi Phật ấy có hai trăm mười ức Bồ-tát đều sẽ vãng sinh. Đức Phật thứ năm hiệu là Long Thắng, cõi Phật ấy có mười bốn ức Bồ-tát đều sẽ vãng sinh. Đức Phật thứ sáu hiệu là Thắng Lực, cõi Phật ấy có một vạn bốn ngàn Bồ-tát đều sẽ vãng sinh. Đức Phật thứ bảy hiệu là Sư Tử, cõi Phật ấy có năm trăm ức Bồ-tát đều sẽ vãng sinh. Đức Phật thứ tám hiệu là Ly Cầu Oai, cõi Phật ấy có tám mươi ức Bồ-tát đều sẽ vãng sinh. Đức Phật thứ chín hiệu là Đức Thủ, cõi Phật ấy có sáu mươi ức Bồ-tát đều sẽ vãng sinh. Đức Phật thứ mười hiệu là Diệu Đức Sơn, cõi Phật ấy có sáu mươi ức Bồ-tát đều sẽ vãng sinh. Đức Phật thứ mười một hiệu là Nhân Vương, cõi Phật ấy có mười ức Bồ-tát đều sẽ vãng sinh. Đức Phật thứ mười hai hiệu là Vô Thượng Hoa, cõi Phật ấy có vô số chúng Bồ-tát không thể tính kể đều đạt được quả vị Bất thoái chuyển, trí tuệ dũng mãnh, đã từng cúng dường vô lượng chư Phật ở trong bảy ngày,

có thể thâm tóm pháp tu tập kiên cố của bậc Đại sĩ trong trăm ngàn ức kiếp, các vị Bồ-tát này đều sẽ vãng sinh. Đức Phật thứ mười ba hiệu là Vô Úy, cõi Phật ấy có bảy trăm chín mươi ức chúng Đại Bồ-tát, các Bồ-tát mới phát tâm và chúng Tỳ-kheo không thể tính kể đều sẽ vãng sinh.

Này Di-lặc! Không những các vị Bồ-tát ở mười bốn cõi Phật này sẽ vãng sinh, mà vô lượng cõi Phật ở mười phương thế giới, các vị Bồ-tát ấy sẽ được vãng sinh như vậy nhiều vô lượng. Ta nói danh hiệu chư Phật ở mười phương và Bồ-tát Tỳ-kheo sinh về cõi ấy cả ngày lẫn đêm, suốt một kiếp còn chưa thể nói hết được. Nay Ta chỉ lược thuyết cho các ông nghe như vậy mà thôi.

Này Di-lặc! Người nào được nghe danh hiệu của Đức Phật kia, hoan hỷ vui mừng cho đến một niệm, thì nên biết người này đạt được lợi lớn, tức là đầy đủ công đức vô thượng. Thế nên, này Di-lặc! Nếu có nạn lửa lớn lan tràn khắp ba ngàn đại thiên thế giới, thì cũng cần phải vượt qua cõi ấy để được nghe kinh pháp này, hoan hỷ kính yêu, thọ trì đọc tụng như lời dạy mà tu hành. Vì sao? Vì có nhiều Bồ-tát muốn nghe kinh này mà không được nghe. Nếu chúng sinh nào nghe kinh này thì được ở trong đạo vô thượng, hoàn toàn không thoái lui, cho nên cần phải chuyên tâm thọ trì, tin tưởng, đọc tụng, giảng thuyết, tu tập. Nay Ta vì các chúng sinh nói kinh này làm cho họ thấy được Đức Phật Vô

Lượng Thọ và tất cả những vật hiện có ở nước ấy. Những việc cần làm, các ông đều có thể yêu cầu, chớ đề sau khi Ta diệt độ lại sinh lòng nghi ngờ. Đòi vị lai, lúc kinh pháp diệt tận, bằng tâm từ bi thương xót đặc biệt, Ta lưu lại kinh này một trăm năm. Chúng sinh nào gặp được kinh này thì tùy ý họ mong ước gì đều được tất cả. Nay Di-lặc! Như Lai ra đời khó gặp khó thấy. Kinh pháp của chư Phật khó được nghe. Các Ba-la-mật và các pháp thù thắng của Bồ-tát được nghe cũng khó, gặp thiện tri thức nghe pháp thực hành cũng khó. Nếu người nghe kinh này tin ưa thọ trì thì lại càng khó hơn. Vì thế, pháp của Ta là làm như vậy, nói như vậy, dạy như vậy, phải nên tin tưởng thuận theo, như pháp tu hành.

Lúc Đức Phật giảng nói kinh này, có vô lượng chúng sinh đều phát tâm Vô Thượng Chánh Giác, một vạn hai ngàn triệu người được pháp nhãn thanh tịnh, hai mươi hai ức chư Thiên, loài người đắc quả A-na-hàm, tám mươi vạn Tỳ-kheo dứt hết lậu hoặc, tâm ý thông suốt, được quả A-la-hán, bốn mươi ức Bồ-tát đạt được quả vị Bất thoái chuyển, rồi dùng công đức thế nguyện rộng lớn để tự trang nghiêm, ở đời vị lai sẽ thành Chánh Giác.

Bảy giờ, ba ngàn đại thiên thế giới chấn động sáu cách, ánh sáng lớn chiếu khắp cõi nước mười phương, trăm ngàn âm nhạc tự nhiên hòa tấu, vô lượng hoa đẹp thơm tho bay xuống.

Đức Phật giảng nói kinh này xong, Bồ-tát Di-lặc cùng các chúng Bồ-tát ở mười phương đến, Tôn giả A-nan và các đại Thanh văn, tất cả đại chúng nghe lời Đức Phật dạy đều hoan hỷ vui mừng.



SỐ 361

KINH VÔ LƯỢNG THANH TỊNH BÌNH ĐẲNG GIÁC

*Hán dịch: Đồi Hậu Hán, Tam tạng Chi Lôu Ca Sám,
người nước Nguyệt Chi.*

QUYỂN I

Đức Phật ở tại núi Linh Thứu, thuộc nước Xá-vệ, cùng với đại chúng đệ tử một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-kheo, bảy mươi hai triệu vị Bồ-tát, năm trăm vị Tỳ-kheo-ni, bảy ngàn thiện nam và năm trăm thiện nữ, tám mươi vạn Thiên tử ở cõi Dục, bảy mươi vạn Thiên tử ở cõi Sắc, sáu mươi triệu Thiên tử ở cõi trời Biến Tịnh và một ức vị Phạm thiên đều cùng có mặt ở đó.

Những đệ tử có thần thông biến hóa như: Hiền giả Tri Bản Tế, Hiền giả Mã Sư, Hiền giả Đại Lực, Hiền giả An Tường, Hiền giả Năng Tấn, Hiền giả Mãn Nguyệt Tý, Hiền giả Vô Trần, Hiền giả Thị Tụ Ca-diếp, Hiền giả Ngưu Tư, Hiền giả Thượng Thời Ca-diếp, Hiền giả Trị Hàng Ca-diếp, Hiền giả Kim Xử Thản Ca-diếp, Hiền giả Xá-lợi-phát, Hiền giả Đại Mục-kiên-liên, Hiền giả Đại Ca-diếp, Hiền giả Đại Ca-chiên-diên, Hiền giả Đa Thùy, Hiền giả

Đại Giá Sư, Hiền giả Đại Sáu Đoản, Hiền giả Doanh Biện Liễu, Hiền giả Bất Tranh Hữu Vô, Hiền giả Tri Túc Mạng, Hiền giả Liễu Thâm Định, Hiền giả Thiện Lai, Hiền giả Ly Việt, Hiền giả Si Vương, Hiền giả Thị Giới Tụ, Hiền giả Loại Thân, Hiền giả Thị Phạm Kinh, Hiền giả Đa Dục, Hiền giả Vương Cung Sinh, Hiền giả Cáo Lai, Hiền giả Thị Hắc Sơn, Hiền giả Kinh Sát Lợi, Hiền giả Bác Văn v.v...

Những đệ tử nữ là: Tỳ-kheo-ni Đại Tánh, Tỳ-kheo-ni Huyền Giả, Tỳ-kheo-ni Liên Hoa Sắc, Tỳ-kheo-ni Sinh Địa Động, Tỳ-kheo-ni Sinh Địa Đám, Tỳ-kheo-ni Sinh Tắc Thị Giả Đầu Thống, Tỳ-kheo-ni An Phong Thực, Tỳ-kheo-ni Thê Nhu Nhuyễn, Tỳ-kheo-ni Dũng Sinh Hạnh, Tỳ-kheo-ni Tụ Tịnh v.v...

Những thiện nam tên: Trưởng giả Cấp Phạn Cô Độc, Trưởng giả An Niệm Chúng, Trưởng giả Khoái Tý, Trưởng giả Hỏa Anh, Trưởng giả Thiện Dung, Trưởng giả Cự Túc Bảo, Trưởng giả Danh Viễn Văn, Trưởng giả Hương Bích Dịch, Trưởng giả An Cát, Trưởng giả Thí Bảo Doanh, Trưởng giả Hân Tán, Trưởng giả Thai Thí Ân, Trưởng giả Cúng Dị Đạo, Trưởng giả Dũng Giáng Oán, Trưởng giả Bảo Nhị, Trưởng giả Bảo Kiết v.v...

Những thiện nữ tên: Sinh Lôu, Hắc Triết, Tín Pháp, Nhuyễn Thiện, Lạc Lương, Nhẫn Khổ Lạc, Lạc Ái v.v...

Tất cả những vị này đều là bậc đã đoạn tận bụi trần và tinh tấn, thanh tịnh.

Có vô số chúng cùng tham dự đại hội.

Ngay lúc ấy, Đức Phật ngồi tư niệm chánh đạo. Trên mặt có ánh sáng chín màu phóng ra vô số trăm ngàn tia sáng biến khắp, vô cùng rực rỡ.

Hiền giả A-nan từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa y phục ngay ngắn, cúi đầu đánh lễ dưới chân Phật, rồi quỳ gối chấp tay bạch Phật:

– Hôm nay trên mặt Phật tại sao lúc nào cũng có ánh sáng chiếu tỏa khắp nơi như vậy? Ánh sáng ấy có đến trăm ngàn màu tươi đẹp tỏa chiếu xuyên suốt cả trên trời lẫn dưới đất như thế. Con làm thị giả Phật từ trước đến nay chưa từng thấy Phật có ánh sáng chói lòa rực rỡ nhiều như vậy bao giờ. Con cũng chưa từng thấy bậc Chí Nhân Đăng Chánh Giác nào có ánh sáng và oai thần hoàn thiện tốt đẹp như ánh sáng của Đức Thế Tôn hôm nay. Lúc ấy cả chúng hội đang nghĩ đến Đức Phật hiện tại hôm nay cùng chư Phật quá khứ, vị lai và cõi nước Phật ở phương khác.

Đức Phật bảo A-nan:

– Có phải chư Thiên đến đây bảo ông, hay chư Phật bảo ông hỏi Ta như thế? Hay là xuất phát từ trí của ông?

A-nan bạch Phật:

– Không phải chư Thiên, cũng không phải chư

Phật dạy con thưa hỏi Phật như vậy, mà chính từ nơi ý của con bạch Phật. Con nghĩ, mỗi khi Đức Phật đi, đứng, nằm, ngồi hoặc đi ra đi vào đều có chủ đích, có việc đáng làm, có những điều dạy bảo. Con thiết nghĩ, có phải hôm nay Phật sẽ thể hiện sự giáo hóa giống như ý nghĩ của con, cho nên sắc diện mới chiếu sáng như vậy chăng?

Đức Phật dạy:

– Lành thay A-nan! Những điều ông thưa hỏi có thiện ý sâu xa và nhiều an lạc giải thoát. Người nào biết thưa hỏi Ta như vậy, còn hơn cả sự cúng dường của A-la-hán và Phật-bích-chi ở khắp thiên hạ, hơn cả sự bố thí cho chư Thiên, loài người và những loài côn trùng nhỏ nhít - trải qua nhiều kiếp - gấp trăm, ngàn, vạn, ức lần.

Này A-nan! Hiện tại ông đã độ thoát cho chư Thiên, đế vương, loài người và những loài súc sinh nhỏ nhít. Ông nên biết oai thần của Phật rất vi diệu, khó lường. Nếu ông hỏi như vậy, là vấn đề rất sâu xa và đáng trân trọng. Chính tâm từ của ông với sự xót thương của Phật, là điều thiện lớn cho chư Thiên, loài người, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di ngay lập tức đều qua bờ giác.

Này A-nan! Như ở thế gian có cây Ưu-đàm-bát, chỉ có trái mà không có hoa, trong thiên hạ có Phật, chính là có hoa xuất hiện. Thế gian có Phật rất khó được gặp. Nay Ta là Phật xuất hiện trong

thiên hạ, vì ông có đức lớn, tâm thông minh, hiền lành, dự đoán được ý Phật, hoặc không quên ở bên cạnh Phật và hầu cận Phật. Nay ông có điều hỏi thì hãy lắng nghe cho kỹ.

Này A-nan! Trong kiếp quá khứ, có đại chúng không thể tính kể, vô lượng vô biên không thể nghĩ bàn. Khi ấy có chư Phật quá khứ tên là: Định Quang Như Lai, Phật Diệu Quang, Phật Nhật Nguyệt Hương, Phật An Minh Sơn, Phật Nhật Nguyệt Diện, Phật Vô Trần Cấu, Phật Vô Triêm Ô, Phật Như Long Vô Sở Bất Phục, Phật Nhật Quang, Phật Đại Âm Vương, Phật Bảo Khiết Minh, Phật Kim Tàng, Phật Diệm Bảo Quang, Phật Hữu Cử Địa, Phật Lưu Ly Quang, Phật Nhật Nguyệt Quang, Phật Nhật Âm Thanh, Phật Quang Minh Hoa, Phật Thần Thông Du Trì Ý Như Hải, Phật Ta Thán Quang, Phật Cụ Túc Bảo Khiết, Phật Quang Khai Hóa, Phật Đại Hương Văn, Phật Hàng Khí Nhuế Tật, Phật Diệu Lưu Ly Tử Ma Kim Diệm, Phật Tâm Trì Đạo Hoa Vô Năng Quá Giả, Phật Tích Chúng Hoa, Phật Thủy Nguyệt Quang, Phật Trừ Chúng Minh, Phật Nhật Quang Cái, Phật Ôn Hòa Như Lai, Phật Pháp Ý, Phật Sư Tử Oai Tượng Vương Bộ, Phật Thế Hào, Phật Tịnh Âm, Phật Bất Khả Thắng, Phật Lô Di Hằng La, làm giáo thọ trong chúng đó suốt bốn mươi hai kiếp, đều thuộc về quá khứ, đến kiếp ấy mới làm Phật, là bậc Đại Hùng trong hàng trời người, là bậc tướng dũng

mãnh trong đạo pháp.

Đức Phật vì hàng trời, người mà giảng dạy giáo pháp không ai sánh kịp. Vua Thế Nhiêu nghe và hiểu rõ giáo pháp liền vui vẻ từ bỏ vương vị để làm Tỳ-kheo tên là Đàm-ma-ca-lưu. Tỳ-kheo này phát tâm Bồ-tát, là bậc tài cao, trí tuệ dũng mãnh, không ai hơn được, là bậc siêu vượt thế gian.

Khi ấy, Bồ-tát Pháp Bảo Tạng đến chỗ Phật Thế Nhiêu Vương cúi đầu đánh lễ, quỳ gối chấp tay ca ngợi Phật:

*Hào quang sáng vô lượng
Oai thần cũng không cùng
Sáng chói lợi như thế
Không ai sánh bằng được.
Nếu dùng hình mặt trời
Ma-ni, lửa, trăng, nước
Cảnh ấy chẳng thể bằng
Sắc ấy cũng khó sánh.
Nhan sắc thật khó lường
Tối thượng trong thế gian
Âm thanh lớn như thế
Vang khắp các cõi nước.
Hoặc dùng Tam-muội định
Tinh tấn và trí tuệ
Oai đức thật cao vời
Hy hữu và thù thắng.
Niệm thiện thật thâm diệu
Được pháp Phật từ đây*

Trí tuệ Phật như biển
Vô lượng không tận cùng.
Ngu si và sân hận
Không có nơi Thế Tôn
Ca ngợi Phật thế hùng
Muôn đời không thấy đủ.
Phật như cây hoa đẹp
Ai mà chẳng ưa thích
Nơi nơi người trông thấy
Tất cả đều vui mừng.
Khiến con khi làm Phật
Xin được như Pháp vương
Vượt qua bờ sinh tử
Giải thoát hết tất cả.
Bố thí điều phục ý
Giới, nhẫn và tinh tấn
Tam-muội định như vậy
Trí tuệ thật tối thượng.
Nguyện con được thành Phật
Đạt được những việc này
Bao nhiêu điều sợ hãi
Con vẫn được an lành.
Giả sử có trăm ngàn
Vạn ức và cả triệu
Số Phật nhiều như cát
Của cả con sông Hằng.
Số Phật bằng số cát
Đều cúng dường tất cả

Không bằng cầu chánh giác
 Dững mãnh không khiếp sợ.
 Ví như nước sông Hằng
 Cát chảy khắp thế giới
 Gấp bội không tính được
 Vô số các cõi nước.
 Ánh sáng soi tất cả
 Khắp đến những nước này
 Sức tinh tấn như vậy
 Oai thần khó thể lường.
 Nếu con làm Thế Tôn
 Cõi nước tuyệt vô cùng
 Mọi người đẹp thù thắng
 Đạo tràng hơn các cõi.
 Nước như cảnh Niết-bàn
 Không có gì sánh kịp
 Con sẽ thường thương xót
 Cứu độ hết mọi người.
 Vãng sinh mười phương cõi
 Tâm họ vui thanh tịnh
 Vị lai đến nước con
 An vui và hạnh phúc.
 Gặp Phật và kính tin
 Là con đạt bậc nhất
 Phát nguyện ở nơi kia
 Sự mong sức tinh tấn.
 Mười phương các Đức Phật
 Đều có tuệ vô ngại

*Luôn nhớ đấng Đại Hùng
 Rõ việc làm tâm con.
 Khiến thân con an trú
 Ở những nơi khổ độc
 Con hành sức tinh tấn
 Nhân suốt đời không thôi.*

Tỳ-kheo Pháp Bảo Tạng nói lời ca ngợi Đức Thế Nhiêu Vương Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác rồi, phát tâm mong cầu đạo Chánh chân Vô thượng Tồi Chánh Giác:

– Xin nguyện những gì Đức Như Lai có, con cũng được như vậy. Như Lai nhổ bật những gốc rễ sinh tử khổ đau của loài người, con đều làm như vậy. Xin Phật hãy thuyết giảng kinh, con xin thực hành theo để mau chóng được thọ ký. Khi con thành Phật, khiến cho không ai sánh kịp. Nguyện Phật vì con nói về công đức của các cõi nước Phật, con sẽ vâng theo thực hành và ở trong đó, theo nguyện thiết lập nên cõi nước Phật cũng như vậy.

Bấy giờ, Đức Phật bảo A-nan:

– Đức Phật Thế Nhiêu Vương biết rõ ý nguyện hoàn thiện, sáng suốt, cao cả kia, nên nói kinh cho Bồ-tát Pháp Bảo Tạng: “Ví như một người đong lường nước biển lớn liên tục trong một kiếp còn có thể khô cạn được và làm cho biển cạn đến tận đáy bùn. Như vậy, người chí tâm cầu đạo lẽ nào không đạt đạo. Người mong cầu đạo, tinh tấn không

ngưng nghỉ sẽ đạt được điều mà tâm mong muốn”.

Bồ-tát Pháp Bảo Tạng nghe Đức Phật Thế Nhiêu Vương nói kinh như vậy vô cùng hoan hỷ, phấn chấn. Đức Phật ấy đã tuyên chọn những điều tốt, xấu của quốc độ thiện ác của hàng trời người ở trong hai trăm mười ức cõi Phật, rồi tùy theo tâm vị ấy mong muốn mà ban cho.

Đức Phật Thế Nhiêu Vương nói kinh xong, Bồ-tát Pháp Bảo Tạng nhất tâm liền đạt Thiên nhãn, thấy rõ điều xấu tốt của quốc độ thiện ác của hàng trời người trong hai trăm mười ức cõi Phật, rồi chọn những điều nguyện ước của họ kết thành hai mươi bốn kinh nguyện và cho họ thực hành theo.

Bồ-tát tinh tấn nỗ lực tìm cầu khổ nhọc, trải qua vô số kiếp thừa sự cúng dường chư Phật. Chư Phật quá khứ cũng nhiều vô số. Mãi đến về sau, Bồ-tát Pháp Bảo Tạng chứng quả vị Phật, hiệu là Vô Lượng Thanh Tịnh Giác Tối Tôn. Đức Phật này có trí tuệ dũng mãnh chói sáng, không thể so sánh, hiện đang ở cõi nước vô cùng tốt đẹp, sung sướng. Nơi cõi nước phương khác, Đức Phật giáo hóa vô số chư Thiên, loài người và những loài côn trùng nhỏ nhít ở khắp mười phương, tất cả đều được giải thoát, vượt khỏi sự lo buồn khổ não.

Khi còn làm Bồ-tát, Đức Phật Vô Lượng Thanh Tịnh thường thực hành hai mươi bốn lời nguyện, luôn trân quý, tôn trọng, giữ gìn, kính thuận, tinh

tân thiên hành. Bồ-tát siêu tuyệt khác thường, không ai có thể sánh kịp.

Đức Phật dạy:

– Hai mươi bốn lời nguyện đó là:

1. Khi ta thành Phật, nguyện cho trong nước của ta không có địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh và những loài côn trùng nhỏ nhít. Lời nguyện được thành tựu, ta mới thành Phật. Nếu không đạt được nguyện này thì ta không bao giờ thành Phật.

2. Khi ta thành Phật, nguyện cho dân chúng trong nước của ta đời sau cũng sinh vào nước của ta và mãi mãi từ đó trở đi sẽ không trở lại địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, và loài côn trùng. Nếu chúng sinh nào còn trở lại những nơi đó thì ta không thành Phật.

3. Khi ta thành Phật, dân chúng nào sinh vào cõi nước của ta mà thân không cùng sắc vàng thì ta không thành Phật.

4. Khi ta thành Phật, dân chúng nào sinh vào cõi nước của ta mà loài người và trời khác nhau thì ta không thành Phật.

5. Khi ta thành Phật, dân chúng nào sinh vào cõi nước của ta đều tự suy biết từ đâu sinh đến đây trong mười ức kiếp trước. Nếu họ không nhớ biết từ đâu sinh đến đây thì ta không thành Phật.

6. Khi ta thành Phật, dân chúng nào sinh vào nước của ta mà không thấy khắp tất cả thì ta không

thành Phật.

7. Khi ta thành Phật, dân chúng nào sinh vào cõi nước của ta mà không biết trong tâm người khác đang nghĩ gì thì ta không thành Phật.

8. Khi ta thành Phật, dân chúng nào ở trong nước của ta mà không biết bay thì ta không thành Phật.

9. Khi ta thành Phật, dân chúng nào ở trong nước của ta mà không nghe được tất cả âm thanh thì ta không thành Phật.

10. Khi ta thành Phật, dân chúng nào ở trong nước của ta có ái dục thì ta không thành Phật.

11. Khi ta thành Phật, dân chúng nào ở trong nước của ta cũng đều được an trú nơi Niết-bàn, nếu không như vậy thì ta không thành Phật.

12. Khi ta thành Phật, các đệ tử ở trong nước của ta làm cho chư Thiên, dân chúng, loài côn trùng ở trong ngàn ức cõi Phật trong mỗi phương của mười phương đều thành đại đệ tử Duyên giác, nhất tâm thiên định cùng với những đệ tử trong nước của ta trụ đến trăm ức kiếp không thể tính được. Nếu không như vậy thì ta không thành Phật.

13. Khi ta thành Phật, nguyện cho ánh sáng của ta vượt hơn cả ánh sáng mặt trời, mặt trăng chư Phật cả trăm ức vạn lần, ánh sáng ấy luôn tỏa chiếu vô số những nơi tối tăm sâu thẳm trong thiên hạ. Chư Thiên, dân chúng và những loài côn trùng

thấy ánh sáng của ta đều sinh tâm từ, làm điều thiện và sinh vào nước của ta. Nếu không như vậy thì ta không thành Phật.

14. Khi ta thành Phật, nguyện cho chư Thiên, dân chúng và côn trùng trong vô số cõi nước ở mười phương đều đắc quả Duyên giác, chứng quả Thanh văn, nhất tâm tọa thiền. Muốn tính biết tuổi thọ của ta bao nhiêu ngàn vạn ức kiếp thì không ai có thể biết được giới hạn của nó. Nếu không như vậy thì ta không thành Phật.

15. Khi ta thành Phật, dân chúng nào sinh vào nước của ta, ngoại trừ những người đã nguyện ở trong nước của ta, ngoài ra tuổi thọ của dân chúng không thể tính đếm được. Nếu không như vậy thì ta không thành Phật.

16. Khi ta thành Phật, dân chúng trong nước của ta không một ai có tâm ác. Nếu không như vậy thì ta không thành Phật.

17. Khi ta thành Phật, danh tiếng của ta vang khắp vô số cõi nước trong mười phương. Mỗi chúng đệ tử của chư Phật đều ca ngợi công đức thiện của quốc độ ta. Chư Thiên, dân chúng và những loài côn trùng khi nghe tên ta đều hân hoan sinh vào nước của ta. Nếu không như vậy thì ta không thành Phật.

18. Khi ta thành Phật, dân chúng nơi các cõi có ai muốn thực hành đạo Bồ-tát, thường nghĩ đến

tâm tinh khiết trong sạch của ta thì đến lúc qua đời sẽ có ta và vô số chúng Tỳ-kheo bay đến tiếp đón người ấy cùng đứng trước ta. Ngay khi đó, người ấy sinh vào nước của ta và đạt được Nhất thiết trí. Nếu không như vậy thì ta không thành Phật.

19. Khi ta thành Phật, dân chúng ở các phương khác vào đời trước thường làm việc ác, nhưng khi nghe tên của ta rồi thì làm việc đạo chân chánh. Nếu muốn sinh đến nước của ta, thì sau khi qua đời sẽ không sinh trở lại nơi ba đường ác, mà sinh vào cõi nước của ta, tùy tâm mãn nguyện. Nếu không như vậy thì ta không thành Phật.

20. Khi ta thành Phật mà các Bồ-tát ở trong nước của ta, ngoài những nguyện công đức ra, không đạt được Nhất sinh bổ xứ thì ta không thành Phật.

21. Khi ta thành Phật, nếu các Bồ-tát ở trong nước của ta không đạt được ba mươi hai tướng tốt thì ta không thành Phật.

22. Khi ta thành Phật, các Bồ-tát ở nước ta muốn cúng dường vô số chư Phật ở mười phương, ta sẽ làm cho họ bay đi. Nếu họ muốn đủ loại vật dụng, thì tự nhiên đều hiện ra trước mặt và họ đem những vật dụng đó cúng dường chư Phật. Sau khi cúng dường khắp các Đức Phật mà chưa đến giữa ngày thì họ trở lại nước ta. Nếu không như vậy thì ta không thành Phật.

23. Khi ta thành Phật, các Bồ-tát ở cõi nước của ta nếu muốn thọ trai thì ngay trong bát bảy báu sinh ra thức ăn trăm vị tự nhiên hiện ra trước mặt. Thọ trai xong, những chiếc bát ấy đều tự biến đi. Nếu không như vậy thì ta không thành Phật.

24. Khi ta thành Phật, các Bồ-tát trong nước của ta mà giảng nói kinh, hành đạo không như Phật thì ta không thành Phật.

Đức Phật bảo A-nan:

– Đức Phật Vô Lượng Thanh Tịnh khi còn làm Bồ-tát thường phụng hành hai mươi bốn lời nguyện, tu hành bố thí, không phạm giới cấm, nhẫn nhục, tinh tấn, nhất tâm, trí tuệ, chí nguyện thường dũng mãnh, không hủy phạm kinh pháp, luôn tìm hiểu, không biếng nhác. Bồ-tát từ bỏ vương vị, sống một mình, dứt bỏ tài sắc, tỉnh giác nguyện cầu, viễn ly hoàn toàn. Trải qua vô số kiếp tích góp công đức, Bồ-tát thành tựu quả vị Phật, nhưng vẫn không quên công hạnh trước đây.

Đức Phật dạy:

– Hào quang của Đức Phật Vô Lượng Thanh Tịnh rực rỡ tối thượng, không ai có thể sánh được. Hào quang của chư Phật khác cũng không thể sánh kịp. Trong mười phương vô số chư Phật, có Đức Phật từ trên đỉnh đầu của mình phóng ra ánh sáng chiếu bảy trượng, có Đức Phật từ trên đỉnh đầu của mình phóng ra ánh sáng chiếu một dặm, có Đức

Phật từ trên đỉnh đầu của mình phóng ra ánh sáng chiếu năm dặm, có Đức Phật từ trên đỉnh đầu của mình phóng ra ánh sáng chiếu hai mươi dặm, có Đức Phật từ trên đỉnh đầu của mình phóng ra ánh sáng chiếu bốn mươi dặm, có Đức Phật từ trên đỉnh đầu của mình phóng ra ánh sáng chiếu tám mươi dặm, có Đức Phật từ trên đỉnh đầu của mình phóng ra ánh sáng chiếu một trăm sáu mươi dặm, có Đức Phật từ trên đỉnh đầu của mình phóng ra ánh sáng chiếu ba trăm hai mươi dặm, có Đức Phật từ trên đỉnh đầu của mình phóng ra ánh sáng chiếu sáu trăm bốn mươi dặm, có Đức Phật từ trên đỉnh đầu của mình phóng ra ánh sáng chiếu một ngàn ba trăm dặm, có Đức Phật từ trên đỉnh đầu của mình phóng ra ánh sáng chiếu hai ngàn sáu trăm dặm, có Đức Phật từ trên đỉnh đầu của mình phóng ra ánh sáng chiếu năm ngàn hai trăm dặm, có Đức Phật từ trên đỉnh đầu của mình phóng ra ánh sáng chiếu một vạn bốn trăm dặm, có Đức Phật từ trên đỉnh đầu của mình phóng ra ánh sáng chiếu hai vạn một ngàn dặm, có Đức Phật từ trên đỉnh đầu của mình phóng ra ánh sáng chiếu bốn vạn hai ngàn dặm, có Đức Phật từ trên đỉnh đầu của mình phóng ra ánh sáng chiếu tám vạn bốn ngàn dặm, có Đức Phật từ trên đỉnh đầu của mình phóng ra ánh sáng chiếu mười bảy vạn dặm, có Đức Phật từ trên đỉnh đầu của mình phóng ra ánh sáng chiếu ba mươi lăm vạn dặm, có Đức Phật từ trên đỉnh đầu của mình phóng

ra ánh sáng chiếu bảy mươi vạn dặm, có Đức Phật từ trên đỉnh đầu của mình phóng ra ánh sáng chiếu một trăm năm mươi vạn dặm, có Đức Phật từ trên đỉnh đầu của mình phóng ra ánh sáng chiếu ba trăm vạn dặm, có Đức Phật từ trên đỉnh đầu của mình phóng ra ánh sáng chiếu sáu trăm vạn dặm, có Đức Phật từ trên đỉnh đầu của mình phóng ra ánh sáng chiếu một ngàn hai trăm vạn dặm, có Đức Phật từ trên đỉnh đầu của mình phóng ra ánh sáng chiếu một cõi Phật, có Đức Phật từ trên đỉnh đầu của mình phóng ra ánh sáng chiếu hai cõi Phật, có Đức Phật từ trên đỉnh đầu của mình phóng ra ánh sáng chiếu bốn cõi Phật, có Đức Phật từ trên đỉnh đầu của mình phóng ra ánh sáng chiếu tám cõi Phật, có Đức Phật từ trên đỉnh đầu của mình phóng ra ánh sáng chiếu mười lăm cõi Phật, có Đức Phật từ trên đỉnh đầu của mình phóng ra ánh sáng chiếu ba mươi cõi Phật, có Đức Phật từ trên đỉnh đầu của mình phóng ra ánh sáng chiếu sáu mươi cõi Phật, có Đức Phật từ trên đỉnh đầu của mình phóng ra ánh sáng chiếu một trăm hai mươi cõi Phật, có Đức Phật từ trên đỉnh đầu của mình phóng ra ánh sáng chiếu năm trăm cõi Phật, có Đức Phật từ trên đỉnh đầu của mình phóng ra ánh sáng chiếu một ngàn cõi Phật, có Đức Phật từ trên đỉnh đầu của mình phóng ra ánh sáng chiếu hai ngàn cõi Phật, có Đức Phật từ trên đỉnh đầu của mình phóng ra ánh sáng chiếu bốn ngàn cõi Phật, có Đức Phật từ trên đỉnh

đầu của mình phóng ra ánh sáng chiếu tám ngàn cõi Phật, có Đức Phật từ trên đỉnh đầu của mình phóng ra ánh sáng chiếu một vạn sáu ngàn cõi Phật, có Đức Phật từ trên đỉnh đầu của mình phóng ra ánh sáng chiếu ba vạn hai ngàn cõi Phật, có Đức Phật từ trên đỉnh đầu của mình phóng ra ánh sáng chiếu sáu vạn bốn ngàn cõi Phật, có Đức Phật từ trên đỉnh đầu của mình phóng ra ánh sáng chiếu mười ba vạn cõi Phật, có Đức Phật từ trên đỉnh đầu của mình phóng ra ánh sáng chiếu hai mươi sáu vạn cõi Phật, có Đức Phật từ trên đỉnh đầu của mình phóng ra ánh sáng chiếu năm mươi vạn cõi Phật, có Đức Phật từ trên đỉnh đầu của mình phóng ra ánh sáng chiếu một trăm vạn cõi Phật, có Đức Phật từ trên đỉnh đầu của mình phóng ra ánh sáng chiếu hai trăm vạn cõi Phật.

Đức Phật dạy:

– Trong mười phương thế giới đều có các Đức Phật từ trên đỉnh đầu của mình phóng ra ánh sáng như vậy. Riêng ánh sáng từ trên đỉnh đầu của Phật Vô Lượng Thanh Tịnh tỏa chiếu ngàn vạn cõi nước. Tại sao ánh sáng của chư Phật tỏa chiếu có gần, có xa? Vốn do túc mạng đời trước, tùy theo công đức thệ nguyện khi còn hành đạo Bồ-tát nên có lớn nhỏ khác nhau, cho đến khi thành Phật, những vị ấy đều đạt được điều nguyện khác nhau. Do vậy ánh sáng chiếu không đồng nhau, còn oai thần của chư Phật thì đồng nhau, tự tại làm theo ý

muốn, không thể nói hết được. Ánh sáng của Phật Vô Lượng Thanh Tịnh tỏa chiếu vô cùng rộng lớn, còn ánh sáng của chư Phật khác đều không thể sánh kịp.

Đức Phật liên ca ngợi ánh sáng của Phật Vô Lượng Thanh Tịnh:

– Ánh sáng của Phật Vô Lượng Thanh Tịnh rất hoàn hảo, vô cùng sáng đẹp, không thể so sánh, tuyệt diệu vô cùng.

Ánh sáng của Phật Vô Lượng Thanh Tịnh thù thắng đẹp đẽ hơn cả ánh sáng của mặt trăng, mặt trời gấp trăm vạn ức lần.

Ánh sáng của Phật Vô Lượng Thanh Tịnh sáng nhất trong những ánh sáng của chư Phật.

Ánh sáng của Phật Vô Lượng Thanh Tịnh tốt đẹp nhất trong những ánh sáng của chư Phật.

Ánh sáng của Phật Vô Lượng Thanh Tịnh hùng vĩ nhất trong những ánh sáng của chư Phật.

Ánh sáng của Phật Vô Lượng Thanh Tịnh an lành nhất trong những ánh sáng của chư Phật.

Ánh sáng của Phật Vô Lượng Thanh Tịnh là vua trong những ánh sáng của chư Phật.

Ánh sáng của Phật Vô Lượng Thanh Tịnh là tôn quý nhất trong những ánh sáng của chư Phật.

Ánh sáng của Phật Vô Lượng Thanh Tịnh lâu dài vô tận nhất trong những ánh sáng của chư Phật.

Ánh sáng của Phật Vô Lượng Thanh Tịnh

thường chiếu rọi đến vô số chỗ tối tăm trong thiên hạ, từ loài người cho đến những loài côn trùng nhỏ nhít đều được thấy ánh sáng của Phật Vô Lượng Thanh Tịnh. Khi thấy ánh sáng của Phật Vô Lượng Thanh Tịnh, không ai là không sinh tâm từ và hoan hỷ. Những kẻ dâm dục, sân hận, ngu si trong thế gian khi thấy ánh sáng của Phật Vô Lượng Thanh Tịnh, họ đều trở thành người tốt. Những nơi đầy rẫy đau khổ như bị tra khảo, đánh đập, đày đọa trong chốn địa ngục, súc sinh, thấy ánh sáng của Phật Vô Lượng Thanh Tịnh chiếu đến thì sẽ được ngừng nghỉ, không bị hình phạt nữa, và sau khi chết sẽ thoát khỏi mọi sự đau khổ, lo âu.

Ánh sáng của Phật Vô Lượng Thanh Tịnh vang xa đến vô cùng, vô tận, vô số cõi nước trong mười phương. Chư Thiên, loài người, ai ai cũng đều nghe biết, đã nghe biết rồi, không ai mà không được độ thoát.

Đức Phật dạy:

– Không phải chỉ có riêng Ta ca ngợi ánh sáng của Phật Vô Lượng Thanh Tịnh, mà vô số chư Phật, Phật-bích-chi, Bồ-tát, A-la-hán ở mười phương cũng đều ca ngợi như vậy.

Đức Phật dạy:

– Có thiện nam, thiện nữ nào nghe âm thanh ca ngợi ánh sáng của Phật Vô Lượng Thanh Tịnh như vậy, suốt ngày luôn ca ngợi ánh sáng hoàn thiện

ấy, chí tâm tha thiết không ngừng nghỉ, thâm tâm mong cầu được sinh đến cõi Phật Vô Lượng Thanh Tịnh, thì những người đó sẽ được chư Bồ-tát, A-la-hán tôn kính và đạt được trí tuệ dũng mãnh. Nếu những người đó về sau được thành Phật, cũng được vô số Phật-bích-chi, Bồ-tát, A-la-hán ca ngợi ánh sáng như vậy. Các chúng Tỳ-kheo Tăng, chư Bồ-tát, A-la-hán, chư Thiên, Đế vương, dân chúng nghe danh của vị Phật này cũng đều hân hoan vui mừng, ca ngợi tán thán.

Đức Phật dạy:

– Ta chỉ nêu lên một vài nét tiêu biểu mà thôi! Chứ nói về sự tốt đẹp thù thắng và sự an vui hoàn hảo về ánh sáng chói lợi rực rỡ của Phật Vô Lượng Thanh Tịnh, thì dù suốt ngày đêm trọn một kiếp cũng không thể nói hết được.

Đức Phật nói về Phật Vô Lượng Thanh Tịnh khi cầu đạo Bồ-tát đã phát hai mươi bốn lời nguyện này.

Bảy giờ, thái tử A-xà-thế cùng năm trăm cư sĩ đại trưởng giả, mỗi người cầm một lọng hoa bằng vàng đem dâng lên Đức Phật, rồi tất cả cùng ngồi qua một bên nghe kinh. Thái tử A-xà-thế cùng năm trăm vị trưởng giả nghe hai mươi bốn lời nguyện của Phật Vô Lượng Thanh Tịnh xong đều rất hân hoan vui mừng. Họ thầm nguyện trong tâm: “Nguyện cho chúng con sau khi thành Phật đều

được như Phật Vô Lượng Thanh Tịnh”.

Đức Phật biết ý nguyện của họ nên bảo các Tỳ-kheo:

– Thái tử A-xà-thế và năm trăm vị trưởng giả này ở vô số kiếp về sau sẽ được thành Phật như Phật Vô Lượng Thanh Tịnh.

Đức Phật dạy:

– Thái tử A-xà-thế và năm trăm vị trưởng giả này tu đạo Bồ-tát từ trước đến nay trải qua vô số kiếp, mỗi người đều đã cúng dường bốn trăm ức Đức Phật, nay lại đến cúng dường Ta. Thái tử A-xà-thế cùng năm trăm vị này - vào thời Đức Phật Ca-diếp - đời trước là đệ tử của Ta, nay trở lại cùng gặp gỡ nơi đây cùng với Tỳ-kheo các ông.

Sau khi nghe Đức Phật giảng dạy như vậy, tất cả vô cùng hân hoan vui mừng.

Đức Phật bảo A-nan:

– Đức Phật Vô Lượng Thanh Tịnh thành Phật đến nay trải qua mười tám kiếp, ở nước Tu-ma-đề, ngay tại phương Tây, cách thế giới Diêm-phù-lợi ngàn ức vạn cõi Phật. Cõi Phật Vô Lượng Thanh Tịnh được trang hoàng bằng bảy báu tự nhiên: 1. Bạch ngân. 2. Hoàng kim. 3. Thủy tinh. 4. Lưu ly. 5. San hô. 6. Hồ phách. 7. Xa cừ. Bảy báu này tạo thành mặt đất vô cùng rộng rãi, chúng xen lẫn với nhau, ánh sáng rực rỡ của từng loại hòa hợp tạo thành ánh sáng tuyệt diệu. Đất báu mịn màng tự

nhiên và rất đặc thù tốt đẹp, không gì sánh được. Đất quý báu, tốt đẹp như vậy được kết thành bởi những châu báu trong khắp mười phương, chúng tự nhiên hợp lại và cùng hóa sinh như vậy, châu báu ấy sánh bằng bảy báu của tầng trời thứ sáu.

Trong cõi nước của Phật Vô Lượng Thanh Tịnh không có núi Tu-di, sao, trăng và mặt trời, đệ nhất Tứ Thiên vương, đệ nhị Đao-lợi Thiên đều ở trong hư không. Cõi nước này không có biển lớn, cũng không có biển nhỏ, không có sông lớn, sông nhỏ, cũng không có núi, rừng, khe, hang, không có chỗ tối tăm. Mặt đất bảy báu ở cõi này đều bằng phẳng, không có địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh và những loài côn trùng nhỏ nhít, không có A-tu-luân và các loài rồng, quỷ, thần, không bao giờ có mưa lớn, cũng chẳng có Xuân, Hạ, Thu, Đông. Không có thời tiết quá nóng hay quá lạnh, khí hậu luôn ôn hòa dễ chịu, vô cùng sung sướng không gì sánh được.

Nơi cõi này vạn vật sinh ra tự nhiên, thức ăn thức uống có trăm vị ngon, ý muốn thế nào thì chúng sẽ hiện ra trước mặt như thế ấy. Nếu ý không muốn dùng nữa thì chúng tự nhiên biến mất, giống như vật tự nhiên ở tầng trời thứ sáu, tùy ý thích thế nào thì chúng tự nhiên có đầy đủ.

Trong cõi này chỉ có các bậc Bồ-tát, A-la-hán, không có phụ nữ. Mạng sống rất lâu, tuổi thọ vô số kiếp. Người nữ được vãng sinh đều hóa làm thân nam. Ở cõi này chỉ có vô số Bồ-tát, A-la-hán mà

thôi, tất cả đều thông tuệ, nhìn thấu nghe rõ, ở cách xa vẫn trông thấy nhau, từ xa vẫn nghe rõ âm thanh, ngôn ngữ của nhau, đều cùng mong cầu đạo toàn thiện, đồng một giống loại, không có người khác. Những vị Bồ-tát, A-la-hán ở đây có diện mạo đoan chánh, thanh khiết, tuyệt đẹp, đều đồng một sắc diện và không có tướng xấu ác. Các vị Bồ-tát, A-la-hán này đều thông minh trí tuệ và tài giỏi, hùng mạnh. Y phục ở cõi này đều là y phục tự nhiên hóa sinh và tâm thường nghĩ đến đạo đức. Những điều họ muốn nói đều có thể dự đoán biết ý nhau, điều họ nghĩ và nói ra thì thường nói về năm pháp uẩn.

Các vị Bồ-tát, A-la-hán trong cõi nước của Phật Vô Lượng Thanh Tịnh khi nói với nhau chỉ nói kinh đạo, không bao giờ nói những điều xấu của người khác. Âm vang ngôn ngữ của họ như tiếng vang của ba trăm đại hồng chung hợp lại. Họ đều kính mến tôn trọng nhau không ai ghét nhau. Họ tùy theo già trẻ, cao thấp, trước sau mà chuyện trò, đồng thời qua lại gặp gỡ nhau dùng nghĩa mà đối đãi. Họ luôn tôn trọng lẫn nhau như anh em, đối đãi nhau bằng nhân nghĩa, không hành động sai lầm và thường nói lời thành thật khuyên dạy lẫn nhau, không có sự chống trái nhau mà hòa nhã vâng lời nhau. Tâm của họ trong sạch, không có tham luyến, không bao giờ có tâm dâm dục, giận dữ và trạng thái ngu si. Họ không có tâm tà hay

ngĩ đến phụ nữ, trí tuệ hoàn toàn mạnh mẽ, tâm vui vẻ ôn hòa, ưa thích kinh đạo. Họ tự biết đời trước và cội nguồn nơi họ sinh ra hay tiền nhân từ vạn ức kiếp về sự thiện ác mắt còn, cho đến biết tận cùng cả đời sống hiện tại.

Tinh xá, giảng đường, chỗ giảng dạy của Phật Vô Lượng Thanh Tịnh đều được làm bằng bảy loại báu tự nhiên như: Kim ngân, thủy tinh, lưu ly, bạch ngọc, hổ phách, xa cừ cùng nhau hóa sinh thành rất sáng đẹp tuyệt vời, không gì sánh được, không có ai tạo tác, cũng không biết chúng có từ đâu, ai đem chúng đến và rồi chúng sẽ đi đâu.

Do sở nguyện nhiều phước đức của Phật Vô Lượng Thanh Tịnh cho nên người ở cõi ấy chỉ làm điều thiện, luận kinh nói nghĩa, giảng kinh hành đạo. Trong hội giảng của Phật tự nhiên hóa sinh như vậy. Tinh xá, giảng đường của Phật đều có lan can bằng bảy báu, lại dùng kim ngân, thủy tinh, lưu ly, bạch ngọc, hổ phách, xa cừ v.v... làm chuỗi ngọc. Lại dùng ngọc trắng, ngọc minh nguyệt, ngọc ma-ni làm màn lưới che bên trên, tự chúng tạo thành năm âm thanh và những âm thanh ấy rất vi diệu, không gì sánh được.

Chỗ ở, nhà cửa v.v... của các Bồ-tát, A-la-hán ở cõi Phật Vô Lượng Thanh Tịnh đều do bảy báu như: Kim ngân, thủy tinh, lưu ly, san hô, hổ phách, xa cừ, mã não hóa thành và có lan can bằng bảy báu. Lại dùng kim ngân, thủy tinh, lưu ly, bạch

ngọc, hồ phách, xa cừ làm chuỗi ngọc. Lại có ngọc trắng, ngọc minh nguyệt, ngọc ma-ni làm màn lưới che trên. Mỗi châu báu như vậy đều tạo thành năm âm thanh.

Tinh xá, giảng đường của Phật Vô Lượng Thanh Tịnh và chỗ ở của các Bồ-tát, A-la-hán từ trong ra ngoài, ở khắp mọi nơi trong những căn nhà bằng bảy báu đều có ao, hồ, suối, khe, nước chảy tự nhiên. Những ao hồ này đều do bảy báu trang hoàng, như: Kim ngân, thủy tinh, lưu ly, hồ phách, xa cừ v.v... cùng nhau tạo thành. Cát ở dưới đáy ao hồ này cũng bằng bảy báu: Kim ngân, thủy tinh, lưu ly, san hô, hồ phách, xa cừ.

Có ao thuần là bạch ngân, cát dưới đáy ao toàn là vàng.

Có ao thuần bằng vàng, cát dưới đáy ao toàn là bạch kim.

Có ao thuần bằng thủy tinh, cát dưới đáy ao toàn là lưu ly.

Có ao thuần bằng lưu ly, cát dưới đáy ao toàn là thủy tinh.

Có ao thuần bằng san hô, cát dưới đáy ao toàn là hồ phách.

Có ao thuần bằng hồ phách, cát dưới đáy ao toàn là san hô.

Có ao thuần bằng xa cừ, cát dưới đáy ao toàn là mã não.

Có ao thuần bằng mã não, cát dưới đáy ao toàn là xa cừ.

Có ao thuần bằng bạch ngọc, cát dưới đáy ao toàn là vàng ròng.

Có ao thuần bằng vàng ròng, cát dưới đáy ao toàn là bạch ngọc.

Có hai thứ châu báu cùng tạo thành một cái ao, cát dưới đáy ao toàn là kim ngân.

Có ba thứ châu báu cùng tạo thành một cái ao, cát dưới đáy ao toàn là kim ngân, thủy tinh.

Có bốn thứ châu báu cùng tạo thành một cái ao, cát dưới đáy ao toàn là kim ngân, thủy tinh, lưu ly.

Có năm thứ châu báu cùng tạo thành một cái ao, cát dưới đáy ao toàn là kim ngân, thủy tinh, lưu ly, san hô, hổ phách.

Có sáu thứ châu báu cùng tạo thành một cái ao, cát dưới đáy ao toàn là kim ngân, thủy tinh, lưu ly, san hô, hổ phách, xa cừ.

Có bảy thứ châu báu cùng tạo thành một cái ao, cát dưới đáy ao toàn là kim ngân, thủy tinh, lưu ly, san hô, hổ phách, xa cừ, mã não.

Trong số ao hồ đó, có hồ dài bốn mươi dặm, có hồ dài tám mươi dặm, có hồ dài một trăm sáu mươi dặm, có hồ dài ba trăm hai mươi dặm, có hồ dài sáu trăm bốn mươi dặm, có hồ dài một ngàn hai trăm tám mươi dặm, có hồ dài hai ngàn năm trăm sáu mươi dặm, có hồ dài năm ngàn một trăm hai

mười dặm, có hồ dài một vạn hai trăm bốn mươi dặm, có hồ dài hai vạn bốn trăm tám mươi dặm. Chiều ngang và rộng của mỗi hồ cũng ngang bằng như vậy. Những hồ tắm này là nơi mà các Bồ-tát, A-la-hán thường tắm gội.

Đức Phật dạy:

– Hồ tắm của Phật Vô Lượng Thanh Tịnh dài bốn vạn tám ngàn dặm, rộng cũng tám vạn bốn ngàn dặm. Hồ tắm ấy được tạo thành bởi bảy báu. Cát dưới đáy hồ cũng bằng bảy báu và ngọc trắng, ngọc minh nguyệt, ngọc ma-ni. Nước trong hồ tắm của Phật Vô Lượng Thanh Tịnh và các Bồ-tát, A-la-hán đều trong sạch, thơm tho, tinh khiết. Trong hồ ấy có trăm loại hoa thơm tự nhiên sinh ra, mỗi loại đều có màu sắc, hương thơm khác nhau, hoa có ngàn cánh, những đóa hoa này rất thơm, không gì có thể sánh được và không thể diễn tả bằng ngôn từ. Hương của những loài hoa này cũng chẳng phải như hoa của thế gian và nó còn hơn cả hoa trên trời. Hương của hoa này là tinh chất của các loài hoa trong khắp mười phương, chúng tự nhiên sinh ra như vậy. Nước trong hồ chảy thành dòng. Nước hồ chảy không nhanh không chậm và tự tạo thành năm thứ âm thanh.

Đức Phật dạy:

– Vô số cõi Phật, trong mười phương chư Thiên, dân chúng và những loài côn trùng nhỏ nhít,

tất cả sự sinh ra của muôn loài nơi cõi Phật Vô Lượng Thanh Tịnh đều được hóa sinh từ hoa sen nơi ao bảy báu, tự nhiên lớn lên, không cần nuôi dưỡng bằng sữa mẹ, đều ăn món ăn tự nhiên. Thân thể của họ chẳng phải là thân thể của người thế gian, cũng chẳng phải là thân thể của người trên trời, mà thân ấy được tích chứa bằng công đức thiện nên họ được thân thể hư không tự nhiên. Thân thể ấy vô cùng tốt đẹp, không gì sánh được.

Đức Phật bảo A-nan:

– Nếu như bảo kẻ hành khát khốn cùng trong thế gian đứng bên cạnh vua thì mặt mũi, hình dáng của người ấy thế nào? Có phải sắc diện, dáng dấp của người ấy cũng giống như vua chăng?

Hiền giả A-nan thưa:

– Nếu như bảo người hành khát đứng bên cạnh vua thì mặt mũi của người ấy rất xấu xí, không giống như dáng dấp, mặt mũi rất đẹp đẽ của vua gấp trăm ngàn vạn ức lần. Vì sao? Vì trông người hành khát thật là nghèo nàn, khốn khổ, chưa bao giờ được bữa ăn ngon, thức ăn đã tẻ thì làm sao có thể no lòng. Vì ăn như vậy nên gân cốt, tay chân kẻ hành khát rã rời, đứng không vững. Vì không có gì để nuôi thân nên người ấy thường bị đói khát, thiếu thốn, bị rét cóng, sợ hãi, khô sâu. Những người như vậy do đời trước ngu si thiếu trí tuệ, giàu có mà tham lam, có của cải nhưng không có tâm từ

thương xót, không có nhân từ để làm việc, thiếu lòng bác ái, bố thí nhưng lại muốn lợi nhiều về mình, tham tiếc ăn uống và chỉ muốn ăn ngon cho riêng mình. Họ không tin bố thí về sau sẽ được quả báo tốt, lại không tin là làm điều thiện thì đời sau sẽ được phước báo, mà lại mê muội, nhẫn tâm càng làm thêm những điều ác. Thế nên đến lúc họ qua đời, của cải tan tác, chẳng có chút ân đức làm sao có chỗ để cậy nhờ. Vì vậy họ bị rơi vào đường ác, nhận lấy khổ đau. Về sau được thoát khỏi khổ đau, sinh làm người lại ở nơi nhà bần cùng, hạ tiện, thân thể đen đui, tướng mạo xấu xí, y phục rách rưới không đủ che thân, một mình cô quạnh, đời sống khốn cùng, đói lạnh khổ sở, mặt mày tiều tụy, chẳng giống loài người. Do nghiệp đời trước người đó đã tạo nên phải chịu hình phạt như vậy, mọi người trông thấy ai mà chẳng xót thương. Những kẻ đó bị vất bỏ giữa phố chợ, đường sá, trần trụi xấu xí, đen đui xấu ác, chẳng giống loài người.

Vì sao Đế vương lại là vị độc tôn, tốt đẹp nhất trong cõi người? Bởi vì đời trước, khi họ làm người chỉ làm việc thiện, tin ưa kính đạo, ân đức bố thí, nghĩa tình bác ái, nhân từ hoan hỷ, không tham ăn uống, ban bố cho mọi loài không có tham tiếc và không chống trái. Những người được phước đức như vậy, lúc qua đời có phước nghiệp theo cùng nên không đọa vào đường ác. Đời nay sinh làm người được sinh vào nhà quý tộc, tôn quý tự nhiên.

Chỉ có vua là bậc chúa tể mới chinh phục được dân chúng, là người hùng mạnh, có diện mạo trắng trẻo, dáng vẻ phương phi, thân thể đoan nghiêm, ai cũng tôn thờ. Họ được thức ăn ngon, y phục đẹp, tha hồ tùy ý ưa thích, tùy theo sự mong muốn tự nhiên những vật dụng sẽ hiện ra không trái ý. Họ được tốt đẹp nhất trong cõi người, hạnh phúc an vui, sắc diện tươi sáng và mọi sự tốt đẹp như vậy.



KINH VÔ LƯỢNG THANH TỊNH BÌNH ĐẲNG GIÁC

QUYỂN II

Đức Phật bảo A-nan:

– Như đế vương, tuy có diện mạo tốt đẹp nhất trong cõi người, nhưng nếu đứng bên cạnh Chuyển luân Thánh vương thì diện mạo của nhà vua ấy rất xấu xí, hình dáng chẳng đẹp, giống như người hành khất khi đứng bên cạnh vua vậy. Diện mạo xấu xí của nhà vua không bằng sắc diện đẹp đẽ gấp trăm ngàn vạn lần của Chuyển luân Thánh vương.

Như Chuyển luân Thánh vương đẹp đẽ nhất trong thiên hạ mà đứng bên cạnh Đế Thích ở cõi trời thứ hai là Đao-lợi thì diện mạo nhà vua rất xấu, không bằng diện mạo đóa nghiêm tốt đẹp gấp trăm ngàn vạn ức lần của Thiên Đế Thích.

Như Đế Thích đứng bên cạnh vua trời thứ sáu thì diện mạo của Đế Thích rất xấu, không bằng diện mạo đóa nghiêm tốt đẹp gấp trăm ngàn vạn ức lần vua trời thứ sáu.

Như vua trời thứ sáu đứng bên cạnh các vị Bồ-tát, A-la-hán trong cõi Phật Vô Lượng Thanh Tịnh

thì diện mạo của Thiên vương rất xấu, không bằng diện mạo đóaan nghiêm tốt đẹp gấp trăm ngàn vạn ức lần của các vị Bồ-tát, A-la-hán trong cõi Phật Vô Lượng Thanh Tịnh.

Đức Phật dạy:

– Diện mạo của các vị Bồ-tát, A-la-hán trong cõi Phật Vô Lượng Thanh Tịnh đều đóaan nghiêm tuyệt hảo, không thể so sánh. Đó là những người tiếp nối nơi đóa quả Niết-bàn.

Đức Phật bảo A-nan:

– Nơi cư ngụ, nhà cửa, tinh xá, giảng đường của Phật Vô Lượng Thanh Tịnh và các Bồ-tát, A-la-hán - bên trong hay bên ngoài, trên mỗi hồ tắm - đều có cây bảy báu:

Có cây thuần bằng bạc, có cây thuần bằng vàng, có cây thuần bằng thủy tinh, có cây thuần bằng lưu ly, có cây thuần bằng bạch ngọc, có cây thuần bằng san hô, có cây thuần bằng hô phách, có cây thuần bằng xa cừ. Mỗi loại cây như vậy tự mọc thành hàng khác nhau.

Lại có hai loại châu báu cùng tạo thành một cây, như: Cây bạc, gốc bạc, thân vàng, cành bạc, lá vàng, hoa bạc, quả vàng. Cây vàng, gốc vàng, thân bạc, cành vàng, lá bạc, hoa vàng, quả bạc. Đây là cây đóa được tạo thành bởi hai loại châu báu và mỗi loại tự mọc thành hàng khác nhau.

Có ba loại châu báu cùng tạo thành một cây,

như: Cây bạc, gốc bạc, thân vàng, cành thủy tinh, lá bạc, hoa vàng, quả thủy tinh. Cây vàng, gốc vàng, thân bạc, cành thủy tinh, lá vàng, hoa bạc, quả thủy tinh. Cây thủy tinh, gốc thủy tinh, thân bạc, cành vàng, lá thủy tinh, hoa bạc, quả vàng. Đây là cây được tạo thành bởi ba loại châu báu và mỗi loại tự mọc thành hàng khác nhau.

Có bốn loại châu báu cùng tạo thành một cây, như: Cây bạc, gốc bạc, thân vàng, cành thủy tinh, lá lưu ly, hoa bạc, quả vàng. Cây vàng, gốc vàng, thân bạc, cành thủy tinh, lá lưu ly, hoa vàng, quả bạc. Cây thủy tinh, gốc thủy tinh, thân lưu ly, cành bạc, lá vàng, hoa thủy tinh, quả lưu ly. Cây lưu ly, gốc lưu ly, thân thủy tinh, cành vàng, lá bạc, hoa lưu ly, quả thủy tinh. Đây là cây được tạo thành bởi bốn loại châu báu và mỗi loại tự mọc thành hàng khác nhau.

Có năm loại châu báu cùng tạo thành một cây, như: Cây bạc, gốc bạc, thân vàng, cành thủy tinh, lá lưu ly, hoa san hô, quả vàng. Cây vàng, gốc vàng, thân bạc, cành thủy tinh, lá lưu ly, hoa san hô, quả bạc. Cây thủy tinh, gốc thủy tinh, thân lưu ly, cành san hô, lá bạc, hoa vàng, quả lưu ly. Cây lưu ly, gốc lưu ly, thân san hô, cành thủy tinh, lá vàng, hoa bạc, quả san hô. Cây san hô, gốc san hô, thân lưu ly, cành thủy tinh, lá vàng, hoa bạc, quả lưu ly. Đây là cây được tạo thành bởi năm loại châu báu và mỗi loại tự mọc thành hàng khác nhau.

Có sáu loại châu báu cùng tạo thành một cây, như: Cây bạc, gốc bạc, thân vàng, cành thủy tinh, lá lưu ly, hoa san hô, quả hổ phách. Cây vàng, gốc vàng, thân bạc, cành thủy tinh, lá lưu ly, hoa hổ phách, quả san hô. Cây thủy tinh, gốc thủy tinh, thân lưu ly, cành san hô, lá bạc, hoa hổ phách, quả vàng. Cây lưu ly, gốc lưu ly, thân san hô, cành hổ phách, lá thủy tinh, hoa vàng, quả bạc. Cây san hô, gốc san hô, thân hổ phách, cành bạc, lá vàng, hoa thủy tinh, quả san hô. Cây hổ phách, gốc hổ phách, thân san hô, cành vàng, lá bạc, hoa lưu ly, quả thủy tinh. Đây là cây được tạo thành bởi sáu loại châu báu và mỗi loại tự mọc thành hàng khác nhau.

Có bảy loại châu báu cùng tạo thành một cây, như: Cây bạc, gốc bạc, thân vàng, đốt thủy tinh, cành lưu ly, lá san hô, hoa hổ phách, hoa xa cừ, quả bạc. Cây vàng, gốc vàng, thân thủy tinh, đốt lưu ly, cành san hô, lá hổ phách, hoa xa cừ, quả bạc. Cây thủy tinh, gốc thủy tinh, thân lưu ly, đốt san hô, cành hổ phách, lá xa cừ, hoa bạch ngọc, quả vàng. Cây lưu ly, gốc lưu ly, thân san hô, đốt hổ phách, cành bạch ngọc, lá xa cừ, hoa thủy tinh, quả bạc. Cây lưu ly, gốc lưu ly, thân hổ phách, đốt bạch ngọc, cành bạc, lá ngọc minh nguyệt, hoa vàng, quả thủy tinh. Cây hổ phách, gốc hổ phách, thân bạch ngọc, đốt san hô, cành lưu ly, lá xa cừ, hoa thủy tinh, quả vàng. Cây bạch ngọc, gốc bạch ngọc, thân xa cừ, đốt lưu ly, cành san hô, lá hổ phách,

hoa vàng, quả ngọc ma-ni. Đây là cây được tạo thành bởi bảy loại châu báu và mỗi loại tự mọc thành hàng khác nhau.

Những hàng cây này thường giáp nhau, những thân cây thẳng tắp, từng cành cây giao nhau, từng nhánh lá hướng về nhau, những bông hoa đối xứng tốt tươi xinh đẹp, và những trái cây đều như nhau.

Đức Phật bảo:

– Tinh xá, giảng đường của Phật Vô Lượng Thanh Tịnh có ao tắm bảy báu bao quanh cả bên trong lẫn bên ngoài và trên các cây bảy báu đều hiện rõ hình ảnh các vị Bồ-tát, A-la-hán. Trong nhà bảy báu, ngoài ao tắm bảy báu vây quanh, còn có cây bảy báu nhiều đến ngàn trăm hàng lớp, mỗi một hàng cây như vậy tự tạo ra năm âm thanh vô cùng tuyệt diệu, không gì sánh bằng.

Đức Phật bảo A-nan:

– Như vua ở thế gian có vạn loại âm thanh kỹ nhạc, không bằng một âm thanh kỹ nhạc tuyệt vời gấp trăm ngàn vạn ức lần của Chuyển luân Thánh vương. Nhưng vạn loại âm thanh kỹ nhạc của Chuyển luân Thánh vương cũng không bằng một âm thanh kỹ nhạc tuyệt diệu gấp trăm ngàn vạn ức lần ở cõi trời là Dao-lợi. Vạn loại âm thanh kỹ nhạc trên trời Dao-lợi lại không bằng một âm thanh kỹ nhạc tuyệt diệu gấp trăm ngàn vạn ức lần trên tầng trời thứ sáu. Vạn loại tiếng kỹ nhạc trên tầng trời

thứ sáu cũng không bằng một âm thanh tuyệt diệu gấp trăm ngàn vạn ức lần của hàng cây bảy báu trong cõi nước Phật Vô Lượng Thanh Tịnh. Cõi Phật Vô Lượng Thanh Tịnh cũng có vạn loại kỹ nhạc tự nhiên tuyệt vời.

Khi Phật Vô Lượng Thanh Tịnh và các Bồ-tát, A-la-hán muốn tắm thì mỗi vị tự vào trong hồ tắm bảy báu ấy để tắm. Các vị Bồ-tát và A-la-hán có ý muốn làm cho nước ngập đến chân thì nước sẽ ngập đến chân, ý muốn làm cho nước ngập đến đầu gối thì nước sẽ đến đầu gối, ý muốn làm cho nước ngập đến lưng thì nước sẽ ngập đến lưng, ý muốn làm cho nước ngập đến nách thì nước sẽ đến nách, ý muốn làm cho nước ngập đến cổ thì nước sẽ đến cổ, ý muốn làm cho nước tự gội lên thân thì nước sẽ gội lên thân, ý muốn làm cho nước trở lại vị trí cũ thì nước sẽ trở lại vị trí cũ. Cứ như vậy tùy theo sự mong muốn của mỗi người mà nước tự nhiên dâng lên.

Đức Phật dạy:

– Khi Phật Vô Lượng Thanh Tịnh và các Bồ-tát, A-la-hán đã tắm xong, mỗi vị ngồi trên một hoa sen. Ngay khi ấy, khắp bốn phương tự nhiên có nhiều thứ gió nổi lên. Những thứ gió này chẳng phải gió của thế gian, cũng chẳng phải gió trên trời, mà những thứ gió này đều là những thứ gió tự nhiên trong khắp mười phương cùng hợp lại và hóa sinh ra. Những thứ gió này không lạnh lắm, cũng

không nóng lắm mà nó luôn luôn ôn hòa, mát mẻ, dễ chịu, không có thứ gió nào sánh bằng. Những thứ gió này từ từ nổi lên, không chậm cũng không nhanh mà lại trung bình vừa phải và tùy theo trường hợp. Khi gió thổi vào cây bảy báu ở cõi nước ấy thì những cây bảy báu đó tự phát ra năm âm thanh. Những thứ gió này thổi đến hoa, làm cho hoa bao phủ cả nước Phật. Và những đóa hoa ấy tự tung lên Đức Phật Vô Lượng Thanh Tịnh cùng các Bồ-tát, A-la-hán. Hoa rơi xuống đất dày đến bốn tấc, mềm mại, tốt đẹp, không gì sánh được. Khi hoa sắp tàn héo tức thì tự nhiên những ngọn gió thổi hoa héo ấy đi. Khi ấy bốn phương tự nhiên lại có gió nổi lên thổi vào cây bảy báu và cây bảy báu đó tự phát ra năm âm thanh. Những thứ gió thổi vào hoa, tự nhiên hoa tung lên Phật Vô Lượng Thanh Tịnh và các Bồ-tát, A-la-hán. Hoa ấy rơi xuống đất, thì tự nhiên những thứ gió lại thổi vào hoa héo bay đi. Khi ấy, bốn phương tự nhiên lại có gió nổi lên thổi vào hoa của cây bảy báu. Như thế, gió thổi đến bốn lần trong những vị Bồ-tát, A-la-hán cõi đó, có người chỉ muốn nghe kinh, có người chỉ muốn nghe tiếng âm nhạc, có người chỉ muốn nghe mùi thơm của hoa, có người không muốn nghe kinh, có người không muốn nghe năm thứ âm thanh, có người không muốn nghe mùi thơm của hoa. Người nào muốn nghe, tức thì họ được nghe; còn những ai không muốn nghe thì chỉ người ấy

không nghe. Tất cả đều tùy theo ý họ muốn một cách tự nhiên, không trái với tâm mong cầu của họ.

Phật Vô Lượng Thanh Tịnh và các Bồ-tát, A-la-hán lúc tắm xong, mỗi vị tự đi ra. Các vị Bồ-tát, A-la-hán ấy tự hành đạo theo cách riêng, trong đó có người giảng nói kinh nơi đất bằng, có người tụng kinh nơi đất bằng, có người thuyết kinh nơi đất bằng, có người thọ trì kinh nơi đất bằng, có người nghe kinh nơi đất bằng, có người niệm kinh nơi đất bằng, có người suy gẫm đạo kinh nơi đất bằng, có người nhất tâm tọa thiền nơi đất bằng, có người kinh hành nơi đất bằng. Lại nữa có người giảng kinh trong hư không, có người tụng kinh trong hư không, có người thuyết kinh trong hư không, có người thọ trì kinh nơi hư không, có người nghe kinh trong hư không, có người niệm kinh trong hư không, có người suy gẫm đạo kinh trong hư không, có người nhất tâm tọa thiền trong hư không, có người kinh hành trong hư không. Hơn nữa, có người chưa đắc đạo Tu-đà-hoàn thì đạt được đạo Tu-đà-hoàn, có người chưa đắc đạo A-na-hàm thì đạt được đạo A-na-hàm, có người chưa đắc đạo A-la-hán thì đạt được đạo A-la-hán, có người chưa đạt đạo Bồ-tát Bất thoái chuyển thì đạt được đạo Bồ-tát Bất thoái chuyển. Mỗi vị Bồ-tát và A-la-hán đều tự thuyết kinh hành đạo, tất cả đều được đắc đạo, không ai mà không hoan hỷ phần chân.

Trong những vị Bồ-tát ấy, có vị muốn được cúng dường vô số chư Phật khắp mười phương, tức thì vân tập đầy đủ ngay trước Phật Vô Lượng Thanh Tịnh mà đánh lễ, quỳ gối, chấp tay bạch Phật và từ giã ra đi để cúng dường vô số chư Phật khắp mười phương. Phật Vô Lượng Thanh Tịnh im lặng nhận lời và làm cho các vị Bồ-tát đi cúng dường ấy đều rất hoan hỷ. Số Bồ-tát ấy tính đến ngàn vạn ức người, vô số không thể tính kể, đều là bậc trí tuệ dũng mãnh, mỗi người tự bay đi, hàng hàng người bay đuổi theo sau. Họ bay phân tán ra đến chỗ vô số chư Phật trong khắp mười phương. Họ cùng đánh lễ dưới chân Phật rồi cúng dường chư Phật.

Những vị Bồ-tát ấy, ý muốn được vạn loại vật dụng tự nhiên hiện ngay trước mặt, có trăm loại hoa nhiều sắc màu xen lẫn, tự nhiên có trăm loại cờ phướn sắc sỡ nhiều màu, tự nhiên có y kiếp-ba-dục, tự nhiên có bảy báu, tự nhiên có đèn sáng, tự nhiên có vạn loại âm nhạc v.v... tất cả đều hiện ngay trước mặt. Hoa, hương và vạn loại vật tự nhiên đó chẳng phải là vật của thế gian, cũng chẳng phải là vật trên trời. Vạn loại vật này đều là những vật trong khắp mười phương tự nhiên kết hợp lại mà hóa sinh ra. Người nào có ý muốn tự nhiên chúng sẽ hóa sinh ngay trước mặt. Và ý muốn không dùng nữa, chúng sẽ tự hóa đi. Các vị Bồ-tát cùng đem những vật dụng đó cúng dường chư

Phật, chư Bồ-tát và các vị A-la-hán, rồi họ lần lượt đi nhiều chung quanh nhiều vòng. Tùy theo ý muốn liền có được mọi thứ và vô cùng vui sướng không thể nói được.

Theo ý của các Bồ-tát, vị nào muốn được bốn mươi dặm hoa thì tự nhiên bốn mươi dặm hoa sẽ hiện ngay trước mặt. Các vị Bồ-tát đều ở trong hư không cùng cầm hoa để tung lên chư Phật, các Bồ-tát và A-la-hán. Những đóa hoa ngát hương tươi đẹp này đều từ hư không rơi xuống. Đến khi hoa vừa héo, chúng tự rơi xuống đất, tức thì tự nhiên có những ngọn gió thổi đến cuốn đi tất cả.

Theo ý của các Bồ-tát, vị nào muốn được tám mươi dặm hoa, thì tự nhiên tám mươi dặm hoa hiện ngay trước mặt. Các vị Bồ-tát đều ở trong hư không cùng cầm hoa để tung lên chư Phật, các vị Bồ-tát và A-la-hán. Những đóa hoa này đều từ hư không rơi xuống. Đến khi hoa vừa héo, chúng tự rơi xuống đất, tức thì tự nhiên có những ngọn gió thổi đến cuốn đi tất cả.

Theo ý của các Bồ-tát, vị nào muốn được một trăm sáu mươi dặm hoa, thì tự nhiên một trăm sáu mươi dặm hoa hiện ngay trước mặt. Các vị Bồ-tát đều ở trong hư không cùng cầm hoa để tung lên chư Phật, các vị Bồ-tát và A-la-hán. Những đóa hoa này đều từ hư không rơi xuống. Đến khi hoa vừa héo, chúng tự rơi xuống đất, tức thì tự nhiên có những ngọn gió thổi đến cuốn đi tất cả.

Theo ý của chư Bồ-tát, vị nào muốn được ba trăm hai mươi dặm hoa, thì tự nhiên ba trăm hai mươi dặm hoa hiện ngay trước mặt. Các vị Bồ-tát đều ở trong hư không cùng cầm hoa để tung lên chư Phật, các vị Bồ-tát và A-la-hán. Những đóa hoa này đều từ hư không rơi xuống. Đến khi hoa vừa héo, chúng tự rơi xuống đất, tức thì tự nhiên có những ngọn gió thổi đến cuốn đi tất cả.

Theo ý của chư Bồ-tát, vị nào muốn được sáu trăm bốn mươi dặm hoa, thì tự nhiên sáu trăm bốn mươi dặm hoa hiện ngay trước mặt. Các vị Bồ-tát đều ở trong hư không cùng cầm hoa để tung lên chư Phật, các vị Bồ-tát và A-la-hán. Những đóa hoa này đều từ hư không rơi xuống. Đến khi hoa vừa héo, chúng tự rơi xuống đất, tức thì tự nhiên có những ngọn gió thổi đến cuốn đi tất cả.

Theo ý của chư Bồ-tát, vị nào muốn được một ngàn hai trăm tám mươi dặm hoa, thì tự nhiên một ngàn hai trăm tám mươi dặm hoa hiện ngay trước mặt. Các vị Bồ-tát đều ở trong hư không cùng cầm hoa để tung lên chư Phật, các vị Bồ-tát và A-la-hán. Những đóa hoa này đều từ hư không rơi xuống. Đến khi hoa vừa héo, chúng tự rơi xuống đất, tức thì tự nhiên có những ngọn gió thổi đến cuốn đi tất cả.

Theo ý của chư Bồ-tát, vị nào muốn được hai ngàn năm trăm sáu mươi dặm hoa, thì tự nhiên hai ngàn năm trăm sáu mươi dặm hoa hiện ngay trước

mặt. Các vị BỒ-tát đều ở trong hư không cùng cầm hoa để tung lên chư Phật, các vị BỒ-tát và A-la-hán. Những đóa hoa này đều từ hư không rơi xuống. Đến khi hoa vừa héo, chúng tự rơi xuống đất, tức thì tự nhiên có những ngọn gió thổi đến cuốn đi tất cả.

Theo ý của chư BỒ-tát, vị nào muốn được năm ngàn một trăm hai mươi dặm hoa, thì tự nhiên năm ngàn một trăm hai mươi dặm hoa hiện ngay trước mặt. Các vị BỒ-tát đều ở trong hư không cùng cầm hoa để tung lên chư Phật, các vị BỒ-tát và A-la-hán. Những đóa hoa này đều từ hư không rơi xuống. Đến khi hoa vừa héo, chúng tự rơi xuống đất, tức thì tự nhiên có những ngọn gió thổi đến cuốn đi tất cả.

Theo ý của chư BỒ-tát, vị nào muốn được một vạn hai trăm bốn mươi dặm hoa, thì tự nhiên một vạn hai trăm bốn mươi dặm hoa hiện ngay trước mặt. Các vị BỒ-tát đều ở trong hư không cùng cầm hoa để tung lên chư Phật, các vị BỒ-tát và A-la-hán. Những đóa hoa này đều từ hư không rơi xuống. Đến khi hoa vừa héo, chúng tự rơi xuống đất, tức thì tự nhiên có những ngọn gió thổi đến cuốn đi tất cả.

Theo ý của chư BỒ-tát, vị nào muốn được hai vạn bốn trăm tám mươi dặm hoa, thì tự nhiên hai vạn bốn trăm tám mươi dặm hoa hiện ngay trước mặt. Các vị BỒ-tát đều ở trong hư không cùng cầm

hoa để tung lên chư Phật, các vị Bồ-tát và A-la-hán. Những đóa hoa này đều từ hư không rơi xuống. Đến khi hoa vừa héo, chúng tự rơi xuống đất, tức thì tự nhiên có những ngọn gió thổi đến cuốn tất cả những bông hoa héo ấy đi.

Theo ý của chư Bồ-tát, vị nào muốn được năm vạn dặm hoa, thì tự nhiên năm vạn dặm hoa hiện ngay trước mặt. Các vị Bồ-tát đều ở trong hư không cùng cầm hoa để tung lên chư Phật, các vị Bồ-tát và A-la-hán. Những đóa hoa này đều từ hư không rơi xuống. Đến khi hoa vừa héo, chúng tự rơi xuống đất, tức thì tự nhiên có những ngọn gió thổi đến cuốn đi tất cả.

Theo ý của chư Bồ-tát, vị nào muốn được mười vạn dặm hoa, thì tự nhiên mười vạn dặm hoa hiện ngay trước mặt. Các vị Bồ-tát đều ở trong hư không cùng cầm hoa để tung lên chư Phật, các vị Bồ-tát và A-la-hán. Những đóa hoa này đều từ hư không rơi xuống. Đến khi hoa vừa héo, chúng tự rơi xuống đất, tức thì tự nhiên có những ngọn gió thổi đến cuốn đi tất cả.

Theo ý của chư Bồ-tát, vị nào muốn được hai mươi vạn dặm hoa, thì tự nhiên hai mươi vạn dặm hoa hiện ngay trước mặt. Các vị Bồ-tát đều ở trong hư không cùng cầm hoa để tung lên chư Phật, các vị Bồ-tát và A-la-hán. Những đóa hoa này đều từ hư không rơi xuống. Đến khi hoa vừa héo, chúng tự rơi xuống đất, tức thì tự nhiên có những ngọn

gió thổi đến cuốn đi tất cả.

Theo ý của chư Bồ-tát, vị nào muốn được bốn mươi vạn dặm hoa, thì tự nhiên bốn mươi vạn dặm hoa hiện ngay trước mặt. Các vị Bồ-tát đều ở trong hư không cùng cầm hoa để tung lên chư Phật, các vị Bồ-tát và A-la-hán. Những đóa hoa này đều từ hư không rơi xuống. Đến khi hoa vừa héo, chúng tự rơi xuống đất, tức thì tự nhiên có những ngọn gió thổi đến cuốn đi tất cả.

Theo ý của chư Bồ-tát, vị nào muốn được tám mươi vạn dặm hoa, thì tự nhiên tám mươi vạn dặm hoa hiện ngay trước mặt. Các vị Bồ-tát đều ở trong hư không cùng cầm hoa để tung lên chư Phật, các vị Bồ-tát và A-la-hán. Những đóa hoa này đều từ hư không rơi xuống. Đến khi hoa vừa héo, chúng tự rơi xuống đất, tức thì tự nhiên có những ngọn gió thổi đến cuốn đi tất cả.

Theo ý của chư Bồ-tát, vị nào muốn được một trăm sáu mươi dặm hoa, thì tự nhiên một trăm sáu mươi dặm hoa hiện ngay trước mặt. Các vị Bồ-tát đều ở trong hư không cùng cầm hoa để tung lên chư Phật, các vị Bồ-tát và A-la-hán. Những đóa hoa này đều từ hư không rơi xuống. Đến khi hoa vừa héo, chúng tự rơi xuống đất, tức thì tự nhiên có những ngọn gió thổi đến cuốn đi tất cả.

Theo ý của chư Bồ-tát, vị nào muốn được ba trăm vạn dặm hoa, thì tự nhiên ba trăm vạn dặm

hoa hiện ngay trước mặt. Các vị BỒ-tát đều ở trong hư không cùng cầm hoa để tung lên chư Phật, các vị BỒ-tát và A-la-hán. Những đóa hoa này đều từ hư không rơi xuống. Đến khi hoa vừa héo, chúng tự rơi xuống đất, tức thì tự nhiên có những ngọn gió thổi đến cuốn đi tất cả.

Theo ý của chư BỒ-tát, vị nào muốn được bốn trăm vạn dặm hoa, thì tự nhiên bốn trăm vạn dặm hoa hiện ngay trước mặt. Tâm ý của các BỒ-tát vô cùng hoan hỷ phấn chấn. Họ ở trong hư không cùng cầm hoa tung lên chư Phật, BỒ-tát, A-la-hán. Những đóa hoa ấy tự nhiên hợp lại thành một bông hoa nở tròn với những cánh hoa bằng nhau. Hoa lại mềm mại tươi đẹp gấp bội những đóa hoa đẹp trước. Những đóa hoa có trăm ngàn màu sắc và mỗi một màu hoa có mùi hương khác nhau. Không có ngôn từ nào để diễn tả được mùi hương của hoa.

Các BỒ-tát rất vui mừng, cùng ở trong hư không hòa âm tạo thành những kỹ nhạc tự nhiên. Ngay lúc ấy, chư Phật, các BỒ-tát, A-la-hán đều cảm thấy an lạc không thể nói được. Các BỒ-tát đều ngồi nghe kinh, nghe xong, họ tụng đọc rất lưu loát, biết rõ kinh đạo và trí tuệ thêm sáng suốt.

Những hoa thơm ở cõi này vừa khô héo liền tự rơi xuống đất và tự nhiên có những ngọn gió thổi cuốn đi tất cả. Lúc ấy trong cõi của chư Phật, từ cõi Tứ Thiên vương thứ nhất đến cõi trời ba mươi sáu, các BỒ-tát, A-la-hán và chư Thiên đều ở trong hư

không cùng nhau tạo thành những âm thanh kỹ nhạc. Những vị trời đến trước, chuyên dần cho người đến sau, những người đến sau xoay vần cúng dường như trước. Cứ thế mà luân phiên nhau không bao giờ chấm dứt. Những vị trời hoan hỷ nghe kinh, cùng tạo thành những âm nhạc. Trong lúc này họ vô cùng an lạc, hạnh phúc.

Các Bồ-tát cúng dường, nghe kinh xong, đều đến đánh lễ chư Phật rồi đi ra. Họ lại bay đến khắp mười phương - vô số cõi Phật - để cúng dường và nghe kinh. Mỗi vị cũng lần lượt như trước để cúng dường chư Phật. Đến gần giữa trưa, các Bồ-tát mới bay trở về nước của mình. Họ đánh lễ trước Phật Vô Lượng Thanh Tịnh rồi ngồi xuống một bên nghe kinh. Nghe kinh xong, họ rất hoan hỷ.

Đức Phật dạy:

– Khi Phật Vô Lượng Thanh Tịnh và các Bồ-tát, A-la-hán sắp thọ thực, tức thì tự nhiên nơi ghé bảy báu có tám vải kiếp-ba sẵn có tòa ngồi bằng nhung gấm rất êm ái. Phật Vô Lượng Thanh Tịnh và các Bồ-tát, A-la-hán ngồi xuống, và trước mặt tự nhiên đều có bát bằng bảy báu, trong bát tự nhiên có đầy đủ thức ăn trăm vị. Những thức ăn này không phải là mùi vị của thức ăn thế gian, cũng chẳng phải là mùi vị của thức ăn trên trời. Thức ăn trăm vị này đều là tính chất những thức ăn tự nhiên trong khắp mười phương, có hương vị tuyệt vời không gì sánh được, tự nhiên chúng hóa sinh ra.

Những thức ăn ấy có vị ngọt ngon lạ. Tùy theo sở thích của mỗi người mà bát tự nhiên hiện ra. Các Bồ-tát, A-la-hán, có vị muốn được bát bằng bạc, có vị muốn được bát bằng vàng, có vị muốn được bát bằng thủy tinh, có vị muốn được bát bằng lưu ly, có vị muốn được bát bằng san hô, có vị muốn được bát bằng hổ phách, có vị muốn được bát bằng bạch ngọc, có vị muốn được bát bằng xa cừ, có vị muốn được bát bằng mã não, có vị muốn được bát bằng ngọc minh nguyệt, có vị muốn được bát bằng ngọc ma-ni, có vị muốn được bát bằng vàng ròng v.v... Trong những chiếc bát ấy có đầy những thức ăn trăm vị, tùy ý người dùng mà tự nhiên có được chứ không từ đâu đến, cũng không do ai làm ra.

Các Bồ-tát, A-la-hán đều thọ thực, thức ăn không ai nhiều, cũng không ai ít, tự nhiên bằng nhau. Các Bồ-tát, A-la-hán thọ thực không nói ngon hay dở, cũng không vì ngon mà vui. Thọ thực xong, những bát cơm và tòa ngồi đều tự nhiên biến mất. Khi sắp thọ thực nó sẽ hóa sinh trở lại như trước. Các Bồ-tát, A-la-hán với tâm thanh khiết, không nghĩ đến việc ăn uống, chỉ dùng để nuôi dưỡng khí lực nên các thực phẩm ấy tự nhiên tiêu hóa hết.

Đức Phật bảo A-nan:

– Khi Đức Phật A-di-đà thuyết pháp cho các Bồ-tát và A-la-hán thì tất cả đều hội họp ở trên giảng đường. Các Bồ-tát, A-la-hán và chư Thiên,

dân chúng trong cõi nước ấy tập trung nhiều vô số, không thể tính đếm được. Họ bay đến chỗ Phật Vô Lượng Thanh Tịnh, đánh lễ rồi ngồi xuống nghe kinh. Phật Vô Lượng Thanh Tịnh vì các Tỳ-kheo Tăng, các Bồ-tát, A-la-hán, chư Thiên, dân chúng giảng nói rộng về đại kinh đạo trí. Mọi người nghe hiểu kinh, đạo tâm được khai mở, nên rất hoan hỷ phấn chấn. Ngay khi ấy, những ngọn gió từ bốn phương tự nhiên thổi đến khiến cho những hàng cây bảy báu tạo thành năm loại âm thanh. Những ngọn gió ấy lại thổi vào hoa bảy báu, khiến hoa bay lên che trên cõi nước ấy, rồi từ trên hư không rơi xuống. Hoa rất thơm và tươi đẹp, hương thơm tỏa khắp cõi nước. Hoa tự rải lên Phật Vô Lượng Thanh Tịnh, các Bồ-tát và A-la-hán. Hoa rơi xuống đất dày bốn tấc. Khi hoa vừa héo, tự nhiên có những ngọn gió thổi đến cuốn hoa héo ấy đi. Ngay lúc đó, tức thì bốn phương tự nhiên lại có những ngọn gió nổi lên thổi vào cây bảy báu, khiến cây bảy báu tạo thành năm loại âm thanh. Những ngọn gió thổi vào hoa của cây bảy báu, hoa cũng như trước, tự nhiên rải lên Phật Vô Lượng Thanh Tịnh, chư Bồ-tát và A-la-hán. Hoa rơi xuống đất dày đến bốn tấc. Khi hoa vừa héo, tự nhiên có những ngọn gió thổi những hoa héo ấy bay đi.

Những ngọn gió thổi hoa như vậy đến bốn lần tức thì chư Thiên ở cõi trời thứ nhất Tứ Thiên vương, chư Thiên ở cõi trời thứ hai Đao-lợi, chư

Thiên ở cõi trời thứ ba, chư Thiên ở cõi trời thứ tư, chư Thiên ở cõi trời thứ năm, chư Thiên ở cõi trời thứ sáu, chư Thiên ở cõi trời thứ bảy Phạm thiên, cho đến chư Thiên ở cõi trời thứ mười sáu, đến chư Thiên ở cõi trời ba mươi sáu đều đem vạn loại đồ vật tự nhiên của cõi trời, trăm thứ hoa đủ các sắc màu, trăm loại tạp hương, trăm thứ nhung gấm nhiều màu, trăm thứ vải kiếp ba, vạn loại kỹ nhạc, hóa hiện càng lúc càng nhiều càng đẹp, tuần tự đến đánh lễ Phật Vô Lượng Thanh Tịnh và cúng dường Phật cùng các Bồ-tát, A-la-hán.

Chư Thiên lại thổi những âm nhạc hay để làm vui Phật Vô Lượng Thanh Tịnh và các Bồ-tát, A-la-hán. Ngay lúc ấy, ai cũng vui vẻ, an lạc không thể diễn tả được. Các vị trời đến trước thì cúng dường trước, đến sau thì cúng dường sau, rồi tuần tự lui ra có thứ lớp.

Nơi phương Đông có vô số cõi Phật nhiều không thể tính kể như số cát của sông Hằng, mỗi một hạt cát tính là một Đức Phật. Tất cả chư Phật này bảo vô số Bồ-tát đông không thể tính kể, cùng đến chỗ Phật Vô Lượng Thanh Tịnh để đánh lễ. Tất cả đánh lễ sát chân Phật xong rồi ngồi qua một bên để nghe kinh. Nghe kinh xong, các vị Bồ-tát đó hoan hỷ vô cùng, liền đứng dậy cúi đầu lễ Phật rồi đi ra.

Nơi phương Tây có vô số cõi Phật nhiều không thể tính kể như số cát của sông Hằng, mỗi một hạt

cát tính là một Đức Phật. Tất cả chư Phật này bảo vô số Bồ-tát đông không thể tính kể, cùng đến chỗ Phật Vô Lượng Thanh Tịnh để đánh lễ. Tất cả đánh lễ sát chân Phật xong, rồi ngồi qua một bên để nghe kinh. Nghe kinh xong, các vị Bồ-tát này rất hoan hỷ, liền đứng dậy cúi đầu đánh lễ Đức Phật mà đi ra.

Phương Bắc cũng có vô số cõi Phật nhiều không thể tính kể như số cát của sông Hằng, mỗi một hạt cát tính là một Đức Phật. Tất cả chư Phật này bảo vô số Bồ-tát đông không tính kể cùng bay đến chỗ Phật Vô Lượng Thanh Tịnh và đánh lễ. Tất cả đánh lễ sát chân Phật xong, đều ngồi qua một bên để nghe kinh. Nghe kinh xong, các vị Bồ-tát đó hoan hỷ vô cùng, liền đứng dậy cúi đầu đánh lễ Đức Phật mà đi ra.

Phương Nam có vô số cõi Phật nhiều không thể tính kể như số cát của sông Hằng, mỗi một hạt cát tính là một Đức Phật. Tất cả chư Phật này bảo vô số Bồ-tát đông không tính kể, cùng bay đến chỗ Phật Vô Lượng Thanh Tịnh và đánh lễ. Tất cả đánh lễ sát chân Phật xong, đều ngồi qua một bên để nghe kinh. Nghe kinh xong, các Bồ-tát rất hoan hỷ, liền đứng dậy cúi đầu đánh lễ Đức Phật mà đi ra.

Bốn phương góc cũng có vô số cõi Phật nhiều không thể tính kể như số cát của sông Hằng, mỗi một hạt cát tính là một Đức Phật. Tất cả chư Phật này bảo vô số Bồ-tát đông không tính kể, cùng bay

đến chỗ Phật Vô Lượng Thanh Tịnh để đánh lễ Đức Phật ấy. Tất cả đánh lễ sát chân Phật xong, đều ngồi qua một bên để nghe kinh. Nghe kinh xong, các Bồ-tát rất hoan hỷ, liền đứng dậy cúi đầu đánh lễ Đức Phật mà đi ra.

Đức Phật dạy:

– Tám phương trên dưới cũng có vô số chư Phật đều bảo các Bồ-tát bay đến chỗ Phật Vô Lượng Thanh Tịnh để cúng dường và nghe kinh, lần lượt từ phương trên đến phương dưới rồi lui ra.

Tám phương đều có vô số cõi Phật, mỗi một phương chư Phật nhiều như số cát của sông Hằng, mỗi một hạt cát tính là một Đức Phật. Mỗi Đức Phật bảo vô số Bồ-tát đông không tính kể, cùng bay đến chỗ Phật Vô Lượng Thanh Tịnh, trước hết đánh lễ dưới chân Đức Phật A-di-đà rồi ngồi nghe kinh. Sau khi nghe kinh, các Bồ-tát rất hoan hỷ, đứng dậy đánh lễ Phật Vô Lượng Thanh Tịnh mà lui ra.

Chư Phật phương trên bảo các vị Bồ-tát bay đến chỗ Phật Vô Lượng Thanh Tịnh để cúng dường và nghe kinh. Cứ lần lượt, lớp trước lui ra, lớp sau lại đến, cúng dường như vậy liên tục không bao giờ ngừng nghỉ.

Bấy giờ, Đức Phật muốn tuyên lại nghĩa trên nên nói kệ:

Nhiều như số cát sông Hằng

Cõi Phật phương Đông cũng thế
 Môi Đức Phật bảo Bồ-tát
 Cung kính lễ Vô Lượng Giác.
 Phương Tây, Nam, Bắc cũng vậy
 Như vậy hằng hà sa cõi
 Chư Phật đều bảo Bồ-tát
 Cung kính lễ Vô Lượng Giác.
 Mười phương Bồ-tát bay về
 Mang vải đưng đây hoa thơm
 Những đồ vật quý cõi trời
 Đến cúng dường Vô Lượng Giác.
 Tất cả Bồ-tát vân tập
 Kính lễ bậc sáng vô lượng
 Chắp tay đi nhiều ba vòng
 Ngợi khen Phật Vô Lượng Giác.
 Mang hoa thơm tung lên Phật
 Tam thanh tịnh ngợi khen Ngài
 Đứng trước Phật tự thưa rằng:
 – Nguyện cõi con cũng như đây.
 Hoa được tung, tụ giữa trời
 Kết thành lọng trăm do-tuần
 Cán lọng trang hoàng rất đẹp
 Phủ che trên khắp chúng hội.
 Bồ-tát đều tập trung đến
 Khó thay gặp cõi chư Tôn
 Những ai được nghe danh Phật
 Được nhiều lợi ích an lành.
 Hạng chúng ta được đức này

Biết bao tốt đẹp cõi đây
 Thấy nước ta như giấc mộng
 Vô số kiếp Tịnh độ này.
 Thấy Bồ-tát nhiều quanh Phật
 Oai thần dũng mãnh, sống lâu
 Chúng hội an nhiên thanh tịnh
 Vô số kiếp khó nghĩ bàn.
 Lúc ấy Thế Tôn mỉm cười
 Ba mươi sáu ức do-tha
 Ánh sáng từ miệng phát ra
 Chiếu sáng khắp vô số cõi.
 Trở lại xoay vây quanh Phật
 Ba vòng nhập vào trên đỉnh
 Ánh sáng bỗng nhiên không hiện
 Trời người ai cũng vui mừng.
 Quán Âm rời tòa đứng dậy
 Sửa y, đánh lễ, hỏi thưa
 Bạch Phật vì sao mỉm cười
 Cúi xin nói ý cho con.
 Chỉ dạy con bản tánh Không
 Thương giúp thành trăm tướng phước
 Ai nghe thấy âm thanh này
 Cũng đều vui vẻ hân hoan.
 Tiếng Phạm như tiếng sấm rền
 Tám loại âm thanh tuyệt diệu
 Phật truyền dạy bảo Quán Âm
 Nay Ta nói ông hãy nghe.
 Các Bồ-tát khắp thế giới

Đến Tu-ma-đề lễ Phật
 Nghe pháp hoan hỷ phụng hành
 Chóng được về nơi thanh tịnh.
 Đã đến nước nghiêm tịnh này
 Chóng được đầy đủ thân túc
 Mắt thấy suốt, tai nghe khắp
 Và biết rõ ràng đời trước.
 Phật Vô lượng thọ ký Ta
 Vốn Ta đời trước nguyện rằng:
 – Tất cả người nghe thuyết pháp
 Chóng sinh đến nước của Ta.
 Nguyện của Ta đều viên mãn
 Từ các nước họ sinh đến
 Thấy đều sinh đến cõi này
 Một đời được bất thoái chuyển.
 Bồ-tát nào luôn khởi nguyện
 Muốn khiến nước như cõi Ta
 Cũng nhớ độ cho tất cả
 Làm cho nguyện đến mười phương.
 Nhanh chóng để có thể đi đến
 Thế giới cõi nước an vui
 Đến cõi vô lượng ánh sáng
 Cúng dường nơi vô số Phật.
 Phụng sự vạn ức Thế Tôn
 Biến hóa bay khắp các nước
 Cung kính cúng dường rồi đi
 Trở về thế giới Cực lạc.
 Người mà không có công đức

Chẳng được nghe đến tên kinh
 Chỉ người giữ giới thanh tịnh
 Mới được nghe chánh pháp này.
 Từng được gặp đáng Đại hùng
 Liên tin nhận sự việc này
 Cung kính lãnh hội phụng hành
 Hết lòng vui mừng phấn chấn.
 Biếng trễ, kiêu mạn, xấu xa
 Khó mà tin tưởng pháp này
 Ai từng gặp Phật đời trước
 Thích nghe lời Thế Tôn dạy.
 Ví như người mù bẩm sinh
 Muốn đi theo người dẫn đường
 Thanh văn, Đại thừa còn không
 Huống chi đến kẻ phàm phu.
 Sao mà hiểu rõ ý Phật
 Thanh văn không rõ hạnh Phật
 Phật-bích-chi cũng như vậy
 Riêng Chánh giác mới biết được.
 Nếu tất cả đều thành Phật
 Trí tuệ thanh tịnh vốn Không
 Dầu trải qua vạn ức kiếp
 Trí Phật thật không thể sánh.
 Giảng luận bàn vô số kiếp
 Trọn cuộc đời cũng không biết
 Trí tuệ Phật quá vô biên
 Hành như thế đạt thanh tịnh.
 Theo Ta dạy mới kính tin

Chỉ người này mới hiểu rõ
 Tin thọ những điều Phật dạy
 Đó là chứng quả đệ nhất.
 Khó thay làm được thân người
 Phật tại thế rất khó gặp
 Có trí tin chưa thể đạt
 Người nghe tinh tấn mong cầu.
 Lắng nghe giáo pháp không quên
 Gặp rồi cung kính rất vui
 Khéo hay thân cận bên Ta
 Thế cho nên phát tâm đạo.
 Giả sử lửa đây thế giới
 Vượt qua để được nghe pháp
 Chắc chắn sẽ được làm Phật
 Vượt tất cả sinh - già - chết.

Đức Phật bảo A-nan:

– Phật Vô Lượng Thanh Tịnh nói kinh cho các Bồ-tát, A-la-hán xong, trong chúng trời người những ai chưa đạt được đạo quả Tu-đà-hoàn thì đạt được đạo quả Tu-đà-hoàn. Những ai chưa đạt được đạo quả Tư-đà-hàm thì đạt được đạo quả Tư-đà-hàm. Những ai chưa đạt được đạo quả A-na-hàm thì đạt được đạo quả A-na-hàm. Những ai chưa đạt được đạo quả A-la-hán thì đạt được đạo quả A-la-hán. Những ai chưa đạt được Bồ-tát Bất thoái chuyển thì đạt được Bồ-tát Bất thoái chuyển.

Đức Phật A-di-đà ngay khi đó tùy theo sự mong cầu đạo quả xưa kia của họ, tùy tâm ý của họ

ưa thích mong cầu nhiều hay ít, Ngài sẽ nói kinh và ấn chứng khiến cho những người ấy chóng được kiến đạo, được trí tuệ sáng suốt và cảm nhận sự hỷ lạc. Người có sở nguyện về lý kinh đều ưa thích tụng đọc. Mỗi người tự tụng đọc kinh pháp thông suốt, không có nhàm chán.

Trong những Bồ-tát, A-la-hán đó, có người tụng kinh với âm thanh như sấm rền, có người nói kinh như gió lốc, mưa rào. Khi ấy các Bồ-tát, A-la-hán mỗi người tự nói kinh hành đạo như thế, trọn một kiếp mà vẫn không bao giờ biếng nhác. Tất cả đều đạt được trí tuệ dững mãi, thân thể thư thái, không bao giờ bị bệnh tật, đau đớn. Những lúc đi, đứng, nằm ngồi, thân họ đều khỏe mạnh. Như chúa trong loài sư tử ở chốn rừng sâu, cần đến nơi nào thì hướng thẳng đến đó mà không bị ngăn chặn. Các Bồ-tát, A-la-hán trong cõi Phật Vô Lượng Thanh Tịnh lúc nói kinh, hành đạo đều dững mãi gấp trăm ngàn vạn ức lần, không có ý thối mắc nghi ngờ. Tất cả do tâm tạo nên, không do dự tính toán, là chúa trong loài sư tử. Sự hùng mạnh trăm ngàn vạn ức lần của sư tử chúa cũng không bằng sự dững mãi của Mục-kiền-liên đệ tử thứ hai của Phật. Tuy nhiên, sự dững mãi của Mục-kiền-liên cũng không thể nào sánh kịp với các Bồ-tát và A-la-hán ở cõi Phật Vô Lượng Thanh Tịnh.

Đức Phật dạy:

– Sự dũng mãnh của Ma-ha Mục-kiền-liên đối với những A-la-hán trong các cõi khác rất cao tột, không thể so sánh. Ma-ha Mục-kiền-liên bay đi hay dừng lại đều thể hiện trí tuệ dũng mãnh, thấy nghe xuyên suốt, biết mọi sự quá khứ, vị lai hay hiện tại khắp mười phương. Nhưng nếu đem trăm ngàn vạn ức thần lực và trí tuệ dũng mãnh ấy hợp lại làm một cũng không thể nào sánh kịp trí tuệ và thần lực của một vị A-la-hán ở cõi Phật Vô Lượng Thanh Tịnh.

Đem trăm ngàn vạn ức lần hợp lại làm một trí tuệ dũng mãnh so với các A-la-hán ở cõi Phật Vô Lượng Thanh Tịnh thì đức ấy không bằng trí tuệ dũng mãnh của một A-la-hán ở cõi Phật Vô Lượng Thanh Tịnh.

Khi ấy, trong chúng hội có một Bồ-tát tên là A-dật, đến trước Phật, quỳ gối chấp tay thưa:

– Bạch Thế Tôn! Các A-la-hán trong cõi nước Phật A-di-đà có nhập Niết-bàn chăng? Con muốn được nghe về điều này.

Đức Phật bảo Bồ-tát A-dật:

– Nếu ông muốn biết, hãy nhìn những ngôi sao ở khắp bốn cõi thiên hạ. Ông có thấy chăng?

Bồ-tát A-dật thưa:

– Thưa vâng, con đều thấy hết.

Đức Phật dạy:

– Đệ tử thứ hai của Ta là Ma-ha Mục-kiền-liên

bay khắp bốn cõi thiên hạ trong một ngày một đêm, đếm những ngôi sao ấy và biết có bao nhiêu ngôi sao. Như vậy, các ngôi sao ở bốn cõi thiên hạ rất nhiều không thể tính hết được, mà Mục-kiền-liên còn tính được các ngôi sao ở khắp bốn cõi thiên hạ, gấp trăm ngàn vạn ức lần như vậy.

Đức Phật dạy:

– Như nước trong biển cả ở bốn cõi thiên hạ, đem bớt đi một giọt, có thể làm cho nước biển ấy vui chăng?

Bồ-tát A-dật thưa:

– Lấy bớt trăm ngàn vạn ức đầu nước trong biển cả cũng không thể làm cho biển giảm đi chút nào.

Đức Phật dạy:

– Các A-la-hán trong cõi Phật A-di-đà tuy có nhập Niết-bàn thì cũng như lấy một giọt nước trong biển cả vậy, không thể làm cho các A-la-hán bị giảm để biết là còn ít. Lấy đi một khe nước của biển cả, có thể làm cho nước biển vui bớt chăng?

Bồ-tát A-dật thưa:

– Lấy bớt trăm ngàn vạn ức khe nước cũng không thể làm cho nước biển giảm đi để có thể nhận biết được có giảm.

Đức Phật dạy:

– Các A-la-hán trong cõi Phật A-di-đà có nhập Niết-bàn thì cũng như lấy bớt một khe nước trong

biển cả, không thể làm giảm đi các A-la-hán để mà biết được ít vì giảm. Giảm đi một sông Hằng, nước trong biển cả có thể giảm bớt không?

Bồ-tát A-dật thưa:

– Lấy đi trăm ngàn vạn ỨC sông Hằng, nước trong biển cả cũng không thể làm vơi bớt đi để có thể nhận biết.

Đức Phật dạy:

– Các A-la-hán trong nước Phật A-di-đà có nhập Niết-bàn vô số thì những vị mới đắc quả A-la-hán trong hiện tại ở nước ấy cũng nhiều vô số, hoàn toàn không bị tăng giảm. Làm cho những dòng nước khắp thiên hạ đều chảy vào trong biển cả, lẽ nào có thể làm cho nước biển được tăng thêm chẳng?

Bồ-tát A-dật thưa:

– Không thể làm cho nước biển tăng thêm được. Vì sao? Vì biển cả là vua trong những dòng nước khắp thế gian, cho nên có thể dung chứa tất cả mà không tăng không giảm.

Đức Phật dạy:

– Cũng vậy, làm cho vô số chư Thiên, loài người và tất cả những loài côn trùng ở trong vô số cõi Phật khắp mười phương đều được vãng sinh vào cõi Phật Vô Lượng Thanh Tịnh nhiều vô cùng, không thể tính hết. Các Bồ-tát, A-la-hán và chúng Tỳ-kheo Tăng trong cõi Phật Vô Lượng Thanh

Tịnh cùng một thường pháp như nhau nên tăng thêm nhiều. Vì sao? Vì cõi Phật Vô Lượng Thanh Tịnh là cõi an vui tối thắng trong số các cõi Phật khắp mười phương, là vua trong chúng Bồ-tát. Cõi Phật Vô Lượng Thanh Tịnh là một nước oai hùng nhất trong vô số các cõi Phật. Cõi Phật Vô Lượng Thanh Tịnh là châu báu quý giá nhất trong vô số các cõi Phật. Cõi Phật Vô Lượng Thanh Tịnh là cõi tồn tại dài lâu nhất trong vô số các cõi Phật. Cõi Phật Vô Lượng Thanh Tịnh là cõi kỳ diệu nhất trong vô số các cõi Phật. Cõi Phật Vô Lượng Thanh Tịnh là cõi rộng lớn nhất trong vô số các cõi Phật. Cõi Phật Vô Lượng Thanh Tịnh là cõi vô vi, hoàn toàn tự nhiên nhất trong vô số các cõi Phật. Cõi Phật Vô Lượng Thanh Tịnh là cõi hạnh phúc, tốt đẹp, sáng láng, vui vẻ tột đỉnh nhất.

Tại sao chỉ riêng cõi Phật Vô Lượng Thanh Tịnh thù thắng tuyệt hảo nhất? Vốn xưa kia khi Bồ-tát cầu đạo, đã có nguyện lực dũng mãnh, tinh tấn không lười nhác, tích tụ nhiều phước đức nên mới được như vậy.

Bồ-tát A-dật vô cùng hoan hỷ, quỳ gối chấp tay thưa:

– Đức Phật nói về cõi Phật Vô Lượng Thanh Tịnh có những A-la-hán nhập Niết-bàn nhiều vô số và những sự tốt đẹp tối thắng, những an vui tuyệt hảo nhất mà vô số cõi nước khác không thể so sánh, chính là chỉ riêng cõi Phật chăng?

Đức Phật dạy:

– Chỗ của các Bô-tát, A-la-hán nơi cõi Phật Vô Lượng Thanh Tịnh là nhà cửa bảy báu, có người ở trong hư không, có người ở nơi đất liền, có người ý muốn làm cho nhà cửa thật cao thì nhà cửa sẽ cao, có người ý muốn làm cho nhà cửa thật lớn thì nhà cửa sẽ lớn, có người ý muốn làm cho nhà cửa ở trong hư không thì nhà cửa sẽ ở trong hư không... Tất cả đều tự nhiên tùy ý làm theo sự mong muốn. Trong đó có những người không thích có nhà thì họ được tùy theo ý muốn làm việc khác. Vì sao? Sở dĩ được như thế là do đời trước - khi còn cầu đạo Bô-tát - những người này có tâm từ, tinh tấn làm nhiều điều thiện, phước đức tích tụ nên đạt được quả tốt đẹp như vậy. Còn những ai không được quả như ý là do đời trước - khi còn cầu đạo - thiếu tâm từ, không tinh tấn, ít làm điều thiện nên phước đức ít ỏi, tự nhiên gặp chuyện không tốt. Về y phục và thực phẩm ở cõi này đều tự nhiên đầy đủ, bình đẳng, tùy theo đức của người đó nhiều hay ít nên quả báo cũng không giống nhau. Nếu ai biết tinh tấn dũng mãnh sẽ gặp được những phước báo tốt.

Đức Phật bảo Bô-tát A-dật:

– Ông có thấy nơi cư trú của Thiên vương ở cõi trời thứ sáu chưa?

Bô-tát A-dật đáp:

– Thừa vâng, con có thấy.

Đức Phật bảo:

– Giảng đường, nhà cửa ở cõi Phật Vô Lượng Thanh Tịnh tốt đẹp gấp trăm ngàn vạn ức lần so với nơi cư trú của Thiên vương cõi trời thứ sáu. Các Bồ-tát, A-la-hán nơi cõi Phật Vô Lượng Thanh Tịnh đều thấy, nghe thông suốt tất cả. Họ thấy biết mọi sự kiện thời quá khứ, vị lai và hiện tại khắp mười phương. Họ biết vô số dân chúng trên trời, dưới trời và những loài súc sinh, côn trùng nhỏ bé. Họ biết những điều thiện ác mà tâm ý chúng sinh nhớ nghĩ, miệng muốn nói. Và biết cả thời gian năm nào, kiếp nào những chúng sinh ấy được sinh vào cõi người, vãng sinh vào cõi Phật Vô Lượng Thanh Tịnh, biết thực hiện đạo Bồ-tát và đặc đạo A-la-hán. Họ dư biết tất cả.

Trên đỉnh của các Bồ-tát, A-la-hán ở cõi Phật Vô Lượng Thanh Tịnh đều có ánh sáng, ánh sáng ấy tỏa chiếu lớn hoặc nhỏ. Trong số những vị Bồ-tát ở cõi này, có hai vị Bồ-tát tối cao thường ở hai bên trái, phải của Phật Vô Lượng Thanh Tịnh để phụ giúp bàn bạc. Đức Phật Vô Lượng Thanh Tịnh thường cùng với hai Bồ-tát ngồi đối diện, thảo luận việc quán kinh, vị lai, hiện tại trong khắp mười phương. Nếu Phật Vô Lượng Thanh Tịnh muốn sai hai Bồ-tát này đến vô số chỗ chư Phật trong khắp mười phương, tức thời hai vị Bồ-tát này bay ngay đến chỗ vô số chư Phật trong khắp mười phương.

Tùy ý Phật muốn hai Bồ-tát đến chỗ chư Phật ở bất cứ phương nào thì hai vị sẽ bay đến phương ấy một cách nhanh chóng như Phật. Hai vị dũng mãnh không ai sánh bằng. Bồ-tát thứ nhất tên Áp-lâu-hằng. Vị thứ hai tên Ma-ha-na. Cả hai đều có ánh sáng và trí tuệ siêu tuyệt. Ánh sáng trên đỉnh của hai Bồ-tát ấy tỏa chiếu đến phương khác cả ngàn núi Tu-di mà cõi Phật vẫn thường sáng rực rỡ. Ánh sáng trên đỉnh của các Bồ-tát ở cõi Phật Vô Lượng Thanh Tịnh chiếu đến ngàn ức vạn dặm. Ánh sáng trên đỉnh của các A-la-hán chiếu đến bảy trượng.

Đức Phật bảo:

– Những thiện nam, thiện nữ, dân chúng trong thế gian, có ai gặp tai nạn khủng bố, bức bách, hay bị quan quyền ép buộc mà tự họ quy y kính lễ Bồ-tát Áp-lâu-hằng thì không có nạn nào mà không được giải thoát.



KINH VÔ LƯỢNG THANH TỊNH BÌNH ĐẲNG GIÁC

QUYỂN III

Đức Phật bảo Bồ-tát A-dật:

– Ánh sáng trên đỉnh Phật Vô Lượng Thanh Tịnh sáng vô cùng. Ánh sáng của sao, trăng và mặt trời ở trong hư không không thể tự vận hành hay xoay chuyển và cũng không tinh khiết. Ánh sáng ấy còn bị mây mờ bao phủ không xuất hiện. Còn ánh sáng của Phật Vô Lượng Thanh Tịnh tỏa chiếu trong cõi nước và luôn tỏa chiếu rực rỡ khắp các cõi nước khác, không bao giờ bị tối tăm.

Trong nước Phật Vô Lượng Thanh Tịnh không có thời gian một ngày, hai ngày, không có mười lăm ngày hay một tháng, không có năm tháng hay mười tháng, không có năm năm hay mười năm, không có trăm năm hay ngàn năm, không có vạn năm, ức năm, ức vạn năm, mười ức vạn năm, không có trăm ngàn ức vạn năm, không có ngàn ức ức vạn năm, không có một kiếp hay mười kiếp, không có trăm kiếp hay ngàn kiếp, không có vạn kiếp hay mười vạn kiếp, không có ngàn ức vạn

kiếp, không có trăm ngàn vạn ức kiếp.

Đức Phật dạy:

– Ánh sáng của Phật Vô Lượng Thanh Tịnh sáng vô cùng tận, ánh sáng ấy tồn tại vô số kiếp, sau đó lại chiếu sáng đến vô số kiếp nữa. Nếu lấy vô số kiếp thì không thể tính được, vô số kiếp không bao giờ có sự tối tăm. Cõi Phật Vô Lượng Thanh Tịnh và chư Thiên không bao giờ bị tan hoại. Vì sao? Vì tuổi thọ của Phật Vô Lượng Thanh Tịnh dài vô tận mà cõi nước thì vô cùng tốt đẹp, cho nên như vậy.

Đức Phật dạy:

– Tuổi thọ của Đức Phật Vô Lượng Thanh Tịnh vô số kiếp về sau hay vô số kiếp về sau nữa, không bao giờ nhập diệt. Phật Vô Lượng Thanh Tịnh giáo thọ nơi thế gian muốn hóa độ khắp mười phương vô số cõi nước, chư Thiên, loài người cho đến những loài côn trùng nhỏ nhít, Đức Phật đều muốn tất cả vãng sinh về nước của mình và làm cho họ đắc đạo Niết-bàn. Phật muốn các Bồ-tát được làm Phật tức liền thành Phật. Đã thành Phật rồi chuyển bánh xe pháp giáo hóa khắp mười phương, từ chư Thiên, loài người, cho đến loài côn trùng nhỏ nhít, Đức Phật đều muốn cho họ được làm Phật. Khi đã làm Phật rồi, lại giáo hóa vô số chư Thiên, loài người, cho đến loài côn trùng nhỏ nhít đều được vào đạo Niết-bàn.

Những chúng sinh nào đáng được giáo thọ, Phật liền giáo thọ và lần lượt được độ thoát, cho đến đắc quả Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Phật-bích-chi, tiếp đến được độ thoát, đều được đạo quả Niết-bàn.

Phật Vô Lượng Thanh Tịnh chưa muốn nhập diệt và có sự độ thoát lần lượt như vậy. Đức Phật trụ vô số kiếp, vô số kiếp không thể tính toán, và không bao giờ nhập Niết-bàn.

Vô số chư Thiên và loài người cho đến vạn loại côn trùng trong mười phương được sinh vào cõi Phật Vô Lượng Thanh Tịnh nhiều không thể tính hết. Những chúng sinh đạt đạo quả A-la-hán, đạo quả Niết-bàn cũng nhiều vô số, không thể tính đếm được.

Ân đức của Phật Vô Lượng Thanh Tịnh đã ban bố cho mọi loài khắp mười phương vô tận, ân đức ấy thật sâu xa vô lượng, làm sao nói hết được. Trí tuệ, giáo hóa và sự chỉ dạy của Phật Vô Lượng Thanh Tịnh đã phát xuất ra từ sự hành đạo, truyền bá khắp mười phương vô lượng vô biên từ trên trời đến dưới trời, nhiều vô tận. Sinh, lão, bệnh, tử rất nhiều, không thể tính kể, nhiều vô cùng tận và đều được độ thoát.

Đức Phật bảo Bồ-tát A-dật:

– Ông có muốn biết tuổi thọ vô cùng tận của Phật Vô Lượng Thanh Tịnh chăng?

Bồ-tát A-dật thưa:

– Con rất muốn nghe, biết điều đó.

Đức Phật bảo:

– Ông hãy nghe rõ. Giả sử làm cho chư Thiên, loài người cho đến loài côn trùng nhỏ nhít trong vô số cõi Phật trong mười phương đều được ở cõi người và trở thành A-la-hán, Phật-bích-chi v.v... tất cả cùng nhất tâm tọa thiền, cùng kết hợp trí tuệ lại làm một nỗ lực, cùng tính biết tuổi thọ của Phật Vô Lượng Thanh Tịnh là bao nhiêu ngàn vạn ức kiếp, nhưng hoàn toàn không ai có thể tính biết được tuổi thọ vô cực của Phật Vô Lượng Thanh Tịnh.

Hay nói cách khác, nếu tính thời gian chư Thiên, loài người, cho đến những loài côn trùng nhỏ nhít trong ngàn cõi Phật đều được làm người và trở thành A-la-hán, Phật-bích-chi v.v... rồi cùng nhất tâm tọa thiền, cùng kết hợp trí tuệ lại thành một, thì có thể tính được. Chứ nỗ lực cùng tính số Bồ-tát, A-la-hán trong nước Phật Vô Lượng Thanh Tịnh là bao nhiêu ngàn vạn ức người, thì hoàn toàn không ai có thể tính biết được.

Đức Phật dạy:

– Tuổi thọ của Phật Vô Lượng Thanh Tịnh rất lâu dài, vô tận. Ánh sáng của Phật cũng tỏa chiếu minh mông, tốt đẹp sâu xa vô cùng vô tận. Ai có thể tin hiểu sự kỳ diệu này. Chỉ có Đức Phật tự biết.

Bồ-tát A-dật nghe những lời Phật dạy, rất vui mừng, quỳ gối chấp tay thưa:

– Đức Phật nói về tuổi thọ rất lâu dài của Phật Vô Lượng Thanh Tịnh cùng oai thần, ánh sáng đại trí tuệ rực rỡ, hoàn hảo; là chỉ riêng Đức Phật ấy mới có phải không?

Đức Phật bảo:

– Đến khi Phật Vô Lượng Thanh Tịnh nhập diệt, đệ tử của Ngài là Bồ-tát Áp-lâu-hằng sẽ làm Phật, thống lãnh về trí tuệ và chủ trì giáo thọ cho khắp mười phương thế gian. Đức Phật ấy hóa độ cho chư Thiên, loài người, cho đến vạn loại côn trùng, làm cho chúng đều đạt được đạo Niết-bàn của Phật. Phước đức hoàn hảo của Bồ-tát Áp-lâu-hằng sẽ giống như bậc thầy là Phật Vô Lượng Thanh Tịnh. Vị Phật này trụ ở đời vô số kiếp không thể tính hết được và duy trì giáo pháp của bậc Đại sư với số kiếp không thể tính đếm được, sau đó mới nhập Niết-bàn.

Tiếp đến là Bồ-tát Ma-ha-na-bát sẽ làm Phật, chủ trì về trí tuệ và thống lãnh giáo hóa tất cả. Phước đức hóa độ của Đức Phật này cũng như bậc thầy là Phật Vô Lượng Thanh Tịnh. Vị Phật này trụ ở đời vô số kiếp, không nhập Niết-bàn, kế tục truyền thừa, thọ trì kinh đạo rất sáng suốt nên đất nước cực kỳ tốt đẹp, an vui. Giáo pháp của Phật ấy không bao giờ đoạn tuyệt và không thể cùng tận.

Tôn giả A-nan quỳ gối chấp tay bạch Phật:

– Phật dạy, trong cõi Phật Vô Lượng Thanh Tịnh không có núi Tu-di. Vậy thì cõi trời Tứ Thiên vương và cõi trời Đao-lợi nương vào những nơi nào để an trú? Con muốn nghe điều này.

Đức Phật bảo A-nan:

– Ông có ý nghi ngờ về chỗ của Phật chăng? Nước trong biển cả khắp thiên hạ, nơi mười phương vô cùng vô tận không có bến bờ, một người dùng đầu mà múc hết nước làm cho khô cạn được chăng? Trí tuệ Phật cũng vậy, bao la vô cùng vô tận, không có bến bờ.

Theo trí tuệ của Ta thấy biết thì chư Phật thời quá khứ đã qua, những vị có tên là Thích Ca Văn Phật như Ta nhiều như cát sông Hằng, mỗi một hạt cát là một Đức Phật. Những vị mới bắt đầu cầu làm Phật có tên như Ta là Thích Ca Văn Phật cũng nhiều như số cát sông Hằng, mỗi hạt cát là một Đức Phật. Phật ngòai hướng về phương Nam, thấy Phật hiện tại có tên như Ta là Thích Ca Văn Phật nhiều như số cát sông Hằng, mỗi hạt cát là một Đức Phật. Chư Phật thời quá khứ và hiện tại khắp mười phương có tên như Ta là Thích Ca Văn Phật đều như số cát của mười sông Hằng, mỗi một hạt cát là một Đức Phật. Số lượng như vậy Phật đều biết tất cả.

Đức Phật dạy:

– Từ thuở quá khứ xa xưa vô số kiếp đến nay, một kiếp, mười kiếp, trăm kiếp, ngàn kiếp, vạn kiếp, ức kiếp, vạn ức kiếp, ức vạn kiếp, đều có Phật xuất hiện trong mỗi kiếp. Chư Phật quá khứ đã qua, một Phật, mười Phật, trăm Phật, ngàn Phật, vạn Phật, ức Phật, đều có Phật xuất hiện trong vạn ức Phật, và mỗi một Phật có tên riêng không giống nhau. Những Đức Phật khác tên với Ta bắt đầu phát tâm vào kiếp vị lai sẽ thành Phật một kiếp, mười kiếp, trăm kiếp, ngàn kiếp, vạn kiếp, ức kiếp, vạn ức kiếp, ức vạn kiếp. Trong kiếp có một Phật, mười Phật, trăm Phật, ngàn Phật, vạn Phật, ức Phật, vạn ức Phật, trong vạn ức Phật có Phật, mỗi Đức Phật có một danh hiệu mà danh hiệu đó khác nhau không giống danh hiệu chư Phật. Khi đó có Đức Phật hiệu Thích Ca Văn Phật như Ta. Vô số cõi Phật trong mười phương, Đức Phật hiện tại, tiếp đến cõi khác có Phật khác, một cõi Phật cho đến mười cõi Phật, trăm cõi Phật, ngàn cõi Phật, vạn cõi Phật, ức cõi Phật, vạn ức cõi Phật, ức vạn cõi Phật, trong cõi Phật có Phật, và mỗi một Phật có danh hiệu riêng. Danh hiệu ấy thường khác nhau và không có danh hiệu nào như Ta.

Trong vô số chư Phật khắp mười phương, lâu lâu có một vị tên Thích Ca Văn Phật như Ta. Trong đời quá khứ đến hiện tại ở khắp mười phương với thời gian lâu xa diệu vợi ấy, trí Phật thường an nhiên biết rõ mọi chuyện từ trước đến nay trải qua

vô lượng kiếp không thể tính kể được. Hơn nữa, ngay cả oai thần cao cả của vô số Phật, Đức Thích Ca Văn cũng biết rõ. Nói chung, đạo hạnh và trí tuệ của Phật xuyên suốt khắp tất cả mọi thời, ở khắp mọi nơi không ai có thể đem so sánh hay suy lường được.

Tôn giả A-nan nghe lời Phật dạy, rất sợ hãi đến nổi lông tóc đều dựng ngược. Tôn giả bạch Phật:

– Con không dám có ý nghi ngờ về cảnh giới của Phật. Sở dĩ con hỏi Phật, vì các cõi khác đều có núi Tu-di để làm nơi cư trú cho cõi trời Tứ Thiên Vương và cõi trời Đao-lợi. Con sợ sau khi Phật nhập diệt, hoặc có hàng trời, người, hoặc Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di đến hỏi con về cõi Phật Vô Lượng Thanh Tịnh tại sao không có núi Tu-di để cho cõi trời Tứ Thiên vương và cõi trời Đao-lợi nương vào, thì con chẳng biết phải làm sao nữa. Do vậy, nếu bây giờ con không hỏi Phật, để đến khi Phật nhập diệt thì con sẽ đem những lời này hỏi ai, và ai sẽ trả lời cho con? Chỉ có Phật mới biết, ngoài ra không ai có thể giải thích được điều này. Thế nên con hỏi Phật.

Đức Phật bảo A-nan:

– Nếu nói như vậy thì cõi trời Diệm thiên, cõi trời Đâu-suất, cho đến cõi trời Phạm Thiên đều nương vào đâu để an trú?

Tôn giả A-nan thưa:

– Các trời này đều cư trú trong hư không, chứ không nương vào đâu cả.

Đức Phật bảo:

– Cõi Phật Vô Lượng Thanh Tịnh không có núi Tu-di cũng như vậy. Cõi Tứ Thiên vương, cõi Đao-lợi đều tự nhiên ở trong hư không, không có nương tựa vào chỗ nào cả. Phật có oai thần vĩ đại, tự tại tùy theo ý muốn mà vui sống. Ý muốn ấy không bao giờ có mặt của sự tính toán hay do dự. Chư Thiên thường tự nhiên ở trong hư không, và hoạt động theo ý thích riêng của mình, hướng chi Đức Phật có nhiều oai thần vĩ đại tự tại như vậy.

Tôn giả A-nan nghe lời Phật dạy, rất hoan hỷ, liền quỳ gối chấp tay thưa:

– Trí tuệ Phật biết rõ mọi việc từ thời quá khứ, hiện tại đến vị lai trong khắp mười phương, vô cùng, vô tận, không bờ bến. Một trí tuệ cao vời, sâu xa, tuyệt diệu, cực kỳ thông suốt, an vui tốt đẹp không gì sánh được. Oai thần của Phật cũng thật tôn quý, không ai sánh kịp.

Đức Phật bảo Bồ-tát A-dật:

– Những người trong thế gian, hoặc thiện nam, thiện nữ mong muốn vãng sinh vào nước Phật Vô Lượng Thanh Tịnh, thì có ba hạng tùy công đức đã làm lớn - nhỏ mà chuyển đến quả không thể bằng nhau. Ba hạng người đó là:

1. Hạng người tối thượng đệ nhất là lìa xa gia

đình, từ bỏ vợ con, đoạn tuyệt ái dục. Người này xuất gia làm Sa-môn, thành tựu đạo giải thoát, thường hành đạo Bồ-tát, phụng hành sáu pháp Ba-la-mật. Khi đã làm Sa-môn, người này không nên thiếu mắt kinh giới, tâm từ tinh tấn, không có tâm sân hận, không giao hợp cùng người nữ, trai giới thanh tịnh, tâm không tham tiếc, chuyên lòng mong ước sinh vào cõi Phật Vô Lượng Thanh Tịnh, chí tâm chánh niệm không ngưng nghỉ. Do vậy trong đời hiện tại, người này ngay khi cầu đạo, trong lúc ngủ đều mộng thấy Phật Vô Lượng Thanh Tịnh, các Bồ-tát và A-la-hán. Đến khi người này qua đời, Phật Vô Lượng Thanh Tịnh cùng các Bồ-tát và A-la-hán bay đến tiếp đón sang nước Phật Vô Lượng Thanh Tịnh. Người này sẽ hóa sinh trong hoa sen ở ao bằng bảy báu, tự nhiên thọ thân cao lớn, làm Bồ-tát bất thoái, tức thời cùng với các Bồ-tát bay đi cúng dường vô số chư Phật trong mười phương, trí tuệ dũng mãnh, tâm ý hân hoan, ưa nghe kinh đạo. Nơi cư trú của người này là nhà cửa bằng bảy báu tự nhiên hiện ra trong hư không để tha hồ làm theo ý mình và đi đến gần Phật Vô Lượng Thanh Tịnh.

Đức Phật bảo:

– Những người nào muốn sinh sang cõi Phật Vô Lượng Thanh Tịnh, hãy nên tinh tấn giữ gìn kinh giới và thực hành như pháp trên. Người được sinh sang cõi Phật Vô Lượng Thanh Tịnh sẽ được

mọi người tôn kính. Đây là hạng người thứ nhất.

Đức Phật dạy:

– Trong những người này, có người mong được sinh sang cõi Phật Vô Lượng Thanh Tịnh, tuy không thể xa gia đình, bỏ vợ con, đoạn tuyệt ái dục, làm Sa-môn, nhưng phải giữ gìn kinh giới không để khuyết-mất, làm nhiều việc bố thí cúng dường, tin hiểu lời Phật dạy với lòng trung tín chí thành, cúng dường thực phẩm cho Sa-môn, làm chùa, xây tháp, xông hương, rải hoa, thắp đèn, treo các loại tơ lụa nhiều màu v.v... Nếu thực hiện các pháp như vậy với tâm không tham tiếc, không sân hận, trai giới thanh tịnh, từ tâm, tinh tấn đoạn niệm dục, mong được sinh sang cõi Phật Vô Lượng Thanh Tịnh trong một ngày một đêm không gián đoạn thì trong đời hiện tại, người ấy trong giấc mộng thấy Phật Vô Lượng Thanh Tịnh. Đến khi hết tuổi thọ nơi cõi Dục, Phật Vô Lượng Thanh Tịnh hóa hiện cho người ấy thấy cõi nước và Phật Vô Lượng Thanh Tịnh. Người được sinh sang cõi Phật Vô Lượng Thanh Tịnh sẽ được trí tuệ dũng mãnh.

Đức Phật dạy:

– Người thực hành việc bố thí như vậy mà sau đó lại hối tiếc, trong tâm do dự, nghi ngờ, không tin rằng bố thí và làm những việc thiện đời sau sẽ được phước, không tin rằng có nước Phật Vô Lượng Thanh Tịnh, không tin rằng mình sẽ sinh

sang nước ấy. Tuy có tâm nghi ngờ như vậy, nhưng người ấy vẫn tiếp tục nhớ nghĩ kinh giới không dừng nghỉ. Người ấy lúc tin, lúc không tin, ý chí do dự, không có sự chuyên nhất, tiếp tục kết tập nghiệp thiện và nguyện được vãng sinh. Nhờ vậy, khi người ấy bị bệnh, sắp qua đời thì Phật Vô Lượng Thanh Tịnh tự hóa làm hình tượng làm cho mắt người ấy thấy Phật, nhưng miệng thì không thể nói, trong tâm rất hoan hỷ phấn chấn, ý nghĩ rằng: “Ta hồi tiếc là không biết tăng thêm trai giới và làm nghiệp thiện, để nay sinh vào nước Phật Vô Lượng Thanh Tịnh”. Người ấy cảm thấy hối lỗi trong tâm. Khi đã biết sám hối, tội lỗi của người ấy giảm đi rõ rệt không gì sánh bằng. Và qua đời sau, người ấy tức thì được sinh vào nước Phật Vô Lượng Thanh Tịnh nhưng chưa thể đến trước chỗ Phật Vô Lượng Thanh Tịnh được. Từ xa, người ấy trông thấy bảy báu tự nhiên ở bên cõi Phật Vô Lượng Thanh Tịnh, trong tâm vô cùng hoan hỷ, liền đến dừng lại trong thành ấy, tức thì được hóa sinh trong hoa sen ở ao bảy báu, thọ thân tự nhiên cao lớn. Người ấy ở trong thành này khoảng thời gian năm trăm năm. Thành này có chiều ngang - dọc là hai ngàn dặm. Trong thành cũng có nhà cửa bằng bảy báu. Ở trong nhà tự nhiên đều có ao tắm bảy báu. Trong ao tắm tự nhiên có hoa đẹp mọc ven bờ. Phía trên ao tắm có những hàng cây bảy báu tự tạo thành năm âm thanh vi diệu. Khi người

ấy muốn ăn uống thì trước mặt tự nhiên có thức ăn ngon, đầy đủ trăm vị, tùy theo sở thích đều có cả.

Người ấy ở trong thành rất sung sướng. Trong thành có những vật dụng tự nhiên như ở cõi trời Đao-lợi. Người ấy ở trong thành không thể đi ra ngoài và không thể gặp được Phật Vô Lượng Thanh Tịnh mà chỉ thấy ánh sáng tỏa chiếu của Ngài. Khi thấy như vậy trong lòng hồi tiếc, chỉ hân hoan vui mừng mà thôi. Người ấy cũng không được nghe kinh, không được thấy những thầy Tỳ-kheo, không được thấy biết dung mạo các vị Bồ-tát, A-la-hán trong nước Phật Vô Lượng Thanh Tịnh như thế nào. Người ấy đã có những tâm niệm như vậy nên chỉ thích ứng với một ít phước nghiệp như vậy. Phật cũng không khiến cho người ấy được như thế mà do các việc làm của bản thân tự nhiên được phước báo đó, đồng thời tự tâm người ấy hướng đến con đường đi vào trong thành. Vốn xưa khi người ấy cầu đạo Bồ-đề, tâm và miệng không hợp nhất, lời nói và ý niệm không thành thật, nghi ngờ kinh Phật, không có niềm tin hướng về Phật nên tự nhiên phải vào con đường ác. Phật Vô Lượng Thanh Tịnh thương xót, dùng oai thần dẫn dắt vào trong thành này. Người ấy năm trăm năm mới được ra, đi đến chỗ Phật Vô Lượng Thanh Tịnh nghe kinh nhưng tâm không thông hiểu và không được ở trong chúng Bồ-tát, A-la-hán, Tỳ-kheo để nghe kinh. Vì đã xa lìa nơi chốn, nhà cửa

trên đất liền nên không thể làm cho nhà cửa rộng lớn tùy ý thích như trong hư không được. Lại cách Phật Vô Lượng Thanh Tịnh rất xa, không thể gần gũi bên Phật Vô Lượng Thanh Tịnh. Người ấy trí tuệ tối tăm nên không hiểu kinh nhiều, tâm không vui vẻ, ý không cởi mở. Thời gian sau, trí tuệ thông đạt dần, hiểu được kinh, tinh tấn dũng mãnh, tâm ý vui vẻ nên người ấy cũng được như hạng người thứ nhất. Vì sao? Vì người ấy vào đời trước, trong khi cầu đạo, không giữ trai giới, thiếu sót pháp kinh, tâm ý nghi ngờ, không tin lời Phật dạy, không tin kinh điển sâu xa, không tin rằng bố thí, cúng dường, làm việc thiện đời sau sẽ được phước mà còn có ý hối tiếc, không tin sinh sang cõi Phật Vô Lượng Thanh Tịnh, không chí tâm làm việc công đức. Thế nên những người như vậy xếp vào hạng thứ hai.

Đức Phật dạy:

– Hạng người thứ ba là nguyện được sinh vào cõi Phật Vô Lượng Thanh Tịnh, nhưng không bố thí cúng dường, không thắp hương rải hoa, thắp đèn, treo tơ lụa nhiều màu, làm chùa, xây tháp, cúng thực phẩm cho Sa-môn. Người này đoạn trừ ái dục không tham tiếc, tâm từ tinh tấn, không sân hận, trai giới thanh tịnh. Người thanh tịnh như vậy nhất tâm mong cầu được vãng sinh vào cõi Phật Vô Lượng Thanh Tịnh trong suốt mười ngày đêm không gián đoạn. Đến lúc qua đời, được vào nước

Phật Vô Lượng Thanh Tịnh, có trí tuệ dũng mãnh, được mọi người tôn kính.

Đức Phật dạy:

– Người thực hiện những việc như vậy về sau lại hối tiếc, ý niệm nghi ngờ, không tin rằng làm việc thiện đời sau sẽ được phước, không tin sinh sang cõi Phật Vô Lượng Thanh Tịnh. Mặc dầu vậy, người này vẫn tiếp tục được vãng sinh. Đến khi người này bị bệnh, sắp qua đời thì Phật Vô Lượng Thanh Tịnh làm cho trong giấc mộng được trông thấy cõi Phật Vô Lượng Thanh Tịnh, trong tâm hoan hỷ, ý tự nghĩ rằng: “Ta hối tiếc mà không biết được sự lợi ích của việc tạo nghiệp thiện, nay sẽ sinh vào nước Phật Vô Lượng Thanh Tịnh”. Người này chỉ nghĩ trong tâm nhưng miệng không thể nói được và cảm thấy hối lỗi. Người biết hối lỗi thì lỗi sẽ giảm bớt, không gì sánh bằng. Và người này qua đời, được sinh vào nước Phật Vô Lượng Thanh Tịnh nhưng không thể đến trước Đức Phật được. Từ xa người này trông thấy thành bảy báu rộng hai ngàn dặm, vui vẻ trong lòng và muốn dừng lại trong thành này nên hóa sinh trong hoa sen ở ao bảy báu, thân hình tự nhiên cao lớn. Trong thành này cũng có cách thức như thành trước, vật dụng có tự nhiên, sánh bằng trên trời Đao-lợi. Người này ở trong thành năm trăm năm mới được ra khỏi, đi đến chỗ Phật Vô Lượng Thanh Tịnh, trong tâm vô cùng hoan hỷ. Người này nghe kinh nhưng tâm

không thông hiểu, ý không vui vẻ, trí tuệ tối tăm nên ít hiểu được kinh. Vì nơi chốn, nhà cửa trên đất liền nên không thể làm cho nhà cửa rộng lớn tùy ý thích như trong hư không được. Lại cách Phật Vô Lượng Thanh Tịnh cũng như hạng người trên. Hạng người hồ nghi thứ hai này, thời gian lâu sau, trí tuệ sẽ thông đạt, hiểu được kinh điển, tâm dũng mãnh, hân hoan như hạng người thứ nhất. Vì sao? Vì người này vào đời trước, khi cầu đạo lại có lòng hồi tiếc, hồ nghi, lúc tin lúc không tin, không tin làm điều thiện nhưng về sau có làm thiện nên được phước đức, tự nhiên được quả báo như vậy. Tùy theo công đức trọn vẹn mà tự nhiên hướng đến việc thuyết kinh, hành đạo, công đức siêu việt, cao vời không gì sánh kịp.

Đức Phật dạy

– Người mong cầu hành đạo Bồ-tát sinh vào nước Phật Vô Lượng Thanh Tịnh, sau đó đều chứng đắc quả vị bất thoái chuyển của Bồ-tát. Bồ-tát Bất thoái đều có ba mươi hai tướng tốt, sắc vàng ròng và tám mươi vẻ đẹp, sẽ thành Phật, tùy tâm mong cầu sẽ thành Phật ở cõi nào theo ý muốn. Người này không bao giờ bị rơi vào địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ. Tùy theo sự tinh tấn cầu đạo mà mọi sự việc sớm được viên thành. Cầu đạo không ngưng nghỉ sẽ đạt được kết quả y như sự mong cầu.

Đức Phật bảo Bồ-tát A-dật cùng chư Thiên, vua và dân chúng:

– Ta cũng bảo rằng: Những ai muốn sinh vào nước Phật Vô Lượng Thanh Tịnh, mặc dù không tinh tấn, thiên định, giữ kinh giới nhiều, nhưng chính yếu là làm nghiệp thiện: Một là không được giết hại mạng sống. Hai là không được trộm cắp. Ba là không được dâm dục, xâm phạm vợ - chồng người khác. Bốn là không được nói dối trá. Năm là không được uống rượu. Sáu là không được nói lưỡi hai chiều. Bảy là không được nói lời hung ác. Tám là không được nói lường gạt. Chín là không được có tâm ganh ghét. Mười là không được tham dục. Không được có tâm tham lam, bòn xén. Không được sân hận. Không có ngu si. Không được tùy tâm ham muốn. Không được nuôi tiếc. Không được nghi ngờ.

Hãy nên làm việc hiếu thuận, hãy trung tín chí thành, hãy thọ trì lời kinh sâu xa của Phật, hãy tin là làm việc thiện đời sau được phước. Nếu phụng trì đúng pháp như vậy không thiếu sót thì sẽ được tùy tâm sinh sang cõi Phật Vô Lượng Thanh Tịnh. Điều cần thiết là nên giữ gìn trai giới, nhất tâm thanh tịnh, ngày đêm luôn nghĩ nhớ là muốn sinh vào cõi Phật Vô Lượng Thanh Tịnh không gián đoạn. Những người như thế Ta đều thương xót họ và làm cho tất cả được sinh sang cõi Phật Vô Lượng Thanh Tịnh.

Đức Phật dạy:

– Người thế gian vì ngưỡng mộ Hiền Thánh

nên ở nhà tu thiện, làm việc đạo. Tuy nhiên do sống cùng vợ con nên thường nhớ nghĩ ái dục, âu lo và ân nghĩa, hoặc lắm công nhiều việc nên không có nhiều thời gian để trai giới và nhất tâm thanh tịnh. Tuy không được xuất gia, nhưng cũng có lúc rảnh rỗi, lắng tâm chánh niệm, ý nghĩ những điều thiện và chuyên nhất hành đạo trong mười ngày mười đêm không làm việc gì khác.

Sau đó, khởi tâm tư duy thật sâu xa, mong thân này được độ thoát, chấm dứt suy nghĩ, buông bỏ âu lo, không nhớ đến việc nhà, không nằm chung giường với người nữ, tự đoạn chánh thân tâm, đoạn trừ ái dục, nhất tâm trai giới thanh tịnh, hết lòng mong được sinh vào nước Phật Vô Lượng Thanh Tịnh, trong một ngày một đêm không ngưng nghỉ. Những người này đến lúc qua đời đều được sinh vào nước Phật Vô Lượng Thanh Tịnh, hóa sinh trong ao bảy báu, được trí tuệ dững mãi mãi, nơi chốn nhà cửa bằng bảy báu, hành động tự tại tùy theo ý muốn, cũng như hạng người thứ nhất.

Đức Phật bảo BỒ-tát A-dật:

– Khắp mười phương, vô số chư Thiên, loài người, Tỳ-kheo Tăng, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, tất cả đều sinh vào chúng hội của nước Phật Vô Lượng Thanh Tịnh, mỗi người đều ngồi trên một hoa sen lớn trong ao bảy báu tự biểu hiện đạo đức tốt đẹp. Mỗi người đều tự nói về đời trước của mình khi còn cầu đạo BỒ-đề. Họ nhớ biết rõ ràng

từ đầu đến cuối về những việc làm tốt đẹp của mình, cũng như việc trì giới, ưa thích thọ trì kinh pháp, thực hiện các công đức, biết được chỗ sâu cạn hay cao thấp của kinh điển, hiểu rõ được cao thấp hay dày mỏng và thấu suốt đạo tự nhiên để thành tựu trí tuệ dững mãnh. Họ cùng quán chiếu lẽ nghĩa và pháp hòa thuận. Mỗi người cảm thấy hoan hỷ phấn chấn, trí tuệ dững mãnh không ai theo kịp.

Đức Phật dạy:

– Còn những người khác thì không thể dự vào việc làm công đức. Do làm thiện ít ỏi, nên họ không tin những điều này. Họ thường lười biếng nên mới đưa đến hậu quả như thế. Đến lúc nghe giảng kinh hành đạo, tự nhiên họ bức xúc và trả lời chậm chạp. Trí đạo lại cao vời, siêu tuyệt, lỗi lạc nên họ phải riêng chịu thấp hèn không sao hiểu nổi. Đến khi gặp việc liền sinh hối tiếc. Thử hỏi người đã làm việc không tốt rồi, sau đó hối tiếc thì có ích gì? Có chăng là sự nuôi tiếc tồn tại mãi trong lòng mà thôi.

Đức Phật dạy:

– Các chúng Bồ-tát, A-la-hán ở cõi Phật Vô Lượng Thanh Tịnh đều tự vận tập trong đạo tràng lớn, buộc tâm định ý, nghiêm thân chánh hạnh, tự tại thông đạt. Họ cùng bay đi với nhau tùy ý ra vào, cúng dường vô lượng, tâm ý an lành hoan hỷ, thích

cùng xem kinh, hành đạo, hòa hiếu học tập, trí tuệ vượt bậc, chí như hư không, tinh tấn cầu nguyện. Họ không bao giờ có tâm chán nản. Ý chí của họ thật bền bỉ không bao giờ có sự lay chuyển và không lúc nào có sự lười nhác. Mặc dù thấy bên ngoài chur vị hầu như chậm chạp nhưng bên trong ẩn chứa một sự nhạy bén nhanh nhẹn. Các vị đi lại tự tại trong hư không chưa từng bị vướng mắc. Đối với các vị ngoại giới và nội tại đều tương ứng nên tâm ý thường thẳng thắn bình lặng không hề vướng bận ái dục, buông thả mọi thứ và không hề sinh khởi những cấu uế xấu ác. Chí nguyện của họ luôn an tịnh, tốt đẹp tuyệt vời, không tăng không giảm. Họ thường cầu đạo hòa chính, không tin điên đảo tà vạy, thầy đúng chánh pháp theo kinh chỉ giáo, không hề có lỗi lầm sai trái. Những người này sống trong mực thước, đạo khắp mười phương mà không bị trở ngại, tùy ý tự tại đạt đến vô cùng vô tận, khắp nơi đều là đạo, an lạc thanh thang và khoáng đãng. Họ chỉ nghĩ đến đạo chứ không nghĩ một điều gì khác, không có âu lo chỉ lo siêng năng, phiêu diêu tự tại như đứng giữa hư không, an lạc chẳng chút mong cầu, hết lòng tìm cầu làm việc phước đức tốt đẹp, đầy sự từ ái bao dung, tinh tấn. Đối với họ, từ nội tâm đến ngoại cảnh đều hợp với lẽ nghĩa, thông suốt không trái ngược, hòa thuận thích ứng, bao la từ trong đến bên ngoài, đã đạt đến giải thoát, tiến thẳng vào Niết-bàn, khiến cho đạo

hạnh cùng tỏa sáng. Họ tự nhiên giữ gìn cho nhau khiến niềm an lạc luôn hòa quyện trong chân tánh và trong sáng vô ngần, đồng thời chí nguyện cao siêu thường chiếu soi rức rở tuyệt diệu không bao giờ gián đoạn. Và lại, họ đã thấu suốt và thông đạt thực tướng tự nhiên của hiện tượng nên mọi thứ đều tự nhiên xuất hiện. Chẳng hạn như ánh sáng tự nhiên hiện rõ năm thứ ánh sáng khác nhau và có chín màu tuyệt đẹp. Năm ánh sáng với chín màu ấy lại xen nhau xoay chuyển đến trăm, ngàn lần, rồi tự nhiên tối trắng, tự nhiên thành bảy báu, gom tất cả thành vạn vật. Ánh sáng xen cùng sự sáng, đều phát ra mọi sự tốt đẹp, thật đặc thù vô tận.

Cõi nước ấy rất thù thắng, tốt đẹp như thế này, tại sao mọi người không hết sức làm điều thiện, tự nhiên nghĩ đến đạo nương vào nơi không nhằm thấu suốt tất cả không chướng ngại như bỏ chí nguyện giữa hư không. Vì sao mỗi người không tinh tấn, nỗ lực tìm cầu để có thể đạt đến chỗ siêu tuyệt, sinh nơi cõi Phật Vô Lượng Thanh Tịnh A-di-đà, nhằm đoạn trừ năm đường ác bị ám chướng che lấp để thẳng tiến đến đạo giải thoát vô biên để như qua lại chỗ không người?

Cõi nước ấy không có sự trái nghịch mà chỉ tự nhiên tùy ý muốn. Vậy tại sao không bỏ việc đời để đi tìm đạo đức, được sự sống lâu dài, tuổi thọ an vui vô cùng vô tận? Sao lại vì việc đời mà nhiều lo âu không yên ổn? Người đời có thói quen bạc bẽo,

cùng tranh cãi những việc không đâu, cùng ở trong chỗ cực khổ vô cùng xấu ác, thân nhọc nhằn sắp đặt đời sống, luôn muốn làm cho đời sống được đầy đủ, không luận cao hay thấp, không luận giàu hay nghèo, không luận già hay trẻ, không luận nam hay nữ, tất cả đều tham luyến tiền tài. Do vậy dù có hay không họ đều vướng mắc nhiều vào ưu tư toan tính. Họ thường che giấu những khổ sầu, nhiều lo âu suy nghĩ, làm nô lệ cho chúng, chẳng có lúc nào được bình an. Như có ruộng thì lo ruộng, có nhà thì lo nhà, có trâu thì lo trâu, có ngựa thì lo ngựa, có gia súc thì lo gia súc, có nô tỳ thì lo nô tỳ v.v... cho đến việc ăn mặc, tiền tài, vàng bạc, châu báu, của cải v.v... tất cả đều phải lo âu. Cứ thế nỗi lo này tiếp nỗi lo khác khiến họ thường xuyên ưu sầu nhớ nghĩ và sợ hãi không bao giờ chấm dứt. Thế rồi một khi bị giặc cướp đoạt lấy của cải, hoặc bị nước cuốn, lửa cháy hay nợ nần, oan gia, họ thường suy sụp tinh thần, tức giận căm phẫn và vội vã lo toan không có giây phút nào thanh thoi khiến bệnh tật phát sinh làm cho thêm khổ sở. Tâm tham lam, ý không lối thoát nên không có tự do. Hoặc ngồi nơi ngục tối tồi tàn, cuối cùng đến chết. Đã bỏ thân rồi thì chẳng có ai theo cùng. Người giàu sang cao quý thường có sự lo sợ như thế. Nỗi nhọc nhằn khổ sở này thường xuyên kèm theo mọi thứ bệnh tật trong khí hậu lạnh nóng thất thường.

Người nghèo, nhà cửa chật hẹp, thiếu thốn khổ

sở, không có ruộng cũng lo mong có ruộng, không có nhà cũng lo mong có nhà, không trâu cũng lo mong có trâu, không ngựa cũng lo mong có ngựa, không gia súc cũng lo mong có gia súc, không nô tỳ cũng lo mong có nô tỳ, không y phục, tiền tài, vật dụng, thực phẩm v.v... cũng lo muốn có tất cả như vậy. Vừa có một, cảm thấy thiếu một. Có và thiếu này đều phát sinh từ tư tưởng như nhau. Được đầy đủ chút ít rồi cũng cạn kiệt. Như vậy đau khổ lại sinh, lại phải tiếp tục tìm cầu. Những tư tưởng vô ích này chẳng khi nào đạt được. Cả thân và tâm đều nhọc nhằn, đứng ngồi không yên, lo nghĩ theo nhau nên khổ sở cũng tiếp nối khiến cho lửa đốt cháy tâm, không lìa sân hận, ôm giận một mình, cùng sống chung với đau đớn bệnh tật, hoặc thời tiết lạnh lẽo, nóng bức. Có khi suốt đời bị mạng yếu, cũng chẳng chịu làm điều thiện, làm việc đạo. Đến lúc chết rồi phải một mình đi xa thăm thẳm, không biết được mình sẽ thác sinh vào con đường nào, lành hay dữ.

Do vậy, làm người ở thế gian này đối với cha mẹ, anh em, chồng vợ trong gia đình hay thân thuộc bên ngoài, phải nên thương yêu kính trọng nhau, không nên oán ghét nhau, dù có hay không cũng nên giúp đỡ nhau, không nên có tâm tham lam, lời nói và thái độ cư xử phải hòa thuận, chớ trái nghịch với nhau. Nếu người có tâm tranh chấp nhau thì sự giận dữ bộc phát. Đời này ý ganh ghét

nhau một chút thì đời sau chuyển thành oán thù kịch liệt. Vì sao? Vì đời này đã muốn tàn hại lẫn nhau, dù chưa có cơ hội để thực hiện. Tuy nhiên do hận thù ăn sâu trong tâm thức không thể nguôi ngoai nên đời sau gặp lại liền chống đối và gây gổ nhau.

Con người sống trong ái dục thế gian, đến và đi một mình trên con đường sinh tử, tự thân đi vào chỗ khổ hay vui chứ không ai có thể thay thế được. Thiện ác biến hóa, tội lỗi khác nhau. Nghiệp đời trước dù nhanh hay chậm thì vẫn phải một mình đi vào nơi cõi khác ứng với những gì đã tạo tác sau khi nhắm mắt xuôi tay và không hay biết đó là chốn nào. Thiện hay ác tự nhiên lôi kéo sinh vào, tối tăm mù mịt, dài dặc biệt ly trên con đường không đồng hội ngộ, không thể hẹn trước. Khó thay! Khó thay! Biết bao giờ gặp lại? Vì sao không buông bỏ những sự kiện ấy? Vì thế khi còn trẻ trung khỏe mạnh, mỗi người hãy tự nỗ lực làm điều thiện, tinh tấn cầu mong giải thoát, có thể được trường thọ. Sao không chịu cầu đạo mà còn cần cầu chờ đợi cái gì, hoặc mong thú vui nào khác nữa?

Người đời như vậy, không tin làm thiện, không tin hành đạo sẽ đắc đạo, không tin sau khi chết tái sinh, không tin bố thí cúng dường được phước đức. Họ không tin gì cả và cho việc đó không đúng như vậy. Nói rằng không có việc này nhưng họ bị lệ thuộc vào. Hãy tự thấy như vậy, hãy cùng nhau

xem xét, chuyển tiếp thừa nhận từ trước đến sau. Ngoài sự dạy dỗ của người cha, ông tổ ông sơ của họ vẫn không làm thiện. Vốn không làm việc đạo nên thể chất ngu si, tinh thần hôn ám, tâm ý bé tấc, không thấy con đường thánh thiện, tuyệt nhiên không thể thấy được sự sinh tử của kiếp người. Đến khi chết rồi thần thức mờ mịt chẳng rõ về đâu, chẳng biết con đường mình đi là thiện hay ác và không có ai nói cho họ về việc làm thiện ác, phước đức, về tai ương, lỗi lầm, tai vạ chém giết nên mạnh ai nấy tranh nhau làm. Sự tình này rất phổ biến ở đời, đến nỗi xoay vòng liên tục nơi đường sinh tử, điên đảo trên dưới không thể nhận rõ nguồn gốc của vô thường và mọi thứ từ quá khứ đến vị lai đều thường xuyên biến đổi.

Đối với lời chỉ dạy dẫn dắt này, người ít tin đạo thì sẽ bị sinh tử không ngừng. Hạng người như vậy ở tận cùng nơi tối tăm mê muội, không tin lời kinh mà muốn ý được vui, lòng không suy tính, ngu si nơi ái dục, không hiểu đạo đức, bị mê hoặc giận tức, tham đắm tài sắc, mắc tội không đặc đạo, phải ở nơi nhọc nhằn khổ cực rồi lại sinh vào đường ác, không bao giờ được ngưng nghỉ. Thật đáng thương thay cho nỗi đau đớn không ngừng!

Hoặc khi trong ngoài gia đình có cha con, anh chị, vợ chồng nghĩ đến nghĩa tình sống chết, tiếc thương khóc mãi không thôi. Buồn lo nghĩ nhớ ân tình gắn chặt nhiều năm, tâm ý khổ đau vương vấn

thiết tha suốt cả ngày đêm không lúc nào dứt. Đối với những lời chỉ dạy đạo đức, tâm không tỏ ngộ vì không xa lìa ân ái dục tình. Thần thức bị lập ngăn, che phủ, rồi lần lượt đáp đối nhau trong cõi mịt mù, không suy tính được. Đến khi tự tâm đoạn chánh, quyết đoạn việc đời, chuyên nhất hành đạo để trở về cứu cánh thì tuổi đời đã hết nên không thể đạt đạo, không biết làm thế nào cả. Tất cả những hệ tình, phiền toái như vậy đều do tâm tham ái dục mà ra. Vì vậy, trong thế gian, người nghe pháp thoại hầu hết đều không đạt ngộ chỉ trừ dăm ba người hiểu thấu chân kinh.

Thế gian mong manh, không thể nào lường nhắc, ý lại. Kẻ giàu sang, phú quý tôn ty thượng hạ, nam nữ lớn nhỏ, ai cũng bận rộn công việc của mình, nhọc nhằn khổ sở suốt đời, ôm lòng giết hại, hơi độc tối tăm, chỉ toàn là buồn bã thất vọng. Vì việc làm sai trái nên nghịch lại với đất trời, chẳng thuận nhân từ trái ngược với luân lý đạo đức. Trước đã theo cùng ác nghiệp, hành động buông lung nên chưa hết tuổi đời bỗng nhiên chết sớm, rơi vào đường ác bị khổ nhiều đời. Khổ đau tiếp nối tính đến ngàn vạn ức năm mà chưa có ngày thoát khỏi. Làm sao nói hết được nỗi khổ đau này? Thật đáng thương thay!

Đức Phật bảo Bồ-tát A-dật, chư Thiên, vua chúa, dân chúng:

– Ta nói cho các ông biết rõ, người làm theo

việc thế gian nên vẫn không đắc đạo. Nếu người suy nghĩ chín chắn việc ấy thì sẽ buông bỏ, xa lìa được lỗi lầm kia. Người theo con đường thiện phải kiên trì, chớ có dối trá và làm điều sai trái, càng làm nhiều điều thiện hơn. Hạnh phúc của ái dục - dù lớn nhỏ hay ít nhiều - đều không tồn tại mãi mãi. Nó thường đứt đoạn nên rồi cũng phải xa lìa không thể vui sướng bền lâu.

Vào thời không có Phật, những người có lòng kính tin những lời dạy sâu xa trong kinh, phụng hành đạo thì đều là đệ tử của Ta. Những người vừa mới mong học kinh giới Phật đều là đệ tử của Ta. Những người có ý muốn xuất gia, từ bỏ gia đình, vợ con, cắt đứt với tiền tài, danh sắc, muốn được làm Sa-môn, làm Tỳ-kheo của Phật, đều là con cháu của Ta. Thực ra sinh ra đời gặp Ta là rất khó. Những người mong được sinh vào nước Phật Vô Lượng Thanh Tịnh sẽ được trí tuệ dũng mãnh, được mọi người tôn kính, không nên chạy theo sự mong muốn mà giảm sút kinh giới. Người sau có những điều nghi không hiểu nghĩa kinh, hãy đến thỉnh hỏi Phật, Phật sẽ giải thích cho họ.

Bồ-tát A-dật quỳ xuống, chắp tay bạch Phật:

– Oai thần của Phật rất cao sâu, Ngài đã dạy kinh an lạc hiền thiện. Chúng con nghe lời kinh Phật, tâm tư thông suốt. Con người thế gian quả đúng như lời Phật dạy hoàn toàn không khác. Nay Phật từ bi thương xót, khai thị cho chúng con một

con đường thánh thiện và chỉ dạy cho chúng con một con đường sống, cho sự thấy nghe sáng suốt và được độ thoát lâu dài. Nếu được vãng sinh, chúng con được nghe lời kinh Phật, ai cũng được khai thông trí tuệ, có tâm từ hoan hỷ, hân hoan. Chúng con cùng chư Thiên, đế vương, dân chúng, cho đến vạn loại côn trùng đều nhờ hồng ân Phật, không ai mà không được thoát khỏi sự lo buồn đau khổ. Những lời chỉ dạy của Phật thật sâu xa vi diệu, vô cùng vô tận.

Trí tuệ của Phật thấy biết mọi sự quá khứ, vị lai, hiện tại trong khắp mười phương. Trí tuệ ấy thật vô lượng vô biên không bờ bến. Khó thay được gặp Phật. Kinh đạo cũng rất khó được nghe. Chúng con được cư trú nơi tâm từ của Phật, được Phật độ thoát như ngày hôm nay đều do đời trước, khi Phật còn cầu đạo Bồ-đề. Chúng con đã phải học hỏi khổ nhọc, tinh tấn nỗ lực mới được như vậy. Ân đức chở che, sự ban bố phước đức và phước lộc của Phật thật cao siêu vời vợi. Hào quang tỏa chiếu xuyên suốt khắp đất trời vô tận, khai nhập Niết-bàn, giảng giải kinh điển, pháp chế oai nghi, hoán chuyển khắp mười phương vô cùng vô tận.

Phật là bậc Thầy giáo pháp, là bậc Thánh tôn quý tuyệt vời của khắp quần sinh, không ai có thể sánh bằng. Phật vì chư Thiên, vua chúa, dân chúng khắp mười phương mà làm vị thầy tùy tâm mãn nguyện cho họ, dù lớn hay nhỏ đều làm cho đắc

đạo. Hôm nay chúng con được gặp Phật, được nghe âm thanh Phật Vô Lượng Thanh Tịnh, chúng con rất vui mừng, ai nấy đều được khai mở trí tuệ sáng suốt.

Đức Phật bảo Bồ-tát A-dật:

– Ông nói như vậy rất đúng. Người có tâm từ ở chỗ Phật, có đại thiện, nghĩ đến Phật thật chân chánh, thời gian rất lâu dài mới có Phật xuất hiện. Nay Ta ở trong cuộc đời khổ đau làm Phật và thuyết pháp giáo hóa, chỉ dạy mọi người được thông đạt, chấm dứt sự nghi ngờ, đoạn tâm chánh hạnh, đoạn trừ ái dục, nhổ sạch gốc rễ xấu ác, tự tại không bị gò bó, trí tuệ hàng đầu, tóm thâu tất cả lưới ràng buộc, chiếu sáng rõ ràng, chỉ bày năm đường, quyết định đúng đắn con đường nào là Niết-bàn hay sinh tử.

Đức Phật dạy:

– Các người từ vô số kiếp đến nay, nhiều không tính hết, hoặc làm đạo Bồ-tát muốn hóa độ chư Thiên, loài người, cho đến vạn loại côn trùng nhỏ nhít, đến nay rất là lâu xa. Người đắc đạo độ thoát nhiều vô số, cho đến người đắc đạo Niết-bàn cũng nhiều vô số. Các người và chư Thiên, vua chúa, dân chúng nơi mười phương, hoặc là Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, tất cả từ vô số kiếp trước đến nay trôi lăn trong năm đường sinh tử. Than ôi! Những dòng nước mắt khóc than đưa đến

sự ham thích, lo nghĩ, sầu muộn khổ đau không thể nói cho cùng tận. Mãi cho đến hôm nay vẫn sinh tử không dứt.

Bồ-tát A-dật nói:

– Đến nay được gặp Phật, được nghe âm thanh Phật Vô Lượng Thanh Tịnh, khiến chúng con được vô vàn vui sướng. Hay thay! Phật đã mang đến niềm an lạc cho chúng con, và chúng con tự nhàm chán sự đau đớn trong đường sinh tử. Khi sinh ra rất đau, rất khổ, rất cực. Đến khi lớn lên cũng đau, cũng khổ, cũng cực và khi chết cũng đau, cũng khổ, cũng cực. Ở nơi xấu xa, hôi hám, không sạch sẽ, không gì đáng yêu.

Đức Phật bảo:

– Các người cũng có thể tự quyết định đoạn trừ nơi hôi hám và con đường xấu ác. Các người cũng có thể nghiêm thân, chánh ý làm nhiều nghiệp thiện. Do đó thường trang nghiêm thân tâm, gột sạch thân thể, tẩy trừ tâm vẩn đục, chính mình chế ngự, tương xứng từ trong đến ngoài, lời nói và hành động phải trung tín.

Người có thể tự cứu độ giải thoát cho mình, rồi lại giúp đỡ người khác nhờ sạch gốc rễ ái dục, tâm chí thuần khiết, nguyện cầu không thay đổi, kết tập những căn bản đạo thiện. Tuy tinh tấn khổ chỉ một đời mà trong thoáng chốc được nghe kinh pháp. Đời này làm thiện, đời sau sinh vào nước Phật Vô

Lượng Thanh Tịnh, vô cùng hạnh phúc an vui, thường hợp cùng ánh sáng đạo đức.

Nếu luôn giữ gìn nghiệp thiện thì sẽ mãi mãi xa lìa sự lo buồn, bức xúc khổ đau nơi con đường ác. Nhỏ bớt những gốc ác khổ nhọc, đoạn tận những đam mê ái dục, mãi mãi sinh vào cõi Phật Vô Lượng Thanh Tịnh và không bị những sự đau đớn, không trở lại những nơi hôi hám, xấu xa, không còn khổ nhọc, không dâm dục, sân hận và ngu si, không bị ưu tư sầu khổ.

Những người như vậy được sinh nơi cõi Phật Vô Lượng Thanh Tịnh, muốn sống lâu một kiếp hay mười kiếp, trăm kiếp, ngàn kiếp, hay vạn ức kiếp, hoàn toàn tùy ý muốn. Nếu muốn tuổi thọ được vô số kiếp, số kiếp nhiều không tính đếm được, thì tùy theo ý muốn đều có thể được như ý. Muốn ăn hay không thì hoàn toàn tự nhiên theo ý muốn sẽ được tùy thuận.

Đối với con đường Niết-bàn, mỗi người phải tự sáng suốt, tinh tấn tìm cầu, tâm luôn mong muốn, chớ nên hồ nghi và hối tiếc trong lòng. Người muốn được vãng sinh, thì không nên lệ thuộc vào những lầm lỗi. Do vậy tự nhiên được sinh ở trong thành bảy báu bên cõi nước Phật Vô Lượng Thanh Tịnh đúng năm trăm năm.

Bồ-tát A-dật thưa:

– Chúng con nghe lời nghiêm minh chỉ giáo

cặ̣n kễ của Phật, ai nấy đều một lòng tinh tấn mong cầu và xin phụng hành theo lời Phật dạy, không dám có sự nghi ngờ.



KINH VÔ LƯỢNG THANH TỊNH BÌNH ĐẲNG GIÁC

QUYỂN IV

Đức Phật bảo Bồ-tát A-dật và đại chúng:

– Những người nào ở đời này mà tự kèm chế tâm, giữ ý chân chánh, thân không làm điều ác, thì đó là bậc đức thiện vĩ đại, bậc tối thượng khắp mười phương không ai sánh bằng. Vì sao? Vì chư Thiên và loài người trong vô số cõi nước khắp mười phương đều tự nhiên làm điều thiện, không làm những việc xấu ác nên dễ giáo hóa. Nay Ta xuất hiện ở thế gian này, sinh ra trong cõi đời năm ác, năm sự đau khổ, năm sự thiêu đốt mà làm Phật. Điều này thật là vô cùng khó khăn. Ta chỉ dạy mọi người làm cho họ đoạn tận năm ác, từ bỏ năm sự đau khổ, xa lìa năm sự thiêu đốt, chinh phục và giáo hóa tâm họ, làm cho họ giữ năm điều thiện, được phước đức, vượt qua thế gian và đạt đạo Niết-bàn miên viễn.

Đức Phật dạy:

– Những gì là năm ác? Những gì là năm sự khổ đau? Những gì là năm sự thiêu đốt? Thế nào là môn

dần hết năm ác, giữ năm điều thiện? Thế nào là giữ năm điều thiện, được phước đức, vượt qua thế gian và đạt đạo Niết-bàn miên viễn?

Đức Phật dạy:

– Điều ác thứ nhất: Trên từ chư Thiên, loài người, dưới cho đến loài cầm thú và những côn trùng nhỏ nhít, thường muốn làm những việc ác. Kẻ mạnh lấn áp kẻ yếu, chuyên dần đến làm giặc, tự giết hại lẫn nhau, cùng ăn nuốt lẫn nhau, không biết làm thiện, ác nghịch vô đạo, bị tai ương chém giết. Do vậy, thần minh ghi chép tội phước không sai sót chút nào và nếu ai phạm tội thì không tha. Cứ thế liên tục tiếp nối mãi cho nên có người phải nhận chịu quả báo bần cùng hạ tiện sống cô độc làm kẻ hành khất, có người mù điếc, câm ngọng, ngu si, xấu ác, cho đến gãy gò ốm yếu v.v... không thể nói hết được.

Nếu thấy có người giàu sang tôn quý, tài cao, trí tuệ thông đạt dững mãi, là đều do nhân đời trước làm thiện, có tâm từ hiếu kính, và nhờ vào ân đức bồ thí. Tuy nhiên khi có việc quan, vương pháp, lao ngục, chẳng chịu lo lắng cẩn thận, mà làm ác và phạm pháp nên phải bị lỗi lầm, trách phạt rất nặng. Có cầu mong thoát khỏi cũng khó mà thoát ra được. Đời nay những việc hiện ra trước mắt, đến lúc qua đời thật là kinh khủng. Sau đó sinh vào chỗ tối tăm để cho thân sau chịu nhiều đau đớn ví như vương pháp gia hình rất là cực khổ. Có

kẻ tự nhiên sinh vào loài quỷ đói, địa ngục hay cầm thú, loài động vật, côn trùng, thay hình đổi dạng, rồi theo ác khinh đạo, và tùy thuộc vào tuổi thọ dài ngắn mà thần thức tự nhiên nương gá vào bào thai để sinh ra. Kẻ này theo nghiệp đã tạo nên cô độc một mình xuất hiện trong đời để tiếp tục trả nợ kiếp trước nên thường nhận chịu tai ương trách phạt. Nghiệp ác chưa chấm dứt thì nhiều kiếp phải luân hồi trong sinh tử chẳng bao giờ ra khỏi lục đạo. Nỗi thống khổ ấy triền miên xuất hiện giữa trời đất bao la không hẹn trước thời gian thoát khỏi và cũng không thể nào nói được. Tuy không phải thời nhưng bỗng nhiên mọi oan gia ùn ùn chợt kéo đến, đúng thời chỉ là lẽ tự nhiên. Tất cả mọi điều thiện ác đã tạo đều quay về với cõi tương ưng mà thác sinh. Đây là điều ác lớn thứ nhất, điều khổ sở thứ nhất, cũng là sự thiêu đốt thứ nhất.

Khổ nhọc như vậy. Than ôi, sâu bi đau khổ sánh bằng lửa dữ bốc cháy, thiêu đốt thân người. Người nào ở trong đó mà nhất tâm định ý, đoạn thân chánh hạnh, làm những điều thiện, không làm các việc ác thì sẽ được vượt khỏi chốn lửa thiêu đốt và được nhiều phước đức, được trường thọ và vượt khỏi thế gian hay cõi trời mà đạt đạo Niết-bàn. Đây là điều thiện lớn nhất.

Đức Phật dạy:

– Điều ác thứ hai: Vua chúa, quan quyền, cha con, anh em, gia đình, chồng vợ ở thế gian thường

thuận theo những mưu toan vô nghĩa lý, không tuân theo chính nghĩa nên đưa đến dâm dục, kiêu sa, ngã mạn. Ai cũng muốn sống vui theo ý họ nên thả tâm buông lung, lừa dối lẫn nhau, không sợ chết. Tâm và miệng khác nhau, lời nói ý nghĩ không chân thật, dối trá quanh co, không thành thật, ngôn từ xảo trá, nịnh bợ. Hành động không nghiêm túc, nên dẫn đến sự ganh ghét, vùi dập vào oan uổng.

Trên vua không sáng suốt nên không suy xét rõ ràng mà lại tác động đến bề tôi. Hàng bề tôi vẫn giữ những luật lệ thô thiển đó để thi hành. Họ biết tình hình thế lực của nhà vua tại vị bất chánh, đã điều hành với tâm dối gian mà bỏ đi chân thành lương thiện, không xứng đáng ý trời, rất trái với đạo lý làm người. Từ đó, quan lừa dối vua, con lừa dối cha, em lừa dối anh, vợ lừa dối chồng. Trong ngoài gia đình, sự nhận biết tiếp nối nhau, mỗi người đều ôm lòng tham dâm, tâm ác độc sâu hận, ngu si mê muội, lại muốn được nhiều tài lợi. Có tôn ti thượng hạ mà không nam không nữ, không lớn không nhỏ, tâm đều như nhau nên luôn muốn mình là lớn lao tốt đẹp, và phá hoại gia đình, quên mất tự thân. Không nghĩ đến trước sau, hay gia đình thân thuộc, nên mắc tội phá hoại dòng họ. Có khi nội ngoại trong gia đình, bạn bè quen biết, xóm giềng, phố thị, dân nghèo cùng làm việc với nhau, lại giết hại lẫn nhau. Họ tranh nhau của cải tiền bạc,

giận dữ trở thành thù địch và tranh nhau thắng bại. Lòng tham đốt cháy tâm tư nên không biết bố thí, tiếc rẻ của cải ôm giữ bo bo, tham tiền thích của nên lòng luôn nhớ nghĩ không thôi, khiến cho tâm nhọc nhằn, thân đau khổ. Ruột cuộc chẳng nơi nương cậy, đến đi một mình, không có ai theo cùng. Thiện ác hay họa phúc, tai ương làm lỗi trách phạt, đeo đuổi cả đời đến lúc sinh sang đời khác. Hoặc ở nơi sung sướng, hoặc vào chỗ khổ đau, sau đó mới ăn năn hối hận, như vậy muốn trở lại làm sao kịp? Có lúc làm người, tâm trí ngu si kém cỏi, thấy điều thiện thì giận dữ, chê bai, không hề thích thú, nhưng lại muốn làm ác. Hơn nữa họ thường dối trá, làm việc phi pháp mà muốn lợi nhiều, thường ôm lòng độc hại và đoạt lấy của cải của người khác làm của riêng cho mình, đến nỗi đến lúc phá sản khánh kiệt lại giống ruồi tìm cầu. Với tâm tà bất chánh, thường bị khủng hoảng một mình, sợ người có thần sắc. Hiện thời không suy tính, việc đến mới ăn năn. Hiện tại đời này bị đọa đày trong lao ngục, tự nhiên hướng đến chịu nhiều làm lỗi tai ương. Ở trong thế gian gánh chịu sự bần cùng và một mình lủi thủi đi ăn xin là do đời trước mang tội không tin đạo đức, chẳng chịu làm thiện. Đời nay lại làm ác nên thiên thần ghi rõ không sai sót. Sau khi chết lại vào đường ác. Thế nên có người tự nhiên sinh vào loài ngựa quý, cầm thú đói khát, loài côn trùng nhỏ nhít, xoay vần trong những

chốn này đời đời kiếp kiếp không có ngày được thoát khỏi. Thật đau đớn không thể nói hết. Đây là điều ác lớn thứ hai, điều đau khổ thứ hai, và là sự thiêu đốt thứ hai.

Khô nhọc như vậy sánh bằng lửa dữ bốc cháy thiêu đốt thân người. Tuy nhiên, người nào ở trong đó mà nhất tâm định ý, đoan thân chánh hạnh, làm những điều thiện, không làm các việc ác thì thân được thoát khỏi đau đớn và được phước đức, được trường thọ và vượt khỏi thế gian, sinh lên cõi trời rồi tiến đến Niết-bàn. Đây là điều thiện thứ hai.

Đức Phật dạy:

– Điều ác thứ ba: Người đời ở đậu, gởi thân cùng nương sống giữa đất trời, tuổi thọ ở đó chẳng được bao năm, có người thì giàu sang, hiền minh tốt đẹp, có người thì nghèo nàn, tiêu tụy, ngu si. Trong đó có người bất lương, chỉ ôm lòng ác độc, thân tâm không ngay thật, thường nghĩ đến sự dâm dật, nung nấu ngấp lòng, ái dục chông chéo nên ngồi đứng không yên. Ý tham tiếc, bòn xén, chỉ muốn được nhiều. Thói ác dâm dật, liếc nhìn sắc đẹp. Có vợ mà chán ghét, lén lút tư tình với người khác, đem cửa cải trong nhà ra kết hợp nhau làm việc phi pháp, rồi tụ tập ăn uống, cùng nhau làm ác, khởi binh làm giặc, vây thành đánh nhau, cướp giết chém chặt, cưỡng đoạt vô đạo, lấy tài sản của người, đưa đến con đường trộm cắp. Hạng người này thường không biết sắp đặt cho đời sống yên

ôn, tốt đẹp, chỗ đáng làm lại không chịu làm mà đem lòng ác hướng ngoại, không làm việc chuyên cần, muốn đạt sự thành công của người bằng cách dùng thế lực khủng bố, bức hiếp đem về cung cấp cho gia đình, cùng nhau sinh sống. Tâm ý buông lung, hưởng lạc tối đa, làm việc dâm loạn với vợ của người khác, hoặc không kể cả người thân thuộc. Không biết tôn ty, trưởng lão, mọi người đều ghét, mang tai họa khổ đau cho người trong gia đình và xã hội, cũng không biết sợ luật pháp, quan quyền, nên không biết đường mà tránh. Những điều ác như vậy bị ghi chép, tất nhiên phải vào lao ngục. Ngày tháng xét soi, thần minh giữ sổ, các thần ghi chép hết tội lỗi không sai sót một mảy may. Thế nên có người tất nhiên rơi vào chốn địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ, hay những loài côn trùng nhỏ nhít. Cứ thế xoay vần trong những chốn này, đời đời kiếp kiếp không có ngày ra, khó được thoát khỏi, đau đớn không thể nói hết. Đây là điều ác lớn thứ ba, điều đau khổ thứ ba, và là sự thiêu đốt thứ ba.

Khô đau như thế, sánh bằng lửa dữ bốc cháy thiêu đốt thân người. Người nào có thể ở trong đó mà nhất tâm định ý, đoạn thân chánh hạnh, làm những điều thiện, không làm các việc ác thì thân được thoát khỏi khổ não và được phước đức, được trường thọ, vượt khỏi thế gian, sinh lên cõi trời để tiến đến đạo lộ Niết-bàn. Đây là điều thiện lớn thứ

ba.

Đức Phật dạy:

– Điều ác thứ tư: Những kẻ ác thì thông thường không chịu làm việc thiện, tự làm bại hoại lẫn nhau, dần dần nối tiếp nhau cùng làm những việc ác. Họ luôn muốn nói lười đời chiều, nói lời hung ác, mắng nhiếc, dối gạt, ganh tị, sinh ra gây gổ nhau. Kẻ ác thường oán ghét người tốt, phá hoại sự hiền thiện, khoái chí làm việc ác, không hiểu thuận phụng dưỡng cha mẹ, khinh thường thầy tổ và bạn tốt. Hạng người này thường xuyên dối trá, không thành thật, tự cho rằng mình tôn quý, có đạo đức, nên tác oai tác quái, hành động ngang ngược, bạo lực, dùng sức mạnh đánh đập, xâm phạm người khác mà không tự biết, làm điều ác không tự hổ thẹn, dùng sức mạnh bắt mọi người phải kính sợ vâng theo, không kính sợ trời đất, thần minh nhật nguyệt, cũng không dạy cho người làm thiện, không thể hóa độ một ai mà còn kiêu ngạo và cho rằng luôn luôn phải như vậy. Họ không có lòng xót thương lo lắng, cũng chẳng biết sợ hãi là gì, tâm ý buông lung kiêu mạn và tự cao tự đại. Họ không biết rằng mọi việc làm của mình đều được trời thần ghi chép đầy đủ. Tuy nhiên, nhờ túc duyên đời trước có làm chút ít phước đức, chút ít điều thiện nên được hộ trợ. Đến đời này làm ác nên phước đức cạn kiệt, khiến cho các quỷ thần thiện đều lánh xa, phải trợ vơ một mình giữa cõi mê mông,

không nơi nương tựa, chịu nhiều tai ương. Đến lúc qua đời, thân ác trối buộc, tự nhiên bức xúc, đeo đuổi theo hoài không dừng lại được. Tự nhiên những việc ác cùng hướng đến họ một cách nhanh chóng. Họ bị thần minh ghi rõ tội lỗi và theo nghiệp xấu ác ấy dẫn dắt đến cõi u minh chịu những hình phạt thích ứng, làm cho thân tâm tan nát, hình hài thần thức vô cùng khổ sở, không thể lìa bỏ được, đến nỗi phải rơi vào vạc lửa. Ngay lúc ấy có hồi hận thì cũng chẳng ích gì, không thể tự tại sinh vào cõi trời. Do vậy, chớ nên chấp ngã.

Vì thế mới có cảnh địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ, hoặc ở trong loài côn trùng nhỏ nhít xoay vần mãi mãi, đời đời kiếp kiếp không có ngày ra và khó được thoát khỏi, đồng thời đau đớn không thể nói hết. Đây là điều ác thứ tư, điều đau khổ thứ tư, và là sự thiêu đốt thứ tư.

Khổ đau như thế sánh bằng lửa dữ bốc cháy thiêu đốt thân người. Tuy nhiên người nào ở trong đó mà nhất tâm định ý, đoạn thân chánh hạnh, làm những điều thiện, không làm các việc ác, thì thân được thoát khỏi khổ não và được phước đức, được trường thọ và vượt khỏi thế gian và cõi trời để tiến đến đạo Niết-bàn. Đây là điều thiện lớn thứ tư.

Đức Phật dạy:

– Điều ác thứ năm: Người đời chỉ dựa vào sự biếng trễ buông lung, không chịu làm thiện, không

nghe sắp đặt đời sống yên ổn, khiến cho vợ con đói lạnh, cha mẹ cùng khổ. Muốn quở trách dạy dỗ con cái thì gặp con hư, tâm ác, trợn mắt nóng giận, nói ra gây bất hòa, ngộ nghịch chống trái kịch liệt còn hơn người nơi hoang dã, hay oan gia đối đầu. Con cái như vậy thà rằng không có. Hơn nữa, họ dối gạt vay mượn khắp nơi, khiến mọi người đều chán sợ, lại không biết việc đền trả, chẳng biết báo ân, đến nỗi bản cùng khốn khổ, lại chẳng được gì. Cứ thế, tội lỗi cùng tranh đua phát khởi, phóng túng khắp nơi, và chiếm đoạt thật nhiều của cải để tha hồ sử dụng cho riêng mình, không sợ sự cấm ngăn, ăn uống vô độ, ham thích uống rượu, ra vào không chừng mực, ngu si xúc chạm, không biết tính người, hung hăng cưỡng bức. Thấy người có việc vui mừng lại ghét ganh giận dữ, không lẽ không nghĩa, tự cho mình có quyền lực nên không ai can gián hay bảo ban, cũng không lo nghĩ đến cha mẹ, vợ con có hay không, không nghĩ đến sự báo đền ân đức cha mẹ, chẳng nghĩ ân đức của thầy tổ, tâm thường nghĩ ác, miệng thường nói ác cả ngày không dứt, không tin đạo đức, không tin có bậc Hiền Thánh đi trước, không tin làm thiện là con đường có thể vượt khỏi cuộc đời xấu ác, không tin có Phật ở thế gian, muốn giết La-hán, tranh đấu với Tỳ-kheo Tăng, thường muốn giết người, muốn giết cha mẹ, anh em, vợ con thân thuộc, bạn bè và có ác cảm với họ, đồng thời chỉ muốn làm cho những

người này bị chết, không tin lời kinh Phật, không tin người chết sẽ tái sinh đời sau, không tin làm thiện được quả báo thiện, không tin làm ác bị quả báo ác. Những hạng người như vậy - hoặc nam hay nữ - tâm ý thường chống trái, phản nghịch, ngu si mê muội, ham thích dục lạc và sân giận, không có sự hiểu biết. Họ tự cho đó là hạnh phúc, là đại trí tuệ, nhưng chẳng biết từ đâu đến, sống chết về đâu, không tin tâm từ hiếu thuận mà còn ác nghịch với trời đất. Ở trong khoảng thời gian ấy lại mong cầu may mắn, muốn được sống lâu, được thân bất tử. Tuy nhiên, thân đã tạo ác thì sẽ đưa đến những nơi tai ương, tội vạ, không được độ thoát, cũng không thể giáo hóa khiến cho họ làm điều thiện.

Đối với họ, những lời dạy chân thật mở lối thoát khỏi các cõi sinh tử, chỉ điều thiện ác thì họ không hề phát khởi lòng tin. Do vậy nếu có nhọc lời đem tâm từ giáo huấn với mong muốn làm cho họ có hạnh phúc, được giải thoát thì đều hoàn toàn vô nghĩa, vì tâm ý họ bị bế tắc không hề khai mở. Đã thế đến khi sắp chết, họ lại ăn năn hối tiếc thì sự ăn năn ấy quá ư muộn màng và thật vô vị, khó mà cứu thoát được. Than ôi khi sống không chịu làm điều thiện đến lúc cùng đường tắt ngõ rồi mới ăn năn thì liệu có ích gì? Thôi đành nhắm mắt xuôi tay đi vào năm cõi giữa đất trời mênh mông sâu thẳm, tối tăm, bao la mờ mịt, tiếp nối nhận lãnh khổ đau, thiện ác. Sau đó tự thân họ phải gánh chịu

mọi thứ khổ não trong cõi xấu ác đúng như nghiệp mình đã tạo tác chứ không ai có thể thay thế được. Nghiệp ấy đeo đuổi theo họ suốt kiếp này sang kiếp nọ khiến họ không có giây phút tự do.

Người thiện thì thường xuyên làm thiện, nên được nhiều hiếu thuận và sinh vào cõi an lạc trong sáng. Người ác thường làm ác nên từ nơi khổ rơi vào cõi khổ, từ nơi tối đi vào cõi tối. Ai có thể biết điều này? Chỉ có Đức Phật mới thấy biết rõ như vậy.

Những lời chỉ dạy của Phật rất ít người tin và thực hành. Do vậy, nhân sinh triền miên trong sinh tử, trôi nổi theo đường ác không dứt, nên không thể thoát khỏi cảnh khổ não mê lầm. Vì thế tự mình bị rơi vào chốn địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ hay làm những loài côn trùng nhỏ nhít, luân chuyển trong những chốn này đời đời kiếp kiếp không có ngày ra và khó được thoát khỏi. Nỗi đau đớn ấy không thể nào nói hết. Đây là điều ác thứ năm, điều đau khổ thứ năm, và là sự thiêu đốt thứ năm.

Khổ đau như thế giống như lửa dữ bốc cháy thiêu đốt thân người. Tuy nhiên, người nào có thể ở trong đó mà nhất tâm định ý, đoạn thân chánh hạnh, lời nói và hành động tương xứng, làm với tâm chí thành, nói những lời chân thật, tâm và lời không khác nhau, làm những việc thiện, không làm những việc ác, thì thân được độ thoát, được phước đức, được trường thọ, vượt khỏi thế gian hay cõi

trời để đến đạo Niết-bàn. Đây là điều thiện lớn thứ năm.

Đức Phật bảo Bồ-tát A-dật và đại chúng:

– Ta bảo các người: Năm đường ác trong cuộc đời này khổ đau như vậy, khiến cho phát khởi năm sự thống khổ, năm sự thiêu đốt. Mọi người ở thế gian thường không chịu làm thiện, chỉ muốn làm những việc ác. Do đó, nếu thấy có người phạm phải năm điều ác này thì đó là lẽ tất nhiên và họ sẽ đọa vào trong các đường ác kia. Hoặc ở trong đời hiện tại, trước tiên họ bị bệnh tật tai ương, muốn sống hay chết chẳng được, hiện báo rõ ràng ai cũng thấy. Khi chết, theo nghiệp mà họ phải đi vào chốn đại cực khổ, sầu đau khóc hại, tự thiêu đốt nhau, và dần dần tàn rụi. Cho đến đời sau, họ cũng trở thành oan gia đối đầu và sát hại lẫn nhau. Từ nghiệp nhỏ nhất nhất đến sự khốn đốn cùng cực nhất đều phát khởi do tâm lý tham lam, dâm dục, tiền tài và sắc đẹp, không biết bố thí, nhân nhượng. Ai cũng chỉ muốn vui riêng cho tự thân, không biết điều phải trái, lại muốn được khang kiện nổi danh. Hơn nữa, họ bị si mê, ham muốn hành hạ, không thể đạt theo ý muốn nên kết hận trong lòng, tài sắc trôi buộc, không thể giải thoát, không biết nhàm chán, tự mình rúc sâu vào dục không có sự tỉnh thức nên hoàn toàn chẳng có nghĩa lý, không theo con đường chân chánh mà lại vui thích vinh hoa phú quý, không thể nhân nhượng, không biết bố thí hành

thiện, oai thế chẳng có bao nhiêu mà theo danh ác đốt cháy, thân bị tội khổ lao nhọc, tự nhiên đeo đuôi mãi hoài, vô cùng kịch liệt, không có ngày thoát ra. Và lại, họ thường chống trái phép nước, tự nhiên chĩnh đôn lệnh vua ban ra để thích ứng ý tưởng của mình rồi bị bủa vây trong kỷ cương giềng mối, lo lắng ưu tư phải vào trong chốn ngục tù. Nói chung từ xưa đến nay có biết bao những hạng người như vậy. Khổ thay! Thật đáng thương thay!

Đức Phật bảo Bồ-tát A-dật và đại chúng:

– Người nào ở đời được gặp Phật, đều được Phật từ bi thương xót, đem oai thần che chở, nên tất cả việc ác đều được tiêu trừ, khiến bỏ được việc ác, thành tựu việc lành, chấm dứt mọi lo âu, biết vâng giữ kinh giới, lãnh hội tất cả mà thi hành kinh pháp, không dám trái ngược, vượt thoát cõi đời và đạt đạo Niết-bàn vô thượng, đồng thời sống trong an vui hạnh phúc và đạt được trí tuệ vô tận.

Đức Phật dạy:

– Nếu hàng chư Thiên, vua quan hay bất cứ ai vào đời sau được nghe kinh Phật thì nên tư duy chín chắn nghĩa lý và đem tâm đoan chánh thực hành theo lời Phật dạy nhằm giáo hóa mọi người để cùng nhau làm điều thiện. Đồng thời phải nhu hòa tùy thuận dịu dặt mọi người trong thế gian từ bỏ việc ác để thoát khỏi mọi sự ràng buộc trong

sinh tử. Mỗi người hãy tự điều hòa gìn giữ bản thân để thương yêu lẫn nhau suốt đời không thay đổi. Phải nên tôn kính Tam bảo, hiếu thuận với cha mẹ, kính lễ sư trưởng và ban bố tình thương đến tất cả mọi loài. Đặc biệt đối với lời Phật dạy phải một lòng thực hiện theo nhằm thoát khỏi trần gian khổ ải để đạt đến Niết-bàn an lạc. Đồng thời phải nên luôn luôn nhất tâm nỗ hết gốc rễ của sinh tử độc hại nhằm ra khỏi cảnh giới địa ngục, ngã quỷ, súc sinh cho đến nghiệp cảm của các loài côn trùng bé nhỏ với bao đau thương trong cõi ác và không ngừng nỗ lực thọ trì kinh pháp ngò hầu đạt đến quả vị Phật tối thượng.

Đức Phật dạy

– Các người hãy nỗ lực làm việc thiện. Những gì là điều cần thiết nhất? Đó là: Phải tự điều chỉnh thân tâm trở nên đoan chánh. Phải tự phòng hộ mắt, phải tự phòng hộ tai, phải tự phòng hộ mũi, phải tự phòng hộ miệng, phải tự giữ tay nghiêm túc, phải tự giữ chân nghiêm túc mới có thể tự liễm thúc thân tâm. Chớ làm điều sai trái, thân tâm phải trong sạch, hoàn toàn tương ưng với nghiệp thiện. Phải nên thâm giữ thân tâm, chớ để nó thuận theo lòng ham muốn và không phạm các điều ác. Lời nói và hành động phải hòa hợp, thân hành chuyên nhất, đi, đứng, ngồi, nằm không dao động. Làm những việc đáng làm, trước hết phải suy nghĩ, tính toán kỹ lưỡng, cân nhắc tài năng, xem xét bản tính cần

thận, thông thả sắp xếp công việc được yên ổn. Nếu hấp tấp không cân nhắc kỹ lưỡng khi làm việc thì mọi chuyện chắc chắn sẽ không thành và uổng phí công lao khổ nhọc, đồng thời sinh ra hối tiếc mất thân và chịu nhiều đau khổ. Nếu một lòng tin tưởng chí thành thì đạt đạo ngay trong hiện tại.

Đức Phật dạy:

– Những hạng người như vậy, nên càng làm thêm những điều thiện, ban ân thí đức, không phạm giới cấm, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ. Dần dần người này cùng giáo hóa chúng sinh, làm thiện tạo đức đúng theo kinh pháp, tâm từ chuyên nhất, giữ giới thanh tịnh trong một ngày một đêm, cũng vượt hơn người ở nước Phật Vô Lượng Thanh Tịnh làm việc thiện cả trăm năm. Vì sao? Vì ở nước Phật Vô Lượng Thanh Tịnh đều làm nhiều điều thiện và tích tập nhiều đức nên tự nhiên thành tựu Thánh đạo. Ở cõi ấy mọi sự mong cầu đều chấm dứt và không có các điều ác dù chỉ bằng sợi lông hay cọng tóc.

Đức Phật dạy:

– Người làm việc thiện như vậy suốt mười ngày đêm sẽ được phước đức thù thắng hơn dân chúng trong nước Phật ở phương khác làm thiện cả ngàn năm. Vì sao? Vì ở cõi phương khác mọi người đều làm thiện. Người làm thiện rất nhiều mà người làm ác thì ít, nên họ có những vật dụng tự nhiên, không

cần phải tìm kiếm nhọc nhằn mà vẫn đầy đủ tất cả. Ngược lại, ở cõi này nhiều người làm ác và ít người làm thiện nên không tìm cầu thì không thể có. Người nào có thể tự làm thiện nghiêm túc theo phép tắc, chí tâm cầu đạo thì sẽ đạt được như vậy. Ở thế gian này không có gì là tự nhiên, không có sự tự cung cấp mà phải đi tìm cầu khổ sở nhọc nhằn để có cuộc sống tạm yên. Do vậy, mọi người thường lừa dối, ưa làm những việc xấu ác để có được của cải mang về cung cấp cho vợ con. Ăn uống đàng cay kham khổ, đọa đày lao nhọc thân tâm và cuối cùng dẫn đến tâm ý bất định, quanh quẩn không yên. Người nào ở trong mà có thể tự an tịnh làm thiện, tinh tấn tạo nên đức độ, tất nhiên sẽ đạt phước báo tốt đẹp như thế.

Đức Phật dạy:

– Ta xót thương tất cả chúng sinh, từ chư Thiên, vua chúa, dân chúng v.v... nên đều chỉ dạy cho họ làm những điều thiện, không làm các việc ác. Tùy theo cơ duyên của mỗi người có thể tiếp nhận giáo pháp, Ta đều chỉ dạy mở lối cho họ thực hành theo. Rồi thì vua được giáo hóa làm việc thiện, chỉ dạy lại cho quan, đến cha dạy cho con, anh dạy cho em, chồng dạy cho vợ, gia đình bà con nội ngoại, bạn bè chỉ dạy lẫn nhau, nói và làm điều thiện, làm việc đạo. Ai ai cũng đều giữ gìn cẩn thận, phụng trì kinh giới, kẻ trên người dưới đều sách tấn lẫn nhau, bất luận là sang hay hèn, là nam hay nữ đều trai giới

thanh tịnh nên không ai mà không hoan hỷ, hòa thuận nghĩa lý, từ hiếu an vui, cùng nhau tự chế ngự thân tâm. Những người này được nghe lời kinh Phật, đều gìn giữ suy tư, không dám tạo tội. Nếu như có phạm thì tự hối lỗi, ăn năn, bỏ ác làm thiện, bỏ tà làm chánh, buổi sáng được nghe buổi chiều hối cải, phụng trì giới kinh vô cùng chặt chẽ, như người nghèo được của báu. Những nơi nào Phật đèn hay dầu ở đất nước nào, ta đều trao cho kinh giới. Và chư Thiên, chư thần, nhật nguyệt, tinh tú, quốc vương, quan dân, trưởng giả, dân chúng, các rồng, quý, thần, địa ngục, súc sinh đều thờ phụng vâng làm. Thế rồi vua cải hóa làm thiện, tâm ý chuyên tinh trai giới, tự gột rửa tâm trong sạch, đoan chánh, nghiêm tịnh đứng đầu giáo hóa mọi người làm thiện, phụng hành giới cấm, nên nói lời chân thật. Bề tôi biết thờ vua, chất trực trung thành, vâng lệnh không dám chống trái. Cha dạy con biết hiếu thuận, vâng lời. Anh em, chồng vợ, bà con, bạn bè cùng nhau hòa thuận, tôn trọng lẫn nhau, dùng lễ nghĩa đối đãi nhau, không hề chống trái nhau. Đồng thời sửa sai lỗi cũ và làm việc tốt, gột rửa tư tưởng, điều chỉnh thân tâm trở nên chánh trực và tự nhiên thực hành việc thiện nên sở nguyện được viên thành. Nghiệp thiện cảm hóa thắm nhuần đạo tự nhiên, nên mong cầu sống lâu thì được sống lâu, mong cầu vượt khỏi thế gian thì được đạo Niết-bàn.

Đức Phật dạy:

– Oai thần của Phật rất cao siêu thâm hậu, làm cho nghiệp ác trừ diệt, giáo hóa điều thiện, không ai mà không độ thoát. Nay Ta xuất hiện nơi cuộc đời đầy khô đau xấu ác này, làm Phật với tâm từ thương xót, giáo hóa, dìu dắt, chỉ đường cho hàng chư Thiên, vua quan, cận thần, trưởng giả, dân chúng v.v... Tùy tâm ưa thích mong cầu của họ, Ta đều làm cho họ đạt đạo. Những nơi nào Phật đến, hay những chốn Phật đã đi qua, từ đất nước, quận ly, gò nông, xóm làng hay phố thị đều được thịnh vượng, thiên hạ thái bình thuận thực. Mặt trời, mặt trăng luôn vận hành đúng, chiếu sáng rực rỡ, nên mưa gió hợp cùng thời tiết, dân chúng an ổn, hùng mạnh kiên cường, ai cũng toại nguyện không có năm xấu, bệnh tật, không có người bệnh gầy còm, không có binh đao, nước không có đạo tặc, không có sự oan uổng, không có người bị giam giữ. Tất cả vua quan, dân chúng đều vui vẻ, thân thiết, trung thành. Họ tự giữ gìn nghiêm minh nên tự nhiên bảo vệ quê hương, ôn hòa hiếu thuận an vui. Cùng nhau ban ân thí đức, tâm hân hoan giúp đỡ và yêu kính nhau, đem tài vật đổi lấy nhân nghĩa, khiêm nhường với người trên, trước sau đều dùng lễ kính thờ, như cha như con, như anh như em, không ai mà không là bậc hiền nhân, thuận hòa tiết lễ đều không tranh cãi, không chống nghịch nhau, tốt đẹp vô cùng tận.

Đức Phật dạy:

– Ta thương xót mọi loài và muốn họ được độ thoát với tâm từ mãnh liệt như cha mẹ nhớ con thơ. Ngày nay chư Thiên, vua quan, dân chúng và những loài côn trùng nhỏ nhít trong khắp mười phương đều được giới kinh Phật mà phụng hành Phật đạo, khiến tâm tuệ sáng suốt đều được khai mở, ai cũng vượt khỏi sự lo buồn đau khổ.

Nay Ta làm Phật ở nơi năm ác, năm đau khổ, năm thiêu đốt. Ta hàng phục và giáo hóa năm ác, đoạn tận năm sự đau khổ, dứt hẳn năm sự thiêu đốt, dùng thiện thay cho ác, nhổ bỏ gốc rễ khổ đau, làm cho năm thiện được trong sáng, tốt đẹp, điều ác bị đốt cháy, không phát khởi được. Sau khi Ta vào Niết-bàn, kinh đạo dần dần mất hẳn, con người dối gạt quanh co, chỉ thuần làm những điều ác, không làm việc thiện, nên năm sự thiêu đốt nổi lên, năm sự thống khổ trở nên thịnh hành như trước, tự nhiên trở lại như cũ, rồi dần dần về sau càng thống thiết hơn, không thể nói hết. Ta chỉ vì các người mà nói chút ít như vậy.

Đức Phật bảo Bồ-tát A-dật và đại chúng:

– Các người hãy nên suy tư và vâng giữ lời Phật dạy, lần lượt dạy bảo nhau, như pháp kinh Phật không nên trái phạm.

Bồ-tát A-dật quỳ gối chấp tay thưa:

– Phật đã nói về những thống khổ cùng cực của

con người như thế vì do gây nên những điều ác, và Phật đã từ tâm thương xót cứu độ tất cả. Chúng con xin lãnh thọ lời dạy sâu xa của Phật và xin lần lượt chỉ dạy nhau, không dám phạm.

Đức Phật bảo A-nan:

– Ta thương xót các người nên làm cho tất cả đều được gặp Phật Vô Lượng Thanh Tịnh và các Bồ-tát, A-la-hán ở cõi nước này. Vậy các người có muốn gặp chăng?

Tôn giả A-nan rất vui mừng, quỳ xuống chấp tay thưa:

– Chúng con xin muốn được gặp chư vị ấy.

Đức Phật bảo:

– Các người hãy đứng dậy đắp y và chấp tay hướng về phía Tây, ngay hướng mặt trời mà đánh lễ Phật Vô Lượng Thanh Tịnh, cúi đầu kính lễ sát đất, niệm: “Nam-mô Vô Lượng Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác”.

Tôn giả A-nan vâng lời Phật dạy, sửa y ca-sa và chấp tay hướng về phía Tây, ngay phía mặt trời lặn, đánh lễ Phật Vô Lượng Thanh Tịnh, cúi đầu kính lễ sát đất, niệm: “Nam-mô Vô Lượng Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác”.

Tôn giả A-nan chưa kịp đứng dậy thì Phật Vô Lượng Thanh Tịnh liền hiện oai thần, phóng ra ánh sáng lớn chiếu khắp mười phương. Đất trời vô số các cõi nước đều chấn động lớn. Vô số trời đất, chư

Thiên, như lưới báu núi Tu-di, lưới báu núi lớn Ma-ha Tu-di, cõi nhỏ, cõi lớn các trời đất; trong đó có những địa ngục nhỏ, địa ngục lớn, nơi những núi rừng, khe hang tối tăm thăm thẳm, ánh sáng lớn ấy đều chiếu soi rộng mở. Tức thì A-nan, các Bồ-tát, A-la-hán, chư Thiên, vua chúa, dân chúng v.v..., tất cả đều thấy Phật Vô Lượng Thanh Tịnh và các vị Bồ-tát, A-la-hán nơi cõi nước bảy báu. Tâm họ vô cùng hoan hỷ, phấn chấn, liền đứng dậy kính lễ sát chân Phật Vô Lượng Thanh Tịnh và đồng niệm: “Nam-mô Vô Lượng Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác”.

Phật Vô Lượng Thanh Tịnh phóng ra hào quang chói sáng oai thần, rồi thì vô số hàng trời người và những loài côn trùng nhỏ nhít đều được trông thấy ánh sáng rực rỡ của Phật Vô Lượng Thanh Tịnh, nên ai nấy cũng được tâm từ, hoan hỷ làm việc thiện. Những cõi địa ngục, loài cầm thú hay những ngạ quỷ, những nơi bị tra khảo vô cùng khổ sở đều được ngưng nghỉ, không bị tra khảo nữa và được thoát khỏi lo sầu khổ não. Những người mù thì thấy được, những kẻ què quặt thì đi được, chạy được, những người bệnh được bình phục, những người yếu đuối được khỏe mạnh, người ngu si được sáng suốt; những người dâm dục, sân hận đều được tâm từ, làm nghiệp thiện. Những người bị độc thì chất độc không thể làm hại. Những nhạc cụ như: chuông, trống, đàn sắt, đàn cầm, không

hầu, tuy không đánh nhưng tự phát ra âm thanh. Những vòng xuyên của phụ nữ cũng tự phát ra âm thanh. Chim muông, cầm thú đều tự cất tiếng kêu rất hay. Ngay trong thời điểm đó, tất cả mọi loài đều được hoan hỷ và được độ thoát.

Khi ấy ở các cõi Phật, chư Thiên đem hương hoa trời ở giữa hư không cúng dường và tung hoa lên chư Phật và cùng Phật Vô Lượng Thanh Tịnh. Chư Thiên cùng trỗi lên muôn loại âm nhạc tự nhiên để làm đẹp lòng chư Phật và các vị Bồ-tát, A-la-hán. Trong lúc này, họ thật vô cùng vui sướng không thể nói hết.

Đức Phật bảo Bồ-tát A-dật, Tôn giả A-nan cùng đại chúng:

– Ta nói Phật Vô Lượng Thanh Tịnh và các Bồ-tát, A-la-hán ở quốc độ bảy báu tự nhiên có gì sai khác chăng?

Tôn giả A-nan quỳ xuống chấp tay thưa:

– Đức Phật nói về sự an vui thù thắng của cõi Phật Vô Lượng Thanh Tịnh không có một điểm nào sai khác.

Đức Phật dạy:

– Nếu Ta nói về sự an vui thù thắng của cõi nước và công đức của Phật Vô Lượng Thanh Tịnh suốt ngày đêm trong một kiếp cũng không thể hết. Nhưng Ta chỉ nói chút ít cho các người mà thôi.

Bồ-tát A-dật quỳ xuống, chấp tay hỏi Phật:

– Từ cõi Phật đây có khoảng bao nhiêu Bồ-tát Bất thoái chuyển được vãng sinh vào cõi Phật Vô Lượng Thanh Tịnh? Chúng con muốn nghe điều này.

Đức Phật bảo:

– Nếu muốn biết thì các người hãy chú tâm và lắng nghe cho rõ.

Bồ-tát A-dật xin vâng lời.

Đức Phật bảo:

– Từ nơi cõi nước của Ta sẽ có bảy trăm hai mươi ức Bồ-tát Bất thoái chuyển được vãng sinh vào cõi Phật Vô Lượng Thanh Tịnh. Mỗi vị Bồ-tát Bất thoái này lần lượt cúng dường vô số chư Phật, tuần tự như Bồ-tát Di-lặc đều sẽ thành Phật. Và ngoài ra, trong cõi nước này còn có rất nhiều vị tiểu Bồ-tát, nhiều vô số không thể tính đếm, đều sẽ vãng sinh vào cõi Phật Vô Lượng Thanh Tịnh.

Đức Phật bảo Bồ-tát A-dật:

– Không những chỉ có các Bồ-tát trong nước Ta sẽ sinh sang cõi Phật Vô Lượng Thanh Tịnh, mà ở những cõi nước phương khác có Phật cũng lại như vậy.

Phật thứ nhất hiệu Quang Viễn Diễm, trong nước của Đức Phật này có một trăm tám mươi ức Bồ-tát sẽ sinh sang cõi Phật Vô Lượng Thanh Tịnh.

Cõi nước phương khác, Đức Phật thứ hai hiệu là Bảo Tích, trong nước của Đức Phật này có chín

mười ức Bồ-tát sẽ sinh sang cõi Phật Vô Lượng Thanh Tịnh.

Cõi nước phương khác, Đức Phật thứ ba hiệu là Nhu Vô Cấu, có hai trăm hai mươi ức Bồ-tát sẽ sinh sang cõi Phật A-di-đà.

Cõi nước phương khác, Đức Phật thứ tư hiệu là Vô Cực Quang Minh, trong nước của Đức Phật này có hai trăm năm mươi ức Bồ-tát sẽ sinh sang cõi Phật Vô Lượng Thanh Tịnh.

Cõi nước phương khác, Đức Phật thứ năm hiệu là Ư Thế Vô Thượng, trong nước của Đức Phật này có sáu trăm ức Bồ-tát sẽ sinh sang cõi Phật Vô Lượng Thanh Tịnh.

Cõi nước phương khác, Đức Phật thứ sáu hiệu là Dũng Quang, trong nước của Đức Phật này có một vạn bốn ngàn Bồ-tát sẽ sinh sang cõi Phật Vô Lượng Thanh Tịnh.

Cõi nước phương khác, Đức Phật thứ bảy hiệu là Cụ Túc Giao Hảo, trong nước của Đức Phật này có mười bốn ức Bồ-tát sẽ sinh sang cõi Phật Vô Lượng Thanh Tịnh.

Cõi nước phương khác, Đức Phật thứ tám hiệu là Hùng Tuệ Vương, trong nước của Đức Phật này có tám ức Bồ-tát sẽ sinh sang cõi Phật Vô Lượng Thanh Tịnh.

Cõi nước phương khác, Đức Phật thứ chín hiệu là Đa Lực Vô Quá Giả, trong nước của Đức Phật

này có tám trăm mười một ức Bồ-tát sẽ sinh sang cõi Phật Vô Lượng Thanh Tịnh.

Cõi nước phương khác, Đức Phật thứ mười hiệu là Cát Lương, trong nước của Đức Phật này có vạn ức Bồ-tát sẽ sinh sang cõi Phật Vô Lượng Thanh Tịnh.

Cõi nước phương khác, Đức Phật thứ mười một hiệu là Tuệ Biện, trong nước của Đức Phật này có một vạn hai ngàn Bồ-tát sẽ sinh sang cõi Phật Vô Lượng Thanh Tịnh.

Cõi nước phương khác, Đức Phật thứ mười hai hiệu là Vô Thượng Hoa, trong nước của Đức Phật này có vô lượng vô số Bồ-tát - nhiều không kể xiết - đều là những bậc Nhất thiết trí, có trí tuệ dũng mãnh. Đã cúng dường vô số các Đức Phật và cùng một lúc đều có tâm nguyện muốn được vãng sinh nên sẽ được sinh vào cõi Phật Vô Lượng Thanh Tịnh.

Cõi nước phương khác, Đức Phật thứ mười ba hiệu là Nhạo Đại Diệu Âm, trong nước của Đức Phật này có bảy trăm chín mươi ức Bồ-tát sẽ sinh sang cõi Phật Vô Lượng Thanh Tịnh.

Đức Phật dạy:

– Các vị Bồ-tát này đều đạt được quả vị Bất thoái chuyển, và trong những cõi nước này còn có những thầy Tỳ-kheo cùng vô số Bồ-tát nhỏ đều sẽ sinh sang cõi Phật Vô Lượng Thanh Tịnh. Không

chỉ riêng các Bồ-tát trong mười bốn cõi Phật đó được vãng sinh, mà các Bồ-tát nơi vô số cõi Phật khắp mười phương cũng đều được như vậy. Họ sẽ sinh sang cõi Phật Vô Lượng Thanh Tịnh, số đó nhiều vô lượng vô biên. Tất cả đều vân tập nơi cõi Phật Vô Lượng Thanh Tịnh, đại chúng nhiều không thể tính đếm được. Ta chỉ nói danh tự của vô số Phật khắp mười phương suốt cả ngày đêm trong một kiếp vẫn chưa xong. Ta lại nói về số thầy Tỳ-kheo cùng chúng Bồ-tát nơi cõi Phật sẽ sinh sang cõi Phật Vô Lượng Thanh Tịnh suốt một kiếp không ngưng nghỉ vẫn chưa hết được. Nhưng Ta vì các người chỉ nêu lên một ít tiêu biểu mà thôi.

Đức Phật bảo Bồ-tát A-dật, Tôn giả A-nan cùng đại chúng:

– Các bậc vua chúa, dân chúng, thiện nam, thiện nữ ở các cõi nước đó đời trước đã thực hành nghiệp thiện nên đạt được phước lộc. Thế nên khi nghe âm thanh của Phật Vô Lượng Thanh Tịnh thì họ có tâm từ hoan hỷ nên Ta cũng hoan hỷ cùng họ.

Đức Phật dạy:

– Những thiện nam, thiện nữ nào khi nghe âm thanh của Phật Vô Lượng Thanh Tịnh thì tâm từ hoan hỷ, đồng thời tâm ý thanh tịnh, phấn khởi xúc động, tất cả đều do đời trước đã từng thừa hành Phật đạo.

Hoặc ở phương khác, nơi những Bồ-tát phi phạm, có những dân chúng hay thiện nam, thiện nữ được nghe âm thanh của Phật Vô Lượng Thanh Tịnh mà không tin là có Phật, không tin lời kinh Phật, không tin có Tỳ-kheo Tăng, trong lòng nghi ngờ, không tin gì cả. Nên biết, những người này đều từ con đường ác sinh ra nên ngu muội không hiểu biết gì về đời trước. Họ chưa dứt được tai họa xấu ác, chưa thể thoát khỏi đường sinh tử cho nên trong lòng nghi ngờ không tin vào nơi mình thác sinh đến.

Đức Phật dạy:

– Các người đã thực hành pháp thiện thì hãy tin tưởng và làm theo pháp thiện ấy. Chớ để sau khi Ta nhập Niết-bàn các người và những người đời sau lại nói: “Tôi không tin có nước Phật Vô Lượng Thanh Tịnh”. Vì thế Ta làm cho các người đều được thấy nước Phật Vô Lượng Thanh Tịnh. Những điều sẽ làm hoặc tự mong cầu, Ta đều vì các người giảng nói giới kinh pháp. Các người hãy giữ gìn như pháp Phật, chớ để thiếu sót. Nay Ta đem kinh này di chúc lại cho các người, các người hãy giữ gìn cẩn thận, không nên để cho pháp kinh này bị tăng giảm sai lầm. Sau khi Ta nhập Niết-bàn, kinh đạo lưu lại ngàn năm, và sau ngàn năm ấy, kinh đạo sẽ mất hẳn không còn. Các người có thể đạt đạo tùy nguyện tại tâm.

Đức Phật dạy:

– Là bậc thầy mở đường chỉ lối, trí tuệ minh đạt, cứu giúp mọi người, làm cho mọi người được pháp thiện, hợp với đạo Niết-bàn thì thường phải từ hiếu. Đối với Phật xem như cha mẹ, thường nghĩ nhớ ân thầy, nhớ mãi không quên. Nhớ mãi không quên, ắt sẽ nhanh chóng đạt đạo.

Trong thế gian rất khó gặp được Phật và người có lòng tin thọ lời kinh pháp sâu xa của bậc thầy cũng khó có. Nếu có Sa-môn hay vị thầy nào mà giảng nói kinh Phật cho người thì cũng rất khó gặp.

Khi Đức Phật giảng nói kinh này, có một vạn hai ngàn ức chư Thiên, dân chúng đều đạt được thiên nhãn trông thấy xuyên suốt tất cả. Họ cùng nhất tâm thực hành đạo Bồ-tát. Có hai trăm hai mươi ức chư Thiên và loài người đắc đạo A-na-hàm, có tám trăm Sa-môn đắc đạo A-la-hán và có bốn mươi ức Bồ-tát đạt đến quả vị Bất thoái chuyển.

Đức Phật giảng nói kinh này rồi, các vị Bồ-tát, A-la-hán, chư Thiên, vua chúa, dân chúng đều rất hoan hỷ hướng về Đức Phật cung kính nhiều quanh Phật ba vòng và cúi đầu cung kính đánh lễ dưới chân Phật rồi lui ra.



SỐ 362

KINH A DI ĐÀ

*Hán dịch: Đời Ngô, Cư sĩ Chi Khiêm,
người nước Nguyệt Chi.*

QUYỂN THƯỢNG

Một thời, Đức Phật ở tại núi Kỳ-xà-quật, thuộc thành La-duyệt cùng chúng Đại Tỳ-kheo một vạn hai ngàn vị. Họ đều là những vị A-la-hán thanh tịnh. Tên của các vị ấy là: Hiền giả Câu-lân, Hiền giả Bạt-trí, Hiền giả Ma-ha Na-di, Hiền giả Hàm-thi, Hiền giả Tu-mãn-nhật, Hiền giả Duy-mạt-đề, Hiền giả Bạt-nãi, Hiền giả Ca-vi-bạt-đề, Hiền giả Ưu-vi Ca-diếp, Hiền giả Na-ý Ca-diếp, Hiền giả Na-dục Ca-diếp, Hiền giả Xá-lợi-phất, Hiền giả Ma-ha Mục-kiên-liên, Hiền giả Ma-ha Ca-diếp, Hiền giả Ma-ha Ca-chiên-diên, Hiền giả Ma-ha Yết-tân, Hiền giả Ma-ha Cầu-tư, Hiền giả Ma-ha Phạm-đề, Hiền giả Bân-đề-văn-đà-phất, Hiền giả A-na-luật, Hiền giả Nan-đề, Hiền giả Bình-tỳ-đề, Hiền giả Tu-phong, Hiền giả Lệ-việt, Hiền giả Ma-ha La-nghe, Hiền giả Ma-ha Ba-la-diên, Hiền giả Ba-cưu-lê, Hiền giả Nan-trì, Hiền giả Mãn-phong-lê, Hiền giả Tát-yết, Hiền giả Lệ-việt v.v... Các Tỳ-

kheo như vậy rất đông, đến số ngàn ức vạn người. Tất cả đều là những vị Bồ-tát, A-la-hán, đều là những Hiền giả cùng ở trong đại hội, nhiều vô số không thể tính đếm được.

Khi ấy, Đức Phật ngồi chánh niệm, suy tư về đạo. Trên khuôn mặt Ngài tỏa ra ánh sáng chín màu và từ đó tỏa ra trăm ngàn ánh sáng lớn rực rỡ vô cùng.

Hiền giả A-nan đứng dậy, sửa y phục tề chỉnh, đến trước Phật quỳ xuống, chấp tay cung kính đánh lễ dưới chân rồi thưa:

– Tại sao hôm nay trên mặt Phật tỏa hào quang, lại luôn luôn biến đổi ánh sáng như vậy? Và ánh sáng ấy có đến trăm ngàn màu rực rỡ tỏa chiếu muôn nơi? Từ khi làm thị giả Phật đến nay, con chưa từng thấy sắc diện của Phật có sự chiếu sáng như hôm nay. Con chưa từng thấy oai thần ánh sáng của bậc Chánh Đẳng Giác đến như vậy. Phải chăng Phật có ý chi đặc biệt. Con xin muốn nghe điều đó.

Đức Phật bảo Hiền giả A-nan:

– Có những trời, thần nào bảo ông, hay chư Phật dạy ông hỏi Ta chẳng? Hay là từ nơi thiện tâm của ông phát ra câu hỏi như vậy?

Hiền giả A-nan bạch Phật:

– Không có trời, thần nào bảo con, cũng không có chư Phật dạy con thưa hỏi như vậy mà từ nơi

thiện tâm của con biết ý Phật nên mới thưa như vậy. Mỗi sự đi, đứng, nằm, ngồi, ra, vào, hay nơi Phật muốn đến, hay việc sẽ làm và những điều Phật dạy bảo con, con đều hiểu ý Phật ngay. Nay Phật đang riêng nghĩ đến chư Phật thời quá khứ, chư Phật trong vị lai, hay cõi Phật phương khác và chư Phật ngay trong hiện tại. Một mình Phật lần lượt nghĩ nhớ cho nên sắc diện của Phật tỏa sáng rực rỡ như vậy.

Đức Phật dạy:

– Lành thay! Lành thay! Hiền giả A-nan! Ông đã hỏi điều rất sâu xa, mang lại nhiều sự cứu độ và an vui cho mọi loài. Người mà hỏi Phật như vậy thật là vượt bậc gấp bội sự cúng dường A-la-hán, Phật-bích-chi hay bố thí chư Thiên, loài người và những loài động vật lớn nhỏ trong cả thiên hạ trải qua trăm ngàn vạn ức kiếp.

Này A-nan! Nay ông đã độ thoát cho hàng chư Thiên, vua chúa, dân chúng và vạn loại côn trùng. Oai thần của chư Phật vô cùng sâu nặng, khó mà tiếp nhận nổi. Những điều ông hỏi rất sâu xa, chỉ có ông mới khởi tâm từ, ở chỗ Phật, thương tưởng chư Thiên, vua chúa, dân chúng. Những vị Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di nào mà có nhiều nghiệp thiện, tiếp nhận được đều sẽ được hóa độ.

Này A-nan! Như ở thế gian có cây Ưu-đàm, có

quả mà không có hoa. Trong thiên hạ có Phật, chính là có hoa Ưu-đàm nở. Ở đời nếu gặp được Phật là một điều rất khó. Nay Ta làm Phật xuất hiện nơi thế gian, chỉ có Đại đức thánh minh tâm thiện mới biết trước được ý Phật và không quên hầu hạ bên cạnh Phật.

Đức Phật bảo A-nan:

– Có một sự kiện từ quá khứ xa xôi, từ vô số kiếp đã qua, kiếp ấy nhiều vô lượng không thể tính đếm được. Bảy giờ, có Đức Phật quá khứ hiệu là Đề-hòa-kiệt-la. Kế đến có Phật hiệu Chiên-đà-ỷ. Thời đó đã qua, kế đến có Phật hiệu là Tu-ma-phù-kiếp-ba-tát-đa, lại có Phật hiệu Duy-mạc-lâu, A-nan-na-lợi, Na-kiệt-tỳ, Kỳ-lê-câu-giá-ba-la-dạ-thái, Di-ly-câu-lâu, Bạt-đà-ni, Châu-đề-ba, Phàm-phù-đề, Đọa-lâu-lặc-da, Chiên-đà-hổ-tư, Tu-da-đuy-vu-sa, Câu-hoàn-di-bát-ma-kỳ, Thi-lợi-cốt-chi, Ma-ha-na-đề, Kỳ-đầu-ma-đề, La-lân-kỳ-ly, Du-lâu-câu-lộ-thái, Mãn-hồ-quần-ni-bát-tân-hầu, Chiên-đà-thâu-du-bạt-hòa-sa, Chiên-đà-thái-câu-sầm, Phan-ba-lệ-tần-ni, Bạt-ba-hòa-tư, A-thuật-kỳ-đà-yết-lệ, Vật-thự-đề, Chát-dạ-thái, Đàm-ma-hòa-đề, Si-da-duy-hầu-chất, Lâu-da-đới, Tăng-ca-la-di-lâu-ca-đới, Đàm-vị-ma-đề-a-duy-nan-đề.

Đức Phật bảo A-nan:

– Kế tiếp có Phật hiệu Lâu-di-hằng-la, giáo hóa ở thế gian đến bốn mươi hai kiếp. Bảy giờ, có vị

đại quốc vương nghe kinh Phật dạy, tâm trí được tỏ ngộ nên rất hoan hỷ, liền bỏ ngôi vua, xuất gia làm Sa-môn, tên là Đàm-ma-ca, chuyên thực hành đạo Bồ-tát. Ông là người tài cao, trí tuệ dũng mãnh, là bậc trác tuyệt trong thế gian. Vị Sa-môn đó đi đến chỗ Phật Lô-di-hăng-la, cúi đầu đánh lễ và quỳ gối chấp tay thưa: “Bạch Thế Tôn! Con muốn xin Phật cho phép con thực hành đạo Bồ-tát để sau khi thành Phật, con được ở trong vô số chư Phật khắp mười phương, có trí tuệ dũng mãnh, tối thắng, trên đầu có hào quang như Phật và hào quang ấy tỏa chiếu đến vô cùng vô tận. Cõi nước con ở tự nhiên có bảy báu rất tốt đẹp, làm cho con sau khi thành Phật, giáo pháp và danh hiệu vang khắp vô số cõi nước khắp mười phương, không nơi nào mà không nghe biết danh hiệu của con. Vô số trời người cho đến vạn loại côn trùng nào mà sinh đến nước con, con đều làm cho họ trở thành những Bồ-tát, A-la-hán thù thắng hơn các cõi nước khác. Những ước nguyện của con như thế có thể đạt được chăng?”.

Đức Phật bảo Hiền giả A-nan:

– Phật Lô-di-hăng-la biết rõ những điều mong ước toàn thiện và cao cả của Bồ-tát Đàm-ma-ca, nên bảo Bồ-tát ấy: “Ví như có người đong lường nước biển mênh mông trong trời đất, suốt một kiếp không ngừng thì vẫn có thể làm cho nước biển cả khô cạn đến tận đáy bùn. Người chí tâm cầu đạo

thiết tha như thế, lẽ nào không đắc đạo? Nếu người tinh tấn tìm cầu không ngưng nghỉ, cuối cùng sẽ được tùy tâm mãn nguyện cũng như vậy”. Bồ-tát Đàm-ma-ca nghe Phật Lô-di-hăng-la nói kinh này xong, vô cùng hoan hỷ phấn chấn. Đức Phật ấy đã tuyên chọn những điều thiện ác của chư Thiên và loài người trong hai trăm mười ức cõi Phật. Sự tốt xấu của cõi nước ấy đều được hình thành nên từ những ước muốn trong tâm thức. Khi Phật Lô-di-hăng-la giảng vừa xong, Bồ-tát Đàm-ma-ca nhất tâm chánh niệm, liền được thiên nhãn thấy suốt khắp tất cả. Bồ-tát tự thấy sự tốt xấu nơi cõi nước, những điều thiện ác chư Thiên hay loài người trong hai trăm mười ức cõi Phật tức là tuyên chọn sự tốt xấu ấy được hình thành nên từ những ước muốn trong tâm thức để đúc kết thành kinh hai mươi bốn lời nguyện này. Bồ-tát thực hành theo lời nguyện, tinh tấn dũng mãnh, ân cần khổ nhọc tìm cầu trong vô số kiếp như vậy và cúng dường hầu hạ các Đức Phật thời quá khứ cùng trải qua vô số kiếp. Sau đó, Bồ-tát Đàm-ma-ca được thành Phật hiệu A-di-đà, có trí tuệ dũng mãnh tối thượng và hào quang rực rỡ không gì sánh được. Hiện Đức Phật ấy đang ở nơi cõi nước vô cùng tốt đẹp, giáo hóa cho vô số chư Thiên, loài người, cho đến vạn loài côn trùng khắp mười phương, khiến cho tất cả vượt khỏi lo buồn đau khổ và được giải thoát an vui.

Đức Phật bảo A-nan:

– Khi còn làm Bồ-tát, Đức Phật A-di-đà thường phụng hành hai mươi bốn lời nguyện, quý trọng còn hơn là châu báu, cẩn thận cung kính bảo trì, tinh tấn chánh niệm theo hạnh nguyện không hề trễ nải. Đây thật là một điều siêu tuyệt cao vời không một ai sánh kịp.

Đức Phật dạy:

– Hai mươi bốn nguyện ấy là:

1. Nguyện thứ nhất: Nếu khi thành Phật, Ta sẽ làm cho trong nước của mình không có địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ và những loài côn trùng nhỏ nhít. Nếu được như lời nguyện Ta mới thành Phật. Nếu không được như thế, Ta không thành Phật.

2. Nguyện thứ hai: Nếu khi thành Phật, Ta sẽ làm cho trong nước của mình không có đàn bà, con gái. Người nào sắp sinh vào nước Ta, liền trở thành người nam. Vô số chư Thiên, loài người hay những loài côn trùng nhỏ nhít sinh đến nước Ta đều hóa sinh tử hoa sen trong ao bảy báu, có thân hình cao lớn và đều là Bồ-tát, A-la-hán nhiều vô số. Nếu được như lời nguyện, Ta mới thành Phật. Nếu không được như thế Ta không thành Phật.

3. Nguyện thứ ba: Nếu khi thành Phật, Ta sẽ làm cho đất trong nước của mình tự nhiên thành bảy báu, thoáng mát, rộng lớn, mênh mông và vô cùng tốt đẹp, mịn màng. Nhà cửa, nơi chốn, y phục, thực phẩm hoàn toàn tự nhiên mà có, giống

như chỗ cư ngụ của vua trời thứ sáu. Nếu được như lời nguyện, Ta mới thành Phật. Nếu không được như thế, Ta không thành Phật.

4. Nguyện thứ tư: Nếu khi thành Phật, Ta sẽ làm cho danh hiệu của mình vang khắp mười phương nơi vô số cõi nước và làm cho các Tỳ-kheo lớn ở trú xứ của các Đức Phật đều nói lên công đức cùng những sự tốt đẹp của cõi nước Ta. Chư Thiên và loài người hay những loài côn trùng nghe danh hiệu của Ta đều được tâm từ, hoan hỷ phấn chấn, và sinh vào cõi nước Ta. Nếu được như lời nguyện, Ta mới thành Phật. Nếu không được như thế, Ta không thành Phật.

5. Nguyện thứ năm: Nếu khi thành Phật, Ta sẽ làm cho vô số trời người và những loài côn trùng nhỏ nhít khắp mười phương dù đời trước đã làm việc ác mà được nghe tên Ta và muốn sinh vào cõi nước của Ta, liền tự hối lỗi, trở lại con đường chân chánh, học đạo, thực hành điều thiện, giữ gìn giới kinh, ước nguyện sinh sang nước Ta không gián đoạn. Đến lúc họ qua đời, khiến cho họ không bị rơi vào địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ, mà được sinh vào nước Ta, được tùy tâm mãn nguyện. Nếu được như lời nguyện, Ta mới thành Phật. Nếu không được như thế, Ta không thành Phật.

6. Nguyện thứ sáu: Nếu khi thành Phật, Ta sẽ làm cho trời người hay thiện nam thiện nữ nơi vô số cõi nước khắp mười phương muốn sinh vào

nước Ta, thường làm nhiều việc thiện, hoặc bố thí, xông hương, nhiều tháp, thấp đèn, rải hoa, treo to lụa nhiều màu, cúng dường Sa-môn, làm chùa, xây tháp, đoạn trừ ái dục, sinh sang nước Ta làm Bồ-tát. Nếu được như lời nguyện, Ta mới thành Phật. Nếu không được như thế, Ta không thành Phật.

7. Nguyện thứ bảy: Nếu khi thành Phật, Ta sẽ làm cho chư Thiên, dân chúng nơi vô số cõi nước khắp mười phương, hoặc có người thiện nam, thiện nữ nào hành đạo Bồ-tát, phụng hành sáu Ba-la-mật, hoặc làm Sa-môn không phá hủy kinh giới, trai giới thanh tịnh, đoạn trừ ái dục, nhất tâm chánh niệm, muốn sinh vào nước của Ta ngày đêm không gián đoạn, thì đến khi người ấy sắp qua đời, Ta và các vị Bồ-tát, A-la-hán cùng bay đến nghênh đón người ấy, sinh ngay vào nước của Ta làm Bồ-tát Bất thoái chuyển, có trí tuệ dũng mãnh. Nếu được như lời nguyện, Ta mới thành Phật. Nếu không được như thế, Ta không thành Phật.

8. Nguyện thứ tám: Nếu khi thành Phật, Ta sẽ làm cho các Bồ-tát trong nước của mình đầy đủ mọi hạnh nguyện. Nếu ai muốn sinh đến cõi Phật phương khác, Ta sẽ làm cho họ không trở lại chốn địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ, khiến đắc đạo thành Phật. Nếu được như lời nguyện, Ta mới thành Phật. Nếu không được như thế, Ta không thành Phật.

9. Nguyện thứ chín: Nếu khi thành Phật, Ta sẽ làm cho các Bồ-tát, A-la-hán trong nước của mình

mặt mũi đoan nghiêm, thuần khiết vô cùng đẹp đẽ. Họ có cùng một sắc diện, cùng một giống loại, đều như người ở cõi trời thứ sáu. Nếu được như lời nguyện, Ta mới thành Phật. Nếu không được như thế, Ta không thành Phật.

10. Nguyện thứ mười: Nếu khi thành Phật, Ta sẽ làm cho các Bồ-tát, A-la-hán trong nước của mình đều cùng nhất tâm nhớ nghĩ, ước muốn như nhau, và họ đoán biết ý nhau muốn nói điều chi. Nếu được như lời nguyện, Ta mới thành Phật. Nếu không được như thế, Ta không thành Phật.

11. Nguyện thứ mười một: Nếu khi thành Phật, Ta sẽ làm cho các Bồ-tát, A-la-hán trong nước của mình không có lòng dâm dục, không bao giờ có ý nghĩ đến phụ nữ, không bao giờ có kẻ sân hận, ngu si. Nếu được như lời nguyện, Ta mới thành Phật. Nếu không được như thế, Ta không thành Phật.

12. Nguyện thứ mười hai: Nếu khi thành Phật, Ta sẽ làm cho các Bồ-tát, A-la-hán trong nước của mình không bao giờ có tâm oán ghét nhau. Nếu được như lời nguyện, Ta mới thành Phật. Nếu không được như thế, Ta không thành Phật.

13. Nguyện thứ mười ba: Nếu khi thành Phật, Ta sẽ làm cho các Bồ-tát, A-la-hán trong nước của mình cùng nhau cúng dường vô số chư Phật khắp mười phương, tức thì tất cả những vật dụng họ cần sẽ tự nhiên bay đến ngay trước mặt. Họ đem những

vật dụng đó đến cúng dường chư Phật. Sau khi đã cúng dường khắp các Đức Phật rồi, đến gần trưa, họ bay trở về nước Ta. Nếu được như lời nguyện, Ta mới thành Phật. Nếu không được như thế, Ta không thành Phật.

14. Nguyện thứ mười bốn: Nếu khi thành Phật, Ta sẽ làm cho các Bồ-tát, A-la-hán trong nước của mình khi muốn thọ trai, tức thì tự nhiên trong bát bảy báu có trăm vị thức ăn ngay trước mặt. Thọ trai xong, những bát ấy tự nhiên mất đi. Nếu được như lời nguyện, Ta mới thành Phật. Nếu không được như thế, Ta không thành Phật.

15. Nguyện thứ mười lăm: Nếu khi thành Phật, Ta sẽ làm cho thân thể của các Bồ-tát trong nước của mình toàn màu vàng rực, có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp giống như Phật. Nếu được như lời nguyện, Ta mới thành Phật. Nếu không được như thế, Ta không thành Phật.

16. Nguyện thứ mười sáu: Nếu khi thành Phật, Ta sẽ làm cho các Bồ-tát và A-la-hán trong nước của mình có âm thanh như ba trăm tiếng chuông đồng. Họ nói kinh hay hành đạo đều như Phật. Nếu được như lời nguyện, Ta mới thành Phật. Nếu không được như thế, Ta không thành Phật.

17. Nguyện thứ mười bảy: Nếu khi thành Phật, bản thân Ta có thể thấy và nghe xuyên suốt tất cả, bay đi vượt hơn các Đức Phật gấp mười lần. Nếu

được như lời nguyện, Ta mới thành Phật. Nếu không được như thế, Ta không thành Phật.

18. Nguyện thứ mười tám: Nếu khi thành Phật, trí tuệ thuyết kinh, hành đạo của Ta phải vượt hơn các Đức Phật gấp mười lần. Nếu được như lời nguyện, Ta mới thành Phật. Nếu không được như thế, Ta không thành Phật.

19. Nguyện thứ mười chín: Nếu khi thành Phật, Ta sẽ làm cho hàng trời người và những loài côn trùng nhỏ nhiệm nơi vô số cõi nước khắp mười phương đều được sinh làm người, làm Phật-bích-chi và A-la-hán. Tất cả họ đều nhất tâm tọa thiền, cùng muốn tính đếm để biết tuổi thọ của Ta là bao nhiêu ngàn vạn ức năm, nhưng không ai có thể biết hết được tuổi thọ ấy. Nếu được như lời nguyện, Ta mới thành Phật. Nếu không được như thế, Ta không thành Phật.

20. Nguyện thứ hai mươi: Nếu khi thành Phật, Ta sẽ làm cho hàng trời người và những loài côn trùng nhỏ nhít trong ngàn ức cõi nước khắp mười phương đều được làm Phật-bích-chi và A-la-hán, đều nhất tâm tọa thiền, cùng muốn tính đếm số Bồ-tát, A-la-hán trong nước của Ta có bao nhiêu ngàn vạn ức người, nhưng không ai có thể biết được số người ấy là bao nhiêu. Nếu được như lời nguyện, Ta mới thành Phật. Nếu không được như thế, Ta không thành Phật.

21. Nguyện thứ hai mươi một: Nếu khi thành Phật, Ta sẽ làm cho các Bồ-tát, A-la-hán trong nước của mình thọ đến vô số kiếp. Nếu được như lời nguyện, Ta mới thành Phật. Nếu không được như thế, Ta không thành Phật.

22. Nguyện thứ hai mươi hai: Nếu khi thành Phật, Ta sẽ làm cho các Bồ-tát, A-la-hán trong nước của mình đều có trí tuệ dũng mãnh, tự biết vạn ức kiếp đời trước, biết việc đã làm tự thọ xa xưa, biết việc thiện hay ác, thấy xuyên suốt tất cả không ngăn ngại, biết việc quá khứ, vị lai, hiện tại khắp mười phương cõi. Nếu được như lời nguyện, Ta mới thành Phật. Nếu không được như thế, Ta không thành Phật.

23. Nguyện thứ hai mươi ba: Nếu khi thành Phật, Ta sẽ làm cho các Bồ-tát, A-la-hán trong nước của mình đều có trí tuệ dũng mãnh, có hào quang trên đỉnh. Nếu được như lời nguyện, Ta mới thành Phật. Nếu không được như thế, Ta không thành Phật.

24. Nguyện thứ hai mươi bốn: Nếu khi thành Phật, trên đỉnh đầu của Ta có ánh sáng tuyệt đẹp, sáng hơn cả mặt trăng, mặt trời gấp trăm ngàn vạn ức lần, tuyệt diệu hơn ánh sáng của chư Phật. Ánh sáng ấy chiếu rọi khắp vô số trời đất, cho đến nơi tăm tối nhất cũng được tràn đầy. Chư Thiên, loài người và những loài côn trùng nhỏ nhít gặp được ánh sáng của Ta, không ai mà không phát

khởi tâm từ làm việc thiện, và tất cả đều sinh sang nước của Ta. Nếu được như lời nguyện, Ta mới thành Phật. Nếu không được như thế, Ta không thành Phật.

Đức Phật bảo Hiền giả A-nan:

– Khi còn làm Bồ-tát, Đức Phật A-di-đà thường hành trì theo hai mươi bốn lời nguyện này. Bồ-tát bố thí, không phạm giới cấm, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ, chí nguyện thường dũng mãnh, không hủy phạm kinh pháp, tìm tòi không mệt mỏi, sống đơn độc, giữ bỏ vương vị, đoạn tuyệt tài sắc, sáng suốt nguyện cầu không kể thân sơ. Bồ-tát đã tích lũy công đức trong vô số kiếp, cho đến ngày nay đạt được quả vị Phật, thành tựu viên mãn vẫn không mất công phu tu tập đã qua.

Đức Phật dạy:

– Ánh sáng của Phật A-di-đà tối thượng bậc nhất, ánh sáng của chư Phật khác không thể nào sánh kịp. Vô số chư Phật trong mười phương, có Phật ánh sáng trên đỉnh tòa chiếu bảy trượng, có Phật ánh sáng trên đỉnh tòa chiếu một dậm, có Phật ánh sáng trên đỉnh tòa chiếu hai dậm, có Phật ánh sáng trên đỉnh tòa chiếu năm dậm, có Phật ánh sáng trên đỉnh tòa chiếu đến mười dậm, có Phật ánh sáng trên đỉnh tòa chiếu đến hai mươi dậm, có Phật ánh sáng trên đỉnh tòa chiếu đến bốn mươi dậm, có Phật ánh sáng trên đỉnh tòa chiếu đến tám mươi

dặm, có Phật ánh sáng trên đỉnh tòa chiếu đến một trăm sáu mươi dặm, có Phật ánh sáng trên đỉnh tòa chiếu đến ba trăm hai mươi dặm, có Phật ánh sáng trên đỉnh tòa chiếu đến sáu trăm bốn mươi dặm, có Phật ánh sáng trên đỉnh tòa chiếu đến một ngàn ba trăm dặm, có Phật ánh sáng trên đỉnh tòa chiếu đến hai ngàn sáu trăm dặm, có Phật ánh sáng trên đỉnh tòa chiếu đến năm ngàn hai trăm dặm, có Phật ánh sáng trên đỉnh tòa chiếu đến một vạn bốn trăm dặm, có Phật ánh sáng trên đỉnh tòa chiếu đến hai vạn một ngàn dặm, có Phật ánh sáng trên đỉnh tòa chiếu đến bốn vạn hai ngàn dặm, có Phật ánh sáng trên đỉnh tòa chiếu đến tám vạn bốn ngàn dặm, có Phật ánh sáng trên đỉnh tòa chiếu đến mười bảy vạn dặm, có Phật ánh sáng trên đỉnh tòa chiếu đến ba mươi lăm vạn dặm, có Phật ánh sáng trên đỉnh tòa chiếu đến bảy mươi vạn dặm, có Phật ánh sáng trên đỉnh tòa chiếu đến một trăm năm mươi vạn dặm, có Phật ánh sáng trên đỉnh tòa chiếu đến ba trăm vạn dặm, có Phật ánh sáng trên đỉnh tòa chiếu đến sáu trăm vạn dặm, có Phật ánh sáng trên đỉnh tòa chiếu đến một cõi nước, có Phật ánh sáng trên đỉnh tòa chiếu đến hai cõi nước, có Phật ánh sáng trên đỉnh tòa chiếu đến bốn cõi nước, có Phật ánh sáng trên đỉnh tòa chiếu đến tám cõi nước, có Phật ánh sáng trên đỉnh tòa chiếu đến mười lăm cõi nước, có Phật ánh sáng trên đỉnh tòa chiếu đến ba mươi cõi nước, có Phật ánh sáng trên đỉnh tòa chiếu đến sáu

mười cõi nước, có Phật ánh sáng trên đỉnh tỏa chiếu đến một trăm hai mươi cõi nước, có Phật ánh sáng trên đỉnh tỏa chiếu đến hai trăm bốn mươi cõi nước, có Phật ánh sáng trên đỉnh tỏa chiếu đến năm trăm cõi nước, có Phật ánh sáng trên đỉnh tỏa chiếu đến một ngàn cõi nước, có Phật ánh sáng trên đỉnh tỏa chiếu đến hai ngàn cõi nước, có Phật ánh sáng trên đỉnh tỏa chiếu đến bốn ngàn cõi nước, có Phật ánh sáng trên đỉnh tỏa chiếu đến tám ngàn cõi nước, có Phật ánh sáng trên đỉnh tỏa chiếu đến một vạn sáu ngàn cõi nước, có Phật ánh sáng trên đỉnh tỏa chiếu đến ba vạn hai ngàn cõi nước, có Phật ánh sáng trên đỉnh tỏa chiếu đến sáu vạn bốn ngàn cõi nước, có Phật ánh sáng trên đỉnh tỏa chiếu đến mười ba vạn cõi nước, có Phật ánh sáng trên đỉnh tỏa chiếu đến hai mươi sáu vạn cõi nước, có Phật ánh sáng trên đỉnh tỏa chiếu đến năm mươi vạn cõi nước, có Phật ánh sáng trên đỉnh tỏa chiếu đến một trăm vạn cõi nước, có Phật ánh sáng trên đỉnh tỏa chiếu đến hai trăm vạn cõi nước.

Đức Phật dạy:

– Khắp mười phương có vô số chư Phật đều có ánh sáng trên đỉnh tỏa chiếu như vậy. Ánh sáng trên đỉnh của Đức Phật A-di-đà tỏa chiếu đến ngàn vạn cõi nước. Vì sao ánh sáng của các Đức Phật tỏa chiếu có gần có xa? Vì thuở xưa, vào những đời trước khi các Đức Phật ấy còn là Bồ-tát, cầu đạo sở nguyện và công đức của mỗi vị có lớn có

nhỏ, nên đến khi thành Phật mỗi vị tự đạt phước báo khác nhau, và vì thế cho nên ánh sáng ấy tỏa chiếu không bằng nhau. Oai thần của các Đức Phật bằng nhau, cho nên các vị tự tại hành động theo ý muốn, chứ không có dự tính. Ánh sáng của Đức Phật A-di-đà tỏa chiếu rộng lớn minh mông đến tận cùng, ánh sáng của các Đức Phật khác đều không thể sánh kịp.

Đức Phật ca ngợi ánh sáng cực kỳ tốt đẹp của Phật A-di-đà:

– Ánh sáng của Phật A-di-đà vô cùng tốt đẹp, ánh sáng ấy tốt đẹp nhất trong mọi sự tốt đẹp, khả ái không thể lấy gì so sánh được, vì nó tuyệt diệu vô cùng tận.

Ánh sáng của Phật A-di-đà trong suốt, không gợn một vết nhơ hay khuyết giảm.

Ánh sáng của Phật A-di-đà hơn cả ánh sáng mặt trời, mặt trăng gấp trăm ngàn vạn ức lần, ánh sáng ấy tuyệt diệu nhất trong ánh sáng của các Đức Phật, tốt đẹp nhất trong các ánh sáng, hùng vĩ nhất trong các ánh sáng, khả ái nhất trong các ánh sáng, là vua trong các Đức Phật vì nó cao tột nhất trong các ánh sáng, ánh sáng ấy vô cùng tối thượng trong các ánh sáng.

Ánh sáng của Phật A-di-đà tỏa chiếu khắp vô số cõi nước, kể cả chốn tối tăm cũng đều được sáng soi. Chư Thiên, dân chúng, cho đến loài côn trùng

đều trông thấy ánh sáng của Phật A-di-đà. Những ai trông thấy ánh sáng đó đều phát khởi tâm từ hoan hỷ. Những kẻ tham dục, sân giận, ngu si của thế gian thấy ánh sáng của Phật A-di-đà sẽ làm việc thiện. Những chúng sinh nào đang ở nơi bị tra khảo, đau khổ như chôn địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ mà được thấy ánh sáng của Phật A-di-đà chiếu đến thì những hình phạt ấy sẽ ngưng ngay và không còn bị tra khảo nữa. Sau khi chết, những chúng sinh ấy sẽ được giải thoát khỏi sự lo buồn, khổ đau về hình phạt chôn địa ngục trước kia.

Ánh sáng của Phật A-di-đà danh vang khắp mười phương, nơi vô cùng vô tận, vô số cõi nước, khiến cho chư Thiên, loài người, không ai mà không nghe biết. Khi đã nghe biết rồi, tất cả đều được độ thoát.

Đức Phật dạy:

– Không những chỉ riêng Ta ca ngợi ánh sáng của Phật A-di-đà, mà vô số chư Phật, Phật-bích-chi, Bồ-tát, A-la-hán ở khắp mười phương cũng đều ca ngợi như vậy.

Đức Phật dạy:

– Nếu có người dân hay thiện nam, thiện nữ nào được nghe tiếng ngợi khen về ánh sáng của Phật A-di-đà và từ sáng đến chiều thường ca ngợi ánh sáng tốt đẹp đó với lòng chí thành không gián đoạn, sở nguyện tại tâm, thì những người ấy sẽ

được vãng sinh vào cõi Phật A-di-đà, được sự tôn kính của những vị Bồ-tát, A-la-hán. Đến khi những người ấy thành Phật cũng sẽ được vô số chư Phật, Phật-bích-chi, Bồ-tát, A-la-hán ngợi khen về ánh sáng của mình như vậy. Đồng thời các chúng Tỳ-kheo, Bồ-tát, A-la-hán, chư Thiên, Đế Thích, dân chúng rất hân hoan vui mừng khi nghe sự ca ngợi ánh sáng này và không ai mà không ca ngợi theo.

Đức Phật dạy:

– Ta nói về ánh sáng của Phật A-di-đà thù thắng tốt đẹp, cao vời vợi. Nếu Ta thường xuyên ca ngợi sự tốt đẹp ấy cả đêm ngày trong suốt một kiếp vẫn không thể hết được. Do vậy Ta chỉ nói một phần nhỏ cho các ông nghe mà thôi.

Đức Phật nói về Phật A-di-đà khi còn làm Bồ-tát, mong cầu được hai mươi bốn lời nguyện như vậy. Bấy giờ, có thái tử con vua A-xà-thế cùng năm trăm người con của trưởng giả, mỗi người đều mang một lọng hoa bằng vàng, đi đến chỗ Đức Thế Tôn, cung kính đánh lễ dưới chân và mang lọng hoa vàng dâng lên cúng dường. Sau đó, tất cả đều ngồi qua một bên nghe kinh. Thái tử và năm trăm người con của trưởng giả nghe hai mươi bốn lời nguyện của Đức Phật A-di-đà xong, họ vô cùng hoan hỷ, phấn chấn, thầm nguyện trong tâm: “Xin cho chúng con sau khi thành Phật, được như Đức Phật A-di-đà”.

Đức Phật biết ý nguyện đó, liền bảo các Tỳ-kheo:

– Thái tử con vua A-xà-thế và năm trăm người con của trưởng giả này, vô số kiếp sau đều thành Phật như Phật A-di-đà.

Đức Phật dạy:

– Thái tử và các người con của trưởng giả này từ lúc an trú nơi đạo Bồ-tát đến nay trải qua vô số kiếp, mỗi kiếp đều cúng dường bốn trăm ức Đức Phật và nay họ đến đây cúng dường Ta. Vì thái tử và các người con của trưởng giả vào đời trước, thời Phật Ca-diếp, đã làm đệ tử của Ta, nên hôm nay cùng gặp nhau trong chúng hội này.

Các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, vô cùng vui vẻ hân hoan thay cho thái tử và các người con của trưởng giả.

Đức Phật bảo A-nan:

– Đức A-di-đà thành Phật đến nay trải qua mười tiểu kiếp, cõi nước của Đức Phật ấy tên Tu-ma-đề ở ngay phương Tây, cách cõi Diêm-phù-đề này ngàn vạn ức cõi Phật Tu Di Sơn. Mặt đất ở cõi Phật A-di-đà toàn bằng bảy báu tự nhiên: Một là bạch ngân, hai là vàng, ba là thủy tinh, bốn là lưu ly, năm là san hô, sáu là hổ phách, bảy là xa cừ. Bảy thứ báu này hòa lẫn nhau làm thành mặt đất vô cùng rộng lớn, bát ngát mênh mông vô cùng tận. Bảy thứ báu đó xen lẫn với nhau, mỗi thứ báu tự

tạo thành ánh sáng lấp lánh tốt đẹp rực rỡ, vô cùng êm dịu và tuyệt diệu không gì sánh nổi. Đất bằng bảy báu này là tinh chất của các thứ báu từ khắp mười phương tự nhiên hợp thành. Chúng tự hóa sinh ra giống như bảy báu ở cõi trời thứ sáu. Cõi nước của Phật A-di-đà không có núi Tu-di, trăng, sao, mặt trời, cho nên trời Tứ thiên vương và trời Đạo-lợi đều an trú ở giữa hư không. Ở cõi nước này không có biển lớn, cũng không có biển nhỏ, không có sông Hằng, không có núi rừng, suối khe, không có chôn tói tăm, đất bảy báu ở cõi này rất bằng phẳng, không có địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ và những loài côn trùng nhỏ nhít, không có A-tu-la, rồng, quỷ thần, không bao giờ có trời mưa, cũng không có bốn mùa xuân, hạ, thu, đông. Khí hậu ở đây không quá lạnh hay quá nóng, mà luôn ôn hòa, dễ chịu, rất thoải mái, không đâu sánh được. Có vạn loại vật dụng tự nhiên hiện ra, thực phẩm trăm vị, ý muốn có là tự nhiên có ngay trước mắt. Những vật không dùng nữa, tức thì biến mất, giống như những vật dụng tự nhiên trên cõi trời thứ sáu, tha hồ tùy ý sử dụng.

Trong cõi nước của Phật A-di-đà, tất cả đều là Bồ-tát, A-la-hán, không có phụ nữ, và tuổi thọ ở đây đến vô số kiếp. Nếu có người nữ vãng sinh lên đây liền hóa làm thân nam và có vô số những vị Bồ-tát, A-la-hán, đều là những bậc thấy nghe thông suốt. Dù xa xôi bao nhiêu, họ vẫn trông thấy nhau,

vẫn gặp nhau, cùng nghe tiếng nói của nhau. Tất cả họ đều cầu đạo thiện, đồng một chủng tộc, không có người khác chủng tộc. Các Bồ-tát, A-la-hán ở cõi này diện mạo khôi ngô tuấn tú, tinh khiết tuyệt hảo, cùng một sắc diện, không có người xấu xí. Các Bồ-tát, A-la-hán đều dũng mãnh, tinh cần và thông tuệ. Họ nương vào sự tự nhiên nên trong tâm chỉ nghĩ đến những việc chính đáng, chỉ nói những lời kinh đạo, không nói xấu người khác. Âm vang ngôn ngữ của họ như ba trăm tiếng chuông đồng hợp lại. Họ kính yêu nhau và không có người nào ganh ghét nhau. Họ sống có tôn ti trật tự, người trước dạy người sau, dùng nghĩa đúng lẽ, biết kính trọng nhau như anh như em, lấy nhân hành nghĩa. Họ không hành động, nói năng bừa bãi, mà cùng dạy bảo nhau, không chống báng nhau và cùng chấp nhận nhau. Tâm của các Bồ-tát này rất thanh tịnh, không có tham tiếc, không bao giờ có tâm sân hận, dâm dục hay trạng thái ngu si, không có tâm tà mị hay nghĩ đến phụ nữ. Họ có trí tuệ dũng mãnh, tâm hòa hiếu an vui, ưa thích kinh đạo. Họ tự nhớ biết ngàn vạn ức kiếp đã qua, từ đâu sinh đến đây, những việc thiện ác, mắt còn đời đã qua và biết tất cả trong đời hiện tại.

Những nơi nào Phật A-di-đà có thể giáo hóa như: Tinh xá, giảng đường... thì những nơi ấy tự nhiên thành bảy báu như: vàng, bạc, thủy tinh, lưu ly, bạch ngọc, hổ phách, xà cừ cùng tự tạo thành

sáng chói, vô cùng tốt đẹp không gì sánh được. Chẳng phải do ai làm ra và cũng không biết từ đâu đến, không có người giữ lại, cũng chẳng có kẻ mang đi, mà thuần túy từ tự nhiên biến hóa ra.

Công đức bản nguyện của Phật A-di-đà thật là sâu nặng. Những người làm lành nên luận kinh nói nghĩa, thuyết kinh, hành đạo thì tự nhiên hóa sinh vào trong chúng hội này. Tinh xá, giảng đường của họ đều có lầu gác, lan can bằng bảy báu; lại dùng vàng, bạc, thủy tinh, lưu ly, bạch ngọc, hổ phách, xà cừ làm chuỗi anh lạc; lại dùng ngọc trắng, ngọc minh nguyệt, ngọc ma-ni để giăng chen nhau, che phủ phía trên. Chúng tự tạo năm âm thanh vô cùng tuyệt diệu, không gì sánh được. Nhà cửa trú xứ của các Bồ-tát, A-la-hán đều do bảy báu như vàng, bạc, thủy tinh, lưu ly, san hô, hổ phách, xà cừ, mã não hóa sinh hợp thành. Tất cả đều có lầu đài, lan can bằng bảy báu, lại dùng vàng, bạc, thủy tinh, san hô, bạch ngọc, hổ phách, xà cừ làm chuỗi anh lạc và dùng ngọc trắng, ngọc minh nguyệt, ngọc ma-ni để giăng xen nhau, che phủ bên trên. Tất cả những thứ đó tạo thành năm âm thanh tuyệt diệu.

Tinh xá, giảng đường của Phật A-di-đà và trú xứ, nhà cửa của các Bồ-tát, A-la-hán từ trong đến ngoài, nơi nào cũng có ao hồ, suối chảy tự nhiên và cũng do bảy báu tự nhiên sinh ra; do vàng, bạc, thủy tinh, lưu ly, hổ phách, xà cừ cùng hợp lại tạo thành. Có ao thuần bằng vàng thì cát dưới đáy ao

bằng bạch ngân. Có ao thuần bằng bạch ngân thì cát dưới đáy ao bằng vàng ròng. Có ao thuần bằng thủy tinh thì cát dưới đáy ao là lưu ly. Có ao thuần bằng lưu ly thì cát dưới đáy ao là thủy tinh. Có ao thuần bằng san hô thì cát dưới đáy ao bằng hổ phách. Có ao thuần bằng hổ phách thì cát dưới đáy ao bằng san hô. Có ao thuần bằng xà cừ thì cát dưới đáy ao là lưu ly. Có ao thuần bằng mã não thì cát dưới đáy ao bằng xa cừ. Có ao thuần bằng bạch ngọc thì cát dưới đáy ao bằng vàng màu tía. Có ao thuần bằng vàng màu tía thì cát dưới đáy ao bằng ngọc trắng.

Lại có hai thứ châu báu cùng tạo thành một cái ao thì cát dưới đáy ao bằng vàng, bạc. Có ba thứ châu báu cùng tạo thành một cái ao thì cát dưới đáy ao bằng vàng, bạc, thủy tinh. Có bốn thứ châu báu cùng tạo thành một cái ao thì cát dưới đáy ao bằng vàng, bạc, thủy tinh, lưu ly. Có năm thứ châu báu cùng tạo thành một cái ao thì cát dưới đáy ao bằng vàng, bạc, thủy tinh, lưu ly, san hô. Có sáu thứ châu báu cùng tạo thành một cái ao thì cát dưới đáy ao bằng vàng, bạc, thủy tinh, lưu ly, san hô, hổ phách. Có bảy thứ châu báu cùng tạo thành một cái ao thì cát dưới đáy ao bằng vàng, bạc, thủy tinh, lưu ly, san hô, hổ phách, xa cừ.

Nơi đó có ao hồ dài bốn mươi dặm, có ao hồ dài tám mươi dặm, có ao hồ dài một trăm sáu mươi dặm, có ao hồ dài ba trăm hai mươi dặm, có ao hồ

dài sáu trăm bốn mươi dặm, có ao hồ dài một ngàn hai trăm tám mươi dặm, có ao hồ dài hai ngàn năm trăm sáu mươi dặm, có ao hồ dài năm ngàn một trăm hai mươi dặm, có ao hồ dài một vạn hai trăm bốn mươi dặm, có ao hồ dài hai vạn bốn trăm tám mươi dặm. Những ao hồ này chiều ngang và chiều rộng bằng nhau. Đây là nơi mà các Bồ-tát, A-la-hán thường dùng để tắm gội.

Đức Phật dạy:

– Ao tắm của Phật A-di-đà dài bốn vạn tám ngàn dặm, chiều rộng cũng bốn vạn tám ngàn dặm. Ao này đều bằng bảy báu hợp thành. Cát dưới đáy ao bằng ngọc trắng, ngọc minh nguyệt và ngọc châu ma-ni. Nước trong ao tắm của Phật A-di-đà và các Bồ-tát, A-la-hán trong veo và thơm mát. Trong ao có hoa thơm, trăm loại hoa tự nhiên sinh ra, nhiều sắc màu khác nhau, hương thơm khác nhau, mỗi cành có cả ngàn hoa lá rất thơm, không gì sánh được và cũng không thể dùng ngôn từ nào để diễn tả được mùi thơm ấy. Những đóa hoa này chẳng phải loại hoa của thế gian, cũng chẳng phải là hoa trên trời, mà chúng được kết tinh bằng hương thơm của tất cả các loại hoa trong khắp mười phương và tự nhiên hóa sinh như vậy. Nước trong ao chảy thành dòng và dòng nước ấy không chảy nhanh, không chảy chậm, chúng tạo thành năm âm thanh tuyệt diệu.

Đức Phật dạy:

– Hàng trời, người và những loài côn trùng, cầm thú nơi vô số cõi nước khắp mười phương được sinh vào nước Phật A-di-đà đều được hóa sinh trong ao sen báu. Chúng lớn lên tự nhiên mà không cần người nuôi dưỡng. Chúng ăn những thức ăn tự nhiên. Thân thể của chúng chẳng phải như thân thể những người ở thế gian, cũng chẳng phải thân thể của những người ở cõi trời. Chúng tích tụ nhiều đức thiện, nên được thọ thân hư vô tự nhiên và thể của vô cực vô cùng xinh đẹp không gì sánh được.

Đức Phật bảo A-nan:

– Ví như ở thế gian có người hành khát nghèo nàn đứng cạnh nhà vua. Như vậy diện mạo, dáng dấp của người hành khát thế nào? Có giống diện mạo, dáng dấp của nhà vua chăng?

Hiền giả A-nan thưa:

– Nếu như kẻ hành khát ấy đứng bên cạnh vua thì diện mạo, dáng dấp của kẻ ấy rất xấu xí, không bằng nhà vua đẹp gấp trăm ngàn vạn ức lần. Vì sao? Vì người hành khát nghèo nàn khốn đốn, ăn uống kham khổ, chưa từng được bữa ăn ngon. Đã ăn dở, còn chẳng được no, lấy gì để nuôi thân? Gân cốt rã rời, không có gì cấp dưỡng, thường bị thiếu thốn, đói khát, chẳng được đầy đủ, và bị rét mướt, sợ sệt, sầu khổ v.v... Chỉ vì đời trước người này ngu si không trí tuệ, lại tham lam bòn xén, không

có tâm từ thương xót làm việc thiện, mở rộng lòng thương bố thí cho người mà chỉ muốn được nhiều của cải, tham lam ăn uống, lại muốn ăn ngon, không tin bố thí đời sau sẽ được phước báo, không tin làm thiện đời sau sẽ được phước lành. Người này chỉ mong nắm giữ thật nhiều nên càng làm thêm nhiều điều ác. Đến lúc qua đời với hai bàn tay trắng, chẳng có một chút ân đức, cũng chẳng có chỗ cậy nhờ, nên đọa vào trong đường ác chịu khổ vô tận. Sau đó được thoát khỏi đường ác, sinh làm thân người nhưng lại ở nơi hạ tiện, làm con trong nhà nghèo khổ, thân thể thô bỉ xấu xí, đơn độc một mình, áo quần rách rưới không đủ che thân, nên phải sống đời xin ăn, đói lạnh khôn khổ, sắc diện tiều tụy chẳng giống loài người. Người này do đời trước đã tạo nghiệp, nên chịu nhiều tai ương, hình phạt. Những người trông thấy không ai thương xót, bị đem bỏ ngoài phố chợ, chịu nắng mưa, sương gió, gầy guộc, đen đúa, xấu xí và không sánh được với nhà vua.

Vì sao nhà vua được xem là người tôn quý, tốt đẹp nhất trong thiên hạ? Vì đời trước khi làm người đã làm điều thiện, tin thọ kinh đạo, ban ân thí đức, thuận nghĩa bác ái, nhân từ bố thí, không tham lam ăn uống mà đem cho tất cả mọi người, không có sự tiếc nuối và hoàn toàn không chống trái, tranh cãi, được phước thiện đã tạo, nên sau khi chết phước đức ấy theo cùng mà không rơi vào đường ác. Nay

sinh làm người, được sống chốn vương gia, tự nhiên được tôn quý, đứng đầu cai trị dân chúng. Đó là người oai hùng vĩ đại, diện mạo thuần khiết, từ hòa đẹp đẽ, thân thể đoan chánh, mọi người kính nể, tùy ý tha hồ muốn ăn ngon mặc đẹp. Nếu muốn điều gì, tự nhiên chúng sẽ hiện ngay trước mặt, hoàn toàn không trái ý. Nhà vua là người tốt đẹp thù thắng trong cõi người, được hạnh phúc vô tư, nên có diện mạo sáng ngời và được tất cả như vậy.

Đức Phật bảo A-nan:

– Tuy đế vương là người đẹp nhất trong thiên hạ nhưng nếu ông ta đứng bên cạnh vua Chuyển luân thì dung mạo của nhà vua xấu xí như kẻ hành khất đứng bên cạnh nhà vua vậy. Dung mạo của nhà vua sánh với sắc diện tốt đẹp của vua Chuyển luân trăm ngàn vạn ức lần cũng không bằng.

Nếu như sự tuyệt hảo không gì sánh được của vua Chuyển luân đối với thiên hạ, thì vẫn không bằng sắc diện đoan nghiêm tốt đẹp thù thắng gấp trăm ngàn vạn ức lần của trời Đế Thích khi vua đứng bên cạnh trời Đế Thích.

Nếu như trời Đế Thích đứng bên cạnh vị trời thứ sáu thì dung mạo rất xấu, không bằng sắc diện đoan nghiêm, tốt đẹp thù thắng gấp trăm ngàn vạn ức lần của vị trời này.

Nếu như vị trời thứ sáu đứng bên cạnh các vị Bồ-tát, A-la-hán trong nước Phật A-di-đà thì sắc

diện Thiên vương quá xấu, không bằng sắc diện đoan nghiêm, tốt đẹp thù thắng gấp trăm ngàn vạn ức lần của các vị Bồ-tát, A-la-hán trong cõi nước Phật A-di-đà.

Đức Phật dạy:

– Dung mạo của các Bồ-tát, A-la-hán ở nước Phật A-di-đà đều đoan nghiêm, tuyệt đẹp, không ai có thể sánh được. Họ là những người tiếp nối đạo lộ Niết-bàn.

Nhà cửa, trú xứ, tinh xá, giảng đường bên trong, bên ngoài trên những ao tắm của Phật A-di-đà cùng các Bồ-tát, A-la-hán đều có cây bảy báu. Trong đó có cây thuần bằng vàng, có cây thuần bằng bạc, có cây thuần bằng thủy tinh, có cây thuần bằng lưu ly, có cây thuần bằng bạch ngọc, có cây thuần bằng san hô, có cây thuần bằng hô phách, có cây thuần bằng xa cừ. Mỗi loại cây tự xếp thành hàng khác nhau.

Trong đó, có hai loại châu báu tạo thành một cây, như cây bạc, thì rễ bạc, thân vàng, cành bạc, lá vàng, hoa bạc, quả vàng. Cây vàng thì rễ vàng, thân bạc, cành vàng, lá bạc, hoa vàng, quả bạc. Cây thủy tinh thì rễ thủy tinh, thân lưu ly, cành thủy tinh, lá lưu ly, hoa thủy tinh, quả lưu ly. Cây lưu ly thì rễ lưu ly, thân thủy tinh, cành lưu ly, lá thủy tinh, hoa lưu ly, quả thủy tinh. Đây là hai loại châu báu cùng tạo thành một cây.

Có bốn loại châu báu cùng tạo thành một cây, như: cây thủy tinh, thì rễ thủy tinh, thân lưu ly, cành vàng, lá bạc, hoa thủy tinh, quả lưu ly. Cây lưu ly thì rễ lưu ly, thân thủy tinh, cành vàng, lá bạc, hoa thủy tinh, quả lưu ly. Đây là cây do bốn loại châu báu cùng tạo thành, mỗi loại tự xếp thành hàng khác nhau.

Có năm loại châu báu cùng tạo thành một cây, như: cây bạc thì rễ bạc, thân vàng, cành thủy tinh, lá lưu ly, hoa bạc, quả vàng. Cây vàng thì rễ vàng, thân bạc, cành thủy tinh, lá lưu ly, hoa san hô, quả bạc. Cây thủy tinh thì rễ thủy tinh, thân lưu ly, cành san hô, lá bạc, hoa vàng, quả lưu ly. Cây lưu ly thì rễ lưu ly, thân san hô, cành thủy tinh, lá vàng, hoa bạc, quả san hô. Cây san hô thì rễ san hô, thân lưu ly, cành thủy tinh, lá vàng, hoa bạc, quả lưu ly. Đây là năm loại châu báu cùng tạo thành một cây, mỗi loại tự xếp thành hàng khác nhau.

Có sáu loại châu báu cùng tạo thành một cây, như: cây bạc thì rễ bạc, thân vàng, cành thủy tinh, lá lưu ly, hoa san hô, quả hổ phách. Cây vàng thì rễ vàng, thân bạc, cành thủy tinh, lá lưu ly, hoa hổ phách, quả san hô. Cây thủy tinh thì rễ thủy tinh, thân lưu ly, cành san hô, lá hổ phách, hoa bạc, quả vàng. Cây lưu ly thì rễ lưu ly, thân san hô, cành hổ phách, lá thủy tinh, hoa vàng, quả bạc. Đây là sáu loại châu báu cùng tạo thành một cây, mỗi loại tự xếp thành hàng khác nhau.

Có bảy loại châu báu cùng tạo thành một cây, như: cây bạc thì rễ bạc, thân vàng, cành thủy tinh, lá lưu ly, hoa san hô, quả hổ phách. Cây vàng thì rễ vàng, thân thủy tinh, cành lưu ly, lá san hô, hoa hổ phách, quả bạc. Cây thủy tinh thì rễ thủy tinh, thân lưu ly, cành san hô, lá hổ phách, hoa xa cừ, quả bạch ngọc. Cây san hô thì rễ san hô, thân hổ phách, cành bạch ngọc, lá lưu ly, hoa xa cừ, quả ngọc minh nguyệt. Cây hổ phách thì rễ hổ phách, thân bạch ngọc, cành san hô, lá lưu ly, hoa thủy tinh, quả vàng. Cây bạch ngọc thì rễ bạch ngọc, thân xa cừ, cành san hô, lá hổ phách, hoa vàng, quả ngọc ma-ni. Đây là bảy thứ châu báu cùng tạo thành một cây, mỗi loại tự xếp thành hàng khác nhau. Từng hàng cây đan nhau, những thân cây tự thẳng tắp với nhau, những cành cây tự vươn lên ngang nhau, những chiếc lá cùng hướng về nhau, những bông hoa cùng nhau nở tròn và những quả tự lớn tương đương với nhau.

Đức Phật dạy:

– Trong tinh xá hay giảng đường của Phật A-di-đà trong ngoài đều có ao tắm bảy báu vây quanh, phía trên bờ đều có những hàng cây bảy báu. Và ở trong nhà cửa bảy báu của các Bồ-tát, A-la-hán trong ngoài đều có ao tắm bảy báu vây quanh, ven bờ ao cũng đều có những hàng cây bảy báu. Mỗi nơi đều có đến hàng trăm hàng ngàn cây báu trùng điệp và mỗi cây tự tạo thành năm âm thanh vô cùng

tuyệt diệu, không gì sánh được.

Đức Phật bảo A-nan:

– Như một vị vua ở thế gian có trăm loại âm thanh kỹ nhạc vẫn không bằng những âm thanh kỹ nhạc của vua Chuyển luân, hay gấp trăm ngàn vạn ức lần. Như một vạn loại âm thanh kỹ nhạc của vua Chuyển luân, vẫn không bằng một âm thanh của cõi trời thứ hai là Đao-lợi, hay gấp trăm ngàn vạn ức lần. Một vạn loại âm thanh kỹ nhạc ở trên trời Đao-lợi vẫn không bằng một âm thanh trên cõi trời thứ sáu, hay gấp trăm ngàn vạn ức lần.

Như một vạn loại âm thanh kỹ nhạc trên cõi trời thứ sáu vẫn không bằng một âm thanh của cây bảy báu trong cõi Phật A-di-đà, hay gấp trăm ngàn vạn ức lần. Trong cõi Phật A-di-đà cũng có vạn loại âm nhạc tự nhiên rất hay vô cùng vô tận.

Khi Phật A-di-đà và các Bồ-tát, A-la-hán muốn tắm gội thì mỗi người tự vào tắm gội trong ao bảy báu đó. Ý của các Bồ-tát, A-la-hán muốn làm cho nước đến chân thì nước sẽ ngập đến chân; ý muốn làm cho nước đến đầu gối, tức thì nước sẽ đến đầu gối; ý muốn làm cho nước đến lưng, tức thì nước sẽ đến lưng; ý muốn làm cho nước đến ngực, tức thì nước sẽ đến ngực; ý muốn làm cho nước đến cổ, tức thì nước sẽ đến cổ; ý muốn làm cho nước tự gội lên chân, tức thì nước sẽ tự gội lên chân; ý muốn làm cho nước trở lại như cũ, tức thì nước sẽ

trở lại như cũ... tha hồ tùy theo ý thích của mỗi người.

Đức Phật dạy:

– Khi Phật A-di-đà cùng các Bồ-tát, A-la-hán đã tắm xong, tất cả thấy mình ngồi trên một hoa sen lớn, đồng thời tự nhiên có gió từ bốn phương nổi lên. Những ngọn gió này không phải gió của thế gian, cũng chẳng phải gió trên trời, mà chính là tinh chất của những ngọn gió khắp mười phương tự nhiên hợp lại hóa thành. Gió này không lạnh không nóng, mà luôn luôn điều hòa, thích ứng với mọi người. Nó rất mát mẽ trong lành, không gì sánh được. Gió từ từ thổi đến không nhanh, không chậm mà vừa phải. Gió này thổi vào hàng cây bảy báu tạo thành năm thứ âm thanh, làm cho cây hoa bảy báu che phủ cả nước Phật và tung rải trên Phật cùng các Bồ-tát, A-la-hán. Hoa rơi xuống đất dày đến bốn tấc, trông thật vô cùng tốt đẹp mềm mại, không gì sánh được. Rồi tự nhiên gió thổi đến cuốn bay những bông hoa héo ấy đi, và gió từ bốn phương tự nhiên thổi vào hàng cây bảy báu, những hàng cây ấy tạo thành năm thứ âm thanh, những cây hoa tự nhiên tung rải lên trên Đức Phật cùng các Bồ-tát, A-la-hán. Hoa héo thì rơi xuống đất và liền tự nhiên bay đi. Bốn phương gió lại nổi lên thổi vào cây bảy báu, hình ảnh này diễn ra liên tục bốn lần như vậy.

Trong số những vị Bồ-tát, A-la-hán ấy, có

người chỉ muốn nghe kinh, có người chỉ muốn nghe âm nhạc, có người chỉ muốn nghe mùi thơm của hoa. Lại có người không muốn nghe kinh, có người không muốn nghe nhạc, có người không muốn nghe mùi thơm của hoa. Người nào thích nghe cái gì, liền sẽ được nghe cái ấy. Và người không muốn nghe cái gì thì chỉ nghe một thứ. Tùy ý ưa thích của mỗi người mà không hề bị trái ý.

Tám gội xong, mỗi người tự đi làm việc đạo: Có người thì giảng kinh, người tụng kinh, người thuyết kinh, người trì kinh, người nghe kinh, người niệm kinh, người tư duy về đạo, người tọa thiền, người kinh hành trên mặt đất. Trong đó có người giảng kinh, người tụng kinh, người thuyết kinh, người trì kinh, người nghe kinh, người niệm kinh, người tư duy về đạo, người nhất tâm tọa thiền, người kinh hành trong hư không. Người chưa đắc đạo Tu-đà-hoàn, liền đắc đạo Tu-đà-hoàn. Người chưa đắc đạo Tu-đà-hàm, liền đắc đạo Tu-đà-hàm. Người chưa đắc đạo A-na-hàm, liền đắc đạo A-na-hàm. Người chưa đắc đạo A-la-hán, liền đắc đạo A-la-hán. Người chưa đắc đạo Bồ-tát bất thoái chuyển, liền đắc đạo Bồ-tát bất thoái chuyển.

Mỗi người tự thuyết kinh hành đạo và tất cả đều đắc đạo, không ai mà không hân hoan vui mừng. Trong những vị Bồ-tát này, những vị muốn cúng dường vô số chư Phật khắp mười phương, tức thời họ vân tập đến trước Đức Phật, đánh lễ, thưa thỉnh

đề từ giã ra đi cúng dường vô số chư Phật khắp mười phương. Đức Phật lặng yên nhận lời, làm cho các Bồ-tát vô cùng hoan hỷ. Số Bồ-tát này nhiều đến ngàn vạn ức người, nhiều vô lượng vô số, không thể tính đếm được, đều có trí tuệ dũng mãnh. Họ bay tiếp nối nhau cùng đến chỗ chư Phật khắp mười phương, đánh lễ trước các Đức Phật. Các Bồ-tát muốn có đủ thứ vật tự nhiên để cúng dường, tức thời tự nhiên có trăm hoa với đủ màu sắc, trăm thứ vải vóc nhưng lụa đẹp, trăm loại y kiếp-ba và đèn bằng bảy báu, vạn loại âm nhạc hiện ra, tất cả đều hiện hữu trước mặt chư vị với vạn loại hương hoa. Những vật này là vật tự nhiên ở khắp mười phương hòa hợp mà hóa sinh, chứ chẳng phải vật ở thế gian hay vật ở trên trời tạo ra. Người nào muốn có hương thơm, tự nhiên sẽ có ngay, và không muốn dùng nữa tức thì hương ấy bay đi. Các vị Bồ-tát liền muốn đem những vật ấy cúng dường chư Phật, Bồ-tát, A-la-hán, tùy theo ý muốn, cúng một bên, hai bên, trước sau, giáp vòng chung quanh các Ngài, tức thời bay đến ngay. Ngay trong lúc ấy, họ vô cùng vui vẻ, không thể dùng ngôn từ để diễn đạt được.

Nếu ý của các vị Bồ-tát muốn có bốn mươi dặm hoa, tức thì tự nhiên có hoa ngay. Họ sẽ ở trong hư không cùng mang hoa tung lên trên chư Phật, Bồ-tát, A-la-hán. Những đóa hoa tươi đẹp ngát hương được rơi xuống từ hư không. Đến khi hoa héo, sẽ

tự rơi xuống đất, và tự nhiên gió lớn thổi đến, cuốn những hoa héo ấy bay đi.

Nếu ý của các vị Bồ-tát muốn có tám mươi dặm hoa, tức thì tự nhiên có hoa ngay. Họ sẽ ở trong hư không cùng mang hoa tung lên trên chư Phật, Bồ-tát, A-la-hán. Những đóa hoa tươi đẹp ngát hương được rơi xuống từ hư không. Đến khi hoa héo, sẽ tự rơi xuống đất, và tự nhiên gió lớn thổi đến, cuốn những hoa héo ấy bay đi.

Các vị Bồ-tát muốn có một trăm sáu mươi dặm hoa, tức thì tự nhiên có hoa ngay. Họ sẽ ở trong hư không cùng mang hoa tung lên trên chư Phật, Bồ-tát, A-la-hán. Những đóa hoa tươi đẹp ngát hương được rơi xuống từ hư không. Đến khi hoa héo, sẽ tự rơi xuống đất, và tự nhiên gió lớn thổi đến, cuốn những hoa héo ấy bay đi.

Các vị Bồ-tát muốn có ba trăm hai mươi dặm hoa, tức thì tự nhiên có hoa ngay. Họ sẽ ở trong hư không cùng mang hoa tung lên trên chư Phật, Bồ-tát, A-la-hán. Những đóa hoa tươi đẹp ngát hương được rơi xuống từ hư không. Đến khi hoa héo, sẽ tự rơi xuống đất, và tự nhiên gió lớn thổi đến, cuốn những hoa héo ấy bay đi.

Các vị Bồ-tát muốn có sáu trăm bốn mươi dặm hoa, tức thì tự nhiên có hoa ngay. Họ sẽ ở trong hư không cùng mang hoa tung lên trên chư Phật, Bồ-tát, A-la-hán. Những đóa hoa tươi đẹp ngát hương

được rơi xuống từ hư không. Đến khi hoa héo, sẽ tự rơi xuống đất, và tự nhiên gió lớn thổi đến, cuốn những hoa héo ấy bay đi.

Các vị Bồ-tát muốn có một ngàn hai trăm tám mươi dặm hoa, tức thì tự nhiên có hoa ngay. Họ sẽ ở trong hư không cùng mang hoa tung lên trên chư Phật, Bồ-tát, A-la-hán. Những đóa hoa tươi đẹp ngát hương được rơi xuống từ hư không. Đến khi hoa héo, sẽ tự rơi xuống đất, và tự nhiên gió lớn thổi đến, cuốn những hoa héo ấy bay đi.

Các vị Bồ-tát muốn có hai ngàn năm trăm sáu mươi dặm hoa, tức thì tự nhiên có hoa ngay. Họ sẽ ở trong hư không cùng mang hoa tung lên trên chư Phật, Bồ-tát, A-la-hán. Những đóa hoa tươi đẹp ngát hương được rơi xuống từ hư không. Đến khi hoa héo, sẽ tự rơi xuống đất, và tự nhiên gió lớn thổi đến, cuốn những hoa héo ấy bay đi.

Các vị Bồ-tát muốn có năm ngàn một trăm hai mươi dặm hoa, tức thì tự nhiên có hoa ngay. Họ sẽ ở trong hư không cùng mang hoa tung lên trên chư Phật, Bồ-tát, A-la-hán. Những đóa hoa tươi đẹp ngát hương được rơi xuống từ hư không. Đến khi hoa héo, sẽ tự rơi xuống đất, và tự nhiên gió lớn thổi đến, cuốn những hoa héo ấy bay đi.

Các vị Bồ-tát muốn có một vạn hai trăm bốn mươi một dặm hoa, tức thì tự nhiên có hoa ngay. Họ sẽ ở trong hư không cùng mang hoa tung lên

trên chư Phật, Bồ-tát, A-la-hán. Những đóa hoa tươi đẹp ngát hương được rơi xuống từ hư không. Đến khi hoa héo, sẽ tự rơi xuống đất, và tự nhiên gió lớn thổi đến, cuốn những hoa héo ấy bay đi.

Các vị Bồ-tát muốn có hai vạn bốn trăm tám mươi dặm hoa, tức thì tự nhiên có hoa ngay. Họ sẽ ở trong hư không cùng mang hoa tung lên trên chư Phật, Bồ-tát, A-la-hán. Những đóa hoa tươi đẹp ngát hương được rơi xuống từ hư không. Đến khi hoa héo, sẽ tự rơi xuống đất, và tự nhiên gió lớn thổi đến, cuốn những hoa héo ấy bay đi.

Các vị Bồ-tát muốn có năm vạn dặm hoa, tức thì tự nhiên có hoa ngay. Họ sẽ ở trong hư không cùng mang hoa tung lên trên chư Phật, Bồ-tát, A-la-hán. Những đóa hoa tươi đẹp ngát hương được rơi xuống từ hư không. Đến khi hoa héo, sẽ tự rơi xuống đất, và tự nhiên gió lớn thổi đến, cuốn những hoa héo ấy bay đi.

Các vị Bồ-tát muốn có mười vạn dặm hoa, tức thì tự nhiên có hoa ngay. Họ sẽ ở trong hư không cùng mang hoa tung lên trên chư Phật, Bồ-tát, A-la-hán. Những đóa hoa tươi đẹp ngát hương được rơi xuống từ hư không. Đến khi hoa héo, sẽ tự rơi xuống đất, và tự nhiên gió lớn thổi đến, cuốn những hoa héo ấy bay đi.

Các vị Bồ-tát muốn có bốn mươi vạn dặm hoa, tức thì tự nhiên có hoa ngay. Họ sẽ ở trong hư

không cùng mang hoa tung lên trên chư Phật, Bồ-tát, A-la-hán. Những đóa hoa tươi đẹp ngát hương được rơi xuống từ hư không. Đến khi hoa héo, sẽ tự rơi xuống đất, và tự nhiên gió lớn thổi đến, cuốn những hoa héo ấy bay đi.

Các vị Bồ-tát muốn có tám mươi vạn dặm hoa, tức thì tự nhiên có hoa ngay. Họ sẽ ở trong hư không cùng mang hoa tung lên trên chư Phật, Bồ-tát, A-la-hán. Những đóa hoa tươi đẹp ngát hương được rơi xuống từ hư không. Đến khi hoa héo, sẽ tự rơi xuống đất, và tự nhiên gió lớn thổi đến, cuốn những hoa héo ấy bay đi.

Các vị Bồ-tát muốn có một trăm sáu mươi vạn dặm hoa, tức thì tự nhiên có hoa ngay. Họ sẽ ở trong hư không cùng mang hoa tung lên trên chư Phật, Bồ-tát, A-la-hán. Những đóa hoa tươi đẹp ngát hương được rơi xuống từ hư không. Đến khi hoa héo, sẽ tự rơi xuống đất, và tự nhiên gió lớn thổi đến, cuốn những hoa héo ấy bay đi.

Các vị Bồ-tát muốn có ba trăm vạn dặm hoa, tức thì tự nhiên có hoa ngay. Họ sẽ ở trong hư không cùng mang hoa tung lên trên chư Phật, Bồ-tát, A-la-hán. Những đóa hoa tươi đẹp ngát hương được rơi xuống từ hư không. Đến khi hoa héo, sẽ tự rơi xuống đất, và tự nhiên gió lớn thổi đến, cuốn những hoa héo ấy bay đi.

Các vị Bồ-tát muốn có sáu trăm vạn dặm hoa,

tức thì tự nhiên có hoa ngay. Họ sẽ ở trong hư không cùng mang hoa tung lên trên chư Phật, Bồ-tát, A-la-hán. Tự nhiên những đóa hoa ấy hợp lại thành một bông hoa, với những cánh hoa xoay tròn đều đặn, đẹp hơn trước gấp bội.

Bông hoa rất tươi đẹp, mượt mà hơn trước gấp trăm ngàn lần, với màu sắc đặc thù, hương thơm không thể dùng ngôn từ để diễn tả được. Các Bồ-tát vô cùng hoan hỷ, ở trong hư không cùng trỗi lên kỹ nhạc, âm thanh tự nhiên để làm vui đẹp lòng chư Phật, Bồ-tát, A-la-hán.

Bây giờ, ai nấy đều vui mừng không thể nói hết. Các Bồ-tát ngồi im lặng nghe kinh, nghe kinh xong đều đọc tụng thông suốt, hiểu rõ kinh, càng tăng thêm trí tuệ sáng suốt. Lúc ấy, trong các cõi nước, từ cõi trời thứ nhất là Tứ thiên, đến cõi trời Ba Mươi Ba, chư Thiên đều mang đến những vật tự nhiên của cõi trời để cúng dường chư Bồ-tát và A-la-hán. Chư Thiên lại ở trong hư không trỗi lên những thứ âm nhạc. Chư Thiên lần lượt kẻ đến trước lui ra nhường cho người sau đến cúng dường các Bồ-tát. Chư Thiên hoan hỷ nghe kinh và cùng trỗi lên âm nhạc. Trong những lúc này, các vị vui không thể kể xiết.

Các Bồ-tát nghe kinh và cúng dường xong, đứng dậy đánh lễ Đức Phật rồi lui ra. Họ bay đến vô số chư Phật khắp mười phương nghe kinh và cúng dường theo trình tự như trước. Sau khi đã

hoàn tất, đến gần trưa, họ bay về nước của mình, đánh lễ Đức Phật A-di-đà rồi ngồi xuống nghe kinh với tâm vô cùng hỷ lạc.

Đức Phật dạy:

– Khi Đức Phật A-di-đà và các Bồ-tát, A-la-hán sắp thọ trai thì tự nhiên có ghế bằng bảy báu và được trải vải nhung mềm mịn êm ái dùng làm chỗ ngồi. Khi Phật và Bồ-tát ngồi lên tòa thì đã có bát bảy báu tự nhiên hiện ra và trong bát có đầy đủ thực phẩm thơm ngon. Loại thực phẩm này chẳng phải của thế gian, cũng chẳng phải trên trời, mà đó là tinh chất của tất cả những thực phẩm tự nhiên trong khắp mười phương. Nó thơm ngon tuyệt vời không gì sánh được, tự nhiên hóa sinh như vậy. Nếu ai muốn được vị ngọt, hay chua thì sẽ được theo ý muốn.

Trong những Bồ-tát, A-la-hán này, có vị muốn bát bằng vàng, có vị muốn bát bằng bạc, có vị muốn bát bằng thủy tinh, có vị muốn bát bằng san hô, có vị muốn bát bằng hổ phách, có vị muốn bát bằng ngọc trắng, có vị muốn bát bằng xa cừ, có vị muốn bát bằng mã não, có vị muốn bát bằng ngọc minh nguyệt, có vị muốn bát bằng ngọc ma-ni, có vị muốn bát bằng vàng ròng v.v... tùy theo ý mà có ngay. Bát này không từ đâu đến, không có ai cúng dường, mà được hóa sinh tự nhiên. Các Bồ-tát, A-la-hán đều thọ trai, thực phẩm không nhiều, cũng không ít mà bằng nhau. Không ai khen chê thức ăn

ngon hay dở và cũng không vì thức ăn ngon nên vui vẻ. Thọ trai xong, tất cả những thức ăn, bình bát, tòa ngồi tự nhiên biến mất. Đến khi muốn thọ trai thì sẽ hóa sinh trở lại. Tâm của các Bồ-tát, A-la-hán rất trong sạch, sự ăn uống của họ chỉ để tạo khí lực cho nên tự tiêu hóa hoàn toàn không còn gì.

Đức Phật bảo A-nan:

– Khi Đức Phật A-di-đà thuyết kinh cho các Bồ-tát, A-la-hán thì trên giảng đường đại hội có vô số Bồ-tát, A-la-hán, chư Thiên và loài người - nhiều không tính được - bay đến chỗ Đức Phật A-di-đà cung kính đảnh lễ, ngồi nghe giảng nói kinh. Đức Phật giảng nói rộng về kinh lớn của đạo trí cho tất cả nghe biết, nên ai nấy cũng phần chấn vui mừng vì tâm được khai mở, tức thời gió từ bốn phương tự nhiên nổi dậy, thổi vào cây bảy báu tạo thành năm âm thanh. Hoa nơi cây bảy báu che phủ cả cõi nước này và từ hư không rơi xuống. Hương thơm của hoa lan tỏa khắp trong một cõi và tung rải lên trên Đức Phật A-di-đà cùng các Bồ-tát, A-la-hán. Hoa rơi xuống đất dày đến bốn tấc, đến khi hoa vừa héo đều bị gió lớn tự nhiên cuốn đi, gió từ bốn phương thổi vào cây hoa bảy báu bốn lần như vậy. Khi đó, cõi trời thứ nhất là Tứ thiên vương, cõi trời thứ hai là Đao-lợi, cho đến cõi trời Ba Mươi Ba, chư Thiên đem vạn loại vật tự nhiên, trăm loại hoa xen lẫn nhiều màu sắc, trăm loại hương thơm, trăm loại tơ lụa, trăm loại vải bông

mềm mại, vạn loại âm nhạc cõi trời thù thắng gấp bội hơn trước đến đánh lễ Đức Phật A-di-đà rồi cúng dường Phật, các Bồ-tát và A-la-hán. Chư Thiên lại trôi lên những âm thanh hùng vĩ để làm vui Phật A-di-đà và các Bồ-tát, A-la-hán. Trong lúc này, niềm vui không thể nói hết được. Chư Thiên lần lượt kẻ trước người sau đến cúng dường như những vị trước đã cúng dường.

Khi ấy, vô số cõi nước phương Đông có các Đức Phật nhiều vô số không thể tính đếm như cát của sông Hằng, các Bồ-tát số đông không tính hết, bay đến chỗ Đức Phật A-di-đà đánh lễ và nghe giảng nói kinh. Nghe xong, tất cả đều vui mừng, đứng dậy đánh lễ Phật rồi ra đi.

Chư Phật ở phương Tây, phương Bắc, phương Nam và bốn góc, nhiều như cát sông Hằng, các Ngài dạy vô số các Bồ-tát bay đến chỗ Đức Phật A-di-đà đánh lễ và nghe kinh cũng như vậy.

Chư Phật ở phương trên, phương dưới, số nhiều như cát sông Hằng, đều dạy các Bồ-tát số nhiều không thể tính đếm bay đến chỗ Phật A-di-đà đánh lễ và nghe kinh. Cứ thế, lần lượt nối tiếp nhau không lúc nào ngưng dứt.

Đức Phật dạy:

– Sở dĩ chư Phật dùng số cát sông Hằng làm số lượng là vì vô số chư Phật ở khắp mười phương rất đông, rất nhiều, không thể tính đếm được. Vì vậy

cho nên dùng cát sông Hằng để làm biểu tượng so sánh.

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

– Khi Đức Phật A-di-đà thuyết giảng kinh cho các Bồ-tát, A-la-hán xong, trong số chư Thiên và loài người có người chưa đạt đạo liền đạt đạo, người chưa đắc quả Tu-đà-hoàn liền đắc quả Tu-đà-hoàn, người chưa đắc quả Tu-đà-hàm liền đắc quả Tu-đà-hàm, người chưa đắc quả A-na-hàm liền đắc quả A-na-hàm, người chưa đắc quả A-la-hán liền đắc quả A-la-hán, người chưa đắc Bồ-tát Bất thoái chuyển liền đắc Bồ-tát Bất thoái chuyển. Đức Phật A-di-đà tùy theo đời trước của người đó khi cầu đạo, tâm mong cầu của họ lớn hay nhỏ mà tùy hỷ truyền trao chỉ dạy, làm cho họ mau tỏ ngộ, trí tuệ sáng suốt, sở nguyện ưa thích kinh đạo, khiến họ không kinh nào mà không hoan hỷ thọ trì. Họ tụng kinh thông thạo, không hề biết nhàm biết chán. Trong những Bồ-tát, A-la-hán có người tụng kinh âm thanh như ba trăm tiếng chuông lớn hợp lại, có người thuyết kinh như gió lốc mưa rào. Như vậy trọn một kiếp mới xong, chưa có lúc nào cảm thấy mỏi mệt. Họ có trí tuệ dũng mãnh, thân thể nhẹ nhàng, không bao giờ biết đau yếu. Tất cả lúc đi, đứng, ngồi, nằm đều uy nghiêm, vững chãi, oai hùng như sư tử chúa trong loài sư tử, ở trong chốn núi sâu hay đi đến nơi nào, không ai dám động chạm đến, cũng không có ý nghi ngờ. Những điều

tâm muốn làm không thể tính đếm, nhiều gấp trăm ngàn vạn ức lần. Chúa trong loài sư tử đó dù mạnh gấp trăm ngàn vạn ức lần vẫn không bằng sự dũng mãnh của đệ tử thứ hai của Ta là Đại Mục-kiền-liên. Với trí tuệ dũng mãnh gấp trăm ngàn vạn ức lần như Đại Mục-kiền-liên đem so với những Bồ-tát, A-la-hán ở các cõi nước khác thì không gì sánh bằng. Các Bồ-tát và A-la-hán ở cõi Phật A-di-đà bay đi hay dừng lại, trí tuệ luôn dũng mãnh, thấy nghe xuyên suốt tất cả, biết rõ việc quá khứ, vị lai và hiện tại của mười phương. Nếu đem trí tuệ dũng mãnh gấp trăm ngàn vạn ức lần của các vị Bồ-tát, A-la-hán ở các cõi Phật khác cộng chung làm một trí tuệ, đặt bên các A-la-hán trong cõi Phật A-di-đà thì đức ấy vẫn không sánh bằng.

Bồ-tát A-dật quý gói, cung kính chấp tay bạch Phật:

– Các A-la-hán trong cõi Phật A-di-đà có nhập Niết-bàn chăng? Con xin muốn nghe điều này.

Đức Phật dạy:

– Ông có thấy những ngôi sao khắp bốn phương trời không?

Bồ-tát A-dật thưa:

– Bạch Thế Tôn! Con có thấy.

Đức Phật dạy:

– Như người đệ tử thứ hai của Ta là Đại Mục-kiền-liên bay lên trời một ngày một đêm, tính biết

có bao nhiêu ngôi sao. Sao ở bốn phương trời này rất là nhiều, nhiều gấp trăm ngàn vạn ức lần, không thể tính đếm được. Như lấy bớt một giọt nước trong biển cả mênh mông thì có thể làm cho nước trong biển ấy giảm đi chăng?

Bồ-tát thưa:

– Dù múc đi trăm ngàn vạn ức thùng nước vẫn không thể làm nước trong biển cả giảm đi được.

Đức Phật dạy:

– Các A-la-hán trong cõi Phật A-di-đà tuy có nhập Niết-bàn thì cũng như giảm đi một giọt nước trong biển cả mênh mông kia vậy, không làm cho những vị A-la-hán ở đó biết là giảm.

Đức Phật dạy:

– Giảm bớt một khe nước trong biển cả, có thể làm cho nước biển giảm chăng?

– Bạch Thế Tôn! Giảm bớt trăm ngàn vạn ức khe nước vẫn còn không thể biết là giảm.

– Lấy bớt lượng nước trong biển cả bằng một sông Hằng, có thể biết được giảm chăng?

– Bạch Thế Tôn! Lấy bớt trăm ngàn vạn ức lượng nước như sông Hằng vẫn không thể biết là nước biển giảm.

– Các A-la-hán ở cõi Phật A-di-đà nhập Niết-bàn nhiều vô số nhưng những người mới đắc đạo cũng nhiều vô số, nên không tăng giảm.

Nếu các dòng nước đều chảy vào trong biển lớn

thì có thể làm cho nước biển tăng thêm không?

– Bạch Thế Tôn! Không thể làm cho nước thêm nhiều. Vì sao? Vì biển cả là vua của các dòng nước, cho nên mới được như vậy.

Đức Phật dạy:

– Cõi Phật A-di-đà cũng như vậy. Vô số chư Thiên và loài người, loài côn trùng nhỏ nhít nơi vô số cõi nước khắp mười phương được vãng sinh đến đó rất nhiều, rất đông không thể tính đếm được. Các Bồ-tát, A-la-hán, chúng Tỳ-kheo Tăng trong cõi Phật A-di-đà vẫn y nguyên không bị tăng giảm và thay đổi. Vì sao? Vì cõi Phật A-di-đà cực kỳ an lạc, là vua của các nghiệp thiện trong vô số các cõi nước khắp mười phương, là cõi hùng tráng nhất trong các cõi nước, là cõi châu báu trong các cõi nước, là cõi mà tuổi thọ miên trường trong các cõi nước, là cõi kiệt xuất trong các cõi nước, là bao la nhất trong các cõi nước, là kinh đô của các cõi nước, và là nơi vô vi tự nhiên tột đỉnh của hạnh phúc, an vui tốt đẹp và sáng lạng. Vì sao? Vì khi Phật A-di-đà còn làm Bồ-tát đã phát nguyện tinh tấn dũng mãnh, không lười biếng tích lũy công đức cho nên đạt quả phước như vậy.

Bồ-tát A-dật rất hoan hỷ, quỳ gối chấp tay bạch Phật:

– Thế Tôn nói về cõi nước của Phật A-di-đà chỉ có an vui, tốt đẹp, sáng lạng và thù thắng, không

thể so sánh thôi sao?

Đức Phật dạy:

– Các BỒ-tát, A-la-hán nơi cõi Phật A-di-đà ở trong nhà cửa bằng bảy báu, có nhà ở trong hư không, có nhà ở nơi đất bằng. Trong đó, có người muốn nhà thật cao, tức thì nhà cửa thật cao. Có người muốn nhà cửa thật rộng lớn, tức thì có nhà cửa rộng lớn. Có người muốn nhà cửa ở trong hư không thì liền có nhà cửa ở trên hư không. Tất cả thể hiện tùy theo ý muốn một cách tự nhiên. Có trường hợp đặc biệt không thể làm cho nhà cửa tùy theo ý của người được. Vì sao? Vì những người có thể làm cho nhà cửa tùy theo ý đều do đời trước - khi cầu đạo BỒ-tát - thường tinh tấn và từ tâm, càng làm nhiều nghiệp thiện nên đưa đến nhiều phước đức. Còn trường hợp khác không thể tùy theo ý muốn là vì đời trước - khi cầu đạo - không tinh tấn, thiếu tâm từ tinh tấn và làm thêm nhiều nghiệp thiện nên đưa đến thiếu phước đức.

Ở cõi Phật A-di-đà, những y phục và thực phẩm đều tự nhiên bình đẳng. Nhưng đức thì có nhiều có ít, tùy thuộc vào mỗi người có tinh tấn dũng mãnh hay không mà hiện rõ như thế.

Đức Phật bảo:

– Các ông có thấy trú xứ của cõi trời Thiên vương thứ sáu không?

– Bạch Thế Tôn! Chúng con có thấy.

Đức Phật dạy:

– Giảng đường, nhà cửa, đất đai ở cõi Phật A-di-đà thù thắng gấp trăm ngàn vạn ức trú xứ của cõi trời Thiên vương thứ sáu. Các Bồ-tát, A-la-hán có sự thấy nghe xuyên suốt tất cả. Họ thấy biết mọi sự thời quá khứ, vị lai và hiện tại khắp mười phương.

Lại có vô số chư Thiên, dân chúng và những loài côn trùng nhỏ nhít, có tâm ý nghĩ về sự thiện ác và miệng muốn nói ra điều gì, năm nào kiếp nào được cứu thoát sinh vào cõi người, hay vãng sinh vào cõi Phật A-di-đà, lúc nào sẽ làm A-la-hán, Bồ-tát v.v... các vị đều đoán biết tất cả. Trên đỉnh của các Bồ-tát, A-la-hán tự phát ra ánh sáng tỏa chiếu lớn hoặc nhỏ.

Trong số các Bồ-tát, có hai vị Bồ-tát tối tôn thường đứng hầu bên phải và bên trái Phật. Đức Phật ấy thường cùng hai vị Bồ-tát này đối thoại, luận bàn những việc thời quá khứ, vị lai và hiện tại của chúng sinh khắp mười phương. Hoặc khi Phật sai hai vị Bồ-tát này đến chỗ vô số các Đức Phật khắp mười phương thì họ liền bay đi. Tùy theo ý muốn bay đến nơi nào, mà họ bay nhanh chóng như Phật và thật dũng mãnh không ai sánh bằng. Hai vị Bồ-tát đó tên là Bồ-tát Cái-lâu-hằng và Bồ-tát Ma-ha-na-bát. Hai vị này có ánh sáng trí tuệ tối thượng, hào quang trên đỉnh tỏa chiếu đến phương khác, và thường sáng rực rỡ đến ngàn núi Tu-di

trong cõi Phật. Hào quang trên đỉnh của các Bồ-tát ở cõi này tỏa chiếu khắp ngàn vạn ức dặm. Hào quang trên đỉnh các A-la-hán tỏa chiếu bảy trượng.

Đức Phật dạy:

– Nếu có thiện nam, thiện nữ nào ở thế gian gặp việc cấp bách sợ hãi quan huyện thì chỉ về đánh lễ Bồ-tát Cái-lâu-hằng và Bồ-tát Ma-ha-na-bát thì sẽ được thoát khỏi tất cả.

Đức Phật bảo Bồ-tát A-dật:

– Hào quang trên đỉnh Đức Phật A-di-đà tỏa sáng cực kỳ rực rỡ, làm cho ánh sáng của trăng, sao, mặt trời trong hư không bị lu mờ, không thể vận hành, không thể phát sáng, vì hào quang rực rỡ của Phật đã phủ che tất cả. Hào quang Phật tỏa chiếu trong cõi nước và tỏa chiếu khắp các cõi nước phương khác lúc nào cũng rực rỡ sáng ngời, không bao giờ có bóng tối. Cõi Phật A-di-đà không có thời gian một ngày, hai ngày, năm ngày, mười ngày, mười lăm ngày, hay không có một tháng, năm tháng, mười tháng, không có năm năm, mười năm, cho đến không có trăm năm, ngàn năm, vạn năm hay vạn ức năm, cũng không có trăm ngàn vạn ức năm, cho đến không có một kiếp, mười kiếp, trăm kiếp, ngàn kiếp, vạn kiếp hay trăm vạn kiếp và không có ngàn vạn kiếp hay trăm ức vạn kiếp.

Hào quang của Phật A-di-đà sáng đến vô cùng, chiếu soi đến vô số kiếp sau. Cứ chiếu như thế qua

vô số kiếp rồi lại đến vô số kiếp nữa. Vô số kiếp này đến vô số kiếp khác hào quang ấy vẫn tỏ sáng không bao giờ chấm dứt. Nên biết cõi nước ấy và cõi trời trong đó không lúc nào tan hoại. Vì sao? Vì tuổi thọ của Phật A-di-đà cực kỳ lâu dài, cõi nước vô cùng tốt đẹp, cho nên mới được như vậy. Tuổi thọ của Phật A-di-đà cho đến vô số kiếp sau, vô số kiếp này rồi lại đến vô số kiếp nữa Ngài vẫn chưa vào Niết-bàn. Đức Phật giáo hóa ở thế gian là ý muốn hóa độ chư Thiên, dân chúng và loài côn trùng nhỏ nhít nơi vô số cõi nước khắp mười phương. Ngài muốn làm cho những chúng sinh ấy được sinh sang cõi nước của mình và tất cả đều đắc đạo Niết-bàn. Những vị đã làm Bồ-tát rồi thì muốn làm cho họ được thành Phật. Đã thành Phật rồi thì muốn họ giáo hóa cho chư Thiên, dân chúng, súc sinh khắp mười phương khiến cho họ thành Phật. Đã thành Phật rồi lại giáo hóa cho chư Thiên, dân chúng và những loài súc sinh, côn trùng nhỏ nhệm, làm cho họ đắc đạo Niết-bàn.

Các đệ tử được giáo hóa lại lần lượt truyền dạy cho nhau và được độ thoát cho đến chúng đắc quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Phật-bích-chi. Tất cả cùng nhau được độ thoát và được đắc đạo Niết bàn. Khi tất cả đã được độ thoát như vậy rồi mà Phật A-di-đà vẫn chưa muốn vào Niết-bàn. Sự giáo hóa của Phật A-di-đà lần lượt trải qua vô số kiếp không thể tính toán được như

thế nhưng Phật A-di-đà vẫn chưa muốn nhập diệt.

Vô số chư Thiên, dân chúng và loài côn trùng nhỏ nhít khắp mười phương được sinh vào cõi Phật A-di-đà, được làm Phật nhiều vô số. Những vị A-la-hán đạt được đạo Niết-bàn cũng nhiều vô số không tính hết được.

Ân đức của Phật A-di-đà đã ban bố cho muôn loài khắp mười phương, thật là vô cùng vô tận, sâu thẳm vô lượng vô biên, an lạc không sao nói hết. Trí tuệ siêu tuyệt của Phật A-di-đà đã dạy dỗ truyền thọ Thánh đạo, ban rải tình thương cho vô số chúng sinh từ trên trời cho đến dưới đất khắp mười phương, thật là vô bờ bến. Kinh pháp của Đức Phật ấy giáo huấn cũng nhiều vô cùng tận, không thể tính được.

Đức Phật bảo Bồ-tát A-dật:

– Ông có muốn biết tuổi thọ của Phật A-di-đà thời gian bao lâu không?

– Bạch Thế Tôn! Con muốn nghe biết điều này.

Đức Phật dạy:

– Ông hãy nghe rõ. Giả sử làm cho chư Thiên, dân chúng và loài côn trùng nhỏ nhít trong vô số cõi Phật khắp mười phương đều được vào đạo, được làm Phật-bích-chi, A-la-hán, cùng nhất tâm tọa thiền, kết hợp trí tuệ của họ thành một khối dững mãnh để muốn tính biết tuổi thọ của Phật A-di-đà là bao nhiêu ngàn vạn ức kiếp thì cũng hoàn

toàn không thể tính biết được. Lại làm cho chư Thiên, dân chúng và loài súc sinh, côn trùng nhỏ nhít trong ngàn núi Tu-di, nơi các cõi nước ở phương khác đều được vào đạo, thành Phật-bích-chi và A-la-hán, cùng nhất tâm tọa thiền, kết hợp trí tuệ thành một khối dững mãnh, cùng muốn tính đếm số các Bồ-tát, A-la-hán trong cõi Phật A-di-đà có bao nhiêu ngàn vạn ức người, đều không thể tính biết được. Tuổi thọ của Phật A-di-đà trường cửu, miên viễn, không có thời hạn và tỏa sáng minh mông, minh thiện thăm sâu, vô cùng vô tận. Những ai có thể tin được điều này? Chỉ có Phật tự tin biết mà thôi.

Bồ-tát A-dật nghe lời Phật dạy rất vui mừng, quỳ gối chấp tay thưa:

– Thế Tôn nói về tuổi thọ dài lâu vô tận, oai thần tột đỉnh, và trí tuệ của Phật A-di-đà thật sáng ngời và an lành vời vợi. Chỉ có chính Phật A-di-đà mới được như vậy.

Đức Phật dạy:

– Cho đến sau này, khi Đức Phật A-di-đà nhập diệt, Bồ-tát Cái-lâu-hăng sẽ thành Phật, thống lãnh sự nghiệp trí tuệ, đứng đầu sự dạy bảo và hóa độ cho chư Thiên, dân chúng, cho đến loài côn trùng nhỏ nhít khắp mười phương ở thế gian, khiến cho họ chứng đắc Niết-bàn của Phật. Phước đức thiện của Bồ-tát này sẽ như Đại sư A-di-đà Phật. Bồ-tát

trụ thế vô số kiếp không thể tính được. Sau đó nương theo di huấn của Đại sư mà nhập Niết-bàn. Tiếp đến, Bồ-tát Ma-ha-na-bát sẽ thành Phật, chủ trì sự nghiệp trí tuệ, thống lĩnh sự dạy bảo và hóa độ phước đức cho mọi loài. Cũng như Đại sư A-di-đà Phật, Bồ-tát trụ thế vô số kiếp vẫn chưa nhập Niết-bàn, lần lượt truyền thừa, tiếp nhận kinh đạo, sáng lạng vô cùng, cõi nước cực thiện. Giáo pháp cũng thế, không bao giờ đoạn tuyệt mà tồn tại mãi mãi vô cùng vô tận.

Bây giờ, Hiền giả A-nan quỳ xuống, chấp tay thưa hỏi Phật:

– Trong cõi nước của Phật A-di-đà không có núi Tu-di, thì cõi trời thứ nhất là Tứ thiên, cõi trời thứ hai là Đao-lợi, sẽ nương tựa vào đâu? Con muốn nghe Thế Tôn dạy điều này.

Đức Phật bảo A-nan:

– Ông có ý nghi ngờ về trú xứ của Phật A-di-đà chăng? Ví như nước trong biển cả từ khắp thiên hạ vô cùng vô tận vô biên vô lượng trong mười phương, có một người đong lường nước biển ấy, vẫn có thể làm khô cạn tận đáy bùn, nhưng trí tuệ Phật thì không như vậy. Theo sự thấy biết của Ta, chư Phật thời quá khứ có tên Thích Ca Văn Phật như Ta nhiều như số cát sông Hằng, mỗi hạt cát là một Đức Phật. Chư Phật vị lai có tên như Ta cũng nhiều như số cát sông Hằng. Người vừa mới mong

cầu thành Phật có tên như Ta cũng nhiều như số cát sông Hằng. Nếu nhìn thẳng về phương Nam thì thấy ở phương Nam, Phật ngay đời hiện tại có tên gọi như Ta cũng nhiều như số cát sông Hằng. Chư Phật đời quá khứ, vị lai, hiện tại khắp mười phương có tên gọi như Ta cũng nhiều như số cát sông Hằng, mỗi hạt cát là một Đức Phật. Vô số Phật như vậy, Phật đều thấy biết tất cả.

Đức Phật dạy:

– Thuở xưa, vô số kiếp đã qua, một kiếp hay mười kiếp, trăm kiếp, ngàn kiếp, vạn kiếp, ức kiếp, ức vạn ức kiếp, trong đó có Phật thuộc về quá khứ, một Phật, mười Phật, trăm Phật, ngàn Phật, vạn Phật, ức Phật, ức vạn ức Phật, các Đức Phật ấy có danh hiệu không giống nhau, hoặc không có danh hiệu như Ta. Trong vị lai, một kiếp, mười kiếp, trăm kiếp, ngàn kiếp, vạn kiếp, ức kiếp, ức vạn ức kiếp, trong kiếp ấy có Phật, một Phật hay mười Phật, trăm Phật, ngàn Phật, vạn ức Phật, ức vạn ức Phật, những Đức Phật ấy có danh hiệu không đồng nhau, lâu lâu mới có một Phật có danh hiệu như Ta. Vô số cõi nước khắp mười phương, có Đức Phật hiện tại. Tiếp đến cõi nước phương khác có một cõi Phật, mười cõi Phật, trăm cõi Phật, ngàn cõi Phật, vạn cõi Phật, ức cõi Phật, ức vạn ức cõi Phật, trong đó có Phật nhưng danh hiệu thì khác nhau rất nhiều, không giống danh hiệu của Ta. Vô số chư Phật trong mười phương, lâu lâu mới có

Phật có danh hiệu như Ta. Khắp mười phương, thời quá khứ, vị lai và hiện tại, suốt trong khoảng thời gian mênh mông diệu vợi ấy thật là dằng dặc xa xôi, vô cùng vô tận, Trí Phật hiển bày vô cùng trong sáng, suy cổ biết kim. Phật biết trước tất cả mọi kiếp hiện tại và vị lai, đoán biết quá khứ vô tận, nhiều không thể tính hết. Oai thần chói sáng cao vời của vô số chư Phật, Ngài đều biết rõ. Đạo đức và trí tuệ Phật hợp thành ánh sáng nên hoàn toàn không thể nói kinh đạo của Phật cùng tận được. Trí tuệ của Phật không bao giờ có thể đo lường hay nói hết được.

Hiền giả A-nan nghe lời Phật dạy, toàn thân run sợ, vội quỳ xuống bạch Phật:

– Con không dám có ý nghi ngờ về trú xứ của Phật. Sở dĩ con thỉnh hỏi Đức Thế Tôn như vậy vì con thấy những cõi nước phương khác đều có núi Tu-di để Tứ thiên vương và trời Đao-lợi cùng nương tựa vào đó an trú. Con sợ sau khi Phật nhập Niết-bàn, bất chợt có chư Thiên, loài người hoặc Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di đến hỏi con về cõi nước Phật A-di-đà vì sao không có núi Tu-di để cho trời Tứ thiên vương, trời Đao-lợi an trú thì con chẳng biết cách nào giải đáp cho họ. Nếu bây giờ không thỉnh hỏi Phật, sau khi Phật đi rồi, con sẽ lấy gì để giải đáp điều họ hỏi? Chỉ riêng Đức Thế Tôn mới biết rõ việc này, ngoài ra mọi người không ai có thể giải đáp cho con. Do vậy,

hôm nay con thưa hỏi Phật.

Đức Phật bảo A-nan:

– Cõi trời thứ ba là Diệm thiên, cõi trời thứ tư là Đâu-suất thiên, cõi trời thứ bảy là Phạm thiên sẽ nương vào đâu để ở?

Hiền giả A-nan thưa:

– Chư Thiên ấy đều ở trong hư không. Vì trong hư không không có nơi nương tựa. Oai thần của Phật rất lớn, tự nhiên làm theo ý muốn, ý muốn làm gì thì không cần dự tính.

Chư Thiên mà còn ở trong hư không, huông chi Phật là đáng có oai thần tôn quý, lại cần có chỗ nương tựa chăng?

Hiền giả A-nan nghe lời Phật dạy, rất hoan hỷ, quỳ xuống chấp tay thưa:

– Trí tuệ Phật biết rõ mọi việc thời quá khứ, vị lai và hiện tại khắp mười phương, thật là vô cùng vô tận, minh mông không bờ bến, rất cao siêu vĩ đại, diệu kỳ an lạc, cực kỳ sáng suốt, tốt đẹp không gì có thể sánh được. Oai thần của Phật rất tối thắng, không gì có thể tương xứng.



KINH A DI ĐÀ

QUYỂN HẠ

Đức Phật bảo BỒ-tát A-dật:

– Nếu những thiện nam, thiện nữ và dân chúng trong thế gian này nguyện sinh sang cõi Phật A-di-đà thì có ba hạng người làm việc phước đức có lớn có nhỏ, tuần tự không giống nhau. Ba hạng đó là:

Hạng tối thượng tức người từ bỏ gia đình, vợ con, đoạn tận ái dục, sống đời Sa-môn, thành tựu đạo vô vi, thường làm đạo BỒ-tát, phụng hành sáu pháp Ba-la-mật, làm Sa-môn đối với kinh giới không thiếu mất, tâm từ tinh tấn, không sân hận, không giao thông cùng người nữ, trai giới thanh tịnh, tâm không tham luyến, chí thành tha thiết, mong được sinh sang cõi Phật A-di-đà, luôn luôn chí tâm nhớ nghĩ không ngưng dứt. Trong thời gian cầu đạo, người này trong giấc ngủ mộng thấy Phật A-di-đà và các BỒ-tát, A-la-hán. Khi người ấy sắp qua đời, chính Phật A-di-đà và các BỒ-tát, A-la-hán cùng bay đến nghênh đón, tức thời được sinh sang cõi Phật A-di-đà, hóa sinh từ hoa sen trong ao bảy báu, tự nhiên thọ thân cao lớn, được làm BỒ-

tát bắt thoát chuyển và cùng với các Bồ-tát bay thành hàng đến cúng dường vô số chư Phật khắp mười phương. Người này liền đạt trí tuệ dũng mãnh, thích nghe kinh đạo, thân tâm hân hoan vui mừng, được ở nơi nhà cửa bằng bảy báu trong hư không, muốn làm việc gì tha hồ tùy ý và được thân cận Đức Phật A-di-đà.

Đức Phật dạy:

– Những ai muốn được sinh sang cõi Phật A-di-đà, phải nên tinh tấn, giữ gìn giới kinh, phụng hành những pháp như trên đã nêu, sẽ được sinh sang cõi Phật A-di-đà, được mọi người tôn kính. Đây là hạng người thứ nhất.

Đức Phật dạy:

– Ở đây có hạng người muốn được sinh sang cõi Phật A-di-đà nhưng không thể lìa xa gia đình, rời bỏ vợ con, đoạn tận ái dục, làm Sa-môn. Họ sẽ giữ gìn giới kinh giới không để khiếm khuyết, làm nhiều việc bố thí, tin thọ lời kinh Phật bằng niềm tin chí thành tha thiết sâu xa, cúng dường thực phẩm cho Sa-môn, làm chùa xây tháp, dâng hoa, thắp đèn, treo cờ phướn tốt đẹp, cúng dường đúng như pháp, không còn lệ thuộc thân sơ, không sân hận, trai giới thanh tịnh, từ tâm tinh tấn, chấm dứt ý niệm về ái dục. Người này muốn sinh sang cõi Phật A-di-đà nên trong suốt một ngày một đêm không ngưng dứt khởi niệm như thế, thì ngay trong

đời hiện tại cũng được mộng thấy Phật A-di-đà. Khi người này qua đời, Phật A-di-đà liền hóa hiện làm cho được trông thấy Phật và cõi nước của Ngài. Người này được sinh đến cõi Phật A-di-đà và được trí tuệ dũng mãnh.

Đức Phật dạy:

– Nếu người thực hành bố thí như vậy, về sau lại hối tiếc, trong lòng hồ nghi, không tin rằng bố thí, làm việc thiện, đời sau được phước, không tin có cõi Phật A-di-đà, không tin có người vãng sinh vào nước đó. Mặc dù vậy, người này liên tục nhớ nghĩ đến việc thiện không dứt. Tuy rằng đôi lúc ý chí do dự không chuyên nhất, nhưng ước nguyện thiện vẫn tiếp tục làm gốc cho nên được vãng sinh. Người này khi bệnh, sắp qua đời, Đức Phật A-di-đà hóa làm hình tượng, khiến cho người này được trông thấy nhưng không thể nói thành lời, trong lòng cảm thấy hân hoan, vui mừng, nghĩ: “Ta hối hận vì không biết làm thiện, giữ gìn trai giới, ngày nay mới được sinh sang cõi Phật A-di-đà”. Người này tự ăn năn hối lỗi như vậy.

Người hối lỗi dù đối với chuyện nhỏ vẫn có chút hổ thẹn thì cũng kịp thời. Sau khi chết liền được sinh sang cõi Phật A-di-đà, nhưng không thể đến trước chỗ Phật A-di-đà. Lại thấy tự nhiên ở trong thành bảy báu, ở một bên cõi Phật A-di-đà, trong lòng cảm thấy rất vui nên dừng chân trong thành ấy và được hóa sinh từ hoa sen trong ao bảy

báu, và tự nhiên được thọ thân cao lớn, rồi ở trong thành này khoảng năm trăm năm. Thành ấy ngang dọc mỗi bên hai ngàn dặm. Trong thành cũng có nhà cửa bảy báu, trong ngoài đều có ao tắm bảy báu, nơi ao tắm có hoa tỏa hương xung quanh, trên ao tắm có những hàng cây bảy báu, tạo thành năm loại âm thanh. Khi muốn ăn uống, tự nhiên thức ăn hiện ra trước mặt với đầy đủ hương vị ngon ngọt, tùy theo sở thích mà dùng. Người ở nơi thành này rất khoái lạc, có vật dụng tự nhiên sánh bằng trên trời Đao-lợi. Tuy vậy, người ở trong thành này không được đi ra ngoài, cũng không thấy Phật A-di-đà, mà chỉ thấy hào quang thôi. Thấy rồi, người ấy tự ăn năn sám hối và hân hoan vui mừng nhưng cũng chưa được nghe kinh, chưa được gặp các Tỳ-kheo Tăng, chưa thấy biết dung mạo của các Bồ-tát, A-la-hán trong cõi Phật A-di-đà như thế nào. Người ấy mắc phải chút sầu khổ như vậy là do hạnh nghiệp của mình.

Phật không khiến người này như thế, mà do việc làm của thân tự nhiên đạt được như vậy, vì thế tự tâm hướng về con đường đi vào trong thành. Đời trước, khi cầu đạo, người này tâm và khẩu khác nhau, ý nghĩ và ngôn từ không thành tín, nghi ngờ kinh Phật, không tín hướng Tam bảo nên tự đi vào trong đường ác. Phật A-di-đà vì thương xót nên dùng oai thần dẫn dắt để được thoát ra. Người này ở trong thành suốt năm trăm năm mới được ra khỏi,

rồi đến chỗ Phật A-di-đà nghe kinh, nhưng tâm không hiểu biết thông suốt, không được ở nơi các Bồ-tát, A-la-hán, Tỳ-kheo Tăng để nghe kinh. Tương tự, người này chỉ ở nhà cửa trên đất bằng chứ không thể làm nhà cửa cao rộng tùy ý trong hư không được, và cách Phật A-di-đà rất xa nên không thể gần gũi được. Người này trí tuệ không sáng suốt, ít biết kinh điển, tâm không hoan hỷ, ý không cởi mở. Trải qua thời gian rất lâu, người này mới có trí tuệ tỏ ngộ, hiểu rõ kinh điển, dũng mãnh sáng suốt, tâm ý an vui, dần dần mới được như hạng người thứ nhất đã nêu trên. Vì sao? Vì người này đời trước, lúc cầu đạo, không giữ gìn trai giới, hủy mất pháp kinh, ý chí nghi ngờ không tin lời Phật, không tin kinh Phật sâu xa, không tin bố thí làm thiện đời sau sẽ được phước báo, mà còn có tâm hôi tiếc, không tin sinh sang cõi Phật A-di-đà, không chí tâm làm công đức. Do đó nên mới như vậy. Đây là hạng người thứ hai.

Đức Phật dạy:

– Hạng người thứ ba: Tức là người muốn sinh sang cõi Phật A-di-đà nhưng không làm việc bố thí, không thắp đèn, xông hương, rải hoa, treo cờ phướn lọng báu, làm chùa, xây tháp, cúng dường thực phẩm cho Sa-môn, mà chỉ đoạn tận ái dục, không có sự tham luyến, tâm từ tinh tấn, không sân hận, trai giới thanh tịnh. Do thực hành đúng pháp như vậy và nhất tâm mong được sinh sang cõi Phật

A-di-đà trong suốt mười ngày đêm không gián đoạn, nên lúc qua đời được sinh sang cõi Phật A-di-đà, có trí tuệ dũng mãnh, được mọi người tôn kính.

Đức Phật dạy:

– Người đã thực hành những điều như vậy, sau lại hối tiếc, tâm ý nghi ngờ, không tin làm thiện đời sau sẽ được phước báo, không tin sinh sang cõi Phật A-di-đà. Mặc dù vậy, người này vẫn được vãng sinh. Khi mang bệnh sắp qua đời, được Phật A-di-đà làm cho trong giấc mộng trông thấy cõi nước của Ngài, người này vô cùng vui mừng, tự nghĩ: “Ta hối tiếc không biết làm nhiều nghiệp thiện, ngày nay sẽ được sinh sang cõi Phật A-di-đà”. Chỉ suy nghĩ như vậy nhưng miệng không thể nói nên lời mà chỉ tự ăn năn hối lỗi. Người biết hối lỗi như thế nên tội dần dần được tiêu trừ và còn kịp thời để vãng sinh. Nhờ vậy, khi qua đời, người này được sinh sang cõi Phật A-di-đà nhưng chưa thể đến chỗ Ngài được, mà chỉ ở trong thành bảy báu cách xa Phật hai ngàn dặm. Tuy nhiên, trong lòng người này vẫn vui vẻ nên dừng lại nơi thành ấy, và được hóa sinh trong hoa sen nơi ao bảy báu, tự nhiên thọ thân cao lớn. Cách thức trong thành này cũng như thành trước, vật dụng tự nhiên ngang với cõi trời Đao-lợi. Người này ở trong thành suốt năm trăm năm mới được ra khỏi, đến chỗ Phật A-di-đà, trong lòng rất đổi vui mừng, được nghe kinh nhưng

tâm không tỏ ngộ, ý không an lạc, trí tuệ tối tăm, biết kinh quá ít, và chỉ được ở nhà cửa nơi đất bằng chứ không thể tùy ý làm cho nhà cửa cao rộng như ở trong hư không được, lại cách Phật A-di-đà quá xa, không thể gần gũi được vì có lòng nghi ngờ giống như hạng người thứ hai.

Trải qua thời gian rất lâu, trí tuệ người này được khai mở, hiểu kinh, dũng mãnh, tâm an lạc giống như hạng người thứ nhất. Vì sao? Vì đời trước, khi cầu đạo mà lòng lại nghi ngờ, lúc tin lúc không tin. Do không tin làm thiện sẽ được phước đức, nên tự nhiên mà được phước quả như vậy. Tùy vào công đức nhiều hay ít, tự nhiên đưa đến việc thuyết kinh hành đạo, siêu tuyệt gấp trăm ngàn vạn ức không sánh bằng.

Đức Phật dạy:

– Người nào muốn cầu đạo Bồ-tát và sinh vào cõi Phật A-di-đà, về sau sẽ đạt được quả vị Bồ-tát bất thoái chuyển. Vị Bồ-tát bất thoái chuyển này có ba mươi hai tướng tốt với sắc vàng ròng, tám mươi vẻ đẹp, và sẽ thành Phật. Tùy vào tâm nguyện mong cầu có thể thành Phật ở cõi nước phương khác. Không bao giờ đọa vào loài cầm thú hay địa ngục, ngạ quỷ. Tùy theo sự tinh tấn cầu đạo mà sớm hay muộn được thành Phật đạo. Cầu đạo không ngưng nghỉ thì sẽ đắc đạo, sự mong ước nguyện cầu cũng không mất đi bao giờ.

Đức Phật bảo Bồ-tát A-dật và chư Thiên, vua quan, dân chúng:

– Những ai muốn sinh sang cõi Phật A-di-đà, mặc dầu không tinh tấn, thiền định, giữ giới kinh nhưng phải siêng năng làm mười nghiệp thiện. Những gì là mười?

Một là không được giết hại.

Hai là không được trộm cắp.

Ba là không được dâm dục hoặc dâm dục với vợ người khác.

Bốn là không được nói dối.

Năm là không được uống rượu.

Sáu là không được nói lưỡi hai chiều.

Bảy là không được nói lời thô ác.

Tám là không được nói phù phiếm.

Chín là không được có tâm ganh ghét.

Mười là không được tham lam. Không được trong lòng có sự tham tiếc bòn xén. Không được sân hận. Không được ngu si. Không được tha hồ ham muốn. Không được hối tiếc trong lòng. Không được nghi ngờ. Nên làm việc hiếu thuận. Nên trung tín chí thành. Nên tin nhận lời kinh Phật. Tin một cách sâu xa rằng làm thiện đời sau được phước.

Hãy phụng trì như vậy, vì pháp này không bao giờ mất, nó tồn tại theo ước nguyện tự tâm để được sinh sang cõi Phật A-di-đà. Điều quan trọng là phải trai giới, nhất tâm thanh tịnh, ngày đêm luôn giữ ý

niệm muốn được sinh sang cõi Phật A-di-đà suốt mười ngày mười đêm không gián đoạn. Ta thương tưởng tất cả mọi loài nên khiến họ được sinh vào cõi Phật A-di-đà.

Đức Phật dạy:

– Người đời vì mến mộ hiền minh, nên ở nhà tu thiện hành đạo, sống chung cùng vợ con trong ân tình luyến ái gặp nhiều lo nghĩ, khổ sâu, việc nhà trăm mối, không có thời gian rảnh rỗi để một lòng trai giới thanh tịnh. Mặc dầu không từ già gia đình, xa lìa ái dục, nhưng khi có thời gian thông thả, tự đoạn tâm chánh niệm, chuyên thân hành thiện, tinh tấn tu hành trong suốt mười ngày đêm, tuyệt đối không suy nghĩ, tính toán tới chuyện khác. Nếu muốn thân này được độ thoát, phải quyết tâm chấm dứt niệm tưởng và bỏ sự âu lo. Chớ nghĩ đến việc nhà, không cùng với vợ chung giường, tự đoạn thân chánh niệm, đoạn trừ ái dục, nhất tâm trai giới thanh tịnh, chí thành nghĩ đến việc sinh vào cõi Phật A-di-đà, suốt một ngày đêm không gián đoạn. Đến khi qua đời được sinh sang cõi Phật A-di-đà, hóa sinh trong hoa sen nơi ao bảy báu, sống trong nhà cửa cũng bằng bảy báu, tùy ý hành động một cách tự tại, giống như hạng người thứ nhất đã nêu trên.

Đức Phật bảo BỒ-tát A-dật:

– Vô số chư Thiên, loài người, Tỳ-kheo Tăng,

Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di khắp mười phương mà được sinh sang cõi Phật A-di-đà, tất cả chúng hội lớn đều cùng ở trong ao tắm bảy báu, cùng một người ngồi trên một hoa sen lớn, tự tu luyện đạo đức và hành thiện. Ai nấy đều tự nói về thời gian cầu đạo trong đời trước của mình, về sự giữ giới, thực hành pháp thiện hay cội nguồn nơi họ sinh ra, sự ưa thích kinh đạo, trí tuệ biết kinh, công đức đã làm theo trình tự. Họ thuật lại tất cả mọi chuyện như biết kinh có rõ hay không, trí có sâu cạn, lớn nhỏ, đức có cao thấp, dày mỏng, và tự nhiên biết rõ, lại dùng tài năng, trí tuệ dũng mãnh để quan sát nhau, lễ nghĩa thuận hòa, cùng tự hoan hỷ phân chân, đều không lệ thuộc nhau.

Đức Phật dạy:

– Người nào bỏ hẳn không tạo phước đức, xem thường làm thiện, vì không tin nên chỉ dựa vào sự biếng trễ. Do vậy nên đến lúc vãn tập nghe thuyết kinh đạo, người ấy tự nhiên bức xúc ứng đáp chậm chạp. Tuy trí đạo thù thắng siêu tuyệt, cao vời, mạnh mẽ, nhưng chỉ do yếu đuối, không lãnh hội được nên sinh ra hối tiếc. Việc hối tiếc ấy đã quá muộn màng và chỉ làm tăng thêm lòng bi thương ân hận chứ chẳng có ích gì.

Đức Phật dạy:

– Các Bồ-tát, A-la-hán v.v... ở cõi Phật A-di-đà tự nhiên vãn tập rất đông đủ. Họ định tâm chế ý,

tĩnh tâm chánh niệm, đoạn tâm chánh hạnh, thần thông tự tại, cùng tiếp nối nhau bay qua lại các cõi nước khác để cúng dường vô số các Đức Phật. Tâm ý họ luôn hân hoan vui mừng cùng nhau xem kinh hành đạo, hòa hiếu lâu bền, trí tuệ vẹn toàn, chí lớn sánh với hư không, tinh tấn cầu nguyện, tâm không bao giờ thoái lui, ý không bao giờ lay chuyển, đồng thời không khi nào biếng nhác. Tuy nhìn bên ngoài các vị ấy có vẻ khoan thai chậm rãi nhưng trong tâm lại tha thiết khẩn cầu đạo quả. Các vị dạo chơi giữa hư không nhưng vẫn hợp nhất thân tâm, nghiêm chỉnh tự nhiên, nghiêm túc thẳng ngay, thân tâm thanh khiết, không có ái dục, không có sự tham đắm, không có những tỳ vết dơ xấu. Chí nguyện của các chúng Bồ-tát, A-la-hán hoàn toàn an định, thù thắng tốt đẹp, không thêm hay giảm. Các vị luôn cầu đạo chân chánh, không nghiêng theo tà, y theo đạo pháp, theo tôn chỉ của kinh không dám sai lệch, bất cứ nơi nào ở khắp mười phương vẫn không có bờ bến, tùy ý tự tại đi đến nơi vô cùng vô tận, an nhiên hành đạo. Tâm lượng của các vị khoan dung và rộng rãi, suốt đời chỉ nghĩ đến đạo chứ không nghĩ gì khác, không có lo nghĩ mà tự nhiên vô vi như đứng giữa hư không. Các vị an nhiên vô dục, thực hành nguyện thiện, hết lòng tìm cầu và nuôi dưỡng tâm từ thương xót, trong ngoài đều tinh tấn, hợp với lễ nghĩa, rộng suốt không trái, tương xứng thuận hòa bao trùm cả

trong ngoài, hóa độ chúng sinh giải thoát, có thể thẳng tiến Niết-bàn, đồng thời làm tăng trưởng đạo đức hợp thành ánh sáng, tự nhiên cùng bảo hộ nhau, càng thêm nhiều an vui, chân thật rõ ràng, thanh khiết và sáng suốt, chí nguyện vô thượng, an định thanh tịnh, tĩnh lạc vô cùng tận, tốt đẹp không gì sánh bằng, sáng ngời vời vọi, tỏa chiếu mở bày xuyên suốt tất cả. Các vị đã đạt được thực tướng tự nhiên nhưng không có nghĩa là rộng không nên hợp thành năm thứ ánh sáng với chín màu rực rỡ xen lẫn nhau xoay vần tính đến trăm ngàn lần trong hình thức đơn hoặc kép. Tất cả đều tự hòa quyện tạo thành bảy báu soi sáng khắp vạn hữu. Hào quang trong suốt xen lẫn ánh sáng tỏa ra nhiều màu sắc diệu kỳ, tạo nên một khung cảnh tuyệt diệu vô cùng.

Cõi Phật vô cùng tốt đẹp đến thế, tại sao chúng sinh không nỗ lực làm thiện? Nếu nói chúng sinh ở cõi này tự nghĩ đến đạo, tâm không phân biệt, trên dưới thông suốt không bến bờ và chí nguyện như hư không thì tại sao chúng ta không tinh tấn tự nỗ lực hành đạo để đạt đến nơi siêu tuyệt sinh sang cõi nước Phật A-di-đà nhằm cắt đứt năm đường ác và tiến đến đạo quả vô thượng?

Cõi Phật ấy vốn thuận theo tự nhiên. Tại sao chúng ta không rũ bỏ việc đời, nỗ lực đi tìm cầu đạo đức để có được cuộc sống bền vững, tuổi thọ dài vô tận, mà lại tham đắm việc đời với những lo

toan bất tận? Thông thường người đời luôn bạc nhược và tục lụy nên cùng tranh đua nhiều việc không đâu, cùng sống trong chốn khổ cực, xấu ác bủa vây, đời sống trở nên nhọc nhằn vì kế mưu sinh. Không luận tôn ty, giàu hay nghèo, già hay trẻ, nam hay nữ đều phải lo lắng về tiền tài, dầu có hay không vẫn phải ưu tư như nhau. Cứ thế sâu khổ thêm nhiều, nghĩ suy chông chát, bị tâm sai khiến, chẳng mấy lúc được an. Có ruộng thì lo ruộng, có nhà lo nhà, có trâu lo trâu, có ngựa lo ngựa, có gia súc lo gia súc, có nô tỳ lo nô tỳ, có y phục, tiền tài, vàng bạc, vật báu v.v... tất cả đều nom nớp lo âu. Nỗi lo âu và sợ hãi kéo dài triền miên như sợ vô thường đến bất chợt, đao tặc, nước lửa, oan trái, nợ nần, bị nước trôi, lửa cháy, trời buộc, xâm phạm, chìm mất v.v... Nỗi lo khổ hoảng sợ như thế, chẳng lúc nào được giải thoát. Sân hận kết tập thành khí uất ức trong lồng ngực, lo sâu khổ nào thành bệnh nơi ngực, bụng v.v... không dứt. Tâm ý chấp chặt không buông bỏ, hoặc bị giam giữ suốt đời cho đến mất mạng, từ bỏ tất cả còn gì mang theo. Dù tôn quý hay bần tiện, giàu sang hoặc nghèo khó cũng có sự lo âu, sợ hãi khổ sở ấy, cùng gắn chặt với sự nóng, lạnh v.v..., ở chung với sự thống khổ.

Người nghèo ít gia sản, khôn khổ bần cùng, thiếu hụt, không có ruộng lại lo muốn có ruộng, không có nhà lo muốn có nhà, không có ngựa lo

muốn có ngựa, không có trâu lo muốn có trâu, không có gia súc lo muốn có gia súc, không có nô tỳ lo muốn có nô tỳ; không có y phục, thực phẩm, tiền tài, mọi vật dụng v.v... lại lo muốn có tất cả những thứ đó. Vừa có thứ này, lại thấy thiếu thứ kia. Có cái này ít thì nghĩ phải có cho nhiều bằng cái kia. Nói chung sự ham muốn cứ tiếp nối nhau, theo một mắc xích liên tục không bao giờ chấm dứt. Từ đó nỗi đau khổ nối đuôi nhau xuất hiện suốt trong quá trình tìm cầu lo nghĩ mà lắm khi cả đời cũng không nắm bắt được gì đến nỗi khiến cho thân tâm trở nên lao nhọc, bồn ba đứng ngồi chẳng yên. Và cứ như thế khổ đau sống dậy theo ham muốn với lửa sân hận đốt cháy tâm can tạo nên sự thống khổ tương tục vô cùng tận.

Có khi được sống ở cõi trời cũng không chịu hành đạo làm thiện, đến lúc chết một mình phải vào nẻo xa xôi, đi đến chỗ thiện hay ác cũng không thể nào biết được. Do vậy, được sinh ra làm người trong cõi trời đất bao la này dù là cha con, anh em, vợ chồng thân thuộc hay không thân thuộc cũng cần phải thương yêu kính trọng lẫn nhau, không nên oán ghét nhau. Dù có điều kiện thuận lợi hay không có thì cũng nên động viên giúp đỡ lẫn nhau chớ đừng bao giờ đem tâm hiểm khích tham tiếc để chống báng nhau. Và lại trong cách cư xử và lời nói cũng cần phải ôn hòa thận trọng chớ đừng có thái độ bất đồng và chửi bới lẫn nhau. Nếu trong

đời này, con người có ý niệm sân hận tranh cãi lẫn nhau dù chỉ là ít ỏi nhưng đời sau sẽ thành một khối u ngăn cách lớn lao đến nỗi trở thành oan gia thù địch với nhau. Vì sao? Vì đời nay muốn tàn hại lẫn nhau tuy chưa có dịp để thực hiện, nhưng trong tâm đã kết thành nỗi uất hận sâu thẳm không thể nào xả bỏ được, nên đời sau phải nhận lấy quả báo tàn hại lẫn nhau.

Hầu hết con người sống trong biển ái dục của thế gian đều đến đi, sống chết một mình theo hạnh nghiệp đã gây tạo nên sau khi đầu thai vào chốn khổ hay vui cũng tự mình gánh vác lấy chứ không ai thay thế được. Hơn nữa, thiện ác biến hóa vô cùng tận và có quả báo nhất định nên nếu người làm ác thì sẽ cô độc một mình mang lấy hành trang tội lỗi tai ương đi vào nhưng nơi mù mịt xa xôi không ai biết được đó là chỗ nào. Thiện hoặc ác tự nhiên đeo đuổi suốt quãng đường đời, thăm thẳm mù mịt, biệt ly mãi mãi, không cùng đạo lộ nên chẳng hẹn thời gian gặp gỡ, và rất khó để cùng nhau hội ngộ.

Vậy tại sao mọi người không từ bỏ việc gia đình khi hãy còn khỏe mạnh, để nỗ lực làm thiện, nỗ lực tinh tấn mong cầu vượt thế gian nhằm được sống lâu vô tận? Ngay bây giờ, không chịu cầu đạo, lại mong chờ niềm vui nào nữa? Trong thế gian có những người thường không tin làm thiện được thiện, không tin hành đạo sẽ đắc đạo, không tin sau

khi chết sẽ tái sinh, không tin bố thí cho người khác thì được phước đức. Nói chung họ hoàn toàn không tin gì cả và luôn cho rằng những điều trên thực sự không phải như vậy mà chỉ là hư ảo nên họ cứ an nhiên làm theo cách nghĩ của riêng mình. Hơn nữa, họ thừa kế cả một kho tàng chứa đựng đầy thành kiến của cha ông vốn không làm việc thiện và không hành đạo nên lần lượt từ trước đến sau thân tâm ám độn, ý chí bết tắc, không thấy được đạo giải thoát, không biết sự sống chết của con người đều có xứ sở, không thấy biết rõ con đường đưa đến thiện ác và hoàn toàn mù tịt trước quả báo của thiện ác cũng như phước đức hay tai ương. Họ không thấy rõ ngay cả con đường sinh tử chuyển tiếp không ngừng, hoặc cha khóc con hay con khóc cha, em khóc anh hay anh khóc em, vợ khóc chồng hay chồng khóc vợ, gốc ngọn, dưới trên, vô thường, điên đảo đều sẽ đi qua không tồn tại được. Đối với lời dạy mở đường dẫn lối, người tin đạo rất ít nên phải chịu tử sinh không có ngừng nghỉ. Những hạng người này mê muội chồng đôi xúc phạm không tin lời kinh, chỉ muốn khoái lạc. Tâm không suy nghĩ tính toán, ngu si ái dục, chẳng biết đạo đức, mê hoặc sân hận, tham đắm tài sắc, do đó không đạt đạo, phải sống nhọc nhằn gian khổ, sinh nơi đường ác, không bao giờ được ngừng nghỉ, đau đớn thật đáng thương.

Hoặc khi những người thân trong gia đình như

cha con, anh em, chồng vợ v.v... có người chết, lại buồn thương khóc lóc, lo nghĩ phần kết, ân ái buộc ràng, tâm ý vương vít thống khổ sâu thương suốt ngày đêm, không lúc nào khuây. Nếu được sự chỉ dạy về đạo ý thì tâm không tỏ ngộ lại nghĩ nhớ ân tình yêu mến không nguôi, và bế tắc mịt mờ đan xen che khuất, nên không thể giữ tâm đoạn chánh, quyết định từ bỏ việc đời, chuyên nhất hành đạo. Do vậy, cứ xoay vần cho đến cuối cùng khi thọ hết mạng tận vẫn không thể đắc đạo, không thể được gì. Tất cả những xấu xa rối rắm ấy đều từ tham đắm ái dục phát sinh ra. Với phương cách như vậy thì nhiều người không hiểu đạo và ít người đắc đạo. Cuộc đời chợt thoáng mong manh, không thể lười biếng, ỷ lại được.

Tôn ty cao thấp, sang giàu hay nghèo nàn, nam nữ lớn nhỏ bốn ba việc của mình nên phải nhọc nhằn cùng khổ, ôm lòng oán thù sát hại, khí ác phủ mờ tâm tối, không ai mà không buồn bã vì những việc làm vọng tưởng, ác nghịch đất trời, chẳng thuận nhân tâm. Trước theo sự ác không đạo đức, tha hồ hành động; tuổi thọ chưa đến đã vội mất thân, liền rơi vào đường ác, khổ sở nhiều đời, sầu đau triền miên đến ngàn vạn ức năm không có kỳ hạn. Thống khổ này làm sao nói hết. Thật đáng thương thay!

Đức Phật bảo Bồ-tát A-dật và các trời, vua quan, dân chúng:

– Ta bảo các người rằng người làm việc của thế gian nên họ không đạt đạo. Các người hãy suy nghĩ cho chín chắn. Hãy buông bỏ xa lìa nghiệp ác và thực hành theo nghiệp thiện. Nên kiên trì, chớ làm việc trái quấy theo vọng tưởng. Càng làm nhiều việc thiện thì sự trôi dạt của ái dục dù lớn hay nhỏ cũng dần dần chìm xuống và đi đến hoại diệt. Do vậy hãy nỗ lực lánh xa ái dục. Nếu sinh ra gặp thời không có Phật nhưng người nào tin nhận lời kinh sâu xa của Phật, phụng hành đạo, đều là em nhỏ của Ta. Những người muốn học giới kinh Phật đều là đệ tử của Ta. Những người muốn lìa xa gia đình, từ giã vợ con, dứt bỏ tiền tài, sắc đẹp, xuất gia làm Sa-môn, làm Tỷ-kheo theo Phật v.v... đều là con cháu của Ta. Nên biết sinh ra đời được gặp Ta là rất khó. Người nào nguyện được sinh sang cõi Phật A-di-đà, muốn được trí tuệ dũng mãnh, được mọi loài tôn kính thì không nên để tâm chạy theo dục vọng và làm trái ngược giới kinh. Về sau, người này thỉnh thoảng có lúc nghi vấn không hiểu ý kinh, đến thỉnh hỏi Phật, Ta sẽ giải thích cho.

Bồ-tát A-dật quỳ gối chấp tay thưa:

– Oai thần của Phật thật vô cùng tôn quý! Phật thuyết kinh rất hay, khiến chúng con khi được nghe lời Phật dạy, trong tâm đều thông suốt. Sự thật của người đời là vậy, đúng như lời Phật nói, hoàn toàn không khác. Nay Phật từ bi thương xót chúng con, mở bày con đường lớn, chỉ dạy cho chúng con. Mất

tai chúng con hôm nay mới được nhìn xa trông rộng và được độ thoát. Hôm nay chúng con thực sự được tái sinh, được nghe lời Phật dạy, không ai mà không có tâm từ bỏ ngã và hân hoan vui mừng. Tất cả chư Thiên, vua quan, dân chúng cho đến vạn loài côn trùng đều được nhờ ân cao cả, ai nấy đều được giải thoát khỏi lo sầu đau khổ. Lời Phật chỉ dạy vô cùng sâu xa hiền thiện, tận cùng nguồn cội. Trí tuệ Phật thấy biết tất cả mọi việc thời quá khứ, vị lai và hiện tại khắp mười phương không kể trên hay dưới, mênh mông vô bờ bến.

Gặp được Phật rất khó. Tâm từ của Phật làm cho chúng con được độ thoát, đều nhờ đời trước, khi Phật còn cầu đạo đã chịu khó chịu khổ, ân cần học hỏi mới đạt đến giác ngộ, ân đức bao trùm, Phật đã ban bố phước đức, phước lộc cao vời vợi, hào quang tỏa chiếu muôn phương sáng đến hư không vô tận, xuyên suốt cõi Niết-bàn. Phật dạy bảo truyền trao giới cấm, oai nghi thắm nhuần, tình thương chuyển động mười phương vô cùng vô tận.

Phật là bậc Thánh, là Pháp sư tôn quý tuyệt vời mà không ai có thể sánh được. Phật vì chư Thiên, vua quan, dân chúng trong mười phương mà làm thầy, dù lớn hoặc nhỏ đều làm cho họ đắc đạo. Ngày nay được gặp Phật, được nghe thanh âm Đức Phật A-di-đà, chúng con vui mừng khôn xiết, không ai mà không được khai sáng trí tuệ.

Đức Phật bảo Bồ-tát A-dật:

– Nếu quả đúng thực như vậy, nếu đã khởi tâm từ và hoan hỷ đối với Phật thì hãy niệm Phật. Thế giới này rất lâu xa mới có Phật. Nay Ta làm Phật nơi cuộc đời khổ lụy này, đã nói về kinh đạo, giáo hóa truyền trao cho chúng sinh được thấu suốt, cắt đứt sự nghi ngờ, đoạn tâm chánh hạnh, nhổ sạch gốc ái, đoạn tận cội nguồn xấu ác, tự tại thông dong, trí tuệ siêu việt suốt cả trong lẫn ngoài, nắm giữ giềng mối, chiếu sáng phân minh, khai thị năm đường, biết thật chính xác đâu là con đường sinh tử, Niết-bàn.

Đức Phật dạy:

– Nếu tính từ vô số kiếp đến nay nhiều không thể đếm được, Ta đã hành đạo Bồ-tát vì muốn hóa độ chư Thiên, loài người và loài côn trùng nhỏ nhít, khiến cho từ lâu xa họ đã được độ thoát vô số, cho đến đấng đạo quả Niết-bàn cũng nhiều vô số. Nếu các người và chư Thiên, vua quan, dân chúng, hoặc Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di khắp mười phương từ vô số kiếp đến nay xoay chuyển sinh tử trong năm đường thì than ôi, tiếng khóc và nước mắt hòa trộn cùng lòng tham luyến tiếc, ưu tư sầu khổ, đau đớn khổ sở không thể nói hết. Sinh tử mãi đến đời này không dứt. Chính ngày hôm nay được gặp Phật cùng gặp chúng hội, mới được nghe thanh âm của Phật A-di-đà, thật là an vui. Ta trợ giúp các người sự an vui ấy khiến tự nhàm chán sự đau đớn sinh tử. Khi sinh ra thật là đau xót, thật là

khổ sở, thật là cùng cực. Đến khi trưởng thành cũng đau xót, khổ sở và cùng cực. Lúc chết cũng đón đau, khổ sở và cùng cực. Lại ở chốn rất xấu ác bất tịnh, không được trong sạch. Thế nên Ta nói cho các người biết, các người có thể tự quyết định đoạn tuyệt con đường ác và chốn xấu xa. Các người có thể tự đoạn chánh thân tâm, thực hành nhiều nghiệp thiện, thì khi ấy mới khiến thân tâm trở nên ngay thẳng chính trực, gột sạch thân thể, tẩy trừ tâm nhơ bẩn, điều phục thân tâm, trở nên trung tín và có thể tự độ thoát. Hơn nữa phải nên giúp đỡ lẫn nhau nhờ gốc ái dục, chí tâm sáng suốt, nguyện không lay chuyển, kết thành căn bản đạo thiện. Cuộc đời vốn vô thường trôi qua trong chớp lát cho nên các ông hãy tinh tấn nỗ lực tu tập. Đời nay làm thiện, đời sau sinh sang cõi Phật A-di-đà, vô cùng sung sướng, an vui, tăng trưởng đạo đức, hòa hợp với ánh sáng, cùng nhau hộ trì điều thiện và mãi mãi xa lìa phiền não khổ đau nơi con đường xấu ác. Đồng thời nhờ sạch gốc rễ các ác và khổ đau, đoạn trừ những ân nghĩa ái dục, trường sinh nơi cõi Phật A-di-đà và không còn những đón đau thống thiết, cũng không có những chốn xấu ác, không có sự khổ sở nhọc nhằn, không có dâm dục, sân hận và ngu si, không có lo nghĩ khổ sâu.

Sinh nơi cõi Phật A-di-đà, muốn thọ một kiếp, mười kiếp, trăm kiếp, ngàn kiếp, vạn kiếp hay ức kiếp, tùy theo ý muốn. Muốn thọ vô số kiếp không

thể tính được thì tha hồ tùy ý đạt được tất cả. Thích ăn hay không tự do tùy ý, hoàn toàn tự nhiên được như ý muốn. Đối với đạo quả Niết-bàn, mỗi người tự nỗ lực tinh tấn, sáng suốt tìm cầu mong muốn điều gì thì trong lòng không hề có sự hối tiếc hay nghi ngờ. Người nào muốn được vãng sinh thì không còn mắc phải những làm lỗi nữa, người ấy sẽ ở bên cạnh cõi Phật A-di-đà, tự ở trong thành bảy báu đúng năm trăm năm.

Bồ-tát A-dật thừa:

– Chúng con thọ nhận lời dạy rất nghiêm minh của Đức Thế Tôn, ai nấy đều tinh tấn, nhất tâm mong cầu, vãng theo lời Phật dạy, không dám lười biếng, nghi ngờ.

Đức Phật bảo Bồ-tát A-dật và đại chúng:

– Các người ở trong cuộc đời này mà có thể tự chánh ý định tâm, thân không làm điều ác, đó là đức thiện lớn nhất. Những người như vậy thật là tối thượng trong mười phương, không ai sánh được. Vì sao? Vì chư Thiên và loài người trong vô số cõi Phật khắp mười phương đều làm thiện, ít người làm ác nên dễ giáo hóa. Nay Ta làm Phật nơi thế gian này là làm Phật ở nơi năm ác, năm sự thống khổ, năm sự thiêu đốt. Ta tận lực đem những lời chỉ dạy cho dân chúng, làm cho họ buông bỏ năm ác, xa lìa năm sự thống khổ, tránh được năm lửa thiêu đốt. Ta điều phục, giáo hóa tâm của

những người này, làm cho họ giữ năm nghiệp thiện, được phước đức, sống lâu, vượt khỏi thế gian và đắc đạo Niết-bàn.

Đức Phật dạy:

– Những gì là năm ác? Những gì là năm sự thống khổ? Những gì là năm lửa thiêu đốt? Những gì làm cho tiêu trừ năm ác, để được năm thiện? Những gì là năm thiện phải giữ để được phước đức, sống lâu, vượt khỏi thế gian và đắc đạo Niết-bàn?

Đức Phật dạy:

– Nghiệp ác thứ nhất: Từ chư Thiên, loài người, cho đến loài côn trùng nhỏ nhít đa phần đều muốn làm những việc ác. Kẻ mạnh hiếp kẻ yếu, dần dần dẫn đến xung khắc, oán thù, tàn sát, tổn hại, ăn nuốt lẫn nhau, không biết làm thiện, ác nghịch vô đạo, bị tai ương hình phạt là lẽ tự nhiên, dù đi đến chốn nào thần minh đều ghi chép tội lỗi đầy đủ. Nếu phạm lỗi thì lỗi ấy không mất và chuyển tiếp tương tục. Thế nên có người nghèo khổ, hạ tiện, đói khát, ăn xin, cô độc; có người mù, điếc, ngọng, câm, ngu si, xấu xí; có kẻ què cụt, cuồng dại, thua kém người. Lại có kẻ quyền quý, giàu sang, phú quý, tài cao hiển đạt, trí tuệ dũng mãnh, đó đều là nhờ đời trước làm thiện, từ hiếu, bố thí ân đức. Lại có kẻ bị việc quan hay bị vương pháp trói buộc đến nỗi phải vào lao ngục là vì không sợ, không cẩn thận, phạm pháp, làm điều ác nên bị tội nặng, dẫn đến hình

phạt đau đớn và dù mong mỗi được thoát khỏi nhưng khó mà thoát ra được.

Hiện tại đời nay, những sự việc đó hiện ra trước mắt, đến lúc qua đời bị rơi vào nơi tăm tối rồi thọ thân trở lại, ví như vương pháp gia hình khổ sở cùng cực. Có kẻ ở nơi địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ, loài côn trùng nhỏ nhiệm, dần dần thay hình đổi dạng, đổi xấu thành tốt, tuổi thọ ngắn hay dài, tình thức thần hồn tự nhiên gá vào thai mẹ thọ thân, phải một mình hướng đến con đường sinh tử, xoay vần theo nghiệp báo với những tai ương tội ác và hình phạt không ngừng, trôi lăn trong những chốn ấy không bao giờ xa lìa được, đời đời kiếp kiếp không hẹn ngày ra, khó được giải thoát, khổ hết chỗ nói. Và giữa trời đất bao la thành linh con ma vô thường đến cướp đi tính mạng trước thời hạn. Khi ấy chỉ còn cách phó mặc cho thiện ác đưa đẩy. Đây là điều đại ác thứ nhất, sự thống khổ thứ nhất, và là sự thiêu đốt thứ nhất.

Nỗi khổ phải gánh chịu nhọc nhằn như thế thật đáng buồn thay, cũng như lửa dữ nổi lên thiêu đốt thân người. Tuy nhiên, nếu người nào có thể ở trong cõi ấy mà nhất tâm định ý, đoạn thân chánh hạnh, tự mình làm điều thiện, không làm điều ác, thì thân được độ thoát, được phước đức sống lâu, vượt lên trên cuộc đời, đắc đạo Niết-bàn. Đây là điều đại thiện thứ nhất.

Đức Phật dạy:

– Điều ác thứ hai: Ở thế gian, vua chúa, quan lại, dân chúng, cha con, anh em, gia đình, chồng vợ đối với nhau xem thường, chẳng có đạo nghĩa gì. Họ không theo con đường chân chánh mà làm theo nhiều sự dâm dục và kiêu mạn. Ai cũng muốn vui sướng tự do theo ý mình nên lừa dối nhau, chém giết nhau, không sợ chết. Tâm và khẩu khác nhau cho nên nói và nghĩ không thật. Họ dùng những lời hoa mỹ, dua nịnh, dối trá, quanh co không chân thật, làm việc không ngay thẳng, ganh ghét nhau, dẫn đến nói những lời quanh co, gièm pha, hung ác để hãm hại người khác vào chỗ oan uổng. Vua chúa là bậc bề trên mà tâm không sáng suốt, không có tầm nhìn thấu đáo. Lại giao phó mọi chuyện cho bề tôi, để bề tôi tiếp tục giẫm chân theo đó thực hành, chỉ biết làm theo hình thức ở cương vị bất chánh, điều hành công việc sai lầm, làm tổn hại bậc trung lương hiền thiện, không xứng hợp ý trời, thật vô cùng trái với đạo lý. Thế rồi bề tôi lừa dối vua, con lừa dối cha, em dối gạt anh, vợ dối gạt chồng, trong ngoài gia đình bạn bè cùng tranh tụng nhau. Ai nấy đều ôm nhiều lòng tham độc sân hận, ngu si mê muội, sát sinh trộm cắp, không có tôn ti thượng hạ, không nam không nữ, không lớn không nhỏ, trong lòng chỉ muốn về mình thật nhiều, làm cho người khác phải tan nhà mất mạng mà không ngó nghĩ đến trước sau, thậm chí phá hoại luôn cả gia tộc, nhà cửa, thân thuộc. Có khi nội ngoại trong

gia tộc hay bạn bè thân hữu nơi xóm giềng, phố thị, dân dã nghèo nàn, vì công việc mà cùng tranh lợi hại nhau, tranh tài, tranh hơn, cãi vã, sân hận, trở thành cừ địch tranh đua thắng bại. Hơn nữa ai cũng tham dục sâu nặng nên chẳng chịu bố thí cho ai. Cầu khẩn, luyến ái, bo bo tham tiếc, nên phải suy tư nghĩ ngợi, khổ thân phiền tâm. Thế nên cuối cùng không nơi nương cậy, đi đến một mình trong cõi sinh tử không ai theo cùng. Thiện ác, phước đức, tai họa, trách phạt v.v... như bóng theo hình đến chỗ thọ sinh, hoặc là đến chốn an vui, hoặc là vào nơi khốn khổ. Nếu để đến lúc ấy mới thấy hối hận thì làm sao kịp nữa!

Người đời nay ngu si thiếu trí tuệ, thấy người làm thiện không biết quý mến, mà lại sân hận phỉ báng. Chỉ thích làm việc ác, làm việc không hợp đạo, chỉ muốn trộm cắp, thường ôm lòng độc ác, muốn người khác cung cấp vật dụng cho mình, phung phí đến lúc hết sạch, lại tiếp tục tìm cầu, tâm tà bất chánh, thường sống một mình sợ hãi người có thần sắc. Bây giờ không chịu tính toán, sao phải đợi khi nghiệp đến mới hối hận! Người này phải ở chốn lao ngục lâu dài, tự nhiên rơi vào chỗ chịu nhiều tai ương, làm lỗi, nơi thế gian bản cùng, cô độc, xin ăn. Bị như vậy là do đời trước không tin đạo, không chịu làm thiện. Đời nay làm ác nên thiên thần ghi rõ, đến khi chết sinh vào đường ác. Có người ở chốn địa ngục, ngựa quỷ, súc sinh, hay

loài côn trùng nhỏ nhít, trôi lặn trong chốn ấy đời đời kiếp kiếp không có ngày ra, khó được thoát khỏi, đau đớn không nói hết được. Đây là điều đại ác thứ hai, là sự thông khổ thứ hai, và là sự thiêu đốt thứ hai.

Nỗi khổ phải gánh chịu nhọc nhằn như thế, cũng như lửa lớn bốc cháy thiêu đốt thân người. Nếu người nào có thể ở trong cảnh ấy mà nhất tâm định ý, đoan thân chánh hạnh, chỉ làm những việc thiện, không làm các việc ác, thì nhờ phước đức này mà thân được giải thoát, được nhiều tuổi thọ và vượt khỏi thế gian, lên trời và đắc đạo Niết-bàn. Đây là điều đại thiện thứ hai.

Đức Phật dạy:

– Điều ác thứ ba: Con người ở thế gian cùng dựa vào nhân mà sinh, cùng nương tựa ở trong trời đất, không biết sống lâu được bao nhiêu tuổi. Có người thì giàu sang phú quý, có người hiền thiện sáng suốt, có kẻ ngu si bần cùng, hạ tiện, nhỏ bé, gầy gò. Trong những người này có kẻ bất lương, chỉ ôm lòng độc ác, thân tâm không ngay thật, thường nghĩ đến dâm dục nên trong lòng tràn đầy phiền muộn. Ái dục lăng xăng rối rắm làm cho ngồi đứng không yên. Lòng tham dục bôn xển muốn được của bất chánh, hay liếc nhìn người đẹp với thái độ dâm dật xấu xa. Có vợ mà lại chán ghét, lén lút tư thông kẻ khác, mang tài sản trong nhà tiếp tay nhau làm những việc sai trái, tập hợp ăn uống

rồi cùng nhau làm ác, khởi binh làm giặc, đánh thành chống cự, giết hại cướp bóc, chém chặt, cưỡng đoạt một cách vô đạo, lấy của cải tài sản người khác tộm thâu đem về cho mình, không biết sửa đổi đời sống, việc đáng mong cầu lại không chịu mong cầu, tâm ác hiển lộ không thể không chế hành động, muốn liên kết thành thế lực để bức hiếp người khác, muốn đoạt lấy tài sản của người khác để mang về cung cấp cho gia đình mình. Tâm ý buông thả theo những thú vui, dâm loạn với vợ người khác, không tránh cả với bà con dòng họ, khiến cho già cả, lớn bé, mọi người ai cũng ghét, trong và ngoài nhà ai cũng giận. Cũng chẳng biết sợ pháp luật, làm cho tội trạng bị ghi đầy sổ quan. Do gây tội ác như vậy nên rơi vào lao ngục. Trời, đất, các thần đều biết rõ và ghi chép đầy đủ tội trạng ấy nên theo hạnh nghiệp mà có kẻ vào chốn địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ, hay làm loài côn trùng nhỏ nhít, xoay vần trong chốn ấy đời đời kiếp kiếp không hẹn ngày ra, khó thoát khỏi sự khổ đau ấy, thật không nói hết được. Đây là điều đại ác thứ ba, sự thống khổ thứ ba, và là sự thiêu đốt thứ ba.

Nỗi khổ phải gánh chịu nhọc nhằn như thế, cũng giống như lửa lớn bốc cháy, thiêu đốt thân người. Tuy nhiên, nếu người nào có thể ở trong cảnh ấy mà nhất tâm định ý, đoan thân chánh hạnh, chỉ làm những việc thiện, không làm các việc ác, thì nhờ phước đức này mà thân được thoát khỏi

cảnh ấy, được nhiều tuổi thọ, vượt khỏi thế gian, lên trời, và đắc đạo Niết-bàn tịch tĩnh. Đây là điều đại thiện thứ ba.

Đức Phật dạy:

– Điều ác thứ tư: Đa phần người đời thường không làm thiện, tự làm bại hoại nhau, cùng bảo nhau để làm những việc ác, chủ động loan truyền điều xấu, lời nói hai chiều, nói lời hung ác, mắng nhiếc, dôi gạt để rồi ganh ghét chống đối nhau, ghét ganh người tốt, chê bai hiền thiện, nhưng lại lấy đó làm niềm vui của mình. Lại không hiếu thuận cung cấp dưỡng nuôi cha mẹ, khinh thường thầy tổ, bạn hữu, không có niềm tin, khó được thành thật, tự cho mình là cao quý, phô trương quyền thế, xâm phạm xem thường người khác, không tự biết mình. Làm ác mà vẫn ngoan cố, không biết hổ thẹn, chỉ muốn ép buộc người khác sợ hãi và vâng theo mệnh lệnh của mình, không biết kính sợ thánh thần, trời đất, cũng chẳng biết dạy bảo ai làm thiện, không dạy dỗ hay giáo hóa được ai mà lại cao ngạo, khinh đời như vậy, không có tâm thương yêu, không biết sợ sệt. Thiên thần sẽ ghi chép những sự kiêu mạn này. Nhờ đời trước làm ít việc phước đức, được chút ít nghiệp thiện tiếp giúp mà được hỗ trợ nhiều. Ngày nay làm ác nên những nghiệp thiện ấy tiêu tan, bị truy đuổi một mình trở lại đứng giữa hư không, chẳng có nơi nương tựa, còn bị nhiều tai ương lâm lỗi. Đến

lúc qua đời, các nghiệp ác kéo đến vây quanh rất ngặt phải giông ruồi quần quanh, không được ngưng nghỉ, các nghiệp ác cùng kéo đến như trong sổ ghi chép của thân mình, tai họa lỗi lầm kéo lôi phải đến ngay nơi ấy, hướng đến chịu những tai ương trách phạt, khiến thân tâm tan nát, thể chất lẫn tinh thần khổ cực không thể trốn tránh được. Sau đó bị rơi thẳng vào vạc dầu sôi. Ngay lúc ấy, vì đau khổ quá mà sinh tâm hối hận. Sự hối hận này thật quá muộn màng và chẳng mang lại lợi ích gì. Thiên đạo cũng chẳng được bước vào, nên buộc phải rơi vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, côn trùng, rồi quanh quần trong những chôn này đời đời kiếp kiếp không có ngày ra, khó được thoát khỏi. Đau đớn này làm sao nói hết. Đây là điều đại ác thứ tư, là tướng khổ thứ tư, và là sự thiêu đốt thứ tư.

Sự khổ ấy cũng giống như lửa lớn bốc cháy thiêu đốt mạng người. Nếu người nào có thể ở trong cảnh ấy nhất tâm định ý, đoạn thân chánh hạnh, chỉ làm những việc thiện, không làm các việc ác, thì nhờ phước đức này mà thân được độ thoát, được nhiều tuổi thọ và vượt khỏi thế gian, lên trời, và đắc đạo Niết-bàn. Đây là điều đại thiện thứ tư.

Đức Phật dạy:

– Điều ác thứ năm: Người đời thường đi theo sự biếng trễ, không chịu làm thiện, chẳng nghĩ đến việc cải đổi đời sống, vợ con đói lạnh, cha mẹ túng thiếu. Nếu muốn quả trách dạy dỗ con cái thì người

con ấy với tâm ác trợn mắt, nạt nộ lại chẳng nghe theo, chống đối kịch liệt còn hơn dã nhân, giống như kẻ thù, con cái như vậy thà rằng chẳng có còn hơn. Lại đi lừa dối vay mượn tiền bạc kết thành khổ đau khiến mọi người chán nản và không có tâm đền trả do túng thiếu nghèo khổ. Hơn nữa, vì phóng túng dục tình nên tiêu xài vô độ đến khi cạn kiệt không biết lấy đâu bù vào nên đành kết bè, kết đảng đi trộm cướp mà không hề có ý sợ phép nước ngăn cấm. Rồi ham thích rượu chè say sưa, ăn uống vô độ, chơi bời không có chừng mực, nên dần dần ương ngạnh xúc phạm, chẳng biết tình người, dùng sức mạnh cưỡng bức kẻ khác. Thấy người vui vẻ lại sinh lòng ganh ghét giận dữ với họ, vô lễ vô nghĩa, tự cho mình là trên hết nên không ai có thể ngăn cản. Cũng không lo nghĩ đến sự đủ thiếu của cha mẹ, vợ con. Không nghĩ đến sự đáp đền công đức của cha mẹ, không nghĩ nhớ ân tốt đẹp của thầy tổ, tâm thường nghĩ việc ác, miệng thường nói lời ác, thân thường làm việc ác. Làm việc suốt ngày mà không có kết quả, không tin đạo đức, không tin có tiên Thánh Hiền minh, không tin làm nghiệp thiện là con đường có thể vượt khỏi cuộc đời đau khổ, không tin có Phật ở thế gian, muốn giết hại A-la-hán, tranh chấp với Tỳ-kheo Tăng, thường muốn giết người kẻ cả cha mẹ, anh em, vợ con, thân thuộc, bạn bè và cha mẹ anh em vợ con thân thuộc bạn bè nhìn họ bằng tâm ghét bỏ, muốn làm

cho chết đi. Họ không tin lời kinh Phật, không tin con người sau khi chết sẽ tái sinh, không tin làm việc thiện được tốt đẹp, không tin làm ác sẽ bị quả xấu. Những người nam, người nữ này tâm ý đều ngang ngược, phản nghịch, ngu si, mê muội, sân giận, ham thích dục lạc, chẳng biết gì cả, rồi tự cho mình là tốt đẹp an vui có trí tuệ lớn, nhưng thực ra họ không biết mình từ đâu sinh ra, sau khi chết sẽ đi về đâu. Và lại, họ không có lòng từ hiếu thuận mà còn ác nghịch với đất trời, trong lúc đó lại mong cầu sự may mắn, muốn được sống lâu, thân mãi tồn tại không chết. Tuy nhiên, cuối cùng sẽ quy tụ về con đường sinh tử, thiện ác khổ cực. Mặc dù gánh chịu nhiều nỗi thống khổ bức thiết như vậy, nhưng có bậc minh sư chỉ dạy phương cách để thoát khỏi các lỗi lầm xấu ác trong cõi sinh tử này thì họ lại không tin theo. Dù có khổ tâm nhọc lời với họ, muốn cho họ được độ thoát cũng chỉ vô ích mà thôi. Vì tâm họ bị bế tắc, ý không cởi mở, nên không dễ gì tiếp nhận lời huấn thị. Thế rồi khi sự sống chết kề cận họ lại hối hận ăn năn thì than ôi đã quá muộn màng. Trước không lo làm thiện, đợi đến lúc cùng cực mới lo, nào có ích gì! Do vậy, giữa đất trời mênh mông, năm đường ác trải rộng thênh thang sâu thẳm khiến họ tự lao vào trong đó, rồi mãi mãi nhận lấy thiện ác khổ đau xoay vần tiếp nối và thân phải gánh vác tất cả chứ không một ai có thể thay thế được. Theo hạnh nghiệp đã tạo, họ

tự thác sinh vào cõi tương ứng. Người lành làm việc thiện, từ hòa, hiếu hạnh thì từ nơi an lạc trở về an lạc, từ ánh sáng trở về ánh sáng. Người ác làm việc xấu thì từ nơi khổ đi đến chốn tối tăm. Ai có thể biết được điều này? Chỉ có Phật mới thấy biết mà thôi. Rất ít người tin theo lời chỉ dạy của bậc Đạo sư, nên sinh tử không ngưng, đường ác không dứt. Người đời như vậy không thể nói đạo lý được, cho nên có kẻ tự rơi vào chốn địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, cho đến loài côn trùng nhỏ nhít và quần quanh trong những nơi này đời đời kiếp kiếp không có ngày ra, khó được giải thoát, khổ đau như thế làm sao nói hết! Đây là năm điều ác, năm sự thống khổ, năm sự thiêu đốt.

Khổ đau như vậy cũng giống như lửa lớn bốc cháy thiêu đốt thân người. Nếu người nào có thể ở trong cảnh ấy mà nhất tâm định ý, đoạn thân chánh hạnh, lời nói và hành động tương xứng, việc làm chí thành, nói lời chân thật, tâm và khẩu không thay đổi, siêng làm những việc thiện, không làm những điều ác, thì nhờ phước đức này mà thân được độ thoát, được nhiều tuổi thọ và vượt khỏi thế gian, lên trời, và đắc đạo Niết-bàn. Đây là năm điều đại thiện.

Đức Phật bảo BỒ-tát A-dật và đại chúng:

– Ta đã nói cho các người biết về năm ác ở đời này. Sự khổ đau ấy tiếp nối khiến cho năm điều thống khổ và năm sự thiêu đốt dấy khởi rồi lần lượt

sinh ra nhau. Thông thường người ở thế gian không chịu làm thiện mà muốn làm các việc ác, đã phạm các việc ác này thì tự nhiên đều phải tuân tự đi vào con đường ác. Hạng người này ở đời hiện tại bị tai ương bệnh tật, không thấy biết sự sống chết. Đến khi nhắm mắt qua đời họ rơi vào chỗ cực khổ vô cùng với nhiều ưu sầu tàn khốc, rồi tự thiêu đốt nhau và chuyển dần đến hủy diệt. Sau đó, những người này cùng tạo thành oan gia sát hại lẫn nhau, từ chuyện nhỏ nhặt gây ra chống đối nhau kịch liệt, những quả báo này đều từ tham dâm tài sắc, không chịu nhẫn nhục bố thí mà muốn mình được an vui, không ngay thẳng mà muốn được danh tiếng lẫy lừng. Vì si mê dục vọng nên tư tưởng bị thúc bách theo tâm, không được như ý nên kết phần giận trong lòng, bị tài sắc trói buộc nên không có giải thoát, do ham muốn tranh chấp không biết nhằm chán nên chẳng lúc nào tự xét lại mình. Khi vinh hoa phú quý thì lại tự thọ dụng mà không biết bố thí làm thiện. Oai đức chẳng được bao nhiêu nên thường thuận theo nghiệp ác khiến thân tâm chịu nhiều đau khổ càng lúc càng thống thiết và nghiệp ác ấy đeo đẳng mãi không thể nào thoát ra được. Phép nước được ban hành thì cũng phải tính toán cân nhắc và lo lắng điều chỉnh thế nào cho phù hợp từ trên xuống dưới trong một cơ cấu kỷ cương hết sức chặt chẽ và nơm nớp sợ hãi đày đọa trong chốn lao tù, vì hoàn toàn không hiểu nghĩa lý, không biết

chánh đạo. Thật đáng thương thay!

Đức Phật bảo BỒ-tát A-dật và đại chúng:

– Nếu ở đời có Phật A-di-đà xuất hiện, thì nhờ vào oai thần của Đức Phật từ bi thương xót mà các việc ác tiêu trừ, khiến mọi người bỏ ác, thành tựu hạnh lành, buông xả sự nghĩ suy, tiếp nhận và phụng trì kinh giới, thực hành theo kinh pháp không dám sai trái, vượt khỏi thế gian, đắc đạo Niết-bàn vô vi vô cùng an vui tốt đẹp.

Đức Phật dạy:

– Nếu có hàng chư Thiên, vua quan, dân chúng và người đời sau nào được nghe lời kinh Phật mà suy nghĩ thật chín chắn và đoan tâm chánh hạnh theo trong ý kinh, thì tất cả mọi chuyện đều thành tựu tốt đẹp. Vua chúa làm điều thiện để nêu gương hóa độ và xem xét chế ngự dân lành. Dạy dỗ một người, rồi chuyển thành sắc lệnh, dẫn đến cùng nhau làm thiện, cùng nhau được độ thoát. Ai cũng tự giữ oai nghi, nhân từ, thương xót, suốt đời không lười nhác, biết tôn kính Hiền Thánh, hiếu thuận, thông minh, bác ái, không dám sơ suất, lo tu tập vượt khỏi thế gian khổ não, đạt đạo Niết-bàn, lo đoan tận sự thống khổ trong đường sinh tử và nhổ sạch gốc rễ xấu ác, đoạn tuyệt đường khổ đau độc ác, nơi loài địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, loài côn trùng nhỏ nhít, sẽ gặp Phật ở đời và kiên trì đọc tụng kinh đạo, không dám sai trái.

Đức Phật dạy:

– Nay Tỳ-kheo! Việc khẩn cấp thứ nhất của người biết tin tưởng là gì? Là nên giữ thân ngay ngắn, giữ tâm ngay thẳng, giữ mắt đoan nghiêm, giữ tai cẩn thận, giữ mũi chính đáng, giữ miệng cẩn trọng, giữ tay nghiêm chỉnh, giữ chân nghiêm chỉnh, mới có thể tự kiểm soát và điều phục thân tâm, không nên vọng động. Thân tâm trong sạch đều tương ứng với thiện. Phải kiềm chế cả nội tâm lẫn ngoại thân, chớ nên chạy theo sự ham thích dục lạc, không phạm phải những lời nói ác, khí sắc phải nhu hòa, thân hành phải chuyên nhất. Tất cả những hành động như đi, đứng, nằm, ngồi phải an bình. Muốn làm việc gì trước phải tính toán, suy nghĩ thật chín chắn, tùy theo sức mình, xem xét và sắp xếp quá trình thực hiện ổn định rồi mới làm. Việc làm mà vội vã hấp tấp không tính toán kỹ lưỡng thì việc ấy không chắc chắn, mất công. Việc đã hỏng, sau đó hối tiếc, tràn đầy đau khổ cho đến mất thân và đánh mất luôn tâm chí thành mong muốn đạt đạo.

Đức Phật dạy:

– Các người hãy làm nhiều việc thiện hơn nữa, như ban ân bố đức không phạm điều cấm kỵ, nhẫn nhục, tinh tấn, nhất tâm, trí tuệ, dần dần giáo hóa cho mọi người tu thiện, làm phước đức theo kinh pháp này. Tâm từ chuyên nhất, trai giới thanh tịnh trong một ngày một đêm thì công đức ấy thù thắng

hơn những người ở nước Phật A-di-đà làm thiện một trăm năm. Vì sao? Vì những người ở nước Phật A-di-đà đều tích đức, tu nhiều nghiệp thiện, vô vi tự nhiên đối với sự mong cầu. Họ không có những việc ác, dù là bằng sợi lông, sợi tóc.

Đức Phật dạy:

– Đối với những người ở cõi này làm việc thiện trong mười ngày mười đêm thì công đức ấy thù thắng hơn cả dân chúng trong cõi phương khác làm thiện cả ngàn năm. Vì sao? Vì dân chúng ở cõi nước phương khác đều làm thiện. Người làm thiện thì nhiều mà người làm ác thì ít. Họ có mọi vật dụng tự nhiên, không phải tìm cầu hay làm lụng. Người ở thế gian làm ác thì nhiều mà làm thiện thì ít, nếu không tìm cầu hay làm lụng thì không có vật dụng. Thế nên người ở thế gian có thể tự đoan thân chánh niệm làm thiện và chí tâm cầu đạo mới được như vậy. Người ở thế gian không có sự cung cấp tự nhiên mà phải tìm cầu khổ nhọc để kiếm sống. Từ đó sinh ra sự lờng gạt, dối trá, tốt xấu. Được của cải rồi mang về cung cấp cho vợ con, khổ thân nhọc tâm, cuối cùng đưa đến tâm ý luôn bị bất an, chẳng được thông dong nhàn hạ. Người nào có thể tự an tịnh, làm việc thiện, tinh tấn tu đức thì mới có thể được như vậy.

Đức Phật dạy:

– Ta rất thương xót các người và chư Thiên,

vua quan, dân chúng. Ta chỉ dạy cho mọi người làm thiện, không làm ác. Tùy theo khả năng của họ có thể tiếp nhận mà Ta đem đạo chỉ dạy, giảng giải, dắt dìu để thực hành theo. Tức thì vua noi theo sự giáo hóa làm thiện, chỉ dạy lại quần thần, cha chỉ dạy cho con, anh chỉ dạy cho em, chồng chỉ dạy cho vợ, bà con thân thuộc, bạn bè trong nhà ngoài cửa cùng chỉ dạy cho nhau tu thiện, hành đạo, tụng kinh, giữ giới. Mọi người đều tự nghiêm thân định ý, trên dưới cùng nhắc nhở nhau, không kể lớn hay nhỏ, nam hay nữ đều trai giới thanh tịnh nên tất cả đều được an vui, hòa thuận tình lý, hoan lạc, từ hiếu, cùng sách tấn nhau. Có người gặp được lời kinh Phật, đều gìn giữ và suy nghĩ sâu xa điều không nên làm nhưng đã phạm phải nên tự ăn năn tội ác đã qua, tích lũy nghiệp thiện, bỏ tà làm chánh, sáng nghe chiều cải hối, phụng trì giới tinh tấn như người nghèo gặp được của báu. Bất cứ ở đâu, nơi Phật đến đều truyền trao giới kinh. Chư Thiên, chư thần, mặt trời, trăng, sao, vua chúa, quan quân, trưởng giả, dân chúng, rồng, quỷ thần, địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ cho đến loài côn trùng nhỏ nhất... đều đem từ tâm khai mở. Tất cả đều kính thờ, tôn kính theo Phật, tiếp nhận kinh đạo, vâng thọ thực hành. Tức thời vua cải hóa làm thiện, trai giới thanh tịnh, gột sạch thân tâm, đoạn tâm chánh hạnh, ở địa vị cao nghiêm, chỉ dạy cho mọi người tuân theo làm thiện, thực hành theo giới cấm, nói

và làm chân chánh. Quan phụng sự vua, tuân lệnh, trung trực, không dám chống trái xem thường. Cha nói con nghe, hiếu thuận làm theo anh em, chồng vợ, bà con, bè bạn trên dưới, lời lẽ thuận hòa, thứ bậc lớn nhỏ, biết kính nhường nhau, xem lễ như nghĩa, không bỏ việc gột rửa thân tâm, thay đổi hành vi trong ngoài đoan chánh, tự nhiên làm thiện, ước nguyện viên thành. Tất cả nghiệp thiện được chuyển hóa theo đạo tự nhiên, nên cầu sống lâu thì được trường thọ, cầu xuất thế thì được đạo Niết-bàn.

Đức Phật dạy:

– Oai thần của Phật rất cao, rất quý, làm tiêu ác hóa thành thiện và độ thoát tất cả. Nay Ta ra đời làm Phật, ở nơi thế gian nhiều khổ đau xấu ác này thương yêu chỉ dạy, dẫn đường cho chư Thiên, vua chúa, quần thần tả hữu, trưởng giả, dân chúng, tùy theo sự mong muốn của họ, Ta đều làm cho đắc đạo. Những nơi nào Phật đã đi qua, như đất nước, quận huyện, làng xóm, núi đồi hay phố chợ v.v... đều được giàu có, dư giả, thiên hạ thái bình, mặt trời, mặt trăng luôn vận hành, sáng tỏa bằng ánh sáng tốt đẹp bội phần, mưa gió thuận hòa, dân chúng an lạc, người mạnh không hiếp kẻ yếu, ai cũng được toại nguyện, không có năm tật dịch, không có người bệnh gầy còm, binh đao không nổi dậy. Trong nước không có giặc cướp, không có sự oan uổng, không có người bị giam cầm tù tội. Vua

quan, dân chúng đều vui vẻ hân hoan, hiền lành, trung hậu, chí thành. Ai cũng tự giữ mình ngay thật và biết bảo vệ quốc gia ôn hòa, hiếu thuận, hưởng thọ vui vẻ, biết cùng nhau ban ân thí đức, tâm hoan hỷ cùng yêu kính nhau, nhường nhịn khiêm tốn, dùng lễ kính thờ theo thứ bậc trước sau, như cha như con, như anh như em. Ai cũng là bậc hiền nhân, tiết lễ thuận hòa, hoàn toàn không có sự chống đối tranh cãi, vui vẻ tốt đẹp vô cùng.

Đức Phật dạy:

– Ta rất thương xót các người muốn độ thoát tất cả, tha thiết như cha mẹ luôn nghĩ nhớ đến con. Ngày nay chư Thiên, vua quan, dân chúng và loài côn trùng nhỏ nhít khắp mười phương được kinh giới của Phật, phụng hành Phật đạo, đều được tâm tuệ sáng suốt, khai mở. Ai nấy đều được vượt qua sự lo buồn đau khổ và được giải thoát. Nay Ta làm Phật ở nơi đời năm ác, năm sự thống khổ, năm sự thiêu đốt, và đã hàng phục năm ác, làm tiêu tan năm sự thống khổ và diệt mất năm sự thiêu đốt ấy. Ta lấy thiện hàng phục ác, nhổ bỏ khổ đau, làm cho được năm đường, được năm điều thiện sáng tốt, đốt cháy ác không cho nổi dậy. Sau khi Ta nhập Niết-bàn, kinh đạo mất dần, dân chúng xảo trá, rồi lại dần dần làm các việc ác, không làm các việc thiện, năm sự thiêu đốt nổi lên, năm nỗi thống khổ trôi dậy kịch liệt. Các việc xấu ác như trước tự nhiên trở lại. Thời gian lâu sau trở nên dữ dội

không thể nói hết. Ta chỉ nói chút ít cho các người biết mà thôi.

Đức Phật bảo BỒ-tát A-dật và đại chúng:

– Các người hãy suy nghĩ và nhớ lời Ta dạy, lần lượt chỉ bảo cho nhau, như kinh pháp Phật không nên trái phạm.

BỒ-tát A-dật quỳ xuống, chấp tay thưa:

– Thế Tôn đã nói về sự thống khổ cùng cực do người đời làm ác mới trở nên kịch liệt như vậy. Thế Tôn từ bi thương xót độ thoát tất cả. Chúng con xin tiếp nhận lời dạy cao quý của Phật, lần lượt chỉ dạy nhau không dám trái phạm.

Đức Phật bảo A-nan:

– Ta thương tưởng các người, làm cho tất cả được thấy Phật A-di-đà và các BỒ-tát, A-la-hán ở cõi nước ấy. Các người có muốn thấy chăng?

Hiền giả A-nan rất vui mừng, quỳ xuống chấp tay thưa:

– Xin cho chúng con được thấy.

Đức Phật bảo:

– Người hãy đứng lên sửa y và chấp tay hướng về phương Tây - phía mặt trời lặn - đánh lễ Phật A-di-đà, cúi đầu sát đất, nói: “Nam-mô A-di-đà Chánh Đẳng Chánh Giác”.

Hiền giả A-nan thưa:

– Chúng con xin vâng lời. Hiền giả đứng dậy, chấp tay hướng phương Tây - phía mặt trời lặn -

đánh lễ Phật A-di-đà, cúi đầu sát đất nói: Nam-mô A-di-đà Chánh Đẳng Chánh Giác.

Hiền giả chưa kịp đứng lên thì Phật A-di-đà liền vận oai thần phóng ra hào quang sáng tỏa đến vô số cõi nước khắp mười phương. Vô số khắp đất trời đều chấn động lớn. Lưới báu núi Tu-di, lưới báu núi Đại Tu-di, trong vô số đất trời, cõi nhỏ, cõi lớn, địa ngục nhỏ, địa ngục lớn, các núi rừng, khe suối, chỗ hang hốc tối tăm trong vô số đất trời đều được ánh sáng lớn ấy chiếu rọi rõ. Tức thời Hiền giả A-nan, các Bồ-tát, A-la-hán, chư Thiên, vua chúa, dân chúng đều được trông thấy Phật A-di-đà và các Bồ-tát, A-la-hán nơi cõi nước bằng bảy báu, nên lòng vô cùng hân hoan phấn chấn, tất cả đều đứng lên đánh lễ Đức Phật A-di-đà, cúi đầu sát đất và nói: Nam-mô A-di-đà Chánh Đẳng Chánh Giác.

Đức Phật A-di-đà phóng ra hào quang lớn oai thần làm cho vô số chư Thiên, dân chúng và loài cầm thú, côn trùng nhỏ nhít đều được thấy ánh sáng của Phật, không ai mà không có tâm từ hoan hỷ. Những chốn địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ đang bị tra khảo, nơi đau khổ nhọc nhằn tức thời được ngưng nghỉ, không còn bị tra khảo nữa, đều được thoát khỏi lo buồn khổ não. Những người mù liền được trông thấy, những người điếc liền được nghe, những người câm liền được nói, những người gù được thẳng lưng, những người què quặt liền đi được, những người bệnh liền được khỏi, những

người yếu đuối liền được khang kiện, những người ngu si liền được trí tuệ, những người dâm dục liền được phạm hạnh, những người nóng giận hung dữ đều được tâm từ và làm thiện, những người bị ngộ độc thì không bị độc hành hạ. Tất cả những nhạc cụ như: chuông, khánh, đàn cầm, đàn sắt, ống sáo v.v... không đánh mà vẫn tự tạo thành năm thứ âm thanh. Vòng xuyên của phụ nữ đều tự phát thành tiếng. Trăm giống chim muông đều tự cất tiếng hót vang. Ngay lúc ấy, không ai mà không vui mừng, thích được hóa độ.

Bấy giờ, chư Thiên, dân chúng ở các cõi nước đều mang hương hoa từ cõi trời đến. Họ ở trên hư không rải hoa cúng dường trên chư Phật và Đức Phật A-di-đà. Chư Thiên cùng trỗi lên vạn loại kỹ nhạc. Trong lúc này, chư Phật và Bồ-tát, A-la-hán đều rất vui vẻ an lạc, không thể dùng ngôn từ diễn tả được.

Đức Phật bảo Hiền giả A-nan, Bồ-tát A-dật và đại chúng:

– Ta đã nói về Đức Phật A-di-đà và các Bồ-tát, A-la-hán cùng bảy báu tự nhiên của cõi nước ấy, có chút gì sai khác không?

Hiền giả A-nan quỳ xuống, chấp tay thưa:

– Thế Tôn đã nói về sự tốt đẹp, an lạc của cõi Phật A-di-đà, thật đúng như vậy, không có gì sai khác.

Đức Phật dạy:

– Nếu Ta nói về sự tốt đẹp, an lạc của cõi nước và công đức của Phật A-di-đà suốt cả ngày đêm trọn một kiếp vẫn không thể hết được. Ở đây Ta chỉ vì các người nói sơ lược mà thôi.

Bồ-tát A-dật quỳ xuống, chấp tay hỏi Phật:

– Trong cõi Phật hiện nay có bao nhiêu Bồ-tát bất thoái chuyển được sinh sang cõi Phật A-di-đà? Con muốn nghe điều này.

Đức Phật bảo:

– Nếu người muốn biết thì hãy lắng nghe cho kỹ.

Bồ-tát A-dật thưa:

– Con xin vâng lời.

Đức Phật dạy:

– Trong cõi nước của Ta sẽ có bảy trăm hai mươi ức Bồ-tát bất thoái chuyển, sinh sang cõi Phật A-di-đà. Một vị Bồ-tát bất thoái chuyển sẽ lần lượt cúng dường vô số chư Phật, tiếp đến sẽ thành Phật như Bồ-tát Di-lặc. Ngoài ra còn có vô số các Bồ-tát nhỏ - nhiều không thể tính hết được - đều sẽ sinh sang cõi Phật A-di-đà.

Đức Phật bảo Bồ-tát A-dật:

– Không những chỉ có các Bồ-tát trong cõi nước của Ta sẽ sinh sang cõi Phật A-di-đà, mà còn tại cõi Phật ở các nước phương khác cũng có Bồ-tát sinh sang cõi Phật ấy nhiều như vậy.

Phật thứ nhất hiệu Đâu-lâu-hòa-tư, có một trăm tám mươi ức Bồ-tát trong cõi nước của Đức Phật ấy sẽ sinh sang cõi Phật A-di-đà.

Cõi nước phương khác, Đức Phật thứ hai hiệu La-lân-na-a-kiệt, có chín mươi ức Bồ-tát trong cõi nước của Đức Phật ấy sẽ sinh sang cõi Phật A-di-đà.

Cõi nước phương khác, Đức Phật thứ ba hiệu Châu-đề-bỉ-hội, có hai trăm hai mươi ức Bồ-tát trong cõi nước của Đức Phật ấy sẽ sinh sang cõi Phật A-di-đà.

Cõi nước phương khác, Đức Phật thứ tư hiệu A-mật-quỳ-la-tát, có hai trăm năm mươi ức Bồ-tát trong cõi nước của Đức Phật ấy sẽ sinh sang cõi Phật A-di-đà.

Cõi nước phương khác, Đức Phật thứ năm hiệu Lâu-ba-lê-ba-thái-tế, có sáu trăm ức Bồ-tát trong cõi nước của Đức Phật ấy sẽ sinh sang cõi Phật A-di-đà.

Cõi nước phương khác, Đức Phật thứ sáu hiệu Na-duy-vu-thái, có một vạn bốn ngàn Bồ-tát trong cõi nước của Đức Phật ấy sẽ sinh sang cõi Phật A-di-đà.

Cõi nước phương khác, Đức Phật thứ bảy hiệu Duy-lê-ba-la-phan-thái, có mười lăm Bồ-tát trong cõi nước của Đức Phật ấy sẽ sinh sang cõi Phật A-di-đà.

Cõi nước phương khác, Đức Phật thứ tám hiệu Hòa-a-thái, có tám Bồ-tát trong cõi nước của Đức Phật ấy sẽ sinh sang cõi Phật A-di-đà.

Cõi nước phương khác, Đức Phật thứ chín hiệu Thi-lợi-quần-thái, có tám trăm mười ức Bồ-tát trong cõi nước của Đức Phật ấy sẽ sinh sang cõi Phật A-di-đà.

Cõi nước phương khác, Đức Phật thứ mười hiệu Na-tha-thái, có vạn ức Bồ-tát trong cõi nước của Đức Phật ấy sẽ sinh sang cõi Phật A-di-đà.

Cõi nước phương khác, Đức Phật thứ mười một hiệu Hòa-la-na-duy-vu-thái, có một vạn hai ngàn Bồ-tát trong cõi nước của Đức Phật ấy sẽ sinh sang cõi Phật A-di-đà.

Cõi nước phương khác, Đức Phật thứ mười hai hiệu Phí-bá-đồ-da-thái, trong cõi nước của Đức Phật ấy, có các Bồ-tát nhiều vô số không thể tính hết, đều là những bậc Bất thoái chuyển có trí tuệ dũng mãnh và đã cúng dường vô số chư Phật, cùng một tâm nguyện muốn được vãng sinh. Tất cả đều sẽ sinh sang cõi Phật A-di-đà.

Cõi nước phương khác, Đức Phật thứ mười ba hiệu Tùy-a-duyệt-kỳ-ba-đa-thái, có bảy trăm chín mươi ức Bồ-tát trong cõi nước của Đức Phật ấy sẽ sinh sang cõi Phật A-di-đà.

Đức Phật dạy:

– Các Bồ-tát này đều là bậc Bất thoái chuyển.

Trong đó có các Tỳ-kheo Tăng và vô số các Bồ-tát nhỏ cũng sẽ sinh sang cõi Phật A-di-đà. Không riêng gì các Bồ-tát trong mười bốn cõi Phật này sẽ vãng sinh, mà có vô số các Bồ-tát ở các cõi nước khắp mười phương cũng sẽ sinh sang cõi Phật A-di-đà. Số Bồ-tát nhiều vô lượng, họ cùng sang vân tập tại cõi nước Phật A-di-đà, đông không thể tính hết. Nếu Ta nói về danh hiệu của vô số chư Phật khắp mười phương suốt ngày đêm trọn một kiếp vẫn không thể nào nói hết được. Cũng như nói về những người, các Tỳ-kheo Tăng và các Bồ-tát ở các cõi nước sẽ sinh sang cõi Phật A-di-đà suốt trong một kiếp không ngừng nghỉ vẫn không thể nói hết được. Ở đây Ta chỉ vì các người nói tóm tắt mà thôi.

Đức Phật bảo Hiền giả A-nan và Bồ-tát A-dật cùng đại chúng:

– Các vua quan, dân chúng, các thiện nam, thiện nữ ở thế gian này đời trước đã làm nghiệp thiện, được phước lộc tràn đầy nên mới được nghe âm thanh của Phật A-di-đà. Họ rất vui vẻ an lạc. Ta hoan hỷ thay cho họ.

Đức Phật dạy:

– Có những thiện nam, thiện nữ nào được nghe âm thanh của Phật A-di-đà, tâm từ hoan hỷ vô cùng, tâm ý trong sạch, xúc động và rơi lệ thì những người này do đời trước đã thực hành Phật

đạo. Nếu các cõi Phật và Bồ-tát ở nơi phương khác mà trong đó có người nam, người nữ hay người dân nào nghe âm thanh của Phật A-di-đà mà không tin là có Phật, không tin lời kinh Phật, không tin có Tỳ-kheo Tăng, trong tâm đầy nghi ngờ, hoàn toàn không tin gì cả, thì những người này sinh ra từ nơi đường ác, ngu si không biết đời trước, chưa dứt những tai ương xấu ác, cho nên vẫn chưa được độ thoát. Do trong tâm còn nghi ngờ nên không có sự tín hướng như vậy.

Đức Phật dạy:

– Ta bảo các người rằng, nếu các người thực hành pháp thiện, thì hãy nên phụng hành niềm tin nơi Phật A-di-đà, không được nghi ngờ. Sau khi Ta nhập Niết-bàn, các người và người đời sau không được nói: “Ta không tin có cõi Phật A-di-đà”. Nay Ta làm cho các người được trông thấy cõi nước Phật A-di-đà, thể hiện theo sự mong cầu của các người. Ta nói đầy đủ cho các người về pháp kinh giới cấm. Các người hãy giữ gìn như pháp Phật, không được hủy hoại. Ta trao kinh này cho các người, các người hãy giữ kinh thật vững bền, không nên thêm bớt pháp kinh một cách sai lầm. Sau khi Ta nhập Niết-bàn, kinh đạo chỉ lưu lại một ngàn năm. Sau một ngàn năm, kinh đạo mất hẳn. Vì lòng thương tưởng, Ta lưu lại pháp kinh này chỉ tồn tại suốt trăm năm, hết một trăm năm mới mất hẳn. Tùy theo tâm nghiệp của mỗi người mà có thể

tu hành đặc đạo.

Đức Phật dạy:

– Đấng Đạo sư là bậc dẫn đường, trí tuệ sáng suốt, cứu độ mọi loài, làm cho họ đặc đạo Niết-bàn tốt đẹp. Các người thường nên từ hiếu với Phật như cha mẹ, thường nhớ nghĩ ân thầy, luôn nhớ nghĩ ân đức không thôi. Được như vậy các người sẽ nhanh chóng thành đạo quả.

Đức Phật dạy:

– Thế gian có Phật thật khó gặp thay! Thật là khó gặp Đạo sư hay Sa-môn vì mọi người thuyết kinh này.

Khi Đức Phật giảng nói kinh này, tức thời có một vạn hai ngàn ức chư Thiên, loài người đều được thiên nhãn, thấy xuyên suốt tất cả. Họ nhất tâm thực hành đạo Bồ-tát. Có hai trăm ức chư Thiên và loài người đặc đạo A-na-hàm. Có tám trăm Sa-môn đều đặc đạo A-la-hán. Có bốn mươi ức Bồ-tát đạt đạo Bất thoái chuyển.

Phật thuyết giảng kinh này xong, các Bồ-tát, A-la-hán, chư Thiên, vua quan, dân chúng vô cùng hoan hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy, nhiễu quanh ba vòng, rồi đến trước Phật cung kính đánh lễ dưới chân Ngài rồi lui ra.



SỐ 363

KINH ĐẠI THỪA VÔ LƯỢNG THỌ TRANG NGHIÊM

Hán dịch: Đồi Tông, Tam tạng Pháp Hiền.

QUYỂN THƯỢNG

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại núi Linh Thứu, thuộc thành Vương-xá, cùng với chúng Đại Bí-sô ba vạn hai ngàn vị. Những vị này đều đắc quả A-la-hán, có đủ thần thông lớn. Tên của các vị ấy là: Tôn giả A-nhã Kiều-trần-như, Tôn giả Mã Thắng, Tôn giả Ma-sắc-tỷ-noa, Tôn giả Đại Danh, Tôn giả Bạt-đa-bà, Tôn giả Xưng Thiên, Tôn giả Ly Cầu, Tôn giả Diệu Tý, Tôn giả Bồ-lan-noa-chỉ-năng, Tôn giả Kiều-phạm-ba-đề, Tôn giả Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp, Tôn giả Na-đề Ca-diếp, Tôn giả Xá-lợi-tử, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên, Tôn giả Ma-ha Câu-hy-la, Tôn giả Kiếp-tân-na, Tôn giả Ma-ha Tôn-na, Tôn giả Di-đa-la-ni-tử, Tôn giả A-na-luật, Tôn giả Hỷ, Tôn giả Khẩn-tỷ-lý-noa, Tôn giả Tu-bồ-đề, Tôn giả Lý-phạ-đế, Tôn giả Khư-di-la-phạ-di-chỉ-năng, Tôn

giả Ma-hạ-ra-nhi, Tôn giả Ba-ra-dã-ni-chỉ-năng, Tôn giả Phục-câu-lệ-năng, Tôn giả A-nan-đà, Tôn giả La-hầu-la, Tôn giả Thiện Tài v.v... Có tất cả ba vạn hai ngàn người hội đủ.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan từ chỗ ngồi đứng dậy, trích vai áo bên phải, gói phải quỳ sát đất, chấp tay đánh lễ, bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Đấng Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác đã thành tựu các căn thanh tịnh, sắc diện viên mãn, chỗ ở trang nghiêm. Được công đức như vậy thật chưa từng có. Thế nào là thực hành diệu hạnh rộng lớn? Và hạnh nguyện của chư Phật thời quá khứ, vị lai như thế nào? Cúi xin Thế Tôn giảng nói cho chúng con.

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

– Hay thay! Hay thay! Ông vì sự lợi ích cho tất cả chúng sinh, có lòng từ thương xót mới có thể hỏi Như Lai nghĩa vi diệu ấy. Ông hãy lắng nghe và suy nghĩ thật kỹ điều này. Bấy giờ Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri sẽ giảng nói.

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

– Thời quá khứ vô lượng vô biên vô số kiếp chẳng thể nghĩ bàn, bấy giờ có Đức Phật Thế Tôn xuất hiện ở đời hiệu là Nhiên Đăng Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác. Trước Phật Nhiên Đăng lại có Đức Thế Tôn xuất hiện ở đời hiệu là Như Lai Bát-ra-đa-ba-da-thâu. Trước Đức Phật này có Đức Phật

ra đời hiệu Như Lai Phát Quang. Trước Đức Phật này có Đức Phật ra đời hiệu Như Lai Tán-na-năng-nghiã-ra-hộ. Trước Đức Phật này có Đức Phật ra đời hiệu Như Lai Tu Di Kiếp. Trước Đức Phật này có Đức Phật ra đời hiệu Như Lai Nguyệt Diện. Trước Đức Phật này có Đức Phật ra đời hiệu Như Lai Vô Cấu Diện. Trước Đức Phật này có Đức Phật ra đời hiệu Như Lai Vô Trước. Trước Đức Phật này có Đức Phật ra đời hiệu Như Lai Long Chủ. Trước Đức Phật này có Đức Phật ra đời hiệu Như Lai Nhật Diện. Trước Đức Phật này có Đức Phật ra đời hiệu Như Lai Hưởng Âm Vương. Trước Đức Phật này có Đức Phật ra đời hiệu Như Lai Tu Di Phong. Trước Đức Phật này có Đức Phật ra đời hiệu Như Lai Kim Tạng. Trước Đức Phật này có Đức Phật ra đời hiệu Như Lai Hỏa Quang. Trước Đức Phật này có Đức Phật ra đời hiệu Như Lai Bất Động Địa. Trước Đức Phật này có Đức Phật ra đời hiệu Như Lai Lưu Ly Quang. Trước Đức Phật này có Đức Phật ra đời hiệu Như Lai Nguyệt Vương. Trước Đức Phật này có Đức Phật ra đời hiệu Như Lai Nhật Âm. Trước Đức Phật này có Đức Phật ra đời hiệu Như Lai Tán Hoa Trang Nghiêm. Trước Đức Phật này có Đức Phật ra đời hiệu Như Lai Cát Tường Phong. Trước Đức Phật này có Đức Phật ra đời hiệu Như Lai Trì Hải Tuệ Tự Tại Thông Vương. Trước Đức Phật này có Đức Phật ra đời hiệu Như Lai Thí Quang. Trước Đức Phật này có

Đức Phật ra đời hiệu Như Lai Đại Hương Tượng Quang. Trước Đức Phật này có Đức Phật ra đời hiệu Như Lai Ly Nhất Thiết Cấu. Trước Đức Phật này có Đức Phật ra đời hiệu Như Lai Dũng Mãnh Phong. Trước Đức Phật này có Đức Phật ra đời hiệu Như Lai Bảo Quang. Trước Đức Phật này có Đức Phật ra đời hiệu Như Lai Trì Đa Đức Đắc Thông. Trước Đức Phật này có Đức Phật ra đời hiệu Như Lai Quá Nhật Nguyệt Quang. Trước Đức Phật này có Đức Phật ra đời hiệu Như Lai Tối Thượng Lưu Ly Quang. Trước Đức Phật này có Đức Phật ra đời hiệu Như Lai Tuệ Hoa Khai Tâm Hạnh Xuất Sinh. Trước Đức Phật này có Đức Phật ra đời hiệu Như Lai Đại Hoa Tâm Thông Vương. Trước Đức Phật này có Đức Phật ra đời hiệu Như Lai Nhật Nguyệt Quang. Trước Đức Phật này có Đức Phật ra đời hiệu Như Lai Phá Vô Minh Hắc Ám. Trước Đức Phật này có Đức Phật ra đời hiệu Như Lai Chân Châu San Hô Cái. Trước Đức Phật này có Đức Phật ra đời hiệu Như Lai Tam Thừa Pháp Tự Tại Vương. Trước Đức Phật này có Đức Phật ra đời hiệu Như Lai Sư Tử Hải Phong Tự Tại Vương. Trước Đức Phật này có Đức Phật ra đời hiệu Như Lai Phạm Âm Thanh Tự Tại Vương. Trước Đức Phật này có Đức Phật ra đời hiệu Như Lai Thế Tự Tại Vương Ứng Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân

Sư, Phật Thế Tôn. Trong pháp hội này có một Bí-sô tên là Tác Pháp, người có niềm tin và hiểu biết số một. Hơn nữa trong việc tu hành, ghi nhớ giáo lý Đại thừa, tinh tấn và trí tuệ vị này đều là người bậc nhất trong chúng.

Bấy giờ, Bí-sô Tác Pháp rời khỏi chỗ ở, đến trước Phật, cung kính đánh lễ dưới chân Ngài rồi đứng qua một bên, dùng kệ ngợi khen sắc diện đoan nghiêm của Phật và phát nguyện rộng lớn:

*Như Lai vi diệu sắc đoan nghiêm
Tất cả thế gian không thể sánh
Hào quang vô lượng chiếu mười phương
Nhật, nguyệt, lửa, ngọc đều lu mờ
Nguyện nghe tiếng thanh tịnh của Phật
Pháp âm vang khắp vô biên cõi
Tuyên dương môn giới, định, tinh tấn
Thông đạt pháp mâu thăm thăm sâu
Trí tuệ minh mông sâu như biển
Nội tâm trong lắng dứt bụi trần
Siêu việt vô biên cửa đường ác
Bến bờ giác ngộ đã đến nơi
Cũng như chư Phật thời quá khứ
Oai quang chiếu khắp cõi chúng sinh
Làm thầy vĩ đại cứu quần sinh
Thoát khỏi sinh, già, vui an ổn
Thường hành lục độ tu bố thí
Giới, nhẫn, tinh tấn, định, trí tuệ
Hữu tình chưa độ đều độ hết*

Độ thoát xong rồi khiến thành Phật
 Con đem tất cả đến cúng dường
 Nhiều đến cả trăm ngàn triệu ức
 Hằng hà sa số Phật Thế Tôn
 Khiến con thành tựu quả Niết-bàn
 Có những cõi Phật khắp mười phương
 Thường phóng hào quang chiếu mọi
 miền
 Thù thắng trang nghiêm không gì sánh
 Con xin thành tựu lợi quần sinh
 Bao nhiêu loài chúng sinh luân hồi
 Trong vô biên vô lượng thế giới
 Được đến cõi con hưởng an lạc
 Không lâu chứng thành đạo vô thượng
 Con nguyện tinh tấn luôn quyết định
 Thường vận từ tâm cứu hữu tình
 Nguyện lớn muôn đời không gián đoạn
 Độ tận chúng sinh khổ A-tỳ.

Khi ấy, Đức Thế Tôn bảo A-nan:

– Bí-sô Tác Pháp nói kệ xong, bạch Đức Như Lai Thế Tụ Tại Vương: “Nay con phát tâm A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề, mong cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Cúi xin Thế Tôn nói về công đức trang nghiêm của các cõi Phật. Nếu được nghe, con sẽ luôn tự tu trì hạnh trang nghiêm cõi nước”. Đức Như Lai Thế Tụ Tại Vương bảo Bí-sô Tác Pháp: “Ông tự suy nghĩ thử xem, tu phương tiện gì để có thể thành tựu sự trang nghiêm cõi

Phật?”. Bí-sô Tác Pháp bạch Phật: “Trí tuệ của con nhỏ nhoi, nông cạn, không thể biết rõ hạnh trang nghiêm cõi nước. Xin Như Lai Ứng Chánh Biến Tri giảng nói cho con sự trang nghiêm các cõi Phật”. Đức Như Lai Thế Tụ Tại Vương liền tuyên nói về tám vạn bốn ngàn ức triệu tướng viên mãn rộng lớn, công đức trang nghiêm của cõi Phật, trải qua một kiếp mới xong.

Tôn giả A-nan nghe sự việc này rồi, bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Tuổi thọ của Phật Thế Tụ Tại Vương dài hay ngắn mà sao có thể nói về cõi nước trải qua một kiếp?

Đức Phật bảo A-nan:

– Tuổi thọ của Đức Phật đó là bốn mươi kiếp. Nay A-nan! Bí-sô Tác Pháp nghe Phật nói về việc trang nghiêm công đức của tám vạn bốn ngàn ức triệu cõi Phật, thông suốt rõ ràng như là một cõi Phật, tức thời ở trong chúng hội đánh lễ dưới chân Phật, từ biệt mà đi. Bí-sô ấy đi đến một nơi thanh vắng, một mình ngồi tư duy, tu tập công đức trang nghiêm cõi Phật, phát nguyện lớn trải qua năm kiếp. Bây giờ Bí-sô Tác Pháp trở lại chỗ Như Lai Thế Tụ Tại Vương, cung kính đánh lễ dưới chân Phật, chấp tay bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Nay con đã thành tựu sự thực hành hạnh nguyện công đức trang nghiêm tám vạn bốn ngàn ức triệu cõi Phật”. Như Lai Thế Tụ Tại Vương bảo Bí-sô Tác Pháp:

“Lành thay! Lành thay! Hạnh nguyện tư duy của ông đã viên thành. Nay chính là lúc ông giảng nói cho đại chúng được biết. Lúc đó các Bồ-tát nghe pháp này xong sẽ được nhiều lợi ích tốt đẹp, có thể ở nơi cõi Phật trang nghiêm tu tập”.

Bí-sô Tác Pháp nghe thánh chỉ của Phật, sửa y trích vai phải, gối phải quỳ sát đất, chấp tay hướng về Phật, thưa: “Bạch Thế Tôn! Con xin phát nguyện: Con nguyện như Thế Tôn chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Cõi Phật nơi con ở sẽ đầy đủ vô lượng công đức trang nghiêm, nhiều không thể nghĩ bàn. Tất cả có bao nhiêu chúng sinh và địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh trong ba đường ác, cõi Diêm-ma-la đều sinh về cõi của con, được tiếp nhận pháp con hóa độ, chẳng bao lâu họ sẽ thành tựu quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, tất cả đều được thân màu vàng ròng.

Bạch Thế Tôn! Sau khi con được giác ngộ, thành Chánh giác, có bao nhiêu chúng sinh trong mười phương thế giới đều làm cho sinh vào cõi con như cõi nước của chư Phật. Hàng trời người có các căn thanh tịnh, xa lìa sự phân biệt, tất cả đều được chứng quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bạch Thế Tôn! Sau khi con được giác ngộ, thành Chánh giác, có bao nhiêu chúng sinh trong mười phương thế giới, làm cho sinh vào cõi con, được thần thông lớn. Trải qua trong một niệm đi khắp tất cả trăm ngàn ức triệu cõi Phật, để cúng

dường chư Phật, trồng sâu cội lành, khiến cho tất cả đều chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bạch Thế Tôn! Sau khi con được giác ngộ thành Chánh giác, có bao nhiêu chúng sinh sinh vào cõi con, con sẽ làm cho họ được túc mạng thông, có thể quán sát được việc của trăm ngàn ức triệu kiếp quá khứ và khiến cho tất cả đều chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bạch Thế Tôn! Sau khi con được giác ngộ thành Chánh giác, có bao nhiêu chúng sinh sinh vào cõi con, con sẽ làm cho họ được thiên nhãn thanh tịnh, có thể thấy sắc tướng thô tế của trăm ngàn ức triệu thế giới, khiến cho tất cả đều chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bạch Thế Tôn! Sau khi con được giác ngộ thành Chánh giác, có bao nhiêu chúng sinh sinh vào cõi con, con sẽ làm cho họ được tha tâm thông, có thể biết rõ tâm sở pháp của trăm ngàn ức triệu tâm chúng sinh, khiến cho tất cả đều chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bạch Thế Tôn! Sau khi con được giác ngộ thành Chánh giác, có bao nhiêu chúng sinh sinh vào cõi con, con sẽ làm cho họ được trụ nơi chánh tín, xa lìa vọng tưởng điên đảo, tu tập vững bền và tất cả đều được chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bạch Thế Tôn! Sau khi con được giác ngộ thành Chánh giác, có bao nhiêu chúng sinh sinh vào cõi con, con sẽ làm cho họ tu hạnh chân chánh, được vô lượng thiện căn, khắp cõi viên tịch không gián đoạn, tất cả đều được chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bạch Thế Tôn! Sau khi con được giác ngộ thành Chánh giác, có bao nhiêu chúng sinh sinh vào cõi con, con sẽ làm cho họ mặc dù ở địa vị Thanh văn, Duyên giác vẫn có thể đi vào nơi trăm ngàn ức triệu cõi báu, làm tất cả các công việc Phật sự và đều được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bạch Thế Tôn! Sau khi con được giác ngộ thành Chánh giác, có bao nhiêu chúng sinh sinh vào cõi con, con sẽ làm cho họ được ánh sáng vô biên, chiếu sáng rực rỡ trăm ngàn ức triệu cõi Phật và tất cả đều được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bạch Thế Tôn! Sau khi con được giác ngộ thành Chánh giác, có bao nhiêu chúng sinh sinh vào cõi con không bị chết yểu, sống đến trăm ngàn ức triệu kiếp, tất cả đều được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bạch Thế Tôn! Sau khi con được giác ngộ thành Chánh giác, có bao nhiêu chúng sinh sinh vào cõi con, con sẽ làm cho họ có tên gọi tốt đẹp,

được nghe vô lượng vô số cõi nước chư Phật, không danh, không hiệu, không tướng, không hình, không có sự ca ngợi nhưng thân tâm không dao động, không có sự chê bai hay nghi ngờ, tất cả đều được chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bạch Thế Tôn! Sau khi con được giác ngộ thành Chánh giác, có bao nhiêu chúng sinh cầu sinh vào cõi con thì họ nghĩ nhớ đến danh hiệu của con mà phát tâm chí thành, bền vững, không lui sụt. Đến khi những người đó qua đời, con sẽ khiến vô số Bí-sô hiện đến vây quanh nghênh tiếp họ. Chỉ trong thoáng chốc, họ sẽ được sinh vào cõi con và tất cả đều được chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bạch Thế Tôn! Sau khi con giác ngộ thành Chánh giác, tất cả chúng sinh trong vô lượng vô biên vô số thế giới khắp mười phương nghe danh hiệu của con liền phát tâm Bồ-đề, trồng nhiều thiện căn rồi tùy theo ý muốn được sinh vào cõi chư Phật nào sẽ được sinh ngay cõi đó và được chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bạch Thế Tôn! Sau khi con giác ngộ thành Chánh giác, những chúng sinh nào được sinh vào cõi của con sẽ đầy đủ ba mươi hai tướng trượng phu, một đời được chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bạch Thế Tôn! Sau khi con giác ngộ thành Chánh giác, những chúng sinh nào sinh vào cõi của con, nếu có nguyện lớn chưa muốn thành Phật mà làm Bồ-tát thì con dùng oai lực khiến người đó giáo hóa tất cả chúng sinh đều phát tín tâm, tu hạnh Bồ-đề, hạnh Phổ Hiền, hạnh tịch diệt, hạnh thanh tịnh, hạnh tối thắng và tất cả hạnh thiện, rồi làm cho tất cả đều đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bạch Thế Tôn! Sau khi con giác ngộ thành Chánh giác, những chúng sinh nào được sinh vào cõi của con, ở nơi tất cả chỗ thừa sự cúng dường vô lượng trăm ngàn ức triệu Phật, trồng nhiều căn lành, tùy theo sự mong cầu, nguyện nào cũng được trọn vẹn, và làm cho tất cả đều đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bạch Thế Tôn! Sau khi con giác ngộ thành Chánh giác, các Bồ-tát trong cõi nước của con đều được thành tựu tất cả trí tuệ, giỏi bàn luận nghĩa bí yếu của các pháp, chẳng bao lâu chóng thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bạch Thế Tôn! Sau khi con giác ngộ thành Chánh giác, các Bồ-tát trong cõi nước của con phát tâm dũng mãnh, vận thần thông lớn đến các cõi Phật trong vô lượng, vô biên, vô số thế giới, đem chân châu, anh lạc, cờ phướn, lọng báu, y phục, ngọa cụ, thực phẩm, thuốc thang, hương hoa, âm nhạc v.v... cúng dường thừa sự, mong cầu giác

ngộ, họ chóng thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bạch Thế Tôn! Sau khi con giác ngộ thành Chánh giác, các Bồ-tát trong cõi nước con phát tâm đạo lớn, muốn đem chân châu, anh lạc, lọng báu, cờ phướn, y phục, ngọc cụ, thực phẩm, thuốc thang, hương hoa, âm nhạc v.v... thừa sự cúng dường vô lượng vô biên chư Phật Thế Tôn ở thế giới phương khác mà không thể đến được, lúc đó con dùng nguyện lực vốn có làm cho chư Phật Thế Tôn ở phương khác đó đưa cánh tay đến cõi nước con nhận vật cúng dường, và khiến các Bồ-tát đó chóng thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bạch Thế Tôn! Sau khi con giác ngộ thành Chánh giác, các Bồ-tát trong cõi nước con tùy ý không rời xa cõi này mà muốn đem chân châu, anh lạc, cờ phướn, lọng báu, y phục, ngọc cụ, thực phẩm, thuốc thang, hương hoa, âm nhạc để cúng dường vô lượng chư Phật phương khác, họ suy nghĩ: “Nếu chư Phật đưa tay đến nhận vật cúng này, chư Phật sẽ nhọc nhằn, làm cho ta không lợi ích gì”. Khi họ suy nghĩ như vậy, con sẽ dùng thần lực làm cho vật cúng này tự nhiên đến đầy đủ trước mặt chư Phật phương khác. Các Bồ-tát ấy chẳng bao lâu đều thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bạch Thế Tôn! Sau khi con giác ngộ thành Chánh giác, các Bồ-tát trong cõi nước con có thân

cao mười sáu do-tuần, được sức na-la-diên, thân tướng tốt đẹp, trang nghiêm, ánh sáng rực rỡ đầy đủ căn lành, thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bạch Thế Tôn! Sau khi con giác ngộ thành Chánh giác, các Bồ-tát trong cõi nước con vì các chúng sinh thông suốt kho tàng giáo pháp, an lập vô biên tất cả trí tuệ, đoạn tận các kiết sử, tất cả đều chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bạch Thế Tôn! Sau khi con giác ngộ thành Chánh giác, các Bồ-tát trong cõi nước con dùng trăm ngàn ức triệu các loại châu báu làm thành lò hương, từ dưới đất tiếp lên đến tận hư không, họ thường dùng hương chiên-đàn vô giá xông khắp để cúng dường chư Phật mười phương, làm cho họ chóng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bạch Thế Tôn! Sau khi con giác ngộ thành Chánh giác, cõi nước chư Phật rộng lớn mênh mông, trang nghiêm sạch sẽ, sáng rực như gương, có thể chiếu rõ vô lượng vô biên tất cả cõi Phật. Chúng sinh trông thấy sinh tâm hi hữu, chẳng bao lâu chóng thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bạch Thế Tôn! Sau khi con giác ngộ thành Chánh giác, các Bồ-tát trong cõi nước con, ngày đêm sáu thời thường được hạnh phúc an vui, còn hơn cả chư Thiên, nhập môn bình đẳng Tổng trì,

ánh sáng nơi thân chiếu sáng vô biên thế giới, chẳng bao lâu được thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bạch Thế Tôn! Sau khi con giác ngộ thành Chánh giác, tất cả người nữ trong vô lượng vô biên vô số thế giới ở mười phương, người nào chán nản muốn bỏ thân nữ mà được nghe tên con, liền phát tâm thanh tịnh, đánh lễ quy y thì người ấy sau khi chết liền sinh vào cõi nước của con, thành thân người nam, chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bạch Thế Tôn! Sau khi con giác ngộ thành Chánh giác, có vô lượng vô biên vô số Thanh văn, Duyên giác ở các cõi Phật khắp mười phương mà được nghe tên con, tu trì giới thanh tịnh bền vững không lui sụt, chóng ngồi nơi đạo tràng, thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bạch Thế Tôn! Sau khi con giác ngộ thành Chánh giác, tất cả Bồ-tát nơi vô lượng vô số vô biên bất khả tư nghì cõi Phật khắp mười phương được nghe tên con, năm chi phân sát đất, đánh lễ quy y thì họ sẽ được chư Thiên, loài người, tất cả hữu tình tôn trọng, cung kính, gần gũi, hầu hạ, tăng thêm công đức, thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bạch Thế Tôn! Sau khi con giác ngộ thành Chánh giác, có những chúng sinh phát lòng tin

thanh tịnh, vì các Sa-môn, Bà-la-môn nhuộm y, giặt y, cắt y, may y, sửa Tăng phục, hoặc tự tay làm, hoặc bảo người khác làm, làm xong hồi hướng, thì do sự cảm ứng, người này trong tám mươi một đời được y tối thượng, y tùy thân đầy đủ. Đến thân cuối cùng sinh vào cõi nước con, thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác”.



KINH ĐẠI THỪA VÔ LƯỢNG THỌ TRANG NGHIÊM QUYỂN TRUNG

Bấy giờ, Bí-sô Tác Pháp bạch Thế Tôn: “Sau khi con giác ngộ thành Chánh giác, tất cả chúng sinh nghe danh hiệu của con vĩnh viễn xa lìa tâm bứt rứt buồn phiền, được mát mẻ, nhẹ nhàng, thực hành hạnh chánh tín, được sinh vào cõi nước con, ngồi dưới cội cây báu, chứng nhận Vô sinh, thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bạch Thế Tôn! Sau khi con giác ngộ thành Chánh giác, các chúng Bồ-tát ở nơi tất cả cõi Phật khắp mười phương nghe tên con tức thời chứng đắc thiền định vắng lặng. An trú định rồi, ở trong một niệm được thấy vô lượng vô biên bất khả tư nghì chư Phật Thế Tôn. Các Bồ-tát đó thừa sự cúng dường chư Phật và thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bạch Thế Tôn! Sau khi con giác ngộ thành Chánh giác, các Thanh văn hay Bồ-tát ở nơi tất cả cõi Phật trong mười phương nếu được nghe tên con thì được chứng đắc nhận Vô sinh, thành tựu tất cả

thiền căn bình đẳng, trụ vô công dụng hạnh, lìa gia hạnh, chẳng bao lâu đạt Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bạch Thế Tôn! Sau khi con giác ngộ thành Chánh giác, các chúng Bồ-tát ở nơi tất cả cõi Phật mười phương nghe tên con sinh tâm hi hữu, những người này liền đạt thiền định Phổ biến của Bồ-tát. An trú định này, ở trong một niệm được đến vô lượng vô số bất khả tư nghì các cõi Phật, cung kính tôn trọng cúng dường chư Phật, rồi thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bạch Thế Tôn! Sau khi con giác ngộ thành Chánh giác, các Bồ-tát ở trong cõi nước con có người thích nói pháp, hoặc thích nghe pháp, hoặc hiện thần túc, hoặc đến phương khác, tùy ý tu tập đều được viên mãn, đều chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bạch Thế Tôn! Sau khi con giác ngộ thành Chánh giác, các chúng Bồ-tát ở nơi tất cả cõi Phật mười phương nghe tên con tức thời đạt nhân thứ nhất, nhân thứ hai, cho đến pháp Nhân vô sinh, thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác”.

Bấy giờ, Bí-sô Tác Pháp đã hướng về Đức Như Lai Thế TỰ Tại Vương phát nguyện như vậy rồi, nương oai thần của Phật nói lời kệ:

Đối trước Phật hôm nay

Con chân thành phát nguyện

Được thân Phật thập lực
Oai đức thật cao vời
Làm vị đại quốc vương
Giàu sang và tự tại
Đem rất nhiều của cải
Bố thí khắp kẻ nghèo
Khiến các chúng sinh kia
Mãi mãi dứt lo buồn
Phát sinh nhiều căn thiện
Thành tựu quả Bồ-đề
Nếu con thành Chánh giác
Lập tên Vô Lượng Thọ
Chúng sinh nghe thấy tên
Được vào cõi nước con
Thân sắc vàng như Phật
Tướng tốt đẹp viên mãn
Mang tâm từ rộng lớn
Lợi ích khắp quần sinh
Ánh sáng trí tuệ con
Chiếu soi mười phương cõi
Diệt trừ tham sân si
Phiền não của hữu tình
Địa ngục, quỷ, súc sinh
Bỏ hết ba đường khổ
Được sinh vào cõi con
Tu tập hạnh thanh tịnh
Được thân đầy ánh sáng
Như Phật chiếu muôn phương

Trời, trăng và ngọc báu
 Sáng không thể sánh bằng
 Con nguyện đời vị lai
 Thường làm Thiên Nhân Sư
 Trong muôn ngàn thế giới
 Sư tử rống oai hùng
 Như Phật quá khứ kia
 Đã hành hạnh từ bi
 Khắp vô lượng vô biên
 Vô số những hữu tình
 Viên mãn điều đã nguyện
 Tất cả đều thành Phật
 Khi phát nguyện lớn này
 Ba ngàn cõi đại thiên
 Chấn động khắp mười phương
 Chư Thiên trong cõi không
 Tung rải các thứ hoa
 Chiên-đàn và trầm thủy
 Ca ngợi đại Bí-sô
 Nguyện lực rất hi hữu
 Chắc chắn sẽ thành Phật
 Lợi ích khắp quần sinh

Bấy giờ, Đức Phật bảo A-nan:

– Này A-nan! Khi ấy Bí-sô Tác Pháp đã phát nguyện như vậy trước Như Lai Thế TỰ Tại Vương và hàng trời người, ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, A-tu-la v.v... BỒ-tát an trú nơi trí tuệ chân thật, dũng mãnh tinh tấn, tu tập vô lượng công đức trang

nghiêm cõi Phật. Bồ-tát nhập thiền định trải qua vô số kiếp, tu hạnh Bồ-tát, không sinh tâm tham lam, tâm sân hận, tâm ngu si và không có tướng dục, tướng sân, tướng si, tướng sắc, thanh, hương, vị, xúc; tâm không mê loạn, miệng không câm ngọng, thân không biếng nhác, chỉ thích nhớ nghĩ hạnh thiện căn, hạnh vắng lặng mà chư Phật thời quá khứ đã tu, vĩnh viễn xa lìa hư vọng, giữ vững luật nghi, thường dùng ái ngữ, mang lại sự lợi ích cho chúng sinh. Đối với Phật, Pháp, Tăng có niềm tin sâu xa, tôn trọng, cung kính, hòa thuận, mềm mỏng, y theo pháp môn chân đế gieo trồng các cội đức; thông đạt không, vô tướng, vô nguyên, vô vi, vô sinh, vô diệt; khéo giữ nghiệp miệng, không nói lỗi người khác; khéo giữ nghiệp thân, không làm mất luật nghi; khéo giữ nghiệp ý thanh tịnh, không ô nhiễm. Có bao nhiêu làng xóm, phố chợ, đô thành, bà con, nô tỳ nam nữ, vàng bạc châu báu, cho đến sắc, thanh, hương, vị, xúc v.v... hoàn toàn không có sự đăm trước mà thường đem hạnh lục độ: bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ làm lợi lạc cho chúng sinh. Đây đủ khuôn phép, thiện căn tròn đầy. Nơi Bí-sô Tác Pháp ở, có vô lượng vô số trăm ngàn ức triệu kho tàng châu báu từ đất phun ra. Bí-sô giáo hóa vô lượng vô số trăm ngàn ức triệu chúng sinh, phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Có vô lượng vô biên hạnh Bồ-tát như vậy, không thể nói hết được.

Này A-nan! Lúc đó Bí-sô Tác Pháp hành hạnh Bồ-tát, ở chỗ chư Phật cung kính tôn trọng, thừa sự cúng dường chưa từng gián đoạn, làm Tứ Đại Thiên vương thường đến chỗ Phật, cung kính lễ bái, thừa sự cúng dường; làm Dạ-ma Thiên vương, Đâu-suất Thiên vương, Hóa Lạc Thiên vương, Tha Hóa Tự Tại Thiên vương cho đến Đại Phạm Thiên vương thường đến chỗ Phật cung kính lễ bái, thừa sự cúng dường.

Này A-nan! Ở Diêm-phù-đề Bí-sô Tác Pháp làm Chuyên luân vương nhận phép Quán đánh và Đại thần tộc quan, thường đến chỗ Phật cung kính lễ bái, thừa sự cúng dường, làm Sát-đế-lợi, Bà-la-môn v.v... đến chỗ Phật cung kính lễ bái, thừa sự cúng dường. Như vậy, trải qua vô lượng vô số trăm ngàn vạn ức kiếp thân cận chư Phật, trồng nhiều cội đức, tích tập tuệ giác vô thượng.

Này A-nan! Khi Bí-sô Tác Pháp hành hạnh Bồ-tát, trong miệng thường phát ra mùi thơm chiên-đàn. Các lỗ chân lông trên thân phát ra mùi thơm hoa Ưu-bát-la. Mùi thơm ấy tỏa khắp vô lượng vô biên bất khả tư nghì hằng triệu trăm ngàn do-tuần. Chúng hữu tình nghe mùi thơm này đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này A-nan! Khi Bí-sô Tác Pháp hành hạnh Bồ-tát, sắc tướng đoan nghiêm, đầy đủ ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, lại dùng tất cả châu báu trang nghiêm hai tay. Trong tay thường xuất ra

tất cả y phục, tất cả thức ăn, tất cả cờ phướn, tất cả lọng báu, tất cả âm nhạc, cho đến tất cả vật cần dùng tối thượng, làm an lạc lợi ích cho tất cả chúng sinh, khiến họ phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan nghe Phật dạy về hạnh Bồ-tát của Bí-sô Tác Pháp xong, thưa:

– Bạch Thế Tôn! Bí-sô Tác Pháp là Phật quá khứ, Phật vị lai hay Phật hiện tại?

Đức Thế Tôn bảo:

– Phật Như Lai đó không từ đâu đến, chẳng đi về đâu, không sinh không diệt, chẳng quá khứ, hiện tại hay vị lai, chỉ vì đáp đền hạnh nguyện độ sinh mà thôi.

Hiện tại ở phương Tây, cách cõi Diêm-phù-đề trăm ngàn ức triệu cõi nước, có thế giới tên Cực lạc, Phật hiệu Vô Lượng Thọ, thành Phật đến nay đã hơn mười kiếp, đang thuyết pháp cho vô lượng vô số Đại Bồ-tát và vô lượng vô số chúng Thanh văn đang cung kính vây quanh Phật. Ánh sáng của Phật đó chiếu khắp phương Đông hằng hà sa số trăm ngàn ức triệu cõi Phật không thể đo lường. Như thế, các phương Nam, Tây, Bắc, bốn góc, trên, dưới cũng giống như vậy.

Này A-nan! Phật Vô Lượng Thọ hóa ánh sáng tròn đầy, hoặc một do-tuần, hai do-tuần, ba do-tuần, hoặc trăm do-tuần, ngàn do-tuần, trăm ngàn

do-tuần, hoặc trăm ngàn ức triệu do-tuần, cho đến sáng đầy khắp vô lượng vô biên vô số cõi Phật.

Này A-nan! Ánh sáng đó có tên là ánh sáng Vô lượng, ánh sáng Vô ngại, ánh sáng Thường chiếu, ánh sáng Không trụ, ánh sáng Lợi ích, ánh sáng Ái lạc, ánh sáng An ổn, ánh sáng Giải thoát, ánh sáng không gì bằng, ánh sáng chẳng nghĩ bàn, ánh sáng sáng hơn cả nhật nguyệt, ánh sáng làm lu mờ tất cả ánh sáng thế gian, ánh sáng Vô cấu thanh tịnh v.v... Ánh sáng như vậy chiếu khắp tất cả thế giới mười phương. Hàng trời, rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, nhân, phi nhân được thấy ánh sáng này phát tâm Bồ-đề, đạt lợi ích an vui.

Đức Phật bảo A-nan:

– Nếu Ta nói về công đức, lợi ích của ánh sáng này trong suốt một kiếp cũng không hết được.

Này A-nan! Như Lai Vô Lượng Thọ có trăm ngàn, vạn, mười vạn, một trăm vạn, một ức, trăm ức, ngàn ức, số khẩn-ca-la, số tần-bà-la, số na-do-tha, số a-do-tha, số tỳ-bà-a, số phệ-bà-na, số nan-già, số a-tăng-kỳ, số thập a-tăng-kỳ, số trăm a-tăng-kỳ, số ngàn a-tăng-kỳ, số trăm ngàn a-tăng-kỳ, số a-ma-nhĩ-dã, số bất khả tư nghì chúng Thanh văn. Vô lượng vô số chúng Thanh văn như vậy, dùng thí dụ, toán số để tính đếm cũng không thể tính được.

Này A-nan! Đại Mục-kiền-liên thần thông số một, có thể trong một ngày một đêm biết được có bao nhiêu đồng nam đồng nữ trong ba ngàn đại thiên thế giới. Giả sử sức thần thông của trăm ngàn ức Thanh văn đều như Mục-kiền-liên và mỗi một Thanh văn thọ trăm ngàn ức triệu tuổi, và sử dụng hết số tuổi thọ ấy để đếm số Thanh văn của cõi Phật kia thì không được một phần trong trăm phần Thanh văn ở cõi Phật kia.

Này A-nan! Ví như biển cả sâu tám vạn bốn ngàn do-tuần, rộng vô biên, giả sử có người lấy một sợi lông phân ra làm trăm ức phần nhỏ như vi trần, lấy một phần lông nhỏ như vi trần đó nhúng vào trong nước biển và lượng nước dính trên phần sợi lông đó, theo ý ông thì sao? Lượng nước trên sợi lông đó nhiều hay nước trong biển nhiều?

Tôn giả A-nan bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Nước dính theo sợi lông vi trần không bằng một nửa phần nước trên sợi lông nhỏ nhất, còn nước biển thì nhiều vô lượng.

Đức Phật bảo A-nan:

– Chúng Thanh văn nhiều như Mục-kiền-liên, đem hết tuổi thọ của họ mà đếm thì số biết được bằng nước trên đầu bụi lông, còn số chưa biết nhiều như nước trong biển cả. Như vậy Phật Vô Lượng Thọ có chúng đệ tử Thanh văn nhiều vô lượng, không thể tính đếm được. Cõi nước của Phật giàu

có vô cùng và mọi người chỉ biết hưởng an vui, không có các khổ, không có quả báo của cõi địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, Diêm-ma-la và tám nạn; chỉ có chúng Thanh văn và Đại Bồ-tát thanh tịnh mà thôi.

Này A-nan! Cõi Phật Vô Lượng Thọ có nhiều loại trụ báu dùng trăm ngàn châu báu để trang nghiêm như: trụ vàng, trụ bạc, trụ lưu ly, trụ pha lê, trụ trân châu, trụ xa cừ, trụ mã não. Có trụ do hai thứ báu: vàng bạc hợp thành; trụ ba thứ báu: vàng, bạc, lưu ly; trụ bốn thứ báu: vàng, bạc, lưu ly, pha lê; trụ năm thứ báu: vàng, bạc, lưu ly, pha lê, trân châu; trụ sáu thứ báu: vàng, bạc, lưu ly, pha lê, trân châu, xa cừ; trụ bảy thứ báu: vàng, bạc, lưu ly, pha lê, trân châu, xa cừ, mã não.

Này A-nan! Cõi Phật Vô Lượng Thọ có nhiều loại cây báu: Có cây gốc, rễ, cành, thân do vàng tạo thành; hoa, lá, quả, hạt do bạch ngân tạo thành. Có cây báu gốc, rễ, cành, thân do bạch ngân tạo thành; hoa, lá, quả, hạt do lưu ly tạo thành. Có cây báu gốc, rễ, cành, thân do lưu ly tạo thành; hoa, lá, quả, hạt do pha lê tạo thành. Có cây báu gốc, rễ, cành, thân do pha lê tạo thành; hoa, lá, quả, hạt do trân châu tạo thành. Có cây báu gốc, rễ, cành, thân do trân châu tạo thành; hoa, lá, quả, hạt do xa cừ tạo thành. Có cây báu gốc, rễ, cành, thân do xa cừ tạo thành; hoa, lá, quả, hạt do lưu ly tạo thành. Có cây báu gốc, rễ, cành, thân do mã não tạo thành;

hoa, lá, quả, hạt do vàng tạo thành. Có cây báu gốc bằng vàng, thân bằng bạch ngân, cành bằng lưu ly, ngọn bằng pha lê, lá bằng trân châu, hoa bằng xa cừ, quả bằng mã não. Có cây báu gốc bằng bạch ngân, thân bằng lưu ly, cành bằng pha lê, ngọn bằng chân châu, lá bằng xa cừ, hoa bằng mã não, quả bằng vàng. Có cây báu gốc bằng lưu ly, thân bằng pha lê, cành bằng chân châu, ngọn bằng xa cừ, lá bằng mã não, hoa bằng vàng, quả bằng bạch ngân. Có cây báu gốc bằng pha lê, thân bằng chân châu, cành bằng xa cừ, ngọn bằng mã não, lá bằng vàng, hoa bằng bạch ngân, quả bằng lưu ly. Có cây báu gốc bằng chân châu, thân bằng xa cừ, cành bằng mã não, ngọn bằng vàng, lá bằng bạch ngân, hoa bằng lưu ly, quả bằng pha lê. Có cây báu gốc bằng xa cừ, thân bằng mã não, cành bằng vàng, ngọn bằng bạch ngân, lá bằng lưu ly, hoa bằng pha lê, quả bằng chân châu. Có cây báu gốc bằng mã não, thân bằng vàng, cành bằng bạch ngân, ngọn bằng lưu ly, lá bằng pha lê, hoa bằng chân châu, quả bằng xa cừ.

Thế giới Cực lạc này, những hàng cây đều bằng bảy báu tạo thành.

Này A-nan! Cõi Phật Vô Lượng Thọ sạch sẽ trang nghiêm, rộng rãi, bằng phẳng, không có gò nong, hầm hố, gai góc, cát, đá, đất, sạn và các núi như: núi đen, núi tuyết, núi báu, núi vàng, núi Tu-di, núi Thiết Vi, núi Đại Thiết Vi mà chỉ có vàng

ròng thay cho đất.

Tôn giả A-nan nghe lời Phật dạy, thưa:

– Bạch Thế Tôn! Trời Tứ Đại Thiên Vương, trời Đao-lợi đều nương vào núi chúa Tu-di, vậy thì trời Dạ-ma phải nương vào đâu?

Đức Phật bảo A-nan:

– Trời Dạ-ma, Đâu-suất, cho đến cõi Sắc, Vô sắc tất cả các trời đều nương vào hư không mà trụ.

Tôn giả A-nan bạch Phật:

– Cõi hư không rộng không, làm sao trụ được? Nghiệp nhân quả báo không thể nghĩ bàn.

Đức Phật bảo A-nan:

– Quả báo thân của ông cũng không thể nghĩ bàn. Nghiệp báo của chúng sinh cũng không thể nghĩ bàn. Thánh lực của chư Phật không thể nghĩ bàn. Cõi Phật Vô Lượng Thọ tuy không có biên cả nhưng có sông, suối chảy giao nhau khắp nơi. Dòng nước ấy rộng mười do-tuần, hai mươi do-tuần, ba mươi do-tuần, cho đến trăm ngàn do-tuần. Nước sâu mười hai do-tuần, trong vắt và có đủ tám công đức, phát ra âm thanh vi diệu, giống như trăm ngàn vạn loại tiếng âm nhạc vang khắp các cõi Phật. Tất cả chúng sinh nghe được âm thanh này cảm thấy rất vui vẻ, an lạc. Hai bên bờ của dòng nước có vô số cây thơm chiên-đàn, cây trái cát tường, hoa cỏ luôn thơm ngát, tỏa chiếu ánh sáng lấp lánh. Nếu chúng sinh ở cõi đó lội qua dòng

nước này, muốn nước đến chân hay đến gối, cho đến muốn đến cổ hoặc muốn nước lạnh hay ấm, nước chảy nhanh hay chảy chậm thì nhất nhất dòng nước ấy đều theo ý của chúng sinh mà làm cho cảm nhận được sự an lạc. Trong dòng nước ấy phát ra nhiều loại âm thanh như tiếng Phật, tiếng Pháp, tiếng Tăng, tiếng chỉ quán, tiếng vô tánh, tiếng Ba-la-mật, tiếng lục, tiếng vô úy, tiếng thông đạt, tiếng vô hành, tiếng vô sinh, tiếng vô diệt, tiếng tịch tĩnh, tiếng đại từ, tiếng đại bi, tiếng hỷ xả, tiếng quán đánh... phát ra nhiều loại âm thanh vi diệu như vậy. Chúng sinh được nghe những âm thanh này rồi sẽ phát tâm thanh tịnh, không còn những sự phân biệt, chánh trực bình đẳng, thành thực thiện căn, tâm vĩnh viễn không bao giờ lui sụt, tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Những chúng sinh nào sinh vào cõi Phật Vô Lượng Thọ sẽ không nghe tiếng địa ngục, tiếng ngạ quỷ, tiếng súc sinh, tiếng Dạ-xoa, tiếng đấu tranh, tiếng hung ác, tiếng lưỡi đôi chiều, tiếng sát sinh, tiếng trộm cắp và tất cả những xấu xa. Họ có sắc tướng xinh đẹp, phước đức vô lượng, trí tuệ sáng suốt, thần thông tự tại. Lầu gác, cung điện, vườn rừng, ao hồ, y phục, đồ nằm của họ giống như cõi trời Tha Hóa Tự Tại. Tất cả đều là những đồ dùng thích ý, phong phú, tốt nhất.

Này A-nan! Chúng sinh ở cõi Cực lạc khi họ nghĩ đến những đóa hoa thơm, muốn cúng dường

chư Phật, tức thời hoa thơm, anh lạc, hương bột, hương thoa, cờ phướn, lọng báu và những âm nhạc tùy theo ý họ mà có đầy đủ trong cõi Phật. Nếu họ nghĩ đến thực phẩm, thuốc thang, y phục, đồ nằm, mũ nón, hoa tai, chân châu, lưởi báu v.v... tùy theo ý nghĩ, những vật đó sẽ đến khắp nơi trong cõi nước. Nếu họ nghĩ đến ngọc báu ma-ni v.v... để trang hoàng cung điện, lầu gác, nhà cửa, phòng ốc, hoặc lớn hay nhỏ, cao hay thấp... khi nghĩ như vậy, mọi vật sẽ hiện ra trước mắt đầy đủ như ý.

Này A-nan! Ví như người có ít của báu, đem sánh với vua Sát-đế-lợi thọ quán đánh có đầy oai thế thì không đáng kể. Còn Sát-đế-lợi mà sánh với trời Đế Thích, thì oai thế không đáng kể. Trời Đế Thích so sánh với trời Tha Hóa Tự Tại... và cõi Sắc hay Vô sắc so với cõi nước Cực lạc của Như Lai Vô Lượng Thọ đều không đáng kể. Thế nên công đức trang nghiêm cõi Cực lạc không thể nghĩ bàn.

Này A-nan! Ở cõi Cực lạc mỗi khi ăn thì gió thơm tự nổi dậy thổi lay cây báu, cây chạm vào nhau phát ra âm thanh vi diệu, giảng nói các Ba-la-mật, khổ, không, vô thường, vô ngã. Gió lại thổi vào cây cho hoa rụng trên mặt đất đầy khắp cõi Phật cao đến bảy người, bằng phẳng, trang nghiêm, mềm mại, sáng sạch. Người đi qua lại chỉ cần bước thật nhẹ, đất đã lún sâu bốn ngón tay như Ca-lân năm ấm chạm vào thân an lạc. Sau bữa ăn, các hoa báu đó ẩn vào đất, không thấy nữa. Một thoáng sau,

gió lại nổi lên thổi vào cây làm rụng hoa đầy khắp trên mặt đất như trước. Đầu đêm, cuối đêm cũng như vậy.

Này A-nan! Cõi Cực lạc không có tối tăm, không có sao sáng, không có mặt trời, mặt trăng, không có ngày đêm, không có lầy hay bỏ, không có phân biệt, thuần nhất không xen tạp, chỉ có cảm nhận an lạc tối thượng và thanh tịnh. Người nam hoặc người nữ nào hoặc đã sinh hoặc sẽ sinh vào cõi Cực lạc thì người đó chắc chắn chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì sao? Vì trong cõi ấy không có ba lỗi lầm: Một là tâm không hư vọng. Hai là vị không lui sụt. Ba là thiện không mất đi.

Này A-nan! Phương Đông có hằng hà sa số thế giới, chư Phật Như Lai đang biểu lộ tướng lưỡi rộng dài, phóng vô lượng ánh sáng và nói lời thành thật ca ngợi công đức không thể nghĩ bàn của Phật Vô Lượng Thọ.

Phương Nam cũng có hằng hà sa số thế giới, chư Phật Như Lai đang biểu lộ tướng lưỡi rộng dài, phóng vô lượng ánh sáng và nói lời thành thật, ca ngợi công đức không thể nghĩ bàn của Phật Vô Lượng Thọ.

Phương Tây cũng có hằng hà sa số thế giới, chư Phật Như Lai đang biểu lộ tướng lưỡi rộng dài, phóng vô lượng ánh sáng và nói lời thành thật, ca

ngợi công đức không thể nghĩ bàn của Phật Vô Lượng Thọ.

Phương Bắc cũng có hằng hà sa số thế giới, chư Phật Như Lai đang biểu lộ tướng lười rộng dài, phóng vô lượng ánh sáng và nói lời thành thật, ca ngợi công đức không thể nghĩ bàn của Phật Vô Lượng Thọ.

Như vậy, bốn góc, trên, dưới cũng có hằng hà sa số thế giới, chư Phật Như Lai đang biểu lộ tướng lười rộng dài, phóng vô lượng ánh sáng và nói lời thành thật, ca ngợi công đức không thể nghĩ bàn của Phật Vô Lượng Thọ.

Này A-nan! Vì sao chư Phật có sự biểu lộ như vậy? Vì chư Phật muốn làm cho chúng sinh được nghe danh hiệu của Đức Phật đó, khiến họ phát tâm thanh tịnh, nhớ nghĩ thọ trì, quy y, cúng dường, cầu sinh vào cõi Cực lạc. Những người đó sau khi chết đều được sinh sang thế giới Cực lạc, không thoái chuyển nơi Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này A-nan! Nếu thiện nam, thiện nữ nào nghe được kinh này mà hết lòng thọ trì, đọc tụng, ghi chép, cúng dường, ngày đêm liên tục cầu sinh cõi Cực lạc thì người đó đến phút lâm chung được Như Lai Vô Lượng Thọ cùng các Thánh chúng hiện ngay trước mặt. Chỉ trong thoáng chốc, người đó được sinh sang thế giới Cực lạc, không thoái chuyển nơi Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này A-nan! Thiện nam, thiện nữ nào đã phát tâm Bồ-đề, giữ giới thật bền chắc không phạm, làm nhiều lợi ích cho chúng hữu tình, thiện căn đã tạo đều ban bố cho mọi loài, làm cho họ được an lạc, nhớ nghĩ đến Như Lai Vô Lượng Thọ và cõi Cực lạc ở phương Tây, thì người đó khi chết được nhiều sắc tướng trang nghiêm như Phật, sinh trong cõi báu có Hiền Thánh vây quanh, nhanh chóng được nghe pháp, vĩnh viễn không thoái chuyển nơi Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này A-nan! Thiện nam, thiện nữ nào phát mười loại tâm: Một là không trộm cắp. Hai là không sát sinh. Ba là không dâm dục. Bốn là không nói dối. Năm là không nói thêu dệt. Sáu là không nói lời hung ác. Bảy là không nói lưỡi đôi chiều. Tám là không tham. Chín là không sân. Mười là không si. Ngày đêm luôn tư duy Phật Vô Lượng Thọ và thế giới Cực lạc với nhiều loại công đức, nhiều thứ trang nghiêm như thế, chí tâm quy y đánh lễ cúng dường, thì người này khi lâm chung tâm không kinh sợ, không điên đảo, tức thời được sinh sang cõi Cực lạc, có vô lượng vô số chư Phật Thế Tôn đang ca ngợi tán thán công đức danh hiệu Phật Vô Lượng Thọ. Nghe pháp âm này rồi, người đó vĩnh viễn không còn thoái chuyển nơi Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.



KINH ĐẠI THỪA VÔ LƯỢNG THỌ TRANG NGHIÊM

QUYỂN HẠ

Này A-nan! Hằng hà sa số cõi nước ở phương Đông, trong mỗi cõi có vô lượng vô số Đại Bồ-tát cùng vô lượng vô số chúng Thanh văn đem các hương hoa, cờ phướn, lọng báu để cúng dường Phật Vô Lượng Thọ ở thế giới Cực lạc.

Hằng hà sa số cõi nước ở phương Nam, trong mỗi cõi có vô lượng vô số Đại Bồ-tát cùng vô lượng vô số chúng Thanh văn đem các hương hoa, cờ phướn, lọng báu để cúng dường Phật Vô Lượng Thọ ở thế giới Cực lạc.

Hằng hà sa số cõi nước ở phương Tây, trong mỗi cõi có vô lượng vô số Đại Bồ-tát cùng vô lượng vô số chúng Thanh văn đem các hương hoa, cờ phướn, lọng báu để cúng dường Phật Vô Lượng Thọ ở thế giới Cực lạc.

Hằng hà sa số cõi nước ở phương Bắc, trong mỗi cõi có vô lượng vô số Đại Bồ-tát cùng vô lượng vô số chúng Thanh văn đem các hương hoa, cờ phướn, lọng báu để cúng dường Phật Vô Lượng

Thọ ở thế giới Cực lạc.

Bốn phương góc, trên, dưới cũng như vậy, chư Đại Bồ-tát và Thanh văn đều đánh lễ dưới chân Phật và ca ngợi công đức trang nghiêm thế giới Cực lạc.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói kệ tụng:

*Hằng hà sa thế giới phương Đông
 Trong mỗi một cõi vô số lượng
 Bồ-tát, Thanh văn phát thắng tâm
 Dem những hương hoa và lọng quý
 Đến để trang nghiêm cõi nước Phật
 Cúng dường Như Lai Vô Lượng Thọ
 Xong rồi kính lễ và xưng tán
 Tôi thắng hi hữu đại phước điền
 Như thế phương Tây và phương Bắc
 Bốn góc thượng hạ hằng sa cõi
 Thanh văn, Bồ-tát số không cùng
 Đều đem hoa hương đến cúng dường
 Đánh lễ nhiều quanh lòng kính ngưỡng
 Ca ngợi Như Lai nguyện sâu xa
 Chứa nhiều công đức trang nghiêm khắp
 Cõi Cực lạc vô lượng vô biên
 Thế giới chư Phật tuy tốt đẹp
 Không bằng thế giới Như Lai này
 Và đem hoa trời cúng dường Phật
 Hoa tỏa hư không thành tán lọng
 Rộng lớn minh mông trăm do-tuần
 Sắc tướng trang nghiêm không thể sánh*

*Phủ che cõi báu Đức Như Lai
 Ai nấy cùng vui sinh hoan hỷ
 Từ nơi quá khứ trăm ngàn kiếp
 Tích tập vô lượng các thiện căn
 Giữ bỏ thân luân hồi ba cõi
 Khiến đến cõi thanh tịnh giải thoát
 Bây giờ Đức Phật Vô Lượng Thọ
 Giáo hóa phương khác tâm Bồ-tát
 Thân thông ẩn mật phóng hào quang
 Sáng từ miệng Phật ra muôn cõi
 Ba mươi sáu ức na-do-tha
 Chiếu khắp câu-chi ngàn cõi Phật
 Tỏa sáng nhân thiên như vậy rồi
 Tức nhập trên đỉnh tóc Như Lai
 Tất cả chúng sinh trong lúc ấy
 Khen ánh sáng Phật chưa từng có
 Mỗi mỗi đều phát tâm Bồ-đề
 Nguyên rời khổ lụy lên bờ giác.*

Đức Thế Tôn nói kệ xong, lúc đó trong chúng hội có Bồ-tát Quán Tự Tại từ chỗ ngồi đứng dậy, chấp tay hướng về Phật thưa: “Bạch Thế Tôn! Nguyên nhân nào mà từ miệng Phật Vô Lượng Thọ phóng ra vô lượng hào quang tỏa chiếu các cõi Phật? Kính xin Thế Tôn thị hiện phương tiện giảng nói để cho các chúng sinh và Bồ-tát ở phương khác được nghe lời Thế Tôn mà sinh tâm hi hữu, đối với đạo quả giác ngộ chí ưa thích mong cầu hướng đến, nhập vị bất thoái”.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Quán Tự Tại: “Ông hãy lắng nghe, Ta sẽ nói cho ông rõ: Đức Phật Như Lai đó vào thời quá khứ vô lượng vô biên vô số kiếp trước, khi còn là Bồ-tát, đã phát đại nguyện: Vị lai sau khi ta thành Chánh giác có vô lượng chúng sinh trong mười phương thế giới mà được nghe danh hiệu của ta hoặc là đánh lễ, nhớ nghĩ, hoặc ca ngợi, quy y, hoặc cúng dường hương hoa. Những chúng sinh đó sẽ chóng sinh vào cõi ta và thấy ánh sáng này liền được giải thoát. Nếu các Bồ-tát thấy ánh sáng này liền được thọ kí chúng quả vị bất thoái, tay cầm hoa hương và những vật cúng dường, đến cõi vô biên thanh tịnh nơi mười phương, cúng dường chư Phật và làm Phật sự tăng thêm công đức. Chỉ trong thời gian ngắn trở về bản quốc, thọ hưởng nhiều an lạc. Thế nên hào quang nhập vào đỉnh Phật”.

Này A-nan! Phật Vô Lượng Thọ Ứng Chánh Đẳng Giác có cây Bồ-đề cao một ngàn sáu trăm do-tuần, bốn phía cành lá rộng tám trăm do-tuần, rễ bám vào đất năm trăm do-tuần, hoa quả tươi tốt tạo thành vô lượng trăm ngàn sắc màu châu báu. Trên cây Bồ-đề lại có báu ma-ni Nguyệt quang, báu ma-ni Đế thích, báu ma-ni Như ý, báu ma-ni Trì-hải, báu ma-ni Đại lục, báu ma-ni Sa-tát-đế-ca, anh lạc Ái bảo, anh lạc Đại lục bảo, anh lạc Hồng chân châu, anh lạc Thanh chân châu và vàng bạc, kim cương v.v... rất nhiều vật trang nghiêm.

Này A-nan! Mỗi buổi sáng, gió thơm tự thổi vào cây báu này, hàng cây va chạm nhau phát ra âm thanh vi diệu. Thanh âm ấy vang khắp vô lượng thế giới, chúng sinh nào được nghe sẽ khỏi những bệnh về tai, cho đến thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Chúng sinh nào được thấy cây này, mãi đến khi thành Phật, trong suốt thời gian ấy không sinh bệnh về mắt. Chúng sinh nào ngửi được mùi thơm cây này, mãi cho đến ngày thành Phật, trong suốt thời gian ấy không sinh bệnh về mũi. Chúng sinh nào ăn được quả của cây này, mãi cho đến ngày thành Phật, trong suốt thời gian ấy lưỡi hoàn toàn không bệnh. Chúng sinh nào được ánh sáng của cây chiếu đến, mãi cho đến ngày thành Phật, trong suốt thời gian ấy thân không bị bệnh. Chúng sinh nào quán tưởng cây này, mãi cho đến ngày thành Phật, trong suốt thời gian ấy tâm được thanh tịnh, vĩnh viễn xa lìa bệnh phiền não, tham lam v.v...

Đức Phật bảo A-nan:

– Như vậy, hoa trái, cây cỏ nơi cõi Phật làm Phật sự cho chúng sinh, đều nằm trong đại nguyện của Đức Phật đó thời quá khứ.

Này A-nan! Trong cõi Phật Vô Lượng Thọ có tất cả Đại Bồ-tát đời hiện tại và vị lai, còn một đời nữa sẽ đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; ngoại trừ Bồ-tát nào vì đã phát nguyện đời trước nên vào cõi sinh tử, rống lên tiếng rống sư tử oai

hùng mang lại lợi ích cho chúng hữu tình, thì Ta để cho họ tùy ý làm Phật sự.

Này A-nan! Tất cả BỒ-tát và chúng Thanh văn trong cõi Phật Vô Lượng Thọ đều có thân tướng tốt đẹp, chung quanh thân đầy ánh sáng rực rỡ chiếu khắp trăm ngàn do-tuần. Có hai BỒ-tát ánh sáng nơi thân họ đều tỏa chiếu đến ba ngàn đại thiên thế giới.

Tôn giả A-nan bạch Phật:

– Tên của hai vị BỒ-tát thân tràn đầy ánh sáng ấy là gì?

Đức Phật bảo A-nan:

– BỒ-tát thứ nhất tên Quán Tự Tại, BỒ-tát thứ hai tên Đại Tinh Tấn. Cả hai hiện đang làm nhiều lợi lạc cho chúng sinh nơi cõi này, và sau khi mất họ sẽ sinh sang cõi Cực lạc.

Này A-nan! Tất cả BỒ-tát trong cõi Cực lạc có đầy đủ tướng tốt, dung mạo nhu hòa, thiên định trí tuệ thông đạt vô ngại, thần thông oai đức đều viên mãn. Họ thâm nhập pháp môn đặc nhĩn Vô sinh, biết rõ một cách rốt ráo bí tàng của chư Phật. Thân tâm dịu dàng, điều phục các căn, an trú Niết-bàn Đại thừa vắng lặng. Không huân tập ngoại duyên mà thâm nhập trí tuệ chân chánh. Nương theo sự thực hành bảy giác chi, tám thánh đạo của Phật mà tu hành. Năm loại mắt chiếu sáng điều chân, rõ thông điều tục, biện tài Tổng trì tự tại vô ngại. Hiểu

rõ phương tiện vô biên ở thế gian, chỉ nói những lời chắc thật thâm đậm nghĩa lý, giải nói chánh pháp cứu độ các hữu tình, xa lìa những sự phân biệt, ba cõi bình đẳng, vô tướng, vô vi, không nhân, không quả, không thủ, không xả, không buộc, không mở, xa lìa điên đảo, như núi Tu-di vững chắc không lay động. Trí tuệ sáng suốt như ánh sáng mặt trời, mặt trăng, mênh mông như biển cả, xuất ra những vật báu công đức mạnh mẽ như lửa bốc cháy thiêu củi phiền não. Nhấn nhục như đất, tất cả bằng phẳng. Trong sạch như nước, tẩy xóa bụi trần. Như hư không vô biên vì tất cả đều không ngăn ngại. Như hoa sen vươn lên khỏi nước, tách rời tất cả bùn nhơ. Như tiếng sấm rền phát ra pháp âm. Như mây dày đặc làm rơi mưa pháp. Như gió lay cây nẩy mầm Bồ-đề. Như tiếng trâu chúa khác với bầy trâu. Như voi chúa oai hùng khó có thể lường được. Như ngựa thuần thực, cõi không bị té. Như sư tử ngồi, không còn sợ hãi. Như cây Ni-câu có bóng râm lớn. Như núi Tu-di tám ngọn gió không động. Như chày kim cương phá tan núi tà. Như thân Phạm vương sinh ra Phạm chúng. Như chim cánh vàng ăn thịt rồng độc. Như chim trong không, chẳng có chỗ trú. Như quán từ bi pháp giới bình đẳng v.v... Những Bồ-tát như vậy đầy khắp cõi nước. Họ thổi loa pháp, dựng cờ pháp, đánh trống pháp, thắp đèn pháp, xa lìa lỗi, trong sạch, không mê không lầm, trong tay sinh ra vòng hoa,

chuỗi ngọc, hương bột, hương thoa và tất cả vật cúng dường, đem đến trăm ngàn ức triệu cõi nước đề cúng dường chư Phật. Đặc biệt trong tay sinh hoa báu, đem tung vào hư không hóa thành lọng báu rộng mười do-tuần hoặc hai mươi do-tuần, cho đến trăm ngàn do-tuần, cùng khắp các cõi Phật. Trong giây lát trở về nước mình, không còn ái dục, không đắm trước, không thủ, không xả, thân tâm vắng lặng.

Đức Phật bảo A-nan:

– Những Bồ-tát này trong cõi ngũ trược của Ta không có. Trải qua trăm ngàn ức kiếp nói cũng không hết được.

Đức Phật bảo A-nan:

– Các Đại Bồ-tát hiện đang ở trong cõi nước Ta đã từng gieo trồng các cội đức và cúng dường vô lượng chư Phật, sau khi qua đời đều được sinh sang thế giới Cực lạc. Nay A-nan! Ông hãy đứng lên chấp tay hướng về phía Tây mà đánh lễ.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan từ chỗ ngồi đứng dậy, chấp tay hướng về phía Tây, đang lúc đánh lễ, bỗng nhiên trông thấy thế giới Cực lạc và Phật Vô Lượng Thọ với dung mạo quảng đại, sắc tướng đoan nghiêm như núi vàng ròng và nghe chư Phật Như Lai trong mười phương thế giới tuyên dương ca ngợi vô lượng công đức của Phật Vô Lượng Thọ.

Tôn giả A-nan bạch Phật:

– Cõi Phật Vô Lượng Thọ thanh tịnh chưa từng có, con cũng nguyện được sinh sang cõi kia.

Đức Thế Tôn bảo:

– Các Đại Bồ-tát được sinh trong cõi Cực lạc đã từng gieo trồng các cội đức và thân cận vô lượng chư Phật. Nếu ông muốn sinh sang cõi ấy thì phải nên nhất tâm quy y chiêm ngưỡng Đức Phật ở cõi đó.

Đức Thế Tôn đang nói lời này thì từ nơi lòng bàn tay Phật Vô Lượng Thọ phóng ra vô lượng hào quang, chiếu đến trăm ngàn ức triệu cõi nước ở phương Đông. Nơi thế giới này có núi đen, núi tuyết, núi vàng, núi báu, núi Mộc-chân-lân-đà, núi Đại Mộc-chân-lân-đà, núi Tu-di, núi Thiết Vi, núi Đại Thiết Vi, biển cả, sông ngòi, núi rừng, cây cỏ và cung điện, trời, người. Hào quang ấy chiếu soi tất cả cảnh giới, ai cũng trông thấy, ví như mặt trời mọc chiếu sáng khắp thế gian cũng như vậy.

Bấy giờ, trong chúng hội các Bí-sô, Bí-sô-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, trời, rồng, Dược xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, nhân và phi nhân đều thấy muôn vàn sự trang nghiêm nơi thế giới Cực lạc và thấy Như Lai Vô Lượng Thọ, có Thanh văn, Bồ-tát cung kính vây quanh, ví như núi chúa Tu-di vượt lên biển cả.

Khi ấy, thế giới Cực lạc ở tận phương Tây, cách

xa trăm ngàn ức triệu cõi nước, nhờ oai lực Phật mà thấy như đang ở trước mặt, và thấy cả cõi nước đó sạch sẽ, bằng phẳng. Ví như mặt biển, không có gò nong, núi non hiểm trở hay cây cỏ và những thứ như bần. Ở đó chỉ có các thứ châu báu dùng để trang nghiêm và cùng Hiền Thánh ở.

Này A-nan! Phật Vô Lượng Thọ ở thế giới Cực lạc cùng các Bồ-tát chúng Thanh văn cũng được thấy thân Ta và các Bồ-tát, Thanh văn, chúng trời, người nơi thế giới Ta-bà này.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Từ Thị:

– Ông có thấy những công đức trang nghiêm nơi thế giới Cực lạc như cung điện, lầu gác, vườn rừng, điện đài, suối chảy, ao hồ chẳng? Này Từ Thị! Ông có thấy chư Thiên cõi Dục, lên đến trời Sắc Cứu Cánh mưa các loại hoa thơm đầy khắp cõi Phật để làm trang nghiêm chẳng? Ông có thấy Bồ-tát, Thanh văn, chúng Tịnh hạnh làm thanh âm Phật giảng nói pháp màu vi diệu, tất cả cõi nước đều được nghe âm thanh đó và đạt nhiều lợi lạc chẳng? Ông có thấy trăm ngàn ức chúng sinh đến ở hư không có cung điện tùy thân chẳng?

Bồ-tát Từ Thị thưa:

– Bạch Thế Tôn! Những điều Phật dạy con đều thấy tất cả. Bạch Thế Tôn! Tại sao ở cõi này chỉ có một loại chúng sinh? Tuy họ cũng tu thiện nhưng không cầu vãng sinh?

Đức Phật bảo Từ Thị:

– Vì các chúng sinh này trí tuệ nông cạn, nhỏ hẹp cho rằng phương Tây không bằng cõi trời, do đó mà họ không ưa thích nên không cầu sinh Cực lạc.

Bồ-tát Từ Thị bạch Phật:

– Những chúng sinh này phân biệt sai lầm, vì không cầu sinh sang cõi Phật thì làm sao thoát khỏi luân hồi?

Đức Phật bảo Từ Thị:

– Trong nước Cực lạc có sinh bằng bào thai không?

Bồ-tát Từ Thị thưa:

– Thưa không, bạch Thế Tôn! Vì người nào sinh trong cõi nước đó ví như chư Thiên nơi cõi Dục, sống trong cung điện năm trăm do-tuần, sinh hoạt tự tại thì làm sao có sự sinh bằng bào thai? Bạch Thế Tôn! Chúng sinh ở cõi này vì nguyên nhân nào mà sinh nơi bào thai?

Đức Phật bảo Từ Thị:

– Những chúng sinh ở cõi này tuy trông thiện căn nhưng không thể ly tướng, không cầu trí tuệ Phật mà sinh phân biệt sai lầm, đắm trước niềm vui ở đời và phước báo của cõi người. Thế nên họ sinh nơi bào thai. Có những chúng sinh nào dùng trí tuệ vô tướng, trông các cõi đức, thân tâm thanh tịnh, xa lìa sự phân biệt, cầu sinh cõi tịnh và hướng đến

đạo quả giác ngộ của Phật, những người này khi chết, trong khoảng sát-na đã ở nơi cõi tịnh của Phật, thân tướng đầy đủ và ngồi trên hoa sen báu thì làm sao có sự sinh nơi bào thai.

Này Từ Thị! Ông có thấy những kẻ ngu si không trông thiện căn mà chỉ sử dụng trí thông minh, biện luận của thế gian nên sinh phân biệt sai lầm, càng tăng thêm tâm tà thì làm sao ra khỏi đại nạn sinh tử? Lại có những chúng sinh tuy trông thiện căn, cúng dường Tam bảo, làm ruộng phước lớn nhưng chấp tướng phân biệt, chân tình sâu nặng mà cầu thoát khỏi luân hồi thì không bao giờ có thể đạt được.

Ví như vua Sát-đế-lợi được địa vị quán đảnh, mới tạo dựng một nhà ngục lớn, bên trong nhà ngục ấy được trang bị cung điện, nhà cửa, lầu đài, lan can, rèm cửa, giường tủ, ghế ngồi v.v... Tất cả đều được trang hoàng bằng châu báu, đầy đủ tất cả những vật dụng cần dùng như y phục, thực phẩm v.v... Lúc ấy vua Quán đảnh xua đuổi thái tử và nhốt trong ngục. Nhà vua cho tiền bạc, của cải, châu báu, gấm vóc, lụa là v.v... tha hồ mà dùng.

Đức Phật bảo Từ Thị:

– Ý ông nghĩ sao? Thái tử đó có vui vẻ không?

Bồ-tát Từ Thị thưa:

– Vua đã không tha tội thì làm sao có thể thoát ra được?

Đức Phật bảo:

– Đúng thế, đúng thế! Các chúng sinh kia tuy tu phước, cúng dường Tam bảo mà lại phân biệt sai lầm, cầu quả báo chôn nhân thiên. Đến lúc được phước báo, ở chỗ lầu gác cung điện, đầy đủ y phục, đồ nằm, thực phẩm, thuốc thang v.v... tất cả vật cần dùng không thiếu, nhưng vẫn không thể ra khỏi ngục tù trong ba cõi, thường luân chuyển trong luân hồi và không được tự tại. Giả sử cha mẹ, vợ con hay bà con nam nữ muốn cứu thoát thì người ấy vẫn không bao giờ có thể thoát khỏi nghiệp tà kiến. Vua có thể xá tội, đó là trường hợp nếu các chúng sinh chấm dứt phân biệt sai lầm, gieo trồng các gốc thiện, không chấp tướng, không vương mắc thì sẽ được sinh sang cõi Phật, được giải thoát vĩnh viễn.

Bồ-tát Từ Thị bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Hiện ở thế giới Ta-bà này và các cõi khác có bao nhiêu Đại Bồ-tát được sinh vào thế giới Cực lạc, được gặp Phật Vô Lượng Thọ và thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Đức Phật bảo Từ Thị:

– Thế giới Ta-bà này của Ta có bảy mươi hai ức triệu Đại Bồ-tát, đã từng cúng dường vô lượng chư Phật, gieo trồng nhiều cội đức, sẽ được sinh vào cõi Cực lạc và thân cận cúng dường Phật Vô Lượng Thọ, thành tựu Vô thượng Chánh đẳng

Chánh giác.

– Lại nữa, này A-nan! Cõi Phật Nan Nhẫn có mười tám ức triệu Đại Bồ-tát sinh sang thế giới Cực lạc. Cõi Phật Bảo Tạng có chín mươi ức triệu triệu Đại Bồ-tát sinh sang thế giới Cực lạc. Cõi Phật Hỏa Quang có hai mươi hai ức triệu triệu Đại Bồ-tát sinh sang thế giới Cực lạc. Cõi Phật Vô Lượng Quang có hai mươi lăm ức triệu Đại Bồ-tát sinh sang thế giới Cực lạc. Cõi Phật Thế Đăng có sáu mươi ức triệu Đại Bồ-tát sinh sang thế giới Cực lạc. Cõi Phật Long Thọ có một ngàn bốn trăm Đại Bồ-tát sinh sang thế giới Cực lạc. Cõi Phật Vô Cấu Quang có hai mươi lăm ức triệu Đại Bồ-tát sinh sang thế giới Cực lạc. Cõi Phật Sư Tử có một ngàn tám trăm ức triệu Đại Bồ-tát sinh sang thế giới Cực lạc. Cõi Phật Cát Tường Phong có hai ngàn một trăm ức triệu Đại Bồ-tát sinh sang thế giới Cực lạc. Cõi Phật Nhân Vương có một ngàn ức triệu Đại Bồ-tát sinh sang thế giới Cực lạc. Cõi Phật Hoa Tràng có một ức triệu Đại Bồ-tát sinh sang thế giới Cực lạc. Cõi Phật Quang Minh Vương có mười hai ức Đại Bồ-tát sinh sang thế giới Cực lạc. Cõi Phật Đắc Vô Úy có sáu mươi chín ức triệu Đại Bồ-tát sinh sang thế giới Cực lạc. Tất cả đều gần gũi cúng dường Phật Vô Lượng Thọ và chẳng bao lâu sẽ thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Đức Phật bảo Từ Thị:

– Công đức trang nghiêm cõi nước Cực lạc như

thế, mãi vô lượng kiếp tính toán không thể nói hết. Có những thiện nam, thiện nữ nào được nghe danh hiệu Phật Vô Lượng Thọ mà phát tín tâm, nhất niệm quy y, chiêm ngưỡng, đánh lễ, phải biết những người này chẳng phải là Tiểu thừa, ở trong giáo pháp của Ta được gọi là đệ tử số một. Nếu có Bí-sô, Bí-sô-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, Thiên, Long, Dược xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, nhân và phi nhân đối với kinh điển này ghi chép, cúng dường, thọ trì, đọc tụng, giảng nói cho người khác, cho đến trong một ngày đêm tư duy về cõi Cực lạc và công đức thân Phật thì những người này sau khi chết liền được sinh sang cõi Cực lạc, thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này Từ Thị! Kinh điển này rất sâu xa vi diệu, mang lại lợi ích cho muôn loài. Có chúng sinh nào đối với chánh pháp này mà thọ trì, đọc tụng, ghi chép, cúng dường, thì những người này khi sắp chết, cho dù ở trong ba ngàn đại thiên thế giới ngập đầy lửa lớn, vẫn có thể vượt qua và sinh về thế giới Cực lạc. Những người này thời quá khứ đã từng được Phật thọ ký đạo Bồ-đề, và tất cả Như Lai cùng khen ngợi, tùy ý thành tựu tuệ giác vô thượng.

Này Từ Thị! Khó thay được gặp Phật ở đời, khó thay được nghe chánh pháp. Hãy làm theo những việc Như Lai đã làm. Nên bảo vệ, giữ gìn kinh này. Luôn làm điều lợi ích cho các loài hữu tình, chớ để

chúng sinh bị rơi vào năm đường và trang hoàng thêm chốn địa ngục. Hãy làm cho các hữu tình tu phước thiện, cầu sinh về cõi tịnh.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói kệ:

*Nếu xưa không tu đường phước tuệ
 Đời nay chánh pháp khó được nghe
 Từng đã cúng dường các Đức Phật
 Vì thế các người nghe nghĩa này
 Nghe xong thọ trì và ghi chép
 Đọc tụng, ngợi khen, giảng, cúng dường
 Như vậy nhất tâm cầu cõi tịnh
 Quyết định đi qua nước Cực lạc
 Giả sử lửa lớn đầy tam thiên
 Và nó trang hoàng khắp địa ngục
 Các nạn như thế đều vượt khỏi
 Nhờ oai đức lực của Như Lai
 Công đức lợi lạc của Phật đó
 Chư Phật cùng Phật mới tỏ tường
 Thanh văn, Duyên giác khắp thế gian
 Thần lực của họ làm sao sánh
 Giả sử tuổi thọ chúng hữu tình
 Thọ mạng trụ vô số ức kiếp
 Ca ngợi thân công đức của Phật
 Trọn cả cuộc đời khen không hết
 Pháp Đại Thánh Pháp Vương đã nói
 Lợi ích cho tất cả quần sinh
 Nếu người thọ trì và cung kính
 Phật bảo người này chính bạn lành.*

Khi Đức Thế Tôn giảng nói pháp này thì có mười hai ức triệu người được xa lìa trần cấu, đắc pháp nhãn thanh tịnh, tám trăm Bì-sô lậu tận ý giải, tâm được giải thoát, chúng nhân thiên có hai mươi hai ức triệu người chứng quả A-na-hàm và có hai mươi lăm ức người được pháp nhãn bất thoái, có bốn mươi ức trăm ngàn triệu người phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, gieo trồng các thiện căn, nguyện sinh sang thế giới Cực lạc gặp Phật Vô Lượng Thọ. Hoặc có người sinh đời này hay đời đương lai, khắp cõi nước mười phương mà được gặp Phật Vô Lượng Thọ đều có tám vạn ức triệu người được Phật Nhiên Đăng thọ ký hiệu là Diệu Âm Như Lai, sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Các hữu tình đó đều có nhân duyên đại nguyện kiếp trước với Phật Vô Lượng Thọ, đều được sinh sang thế giới Cực lạc.

Khi Đức Phật dạy những điều này, ba ngàn đại thiên thế giới chấn động sáu cách, trời mưa các loại hoa thơm ngập đến đầu gối. Có những vị trời ở trong hư không trôi lên âm nhạc tuyệt diệu, phát ra âm thanh làm vui đẹp mọi người, cho đến chư Thiên cõi Sắc đều được nghe và ngợi khen là điều chưa từng có.

Bảy giờ, Tôn giả A-nan và Bồ-tát Từ Thị cùng tám bộ trời, rồng, tất cả đại chúng nghe lời Phật dạy đều rất hoan hỷ, tin tưởng làm theo.



SỐ 364**KINH ĐẠI A DI ĐÀ**

*Hán dịch: Đời Tống, Tam tạng Pháp Hiền. Biên tập:
Quốc học Tiến sĩ Long Thư Vương Nhật Hữu.*

QUYỀN THƯỢNG***1. Pháp hội đại chúng.***

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại núi Linh Thứu, thuộc nước Vương-xá cùng với chúng đệ tử là một ngàn hai trăm năm mươi vị. Tất cả đều là bậc Thánh lớn đã đạt thần thông. Tên của các vị ấy là: Tôn giả Liễu Bản Tế, Tôn giả Chánh Nguyệt, Tôn giả Chánh Ngữ, Tôn giả Đại Hiệu, Tôn giả Nhân Hiền, Tôn giả Ly Cầu, Tôn giả Danh Văn, Tôn giả Thiện Thật, Tôn giả Cụ Túc, Tôn giả A Nan. Những vị này đều là bậc thượng thủ. Và có chúng Đại Bồ-tát như Bồ-tát Phổ Hiền, Bồ-tát Diệu Đức, Bồ-tát Từ Thị v.v...; tất cả Bồ-tát này đều ở trong Hiền kiếp. Lại có mười sáu vị Chánh sĩ như: Hiền Hộ, Thiện Tư Nghi, Tín Tuệ, Không Vô, Thần Thông Hoa v.v... đều tôn vinh công đức của Đại sĩ Phổ Hiền. Đông đủ các Bồ-tát có vô lượng hạnh nguyện an

trú nơi tất cả pháp công đức. Tất cả các Đại sĩ, Bồ-tát như vậy cùng một lúc đều quy tụ đông đủ.

2. Tôn giả A-nan thưa hỏi.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn với dung mạo sáng đẹp khác hẳn thường ngày. Thấy vậy, Tôn giả A-nan từ chỗ ngồi đứng dậy, trích vai áo bên phải, quỳ xuống chấp tay bạch Phật:

– Hôm nay Thế Tôn vì sao hiện rõ tướng mạo đoan nghiêm, sắc diện tinh khiết, hào quang tỏa sáng rạng ngời như gương sáng, xuyên suốt từ trong đến ngoài. Từ khi con làm thị giả Phật đến nay, chưa bao giờ trông thấy oai dung như hôm nay. Phải chăng Thế Tôn đang nghĩ đến chư Phật thời quá khứ, hay chư Phật trong vị lai và hiện tại, mới hiện tướng như thế?

Đức Phật bảo:

– Hay thay! Này A-nan! Có chư Thiên nào bảo ông đến hỏi, hay tự ông thưa hỏi?

Tôn giả A-nan thưa:

– Tự con thấy hiện tượng như vậy nên mới đưa ra câu hỏi này.

Đức Phật bảo:

– Những điều ông hỏi Ta còn hơn cả cúng dường Thanh văn, Duyên giác và Bồ thí cho chư Thiên, loài người, cho đến loài cầm thú, côn trùng nhỏ nhít trong một cõi nước. Dù trải qua nhiều kiếp và gặp trăm ngàn vạn ức lần, vẫn không sánh kịp.

Vì sao? Tất cả chư Thiên, vua quan, dân chúng, cho đến loài cầm thú, côn trùng nhỏ nhít đều nhân nơi câu hỏi của ông mà được đạo giải thoát.

Này A-nan! Như thế gian có hoa Ưu-đàm-bát, mặc dầu có trái của nó, nhưng không thấy được hoa. Có Phật xuất hiện ở đời, sau đó mới có hoa. Khó thay được gặp Phật, cũng như thấy được hoa Ưu-đàm. Nay Ta ra đời, ông khéo biết ý Ta nên đặc biệt phát ra câu hỏi thành thật không hư vọng để hầu Phật. Ông hãy lắng nghe, Ta sẽ giảng nói.

Tôn giả A-nan thưa:

– Bạch Thế Tôn! Con xin lắng nghe.

3. Danh hiệu năm mươi ba Đức Phật.

Đức Phật dạy:

– Vào đời quá khứ có đại chúng nhiều vô lượng vô biên không suy tính được. Bấy giờ có Phật ra đời hiệu Định Quang Như Lai, giáo hóa cứu độ vô lượng chúng sinh, khiến cho họ đắc đạo, rồi sau đó mới nhập diệt. Tiếp đến, có Phật hiệu Quang Viễn, tiếp đến có Phật hiệu Nguyệt Quang, tiếp đến có Phật hiệu Chiên Đàn Hương, tiếp đến có Phật hiệu Thiên Sơn Vương, tiếp đến có Phật hiệu Tu Di Thiên Quang, tiếp đến có Phật hiệu Tu Di Đẳng Diệu, tiếp đến có Phật hiệu Nguyệt Sắc, tiếp đến có Phật hiệu Chánh Niệm, tiếp đến có Phật hiệu Ly Cầu, tiếp đến có Phật hiệu Vô Trước, tiếp đến có Phật hiệu Long Thiên, tiếp đến có Phật hiệu Dạ

Quang, tiếp đến có Phật hiệu An Minh Đỉnh, tiếp đến có Phật hiệu Bất Động Địa, tiếp đến có Phật hiệu Lưu Ly Diệu Hoa, tiếp đến có Phật hiệu Lưu Ly Kim Sắc, tiếp đến có Phật hiệu Kim Tạng, tiếp đến có Phật hiệu Viêm Quang, tiếp đến có Phật hiệu Viêm Căn, tiếp đến có Phật hiệu Địa Chung, tiếp đến có Phật hiệu Nguyệt Tượng, tiếp đến có Phật hiệu Nhật Âm, tiếp đến có Phật hiệu Giải Thoát Hoa, tiếp đến có Phật hiệu Trang Nghiêm Quang Minh, tiếp đến có Phật hiệu Hải Giác Thần Thông, tiếp đến có Phật hiệu Thủy Quang, tiếp đến có Phật hiệu Đại Hương, tiếp đến có Phật hiệu Ly Trần Cầu, tiếp đến có Phật hiệu Xả Yểm Ý, tiếp đến có Phật hiệu Bảo Viêm, tiếp đến có Phật hiệu Diệu Đỉnh, tiếp đến có Phật hiệu Dũng Lực, tiếp đến có Phật hiệu Công Đức Trì Tuệ, tiếp đến có Phật hiệu Tế Nhật Nguyệt Quang, tiếp đến có Phật hiệu Nhật Nguyệt Lưu Ly Quang, tiếp đến có Phật hiệu Vô Thượng Lưu Ly Quang, tiếp đến có Phật hiệu Tối Thượng Thủ, tiếp đến có Phật hiệu Bồ Đề Hoa, tiếp đến có Phật hiệu Nguyệt Minh, tiếp đến có Phật hiệu Nhật Quang, tiếp đến có Phật hiệu Hoa Sắc Vương, tiếp đến có Phật hiệu Thủy Nguyệt Quang, tiếp đến có Phật hiệu Trừ Si Minh, tiếp đến có Phật hiệu Độ Cái Hạnh, tiếp đến có Phật hiệu Tịnh Tín, tiếp đến có Phật hiệu Thiện Túc, tiếp đến có Phật hiệu Oai Thần, tiếp đến có Phật hiệu Pháp Tuệ, tiếp đến có Phật hiệu Loan

Âm, tiếp đến có Phật hiệu Sư Tử Âm, tiếp đến có Phật hiệu Long Âm, tiếp đến có Phật hiệu Xử Thế. Tất cả các Đức Phật này đều thuộc đời quá khứ.

4. Nguồn gốc của tạng pháp.

Đức Phật nói:

– Tiếp đến có Đức Phật hiệu Thế Tụ Tại Vương Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn, đầy đủ mười tôn hiệu. Đức Phật này giáo hóa ở đời bốn mươi hai kiếp.

Bấy giờ, có vị đại Quốc vương nghe Phật thuyết pháp rất vui mừng tỏ ngộ, tức thời nhà vua từ bỏ vương vị, xuất gia làm Sa-môn, hiệu là Tỳ-kheo Pháp Tạng, có tài cao, trí tuệ dũng mãnh không ai sánh kịp. Tỳ-kheo Pháp Tạng đến chỗ Đức Phật Thế Tụ Tại Vương cung kính đánh lễ dưới chân Ngài, rồi đi quanh bên phải ba vòng, quỳ xuống, chắp tay, dùng kệ tán thán Đức Phật:

*Sắc tướng Như Lai đẹp
Thế gian chẳng ai bằng
Hơn mặt trời, ma-ni
Lửa, trăng, nước trong lắng
Oai thần kinh cùng tận
Tiếng vang khắp mười phương
Đều do sức Tam-muội
Tinh tấn thành trí tuệ*

Hiểu biết như biển cả
Rộng sâu không bến bờ
Vô minh cùng tham, sân
Buông hết chẳng còn chi
Từ đó vượt khỏi đời
Làm sao ngợi khen hết
Đẹp như cây hoa đẹp
Ai mà chẳng ưa thích
Khắp nơi mọi người thấy
Tất cả đều vui mừng
Bố thí và trì giới
Tinh tấn cùng nhẫn nhục
Thiền định đại trí tuệ
Con xin nguyện thực hành
Bao nhiêu loài lo sợ
Đều đạt được an vui
Vượt qua dòng sinh tử
Tất cả đều giải thoát
Đến khi con thành Phật
Mọi thứ như Pháp vương
Giả sử hằng sa số
Chư Phật đều cúng dường
Không bằng cầu Chánh giác
Kiên trì ắt thành tựu
Làm cho vô lượng cõi
Rực rỡ đầy ánh sáng
Cứu độ vượt hằng sa
Oai đức ai sánh được

*Cõi con thật trang nghiêm
 Hoa đẹp thật siêu tuyệt
 Nếu ai muốn sinh sang
 Phải thanh tịnh an lạc
 Mãi độ thoát vô cùng
 Mong Phật chứng minh cho
 Đã phát nguyện như vậy
 Thực hành không biếng trễ
 Tuy sống chón khổ đau
 Nhân, không bao giờ hối.*

5. Đem nguyện lớn hỏi Phật.

Đức Phật dạy:

– Khi Tỳ-kheo Pháp Tạng nói kệ xong, thưa với Đức Phật Thế Tụ Tại Vương: “Bạch Thế Tôn! Con phát tâm Bồ-đề vô thượng, nguyện khi thành Phật là đáng tối thắng trong vô số Phật nơi mười phương, có trí tuệ dũng mãnh, ánh sáng trên đỉnh tỏa chiếu khắp mười phương vô cùng tận. Cõi nước con ở có bảy báu sáng rực rỡ, tốt đẹp, ôn hòa. Con hóa độ chúng sinh làm cho danh hiệu của con vang khắp mười phương vô số thế giới, không ai mà không nghe biết. Vô số chư Thiên, loài người, cho đến loài cầm thú, côn trùng nhỏ nhít mà được sinh đến cõi nước của con đều được thành Thanh văn, Bồ-tát. Số ấy nhiều không thể cùng tận. Nếu đem so sánh với thế giới chư Phật thì đều hơn hẳn. Những ước nguyện của con như vậy có thể thành

tự được chăng?”. Khi ấy, Phật Thế Tụ Tại Vương biết trí thức cao minh và tâm nguyện rộng lớn của Tỳ-kheo Pháp Tạng nên dạy: “Ví như một người dùng một cái đấu múc nước biển cả, trải qua nhiều kiếp không ngừng còn có thể thấy đáy biển, huống chi là người chí tâm cầu đạo, luôn luôn tinh tấn thì cầu gì mà không đạt, nguyện gì mà không thành?”. Khi ấy, Tỳ-kheo Pháp Tạng nghe lời Phật dạy, vô cùng hoan hỷ. Phật mới gồm thâu mọi sự thiện ác của chư Thiên và loài người, sự tốt xấu của các cõi nước trong hai ngàn một trăm vạn cõi Phật, tùy theo tâm nguyện của Tỳ-kheo Pháp Tạng mà hiện ra rõ ràng. Tỳ-kheo Pháp Tạng nhất tâm chánh định, liền chứng đắc được thiên nhãn, thấy hết tất cả.

6. Bốn mươi tám nguyện.

Đức Phật dạy:

– Bây giờ, Tỳ-kheo Pháp Tạng đến một nơi vắng vẻ, tâm an tịnh, buông xả mọi chuyện và tĩnh tọa tư duy, giữ lấy hạnh thanh tịnh ở cõi Phật kia và theo đó mà tu trì. Sau đó, Tỳ-kheo Pháp Tạng đến chỗ Phật Thế Tụ Tại Vương thưa: “Bạch Thế Tôn! Con đã ghi nhớ hai ngàn một trăm vạn cõi Phật để trang nghiêm cõi nước bằng hạnh thanh tịnh. Con có lời nguyện muốn trình bày, cúi xin Phật chứng minh chỉ bảo cho con”. Phật dạy: “Lành thay! Ông trình bày đầy đủ những gì thấy

biết. Các chúng Bồ-tát nếu nghe được chí nguyện của ông, tất cả họ đều sẽ được khích lệ và thức tỉnh để tu tập thuần tịnh làm trang nghiêm các cõi nước”. Tỳ-kheo Pháp Tạng bạch Phật: “Nguyện thứ nhất: Khi con thành Phật, trong cõi của con không có địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, cho đến loài côn trùng nhỏ nhít. Nguyện này không thành, con không thành Phật.

Nguyện thứ hai: Khi con thành Phật, trong nước của con không có phụ nữ. Chư Thiên và loài người, cho đến loài cầm thú, côn trùng nhỏ nhít nơi vô số thế giới, sinh đến cõi nước của con đều được hóa sinh trên hoa sen trong ao bảy báu. Nguyện này không thành, con không thành Phật.

Nguyện thứ ba: Khi con thành Phật, những người trong cõi nước con khi muốn ăn thì có thực phẩm trăm vị đựng trong bát bảy báu hóa hiện ra trước mặt. Ăn xong, vật dụng tự nhiên biến mất. Nguyện này không thành, con không thành Phật.

Nguyện thứ tư: Khi con thành Phật, những người trong cõi nước con cần đến y phục, tùy theo ý nghĩ, y phục tự đến mà không phải cắt may, nhuộm hay giặt giũ. Nguyện này không thành, con không thành Phật.

Nguyện thứ năm: Khi con thành Phật, trong cõi nước của con, từ dưới đất lên đến hư không đều có nhà cửa, cung điện, lầu gác, ao hồ, hoa, cây v.v...

tất cả đều do vô lượng châu báu xen lẫn và trăm ngàn loại hương cùng hợp lại thành đễ trang hoàng một cách kỳ diệu, thù thắng và siêu việt. Hương thơm ấy bay khắp mười phương thế giới. Chúng sinh nào được nghe mùi hương thơm này đều tu hạnh Phật. Nguyên này không thành, con không thành Phật.

Nguyên thứ sáu: Khi con thành Phật, mọi người trong cõi nước của con có tâm thương kính nhau, không bao giờ có tâm ganh ghét. Nguyên này không thành, con không thành Phật.

Nguyên thứ bảy: Khi con thành Phật, những người trong cõi nước của con hoàn toàn không có tâm dâm dục, sân hận, ngu si. Nguyên này không thành, con không thành Phật.

Nguyên thứ tám: Khi con thành Phật, những người trong cõi nước của con cùng một tâm thiện, không mê lầm hay có ý nghĩ khác. Những điều họ muốn nói đều đoán biết ý nhau. Nguyên này không thành, con không thành Phật.

Nguyên thứ chín: Khi con thành Phật, những người trong cõi nước con hoàn toàn không nghe danh từ bất thiện. Nguyên này không thành, con không thành Phật.

Nguyên thứ mười: Khi con thành Phật, những người trong cõi nước của con biết thân như mộng như huyễn nên không có tâm tham đắm. Nguyên

này không thành, con không thành Phật.

Nguyện thứ mười một: Khi con thành Phật, những người trong cõi nước của con tuy có sự khác nhau giữa chư Thiên và loài người, nhưng hình dáng của họ thì cùng một loại màu vàng, diện mạo đoan chánh, thanh tịnh và tốt đẹp, không có người xấu xí. Nguyện này không thành, con không thành Phật.

Nguyện thứ mười hai: Khi con thành Phật, giả sử chư Thiên và loài người, cho đến loài cầm thú, côn trùng nhỏ nhít nơi vô số thế giới khắp mười phương đều được làm người, làm Duyên giác, Thanh văn, đều nhất tâm tọa thiền, cùng muốn tính đếm tuổi thọ của con là bao nhiêu ngàn, vạn, ức kiếp, nhưng không thể biết được. Nguyện này không thành, con không thành Phật.

Nguyện thứ mười ba: Khi con thành Phật, giả sử chư Thiên và loài người, cho đến loài cầm thú, côn trùng nhỏ nhít nơi ngàn ức thế giới khắp mười phương đều được làm người, làm Duyên giác, Thanh văn, đều nhất tâm tọa thiền, cùng muốn tính đếm số người trong cõi nước con có bao nhiêu ngàn vạn ức, nhưng không ai có thể biết được. Nguyện này không thành, con không thành Phật.

Nguyện thứ mười bốn: Khi con thành Phật, tuổi thọ của những người ở cõi nước con đều vô số kiếp, không ai có thể tính biết số tuổi thọ ấy là bao

nhieu. Nguyên này không thành, con không thành Phật.

Nguyên thứ mười lăm: Khi con thành Phật, sự hưởng thụ an lạc của những người trong cõi nước của con hoàn toàn như một thầy Tỳ-kheo đoạn tận lậu hoặc. Nguyên này không thành, con không thành Phật.

Nguyên thứ mười sáu: Khi con thành Phật, những người trong cõi nước của con an trú nơi chánh tín, xa lìa vọng tưởng điên đảo, phân biệt, các căn vắng lặng, và chứng đắc Niết-bàn. Nguyên này không thành, con không thành Phật.

Nguyên thứ mười bảy: Khi con thành Phật, con sẽ thuyết kinh hành đạo hơn chư Phật gấp mười lần. Nguyên này không thành, con không thành Phật.

Nguyên thứ mười tám: Khi con thành Phật, những người trong cõi nước của con thông suốt việc đời trước, biết việc của trăm, ngàn, ức triệu kiếp. Nguyên này không thành, con không thành Phật.

Nguyên thứ mười chín: Khi con thành Phật, những người trong cõi nước của con đều được thiên nhãn, trông thấy trăm ngàn ức triệu thế giới. Nguyên này không thành, con không thành Phật.

Nguyên thứ hai mươi: Khi con thành Phật, những người trong cõi nước của con đều được

thiên nhĩ, nghe trăm ngàn ức triệu chư Phật thuyết pháp và có thể thọ trì những lời pháp ấy. Nguyên này không thành, con không thành Phật.

Nguyên thứ hai mươi một: Khi con thành Phật, những người trong cõi nước của con đắc tha tâm trí, biết tâm niệm của chúng sinh trong trăm ngàn ức triệu thế giới. Nguyên này không thành, con không thành Phật.

Nguyên thứ hai mươi hai: Khi con thành Phật, những người trong cõi nước của con đều được thần túc, chỉ trong một niệm đã có thể vượt qua trăm ngàn ức triệu thế giới. Nguyên này không thành, con không thành Phật.

Nguyên thứ hai mươi ba: Khi con thành Phật, danh hiệu của con vang khắp vô số thế giới trong mười phương. Chư Phật đều ở trong đại chúng ca ngợi sự thù thắng của cõi nước và công đức của con. Chư Thiên, loài người, cho đến loài cầm thú, côn trùng nhỏ nhít mà nghe được danh hiệu của con mà tâm tư hoan hỷ, đều làm cho họ sinh sang cõi nước của con. Nguyên này không thành, con không thành Phật.

Nguyên thứ hai mươi bốn: Khi con thành Phật, ánh sáng trên đỉnh của con thật tuyệt diệu, thù thắng hơn cả ánh sáng mặt trời, mặt trăng gấp trăm ngàn vạn ức lần. Nguyên này không thành, con không thành Phật.

Nguyện thứ hai mươi lăm: Khi con thành Phật, hào quang tỏa chiếu đến vô số chôn tối tăm trong trời đất, hào quang luôn tỏa chiếu khắp mọi nơi. Từ chư Thiên, loài người cho đến loài cầm thú, côn trùng nhỏ nhít, ai mà trông thấy ánh sáng của con đều sinh tâm từ, làm điều thiện, sinh sang nước của con. Nguyện này không thành, con không thành Phật.

Nguyện thứ hai mươi sáu: Khi con thành Phật, hào quang của con chiếu đến chư Thiên, loài người và các loài cầm thú, côn trùng nhỏ nhít khắp vô số thế giới trong mười phương. Khi tiếp xúc với ánh sáng ấy, tất cả cầm thú đều trở nên từ hòa và hóa thành chư Thiên, loài người. Nguyện này không thành, con không thành Phật.

Nguyện thứ hai mươi bảy: Khi con thành Phật, chư Thiên và loài người ở vô số thế giới trong mười phương, ai mà phát tâm Bồ-đề, gìn giữ trai giới, thực hành sáu Ba-la-mật, tu các công đức, chí tâm phát nguyện sinh sang cõi con, thì đến khi người đó lâm chung, con cùng đại chúng hiện ra trước mặt họ để tiếp dẫn vãng sinh, và trở thành Bồ-tát trụ địa Bất thoái chuyển. Nguyện này không thành, con không thành Phật.

Nguyện thứ hai mươi tám: Khi con thành Phật, chư Thiên và loài người ở vô số thế giới trong mười phương nghe danh hiệu của con liền xông hương, rải hoa, thắp đèn, treo cờ, cúng dường thực

phẩm cho Sa-môn, xây dựng chùa tháp, trai giới thanh tịnh, làm thêm nhiều việc thiện, nhất tâm tưởng nhớ đến con, dù chỉ liên tục trong một ngày một đêm thì chắc chắn họ vẫn được sinh sang cõi nước của con. Nguyện này không thành, con không thành Phật.

Nguyện thứ hai mươi chín: Khi con thành Phật, chư Thiên và loài người ở vô số thế giới trong mười phương với tâm chí thành, có đức tin ưa thích sinh sang cõi nước của con, họ chỉ niệm danh hiệu con mười tiếng, chắc chắn được toại nguyện, ngoại trừ những kẻ phạm tội ngũ nghịch và phi báng chánh pháp. Nguyện này không thành, con không thành Phật.

Nguyện thứ ba mươi: Khi con thành Phật, chư Thiên, loài người, cho đến loài cầm thú và côn trùng nhỏ nhít ở vô số thế giới trong mười phương, nếu đời trước đã tạo nghiệp ác mà nghe danh hiệu của con, rồi liền sám hối, làm việc thiện, thọ trì kinh giới và nguyện sinh sang cõi nước con thì đến lúc chết, họ không phải đi qua ba đường ác mà thẳng tiến đến chỗ muốn sinh. Tất cả những điều mong muốn của họ đều được hoàn toàn như ý. Nguyện này không thành, con không thành Phật.

Nguyện thứ ba mươi một: Khi con thành Phật, chư Thiên và loài người ở vô số thế giới trong mười phương nghe danh hiệu của con, năm chi phần sát đất, cung kính đánh lễ, hân hoan tin tưởng

thích tu hạnh Bồ-tát thì những người này được chư Thiên và loài người đều kính mến. Nguyên này không thành, con không thành Phật.

Nguyên thứ ba mươi hai: Khi con thành Phật, có người nữ nào ở vô số thế giới trong mười phương được nghe danh hiệu của con mà hân hoan tin tưởng ưa thích, phát tâm Bồ-đề, nhằm chán thân nữ thì sau khi qua đời người ấy không trở lại làm thân nữ nữa. Nguyên này không thành, con không thành Phật.

Nguyên thứ ba mươi ba: Khi con thành Phật, phạm những ai sinh vào cõi nước của con đều chỉ còn một đời sẽ thành Phật. Nếu người muốn đến phương khác để giáo hóa chúng sinh tu hạnh Bồ-tát, cúng dường chư Phật, thì đều được như sở nguyện. Con dùng sức oai thần làm cho người đó giáo hóa tất cả chúng sinh đều phát tâm tin tưởng, tu hạnh Bồ-tát, hạnh Phổ Hiền, hạnh vắng lặng, hạnh thanh tịnh, hạnh tối thắng và tất cả hạnh lành. Nguyên này không thành, con không thành Phật.

Nguyên thứ ba mươi bốn: Khi con thành Phật, những người trong cõi nước của con muốn sinh vào phương khác, thì tự nhiên được như sở nguyện và không bị đọa trở lại nơi ba đường ác. Nguyên này không thành, con không thành Phật.

Nguyên thứ ba mươi lăm: Khi con thành Phật, Bồ-tát trong cõi nước của con dùng hương hoa, cờ

phướn, lọng báu, chuỗi ngọc trân châu v.v... thừa sự cúng dường chư Phật nơi vô lượng thế giới, chỉ trong khoảng một bữa ăn, họ có thể đến khắp nơi để cúng dường. Nguyện này không thành, con không thành Phật.

Nguyện thứ ba mươi sáu: Khi con thành Phật, Bồ-tát trong cõi nước của con muốn đem vạn thứ đồ vật cúng dường vô số chư Phật khắp mười phương, tức thời chính họ ở ngay trước các Đức Phật để cúng dường. Cúng dường xong, chưa đến giờ họ đã trở về cõi nước của con. Nguyện này không thành, con không thành Phật.

Nguyện thứ ba mươi bảy: Khi con thành Phật, Bồ-tát trong cõi nước của con thọ trì kinh pháp, đọc tụng, giảng nói, và chắc chắn họ sẽ được trí tuệ, tài hùng biện lưu loát. Nguyện này không thành, con không thành Phật.

Nguyện thứ ba mươi tám: Khi con thành Phật, các Bồ-tát trong cõi nước của con có thể diễn thuyết tất cả pháp. Trí tuệ và tài hùng biện của họ không có hạn lượng. Nguyện này không thành, con không thành Phật.

Nguyện thứ ba mươi chín: Khi con thành Phật, Bồ-tát trong cõi nước của con được sức kim cang Na-la-diên. Thân họ đều hiện ra màu vàng rực, đủ ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp. Họ thuyết kinh hành đạo không khác gì các Đức Phật.

Nguyện này không thành, con không thành Phật.

Nguyện thứ bốn mươi: Khi con thành Phật, cõi nước của con thanh tịnh, chiếu thấy vô lượng thế giới khắp mười phương. Bồ-tát muốn ở trong cây báu thấy tất cả cõi Phật nghiêm tịnh khắp mười phương, tức thời những cõi ấy ứng hiện, cũng như đối diện trước tấm gương. Nguyện này không thành, con không thành Phật.

Nguyện thứ bốn mươi một: Khi con thành Phật, Bồ-tát trong cõi nước của con có người tuy ít công đức vẫn có thể thấy biết cây ở đạo tràng của con cao bốn ngàn do-tuần. Nguyện này không thành, con không thành Phật.

Nguyện thứ bốn mươi hai: Khi con thành Phật, chư Thiên, loài người và tất cả vạn vật trong cõi nước của con đều trang nghiêm thanh tịnh, sáng đẹp, hình sắc đặc biệt, tuyệt diệu, tinh tế tận cùng, không thể so lường được. Mặc dù chúng sinh được thiên nhãn cũng không thể nói hết tên và số lượng ấy là bao nhiêu. Nguyện này không thành, con không thành Phật.

Nguyện thứ bốn mươi ba: Khi con thành Phật, tùy theo chí nguyện của những người trong cõi nước của con muốn nghe pháp thì tự nhiên họ sẽ được nghe. Nguyện này không thành, con không thành Phật.

Nguyện thứ bốn mươi bốn: Khi con thành Phật,

Bồ-tát, Thanh văn trong cõi nước của con đều có trí tuệ oai thần, trên đỉnh có hào quang, với ngữ âm tuyệt vời nên họ thuyết kinh, hành đạo không khác gì các Đức Phật. Nguyện này không thành, con không thành Phật.

Nguyện thứ bốn mươi lăm: Khi con thành Phật, các Bồ-tát ở thế giới phương khác nghe danh hiệu của con mà quy y tinh tấn, liền được Tam-muội Thanh tịnh giải thoát. An trú trong Tam-muội này, một khoảnh khắc phát tâm cúng dường vô số chư Phật vẫn không mất tâm chánh định. Nguyện này không thành, con không thành Phật.

Nguyện thứ bốn mươi sáu: Khi con thành Phật, các Bồ-tát ở thế giới phương khác nghe danh hiệu của con mà quy y tinh tấn liền được Tam-muội Phổ đẳng, cho đến thành Phật, thường gặp vô lượng bất khả tư nghì tất cả chư Phật. Nguyện này không thành, con không thành Phật.

Nguyện thứ bốn mươi bảy: Khi con thành Phật, các Bồ-tát ở thế giới phương khác nghe danh hiệu của con mà quy y tinh tấn, liền đạt đến quả vị Bất thoái chuyển. Nguyện này không thành, con không thành Phật.

Nguyện thứ bốn mươi tám: Khi con thành Phật, các Bồ-tát ở thế giới phương khác nghe danh hiệu của con mà quy y tinh tấn, liền đạt đến pháp nhẫn thứ nhất, pháp nhẫn thứ hai và pháp nhẫn thứ ba,

vĩnh viễn không còn thoái chuyển nơi pháp Phật. Nguyên này không thành, con không thành Phật”.

7. Nói kệ sau khi phát nguyện.

Đức Phật dạy:

– Bảy giờ, Tỳ-kheo Pháp Tạng phát nguyện xong, lại nói kệ:

*Con nay đối trước Phật
 Chân thành phát đại nguyện
 Nếu được thân mười lực
 Oai đức không ai bằng
 Nếu làm đại quốc vương
 Giàu sang và tự tại
 Thường bố thí của cải
 Lợi lạc kẻ khổ nghèo
 Giúp tất cả chúng sinh
 Thoát đê mê dài ưu não
 Phát sinh các căn lành
 Trưởng dưỡng quả giác ngộ
 Khi con thành Phật đạo
 Danh tiếng vượt mười phương
 Trời người thích được nghe
 Đều sinh đến cõi con
 Con đem ánh trí tuệ
 Chiếu khắp vô biên cõi
 Trừ tham sân phiền não
 Của tất cả hữu tình
 Địa ngục, quý, súc sinh*

Cũng sinh trong cõi con
 Những người nào sinh đến
 Tu tập hạnh thanh tịnh
 Như thân Phật sắc vàng
 Tướng tốt đều viên mãn
 Lại đem tâm đại từ
 Giúp khắp kẻ trầm luân
 Con vào đời vị lai
 Sẽ làm thầy trời người
 Trong trăm ức thế giới
 Sư tử rống thuyết pháp
 Tất cả nghe tiếng con
 Giải ngộ và sáng suốt
 Và như Phật quá khứ
 Đã sinh hạnh xót thương
 Độ thoát chúng hữu tình
 Số vô lượng vô biên
 Hạnh con cũng như vậy
 Đều khiến lên bờ giác
 Quả nguyện đây viên thành
 Đại thiên đều chấn động
 Các thiên thần hư không
 Đều mưa hoa quý đẹp.

8. Bắt đầu tu hạnh thiện.

Đức Phật dạy:

– Bảy giờ, Tỳ-kheo Pháp Tạng ở chỗ Đức Phật Thế Tụ Tại Vương và trong đại chúng chư Thiên,

Phạm, Long, Thần bát bộ, phát nguyện rộng lớn như vậy, tức thời mặt đất chấn động, trời mưa hoa thơm đẹp đẽ rải lên trên Tỳ-kheo Pháp Tạng. Trong hư không phát ra lời tán thán: “*Nhất định thành Phật*”. Lúc đó Tỳ-kheo Pháp Tạng an trú nơi trí tuệ chân thật, dũng mãnh tinh tấn tu tập vô lượng công đức để trang nghiêm cõi nước của mình, lại nhập thiền định, trải qua vô số đại kiếp tu hạnh Bồ-tát, không sinh tâm tham lam, sân hận, ngu si và không có tướng dục, tướng sân, tướng si, tâm không mê loạn, không đắm trước các pháp sắc, thanh, hương, vị, thành tựu nhẫn nhục, chẳng nề hà các khổ, chỉ thích nhớ nghĩ đến hạnh vắng lặng mà chưa Phật quá khứ đã tu, vĩnh viễn xa lìa hư vọng, giữ vững luật nghi, thường dùng ái ngữ, mang lại sự lợi ích cho chúng sinh. Đối với Phật, Pháp, Tăng có niềm tin sâu xa, cung kính, nương tựa vào pháp môn chân thật, gieo trồng các cội công đức; khéo giữ gìn khẩu nghiệp, không nói lời của người khác; khéo giữ gìn thân nghiệp, không làm mất luật nghi; khéo giữ gìn ý nghiệp thanh tịnh, không ô nhiễm. Thường thực hành bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ, tạo lợi ích cho chúng sinh, làm cho các chúng sinh thành tựu công đức, xa lìa lời nói thô ác, không làm hại chính mình, người khác cũng như mọi loài, tu tập thiện ngữ, tự lợi và lợi tha, giáo hóa chúng sinh tu hành lục độ, được tự tại đối với tất cả các pháp, hiểu rõ pháp không,

vô tướng, vô nguyện, vô vi, vô sinh, vô diệt, hộ trì luật nghi, thành tựu thiện căn, muốn sinh đến chỗ nào tùy ý mình muốn, có vô lượng kho báu tự nhiên hiện ra, rồi dùng châu báu này ban bố cho chúng sinh, khiến họ trở nên vui vẻ. Hơn nữa, luôn nhiệt tâm trong việc giáo hóa khiến cho vô lượng vô số chúng sinh phát tâm Bồ-đề. Các công hạnh an lành như vậy thật vô lượng vô biên không sao nói hết.

9. Thân cận chư Phật.

Đức Phật dạy:

– Khi Tỳ-kheo Pháp Tạng thực hành hạnh Bồ-tát, đối với chư Phật hết lòng tôn trọng cung kính, thừa sự cúng dường, chưa từng gián đoạn, làm Tứ Đại Thiên vương đến chỗ Phật cung kính, lễ bái, thừa sự cúng dường; làm Đao-lợi Thiên vương đến chỗ Phật cung kính lễ bái, thừa sự cúng dường, làm Dạ-ma Thiên vương, Đâu-suất Thiên vương, Hóa Lạc Thiên vương, Tha Hóa Tự Tại Thiên vương, cho đến Đại Phạm Thiên vương... đều đến chỗ Phật cung kính lễ bái, thừa sự cúng dường. Tiếp đến, Tỳ-kheo Pháp Tạng ở cõi Diêm-phù-đề làm Chuyển luân vương, nhận phép quán đánh và đại thần thân tộc v.v... đều đến chỗ Phật cung kính, lễ bái, thừa sự cúng dường; làm Sát-đế-lợi, Bà-la-môn... đều đến chỗ Phật cung kính, lễ bái, thừa sự cúng dường. Như vậy, trải qua vô lượng vô số trăm

ngàn vạn ức kiếp, Tỳ-kheo Pháp Tạng đã thân cận chư Phật và gieo trồng các cội công đức, tích tập tuệ giác vô thượng.

10. Thành tựu lời nguyện làm Phật.

Đức Phật dạy:

– Khi Tỳ-kheo Pháp Tạng thực hành hạnh Bồ-tát, dung mạo rất đoan nghiêm, có đủ ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, trong miệng thường tỏa ra mùi thơm chiên-đàn, các lỗ chân lông trên thân toát ra mùi thơm hoa Ưu-bát-la. Mùi thơm ấy xông khắp vô lượng vô biên vô số triệu do-tuần, chúng sinh nào nghe được mùi hương này đều phát tâm Bồ-đề vô thượng. Trong tay của Tỳ-kheo Pháp Tạng thường xuất ra tất cả loại y phục, tất cả thực phẩm, tất cả cờ phướn, lọng báu, tất cả âm nhạc và tất cả vật dụng cần thiết làm lợi lạc cho tất cả chúng sinh khiến họ phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Tỳ-kheo ấy tích lũy công đức như vậy trải qua vô lượng vô số trăm ngàn vạn ức kiếp. Đến khi công đức viên mãn, oai thần hùng tráng, Tỳ-kheo mới được thành tựu sở nguyện và đạt quả vị Phật.

11. Loài côn trùng cũng được cứu độ.

Tôn giả A-nan bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Tỳ-kheo Pháp Tạng là Phật quá khứ, Phật vị lai, hay Phật hiện tại?

Đức Phật dạy:

– Phật Như Lai kia không từ đâu đến, cũng chẳng đi về đâu, không sinh không diệt, chẳng quá khứ, hiện tại hay vị lai, chỉ vì đáp đền chí nguyện cứu độ tất cả chúng sinh mà thôi. Hiện tại ở phương Tây, cách đây trăm vạn ức cõi nước, có thế giới tên là Cực lạc, Phật hiệu A-di-đà, thành Phật đến nay đã mười kiếp, hiện đang thuyết pháp giáo hóa cho vô số chư Thiên, loài người, cho đến loài côn trùng nhỏ nhít ở khắp mười phương thế giới. Tất cả chúng sinh ấy, ai cũng được Phật A-di-đà độ thoát.

12. Ánh sáng tuyệt diệu.

Đức Phật dạy:

– Ánh sáng của Phật A-di-đà tỏa chiếu rất xa, ánh sáng của các Đức Phật khác đều không sánh kịp. Vô số Phật ở khắp mười phương, có Phật thì ánh sáng trên đỉnh chiếu đến một dặm, có Phật chiếu đến hai dặm, có Phật chiếu đến ba dặm. Lần lượt như thế, ánh sáng chiếu xa dần cho đến có Phật ánh sáng chiếu đến một ngàn hai trăm vạn dặm. Lại có Phật ánh sáng trên đỉnh chiếu đến một thế giới, có Phật chiếu đến hai thế giới, có Phật chiếu đến ba thế giới. Như vậy lần lượt dần chiếu xa hơn, có Phật ánh sáng chiếu đến hai trăm vạn thế giới. Chỉ có ánh sáng trên đỉnh Phật A-di-đà chiếu đến ngàn vạn thế giới vô cùng vô tận. Vì sao ánh sáng của các Đức Phật có sự gần hoặc xa? Đó

là do khi còn là Bồ-tát mới phát tâm, công đức nguyện lực của mỗi vị đều có lớn, nhỏ khác nhau, đến khi thành Phật tùy theo đó mà được thành quả, vì thế ánh sáng cũng từ đó mà khác nhau. Oai thần tự tại tùy ý tạo tác, không cần dự tính hoàn toàn bằng nhau. Phật A-di-đà có nguyện lực vô biên và công đức siêu tuyệt, nên ánh sáng của Phật A-di-đà cũng thù thắng hơn hẳn ánh sáng của các Đức Phật khác.

13. Mười ba danh hiệu Phật.

Đức Phật dạy:

– Ánh sáng của Phật A-di-đà đẹp rực rỡ, tuyệt diệu, thù thắng vô cùng, vượt hơn gấp ngàn vạn ức lần ánh sáng của mặt trời, mặt trăng. Vì là vua ánh sáng của các Đức Phật cho nên hiệu Phật là Vô Lượng Thọ, Vô Lượng Quang, Vô Biên Quang, Vô Ngại Quang, Vô Đối Quang, Diễm Vương Quang, Thanh Tịnh Quang, Hoan Hỷ Quang, Trí Tuệ Quang, Bất Đoạn Quang, Nan Tư Quang, Siêu Nhật Nguyệt Quang. Ánh sáng ấy chiếu soi khắp cả đất trời, dù là nơi tăm tối vẫn luôn tỏa sáng. Chư Thiên, loài người, cho đến loài cầm thú, côn trùng nhỏ nhít gặp được ánh sáng này không ai mà không hân hoan vui mừng và sinh tâm từ bi. Những kẻ dâm dục, sân hận, ngu si, gặp được ánh sáng này đều trở lại làm thiện. Chôn địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh bị tra khảo, đánh đập thống khổ mà gặp được

ánh sáng này thì mọi khổ não không còn. Sau khi chết, được giải thoát. Không phải chỉ riêng Ta hôm nay tán thán ánh sáng của Phật A-di-đà, mà vô số các Đức Phật, Bồ-tát và chúng Thanh văn, Duyên giác trong mười phương cũng đều tán thán ca ngợi ánh sáng ấy như vậy. Nếu có chúng sinh nào được nghe nói về oai thần, công đức ánh sáng này trong suốt một ngày đêm cung kính hướng về tán thán ngợi khen không dứt, thì tùy theo chí nguyện của người ấy chắc chắn sẽ sinh sang cõi Cực lạc, và các Bồ-tát, Thanh văn ca ngợi cũng sẽ được như vậy. Nếu Ta nói về oai thần ánh sáng cao vời vợi và tuyệt diệu thù thắng của Phật A-di-đà suốt ngày đêm trong một kiếp vẫn không sao nói hết được. Nay Ta chỉ nói tóm tắt cho các người mà thôi.

14. Vua A-xà-thế.

Bấy giờ, thái tử A-xà-thế cùng năm trăm vị trưởng giả, mỗi người mang một lọng hoa bằng vàng đến dâng lên cúng dường Phật, rồi ngồi qua một bên lắng nghe nói về ánh sáng công đức của Phật A-di-đà. Ai nấy đều rất hoan hỷ và nguyện trong tâm: “Sau khi chúng con thành Phật, đều như Phật A-di-đà”. Phật biết ngay những ý nguyện này, liền bảo các Tỳ-kheo:

– Thái tử A-xà-thế cùng năm trăm vị trưởng giả, sau vô số kiếp đều sẽ làm Phật như Phật A-di-đà. Những người này hành đạo Bồ-tát xong, trong

vô số kiếp, mỗi người đều đã cúng dường bốn trăm ức Phật, nay lại cúng dường Ta. Ngày xưa, thời Phật Ca-diếp, họ thường làm đệ tử của Ta, hôm nay đến đây lại gặp nhau trong pháp hội này.

Các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, tất cả đều hoan hỷ, cung kính ca ngợi tán thán.

15. Đất bằng khí hòa.

Đức Phật dạy:

– Trong cõi nước Phật A-di-đà tự nhiên có bảy báu, đó là: vàng, bạc, thủy tinh, lưu ly, san hô, hổ phách, xa cừ. Tính chất của nó ôn hòa mềm mại. Bảy thứ báu này xen nhau làm đất, hoặc chỉ thuần một loại châu báu làm đất, có ánh sáng rực rỡ, trong sạch diệu kỳ, vượt hẳn tất cả thế giới khắp mười phương. Cõi nước ấy rộng lớn mênh mông vô cùng vô tận. Mặt đất bằng phẳng, không có núi Tu-di và Kim cang, hay tất cả các núi vây quanh; không có biển lớn, biển nhỏ hay hầm hố, giếng, hang; không có chỗ tăm tối; không có địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, cầm thú, cho đến loài côn trùng nhỏ nhít; không có A-tu-la và các rồng, quỷ, thần; không có mưa móc mà chỉ có suối chảy tự nhiên; không có thời tiết lạnh nóng, chỉ có khí xuân phơi phới vui tươi, tốt đẹp, sáng lạng, không sao diễn đạt hết bằng ngôn từ. Ngược lại cõi ấy có muôn vàn đồ vật tự nhiên như thực phẩm đủ vị, ý muốn thế nào thì thức ăn hiện đến đầy đủ. Nếu không

dùng nữa, tự nhiên chúng biến mất. Tùy theo ý niệm của mỗi người, tất cả đều toại nguyện. Thế giới Ta-bà này có trời Tha Hóa Tự Tại, hàng trời, người ở đây cần dùng những gì, tất cả đều tự nhiên hóa hiện. Như nếu so sánh những vật tự nhiên trong cõi Phật A-di-đà thì vật ở cõi trời này dù gấp vạn ức lần cũng không bằng.

16. Giảng đường, Tinh xá.

Đức Phật dạy:

– Tinh xá, giảng đường của Phật A-di-đà do bảy báu hợp lại thành. Bảy báu được dùng làm lầu gác, lan can. Chuỗi ngọc bảy báu dùng làm vật trang trí treo hai bên lan can. Ngọc trắng, ngọc minh tuyệt, ngọc ma-ni dùng làm mạng lưới giảng phủ ở trên. Ánh sáng rực rỡ, trong lành, tuyệt đẹp thật là hi hữu, không thể nói hết được.

Ngoài ra, nhà cửa, cung điện, chỗ ở của Bồ-tát, Thanh văn cũng như vậy. Y phục, thực phẩm, hoa hương, chuỗi ngọc, cờ phướn, lọng báu, âm nhạc vi diệu của chư Thiên và loài người ở cõi Phật A-di-đà đều tùy ý hiện ra. Lầu gác, nhà cửa, cung điện, chỗ cư trú xứng hợp với hình sắc cao thấp, lớn nhỏ của hàng trời người ở đó. Hoặc dùng một thứ châu báu, hai thứ châu báu, cho đến vô lượng những châu báu hóa hiện mà thành, những cung điện, nhà cửa cao lớn hay ở không trung, hoặc quyện trong mây tùy theo ý của họ. Có khi không

thể cao lớn tùy theo ý mà chỉ dừng lại trên mặt đất như người thế gian, là do hạnh nghiệp của mỗi người. Những điều trên là do lúc cầu đạo – vào đời trước – có tâm từ, tinh tấn, làm nhiều các công đức thiện nên dẫn đến quả báo như vậy. Trường hợp không tùy theo ý người, đó là do đời trước – khi cầu đạo – không có tâm từ, tinh tấn, làm thiện ít nên đức mỏng, dẫn đến quả báo như vậy. Y phục và thực phẩm thì bằng nhau, chỉ có cung điện, nhà cửa không đồng. Sở dĩ phân biệt có sự tinh tấn hay lười nhác, đức có lớn nhỏ nhằm bày ra cho chúng sinh thấy quả báo như vậy. Giảng đường, cung điện, nhà cửa ở đây ban đầu không có ai xây dựng, mà cũng không từ đâu đến. Đây là do đại nguyện và công đức sâu dày của Phật tự hóa sinh.

17. Ao báu lớn, nhỏ.

Đức Phật dạy:

– Nhà cửa, cung điện, giảng đường trong cõi Phật A-di-đà tốt đẹp hơn chỗ trú ngụ của trời Đế Thích trên tầng trời thứ sáu trong thế giới này gấp trăm ngàn vạn lần, không có gì sánh kịp. Phía trong và ngoài nhà cửa, cung điện này có suối chảy và những ao hồ do bảy báu đồng sinh ra. Có ao thuần một loại châu báu, cát dưới đáy ao cũng một loại châu báu. Nếu ao bằng vàng thì cát dưới đáy ao bằng bạc. Ao bằng thủy tinh thì cát dưới đáy ao bằng lưu ly. Ao bằng san hô thì cát dưới đáy ao

bằng hồ phách. Có ao do hai loại châu báu tạo thành, cát dưới đáy ao cũng do hai loại châu báu tạo thành. Nếu ao bằng vàng và bạc thì cát dưới đáy ao bằng thủy tinh và lưu ly. Nếu ao bằng thủy tinh và lưu ly thì cát dưới đáy ao bằng san hô và hồ phách. Nếu ao bằng san hô và hồ phách thì cát dưới đáy ao bằng xa cừ và mã não. Hoặc ba thứ châu báu, bốn thứ châu báu, cho đến bảy thứ châu báu cùng làm thành một cái ao thì cát dưới đáy ao cũng như vậy. Các ao báu này có ao diện tích bốn mươi dặm, có ao năm mươi dặm, có ao sáu mươi dặm. Như vậy lần lượt lớn dần cho đến hai vạn bốn trăm tám mươi dặm, như biển cả. Các ao này là nơi sinh trưởng các Bồ-tát, Thanh văn và các bậc thượng nhân toàn thiện. Có khi dùng làm ao tắm. Nếu là ao của Phật A-di-đà thì ao ấy lớn gấp bội ao này, và cũng do bảy báu hợp lại tạo thành. Cát dưới đáy ao bằng ngọc trắng, ngọc minh tuyết, ngọc ma-ni. Các ao này tràn đầy nước tám công đức, lắng trong, sạch sẽ, thơm tho, tinh khiết, có vị như cam lồ. Giữa ao ấy có trăm loại hoa lạ, cành có ngàn lá, màu tỏa sáng và mùi hương cũng không giống nhau, thơm ngào ngạt, không thể nói hết bằng lời.

18. Hóa sinh từ hoa sen.

Đức Phật dạy:

– Chư Thiên và loài người cho đến loài côn trùng nhỏ nhít ở vô số thế giới khắp mười phương,

những ai vãng sinh vào cõi Phật A-di-đà đều hóa sinh trong hoa sen nơi ao bảy báu, tự lớn lên không cần người nuôi dưỡng. Họ ăn những thực phẩm tự nhiên. Hình sắc, dung mạo của họ đoan chánh, thanh tịnh và xinh đẹp, tất nhiên người ở thế gian không thể sánh bằng và chư Thiên cũng không sánh được. Họ thọ thân thanh tịnh rộng suốt tự nhiên với tuổi thọ vô tận.

19. So sánh với người ăn mày.

Đức Phật dạy:

– Này A-nan! Ví như người ăn mày đứng bên cạnh nhà vua thì dáng dấp, tướng mạo của họ có giống nhau không?

Tôn giả A-nan bạch:

– Bạch Thế Tôn! Người ăn mày mà đứng bên cạnh nhà vua thì hình thể gầy yếu xấu xí, thô kệch, không dùng để so sánh được, trăm ngàn, vạn lần không thể bằng vua được. Vì sao? Vì đời trước người này không gieo trồng cội đức, cát chứa của cải không bố thí, càng giàu có càng bỏn xẻn, chỉ muốn được nhiều, tham cầu không chán, không tin tu thiện được phước, làm nhiều điều ác, thế nên khi chết đọa vào nẻo ác, đau khổ triền miên. Nếu được ra khỏi nẻo ác thì sinh làm người hạ tiện, xấu xí, hiện rõ cho mọi người thấy như vậy. Sở dĩ vua chúa được mọi người tôn quý là do đời trước tu nhân tích đức, từ bi nhân ái hiền lương và bố thí rộng rãi

cứu giúp quần sinh, thà tổn mình nhưng làm lợi người, không có sự tranh giành, nên sau khi chết được sinh vào chốn vương gia, được tôn quý, dung nghi đoan nghiêm, được mọi người kính ngưỡng, được ăn ngon mặc đẹp tùy tâm. Nếu chẳng phải do phước đức đời trước thì sao mà được như vậy?

Đức Phật dạy:

– Nay A-nan! Ông nói rất đúng. Nhưng nếu nói về hình tướng oai quang, thì nhà vua tuy là người tôn quý trong loài người, nhưng sánh với Chuyển luân Thánh vương thì cũng như kẻ ăn mày xấu tệ kia đứng bên cạnh nhà vua. Chuyển luân Thánh vương là đệ nhất trong thiên hạ, nhưng sánh với Đao-lợi Thiên vương thì dù gấp trăm ngàn vạn ức lần cũng không sánh kịp. Đao-lợi Thiên vương sánh với Đệ Lục thiên vương thì dù gấp trăm ngàn vạn ức lần cũng không sánh kịp. Đệ Lục thiên vương sánh với các Bồ-tát, Thanh văn và các bậc Thượng nhân toàn thiện trong cõi Phật A-di-đà thì dù gấp trăm ngàn vạn ức lần không thể sánh kịp.

20. Tắm gội hình thể.

Đức Phật dạy:

– Các Bồ-tát, Thanh văn và các bậc Thượng nhân toàn thiện trong cõi Phật A-di-đà, nếu vào tắm gội hình thể trong ao bảy báu mà muốn làm cho nước ngập đến chân, tức thời nước ngập đến chân; muốn làm cho nước ngập đến gối, tức thời

nước ngập gối; muốn làm cho nước ngập đến lưng, đến bụng, cho đến cổ thì nước cũng ngập đến như vậy. Nếu các vị muốn ngâm nước khắp toàn thân, đều được vừa ý; muốn làm cho nước trở lại như từ đầu thì nước cũng y như từ đầu, muốn điều hòa sự lạnh nóng, hoàn toàn thuận tiện, vừa ý, thỏa mãn an vui từ tinh thần lẫn thể chất và thanh tẩy rửa sạch mọi suy tư, trong sáng thanh khiết, phơi phơi như không có hình thể. Rồi khỏi ao tắm, mỗi người ngồi trên một tòa sen. Một làn gió nhẹ bỗng nhiên từ từ thổi đến lay động hàng cây báu tạo ra tiếng nhạc hoặc pháp âm màu nhiệm. Gió thổi những bông hoa báu có mùi hương khác nhau, rải lên các Bồ-tát và đại chúng Thanh văn. Hoa rơi xuống đất dày đến bốn tấc, vô cùng tươi đẹp, hương thơm không gì sánh được. Đến khi hoa héo, gió tự thổi đến cuốn đi. Các Bồ-tát và đại chúng Thanh văn đó, có người muốn nghe pháp âm, có người muốn nghe âm nhạc, có người muốn nghe mùi hương của hoa, có người không muốn nghe gì cả. Người nào muốn nghe thì chỉ một mình nghe. Người nào không muốn nghe thì chung quanh sẽ vắng lặng không nghe gì cả. Mọi việc đều vừa ý, không có sự phật lòng người. Ở cõi đó thường được tự nhiên an lạc.

21. Tắm gội xong tinh tiến tu tập.

Đức Phật dạy:

– Tất cả đều tẩm xong, mỗi người đều lo tinh tấn tu tập. Có người giảng kinh nơi mặt đất, có người tụng kinh nơi mặt đất, có người tự thuyết kinh nơi mặt đất, có người dạy kinh nơi mặt đất, có người nghe kinh nơi mặt đất, có người niệm kinh nơi mặt đất, có người tư duy về đạo nơi mặt đất, có người nhất tâm tọa thiền nơi mặt đất, có người kinh hành nơi mặt đất; nhưng có người giảng kinh trong hư không, có người tụng kinh trong hư không, có người tự thuyết kinh trong hư không, có người dạy kinh trong hư không, có người nghe kinh trong hư không, có người niệm kinh trong hư không, có người tư duy về đạo trong hư không, có người nhất tâm tọa thiền trong hư không, có người kinh hành trong hư không. Trong số người đó, người nào chưa đắc quả Tu-đà-hoàn, nhân đây đắc quả Tu-đà-hoàn; người chưa đắc quả Tư-đà-hàm, nhân đây đắc quả Tư-đà-hàm; người chưa đắc quả A-na-hàm, nhân đây đắc quả A-na-hàm; người chưa đắc quả A-la-hán, nhân đây đắc quả A-la-hán; người chưa đắc quả vị Bồ-tát bất thoái chuyển thì đắc quả vị Bồ-tát bất thoái chuyển. Nói chung tùy theo tính chất của mỗi người mà đạt đến thành quả, không ai là không vừa ý và hân hoan vui mừng.



KINH ĐẠI A DI ĐÀ

QUYỂN HẠ

22. Nước chảy trong ao tạo thành pháp âm.

Đức Phật dạy:

– Nước trong các ao bầu luân lưu chảy thành dòng không nhanh, không chậm, sóng gợn vô lượng, tạo thành âm thanh vi diệu, hoặc tạo thành âm thanh nói về Phật, âm thanh nói về Pháp, âm thanh nói về Tăng, âm thanh nói về sự vắng lặng, âm thanh nói về không, vô ngã, âm thanh nói về đại từ bi, âm thanh nói về Ba-la-mật, âm thanh nói về mười lực, vô úy, pháp bất cộng, âm thanh nói về những sự thông tuệ, âm thanh nói về sự không tạo tác, âm thanh nói về không sinh diệt, âm thanh nói về vô thượng nhân, cho đến nói về tất cả pháp vi diệu cam lồ quán đảnh. Những âm thanh này xứng hợp với sự mong muốn của chúng sinh, nên ai cũng muốn nghe và vô cùng vui mừng, phát tâm thanh tịnh, không còn những sự phân biệt, chánh trực, bình đẳng, thành thực các căn, vĩnh viễn không thoái lui đạo Bồ-đề vô thượng. Ở thế giới Phật A-di-đà không còn nghe nói về địa ngục, nga

quỷ, súc sinh, Dạ-xoa, giết hại, trộm cắp, tranh chấp, ác khẩu, lưỡi đôi chiều. Bao nhiêu âm thanh xấu ác như vậy tuyệt đối không nghe thấy, hưởng gì là có thật. Chỉ có âm thanh tự nhiên thanh tịnh, tự nhiên có sự an vui, thế nên cõi nước ấy gọi là Cực lạc.

23. Hoa và cây bên bờ ao.

Đức Phật dạy:

– Trên bờ các ao báu có vô số cây hương chiên-đàn, cây quả cát tường hoa trái luôn có mùi thơm bay tỏa khắp nơi. Và có hoa sen vàng, sen hồng, sen trắng, sen xanh, màu sắc xen lẫn, sum suê tươi đẹp phủ trên mặt nước, đồng thời có bảy loại cây báu mọc thành hàng thẳng tắp.

Có cây thuần một loại châu báu: Rễ, gốc, thân, cành, lá, hoa, quả đều do một loại châu báu tạo thành.

Có cây từ gốc, rễ, cành, lá, hoa, quả đều do hai loại châu báu xen nhau tạo thành.

Có cây từ gốc, rễ, cành, lá, hoa, quả đều do ba loại châu báu xen nhau tạo thành.

Có cây do bốn loại châu báu tạo thành tức gốc, rễ, cành, lá mỗi thứ dùng một loại châu báu. Hoa, quả cùng một loại với thân và gốc.

Có cây do năm loại báu tạo thành tức gốc, rễ, cành, lá, hoa mỗi thứ dùng một loại châu báu. Quả thì cùng một loại với gốc.

Có cây do sáu loại châu báu tạo thành tức là từ gốc, rễ, cành, lá, hoa, quả mỗi thứ dùng một loại châu báu.

Cũng vậy, có cây do bảy loại châu báu tạo thành và chỉ dùng một loại châu báu để trang hoàng thêm từ gốc rễ cho đến ngọn lá.

Như vậy, từng loại cây tự xếp thành hàng khác nhau, mọc hàng hàng với nhau, từng thân cây cùng đối nhau, từng cành cây cùng ngang nhau, lá cây cùng hướng nhau, những bông hoa cùng chiều với nhau, từng quả từng quả tương xứng nhau. Cứ thế, từng hàng từng lớp cây báu hàng trăm ngàn dặm, xen giữa là những ao báu. Cho đến khắp thế giới đầy màu sắc xinh tươi và ánh sáng rực rỡ, không thể trông thấy hết. Khi ngọn gió trong lành thoảng qua hàng cây tạo thành âm thanh vi diệu, không gì có thể sánh bằng.

24. Âm nhạc vi diệu của những hàng cây.

Đức Phật bảo:

– Vạn loại âm nhạc của vua chúa ở thế gian không hay bằng một âm trong những âm nhạc của Chuyển luân Thánh vương, âm nhạc này hay gấp trăm ngàn vạn lần. Vạn loại âm nhạc của Chuyển luân Thánh vương không hay bằng một âm trong những âm nhạc của Đao-lợi Thiên vương, âm nhạc này hay gấp trăm ngàn vạn lần. Vạn loại âm nhạc của Đao-lợi Thiên vương không hay bằng một âm

trong những âm nhạc của Đệ Lục Thiên vương, âm nhạc này hay gấp trăm ngàn vạn lần. Vạn loại âm nhạc của Đệ Lục Thiên vương không hay bằng một âm trong những cây bảy báu ở cõi Phật A-di-đà, loại âm thanh này hay gấp trăm ngàn vạn lần. Lại có những loại âm nhạc vi diệu mà âm thanh của nó là những lời pháp mầu nhiệm, âm thanh trong trẻo vang xa êm ái vi diệu, đứng đầu trong các âm thanh khắp mười phương thế giới.

25. Thực phẩm tự nhiên.

Đức Phật dạy:

– Những người vãng sinh sang cõi Phật A-di-đà khi họ muốn ăn uống, có người thích bát bằng bạc, có người thích bát bằng vàng, có người thích bát bằng thủy tinh, lưu ly; có người thích bát bằng san hô, hổ phách, xa cừ, mã não; có người thích bát bằng ngọc minh nguyệt, ngọc ma-ni, bạch ngọc, vàng ròng v.v... thì những bát này sẽ hóa hiện ngay trước mặt, tùy theo ý của mỗi người, và trong bát đó có đầy đủ thực phẩm ngon, những hương vị mặn, lạt, chua, cay v.v... đều vừa ý. Nhiều cũng không dư, mà ít cũng không thiếu. Các vị ấy cũng không vì thức ăn ngon mà dùng quá lượng, chỉ dùng đủ để nuôi khí lực. Ăn xong, thức ăn tự tiêu hóa hết không còn cặn bã. Hoặc chỉ thấy sắc, nghe hương, ý dùng làm thức ăn, rồi tự nhiên biến đi. Khi muốn ăn trở lại, thực phẩm lại hiện ra như

trước.

Cõi nước Cực lạc thanh tịnh, an ổn, tốt đẹp, nhiệm màu, an vui, dẫn đến con đường Niết-bàn tối thượng.

26. Cảnh tượng xinh đẹp đặc biệt.

Đức Phật dạy:

– Trong cõi Phật A-di-đà chỉ có Bồ-tát, Thanh văn và các bậc thượng nhân toàn thiện, không có phụ nữ. Tuổi thọ của họ vô số kiếp. Họ nhìn xa, thấy suốt nên từ xa vẫn trông thấy lẫn nhau, từ xa vẫn nghe nhau nói. Ở đây đều là những người cầu thiện đạo, không có hạng người khác. Diện mạo của họ thường đoan nghiêm, sạch đẹp, không có người xấu xí. Thể tánh của họ đều hiện rõ trí tuệ và đầy nghị lực, không còn ngu si. Những gì mọi người muốn nói đều đoán biết nhau. Tâm ý thì chỉ nghĩ đạo đức, thân thể chỉ luận bàn những việc chân chánh. Họ kính yêu nhau, không có sự ganh ghét, hòa thuận với nhau, có tôn ti và không lỗi lầm. Việc làm của họ hợp với lễ nghi, đẹp lòng nhau như anh em, nói lời thành thật cùng chỉ dạy nhau, vâng theo và chấp nhận không chống nghịch. Tâm ý của họ thanh khiết, không có sự tham đắm tham dục, sân hận, ngu si, hoàn toàn chấm dứt tâm tà, tiêu trừ vọng niệm. Thần khí của họ từ hòa an tịnh, thể lực nhẹ nhàng, trong sạch, vui theo kinh đạo, mở mang tánh tuệ, thông hiểu đời trước, cho

dù trải qua vạn kiếp và từ đâu đến đều biết tất cả. Họ lại biết việc quá khứ, vị lai và hiện tại nơi khắp thế giới trong mười phương, và biết những điều tâm nghĩ, miệng muốn nói của vô số dân chúng từ trên trời đến dưới đất, cho đến loài côn trùng. Họ biết tất cả chúng sinh này đến năm nào, kiếp nào được độ thoát làm người, được sinh vào thế giới Cực lạc; hoặc làm Bồ-tát, làm Thanh văn v.v... đều đoán biết tất cả. Họ là người có thần trí sáng suốt, thông đạt và oai lực tự tại, có thể nâng tất cả thế giới trong tay.

27. Cây báu của đạo tràng.

Đức Phật dạy:

– Trong cõi Phật A-di-đà, cây ở đạo tràng cõi ấy cao một ngàn sáu trăm do-tuần, cành cây tỏa ra bốn phía tám trăm do-tuần, rễ bám vào đất báu năm trăm do-tuần và do tất cả châu báu hợp thành. Hoa quả tươi tốt, sum suê, tạo thành vô lượng trăm ngàn sắc màu tuyệt đẹp. Ở phía trên cây dùng báu ma-ni Nguyệt quang, báu ma-ni Đế võng, báu ma-ni Trì hải luân, những châu báu này trang hoàng giáp vòng giữa những cành cây và thông suốt chuỗi ngọc ái bảo, chuỗi ngọc đại duyên bảo, chuỗi ngọc chân châu màu xanh biếc. Những chuỗi ngọc như vậy liên kết nhau để trang hoàng. Lại có lưới báu chân diệu che phủ trên cây tạo thành trăm ngàn màu sắc biến đổi và vô lượng ánh sáng chiếu lấp

lánh, phản chiếu vô cùng vô tận. Mỗi khi gió thoảng nhẹ thì các cây báu phát ra vô lượng pháp âm vi diệu, âm thanh ấy lan truyền khắp cõi nước. Chúng sinh nào nghe thì được pháp sâu xa và an trú nơi địa Bất thoái chuyển, không còn những bệnh thuộc về tai, cho đến thành tựu tuệ giác vô thượng. Chúng sinh nào được trông thấy cây báu này, cho đến lúc thành Phật, trong khoảng thời gian ấy không bị bệnh về mắt. Nếu có chúng sinh nào ngửi được mùi thơm của cây báu này, cho đến ngày thành Phật, trong khoảng thời gian ấy không bị bệnh về mũi. Có chúng sinh nào ăn được quả cây này, cho đến ngày thành Phật, trong khoảng thời gian ấy lưỡi sẽ không bị bệnh. Chúng sinh nào được ánh sáng của cây chiếu vào, cho đến ngày thành Phật, trong khoảng thời gian ấy thân cũng không bị bệnh. Nếu có chúng sinh nào quán tưởng đến cây báu này, cho đến ngày thành Phật, trong khoảng thời gian ấy tâm được thanh thoi thanh tịnh, xa lìa những bệnh phiền não, tham... được pháp nhãn sâu xa, an trú nơi địa Bất thoái chuyển. Chư Thiên và loài người ở cõi Cực lạc thấy được cây báu này đặc ba pháp nhãn:

1. Âm hưởng nhãn.
2. Nhu thuận nhãn.
3. Pháp nhãn Vô sinh.

Tất cả cành cây hoa quả ở cõi ấy phát ra âm

thanh diệu pháp nhằm hộ trợ cho các chúng sinh tu tập mau chóng thành đại nghiệp là đều do nguyện lực và oai thần của Phật A-di-đà biến hóa ra.

28. Mùi hương và âm thanh của lưới báu.

Đức Phật dạy:

Trong cõi Phật A-di-đà có vô lượng lưới báu phủ khắp ở trên. Lưới bằng vàng, bạc, chân châu và trăm ngàn châu báu đủ loại, trang trí bằng châu báu diệu kỳ trang nghiêm và chung quanh bốn phía đều có lưới báu rủ xuống. Màu sắc sáng tỏ cực kỳ đẹp đẽ. Lại có gió đức tự nhiên thoảng lay động, không lạnh không nóng mà mát mẻ, nhẹ nhàng, không nhanh, không chậm, thổi vào các lưới báu và hàng cây báu, diễn phát vô lượng pháp âm vi diệu, lưu truyền muôn vàn loại hương đức thanh nhã. Người nào nghe được pháp âm này thì bụi trần, tật xấu sẽ không sinh. Gió chạm vào thân đều được an lạc, giống như Tỳ-kheo được Tam-muội Định diệt tận. Có khi gió thổi làm hoa bay đầy khắp cõi nước, tuần tự theo từng màu hoa chứ không bay tán loạn. Những bông hoa mềm mại, tươi sáng và tỏa hương ngào ngạt. Hoa rơi xuống đất, chân đạp lên thì lún đến bốn tấc, mỗi khi nhấc lên thì hoa trở lại như cũ. Khi hoa héo, tự nhiên chúng biến mất.

29. Hoa sen hiện Phật.

Trong cõi Phật A-di-đà, những hoa sen báu đầy khắp thế giới. Mỗi mỗi hoa báu có trăm ngàn vạn

cánh. Hoa này có vô lượng ánh sáng, màu sắc xen lẫn nhau. Như hoa xanh thì có ánh sáng xanh, hoa trắng thì ánh sáng trắng, hoa màu đen, vàng, đỏ, tím thì ánh sáng ấy cũng như vậy. Những hoa sen đẹp rực rỡ với ánh sáng chói lòa như ánh sáng của mặt trăng, mặt trời. Trong mỗi mỗi hoa phát ra ba mươi sáu vạn ức ánh sáng. Trong mỗi một ánh sáng xuất hiện ba mươi sáu vạn ức Đức Phật với thân màu vàng ròng và tướng tốt đặc thù. Mỗi mỗi Đức Phật lại phóng ra trăm ngàn hào quang, thuyết pháp nhiệm mầu cho chúng sinh khắp mười phương. Như vậy, mỗi mỗi Đức Phật đều đưa vô lượng chúng sinh vào con đường chân chánh giác ngộ.

30. Đại hội thuyết pháp.

Đức Phật dạy:

– Khi Phật A-di-đà diễn giảng, chỉ dạy rộng khắp giáo pháp vi diệu cho các Bồ-tát, Thanh văn và chư Thiên, loài người, ở nơi giảng đường bảy báu đều theo thứ tự ngồi tham dự. Phật bắt đầu vì các Bồ-tát, Thanh văn và chư Thiên, loài người thuyết pháp, khiến tất cả đều vui mừng, phấn chấn, vừa lòng và được hiểu ngộ. Mỗi người tùy theo căn tánh của mình mà tiếp thu. Ngay lúc ấy, bốn phương tự nhiên có làn gió nhẹ thổi vào các cây báu, tạo thành năm trăm âm thanh. Gió thổi các hoa báu kết tụ lại trong hư không, cành lá hương xuống đê cúng dường. Khi hoa rơi xuống đất thì tự nhiên

gió nổi lên thổi đi mát. Khi đó, trời thứ nhất là Tứ thiên vương cùng các thiên nhân mang trăm ngàn hoa hương, trăm ngàn âm nhạc từ hư không xuống để cúng dường Phật và chúng Bồ-tát, Thanh văn. Họ lắng nghe thuyết pháp, rải hoa thơm, thổi âm nhạc. Trời thứ hai là Dao-lợi, trên đến chư Thiên cõi Dục, cho đến trời thứ bảy là Phạm Thiên và trời ba mươi sáu cùng chư Thiên nhân ở các cõi trời này đều mang trăm ngàn hoa thơm, trăm ngàn âm nhạc, tăng dần gấp bội, từ hư không xuống, lần lượt trước sau theo thứ tự đến cúng dường Phật và chúng Bồ-tát, Thanh văn. Được nghe Phật thuyết pháp rồi, họ rải các hoa thơm, tấu âm nhạc.

Trong chúng thiên nhân này có người chưa đắc đạo Tu-đà-hoàn, có người chưa đắc đạo Tu-đà-hàm, có người chưa đắc đạo A-na-hàm, có người chưa đắc đạo A-la-hán, có người chưa đắc quả vị Bất thoái chuyển của Bồ-tát mà được nghe Phật thuyết pháp, tâm ý liền mở mang, hiểu ngộ. Tùy theo chỗ chưa đạt mà tự đạt ngộ. Bảy giờ tâm họ vô cùng hân hoan vui mừng, không sao nói hết.

31. Mười phương nghe pháp.

Đức Phật dạy:

– Tại phương Đông, có hằng hà sa số chư Phật, mỗi Đức Phật đều sai vô lượng vô số Bồ-tát và vô lượng vô số chúng Thanh văn mang các hoa thơm, cờ phướn, lọng báu và nhiều vật cúng dường dâng

lên Phật A-di-đà. Họ đánh lễ dưới chân Phật, tán thán cõi báu công đức trang nghiêm. Được nghe pháp mầu vi diệu, mọi người vô cùng vui vẻ, cung kính lễ Phật mà lui ra.

Tiếp đến, thế giới phương Nam có hằng hà sa số chư Phật, mỗi Đức Phật đều sai vô lượng vô số Bồ-tát và vô lượng vô số chúng Thanh văn mang các hoa thơm, cờ phướn, lọng báu và nhiều vật cúng dường dâng lên Phật A-di-đà. Họ đánh lễ dưới chân Phật, tán thán cõi báu công đức trang nghiêm. Được nghe pháp mầu vi diệu, mọi người vô cùng vui vẻ, cung kính lễ Phật mà lui ra.

Tiếp đến, thế giới phương Tây, phương Bắc, bốn phương góc, trên dưới cũng như vậy.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói kệ:

*Các thế giới phương Đông
Nhiều như cát sông Hằng
Trong mỗi một thế giới
Thanh văn và Bồ-tát
Nhiều vô lượng vô số
Đều phát tâm tối thắng
Mang các món cúng dường
Dâng Phật A-di-đà
Nam, Tây, Bắc, bốn góc
Trên dưới cũng như vậy
Đều mang dâng cúng Phật
Nhiều quanh và kính ái*

Ngợi khen đáng phước điền
 Tôi thương rất hi hữu
 Do nguyện lớn đời trước
 Tinh tấn vô cùng tận
 Thấu đạt tuệ thân tức
 Tự tại thắng pháp môn
 Đầy đủ công đức báu
 Trí sáng không ai bằng
 Tuệ nhật chiếu thế gian
 Tan mây mù sinh tử
 Trang nghiêm cõi Cực Lạc
 Oai thần khó nghĩ bàn
 Mênh mông khắp vô biên
 Cõi Phật tuyệt không sánh
 Tán thán đã như vậy
 Hâm mộ nói sao cùng
 Và đem hoa trời đẹp
 Tung lên thành lọng báu
 Ngang dọc trăm do-tuần
 Cảnh sắc càng tươi đẹp
 Nhờ sự cúng dường này
 Tự vui lại tự mừng
 Con nguyện tích chứa thiện
 Đến cõi con cũng thế
 Trước rõ các pháp tánh
 Mộng huyễn bản lai không
 Tiếp độ các chúng sinh
 Số nhiều vô cùng cực

Như thế cõi báu đó
 Lo gì mà không thành
 Bảy giờ Phật từ bi
 Khai đạo tâm tất cả
 Thân thông hóa hào quang
 Phát từ giữa chân mày
 Tỏa khắp bốn phương trời
 Chiếu tận cùng cõi nước
 Trời, người đều trông thấy
 Trở về trên đỉnh Phật
 Các chúng hội hữu tình
 Kính khen chưa từng có
 Nguyên những kẻ trầm luân
 Đều chứng đạo Bồ-đề

32. Bồ-tát Quan Âm thưa hỏi.

Khi Đức Phật nói kệ xong, trong chúng hội có Bồ-tát Quán Tự Tại rời chỗ ngồi đứng dậy, chấp tay hướng về Đức Phật, thưa:

– Bạch Thế Tôn! Nguyên nhân nào giữa chân mày của Đức Phật A-di-đà phóng ra vô lượng hào quang, chiếu khắp các cõi nước? Cúi xin Thế Tôn thị hiện phương tiện giảng nói, làm cho các chúng sinh và Bồ-tát phương khác được nghe lời Ngài dạy mà sinh tâm tỏ ngộ, ý chí mong cầu hướng về con đường giác ngộ, vĩnh viễn không còn thoái chuyển.

Đức Phật dạy:

– Ông hãy lắng nghe cho kỹ, Ta sẽ vì ông mà giảng nói. Đức Phật Như Lai kia vào thời quá khứ vô lượng vô biên vô số kiếp về trước khi còn làm Bồ-tát đã phát nguyện lớn: “Vào đời vị lai khi Ta thành Phật, nếu có vô số chư Thiên, loài người cho đến loài côn trùng ở khắp mười phương thế giới mà được nghe danh hiệu Ta rồi đánh lễ, nhớ nghĩ, hoặc ca ngợi quy y, hoặc cúng dường hương hoa, thì những chúng sinh đó chóng sinh vào cõi nước của Ta và gặp được ánh sáng này liền được giải thoát. Nếu các Bồ-tát gặp được ánh sáng này, được thọ ký chứng quả bất thoái, tay cầm hoa thơm và những vật cúng dường đến vô biên cõi nước khắp mười phương để cúng dường chư Phật và làm Phật sự, tăng thêm công đức. Trải qua khoảng khắc, họ trở về cõi nước của Ta, vì thế hào quang nhập vào trên đỉnh Phật”.

33. Bồ-tát phát tâm cúng dường.

Đức Phật dạy:

– Trong cõi Phật A-di-đà, các Bồ-tát nương oai thần Phật, chỉ trong khoảng một bữa ăn họ đã đến vô lượng thế giới khắp mười phương cúng dường chư Phật. Tùy tâm ưa thích hoặc là hoa hương, âm nhạc, y phục, cờ phướn, lọng báu v.v..., vô số phẩm vật cúng dường tự nhiên hóa hiện ngay trước mặt. Những vật quý hiếm tuyệt đẹp ấy, chẳng phải vật có ở thế gian. Họ dâng cúng phẩm vật đó cho

Phật và các Bồ-tát cùng chúng Thanh văn. Nếu họ muốn dâng hoa, tức thời trong hư không hóa thành lọng hoa. Vòng hoa nhỏ là bốn mươi dậm, hoặc năm mươi dậm, hoặc sáu mươi dậm. Như thế, dần dần lớn dần đến sáu trăm vạn dậm, tên gọi tùy theo lớn nhỏ, dừng lại trong hư không, tạo thành hình tròn, mạnh mẽ, hướng xuống thành vật cứng dường. Lọng hoa tươi đẹp tỏa sáng, thơm ngát, xông khắp mọi nơi, không thể nói hết. Cúng dường hoa xong, theo thứ tự trước sau, các vòng hoa biến mất. Các Bồ-tát lại ở trong hư không cúng dường thiên nhạc. Họ dùng tiếng thanh tao tuyệt diệu ca ngợi công đức của Phật, lãnh hội pháp kinh với tâm vui mừng vô hạn. Cúng dường xong, chưa đến giờ ngộ, bỗng nhiên họ nhẹ nhàng cất thân trở về cõi nước của mình.

34. Công đức của Bồ-tát.

Đức Phật dạy:

– Các chúng Bồ-tát trong cõi Phật A-di-đà có dung mạo nhu hòa, đầy đủ tướng tốt, thông đạt vô ngại thiên định trí tuệ, oai đức thân thông hoàn toàn viên mãn, thâm nhập pháp môn đặc pháp nhãn Vô sinh, biết một cách rõ ràng các đạo Bồ-tát, điều phục các căn, thân tâm nhu hòa, an trú tịch tĩnh, đạt được Bát-niết-bàn, thâm nhập trí tuệ chân chánh, không còn những tập khí khác, nương theo Phật thực hành bảy giác chi, tám thánh đạo, tu hành

năm loại mắt, hiểu điều chân, rõ điều tục, biện tài Tổng trì tự tại vô ngại, đồng thời hiểu rõ vô biên phương tiện của thế gian, và chỉ nói những lời thành thật, thâm nhập nghĩa lý, diễn giảng chánh pháp, độ khắp chúng hữu tình, đoạn trừ tất cả họa hoạn phiền não, bình đẳng quán sát ba cõi đều không, không có sở hữu, biết tất cả pháp đều vắng lặng, vô tướng, vô vi, vô nhân, vô quả, không thủ, không xả, không buộc, không mở, từ bỏ phân biệt, xa lìa điên đảo. Các vị luôn vững chãi không dao động như núi Tu-di, trí tuệ sáng suốt như ánh sáng mặt trăng, mặt trời, rộng lớn như biển cả sản xuất ra châu báu công đức, rực cháy như lửa thiêu đốt củi phiền não, nhân nhục như đất, bình đẳng với tất cả; thanh tịnh như nước rửa sạch những bụi bặm; như hư không, không bờ bến, không bị tất cả những gì ngăn ngại; như hoa sen vươn lên khỏi nước, lìa khỏi bùn nhơ; phát ra pháp âm như tiếng vang sấm sét, như mây mù tuôn xuống mưa pháp; như gió lay cây làm tăng trưởng mầm, chồi giác ngộ, như tiếng trâu chúa khác với các loại trâu, như uy lực của voi chúa khó có thể lường, như ngựa hay chạy xe không lỗi, như sư tử ngồi không có sự sợ hãi, như cây Ni-câu-đà làm bóng mát cho đại chúng, như hoa Ưu-đàm-bát rất khó được gặp, như chày kim cương phá núi tà kiến, như thân Phạm vương sinh ra Phạm chúng, như chim đại bàng cánh vàng trắng rộng độc, như chim bay trong bầu

trời không để lại dấu vết, như ánh sáng chiếu núi Tuyết trong suốt, như tâm từ quán pháp giới bình đẳng. Các vị chỉ ưa cầu pháp tâm không nhằm chán, thường muốn giảng nói pháp rộng rãi, ý chí không mệt mỏi, đánh trống pháp và dựng cờ pháp mặt trời, trí tuệ chiếu sáng, phá trừ bóng tối si mê, tu sáu pháp hòa kính, thường làm thầy dẫn đường, làm ruộng phước tối thắng và đèn sáng cho đời, nhổ sạch gai dục vọng để mang lại an vui cho mọi loại, công đức cao vời, không ai mà không tôn trọng, cung kính cúng dường vô lượng chư Phật, thường cùng tán thán nơi các Đức Phật, rớt ráo các Ba-la-mật của Bồ-tát, tu Tam-muội không, vô tướng, vô nguyện và các môn Tam-muội không sinh không diệt, vượt xa địa vị Thanh văn, Duyên giác.

Này A-nan! Các Bồ-tát đó thành tựu vô lượng công đức như vậy. Ta chỉ nói tóm tắt cho các ông. Nếu nói đầy đủ thì dầu có trải qua một kiếp vẫn không nói hết được.

35. Nhập Niết-bàn.

Bấy giờ trong chúng hội có Bồ-tát A-dật-đa, từ chỗ ngồi đứng dậy, chấp tay hỏi Phật:

– Các Thanh văn trong cõi Phật A-di-đà có nhập Niết-bàn không?

Đức Phật bảo:

– Người có thấy những vì sao trong bốn châu

thiên hạ này chẳng?

– Thưa, con đã thấy.

Phật bảo:

– Như Đại Mục-kiền-liên trong một ngày một đêm bay đi khắp bốn thiên hạ, có thể biết hết số vì sao đó. Nhưng số chúng Thanh văn ở cõi Phật A-di-đà còn nhiều gấp trăm ngàn ức lần số vì sao ở khắp bốn thiên hạ, không thể biết hết số Thanh văn đó được. Có một Thanh văn nhập Niết-bàn cũng giống như biển cả giảm đi một giọt nước, làm sao biết nước biển ấy ít đi được. Dầu số chúng Thanh văn nhập Niết-bàn có nhiều đi nữa thì cũng như biển cả giảm đi một khe nước và không biết nước ít được. Tuy vô số chúng Thanh văn nhập Niết-bàn nhưng hiện tại ở cõi ấy người mới đắc quả Thanh văn cũng nhiều vô lượng vô biên. Giống như biển cả giảm một lượng nước nhiều như cát sông Hằng thì cũng không biết nước ấy ít đi. Giả sử các dòng nước trong thiên hạ đều nhập vào biển cả thì cũng không thể biết nước biển thêm nhiều. Vì sao? Vì biển cả là vua của các dòng nước trong thiên hạ, dung nạp nhiều vô cùng. Trong cõi Phật A-di-đà cũng như thế, giả sử chư Thiên, loài người, cho đến loài côn trùng nơi vô số cõi nước khắp mười phương đều sinh sang cõi Cực lạc thì cũng không thể biết cõi ấy số người tăng thêm. Vì sao? Vì cõi Cực lạc đứng đầu vô số cõi Phật khắp mười phương. Cõi ấy rộng nhất, lớn nhất, minh mông vô

lượng vô biên. Vì sao? Khi còn làm Bồ-tát, Phật đã có chí nguyện lớn, tinh tấn không biếng trễ, tích đức nhiều vô cùng, cho nên thành tựu như thế.

36. Hào quang nhỏ.

Đức Phật dạy:

– Hào quang trên đỉnh Phật A-di-đà cùng các Bồ-tát, Thanh văn cõi nước Cực lạc đều có lớn – nhỏ. Hào quang trên đỉnh các Thanh văn chiếu đến bảy trượng. Hào quang trên đỉnh các Bồ-tát chiếu đến ngàn vạn ức dặm. Có hai Bồ-tát được tôn là bậc nhất: Một vị tên Quán Thế Âm, một vị tên Đại Thế Chí. Hai vị ấy thường hầu bên cạnh Đức Phật để bàn luận công việc. Phật cùng hai Bồ-tát đối thoại, luận bàn những việc vị lai và hiện tại khắp thế giới trong mười phương. Phật muốn sai hai Bồ-tát đến cõi Phật phương khác cúng dường thì hai vị ấy dùng thần túc bay đi nhanh như Phật. Hai vị phân thân sinh vào thế giới này để giúp Phật tuyên dương, giáo hóa, nhưng hiện tại vẫn hiện hữu trong cõi kia. Hai Bồ-tát ấy có oai thần, trí tuệ tối thượng bậc nhất, hào quang trên đỉnh chiếu sáng ngàn thế giới Phật. Thiện nam, thiện nữ hay người dân nào ở thế gian gặp phải tai nạn cấp bách, khủng bố, hoặc gặp việc quan quyền mà nhất tâm hướng về Bồ-tát Quán Thế Âm, tất cả đều được giải thoát.

Hào quang trên đỉnh Phật A-di-đà cực lớn và cực sáng. Mặt trời, mặt trăng, ngôi sao trong thế

giới kia do ánh sáng của Phật sáng hơn nên không sáng được. Những hành tinh đó ở trong hư không cũng không vận chuyển cho nên không có một ngày, hai ngày, một tháng, hai tháng, không có số năm, không có số kiếp, dùng thời gian này để tính toán.

Hào quang Phật A-di-đà chiếu sáng trải qua vô số kiếp từ quá khứ đến vị lai không thể suy lường được và ánh sáng ấy tỏa ra rạng ngời, tuyệt diệu không bao giờ có hiện tượng lu mờ. Thế giới Cực lạc cũng thế, không hề có sự hủy hoại.

37. Ân đức vô cùng.

Đức Phật dạy:

– Phật A-di-đà giáo hóa ở thế gian là muốn độ thoát chư Thiên, loài người, cho đến loài côn trùng trong vô số cõi nước khắp mười phương đều được sinh sang cõi nước Cực lạc và làm cho họ đắc đạo Niết-bàn. Khoảng thời gian họ sắp thành Phật, làm cho họ tu hạnh Bồ-tát cho đến thành Phật. Thành Phật rồi, dần dần giáo hóa độ thoát chư Thiên, loài người cho đến loài côn trùng trong vô số thế giới khắp mười phương được sinh sang cõi Cực lạc nhiều không thể tính hết. Người làm Bồ-tát đến thành Phật cũng không thể tính hết. Ân đức của Phật đối với mười phương thế giới thật là bao la vô cùng vô tận, không thể nghĩ bàn.

38. Tuổi thọ của Phật.

Đức Phật dạy:

– Người muốn biết tuổi thọ vô cực của Phật A-di-đà không?

Bồ-tát A-dật thưa:

– Con thành thật muốn biết.

Đức Phật bảo:

– Hãy lắng nghe! Tất cả chư Thiên, loài người, cho đến loài cầm thú, côn trùng trong vô số thế giới ở mười phương đều được làm người, làm Duyên giác, Thanh văn, cùng nhất tâm tọa thiền, hợp chung tất cả trí tuệ của họ làm một trí tuệ để tính số tuổi thọ của Phật A-di-đà là bao nhiêu ngàn ức vạn kiếp, nhưng không ai có thể biết được. Tuổi thọ của Bồ-tát, Thanh văn, chư Thiên, loài người ở cõi Cực lạc cũng như vậy. Và làm cho chư Thiên, loài người, cho đến loài côn trùng trong ngàn thế giới khắp mười phương đều được làm người, làm Duyên giác, Thanh văn, cùng nhất tâm tọa thiền, hợp chung trí tuệ của họ thành một trí tuệ để tính số Bồ-tát, Thanh văn có bao nhiêu ngàn ức vạn người trong cõi Cực lạc cũng không ai có thể tính biết hết được. Tuổi thọ của Phật A-di-đà là vô cùng vô cực, ai có thể tin hiểu được? Chỉ có Phật mới biết rõ mà thôi.

39. Lần lượt thăm Phật.

Bồ-tát A-dật-đa bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Công đức tuổi thọ, oai thần và ánh sáng của Phật A-di-đà như thế sao?

Đức Phật bảo:

– Đến khi Phật A-di-đà nhập Niết-bàn thì Bồ-tát Quán Thế Âm mới thành Phật, nắm quyền giáo hóa độ thoát cho chư Thiên, loài người, cho đến loài côn trùng khắp mười phương thế giới, làm cho họ đều đắc đạo Niết-bàn. Những ai muốn thành Phật thì tiến đến thành Phật. Đã thành Phật rồi, dần dần giáo hóa và dần dần độ thoát giống như Phật A-di-đà, không cùng không tận, và ân đức của Phật không gì sánh được cũng như vậy. Phật này trụ thế vô số kiếp, không thể tính hết kiếp ấy được. Tất cả đều theo đúng pháp Phật A-di-đà rồi mới nhập Niết-bàn. Tiếp đến, Bồ-tát Đại Thế Chí thành Phật, nắm quyền giáo hóa để giáo hóa độ thoát cho tất cả như Phật A-di-đà. Trải qua số kiếp vĩnh viễn không có thời gian nhập Niết-bàn.

40. Trí Phật vô cực.

Tôn giả A-nan rời chỗ ngồi, đến quỳ gối chấp tay bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Thế giới phương khác đều có núi Tu-di, tại sao trong cõi Phật A-di-đà không có núi này?

Đức Phật dạy:

– Ông có tâm nghi ngờ Phật chăng? Mười phương thế giới vô cùng vô cực, không thể nghĩ

bàn, trí Phật cũng như thế. Như nước trong các biển lớn, muốn bảo một người dùng đến mức cho hết nước trong các biển lớn đó thì khi nào hết. Trí của ông cũng như thế.

Thời quá khứ xa xưa ức vạn ức kiếp, có ức vạn ức Phật. Mỗi Phật có danh hiệu riêng, không có ai cùng danh hiệu Thích Ca Văn như Ta. Và đều trải qua thời gian ức vạn ức kiếp, có Phật cùng danh hiệu như Ta. Như thế nhiều kiếp không hết, Phật cùng danh hiệu như Ta nhiều như sô cát sông Hằng, mỗi hạt cát là một Đức Phật. Đây thuộc về quá khứ. Ta thấy biết tất cả.

Nay hiện tại chính ở phương Nam, Ta thấy ức vạn ức thế giới ở phương Nam, trong đó có Phật có danh hiệu giống Ta là Thích Ca Văn. Trải qua ức vạn ức thế giới, có Phật cùng danh hiệu như Ta. Như vậy, trải qua thế giới không cùng, có Phật cùng danh hiệu như Ta nhiều như sô cát sông Hằng, mỗi hạt cát là một Đức Phật. Phương Đông, phương Tây, phương Bắc, bốn góc, trên dưới cũng như vậy. Đây thuộc về hiện tại. Ta thấy biết tất cả.

Ức vạn ức kiếp trong vị lai có ức vạn ức Phật, mỗi Đức Phật có danh hiệu riêng không ai có danh hiệu giống Ta là Thích Ca Văn. Trải qua thời gian ức vạn ức kiếp, có Phật cùng danh hiệu như Ta. Như vậy, nhiều kiếp không cùng, có Phật cùng danh hiệu như Ta, nhiều như sô cát sông Hằng, mỗi hạt cát là một Đức Phật. Đây thuộc về vị lai. Ta

thấy biết tất cả. Đây là trí tuệ hiểu biết của Phật thông suốt đến mười phương thế giới, quá khứ, vị lai, hiện tại, vô cùng vô cực, không thể nghĩ bàn. Đâu có thể dùng trí để đo lường mà nhìn ngó, tính toán một cách sai lầm!

41. Độc nhất không có núi Tu-di.

Tôn giả A-nan nghe lời Phật dạy, vô cùng sợ hãi, lông tóc dựng ngược, bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Con không dám có ý nghi ngờ Phật. Vì sao? Vì trời Tứ Thiên vương và trời Đao-lợi nơi thế giới phương khác đều nương ở nơi núi Tu-di. Tuy nhiên cõi Cực lạc không có núi Tu-di. Vậy các trời ấy phải nương vào đâu để an trú! Con sợ sau khi Phật Niết-bàn, có người đến hỏi con, con không biết phải trả lời ra sao, thế nên con xin hỏi.

Đức Phật dạy:

– Diệm-ma thiên tầng trời thứ ba, lên đến Phạm thiên tầng trời thứ bảy, ở thế giới phương khác đều nương vào đâu để trụ?

– Bạch Thế Tôn! Đều tự nhiên ở trong hư không.

Phật dạy:

– Trong cõi Cực lạc không có núi Tu-di. Hai trời Tứ thiên vương và Đao-lợi cũng như vậy. Quả báo hành nghiệp của thiên nhân thật chẳng thể nghĩ bàn. Những vùng đất mà chúng sinh ở theo nghiệp của họ cũng chẳng thể nghĩ bàn, hướng chi oai thần

của Phật rất to lớn. Phàm những ai tạo nghiệp không bố thí thì không thể không có núi Tu-di, không phải nghi ngờ gì nữa.

42. Mười phương ca ngợi.

Đức Phật bảo A-nan:

– Phương Đông có hằng hà sa số thế giới, chư Phật biểu hiện tướng lưỡi rộng dài, phóng vô lượng hào quang và nói lời thành thật để ca ngợi công đức chẳng thể nghĩ bàn của Phật A-di-đà.

Phương Nam cũng có hằng hà sa số thế giới, chư Phật biểu hiện tướng lưỡi rộng dài, phóng vô lượng hào quang và nói lời thành thật để ca ngợi công đức chẳng thể nghĩ bàn của Phật A-di-đà.

Phương Tây, phương Bắc, bốn góc, trên, dưới cũng như vậy. Vì sao? Vì chư Phật muốn cho chư Thiên, vua, quan, dân chúng, tất cả mọi người đều nghe danh hiệu Phật A-di-đà và nhớ nghĩ, thọ trì, quy y, cúng dường, cầu sinh vào cõi Cực lạc. Những người này khi chết, chắc chắn được vãng sinh. Chúng sinh nào được nghe danh hiệu Phật A-di-đà, tín tâm hoan hỷ, cho đến nhất niệm chí thành hồi hướng nguyện sinh vào cõi Cực lạc, chắc chắn được vãng sinh. Chỉ trừ người phạm tội ngũ nghịch, phỉ báng chánh pháp.

43. Ba hạng người được vãng sinh.

Đức Phật dạy:

– Chư Thiên và loài người nơi mười phương thế giới có tâm muốn sinh vào cõi Phật A-di-đà được phân làm ba hạng:

1. Hạng người bậc thượng: Từ bỏ gia đình, đoạn trừ ái dục, làm Sa-môn, tâm không tham đắm, giữ gìn kinh giới, hành sáu Ba-la-mật, tu hạnh Bồ-tát, nhất tâm chuyên niệm Phật A-di-đà, tu các công đức. Người này ở trong mộng thấy Phật và các Bồ-tát, Thanh văn. Đến khi người ấy sắp qua đời, Phật cùng Thánh chúng đều đến nghênh tiếp. Người ấy tức thời hóa sinh trong ao sen bằng bảy báu, làm Bồ-tát Bất thoái chuyển, có trí tuệ oai lực, thần thông tự tại, ở nơi cung điện, nhà cửa bảy báu hoặc ở nơi hư không, gần gũi chỗ Phật. Đây là hạng người bậc thượng.

2. Hạng người bậc trung: Mặc dù không xuất gia làm Sa-môn nhưng tu nhiều công đức, thường tin nhận lời Phật, phát tâm sâu xa nơi tuệ giác vô thượng, nhất tâm chuyên niệm danh hiệu Phật A-di-đà, tùy cách tu thiện, giữ gìn trai giới, xây dựng tháp tượng, cúng dường thực phẩm cho Sa-môn, treo phướn, thắp đèn, rải hoa, xông hương. Sau đó đem công đức này hồi hướng nguyện sinh vào cõi Cực lạc. Đến lúc người này qua đời, Phật cũng hiện thân tướng tốt đẹp, hào quang tỏa sáng, cùng các đại chúng hiện ngay trước mặt. Người này theo đó vãng sinh, trụ vào địa vị Bất thoái chuyển. Nhờ trí tuệ, công đức này nên cũng dần dần được như hạng

người bậc thượng.

3. Hạng người bậc hạ: Không làm các công đức, không phát tâm tuệ giác vô thượng, nhưng nhất tâm chuyên niệm mỗi ngày mười tiếng danh hiệu Phật và nguyện sinh vào thế giới Cực lạc. Đến lúc sắp chết, người này mộng thấy Phật A-di-đà, liền được vãng sinh, ở nơi lầu đài bảy báu. Chỉ ở đất Phật nhưng cách Phật rất xa. Nhờ công đức, trí tuệ này nên dần dần cũng được vãng sinh như hạng người bậc trung.

44. Quyết tu mười thiện.

Đức Phật dạy:

– Người nào thực hành đạo Bồ-tát, được sinh vào cõi Phật A-di-đà, đắc quả vị Bất thoái chuyển, được thân sắc vàng, đầy đủ ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, dần dần nhập Phật vị. Muốn thành Phật ở thế giới phương nào đều được toại nguyện. Nếu không thể tinh tấn thiền định mà giữ trọn kinh giới, quyết tu mười nghiệp thiện thì cũng được vãng sinh.

Mười nghiệp thiện ấy chính là không giết hại mạng sống, không trộm cắp, không tà dâm, không dối trá, không uống rượu, không nói lưỡi đôi chiều, không nói lời hung ác, không nói lời lường gạt, không ganh ghét, không tham dục. Hơn nữa cũng không nên bòn xén, không nên tham hận, không nên có tà kiến. Ngược lại phải ân cần hiếu thuận,

cần trọng, thành tín, tin thọ lời Phật, phải tin một cách sâu xa rằng làm thiện được phước. Ngoài việc phụng trì pháp thiện như vậy, cần phải ngày đêm tưởng niệm Phật A-di-đà và các công đức trang nghiêm của cõi Cực lạc, chí tâm quy y đánh lễ, cúng dường. Người này đến lúc chết, tâm không điên đảo, liền được vãng sinh, được nghe vô lượng vô số chư Phật ngợi khen công đức của Phật A-di-đà, vĩnh viễn không thoái lui nơi tuệ giác vô thượng.

45. Có ba hạng người được vãng sinh.

Đức Phật dạy:

– Nếu người giữ trai giới thanh tịnh, nhất tâm thường niệm Phật A-di-đà, cầu sinh sang cõi Cực lạc mười ngày đêm không ngưng nghỉ, thì sau khi chết, tất nhiên được vãng sinh.

Nếu người bất luận khi nào luôn dứt bỏ lo nghĩ, rũ bỏ ưu phiền, không vướng việc nhà, không gần phụ nữ, nghiêm thân chánh niệm, đoạn trừ ái dục, trai giới thanh tịnh, chí tâm nhớ nghĩ Phật A-di-đà, trì tụng danh hiệu Phật và muốn sinh sang thế giới Cực lạc, dù chỉ một ngày đêm không gián đoạn, thì sau khi chết cũng được vãng sinh.

Nếu thiện nam, thiện nữ nào phát tâm Bồ-đề, giữ các giới cấm vững chắc không phạm, tạo lợi ích cho chúng sinh, tạo các thiện duyên bố thí tất cả, làm cho an lạc, nhớ nghĩ Phật A-di-đà và cảnh

giới Cực lạc, thì sau khi chết được vãng sinh, có nhiều sắc tướng trang nghiêm như Phật, Hiền Thánh vây quanh, chóng nghe pháp mầu vô thượng.

46. Một đời thành Phật.

Đức Phật dạy:

– Những người được vãng sinh đều có đủ ba mươi hai tướng tốt, cứu cánh thâm nhập yếu nghĩa giáo pháp vi diệu, các căn thông lợi. Người có căn tánh chậm lụt thì thành tựu hai nhân. Người có căn tánh lanh lẹ thì đắc pháp nhân Vô sinh chẳng thể tính kể, một đời đều thành Phật. Vì sao? Vì trong cõi Phật A-di-đà đều an trú nơi nhóm chánh định, không có các nhóm tà và nhóm bất định, cũng như không có ba lỗi lầm, tức là không hư vọng, an trú nơi quả vị bất thoái chuyển và không đánh mất nghiệp thiện.

Người sinh ở cõi Cực lạc chỉ có tiến chứ không thoái lui, thẳng đến thành Phật, chỉ trừ nguyện cũ muốn độ chúng sinh. Họ tự trang nghiêm bằng công đức thệ nguyện đi vào cảnh giới sinh tử ở phương khác, rống lên tiếng rống sư tử, thuyết pháp độ sinh. Khi ấy, Phật A-di-đà dùng thần lực làm cho người đó giáo hóa tất cả chúng sinh, phát tâm thành tín cho đến khi thành Phật. Trong thời gian đó không bị sinh vào cõi ác, thần thông tự tại, thường biết đời trước. Tuy sinh trong cuộc đời năm

ác vẫn đực, hình dáng cũng như mọi người ở đó, nhưng người này cảm thấy thanh tịnh, an vui, không khác chi ở Cực lạc.

47. Đại hội nơi ao báu.

Đức Phật dạy:

– Chư Thiên, loài người, Tỳ-kheo Tăng, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, vô số thế giới khắp mười phương, sinh sang cõi Phật A-di-đà, tập trung đông đảo trong ao bảy báu, người người đều ngồi trên một hoa sen lớn, tự trình bày sự giữ giới, pháp thiện của mình đã làm ở đời trước, gốc ngọn từ đâu sinh đến, pháp đã ưa thích và đắc pháp cạn sâu cùng trí tuệ nhiều hay ít. Họ nói theo trình tự từ cao đến thấp. Người nào nếu không vui vẻ làm những điều thiện, không hiểu rõ lý kinh thì trong lúc ứng đối này tự nhiên trong tâm cảm thấy bức xúc, xấu hổ hối hận, nhưng có hối hận cũng không kịp. Trong lòng cảm thấy bức dọc, không vui vẻ như người khác.

48. Sự khổ cực của người đời.

Đức Phật dạy:

– Người đời phải sống trong khổ cực và vô cùng xấu ác. Thân nhọc nhằn làm lụng kinh doanh để cung cấp cho chính họ. Không kể là giàu nghèo, sang hèn, không tính lớn nhỏ, nam nữ đều lo của cải nên chồng chất ưu tư. Do vậy, tâm họ mãi bồn ba giông ruồi, chẳng lúc nào được yên nghỉ. Người

có ruộng thì lo ruộng, có nhà thì lo nhà, có trâu ngựa, gia súc, nô tỳ, y phục, thực phẩm, vật dụng cũng đều âu lo như vậy. Người giàu sang tôn quý đã bị hoạn nạn này ràng buộc nơi tâm, làm sao có thể an vui? Người bần cùng, thấp hèn, khốn khổ, thiếu thốn, không có ruộng cũng lo nghĩ muốn có ruộng, không có nhà cũng lo nghĩ muốn có nhà, không có trâu ngựa, gia súc, nô tỳ, y phục, thực phẩm, vật dụng, không có vật gì mà không ưa thích. Họ muốn có tất cả, nhưng có một vật lại thấy thiếu một vật, vừa có vật này lại thấy thiếu vật kia, khiến cho khổ nhọc đeo bám mãi không khi nào chấm dứt. Cũng vì thế nên họ không thông đạt ý đạo, bị chìm đắm nơi giận dữ, tham hận của cải, sắc đẹp, bị trói vào đó nên không đắc đạo, buộc phải vào nẻo khổ sở, xấu ác và luân chuyển trong chôn ấy, trải qua ngàn ức kiếp không hẹn ngày ra. Nỗi thống khổ này làm sao nói hết! Thật đáng thương thay!

Hôm nay Ta nói cho các người những việc của thế gian để các người biết chọn việc thiện và nỗ lực thực hành. Ái dục vinh hoa không thể tồn tại mãi, chúng sẽ rời xa, không có gì vui cả! Do đó nhân khi Phật còn tại thế các người hãy nỗ lực tinh tấn, nguyện sinh sang thế giới Cực lạc.

49. Chiêu sáng năm đường.

Đức Phật dạy:

– Ta khổ tâm nhọc lời đê làm cho chúng sinh được giải thoát. Tuy nhiên thật vô ích cho người nào không tin hiểu, đến phút lâm chung mới hối hận thì làm sao kịp nữa! Khi ấy giữa trời đất bao la có năm đường ác mở ra thênh thang, mờ mịt thăm sâu diệu vợi. Người kia theo nghiệp báo mà thọ sinh vào bể khổ sinh tử không có kỳ hạn thoát ra và phải tự mình gánh vác lấy hạnh nghiệp đã gây tạo chứ không ai thay thế được. Nguyên lý nhân quả vốn rõ ràng như thế không ai có thể cải đổi hay điều khiển.

Người thiện làm việc tốt, từ an vui đi vào cõi vui, từ sáng đi vào cõi sáng. Người ác làm việc xấu, từ khổ đi vào cõi khổ, từ tối đi vào bóng tối.

Người đời mê muội nơi đường ác này không dứt, nên tự nhiên trôi dạt vào chốn địa ngục, quỷ đói, loài cầm thú, côn trùng nhỏ nhít, rồi luân chuyển trong kiếp kiếp đời đời không biết lúc nào ra khỏi. Đây là tai họa lớn, thống khổ không thể nói. Chỉ tu tịnh độ mới vượt hẳn chốn ấy mà thôi.

50. Tuổi thọ tùy ý.

Bồ-tát Di-lặc bạch Phật:

– Hôm nay chúng con rất vui mừng được nghe những lời Phật dạy. Chư Thiên, loài người cho đến loài côn trùng nhỏ nhít đều nhờ ân đức từ bi của Thế Tôn truyền trao pháp giải thoát. Lời dạy của Phật chân thật, toàn thiện, sâu xa.

Đức Phật dạy:

– Từ vô số kiếp đến nay ông đã tu hạnh Bồ-tát, muốn cứu độ chư Thiên, loài người cho đến loài cầm thú, côn trùng nhỏ nhít. Từ vô số kiếp ông đã thành tựu đạo quả và chứng đắc Niết-bàn. Ông và chư Thiên, vua quan, dân chúng, Tỳ-kheo Tăng, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di khắp mười phương thế giới từ vô số kiếp đến nay bị lưu chuyển trong năm đường với bao khổ đau, lo sợ, không thể nói hết, mãi đến ngày nay vẫn chưa dứt khỏi con đường sinh tử mà được gặp Phật, được nghe chánh pháp, được nghe nói về Đức Phật A-di-đà, thì thật vui sướng, tốt đẹp thay! Ta giúp cho ông được an lạc. Ông đã nhàm chán nỗi thống khổ của sinh, già, bệnh, chết, xấu xa bất tịnh, chẳng có hạnh phúc an vui. Hãy tự quyết đoán, giữ thân ngay thẳng và hành động chân chánh, làm nhiều nghiệp thiện, tu sửa thân tâm thanh khiết, tẩy trừ bụi bặm trong tâm, lời nói và hành động trung tín, trong ngoài tương ưng. Ông có thể độ mình, dần dần mới cứu giúp người khác, nhất tâm sáng suốt cầu nguyện, tích lũy cội lành. Tuy rằng tất cả khổ nhọc cũng chỉ trong thoáng chốc, sau đó được sinh vào cõi Phật A-di-đà cực kỳ an vui, trưởng thành cùng đức hạnh, vĩnh viễn nhổ sạch gốc rễ sinh tử, không còn mỗi họa khổ não tham dục, sân hận, ngu si. Muốn tuổi thọ là một kiếp, trăm kiếp, ngàn kiếp, vạn ức kiếp, vô số kiếp, không thể dùng toán mà

tính hết số kiếp, tùy ý muốn bao nhiêu đều được toại nguyện. Nếu muốn y phục thì được y phục, muốn thực phẩm thì được thực phẩm, hoàn toàn như ý của người muốn. Trải qua một thời gian đạt đạo Niết-bàn, các người hãy nên tinh tấn, chớ có nghi ngờ, không được nửa chừng hối tiếc rồi tạo lỗi lầm, đến nỗi phải sinh vào chốn biên địa của cõi Phật A-di-đà. Tuy trong thành bảy báu nhưng trải qua năm trăm năm chịu lầm lỗi khôn cùng.

51. Tám cách kiểm thúc thân tâm ngay thẳng.

Đức Phật dạy:

– Các người hãy nỗ lực giữ gìn thân tâm đoan nghiêm, mắt, tai, mũi, miệng, tay, chân ngay thẳng, không nên ham muốn tùy tiện mà hãy làm thêm những nghiệp thiện. Hãy thường ban ân thí đức, không phạm giới cấm, tu hạnh nhẫn nhục, tinh tấn, nhất tâm, trí tuệ, rồi lần lượt cùng nhau giáo hóa, khiến cho mọi người làm đức lập thiện, tâm từ chánh ý, trai giới thanh tịnh. Như vậy trong một ngày đêm, công đức ấy thù thắng hơn một trăm năm làm thiện ở cõi Phật A-di-đà. Vì sao? Vì nơi cõi Cực lạc mọi vật tự có, không cần phải kinh doanh, làm lụng. Mọi người ở đó đều làm thiện, không làm ác dù chỉ bằng sợi lông tóc. Ở cõi này tu thiện mười ngày, hơn cả cõi nước mười phương khác làm thiện một ngàn năm. Vì sao? Vì cõi nước

phương khác đều làm thiện, không tạo nghiệp ác, thế nên phước đức ở cõi đó cũng là điều tự nhiên. Hoặc có thế giới nhiều người làm thiện, ít người làm ác và có vật dụng tự nhiên, không cần phải làm lụng. Ngược lại trong thế giới này người làm ác rất nhiều và người làm thiện rất ít, vật dụng không tự có, nên họ không tự nuôi sống, dần dần lừa dối qua lại, làm nhọc tâm khổ hình, đời sống vội vã, bon chen chưa từng được yên nghỉ. Ta vì thương xót người đời nên thiết tha chỉ dạy làm cho họ vượt sang bờ bên kia, vĩnh viễn thoát ra nẻo khổ.

52. Đại chúng được thấy tướng Phật.

Đức Phật bảo A-nan:

– Ông hãy đứng dậy sửa y phục, chấp tay cung kính, quay về hướng Tây đánh lễ Phật A-di-đà.

Tôn giả A-nan vâng lời Phật dạy, đánh lễ và bạch Phật:

– Xin cho con được thấy Phật A-di-đà và thế giới Cực lạc cùng đại chúng Bồ-tát và Thanh văn.

Tôn giả vừa nói dứt lời thì Phật A-di-đà liền phóng ra hào quang lớn, chiếu khắp tất cả thế giới, làm phủ mờ tất cả các hành tinh khác, chỉ thấy hào quang Phật, ví như nước lụt ngập tràn thế giới. Bây giờ, Tôn giả A-nan thấy Phật A-di-đà dung mạo uy nghi cao vời như ngọn núi vàng, cao vượt trên tất cả các thế giới, tướng tốt chói sáng rạng ngời mọi nơi. Bốn chúng trong chúng hội đều được trông

thấy Đức Phật A-di-đà.

Đức Phật dạy:

– Ta nói về Phật A-di-đà và các Bồ-tát, Thanh văn cùng bảy báu trong cõi Cực lạc có khác với những gì ông trông thấy chăng?

Tôn giả A-nan thưa:

– Những gì con thấy hôm nay cùng với những điều Phật dạy không khác một chút nào.

Bấy giờ, chư Thiên, loài người, cho đến loài côn trùng nhỏ nhít đều trông thấy hào quang Phật A-di-đà. Tất cả đều sinh tâm từ hoan hỷ. Các cõi địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, có kẻ đang bị tra khảo thống khổ liền được thoát khỏi, những người mù được sáng mắt, người điếc liền được nghe, người câm có thể nói, người gù đều được thẳng, người què quặt có thể rảo bước bình thường, người bệnh liền được khỏi, người cuồng điên đều thông tuệ, người dâm dục đều tu phạm hạnh, kẻ sân hận trở nên từ hòa, làm việc thiện, người bị ngộ độc thì chất độc không hành hạ nữa, chuông, trống, đàn sắt, đàn cầm, ống sáo, ống tiêu v.v... các nhạc khí không đánh mà tự tạo thành năm âm thanh, chuỗi ngọc của phụ nữ cũng tự phát ra tiếng vang, chim muôn, cầm thú đều tự kêu vui. Ngay trong lúc này không ai mà không hân hoan vui mừng và đều được hóa độ.

53. Nghi từ bào thai sinh ra.

Đức Phật bảo Bô-tát Di-lặc:

– Ông thấy ở cõi Cực lạc có ai do bào thai sinh ra không?

Bô-tát Di-lặc thưa:

– Dạ thầy. Người sinh bằng thai ở nơi cung điện, hoặc trăm do-tuần, năm trăm do-tuần. Họ ở trong những nơi đó hưởng thụ sung sướng – như người cõi trời Đao-lợi. Do nguyên nhân nào mà ở cõi Cực lạc có người từ bào thai sinh ra?

Đức Phật bảo:

– Nếu có chúng sinh tu các công đức, nguyện sinh sang cõi Cực lạc, sau đó lại sinh tâm hối hận và nghi ngờ, không tin có cõi nước Phật A-di-đà, không tin có người vãng sinh, cũng không tin bố thí, làm thiện đời sau được phước. Người này thường có tâm niệm, lúc tin lúc không tin, ý chí do dự, không giữ vững lập trường. Do vậy, đến lúc chết người này được Phật hóa thân làm cho trông thấy Ngài nhưng miệng không thể nói được, chỉ có tâm cảm thấy vui mừng bèn hối hận vì không cố gắng làm nhiều điều thiện. Vì biết hối lỗi nên tội giảm nhẹ đi và được sinh sang cõi Cực lạc, nhưng không thể đến trước chỗ Phật, chỉ vào vùng đất bên cạnh thấy thành bảy báu, vội vào ngay trong thành ấy, sinh trong hoa sen, thọ thân cao lớn tự nhiên, ăn uống cũng tự nhiên, sung sướng như người ở

cõi trời Đao-lợi. Ở trong thành trải qua năm trăm năm không được thấy Phật, không nghe kinh pháp, không thấy Bồ-tát, Thanh văn và Thánh chúng, không được cúng dường Phật và tu tập công đức Bồ-tát. Bị khổ như vậy để nêu lên hình phạt nhỏ của họ. Vì thế ở cõi đó gọi là sinh bằng thai.

Nên biết rằng người nào sinh lòng nghi ngờ sẽ mất nhiều lợi ích. Nếu có chúng sinh tin nhận kinh pháp, làm các công đức, giữ gìn trai giới, chí tâm hồi hướng, sau khi chết liền hóa sinh trong hoa sen nơi ao bảy báu, ngồi kiết già trong thoáng chốc thấy thân tướng chói sáng, trí tuệ oai thần như các Bồ-tát thì đâu có thể gọi là sinh bằng thai được. Các Đại Bồ-tát ở phương khác phát tâm muốn thấy Phật A-di-đà và các Bồ-tát, Thanh văn để tôn kính cúng dường, lúc qua đời, họ sẽ hóa sinh trong hoa sen bảy báu nơi thế giới Cực lạc, tức thời tự thấy Phật thì đâu có thể gọi là sinh bằng thai được?

54. Bồ-tát vãng sinh.

Bồ-tát Di-lặc bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Ở thế giới này có bao nhiêu Bồ-tát Bất thoái chuyển được vãng sinh sang cõi Phật A-di-đà?

Đức Phật bảo:

– Thế giới này có bảy trăm hai mươi ức Bồ-tát Bất thoái chuyển được vãng sinh vào cõi Cực lạc. Mỗi một Bồ-tát đã từng cúng dường vô số Phật –

như BỒ-tát Di-lặc đây – đều sẽ làm Phật. Còn các BỒ-tát nhỏ, công đức tu tập ít, nhiều không thể tính hết, đều sẽ vãng sinh. Không những các BỒ-tát ở cõi Ta được vãng sinh vào cõi Cực lạc, mà các BỒ-tát ở cõi Phật khác cũng được như vậy.

Cõi Phật thứ nhất tên Quang Viễn Chiếu, có tám mươi ức BỒ-tát sẽ được vãng sinh.

Cõi Phật thứ hai tên Bảo Tạng, có chín mươi ức BỒ-tát sẽ được vãng sinh.

Cõi Phật thứ ba tên Vô Lượng Âm, có hai trăm hai mươi ức BỒ-tát sẽ được vãng sinh.

Cõi Phật thứ tư tên Vô Cực Quang Minh, có hai trăm năm mươi ức BỒ-tát sẽ được vãng sinh.

Cõi Phật thứ năm tên Long Thắng, có sáu trăm ức BỒ-tát sẽ được vãng sinh.

Cõi Phật thứ sáu tên Dũng Quang, có một vạn bốn ngàn ức BỒ-tát sẽ được vãng sinh.

Cõi Phật thứ bảy tên Cụ Túc Giao Lạc, có bốn mươi ức BỒ-tát sẽ được vãng sinh.

Cõi Phật thứ tám tên Ly Cấu Quang, có tám mươi ức BỒ-tát sẽ được vãng sinh.

Cõi Phật thứ chín tên Đức Thủ, có tám trăm mười một ức BỒ-tát sẽ được vãng sinh.

Cõi Phật thứ mười tên Diệu Đức Sơn, có vạn ức BỒ-tát sẽ được vãng sinh.

Cõi Phật thứ mười một tên Tuệ Biện, có mười ức BỒ-tát sẽ được vãng sinh.

Cõi Phật thứ mười hai tên Vô Thượng Hoa, có vô số Bồ-tát không thể tính hết, họ đều ở địa vị Bất thoái chuyển, trí tuệ dũng mãnh, đã từng cúng dường vô lượng chư Phật. Trong bảy ngày có thể tiếp nhận pháp kiên cố mà Đại sĩ đã tu trong trăm ngàn ức kiếp. Những Bồ-tát này sẽ được vãng sinh.

Cõi Phật thứ mười ba tên Nhạo Đại Diệu Âm, có bảy trăm chín mươi ức Bồ-tát lớn, Bồ-tát nhỏ và chúng Tỳ-kheo nhiều không thể tính đếm hết, đều được vãng sinh.

Không riêng trong mười bốn cõi này các chúng Bồ-tát mới được vãng sinh mà mười phương vô lượng cõi Phật khác cũng có người vãng sinh nhiều vô số không thể tính hết. Ta nói vô số danh hiệu Phật khắp mười phương suốt cả ngày đêm trong một kiếp vẫn chưa hết, huống chi số Bồ-tát sẽ được vãng sinh. Nay Ta vì các người chỉ nói tóm tắt như thế mà thôi.

55. Nhân duyên nghe pháp.

Đức Phật dạy:

– Những người ở thế gian nhờ đời trước làm thiện, nay mới được nghe nói về công đức và danh hiệu của Phật A-di-đà. Có người sinh tâm từ an lạc, ý chí thanh tịnh, hoặc sờn tóc gáy mà rơi lệ v.v... đều do đời trước từng làm Phật đạo, hoặc ở cõi nước phương khác đã từng làm Bồ-tát, chứ chẳng phải người phàm. Người không có lòng tin, cũng

chẳng tin lời Phật dạy, chính là kẻ mới từ nơi đường ác đến nên tai ương chưa dứt, ngu si không hiểu nên chưa thể giải thoát ngay. Có nhiều Bồ-tát muốn nghe kinh này mà không được nghe. Người nào được nghe thì đối với đạo vô thượng vĩnh viễn không thoái lui. Thế nên phải tin thọ, đọc tụng như lời Phật dạy mà tu hành. Nay Ta giảng nói kinh điển này cho các người, làm cho tất cả được thấy Phật A-di-đà và cõi nước của Ngài. Tất cả những gì phải làm, cố gắng làm cho trọn vẹn. Đời vị lai sợ rằng kinh đạo sẽ diệt mất. Ta vì lòng thương xót, đặc biệt lưu truyền kinh này một trăm năm. Chúng sinh nào được gặp đều được cứu độ. Nếu có chúng sinh nào đối với kinh điển này mà ghi chép cúng dường, thọ trì, đọc tụng, giảng nói cho mọi người, cho đến đêm ngày tư duy về cõi Phật và công đức thân Phật, thì người này đến lúc qua đời, Phật cùng Thánh chúng hiện ngay trước mặt, chỉ trong phút chốc liền sinh sang cõi Cực lạc.

56. Chánh pháp khó được nghe.

Đức Phật dạy:

– Khó thay gặp Phật ra đời! Khó thay được nghe chánh pháp! Lời Như Lai dạy cần phải thuận theo. Đối với kinh điển này các người hãy nên bảo hộ, duy trì, vì lợi ích lâu dài cho các chúng sinh, vượt sang cõi tịnh, vĩnh viễn xa lìa năm đường ác.

Bây giờ, Đức Thế Tôn nói kệ:

Nếu xưa không nhờ tu phước tuê
 Ngày nay chánh pháp khó được nghe
 Đã từng thừa sự chư Như Lai
 Nên có nhân duyên nghe diệu nghĩa
 Nghe xong thọ trì và ghi chép
 Đọc tụng, ngợi khen, giảng cúng dường
 Nhất tâm cầu nguyện được vãng sinh
 Nhất định trở về cõi Cực lạc
 Thượng phẩm thượng sinh sao phải nghi
 Nhờ sức tinh tu bao thuở trước
 Cõi Phật an vui chẳng bến bờ
 Chỉ Phật cùng Phật mới biết được
 Thanh văn, Duyên giác khắp thế gian
 Đem hết thần trí không lường được
 Giả sử chúng sinh thọ dài lâu
 Mạng sống vô số hằng ức kiếp
 Ngợi khen thân công đức Như Lai
 Cứu cánh trí cạn vẫn không cùng
 Đại Thánh Pháp Vương tuyên diệu pháp
 Cứu độ muôn loài thoát trầm luân
 Nếu ai thọ trì cùng giảng nói
 Chính là bạn hiền của giác ngộ.

Khi Phật giảng dạy kinh này xong, Bồ-tát Di-lặc, Tôn giả A-nan, các Bồ-tát, Thanh văn và đại chúng từ mười phương đến đều hân hoan vui mừng, tin thọ phụng hành.



SỐ 365

KINH QUÁN VÔ LƯỢNG THỌ PHẬT

*Hán dịch: Đời Tống, Tam tạng Cương Lương Gia Xá,
người nước Tây Vực.*

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại núi Kỳ-xà-quật thuộc thành Vương-xá, cùng với một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-kheo và ba vạn hai ngàn Bồ-tát, vị đứng đầu là Pháp vương tử Văn-thù-sư-lợi. Bấy giờ, trong thành lớn Vương-xá có một thái tử tên A-xà-thế, theo lời xúi giục của người bạn xấu ác Điều-đạt liền bắt vua cha là Tần-bà-sa-la giam vào trong ngục tối bảy lớp, ngăn cấm không cho các quan thần ra vào. Hoàng hậu là Vi-đề-hy cung kính, tôn trọng vua, nên tắm rửa sạch sẽ, lấy sữa, mật, bột gạo xoa quanh thân, các chuỗi anh lạc dính đầy nước nho sữa, mật đi đến thăm vua. Khi ấy, vua ăn bột, uống nước nho, tìm nước súc miệng xong, liền chấp tay cung kính hướng về núi Kỳ-xà-quật, đánh lễ Đức Phật mà nói: “Mong sao Đại Mục-kiền-liên là bạn thân của con hãy phát lòng từ bi truyền trao tám giới cho con”. Khi ấy Mục-kiền-liên như chim ưng bay nhanh đến chỗ vua, mỗi

ngày như vậy đều truyền tám giới cho vua. Đức Thế Tôn dạy Tôn giả Phú-lâu-na thuyết pháp cho vua. Trải qua thời gian hai mươi một ngày như vậy, vua vừa được nghe pháp, vừa ăn bột, mật, nên dung mạo vẫn tươi tỉnh. Lúc đó, A-xà-thế hỏi người giữ cửa ngục:

– Vua cha của ta hôm nay vẫn còn sống chẳng?
Người giữ cửa trả lời:

– Tâu đại vương (thái tử)! Hoàng hậu đã thoa những thứ bột, mật quanh người và chuỗi anh lạc làm dính đầy nước nho, sữa mang đến cho đại vương dùng. Hơn nữa, Sa-môn Mục-kiền-liên và Phú-lâu-na thường ngày từ trên hư không đến để thuyết pháp cho vua, không thể nào ngăn cấm được. A-xà-thế nghe nói như thế liền nổi giận với mẹ mình, than: “Mẹ của ta là giặc, cùng với giặc làm bạn, Sa-môn là người xấu ác dùng chú thuật huyền hóa, mê hoặc, khiến người cha ác này sống lâu không chết”, và ông bèn cầm kiếm bén muốn giết mẹ mình. Lúc đó, có vị quan tên là Minh Quang, thông minh nhiều trí tuệ và cùng với Kỳ-bà đánh lễ vua, tâu:

– Muôn tâu đại vương! Thần nghe: Kinh luận Tỳ-đà (Kinh sách của Bà-la-môn) nói: Từ xưa đến nay, có các vua ác muốn nắm giữ địa vị trong nước đã giết cha của mình đến một vạn tám ngàn người, nhưng thật chưa từng nghe thấy có người vô đạo

giết hại mẹ. Hôm nay, vua vì những việc giết hại trái nghịch này, làm ô nhiễm dòng Sát-lợi. chúng thần không muốn nghe việc của hạng Chiên-đà-la ấy, nên không muốn ở lại đây. Nói xong, hai vị đại thần trao kiếm lại mà ra đi.

Khi ấy, A-xà-thế hoảng hốt lo sợ, bảo với Kỳ-bà:

– Ông không phải vì ta chǎng?

Kỳ-bà thưa:

– Tâu đại vương! Cần thận chớ giết hại mẹ. Vua nghe lời nói này liền mong cầu sám hối, lập tức bỏ kiếm xuống không giết hại mẹ nữa, nhưng truyền lệnh bảo các quan trong cung bắt mẹ giam vào nơi thâm cung không cho ra ngoài. Bảy giờ, hoàng hậu Vi-đề-hy bị giam vào nơi tối tăm nên lo buồn, sầu muộn, tiêu tụy. Hoàng hậu hướng về núi Kỳ-xà-quật, đánh lễ Đức Phật, rồi nói: “Trước đây, Như Lai Thế Tôn thường bảo A-nan đến thăm hỏi con. Hôm nay, con đang sầu khổ mà không có cách gì để gặp được Thế Tôn, cầu mong Ngài truyền dạy Tôn giả Mục-kiền-liên và A-nan cùng đến thăm con”. Nói xong, hoàng hậu liền khóc nức nở, nước mắt đầm đìa, từ xa hướng về Phật đánh lễ. Trong khoảnh khắc chưa cất đầu lên, lúc ấy, Đức Thế Tôn ở núi Kỳ-xà-quật biết tâm niệm của Vi-đề-hy liền bảo Đại Mục-kiền-liên cùng với A-nan từ hư không hiện đến. Đức Phật cũng biến khỏi núi Kỳ-

xà-quật, xuất hiện trong cung vua. Khi ấy, hoàng hậu Vi-đề-hy đánh lễ rồi, ngẩng đầu lên thấy Đức Phật Thích Ca Mâu Ni Thế Tôn với thân màu vàng tía, ngòai hoa sen trăm báu, Tôn giả Mục-kiền-liên đứng hầu bên trái và A-nan bên phải, trời Đế thích, Phạm vương, các Hộ thế Thiên vương ở trong hư không tuôn mưa hoa trời cúng dường. Hoàng hậu Vi-đề-hy thấy Đức Phật Thế Tôn, tự cởi bỏ chuỗi anh lạc, toàn thân gieo xuống đất đánh lễ Phật, khóc lóc hướng về Đức Phật thưa:

– Bạch Thế Tôn! Đời trước con đã gây tội gì mà nay sinh ra đũa con hung ác này. Bạch Thế Tôn! Do nhân duyên gì mà con của con lại cùng Đề-bà-đạt-đa làm người thân thuộc? Cúi mong Thế Tôn vì con giảng nói rõ để con không còn sầu muộn lo buồn, con sẽ nguyện vãng sinh chứ không thích ở cõi Diêm-phù-đề đầy hung ác nhiễm ô nữa. Cõi này đầy dẫy những ô uế, địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, tích chứa nhiều việc ác, con cầu mong ở đời vị lai không còn nghe tiếng ác, không thấy người ác. Hôm nay, con hướng về Đức Thế Tôn đánh lễ cầu xin sám hối. Cúi mong Thế Tôn dạy cho con tu quán để các nghiệp được thanh tịnh.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn phóng ra ánh sáng giữa chạng mảy, với màu vàng rực rỡ chiếu sáng khắp vô lượng thế giới mười phương, rồi trở lại nơi trụ đỉnh đầu của Phật, hóa hiện thành đài vàng như núi Tu-di, khiến cõi nước thanh tịnh vi diệu của chư

Phật khắp mười phương đều hiện ở trong đó. Những cõi nước ấy do bảy báu làm thành, lại có cõi nước hoàn toàn bằng hoa sen, lại có cõi nước như cung trời Tự tại, có cõi nước như gương thủy tinh, cõi nước ở mười phương đều hiện ra trong đó, có vô lượng cõi nước của chư Phật trang nghiêm như thế, khiến cho Hoàng hậu Vi-đề-hy thấy rõ. Lúc đó Hoàng hậu liền thưa:

– Bạch Thế Tôn! Cõi nước của chư Phật đó tuy thanh tịnh, đều có ánh sáng rực rỡ, nhưng hôm nay con thích sinh về thế giới Cực lạc của Đức Phật A-di-đà. Cúi mong Thế Tôn dạy cho con tư duy và thiền định.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn mỉm cười, có ánh sáng năm màu từ miệng Phật phát ra, tất cả ánh sáng đều chiếu đến đỉnh đầu của vua Tần-bà-sa-la. Lúc ấy, đại vương tuy ở trong ngục tối mà tâm nhãn không bị ngăn cản nên thấy được Đức Phật. Thấy rồi, vua đánh lễ Phật, tự nhiên tăng tiến, chứng đắc quả A-na-hàm. Đức Thế Tôn bảo Vi-đề-hy:

– Người có biết không, Đức Phật A-di-đà cách đây không xa, người chỉ cần giữ niệm, quán tưởng về cõi ấy, các nghiệp được thanh tịnh thì sẽ thành tựu. Hôm nay Ta thuyết giảng cho người và đưa ra các ví dụ để cho tất cả phàm phu ở đời vị lai muốn tu hành thanh tịnh các nghiệp và được sinh sang cõi Cực lạc ở phương Tây. Nếu ai muốn sinh về cõi ấy thì nên tu tập ba phước đức: Một là hiếu

thuận phụng dưỡng cha mẹ, cung kính vâng lời sư trưởng, tâm thương yêu không giết hại, làm mười việc lành. Hai là thọ trì ba quy y, giữ đầy đủ các giới, không phạm oai nghi. Ba là phát tâm Bồ-đề, tin sâu nhân quả, đọc tụng kinh sách Đại thừa, khuyên người siêng năng tu tập. Ba việc như vậy gọi là tịnh nghiệp. Phật bảo Vi-đề-hy: Người biết không, ba loại nghiệp này là nhân chánh tịnh nghiệp của chư Phật ba đời quá khứ, hiện tại, vị lai.

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan và Vi-đề-hy:

– Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ! Hôm nay, Như Lai vì tất cả chúng sinh ở đời vị lai bị giặc phiền não làm rối loạn mà thuyết giảng về nghiệp thanh tịnh. Lành thay! Vi-đề-hy hỏi điều này rất hay. Nay A-nan! Tôn giả nên thọ trì và vì chúng sinh tuyên thuyết rộng rãi những lời dạy của Phật. Hôm nay, Như Lai chỉ cho Vi-đề-hy và tất cả chúng sinh ở đời vị lai thấy thế giới Cực Lạc ở phương Tây. Nhờ năng lực của Phật cho nên ai cũng thấy được cõi nước thanh tịnh ấy, như cầm gương sáng soi thấy hình mình. Người thấy sự nhiệm màu, an lạc của cõi nước ấy, tâm vui vẻ, nên liền chứng đắc pháp Nhẫn vô sinh.

Phật dạy:

– Vi-đề-hy! Người là phàm phu tâm tưởng thấp kém, chưa đắc được thiên nhãn nên không thể thấy xa. Chư Phật Như Lai có phương pháp khác khiến

người thấy được.

Khi ấy, Vi-đề-hy thưa Phật:

– Bạch Thế Tôn! Hôm nay con nhờ năng lực của Phật nên thấy được cõi Cực lạc. Nếu sau khi Như Lai diệt độ, chúng sinh ở cõi ác trược, làm ác bị năm thứ khổ giày vò thì làm thế nào thấy được thế giới Cực lạc của Phật A-di-đà?

Đức Phật bảo Vi-đề-hy:

– Người và chúng sinh nên chuyên tâm, buộc niệm lại một chỗ, nhớ tưởng thế giới phương Tây. Làm thế nào để khởi tưởng? Hãy quán tưởng tất cả chúng sinh vốn chẳng phải bị mù mắt bầm sinh nên có thể thấy rõ hiện tượng mặt trời lặn. Nhờ đó tưởng niệm phát sinh rồi ngồi ngay thẳng quán tưởng về hướng Tây nơi mặt trời sắp lặn làm cho tâm an trụ kiên cố. Cứ thế chuyên quán tưởng không bị lay động, thấy mặt trời sắp lặn, giống như trống treo. Đã thấy mặt trời rồi, mắt nhắm hay mở đều thấy biết rõ. Đây là tưởng về mặt trời gọi là sơ quán. Khi quán được thành tựu thì gọi là chánh quán. Nếu quán khác đi gọi là tà quán.

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan và Vi-đề-hy:

– Pháp quán thứ nhất thành tựu rồi tiếp đến quán tưởng về nước. Quán tưởng thấy tất cả ở phương Tây đều hoàn toàn là nước, nước lắng trong, làm cho thấy rõ, ý không bị chi phối. Đã thấy nước thì nên phát khởi quán tưởng về băng, băng

trong suốt như lưu ly. Thành tựu quán này thì thấy đất lưu ly bên trong và ngoài đều trong suốt. Phía dưới có cờ vàng kim cương bảy báu nâng đỡ đất lưu ly. Cờ ấy tám phương có đủ tám cạnh, mỗi một bên do trăm thứ báu tạo thành, tất cả châu báu đều có ngàn ánh sáng, mỗi ánh sáng có tám vạn bốn ngàn màu, chiếu soi đất lưu ly sáng như trăm triệu ngàn mặt trời, không thể thấy hết. Trên đất lưu ly có dây bằng vàng đan xen, dùng bảy báu phân chia cân đối rõ ràng, trong mỗi một báu có ánh sáng năm trăm màu. Ánh sáng đó như đóa hoa, lại giống như sao, trăng lững lờ giữa hư không tạo thành đài ánh sáng. Lầu gác do ngàn vạn báu hợp thành, hai bên đài đều có trăm ức cờ hoa, vô lượng nhạc khí dùng để trang nghiêm. Tám thứ gió mát từ ánh sáng phát ra. Các nhạc cụ ấy vang ra tiếng giảng về khổ, không, vô thường, vô ngã. Đây là quán tưởng về nước, gọi là pháp quán thứ hai.

Lúc quán tưởng này thành, cực điểm của mỗi một quán đều thấy rất rõ ràng, mắt nhắm hay mở, không làm tan mất, chỉ trừ lúc ăn, luôn nhớ đến việc này. Quán như vậy gọi là quán chân chánh. Nếu quán khác gọi là quán tà. Quán nước thành rồi thì gọi là thấy thô sơ về đất cõi Cực lạc. Nếu chứng được Tam-muội thì thấy đất cõi Cực lạc rõ ràng, chẳng thể nói hết. Quán tưởng đất này gọi là quán thứ ba.

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

– Này A-nan! Ông hãy thọ trì lời Phật dạy, vì tất cả chúng sinh ở đời vị lai muốn thoát khỏi khổ mà nói pháp quán tưởng về đất ấy. Nếu người quán đất ấy thì trừ diệt tội sinh tử trong tám mươi ức kiếp, bỏ thân hiện tại, đời khác chắc chắn sinh vào cõi thanh tịnh, tâm không còn nghi ngờ. Quán tưởng này gọi là quán chân chánh. Nếu quán tưởng khác gọi là quán tà. Quán đất rồi, tiếp theo quán về cây báu. Quán cây báu là phải quán từng cây, tưởng đến bảy hàng cây báu, mỗi cây cao tám ngàn do-tuần. Các cây báu có hoa lá đều đủ bảy báu, mỗi một hoa lá đều có màu báu khác nhau. Trong màu lưu ly phát ra ánh sáng màu vàng. Trong màu pha lê phát ra ánh sáng màu hồng. Trong màu mã não phát ra ánh sáng màu xà cừ. Trong màu xà cừ phát ra ánh sáng ngọc quý màu xanh. Tất cả các báu, san hô, hổ phách dùng để trang nghiêm, màn lưới ngọc quý đẹp để che phủ trên cây báu. Trên mỗi một cây báu có bảy lớp lưới, giữa những lớp lưới có năm trăm ức cung điện xinh đẹp như cung trời Phạm vương, các Thiên đồng tử tự nhiên ở trong đó. Mỗi một đồng tử có năm trăm ức ngọc ma-ni Thích-ca-tỳ-lăng-già dùng làm chuỗi đeo. Ánh sáng ngọc ma-ni chiếu soi trăm do-tuần, giống như ánh sáng của năm trăm ức mặt trời mặt trăng hợp lại, không thể tính kể. Các báu màu sắc xen lẫn sáng đẹp nhất trong tất cả các màu. Các cây báu hàng hàng bằng nhau, lá lá kế nhau. Giữa các lá

sinh những hoa đẹp, trên hoa tự nhiên có quả bảy báu. Mỗi lá cây dài rộng đều hai mươi lăm do-tuần. Lá ấy có ngàn màu, trăm thứ lần vẽ, như chuỗi mặt trời. Có những hoa vi diệu làm màu vàng Diêm-phù-đàn như vòng lửa xoay uyển chuyển khoảng giữa lá, vụt sinh các quả như bình của trời Đế thích, phóng ra ánh sáng lớn hóa thành cờ phướn và vô lượng lọng báu. Trong lọng báu ấy hiện rõ tất cả Phật sự khắp ba ngàn đại thiên thế giới, cõi Phật mười phương cũng hiện trong đó. Thấy cây báu này rồi, cũng nên tuần tự quán tưởng, quán thấy thân, cành, lá, bông, trái đều rõ ràng. Quán tưởng về cây này gọi là pháp quán thứ tư. Quán như vậy gọi là quán chân chánh. Nếu quán khác gọi là quán tà.

Quán về cây rồi, tiếp đến quán tưởng về nước. Tưởng về nước là biết cõi Cực lạc có ao nước tám công đức. Mỗi ao nước đều do bảy báu tạo thành. Báu ấy óng ánh sinh từ như ý châu vương, chia làm bốn mươi chi, mỗi chi làm bằng sắc đẹp bảy báu, hoàng kim làm lòng ao, dưới lòng ao có kim cương nhiều màu dùng làm cát đáy. Trong mỗi ao báu có sáu mươi ức hoa sen bảy báu. Mỗi hoa sen tròn đều bằng mười hai do-tuần. Nước ma-ni chảy vào khoảng giữa của hoa, theo thân lên xuống mà phát ra âm thanh vi diệu thuyết pháp, khổ, không, vô thường, vô ngã, các Ba-la-mật, lại còn tán thán tướng tốt của chư Phật. Từ Như-ý-châu-vương

phóng ra ánh sáng vi diệu màu hoàng kim. Ánh sáng đó hóa làm chim báu trăm màu và tiếng hát hòa nhã thường tán thán niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng. Đây là tướng nước tám công đức, gọi là pháp quán thứ năm. Quán như vậy gọi là quán chân chánh. Nếu quán khác đi gọi là quán tà.

Phật bảo Tôn giả A-nan và bà Vi-đề-hy:

– Các cõi nước báu, trên mỗi một cõi, có năm trăm ức lầu báu. Trong lầu gác ấy có vô lượng chư Thiên trời kỹ nhạc trời. Còn có nhạc cụ treo ở hư không nhiều như cờ báu cõi trời, chẳng đánh tự kêu. Trong các âm thanh ấy đều phát ra tiếng niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng. Pháp tướng này đã thành gọi là thấy thô. Cây báu, đất báu, ao báu của thế giới Cực lạc, đó là tổng quát các tướng, gọi là pháp quán thứ sáu. Nếu thấy được như thế thì đoạn trừ nghiệp ác rất nặng của vô lượng ức kiếp, nên sau khi chết, chắc chắn sinh về cõi ấy. Quán như vậy gọi là quán chân chánh. Nếu quán cách khác gọi là quán tà.

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan và bà Vi-đề-hy:

– Hãy lắng nghe, suy nghĩ kỹ! Ta sẽ thuyết giảng phân biệt rõ phương pháp đoạn trừ khổ não cho các người. Các người hãy ghi nhớ thọ trì rộng, vì đại chúng mà phân biệt giảng thuyết cho họ.

Khi Đức Phật Thích Ca Mâu Ni Thế Tôn nói những lời này thì Đức Phật Vô Lượng Thọ hiện

đứng trên hư không và hai vị Bồ-tát Quán Thế Âm, Đại Thế Chí đứng hầu hai bên, với ánh sáng rực rỡ không thể thấy rõ hết, trăm ngàn màu vàng Diêm-phù-đàn không thể sánh được. Khi ấy, Vi-đề-hy thấy Đức Phật Vô Lượng Thọ rồi, đánh lễ sát chân Phật và bạch:

– Bạch Thế Tôn! Hôm nay con nhờ thần lực của Thế Tôn nên thấy được Phật Vô Lượng Thọ và hai vị Bồ-tát. Chúng sinh đời vị lai phải quán Đức Phật Vô Lượng Thọ và hai vị Bồ-tát như thế nào?

Đức Phật bảo Vi-đề-hy:

– Người muốn quán thấy Phật kia thì nên khởi tưởng niệm. Ở trên mặt đất bảy báu khởi tưởng có hoa sen báu, trên mỗi cánh của mỗi một cánh hoa sen có màu sắc bằng trăm báu, có tám vạn bốn ngàn đường gân như bức họa cõi trời, mỗi một đường gân có tám vạn bốn ngàn ánh sáng đều thấy rõ cả. Cánh hoa loại nhỏ, rộng dài hai trăm năm mươi do-tuần. Hoa sen ấy có tám vạn bốn ngàn cánh. Khoảng giữa mỗi cánh hoa có trăm ức châu vương ma-ni để làm trang nghiêm sáng đẹp. Mỗi một ngọc ma-ni phóng ra ngàn ánh sáng. Ánh sáng đó như tàn lọng bằng bảy báu hợp thành che khắp mặt đất. Đài hoa sen ấy bằng báu Thích-ca-tỳ-lăng-già, có tám vạn kim cương báu Chân thúc, báu Phạm ma-ni và lưới ngọc đẹp để dùng để trang nghiêm. Ở trên đài hoa tự nhiên có bốn trụ cờ báu, mỗi một trụ cờ báu như trăm ngàn vạn ức núi Tu-

di. Trên cờ báu có màn báu như cung của cõi trời Dạ-ma, lại còn có năm trăm ức ngọc báu đẹp đẽ đẽ trang sức. Mỗi một ngọc báu có tám vạn bốn ngàn ánh sáng, mỗi ánh sáng tạo thành tám vạn bốn ngàn loại màu vàng khác nhau. Mỗi một màu vàng đầy khắp cõi báu này, biến hóa các hình tướng khác nhau ở khắp nơi, hoặc làm đài kim cương hay làm lưới chân châu, hoặc làm mây nhiều loại hoa, tùy ý biến hóa để làm Phật sự ở khắp mười phương. Đó là tướng ngôi đài hoa sen, gọi là pháp quán thứ bảy.

Đức Phật bảo:

– Này A-nan! Hoa sen vi diệu này vốn do nguyện lực của Tỳ-kheo Pháp Tạng tạo thành. Nếu người muốn tưởng niệm Đức Phật ấy, trước hết phải tưởng tòa hoa sen vi diệu này. Khi quán tưởng, không được quán lẫn lộn mà phải quán từng phần: từng mỗi cánh hoa, từng mỗi ngọc báu, từng mỗi ánh sáng, từng mỗi một đài, từng mỗi một ngọn cờ đều phải phân minh như thấy mặt mình trong gương. Pháp tướng này thành tựu thì diệt trừ tội của sinh tử trong năm trăm ức kiếp, nhất định sẽ sinh về thế giới Cực lạc. Quán như vậy gọi là quán chân chánh. Nếu quán khác gọi là quán tà.

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan và Vi-đề-hy:

– Thấy việc này rồi, tiếp đến nên quán tưởng Phật. Vì sao? Vì chư Phật Như Lai là thân pháp

giới vào khắp trong tâm tưởng của tất cả chúng sinh. Cho nên, lúc tâm người quán tưởng Phật, tâm ấy tức là ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, tâm ấy làm Phật, tâm ấy là Phật. Biện Chánh Biện Tri của chư Phật từ tâm tưởng sinh. Vì thế, nên chú tâm buộc niệm, quán kỹ Đức Phật kia chính là Đức Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biện Tri. Người nào muốn tưởng Đức Phật ấy, trước tiên nên quán tưởng hình tượng, dù mắt nhắm, mắt mở đều thấy một tượng báu màu như vàng Diêm-phù-đàn ngồi trên hoa sen kia. Thấy tượng Phật ngồi rồi tâm nhãn được khai mở, phân biệt rõ ràng, thấy cõi Cực lạc trang nghiêm bằng bảy báu, đất báu, ao báu, cây báu giăng hàng, màn lưới báu cõi trời che phủ trên cây, các màn lưới báu đầy khắp hư không, thấy những điều ấy rõ ràng như thấy trong lòng bàn tay. Đã thấy việc ấy nên tưởng một hoa sen lớn ở bên trái Phật như hoa sen trước không khác. Lại tưởng một hoa sen lớn ở bên phải Phật, tưởng một tượng Bồ-tát Quán Thế Âm ngồi tòa hoa sen bên trái, cũng phóng ra ánh sáng vàng rực rỡ như trước không khác và tưởng một tượng Bồ-tát Đại Thế Chí ngồi tòa sen bên phải. Khi pháp tướng này thành tựu thì tượng Phật và Bồ-tát đều phóng ra ánh sáng vi diệu, ánh sáng ấy màu vàng chiếu soi các cây báu. Dưới mỗi cây báu có ba hoa sen, trên mỗi hoa sen có tượng Phật và hai tượng Bồ-tát khắp cả cõi nước Cực lạc. Khi pháp tướng này đã

thành, hành giả nên nghe nước chảy, ánh sáng và các cây báu, những chim cưu, nhạn, uyên ương đều diễn nói pháp vi diệu, nên dù nhập định hay xuất định đều nghe pháp vi diệu. Pháp mà hành giả được nghe lúc xuất định ghi nhớ, không bỏ, thích hợp với kinh. Nếu không thích hợp gọi là vọng tưởng, nếu hợp gọi là tưởng thô thấy được thế giới Cực lạc. Đó là quán tưởng về tượng, gọi là pháp quán thứ tám. Pháp quán này diệt trừ được tội sinh tử trong vô lượng kiếp, ngay thân hiện tại cũng được niệm Phật Tam-muội. Quán tưởng như vậy gọi là quán chân chánh. Nếu quán khác đi gọi là quán tà.

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan và Vi-đê-hy:

– Tưởng này thành rồi, tiếp đến nên quán ánh sáng thân tướng của Đức Phật Vô Lượng Thọ. A-nan nên biết, thân của Đức Phật Vô Lượng Thọ như trăm ngàn vạn ức màu vàng Diêm-phù-đàn, trời Da-ma. Thân Phật cao sáu mươi muôn ức na-do-tha hằng hà sa do-tuần, tướng lông trắng giữa hai hàng mày xoay bên phải uyển chuyển như năm ngọn núi Tu-di. Mắt Phật trong xanh như nước bốn biển lớn, các lỗ chân lông ở nơi thân Phật phóng ra ánh sáng như núi Tu-di. Viên quang (hào quang phát ra từ đỉnh đầu) của Đức Phật ấy như trăm ức ba ngàn đại thiên thế giới. Trong viên quang có trăm vạn ức na-do-tha hằng hà sa hóa thân Phật. Mỗi một hóa thân Phật cũng có nhiều vô số hóa

thân Bồ-tát làm thị giả. Thân Phật Vô Lượng Thọ có tám vạn bốn ngàn tướng, trong mỗi tướng đều có tám vạn bốn ngàn vẻ đẹp, trong mỗi vẻ đẹp lại có tám vạn bốn ngàn ánh sáng, mỗi một ánh sáng chiếu khắp thế giới mười phương thu nhận tất cả chúng sinh niệm Phật. Vẻ đẹp của ánh sáng đó và hóa thân Phật không thể diễn tả đầy đủ được, chỉ nên nhớ tướng để tâm nhãn thấy rõ. Thấy việc ấy tức thấy tất cả chư Phật khắp mười phương, vì thấy chư Phật nên gọi là niệm Phật Tam-muội. Quán như vậy gọi là quán tất cả thân Phật. Nhờ quán thân Phật nên thấy tâm Phật. Tâm của chư Phật là tâm từ bi rộng lớn, dùng “Vô duyên từ” để giáo hóa chúng sinh. Người tu quán này, bỏ thân này, đời khác sinh ở trước chư Phật, chứng đắc pháp nhãn vô sinh. Cho nên người trí phải biết buộc tâm quán kỹ Đức Phật Vô Lượng Thọ. Quán Phật Vô Lượng Thọ là từ một tướng tốt mà vào, chỉ quán tướng lông trắng ở giữa hàng lông mày một cách rõ ràng. Thấy tướng lông trắng ấy thì tám vạn bốn ngàn tướng tốt khác tự nhiên sẽ hiện lên. Thấy Đức Phật Vô Lượng Thọ tức là thấy được chư Phật khắp mười phương. Vì thấy vô lượng chư Phật nên được chư Phật hiện tiền thọ ký. Đó là quán tướng khắp tất cả sắc thân của Phật, gọi là pháp quán thứ chín. Quán như vậy gọi là quán chân chánh. Nếu quán khác gọi là quán tà.

Phật bảo Tôn giả A-nan và Vi-đê-hy:

– Đã thấy rõ Đức Phật Vô Lượng Thọ rồi, tiếp theo nên quán Bồ-tát Quán Thế Âm. Thân của Bồ-tát cao tám mươi ức na-do-tha hằng hà sa do-tuần, thân màu vàng tía, đỉnh có nhục kế, cổ có viên quang, mỗi mặt có trăm ngàn do-tuần. Trong viên quang có năm trăm hóa thân Phật như Phật Thích Ca Mâu Ni, mỗi một hóa thân Phật có năm trăm hóa thân Bồ-tát với vô lượng chư Thiên làm thị giả. Trong ánh sáng toàn thân hiện ra tất cả sắc tướng của chúng sinh trong năm đường, trên đỉnh có ngọc Tỳ-lăng-già ma-ni dùng làm mũ. Trong mũ ấy có một vị hóa Phật đứng, cao hai mươi lăm do-tuần. Mặt của Bồ-tát Quán Thế Âm màu vàng như vàng Diêm-phù-đàn. Tướng lông trắng giữa hai hàng mày đủ màu bảy báu, phát ra tám vạn bốn ngàn thứ ánh sáng, mỗi một ánh sáng có vô lượng, vô số trăm ngàn hóa Phật, mỗi một hóa Phật có vô số hóa thân Bồ-tát làm thị giả, biến hiện tự tại đầy khắp thế giới mười phương. Cánh tay của Bồ-tát màu như hoa sen hồng, có tám mươi ức ánh sáng vi diệu làm chuỗi đeo, trong chuỗi đeo đều hiện tất cả sự trang nghiêm. Bàn tay này tạo thành năm trăm ức màu hoa sen tap với mười ngón bằng thẳng, mỗi đầu ngón có tám vạn bốn ngàn ấn văn, mỗi một ấn văn có tám vạn bốn ngàn màu, mỗi màu có tám vạn bốn ngàn ánh sáng. Ánh sáng ấy dịu dàng chiếu khắp tất cả. Bồ-tát dùng tay báu này để tiếp dẫn chúng sinh. Lúc Bồ-tát cất chân lên, dưới lòng bàn

chân có tướng Thiên bức luân, tự nhiên hóa thành năm trăm ức đài quang minh, lúc để chân xuống có hoa kim cương ma-ni rải dày đặc khắp nơi. Các tướng khác nơi thân của Bồ-tát đầy đủ hoàn hảo như Đức Phật không khác. Chỉ có nhục kế trên đỉnh và tướng vô kiến đỉnh không bằng Thế Tôn. Đây là quán tướng sắc thân chân thật của Bồ-tát Quán Thế Âm, gọi là pháp quán thứ mười.

Phật bảo A-nan:

– Nếu ai muốn thấy Bồ-tát Quán Thế Âm thì nên tu pháp quán ấy. Người tu pháp quán này không gặp các tai họa, trừ sạch nghiệp chướng, diệt hết tội sinh tử của vô số kiếp. Nếu chỉ cần nghe được danh hiệu Quán Thế Âm mà được vô lượng phước huông chỉ là quán sát kỹ. Nếu muốn quán Bồ-tát Quán Thế Âm thì trước quán sát nhục kế, sau đó quán mũ, còn các tướng khác cũng tuần tự quán kỹ, tất cả đều thấy rõ như thấy trong lòng bàn tay. Quán như vậy gọi là quán chân chánh. Nếu quán khác đi gọi là quán tà.

Phật bảo Tôn giả A-nan và Vi-đề-hy

– Tiếp theo quán Bồ-tát Đại Thế Chí. Thân của Bồ-tát này lớn, nhỏ đều như Bồ-tát Quán Thế Âm. Viên quang mỗi bên hai trăm năm mươi do-tuần soi chiếu hai trăm năm mươi do-tuần, ánh sáng toàn thân chiếu khắp các cõi nước mười phương, tạo thành màu vàng đỏ tía. Chúng sinh nào có

duyên đều được thấy. Nếu thấy được ánh sáng trong lỗ chân lông của Bồ-tát này tức thấy được ánh sáng trong suốt vi diệu của vô lượng chư Phật khắp mười phương. Vì thế nên còn gọi Bồ-tát này là Vô biên quang. Vị ấy dùng ánh sáng trí tuệ chiếu khắp tất cả chúng sinh, khiến họ thoát khỏi ba đường, được năng lực vô thượng nên được gọi là Bồ-tát Đại Thế Chí. Mũ của Bồ-tát Đại Thế Chí có năm trăm hoa sen báu, mỗi hoa báu có năm trăm đài báu. Trong mỗi đài báu, tướng đài ngấn của quốc độ thanh tịnh vi diệu chư Phật mười phương đều hiện rõ. Nhục kế trên đỉnh của vị Bồ-tát này như hoa Bát-đầu-ma, giữa nhục kế có một bình báu chứa đầy ánh sáng, hiện đủ Phật sự. Các tướng khác nơi thân đều giống như Bồ-tát Quán Thế Âm. Khi Bồ-tát này đi, tất cả thế giới khắp mười phương đều chấn động, ngay chỗ đất động có năm trăm ức hoa báu, mỗi một hoa báu trang nghiêm, cao hiển như thế giới Cực lạc. Lúc Bồ-tát Đại Thế Chí ngồi, cõi nước bảy báu đồng thời dao động. Từ cõi Phật Kim Quang ở phương dưới cho đến cõi Phật Quang Minh Vương ở phương trên, ở khoảng giữa ấy vô lượng vô số phân thân của Phật Vô Lượng Thọ và Bồ-tát Quán Thế Âm, Đại Thế Chí, đều vân tập về thế giới Cực lạc, đầy khắp hư không, ngồi tòa hoa sen, diễn nói pháp vi diệu, độ chúng sinh thoát khổ. Thực hành pháp quán này gọi là quán thấy Bồ-tát Đại Thế Chí. Đây là quán

tướng sắc thân Bồ-tát Đại Thế Chí, gọi là pháp quán thứ mười một. Nếu ai quán tướng Bồ-tát này, diệt trừ tội sinh tử của vô số kiếp. Người tu quán này không còn ở trong bào thai mà thường du hóa qua các cõi nước thanh tịnh vi diệu của chư Phật. Quán này thành tựu gọi là quán đầy đủ Bồ-tát Quán Thế Âm và Đại Thế Chí. Quán như vậy gọi là quán chân chánh. Nếu quán khác đi gọi là quán tà.

Phật bảo A-nan và Vi-đề-hy:

– Lúc thấy việc này nên tự tâm phát khởi tướng, tự thấy sinh về thế giới Cực lạc phương Tây, ngôi kiết già trong hoa sen, tướng hoa sen khép lại, tướng hoa sen nở ra. Lúc hoa sen nở tướng có năm trăm ánh sáng chiếu đến thân. Tướng mắt mở ra thấy Phật và Bồ-tát đầy cả hư không, âm thanh của các thứ nước, chim, cây rừng cùng chư Phật phát ra đều diễn nói pháp vi diệu, ứng hợp với mười hai bộ kinh. Lúc xuất định ghi nhớ không mất. Thấy điều này rồi là thấy được Đức Phật Vô Lượng Thọ ở thế giới Cực lạc. Đây là quán đầy đủ tướng, gọi là pháp quán thứ mười hai. Đức Phật Vô Lượng Thọ hóa thân vô số và Bồ-tát Quán Thế Âm, Đại Thế Chí thường đến nơi hành giả này. Quán như vậy gọi là quán chân chánh. Nếu quán khác đi gọi là quán tà.

Phật bảo Tôn giả A-nan và Vi-đề-hy:

– Nếu có người tha thiết muốn sinh về thế giới

Cực lạc, thì trước tiên quán tượng (Phật Vô Lượng Thọ) cao một trượng sáu thước, ở trên mặt nước ao báu. Như trước đã diễn tả, thân của Đức Phật Vô Lượng Thọ vô lượng, vô biên, chẳng phải năng lực của tâm phàm phu mà sánh bằng. Do nguyện lực đời trước của Như Lai đó nên ai có tâm tưởng nhớ đến chắc chắn sẽ thành tựu. Chỉ có tượng tượng Phật mà được vô lượng phước đức, huống là quán đủ thân tướng của Phật. Thần thông như ý của Đức Phật A-di-đà biến hiện tự tại khắp các cõi trong mười phương, hoặc hiện thân lớn đầy trong hư không, hoặc hiện thân nhỏ một trượng tám thước. Thân hình Phật hiện ra đều có màu vàng ròng, viên quang hóa Phật và hoa sen báu như đã trình bày ở trước. Bồ-tát Quán Thế Âm và Đại Thế Chí ở mọi nơi thân đồng như chúng sinh, chỉ nhìn tướng đầu mới biết là Quán Thế Âm hay Đại Thế Chí. Hai vị Bồ-tát này trợ giúp Đức Phật A-di-đà giáo hóa tất cả. Đây là pháp quán hỗn hợp, là pháp quán thứ mười ba. Quán như vậy là quán chân chánh. Nếu quán khác đi gọi là quán tà.

Chúng sinh sinh về thế giới Cực lạc có chín bậc như sau: Thượng phẩm thượng sinh: Nếu có chúng sinh nguyện sinh về nước đó cần phát ba thứ tâm liền được vãng sinh. Những gì là ba? Một là tâm chí thành, hai là tâm sâu xa, ba là tâm phát nguyện hồi hướng. Người đầy đủ ba tâm chắc chắn sinh vào cõi ấy. Lại có ba loại chúng sinh sẽ được sinh

đến đó: Một là lòng thương yêu không giết hại, đầy đủ các giới hạnh. Hai là đọc tụng kinh điển Phương đẳng Đại thừa. Ba là tu tập sáu niệm phát nguyện hồi hướng thì sẽ sinh về cõi Cực lạc. Nếu người đủ các công đức này thì một ngày đến bảy ngày tu tập liền được vãng sinh đến đó. Lúc sinh về đó, do người này tinh tấn dũng mãnh nên Đức Phật A-di-đà cùng Bồ-tát Quán Thế Âm, Đại Thế Chí cầm đài kim cang, vô số hóa Phật, trăm ngàn Tỳ-kheo, đại chúng, Thanh văn, vô lượng chư Thiên ở trong cung điện bảy báu đều hiện đến trước mặt. Đức Phật A-di-đà phóng ra hào quang lớn chiếu sáng thân người ấy cùng các Bồ-tát đưa tay đón tiếp. Bồ-tát Quán Thế Âm và Đại Thế Chí cùng vô số Bồ-tát ca ngợi khuyến khích, sách tấn tâm người ấy. Người ấy thấy rồi vui mừng phấn chấn, tự thấy thân mình ngồi đài kim cang đi theo sau Phật, chỉ trong khoảnh khắc đã sinh đến nước ấy. Sinh về nước ấy rồi, người ấy thấy sắc thân của Đức Phật đầy đủ các tướng và thấy các Bồ-tát đầy đủ sắc tướng. Ánh sáng, rùng rờng báu diễn nói pháp mầu, nghe rồi liền chứng pháp Nhẫn vô sinh. Chỉ trong chốc lát người ấy đã đi khắp thế giới mười phương phụng sự chư Phật, ở trước chư Phật tuần tự được thọ ký, trở về nước mình chứng đắc vô lượng pháp môn Đà-la-ni. Đây gọi là thượng phẩm thượng sinh.

Thượng phẩm trung sinh: Không cần phải đọc

tụng kinh điển Phương đẳng, chỉ hiểu hoàn toàn nghĩa lý, đối với đệ nhất nghĩa, tâm chẳng kinh sợ lay động, tin sâu nhân quả, không hủy báng Đại thừa. Dem công đức này hồi hướng nguyện cầu sinh về thế giới Cực lạc. Người hành hạnh này, lúc sắp qua đời, Đức Phật A-di-đà cùng Bồ-tát Quán Thế Âm, Bồ-tát Đại Thế Chí, vô lượng đại chúng quyền thuộc vây quanh, cầm đài màu vàng tía, đến trước mặt ca ngợi: “Này pháp tử! Người thực hành Đại thừa hiểu rõ đệ nhất nghĩa cho nên hôm nay Ta đến đón tiếp ngươi”. Và cùng ngàn hóa Phật cùng lúc đưa tay. Người ấy thấy mình ngồi đài màu vàng tía, chấp tay tán tán chư Phật: Chỉ trong một niệm liền sinh vào trong ao bảy báu ở cõi nước kia. Đài vàng tía này như hoa báu lớn qua một đêm liền nở. Thân người ấy biến thành màu vàng tía, dưới chân cũng có hoa sen bảy báu. Đức Phật và chư Bồ-tát đều phóng ra ánh sáng chiếu khắp thân khiến mắt người ấy mở ra sáng suốt. Nhờ huân tập đời trước nên nghe tất cả âm thanh thuận diễn thuyết đệ nhất nghĩa đế sâu xa, người ấy liền xuống kim đài chấp tay đánh lễ và tán thán Thế Tôn. Qua bảy ngày, người ấy chứng được quả vị Bồ-đề vô thượng không thoái chuyển. Ngay lúc đó, có thể bay đến khắp mười phương phụng sự chư Phật. Ở chỗ chư Phật tu tập các Tam-muội trải qua một tiểu kiếp, người này chứng được quả vị pháp Nhân vô sinh và được thọ ký làm Phật. Đó gọi là bậc thượng

phẩm trung sinh.

Thượng phẩm hạ sinh: Người tin nhân quả, không hủy báng Đại thừa, chỉ phát tâm đạo vô thượng, đem công đức này phát nguyện hồi hướng cầu sinh qua cõi Cực lạc. Người này lúc sắp qua đời, được Đức Phật A-di-đà và Bồ-tát Quán Thế Âm, Bồ-tát Đại Thế Chí, cùng các quyền thuộc cầm hoa sen vàng, hóa thành năm trăm hóa Phật đến tiếp đón. Năm trăm hóa Phật cùng lúc đưa tay khen: “Này Pháp tử! Hôm nay, người thanh tịnh, phát tâm đạo vô thượng. Ta đến rước người”. Khi thấy việc này, người ấy liền thấy mình ngồi trong hoa sen bằng vàng, ngồi vào hoa khép lại theo sau Phật và được vãng sinh vào trong ao bằng bảy báu. Qua một ngày đêm hoa sen mới nở, đến bảy ngày liền thấy Phật. Tuy thấy thân Phật nhưng đối với các tướng tốt tâm người ấy không biết rõ, sau hai mươi một ngày mới thấy rõ, nghe các âm thanh đều diễn nói pháp mầu, đi khắp mười phương cúng dường chư Phật và ở trước chư Phật nghe pháp sâu xa. Qua ba tiểu kiếp được trăm pháp minh môn, an trú địa Hoan hỷ. Đó gọi là thượng phẩm hạ sinh, là pháp quán thứ mười bốn. Quán như thế gọi là quán chân chánh. Nếu quán khác đi gọi là quán tà.

Trung phẩm thượng sinh: Nếu có chúng sinh thọ trì năm giới, tám giới trai, thực hành các giới, không tạo năm tội nghịch, không có các tội lỗi, rồi đem những căn lành này hồi hướng phát nguyện,

cầu sinh thế giới Cực lạc phương Tây. Người ấy lúc sắp qua đời, được Đức Phật A-di-đà và các Tỳ-kheo quyền thuộc vây quanh, phóng ra ánh sáng màu vàng đến trước mặt, diễn nói pháp khổ, không, vô thường, vô ngã, khen ngợi người xuất gia được lìa xa các khổ. Thấy vậy tâm người ấy rất vui mừng, tự thấy thân mình ngồi đài hoa sen, quỳ xuống chấp tay đánh lễ Đức Phật. Lúc người ấy chưa ngẩng đầu lên, liền được vãng sinh qua thế giới Cực lạc trong hoa sen bảy báu. Trong lúc hoa nở nghe các âm thanh ca ngợi bốn đế, nên người ấy liền chứng quả vị A-la-hán, ba minh, sáu thông, đầy đủ tám giải thoát. Đó gọi là hàng trung phẩm thượng sinh.

Trung phẩm trung sinh: Nếu có chúng sinh, hoặc một ngày một đêm thọ trì tám giới trai, hoặc một ngày một đêm trì giới Sa-di, hoặc một ngày một đêm thọ trì giới cụ túc, oai nghi đầy đủ, và đem công đức này hồi hướng phát nguyện, cầu sinh qua cõi Cực lạc, huân tu hương giới thì người này lúc sắp qua đời, được thấy Đức Phật A-di-đà và các quyền thuộc phóng ra ánh sáng màu vàng cầm hoa sen bằng bảy báu đến trước mặt. Ngay lúc đó, người này tự nghe trong hư không có tiếng khen: “Này thiện nam! Hàng thiện nhân như ông vì tùy thuận lời dạy chư Phật ba đời nên Như Lai đến tiếp rước ông”. Người ấy tự nhiên thấy mình ngồi trên hoa sen, rồi hoa sen khép lại liền sinh về thế giới

Cực lạc phương Tây, ở trong ao báu. Qua bảy ngày hoa sen mới nở. Khi hoa nở, người ấy liền mở mắt chấp tay tán thán Thế Tôn, rồi vui mừng nghe pháp chứng được quả Tu-đà-hoàn, và trải qua nửa kiếp mới thành bậc A-la-hán. Đây là hàng trung phẩm trung sinh.

Trung phẩm hạ sinh: Nếu có thiện nam thiện nữ nào hiếu thuận phụng dưỡng cha mẹ, làm việc nhân nghĩa ở thế gian, thì lúc sắp mạng chung được gặp thiện tri thức, vì họ mà trình bày rõ những sự an vui ở cõi Đức Phật A-di-đà, và nghe nói về bốn mươi tám nguyện của Tỳ-kheo Pháp Tạng. Nghe việc này xong, người này liền qua đời, ví như khoảng thời gian tráng sĩ co duỗi cánh tay, được vãng sinh về thế giới Cực lạc phương Tây. Qua bảy ngày, người kia gặp Bồ-tát Quán Thế Âm và Đại Thế Chí, nghe pháp hoan hỷ và chứng quả Tu-đà-hoàn. Sau đó, trải qua một tiểu kiếp đắc quả A-la-hán. Đó gọi là trung phẩm hạ sinh, là quán tướng bậc trung, gọi là pháp quán thứ mười lăm. Quán như vậy gọi là quán chân chánh. Nếu quán khác đi gọi là quán tà.

Đức Phật bảo A-nan và Vi-đề-hy:

– Hạ phẩm thượng sinh: Nếu có chúng sinh làm nhiều việc ác – người ngu này dù không hủy báng kinh điển Phương đẳng mà tạo nghiệp ác không có hổ thẹn – nhưng lúc sắp qua đời được gặp thiện tri thức nói cho nghe tên đầu đề của mười hai bộ loại

kinh Đại thừa mà sinh tâm hoan hỷ thì diệt trừ được nghiệp ác rất nặng ngàn kiếp. Người trí lại bảo người ngu kia chấp tay niệm: “Nam-mô A-di-đà Phật”. Nhờ niệm danh hiệu Phật nên đoạn trừ tội sinh tử của năm mươi ức kiếp. Khi ấy, Đức Phật A-di-đà liền sai hóa Phật, hóa Bồ-tát Quán Thế Âm và hóa Bồ-tát Đại Thế Chí đến trước người ấy khen: “Lành thay! Này thiện nam! Vì ngươi niệm danh hiệu Phật nên các tội tiêu diệt, ta đến rước ngươi”. Nghe lời này rồi, người kia liền thấy ánh sáng của hóa Phật chiếu sáng cả nhà. Thấy rồi vui mừng, liền qua đời, và ngồi trong hoa sen báu, theo sau hóa Phật, sinh trong ao báu. Qua bốn mươi chín ngày hoa sen nở ra, khi hoa nở, Bồ-tát đại bi Quán Thế Âm và Đại Thế Chí phóng ra ánh sáng lớn đứng trước người ấy mà thuyết tường tận về mười hai bộ loại kinh văn sâu xa. Khi nghe kinh, người ấy tin hiểu và phát tâm đạo vô thượng. Qua mười tiểu kiếp, người này đầy đủ một trăm pháp minh môn và được nhập vào địa thứ nhất. Đó gọi là hàng hạ phẩm thượng sinh, vì nghe được tên Phật, tên Pháp và tên Tăng, liền được vãng sinh.

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan và Vi-đề-hy:

– Hạ phẩm trung sinh: Nếu có chúng sinh hủy phạm năm giới, tám giới, giới cụ túc, và trộm vật Tăng kỳ, trộm vật của Tăng hiện tiền, chẳng thanh tịnh thuyết pháp, không có hổ thẹn, dùng các nghiệp ác để tự trang nghiêm, thì chắc chắn theo

nghiệp ác ấy mà rơi vào địa ngục. Do vậy, lúc sắp qua đời, các lửa địa ngục đồng thời hiện đến. Tuy nhiên, may mắn người ấy gặp được thiện tri thức với tâm từ bi rộng lớn, ca ngợi oai đức mười lực của Đức Phật A-di-đà, ca ngợi thần lực ánh sáng của Đức Phật ấy, cũng ca ngợi giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến. Người ấy nghe rồi, sinh tâm vui mừng nên diệt trừ được tội sinh tử trong tám mươi ức kiếp. Lửa dữ địa ngục biến thành gió mát thổi hoa chư Thiên đến. Trên hoa đều có hóa thân Phật và Bồ-tát đến đón người ấy. Chỉ trong một niệm liền được sinh trong hoa sen nơi ao bảy báu. Trải qua sáu kiếp hoa sen mới nở, và khi hoa nở Bồ-tát Quán Thế Âm và Đại Thế Chí dùng âm thanh của Phạm vương an ủi, thuyết giảng kinh điển sâu xa của Đại thừa. Nghe pháp này rồi, người ấy liền phát tâm đạo vô thượng. Đó gọi là hạ phẩm trung sinh.

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan và Vi-đề-hy:

– Hạ phẩm hạ sinh: Có chúng sinh tạo nghiệp bất thiện, năm tội ngũ nghịch, mười việc ác. Người ngu si ấy do nghiệp ác nên chắc chắn rơi vào đường ác, trải qua nhiều kiếp chịu khổ vô cùng. Tuy nhiên, lúc sắp qua đời, người này gặp được thiện tri thức, dùng nhiều lời an ủi và thuyết pháp vi diệu, dạy cho niệm Phật, nhưng do bị khổ làm đau đớn không thể niệm được. Thiện tri thức bảo: “Nếu người không thể niệm Phật thì nên xưng danh hiệu

Đức Phật Vô Lượng Thọ, phải chí tâm khiến âm thanh không ngừng, đủ mười niệm: Nam-mô A-di-đà Phật”. Nhờ xưng danh hiệu Phật mà trong mỗi niệm diệt trừ tội sinh tử trong tám mươi ức kiếp. Lúc qua đời thấy hoa sen bằng vàng như mặt trời ở trước người. Chỉ trong một niệm liền sinh đến thế giới Cực lạc, ở trong hoa sen. Trải qua mười hai đại kiếp hoa sen mới nở, và khi hoa nở, Bồ-tát Quán Thế Âm và Đại Thế Chí dùng âm thanh đại bi thuyết giảng pháp thật tướng cho người ấy đoạn trừ tội lỗi. Nghe xong người ấy hoan hỷ nên phát tâm Bồ-đề. Đó gọi là hạ phẩm hạ sinh, là quán tưởng sinh bậc hạ, là pháp quán thứ mười sáu.

Lúc Thế Tôn nói lời ấy, Vi-đề-hy cùng năm trăm thị nữ nghe lời Phật dạy, tức thời thấy tướng rộng dài của thế giới Cực lạc, được thấy thân Phật và hai vị Bồ-tát, tâm họ rất vui mừng, khen chưa từng có. Vi-đề-hy hốt nhiên đại ngộ, chứng được pháp Nhân vô sinh. Năm trăm thị nữ phát tâm Bồ-đề vô thượng nguyện sinh về cõi Cực lạc. Đức Thế Tôn thọ ký cho họ đều sẽ vãng sinh. Sinh về thế giới ấy rồi chứng được Tam-muội hiện tiền của chư Phật. Khi ấy cũng có vô lượng chư Thiên phát tâm đạo vô thượng.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan từ chỗ ngồi đứng dậy đi đến trước Phật thưa:

– Bạch Thế Tôn! Kinh này tên là gì? Và chúng con phải thọ trì thọ trì như thế nào?

Phật dạy:

– Nay A-nan! Kinh này tên là “*Quán Tượng Cõi Nước Cực Lạc, Phật Vô Lượng Thọ, Bồ Tát Quán Thế Âm, Bồ Tát Đại Thế Chí*” cũng gọi là “*Trừ Sạch Nghiệp Chương Sinh Về Cõi Phật*”. Các người nên thọ trì chớ để quên mất. Nếu ai thực hành Tam-muội này thì thân hiện tại được thấy Đức Phật Vô Lượng Thọ và hai vị Bồ-tát ấy. Nếu thiện nam, thiện nữ nào chỉ nghe danh hiệu của Đức Phật và hai vị Bồ-tát đó thì diệt trừ tội sinh tử trong vô lượng kiếp, huống gì là nhớ niệm. Nếu người nào niệm Phật thì nên biết người ấy là hoa sen trắng trong loài người. Bồ-tát Quán Thế Âm và Đại Thế Chí là bạn tốt nhất của người ấy. Người ấy sẽ ngồi đạo tràng sinh vào nhà chư Phật.

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

– Nay A-nan! Ông hãy thọ trì tốt những lời này. Người thọ trì lời này chính là thọ trì danh hiệu Phật Vô Lượng Thọ.

Đức Phật giảng nói kinh này xong, Tôn giả Mục-kiền-liên, Tôn giả A-nan, bà Vi-đề-hy cùng các thị nữ đều rất vui mừng.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn đi trên hư không trở về núi Kỳ-xà-quật. Tôn giả A-nan thuật lại tất cả việc này cho đại chúng. Có vô lượng chúng trời, người, rồng và tám bộ chúng, nghe lời Phật dạy đều rất vui mừng đánh lễ Phật lui ra.



SỐ 366

KINH A DI ĐÀ

*Hán dịch: Đời Diêu Tần, Tam tạng
Pháp sư Cưu Ma La Thập.*

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật tại nước Xá-vệ vườn Kỳ thọ Cấp Cô Độc cùng đại Tỳ-kheo Tăng đủ một ngàn hai trăm năm mươi người, đều là bậc A-la-hán nhiều người biết tiếng. Trưởng lão Xá-lợi-phất, Ma-ha Mục-kiền-liên, Ma-ha Ca-diếp, Ma-ha Ca-chiên-diên, Ma-ha Câu-hy-la, Ly-bà-đa, Châu-lợi-bàn-đà-già, Nan-đà, A-nan-đà, La-hầu-la, Kiều-phạm-ba-đề, Tân-đầu-lô Phả-la-đọa, Ca-lưu-đà-di, Ma-ha Kiếp-tân-na, Bạc-câu-la, A-nâu-lâu-đà, các đệ tử ấy cùng các Bồ-tát Ma-ha-tát như Pháp vương tử Văn-thù-sư-lợi, Bồ-tát A-dật-đa, Bồ-tát Càn-đà-ha-đề, Bồ-tát Thường Tinh Tiến, cho đến các Thích-đề-hoàn-nhân, với vô lượng chư Thiên đại chúng đều hội về đủ.

Bấy giờ, Phật bảo Trưởng lão Xá-lợi-phất :

– Từ đây sang phương Tây qua mười vạn ức cõi Phật, có thế giới tên là Cực Lạc. Cõi ấy có Phật hiệu A-di-đà hiện nay đang thuyết pháp.

Xá-lợi-phất! Vì sao cõi kia tên là Cực Lạc? Vì chúng sinh nước ấy không có các khổ, chỉ hưởng các vui, nên gọi là Cực Lạc.

Này Xá-lợi-phất! Cõi nước Cực Lạc bảy lớp lan can, bảy lớp lưới giăng, bảy lớp hàng cây đều bằng bốn thứ quý báu bao vây giáp vòng. Vì vậy nước kia tên là Cực Lạc.

Này Xá-lợi-phất! Cõi nước Cực Lạc có ao bảy báu chứa đầy nước tám công đức, đáy ao lót toàn cát vàng. Bốn bên bờ đường đều bằng vàng bạc lưu ly pha lê. Trên có lầu gác cũng bằng vàng bạc lưu ly pha lê xa cừ xích châu mã não trang hoàng đẹp đẽ. Hoa sen trong ao lớn bằng bánh xe, sắc xanh hào quang xanh, sắc vàng hào quang vàng, sắc đỏ hào quang đỏ, sắc trắng hào quang trắng, đẹp đẽ thơm tho.

Xá-lợi-phất! Cõi nước Cực Lạc thành tựu công đức trang nghiêm như vậy.

Này Xá-lợi-phất! Cõi nước Phật kia thường trôi nhạc trời, vàng ròng làm đất. Ngày đêm sáu thời mưa hoa trời mạn-đà-la. Chúng sinh cõi ấy thường mỗi sớm mai đều dùng dây đưng các thứ hoa thơm đem đi cúng dường mười vạn ức Phật các phương cõi khác, kịp giờ ăn sáng lại về bản quốc, ăn xong đi kinh hành.

Xá-lợi-phất! Cõi nước Cực Lạc thành tựu công đức trang nghiêm như vậy.

Này Xá-lợi-phất! Nước kia thường có các giống chim lạ, màu sắc đẹp đẽ bạch hạc, không tước, anh vũ, xá-lợi, ca-lăng-tần-già và chim cộng mạng. Các giống chim này, ngày đêm sáu thời reo hót thanh tao, tiếng hót diễn tả các pháp năm căn, năm lực, bảy Bồ-đề phần, tám thánh đạo phần, và các pháp như vậy. Chúng sinh nơi cõi ấy, nghe pháp âm rồi, thấy đều niệm Phật niệm Pháp niệm Tăng.

Xá-lợi-phất! Người chớ cho rằng chim này thực do tội báo sinh ra. Sở dĩ vì sao? Vì cõi Phật kia không ba đường ác. Xá-lợi-phất! Cõi nước Phật kia tiếng ác còn không, huống hồ thật có ba đường ác ấy. Các thứ chim này đều do Phật A-di-đà muốn cho tiếng pháp lưu hành khắp nơi nên biến hóa ra.

Xá-lợi-phất! Cõi nước Phật kia gió nhẹ thổi động các hàng cây báu cùng các lưới báu, phát tiếng nhiệm mầu, trăm ngàn thứ nhạc như cùng tấu lên. Người nghe nhạc này tự nhiên sinh tâm niệm Phật niệm Pháp niệm Tăng.

Xá-lợi-phất! Cõi nước Phật kia thành tựu công đức trang nghiêm như vậy.

Xá-lợi-phất! Ý người nghĩ sao, Phật kia vì sao hiệu A-di-đà?

Xá-lợi-phất! Phật kia ánh sáng vô lượng chiếu khắp mười phương các nước không gì chướng ngại, cho nên Phật hiệu là A-di-đà.

Này Xá-lợi-phất! Thọ mạng Phật kia cùng dân nước ấy dài lâu vô lượng vô biên khắp a-tăng-kỳ, cho nên Phật hiệu là A-di-đà.

Xá-lợi-phất! Phật A-di-đà thành Phật đến nay đã qua mười kiếp. Này Xá-lợi-phất! Phật kia có đệ tử Thanh văn vô lượng vô biên đều toàn La-hán không thể tính toán mà biết hết được. Các chúng Bồ-tát cũng nhiều như vậy.

Xá-lợi-phất! Cõi nước Phật kia thành tựu công đức trang nghiêm như vậy.

Này Xá-lợi-phất! Cõi nước Cực Lạc chúng sinh sinh về đều được A-bệ-bạt-trí, trong đó nhiều người một đời bồ xứ. Số ấy rất nhiều không thể tính toán mà biết hết được. Chỉ có thể nói vô lượng vô biên số a-tăng-kỳ.

Xá-lợi-phất! Chúng sinh được nghe phải nên phát nguyện sinh về nước kia. Sở dĩ vì sao? Vì được ở chung những người thượng thiện.

Xá-lợi-phất! Không thể chút ít nhân duyên phước đức căn lành được sinh nước kia.

Xá-lợi-phất! Nếu có thiện nam thiện nữ nghe nói Phật A-di-đà chấp trì danh hiệu hoặc một ngày, hoặc hai ngày, hoặc ba ngày, hoặc bốn ngày, hoặc năm ngày, hoặc sáu ngày, hoặc bảy ngày nhất tâm bất loạn. Người ấy đến lúc mạng chung Phật A-di-đà cùng các Thánh chúng hiện ra trước mặt. Người ấy mạng chung tâm không điên đảo, liền được

vãng sinh cõi nước Cực Lạc Phật A-di-đà.

Xá-lợi-phất! Ta thấy lợi ấy nên nói lời này. Nếu có chúng sinh nghe lời nói đây phải nên phát nguyện sinh về nước kia.

Xá-lợi-phất! Như ta ngày nay tán thán công đức Phật A-di-đà lợi ích không thể nghĩ bàn. Phương Đông cũng có Phật A-súc-bệ, Phật Tu-di Tướng, Phật Đại Tu-di, Phật Tu-di Quang, Phật Diệu Âm. Như vậy cả thầy hằng hà sa số chư Phật, đều ở nước mình hiện tướng lưỡi rộng dài che khắp ba ngàn đại thiên thế giới, nói lời thành thật, các người và chúng sinh phải tin kính Ngợi khen công đức không thể nghĩ bàn, được tất cả chư Phật hộ niệm này.

Xá-lợi-phất! Thế giới phương Nam có Phật Nhật Nguyệt Đăng, Phật Danh Văn Quang, Phật Đại Diệm Kiên, Phật Tu Di Đăng, Phật Vô Lượng Tinh Tiến. Như vậy cả thầy hằng hà sa số chư Phật đều ở nước mình hiện tướng lưỡi rộng dài che khắp ba ngàn đại thiên thế giới, nói lời thành thật, các người và chúng sinh phải tin kính Ngợi khen công đức không thể nghĩ bàn, được tất cả chư Phật hộ niệm này.

Xá-lợi-phất! Thế giới phương Tây có Phật Vô Lượng Thọ, Phật Vô Lượng Tướng, Phật Vô Lượng Trang, Phật Đại Quang, Phật Đại Minh, Phật Bảo Tướng, Phật Tịnh Quang. Như vậy cả

thầy hằng hà sa số chư Phật đều ở nước mình hiện tướng lưỡn rộng dài che khắp ba ngàn đại thiên thế giới, nói lời thành thật, các người và chúng sinh phải tin kinh Ngợi khen công đức không thể nghĩ bàn, được tất cả chư Phật hộ niệm này.

Xá-lợi-phất! Thế giới phương Bắc có Phật Diệm Kiên, Phật Tối Thắng Âm, Phật Nan Trử, Phật Nhật Sinh, Phật Võng Minh. Như vậy cả thầy hằng hà sa số chư Phật đều ở nước mình hiện tướng lưỡn rộng dài che khắp ba ngàn đại thiên thế giới nói lời thành thật, các người và chúng sinh phải tin kinh Ngợi khen công đức không thể nghĩ bàn, được tất cả chư Phật hộ niệm này.

Xá-lợi-phất! Thế giới phương Dưới có Phật Sư Tử, Phật Danh Văn, Phật Danh Quang, Phật Đạt Ma, Phật Pháp Tràng, Phật Trì Pháp. Như vậy cả thầy hằng hà sa số chư Phật đều ở nước mình hiện tướng lưỡn rộng dài che khắp ba ngàn đại thiên thế giới nói lời thành thật, các người và chúng sinh phải tin kinh Ngợi khen công đức không thể nghĩ bàn, được tất cả chư Phật hộ niệm này.

Xá-lợi-phất! Thế giới phương Trên có Phật Phạm Âm, Phật Tú Vương, Phật Hương Thượng, Phật Hương Quang, Phật Đại Diệm Kiên, Phật Tạp Sắc Bảo Hoa Nghiêm Thân, Phật Ta La Thọ Vương, Phật Bảo Hoa Đức, Phật Kiến Nhất Thiết Nghĩa, Phật Như Tu Di Sơn. Như vậy cả thầy hằng hà sa số chư Phật đều ở nước mình hiện tướng lưỡn

rộng dài che khắp ba ngàn đại thiên thế giới, nói lời thành thật, các người và chúng sinh phải tin kinh Ngợi khen công đức không thể nghĩ bàn, được tất cả chư Phật hộ niệm này.

Xá-lợi-phất! Ý người nghĩ sao, vì sao tên là kinh Được tất cả chư Phật hộ niệm?

Xá-lợi-phất! Nếu có thiện nam thiện nữ nghe kinh này thọ trì và nghe tên chư Phật, thiện nam thiện nữ ấy đều được tất cả chư Phật hộ niệm được không thoái chuyển quả vị A-nậu-đa-la Tam-miệu-tam-bồ-đề. Vì vậy Xá-lợi-phất! Các người đều phải tin thọ lời ta và chư Phật nói.

Xá-lợi-phất! Nếu có người đã phát nguyện đang phát nguyện sẽ phát nguyện, muốn sinh về nước Phật A-di-đà thì những người ấy được không thoái chuyển quả vị A-nậu-đa-la Tam-miệu-tam-bồ-đề, hoặc đã sinh hoặc đang sinh, hoặc sẽ sinh về cõi nước kia. Vì vậy Xá-lợi-phất! Các thiện nam thiện nữ nếu có người tin hãy nên phát nguyện sinh về nước kia.

Xá-lợi-phất! Như ta ngày nay ca ngợi công đức chư Phật là không thể nghĩ bàn, cả thấy chư Phật kia cũng ca ngợi công đức không thể nghĩ bàn của ta mà nói thế này: Phật Thích-ca Mâu-ni làm được việc rất khó ít có, trong cõi Ta-bà đời ác năm trước kiếp trước, kiến trước, phiền não trước, chúng sinh trước, mạng trước, chúng quả A-nậu-đa-la Tam-

miệu-tam-bồ-đề, vì các chúng sinh nói pháp khó tin nhất trong tất cả thế gian này.

Xá-lợi-phất! Phải biết ta ở đời ác năm trước làm việc khó này mới được A-nậu-đa-la Tam-miệu-tam-bồ-đề, lại vì tất cả thế gian nói pháp khó tin này, thật là rất khó.

Phật giảng nói kinh này xong, Xá-lợi-phất cùng các Tỳ-kheo tất cả thế gian cả thấy trời người A-tu-la nghe lời Phật nói hoan hỷ tin thọ làm lễ mà lui.

Phật Vô lượng thọ nói chú vãng sanh tịnh độ:

**Nam mô a di đà bà dạ, đa tha dà đa dạ, đa diệt
dạ tha, a di rị đô bà tỳ, a di rị đa tất đam bà tỳ,
a di rị đa tỳ ca lan đế, a di rị đa tỳ ca lan đa, đà
di nị dà dà na, chỉ đa ca, lệ ta bà ha.**



SỐ 367

KINH XUNG TÁN TỊNH ĐỘ PHẬT NHIẾP THỌ

*Hán dịch: Đồi Đường, Tam tạng
Pháp sư Huyền Tráng.*

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Thế Tôn ở tại khu vườn rừng Kỳ Đà - Cấp Cô Độc thuộc nước Xá-vệ, cùng với chúng Đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi người hội đủ. Tất cả chư vị đều là những bậc Thanh văn tôn túc, là bậc đại A-la-hán mọi người đều biết. Tên của các vị là: Tôn giả Xá-lợi-tử, Đại-mục-kiền-liên, Đại-ca-diếp, A-nê-luật-đà. Những vị Đại Thanh văn này đều là bậc thượng thủ. Lại cùng với vô lượng Đại Bồ-tát tụ hội, tất cả đều an trú ở quả vị Bất thoái chuyển, công đức vô lượng, đầy đủ mọi trang nghiêm. Tên của chư vị Bồ-tát ấy là: Bồ-tát Diệu Cát Tường, Bồ-tát Vô Năng Thắng, Bồ-tát Thường Tinh Tấn, Bồ-tát Bất Hưu Túc, các vị Đại Bồ-tát này đều là bậc thượng thủ. Lại có Đế Thích, Đại Phạm Thiên, là chủ của thế giới Kham Nhẫn, bốn vị vua trời hộ trì thế gian. Những bậc thượng thủ như vậy cùng trăm ngàn ức các chúng Thiên tử

và vô lượng hàng trời, người, A-tổ-lạc ở thế gian đều đến nhóm họp để nghe pháp.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Tôn giả Xá-lợi-tử:

– Ông nay biết chăng? Ở phương Tây, cách thế giới này quá trăm ngàn ức cõi Phật, có thế giới Phật tên là Cực lạc, trong thế giới ấy có Đức Phật hiệu Vô Lượng Thọ - Vô Lượng Quang là bậc Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác, đầy đủ mười tôn hiệu, hiện tại là giáo chủ ở cõi an ổn kia, vì các chúng sinh nên thuyết giảng pháp sâu xa vi diệu, khiến họ đều được lợi ích, an lạc thù thắng.

Lại nữa, này Tôn giả Xá-lợi-tử! Vì nhân duyên gì thế giới của Đức Phật kia tên là Cực lạc? Này Tôn giả Xá-lợi-tử! Vì chúng sinh nơi thế giới ấy thân tâm không lo buồn, khô não, chỉ có vô lượng sự an lạc, vui vẻ, thanh tịnh, nên gọi là thế giới Cực lạc. Lại nữa, này Tôn giả Xá-lợi-tử! Trong cõi Phật thanh tịnh của thế giới Cực lạc ấy, khắp nơi chốn đều có bảy lớp lan can báu đẹp bày thành hàng, có bảy lớp cây Đa-la báu đẹp bày thành hàng, có bảy lớp lưới báu đẹp, xung quanh được trang hoàng bằng bốn thứ báu: vàng, bạc, phệ-lưu-ly (lưu ly), pha-chi-ca (pha lê). Này Tôn giả Xá-lợi-tử! Trong cõi Phật kia có các công đức trang nghiêm và các thứ vi diệu tốt đẹp như vậy, thật đáng ưa thích nên gọi là thế giới Cực lạc.

Này Tôn giả Xá-lợi-tử! Trong cõi Phật thanh

tịnh của thế giới Cực lạc, khắp nơi đều có bảy ao báu đẹp, nước có tám công đức đầy tràn trong đó. Những gì gọi là nước có tám công đức? Một là trong trẻo, sạch sẽ; hai là thanh tịnh, mát mẻ; ba là có vị ngon ngọt; bốn là nhẹ nhàng mềm mại; năm là nhuần nhị mượt mà; sáu là an ổn điều hòa; bảy là khi uống vào thì trừ được vô lượng khổ nạn như đói khát v.v...; tám là uống xong thì chắc chắn có thể nuôi dưỡng các căn nơi bốn đại, tăng trưởng các thiện căn thù thắng. Chúng sinh nhiều phước thường thích thọ dụng. Dưới đáy nơi các ao báu hiện bày cát vàng. Bốn phía đều có bốn bậc thềm được trang hoàng bằng bốn thứ báu rất đáng yêu thích. Xung quanh ao có cây báu đẹp bày thành hàng gián cách rõ rệt, hương thơm tỏa ra ngào ngạt, bảy báu trang nghiêm thật đáng ưa chuộng. Thế nào là bảy báu: một là vàng, hai là bạc, ba là phệ-lưu-ly, bốn là phả-chi-ca, năm là xích-chân-châu, sáu là a-thấp-ma-yết-lạp-bà, bảy là mâu-sa-lạc-yết-lạp-bà. Trong các ao thường có vô số hoa sen đủ màu, lớn như bánh xe. Hình hoa màu xanh thì hiện rõ màu xanh, ánh sáng màu xanh và ảnh màu xanh. Hình hoa màu vàng, hiện rõ màu vàng, ánh sáng màu vàng, ảnh màu vàng. Hình hoa màu đỏ, hiện rõ màu đỏ, ánh sáng màu đỏ, ảnh màu đỏ. Hình hoa màu trắng, hiện rõ màu trắng, ánh sáng màu trắng, ảnh màu trắng. Mỗi thứ hoa với màu sắc đều có đầy đủ bốn hình dáng, bốn sự hiện rõ, bốn ánh sáng

và bốn ảnh. Nay Tôn giả Xá-lợi-tử! Trong cõi Phật kia có các công đức trang nghiêm và các thứ vi diệu tốt đẹp như vậy thật đáng ưa thích, nên gọi là thế giới Cực lạc.

Nay Tôn giả Xá-lợi-tử! Trong cõi Phật thanh tịnh của thế giới Cực lạc, thường tự nhiên có vô lượng vô biên các thứ kỹ nhạc vi diệu, âm thanh hòa nhã thật đáng ưa thích. Những chúng sinh nghe các âm thanh vi diệu ấy thì những phiền não xấu ác đều được tiêu diệt, vô lượng pháp thiện lần lần tăng trưởng, mau chóng chúng được đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nay Tôn giả Xá-lợi-tử! Trong cõi Phật kia có các công đức trang nghiêm và các thứ tốt đẹp vi diệu như vậy thật đáng ưa thích, nên gọi là thế giới Cực lạc.

Nay Tôn giả Xá-lợi-tử! Trong cõi Phật thanh tịnh của thế giới Cực lạc, khắp mặt đất đều do vàng ròng hợp thành, chạm vào thật mềm mại, mùi hương tinh khiết, ánh sáng rực rỡ, có vô lượng vô biên những thứ báu đan xen hiện rõ. Nay Tôn giả Xá-lợi-tử! Trong cõi Phật kia có các công đức trang nghiêm và các thứ vi diệu tốt đẹp như vậy thật đáng ưa thích, nên gọi là thế giới Cực lạc.

Lại nữa, nay Tôn giả Xá-lợi-tử! Trong cõi Phật thanh tịnh của thế giới Cực lạc, ngày đêm sáu thời thường mưa các thứ hoa trời thượng diệu, ánh sáng tươi thắm, mùi hương thanh khiết, màu sắc xen lẫn nhau, tuy khiến cho người thấy thân tâm vui thích

mà không đắm nhiễm, làm tăng trưởng vô lượng vô biên công đức thù thắng, không thể nghĩ bàn của hữu tình. Chúng sinh ở cõi đó ngày đêm sáu thời thường cúng dường Đức Phật Vô Lượng Thọ, và vào mỗi sáng sớm thường mang hoa trời trong khoảng một bữa ăn, bay đến vô lượng thế giới ở phương khác, cúng dường trăm ngàn ức chư Phật. Đến chỗ của chư Phật, mỗi mỗi vị đem trăm ngàn ức cành hoa dâng lên cúng dường chư Phật, cúng dường xong trở về chỗ cũ, rồi đến cõi trời khác. Nay Tôn giả Xá-lợi-tử! Trong cõi Phật đó có các công đức trang nghiêm và các thứ tốt đẹp vi diệu như vậy thật đáng ưa thích, nên gọi là thế giới Cực lạc.

Lại nữa, nay Tôn giả Xá-lợi-tử! Trong cõi Phật thanh tịnh của thế giới Cực lạc, thường có đủ loài chim nhiều màu sắc đẹp để thật đáng ưa thích, như ngỗng trời, chim nhạn, cò, chim hồng, chim hạc, khổng tước, anh vũ, chim Ca-lăng-tần-già, chim cộng mạng v.v... Các loài chim này, ngày đêm sáu thời thường tụ tập phát ra âm thanh hòa nhã, tùy loại âm thanh nhằm tuyên dương pháp vi diệu, như: niệm trụ chánh đoạn, thần túc, căn, lực, giác chi, chánh đạo v.v... Chúng sinh ở cõi đó nghe âm thanh này rồi đều niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, tự thân tu tập vô lượng công đức. Nay Tôn giả Xá-lợi-tử! Ý ông nghĩ sao? Các loài chim ở cảnh giới đó, có phải như loài súc sinh nơi cõi ác

không? Chớ nghĩ như vậy. Vì sao? Vì cõi Phật đó thanh tịnh, không có ba đường ác, hãy còn không nghe đến tên ba đường ác, huống gì là có thật nghiệp tội đã gây tạo để thành các loài chim súc sinh ấy. Nên biết đều là việc biến hóa của Phật Vô Lượng Thọ, để khiến tuyên dương pháp âm vô lượng, làm cho chúng sinh được lợi ích, an lạc. Này Tôn giả Xá-lợi-tử! Ở trong cõi Phật đó có các công đức trang nghiêm và những thứ vi diệu tốt đẹp như vậy thật đáng ưa thích, nên gọi là thế giới Cực lạc.

Lại nữa, này Tôn giả Xá-lợi-tử! Trong cõi Phật thanh tịnh của thế giới Cực lạc, thường có gió lành thổi các cây báu và lưới báu phát ra âm thanh vi diệu, ví như trăm ngàn ức loại nhạc trời đồng thời trỗi lên, phát ra âm thanh vi diệu thật đáng ưa thích. Như vậy, cõi Phật đó thường có gió lành thổi các cây báu và lưới báu, phát ra đủ loại âm thanh vi diệu, thuyết giảng đầy đủ các pháp. Chúng sinh ở cõi ấy nghe được âm thanh đó rồi đều phát tâm niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, được vô lượng công đức. Này Tôn giả Xá-lợi-tử! Ở trong cõi Phật đó có các công đức trang nghiêm và những thứ vi diệu tốt đẹp như vậy thật đáng ưa thích, nên gọi là thế giới Cực lạc.

Lại nữa, này Tôn giả Xá-lợi-tử! Trong cõi Phật thanh tịnh của thế giới Cực lạc, có vô lượng vô biên những thứ không thể nghĩ bàn rất là hiếm có như vậy. Giả sử trải qua trăm ngàn ức na-do-tha kiếp,

dùng vô lượng trăm ngàn ức na-do-tha lưỡi, trên mỗi một lưỡi phát ra vô lượng âm thanh tán thán công đức ấy cũng không thể cùng tận, nên gọi là thế giới Cực lạc.

Này Tôn giả Xá-lợi-tử! Trong cõi Phật thanh tịnh của thế giới Cực lạc, Đức Phật do nhân duyên gì gọi là Vô Lượng Thọ? Này Tôn giả Xá-lợi-tử! Do Đức Như Lai ấy và các chúng sinh ở cõi đó thọ mạng nhiều vô lượng vô số đại kiếp. Do nhân duyên ấy nên Đức Như Lai ở cõi đó được gọi là Vô Lượng Thọ. Này Tôn giả Xá-lợi-tử! Phật Vô Lượng Thọ chứng đắc đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đến nay trải qua mười đại kiếp. Này Tôn giả Xá-lợi-tử! Do duyên gì mà Đức Phật đó gọi là Vô Lượng Quang? Này Tôn giả Xá-lợi-tử! Do Như Lai ở cõi đó thường phóng ra vô lượng vô biên ánh sáng vi diệu chiếu khắp tất cả cõi Phật ở mười phương, khiến cho mọi việc làm của Phật đều không bị ngăn ngại. Do duyên này nên Đức Như Lai ở cõi ấy gọi là Vô Lượng Quang. Cõi Phật thanh tịnh đó thành tựu công đức trang nghiêm như vậy, thật đáng ưa thích, nên gọi là thế giới Cực lạc.

Lại nữa, này Tôn giả Xá-lợi-tử! Trong cõi Phật thanh tịnh của thế giới Cực lạc, Đức Phật Vô Lượng Thọ thường có vô lượng đệ tử Thanh văn, tất cả đều là bậc đại A-la-hán, đầy đủ các thứ công đức vi diệu, số lượng là vô biên không thể tính kể. Này Tôn giả Xá-lợi-tử! Cõi Phật thanh tịnh đó

thành tựu công đức trang nghiêm như vậy thật đáng ưa thích, nên gọi là thế giới Cực lạc.

Lại nữa, này Tôn giả Xá-lợi-tử! Trong thế giới Cực lạc là cõi Phật thanh tịnh, Đức Phật Vô Lượng Thọ thường có vô lượng đệ tử Bồ-tát, tất cả đều là bậc Nhất sinh bổ xứ, đầy đủ các thứ công đức vi diệu, số lượng là vô biên không thể tính kể. Giả sử trải qua vô lượng vô số kiếp, tán thán công đức ấy, thì hoàn toàn không thể cùng tận. Này Tôn giả Xá-lợi-tử! Do cõi Phật ấy thành tựu công đức trang nghiêm như vậy thật đáng ưa thích, nên gọi là thế giới Cực lạc.

Lại nữa, này Tôn giả Xá-lợi-tử! Nếu các chúng sinh ở cõi ấy đều là bậc không thoái chuyển, chắc chắn không rơi vào nẻo hiểm ác, nơi chốn biên địa, bán khai, thường đến quốc độ thanh tịnh của chư Phật với hạnh nguyện thù thắng, niệm niệm tăng tiến nhất định sẽ chứng quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Này Tôn giả Xá-lợi-tử! Do cõi Phật đó thành tựu công đức trang nghiêm như vậy thật đáng ưa thích, nên gọi là thế giới Cực lạc.

Lại nữa, này Tôn giả Xá-lợi-tử! Nếu các chúng sinh nghe được danh hiệu Đức Phật Vô Lượng Thọ ở phương Tây và cõi nước thanh tịnh của Ngài trang nghiêm bằng vô lượng công đức, thì đều nên phát nguyện sinh vào thế giới ấy. Vì sao? Vì nếu sinh vào cõi đó thì sẽ được trang nghiêm với vô lượng công đức như vậy. Các bậc Bồ-tát cùng

nhóm họp để thọ dùng vô lượng công đức như thế. Cõi Phật thanh tịnh được các thứ trang nghiêm ấy, thường ưa thích pháp Đại thừa không thoái chuyển, được vô lượng hạnh nguyện, niệm niệm tăng trưởng, nên mau chóng chứng đắc quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nay Tôn giả Xá-lợi-tử! Chúng sinh được sinh nơi cõi Phật kia đã thành tựu vô lượng vô biên công đức, chứ chẳng phải là các chúng sinh ít căn lành mà được sinh đến cõi Phật thanh tịnh ở thế giới Cực lạc của Phật Vô Lượng Thọ.

Lại nữa, này Tôn giả Xá-lợi-tử! Nếu có các thiện nam, thiện nữ với lòng tin thanh tịnh, được nghe vô lượng vô biên công đức không thể nghĩ bàn của Đức Phật Vô Lượng Thọ như vậy, gọi là thế giới Cực lạc với các công đức trang nghiêm, nghe rồi suy nghĩ hoặc một ngày, hai ngày, ba ngày, bốn ngày, năm ngày, sáu ngày đến bảy ngày, nhất tâm không tán loạn thì thiện nam hay thiện nữ khi sắp lâm chung, được Phật Vô Lượng Thọ cùng với vô lượng đệ tử Thanh văn và Bồ-tát vây quanh, đến trước mặt, từ bi gia hộ khiến tâm không tán loạn, xả bỏ thân này rồi, tùy theo chúng hội của Đức Phật mà được sinh vào cõi Phật thanh tịnh nơi thế giới Cực lạc của Phật Vô Lượng Thọ.

Lại nữa, này Tôn giả Xá-lợi-tử! Ta thấy nhân duyên lớn với lợi ích an lạc như vậy, nên phát ra lời nói chân thật. Nếu có các thiện nam hay thiện

nữ với lòng tin thanh tịnh, được nghe công đức không thể nghĩ bàn của Đức Phật Vô Lượng Thọ như thế, nghe danh hiệu của thế giới Cực lạc nơi cõi Phật thanh tịnh, tất cả đều nên tin tưởng phát nguyện thọ trì, đúng như lời dạy mà tu tập thực hành thì sẽ sinh vào cõi Phật đó.

Này Tôn giả Xá-lợi-tử! Như Ta hôm nay đã ca tụng, tán thán vô lượng vô biên công đức không thể nghĩ bàn nơi cõi Phật của Đức Phật Vô Lượng Thọ. Như vậy ở phương Đông cũng hiện có Như Lai Bất Động, Như Lai Sơn Tràng, Như Lai Đại Sơn, Như Lai Sơn Quang, Như Lai Diệu Tràng v.v... số lượng chư Phật như vậy nhiều như hằng hà sa, trú ở phương Đông, từ nơi cõi Phật thanh tịnh mỗi mỗi Đức Phật đều thị hiện tướng lưỡi dài rộng, che khắp ba ngàn đại thiên thế giới, phát ra lời nói chân thật: Chúng sinh các ông đều nên tin tưởng thọ trì pháp môn tán dương công đức của cõi Phật không thể nghĩ bàn như thế, được tất cả chư Phật thâm nhận.

Lại nữa, này Tôn giả Xá-lợi-tử! Như vậy ở phương Nam cũng hiện có Như Lai Nhật Nguyệt Quang, Như Lai Danh Xưng Quang, Như Lai Đại Quang Uẩn, Như Lai Mê Lư Quang, Như Lai Vô Biên Tinh Tấn, số lượng chư Phật như vậy nhiều như hằng hà sa, trú ở phương Nam, từ nơi cõi Phật thanh tịnh, mỗi mỗi vị Phật đều thị hiện tướng lưỡi dài rộng che khắp ba ngàn đại thiên thế giới, phát

ra lời nói chân thật: Chúng sinh các ông đều nên tin tưởng thọ trì pháp môn tán dương công đức của cõi Phật không thể nghĩ bàn như thế, được tất cả chư Phật thâm nhận.

Này Tôn giả Xá-lợi-tử! Như vậy ở phương Tây cũng hiện có Như Lai Vô Lượng Thọ, Như Lai Vô Lượng Uẩn, Như Lai Vô Lượng Quang, Như Lai Vô Lượng Tràng, Như Lai Đại Tụ Tại, Như Lai Đại Quang, Như Lai Quang Diễm, Như Lai Đại Bảo Tràng, Như Lai Phóng Quang, số lượng chư Phật như vậy nhiều như hằng hà sa, trú ở phương Tây, từ nơi cõi Phật thanh tịnh, mỗi mỗi vị Phật đều thị hiện tướng lưỡi dài rộng, che khắp ba ngàn đại thiên thế giới, phát ra lời nói chân thật: Chúng sinh các ông đều nên tin tưởng thọ trì pháp môn tán dương công đức của cõi Phật không thể nghĩ bàn như thế, được tất cả chư Phật thâm nhận.

Lại nữa, này Tôn giả Xá-lợi-tử! Như vậy ở phương Bắc cũng hiện có Như Lai Vô Lượng Quang Nghiêm Thông Đạt Giác Tuệ, Như Lai Vô Lượng Thiên Cổ Chấn Đại Diệu Âm, Như Lai Đại Uẩn, Như Lai Quang Vãng, Như Lai Sa La Đế Vương, số lượng chư Phật như vậy nhiều như hằng hà sa, trú ở phương Bắc, từ nơi cõi Phật thanh tịnh, mỗi mỗi vị Phật đều thị hiện tướng lưỡi dài rộng che khắp ba ngàn đại thiên thế giới, phát ra lời nói chân thật: Chúng sinh các ông đều nên tin tưởng thọ trì pháp môn tán dương công đức của cõi Phật

không thể nghĩ bàn như thế, được tất cả chư Phật thâm nhận.

Lại nữa, này Tôn giả Xá-lợi-tử! Như thế ở phương Dưới cũng hiện có Như Lai Thị Hiện Nhất Thiết Diệu Pháp Chánh Lý Thường Phóng Hỏa Vương Thắng Đức Quang Minh, Như Lai Sư Tử, Như Lai Danh Xưng, Như Lai Dự Quang, Như Lai Chánh Pháp, Như Lai Diệu Pháp, Như Lai Pháp Tràng, Như Lai Công Đức, Như Lai Công Đức Hiệu, số lượng chư Phật như vậy nhiều như hằng hà sa, trú ở phương Dưới, từ nơi cõi Phật thanh tịnh, mỗi mỗi vị Phật đều thị hiện tướng lưỡi dài rộng che khắp ba ngàn đại thiên thế giới, phát ra lời nói chân thật: Chúng sinh các ông đều nên tin tưởng thọ trì pháp môn tán dương công đức của cõi Phật không thể nghĩ bàn như thế, được tất cả chư Phật thâm nhận.

Lại nữa, này Tôn giả Xá-lợi-tử! Như thế ở phương Trên cũng hiện có Như Lai Phạm Âm, Như Lai Túc Vương, Như Lai Hương Quang, Như Lai Như Hồng Liên Hoa Thắng Đức Như Lai Thị Hiện Nhất Thiết Nghĩa Lợi, số lượng chư Phật như vậy nhiều như hằng hà sa, trú ở phương Trên, từ nơi cõi Phật thanh tịnh, mỗi mỗi vị Phật đều thị hiện tướng lưỡi dài rộng che khắp ba ngàn đại thiên thế giới, phát ra lời nói chân thật: Chúng sinh các ông đều nên tin tưởng thọ trì pháp môn tán dương công đức của cõi Phật không thể nghĩ bàn như thế,

được tất cả chư Phật thân nhận.

Lại nữa, này Tôn giả Xá-lợi-tử! Như vậy ở phương Đông Nam cũng hiện có Như Lai Tối Thượng Quảng Đại Vân Lô Âm Vương v.v..., số lượng chư Phật như thế nhiều như hằng hà sa, trú ở phương Đông Nam, từ nơi cõi Phật thanh tịnh, mỗi mỗi vị Phật đều thị hiện tướng lưỡi dài rộng che khắp ba ngàn đại thiên thế giới, phát ra lời nói chân thật: Chúng sinh các ông đều nên tin tưởng thọ trì pháp môn tán dương công đức của cõi Phật không thể nghĩ bàn như thế, được tất cả chư Phật thân nhận.

Lại nữa, này Tôn giả Xá-lợi-tử! Như thế ở phương Tây Nam cũng hiện có Như Lai Tối Thượng Nhật Quang Danh Xung Công Đức v.v..., số lượng chư Phật như vậy nhiều như hằng hà sa, trú ở phương Tây Nam, từ nơi cõi Phật thanh tịnh, mỗi mỗi vị Phật đều thị hiện tướng lưỡi dài rộng che khắp ba ngàn đại thiên thế giới, phát ra lời nói chân thật: Chúng sinh các ông đều nên tin tưởng thọ trì pháp môn tán dương công đức của cõi Phật không thể nghĩ bàn như thế, được tất cả chư Phật thân nhận.

Lại nữa, này Tôn giả Xá-lợi-tử! Như vậy ở phương Tây Bắc cũng hiện có Như Lai Vô Lượng Công Đức Hỏa Vương Quang Minh v.v..., số lượng chư Phật như thế nhiều như hằng hà sa, trú ở phương Tây Bắc, từ nơi cõi Phật thanh tịnh, mỗi

mỗi vị Phật đều thị hiện tướng lưỡi dài rộng che khắp ba ngàn đại thiên thế giới, phát ra lời nói chân thật: Chúng sinh các ông đều nên tin tưởng thọ trì pháp môn tán dương công đức của cõi Phật không thể nghĩ bàn như vậy, được tất cả chư Phật thâm nhận.

Lại nữa, này Tôn giả Xá-lợi-tử! Như thế ở phương Đông Bắc cũng hiện có vô số trăm ngàn ức Như Lai Quảng Tuệ v.v... số lượng chư Phật ấy nhiều như hằng hà sa, trú ở phương Đông Bắc, từ nơi cõi Phật thanh tịnh, mỗi mỗi vị Phật đều thị hiện tướng lưỡi dài rộng che khắp ba ngàn đại thiên thế giới, phát ra lời nói chân thật: Chúng sinh các ông đều nên tin tưởng thọ trì pháp môn tán dương công đức của cõi Phật không thể nghĩ bàn như thế, được tất cả chư Phật thâm nhận.

Lại nữa, này Tôn giả Xá-lợi-tử! Do nhân duyên gì mà kinh này được gọi là “Xung tán công đức của cõi Phật không thể nghĩ bàn”, là pháp môn được tất cả chư Phật thâm nhận? Này Tôn giả Xá-lợi-tử! Vì trong kinh này đã khen ngợi tán thán công đức của cõi Phật không thể nghĩ bàn nơi thế giới Cực lạc của Phật Vô Lượng Thọ, cho đến mười phương chư Phật Thế Tôn, vì muốn dùng phương tiện tạo lợi ích an lạc cho chúng sinh nên đều trụ nơi bốn xứ, hiện thân thông biến hóa lớn, phát ra lời nói chân thật, khuyến khích các chúng sinh tin, thọ pháp này. Cho nên kinh này được gọi

là “Xung tán công đức nơi cõi Phật không thể nghĩ bàn”, là pháp môn được tất cả chư Phật thâm nhận.

Lại nữa, này Tôn giả Xá-lợi-tử! Nếu thiện nam hay thiện nữ nào đã được nghe, hoặc sẽ được nghe, hoặc hiện tại đang nghe, nghe kinh này rồi sinh lòng tin hiểu sâu xa, sinh lòng tin hiểu rồi, nhất định được an trú nơi mọi phương diện được mười hằng hà sa số chư Phật Thế Tôn thâm nhận, đúng như lời dạy mà thực hành, nhất định tất cả đối với quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không còn thoái chuyển, nhất định tất cả được sinh vào cõi Phật thanh tịnh nơi thế giới Cực lạc của Phật Vô Lượng Thọ. Này Tôn giả Xá-lợi-tử! Cho nên chúng sinh các ông hết thảy đều nên tin thọ, nhận hiểu. Ta cùng với chư Phật Thế Tôn trong mười phương đều nói phải nên siêng năng tinh tấn tu tập thực hành đúng như lời dạy, chớ sinh nghi ngờ, do dự.

Lại nữa, này Tôn giả Xá-lợi-tử! Nếu có thiện nam, thiện nữ ở cõi Phật thanh tịnh nơi thế giới Cực lạc của Phật Vô Lượng Thọ, được trang nghiêm bằng công đức, hoặc đã phát nguyện, hoặc sẽ phát nguyện, hoặc đang phát nguyện, chắc chắn được an trú nơi mọi phương diện, được mười hằng hà sa số chư Phật Thế Tôn thâm nhận, đúng như lời dạy mà thực hành, nhất định tất cả đối với quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không còn thoái chuyển, nhất định tất cả được sinh vào cõi

Phật thanh tịnh nơi thế giới Cực lạc của Phật Vô Lượng Thọ. Nay Tôn giả Xá-lợi-tử! Do đây, nếu các thiện nam hay thiện nữ có lòng tin thanh tịnh, thì tất cả đều nên đối với cõi Phật thanh tịnh nơi thế giới Cực lạc của Phật Vô Lượng Thọ mà phát tâm tin hiểu sâu xa, nguyện sinh đến cõi đó chớ hành buông lung.

Lại nữa, nay Tôn giả Xá-lợi-tử! Như hôm nay Ta xưng dương tán thán công đức cõi Phật không thể nghĩ bàn nơi thế giới Cực lạc của Phật Vô Lượng Thọ, thì chư Phật Thế Tôn ở mười phương kia cũng tán thán vô lượng công đức không thể nghĩ bàn của Ta, đều nói thật hết sức hy hữu: Đức Thích Ca vắng lặng, Đấng Pháp Vương Thích Ca gồm đủ mười tôn hiệu: Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn mới có khả năng ở nơi cõi ác đù năm thứ uest trước của thế giới Kham Nhân này, đó gọi là kiếp trước (sự uest trước của kiếp), chúng sinh trước (sự uest trước của chúng sinh), phiền não trước (sự uest trước của phiền não), kiến trước (sự uest trước của nhận thức), mạng trước (sự uest trước của mạng), trong đó đã chứng đắc quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vì muốn dùng phương tiện tạo lợi ích an lạc cho chúng sinh nên thuyết giảng pháp khó tin hiểu đối với thế gian. Nay Tôn giả Xá-lợi-tử! Nên biết hôm nay Ta ở nơi

đời ác đũa năm thứ uest trước của thế giới Kham Nhân tạp nhiệm này mà chứng đắc quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vì muốn dùng phương tiện tạo lợi ích an lạc cho chúng sinh nên thuyết giảng pháp rất khó tin hiểu đối với thế gian, thật là hết sức hy hữu không thể nghĩ bàn.

Lại nữa, này Tôn giả Xá-lợi-tử! Ở đời ác đũa năm thứ uest trước của thế giới Kham Nhân tạp nhiệm này, nếu các thiện nam, thiện nữ có lòng tin thanh tịnh, nghe giảng nói tất cả pháp khó tin hiểu đối với thế gian này, mà có thể sinh tin hiểu, thọ trì, giảng thuyết, đúng như lời dạy tu hành, nên biết người ấy thật là hiếm có, đã từng gieo trồng thiện căn với vô lượng Đức Phật, người ấy khi qua đời nhất định sẽ sinh vào thế giới Cực lạc ở phương Tây, thọ dụng đầy đủ công đức trang nghiêm nơi cõi Phật thanh tịnh, vui thích trong pháp Đại thừa, ngày đêm sáu thời gần gũi cúng dường Đức Phật Vô Lượng Thọ, đi khắp mười phương cúng dường chư Phật, được nghe pháp, được chư Phật thọ ký. Phước đức trí tuệ làm hành trang, chóng được viên mãn, mau chóng chứng đắc quả vị Bồ đề Chánh đẳng Vô thượng.

Khi Đức Thế Tôn thuyết giảng kinh này rồi, Tôn giả Xá-lợi-tử, các đại Thanh văn và chúng Đại Bồ-tát, vô lượng hàng trời, người, A-tổ-lạc v.v... tất cả đại chúng nghe Phật thuyết giảng đều hết sức vui mừng, tin thọ phụng hành.



SỐ 368**THẦN CHÚ BẠT NHẤT THIẾT NGHIỆP
CHƯỚNG CĂN BẢN ĐẮC SINH TỊNH ĐỘ****(TRÍCH TỪ KINH TIỂU VÔ LƯỢNG THỌ)**

*Hán dịch: Đời Lưu Tống, Tam tạng Câu Na Bạt Đà La,
người nước Thiên Trúc.*

**Nam mô a di đà bà dạ, đa tha dà đa dạ, đa
điệt dạ tha, a di rị đô bà tỳ, a di rị đa tất đam bà
tỳ, a di rị đa tỳ ca lan đế, a di rị đa tỳ ca lan đa,
già di nị, dà dà na, chỉ đa ca lệ ta bà ha.**

Nếu có thiện nam, thiện nữ hay tụng thần chú này thì Đức Phật A-di-đà thường ở trên đỉnh đầu họ ngày đêm ủng hộ, khiến họ không gặp oan gia quấy rối, đời hiện tại được an ổn, khi lâm chung thì tự tại vãng sinh.

*
**

**TRUYỆN THẦN LỰC CHẶNG THỂ NGHĨ
BẢN CỦA KINH A DI ĐÀ**

Thuở xưa, tại Trường An có các vị Pháp sư Tăng Duệ, Tuệ Sùng, Tăng Hiền, Tuệ Thông v.v...

cho đến gần đây có Thiền sư Châu Thật, Thiền sư Cảnh, Pháp sư Loan ở Tây Hà v.v... hơn trăm vị, đều được vãng sinh Tây Phương.

Thiền sư Xước ở Tây Hà nhận thấy Pháp sư Loan được sinh về Tịnh độ, nên mọi người khuyến khích, thúc đẩy nhau chuyên tu pháp môn Tịnh độ. Thiền sư Xước lại soạn bộ Tây Phương Kỳ Nghiệm tên là *An Lạc Tập* để truyền bá khắp nơi.

Đời Tấn, Pháp sư Viên vào Lô Sơn, ba mươi năm không ra khỏi núi. Pháp sư bảo những người đồng tu, kẻ tăng người tục gồm một trăm hai mươi ba người cùng lập thệ hẹn nhau sinh về cõi Tây Phương. Họ đục núi để khắc lời nguyện. Cho đến niên hiệu Thiên Gia đời Trần, Thiền sư Trân ở Lô Sơn, khi tọa thiền thấy có hơn trăm người, cùng ngồi trên chiếc thuyền hoa quý báu đi đến Tây Phương. Thiền sư Trân liền xin đi theo, những người trên thuyền bảo:

– Pháp sư tuy giảng được kinh Niết Bàn, cũng là có duyên lớn chẳng thể nghĩ bàn, nhưng Pháp sư chưa tụng được kinh A-di-đà và thần chú, vì thế không thể cùng đi với chúng tôi.

Pháp sư Trân liền đình việc giảng kinh, ngày đêm chuyên tụng kinh A-di-đà và thần chú, tính đủ hại vạn lượt. Chưa hết bốn mươi bảy ngày, thì vào canh tư đêm vừa rồi, có một thần nhân từ phương Tây tới, đưa sang một cái đài bằng bạc trắng đến

giữa không trung, sáng tỏ hơn cả ánh mặt trời, vị ấy bảo:

– Lúc Pháp sư lâm chung, sẽ ngồi trên đài này để đến cõi nước Phật A-di-đà. Thế nên tôi đến đây là để chỉ cho Pháp sư biết về chỗ sinh.

Đến khi Pháp sư Trần lâm chung, mọi người đều nghe nơi không trung như có âm nhạc tấu lên, và có mùi hương lạ. Mùi hương ấy đến vài tháng vẫn chưa hết. Một đêm kia, chúng Tăng nơi ngôi chùa trên đỉnh núi đều thấy bên trong một cái hang có vài mươi ngọn đuốc lớn như bánh xe.

Chúng nghiệm từ xưa đến nay cho thấy, những người được vãng sinh về thế giới An lạc chẳng phải là một, phần nhiều đều thấy hóa Phật và các Thánh chúng đến tiếp rước, ứng hiện điềm lành. Những chuyện như thế xảy ra trong đời rất nhiều không thể ghi chép hết. Nhân nơi việc Thiền sư Trần đối với kinh này có sự ứng nghiệm nên lược thuật một điều ấy để cảnh tỉnh những người có trí, giúp họ thành tựu được chí nguyện vãng sinh, đoạn trừ tất cả cội gốc nghiệp chướng, có thể sinh về cõi Tịnh.

Thần chú này cho đến cuối niên hiệu Nguyên Gia đời Lưu Tống, Pháp sư Cầu-na-bạt-đà đã phụng chiếu dịch lại. Tổng cộng có mười lăm câu, năm mươi chín chữ.

Bồ-tát Long Thọ nguyện sinh về cõi An Dưỡng, trong mộng đã cảm ứng với thần chú này.

Tam tạng Pháp sư Da-xá tụng chú này. Pháp sư Tú ở chùa Thiên Bình theo Pháp sư Da-xá và được khẩu truyền về thần chú này. Vị ấy bảo:

– Kinh này vốn được truyền vào từ ngoại quốc. Nếu muốn thọ trì pháp chú, phải xĩa răng, súc miệng, tắm gội, đốt hương, ở trước tượng Phật quỳ gối, cháp tay, ngày đêm sáu thời, mỗi lần tụng hai mươi một biến, liền diệt được các tội thuộc loại bốn trọng, ngũ nghịch, mười ác, tội phỉ báng kinh Phương Đẳng. Các tội như thế cùng được diệt trừ, đời hiện tại mọi thứ cầu mong đều được toại nguyện, không bị quỷ thần xấu ác quấy rối. Nếu tụng đủ hai mươi vạn biến tức cảm ứng được cây Bồ-đề tươi tốt, hoặc tụng đến ba mươi vạn biến liền tận mắt thấy Đức Phật A-di-đà.



SỐ 369
CHÚ A DI ĐÀ PHẬT THUYẾT
(Không dịch)



SỐ 370

KINH A DI ĐÀ CỔ ÂM THANH VƯƠNG
ĐÀ LA NI

*Hán dịch: Khuyết danh, nay phụ
vào dịch phẩm đời Lương.*

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại ao Đà-dà-linh, thuộc đại thành Chiêm-ba, cùng với chúng Đại Tỳ-kheo năm trăm người hội đủ.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các vị Tỳ-kheo:

– Hôm nay, Như Lai sẽ diễn nói cho các vị nghe về thế giới An Lạc ở phương Tây, hiện có Đức Phật hiệu là A-di-đà. Nếu trong bốn chúng có người nào định tâm trì niệm danh hiệu Phật A-di-đà, nhờ công đức này, khi lâm chung sẽ được Đức Phật A-di-đà và đại chúng hiện đến chỗ người ấy, khiến người lâm chung được trông thấy, sau đây, liền sinh tâm vui vẻ mến thích, công đức tăng trưởng bội phần. Do nhân duyên này nên được sinh vào cõi Phật, vĩnh viễn không còn thọ thân theo bào thai uế tạp, chỉ ở nơi hoa sen quý báu, tốt tươi, tự nhiên hóa sinh, có đủ đại thần thông, hào quang rực rỡ. Khi ấy, chư Phật trong mười phương nhiều

như cát sông Hằng cùng nhau ca ngợi thế giới An Lạc kia. Đó là pháp Phật chẳng thể nghĩ bàn, thần thông hiện hóa các thứ phương tiện chẳng thể nghĩ bàn. Nếu ai có thể tin tưởng những việc như đây, nên biết người đó là chẳng thể nghĩ bàn, đạt được phước báo cũng chẳng thể nghĩ bàn. Đức Phật A-di-đà cùng chúng Thanh văn hội đủ. Đức Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri cõi nước đó hiệu là Thanh Thái là trú xứ của bậc Thánh vương, thành này dài rộng mười ngàn do-tuần, trong thành có rất nhiều người thuộc dòng dõi Sát-đế-lợi.

Đức Phật A-di-đà, Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri, phụ thân là Chuyển luân Thánh vương tên Nguyệt Thượng, mẫu thân tên Thủ Thắng Diệu Nhan, con tên Nguyệt Minh, đệ tử hầu cận tên Vô Cấu Xung, vị đệ tử có trí tuệ bậc nhất tên là Hiền Quang, đệ tử có thần túc hơn hết tên là Đại Hóa. Thời ấy có Ma vương tên Vô Thắng, có hạng người như Đề-bà-đạt-đa tên Tịch Tĩnh.

Đức Phật A-di-đà cùng sáu vạn Tỳ-kheo hội đủ. Nếu có người thọ trì danh hiệu Đức Phật ấy với tâm kiên cố luôn nhớ nghĩ không quên, trong suốt mười ngày đêm không hề tán loạn, siêng năng tinh tấn tu tập pháp Tam-muội niệm Phật, biết rõ Đức Như Lai ấy luôn trụ nơi thế giới An Lạc, nhớ nghĩ liên tục không phút giây nào gián đoạn, thọ trì đọc tụng Đại Đà La Ni Cô Âm Thanh Vương này cũng mười ngày mười đêm, sáu thời chuyên niệm, năm

vóc gieo sát đất kính lễ Đức Phật, chánh niệm bền chắc, đều dứt trừ tâm tán loạn. Nếu người đó có thể khiến cho tâm luôn nhớ nghĩ, không ngưng dứt, trong suốt mười ngày, ắt sẽ được thấy Đức Phật A-di-đà và cả chư Như Lai trong mười phương thế giới cùng trụ xứ của chư Phật. Chỉ trừ những người căn tánh ám độn, nghiệp chướng nặng nề, với thời gian ít ỏi này thì không thể thấy được Phật. Tất cả các phước lành thay đều hồi hướng nguyện được vãng sinh về thế giới An Lạc, đến ngày lâm chung, Đức Phật A-di-đà cùng các đại chúng hiện ra trước mặt người ấy để an ủi, khen ngợi. Người ấy tức thì sinh tâm vui thích. Do nhân duyên này, theo như chỗ nguyện, liền được vãng sinh.

Đức Phật bảo các vị Tỳ-kheo:

– Vì sao gọi là Đại Đà La Ni Cổ Âm Thanh Vương? Ta nay sẽ giảng nói, các vị hãy khéo nghe và thọ trì.

Đức Thế Tôn liền nói chú:

– Đa phục tha, bà ly, a bà ly, sa ma bà la, ni địa xà, ni xà đa ni, ni mật đề, ni mật xí, xà la bà la xa đà di, túc khư bà đề ni địa xa, a di đa do bà ly, a di đa xà dà bà ni ha lệ, a di đa xà ba la sa bà di, niết phù đề, a ca xá ni phù đà, a ca xá ni đề xa, a ca xá ni xà đề, a ca xá cửu xá ly, a ca xá đạt xa ni, a ca xá đề tha di, lưu bà ni đề xa, lô bạt đát ni thế, giá đỏa rị đạt ma ba la sa a di, già đỏa rị a rị xà sa đế

xà bà la sa đà ni, già đỏa rị mạt già bà na ba la sa đà di, bà la tỳ lê da bà la sa đà di, đạt ma giáp tha di, cửu xá ly cửu xá ly ni đề xá cửu xa la ba la đề giả di, phật đà cửu xa ly tỳ phật đà bà la bà tư, đạt ma ca la di, ni chuyên đề, ni phù đề, tỳ ma ly, tỳ la xà, la xà, la tư, la sa chánh, la sa đà la bà ly, la sa đà la a địa tha di, cửu xá ly, bà la đề cửu xá ly, tỳ cửu xá ly, tha đề, tu đà da chí đề, tu bà la xá đa chí đề, tu bà la đề si đề, tu ly, tu mục xí, đạt dương, đạt đạt đề, ly bà, già bà ly, a nậu xá bà ly, phật đà ca xá ni cửu di Phật đà ca xá cửu di, ta bà ha.

Đại Đà La Ni A Di Đà Âm Thanh Vương này, nếu có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, thiện nam, tín nữ thường xuyên chí thành thọ trì, đọc tụng thì theo như lời dạy mà tu hành. Người hành trì pháp ấy phải ở nơi thanh vắng, tắm gội sạch sẽ, mặc y phục mới, sạch, ăn uống tinh khiết, không được ăn uống rượu thịt và dùng *ngũ vị tân*, luôn tu phạm hạnh, thường dùng hoa thơm đẹp cúng dường Đức Như Lai A-di-đà và đạo tràng Phật, chúng Đại Bồ-tát, thường phải chuyên tâm chánh niệm như thế mà phát nguyện sinh về thế giới An Lạc, tinh tấn nỗ lực như lời phát nguyện, chắc chắn sẽ được vãng sinh nơi thế giới Phật A-di-đà.

Khi ấy, Đức Phật A-di-đà cùng các đại chúng an tọa nơi hoa sen báu. Ở cõi nước ấy, vườn rừng, hoa quả sum suê, tươi tốt đan xen khắp nơi, tạo nên vẻ trang nghiêm, đẹp đẽ. Lại có cây thọ vương gió

thôi hương bay ngào ngạt, phát ra âm thanh êm dịu, chỉ thuần thuyết giảng pháp vô thượng chẳng thể nghĩ bàn. Lại có hương vị diệu tên là Quang Minh, hoặc có hương xoa được làm bằng bột báu. Đức Phật A-di-đà ở nơi hoa báu lớn ngôi kiết già. Có hai vị Bồ-tát: một vị tên là Quan Thế Âm, một vị tên là Đại Thế Chí, hai vị ấy đều đứng hầu hai bên Đức Phật và có vô số Bồ-tát đi nhiều giáp vòng quanh nơi chúng hội này. Nếu người nào có lòng tin sâu xa, không hề hồ nghi, chắc chắn được vãng sinh về cõi nước của Đức Phật A-di-đà.

Đất nơi cõi Cực Lạc ấy toàn bằng vàng ròng, hoa sen bảy báu tự nhiên vọt lên. Nếu có bốn chúng thọ trì, đọc tụng danh hiệu Đức Phật A-di-đà thì không bị các thứ sợ hãi về tai nạn nước, lửa, độc dược, đao gậy, cũng không bị các chúng như Dạ-xoa v.v... khủng bố, lại đoạn trừ bao thứ nghiệp chướng, tội nặng trong đời quá khứ, cho đến bảy đời tất đều được như sở nguyện.

Khi Đức Phật thuyết Đà La Ni A Di Đà Cổ Âm Thanh Vương này, có vô lượng chúng sinh phát nguyện, chí tâm mong cầu sinh về thế giới Cực Lạc kia.

Lúc ấy, Đức Thế Tôn khen ngợi:

– Lành thay! Lành thay! Như lời các vị đã nguyện ước, chắc chắn được vãng sinh về cõi nước Cực lạc.

Khi nghe Đức Phật dạy như vậy, tám bộ chúng trời, rồng v.v... đều hoan hỷ hết mực đánh lễ vâng theo.



SỐ 371

KINH QUÁN THẾ ÂM BỒ TÁT, ĐẮC ĐẠI
THẾ BỒ TÁT THỌ KÝ

*Hán dịch: Đời Lưu Tống, Sa-môn Đàm
Vô Kiệt, người nước Hoàng Long.*

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại Lộc Uyển Tiên Nhân thuộc thành Ba-la-nại, cùng với chúng Đại Tỳ-kheo gồm hai vạn người hội đủ. Chúng Bồ-tát gồm một vạn hai ngàn người.

Tên của các vị Bồ-tát ấy là: Bồ-tát Sư Tử, Bồ-tát Sư Tử Ý, Bồ-tát An Ý, Bồ-tát Vô Dụ Ý, Bồ-tát Trì Địa, Bồ-tát Na-la-đạt, Bồ-tát Thần Thiên, Bồ-tát Thật Sự, Bồ-tát Già-hầu-đa, Bồ-tát Hiền Lực, Bồ-tát Minh Thiên, Bồ-tát Ái Hỷ, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, Bồ-tát Trí Hạnh, Bồ-tát Chuyên Hạnh, Bồ-tát Hiện Vô Ngại, Bồ-tát Di-lặc, một vạn hai ngàn vị Đại Bồ-tát như thế v.v... đều là bậc thượng thủ.

Lại có hai vạn Thiên tử, như Thiên tử Thiện Giới, Thiên tử Thiện Trụ v.v... làm thượng thủ, đều trụ nơi pháp Đại thừa.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn đang cùng với vô lượng trăm ngàn đệ tử vây quanh nghe Ngài thuyết pháp,

thì trong chúng hội có một vị Bồ-tát tên là Hoa Đức Tạng, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, bày vai bên phải, gồi phải quỳ sát đất, chấp tay hướng về Đức Phật, nói:

– Cúi xin Thế Tôn cho phép, con có điều muốn thưa hỏi.

Đức Phật bảo Bồ-tát Hoa Đức Tạng:

– Tùy ý ông cứ hỏi, những điều nghi ngờ ấy Ta đã biết rồi. Ta sẽ giảng nói, khiến ông hoan hỷ.

Bồ-tát Hoa Đức Tạng bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Như thế nào là Đại Bồ-tát không thoái chuyển nơi đạo quả Bồ-đề vô thượng cùng năm thần thông, đạt được Tam-muội như huyễn, dùng phương tiện khéo léo để có thể hóa ra thân kia, tùy theo các hình loại thành tựu thiện căn, vì chúng sinh mà thuyết pháp, khiến chúng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Đức Phật khen Đại Bồ-tát Hoa Đức Tạng:

– Hay thay! Hay thay! Ông ở trước Đức Như Lai Đẳng Chánh Giác đã có thể nêu hỏi ý nghĩa như thế.

Này Hoa Đức Tạng! Ông đối với chư Phật thời quá khứ đã trồng các căn lành, cúng dường vô số trăm ngàn vạn ức chư Phật, Thế Tôn, đối với các chúng sinh khởi tâm đại bi. Hay thay! Này Hoa Đức Tạng! Lắng nghe, lắng nghe! Khéo suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì ông mà giảng nói.

Bồ-tát Hoa Đức Tạng thưa:

– Dạ vâng, con thích muốn nghe.

Đức Phật bảo Đại Bồ-tát Hoa Đức Tạng:

– Thành tựu một pháp đạt được Tam-muội như huyễn. Được Tam-muội này rồi, dùng phương tiện khéo léo để hóa ra thân kia, tùy theo các hình loại thành tựu căn lành, vì chúng sinh mà thuyết pháp, khiến chúng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Pháp ấy là gì? Đó là pháp không nương tựa. Không nương nơi ba cõi, không nương ở trong, cũng không nương ở ngoài, đối với “*không chỗ nương tựa*” đạt được quan sát chân chánh. Quan sát chân chánh rồi, liền được *chánh kiến*, nên đối với giác tri không còn bị tổn giảm. Do tâm không giảm nên được *chánh tuệ*. Nghĩa là tất cả các pháp từ duyên mà khởi nên hiện hữu chỉ là hư giả. Tất cả các pháp do nhân duyên sinh, nếu không có nhân duyên thì không có pháp sinh. Tuy tất cả pháp từ nhân duyên sinh nhưng không có đối tượng được sinh. Người thông đạt pháp vô sinh như thế thì được nhập vào đạo chân thật của Bồ-tát cũng gọi là được nhập vào tâm đại từ bi, thương xót, độ thoát hết thảy chúng sinh. Khéo có thể hiểu nghĩa sâu xa về ý nghĩa như thế rồi thì biết tất cả các pháp là như huyễn, chỉ do nhớ nghĩ, nói năng hóa tạo ra các pháp. Nhưng nhớ nghĩ, nói năng hóa tạo ra các

pháp ấy rốt ráo đều là không. Khéo thông đạt các pháp không rồi thì đó gọi là đạt được Tam-muội như huyễn. Được Tam-muội rồi, dùng phương tiện khéo léo để có thể hóa ra thân kia, tùy theo các hình loại mà thành tựu căn lành, vì chúng sinh mà thuyết pháp, khiến chúng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Đại Bồ-tát Hoa Đức Tạng bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Ở trong chúng hội này có Bồ-tát đạt được Tam-muội ấy không?

Đức Phật nói:

– Có đấy. Nay trong chúng hội này có sáu mươi vị Chánh sĩ, như Bồ-tát Di-lặc, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi v.v... với thế nguyện lớn trang nghiêm chẳng thể nghĩ bàn, đã đạt được Tam-muội ấy.

Bồ-tát Hoa Đức Tạng lại bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Chỉ có thế giới này Bồ-tát đạt được Tam-muội ấy, còn ở thế giới thuộc phương khác lại có Bồ-tát thành tựu Tam-muội như huyễn kia không?

Đức Phật bảo Bồ-tát Hoa Đức Tạng:

– Về phương Tây, cách đây hàng ức trăm ngàn cõi có thế giới tên là An Lạc, ở đó có Đức Phật hiệu là A-di-đà Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri, hiện đang thuyết pháp. Đức Phật ấy có hai vị Bồ-tát: Vị thứ nhất tên là Quán Thế Âm, vị thứ hai tên là Đắc Đại Thế đều đạt Tam-muội này.

Lại nữa, này BỒ-tát Hoa Đức Tạng! Nếu có BỒ-tát theo vị Chánh sĩ kia bảy ngày bảy đêm, nghe, thọ pháp ấy, liền đạt được Tam-muội như huyền.

BỒ-tát Hoa Đức Tạng bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Cõi nước kia phải có vô lượng BỒ-tát đạt được Tam-muội ấy. Vì sao? Vì số BỒ-tát còn lại sinh vào cõi nước đó, đều sẽ đi đến chỗ bậc Chánh sĩ lắng nghe thọ nhận pháp ấy.

Đức Phật khen:

– Đúng vậy! Đúng vậy! Như ông đã nói, có vô lượng a-tăng-kỳ Đại BỒ-tát theo bậc Chánh sĩ kia đạt được Tam-muội ấy.

BỒ-tát Hoa Đức Tạng lại bạch Phật:

– Cao cả thay, thưa Thế Tôn! Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri xin dùng thần lực khiến bậc Chánh sĩ đó đến thế giới này, lại khiến cho hai cõi cùng được thấy nhau. Vì sao? Vì nếu bậc Chánh sĩ đó đã đi đến cõi này, thì thiện nam, thiện nữ nào thành tựu được căn lành, nghe bậc Chánh sĩ ấy nói pháp, đạt được Tam-muội này, lại mong thấy Đức Phật A-di-đà ở thế giới An Lạc, khiến cho thiện nam, thiện nữ ấy phát tâm cầu đạo quả Chánh giác Vô thượng, nguyện sinh vào cõi nước kia, nên trọn không thoái chuyển nơi quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nhận lời thỉnh cầu của BỒ-tát Hoa Đức Tạng, liền phóng ra ánh sáng từ

tướng lông trắng giữa chân mày tỏa chiếu khắp ba ngàn đại thiên cõi nước. Trong đó, tất cả núi chúa Tu-di, núi Mục-chân-lân-đà, núi Đại Mục-chân-lân-đà, núi Nghiễn-ca-la, núi Đại Nghiễn-ca-la, cho đến biên vực của các thế giới khác, tất cả núi đá, rừng rậm và những nơi tối tăm đều hiện bày màu sắc vàng ròng sáng chói. Ánh sáng ấy khiến cho ánh sáng của mặt trời, mặt trăng và ánh sáng của những oai lực lớn trong thế gian đều không hiện.

Hào quang của Đức Thế Tôn tỏa chiếu khắp hàng ức trăm ngàn cõi nơi phương Tây cho đến thế giới An Lạc đều cùng một sắc vàng óng. Ánh sáng lớn đó nhiều quanh Đức Phật kia bảy vòng rồi ở trước Đức Như Lai bỗng nhiên không hiện. Các vị Bồ-tát, Thanh văn và chúng sinh ở cõi nước ấy đều trông thấy Đức Phật Thích Ca Văn ở cõi này cùng với các đại chúng đang vây quanh nghe pháp, giống như xem quả A-ma-lặc trong lòng bàn tay, thấy đều sinh tâm ưa thích, hoan hỷ xướng lời như vậy:

– Nam mô Thích Ca Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri. Nơi chúng hội này các vị Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, các chúng trời, rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, nhân và phi nhân v.v... chư vị Đế Thích, Phạm vương, Tứ Thiên vương, các Bồ-tát, Thanh văn v.v... đều thấy rõ Đức Phật A-di-đà ở

thế giới An Lạc cùng với chúng Bồ-tát, Thanh văn quyên thuộc đang vây quanh sáng tỏa như núi báu, cao rõ, thù thắng đặc biệt, oai quang rực rỡ chiếu khắp các cõi, như người mắt sáng, trong khoảng một tầm nhìn thấy diện mạo người rõ ràng, không chướng ngại. Đã trông thấy cảnh giới kia rồi thì đều vui mừng hết mực cùng xướng:

– Nam mô A-di-đà Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri!

Khi ấy, trong chúng hội này, tám vạn bốn ngàn chúng sinh đều phát tâm cầu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vun trồng căn lành, nguyện sinh về cõi nước kia.

Lúc đó, chúng Thanh văn và Bồ-tát ở thế giới An Lạc trông thấy cõi này rồi thì cho là kỳ lạ, chưa từng có nên vui mừng, chấp tay đánh lễ Đức Thích Ca Mâu Ni Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri và nói:

– Nam mô Thích Ca Mâu Ni Phật, có thể vì chúng Bồ-tát, Thanh văn thuyết pháp như thế.

Bấy giờ, nơi thế giới An Lạc hiện đủ sáu cách chấn động:

1. Chấn động cùng chấn động khắp.
2. Dao động cùng dao động khắp.
3. Gõ động cùng gõ động khắp.
4. Vọt động cùng vọt động khắp,
5. Nổ động cùng nổ động khắp.

6. Gầm động cùng gầm động khắp.

Khi ấy, Đại Bồ-tát Quán Thế Âm và Đắc Đại Thế bạch Phật A-di-đà:

– Thật là kỳ diệu, thưa Thế Tôn! Đức Thích Ca Như Lai hiện bày sự việc hy hữu. Vì sao? Vì Đức Thích Ca Mâu Ni Như Lai, Ứng Cúng Chánh Biến Tri chỉ hiện ra một vài danh hiệu đã khiến cho vô lượng đại địa hiện đủ sáu cách chấn động.

Lúc này, Đức Phật A-di-đà bảo hai vị Bồ-tát:

– Đức Thích Ca Mâu Ni không chỉ hiện bày danh hiệu ở cõi ấy, mà còn hiện ra vô lượng danh hiệu ở vô lượng thế giới của chư Phật khác, hào quang tỏa chiếu khắp với sáu cách chấn động cũng như vậy. Vô lượng a-tăng-kỳ chúng sinh ở thế giới của chư Phật kia nghe danh hiệu cùng tán thán Đức Thích Ca Mâu Ni đều thành tựu căn lành, đạt được pháp bất thoái chuyển đối với đạo quả Bồ-đề vô thượng.

Khi ấy, có bốn mươi ức Bồ-tát ở trong chúng hội này nghe danh hiệu Đức Thích Ca Mâu Ni Như Lai, Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác đều cùng phát nguyện đem căn lành hồi hướng đến quả vị Bồ-đề vô thượng. Đức Phật A-di-đà liền thọ ký cho chư vị sẽ chứng đắc đạo quả Chánh Đẳng Chánh Giác.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Quán Thế Âm và Đắc Đại Thế cùng đến chỗ Đức Phật kia đánh lễ sát chân Ngài, cung kính chấp tay đứng qua một bên, rồi

thưa:

– Bạch Thế Tôn! Đức Thích Ca Mâu Ni do nhân duyên gì mà phóng ra ánh sáng ấy?

Đức Phật A-di-đà bảo BỒ-tát Quán Thế Âm:

– Bạc Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác phóng ra ánh sáng ấy chẳng phải là không có nhân duyên. Vì sao? Vì Đức Thích Ca Mâu Ni Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri hiện nay sắp diễn nói kinh “*Bồ Tát Trân Bảo Xứ Tam Muội*” nên trước tiên là hiện ra điềm lành như vậy.

Đại BỒ-tát Quán Thế Âm và Đắc Đại Thế bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Chúng con muốn đến thế giới Ta-bà để lễ bái cúng dường Đức Phật Thích Ca Mâu Ni và nghe thuyết pháp.

Đức Phật bảo:

– Nay thiện nam! Nên biết là rất đúng lúc.

Hai vị BỒ-tát liền cùng nói với nhau:

– Hôm nay chúng ta nhất định sẽ được nghe Đức Phật Thích Ca Mâu Ni giảng nói pháp vi diệu.

Lúc này, hai vị BỒ-tát ghi nhận lời dạy của Đức Phật A-di-đà, rồi nói với bốn mươi ức BỒ-tát quyền thuộc:

– Nay các thiện nam! Chư vị nên cùng đi đến thế giới Ta-bà để đánh lễ cúng dường Đức Phật Thích Ca Mâu Ni và lắng nghe chánh pháp. Vì sao? Vì Đức Thích Ca Mâu Ni Như Lai, Ứng Cúng

Đẳng Chánh Giác đã có thể thực hiện những việc khó làm, bỏ cõi nước thanh tịnh, dùng diệu lực nơi bản nguyện khởi tâm đại bi, ở trong đời xấu ác ô trược, đức mỏng, phước ít, lại nhiều tham, sân, si, thành tựu được đạo quả Bồ-đề vô thượng, vì các chúng sinh mà thuyết pháp.

Khi nói lời này, chư vị Bồ-tát và Thanh văn đồng thanh tán thán:

– Chúng sinh ở thế giới kia nghe danh hiệu Đức Thích Ca Mâu Ni Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri liền đạt được nhiều lợi ích tốt đẹp huống hồ là được thấy Đức Thế Tôn, phát tâm vui mừng. Bạch Thế Tôn! Chúng con sẽ cùng nhau đi đến thế giới Ta-bà để lễ bái cúng dường Đức Phật Thích Ca Mâu Ni.

Đức Phật A-di-đà dạy:

– Nay các Thiện nam! Nên biết là rất hợp thời.

Khi ấy, Bồ-tát Quán Thế Âm, Bồ-tát Đắc Đại Thế cùng với bốn mươi ức Bồ-tát vây quanh trước sau ở thế giới An Lạc, dùng sức thần thông đều làm quyến thuộc, hóa ra bốn mươi ức đài báu trang nghiêm. Các đài báu này dài rộng mười hai do-tuần, oai nghiêm vi diệu. Trên đài báu đó có chỗ làm bằng hoàng kim, có chỗ làm bằng bạch ngân, có chỗ làm bằng lưu ly, có chỗ làm bằng pha lê, có chỗ làm bằng xích châu, có chỗ làm bằng xa cừ, có chỗ làm bằng mã não, có chỗ làm bằng hai loại

báu: hoàng kim và bạch ngân; có chỗ làm bằng ba loại báu là: vàng, bạc và lưu ly; có chỗ do bốn loại báu tạo nên là: hoàng kim, bạch ngân, lưu ly và pha lê; có chỗ do năm loại báu tạo thành là: vàng, bạc, lưu ly, pha lê và xích châu; có chỗ do sáu loại báu tạo nên là: hoàng kim, bạch ngân, lưu ly, pha lê, xa cừ và xích châu; có chỗ do bảy loại báu tạo thành tức gồm thêm mã não.

Lại dùng xích châu, chiêm-đàn, Ưu-bát-la, Bát-đầu-ma, Câu-vật-đầu, Phân-đà-lợi để trang nghiêm đài báu.

Lại tuôn các loại hoa Tu-mạn-na, hoa Chiêm-bặc, hoa Ba-la-la, hoa A-đề-mục-đa, hoa Đa-la-ni, hoa Cù-la-ni, hoa Mạn-đà-la, hoa Ma-ha Mạn-đà-la, hoa Ba-lâu-sa, hoa Ma-ha ba-lâu-sa, hoa Mạn-thù-sa, hoa Ma-ha mạn-thù-sa, hoa Lô-già-na, hoa Ma-ha lô-già-na, hoa Già-ca, hoa Ma-ha già-ca, hoa Tô-lâu-chí-già-ca, hoa Chiên-na, hoa Ma-ha chiêm-na, hoa Tô-lâu-chí-chiêm-đàn-na, hoa Chiên-nô-đa-la, hoa Tha-la, hoa Ma-ha tha-la v.v... Các loại màu sắc xen lẫn nơi đài báu đó hết sức rực rỡ, chói sáng, thanh tịnh, tươi đẹp.

Trên các đài báu có tám vạn bốn ngàn ngọc nữ được hóa hiện hoặc mang ống tiêu, ống sao, đàn cầm, đàn sắt, đàn tranh, đàn tỳ bà, vô lượng các thứ nhạc cụ như thế cùng tấu lên âm thanh vi diệu, ung dung an trụ.

Hoặc có ngọc nữ cầm hương xích chiên-đàn, hương trầm thủy chiên-đàn, hoặc cầm hương hắc trầm thủy chiên-đàn, nghiêm nhiên an trụ.

Hoặc có ngọc nữ cầm hoa Ưu-bát-la, hoa Bát-đâu-ma, hoa Câu-vật-đầu, hoa Phân-đà-lợi thư thái an trụ.

Hoặc có ngọc nữ cầm hoa Mạn-đà-la, hoa Ma-ha Mạn-đà-la, hoa Ba-lâu-sa, hoa Ma-ha ba-lâu-sa, hoa Lô-già-na, hoa Ma-ha lô-già-na, hoa Chiên-na, hoa Ma-ha chiên-na, hoa Tô-lâu-chí-chiên-na, hoa Già-ca, hoa Ma-ha già-ca, hoa Tô-lâu-chí-già-ca, hoa Đà-la, hoa Ma-ha-đà-la, hoa Tô-lâu-chí-đà-la đều đoan nghiêm an trụ.

Hoặc có ngọc nữ cầm tất cả các thứ hoa quả vui vẻ an trụ.

Nơi các đài báu đều có các tòa sư tử do các vật báu tạo thành, rất trang nghiêm. Trên ấy đều có đức hóa Phật gồm đủ ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp tạo nên vẻ uy nghiêm nơi thân.

Lại treo tám vạn bốn ngàn chân châu với các màu sắc xanh, vàng, đỏ, trắng xen lẫn. Xuyên qua, nối kết các đài báu là tám vạn bốn ngàn bình báu đẹp đẽ đựng đầy hương bột trang trí hài hòa. Lại có tám vạn bốn ngàn lọng báu tươi đẹp, giăng che khắp bên trên. Lại có tám vạn bốn ngàn các cây báu xinh tươi được trồng đều khắp. Còn có tám vạn bốn ngàn linh báu giăng mắc khắp trên cao.

Giữa các hàng cây báu có ao làm bằng bảy báu, nước ở đây gồm đủ tám thứ công đức, luôn đầy ắp. Nhiều loại hoa sen báu xanh, vàng, đỏ, trắng với những màu sắc tươi sáng đẹp đẽ. Gió nhẹ thổi động các hàng cây báu phát ra âm thanh vi diệu, âm thanh đó thật hòa nhã hơn cả nhạc trời.

Trên các đài báu ấy còn có tám vạn bốn ngàn các dây báu đẹp nối kết giữa các hàng cây, mỗi mỗi đài báu ánh sáng rực rỡ tỏa chiếu đến tám vạn bốn ngàn do-tuần.

Bây giờ, Đại Bồ-tát Quán Thế Âm và Đắc Đại Thế cùng với hàng quyến thuộc là tám mươi ức chúng Bồ-tát và các đài báu trang nghiêm đều như nhau, chỉ trong khoảnh khắc như lực sĩ co duỗi cánh tay từ cõi kia hiện đến thế giới này. Lúc đó, hai vị Bồ-tát kia dùng diệu lực của thần thông, khiến đại địa của thế giới này bằng phẳng như mặt nước, rồi cùng tám mươi ức Bồ-tát trước sau vây quanh, do đã thành tựu được công đức lớn vô cùng trang nghiêm, thù thắng không thể ví dụ, nên ánh sáng tỏa chiếu khắp thế giới Ta-bà.

Các Bồ-tát này hiện đến chỗ Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, đánh lễ sát chân Ngài, nhiễu quanh theo phía bên phải bảy vòng rồi đứng qua một bên, bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Đức Phật A-di-đà gọi lời vãn an Đức Thế Tôn có ít bệnh, ít phiền não, đi đứng

đễ dàng, sự hành hóa luôn an lạc chẳng?

Lại nữa, khi hóa hiện các việc trang nghiêm vi diệu nơi cõi kia, các vị BỒ-tát và chúng Thanh văn ở đây trông thấy các đài báu đồ sộ, đẹp đẽ liền tán thán là việc chưa từng có, đều nghĩ: “Các đài báu ấy từ cõi nước An Lạc đi đến thế giới này, là do thần lực của Phật hay thần lực của BỒ-tát?”.

Bấy giờ, BỒ-tát Hoa Đức Tạng vâng theo thần lực của Phật, bạch:

– Bạch Thế Tôn! Hết sức kỳ lạ, thưa Thế Tôn! Thật là điều chưa từng có! Nay các đài báu trang nghiêm đẹp đẽ như thế đã có mặt nơi thế giới Ta-bà, là do uy lực của ai?

Đức Phật dạy:

– Đó là do diệu lực từ thần thông của vị Đại BỒ-tát Quán Thế Âm và Đắc Đại Thế hiện bày sự trang nghiêm lớn lao nơi thế giới này.

– Bạch Thế Tôn! Thật là kỳ diệu! Thưa Thế Tôn! Hạnh nguyện thanh tịnh của chư vị BỒ-tát kia là không thể nghĩ bàn, có thể dùng thần lực để hiện bày đài báu trang nghiêm nơi thế giới này.

Đức Phật khen:

– Đúng vậy, đúng vậy! Như ông đã nói, các thiện nam kia đã ở trong vô số ức na-do-tha trăm ngàn kiếp, làm thanh tịnh các căn lành, đạt được Tam-muội như huyễn, trụ nơi Tam-muội ấy, có thể dùng thần thông biến hóa, hiện ra sự việc như thế.

Lại nữa, này BỒ-tát Hoa Đức Tạng! Ông nay lại quán thế giới ở phương Đông thì thấy điều gì?

BỒ-tát Hoa Đức Tạng liền dùng tất cả thiên nhãn của hàng BỒ-tát quán xét hằng hà sa số các thế giới của chư Phật nơi phương Đông, thấy ở trước các Đức Phật kia đều có BỒ-tát Quán Thế Âm và BỒ-tát Đắc Đại Thế trang nghiêm như trước, cung kính cúng dường, đều nói Đức Phật A-di-đà vẫn an Đức Thế Tôn, ít bệnh, ít phiền não, đi đứng dễ dàng, sự hành hóa luôn an lạc chẳng? Các phương Nam, Tây, Bắc, bốn hướng cùng phương trên, dưới cũng lại như vậy.

Lúc này, BỒ-tát Hoa Đức Tạng thấy các sự việc ấy rồi thì rất đổi vui mừng cho là đạt được điều chưa từng có, liền bạch Phật:

– Thật kỳ diệu, thưa Thế Tôn! Nay hai vị Chánh sĩ ấy đã có thể thành tựu pháp Tam-muội như vậy. Vì sao? Vì hai vị Chánh sĩ ấy có thể hiện bày sự trang nghiêm nơi các cõi Phật.

Lúc đó, Đức Thế Tôn liền dùng thần lực khiến cho chúng hội thấy rõ sự việc ấy rồi, thì có ba vạn hai ngàn người phát tâm cầu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

BỒ-tát Hoa Đức Tạng bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Hai vị Chánh sĩ ấy từ lâu đã phát tâm cầu đạo quả BỒ-đề vô thượng ở nơi Đức Phật nào? Cúi xin Thế Tôn giảng nói về việc ấy,

khiến cho chư vị Bồ-tát tu tập thành tựu đầy đủ các hạnh nguyện.

Đức Phật dạy:

– Hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ, Như Lai sẽ vì ông mà giảng nói.

Bồ-tát Hoa Đức Tạng bạch Phật:

– Lành thay, thưa Thế Tôn! Con rất vui thích muốn nghe.

Đức Phật dạy:

– Về thời quá khứ xa xưa, trải qua vô lượng a-tăng-kỳ kiếp chẳng thể nghĩ bàn, khi ấy ta vì trăm ngàn vị vua, từ vị đại vương thứ nhất, cho đến khi kiếp sắp tận, có thế giới tên Vô Lượng Đức Tụ An Lạc Thị Hiện, ở đây có Đức Phật hiệu là Kim Quang Sư Tử Du Hý gồm đủ mười tôn hiệu: Như Lai, Ứng Cúng Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Cõi nước của Đức Phật đó mọi sự việc đều thanh tịnh, trang nghiêm. Nay Ta vì ông mà giảng nói. Ý ông nghĩ thế nào? Tất cả các sự việc trang nghiêm hiện có nơi cõi nước của Phật A-di-đà ở thế giới An Lạc thực sự là nhiều chăng?

Bồ-tát Hoa Đức Tạng đáp:

– Rất nhiều, không thể nghĩ bàn, khó có thể nói hết.

Đức Phật bảo Bồ-tát Hoa Đức Tạng:

– Giả sử có người chia một sợi lông ra thành trăm phần, dùng một phần sợi lông nhúng vào nước nơi biển cả, ý ông nghĩ thế nào? Nước nơi đâu một sợi lông đối với nước ở biển cả, phần nào nhiều hơn?

Bồ-tát Hoa Đức Tạng đáp:

– Nước nơi biển là rất nhiều, không thể ví dụ.

– Như vậy, này Bồ-tát Hoa Đức Tạng! Nên biết sự việc trang nghiêm ở cõi của Phật A-di-đà giống như nước nơi đâu sợi lông, còn ở cõi của Đức Phật Kim Quang Sư Tử Du Hý thì như nước nơi biển cả. Chỗ sai khác của hàng Thanh văn, Bồ-tát cũng vậy. Đức Như Lai Kim Quang Sư Tử Du Hý cũng vì chúng sinh mà giảng nói pháp của ba thừa. Ta ở trong hằng hà sa số kiếp nói về công đức trang nghiêm nơi cõi Phật ấy, sự an lạc của hàng Bồ-tát, Thanh văn còn không thể hết.

Bấy giờ, trong pháp của Đức Như Lai Kim Quang Sư Tử Du Hý có vị vua tên là Oai Đức Vương, dùng chánh pháp để cai trị, giáo hóa một ngàn thế giới, nên gọi là Pháp vương. Vua Oai Đức ấy có nhiều người con, đầy đủ hai mươi tám tướng của bậc đại nhân. Các vương tử này đều trụ nơi đạo Bồ-đề vô thượng. Nhà vua có bảy vạn sáu ngàn vườn hoa, lầu gác, các vương tử thường hay dạo chơi trong đó.

Bồ-tát Hoa Đức Tạng bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Cõi nước của Đức Phật kia có người nữ chăng?

Đức Phật dạy:

– Nay thiên nam! Cõi nước của Đức Phật kia hãy còn không có tên người nữ, huống gì là có thật. Chúng sinh ở cõi nước đó đều tu tập phạm hạnh thanh tịnh, toàn là hóa sinh, dùng sự vui thích nơi thiên định làm thức ăn. Vua Oai Đức kia ở ngôi tám vạn bốn ngàn ức năm, luôn phụng sự Như Lai, không học theo pháp nào khác. Đức Phật biết rõ tâm niệm của vua, liền vì đày mà diễn nói vô lượng pháp ẩn. Những gì là vô lượng pháp ẩn? Nay Bồ-tát Hoa Đức Tạng! Phạm đã tu hành phải nên phát khởi vô lượng thệ nguyện. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát bố thí là vô lượng, trì giới là vô lượng, nhẫn nhục là vô lượng, tinh tấn là vô lượng, thiên định là vô lượng, trí tuệ là vô lượng, đã hành hóa sáu độ, thâm tóm sinh tử là vô lượng, thương xót chúng sinh là vô lượng, trang nghiêm tịnh độ là vô lượng, âm thanh là vô lượng, biện tài là vô lượng.

Nay Bồ-tát Hoa Đức Tạng! Cho đến một niệm khéo tương ưng với hồi hướng vô lượng.

Thế nào là hồi hướng vô lượng? Như hồi hướng đến hết thấy chúng sinh, khiến cho tất cả các loài chúng được pháp vô sinh, nương Đức Phật Niết-bàn nên nhập Niết-bàn, đó gọi là hồi hướng vô lượng. Vô biên không là vô lượng, vô tướng là vô

lượng, vô nguyên là vô lượng, vô hành như vậy là thực tế của vô dục, pháp tánh là vô sinh nên không tham đắm nơi giải thoát, vì Niết-bàn là vô lượng.

Này thiện nam! Ta chỉ lược nói về các pháp vô lượng. Vì sao? Vì tất cả các pháp đều không có hạn lượng.

Lại nữa, này Bồ-tát Hoa Đức Tạng! Vị vua Oai Đức ấy ở nơi vườn hoa, lầu gác kia nhập Tam-muội. Bên phải, bên trái của vua có hai hoa sen từ đất vọt lên, nhiều màu sắc trang nghiêm. Hương của hoa ấy thơm lừng giống như chiên-đàn trời, có hai đồng tử hóa sinh trong đó, ngồi kiết già, một vị tên là Bảo Ý, vị kia tên là Bảo Thượng.

Lúc này, vua Oai Đức xả thiền định đứng dậy, thấy hai đồng tử đang ngồi trên hoa sen nên dùng kệ, hỏi:

*Ông là Thiên, Long vương?
 Dạ-xoa, Cưu-bàn-trà?
 Là nhân hay phi nhân?
 Xin cho biết danh hiệu?*

Đồng tử phía bên phải nhà vua, dùng kệ đáp:

*Tất cả các pháp không
 Làm sao hỏi danh hiệu?
 Pháp quá khứ đã diệt
 Pháp đương lai chưa sinh
 Pháp hiện tại không trụ
 Nhân giả hỏi tên gì?*

*Pháp không cũng phi nhân
Phi rông, phi La-sát
Nhân cùng với phi nhân
Tất cả không thủ đắc.*

Đồng tử phía bên trái nhà vua liền nói kệ:

*Danh tự đều là không
Danh tự chẳng thủ đắc
Tất cả pháp vô danh
Làm sao hỏi danh tự?
Muốn cầu danh chân thật
Chưa từng được thấy nghe
Phàm pháp sinh liền diệt
Làm sao lại hỏi danh?
Nói danh tự, ngôn ngữ
Đều là giả nêu bày
Tôi tên là Bảo Ý
Người kia tên Bảo Thượng.*

Này Bồ-tát Hoa Đức Tạng! Hai vị đồng tử ấy nói kệ rồi liền cùng với vua Oai Đức đi đến chỗ Phật, đánh lễ sát chân, nhiễu quanh theo bên phải bảy vòng, bèn chấp tay cung kính đứng qua một bên.

Khi ấy, hai đồng tử cùng dùng kệ thưa hỏi Đức Phật:

*Thế nào là cúng dường
Bậc Lương Túc Vô Thượng?
Xin hãy nói nghĩa đó*

*Cho người nghe phụng hành.
Hương hoa, các kỹ nhạc
Y, thực, thuốc, ngọc cụ
Đều cúng dường như vậy
Thế nào là tối thắng?*

Đức Phật kia vì đồng tử liền nói kệ:

*Nên phát tâm Bồ-đề
Cứu độ khắp muôn loài
Đó là cúng Chánh giác
Ba mươi hai tướng tốt.
Hiện bày hằng sa cõi
Nhiều châu báu trang nghiêm
Dâng cúng chư Như Lai
Cùng vui mừng, tôn kính.
Không bằng dùng tâm từ
Hồi hướng đạo Bồ-đề
Phước này là tối thắng
Vô lượng không biên vực.
Người cúng không lỗi lầm
Không thể tính, nêu dụ
Tâm Bồ-đề như vậy
Tất thành tựu chánh giác.*

Hai đồng tử lại nói kệ:

*Các trời, rồng, quỷ thần
Nghe ta gâm sư tử
Nay ở trước Như Lai
Phát nguyện lớn Bồ-đề.*

Sinh tử vô lượng kiếp
 Bản tế: không thể biết
 Nên vì một chúng sinh
 Nhiều kiếp tu hành đạo.
 Huống trong các kiếp này
 Độ thoát vô lượng chúng
 Tu tập đạo Bồ-đề
 Mà sinh tâm mệt mỏi.
 Ta từ ngày hôm nay
 Khởi lên tâm tham dực
 Đó gọi là khinh dối
 Tất cả Phật mười phương.
 Sân giận, ngu si, cấu
 Xan, tật cũng như vậy
 Nay ta nói lời thật
 Xa lìa nẻo hư vọng.
 Ta từ ngày hôm nay
 Khởi lên tâm Thanh văn
 Không thích tu giác ngộ
 Là lừa dối Thế Tôn.
 Cũng không cầu Duyên giác
 Tự lợi ích riêng mình
 Nên đối vạn ức kiếp
 Đại bi độ chúng sinh.
 Như cõi Phật hiện nay
 Thanh tịnh và trang nghiêm
 Khiến ta khi đắc được
 Vượt hơn ức trăm ngàn.

Nước không chúng Thanh văn
 Cũng không thừa Duyên giác
 Toàn là các Bồ-tát
 Số đó không hạn lượng.
 Chúng sinh tịnh, không cầu
 Đây đủ vui thượng diệu
 Sinh ra gặp Chánh giác
 Nắm giữ các pháp tạng.
 Thế này nếu thành thật
 Sẽ chấn động ngàn cõi
 Nói kệ như vậy rồi
 Tức thì chấn động khắp.
 Trăm ngàn thứ kỹ nhạc
 Diễn phát âm hòa nhã
 Ánh sáng tỏa vi diệu
 Xoay vần rồi hạ xuống.
 Chư Thiên ở hư không
 Rải hương bột như mưa
 Hương đó bay xông khắp
 Khiến tâm chúng sinh vui.

Đức Phật bảo Bồ-tát Hoa Đức Tạng:

– Ý ông nghĩ thế nào? Vua Oai Đức lúc đó đâu phải là người nào khác, chính là Ta đây, còn hai vị đồng tử thuở ấy nay là Đại Bồ-tát Quán Thế Âm và Đắc Đại Thế.

Này thiện nam! Hai vị Bồ-tát ấy ở nơi Đức Phật kia mới phát tâm Bồ-đề cầu quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bồ-tát Hoa Đức Tạng bạch Phật:

– Thật hết sức kỳ diệu, thưa Thế Tôn! Thiện nam ấy chưa từng phát tâm mà đã thành tựu được trí tuệ sâu xa, thấu đạt danh tự là không thể thủ đắc như thế. Bạch Thế Tôn! Hai vị Chánh sĩ ấy ở nơi Đức Phật kia từ trước đã từng cúng dường, tạo các công đức.

Đức Phật nói:

– Nay thiện nam! Cát nơi sông Hằng ấy đều có thể tính biết, còn hai vị Đại sĩ này từ trước đã cúng dường nơi các Đức Phật, vun trồng căn lành thì không thể nào tính đếm được. Tuy chưa phát tâm Bồ-đề, nhưng đối với các chúng sinh là bậc hết sức dũng mãnh, dùng những sự việc không thể nghĩ bàn để tự trang nghiêm.

Bồ-tát Hoa Đức Tạng bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Vô lượng khối công đức nơi cõi nước An Lạc thị hiện ở các quốc độ, nay ở phương nào?

Đức Phật dạy:

– Nay thế giới An Lạc ở phương Tây ấy, lúc này gọi là Vô lượng khối công đức thị hiện an lạc.

Bồ-tát Hoa Đức Tạng bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Xin Thế Tôn vì con giảng nói, khiến cho vô lượng chúng sinh có được lợi ích lớn, Đại Bồ-tát Quán Thế Âm ấy thành tựu đạo quả

Đẳng Chánh Giác ở cõi nước nào? Danh hiệu của thế giới trang nghiêm sáng tỏ ấy, thọ mạng hiện có của chúng Thanh văn, Bồ-tát cho đến thành Phật, việc đó như thế nào? Như Đức Thế Tôn đã nói về hạnh nguyện từ trước của Bồ-tát này, các Bồ-tát khác được nghe rồi ắt sẽ tu tập, hành hóa đầy đủ.

Đức Phật khen:

– Lành thay! Hãy lắng nghe! Ta sẽ vì ông mà giảng nói.

Bồ-tát Hoa Đức Tạng đáp:

– Dạ vâng, con vui thích được nghe.

Đức Phật dạy:

– Nay thiện nam! Thọ mạng của Đức Phật A-di-đà vô lượng trăm ngàn ức kiếp, sẽ có cùng tận.

Nay thiện nam! Về đời vị lai lâu xa, số lượng kiếp không thể tính kể, Đức Phật A-di-đà sẽ nhập Niết-bàn. Sau đấy, chánh pháp trụ ở đời bằng thọ mạng của Đức Phật. Thời gian sau Phật diệt độ số lượng chúng sinh được hóa độ cũng giống như thời Phật tại thế. Sau khi Phật vào Niết-bàn, hoặc có chúng sinh nào không thấy Phật thì có các Bồ-tát đạt được Tam-muội niệm Phật, thường thấy Phật A-di-đà.

Lại nữa, nay thiện nam! Sau khi Đức Phật kia diệt độ, tất cả vật báu, ao tắm, hoa sen, các hàng cây báu thường diễn nói pháp âm giống như Phật không khác.

Này thiện nam! Lúc chánh pháp của Phật A-di-đà suy diệt, tiếp sau quá nửa đêm, khi minh tướng xuất hiện, Bồ-tát Quán Thế Âm ở nơi cây Bồ-đề bảy báu ngòai kiết già thành tựu đạo quả Đẳng Chánh Giác, hiệu là Phổ Quang Công Đức Sơn Vương gồm đủ mười tôn hiệu: Như Lai, Ứng Cúng Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Cõi nước của Đức Phật đó bảy báu tự nhiên hiện bày, các việc vi diệu hợp thành sự trang nghiêm. Chư Phật, Thế Tôn ở trong hằng hà sa số kiếp nêu bày cũng không thể hết.

Này thiện nam! Nay Ta vì ông mà nêu ví dụ. Sự trang nghiêm nơi cõi nước của Đức Như Lai Kim Quang Sư Tử Du Hý kia, đối với cõi nước của Đức Như Lai Phổ Quang Công Đức Sơn Vương thì cõi này gấp trăm, ngàn, vạn, ức, triệu lần, cho đến toán số cũng không thể nêu được. Cõi nước của Đức Phật không có tên hàng Thanh văn, Duyên giác, chỉ thuần là các Bồ-tát, số lượng là rất nhiều.

Bồ-tát Hoa Đức Tạng bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Cõi nước của Đức Phật kia tên là An Lạc chăng?

Đức Phật dạy:

– Này thiện nam! Cõi nước của Đức Phật Phổ Quang Công Đức Sơn Vương tên là Chúng Bảo

Thiện Tập Trang Nghiêm.

Này thiện nam! Đức Như Lai Phổ Quang Công Đức Sơn Vương tùy theo thọ mạng đó luôn được Bồ-tát Đắc Đại Thế thân cận cúng dường cho đến khi vào Niết-bàn. Sau khi Phật nhập Niết-bàn, Bồ-tát Đắc Đại Thế phụng trì xiển dương chánh pháp cho đến diệt tận. Tiếp đây, Bồ-tát liền ở trong cõi nước kia thành tựu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, hiệu là Thiện Trụ Công Đức Bảo Vương gồm đủ mười tôn hiệu: Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật - Thế Tôn. Ánh sáng, thọ mạng chúng Bồ-tát của Đức Phật Thiện Trụ Công Đức Bảo Vương đều giống như cõi nước của Đức Như Lai Phổ Quang Công Đức Sơn Vương, cho đến pháp trụ v.v... cũng đều không khác. Nếu thiện nam, thiện nữ nào nghe danh hiệu Đức Như Lai Thiện Trụ Công Đức Bảo Vương đều được pháp bất thoái nơi đạo quả Bồ-đề vô thượng.

Lại nữa, thiện nam, thiện nữ nào được nghe danh hiệu Đức Như Lai Kim Quang Sư Tử Du Hý đời quá khứ, Đức Như Lai Thiện Trụ Công Đức Bảo Vương được chuyển thân nữ, trừ được tội lỗi nơi nẻo sinh tử trong bốn mươi ức kiếp, được pháp bất thoái chuyển đối với quả vị Bồ-đề vô thượng, thường diện kiến Đức Phật, nghe, thọ chánh pháp, cúng dường chúng Tăng. Bỏ thân này, xuất gia tu

tập thành tựu biện tài vô ngại, mau được các pháp Tông trì.

Bấy giờ, sáu mươi ức chúng trong pháp hội đồng thanh tán thán:

– Nam-mô thập phương Bát-niết-bàn Phật.

Tất cả đều cùng bàn luận, phát tâm cầu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đức Phật liền thọ ký sẽ thành tựu quả vị Bồ-đề vô thượng.

Lại có tám vạn bốn ngàn na-do-tha chúng sinh xa lìa mọi thứ phiền não cấu uế, ở trong các pháp đạt được pháp nhãn thanh tịnh, bảy ngàn Tỳ-kheo dứt sạch các lậu, tâm ý thông tỏ.

Lúc này, Bồ-tát Quán Thế Âm, Bồ-tát Đắc Đại Thế liền dùng thần lực khiến chúng hội ở đây đều thấy vô số chư Phật Thế Tôn trong mười phương đều vì hai vị Bồ-tát mà thọ ký đạo quả Bồ-đề vô thượng. Chúng hội thấy rồi đều khen ngợi:

– Rất kỳ lạ, thưa Thế Tôn! Các Đức Như Lai này đã vì hai Đại sĩ kia mà thọ ký như vậy.

Khi ấy, Bồ-tát Hoa Đức Tạng bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Nếu thiện nam, thiện nữ nào đối với kinh điển thâm diệu của Đức Như Lai ấy mà thọ trì, đọc tụng, giảng nói, biên chép, lưu hành rộng khắp thì đạt được phước đức như thế nào? Cúi xin Đức Như Lai phân biệt giảng nói. Vì sao? Vì chúng sinh ở đời vị lai nơi cõi nước xấu ác phước ít, đối với kinh điển sâu xa của Đức Như Lai kia

lại không tin nhận. Do nhân duyên ấy nên nhiều kiếp chịu khổ, khó được giải thoát. Bạch Thế Tôn! Cúi xin Thế Tôn giảng nói rõ về việc ấy, vì thương xót, tạo lợi ích cho các chúng sinh. Bạch Thế Tôn! Nay trong chúng hội này có nhiều thiện nam, thiện nữ căn tánh lanh lợi, ở đời vị lai sẽ tạo nên ánh sáng lớn.

Đức Phật khen:

– Nay Bồ-tát Hoa Đức Tạng! Hay thay! Hãy lắng nghe, Ta sẽ vì ông mà giảng nói.

– Con xin thọ giáo và thích muốn nghe.

Đức Phật dạy:

– Nay thiện nam! Nếu đem tất cả chúng sinh nơi ba ngàn đại thiên thế giới đặt lên hai vai cho đến trọn đời, tùy theo chỗ mong cầu của họ như: cơm áo, ngựa cù, giường nệm, thuốc thang đều cung cấp đầy đủ thì chỗ công đức đạt được là nhiều chăng?

Bồ-tát Hoa Đức Tạng đáp:

– Rất nhiều, thưa Thế Tôn! Nếu dùng từ tâm cung cấp những thứ cần dùng cho một chúng sinh thì công đức đã là vô lượng, huống gì là cho tất cả.

Đức Phật dạy:

– Nếu thiện nam, thiện nữ nào đối với kinh điển này thọ trì, đọc tụng, giảng nói, ghi chép, dùng các thứ cúng dường, lưu hành rộng khắp, phát tâm Bồ-đề, thì công đức đạt được gấp trăm ngàn vạn lần

hơn trước không thể ví dụ.

Bồ-tát Hoa Đức Tạng bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Con từ hôm nay đối với kinh điển của Đức Như Lai đã giảng nói và danh hiệu của ba Đức Phật quá khứ, hiện tại, vị lai sẽ luôn thọ trì, đọc tụng, giảng nói, ghi chép, lưu hành rộng khắp, xa lìa tâm tham, sân, si, phát nguyện cầu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, hoàn toàn không hư vọng.

Bạch Thế Tôn! Khi con thành Phật, nếu có người nữ nào được nghe pháp như vậy thì nơi đời hiện tại sẽ chuyển thân nữ, sau đây sẽ được thọ ký thành tựu quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, hiệu là Ly Cầu Đa Đà, A Già Độ A La Ha Tam Miệu Tam Phật Đà.

Phật giảng nói kinh này xong, Đại Bồ-tát Hoa Đức Tạng và các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Bồ-tát, Thanh văn, tám bộ chúng Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, nhân và phi nhân nghe Phật giảng nói đều rất hoan hỷ.



SỐ 372

KINH NHƯ HUYỄN TAM MA ĐỊA VÔ LƯỢNG ÁN PHÁP MÔN

Hán dịch: Đời Triệu Tống, Đại sư Thi Hộ.

QUYỂN THƯỢNG

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Thế Tôn ngự nơi vườn Lộc dã, chôn tiên nhân bị đọa, thuộc nước Ba-la-nại, cùng với chúng đại Bí-sô gồm hai vạn người hội đủ. Chúng Đại Bồ-tát là một vạn hai ngàn vị, đó là: Sư Tử, Sư Tử Ý, Thiện Trụ Ý, Thắng Tư Duy, Trì Thế, Nhân Thọ, Thủy Thiên, Bảo Tích, Ân Mật, Hiền Hộ, Điện Thiên, Biến Chiếu, Trí Tích, Bất Hưu Tức, Bất Không Kiến, Từ Thị, Diệu Cát Tường Đồng Chân v.v...

Lại có hai vạn Thiên tử, gồm: Thiên tử Thiện Đạo, Thiên tử An Ý v.v... Các Thiên tử này đều an trụ trong pháp Đại thừa. Còn có vô số trăm ngàn đại chúng khác thấy đều cung kính vây quanh, lắng nghe Đức Thế Tôn thuyết pháp.

Bấy giờ, trong chúng hội có vị Đại Bồ-tát tên là Thắng Hoa Tạng, từ chỗ ngồi đứng dậy, bày vai

bên phải, gối phải quỳ sát đất, chấp tay đánh lễ, bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Con có điều muốn hỏi. Cúi xin Đức Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác thương xót cho phép, vì con mà giảng nói rõ.

Đức Phật dạy:

– Nay Bồ-tát Thắng Hoa Tạng! Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác tùy theo người hỏi mà phân tích giảng rõ. Nay tùy ý ông thưa hỏi, Ta sẽ trả lời.

Đại Bồ-tát Thắng Hoa Tạng bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Thế nào là Đại Bồ-tát đạt được bất thoái chuyển nơi đạo quả Bồ-đề vô thượng, thành tựu năm thần thông, chứng đắc Tam-ma-địa như huyền. Được Tam-ma-địa này rồi, có các chúng sinh thiện căn thành thực, liền dùng thần lực của mình hóa hiện ứng hợp, tùy theo chỗ tin hiểu của các chúng sinh, liền vì họ thuyết pháp, khiến mau chứng đắc quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Đức Phật khen Đại Bồ-tát Thắng Hoa Tạng:

– Hay thay! Hay thay! Nay Bồ-tát Thắng Hoa Tạng! Ông nay khéo hỏi những ý nghĩa như vậy. Ông ở đời quá khứ đã từng thân cận vô số ức trăm ngàn chư Phật, nơi trụ xứ của chư Phật đã trông sâu các căn lành, lại có thể vì tất cả chúng sinh khởi tâm thương xót. Ông nên lắng nghe, khéo suy nghĩ,

nay Ta vì ông mà giảng nói.

Bồ-tát Thắng Hoa Tạng thọ giáo lắng nghe.

Đức Phật dạy:

– Nay Bồ-tát Thắng Hoa Tạng! Nên biết, có một pháp, nếu Đại Bồ-tát nào có thể thực hành đầy đủ thì đạt được Tam-ma-địa như huyền. Được Tam-ma-địa này rồi, có các chúng sinh thiện căn thành thực, liền dùng thần lực của mình hóa hiện ứng hợp tùy theo chỗ tin hiểu của các chúng sinh mà nói pháp, khiến họ mau chứng đắc đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này Bồ-tát Thắng Hoa Tạng! Pháp ấy là pháp không nương tựa. Nếu Đại Bồ-tát thành tựu pháp này rồi, cho đến khắp trong ba cõi không dây khởi tướng nương tựa, hoặc trong hoặc ngoài đều không nương tựa. Vì được như vậy nên đạt đầy đủ chánh kiến. Nhờ chánh kiến nên có được sự tương ưng chính đáng và chỗ hành hóa đúng đắn. Do vậy, đạt được tuệ không chướng ngại. Tuệ không ngăn ngại nên tâm cũng không bị ngăn ngại. Ở trong tâm không bị ngăn ngại liền khởi chánh hạnh.

Này Bồ-tát Thắng Hoa Tạng! Bồ-tát có thể khởi chánh hạnh như thế nào? Nghĩa là thấu rõ tất cả pháp đều từ duyên sinh. Ở trong pháp duyên sinh không có một pháp nhỏ nào thật sự được tích tập. Vì sao? Vì các duyên kia đều không thật, nên trong đó làm sao có pháp để có thể sinh khởi? Nếu

pháp từ duyên sinh tức là vô sinh. Thế nên tất cả các pháp đều vô sinh. Bồ-tát nếu có thể biết rõ như thật về tất cả pháp là vô sinh, liền thành tựu được đạo của các Bồ-tát. Căn trí, mọi sự ưa muốn của hết thảy chúng sinh Bồ-tát có thể dùng tâm từ bi, theo đó mà hội nhập có được sự tin hiểu sâu xa, biết rõ tất cả các pháp đều như huyễn hóa, cho đến phân biệt tất cả pháp đều là sự hóa hiện. Do sự phân biệt ấy rốt ráo là không, nên tất cả pháp cũng lại là không. Biết như vậy rồi, liền đạt được Tam-ma-địa như huyễn. Sau đấy, cho đến có thể khiến chúng sinh mau chứng đắc quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bồ-tát Thắng Hoa Tạng bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Nay trong chúng hội này có bao nhiêu Đại Bồ-tát đạt được Tam-ma-địa như huyễn?

Đức Phật dạy:

– Nay Bồ-tát Thắng Hoa Tạng! Nay trong chúng hội này có sáu mươi vị Đại sĩ như Bồ-tát Từ Thị, Bồ-tát Diệu Cát Tường Đồng Chân v.v... đều đã mặc áo giáp chẳng thể nghĩ bàn đạt được pháp môn Tam-ma-địa như huyễn.

Bồ-tát Thắng Hoa Tạng thưa:

– Bạch Thế Tôn! Trong những thế giới khác cũng có các Bồ-tát, Đại sĩ đạt được Tam-ma-địa này chăng?

Đức Phật dạy:

– Nay BỒ-tát Thắng Hoa Tạng! Về phương Tây, cách đây trăm ngàn ức cõi Phật, có thế giới tên là Cực Lạc, Đức Phật nơi cõi ấy hiệu là Vô Lượng Quang gồm đủ mười tôn hiệu: Như Lai, Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác v.v... hiện đang thuyết pháp, giáo hóa chúng sinh. Trong cõi của Đức Phật kia có BỒ-tát tên là Quán Tự Tại và BỒ-tát tên là Đại Thế Chí, hai vị BỒ-tát này đều đạt được Tam-ma-địa ấy, ở trong bảy đêm vì những BỒ-tát khác mà giảng nói pháp môn đó. Các vị BỒ-tát nghe rồi cũng đều đạt được Tam-ma-địa như huyễn.

BỒ-tát Thắng Hoa Tạng bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Tất cả BỒ-tát hiện có trong cõi Phật kia đạt được Tam-ma-địa như huyễn tất là nhiều hơn ở cõi này. Vì sao? Vì trong cõi Phật này các vị BỒ-tát đối với BỒ-tát Từ Thị, BỒ-tát Diệu Cát Tường Đồng Chân đã không chuyên cần thưa hỏi lắng nghe thọ nhận pháp môn như thế, nên ít có người đạt được Tam-ma-địa ấy.

Đức Phật khen:

– Nay BỒ-tát Thắng Hoa Tạng! Đúng vậy! Đúng vậy! Đúng như ông đã nói, trong cõi Phật kia tất cả các vị BỒ-tát đều an trụ vào Tam-ma-địa như huyễn, vô lượng vô số không thể tính đếm.

Đại BỒ-tát Thắng Hoa Tạng lại bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Cúi xin Đức Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác, như Đức Như Lai đã hiện ra tướng thân thông khiến hai vị Đại sĩ nơi cõi của Đức Phật kia đi đến thế giới Ta-bà này. Lại khiến cho chúng hội ở đây đều thấy thế giới Cực Lạc, nhìn thấy đức Vô Lượng Quang Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác. Vì sao? Vì trong cõi Phật này các thiện nam, thiện nữ nào nếu thấy được Đức Như Lai Vô Lượng Quang, liền có thể phát tâm cầu đạo quả Bồ-đề vô thượng, mỗi mỗi đều nguyện sinh về cõi Phật đó, đạt được pháp bất thoái chuyển nơi quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Lại nữa, nếu hai vị Đại sĩ kia đi đến cõi này thì tất cả thiện nam, thiện nữ hiện có tu tập theo Bồ-tát thừa nơi cõi này thiện căn sẽ tăng trưởng, hoặc lắng nghe hai vị Đại sĩ kia thuyết pháp liền đạt được Tam-ma-địa như huyền.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nhận lời thỉnh cầu của Đại Bồ-tát Thắng Hoa Tạng, liền từ giữa chạng mây phóng ra ánh sáng lớn màu vàng rờng chiếu sáng khắp ba ngàn đại thiên thế giới. Trong đó, tất cả núi Tu-di, núi Mục-chân-lân-đà, núi Ma-ha Mục-chân-lân-đà, núi Tuyết, núi Luân Vi, núi Đại Luân Vi v.v... cho đến biên vực tận cùng của các thế giới khác, tất cả núi, đá, rừng rậm và những nơi tối tăm, ánh sáng sắc vàng rờng này đều chiếu khắp. Hết thấy ánh sáng của mặt trời, mặt trăng vốn

sáng rỡ ở thế gian rộng lớn đều bị hào quang của Đức Phật che khuất, giống như nhãn quang lờ mờ xét về vật nhỏ kia.

Lúc này, ánh sáng màu vàng ròng tỏa chiếu khắp trăm ngàn ức cõi Phật ở phương Tây, cho đến thế giới Cực Lạc là trụ xứ của Đức Như Lai Vô Lượng Quang. Ánh sáng xoay vòng nhiều quanh Đức Phật ấy bảy lượt, rồi ở trước Đức Phật bỗng dung ẩn mất không hiện.

Khi đó, tất cả Bồ-tát, Thanh văn hiện có và các loài chúng sinh ở thế giới Cực Lạc, nương theo ánh sáng trước thấy đều thấy thế giới Ta-bà cùng đại chúng Bồ-tát, Thanh văn đang vây quanh Đức Như Lai Thích Ca Mâu Ni, giống như xem quả A-ma-lặc trong lòng bàn tay, đều sinh tâm hoan hỷ, vui thích, niệm:

– Nam-mô Thế Tôn Thích Ca Mâu Ni Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Bảy giờ, các Đại Bồ-tát, Bí-sô, Bí-sô ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, Phạm vương, Đế thích, Hộ Thế Tứ Vương, tám bộ chúng Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, nhân và phi nhân trong pháp hội của Đức Như Lai Thích Ca Mâu Ni ở thế giới Ta-bà này đều trông thấy thế giới Cực Lạc và đại chúng Bồ-tát, Thanh văn đang vây quanh Đức Như Lai Vô Lượng Quang với ánh sáng rực rỡ như núi Diệu

Cao tòa chiếu khắp cõi ấy, như người mắt sáng trong khoảng một tầm nhìn thấy rõ diện mạo của người khác, không hề mệt nhọc. Cõi này và cõi kia cùng trông thấy nhau cũng lại như vậy.

Khi ấy, chúng hội ở đây được thấy Đức Phật Vô Lượng Quang cùng vô số trăm ngàn ức sự việc trang nghiêm công đức viên mãn ở thế giới đó rồi, đều sinh tâm vui mừng thích thú, liền niệm:

– Nam-mô Thế Tôn Vô Lượng Quang Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Lúc niệm danh hiệu này, trong chúng hội có tám vạn bốn ngàn chúng sinh cùng phát tâm cầu đạo quả Bồ-đề vô thượng, nhờ thiện căn này nên sẽ được sinh về thế giới Cực Lạc.

Bấy giờ, tất cả đại chúng Bồ-tát, Thanh văn hiện có ở thế giới Cực Lạc lại sinh tâm hy hữu, chấp tay cung kính, từ xa hướng về Đức Thế Tôn Thích Ca Mâu Ni Như Lai đánh lễ, lại niệm:

– Nam-mô Thế Tôn Thích Ca Mâu Ni Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Khi phát ra lời niệm ấy thì thế giới Cực Lạc đã hiện đủ sáu cách chấn động. Đó là:

1. Chấn động, cùng chấn động khắp.
2. Dao động, cùng dao động khắp.
3. Gõ động, cùng gõ động khắp.
4. Vọt động, cùng vọt động khắp.
5. Nổ động, cùng nổ động khắp.

6. Gầm động, cùng gầm động khắp.

Hiện tượng như vậy rồi, thì trong chúng hội kia Bồ-tát Quán Tự Tại, Bồ-tát Đại Thế Chí cùng thừa với Đức Như Lai Vô Lượng Quang:

– Thật là hy hữu, thừa Thế Tôn! Thật là hy hữu, thừa bậc Thiện Thế! Tất cả danh tự của Đức Như Lai Thích Ca Mâu Ni kia chỉ xưng niệm trong một khoảng này đã có thể khiến cho đại địa hiện đủ sáu cách chấn động.

Đức Phật Vô Lượng Quang bảo:

– Nay thiện nam! Không những chỉ vào lúc xưng tán danh hiệu của Đức Như Lai Thích Ca Mâu Ni nơi cõi Phật này đã hiện bày các tướng như vậy, mà trong vô lượng các cõi Phật khác cũng đều xưng tán danh hiệu của Đức Phật đó, đều mong được tiếp xúc với hào quang của Đức Phật ấy, mỗi mỗi cõi đều hiện đủ sáu cách chấn động. Trong cõi Phật này, vô lượng vô số loài chúng sinh nếu được nghe danh hiệu của Đức Như Lai Thích Ca Mâu Ni ấy rồi thì thiện căn đều được tăng trưởng, đạt pháp bất thoái chuyển đối với đạo quả Bồ-đề vô thượng.

Lại nữa, chư vị Bồ-tát trong chúng hội kia có bốn mươi ức vị được nghe danh hiệu của Đức Như Lai Thích Ca Mâu Ni rồi đều khởi lên nguyện này: Tập hợp tất cả các thiện căn hiện có để hồi hướng đến quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Tức thời Bồ-tát Quán Tự Tại, Bồ-tát Đại Thế Chí cùng đến trước chỗ Đức Như Lai Vô Lượng Quang, đánh lễ nơi chân Phật, cung kính chiêm ngưỡng, đứng qua một bên, rồi thưa:

– Bạch Thế Tôn! Đức Như Lai Thích Ca Mâu Ni kia trước đã phóng ra hào quang từ xưa chưa từng thấy, rất là hy hữu. Vì nhân duyên gì mà hiện ra tướng ánh sáng ấy? Nếu không có nhân duyên thì Đức Phật Thế Tôn ấy đã không phóng ra ánh sáng v.v... Sự việc đó như thế nào xin Phật giảng nói rõ.

Đức Phật Vô Lượng Quang bảo:

– Này thiện nam! Đúng vậy, đúng vậy! Như ông đã nói, Đức Như Lai Thích Ca Mâu Ni đã phóng ra hào quang chẳng phải là không có nhân duyên. Đức Thế Tôn ấy sắp giảng nói về pháp môn “Bồ-tát an trụ Tam-ma-địa bảo tối thượng”, vì nhằm thuyết pháp nên trước tiên hiện ra tướng như thế.

Bồ-tát Quán Tự Tại, Bồ-tát Đại Thế Chí lại bạch Phật Vô Lượng Quang:

– Bạch Thế Tôn! Chúng con hiện nay muốn đi tới thế giới Ta-bà để chiêm ngưỡng, đánh lễ, thân cận Đức Thế Tôn Thích Ca Mâu Ni Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác để nghe thuyết pháp. Cúi xin Đức Phật rủ lòng thương xót cho phép.

Đức Phật Vô Lượng Quang dạy:

– Nay các Thiện nam! Các ông nên đi, nay thật là đúng lúc, các ông nên đi đến lắng nghe Đức Thế Tôn kia giảng nói pháp chính yếu và nhớ chuyển lời cho Ta thăm hỏi.

Lúc này, hai vị Bồ-tát được Đức Phật Vô Lượng Quang chấp thuận, liền ở trong chúng Đại Bồ-tát nhìn tám mươi bốn ức Bồ-tát và nói:

– Nay các thiện nam! Hiện tại chúng ta nên đi đến thế giới Ta-bà để chiêm ngưỡng, đánh lễ, thân cận Đức Như Lai Thích Ca Mâu Ni để nghe thuyết pháp. Vì sao? Vì Đức Phật Thế Tôn kia thật là vô cùng hy hữu, có thể thực hành những việc khó làm, từ bỏ cõi Phật trang nghiêm thanh tịnh, thích trụ trong thế giới Ta-bà là cõi uế trược, xấu ác, dùng nguyện lực đại bi để giáo hóa chúng sinh. Các chúng sinh nơi cõi ấy phần nhiều đầy khởi sự tin hiểu thấp kém, đầy những phiền não của nghiệp như tham, sân, si v.v..., nhưng Đức Thế Tôn đã có thể ở trong đó thành tựu đạo quả Bồ-đề vô thượng. Đó là việc khó làm. Chư vị phải nên theo ta đi đến thế giới ấy.

Các Bồ-tát đều hoan hỷ thuận theo.

Lại nữa, trong chúng hội còn có các vị đại Thanh văn cùng bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Tất cả danh tự hiện có của Đức Như Lai Thích Ca Mâu Ni kia, nếu người chỉ

mới nghe qua còn được lợi ích tốt đẹp, hưởng hồ là tự mình đi đến đó, đứng trước Đức Thế Tôn chiêm ngưỡng, đánh lễ, với nhục nhãn thanh tịnh. Chúng con muốn đi, xin Đức Phật cho phép.

Đức Phật nói:

– Chư vị nên đi. Nay chính là đúng lúc.

Lúc này, tám mươi bốn ức Bồ-tát và các vị đại Thanh văn cung kính vây quanh Bồ-tát Quán Tự Tại và Bồ-tát Đại Thế Chí cùng đi đến thế giới Ta-bà.

Khi đại chúng Bồ-tát khởi hành, theo chỗ ứng hợp ấy liền vận dụng thần thông hóa hiện những hình tướng kỳ diệu.

Bảy giờ, tám mươi bốn ức Bồ-tát mỗi mỗi vị đều hóa ra tám mươi bốn ức lầu gác thù thắng vi diệu, mỗi mỗi lầu gác cao mười hai do-tuần, rộng tám do-tuần. Bốn phương, bốn góc đều hiện bày đầy đủ sự đẹp đẽ.

Các lầu gác ấy có thứ dùng bảy báu là vàng, bạc, phệ lưu ly (lưu ly), phả-chi-ca (pha lê), xích châu, mã não, hồ phách tạo thành.

Có thứ dùng vàng, bạc tạo thành. Có loại dùng vàng, bạc, phệ lưu ly tạo thành. Có loại dùng vàng, bạc, phệ lưu ly, mã não tạo thành.

Có loại thì dùng vàng, bạc, phệ lưu ly, mã não, phả-chi-ca tạo thành. Có thứ thì dùng vàng, bạc, phệ lưu ly, phả-chi-ca, hồ phách, xích châu tạo

thành.

Có thứ dùng các hương xích chiêm-đàn, hương long thật chiêm-đàn, hương trầm thủy chiêm-đàn tạo thành. Có loại thì dùng các hương chiêm-đàn vi diệu để tạo thành.

Có thứ dùng hoa Ưu-bát-la, hoa Bát-nột-ma, hoa Câu-mẫu-đà, hoa Bôn-noa-lợi-ca tạo thành. Có thứ dùng hoa Tu-ma-na, hoa Bà-lợi-sư-ca, hoa Chiêm-ba-ca, hoa Ba-trá-la, hoa A-đề-mục-đa-ca tạo thành.

Có thứ dùng hoa Đà-nỗ-sất-ca tạo thành. Có thứ dùng hoa Mạn-đà-la, hoa Ma-ha Mạn-đà-la tạo thành.

Có thứ dùng hoa Mạn-thù-sa, hoa Ma-ha Mạn-thù-sa, hoa Lỗ-tả, hoa Ma-ha Lỗ-tả, hoa Tác-ngật-la, hoa Ma-ha Tác-ngật-la, hoa Tô-la-tỳ-tác-ngật-la, hoa Ma-ha Tô-la-tỳ-tác-ngật-la, hoa Tán-nại-la, hoa Ma-ha Tán-nại-la, hoa Tô-la-tỳ-tán-nại-la, hoa Tán-nột-lô-đát-ma, hoa Tát-tha-la, hoa Ma-ha Tát-tha-la, hoa Tô-la-tỳ-tác-tha-la v.v... cùng tạo thành.

Có lầu gác dùng tất cả các thứ hoa vi diệu trang nghiêm để tạo thành. Có lầu gác thì dùng vô số trăm ngàn sắc tướng thù thắng vi diệu trang nghiêm để tạo thành. Trong mỗi mỗi lầu gác như thế đều hiện ra tám vạn bốn ngàn ánh sáng thanh tịnh.



KINH NHƯ HUYỄN TAM MA ĐỊA VÔ LƯỢNG ÁN PHÁP MÔN

QUYỂN TRUNG

Lại nữa, xung quanh mỗi lầu gác kia, hoặc có Thiên nữ cầm các thứ nhạc cụ như: đàn tỳ bà, kèn, đàn cầm, ống tiêu, đàn không hầu, loa, trống, trống nhỏ, bồng v.v... tạo ra âm nhạc vi diệu.

Hoặc có Thiên nữ bung bột hương chiên-đàn. Hoặc có Thiên nữ bung bột hương rồng thật chiên-đàn. Hoặc có Thiên nữ bung bột hương trầm thủy chiên-đàn. Hoặc có Thiên nữ bung bột hương hắc trầm chiên-đàn. Hoặc có Thiên nữ bung bột hương gồm các thứ chiên-đàn vi diệu.

Hoặc có Thiên nữ cầm hoa Ưu-bát-la, hoa Câu-mẫu-đà, hoa Bôn-noa-lợi-ca. Hoặc có Thiên nữ cầm hoa Mạn-đà-la, hoa Ma-ha Mạn-đà-la. Hoặc có Thiên nữ cầm hoa Bá-lỗ-sa-ca, hoa Ma-ha-bá-lỗ-sa-ca. Hoặc có Thiên nữ cầm hoa Mạn-thù-sa, hoa Ma-ha-mạn-thù-sa.

Hoặc có Thiên nữ cầm hoa Lỗ-tả, hoa Ma-ha-lỗ-tả.

Hoặc có Thiên nữ cầm hoa Tác-ngật-la, hoa

Ma-ha-tác-ngật-la, hoa Tam-mãn-đa-tác-ngật-la, hoa Tô-lỗ-tức-la-tác-ngật-la.

Hoặc có Thiên nữ cầm hoa Tán-nại-la, hoa Ma-ha-tán-nại-la, hoa Tô-lỗ-tức-la-tán-nại-la. Hoặc có Thiên nữ cầm hoa Tát-tha-la, hoa Ma-ha-tát-tha-la, hoa Tô-lỗ-tức-la-tát-tha-la. Hoặc có Thiên nữ bung thiên y và hoa hương vi diệu, các thứ hương bột, hương xoa v.v... tùy theo chỗ mà đứng.

Trong mỗi mỗi lầu gác kia đều có tòa sư tử lớn làm bằng các thứ báu đẹp, quý, trang nghiêm, hóa ra hình tượng Đức Như Lai an trụ trên đó, đầy đủ ba mươi hai tướng trang nghiêm.

Lại nữa, trong mỗi mỗi lầu gác ấy hóa ra tám vạn bốn ngàn chuỗi anh lạc chân châu gồm ba màu: xanh, đỏ và trắng.

Lại nữa, trong mỗi mỗi lầu gác hóa ra tám vạn bốn ngàn cờ báu đẹp đẽ thù thắng, dùng các linh bằng vàng tạo thành lưới giăng phủ trên đó, áo trời rủ xuống làm tăng thêm sự tươi đẹp.

Lại nữa, trong mỗi mỗi lầu gác hóa ra tám vạn bốn ngàn bình báu đầy các hương thơm, quý.

Lại nữa, trong mỗi mỗi lầu gác hóa ra tám vạn bốn ngàn lọng báu thượng diệu, dùng trăm ngàn thứ thù vẽ rực rỡ, đẹp đẽ hết mực để tô điểm.

Lại nữa, trong mỗi mỗi lầu gác hóa ra tám vạn bốn ngàn hàng cây Đa-la và tám vạn bốn ngàn hàng cây bằng bảy báu, mỗi mỗi đều dùng dây báu

đan chéo nhau.

Lại nữa, trong mỗi mỗi lầu gác hóa ra tám vạn bốn ngàn chuông nhỏ treo theo lưới báu, gió nhẹ thổi động phát ra âm thanh hòa nhã, giống như trăm ngàn thứ tiếng âm nhạc vi diệu.

Lại nữa, trong mỗi mỗi lầu gác hóa ra ao báu, ao ấy dùng thuần là cát vàng trải dưới đáy. Ranh giới, đường đi đều bằng bảy báu, lưu ly, thủy tinh trang hoàng cùng khắp nẻo, chốn. Trong ao luôn đầy ắp nước gồm đủ tám thứ công đức, lại có các loại hoa: Ưu-bát-la, Bát-nột-ma, Câu-mẫu-đà, Bôn-noa-lợi-ca v.v.

Trong ao lại còn có các loài chim lạ như chim phù, nhạn, uyên ương v.v luôn cùng hát vang. Có tám vạn bốn ngàn hàng cây báu vi diệu bao quanh vòng khắp. Phía trên, dùng tám vạn bốn ngàn dây báu đan chéo để tạo vẻ đẹp.

Lại nữa, trong mỗi mỗi lầu gác phát ra ánh sáng lớn tỏa chiếu rộng đến tám vạn bốn ngàn do-tuần.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Quán Tự Tại, Đại Bồ-tát Đại Thế Chí và các chúng Bồ-tát kia đã đến thế giới Ta-bà rồi, dùng tất cả lầu gác trang nghiêm thù thắng vi diệu ấy - cùng một lúc - đặt trong một lầu gác, nhưng các sự việc trang nghiêm kia không hề làm chướng ngại nhau. Ví như người lực sĩ trong khoảnh khắc co duỗi cánh tay, chư vị Bồ-tát kia liền đến thế giới Ta-bà, các Bồ-tát dùng diệu lực

nơi thân thông hiện ra tám mươi bốn ức lầu gác thù thắng vi diệu có đủ công đức trang nghiêm đặt trong pháp hội của Đức Phật. Như chỗ ứng hợp theo uy lực của thân thông khiến cho đất ở thế giới Ta-bà này bằng phẳng như lòng bàn tay, mà trong chúng hội của Đức Phật cũng không hề chật hẹp. Các lầu gác này phát ra ánh sáng lớn chiếu khắp ba ngàn đại thiên thế giới.

Lúc đó, hai vị Bồ-tát Quán Tự Tại và Đại Thế Chí đến trước Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đánh lễ sát chân, nhiễu quanh theo bên phải ba vòng, rồi đứng qua một bên, bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Đức Như Lai Vô Lượng Quang Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác có lời vấn an Đức Thế Tôn Thích Ca Mâu Ni Như Lai ít bệnh, ít phiền não, đi đứng luôn dễ dàng, sự hành hóa có an lạc chăng?

Hai vị Bồ-tát lại thưa:

– Bạch Thế Tôn! Hàng Bồ-tát, Thanh văn chúng con ở thế giới Cực Lạc đã trông thấy Đức Phật Thế Tôn nên đến đây để được chiêm ngưỡng, hầu cận.

Khi ấy, trong pháp hội của Đức Phật ở thế giới Ta-bà, tất cả đại chúng Bồ-tát, Thanh văn đã thấy thế giới trở nên thanh tịnh trang nghiêm đẹp đẽ, cùng vô số lầu gác rộng lớn ấy rồi đều khởi ý niệm: “Đức Như Lai vì sao hiện ra oai lực ấy mà có thể

khiến các Đại Bồ-tát kia đi đến cõi này”.

Bấy giờ, Bồ-tát Thắng Hoa Tạng vâng theo oai thần của Phật, từ chỗ ngồi đứng dậy, đến trước Phật, thưa:

– Thật là hy hữu, thưa Thế Tôn! Thật là hy hữu, thưa bậc Thiện Thệ! Nay ở thế giới Ta-bà này hiện ra lầu gác trang nghiêm, đẹp đẽ như thế, đó là diệu lực từ oai thần của Đức Như Lai, hay là do oai lực của hai vị Bồ-tát kia đã biến hóa? Cúi xin Phật giảng nói rõ.

Đức Phật bảo Đại Bồ-tát Thắng Hoa Tạng:

– Nay Bồ-tát Thắng Hoa Tạng! Chẳng phải là diệu lực nơi oai thần của Như Lai, mà đó là oai lực của hai vị Đại Bồ-tát Quán Tự Tại và Đại Thế Chí đã hóa hiện ra các hình tướng ấy.

Bồ-tát Thắng Hoa Tạng lại bạch Phật:

– Thật là hy hữu, thưa Thế Tôn! Thật là hy hữu, thưa bậc Thiện Thệ! Hai vị Đại sĩ này đã đạt được nguyện lực chẳng thể nghĩ bàn, thiện căn thanh tịnh trong lành nên mới có thể hiện bày oai lực thần thông ấy.

Đức Phật khen:

– Nay Bồ-tát Thắng Hoa Tạng! Đúng vậy, đúng vậy! Như ông đã nói, hai vị Đại sĩ này đã ở trong hàng vô số trăm ngàn ức kiếp tích tập thiện căn thanh tịnh, trong lành, lại, đã đạt được pháp môn Tam-ma-địa như huyền nên từ trong pháp môn ấy

có thể hiện bày vô số sắc tướng về thần thông như vậy.

Lại nữa, này Bồ-tát Thắng Hoa Tạng! Hãy gác việc này lại. Ông nhìn về phương Đông thử xem có tướng gì?

Bồ-tát Thắng Hoa Tạng vâng theo lời dạy của Phật, liền dùng Thiên nhãn thanh tịnh vô ngại nhìn thấy trong hằng hà sa số cõi Phật ở phương Đông có hằng hà sa số chư Phật Thế Tôn, trước mỗi mỗi Đức Thế Tôn kia đều có Đại Bồ-tát Quán Tự Tại và Đại Bồ-tát Đại Thế Chí, đánh lễ sát chân Phật để nghe pháp và thưa:

– Đức Như Lai Vô Lượng Quang Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác có lời vấn an Đức Thế Tôn ít bệnh, ít phiền não, đi đứng luôn dễ dàng, sự hành hóa được an lạc chăng?

Lại thấy vô lượng lâu gác báu rộng lớn, trang nghiêm đẹp đẽ.

Như vậy, phương Nam, Tây, Bắc, bốn hướng, phương trên, dưới, mỗi mỗi đều thấy hằng hà sa số cõi Phật trong ấy có hằng hà sa số chư Phật Thế Tôn, trước mỗi mỗi Đức Phật kia đều có hai vị Đại sĩ đánh lễ sát chân Phật để nghe pháp và thưa:

– Đức Như Lai Vô Lượng Quang Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác có lời vấn an Đức Thế Tôn ít bệnh, ít phiền não, đi đứng luôn dễ dàng, sự hành hóa được an lạc chăng?

Lại thấy vô lượng lầu gác báu rộng lớn, trang nghiêm đẹp đẽ.

Bồ-tát Thắng Hoa Tạng trông thấy các hình tướng ấy rồi, lại bạch Phật:

– Thật là hy hữu, thưa Thế Tôn! Thật là hy hữu, thưa bậc Thiện Thệ! Hai vị Đại sĩ này đã thực sự đạt được pháp môn Tam-ma-địa như huyền tối thắng, nên có thể ở trong cõi của chư Phật nơi mười phương đều hiện thân với oai lực thần thông chẳng thể nghĩ bàn.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn quan sát chúng hội như chỗ ứng hiện thân thông thích hợp, tức thời tất cả đại chúng trong pháp hội, nhờ diệu lực từ oai thần của Phật đều giống như Bồ-tát Thắng Hoa Tạng, cũng có thể thấy khắp mười phương thế giới như hăng hà sa số cõi nước của chư Phật kia, trong ấy, trước chư Phật, Thế Tôn đều có hai vị Đại sĩ đang đánh lễ sát chân Phật, cho đến cũng thấy rõ vô số lầu gác báu.

Khi chúng hội này thấy các hình tướng ấy, thì có ba vạn hai ngàn chúng sinh phát tâm cầu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Đại Bồ-tát Thắng Hoa Tạng lại bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Hai vị Đại sĩ đã ở trụ xứ của Đức Phật nào phát tâm cầu quả vị Bồ-đề vô thượng? Thời gian phát tâm lâu, mau ra sao? Đức Phật, Như Lai kia danh hiệu là gì? Cúi xin Đức Thế

Tôn giảng nói rõ khiến cho các vị Bồ-tát khác nhận biết về chỗ tu tập của chư vị, để theo đây mà hành hóa rồi đạt được hạnh nguyện viên mãn rốt ráo.

Đức Phật bảo Bồ-tát Thắng Hoa Tạng:

– Ông nên lắng nghe, khéo suy nghĩ, nay Ta vì ông mà giảng nói.

Bồ-tát Thắng Hoa Tạng cung kính thọ giáo lắng nghe.

Đức Phật dạy:

– Nay Bồ-tát Thắng Hoa Tạng! Về thời quá khứ xa xưa cách nay vô số a-tăng-kỳ kiếp không thể tính kể, bấy giờ có thế giới tên là Vô Lượng Công Đức Bảo Trang Nghiêm Phổ Hiện Diệu Lạc, Đức Phật ra đời nơi cõi ấy hiệu là Sư Tử Du Hý Kim Quang Vương gồm đủ mười tôn hiệu: Như Lai, Ứng Cúng Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Tất cả công đức hiện có và những sự việc trang nghiêm trong cõi Phật đó là vô lượng vô biên.

Này Bồ-tát Thắng Hoa Tạng! Ý ông nghĩ thế nào? Tất cả công đức trang nghiêm hiện có nơi thế giới Cực Lạc của Đức Như Lai Vô Lượng Quang Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác kia là nhiều chăng?

Bồ-tát Thắng Hoa Tạng đáp:

– Rất nhiều, thưa Thế Tôn, vô lượng vô biên

không thể nghĩ bàn.

Đức Phật dạy:

– Nay BỒ-tát Thắng Hoa Tạng! Ta dùng ví dụ để lược nêu rõ về ý nghĩa này: Ví như có người lấy một sợi lông chia làm trăm phần, rồi đem một phần nhỏ ấy nhúng vào trong biển cả để lấy một giọt nước.

Nay BỒ-tát Thắng Hoa Tạng! Ý ông nghĩ thế nào? Nước nơi đầu sợi lông kia là nhiều chăng? Hay nước còn lại nơi biển cả là nhiều?

BỒ-tát Thắng Hoa Tạng bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Nước nơi đầu sợi lông là rất ít, mà nước còn lại nơi biển cả thì sâu rộng vô lượng.

Đức Phật dạy:

– Nay BỒ-tát Thắng Hoa Tạng! Nay ông nên biết, tất cả công đức hiện có và những sự việc trang nghiêm ở thế giới Cực Lạc của Đức Như Lai Vô Lượng Quang như nước nơi đầu sợi lông. Còn tất cả công đức hiện có và những sự việc trang nghiêm ở thế giới Vô Lượng Công Đức Bảo Trang Nghiêm Phổ Hiện Diệu Lạc của Đức Như Lai Sư Tử Du Hý Kim Quang Vương thì như nước nơi biển cả.

Lại nữa, tất cả chúng BỒ-tát, Thanh văn trong pháp hội của Đức Như Lai Sư Tử Du Hý Kim Quang Vương so với chúng BỒ-tát, Thanh văn trong pháp hội của Đức Như Lai Vô Lượng Quang

thì nhiều gấp trăm ngàn lần. Đức Phật - Thế Tôn kia theo chỗ ứng hợp diễn nói giáo pháp nơi ba thừa.

Này Bồ-tát Thắng Hoa Tạng! Nói tóm lại, tất cả công đức trang nghiêm hiện có và sự việc diêu lạc trong cõi của Đức Như Lai Sư Tử Du Hý Kim Quang Vương kia, giả sử Ta ở trong hằng hà sa số kiếp, rộng dùng biện tài cũng không thể nêu bày hết số lượng đó.

Lại nữa, này Bồ-tát Thắng Hoa Tạng! Trong pháp của Đức Như Lai Sư Tử Du Hý Kim Quang Vương kia có vị vua tên là Thắng Oai thống lãnh một ngàn thế giới, rộng lớn giàu có, tự tại, luôn được tôn quý, dùng chánh pháp để giáo hóa muôn dân. Chỗ thọ dụng của nhà vua có bảy vạn sáu ngàn vườn rừng tối thượng. Các người con của vua mỗi vị đều có một vạn vườn rừng thọ dụng.

Bồ-tát Thắng Hoa Tạng bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Trong cõi nước của Đức Phật ấy có người nữ không?

Đức Phật nói:

– Không có. Này thiện nam! Trong cõi nước của Đức Phật kia hãy còn không có tên gọi của người nữ để có thể nghe, huống hồ là có người nữ. Người sinh vào cõi ấy đều là hóa sinh, thanh tịnh, trong lành, cùng tu phạm hạnh. Tất cả chúng sinh ở đó đều dùng “*Pháp hỷ thiên duyệt*” làm thức ăn,

không thọ dụng theo lối “*đoàn thực*” thô, xấu.

Này Bồ-tát Thắng Hoa Tạng! Vị vua này cùng với các người con ở trong tám vạn bốn ngàn ức năm luôn tôn trọng cúng dường Đức Như Lai Sư Tử Du Hý Kim Quang Vương. Đức Phật Thế Tôn kia biết rõ thâm tâm của nhà vua đã dấy khởi niềm tin thanh tịnh rồi, liền vì ông ta mà giảng nói Pháp môn thiện xảo vô lượng ấy.

Này Bồ-tát Thắng Hoa Tạng! Những gì gọi là Pháp môn thiện xảo vô lượng ấy? Đó là các Đại Bồ-tát phát khởi các hạnh, chưa từng ở trong pháp hạn lượng mà có sự mong cầu. Vì sao? Vì các Bồ-tát hành bố thí vô lượng, trì giới vô lượng, nhẫn nhục vô lượng, tinh tấn vô lượng, thiền định vô lượng, trí tuệ vô lượng, ở trong vô lượng sinh tử luôn thương xót, tùy thuận hội nhập trong vô lượng chúng sinh, vô lượng cõi nước trang nghiêm, vô lượng Thanh văn trang nghiêm, vô lượng sắc tướng được thành tựu, đầy đủ vô lượng âm thanh và vô lượng biện tài.

Này Bồ-tát Thắng Hoa Tạng! Các Bồ-tát, thậm chí chỉ mới phát tâm với thiện căn hiện có hãy còn khởi lên tâm rộng lớn vô lượng hồi hướng cho tất cả, huông hồ lại tích tập vô lượng hạnh nguyện, hồi hướng rộng khắp cho tất cả chúng sinh, khiến họ đều chứng pháp vô sinh, như Đức Phật Niết-bàn mà được Niết-bàn.

Này thiện nam! Đây gọi là hồi hương vô lượng. Vì dùng hồi hương ấy tức không, vô tướng, vô nguyện đều là vô lượng, chân như thật tế pháp giới cũng lại là vô lượng, giải thoát vô sinh, lìa mọi trói buộc, chấp vướng.

Này thiện nam! Nói tóm lại, nghĩa vô lượng tức tất cả các pháp là vô lượng.

Vì sao nói tất cả các pháp là vô lượng? Vì tất cả các pháp không sinh, không diệt, nên gọi là vô lượng. Nếu pháp là vô lượng tức là không sinh, không diệt. Nếu pháp không sinh, không diệt tức là vô lượng. Đó gọi là Pháp môn vô lượng ấn.

Này Bồ-tát Thắng Hoa Tạng! Đức Như Lai Sư Tử Du Hý Kim Quang Vương thuở đó đã vì nhà vua Thắng Oai kia giảng nói về pháp môn thiện xảo vô lượng ấn như vậy, khiến vua đối với tất cả các pháp được thông tỏ.

Lại nữa, này Bồ-tát Thắng Hoa Tạng! Vị vua Thắng Oai kia ở trong giáo pháp của Phật tu hạnh thiền định, sau đó vào một lúc an trú trong thiền định, bỗng nhiên hai bên hông phải và trái của nhà vua hiện ra hai hoa sen tươi đẹp, khả ái, thanh tịnh, giống như hương chiên-đàn rộng thật và từ trong hai hoa đó sinh ra hai đồng tử ngồi kiết già. Nhà vua thấy vậy thì khen ngợi là điều chưa từng có, liền hướng về hai đồng tử, nói kệ:

Ngươi hoặc là trời, hoặc là rồng

*Hay là loài Dạ-xoa, La-sát?
Hoặc nhân, phi nhân, hoặc thần tiên?
Các người tên gì cho ta biết.*

Đồng tử sinh từ hông bên phải liền nói kệ, đáp:

*Ở trong tánh tất cả pháp không
Ông nay hỏi tôi danh tự gì?
Nhưng các pháp kia vốn không tên
Vì sao dùng tên để mà hỏi?
Trong pháp tánh không, chẳng trời, rỗng
Cũng không loài Dạ-xoa, La-sát
Nhân cùng phi nhân, hoặc thần tiên
Bình đẳng tất cả không sở hữu.*

Đồng tử sinh từ hông bên trái cũng nói kệ, đáp
vua:

*Danh cùng Thế, cả hai đều không
Chủ thế, đối tượng đều không có
Ở trong tất cả pháp vô danh
Chỉ tạm dùng danh mà biểu thị.
Nên biết tự tánh danh chân thật
Trong ấy không thấy, cũng không nghe
Xưa nay không diệt, lại không sinh
Vì sao lại dùng danh để hỏi?
Mọi sự tạo tác danh hiện có
Đã dùng giả danh để biểu thị
Thế nên tôi nay cũng giả danh
Một tên Bảo Nghiêm, hai Bảo Thượng.*

Hai đồng tử nói kệ rồi, nhờ diệu lực nơi căn

lành từ đời trước nên có được năm thần thông, liền cùng với vua Thăng Oai đi đến chỗ Đức Như Lai Sư Tử Du Hý Kim Quang Vương cung kính đánh lễ sát chân Phật, nhiễu quanh theo bên phải ba vòng, rồi lui ra đứng qua một bên. Hai đồng tử lại chắp tay hướng về Đức Phật, cùng nói kệ:

*Con nay nên dùng những vật gì
Cúng dường Chánh Giác, Nhị Túc Tôn?
Việc này xin Phật khai tâm con
Khiến con nghe rồi, tâm an định.
Nay con không hoa, cũng không hương
Không thức ăn uống và y phục
Phẩm vật thượng diệu cũng đều không
Nên cúng dường gì, bậc tối thắng?*

Bấy giờ, Đức Phật vì hai đồng tử nói kệ:

*Nếu có thể phát tâm Bồ-đề
Rộng vì chúng sinh tạo lợi lạc
Đó chính là cúng dường đích thật
Bậc Chánh giác ba mươi hai tướng.
Nếu người dùng hàng hà sa kia
Đều là số lượng cõi chư Phật
Dùng các diệu hương đầy khắp chốn
Cúng dường Thế Tôn, đáng cứu đời.
Nếu người chỉ tâm chỉ chắp tay
Phát khởi tâm Bồ-đề vô thượng
Người ấy đạt được môn phước thắng
Gấp nhiều hơn trước không hạn lượng.
Khác đây, sao gọi cúng dường thật?*

*Khác đây sao gọi nương dựa hơn?
Nếu người phát khởi tâm Bồ-đề
Ta nói đó là bậc thượng trí.*



KINH NHƯ HUYỄN TAM MA ĐỊA VÔ LƯỢNG ÁN PHÁP MÔN

QUYỂN HẠ

Lại nữa, này Bồ-tát Thắng Hoa Tạng! Bây giờ, hai vị đồng tử lại hướng về Đức Phật - Thế Tôn, nói kệ:

*Năng nhân gầm tiếng đại sư tử
Tất cả trời, người được nghe khắp
Chúng con nay đối trước Thế Tôn
Đều phát nguyện tối thượng thành thật.
Chúng con cho đến đời vị lai
Nguyện nẻo hành hóa trải nhiều kiếp
Thuận nhập trong luân hồi sinh tử
Cứu độ vô số loài chúng sinh.
Chúng con hôm nay nhờ duyên này
Tận đời vị lai đều nhớ nghĩ
Vì lợi lạc khắp các chúng sinh
Nơi vô biên kiếp hành tinh tấn.
Chúng con từ hôm nay về sau
Dứt hẳn tham, sân, si, các uế
Hiện tại Phật Thế Tôn mười phương
Chứng minh lời con không hư dối.*

Chúng con nay phát tâm Bồ-đề
 Không thích quả Thanh văn, Duyên giác
 Chúng con nếu có thích tâm nhỏ
 Nhất định chiêu cảm quả nói dối.
 Con đã không thích quả Nhị thừa
 Chỉ dùng tâm bi vì chúng sinh
 Trải qua trong vô số ức kiếp
 Nguyên luôn thực hành không biếng
 nhác.

Như Phật Thế Tôn đã thành tựu
 Ứng hợp cõi Phật rộng trang nghiêm
 Con nguyện vị lai sẽ thành Phật
 Cõi nước gấp bội số vạn ức.
 Lại nguyện trong cõi Phật vị lai
 Không có chúng Thanh văn, Duyên giác
 Thuần là chúng Bồ-tát trang nghiêm
 Rộng tập vô lượng khôi trí tuệ.
 Con nguyện được sự trang nghiêm ấy
 Sẽ khiến các chúng sinh lìa cấu uế
 Từ nơi pháp chư Phật sinh ra
 Khiến sẽ trì khắp pháp tạng Phật.
 Hôm nay những điều con đã nói
 Chân thật không hư vọng, riêng khác
 Nguyên biển cả này và sông núi
 Cho đến đại địa đều chấn động.
 Nên khi phát lời nguyện như vậy
 Tức thời đại địa đều chấn động
 Âm nhạc không tấu tự nhiên vang

*Phát âm vi diệu khắp mười phương.
 Trời mưa các hương hoa vi diệu
 Tươi đẹp trang nghiêm thật khả ái
 Trăm ngàn vạn ức thiên y đẹp
 Tung rải lớp lớp khắp mọi chốn.*

Khi ấy, hai đồng tử kia đều phát tâm cầu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này Bồ-tát Thắng Hoa Tạng! Ý ông nghĩ thế nào? Vị vua Thắng Oai thuở ấy đâu phải là người nào lạ, đó chính là Đức Như Lai Vô Lượng Quang Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác. Còn Đồng tử Bảo Nghiêm thời ấy nay là Đại Bồ-tát Quán Tự Tại, Đồng tử Bảo Thượng nay là Đại Bồ-tát Đại Thế Chí. Hai vị Bồ-tát này ở chỗ Đức Như Lai Sư Tử Du Hý Kim Quang Vương kia bắt đầu phát tâm cầu quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bồ-tát Thắng Hoa Tạng đến trước Phật, thưa:

– Bạch Thế Tôn! Hai vị Đại sĩ này rất là hy hữu, danh tự khó có thể được nghe như vậy mà lại đầy đủ sự tin hiểu sâu xa, chỗ phát tâm Bồ-đề không gì sánh bằng. Bạch Thế Tôn! Hai vị Đại sĩ này vào đời tiếp sau của Đức Như Lai Sư Tử Du Hý Kim Quang Vương lại cúng dường bao nhiêu chư Phật?

Đức Phật dạy:

– Này thiện nam! Tất cả cát của sông Hằng hãy còn có thể biết được về số lượng tận cùng đó, còn hai vị Đại sĩ này vào đời tiếp sau Đức Phật kia đã

cúng dường chư Phật, Như Lai thì Ta cũng không thể nhận biết về số lượng tận cùng ấy. Vì sao? Vì hai vị Đại sĩ ấy đều đã mặc áo giáp không thể nghĩ bàn, đầy đủ vô lượng công đức thù thắng, thế nên không thể nhận biết về số lượng tận cùng ấy.

Đại Bồ-tát Thắng Hoa Tạng lại bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Thế giới Vô Lượng Công Đức Bảo Trang Nghiêm Phổ Hiện Diệu Lạc kia ở về phương nào?

Đức Phật dạy:

– Đây thiên nam! Thế giới Cực Lạc hiện ở về phương Tây của thế giới này, thuở xa xưa tức là thế giới Vô Lượng Công Đức Bảo Trang Nghiêm Phổ Hiện Diệu Lạc.

Bồ-tát Thắng Hoa Tạng bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Hai vị Đại sĩ này cho đến lúc nào thì thành tựu đạo quả Bồ-đề vô thượng? Sẽ đạt được những công đức gì để trang nghiêm cõi Phật? Thọ mạng của Đức Phật ấy là bao nhiêu, lại có bao nhiêu chúng Bồ-tát? Cúi xin Đức Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác thương xót tạo lợi lạc cho khắp tất cả hàng trời, người nơi thế gian mà giảng nói rõ về hai vị Đại sĩ này sự việc sẽ thành tựu quả vị Phật Đà, khiến cho chư vị Bồ-tát khác nghe rồi đều có thể thực hiện đại nguyện viên mãn.

Đức Phật dạy:

– Đây Bồ-tát Thắng Hoa Tạng! Ông nên lắng

nghe, khéo suy nghĩ, nay Ta vì ông mà giảng nói.

Bồ-tát Thắng Hoa Tạng hoan hỷ thọ giáo lắng nghe.

Đức Phật dạy:

– Nay thiện nam! Nên biết thọ mạng của Đức Như Lai Vô Lượng Quang ở phương Tây là vô lượng, không thể tính đếm. Giả sử trong vô số ức trăm ngàn kiếp cũng không thể nói hết về số lượng tận cùng ấy. Chánh pháp của Đức Phật kia trụ ở đời là tám vạn bốn ngàn ức kiếp. Sau khi Đức Phật nhập Niết-bàn, các chúng sinh nhờ diệu lực của căn lành cũng được gặp Đức Phật khác ra đời. Các vị Bồ-tát an trụ nơi Tam-muội niệm Phật thường được thấy Đức Như Lai trong định, không.

Nay thiện nam! Lại nữa, sau thời Đức Như Lai Vô Lượng Quang nhập Niết-bàn, chỗ thuyết pháp kia với bảy báu trang nghiêm, hàng cây hoa sen vi diệu, tự nhiên diễn nói pháp âm nhiệm mầu, trải qua một đêm đến khi trời sáng. Đại Bồ-tát Quán Tự Tại liền ở nơi cội Bồ-đề do các báu trang nghiêm, an trụ nơi tòa đó, thành tựu đạo quả Chánh Đẳng Chánh Giác Vô Thượng, hiệu là Phổ Minh Cao Hiển Cát Tường Phong Vương gồm đủ mười tôn hiệu: Như Lai, Ứng Cúng Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn.

Này BỒ-tát Thắng Hoa Tạng! Những sự việc về công đức trang nghiêm của cõi Phật kia, giả sử Ta ở trong hàng hà sa số kiếp khéo dùng ngôn từ ví dụ cũng không thể nói được một phần nhỏ.

Lại nữa, này thiện nam! Công đức trang nghiêm của cõi Phật ấy là như vậy. Nếu đem công đức trang nghiêm nơi cõi của Đức Như Lai Sư Tử Du Hý Kim Quang Vương để so sánh thì trăm phần trước không bằng một, ngàn phần, trăm ngàn phần cũng không bằng một. Nếu đem ví dụ tính toán cũng không thể so lường được.

Lại nữa, trong cõi kia không có tên gọi về Thanh văn, Duyên giác, chỉ thuần là chúng Đại BỒ-tát thanh tịnh.

Lại nữa, này thiện nam! Tóm lại, tất cả chúng Thanh văn, Duyên giác và BỒ-tát trong pháp hội của Đức Như Lai Vô Lượng Quang tập hợp lại so sánh với chúng BỒ-tát trong pháp hội của Đức Như Lai Phổ Minh Cao Hiển Cát Tường Phong Vương thì chúng BỒ-tát này cũng lại gấp bội. Thọ mạng của Đức Phật đó là chín mươi sáu ức vô số trăm ngàn kiếp. Chánh pháp trụ ở đời sáu mươi ức kiếp.

BỒ-tát Thắng Hoa Tạng bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Thế giới của Đức Phật kia cũng có tên là Cực Lạc chăng?

Đức Phật nói:

– Không phải vậy. Này thiện nam! Thế giới đó

tên là Chúng Bảo Phổ Nghiêm. Đức Như Lai kia tùy chỗ ứng hợp với chúng sinh mà tạo nhiều lợi lạc. Đại Bồ-tát Đại Thế Chí ở trong pháp hội ấy tùy theo thọ mạng của Phật mà trụ ở đời lâu hay mau để phụng sự cúng dường. Sau khi Đức Phật kia nhập Niết-bàn, Bồ-tát đã phụng trì giáo pháp của Phật, khiến trụ lâu dài ở đời, cho đến lúc pháp sau cùng sắp diệt, Đại Bồ-tát Đại Thế Chí ở trong cõi ấy đã thành tựu đạo quả Bồ-đề vô thượng, hiệu là Thiện Trụ Công Đức Bảo Phong Vương gồm đủ mười tôn hiệu: Như Lai, Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Tất cả công đức và những sự việc trang nghiêm trong cõi Phật đó, chúng Đại Bồ-tát thấy đều đầy đủ. Thọ mạng của Đức Phật ấy và chánh pháp trụ ở đời so với Đức Như Lai Phổ Minh Cao Hiển Cát Tường Phong Vương là như nhau, tất cả đều viên mãn không tăng không giảm.

Đức Phật lại bảo Đại Bồ-tát Thắng Hoa Tạng:

– Nay ông nên biết, Đức Như Lai Phổ Minh Cao Hiển Cát Tường Phong Vương và Đức Như Lai Thiện Trụ Công Đức Bảo Phong Vương về danh hiệu, sự việc là như vậy. Nếu thiện nam, thiện nữ nào mới được nghe qua thì người ấy sẽ đạt được pháp bất thoái chuyển đối với đạo quả Bồ-đề vô thượng.

Lại nữa, này Bồ-tát Thắng Hoa Tạng! Nếu

thiện nam, thiện nữ nào được nghe danh hiệu của Đức Như Lai Sư Tử Du Hý Kim Quang Vương đời quá khứ, Đức Như Lai Phổ Minh Cao Hiển Cát Tường Phong Vương và Đức Như Lai Thiện Trụ Công Đức Bảo Phong Vương đời vị lai thì tùy theo làng xóm, dòng họ tất cả người nữ được chuyển thành thân nam, trong bốn mươi ức kiếp lìa bỏ sinh tử, sinh ra sẽ được xuất gia thanh tịnh, thường được thấy Phật, nghe Pháp, hầu cận Tăng già, đời đời thọ sinh luôn đầy đủ trí tức mạng, được pháp Tổng trì, biện tài vô ngại, không thoái chuyển đối với quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Lúc Đức Thế Tôn giảng nói như vậy thì trong chúng hội có chín mươi sáu ức hàng trời, người cùng nhau niệm:

– Quy mạng hết thảy chư Phật nơi ba đời trong mười phương và đời vị lai là Đức Như Lai Phổ Minh Cao Hiển Cát Tường Phong Vương, Đức Như Lai Thiện Trụ Công Đức Bảo Phong Vương tập hợp rộng khắp hết thảy chư Phật, tất cả thiện lợi chúng con đều tùy hỷ, chúng con đều dốc phát tâm cầu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Tức thời chư Phật đều vì chúng hội mà thọ ký.

Chư vị sẽ được bất thoái chuyển đối với đạo quả Bồ-đề vô thượng.

Lúc này, trong chúng hội có bảy ngàn Bồ-tát

đạt được pháp nhãn Vô sinh, tám mươi bốn ức chúng sinh xa lìa mọi phiền não cấu uế, được pháp nhãn thanh tịnh, tám ngàn Bí-sô không còn các lậu, tâm được giải thoát.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Quán Tự Tại, Đại Bồ-tát Đại Thế Chí ở trong pháp hội này, như chỗ ứng hợp đã hiện bày thân thông với những hình tướng như vậy, tất cả chúng hội thấy đều trông thấy.

Cùng lúc, vô lượng vô số chư Phật Thế Tôn trong mười phương thấy các hình tướng như vậy và nghe hai vị Bồ-tát nêu rõ hạnh nguyện sẽ thành tựu quả vị Phật thì cùng tán thán:

– Đức Thế Tôn Thích Ca Mâu Ni Như Lai thật là hy hữu! Đã có thể khéo hộ niệm hai vị Bồ-tát ấy, chư Phật chúng tôi cũng đều tán thán.

Đại Bồ-tát Thắng Hoa Tạng bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Đức Phật đã giảng nói về kinh điển sâu xa vi diệu như vậy, nếu thiện nam, thiện nữ nào có thể thọ trì, đọc tụng, vì người khác giảng nói rộng khắp thì phước đức đạt được như thế nào?

Đức Phật nói:

– Nay thiện nam! Chớ nên hỏi về điều ấy. Vì sao? Vì có những người tin hiểu thấp kém, đối với việc Đức Phật đã giảng nói kinh điển sâu xa như thế, không thể phát khởi lòng tin nên Ta không nói.

Bồ-tát Thắng Hoa Tạng bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Nay trong chúng hội này cũng

có những thiện nam, thiện nữ... đầy đủ sự tin hiểu sâu xa rộng lớn, cúi xin Đức Như Lai lược nói về công đức thọ trì kinh làm ánh sáng lớn chiếu soi cho tất cả chúng sinh ở đời sau.

Đức Phật dạy:

– Nay Bồ-tát Thắng Hoa Tạng! Hãy lắng nghe, lắng nghe! Nay Ta vì ông mà giảng nói.

Bồ-tát Thắng Hoa Tạng vui vẻ thọ giáo lắng nghe.

Đức Phật dạy:

– Nay thiện nam! Giả sử như người có uy lực lớn đầy đủ phước đức, đều có thể biết rõ về cảnh giới của chúng sinh, phát nguyện: “Như Đức Phật đã dạy là thế giới vô biên, chúng sinh vô tận. Tôi có thể đối với tất cả chúng sinh kia đội, vác họ trên vai, trải qua vô lượng vô biên a-tăng-kỳ kiếp, lại có thể dùng các món ăn, thức uống, y phục, tất cả niềm vui cung cấp đầy đủ cho họ”.

Nay Bồ-tát Thắng Hoa Tạng! Ý ông nghĩ thế nào? Người này nhờ nhân duyên ấy nên phước đức đạt được là nhiều chăng?

Bồ-tát Thắng Hoa Tạng bạch Phật:

– Rất nhiều, thưa Thế Tôn! Nếu có người chỉ trong một khoảnh khắc, đối với tất cả chúng sinh khởi lên tâm từ hãy còn được nhiều phước đức, huống nữa là làm được sự việc như vậy.

Đức Phật dạy:

– Nay Bồ-tát Thắng Hoa Tạng! Ta nay nói thật với ông, nếu có thiện nam, thiện nữ nào đối với kinh điển sâu xa này, tự mình sinh lòng tin, lại khuyến khích người khác sinh lòng tin thì phước đức đạt được nhiều gấp bội so với trước. Lại nữa, nếu có người nào đối với kinh điển thâm diệu này có thể thọ trì, đọc tụng, vì người khác giảng nói rộng thì nên biết người ấy dùng tâm Bồ-đề làm chỗ nương tựa.

Đại Bồ-tát Thắng Hoa Tạng lại bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Đức Như Lai đã thuyết giảng kinh điển thâm diệu như vậy, hoặc Phật còn tại thế, hoặc sau khi nhập Niết-bàn, con xin sẽ thọ trì, đọc tụng, vì người khác giảng nói rộng, ban bố cùng khắp, khiến không hề đoạn tuyệt.

Khi Bồ-tát Thắng Hoa Tạng nói lời ấy, trong chúng hội có chín mươi sáu ức Bồ-tát cùng thưa:

– Bạch Thế Tôn! Chúng con đối với kinh điển sâu xa, vi diệu mà Phật đã thuyết giảng cũng sẽ thọ trì, đọc tụng, vì người khác giảng nói rộng khắp.

Lúc này, Đại Phạm Thiên Vương chủ thế giới Ta-bà, Thiên chủ Đế Thích, Hộ Thế Tứ Vương và vô số chư Thiên tử khác đều đem hoa trời Mạn-đà-la tung lên chỗ Đức Phật và chỗ các vị Bồ-tát, lại tạo ra trăm ngàn ức thứ âm nhạc trời vi diệu để cúng dường, cùng nói:

– Tất cả chúng sinh được nghe chánh pháp

thâm diệu như vậy, ánh sáng tỏa chiếu khắp nên có được lợi ích lớn lao, tốt đẹp. Chúng con đối với pháp môn này sẽ cùng thọ trì, ban bố rộng khắp.

Đức Phật khen:

– Đúng vậy! Đúng vậy! Nay các Thiện nam! Như các ông đã nói, chánh pháp này là không thể nghĩ bàn. Nếu người đã từng vun trồng sâu căn lành nơi mười ngàn trụ xứ của Phật, người ấy mới có thể chạm tay vào kinh này, hưởng hồ lại có thể thọ trì, đọc tụng, sinh tâm tin hiểu.

Đức Phật lại bảo Đại Bồ-tát Thắng Hoa Tạng:

– Nay chánh pháp này, nếu người được nghe thì tùy theo nơi chốn ấy, tất cả người nữ được chuyển thành thân nam, chỉ trừ hai hạng: keo kiệt và ganh ghét.

Ngay lúc đó, trong chúng hội có một người nữ tên Ly Trần, tâm sinh tin hiểu liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đến trước Phật thưa:

– Bạch Thế Tôn! Nay trong tâm của con đã diệt trừ keo kiệt và ganh ghét. Con xin phát tâm dốc cầu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nếu con phát tâm chân thật không hư dối thì sẽ được thành Phật và như Phật đã dạy, khi nghe pháp này, tùy chỗ ứng hợp liền được chuyển tướng người nữ. Việc này là chân thật, con nguyện chuyển thân nữ, được thành thân nam.

Lúc người nữ kia nêu bày như vậy rồi, liền

được chuyển thành thân nam, được Đức Phật thọ ký: Đạt bất thoái chuyển nơi đạo quả Bồ-đề vô thượng và sẽ được thành Phật hiệu là Trừ Nhất Thiết Phiền Nã Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Đức Phật thuyết giảng kinh này xong, Đại Bồ-tát Thắng Hoa Tạng và các chúng Bí-sô, cho đến hàng trời, người, A-tu-la ở thế gian, tất cả đại hội nghe Phật giảng nói đều rất hoan hỷ, tín thọ, phụng hành.



SỐ 373

KỆ HẬU XUẤT A DI ĐÀ PHẬT

*Hán dịch: Khuyết danh. Nay cho
vào dịch phẩm đời Hậu Hán.*

*Tỳ-kheo nhớ nghĩ pháp
Từ đời Phật Nhiêu Vương
Phát nguyện như chư Phật
Hăm bốn lời thệ nguyện.
Đời đời được gặp Phật
Số lượng không thể tính
Không bỏ hạnh đời trước
Công đức thành tựu đủ.
Thế giới tên Thanh Tịnh
Thành Phật hiệu Vô Lượng
Cõi nước rất bằng phẳng
Thịnh vượng, nhiều thượng nhân.
Như bao loại cây quý
Mọc đầy khắp trong rừng
Gốc, thân, cành, hoa, lá
Mỗi mỗi loại hương riêng.
Gió thuận thổi suốt ngày
Kết tụ cho hoa sinh
Hoa rơi khắp mọi chốn*

Phủ ngập như thảm bằng.
 Cõi này không gò, núi
 Biển cả và suối nguồn
 Chỉ có dòng sông chảy
 Âm vang như giảng kinh.
 Trời, người vui trong nước
 Như ý của họ mong
 Khiến nước ngập hông, vai
 Ý nguyện theo niệm đạt.
 Phật sống nhiều như cát
 Ánh sáng chiếu vô biên
 Bồ-tát và Thanh văn
 Số không thể tính kể.
 Nếu muốn thấy Phật ấy
 Tín tâm luôn nhớ nghĩ
 Nếu nghi sẽ sinh tử
 Chẳng gặp năm trăm năm.
 Không nghi, tin kiên cố
 Chắp tay trước Thế Tôn
 Nguyện đi khắp mười phương
 Khoảnh khắc thì trở lại.
 Chỉ niệm Bồ-tát kia
 Kiếp số luôn tinh chuyên
 Bản hạnh đạt như vậy
 Được hiệu Tăng Thế Tôn.
 Phật ra đời khó thấy
 Chốc lát họp, khó nghe
 Thuyết giảng cũng khó gặp

*Người thọ học khó có.
Hoặc gặp đời rốt sau
Khi giáo pháp suy vi
Nên kiến tạo, hộ trì
Hành pháp Phật vô dục.
Phật thuyết pháp yếu này
Mỗi người nên nỗ lực
Thực hiện phước vô lượng
Đời đời kính phụng hành.*

